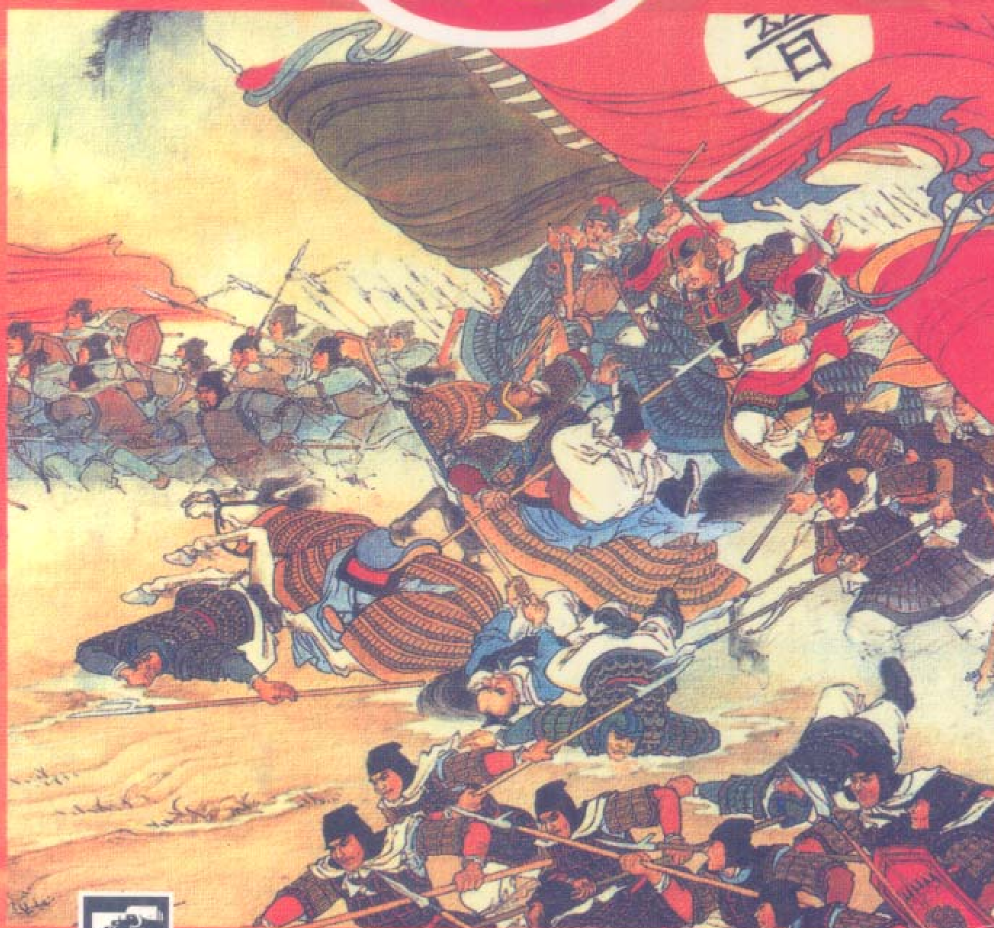
Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu
TAM TRUYỆN

TẬP 1





Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN

春秋三傳

TẬP I

Bản dịch : **HOÀNG KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ 5

XUÂN THU QUYỂN THỦ (ĐẦU) 7

Cương lĩnh thiên thứ nhất (Tổng cương: yếu lĩnh) Thiên này luận về nguyên lưu Kinh Truyện Xuân Thu 7

Cương lĩnh thiên thứ hai - Thiên này luận về đại chỉ Kinh và nghĩa lệ của Truyện 15

Cương lĩnh thiên thứ ba - Thiên này luận về phần đúng, phần sai, các truyện cùng phép đọc Xuân Thu 29

XUÂN THU QUYỂN THỨ NHẤT 35

XUÂN THU QUYỂN THỨ HAI 112

XUÂN THU QUYỂN THỨ BA 206

GIỚI THIỆU

*XUÂN THU là tên một bộ sử nước Lỗ do **Khổng Tử** (551 - 479 trước Tây lịch kỷ nguyên) ghi chép những việc quan trọng xảy ra hàng năm, từ đời vua **Lỗ Ẩn Công** nguyên niên, tức là năm thứ 49 đời vua **Chu Bình Vương**, đến đời vua **Lỗ Ai Công** năm thứ 14, tức là năm thứ 39 đời vua **Chu Kinh Vương**, trong thời gian 242 năm. **Khổng Tử** gọi bộ sử ký ấy là XUÂN THU* 春秋

*Đây là một giai đoạn lịch sử Trung Hoa thời kỳ mạt diệp nhà Chu, ngôi thiên tử suy nhược, bị bọn ngũ bá: **Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương** nổi lên lấn át quyền thiên tử, các nước chư hầu tranh chiếm lẫn nhau, các sử gia gọi là thời đại hỗn loạn, nên người đời sau đã mượn tên kinh **Xuân Thu** để gọi thời đại ấy là thời đại **Xuân Thu** (722 - 480 trước Tây lịch kỷ nguyên).*

*Mặc dù kinh **Xuân Thu** chỉ là một cuốn lịch sử, nhưng khi ghi chép, Khổng Phu tử đã vận dụng văn tự và bút pháp để khen chê, để phân biệt kẻ thiện người ác hết sức minh bạch và đanh thép; nên người đời sau đã phải công nhận đó là những búa rìu trong kinh **Xuân Thu** (**Xuân Thu** phủ việt* 春秋斧鉞*), cũng như đã nói: **Khổng Tử** làm kinh **Xuân Thu** mà bọn loạn thần tặc tử sợ. (**Khổng Tử** tác **Xuân Thu**, nhi loạn thần tặc tử cụ* 孔子作春秋而亂臣賊子懼*).*

*Vì thế, kinh **Xuân Thu** đã có tác dụng về đạo lý và đã giữ địa vị quan trọng trong nền văn hóa phương Đông nói chung, Nho giáo nói riêng, trong sự biểu dương học thuyết "chính danh, nhất quán, trung dung, đại đồng" của vị Vạn thế Sư biểu mà dân tộc Việt Nam đã chịu ảnh hưởng hơn 2000 năm nay.*

Kinh Xuân Thu còn có tính cách điển hình gương mẫu cho người đời sau phải tôn trọng danh dự và nhiệm vụ trong khi viết sử, và được liệt vào năm bộ kinh căn bản của Nho giáo (Kinh Dịch, kinh ***Xuân Thu****, kinh Thư, kinh Thi, kinh Lễ).*

Trong kinh ***Xuân Thu****, Khổng Phu tử chỉ viết phần chính văn (bản cái), có in đủ phần chữ Hán và phần phiên âm trong bản dịch này. Còn phần "Tam truyện" chỉ in phần dịch nghĩa.*

Sở dĩ có ***Xuân Thu tam truyện*** 春秋三傳 *vì văn chép sử của Khổng Phu tử rất tóm tắt, hàm súc, ít người hiểu thấu, nên về sau có ba học giả làm thêm "Tam truyện" để giải thích ý nghĩa kinh* ***Xuân Thu****. Ba học giả ấy là:*

1. Tả Khưu Minh 左丘明*, làm Thái sử nước Lỗ, đồng thời với* ***Khổng Tử****. Khi* ***Khổng Tử*** *trứ tác xong kinh* ***Xuân Thu****, ông làm Tả truyện để chú giải và khai triển, người ta gọi là* ***"Tả Thị Xuân Thu"*** *cũng gọi là Tả truyện.*[1]

2. Công Dương Cao 公羊高*, một vị văn thần cuối đời nhà Chu, khâm phục tác giả và tác phẩm* ***Xuân Thu****, soạn thảo một bộ sách bổ túc và phát huy thêm, gọi là* ***"Công Dương truyện"****.*

3. Cốc Lương Xích 穀梁赤*, người nước Tần trong đời Chiến quốc (478 - 221 trước Tây lịch kỷ nguyên), biên khảo thêm một bộ truyện để bình giải kinh* ***Xuân Thu****, gọi là* ***"Cốc Lương truyện"****.*

Vậy ***Xuân Thu tam truyện*** *gồm có chính văn của Khổng Phu tử và ba truyện của Tả Khưu Minh, Công Dương Cao, Cốc Lương Xích.*

Nay đem dịch ***"Xuân Thu tam truyện"*** *tức là dịch luôn một lượt bốn bộ sách.*

Chúng tôi chân thành cảm tạ cụ Sơn Mai Hoàng Khôi và trân trọng giới thiệu bản dịch bộ ***Xuân Thu tam truyện*** *với độc giả.*

LÊ PHỤC THIỆN

---

(1) Một Thuyết cho rằng, Tả truyện là do ông Tả Khưu đời Tần biên soạn (xem bài Cương lĩnh thiên thứ nhất)

XUÂN THU QUYỂN THỦ

(ĐẦU)

CƯƠNG LĨNH THIÊN THỨ NHẤT
(TỔNG CƯƠNG; YẾU LĨNH)

Thiên này luận về nguyên lưu Kinh Truyện Xuân Thu

Lục Đức Minh có nói: Đấng vương giả xưa có đặt chức sử quan. Vua nói ra lời gì phải chép ngay, là để vua thận trọng lời nói, cùng việc làm, cho đúng pháp luật cùng thể thức đã quy định. Chư hầu cũng có quốc sử, tức như sử nước Lỗ, Khổng Tử chu du các nước, không được dùng, từ Vệ trở về Lỗ. Vừa năm ấy, trong nước săn bắt được con lân, Khổng Tử thương cảm con lân, ra không đúng thời, mới cùng với người hiền nước Lỗ là Tả Khưu Minh, coi sách ở nhà Thái Sử. Nhân bộ sử ký nước Lỗ mà viết ra Xuân Thu, cốt tuân pháp chế cũ của Chu Công, để làm pháp chế tương lai, khen điều hay, chê điều dở, thu gọn thành một quyển Kinh. Chép việc mười hai đời Công, giao lại cho học trò. Học trò thì hiểu mỗi người mỗi khác, Khưu Minh e rằng đệ tử theo ý riêng, mà suy xét, có thể sai ý thực, cho nên mới lấy bản chính bàn thêm, thành ra truyện cho rõ ý của Phu Tử, chỉ chép việc mà thôi. Xuân Thu có biếm chê ai, kể cả vua lẫn tôi đương thời, thì ý thực được hình rõ trong truyện. Sách thì giấu cất, mà không tuyên bố, là để khỏi bị khó dễ. Đời sau, nhờ sự truyền khẩu, mới có bạn Cốc Lương, Công Dương, Châu Thị, Giáp Thị viết truyện. Châu Thị không giảng dạy, Giáp Thị

có ghi mà không để lại sách, thành ra không ai biết tới. Đến thời Hán, người đất Tề, là Hồ Vô Sinh, người đất Triệu là Đổng Trọng Thư, đều học Công Dương Xuân Thu, người đất Lan Lăng là Chử Đại, người đất Đông Bình là Doanh Công, người đất Quảng Xuyên là Đoàn Trọng Ôn, Lã Bộ Thư, đều là học trò Đổng Trọng Thư. Doanh Công vẫn theo được phương pháp của thầy học giao cho Mạnh Khanh đất Đông Hải cùng Khuê Hoành đất Lỗ, Hoành lại giao cho Nghiêm Bành Tổ cùng Nhan An Lạc. Nhờ thế, truyện Công Dương được Nghiêm và Nhan đọc. Hoành có hàng trăm học trò thường nói: ý Xuân Thu là ở hai gã. Bành Tổ dạy Vương Trung ở đất Lang Gia. Trung dạy Công Tôn Văn cũng ở đất Lang Gia và Văn ở đất Đông Môn. Còn An Lạc thì dạy Lãnh Phong ở đất Hoài Dương, và Nhâm Ông ở đất Truy Xuyên. Phong dạy cho Đại Tư Đồ Mã Cung, và Tá Hàm ở đất Lang Gia. Xưa Cống Vũ theo Doanh Công và sau được học Huề Mạnh. Rồi truyền cho Đường Khê Huệ, người đất Dĩnh Xuyên. Huệ truyền cho Minh Đô, Thừa Tướng đời Hán, người ở đất Thái Sơn. Sơ Quảng theo Mạnh Khanh, truyền cho Quan Lộ, người đất Lang Gia. Quản lộ cùng minh Đô đều theo Nhan An Lạc Lộ truyền cho Đại Tư Nông la Tôn Bao.

Giang Công người đất Hà Khưu theo học Lỗ Thân Công về Truyện Cốc Lương cùng Kinh Thi, thời vua Vũ Đế giữ chức Bác Sĩ, cùng với Đổng Trọng Thư bình luận, Giang Công vốn nói ngọng mà Thừa Tướng Công Tôn Hoành thì chuyên học Công Dương Truyện. Thái Tử riêng học tập Cốc Lương lấy làm hay. Về sau hiểu rõ được, chỉ có hai người là Lỗ Vinh Quảng và Hạo Tinh Công. Riêng Quảng được tận truyền về Kinh Thi và Kinh Xuân Thu, Sái Thiên Thu, Lương Chu Khánh, và Đinh Tính, được học Quảng. Thiên Thu sau lại theo Hạo Tinh Công, học rất chuyên cần. Vua Tuyên Tôn lên ngôi, nghe nói Vệ Thái Tử, thích Cốc Lương mới triệu Thiên Thu cùng các nhà học Cốc Lương. Vua thích coi Cốc Lương sau lại tuyển mười người theo học Thiên Thu. Việc đương tiến hành thì Thiên Thu chết. Vua mới dời Giang Công phong cho chức Bác sĩ, lại vời Lưu Hướng cũng học Cốc Lương, để giúp việc giảng dạy. Rồi Bác sĩ Giang Công lại chết nốt, vua mới dời Chu Khánh Đinh Tính, cho làm Đãi Chiêu, cho đủ số mười người, hơn mười năm sau đều tinh thông, vua mới mời bọn danh nho thông Ngũ Kinh cùng Thái Phó là Tiêu Vọng

Chi, họp tại điện, bình luận các chỗ đồng dị trong hai truyện Cốc Lương, Công Dương. Bọn Vọng Chi phần nhiều theo Cốc Lương, vì thế Cốc Lương được đại thịnh. Khánh và Tính đều được chức Bác sĩ. Tính truyền cho Xương Mạn Quân. Trước kia, Doãn Canh theo Sái Thiên Thu, sau được đọc Tả truyện lấy những chỗ khác nhau, giống nhau, sắp đặt thành chương cú, rồi truyền cho Tư Hàm và Địch Phương Tiến, Phòng Phụng.

Trước kia, Bác sĩ Giang truyền cho Hồ Thường. Thường truyền cho Lương Tiêu Bỉnh, làm Giang học. Đại Phu Tả Khưu Minh viết truyện truyền cho Hội Thần, Thần truyền cho Ngô Khởi, đất Vệ. Khởi truyền cho con là Kỳ. Kỳ truyền cho Đạt Tiêu. Tiêu truyền cho Ngu Khanh, đất Vệ. Khanh truyền cho người đồng xứ là Tuân Khanh (một tên là Huống). Huống truyền cho Trương Thương, người quận Vũ Uy. Thương truyền cho Giả Nghị đất Lạc Dương. Nghị truyền cho cháu là Gia. Gia truyền cho Quán Công đất Triệu. Quán Công truyền cho con nhỏ là Trương Khanh. Trương Khanh truyền cho Kinh Triệu Doãn là Trương Tệ và Thị Ngự sử Trương Vũ. Vũ thường nói với Ngự sử Đại phu Tiêu Vọng Chi về Tả Thị. Vọng Chi thích lắm mới tiến lên vua cho chức Dãi Chiêu. Việc chưa kịp thì bị bệnh chết. Vũ truyền cho Cảnh Thủy. Cảnh Thủy truyền cho con là Hàm, cùng Địch Phương Tiến, Hồ Thường. Thường truyền cho Gia Hộ ở đất Lê Dương. Hộ truyền cho Trần Khâm ở đất Thương Ngô. Trong sách "Hán thư, nho lâm truyện", có nói: Đầu thời Hán, Bác Bình Hầu là Trương Thương và Lương Thái Phó Giả Nghị, Kinh Triệu Doãn là Trương Sướng, Thái Trung Đại Phu là Lưu Công tử đều nghiên cứu Xuân Thu Tả Truyện. Trước, Lưu Hâm theo Doãn Hàm cùng Địch Phương Tiến học Tả Truyện. Vì thế, nói tới Tả Thị là tự Gia Hộ, Lưu Hâm. Hâm truyền cho Giả Huy ở đất Phù Phong, Huy truyền cho con là Quỳ. Trong một bản sớ tâu lên vua gọi là Tả Thị Trường Nghĩa, Quỳ có dẫn đến bốn mươi chi tiết Công Dương, Cốc Lương không bằng Tả thị. Vua Chương Đế cho là phải. Quỳ lại viết quyển Tả Thị Huấn Hỗ. Tư Không là Nam Các, Tế Tửu là Trần Nguyên viết quyển Tả Thị Đồng Dị. Kinh Triệu Doãn là Diên Đốc được sách Giả thị của cháu Gia Quỳ tên là Bá Thăng, rồi chú thích sách Tả thị, Bành Uông ở đất Nhữ Nam, chép thành Tiên sư kỳ thuyết, cùng lời chú cũ. Thái Trung Đại phu là Hứa Thục Cửu Giang Thái Thú là Phục Kiền, Thị Trung là Khổng Gia Ngụy Tư Đồ là Vương Lãng, Kinh

Châu Thứ sử là Vương Cơ, Đại Tư Nông là Đổng Ngô, cho Triệu học gia Chu Sinh Liệt ở đất Đôn Dương tới, cùng chú giải truyện Tả Thị. Lý Trọng Khâm đất Tử Đồng soạn Tả Thị chỉ quy. Dĩnh Dung đất Trần soạn Xuân Thu điều lệ. Lại có Hà Hưu viết Tả Thị cao hoang, Công Dương mặc thủ. Cốc Lương phế tật. Trịnh Thành Khang thời Đông Hán phân tích chỗ bệnh của Tả Thị, chỗ cô thu của Công Dương và phế tật của Cốc Lượng. Từ đó Tả Thị được người đời đọc đến. Đầu thời Hán có đặt chức Công Dương Bác sĩ. Đến thời Tuyên Đế lại lập Cốc Lương Bác sĩ, thời Bình Đế mới lập Tả Thị Bác sĩ. Thời Hán, trong các đời vua Kiến, Vũ, sắc cho Lý Phong đất Ngụy làm Tả Thị Bác sĩ. Phong thường cùng bọn nho trong quận bàn cãi. Nhưng Phong chết đi, công việc bỏ. thời Hòa Đế, niên hiệu Nguyên Hưng thứ mười một, hai cha con Trịnh Hưng tâu vua về Truyện Tả Thị vua mới lập chức Học Quan. Từ đấy đến nay, công việc thi hành, hai truyện kia kém dần. Tả Thị nay dùng chú giải của Đỗ Dự. Công Dương có Hà Hưu chú, và Cốc Lương có Phạm Ninh chú.

Viêm Trợ có nói: Thời xưa, lời bàn luận chỉ được khẩu truyền, từ thời Hán trở đi mới có sách, mà sách lại cứ đề từ Thần Nông, như Sơn Hải Kinh, Quảng Thuyết thời nhà Ân, thì đề là chép từ đời Hạ Vũ. Phàm các thư tịch đều như thế cả. Nghĩa lý ba Truyện đều là khẩu truyền, hậu học chép vào giấy thì cứ cho là truyền lại từ cổ. Tôi xem sách Tả Truyện thấy việc các nước Chu, Tấn, Tề, Châu, Sở, Trịnh đều tường tận. Như nước Tấn mỗi khi có việc binh là ghi rõ các tướng tá, như các nước Châu thì mỗi lần hưng, phế đều ghi rõ các quan, cho nên nhận thấy rằng mỗi nước cách chép sử mỗi khác. Như thế, tức là Tả Thị đã được coi sử các nước, mới truyền lại cho học trò. Nghĩa thì cứ khẩu truyền, chưa có chép vào thẻ. Học giả đời sau đem diễn nghĩa để cho rõ ra, chép tổng hợp lại, rồi biên các năm tháng, làm ra các truyện ký. Rồi lại góp nhặt thêm các chuyện thời Xuân Thu, các gia chuyện các nhà Tư Sản, Án Tử, Khanh Tá, các nước. Rồi góp nhặt thêm các sách bói, số, tiểu thuyết trào phúng tạp nhạp. Cho nên, việc ghi chép thì nhiều, mà thích nghĩa thì ít, phải trái không phân minh, lộn xộn không bằng chứng. Công Dương, Cốc Lương xưa đều khẩu truyền, người sau vin lấy đại ý, cho phối vào kinh, văn. Vì thế, sinh nhiều sai lầm, mất cả thống hệ. Tuy nhiên, phần nhiều hướng về sở truyền của Tử Hạ.

Âu Dương Tu có nói: Xưa phép nhà Chu hỏng, cho nên chư hầu loạn Từ Bình Vương trở đi không cứu vớt được, thành ra Chu cũng như chư hầu. Nước Ngô, nước Sở nối nhau, tiếm hiệu xưng vương. Người trong toàn quốc không theo mệnh triều Chu đã từ lâu. Khổng Tử sinh vào mạt thế, muốn duy trì vương đạo để giúp triều Chu, mới chu du các chư hầu bày tỏ nghĩa quân thần. Chư hầu không biết dùng. Khổng Tử mới trở về Lỗ, coi các sử cũ, xét các công việc, cứ theo vương pháp mà đính chính lại phải trái, nhất nhất đều tôn Chu, viết ra mười hai thiên Xuân Thu để răn dạy đời sau. Học giả đời sau truyền rồi tập lâu đời, sinh ra nhiều thuyết khác nhau. Công Dương Cao. Cốc Lương Xích, Tả Khưu Minh, Châu Thị, Giáp Thị cộng là năm nhà. Châu, Giáp thiển cận, từ đời Hán đã bỏ đi, chỉ còn ba nhà là thịnh hành. Thời Hán, Dịch và Luận ngữ, mỗi thứ có ba bản. Thi có bốn bản. Lễ có hai bản, Rồi các học giả tản mát, sách vở cũng mất dần, mỗi thứ chỉ còn một. Riêng Xuân Thu thì còn ba truyện, song song với nhau. Khi Khổng Tử san định Lục Kinh thì có ý lấy Xuân Thu để giám buộc chư hầu bằng lễ phép, cho nên lời rất cẩn thận mà nghĩa thì kín đáo. Học giả không thể hiểu được, hết ý, hết nghĩa, vì thế ba truyện mới cần. Vì truyện nào cũng thể theo hướng thánh nhân, cho nên có nhiều chỗ sơ đắc. Thái Sử Công có nói: Làm vua không thể không biết đến Xuân Thu, thế tức là cái phép của Vương gia vẫn còn giữ được.

Trịnh Tiều có nói: Xuân Thu là tên sử ký nước Lỗ, trước Khổng Tử đã có rồi, sau Khổng Tử cũng vẫn có.

Khổng Dĩnh Đạt có nói: Xuân Thu không chỉ riêng tên Kinh. Năm Chiêu Công thứ hai, Hàn Khởi tới Lỗ Thông Hiếu thấy Lỗ Xuân Thu. Trong sách nước Tần có chép: Tư Mã Hầu nói với Điệu Công: Dương Thiệt Hật chuyên đọc Xuân Thu, Điệu Công mới sai dạy cho Thế Tử. Trong sách Sở có chép: Thân Thúc Thời, bàn việc dạy Thế tử cho là phải dạy Xuân Thu. Cứ xem thế thì biết, điển lễ nhà Chu không còn. Sử Xuân Thu nước Lỗ được các nước tôn trọng, đều từ trước khi Khổng Tử san định. Trước vẫn có Xuân Thu chương mục mà được Hàn Khởi coi, được Thúc Hướng, Thúc Thời học đều là chép từ đời Chu Công. Bá Cầm, trên từ Thiên Tử dưới đến chư hầu chép mọi việc chinh phạt, lễ nhạc đầy đủ, đó là ở đời thịnh nhà Chu, làm phép tắc cho vương gia. Vì thế, Đỗ Dự mới nói, Kinh điển, lễ nghi, cũ nhà Chu. Ngày

nay, trong sách Cấp Trủng Toa Ngữ, cũng nói đến Lỗ Xuân Thu chép trong 17 năm Lỗ Hiến Công. Tất cả đều có trước thời Khổng Tử, trước khi ngài san định thành Kinh. Mạnh Tử có nói: Vết tích vương gia mất rồi, thì Thi mất. Thi mất Xuân Thu mới tạo tác. Xuân Thu đó là sau khi Chu đông thiên, và là Xuân Thu do Khổng Tử san định.

Hoặc có người bảo rằng, tên Xuân Thu do nghĩa Xuân, Hạ, là thưởng, mà Thu, Đông, là phạt. Hoặc có người bảo rằng, khen và chê ý như xuân và thu. Hoặc có người bảo rằng, xuân bắt được con lân, thu viết xong sách, vì thế gọi là Xuân Thu. Các lời nói đó đều không phải. Duy có Đỗ Dự nói rằng, năm có bốn mùa, lấy tên mùa đặt tên sách. Nói thế nghe được. Sách Cấp Trủng Toa Ngữ chép thời sự có chữ Hạ Ân Xuân Thu. Mặc Tử có nói: Tôi đã đọc Xuân Thu các nước. Rồi đến Án Tử, Ngu Khanh, Lã Bất Vi, Lục Giả, làm sách cũng gọi là Xuân Thu. Thế thì suốt các thời, bọn viết sách ngoài chính sử ra, đều gọi tên sách mình là Xuân Thu. Tuy nhiên, coi các chương tiết, đều không có năm tháng, và theo ý của Đỗ Dự, (mượn tên mùa làm tên sách) thì các Xuân Thu này khác với Kinh Xuân Thu. Hoặc có người hỏi; Tên Xuân Thu đã vậy, còn Thánh nhân làm ra Kinh là có ý gì? Đáp: Thánh nhân có ý lo, xưa các nước chư hầu đều có sử chép, thành sách rồi tiến lên vua. Vua mệnh cho chức nội sử coi, để san định những chỗ dị đồng, khảo sát những việc thực hư, để biết rõ điều hay, việc dở. Nhà Chu, từ khi Đông Thiên, uy lệnh không ban bố được tới đời chư hầu, không ai kiêng sợ. Còn sử quan thì không ghi điều hay, lại giấu việc dở. Trong trăm năm sau, các nước chép sử, định đoạt phải trái không giống nhau. Khen điều thiện, ghét điều ác, không đủ để răn dạy. Thánh nhân, nhân sử ký nước Lỗ, đem những việc tai nghe mắt thấy viết thành kinh, ghi việc trong hai trăm bốn mươi hai năm sau, thu vào một vạn tám nghìn lời, để cho đời sau coi sử của liệt quốc, mà hiểu kinh của Thánh nhân. Tức là sử có chỗ sai lẽ phải, thì đã có Kinh, truyện cho lẽ phải. Mà kinh có việc không nói đến, thì lấy sử để tường việc. Thế là ý của Thánh nhân, mà Tả thị theo ý làm ra truyện. Vậy một quyển kinh Xuân Thu gây đầu mối từ nước Lỗ rồi lan đến Chu. Từ nước Chu rồi đến cả thiên hạ. Gây đầu mối ở một thời, rồi đến cả muôn thời. Ta thấy rõ là như thế.

Chu Tử nói: Nhà Chu suy. Thưởng phạt của vương gia không ban hành được cho thiên hạ. Các chư hầu thì mạnh đè yếu, nhiều lấn ít. Phải trái, thiện, ác, vì thế, không được rõ rệt. Lòng tham nhiều, mất cả thiên lý. Phu Tử nhân Lỗ sử mà soạn Xuân Thu, thay vương gia để thưởng phạt, việc được cho là được, việc trái cho là trái. Ưa điều thiện, ghét điều ác, giết kẻ gian nịnh từ thời trước, biểu dương đức sáng của người đã qua. Cho nên, Xuân Thu được tạo tác, thì loạn thần tặc tử phải sợ.

Khổng Tử làm ra Xuân Thu, đương thời cùng với học trò giảng luận. Các vị Tả thị, Công thị, Cốc thị, chắc có được truyền thụ, rồi dần dần mới bị xuyên tạc, chứ nếu không được truyền thụ, thì dựa vào đâu mà bàn tán.

Nói đến Công Truyện, Cốc Truyện, thì ai nấy đều nói như các họ Lâm Hoàng: xem văn cho là cùng một người làm. Nghi không phải thế. Hoặc nói, hay là đương thời, học trò được truyền thụ, về sau mới viết thành sách, học trò đó, ở các nước Tề, Lỗ, có được truyền thụ thì cũng thêm ý riêng mình vào, cho nên thường trái ngược. Chỗ nào hợp đạo lý, mới là lời của thánh nhân.

Tả thị không cần biết rõ chính tên là Khưu Minh (thánh nhân có khen một tên Khưu Minh). Chỉ cần biết là người rất chính trực, cứ coi như văn, ý tứ rộng rãi. Sử ký cho là Tả Khưu Minh, mắt bị mù rồi mới chuyên viết sử. Hoặc lại cho rằng Tả Khưu Minh chữ Tả Khưu là họ, Tả Truyện là do họ Tả Khưu làm ra. Lấy cớ rằng các sách chép về tế lạp, tế này đến thời Tần mới có. Thế mà trong Tả thị đã có câu: Nước Ngu không tế Lạp. Thế thì rõ ràng là văn Tả Khưu đến thời Tần mới có.

Ngô Trừng nói: Kinh Xuân Thu, mười hai thiên. Truyện Tả Thị, Công Dương, Cốc Lương, có nhiều chỗ khác nhau. Xưa, Chu Tử cho in Thi, Thư, Dịch, Xuân Thu ở đất Lâm Chương, về Xuân Thu, chỉ dùng kinh văn của Tả Thị, cho rằng trong các sách Cốc và Công có nhiều tên đất, tên người, không liên quan với đại ý, cho nên không được hoàn hảo. Thiết tưởng chỗ được, cùng chỗ không được, của ba truyện tiên nho đã nói đến. Ghi việc thì Tả Thị rành mạch hơn Cốc Thị, Công Thị. Giảng kinh thì Cốc Thị, Công Thị tinh hơn Tả Thị. Ý giả Tả thị, tất dựa vào nhiều sách để chép, mà Cốc và Công thì phần nhiều chỉ là truyền thuyết. Còn như tên người, tên đất mà có khác nhau, thì hoặc là ngữ

âm, hay nét chữ, có bị xuyên tạc. Nếu như thế, thì riêng loại đó, nên theo Tả Thị. Còn như khảo sát về nghĩa, thì Tả Thị có kém, mà Cốc Thị, Công Thị có hơn. Vậy không nên thiên.

Bọn Hán nho chuyên môn để nguyên thiếu sót, không bình luận, thế thì phân tích sao được chữ nghĩa dị đồng, để biết chỗ nào nên bỏ, chỗ nào nên giữ. Đến thời Đường, Viêm Trợ, Triệu Khuông, Lục Thuần, ba người ấy mới căn cứ vào Kinh, không căn cứ vào truyện tìm thư pháp thánh nhân, soạn thành lệ, mười phần mới hiểu được bảy tám. Từ Hán đến Đường chưa từng thấy ai làm việc đó. Xét họ Triệu định đoạt chỗ dị đồng của ba truyện thấy dụng ý rất chu đáo, chỉ tiếc là phải trái chưa được đích đáng, rồi còn phải xét lại để cho toàn mỹ không xét đến đại nghĩa, Triệu Thị coi trọng ba truyện, cứ theo đa số.

Nay theo ý Chu Tử, lấy Tả Thị làm chủ, thảng hoặc nghĩa có không đích đáng, thì cứ theo chỗ đích đáng, không cần theo sự việc, chỉ cần theo nghĩa lý.

CƯƠNG LĨNH THỨ HAI

Thiên này luận về đại chỉ Kinh và nghĩa lệ của truyện

Mạnh Tử nói: Xuân Thu là việc của Thiên Tử, cho nên Khổng Tử nói: Biết được ta là Xuân Thu, kết tội ta là Xuân Thu. Khổng Tử viết xong Xuân Thu mà rồi loạn thần, tặc tử sợ. Đường lối của vương gia mất thì Thi mất. Thi mất rồi thì Xuân Thu được tạo tác. Sử của Sở, của Tấn, của Lỗ, đều là Sử. Công việc thì công việc của Tề Hoàn, Tấn Văn thì văn lối sử. Khổng Tử nói, còn nghĩa thì riêng ta định.

Trang Chu nói: Kinh Xuân Thu là chí của Tiên Vương. Thánh nhân bàn nhưng không biện luận phải trái. Lại nói: Xuân Thu là để rõ danh nghĩa, phận sự.

Công Dương Cao nói: Xuân Thu bắt đầu từ Ẩn Công là chép từ thời còn kịp nghe nói đến mà kết thúc vào năm Ai Công 14, để cho hoàn bị. Tại sao người quân tử lại làm Xuân Thu. Là vì muốn cho thời loạn trở lại thời chân chính.

Tư Mã Thiên nói: Khổng Tử nhân có sư ký mà viết Xuân Thu, trước từ Ẩn Công, sau đến Ai Công năm thứ 14, gồm 12 đời Công. Căn cứ vào Lỗ để tôn Chu. Cho nên, nói cả đến thời tam đại. Lời thì giản. Ý thì rộng. Vua các nước Sở, Ngô, tự xưng vương mà Xuân Thu cứ chép là tước Tử, tức là chê. Hội ở đất Tiễn Thổ Chư hầu Triệu Thiên Tử đến mà Xuân Thu tránh tiếng triệu vua, chép là Thiên Tử tuần thú. Như thế là để giảm buộc người đương thời, và tỏ ý chê trách. Về sau, vì có bọn vương gia đọc Xuân Thu, theo Xuân Thu, thì loạn thần, tặc tử tất phải sợ. Ví như Khổng Tử mà có chức vị, thì phàm văn từ, công văn, tất cùng làm với nhiều người, không chỉ có một mình. Riêng Xuân Thu thì ngài viết, ngài san định, bọn Tử Hạ đâu có thêm được lấy một chữ.

Vương Thông nói: Xuân Thu đối với vương đạo, như cái cân để đo nặng nhẹ, như cái dây để tính cong, ngay. Bỏ đi thì không lấy gì là mực thước. Lại nói: Xuân Thu là theo thiên đạo, cho nên thúc kết về việc bắt con lân.

Khổng Dĩnh Đạt nói: Năm, mùa, ngày, tháng, bốn điều ấy, sử đều ghi để cho văn được đầy đủ. Kinh Xuân Thu hoặc ghi mùa, mà không ghi tháng, tháng mà không ngày, có khi ngày mà không tháng, tháng mà không mùa hoặc sử cũ có khuyết chăng, rồi Trọng Ni cũng không thay đổi. Hoặc Trọng Ni ghi đầy đủ, rồi hậu nhân bỏ sót. Hoàn Công năm thứ 17, tháng 5 không ghi mùa hạ, Chiêu Công năm thứ 10 tháng 12 không ghi mùa đông. Đã có tháng thì biết vào mùa nào rồi. Trọng Ni không cần sửa, cho nên thiếu mùa chỉ ghi tháng, nên cho là còn thiếu sót. Lại như có ngày mà không có tháng, hoặc giả sử cũ bỏ khuyết, như Hi Công năm thứ 28 mùa đông, không có ghi tháng nhưng có ghi Nhâm Thân, Đinh Sửu, dù có muốn bổ khuyết cũng không tìm đâu ra. Lại như nói mùa mà không nói tháng, tháng mà không ngày, văn của sử quan cũ chắc có tường, lược, dẫn, giải. Xét Kinh và truyện, ghi ngày, gồm 681 việc. Từ Văn Công trở lên mà ghi ngày, có 249 việc. Từ Tuyên Công trở xuống tất cả sáu Công ghi ngày có 432. Theo số năm thì đều nhau, nhưng số ngày thì tăng bội. Đó là vì việc lâu năm, cũ rồi phải thiếu sót không nhớ được như những đời còn gần về sau. Sử các nước khác, có chỗ tường, có chỗ lược, ví như không ghi ngày, thì Lỗ sử khi ghi các việc các nước đó, biết tìm ngày tháng ở đâu mà điền vào. Như thế, sử đương thời cũng không cần ngày tháng đầy đủ. Trọng Ni thời sau san soạn, sao làm cho đồng đều được. Bỏ ngày, tháng thì có hại cho việc không rõ trước sau. Đầy đủ ngày tháng, thì cổ sử có khi không ghi. Vậy cổ sử có ngày, thì nay chép luôn lại cho tường, cổ sử không có ngày thì thôi lược đi. Vậy đừng lấy việc tường hay lược ngày tháng, là một cớ chê khen việc. Việc trong Kinh Xuân Thu, đừng nên lấy ngày tháng, mà cho là một lệ (để chê khen).

Đạm Trợ nói: So với các truyện khác, thì Truyện Tả Thị, công rất to: Nhặt nhanh mọi sách, kể việc đầy đủ, khiến cho trăm đời về sau, ta thấy được ngành ngọn. Xét ý nghĩa, ta mới đủ hiểu được văn của kinh. Cốc Lương thì ý sâu sắc. Công Dương thì phê bình theo lời văn kinh mà giải thích, thường tìm xét

xa xôi, câu nệ, cố chấp, thành ra bất thông; thêm vào ghi ngày tháng, thành lộn xộn, có khi không hợp nghĩa, nghĩa thành gượng ép, hoặc thành mâu thuẫn, không được như lời thánh nhân, bình dị, khoáng đạt. Lại còn không biết rằng, phàm việc không tuyên cáo thì không ghi. Nếu không ghi là có ý nghĩa. Các nước chư hầu thì nhiều, nếu các việc tang, tế, hội, minh, chinh, phạt không tuyên cáo mà có chép, thì tức là trong một năm, phải thêm vài quyển, huống hồ việc của nước khác, nếu không căn cứ vào lời tuyên cáo thì biết đâu mà ghi. Và lại việc mà ghi rõ, còn là có ngụ ý chê, khen. Tả Thị mà nói về nghĩa bao, biếm bất quá độ mười điều lệ, ngoài ra, nếu cùng việc mà lời khác, Tả Thị cũng không giải thích thêm. Lời giải thích của người thời trước cho rằng, Kinh Xuân Thu cứ theo việc đã tuyên cáo, và việc trong sử nước Lỗ. Giải thích luận bàn như thế, thì ra Phu Tử chỉ là một người chép Lỗ sử, sao lại còn được là người san định Xuân Thu. Vậy vài thuyết đó đều sai.

Triệu Khổng nói: Họ Đạm dựa vào thuyết Công Dương nói rằng, Xuân Thu biến lối văn nhà Chu mà theo cái chất nhà Hạ. Tôi thì cho rằng Xuân Thu là nhân sử mà làm thành kinh, để vương đạo được sáng tỏ, đầu mối chỉ là thế thôi, tức là hưng phục điển thường, và dùng quyền để định đoạt. Cho nên, phàm các việc Giao, Miếu, tang, tế, triều sính, sưu thuế, hôn thú, mà sai lề thì phải chê trách, đó gọi là hưng thường điển. Còn việc bất thường, điển lễ chưa nói đến, thì thánh hiền tự quyết đoán, chê khen, cứ lấy lý xét đến cùng, tính lý tức là quyền, cho nên có câu: có thể được tới đạo, chưa có thể được đạo. Có thể được đạo, chưa được quyền. Vì thế, bọn học trò, như Du, Hạ không thể thêm một lời vào Xuân Thu. Thánh nhân thì tùy cơ phán đoán để quyết định luận bàn, về chỗ nghi hoặc, để truyền vương pháp cho đời sau. Thế thì việc gì mà phải theo nhà Hạ.

Có kẻ hỏi: Thế thì cái tôn chỉ của Kinh Xuân Thu ở đâu? Đáp: Ở chỗ tôn nhà vua, vạch rõ việc tiếm loạn. Dựng lại tam cương, ngũ thường, mừng điều thiện, ghét điều ác, nhỏ đến tóc tơ không sót.

Lại hỏi, bao biếm theo lệ nào. Văn pháp theo thế nào?

Đáp: Đại khái có ba mà chia thành mười. Ba là những gì? Một là: phàm các việc vua lên ngôi, việc chết (Thiên Tử, chư

hầu, quan), việc lễ táng (chôn), việc lễ triều sính, việc hội minh (hội thề), đó là việc thường có, nên ghi chép thì ghi chép, tùy tà chính mà chê khen. Hai là các việc cúng tế, hôn nhân, sưu thuế, quân dịch, săn bắn đều là việc lớn của quốc gia, nếu hợp lệ thì Phu Tử ghi cả mùa, nếu không thì như Cốc Thị, Công Thị đã nhận xét thường có việc kinh không chép mà chỉ có chép sử là ghi chép. Phu Tử nhân đó, ghi chép hay không, là ngụ ý chê khen. Ba là điềm lành, hoặc tai dị hiện ra, việc vua bị giết, bị bắt, việc bọn phản bạn bị đuổi bị vong đào (trốn tránh ra nước ngoài) rồi lại được về, mà được thu nạp, được lên ngôi. Phu Tử nhân những việc đó mà thêm bao biếm. Đó là ba.

Còn phàm lệ về thuật tác thì có mười. Một là cứ chép hết các việc để giữ sự thực. Hai là lược việc thường chép để rõ lễ. Ba là ít lời cho được gian dị. Bốn là đổi lối văn để ngụ ý nghĩa. Năm là ngắt, là không hết lời để rõ ý. Sáu là chép việc phải, để rõ việc trái. Bảy là giữ chữ húy kỵ để trọng lễ. Tám là tường việc trong nước, để cho khác với nước ngoài. Chín là hoặc bỏ, hoặc lược qua các sử cũ. Mười là thêm bớt để thành lời văn. Biết thế rồi, xem đại ý rồi sau mới bàn luận được.

Hoặc có kẻ nói: Thánh nhân đặt ra lời, cần dạy người, thì sao lại ít lời. Đáp: Không phải là ít lời. Có việc cần phải như thế. Cái thiện ác của người, có thứ nhiều, có thứ ít. Nếu không ít lời thì không đủ dạy. Nếu nhiều lời thì đó là việc của sử gia, thì sao thấy điều lệ riêng để đáng gọi là kinh Xuân Thu.

Chu Tử nói: Xuân Thu làm cho chính vương đạo, làm cho rõ phép lớn. Khổng Tử vì vương giả đời sau mà tạo tác. Gian thần tặc tử giết chết người bây giờ, còn phải sợ người sống thời sau.

Thiên Tử nói: Xuân Thu căn cứ vào việc mà bao biếm, chứ có để cho người tùy ý riêng mình đâu. Ai cũng biết thánh nhân san sửa Xuân Thu thật là chí công, nhưng không biết việc vị công như thế nào. Như nhân việc Ngưu Thương mà ta biết là Lỗ đã tiếm lễ Giao. Nhân việc Sơ Hiến Lục Vũ mà ta biết là từ trước đã tiếm lễ Bát Dật. Nhân việc Tân tác Trĩ Môn mà ta biết trước kia là không có Trĩ Môn. Đó có phải là thánh nhân dụng ý đâu. Cho nên, có thể nói rằng, Xuân Thu thật là chí lý vậy. Xuân Thu vì vua yếu, tôi mạnh mà được tạo tác, cho nên Xuân Thu là kinh định danh phận. Năm vị Bá,

xét công thì đứng đầu, xét tội cũng đứng đầu. Xuân Thu là kinh định hình phạt: công không che được tội, thánh nhân, trước thì khen công, sau thì chê tội, cho nên tội nhân dù có công cũng chép tội, không tha được.

Trình Tử nói: Trời sinh ra người, tất có người tài xuất chúng, hưng khởi lên thì quyền vua mạnh, bình trị được thì lối tranh giành hết, dẫn dạy được thì luân lý sáng. Rồi nhân đạo mới gây, thiên đạo mới thành, địa đạo mới bình. Từ Nghiêu, Thuấn về trước, thánh hiền, thời nào cũng có, tùy thời mà hành động, thuận theo lẽ trời, không trước trời để làm việc, mà chỉ theo trời để định việc. Rồi đến thời Tam Vương dần dần hưng thịnh. Bốn phương đã yên. Tháng mùa đã rõ. Văn chất điều hòa. Đạo người chính bị. Vận trời chuyển đều. Thánh nhân thôi không sinh nữa. Thế là vị quân chủ dù có muốn theo vết cổ rồi cũng làm sai lạc vì ý riêng. Việc thành sai như nhà Tần lại lấy tháng hợi làm tháng chính. Đạo thành trái như nhà Hán cứ lấy binh lực trị thiên hạ, còn biết gì là vương đạo nữa, việc, nhận lẽ trời, ứng theo thời mà trị nước, không còn nữa, Phu Tử mới làm ra Xuân Thu, đặt ra phép lớn của vương giả; so thời Tam Vương thì không sai, xét trong trời đất thì không trái, nghiệm việc quỷ thần thì không nghi. Hàng trăm đời sau, dù không có thánh nhân nữa cũng không ngại. Truyện Tiên nho có nói: Bọn Tử Du, Tự Hạ, không thêm được một chữ nào. Thêm sao được. Bọn ấy hiểu sao được, họa chăng có Nhan Tử. Làm việc theo thời nhà Hạ, phép nhà Ân, nếp nhà Chu. Nhạc thì chuộng nhạc Thiều, Vũ, đó là chuẩn đích. Người đời sau chỉ biết cho Xuân Thu là sách sử, có cách khen chê, chỉ biết thế thôi. Đến như phép lớn để trị đời thì không biết Đại nghĩa Xuân Thu có đến mười điều. Nếu sáng như mặt trời thì còn dễ thấy. Nhưng đây lời giản, nghĩa sâu, tuy từng trường hợp thì khó nhận ra. Hoặc thu lại, hay buông ra, hoặc cho là được hay không được, hoặc tiến hay thoái, hoặc vi hay hiển, để đi đến chỗ thấy đúng nghĩa lý, văn chất đều hòa, khoan mãnh vừa độ; phải, trái riêng biệt; làm việc thế nào là kinh, quyền, phép tắc thế nào là mực thước. Có biết nhận xét vạn vật để hiểu sự thần biến của Hóa Công, rồi sau mới nhận xét sự tạo tác, mỗi việc mỗi nghĩa lý. Đó là chỗ thánh nhân dụng tâm. Muốn hiểu tất cả những điều đó, phải là hạng người thượng trí. Cho nên, học Xuân Thu, tất phải ung

dung thâm nhuần, trầm ngâm suy nghĩ, rồi mới tới được chỗ tinh vi.

Xuân Thu có chỗ nói lời nói trùng điệp, như loại chinh phạt, hội thề, muốn cho hoàn toàn tất phải như thế, chứ không phai các việc đó, mỗi việc mỗi khác. Nếu cùng một chữ mà có ý khác, là tùy theo đặt ở trên hay ở dưới.

Các Kinh Thi, Thư, lấy văn ghi đạo. Kinh Xuân Thu là để hành đạo. Thi Thư là phương thuốc. Xuân Thu là dùng thuốc chữa bệnh. Kinh ấy, thánh nhân vốn dùng, không phải chỉ là sách ghi chép việc. Thật là rõ ràng như thế.

Trong năm Kinh mà có Xuân Thu, cũng như pháp luật có phán quyết. Luật lịnh chỉ giảng về pháp, khi có phán quyết thì luật lịnh mới thi hành.

Sách Xuân Thu là làm phép cho các đời vua, phép không thay đổi được. Sau đời Tam Vương, Chu Đạo đã suy, thánh nhân đem cái đạo đã sẵn có lo cho đời sau không có thánh nhân cứu vớt, cho nên làm ra kinh. Nghĩa đó, học trò đều không được nghe, trừ Nhan Tử là biết và thường dẫn lễ nhạc của bốn đời trước (Ngu, Hạ, Thương, Chu).

Chư hầu thời Xuân Thu, không bẩm mệnh Thiên Tử, chỉ chuyên quyền xâm phạt, thánh nhân cứ thực sự chép. Thường trách cứ nước bị xâm. Đã bị nước khác đến đánh, thì trước hết phải tự trách mình, rồi biện luận đúng lễ nghi, nếu không được thì cố giữ nước, rồi tâu với Thiên Tử, trình các vị phương Bá, cáo với các nước lân bang, để được xét. Nếu không thể được, mà phải đánh nhau, thì nước chủ việc chiến tranh, là có lỗi đã làm loạn đạo.

Văn Kinh Xuân Thu, ý toàn là dạy người. Những việc làm lụng của nhân gian, của công nhân, việc to nhỏ đều được ghi, là để nhân quân biết trọng nhân lực.

Hồ An Quốc nói: Ngày xưa các nước đều có sử quan trông coi việc chép biên thời sự. Xuân Thu là sử nước Lỗ, Trọng Ni đem san sửa, thành ra, ngoài sử ra, lại có một môn học quan trọng. Mạnh Tử phát minh ra tôn chỉ: cho là việc làm của Thiên Tử, Chu Đạo đã suy, mối cương thường đã dứt, loạn thần tặc tử nối gót nhau không hết. Tham dục của người được phóng túng, cho nên đạo trời mất. Thiên lý còn lại ở Trọng Ni. Trọng Ni không tư nhiệm thì còn ai. Ngũ điển đã không được tôn trọng

thì mình phải ghi. Ngũ lễ đã không được theo thì ta phải chép. Ngũ phục đã lẫn lộn thì ta phải báo. Ngũ hình đã không dùng thì ta phải trị. Cho nên, Phu Tử nói: Ta muốn viết văn, không bằng được thấy việc chắc chắn rõ ràng. Văn suông chỉ có thể ghi được lý lẽ. Có hành sự sau mới thấy cái dụng. Cho nên, ngài mượn Lỗ sử để biên soạn vương pháp, để dẹp loạn, cho thời loạn trở lại thời trị. Các việc đều là của Thiên Tử phải làm. Cho nên ngài lại nói: Biết được ta là do Xuân Thu. Tội được ta cũng lại do Xuân Thu. Biết Phu Tử nghĩa là biết ngài trách cái phong tục đã quá mức, muốn giữ lại cái thiên lý đã bị diệt, và lo cho hậu thế thật là sâu xa. Tội Phu Tử nghĩa là: Ngài không có vị, thế, mà mượn quyền Thiên Tử trong 242 năm, khiến cho loạn thần tặc tử phải tự cấm tư dục, không dám phóng túng, thật là thiết tha. Cho nên, Xuân Thu đối với sự việc không phải là hư văn. Tình yêu ghét vô tư thì phát xuất như trong Kinh Thi. Lường liệu việc cổ kim thì thông suốt như trong kinh Thư. Hưng khởi các thường điển thì thể lệ như Kinh Lễ. Căn cứ vào trung thứ thì khoan hòa như Kinh Nhạc. Sáng tỏ quyền biến thì đầy đủ như Kinh Dịch. Pháp độ của các đời vua, mực thước của muôn đời đều ở cả Xuân Thu. Cho nên, người quân tử cho rằng: Trong ngũ Kinh mà có Xuân Thu thì như là Pháp Luật mà có phán quyết. Học Xuân Thu thì tin được cái cốt yếu của lý lẽ. Không được học Xuân Thu mà lại làm việc lớn, quyết điều nghi lớn, thì ít người là không bị sai lầm. Xuân Thu là sách chê những điều trái, vì cần diệt kẻ loạn thần tặc tử, mà được soạn. Xuân Thu phép nhiệm hơn phép của kẻ loạn thần. Có thông Xuân Thu rồi mới coi được việc thiên hạ.

Phép của Xuân Thu là trị kẻ gian ác, dù còn sống hay chết rồi, trị ngay đến bản thân, cốt để răn kẻ ác, khuyến khích kẻ trung nghĩa, còn đến con cháu xa thì thôi, là để khuyến thiện. Văn Xuân Thu có chỗ cùng việc thì cùng lời, người sau đọc cho đó là lệ. Có chỗ cùng việc mà lời khác, người sau cho là biến lệ. Thế cho nên đã là chính lệ, nếu không phải là thánh nhân thì không đạt được. Mà đã là biến lệ, nếu không phải là thánh nhân thì cũng không tìm được. Chính lệ là việc làm thường của trời đất, mà biến lệ là việc nên làm của cổ kim. Chỉ có xét lý cho cùng, nghĩa cho tinh, thấy phép ở trong lệ, biết việc ở ngoài lệ, chỉ có thế, mới hiểu được Xuân Thu.

Uông Tao nói: Trong lục Kinh, duy có Xuân Thu là Trọng Ni làm. Thánh nhân thấy các việc ghi trong sử, học giả đọc mà không rõ được thị phi, thế thì sao mà thành người được. Trị dân mà không rõ hình, thưởng, thế thì sao mà thành nước được. Xuân Thu mà được tạo tác, để làm phép cho muôn đời là vì thế.

Chu Tử nói: Xét các sách thời Hán. vốn ẩn mà suy thành hiện. Kinh Xuân Thu thì xét rõ tới chỗ rất ẩn. Dịch và Xuân Thu là đạo của trời, và của người. Dịch nói đến tinh thần đạo lý, tự vật chất biến thành. Xuân Thu nói đến vật chất tự tinh thần đạo lý biến thành.

Các việc ơ thời loạn, trong kinh Xuân Thu. Thánh nhân xếp đặt, theo lẽ trời. Khổng Tử chắc là chỉ cần xét đủ việc trong hai ba trăm năm. Cho nên, lấy sách sử, lấy việc trong sử. Thế thì sao lại nói được rằng, việc này dùng phép này, việc kia dùng lệ kia. Như Xuân Thu chép việc hội thề, việc xâm phạt, bất quá là thấy chư hầu lộng quyền hành động; Xuân Thu chép việc giao tế, bất quá là thấy Lỗ tiếm lễ, rồi đến những chi tiết tam bốc, tứ bốc, ngưu thương, ngưu tử, là kể một việc đã thất lễ, trong việc còn lại thất lễ nữa. Như không tế Giao còn tế Vọng thế nghĩa là không phải tế Vọng mà lại còn tế Vọng. Như chép Trọng Toại, chết, còn tế Dịch là ý bất tất tế Dịch, mà cứ tế Dịch. Các ý nghĩa như thế thì thật là phân minh.

Xuân Thu chỉ cần chép thẳng việc đương thời, cần thấy trị loạn, hưng suy đương thời, trong thời gian đó, vương chính không thi hành được, thiên hạ không biết thống thuộc vào đâu. Rồi đến bọn Ngũ Bá xuất hiện để giúp Vương Chính thì lại có thống thuộc. Lễ, nhạc, chinh phạt, lệnh tự chư hầu. Rồi đến Ngũ Bá suy, chính lệnh phát ra từ đại phu (các quan). Đến đời Khổng Tử thì đạo của Hoàng Đế, Vương Bá, đã bị quét hết, cho nên Khổng Tử làm ra Xuân Thu, căn cứ vào các việc, thực tả hiện trạng, dạy cho người đời thấy việc đương thời như thế nào, có cần gì biết là dùng sử cũ hay không dùng sử cũ. Ngày nay cố nói, chữ này là của sử cũ, chữ kia là của Khổng Tử, thế thì lấy gì mà xét nghiệm. Thánh nhân đã viết, việc hay việc dở đã thấy rõ. Như các việc, ở hội Quỳ Khưu, ở Thiếu Lăng, thề ở Tiễn Thổ, đều là việc hay, gốc ngọn phân minh. Về sau, Ngũ Bá đã suy, thì các việc như thế ở Xú Lương, do đại phu định, cùng hội với chư hầu, các việc như thế, đều là không phải không được.

Khổng Tử căn cứ vào sử của nước Lỗ mà chép việc, thành Kinh Xuân Thu, khiến cho người ta đọc để tự răn. Việc thì như việc Tề Hoàn, Tấn Văn đủ để khen. Nghĩa thì nghĩa phải triệt bọn loạn thần tặc tử. Còn như cứ chuyên xét, tìm từng chữ, cho là thánh nhân lấy chữ ấy mà chê khen thiện ác, thiết tưởng không phải là ý của thánh nhân. Như các đoạn chép việc lên ngôi vua, vua Lỗ lên ngôi thế là đúng lễ. Nếu sau không chép lên ngôi, thế là không làm lễ lên ngôi. Lại như chép Tề Hoàn Công lên ngôi, thế là có làm đúng lễ lên ngôi.

Xuân Thu có chỗ viết là Thiên Vương, có chỗ viết chữ vương không, thật ra hơi khó hiểu. Hoặc giả vương mà không viết Thiên Vương tức là chê. Tôi cho rằng nếu cứ gọi là Thiên Vương thì tôi lại càng rõ. Tề Huyên gọi là Trúng Tề thì còn phải nghĩ. Như Cử Triển Dư, Tề Dương Sinh, Cử Khứ Tật e rằng đó là căn cứ vào sử cũ. Còn như bảo rằng thêm một chữ, là khen, bớt một chữ là chê, thế là lối khen chê, tôi không cho là đúng như thế. Công việc Hoàn Công chép năm, không chép mùa, thế là văn còn sót đó thôi. Hoặc bảo rằng đó là chê còn chép Thiên Vương đã không làm được hình phạt, bảo thế thì không phải là nghị luận đúng. Lỗ Hoàn Công bị thí, Thiên Vương không chinh thảo được, tội tự rõ rồi, hà tất phải đợi bỏ không chép mùa thu, đông mới rõ. Lại như bảo là vì chê nước Đằng, nên chép là tước Tử Đằng, thế mà Đằng từ trước đến sau vẫn là tước Tử, vậy có phải lấy lời chép đó mà chê đâu. Ngày nay, triều đình lập ra phép quan bị giáng, thường được xá, được phục chức. Há vì việc Đằng Tử triều Hoàn Công, mà lại giáng tước cả đến con cháu. Xuân Thu mà chép người nào làm việc nào là căn cứ ở sử cũ rồi san sửa mà chép. Người ngày nay đọc Xuân Thu cứ phải cho rằng là chữ này chê, chữ này khen, thế ra Khổng Tử chuyên môn chê, khen. Đâu có thế, Khổng Tử cứ bày ra sự thực, rồi thiện ác tự rõ. Nay nếu cứ suy đoán, thì lấy Lỗ sử so với những chỗ san sửa ở Kinh, rồi biết, rồi cũng hiểu được.

Hoặc có người nói: Xuân Thu có nhiều biến lệ. Phép viết có khi trước sau không giống nhau, nói thế sao nghe được. Thánh nhân viết ra kinh chính là muốn khen hay, chê dở, làm phép cho muôn đời, mà vừa dùng lời này để tỏ ý chê, ít dòng sau lại dùng lời này để tỏ ý khen, làm cho hậu thế muốn tìm hiểu

cũng không sao hiểu được. Vậy thế là, hậu nhân, bọn ít học, múa mép đó thôi, chứ cái đạo chí trung, chí chính đâu có thể.

Trình Tử sở dĩ nói rằng đại nghĩa Xuân Thu có độ vài chục, sáng như mặt trời, như ở các đoạn Thành Tống loạn, Tống tai cố, đó là vì Thánh nhân noi rằng việc đáng trị, thật là rõ rệt, cũng như họ Hồ bảo rằng Xuân Thu chép chữ Tấn Hầu, là lấy sự thường chép việc Tấn Tương Công, viết chữ Tần nhân, là ý đem đạo vương ra trách Tần Mục Công. Chưa chắc đã là như thế. Nên lấy tâm mình mà suy thánh nhân; tâm thần giao cảm thì mới đoán được, nếu không thì khó mà hiểu. Vì thế, Trình Tử có bảo là lời ít nghĩa sâu, tùy từng trường hợp, thật là khó biết được.

Lễ nhạc của bốn đời trước, thực là phép lớn của việc trị đời, sách Xuân Thu cũng là phép lớn của việc trị đời. Tuy nhiên, lễ nhạc bốn đời, thì lấy việc thiện làm phép. Xuân Thu Khổng Tử thì lấy bất thiện làm răn.

Có kẻ hỏi: Khổng Tử cho Ngũ Bá có chỗ được, thế có phải là tùy thời tùy nghi không? Đáp: Phải, mà xem cách cho thế, tựu trung là có ý lấy xuống hạng thấp.

Lâm Vân tiên sinh luận về Kinh Xuân Thu, Kinh lời chính đáng, là sách về điển hình, thì làm sáng tỏ vương đạo cho muôn đời. Như các việc giao thiệp, hội thề, chinh chiến, mọi việc đều nhân lòng kính cẩn, hay lòng phóng túng của đương sự mà nói ý rõ hay lược qua, hoặc dùng tên tự, hoặc dùng tên húy là có ý nghĩa cả, tùy việc mà châm chước, không sai một ly. Người đời sau học kinh Xuân Thu, nhiều người so sánh về chỗ hơn kém các nước Tề, Lỗ. Rồi sau cứ so sánh như thế, như các việc Tống Tương, Tấn Điệu, đều là luận bàn về sự nghiệp Bá. Vậy không biết rằng vì vương đạo mà viết Xuân Thu, hay vì Bá đạo. Như thế thì Kinh sao đủ gọi là một quyển sách đủ dạy nghĩa lý được. Đáp: Đặt căn bản là vương đạo, bày tỏ kỷ cương, trước kinh Xuân Thu sử tuy văn có thô, nhưng còn biết thánh nhân sáng đạo chính lý, vậy còn nên đọc. Ý kiến ấy không nên bỏ qua.

Tô Tử Do, giải nghĩa Xuân Thu, nói rằng: Xuân Thu cứ theo sử cũ , chép các chư hầu báo cáo nhau về mọi việc lớn: tang, tai, họa, phúc, hỷ. Nói thế cũng đúng. Đã chép Trịnh Bá Đột, lại chép Thế Tử Hốt, cứ như sử mà chép. Thời Định Công, Ai

Công, thì Phu Tử, chính mắt được thấy, vậy cứ thực mà chép. Thời Ẩn Công, Hoàn Công đã xa, sử lại giản lược, vậy Phu Tử cứ theo mà chép.

Lã Đại Khuê nói: Cái nạn xuyên tạc Xuân Thu có hai nguyên nhân. Một là lấy ngày, tháng (chép) làm điều chê, khen. Hai là hoặc gọi tên hoặc gọi tước là chê hay khen. Các việc trong Xuân Thu ăn theo ngày, tháng, mùa. Việc thành ngày nào, biên ngày ấy, tháng nào biên tháng ấy, mùa nào biên mùa ấy. Nếu nên biên tháng mà lại không biên, nên biên ngày mà lại không biên, đó chỉ là sư biên sót thôi. Hoặc có kẻ nói: Các việc Xuân Thu chép đều căn cứ vào Lỗ sư, thế mà bao học trò Khổng Tử không đổi được một chữ là tại sao? Đáp: Xuân Thu đã có thường lệ, lại có đặc bút của Khổng Tử, có ngày thì chép ngày, có tháng thì chép tháng. Sử ghi tên cũng ghi tên, ghi tước thì cũng ghi tước, cũng như sử ghi minh thì phải ghi minh, ghi hội thì cũng ghi hội, ghi tang, chiến, phạt, thí, sát thì cũng ghi tang, chiến, phạt, thí, sát, đều là nhân sự thực, chứ chả thêm bớt gì. Đó là thông lệ, lệ thường. Nếu việc ở trong sử không có, mà kinh lại có, thế là để bày to điều hay. Trong sử có chép mà kinh bỏ, thế là răn điều dở. Đó là đặc bút. Cho nên phải nói: Tề, Hoàn, Tấn Văn là công việc của sử, còn nghĩa (to điều hay) thì Khổng Tử tự nhiệm. Vậy thì dung lệ thường, là thánh nhân lấy công tâm, còn đặc bút để cho sáng tỏ phải trái, là thánh nhân tinh nghĩa.

Hồng Hưng Tổ nói: Xuân Thu vốn không có lệ. Học giả theo dõi từng việc mới lập ra lệ. Cũng như trời vốn có mực độ, người làm lịch nhận lấy một vòng trời, đặt thành mực độ. Tuy nhiên, đọc sách, nếu chỉ để ý đến lệ thôi, thì bị cái tật câu nệ, nông cạn. Nếu cứ để ý đến nghĩa (đặc bút) thôi thì bị cái tật viển vông xuyên tạc.

Uông Khắc Khoan nói: Xuân Thu chép việc, lớn thì như mặt trời, mặt trăng, như đất nước, như nhân luân, nhỏ thì như nhà cửa đồ đạc, cây cỏ, chim muông. Phàm cái lý lẽ của muôn vật trong thiên hạ, không gì là không đủ. Đọc thông được Kinh Xuân Thu, thì lý lẽ nào cũng biết đến cùng, cho nên Dương Tử có nói: Thuyết về lý lẽ thì Xuân Thu hơn cả.

Ngô Trừng nói: Thầy Chu có nói, phân tích ra thì thấy rất tinh vi, mà không lẫn, kết hợp lại thì thấy rất rộng lớn mà

không thừa. Vậy người đọc Xuân Thu phải biết phân tích, kết hợp. Xuân Thu tức như Hóa Công, Hóa Công tùy theo vật mà cho hình. Xuân Thu như núi, núi rải rác trên đất mà khác hình. Cứ luận bàn một chiều, chuyên xét một đoạn, thì sao luận xét được tôn chỉ thánh nhân viết ra Kinh.

Trình Đoan Học nói: Truyện cho là thu hợp lời giống nhau để chê việc, hoặc khen việc, đó là phép lớn của Xuân Thu. Ý đó chắc là ở đời thường nói của học trò Khổng Tử rồi bọn Hán nho ghi lấy, thế mà đến Xuân Thu rồi cũng chưa hiểu hết. Thật là đáng tiếc. Xét thu hợp lời để chê khen, rộng ra là so sánh việc trong 242 năm, gần ra là so sánh việc trong vài mươi năm. Như việc Lỗ Hoàn Công bị giết ở Tề mà Trang Công quên cả thù cha, lại chủ việc hôn nhân cho Tề lấy Vương Cơ, giao thiệp với nước Tề, tang Văn Khương chưa hết đã sang Tề nạp sính lễ. Thế Tư Đồng 37 tuổi mới lập phu nhân. Lại như đoạn Công sang Tề đón vợ, Công tới trước, phu nhân vào sau. Rồi đến đoạn Khương Thị giết Mẫn, chạy sang nước Châu. Lại như đoạn Vương nhân Tư Đột, cứu Vệ, rồi Vệ Hầu Sóc về Vệ. Đoạn Công tự phạt Vệ. Đoạn Tề nhân nộp quân bắt được ở Vệ. Đoạn mất mùa mà xây thành ấp. Đoạn mùa đông xin thóc ở Tề, mùa xuân sửa chữa chuồng ngựa. Phàm các việc trong Xuân Thu đều giống nhau cả.

Lưu Vĩnh Chi nói: Nhân Lỗ sử mà Xuân Thu được tạo tác truyền lại. Vương pháp do đó mà được sáng tỏ, Loạn nghịch do đó mà được phơi bày. Nói thì trầm trọng, lời thì ý tứ, điều hay điều dở đều có đủ. Đó là lời bàn của tiên nho. Nay xét kỹ, việc thì theo sử, mà thể thì có khác, phàm lệ thì có năm. 1) Căn cứ vào việc, hoặc chia ra, hoặc hợp lại mà chép. 2) Có việc nguyên nhân cho là quan trọng, thì chép nguyên nhân. 3) Có việc kết quả quan trọng thì chép kết quả. 4) Có việc nhân được báo cáo trong chư hầu mà được chép. 5) Có việc tuy không báo cáo, chỉ được nghe thấy mà chép. Năm phàm lệ đó đều là để ghi sự thật. Ở đất Thủ Chỉ, cũng như ở đất Quỳ Khưu, đều chép mùa hạ thì hội, mùa thu thì thề, đó là chia làm hai việc mà chép hai lần, là căn cứ vào việc chia hay hợp mà chép. Hội Tiễn Thổ được khen, thì hội và thề cùng chép một ngày. Hội Quỳ Khưu, không đáng khen, thì lúc thề chép riêng ngày khác, đó là cứ thực mà chép, chứ không phải đáng khen mà chép cho tường tận hơn. Muốn chép việc nhận định thì trước tiên, chép việc hội ở đất

Tắc, thành cái mối loạn nước Tống, thế là quan trọng cái kết quả, mà phải chép nguyên nhân. Đã chép rằng Tống Bá Cơ mất, hội ở đất Đàn Uyên, là chép cái kết quả loạn nước Tống, đó là quan trọng cái nguyên nhân, mà chép cái chung kết. Hội chưa nói đến cớ, nay ở các việc ấy mới nói đến, là để chú ý đến tầm quan trọng. Mọi đoạn cứ thực chép. Trước tiên, chép Châu Công sang nước Tào, Tề Hầu phạt Bắc Yên, rồi chép đến cùng với Tề hòa, đều là một loại chép. Việc loạn ở triều nhà Chu, Thúc Ưởng từ Kinh sư tới công báo chưa có, cho nên chỉ chép là vương thất có loạn, vì không phải là được công nhiên báo cáo mà chỉ được nghe, được biết riêng thôi, thì cứ chép như thế. Lưu Đan đem việc Vương Mãnh ở đất Hoàng báo cáo, Kính Vương ở Địch Tuyền, Doãn Thị lập Tư Triều, đều có báo cáo, cho nên nhân có lời báo cáo mà chép việc, đó cũng là cứ sự thực mà chép, chứ không phải là muốn biện rõ cái dở của việc mà chép cho tường tận. Vậy bảo rằng nói thì trầm trọng, lời thì ý tứ, để rõ điều hay, điều dở, bảo thế là bọn tiên nho bàn sai.

Đặng Nguyên Tích nói: Trong đời Trang Vương, Hy Vương, lễ nhạc, chinh phạt xuất tự chư hầu. Kinh Xuân Thu trị bọn chư hầu. Muốn cho phải tôn vương, triệt cái lối bất tôn đi, rồi sau mới biết tôn vương thống. Từ đời Văn Vương, Tuyên Vương trở đi, lễ nhạc, chinh phạt do lệnh đại phu, thì Xuân Thu trị bọn đại phu muốn cho phải tôn quân, triệt cái lối bất tôn, nhiên hậu quân thống mới còn. Từ đời Hoàng, Trang trở về trước, dù chư hầu có những hạng như Quản, Thấp, Hồ, Triệu, công huân rực rỡ, mà đâu có thấy đứng tên ở các hội minh chỉ khi có được đặc biệt sai khiến tới nước Lỗ, thì mới được có tên, vì hàng đại phu không được dự, và đâu có được dự cùng vua các nước. Tuy oanh liệt như bọn Tiền Khước, Loan Tu, không thấy chủ các việc xâm phạt, duy chỉ có đặc biệt đại phu nước Lỗ thì chép tên, vì các hàng đại phu chỉ có liên hệ đến một nước mình mà thôi. Tên tiếng đại phu xuất hiện ở Xuân Thu. Phu Tử buồn có nói: Thiên hạ mà có đạo thì chính không phải xuất phát từ đại phu. Đại phu chủ việc hội minh, bắt đầu từ hội Thùy Lũng. Đại phu mà chủ việc chinh chiến, khởi thủy từ trận phạt Trầm. Đối với Thiên Tử, đại phu của chư hầu gọi là bồi thần, ý nói là bé nhỏ. Tên bồi thần không nói đến, vì đối vương thống còn xa lắm. Cho nên, Dương Hổ làm phản. Kinh không chép. Việc Dương Hổ coi như việc ăn trộm, ăn cắp đồ quý thì chỉ nói là trộm cắp thôi.

Nam Khoái đất Phi làm phản, không chép, chỉ chép là Thúc Cung vây đất Phi. Hầu Phạm đất Hậu làm phản không chép, chỉ chép Thúc Tôn, Trọng Tôn vây đất Hậu. Chép thế là để răn bồi thần, răn đại phu.

Lục Thụ Thanh nói: Mạnh Tử bảo là Xuân Thu là việc của Thiên Tử, vì cứ lấy lễ nhạc, chinh phạt trong Xuân Thu chính là việc của Thiên Tử. Thế mà giảng thuyết về sau cho là Khổng Tử làm Xuân Thu tiếm quyền Thiên Tử trong 242 năm. Đó là lấy thất phu tiếm quyền Thiên Tử, phong tước, gia đình, thưởng phạt. Thế đâu có phải là Khổng Tử.

CƯƠNG LĨNH THIÊN THỨ BA

Thiên này luận về phần đúng, phần sai, các truyện cùng phép đọc Xuân Thu

Tuân Tung nói: Khổng Tử làm ra Xuân Thu, Khưu Minh, Tử Hạ không chỗ nào không xét kỹ. Khưu Minh cứ đem lời được nghe, soạn thành truyện. Truyện thật đúng lễ, lời thật bóng bẩy, mềm mại, phô gốc bày ngọn, để phát minh ý trong kinh, rất nhiều kỳ vĩ. Bọn nho thời Hán thì cho là Công Dương Cao được Tử Hạ truyền thụ cho, ý lời thanh nhã, đoán quyết phân minh, có rất nhiều điểm hay. Đổng Trọng Thư ưa thích lắm. Còn thầy trò về phái Cốc Lương Xích cũng được dùng ở triều Hán. Có cha con Lưu Hướng cố chấp, cho là văn đa gian, nghĩa lại gọn, đính chính được Tả Thị và Công Dương. Do đó, ba pho truyện cùng được truyền bá.

Thiệu Tử nói: Ngoài ba truyện còn có Lục Thuần, Đạm Trợ, có thể cùng đọc.

Trình Tử nói: Lấy truyện mà xét sử tích trong Kinh, rồi lấy kinh coi truyện thực hay sai, hoặc có kẻ hỏi: Tả truyện có thể tin được không? Đáp: Không thể tin cả, chỉ tin điều đáng tin. Lại hỏi: Công Thị và Cốc Thị thì thế nào? Đáp: Bực dưới Tả Thị. Hỏi: Tả Thị có phải là Khưu Minh không? Đáp: Trong truyện, có chữ Khưu Minh, không khảo cứu được.

Lưu An Thế nói: Cốc Lương, Công Dương đều giải thích Xuân Thu, việc nào Kinh không có thì hai truyện thường không nói đến. Cho nên, bọn Hán nho cho là diễn được chân ý Khổng Tử. Tuy nhiên, hai nhà đều tự mâu thuẫn. Thế đâu có được là chân ý Khổng Tử. Còn như Tả Truyện, thì việc có trong Xuân Thu hoặc không giải, việc không có trong Xuân Thu, hoặc tự thêm trong truyện. Vì thế, tiên nho cho rằng: Tả Thị hoặc dẫn Kinh trước, rồi chép việc, hoặc chép Kinh sau, mà lấy việc dẫn nghĩa, hoặc cứ y như Kinh, rồi biện lý lẽ, hoặc không căn cứ Kinh để hợp chỗ khác

nhau. Tuy nhiên, không cứ phải như thế cả. Cho nên, muốn đọc Xuân Thu, thì phải, Kinh coi là Kinh, truyện coi là truyện, chứ đừng cho Kinh, truyện là một. Như thế sau mới mong hiểu.

Hồ An Quốc nói: Truyện Xuân Thu có ba nhà. Tả Thị ghi việc gốc có ngọn. Công Dương, Cốc Lương lời thì biện, nghĩa thì tinh. Học Kinh mà lấy truyện làm án (án: cứ vào một việc mà xét việc khác) thì nên đọc Tả Thị. Nếu xem văn lấy nghĩa làm chủ thì nên đọc Cốc Thị, Công Thị.

Hồ Ninh nói: Tả Thị giải thích Kinh tuy là giản, nhưng rộng biết ở các sử sách, kê việc tường tận, khiến cho trăm đời sau còn biết được gốc ngọn, thế là có công nhiều với Xuân Thu. Cốc Thị và Công Thị giải thích Kinh, nghĩa thì cặn kẽ, như các đoạn: "Vệ Cháu Hu, gọi là Vệ nhân, tức cho là giặc. Công mất không ghi ở đâu, không ghi táng, giặc không dẹp, thế là chê trách". Cứ coi cách giải thích ấy, thì rõ là hiểu được ý thánh nhân muốn triệt loạn thần, trừ tặc tử. Khảo sát đến ngọn nguồn, tất có mối, không phải cứ bàn suông mà được. Họ Đạm, họ Triệu nói: Việc mà ba truyện ghi, vốn không sai, nghĩa thì vẫn là khẩu truyền, vì chưa chép vào the, vào lụa. Rồi đời sau, bọn học giả đan thêm vào, truyền lần lần cho nhau, mất dần chân bản việc thành ra sai lạc, lý thành ra xuyên tạc. Họ Đại, họ Triệu nói thế cũng đúng. Tuy nhiên, nếu học giả bỏ không đọc ba truyện thì không biết được Kinh. Đọc mà không xét, chọn mà không tinh, thì phương châm ý nghĩa của Kinh Xuân Thu dù giản dị minh bạch, cũng chìm đắm trong tà thuyết, càng thấy tối tăm không sáng tỏ.

Chu Tử nói: Sách Xuân Thu căn cứ vào đương thời đại loạn, thánh nhân cứ thực sự chép ra. Còn như được hỏng, phải trái, đã có hậu thế luận bàn, đọc thì phải xét đến ý nghĩa. Nếu trong mỗi lời, mỗi chữ, cứ phải tìm ý chê hay khen, e rằng không phải thế đâu. Quốc Tú có hỏi về chỗ hay dở của ba truyện. Đáp: Tả Thị thường coi quốc sử, xét việc đã tinh, chỉ hiềm không biết đại nghĩa, cứ để ý vào chi tiết, không học, không giảng. Công Dương, Cốc Lương thì xét việc rất sơ, nhưng nghĩa lý lại rất tinh. Hai người chuyên học Kinh, truyện viết ra thấy bàn nhiều, ít dẫn sử. Lý Trương hỏi Tả Truyện thế nào. Đáp: Một bộ Tả Truyện chép nhiều việc, chẳng biết việc có đúng hay không đúng đạo lý của việc thì cũng cứ giảng theo việc, nay cần phải cứu xét. Hỏi: Công Dương, Cốc Lương thế nào? Đáp: Cứ theo lời bàn

của họ thì cũng đúng đạo lý, chỉ sợ thánh nhân đương thời không có những ý ấy. Như các ông Tôn Minh Phục, Triệu, Đạm, Lục, Thuần, Hồ Văn Định đều hay về luận thuyết, rồi từ luận thuyết đến đạo lý. Về thời sau, đã xa thời Xuân Thu, thì cũng nên bàn như các vị ấy. Còn như bàn về lúc thánh nhân mới làm Xuân Thu, thì có nhiều ý khó giải, rồi lại sinh ra nhiều luận thuyết. Chọn trong các luận thuyết đó, rồi so sánh các bản với nhau. Hỏi: Quyển Xuân Thu của Hồ Văn Định thế nào? Đáp: Tầm thường, không đầy đủ hơn của Hồ An Quốc. Vả lại, giảng Kinh, thì đạo lý không được minh bạch, lại hay nói chuyện sử cũ, cũng y như văn bây giờ. Có người nói: Tả Truyện thật là không có ý tứ. Lấy một đoạn như :"Xâm di uẩn sùng", thì biết, Tả Thị thật là chỉ xét đến lợi hại, có tâm địa của người tránh họa tìm phúc. Vì thế trong sách có chỗ chê việc tử tiết. Còn như nghị luận có chỗ thật là không đúng, như loại "Chu, Trịnh giao chí". Như thế thì nghị luận gì. Bảo rằng Tông Tuyên Công là người biết người. Lạp Mục Công để con mình được hưởng, thế là vì nghĩa. Bàn như thế là chỉ để ý vào lợi và hại không còn biết nghĩa lý gì. Không như, cũng đoạn ấy. Công Dương xét bàn. Người quân tử phải có chính nghĩa. Đó mới là nghị luận của bực nho giả. Hoặc có kẻ giải thích Xuân Thu, cứ chuyên lấy việc chép ngày, tháng, làm cách bao biếm, chép mùa, tháng thì cho là biếm là chê chép ngày thì cho là bao là khen, xuyên tạc đi, thành hoàn toàn vô nghĩa lý, cũng như Hồ Văn Định bàn giải thì nghĩa lý xuyên tạc, cho nên cũng nên xét. Quyển An Quốc Xuân Thu, rõ lẽ trời chính lòng người, giúp tam cương, thuật cửu pháp, thể thức thì bao quát đại cương đọc thấy có vẻ cương trực thẳng thắn. Hỏi: Hồ Xuân Thu thế nào? Đáp: Hồ Xuân Thu rõ được đại nghĩa, có chỗ nói ra ngoài, tinh thần cũng có chỗ quá đáng, nhưng nghị luận có đầu, đuôi. Hỏi: Hồ Văn Định thế nào? Đáp: Hồ Văn Định nói, cứ theo Mạnh Tử thì công việc thiên hạ trong Kinh Xuân Thu, mỗi câu là một nòng cốt. Thế thì thánh nhân có ý thưởng phạt chăng? Đáp: Văn Định giảng bàn về đạo lý là phải như thế. Thánh nhân chỉ có chép việc để hậu thế nhân đó mà khảo sát lấy đạo lý, để tự biết thế nào là phải, thế nào là không phải. Nếu mà lại gán cho thánh nhân định trước việc nào phải, việc nào trái, tôi e thánh nhân không có ý thế. Tả Thị chép các việc sử, e chỉ có tám chín phần đúng. Còn Công Dương, Cốc Lương, giải nghĩa Kinh, phần nhiều các việc đều cân nhắc ức đoán.

Tiền bối, định nghĩa Xuân Thu, lời và chữ tuy có thô sơ, nhưng cũng bàn được đại ý thánh nhân. Như trước thời hai ông Trình, đã có Hồ An Định, Tôn Thái Sơn, Thạch Tổ Lai, luận thuyết bọn ấy tuy có chỗ sơ lược, nhưng cứ xem cái lối suy xét kỹ càng, về nghĩa, về đạo, thì cũng thực là đáng phục. Văn Xuân Thu, vốn là văn rất nghiêm nghị, thánh nhân làm ra sách ấy, là thấy lòng tham, dọc ngang của nhiều người, vậy lấy sự việc trong 242 năm, để ngụ khen chê, vậy một chữ không dám đặt sai. Giá như kinh ấy nay có người khéo vặn vẹo ý tứ, đến thánh nhân cũng không giải thích được. Tả Truyện là do người sau làm vì thấy có Trần Hữu Tề mới có câu: Bát thế chi hậu mạc chi dữ Kinh, vì thấy có ba nhà đại phu mới có câu: Công, Hầu, tử tôn tất phục kỳ thủy. Tả Thị là nhà sử học. Công Dương, Cốc Lương là nhà Kinh học. Nhà sử học thì việc ghi được nhiều và tường tận, nhưng nói đến đạo lý thì thường sai. Nhà Kinh học, về nghĩa lý thì có công, nhưng chép việc thì hay làm nhầm. Ba người cùng không phải là chung sống cùng thời Khổng Tử, được biết Khổng Tử. Hoặc dẫn câu của Khổng Tử: "Tả Khưu Minh sỉ chi" cho là cùng sống thời Khổng Tử nhưng đó chỉ là họ Tả Khưu. Tả Thị là con cháu của Y Tương, Tả Sử nước Sở, vì thế chép việc nước Sở rất tường. Lã Sa Nhân Xuân Thu không giữ vững ý Hồ Thị, sách ấy khó xem. Lưu Nguyên Phủ Xuân Thu cũng hay, đọc được. Còn Đỗ Dự, thì mỗi khi đến chỗ bất thông, không nói là Truyện nhầm, lại nói là Kinh nhầm, lấy làm lạ. Kiến thức đâu lại như thế.

Triệu Công Vũ nói: Coi ba truyện thì thấy có Cốc Lương là sở đắc rất nhiều. Các nhà bàn giải thì có lời bàn của Phạm Ninh rất hay, đọc được.

Chương Hoàng nói: Từ Hán về sau bàn đến Xuân Thu, có hàng trăm nhà đều bắt nguồn từ truyện của Tả Thị, Cốc Lương, Công Dương. Còn như truyện của Hồ Thị, thì lâu về sau mới ra đời, Hồ Thị học làm quan, về sau bị lãng quên. An Quốc viết truyện thấy những chỗ Cốc, Tả, Công còn phân vân, mới lựa chép những điểm giống nhau, rồi khảo sát thêm mọi nhà bình luận về sau, nhặt lấy chỗ hay về nghĩa, lệ, trình bày rõ rệt, chê khen đầy đủ. Tuy nhiên, bảo rằng không trái với lời dạy của thánh nhân thì được, mà bảo rằng được hết cả ý thánh nhân thì chưa được. Xét ra, lời trong Kinh là lời thường, thánh nhân làm ra Kinh thì giản dị, minh bạch không lấy lời tối nghĩa lặt

vặt mà làm cho người ta loạn trí, không lấy văn lúng túng gắt gao, làm cho người ta lầm lẫn. Chỉ cần ác bảo là ác, thiện bảo là thiện, phải bảo là phải, trái bảo là trái, để sáng tỏ nhân đạo, mong cho việc vương sự rồi, sẽ được bình thường. Chỉ cần có thế thôi. Hồ Thị trong bài bình luận dâng lên vua, vì phải ước thúc, nói hơi quá, cho là văn thánh nhân mỗi chữ có mỗi ý nghĩa, cho nên khi đọc phải tìm tòi sâu xa. Vì thế, khi ba truyện đã được viết ra, là giáo huấn thánh nhân bị chia, dù rằng chữ ghi thì vẫn không mất chữ nào. Khi truyện của Hồ Thị được viết ra, thì giáo huấn của thánh nhân được tuân theo một chiều. Vậy coi Hồ Thị sở đắc thì nhiều, nhưng sở đoản cũng không ít.

Trình Tử nói: Một câu trong Xuân Thu là chỉ một việc. Trai phải thấy ngay. Cứ xét cho đến cùng lý, thì học giả chỉ học Xuân Thu, đủ biết hết đạo. Các kinh khác, không phải là không có thể xét được đến cùng lý, nhưng chỉ cần luận đến nghĩa thôi. Kinh Xuân Thu là căn cứ vào việc, việc phải trái cần được so sánh cho rõ, cho nên các yếu tố là phải xét đến cùng. Đọc Xuân Thu không như đọc Trung Dung. Muốn biết Trung Dung thì phải hiểu quyền. Quyền là gì, là việc nên làm, là thời nên làm. Còn Xuân Thu lấy gì làm chuẩn đích. Từ Xuân Thu về trước đã có lập lệ. Về đời sau, các sách đều khác nhau. Cùng một việc, chép khác nhau về ý tứ, nếu lấy lệ cũ mà coi thì rất lầm. Kinh Xuân Thu chép việc, nếu việc giống nhau thì lời giống nhau. Người sau cho thế là lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau mà lời chép lại khác. Vậy câu nào có nghĩa câu ấy, thấy thế không nên buộc vào một lệ mới.

Thiệu Tử nói: Chưa biết phân biện danh với thực, chưa định rõ công với tội của Ngũ Bá, thì chưa đọc được Kinh Xuân Thu. Hãy định công với tội của Ngũ Bá đã, rồi mới đọc thì đại ý rõ ngay. Nếu cứ lần từng việc mà tìm, thì không tìm được đầu mối.

Trương Tử nói: "Sách Xuân Thu từ cổ chưa có. Trọng Ni mới làm ra. Duy có Mạnh Tử là hiểu biết. Nếu chưa tinh nghĩa, sáng ý thì chưa học được. Tiên nho vì chưa được thế, nên bàn luận xuyên tạc.

Dương Thời nói: Đọc Xuân Thu là việc sau cùng. Học giả phải học Ngũ Kinh đã, rồi sau mới đọc Xuân Thu, thì mới có lợi. Lại nói: Nhiều người nói Xuân Thu khó biết được thực. Thực ra thì rõ như mặt trời. Trong Ngũ Kinh, Khổng Tử nói về lý. Trong Xuân Thu Khổng Tử chép các việc. Học giả, nếu đã được cái lý ở Ngũ Kinh thì việc trong Xuân Thu chả có gì là khó hiểu. Lại

nói: Bá Thuần tiên sinh thường nói: Đọc kinh Xuân Thu mà không hiểu thì tìm đến Truyện. Truyện không hiểu thì tìm đến Kinh. Tôi thường có hỏi, Truyện không thông lại tìm đến Kinh nghĩa là sao? Ông đáp: Như trong Tả Truyện chép: Quân Thị chết, Quân Thị là kế thất của Huề Công tên là Thanh Tứ. Truyện Công Dương thì chép là Doãn Thị, mà lại cho là một vị đại phu. Vậy Thanh Tứ mà chép ra là Quân Thị nghĩa làm sao. Nên cho Doãn Thị là đúng. Đó là tìm ở Kinh.

Lý Thông nói: Xuân Thu, mỗi câu là mỗi phát minh một lệ. Như coi núi, sông, lần bước đi, hình thế mỗi bước thấy mỗi khác không nên có chấp lấy một phép. Lại nói: Sở dĩ Xuân Thu khó đọc là vì người đọc hay lấy tâm người thường mà xét tâm thánh nhân. Chưa đến được thánh nhân, há không lầm ư. Học trò Chu Tử hỏi về phép đọc Xuân Thu. Tôi đáp: Chỉ có căn cứ vào sự việc chép ở Xuân Thu, mà lấy đạo tiên vương để chuẩn định. Việc này phải, việc này trái, người này kém, còn có chỗ chưa kém thì cũng không hẳn kém, vì còn có điều hay ở một chỗ. Thế rồi lấy đạo lý mà chiết trung. Có thế thôi. Vì lời nói của thánh nhân tế nhị, cho nên đọc phải suy xét, cẩn thận.

Đáp Nhan Hoàng Khanh: Đại chỉ của Xuân Thu thật là hay. Kinh này loại cần xếp đúng lệ. Tuy nhiên, trước hết, nên theo từng việc để xét lý, xem đi xét lại cho nhuần thấm, cho từng thứ phân minh, cho nghĩa lý thông suốt, thế thì đọc mới có ý vị. Nếu cứ tiện được xác định vào một hướng, cứ như lệ đã định, đã chia mười phần đích đáng, thế thì mình còn làm gì, còn thấy đâu được ung dung rộng rãi, không câu nệ. Thế thì học còn ích gì. Đại để, đọc sách ngoài công phu hàng ngày ra, còn phải thư tâm, bình dị, khoáng đạt mới có thể thu thập được đạo lý, vun trồng, nhuần thấm dần dần. Chớ nên cứ như ý mình cứ theo lệ đã định, ràng buộc vào chặt quá. Thế thì chí khí mình bị cấp bách, đất đai nhỏ hẹp, không còn công phu gì nữa.

Lục Thầm nói: Kinh Xuân Thu so với các Kinh khác thật khó đọc. Giản, nghiêm mà rộng lớn. Giản, nghiêm thì lập luận ít. Rộng lớn thì luận bàn nào cũng thông. Bút tước của thánh nhân ý tứ sâu xa. Vì vậy, việc thì xem Tả Thị mới đúng. Nghĩa thì xem Cốc Thị, Công Thị mới tinh. Hai lời đó là phép cốt yếu để đọc Xuân Thu.

XUÂN THU QUYỂN THỨ NHẤT

Đỗ Dự nói: Xuân Thu là tên sách sử ký của nước Lỗ. Các việc đều chép theo ngày, tháng, năm, mùa là để ghi các việc ở gần, ở xa, hoặc giống nhau, hoặc khác nhau. Sử chép ghi từng năm, mà năm thì có bốn mùa, cho nên lấy tên mùa (Xuân, Thu) làm tên sách.

Xét: Mạnh Tử nói: Xuân Thu là việc của Thiên Tử, Xuân Thu vốn là sử các nước chư hầu. Thời đó, mọi nước đều lấn quyền Thiên Tử: danh nghĩa, chức vụ lộn xộn. Cho nên các sử cũng lộn xộn theo. Phu Tử vì thế mới sửa lại, sửa về danh nghĩa, chức vụ, thì cứ y theo phép cũ của các vua Thành, Vũ xưa; Về công việc thì nhất luật theo lễ nghi của Chu Công. Vậy Mạnh Tử nói rằng Kinh Xuân Thu là việc của Thiên Tử thì cũng như nói rằng Kinh Xuân Thu là của Thiên Tử. Người bàn không xét nói là Phu Tử tự cho quyền Thiên Tử. Nói như thế là nói bậy. Đổng Trọng Thư dẫn lời Phu Tử: "Ta muốn viết văn, không bằng ghi việc cho rõ ràng". Vậy phàm đã viết sách mà cứ lý luận, thì chỉ là hư văn, không bằng cứ chép việc thực. Nói đến nghĩa lý đã dành để răn dạy, sao bằng chép công việc trong hơn hai trăm năm thì việc phải, trái, hay, dở, rất rõ ràng. Vậy nói rằng Xuân Thu là việc "của Phu Tử, không ví được với hư văn", nói thế cũng không đúng bản ý của Phu Tử.

隱 公

ẨN CÔNG

Dương Sĩ Huân nói: Xem thế phả nước Lỗ, Ẩn Công tên là Tức Cô, là con Huệ Công, dòng dõi Chu Công, Năm Bình Vương thứ 49 Ẩn Công lên ngôi. Ẩn là thụy hiệu. Theo phép đặt tên

thủy trong Chu thư, thì giúp việc mà không xong gọi là Ẩn. Lỗ vốn tước Hầu, nay gọi là Công là thần tử tôn trọng chủ mình.

Tả truyện - Nguyên Phi (vợ chính) của Huệ Công là Mạnh Tử. Mạnh Tử chết, kế thất là Thanh Tử sinh ra Ẩn Công. Tống Vũ Công sinh ra Trọng Tử. Trọng Tử lúc mới sinh, trong bàn tay, có chữ sẽ làm Phu nhân nước Lỗ, cho nên Trọng Tử được cưới về nước Lỗ, sinh ra Hoàn Công. Rồi Huệ Công chết thành ra Ẩn Công lên ngôi. Tống tức là nước Lương, nay theo sách Khổng sớ là huyện Thư Dương. Vua Tống tước Công. Theo thế phả, Tống là họ Tử, Vua Vũ Vương nhà Chu phong cho con vua Trụ là Vũ Canh, để nối dõi cúng tế nhà Ân. Vũ Canh sau làm loạn, Chu Công đánh dẹp giết đi, lấy Vi Tử Khải thay thế làm Tống Công.

Lỗ: Coi địa chí, ông Bá Cầm xây thành ở Khúc Phụ, Châu Duyên.

Xét: - Về thuyết Xuân Thu mở đầu từ Ẩn Công. Các tiên nho đều cũng cho là như thế. Riêng Trần Phó Lương thì cho là không phải khởi đầu từ Bình Vương, mà là từ Hoàn Vương từ trận vua Chu thua ở đất Nhu Cát.

Uông Khắc Khoan nói: Như thế thì Xuân Thu phải khởi thủy từ Lỗ Hoàn Công, chớ không phải là Lỗ Ẩn Công.

Năm **Kỷ Mùi**, Chu Bình Vương thứ 49.

元年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tề Hi Công tên Lộc Phủ năm thứ 9. Tấn Ngọc Hầu tên Khích năm thứ 2. Khúc Ốc Trang Bá tên Tiến năm thứ 11. Vệ Hoàn Công tên Hoàn năm thứ 13. Sái Tuyên Công tên Khảo Phủ năm thứ 28. Trịnh Trang Công tên Ngộ Sinh, năm thứ 22. Tào Hoàn Công tên Chung Sinh, năm thứ 35. Trần Hoàn Công tên Bào năm thứ 23. Kỷ Vũ Công năm thứ 29. Tống Mục Công tên Hoa năm thứ 7. Tần Văn Công năm thứ 44. Sở Vũ Vương tên Hùng Thông năm thứ 19.

Đổng Trọng Thư: - Chữ nhất là một, là chữ chí sự khởi

thuỷ muôn vật. Chữ nguyên là chữ chỉ sự lớn, lấy nhất là nguyên là chỉ sự khởi thủy lớn, và căn bản chính.

Đỗ Dự: Nhân Lỗ sử mà thành Kinh Xuân Thu, cho nên lấy Lỗ để ghi năm. Lại nói: Vua mới lên ngôi đều muốn cho thể thống bắt đầu trên con đường chính, cho nên không dùng những chữ năm thứ một, tháng thứ một.

Âu Dương Tu: Vua lên ngôi, gọi là nguyên niên, năm đầu là việc thường. Trước khi Khổng Tử san sửa Xuân Thu, chữ đã có dùng rồi. Vả lại, chép việc có trước có sau, có xa gần, lấy năm tháng tính số một, số hai là lẽ thường. Bỏ chữ nhất, thay bằng chữ nguyên mà cho là một phép thì chưa chắc. Nhất hay nguyên chỉ là cách nói của người thời xưa. Đời sau bọn học giả, hay vặn vẹo lại bảo là Khổng Tử dùng chữ nguyên niên làm một phép. Rồi lấy việc cải nguyên là việc hệ trọng. Từ thời Hán về sau, lại gọi năm là kiến nguyên, rồi thật, giả, lẫn lộn, xưng hiệu nhiều lần đến không chép nổi.

Từ Vô Đảng: Người xưa tháng thứ nhất không dùng chữ nhất, mà dùng chữ chính. Sách Quốc Ngữ gọi là lục lữ là nguyên lữ, đại lữ. Sách Chu Dịch bày ra lục hào, gọi là sơ cửu. Đại loại người có nói đến con số, thường không dùng chữ nhất, chứ không riêng năm không gọi năm thứ nhất mà là gọi nguyên niên.

Xét: - Nghĩa chữ nguyên bảo là để dùng chỉ sự lớn, sự mở đầu, để cái gốc được ngay ngắn, bảo thế là từ Đổng Thị, rồi sau, Hà Thị, Đỗ Thị phụ họa thêm. Nhân bàn đến chữ nguyên. Trong truyện họ Hồ mới rộng bàn chữ càn nguyên, khôn nguyên. Cho giữ cái thể (cách thức) của nguyên là chức vụ vị nhân quân. Mà điều hành cái nguyên ấy, là công việc của vị Tể Tướng. Lại nói rằng: Nguyên nghĩa là nhân, là lòng người. Nói thế để rộng thêm ý của họ Đổng. Nay xét lấy thuỷ làm nguyên, từ đời Đường Ngu đã có Đế vương xưa dùng chữ hoặc có ý chăng. Nhưng nay cứ bảo là thư pháp của Khổng Tử thì thực là xuyên tạc. Trong truyện chép Hoàn Công nguyên niên. Nguyên niên là năm bắt đầu. Từ số ấy lần lần đếm theo không thay đổi, đó là lệ của vị nhân quân xưa chép việc, mà Xuân Thu cũng lấy làm phép biên năm. Đến khi Hán Văn Đế bị bọn thầy cúng mê hoặc, đang ở ngôi, lại đi đổi lại nguyên niên, từ đấy phép lệ mới rối loạn. Đã ở ngôi đến 16 năm, mà rồi lại đổi làm nguyên niên thì nghe có

được không. Các vua Hiếu Vũ, nhân gương đó lại thêm vào lối kiến niên, tức là đặt lại niên hiệu, các đời sau cứ bắt chước; ở ngôi hoặc đã được năm, sáu năm, hoặc mới được ba, bốn năm, hoặc một năm lại đặt lại, sử ký chép thật là phiền phức. Xét rằng đời vua có thể nhiều, mà chữ đẹp để dùng thì có hạn, cứ theo lối ấy thì không phải là phép biên chép lâu dài được. Vậy muốn truyền đời lâu dài thì nên lấy lối ấy biên niên của Xuân Thu làm chính đáng mới được.

春王正月

XUÂN-VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Tả Thị. - Nguyên niên mùa xuân, Vương là vua Chu. Tháng giêng. Không chép chữ lên ngôi, là ý nói quyền nhiếp.

Công Thị. - Thế nào là nguyên niên. Là năm đầu của vua. Thế nào là mùa xuân. Là mùa đầu của năm. Vương là ai? Là Văn Vương. Sao viết chữ Vương trước chữ tháng giêng. Vì là Vương định công việc bắt đầu từ tháng giêng, tỏ ý đại nhất thống. Lỗ Ẩn Công sao không thấy chép là lên ngôi. Vì ý của Ẩn Công muốn coi việc nước cho yên, rồi trả lại ngôi cho Hoàn Công tại sao. Tại Hoàn tuy ít tuổi hơn, nhưng địa vị quý (con của bà phu nhân, vợ chính của bố). Ẩn Công tuy lớn tuổi nhưng vị kém. Người trong nước không hiểu. Ẩn Công đã lớn lại hiền. Các quan dựng lên ngôi. Nếu Ẩn Công từ chối thì chưa chắc Hoàn đã được lập. Vả lại nếu Hoàn được, sợ các quan không chịu giúp vua nhỏ tuổi. Vì thế Ẩn Công lên ngôi là giữ chỗ cho Hoàn. Ẩn lớn tuổi mà hiền sao lại không nên lập. Lập đích thì lấy lớn tuổi chứ không lấy hiền. Lập thế tử thì lấy quý chứ không lấy lớn tuổi. Hoàn sao lại được quý. Vì mẹ quý. Mẹ quý tất là con quý, cũng như con là quý thì mẹ cũng được quý.

Cốc Thị - Trong tháng giêng chả có việc gì cần chép mà cũng đặt chữ chính để chỉ tháng giêng là có ẩn ý cẩn thận từ bước đầu. Ẩn Công sao lại không chép là lên ngôi. Là để thành được cái ý của Ẩn Công. Ẩn Công không muốn nhận ngôi là có ý rồi nhường lại cho Hoàn. Nhượng cho Hoàn có được là chính

nghĩa không? Đáp: Không, Xuân Thu khuyến khích người ta làm hay, chứ không khuyến khích người ta làm dở. Hỏi: Ẩn Công đã bất chính mà lại khuyến khích là tại sao? Đáp: Hoàn Công đáng ghét. Ẩn muốn nhường Hoàn mà sau lại giết Ẩn, thế là Hoàn rất dở, Hoàn thì giết mà Ẩn thì lại nhường, thế là Ẩn hay. Hỏi: Đã thiện sao lại bất chính? Đáp: Xuân Thu quý điều nghĩa, mà không quý việc ân, theo đạo mà không theo tà. Con có hiếu thì phô trương cái hay của bố mà không phô trương cái dở của bố. Vua bố muốn truyền ngôi cho Hoàn, thế không phải là chính, thế là tà. Tuy nhiên, bố đã tự thắng được lòng tà mà cho Ẩn, Ẩn đã xét được cái chí tà của bố, mà rồi Ẩn lại muốn cho Hoàn, thế tức là muốn Hoàn thành cái dở của bố. Anh em là thiên luân. Làm con thì nghe cha. Làm chư hầu thì nghe vua. Đã bỏ thiên luân mà quên vua lẫn cha để làm một cái ân nhỏ như Ẩn Công, tức là đã lấy việc nước làm nhẹ, thế chưa gọi là bước trên đường đạo, chưa gọi là chính được.

Xét - Hồ Thị lấy huấn thị của Y Doãn để chứng là nhà Chu không đổi tháng trong lịch. Tuy nhiên, trong quyển Hán Thư. Tam Thông Lịch, tính ngày mồng một Ất Sửu tháng mười hai năm đại giáp nguyên niên làm ngày đông chí. Đúng với tháng mười hai lịch nhà Thương, tháng mười một lịch nhà Hạ. Vậy nhà Thương chưa từng đổi tháng. Hồ Thị lại lấy sách Tần kiến quốc mùa đông tháng mười, để chứng minh rằng nhà Tần cũng không đổi mùa. Thế mà trong sách Hán Thư, thì vua Cao Đế chép là Xuân Chính nguyệt. Nhan Thị có giải nghĩa rằng phàm việc đổi tháng là từ niên hiệu Đại sơ. Lúc đó, lấy tháng mười làm đầu năm, tức là lấy tháng mười làm tháng giêng chính nguyệt. Lại ghi là Hán năm đầu tháng mười ngũ tinh (năm sao: kim, mộc, thuỷ, hỏa, thổ), đều tụ ở phương Đông, vùng sao Tỉnh, Lưu Ban nói: Sao Thái Bạch và sao Thần tinh xa mặt trời bất quá chỉ khoảng một hai lần. Nay tháng mười mà theo Tuế tinh (tức là mộc tinh) tại Đông tỉnh thì vô lý. Thế mà lại chép là ngũ tinh tháng mười thời Tần tụ ở Đông tỉnh. Tháng mười thời Tần, tính ra ngày nay là tháng 7, mặt trời đang thuần vĩ (sao Trương Tú). Cho nên Thái Bạch và Thần tinh đúng theo Tuế tinh. Cứ xét như thế đủ chứng minh rằng, văn chép việc tuy có thay đổi, mà riêng một việc này thì không đổi, nên mới lấy tháng mười thời Tần, là tháng mười thời Hán, thế nghĩa là Tần

vị thường đổi có mùa, đổi tháng. Còn như Chu thì đổi tháng lẫn mùa. Lã Thị và Hùng Thị lấy Kinh truyện dẫn chứng; Lý Thị lấy Tần Thệ dẫn chứng. Thế thì không thể nghi ngờ được. Kết luận là mùa cùng tháng, các triều đại vua có đổi.

Không biết là Vương, Xuân Chính Nguyệt, mà lại viết là Xuân, Vương Chính Nguyệt là có ý theo nhà Hạ. Chính nghĩa là gì? Là khởi thủy công việc của vương giả. Xuân là gì? Là khởi thủy đạo trời. Việc làm của vua là do vua. Việc làm của trời khởi đầu là xuân. Ba triều đại thay đổi duy có nhà Hạ là lấy đạo trời, muốn cho vương giả tuân phụng mùa của trời, phải lấy trời làm chính.

Xét - Kinh Xuân Thu vì nghĩa tôn vương mà được viết cho nên lấy vương pháp, phép vua mà chính thiên hạ. Xuân Thu vì muôn đời mà được viết, cho nên lấy thiên đạo (đạo trời) chính vương đạo (đạo vua). Không biên chữ lên ngôi, tức vị, Tả Thị cho là vì Ẩn Công chỉ nhiếp quyền. Công Thị, Cốc Thị cho là Ẩn Công nhường, Còn Đỗ Dự thì cho là vì không làm lễ lên ngôi, cho nên không chép lên ngôi, như thế là Đỗ Dự định đoạt được. Hồ Thị thì cho rằng: Trọng Ni đầu tiên muốn truất Ẩn Công để sáng tỏ vương pháp cho nên tước bỏ không chép tức vị. Cắt nghĩa như thế, nghe không xuôi. Vì rằng vua mà làm lễ tức vị thì chép là tức vị, vua mà không làm lễ tức vị, thì không chép tức vị, Khổng Tử y như việc mà chép, việc gì phải tước.

三月公及邾儀父盟于蔑

TAM NGUYỆT CÔNG CẬP CHÂU NGHI PHỦ MINH VU MIỆT

THÁNG BA, CÔNG (LỖ CÔNG) CHÂU NGHI PHỦ THỀ Ở ĐẤT MIỆT

Chữ đọc 父 là Phủ. Phàm tên đất, tên người, đều lấy âm phủ. Miệt là tên đất, các sách nói đến Châu Công, đều gọi là Châu Lâu Miệt, Công Thị, Cốc Thị thì viết chữ 蔑 ra chữ muội 昧.

Thề đây là hai nước Thề.

Châu, tức là huyện Châu đất Lỗ, theo sách Không sớ, Châu vốn họ Tào, dòng dõi vua Chuyên Húc và Lục Chung. Chu Vũ Vương phong cho dòng dõi làm vua nước Phụ Dung (nước nhỏ thuộc vào một nước lớn). Miệt là đất ở địa phận nước Lỗ.

Tả Thị - Tháng ba, Công với Châu Nghi Phủ ăn thề ở đất Miệt. Châu Tư tên là Khắc chưa có mệnh vua cho nên không chép tước mà chép là Nghi Phủ. Dùng chữ Phu là có ý quý, Công quyền nhiếp ngôi vua mà muốn cầu thân với Châu, cho nên đặt ra hội thề.

Phụ lục Tả truyện - Mùa hạ tháng tư, Phí Bá đem quân đến đắp thành Lang 郎, không chép trong Kinh, vì không phải là mệnh của Lỗ Công. Phí là đại phu nước Lỗ, Phí là tên ấp của Phí cầm Phủ được ăn lộc, khác với Phí là ấp của Quý Thị, nước Lỗ, nhưng âm là Bí Lang ở đất nước Lỗ.

Công Thị - Sao lại dùng chữ cập, với 及 nghĩa là cùng. Chữ hội 會, chữ cập 及, chữ dữ 與, chữ ky 暨 cùng một nghĩa. Tại sao khi thì dùng chữ cập, khi thì dùng chữ hội, khi thì dùng chữ ky. Vì rằng: Hội như chữ tối 最 (tụ tập); cập như chữ tấp (hấp tấp); kị như chữ ky (quả quyết). Dùng chữ cập là do ý nước Lỗ ta muốn. Dùng chữ ky là nước ta bất đắc dĩ.

Sao lại dùng chữ Nghi Phủ. Nghi Phủ là tên tự vua nước Châu Lâu. Sao lại gọi tên. Đó là tên tự. Sao lại dùng tên tự? Thế là khen. Sao lại là khen? Vì cùng với Lỗ Công ăn thề. Sao lại khen riêng Châu, trong khi nước Lỗ cùng ăn thề với nhiều nước? Đó là tại đáng khen thì khen, là muốn cho người ta (Châu) hay đến

Muội là tên đất 昧

Cốc Thị - Chữ cập là nghĩa thế nào? Là ở trong đất nước, Nghi là tên tư. Phủ cũng như chữ Phó tiếng đẹp để gọi đàn ông. Không viết là tước Tử Châu, vì Châu từ xưa vẫn bé nhỏ, chưa được nhà Chu phong tước. Không biên ngày, vì thế biến đổi ngay. Mội là tên đất.

Xét - Phụ dung là ngang với chức quan Nguyên sĩ trong triều vua Chu cho nên gọi tên tự. Tả Thị bảo là chưa được vương mệnh cho nên không gọi tước. Lời ấy phải.

夏五月鄭伯克段于鄢

HẠ, NGŨ NGUYỆT TRỊNH BÁ KHẮC ĐOÀN VỤ YỂN

THÁNG NĂM TRỊNH BÁ DIỆT NGƯỜI ĐOÀN Ở ĐẤT YỂN

Trịnh ở đất Vinh Dương huyện Uyển Lang phía Tây Nam. Theo sách Chu Tử Thi Truyện, Trịnh vốn là đất Hàm Lâm, tây đô Cơ Nội. Vũ Công khi được đất Cối, mới giữ tước cũ, rời sang ở ấp mới, gọi là Tân Trịnh. Theo sách Khổng Sớ, nước Trịnh tước Bá, thế phả là họ Cơ, con cháu vua Chu Lệ Vương, dòng dõi người Hữu, em cùng mẹ với Tuyên Vương. Tuyên Vương phong Hữu ở đất Trịnh Yên (thuộc huyện Yển Lăng, đất Dĩnh Xuyên). Cung là nước Cung (ở quận Cấp, huyện Cung). Quắc là nước Quắc (huyện Vinh Dương), đó là nước Đông Quắc, ông Quắc Thúc xưa chưa được phong, về sau bị Trịnh Kim tính, vẫn còn thành cũ. Kinh là ấp nước Trịnh (huyện Kinh, đất Vương Dinh). Sái, (huyện Trường Viên, đất Trần Lưu) phía Đông Bắc có thành Sái, tức là ấp của Sái Trọng. Lâm Diên, ấp nước Trịnh (huyện Toan Táo đất Trần Lưu, phía Bắc có bến Diên Tân), Thành Dĩnh đất nước Trịnh. Dĩnh Cốc, nước chảy vào sông Dĩnh, qua Dương Thành, Dương Can, vào Dĩnh Cốc. Thân là nước Thân (huyện Uyển đất Nam Dương phía Bắc, còn thành cũ nước Thân).

Tả - Xưa, Trịnh Vũ Công lấy vợ ở đất Thân, tên là Vũ Khương, sinh ra Trang Công và Cung Thúc Đoàn. Trang Công đẻ ngược, mẹ suýt chết, vì thế được đặt tên là Ngộ Sinh, và bị mẹ ghét. Khương Thị yêu Cung Thúc Đoàn hơn, nhiều lần nói với vua cho lập làm Thế Tử. Vua không nghe. Đến khi Trang Công nối ngôi, mẹ xin lấy ấp Chế phong cho Đoàn Trang Công nói: Chế là nơi hiểm hóc Quắc Thúc xưa đã chết ở đó. Xin chọn đất khác. Khương thị đòi ấp Kinh. Đoàn đến ở, thành tên là Kinh thành Thái Thúc. Sái Trọng (một đại phu) can: Ấp lớn nhất, bằng một phần ba nước. Trung bình bằng một phần năm. Nhỏ là một phần chín. Nay ấp Kinh quá to không vào quy chế nào, sẽ phiền cho nhà vua. Trang Công nói: Ý của Khương Thị, không cho sao được. Sái Trọng nói: Khương Thị biết thế nào là đủ, chi bằng tính trước đi để khỏi sinh dây rễ, đã sinh thì khó tính về sau. Cỏ mọc

rậm còn khó trừ, huống hồ em quý của vua. Vua nói: Làm nhiều điều bất nghĩa thì tự mình giết mình, đại phu cứ chờ.

Thái Thúc mới dụ xứ Tây Bỉ và xứ Bắc Bỉ về với mình. Công tử Lã can vua: Nước không thể có hai vua, nên nghĩ sao. Nhà vua nếu muốn cho cả Thái Thúc, thần xin theo làm tôi. Bằng không thì xin trừ ngay, đừng để dân biến tâm. Vua nói: Không ngại, họa sẽ tới.

Thái Thúc mới thu các đất chung quanh, đến tận các ấp Lẫm Duyên. Tử Phong nói, đến nơi rồi, nếu để cho lấn thêm thì được thêm dân. Vua nói, đã bất nghĩa thì mong sao thêm dân được. Có thêm dân lại càng chóng chết.

Thái Thúc mới xây thành, tụ tập quân sĩ, sửa soạn khí giới, ngựa xe định ngày đánh lén Trịnh. Phu nhân xúi giục thêm vua dò được tin, nói: Bây giờ đến lúc rồi. Thế là sai Tử Phong đem 200 cỗ xe đánh ấp Kinh. Người Kinh phản Thái Thúc. Thái Thúc bỏ chạy đến ấp Yển. Vua đánh Yển. Tháng năm, ngày Tân sửu, Thái Thúc chạy trốn sang ấp Cung. Sử chép: Trịnh Bá diệt Đoàn tại ấp Yển. Không nói là Trang Công, mà nói ngay tên là Trịnh Bá, là anh không dạy em, chí muốn diệt em. Đoàn không sư sự như người em, cho nên ghi tên mà không ghi là em. Nói là diệt như hai nước đánh nhau, không ghi là xuất bôn, đã ghi là diệt thì khó nói xuất bôn.

Rồi vua an trí mẹ ở thành Dĩnh, có thề rằng, không tới hoàng tuyền, thì không gặp mặt. Nói rồi có ý hối.

Dĩnh Khao Thúc là đại phu giữ chức Dĩnh Cốc Điền, Phong ở đất Dĩnh được biết việc đó. Có việc vào yết kiến. Vua cho ăn tiệc, khi ăn, lấy thịt để riêng không ăn, vua hỏi, đáp: Thần còn mẹ, xưa nay ăn cơm của thần, chưa được lộc của nhà vua, xin dành lại biếu mẹ. Vua nói, ngươi có mẹ, để dành cho mẹ, chứ ta không có. Khảo Thúc hỏi xin cho biết sao vậy. Vua mới nói cho hay duyên cớ. Khảo Thúc bàn: Nhà vua đừng ngại, xin cho đào đất đến tuyền, rồi làm lễ gặp mặt dưới đất, ai dám bảo là không được. Vua theo lời.

Khi vào theo lễ nhạc vua cho hát câu "đường dưới đất đi vào, ung dung vui vẻ xiết bao". Khi ra đi, bà mẹ cho hát câu: "Khi ra ngoài vui vẻ, mừng rỡ khôn kể". Mẹ con từ đây lại được như xưa.

Người quân tử bàn: Dĩnh Khảo Thúc có hiếu, yêu mẹ cảm được Trang công. Kinh Thi có nói: Lòng hiếu không cùng lan ra khắp mọi người. Nghiệm việc Dĩnh Khao Thúc thật là đúng.

Công - Khắc, nghĩa là giết, sao không chép là giết, mà chép chữ khắc. Thế là muốn rõ tội ác Trịnh Bá. Mẹ đã muốn lập Đoàn. Đoàn đã không được lập thì thôi, sao lại giết. Đoàn là ai? Là em Trịnh Bá. Sao không chép là em? Vì là vua một nước, đất của Đoàn là một nước. Thế thì, Tề giết Vô tri, sao lại không coi Vô tri là vua một nước. Là vì ở trong nước Tề. Đã ở trong nước, dù đất có rộng, cũng không gọi tên đất nước. Mà ví dụ ở ngoài nước, mà đất nhỏ bé, thì cũng không lấy tên đất mà gọi.

Cốc - Thế sao là khắc? Là năng, là thắng, là đánh được, giết được. Sao lại không dùng chữ sát? Là vì Đoàn có quân đội. Đoàn là em Trịnh Bá. Sao biết là em? Là vì có việc định đoạt của hai mẹ con. Lấy việc ấy biết là em vua. Đoàn là em, sao không chép hắn em, là công tử, vì là biếm, là chê. Đoàn đã mất đạo làm em, khinh Đoàn, mà trách Trịnh Bá vì Trịnh Bá để tâm vào việc giết. Ở đất Yên, ý nói ơ xa, nhưng có khác gì lôi ơ trong lòng mẹ ra, mà giết đi. Đã đành là trách Trịnh Bá, nhưng ở địa vị Trịnh Bá thì nên làm thế nào. Nên chậm đuổi, để cho giặc chạy, đó là đạo đối với người thân thích.

Lưu Sưởng - Sao lại chép là khắc, tức là kham, là giết, là đánh giặc. Nếu chép rằng người Trịnh giết đi, thì có nghĩa giết kẻ có tội. Đây lại chép Trịnh Bá giết là có ý nói, Trịnh Bá lấy ý riêng làm việc công, lấy chính trị đối người, lấy nhịn nhỏ gây mưu lớn. Đưa Đoàn đến chỗ làm loạn là tự Trang Công. Tả Thị nói, Đoàn xuất bôn, chạy trốn, ra đất Cung mà không chép xuất bôn, vì khó nói. Tả Thị luận như thế không đúng. Nếu Đoàn được sống, chạy ra nước ngoài thì Trịnh Bá chỉ có tội phạt (đánh) em, chứ không có tội giết em. Và lại đã như thế, thì nên nói rằng: Trịnh Bá phạt Đoàn ở đất Yên, sao lại đổi chữ phạt làm chữ khắc. Công Dương thì cho là sát, để rõ cái tâm ác của Trịnh Bá. Hà Hưu cũng nhận luận điệu ấy, và có nói lấy chữ phất khắc (không giết) mà khen khuyến khích (thoặc kỵ khuyết, đại phu nước Tấn đời Xuân Thu) thì biết rằng thêm chữ khắc cốt để rõ cái ác của Trịnh Bá. Hà Hưu luận thế không phải. Bao là không khắc nạp (thắng được) thì cũng như không quả nạp (cũng nghĩa là thắng được) chứ không như chữ

khắc dùng trong câu Khắc Đoàn được. Tức là nếu lấy phát khắc làm khen thì "phát khắc tang", không được chôn, có gì là khen.

Trình Tử - Trịnh Bá mất đạo làm vua, không còn nghĩa anh em cho nên cho chép là Trịnh Bá, mà không chép là anh em Khắc. nghĩa là thắng, được, chép là thắng là ý nói Đoàn sức mạnh. Làm cho Đoàn được mạnh, là cái ác tâm của Trịnh Bá. Không chép bôn, chạy, trốn, là cái nghĩa không dùng chữ bôn được.

秋七月天王使宰咺來歸惠公仲子之賵

THU, THẤT NGUYỆT THIÊN VƯƠNG SỬ TỂ HUYÊN LAI QUY, HUỆ CÔNG, TRỌNG TỬ CHI PHÚNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, THIÊN VƯƠNG SAI CHỨC TỂ LÀ HUYÊN TỚI PHÚNG TRỌNG TỬ

Đây là mở đầu lối Thiên Tử hạ mình, giao thiệp với chư hầu. Thiên Vương là Chu Bình Vương. Thế phả chép Chu là dòng dõi của Hoàng Đế và ông Hậu Tắc, vậy là họ Cơ. Văn Vương xưa là vua chư hầu. Vũ Vương diệt nhà Ân rồi thay ngôi vua. Từ Vũ Vương đến Bình Vương có 13 vua, anh em truyền cho nhau có một lần. Vậy Bình Vương là cháu thứ 11 Vũ Vương.

Tả - Mùa thu, tháng bảy Thiên Vương sai quan Tể là Huyên, đưa đồ phúng Trọng Tử. Trọng Tử chưa chết cho nên chưa chép tên. Thiên Tử để bảy tháng mới chôn là để cho cả nước tới, chư hầu năm tháng là để cho các đồng minh tới, đại phu ba tháng là để cho các quan cùng hàng tới, bọn sĩ để qua tháng, là để ngoại thích nhân gia tới. Phúng người chết khi người ta chưa nằm trên giường chết, điếu người sống khi người ta chưa phát ai. Dự trù phúng điếu thế là phi lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tám, người nước Kỷ đánh nước Di. Di không có tuyên cáo. Vậy Kinh không chép. Nước Kỷ nay ở huyện Kịch, đất Đông Hoản. Sách Khổng Sớ, thế tộc phả có chép Kỷ vốn họ Khương, tước Hầu, bị nước Tề diệt. Nước Di ở huyện Trang Vũ, đất Thành Dương, cũng trong Khổng Sớ. Di vốn họ Vân, trong Truyện không thấy chép tên mà cũng không biết bị nước nào diệt.

Công - Tê là chức quan. Huyên là tên, Huệ Công là bố Ẩn Công. Trọng Tử là mẹ Hoàn Công. Không chép là phu nhân vì Hoàn chưa lên ngôi. Phúng là đồ biếu về việc tang, đồ phúng có tiền của thì gọi là phụ. Đồ phúng có áo sống, khâm liệm thì gọi là tùy. Hoàn Công chưa lên ngôi thì sao chư hầu lại tới phúng. Tới phúng được, vì Ẩn Công tuy ở ngôi mà chỉ tạm thôi, để chờ Hoàn lớn tuổi cho nên đem tang mẹ Hoàn cáo phó chư hầu, cốt để hoàn thành được ý chí của Huệ Công. Tại sao dùng chữ lai? Vì chưa tới lúc. Tại sao lại nói Huệ Công, Trọng Tử. Vì nói gồm cả hai, thế là phi lễ. Tại sao không nói Huệ Công và Trọng Tử? Vì Trọng Tử chức vị kém.

Cốc - Sao lại gọi là Trọng Tử? Là mẹ Huệ Công, hàng thiếp của Hiếu Công. Theo lễ, phúng mẹ người ta thì được, phúng thiếp người ta thì không được. Người hiền nhận vật nên từ khước. Sao chỉ lại không hợp với việc như thế? Đồ phúng những gì. Ngựa xe thì gọi là phúng, áo liệm thì gọi là tùy, ngọc thì gọi là hàm. Tiền thì gọi là phụ.

Vương Sung - Tả Thị cho là Trọng Tử chưa chết, hoặc cho là hai năm sau. Phu nhân họ Tử chết, cho Tử Thị là Trọng Tử và thời ấy còn sống. Thế là cho thiên hạ có người chưa chết mà được phúng, e không có thế.

Lưu Sướng - Tả Thị bảo rằng Tử Thị chưa chết cho nên mới chép tên bảo thế là sai. Huệ Công đã cho Trọng Tử làm phu nhân, cho Hoàn Công làm Thế Tử, ai nấy đều biết. Nay Thiên Vương cho đồ phúng, đáng lý chép là phúng Huệ Công và phu nhân là Tử Thị, cớ sao lại chỉ gọi là Trọng Tử, không gọi là phu nhân. Họ Đỗ cho rằng đàn bà không có tên thụy nên lấy tên tự cùng với họ. Xét họ Đỗ nghĩ như thế thì ra Thiên Vương phúng sống người ta. Bầy tôi nước Lỗ cũng cho phu nhân của vua mình tên Thụy khi còn sống. Đức nhà Chu dù có suy nữa đâu đến nỗi đi phúng người sống. Họ Đỗ lại nói rằng đối với đại phu không chép quan tước là vì chức vị quan trọng. Tể được tôn không như quan thường. Thì dù gọi quan, dù gọi họ cũng là không phải.

Trình Tử - Đấng vương giả là vâng đạo trời cho nên gọi là Thiên Vương; mệnh gọi là Thiên Mệnh; đánh giặc gọi là Thiên thảo; làm đủ được thế, là Vương đạo. Xuân Thu lấy vương mệnh để đính chính vương pháp; gọi là Thiên Vương để phụng hành

thiên mệnh. Vợ chồng là gốc nhân luân, cần phải đính chính trước tiên. Thời Xuân Thu, ngôi vợ đích và vợ thiếp đều rối loạn, thánh nhân lại càng thận trọng về danh và phận. Trọng Tử là liên hệ đến Huệ Công, cho nên phải chính danh, không gọi là phu nhân, mà gọi là Huệ Công Trọng Tử, tức là Trọng Tử của Huệ Công, tức là thiếp. Lấy lễ phu nhân mà phúng thiếp người ta, thì rất là loạn pháp. Mở đầu Xuân Thu, tuy nghĩa Thiên Vương chưa thấy rõ, nhưng không thể bỏ chữ Thiên. Còn như gọi tên Huyên là để tỏ sự chưa đủ vương đạo. Bầy tôi Thiên Tử, dù nho cũng không gọi tên, huống chi là quan Tể.

Trần Phó Lương - Đại phu triều Chu không gọi tên, cứ theo tước gọi tước. Chưa có tước thì gọi tự. Trái lệ ấy mà gọi tên tức là biếm. Tại sao lại biếm Tể Huyên? Vì đã theo mệnh phúng, một người mẹ vốn là thiếp. Xưa chư hầu không có hai lần cưới. Nếu có lấy vợ lần hai thì người vợ ấy gọi là thiếp. Nay Ẩn Công vì nhường Hoàn, mới lấy phu nhân đối với mẹ con Hoàn mà cáo phó tới triều đình nhà Chu. Phúng mệnh theo cáo phó vậy. Còn gọi là Huệ Công Trọng Tử, là lời sau san định của Kinh Xuân Thu.

Xét - Tả Thị cho rằng Tử Thị chưa chết thì rõ là sai, không cần phải bàn. Cốc Lương bảo Trọng Tử là mẹ Huệ Công gọi là Tử Thị. Nay xét niên biểu thì Huệ Công lên ngôi năm Bình Vương thứ ba. Đến năm đầu Ẩn Công là vừa 47 năm mà mẹ mới chết thì lâu quá. Vậy phải cho thuyết Công Dương mới là đúng (Trọng Tử là mẹ Hoàn Công). Tể là Trủng Tể, theo Lưu Sưởng là phải.

九月及宋人盟于宿

CỬU NGUYỆT CẬP TỐNG, NHÂN MINH VU TÚC

THÁNG CHÍN VỚI NGƯỜI TỐNG THỀ Ở TÚC

Đây là lần đầu tiên có việc tham dự hội thề.

Túc. Một nước nhỏ, nay là huyện Vô Diêm đất Đông Bình.

Tả - Năm cuối đời Huệ Công. Lỗ đánh được quân Tống ở đất Hoàng. Khi Ẩn Công lên ngôi thì cầu hòa. Tháng chín với người Tống ăn thề ở đất Túc, rồi thông hiếu.

Hoàng: ấp nước Tống ở Trần Lưu, Ngoại Hoàng.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông tháng mười, canh thân, cải táng Huệ Công Ẩn Công không dự, cho nên chép. Huệ Công khi chết đang có việc đánh nhau với Tống. Thế Tử còn nhỏ, việc chôn cất có thiếu sót, cho nên phải cải táng. Vệ Hầu tới dự không thấy Ẩn Công, cho nên cũng không chép.

Nước Trịnh có loạn Cung Thúc. Công Tôn Hoạt chạy sang nước Vệ, Người Vệ giúp Hoạt đánh Trịnh, lấy được đất Lâm Diên. Người Trịnh lấy quân nhà vua (Chu), quân nước Quắc, đánh Vệ ở Nam Bi. Cầu hòa, đóng quân tại nước Châu. Châu Tử xin giao thiệp riêng với Công Tử Dự. Dự xin đi, Ẩn Công không cho. Dự cứ đi rồi cùng với người Châu, người Trịnh ăn thề ở đất Dực cho nên không chép vì không có mệnh Ẩn Công. Xây dựng Nam Môn cung không chép, vì không có mệnh Ẩn Công. Vệ là nước Vệ ở huyện Triều Ca, quận Cấp. Theo Khổng Sớ, Vệ vốn tước Hầu, họ Cơ đất xưa Văn Vương phong cho Khang Thúc. Quắc là nước Tây Quắc, ở huyện Thiểm đất Hoàng Nông, phía Nam còn Quắc thành.

Dực ở đất Châu.

Công - Trong nước, người đi dự hội, địa vị kém.

Cốc - Sao lại chép là cập: với. Vì trong nước, người đi dự hội, địa vị kém. Sao lại chép là Tống nhân, người Tống. Vì nước ngoài, người đi dự hội địa vị kém. Đã thế không chép ngày hội thề. Túc là tên ấp.

Hồ Truyện - Người trong nước thì chép là với. Người nước ngoài thì chép là nhân: người, đều ý là địa vị kém. Hội thề ở nước Túc cho nên nước Túc dự thề. Hội thề mà đã kém thì Kinh Xuân Thu không chép ngày. Còn việc chép thì cứ chép, là vì có vua nước Túc dự.

Lưu Sưởng - Sao lại chép là cập: với. Vì hội thề, các người dự tiệc đều kém nên không cho chép. Ai với. Chính là Công (Ẩn Công). Sao lại không chép hẳn là Công. Là vì xấu hổ bị cùng người với Tống thề. Sao lại xấu hổ? Vì đối với vua nước nhỏ thì nước lớn có thể sai quan Khanh đi dự được. Quan Khanh nước nhỏ không thể hội với vua nước lớn được, Kém chỉ là ai. Là chỉ chức quan nhỏ.

Xét - Tả Thị nói Ẩn Công lên ngôi xin hòa, y như nói rằng Công cầu hòa. Triệu thị, Lưu Thị cho là toàn người dưới làm chủ. Hồ Thị cho là trong nước, ngoài nước, người đương sự đều địa vị kém, chỉ có vua nước Túc là vua cho nên phải chép. Bàn thế cũng thông. Còn như Cốc Lương cho là Túc là một ấp thì không phải. Cốc Lương lại còn bảo rằng hội thề mà đương sự địa vị kém thì không chép. Xét ra, phàm đã là hội thề, thì đều chép ngày. Không chép chỉ là thiếu sót. Trang Công năm thứ 9 có chép rằng: Công cùng với đại phu nước Tề hội thề, không có chép ngày. Năm thứ 22, hội thề với Cao Hề thì lại chép ngày. Thế là thế nào?

冬十有二月蔡伯來

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, SÁI BÁ LAI

MÙA ĐÔNG THÁNG MƯỜI HAI, SÁI BÁ TỚI

Đây là lần đầu, vương thần, bầy tôi Thiên Tử tư giao (giao hiếu riêng). Sái, nước Sái, tước Bá. Theo sách Lộ Sử ở phía Đông Bắc Quản Thành, giáp đất nhà Chu, có Cổ Sái Thành.

Tả - Sái Bá tới, không phải là vâng mệnh Thiên Tử.

Công - Sái Bá là quan đại phu triều đình Chu, không chép sứ, vì Sái Bá đi riêng. Đạo vương giả không có riêng, không có tư tùi.

Cốc - Tới, là chầu. Vì phàm tất cả chư hầu, không có mệnh Thiên Tử, không được hội họp chư hầu, ngoại giao không được chính thức. Đồ sính lễ như cung, tên, giáo, mác không được đem ra khỏi nước. Đồ sính lễ như gạo, thịt không được dùng trong nước. Vì trên còn có Thiên Tử không được tư giao.

Trình Tử - Sái Bá là chư hầu ở kỳ nội (trong đất nhà Chu), làm Khanh sĩ trong triều đình Chu. Không chép là tới chầu nước Lỗ, tức không cho việc chầu là đúng lễ. Đương thời, chư hầu đã bỏ không lại chầu Thiên Tử. Thế là bỏ nghĩa làm bầy tôi. Thiên Tử lẽ ra phải trị. Sái Bá là vương thần đã không hay giúp được Thiên Tử đem lại chính pháp, điển lễ, mà lại còn tư thông, tới hầu chư hầu, cho nên không chép chữ chầu là cho rõ cái tội của Sái Bá. Theo phép các tiên nho thì vương thần không có ngoại

giao, thuyết đó rất sai. Nếu thiên hạ có đạo, chư hầu giữ phép, thì đâu có chia ra nội, ra ngoại, giao hiếu thành một nghi lễ thường. Tuy nhiên, sai quan chức tới chầu một nước ở xa, thì không có đạo lý ấy. Chu lễ có nói đến việc chầu nhau, là nói đến các nước gần nhau.

Xét - Việc Sái Bá, chép là Sái Bá tới. Các truyện cho là tới chầu. Riêng Công Dương thì cho là tư giao. Các truyện lại cho chữ Bá là tước Bá. Công Dương cho là tên tự. Nên theo Tả Truyện không chép lại chầu là phải. Cốc Lương bảo rằng, vì ngoại giao không được chính thức, chư nho đều nghe cả. Trình Tử thì bảo rằng, chư hầu bỏ việc chầu Thiên Tử, Thiên Tử không trị nổi, mà Sái Bá ngược lại, đi giao thiệp. Lời ấy rất chính đáng.

公子益師卒

CÔNG TỬ ÍCH SƯ TỐT

CÔNG TỬ ÍCH SƯ MẤT

Tả - Chúng Phủ (tên tự Ích Sư) mất. Công (Ẩn Công) không dự lễ tiểu liệm, nên không chép ngày.

Công - Không chép ngày là vì lâu rồi. Sở kiến, sơ văn, sở truyền, đều sai, đều khác nhau.

Cốc - Đại phu chết, chép ngày, vì người tốt, không chép ngày là vì người xấu.

Lưu Sưởng - Con vị Công thì gọi là Công tử, con Công tử thì gọi là Công tôn. Con Công tôn thì lấy tên chữ (tên tự) bố làm họ. Công tử được tôn như đại phu. Còn đại phu sau ba bực quan mới dùng họ. Chết thì gọi là tốt (mất). Công tử Ích Sư mất, chép thế là đích đáng. Tả Thị bảo rằng vì Công không dự lễ tiểu liệm, nên không chép ngày, bảo thế là sai. Công Tôn Ngao, Thúc Tôn Sước, Công tôn Anh Tề, đều có được Công dự lễ tiểu liệm đâu, mà lại được chép ngày. Đại phàm Kinh Xuân Thu, căn cứ vào sử, sử chép có khi không chép ngày, hoặc tháng, nay làm sao mà cứu xét ra ngày tháng cho đủ.

Cốc Lương nói: Chép ngày chết là rõ người tốt, không chép ngày chết là rõ người không tốt. Cốc Lương nói thế không phải.

Công Tôn Ngao Trọng Toại, Quý tôn Ỷ Như có phải là tốt đâu mà chép ngày chết. Thúc tôn Đắc Thần không nghe thấy là có tội, mà cũng không chép ngày. Tất cả đều là quên.

Trình Tử - Hàng Khanh ở chư hầu đều thụ mệnh ở Thiên Tử. Đương thời không xin mệnh nữa, cho nên khanh ở chư hầu đều không chép quan tước tức là coi như không có quan tước. Gọi là Công tử, khi trước Công tử vẫn có tước Khanh Duy ở Tống, dòng dõi Thiên Tử, được ban quan tước, cho nên riêng hàng Khanh nước Tống được chép quan tước. Khanh là gì? Là giúp vua để coi việc nước. Khi mất là có quan hệ đến nước cho nên phải chép. Thế là để rõ nghĩa vua tôi.

Hoặc chép ngày, hoặc chẳng chép ngày, là nhân các sách sử, các sách cổ, thường gian lược, hoặc ngày tháng không được đủ. Xuân Thu căn cứ vào sử, bớt thì bớt được, nhưng thêm thì lấy ở đâu mà thêm.

Gia Huyền Ông - Theo Kinh Xuân Thu, đại phu trong nước mà mất, hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, là tùy sử cũ chép tường tận, hay giản lược chứ không có ý gì chê hay khen. Có thuyết qua Công Dương là sát ý, cho là việc càng lâu đời càng không tường, nên sở kiến, sở văn, sở truyền khác nhau.

Năm Canh Thân Bình Vương năm thứ 50.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tề Hi Công năm thứ 10. Tấn Ngạc năm thứ 3. Vệ Hoàn năm thứ 14. Sái Tuyên năm thứ 29. Trịnh Trang năm thứ 23. Tào Hoàn năm thứ 36. Trần Hoàn năm thứ 24. Kỷ Vũ năm thứ 30. Tống Mục năm thứ 8. Tần Văn năm thứ 45. Sở Vũ năm thứ 20.

春公會戎于潛

XUÂN, CÔNG HỘI NHUNG VU TIỀM

MÙA XUÂN, CÔNG HỘI VỚI NHUNG Ở ĐẤT TIỀM

Đây là lần đầu, chép việc hội Nhung; ở huyện Tế Dương, đất Trần Lưu phía Đông Nam còn Nhung Thành. Tiềm là đất nước Lỗ gần đất nước Nhung.

Tả - Năm thứ 2. Mùa xuân công hội Nhung ơ đất Tiềm, để sửa soạn thông hiếu theo chí Huệ Công. Nhung xin thề. Công từ chối.

Cốc - Hội, ý nghĩa là nước ngoài làm chủ (chứ không phải mình). Trí, nghĩ cho chín chắn; nghĩa phải theo đúng; nhân phải giữ vững. Có đủ ba đức ấy mới nên ra hội. Hội với Nhung, đối với Công là điều không hay

Hà Hưu - Chép chữ hội có ý chê. Trong nước hư không, chỉ ỷ lại vào ngoại giao. Đời xưa các chư hầu không phải đi triều, thì không được đi ra khỏi đất nước.

Phạm Ninh - Phàm đầu năm, lấy tháng theo mùa, lấy mùa theo năm, vạn chất điều hoà. Kinh Xuân Thu, chép là Vương để hưởng ứng năm, tháng, mùa, để cho rõ nghĩa vua xét mùa. Vâng mệnh trời thống trị thiên hạ. Tuy nhiên Kinh Xuân Thu chép việc, cho việc lệ thuộc vào mùa, thì chép mùa mà không chép tháng. Nếu tháng tới, khi việc đã xong, thì chép tháng mà không chép vua. Chép vua là vua trên, nhân mùa xuân; dưới cho lệ thuộc vào tháng. Đầu tiên ghi năm, mọi việc đều khởi thủy, kính cẩn mà không luộm thuộm. Mọi việc chép đều theo thể thức đó. Duy có Hoàn Công chép chữ nguyệt không chép chữ vương là có ý không theo vương pháp.

Tôn Phục - Không có việc của Thiên Tử thì chư hầu không được hội họp. Nay phàm chép hội là có ý chê.

夏五月莒人入向

HẠ NGŨ NGUYỆT, CỬ NHÂN NHẬP THƯỢNG

MÙA HẠ THÁNG 5, NGƯỜI CỬ VÀO ĐẤT THƯỢNG.

Việc đầu tiên vào đất nước người ta. Cử, nước Cử nay ở huyện Cử, đất Thành Dương. Thượng, là nước Tiểu, huyện Long Cáng, phía Đông Nam có Thượng Thành. Theo Khổng Sớ, nước Cử họ Kỷ, nước Thượng họ Khương. Người cử vào nước Thượng đem nàng Khương Thị về. Đời Lỗ Văn Công thứ 8; Mục Bá chạy sang nước Cử theo họ Kỷ. Việc Cử Kỷ, Thượng Khương, Khổng Sớ có chép. Trong thế phả lại có nói: Cử là họ Doanh, dòng dõi vua Thiếu Hiệu. Được phong từ đời Kỷ Công, rồi thành họ Kỷ, không biết ai cho họ Kỷ ấy.

Tả - Cử Tử (tước Tử) lấy vợ ở nước Thượng Khương. Đã ở Cử rồi không yên, lại trở về Thượng. Người Cử mới vào nước Thượng đem Thượng Khương về.

Công - Nhập là vào, là đánh được, mà không giữ lấy đất nước.

Cốc - Nhập là ý người trong nước không thuận, Thượng là ấp của nước Lỗ ta.

Lục Thuần - Một chữ trong Kinh dùng theo mọi lệ mà nghĩa thì không giống nhau, là chữ nhân là người. Nước Cử mà gọi là người Cử, là nghĩa rộng, nói chung, quân đội mà gọi là người, là nghĩa hẹp, nói riêng. Danh và tước không quý, phải gọi là nhân là lời khinh thường bỏ danh tước, mà dùng chữ nhân, là ý chê biếm. Nay nước Cử mà gọi là Cử, chính là lời hẹp nói riêng, khác hẳn với việc Vô Hài xuất sư (đem quân đi đánh).

Trình Tử - Khi thiên hạ có đạo thì lễ nhạc, chinh phạt, từ Thiên Tử phát xuất. Thời Xuân Thu, chư hầu chiếm quyền, đem binh xâm phạt lẫn nhau, tội rõ rệt. Chép là người Cử là có ý khinh, chép chữ vào là vào nước. Xâm đất người ta đã là hung bạo, huống lại vào nước người ta.

Trần Phó Lương - Đại phu của vua cầm quân đều chép là người. Vua cầm quân thì chép là vua là bắt đầu từ việc Sở Trang vào nước Trần. Đại phu cầm quân mà chép là đại phu là bắt

đầu từ việc Khước Khuyết vào nước Sái. Riêng đại phu nước Lỗ thì cứ chép đại phu.

Gia Huyền Ông - Chư hầu bắt đầu tiếm quyền xâm phạt. Chép là xâm, phạt, vây, chiếm, diệt, đều là chê, biếm. Các chữ đó khác nhau, là tùy theo cách dùng binh khác nhau: thường, lạ, lớn, nho, sâu, nông, tất cả đều là chê biếm. Phàm phạt nước ta, vào quốc đô người ta, đó chỉ là kém tội diệt nước người ta một bực. Cử Tử vào nước Thượng chỉ là để đem vợ về, chứ chưa chắc muốn diệt nước Thượng. Cho nên Kinh Xuân Thu chép là vào mà không chép là diệt.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương cho Thượng là ấp của nước Lỗ. Căn cứ vào về sau chép rằng, Công phạt nước Cử, chiếm nước Thượng, thế thì Thượng là một nước nhỏ đã bị nước Cử diệt.

無駭帥師入極

VÔ HẢI SUẤT SƯ NHẬP CỰC

VÔ HẢI ĐEM QUÂN VÀO NƯỚC CỰC

Đây là bắt đầu việc đại phu chuyên giữ binh quyền Cực là một nước nhỏ, một nước phụ dung.

Tả - Quan Tư Không là Vô Hải vào nước Cực. Phí Câm Phủ đánh cho thua.

Công - Vô Hải tức là Triển Vô Hải, không chép họ Triển là ý chê ghét về việc diệt. Việc diệt đây là mở đầu Xuân Thu. Sao lại dùng chữ vào không dùng chữ diệt. Là muốn tránh tiếng ác cho nước Lỗ.

Cốc - Nhập (vào) có ý nghĩa là trong nước không thuận, Cực là một nước. Vào nước người ta được thì người ta cũng vào nước mình được. Không chép họ, là có ý chê, chê biếm diệt nước cùng họ.

Hồ Truyện - Không có mệnh vua mà đánh nước người ta để thỏa ý riêng đủ thấy là chư hầu không giữ đạo làm tôi. Họ chuyên quyền mà không bị chinh phạt đủ thấy là Thiên Tử không giữ đạo làm vua. Cứ theo như việc, cứ nói thẳng, thì nghĩa tự rõ.

Đỗ Dự - Vô Hài là quan Khanh nước Lỗ, không chép họ vì chưa được ban họ.

Lưu Sưởng - Công Dương cho chữ vào là diệt, lại cho rằng không chép họ. Họ Triển của Vô Hài là ghét mở đầu việc diệt. Bàn thế là không phải. Xuân Thu dù có muốn kiêng dè cho nước Lỗ, cũng không thể lời văn hại sự thực. Nay nếu cho diệt là vào, là nhập, thế là làm cho lời văn hại thực. Còn như Vô Hài không chép họ cũng không phải là ghét mở đầu việc diệt. Xét Xuân Thu, buổi đầu còn gần Tây Chu, pháp lễ tiên vương còn sót lại, chư hầu tiếm quyền còn ít, các quan Khanh chấp chính nước Lỗ còn phục mệnh. Lấy Vô Hài làm đầu trò là xuyên tạc ý nghĩa. Công Dương thấy không chép họ Vô Hài cho là biếm, biếm quá lẽ, thấy chữ nhập lại cho là diệt, thế là Công Dương tìm không ra nghĩa, mới cố ép nghĩa. Cốc Lương thì nói: Dùng chữ nhập là có ý trong nước không thuận, và không chép họ vì biếm sự diệt nước cùng họ. Xét ra chữ nhập không cùng nghĩa với chữ diệt. Cốc Lương trước đã cắt nghĩa chữ nhập, sau lại cho chữ diệt thông với chữ nhập, y như là thời Cốc Lương viết truyện, tự thích nghĩa chữ nhập rồi, sau được đọc Công Dương mới lại cho nhập là diệt, rồi cũng chú thích như thế.

秋八月庚辰公及戎盟于唐

THU, BÁT NGUYỆT CANH THÌN, CÔNG CẬP NHUNG MINH VU ĐƯỜNG

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY CANH THÌN CÔNG VỚI NƯỚC NHUNG THỀ Ở ĐẤT ĐƯỜNG.

Đường là đất nước Lỗ, nay là huyện Phương Dư đất Cao Bình, hiện còn đình Vũ Đường.

Tả - Nhung xin thề. Mùa thu, thề ở đất Đường. Ta lại thông hiếu với Nhung.

Đỗ Dự - Tháng tám không có ngày canh thìn. Canh Thìn vào ngày mùng chín tháng bảy. Ngày, tháng chắc còn sai.

Gia Huyền Ông - Hồ Thị cho rằng chép ngày là rõ ý cẩn trọng. Tôi cho là chép, hay không chép ngày, không liên can gì đến chê hay khen.

九月紀履綸來逆女冬十月伯姬歸紀

CỬU NGUYỆT, KỶ LÝ TU LAI NGHỊCH NỮ.
ĐÔNG THẬP NGUYỆT, BÁ CƠ QUY VU KỶ.

THÁNG 9, KỶ LÝ TU TỚI ĐÓN NỮ (CON GÁI LỖ) VỀ. MÙA ĐÔNG THÁNG 10 BÁ CƠ VỀ KỶ.

Chư Ly Tu. Tả Thị chép là Liệt Nhu.

Tả - Tháng chín. Kỷ Liệt Nhu tới đón con gái nước Lỗ. Đó là quan Khanh thay vua đi đón.

Công - Kỷ Lý Tu là đại phu nước Kỷ. Sao không gọi là sứ. Vì hôn lễ, không gọi tên chủ nhân. Thế thì gọi là gì. Gọi là phụ huynh, sư hữu. Vậy Tống Công sai Công Tôn Thọ tới nạp lễ thì gọi tên chủ nhân, là tại sao? Là vì không có chữ khác để dùng. Sao thế? Tại không còn mẹ. Kỷ thì còn mẹ. Sao không gọi tên mẹ? Vì gọi không tiện. Nước ngoài đón vợ thì không chép, sao đây lại chép? Là có ý chê, chê không thân hành đi đón. Bắt đầu không thân hành đi đón là từ việc này, mà là việc đầu thời Xuân Thu. Tại sao con gái khi thì gọi là nữ (con gái) khi thì gọi là phụ (đàn bà), khi thì gọi là phu nhân? Vì còn ở trong nước, thì gọi là nữ, ra ngoài thì gọi là phụ, vào đến nước chồng gọi là phu nhân. Bá Cơ là con gái Lỗ, chép là về tức là về nhà chồng.

Cốc - Đón "nữ" thì phải bản thân đi. Sai đại phu đi không chính lễ. Lấy danh nghĩa một vị khanh tới giao thiệp với ta thì nâng họ lên để khuyến khích. Lễ, đàn bà đi lấy chồng thì gọi là quy. Trở về nhà mình thì gọi là lai quy. Đàn bà theo chữ tòng. Ở nhà theo phép cha. Đi lấy chồng theo phép chồng. Chồng chết theo phép con trưởng. Đàn bà không tự ý hành động được, tất phải có nơi để theo (tòng). Bá Cơ quy về nước Kỷ. Mấy chữ đó là để ghi một việc, chứ không có ý gì khác. Không cứ gọi là sứ vì cách đi đón là trái lễ, không đáng dùng chữ.

Lưu Sưởng - Đàn bà đi lấy chồng được gọi là quy. Quy vào chư hầu thì địa vị vẫn là tôn, vì tôn nên mới ghi. Lại nói: Cốc Lương bảo rằng vì có một vị quan tới giao thiệp cho nên tôn lên. Bảo thế là bậy. Việc cưới xin giữa chư hầu thường sai người

đi lại. Đó là việc thường có gì mà bảo rằng tôn con người ta lên. Và Lý Tư là người họ to trong nước, có khác gì Trịnh Thiềm đâu mà bảo rằng tôn người ta lên.

Trình Tử - Bất cứ ai cũng đều chép tên, vì vua mệnh cho đi đón phu nhân. Ở Lỗ thì gọi là nữ. Con gái trong nước gả cho làm phu nhân chư hầu, thì chép là đón (nghịch), chép là về (quy), chép là một việc quan trọng. Người tới đón mà không phải là vị Khanh thì chỉ chép chữ quy thôi, để rõ là lễ nghi có tính cách bạc. Tiên nho đều bảo rằng chư hầu phải thân nghênh. Thân nghênh là gì. Là đón ở một công quán, rồi có thể thân ngự ra đón, chứ đâu có rời tôn miếu, xã tắc mà đi ra xa ngoại quốc để đón vợ bao giờ. Không cứ là chư hầu, ngay đến Khanh, đại phu trở xuống cũng thế. Kinh Thi có khen Văn Vương thân nghênh trên sông Vị, thế tức là chưa ra khỏi nước. Kinh Thi lại dẫn rằng nước Chu từ bờ sông Vị. Huống chi Văn Vương khi thân nghênh còn là công tử chưa có ngôi vua. Lại dẫn thêm, dù là Công tử, Công tôn, đưa dâu nếu không phải là vị Khanh cũng không chép.

紀子伯莒子盟于密

KỶ TỬ, BÁ, CỬ TỬ MINH VU MẬT

KỶ TỬ, BÁ, CỬ TỬ THỂ Ở ĐẤT MẬT.

Bá, Tả Thị chép là bạch. Đây là đầu tiên các nước ngoài cùng nhau ăn thề. Mật là ấp nước Cử ở đất Thành Dương phía Đông Bắc huyện Thuần Vu. Còn Mật Hương, làng Mật.

Tả - Mùa đông Kỷ Tử Bạch, Cử Tử, thề ở Mật, vì việc nước Lỗ.

Công - Kỷ Tử Bá là ai. Không nghe thấy nói.

Cốc - Hoặc bảo Kỷ Tử hơn Cử Tử (Bá nghĩa là hơn) mà cùng Cử Tử thề, hoặc bảo cùng tuổi, cùng tước, mà Kỷ Tử hơn thì đứng trước.

Hồ Truyện - Phàm văn mà thấy thiếu sót tức là có đoạn, vì đại nghĩa mà tước bỏ chứ không phải thực thiếu sót. Có bản căn cứ vào sử cũ, rồi cũng lại chép như trước, không viết thêm. Cũng lại có hạng tiên nho cứ thế truyền thụ lại, không dám

thêm như trong các đoạn: Phúng việc táng Thành Phong. Vương không chép là Thiên, vua Ngô Sở mất, không chép táng, đều là bị xét cắt, y như loại **Giáp Tuất**, **Kỷ Sửu**, hạ ngũ, Kỷ Tử Bá, Cử Tử thề ở đất Mật. Hoặc nói rằng tiên nho cứ truyền thụ cả những đoạn nhầm, không dám thêm đổi. Chỗ ghi thì để khuyết, chỗ không khuyết thì giảng giải thận trọng. Như thế còn được, chứ cứ vặn vẹo cho ra nghĩa thì là xuyên tạc.

Đạm Trợ - Cốc Lương bảo rằng Kỷ Tử hơn Cử Tử và cùng Cử Tử thề. Đó là đoạn văn thiếu mà giảng là Bá hơn Cử Tử là xuyên tạc. Còn Tả Thị thì cho rằng Tử Bạch là tên tự Liệt Nhu, cho nên chép.

十有二月乙卯夫人子氏薨

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT MÃO, PHU NHÂN TỬ THỊ HOĂNG

THÁNG 12, NGÀY ẤT MÃO, PHU NHÂN LÀ TỬ THỊ MẤT

Công - Phu nhân Tử Thị là mẹ Ẩn Công. Sao không chép lễ táng. Vì là muốn hoàn thành ý của Công. Con đã không thể trọn đời làm vua, thì mẹ cũng không trọn đời làm phu nhân được.

Cốc - Phu nhân táng, không chép nơi táng. Phu nhân là vợ Ẩn Công. Chết mà không chép lễ táng, là theo chính nghĩa, vợ theo chồng.

Hồ Truyện - Phu nhân Tử Thị là ai? Là vợ Ẩn Công. Chết mà không chép lễ táng, là lấy nghĩa Phu nhân phải theo vua. Vợ vua nước chư hầu, người trong nước gọi là tiểu quân. Tiểu quân chết, thì phải chép là hoăng, là nghĩa, rõ chức vị. Nếu chết trước vua chồng, thì không chép lễ táng là lấy nghĩa tòng phu. Có vợ chồng rồi mới có cha con. Có cha con rồi mới có vua tôi, thế là vợ chồng vốn gốc nhân luân. Bắt đầu Xuân Thu, việc chép Tử Thị hoăng, và không chép lễ táng, thế tức là làm cho rõ đại luân. Đã biết rõ nghĩa ấy, thì mới vợ ra vợ, chồng ra chồng, gia đạo mới chính được. Lưu Sưởng có nói: Tả Thị cho Tử Thị là mẹ Hoàn Công, nếu đúng như thế thì ra Hoàn Công đã được làm Thế tử rồi. Thế thì Đỗ Dự sao còn bảo được là Ẩn Công

nên nối ngôi để hoàn thành chí của bố muốn lập Hoàn. Rõ ràng là Hồ Dự thích Truyện sai, mà Truyện cũng thích Kinh sai. Lại nói rằng Công Dương cho là mẹ Ẩn Công. Thế là Công Dương cho thiếp làm Phu nhân, thiếp đâu có được làm Phu nhân. Trong thời đó, lễ pháp còn được duy trì ít nhiều, Như Trọng Tử của Huệ Công. Mà Ẩn Công lại được tiếng là hiền, đâu có làm việc trái lễ để theo ý muốn riêng là quý mẹ. Trình Tử có nói: Đó là Phu nhân, vợ Ẩn Công, tiếng Thường để Tôn quý. Trong nước (nước chư hầu) đều gọi như thế, cũng như chữ Tiểu quân. Vợ thì phải theo chồng. Chồng còn sống thì không chép lễ táng. Thế là rõ nghĩa vợ chồng.

Xét - Tư Thị chết. Ba truyện bàn khác nhau. Tả Thị cho là mẹ Hoàn Công, thì không phải rồi Công Dương cho là mẹ Ẩn Công, bọn tiên nho bảo là thiếp, không được gọi là phu nhân, đầu thời Xuân Thu lễ phép còn giữ được, không thể so việc Tử Thị với về sau, việc Thành Phong, Kính Doanh. Chỉ có Cốc Lương cho là vợ Ẩn Công nghe xuôi nghĩa, cho nên Trình Tử và Hồ Truyện đều theo.

鄭人伐衛

TRỊNH NHÂN PHẠT VỆ

NGƯỜI TRỊNH PHẠT NƯỚC VỆ

Đây là khởi đầu các chuyện chư hầu chuyên chinh phạt.

Ta - Người Trịnh phạt Vệ là đánh dẹp loạn Công Tôn Hoạt.

Chu Tử - Chép phạt một nước, là ghét chư hầu tiếm quyền hưng binh.

Triệu Bằng Phi - Tả Thị bảo rằng dẹp loạn Công Tôn Hoạt. Ở Trịnh có việc anh em hiềm khích nhau. Vệ nhân giúp người cháu vua Trịnh, trốn ở Vệ, đem quân đến Trịnh, là gây thêm loạn cho Trịnh, nước láng giềng. Thế mà thánh nhân chép Trịnh phạt Vệ, có ý trách Trịnh, là tại sao. Là vì Trịnh Trang giết em, bỏ cháu phải lang thang ở nước Vệ, rồi lại đem binh đánh Vệ. Thánh nhân không chép vua, tướng, không chép quân đội mà chép là người Trịnh, thế là chê trách rõ ràng lắm.

Năm Tân Dậu, Bình Vương năm thứ 51.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tề Hi năm thứ 11. Tấn Ngạc năm thứ 4. Vệ Hoàn năm thứ 15. Sái Tuyên năm thứ 30. Trịnh Trang năm thứ 24. Tào Hoàn năm thứ 37. Trần Hoàn năm thứ 25, Ky Vũ năm thứ 31. Tống Mục năm thứ 9. Tần Văn năm thứ 46. Sở Vũ năm 21.

春王二月

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI

Trình Tử - Tháng là tháng của vua. Việc thì việc trong tháng hai. Cho nên chép, vương nhị nguyệt. Nếu việc trong tháng ba thì chép, vương tam nguyệt, không có việc, thì chỉ chép mùa, và tháng đầu mùa. Nếu có việc thì nói đến việc, không có việc thì lấy mùa của trời. Đính chính được lịch nhà vua, mùa của trời, tức là đầy đủ công việc của một năm. Vương đạo mà còn, thì nhân lý mới vững. Đó là đại nghĩa của Kinh Xuân Thu.

己巳日有食之

KỶ TỴ, NHẬT HỮU THỰC CHI

NGÀY KỶ TỴ CÓ NHẬT THỰC

Công - Chép đây là chép việc lạ, tức là nhật thực. Tại sao khi thì chép là ngày, khi thì không chép ngày, khi thì ghi cả ngày sóc, mùng một, khi thì không ghi ngày sóc? Đáp: Tháng mỗ, ngày mỗ, ngày sóc có nhật thực. Thế là nhật thực tại chính sóc. Nên hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, thế nghĩa là hoặc nhật thực trước sóc, hoặc nhật thực sau sóc.

Cốc - Chép ngày mà không chép sóc, là nhật thực về đêm 30. Tại sao biết? Là vì nhật thực ở ngoài cõi đã hết, ở trong cõi hay còn. Tôi, không trông thấy cõi, không trông thấy nhật thực. Nếu trông thấy, thì đã nói hoặc ở trong, hoặc ở ngoài. Nói nhật thực, tức là thấy ở trong. Nếu không nói, là vì biết cái sự không trông thấy, thế là hết.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo hoặc chép ngày, hoặc không chép ngày, hoặc trước, hoặc sau, bảo thế là sai. Tháng cùng ngày, có khi tường, có khi lược, đều là theo lối văn cua môn sử, thánh nhân không thể đổi lối văn được, chứ không phải là không muốn, vì không căn cứ vào sử liệu nào được. Cốc Lương đem lệ sóc hối ra nói, dù văn khác văn Công Dương, nhưng cũng cùng sai lầm như Công Dương.

Hồ Ninh - Kinh Xuân Thu không chép điềm lành, chỉ chép việc tai và dị. Vì rằng người quân tử thấy việc mất độ thường, thì sợ hãi không dám bỏ qua, huống nhất là lúc đầu khí dương. Cho nên, Kinh chép không dám tước. Tuy nhiên, tai và dị không giống nhau. Nhật thực là vốn có mà theo mất độ thường, thế mà Trình Tử cho là tai, tiên nho cho là dị. Trong Kinh Xuân Thu có ghi 36 lần nhật thực. Xét kỹ lịch thế là đủ, đủ tức là thường. Thường mà cho là dị thì sai.

Xét - Công Dương cho nhật thực là dị, Trình Tử cho là tai. Đúng đấy. Tiên nho lại nói rằng đức mà sáng suốt thì đáng có nhật thực cũng không có, tiên nho nói thế là sai, là dốt về việc lịch.

三月庚戌天王崩

TAM NGUYỆT CANH TUẤT, THIÊN VƯƠNG BĂNG

THÁNG 3, NGÀY CANH TUẤT, THIÊN TỬ BĂNG (CHẾT).

Ta - Tháng 3 ngày Nhâm **Tuất**, Thiên Tử mất. Cáo phó thì viết mất ngày canh tuất, cho nên chép là canh tuất.

Công - Không chép lễ táng. Thiên Tử chép mất, chứ không chép táng, vì táng còn định thời. Chư hầu chép mất và chép táng vì còn Thiên Tử không được định thời. Tại sao mất gọi là băng hay hoăng? Thiên Tử mất gọi là băng. Chư hầu mất

thì gọi là hoăng. Đại phu mất gọi là tốt. Người thường mất thì gọi là bất lộc.

Cốc - Bằng là cho rõ phúc dày, vị cao, tôn quý, ở trên muôn dân, không chép tên là quý bực cao, bực trên.

Lưu Tưởng - Tả Thị bao rằng ngày mất chép trong sử xa ngày mất thực, chép sai thế cho rõ lỗi thần tử. Bảo thế là không phải. Cáo phó là Canh tuất thì sử cứ chép là Canh tuất. Thánh nhân dù có muốn đính chính cũng không được. Đâu có phải là ghi chép đầy đủ.

夏四月辛卯尹氏卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, TÂN MÃO, DOÃN THỊ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN MÃO, DOÃN THỊ MẤT CHỮ DOÃN TRONG TẢ TRUYỆN VIẾT LÀ QUÂN

Tả - Mùa hạ, Quân thị, tức là Thanh Tử mất. Không có cáo phó cho chư hầu, không có lễ khóc, không phụ vào tổ miếu, cho nên không viết là hoăng; không xưng là phu nhân, cho nên không co lễ táng. Không chép họ, vì còn có Công, cho nên gọi là Quân thị.

Phụ lục Tả Truyện - Các vua nước Trịnh là Trang Công, cha là Vũ Công nối nhau làm Khanh sĩ ở triều vua Bình Vương nhà Chu. Bình Vương mất chia quyền cho Quắc Công. Trang Công giận. Bình Vương chối là không có sự chia quyền. Vì thế Chu với Trịnh gửi con tin cho nhau. Vương Tử Hồ sang làm con tin bên Trịnh. Công Tử Hốt sang làm con tin bên Chu. Bình Vương chết. Triều đình Chu muốn trao quyền chính cho Quắc Công. Tháng tư Trịnh Sái Túc đem quân tới cướp lúa mùa ở đất Ôn. Sang thu tới cướp lúa mùa ở đất Thành Chu. Thế là Chu, Trịnh bất hòa.

Người quân tử bàn: Tín mà không có trung thì dẫu đặt con tin cũng vô ích. Thông cảm nhau mà hành động giao tiếp nhau có lễ nghi, dù không gửi con tin, thì đã dễ ai ly gián được. Nếu tâm đã sáng suốt, nói lại tin được trời, thì cứ lấy rau, cỏ, mọc bên khe suối, hồ ao, lấy sọt tre, vò đất, lấy nước sông, hồ, cũng có thể cúng tế thần linh được, cũng có thể tiến vào nơi cung điện được. Huống hồ hàng quân tử hai nước kết giao, lấy tín

làm gốc, lấy lễ mà đối xử, thì việc gì phải dùng con tin. Quốc Phong Kinh Thi có thiên Thái Phồn, Thái Tần; Đại Nhã có Thiên Hành, Vĩ, Hồi, Chước, đều là để sáng tỏ trung và tín.

Ôn là huyện Ôn, đất Hà Nội, thời Chu là Lạc Dương.

Công - Doãn Thị là quan đại phu triều nhà Chu, chép là Doãn Thị là ý chê, chê vì là vị Khanh sĩ nối nghiệp Ông cha. Nối nghiệp làm chức quan là trái lễ. Đại phu nước ngoài không chép việc chết. Đây chép vì Thiên Tử mới mất, đại phu làm chủ công việc chư hầu.

Cốc - Doãn thị là đại phu triều nhà Chu. Đại phu nước ngoài không chép chết. Đây chép vì Thiên Tử mới mất, đại phu chủ công việc chư hầu.

Xét - Âu Dương Tu nói: Công Dương, Cốc Lương cho Doãn Thị là chính khanh. Tả Thị cho là Quân Thị mẹ Lỗ Ẩn Công. Một đằng cho là đàn ông, một đằng cho là đàn bà. Cùng truyền lại như thế, thì biết tin ai.

Mã Doãn Lâm nói, Tả Truyện chép Quân Thị mất cho là Thanh Tử phu nhân, Công thị, chép là Doãn Thị, cho là Sư Doãn, Khanh sĩ triều Chu. Còn Phu Tử thì chép, mùa hạ tháng tư, ngày Tân Mão, thế thì ai mất. Vậy còn nghi, chưa dám định đoạt, cứ đều chép cả ra đây.

秋武氏子來求賻

THU, VŨ THỊ TỬ LAI CẦU PHỤ

MÙA THU, CON HỌ VŨ TỚI, XIN ĐỒ LỄ
ĐÂY LÀ BẮT ĐẦU CÓ VIỆC TỚI XIN

Ta - Con họ Vũ tới xin lễ phụ (lễ người chết chưa chôn) Thiên Tử chưa làm lễ táng.

Công - Con họ Vũ là đại phu của Thiên Tử. Gọi là con họ Vũ là chê, bố Vũ chết, con chưa được mệnh, sao lại không gọi là sứ Dương tang, chưa có vua, Vũ Thị tự tới cầu đồ lễ, sao lại chép. Chép để chê, vì trong khi có tang thì không có việc cầu ai. Đây là đi cầu đồ lễ tang, thế là phi lễ và cũng là thông với hàng dưới.

Cốc - Vũ Thị Tứ là đại phu triều Chu, sao lại chép là Vũ Thị Tư. Vì bố Vũ chết chưa táng, mà con thì chưa có tước phẩm, chưa lấy tước phẩm sao làm sứ được, không phải là chính. Và không gọi là sứ vì chưa có vua. Đưa đồ lễ người chết gọi là phúng. Đưa đồ lễ người chưa chôn, gọi là phụ. Đưa lễ tới người là chính. Xin lễ là bất chính. Chu dù không xin, Lỗ cũng phải đưa tới. Lỗ dù không đưa tới. Chu cũng không nên xin. Đã xin thì chưa đảm chắc được hay không. Vậy nên chê.

Gia Huyền Ông - Vũ Thị Tứ, con Vũ Thục, phụng mệnh mà đi, chắc ở trong triều có chức vị. Nay lại chép là con họ Vũ. Công Thị, Cốc Thị khi chép việc Nhưng Thúc thì bảo là cha (Nhưng Thúc) già, con làm việc quan thay. Khi chép việc Vũ Thúc thì bảo là cha (Vũ Thúc) chết, con chưa có quan tước. Thế nghĩa là, Công và Cốc cho Nhưng Thúc là người còn sống, mà Vũ Thúc là đại phu đã chết. Trong triều nhà Chu, có Công Khanh, Đại phu xưa nay đều là nối đời làm quan, đâu có phải chỉ có hai nhà ấy mà lại chép như lệ riêng. Nếu chép là con Mỗ Thị, tức là Mỗ Thị vẫn còn sống.

八月庚辰宋公和卒

BÁT NGUYỆT CANH THÌN, TỐNG CÔNG HÒA TỐT

THÁNG 8, NGÀY CANH THÌN, TỐNG CÔNG TÊN LÀ HÒA MẤT

Tả - Tống Mục Công ốm, gọi Đại Tư Mã, Khổng Phủ vào, di chúc giao Thương Công cho: Tiên quân bỏ Dữ Di mà lập ta. Ta đâu dám quên. Nay nhờ uy linh tiên vương được chết như thường, nếu tiên quân hỏi Dữ Di thì ta đáp làm sao. Vậy xin nhà ngươi phụng Dữ Di làm vua, chủ việc nước. Ta có chết cũng không hối. Đại Tư Mã tâu: Quần thần đều xin lập Công tử Phùng. Công nói, không được. Tiên quân cho quả nhân là hiền, cho làm chủ quốc gia. Nếu nay lại không nghĩ đến đức, không nhường, thế là trái với lòng của tiên quân đâu còn gọi được là hiền để sáng tỏ đức của tiên quân. Các người đừng nên quên công tiên quân, và nên cho Phùng ra ở nước Trịnh.

Đến tháng 8 ngày Canh Thìn. Tống Mục Công mất. Thương Công nối ngôi. Người quân tử bàn. Tống Tuyên Công là hạng biết người. Lập Mục Công cho nên con là Dữ Di sẽ được nhờ, thật là việc nghĩa cử. Thiên Thương, Tụng Kinh Thi có câu: Ân thụ mệnh hàm nghi, bách lộc thị hà (nhà Ân chịu mệnh, mọi điều đều nên, trăm lộc đều nhờ). Câu đó thật đúng.

Cốc - Vua chư hầu chết, chép ngày chết là chết chính.

Hồ Truyện - Vua nước chư hầu khác chết. Quốc Sử nhân lời cáo phó mà chép. Thánh nhân cũng để nguyên không bỏ vì rằng Kinh Xuân Thu là việc của Thiên Tử. Ngày xưa lối bang giao, chư hầu đời đời đi lại hỏi thăm nhau về việc vua, tình hòa hảo, việc vua mất, vua lên ngôi, đều có mừng, phúng, cốt cho lân bang được hòa thuận. Vậy khi vua chư hầu chết, đều chép không bỏ, thế càng rõ các việc bang giao. Chết, hoặc chép tên vua, hoặc không chép tên, là cứ nhân sử cũ không thay đổi.

Triệu Khuông - Chư hầu mà đồng minh đều có tên trong hiệp thư (hiệp ước). Chư hầu mà hội họp thì có tên trong khoản ước. Chư hầu mà sính cáo đều có tên trong thẻ tre. Cho nên, khi cáo phó tới, mới biết mà ghi chép. Tả Thị bảo rằng, đồng minh chư hầu thì cáo phó có tên. Đâu có cái lý làm thần tử những ngày có việc tối quan trọng, mà nỡ dám gọi tên vua mình. Theo lễ thì chỉ viết là quả quân bất lộc thôi. Đã là nước đồng minh thì phải biết tên, cho nên lúc chết, biên tên để nhớ sự vua đổi ngôi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo rằng vua chư hầu chết, chép ngày chết, là có ý được chết chính, bảo thế là sai. Chính thì chép ngày, bất chính thì không chép ngày, thì nghĩa còn có thể tin, không nghi. Nay thấy chính đã chép ngày, bất chính cũng không chép ngày. Tào Bá sai Thế Tử Xạ Cô lại chầu, Xạ Cô là con đích của Tào Bá, Trang Công năm thứ 23, Tào Xạ Cô mất, chép tháng, không chép ngày, là nghĩa thế nào.

Tôn Miệt Giác - Vua chư hầu lúc sống không chép tên, lúc chết chép tên, cũng có khi chết không chép tên, Khi chếp mà chép tên là vì khi lên ngôi có báo cáo cho ta, có nói tên, thì khi họ chết, ta cũng chép tên vào danh sách. Nếu khi lên ngôi mà không báo cáo cho ta, hoặc sứ giả bỏ mất, thì ta sao biết mà chép tên được. Xét Tả Thị mà chép việc công tử Vi nước

Sở sai cáo phó sang nước Trịnh. Sau khi tiếp đại phu Sở, Ngũ Cử có chép là trang các con Cung Vương Thì Vi là con lớn. Thế tức là nước có vua mất, khi cáo phó cho các chư hầu, đã nói rõ tên vua nối ngôi. Cho nên, các nước đi lại với nhau, đều có biên tên. Vậy thì không phải cứ đợi có đồng minh, hoặc triều hội, hoặc sinh lễ bao cáo, mà tên vua nối ngôi đã được thấy, được biết ơ những dịp chư hầu vãng lai. Vì thế, Kinh Xuân Thu ghi việc vua chư hầu chết, có đến 133 vị, mà không có tên chỉ 10 vị, hoặc giả khi lên ngôi, 10 vị ấy không báo cáo tên, hoặc sử gia quên, hay để mất chưa biết chừng. Cũng như các hội thề, 52 hội, mà có 9 hội không thấy tên. Nay chưa hiểu tại sao.

Xét - Tả Thị các nước đồng minh khi cáo phó nói tên, Triệu Khuông bác đi, cũng phải. Tôn Giác báo rằng khi chết hoặc chép tên, hoặc không chép tên Hồ Thị bằng cũng phải.

冬十有二月齊侯鄭伯盟于石門

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TỀ HẦU, TRỊNH BÁ MINH VU THẠCH MÔN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, TỀ HẦU, TRỊNH BÁ, THỀ Ở THẠCH MÔN

Đây là mơ đầu việc các chư hầu (ngoài nước Lỗ) hội thề. Tề là đất của Thái Công được phong. Trong sách Không sớ, nước Tề tước hầu. Trong thế phả, họ Khương, con cháu Thái Công Vọng, Thạch Môn ơ nước Tề.

Tả - Mùa đông, Tề và Trịnh thề ở Thạch Môn, nối cuộc thề ơ đất Lư. Ngày Canh Tuất, xe của Trịnh Bá đổ tại đất Tề. Lư đất nước Tề. Tề, thời Vũ Trị thủy, dẫn nước sông Duyên chảy sang phía Đông, thành ra sông Tề. Trong huyện Sái Thẩm. Sông Tề nguồn từ núi Vương Ốc, huyện Khúc quận Hà Đông, chảy tới đất Thanh Châu, huyện Bác Hưng rồi vào bể.

Trình Tử - Thiên hạ không có vương. Chư hầu không trọng tín nghĩa, nên thường phải hội thề, chính là ngày gây loạn thêm. Cho nên, các chư hầu có báo cáo các hội thề đều được chép.

Ngô Trừng - Thề không phai là việc đời Thịnh. Chính lệnh

của vương gia không thi hành được, chư hầu phóng dục, cứ lấy binh lực dọa nhau, cho nên phải hội thề luôn, để cố kết nhau. Không tin ở hội, phải vin lấy lời thề. Người không tin nhau, phải nhờ thần Xuân Thu chép hội là có ý chê.

Lưu Thực - Xuân Thu không tước bỏ việc thề của Tề, Trịnh, là để ghi một thời biến loạn. Trịnh Trang hiệp với Tề cho mạnh thế. Tề Hi thì giúp Trịnh để cố kết. Thế là Tề, Trịnh thành như một đang. Từ nay, thiên hạ mới sinh lắm việc, mà đạo vương gia không còn nữa.

癸未葬宋穆公

QUÝ MÙI, TÁNG TỐNG MỤC CÔNG

NGÀY QUÝ MÙI, LỄ TÁNG TỐNG MỤC CÔNG

Công Thị, Cốc Thị viết chữ mục ra chữ mậu .

Phụ lục Tả Truyện - Vệ Trang Công lấy vợ ở Tề là Trang Khương, em Đông Cung Đắc Thần. Sắc đẹp, đức hiền mà không con. Người Vệ có làm thơ Thạc Nhân ca tụng. Vua Vệ lại lấy người nước Trần là Lệ Quy. Sinh con là Hiếu Bá, chết sớm. Em Lệ Quy là Đái Quy sinh ra Hoàn Công. Trang Khương lấy làm con mình. Công Tử Châu Hu là con của một người bề thiếp được vua yêu, chỉ ham chơi gươm giáo. Vua không cấm. Trang Khương ghét. Đại phu là Thạch Thác can rằng: "Thần nghe, yêu con dạy lấy đường nghĩa, chớ có cho đi vào đường tà. Tà sinh ra kiêu, xa, dâm, dật. Bốn thứ ấy sinh ra, vì quá được nuông chiều, được lộc nhiều quá. Nếu muốn lập Chu Hu thì nên định ngôi ngay. Nếu chưa định thì đừng dướng lên, sau sẽ sinh họa. Xét ra, được yêu mà không kiêu; kiêu mà còn biết phục thiện; biết phục thiện mà không oán ghét; đã oán ghét mà còn biết hòa nhã, không rối loạn; hạng ấy có ít lắm. Vả lại, hèn ghét sang, nhỏ phạm lớn, người xa ly gián người gần, người mới ly gián người cũ, người dưới bước qua người trên, gian tà húy báng chính trực, đó là sáu điều trái, tức là lục nghịch. Vua có nghĩa, thần biết theo, cha hiền, con hiếu, anh em yêu kính, đó là sáu điều thuận. Bỏ thuận mà theo nghịch, họa sẽ chóng tới. Ở vào địa vị vua, thấy họa, cần trừ ngay, nay lại làm cho họa chóng tới, thật không nên.

Vua không nghe. Con Thác là Hậu, chơi với Châu Hu. Bố không cấm được. Hoàn Công lên ngôi, Thạch Thác cáo lão.

Trần là nước Trần, nay ở huyện Trần. Theo Khổng sớ, nước Trần tước Hầu. Theo thế phả, họ Quy dòng dõi vua Ngu Thuấn. Đương khi Chu thịnh có Ngu Át Phủ làm chức quan Đào Chính triều Chu. Vũ Vương đem con gái là Thái Cơ gả cho Át Phủ, tên là Mãn, phong tại đất Trần, cho họ Quy, hiệu là Hồ Công.

Công - Lễ táng, sao, khi thì chép ngày, khi thì không chép ngày. Không kịp thời mà chép ngày là khát táng (chôn gấp). Không kịp thời mà không chép ngày là mạn (chôn chậm). Quá thời mà chép ngày là giấu. Quá thời mà không chép ngày là không chôn được. Giữa thời mà không chép ngày là chính. Giữa thời mà chép ngày là nguy không táng được. Ở đây đương thời, vậy có gì là nguy, Tuyên Công bảo Mậu Công rằng: Ta yêu Dữ Di không như yêu ngươi. Làm chủ quốc gia thì Dữ Di không bằng ngươi. Vậy ngươi lên nối ngôi. Tuyên Công chết. Mậu Công nối ngôi. Mậu Công đuổi hai con là Trang Công Phùng và Tả Sư Bột, nói rằng: Chúng mày là con ta, sống không trông thấy nhau, chết không thương khóc nhau. Dữ Di nói: Tiên quân không để cho tôi nối ngôi, mà để cho nhà vua, thế là tiên quân cho nhà vua đáng làm chủ xã tắc. Nay nhà vua đuổi hai con đi, rồi sẽ đem nước cho tôi, thế đâu có phải là ý tiên quân. Vả lại, đuổi con đi cũng như là tiên quân đuổi bẩy tôi đi. Mậu Công nói: Tiên quân đâu có đuổi ngươi. Ta lên ngôi đây là quyền nhiếp. Sau cùng giao lại nước cho Dữ Di. Rồi Trang Công Phùng giết Dữ Di. Cho nên, người quân tử cứ yên giữ chính đạo (có ý không nên như Tuyên Công bỏ con đích là Dữ Di mà truyền ngôi cho em là Mục Công). Cái họa nước Tống là tự Tuyên Công gây ra.

Cốc - Chép ngày táng là phải. Nguy thì làm gì được táng.

Hồ Truyện - Truyện ghi là chư hầu chết, năm tháng sau mới táng, là để cho đồng minh tới. Đồng minh là các nước cùng một phương bá, sống thì cùng giao hiếu với nhau, chết thì có lễ tống táng nhau. Do đó, lân bang giữ được hòa khí. Chết mà hoặc táng, hoặc không táng, thế là thế nào. Có khi vì sơ xuất việc lễ nghi, mà không táng. Có khi vì vua hèn yếu. Có khi vì coi là hoán nghịch. Có khi vì kiêng một việc xấu. Có khi vì trị tội. Có khi vì tránh một chức hiệu. Như Tống Thương, Tề Chiêu

có loạn thí nghịch. Kinh không chép táng, coi như là giặc. Tấn làm chủ hội thề, thời Cảnh Công, cáo tang chỉ chép ngày mất, mà không chép ngày táng, đó là kiêng một điều xấu nhục. Lỗ và Tống vẫn thường có mặt trong các hội đồng, mà ba đời không chép táng. Đó là để trị kẻ có tội. Ngô và Sở chép việc vua chết đến 10 lần, lại có lần thân hành tiễn tống ở cửa tây môn, thế mà không chép táng, đó là tránh tước hiệu. Họ sơ xuất về lễ mà ta không tới dự, cho là vua hèn yếu mà ta không hội, lối sử nước Lỗ bỏ việc không chép, coi là giặc, kiêng tước hiệu, kiêng một việc xấu, trị một tội, đều không chép táng đó là do bút thánh nhân san sửa, Đó là phép Kinh Xuân Thu.

Hoàng Chấn - Xưa, Tuyên Công bỏ con là Dữ Di, mà truyền ngôi cho em là Mục Công. Mục Công cũng bỏ con là Phùng mà lập Dữ Di, Về sau, Phùng giết Dữ Di. Họ Tả khen Tuyên Công là biết người. Công Dương thì bảo là họa nước Tống gây ra tự Tuyên Công. Tôi xét thấy thuyết Công Dương có thể làm răn cho muôn đời, mà thuyết họ Tả cũng không bỏ hẳn được. Cứ như Tuyên Công truyền ngôi cho Mục Công, Mục Công lại truyền ngôi cho con Tuyên Công, thế là Mục Công không phải là trọng hiền, Tuyên Công không phải là không biết người hiền. Còn về sau, Phùng mà làm việc thí nghịch, là tội ở Phùng. Dù Kinh Xuân Thu có đòi hỏi nhiều ở người hiền, há lại bỏ hết cái hiền của người ta mà còn trách là gây họa. Vả lại, bảo rằng Tuyên và Mục, hai lần nhường ngôi thành hai lần loạn thì không đúng. Khi Tuyên truyền ngôi có sinh loạn đâu. Khi Mục truyền ngôi cho Thương Công, bấy giờ Phùng mới làm loạn.

Năm **Nhâm Tuất** Hoàn Vương năm đầu.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tề Hi năm thứ 12. Tấn Ngạc năm thứ 5. Vệ Hoàn năm thứ 16. Sái Tuyên năm thứ 31. Trịnh Trang năm thứ 25. Tào Hoàn năm thứ 38. Trần Hoàn năm thứ 26. Kỷ Vũ năm thứ 32. Tống Thương Công cùng Dữ Di năm đầu. Tần Văn năm thứ 47. Sở Vũ năm thứ 22.

春王二月莒人伐杞取牟婁

XUÂN, VƯƠNG NHỊ NGUYỆT CỬ NHÂN PHẠT KỶ THỦ MÂU LÂU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI. NGƯỜI CỬ PHẠT NƯỚC KỶ, CHIẾM ĐẤT MÂU LÂU

Đây là khởi thủy đánh người nước ngoài, chiếm cứ nước người Kỷ, trước đó ở Trần Lưu, nay là huyện Ung Khưu. Theo Không sớ, Kỷ là họ Tự, dòng dõi vua Vũ nhà Hạ. Vũ Vương diệt nhà Ân, tìm con cháu Hạ Vũ được Đông Lâu Công, phong cho ở Kỷ. Mâu Lâu là một ấp nước Kỷ.

Công - Mâu Lâu là ấp nước Kỷ. Nước ngoài đi chiếm đất không chép

Sao đây lại chép. Là vì ghét việc mở đầu chiếm đất.

Cốc - Chép phạt, chép, chiếm, là ghét việc đánh, chiếm. Chư hầu mà chiếm đoạt đất đai cho nhau. Mở đầu từ đây, cho nên ghi rõ.

Hồ Truyện - Chiếm là xâm đoạt. Đặc biệt chép để rõ cái tội, đánh người, chiếm đất người.

Phạm Ninh - Đã đánh, lại chiếm đất người ta, chép để cho rõ là đánh nhau chỉ vì ham lợi, vừa chép đánh, vừa chép chiếm cho rõ tội.

戊申衛州吁弒其君完

MẬU THÂN, VỆ CHÂU HU THÍ KỲ QUÂN HOÀN

NGÀY MẬU THÂN, VỆ CHÂU HU GIẾT (THÍ) VUA LÀ HOÀN

Cốc thị viết chữ Châu ra chữ **Chúc** 祝. Đây chép khởi thủy việc giết vua.

Tả - Vệ Châu Hu giết vua Hoàn Công để thay ngôi.

Công - Sao lại lấy tên nước vệ làm họ. Vì là vị chủ nước.

Cốc - Đại phu giết vua lấy nước làm họ, là ý còn ngại giết để thay ngôi.

Khổng Dĩnh Đạt - Châu Hu chính là Công tử, mà không chép là công tử. Lời văn trong truyện lại không khen chê, lời ghi chép lại không giống nhau. Thế là các sử có khi tường, có khi lược. Từ Trang Công trở về trước, mọi việc giết vua đều không chép họ kẻ giết. Từ Mẫn Công về sau đều chép họ. Đủ biết các sử đương thời có chỗ dị đồng, không phải đều được Khổng Ni sửa lại.

Lưu Sưởng - Công Dương cho rằng không gọi là công tử, là vì giữ địa vị chủ nước. Thế là bàn sai. Mọi việc giết vua mà gọi là Công tử, Công tử mà là đại phu. Công tử mà gọi là Công tử, Công tử mà chưa làm đại phu, chủ nước hay không chủ nước, các điều đó không đủ để luận bàn. Cốc Lương bảo rằng đại phu giết vua mà lấy nước làm họ vì còn ngại ý giết mà thay. Cốc Lương bảo thế là sai. Tống Đốc Tống Vạn, có thể bảo là giết để thay ngôi vua không. Công tử, Thương Nhân, giết để thay ngôi vua, thế mà Đốc Vạn, lấy nước làm họ. Thương Nhân thì không, thế là thế nào.

Trình Tử - Tự cổ các việc cướp ngôi, giết vua thường tự người trong họ vua, đều là con cháu nhà vua, có thể cũng làm vua, thì dân trong nước cứ theo, cứ cho là thế, tất như thế. Cho nên Kinh Xuân Thu phải sáng tỏ đại nghĩa, làm gương soi cho muôn đời. Cho nên đầu Kinh, việc giết vua, phần nhiều không chỉ rõ Công tử, Công tôn, chính là vì mình làm điều ác lớn, tức là đã dứt dứt dòng giống, đâu còn gọi là con cháu họ nữa. Tục xưa, người trong họ vua mà bị tư hình, thì không ai để trở, huống hồ kẻ giết vua. Đại nghĩa đã rõ rệt ở đầu Kinh, thì về sau giết vua hay thay ngôi cũng đều coi như một loại hoặc người thân, có địa vị quá trọng, hay quá kém đi đến chỗ làm loạn. Hoặc người trong họ mà trở thành khấu thù, mỗi việc chép mỗi ý nghĩa khác, không giống nhau. Trong Xuân Thu, việc giống nhau, thì lời văn giống nhau, người đời sau lấy làm lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau, mà lời văn lại khác nhau, chắc có ý nghĩ gì. Vậy đừng nên câu nệ vào một lệ.

Xét - Châu Hu không gọi là Công tử là tước đi. Giặc giết vua, cứ đúng lệ, phải cùng chép giống nhau. Mà đây riêng Vệ Châu Hu, Tống Đốc, Vạn, Tề Vô Tri, bị tước. Còn về sau hoặc chép cả họ, hoặc chép Công tử, Thế tử, là vì sao? Vì không tước đi thì không rõ được tội thí nghịch. Nếu không chép họ, không

chép Thế tử, Công tử thì sao rõ được là kẻ thoán nghịch, chứ không phải kẻ đạo tặc thường. Trình Tư bảo là đại nghĩa đã rõ ở đầu Kinh Xuân Thu, các trang sau đều cứ theo một loại còn như ý nghĩa thì mỗi việc mỗi khác. Hồ Truyện thì cho là Trang Công không lấy đạo Công tư đối với Châu Hu, kết lỗi Trang Công. Gia Huyễn Ông bác thuyết đó. Cốc Lương bao rằng Vạn là hạng hèn nho, nhưng Vạn là đại phu thì thuyết của Cốc Lương cũng không thông. Khổng Dĩnh Đạt cho là sử có chỗ tường, có chỗ lược, nghe ra cũng có lý. Vậy đều chép cả các lời bàn tán.

夏公及宋公遇于清

HẠ, CÔNG CẬP TỐNG CÔNG NGỘ VU THANH

MÙA HẠ, CÔNG CÙNG (CẬP) TỐNG CÔNG GẶP NHAU Ở THANH

Đây là mở đầu việc gặp nhau. Thanh, ấp nước Vệ, ở huyện Đông A. Đất Tế Bắc nay còn là di tích Thanh Đình.

Tả - Công và Tống Công hội, nối lại việc thề ở đất Túc. Chưa tới kỳ hội thì người Vệ báo cáo có loạn. Mùa hạ, Công cùng gặp Tống Công ở ấp Thanh.

Công - Gặp nhau mà ý không có kỳ hẹn trước. Một vua đi ra, một vua đón gặp.

Cốc - Cùng (cập) là sử chép thế. Cập là cứ chép việc tương đắc.

Hồ Truyện - Gặp là không có định kỳ trước. Ngày xưa, lễ gặp nhau gọi là bất kỳ mà gặp để rõ dù sao vẫn có lễ, có cung kính. Kinh Xuân Thu chép là gặp là chỉ ước hẹn riêng coi như không định mà gặp, là muốn cho lễ được giản, dễ dàng, nhác biếng. Thế thì không phải nghi lễ vua một nước. Vậy ai là chủ, cho nên sử chép trong nước có bốn cuộc gặp nhau, đều gọi là cùng là với (cập). Ý như nói đằng này cùng đằng kia. Còn chép về các nước khác, thì cuộc gặp đó có ba, cả ba đều xưng tước, ý như nói là người trên gặp người dưới. Ý muốn không cho ai là chủ cuộc gặp. Vậy có khác với việc bất kỳ nhi hội của cô nhân. Cho nên, phàm chép là gặp là có ý chê không có lễ các vị nhân quân tương kiến.

宋公陳侯蔡人衛人伐鄭

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT TRỊNH

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ PHẠT NƯỚC TRỊNH

Đây là mở đầu chư hầu gặp nhau đi đánh một nước và mở đầu chư hầu phương đông liên kết thành đảng. Sái, huyện Thượng Sái, đất Nhữ Nam, theo Khổng Sớ, nước Sái tước hầu họ Cơ, con vua Văn Vương là Thúc Độ, được Vũ Vương phong cho ở đất Sái.

Ta - Tống Thương Công lên ngôi. Công tử Phùng chạy trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh thu nạp, vừa khi Vệ Châu Hu lên ngôi, nhân vua trước nước Vệ, có thù oán với Trịnh. Lại nhân muốn được lòng các chư hầu, và lòng dân, mới sai sứ nói với Tống rằng Tống nếu đánh Trịnh để trừ một mối hại thì xin nhường Tống làm chủ, Vệ cũng xin Trần, Sái, đem quân giúp theo. Đó là ý nguyện của Vệ. Tống nghe lời. Thế là Trần, Sái, hòa với Vệ. Rồi các nước Tống, Trần, Sái, Vệ đi đánh Trịnh, vây Đông Môn. Năm ngày sau, kéo quân về, Công hỏi Chúng Trọng liệu Châu Hu có thành việc không? Đáp: Thần nghe, dùng đức để cho dân hòa, chứ không nghe dùng loạn. Y như việc dệt tơ mà lại đem làm rối thêm. Nay Châu Hu dựa vào binh mà ưa chuộng tàn nhẫn. Dựa vào binh thì không được dân. Ưa tàn nhẫn thì không được người thân. Người dân đã chia, người thân lại bỏ, thì khó mà thành việc được. Xét, binh phải coi như lửa. Chẳng dập lửa đi thì cháy đến mình. Xét Châu Hu đã giết vua lại tàn ngược, không coi đức ra gì, cứ muốn lấy loạn để thành công, thế tất không khỏi chết.

Trình Tử - Tống lấy việc Công tử Phùng ở Trịnh, mới cùng chư hầu đánh Trịnh, đem chư hầu đi đánh chư hầu, vốn là tội rồi. Còn Vệ mà giết vua, thiên hạ đều nên giết đi, huống lại cùng Vệ hợp đánh người ta, thì còn tội nào bằng.

秋翬帥師

THU, HUY SUẤT SƯ

MÙA THU, HUY XUẤT SƯ

Đây là mở đầu việc đại phu hội với chư hầu đi chiến phạt.

Tả - Mùa thu, chư hầu lại phạt Trịnh. Tống Công sai sứ tới nước ta xin quân. Công từ chối. Nhưng Huy xin đem quân đi họp. Công không cho. Huy cố xin, rồi đem quân đi. Cho nên chép: Huy xuất sư là chê ghét.

Công - Huy là Công tử Huy, Không chép là Công tử là có ý chê, biếm, vì có dự mưu giết Công. Nguyên là Công tử Huy xiểm nịnh, bảo Ẩn Công rằng: Dân quý nhà vua lắm, chư hầu cũng quý. Sao không cứ làm vua (Ẩn Công vốn định nhường ngôi). Ẩn Công nói: Không nên, ta đã sai sửa cung thất ở đất Đồ Cừu để về dưỡng lão. Công tử Huy nghe nói thế mới sợ Hoàn biết chuyện, mới bảo Hoàn rằng: Tôi có nói Công tử với Công. Công bảo ta không ra ngôi đâu. Hoàn nói thế thì làm thế nào. Huy mới bảo xin liệu trước giết Ẩn Công đi. Thế là nhân có việc tế lễ ở Chung Vu, giết Ẩn Công.

Cốc - Huy là Công tử, không chép là Công tử là biếm vì dự mưu giết Ẩn Công.

Đỗ Dự - Công tử Huy là đại phu nước Lỗ, không gọi là Công tử vì ghét cái cách cố nài xin, ép vua làm việc bất nghĩa. Mọi đại phu nước ngoài mà bị biếm thì gọi là người (người Tống, người Tề). Đại phu ở trong nước mà bị biếm thì bỏ họ gọi tên, đó là một thể chép việc. Khánh, tá nước Lỗ vì không thể gọi được là Lỗ nhân, chính đó là một lối phân biệt.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo rằng Huy không được chép họ, vì có dự mưu giết vua, vậy bị biếm, bảo thế là nhầm. Đương lúc ấy, Huy chưa giết vua, thì có biếm về việc ấy được không. Cốc Lương bảo rằng, không chép là Công tử là biếm, bảo thế cũng không phải, muốn biếm Huy thì lúc ấy lại càng nên gọi là Công tử rồi đến lúc giết vua mới tước chức công tử đi. Chứ đừng biếm trước khi có việc đáng biếm. Sưởng lại nói, sao cùng một việc phạt (đi đánh), lúc thì viết hội (họp), lúc thì viết cùng (cập). Vì hội nghị là tụ tập. Cập nghĩa là nối theo.

會宋公陳侯蔡人衛人伐鄭

HỘI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT TRỊNH

HỘI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ PHẠT NƯỚC TRỊNH.

Tả - Quân chư hầu đánh bại quân bộ binh Trịnh, gặt hết lúa đem về.

Trình Tử - Hai lần chép bốn nước. Hai lần nói đến tội. Tả Thị cho là hai lần chinh phạt. Tả Thị nói sai.

九月衛人殺州吁于濮

CỬU NGUYỆT, VỆ NHÂN SÁT CHÂU HU VU BỘC

THÁNG CHÍN, NGƯỜI VỆ GIẾT CHÂU HU Ở ĐẤT BỘC

Tả - Châu Hu chưa làm cho dân ưa được, yên được. Thạch Hậu hỏi cha về mưu kế. Cha bảo cần tới chầu Thiên Tử. Hỏi làm thế nào. Đáp: Nay Trần Hoàn Công được vua tin, Trần và Vệ vốn hòa hợp. Nếu tới nhờ Trần xin Thiên Tử cho, chắc là xong. Hậu mới theo Châu Hu sang Trần. Thạch Thác sai bảo riêng với Trần rằng: "Nước Vệ tôi bé nhỏ. Tôi già nua không làm gì được. Hai người đó đã giết vua nước tôi, xin trừ hộ cho. Người Trần mới bắt hai tên rồi báo sang nước Vệ. Tháng chín, người Vệ sai Hữu Tể Xú, tới giết Châu Hu tại đất Bộc. Thạch Thác sai gia tể là Nhu Dương Kiên tới Trần giết Thạch Hậu. Người quân tử bàn: Thạch Thác là trung thần ghét Châu Hu và ghét Hậu giúp. Vì đại nghĩa phải giết con.

Công - Gọi là người (người Vệ) là to ý đi giết giặc.

Cốc - Gọi là người Vệ giết, là ý giết kẻ có tội. Chép rõ Chúc Hu (Châu Hu) là rõ ý Chúc Hu vì ghen mà làm loạn, chép tháng cho quan trọng, lại rõ là ở đất Bộc, là ý nói giết giặc.

冬十有二月衛人立晉

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, VỆ NHÂN LẬP TẤN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGƯỜI VỆ LẬP NGƯỜI TẤN

Tả - Người Vệ đón Công tử Tấn ở đất Hình. Mùa đông, tháng 12, Tuyên Công lên ngôi. Sử chép người Vệ lập Tấn. Người là dân. Hình là tên nước.

Công - Tấn là Công tử Tấn. Lập là ý không nên lập. Người là mọi người, chúng nhân. Vậy thì ai lập? Chính là Thạch Thác. Sao lại chép người Vệ lập? Là nhiều người, mọi người lập. Vậy ý là người được lập không đáng lập.

Cốc - Người Vệ là mọi người, chữ lập là có ý không nên lập. Nói tên Tấn là ý chê. Nếu được mọi người tôn lên thì là hiền, sao lại không nên lập. Vì thế theo nghĩa Xuân Thu, thì hầu cần chính vị chứ không cử hiền.

Phạm Ninh - Nối ngôi đã có lệ thường cho nên không dùng chữ lập, chữ nạp, chữ nhập. Còn phải dùng những chữ ấy tức là không đáng vị.

Năm Quý Hợi Hoàn Vương năm thứ hai.

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ NĂM

Tề Hi năm thứ 13. Tấn Ngạc năm thứ 6. Vệ Tuyên Tấn năm đầu. Sái Tuyên năm thứ 32. Trịnh Trang năm thứ 26. Tào Hoàn năm thứ 39. Trần Hoàn năm thứ 27. Kỷ Vũ năm thứ 33. Tống Thương năm thứ 2. Tần Văn năm thứ 48. Sở Vũ năm thứ 23.

春公觀魚于棠

XUÂN, CÔNG QUAN NGƯ VU ĐƯỜNG

MÙA XUÂN, CÔNG XEM BẮT CÁ TẠI ĐẤT ĐƯỜNG

Chữ quan, Tả Thị viết là thỉ: bắn. Đường, nay là huyện Phương Dữ đất Cao Bình, phía bắc có đình Vũ Đường, nơi vua Lỗ xem bắt cá.

Tả - Công sắp ra đất Đường xem đánh cá, Quan là Tang Hy Bá can: Phàm sự vật không thể dùng vào việc lớn, tài liệu không đáng để cung cấp vào việc tế tự, thì vua không mất công xét đến. Vua cần cho dân quen thế nào là quỹ, thế nào là vật. Giảng tập cho dân các việc có mực thước có luật lệ, thế là quỹ. Dùng các đồ mà có thể phát huy tầm quan trọng trong sự dùng việc, thế là vật. Đã không phải quỹ, đã không phải vật, mà cho là cần thiết, thế là loạn chính. Loạn chính luôn luôn nghĩ đến bại vong. Cho nên, săn bắn trong bốn mùa, mỗi mùa có một tên, một thể cách, đều là nhân những ngày nông dân không bận việc đồng áng, để tập cho dân các việc lớn, dân phải cần biết. Trong ba năm tập tành như thế xong rồi mới chấn chỉnh quân đội, rồi mới cáo nhà Thái miếu và kê lại tình hình khi săn bắn. Đi săn là để tập cho dân biết việc nặng nhẹ, ngôi cao thấp, các hàng ngũ sau trước, các hạng người lớn nhỏ, và thế nào là tề chỉnh uy nghi. Những thứ chim muông không đáng cúng tế, những thứ xương da, lông sừng, không đáng được đặt lên bàn thờ nhà tôn miếu, thì vua không bắn.

Đó là phép tắc từ xưa để lại. Cũng như các sản vật ở rừng núi, sông, ngòi, cần dùng cho thường dân, cũng như các công việc nha lại, ty thuộc, vua không nghĩ đến, không đích thân coi đến.

Vua nói, ta đi tuần thú đấy thôi. Nói rồi đi. Đến nơi, bắt đem hết lưới ra đánh cá, rồi xem đánh cá. Hy Bá cáo ốm không đi theo.

Sử chép: Vua xem bắn cá ở đất đường. Lại chua thêm: Đất Đường ở xa Kinh thành, hành vi không đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Khúc Ốc Trang Bá đem người Trịnh, người Hình đánh đất Dực (tại phía Đông, huyện Phong Ấp, đất Bình Dương). Thiên Tử sai Doãn Thị và Vũ Thị giúp Dực Hầu

chạy sang Tùy. Khúc Ốc ở huyện Văn Hy đất H ... ong. Dực tại phía Đông, huyện Phong Ấp, đất Bình Dương. Tuy là nước Tấn.

Công - Sao lại chép, là chê. Vì đất Đường ở xa. Công sao lại đi coi bắt cá. Muốn tới ngay cho quan trọng. Đường là một ấp trên sông Tế.

Cốc - Truyện có nói, việc thường thì gọi là coi, việc phi thường thì gọi là quan. Theo lễ, ở vị tôn quý, không nên gần các việc nhỏ lặt vặt. Việc hèn thấp đừng nên dùng đến công to. Bắt cá, mà Công quan sát, không phải là chính lễ.

夏四月葬衛桓公

HẠ TỨ NGUYỆT, TÁNG VỆ HOÀN CÔNG

MÙA HẠ THÁNG 4, LỄ TÁNG VỆ HOÀN CÔNG

Tả - Nước Vệ loạn, vì thế lễ chậm.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tư, người Trịnh đánh đất Mục nước Vệ để báo lại trận Đông Môn xưa. Người Vệ mượn thêm quân nước Yên để đánh Trịnh. Trịnh Sái Túc, Nguyên Phồn, Tiết Giá, đem ba đạo quân dàn ra trước, sai Man Bá cùng Tử Nguyên phục quân mặt sau. Người Yên sợ quân Trịnh mà không để ý đến quân đất Chế (đất nước Trịnh). Tháng sáu, hai Công tử Trịnh lấy người đất Chế đánh tan quân Yên ở Chế Bắc. Người quân tử bàn: Không lo liệu, không phòng bị, không thể cầm quân được.

Khúc Ốc làm phản Thiên Tử. Mùa Thu, Thiên Tử sai Quắc Công đánh Khúc Ốc và lập Ai Hầu nước Dực. Mục là ấp nước Vệ. Yên là nước Nam Yên, quân đông. Theo Khổng Sớ có hai nước Yên. Đây ghi là Nam Yên để khỏi lẫn với Bắc Yên. Theo sách địa lý, nước Nam Yên họ Kết. Dòng dõi vua Hoàng Đế. Chế là Bắc Chế, ấp nước Trịnh.

Cốc - Ghi tháng là có cớ.

Uông Khắc Khoan - Theo lễ của Tiên Vương, chư hầu mới lên ngôi, chôn cất xong, mặc mũ áo hàng quan, chầu Thiên Tử, để được tước mệnh. Khi chư hầu chết thì hàng thần tử tâu với Thiên Tử xin thụy hiệu. Nay Vệ Hoàn Công, thụy không đương với hành động, hiệu không cùng với tước. Xuân Thu cứ thực sự

mà chép thì tội lỗi thấy rõ ngay. Cốc Lương có nói nguyệt táng là có cớ, nói thế là sai. Về sau, Sái Tuyên, Tào Hoàn, Trịnh Trang, đều không bị thí, sao cũng có nguyệt táng.

Xét - Xuân Thu chép táng chư hầu có 51 việc, mà chép nguyệt táng có 32, há đều có cớ cả hay sao. Uông Bác đi là phải. Về sau, hễ cho nguyệt táng là có cớ, đều bỏ đi.

秋衛師入成

THU, VỆ SƯ NHẬP THÀNH

MÙA THU, QUÂN NƯỚC VỆ VÀO ĐẤT THÀNH

Công truyện viết chữ thành ra chữ thịnh. Nước Thành ở Tây Nam huyện Cương Phủ, đất Đông Bình, nay còn làng Thành. Theo sử ký, Thành Thúc Vũ là con Văn Vương em Vũ Vương. Các đời sau không thấy nói đến, cũng không biết thụy hiệu. Duy trong năm Văn Công thứ 12, có chép Thành Bá chạy tới, thì biết là nước Thành tước Bá.

Tả - Nước Vệ loạn. Người Thành xâm. Cho nên quân Vệ vào thành.

Công - Tại sao, hoặc chép xuất sư, hoặc không chép xuất sư. Nếu có tướng giỏi quân mạnh, thì chép quân mỗ trong xuất sư. Tướng dở quân nhiều thì chép quân. Tướng hèn quân hèn thì chép người Vệ (người Vệ, người Lỗ). Vua mà làm tướng, không chép xuất sư, chỉ chép điều hệ trọng.

Cốc - Vào (vào đất Thành) là có ý nói trong nước không muốn Thành là một nước. Tướng hèn mà quân đông thì gọi là sư (quân)

Trình Tử - Vệ và Tấn nhân loạn được lên ngôi, không nghĩ đến việc làm cho nước mình yên, dân mình yên, không nghĩ việc tôn vương là việc đầu tiên, đang cư tang là việc quan trọng, mà lại còn đem quân đi gây oán thù, vào nước người ta. Chép rõ là để biết đã làm việc sai đạo.

Trương Phố - Hoàn Công mới táng thì quân vào nước Thành, Việc chôn sao chậm thế. Việc quân sao mà vội thế. Hay là Tuyên lo có loạn chăng.

九月考仲子之宮

CỬU NGUYỆT, KHẢO TRỌNG, TỬ CHI CUNG

THÁNG 9, LỄ HOÀN THÀNH CUNG TRỌNG TỬ

Công - Hoàn thành ... là dựng xong cung miếu. Bắt đầu tế Trọng Tử. Ẩn Công vì Hoàn Công mà dựng miếu thì đứng tế mẹ Hoàn. Vậy chép đây là rõ ý Công .

Cốc - Hoàn thành miếu, thế là chính thức nhận là Phu nhân. Theo lễ con thứ làm vua vì mẹ xây cung miếu, sai Công tử chủ tế. Con tế chứ không đến cháu. Trọng Tử vốn là mẹ Huệ Công, Ẩn Công là cháu, vậy không phải Ẩn Công sửa và tế.

Phục Kiền - Cung miếu dựng xong, tế gọi là khảo (hoàn thành).

Đỗ Dự - Xây xong cung, Yên vị rồi tế, Vua chư hầu không có hai mẹ, Đích Huệ Công muốn cho Trọng Tử vào hàng Phu nhân. Ẩn Công thì làm được trọn ý cha, mới lập cung miếu riêng.

Lý Liêm - Còn sống không xưng hiệu, chết rồi không xưng họ, chép tên tức là thiếp như Trọng Tử, đó là theo lệ.

Xét - Trọng Tử thực là mẹ Hoàn Công (coi như việc quy phúng ở trên).

初獻六羽

SƠ HIẾN LỤC VŨ

LỄ SƠ HIẾN DÙNG LỐI MÚA LỤC VŨ

Tả - Hoàn thành cung miếu Trọng Tử, sắp cho ban nhạc múa, vào tháng chín. Công hỏi Chúng Trọng số người trong ban nhạc. Đáp: Thiên Tử thì dùng số tám, chư hầu sáu, đại phu bốn, sĩ hai. Xét múa là để điều hòa bát âm mà điều hành bát phong, cho nên dùng từ số tám trở xuống. Công nghe theo, rồi cho Lục Vũ vào lễ sơ hiến. Đó là khởi thủy dùng múa lục dật.

Công - Sơ là mở đầu. Lục vũ là lối múa, sao chép Sơ hiến lục vũ, là để chê. Chê khởi đầu tiếm lễ của vị Công. Thiên Tử bát dật, tước Công, lục, chư hầu tứ. Tước Công ở triều Thiên Tử

có ba người, con cháu dòng dõi các đấng vương xưa cũng gọi là Công. Còn như các nước lớn gọi là hầu. Nhỏ là Bá, Tử, Nam. Ba tước Công (tam công), của Thiên Tử là tướng coi việc chính trị: 1) Từ Thiểm Tây sang đông là do Chu Công coi; 2) Từ Thiểm Tây sang tây là do Thiệu Công coi; 3) Một tướng ở trong triều cũng gọi là Công, hoặc mới tiếm chức từ đấy chăng? Trước đã có như thế, sao đây lại nói được là khởi thủy. Tiếm quyền các vị Công thì còn có thể được. Tiếm quyền Thiên Tử thì không có thể được.

Cốc - Sơ làm mở đầu, múa theo nhà Hạ, Thiên Tử bát dật, Chư Công lục, chư hầu tứ. Lễ sơ hiến có lục vũ, đó là khởi đầu tiếm quyền dùng nhạc. Thi Tử có nói, múa lối nhà Hạ, từ Thiên Tử đến chư hầu đều bát dật. Sơ hiến mà dùng lục vũ là bắt đầu khuyến khích nhạc vậy.

Lã Tổ Khiêm - Theo sách Mạnh Tử, vương chế cổ đều lấy Công, Hầu, làm nước lớn. Bá là nước vừa. Tử Nam là nước nhỏ. Cứ theo nước đất đai rộng hẹp. Về lễ nhạc, thì cũng tương đương với đất, nước lớn nhỏ, Công Thị, Cốc Thị, cho là Thiên Tử bát dật, chư công lục dật chư hầu tứ dật như thế thì khác với Vương chế. Các điều khác chép trong sách cũ Mạnh Tử, là lễ văn ở thời đó. Công hầu phần nhiều là một đẳng cấp. Không thấy Hầu là một đẳng. Bá, Tử, Nam là một đẳng. Vậy thì, Cốc Thị, Công Thị đã xa đời Khổng Tử lắm.

Xét - Thiếp không thể tiếm quyền làm đích, cũng như bầy tôi không thể tiếm quyền làm vua. Bảo dùng sáu là phải, vốn căn cứ vào Khổng Dĩnh Đạt, cứ cho thế là trở về chính tông; không biết Kinh đã chép sơ hiến là để chê việc thiếp tiếm làm đích. Thế thì sao lại là phải, là chính được.

鄹人鄭人伐宋

CHÂU NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT TỐNG

NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH TỐNG

Tả - Người Tống chiếm ruộng nước người Châu. Người Châu báo cáo sang nước Trịnh rằng: Xin nhà vua nhân dịp rửa mối

thù ơ Tống, nước tôi xin đón đưa đường. Người Trịnh mới lấy danh nghĩa quân mà họp đánh Tống vào nước Châu để báo thù trận Đông Môn xưa. Người Tống sai báo cáo cho Lỗ ta. Công nghe Trịnh nói Trịnh đã tới thành Châu, ý muốn cứu, mới hỏi sứ, Quân Trịnh tới đâu đáp: Chưa tới nước. Công giận và từ chối: Người bảo quả nhân nên thương nạn xã tắc. Nay ngươi báo địch chưa tới biên giới thì quả nhân thôi không dám cùng dự biết.

Khổng Dĩnh Đạt - Nước tuy nhỏ, nhưng nếu là chủ việc binh thì vị thứ đứng trên nước lớn, Muốn biết lý do chiến tranh tự đâu, là để xem trách nhiệm về nước nào. Dù một đại phu là chủ binh, thì vua một nước cũng theo. Hy Công năm thứ 27, người Sở, Trần Hầu, Sái Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam vây nước Tống, Truyện có ghi: Sở Tử sai tướng là Tử Ngọc, đánh Tống. Trong Kinh, thì không chép Tử Ngọc, chép là người Sở, tức là Sở thấp kém, đứng trên các chư hầu. Đã là chủ việc binh, thì dù người Sở cũng đứng trên các vua. Đó là phép thường sử sách.

螟

MINH

SÂU KEO

Khởi thủy chép tai họa về sâu.

Công - Sao lại chép. Vì là một tai họa.

Cốc - Sâu keo là một tai họa. Lớn thì hàng tháng, không lớn thì hàng mùa.

Đỗ Dự - Sâu keo ăn lúa non, rất hại, cho nên chép.

Xét - Kinh Xuân Thu chép một tai họa, hoặc tháng, hoặc mùa, đều cứ việc thực mà chép, chứ không có nghĩa lệ gì cả. Nếu tính lâu chóng, thì mùa lâu hơn tháng, cớ sao lại nói, không lớn thì hàng mùa. Cốc Lương nói thế là sai.

冬十有二月辛巳公子彄卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÂN TỴ CÔNG TỬ KHU TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY TÂN TỴ, CÔNG TỬ KHU MẤT

Tả - Tang Hy Bá (Công tử Khu) mất Công nói: Thúc phụ có dạn qua nhân, quả nhân không dám quên. Lễ táng gia thêm cho một bậc

Cốc - Ẩn Công không lấy chức tước gọi đại phu mà là gọi Công tử Khu, vì là đại phu của vua trước.

Là Đại Khuê - Cốc Lương bảo không lấy chức tước gọi vì là Ẩn Công chỉ quyền nhiếp vua, chứ không phải vua. Thế thì sao lúc sống được gọi là Công, lúc chết được chép là Hoăng. Thế là Thần Tử nước Lỗ đối với một vua thật, chứ không phải đối với một vua quyền. Vậy đâu lại có chuyện không lấy chức tước gọi đại phu. Chắc khi thấy Vô Hai không xưng Công tử tìm không ra lẽ mới nói thế.

宋人伐鄭圍長葛

TỐNG NHÂN PHẠT TRỊNH VI TRƯỜNG CÁT

NGƯỜI TỐNG ĐÁNH TRỊNH, VÂY TRƯỜNG CÁT

Khởi thuỷ việc xây thành. Trường Cát ở Huyện Trường Sa, đất Dĩnh Xuyên, phía Bắc nay còn thành Trường Cát.

Tả - Người Tống vây thành Trường Cát để báo thù hận Trịnh xưa đánh tới thành Châu.

Công - Ấp thì không nói bị vây là vì thế quân mạnh.

Cốc - Khi đánh một nước, không có nói vây một ấp, đây chép, là vì phải vây lâu. Phạt (dùng binh) không quá một mùa. Chiến (đánh trận) không đuổi kẻ chạy. Chỉ giết thì không chấn phục. Bắt dân, bắt trâu ngựa, thì gọi là xâm. Chặt cây cối, phá cung thất, thì gọi là phạt.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo là ấp thì không vây. Sai. Vậy chỗ người ta cố giữ, chứ đâu có phải là nước mới cần vây, ấp không cần vây. Va lại cứ theo báo cáo mà chép, thì sao lại không chép. Xuân Thu sơ dĩ, không chọn nước hay ấp, để dùng, chữ vây hay không vây, là vì chỉ để ý đến việc hại dân, hại của thôi.

Năm Giáp Tý, Hoàn Vương năm thứ 3.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Hy năm thứ 14. Tấn Ai Hầu Quang năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 2. Sái, Sái Tuyên năm thứ 33. Trịnh Trang năm thứ 27. Tào Hoàn năm thứ 40. Trần Hoàn năm thứ 28. Kỷ Vũ năm thứ 34. Tống Thương năm thứ 3. Tần Văn năm thứ 49. Sở Vũ năm thứ 24.

春鄭人來輸平

XUÂN, TRỊNH NHÂN LẠI THÂU BÌNH

NGƯỜI TRỊNH TỚI "THÂU BÌNH"

Tả - Việc sau hết, đã thành công, cánh thành. Tả viết chữ 輸 ra chữ du 渝.

Phụ lục Tả truyện - Nước Dực cũng có các chức Khanh, các chức đại phu, con Khoanh Phủ là Gia Phủ đón Tấn Hầu ở nước Tùy, đưa đến đất Ngạc. Người Tấn gọi là Ngạc Hầu. Ngạc là một số ấp ở nước Tấn.

Công - Thâu Bình nghĩa là làm hỏng việc đã thành (thành đây là hòa hiếu). Việc hòa của Lỗ ta thế là hỏng. Lỗ ta cùng nước Trịnh chưa có hòa, vì trận chiến ở Hồ Nhưỡng. Ẩn Công được. Nhưng không nói đến chiến là vì muốn tránh được việc.

Cốc - Thâu là làm hỏng. Bình là lấy đạo lý mà nên việc. Tới thâu bình là việc không có kết quả.

Xét - Thâu bình, du bình, ba truyện chép khác nhau. Tả Thị cho chữ du bình là việc thành tựu, có kết quả . Công thị, Cốc thị cho chữ thâu bình là hong việc. Nay xét năm trước, Công tư Huy đánh Trịnh, giận rằng việc chưa thành hẳn. Thế thì thuyết đánh gần như đúng nghĩa. Vả lại, Tả Thị cho rằng, đối các hiểm cũ hòa thành hiếu, thì chữ du, và chữ bình có hai ý. Diệp thị, Hồ thị, cũng có nhiều bọn nho đều nhận chữ thâu của Cốc và Công (vả lại cho thâu nghĩa là nạp, là nạp bình), mà hiểu nghĩa là biến đổi cái hiểm trước. Vậy lời văn thì theo Cốc và Công còn nghĩa thì theo Tả Thị. Như thế có lẽ được. Cứ giữ nguyên cả ba Truyện để xét.

夏五月辛酉公會齊侯盟于艾

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÂN DẬU, CÔNG HỘI TỀ HẦU MINH VU NGẢI

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY TÂN DẬU, CÔNG HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT NGẢI

Khởi đầu việc giao hiếu Tề, Lỗ. Đông Nam huyện Thái Sơn có Ngải Sơn.

Tả - Mùa hạ, thề ở đất Ngải. Thế là bắt đầu yên, hòa với Tề.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng năm, ngày Canh Thân, Trịnh Bá Xâm chiếm nước Trần. Được to, năm trước Trịnh Bá xin hòa với Trần. Trần không nhận. Ngũ Phủ có can: Thân với người thân, tốt với láng giềng, thật là quý cho một nước. Xin nhà vua nhận lời Trịnh. Trần Hầu nói: Tống và Vệ là nước mạnh Trịnh làm gì nổi. Rồi không nghe Ngũ Phủ. Người quân tử bàn: Việc tốt chớ để mất. Việc hiểm chớ làm cho to thêm. Đây là trường hợp của Trần Hoàn Công, làm cho mối hiểm khó thêm thì không ngăn chặn được nữa, mà rồi hại đến mình, có muốn cứu, không ai cứu được. Thiên Thương Thư nói: Cái ác dễ lan lắm, như lửa ở đồng không, không thể tới gần nhưng còn dập được. Chu Nhiệm có câu: Làm việc nước, thấy việc ác, như người nông phu thấy cỏ phải nhổ đi, đừng để lan rậm; nhổ rễ đi, chớ để cho mọc, thế thì kẻ thiện mới tin được.

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Công - Không có việc gì, sao lại chép mùa tháng. Kinh Xuân Thu, tuy không có việc gì, đầu mùa cứ biên. Lối biên niên thì đủ bốn mùa.

冬宋人取長葛

ĐÔNG, TẤN NHÂN THỦ TƯỜNG CÁT

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TỐNG CHIẾM TƯỜNG CÁT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Kinh sư báo cáo có nạn đói. Công vì Chu mà xin mua gạo ở các nước Tống, Vệ, Tề, Trịnh. Việc đó là đúng lễ. Trịnh Bá sang nhà Chu, chầu vua Hoàn Vương. Vương có ý coi thường. Hoàn Công trong triều tâu: Nhà Chu ta từ khi sang đông, gần Tấn và Trịnh. Khéo với Trịnh để cho chư hầu theo còn sợ không xong, huống lại khinh thường. Rồi Trịnh không tới nữa đâu. Chu là đất phong, phía Đông Bắc huyện Ung, đất Phù Phong có Chu Thành.

Công - Nước ngoài chiếm đất nhau không chép, đây chép là vì vây lâu.

Cốc - Nước ngoài chiếm đất nhau không chép, đây chép là vì cho rằng việc quá lâu.

Xét - Kinh chép là mùa đông. Tả Truyện chép là mùa thu. Đỗ Dự cho là muốn chiếm được, mùa đông báo cáo, dẫn chứng là năm thứ 8, Tề Hầu cáo thành. Nghĩa thực là đã rõ. Lưu Sướng cho là Tả Truyện nhặt nhạnh, trong các sách sử chư hầu. Có nước dùng lịch nhà Hạ, có nước dùng lịch nhà Chu. Cho nên Kinh nói đông thì Truyện nói thu. Cho thế cũng có lý.

Năm Ất Sửu. Hoàn Vương năm thứ 4.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tề Hy năm thứ 15. Trần Ai năm thứ 2. Khúc Ốc Vũ Công năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 3. Sái Tuyên năm thứ 34. Trịnh Trang năm thứ 38. Tào Hoàn năm thứ 41. Trần Hoàn năm thứ 29. Kỷ Vũ năm thứ 35. Tống Thương năm thứ 4. Tần Văn năm thứ 50. Sở Vũ năm thứ 25.

春王三月叔姬歸紀

XUÂN VƯƠNG TAM NGUYỆT, THÚC CƠ QUY VU KỶ

MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG 3, THÚC CƠ VỀ NƯỚC KỶ

Cốc - Không nói là đón được, vì phận kém, không đủ đương chữ đón.

Hà Hưu - Thúc Cơ là phận thiếp theo Bá Cơ. Đến nay mới về nhà chồng, vì còn đợi ở nước cha mẹ. Đàn bà từ tám tuổi mới được tuyển trong số theo vợ đích 15 tuổi mới về với vợ đích, 20 tuổi mới được hầu hạ chồng. Dắng (thiếp) là phận dưới (kém) mà được chép, là vì sau được làm đích, nhờ hiền đức. Kỷ hầu rồi bị Tề diệt. Thời Kỷ Quý, đất Huề nước Kỷ bị Tề chiếm. Thúc Cơ về Kỷ, biết chịu khó. Hoàn toàn phụ đạo, cho nên ta ghi chép.

滕侯卒

ĐẰNG HẦU TỐT

ĐẰNG HẦU MẤT

Nước Đằng họ Cơ dòng dõi con vua Văn Vương là Thác Thúc Tứ, Vũ Vương phong cho ở nước Đằng.

Tả - Năm thứ 7, mùa Xuân, Đằng Hầu mất, không chép tên

vì chưa đồng minh. Phàm chư hầu đã đồng minh thì kêu tên, cho nên lúc chết, cáo phó có tên, vua nối ngôi, đứng cáo phó xưng là có nối ngôi, ý cần giao hiếu để yên dân. Đó là lễ.

Công - Sao không chép tên. Vì là nước nhỏ. Nước nhỏ sao lại tước hầu. Tước không cần lớn nhỏ. Trong Kinh Xuân Thu, sang hèn không ngại cùng chép một tước hiệu. Hay dở không phân biệt lời văn.

Cốc - Đẳng hầu thì không chép tên. Bé thì gọi là Thế tử. Lớn thì gọi là quân. Đó là phép di địch. Không có chính nghĩa thì mới gọi tên.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo không chép tên vì chưa đồng minh. Bao thế không phải. Thường thường đồng minh chết, chưa chắc đã chép tên cả. Chưa đồng minh mà chết chưa chắc đã chép tên cả.

Gia Huyền Ông - Không chép tên, không chép táng. Các thuyết khác nhau. Tôi cho rằng không chép tên là người viết sử để mất tên. Còn không chép táng, là vì Lỗ không tới hội, người viết sử bỏ sót tên thụy, vì thế không chép. Vậy đừng nên xuyên tạc.

夏城中邱

HẠ THÀNH TRUNG KHƯU

MÙA HẠ, ĐẮP THÀNH TRUNG KHƯU

Khởi thuỷ chép dân công. Trung Khưu ở Đông Bắc huyện Lâm Tích đất Lang Gia.

Ta - Chép một việc làm không phải mùa.

Công - Trung Khưu là một ấp trong nước. Đắp thành được chép vì việc trọng.

Cốc - Thành làm nên để giữ cho dân. Thành còn nhỏ mà dân đông, thì mới làm thêm cho rộng, cho to. Nếu cứ thêm mãi thì là đáng chê.

Uông Khắc Khoan - Làm 23 thành, mùa xuân bốn thành, mùa hạ bảy thành, mùa đông mười hai thành. Tả Truyện trong năm đó tính gồm các việc xây thành Lang Chúc Khưu, sửa các

chuồng ngựa, dựng cửa Nam Môn, dựng Lộc Hựu, đều cho là không phải lúc, không phải mùa làm. Phàm xây thành mùa đông, đều cho là đúng mùa. Hoặc cho là mùa đông theo lịch nhà Chu là tháng mười, tháng mười một, lại là mùa thu theo lịch nhà Hạ. Mùa xuân tháng hai, theo lịch nhà Chu, mùa đông theo lịch nhà Hạ. Mà Tả Thị nói đến việc Thành Hưng Phòng, Vân, Bình Dương, Trung Thành, Thành Phòng, Tang Hựu, đều cho là đúng mùa. Xây Nam Môn, sửa chuồng ngựa cho là không đúng mùa. Tại sao? Nay khảo cứu Tả Truyện, biết rằng khi sao Long hiện ra, là phải sắp sửa công việc, thì chính là tháng chín lịch nhà Hạ, đúng vào tháng mười một lịch nhà Chu. Sao Mộc hiện bắt đầu việc trồng trọt, thì chính là tháng mười hai nhà Chu, và chính là lúc nên sai bảo dân làm công. Đến đông chí, sao Tất hiện, chính là tháng mười một nhà Hạ và đúng tháng giêng lịch nhà Chu. Nếu bảo rằng đông chí sao Tất hiện là mùa xuân nhà Chu thì không nên hưng công, động thổ.

Kinh chép các việc khác nhau, thì đều ghi xuân, hạ, thu, đông, mà ghi thêm tháng. Vậy thì phàm ghi mùa, là chỉ cả tháng đầu bốn mùa. Coi như thành công năm thứ 17, chép: mùa đông hội phạt Trịnh, tháng mười một Công tới, tháng mười hai có nhật thực. Còn như việc xây cất, săn bắn, là đã định sẵn về mùa nào rồi; trong mùa có ba tháng là phải xong, có phải chỉ một tháng đầu mà thôi đâu. Khảo kỹ Kinh Xuân Thu thì biết.

齊侯使其弟年來聘

TỀ HẦU SỬ KỲ ĐỆ NIÊN LẠI SÍNH

TỀ HẦU SAI EM TÊN LÀ NIÊN LẠI SÍNH (thông hiếu)

Tả - Tề Hầu sai Di Trọng Niên tới sính để kết thêm việc thề ở đất Ngai.

Công - Gọi là anh hay em tức là anh hay em cùng mẹ.

Cốc - Vua chư hầu giá trị vốn quý, anh em không coi như thuộc quan. Đây sai em đi sứ ta là quý trọng ta.

秋公伐邾

THU, CÔNG PHẠT CHÂU

MÙA THU, CÔNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Khơi đầu việc phạt Châu.

Ta - Mùa thu, Tống và Trịnh hòa. Tháng bảy ngày Canh Dần, thề tại đất Túc. Công mà đánh Châu là vì Tống.

冬天王使凡伯來聘

ĐÔNG THIÊN VƯƠNG SỬ PHÀM BÁ LẠI SÍNH

MÙA ĐÔNG, THIÊN TỬ SAI PHÀM BÁ TỚI SÍNH

Khởi thuỷ việc Thiên Tử dùng sính lễ, phàm là nước Phàm, tước Bá.

戎伐凡伯于楚邱以歸

NHUNG PHẠT PHÀM BÁ VU SỞ KHƯU DĨ QUY

RỢ NHUNG ĐÁNH PHÀM BÁ Ở SỞ KHƯU, ĐEM VỀ

Khởi thuỷ nạn rợ Nhung. Sở Khưu là đất nước Vệ.

Tả - Xưa, rợ Nhung lại chầu nhà Chu, biếu đồ lễ cho các công khanh. Phàm Bá khinh thường. Mùa đông Thiên Tử sai Phàm Bá tới Sính. Khi ở Lỗ về, Phàm Bá bị rợ Nhung đánh ở Sở Khưu, đem đi.

Phụ lục Tả Truyện - Trần với Trịnh Hòa. Tháng 12 Trần Ngũ Phủ tới hội thề ở Trịnh. Ngày nhâm thân cùng với Trịnh thề: Khi sáp huyết (uống máu) như lãng trí. Tiết Bá thấy nói rằng: Ngũ Phủ sẽ không khỏi họa. Trịnh Lương Tá tới hội thề ở Trần. Ngày tân tỵ cùng Trần Hầu thề, cũng biết Trần sẽ có loạn. Trịnh công tử Hốt ở triều vua Chu, cho nên Trần Hầu xin gả con cho Trịnh Bá thuận. Việc hôn nhân thành.

Công - Phàm Bá là đại phu Thiên Tử việc đi sính lễ, tại sao lại chép là bị đánh, chính thực là bị bắt. Bị bắt mà gọi

là bị đánh, là muốn cho có giá trị, vì rằng Nhung Địch đâu dám bắt người Trung Quốc, nói đến tên đất bị bắt cũng cho là làm cho to chuyện.

Cốc - Phàm Bá là đại phu của Thiên Tử. Đánh nước người ta thì gọi là phạt. Đây đánh một người cũng gọi là phạt tại sao. Vì là sứ thần của Thiên Tử. Nhung tức là nước Vệ, Vệ mà gọi là Nhung là vì phạt sứ của Thiên Tử. Chép thế là có ý chê Vệ như Nhung. Sở Khưu là ấp nước Vệ (đem đi, đem về), còn tệ hơn là bắt.

Đỗ Dự - Rợ Nhung khua chuông, trống, để đánh sứ của Thiên Tử. Không chép là Phàm Bá bị thua, sứ làm gì có quân, đâu có phải là bầy trận đánh nhau. Vả lại, nói là đem về tức không phải là bị bắt.

Xét - Cốc Lương bảo đem về còn tệ hơn bắt. Đỗ Dự lại nói không phải là bắt, nghĩa thì phải hơn. Công Dương nói ngày xưa vua đi thì quân đội đi theo. Khanh đi thì một lữ đoàn đi theo. Mọi nhà bàn có bao rằng một người đi mà gọi tên là bị phạt thì không xuôi. Nhưng dùng nhiều thành quen tai. Nay hãy cứ để nguyên.

Năm Bính Dần, Hoàn Vương năm thứ 5.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Hy năm thứ 16. Tấn Ai năm thứ 3. Sái Tuyên năm thứ 35. Vệ Tuyên năm thứ 4. Trịnh Trang năm thứ 29. Tào Hoàn năm thứ 42. Trần Hoàn năm thứ 30. Kỷ Vũ năm thứ 36. Tống Thương năm thứ 5. Tần Ninh Công năm đầu. Sở Vũ năm thứ 26.

八年春宋公衛侯遇于垂

XUÂN, TỐNG CÔNG VỆ HẦU NGỘ VU THÙY

MÙA XUÂN, TỐNG CÔNG VÀ VỆ HẦU GẶP NHAU Ở ĐẤT THÙY

Ta - Tề Hầu sắp hòa với Tống. Vệ có hẹn kỳ hội, Tống Công đem lễ đến Vệ, xin cùng Vệ gặp nhau trước. Vệ Hầu thuận. Cho nên có cuộc gặp nhau ở Khuyển Khưu. Khuyển Khưu là Thùy của đất Vệ. Đất ấy có hai tên.

Cốc - Bất kỳ mà họp là kỳ ngộ, ngộ là có ý hai bên tương đắc.

Trình Tử - Tống rất sợ Trịnh, cho nên sau rốt không hòa được với Trịnh không có lễ tương kiến của chư hầu. Vì thế chép là ngộ (gặp).

三月鄭伯使宛來歸祊

TAM NGUYỆT, TRỊNH BÁ SỬ UYỂN LAI QUI BANH

THÁNG 3, TRỊNH BÁ SAI UYỂN TỚI TRẢ ĐẤT BANH

Tả - Trịnh Bá xin bỏ việc tế Thái Sơn, để tế Chu Công. Lấy đất Banh ở Thái Sơn đổi đất Hứa Điền. Tháng ba, Trịnh Bá sai Uyên lại nộp đất Banh, thế là không tế Thái Sơn nữa. Hứa Điền là ruộng gần đất Hứa.

Công - Uyên là quan nhỏ ở nước Trịnh, Banh là đất Thang Mộc. Thiên Tử có việc tế ở Thái Sơn, chư hầu đều tới. Mỗi nước có một ấp Thang Mộc ơ dưới mới (Thang Mộc là tắm, là gội đầu. Ấp Thang Mộc là ấp dân được đóng thuế rất ít, chỉ để dùng về việc vua tắm, gội đầu)

Cốc - Chép tên Uyên là biếm Trịnh Bá, chê việc trả đất.

Đỗ Dự - Uyên là đại phu nước Trịnh, không chép họ, chưa được vua cho họ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo chép tên Uyên là biếm Trịnh Bá. Bảo thế là sai. Lỗ một nước lớn còn có đại phu, chưa có mệnh cũng phải gọi tên, huống hồ Trịnh là nước nhỏ.

庚寅我入祊

CANH DẦN, NGÃ NHẬP BANH

NGÀY CANH DẦN, TA VÀO ĐẤT BANH

Phụ lục Tả Truyện - Quắc Công Ky Phủ mới được làm Khanh sĩ triều Chu. Tháng tư, ngày Giáp Thìn, Trịnh Công tử Hốt sang Trần đón vợ là Quy. Ngày Tân hợi Quy Thị về. Ngày Giáp dần vào Trịnh Trần Châm Tử đưa con gái lên đường làm lễ phối và có lễ tổ (Tổ: lễ thần đi đường). Thế là đối thần tổ, vì chưa gọi là vợ chồng, thế là phi lễ, rồi sinh con cái sẽ ra sao.

Công - Sao lại nói là vào, là việc khó dễ. Sao lại chép ngày, cũng là làm cho khó khăn. Sao lại nói là ta. Vì không riêng gì ta. Tề cũng muốn được.

Cốc - Dùng chữ vào, là ý dân không thuận, chép ngày vào là ghét việc vào. Banh là Trịnh Bá được mệnh của Thiên Tử đi tế ở núi Thái Sơn tức là vào ấp Banh.

Xét - Công Dương cho việc chép ngày là ngụ ý khó dễ. Cốc Lương cho chép ngày là ghét. Hai thuyết đều bàn chữ chép ngày. Chu Tử cho rằng cắt nghĩa Xuân Thu mà cứ cho chép ngày tháng làm cách bao biếm, thì thật là xuyên tạc, không có nghĩa lý gì, cho nên bỏ đi.

夏六月己亥蔡侯考父卒

HẠ LỤC NGUYỆT KỶ HỢI, SÁI HẦU KHẢO PHỦ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY KỶ HỢI, SÁI HẦU, KHẢO PHỦ MẤT

Cốc - Chư hầu chết, chép ngày là được chết chính.

Tôn Giác - Cốc Lương bảo chết chép ngày là chết chính. Khổng Tử cứ nhân sử cũ viết Kinh Xuân Thu. Sử có chỗ tường có chỗ lược. Khổng Tử không thêm. Nếu bảo chết chép ngày là

chết chính, thế thì không chép ngày là chết bất chính hay sao. Thế thì Khổng Tử phải chép, thế nào?

辛亥宿男卒

TÂN HỢI, TÚC NAM TỐT

NGÀY TÂN HỢI, TÚC NAM MẤT

Cốc - Túc là một nước nhỏ chưa có đồng minh, cho nên chép: Nam mất.

Du Cao - Đồng minh thì có cáo phó, không chép tên chỉ là khuyết. Năm đầu cùng với Tống thề, mà Cốc Lương cho là chưa có đồng minh là nhầm.

Xét - Túc Nam không có chép tên bọn nho đều bảo là sử quên. Đúng đấy. Hồ Truyện bảo là cáo phó không nói tên, mà Kinh lại chép tên, đó là do bút của thánh nhân. Sợ nói thế không căn cứ vào đâu.

秋七月庚午宋公齊侯衛侯盟于瓦屋

THU, THẤT NGUYỆT CANH NGỌ, TỐNG CÔNG, TỀ HẦU, VỆ HẦU, MINH VU NGÕA ỐC

MÙA THU THÁNG 7, NGÀY CANH NGỌ. TỐNG CÔNG, TỀ HẦU, VỆ HẦU, THỀ Ở ĐẤT NGÕA ỐC

Đây là khởi thủy việc tham dự hội thề. Ngõa Ốc là đất nhà Chu.

Tả - Người Tề hòa với Tống, Vệ, vì Trịnh. Mùa thu hội ở đất Ôn, thề ở đất Ngõa Ốc. Để giải tỏa việc Đông Môn, thế là đúng lễ.

Cốc - Các nước ngoài thề với nhau, thì không chép ngày. Đây chép ngày là vì khởi thủy chư hầu tham dự hội thề cho nên ghi ngày cẩn thận. Cáo thệ không bằng Ngũ Đế. Giao thiệp thề nguyện không bằng Tam Vương. Các vị Khanh không bằng hai vị Bá (hai vị Bá thời xưa)

Tôn Giác - Hội thề ba nước quan hệ đến an nguy của chư

hầu, cho nên Xuân Thu chép Cốc Lương bảo là khởi thủy hội thề nên mới chép cẩn thận, bảo thế là sai. Xét phép Xuân Thu, bao biếm, vốn không có lệ, cứ cùng tội thì cùng trị, cùng ác thì cùng phạt, chứ không lấy khởi đầu hay kết chung làm trọng hay khinh. Bảo rằng cẩn thận vì khởi đầu là sai.

八月葬蔡宣公

BÁT NGUYỆT, TÁNG SÁI TUYÊN CÔNG

THÁNG 8, LỄ TÁNG SÁI TUYÊN CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tám, ngày Bính Tuất, Trịnh Bá vì việc nước Tề, vào chầu Thiên Tử, đó là đúng lễ.

Công - Chết thì biên tên. Sao táng lại không biên tên. Vì chết cứ theo chính, còn táng thì theo chủ nhân. Đây chết có phó, mà táng thì không có.

Cốc - Tang, chỉ chép tháng là phải.

九月辛卯公及莒人盟于浮來

CỬU NGUYỆT, TÂN MÃO, CÔNG CẬP CỬ NHÂN MINH VU PHÙ LAI

THÁNG 9, NGÀY TÂN MÃO, CÔNG CÙNG NGƯỜI NƯỚC CỬ Ở ĐẤT PHÙ LAI

Chữ phù Công Thị viết là chữ bao. Đây là khởi thủy thông hiếu với nước Cử, mà cũng là vua Lỗ đặc biệt hội với đại phu nước ngoài. Phù Lai là ấp nước Kỷ.

Tả - Hội để hòa hiếu với nước Kỷ.

Công - Sao Công lại cùng người kém vị thề. Chép là người rõ là vai phụ.

Cốc - Sao lại chép (Công cùng với người). Vì không thể chép Công cùng với đại phu.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép Công cùng người thề có hai lần. Là ở Phù Lai và ở Thục. Cốc Lương bảo có thể chép Công

cùng với người mà không thể chép Công cùng đại phu. Vậy mà Công cùng đại phu Tề thề ở đất Kỳ. Sao lại không có thể. Đỗ Thị cho rằng, thấp kém thì không phải hiềm ngang với Công Hầu, cho nên chép hẳn là Công. Tuy nhiên, Cao Hề, Sử Phủ là quý Khanh của nước lớn, còn kiêng không dám ngang với bực tôn trưởng, nay sao lại chép thẳng không kiêng. Triệu Tử nói Cử là nước nhỏ. Nếu không chép Công thì ghi là không phải Công, thuyết ấy đúng đấy. Cho nên Hồ Thị nghe theo. Còn như việc thề ở Thục, thì nên chép là Công tử, dưới chép là người Sở, ý hiểm rõ ràng, không nên lấy lệ ấy mà bàn chung.

螟

MINH

SÂU KEO

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông Tề Hầu sai sứ cáo việc ba nước hòa. Công sai Chúng Trọng đáp rằng; nhà vua hòa để an tập dân, đó là ơn của nhà vua, quả nhân tôi xin theo mệnh, dâu có không chịu được đức sáng nhà vua.

Cao Kháng - Chép sâu keo có ba bận, Ẩn Công hai, Trang Công một. Chép sâu trùng có mười một bận, Hoàn Công có một, còn đều sau thời Hy Công. Sâu keo ăn lúa non. Sâu trùng thì ăn cả. Keo ít hại bằng trùng. Đầu thời Xuân Thu, tai nhẹ như sâu keo cũng chép. Về sau lên dần, tai nhẹ quá nhiều, không chép, chỉ chép tai nặng thôi, nếu không thế, thì chả nhẽ, sau thời Trang Công, trong 200 năm, không có sâu keo hay sao.

冬十有二月無駭卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, VÔ HÃI TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, VÔ HÃI MẤT

Cốc Thị chép chữ 駭 ra chữ 侅.

Tả - Vũ Phu xin tên thụy cùng tên họ. Công hỏi Chúng Trọng. Đáp: Thiên Tử đặt ra phép, người sống thì ban họ (tính), người ấy chết thì ban cho thị (họ truyền cho con cháu). Chư

hầu lấy tên tự mà đặt thụy, rồi nhân thụy lấy làm tộc (một dòng họ). Quan có công nhiều đời, thì có quan tộc (lấy chữ quan tước). Ấp cũng thế (lấy tên Ấp). Công mới mệnh cho lấy chữ Triển làm thị.

Công - Đó là Triển vô Hai, sao lại không chép họ (Thị). Ghét vì khơi thủy có việc diệt (coi mấy trang đầu), cho nên lúc chết không chép họ.

Cốc - Tên Vô Hái chưa từng nghe tới. Hoặc bảo rằng Ẩn Công không cho đại phu tước. Hoặc bảo rằng đây là biếm chê.

Năm Đinh Mão Hoàn Vương năm thứ 6.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hy năm thứ 17. Tấn Ai năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 5. Sái Hoàn Hầu Phong nhân năm đầu. Trịnh Trang năm thứ 30. Tào Hoàn năm thứ 43. Trần Hoàn năm thứ 31. Kỷ Vũ năm thứ 37. Tống Thương năm thứ 6. Tần Ninh năm thứ 2. Sở Vũ năm thứ 27.

春天王使南季來聘

XUÂN, THIÊN VƯƠNG SỬ, NAM QUÝ LAI SÍNH

MÙA XUÂN, THIÊN TỬ SAI NAM QUÝ TỚI SÍNH

Cốc - Nam là họ, Quý là tên tự, sính là hỏi thăm. Sính chư hầu không phải là sính lễ.

Trình Tử - Theo Chu Lễ chức quan Đại Hành Nhân, chủ việc tiếp tân khách, giao thiệp với chư hầu, thường thăm viếng các chư hầu, để kết tình giao hiếu, vỗ về chư hầu, việc ấy là thường, là đúng lễ. Thời Xuân Thu, chư hầu không giữ chức phận làm tôi, lễ chầu Thiên Tử bị bỏ. Phép vua đáng lẽ phải trị. Đã không làm rõ được hình pháp, điển lễ, lại còn thăm viếng, thực là mất vương đạo.

Trương Hiệp - Ẩn Công, trong mười năm, có Tề Huyến Phàm Bá, Nam Quý ba lượt đến Lỗ, cho là Lỗ dòng dõi Chu Công, muốn cho thân hơn. Công không rõ nghĩa tôn Vương, không đi chầu Thiên Tử. Kinh Xuân Thu kể tường tận các lượt Thiên Tử cho sứ tới Lỗ, thì rõ tội Ẩn Công là to.

三月癸酉大雨震電庚辰大雨雪

TAM NGUYỆT, QUÝ DẬU ĐẠI VŨ. CHẤN ĐIỆN CANH THÌN, ĐẠI VŨ TUYẾT

THÁNG 3, NGÀY QUÝ DẬU, MƯA LỚN SẤM SÉT NGÀY CANH THÌN MƯA TUYẾT LỚN

Tả - Lỗ, năm thứ 9, Xuân, Vương, tháng ba, ngày Quý Dậu, chép mưa to, sấm sét. Ngày Canh Thìn lại chép mưa tuyết lớn. Thế là trái mùa. Phàm mưa từ ba ngày trở đi là mưa dầm. Đất bằng tuyết phủ.

Công - Tháng ba, ngày Quý dậu, mưa to, sấm sét, ngày Canh thìn mưa tuyết lớn. Ghi con số đó, biết là trong tám ngày, hai lần đại Biến, âm dương đảo ngược, cho nên ghi ngày cẩn thận. Mưa ghi tháng là phải.

Hồ Truyện - Điện sét là tính của dương, mà mưa tuyết là khí của âm. Tháng ba lịch nhà Chu là tháng giêng lịch nhà Hạ, chưa thể có sấm được, chưa thể thấy sét được. Thế mà sấm sét, là dương trái tiết. Mà lại có mưa tuyết lớn, thế là khí âm hoành hành. Kinh Xuân Thu, tai dị đều được chép tuy không nói đến ảnh hưởng, mà ảnh hưởng vẫn phải có, vì người với trời phải cảm nhau. Thánh nhân đã ghi chép là có ý đến sự cảm ứng.

挾卒

HIỆP TỐT

HIỆP MẤT

Cốc và Công viết chữ 挾 ra chữ 俠

Công - Hiệp là đại phu nước ta, chưa có được tước chính.

Cốc - Hiệp là Hiệp, chứ không phải đại phu nào cả. Ẩn Công không phong đại phu, vì tự coi không phải là vua thực.

Trác Nhĩ Khang - Công Dương bảo là đại phu nước Lỗ chưa chính thức phong, đúng đấy. Không cho họ (tộc) vì rằng khởi thủy thời Xuân Thu còn chất phác. Cốc Lương nói vì Ẩn Công không tự cho là vua, vậy không phong, nói thế sai.

Hác Kính - Bảo rằng không chép họ (tộc) vì Ẩn Công chỉ là quyền nhiếp vua, cho nên không cho họ. Thế thì Ẩn Công giữ ngôi trong mười một năm, các việc hội, thề, chiến tranh đều chép cả, sao lại không chu việc phong tước vàVô Hài được cho họ Triển, cha Ẩn Công cho thì là ai.

夏城郎

HẠ, THÀNH LANG

MÙA HẠ, XÂY THÀNH LANG

Tả - Đây chép là chê việc làm, không đúng mùa làm.

Hứa Hàn - Năm thứ 7, đắp thành Trung Khưu, rồi sau đánh nước Châu. Nay đắp Thành Lang rồi đánh nước Tống. Tùy thời dùng sức dân. Nhờ có thành mới giữ được dân. Công việc đều có lý do

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Cốc - Không có việc gì. Chép để nhớ mùa.

冬公會齊侯于防

ĐÔNG CÔNG HỘI TỀ HẦU VU PHÒNG

MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI TỀ Ở ĐẤT PHÒNG

Phòng là nước Lỗ. Công Thị viết là Bính.

Tả - Tống Công không biết đến Thiên Tử. Trịnh Bá làm Tả Khanh của Thiên Tử, mà lấy vương mệnh để đánh Tống. Tống lại lấy việc bị đánh ở đất Phu, mà oán Công không giao thiệp. Công giận, tuyệt giao. Mùa Thu Trịnh lấy vương mệnh bá cáo đánh Tống. Mùa đông Công hội với Tề Hầu tại đất Phòng, bàn việc đánh Tống.

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Nhung đánh nước Trịnh. Trịnh Bá chống cự được nhưng vẫn lo, nói rằng: Nhung sợ quân đội ta, rồi sẽ đánh trộm. Công tử Đột bàn: Dũng mà không cương, thì đánh trộm rồi lui ngay. Nhà vua bày ba mặt quân để đợi. Nhung khinh thường mà không sửa soạn, tham mà không có người giúp, thắng mà không biết nhường, thua mà không biết tự cứu. Trước thấy được thì nó cứ tiến; tiến mà gặp trận bẫy, tất vội chạy cho nhanh, không có quân sau để cứu, không có quân tiếp ứng. Thế thì đánh được. Trịnh Bá nghe theo. Quân Nhung quả nhiên thấy trận dàn, bỏ chạy. Chúc Đam đuổi đánh vào giữa. Trước sau không cứu được, chết hết, còn sót đều chạy trốn. Tháng 12, ngày Giáp Dần, người Trịnh đánh cho quân Nhung thua to.

Cốc - Trong hội, nước ngoài làm chủ.

Năm Mậu Thìn, Hoàn Vương năm thứ 7.

十年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tề Hy năm thứ 18. Tấn Ai năm thứ 5. Vệ Tuyên năm thứ 6. Sái Hoan năm thứ 2. Trịnh Trang năm thứ 31. Tào Hoàn năm thứ 44. Trần Hoàn năm thứ 32. Kỷ Vũ năm thứ 38. Tống Thương năm thứ 7. Tần Ninh năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 28.

春王二月公會齊侯鄭伯于中邱

XUÂN VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TRỊNH BÁ VU TRUNG KHƯU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG 2, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TRỊNH BÁ Ở ĐẤT TRUNG KHƯU

Tả - Năm thứ 10. Xuân, vương tháng giêng, Công hội Tề Hầu, Trịnh Bá ở đất Trung Khưu. Ngày Quý Sửu, thề ở đất Đặng, định việc quân. Đặng là đất nước Lỗ.

Đỗ Dự - Truyện thì chép hội tháng giêng, thề vào ngày Quý sửu. Trong Kinh, cùng Truyện, thì Quý Sửu là 26 tháng giêng. Vậy là Kinh, nhầm tháng hai. Năm thứ 9, hội ở đất Phòng, bàn việc đánh Tống, thì Công đã hội, đã thề. Thề không chép, không phải vì thề sau. Vì là Công khi về, chỉ cáo việc hội, không cáo việc thề.

夏翬帥師會齊人鄭人伐宋

HẠ, HUY SUẤT SƯ, HỘI TỀ NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT TỐNG

MÙA HẠ, HUY XUẤT SƯ, HỘI NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH TỐNG

Tả - Mùa hạ, tháng 5, Vu phủ bắt đầu hội Tề Hầu, và Trịnh Bá, đánh Tống.

Công - Đó là Công tử Huy, sao lại không gọi là Công tử. Là chê. Vì đối với Ẩn Công có tội, cho nên, trong toàn thiên về đời Ẩn Công đều chê.

Hồ Truyện - Huy không chép họ vì tội: đi trước kỳ hẹn. Đầu tiên hội với Tống để đánh Trịnh. Huy cố xin để được đi. Nay hội với Trịnh để đánh Tống thì đi trước kỳ hẹn, không đợi việc biến ở Chung Vu. Thế là có tâm vô quân. Loạn thần tặc tử sinh ra vì ngày ngày được nuôi thêm hung ác, chứ không phải trong một sớm tối. Đến khi họ, quyền đã được, thế đã vững, uy đã ra khắp trong ngoài, dù có muốn chế trị họ cũng không được

nữa cho nên bỏ danh hiệu Công tử. Vậy phải thận trọng binh quyền rồi đổi chức vụ, chế trị từ lúc chưa loạn.

六月壬戌公敗宋師于菅

LỤC NGUYỆT, NHÂM TUẤT, CÔNG BẠI TỐNG SƯ VU QUAN

THÁNG 6, NGÀY NHÂM TUẤT, CÔNG ĐÁNH BẠI QUÂN TỐNG Ở ĐẤT QUAN (QUAN ĐẤT NƯỚC TỐNG)

Tả - Tháng 6 ngày Mậu thân, Công hội Tề Hầu, Trịnh Bá, ở đất Lão Đào, (đất nước Tống). Ngày Nhâm Tuất, Công đánh bại quân Tống ở đất Quan.

Cốc - Không nói là chiến để cho cao giá lên.

辛未取郜辛巳取防

TÂN MÙI THỦ CÁO, TÂN TỴ THỦ PHÒNG

NGÀY TÂN MÙI, CHIẾM ĐẤT CÁO, NGÀY TÂN TỴ CHIẾM ĐẤT PHÒNG

Ở huyện Vũ, đất Tề Âm, nay còn Cáo Thành.

Tả - Ngày Canh Ngọ, quân Trịnh vào chiếm đất Cáo, ngày Tân Mùi đem cho ta. Ngày Canh Thìn, quân Trịnh chiếm đất Phòng, ngày tân Tỵ đem cho ta. Người quân tử bàn: Trong việc ấy, Trịnh có thể cho ta biết giữ lễ, lấy vương mệnh đi đánh kẻ không biết vua, rồi không tham đất, lấy đất đền công các vị hầu tước nhà vua. Đó mới là chính lễ.

Công - Chiếm ấp, không biên ngày, đây sao biên ngày. Vì một tháng mà hai lần chiếm đất là quá lắm. Việc ác lớn trong nước thì kiêng kỵ, đây nói quá lắm là tại sao. Xuân Thu thường chép kỹ việc nước, mà lược việc nước ngoài. Việc ác lớn nước ngoài thì chép. Ở trong nước, việc ác lớn thì kiêng, việc nhỏ thì chép.

Cốc - Chiếm ấp không chép ngày, đây sao chép ngày. Vì chê lòi nhân đánh người ta mà thu lợi, chiếm lấy hai ấp, cho nên cẩn thận ghi ngày.

Lục Thuần - Triệu Tử bảo rằng, chư hầu chuyên việc chiếm đoạt đất ấp các nước chia cho người ta, là tội rất to, thế mà đây cho rằng hợp chính lễ, sao nói bậy thế. Tôn Giác có nói: Xét bàn việc chiếm ấp, không căn cứ vào việc chép ngày. Nếu không chép ngày, tức là cùng một ngày mà chiếm cả hai ấp, chỉ là chép sự thực. Phàm đã chiếm đoạt đất đai là có tội rồi, cần gì phải bàn một tháng hai lần. Giả thử, tháng khác lấy thêm một ấp nữa, thì là vô tội hay sao. Tôn Giác lại nói: Ác lớn trong nước không chép, ác nhỏ chép. Thế thì phu nhân họ Khương hội Tề Hầu ở đất Chước cũng là ác lớn không thể nói là không chép được. Cốc Lương bảo rằng, chê lỗi nhân đánh người ta mà thu lợi chiếm hai ấp, cho nên cẩn thận ghi ngày. Xét Kinh Xuân Thu chép đánh tan quân người ta mà chiếm hai ấp, thế là bất chính rồi còn cần gì phải chép thêm ngày.

秋宋人衛人入鄭

THU, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN NHẬP TRỊNH

MÙA THU, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ VÀO TRỊNH

Trình Tử - Trịnh làm khổ dân đánh các nước, mà không biết giữ nước mình, cho nên hai nước Vệ, Tống mới vào được.

宋人蔡人衛人伐載鄭伯伐取之

TỐNG NHÂN, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT ĐÁI, TRỊNH BÁ PHẠT, THỦ CHI

NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ, ĐÁNH NƯỚC ĐÁI CHIẾM LẤY

Nước Đái, Cốc Thị, Công Thị viết là tai 戴.

Tả - Mùa thu, tháng bảy, ngày Canh Dần, quân Trịnh vào đất Giao. Còn đóng ở Giao. Người Tống, người Vệ ở nước Trịnh. Người Sái theo để cùng đánh Đái. Tháng tám ngày Nhâm Tuất, Trịnh Bá, vây Đái, ngày Quý hợi, chiếm nước Đái, đánh bại quân ba nước. Người Tống, người Vệ, lấy cớ đánh Đái, để diệt người Sái. Người Sái giận thành bất hòa, cho nên thua.

Phụ lục Tả truyện - Tháng chín, ngày Mậu Dần, Trịnh Bá vào Tống.

Công - Chép đánh rồi chiếm là ý dễ dàng, vì dùng sức các người Tống, Sái, Vệ.

Cốc - Cho là bất chính, vì nhân sức người chiếm lấy dễ dàng. Thế là vốn có ý chiếm.

Trình Tử - Người Tống, người Vệ, vào đất Trịnh. Người Sái đi theo để đánh Đái, Trịnh Bá vây đánh Đái được rồi đánh tan quân ba nước. Đái xưa nay vốn cùng đi với Trịnh cho nên ba nước đánh Đái. Trịnh mới hợp với Đái đánh lại tan được quân ba nước, thật là quá tàn hại dân.

Triệu Bằng - Trong thời Xuân Thu không có chỗ chiến tranh nào vì nghĩa. Thánh nhân chọn trong thời bất nghĩa, chê kẻ chủ việc chiến. Tống và Trịnh ghét nhau đã lâu. Khởi đầu việc binh là Tống. Năm Ẩn Công thứ 4, người Tống giúp Châu Hu làm việc bạo ngược, đem quân đến Trịnh. Mùa thu lại đánh Trịnh, cho nên năm thứ 5, Trịnh cùng quân Châu đánh Tống, chiếm lấy Trường Cát. Thế là vì có trận đánh ngày trước, lấy đất Cáo, đất Phòng, để báo thù việc thua ở Trường Cát. Vậy được mất đều nhau, thắng bại cân nhau, chưa có thể thôi chiến được. Nay quân Trịnh chưa kịp về tới nước, thì Tống đã đem quân vào, lại hợp với Sái Vệ, để đánh nước phụ dung của Trịnh là Đái, thế thì quá lắm. Trịnh Bá đem quân ra, có Đái đánh phía trước, Trịnh đánh phía sau, một lần dùng sức, mà thắng được cả ba nước. Ba nước thua, không phải vì không may. Hoặc giả có người ghi là Trịnh có một mình, không đủ thắng quân ba nước được. Lại nghi cho Trịnh là nhân nguy mới chiếm được Đái. Đái là phụ dung của Trịnh, vốn là thuộc về Trịnh, hà tất còn phải chiếm. Sao lại biết là Đái phụ dung. Đái nay là đất Ngoại Hoàng ở biên giới phía bắc nước Trịnh. Ba nước vào Trịnh, đánh Trịnh không được mới rời quân đánh nước phụ dung. Nếu không thế, thì ba nước đánh nước Đái, có tổn hại gì cho Trịnh. Coi đó thì biết Trịnh không diệt Đái, mà diệt quân ba nước.

Lý Liêm - Trình Tử cho rằng Trịnh và Đái, hợp quân để đánh, thắng được quân ba nước, thuyết ấy nghe được. Hồ Thị thì cho là một lần dùng sức kiêm được bốn nước, nói thế sợ là quá đáng.

Uông Khắc Khoan - Cốc Thị, Công Thị, đều bảo Trịnh, nhân lợi dụng sức ba nước mà chiếm Đái. Nhưng Trịnh đang đánh nhau với Tống, chưa co thể đem sức để đánh Đái. Tống, Vệ đang vào đất Trịnh, và liên kết với Sái, để đánh nước cùng đi với Trịnh, ắt không chịu giúp Trịnh, mà để cho Trịnh chiếm được Đái.

Xét - Cốc Thị, Công Thị, bảo rằng, Trịnh nhân sức ba nước, chiếm nước Đái; Hồ Truyện bảo rằng bốn nước đang đánh nhau, Trịnh thừa dịp hơ cơ, một lần thắng cả Bao thế, theo tình thế, theo việc, đều không hợp hẳn. Riêng có Trình Tử dùng thuyết của Tả Thị "thắng quân ba nước" cho là Trịnh và Đái hợp lại đánh tan ba nước. Rồi Triện Bằng Phi, Lý Liêm, Uông Khắc Khoan, cũng đều nói rõ, thuyết đó gần đúng ý của Kinh.

冬十月壬午齊人鄭人入成

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TỀ NHÂN, TRỊNH NHÂN NHẬP THÀNH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10. NGÀY NHÂM NGỌ, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TRỊNH VÀO ĐẤT THÀNH

Chữ 成, Công Thị viết là 郕 (thịnh)

Tả - Người Sái, người Vệ, người Thành không tới hội theo vương mệnh. Mùa đông, người Tề, người Trịnh vào nước Thành, là đánh kẻ trái nghịch mệnh Thiên Tử.

Cốc - Dùng chữ vào, là trong nước không muốn. Vậy có ý chê. Thành là nước Thành.

Trình Tử - Đánh vì cớ không họp bàn việc đánh Tống. Tống vì thấy Công tử Phùng ở nước Trịnh, cho nên Tống và Trịnh ghét nhau. Tả Truyện nói Tống không biết có Thiên Tử. Trịnh Bá lấy mệnh Thiên Tử đi đánh ở trong Kinh Xuân Thu, không thấy nói vì Thiên Tử mà đi đánh. Bầy tôi của Thiên Tử không thấy có mặt, mà quân của vua không thấy đi. Trịnh chỉ là giả dối để thỏa thù riêng đó thôi.

Năm Kỷ Tỵ, Hoàn Vương năm thứ 8.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tề Hy năm thứ 19. Tấn Ai năm thứ 6. Vệ Tuyên năm thứ 7. Sái Hoàn năm thứ 3. Trịnh Trang năm thứ 32. Tào Hoàn năm thứ 15. Trần Hoàn năm thứ 33. Kỷ Vũ năm thứ 39. Tống Thương năm thứ 8. Tần Ninh năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 29.

春滕侯薛侯來朝

XUÂN, ĐẰNG HẦU, TIẾT HẦU LẠI TRIỀU

MÙA XUÂN, ĐẰNG HẦU, TIẾT HẦU, LẠI CHẦU

Đây là khởi thủy chư hầu chầu Lỗ, mà cũng là khởi thủy nhiều nước cùng tới một lần. Tiết, huyện Tiết nước Lỗ. Theo Khổng Sớ, nước Tiết dòng dõi vua Hoàng Đế họ Nhâm, tên là Hề Trọng, phong làm Tiết Hầu. Trọng Hủy ở Tiết, giữ chức tể tướng triều vua Thang, Vũ Vương lại cử cho làm Tiết Hầu, vì là dòng dõi vua. Nước nhỏ không chép không biết, và cũng không biết, thời nào bị nước nào diệt.

Tả - Mùa xuân, Đằng Hầu, Tiết Hầu, lại chầu. Tranh trường (thứ bực): Tiết Hầu nói. Tôi được phong tước. Đằng Hầu nói: Tôi là một họ chính nhà Chu (họ Bốc). Tiết là họ thứ, tôi không thể vị thứ sau được. Công mới sai Vũ Phủ xin Tiết Hầu rằng: Nhà vua cùng vua Đằng hạ làm tới quả nhân. lời ngạn có nói: Núi có cây, thợ tới đo; khách có lễ, chủ phải chọn. Nhà Chu, trong lời thề, họ ngoại thì kê bực sau. Quả nhân nếu lại chầu nước Tiết, quả dám đứng cùng hàng với họ Nhâm. Nhà vua nếu ưa quả nhân. thì xin y lời đề nghị của vua Đằng. Tiết Hầu mới nhường cho Đằng.

Công - Sao gọi là lại chầu. Chư hầu thì gọi là chầu, đại phu lại thì gọi là lễ (lễ sính). Cùng chép cả hai lại chầu là vì hai nước nhỏ.

Cốc - Thiên Tử không có việc gì, chư hầu cùng chầu nhau, thế là chính lễ. Xét lễ để sửa đức, rồi để biết tôn Thiên Tử.

Chư hầu lại chầu đúng thời là chính lễ, cùng đến một thời, một lượt

Hồ Truyện - Nhà Chu suy. Điển lễ hỏng cả, chư hầu làm bậy, giao thiệp với nhau, không còn lễ nghĩa nữa, chỉ lấy lẽ mạnh yếu đối với nhau. Cứ lấy việc nước Lỗ mà xét; hoặc lại chầu mà không báo lễ; hoặc đến luôn mà khi về không có đồ tặng. Thế là không hợp với lễ triều sính các nước chư hầu. Vả lại, mọi việc đều phải tâu với Thiên Tử, chức vụ của mình. Đã khuyết như thế mà còn đi triều sính nhau, thì có được không. Phàm nước lớn, cho tới sính, nước nhỏ tới chầu, nhất thiết Kinh chép chứ không bỏ, đều là để rõ ý chê. Đằng, Tiết hai vua, không nói riêng ra từng vua, lại chê là cùng một lúc lại triều kiến. Nếu không phải là đối với Thiên Tử, đâu có cùng lại triều kiến một chư hầu. Ngang nhiên chịu cho người ta triều kiến, thế là Ẩn Công cũng hoang mang

Trương Hiệp - Phàm chư hầu đều chép. Như Tiết, Đằng, cùng đến, mà lễ triều kiến không cùng ngày, thì cứ lần lượt kể ra. Như Châu, Mân, Cát, trước và Đằng, Tiết, hành lễ cùng ngày, thì chỉ có Thiên Tử mới được thế, chư hầu không được, rõ là phi lễ.

夏公會鄭伯于時來

HẠ, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU THỜI LAI

MÙA HẠ, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ Ở ĐẤT THỜI LAI

Công Thị, Cốc Thị dưới chữ tháng 5. Công thị biên chữ thời lai ra chữ Kỳ lê: 祁黎 Thời Lai là tên đất.

Ta - Mùa hạ, Công hội Trịnh Bá ở Lai, bàn việc đánh nước Hứa. Tháng năm, ngày Giáp Thìn, Trịnh Bá sắp sửa đánh Hứa, giao binh quyền cho Thái Cung. Công Tôn Át với Dĩnh Khảo Thúc tranh giành nhau một cái xe. Dĩnh Khảo Thúc đẩy xe chạy. Tử Đô tức là Công Tôn Át, đuổi tới đường cái, không kịp, Tử Đô giận.

Tôn Giác - Ẩn Công cả thảy 12 lần đi dự hội, không làm lễ khi ở Hội về. Ẩn Công không muốn nhận lấy lễ vua, vì có ý rồi nhường ngôi lại cho Hoàn Công. Khổng Tử biết rõ nên chép lược qua.

秋七月壬午公及齊侯鄭伯入許

THU THẤT NGUYỆT NHÂM NGỌ, CÔNG CẬP TỀ HẦU, TRỊNH BÁ NHẬP HỨA

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM NGỌ CÔNG CÙNG TỀ HẦU, TRỊNH BÁ VÀO NƯỚC HỨA

Hứa là huyện Hứa Xương, đất Dĩnh Châu. Theo Khổng sớ, Hứa họ Khương, cùng một tổ với nước Tề là dòng dõi tứ nhạc, Ba Di, Chu Vũ Vương phong cho con cháu là Văn Thúc tại Hứa.

Tả - Mùa thu, tháng bảy Công hội Tề Hầu, Trịnh Bá để đánh Hứa. Tới thành Hứa, Dĩnh Khảo Thúc lấy cờ lệnh của Trịnh Bá nhảy lên mặt thành. Tử Đô ở dưới ngắm bắn tên. Dĩnh ngã chết. Hạ Thúc Doanh vội nhặt cờ nhảy lên rồi hét to: Vua lên thành rồi, quân sĩ đều theo lên. Thế là ngày nhâm ngọ lấy được nước Hứa. Hứa Trang Công chạy trốn sang nước Vệ. Tề Hầu nhường đất Hứa cho Công, Công nói: Nhà vua thấy vua Hứa có lỗi với Thiên Tử, cho nên tôi theo để trừng phạt. Nay vua Hứa đã chạy trốn biết tội. Dù nhà vua có cho đất tôi cũng không dám nhận. Vua Tề mới đem cho vua Trịnh. Vua Trịnh sai đại phu Hứa là Bách Lý giúp em Hứa Trang Công là Hứa Thúc giữ lấy Đông Hứa và bảo rằng: Trời ra tay cho nước Hứa, thần linh không giúp, lại mượn tay quả nhân trừng phạt. Quả nhân chỉ nhờ vài người tôn tộc, nước còn chưa yên, đâu có tài đánh dẹp, lấy đất Hứa làm công. Quả nhân có em, anh em không hòa hợp, để cho em đến nỗi phải lang thang, ăn nhờ các nước, thế thì, đâu có giữ lâu được nước Hứa. Ông nên giúp Hứa Thúc để cùng yên dân. Quả nhân sẽ cho Công Tôn Hoạch (quan nước Trịnh) giúp việc trị nước. Nếu quả nhân được trăm tuổi rồi, mà trời có nghĩ lại cho nước Hứa, thì không gì bằng cho vua Hứa trở lại ngôi để trông coi xã tắc. Khi Trịnh ta có cần đến, mà Hứa chịu nghe ta, thì việc giao tế lại giữ được lối hòa hiếu trong hàng thân thích như xưa không để cho họ khác áp bức ta, cùng Trịnh ta tranh giành đất Hứa. Nếu có việc tranh giành thì con cháu ta cũng không được yên, không những Hứa mất mà mất cả Trịnh nữa. Quả nhân cho ông ở Đông Hứa, không phải vì Hứa, mà còn để Hứa làm phên giậu cho Trịnh nữa.

Khi sai Công Tôn Hoạch tới trấn Tây Hứa thì vua Trịnh nói: Tài san, đồ dùng, ngươi đừng để ơ đất Hứa, ta chết rồi thì ngươi lập tức đi ngay. Tiên quân ta lập ấp ở đó. Nhà Chu suy, con cháu không còn được như trước, mà Hứa thì là dòng dõi tứ Nhạc, chứ không như ta dòng dõi nhà Chu. Trời đã bỏ nhà Chu. Ta tranh thế nào được đất Hứa. Người quân tử bàn rằng: Trịnh Trang Công lần này biết lễ. Lễ được những gì. Kinh lý được quốc gia. Yên định được xã tắc. Dạy bao được nhân dân. Ơn trạch được con cháu. Nước Hứa loạn không còn kỷ luật, cho nên Trịnh đánh được. Đánh được rồi thì tha. Xét đức mình mà đối xử. Lựa lực mình, tùy thời cơ mà hành động, không để liên lụy cho người sau. Có thể nói được là biết lễ.

Trịnh Bá truyền cho mỗi trăm quân nộp một con heo, mỗi 25 quân nộp con gà để làm lễ nguyền rủa người đã bắn chết Dĩnh Khảo Thúc. Người quân tử bàn: Trịnh Trang Công thất chính và thất hình. Chính để trị dân, hình để chỉnh việc gian. Đã thiếu đức chính, lại không có uy hình, cho nên gian tà sinh. Đã có gian tà mà lại dùng cách nguyền rủa, thì có ích gì.

Phụ lục Tả Truyện - Thiện Tử lấy ruộng nước Trịnh, ở đất các Ô Lưu, Vĩ Hàn, và cho Trịnh ruộng của con cháu Tô Phẫn Sinh gồm các đất Ôn, Nguyên, Hy, Phàn, Thấp, Thành, Toàn Nha, Hướng, Minh Châu, Hình, Đồi, Hoài. Họ Tô phản vua, vua không trị nổi. Coi thế, người quân tử biết là Hoàn Vương sẽ mất nước Trịnh. Suy bụng ta ra bụng người, là phép tắc của đức, là đường lối của lễ. Cái nhà của mình không có thực, lại đi gán cho người, thì người không đến với mình nữa là phải.

Trịnh và Tức, vì lời qua tiếng lại hiềm khích nhau. Trịnh cùng Tức, đánh nhau ơ đất Cánh. Quân Tức thua to, chạy về. Coi việc ấy, biết Tức là sắp mất nước vì không biết đọ sức mình, không biết lượng sức mình, không biết gần người thân, không biết liệu lời nói, không biết xét tội lỗi. Phạm vào năm điều ấy mà còn đi đánh người thì phải thua to là phải.

Mùa đông tháng 10, Trịnh Bá đem quân nước Quắc đánh nước Tống. Ngày Nhâm Tuất đánh tan quân Tống, để báo thù việc Tống đem quân vào Trịnh. Tống không báo cáo nên Kinh không chép. Phàm chư hầu có báo cáo, thì mới chép, không thì thôi. Quân đội có được hay thua cũng thế. Dù có mất nước mà không

báo cao la thua, thắng trận mà không báo cáo là dư   đều không được chép vào the.

Ở Tây Nam huyện Khâu Thị, có đất Ô Tụ. Lưu, ở Tây Bắc huyện Hầu Thì (nay còn Lưu Đình). Vĩ và Hình đều là ấp nước Trịnh. Ở trước đã chú thích. Nguyên ở phía Tây huyện Thấm Thuỷ. Hy ở đất Dã Vương. Phàn, một tên là Dương Phàn, ở Tây Nam huyện Dã Vương (còn Dương Thành). Thấp Thành tại Tây Nam huyện Hoài Toàn Mao, ở phía Bắc huyện Tu Vũ. Hướng, ở phía Tây huyện Chỉ. Nay còn đất Hướng Thượng. Minh tức là Minh Lý. Một tên nữa là Đan Hình. Đồi ở phía Bắc huyện Tu Vũ. Hoài ở huyện Hoài. Tức, là nước Tức.

Triệu Khuông - Chư hầu không còn biết mệnh Thiên Tư. Vào nước người, tọi đã là to, lại sai đại phu giữ nước người ta. Thế mà Tả Thị còn cho là đúng lễ thế là muôi cái loạn.

冬十有一月壬辰公薨

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT NHÂM THÌN, CÔNG HOĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM THÌN, CÔNG MẤT

Tả - Vũ Phu xin giết Hoàn Công, để xin làm Thái Tể. Công nói: Ta vì Hoàn còn nhỏ tuổi. Ta nay sắp trao lại ngôi cho. Ta sai xây dựng cung Đồ Cừu, để về dưỡng lão. Vũ Phủ sợ, mới tới Hoàn Công, gièm Ẩn Công, xin giết Ẩn Công.

Công khi còn là Công tử, cùng người Trịnh chiếm ở đất Hồ Nhưỡng, rồi bị bắt ở đây. Người Trịnh giam ở nhà Doãn Thị. Công mới hối lộ Doãn Thị, cầu đảo thần Chung Vũ, rồi cùng Doãn Thị về. Sau lập nơi thờ Chung Vũ. Tháng 11, Công tế Chung Vũ, trai giới ở Xà Phố, quán ở nhà họ Vì. Ngày **Nhâm** Thìn. Vũ Phủ sai giết Công ở nhà họ Vì, mà lập Hoàn Công, rồi đánh họ Vì. Công được chép là chết, không chép lễ táng, vì đâu có thành lễ. Đồ Cừu, là ấp nước Lỗ, phía Nam huyện Lương Phủ, đất Thái Sơn. Hồ Nhưỡng là đất nước Trịnh.

Công - Sao không chép lễ táng, là vì giấu, chính thực là bị giết. Bị giết, không chép lễ táng. Kinh Xuân Thu, vua bị giết,

kẻ giết mà không bị trị, thì không chép lễ táng, cho là không có lễ thần tử nữa.

Tử Thẩm - Vua bị giết, bầy tôi không trị kẻ giết không phải là bầy tôi, không phục thù cha không phải là con. Táng là người sống làm lễ người chết. Trong Kinh Xuân Thu, vua bị giết, kẻ giết không bị trị, thì không chép lễ táng vì cho là không còn liên quan gì với bọn tôi, bọn con, Công mất sao lại không chép nơi mất. Vì không nói Ẩn Công, không thấy chép tháng giêng, vì Ẩn Công sẽ nhường ngôi cho Hoàn, cho nên không có tháng giêng là tháng chính.

Cốc - Công mất không chép nơi mất, là có cớ, là phải giấu, không nói nơi mất, không chép lễ táng là vì vua bị giết, kẻ giết không bị trị, cho nên không chép lễ táng. Cho là có tội. Ẩn Công trong 10 năm không có chính. Năm đầu có chính, chỉ là để chính thức ngôi vị Ẩn Công.

Xét - Ẩn Công năm đầu có chép chính (chính nguyệt). Các năm sau không chép chính nguyệt. Công Dương cho là Ẩn Công không có chính. Cốc Lương cũng cho là Ẩn Công không tự chính lấy. Cho thế đều không phải. Ẩn Công ở ngôi 11 năm. Mệnh Thiên Tử tới năm lần. Mình đã không vào chầu, lại không một lần nào lại sai sứ thần tới chầu để đáp lễ. Thế thì phải cho Công vào hạng không tuân theo chính sóc Thiên Tử, là khởi đầu từ Ẩn Công. Vì thế, không chép chính nguyệt cho rõ nghĩa lễ, chứ không phải vì Ẩn Công quyền ngôi vua.

XUÂN THU QUYỂN THỨ HAI

桓公

HOÀN CÔNG

Dương Sĩ Huân - Theo thế phả Lỗ, Hoàn Công tên là Doãn, con Huệ Công em Ẩn Công, lên ngôi năm thứ 9 Hoàn Vương, các sử chép tên là Quỹ. Theo phép vua đặt tên Thụy, con cháu nối lại được nghiệp xưa, gọi là Hoàn.

Năm Canh Ngọ, Hoàn Vương thứ 9.

元年

NGUYÊN NIÊN
NĂM ĐẦU

Tề Hy năm thứ 20. Tấn Ai năm thứ 7. Vệ Tuyên năm thứ 8. Sái Hoàn năm thứ 4. Trịnh Trang năm thứ 33. Tào Hoàn năm thứ 34. Trần Hoàn năm thứ 34. Kỷ Vũ năm thứ 40. Tống Thương năm thứ 9. Tần Ninh năm thứ 5. Sở Vũ năm thứ 30.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ
MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, CÔNG LÊN NGÔI

Công - Nối một vị vua bị giết, không gọi là tức vị. Sao đây lại dùng chữ tức vị. Là muốn theo ý Ẩn Công.

Cốc - Hoàn là người không biết có vua. Sao lại chép Xuân, Vương. Là muốn cẩn thận cho có thủy chung. Không cho là hạng không biết có vua, là vô vương. Em mà giết anh. Tôi mà giết chủ. Thiên Tử không dẹp định được. Chư Hầu không cứu được, quốc dân không trừ khử được. Thế là vô vương đạo. Thế mà lại làm được. Năm đầu có chép chữ vương chính là để trị Hoàn Công. Nói mà không nói là tức vị. mới là chính đạo, là vì vua trước chết không do chính đạo, thì con cái không nỡ tức vị. Đây nối mà chép tức vị. Vậy nghĩ đến vua trước bị giết thì ra sao. Đáp: Vua trước không chép vì chính đạo, thì mình tức vị là chính đạo. Thế là không phải có ơn gì vua trước.

Khổng Dĩnh Đạt - Chư hầu mỗi đầu năm, tất có lễ tại miếu. Nay gặp tang mà lên ngôi, đến năm mới tháng giêng, cũng đổi thành đầu năm, để chính vị. Trăm quan cứ tuân theo. Cho nên, sử nước Lỗ chép tức vị cho rõ, và đó là thường lễ của vua mới. Nay Hoàn tuy thực sự là cướp ngôi, đổ tội cho họ Vĩ, nói dối là không đồng mưu với giặc, rồi cứ dùng thường lễ, y như lễ gặp tang, nối ngôi. Thế là việc thực, được lên ngôi. Quốc sử cũng theo việc thực mà chép. Trọng Ni nhân đó mà không đổi. Thế lại càng rõ là Hoàn Công đã cướp ngôi, nhất là lại làm như lễ thường.

三月公會鄭伯于垂

TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU THÙY

THÁNG BA, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ TẠI BIÊN GIỚI

Cốc - Hội là gì? Là nước ngoài chủ hội.

Diệp Mộng Đắc - Loạn thần tặc tử chỉ có Thiên Tử và chư hầu. Thiên Tử nay cho triều kiến, chư hầu lại cùng hội, thế là đã chấp nhận cho vua ở vị vua. Về sau, giả có muốn đánh, muốn trị tội, cũng không có cớ gì đem quân tới. Đó là bước đường cùng của nhà Chu.

鄭伯以璧假許田

TRỊNH BÁ DĨ BÍCH DẢ HỨA ĐIỀN

TRỊNH BÁ ĐEM NGỌC BÍCH MƯỢN ĐẤT HỨA ĐIỀN

Tả - Công lên ngôi, sửa soạn giao hiếu với nước Trịnh. Người Trịnh xin thờ lại Chu Công, đòi lấy ruộng Banh (ruộng của người Trịnh ở Thái Sơn khi trước, để tiện việc tế). Công ưng thuận. Tháng ba Trịnh Bá đem ngọc bích, đổi lấy ruộng Hứa để làm việc tế Chu Công.

Công - Nói lấy ngọc bích mượn, tức là đổi. Đổi sao lại nói là mượn. Vì mượn có ý kính cẩn hơn. Còn có Thiên Tử vì chư hầu không được chuyên quyền về đất đai. Hứa Điền là gì. Là đất của Lỗ chầu chực nơi Thiên Tử. Ở đất ngoài Kinh đó Thiên Tử, các chư hầu có ấp để túc chực, tiện việc khi tới chầu. Kiêng nói là lấy ruộng nhà Chu. Nhưng sau lại gọi là ruộng Hứa. Là liên can đến nước Hứa. Ấp ấy gọi là ruộng vì ruộng nhiều, ấp nhỏ thì gọi là ruộng. Ấp to, ruộng ít thì gọi là ấp.

Cốc - Gọi là mượn chứ không là lấy, mà chính là lấy. Dùng chữ mượn, để kiêng việc đổi đất. Theo lễ, còn có Thiên Tử ở trên, chư hầu không được lấy đất cho nhau, không có ruộng thì không đủ đổi Hứa. Chưa nói đến Hứa, tức là từ trước Lỗ chưa giao Hứa cho. Hứa Điền, là ấp của Lỗ chầu chực. Banh là ấp của Trịnh được khi trước, để dự tế Thái Sơn. Vậy coi đó biết rằng 1) Lỗ không chầu nhà Chu nữa (tại Kinh đô 2) mà Trịnh cũng không chầu tế Thái Sơn (ở Thái Sơn).

Hồ Truyện - Lấy được Hứa Điền đổi đất Banh. Trịnh đã giao đất Banh, lại thêm ngọc bích, vì Banh xấu hơn Hứa. Lỗ là nước ở Sơn Đông, giáp ngay đất Banh. Trịnh là nước trong vòng gần Kinh đô Chu. Vậy Hứa Điền gần Trịnh, lấy nơi này đổi nơi kia, hai nước đều có lợi, mà thánh nhân cho là việc xấu, im đi không nói, là tại sao? Lợi vốn là lòng tham muốn riêng của người. Nếu cứ làm việc theo lợi, rồi thì đến chiếm đoạt, nhiễu loạn. Nghĩa là vốn lẽ công của trời. Cứ theo nghĩa đính chính, thì trong thiên hạ đâu mà chả đi được, việc gì mà cha làm được. Ấp Thang Mộc, nơi để chầu chực, tiên vương ban cho tiên tổ vẫn giữ, mà nay mình vì lợi riêng đem bán đổi, không suy nghĩ gì,

thế tức là tâm địa đã vô tuần, mà bỏ đi đất cát của tiên tổ. Vậy thánh nhân cho là một việc xấu cho nước, mà im không nói. Không nói là lấy ngọc đổi ruộng, mà nói là mượn: đổi là xong, là mất hẳn; mượn còn có thể lấy về được. Thánh nhân lại mong thấy người Hứa có ý sửa đổi làm điều thiện, ngày thêm hơn. Không phải chỉ vì quốc sỉ mà thôi. Thế là cái ý dạy răn vẫn nhiều hơn.

Khổng Dĩnh Đạt - Banh xấu hơn Hứa, phải các thêm ngọc bích, để đổi lấy Hứa Điền, chứ không phải là mượn. Không nói là lấy đất Banh mượn, mà nói là lấy ngọc bích mượn, bích đó thực là có đưa đến Lỗ. Chư hầu giao hiệp với nhau, có cầm ngọc bích làm tin, cho nên Kinh nói được ngọc bích. Còn đất Banh thì không nên nói, vì lấy đất đổi đất, việc quá rõ, không che sự đổi chác được.

Lưu Sưởng - Đổi là do ta cho, theo lời thì như tự Trịnh khởi xướng thế cũng là lời nói tránh. Công Dương bảo Hứa Điền là ấp của Lỗ, để chầu chực triều kiến, gọi là Hứa vì liên hệ đến nước Hứa, bảo thế không phải. Kinh Thi có câu: Ở đất Thường và đất Hứa, sửa sang nơi ở Chu Công, thế thì Chu Công được phong vốn đã có ấp Hứa, chứ không đợi đến thời Khổng Tử, rồi mới có liên can đến đất Hứa. Vả lại, các ấp đều có tên, hoặc là Hứa Điền, hoặc là Quy Âm Điền, cứ tên thực mà chép. Tự ý đổi làm gì.

Tô Triệt - Đổi Hứa Điền lấy Banh, cho là Banh chưa đủ, nên lấy thêm ngọc bích.

Trần Phó Lương - Lấy Hứa Điền, sao lại gọi là mượn. Đó là lời của Trịnh. Công Dương cho là cung kính. Ban đầu thời Xuân Thu, chư hầu làm điều gì trái, tất phải dùng lời nói cho trôi. Trịnh Bá lấy ngọc bích mượn Hứa, Điền, Tề Hầu và Trịnh Bá sang nước Kỷ. Thiên Bá đưa Vương Cơ, xây quán xá Vương Cơ ở ngoài nước, đều là lấy lời mà nói cho trôi việc. Phu tử thương cái mối tệ nhà Chu, có nói: Vụ lợi mà xảo quyệt, văn vẻ mà không e thẹn. Kinh Xuân Thu chép rõ việc. Rõ là vương hóa suy, phong tục biến dần, bắt đầu rõ từ việc đổi trá của Trịnh Trang.

Hoàng Chấn - Hứa Điền là đất giáp Trịnh. Trịnh lâu nay vẫn dòm ngó. Cho nên lấy đất Banh đổi. Lấy đất Phòng, đất Cáo của Tống làm mồi, được Hứa là nhường cho ngay. Đều là

những thư mà Ẩn Công muốn, nên Trịnh mới được đất Hứa. Ẩn Công tuy được Banh, Phòng Cáo, mà cứ từ chối việc Hứa, thì Trịnh cũng không bắt ép được. Ẩn chết rồi. Hoàn Công thoán ngôi, vội kết giao với Trịnh như xưa, cho nên Trịnh đổi được đất Hứa.

Hoàng Trạch - Sau khi được phòng. lại nói Lỗ ta vào đất Phòng, thế là trọng việc lấy đất. Sau khi đổi Hứa, không chép đem Hứa cho Trịnh, thế là trọng việc mất đất, vì nước Lỗ mà kiêng chép

Xét - Thêm ngọc bích để đổi lấy Hứa Điền. Khổng Dĩnh Đạt cho rằng Banh xấu hơn Hứa, Tô Triệt, Hồ An Quốc, đều theo ý ấy. Trần Phó Lương riêng cho là Trịnh Bá nói cho tròi việc, cứ theo tình thế đương thời, thì Phó Lương nói nghe được. Vậy chép cả mọi thuyết ra đây.

夏四月丁未公及鄭伯盟于越

HẠ TỨ NGUYỆT, ĐINH MÙI, CÔNG LẬP TRỊNH BÁ MINH VU VIỆT

MÙA HẠ THÁNG TƯ, NGÀY ĐINH MÙI, CÔNG CÙNG TRỊNH BÁ THỀ Ở ĐẤT VIỆT. VIỆT ĐẤT Ở GẦN BIÊN GIỚI

Tả - Hội thề để kết giao. Lời thề: Nếu ai trái lời sẽ chết (về việc Banh).

Cốc - Chữ cùng là chữ Lỗ sử chép. Việt là tên đất.

Xét - Hội thề ở đất Việt, Tả Thị cho là để kết giao vì việc đất Banh theo như việc cũ. Cốc Lương thì cho rằng Quốc sử chép để chê, chê Trịnh mượn việc cũ đổi đất để thỏa mãn lòng ham muốn chê Hoàn không nói là cầu hội thề, mà hội thề chỉ là hoàn thành việc cũ. Hai truyện như khác nhau. Nhưng ý thì thực là bổ túc cho nhau.

秋大水

THU, ĐẠI THỦY

MÙA THU, LỤT TO

Ta - Đất, đồng ruộng mà có nước là lụt to.

Công - Chép là để ghi một tai họa.

Cốc - Chỗ cao, chỗ thấp, đều có nước là lụt to.

Trình Tử - Vua biết sửa đức tốt thì hòa khí hưởng ứng mưa nắng đều đều. Hoàn Công đức xấu, làm nhiều điều trái ngược. Có lẽ khí sinh tai, thế là đáng lắm.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Trịnh Bá báo cáo việc thề.

Cốc - Không có việc, sao lại chép mùa. Là để không sót mùa. Lối biên chép năm của Xuân Thu, bốn mùa có đủ thì mới thành năm.

Năm Tân Mùi. Hoàn Vương năm thứ 10.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tề Hy năm thứ 21. Tấn Ai năm thứ 8. Vệ Tuyên năm thứ 9. Sái Hoàn năm thứ 5. Trịnh Trang năm thứ 34. Tào Hoàn năm thứ 47. Trần Hoàn năm thứ 35. Kỷ Vũ năm thứ 41. Tống Thương năm thứ 10. Tần Ninh năm thứ 6. Sở Vũ năm thứ 31.

春王正月戊申宋督弒其君與夷及其大夫孔父

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, MẬU THÂN, TỐNG ĐỐC THÍ KỲ QUÂN DỮ, DI CẬP KỲ ĐẠI PHU KHỔNG PHỦ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY MẬU THÂN TỐNG ĐỐC GIẾT VUA LÀ DỮ DI, CÙNG ĐẠI PHU KHỔNG PHỦ

Tả - Hoa Đốc nước Tống, trông thấy vợ Khổng Phủ ở ngoài đường đăm đăm nhìn phải nói: đẹp thật, duyên dáng thật. Năm thứ hai mùa xuân Đốc đến đánh nhà họ Khổng Phủ, bắt lấy vợ. Công giận. Đốc sợ, rồi giết luôn Thương Công. Người quân tử cho là Đốc vốn đã có tâm vô quân, nên khi có dịp là làm bậy, cho nên trước tiên chép việc giết vua.

Công - Thế nào là (cùng). Là có liên hệ. Bị giết với vua thì có nhiều người. Những người không có liên hệ thì không nói đến hay sao. Đáp: Có liên hệ, Cừu Mục Tuân Tức đều liên hệ cả. Bỏ Cừu Mục, Tuân Tức, cho là không liên hệ chăng. Có chứ. Thế thì riêng đây sao lại chép. Vì là người hiền. Khổng Phủ cho là cái nghĩa khí hiện hình hiện ra đến sắc mặt. Đốc sắp giết Thương Công. Ví như Khổng Phủ còn được sống, thì Thương Công không bị giết. Cho nên, ở đây trước tiên đánh nhà Khổng Phủ. Thương Công nghe báo, biết mình sẽ chết gọi chạy tới cứu, rồi đều chết. Khổng Phủ thường nghiêm nét mặt đứng tại triều còn ai dám qua mặt mà động tới vua, thế gọi là nghĩa khí hiện hình ra sắc mặt.

Cốc - Hoàn Công là hạng vô vương. Sao lại chép chữ vương (Xuân vương) là để chính việc Dữ Di chết. Khổng Phủ chết trước sao lại chép là cùng. Là vì theo nghĩa tôn và ti, đó là nghĩa Kinh Xuân Thu. Sao Khổng Phủ lại chết trước. Đốc muốn giết vua, nhưng sợ không xong, vậy phải giết Khổng Phủ trước, để khỏi bị chướng ngại. Lấy gì biết là giết Khổng Phủ trước. Con chết vì bố, không nỡ gọi tên. Tôi chết vì vua không nỡ gọi tên, mới biết người quân tử cũng có liên hệ. Họ Khổng, chữ Phủ là thụy hiệu. Hoặc có người bảo không gọi tên ra là kiêng cữ vì tổ tiên, Khổng Tử vốn người Tống.

Hồ Truyện - Hoàn Công là hạng vô vương mà năm đầu chép Xuân vương chính nguyệt, lấy đạo trời, lấy phép vua ra, cũng rõ tội Hoàn Công. Hoàn đã vô vương, mà năm thứ hai lại chép xuân, vương, chính nguyệt lấy đạo trời, lấy phép vua ra để chính tội của Tống Đốc

Lục Thuần - Cốc Lương bảo rằng sao biết là giết Khổng Phụ trước, vì tôi đã vì vua chết thì không nỡ gọi tên. Nay xét Triệu Tử bảo rằng việc Khổng Phủ là sử sách chép chứ không phải Thượng Công chép. Thế thì có liên quan gì đến vua mà bảo không nỡ, lại bảo rằng không chép tên và kiêng tên ông tổ. Xét Xuân Thu là sử nước Lỗ, đâu có phải là truyện cũ nhà Khổng Tử, thì sao lại kiêng tên ông tổ được.

Lưu Sưởng - (Cùng), nghĩa là thế nào. Là liên lụy. Sao lại chép, vì là hiền: Khổng Phụ về tài thì thường, về trung thì tận trung. Đã được giao cho việc quan trọng, đã chịu mệnh, thì không tranh việc chết, chỉ biết có tuân mệnh. Xuân Thu đối với bực hiền thì không gọi tên. Khổng Phụ là hiền, sao đây gọi là tên. Trước cha, thì gọi tên con. Trước vua thì gọi tên tôi. Còn Đỗ Thị lại bảo rằng: Khổng Phụ gọi tên vì trong không trị được việc nhà, ngoài gây oán với dân. Thân mình chết mà họa lây đến vua. Cho nên chê. Đỗ Thị bàn thế là sai. Xuân Thu tuy chép tên, tự, để khen, nhưng ở trên đã nêu tên vua ra, thì ở dưới không gọi tên tự bầy tôi được. Đó là trước vua, phải gọi tên tôi, đó là đại tiết của lễ. Nếu theo ý Đỗ Thị, thì nên chép tên vua, và chép tự bầy tôi, thế là đạo ngược nhân luân. Thế thì sao gọi được là thông hiểu Kinh.

Uông Khắc Khoan - Hoặc bảo rằng Khổng Phụ không đương được chữ thí. Vậy nếu chép rằng: (Tống Đốc thí vua Dữ Di, rồi sát đại phu Khổng Phủ), như thế thì không thấy được, là Khổng Phụ vì vua mà chết, và không rõ được cái tiết đại thần thờ vua. Cho nên đặc biệt chép chữ (cùng), để khen chết về việc vua. Đó là tinh ý của văn thánh nhân

Xét - Cốc lương cho Khổng Phụ là tên tự, Triệu Khuông bác đi, là phải lắm. Tả Thị cho Phụ là tên, để Đỗ Dự nhân cớ mà buộc tội Khổng Phụ, đều là không phải. Duy có thuyết của Lưu Sưởng "Trước vua gọi tên bầy tôi", là rất chính đáng. Cho nên Trình Tử, Tô Triệt và Hồ An Quốc đều dùng thuyết đó. Đạm

Trợ thì cho rằng chữ Khổng là tên tự, chữ Phủ là chữ gọi tôn trọng. Các đời Khổng trước, đều đặt chữ Phủ sau tên tự, như có những chữ Phất Phủ, Kim Phủ. Nếu lấy Khổng làm họ, há lại mỗi đời mỗi đổi họ chăng. Và lại thời Xuân Thu các người khá hay dùng tên tự là Khổng, thuyết đó tường tận đích xác. Tuy nhiên vua thì tên, mà thần thì tự, nghe nghĩa chưa xuôi. Vì thế, lấy thuyết của Lưu Sưởng làm chủ, mà thuyết của Đạm Trợ thì phụ vào cho đủ.

滕子來朝

ĐẰNG TỬ LAI TRIỀU

TƯỚC TỬ NƯỚC ĐẰNG LẠI CHẦU

Đỗ Dự - Năm thứ 11, Ẩn Công, thì gọi là Đằng Hầu, nay gọi là Đằng Tử, là Thiên Tử đương thời giáng chức.

Xét - Đằng, giáng, gọi là Tử, Triệu Khuông cho là đương có tang, chưa ở ngôi vua, Trình Tử cho là về sau, vì thân thuộc vào nước Sở. Hồ An Quốc cho là bị chê vì chầu Hoàn Công. Chu Tử đều bác bỏ cả. Duy có Trịnh Hồi cho là tự bớt tước để bớt thuế cống, đối với sự tình thì gần như đúng. Tuy nhiên xét nghĩa lễ của Kinh Xuân Thu, thì thấy vẫn không thông. Năm cấp là do chính thể nhà Chu đã định, Kinh Xuân Thu không theo tước của chư hầu tự tôn, sao lại theo tước của chư hầu tự giáng. Vì thế, thuyết của Đỗ Dự, Dương Sĩ Huân cho là bị Thiên Tử biếm, thuyết đó có thể là đúng. Hồ An Quốc nói: Thiên Tử đương thời còn giáng được chư hầu, thì làm gì có Kinh Xuân Thu. Thế thì Đông Chu suy, mà Tề, Tấn, thành được nghiệp Bá vẫn là theo mệnh Thiên Tử. Nghi Phủ, Lê Lai, vẫn là Thiên Tử phong tước cho. Vậy tuy uy pháp không thi hành được đối với Ngô, Sở là nước lớn ở xa, nhưng đối với các nước nhỏ như Đằng, Tiết, thì Chu sao mà lại không giáng được. Sau Xuân Thu đến 100 năm, thì Chu càng suy, thế mà Tam Tấn, muốn thành Hầu tước cũng vẫn còn phải xin Chu phong cho, huống ở thời Bình Vương, Hoàn Vương, nhà Chu mới thiên sang Đông.

三月公會齊侯陳侯鄭伯于稷以成宋亂

TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ VU TẮC, DĨ THÀNH TỐNG LOẠN

THÁNG BA, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, TẠI ĐẤT TẮC ĐỂ GIÚP LOẠN NƯỚC TỐNG

Tắc đất nước Tống.

Tả - Hội tại đất Tắc, để chấp nhận loạn nước Tống, vì được của hối lộ của nhân họ Hoa. Tống Thương Công lên ngôi trong 10 năm, 11 lần chiến. Dân không chịu được. Khổng Phủ Gia giữ chức Tư Mã, Đốc giữ chức Thái Tể. Nhân lòng dân không chịu đựng được, mới tuyên truyền trước rằng: Công việc là tự quan Tư Mã, để giết Khổng Phủ và thí (giết) Thương Công, mời Trang Công hiện đương ở nước Trịnh về, lập làm vua, để thân với Trịnh, Hoa Đốc lấy đỉnh nước Cáo hối lộ Công, Tề, Trần, Trịnh, cũng được của hối lộ, cho nên cùng giúp Tống Công, Cáo là tên một nước.

Công - Việc ác lớn trong nước, thì kiêng tránh. Đây lại nói rõ là tại sao. Là vì đã xa. Các việc nghe thấy, trông thấy, đồn tới, lại thì chép. Ẩn Công cũng đã xa rồi, sao lại vì Ẩn Công mà kiêng tránh. Vì Ẩn Công thì hiền, mà Hoàn Công thì bậy.

Cốc - Chữ để (để giúp loạn) là sử Lỗ ghi việc trong nước. Ghi việc Công giúp xong loạn. Chữ giúp xong là ý việc chưa xong, nay giúp cho xong. Việc ác trong nước, người quân tử không bỏ xót.

Lưu Sưởng - Giúp giặc nước người ta, ăn của hối lộ của người, định đặt lấy trên dưới nước người ta, có thể gọi là "giúp giặc nên công" thì được, bảo là bình, là dẹp loạn thì không được. Đỗ thị bảo giúp xong là dẹp bảo thế là sai. Xuân Thu có những chữ như (xong việc bình), (cùng Tề bình), (Công với Tề Hầu bình), nước Cử và nước Đàm đều xưng thẳng là bình. Nếu như Xuân Thu muốn tránh cái gian ăn hối lộ, mà nói bình loạn nước Tống, thì còn nghe được. Nay không nói là bình, mà nói là giúp cho xong, thế đâu có gọi là bình. Vả lại xét truyện cũng có nói là hội ở đất Tắc để giúp xong loạn nước Tống, chỉ vì đã được ăn hối lộ, giúp Hoa Đốc. Giải nghĩa câu "giúp xong loạn Tống" trong Kinh, thật đã rõ ràng.

夏四月取郜大鼎于宋戊申納于太廟

HẠ TỨ NGUYỆT, THỦ CÁO ĐẠI ĐỈNH VU TỐNG, MẬU THÂN, NẠP VU THÁI MIẾU

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, LẤY ĐỈNH NƯỚC CÁO Ở NƯỚC TỐNG NGÀY MẬU THÂN NỘP VÀO NHÀ THÁI MIẾU

Tả - Mùa hạ, tháng tư, Công nhận đại đỉnh nước Cáo ở nước Tống đưa tới. Ngày Mậu Thân đặt vào nhà Thái Miếu. Thế là trái lẽ. Đại phu Tang Ai Bá (con Tang Hy Bá) can: Đã là vị vua, thì cần rõ đức sáng, ngăn điều trái để làm gương cho bách quan. Vì còn sợ là không làm được, còn sợ là lãng quên, cho nên phải ghi chép để truyền bảo con cháu đời sau. Thế cho nên, nhà tôn miếu uy nghi, mà thanh nhã. Xe vua chỉ giải đệm cỏ bó. Canh ngon, nhà vua không quá tỉ mỉ. Cơm trắng nhà vua không quá cầu kỳ, toàn là để nêu đức tiết kiệm. Áo cổn có là đáp. Mũ miện có dát ngọc. Quần có dây lưng. Giày có tất. Có trâm giài mũ, có dải mũ hai bên, có lụa bọc mũ. Mọi thứ đã được đặt ra tương tán, là để cho có mực độ. Các thứ như màu dây đeo ngọc, số ngọc dát trên vỏ gươm, dai dài ngắn, hình cờ, thứ da yên ngựa, là để rõ số mục. Màu sắc áo quần, vẽ hỏa, vẽ long, vẽ năm sắc, là để tượng hình các vật. Nhạc trên đầu ngựa, trên hàm ngựa, trên cán cờ, trên cửa cung điện, là để định rõ thanh âm. Nhật, nguyệt, tinh, thêu vào cờ, là để rõ đức sáng. Xét ra, đức kiệm mà có chừng mực, trên dưới nhiều ít đều có số định. Không có vật gì, không có màu gì, là không đặt phép để theo cho rõ đức. Đức phát xuất ra, nghe thấy tiếng, trông thấy hình để làm gương cho bách quan. Nếu bách quan cứ soi gương ấy, thì còn ai có điều trái gì nữa mà trách được. Quốc gia mà suy đồi là vì gian quan. Quan đã thất đức rồi, cái đồ ăn cắp lại được phô trương ra, như đem đỉnh đặt trong miếu, thật là quá tệ. Xưa Vũ Vương, diệt nhà Thương, rời chín đỉnh, đến ấp Lạc, kẻ nghĩa sĩ còn trách. Huống chi nay đem cái của do bọn loạn thần đút lót, mà phô trương giữa nhà Thái Miếu coi sao được.

Vua không nghe. Quan nội sử nhà Chu biết chuyện, có khen: Họ Tang Tôn Đạt ở Lỗ rồi sao cũng có hậu. Vua đã trái, mình không quên, cứ lấy điều đạo đức mà ngăn cản.

Lạc Ấp - Vũ Vương muốn đóng đô. Chưa có đô thành. Chu Công mới sửa sang Lạc Ấp gọi là Vương Thành, tức là Hà Nam Thành.

Công - Đỉnh lấy của Tống. Sao lại gọi là Cáo Đỉnh. Đồ đạc gọi theo tên. Đất gọi theo chủ. Đồ đạc đem cho người không phải là sẵn có. Tống đầu tiên, làm một việc bất nghĩa, mà lấy được, nên gọi là Cáo Đỉnh. Còn như đất đem cho người thì không thể, chốc lát có thể có được. Vậy thì đã lấy được, có thể coi như là có được chăng. Không thể được. Sao vậy? Cũng như Vi, vợ Sở Vương, thì dù sao cũng không gọi là có được. Ngày Mậu Thân nạp tại Thái Miếu. Sao lại chép. Là để chê. Chê vì nhận loạn lấy của hối lộ mà cúng vào Thái Miếu là phi lễ.

Cốc - Hoàn Công trong nước thì giết vua, ngoài nước thì giúp bọn loạn, lấy của hối lộ đem về thờ tổ, thật là phi lễ, chắc là ông tổ, tức là Chu Công không nhận lễ ấy. Cáo Đỉnh là nước Cáo đúc thành. Vậy Tống đánh rồi chiếm lấy. Khổng Tử nói: Tên theo chủ. Vật theo nước. Tức là đại đỉnh nước Cáo.

Đỗ Dự - Ngày Mậu Thân, là ngày mùng mười tháng năm, Khổng Dĩnh Đạt nói, xét lịch năm ấy, tháng tư ngày Canh Ngọ là mùng một. Suốt tháng không có ngày Mậu Thân. Tháng năm mồng một là Kỷ Hợi, mùng mười là mậu thân, thế là có ngày mà không có tháng.

秋七月杞侯來朝

THU THẤT NGUYỆT KỶ HẦU LAI TRIỀU

MÙA THU, THÁNG 7, KỶ HẦU LẠI CHẦU

Tả - Mùa thu, tháng bảy, Kỷ Hầu lại chầu. Kỷ không có ý kính sợ. Kỷ hầu về rồi, Công nghĩ mưu đánh Kỷ.

Cốc - Chầu mà chép mùa tháng, là tại sao. Hoàn Công trong nước thì giết vua, ngoài nước thì hoàn thành việc thoán nghịch. Do đó, Tề Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá định đánh. Hoàn mới hối lộ. Việc được êm ngay, rồi có việc tới chầu. Thế là cẩn thận chép tháng để tỏ ý chê ghét.

Lưu Sưởng - Kỷ Hầu chầu nước Lỗ. Cho có tỏ chút bất kính, thì cũng chưa nên đem quân vào nước Kỷ. Tả Thị nhầm chữ 杞 với chữ 紀 mới có thuyết bất kính. Cốc Lương thì cho rằng lễ

tới chầu, chép mùa, ở đây lại chép thêm cả tháng, cho là vì Hoàn Công, trong giết vua, ngoài giúp giặc. Thấy thế, Tề, Trịnh, định đánh trong vài ngày hối lộ, việc êm, rồi có việc chầu, cho nên cần ghi tháng để tỏ ý chê ghét. Bàn thế không phải. Năm thứ 6, mùa đông, Kỷ lại chầu, thì cũng là Kỷ 紀, trước mà Hoàn Công vẫn là Hoàn Công. Việc không hơn, ghét không giảm, mà Kỷ Hầu có lỗi không đổi. Vậy càng nên trách hơn. Trái lại năm thứ 6, chỉ ghi có mùa, tại sao. Có phải là Kinh Xuân Thu, không ghét chăng.

Trình Tử - Phàm chép là Hầu, đều nên viết Kỷ . Tước nước không phải là Hầu. Kinh văn viết nhầm. Đến khi Hầu mất nước, thì không thấy chép là Hầu nữa.

Lý Liêm - Chép là Hầu, là do Công Dương chú và khảo vào năm Ẩn Công thứ 2. Vốn không phải là tước Hầu, mà gọi là hầu là nhân Thiên Tử sắp cưới vợ ở Kỷ cho nên phong cho "trăm dặm", sau cứ gọi là Hầu mà Cốc Lương chú giải cũng cho là Thiên Tử gia phong. Đều không biết là văn thiếu sót, không biết là Tử hay Bá.

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 7 Thành Công, Tào Bá lại chầu. Năm thứ 6 thứ 15, và Định Công năm thứ 18, Châu Tử lai chầu. Đều chép tháng. Vậy không nên lấy sự chép tháng làm biếm chê.

蔡侯鄭伯會于鄧

SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỘI VU ĐĂNG

SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỘI Ở ĐẶNG

Ở Tây Nam huyện Thiệu Lăng, đất Dĩnh Xuyên có Đặng Thành, Công Dương cho Đặng là một nước. Mà năm thứ 5, Đặng Hầu lại chầu, tức là vua nước Đặng.

Ta - Khởi thủy sợ nước Sở.

Sở ở phía Bắc huyện Giang Lăng đất Nam Quận. Kỷ là đất Nam Thành, Theo Không sở phả, Sở dòng dõi họ Xuyên Húc. Đời sau, có Dục Hùng, thờ Chu Văn Vương, rồi chết sớm. Thành Vương phong cho cháu Dục Hùng là Hùng Dịch ở Sở, hàng Tử, lấy ruộng ở Nam đất Nam Dương, nay tức là Chi Lăng. Đến

đời Hùng Thông mới xưng là Vũ Vương ở đất Dĩnh tức là Giang Lăng bây giờ.

Công - Hai nước không gọi là hội. Đây chép hội vì có thêm nước Đặng.

Xét - Công Dương cho là nước Đặng cùng hội. Hồ An Quốc cùng Tiềm Nhược Thủy và Quy Thị đều nghe theo. Năm đầu Ẩn Công có hội thề, đúng như thế cho Đặng là đất nước Sái. Khổng Dĩnh Đạt lại bảo, Đặng là một nước, cách nước Sái xa lắm. Sái và Trịnh không thể đi xa nước mình mà họp được. Khổng Dĩnh Đạt nói cũng phải.

九月入杞

CỬU NGUYỆT NHẬP KỶ

THÁNG 9. ĐÁNH VÀO NƯỚC KỶ

Tả - Tháng chín, vào Kỷ, đánh về tội bất kính.

Cốc - Nước Lỗ ta đem quân vào Kỷ.

Uông Khắc Khoan - Hoặc cho là Sái và Trịnh vào Kỷ. Tuy nhiên diệt Bức Dương, diệt Lai, đều chép là Sái và Trịnh "rồi vào". Đây thì, không chép "rồi vào". Vậy tức là chỉ có Lỗ vào. Tả Truyện bảo đánh Kỷ về tội bất kính. Chắc là nhân năm 27, Hy Công, mùa xuân, Kỷ Tử lại chầu. Mùa thu Công tử Toại đem quân vào Kỷ. Thế rồi hai việc lẫn là một.

公及戎盟于唐

CÔNG CẬP NHUNG MINH VU ĐƯỜNG

CÔNG VÀ NƯỚC NHUNG THỀ TẠI ĐẤT ĐƯỜNG

Tả - Để nối tình giao hiếu xưa.

冬公至自唐

ĐÔNG, CÔNG TRÍ TỰ ĐƯỜNG

MÙA ĐÔNG CÔNG TỪ ĐƯỜNG VỀ, LỄ CÁO MIẾU

Khởi thủy chép việc lễ cáo miếu.

Ta - Phạm khi ra đi, có cáo ở tôn miếu. Khi về cũng cáo miếu, ăn mừng thăng trật, thưởng công. Đúng lễ thì như thế. Riêng về việc hội đi đi, lại lại, thì gọi tên đất, là ý nhường nhau. Khi có ba vị hội, thì mình đi, chép tên đất, người đến thì gọi là hội, tức là việc đã thành.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Phu nhân của Tấn Mục Hầu là Khương Thị, nhân việc đất Điều, đặt tên Thế Tử mới sinh là Cừu. Khi sinh em Cừu, nhân việc chiến ở Thiên Mẫu đặt tên là Thành Sư. Sư Phục nói: Lạ thay, người quân tử mà đặt tên con như thế. Xét tên để giữ nghĩa, nghĩa để sinh lễ, lễ để thành chính thể. Chính là chính danh. Thế cho nên, chính thể có thành, thì dân mới yên. Đối trái đi, là sinh loạn. Sánh đôi "hòa hợp", gọi là "phi". Ghét nhau gọi là "cừu". Nay vua đặt tên Thế Tử là Cừu, em Thế Tử là Thành Sư, thế là điềm loạn: người anh sẽ bị thay thế. Huệ Công năm thứ 21, nước Tấn mới loạn, cho nên phong Hoàn Thúc ở đất khúc ốc. Cháu của Tĩnh Hầu được Loan Tân làm Thái Phó. Sư Phục lại nói: Tôi nghe, quốc gia mà được lập nên, gốc lớn mà ngọn nhỏ mới bền. Vì thế, vua dựng nước, chư hầu dựng nhà, Khanh lo cho vợ con, đại phu lo cho con em, sĩ lo cho gia nhân, thứ dân, công thương đều có thân, sơ, tất cả đều có đẳng cấp. Được thế, dân mới làm việc theo người trên, mà kẻ dưới không có ham muốn việt phận. Nay Tấn là Điện Hầu (nước Hầu ở gần Kinh Đô), mà dựng nước vốn đã yếu, thì lâu bền sao được. Huệ Công năm thứ 30, Tấn Phan Phủ giết Chiêu Hầu mà đón Hoàn Thúc. Việc không thành. Người Tấn mới lập Hiếu Hầu. Lỗ Huệ Công năm thứ 45, Khúc Ốc Trang Bá đánh nước Dực giết Hiếu Hầu. Người Dực lập em Hiếu là Ngạc Hầu. Ngạc Hầu, sinh Ai Hầu, Ai Hầu xâm chiếm ruộng xứ Hình Đình. Hình Đình là Nam Bỉ giúp Khúc Ốc đánh nước Dực (Điều, đất nước Tấn, Thiên Mẫu nay còn tên đất ở huyện Giới Hưu xứ Tây Hà. Hình Đình là ấp Nam Bỉ nước Dực).

Cốc - Hoàn Công không hội mà chép là về. Là tự xa về.

Xét - Trở về tất cáo miếu. Sử chép là "chí", là làm lễ cáo miếu. Nên không cáo miếu thì không có chép. Không sơ rất rõ ràng. Mọi người bàn giải đều phân vân, hoặc bảo là ở xa về, hoặc bảo là ở lâu mới về, hoặc cho là nguy, hoặc cho là may, toàn là cứ hay xuyên tạc.

Năm Nhâm Thân, Hoàn vương năm thứ 11.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tề Hy năm thứ 22, Tấn Ai năm thứ 9. Vệ Tuyên năm thứ 10. Sái Hoàn năm thứ 6. Trịnh Trang năm thứ 35. Tào Hoàn năm thứ 48. Trần Hoàn năm thứ 36. Kỷ Vũ năm thứ 42. Tống Trang Công Phùng năm đầu. Tần Ninh năm thứ 7. Sở Vũ năm 32.

春正月

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG

Phụ Lục Tả Truyện - Mùa xuân, Khúc Ốc Vũ Công, đánh nước Dực, nghỉ quân ở Hình Đình, Hàn Vạn đi đầu. Lương Hoằnh làm Hữu quân . Đuổi Dực Hầu ở đất Phần Thấp. Ngựa tham vướng, phải dừng lại. Đêm Dực Hầu bị bắt, cùng với Cung Thúc đất Loan. Phần Thấp, đất gần sông Phần, Sông bắt đầu từ Thái Nguyên, huyện Phần Dương đến đất Phần Âm xứ Hà Đông thì chảy vào sông Hà Loan là đất nước Tấn, đại phu Tấn có ấn phong.

Lý Liêm - Xét Lỗ Hoàn Công năm đầu, các năm thứ 2, thứ 10, thứ 18, còn có chép chữ vương. Triệu Thị cho là người thời sau lầm. Nói là sai. Lại đến lời chú của Cốc Lương thấy năm thứ 2, chép chữ vương cho là chính, cho là khen, cái chết của Dư Di, rồi phụ hội, cho là năm thứ 10, cũng là chính, là khen,

cái chết của Chung Sinh, thế tức là Cốc Lương không biết chính cái nghĩa thí nghịch. Chú của Công Dương ở năm thứ 10 thứ 18, chép chữ vương thì còn nghe được. Nhưng ở năm đầu cho rằng Hoàn Công lúc đó chưa dám có ý vô vương đến năm thứ ba mới hình rõ cái tội vô vương, thế lại là xuyên tạc quá lắm. Cho nên chỉ có Hồ Thị theo Trình Tử cùng xét lệ của Phạm Thị, thì Xuân Thu, việc vô vương, gồm có 108 việc. Hoàn Công Vô Vương thấy rõ ở chỗ không tuân vương pháp. Bọn chư hầu khác vô vương thì không chép chữ giêng (tháng giêng) và chữ vương. Tuyên Công cũng là hạng cướp ngôi, thế mà không bỏ, ý là tội có nặng, có nhẹ, mà chép có khác nhau.

公會齊侯于嬴

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU DOANH

CÔNG HỘI TỀ HẦU TẠI ĐẤT DOANH

Tả - Hội ở đất Doanh, ấp ở nước Tề, là để thành hôn ở nước Tề.

Xét - Hội ấy, nước ngoài chép. Chép hội chứ không chép chữ cùng (cùng Tề Hầu Hội), nên cho thuyết Trương Hiệp là chính đáng, vì nước Lỗ sợ bị đánh. Kết đảng với người ác là tội nước Tề. Ý của Kinh là ghét Tề, cho nên chỉ chép là hội.

夏齊侯衛侯胥命于蒲

HẠ, TỀ HẦU, VỆ HẦU, TƯ MỆNH VU BỒ

MÙA HẠ, TỀ HẦU, VỆ HẦU TƯ MỆNH TẠI ĐẤT BỒ

Tả - Không có thề.

Công - Tư mệnh là gì? Là sắp ra mệnh, tức là gần đến chỗ chính đáng. Thời cổ không phải thề, chỉ giao kết với nhau bằng lời, rồi rút lui.

Cốc - Chữ tư, cũng như chữ tương là cùng, là cùng nói với nhau, bảo nhau, mà rồi hiểu, tin nhau, cùng nhau kính cẩn rồi về. Thế là được gần cổ nhân. Tất có một trong hai người nói

lên trước. Đây chép cùng nhau nói, nghĩa là không phải Tề Hầu mệnh cho Vệ Hầu.

Ngữ Loại - Trong sách Ngữ Loại, Chu Tử hỏi Trương Hiệp: Thường thường lấy lý lẽ gì mà trong hội gọi là tư mệnh. Đáp: Thường xét, thì thấy nên theo thuyết của Lưu Thị Độc, Từ khi mệnh Thiên Tử, không thi hành được, thì chư hầu tiếm quyền, dần dần như leo thang, nhưng cũng tùy ở thế lực hơn kém mới tiếm, có công bố ra mới thành tiếm. Tề, Vệ đương thời, có thể ngang nhau, nên Tề Hi Công tự cho mình là Tiểu Bá, mà cả hai bên lấy việc Bá nói với nhau, để được thỏa ý muốn riêng. Lâu ngày, lực sẽ không ngang nhau nữa. Cũng vì thế, từ Hoàn xưng Bá cho đến thời chiến quốc, chư hầu mới có ý xưng vương. Không dám riêng một mình xưng vương trong nước, tất phải chọn một nước sức ngang mình, rồi hẹn nhau cùng vương y như Ngụy và Tề, hội nhau ở Trọc Trạch để cùng xưng vương. Rồi sau, bảy nước đều xưng vương. Người Tần nghĩ mình hơn nước khác, thế là sai xứ bàn với Tề hẹn cùng xưng Đế. Từ tương mệnh cho đến tương vương, từ tương vương cho đến tương Đế, tiếm quyền cứ thêm dần. Thế tất phải như thế, há chẳng là chứng cớ rõ ràng hay sao? Hỏi: Thế thì Tả Truyện cho là chuyện Tư Mệnh ở đất Bồ là thế nào? Đáp: Đó là đem việc Thiên Tử mà nhường nhau. Nói: Thuyết nghe ra có lý.

Xét - Công Thị, Cốc Thị đều cho việc tư mệnh là hay. Trình Tử cũng theo, Hồ Truyện cũng theo. Vì so với việc hội thề luôn thì chỉ gây thành loạn to, mà đây thì đã gần được đạo xưa. Trương Hiệp theo thuyết Lưu Sướng, thì bảo là hai bên Tề, Vệ, tương mệnh để thỏa ý muốn riêng, mà nói hẳn là tiếm quyền quá. Chu Tử lại cho Trương Hiệp có lý. Vậy chép cả các lời bàn đó.

六月公會杞侯于成

LỤC NGUYỆT CÔNG HỘI KỶ HẦU VU THÀNH

THÁNG 6, CÔNG HỘI KỶ HẦU TẠI ĐẤT THÀNH

Công Thị chép chữ 紀 và chữ thịnh 盛.

Tả - Công hội Kỷ Hầu ở đất Thành, là vì Kỷ muốn xin hòa.

Xét - Tả Thị Cốc Thị đều viết là 紀. Riêng Công Dương viết

杞 Trình Tư cho Kỷ xưng Hầu là 紀 nên cho Công Dương là đúng. Xét. Tề và Lỗ đương hòa, mục. nước Kỷ 杞 và nước 成 đều sợ Tề, nên hội lớn với Lỗ để cầu được che chở. Vậy thuyết của Cao Thắng nghe được.

秋七月壬辰朔日有食之既

THU THẤT NGUYỆT NHÂM THÌN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI KÝ

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM THÌN, NGÀY SÓC, HẾT NHẬT THỰC

Công - Ký (nhật thực chi ký) nghĩa là hết.

Cốc - Chép ngày. Chép ngày sóc, nghĩa là nhật thực vào chính sóc. Ký là hết. Đã chép nhật thực. Lại thêm chữ hết cho rõ.

Xét - Hồ Truyện nhận thấy Cốc Lương không chép ngày sóc, cho là nhật thực về đêm, đến buổi sớm mới biết. Bảo thế là không phải. Đã thấy mặt trời khuyết thì thời giờ có thể xác định được, và chép ngày, chép sóc vẫn cứ được. Ví dụ nhật thực vào khoảng giữa giờ Hợi, Tí (nửa đêm) thì chưa lên khỏi đất đã sáng nguyên, thì buổi sớm đâu thấy có khuyết. Vả lại, nhật thực thì không coi về đêm, cũng như nguyệt thực không coi về ngày. Cho nên Đường Nhất Hành làm lịch, truy cứu hơn nghìn năm về trước, nhật thực cứ về ngày. Còn như nguyệt thực thì về đêm.

公子翬如齊逆女

CÔNG TỬ HUY NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

CÔNG TỬ HUY SANG TỀ ĐÓN TỀ NỮ

Tả - Mùa thu, Công tử Huy sang Tề đón Tề nữ, để cho trọn việc giao hiếu của vua trước. Cho nên chép là Công tử.

Cốc - Đón Tề Nữ là việc nghênh hôn. Sai đại phu đi là không chính lễ.

Phạm Ninh - Huy được gọi là Công tử thì Hoàn Công không thể cho là người có lỗi.

Lưu Sướng - Ta Thị giang là làm trọn việc giao hiếu của vua trước, mới chép là Công tử. Giảng thế không phải trong Xuân Thu, nhiều người được chép là Công tử, mà không phải cứ làm tròn tình giao hiếu với vua trước. Nếu cứ phải là lẽ ấy mới chép là Công tử, thì việc Huy suất sư cũng là việc chính, chứ không phải bỏ họ là chê ghét hay sao.

Xét - Việc Lý Tu nước Kỷ tới đón Lỗ nữ, Trình Tử bảo rằng lễ thân nghênh thì ở nơi quán xá, chứ đâu có phải đi xa ra ngoài nước, để đón vợ. Trương Hiệp cho là đúng. Tuân cho là phải. Cho nên năm đó, Công tử Huy sang Tề đón Tề Nữ. Phàm các thuyết lấy việc không thân nghênh là chê trách các thuyết ấy đều nước bỏ đi

九月齊侯送姜氏于讙

CỬU NGUYỆT TỀ HẦU TỐNG KHƯƠNG THỊ VU HOAN

THÁNG 9, TỀ HẦU ĐƯA KHƯƠNG THỊ TỚI ĐẤT HOAN HOAN, ĐẤT NƯỚC LỖ

Ta - Tề Hầu đưa Khương Thị là trái lễ. Phàm Công nữ gả chồng sang nước khác, nếu ngôi thứ là chị em thì có Thượng Khanh đưa đi, tức là có lễ với vua trước. Nếu ngôi thứ là con, thì một vị hạ Khanh đưa đi. Hàng Công thì Công không tự đưa đi, ở hàng nước nhỏ thì thượng đại phu đưa đi.

Công - Sao lại chép. Chép là chê. Vua chư hầu tự đưa ra khỏi nước là phi lễ. Thế tức là vào nước người ta. Sao không gọi là Phu nhân. Vì là ta nói đến Tề. Cha mẹ đối với con, dù con có làm Phu nhân nước láng giềng thì vẫn cứ gọi là Ngô Khương Thị.

Cốc - Theo lễ, đưa con, bố không xuống dưới thềm, mẹ không rời khỏi cửa miếu, các anh em không ra khỏi cửa khuyết. Bố răn rằng: Phải cẩn thận nghe lời bố chồng. Mẹ răn rằng: Phải cận thận nghe lời mẹ chồng. Các mẹ khác (bà phi) dặn thêm, cẩn thận theo lời cha mẹ. Đưa con ra khỏi cõi là phi lễ.

Lưu Sướng - Thế là vào nước người. Sao không gọi là Phu nhân. Là vì chưa lễ miếu chưa gọi là vào nước được.

公會齊侯于讙

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU HOAN

CÔNG HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT HOAN

Cốc - Không chê là vì đúng lễ. Tề Hầu tới Công đón để hội. Thế là phải.

Trình Tử - Tề Hầu đưa Tề Nữ ra khỏi cõi. Công thì đi xa để hội. Cả hai đều trái lễ.

Hồ Thuyên - Nếu Công đi đón vợ, thì nói là đi đón vợ chứ không nói đi hội với Tề Hầu. Đây thực là đi hội với Tề Hầu rồi nhân tiện đi đón vợ.

夫人姜氏至自齊

PHU NHÂN KHƯƠNG CHÍ TỰ TỀ

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỰ TỀ TỚI

Công - Huy sao không thấy nói đến. Vì đã gặp Công rồi.

Cốc - Không nói Huy cùng tới. Vì Công đã tự đi để nhận nơi Tề Hầu rồi. Tử Cống nói: Mão, áo, lễ nghi mà thân nghinh, có quá trọng thế không. Khổng Tử nói: Hợp hai họ để thành kết hiếu, và lo việc nối dõi muôn đời, sao lại cho là quá trọng thế.

冬齊侯使其弟年來聘

ĐÔNG, TỀ HẦU SỬ KỲ ĐỆ NIÊN, LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, TỀ HẦU SAI EM LÀ NIÊN TỚI SÍNH (THĂM VIẾNG)

Tả - Tề Trọng Niên, mùa đông, lai sính, là để tới phu nhân.

Khổng Dĩnh Đạt - Kinh chép là sính, Truyện chép là tới Phu nhân. Thế là làm lễ sính mà tới phu nhân.

有年

HỮU NIÊN

NĂM ĐƯỢC MÙA

Phụ lục Tả Truyện - Mẹ Nhuế Bá Vạn là Nhuế Bá Khương, ghét con có lắm sủng ái, mới đuổi ra ở đất Ngụy. Nhuế là một nước ở huyện Lâm Tấn xứ Phùng Dực. Ngụy là một nước ở huyện Hà Bắc xứ Hà Đông.

Công - Năm được mùa, hay được mùa to, là có chép, vì là việc mừng. Được mùa là sẽ được mùa. Được mùa to là năm ấy đầy đủ. Sẽ được là mong trước.

Cốc - Năm giống lúa đều chín là được mùa.

Hồ Truyện - Trong sử cũ, điềm hay, điềm dở, đều ghi, cho nên được mùa, hay được mùa to, đều ghi trong Kinh. Nếu sử cũ không ghi, thì thánh nhân, biết đâu mà thêm vào.

Tuy nhiên 12 đời Công, kể đã nhiều năm, chuộng việc nông, trọng hạt thóc, mong mưa thì cũng chép mưa, há lại không có các năm khác được mùa, sao Kinh không chép? Đó là ở đời các Công khác thì trong Ni san bỏ, chỉ có Hoàn Công được mùa, Tuyên Công được mùa to là chép, chứ không san bỏ. Vì rằng hai Công đó, tội đã to, đáng bị trời phạt tai nạn, hạn hán, nay lại được mùa thế là trái thường. Cho nên coi là việc lạ mà chép. Thế thì đạo trời cũng có tiếm chăng. Hoàn Công, Tuyên Công, ở ngôi được 18 năm, chỉ có hai lần chép là được mùa, vậy các năm khác ta biết là bị đói. Thế là lẽ trời vẫn không sai. Đó là một việc. Nếu không đọc Xuân Thu, thì cho là điềm lành. Người quân tử đọc thì mới nhận thấy là điềm lạ. Đó là thánh nhân, nhân sử nước Lỗ, nhân văn cũ của sử, mà lập ra phép để hưng khởi vương đạo. Cho nên văn sử viết ra như vẽ, văn Kinh như là tay thợ. Cứ coi Kinh thì biết nếu không phải thánh nhân, ai là san sửa được. Xem kỹ (được mùa, được mùa to), bọn tiên nho bàn về Kinh, phần nhiều cho là loại điềm lành. Đến Trình Tử phát minh ra ý chu yếu, bấy giờ mới hiểu là ghi việc lạ. Nhời cũng ý được thấy rõ ràng.

Hà Hưu - Hành động của Hoàn Công, mọi chư hầu đều nên trách phạt, nhân dân nên bỏ đi dần, thế mà nhờ được ngũ cốc

phong đáng, lại ở yên vui được trên đất cũ thế là đáng mừng mà chép rõ là vì dân vì nước, vậy cần phải chép việc được nữa.

Trình Tử - Chép được mùa là chép một việc lạ. Ở dưới việc người thuận, thì ở trên khí trời hòa. Hoàn Công giết vua để lên ngôi, là loạn nhân luân. Trời đất vì thế mà trái tiết sinh hạn hán, tai họa là phải lắm. Nay lại được mùa, thế là nên chép. Tuyên Công thì được kẻ giết vua lập lên ngôi, cái bậy có kém một phần, cho nên chỉ ghi chép năm được mùa to là một việc lạ.

Xét - Gia Quỳ nói: Chép được mùa không phải là nên được mùa. Trình Tử theo đó, rồi Hồ Truyện cũng bàn như thế cho là chính đáng. Hoặc có kẻ nghĩ rằng, vua bậy thành ra ghét ca dân, do không phải bản ý thánh nhân chép Kinh. Họ Trình, họ Hồ trong hai Truyện cũng có nói vì vua bậy nên sinh tai họa cho dân phải chịu đựng, cho nên trong hai năm dân được mùa là một chuyện lạ. Vậy Trình và Hồ cùng một ý với Công Dương. Coi đến lời bàn của Hà Hưu thì cũng không thấy trái nhau.

Năm Quý Dậu, Hoàn Vương năm thứ 12.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ TƯ

Tề Hy năm thứ 23. Tấn Tiểu Tử Hầu năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 11. Sái Hoàn năm thứ 7. Trịnh Trang năm thứ 36. Tào Hoàn năm thứ 49. Trần Hoàn năm thứ 37. Kỷ Vũ năm 43. Tống Trang năm thứ 2. Tần Ninh năm thứ 8. Sở Vũ năm thứ 33.

四年春正月公狩于郎

XUÂN CHÍNH NGUYỆT, CÔNG THÚ VU LANG

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, CÔNG ĐI SĂN Ở ĐẤT LANG

Tả - Chép mùa là theo lễ.

Công - Thú là gì? Là săn. Săn mùa xuân là điền, mùa hạ là miêu, mùa thu là sưu, mùa đông là thú. Đây là chép chê. Chê

vì đi xa. Chư hầu sao cứ phải điền thú. Một là có đồ cúng tế. Hai là có vật dụng về ngoại giao. Ba là đủ cung cấp việc ăn uống nhà vua.

Cốc - Bốn mùa có điền thú, là vì việc tôn miếu. Xuân gọi là điền, hạ là miêu, thu là sưu, đông là thú. Bốn mùa thì săn có ba mùa. Một là vì cúng tế, hai là vì giao tế, ba là vì cung cấp bếp nhà vua.

Đỗ Dự - Săn mùa đông gọi thú. Làm lễ tam khu. Được thời điền thu. Cho nên chép là đúng lễ. Vì sao? Vì xuân nhà Chu, tức là đông nhà Hạ. Điền thu là theo nhà Hạ. Lang không phải là đất săn trong nước cho nên chép tên đất.

Lý Liêm - Săn trong bốn mùa có tên: Xuân sưu, Hạ miêu, thu tiển đông thú, có chép trong Chu lễ. Tả Thị khi thuật lại lời Tang Hy Bá đúng thế. Riêng Cốc Thị Công Thị thì lại không hợp. Cốc sơ nói: Văn Tả Thị là theo danh từ Chu Công chế lễ. Còn Văn hai Truyện, hoặc giả, Xuân thu lấy phép của thời khác, hoặc phép của Thiên Tử cùng Chư hầu đương thời. Kinh điển bị mất mát, không tìm đâu ra chính. Vậy Hồ Thị mà căn cứ vào Chu Lễ là phải. Xuân Thu chép việc săn bốn lần: săn ở Lang thì chê là đi xa. Săn ở Chước thì chê là gần nước thù. Săn ở Hà Dương thì Hà Dương không phải chỗ săn, thực chỉ là tránh tiếng mời Thiên Tử. Sau hết, Tây thu vốn là việc thường, thực chỉ là để ghi một điểm phi thường. Vậy mỗi việc có một ý nghĩa.

Trác Nhĩ Khang - Việc săn trong bốn mùa chỉ ghi sưu thú. Kinh không chép nhiều sưu thú, vì khi chép là có cớ. Từ Văn Công về sau, bốn Công đều không chép, vì đại phu cầm quyền trị nước, Công không còn biết quân chính. Mùa được hay không, không đáng bàn nữa. Từ năm thứ 8 Chiêu Công lại chép. Thời đó, ba nhà chia nước Lỗ cầm quyền. Mượn lễ xuân sưu để diệu võ dương uy, đối với việc săn không phải thời, không đúng đất săn, không giống nhau, cho nên chép cả để rõ thời biến.

夏天王使宰渠伯糾來聘

HẠ, THIÊN VƯƠNG SỬ TỂ CỪ BÁ CỦ LAI SÍNH

MÙA HẠ THIÊN TỬ SAI QUAN CHỨC CỪ BÁ TÊN LÀ CỦ LAI SÍNH

Tả - Chu Tể, Cừ Bá tên là Củ, tới Sính. Còn bố nên gọi tên con.

Phụ lục Tả Truyện - Quân Tần, mùa thu, xâm nước Nhuế, Nhuế thua. Nhuế nước nhỏ. Mùa đông, quân Thiên Tử, quân Tần, vây nước Ngụy bắt Nhuế Bá đem về. Thế phả Tần có chép: Tần là tên Lũng Tây Cốc. Từ Quảng nói: Ở huyện Lũng Tây đất Thiên Thủy còn Tần Đình. Ở đất Tần Châu, huyện Thanh Thủy, phủ Cung Xương còn thành Tần cũ. Theo sử ký, tổ nhà Tần là Bá Ê, giúp vua Hạ Vũ về việc trị thủy được ban họ Doanh. Sau cỡ Đại Lạc sinh ra Phi Tử, thời Chu Hiếu Vương có làm chức Chu Mã ở khoảng sông Nghiên, sông Vị, được phong đất làm nước phụ dung tức là ấp Tần.

Công - Quan Cừ Bá là đại phu của Thiên Tử. Gọi hẳn như thế là vì chức quan nhỏ.

Đỗ Dự - Quốc sử mà chép năm để ghi hết các việc của Lỗ Công. Đầu mùa có chép tháng, cho đủ các mùa trong năm, cho nên Kinh Xuân Thu có khi chép mùa, mà mùa ấy chả có việc gì. Đây không thấy các tháng đầu mùa thu, mùa đông, là có khuyết, có thiếu sót trong sử. Các chỗ khác đều thế.

Lưu Sưởng - 1) Tể, là quan, quan của Thiên Tử, chức quan đã là của Thiên tử, thì thiên hạ đều biết. Cừ Bá là gì? Là tước. Củ là tên. Đại phu của Thiên Tử thì không gọi tên. Đây viết tên là ý chê. Chê vì trong nước, thì hoàn giết vua, nước ngoài thì giúp loạn tặc thành công, rồi lại không chịu mệnh Thiên Tử. Thiên Tử không trị được, mà còn giao hiếu, thế là nâng đỡ việc loạn. Vậy chê nhiều. 2). Tả Thị bảo, cha còn nên gọi tên con, bảo thế là sai. Vũ Tử tới xin đồ phúng, chép là thay cha là Vũ Thúc, tới cầu xin, lại chép là con còn nhỏ. Củ thì tự nhiếp vị của cha, tự lấy chức quan, đáng lẽ phải chê nhiều hơn Vũ Thị không chỉ lấy cách "cha còn, gọi tên con", mà bàn. Bỏ điều lớn, trách điều nhỏ, không phải là ý Xuân Thu. 3). Công Dương cho

là hạng Hạ Đại phu, cứ theo chức quan, họ, tên, và tự. Bản thế là sai. Lý đã không được chép tên, mà lại chép tự, lối văn Trọng Ni đâu lại viển vông thế. 4). Lại còn Hà Hưu cho rằng, trong năm bo hai mùa không chép là có ý chê Thiên Tử giao hiếu với kẻ dưới. Bàn thế là sai. Sử có chỗ khuyết, bỏ sót ngày tháng. Trọng Ni không tự ý thêm vào. Ngày tháng, đâu có đủ thấy nghĩa, mà thêm vào thì mất tin, nên không thêm.

Xét - Không chép thu và đông, Trình Tử cho là Thiên Tử mất quyền hình phạt. Thuyết đó vốn từ Hà Hưu. Không bằng thuyết của họ Đỗ cho là Sử chép thiếu sót, thuyết ấy mới chính. Cho nên Lưu Sưởng và Chu Tử đều theo. Uông Khắc Khoan nhặt hết trong Kinh những chỗ thiếu sót đến thân minh thuyết Trình Tử, nhưng vẫn không có chỗ căn cứ.

Năm Giáp Tuất. Hoàn Vương năm thứ 13.

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề Hy năm thứ 24. Tấn Tiểu Tử năm thứ 2. Vệ Tuyên năm thứ 12. Sái Hoàn năm thứ 8. Trịnh Trang năm thứ 37. Tào Hoàn năm thứ 50. Trần Hoàn năm thứ 38. Kỷ Vũ năm thứ 44. Tống Trang năm thứ 3. Tần Ninh năm thứ 9. Sở Vũ năm thứ 34.

春正月甲戌己丑陳侯鮑卒

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT, TRẦN HẦU BÀO TỐT

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG NGÀY GIÁP TUẤT NGÀY KỶ SỬU, TRẦN HẦU TÊN LÀ BÀO MẤT

Tả - Năm thứ 5, tháng giêng, ngày Giáp Tuất, ngày Kỷ Sửu, Trần Hầu Bào mất, hai lần cáo phó. Thế là Trần loạn. Con Văn Công tên là Đà giết Thế Tử Miễn, rồi thay thế. Trần Công đương bệnh thì loạn sinh. Người trong nước chia rẽ, tán loạn, cho nên hai lần cáo phó.

Công - Sao lại chép hai ngày chết. Thế là vớ vẩn. Ngày Giáp Tuất là ngày ra đi. Chết rồi ngày Kỷ Sửu mới biết. Người quân tử lấy làm ngờ cho nên chép hai ngày.

Cốc - Bảo chết, sao lại chép hai ngày. Dựa vào nghĩa Kinh Xuân Thu. Tin để truyền tin, ngờ để truyền ngờ. Trần Hầu ngày Giáp Tuất ra đi, ngày Kỷ Sửu mới thấy đưa về. Vậy không biết chết ngày nào, cho nên lấy hai ngày trước và sau lúc chết.

Trình Tử - Dưới chữ Giáp Tuất, chắc có chữ sót, khuyết.

Lý Liêm - Ba truyện đều không khảo cứu được ý nghĩa chỗ thiếu sót, Công Dương thì bảo là vớ vẩn. Ngày Giáp Tuất thì đi mất, ngày Kỷ Sửu thì thấy chết, quân tử lấy làm ngờ. Cốc Lương thì cho rằng: Trần Hầu đi ngày Giáp Tuất, về ngày Kỷ Sửu, không biết chết ngày nào, vậy lấy cả hai ngày quanh ngày chết. Tả Thị thì cho là hai lần cáo phó. Sai lầm đến thế là cùng.

夏齊侯鄭伯如紀

HẠ, TỀ HẦU TRỊNH BÁ NHƯ KỶ

MÙA HẠ TỀ HẦU, TRỊNH BÁ SANG NƯỚC KỶ.

Tả - Tề Hầu, Trịnh Bá, chầu nước Kỷ, muốn cùng đánh úp nước Kỷ. Người Kỷ biết.

Công - Nước ngoài ngoại giao không chép. Sao đây lại chép. Có hai nước thì không chép là hội họp.

Lưu Sưởng - Công Dương nói thế là không phải. Kinh Xuân Thu mà chép hội thề là để chê, để răn chư hầu, chứ không phải khen việc quần tụ, mà chê Ly Hội (ly hội là hội hai bên, thấy tất bên nói trắng, bên nói đen, không thể đồng ý, vậy không phải là hội họp). Tại sao không nên chép ly hội mà đổi là "sang", (sang nước Kỷ), đổi cho loạn cả sự thực đi, việc thực đi.

Lý Liêm - Việc nước ngoài, ngoại giao như lệ có hai: Châu Công sang Tào vì tới Lỗ cho nên chép. Tề, Trịnh, sang Kỷ, vì người Kỷ tới cáo, cho nên chép. Đó là điều lệ phi thường. Công Dương cứ thẳng, cho là ly hội mà không chép hội. Cốc Lương thì cho là qua nước Lỗ ta mà chép. Các lời bàn đó đều kém xa lời bàn của Tả Thị.

天王使仍叔之子來聘

THIÊN VƯƠNG SỬ NHƯNG THÚC CHI TỬ LAI SÍNH

THIÊN TỬ SAI CON NHƯNG THÚC TỚI SÍNH
CỐC THỊ VIẾT CHỮ 仍 RA

Tả - Con Nhưng Thúc con bé, dưới hai mươi tuổi.

Công - Con Nhưng Thúc là đại phu của Thiên Tử. Gọi là con Nhưng Thúc là có ý chê. Chê là cha già, con thay cha làm quan.

Cốc - Con Nhiệm Thúc. Chép bố mà sai con, thế là coi nhỏ việc vua tôi mà để ý đến việc cha con. Bất chính ở chỗ cho con thay cha làm việc quan.

Hồ Truyện - Chép là con Nhưng Thúc là chê lối nối nhau làm quan, chứ không được tuyển làm quan theo phép công. Đế vương không lấy tình riêng mà hại đến việc công, cho nên quan chỉ có thế lộc, là lộc đời con cháu vẫn được hưởng, chứ không có thế quan, là chức quan truyền cho con cháu. Nếu giao nhiệm vụ không kén hiền, sai làm việc không kén tài, con em các quan Khanh, Đại Phu, cho nối chức cha anh mà được dùng, thế không phải là được tuyển theo phép công. Chính trị do đó mà đổi bại. Thời trước có hạng điếu vị canh Sằn, đi câu ở sông Vị, đi cày ở ruộng Sằn mà được nhắc lên chức Tướng Quốc thiên hạ không ai cho là không phải. Y Doãn đại hiền, chấp trương triều chính, đính công tài lược, chấp trưởng binh quyền, không vì thời chiến mà bị dị nghị. Cổn đã bị tội, con lại được làm Tư Không. Sái Túc đã bị tù, Sái Trọng được làm Khanh sĩ, đều không phải vì bố mà con bị bỏ không được dùng. Đó là theo lẽ công. Đến khi Chu suy, quan tước triều đình được coi là của riêng, bè đảng chia nhau chức vụ, chia cho cả đến con nít. Người hiền phải về lánh nơi thảo dã đến già không được dùng, phép công không được thi hành, thế là quốc gia nghiêng đổ. Dù cho có hạng có trí, cũng không sửa xấu thành tốt được nữa. Kinh Xuân Thu mà chép họ Vũ con Nhưng Thúc là để răn vua chúa đời sau, đừng có nghe bọn gian thần dĩ công vi tư, đem con nít, con em mình ra làm quan, không theo lối kén chọn công, để cho quốc gia sinh bại hoại.

Uông Khắc Khoan - Trong bài tựa Thi Vân Hán, có đoạn: Nhưng Thúc cứ khen Tuyên Vương, thì biết rằng cha con nối nhau làm quan. Công Thị, Cốc Thị đều bảo cha già, cho con thay làm quan. Trình Tử thì bảo cha được lệnh đi lại sai con đi thay. Nay xét sự thật thì không có mệnh Thiên Tử, đâu có dám sai con mình thay mình đến sính nước Lỗ.

Xét - Tả Thị cho là còn bé. Công Thị, Cốc Thị cho là cha già, con thay làm quan. Hồ Truyện thì chê bọn cha con nối nhau làm quan, tất cả ý nghĩa đều như nhau. Trình Tử bảo là Nhưng Thúc được mệnh đi, nhưng lại sai con đi thay, thế thì sao xưng được là sứ của Thiên Tử, Uông Khắc Khoan bác lời bàn ấy đi là phải.

葬陳桓公

TÁNG TRẦN HOÀN CÔNG

LỄ TÁNG TRẦN HOÀN CÔNG

成祝邱

THÀNH CHÚC KHƯU

ĐẮP THÀNH CHÚC KHƯU (ở đất Lỗ)

Đỗ Dự - Nguyên nhân là Tề và Trịnh sắp đánh lén nước Kỷ.

秋蔡人衛人陳人從王伐鄭

THU, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN TÒNG VƯƠNG PHẠT TRỊNH

MÙA THU, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRẦN THEO THIÊN TỬ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả - Thiên Tử cất quyền dự quốc chính của Trịnh Bá. Trịnh Bá thôi, không chầu. Mùa thu, Thiên Tử đem chư hầu phạt Trịnh. Trịnh Bá đem quân ra chống. Thiên Tử coi Trung quân. Quắc Công Lâm phụ coi Hữu Quận, lấy người Sái, người Vệ phụ thuộc

vào. Chu Công Hắc Kiên coi Tả Quân, lấy quân Trần phụ thuộc vào. Bên Trịnh, Trịnh Tử Nguyên hiến kế: Lấy Tả quân để đương đầu với Sái. Vệ, lấy Hữu quân đương đầu với Trần, và đoán rằng, nước Trần đang loạn quân không có lòng ham chiến, nếu đánh vào Trần trước, Trần tất chạy ngay. Quân Thiên Tử thấy Trần chạy tất sinh loạn. Sái, Vệ không đủ giữ được rồi cũng chạy. Thế rồi Trịnh tụ lại, thẳng đánh vào quân nhà vua, tất được. Trịnh Bá theo kế, sai Mạn Bá coi Hữu quân, Sái Trọng Túc coi Tả quân, Nguyên Phồn Cao Cừ Di cùng đi Trang Công coi Trung quân, bày ra thế trận Ngư Lệ (xe đánh trước, đội ngũ đi sau, để bỏ túc, thay thế, giúp đỡ chỗ thiếu khuyết). Trận đánh ở đất Nhu Cát. Trang Công bảo hai quân Tả, Hữu, bắn đạn đá, và đánh trống trận. Sái, Vệ, Trần đều tan chạy, thế là quân nhà vua loạn. Quân Trịnh hợp làm một. Quân nhà vua thua to. Chúc Đam (tướng Trịnh) bắn trúng vào vai vua. Biết là vua dùng binh giỏi, Chúc Đam đuổi. Trịnh Trang bảo: Người quân tử không nên hơn người quá, chủ động là Thiên Tử, ta đã tự cứu được, xã tắc đã yên vững, thế là được lắm rồi. Đêm hôm ấy, Trịnh Bá sai Sái Túc tới nơi vua vấn an, và thăm viếng các tướng.

Nhu Cát, đất ở nước Trịnh, cũng gọi là Trường Cát.

Công - Chép là theo Thiên Tử phạt Trịnh, chữ theo là chính lễ.

Cốc - Chép (theo Thiên Tử), kiêng nói là tự phạt Trịnh vì Trịnh là nước cùng họ Thiên Tử ở Kỳ Châu. Trịnh không phục tùng bị Thiên Tử ghét.

Lưu Sưởng - Cứ nói thẳng nói là theo vua phạt Trịnh. Lời thuận, việc rõ còn phải giải thích gì nữa. Vả lại, thế nào là kiêng phạt Trịnh?

大雩

ĐẠI VU

LỄ ĐẠI VU

Tả - Mùa thu, lễ cầu đảo. Chép một việc lễ không đúng mùa. Phàm việc tế lễ: đầu xuân thì tế Giao, đầu hạ thì tế Vu, đầu thu thì tế Thường, đầu đông thì tế Chưng. Sai mùa cho nên chép.

Công - Lễ đảo vũ là mong khỏi hạn. Sao không chép hạn, vì nói đến đảo vũ tức là nói đến hạn. Chỉ nói hạn thì không thấy có lễ. Đây là chép một tai họa.

Trình Tử - Vua Thành Vương, vì tôn quý Chu Công, cho nên cho nước Lỗ nhiều lễ trọng, như Giao, Đế, Đại Vu. Đại Vu có nghĩa là cầu lên Thượng Đế, phải có ban nhạc trong thế. Mọi chư hầu, lễ Vu ở sông núi trong nước mình. Thành Vương cho, Lỗ Hầu nhận. Cả hai đều trái lễ, cho nên Khổng Tử nói: Lỗ mà tế Giao, tế Đế là phi lễ. Thế là đạo Chu Công suy. Đại Vu là lễ thường hàng năm, không cần hàng năm phải chép. Đây mà chép là vì không đúng mùa. Gặp đại hạn mà lễ Vu là không phải thời. Chép đây là chép một việc phi lễ, mà cũng là để thấy có đại hạn. Lễ Giao, lễ Đế, cũng nhân có việc mới chép. Khi xưa trong một năm nhiều thứ lễ trời. Như mùa xuân, nhân gieo hạt, mà có lễ kỳ cốc, mùa hạ, sợ hạn hán, mà có lễ đại vu.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép lễ Vu 21 lần. Về mùa thu bảy lần bảy là: Hoàn Công năm thứ 4. Thành Công năm thứ 3. Tương Công các năm 5 và 15. Chiêu Công năm thứ 8. Định Công các năm 7 và 15. Chép lễ Vu tháng tám, 4 lần là: Hy Công năm thứ 11. Tương Công năm thứ 28. Chiêu Công năm thứ 3 và năm thứ 24. Chép lễ Vu tháng bảy hai lần là: Chiêu Công năm thứ 2 và năm thứ 15. Chép lễ vu tháng chín bảy lần là: Hy Công năm thứ 13, Tương Công năm thứ 8 và thứ 17. Chiêu Công năm thứ 6 và thứ 16. Định Công năm thứ 1 và thứ 17. Chép lễ Vu mùa đông một lần, là Thành Công năm thứ 7. Xét ra, Tả thị biết là sao Long mọc, thì lễ Vu được chính lúc, cho nên ở trên chép là "lễ Vu năm nay không đúng mùa" Nhưng Tả Thị không biết rằng nhân đại hạn và lễ Vu, chép lễ Vu tức là chép một tai họa. Công Dương thì lấy lễ Đại Vu làm đại hạn. Triệu Tử cho rằng viết chữ Đại Vu ra thiên vu. Thuyết xưa lại cho đại là lễ to, bày thêm nhiều lễ vật. Tất cả đều không biết Đại Vu là tiếm. Một năm mà hai lần lễ Vu như Chiêu Công năm thứ 25 và Định Công năm thứ 7 đều đại hạn mà không cảm thông được việc cảnh cáo của trời. Cuối năm tân, lại có lễ Vu, không chép là Đại. Đạm Tử nói: Đó là vì nhân câu trên đã có chữ đại rồi.

Xét - Lấy chữ viễn là xa, mà giải thích chữ Vu, vốn tự sách Khổng sớ, giả Phục cũng dùng nghĩa ấy. Đỗ Chú thì nói rằng,

muôn vật đợi mưa. viễn làm cho ngũ cốc mong mưa, tựa như lấy chữ Vũ giải thích chữ Vu. Chữ viễn đáu có ý nghĩa ấy. Sách Nhĩ Nhã bảo rằng, Vu là tên lễ, thì chữ hu của Cốc Lương gần đúng. Cổ nhân giải thích chữ, hoặc xếp theo loại, hoặc căn cứ vào hài thanh. Vu và Vũ gần giống nhau về thanh. Còn hu với viễn thì khác hẳn.

螽

CHUNG

NẠN SÂU CHUNG

Công Thi viết ra chữ chúng.

Công - Chung sao lại chép. Vì là một tai họa.

Cốc - Chung là tai họa. Hại lớn thì hàng tháng. Ít hại thì hàng mùa.

Trình Tử - Đó là giống Hoàng Chung. Đã đại hạn lại có sâu hoang, không cần phải chép chữ đói.

Chu Tử - Chung cuộc về loại sâu hoàng: mình dài, sắc xanh, tua dài, chân dài, mỗi lần sinh được 99 con (chín mươi chín).

Xét - Năm nay giống như năm thứ 5. Ẩn Công, cũng có sâu keo. Cứ xét về lâu dài, thì mùa dài hơn tháng. Vậy Cốc Lương bàn sai. Nên bỏ.

冬州公如曹

ĐÔNG CHÂU CÔNG NHƯ TÀO

MÙA ĐÔNG, CHÂU CÔNG SANG NƯỚC TÀO

Châu là một nước. Huyện An Khưu, phủ Thanh Châu, thành Thuần Vu là nơi Châu đóng đô. Tào là nước Tào. Huyện Định Đào, xứ Tề Âm, phía Tây Bắc bốn dặm, có thành cũ Định Đào tức là nước Tào. Theo sách Khổng sớ, nước Châu họ Khương, nước Tào tước Bá, họ Cơ dòng dõi con vua Văn Vương là Thúc Chấn Đạc.

Tả - Thuần Vu Công sang Tào, đoán là nước mình nguy, không trở về nữa. Thuần Vu là đô của nước Châu. Nay là huyện Thuần

Vu xứ Thành Dương. Tại huyện An Khưu phủ Thành Châu, phía Đông Bắc cách 30 dặm, có thành cũ Thuần Vu.

Công - Nước ngoài đi lại với nhau, vì sao chép? Vì qua nước ta.

Cốc - Nước ngoài đi lại với nhau, vì sao chép. Vì qua nước ta.

Trương Hiệp - Châu xưng là Công, cũng giống Sái Công, chắc là Châu ở trong khu Kỳ (gần đất nhà Chu) ở huyện Châu xứ Hà Nội bây giờ, Tả Thị gọi là Thuần Vu Công Đỗ Chú có ghi: Huyện Thuần Vu là đô cũ của Châu. Truyện Chiêu Công năm đầu có nói đến việc xây thành Thuần Vu. Hoặc chép rằng Châu Công không trở về nước Kỳ mới thôn tính lấy Thuần Vu là đô. Chưa biết sách nào chép đúng.

Xét - Tả Thị cho Châu Công là Thuần Vu Công, Trương Hiệp, Triệu Bằng Phi đều cho Châu là một nước trong khu Kỳ tức là gần nhà Chu, cũng như Sái Công. Hai thuyết đều có lý. Nay cùng chép ra đây.

Năm Ất Hợi Hoàn Vương năm thứ 14.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Hy năm thứ 25. Tấn Tiểu Tử năm thứ 3. Vệ Truyện năm thứ 3. Vệ Tuyên năm thứ 13. Sái Hoàn năm thứ 9. Trịnh Trang năm thứ 38. Tào Hoàn năm thứ 51. Trần Lệ Công Diệu năm đầu. Kỷ Vũ năm thứ 45. Tống Trang năm thứ 4. Trần Ninh năm thứ 10. Sở Vũ năm thứ 35.

春正月食來

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT THỰC LAI

MÙA XUÂN, THÁNG "NGƯỜI ẤY" TỚI

Tả - Năm thứ 6. Mùa xuân. Từ Tào lại triều, chép là "người ấy", lại tức là thôi không phục quốc nữa.

Phụ lục Tả Truyện - Sở Vũ Vương cho quân xâm lấn nước Tùy, lại sai tướng là Vi Chương giả cầu hòa. Quân Sở đóng ở đất Hà, trên nước Tùy để đợi tin. Nước Tùy sai Thiếu sư là Đồng Thanh tới, Đấu Bá Tỷ, quan nước Sở nói với vua Sở rằng ta không được các chư hầu phía Đông sông Hán, sợ ta, chính là vì ta. Nếu ta cứ dàn quân, khoe đồ giáp binh, vũ khí của ta, thì họ sợ, họ cùng hợp nhau, rồi cùng mưu với nhau như thế ta khó mà chia rẽ được. Các nước ở Hán Đông, có Tùy là lớn hơn, Tùy mà cậy mạnh thì các nước nhỏ sẽ bỏ, như thế sẽ lợi cho Sở ta, Thiếu sư nước Tùy vốn là con người hay cậy mạnh giỏi. Vậy ta nay dàn các quân già yếu ra, để Tùy càng kiêu, càng cậy thế. Hùng Suất Thả Tỷ nói: Vô ích vì nước Tùy còn có Quý Lương. Đấu Bá Tỷ nói: Không sao, rồi sau tất thành, Thiếu Sư vẫn được vua tin dùng. Vua Sở nghe theo, giảm quân đi và mời Thiếu Sư đến coi và nghị hòa. Thiếu sư khi về Tùy, xin vua cho quân đuổi theo. Vua Tùy định nghe thì Quý Lương can ngăn và nói: Trời đang giúp Sở, Sở dàn bày quân già yếu để dụ ta. Xin chớ vội. Tôi nghe nhỏ mà địch được lớn là vì nhỏ đạo, lớn hoang dâm. Thế nào là có đạo Là trung với dân, là tin với quỉ thần. Trên chỉ nghĩ lợi cho dân, là trung. Việc thờ tự theo đúng lễ là tín. Nay nước ta, dân thì đói, vua thì phóng túng, Tế tự thì chỉ nói công đức bày đặt. Tôi không biết rồi sẽ ra sao. Vua Tùy nói: Việc cúng tế, khi nào ta cũng đủ trâu bò, nếp tẻ, béo tốt, ngon lành, sao lại không là tín. Đáp: Dân là chủ của thần. Vì thế thánh nhân xưa, lo xong việc dân, mới lo đến việc thần. Cho nên cúng tế, khi dâng tam sinh, có khấn, béo tốt, khỏe mạnh, là ý nói nhờ có dân được yên ổn làm ăn, mới chăn nuôi được thế, mới gây được giống tốt, lại sanh sản nhiều mới không tật bệnh dịch tễ, mới được đầy đủ không thiếu sót. Khi dâng ngũ cốc trong các đồ tế khí, có khấn: Sạch sẽ, chắc hạt là ý nói dân được làm ăn theo thời tiết, không bị người trên cản trở. Mùa lại được thuận, không trái không mất. Khi dâng rượu thì khấn: Rượu trong ngon tốt, là ý nói người trên kẻ dưới đều có đức không gian dối, rượu mới có hương vị thơm ngát, làm thuận theo mùa, dân đã được dạy dỗ, biết trọng ngũ luân, biết thân cửu tộc, thì mới cảm tới thần. Thế là dân đã hòa hợp, thần lại ban phúc. Vậy động làm là nên việc. Nay dân thì mỗi người một lòng, thần không chủ, còn dựa vào đâu. Vậy xin vua hãy sửa đạo đức, hãy thân với các nước nhỏ, cùng là đồng tông cả, thế thì mới tránh được mọi

sự khó khăn. Vua sợ hãi nghe theo, bắt đầu sửa chính. Sợ không dám danh

Tùy: huyện Tùy, xứ Nghĩa Dương. Tây Ngụy đặt ra châu Tùy. Theo Khổng sớ, nước Tùy họ Cơ không rõ đầu tiên được phong là ai. Hạ là đất ở Tùy. Hán là tên sông.

Công - Người ấy là ai. Chính là Châu Công. Sao lại nói, người ấy vì coi thường, là người nước mình rồi, không phải là khách.

Cốc - Người ấy tới. Chính là Châu Công. Nói người ấy, vì cho là đến nước ta rồi, vậy nói qua loa thôi. Chư hầu khi đi qua nước không có chầu.

Trương Hiệp - Thuần Vu Công tự Tào lại chầu. Trong Kỳ Lễ có câu, "Thiên Tử nói, không phải ai đâu, bá phụ ấy tới. Đã Thành Công năm thứ 2. Thiên Tử nói, cho người tới thăm ta, mà Cung Bá ấy tới". Nay, xét chép Châu Công mà gọi là người "ấy" tới, cho là không phục quốc nữa, thì chép sơ lược.

Xét - Ba Truyện đều cho người ấy là Châu Công, Trình Tử và Hồ Truyện cùng nghĩ thế. Duy Ba Truyện thì cho người ấy tới là nói vào câu trên. Còn Trình cùng Hồ thì cho rằng người ấy (chữ nho là thực), lại là tên Châu Công. Xét ra, chư hầu còn sống, thì không gọi tên, mất nước rồi mới gọi tên. Trương Hiệp chú giải Ba Truyện có dẫn chứng chữ người ấy, tới, rất là kỳ. Vậy cả hai thuyết đều chép ra đây.

夏四月公會紀侯于成

HẠ TỨ NGUYỆT, CÔNG HỘI KỶ HẦU VU THÀNH

MÙA HẠ THÁNG TƯ, CÔNG HỘI KỶ HẦU TẠI ĐẤT THÀNH

Chữ 成 Tả Thị và Công Thị chép ra chữ 郕 là đất ở nước Lỗ, phía Đông Nam huyện Cự Bình xứ Thái Sơn.

Tả - Mùa hạ, hội tại đất Thành, Kỷ tới bàn việc nạn nước Tề.

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Bắc Nhung đánh Tề, Tề xin mượn quân ở Trịnh. Trịnh sai Thế Tử Hốt đem quân cứu Tề. Tháng sau, đại phá quân Nhung bắt được hai tướng nước Đại Lương và nước Thiếu Lương, chém chết ba trăm quân hiến cho Tề. Thế

rồi đầu phụ các chư hầu tới Tề. Tề mở tiệc. Lỗ cùng dự, Trịnh Hốt cho là có công to, giận Tề, cho nên sau mới có việc Thành Lang (khi chưa kết hôn với Tề). Tề Hầu muốn gả Văn Khương cho Thế Tử Hốt. Hốt từ chối. Người ta hỏi tại sao. Nói: Ai cha có vợ. Nước Tề là nước lớn. Kinh Thi có nói: Tự tìm nhiều phúc là ở như ta, chứ nước lớn có làm hơn được gì. Người quân tử nói, tự mưu lấy điều hay. Đến khi thắng được Nhung rồi, Tề Hầu lại cầu gả con cho, Hốt lại cố từ. Thế Tử có nói: Không có việc gì với Tề, ta còn không dám. Huống nay được vua sai cứu Tề, mà lại lấy vợ đem về thì ra lấy quân nhà vua đi đón vợ hay sao. dân sẽ nghĩ ta ra sao. Thế rồi từ chối cả với Trịnh Bá.

秋八月壬午大

THU BÁT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, ĐẠI DUYỆT

MÙA THU. THÁNG 8, NGÀY NHÂM NGỌ, ĐẠI DUYỆT BINH

Ta - Coi xét xe ngựa trận.

Công - Duyệt binh là coi xét xe ngựa và chiến cụ. Sao chép. Vì là việc ít có.

Cốc - Đại duyệt là coi xét chiến cụ, sửa soạn, răn dạy, là đạo trị nước. Thời bình mà nghĩ việc quân là không chính. Chép cả ngày để rõ lòng chuộng võ, và cũng để khoe với vợ.

Hồ Truyện - Đại duyệt là duyệt binh mã. Theo pháp chế nhà Chu, quan Đại Tư Mã, cứ giữa mùa đông là có đại duyệt binh, để tập dân chúng tập phép trận. Riêng về mùa đông, là mùa nông gia không có việc, được nhàn rỗi, dân không bị phiền nhiễu. Tháng tám là không đúng thời. Vậy chép để răn. Về trống, thì Thiên Tử dùng Lộ Cổ (trong Thái Miếu bốn cái ghép làm một, gọi là Lộ Cổ). Chư Hầu thì dùng phần cổ (hai cái ghép làm một). Về cờ, thì Thiên Tử có cờ Thái Thường dàn trước, chư hầu thì có cờ Kỳ. Khi bắt được muông rừng, Thiên Tử thì hạ cờ Tinh lớn xuống, chư hầu thì hạ cờ Tinh nhỏ xuống. Theo lễ, không được giống nhau. Đại duyệt là phi lễ, Tiên Vương đặt việc quân, việc chinh, theo bốn mùa săn là dạy cho dân biết phòng bị chống giặc. Vì sợ Trịnh Hốt, vì sợ người Tề, nên không nhân điền thú (săn mùa đông) mà duyệt binh, thật là thất chính, tàn

ngược dân, vậy còn làm sao mà giữ nước được. Xuân Thu không phải chỉ lấy việc làm trái thời mà chê là phi lễ, lại còn ý, trời chưa mưa dầm nay lại bắt bỏ cả việc nông tang, việc làm ăn.

Lục Thuần - Công Dương cho là việc ít xảy ra, nên chép nếu cho là việc phi thường, nên chép nếu cho là việc phi thường, nên chép, thì đâu có phải là ít. Cốc Lương thì cho là duyệt binh để khoe với vợ. Xét ra Kinh không có lời văn ấy chỉ là lời xuyên tạc thôi.

Trình Tử - Đạo trị nước thì việc vũ bị không thể bỏ được, tất cứ phải ở lúc nông tang rỗi rảnh, mới tập giảng cho dân biết giữ nước. Đang mùa hạ mà duyệt binh thì hại cho dân biết bao. Đương yên mà sinh việc, vì nghi có giặc mới làm, thế này là dạy cho dân không biết dự phòng. Như thế sao mà giữ nước được.

蔡人殺陳佗

SÁI NHÂN SÁT TRẦN ĐÀ

NGƯỜI NƯỚC SÁI GIẾT TRẦN ĐÀ

Công - Trần Đà là vua nước Trần, Sao lại gọi là Trần Đà. Là khinh, vì ham chơi săn bắn ở ngoài nước. Khi săn ở nước Sái, bị người Sái giết đi.

Cốc - Trần Đà là vua nước Trần. Sao gọi là Đà. Là có hạnh kiểm của kẻ thất phu, cho nên gọi tên như thất phu. Đà thích săn. Mê săn ở nước Sái, cùng với người Sái tranh chim muông bắn. Người Sái không biết là vua Trần mới giết đi. Đâu có biết là vua Trần vì hai bên đánh nhau đều không nói, mà đánh nhau ở trên đất Sái.

Triệu Khuông - Đà tức là giặc đã giết Thế Tử Trần. Công Thị, Cốc thị không rõ ý ấy nói lạc đi rằng Trần Đà ham mê săn bắn ở đất Sái. Về tình, lý thì không đúng.

Lục Đạm - Đà đã làm vua được hơn năm mà không gọi là Trần Hầu, vì ghét kẻ làm giặc. Tôi có nghe thầy tôi nói: Tôi giết vua, con giết cha, tha sao được mà không giết. Trần Đà là giặc giết Thế Tử. Sái tuy nước khác, vì nghĩa mà giết, thành ra chính đáng, cho nên được chép là người Sái.

九月丁卯子同生

CỬU NGUYỆT, ĐINH MÃO, TỬ ĐỒNG SINH

THÁNG CHÍN NGÀY ĐINH MÃO SINH CON LÀ ĐỒNG

Tả - Dùng lễ sinh Thế Tử, tiếp đến lễ Thái Lao. Chọn một viên quan hầu hạ, vợ viên đó nuôi. Công với Văn Khương và các bà mệnh phụ trông nom. Công hỏi Thân Nhu về việc đặt tên. Đáp: Đặt tên có năm lối, có tín, có nghĩa, có tượng (hình), có giả (mượn), có loại. Lấy địa vị gọi là tín. Lấy đức gọi là nghĩa. Lấy ở loại gọi là tượng. Lấy ở vật gọi là giả. Lấy ở cha gọi là loài. Không lấy tên nước, tên quan, tên núi sông, tên tật bệnh, tên súc sinh, tên đồ dùng. Nhà Chu kiêng tên các thần, nếu đặt thì phải bỏ thần. Lấy tên nước thì phải kiêng tên nước. Lấy tên quan thì phải bỏ chức quan. Lấy núi sông thì phải bỏ sơn xuyên thần. Lấy súc sinh thì phải bỏ tế lễ, Lấy đồ dùng thì phải bỏ lễ nghi. Tấn vì tên Hy Hầu mà bỏ chức Tư Đồ. Tống vì tên Vũ Công mà bỏ chức Tư Không, Tiên quân ta, Hiến Vũ phải bỏ tên hai núi. Cho nên, các tên vật quan trọng không nên dùng Công nói. Vậy sinh ra đó với ta, cùng ngày, thì lấy tên là Đồng.

Công - Tử Đồng về sau là Trang Công. Sao lại chép thế. Là vì nay mừng được chính, từ lâu đã mất chính. Dương Tử có nói hay là vì ghét Hoàn chăng.

Cốc - Nghi ngờ cho nên chép cả tháng ngày với người.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói thế là không phải. Thánh nhân đâu lại nghi thế. Nếu thánh nhân đã nghi thì còn ai dám không nghi. Vả lại Kinh Thi có câu, Triển ngã sinh hề, tín ta cháu ta. Triển là tin. Người hiền giả tin Trang Công là cháu Tề Hầu thì Trọng Ni đâu có nghi rằng tiên quân là con Tề Hầu để cho người đương thời trong nước cũng nghi. Nghi thế thì quá ác, thánh nhân đâu có nêu cái ác ấy.

冬紀侯來朝

ĐÔNG, KỶ HẦU LAI TRIỀU

MÙA ĐÔNG, KỶ HẦU LẠI CHẦU

Tả - Mùa đông Kỷ Hầu lại chầu. Xin mệnh Thiên Tử để cầu hoà với Tề Công bảo là không thể được.

Đỗ Dự - Kỷ nhỏ bé, không thể tự tới Thiên Tử được, muốn nhờ Công để xin mệnh Thiên Tử. Công thì Thiên Tử không ưa nên bảo là không thể được.

Năm Bính Tý - Hoàn Vương năm thứ 15.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tề Hy năm thứ 26. Tấn Tiểu Tử năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 14. Sái Hoàn năm thứ 10. Trịnh Trang năm thứ 39. Tào Hoàn năm thứ 52. Trần Lệ năm thứ 2. Kỷ Vũ năm thứ 46. Tống Trang năm thứ 5. Tần Ninh năm thứ 11. Sở Vũ năm thứ 36.

春二月己亥焚咸邱

XUÂN, NHỊ NGUYỆT KỶ HỢI, PHẦN HÀM KHƯU

MÙA XUÂN THÁNG 2 NGÀY KỶ HỢI, ĐỐT HÀM KHƯU

Hàm Khưu: đất nước Lỗ.

Công - Đốt là lấy củi lửa đốt. Đây chép là chê việc đốt. Hàm Khưu là ấp nước Châu Lâu. Sao lại không nói đến Châu Lâu. Vì Châu Lâu là một nước hiện có vua.

Cốc - Không nói là Châu Hàm Khưu, vì ghét việc đốt.

Đỗ Dự - Đốt đây là đốt hết ruộng đất. Chê việc tàn phá cho nên chép.

Lưu Sưởng - Công Dương cho Hàm Khưu là ấp nước Châu

Lâu, đương con vua cho nên không nói đến nước. Đốt là lấy củi lửa đốt. Công Dương nói thế sai. Xét Công Dương, phàm Kinh Xuân Thu, chép việc chiếm đất, nước, nếu không liên hệ đến nước mình thì phàn trả cho Châu Lâu. Đây việc cũng phải như thế. Lại xét các việc: Người Châu bắt Tắng Tử (nước Tử nước Tắng) định đem tế, việc Vệ, Sái, đánh nước Đái việc Trịnh đánh Sái rồi chiếm, mọi việc đều một loại bất nhân như thế cả. Xuân Thu chép rõ, không để cho lời văn làm sai sự thật. Nếu thực là đánh hỏa công nước người ta, thì nên chép thẳng là Lỗ đánh và đốt Hàm Khưu mà không nói dùng binh, biết đâu chỉ là việc đốt ruộng mà thôi. Lưu Sưởng lại nói, Công Dương bảo không chép là Châu Hàm Khưu, là ghét việc đốt. Thuyết Cốc Lương và thuyết Công Dương gần giống nhau như đã nói ở trên.

Trình Tử - Người xưa vì thấy sâu trùng sinh sản, mới đốt ruộng, bỏ hoang rậm, để đuổi loài cầm thú, không phải là tàn phá rừng núi. Hàm Khưu là tên đất. Chép rằng đốt Hàm Khưu, đốt hết cả, thì biết là đất rộng lắm.

夏穀伯綏來朝鄧侯吾離來朝

HẠ, CỐC BÁ TUY LAI TRIỀU, ĐẶNG HẦU NGÔ LY LAI TRIỀU

MÙA HẠ, CỐC BÁ, TUY TỚI CHẦU, ĐẶNG HẦU, NGÔ LY TỚI CHẦU

Cốc - là nước Cốc, phía Bắc huyện Trúc Dương, xứ Nam Hương. Đặng, huyện Đặng xứ Nghĩa Dương, Khổng sớ chép Đặng là họ Mạn bị Sở Văn Vương diệt nước. Cốc thì không biết họ gì, mà rồi bị nước nào diệt.

Tả - Năm thứ bảy, xuân, Cốc Bá, Đặng Hầu tới chầu. Gọi tên vì nước nhỏ, kém.

Phụ lục Tả Truyện - Xứ Minh Hướng, cầu hòa hiếu với Trịnh, xong rồi lại bội ước ngay. Mùa thu, người Trịnh, người Tề, người Vệ, đánh Minh Hướng. Thiên Tử dời dân Hướng đến đất Giáp. Mùa đông, Khúc Óc Bá dụ Tấn Tiểu Tử Hầu, giết đi. Giáp tức là Vương Thành.

Công - Sao lại chép tên. Vì là vua mất nước. Sao lại gọi là tới chầu. Vì đã là bậc quý, thì đối đãi trước sao sau vậy.

Cốc - Sao lại chép tên. Vì là vua mất nước. Mất nước sao lại còn nói là lại chầu. Lễ thường chư hầu tiếp nhau, dù mất nước, trước sau không khác nhau.

Đỗ Dự - Không chép là cùng lại chầu, vì mỗi người tới mỗi lúc.

Lưu Sưởng - Tả Thị thì bảo rằng biên tên là khinh. Không phải. Tước Hầu, Bá, đâu có nhỏ. Trước kia, Kỷ Hầu tới chầu, tuy không kính cũng còn không chép tên, mà nước Kỷ có to gì hơn nước Đặng, nước Cốc, sao lại không bị chép tên. Đó không phải là ý Kinh Xuân Thu. Lại tới việc: Kinh thì chép, chầu mùa hạ. Truyện thì chép chầu mùa xuân, giải thích là đến hạ mới chép việc. Đỗ Dự cho là xuân thì tới, hạ mới có lễ chầu, thế là viết để che đậy chỗ thiếu sót, chứ không phải sự thực như thế. Diệp Mộng Đắc thì bảo rằng Cốc Bá, Đặng Hầu là vua mất nước. Chư Hầu mà trốn chạy tới, thì cứ chép là chạy tới, nếu tới chầu thì chép là tới chầu. Đã mất nước thì sao lại còn chầu được. Vì chức vẫn là vua. Người xưa gọi bọn ấy là Ký Công hay Ngụ Công, cấp cho đất mà không bắt làm tôi.

Triệu Bằng Phi - Thời Xuân Thu, các chư hầu, nhỏ tới chầu lớn, là thường. Các nước Đằng, Tiết, Kỷ, Kỷ, Mâu, Cát, đều là nước nhỏ, khi tới không thấy chép tên. Chư Hầu không chép tên. chỉ khi mất đất mới gọi tên, chết thì phó cáo tên. Cốc và Đặng còn sống mà gọi tên, là đã mất đất vậy. Cốc và Đặng đều ở xứ Nam Dương, bị Sở bức bách xa Kinh sư 800 dặm. Từ Kinh sư tới Lỗ 600 dặm nữa, cộng là 1400 dặm. Trong khoảng đó, có những nước phải đi qua là Sái, Hứa, Trần, Tào, Túc, và Châu. Thế mà tới chầu nước Lỗ, thì có ích gì. Tất là vì nước Sở bức hiếp, mất đất mà trốn, chạy qua, lớn, nhỏ bảy nước, không được nước nào dung, là vì cùng sợ nước Sở. Đến nước Lỗ đã xa Sở cho nên được dung. Vì thế chầu nước Lỗ, lấy lễ chầu mà yết. Vậy chép là chầu. Vì mất đất rồi nên chép tên.

Xét - Sách Khúc Lễ nói: Chư hầu mất đất thì chép tên. Cho nên Công thị và Cốc Thị chép tên vua Đặng, vua Cốc, vì đều là vua đất nước. Diệp Mộng Đắc, Triệu Bằng Phi, đều theo nghĩa ấy là nghĩa chính. Tôn Phục, Hồ An Quốc, Trần Phó Lương cho

là bị chê vì chầu Lỗ Hoàn Công, cho thế dường như cũng có lý. Nay chép nguyên các lời bàn. Còn thu hay đông thì không chép vì thiếu sót. Năm thứ tư, Đỗ Dự chú giải thật rõ. Chu Tử thường nhắc tới. Cho nên, hai truyện của Hồ và Trình cùng thuyết của Hà Hưu đều thôi không chép lại đây.

Năm Đinh Sửu Hoàn Vương năm thứ 16.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Hy năm thứ 27. Tấn hầu Mân năm đầu. Vệ Tuyên năm thứ 15. Sái Hoàn năm thứ 11. Trịnh Trang năm thứ 40. Tào Hoàn năm thứ 53. Trần Lệ năm thứ 3. Kỷ Vũ năm thứ 47. Tống Trang năm thứ 6. Tần Ninh năm thứ 12. Sở Vũ năm thứ 37.

春正月己卯烝

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT, KỶ MÃO, CHƯNG

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGÀY KỶ MÃO, TẾ CHƯNG

Công - Chưng là tế mùa đông. Tế mùa xuân gọi là tự, mùa hạ gọi là thược, mùa thu gọi là thường. Việc thường vốn không chép. Đây mà chép là chê. Chê vì tế đi, tế lại. Như thế, sinh nhàm, bất kính. Người quân tử mà tế thì tốt ở kính cẩn, chứ không luộm thuộm. Sơ thì sinh nhác, nhác sinh quên. Người hay mà chưa khỏi được bốn điều đó thì làm gì cũng trái ngược.

Cốc - Chưng về mùa đông. Nay làm về mùa xuân cho nên chép là không đúng mùa.

Hồ Truyện - Chu quan là Đại Tư Mã tế Chưng vào giữa mùa đông. Nay Lỗ tế vào xuân, tháng giêng. Sao lại thế. Trong Chu Thư, theo lịch tháng, chép việc chính trị, có các câu. Nhà Hạ được mệnh trời, trăm vua đều theo. Đến nhà Thương, Chu, cách mệnh đổi chính. Mọi việc, không thường đi đôi. Đến như kính cẩn dạy dân, làm ăn theo mùa, như các việc tuần, thú, chưng,

hướng, đều từ nhà Hạ. Thế mà đáng nhẽ như nhà Hạ, chức Tư Mã duyệt binh vào giữa mùa đông, tế Chưng thì sau cuộc săn, mới có chim muông, đáng lẽ như thế, thì Lỗ lại tế Chưng vào tháng giêng. Vậy rõ là Xuân Thu dùng chính nhà Chu để ghi việc Lỗ. Thêm vào Cốc Lương ghi rằng Chưng là việc mùa đông đến xuân mới tế là trái mùa, thế là trái phép nhà Chu. Kinh Xuân Thu không phải thấy trái mùa mà ghi. Ghi là vì hai lần tế Chưng, là làm ẩm luộm thuộm.

Hà Hưu - Chưng nghĩa là chúng, là nhiều. Khi thịnh, đến mùa đông, mọi vật, đã đầy đủ, đồ cúng tiến có nhiều, hương vị cũng đủ nên gọi là Chưng.

Đỗ Dự - Đây là tháng thứ hai trong mùa hạ. Không phải vì lỗi mùa mà chép. Chép là vì ở dưới có nói tháng, năm, lại tế Chưng. Chép là để chê là luộm thuộm.

Trình Tử - Tế Chưng mùa đông không phải là lỗi. Tháng năm, tế lần nữa, mới là rất phi lễ.

天王使家父來聘

THIÊN VƯƠNG SỨ GIA PHỦ LAI SÍNH

THIÊN TỬ SAI GIA PHỦ TỚI SÍNH

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, diệt nước Dực.

Đỗ Dự - Gia Phủ là đại phu của Thiên Tử, họ gia tự là Phủ. Trình Tử nói, Lỗ Hoàn công giết vua mà lên ngôi chưa từng vào chầu Thiên tử mà Thiên tử đã mấy lần sính, thế là rất thất đạo.

夏五月丁丑烝

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ĐINH SỬU, CHƯNG,

MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY ĐINH SỬU, TẾ CHƯNG

Phụ lục Tả Truyện - Thiếu sư ở nước Tùy được vua Tùy tin dùng. Đấu Bá Tỵ nước Sở nói: Được rồi, kẻ thù có chỗ sơ hở, ta đừng để mất cơ hội. Mùa hạ, Sở Tử họp chư hầu ở Thẩm

Lộc. Nước Hoàng và nước Tùy không tới hội. Vua Sở sai Vĩ Chương trách nước Hoàng, còn Sở Tử thì đi đánh Tùy, quân đóng ở khoảng sông Hán, sông Hoài. Tùy Quý Lương bàn nên cầu hòa, nếu không cho thì sau sẽ đánh, cốt là để cho quân ta tức khí mà quân Sở thì sinh lười nhác. Thiếu sư thì bảo Tùy Hầu rằng: Nên đánh ngay, nếu không, không thắng được quân Sở. Tùy Hầu mới đem quân ra chống. Nhìn quân Sở, Quý Lương bảo Tùy Hầu: Người Sở mạnh ở cánh tả, nhà vua cũng ở Tả, thế là không cùng gặp thế mạnh của Sở Ta. Ta tả công hữu của địch. Hữu không có ngựa tốt, tất nhiên thua. Một bên đã thua, toàn quân sẽ theo. Thiếu sư nói: Nếu không đương đầu, không phải là đánh trận, rồi không nghe Quý Lương, đánh nhau ở đất Tốc Kỳ. Quân Tùy tan vỡ. Tùy Hầu chạy. Đấu Đan bắt được quân xa, và thiếu sư. Mùa thu, Tùy với Sở hòa. Sở Tử đáng lẽ không cho, nhưng Đấu Bá Tỷ bảo: Trời đã chữa cho Tùy khỏi tật (Thiếu sư chết). Tùy chưa thể diệt được. Thế rồi thề xong rút quân. Thẩm Lộc là đất nước Sở. Hoàng là nước Hoàng ở huyện Giặc Dương. Tốc Kỳ là đất nước Tùy. Hoài Nán ở lại huyện Bình Thị quận Nam Dương, phía Đông Nam núi Đại Phục trong dãy núi Đông Bá, sông Hoài Phát Nguyên (sách Vũ Cống).

Cốc - Tế Chưng về mùa đông. Ở đây xuân đã tế, hạ lại tế. Chép tội bất kính.

Trình Tử - Tháng giêng đã tế Chưng không đúng mùa. Lại tế lần nữa. Chắc cho là lần trước không được chỉnh bị đủ. Thật là bậy.

秋伐鄒

THU, PHẠT CHÂU

MÙA THU, ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tôn Giác - Không nói suất sư, là vì đánh nước nhỏ.

冬十月雨雪

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, VŨ TUYẾT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10 MƯA TUYẾT

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử mệnh Quắc Trọng lập em Tấn Ai Hầu là Mân ở nước Tấn.

Công - Sao lại chép. Vì việc lạ, trái thời thiết.

Hà Hưu - Tháng mười nhà Chu là tháng tám nhà Hạ, chưa nên có mưa tuyết. Thế mà điềm âm thịnh, tất có việc binh.

蔡公來遂逆王后于紀

SÁI CÔNG LAI, TỤY NGHỊCH VƯƠNG HẬU VU KỶ

SÁI CÔNG TỚI, RỒI ĐÓN VƯƠNG HẬU Ở NƯỚC KỶ

Đầu tiên, chép chữ Tụy là rồi.

Tả - Đúng lễ.

Công - Sái Công là chức Tam Công của Thiên Tử. Sao lại không gọi là sứ. Vì trong hôn lễ không xưng chủ nhân. "Rồi", là có ý gì. Là xong rồi mới đến việc khác. Đại phu thì không nên nhận việc nọ xong rồi làm việc kia. Việc nào phải ra việc nấy. Đây sao dùng chữ Tụy. Là sứ đến nhờ ta làm mối, tức là việc ở ta. Ta làm mối xong, thế là sứ nhân tiện "rồi" đón ngay. Con gái còn ở nước mình thì gọi là nữ. Đây gọi ngay là Vương Hậu là tại sao? Vì Vương giả coi chư hầu nào chả là nước nhà vua, không phân biệt trong nước, ngoài nước. Chữ dùng phải.

Cốc - Tại sao không dùng chữ đi sứ. Vì việc to nhà tôn miếu mà sư sự không được chính đáng, cho nên không chép là sứ. Tụy là rồi thì, tức là nối theo việc trước. Chép rằng, rồi đi đón Vương Hậu, cho nên được chép lược qua. Hoặc cho là đã là Thiên Tử thì không phân biệt trong nước, ngoài nước, cứ vua sai là được.

Hồ Truyện - Lưu Sương bảo rằng Sái Công là ở bậc Tam Công. Vậy sao không gọi là sứ. Ở vào bậc sư phó thì, chỉ ngồi một nơi mà bàn việc nước, trách nhiệm đã là nặng nề rồi. Nay lại đi tới nước Lỗ vì việc hôn nhân, thì một đại phu làm cũng

được, hà tất đến vị Tam Công. Chức nhiệm quan trọng mà sai việc thường, cho nên Sái Trọng dựa vào nghĩa ấy, ở Lỗ không phải về tiểu bẩm mệnh, cứ đi thẳng sang nước Kỷ. Thế là Vương bị cái lỗi sai người không cân nhắc khinh trọng. Mà Sái Công thì bị cái tội, hết việc nọ làm ngay việc kia, không bẩm mệnh. Cái thuyết đó của Lưu Sưởng đúng đấy. Nay xét về chi tiết thì nên sai bậc Khanh đi đón. Công thì giám sát. Như thế mới đúng lễ. Sai Sái Công mệnh nước Lỗ việc chủ hôn, thì bảo là không được. Sai Khanh đi mà Công giám sát thì sao lại bảo là được. Mệnh Lỗ là việc thường. Khanh đi mà Công giám sát là việc trọng. Chức quan sư theo Đan Tĩnh Công, đón Vương Hậu ở nước Tề, Lưu Hạ (Quan sư) không phải là Khanh mà được chép, Tĩnh Công hợp lễ thì không được chép. Cho nên, tiên nho cho rằng sai Khanh đón, Công thì giám sát là lễ vậy.

Tô Triệt - Cốc Lương bảo rằng: Không gọi là sứ là không đính chính cái việc to tôn miếu đã giao cho ta. Bảo thế là sai. Nếu không chính việc nhờ ta mưu thì chép chữ, tuy nghịch, rồi đi đón cũng là đủ rồi. Không dùng chữ sứ là tại sao. Dùng chữ sứ thì có phương hại đến việc bảo ta làm không. Thiên Tử sắp đón Vương Hậu tại nước Kỷ, mà sai Lỗ chủ việc đó, cho nên Sái Công từ Lỗ sang Kỷ, không gọi là sứ tới Lỗ, là để chỉ mưu việc cưới. Rồi sang Kỷ. Chữ rồi là để chỉ việc sau, việc trước. Đại phu ra khỏi cõi, có khi có hai việc, có khi có một việc, rồi tự quyền làm việc kế tiếp, sử vẫn thường chép chữ "rồi". Việc được hay không là coi ở kết quả mà thôi. Chuyện Sái Công từ Lỗ sang Kỷ đón Vương Hậu, chuyện Công tử Toại sang Chu và Tấn, đều là có hai việc mà rời nước ra đi. Công tử Kết mà tới Tống, Tề để hội thề, là chuyên làm việc sau nối việc trước.

Gia Huyền Ông - Hôn lễ không nói chủ nhân, vì Thiên Tử tuy tôn quý, nhưng không tự làm chủ nhân được. Tả Thị nói: Thời Trang Công năm thứ 18, Quắc Công, Tấn Hầu, Trịnh Bá, sai Nguyên Trang Công đón Vương Hậu tại nước Trần, Trần Quy được đón về Kinh, Tả thị không chép mà Vương sai mà chép là Quắc, Tấn, Trịnh sai đi đón. Trong trường hợp đó không nói chủ nhân, chứng cớ thật rõ ràng Sái Công vì sao mà tới Lỗ. Theo pháp chế nhà Chu, Thiên Tử có việc hôn nhân cùng với chư hầu, thì sai một nước cùng họ làm chủ. Lỗ là dòng dõi Chu Công làm chủ lễ cho Thiên Tử là theo nếp xưa. Cốc thị bảo rằng:

không cho là chính đáng lấy việc lớn tôn miếu giao cho Lỗ ta làm, bảo thế, chưa đúng hẳn chăng. Thời đó, nước Kỷ bị khốn vì nước Tề, mới cầu hôn nhân với Vương thất để mưu kế sinh tồn. Lỗ thực làm chủ lễ. Thiên Tử hạ mình sai Sái Công cũng vì cớ ấy. Sái Công vì đón hậu mà tới thì không có gì trách được. Sái Công xong việc Lỗ rồi đi đón thì mới đáng trách. Lưu Nguyên Phủ bảo rằng Tam Công là giữ vị sư phó, thì cùng với Thiên Tử ngồi bàn việc nước, nhiệm vụ đã là trọng đại, nay lại đi sang Lỗ để sai Lỗ về việc hôn nhân, đang chức trọng mà làm việc khinh, tôi thì cho rằng Tam Công tức là Tể Tướng, vua không tự thân nghênh được, thì Tam Công đi thay, thế là trọng việc hôn nhân, thế thì đâu có lầm lỗi. Đương thời đó, còn thấy cho đi phong bang thiếp của chư hầu, cho đi sính, giao thiệp với nước bạn nghịch Thiên Tử, đều sai Tể Tướng. Vậy hôn nhân là việc hệ trọng ở nhà tôn miếu, sai Tam Công đi, đâu có là quá.

Xét - Lưu Sương nói: Tam Công đón Hậu không được là chính. Hồ Truyện khởi xướng nghĩa ấy, bởi nên sai vị Khanh đón, mà vị công làm giám sát, thuyết đó đúng đấy. Tôn Phục cho rằng Thiên Tử không tự thân nghênh, lấy vợ thì sai Tam Công đi đón thay. Gia Huyền Ông thì bảo Tôn miếu là việc hệ trọng, cần sai đến Tam Công, đối với lễ không là quá, nói cũng có lý. Cho nên đều chép cả ra đây. Trình Tử thì cho rằng cưới Vương Cơ, thì chư hầu cùng họ làm chủ lễ, căn cứ vào Gia Huyền Ông dẫn chứng năm Trang Công thứ 18, Quắc, Tấn, Trịnh, sai Nguyên Trang Công đón Hậu, thì việc là đúng.

Năm Mậu Dần Hoàn vương năm thứ 17.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hy năm thứ 28. Tấn Mân năm thứ 2. Vệ Tuyên năm thứ 16. Sái Hoàn năm thứ 12. Trịnh Trang năm thứ 41. Tào Hoàn năm thứ 54. Trần Lệ năm thứ 4. Kỷ Tĩnh Công năm đầu. Tống Trang năm thứ 7. Tần xuất tử năm đầu. Sở Vũ năm thứ 38.

春紀季姜歸于京師

XUÂN, KỶ QUÝ KHƯƠNG UY VU KINH SƯ

MÙA XUÂN KỶ QUÝ KHƯƠNG CƯỚI VỀ KINH SƯ

Tả - Phàm con gái chư hầu ra đi, duy có Vương Hậu là được phép.

Công - Quý Khương nước Kỷ cưới về Kinh đô. Sao lại gọi là Kỷ Quý Khương. Vì là Lỗ ta nói việc nước Kỷ. Cha mẹ đối với con, dù con làm Vương Hậu, vẫn nói được là Quý Khương nhà ta. Kinh sư là gì? Là nơi Thiên Tử ở. Kinh nghĩa là lớn. Sư nghĩa là đông. Nơi Thiên Tử ở, tất phải dùng chữ đông, lớn, mà nói

Cốc - Việc cốt yếu là cưới về.

Đỗ Dự - Quý Khương là Hoàn Vương Hậu. Quý là họ nước Kỷ. Chép tên tự, rõ là tôn bố mẹ lên. Lệ đàn bà đi sang nước chư hầu tuy có báo cáo cho nước Lỗ cũng không chép.

夏四月

HẠ TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG 4

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU THÁNG 7

Phụ lục Tả Truyện - Ba Tử sai Hàn Phục cáo tại nước Sở, xin cùng nước Đặng hòa hiếu. Sở Tử sai Đạo Sóc đưa Ba Khách tới sính ở nước Đặng. Người đất Ưu ở Nam Bỉ nước Đặng ra đánh, chiếm lấy các đồ lễ vật giết Đạo Sóc cùng các người tùy tùng nước Ba. Sở Tử sai Vi Chương trách nước Đặng. Nước Đặng không nhận, mùa hạ, Sở sai Đấu Liêm, đem quân Sở và quân Ba vây đất Ưu. Đặng Dưỡng Sinh, Chiêu Sinh, đem quân cứu

đất Ưu, ba lần đuổi được quân Ba, nhưng không thắng hẳn. Đấu Liêm với đàn quân Sở, ở giữa quân Ba để đánh rồi chạy. Người Đặng đuổi theo Sở dựa vào Ba cùng phản công. Đặng thua to. Người Ưu tan vỡ. Mùa thu, Quắc, Trọng, Nhuế Bá, Lương Bá, Tuân Hầu Giả Bá, đánh Khúc Ốc. Ba là một nước ở Ba Quận, huyện Giang Châu nhà Tùy đổi Giang Châu làm huyện Ba. Nước Ba họ Cơ. Ưu là đất nước Đặng phía Bắc Nam Miến Thủy huyện Đặng. Lương là nước Lương, ở Phùng Dực, huyện Hà Lương, Tuân là nước Tuân. Giả là nước Giả. Sách Đường Thư niên biểu chép: Con nhỏ của Đường Thúc Ngu là Công Minh được vua Khang Vương phong làm Giả Bá, có đất Giả. Trong sách Không sớ có chép: (Nam Hy Công thứ 17, Lương Doanh chửa, quá kỳ sinh). Vậy nước Lương là họ Doanh. Còn theo thế phả, Tuân và Giả đều là họ Cơ.

冬曹伯使其世子射姑來朝

ĐÔNG, TÀO BÁ SỬ KỲ THẾ TỬ XẠ CÔ LAI TRIỀU

MÙA ĐÔNG, TÀO BÁ SAI THẾ TỬ XẠ CÔ TỚI CHẦU

Tả - Mùa đông, Tào Thế Tử lại chầu, được tiếp vào hàng thượng Khanh. Thế là đúng lễ. Khi tiệc sơ hiến mừng Thế Tử có tấu nhạc, thấy Thế Tử thở dài, Thi Thụ có nói: Thế Tử có việc lo chăng, đâu có phải là chỗ thở dài.

Công - Chư Hầu tới, chép là chầu. Đây là Thế Tử sao lại dùng chữ chầu. Kinh Xuân Thu có chê, cha già, con nối nghiệp làm chính trị thì không biết là nói nước Tề hay nói nước Tào.

Cốc - Chầu mà không nói là sứ, vì nói là sứ thì không chính lễ. Sai Thế Tử làm theo lễ chư hầu lại chầu, lấy lễ đãi bố mà đem đãi con, thế là nước Lỗ thất chính. Trong khi Lỗ Thất chính, ngoài thì Tào Bá thất chính. Thế Tử có thể thoái lui được. Còn ở là vì mệnh. Thi Tử có nói: Giá như lui đi thì đúng được đạo.

Năm Kỷ Mão, Hoàn Vương năm thứ 28.

十年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tề Hy năm thứ 29. Tấn Mân năm thứ 3. Vệ Tuyên năm thứ 17. Sái Hoàn năm thứ 13. Trịnh Trang năm thứ 42. Tào Hoan năm thứ 35. Trần Lệ năm thứ 5. Ky Tình năm thứ 2. Tống Trang năm thứ 8. Tần xuất tứ năm thứ 2. Sơ Vũ năm thứ 39

春王正月

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Hồ Truyện - Hoàn không theo đạo vương. Nay lại chép vương là sao. Năm thứ 10 là số chẵn đủ. Đạo trời 10 năm, là hết một vòng. Việc người, 10 năm tất biến. Cho nên, Khinh Dịch que Thu Trinh, 10 năm tất trở lại. Truyện luận rằng phải xa ác, đã 10 năm tất phải bỏ. Hoàn Công đến năm ấy số 10 đầy đủ, tất bị tri ở trời, ở người. Mười năm nay mới chép chữ vương, là chép một điều đáng lý. Có người đã được đọc Cốc Lương mà không hiểu, thấy năm thứ 2, chép chữ Vương, cho là để chính việc Dư Di mất. Cũng năm ấy chép chữ Vương, và Tào Bá chết, lại phụ thêm vào là chính việc chết. Nghĩ thế là nhầm. Nếu thực để chính việc vua chư hầu chết không phải là hạng thoán thí thì Trần Hầu Báo vào năm thứ 5, tháng giêng, sao không chép chữ Vương để chính việc chết.

Hà Hưu - Mười năm về đạo Vương, là đúng con số.

庚申曹伯終生卒

CANH THÂN TÀO BÁ CHUNG SINH TỐT

NGÀY CANH THÂN, TÀO BÁ LÀ CHUNG SINH MẤT

Tả - Mùa xuân, Tào Hoan Công mất.

Cốc - Hoan vốn là vô vương. Nay chép vương là để chính việc Chung Sinh chết.

Xét - Cốc Lương lấy năm ấy chép chữ vương để chính việc Tào Bá chết, đâu có phải là lệ của Kinh Xuân Thu, Hồ Truyện thật đã rõ.

夏五月葬曹桓公

HẠ NGŨ NGUYỆT, TÁNG TÀO HOÀN CÔNG

MÙA HẠ THÁNG 5, TÁNG TÀO HOÀN CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Quắc Trọng gièm đại phu Chiêm Phụ với Thiên Tử. Chiêm Phủ tâu bày lại, rồi đem quân nhà vua đánh nước Quắc. Mùa hạ, Quắc Công chạy trốn sang nước Ngu. Nước Ngu ở huyện Đại Dương, xứ Hà Đông, họ Cơ. Vũ Vương diệt nhà Thương, phong cho cháu Ngu Trọng ở đất Ngu.

秋公會衛侯于桃邱弗遇

THU, CÔNG HỘI VỆ HẦU VU ĐÀO KHƯU, PHẤT NGỘ

MÙA THU, CÔNG HỘI VỆ HẦU TẠI ĐẤT ĐÀO KHƯU, KHÔNG GẶP

(Đào khưu đất nước Vệ)

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, người Tấn nộp Nhuế Bá Vạn tại nước Nhuế. Xưa Ngu Thúc có ngọc. Ngu Công đòi ngọc. Đã không hiến, sau nghĩ lại hối: Tục ngữ có nói, thất phu vô tội, có ngọc thành tội, ta làm gì chi thêm chuốt lấy hại. Ngu Thúc mới hiến ngọc. Ngu Công lại đòi bảo kiếm. Thúc nói, thế là tham

không chạm. Rồi đòi đến ca ta nữa. Mới đánh Ngu Công. Ngu Công chạy đến Cung Trì, Cung Trì là tên đất. Còn khuyết, chưa rõ. Nay xét ở tỉnh Sơn Tây, phủ Bình Dương, huyện Bình Lục, phía Tây có Cung Trì. Địa Dư chí có chép: Ngu Công chạy ra Trì, cách hơn 10 dặm, gần Nhương Bạn Thành.

Công - Hội là gì? Là hẹn gặp. Sao không gặp. Là vì Vệ không tới.

Cốc - Không gặp. Cần chép là hai bên không tương đắc. Vì là việc trong nước Lỗ, Lỗ sử mới chép là không gặp.

Quý Bản - Vệ cùng đang với Tề, mà Tề thì vì việc nước Kỷ coi Lỗ là thù. Hội Đào Khưu chắc rằng Lỗ nghe thấy Vệ Hầu sang Tề, bàn định việc chiến cho nên mới đi hội để ly gián Tề. Vệ. Nhưng Vệ do con đường khác đi, vì thế viết là không gặp. Nếu như có hẹn kỳ hạn mà lại bội ước, thì chép là không tới, chứ sao chép là không gặp.

Xét - Quý Bản giải thích chữ gặp có hơi khác các thuyết khác, nhưng nghe như có lý, vậy chép thêm cho thêm việc khao cứu.

冬十有二月丙午齊侯衛侯鄭伯來戰于郎

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, BÍNH NGỌ, TỀ HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, LAI CHIẾN VU LANG

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY BÍNH NGỌ, TỀ HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ TỚI CHIẾN Ở ĐẤT LANG

Tả - Mùa đông, Tề, Vệ, Trịnh tới Lang chiến. Lỗ ta đã có lời phân trần. Bắc Nhung ghét Tề. Chư Hầu cứu Bắc Nhung. Công Tử Hốt nước Trịnh có công. Người Tề đãi tiệc chư hầu, để Lỗ đứng dưới. Lỗ vì tước phong, đứng lên trước. Trịnh giận, xin quân ở Tề. Người Tề lấy quân Vệ giúp Trịnh. Cho nên, không gọi là xâm phạt. Trước tiên chép chữ Tề Vệ, vì theo tước phong.

Công - Ở Lang là ở ấp gần của nước Lỗ ta. Chiến ở Lang gần như là vây thành. Thế là thiên chiến (có cùng hẹn ngày, hẹn nơi để đánh nhau). Sao không chép là quân tan vỡ. Sử trong nước không nói rõ là chiến vì nói chiến là nói bị thua. Không nói ai chiến là kiêng nói bị thua.

Quý Bản - Tề muốn nuốt nước Kỷ, mới hợp với Trịnh và Vệ. Lỗ thì chuyên ý về việc giúp Kỷ. Ba nước đến đánh là vì thế. Xét cái cớ Lỗ giúp Kỷ, và không thân với Tề, là từ sau khi Tề, Trịnh tới Kỷ không muốn hiếu với Lỗ nữa, đã đến tới 6 năm rồi chứ đâu có phải là việc Tề xếp hàng trên dưới.

Vương Triều - Tề Hy, Trịnh Trang, đều là hạng người thích gây loạn, lại được Vệ Tuyên bênh vực. Thời đó Tề muốn chiếm Kỷ, còn hiềm Lỗ sẽ bênh vực Kỷ.

Trác Nhĩ Khang - Tề ghét Lỗ giúp Kỷ làm cho việc khó thêm, thì chủ việc binh là Tề. Trịnh cùng Tề đều tới Kỷ. Vệ đã cùng Tề hòa hợp nhau ở đất Bồ. Vậy ba nước mới cùng nhau tới chiến.

Xét - Quý Bản căn cứ vào Kinh và bác Truyện, bảo rằng cái cớ chính là muốn chiếm Kỷ, nói nghe không phải là thiếu kiến thức. Tuy nhiên, trong lời Kinh không rõ rệt. Vậy việc thì căn cứ vào Tả Thị, lấy Tả Truyện làm cốt. Mà các thuyết của Quý Bản, Vương Triều, Trác Nhĩ Khang thì chép phụ vào.

Năm Canh Thìn, Hoàn Vương năm thứ 19.

十有一年
THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 11

Tề Hy năm thứ 30. Tấn Mân năm thứ 4. Vệ Tuyên năm thứ 18. Sái Hoàn năm thứ 14. Trịnh Trang năm thứ 43. Tào Trang Công Xạ Cô năm đầu. Trần Lệ năm thứ 6. Kỷ Tĩnh năm thứ 3. Tống Trang năm thứ 9. Tần Xuất Tử năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 40.

春正月齊人衛人鄭人盟于惡曹

XUÂN CHÍNH NGUYỆT, TỀ NHÂN, VỆ NHÂN TRỊNH NHÂN, MINH VU ÁC TÀO

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH THỀ TẠI ĐẤT ÁC TÀO. ÁC TÀO, KHUYẾT, KHÔNG CHUA Ở ĐÂU

Tả - Tề, Vệ, Trịnh, Tống, thề ở Ác Tào.

Phụ Lục Tả Truyện - Sở Khuất Hạ sắp thề với các nước Nhị, Chẩn. Quân nước Vận ở Bồ Tao sắp cùng các nước Tùy, Giao, Châu, Liêu, đánh quân Sở. Sở Mạc Ngao lấy làm lo ngại. Đấu Liêm nói: Người Vận đóng quân ở Giao, chắc không phòng bị. Vả lại, ngày ngày mong đợi quân bốn ấp tới. Ông đóng lại ở Giao, Dinh, để ngăn quân bốn ấp. Tôi lấy nhuệ binh, đem đánh ấp Vận. Vận chỉ mong đợi quân ngoài, và chỉ cậy có thành, thì đâu còn chí chiến đấu. Nếu bại được quân đất Vận, bốn ấp kia tất lui về. Mạc Ngao nói: Thế thì xin vua cho thêm quân. Đáp: Quân thắng được là tại hòa hợp, không phải tại đông. Thượng Chu mà đánh đâu được đấy, ông cũng biết là theo phép đó. Đã đem quân ra, sao lại còn xin thêm. Mạc Ngao nói: Hay là ta bói. Đáp: Bói là để quyết định điều gì còn nghi ngờ. Đã không nghi ngờ, thì còn bói làm gì. Thế rồi, đánh dái quân Vận ở đất Bồ Đao. Rồi cuộc bắt thề xong rồi đem quân về.

Trịnh Chiêu Công khi còn là Công tử, đánh lại được quân Bắc Nhung, nước Tề muốn gả con cho. Chiêu Công từ chối. Sái Trọng nói: Công tử cứ lấy đi, nhà vua còn nhiều con được yêu. Công tử không có vây cánh, trong ba Công tử chưa chắc ngài đã được lập. Chiêu Công không nghe.

Nhị, Trần, Vân, Giao, Châu, Liêu đều là tên nước.

Bồ Tao, Giao, Vân ấp, Dinh, là đất nước Sở.

Hồ Truyện - Hội thề, đều phải giữ lễ vua tôi. Nếu thiếu lễ, thì không được chép vào Xuân Thu. Phàm Xuân Thu đã chép, tất là có vua và các quan cao cấp trong hội. Việc thề ở đất Ác Tào, tức là họp vua ba nước. Đã hưng binh không theo đạo chính, như trận đánh nhau ở đất Lang, lại thêm việc kết oán, họp đảng,

thề ở đất Ác Tào, cho nên ngày họp trước thì biên cả nước, cho rõ cái tội đến đánh nước người ta, ngày họp sao không chép tước nữa, để tỏ ý chê.

Tôn Giác - Mùa đông năm trước, vua ba nước, đánh Lỗ, mà thắng Lỗ. Năm nay lại có hội thề ở đất Ác Tào, vì lấy việc mới thắng được Lỗ, để cùng kết hiếu. Nếu Tống cũng tới thì sẽ không có chuyện tháng chín. Tống bắt Sái Trọng của Trịnh, không có chuyện hội thề ở đất Chiết và hội ở đất Phù Trung. Vậy thuyết của Tả Thị là sai. Tôn Giác lại nói: Trước đã có chép người Tề đánh Sơn Nhung, sau lại chép Tề Hầu tới, hiến đồ bắt được của Nhung, thì biết rằng đánh Nhung là tự Tề Hầu. Trên thì chép hội Sở Công tử Anh Tề ở đất Thục, dưới lại chép cùng với người Sở thề ở đất Thục, thì biết việc thề ở đất Thục là tự Sở Công tử Anh Tề. Tháng 12, chép Tề Hầu, Vệ Hầu, Trịnh Bá, chiến ở đất Lang. Tháng giêng chép người Tề, người Vệ, người Trịnh, hội thề ở đất Ác Tào, lấy phép so sánh việc mà cứu xét, thì biết ba nước mà chép là người có ý chê.

Xét - Ba nước gọi là người mà cho là khinh, thì không phải, mà cho là chỉ có đại phu họp thì không có căn cứ để xác định được. Xem Tôn Giác nói phép so sánh việc, lấy lời trọng khinh mà xét đoán, thì tin là có mặt vua ba nước. Cho nên, nên theo Hồ Truyện.

夏五月癸未鄭伯寤生卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, QUÝ MÙI, TRỊNH BÁ, NGỘ SINH TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY QUÝ MÙI, TRỊNH BÁ NGỘ SINH MẤT

Tả - Mùa hạ, Trịnh Trang Công mất. Xưa Sái Phong nhân, là Trọng Thúc được Trang Công yêu, cho làm chức Khanh, giúp Công cưới Đặng Mạn, sinh ra Chiêu Công, cho nên Sái Trọng lập Chiêu Công.

秋七月葬鄭莊公

THU, THẤT NGUYỆT, TÁNG TRỊNH TRANG CÔNG

MÙA THU, THÁNG 7, TÁNG TRỊNH TRANG CÔNG

九月宋人執鄭祭仲

CỬU NGUYỆT, TỐNG NHÂN CHẤP TRỊNH SÁI TRỌNG

THÁNG 9, NGƯỜI TỐNG BẮT TRỊNH SÁI TRỌNG

Khởi thủy chép việc bắt người.

Tả - Họ Ung ở nước Tống có con gái gả cho Trịnh Trang Công, tên là Ung Kết, sinh ra Trịnh Lệ Công. Họ Ung được Tống Trang Công tin dùng cho nên dụ Sái Trọng bắt giam mà bảo rằng: Nếu không lập Công Tử Đột (Trịnh Lệ Công) lên ngôi, thì bị giết, rồi bắt cả Lệ Công đòi hối lộ. Sái Trọng cùng người Tống thề, đem Lệ Công về mà lập làm vua.

Công - Sái Trọng là tướng nước Trịnh. Sao không chép tên mà chỉ chép tự. Vì là người hiền. Hiền vì biết quyền biến. Xưa nước Trịnh ở đất Lưu, đời trước Trịnh Bá có thân thiện với Đối Công, thông với phu nhân (vợ Cối Công), rồi chiếm lấy nước. Chiếm xong thiên đô tới, còn đất Lưu thì thành ruộng đất. Khi Trang Công mất, táng xong, Sái Trọng có việc tế, đến đất Lưu, đường đi qua Tống, người Tống bắt giữ lại bảo rằng: phải vì ta mà truất phế Hốt, để lập Đột lên ngôi. Sái Trọng mà không nghe thì vua sẽ chết, nước tất mất. Nếu nghe, thì còn vua, còn nước. Chầm chậm thong thả thì truất được Đột mà lập được Hốt. Nếu không được thế, thì có hại thật, nhưng nước Trịnh vẫn còn. Người xưa có khi dùng quyền. Sái Trọng chính là dùng quyền. Quyền là trái với kinh, rồi từ quyền mà thành phải, thành hay. Nếu không phải là trường hợp còn mất, thì không dùng đến quyền. Hành quyền phải có đường lối là tự biếm tự tổn mà không hại người. Nếu giết người để mình sống, làm người mất để mình còn thì người quân tử không bao giờ làm.

Cốc - Người Tống là chỉ Tống Công. Gọi là người là có ý chê.

Lưu Sướng - Tại sao bắt người ta, khi thì gọi là người nước ấy bắt, khi thì gọi là vua nước ấy bắt. Bảo là vua bắt, tức là đánh người có tội. Lại nói: Công Dương bảo là hành quyền. Bảo thế là sai. Nếu Sái Trọng biết quyền thì nên đến chết cũng không nghe, để cho người Tống biết rằng, dù giết được Sái Trọng nhưng cũng không lấy được nước Trịnh thế thì mới được. Và lại, Sái Trọng phải biết nghĩ rằng Tống nếu sức mạnh đủ giết Hốt, diệt nước Trịnh, thì hà tất phải bắt mình, hiếp mình. Sức đã không làm được, lại khoe là làm được, thì mình sao lại nghe. Và lại, Sái Trọng cứ chết cũng đủ rồi, sao lại đi truất người chính, mà lập kẻ bất chính. Thế đâu gọi là hành quyền.

Vương Nguyên Kiệt - Trịnh Hốt là con đích nối ngôi. Đột là con thứ gây loạn. Đích đã yếu lại vô tài. Thứ đã mạnh lại được giúp. Tống Trang thì vì tình riêng mà vào phe Đột. Sái Trọng thì vì bị bắt mà xin hội thề. Sái Trọng đã chịu di mệnh vua trước, mà không giúp được vua sau, lại phản bội truất đích, lập thứ. Kinh Xuân Thu chép là người Tống để chê Tống, ghét việc lấy sức mạnh áp bức người ta. Chép Sái Trọng không chép tên để cho càng rõ tội của một vị Khanh. Đột không chép họ rõ ràng là không nên cho làm vua. Chép tên Hốt, liền với chữ Trịnh, là để cho rõ, vì thì chính đấy, nhưng không đáng làm vua. Thật là cân nhắc nặng nhẹ rõ rệt.

突歸于鄭

ĐỘT QUY VU TRỊNH

ĐỘT VỀ NƯỚC TRỊNH

Tả - Mùa thu, tháng chín, ngày Đinh Hợi, Chiêu Công chạy sang Vệ. Ngày Đinh Hợi, Lệ Công lên ngôi.

Công - Đột sao lại gọi tên. Vì là nhờ Sái Trọng. Nói về là tại sao. Là cho việc Sái Trọng làm là thuận.

Cốc - Gọi là tên Đột là khinh. Nói là về là có ý việc dễ. Việc tùy quyền Sái Trọng. Chết về việc vua là đạo làm tôi. Nay lập tà, bỏ chính thì Sái Trọng đáng chê.

Lưu Sướng - Đây là Trịnh Đột. Chỉ chép Đột là chê, không đáng được gọi là Trịnh Đột. (Về), không đáng được về. Đây mà dùng

chữ viết, là để rõ cái bậy của Sái Trọng. Sái Trọng không biết xuất xứ. Xứ thì không biết chấp kinh. Xuất thì không biết tòng quyền. Tham sống mà cầu danh. Bỏ chính mà giúp tà. Đột về được nước Trịnh là do Sái Trọng cất nhắc. "Về" là chữ thuận, chữ dễ, không có gì là thuận mà lại chép là về, là dễ. Chữ "nhập" vào là ý trái, nghịch, là ý khó khăn. Đây Đột được dễ là vì Sái Trọng giúp, cùng nhau làm bậy. Công Dương còn nói: Sao lại chép là về, là theo Sái Trọng. Nói thế không phải. Hành vi của Sái Trọng, Xuân Thu coi là loạn thần, thế thì đâu có được là thuận, là theo.

Trình Tử. Đột không gọi là Công tử là không đáng làm vua.

鄭忽出奔衛

TRỊNH HỐT XUẤT BÔN VỆ

TRỊNH HỐT CHẠY KHỎI NƯỚC, TRỐN SANG VỆ

Khởi thủy các việc chạy trốn.

Công - Hốt sao gọi tên. Xuân Thu coi Bá, Tử, Nam, là một hạng. Lời không có gì là chê.

Cốc - Trịnh Hốt là Thế tử Hốt. Gọi tên vì đã mất nước.

Hồ Truyện - Hốt lấy nước Trịnh làm họ. Thế là chính. Vì chạy trốn mà chép tên Hốt là không làm nổi vua được.

柔會宋公陳侯蔡叔盟于折

NHU, HỘI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI THÚC MINH VU TRIẾT.

NHU, HỘI VỚI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, SÁI THÚC THỀ Ở ĐẤT TRIẾT.

Triết, tên đất, không rõ ở đâu.

Công - Nhu, là đại phu nước Lỗ ta, chưa có mệnh vua.

Cốc - Nhu, là đại phu nước Lỗ ta, chưa có mệnh vua.

Lã Đại Khuê - Lấy đại phu cùng với vua chư hầu thề, chưa can chi, mà cứ coi việc là đủ chê. Cho nên ở Lỗ ta, đại phu tự xuất sứ, là Vô Hài, mà đại phu cùng với Chư Hầu thề là từ Nhu.

公會宋公于夫鍾

CÔNG HỘI TỐNG CÔNG VU PHÙ CHUNG

CÔNG HỘI VỚI TỐNG CÔNG Ở ĐẤT PHÙ CHUNG

Chung Công viết ra chữ 鍾. Phù Chung là đất Thành 宋.

冬十月公會宋公于闞

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG VU HÁM

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG Ở ĐẤT HÁM

Ham la đất nước Lỗ.

Hồ Truyện - Bầy tôi cùng vua Tống thề ở đất Chiết. Vua Lỗ cùng vua Tống hội ở đất Phù Chung, ở Hám, ở Hư, ở Quy, đều chép cả, không bỏ. Sao phí lời thế. Là vì việc thề. Kinh Xuân Thu vốn ghét. Càng thề càng thêm loạn. Càng hội càng sinh nghi. Thánh nhân đều đề nguyên không tước bỏ để thấy càng thề lại càng phản, càng hội lại càng chia, việc, được thấy rõ rệt. Cho nên, chí Xuân Thu là lấy việc thiên hạ làm việc công, cần giữ điều tin, lo việc hòa, không nên trông nhờ vào hội thề.

Năm Tân Tỵ, Hoàn Vương năm thứ 20.

十有二年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tề Hy năm thứ 31. Tấn Mân năm thứ 5. Vệ Tuyên năm thứ 19. Sái Hoàn năm thứ 15. Trịnh Lệ Công Đột năm đầu. Tào Trang năm thứ 2. Trần Lệ năm thứ 7. Kỷ Tĩnh năm thứ 4. Tống Trang năm thứ 10. Tần xuất tư năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 41.

春正月
XUÂN CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG

夏六月壬寅公會杞侯莒子盟于曲池
HẠ, LỤC NGUYỆT, NHÂM DẦN, CÔNG HỘI KỶ HẦU CỬ TỬ MINH VU KHÚC TRÌ
MÙA HẠ THÁNG 6, NGÀY NHÂM DẦN, CÔNG HỘI KỶ HẦU, CỬ TỬ, THỀ Ở ĐẤT KHÚC TRÌ

Chữ 杞 Công Thị, Cốc Thị viết ra chữ 紀. Chữ Khúc Trì, Công Thị viết ra chữ Khúc Đa. Khúc Trì là đất nước Lỗ. Phía Bắc huyện Văn Dương có đình Khúc Thủy, phát nguyên từ Thạch Môn Sơn.

Ta - Năm thứ 12 (mười hai) mùa hạ, thề ở Khúc Trì, về việc bình nước Kỷ, nước Cử.

Gia Huyền Ông - Cốc và Công cho Kỷ là nước 紀 là đúng. Ẩn Công năm thứ hai thề ở đất Mật, Tả Thị có chú giải: Cử và Lỗ có hiềm khích. Kỷ Hầu đã thông hiếu với Lỗ, sai đại phu sang Cử thề, để giải hòa Cử. Lỗ và Cử đều vì việc nước Lỗ mà thề là có cớ.

Ngô Trừng - Kỷ bị nước Tề làm khó dễ, rất là nguy cấp. Lỗ Hoàn Công thiết tha giúp Kỷ, cho nên nhiều lần hội. Vì các nước lớn không có nước nào theo Lỗ, nên Lỗ phải hội với nước Cử nhỏ. Cử nhỏ thì đâu có cứu được nước Kỷ bị nguy. Việc thấy rõ ràng.

Trạm Nhược Thủy - Kỷ lo sợ Tề, không tự kêu với Thiên Tử được, phải nhờ Lỗ kêu với Thiên Tử, để ra lệnh cho các nước chư hầu ai giữ nước người nấy. Tề nếu không phục tùng mệnh Thiên Tử, thì sẽ bị cáo với Thiên Tử, họp quân các nước đến đánh. Hội làm gì, chỉ phiền thêm có ích gì trong việc cứu nước Kỷ. Cho nên, Kinh Xuân Thu chép việc không quên.

秋七月丁亥公會宋公燕人盟于穀丘

THU, THẤT NGUYỆT, ĐINH HỢI, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG, YÊN NHÂN, MINH VU CỐC KHƯU

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY ĐINH HỢI, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG VÀ NGƯỜI YÊN THỀ Ở ĐẤT CỐC KHƯU

Cốc Khưu là đất nước Tống.

Tả - Công muốn cho Tống, Trịnh, hòa. Mùa thu, Công cùng với Tống Công thề ở đất Câu Đậu 句 (Câu Đậu, tức là Cốc Khưu. Ở xứ Hán, quận Tế Âm huyện Câu Dương, sách Ứng Thiệu có chép: Gò Cấu Đậu nay đổi tên là điếm Câu Dương).

Tôn Giác - Từ đầu Xuân Thu trở đi, trong Kinh ít thấy nói đến nước Yên. Chỉ có ở đây và ở vào năm thứ 13 mới thấy mà lại gọi là người nước Yên. Chiêu Công năm thứ 3 chép Bắc yên Bá là Khoản chạy trốn sang Tề. Đã nói Bắc Yên, chắc có Nam Yên, Bắc Yên ở biên giới Sơn Nhung, từ Trang Công năm thứ 20, Tề Hoàn đánh nước Sơn Nhung, mới mở đường cho nước Yên, giao thông với Trung Quốc. Ngay như ở hội thề Cốc Khưu, Bắc Yên còn bị Sơn Nhung cách bức. Đỗ Dự giải thích có câu đại phu nước Nam Yên, là chỉ vào các nước Yên ở khu đó. Ngô Trừng nói, Tả Thị bảo rằng Lỗ muốn thu xếp việc hòa hiếu Tống với Trịnh. Vậy trong hội thề đó có ba nước: Lỗ, Tống, Yên. Chắc còn việc khác quan trọng, chứ không phải chỉ có việc Trịnh nhờ mới có hội thề. Nhân hội thề đó, cùng với Tống Công tương kiến, và rồi vì Trịnh xin cho Trịnh vậy. Hoàng Chính Hiên nói: Năm trước, Tống, Lỗ, Trần, Sái, cùng thề, nay lại cùng với Yên thề, là mong Tề rời hẳn Trịnh. Tả Thị có bảo rằng Công muốn bênh vực Tống, Trịnh, là tại sao. Là vì thời đó, Tề, Trịnh thành một đảng Tề mưu chiếm Kỷ, Hoàn Công thì muốn giúp Kỷ, mà không làm nổi. Vậy muốn cho Tống hòa với Trịnh thì phải làm cho Trịnh tuyệt với Tề, và hợp với Lỗ, thế là ngầm cứu được Kỷ. Kế đó thật là khéo.

八月壬辰陳侯躍卒

BÁT NGUYỆT, NHÂM THÌN, TRẦN HẦU, DƯỢC TỐT

THÁNG TÁM, NGÀY NHÂM THÌN, TRẦN HẦU LÀ DƯỢC MẤT

公會宋公于虛

CÔNG HỘI TỐNG CÔNG VU KHƯ

CÔNG HỘI TỐNG CÔNG Ở ĐẤT KHƯ KHƯ, ĐẤT NƯỚC TỐNG CÔNG THỊ CHÉP LÀ ĐẤT ĐẠM

冬十有一月公會宋公于龜

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG VU QUY

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG TẠI ĐẤT QUY QUY ĐẤT NƯỚC TỐNG

Tả - Tống chưa biết có thuận không, vậy mới hội ở Khư, rồi mùa đông lại hội ở Quy.

Hoàng Chính Hiến - Xét hội ở Chiết, ở Hám, ở Phù Chung, là Tống muốn thân Lỗ, để phạt Trịnh, cho nên hội ở toàn trên đất nước lỗ. Tống ở vị chủ. Hội ở Quy, ở Khư, là Lỗ muốn Tống, Trịnh hòa. Tống không chịu hòa, cho nên hội đều ở trên đất Tống, Lỗ giữ địa vị chủ (chủ mưu).

Xét - Từ Chiết đến đây, Lỗ với Tống, bốn lần hội, hai lần thề, là ghi việc Lỗ. Ta Thị thì bảo rằng muốn Tống, Trịnh hòa là ghi việc Tống Cốc, Lương thì bảo các hội ấy chép việc nước ngoài. Hai thuyết ấy không giống nhau. Duy, có Hoàng Chính Hiến bảo rằng lúc trước thì Tống muốn thân Lỗ, tiếp đến Lỗ muốn Tống hòa với với Trịnh, dẫn chứng bằng đất Tống, đất Lỗ, đối với ý nghĩ, công việc, muốn như đúng như thật.

戌公會鄭伯盟于武父

BÍNH TUẤT CÔNG HỘI TRỊNH BÁ MINH VU VŨ PHỦ

NGÀY BÍNH TUẤT, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ THỀ Ở ĐẤT VŨ PHỦ

Vu Phu là đất nước Trịnh, phía Đông Bắc huyện Tế Dương, đất Trần Lưu có thành Vũ Phủ. Sách Thuy Kinh chép, huyện Tế Dương có thành cũ Vũ Phu.

Tả - Tống Công không chịu hòa, cho nên Công với Trịnh Bá thề ở Vũ Phủ.

戌衛侯晉卒

BÍNH TUẤT VỆ HẦU TẤN TỐT

NGÀY BÍNH TUẤT, VUA NƯỚC VỆ TÊN LÀ TẤN MẤT

Cốc - Hai lần chép ngày, thế là lấy ngày định nghĩa.

Tôn Giác - Cốc Lương cho là lấy ngày định ý nghĩa. Xét Kinh Xuân Thu không có lấy ngày, lấy tháng làm một lệ. Nếu có chép ngày là nhân sử cũ tường hay lược. Cốc Lương bàn sai, không phải thế đâu.

十有二月及鄭師伐宋丁未戰于宋

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CẬP TRỊNH SƯ PHẠT TỐNG, ĐINH MÙI, CHIẾN VU TỐNG

THÁNG 12 VỚI QUÂN TRỊNH ĐÁNH TỐNG, NGÀY ĐINH MÙI, CHIẾN Ở ĐẤT TỐNG

Tả - Rồi đem quân đi đánh Tống, thế là có chiến tranh. Tống không giữ kín. Người quân tử nói. Nếu không có tín thề là vô ích. Kinh Thi nói: Quân Tử càng thề, loạn càng nhiều vì thiếu điều tín.

Phụ lục Tả Truyện - Nước Sở đánh nước Giảo, đóng quân

ở cửa Nam. Mạc Ngao Khuất Hà bàn: Giảo nhỏ mà khinh địch. Đã khinh địch thì vô mưu, xin cho ít quân đi hái củi để dụ giặc. Lời bàn được chấp thuận. Người Giảo bắt được 30 quân Sở. Ngày hôm sau người Giảo tranh nhau ra đuổi phu hái củi của Sở, ở trong núi. Người Sở mới họp tại cửa Bắc mà phục ở chân núi đánh Giảo. Giảo thua to phải xin ăn thề ở chân thành. Sở đem quân về. Trong việc đánh Giảo, Sở chia quân sang qua sông Bành. Người nước La muốn đánh, sai Bá Gia thám thính ba lần ngăn cản. Bành là sông Bành ở huyện Sương Nguy, đất Tân Thành. La là nước La, họ Hùng.

Công - Chiến thì không nói là phạt. Đây sao dùng chữ phạt. Là vì tị hiềm, không muốn nói (cùng người Trịnh chiến). Đây là thiên chiến là chiến có hẹn ngày, hẹn nơi, cùng đánh nhau. Sao lại không nói: "quân tan vỡ". Sử Lỗ không nói chữ chiến, vì có chữ chiến thì mới có chữ tan vỡ.

Cốc - Không phải với kẻ đã cùng nhau đi phạt. Không nói "cùng với Trịnh chiến" vì sỉ việc không hòa. Trong việc chiến, có việc thua chỉ chép việc đáng được nói thôi.

Hồ Truyện - Đã chép phạt Tống, lại chép chiến ở Tống là trách Tống đòi hối lộ Trịnh không biết thế nào là cùng. Rồi nhiều lần thề với Lỗ mà không giữ lời tin. Hai nước Trịnh, Lỗ, kể rõ tội Tống, để đánh Tống, cho nên chép là phạt. Vậy tội người Tống thì đáng phạt lắm. Nhưng nhận hối lộ để giúp Đốc là tự Lỗ Hoàn Công. Mà cậy sức mình để cướp nước người là Trịnh Đột. Mình không có tội thì mới trách tội ở người được. Cái nghĩa Xuân Thu là lấy người hiền để trị kẻ bất hiếu, chứ không lấy loạn trị loạn. Cho nên, Kinh lại chép chiến ở Tống. Tới chiến là tội ở người tới, tức như chiến ở đất Lang. Đi chiến người ta là tội tự mình, tức như chiến ở đất Tống.

Xét - Việc chiến ở Tống, Tả Thị cho rằng Tống có tội thất tín. Nguyên là Tống Phùng đòi hối lộ mãi, không thể nào là đủ. Lỗ và Trịnh mới có cớ đến trừng phạt. Nhưng Lỗ Hoàn và Trịnh Đột đều là hạng thoán nghịch, theo Vương pháp nên trị tội. Thế thì sao còn đem quân chuyên quyền phạt nước người ta. Hồ An Quốc nói: đem quân đi đánh người là lỗi ở mình. Hai thuyết Tả và Hồ ăn khớp với nhau. Vậy ý nghĩa thành đầy đủ.

Năm Nhâm Ngọ. Hoàn Vương năm thứ 21.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tề Hy năm thứ 32. Tấn Mẫn năm thứ 6. Vệ Huệ Công Sóc năm đầu. Sái Hoàn năm thứ 16, Trịnh Lệ năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 3. Trần Trang Công Lâm năm đầu. Kỷ Tĩnh năm thứ 5. Tống Trang năm thứ 11. Tần Xuất Tử năm thứ 4. Sở Vũ năm thứ 12.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Mùa Xuân, Sở Khuất Hà đánh nước La. Đấu Bá Kỳ đi tiễn. Khi về bảo với Ngự rằng: Mạc Ngao (chức quan) chắc là thua cư chỉ cao tức là tâm không vững. Rồi yết kiến vua Sở nói xin cho thêm quân. Vua Sở không nghe, nói chuyện với phu nhân, Đặng Mạn (vợ). Đặng Mạn nói: Đại phu chính là khuyên nhà vua, dỗ dân cần có tín, dạy dân cần có đức, mà đối với Mạc Ngao phải có hình. Mạc Ngao đã khinh chiến ở đất Bồ. Nay chuyên quyền tự dụng ở đất La. Nhà vua nếu không an ủi vỗ về nhân dân, e sẽ sơ hở về việc ngự dịch. Dạy dỗ dân, sai các quan phẩn việt làm rõ đức vua, bảo Mạc Ngao cho biết công việc không phải là dễ. Đấu Bá Tỷ há chẳng biết toàn quân Sở ta đã ra khỏi nước rồi ư. Vua Sở mới sai người nước Lại đuổi theo. Mạc Ngao truyền lệnh cho quân đội rằng: Ai can là bị giết. Đi đến đất Yên tranh nhau sang sông, đã không hàng ngũ, lại không phòng bị. Đến nước La. La với Lư Nhung, có hai đạo quân, đánh quân Sở. Sở bị thua. Mạc Ngao tự tử ở Hoang Cốc. Các tướng điều đình lại ở Dã Phủ, để chờ lệnh chịu tội. Vua Sở nói, tội ở ta, rồi tha cả.

Theo sách Hậu Hán Chí. Bao Tín là một nước Hầu có Lai Đình, chính là nước Lai. Theo Hiến Thông Khảo nước Lai ở huyện Bao Tín. Yên là sông Yên ở huyện Nghi Thành, đất Tương Dương, chảy vào sông Hán. Khổng Dĩnh Đạt nói: Sông tên Phát Nguyên

từ huyện Thi Hương xứ Tân Thành. Lư Nhung là xứ Nam Man, nay là thành cũ Trung Lư. Hoang Cốc là đất nước Sở, theo sách Kinh Châu Ký, cách Kim Châu, ba dặm có ba hồ, phía Đông gọi là Hoang Cốc. Dã Phu, là đất nước Sở, theo Thủy Kinh Chú, bờ sông bên Đông Dã Phu có thành Dã Phu.

二月公會紀侯鄭伯己巳及齊侯宋公
衛侯燕人戰齊師宋師衛師燕師敗績

NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI KỶ HẦU, TRỊNH BÁ, KỶ TỴ, CẬP TỀ HẦU TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, YÊN NHÂN CHIẾN, TỀ SƯ, TỐNG SƯ, VỆ SƯ, YÊN SƯ BẠI TÍCH

THÁNG 2, CÔNG HỘI KỶ HẦU, TRỊNH BÁ, NGÀY KỶ TỴ, CHIẾN VỚI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, VÀ NGƯỜI YÊN, QUÂN TỀ, QUÂN TỐNG, QUÂN VỆ, QUÂN YÊN TAN VỠ

Tả - Tống cứ đòi Trịnh hối lộ được nữa, cho nên sinh ra chiến tranh. Một bên là Kỷ, Lỗ, Trịnh, một bên là Tề, Tống, Vệ, Yên. Không chép nơi chiến, là vì nơi định sau.

Công - Sao lại sau. Vì đợi các nước ngoài là Kỷ Hầu, và Trịnh Bá. Việc trong nước mới nói là chiến. Sao đây lại nói là chiến. Là vì theo các việc nước ngoài. Đã chờ các nước ngoài thì phải theo nước ngoài. Sao không ghi nơi chiến. Vì ở gần, gần như thế vị vậy. Việc chiến ở Lang trước, đất nước Lang cũng gần, sao ghi đất. Vì Lang còn ghi rõ tên được.

Cốc - Sao lại chép chữ cập (với). Là tự mình với các nước ngoài. Sao lại chép là chiến. Là theo các nước ngoài mà nói. Chiến thì dùng chữ người nước nọ, nước kia. Mà thua thì dùng chữ quân đội nước nọ, nước kia. Thế là cho phần quan trọng về dân chúng. Sao không ghi nơi chiến. Vì nơi chiến ở nước Kỷ.

Hồ Truyện - Tả thị cho là Trịnh chiến với Tống. Công Dương cho là Tống chiến với Lỗ. Cốc Lương cho là Kỷ chiến với Tề. Triệu Khuông khảo sát lời Kinh Xuân Thu thấy rằng "quân ở trong", thì Kỷ là vị chủ mà đứng ở nước Trịnh "Quân ở ngoài" thì Tề là vị chủ mà đứng ở nước Tống. Cứ theo một thuyết của

Cốc Lương thì Tề và Kỵ là hạng thế thù vậy. Người Tề hợp ba nước để đánh nước Kỵ. Lỗ và Trịnh thì giúp nước Kỵ và cùng chiến. Chiến mà không chép đất chiến tức là ở đất nước Kỵ. Nếu không thế, thì Kỵ sợ nạn mất nước không lâu, còn đâu dám đem quân ra khỏi nước giúp Lỗ, Trịnh, để gây thêm oán thù. Tề thật là vô đạo, lấy mạnh hiếp yếu, thế là Kỵ tất có tuyên truyền các lý lẽ trách móc không sao tránh khỏi. Thế thì Kỵ chỉ có giữ bờ cõi cho đến chết. Trên tâu với Thiên Tử, dưới trình với các vị Hầu có chức phận trông nom, và báo cáo với các nước lân cận, tất có nước phải hiểu. Nếu không đủ bấy nhiêu điều kiện, mà cứ hung hăng cùng chiến thì sao khỏi loạn được. Sức bằng nhau, thì phải đem sức ra mà so sánh. Dùng đến việc thì phải dựa vào thời. Nước nhỏ thù nước lớn, may mà lại thắng được, ấy là khởi đầu tai họa đó. Nước Tức, đánh được nước Trịnh rồi mà mất. Trịnh đánh được Sái mà rồi sinh lo. Sái đánh tan được quân Sở mà rồi mất nước. Nay người Kỵ không xét đến đức của mình, không e dè lời nói, cứ thẳng đánh Tề, cứ dùng người giúp, mà người giúp Kỵ thì lại là hạng giết vua, hạng cướp nước. Kinh Xuân Thu lấy nước Kỵ làm việc chủ binh. Xét về đức, xét về thời, thì rõ ý Kinh. Triệu Khuông có nói. Ta thì bảo rằng Tống đòi Trịnh nhiều hối lộ, việc ấy là nhỏ. Việc to là hai nước bất hòa không nên để hai chư hầu đánh nhau. Công Dương thì bảo sao lại chiến sau (chưa định ngày). Là chờ các nước ngoài, xét hội trước rồi sau mới biết ngày. Thành hội rồi sau mới chiến. Đợi nước ngoài là ý gì, nghĩa gì. Công Dương lại nói, phàm chư hầu đang có tang mà phải đem quân ra khỏi biên giới mà xưng là tử, nếu không tang thì xưng là nước. Thế là để ghi điều rõ, nhiều, ít. Tôn Giác có nói: Kinh Xuân Thu về việc chiến là có chép đất. Đây không chép đất là chiến ở nước Kỵ. Kỵ bị Tề xâm. Tề muốn đoạt lấy Kỵ nên đem quân ba nước Tống, Vệ, Yên, đến đánh. Trong trường hợp đó, Kỵ phải cầu cứu với vua hai nước Lỗ và Trịnh để chống Tề. Tuy nhiên, Kinh không chép đất chiến, vì cho là Kỵ Hầu chủ việc binh mà cùng chiến tức là chiến ở Kỵ vậy. Ngô Trừng nói, Xưa, Trịnh Trang giúp Tề đánh Kỵ. Lỗ Hoàn Công thường vẫn vì Trịnh mà hội với Tống. Rồi sau lại cùng với Trịnh đánh Tống. Trịnh Lệ Công quý Lỗ cho nên giúp Lỗ cứu Kỵ mà trái với công việc vua bố xưa.

Xét - Việc chiến đó, Ba Truyện bàn khác nhau. Triệu Khuông cho chỉ Cốc Lương là phải. Hồ An Quốc, Tôn Giác, Ngô Trừng, cũng đều theo Trịnh Khang Thành bảo chữ Kỷ nước Kỷ phải sửa thành Kỵ là minh. Phạm Ninh dẫn Trịnh Khang Thành để bác Cốc Lương thành ra xuyên tạc.

三月葬衛宣公

TAM NGUYỆT, TÁNG VỆ TUYÊN CÔNG

THÁNG BA LỄ TÁNG VỆ TUYÊN CÔNG

Lưu Sướng - Quân tử dù oán vẫn không rời nghĩa, dù giận vẫn không bỏ lễ, dù ghét vẫn không bỏ người thân.

夏大水

HẠ, ĐẠI THỦY

MÙA HẠ LỤT TO

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU THÁNG 7

冬十月

ĐÔNG THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Người Trịnh lại xin thông hiếu. Năm quý mùi, Hoàn Vương năm thứ 22.

十有四年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tề Hy năm thứ 33. Tần Mạn năm thứ 7. Vệ Huệ năm thứ 2. Sái Hoàn năm thứ 17. Trịnh Lệ năm thứ 3. Tào Trang năm thứ 1. Trần Trang năm thứ 2. Kỷ Tĩnh năm thứ 6. Tống Trang năm thứ 12. Tấn Xuất Tử năm thứ 6. Sở Vũ năm thứ 43.

春正月公會鄭伯于曹

XUÂN, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ VU TÀO

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, CÔNG HỘI TRỊNH BÁ TẠI NƯỚC TÀO

Tả - Mùa Xuân, hội tại nước Tào. Người Tào dâng đồ ăn. Thế là đúng lễ.

Đỗ Dự - Vì ở nước Tào, tức là nước Tào có dự hội.

Cao Kháng - Công cùng Trịnh Bá đều có tội thoán nghịch, thiên hạ không dung. Nay cùng hội tại Tào. Tào mà dung thì tội Tào đã biết.

Ngô Trừng - Năm trước, Lỗ, Trịnh, cùng cứu Kỷ mà đánh quân Tề, Vệ. Vậy lo Tề, Vệ báo thù cho nên phải có hội để bàn với nhau. Tào vốn rất hợp với Lỗ cho nên hội với Trịnh ở trên đất Tào.

無冰

VÔ BĂNG

KHÔNG CÓ BĂNG (GIÁ)

Công - Sao lại chép. Là để ghi một việc dị, lạ.

Cốc - Trời nóng bức.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu mà chép đủ là để răn dạy về việc nước. Lối chép việc của Xuân Thu rất tinh tường về bốn mùa nóng lạnh trong năm.

夏五

HẠ NGŨ

MÙA HẠ THÁNG 5

Công - Chỉ chép mùa hạ tháng năm vì không có chuyện gì.

Cốc - Khổng Tử nói: Nghe âm ở xa, biết là nhanh mà không biết là chậm. Nhìn ở xa không nhận được hình. Ở thời Định Công, Ai Công, thì xét được thời Ẩn Công, Hoàn Công. Ẩn, Hoàn đã xa rồi cần mùa hạ tháng năm, là truyện có thiếu sót.

Xét - Chữ "Hạ, ngũ" hoặc là thánh nhân, nhân sư cũ khuyết sót chữ nguyệt. Hoặc chữ ngũ thừa. Hoặc truyện đời sau thiếu sót, cứ để thế.

鄭伯使其弟語來盟

TRỊNH BÁ SỬ KỲ ĐỆ NGỮ LAI MINH

TRỊNH BÁ SAI EM LÀ NGỮ TỚI THỀ
CỐC LƯƠNG VIẾT CHỮ NGỮ RA NGỰ 禦

Tả - Người Trịnh lại đến về việc thề, và sửa soạn hội với nước Tào.

Cốc - Chư hầu vì là tôn quý, không coi anh em như thuộc quan. Đây chép là em, chép là tới Lỗ ta, thế là sai người rất quý. Ta thề đã có định trước. Không chép ngày, vì việc thề đã được định trước rồi thì thôi chép ngày.

Triệu Bằng Phi - Đột mà được lập làm vua ở Trịnh, trong chỉ nhờ có Sái Trọng thôi, chứ quốc dân không muốn. Ngoài thì chỉ cậy có Lỗ, chứ các nước lân cận khác không ủng hộ. Kinh Xuân Thu chép việc tới thề gồm sáu lần, đều là nhún mình tới Lỗ để thề. Trịnh có phải là không có đại phu đâu, mà phải sai em thì biết rằng các đại phu tất là tâm không vị Đột.

Xét - Cốc Lương nói thề định trước thì không chép ngày, nói thế là sai. Kinh Xuân Thu không lấy ngày tháng làm một định lệ. Trong khoảng 242 năm, thề không chép ngày có nhiều lắm. Nếu định trước không phải chép ngày, thì có chép ngày là không định trước hay sao. Tới thề có khi chép sứ gia, có khi

không chép sứ giả. Thế thì Trịnh Ngữ, Vệ Lương Phủ phụng mệnh mà tới, ý chu việc thề, cho là có định trước thì còn được, nhưng Tề Cao Tử, Sở Khuất Hoàn, Hoa Tôn, đều có việc mới tới, sao lại cho là có định trước tới thề. Cho nên thấy không chép ngày, là đã định trước tới thề. Cho nên thấy không chép ngày, là đã có định trước cùng tới thề mà không chép chữ sứ, các lời bàn như thế bỏ đi.

秋八月壬申御廩災

THU, BÁT NGUYỆT, NHÂM THÂN, NGỰ LẪM TAI

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY NHÂM THÂN, KHO NGỰ LẪM BỊ HỎA TAI

Tả - Mùa thu, tháng tám, ngày Nhâm Thân kho Ngự Lẫm cháy. Ngày ất hợi tế Thường, chép là không có hại.

Công - Ngự Lẫm là kho chứa lúa nếp, dành về việc cúng Chép vì là tai họa.

乙亥嘗

ẤT HỢI THƯỜNG

NGÀY ẤT HỢI, TẾ THƯỜNG

Công - Việc đều thường, không chép. Đây chép là ý chê. Chê việc tế thường. Kho Ngự Lẫm đã cháy, thì thôi đừng nên tế Thường.

Cốc - Hỏa tai ở Ngự Lẫm không đáng chép. Đây chép là vì lấy thóc lúa còn thừa, mà tế Thường, tức là chép một việc bất kính Thiên Tử tự làm lễ đi cày để lấy lúa cúng tế. Vợ vua, Vương hậu tự dệt lụa là để may áo tế lễ. Trong nước đâu có phải là hết đàn ông biết cày, hết đàn bà biết dệt. Chỉ vì ý nghĩa, nhất tâm thờ tổ tiên, thì sao bằng mình thân hành làm lấy. Sao nay lại lấy cua cháy thừa mà cúng tế. Lúa ở đồng áng nộp vào cung, cất vào Ngự Lẫm. Vậy tế thường phải do đồng áng đã cung cấp. Ngày Nhâm Thân Ngự Lẫm cháy. Ngày Ất Hợi tế Thường, tất phải lấy ở chỗ thừa chưa cháy mà tế.

Hồ Truyện - Tế Thường là việc tế mùa như mọi mùa, sao lại chép. Chép là vì không phải thời, và không kính. Kinh Xuân Thu khi chép việc dùng tháng theo lịch nhà Chu, mà lấy tháng tám tế lễ Thường, tức là không đúng mùa. Ngự Lẫm hỏa tai ngày nhâm thân, mà tế lễ Thường vào ngày Ất hợi, thế là không định lại, mà cung vào việc tế cái lúa cháy thừa, thế là bất kính. Lễ theo thời là quan trọng, dùng vào việc đã không đúng thời. Lễ lấy kính làm gốc, mà phát tâm đã không kính, cho nên chép.

Xét - Công Dương nói không nên tế Thường, tức là nói rõ cái điều bất kính. Thực ra tế Thường đâu có bỏ được Triệu Khuông, Lư Sương, Tô Triệt đều bác đi e là không phải lời bàn của Công Dương - Cốc Lương thì bảo là dùng đồ cháy thừa, vì cho rằng kho Ngự Lẫm là chứa các lúa để cúng tế, đã xay giã kỹ, cho nên có câu: Thóc của thôn dã quanh đất nhà vua, nạp vào tam cung, cất vào Ngự Lẫm - Lưu Quyền Hành bác lời nói ấy: Ngày Nhâm thân cháy, ngày Ất hợi tế, thóc ở kho đem ra đã lâu rồi, tức là không bị ở kho cháy, sao lại gọi là cháy thừa. Thế tức là cho rằng lúa ở Ngự Lẫm chưa xay giã. Nay khảo cứu về lễ nhà Chu thì thấy chức vụ người giữ kho Ngự Lẫm là cứ đến tế lớn phải cung cấp thóc lúa để tiếp thu, Trịnh Khang Thành nói đưa cho người chuyên việc giã. Thế tức là lúa để trong kho Ngự Lẫm, chắc chắn là chưa giã. Lời bàn của Quyền Hành so với lời bàn của Cốc Lương có phần hơn. Tuy nhiên hai ý trái mùa và bất kính, bọn tiên nho đều giữ nguyên.

冬十有二月丁巳齊侯祿斧卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TỊ, TỀ HẦU LỘC PHỦ TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY ĐINH TỊ, TỀ HẦU LÀ LỘC PHỦ MẤT

宋人以齊人蔡人衛人陳人伐鄭

TỐNG NHÂN DĨ TỀ NHÂN, SÁI NHÂN, VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN, PHẠT TRỊNH

NGƯỜI TỐNG LẤY NGƯỜI TỀ, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRẦN, PHẠT NƯỚC TRỊNH

CÔNG DƯƠNG ĐẶT NGƯỜI SÁI DƯỚI NGƯỜI VỆ

Tả - Mùa đông, người Tống lấy quân chư hầu đánh Trịnh, báo thù trận Tống bị đánh, đốt Cừ Môn vào đến Đại Quỳ, đánh phá Đông Giao chiếm Ngư Thu (ấp nước Trịnh). Dỡ cột ở Đại Cung đem về làm cột Lư Môn.

Công - Thế nào là lấy (lấy quân nước) là làm theo mình.

Cốc - Chữ lấy là ý không nên lấy. Dân là gì, là gốc của quân, sai người ta, bắt người ta chết, đâu có phải là chính.

Đỗ Dự - Phàm dùng được làm tả hữu mình thì gọi là lấy. Đại Cung là miếu thờ tổ nước Trịnh, Lư Môn là cửa thành nước Tống. Báo cáo là đánh (phạt) mà không báo cáo là chiếm đoạt, cho nên không chép.

Phạm Ninh - Không lấy, nghĩa là vốn không phải dưới quyền mình điều khiển mà nay lại được lấy. Chê bốn nước làm cho Tống chuyên quyền, dùng quân đội mình mà khinh thường mệnh người dân vậy.

Năm Giáp Thân, Hoàn Vương năm thứ 23.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tề Tương Chư Nhi, năm đầu. Tấn Mân năm thứ 8. Vệ Huệ năm thứ 3. Sái Hoàn năm thứ 18. Trịnh Lệ năm thứ 4. Tào Trang năm thứ 5. Trần Trang năm thứ 3. Kỷ Tĩnh năm thứ 7. Tống Trang năm thứ 13, Tần Vũ năm đầu. Sở Vũ năm 44.

春二月天王使家父來求車

XUÂN NHỊ NGUYỆT, THIÊN VƯƠNG SỬ GIA PHỦ LAI CẦU XA

MÙA XUÂN, THÁNG HAI, THIÊN TỬ SAI GIA PHỦ TỚI XIN XE

Tả - Không phải lễ. Chư hầu không cống hiến xe ngựa. Thiên Tử không đòi của riêng.

Công - Chép là chê. Đã là vương gia, thì không xin, không đòi. Xin, đòi, là phi lễ.

Cốc - Chư hầu thời có, thời hiến vua thứ gì, trong nước mình sẵn có, cho nên có thứ từ ta, và lại không có trưng cầu. Cầu xe không phải là lễ. Cầu tiền, của, lại càng không phải.

Hà Hưu - Vương gia lấy thuế dân, trong vòng 1000 dặm quanh kinh đô là đủ để chi phí. Còn bốn phương, cứ theo chức phận mà tới cống hiến đủ làm cho tôn quý vinh hiển. Vua nên rất liêm, chớ dùng giọng giá cho bốn phương biết để đòi hỏi. Đòi hỏi thì làm cho chư hầu thêm tham lam, các quan bần tiện, dân gian trộm cắp.

Lưu Huyến - Trong đời trị, nếu thiên tử mệnh cho thiên hạ đóng thuế cống hiến, thì không đâu mà không theo. Không phải đòi, mà chư hầu răm rắp nộp cống, nộp thuế, đâu có phải dùng lời đòi. Trong thời loạn thì trái hẳn. Chép thế, đủ rõ hèn, kém, của thiên tử, và tội lỗi của chư hầu.

三月乙未天王崩

TAM NGUYỆT, ẤT MÙI, THIÊN VƯƠNG BĂNG

THÁNG BA NGÀY ẤT MÙI, THIÊN TỬ BĂNG

Triệu Khuông - Từ đây trở đi, đời Trang Vương, Hi Vương, không chép vua băng, vì nhà vua không có báo cáo, nước Lỗ không phó cáo. Thế đủ biết các chư hầu bất thần rồi.

夏四月己巳葬齊僖公

HẠ TỨ NGUYỆT, KỶ TỴ, TÁNG TỀ HI CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ TỴ, LỄ TÁNG TỀ HI CÔNG

Vương Bảo - Hoàn Công là người có tội lớn, Thiên Tử không những đã không hỏi tội, mà trong khoảng tám năm lại ba lần cho sứ tới sính, ân lễ thật là hậu. Nay vua băng, cáo phó tới. Thế mà Lỗ lúc tang không tới, lúc táng cũng không có mặt. Tề Hi Công lúc còn sống thì can qua hàng năm, lúc chết thì được chư hầu tới dự lễ táng. So sánh việc, dù không chê, cũng thấy hiện rõ chỗ dở.

五月鄭伯突出奔蔡

NGŨ NGUYỆT, TRỊNH BÁ ĐỘT XUẤT BÔN SÁI

THÁNG 5, TRỊNH BÁ ĐỘT, CHẠY RA KHỎI NƯỚC TRỐN VÀO NƯỚC SÁI

Ta - Sái Trọng chuyên quyền, vua là Trịnh Bá lấy làm lo ngại. Sai rể Sái Trọng là Ung Cử giết, Trịnh Bá sắp đi tế ở Giao. Con gái (vợ Ung Cử) hỏi mẹ rằng, cha với chồng ai thân hơn. Mẹ nói: chồng thì ai cũng có thể làm chồng được. Nhưng cha chỉ có một mà thôi, sao lại so sánh được. Rồi bảo Sái Trọng rằng: Ung Cư sẽ tới nơi tế, làm tiệc mời ông ở đất Giao, tôi nghi lắm. Sái Trọng mới giết Ung Cử, quăng thây xuống ao nhà họ Chu. Trịnh Công thoát, chạy trốn, có nói: Mưu với đàn bà, sống làm sao được. Mùa hạ, Lệ Công trốn sang nước Sái.

Công - Đột, sao lại chép tên. Là vì cướp ngôi.

Cốc - Chê về việc cướp ngôi.

Khổng Dĩnh Đạt - Phàm vua chư hầu trốn khỏi nước, đều là bị đuổi mà chạy trốn, chứ không phải tự mình đi ra. Sử cũ chép tội đuổi vua. Trọng Ni sửa Xuân Thu, trách là vua đã không biết giữ địa vị mình, thì phải tự mình chạy trốn. Vậy chép là tự mình chạy trốn. Vệ Hiến Công chạy trốn không biên tên. Trịnh Bá Đột, Bắc Yên, Bá Khoản, Sái Hầu Chu, đều chép tên

là theo lời bá cáo. Sách giai nghĩa lệ có nói: Vệ báo cáo không nói tên. Yên báo cáo có tên, tùy theo báo cáo mà chép.

Trương Hiệp - Phàm làm vua chư hầu mà mất ngôi, chạy trốn. Kinh Xuân Thu đều chép như là tự chạy trốn! Chỉ chép tước, không chép tên, là tội nhẹ, ác vừa, dù rằng có thất đạo, nhưng vì, chưa đến tuyệt. Còn như Đột là hạng con thứ cướp ngôi con đích thì đáng lý không được làm vua mà lại còn dùng kế phản phúc, đánh trộm, đánh lén, tư mang lấy họa, theo vương pháp đáng bị xử tội, cho nên đặc biệt chép tên cho dứt hẳn chức vị.

Xét - Đuổi Đột là Sái Trọng. Không chép là Trọng đuổi vua mà chép Trịnh Đột chạy trốn tức là Kinh Xuân Thu trị tội kẻ loạn tặc làm cho nghiêm chỉnh cái phận sự làm vua, làm tôi, không cho bọn loạn tặc được yên thân. Vậy chép là tự trốn. Hồ Truyện vốn dựa vào Lục Thuần, cho là để cảnh cáo người làm vua. Đuổi vua đi tội há có thể tha được chăng. Xét về ý nghĩa, vẫn còn e chưa ổn, nhưng được nhận đã từ lâu. Nay cứ chép cả ra đây. Trịnh Đột chép tên hoặc bảo là muốn cho chê đến nơi, hoặc bảo là cứ theo cáo phó. Cả hai thuyết có thể được cả.

世子忽復歸鄭

THẾ TỬ HỐT PHỤC QUY VU TRỊNH

THẾ TỬ HỐT LẠI TRỞ VỀ TRỊNH

Tả - Tháng sáu, ngày ất hợi, Chiêu Công vào nước.

Công - Sao lại gọi là Thế Tử. Vì là chính thống. Sao nói là về và lại về. Vì khi đi ra là bậy, khi về không bậy. Nếu nói là vào tức là khi đi ra không bậy, vào là bậy. Nếu chỉ nói là vào, tức là ra, vào cùng bậy. Nếu chỉ nói về, tức là ra, vào cùng không bậy.

Cốc - Thế là ngược lại với chính.

Lưu Sưởng - Công Dương cho rằng, "Lại trở lại", ý ra đi là bậy, về là không bậy. "Trở lại", ý là khi ra, khi vào, cùng không bậy. Cho thế là bàn sai. Như Hốt mà chạy trốn, là vì bất đắc dĩ, thì có gì bậy. Nếu cho là bậy thì vẫn còn có cớ chữa được. Chứ như Đột cướp nước thì khi ra, khi vào, sao lại không bậy.

Tố Triệt - Hốt đã làm vua, khi ra đi chép Trịnh Hốt. Khi trở về, chép là Trịnh Thế Tử Hốt. Tại sao? ra đi là không làm vua được. Khi lại trở về là có duyên trông cậy vào đó để trở về nước, duyên cớ đó là chức Thế Tử. Bỏ cớ ấy thì không còn cớ gì để về được. Đột đã ra đi, thì Hốt về có gì là khó.

許叔入于許

HỨA THÚC NHẬP VU HỨA

HỨA THÚC VÀO ĐẤT HỨA

Cốc - Hứa Thúc là họ quý ở nước Hứa, ai bằng được. Nói là vào, tại sao? Là vì xét về đạo lý thì chưa nên về.

Hồ Truyện - Hứa là dòng dõi Thái Nhạc. Tiên vương dựng nước bị áp bức giữa Trịnh, Tề, không giữ nổi xã tắc, chưa nghe có lỗi gì đang bị diệt thì nên làm cho rõ đại nghĩa, cứ lời nói thẳng tâu Thiên Tử rồi bá cáo cho các phương bá xin phục quốc để sửa sang quét dọn lại tôn miếu, thế thì còn ai dám tranh. Nay nhân cơ loạn, lén lút đi vào, thì không đúng nghĩa phục quốc. Cho nên chép là vào đất Hứa, chữ vào là ý chê trách.

Xét - Hứa Thúc không hưng phục lối đường hoàng chỉ là thừa cơ có loạn. Không được mệnh Thiên Tử để phục quốc cho nên chép là vào. Hoặc có kẻ lại cho rằng bất tất phải đợi mệnh vua, ngờ Hồ Truyện là bàn vu vơ, chứ không đúng nghĩa tôn vương của Kinh Xuân Thu.

公會齊侯于艾

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU NGẢI

CÔNG HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT NGẢI

Công Thị chép ra chữ 鄗. Cốc thị chép ra chữ 蒿.

Tả - Mưu bình định nước Hứa.

Cao Kháng - Lỗ thường tuyệt giao với Tề. Từ khi Hi Bá mất, Tương Công lên ngôi, nay mới thấy thông hiếu.

Trịnh Uông - Ẩn Công năm thứ 11, về việc vào đất Hứa, có Tề, Lỗ, Trịnh. Nay Hứa Thúc nhân Trịnh có loạn, mới phục quốc được. Tề, Lỗ đã không đem quân tới đánh thì thôi chứ đằng lại có họp để mưu giúp cho nên ngôi. Cao Kháng nói là Lỗ, Tề, vạn thường tuyệt giao, đến nay mới lại thông hiếu. Cái họa Bành Sinh là tự đấy gây ra. Cho nên Xuân Thu ghi là Tề Hầu chủ mưu, có lẽ theo lý đúng thế.

Xét - Sau hội đất Ngải, Lỗ lại đánh Trịnh, mà Tề thì không dự. Sao cho là mưu định việc nước Hứa, cho nên Tôn Giác, Trịnh Uông, bác lời bàn của Tả thị, Cao Kháng cho là Lỗ với Tề lại thông hiếu. Xét sự tình đương thời thì gần như đúng. Cho nên thuyết bình định nước Hứa, không được chép.

邾人牟人葛人來朝

CHÂU NHÂN, MÂU NHÂN, CÁT NHÂN, LAI TRIỀU

NGƯỜI NƯỚC CHÂU, NƯỚC MÂU, NƯỚC CÁT, LẠI CHẦU

Mâu là nước Mâu ở huyện Mâu đất Thái Sơn. Cát là nước Cát ở Đông Bắc huyện Ninh Lăng, nước Lương, Hi Công năm thứ 17, chép phu nhân vua Tề Hoàn Công là Cát Doanh, vậy nước Cát là họ Doanh.

Công - Sao lại gọi là người? Là chỉ xứ Di Địch.

Đổng Trọng Thư - Vì Thiên Tử chết mà chầu nhau cho nên chê.

Khổng Dĩnh Đạt - Ba nước cùng gọi là người, lại cùng chầu, thì biết là cùng hàng.

Lưu Sưởng - Nước Đằng, nước Tiết, cùng tới chầu, có khác gì Châu, Mâu, Cát. Chê Đằng, Tiết, nhẹ hơn chê Châu, Mâu, Cát, tại sao? Tại vì chư hầu xưa, thăm nhau, chọn lúc không bận gì về Thiên Tử. Đằng, Tiết còn có ý khảo xét về điển hình, chính lễ để tôn vua. Nay vua mới mất. Lỗ và ba nước chưa thường tới kinh đô, phúng viếng, để lo chức vụ kẻ thần tử, lại còn ngang nhiên hội họp, thế là tiếm loạn, vì thế đáng chê trách nhiều.

秋九月鄭伯突入于櫟

THU CỬU NGUYỆT, TRỊNH BÁ ĐỘT NHẬP VU LỊCH

MÙA THU, THÁNG 9, TRỊNH BÁ ĐỘT VÀO ĐẤT LỊCH

(Lịch, biệt đô nước Trịnh)

Tả - Trịnh Bá, nhân người Lịch là Đàn Bá bị giết, mới vào ở Lịch.

Công - Lịch là ấp nước Trịnh. Tại sao không nói là vào. Về sau sẽ nói đến. Vì Sái Túc đã chết rồi, vậy sao không nói Hốt chạy trốn. Vì Hốt là vua hèn kém Sái Trọng còn, thì Hốt còn ở ngôi được, Sái Trọng chết thì Hốt cũng mất.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu về việc Trịnh Lệ Công (Đột) phục quốc sau đi không chép, chỉ chép là vào chiếm đất Lịch. Tại sao Quắc Công mà chết ở ấp Chế, Thái Thúc mà bị dân Cung Thành phản, đều là vì đã được Trang Công ngăn ngừa cẩn thận. Ngày nay mà xây thành Lịch để Tử Nguyên ở đó, khiến cho Chiêu Công (Hốt) không lên ngôi được, sao mưu việc nước lại có điều nhầm lỗi đến thế. Nước Vệ có đất Bồ Thích mà Hiến Công bị đuổi. Sở có Trần, Sái, Bất Canh, mà khí Tật bị phản. Ngọn quá to, cây tất phải gãy, đó là cái hại của một nước. Cho nên Phu Tử bỏ các nước đó mà ra đi. Quý Tôn có nói, đời xưa, trong nhà, không có chứa giáp binh, thành không được quá trăm trĩ (Trĩ là một thứ thước đo); nên mới huỷ bỏ ba đô ấp, để cho quốc đô được mạnh. Về việc Lệ Công (Đột) phục quốc, tước đi không chép. Nếu bảo rằng đã vào đất Lịch thì nước cũng đã phục được rồi. Ở chỗ quan trọng để giá ngự các nơi khác, rồi làm cho đất cứng, cành mềm, thân mình dựa vào lễ nghĩa để làm gương cho thiên hạ và đời sau - Trị nước cốt thận trọng về lễ nghĩa.

Tôn Phục - Trịnh Thế Tử Hốt (Chiêu) lại về Trịnh cho nên Bá Đột (Lệ) phải vào ở đất Lịch để bức hiếp Hốt.

Trình Tử - Đột (Lệ) không phải là chính. Hốt (Chiêu) đã giữ ngôi, cho nên người trong nước coi là vua, chư hầu đều giúp. Chép có cho bỏ chức tước đi là để răn việc ở ngôi chính mà không biết giữ, thì tất bị người khác cướp lấy. Chép là vào là rõ ý nghĩa không ai dung.

冬十有一月公會宋公衛侯陳侯于侈伐鄭

ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRẦN HẦU VU XỈ PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11. CÔNG HỘI, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRẦN HẦU, TẠI ĐẤT XỈ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Trước chữ Tống Công, Công Thị có viết chữ Tề Hầu. Chữ 袲 Công Dương chép là 侈.

Tả - Hội ở đất xỉ mưu việc đánh Trịnh, để giúp Trịnh Lệ Công (Đột). Không đánh được phải đem quân về.

Cốc - Chép tên đất, rồi sau chép chữ đánh, tức là nghi từ, chứ không phải nghi việc

Đỗ Dự - Trước làm cái lễ hội họp, rồi sau đánh.

Tô Triệt - Chép tên đất, rồi sau chép đánh. Thế là hội rồi sau mới đánh. Cốc Lương lại bảo là nghi từ, chứ không phải là nghi việc. Xét đánh Đột để nhận Hốt. Nay Đột ở đất Lịch, chứ không ở Trịnh. Vậy đánh Trịnh không phải là đánh Đột (Lệ) mà lại còn là cứu đột. Cốc Lương nói nhầm như thế nhiều lần lắm

Xét - Công hội chư hầu hai lần đánh Trịnh, Tả Thị cho là để nạp Lệ Công (Đột) là đúng. Công Dương thì khen chư hầu đánh Đột (Lệ) không nghĩ rằng Hốt (Chiêu) đang ở Trịnh, mà Đột (Lệ) vẫn còn ở Lịch. Thế thì đánh Trịnh sao lại gọi là đánh Đột được. Cốc Lương bàn là nghi từ. Xét hội rồi mới đánh, tức là mưu đã được định rồi, thì còn gì mà phải nghi. Hồ Truyện tuy dẫn Cốc Lương và nói đến thuyết Cốc Lương nhưng vẫn cùng ý với Tả Thị.

Năm Ất Dậu - Trang Vương năm đầu

十有六年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Tương năm thứ 2. Tấn Mân thứ 9. Vệ Huệ năm thứ 4. Sái Hoan năm thứ 19. Trịnh Lệ năm thứ 5. Chiêu Công Hốt năm đầu. Tào Trang năm thứ 6. Trần Trang năm thứ 4. Kỷ Tĩnh năm thứ 8. Tống Trang năm thứ 14. Tần Vũ năm thứ 2. Sở Vũ năm thứ 45.

春正月公會宋公蔡侯衛侯于曹

XUÂN CHÍNH NGUYỆT CÔNG HỘI TỐNG CÔNG SÁI HẦU VỆ HẦU VU TÀO

MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG SÁI HẦU VỆ HẦU TẠI ĐẤT TÀO

Tả - Hội ở Tào, là để bàn việc phạt Trịnh.

Tôn Giác - Hội ở Tào. Hai truyện không có lời bàn. Duy có Tả Truyện thì cho là mưu đánh Trịnh. Xét việc ghi trong Tả Truyện thì thấy, trong khoảng hai năm các hội thề để xâm phạt đều vì việc gây dựng cho Trịnh Lệ Công. Thế mà Đột (Lệ) thì còn ở đất Lịch. Hốt (Chiêu) thì chưa chạy ra ngoài. Cho nên chư hầu mưu đánh Hốt (Chiêu) để dựng Đột (Lệ).

夏四月公會宋公衛侯陳侯蔡侯伐鄭

HẠ TỨ NGUYỆT, CÔNG HỘI, TỐNG CÔNG VỆ HẦU, TRẦN HẦU, SÁI HẦU PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRẦN HẦU, SÁI HẦU, ĐÁNH TRỊNH

Tả - Mùa hạ phạt Trịnh.

Hồ Truyện - Mùa xuân, tháng giêng, hội ở nước Tào. Sái

kê tên trước Vệ. Mùa hạ tháng tư, đánh Trịnh, thì Vệ trước Sái. Theo Vương chế, thứ bực chư hầu đã được đặt, ai trước ai sau đã có định sẵn ca. Quan Đại Tư mã nhà Chu đã đặt lễ nghi cùng chức vị để phân biệt các nước chư hầu, theo giới hạn địa dư không thể đổi thay được. Đến thời Xuân Thu, thì lễ nghi, pháp chế đã bỏ, bọn Bá theo ý mình thay đổi trước sau, các nước theo thế mạnh, yếu, xếp trên dưới. Nước Sái thường trước nước Vệ, nay xếp sau nước Trần. Tiên nho cho rằng vì tới sau, thế là lấy cớ tới trước, tới sau chia đẳng cấp. Thế là tùy theo lợi, tư ý người mà bất chấp lễ nghi. Thế thì đối với dân ra sao. Kinh Xuân Thu phòng bị từ khi họa chưa xảy ra, lại càng nghiêm về khoản danh phận. Cứ xét việc biên chép thì rõ ý.

Trình Tử - Đột (Lệ) khéo kết giao chư hầu cho nên ai nấy đều hết sức nhiều lần đánh Trịnh.

秋七月公至自伐鄭

THU THẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH

MÙA THU, THÁNG 7, CÔNG ĐÁNH TRỊNH VỀ, LÀM LỄ ẨM CHÍ
(LỄ CÁO MIẾU THẮNG TRẬN)

Tả - Mùa thu, tháng bảy, Công đánh Trịnh về làm lễ ẩm chí.

Cốc - Hoàn công không hội thì sao lại ẩm chí. Thế là làm cho quan trọng thêm.

Tôn Giác - Xét chữ chí chép ở đây, với nghĩa chữ chí vào năm thứ 2 "chí tự Đường" thì giống nhau. Đều là chép một lễ cáo miếu.

冬城尚

ĐÔNG, THÀNH THƯỢNG

MÙA ĐÔNG, XÂY THÀNH THƯỢNG

Tả - Đây chép mùa.

Khổng Dĩnh Đạt - Tháng mười một, sao thủy chưa thấy

đúng chỗ là chưa tới đúng mùa, cho nên xem lại lịch, thì nhận thấy, năm ấy tháng có lùi lại, mà tiết thì sớm hơn. Sao Thủy hiện tháng mười một mới chính vị. Lại nhận thấy rằng lúc lúa mới nảy mầm, chưa chắc hạt. Vậy tháng mười một, có thể bắt đầu làm các công tác xây dựng được. Thế thì chép mùa đâu phải là chê.

Đạm Trợ - Ở dưới có chép việc tháng mười một, thì ở đây chắc là tháng mười. Dù cho có là tháng mười một, thì so lịch ngày nay mới là tháng chín, việc nông chưa xong, chưa có thể công tác xây dựng được.

Xét - Lưu Huyền dẫn chứng sách nhà Chu, bảo rằng sao Hỏa mọc thì mới bắt đầu xây cất, tức là vào tháng hợi. Thế thì xây cất vào tháng tuất là vô lý, cho nên Đạm Trợ, Trương Hiệp, đều cho là làm việc trái mùa. Thuyết đó đúng. Đỗ Dự thì bảo rằng năm đó có tháng sáu nhuận, tháng lùi lại, mà tiết sớm hơn. Khổng Dĩnh Đạt theo ý đó cho là Truyện không nhầm. Nói cũng có lý.

十有一月衛侯朔出奔齊

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, VỆ HẦU SÓC XUẤT BÔN TỀ

THÁNG 11, VỆ HẦU TÊN LÀ SÓC, CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TỀ

Tả - Xưa, Vệ Tuyên Công thông dâm với vợ lẽ bố, là Di Khương sinh ra Cấp Tử, giao cho Sư Phó là Công tử Hữu. Sau Tuyên Công hỏi vợ cho con ở nước Tề, thấy người đẹp, cướp lấy làm vợ, đẻ ra Thọ, và Sóc, giao cho Công tử Tả làm Sư phó. Di Khương tự tử, Tuyên Khương cùng con là Công tử Sóc, mưu hại Cấp tử, Tuyên Công sai đi sứ nước Tề, rồi ngầm sai cướp đợi ở bến đò sẵn để giết đi. Thọ báo cho Cấp biết, khuyên Cấp tránh đi nước khác. Cấp không nghe nói: Bỏ mệnh cha, thì con còn được việc gì, thiên hạ đâu có nước vô phụ. Đến lúc đi, Thọ đổ rượu cho Cấp uống say, rồi lấy cờ tinh cắm vào thuyền mình đi trước. Cướp trông thấy giết Thọ. Khi Cấp tỉnh rượu, cho thuyền đi tới chỗ và nói: Ta mới là người đáng giết, Thọ có tội gì, cứ

giết ta đi. Cướp lại giết nốt. Về sau hai công tử Hữu và Tả, tức là Chức và Tiết, oán công tử Sóc (sau là Vệ Huệ Công) lập Công tử Kiềm Mâu. Huệ công (Công tư Sóc trước), lên ngôi thay Tuyên Công chết bệnh chạy trốn sang Tề. Sằn là đất nước Vệ. Ở huyện Sằn xứ Đông Xương, còn thành cũ là Bắc Sằn Thành.

Công - Vệ Hầu Sóc sao chép tên là ý triệt đi. Vì có tội với Thiên Tử. Giữ được nước mà không giữ được dân. Rời nước chạy đến đất Đại nước Tề. Bọn thuộc hạ ốm không kể tội.

Cốc - Sóc gọi tên là chê trách: Thiên Tử triệu mà không tới chầu.

Trương Hiệp - Sóc ơ ngôi đã 5 năm. Hai công tử không hay tự lực đuổi đi được. Phải nhân việc khinh mạn Thiên Tử, thấy nhà Chu muốn đánh mới thi hành được ý chí - Trang Công năm thứ 6, Tư Đột Triều Chu, cứu Vệ. Cái thuyết của Công Dương tất là Công Dương có được truyền lại chắc chắn. Sóc giết anh cướp nước. Mệnh vua đã dứt cho nên chép tên.

Xét - Việc Vệ Sóc chạy trốn, Tả Thị cho là bị hai Công tử đuổi, Công Thị, Cốc Thị cho là có tội với Thiên Tử. Trương Hiệp kiêm cả hai cớ cho là nhà vua muốn đánh, rồi sau hai công tử mới đuổi. Theo tình thế thì hợp lý, nên theo Trương Hiệp.

Năm Bính Tuất - Trang Vương năm thứ 2.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tề Tương năm thứ 3. Tấn Mân năm thứ 10. Vệ Huệ năm thứ 5. Kiềm Mâu, năm đầu, Tống Trang năm thứ (?). Sái Hoàn năm thứ 20. Trịnh Lệ năm thứ 6, Chiêu năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 7. Trần Trang năm thứ 5. Kỷ Tĩnh năm thứ 9. Tần Vũ năm thứ 3. Sở Vũ năm thứ 46.

春正月丙辰公會齊侯紀侯盟于黃

XUÂN CHÍNH NGUYỆT, BÍNH THÌN, CÔNG HỘI TỀ HẦU, KỶ HẦU MINH VU HOÀNG

MÙA XUÂN THÁNG GIÊNG, NGÀY BÍNH THÌN, CÔNG HỘI TỀ HẦU, KỶ HẦU THỀ Ở ĐẤT HOÀNG

Hoàng là đất nước Tề, ở huyện Hoàng, phía Đông Nam có Cò Hoàng Thành, vốn là áp nước Kỷ, sau nhập vào Tề.

Tả - Tề, Kỷ, hòa, và mưu việc nước Vệ.

Cao Kháng - Kỷ sợ Tề, thường phòng bị. Người Tề thì dối trá. Cho nên có việc thề này, để cho khỏi nghi, cốt cho một bên tin rồi bớt lo, bớt phòng bị. Vì thế việc thề vừa xong, thì Lỗ đánh nhau với Tề ở đất Hề. Hai năm sau, Tề lại lấy ba ấp cua Kỷ. Coi đó đủ biết thề là vô ích, và chỉ là khơi mào của chiến tranh.

二月丙午公會鄒儀斧盟于水

NHỊ NGUYỆT BÍNH NGỌ, CÔNG HỘI CHÂU NGHI PHỦ MINH VU THỦY

THÁNG 2, NGÀY BÍNH NGỌ, CÔNG HỘI CHÂU NGHI PHỦ, THỀ Ở ĐẤT THỦY

Chữ Hội, Cốc, Công, viết là chữ 及 cập (cùng). Thủy ra đất nước Lỗ.

Tả - Cùng châu Nghi Phu thề ở Thủy, tức là tiếp theo hội thề ở Miệt.

Ngô Trừng - Ẩn Công năm đầu, cùng với nước Châu thề ở đất Miệt. Bảy năm sau, Ẩn Công bỏ lời thề, rồi đánh Châu, Lỗ Hoan Công năm thứ 8 lại đánh Châu. Lỗ và Châu thôi không thông hiểu có đến 10 năm. Đền năm Lỗ Hoàn Công thứ 15, Châu cùng Mâu, Cát, tới chầu. Sau việc Châu, hai nước Lỗ và Châu, muốn nối lại việc thề đất Miệt để cùng hòa sau hai trận đánh nhau vì thế Châu mới tới Lỗ chịu thề, và Công cùng thề.

Uông Khắc Khoan - Ở dưới chép, sau đánh Châu thì việc thề ở đất Thuy không đợi chê mà đã thấy rõ.

夏五月丙午及齊師戰于奚
HẠ NGŨ NGUYỆT BÍNH NGỌ, CẬP TỀ SƯ CHIẾN VU HỀ
MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY BÍNH NGỌ, CÙNG QUÂN TỀ ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT TỀ

Công Thị không chép chữ hạ - Cốc Thị viết chữ 奚 ra chữ 郋. Đây là khởi thủy Tề Lỗ đánh nhau. Hề là đất Lỗ, Sách Thủy Kinh Chú: Nước Hề Trọng trên núi còn có mả Hề Trọng.

Tả - Cùng quân Tề đánh nhau ở đất Hề. Đó là việc ngoài biên cương. Người Tề xâm vào biên giới Lỗ. Quan coi biên giới về báo. Công nói: Biên giới phải cẩn thận giữ gìn để phòng bị việc không ngờ. Hãy hết sức phòng bị. Việc phải đánh nhau thì cứ đánh nhau, hà tất phải phi báo.

Cốc - Sử kiêng chép là thua. Chỉ chép việc còn có thể chép được.

Không nói tên người, là vì Lỗ ta thua. Tránh nói thua.

Gia Huyền Ông - Năm nay, mùa xuân, Lỗ với Tề, Kỷ, hội ở đất Hoàng. Mới được chưa bao lâu lại đánh nhau ở đấy. Tề không tin được Lỗ Hoàn Công, từ khi còn Tề Hi Công, vì nước Kỷ có cầu Tề, đến khi Tương Công nối ngôi, lại nối hòa hiếu trước, vì thế có hội thề ở Hoàng Tương Công không những không theo, lại còn đem quân đến Lỗ. Tương Công, thật là khinh mạn Lỗ quá lắm.

六月丁丑蔡侯封人卒

LỤC NGUYỆT, ĐINH SỬU, SÁI HẦU PHONG NHÂN TỐT

THÁNG 6, NGÀY ĐINH SỬU, SÁI HẦU LÀ PHONG NHÂN MẤT

Tả - Sái Hoàn hầu mất.

秋七月蔡季自陳歸于蔡

THU BÁT NGUYỆT, SÁI QUÝ TỰ TRẦN QUY VU SÁI

MÙA THU THÁNG 8, SÁI QUÝ TỪ NƯỚC TRẦN VỀ NƯỚC SÁI

Tả - Người Sái mời Sái Quý ở nước Trần. Sái Quý về người Sái mừng rỡ.

Cốc - Sái Quý là người được tôn trọng ở Sái (Tự Trần) Vậy Trần có giúp.

Hà Hưu - Gọi tên tự, Sái hầu Phong nhân không có con. Quý là hàng thứ được nối ngôi. Phong nhân muốn lập Hiến Vũ mà ghét Quý. Quý tránh sang Trần. Phong nhân chết. Quý về chịu tang trong ba năm không có lòng hờn oán, cho nên được cho là hiền, mà chỉ gọi tên tự.

Gia Huyền Ông - Bọn nho, phần nhiều theo lời bàn của Công Dương bảo rằng gọi tên tự và dùng chữ (về) là khen. Hiến Vũ là vị vua mất nước. Sái Quý, là người hiền nhường ngôi. Hai người trong Xuân Thu khác nhau, cứ theo phép biên chép thì biết. Thế mà Tả thị cho Quý và Hiến Vũ chỉ là một người. Tôi không tin

Xét - Sái Quý không phải là Hiến Vũ. Đỗ Dự nhầm cho là một người. Tả Thị thì chỉ nói rằng: Triệu Sái Quý ở Trần, Sái Quý ở Trần về Sái mà thôi. Chưa thường bao được lập làm vua. Bọn tiên nho dựa vào Hà Thị. - Gia Huyền Ông dẫn thư pháp thì đáng tin

癸巳葬蔡桓侯

QUÝ TỴ TÁNG SÁI HOÀN HẦU

NGÀY QUÝ TỴ, TÁNG SÁI HOÀN HẦU

Đạm Trợ - Gọi là Hầu, vì Sái Quý hiền, xin nhà vua cho tên thụy. Phàm chư hầu xin vua tên thụy thì trong bản sách phong có viết là Mỗ hầu. Sử các nước nhân đó mà chép là Hầu. Cho nên chư hầu nhà Tây Chu, chép việc đều y như chức tước trong triều nhà vua. Thời Xuân Thu đều xưng là Công. Phu Tử cũng nhân đó mà chép là Công để tỏ là không xin lên vua.

及宋人衛人伐邾

CẬP TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT CHÂU

CÙNG NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả - Đánh Châu, là do ý Tống.

Tôn Giác - Châu năm trước tới chầu. Năm nay thề ở đất Thuy. Nay đưa vào quân hai nước mà đánh Châu, thì là không tin được lời thề. Bọn khoẻ tha hồ dọc ngang, bọn yếu thường bị lấn áp.

Trần Thâm - Xét Tả Thị, tuy Lỗ theo ý Tống, nhưng chép chữ cùng thì vẫn là có ý của Lỗ.

Thẩm Nhược Thủy - “Cùng”, là ta cùng với người Tống, người Vệ, đánh nước Châu. Chép thế là rõ tội phản phúc của Lỗ Hoàn Công.

冬十月朔日有食之

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY SÓC, CÓ NHẬT THỰC

Tả - Mùa đông, tháng mười sóc có nhật thực. Không chép ngày, vì chức quan coi lịch đã bỏ sót. Thiên Tử thì có vị quan gọi là Nhật quan. Chư hầu thì có vị quan gọi là Nhật Ngự. Nhật

Quan là vị Khanh để định ngày. Nhật ngự không bỏ sót ngày. Đều là để bao lại các quan trong triều.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Trịnh Bá muốn dùng Cao Cừ Di làm chức Khanh, Chiêu Công ghét, cố can. Không nghe. Khi Chiêu Công nối ngôi, Cao Cừ Di sợ bị giết. Ngày Tân mão mới giết (thí) Chiêu công, mà lập Công tử Vĩ; người quân tử bàn: Chiêu Công biết người. Công tư Đạt nói: Cao Bá thế nào cũng chết vì ác đã quá nhiều.

Cốc - Chép sóc không chép ngày. Nhật thực thì đã sóc rồi.

Triệu Khuông - Tả Thị bàn rằng không chép ngày là chức quan bỏ sót, bàn thế không phải. Hoặc sử quan bỏ sót, hoặc lâu ngày chép sót, quan hệ gì đến chức nhật quan nhật ngự.

Trần Phó Lương - Từ đời Văn Công về trước, nhật thực không chép ngày Từ Văn Công về sau, đều chép ngày. Vậy có thể cho là đời Hoàn, Trang, trong sử nhiều câu viết bỏ sót.

Thẩm Nhược Thủy - Chép một việc lạ, không chép ngày, sử có khi thất truyền.

Xét - Chép sóc, không chép ngày. Triệu Khuông, Trần Phó Lương, Thẩm Nhược Thủy đều bàn là khuyết. Xét hối, sóc, hay giáp ất, hoặc chép, hoặc không sử cũ có tường, có lược: còn Phu tư thì căn cứ vào sử cũ. Lưu Sưởng Dương Thời đã luận bàn kỹ về việc năm thứ 3 Ẩn Công. Lại khảo sát các sách chuyên môn về lịch thấy rằng, cứ một ngày sóc, có bình sóc có định sóc. Thấy ngày đi đều, tháng đi đều, thì suy tính ra ngày giờ khác, để ngày tháng hợp với sóc; thế gọi là bình sóc. Ngày có dài ngắn, tháng có thiếu đủ, cứ lấy quân bình, hoặc gia, hoặc giảm, để định ngày giờ khác, để ngày tháng ăn khớp với nhau, thế gọi là định sóc. Từ Lưu Hồng soạn lịch mới dùng định sóc. Từ đấy, không phải sóc là không có nhật thực. Từ đầu nhà Hán trở về trước, đều dùng lối bình sóc cho nên có nhật thực ở sau hoặc ở trước ngày sóc. Công Dương mà nói là quên mất trước hay sau, Cốc Lương mà nói là nhật thực về ngày hối, hoặc nhật thực khi sóc đã qua, vậy trước sóc, sau sóc, chính sóc, thánh nhân cứ thế mà chép có khó gì mà nay cứ phải bàn tán tìm tòi. Nếu sau sóc hai ngày mới có nhật thực thì đâu có chép chữ sóc. Vậy cứ phải cho thiếu sót chữ là phải.

Năm Đinh Hợi, - Trang Vương năm thứ 3. -

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tề Tương năm thứ 4. Tấn Mân năm thứ 11. Vệ Huệ năm thứ 6. Kiềm Mâu năm thứ 2. Sái Ai Hầu Hiến Vũ năm đầu. Trịnh Lệ năm thứ 7. Tứ Vi năm đầu. Tào Trang năm thứ 8. Trần Trang năm thứ 6. Kỷ Tĩnh năm thứ 10. Tống Trang năm thứ 16. Tần Vũ năm 1. Sở Vũ năm thứ 47.

春王正月

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tôn giác - Tháng giêng có chữ vương là Hoàn Công hết đời. Giặc giết vua không có lý gì tha được. Không bị tội ngay thì cũng bị ở ngày tháng tới. Không bị tội lúc sống thì bị tội lúc chết. Không bị tội lúc chết thì bị tội ở muôn đời.

Gia-Huyền-Ông - Lỗ Hoàn Công giết anh, cướp ngôi được 18 năm. Thiên Tử đã không phạt được lại còn thân thiện. Việc thoán thí lâu ngày rồi cũng quên. Nào biết dâu loạn tự trong sinh ra, rồi chết ở nước láng giềng mạnh hơn để chịu tội trời. Kinh Xuân Thu đến năm ấy mới lại chép chữ vương, tháng giêng, là để chính cái tội loạn nghịch, và để làm phép cho đời sau.

Triệu Phương - Hoàn Công là hạng vô vương. Đây chép chữ vương là ý đã cẩn thận lúc đầu (thủy) thì cũng chính lúc sau (chung).

公會齊侯于濼

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU LẠC

CÔNG HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT LẠC

Lạc Thủy ở phía Tây huyện Lịch Thành, phủ Tế Nam. Phía Bắc chảy vào sông Tế tức là ngọn sông Lạc Thủy. Tế Thủy chảy ra nhiều nơi.

公與夫人姜氏遂如齊

CÔNG DỮ PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỤY NHƯ TỀ

CÔNG CÙNG PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ RỒI SANG TỀ

Tả - Công sắp ra đi cùng Khương Thị sang Tề. Thân Nhu nói: Nữ hữu gia, nam hữu thất, giai có vợ, gái có chồng, không hỗn loạn được. Thế gọi là có lễ. Không thế gọi là bại. Công hội Tề Hầu ở đất Lạc, rồi cùng với Văn Khương sang Tề. Tề Hầu thông dâm. Công trách, Văn Khương mách Tề Hầu.

Công - Hoàn Công sao lại không chép là "cập" là với, phu nhân. Vì phu nhân là người ngoài, mà sử Lỗ chép việc Lỗ. Phu nhân bị coi như người ngoài.

Cốc - Hội đất Lạc, không nói là với Phu nhân, vì coi Phu nhân ngang hàng. Không nói đã nhiều lần.

Lưu Sưởng - Không nói là với, mà nói là cùng, cũng như thất phu cùng thất phụ vậy. Đó là đường lối đi vào tai họa (người nọ cùng người kia).

Triệu Bằng Phi - Sang Tề là do ý của Văn Khương, chứ không phải ý của Công. Cho nên không viết chữ với (cập) mà viết chữ dữ (cùng). Cũng như nói: Công bất đắc dĩ cùng Văn Khương đi sang Tề.

夏四月丙子公薨于齊丁酉公之喪至自齊

HẠ TỨ NGUYỆT, BÍNH TÝ, CÔNG HOĂNG VU TỀ ĐINH DẬU CÔNG CHI TANG CHÍ TỰ TỀ

MÙA HẠ THÁNG 4. NGÀY BÍNH TÝ CÔNG MẤT Ở TỀ NGÀY ĐINH DẬU. ĐƯA TANG CÔNG TỰ TỀ VỀ

Tả - Mùa hạ, tháng tư, ngày Bính Tý Tề đãi tiệc Công. Tề sai Công tử Bành Sinh cùng đi với Công. Công chết trong xe. Người Lỗ cáo với Tề rằng: Quả quân tôi: sợ uy của nhà vua, không dám ở yên, phải sửa soạn thông cựu hiếu. Lễ nghi xong, không thấy về, không biết lỗi ở đâu, mang tiếng với chư hầu. Nay xin làm tội Bành Sinh. Người Tề mới giết Bành Sinh.

Cốc - Ở đất ngoài thì, chết gọi là Công, theo như trên.

Chu Tử - Không Tử cứ thẳng thắn chép thì nghĩa rõ ngay. Chép rằng Công Hội Tề Hầu ở đất Mố. Công cùng phu nhân Khương Thị sang Tề. Công mất ở Tề, tang của Công từ Tề tới, Phu nhân ở lại Tề. Đọc những câu ấy như thấy việc trước mắt. Dù không bàn giải cũng biết được.

Trương Hiệp - Chép việc vua Lỗ bị giết có hai cách: Nếu ở trong nước thì không chép nơi chết, chỉ cần biết việc chết. Nếu ở ngoài, thì không thể không chép nơi chết, mà rồi cho các câu văn trên dưới liền tục. Đây, trước tiên, chép Công cùng Phu nhân Khương Thị, sang Tề, rồi, chép Phu nhân sang Tề năm sau, rồi lại tới việc Trang Công không chép là lên ngôi. Tuy không chép rõ người Tề giết Công, mà việc Hoàn Công bị giết đã rõ rệt - Thế mà bản quốc chép nếu lại giống như các nước khác chép, thì con dấu là y tôn quân, thân thương. Cho nên việc Hoàn Công bị giết tất phải kiêng tránh, mà lại cũng phải đừng mất sự thực, mới làm cho đời sau đọc mà tin được. Lời văn thật nhẹ nhàng mà vạn vẻ.

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG 7

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, Tề Hầu đóng quân ở đất Thu Chỉ, Công tử Vi tới hội. Cao Cừ Di là phụ. Tháng bảy, ngày Mậu tuất, người Tề giết Công tử Vi, phanh thây Cao Cừ Di. Sái Trọng mới đón Trịnh tử ở Trần lập lên ngôi vua. Về việc đi sang Tề, Sái Trọng đoán trước, cho nên cáo ốm không đi. Ai cũng bảo Trọng là có trí. Trọng nói đó chỉ là xét điều tín.

Chu Công muốn giết Trang Vương mà lập Vương Tử Khắc. Tân Bá bảo với vua rồi cùng vua giết Chu Công Hắc Kiên. Vương Tử Khắc chạy trốn sang nước Yên. Tử Nghi được vua Hoàn Vương yêu. Hoàn Vương giao cho Chu Công làm sư Phó. Tân Bá can rằng, hai hậu, hai con đích, hai quyền chính, thế là mầm loạn cho nước. Chu Công không nghe. Vì thế mới đến chỗ chết.

Thu Chỉ, đất nước Vệ, ở huyện Tương Ấp, đất Trần Lưu.

冬十有二月己丑葬我君桓公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT KỶ SỬU, TÁNG NGÃ QUÂN HOÀN CÔNG

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬU LỄ TÁNG VUA HOÀN CÔNG NƯỚC TA

Công - Chưa hỏi tội giặc, sao lại được chép lễ táng. Là vì giặc ở nước ngoài. Dù thế cũng không chép được lễ táng. Mới biết thật là lời văn nhẹ nhàng.

Cốc - Tang vua nước Lỗ ta. Trên dưới văn đều ăn khớp. Vua bị giết, giặc chưa trị tội, thì không chép táng. Đây chép táng là tại sao? Vượt qua nước ngoài mới trị tội được, nên không trách. Hoàn Công táng rồi mới đặt tên Thụy. Thụy là để hoàn thành các đức của vua, lúc đã chết. Người có trí thì biết lo việc. Người có nghĩa thì biết hành đạo. Người có nhân thì biết thủ thường. Có đầy đủ ba điều ấy rồi sau mới có thể đặt Thụy được.

Uông Khắc Khoan - Trong Kinh Xuân Thu, vua bị giết, mà chép lễ táng, có 9 lần. Về Hoàn Công, Tề Tương, Trần Linh, ba vị ấy thì giặc giết, giặc đều bị trị tội. Trịnh Hy, Tề Điệu thì Kinh không chép là bị giết. Sái Cảnh mà được lễ táng, là ý chê các chư hầu không phải chỉ là một việc Hứa Điệu giết cha, mà Hứa Điệu được lễ táng. Sái Linh thì giặc ở nước ngoài, mà cảnh ngộ y như Lỗ Hoàn Công. Sở Kiên chết vì Tí, thì cũng giống như Tề Chư Nhi chết vì Vô Tri, - Sái Chiêu thì giặc ở trong nước, giặc đã bị giết, mà thiếu tên giặc không chép, lại Sái Chiêu phản Sở, đối Ngô, đáng phải chết ở tay giặc cướp. Thư pháp của thánh nhân, như Hóa công, sinh muôn vật, đều theo nhẽ trời đương nhiên.

Vương Tiều - Chu Tử phát minh cái nghĩa vua bị giết không chép lễ táng mọi người bình luận khác không nghĩ tới. Tuy nhiên, chỉ là ở trong nước, thì mới không chép lễ táng là để dạy cho tôi con phải cố trị tội giặc giết vua. Còn như giặc ở nước ngoài, vì tình thế không thể trị tội được, chả nhẽ để mãi không có lễ táng. Lễ táng là tòng quyền. Còn trị tội là theo nghĩa. Không trị tội thì có nghĩa như là không táng chứ không phải hẹn là có thể thong thả được.

Xét - Lưu Sương nói, vua bị giết, thần không trị tội giặc, không phải là thần. Con không phục thù cha, không phải là con Sao lại cho nếu giặc ở nước ngoài thì không phục thù được. Còn như Tề mạnh, Lỗ yếu, lượng sức không đánh được, người quân tử không trách. Việc đó là đối với kẻ nhu nhược và đối với giặc mạnh Thuyết đó không giống thuyết của Công Thị, Cốc Thị. Còn cái thuyết nghĩa không đội trời chung, cũng chưa nên bỏ. Vậy chép cả ra đây.

XUÂN THU QUYỂN THỨ BA

莊公
TRANG CÔNG
LỖ

Dương Sĩ Huân - Theo Lỗ thế phả, Trang Công tên là Đồng, là con Hoàn Công. Năm Trang Vương thứ 4, lên ngôi. Theo phép đặt tên thụy thắng được địch, trị được mạnh thì gọi là Trang.

Năm Mậu Tý, - Trang Vương thứ 4.

元年
NGUYÊN NIÊN
NĂM ĐẦU

Tề Tương năm thứ 5. Tấn Mân năm thứ 12. Vệ Huệ năm thứ 7. Kiềm Mâu năm thứ 3. Sái Ai năm thứ 2. Trịnh Lệ năm thứ 8. Tư Nghi năm đầu. Tào Trang năm thứ 9. Trần Trang năm thứ 7. Ky Tĩnh năm thứ 11. Tống Trang năm thứ 17. Tần Vũ năm thứ 5. Sơ Vũ năm thứ 48.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tả - Năm đầu mùa xuân, không gọi là lên ngôi. Vì Văn Khương chạy ra nước ngoài

Công - Sao lại không nói là Công lên ngôi. Theo Kinh Xuân Thu, vua bị giết, con không nói là lên ngôi. Tại sao? Tại muốn giấu việc bị giết. Giấu vì con.

Lục Thuần - Tả Thị bảo rằng Trang Công không nói lên ngôi vì cớ Văn Khương chạy ra nước ngoài. Mẹ vì có tội, phải bỏ nước đi, con nói là bất nhẫn, thì bố bị nước khác giết, tính con ra sao. Không xét việc lớn, chỉ xét việc nhỏ, như thế đâu có phải lời bình luận xác đáng. Đến tháng ba Văn Khương mới đi, thì tháng giêng có ngại gì mà không lên ngôi.

Lưu Sưởng - Cái ý ấy nguyên của Tả Thị, vì Văn Khương cùng Hoàn Công đi không có chữ về, cho nên chép chữ chạy trốn. Không biết rằng phu nhân đã đi không phải là chính đạo, thì về không có chép. Vả lại Văn Khương giết vua, tức là dứt bỏ nước Lỗ. Thế thì Trang Công lên ngôi vì cớ gì mà nói là bất nhẫn. Trang Công bất nhẫn lên ngôi thì Văn Khương sẽ cảm động mà về Lỗ. Nếu thế thì Trang Công quên việc Văn Khương giết bố, mà sao Văn Khương rồi lại còn trốn sang Tề.

Xét - Trang Công không chép lên ngôi. Tả Thị cho là vì Văn Khương bỏ nước. Lục Thuần, Lưu Sưởng, bác lời bàn ấy. Hồ Truyện cho rằng trong nước không được chính thức truyền ngôi, và trên không có mệnh Thiên Tử cho nên Kinh truất bỏ. Bàn như thế cũng không phải. Ngoài các vua Ẩn, Trang, Mẫn, Hy đều chép lên ngôi, đâu có phải là đều được bẩm mệnh lên Thiên Tử. Còn như Hoàn, Tuyên, Định Công, đâu có phải là ở trong nước được chính thức truyền ngôi. Vậy nên theo lời bàn Công Thị, Cốc Thị.

三月夫人遜于齊

TAM NGUYỆT, PHU NHÂN TỐN VU TỀ

THÁNG BA, PHU NHÂN SANG Ở TỀ

Tả - Không gọi là Khương Thị. Dứt bỏ đi, không cho là thân. Thế là lễ.

Công - Sao lại sang ở Tề. Vì trong nước Sư tránh chữ chạy trốn, nên dùng chữ sang ở. Phu nhân vốn ở Tề. Nói rằng sang Tề là tai sao. Là nghĩ đến mẹ. Chép tháng giêng là nghĩ đến giữ ngôi. Chép việc thì đầu tiên nghĩ đến mẹ. Vậy sao lại không gọi là Khương Thị. Là chê biếm vì đã dự vào việc giết vua: Phu nhân nói xấu Công với Tề Hầu. Công nói: Thằng Đồng (Trang Công) không phải con tôi, chính là con Tề Hầu. Tề Hầu giận, mới cho uống rượu, khi Công ra về, Tề Hầu sai Bành Sinh tiễn, ngồi trên xe, bóp xương sườn giết chết. Bảo rằng nghĩ đến mẹ là nghĩ đến điều hay, mẹ thế thì còn có gì là hay đáng chê. Không cho là nghĩ đến mẹ.

Cốc - (Tốn, là sang, ở) là tránh nói chữ bôn là chạy trốn. Lúc đón tang về, khoan thứ tội lỗi cho mẹ là tình con. Không chép họ là biếm. Người đối với trời, chịu mệnh theo đạo lý. Đối với người, chịu mệnh theo lời nói. Đã không thuận đạo lý thì trời bỏ. Đã không thuận lời nói, thì người bỏ. Kẻ thần tử cần phải thụ mệnh.

Đỗ Dự - Khương Thị là họ nước Tề. Theo nghĩa phải, thì Văn Khương nên tuyệt với Tề, cho nên cứ việc chạy trốn là phải tước họ Khương cho rõ nghĩa phải.

Đạm Trợ - Công Dương bảo rằng phu nhân vốn ở Tề. Thế mà chép là sang ở Tề là để cho con còn nghĩ đến mẹ. Há rằng vẫn ở Tề mà còn chép nay sang ở Tề và lại vì không thấy chép câu Phu nhân trở về Lỗ, không biết rằng phu nhân đã có theo tang mà về. Cốc Lương nói lúc cúng tế khoan thứ cho mẹ, là do tình con là nói rằng Phu nhân vẫn ở Tề, tới lúc cúng tế, ở Lỗ mới chép. Bảo thế cũng không phải.

Lý Liêm - Tả thì cho rằng Văn Khương nên tuyệt với Tề. Công Thị, Cốc Thị cho rằng đã là thần tử Lỗ thì nên tuyệt với Văn Khương. Hai thuyết không giống nhau. Tuy nhiên xét văn

Tả Thị, đã tuyệt thì không kể gì đến người thân. Biết đâu chẳng phải là bao rằng, thần tư Lỗ nên tuyệt với Văn Khương, mà không kể gì đến người thân, biết đâu chẳng phải là bảo thế chăng. Coi văn ý không được rõ, Đỗ Dự mới giải thích lầm. Cho nên Hồ Thị dẫn lời của Khổng Quý Ngạn rồi Tả Truyện mới được rõ Công Thị, Cốc Thị mới sáng, mà Cốc Lương sáng hơn.

Xét - Tội của Văn Khương còn gì to hơn là dự việc giết vua. Cho nên chạy trốn là bị chê rồi. Lý Liêm cho rằng một lần biếm chê là tội ác đã thấy rõ. Vì thế năm thứ 2, sang Tề. Kinh mới chép lại chữ Khương Thị.

夏單伯逆王姬

HẠ THIỆN BÁ NGHỊCH VƯƠNG CƠ

MÙA HẠ, THIỆN BÁ ĐÓN VƯƠNG CƠ

Chữ đón (逆) Tả Truyện chép là Tống (送)

Công - Thiện Bá là đại phu của nước Lỗ ta, được Thiên tử sai. Sao không gọi là sứ. Là vì vua triệu tới rồi sai. "Đón", là sai nước ta làm chủ về hôn nhân, Thiên Tử gả con gái cho chư hầu, tất là một chư hầu cùng họ làm chủ. Vua chư hầu gả con gái cho đại phu, thì sai đại phu cùng họ làm chủ.

Cốc - Thiện Bá là đại phu nước Lỗ được Thiên Tử sai. Sai đại phu cho nên không vâng mệnh tại Kinh sư được. Là vì vua mình bị giết ở nước Tề. Lại bị sai đi làm chủ việc hôn nhân, cùng với Tề làm lễ, thế thì, vâng mệnh sao được.

Xét - Ba Truyện khác nhau, đành phải lấy Kinh ra làm chiết trung. Tả Thị thì cho Thiện Bá là đại phu nhà Chu nên viết chữ đón (nghịch), thay chữ đưa (tống). Tuy nhiên, so và hợp các sách lại, khảo cứu mọi điều lệ, thì Thiện Bá tức là quan nước Lỗ. Cho nên cứ phải theo lời bàn của Công Thị và Cốc Thị.

秋築王姬之館于外

THU, TRÚC VƯƠNG CƠ CHI QUÁN VU NGOẠI

MÙA THU, XÂY QUÁN VƯƠNG CƠ Ở NGOÀI NƯỚC

Tả - Mùa thu. Xây quán xá Vương Cơ ở ngoài. Xây ở ngoài là đúng lễ.

Công - Sao lại chép. Chép là chê. Xây quán là theo lễ. Xây ở ngoài là phi lễ. Xây thế nào mới đúng lễ. Chủ là Vương. Cơ thì phải vì Vương Cơ mà đổi cất nhà mới. Vì sao? Vì ở cung vua (vua Lỗ) thì không được rồi. Ở cung thường thì không phải. Nhà của các Công tử thì là hèn kém. Theo phép tất phải xây dựng nhà mới.

Cốc - Cất nhà là lễ, cất ở ngoài là phi lễ. Sao cất nhà lại là lễ. Chủ là Vương Cơ tất phải từ ngoài cửa đi ra. Ở miếu thì là tôn. Ở cung thì là ti. Vì Vương Cơ mà xây nhà là một chi tiết trong lễ. Xây ở ngoài là biến đổi đi cho làm chính. Sao vậy? Đối với hạng cừu thù, không thể giúp việc hôn nhân được. Sô gai không thể thay ngay mũ áo được - Không nói Tề Hầu lại đón là vì không thể sai Tề hầu, cùng với Lỗ ta làm lễ được.

Triệu Khuông - Tả Thị bảo ở ngoài là lễ. Chủ hôn cho kẻ thù, dù có ngoài thành, thì có gọi là đúng lễ không.

冬十月乙亥陳侯林卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT ẤT HỢI, TRẦN HẦU LÂM TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY ẤT HỢI, TRẦN HẦU, TÊN LÀ LÂM MẤT

Cốc - Chư hầu gọi là mất (tốt 卒) là đúng lễ.

王使榮叔來錫桓公命

VƯƠNG SỬ VINH THÚC LAI TÍCH HOÀN CÔNG MỆNH

VUA SAI VINH THÚC TỚI BAN PHONG CHO HOÀN CÔNG

Khởi đầu chép việc tích mệnh.

Công - Tích là gì? Là cho? Mệnh là gì? Là thêm chức tước, thế là truy phong Lỗ Hoàn Công.

Cốc - Theo lễ thì có "tới nhận mệnh", chứ không có "lại ban mệnh". Ban mệnh đây không được chính lễ. Lúc sống thì được phong, lúc chết thì theo tước phong, thế là lễ. Không co "tới ban mệnh". Sống đã không phong, chết lại truy phong, thế không phải là chính lễ.

Hồ Truyện - Đạm Trợ có nói, không chép chữ Thiên Vương vì sao. Yêu kẻ thoán nghịch mà đổi cả tam cương. Kinh Xuân thu đã chép Vương, tất chép Thiên Vương tức là ở ngôi vị trời mà làm việc theo đạo trời. Thưởng là trời thưởng, Phạt là trời phạt. Nay Hoàn Công cướp ngôi giết vua mà Thiên Tử không hay trị tội được, lại còn truy phong, thật là không có trời, là vô thiên. Lại đến việc lễ táng cho là phu nhân, khiến cho vợ lẽ ngang vợ cả. Cho nên mới có lời văn ấy trong Kinh. Phạm Ninh chỉ lấy việc vua ra ở đất Trịnh, việc sính việc đòi xe, lấy ba việc làm chứng cớ, mà bảo rằng, chỉ cứ ba việc đó là phi nghĩa. Bảo thế là nhầm.

王姬歸于齊

VƯƠNG CƠ QUY VU TỀ

VƯƠNG CƠ GẢ VỀ TỀ

Công - Sao lại chép việc? Vì Lỗ ta là chủ.

Cốc - Làm trung gian gả về.

Tôn Giác - Không chép lại đón. Giá Tề Hầu lại thì đúng lễ đấy. Việc thân nghênh là việc thường, không phải chép. Tề

với Lỗ là thế thù. Mà Lỗ lại chủ hôn trong khi còn đại tang. Không chép Vương Cơ gả về thì không rõ Lỗ thất lễ mà là Thiên Tử thất mệnh.

齊師遷紀郱鄑郚

TỀ SƯ THIÊN KỶ, BÌNH, TƯ, NGÔ

QUÂN TỀ THIÊN (CHIẾM) KỶ, BÌNH TƯ, NGÔ

Khởi đầu chép việc thiên (chiếm) - Bình ở Đông Nam huyện Lâm Hu, xứ Đông Quán, Tư phía Tây huyện Đồ Xương; Ngô, Đông Nam huyện Chu Cư.

Công - Thiên nghĩa là chiếm lấy. Không viết thẳng lấn chiếm vì tránh cho Tương Công nước Tề. Nước ngoài chiếm cướp đất thì không chép. Đây chép là làm cho to chuyện. Là khởi đầu các việc diệt vong.

Cốc - Kỷ là một nước. Bình, Tư, Ngô. Cả ba là một nước. Hoặc giả là thiên nước Kỷ tới Bình, Tư, Ngô.

Đạm Trợ - Công Dương bảo rằng không nói chiếm, vì kiêng cho Tương Công. Xét cướp đất đâu phải là việc hay. Nếu vì thế mà kiêng, tức là che cái xấu. Cốc Lương thì bảo rằng Kỷ là một nước. Bình Tư Ngô là một nước. Hay là Thiên Kỷ tới Bình Tư Ngô. Xét mãi về sau mới có câu Kỷ Hầu rời nước. Vậy lúc bấy giờ chưa rời nước. Vì thế biết được Bình, Tư, Ngô là ba ấp nước Kỷ

Lưu Sưởng - Bình, Tư, Ngô là ba ấp nước Kỷ. Cốc Lương mà bảo là một nước thì không phải. Xét ra Tề một lần đem quân đi chắc không thể thôn tính cả hai nước được. Vả lại, nếu như thế, thì Kinh Xuân Thu phải phân biệt để cho rõ cái ác diệt nước, chứ đừng hợp lại làm một câu.

Năm Kỷ Sửu - Trang Vương năm thứ 5.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tề Tương năm thứ 6. Tần Mân năm thứ 13. Vệ Huệ năm thứ 8. Kiềm Mâu năm thứ 4. Sái Ai năm thứ 3. Trịnh Lệ năm thứ 9. Tư Nghi năm thứ 2. Tào Trang năm thứ 10. Trần Tuyên Công Chư Cữu năm đầu, Ky Tinh năm thứ 12. Tống Trang năm thứ 18. Tần Vũ năm thứ 6. Sở Vũ năm thứ 49.

春王二月葬陳莊公

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, TÁNG TRẦN TRANG CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, LỄ TÁNG TRẦN TRANG CÔNG

夏公子慶父帥師伐於餘邱

HẠ, CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SUẤT SƯ PHẠT Ô DƯ KHƯU

MÙA HẠ, CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SUẤT SƯ ĐÁNH Ô DƯ KHƯU

Ô Dư Khưu, là tên nước, theo Khổng Sớ, Công Thị, Cốc Thị đều cho là một ấp của nước Châu. Tả Thị thì không có chú giải. Vậy cứ như văn Kinh thì chưa từng thấy đánh ấp một nước mà lại không nói đến ấp nước ấy. Đây không có liên hệ đến nước nào. Vậy biết là một nước. Chỉ vì thiếu sót chú thích, nên không hiểu ở phương nào. Chắc là một nước nhỏ gần nước Lỗ.

Công - Ô Dư Khưu, là ấp nước Châu Lâu. Sao không liên hệ gì đến nước Châu Lâu. Vì coi Ô Dư Khưu như một nước. Vì Ô Dư Khưu vẫn còn giữ vị vua.

Cốc - Có là một nước thì mới nói bị đánh. Đây chỉ là một ấp nước Châu. Sao gọi là đánh phạt? Vì công tử đem quân đi là một vị tôn quý, mà quân thì nhiều, tức là quân đội nước Lỗ. Bên địch (người ấp) thì Công tư e sợ. Ý chê Công tử. Cũng có thuyết nói là ấp được quan trọng hóa, vì còn có vị chú là vua.

Trương Phổ - Đỗ Dự cho Ô Dư Khưu là một nước nhỏ gần nước Lỗ. Công Thị, Cốc Thị thì bảo là một ấp nước Châu. Thực ra, không khảo cứu được. Xét kỹ: Điều mà kinh Xuân Thu ghét không phải là Ô Dư Khưu bị đánh, mà ghét ở Khánh Phủ đem quân đi đánh. Ở Lỗ ba tên giặc giết vua đều do được chủ việc binh mà thành đến giết vua. Cho nên, ngại rằng Khánh Phủ sẽ ngang với Công tử Huy, với Trọng Toại. Theo đỗ Dự, khánh Phủ là anh khác mẹ với Trang Công. Công Dương thì bảo là em cùng mẹ, hãy còn nhỏ tuổi. Nếu là thứ huynh thì lớn tuổi hơn, có thể kiềm chế được Trang Công. Vua trong nước mới lên ngôi. Công tử đã thân cầm quân, dù anh dù em liệu có nên không.

Xét - Ô Dư Khưu, Tả Thị không nói đến. Công Thị, Cốc Thị đều cho là ấp nước Châu. Một mình Đỗ Dự cho là một nước. Xét kỹ văn Kinh đã đi đánh ấp nước người ta, tất phải có liên hệ đến nước người ta, và chưa thấy chỉ là một ấp mà phải dùng chữ phạt. Nghe Đỗ Dự chú giải được lắm. Công Dương cho Khánh Phủ là em cùng mẹ với Trang Công. Đỗ Dự cho là anh khác mẹ. Vậy nếu làm em thì sao lại xưng là mạnh. Mà là anh thì không nên xưng là trọng, Lưu Huyến thì cho là Khánh Phủ muốn cùng hàng đích tử cho nên lấy Trang Công làm bá, mà tự xưng là trọng. Hay là lý thế chăng. Nên hiểu ý của Kinh là chú trọng vào việc Khánh Phủ nắm binh quyền thôi. Còn như em hay anh, các nước ấy là ấp hay là nước. Kinh đều không cần đến ý nghĩa cho nên các lời bàn của mọi người cứ để cả, mà lấy thuyết của Trương Phổ làm lời bàn chính.

秋七月齊王姬卒

THU THẤT NGUYỆT, TỀ VƯƠNG CƠ TỐT

MÙA THU THÁNG BẢY, TỀ VƯƠNG CƠ MẤT

Công - Phu nhân một nước khác mất, sao lại chép. Vì Lỗ ta là chủ hôn.

Cốc - Đã là chủ hôn, thì lúc người ta chết cũng chép.

Khổng Dĩnh Đạt - Phu nhân nước khác mất, cứ lệ thì không chép. Chỉ khi nào con gái Lỗ đi làm vợ vua chư hầu thì khi chết có chép. Vương Cơ tuy không phải là con gái Lỗ, nhưng cũng cứ chép, vì cớ được coi ngang với con gái Lỗ.

Tôn Giác - Lỗ với Thiên Tử cùng họ. Con gái Thiên Tử hạ giá với vua chư hầu phần nhiều Lỗ đứng chủ hôn. Tuy nhiên, suốt 12 đời Lỗ Công trong khoảng 242 năm, về việc Vương Cơ lấy chồng Tề Vương Cơ được chép tường tận, đầy đủ. Thế mới rõ Trang Công đã tận lễ với kẻ cừu thù, không còn nhớ đến tiên quân, đến bố nữa. Tội to nên chép kỹ, ác đã chứa nhiều, không thể che đậy được.

冬十有二月夫人姜氏會齊侯于

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU VU CHƯỚC

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, PHU NHÂN, LÀ KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU TẠI ĐẤT CHƯỚC

Chước, Công Thị chép là Cáo. Chước là đất nước Tề - Tả Truyện: Đinh Công năm thứ 9, Tề Hầu cho nước Vệ đất Chước, đất My, đất Hạnh. Ba ấp đều ở phía Tây biên giới nước Tề tức là nơi phân giới ba nước Tề, Lỗ và Vệ.

Tá - Chép việc gian.

Cốc - Đàn bà đã xuất giá, đi lấy chồng thì thôi không có ra khỏi nước. Ra khỏi nước là không chính. Đàn bà không được hội: hội là không chính. Ăn tiệc lại càng tệ nữa.

Hồ Truyện - Đàn bà không có việc ở ngoài. Đón đưa không ra khỏi cửa. Tiếp anh em không ra khỏi bực cửa. Ở nhà theo cha. Lấy chồng theo chồng. Chồng chết theo con. Nay hội với Tề Hầu ở đất Chước thế là Trang Công không ngăn ngừa được mẹ, mất đạo làm con. Cho nên, Triệu Khuông nói: Cái bậy, dở của Khương Thị, của Tề Hầu rõ rệt, và cũng đáng trách Trang Công. Con có thể ngăn mẹ được không. Câu chồng chết theo con là rất thông thường, huống lại ở địa vị vua một nước. Vua là

gì? Là chủ nhân dân, chủ thần linh, là căn bản cho phong giáo. Đã không hay chỉnh được việc nhà, thì sao còn chỉnh được việc nước. Như Trang Công giá cứ nghĩ đến cha thì xót thương, thờ mẹ thì thành kính, đối với kẻ dưới thì uy nghiêm. Như thế, quân đội, thần hạ ai là không phải tuân chờ mệnh lệnh, như thế thì mẹ con dì đâu được. Phu nhân mà đi được là vì uy mệnh của Trang Công không được thi hành, tình xót thương không có. Mơi cach co mấy tháng mà đã thông dâm với em, thiên hạ còn gì là bậy bằng, trời đất đâu có dung được. Thánh nhân vì thế, trong Kinh Xuân Thu mới chép các việc liền nhau để so sánh, thế là trị tội đó.

乙酉宋公馮卒

ẤT DẬU, TỐNG CÔNG BẰNG TỐT

NGÀY ẤT DẬU, TỐNG CÔNG TÊN LÀ BẰNG MẤT

Cảo Kháng - Xem như Tống Trang, ghen ghét, tham lam, vô sỉ, thì Mục Công không truyền ngôi cho con là phải.

Năm Canh Dần. Trang Vương năm thứ 6

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tề Tương năm thứ 7. Tấn Mân năm thứ 14. Vệ Huệ năm thứ 9. Kiềm Mâu năm thứ 5. Sái Ai năm thứ 4. Trịnh Lệ năm thứ 10. Tư Nghi năm thứ 3. Tào Trang năm thứ 11. Trần Tuyên năm thứ 2. Kỷ Tĩnh năm thứ 13. Tấn Mân Công Tiệp năm đầu. Tần Vũ năm thứ 7. Sở Vũ năm thứ 50.

春王正月溺會齊師伐衛

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT NỊCH HỘI TỀ SƯ PHẠT VỆ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NỊCH HỘI VỚI QUÂN TỀ ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả - Chép là ý ghét.

Công - Nịch là đại phu nước Lỗ ta. Khi đó chưa được tước.

Cốc - Nịch là Công tử Nịch. Không gọi là công tử. Là ghét lỗi đánh với cừu thù mà đánh người cùng họ, cho nên chê, chỉ biên tên.

Lý Liêm - Xét cả ba truyện. Tả Truyện thì chép Vệ Sóc chạy trốn. Ở nhà, hai công tử lập Kiềm Mâu. Hà Hưu thì căn cứ vào sử ký đương thời, cho là Vệ Sóc bội phản chạy trốn. Thiên Tư vừa lập Công tử Lưu - Phạm Thị thì cho là Tề chứa tội nhân của Thiên Tử, vì thế mới hưng sư, mà Lỗ lại theo Tề. Vậy thì Kiềm Máu với Lưu, tuy chưa biết ai phải, mà thời đó Vệ Sóc ở Tề, Tề muốn dựng nên là rõ ràng lắm. Tề vào phe tội nhân, không cần trách nữa. Nhưng Trang Công vừa lên ngôi, mà giấu mình vào can qua, đem quân nước mình đi với kẻ thù, chẳng nghĩ gì đến thù. Năm thứ 2, đánh Ô Dư Khưu năm thứ 3 đánh Vệ, lại cứ cùng với Tề. Con người thế, tâm ra sao. Vậy lời bàn của Tả Thị (chép là ý ghét), được lắm.

夏四月葬宋莊公

HẠ TỨ NGUYỆT, TÁNG TỐNG TRANG CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TÁNG TỐNG TRANG CÔNG

Cốc - Táng mà chép tháng là có cớ.

五月葬桓王

NGŨ NGUYỆT TÁNG HOÀN VƯƠNG

THÁNG NĂM, TÁNG HOÀN VƯƠNG

Ta - Thế là chậm.

Công - Đây chưa nói chết, mà sao lại chép táng. Chắc là cải táng.

Cốc - Truyện, chép cải táng. Lễ cải táng: áo sô gai, dáng nghiêm nghị. Hoặc chép rằng: Quay xác ra ngoài để tiếp các chư hầu. Thiên Tử chỉ chép chết, chứ không chép ngày táng, vì còn phải định ngày để cho các nước trong thiên hạ đều phải dự. Nếu có chép táng là cớ có khi vì trường hợp bất chính, mà không lễ tang đúng được ngày định. Lại chép rằng: Không chép táng là vì đã bị thiên hạ không quy phục. Một âm không sinh được, một dương không sinh được; một thiên không sinh được. Phải cả ba mới có sinh. Cho nên thường nói, con là con của mẹ cũng được, là con của trời cũng được. Bực tôn thì kêu chức vị tôn, bực ty thì kêu chức vị ty. Còn đến như, bực vương giả thì toàn dân ngưỡng vọng.

Đỗ Dự - Xét Hoàn Vương mất năm thứ 15. Bảy năm sau mới táng.

Lưu Sưởng - Chết đã lâu rồi. Sao bây giờ mới táng. Quá chậm. Công Dương, Cốc Lương cho là cải táng, không phải. Nếu thực là cải táng, thì nên viết cải táng cũng như cải bốc (đổi việc đã định). Nay không viết là cải tức không phải là cải. Xét đời đã suy lễ đã bỏ, thì có việc gì là không thể làm được. Riêng gì Hoàn Vương, trước ngày ấy cứ phải đã được táng rồi. Vậy nên căn cứ vào lời trong kinh.

秋紀季以傒入于齊

THU, KỶ QUÝ DĨ HUỀ NHẬP VU TỀ

MÙA THU, KỶ QUÝ ĐEM ĐẤT HUỀ SÁT NHẬP VÀO NƯỚC TỀ

Huề là ấp nước Kỷ ở phía Đông nước Tề, huyện An Bình.

Tả - Thế là từ đó, nước Kỷ bị chia cắt.

Công - Kỷ Quý, là ai? Là em Kỷ Hầu. Sao không gọi tên, lại gọi là Quý, (quý là em, như chữ Trọng). Là vì hiền, tự chịu tội, để giữ tôn miếu, giữ họ hàng.

Cốc - Huề là ấp nước Kỷ. Sát nhập vào Tề là lấy dâng cho Tề. Sát nhập rõ ý dân không chịu, không phải ý dân.

Hồ Truyện - Đại phu không sử dụng đất trong nước, theo ý mình. Công tử không được bỏ nước mà đi. Lấy riêng đất để cho thù địch, bỏ vua để trốn nạn không phải là một việc một nhân thần. Cho nên cái nghĩa Kinh Xuân Thu, riêng mình chạy đi, thì chép là bôn (chạy trốn). Có tội thì phải chê. Nay Kỷ Quý trong Kinh, không chép bôn, thì đâu có phải là lấy riêng đất, là trộm của vua. Cũng không chép tên, thì đâu có phải là chê. Đã là anh em vua chư hầu, nếu chê thì phải chép tên, như loại Tống Thời, Tần Châm. Nếu không chê, thì chép tự (tên tự) như loại Sái Quý, Hứa Thúc. Kỷ Quý sở dĩ không chép là bôn, là vì có mệnh của Kỷ Hầu, sở dĩ không chép tên, là vì trong khi thiên hạ vô đạo, khoẻ yếu áp bức nhau, Thiên Tử bất lực, Phương Bá bất lực, thế thì tự mình phải phụng sự nước Tề, để xin giữ lại tôn miếu, thật là việc bất đắc dĩ, chứ không phải là tội. Không chê trách. Qua thật là trường hợp khó quá.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu chép: Dâng đất rồi chạy trốn, như các trường hợp: Châu Thứ Cung, Cử Mâu Lâu, Châu Hắc Quang - Chép tên, chép đất, thì cái tội tự lấy đất nhà vua, phản vua là rõ rệt. Chép đại phu dâng đất Mỗ, như các việc, Tống Ngư Thạch, Tấn Loan Doanh, chép việc dâng đất, việc lại trở về nước, thì tội phản vua, chiếm đất rất rõ rệt. Nay Kỷ Quý không bị chép là bôn, không bị chép tên là để cho khác biệt hai lối nói trên; không chép là em để rõ là Kỷ Hầu bắt làm. Chép sát nhập là rõ tội nước Tề, mà rõ ý thương Kỷ Quý. Để nguyên cái tình

của Quý, mà miễn cái tội của Quý, không lẫn để sánh với các công tử khác bỏ nước. Cho nên, việc của Kỷ Quý, bảo rằng Kinh không chê thì được, bảo rằng biết hành quyền cũng được. Nhưng bảo là khen vì hiền, thì e chưa được, đừng nên lấy hành động của Vi Tử chạy sang Chu mà luận bàn.

Xét - Lấy đất Huề sát nhập vào nước Tề, Kỷ Quý phải nén lòng để giữ tôn miếu. Theo lệ anh em vua chư hầu đều gọi tên tự. Kỷ Quý, cũng chép là Quý chưa thường khen, lời chép là lời khoan dung thôi. Khoan cho Quý là buộc tội nước Tề. Nên lấy Hồ Truyện và lời bàn của Lý Liêm là chánh đáng.

冬公次于滑

ĐÔNG CÔNG THỨ VU HOẠT

MÙA ĐÔNG, CÔNG ĐÓNG QUÂN TẠI ĐẤT HOẠT

Công Thị, Cốc Thị, viết Hoạt ra. Hoạt là đất nước Trịnh, ở phía Bắc huyện Tương Ấp, đất Trần Lưu.

Tả - Sắp hội với Trịnh Bá để tính việc nước Kỷ. Trịnh Bá lấy cớ khó khăn từ chối. Phàm quân đội nghỉ một đêm, gọi là Xá, hai đêm gọi là Tín, nhiều hơn gọi là Thứ (là đóng quân).

Công - Sao lại chép, đóng quân tại Lang. Là chê. Đã muốn cứu nước Kỷ mà sao lại không làm nổi.

Cốc - Đóng quân là đình lại là có ý sợ. Muốn cứu nước Kỷ mà lại không dám.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu, về việc quân. Khi đem quân đi đánh, mà chép là đóng quân, tức như cho đóng quân là phải. Đem quân đi cứu, mà chép đóng quân tức như chê việc đóng quân. Đóng ở đất Hoạt là chê. Nước Lỗ và nước Kỷ có liên hệ về hôn nhân thì nên giúp nhau trong hoạn nạn. Lỗ đối với Tề lại có thù giết cha, không cùng đội trời chung. Nay giá cứu được Kỷ thì cũng dẹp luôn được Tề, có phải là nhất cử lưỡng tiện không. Thấy việc nghĩa mà không làm, lại còn sợ, thì Kinh Xuân Thu phải ghét. Cho nên chép quân Lỗ đóng ở Hoạt là chê.

Năm Tân Mão. Trang Vương năm thứ 7 -

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tề Tương năm thứ 8. Tấn Mân năm thứ 15. Vệ Huệ năm thứ 10. Kiềm Màu năm thứ 6. Sái Ai năm thứ 5. Trịnh Lệ năm thứ 11. Tư Nghi năm thứ 14. Tào Trang năm thứ 12. Trần Tuyên năm thứ 3. Kỵ Tình năm thứ 14. Tống Mân năm thứ 2. Tần Vũ năm thứ 8. Sở Vũ năm thứ 51.

春王二月夫人姜氏享齊侯于祝邱

XUÂN VƯƠNG NHỊ NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HƯỞNG TỀ HẦU VU CHÚC KHƯU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG 2, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ THẾT TIỆC TỀ HẦU TẠI ĐẤT CHÚC KHƯU

Cốc - Thết tiệc thật là bậy. Chép ra đây là chê Tề Hầu.

Cao Kháng - Cô, dì, em, đã gả chồng rồi mà lại trở về nhà, đến anh em còn không ngồi cùng chiếu, huống chi hai vua gặp nhau lại có chuyện ấy.

Trương Hiệp - Trái lễ nghi của tiên vương, hành vi như loài cầm thú thế là đạo đã đại loạn. Người thời Hán có nói: Dâm loạn dần dần biến thành thoán nghịch. Hành vi của Văn Khương làm hỗn loạn lễ nghi của Chu Công. Người Lỗ bắt chước tập theo, sau 30 năm sinh ra loạn Tử Ban, Mẫn Công, đến việc thí nghịch. Thánh nhân soạn ra Dịch để dạy phép từ nhà rồi đến thiên hạ.

三月紀伯姬卒

TAM NGUYỆT KỶ BÁ CƠ TỐT

THÁNG 3, KỲ BÁ CƠ MẤT

Phụ Lục Tả Truyện - Năm thứ tư, mùa xuân. Vương. Tháng ba. Sở Vũ vương dàn binh ở đất Kinh, phát quân cụ cho quân linh để đi đánh nước Tùy. Khi sắp ra đi, vào thăm phu nhân là Đặng Mạn nói: Tôi sao đang tâm. Đặng Mạn than rằng: Thôi nhà vua hết lộc rồi. Đầy mà đãng là đạo trời. Tiên quân đã biết, cho nên đến việc binh, cho nhà vua dàng tâm. Nếu quân giữa đường không có trở ngại, mà vua chết, ấy là nước còn có phúc. Vua đem quân đi, chết ở đất Mãn. Lệnh Doãn là Đấu Kỳ cùng các tướng gấp đường qua sông Tra, đóng quân ở Tùy. Người Tùy sợ xin hòa, Mạc Ngao lấy mệnh vua cho hòa, cùng vua Tùy ăn thề, rồi lại hội ở đất Hán Nhuế, xong đem quân về, qua sông Hán mới phát tang - Tra là sông Tra ở phía Tây huyện Quyết, xứ Nghĩa Dương, phía Đông Nam, chảy vào sông Vấn Thủy, tức là Tề Thủy, phát nguyên phía Tây Bắc huyện.

Cốc - Phu nhân nước ngoài chết không chép. Đây chép vì là con gái nước Lỗ ta. Đã lấy vua chư hầu, thì hai vua chư hầu ngang nhau. Đây Kỷ vì nước ta không cứu cho nên chép.

Hà Hưu - Theo lễ, chư hầu tang ba tháng, đại phu áo vải. Con gái của Thiên Tử (sau hai đời vương) đi lấy chồng, cùng con gái vua chư hầu đi làm phu nhân, mà ân tình được rõ rệt, thì khi chết có chép.

夏齊侯陳侯鄭伯遇于垂

HẠ, TỀ HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ NGỘ VU THÙY

MÙA HẠ, TỀ HẦU, TRẦN HẦU TRỊNH BÁ, GẶP NHAU Ở ĐẤT THÙY

Cao Kháng - Có người cho Trịnh Bá đó là Tử Nghi. Không phải Thế tử Hốt chạy trốn ra nước ngoài, con không được chép

là con, là tư, huống hạng đã bỏ đi, lại trở về, đến tước cũng còn không được chép. Tử Nghi nhân dịp được lên ngôi, làm vua như thế, còn yếu, còn lo sợ, đâu dám khinh thường dời khỏi nước để cùng hội với chư hầu. Cho nên biết Trịnh Bá đây là Đột. Cao Cừ Di giết Hốt mà lập Tử Vi. Người Tề giết Vi mà lập Tử Nghi. Kinh Xuân Thu bỏ không chép vì lấy Đột làm Trịnh Bá.

Xét - Cao Kháng bảo Vi và Nghi lên ngôi, Kinh bỏ không chép. Cho Trịnh. Trịnh Bá là Đột, dựa vào ý nghĩa Kinh, bàn thế là chính đáng. Vậy bảo Tử Nghi là nhầm.

紀侯大去其國

KỶ HẦU ĐẠI THỨ KỲ QUỐC

KỶ HẦU ĐEM DÂN BỎ NƯỚC ĐI

Tả - Kỷ Hầu không muốn hàng Tề, đem nước giao cho Kỷ Quý. Mùa hạ, Kỷ Hầu đem dân ra khỏi nước để tránh nạn Tề.

Công - Đem dân đi, thế là mất nước, là bị Tề diệt. Sao Kinh không chép là Tề diệt. Là muốn kiêng, tránh tiếng cho Tương Công, vì Tề Tương Công hiền, vì Tương phục thù cho ông cha xưa, dù có xa đến trăm đời vẫn cứ được phục thù. Thù thế nào? Xưa, tổ xa là Ai Công được vua Chu tin dùng. Kỷ Công gièm. Nay Tương Công lấy chuyện đó muốn báo thù cho ông tổ, mới phục thù nước Kỷ. Trước khi cất quân, có bói được quẻ: (Quân tan, vua chết), không phải không hay. Vậy ông tổ ấy đã mấy đời. Đã chín đời. Đến trăm đời vẫn cứ phục thù, huống chi chín đời. Thế gia thù nhà, có nên phục thù không. Thù nhà thì thôi. Nhưng thù nước thì khác. Nước với vua là một. Tiên quân đã bị sỉ, thì vua ngày nay cũng vẫn sỉ. Nước chư hầu với vua chư hầu chỉ là một thể. Vậy Kỷ ngày nay vô tội sao lại bị. Vì rằng già khi xưa, Thiên tử là vị thánh minh thì vua nước Kỷ đã bị tội, nước Kỷ đã không còn nữa. Nay mà nước Kỷ vẫn còn, tức là không có thánh minh Thiên Tử. Thời cổ, thường khi chư hầu hội chầu Thiên tử, cứ phải khai tên liên tiếp, các vua đời trước, thế thì Kỷ và Tề sao cùng đứng chầu được. Cho nên, không thể không trừ Kỷ đi. Nếu có thánh minh Thiên Tử, thì Tề Tương Công đã không được có hành vi đó. Nay vì không có Thiên

Tử thanh minh, không có vị Phương Bá, thế thì Tương Công được có hành vi đó.

Cốc - Đem dân bỏ nước đi, nghĩa là không còn sót lại một người. Chép rằng lần lượt đi đến bốn năm mới hết. Kỷ Hầu là người hiền mà Tề Hầu thì diệt được nước Kỷ. Không chép bị diệt, mà chỉ chép đem dân bỏ nước đi. Thế nghĩa là không muốn cho kẻ tiểu nhân trị người quân tử.

Phạm Ninh - Không nói bị diệt chỉ nói đem dân bỏ nước đi là có ý dìm kẻ mạnh vô đạo, mà nâng kẻ yếu có đạo. Thế, là giữ nước hay không giữ nước là ở mình, chứ không phải Tề diệt được.

Lục Thuần - Triệu Thị bảo rằng mất nước, mà nói là đem dân đi là sao. Kỷ Hầu đã hiền lại vô tội, dùng sức chống thì sức không đủ. Người quân tử không trách, không chép là chạy trốn, là đỡ cho Kỷ mà chê Tề. Không chép là diệt vì Kỷ còn được cúng tế.

Xét - Kỷ Hầu mất nước, lại chép là đi. Bọn bàn luận cho là thương Kỷ mà trách Tề, bọn ấy bàn đúng đấy. Công Dương cho là vì Tề Tương Công phục thù, cho nên tránh chữ diệt Kỷ, ý ấy không phải ý Kinh Xuân Thu. Chí Tề Tương Công là muốn chiếm đoạt nước Kỷ mới xâm đoạt bức hiếp dù có mệnh vua cũng ngang nhiên không đếm xỉa. Cứ theo vương pháp thì Tề đáng trị tội. Thế còn kiêng làm gì.

六月乙酉齊侯葬紀伯姬

LỤC NGUYỆT ẤT DẬU, TỀ HẦU TÁNG KỶ BÁ CƠ

THÁNG 6, NGÀY ẤT SỬU, TỀ HẦU LÀM LỄ TÁNG KỶ BÁ CƠ

Công - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây là chép, là ý thương. Thương vì mất nước, lại táng ở nước Tề. Đó là việc phục thù của Tề, thì sao lại táng. Diệt cái gì nên diệt, người táng được thì cứ táng. Sao Bá Cơ lại táng được. Là vì, phục thù, không phải cứ phải giết cả, đuổi đi là được rồi. Ví thử Kỷ Hầu có chết, thì cũng cứ được táng.

Cốc - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây chép là vì sao? Là vì con gái nước Lỗ ta, mất nước, cho nên thương mà táng.

Lưu Sưởng - Nếu đã bị diệt thì không nói đến lễ táng. Kỷ đã bị diệt. Tại sao lại còn nói đến lễ táng Kỷ Bá Cơ? Thế là Tề Hầu cho táng, thật là rõ rệt. Tề Hầu đã diệt nước Kỷ, sao lại còn táng phu nhân. Là để lấy lòng. Táng là việc của kẻ thần tử. chép Tề Hầu táng, là chê, cho là hèn. Vì sao? Vì đã đuổi vua nước người ta, đã chiếm lấy nước người ta, đã làm việc không nên làm mà lại còn muốn nịnh bợ. Cốc Lương có bàn: Con gái nước ta đã mất nước, cho nên thương mà táng, bàn thế là sai. Ví như Kinh chỉ chép, táng Kỷ Bá Cơ thì lời bàn của Cốc Lương còn có thể nghe được. Nay Kinh lại chép Tề Hầu táng Kỷ Bá Cơ thế là lời văn có chỗ bất thường, tức là cho Tề Hầu là quan trọng, chứ không phải con gái nước Lỗ ta là quan trọng. Lời chép, lời văn đã rõ lắm.

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG 7

冬公及齊侯狩于

ĐÔNG, CÔNG CẬP TỀ HẦU THÚ VU CHƯỚC

MÙA ĐÔNG, CÔNG CÙNG VỚI NGƯỜI TỀ ĐI SĂN Ở ĐẤT CHƯỚC

Cốc và Công viết chữ 禚, ra chữ 郜.

Công - Sao lại cùng người kém mình đi săn (người Tề). Không phải. Chính là cùng Tề Hầu. Nếu là Tề Hầu thì sao lại chép là người Tề. Là kiêng đi săn với kẻ thù. Trước và sau cuộc săn vẫn có nhiều việc đáng chê, sao lại chê lần này. Vì rằng đã là kẻ thù thì việc nào cũng như nhau cả, cho nên chọn lấy một việc quan trọng để chê trách, thì còn có việc gì to bằng cùng đi săn với kẻ thù. Vậy chê một việc là đủ. Đã là thù thì không

có trường hợp nào đi lại với nhau. Đi lại với nhau là đáng chê nhất. Cho nên chỉ cần việc đó, tức là các việc khác đều đáng chê như thế.

Cốc - Người Tề là chỉ Tề Hầu. Chép là người là khinh kẻ địch của Công cũng là khinh cả Công nữa. Sao lại khinh Công? Đã không phục thù, thì không cởi được oán kết. Đây là chê việc cởi oán kết.

Hồ Truyện - Cốc Lương bàn rằng chê việc cởi oán kết. Thù cha mẹ, không đội trời chung. Thù của anh em, không cùng ở một nước. Thù của họ không cùng ở làng xóm. Thù của bạn, không cùng đứng trong triều, ngoài chợ. Nay Trang Công cùng với Tề Hầu vốn không đội trời chung thì không có trường hợp nào được thông hiếu. Thế mà lại cùng nhau đi săn, là quên oán, là cởi oán, đâu có phải đạo làm con. Xét đi săn thường để thi đua, thi chạy, thi bắn, là cốt vui sướng cho mình. Còn việc đi săn, theo lễ nghi, gọi là càn đậu, là cốt cung cấp tế khí nhà Thái miếu. Đã có tâm là giống người, thì nên đổi mục đích đi săn. Vì thế đúng là Tề Hầu mà Kinh chép Lỗ Công với người Tề. Thế thì cái tội Lỗ Công rất rõ.

Năm Nhâm Thìn - Trang Vương năm thứ 8

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề tương năm thứ 9. Tấn Mân năm thứ 16. Vệ Huệ năm thứ 11. Kiềm Mâu năm thứ 7. Sái Ai năm thứ 6. Trịnh Lệ năm thứ 12. Tứ Nghi năm thứ 5. Tào Trang năm thứ 13. Trần Tuyên năm thứ 4. Kỷ Tĩnh năm thứ 15. Tống Mân năm thứ 3. Tần Vũ năm thứ 9. Sở Văn Vương Hùng Tì năm đầu.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏夫人姜氏如齊師

HẠ PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TỀ SƯ

MÙA HẠ, PHU NHÂN, KHƯƠNG THỊ TỚI QUÂN TỀ

Cốc - Trong quân đội mà chép là tới. Là tới chỗ đông, chỗ quần chúng. Phu nhân đã là người đi lấy chồng rồi, theo lễ không được ra khỏi nước. Vậy đã trái lễ.

Khổng Dĩnh Đạt - Lúc này, không có đánh nước nào thì quân đội đóng ở đâu. Chắc là mới chiếm được nước Kỷ, thì quân đội đóng ở đất Kỷ.

Đỗ Thị - Đây là chép một việc gian. Gian tự Phu nhân theo sang đất Kỷ. Không chép là có hội, mà chép là tới quân đội, chỉ cốt để gặp Tề Hầu, không có lễ nghỉ một hội.

秋郳黎來來朝

THU, NGHÊ, LÊ LAI, LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA LÊ LAI NƯỚC NGHÊ LẠI CHẦU

Công viết chữ nghê: 倪 Tả viết chữ Lê: 黎 Nghê là một nước phụ dung, xứ Đông Hải, phía Đông Bắc huyện Xương Lư, còn thành Nghê.

Tả - Gọi tên, vì chưa được mệnh vua phong.

Công - Nghê, là nước Tiểu Châu Lâu. Thế sao gọi là Nghê? Vì không có tên nước rõ rệt. Còn Lê Lai là tên vua. Sao gọi tên? Vì vua nước nhỏ.

Cốc - Nghê là nước Nghê. Lê Lai là vua nước nhỏ chưa có tước.

Xét - Nghê, Lê Lai, chép tên. Cả ba Truyện giải thích như nhau. Riêng Hồ Truyện thì so Lê Lai với Giới Cát Lư, vua Cát

Lư nước Giới. Xét đến lời bàn của Tống Trọng, thấy có nhiều chỗ không hợp cho nên bỏ.

冬公會齊人宋人蔡人伐衛

ĐÔNG CÔNG HỘI TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, SÁI NHÂN PHẠT VỆ

MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG NGƯỜI TRẦN NGƯỜI SÁI, ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả - Mùa đông, đánh nước Vệ, giúp Huệ Công lên ngôi.

Công - Việc đánh nước Vệ là cốt đưa tên Sóc lên ngôi. Sao không chép thẳng là đem Vệ Hầu Sóc lên ngôi. Vì ngại nói chạnh đến Thiên Tử.

Cốc - Đây là Tề Hầu và Tống Công, mà chép là người Tống, người Tề, là ý nói bọn chư hầu trái mệnh Thiên Tử.

Xét - Vệ Sóc đối với Thiên Tử có tội, mà Tề Tương Công thì họp chư hầu để đưa lên ngôi thật là vô vương. Cho nên, Kinh Xuân Thu đều chép người Tề để mà chê. Hoặc có kẻ bàn là vua chư hầu, không phải tự làm, đó là kẻ dưới làm. Bàn thế, không có căn cứ vào đâu cả. Xét Tề Tương Công, chỉ muốn giúp Sóc, năm Hoàn Công thứ 16, đã có hội ở đất Hoàng; năm Trang Công thứ 3, lại cùng nước Lỗ đánh Vệ. Nay hưng binh, họp năm nước để kháng cự mệnh Thiên Tử, nhất định giúp được Sóc mới thôi. Thế thì sao lại bàn được là không phải tự mình hành động.

Năm Quý Tị - Trang Vương năm thứ 9.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Tương năm thứ 10. Tấn Mân năm thứ 17. Vệ Huệ năm thứ 12. Kiềm Mâu năm thứ 8. Sái Ai năm thứ 7. Trịnh Lệ năm thứ 13. Tử Nghi năm thứ 6. Tào Trang năm thứ 14. Kỷ tĩnh

năm thứ 16. Tống Mẫn năm thứ 4. Tần Vũ năm thứ 10. Sở Văn năm thứ 2.

春王正月王人子突救衛

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, VƯƠNG NHÂN TỬ ĐỘT CỨU VỆ

MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGƯỜI NHÀ VUA LÀ TỬ ĐỘT CỨU NƯỚC VỆ

Cốc và Công chép là tháng ba - Khởi thủy chép việc cứu.

Tả - Năm thứ 6. Mùa xuân. Người Thiên Tử cứu Vệ.

Công - Nói người Thiên Tử là ý nói vị thứ thấp kém. Chép Tử Đột là ý quý trọng. Đã quý sao lại chép là người. Quý là chỗ người của ai? Đây là người của Thiên Tử.

Cốc - Chép người nhà vua là chức vị thấp. Gọi tên là ý quý trọng, là khen việc cứu Vệ, tức cho việc đánh Vệ là bất chính.

Đỗ Dự - Người nhà vua, là quan chức còn kém của nhà vua. Tuy quan chức kém mà được giao việc lớn, cho nên tuy gọi người nhà vua, mà lại được chép tên tự.

Khổng Dĩnh Đạt - Năm Chiêu Công thứ 12, Truyện có chép: "Con của Thúc Tôn là Chiêu Tử được chức quan cấp ba (tức là quan to hơn cha anh". Thế tức là bố của Chiêu Tử là Thúc Tôn Báo chỉ có cấp hai. Chỉ có cấp hai mà trong Kinh có chép tên, thì biết rằng các quan của chư hầu, cứ cấp ba và cấp hai đều được chép tên. Chỉ có cấp 1 thì chép là người. Bầy tôi của chư hầu thế, thì bầy tôi của Thiên Tử cũng thế. Theo Chu Lễ, trong triều Thiên Tử hàng Thượng sĩ có cấp ba, hàng Trung sĩ thì cấp hai. Hàng Hạ sĩ thì cấp một. Cho nên Đỗ Dự cho rằng Lưu Hạ, Thạch Thượng đều chép họ tên mà đều là Thượng sĩ, Trung sĩ. Vậy chép là người, chỉ có Hạ sĩ. Năm Hi Công thứ 8, Công Dương Truyện có chép: "người" nhà vua là chức vị kém. Vậy coi thế thì biết rằng ở đây người nhà vua, chức vị kém, quan chức kém. Trong thời Xuân Thu, tên có hai chữ mà chữ trên là Tử thì chữ dưới là tên tự. Vì thế, biết chắc Tử Đột, Đột là tên tự.

Cứu nước Vệ, tất phải có quân đội, mà trong Kinh không

chép quân đội. Theo lệ, tướng mà không có tiếng, quân mà ít không nhiều, lấy binh tướng như thế, đi cứu nước Vệ đã không ngăn được Vệ Hầu Sóc vào thì thật là vô công. Đã vô công mà lại được chép tự một cách tôn trọng vì sao. Vì Thiên tử coi tên Sóc chỉ khéo nịnh, khéo mưu mô, mà lên được ngôi, rồi cũng không được dân ưa, ý Thiên Tử định cho tên Kiềm Mâu, chứ không cho tên Sóc. Vì thế mới sai quân đi cứu. Tử Đột, tuy chức nhỏ, nhưng đã được Thiên Tử giao cho việc lớn, cho nên tuy chép là người mà vẫn chép tôn lên bằng tên tự, là quý mệnh Thiên Tử và chê bọn chư hầu.

Trình Tử - Người của Thiên Tử, chức vị thì kém, theo lệ không chép tên, nhưng vì Tử Đột cứu Vệ mà được chép tên tự, là khen việc đi cứu, khen Đột, khen mệnh Thiên Tử.

Xét - Tả Thị cho Đột trong chữ Tử Đột là tên tự. Từ Can, theo Cốc Lương, cho Đột là tên. Tên và tự tuy có khác nhau, nhưng việc cứu Vệ thì vẫn được khen cả. Khổng Dĩnh Đạt bảo rằng: Trong hai chữ, nếu chữ trên là Tử, thì chữ dưới là tự, bảo thế nghe có lý, bọn tiên nho đều theo, cho nên cứ lấy Tả Thị làm chủ. Còn Cốc Lương, Từ Can thì cho phụ vào. Hoặc có kẻ bảo, không cứ chép danh hay tự là bao hay biếm bảo thế e không phải ý nghĩa của Kinh. Trình Tử thì cứ cho rằng, chép tự là có ý khen.

夏六月衛侯朔入于衛

HẠ, LỤC NGUYỆT, VỆ HẦU SÓC NHẬP VU VỆ

MÙA HẠ, THÁNG 6, VỆ HẦU SÓC VÀO NƯỚC VỆ

Tả - Mùa hạ, Vệ Hầu vào. Đuổi Công tử Kiềm Mâu sang đất Chu. Đuổi Ninh Quy sang Tần. Giết Tả Công tử Tiết, và Hữu Công tử Chức. Rồi lên ngôi. Người quân tử bàn rằng: Hai Công tử mà lập Kiềm Mâu là không cất nhắc trước. Đã muốn lập thì phải xem xét gốc ngọn cho kỹ rồi mới lập. Nếu không biết gốc thì không mưu việc. Biết gốc không có cành thì đừng cưỡng ép làm việc. Kinh Thi nói: Gốc cùng cành lâu trăm đời.

Công - Vệ Hầu Sóc sao lại gọi tên. Là có ý diệt. Vì phạm mệnh Thiên Tử. Chép chữ vào ý cho là cướp ngôi.

Cốc - Không chép là đánh nước Vệ đưa Sóc về lên ngôi là tại sao? Là muốn không trái mệnh Thiên Vương. Chép là vào ý cho dân trong nước không chịu. Dân không nhận là phải, vì Thiên Tử đã dứt Sóc. Sóc chép tên, là không tốt. Chép vào là nghịch. Thì đuổi đi là thuận. Cho nên, Sóc, khi ra, khi vào, đều biên tên là vì Thiên tử đã tuyệt Sóc.

Tôn Phục - Vệ Hầu Sóc được vào Vệ, tức là uy mệnh Thiên Tử hết rồi. Tội của Công, của chư hầu không tránh được, cho nên chép các chữ, đánh, cứu, vào, để rõ các tội.

Lưu Sưởng - Sao lại gọi tên? Là bị diệt. Vì Sóc giết Thế tử Cấp, cướp ngôi Công tử Kiềm Mâu. Chép chữ vào cũng coi như cho là nghịch. Trong truyện có câu: Người quân tử bàn rằng hai công tử lập Kiềm Mâu là không tính toán. Bàn thế là sai. Người của Thiên Tử là Tử Đột cứu Vệ. Kinh Xuân Thu tôn quý thì rõ là Thiên Tử muốn lập Kiềm Mâu. Cướp ngôi người mà Thiên Tử lập, thế tất Sóc có tội. Nay Sóc thấy không bị chê mà Kiềm Mâu lại bị tiếng xấu, liệu có phải là ý Kinh Xuân Thu không. Sóc trước có ở ngôi. Nay vào Vệ mà không chép là trở về ngôi, thế là có ý không ưng cho trở về ngôi. Vì chư hầu mà được làm vua, không có mệnh Thiên Tử mà tự do cho ngôi vua, dù có sự giúp của các nước lân bang, thì vẫn là đường lối đại loạn. Thế không phải là lối trở về ngôi vua được.

秋公至自伐衛

THU, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT VỆ

MÙA THU, CÔNG ĐÁNH VỆ, LÀM LỄ ẨM CHÍ

Công - Tại sao, khi thì nói, ở hội về, ẩm chí, khi thì nói đánh trận về ẩm chí? Là vì, khi ở hội về, thì có vẻ bất đắc ý. Vệ Hầu Sóc vào Vệ, sao lại chép việc Công đánh Vệ về ẩm chí. Là vì không dám thắng Thiên Tử (chỉ có phạt Vệ thôi)

Cốc - Việc dở thì không ẩm chí. Việc này ẩm chí tại sao. Nếu không chép ẩm chí thì không thấy cái dở của Công đã hoàn thành.

Tô Triệt - Sóc vào Vệ, mà Công ẩm chí, dù không nói là Công dựng lên ngôi, mà cái tội của Công đã rõ.

螟

MINH

SÂU KEO

冬齊人來歸衛俘

ĐÔNG. TỀ NHÂN LAI QUY VỆ PHÙ

MÙA ĐÔNG. NGƯỜI TỀ TỚI ĐƯA NỘP QUÂN BẮT ĐƯỢC Ở VỆ

CÔNG VÀ CỐC VIẾT LÀ BẢO 寶: QUÝ

Tả - Người Tề đưa nộp quân bắt được ở Vệ Tự Văn Khương xin như thế.

Phụ Lục Tả Truyện - Sở Văn Vương đánh nước Thân, qua nước Đặng. Đặng Kỳ Hầu nói: Sở là cháu ta, mời ở lại mà thiết đãi. Các quan là Chuy Sinh, Đam Sinh, Dưỡng Sinh, nói, xin giết vua Sở, Đặng Hầu không cho. Ba cháu (Sinh) nói: làm mất Đặng tất là người này. Nếu không sớm trừ thì sau vua liệu còn kịp không, liệu còn trừ được không, trừ đi chỉ có dịp này. Đặng Hầu nói, cha nhẽ người ta ăn thóc gạo của ta sao? Đáp: Nếu không nghe lời chúng tôi, xã tắc sẽ không được cúng tế nữa. Vua còn lấy thóc gạo đâu. Không nghe - Hết năm, Sở Tử đánh nước Đặng. Mười sáu năm sau Sở lại đánh rồi diệt Đặng.

Công - Đây là đồ báu ở Vệ. Sao người Tề lại đem cho Lỗ. Chính là người Vệ, đem đến. Đã là người Vệ, sao lại chép là người Tề. Là Tề nhường cho ta. Không phải là sức của Tề, đây là nhờ sức nước Lỗ mới được.

Cốc - Lấy Tề làm chủ, để chia cái ác với Tề. Làm như về hàng Tề đã, rồi đến ta. Tuy nhiên, đã ác chiến, tất giết hại nhiều.

Hồ Truyện - "Quân bắt được", cả hai truyện đều chép là của báu. Xem như trong Thượng Thư có câu: "Rồi đánh ba lần, bắt tù binh, và bảo ngọc", thì tù binh là chính, bảo ngọc là phụ, nghĩa là quân bắt được là chính, đồ báu là phụ. Nay chép Tề đưa các đồ Báu của Vệ, thì biết rằng bốn nước đã đều có nhận hối lộ của Sóc. Kinh Xuân Thu đặc biệt chép việc này để kết

tội chư hầu. Xét: Em giết anh, tôi giết vua rồi cướp ngôi, như thế là đã trái mệnh Thiên Tử, theo lẽ làm người, tội không thể dung được. Bọn chư hầu chả nhè không xét, mà lại hết sức giúp giặc. Ta chưa có cái đầu mối nào để chứng tỏ sự táng tận lương tâm của họ. Đến khi đọc chỗ chép: "Người Tề nộp của báu", bấy giờ ta mới biết. Thì ra lòng họ đã thèm của rồi, mới chia nhau cùng làm việc ác. Đời suy, đạo tàn, việc ác nẩy ra, cứ ham của hối lộ mà hành động, khiến cho vua tôi, cha con, anh em, mất hết cả nhân nghĩa, chỉ việc chạy theo lợi, chưa làm các việc thoán thí loạn nghịch thì chưa đủ. Kinh Xuân Thu chép để kết tội chư hầu, treo gương cho hậu thế.

Năm Giáp Ngọ - Trang Vương năm thứ 10 -

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tề Tương năm thứ 11. Tấn Mân năm thứ 18. Vệ Huệ năm thứ 13. Sái Ai năm thứ 8. Trịnh Lệ năm thứ 14. Tử Nghi năm thứ 7. Tào Trang năm thứ 15. Trần Tuyên năm thứ 6. Kỷ Tĩnh năm thứ 17. Tống Mẫn năm thứ 5. Tần Vũ năm thứ 11. Sở Văn năm thứ 3.

春夫人姜氏會齊侯于防

XUÂN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ, HỘI TỀ HẦU VU PHÒNG

MÙA XUÂN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT PHÒNG

Tả - Văn Khương hội Tề Hầu ở đất Phòng, là chép theo sự nước Tề.

Cốc - Đàn bà không hội. Hội là không phải lẽ.

Đỗ Dự - Văn Khương nhiều lần hội với Tề Hầu. Nếu tới đất Tề thì lộ cái gian của Phu nhân. Tới đất Lỗ là ý của Tề Hầu.

夏四月辛卯夜恆星不峴夜中星隕如雨

HẠ, TỨ NGUYỆT, TÂN MÃO. DẠ HẰNG TINH BẤT HIỆN DẠ TRUNG, TINH VẪN NHƯ VŨ

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN MÃO, TỐI KHÔNG CÓ SAO MỌC. NỬA ĐÊM, SAO SA NHƯ MƯA

Chữ Tân mão dạ. Cốc Thị viết chữ dạ ra chữ 昔, Công Thị viết chữ vẫn ra chữ 霣.

Tả - Mùa hạ. "Sao thường", không thấy mọc. Đêm thì sáng. Rồi sao sa như mưa, nghĩa là có sao và có mưa.

Công - Sao thường là các sao đêm nào cũng thấy. Đã không thấy thì biết thế nào là nửa đêm. Tức là lại có sao. Như mưa nghĩa là gì? Không phải là mưa thật. Không đọc Xuân Thu thì cho rằng: Sao rơi xuống gần mặt đất rồi trở lại. Thánh nhân thì chép, sao sa như mưa. Là chép một việc lạ.

Cốc - Sao thường, là sao tối đến, vẫn thấy mọc. Tích (x) là khoảng từ lúc mặt trời lặn, đến lúc sao mọc. Đã không thấy sao, rồi lại thấy. Nửa đêm thì sao sa như mưa. Chữ nửa đêm: Kinh Xuân Thu, việc rõ thì chép rõ, việc nghi thì chép nghi. Như chữ nửa đêm đây là rõ rồi, là chắc chắn rồi. Sao lại nhận xét là giữa đêm, là không có sao, thì xét thời khắc. Không chép là các sao thường, sa như mưa, là tại sao? Ta biết rằng sao thường không mọc, vậy không phải là sao thường sa. Ta thấy sa đến mặt đất, thế là mưa, rõ ở trên, thấy ở dưới, thế là mưa. Rõ ở trên, không thấy ở dưới, thế là sao sa. Có phải là mưa đâu.

Lưu Sưởng - Như mưa nghĩa là nhiều không đếm được. Tả Thị bảo rằng (và mưa) là sai. Cốc Lương giải nghĩa (như), là nhi, là và, tức là sao sa và mưa. Cốc Lương cũng sai nốt. Kinh Xuân Thu chép sao sa là chép việc lạ. Còn giữa đêm mà mưa thì có gì là lạ mà chép. Cốc Lương bảo rõ ở trên mà thấy ở dưới thì gọi là mưa. Giá nói vũ Trùng thì còn được. Nếu nói vũ tuyết thì có thấy rõ ở trên đâu. Cốc Lương lại bảo rằng rõ ở dưới mà không thấy ở trên, thì gọi là vẫn, là sa, như nói vẫn thạch: đá cát rơi sa thì còn được. Nhưng nói là sao sa, thì sao

lại không thấy ở trên. Còn Công Dương mà bảo rằng, sao xuống gần đất rồi trở lại, là bịa đặt. Nếu thật thế, thì phải có chép.

Chu Tử - Mặt trời hiện ban ngày, sao hiện ban đêm, đó là lẽ thường. Nay đêm có ánh sáng ban ngày, mà sao thường, thì không thấy mọc. Thế là âm không ra âm, dương không ra dương, vua không ra vua tôi không ra tôi, điềm ứng hiện thấy rõ.

Xét - Sao sa như mưa, là ý nói nhiều sao lắm. Cả ba truyện bàn, đều không hợp ý nghĩa. Lưu Sưởng đều bác cả, cắt nghĩa thật tinh vi.

秋大水無麥苗

THU ĐẠI THỦY, VÔ MẠCH MIÊU

MÙA THU, LỤT, KHÔNG CÓ LÚA MÌ, LÚA NON

Ta - Mùa thu, không có lúa miêu. Còn lúa mùa thì không hại.

Công - Tại sao trước nói mạch, rồi mới nói miêu. Một tai họa thì không chép. Đợi không có mạch, rồi chép: không miêu. Sao lại chép. Chép tai họa.

Cốc - Các nơi cao thấp đều nước tràn, thế là lụt. Mạch và miêu là cùng thời.

Hồ Truyện - Chép nước lụt là sợ thiên tai. Không có mạch miêu là trọng đến dân mệnh. Sợ thiên tai, trọng dân mệnh, đó là tâm của đấng vương giả. Mặc thiên tai, khinh dân mệnh, không làm gì cả, thế thì sẽ mất nước, Xuân Thu rất thận trọng.

Lưu Sưởng - Sao lại trước nói mạch, sau nói miêu, vì hai thứ cùng một thời. Mạch đã chín mà mất, vậy là một thiên tai phải chép. Tả thị bảo rằng, lúa mùa không hại, bảo thế là sai. Nước lụt làm mất mạch miêu, đó là thánh nhân ghi một tai họa, còn cần gì phải thêm là lúa mùa không hại, thêm ý gì về việc răn dạy. Theo lệ như năm đầu Ẩn Công, phàm việc không sinh tai thì không chép. Nay nếu chép lúa mùa không hại, thế là không lụt hại. Lụt đã không hại, thì chép đại họa lụt làm gì. Đã lụt mất cả mạch miêu mà lại thêm câu không hại lúa mùa, thế là nói viển vông. Công Dương bảo một tai không chép,

đợi không có mạch rồi sau mới thêm không có miêu. Công Dương bàn sai. Xuân Thu nếu cứ một tai họa thì không chép, thế đâu có phải là yêu dân.

冬夫人姜氏會齊侯于穀

ĐÔNG PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU VU CỐC

MÙA ĐÔNG, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU Ở ĐẤT CỐC

Cốc là đất nước Tề, ở huyện Cốc Thành, xứ Tế Bắc.

Cốc - Đàn bà không hội, hội không phải là lễ.

Hồ Truyện - Phòng là đất nước Lỗ. Cốc là đất nước Tề. Xưa, hội ở đất Chước, rồi yên tiệc ở Chúc Khưu, rồi nghỉ ở rong quân đội Tề. Rồi một năm hai lần hội. Thế là cái ác càng ngày càng to. Năm sau, có việc thí nghịch, Vô Tri giết Chư Nhi, cái họa dâm loạn rõ đến thế.

Năm Ất Mùi - Trang Vương năm thứ 11

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Tương năm thứ 12. Tấn Mâu năm thứ 19. Vệ Huệ năm thứ 14. Sái Ai năm thứ 9. Trịnh Lệ năm thứ 9. Trịnh Lệ năm thứ 15. Tư Nghi năm thứ 8. Tào Trang năm thứ 16. Trần Tuyên năm thứ 7. Kỷ Tĩnh năm thứ 18. Tống Mẫn năm thứ 6. Tần Vũ năm thứ 12. Sở Văn năm thứ 4.

春王正月師次于郎以俟陳人蔡人

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT SƯ THỨ VU LANG, DĨ SĨ TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, QUÂN ĐỘI ĐÓNG LẠI Ở ĐẤT LANG, ĐỂ ĐỢI NGƯỜI TRẦN VÀ NGƯỜI SÁI

Công - Đã chép đóng lại, thì không chép đợi. Đây chép đợi là có ý bất đắc dĩ đem quân.

Cốc - Đóng lại là dừng lại. Đợi là chờ người tới.

Hồ Truyện - Dùng nhiều người thì gọi là quân đội. Đóng lại nghĩa là dừng lại. Đi đánh người ta, mà còn dừng lại là để chỉnh đốn, cẩn thận. Thế là phải. Cũng như nói, đánh Sở, dừng lại đất Hình. Nay đi cứu người ta, mà lại dừng quân, là sợ địch, thì cái việc dừng ấy đáng chê như các việc dừng quân ở đất Khuông, ở đất Nhiếp Bắc, ở đất Ung Du. Vì lợi mà dừng quân, là ý xuất quân vô danh, vô ý thức. Nay dừng quân tại đất Lang để đợi người Trần, người Sái. Hoặc bàn rằng: Trần, Sái sắp qua Lỗ. Ta đợi để khuyến khích - Hoặc bàn rằng: Lỗ sắp cùng Trần, Sái, có việc ở lân bang, mà Trần, Sái sợ không tới, cho nên Lỗ dừng quân ở đất Lang để đợi. Nếu thật như thế thì không có nghĩa. Bảo rằng đóng quân lại, bảo rằng để chờ đợi là chê trách lắm.

Khổng Dĩnh Đạt - Chỉ nói đợi Trần, Sái, chứ không nói vì cớ gì đợi. Đoạn dưới có chép: Quân đội cùng với quân đội Tề vây nước Thành, hoặc giả đã cùng định mưu kế với Trần, Sái, cho nên nói hẹn cùng đánh đất Thành. Trần, Sái không tới, vậy phải đợi. Gia Quỳ cùng Cốc Lương bàn rằng Trần, Sái muốn đánh Lỗ, cho nên Lỗ đợi. Xét Trần, Sái đối với Lỗ thì ở xa; mà suốt thời Xuân Thu, không hề kết oán với Lỗ sao lại nhân dịp đánh lén Lỗ. Vả lại, cứ như lời chép Lỗ đợi là để cùng đi, chứ đâu có phải là để phòng gian, cự địch. Nếu sợ là Trần, Sái, tới để đánh mình, thì phải viết là phòng ngự, chứ sao lại viết là đợi. Vì thế biết rằng cùng Trần, Sái, hẹn ngày đánh đất Thành. Hà Hưu và Phục Kiền, (đời Đông Hán) cũng nói là muốn cùng đánh đất Thành.

甲午治兵

GIÁP NGỌ TRỊ BINH

NGÀY GIÁP NGỌ, SOẠN QUÂN ĐỘI

Công Dương viết chữ trị ra chữ tự

Ta - Năm thứ 8, mùa xuân, ban lệnh cho quân đội tại miếu. Thế là đúng lễ.

Công - Thế nào là tự binh? Đem quân đi ra là tự binh. Đem quân về là chấn lữ, theo lễ, chỉ là một. Đều là lối tập trận. Sao đây lại nói là tự binh? Vì đã lâu rồi. Sao biết là đã lâu rồi? Ta định ngày Giáp ngọ, rồi mới tự binh vào ngày ấy.

Cốc - Đem quân ra gọi là trị binh, tức là tập trận. Đem quân vào là chấn lữ, cũng là tập trận. Trị binh mà Trần, Sái, không tới. Việc binh cốt nghiêm, cho nên nói: Khéo trần binh (dàn binh) thì không phải chiến, khéo trị nước thì không cần quân, khéo trị quân thì không phải chiến, khéo chiến thì không chết, khéo chết thì không mất nước.

Lưu Sưởng - Trị binh tức là tập trận. Việc thường thì không chép. Đây là chép để chê. Chê gì. Mùa xuân mà lại trị binh, là không phải mùa. Đã trị binh, để đợi Trần, Sái, sao lại không nói đến "Nơi trị binh". Vì ở trong nước thì không nói đến nơi trị binh. Sao lại không nói đến Công. Vì ở trong nước thì không nói đến Công. Tả Thị bảo rằng, trị binh ở miếu là đúng lễ, bảo thế là bậy. Phàm đem quân ra thì gọi là trị binh, đem quân về thì gọi là chấn lữ. Vì thế, mùa thu, thị binh mùa xuân chấn lữ. Nay Lỗ, lấy mùa xuân trị binh, là không đúng thời, thế sao gọi là đúng lễ. Vả lại nếu có đúng lễ, thì đã là việc thường chép làm gì. Tả Thị lại bảo rằng trị binh ở miếu, miếu là nơi tôn nghiêm, đâu có phải là nơi trị binh.

夏師及齊師圍成成降于齊師

HẠ, SƯ CẬP TỀ SƯ VI THÀNH, THÀNH HÀNG VU TỀ SƯ

MÙA HẠ, QUÂN TA CÙNG QUÂN TỀ VÂY NƯỚC THÀNH THÀNH HÀNG VỚI QUÂN TỀ

Công Thị viết chữ 城 ra chữ 成

Tả - Mùa hạ. Quân Lỗ cùng quân Tề vây nước Thành. Nước Thành hàng với quân Tề. Trọng Khánh Phủ (Lỗ) xin đánh quân Tề. Công nói: Không nên, ta thực là thiếu đức, chứ quân Tề có tội gì, tội là ở ta. Hạ Thư (sách Hạ) có nói: Cao Dao xây nhiều đức vọng khắp dân gian. Ta hãy cần sửa đức để đợi thời. Mùa thu quân về nước. Người quân tử thấy việc đó khen Trang Công.

Công - Thành nghĩa là thịnh 成盛地. Thịnh sao gọi là Thành? Là kiêng nói việc diệt nước họ. Sao không nói hàng quân Lỗ ta. Là vì kiêng tránh.

Cốc - Sao lại nói hàng quân Tề? Là không muốn cho quân Tề tàn sát nước Thành.

Phạm Ninh - Thành là nước cùng họ. Nay Lỗ cùng Tề đánh Thành, dùng quân thế là nhầm.

Lưu Sưởng - Thành là một nước. Hàng là gì? Giáng là gì? Hàng là chưa mất quốc gia. Giáng là mất quốc gia. Chưa mất thì còn thấy nói đến. Mất rồi thì không thấy nói đến nữa. Cũng như là phải dời đi một đất khác. Công Dương cho chữ thành nghĩa là thịnh là kiêng tránh người cùng họ không nói đến: Hàng quân Lỗ, cũng là kiêng tránh, Công Dương bàn thế là sai. Nếu thực là thịnh mà đổi là thành, thực cùng diệt một nước mà đổi ra hàng, thực hàng Lỗ, mà lại nói hàng Tề thì văn thánh nhân đâu có thế. Phàm thánh nhân mà kiêng nói việc ác của nước, thì chỉ kiêng nói đến một mực nào thôi, chứ không thể kiêng tất cả, như là đổi trắng làm đen, đổi mình làm người. Đâu thánh nhân lại dạy đời thế. Cốc Lương lại bảo là không muốn cho quân Tề tàn sát nước Thành cho nên làm như Tề chưa dùng vũ lực mà Thành đã tự hàng Cốc Lương xét thế, làm sai mất cái chí quân Tề. Muốn chê Tề, binh Thành, mà lại thành ra binh Tề.

Thẩm Nhược Thủy - Trang Công bỏ cái nghĩa phục thù, lại quay lại cộng sự để đánh Thành, vì thế Thành không phục Lỗ mà đi hàng Tề.

秋師還

THU SƯ HOÀN

MÙA THU QUÂN VỀ

Tả Thị đã có nói ở câu trên.

Công - Dùng chữ hoàn (về, quân về) là chữ hay. Đã diệt một nước đồng tông, mà lại dùng chữ hay, đáng ra phải chê. Vậy chê quân đội ư? Không. Quân có tội gì?

Cốc - Hoàn là việc chưa xong hẳn, bỏ về.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo chê, không phải chê quân đội. Quân đội vô tội. Tuy nhiên, đúng lý, đúng sự thực, là chê, chứ khen gì.

Lưu Huyến - Thời Xuân Thu, việc chiến tranh nhiều, chưa có lần nào kể tường tận như lần này. Tại sao, Trang Công dùng quân thật là phi nghĩa. Trên đã không tuân mệnh Thiên Tử, vô cớ hưng sư. Từ tháng giêng đóng quân ở đất Lang để đợi nước Trần, Sái, mà Trần, Sái lại không tới, thế gọi là vô danh. Ngày Giáp Ngọ, trị binh, thế gọi là độc vũ (ham việc cũ). Đến mùa hạ, thì cùng với quân đội nước Tề, vây nước Thành, Thành đi hàng Tề, thế gọi là quân vô nghĩa. Trải qua ba mùa mà quân đội mới về, thế gọi là hại dân. Vậy trái đạo trời, thân với kẻ thù, vây nước đồng tông, hại sức dân, đối với nước, mất tín, đánh nước, không phục được nước. Vì thế, thánh nhân chép cho đầy đủ.

冬十有一月癸未齊無知弒其君諸兒

ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, QUÍ MÙI, TỀ VÔ TRI THÍ KỲ QUÂN CHƯ NHI

MÙA ĐÔNG THÁNG 11, NGÀY QUÍ MÙI TỀ VÔ TRI GIẾT VUA LÀ CHƯ NHI

Ta - Tề Hầu, sai Liên Xưng, Quản Chí Phủ, đem quân đóng đồn thú ở Quỳ Khưu, lúc cho đi, đang mùa dưa, hẹn đến mùa dưa chín sau thì cho về. Đến mùa, vua không nghĩ đến, sai người xin thì vua không cho. Vì thế mưu làm loạn. Em ruột Hy Công là Di Trọng Niên sinh ra Công Tôn Vô Tri, được Hy Công yêu, áo quần tham phục tùy ý. Tương Công ghét truất bỏ không dùng. Hai người, Liên Xưng và Quản Chí Phủ lợi dụng làm loạn. Liên Xưng có em gái họ ở trong cung, không được vua yêu, mới sai làm nội ứng, hẹn hễ được việc sẽ phong làm phu nhân. Mùa đông tháng 11, Tề Hầu ra chơi đất Cô Phần, rồi săn ở Bối Khưu, thấy con lợn rừng chạy qua. Tùy tùng thưa, không phải lợn, đó là Công tử Bành Sinh. Công giận nói: Bành Sinh sao dám hiện. Bắn một phát lợn đứng hai chân lên như người, rồi kêu rống lên, Tương Công sợ, ngã xuống xe, bị thương ở chân, mất chiếc giày. Khi về mắng người hầu là Đồ Nhân Phí, đã để mất giày, tìm mãi không thấy. Đồ Nhân Phí bị Tương Công đánh vút ra máu. Phí chạy ra ngoài cửa, gặp bọn giặc bắt trói lại. Phí nói, tôi vừa bị đánh. Trần vai cho xem. Đúng. Giặc tin. Phí xin vào trước, rồi cứu Công, xong quay ra đánh nhau, chết ở trong cửa Thạch Chi Phần cũng bị chết dưới thềm. Bọn giặc vào giết Mạnh Dương ở trên giường. Biết là nhầm, không phải vua. Rồi thấy một chân của Công thò ra ở nơi cánh cửa, ập vào giết chết. Rồi lập Vô Tri lên ngôi. Xưa lúc Tương Công lên ngôi, người tướng mạo tàn nhẫn. Bảo Thúc Nha nói: Vua đối với dân thì khinh mạn, sẽ có loạn, mới đem Công tử Tiểu Bạch chạy tới nước Cử. Đến khi loạn Quản Di Ngô, Thiệu Hốt đem Công tử Củ chạy trốn. Xưa Công Tôn Vô Tri bị Ung Lẫm sát hại. Tùy Khưu là đất nước Tề. Phía Tây huyện Lâm Tri có đất còn tên là Tùy Khưu. Theo sách Hậu Hán Chí, ở huyện Tây An có Cừ Khưu Đình, cũng có tên là Cừ Khưu, tức là Tùy Khưu xưa. Cô phần là đất

nước Tề tức là Bạc Cô. Bối Khưu, là đất nước Tề, phía Nam huyện Bác Xương, xứ Lạc An, có đất gọi là Bối Khưu.

Cốc - Đại phu giết vua, tránh nói đến, vì họ ta. Giết để thay ngôi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói thế là sai. Tống Vạn há cũng giết để thay ngôi hay sao. Công tử Thương Nhân, có phải là giết để thay hay không.

Xét - Vô Tri không gọi là Công Tôn, tức là tước bỏ hệ thuộc rồi. Hồ Truyện kết tội Hy Công, e không phải lời bàn thích đáng, cho nên bỏ đi.

Năm Bính **Thân** Trang Vương năm thứ 12.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tề Hoàn Công Tiểu Bạch năm đầu. Tấn Mân năm thứ 20. Vệ Huệ năm thứ 15. Sái Ai năm thứ 10. Trịnh Lệ năm thứ 16. Tứ Nghi năm thứ 9. Tào Trang năm thứ 17. Trần Tuyên năm thứ 8. Kỷ Tĩnh năm thứ 19. Tống Mẫn năm thứ 7. Tần Vũ năm thứ 13. Sở Văn năm thứ 5.

春齊人搬無知

XUÂN, TỀ NHÂN SÁT VÔ TRI

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ GIẾT VÔ TRI

Ta - Năm thứ 9, mùa xuân, Ung Lẫm giết Vô Tri.

Cốc - Vô Tri , đặc biệt chép tên,. là mất hiềm nghi vậy. Gọi là người (người Tề) giết đại phu (Vô Tri) là giết kẻ có tội.

Lưu Sưởng 1)- Truyện chép rằng, Ung Lẫm giết, thế Ung Lẫm giết, sao lại bảo là người Tề giết. Vì đó là lời chép giết giặc. 2) Cốc Lương bảo Vô Tri chép rõ hẳn tên là mất hiềm nghi, chép người Tề giết đại phu, là giết kẻ có tội. Cốc Lương bàn thế là sai. Vô Tri giết vua là để thay ngôi, không thể trở lại

họ mà gọi là Công tử, Công tôn. Lại nữa, trên chép người Tề, dưới chép Vô Tri. Thật rõ ràng Vô Tri là giặc của người Tề, có cần gì thêm vào họ, thêm vào tên nước. Vậy đâu phải là muốn bỏ hiềm nghi mà bêu rõ tên. Vô Tri lại cũng chẳng phải là đại phu, để lấy chữ đại phu ra giải thích. Bàn thế rõ là sai.

公及齊大夫盟于既

CÔNG CẬP TỀ ĐẠI PHU MINH VU KÝ

CÔNG CÙNG VỚI TỀ ĐẠI PHU THỀ Ở ĐẤT KÝ

Công và Cốc viết chữ 既 ra chữ 暨. Ký ở huyện hội xứ Lang Gia, còn thấy Ký Đình.

Tả - Tề không có vua.

Công - Công sao cùng với đại phu thề. Vì Tề không có vua. Vậy sao không chép tên đại phu. Vì tránh không cùng thề với đại phu. Coi như chứng nhân.

Cốc - Công thì không cùng với đại phu. Đại phu thì không có tên. Nước không có vua. Thế là để nhận Tử Cử, không nói ngày, vì thề có thể biến đổi. Đương lúc Tề không có vua, quyền là ở Công. Đáng chấp nhận, mà không chấp nhận ngay cho nên chê.

Phạm Ninh - Nghĩa là Kinh Xuân Thu, đại phu trong nước còn có thể hội với vua chư hầu nước ngoài. Công thì không thể thề với đại phu nước ngoài. Nay nước Tề không có vua, cần có người đảm nhiệm việc thề, cho nên hành quyền làm lễ. Trước mặt vua thì bầy tôi gọi tên, nay Tề không có vua, thì bầy tôi không có tên.

Lý Liêm - Kinh đến đoạn thề ở đất Ký. Chép là Tề đại phu, ở đoạn thề đất Hỗ, lại chép là Tấn đại phu; lời văn giống nhau đấy. Nhưng Tề không có vua mà chép là đại phu thì không phải là lời biếm chê. Lại chép "Công cùng với" thì đâu có sự hiềm nghi đại phu ngang với Công, mà trách Công với Tề. Tấn Linh xưa mới lên ngôi, mà Triệu Thuẫn chép là đại phu, thì cái chuyên quyền của Triệu Thuẫn rõ rệt. Lại chép Công hội, tuy chê Công đến sau, nhưng cốt là để phơi rõ Triệu Thuẫn bắt ép chư hầu làm cuộc thề đó. Còn Tử Củ, cả ba truyện đều cho là thừa nhận. Triệu Tử, Trình Tử, Hồ Thị, cho là không nên

thừa nhận, là vì Đỗ Thị cho rằng Tử Cù, Tiểu Bạch, cùng là con Tề Hi Công, mà Củ lớn hơn, vậy nên lập. Cốc Lương thì nói Tề Vô Tri giết Tương Công, Công tử Tu, Công tử Tiểu Bạch đương chạy trốn, coi như là con của Tương Công cả, chung quy lấy Củ làm anh, cho nên cũng cho là nên lập. Riêng Trình Tử lấy tài liệu sử, dẫn chứng, định đoạt rằng, Củ là con Tương Công, thế mà là Lỗ đã giúp kẻ thù, tội ấy rất rõ. Định đoạt rằng Tử Củ là em Tiểu Bạch, thì rõ cái nghĩa Tử Củ không nên lập. Nhiên hậu Củ không chép là Công tử, Tiểu Bạch về Tề, Quản Trọng không chết, Lỗ quên thù cha, các thuyết đều rõ.

夏公伐齊納糾齊小白入于齊

HẠ, CÔNG PHẠT TỀ, NẠP CỦ, TỀ TIỂU BẠCH NHẬP VU TỀ

MÙA HẠ, CÔNG ĐÁNH TỀ, NẠP CỦ, TỀ TIỂU BẠCH VÀO NƯỚC TỀ

Tả - Mùa hạ Công đánh Tề để nạp Tử Củ. Hoàn Công từ nước Cử vào Trước.

Công - Nạp là gì, là đem vào. Sao lại chép: Đánh Tề. Đánh để mà nạp, tức là không thể nạp được vậy phải đánh. Công tử Củ, không gọi là Công tử, vì trước mặt vua thì, bầy tôi gọi tên. Tại sao lấy tên nước gọi Tề Tiểu Bạch? Vì cáng đáng việc nước. Sao chép là vào? Vì cướp lấy ngôi.

Cốc - Đáng nạp mà không nạp, đến khi Tề loạn thì mới nạp. Cho nên đánh nhau ở đất Càn Thời, không kiêng tránh chép là vì thua trận (tức là chê việc nước). Đại phu chạy trốn ra nước ngoài, khi trở lại nước, mà hay, mà phải, thì chép là về, mà dở thì chép là vào. Tề Công tôn Vô Tri, giết Tương Công, Công tử Củ, Công tử Tiểu Bạch không thể ở lại được phải chạy. Người Tề giết Vô Tri mà đón Công tử Củ tại Lỗ. Công tử Tiểu Bạch không nhường, vào trước rồi giết Củ tại Lỗ, cho nên chép: Tề Tiểu Bạch vào nước Tề là chê.

Hồ Truyện - Tả Thị chép là Tử Củ, cả hai truyện chép đánh Tề, nạp Củ. Người quân tử cho Công Thị, Cốc Thị là chính đáng. Nạp là ý trong nước không chịu, muốn bắt ép phải chịu.

Vào là ý việc khó. Củ không chép là Tử Củ rõ là không đáng lên ngôi. Tiểu Bạch là quan hệ với Tề rõ là Tiểu Bạch đáng làm vua Tề. Được đến tình cảnh đó là vì: Tương Công bị giết, Củ cùng Tiểu Bạch đều là con thứ, chạy trốn, mà Củ là em, và lại từ trước chưa có ngôi Thái tử. Xét trong sự, Chu Công giết Quản. Sái để yên nhà Chu, Tề Hoàn thì giết em để trở về nước, vì Củ là em Tiểu Bạch là anh đáng được nước Tề. Đã đáng, thì sao không chép là Công tử? Vì trong nước không có ai theo mệnh, mà cũng không có ai bẩm mệnh, cho nên cứ theo chế độ vương pháp mà bỏ những tước ấy.

Lưu Sưởng - Công Dương, bảo nạp nghĩa là đem vào, đâu có phải thế. 1) Nạp là nạp. Còn vào được hay không chưa biết. Vậy nạp không phải là vào. 2) Đánh mà nói là nạp thì cũng như không thể nạp được; bảo thế nào cũng không phải. Có đánh rồi nạp. Có vây rồi nạp. Có "chưa thường đánh", "chưa thường vây, mà nạp: mọi việc đều cứ thực mà chép. Củ không gọi là Công tử vì trước mặt vua thì bầy tôi gọi tên. Đâu có phải thế. Củ mất nước, Ở Lỗ vốn không phải là Lỗ thần thì sao lại bảo "trước vua thần gọi tên" được. Ví như gọi Công tử Củ thì có bảo được là: không phải trước mặt vua, mà bầy tôi xưng tên không. 3) Lấy tên nước làm họ. Tề Tiểu Bạch là đáng có nước; nói thế không xuôi. Phàm bảo rằng đáng có nước, không lệ vào định trước, không có đường lối nhất định.

Trình Tử - Hoàn Công (Tiểu Bạch) và Tử Củ là hai con Tương Công. Hoàn Công là anh, Tử Củ là em. Tương Công chết thì Hoàn Công đáng nối ngôi. Kinh Xuân Thu chép đến Hoàn Công thì viết là Tề Tiểu Bạch, tức cho là nên ở ngôi. Chép đến Tử Củ, thì chỉ có chữ Củ, chứ không có chữ Tề, ý cho là không đáng nối ngôi. Không viết chữ tử, tức như không phải con nối của vua. Công Thị, Cốc Thị cùng bốn người chú giải, đều chép chữ "nạp Củ". Riêng Tả Thị chép là Tử Củ là nhầm. Tuy nhiên chép: "Người Tề đem Tử Củ giết đi". Tề đại phu trước đã cùng Lỗ thề ở đất Kỵ, đã nạp Củ làm vua, nay lại giết đi, cho nên chép là Tử Củ. Thế là có cả hai tội.

Chu Tử - Trình Tử theo Bạc Chiêu (danh nho thời Hán) dẫn chứng Hoàn Công là anh. Nhưng Tuân Khanh thì thường nói: "Hoàn Công giết anh để tranh nước", mà lời Tuân Khanh lại trước thời Bạc Chiêu. Vậy chưa có thể lấy chứng ấy làm chắc

chắn được. Va lại, căn cứ vào Kinh, truyện (Kinh Xuân Thu, truyện họ Cốc, họ Công), rồi thêm lời Khổng Tử đáp bọn Tử Lộ, Tử Cống, để định đoạt thì cũng được. Xét: Thánh nhân, đối nhân, không vì tội mà dìm công người ta, cũng không vì công mà dấu tội người ta. Như nói Quản Trọng thì thấy khen công, không thấy nói tội, vậy biết rằng Quản Trọng không chết, thì không có hại gì đến đạo nghĩa. Mà Hoàn Công cùng Tử Củ, ai anh, ai em, nhân đó thì biết rõ. Quản Trọng sở dĩ không chết, chính vì, Tiểu Bạch là anh, Tử Củ là em. Nếu Tử Củ là anh, là nên làm vua thì các sĩ tử nước Tề, đối với nghĩa vua tôi còn biết nói làm sao.

Xét - Văn Tả Thị "Công đánh Tề, nạp Tử Củ", gọi Củ là Tử Củ, không gọi là Tử Tiểu Bạch, tức cho Tử Củ là anh. Văn Công Thị, Cốc Thị, tuy gọi là Củ, chứ không gọi là Tử Củ. Nhưng Công Thị bảo Tử Củ đáng làm vua, Cốc Thị bảo Tử Củ đáng được làm. Tức như cho Tử Củ là anh. Sách Sử ký thì chép Củ trên Tiểu Bạch, vậy đều cho Củ là anh. Riêng có sách Bạch Chiêu và sách Hoài Nam Vương thì nói Tề Hoàn giết em. Ví Chiêu có bàn, Tử Củ là anh, chép là em là kiêng. Triệu Phương nói. Hán Văn là anh Hoài Nam Vương, nên thời đó kiêng bảo Củ là anh, cứ cho là em. Thế nghĩa là Bạc Chiêu nhất thời cho Tiểu Bạch là anh, chứ có phải là lời bàn bất di bất dịch đâu. Trình Tử cùng Hồ Truyện căn cứ vào văn Kinh, văn truyện Cốc Thị, Công Thị gọi là Củ, không gọi là Tử Củ, rồi cho Củ làm em. Các nhà bình luận phần nhiều cứ theo. Xét hai truyện chỉ là thích nghĩa Kinh, không lấy truyện thì cũng không còn căn cứ vào đâu được. Chu Tử luận bàn có dẫn Trình Tử, và thơ gởi cho Phan Cung, nhân lời Tuân Khanh, thì biết thuyết của Bạc Chiêu, chưa chắc đã là đúng. Chu Tử cứ phải để cả hai thuyết.

Khảo sát thêm. Thúc Hướng bảo Tề Hoàn là con nàng Vệ Cơ, Vệ Cơ được Hi Tôn yêu. Sử ký thì chép: Em Tương Công tên là Củ, em nữa là Tiểu Bạch. Lại nói rằng: Mẹ Tiểu Bạch là con gái nước Vệ. Thuyết này với thuyết của Thúc Hướng giống nhau. Đỗ Dự bảo Tiểu Bạch là con thứ của Hi Công. Còn Tử Củ là thứ huynh của Tiểu Bạch. Tất cả đều cho Củ với Tiểu Bạch là Công tử con Hi Công. Riêng Cốc Lương thì nói Vô Tri giết Tương Công, Công tử Củ, Công tử Tiểu Bạch chạy trốn. Đạm Trợ, Triệu Khuông tin ở thuyết Cốc Lương, cho là Tương Công bị giết thì

hai Công tử chạy trốn, tức là hai con Tương Công. Trình Tử và Hồ Truyện cùng tin thế. Vậy các thuyết chưa biết thuyết nào đúng. Hay cứ để cả hai.

秋七月丁酉葬齊襄公

THU, THẤT NGUYỆT, ĐINH DẬU, TÁNG TỀ TƯƠNG CÔNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỄ TÁNG TỀ TƯƠNG CÔNG

Đỗ Dự - Tháng chín mới táng, vì loạn.

八月庚申及齊師戰于乾時我師敗績

BÁT NGUYỆT CANH THÂN, CẬP TỀ SƯ CHIẾN VU CAN THỜI NGÃ SƯ BẠI TÍCH

THÁNG 8 NGÀY CANH THÂN, CÙNG VỚI QUÂN TỀ ĐÁNH NHAU TẠI ĐẤT CAN THỜI, QUÂN TA THUA TAN VỠ

Can Thời, đất nước Tề Sông Thời Thủy ở huyện Lạc An, sông bị cạn khô, cho nên thành tên là Can Thời.

Tả - Quân ta với quân Tề, đánh nhau ở Can Thời, quân ta tan vỡ. Công phải bỏ xe, sang xe khác, về được. Tân Tử và Lương Tử, phải lấy cờ lệnh của Công vứt bỏ xuống. Công mới thoát.

Công - Sử, trong việc nước không chép thua, đây sao lại chép. Là đánh mà bị thua. Đánh để phục thù, thù một nước lớn. Sao lại không là ai, mà chính thì là Công. Sao lại không chép là Công. Vì không phải là Công phục thù. Phục thù chỉ là cớ phụ.

Hồ Truyện - Xét Tả Truyện, đánh nhau ở Can Thời, Công bỏ xe sang xe khác về. Thì thua là Công thua. Đã biết đánh nhau với kẻ thù, thì dù bại cũng lấy vinh. Thế thì sao lại không nói đến Công, tức là có chê. Công vốn quên thù cha, cởi bỏ oán thù, lại muốn lập con kẻ thù lên ngôi, mưu định quốc gia họ, chứ không phải đánh để phục thù, cho nên bỏ công đi để rõ ý chê. Nếu lấy việc phục thù mà đánh, thì chiến ấy là nghĩa chiến,

thì nên chép chữ Công trước chữ (thua, quân tan vỡ). So với việc ở Sa Tùy và việc thề ở Bình Khưu, để biết vinh nhục hơn kém. Vì chiến nay không phải chiến phục thù, cho nên tránh nói Công đề cho ý chê nặng hơn chê tội quên cha, gỡ oán thù, ý nghĩa thật là rõ rệt.

Lưu Sưởng - Đây sao lại chép thua, Công suýt bị bắt. Chiến dại bại, may thoát khỏi bị bắt. Quân thua là sỉ, bị bắt là nhục. Sỉ còn nói được, nhục không thể nói được. Công Dương bảo trong nước không chép thua, đây chép thua, là đánh trận mà thua. Cốc Lương bàn thế sai. Nếu Lỗ thực sự lấy việc phục thù mà chiến thì Kinh không nên bỏ không chép. Vì lấy việc phục thù làm phụ, cho nên không nói đến Công. Kinh đâu có bỏ ý hay của kẻ làm tôi con. Về ngôn, hành, (nói và làm) thần có ngôn hay, thì quân hành cái ngôn đó, có phải quân cũng hay không. Sao lại lấy sự phục thù làm việc phụ. Thế thì đâu có cho Công là hay được.

九月齊人取子糾殺之

CỬU NGUYỆT TỀ NHÂN THỦ TỬ CỦ SÁT CHI

THÁNG 9, NGƯỜI TỀ BẮT TỬ CỦ GIẾT ĐI

Tá - Bào Thúc làm tướng nói: Tử Củ là người thân, xin nhà vua cho trị. Quản và Thiệu là kẻ thù, xin bắt rồi giết để thỏa ý: Mới giết Tử Củ ở đất Sinh Đậu. Thiệu Hốt tự tử. Quản Trọng chịu cho bắt vào xe tù. Bào Thúc nhận đem đi, đến Đường Phụ thì cởi trói, rồi về trình với vua. Quản Di Ngô, tài trị nước hơn Cao Hề, xin cho làm tướng, Công nghe theo.

Sinh Đậu là đất nước Lỗ. Sử ký chép chữ 生 ra chữ 笙, mà Giả Quỳ chú là chữ đậu viết như chữ cú đậu 句瀆. Đường Phụ là đất nước Tề. Ở Tây Bắc huyện Mông Âm, xứ Đông Hoan còn có đình Di Ngô. Bào Thúc cởi trói cho Quản Trọng ở đây.

Công - Thế nào là bắt. Sử nói tránh thế thôi. Thế là ép ta, bắt ta phải giết. Sao lại gọi là Tử Củ? Là Quý. Quý vì đáng làm vua.

Cốc - Nước ngoài sao lại bắt được. Đây nói bắt, là chê trong nước. Bắt chỉ là lời nói tránh đi, cũng như chép, bắt Tử Củ mà

giết đi (tức là Tề giết). Trong một xóm có mười nhà, có thể tránh nạn được. Trong một ấp có trăm nhà có thể khỏi chết được. Thế mà trong một nước nghìn cỗ xe, không giữ được Tử Củ khỏi chết, thế là chê Lỗ Công.

Hồ Truyện - Nói bắt là nói một điều bất nghĩa. Trước đã chép (nạp Củ), không chép Tử Củ, rõ ràng là không nên lập. Ở đây chép việc giết Củ, thì lại gọi lại là Tử Củ rõ ràng là không nên giết. Hoặc nói, tự bắt lấy, hoặc nói được giao cho, nói thế nào cũng được. Ý nghĩa Xuân Thu thật là tinh vi: người có nhân đối với anh em, không có chứa giận, không có tích oán, chỉ là yêu thương mà thôi. Củ tuy tranh ngôi đấy nhưng đã chạy ra khỏi nước, thì xếp bỏ đi, đừng nghĩ đến nữa, thế mà lại đòi bắt Lỗ giết đi mới hả lòng hả dạ, sao lại bất nhân đến thế. Đời sau cứ lấy tiếng truyền ngôi, nhường ngôi, mà rồi cướp nước, giết chủ nước, đó là tâm một cá nhân để phòng tai nạn sau, ai nấy đều như nhau cả, đời đời truyền cái độc ác mãi. Cho nên Mạnh Tử có nói, Ngũ Bá là kẻ có tội đối với đời Tam Vương. Phàm là học trò Trọng Ni thì, không có nói đến công việc. Ngũ Bá.

Tô Triệt - 1) Tử Củ mà chết là Lỗ giết. Bảo rằng Tề bắt Tử Củ giết đi là tại sao. Là không cho người Tề bắt người Lỗ giết anh em mình. Cho nên khiến người Tề phải tự làm. 2) Có nước mà không hay che chở cho một người được, vì thế chê Lỗ. 3) Công Dương gọi là Tử Củ là ý cho Tử Củ nên lên ngôi, lại có kẻ phụ họa Công Dương mà bàn thêm rằng đây là giết một vị vua chưa làm vua đầy năm. Xét Tiểu Bạch, Tử Củ tranh nhau ngôi thì cũng chưa biết ai sẽ được ngôi. Đã chưa biết ai lên ngôi, nạp Củ mà chưa đem Củ vào nước được, thế mà bảo Củ làm vua chưa đầy năm, bảo thế có nghe được không.

冬浚洙

ĐÔNG TUẤN THÙ

MÙA ĐÔNG, ĐÀO SÂU SÔNG THÙ

Công - Thù, là sông Thù. Đào sâu là sợ Tề, vì thấy Tề giết Tử Củ.

Cốc - Đào sông Thù, rõ ràng là sức kém yếu.

Hồ Truyện - Muốn cho nước vững thì gốc là ở chỗ giữ lấy dân. Đây thì dùng bậy sức dân, bầy việc hại dân. Thì dù có sông dài, sông rộng quanh biên giới, dù có các địa điểm: hồ Bành Lãi, Động Đình, sông Hán Thủy, sông Hoàng Hà, cũng không đủ trông cậy, huống là một lạch sông Thù. Chép đào sâu sông Thù, thấy làm khổ dân. Giữ nước mà chỉ nghĩ đến ngọn, không nghĩ đến gốc. Đời sau coi đó làm răn.

Năm Đinh Dậu. Trang Vương năm 13.

十年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tề Hoàn năm thứ 2. Tấn Mân năm thứ 21. Vệ Huệ năm thứ 16. Sái Ai năm thứ 11. Trịnh Lệ năm thứ 17. Từ Nghi năm thứ 10. Tào Trang năm thứ 16. Trần Tuyên năm thứ 9. Kỷ Tĩnh năm thứ 20. Tống Mẫn năm thứ 8. Tần Vũ năm thứ 14. Sở Văn năm thứ 6.

春王正月公敗齊師于長勺

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG BẠI TỀ SƯ VU TRƯỜNG THƯỢC

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG ĐÁNH BẠI QUÂN TỀ TẠI ĐẤT TRƯỜNG THƯỢC

Trường Thược là đất nước Lỗ. Lộ Thị nói: Thành Vương lấy sáu họ dân cũ nhà Thương cho Lỗ Công, trong đó có Trường Thược Thị, là các dân nhà Thương ở.

Tả - Năm thứ 10, mùa xuân, quân Tề đánh ta. Công sắp đem quân ra ứng chiến. Tào Uế xin yết kiến. Người đồng hương biết đã bảo: Đã có bọn ăn thịt bày mưu, xen vào làm gì. Uế nói, quen ăn thịt sinh bỉ lậu, không trông xa, không nghe rộng được nữa. Rồi vào yết kiến. Hỏi vua: Chắc vào điều gì mà chiến. Vua nói, xưa nay về ăn mặc không dám đầy đủ lấy một mình,

vẫn chia cho người thiếu. Đáp: Thế là ơn nhỏ, chưa rộng khắp, dân chưa theo. Vua nói: Tế tự, chỉ cần đầy đủ tế vật, tế khí theo đúng lễ nghi, không dám bày đặt phiền phức, cốt giữ thành tín. Đáp, thế là tiểu tín, chưa đủ cảm thần, thần linh chưa giáng phúc. Vua nói: Các việc hình ngục, lớn, nhỏ, tuy không xem được hết nhưng cốt sử lấy tình thực. Đáp: Thế là thuộc loại tâm trung, được, một điều chiến lược; xin cho theo. Vua cho ngồi cùng xe ra trận. Trận bày ở đất Trường Thược. Vua sắp đánh trống thúc quân. Uế nói chưa được. Khi nghe Tề ba lần thúc trống quân. Uế nói bây giờ đánh trống được. Quân Tề tan vỡ. Vua sắp cho đuổi. Uế bảo chửa được. Rồi xuống xem vết xe. Xong, trèo lên đòn xe, coi kỳ cờ địch, mới bảo đuổi được. Thế rồi, cho quân đuổi. Khi thắng trận xong, vua hỏi duyên cớ. Nói: Khi ra trận cần khí mạnh, một lần trống là có khí mạnh, lần trống thứ hai khí đã suy, đến lần thứ ba, khí đã kiệt. Bên địch đã kiệt thì bên ta mới bắt đầu, cho nên được. Nước lớn hay gian dối, sợ có mai phục. Ta xem vết xe loạn, cờ bay có rối mới đuổi được.

Cốc - Không chép ngày, thế là nghi chiến (nghi chiến là không định ngày để dễ đánh úp, bất ngờ). Đã là nghi chiến mà chép là đánh tan quân địch, tức là thắng trận.

Xét - Quân nước ngoài đến đánh nước Lỗ, thế là rõ ngôi chu khách. Ý trách nước ngoài, chép là tới chiến, ý trách nước trong (Lỗ) thì khi thắng chép là đánh tan quân người. Khi bại thì chép là cùng quân ngoài chiến. Đó là lề lối nhất định. Lỗ Trang đối với Tề đã quên kẻ thù, mà lại muốn dùng lễ cậu cháu đối với Tề. Thừa dịp Tề loạn, lại muốn nạp con kẻ thù để đánh. Đến khi quân Tề tới chiến, lại nổi giận cùng quân Tề chiến. Cho nên Kinh lấy Lỗ làm chủ mà không chép là Tề tới đánh. Hồ Truyện cho là có ý trách, thế thì Lỗ sao có hành động khác được. Hoặc bảo rằng, thương Lỗ đã suy nhược nhiều, hoặc bảo rằng Tề là quốc thù cho nên may thắng được, lấy làm mừng. Vậy thì các trận Thặng Khưu, trận đất Tấn, Lỗ còn xâm Tấn trước, đã không có sự nghi ngại mạnh yếu, lại còn Tống vốn không phải là quốc thù, thế mà sao cũng mừng, rồi cũng không nói là Tống phạt (Tống tới đánh), chỉ chép là đánh tan quân Tống thôi. Cho nên các lời bàn luận khác thường ấy, bỏ đi không xét đến.

二月公侵宋

NHỊ NGUYỆT, CÔNG XÂM TỐNG

THÁNG 2 CÔNG XÂM NƯỚC TỐNG

Khởi thuỷ việc xâm lăng.

Công - Sao khi thì nói phạt, khi thì nói xâm. Mờ ám thì gọi là xâm, rõ ràng thì gọi là phạt. Chiến không nói là phạt. Vây không dùng chữ chiến. Vào không nói là vây. Diệt không nói là vào. Lối chép cẩn thận như thế.

Cốc - Xâm thường chép mùa. Đây chép cả tháng tại sao. Là vì thâm oán nước Tề, lúc đem quân về thì xâm nước Tống, làm cho thêm địch, chê nên chép rõ tháng.

Trương Hiệp - Trang Công vì nay được đắc chí với Tề rồi đem quân vô danh nghĩa đi cướp đất Tống, vì thế nên đưa tới việc chiến ở đất Lang.

二月宋人遷宿

NHỊ NGUYỆT, TỐNG NHÂN THIÊN TÚC

THÁNG 2, NGƯỜI TỐNG THIÊN NƯỚC TÚC

Khởi thuỷ việc thiên nước.

Công - Thế nào là thiên là dân nghèo đói, cho đất cho thiên tới. Tử Trầm nói: Thấy nghèo đói là nhân dịp bắt người ta thuộc vào mình.

Cốc - Thiên là mất, không nói thiên đi đâu đến đất nào. Vậy nước Túc không còn nói đến nữa, thiên thì chưa hẳn mất quốc gia, còn đi lại được.

Lục Thuần - Đạm Tử bảo rằng: Phàm gọi là thiên thì có hai nghĩa: 1) Như người Tống thiên nước Túc, người Tề thiên nước Dương, thế là rời nước người đến trong nước mình, coi là phụ dung nước mình. Như nước Hình thiên đến Di Nghi. Như nước Vệ thiên đến Đế Khưu. 2) Hoặc tự xin thiên, hoặc bị thiên, đều còn được làm liệt quốc. Cho nên không nói người Mỗ thiên

nước người ta, mà nói đất thiên đến. Thế chỉ là thiên quốc đó chứ không phải thành một nước phụ dung.

Triệu Tử nói, phàm đất không đáng thiên mà thiên đến, là một tội rõ.

Tôn Phục - Tức là một nước nhỏ được Thiên Tử phong. Người Tống thiên đi, ta thấy rõ cái ác của Tống.

Tô Triệt - Phàm chư hầu thiên nước. Nếu tự nhiên thì chép: Nước Mỗ thiên đến nước Mỗ. Nếu bị người thiên thì chép: Người nước này thiên nước kia. Thế vẫn còn làm một nước phụ dung, chữ chưa mất hẳn, cho nên không chép là diệt.

夏六月齊師宋師次于郎公敗宋師于乘邱

HẠ LỤC NGUYỆT TỀ, SƯ TỐNG SƯ THỨ VU LAN CÔNG BẠI TỐNG SƯ VU THĂNG KHƯU

MÙA HẠ, THÁNG 6, QUÂN TỀ, QUÂN TỐNG, ĐÓNG TẠI LANG, CÔNG ĐÁNH CHO QUÂN TỐNG THUA Ở THẶNG KHƯU

Thặng Khưu là đất nước Lỗ, ở quận Thái Sơn. Thời Tây Hán có huyện Thặng Khưu. Nhan Sư Cổ cho là Thặng Khưu thời Xuân Thu. Trong sách Địa Chí, Thặng Khưu ở huyện Hà Khưu, 35 dặm phía Tây Bắc.

Tả - Mùa hạ tháng 6 quân Tề, quân Tống đóng ở đất Lang. Công tử Yển nói: Quân Tống không chỉnh bị, ta đánh được. Tống đã bại, Tề tất quay về. Xin cho đánh. Công không cho. Xin từ Vũ Môn lén ra, ngựa trùm da hổ rồi đánh ập vào. Công nghe. Đánh tan quân Tống ở Thặng Khưu. Quân Tề lui về.

Công - Sao lại chép quân đóng ở Lang. Là quân đi phạt. Đã đi phạt sao còn đóng lại. Tề muốn phạt mà không muốn chiến, cho nên nói là phạt. Ta đánh tan được, cho nên gọi là đóng lại.

Cốc - Đóng lại là nghỉ, là sợ ta, không chép ngày là nghỉ chiến. Nghỉ chiến cho nên chép là đánh tan, là nước ta thắng.

Hồ Truyện - Tề, Tống khinh thường, đem quân đi sâu vào

đất nước người ta, muốn thỏa chí báo thù, thực là có tội. Người Lỗ giá biết không dùng mưu lừa dối, mà biết dùng lời nói, thì hai nước sẽ lui. Nay thừa cơ thắng được một trận, mà gây oán hận cho cả nước lân bang, thế là cái đường lối của người thấp kém. Cho nên đóng quân không nên việc, thắng trận cũng không nên việc. Đều là đáng chê cả.

Triệu Khuông - Công Dương cho là Tề muốn phạt chứ không muốn chiến cho nên chép chữ phạt. Xét văn Kinh, thấy rằng chưa phạt mà đã bị đánh tan, cho nên không chép chữ phạt... Công Dương lại nói, Lỗ ta có thể đánh tan được, cho nên nói là đóng quân lại. Nếu đúng như thế, thì phép đánh tan, nghĩa đã rõ rồi, việc gì còn phải mượn chữ đóng quân lại.

Lý Liêm - Tề giận Lỗ, khởi thủy tự việc Tử - Củ, được Lỗ nạp. Tống giận Lỗ, khởi thủy tự ngày Công xâm lấn. Nhưng sự thực là Tề Hoàn muốn hiệp với Tống để mưu việc làm Bá - chủ. Cho nên Hồ Thị phát minh ra các ý kiến (đóng quân lại, đánh tan) mà Trần Thâm thì xét tâm của Tề, Tống. Cả hai thuyết đều dùng được để cho nghĩa được rõ hơn.

秋九月荊敗蔡師于莘以蔡侯獻舞歸

THU CỬU NGUYỆT, KINH BẠI SÁI SƯ VU SẦN, DĨ SÁI HẦU, HIẾN VŨ QUY

MÙA THU THÁNG 9, NƯỚC KINH ĐÁNH TAN QUÂN SÁI Ở ĐẤT SẦN, ĐEM SÁI HẦU TÊN LÀ HIẾN VŨ VỀ

Sần, đất nước Sái

Tá - Ai Hầu nước Sái lấy vợ nước Trần, Tức Hầu (nước Tức) cùng lấy vợ ở nước Trần. Tức Vĩ sắp về nhà chồng, đường qua Sái. Sái Hầu nói: Đó là em vợ ta đó. Mới giữ lại, rồi không lấy lễ khanh tiếp đón. Tức Hầu giận, cho nói với Sở Văn Vương giả đem quân đánh Tức. Tức sẽ cầu cứu Sái. Sái đem quân tới, thì Sở đánh ngay Sái. Sở nghe theo kế ấy. Mùa thu tháng chín, Sở đánh bại quân Sái, đem Sái Hầu là Hiến Vũ về.

Công - Kinh là tên một châu. Châu không bằng nước. Nước không bằng họ (Thị). Họ không bằng người. Người không bằng

tên. Tên không bằng tự. Tự không bằng tước. Sái Hầu bị bắt, sao lại chép tên Hiến Vũ. Thế là tuyệt, là bị hoạch (bắt được). Sao không chép chữ hoạch. Vì không muốn cho di dịch bắt Trung Quốc.

Cốc - Kinh là nước Sở. Sao gọi là Kinh. Là Rợ. Vì rằng khi thánh nhân dựng nước thì Sở tới sau cùng (để được hưởng). Khi Thiên Tử suy nhược thì Sở phản trước tiên, cho nên gọi là Kinh, là Rợ. Sái Hầu sao lại chép tên. Là vì bị tuyệt, bị hoạch. Trung Quốc bị bại, không dùng chữ bại, đây sao lại dùng. Vì nếu một nước Trung Quốc không bị bại, thì sao Sái Hầu lại bị hoạch. Vậy dùng chữ bại để rõ nghĩa bị hoạch. Chữ dĩ quy (đem về) nặng hơn chữ chấp là cầm giữ.

Hồ Truyện - Sái Hầu sao lại gọi tên. Là ý bị tuyệt. Phàm Kinh chép là bại, là diệt, là nhập, mà lại đem vua về, đều chép ca tên, tức là vua đó đã xuống hàng thần tử, bị bắt, cho nên tuyệt là cắt đứt. Như bọn Sái Hiến Vũ, Lộ Anh - Nhi, Duyên Gia, Hứa Tư, Đốn Tường, Hồ Báo, Tào Dương, Châu Ích.

Nước Sở diệt nước Quý, đem Quỳ Tử về, không chép tên. Qùy Tử không có lỗi mà định đánh, dù nước bị diệt, thân làm tù tội, nhưng nghĩa vẫn là người thẳng thắn, từ đầu vẫn không chịu khuất phục. Vì thế, chép chức tước, không chép tên. Phép Kinh Xuân Thu, Vua chư hầu đương còn sống không gọi tên, là có ý cho là khinh, là tiện. Phép như thế, cốt cho vua các nước lúc nào cũng cẩn thận, giữ gìn được phú quý lâu dài chứ đừng phóng tung mà sinh hại.

冬十月齊師滅譚譚子奔莒

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, TỀ SƯ DIỆT ĐÀM, ĐÀM TỬ BÔN CỬ

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, QUÂN TỀ DIỆT NƯỚC ĐÀM. ĐÀM TỬ CHẠY SANG NƯỚC CỬ

Đàm là nước Đàm. Đó là việc diệt nước đầu tiên.

Tả - Khi Tề Hầu phải trốn ra nước ngoài, có qua nước Đàm. Đàm không lấy lễ đối đãi. Đến khi Tề Hầu về làm Vua, chư

hầu đến tới mừng. Đàm lại không tới. Mùa đông, quân Tề diệt nước Đàm, vì Đàm vô lễ. Đàm Tử chạy sang nước Cử là đồng minh.

Công - Sao chép là bôn (chạy), không chép là xuất (dời khỏi). Vì nước đã mất, còn nước đâu mà dời, mà xuất.

Hồ Truyện - Xét Tả Truyện khi Tề Hầu rời nước, đi ra nước ngoài qua nước Đàm, Đàm không đối đãi lấy lễ. Khi Tề Hầu về làm vua, chư hầu tới mừng, Đàm lại không tới. Tề trách về việc thất lễ với nước lớn. Trách là phải, nhưng vì lỗi ấy mà diệt một nước, thì có nên không. Quân Tề diệt nước Đàm, Đàm Tử chạy sang nước Cử. Người Sở diệt nước Huyền, Huyền Tử chạy sang nước Hoàng, Địch diệt nước Ôn, Ôn Tử chạy sang nước Vệ. Vua ba nước sở dĩ còn được chép tước, là vì không ví với các vua đã mất nước bị gọi tên. Tuy nhiên, nước Ngô diệt nước Từ, Từ Tử tên Chương Vũ, chạy sang nước Sở sao lại bị gọi tên. Xét Tả Truyện, nước Ngô đánh nước Từ, Từ Tử cắt tóc, dắt phu nhân, đi đón Ngô Tử. Đã khuất phục rồi sau mới chạy, thế thì đâu còn có chí phục quốc. Vậy chép tên là có ý tuyệt dứt đi. Nghĩa Xuân Thu, là đè kẻ mạnh đỡ kẻ yếu, nhưng cũng lại trách kẻ yếu sao không biết tự cường, làm điều thiện. Do thư pháp như thế.

Năm Mậu Tuất Trang Vương năm thứ 14.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tề Hoàn năm thứ 3. Tấn Mân năm thứ 22. Vệ Huệ năm thứ 17. Sái Ai năm thứ 12. Trịnh Lệ năm thứ 18. Tử Nghi năm thứ 11. Tào Trang năm thứ 19. Trần Tuyên năm thứ 10. Kỷ Tĩnh năm thứ 21. Tống Mẫn năm thứ 9. Tần Vũ năm thứ 15. Sở Văn năm thứ 7.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏五月戊寅公敗宋師于

HẠ NGŨ NGUYỆT, MẬU DẦN, CÔNG BẠI TỐNG SƯ VU TỨ

MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY MẬU DẦN, CÔNG ĐÁNH TAN QUÂN TỐNG Ở ĐẤT TỨ

Tứ, đất nước Lỗ.

Tả - Năm thứ 11, Tống đóng quân ở Thặng Khưu, xâm nước ta. Công chống cự. Tống chưa dàn thành trận, bị phá và bị đánh thua tại đất Tứ. Phàm quân chưa dàn thành trận, bị phá, gọi là bị bại. Đã cùng dàn trận thì gọi là bị chiến. Đánh vỡ tan, thì gọi là bại tích. Bắt được tướng giỏi thì gọi là khắc. Chuyển được thế làm cho địch đổ vỡ thì gọi là bại quân địch. Quân đội triều đình thua, thì gọi là vương sư bại tích tại Mỗ địch.

Cốc - Đánh tại đất nước mình, không dùng chữ chiến, là khen việc giỏi. Chép là bại được là vì có bắt được tướng Vạn của nước Tống

秋宋大水

THU, TỐNG ĐẠI THỦY

MÙA THU, TỐNG NƯỚC LỤT

Tả - Mùa thu, Tống bị nạn nước to. Công sai sứ tới thăm viếng, có nói: Trời làm mưa lâu, hại lúa, thiếu thức cúng tế, thế thì sao lại không thăm viếng. Vua Tống có nói: Cô thực có tội bất kính, nên trời ra tay để làm cho vua phải lo, xin bái bệnh. Tang Văn Trọng có khen: Tống sẽ hưng thịnh. Vua Vũ, vua Khang, tự trách lỗi mình, mà nước sao hưng thịnh. Vua Kiệt, vua Trụ,

trách tội người, mà bại vong đến ngay. Vả lại, nước có tai nạn, tự xưng là cô, thế là đúng lễ. Nói thì kính sợ, lời thì đủ lễ, sẽ được dân đông, vật đủ. Sau lại nghe nói đó là lời của Công tử Ngự Thuyết, Tang Tôn Quý có nói: Người ấy nên làm vua, có lòng thương dân.

Công - Đây là chép một tai nạn. Tai nạn nước ngoài thì không chép. Đây chép là vì có liên can tới nước ta.

Cốc - Tai nạn nước ngoài thì không chép. Đây chép vì Tống là dòng dõi vương giả. Trên cao dưới thấp đều ngập nước, thế là nạn nước lụt to.

Hồ Truyện - Phàm chép tai, Xuân Thu vốn cẩn thận, coi tai là trời có ý răn. Còn như thương dân là việc của vương giả.

Lưu Sưởng - Đây là nạn lụt to ở nước Tống. Sao lại chép là Lỗ thăm viếng. Chủ nhân cáo có tai, chứ không cáo việc lạ. Chư hầu điếu tai, chứ không điếu việc lạ. Điếu tai thì phải chép. Công Dương bảo tai nước ngoài thì không chép. Đây chép vì có liên can đến ta. Xét Xuân Thu, trong thì nước mình, ngoài thì nước chư hầu, nếu tai tới cả đến Lỗ, thì chỉ có thể chép là tai nước Lỗ mà thôi, không có thể chép rõ ràng nước Tống, mà sơ lược nước mình. Cốc Lương bảo rằng tai nước ngoài không chép, đây chép vì Tống là dòng dõi vương giả, bàn thế sai. Nước Kỷ cũng là dòng dõi vương giả, mà chưa thường thấy chép tai. Sao vậy. Trời cho việc là để răn vua, muốn cho vua sửa đức, cho nên khi có việc là phải xét ngay mình, không phải chờ vào người ngoài. Thế thì sao lại báo cáo. Báo cáo là thất lễ. Vì thất lễ nên chép tai. Khi có hại đến dân thì các chư hầu quanh nước, vì nghĩa phải thương dân, cứu dân. Đó là mong đợi ở người ngoài. Không thể không điếu. Điếu là đúng lễ. Vì đúng lễ mới chép.

冬 王 姬 歸 于 齊

ĐÔNG, VƯƠNG CƠ QUY VU TỀ

MÙA, ĐÔNG VƯƠNG CƠ CƯỚI VỀ TỀ

Tả - Tề Hầu xin đón Vương Cơ.

Phụ lục Tả Truyện - Việc chiến ở Thặng Khưu, Công lấy cái tên (tên cung nỏ) quý, kim bộc cô, bắn Nam Cung Trường

Vạn. Chức Nhung Hữu của Công là chuyên Tôn Sinh bắt được Vạn. Người Tống xin tha về Tống Công nói mỉa rằng: Trước, ta trọng ngươi. Nay ngươi là tù nước Lỗ, ta không trọng nữa. Rồi ghét Vạn.

Công - Sao lại chép. Vì đi qua nước ta.

Cốc - Chép việc vì đi qua nước ta.

Lục Thuần - Công Thị, Cốc Thị đều nói, chép vì đi qua nước Lỗ. Nay xét, chép là cưới về Tề, vì Lỗ đứng chủ hôn. Chỗ khác, Công thị, Cốc Thị, có chú thích Lỗ đứng môi giới... Cốc Thị, Công Thị, sao nói mỗi chỗ mỗi khác.

Lưu Sưởng - Sao lại chép. Vì nước Lỗ là chủ việc hôn. Vậy sao lại không chép hẳn nước ta chủ hôn. Việc thường không chép đã đành. Đây chắc là vì Tề - Hầu đi đón vợ, mà Công lại không thấy có mặt, thế thì chủ hôn gì. Vậy cho là việc thường tự mình không chép.

Xét - Vương Cơ cưới về Tề, Xuân Thu có chép hai lần, đều nói là Lỗ chủ hôn. Tả Thị nói, Tề Hầu đến đón Cơ, thì việc Lỗ chủ hôn là đã rõ. Công Thị, Cốc Thị, cho là năm đó qua nước ta. E rằng không có căn cứ. Vậy nên theo lời bác của Lục Thuần và Lưu Sương.

Năm Kỷ Hợi- Trang Vương thứ 15

十有二年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tề Hoàn năm thứ 4. Tấn Mân năm thứ 23. Vệ Huệ năm thứ 13. Trịnh Lệ năm thứ 19. Tứ Nghi năm thứ 12. Tào Trang năm thứ 20. Trần Truyên năm thứ 11. Kỷ Tĩnh năm thứ 22. Tống Mẫn năm thứ 10. Tần Vũ năm thứ 16. Sở Văn năm thứ 8.

春王三月紀叔姬歸于

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, KỶ THÚC CƠ QUY VU HUỀ

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG 3, KỶ THÚC CƠ VỀ NƯỚC HUỀ

Công - Sao lại nói là về nước Huề. Là nói có ý: Nước đã mất thì về đâu.

Cốc - Nước mình mới nói là về, là quy. Nước Huề nay là một ấp, sao lại nói là quy. Là vì gái nước Lỗ. Lấy chồng. Chồng mất nước. Nay mừng được chỗ về, cho nên chép về.

Hồ Truyện - Trang Công thứ năm 4, Kỷ Hầu phải dời nước đi ra ngoài. Thúc Cơ đến bây giờ mới về đất Huề. Kỷ Hầu vừa chết, Thúc Cơ mới về. Quy là rất thuận, lấy lẽ là tôn miếu đều ở đất Huề, quy để phụng thờ Lỗ là nước cha mẹ. Về Lỗ thì chỉ có khi nào "lai quy" (coi ở trên). Nước Kỷ đã mất. Không quy nước Lỗ, để cho toàn tiết, giữ nghĩa, chứ không lấy cớ nước mất mà bỏ đạo làm vợ. Người Lỗ nêu cao tiết nghĩa về lễ nghĩa thêm hay. Đã về Huề, thì khi mất, khi chôn, sử đều phải chép đủ. Khổng Tử san Kinh, giữ mà không tước bỏ, để cho được cùng với Cung Khương nước Vệ cùng được tiếng thơm, khuyên răn đời sau. Cũng như con gái họ Hạ Hầu, vợ em Tào Sảng, chịu ở hóa thủ tiết, bố mẹ muốn ép gả chồng không được, nàng có thề và nói: Thời họ Tào đang hưng thịnh còn muốn giữ thủy chung, huống ngày nay họ Tào suy vong sao nỡ bỏ. Ai nghe cũng phải cảm động. Chuyện Thúc Cơ thì ai thấy tư cách cũng phấn chấn.

Lưu Sưởng - Vua Kỷ chạy trốn. Nước bị diệt. Kỷ Hầu khi mất không được chép. Sao Thúc Cơ lại được chép. Xuân Thu muốn nhân hành động của Thúc Cơ để sáng tỏ cái nghĩa của Kỷ Quý khi đó đã lấy đất Huề (ấp nước Kỷ) sát nhập vào nước Tề, không phải là vì lợi, chỉ là để giữ lấy tôn miếu nước cũ. Như thế đủ để làm gương.

Xét - Kỷ Hầu mất nước rồi chết. Thúc Cơ quy (về) Lỗ. Đến bây giờ mới quy (về) đất Huề. Đỗ Dự, Lưu Sưởng, Tô Triệt đều bàn như nhau. Giang Hi cũng nói: Thúc Cơ lai quy (dời nhà chồng

về ở nhà bố mẹ) thì không chép, vì không phải là quy ninh (về thăm bố mẹ) mà cũng không phải là về hẳn. Chí Thúc Cơ là về đất Huề để phụng thờ, chứ không ở suốt đời ở Lỗ. Cho nên trong Hồ Truyện, mới có thuyết không nên về Lỗ.

夏四月
HẠ TỨ NGUYỆT
MÙA HẠ THÁNG TƯ

秋八月甲午宋萬弒其君捷及其大夫仇牧
THU BÁT NGUYỆT, GIÁP NGỌ, TỐNG, VẠN THÍ KỲ, QUÂN TIỆP, CẬP KỲ ĐẠI, PHU CỪU MỤC
MÙA THU THÁNG 8, NGÀY GIÁP NGỌ, TỐNG VẠN GIẾT (THÍ) VUA LÀ TIỆP, CÙNG ĐẠI PHU LÀ CỪU MỤC

Tiệp, Công truyện, viết là Tiếp 接

Tả - Năm thứ 12. Mùa thu, Tống Vạn giết Mẫn Công ở đất Mông Trạch, gặp Cừu Mục ở cửa cung. Cừu Mục mắng. Vạn tát chết. Răng bật ra, ngập sâu vào cánh cửa. Gặp Thái Tể Đốc ở cửa Tây Đông Cung. Vạn lại giết nốt. Lập Tử Du. Các Công Tử chạy ra đất Tiêu, Công Tử Ngự Thuyết chạy đến đất Bạc. Nam Cung Ngưu, Mạnh Hoạch, đem quân vây Bạc Mông Trạch là đất nước Tống, nước Lương có huyện Mông Tiêu là ấp nước Tống, đất Bái có Tiêu Huyện. Bạc là ấp nước Tống, Tây Bắc Mông Huyện có thành Bạc.

Công - Cập (cùng với đại phu Cừu Mục) là gì. Là ý chỉ liên lụy. Việc giết vua có nhiều. Liên lụy đến vua cũng có nhiều người. Như Khổng Phủ, Tuân Tức, bỏ không chép, chỉ chép Cừu Mục là tại sao. Là tại Mục là người hiền. Mục không sợ kẻ mạnh, co chống lại. Vạn trước cùng Lỗ Trang Công chiến bị bắt. Được vài tháng, Trang Công tha cho về nước. Rồi Vạn lại được làm đại phu. Cùng với Tống Mẫn Công đánh cờ, cung nữ đứng hầu. Vạn nói: Lỗ Hầu thật là người hiền, người tốt, chư hầu trong

thiên hạ duy có Lỗ Hầu là đáng làm vua. Trước mặt cung nữ, Mẫn Công nghe, ghét lời nói, ngoảnh lại bảo Vạn, người là tù nhân nước Lỗ, nên khen Lỗ. Vạn giận lắm, đánh Mẫn Công vỡ đầu. Cừu Mục nghe tin vua bị giết, chạy đến, gặp Vạn ở ngoài cửa cung, mắng Vạn, bị Vạn đấm vỡ đầu chết. Thế là Cừu Mục không sợ cường bạo.

冬十月宋萬出奔陳

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, TỐNG VẠN XUẤT BÔN TRẦN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, TỐNG VẠN CHẠY TRỐN SANG TRẦN

Tả - Mùa đông tháng mười, Tiên Thúc cùng các công tử lấy quân Tào, đánh giết được Nam Cung Ngưu giữa trận, giết được Tử Du ở Tống: lập Hoàn Công lên ngôi, Mạnh Hoạch trốn chạy sang Vệ. Nam Cung Vạn trốn chạy sang Trần, đẩy xe chở mẹ, đi có một ngày tới. Người Tống đòi Vệ tra Mạnh Hoạch. Người Vệ không muốn trả. Thạch Kỳ Tử nói: Không nên giữ. Người dở thì ở đâu cũng dở. Dở ở Tống, mà ta bênh, bênh thì có ích gì. Được một người mà mất một nước, giữ cái dở mà bỏ tình giao hiếu, không phải là mưu kế hay. Người Vệ mới giao trả. Tống đòi Nam Cung Vạn ở Trần, đem của hối lộ Trần. Người Trần mới sai đàn bà, con gái mời Vạn uống rượu, rồi lấy da tê trói lại, đưa đến Tống, Vạn vùng vẫy trật lộ cả chân tay ra. Người Tống đem làm mắm.

Uông Khắc Khoan - Người Trần đã cho giặc ở, sao lại nhận của hối lộ, lừa dối giết đi, thế không phải là vương đạo. Khánh Phủ giết Mẫn Công chạy trốn sang nước Cử, người Cử cũng nhận của hối lộ rồi giao trả, Khánh Phủ về đến biên giới thì tự tử. Hai việc đó giống nhau. Nhưng đều là không theo Vương đạo, cho nên Mẫn Công mất mà không chép lễ táng. Lý Khắc, Ninh Hỷ đều đã chết, mà Trác Tử chết không chép lễ táng. Xét nước Tấn, nước Vệ, đánh kẻ loạn thần không phải là vì tội thí nghịch. Lại còn không lấy nghi lễ vua, táng Trác bị giết. Sái Ban chưa bị đánh mà Sái Cảnh được chép lễ táng,

điều đó biến lệ mà cũng trách chư hầu không biết thảo tặc. Xét Kinh: Văn Từ trên đến dưới. Việc từ trước đến sau, thì Nghĩa rõ ra ngay. So lời, so việc biết là Kinh Xuân Thu, cốt dạy cho biết chính nghĩa.

Xét - Tống Vạn đã bị thảo (đánh) không thấy chép là người Tống giết Vạn, mà chỉ chép Tống Vạn chạy trốn sang Trần, thế là trách người nhận giặc Vạn, rồi nhận của hối lộ, hoặc trách ca Tống có tội chậm thảo tặc. Xét thế là chưa xét đến sự tình đương thời, chưa có chinh phục được nhân tâm dân Tống. Vạn Dũng lại khoẻ, lại có quyền thế, giết vua, giết đại thần, lập Tử Du lên ngôi, sai quân vây đất Bạc. Thế mạnh như vậy, thì Tiêu Thúc cùng năm vị Công Tử, Công Tôn, mượn quân nước Tào thảo tặc, cầm cự vài tháng sau mới giết được Tử Du mà lập Hoàn Công. Như thế, ngăn sao được Vạn có đủ thời giờ hành động, mới phải dùng đến của hối lộ để đòi Vạn ở Trần. Được Vạn rồi đem làm mắm. Vậy có thể nói là Tống còn có hạng biết nghĩa thần tử. Sao lại cho là cùng bị trách với nước Trần. Tuy nhiên, so với cái nghĩa Vệ Thạch Thác thảo Châu Hu thì cũng có khác, cho nên Tống Mẫn không được chép lễ táng, cũng như Lỗ Mẫn. Thuyết của Uông Khắc Khoan nghe được.

Năm Canh Tý- Hi Vương năm đầu.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tề Hoàn năm thứ 5. Tấn Mẫn năm thứ 24. Vệ Huệ năm thứ 19. Sái Ai năm thứ 14. Trịnh Lệ năm thứ 20. Tử Nghi năm thứ 13. Tào Trang năm thứ 21. Trần Tuyên năm thứ 12. Kỷ Tĩnh năm thứ 23. Tống Hoàn Công Ngự Thuyết năm đầu. Vũ năm thứ 17. Sở Văn năm thứ 19.

春齊侯宋人陳人蔡人鄒人會于北杏

XUÂN, TỀ HẦU, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN, CHÂU NHÂN, HỘI VU BẮC HẠNH

MÙA XUÂN, TỀ HẦU NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI CHÂU HỘI Ở ĐẤT BẮC HẠNH

Tề Hầu, Cốc Thị viết là người Tề, Tề nhân, Bắc Hạnh là đất nước Tề.

Tả - Năm thứ 13. Mùa Xuân, hội ở Bắc Hạnh, để dẹp loạn nước Tống. Người nước Toại không tới hội.

Cốc - Tề Hầu và Tống Công sao lại chép là người. Là vì còn nghi Tề Hầu, không được mệnh Thiên Tử làm Bá. Chỉ vì nhân có việc mà nhận làm Bá. Tự nhận như thế chưa được. Dùng chữ người (nhân, Tống nhân) là chỉ người thường.

Hồ Truyện - Hoàn sao lại họp bốn nước yếu như Tống Công, Châu Tử, sao chép là người. Đời Xuân Thu, chư hầu chủ thiên hạ, có chính sách hội thề, khởi đầu tự hội Bắc Hạnh. Rồi sau, Tống Tương Tấn Văn, Sở Trang, Tần Mục, cũng nối nhau hội thề theo vết Hoàn, không phải là được mệnh phong làm Bá, đó là chư hầu tôn nhau lên, tôn làm chủ hội thề. Thề tức là vô quân. Cho nên chép bốn nước, dùng chữ người, nhân, để chê trách mối loạn, để chính vương pháp. Hoặc có kẻ bảo rằng: Hoàn Công vì dẹp được loạn nước Tống, vậy được các chư hầu tôn sợ. Cho nên dùng chữ người, chữ nhân, chỉ bốn nước, tức là quần chúng suy tôn.

Xét - Tề Hầu, Cốc Thị, viết là Tề nhân, Lý Liêm cho là khởi thủy dùng chữ Bá (bá chủ), lấy lệ ở các việc Tào Nam, Thành Bộc, thì viết Tề Hầu là phải. Bốn nước mà gọi là nhân, Hà Hưu bàn rằng là nhỏ, là ti tiện. Lưu Sưởng bàn là hàng đại phu. Cả hai bàn đều sai. Thời Xuân Thu chư hầu hợp từng hội thì phải định vị thứ. Tả Thị bảo rằng dẹp Tống loạn, thì chính người Tống là Tống Công không sai, còn các người khác có thể biết là những ai. Hoặc giả gọi là người là có ý chê, hoặc giả là lời chỉ cả bọn, quần chúng. Cho là biếm, là vì theo vương đạo, Thiên Tử chưa có mệnh. Gọi là quần chúng để rõ ý chư hầu suy tôn nhau lên. Các thuyết đó ăn khớp với nhau thì mới đúng.

夏六月齊人滅遂

HẠ LỤC NGUYỆT, TỀ NHÂN DIỆT TOẠI

MÙA HẠ THÁNG 6, NGƯỜI TỀ DIỆT NƯỚC TOẠI

Trần Thâm cho Toại là dòng dõi vua Thuấn.

Tả - Mùa hạ, người Tề diệt nước Toại, rồi đóng quân giữ lấy.

Cốc - Toại là một nước. Không chép ngày vì nước Toại nhỏ.

Gia Huyền Ông - Người Toại không tới hội Bắc Hạnh, vì thế có tội, nhưng tội chưa đáng bị diệt. Bá thì giả công, giả nghĩa, để thoả lợi riêng, như diệt nước Đàm, lại diệt nước Toại, bất quá là muốn bờ cõi đất đai rộng thêm. Thời Xuân Thu, trong ba năm chép luôn hai nước bị diệt. Để rõ tội của Tề Hoàn.

Xét - Cốc Lương cho là không chép ngày, vì nước nhỏ. Đâu có phải thế. Kinh chép diệt mà không chép ngày thì nhiều lắm. Lại có chỗ chép mùa mà không chép tháng, đó chỉ là nhân sử cũ chỉ có thế thôi.

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU THÁNG BẢY

冬公會齊盟于柯

ĐÔNG CÔNG HỘI TỀ MINH VU KHA

MÙA ĐÔNG CÔNG HỘI TỀ HẦU THỀ Ở ĐẤT KHA

Kha là ấp Đông A ở Tề Tế Bắc.

Tả - Mùa Đông, hội ở đất Kha. Lỗ đầu tiên tới Tề hòa.

Công - Sao lại không chép ngày. Vì giản lược. Hoàn Công hội thề không chép ngày. Hội không cần ký kết, bảo đảm trước, tức là có tin nhau. Việc không chép ngày sao lại bắt đầu từ đây. Nguyên là Lỗ Trang sắp hội với Tề Hoàn. Tào Tử có hỏi ý nhà vua thế nào. Lỗ Trang nói: Quả nhân sống không bằng chết.

Tào Mạt nói: Vậy thì xin vua đáng vua, thần xin đáng làm thần được. Lỗ Trang nói vâng, rồi đến hội. Trang Công bước lên đàn. Tào Tư cầm kiếm theo lên. Quản Tử vội bước tới nói: Ông muốn gì? Tào Tư tra lời: Thành đã phá, quân địch tới cõi, ông không lo liệu à. Vậy ông muốn gì? - Muốn xin ruộng Vấn Dương. Quản Tư quay lại nói: Xin nhà vua hứa cho. Hoàn Công vâng. Tào Tứ xin thề. Hoàn Công bước xuống cùng thề. Thề xong, Tào Tứ mới bỏ kiếm. Thề là bị bắt ép thì có thể bỏ được. Vậy mà Hoàn Công cứ giữ lời. Tào Tứ đáng bị thù, Vậy mà Hoàn Công không oán. Đức tin thật rõ rệt trong thiên hạ, là bắt đầu từ hội thề tại đất Kha.

Cốc - Tào Uế mà thề là tin ở Tề Hầu. Hoàn Công tuy hội trong đất nước mà không chép ngày là có đức tin vậy.

Trương Hiệp - Lỗ Trang từ khi Tề Hoàn vào nước Tề, cùng Tề, chiến nhiều lần, tuy một lần thắng, nhưng Tề đang sửa soạn quân đội, chính trị, để mưu làm Bá. Lỗ sẽ có cái nạn bị đánh. Bấy giờ mới cùng Tề hòa, Cốc Thị, Công Thị có chép việc Tào Tứ, việc Tề Hoàn bỏ lợi nhỏ để phục nước Lỗ, dù cho có ý bao dung cũng chỉ là cái thuật của hạng Bá làm Bá đạo. Vậy Công Thi nói có quá sự thật.

Lý Liêm - Lời Tào Tứ, Triệu Thị không nhận, Hồ thị cũng không nhận. xét đương thời, Hoàn Công đang cố làm bá chủ. Không được Lỗ thì không xong cho nên bỏ lợi nhỏ để thu phục Lỗ, Lỗ cũng thừa biết là Tề cần giữ tín để mong phục các chư hầu, nên nhân hội thề mà đòi đất. Thề mà Công Dương lại khoe là hay. Va lại Lỗ từ trận thắng tại Trường Thược, Thặng Khưu, thế nước đã hơi mạnh dần, Tề đâu dám lấy cái thuật đối với nước Đàm, Toại, mà xử với Lỗ, chỉ tìm cách phục Lỗ như nhún mình trong việc chịu trả ruộng Vấn Dương, dùng dằng trong việc kết hôn, dương uy trong việc đánh ba nước, trong việc hiến tù binh. Còn Lỗ thì cũng chẳng dám trái Tề mà theo ý riêng. Mọi lần hội thề đều đẹp đẽ là bắt đầu từ đây. Vậy thuyết của Công Dương cũng không phải là không được.

Xét - Việc tra Lỗ ruộng Vấn Dương không thấy trong Kinh. Tiên nho nghi ngờ việc đó. Tuy nhiên, Kinh vì Lỗ Công có hội, cho nên chép hội, thì hội đó là tự ý Tề Hoàn. Hoàn muốn thân Lỗ để làm Bá chủ thì có tiếc gì là hội nhỏ mà không hợp. Vì

thề, dù đã mấy lần đánh nhau rồi mà không thù không oán, một sớm thành hòa hiếu. Trương Hiệp, Lý Liêm, đều không bỏ thuyết Công Dương, nay cứ theo. Năm Ẩn Công thứ 3, thề ở đất Miệt, năm Trang Công thứ 8, thề ở đất Khái, Kinh đều không chép ngày. Cốc Lương nói:

Hội thề, không bội thề. Đến năm ấy, hội thề ở đất Kha, Công Thị, Cốc Thị đều cho sử không chép ngày là vì tin nhau, thế thì, hội Miệt và hội Khái, không đủ tin hay sao? Sau hội Kha lại có hội đất Quyên mà Lỗ không theo thì cũng chưa thể có cho là tín được. Huống hồ với Quỳ Khưu, Tề Hoàn hội thề đều có biên ngày. Thế thì thuyết lại sai hẳn. Hoặc cho là tốt đẹp, hoặc cho là không tốt đẹp, đều thấy trước sau bàn khác nhau. Chu Tử thì bàn rằng, nếu cứ lấy ngày tháng làm chê hay khen, thế là xuyên tạc vô lý. Bàn thế là phải, Dù biên ngày, hay không biên ngày, đều là nhân sử cũ mà chép. Giả sử, Sử cũ không biên, thì thánh nhân đâu có đặt ra mà biên. Cho nên, đừng lấy chép hay không chép ngày tháng, làm một lệ.

Năm Tân Sửu- Hi Vương năm thứ 2.

十有四年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tề Hoan năm thứ 6. Tấn Mân năm thứ 25, Vệ Huệ năm thứ 20. Sái Ai năm thứ 15, Trịnh Lệ năm thứ 21. Tứ Nghi năm thứ 14. Tào Trang năm thứ 22. Trần Tuyên năm thứ 13. Kỷ Cung Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 2. Tần Vũ năm thứ 18. Sở Văn năm thứ 10.

春齊人陳人曹人伐宋

XUÂN, TỀ NHÂN, TRẦN NHÂN, TÀO NHÂN, PHẠT TỐNG

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI TÀO ĐÁNH TỐNG

Tả - Người đánh Tống, hội thề ở Bắc Hạnh. Mùa xuân năm thứ 14, chư hầu hợp đánh Tống, Tề xin phép nhà Chu.

Trình Tử - Phép Xuân Thu, tướng có chức vị cao, quân đội nhiều, thì chép là Mỗ tướng suất sư. Tướng mà địa vị thấp, quân đội nhiều, thì chép là quân đội nước Mỗ. Tướng mà địa vị thấp, quân đội lại ít, thì chép là người nước Mỗ. Tướng mà địa vị cao, quân đội lại ít, thì chép là nước Mỗ phạt nước Mỗ. Nước Tề, từ khi Quản Trọng cầm quyền chính, thời Lỗ Trang năm thứ 11 trở đi chưa thường dùng quân đội nhiều, mà cũng ít đòi hỏi các chư hầu. Suốt đời Quản Trọng, trong 40 năm, thiên hạ được đầy đủ, yên vui. Chỉ có khi cứu nước Hình, thì chép là quân đội, là có ý chê đóng quân lâu. Các đời Bá nước Tần, nước Tấn không bằng được. Thế tức là công ít mà dễ thành.

Xét - Hồ Truyện cho rằng tướng kém, quân ít thì gọi là người, (nhân). Xét lối văn trong kinh không hẳn là thế. Hồ lại nói, trong 20 năm chưa thường thấy sai đại phu làm tướng. Hồ bàn thế là sai. Không sai đại phu làm tướng thì còn sai ai. Tuy nhiên, thuyết ấy có đã lâu rồi, hãy cứ chép.

夏單伯會伐宋

HẠ THIỆN BÁ HỘI PHẠT TỐNG

MÙA HẠ, THIỆN BÁ HỘI PHẠT TỐNG

Tả - Mùa hạ, Thiện Bá đến họp. Xong viêc đánh Tống rồi về.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Lệ Công từ đất Lịch về đánh nước Trịnh và đánh Đại Lăng, bắt Trấn Thủ là Phó Hà, Phó Hà nói: Nếu tha tội, thì tôi xin bắt vua tôi nộp. Bắt Phó Hà thề rồi tha cho. Tháng sáu ngày Giáp tý, Phó Hà giết Trịnh

Tứ cùng hai con rồi giúp Lệ Công về nước. Khi trước có hai con rắn đánh nhau ở cửa Nam Thành nước Trịnh, con trong thành, con ngoài thành. Con trong thành chết. Sáu năm sau thì Lệ Công vào được nước làm vua. Vua mới hỏi Thân Nhu sao lại có yêu quái. Đáp: Cái gì mà người đã ghét, thì khí nó tụ lại. Vậy yêu là tự người sinh ra. Người không có điều gì oán ghét, thì yêu không tự đâu sinh ra được. Người không giữ mực thường thì yêu sinh. Vì thế nên có yêu. Lệ Công vào nước, giết Phó Hà, sai bảo Nguyên Phồn rằng: Phó Hà là phản trắc. Nhà Chu có pháp luật. Hà đã hành hình rồi. Ai giúp ta mà không phản thì ta đều hứa cho làm quan to, ta cùng người bàn xét. Khi ta phải chạy ra ngoài, người không có một lời. Khi ta trở về, người không nghĩ đến ta. Ta giận lắm. Đáp: Tiên Quân Hoàn Công có mệnh cho cha tôi rằng giữ điển pháp, tôn miếu. Xã tắc đã có chủ, mà lại có ngoại tâm, thì thật là hai lòng, phản trắc. Dân trong nước ai chả là thần tử. Tôi không có hai lòng, đó là theo phép trời. Tử Nghi ở ngôi 14 năm, mà lại cứ mưu hoạch triệu nhà vua về, như thế có phải là hai lòng không. Con của Trang Công có tám người. Nếu tám người đều lấy quan tước để mua kẻ nhị tâm, để làm xong việc mình, như thế thì nhà vua nghĩ sao. Tôi xin chịu mệnh. Nói xong thì thắt cổ chết.

Đại Lăng là đất nước Trịnh.

Công - Nói hội đánh Tống là hội về sau.

Cốc - Hội là việc thành rồi.

秋七月荆入蔡

THU, THẤT NGUYỆT KINH NHẬP SÁI

MÙA THU THÁNG BẢY, NGƯỜI NƯỚC KINH VÀO NƯỚC SÁI

Tả - Sái, Ai Hầu, vì thù việc đất Sần, mới khoe sắc đẹp Tức Vĩ với Sở Tử. Sở Tử sang nước Tức, giả đặt tiệc mời, rồi diệt nước Tức, bắt Tức Vĩ về, sinh hai con là Đổ Ngao và Thành Vương. Tức Vĩ không bao giờ nói chuyện. Sở Vương hỏi. Đáp: Thiếp là một người đàn bà lấy hai chồng, đã không chết được, thì còn muốn nói gì. Sở Tử cho là vì Sái Hầu mà thành diệt nước Tức, mới đánh nước Sái. Người quân tử bàn rằng: Sách Thượng - Thư

có câu: ác lại đối ác như lửa đang cháy to, không thể dập tắt được. Thật y như việc Ai Hầu nước Sái.

Cốc - Kinh, tức là Sở. Gọi Kinh là coi như một châu. Châu không bằng nước. Chép là nước không bằng chép tên. Chép tên, không bằng chép tự.

Xét - Sái vì người con gái gây việc binh. Kinh thì lấy sức mạnh áp bức nước nhỏ, đều là có tội. Sái đã theo Tề đến hội Bắc Hạnh mà người Kinh diệt Sái. Tề Hoàn ngồi nhìn không cứu, có đáng trách không. Kinh Xuân Thu chép: Kinh lấy Sái là có ý chê. Vậy Tề Hoàn không biết là nên cứu Sái hay sao. Không phải thế. Thời đó, Hoàn chưa đủ sức để chế Sở, cho nên chưa dám tự giảm sức mình đang muốn cho mạnh, nên tạm bỏ việc cứu Sái. Huống Hồ người Tống lại vừa mới hội, mà đã vội phản, Hoàn phải chuyên tâm đối phó với Tống, thế tất khó mà nghĩ giúp Sái được, chứ có phải là Sái không nên cứu đâu.

冬單伯會齊侯宋公衛侯鄭伯于鄄

ĐÔNG, THIỆN BÁ HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG VỆ HẦU TRỊNH BÁ VU QUYẾN

MÙA ĐÔNG THIỆN BÁ HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG VỆ HẦU, TRỊNH BÁ TẠI ĐẤT QUYẾN

Quyến, đất nước Vệ - Ở Đông Quận có Quyến Thành.

Tả - Mùa đông, hội tại đất Quyến. Vì việc nước Tống.

Cốc - Lại cùng hội.

Lý Liêm - Kinh Thư chép: Đại phu trong nước hội Chư hầu có sáu lần. Duy Thiện Bá hội đất Quyến, Quý Tôn Túc ở Hình Khưu, hội với Bá chủ cùng các nước. Còn ra là Công Tôn Ngao hội Tấn Hầu, Công Tôn Quý hội Sở Tử, Quý Tôn Hàng phủ hội Tề Hầu, đều là hội riêng với từng nước, Đại phu hội chư hầu, vượt địa vị mình được tôn lên hàng trên, Tả Thị liệt vào hạng đại phu trong nước mà được tập hợp với các Công, Hầu. Tả mà nói thế là không phải. Dù Tề Hoàn mới làm Bá chủ, được Lỗ là quan trọng, thì không hiềm gì về Thiện Bá, người Lỗ còn

chưa chuyên tâm theo Tề không cho Thiện - Bá là nhỏ, là ti tiện. Tuy nhiên, sau này mở đường lối cho bầy tôi chuyên quyền, vị tất không phải tự việc này.

Năm Nhâm Dần - Hi Vương năm thứ 3.

十有五年
THẬP HỮU NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 15

Tề Hoàn năm thứ 7. Tấn Mân năm thứ 26. Vệ Huệ năm thứ 21. Sái Ai năm thứ 16. Trịnh Lệ năm thứ 22. Tào Trang năm thứ 23. Trần Tuyên năm thứ 14. Kỷ Cung năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 3. Tần Vũ năm thứ 19. Sở Văn năm thứ 11.

春齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯會于鄄
XUÂN, TỀ HẦU TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỘI VU QUYẾN
MÙA XUÂN, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỘI TẠI ĐẤT QUYẾN.

Tả - Mùa xuân, lại hội, Tề mới được Bá chủ.

Cốc - Lại cùng hội.

Trương Hiệp - Truyện cho là Tề Hoàn mới làm Bá chủ. Thế là bảo chư hầu mới bầu lên. Tuy nhiên, Lỗ chưa phục, và từ đó về sau, người Tống thường gây chiến. Vệ, Trịnh cũng không khỏi phản ước. Nghiệp bá của Tề, phải luôn luôn vội vã đối phó định đoạt, mà chư hầu thì chưa nhất tâm.

Xét - Tề được trước Tống. Tả Thị cho là Tề đầu tiên làm bá, hội thề ở đất U, thành nghiệp bá. Thuyết của Trương Hiệp theo dõi sự tình thì cũng đúng.

夏夫人姜氏如齊

HẠ PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TỀ

MÙA HẠ, PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ, SANG TỀ

Cốc - Đàn bà đã lấy chồng, không có ra khỏi nước. Ra khỏi là không được chính đáng.

秋宋人齊人鄒人伐倪

THU, TỐNG NHÂN, TỀ NHÂN, CHÂU NHÂN PHẠT NGHÊ

MÙA THU, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI CHÂU, ĐÁNH NƯỚC NGHÊ

Tả - Chư hầu vì Tống đánh Nghê.

Xét - Việc Nghê, chủ việc quân là Tống, cho nên chép Tề sau Tống. Đánh nước Từ, đánh nước Trịnh cũng thế, Hồ Thị cho rằng năm Lỗ Trang Công 27, hội thề ở đất U, rồi nghiệp bá thành. Nhưng năm 32, việc gặp nhau ở Lương Khưu, Tống lại trước Tề, thế thì nghi là Tề chưa thành nghiệp bá chăng.

鄭人侵宋

TRỊNH NHÂN XÂM TỐNG

NGƯỜI TRỊNH XÂM TỐNG

Tả - Người Trịnh thừa cơ xâm nước Tống.

Hồ Truyện - Nghĩa chữ xâm, phạt, ba Truyện dịch không giống nhau. Tả Thị thì cho rằng, quân đội đi gióng giả chuông trống, thì gọi là phạt, không chuông trống thì gọi là xâm. Tiên nho, có kẻ bác thuyết ấy cho rằng: Nói rõ tội, rồi đi đánh, thì gọi là phạt. Không có danh nghĩa mà động binh thì gọi là xâm. Nghĩa ấy đến nay vẫn nhận. Tuy nhiên cứu xét trong năm Kinh, đều dùng một danh từ xâm phạt. Ở Kinh dịch, hào lục ngũ, quẻ

Khiêm, có nói: Lợi dùng xâm phạt, chính mà không phục. Ở Kinh Thư, thiên Thái Thệ có câu: Ta phấn chấn vũ lực, xâm lăng bờ cõi. Kinh Thi, Thiên Hoàng có câu: Dựa vào Kinh, xâm lăng bờ cõi. Chu quan, Đại Tư Mã lấy phép cửu phạt (đem quân đánh) làm việc chỉnh đốn trong nước và các chư hầu, ghét người hiền và hại dân, đều bị phạt. Cậy có đất hiểm trở mà chưa phục, thì bị xâm. Xem trong các kinh như thế, mà còn bảo rằng xuất quân vô danh là xâm, thì có còn được không. Tuy nhiên, hoặc nói là xâm, hoặc nói là phạt là có cớ gì. Nêu rõ tội rồi đánh là phạt. Đem quân cất lên lấy đất đai là xâm. Nêu tội ra, thì gõ chuông, đánh trống, chỉnh đốn quân đội rồi đi đánh, binh pháp cho thế là đường chính. Cất lên, đem quân ngậm tăm, im trống, tới cách bất ngờ, binh pháp gọi là kỳ kế.

Uông Khắc Khoan - Hai chữ xâm phạt, chắc là tiếng nói việc hành binh thời Xuân Thu. Còn nghĩa phải hay trái là liên hệ đến sự được hay thua, chứ chẳng phải là có ý nghĩa chê hay khen. Tuy nhiên, đáng chép là phạt mà chép là xâm, đáng chép là xâm mà chép là phạt, đó là biến lệ của Kinh Xuân Thu.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Năm Quý Mão, Hi Vương năm thứ tư.

十有六年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tề Hoàn năm thứ 8. Tấn Mân năm thứ 27. Vũ Công Xứng năm thứ 38. Vệ Huệ năm thứ 22. Sái Ai năm thứ 17. Trịnh Lệ năm thứ 23. Tào Trang năm thứ 24. Trần Tuyên năm thứ 15. Kỵ Cung năm thứ 3. Tống Hoàn năm thứ 4. Tần Vũ năm thứ 20. Sở Văn năm thứ 12.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏宋人齊人衛人伐鄭

HẠ, TỐNG NHÂN, TỀ NHÂN, VỆ NHÂN PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI VỆ PHẠT TRỊNH

Nam Bắc cùng tranh với Trịnh khởi đầu từ đây.

Tả - Chư hầu đánh (phạt) Trịnh. Là vì Tống.

Trương Hiệp - Phạt Trịnh không phải chỉ vì Tống mà thôi. Lại vì Trịnh mà chưa phục thì chư hầu chưa nhất tâm.

秋荆伐鄭

THU, KINH PHẠT TRỊNH

MÙA THU, NƯỚC KINH PHẠT NƯỚC TRỊNH

Tả - Trịnh Bá từ đất Lịch vào nước. Chậm, không báo cho Sở biết. Mùa thu, Sở (kinh) phạt Trịnh, rồi đánh đến Lịch, vì cớ Trịnh bất lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá về việc Ung Cử trước tháng chín giết Công tử Át, làm tội chặt chân Cường Thư. Công Phủ Định Thúc chạy trốn sang Vệ. Ba năm sau, Trịnh Bá cho về nói: Không nên để Thúc vô hậu ở Trịnh. Tháng mười cho về, Trịnh Bá nói: Tháng mười là tháng tốt. Theo số gọi là doanh số. Người quân tử bàn: Còn Cường Thư thì không thể giữ được chân.

冬十有二月會齊侯宋公陳侯鄭伯許男

滑伯滕子同盟于幽

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, HOẠT BÁ, ĐẰNG TỬ, ĐỒNG MINH VU U

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ HỨA NAM, HOẠT BÁ, ĐẰNG TỬ ĐỒNG MINH CÙNG THỀ TẠI ĐẤT U

Công Thị chép: "Công hội" (Lỗ Công họp). Cả Công Thị, Cốc Thị, đều chép thêm: Tào Bá, dưới chữ Hứa Nam Hoạt là nước Hoạt ở Khưu Thị, đất Hà Nam U là đất Tống

Tả - Mùa đông, đồng minh họp tại U, thành nước Trịnh.

Công - Đồng minh, nghĩa là đều cùng thề.

Cốc - Đồng là cùng, cùng tôn nhà Chu. Không chép Lỗ Công, vì trong ngoài đều không tin nhau.

Uông Khắc Khoan - Nghĩa chữ đồng minh, nhiều người luận bàn, khác nhau nhưng đều không ra ngoài lời luận bàn của Công Dương. Đỗ Dự nói, trong hội, mỗi nước có mỗi cớ đến dự. Cứ như Tả Thị thì hội đất U, hoặc bảo là Trịnh cầu hòa, hoặc bảo là Trần và Trịnh xin theo. Hội ở đất Tân Thành thì bảo theo Tề. Hội ở đất Trùng Lao, đất Hí, thì bảo là Trịnh cầu theo. Hội đất ở Mã Lăng thì bảo là vì nước Cử theo. Hội ở đất Kê Trạch thì bảo là Tấn vì Trịnh mà theo mới có hội. Hội ở đất Trọng Khưu, ở đất Bình Khưu, thì bảo là Tề cầu hòa, Tề theo. Cứ xét điều bình luận đó thì việc Thanh Khưu, việc Đoạn Đạo, việc đất Bồ, chư hầu nhị tâm, cho nên các nước theo phục đều có cớ riêng. Ở đất Thích, thì Trịnh Bá cầu hòa rồi theo. Hội ở Kha Lăng, Bạc Bắc, Trịnh bị đánh rồi có cơ hội, thì biết rõ là Trịnh phải theo. Ở Hư Đình, thì Điệu Công mới lên ngôi, mà chư hầu mới theo. Thế thì vì lý do theo khác nhau, mà có chữ đồng minh. Cốc Lương xét hai lần ở đất U đều cho là đồng tôn Chu. Ở Tân Thành, Đoạn

Đạo, Kê Trạch, Bình Khưu, đều cho là cùng ghét Sở, Tề Hoàn mới gây nghiệp Bá, lấy cớ đồng tôn Chu. Tấn Bá trong 14 hội đều ghét vì Sở. Ở Tân Thành, Truyện chép rõ khởi thủy, ở Bình Khưu Truyện chép rõ chung kết. Còn ở Đoạn Đạo, Kê Trạch, chỉ là nói thêm. Ông - Vân - Định thì cho rằng vì chư hầu cùng muốn đồng một ý. Cho nên chép chữ đồng. Lại cho rằng vì ghét lối phản phúc, cho nên chép chữ đồng. Hai lần hội ở đất U, các hội Tân Thành, Đoàn Đạo, Thành Khưu đều bảo là cùng một ý muốn; ở Mã Lăng thì bảo là cùng ghét Sở. Ở Kha Lăng, Kê Trạch, Bình Khưu thì bảo là cùng sợ Sở. Đó là cùng muốn vậy. Cứ luận điệu ấy mà xét, thì ở Thích, cùng muốn đánh Tào, ở Hư Đình, cùng muốn cứu Tống. Ở Bồ, thì bắt tội kẻ thất tín mà cùng thề. Ở Bạc Đắc, ghét kẻ đã đồng mà lại phản, đều là ghét kẻ phản phúc mà chép chữ đồng. Cứ theo luận điệu ấy suy xét thì ở Hí cũng là đồng mà lại phản; ở Trùng Lao, ghét việc cùng không đủ đạo làm tôi; ở Trùng Khưu, ghét việc ăn của hối lộ mà không đánh. Đó là như Hà Hưu, cho rằng đồng, là đồng tâm làm việc ác, ác được thành. Cốc Lương thì nói Tôn Chu ghét Sở tức như là đồng tâm làm việc thiện, thì thiện tất thành. Ghét lối phản phúc cho nên chép chữ đồng, cho rõ đã đồng mà sau lại dị (khác). Đỗ Dự thì cho là việc theo họp mỗi nước có một cớ, để rõ là trước dị mà nay đồng. Tôi thì cho rằng các kẻ bình luận đều bất đồng mà không ra ngoài ý kiến của Công Dương. Còn như Lưu Nguyên Phủ dẫn ý kiến của Ân Kiến, Hội thề, Phương minh, Phương nhạc. Theo Chu Lễ, Thiên Tử, 12 năm, một lần đi tuần thú, nếu không đi được thì họp chư hầu lại, gọi là Ân Kiến, ân, nghĩa là chúng, là quần chúng. Rồi lập đàn Phương Minh, phương là tứ phương, minh là rõ "hay dở". Phương Nhạc, nghĩa là ông Nhạc, ông Bá một phương (tất cả chư hầu phương nào thuộc về ông nhạc, ông Bá phương ấy). Cho nên Kinh chép là đồng. Tuy nhiên Tương Công năm thứ 9, Sở Công tử bãi chiến, cùng với người Trịnh thề ở đất Trung Phần; năm Chiêu Công thứ 19, người nước Châu, người nước Nghê, người nước Từ, hội với Tống Công, đồng minh ở đất Trùng, thì đâu có phải là các hội ấy, biết dùng lễ Ân Đồng, Phương Minh.

Xét - Lễ đồng minh, ba Truyện cùng Hồ Truyện bình luận khác nhau Uông Khắc Khoan dung hòa tất cả cho là đại cương đều như Công Dương đã nói, tức là trong hội Đồng Minh, đều có cùng một ý muốn.

邾子克卒

CHÂU TỬ KHẮC TỐT

CHÂU TỬ TÊN LÀ KHẮC MẤT

Phụ Lục Tả Truyện - Vua Chu mệnh Quắc Công truyền cho Khúc Ốc Bá đem quân giúp Tấn Hầu. Xưa Vũ Công đánh đất Di, bắt Di Quỷ Chư. Chu Công Kỵ Phủ phải chạy sang nước Quắc. Huệ Vương khi lên ngôi, lập lại đất Di. Di là đất phong.

Cốc - Dùng chữ Tử là có ý nâng lên.

Năm Giáp Thìn. Hi Vương năm thứ 5.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tề Hoàn năm thứ 9. Tấn Vũ năm thứ 39. Vệ Huệ năm thứ 23. Sái Ai năm thứ 18. Trịnh Lệ năm thứ 24. Tào Trang năm thứ 25. Trần Tuyên năm thứ 16. Kỷ Cung năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 5. Tần Đức Công năm đầu. Sở Văn năm thứ 13.

春齊人執鄭詹

XUÂN TỀ NHÂN CHẤP TRỊNH CHIÊM

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ BẮT TRỊNH CHIÊM

Công Thị viết chữ 詹 ra chữ 瞻

Tả - Vì Trịnh không lại chầu.

Công - Trịnh Chiêm là ai. Là hạng hèn ở nước Trịnh. Sao lại chép người Tề bắt. Chép là một người gian nịnh.

Cốc - Chê người Tề. Người là chúng nhân, không chỉ rõ ai, (người bắt) cho là phải. Trịnh Chiêm ở nước Trịnh là hạng kém hèn, tí tiểu thì không chép. Đây chép là vì Chiêm trốn tới, mà chép, là vì sẽ có việc về sau, thì cần phải chém lúc đầu. Ở Trịnh Chiêm là loại gian nịnh.

Tôn Phục - Chép là người bắt là có ý chê Hoàn Công. Chiêm, chép tên không chép họ là Chiêm không phải theo mệnh trời mà tới. Hoàn Công tháng 12, cùng Trịnh Bá hội thề ở đất U, mà tới xuân, đã bắt Trịnh Chiêm, thế thì đồng minh làm gì. Không chép là sứ giả. Hội chưa về đã bị bắt, không chép lúc về. "Mùa thu, Chiêm từ Tề trốn về", thế mới biết lúc về.

Xét - Trịnh Chiêm bị bắt, Công Thị, Cốc Thị, căn cứ vào Kinh cho là gian nịnh, như vậy không được. Tả Thị cho là vì Trịnh không lại chầu, Đỗ Thị cho là tới Tề thì bị bắt. Vậy đồng minh chưa qua một tháng, lại sai đại thần tới Tề, rồi bị trách là không tới chầu, thế là bị áp bức hay không. Tôn Phục cho rằng hội chưa về mà đã bị bắt theo như Trần. Viên Đào Đồ, sự tình đều giống nhau, hợp nhau. Vậy cứ nên căn cứ vào Tả Truyện, và Tôn Phục, nghĩ như Tả Truyện.

夏齊人殲于遂

HẠ, TỀ NHÂN TIÊM VU TOẠI

MÙA HẠ, NGƯỜI TỀ BỊ GIẾT Ở ĐẤT TOẠI

Công Thị viết chữ 殲 ra chữ 瀸

Tả - Mùa hạ, bốn họ nước Toại là: 1) Nhân Thị; 2) Lĩnh Thị; 3) Công Lâu Thị; 4) Tu Toại Thị, cho lính tề đóng lại đất Toại, ăn uống no say, rồi giết đi, người Tề chết hết.

Cốc - Thế là Tề khinh địch.

Lưu Sưởng - Cốc Lương cho là khinh địch. Không phải. Diệt nước người ta, sai lính đóng giữ, Tề là vô đạo rồi. Nếu Tề không diệt nước người ta, không cho lính đóng ở đất người ta, thì đâu có cái họa ấy, Cốc Lương chê là khinh địch, tự như là chê Tề chưa diệt hẳn Toại; lính thú chưa đủ cẩn mật, chứ Cốc Lương không nghĩ đến Toại không nên diệt, ở đất Toại, Tề không nên đóng quân.

Xét - Tả Thị, Cốc Thị, cho tiêm là giết hết. Công Dương cho tiêm chỉ là giết, Hà Hưu phân biệt hai chữ khác nhau. Từ Ngạn cho là lần lần chết. Vậy đều nói là chết nhiều. Thế thì mặt chữ tuy có khác, nhưng nghĩa gần như nhau.

秋鄭詹自齊逃來

THU, TRỊNH CHIÊM TỰ TỀ ĐÀO LAI

MÙA HẠ, TRỊNH CHIÊM TỪ TỀ TRỐN VỀ

Công - Sao lại chép, Chép gian nịnh, Có ghi thêm người ninh đã tại, người đã hại.

Cốc - Đào nghĩa là trốn,

Đỗ Dự - Chiêm không giữ được tiết đến chết, để gỡ nạn nước, mà lại chạy trốn, mong thoát chết. Chép là trốn, là khinh lắm, khác gì thất phu ẩn nấp chạy trốn.

冬多麋

ĐÔNG ĐA MI

MÙA ĐÔNG, NHIỀU NAI

Công - Sao lại chép. Chép việc lạ (dị).

Lưu Sưởng - Chép việc lạ (kỳ dị), tức là tai dị.

Xét - Kinh chép nhiều nai, hoặc cho là chép tai, hoặc cho là chép dị. Lưu Sưởng dùng cả hai chữ, cho là chép tai dịch. Lục Điền nói: Âm thịnh, ác khí cảm ứng, thì cần chép. Vậy tức là chép dị, là chính đáng.

Năm Ất Tỵ, Huệ Vương năm đầu.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tề Hoàn năm thứ 10. Tấn Hiến Công Quỳ Chư năm đầu. Vệ Huệ năm thứ 24. Sái Ai năm thứ 19. Trịnh Lệ năm thứ 5. Tào Trang năm thứ 26. Trần Tuyên năm thứ 17. Kỷ Cung năm thứ 5. Tống Hoàn năm thứ 6. Tần Đức năm thứ 2. Sở Văn năm thứ 14.

春王三月日有食之

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, NHẬT HỮU THỰC CHI

XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA, CÓ NHẬT THỰC

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Quắc Công, Tấn Hầu chầu vua. Vua cho uống rượu lễ, có ý khuyến khích, đều cho mỗi người, ngọc ba cặp, ngựa ba con. Thế là trái lễ, vua đối với chư hầu. Chư hầu, danh và vị không giống nhau, không ngang nhau, vậy lễ phải có thứ bực. Không lấy lễ mua chuộc người.

Quắc Công, Tấn Hầu, Trịnh Bá, sai Nguyên Trang Công đón Vương Hậu ở nước Trần. Trần Qui cưới về Kinh sư, tức là Huệ Hậu.

Cốc - Không chép ngày, không chép là sóc. Vậy là nhật thực về đêm. Vì sao biết thế Nhà vua triều (lễ) mặt trời. Cho nên làm Thiên Tư phải có tôn; làm chư hầu phải có trưởng. Vì thế Thiên Tư lễ mặt trời; chư hầu lễ ngày sóc.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo không chép ngày, tức là nhật thực về đêm. Nói thế sai. Xuân Thu cứ như sử cũ chép dù có khuyết biết thế nào là về đêm, mà chép về đêm. Ví dụ như mặt trời vừa mọc, chỗ bị ăn chưa hết, tức là bị ăn về ngày sóc (ngày mồng một). Nếu không thấy khuyết thì cũng còn bảo là bị ăn về đêm. Thấy khuyết tức là đúng bị ăn, chả ngày sóc còn là ngày nào. Lại bảo rằng, vua lễ mặt trời, chư hầu ngày lễ sóc, (Lễ xưa, ngày mồng một, tháng mười hai, Thiên Tử ban lịch, chư hầu phụng mệnh, rồi cứ mồng một mỗi tháng làm lễ, là có ý công việc trong nước mình, đều do mệnh Thiên Vương). Xem Cốc Lương thì thấy vua lễ mặt trời, vậy mặt trời mới mọc đã thấy bị ăn. Xét trong Lễ Ký, vua lễ mặt trời ở ngoài cửa Đông thành, còn nghe tâu sóc thì ở ngoài cửa Nam thành, tại nhà Minh Đường. Vậy thì mỗi mùng một, vua lễ mặt trời rồi mới nhận lễ sóc, đâu có trước sóc rồi sau mới lễ mặt trời. Cốc Lương chỉ là thuật lại việc lễ mặt trời thì đúng, lấy lễ mà cắt nghĩa nhật thực về đêm thì sai.

Xét - Hợp sóc (mặt trời, mặt trăng cùng hợp ngày mồng một), nếu về đêm thì mặt trời bị ăn ở dưới đất, cho nên có thuyết

dạ thực. Bảo rằng ngày lễ mặt trời, mà biết là mặt trời bị ăn, thì không có căn cứ. Đã thấy mặt trời bị khuyết ở một phần nào, thì có thể tính giờ, phút, chắc là đúng ngày mồng một, không còn nghi. Ví như bị ăn vào khoảng giờ hợi, giờ tý thì mặt trời chưa mọc, còn trông thấy gì, mà bảo là bị ăn. Cho nên cứ theo thuyết của Lưu Sương mà Cốc Lương không ghi chép.

夏公追戎于济西

HẠ, CÔNG TRUY NHUNG VU TẾ TÂY

MÙA HẠ, CÔNG ĐUỔI NHUNG Ở ĐẤT TẾ TÂY

Tả - Không nói việc quân Nhung tới, là tránh không nói.

Công - Chưa thấy nói bị đánh, chỉ thấy nói đuổi. Thế là thế nào. Thế là nói cho oai hơn. Giặc chưa tới, ta đã ngăn được rồi, thế là Nhung chưa được đánh vào Trung Quốc, còn nói là ở Tế Tây, cũng ý ấy.

Cốc - Không chép Nhung phạt nước ta. Ta đuổi chứ không thể cho Nhung tới gần ta. Chép chữ ở Tế Tây cũng ý ấy, là bị Công đuổi.

Hồ Truyện - Không thấy nói bị xâm phạt mà chỉ thấy chép đuổi Nhung. Thế là không cần biết lúc Nhung đến. Nó đã đi thì đuổi. Làm việc nước mà không có vũ bị, để cho Nhung dòm ngó, không biết giữ gìn cẩn thận thì thật là nguy.

Lưu Sưởng - Công Dương cho là khoe mẽ, giặc chưa tới đã phòng ngự được, cho thế là sai. Nếu giặc chưa tới đã phòng ngự được thì sao lại nói đến chữ đuổi. Thế là chưa đợi bị đánh mà Nhung đã tự tan vỡ, Cốc Lương bảo sao không chép Nhung phạt ta, cứ xem Công đuổi Nhung không cho tới gần. Bảo thế cũng sai. Nếu Nhung không tới, thì Công đâu có đuổi. Trước nói Nhung phạt, sau nói đuổi Nhung, thì có hơn gì. Cốc Lương lại bảo ở Tế Tây là khoe, bảo thế cũng sai. Đã không nói Nhung tới, lại không nói Tế Tây, chỉ nói đuổi Nhung, thế thì đuổi nơi nào.

Xét - Tả Thị cho là tránh, hoặc kiêng việc không biết dự phòng. Ý đó hợp với Hồ Truyện. Còn như Công thị, Cốc thị cho là lấy oai thì không phải. Lưu Sưởng bác thuyết Công thị Cốc thị thực là rõ ràng.

秋有或

THU HỮU HOẶC

MÙA THU, CÓ GIỐNG HOẶC

Tả - Đó là tai.

Công - Vì sao chép. Vì là dị, là lạ.

Cốc - Có thể có, có thể không có. Hoặc, là giống bắn được người.

Đỗ Dự - Hoặc còn gọi là hồ nhỏ (cáo nhỏ), ngậm cát đá bắn người. Trong Bản thảo gọi là Xạ Công.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Lương nói hoặc là giống bắn được người. Truyện Hồng Phạm Ngũ Hành có chép: Hoặc, giống như ba ba. Ba chân, sinh ở Việt Nam. Thụ khí dâm loạn mà sinh ra. Trong sách Lục Cơ Mao Thi có chép: Hoặc gọi là hồ nhỏ, còn một tên là Sạ ảnh, (bắn vào bóng); hình con ba ba; ba chân; ở dưới nước; khoảng sông Giang, sông Hoài. Người đứng trên bờ, bóng in xuống nước, con Hoặc bắn vào bóng, thì người chết, cho nên gọi là sạ ảnh. Cũng có kẻ nói: Hoặc ngậm cát, sỏi, bắn người, vào da thịt sưng lên như ghẻ lở.

Từ Ngạn - Nước Lỗ trước không có giống hoặc. Nay có, xét thời Chiêu Công thứ 25, Kinh Xuân Thu chép có giống cồ cốc (chim sáo) tới làm tổ, không chép giống hoặc tới thời nào, là vì âm khí loạn mà sinh ra, chứ không phải tự xa đến.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Sở Vũ Vương đánh nước Quyền, sai Đấu Mân trấn thủ, Mân làm phản. Sở Vương vây rồi giết, thiên dân Quyền đến đất Na, sai Diêm Ngao trấn thủ. Đến khi Sở Văn Vương lên ngôi, hợp với người nước Ba, đánh nước Thân, rồi quấy nhiễu quân Ba. Ba mới phản Sở, đánh đất Na, chiếm lấy, rồi đóng ở nước Sở. Diêm Ngao lười nhác, Sở Tử giết đi, Nhà họ Diêm Ngao mới làm loạn. Mùa đông, người Ba nhân thế mới

phạt Sở. Quyền là nước Quyền xưa. Ở quận Nam Quận, huyện Đông Dương, phía Đông Nam, nay còn Quyền thành. Trong sách Thuỷ Kính, có ghi sông Miên, phía Đông hợp với Quyền Khẩu, phía Nam chạy quanh Quyền thành Bắc, Na, ở đất nước Sở. Ở huyện Biên, Nam Quận, phía Đông Nam, còn có Na Khẩu thành.

Năm Bính Ngọ. Huệ Vương năm thứ 2.

十有九年

THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 19

Tề Hoàn năm thứ 11. Tấn Hiến năm thứ 2. Vệ Huệ năm thứ 25. Sái Ai năm thứ 20. Trịnh Lệ năm thứ 26. Tào Trang năm thứ 27. Trần Tuyên năm thứ 18. Kỷ Cung năm thứ 6. Tống Hoàn năm thứ 7, Tần Tuyên Công năm đầu. Sở Văn năm thứ 15.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Sở Tử thân hành chống lại (quân ba). Bị thua to ở đất Tân, kéo quân chạy về. Dục Quyền không mở cửa thành. Vua lại phải kéo quân sang đánh nước Hoàng, phá quân Hoàng ở Thác Lăng (đất nước Hoàng). Sở Tử kéo quân về đến đất Thu (ở nước Sở), bị bệnh mất, mùa hạ tháng sáu, ngày Canh thân, Dục Quyền dự táng vua ở Tịch Thất, rồi tự sát, được táng ở Điệt Hoàng, trước cửa thành. Xưa, Dục Quyền cố can Sở Tử. Sở Tử không nghe. Dục Quyền cầm gươm dọa. Sở Tử phải nghe. Dục Quyền nói: Ta lấy gươm dọa vua, tội rất lớn, tự chặt một chân đi. Người Sở cho làm chức quan coi cửa thành, gọi là Đại Bá, để cho con cháu được nối nghiệp. Người quân tử nói: Dục Quyền có thể gọi là yêu vua. Can mà tự hành hình. Hình còn không quên, nhưng cứ làm cho vua hay. Tân là đất nước Sở. Tích Lăng là đất nước Hoàng. Đất Thu, ở Nam Quận, huyện Nhược, phía Đông Nam, còn có Thu Thành, Tịch Thất là tên đất.

夏四月

HẠ TỨ NGUYỆT

THÁNG TƯ, MÙA HẠ

秋公子結媵陳人之婦于鄄遂及齊侯宋公盟

THU, CÔNG TỬ KẾT, DẮNG TRẦN NHÂN TRI PHỤ VU QUYỆN, TỤY CẬP TỀ HẦU, TỐNG CÔNG MINH

MÙA THU, CÔNG TỬ KẾT ĐƯA THIẾP CỦA VỢ NGƯỜI NƯỚC TRẦN Ở ĐẤT QUYỆN, XONG RỒI, CÙNG TỀ HẦU TỐNG CÔNG THỀ

Công - Dắng là gì? Chư hầu lấy vợ ở một nước, thì hai nước nữa dự đưa dâu, đem em gái hay cháu gái đi theo. Chư hầu một lần cưới được chín người. Không có hai lần cưới vợ. Việc đưa thiếp (giắng, dắng) không chép. Đây chép là vì có chữ: "Rồi cùng Tề Hầu". Đại phu không khi nào xong việc nọ làm việc kia. Tại sao đây lại có? Vì trong sính lễ, đại phu theo mệnh, chứ không theo lời dặn dò. Bước chân ra khỏi cõi, tức là làm việc được yên xã tắc, lợi cho nước. Thì cần chỉ chuyên tâm vào một việc.

Cốc - Đưa dắng, thiếp là việc nhỏ, không cần chép. Đây chép là tại sao? Là ý tránh phải hội thề. Sao biết thế? Vì: Dắng là lễ thường. Thề là lễ trọng. Làm việc thường để xong rồi, mới đến việc trọng, chưa từng thấy thế. Chép là vợ người Trần, là chép qua sơ lược. Không chép ngày, là ý chê cẩu thả.

Lưu Sưởng - Công Dương thích nghĩa đưa dắng thiếp: "Một nước cưới vợ thì hai nước đưa thêm dắng". Người Trần là chỉ Trần Hầu. Nói thế là Công Dương nói sai, Bảo rằng Công tử Kết đưa thiếp về cho vợ Trần Hầu, như thế là bất thành văn lý, văn nghe không xuôi. Vô cố lại hạ Trần Hầu xuống, liệt vào hạng người thường, thì danh không được chính. Đưa dắng là gì? Là đưa gái về nhà chồng. Người Trần là ai? Là một vị đại phu. Thế thì chép làm gì. Còn như Cốc Lương bảo rằng đưa dắng là một việc nhỏ không nên chép; đây mà chép là vì muốn che giấu sự "phải xin

hội thề". Cốc Lương nói thế là sai. Nếu Lỗ thành thực muốn kết hiếu với một đại quốc, thì đâu lại lấy cớ đưa thiếp mà sai sứ, nhân việc đó, để rồi đi hội với một vị Bá chủ, đâu dám bảo sứ gia nhân đưa thiếp, để rồi mới đến hội với một đại quốc. Đây rõ là cầu xin hội thề, chứ cần gì phải kiêng, phải tránh.

Trình Tử - Một họ to ở đất Quyên, nước Vệ gả con gái cho người Trần. Công tử Kết cho một con gái theo làm thiếp. Đưa con đi, rồi nhân tiện cùng với Tống, Tề thề. Muốn kết hiếu với một nước lớn muốn cho nước yên, dân yên, lại nhân một việc rất nhỏ mọn, làm cho nước lớn phải giận dữ, cho nên rất đáng chê. Chép là vì đưa thiếp đi, sau việc đó mới đến việc hội thề.

Xét - Công Thị, Cốc Thị đều cho là đem con gái Lỗ đưa về làm thiếp cho vợ Trần Hầu, Hồ Thị cho là việc nhỏ. Trình Tử cho là họ to ở đất Quyên gả con gái cho người Trần, Kết cho con gái làm thiếp. Theo sách Khổng Sớ thì làm dắng cho người ta, là phải đưa dắng đến nước có con gái gả chồng, để dắng đó theo vợ đích đó cùng về nhà chồng. Nay Kinh chép ở đất Quyên, thì cái thuyết của Trình Tử là đáng tin. Đọc cả Khổng Sớ, với Công Truyện, Cốc Truyện, biết rằng Quyên là đất nước Vệ, và Trần lấy con gái Vệ. Kết đưa dắng sang Vệ, tới đất Quyên đình lại rồi hội thề. Nếu thật quả là như thế, thì phải chép là đi tới Quyên, chứ đừng chép là ở đất Quyên. Ở đất Quyên nghĩa là đưa đến đấy thôi.

夫人姜氏如莒

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ CỬ

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ SANG ĐẤT CỬ

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Vương Diêu, được Trang Vương yêu, sinh ra con là Đồi. Đồi được yêu. Vĩ Quốc làm sư phó. Khi Huệ Vương lên ngôi, chiếm lấy vườn của Vĩ Quốc. Nhà của Biên Bá gần Vương cung cũng chiếm lấy. Chiếm lấy cả ruộng của Tử Cầm, Chúc Quỳ, Thiêm Phủ rồi cách chức Thiện Phu. Cho nên, Vĩ Quốc, Biên Bá, Thạch Tốc, Thiêm Phủ, Tử Cầm, Chúc Quỳ, cùng nổi loạn, kết thân với họ Tô (khi trước bị Hoàn Vương truất bãi). Mùa thu, năm đại phu phò Tử Đồi để đánh vua. Không được,

mới chạy ra đất Ôn. Tôn Tứ giúp Tử Đồi chạy ra đất Vệ. Quân Vệ, quân Yên đánh Chu. Mùa đông, lập Tử Đồi.

Cốc - Đàn bà đã đi lấy chồng, mà còn vượt cõi, đi sang nước khác là phi lễ.

Ngô Chừng - Phu nhân từ sau khi Tề Tương Công bị giết, 8 năm ở nhà, 15 năm mới sang Tề, giả thác việc nước để dối con ngu ngốc. Trang Công không ngăn được, cho nên bây giờ Khương Thị đi sang nước Cử. Cha mẹ chết không được về thăm, dù nước anh em cũng không nên tới, huống hồ nước lạ.

冬齊人宋人陳人伐我西鄙

ĐÔNG, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN PHẠT NGÃ TÂY BỈ

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN ĐÁNH TÂY BỈ NƯỚC TA

Đây là đầu tiên bị chinh phạt.

Cốc - Gọi là Bỉ là đất ở đất xa. Đã là nạn ở xa thì chưa tới nước ta.

Năm Đinh Mùi. Huệ Vương năm thứ 3

二十年

NHỊ THẬP NIÊN

NĂM THỨ 20

Tề Hoàn năm thứ 12. Tấn Hiến năm thứ 3. Vệ Huệ năm thứ 26. Sái Mục Hầu Bí năm đầu. Trịnh Lệ năm thứ 27. Tào Trang năm thứ 28. Trần Tuyên năm thứ 19. Kỷ Cung năm thứ 7. Tống Hoàn năm thứ 8. Tần Tuyên năm thứ 2. Sở Đổ Ngao Hùng Hi năm đầu.

春王二月夫人姜氏如莒

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ CỬ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Trịnh Bá hòa với vua nhà Chu, giúp vua đánh giặc. Không đánh được, chỉ bắt được Trọng Phủ nước Yên. Mùa hạ, Trịnh Bá đem vua về Chu, ở đất Lịch. Mùa thu, vua cùng Trịnh Bá vào đất Ô, rồi vào thành nhà Chu, lấy các đồ quý đem về. Mùa đông, Vương tử Đồi thết tiệc năm đại phu (đang giúp mình) vui chơi hát múa. Trịnh Bá nghe chuyện bảo Quắc Thúc: Tôi nghe vui buồn không hợp thời, thì vạ sắp tới nơi. Nay Vương tử Đồi chỉ hát múa không chán, vui đấy tức là họa đấy. Xét quan Tư Khấu đang làm việc hình, vua còn kiêng không ca nhạc, huống hồ dám ca nhạc trong lúc có họa, dám phạm đến ngôi vua, còn họa nào to hơn. Trong lúc họa mà quên lo, lo tất đến ngay. Lúc này, ta giúp vua chăng. Quắc Công nói: Chính là ý nguyện quả nhân.

Cốc - Đàn bà lấy chồng không ra khỏi nước. Ra khỏi nước là không chính đáng.

Cao Kháng - Kinh Xuân Thu chép nhiều việc dâm loạn, cho nên phu nhân đã gần chết mà ba lần nói đến để cho đàn bà đời sau lấy làm gương.

夏齊大災

HẠ, TỀ ĐẠI TAI

MÙA HẠ, TỀ BỊ TAI LỚN

Công - Tai lớn là đại Tích, là dịch lệ. Chép vì là tai họa. Tuy ở nước ngoài nhưng cũng liên can đến ta.

Cốc - Có chép tức là việc quan trọng.

Lưu Sưởng - Chép là đại là lớn. Không phải chỉ có một tai. Ở nước Tề, tôn miếu, kho tàng chăn nuôi đều chết vì hỏa tai. Chép để thăm viếng, thương dân bị họa, cứu dân bị thiếu. Công Dương có bàn "chép vì liên can đến ta", bàn thế là sai.

Kinh Xuân Thu đâu có lối tường tận việc nước người, mà giảm lược việc nước mình.

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

冬齊伐戎

ĐÔNG, TỀ PHẠT NHUNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TỀ PHẠT NƯỚC NHUNG

Gia Huyền Ông - Thời đó, nhà Chu có loạn tử Đồi. Huệ Vương phải ra ở đất Lịch nước Trịnh, Tề Hoàn thân làm minh chủ mà ngồi nhìn không cứu. Năm trước đánh Lỗ, năm nay đánh Nhung đều là làm việc lợi riêng, không kể gì đến vương thất, đến Thiên tử.

Xét - Nhung gần Tề, mà là mối lo cho Lỗ. Tề Hoàn đánh Nhung để thân với Lỗ. Gia Huyền Ông bàn rằng Chu có loạn Tử Đồi mà Tề Hoàn ngồi nhìn không cứu, bàn thế là chính đáng. Còn như Trình Đoan Học trách là không cáo vua mà tự ý đi đánh, thế thì chư hầu tự chuyên theo lối đó có rất nhiều, cứ gì một mình Tề Hoàn.

Năm Mậu Thân, Huệ Vương năm thứ 4.

二十有七年

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 21

Tề Hoàn năm thứ 13. Tấn Hiến năm thứ 4, Vệ Huệ năm thứ 27, Sái Mục năm thứ 2. Trịnh Lệ năm thứ 28. Tào Trang năm thứ 29. Trần Tuyên năm thứ 20. Kỷ Cung năm thứ 8. Tống Hoàn năm thứ 9. Tần Tuyên năm thứ 3. Sở Đổ Ngao năm thứ 2.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏五月辛酉鄭伯突卒

HẠ NGŨ NGUYỆT, TÂN DẬU, TRỊNH BÁ ĐỘT TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY TÂN DẬU, TRỊNH BÁ ĐỘT MẤT

Tả - Năm thứ 21, mùa xuân, đợi mệnh ở đất Nhì, mùa hạ, cùng phạt vương thành. Trịnh Bá đem vua từ Ngũ Môn vào thành. Quắc thúc từ bắc môn vào, giết Vương tử Đồi và 5 đại phu. Trịnh Bá châu vua ở cửa Tây Bích. Vui mừng. Vua cho Trịnh đất Hổ Lao của Vũ Công. Nguyên Bá nói Trịnh Bá ham chơi giống Tử Đồi, sắp có họa. Tháng năm, Trịnh Lệ Công mất. Nhì ở đất Trịnh. Hổ Lao nay là huyện Thành Cao ở Hà Nam.

Gia Huyền Ông - Từ lúc Trịnh Đột vào đất Lịch, Xuân Thu không nói đến. Khi Chu Vương vì loạn Tử Đồi tới ở Lịch, chư hầu giúp vua chỉ có nước Lịch và nước Quắc. Trịnh Lệ Công dù có tội cướp nước nhưng lại có công giúp vua, vì thế Xuân Thu mới chép việc Trịnh chết và táng, và từ đấy mới chép.

秋七月戊戌夫人姜氏薨

THU THẤT NGUYỆT MẬU TUẤT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOĂNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY MẬU TUẤT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Vua tuần thú ở Quắc. Quắc Công làm hành cung ở đất Bống. Vua cho đất Tửu Tuyền. Trịnh Bá có công, vua cho đai ngọc (đồ dùng của vua). Quắc Công xin chính danh hiệu. Vua lại ban tước cho Quắc Công. Vì thế từ đấy Trịnh Bá ghét vua. Mùa đông vua từ Quắc về Kinh. Bống là đất nước Quắc. Tửu Tuyền là ấp nhà Chu.

Cốc - Đàn bà, không nói tên.

Xét - Về thuyết của Cốc Lương, không nói tên, thì Trịnh Tự, Giang Hy, mỗi người xét mỗi khác, nhưng kỳ thực vẫn là một. Phu nhân mất, cứ lệ thì không biên tên đất. Đây Văn Khương mất không biên tên đất thì cũng theo thường lệ, không có gì khác. Đã không chép tên đất, tức là không chép tội.

冬十有二月葬鄭公

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÁNG TRỊNH LỆ CÔNG

MÙA ĐÔNG THÁNG 12. LỄ TÁNG TRỊNH LỆ CÔNG

Năm Kỷ dậu, Huệ Vương thứ 5.

二十有二年

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 22

Tề Hoàn năm thứ 14. Tấn Hiến năm thứ 5. Vệ Huệ năm thứ 28. Sái Mục năm thứ 3. Trịnh Văn Công Tiệp năm đầu. Tào Trang năm thứ 30. Trần Tuyên năm thứ 21. Kỳ Huệ Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 10. Tần Tuyên năm thứ 4. Sở Đổ Ngao năm thứ 3

春王正月四大眚

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỨ ĐẠI SẢNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, THA TỘI LỚN (Đại xá)

Công Thị viết ra chữ ấy.

Công - Tứ là gì? Là phóng thích. Đại tỉnh là gì? Là tai. Chép Tứ đại tỉnh là ý chê. Chê việc khởi thủy kỵ tỉnh 忌眚 nghĩa là phạm cấm, phạm lỗi.

Cốc - Tứ là thất 失 là bỏ. Sảnh là tai 災. Tai thì ghi chép. Thất là cái cớ. Vì kiêng gần lễ táng Thiên Tử.

Khổng Dĩnh Đạt - Tứ đại sảnh. Tứ nghĩa là hoãn lại, chậm lại. Sanh là tội, là lỗi. Thế là hoãn, là tha kẻ có tội. Tội to còn xá, huống hồ tội nhỏ, như nay là dùng chữ xá thư. Trừ tội đại nghịch, còn ra đều tha hết.

Lưu Sưởng - Tứ là gì? Là xá. Sảnh là gì? Là tội. Tứ đại sảnh, việc gì mà chép. Chép là chê. Chê gì? Tứ đại sảnh là phi lễ. Lưu Sưởng lại nói: Công Dương cho là khởi thuỷ kỵ tỉnh. Công Dương bàn sai. Trong Kinh chép Tứ đại sảnh, mà trong Truyện lại cho là Kỵ Tỉnh thế thì lời và ý không giải được. Vả lại, chả cần nạn nghĩa. Cốc Lương thì cho là gần lễ táng Thiên Tử, cũng không phải. Văn Khương còn sống còn không trách, nay chết rồi, việc gì mà phải đợi Thiên Tử rồi mới táng. Đều là không đúng cả.

Trình Tử - Đại tội mà tha, thế là thất chính rõ rệt. Phàm đã xá tội người ác, thì còn người thiện sao. Chư Cát Lương ở Thục 10 năm không có xá. Coi đó thì biết.

癸丑葬我小君文姜

QUÝ SỬU, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN VĂN KHƯƠNG

NGÀY QUÝ SỬU, LỄ TÁNG TIỂU QUÂN VĂN KHƯƠNG

Công - Văn Khương là mẹ Trang Công.

Cốc - Tiểu Quân tức không phải là quân. Lấy cớ sánh với Công, nên dùng chữ Tiểu Quân.

陳人殺其公子御寇

TRẦN NHÂN SÁT KỲ CÔNG TỬ NGỰ KHẤU

NGƯỜI TRẦN GIẾT CÔNG TỬ NGỰ KHẤU

Ta - Mùa xuân người Trần giết Thế tử Ngự Khấu. Trần Công tử Hoàn, tự Kính Trọng, cùng với Chuyên Tôn chạy sang Tề, Chuyên Tôn lại từ Tề chạy sang Lỗ. Tề Hầu cho Kính Trọng

làm chức Khanh. Kính Trọng từ rằng: Tôi là hạng bầy tôi ở xa, may được rộng khoan dung, tha cho tội không biết đề phòng theo lời dạy dỗ, không biết giữ trách nhiệm, đó là ơn nhà vua đã to lắm, đâu còn dám đương chức vị cao, để không xứng chức, chóng bị chê cười, xin chết cũng không dám nhận. Kinh Thi nói: "Thênh thang xe ngựa, cho đem vời ta, há chẳng muốn tới ư, sợ bè bạn của ta". Tề Hầu cho làm chức công chính. Hoàn Công tới nhà uống rượu. Vui Bảo thắp đèn để uống rượu thêm. Kính Trọng thưa: Thần sửa soạn tiệc ban ngày, chưa kịp sửa soạn tiệc đêm, không dám. Người quân tử bàn: Có rượu mới thành lễ, chứ không phải để rồi đam mê về rượu, thế là người có nghĩa. Mong cho vua thành lễ, chứ không đưa vua vào chỗ sa đọa, thế là người có nhân. Trước kia họ Kỳ bói xem việc gả con cho Kính Trọng, được que tốt: "Phụng hoàng cùng bay, tiếng kêu lanh lảnh. Dòng dõi Hữu Qui, rồi sống với họ Khương. Năm đời vượng thịnh liệt hàng chính khanh. Tám đời sau, không ai bằng". Trần Lệ Công, gốc từ nước Sái, người Sái giết năm đại phu, được đưa lên ngôi, sinh ra Kính Trọng. Lúc nhỏ, Chu Sử tới thăm Trần Hầu. Trần Hầu sai bói dịch, được quẻ Quan Bĩ. Chu Sử nói: Câu trong dịch là "Vẻ sáng trong nước, lợi dùng khách nơi vua". Quẻ này có ý là thay Trần chỗ nước yên, là đi ở nước khác. Không phải tự bản thân, mà là tư con cháu. Ánh sáng từ xa, từ chỗ khác chiếu tới. Khôn, là tượng đất. Tốn, là tượng gió. Cần là tượng trời. Gió, trời, ở trên đất, tức là núi. Có núi thì có sản vật ở núi, mà soi xuống được là nhờ sáng trời. Thế thì ở trên đất, cho nên "coi ánh sáng nước lợi về vị khách gần vua". Cung Phụng bằng ngọc lụa đó là vật đẹp quý của thiên hạ, cho nên bảo là lợi về khách gần vua. Thế là nhờ về con cháu. Gió thổi trên đất cho nên bảo là ở nước khác. Nếu ở nước khác, tất là họ Khương, Khương là dòng dõi Đại Nhạc, Nhạc là núi. Núi phối với trời. Vật không thể cả hai cùng to lớn. Trần mà suy thì họ này mới thịnh. Đến khi Trần suy, Trần Kính Trọng mới bắt đầu hay. Đến khi Trần mất, thì dòng Kính Trọng được cầm quyền chính.

- Cốc - Chép là Công tử mà không chép là đại phu, tức là Công tử chưa được phong đại phu. Gọi công tử trọng hơn gọi đại phu. Mệnh trên bắt là bắt Công tử.

夏五月

HẠ NGŨ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG 5

Hà Hưu - Lấy tháng năm làm đầu mùa, là chê Trang Công cưới con gái nước thù làm vợ thì sao thờ phụng tiên tổ được, sao phụng bốn mùa cúng tế được, cũng như là không nên lấy tháng năm làm đầu mùa.

Đỗ Dự - Năm có 4 mùa. Dù rằng không có việc gì thì cũng có chép tháng đầu mùa, để rõ lúc mùa thay đổi, để rõ con số trong lịch. Đời Trang Công chỉ chép mùa hạ tháng năm. Kinh tuy 4 mùa, mà không chép đủ, Tả Thị cũng không, thế chỉ là thiếu sót.

Xét - Kinh chép mùa hạ tháng năm, mỗi người bàn mỗi khác. Xem có sách của Tôn Phục, Lưu Sướng, thì thấy lời bàn của Đỗ Dự là hơn cả. Hoặc giả, tháng tư nhà Chu là tháng hai nhà Hạ. Chu quan lấy tháng đó hỏi nam nữ. Kinh Thi có câu: Sĩ như quy thê, đãi băng vị bạn; kẻ sĩ như gái đi lấy chồng, kịp lúc băng chưa tan. Tức là nên dự bị lễ nghi thì chính là công việc tháng ấy, hôn nhân tháng ấy. Trang Công đang có tang mà làm lễ dẫn đồ cưới, lấy con gái kẻ thù, thế tức là bỏ lễ hôn nhân. Kinh không chép tháng tư vì thế chăng. Cho nên, cứ để lời chú giải của Hà Hưu để đợi người khảo cứu.

秋七月丙申及齊高傒盟于防

THU THẤT NGUYỆT, BÍNH THÂN, CẬP TỀ CAO HỀ MINH VU PHÒNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY BÍNH THÂN, CÙNG CAO HỀ HỘI THỀ Ở ĐẤT PHÒNG

Công - Tề Cao Hề là quý đại phu. Sao lại cho tới nước ta hội thề. Thề với Công, sao lại không chép Công. Vì kiêng tránh, không để Công thề với đại phu.

Cốc - Không chép Công. Chả nhẽ Công ngang với Cao Hề.

Trình Tử - Cao Hề là thượng khanh, thì Lỗ đâu có bị kém vế trong hội thề. Vậy kiêng không chép Công hội thề, là vì Công mới cùng kẻ thù kết hôn, là tội lớn.

冬公如齊納幣

ĐÔNG CÔNG NHƯ TỀ NẠP TỆ

MÙA ĐÔNG CÔNG SANG TỀ NẠP ĐỒ DẪN CƯỚI

Công - Nạp tệ không cần chép. Chép là chê việc thân hành nạp tệ không phải là lễ.

Cốc - Nạp tệ là việc của đại phu. Lễ có nạp thái, có vấn danh, có nạp trưng, có cáo kỳ. Bốn việc ấy xong xuôi, mới cưới, thế là lễ. Công thân nạp tệ, là không phải lễ, cho nên chê.

Lưu Sưởng - Chê đang có tang mà cưới. Nạp tệ là việc của đại phu. Công lại thân hành đi nạp tệ. Hai năm sau mới được đón vợ. Thế là Tề làm khó dễ.

Năm Canh Tuất, Huệ Vương năm thứ 6

二十有三年

NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 23

Tề Hoàn năm thứ 15. Tần Hiến năm thứ 6. Vệ Huệ năm thứ 29. Sái Mục năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 2, Tào Trang năm thứ 31. Trần Tuyên năm thứ 22. Kỷ Huệ năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 11. Tần Tuyên năm thứ 5. Sở Thành Vương, Quân, năm đầu

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA XUÂN CÔNG TỰ TỀ VỀ

Công - Tề Hoàn thề không chép ngày, hội không tới. Thế là đã tin nhau. Vậy việc gì phải chép Công ở Tề về, vì khinh thị, coi Công như Trần Đà (người bị sai khiến).

Lưu Sưởng - Công Dương cho Công như Trần Đà, cho thế là sai, bàn không thông.

Vương Báo - Công ở ngôi đã 23 năm. Chép sang Tề có 5 lần. Công thân hành đi nạp tệ, quên thế thù, lại bỏ tang lễ Văn Khương. Từ đó trở đi, các việc tế lễ, hôn thú đều ghi chép, mới biết ý thánh nhân thâm thiết rõ rệt.

蔡叔來聘

SÁI THÚC LAI SÍNH

SÁI THÚC TỚI SÍNH

Cốc - Không chép là sứ, vì Sái Thúc là nội thần triều Chu, không có phận sự ngoại giao, không dùng chữ sứ được.

Hồ Truyện - Sái Bá lại chầu mà không nói là chầu. Sái Thúc lại không hiếu mà không nói là sứ. Doãn Thị, Vương tử Hiệu, Lưu Quyên lại cáo phó mà không chép chức tước, đều là chính danh phận kẻ làm tôi. Vị vua mà hiểu rõ nghĩa ấy thì đã không tự hạ mình ngang với bầy tôi. Kẻ làm nhân thần, bầy tôi mà hiểu nghĩa ấy, thì đã không nghĩ đến việc ti giao (giao thiệp vì lợi riêng). Thế thì đâu có sinh ra cái họa lập phe đảng hại nhau.

Xét - Sái Thúc là đại phu triều đình Thiên Tử, mượn cớ sính Tề mà đi việc riêng, cho nên không chép là sứ, thế là theo chính nghĩa. Đỗ Dư và Từ Mạc cho rằng. Sái Thúc vì Sái Công mà lại sính. Tô Thị cũng cho Sái Thúc là trong bọn Sái Công. Lưu Sưởng thì bàn rằng Sái Thúc tự cho người tới sính, người đó Xuân Thu không ghi, cho nên không chép là sứ. Tất cả đều không căn cứ vào đâu được, không thể xác định được, vì thế không ghi chép.

夏公如齊觀社

HẠ CÔNG NHƯ TỀ QUAN XÃ

MÙA HẠ, CÔNG SANG TỀ COI LỄ XÃ

Ta - Năm thứ 23, mùa hạ, Công sang Tề xem lễ xã. Thế không phải lễ. Tào Uế có can không nên. Lễ là để điều chỉnh

việc dân, cho nên hội họp để dạy bảo phép người trên, kẻ dưới, để cho dân biết cách sản xuất tiêu dùng, trong triều ban tước lộc cho chính đáng, lớn nhỏ có đẳng cấp, chính phạt cho đúng nghĩa, chư hầu phải biết có Thiên Tử, Thiên Tử tuần thú cho có đường lối. Trái ngược những lẽ ấy thì nhà vua đừng hành động, mỗi hành động là có ghi. Ghi việc trái phép thì làm sao làm gương được cho đời sau.

Phụ lục Tả Truyện - Họ Hoàng Trang áp bức, Tấn Hiến Công lấy làm lo ngại. Sĩ Vi nói: Trừ Phú Tử đi, thì bọn Công tử có thể bàn tính được. Công nói, ngươi thử làm đi. Sĩ Vi mới cùng bàn với bọn Công tử, gièm Phú Tử rồi trừ đi.

Công - Chép là để chê. Chư hầu ra khỏi cõi để quan xã là phi lễ.

Cốc - Việc thường thì gọi là thị (thị sát). Việc phi thường thì gọi là quan (quan sát). Vậy đây chẳng có việc gì cả. Chẳng có việc gì cả thì đừng ra khỏi cõi.

公至自齊

CÔNG CHÍ TỰ TỀ

CÔNG TỰ TỀ VỀ

Cốc - Công đi sang Tề, chép mùa là phải, chép tháng là có cớ.

Công đi chỉ chép tháng là có ý nghi ngại vậy.

荆人來聘

KINH NHÂN LAI SÍNH

NGƯỜI NƯỚC KINH TỚI SÍNH

Đây là lần đầu Sở (Kinh) giao thiệp với Trung Quốc.

Công - Nước Kinh sao lại gọi là người nước Kinh. Là bắt đầu biết giao thiệp.

Cốc - Khéo ràng buộc, rồi nâng lên. Gọi là người nước Kinh là để khen, cho tiến không cho lùi nữa.

Trần Phó Lương - Gọi là người, bắt đầu từ đây, thế là tiến lên. Đương thời Ẩn, Hoàn, thời Xuân Thu, bỏ cả đạo đối với Vua, đối với nước láng giềng, đối với nước thân, nước Lỗ không còn nhận được sính lễ nữa. Thế mà người nước Kinh sửa soạn sính lễ, tới nước lớn. Vậy nâng họ lên, mong cho họ hay.

Gia Huyền Ông - Chép là Kinh, là Sở, là người Sở là Sở Tử, mỗi đoạn chép mỗi khác, đều là to cách hưng thịnh lần lần.

公及齊侯遇于穀

CÔNG CẬP TỀ HẦU NGỘ VU CỐC

CÔNG CÙNG TỀ HẦU GẶP NHAU Ở ĐẤT CỐC

Cốc - "Cùng" là ghi việc trong nước; "Cập" là ghi việc tương đắc.

Trương Hiệp - Cầu hôn mà Tề làm khó dễ, đã không muốn thì cự tuyệt đi, có được không, sao lại cứ hẹn lần lựa rồi mới cho. Chép việc ấy là để cho rõ Trang Công không đúng đạo làm con mà Tề Hoàn đối nhân thì bất nghĩa.

蕭叔朝公

TIÊU THÚC TRIỀU CÔNG

TIÊU THÚC CHẦU CÔNG

Công - Sao chép là chầu Công. Vì Công ở nước ngoài.

Cốc - Vua một nước nhỏ, chưa được vua Thiên Tử phong tước, không nói là tới, là vì ở ngoài. Đã chầu thì phải ở triều đình mới là chính. Còn như chầu ở ngoài thì không phải là chính.

Lưu Sưởng - Tiêu Thúc chầu Công, Đỗ Thị bàn: Thúc là tên vua nước Tiêu, bàn thế sai. Châu và Tiêu đều là nước phụ dung. Chầu với Lỗ cùng thề được khen, được chép tên tự. Tiêu lại chầu Công thì lại bị chép tên, là cớ sao. Phàm Kinh Xuân Thu, khen hay chê tự có nặng nhẹ, tức là thánh nhân ngụ ý dạy đời sau. Nhược bằng khi thề thì được gia thêm chức tước để thưởng, còn chầu thì không được một lời úy lạo, thế tức là thưởng phạt loạn. Thế thì Kinh Xuân Thu còn dạy được ai.

秋丹桓宮楹

THU, ĐAN HOÀN CUNG DOANH

MÙA THU, SƠN SON CỘT Ở CUNG

Tả - Mùa thu, sơn son cột ở cung.

Công - Sao lại chép? Chép là chê. Chê là phi lễ.

Cốc - Theo lễ: Thiên tử, Chư hầu thì dùng màu (màu ác) là xanh nhạt hơi trắng. Đại phu màu xanh da trời; kẻ sĩ, màu vàng. Nay, cột sơn son là phi lễ.

Xét - Cốc Lương bảo rằng, Thiên Tử, Chư hầu dùng màu ác. Theo nhiều người khác thì cho là cột đen vách trắng. Tư Mạc cho là cột màu đen. Phạm Minh, Dương Huân thì cho rằng thiên tử màu xanh nhạt, chư hầu màu trắng. Lưu Sướng trong Thuyết Văn cho trắng là sơn trắng. Theo sách Nhĩ Nhã, thì Tường gọi là ác Trắng. Quách Phát thì bảo là lấy đất trắng trát tường. Theo Sơn Hải Kinh thì cho rằng có thứ trắng ngả màu xanh nhạt, có thứ trắng ngả màu đen vàng, đều là tạp sắc. Xem vậy thì sắc ác không phải là đất trắng. Xét trong Chu lễ thì xe không màu là lấy đất trắng trát mà xe có màu thì trát bằng màu xanh da trời. Gọi tên là màu ác, nghĩa là á, là thứ, là phụ, tức là trước trát đất, rồi sau lấy do màu phụ vào, đó là chữ ác trong các câu "Thiên Tử, Chư hầu thì màu ác xanh nhạt, đại phu thì mầu ác xanh da trời."

冬十有一月曹伯射姑卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TÀO BÁ XẠ CÔ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, TÀO BÁ, TÊN LÀ XẠ CÔ MẤT

十有二月甲寅公會齊侯盟于扈

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, GIÁP DẦN, CÔNG HỘI, TỀ HẦU MINH VU HỔ

THÁNG 12, NGÀY GIÁP DẦN, CÔNG HỘI TỀ HẦU THỀ TẠI ĐẤT HỔ

Hỗ, đất nước Trịnh, Tây Bắc huyện Quyển ở Vinh Dương. Thời Hậu Hán ghi: "Ở Quyển Huyện, có đình Hỗ Thành".

Công - Hoàn Công hội thề không chép ngày. Đây sao chép ngày. Là có ý ngại. Ngại vì ta nhị tâm. Lỗ Tử có nói: Ta mà nhị tâm, có phải là tự người đâu. Chính là tự ta.

Hồ Truyện - Trình Tử nói: Gặp ở Cốc, thề ở Hỗ, đều là muốn xin kết hôn, kết hiếu. Truyện có chép: Con trai 20 tuổi làm lễ đội mũ, thành người lớn; 30 tuổi mà chưa lấy vợ là phi lễ. Tuy nhiên Thiên Tử chư hầu, 15 tuổi đã làm lễ đội mũ, để rồi đón lễ cưới vợ. Trong nước không thể chờ lâu vị Hoàng Tử, Thế Tử, kế vị, muốn cho sớm có người nối ngôi. Nay Trang Công sinh vào năm Hoàng Công thứ 6, tính đến bây giờ là 36 tuổi rồi, mà chưa có con đích để sau, ở chư hầu coi việc xã tắc. Sao vậy? Vì Văn Khương bắt ép cứ phải lấy con gái họ mẹ ở Tề, mà con gái vua Tề thì con nhỏ, phải đợi cho lớn. Cho nên, Trang Công vượt ra ngoài lễ. Nay vội thúc cưới. Còn người Tề thì dùng dằng chậm lại. Vì thế mới có việc gặp nhau ở Cốc, việc cùng thề ở Hỗ, là để xin việc kết hôn. Lấy vợ làm Phu nhân, để phụng sự tế tự, làm chủ tôn miếu mà nghe mẹ, mà không theo đại nghĩa, đến nỗi để lỗi thời, thật là bất hiếu. Xuân Thu chép ghi kỹ lưỡng để răn dạy đời.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo lo ngại là nói nhầm.

Năm Tân Hợi, Huệ Vương năm thứ 7.

二十有四年

NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 24

Tề Hoan năm thứ 16. Tấn Hiến năm thứ 7. Vệ Huệ năm thứ 30. Sái Mục năm thứ 5. Trịnh Văn năm thứ 3. Tào Hi Công Xích năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 23. Kỵ Huệ năm thứ 3. Tống Hoan năm thứ 12. Tần Tuyên năm thứ 6. Sở Thành năm thứ 2.

春王三月刻桓宮桷

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, KHẮC HOÀN CUNG GIÁC

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA, CHẠM KHẮC, ĐẦU CỘT CUNG

Tả - Chạm khắc rui cột là phi lễ. Ngự Tôn can: Kiệm là đức tốt, xa xỉ là rất dở. Tiên quân có đức tốt. Nay nhà vua lại chuộc lấy dở rất là không nên.

Công - Chép là để chê. Khắc rui cột là phi lễ.

Cốc - Theo lễ, cung điện Thiên Tử, luyện tán đá nhỏ chạm vào trò rui cột. Chư hầu mà chạm vào trổ, đại phu, kẻ sĩ trò cột khắc rui là không đúng lễ. Xét người ta đã tôn trọng nhà thờ, mà lại làm công việc không phải lễ, không chính lễ. Nay đem trang sức cung miếu để đón phu nhân là không phải lễ, đục chạm khắc, sơn son rui cột đều là chê Trang Công.

葬曹莊公

TÁNG TÀO TRANG CÔNG

LỄ TÁNG TÀO TRANG CÔNG

夏公如齊逆女

HẠ CÔNG NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

MÙA HẠ, CÔNG SANG TỀ CƯỚI VỢ

Công - Sao lại chép? Vì thân nghênh là lễ.

Cốc - Thân nghênh là việc thường không phải chép. Đây chép là vì thân nghênh tại đất Tề, không phải là chính lễ.

Lục Thuần - Công dương bảo thân nghênh là lễ. Nay xét nếu hợp lễ tức là việc thường, không cần chép. Vậy biết rằng Cốc Lương chê đón vợ tận đất Tề. Chê là phải.

秋公至自齊

THU, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA THU, CÔNG TỰ TỀ VỀ

Cốc - Đi cưới vợ, đi rồi ở lại. Rồi về trước. Không phải chính lễ.

八月丁丑夫人姜氏入

BÁT NGUYỆT ĐINH SỬU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHẬP

THÁNG TÁM, NGÀY ĐINH SỬU, PHU NHÂN HỌ KHƯƠNG VÀO NƯỚC

Tả - Mùa thu Ai Khương đến.

Công - Dùng chữ vào là làm cho khó khăn thêm, Chép ngày là làm cho khó khăn thêm. Phu nhân không phải là người dễ tính. Công có hẹn trước, sửa soạn trước rồi Phu nhân mới vào.

Cốc - Dùng chữ vào là có ý nói, trong nước không chịu, không ưa. Cưới con kẻ thù thì tôn miếu nhận sao được, làm lễ sao được.

Hồ Truyện - Sao lại không nhận. Là vì không nên có mặt ở nhà tôn miếu. Khương Thị là con gái Tề Tương Công. Chữ

vào (nhập) là chữ có ý nghĩa không được thuận, vì t… …iếu không nhận Hôn nhân phai chính từ đầu. Công lại kh…ng cùng Phu nhân cùng tới. Khương Thị không theo Công cùng vào đã mất cái nghĩa chính của vợ chồng. Đó là cái triệu loạn, giết Mân Tôn Châu. Trang Công không nói được mẹ, vượt lễ, lỡ thời, lấy con gái kẻ thù, cho lễ ở nhà tôn miếu để thành hôn; kết quả con cái đã không được yên, thí nghịch nói tiếp đến gần mất nước. Cho nên Kinh Xuân Thu chép các việc đó tường tận để rõ cái tội bất hiếu của Trang Công, cốt răn dạy đời sau.

戊寅大夫宗婦覿用幣

MẬU DẦN, ĐẠI PHU TÔN PHỤ ĐỊCH DỤNG TỆ

NGÀY MẬU DẦN, VỢ CÁC ĐẠI PHU (VỢ HỌ TRANG CÔNG) DÙNG NGỌC LỤA YẾT KIẾN PHU NHÂN

Tả - Công sai các đàn bà có họ đem lễ tới yết kiến. Thế là phi lễ. Ngự Tôn nói: Đàn ông, lễ yết kiến, tùy lớn nhỏ, hoặc ngọc lụa, hoặc đôi ngỗng. Đàn bà yết kiến duy chỉ có thức ăn, như nem như trái cây. Lễ để tỏ lòng kính. Nay đàn ông, đàn bà lẫn lộn. Đàn ông, đàn bà phân biệt, là cái phép quan trọng trong một quốc gia. Phu nhân bắt đầu gây loạn phép. Thật là không nên.

Phụ lục Tả Truyện - Sĩ Vi nước Tấn lại cùng mưu với các Công tử giết hai con của Du Thị nói với Tấn Hầu: Được lắm, chỉ hai năm nữa vua hết lo ngại.

Công - Tôn phụ là vợ của đại phu. Địch là lễ yết kiến. Dùng đến ngọc lụa để yết kiến là phi lễ. Thế thì dùng gì? Trái cây chăng? Nem gỏi chăng?

Cốc - Lễ yết kiến. Đại phu không yết kiến Phu nhân. Đây không nói cùng với (đại phu cùng với vợ), không đúng hành vi đạo của người đàn bà, cho nên cũng kê rõ ra. Lễ yết kiến của đàn ông là dê, ngỗng, chim khô. Lễ yết kiến của đàn bà thì trái quả: có thứ hạt ré, thịt thì có: nem gỏi. Nay dùng lụa, là các thứ không được dùng, thế là phí lễ. Đại phu phải chính là quốc thể, mà hành động lẫn phu đạo, cho nên chép cả ngày cho cẩn thận.

Đỗ Dự - Tôn phụ là vợ đại phu mà cùng họ. Lễ: Phu nhân tới. Đại phu bưng đồ lễ yết kiến, để rõ đạo thần tử. Trang Công muốn khoe khoang với Phu nhân, cho nên sai đại phu cùng tôn phụ, cùng một lễ vật cùng yết kiến.

Lưu Sướng - Cốc Lương bảo là theo lễ, đại phu không yết kiến phu nhân. Bảo thế là sai. Vua tế ở Văn Miếu, phu nhân đại phu đều ở trong miếu, có thể không thấy nhau được không. Tuy nhiên, chữ không yết kiến ấy, phải có nghĩa là không thường yết kiến. Đây phu nhân mới tới, đúng lễ là phải yết kiến, sao lại bảo là phi lễ.

Xét - Thời cổ, làm quan ở một nước có lễ yết kiến vợ vua, khi vợ vua (phu nhân) mới cưới về. Vậy lễ ấy vốn có. Cốc Lương bảo là theo lễ, đại phu không yết kiến Phu nhân. Bảo thế trái với nhiều truyện khác. Vậy Lưu Sưởng bác lời bàn của Cốc Lương là đúng. Lại xét đến Công Dương với Hồ Truyện đều cho chữ tôn phụ là vợ đại phu, chứ không riêng gì người cùng họ nhà vua, hay không cùng họ. Vậy các thuyết không giống nhau. Khổng Dĩnh Đạt thì dẫn: Tương Công năm thứ hai, làm lễ chôn Tề Khương. Truyện có chép Tề Hầu sai các Khương tôn phụ đều đến tống táng. Các Khương tôn phụ là ai. Là cùng họ Khương. Thế đủ rõ tôn phụ là các bà vợ cùng họ. Vậy nên cho Đỗ Dự là nói đúng.

大水

ĐẠI THỦY

NƯỚC LỤT TO

Uông Khắc Khoan - Trang Công lấy con kẻ thù, lại xa hoa để khoe với vợ. vậy có điềm nước lụt ứng hiện. Nhớ khi Đường Cao Tôn lập người cung nữ (chức tài nhân) của vua Thái Tôn là họ Vũ, lập lên làm Chiêu Nghi (chức cao) mà cung Vạn niên đêm bị mưa to, nước tràn ngập đầu người. Đó là cách trời có cảm ứng việc người, không nên cho là lời bịa đặt.

冬戎侵曹曹羈出奔陳赤歸于曹

ĐÔNG, NHUNG XÂM TÀO, TẦN KY XUẤT BÔN TRẦN XÍCH QUY VU TÀO

MÙA ĐÔNG, NHUNG SÂM TÀO TÀO KY CHẠY TRỐN SANG TRẦN, XÍCH TRỞ VỀ TÀO

Công - Tào Ky là Tào đại phu. Nước Tào không có đại phu. Đây sao lại chép. Vì là người hiền. Khi Nhung tới đánh, Tào Ky can vua: Giống Nhung là giống vô nghĩa, xin vua đừng thân hành đối địch. Vua không nghe, Tào Ky ba lần can không được, thì bỏ đi nước khác, người quân tử cho là Tao Ky biết nghĩa vua tôi. Còn Xích là ai? Tào không có Xích. Chính là Quách Công Quách Công là vua đã mất nước.

Cốc - Xích tức là Quách Công, sao lại chép. Theo lễ: Vua chư hầu ở nước ngoài, không có nghĩa từ nước ngoài về. Như thế là không chính.

Lưu Sưởng - Tào Ky gọi tên lên, là biếm. Tại sao? Tại Ky không dùng đạo làm tôi con. Còn như Xích thì thế nào? Là Thứ công tử, con thứ vua Tào. Sao lại không liên hệ đến Tào, sao lại bị biếm bị chê? Là vì nước Tào không phải đến thứ Xích đương được. Về nước, Xích không được danh chính, thế thì sao lại chép Xích trở về Tào. Vì chỉ là đổi chỗ. Trước ở Nhung, nay ở Tào. Tào Ky thì chạy trốn sang trần, Xích thì trở về Tào. Hành vi của Xích y như Trịnh Bá Đột. Đột nhờ Tống, Xích nhờ Nhung đều là hạng cướp ngôi vua. Xuân Thu chê việc không cần xét kẻ làm việc, là người thứ bực nào. Xuân Thu dạy việc trị, chứ không dạy việc loạn. Nếu Trịnh Hốt, Tào Ky, mà thờ cha hết hiếu, thờ vua hết lễ, việc tang phải thương xót, việc làm phải kính cẩn, các quan tuân lời, dân chúng tin theo, thế thì dù quân Tống, quân Nhung có đông mấy đi nữa, cái mầm ác của Đột, của Xích, đâu có nảy nở được. Nay vua tôi không hợp nhau, anh em thành thù nhau, thì kẻ dưới phải thắng.

郭公

QUÁCH CÔNG

QUÁCH CÔNG

(Chữ Quách Công liền với chữ (Xích quy vu Tào), thành một câu. Trước kia, từ chữ 冬 trơ xuống, chia làm bốn câu đều không thấy truyền lại

Đỗ Dự - Chỗ này, chắc là trong Kinh có thiếu sót hay lại nhầm. Từ chỗ Tào Ky trở xuống, các thuyết Công Thị, Cốc Thị đa không giải thích, lại không hợp với Tả Thị, cho nên không cần chép ra đây.

Triệu Khuông - Công Thị, Cốc Thị đều cho Xích là Quách Công. Xét chữ Quách Công như là câu còn thiếu sót. Xích chính là Tào Công tư. Về lời, về ý, đều không có tương quan. Vậy các truyện bàn rất nhầm.

Tôn Giác - Xuân Thu chép: "Lương vong, Lương mất" cho là Lương tự mất. Quản Tư chép đoạn: "Quách vong, Quách mất" và cũng thêm câu, Quách tự mất. Chữ công và chữ vong, mặt chữ gần giống nhau, vậy nghi rằng Kinh chép là "Quách vong". Lại xét: Khi có việc hoặc nghi, hoặc khuyết, thì thánh nhân bỏ đấy, chứ không thêm. Chỉ cần nêu điều thiện, nêu điều ác, đủ để dạy đời sau. Vậy nay ta cứ để nguyên cả.

Năm Nhâm Tý, Huệ Vương thứ 8

二十有五年

NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 25

Tề Hoàn năm thứ 17. Tấn Hiến năm thứ 8. Vệ Huệ năm thứ 31. Sái Mục năm thứ 6. Trịnh Văn năm thứ 4. Tào Hi năm thứ 2. Trần Tuyên năm thứ 24. Kỷ Huệ năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 13. Tần Tuyên năm thứ 7. Sở Thành năm thứ 3.

春陳侯使女叔來聘

XUÂN, TRẦN HẦU SỬ NHŨ THÚC LAI SÍNH

MÙA XUÂN, TRẦN HẦU SAI NHỮ THÚC TỚI SÍNH

(Khởi thuỷ chư hầu sính lễ với nhau).

Tả - Trần Nhữ Thúc tới sính mới thành Lỗ, Trần kết hiếu. Khen nên không chép tên.

Cốc - Không chép tên là vì đại phu theo mệnh thiên tử.

Đạm Trợ - Tả Thị bảo là khen, nên không biên tên. Xét ra việc sính lễ là thường, có gì mà khen. Cốc Lương cho rằng, đại phu theo mệnh vua là đúng.

夏癸丑衛侯朔卒

HẠ, QUÝ SỬU, VỆ HẦU SÓC TỐT

MÙA HẠ, NGÀY QÚY SỬU, VỆ HẦU TÊN LÀ SÓC, MẤT

Phạm Ninh - Vệ Huệ Công là người thất đức, thí nghịch, nên không chép lễ táng.

六月辛未朔日有食之鼓用牲于社

LỤC NGUYỆT, TÂN MÙI, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI CỔ DỤNG SINH VU XÃ

THÁNG SÁU NGÀY TÂN MÙI LÀ NGÀY SÓC, CÓ NHẬT THỰC, ĐÁNH TRỐNG VÀ TẾ SINH Ở NỀN XÃ

Tả - Không phải lễ thường. Duy ngày sóc tháng giêng, tà khí chưa lưu hành, mà có nhật thực thì mới dùng đồ lễ tế ở nền xã, và đánh trống ở trong triều.

Công - Nhật thực, sao lại đánh trống, sao lại tế xã. Là cầu về âm. Lấy dây đỏ trăng chung quanh nền xã, hoặc để cầu xin, hoặc để ngăn chặn. E sợ người phạm vào, nên trăng dây chung quanh.

Cốc - Chép ngày, lại chép cả ngày sóc, theo lịch, nhật thực, đúng chính sóc. Đánh trống là theo lễ, dùng tam sinh không phải là lễ. Vua mà cứu mặt trời thì đặt năm cột cờ, dàn bẩy năm tên quân, năm trống. Chư hầu thì đặt mỗi thứ ba. Đại phu thì đánh vào cánh cửa, dân thì đánh mõ. Làm như thế để tăng cường khí Dương.

Hà Hưu - Xã là gì? Là chu thổ địa, chủ đất. Mặt trăng là gì? Là tinh ba của đất. Có liên hệ trên trời mà phạm vào mặt trời, cho nên khua trống để đánh, là trị từ gốc. Trước chép khua trống, sau chép dùng lễ sinh. Vậy chép rõ, trước hãy lấy mệnh làm cho sợ, tiếp vào sau lấy lễ thần tứ cúng. Như thế là thuận.

Phạm Ninh - Đánh tròng để cho có tiếng, là việc dương trấn áp khí âm.

Đỗ Dự - Xét về tháng, đánh trống không phải là thường được. Căn cứ vào lịch mà xét, Tân Mùi là ngày mồng một, ngày sóc tháng bảy, đặt vào tháng nhuận thì không rõ, vậy phải mượn tháng sáu. Tháng chính là tháng tư nhà Hạ, tháng sáu nhà Chu, gọi là tháng chính dương. Nay chép vào tháng sáu, truyện cũng cứ theo, thật rõ ràng tháng ấy không phải tháng chính dương. Ghét khí âm. Nhật thực là việc thường trong lịch số. Nhưng nếu vào tháng chính dương thì chư hầu dùng đồ lễ tới thần xã xin cứu. Đây Lỗ Công khua trống trong triều, lui về nghĩ ngợi, tự xét, tự trách là để rõ ràng âm không nên xâm vào dương, thần không nên áp quân, là để tỏ đại nghĩa cho thiên hạ.

Triệu Khuông - Công Dương bảo lấy dây đỏ trăng quanh nền xã. Trong sách Lễ không thấy nói điều ấy.

Trương Hiệp - Nhật thực là trưng triệu âm thịnh dương suy, việc quan hệ cho cả thiên hạ, không riêng gì nước Lỗ, các chư hầu đều có thần dân, thì nhân việc biến trên giới mà tự xét tội cả, y như trong thiên Hồng Phạm có nói: Phải kính cẩn trong việc trông nghe, nói, làm, nghĩ. Một khi đã mất đường Chính, đường thẳng thì tai họa sẽ hiện tới. Người thời cổ, ứng vào trời, cốt về thực tế, chứ không cốt về văn hoa. Cho nên, Cao Tôn Đồng có nói: Lời của Hồng Phạm là việc làm trước tiên của cổ nhân. Cũng như trong Chu Lễ, thiên Dận Chính là việc cuối của lễ văn, là cái biến nhất thời. Đã đành lễ văn không bỏ được, nhưng phải ngay được cái gốc, thì sau cái ngọn mới trị

được. Nay Trang Công từ việc làm cho chính thẳng gốc đã thờ ơ thì còn khua trống, có ích gì, rồi lại lấy đồ tế lễ, lễ cầu yên. Chép cứ chỉ đó cho rõ. cả gốc lẫn ngọn đều hỏng.

伯姬歸于杞

BÁ CƠ QUY VU KỶ

BÁ CƠ VỀ NƯỚC KỶ

Cốc - Không chép là đi đón, vì không có đạo đi đón (không quan trọng). Không cần chép.

Đỗ Dự - Bá Cơ là con gái Trang Công.

Uông Khắc Khoan - Hoặc cho Bá Cơ là con gái Hoàn Công. Nếu là con vua đang ở ngôi, thì phải thêm chữ tử. Xét Trang Công năm thứ 27 có chép Thúc Cơ. Nếu cùng là con gái Hoàn Công thì Bá Cơ phải hơn 30 tuổi rồi. Đâu có việc cả hai con cùng bị lỡi thời như thế. Vả lại, Bá Cơ đến năm Lỗ Hi Công thứ 31 cưới thì tuổi đã quá 70, đâu mà còn tới Lỗ. Thế thì không cho là con gái Hoàn Công được.

秋大水鼓用牲于社于門

THU ĐẠI THỦY CỔ DỤNG SINH VU XÃ, VU MÔN

MÙA THU, NƯỚC LỤT, KHUA TRỐNG VÀ DÙNG LỄ SINH TẾ Ở NỀN XÃ VÀ Ở NGOÀI CỬA

Tả - Cũng không phải là việc thường. Phàm thiên tai, đồ lễ chỉ có vải lụa, chứ không có tam sinh. Nếu không phải là nhật thực, nguyệt thực thì không khua trống.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn, Sĩ Vị, sai các Công tử giết hết nhà họ Du, rồi xây thành ở đất Tụ, cho các công tử ở đấy. Mùa đông, Tấn Hầu vây Tụ, giết hết Công tử. Tụ là đất nước Tấn.

Công - Chép (ở nền xã), và (ở ngoài cửa). Ở nền xã là lễ. Ở ngoài cửa là phi lễ.

Cốc - Trên cao, dưới thấp đều nước ngập là lụt to. Đã đem trống ra để án ngữ, làm cho dân kinh hãi, thì lễ sinh dùng

làm gì. Cứu mặt trời thì cổ vỗ quân đội. Cứu nước lụt thì cổ vỗ chúng dân.

Lưu Sưởng - Chép là chê. Nước lụt mà khua trống, lễ sinh ở nền Xã ở ngoài cửa, là phi lễ. Phàm thiên tai, đồ lễ có lụa mà không có sinh. Nếu không phải là nhật thực, nguyệt thực thì không khua trống. Lụa là để xin. Trống là để đánh. Sinh là để thần hưởng. Đánh trống, lễ ở nền xã, lễ ở cửa là phi lễ. Công Dương bảo ở nền xã là lễ, ở cửa là phi lễ, bảo thế là sai. Nếu ở nền xã cho là đúng lễ, thì Kinh đã không phải chép.

Tôn Giác - Nhật thực thì phải khua trống, vì âm xâm lấn vào dương. Nghiệm thì còn lâu. Tai thì chưa hiện. Còn như nước lụt, thì tai họa tới ngay người vật rồi, nghiệm đã rõ rồi, tai họa đã có rồi. Nếu tai chưa hiện thì thánh nhân đã cho khua trống để cứu khí dương, với để cảnh cáo vị quân nhân. Nay nghiệm đã rõ rồi thì khua trống làm gì. Cốc Lương nói, cứu thủy để cổ vỗ dân chúng. Nói thế không phải.

冬公子有如陳

ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TRẦN

MÙA ĐÔNG CÔNG TỬ HỮU SANG TRẦN

Hà Hưu - Sang Trần là sang sính nước Trần. Việc trong triều, dùng chữ như, sang 如 là tôn trọng việc, chép việc các nước giao thiệp.

Đỗ Dự - Chép sính lễ của Nhữ Thúc, cùng các việc Lỗ triều sính, đều dùng chữ như (sang). Công tử Hữu là em cùng mẹ của Trang Công gọi là Công tử là chữ thường dùng trong sử sách. Gọi là em cùng mẹ là tỏ ý chí thân, khác với các quan khác. Khi anh em giết hại nhau thì gọi rõ là em để rõ đạo nghĩa. Còn như việc hay thì hoặc dùng chữ đệ, em, hoặc dùng chữ Công tử. Đó là Kinh cứ theo lời văn sách sử cũ.

Năm Quý Sửu, Huệ Vương năm thứ 9.

二十有六年

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 26

Tề Hoàn năm thứ 18. Tấn Hiến năm thứ 9. Vệ Ý Công Xích năm đầu. Sái Mục năm thứ 7. Trịnh Văn năm thứ 5. Tào Hi năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 28. Kỷ Huệ năm thứ 5. Tống Hoàn năm thứ 14. Tần Tuyên năm thứ 8. Sở Thành năm thứ 4.

春公伐戎

XUÂN, CÔNG PHẠT NHUNG

MÙA XUÂN, CÔNG PHẠT NƯỚC NHUNG

Trong Công Truyện có chữ Xuân.

曹殺其大夫

TÀO SÁT KỲ ĐẠI PHU

NƯỚC TÀO GIẾT ĐẠI PHU

Khởi thuy việc giết đại phu.

Công - Chép là nước Tào giết. Chứ không chép ai giết. Thế là chỉ nhiều người, chứ không phải vua Tào giết. Vua ở ngôi bị giết thì chép là bị diệt. Sao đây không chép bị diệt. Vì kiêng nể Tào Ky. Vả lại vì việc chiến. Sao không chép chiến. Vì kiêng nể Tào Ky.

Cốc - Chép là đại phu, mà không chép họ tên, là vì làm đại phu mà chưa có phong tước. Thế sao cứ chép là đại phu. Là vì người hiền, mà cũng là tôn quý Tào Ky.

Lưu Sưởng - Chép là nước giết là tội liên luỵ đến người trên. Chép là người giết, tức là giết kẻ có tội. Chép người mà không chép tên, tức là đại phu vô tội bị quần chúng giết. Chép là nước (nước Tào) mà không chép tên tức là đại phu vô tội mà bị vua giết. Vô tội mà bị vua giết thế là trái. Dù có tội mà không

đem về Kinh sư giết, cũng là trái: Công Dương bảo không chép tên, tức là chỉ quần chúng. Thế thì trong việc giết ba người họ Khích sao lại chép tên. Lại bảo rằng không bị vua giết, thế thì Tống giết đại phu, lấy gì mà biện bạch rõ được. Phàm Công Dương khi đại phu giết nhau, thì chép là "người giết", khi vua giết đại phu thì chép là "nước giết", và không có bàn đến đại phu có tội hay không có tội. Cho nên việc Tống và Tào, chép thì cùng lời văn, mà nghĩa có khác. Phải hay không phải cần ức đoán cho ra. Công Dương lại nói: Chiến rồi diệt, bảo thế lại càng sai. Tào Ky tuy là người hiền, làm sao mà ngăn được vua khỏi bị diệt. Vì Tào Ky hiền, nên kiêng, không chép Tào Bá bị diệt, nói thế là vô nghĩa lý. Cốc Lương cho rằng đại phu không gọi tên vì chưa được mệnh phong, thế là nói bậy. Thiên Tử dựng nước, chư Hầu dựng họ, dù tôn ti không giống nhau, nhưng há lại không có mệnh. Chư Hầu, nước lớn, có ba vị Khanh, đều được mệnh, do Thiên Tử. Nước nhỏ, ba vị Khanh thì hai vị do mệnh Thiên Tử. Nước nhỏ, ba vị Khanh, thì một vị do mệnh Thiên Tử. Vậy nước lớn ba Khanh, nhỡ hai, nhỏ một. Ngôi thứ ở trong triều Thiên Tử đều là chức quan. Ba mệnh thì gọi tên họ. Hai mệnh thì gọi tên. Một mệnh thì gọi nhân (người). Đến khi nhà Chu suy, lễ đã bỏ mất, các nước lấy mạnh, yếu áp bức nhau, các chức Khanh, Đại phu tuy không được toàn như xưa, nhưng cứ như ở trong kinh thì vẫn còn. Cho nên, trong thời Ẩn Công, Hoàn Công, chưa xa Tây Chu là mấy, chế độ cũ hãy còn. Lỗ hãy còn Vô Hãi, Nhu Hiệp, Trịnh hãy còn Uyển Chiêm mà Tần, Sở phần nhiều vẫn cứ chép nhân (người). Đến cuối thời, vẫn còn thấy thường thường chép tên họ. Mà các nước Châu, Cử, Đằng, Tiết, thì ngày càng xa thời xưa, đều chuyển theo lệ các nước nhỏ, chỉ gọi là nhân (người) mà thôi, chứ không gọi họ tên. Kẻ bàn không tường nguyên nhân, bảo rằng, từ nước Tào, nước Tấn trở xuống, không có đại phu, bọn ấy đều không hiểu chế độ ban tước của triều đình và của chư hầu. Biết gì mà bàn luận.

秋公會宋人齊人伐徐

THU, CÔNG HỘI TỐNG NHÂN TỀ NHÂN PHẠT TỪ

MÙA THU, CÔNG HỘI NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TỀ PHẠT NƯỚC TỪ

Từ là một nước ở Đông Nam huyện Đồng, đất Hạ Bì, Hàn Dũ nói. Từ và Tần đều dòng dõi Bá Ế, họ Doanh. Năm Chiêu Công thứ 5, người Sở bắt Từ Tử. Vậy vua Từ là tước Tử.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, người Quắc xâm nước Tấn, mùa đông, người Quắc lại xâm nước Tấn.

Hồ Truyện - Xét Kinh Thư, Bá Cầm thường đem quân chinh phạt các nước Từ Nhung. Thế thì Nhung là ở giáp Từ Châu, là mối lo cho nước Lỗ từ xưa. Năm ấy, mùa xuân Công đánh nước Nhung. Mùa thu, lại đánh nước Từ, Chắc là Nhung hợp binh với Từ, gây cái thế trong, ngoài đè hại Lỗ. Cho nên, Tống và Tề, tướng kém, quân ít, mà Công thì phải thân chinh. Dù cho có không được hăn, không đánh lâu được, thì đã có người Tề cùng hợp, cũng không có cái nguy nan.

Đỗ Dự - Tống chủ việc quân, cho nên kể trên Tề.

Uông Khắc Khoan - Tống kể trước Tề, Công thì chép hội. Thế rõ là Tống chủ việc binh. Vả lại, Bá nghiệp của Tề Hoàn Công chưa thịnh cũng như các việc đánh Nghê, đánh Trịnh, đều kể Tống trước.

冬十有二月癸亥朔日有食之

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỢI SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY QUÝ HỢI, MÙNG MỘT SÓC, CÓ NHẬT THỰC

Năm Giáp Dần, Huệ Vương năm thứ 10.

二十有七年

NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 27

Tề Hoàn năm thứ 19. Tấn Hiến năm thứ 10. Vệ Ý năm thứ 2. Sái Mục năm thứ 8. Trịnh Văn năm thứ 6. Tào Hí năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 26. Kỷ Huệ năm thứ 6. Tống Hoàn năm thứ 15. Tần Tuyên năm thứ 9. Sở Thành năm thứ 5.

春公會杞伯姬于洮

XUÂN, CÔNG HỘI KỶ BÁ CƠ VU THAO

MÙA XUÂN, CÔNG HỘI KỶ BÁ CƠ Ở ĐẤT THAO

Tả - Việc không cần, Thiên Tử nếu không cần thì hành việc đúng đạo nghĩa, thì không tuần thú. Chư Hầu nếu không có việc vì dân thì không làm. Quan Khanh không có quân mệnh thì không ra khỏi cõi.

Hồ Truyện - Bá Cơ là con Trang Công. Không có việc gì mà lại phải gặp ở đất Thao. Chỉ vì quá yêu con mà không giữ được đúng lễ. Xuân Thu vẫn chê những hành vi đó.

Khổng Dĩnh Đạt - Năm Lỗ Trang Công thứ 25, Bá Cơ mới cưới về nước Kỷ. Trang Công không có mẹ mà nay Bá Cơ về thì biết Bá Cơ là con gái Trang Công. Việc đón gặp không được gọi là việc chính đáng, cho nên phải nói rõ là con gái.

夏六月公會齊侯宋公陳侯鄭伯同盟于幽

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, ĐỒNG MINH VU U

MÙA HẠ, THÁNG 6, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, ĐỒNG MINH ĐẤT U

Tả - Mùa hạ, Đồng Minh tại đất U. Nước Trần, nước Trịnh quy phục.

Cốc - Đồng nghĩa là cùng tôn Chu, có thế rồi mới phục được các chư hầu, Tề Hầu mới được các chư hầu theo. Tề Hoàn hội hợp không cần chép tường tận, là vì yên không có gì xảy ra. Tề Hoàn hội không biên ngày vì được tin. Tin, người có thể tin được, cũng như nhân với người nhân. Mũ cao, áo trùng, dự hội, tất cả đến mười một lần, chửa thường cần phải ăn thề, vì đức tin đã vững lắm. Hội hợp mà dùng quân đội có bốn lần, mà cũng chưa từng có đại chiến, tức là đức thương dân đã sẵn có.

Dương Sĩ Huân - Trước, hội đồng minh ở đất U, chư hầu còn có nước nghi kỵ. Nay trong ngoài đều đồng tâm bầu Hoàn Công làm Bá chủ, được trách nhiệm chuyên chinh phạt, thành, đương nhiên Công củ hợp được (củ hợp, nhiều lần hợp). Cho nên Truyện chép tường tận.

Xét - Cốc Lương bảo Hoàn Công hội không nói tường tận, hội thề không chép ngày, bảo thế là sai. Mẫn Khưu, Can Hoài, đều chép tường tận. Quỳ Khưu, Vu Hồ, đều chép tường tận. Có gì mà bảo là được yên rồi, được tin rồi.

秋公子有如陳葬原仲

THU, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TRẦN TÁNG NGUYÊN TRỌNG

MÙA THU, CÔNG TỬ HỮU SANG TRẦN, DỰ LỄ TÁNG NGUYÊN TRỌNG

Tả - Thế là phi lễ. Nguyên Trọng là bạn cũ của Quý Hữu.

Công - Nguyên Trọng là đại phu nước Trần, Đại phu thì không chép lễ táng. Đây chép là muốn rõ cuộc đi sang Trần là Quý Hữu đi việc riêng, đi để tránh nạn trong nước. Người quân tử tránh nạn trong, chứ không tránh nạn ở nước ngoài đưa đến. Nạn trong là: Công tử Khánh Phủ, Công tử Nha, Công tử Hữu đều là em cùng mẹ với Trang Công. Khánh Phủ và Nha thông với Phu nhân hiếp Lỗ Công, Quý Hữu muốn trị, nhưng không được dự quốc chính. Ngồi mà trông thì không nỡ, đều là anh em cả, nhân táng Nguyên Trọng, xin vua sang Trần.

Cốc - Chép là táng mà không chép chết. Thế là không có lễ táng. Thế mà chép là táng, là có ý tránh nói: Quý Hữu trốn.

Trương Hiệp - Công tử Hữu sang Trần dự lễ táng Nguyên Trọng, không khác gì đi sứ dự táng vua chư hầu. Vậy Quý Hữu đi là do Trang Công sai, chứ không phải Quý Hữu đi riêng.

Ngô Trừng - Không có lễ đi dự chôn đại phu một nước. Quý Hữu vốn bạn với Nguyên Trọng, muốn tới dự lễ. Vì cớ đại phu không được phép ra nước ngoài, mới xin với Lỗ Công, mà Công thì mệnh cho đi, cho nên chép.

Uông Khắc Khoan - Năm Hi Công thứ 5, Công tôn Tư sang nước Mâu cưới vợ. Năm Văn Công thứ 6, Quý Tôn Hàng Phủ, sang Trần đưa lễ sính và cưới. Năm Văn Công thứ 7, Công Tôn Ngao, sang nước Cử, dự hội thề và đón dâu. Năm Thành Công thứ 8, Công Tôn Anh Tề sang nước Cử cưới vợ. Năm Chiêu Công thứ 25, Thúc Tôn Sước sang Tống đón vợ cho Quý Bình Tử, Kinh Xuân Thu đều không chép đón cưới. Ở đây lại chép rõ là dự lễ táng Nguyên Trọng. Y như chép sứ thần lễ táng vua chư hầu, đó là vì Quý Hữu xin phép Công rồi. Sách nói là đi việc tư, việc riêng mà không nói là Trang Công sai, cho là phi lễ, dù có xin phép Công cũng là đi việc riêng. Thánh nhân đặc biệt chép Công tử Hữu dự chôn Nguyên Trọng để mà ngăn ngừa, về sau e hiểu sai ý nghĩa.

Xét - Làm nhân thần, không riêng giao thiệp với nước ngoài. Quý Hữu ra khỏi nước dự lễ táng. Nguyên Trọng, Kinh Xuân Thu chép để chê, ý rõ là chê. Công Dương cho là rõ việc riêng. Cốc Lương cho là kiêng chép trốn chạy. Hồ Truyện cho là đầu mối loạn bọn vong thần mà các đại phu các chư hầu không chê trách. Tất cả các luận bàn đó đều không phải. Tả Thị bảo rằng Quý Hữu lấy tình cựu giao mà đi riêng. Lưu Sưởng bảo rằng Nguyên Trọng là bạn của Trang Công, mà Quý Hữu theo mệnh Trang Công dự lễ táng, ý thì hơi khác và lạ. Duy có Trương Hiệp, Ngô Trừng, Uông Khắc Khoan, căn cứ vào thuyết bạn cũ của Quý Hữu, thuyết của Tả Thị, rồi lại lấy nghĩa mệnh vua, như thuyết Lưu Sưởng, cho là xin mệnh vua rồi mới đi, bàn như thế, gần như đúng sự tình đương thời: Vả lại, đại phu chơi với đại phu, đối với lý thì được, nhưng nếu không được mệnh vua cho đi khỏi nước, thì sách đã không chép chữ sang (như) trong câu (sang nước Trần).

冬杞伯姬來

ĐÔNG KỶ BÁ CƠ LAI

MÙA ĐÔNG. KỶ BÁ CƠ TỚI

Tả - Bá Cơ về thăm. Phàm con gái vua chư hầu về thăm nhà gọi là (Lai). Bỏ chồng trở về nước mình gọi là (Lai quy). Phu nhân quy ninh về thăm nhà gọi là sang nước Lỗ. Bỏ chồng về nước mình gọi là về nước Mỗ.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn hầu sắp đánh nước Quắc, Sĩ Vĩ nói không nên. Quắc Công là người kiêu ngạo, vì bằng may được thắng trận, tất là khinh rẻ dân. Dân đã bỏ, ta mới đánh. Muốn chống lại ta thì cùng với ai. Xét: Lễ, nhạc từ ái là những điều phải gây, phải nuôi để dùng lúc chiến. Đối với người dân, nếu biết kính, nhường, hòa, vui, yêu thương người sống, thăm viếng người chết, thì sau mới dùng được dân. Vua Quắc không nghĩ những điều ấy, không làm những điều ấy, cứ chiến tranh, tất dân sinh đói.

Công - Chép là "Lai" là tại sao? Sự thực là lại, thì cứ thế chép "Nếu bỏ mà về, thì mới chép: lại về".

Cao Kháng - Mùa xuân, Bá Cơ dời nước tới hội với Công, mùa đông lại tới. Tại sao không ở yên ở nước Kỷ. Kỷ Bá không biết dạy vợ, còn trị nước sao được.

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu chép đàn bà mà đi sang nước chư hầu, duy có Kỷ Bá Cơ, bốn lần chép là lai, một lần chép là hội. Thế thì Bá Cơ vượt ra khỏi lễ nghi, ta đã thấy rõ. Sau Kỷ Bá Cơ, còn thấy chép Tề Cao Cố cùng Tử Thúc Cơ, cỏ lại, đều là phi lễ cả.

莒慶來逆叔姬

CỬ KHÁNH LAI NGHỊCH THÚC CƠ

CỬ KHÁNH TỚI ĐÓN THÚC CƠ

Công - Cử Khánh là ai. Là đại phu nước Cử. Nước Cử không có đại phu, sao đây lại chép. Chép là chê. Chê đại phu ra khỏi nước để đón người con gái Lỗ. Thế là phi lễ.

Cốc - Vua chư hầu gả con gái cho một đại phu, thì cho một đại phu đứng chủ việc. "Lai" nghĩa là tới đón. Việc đi đón thế là bất chính, cho nên không chép là đi đón vợ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo đón là bất chính, nên không dùng tiếng vợ chồng, bảo thế là sai. Vì Cư Khánh tới đón, không được nói là đón con gái Lỗ, nói thế sẽ nhầm với đón Phu nhân vua mình, vậy chép là Thúc Cơ vẫn có lý. Lại bảo rằng không dùng tiếng vợ chồng, bảo thế cũng nhầm. Lại bảo rằng Cư Khánh không có mệnh vua. Thế nhưng Thúc Cơ có gả cho vua đâu mà chép. Chép đây là vì vua đứng làm chủ. Cư Khánh thành ra ngang với vua. Vậy chép.

杞伯來朝

KỶ BÁ LAI TRIỀU

KỶ BÁ LẠI CHẦU

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử sai Thiệu Bá Liêu, ban phong cho Tề Hầu, và sai Tề Hầu phạt Vệ về tội Vệ giúp Tư Đồi.

Phạm Ninh - Vua Kỷ chép là Bá Tước đó là Thiên dương thời, giáng truất.

Hà Tề Xuyên - Kỷ là con cháu triều vua (Thiên Tử) trước. Khi Đông Lâu Công mới được phong, thì không khác gì Vi Tử Khải, được dùng lễ Giao, lễ Nhạc thiên tử. Đến thời Xuân Thu thì mất tước Công, giáng làm tước Hầu, sau hoặc gọi là Bá, hoặc gọi là Tử, không định hẳn, đủ biết Kỷ đã nhỏ bé yếu hèn rồi.

Trình Đoan Học - Kỷ Bá không chầu vua, lại đi chầu nước Lỗ, thế là thất lễ. Huống vì Bá Cơ lại mà chầu. Đã không dạy được vợ, lại đi theo vợ thế là trong việc thất lễ lại thất lễ nữa.

公會齊侯于城濮

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU THÀNH BỘC

CÔNG HỘI TỀ HẦU TẠI THÀNH BỘC

Trương Hiệp - Thành Bộc là đất nước Vệ. Tề muốn đánh Vệ, nên hội Lỗ ở đấy. Quyết định giao ước xong rồi, mới đem quân đánh Vệ. Mưu kế thật lo liệu kỹ lưỡng.

Năm Ất Mão, Huệ Vương năm thứ 11.

二十有八年

NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 28

Tề Hoan năm thứ 20. Tấn Hiến năm thứ 11. Vệ Ý năm thứ 3. Sái Mục năm thứ 9. Trịnh Văn năm thứ 7. Tào Hi năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 27. Kỷ Huệ năm thứ 7. Tống Hoàn năm thứ 16. Tần Tuyên, năm thứ 10. Sở Thành năm thứ 6.

春王三月甲寅齊人伐衛人

衛人及齊人戰衛人敗績

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, GIÁP DẦN, TỀ NHÂN, PHẠT VỆ, VỆ NHÂN CẬP TỀ NHÂN CHIẾN VỆ NHÂN BẠI TÍCH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA NGÀY GIÁP DẦN, NGƯỜI TỀ PHẠT VỆ, NGƯỜI VỆ CÙNG NGƯỜI TỀ CHIẾN, NGƯỜI VỆ THUA TAN

Tả - Mùa xuân, Tề hầu phạt Vệ, Chiến, đánh được quân Vệ. Tuyên cáo mệnh vua (Thiên Tử). Lấy các lễ vật (của hối lộ) rồi về.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hiến Công lấy vợ ở đất Dả,

không có con. Thông dâm với Tề Khương, sinh ra con gái, sau là Phu nhân Tần Mục, và con trai là Thế tử Thân Sinh. Rồi lại lấy hai người con gái nước Nhung, đại Nhung là Hồ Cơ sinh ra Trùng Nhĩ, tiểu Nhung sinh ra Di Ngô. Tấn Hiến Công khi đánh nước Ly Nhung lấy con gái Ly Nhung là Ly Cơ, sinh ra Hề Tề. Em gái Ly Cơ sinh ra Trác Tử. Ly Cơ được vua yêu, muốn cho con nối ngôi, mới kết thân với hai đại phu được vua tin dùng là Lương Ngũ và Đông Quan Ngũ, hối lộ để hai người nói với Tấn Công: "Đất Khúc Ốc là nơi Tiên Quân xưa đóng đô, còn có tôn miếu. Đất Bồ và đất Khuất là nơi Trọng địa nơi biên trấn. Các nơi đó không thể không có chủ, Ấp Khúc Ốc mà vô chủ thì dân không mạnh. Biên giới mà vô chủ thì Nhung địch hay dòm dỏ, dân lười nhác, đó là mối lo cho nước. Nếu sai Thế tử làm chủ Khúc Ốc, Trùng Nhĩ, Di Ngô làm chủ Bồ và Khuất thì dân thành mạnh mà Nhung Địch phải sợ. Như thế, Tấn, đô thị sẽ nhiều hơn, đất đai sẽ phong phú, còn gì hay bằng". Tấn Hầu cho là phải. Mùa hạ sai Thế tử ra trấn Khúc Ốc, Trùng Nhĩ giữ Bồ thành, Di Ngô giữ đất Khuất. Các Công tử đều phân tán đi các ấp. Duy hai con của chị em Ly Cơ ở lại. Lương Ngũ và Đông Quan Ngũ cùng với Ly Cơ gièm các Công tử, khuyên lập Tề Hề. Người Tấn gọi là hai ông Ngũ. Đại Nhung là con cháu Đường Thúc. Tiểu Nhung là Nhung họ Doãn. Khổng An Quốc nói: Đó tức là Nhung họ Doãn ở châu Qua Châu. Ly Nhung ở huyện Tân Phong xứ Kinh Triệu. Bồ ở huyện Bồ Tử xứ Bình Dương. Khuất ở huyện Bắc Khuất, xứ Bình Dương.

Công - Phạt thì không chép ngày. Đây chép ngày là ngày được trận. Đã chiến thì không gọi là phạt. Đây lại nói phạt, là nói ngày được trận. Trong Xuân Thu, kẻ đi phạt là khách, kẻ bị phạt là chủ. Sao lại thế. Là vì Vệ chưa rõ tội. Kẻ bị thua thì chép là sư, là toàn quân, sao Vệ lại không gọi là toàn quân. Vì chưa đánh được toàn quân.

Cốc - Trong hai chữ phạt với chiến, thì chữ chiến là phải. Chiến Vệ là chỉ toàn quân. Thế mà lại chép là Tề nhân, người Tề. Tại sao? Tại khinh thị nước Tề. Sao lại khinh thị. Đã được các chư hầu tôn lên mà lại còn có chuyện đi xâm phạt, thế là khinh thị? Còn Vệ, sao cũng gọi là Vệ nhân, người Vệ? Vì Tề, còn dùng nhân, thì Vệ cũng thế. Vệ nhỏ, Tề lớn, sao lại chép Tề cùng Vệ? Tại vì khinh thị cho nên cả hai cho cùng một hạng.

Sao lại chép là đánh bại (đánh thua) người Vệ? Là vì không thể chép được toàn là quân Tề đánh bại người Vệ.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu chép việc binh: Người "cùng với" là chủ việc. Người Tề đem quân đi phạt Vệ, người Vệ bị phạt, bị quân tới phạt, sao lại dùng chữ cùng cho Vệ (Vệ cập chi). Xét trong Tả Truyện, Vệ đã phạt Chu để giúp Tử Đồi. Đến bây giờ, Thiên Tử mới sai Thiệu Bá Liêu, ban mệnh cho Tề Hầu, bảo Tề Hầu phạt Vệ. Thế là người Tề phụng mệnh cất quân để trị tội Vệ đã giúp Tử Đồi. Vậy Vệ nên xử sự thế nào? Như thực là có tội thì nên trình lên quan Tư Khấu coi việc Hình, ý như Khang Thúc không mất Xã Tắc còn được giữ, để tự sửa đổi tội lỗi. Đó là cách tuân theo mệnh, không còn cách nào hơn. Nay về không có một lời xin biết rõ tội lỗi, trên thì kháng mệnh Thiên Tử, dưới thì cự quân Phương Bá, thẳng tay giao chiến. Vậy mới gọi là "người Vệ". Cho nên trong việc chiến này, Vệ là chủ động. Chép là chiến không chép là phạt. Chép phạt mà không chép ngày. Thế mà chép ngày tức là chép ngày chiến. Thay người Tề được sai đi phạt tội, nên ghi ngày chiến, mà người Vệ cũng không hỏi đến duyên cớ, cứ đúng ngày đó giáp chiến, vì thế rất là chê Vệ. Ý thánh nhân thật là rõ.

Lưu Sưởng - Đây là người Tề phạt Vệ. Sao lại chép là người Vệ cùng người Tề chiến. Chiến mà chép chữ cùng, là cho rõ vị chủ việc, cũng như nói là chính người Vệ muốn chiến. Việc chiến đó mà chép là có ý chê. Sao lại chê? Vì chiến là việc hung, có ai chủ tâm làm hung. Người quân tử ví phải giết một người vô tội để được thiên hạ cũng không làm. Công Dương có nói sao lại cho Vệ là chủ động, Vệ chưa có lỗi gì, Công Dương nói thế sai. Tuân Lâm Phủ đem quân đội cùng Sở Tử chiến ở đất Bí, đương thời đó, Công Dương có trách quân đội Tấn, thì sao không cho Sở Tử làm chủ động há có phải là quân Tấn chưa có lỗi, mà Sở Tử có lỗi đâu. Sao Công Dương trước sau nói trái ngược thế. Cốc Lương thì nói: Vệ chép là người Vệ, là vì đã chép Tề là người Tề thì không chép Vệ là người Vệ được. Cốc Lương nói thế cũng sai. Nếu Tề có tội thì chê Tề, Vệ có tội thì chê Vệ, thế mới là bàn sáng suốt, phân minh. Nay muốn chê Tề nhân thế lại chê cả Vệ, Tề đã đành có tội, nhưng còn Vệ thì sao, thế mà còn nói rằng, "không thể không chép Vệ là người Vệ", thì tại sao lại có cái lý "không thể" ấy. Vệ nhỏ, Tề lớn, mà chép

chữ Vệ "cùng" là tại sao? Là vì chê, cho nên có chữ cùng, Cốc Lương nói thế cũng sai. Vệ muốn chiến thì chép Vệ cùng Tề. Tề muốn chiến thì chép Tề cùng Vệ. Kinh Xuân Thu ghét chiến cho nên thường phân biệt cho rõ cái họa tự đâu mà ra, chứ không chỉ vì nước lớn nước nhỏ. Cốc Lương lại nói: Chép chữ người, nhân, để chép việc bại trận, không chép là quân đội bại trận, vì "người" đánh, Cốc Lương lại bàn sai. Thiết sử Tề binh nhiều, tướng giỏi mà thua Vệ, tướng kém, quân ít mà được, thế chả nhẽ, không được chép "quân đội", bị "người" đánh cho thua ư.

Hoàng Trọng Viêm - Lần thứ hai, hội thề ở đất U, Vệ hầu không tới, là vì cớ đang có tang, có thể miễn cho, thứ cho được, thế mà Tề phạt, thế là quân Tề không đo xét đến điều nghĩa. Vệ không địch nổi Tề là rõ lắm, không biết dẹp nỗi cơn uất hận trong chốc lát, lại cùng người Tề chiến, cho nên chung cuộc quân đội tan vỡ, thế là quân Vệ không đo xét đến lực lượng, cứ tranh đấu. Vậy cả Tề lẫn Vệ đều có lỗi.

Xét - Trình Tử bảo Quản Trọng biết dùng binh, chưa thường nhiều quân. Cho nên, nói việc chinh phạt của Tề Hoàn đều biết là: tướng thì thường, quân thì ít, thế thì cho nên chép người, chứ không chép quân đội, đâu có phải là lối chê. Năm đó, về việc phạt Vệ bảo là Vệ "cùng Tề" chiến, chuyên về trách Vệ, bàn thế là đúng. Tuy nhiên, Tả Thị có chép Tề Hoàn nhận đồ lễ rồi về, thì không đáng làm một vị Bá đi thảo tội. Cho nên, tiên nho định tội cả Tề lẫn Vệ. Nay đều chép cả.

夏四月丁未鄒子瑣卒

HẠ TỨ NGUYỆT ĐINH MÙI, CHÂU TỬ, TỎA TỐT.

MÙA HẠ THÁNG TƯ NGÀY ĐINH MÙI, CHÂU TỬ TỎA MẤT

Uông Khắc Khoan - Tỏa ở ngôi 12 năm. Con là Cử Trừ, nối ngôi tức là Văn Công.

秋荆伐鄭

THU, KINH PHẠT TRỊNH

MÙA THU, KINH PHẠT TRỊNH

Cốc - Kinh là nước Sở. Gọi là Kinh, vì Sở chỉ là một châu Di Địch.

公會齊人宋人救鄭

CÔNG HỘI TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN CỨU TRỊNH

CÔNG HỘI NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG CỨU TRỊNH

Dưới chữ Tống nhân, Công Thị thêm Châu Lâu nhân.

Ta - Lệnh Doãn nước Sở là Tử Nguyên muốn làm mê hoặc Văn Phu Nhân mới xây nhà giáp cung, rồi cho múa hát ca nhạc. Phu Nhân nghe thấy, khóc nói: Tiên quân dùng nhạc đó để tập vũ bị. Nay quan Lệnh Doãn không nghĩ gì đến các nước thù địch, mà tới ở gần gái hoá này thì thật là lạ. Cùng nhân mách với Tử Nguyên, Tử Nguyên nói: Một người đàn bà còn không quên thù nước, ta cha nhẽ quên sao. Mùa thu Tử Nguyên mới lấy 600 cỗ xe đem đi đánh Trịnh và tới cửa Cốc Trất, Tử Nguyên, Đấu Ngự Chương, Đấu Ngô, Cảnh Chi Bất Tỷ, Đấu Ban, Vương tôn Du, Vương tôn Hỷ Điến, cho xe tiến vào cửa Thuần Môn, tới Quỳ thị. Cửa thành không đóng, chợ búa như thường. Tử Nguyên nói: Trịnh có phòng bị, Chư hầu tới cứu. Quân Sở đêm rút lui hết. Người Trịnh trước đã định chạy ra Đồng Khâu. Thám tử báo rằng, trên nóc trại Sở có quạ đậu, mới thôi không chạy nữa (Đồng Khâu, ở Đông Bắc huyện Hứa Xương còn thành Đồng Khâu).

Cốc - Khen việc cứu Trịnh.

Hồ Truyện - Xét Ta Thị, Sở Lệnh Doãn Tử Nguyên vô cớ đem 600 binh xa đánh Trịnh, thế là lấy quân đội lăng áp kẻ yếu, cho nên gọi Sở là Kinh, tức là Châu, là Di Địch. Người Trịnh sắp chạy ra đồng Khâu, các chư hầu tới cứu, quân Sở đêm trốn về, thế là còn có nghĩa lân bang cứu cấp. Vì thế chép việc cứu Trịnh là khen.

Trình Tử - Tề Hoàn làm Bá chủ. Lỗ là nước có danh vọng. Tông là con cháu các vua đời trước. Đây là khơi đầu việc cứu Trịnh để ngăn Sở. Thế là đại thế thiên hạ hãy còn vững.

Chu Tử - Tề Hoàn, Tấn Văn, sở dĩ có công với nhà vua, là vì đương thời đó, Sở rất mạnh, thường đem binh đánh Trịnh. Trịnh thì ở trong khu vực biên giới đất nhà Chu. Sở ở thời Xuân Thu, mạnh hơn các chư hầu, nếu không có Hoàn, Văn, ngăn ngừa, thì nhà Chu cũng đã bị thôn tính rồi.

冬築郿

ĐÔNG TRÚC MY

MÙA ĐÔNG, XÂY CẤT Ở MY

CỐC VÀ CÔNG VIẾT LÀ

MY LÀ MỘT ẤP NHỎ Ở ĐẤT NƯỚC LỖ

Ta - My không phải là một đô thị. Phàm ấp mà có tôn miếu Tiên quân thì gọi là đô, không có thì gọi là ấp. Ấp thì xây cất, đô mới xây thành.

Các lợi ở rừng, núi, đầm, ao là để cho cùng với dân. Vui chơi các nơi đó không phải là chính nghĩa.

Phạm Ninh - Xây cất thì không có chép. Đây chép là để chê, tuy xây cất đúng mùa.

Đạm Trợ - Cốc Lương nói: Các lợi ở rừng, núi là để cho cùng với dân. Vui chơi ở các nơi đó không phải là chính nghĩa. Câu Cốc Lương nói đó nên áp dụng ở các việc xây cất vườn uyển, không nên áp dụng ở đây.

Lưu Sưởng - My là ở trong nước. Xây cất là để lập thành ấp. Sao lại chép. Vì là việc không thường.

大無麥禾

ĐẠI VÔ MẠCH HÒA

THIẾU RẤT NHIỀU LÚA MÌ, LÚA MÙA

Công - Mùa đông mà đã không còn lúa mì, lúa mùa. Sao trước thì chép xây dựng chỗ ấp nhỏ, mà sau thì nói không có mì, không có lúa mùa. Là tránh vì nói năm hung lại đi xây cất.

Cốc - Chép thiếu rất nhiều, là có ý lo nghĩ việc không có hòa, mạch.

Khổng Dĩnh Đạt - Lúa mì gặt về mùa hạ, lúa mùa chín về mùa thu. Thế mà chép mùa đông là biết lúa thiếu không đủ, dồn lại mùa đông cùng chép.

Đạm Trợ - Công Dương nói: Trước chép xây cất ở ấp nhỏ, rồi sau chép không có lúa, là kiêng nói năm hung lại xây ấp. Nay xét, xây cất là ở đầu mùa đông. Mùa đến hết năm mới chép thiếu lúa. Vậy chép từ việc trước tới việc sau lần lượt, đâu có phải là kiêng tránh. Cốc Lương thì nói, thiếu rất nhiều, là có ý lo nghĩ.

Xét - Bao thiếu nhiều chi là thiếu nhiều, có gì chứng là lo nghĩ.

Trương Hiệp - Không nói hạn hán mà nói thiếu nhiều lúa, thế là nói thiên thời và nhân sự đều không đầy đủ.

臧孫辰告糴于齊

TANG TÔN THẦN CÁO ĐỊCH VU TỀ

TANG TÔN THẦN XIN MUA LÚA Ở TỀ

Mùa đông bị đói. Tang Tôn Thần báo cáo cho Tề xin mua thóc. Thế là lễ.

Công - Báo cáo để làm gì. Để xin mua thóc. Sao lại không gọi là sứ. Vì Tang Tôn Thần đây là đi riêng. Người quân tử lo việc nước thì phải tích đủ trong ba năm. Mới có một năm mà đã báo cáo xin mua gạo. Thế là dân bị đói.

Cốc - Một nước mà không trữ được ba năm, thì không đáng gọi là một nước. Mới có một năm mà không đủ phải báo cáo

chư hầu, phải xin mua thóc. Thế là bất chính. Cho nên chép là Tang Tôn Thần đi riêng. Một nước không có trữ đủ chín năm thì gọi là bất túc; không có trữ đủ sáu năm thì gọi là cấp, không có trữ đủ ba năm thì không đáng gọi là một nước. Không có gạo, chư hầu cùng giúp nhau gạo, thế là chính. Tang Tôn Thần báo cáo với Tề mua thóc. Có được báo cáo, rồi sau mới bán cho. Thế là trong nước không có ngoại giao. Đời xưa, lấy thuế dân, mười phần lấy một. Năm được mùa thế là đủ, không phải lấy thêm, trên dưới đều sung túc. Dù có gặp hung niên dân không khổ. Mới có một năm, không có thóc, mà dân đã đói, người quân tử rất chê. Không chép là như (như Tề, sang Tề) là tránh nói việc không hay về nội chính.

Hồ Truyện - Lưu Sương bảo không chép là sang Tề báo cáo mua lúa mà chép là ở Tề. Chép sang Tề tức là việc còn thư thả, chép ở Tề tức là việc khẩn cấp. Thế là để trách đại thần coi việc nước, bị cái tệ chỉ cầu danh, không cầu thực. Người Lỗ chỉ thích danh, lúc có tai họa mới vội cứu cho là công. Người quân tử chỉ trách việc thực, cho rằng không biết việc săn sóc nông tang, không biết thương dân, không biết dè dùng, cho thế là có tội.

Triệu Khuông - Chê Tang Tôn Thần, trị nước không biết dự trữ, cho nên chép là đi riêng. Cốc Lương bảo rằng có được báo cáo rồi sau mới bán cho, thế là trong nước không có ngoại giao. Thế thì không báo cáo, Tề nào có biết gì.

Năm Bính Thìn, Huệ Vương năm thứ 12.

二十有九年

NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 29

Tề Hoàn năm thứ 21. Tấn Hiến năm thứ 12. Vệ Ý năm thứ 1. Sái Mục năm thứ 10. Trịnh Văn năm thứ 8. Tào Hi năm thứ 6. Trần Tuyên năm thứ 28. Kỷ Huệ năm thứ 8. Tống Hoàn năm thứ 17. Tần Tuyên năm thứ 11. Sở Thành năm thứ 7.

春辛延廄

XUÂN TÂN DIÊN CỨU

MÙA XUÂN CẤT LẠI NƠI NUÔI NGỰA

(Ý nghĩ của một người sinh khoảng 2500 năm sau Khổng Tử: Ta đọc Kinh thấy chép những việc này không khỏi buồn cười. Nhưng phải nhớ rằng, đối với thời đó, chuồng nuôi ngựa cũng quan trọng như ngày nay nơi kho tích trữ máy móc các chiến xa).

Tả - Chép việc làm không đúng mùa, nơi, ngày ngày, ngựa ra vào.

Công - Xây lại diên cứu (chuồng ngựa) tức là sửa chuồng cũ. Chuồng cũ khi xây không có chép. Nay chép là chê. Chê vì hung niên, dựng có công tác mới.

Cốc - Diên cứu cũng gọi là pháp cứu. Nói mới tức là có cũ. Có cũ thì sao không thấy chép. Thời xưa, phàm người quân tử phải biết nhu cầu của dân. Dân mà cần đến lực thì nên ít việc xây cất. Dân cần đến tài san thì bắt ít thuế. Dân cần ăn cho sống thì trăm việc công tác nên đình lại. Nay mùa đông, xây cất áp mùa xuân, xây lại chuồng nuôi ngựa, thế là dùng hết lực của dân.

Lưu Sưởng - Thời Xuân Thu, trong 242 năm, các việc công tác sửa chữa rất nhiều, đâu có chép. Thế mà xây cất chuồng ngựa, xây dựng Nam Môn, đều là các việc nhỏ, sao lại chép. Như Tần Cung là miếu Tuyên Công bị hỏa tai; nhà Thái Thất là miếu của Lỗ Công bị đổ. Bị tai họa, thế tất phải sửa chữa, thế mà Kinh không chép việc chữa. Trì Môn với Lưỡng Quán bị tai, thì lại chép việc dựng lại mới, lấy một vài việc đó xét. Sửa nhà cũ không chép. Thế mà đã chép, tức là để cho rõ việc trái lễ, chứ không phải là cho những nhà đó quan trọng. Xưa Hi Công sửa Phán Cung, mà dân làm thơ khen, và Xuân Thu không chép là tại sao. Vì Phán Cung là nhà Học của các chư hầu, Hi Công mà sửa là đúng thời, đúng phép, là công việc của chư hầu, các việc đó không chép cả được, nhiều quá, cho nên Xuân Thu không chép Xuân Thu cho là phép của người trên là phải đúng chế độ. Con làm thơ ca tụng ân đức của vua, là việc của dân. Thơ ca

tụng có khi quá hậu, mà Xuân Thu thì không có khen bừa bãi. Đó là điểm khác nhau. Tuy nhiên, chép việc xây cất Nam Môn, xây cất chuồng ngựa, là vì cớ gì. Vì: Diên cứu là của Thiên Tử, không phải là của chư hầu. Tiếm dùng Diên cứu không phải từ Trang Công; việc đã qua có thể bỏ qua, thế mà không bỏ qua cho nên chép là sửa mới. Tiếm làm Nam Môn, không phải tự Hi Công, tội ở việc không nên làm mà làm, cho nên chép là tân tác là mới làm. Vậy Xuân Thu mà chép lược việc thường, gian việc nhỏ, cẩn thận việc lớn, chép thế là dạy hậu thế. Không phải là việc của sử quan.

夏鄭人侵許

HẠ, TRỊNH NHÂN XÂM HỨA

MÙA HẠ, NGƯỜI TRỊNH XÂM HỨA

Tả - Mùa hạ, người Trịnh xâm Hứa, Phàm quân đội mà có chuông trống, thì gọi là phạt, không có thì gọi là xâm Cất lén thì gọi là tập (đánh úp).

Trương Hiệp - Hứa và Trịnh là thế thù, thế mà sau việc thề ở đất U, Hứa không dự hội Hoàn Công. Trịnh Xâm Hứa, hoặc giả là Tề sai chăng. Từ đó, Hứa mới theo về Trung Quốc.

秋有蜚

THU HỮU PHỈ

MÙA THU CÓ SÂU PHỈ

Tả - Không làm hại. Phàm vật không làm hại thì không chép.

Công - Sao lại chép. Chép việc dị, việc lạ.

Cốc - Hoặc có, hoặc không, đây chép có.

Lưu Hướng - Phỉ sắc xanh, không sản ở Trung Quốc. Xứ Nam Việt, mùa viêm nhiệt, trai gái cùng tắm, dâm khí sinh ra. Vì Công lấy phải người vợ nước Tề không ra gì, cho nên giống trùng tới, là trời răn cho sinh giống hôi bẩn, để cho cả thiên hạ được biết.

Lưu Sưởng - Phi là một giống, hình giống con trâu, đầu trắng, một mắt, đuôi rồng, đi trên nước thì nước cạn đi trên cỏ thì cỏ chết. Sâu ấy hiện ra là trong nước có dịch tễ.

Xét - Các tai dị, Kinh Xuân Thu chép cả. Phi là vật vốn Lỗ không có. Nay mà có là một việc lạ (dị). Ăn hại lúa nếp non, lúa không mọc được. Thế là tai. Còn như Lưu Sưởng cho là vật có một mắt đuôi rồng, đó là theo sách Sơn Hải Kinh. Nay chép cả.

冬十有二月紀叔姬卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ THÚC CƠ TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, KỶ THÚC CƠ MẤT

Gia Huyền Ông - Nước đã bị diệt, vua chết, không chép lễ táng. Đây vì cho Thúc Cơ là hiền cho nên chép táng đặc biệt. Hàng thiếp, dắng, không có lễ táng, đây khen Thúc Cơ, cho nên với Bá Cơ cùng được táng. Kinh Xuân Thu cho là Thúc Cơ đã giữ được tiết nghĩa, không vì nước mất mà biến đổi, chép riêng dạy đời sau.

Xét - Kỷ Thúc Cơ chết, được chép, tiên nho cho là hiền, là có tiết tháo, luận bàn như nhau. Riêng Hồ Truyện lại báo rằng, chép Thúc Cơ chết để cho rõ là Kỷ Hầu có khác với Thái Vương, đâu có phải là ý Kinh Xuân Thu.

城諸及防

THÀNH CHƯ CẬP PHÒNG

XÂY THÀNH Ở ĐẤT CHƯ VÀ Ở ĐẤT PHÒNG

Tả - Chép mùa. Phàm các việc xây cất, thì cứ khi sao Long hiện thì mọi việc đều khởi công, chia việc. Sao Hỏa hiện, thì mọi việc đều có công dụng. Sao thủy chính vị thì có việc may cất. Đông chí là xong tất cả.

Phụ lục Tả Truyện - Phàn Bí phản Thiên Tử.

Cốc - Có thể xây thành được. Từ việc lớn đến việc nhỏ.

Đạm Trợ - Cốc Lương bảo từ việc lớn đến việc nhỏ. Đây là kể việc trước sau, chứ đâu có phải là từ lớn đến nhỏ.

Năm Đinh Tỵ, Huệ Vương năm thứ 13.

三十年

TAM THẬP NIÊN

NĂM THỨ 30

Tề Hoàn năm thứ 22. Tấn Hiến năm thứ 13. Vệ Ý năm thứ 5. Sái Mục năm thứ 11. Trịnh Văn năm thứ 9. Tào Hi năm thứ 7. Trần Tuyên năm thứ 29. Kỷ Huệ năm thứ 9. Tống Hoàn năm thứ 18. Tần Tuyên năm thứ 12. Sở Thành năm thứ 8.

春王正月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Vương mệnh cho Quắc Công đánh dẹp Phan Bì. Mùa hạ tháng tư, ngày Bính thìn. Quắc Công vào Phàn, bắt Phàn Trọng Bì, đem về Kinh sư.

夏師次于成

HẠ, SƯ THỨ VU THÀNH

MÙA HẠ QUÂN ĐÓNG LẠI ĐẤT THÀNH

Tả Truyện không có chữ sư là quân (toàn quân).

Phụ lục Tả Truyện - Sở Công tử Nguyên đánh Trịnh về. Đấu xạ Sư can rồi bị bắt và bị gông cùm. Mùa thu Thân Công Đấu Ban giết Tử Nguyên. Đấu Cấu Ô Đồ lên làm Lệnh Doãn tự tán gia tài để bớt nạn nước.

Trần Phó Lương - Đây chép (đóng lại) là tại sao? Nhẽ ra không đáng chép. Thật rõ Trang Công không thể đua đòi với Tề được. Vua bố chết, con không đánh báo thù được. Mưu việc

nước Kỷ thì Tề diệt Kỷ. Cùng Tề vây nước Thành thì Thành đi hàng Tề. Đến nay lại đóng quân ở đất Thành thì Chương (nước Chương) hàng Tề. Tề Hầu tuy có tội, nhưng xét đến Trang Công thì không thể không chê được.

秋七月齊人降鄣
THU THẤT NGUYỆT, TỀ NHÂN HÀNG CHƯƠNG
MÙA THU THÁNG BẢY, NGƯỜI TỀ HÀNG ĐƯỢC ẤP CHƯƠNG

Công - Chương là ấp còn lại của nước Kỷ. Hàng được nghĩa là chiếm lấy. Sao không nói hẳn là chiếm lấy. Là vì Hoàn Công tránh tiếng chiếm lấy. Nước ngoài chiếm đất không có chép. Đây chép cho biết rõ thế là chiếm hết.

Cốc - Hàng được nghĩa là hạ được. Chương là ấp còn sót lại của nước Kỷ.

Khổng Dĩnh Đạt - Kể từ khi Kỷ Hầu dời nước ra đi đến nay là 27 năm, thì ấp không đứng vững một mình được. Đây là một nước nhỏ phụ dung cũng như nước Thị, nước Chuyên không chép là xâm phạt vì lấy binh uy hiếp bức bắt phải hàng. Triệu Khuông có nói: Phàm đã phục tông, phải nội thuộc, tức là hàng. Không chép là Chương hàng. Vì là Tề bắt hàng.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, hàng được Chương tức là chiếm lấy, không chép hẳn chiếm lấy vì còn kiêng cho Hoàn Công. Công Dương bảo thế không phải, sai. Chiếm lấy thì nói hẳn chiếm lấy. Bắt hàng thì nói hẳn bắt hàng. Dời nước đi thì nói dời nước đi, việc gì phải mượn chữ này thay chữ khác để kiêng, làm cho thêm mối nghi ngờ.

八月癸亥葬紀叔姬
BÁT NGUYỆT, QUÝ HỢI, TÁNG KỶ THÚC CƠ
THÁNG TÁM NGÀY QUÝ HỢI, LỄ TÁNG KỶ THÚC CƠ

Công - Phu nhân nước ngoài không chép lễ táng. Đây chép là muốn kiêng tránh việc nước đã mất, phải táng ở tha hương.

Cốc - Không chép ngày chết, mà chép ngày táng, là thương nước Kỷ đã mất.

Xét - Chép táng Thúc Cơ, là đã rõ Thúc Cơ hiền, mà cũng nhân có Lỗ dự táng cho. Công Dương bảo phải táng nơi tha hương là sai.

九月庚午朔日有食之鼓用牲于社

CỬU NGUYỆT CANH NGỌ SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI CỔ DỤNG SINH VU XÃ

THÁNG CHÍN, NGÀY CANH NGỌ, NGÀY SÓC, CÓ NHẬT THỰC ĐÁNH TRỐNG VÀ LÀM LỄ SINH Ở NỀN XÃ

Phạm Ninh - Cứu nhật thực, mà dùng lễ sinh đã là sai, dẫu có phạm là tháng chính dương. Thế mà còn đánh trống lại càng phi lễ.

冬公及齊侯遇于魯濟

ĐÔNG CÔNG CẬP TỀ HẦU NGỘ VU LỖ TẾ

MÙA ĐÔNG CÔNG CÙNG TỀ HẦU, GẶP Ở LỖ TẾ

Tế là sông Tế Thủy giới hạn hai nước Tề Lỗ. Ở đất Tề thì gọi là Tề Tế. Ở đất Lỗ thì gọi là Lỗ Tế.

Tả - Mùa đông gặp ở Lỗ Tế, bàn việc Sơn Nhung đang quấy nước Yên. Yên là một nước ở huyện Kế.

Cốc - (Cùng) là sự trong nước chép việc, (gặp) là chép sự tương Đắc.

Hứa Hàn - Tề Hoàn phạt Nghê, phạt Trịnh, phạt Từ, đều lấy người Tống làm chủ động. Cùng với Công hội ở Thành Bộc, mà rồi sau phạt Vệ. Cùng với Công gặp ở Lỗ Tế, mà rồi sau phạt Nhung. Xem đó biết Hoàn Công làm chức Bá không có tự thị, biết dùng tài người, biết góp công người, biết hết sức chỉnh đốn việc thiên hạ để cứu dân.

Trương Hiệp - Giản ước lễ nghi để bàn việc quân. Thế là giao thiệp có xong xuôi rồi mới nói đến việc.

齊人伐山戎

TỀ NHÂN PHẠT SƠN NHUNG

NGƯỜI TỀ PHẠT NƯỚC SƠN NHUNG

Công - Đây là Tề Hầu. Sao gọi là người Tề? Là chê, Tứ Tư Mã Tử bảo là bắt người ta phải cung phụng mình. Đây là chiến mà không chép là chiến, trong Xuân Thu cùng đánh nhau thì gọi là chiến. Hoàn Công đối với Nhung chỉ là đuổi xua.

Cốc - Người Tề là Tề Hầu, sao gọi là người. Là quý Tề Hầu hơn Sơn Nhung. Vì sao? Hoàn Công trong nước mình không có cớ gì phải đi đánh, ngoài nước không phải theo chư hầu nào. Thế mà vượt nghìn dặm gian hiểm lên phía Bắc phạt Sơn Nhung thật là nguy. Chép là ý chê hay sao? Không, chép là khen. Nước Yên vốn là con cháu nhà Chu, cống hiến không tới được vì Sơn Nhung. Nay phạt Sơn Nhung.

Xét - Người Tề phạt Sơn Nhung. Cốc Lương cho là khen Tề Hoàn Công cứu Yên cho Yên tiện phận sự cống hiến. Hồ Truyện căn cứ vào lời bàn của Công Dương cho là chê việc viễn chinh, mà đến bảo là Tề Hoàn thân chinh, kỳ thực không phải. Lỗ Hi Công năm thứ 10, phạt Bắc Nhung thì lại chép là Tề Hầu.. Thế là khen hay chê, Công Thị, Cốc Thị, Hồ Thị đều không truyền lại sao vậy. Nay khảo cứu các sách khác thì thấy: Tề Hoàn thân chinh phạt Sơn Nhung, là sau việc phạt Sở, về năm Hi Công thứ 10, Hoàn có thân chinh, cho nên chép là Tề Hầu. Còn như lần này bất quá sai một tướng thường đi phạt, cho nên cứ theo lệ, khi tướng kém mà quân có ít, thì chép là người Tề. Còn đến việc hội ở Lỗ Tế, việc hiến chiến cụ bắt được của Nhung, thì Tề Lỗ vốn hai nước ở giáp nhau, hằng năm thường gặp nhau (tương kiến) là việc quá thường rồi không đủ để dẫn chứng cho việc phạt Nhung. Kinh chưa thường chép Nhung phạt Yên, cũng chưa thường chép Tề cứu Yên, thì lời bàn chép "người" là khen việc cứu Yên, lời bàn ấy không đúng. Cứu nước Hình, cứu nước Hứa đều có chép thì sao riêng việc cứu Yên lại không chép. Cho nên Cốc, Công, Hồ đều san bỏ mà phàm bảo chép chữ "người" là có ý chê, bàn thế đều không nghi.

Năm Mậu Ngọ, Huệ Vương năm thứ 14.

三十有一年

TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 31

Tề Hoàn năm thứ 23. Tấn Hiến năm thứ 14. Vệ Ý năm thứ 6. Sái Mục năm thứ 12. Trịnh Văn năm thứ 10. Tào Hi năm thứ 8. Trần Tuyên năm thứ 30. Kỷ Huệ năm thứ 10. Tống Hoàn năm thứ 19. Tần Thành Công năm đầu, Sở Thành năm thứ 9.

春築臺于郎

XUÂN, TRÚC ĐÀI VU LANG

MÙA XUÂN, XÂY ĐÀI Ở ĐẤT LANG

Công - Sao lại chép là chê? Vì dùng hết sức dân, không cho nghỉ.

Đỗ Dự - Chép việc xây đài là chê sự xa xỉ, và công tác không đúng mùa. Tôn Phục nói, Trang Công luôn năm xây cất cung đài, lỡ việc nông và hại dân quá lắm.

夏四月薛伯卒

HẠ TỨ NGUYỆT, TIẾT BÁ, TỐT

MÙA HẠ THÁNG TƯ, TIẾT BÁ MẤT

Xét - Tiết gọi là Bá, là thời đó bị Thiên Tử truất. Coi lại đoạn Hoàn Công năm thứ 2, Đằng Tử tới chầu, thì rõ nghĩa.

築臺于薛

TRÚC ĐÀI VU TIẾT

XÂY ĐÀI Ở TIẾT (TIẾT, ĐẤT NƯỚC LỖ)

Công - Sao chép là chê? Chê vì xa quá.

Hà Hưu - Theo lễ, chư hầu quan sát không quá cõi Giao.

六月齊侯來獻戎捷

LỤC NGUYỆT, TỀ HẦU LAI HIẾN NHUNG TIỆP

THÁNG SÁU, TỀ HẦU LẠI DÂNG ĐỒ BẮT ĐƯỢC CỦA NHUNG

Ta - Năm thứ 31, mùa hạ tháng 6, Tề Hầu tới hiến đồ bắt được của Nhung. Thế là phi lễ. Phàm chư hầu có công chinh phạt ở tứ di, thì hiến đồ về Thiên Tử, trong nước thì không hiến. Còn như chư hầu thì không cho nhau đồ bắt được của địch.

Công - Tề là nước lớn. Sao lại thân tới hiến. Là để thị uy với ta. Sĩ tốt, quân nhu bắt được dưới cờ trước trận cho ta, vì đi qua nước ta.

Cốc - Tề hầu tới hiến, đó là Tề hầu đương ở trong nước. Không gọi là sứ vì có Tề hầu. "Hiến Nhung tiệp". Đồ bắt được của địch gọi là tiệp. Nhung là thúc là đồ tế khí.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói đó là Tề hầu đương ở trong nước, nói thế là sai. Nếu như không chép là Tề, không chép là tới, thì còn có thể tin Cốc Lương được. Nay đã gọi là Tề hầu, lại nói là tới hiến dâng, thì Tề không phải ở Lỗ ta. Nói chữ tới, thì chả phải từ nước ngoài tới, thì là ở đâu. Dù có giấu tên sứ nhưng vẫn có những chữ Tề hầu tới hiến đồ bắt được, thế thì đâu có phải là ở trong nước. Cốc Lương lại nói đến đồ tế khí. Có lý nào mà Tề hầu đi đánh Sơn Nhung lấy được đồ tế khí, lại chỉ để đem cho chư hầu.

Xét - Hoàng Chấn bảo rằng sĩ tốt quân nhu bắt được dưới cờ và đi qua nước ta, Lý Liêm cho là đường đi qua nước Lỗ nên Tề hầu chính thân tới. Nói thế đều là không phải. Tề ở phía Bắc Lỗ. Mà Yên cùng Nhung đều ở phía Bắc Tề. Đánh Nhung mà lại đi qua Lỗ nói thế không thông. Cho nên không phải bàn đến.

秋築臺于秦

THU TRÚC ĐÀI VU TẦN

MÙA THU, XÂY ĐÀI Ở ĐẤT TẦN

Tần ở huyện Phạm xứ Đông Bình. Phía Tây Bắc nay còn Tần Đình

Công - Sao lại chép là chê? Chê vì lối trị nước.

Cốc - Làm cho dân lao lực cả ba mùa về các việc không chính đáng Yên vui về các lợi sông, hồ, rừng, núi. Của đã hết thì sinh oán. Lực đã hết thì xin gián. Người quân tử lo ngại. Cho nên cẩn thận ghi chép. Hoặc bảo rằng. Lỗ dựa vào Hoàn Công thì các nước ngoài không sinh biến. Trong nước thì vô sự, Hoàn Công vượt nghìn dặm gian nguy, vì nước Yên mở rộng đất, đánh Bắc Nhung. Còn như Lỗ, thì các nước ngoài không sinh biến trong nước thì vô sự, thế mà trong một năm, suốt ba mùa lam nhọc dân, chỉ nghĩ yên vui ở các nơi rừng, núi, đầm, hồ, thế là trong nước tự sinh biến.

冬不雨

ĐÔNG BẤT VŨ

MÙA ĐÔNG, KHÔNG MƯA

Công - Sao lại chép? Vì là việc lạ (dị).

Trình Đoan Học - Mùa đông không mưa, không có hại cho vườn, ruộng, mà thánh nhân cũng ghi. Mới biết thánh nhân điều hòa âm dương, không việc gì để ý tới. Không có hại cho cày cấy trồng trọt cũng ghi. Mới biết rõ đạo trung hòa, thì thấy trời đất yên vị, mưa gió đúng thời, muôn vật sinh nở. Tất cả đều là trung hòa.

Năm Kỷ Mùi, Huệ Vương năm thứ 15.

三十有二年

TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 32

Tề Hoàn năm thứ 24. Tấn Hiến năm thứ 15. Vệ Ý năm thứ 7. Sái Mục năm thứ 13. Trịnh Văn năm thứ II. Tào Hi năm thứ 9. Trần Tuyên năm thứ 21. Kỷ Huệ năm thứ 11. Tống Hoàn năm thứ 20. Tần Thành năm thứ 2. Sở Thành năm thứ 10.

春城小穀

XUÂN, THÀNH TIỂU CỐC

MÙA XUÂN, XÂY THÀNH TIỂU CỐC

Phạm Ninh cho là đất Lỗ, Trịnh Huýnh cho là đất Tề. Có đất Cốc thì ở Tế Bắc, chứ không phải Tiểu Cốc. Ở đó còn có nơi gọi là giếng Quản Trọng.

Tả - Mùa xuân, xây thành Tiểu Cốc là vì Quản Trọng.

Triệu Bằng Phi - Tả Thị không phải là nhà quốc sử. Chỉ chuyên hợp lại những việc được nghe, được học, với văn Kinh, khi thấy gần giống nhau. Chiêu Công năm thứ 11, Sở Thân Vô Vũ nói: Tề Hoàn Công xây thành Cốc cho Quản Trọng. Nay cứ dựa vào đấy, mà Trang Công năm thứ 32, ngẫu nhiên có việc xây thành Tiểu Cốc. Tả Thị mới bảo rằng: vì Quản Trọng. Đó là Tả Thị lấy câu nói của Thân Vô Vũ cho hợp vào. Đỗ Thị thì nhân lời của Tả Thị mà cho Tề không có đất Tiểu Cốc, thì lấy ngay Tiểu Cốc làm Cốc thành cho Cốc thành là đất ở Tề. Cốc thành vốn ở Tề, thì sao lại miễn cưỡng đổi Tiểu Cốc làm Cốc thành. Phạm Ninh nói Tiểu Cốc là đất ở Lỗ nói thế mới là chính đính. Phát Vi thì nói: Tây Bắc Khúc Phụ (ở Lỗ) có thành Tiểu Cốc, thế thì thành Tiểu Cốc ở Lỗ là rõ lắm. Thuyết Tả Thị không có căn cứ.

夏宋公齊侯遇于梁邱

HẠ TỐNG CÔNG, TỀ HẦU NGỘ VU LƯƠNG KHƯU

MÙA HẠ, TỐNG CÔNG, TỀ HẦU GẶP NHAU Ở ĐẤT LƯƠNG KHƯU

Lương Khưu ở Tây Nam huyện Xương Ấp xứ Cao Bình, có núi Lương Khưu, phía Nam núi có thành Lương Khưu.

Tả - Tề Hầu vì việc Sở đánh Trịnh, mời các chư hầu họp hội, Tống Công xin yết kiến Tề Hầu trước tiên. Mùa hạ được gặp ở Lương Khưu.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu tháng bảy, ở đất Sần có thần giáng. Huệ Vương hỏi Nội Sử tên là Quá vì cớ gì thần giáng. Đáp: Nước mà sắp hưng thịnh thì thần giáng để xét việc đức. Nước mà sắp suy vong thì thần cũng giáng để xét về ác (dở). Cho nên thần giáng có thể là hay, có thể là dở. Các triều Đại Ngu, Hạ, Thương, Chu đều có việc đó. Vua hỏi: Bây giờ thần giáng là ý gì? Đáp: Xin lấy vật cúng để đoán ý thần (trong sách Chu Lễ có chép: lấy vật ngũ sắc định đoạt được cát, hung, hạn, hán). Vua nghe, Nội sử Quá đi ra Sần. Nghe nói Quắc Công đã tới cầu nguyện thần linh, sai Chúc Ưng, Tôn Khu, Sử Ngân, cúng lễ, cầu thần ban cho ruộng đất. Sử Ngân có nói: Đất Quắc suy vong đến nơi. Tôi nghe nói, nước hưng thì nghe dân, nước sắp suy thì nghe thần. Thần là hạng thông minh chính trực, chuyên nhất, cứ theo người mà hành động. Quắc Công, đức bạc thì còn xin được ruộng đất nào.

Cốc - Chữ ngộ là có ý tương đắc. Lương Khưu ở giữa hai nước Tào và Châu, cách Tề 800 dặm. Theo chư hầu tới hội chắc đâu gặp, thế mà gặp. Mới biết Tề là mạnh.

秋七月癸巳公子牙卒

THU, THẤT NGUYỆT, QUÝ TỴ, CÔNG TỬ NHA TỐT

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY QÚY TỴ, CÔNG TỬ NHA MẤT

Tá - Xưa, Công xây đài gần nhà họ Đang, thấy con gái Đảng tên là Mạnh Nhâm, cho người mời, không tới. Đòi được làm Phu

nhân mới thuận. Công hứa cho Mạnh Nhâm trích huyết ở cánh tay thề với Công. Sau sinh ra Công tử Ban. Ngày lễ Vu, tức là lễ Đảo Vu, Công cho tập diễn lễ nhạc ở nhà họ Lương. Người con gái họ Lương đứng xem. Ngữ nhân Lạc (ngữ nhân, chức quan nuôi ngựa) ở ngoài tường chêu ghẹo. Công tử Ban giận sai đánh. Công nói nên giết ngay đi, không nên đánh. Lạc vốn là người có sức khoẻ, có thể từ trên thành nhảy xuống đất được. Công có bệnh, hỏi Thúc Nha công việc sau. Thúc Nha nói: Khánh Phủ có thể nối được. Công hỏi Quý Hữu. Đáp: Thần xin hết tâm lực giúp Công tử Ban. Công nói: Vừa rồi, Nha có bảo là Khánh Phủ có tài. Quý Hữu mới nói đối là phụng mệnh vua (Lỗ hầu) sai tới bảo Thúc Nha tới nhà đại phu Hàm Quý. Sai Hàm Quý mời rượu, cho thuốc độc bắt Thúc Nha uống và bảo rằng: Uống đi thì con cháu được sống yên ở đất Lỗ, bằng không thì chết hết. Thúc Nha uống rồi, ra về đến Quỳ Tuyền thì chết. Về sau thành có họ Thúc Tôn (một họ quyền thế ở Lỗ) Quỳ Tuyền là đất Lỗ.

Công - Sao không gọi là em. Vì giết đi. Sao không nói hẳn là giết. Vì kiêng cho Quý Hữu. Quý Hữu làm việc không đem ra chính quốc pháp, là bất đắc dĩ. Trang Công bị bệnh sắp chết, triệu Quý Hữu giao cho quốc chính: Ta bị bệnh không sống được nữa, ta nên truyền ngôi cho ai. Quý Tử nói: Có Ban đấy vua lo gì. Công nói: Dễ thế ư. Nha vừa nói với ta rằng: Sau anh có em nối được. Còn có Khánh Phủ đó, vua đã biết. Quý Tử nói: Sao lại thế, Nha muốn làm loạn chăng, sao lại thế (Chưa bao lâu, quả nhiên làm các việc thoán nghịch), Quý Hữu hoà thuốc độc vào rượu, bảo Nha rằng: Công tử theo lời tôi uống đi thì sau khi chết thiên hạ không cười rủa mà con cháu còn được nối nghiệp ở nước Lỗ. Không nghe tôi, không uống thì về sau thiên hạ cười rủa, con cháu không còn ở nước Lỗ nữa. Nha phải uống, để giữ dòng giống, về đến nửa đường thì chết. Nha đã là tướng sao lại còn hợp với bọn thoán nghịch. Đã là anh em thì không làm tướng. Đã làm tướng, lại bị giết, việc đó sao lại cho là phải. Việc giết em cùng mẹ của thế tử mà khen thì quá lắm. Nay Hữu giết anh cùng mẹ thì có gì hay. Anh em với vua mà cần phải làm tội, thì cứ làm, đó là nghĩa vua tôi. Thế thì sao không chính pháp mà giết, lại đi đánh thuốc độc. Vì giết, cần giấu là giết, coi như bị bệnh chết đó là đạo đối với anh em.

八月癸亥公薨于路寢

BÁT NGUYỆT, QUÝ HỢI, CÔNG HOĂNG VU LỘ TẨM

THÁNG TÁM, NGÀY QUÝ HỢI, CÔNG (LỖ CÔNG) MẤT Ở LỘ TẨM (CUNG)

Tả - Tử Ban lên ngôi. Dừng chân ở nhà họ Đảng.

Công - Lộ tẩm là gì? Là chính tẩm giường vua vẫn nằm.

Cốc - Lộ tẩm là chính tẩm, khi ốm thì nằm ở chính tẩm, thế là được chính. Chồng không xa lìa vợ cho trọn thủy chung.

Hà Hưu - Đây là nơi ở chính. Thiên Tử, chư hầu đều có ba nơi nằm. Một là cao tẩm. Hai là lộ tẩm. Ba là tiểu tẩm. Cha thì ở cao tẩm. Con thì ở lộ tẩm. Cháu theo cha mẹ vua, vợ theo chồng. Phu nhân ở tiểu tẩm. Chết ở nơi nào, chép nơi ấy. Phu nhân thì không chép nơi. Phu nhân ở ngoài không chép là tốt, trong nước thì chép là hoăng. Đã chép rồi cho nên ở ngoài thì ghi cả nơi chết.

Lý Liêm - Nước Lỗ trong 12 công, thì 3 Công được chết ở lộ tẩm là Trang, Tuyên, và Thành. Trang Công ở ngôi 32 năm, đầu có chép là một vị vua được lập lên ngôi, Xuân Thu từ chín năm về trước có chép đón Vương Cơ, hội phạt Vệ, đóng quân nơi đất Hoạt, đi săn ở đất Chước, vây nước Thành và thề ở đất Khai, cùng giúp lập Cư. Xuân Thu nêu rõ tội quên nghĩa phục thù. Từ sau 10 năm, nước Tề dần dần hưng thịnh nhưng chưa thành hẳn Bá nghiệp, nên có trận Trường Thược: nước Lỗ từ đó phấn khởi, đánh được Tống, lấy lại được đất đã mất ở Tề, Tề Hoàn cũng phải khuất ý, kết giao với Lỗ, để thành nghiệp Bá. Cho nên trong vài năm đó, nước Lỗ vô sự, chính là lúc nên sửa sang về Hình, về Chính, truyền lại cho con cháu các đời vua sau. Thế mà cứ đi theo chính lệnh của Văn Khương, lấy con gái kẻ thù để nối dõi tông đường, ba năm ba lần đến sân vua Tề, rồi gặp Tề ở đất Cốc, thề ở đất Hỗ, đều là vì việc hôn nhân mà ra. Từ xưa, chưa từng nghe vua nào mà đã biết giữ lễ, lại có những hành vi đó. Cho nên trong 24 năm về trước bao nhiêu việc nạp hối lộ, ra chơi nền xã, sơn cham rui cột đón vợ đều được Kinh đặc biệt chép. Vậy trong nước sinh ra nhiều nạn, nhiều hoặc, rồi lụt to, nhật thực liên tiếp, đủ biết trời còn để ý đến

Lỗ. Người nước Kinh, Sái Thúc, Tiêu Thúc, Kỷ Bá, lần lượt tới, đủ biết người còn hướng về Lỗ. Việc thề ở đất U, việc hội ở Thành Bộc, việc gặp gỡ ở Lỗ Tế, vị Bá chủ vẫn còn nể Lỗ cho là còn có thể làm được nên việc. Ấy thế mà cứ dùng sức dân cho thỏa ý muốn riêng đắp thành My, sửa nơi nuôi ngựa, đắp thành Phòng, thành Tiểu Cốc, một năm ba lần xây cất, làm chỗ trong nước say đắm vào các cuộc vui chơi, thế mà bao là không nguy sao được. Gốc loạn đến khi đã gây, bởi tự Văn Khương lại được bền chặt thêm với Ai Khương, rồi đến Mạnh Nhâm được luyến ái, Nữ Công tư lộng hành, gia đạo mất dần. Có phải chỉ riêng vì một vị Khánh Phủ được nắm cả binh quyền đâu.

冬十月己未子般卒

ĐÔNG THẬP, NGUYỆT, KỶ MÙI, TỬ BAN TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY KỶ MÙI, TỬ BAN MẤT

Tả - Mùa đông, tháng 10, ngày Kỷ mùi, Cung Trọng (tức là Khánh Phủ) sai Ngữ nhân Lạc giết Tử Ban ở nhà Đảng Thị. Thành Quý (Qúy Hữu) chạy sang nước Trần. Mẫn Công được lập lên ngôi.

Công - Con chết thì chép là con chết. Đây sao lại chép con là Ban chết. Vua còn thì gọi là thế tử. Vua đã chết thì con chép là con tên Mỗ. Vua đã làm lễ táng thì chép là con. Đầy năm rồi thì chép là Công. Tử Ban chết sao lại không chép lễ táng. Vì là làm vua chưa được đầy năm. Nếu có con thì có lập miếu. Không có miếu thì không chép táng.

Cốc - Con chết, chép ngày, thế là chính. Không chép ngày là có vô cớ. Có việc được biết rõ ràng thì chép ngày.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói "Chép ngày chết là chính. Không chép là có Cớ. Có việc được biết rõ ràng thì chép ngày." Cốc Lương nói thế không phải. Vì nếu như có việc được biết rõ ràng, mà lại không chép ngày, há không được rõ hay sao. Sao lại chép ngày, khác ngược với việc chết chính. Bàn xét như thế đâu có phải là rõ được dụng ý của thánh nhân.

公子慶斧如齊

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ NHƯ TỀ

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ SANG TỀ

Cốc - Đây là trốn chạy. Sao lại chép là sang. Muốn kiêng thì không bằng gì "thâm", thâm tức là ẩn. Nếu có việc được biết rõ thì không gì bằng dùng lời thâm.

Hồ Truyện - Tử Ban chết là Khánh Phủ giết đi. Nên chép là xuất bôn, là chạy trốn. Nay chép sang Tề thì thấy Khánh Phủ lộng quyền, chủ việc binh, người trong nước không chế ngự được. Trang Công khi ít tuổi lên ngôi, lấy toàn quân giao cho Khánh Phủ, lần lữa tháng, năm uy khắp trong nước, ngoài nước cho đến ngày nay cho nên việc Dư Khưu cứ phép không nên chép mà thánh nhân đặc biệt là chép là suất sư là để ghi khởi thủy việc được nắm binh quyền. Rồi về sau, chép Công hoăng, Tử Ban tốt, Khánh Phủ sang Tề, để thấy ra vào tự do, tự ý, không ai dám đánh, cái nghĩa chính để răn dạy đời sau, rõ và xa.

Lưu Sưởng - Đỗ Thị bảo rằng: Khánh Phủ giết Tử Ban rồi sợ mà đi sang Tề, ý muốn cầu Tề giúp. Đương thời không có vua làm giả cáo phó, để đi được theo lễ. Đỗ nói như thế không phải. Truyện có chép: Thành Quý (Qúy Hữu) chạy sang Trần, Mẫn Công được lập. Vậy thì lập Mẫn Công là Khánh Phủ. Khánh Phủ tuy giết Tử Ban nhưng chưa dám cướp nước lợi dụng Mẫn Công còn bé, hãy lập lên. Vậy sang Tề là để báo cáo Tề, mình đã lập vua rồi thì có gì là giả. Nhược bằng Khánh Phủ tự thấy chưa có vua, giả cáo phó để đi sang Tề cầu giúp đỡ, thì Xuân Thu đã vạch rõ tội, chứ không cứ theo chí hướng của giặc mà chép là sang Tề. Vả lại, Lỗ đã không có vua, Khánh Phủ tạ sự mà đi, không phải công mệnh đã rõ rệt lắm. Cứ theo lệ của Tả Thị mà khảo sát, thì không phải là công mệnh thì không có chép. Nếu chép thì phải bỏ họ để cho toàn là chê. Cốc Lương bảo là chạy trốn, mà sao lại chép là sang Tề. Là kiêng. Muốn kiêng thì không gì bằng thâm. Thâm tức là ẩn. Nếu có việc được biết rõ thì không gì bằng lời thâm. Cốc Lương bàn như thế không phải. Mẫn Công không chép là lên ngôi, du cho rõ là Tử Ban đã bị giết, chưa rõ là Khánh Phủ là giặc. Xuân Thu chép các

đại phu chư Hầu trốn chạy rất nhiều không phải toàn là hạng giết vua. Chép Khánh Phủ chạy trốn thì sao lại không được. Vả lại, Khánh Phủ nếu tự tay giết vua thì đã thành ra người thù của toàn quốc thế thì sao lại còn che đậy giấu giếm cho. Không nói rõ là chạy trốn, khiến cho kẻ giết vua không hiện ra, lại được ẩn. Lại còn như việc thời Văn Công năm thứ 18, tháng 10 Tử Xích chết rồi, ở dưới chép Quý Tôn Hàng Phủ sang Tề, Tử Xích chết không chép ngày, cũng thấy việc đã rõ lắm. Nếu cứ lấy lệ xét Khánh Phủ mà xét Tử Xích thì ra Hàng Phủ cũng giết Tử Xích chăng, sao lại chép là sang Tề.

Trương Hiệp - Khánh Phủ từ khi Trang Công lên ngôi, đã chuyên giữ binh quyền mà Trang Công hôn mê không nghĩ đến việc nước, cho đến khi Khánh Phủ thành gian tặc, đến thành được mưu cướp ngôi. Cứ xem lời vấn đáp giữa Trang Công và Thúc Nha, thì biết nếu không có Quý Tử kịp thời giết Thúc Nha đi thì Ban dẫu có được lập làm vua. Nay Ban tuy đã chết, mà nước chưa mất thì biết rằng không phải là đảng của Quý Tử chưa thuận cho, mà là vì người nước Lỗ còn biết giữ lễ, lòng người chưa theo. Cho nên nhân Mẫn Công lên ngôi, vội báo cáo cho vị bá chủ, để riêng mình cũng được nhờ. Tề Hoàn lấy quyền một vị phương Bá, cùng với Lỗ là nước đã thân lại ở gần, há không biết Khánh Phủ là giặc mà còn dung thứ cho đi tới như sứ giả, lại cho trở về nước để gây thêm họa cho nước Lỗ. Xem đó biết là Tề không có thực tâm đánh giặc mà ý riêng lại muốn kiếm tính nước Lỗ. Xuân Thu chép Khánh Phủ sang Tề là để rõ Trang Công không đáng một vị vua nuôi thành ác lớn cho được tự do ra nước về nước, mà Tề Hoàn, thì không làm phận sự Bá chủ.

Xét - Tả Truyện chép tháng 10, ngày kỷ mùi, Cung Trọng tức là Khánh Phủ sai Ngữ nhân Lạc giết Tử Ban ở nhà Đảng Thị. Quý Hữu chạy trốn tới Trần; Mẫn Công lên ngôi. Trước nói là Quý Hữu chạy trốn, mà sau nói là dựng Mẫn Công. Thật rõ ràng là Mẫn Công được Khánh Phủ dựng lên ngôi, Tả Truyện chép Mẫn Công là con người em gái Ai Khương tên là Thúc Khương. Đỗ Thị cho là Mẫn Công tuổi mới lên tám. Vậy Khánh Phủ tuy giết vua, còn chưa dám tự lập, trước hết hãy lấy một người bé trong bọn làm vua, rồi sau sẽ dần dần liệu. Cho nên mới lấy được mệnh vua mà báo cáo cho Tề, nhân buộc cho Tề

giúp đỡ. Kinh thì cứ việc thực mà chép, chép là sang Tề. Cốc Lương bảo thực là chạy trốn, nhưng kiêng chữ chạy trốn. Đỗ Thị thì bảo không có mệnh vua mà giả mệnh vua đi báo cáo. Tất cả lời bàn đó không đủ căn cứ, Lưu Sưởng bác hết là phải. Hồ Truyện thì bảo Trang Công lấy binh quyền giao cho Khánh Phủ để đến lúc uy lớn khắp trong ngoài ra vào tự do, lời bàn ấy cũng thông. Duy có lời bàn rằng nên chép là xuất bôn, chạy trốn, đó là theo các lời bàn sai lạc rồi quen dần không xét kỹ. Trong quyển Trương Hiệp tập chú, lời giải đối với sự tình thấy có hợp lý.

狄伐邢

ĐỊCH PHẠT HÌNH

ĐỊCH PHẠT (ĐÁNH) NƯỚC HÌNH

Đỗ Dự - Hình, họ Cơ dòng dõi Chu Công.

Trương Hiệp - Địch là bắt Địch. Trước đây chưa thấy nói đến trong Kinh, nhưng từ lúc phạt Hình rồi diệt Vệ trong khoảng ba năm, làm khổ dân hai nước, cho nên chép để rõ sức Lỗ đã mạnh.

HẾT ***TẬP I***

XUÂN THU TAM TRUYỆN

KHỔNG TỬ

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Trình bày : QUANG MINH

Bìa : QUANG MINH *Design*

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp In Số 5 (PX3).

Giấy phép số 1245-28/XB-QLXB của Cục Xuất bản ký ngày 11-09-2001. In xong và nộp lưu chiểu Quí II - 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu
TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách



QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp HCM

Giá: 41.000đ

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu
TAM TRUYỆN

TẬP 2





Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

XUÂN THU TAM TRUYỆN

(TẬP II)

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN

春秋三傳

TẬP HAI

Bản dịch : HOÀNG KHÔI

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

XUÂN THU QUYỂN THỨ TƯ

閔 公
MẪN CÔNG

Dương Sĩ Huân. Theo Lỗ Thế Phả, Mẫn Công tên là Khai là con Trang Công, năm Huệ Vương thứ 16 lên ngôi, thụy là Pháp. Ở nước gặp nạn thì gọi là Mẫn. Ban phường chép là Khải, vì kiêng húy Hán Cảnh Đế, nên chép là Khai.

Canh Thân. Huệ Vương năm thứ 16.

元 年
NGUYÊN NIÊN
NĂM ĐẦU

Tề Hoàn năm thứ 25. Tấn Hiến năm thứ 16. Vệ Ý năm thứ 8. Sái Mục năm thứ 14. Trịnh Văn năm thứ 12. Tào Chiêu Công Ban năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 32. Kỷ Huệ năm thứ 12. Tống Hoàn năm thứ 21. Tần Thành năm thứ 3. Sở Thành năm thứ 11.

春 王 正 月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tả - Năm đầu. Xuân. Không chép lên ngôi. Vì có là loạn.

Công - Công sao lại không chép là tức vị. Nối một vị vua bị giết thì không chép lên ngôi. Nối ai. Nối Tử Ban. Ai giết Tử Ban. Là Khánh Phủ. Trước giết Nha, Quý Tử không tha. Nay, Khánh Phủ giết vua, sao không giết Khánh Phủ. Cứ giết, đâu có

tha, nhưng chỉ che cái xấu đi thôi. Biết rõ mà không khai soi, nhân đã có người để quy tội. Vậy không xét đến tình trạng. Cứ việc giết. Đó là đạo đối với anh em. Quy tội cho ai. Cho kẻ lại lệ coi ngục tên là Lạc. Xưa còn thời Trang Công, Lạc thường có việc dâm loạn trong cung, Tử Ban bắt rồi đánh, Trang Công chết rồi, Khánh Phu bao Lạc rằng: Ban làm nhục mày, người trong nước ai cũng biết, giết nó đi. Rồi sai giết Tử Ban. Khánh Phu sau lại giết Lac để quy tội cho Lạc. Khi Quý Tư về Lỗ, cũng y cái án đó.

Cốc - Nối ngôi một vua bị giết, không chép nối ngôi, bảo thế là chính. Bảo là thân thì không được là cha. Bảo là tôn thì không được là vua, thế mà ở vị vua cha, đây chỉ là giữ nước thôi.

Đạm Trợ - Phàm vua trước bị giết, thì con nối bỏ lễ nối ngôi. Cốc Lương bảo: Nối ngôi vua bị giết thì không chép nối ngôi, bảo thế đúng đấy. Phàm nối vua bị giết mà làm lễ lên ngôi là không phải. Tả Thị bảo không chép lên ngôi, vì cớ nước loạn. Nước mà có việc khó khăn thì có hại gì đến lễ lên ngôi. Tả Thị nói thế không đúng.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, giết tên Lạc để quy tội cho Lạc. Quý Hữu về nước mà cũng không thay cái án ấy, việc đã xong rồi, thôi không xét thêm mà cứ giết đó là cái đạo đối với anh em. Công Dương bàn thế là không phải. Khánh Phủ giết Ban, muốn cướp nước, thế rõ là Quý Hữu bất lực, không giết được Khánh Phủ, cho nên Quý Hữu mới chạy trốn sang nước khác. Ví thử Quý Tứ sức có thể giết được thì Khánh Phủ tất bị giết rồi. Vậy đâu có nghĩa là không xét tình trạng nữa.

Xét - Cốc và Công đều nói: Nối vua bị giết không chép là nối ngôi, Đạm Trợ bàn, cho bỏ lễ lên ngôi là phải, Chu Tử thì bảo rằng vua không làm lễ lên ngôi, cho nên không chép, các ý kiến giống nhau. Trang Công năm đầu đã giải thích rõ ràng. Hi Công mà không chép lên ngôi, cũng trường hợp ấy.

濟人救邢

TỀ NHÂN CỨU HÌNH

NGƯỜI TỀ CỨU NƯỚC HÌNH

Tả - Người Địch đánh nước Hình. Quản Kính Trọng nói với

Tề Hầu rằng. Nhung Địch là giống sài lang, không biết thế nào là đủ. Các chư hầu cần phải gần gũi không thể bỏ được. Yến, ảm, mê say không nên đắm đuối. Kinh Thi có nói: Há chỉ mong về, chỉ ngại gian thư. Gian thư, bọn ác cùng gặp nhau. Vậy xin cứu Hình theo Kinh Thi. Thế là Tề cứu Hình.

Cốc - Khen việc cứu Hình.

夏六月辛酉葬我君莊公

HẠ, LỤC NGUYỆT TÂN DẬU, TÁNG NGÃ QUÂN, TRANG CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY TÂN DẬU, TÁNG VUA TA LÀ TRANG CÔNG

Tả - Mùa hạ tháng sáu, táng Trang Công. Vì loạn nên táng chậm

Cốc - Trang Công táng rồi mới đặt thụy hiệu. Thụy là để hoàn thành đức vua, thế là khi chết gia thêm vào.

秋八月公及齊侯盟于落姑

THU, BÁT NGUYỆT, CÔNG CẬP TỀ HẦU MINH VU LẠC CÔ

MÙA THU THÁNG 8, CÔNG CÙNG TỀ HẦU THỀ Ở LẠC CÔ

Tả - Công xin phục chức Quý Hữu, Tề hứa cho sai tới nước Trần triệu Quý Hữu. Công đình lại đất Lang để đợi.

Cốc - Thề để nạp Quý Hữu.

Trần Lương - Mẫn Công ở đất Lạc Cô trước Tề Hoàn xin phục chức Quý Hữu. Không biết ai dự định. Nếu là Khánh Phủ, thì Mẫn Công đã không bị giết, Mẫn mà bị giết thì không phải do Khánh Phủ, đó là người trong nước giết.

Ngô Trừng - Tử Ban chết rồi, là Khánh Phủ cùng Ai Khương chuyên việc nước. Cho nên Quý Hữu ra nước ngoài để tránh họa. Thời đó Khánh Phủ giữ quyền ngoài nước, Ai Khương giữ quyền trong nước, đều cùng sợ Quý Hữu về. Mẫn Công mới lên chín

tuổi, ai là người mời đi ra hội với vị Bá chu, để bàn việc nước. Chắc là một vị thế thần ở nước Lỗ tuy không giữ quyền, nhưng trung với nước, đại khái như Thạch Thác ở nước Vệ, mưu sâu, kế mật, cáo với vị bá chủ, xin mời Quý Hữu, cho nên Tề Hoàn Công mới lấy lệnh bá chu Triệu Lỗ Mẫn Công đến đất Tề cùng thề, khiến cho việc triệu Quý Hữu là do Tề, chứ không do Lỗ, thề để ràng buộc rồi sai Lỗ phục chức cho Quý Hữu. Thề xong Tề Hoàn Công cho tới Trần triệu Quý Hữu mà Mẫn Công thì đình lại ở đất Lang để đợi. Thế là không dám bội thề với Bá chủ mà phải để Quý Hữu về Lỗ. Quý hữu đã được tôn trọng vì bá chủ thì Khánh Phu đâu dám đuổi. Kinh Xuân Thu chép là để cho Lỗ có đại thần mưu việc giỏi.

Trình Đoan Học - Cứ như sự thế xét, thì trong việc thề. Quý Hữu toàn nhờ Tề để được về Lỗ. Cho nên có thề rồi Quý Hữu mới về Lỗ.

Trác Nhĩ Khang - Triệu Tử thường nói: Việc thề ở Lạc Cô tuy nói là để xin cho Quý Hữu về, do ý của Công, nhưng khi đó Mẫn Công mới tám tuổi, Khánh Phủ, Ai Khương thì chuyên quyền, đâu có muốn cho Quý Hữu về, cho nên Trần Thị đoán là ý của người trong nước. Ngô Thị thì bảo là vị thế thần nước Lỗ cũng như Thạch Thác nước Vệ, cáo với bá chu, xin cho Quý Hữu về, bảo thế cũng là đã biết rõ tình thế đương thời. Nhưng việc Ai Khương, Khánh Phu với Châu Hu, Thạch Hậu, không giống nhau. Quý Hữu đã trốn chạy ra ngoài, đâu có như Thạch Thác ở yên trong nước. Cứ lấy Kinh, Truyện xét thì lúc đó, nước Trần đương được nước Tề hậu đãi, mà Trần vẫn cùng Lỗ giao hiếu, Quý Hữu lại thường có vài lần sang Trần rồi. Đến khi chạy trốn sang Trần là có chỗ nương tựa. Tuy nhiên, việc thề ở Lạc Cô, Quý Hữu cũng nhờ Trần mà mới xin được Tề Hoàn.

Xét - Xét việc thề ở Lạc Cô, Cốc Lương nói thề để nạp Quý Hữu. Tả Thị thì nói là xin phục chức cho Quý Hữu. Vậy ai xin. Khánh Phu chuyên quyền, Mẫn Công còn bé, Khánh Phủ đã không muôn xin, Mẫn Công lại không biết xin, cho nên Trần Phó Lương bảo là người trong nước mưu việc. Ngô Trừng thì cho là một vị thế thần. Trác Nhĩ Khang cho là nước Trần đang được nước Tề hậu đãi, Quý Hữu nhờ Trần xin Tề Hoàn xét sự tình đều hợp. Vậy cũng ghi cả các lời bàn.

季 子 來 歸

QUÝ TỬ LAI QUY

QUÝ TỬ LẠI VỀ

Ta - Quý Tử lại về. Ý khen.

Công - Sao chép là Quý Tử. Vì cho là hiền. Lại về là ý khen.

Trình Tử - Trang Công đã mất. Tử Ban bị giết. Dân nước nguy. Khánh Phu chưa đánh được mà Quý Hữu hiền thì lại ở nước ngoài. Người trong nước mong được xã tắc yên, cho nên Công có nói việc thề ở Lạc Cô, để xin mời Quý Hữu. Chép là Quý Tử mà không chép tên. văn khác lời đi là để khen.

Chu Tử Ngữ Loại - Kinh Xuân Thu chép Quý Tử lại về, e là nhân sẵn văn sử cũ cứ chép. Nước Lỗ loạn đã nhiều. Về sau Quý Hữu lập được Hy Công, mới chỉnh đốn lại được xã tắc, thật là một công to, cho nên khen, cũng như khen Quản Trọng. Còn như Quý Tử lại về thì cũng như những chữ Cao Tử lại thề, Tề Trọng Tôn lại. Đương lúc nước Lỗ trong nước loạn, được một Quý Tử về nước, thì người trong nước đều trông mong, cho nên sử Lỗ mừng mà chép. Phu Tử cứ thẳng chép lời của sử gia. Sự thật là, một khi đã chép Quý Tử lại về, mà họ Quý được nắm quyền, thì từ đây chính quyền dần dần rời nhà vua ra, đều nguyên do việc này.

Trần Phó Lương - Công tử Hữu sao lại gọi là Quý Tử. Là vì hiền không gọi tên. Không gọi tên là quý lắm. Vậy thế nào là hiền. Thiếu Quý Tử tất thành hình việc thoán thí của Khánh Phu mà dòng dõi Trang Công là hết. Thoán thí của Khánh Phủ không thành, thì dòng dõi Trang Công còn, là vì còn có Quý Tử. Cho nên Quý Tử chạy trốn sang Trần, không chép, sang Châu không chép, để hoàn thành cho Quý Tử.

冬 齊 仲 孫 來

ĐÔNG, TỀ TRỌNG TÔN LẠI

MÙA ĐÔNG TỀ TRỌNG TÔN LẠI

Tả - Mùa đông, Tề, Trọng Tôn lại thăm nạn nước ta. Chép là Trọng Tôn, là có ý khen. Trọng Tôn về nói: Không trừ Khánh

Phu. nạn Lỗ chưa hết. Tề Hầu hỏi: Làm thế nào mà trừ được. Đáp: Nạn chưa hết. Rồi tự chết. Xin nhà vua hãy đợi. Công hỏi: Lỗ có nên chiếm không. Đáp: Không nên. Còn biết giữ Chu Lễ. Chu Lễ là cái gốc. Tôi nghe, nước sắp mất thì cái gốc lung lay, rồi đến cành lá. Lỗ chưa bỏ Chu Lễ, chưa động đến được. Nhà vua nên gỡ nạn Lỗ mà thân với Lỗ. Đã thân mà lại trong nước có lễ trừ được phản gián, loạn tặc, đó là thành nghiệp Bá.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu đặt ra ba quân. Công làm Thượng Tướng quân. Thế Tử Thân Sinh làm tướng Hạ Quân, có Triệu Túc giữ chức Ngự Nhung và Tất Vạn giữ chức Hữu đem quân diệt nước Canh, nước Hoắc, nước Ngụy rồi kéo quân về. Thế Tử trấn thủ thành Khúc Ốc, Triệu Túc giữ nước Canh. Tất Vạn giữ nước Ngụy, đều được phong làm đại phu. Sĩ Vi nói: Thế tử không được lập đâu. Chia đất ở ngoài, vị tới bậc Khanh là cao nhất, mong gì nối ngôi, không bằng trốn đi, đừng để đến mắc tội, bắt chước Ngô Thái Bá có được không: thế lại thành có đức tốt để về sau. Lời ngạn có nói: Lòng ví không vết thì sợ gì không nhà. Trời mà ban phúc cho Thế Tử thì không có Tấn có sao. Bốc Yên, (chức quan coi việc bói) nói. Sau tất vạn thì có đại vạn, tức là số đầy đủ. Ngụy là tiếng rất hay. Cứ lấy đó làm bước đầu là trời giúp đó. Thiên Tử thì kêu là triệu dân, chư hầu thì kêu là vạn dân. Nay tiếng đã lớn lại được số đầy đủ, nhất định phải có dân. Xưa, Tất Vạn bói việc làm quan ở nước Tấn, được quẻ Truân Tỉ. Tân Liêu xem rồi đoán là tốt: Truân đã bền, tỉ lại vào, còn gì tốt hơn. Phải là triệu đông đúc thịnh vượng. Chấn là tượng đất, xe theo ngựa, mình ở đây, người anh vì đấy mà lớn, người mẹ che chở cho, chúng nhân theo về, sáu thế không đổi, hợp mà thành bền, yên mà hay trừ diệt, đó là quẻ của công, hầu. Con cháu công hầu tất khôi phục được tước vị. Canh, ở đông nam huyện Bí Thị, xứ Bình Dương còn có làng Cảnh Hương. Hoắc ở đông Bắc huyện Vĩnh An, có Hoắc đại sơn.

Công - Tề Trọng Tôn là ai. Là Công tử Khánh Phủ. Sao lại thành Tề Trọng Tôn, là có liên hệ với Tề, là họ ngoại. Xuân Thu, vì tôn, kiêng tên, vì thân kiêng tên, vì hiền kiêng tên. Tử Nhữ Tư nói: Cứ theo đúng Xuân Thu thì Tề không có Trọng Tôn, hay là Trọng Tôn khác ở Lỗ.

Cốc - Bao là Trọng Tôn ở Tề mà không nói rò, thật là quá sơ lược. Cản cho Tề là buộc vào cho Tề Hoàn

Đạm Trợ - Cốc và Công thì nói: Đó là Công tư Khánh Phủ. Muốn cho xa ra thì gọi là Tề Trọng Tôn. Xét nếu là Trong Tôn của Tề, thì phai là Công tư cua Lỗ, thế thì lại càng sai lầm.

Lưu Sưởng - Trong Tôn là đại phu nước Tề. Không có liên quan gì. Sao lại chép. Trọng Tôn lai, là Tề Hầu sai đi. Thế sao không gọi la sứ. Là chê. Hoàn Công đã biết Lỗ là đáng lo mà không biết rằng sai Trọng Tôn đi là không phai. Vì Lỗ thật đáng lo thì còn cho hoi làm gì. Trong Tôn biết rằng Lỗ là nước có thê thân dược mà không biết rằng đê Khánh Phu là không nên. Đã biết nên thân Lỗ thì còn dơi gì. Thế là chê nữa. Công Dương có nói: Đó là Công tư Khánh Phu. Công Dương nói sai. Cháu thì lấy tự cua cha làm ho. Đây chính là bản thân Khánh Phủ, chưa có thể gọi được là Trọng Tôn. Và lại theo Kinh, nếu thật liên hê đến Tề, thì sao lại goi dươc là Lỗ Trọng Tôn, bàn xét thế sai lạc nhân tình quá.

Trần Phó Lương - Chép Trọng Tôn lại là chê. Trọng Tôn lại để dò xét Lỗ. Trang Công mất. Tử Ban bị giết. Mẫn Công bé. Hội thề ơ Lạc Cô là xin với Tề chỉ cốt để cho Quý Tử về mà thôi. Còn chí của Khánh Phủ của Phu nhân, thì chứa biết Hoàn Công đã không chính đốn được, lại ngang nhiên sai người tới Lỗ xem có nên chiếm không. Hoàn Công làm bá chủ chư hầu, lại nhân người ta có nạn mà kiếm lợi, chép Trọnmg Tôn lại, không chép Trọng Tôn làm việc gì, đó là chỗ xấu, đáng chê của Tề Hoàn Công.

Năm Tân Dậu. Huệ Vương năm thứ 17

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tề Hoàn năm thứ 26. Tấn Hiến năm thứ 17. Vệ Ý năm thứ 9. Sái Mục năm thứ 15. Trịnh Văn năm thứ 13. Tào Chiêu năm thứ 22. Tần Thành năm thứ 4. Sở Thành năm thứ 12.

春王正月齊人遷陽

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỀ NHÂN THIÊN VƯƠNG

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TỀ THIÊN NƯỚC DƯƠNG (DƯƠNG TÊN NƯỚC)

Phủ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Quắc Công đánh bại Khuyển Nhung ở Vi Nhuế, Chu Chi Kiều nói: Không có đức mà được lộc là một tai ương. Tai ương sắp tới. Thế là trốn chạy sang Tấn.

Hà Hưu - Không vì Hoàn Công mà kiêng, Công chưa đủ che đậy được cái ác diệt người ta.

Gia Huyễn Ông - Tề Hoàn thiên nước Hình là vì nghĩa, vì có nạn Địch quấy, giúp Hình mà thiên hộ, chọn cho đất khác làm quốc đô, đó là phận sự của vị bá. Còn việc thiên nước Dương trong Truyện không được rõ. Cứ lấy thư pháp mà xét thì y như loại người Tống thiên nước Túc, tức là thiên các nước nhỏ để thu làm nước phụ dung, đổi tên nước. Xuân Thu vốn ghét việc đó, chép để chê, gọi là giáng, gọi là thiên, người ta không muốn mà cứ cưỡng ép người ta.

Uông Khắc Khoan - Người Tề thiên nước Dương là lấy thịt đè người, không chép đất, từ đấy không thấy nói đến tên nữa. Nước Hình thiên ra Di Nghi không phải Tề thiên, chính là người Hình muốn thiên. Diệt nước Đàm, diệt nước Toại, là công việc Hoàn Công các năm đầu. Giáng nước Chương, thiên nước Dương, là hủy bỏ cả tế tự tôn miếu. Giữ lại nước Kỷ, nước Hình, nước Vệ, là để phô cái ý hưng lại nước bị diệt, nối lại nước đã bị dứt. Thế tức là đối với hạng bá, công và tội không có thể bù đắp nhau được.

夏五月乙酉吉禘于莊公

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT DẬU, CÁT ĐẾ VU TRANG CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY ẤT DẬU, LỄ CÁT ĐẾ TRANG CÔNG

Tả - Mùa hạ, lễ cát đế Trang Công. Thế là vội quá.

Công - Sao lại gọi là cát. Chưa thể cát được. Vì chưa đủ ba năm. Ba năm, thực ra chỉ có 25 tháng. Chép là Trang Công chưa được vì chưa lập cung miếu được (còn ở trong ba năm). Chép cát đế ở miếu Trang Công là chê, chê khởi thủy lối cát đế chưa đủ ba năm.

Cốc - Cát, thế tức là bất cát. Việc tang chưa hết đã tế cát, thế là không phải.

Hồ Truyện - Trình Thị nói: Thiên Tử tế, gọi là đế, chư hầu tế gọi là hợp. Theo lễ thì đế hay hợp, đều là hợp tế. Đế là tế từ ông Thủy Tổ hướng về đông, rồi cùng các ông tổ khác về sau. Chư hầu thì không có vị đế thủy tổ, vậy chỉ tế ông Thái Tổ, mà cùng để thần chủ các miếu khác, thế là tế hợp. Thiên Tử có đế, chư hầu có hợp, đại phu có hưởng, thứ nhân có tiến. Các tế đều theo đẳng cấp trên dưới. Lỗ là nước chư hầu, sao lại có tế đế. Vì Thành Vương nhớ đến công lao Chu Công dày khắp thiên hạ, mới cho Lỗ Công dùng lễ nhạc Thiên Tử, cho dùng các Thái Miếu để trên hết thờ Chu Công. Từ đó, Lỗ có tế đế, trong Kinh mới nói đến tế đế mà không nói đến hợp. Tuy nhiên, thế có được không, Khổng Tử nói: Nước Lỗ tế đế là phi lễ, là đạo Chu Công suy rồi. Tế đế gọi là cát, tang chưa được ba năm, tế thế là vội quá. Muốn tế Trang Công thì nên tế ở giường thờ, chứ đừng tế ở cung miếu vội. Có một việc mà đến ba thứ thất lễ. Xuân Thu rất thận trọng. Tế bốn mùa. mỗi mùa đế có một tên. Thế là sai nhầm cách xếp đặt lễ nghi.

Chu Tử Luận Ngữ Tạp Chú - Triệu Bá Tuần nói: Đế là tế lớn của bậc vương giả. Vương giả đã lập miếu Thủy Tổ lại suy tính đến đức vua mà Thủy Tổ sinh ra, thờ vào một miếu,

phôi vào với Thủy Tổ. Thành Vương cho là Chu Công có công to ban cho Lỗ tế đó, cho nên miếu Chu Công có tế đế, cho là Văn Vương là vua đầu, mà Chu Công được phối. Tuy nhiên thế là phi lễ. Đế vốn là thứ tế rất lớn, rất xa. Nhược bằng tế hàng mùa, như tế hợp, thì chỉ làm lễ ở miếu Thái Tổ mà đế lại gia thêm trên Thái Tổ một đời nữa. Như Hậu Tắc thì phải thêm trên Hậu Tắc một đời. Nhà Chu tế vua Cốc là theo lý đó. Trình tiên sinh lại bàn rằng, đế là tế vị mà Thuỷ Tổ được sinh ra, tế cùng với các thần chủ các miếu. Còn như hợp thì chỉ tế từ vị Thuỷ Tổ trở xuống cùng hợp với thần chủ các miếu. Bảo thế là tế đế, e không phải.

Uông Khắc Khoan - Theo Công Dương thì có hai điều: Tế Hợp thì bỏ thần chủ ở miếu đã bỏ, bày vào nhà Thái miếu. Thần chủ miếu chưa bỏ cũng đem hợp cúng vào miếu Thái Tổ, Tăng Tử hỏi việc tế hợp ở miếu Tổ thì thấy đón thần chủ bốn miếu. Trong sách Vương Chế Chư có chép: Tang của Thiên Tử, của chư hầu hết, thì hợp thần chủ tiên quân vào Tổ miếu mà tế, thế gọi là tế hợp. Về sau nhân lấy thế làm thường. Ngày nay xét Công Dương bàn về lễ đại hợp thì câu Tăng Tử hỏi là hỏi về lễ hợp hằng mùa.

秋八月辛丑公薨

THU BÁT NGUYỆT, TÂN SỬU CÔNG HOĂNG

MÙA THU, THÁNG TÁM NGÀY TÂN SỬU, CÔNG MẤT

Tả - Xưa chức Thái Phó của Công chiếm lấy ruộng của tên Bốc Kỳ. Công không ngăn. Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Sửu, Cung Trọng (Khánh Phủ) sai Bốc Kỳ giết Công ở cửa Cung.

Công - Công mất, sao không chép nơi mất. Là muốn giấu, giấu việc bị giết (thí). Ai giết. Chính phạm là Khánh Phủ. Đầu tiên giết Công Tử Nha, nay tới việc này. Quý Tử không tránh khỏi được. Khánh Phủ giết hai vua sao không làm tội, để cho dây dưa, là muốn che đậy việc ác, đến nỗi không ngăn nổi, chậm truy tố, giặc cứ được ung dung. Đó cũng là đạo đối với anh em.

Cốc Lương - Không chép nơi chết, là có cớ. Không chép táng là vì không thể đánh mẹ để chôn con.

Lưu Sướng - Năm thứ 2, Công mất. Công Dương bàn cũng như bàn ở trong năm đầu. Còn Cốc Lương thì nói: Không chep tang là vì không đánh mẹ để chôn con. Nói thế không phải. Khi vua bị giết, không trị được giặc thì không chép táng là để cho biết lúc táng, giặc chưa bắt được, trị được. Đã táng rồi, sau mới bắt được giặc, tuy đã bắt được rồi, việc táng cũng không chép, đấy là trường hợp Mẫn Công. Đánh được giặc, tuy là chậm, nhưng lúc táng là sau lúc đánh được giặc, thì táng vẫn được chép, đó là trường hợp Trần Linh Công. Không lấy việc đánh me mà chôn con nói thê là nghĩa gì.

Trần Phó Lương - Sử nước Lỗ chép Công tử Khánh Phủ giết Công ở cửa cung. Thánh nhân sao lại nói là Công mất, là kiêng tránh. Hàng quân, phụ, mà bị giết, là rất thảm, việc không nỡ nói. Thế cho nên chép là mất, mà không chép nơi mất, lai khong chép táng. Mất, thì cả 12 Công vẫn mất. Không nói nơi mất, không nói nơi táng, chỉ có hai là Ẩn Công và Mẫn Công. Tuy nhiên, cho có kiêng nói nữa, thì tội loạn thần, tặc tử vẫn cứ đủ

九月夫人姜氏孫于邾

CỬU NGUYỆT PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỐN VU CHÂU

THÁNG 9. PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ CHẠY SANG NƯỚC CHÂU

Cốc - Chép là tốn để kiêng chữ bôn là chạy.

Hà Hưu - Thông dâm với hai em, giết hai con nối, rồi chạy trốn, có ai như Ai Khương mà che che. Thần tử trong nước hiểu rõ nghĩa ấy, nhưng con vẫn không tuyệt tình với mẹ được.

Uông Khắc Khoan - Trang Công mà lấy Ai Khương, nạp đồ cưới, thân nghênh, quan xã, rất chuyên về việc đi đi lại lại bên Tề. Rồi sơn cột, khắc rui, làm lễ yết kiến Phu nhân để khoe là sang, thế mà Ai Khương đâu có cùng đi về một lượt với Công,

lòng lang, dạ sói, hiện ra từ lúc đầu. Là vì Ai Khương đức hạnh rập theo dâm loạn cua Văn Khương, mà Trang Công thì không biết ngăn ngừa, thì Trang Công còn có ra gì. Cho nên Ai Khương thông dâm với Cung Trọng (Khánh Phủ) mà không xấu hổ, giết Mẫn Công mà không có lòng thương xót, thế là lỗi ở Trang Công không biết phòng bị giữ gìn từ trước cho đến xảy ra việc ngày nay. Tuy nhiên, Ai Khương trốn sang Châu vẫn cứ chữ chép họ không bỏ. Văn Khương trốn sang Tề cũng không tước họ, thì vẫn chưa đủ để rõ tội. Còn Ai Khương trốn sang Châu tuy không bị tước họ nhưng cái ý đoạn tuyệt đã rõ ràng lắm.

公子慶斧出奔莒

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ XUẤT BÔN CỬ

CÔNG TỬ KHÁNH PHỦ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC CỬ

Tả - Thành Quý (Quý Hữu) đem Hy Công (Công tử Thân) chạy sang nước Châu, Cung Trọng (Khánh Phủ) chạy trốn sang nước Cử, Lỗ sai mang hối lộ cho Cử, đòi lại Cung Trọng. Nước Cử đuổi Cung Trọng, tới đất Mật biên giới Tề. Cung Trọng mới nhờ Công tử Ngư (Hề Tư) về Lỗ xin cho. Không được. Ngư trở lại, đứng ngoài khóc. Cung Trọng biết thân tự thắt cổ chết. Mẫn Công là con người em gái Ai Khương tên Thúc Khương, vốn người Tề lập lên ngôi. Cung Trọng thông với Ai Khương. Ai Khương muốn cho Cung Trọng lên ngôi. Mẫn Công mà chết Ai Khương có dự biết, cho nên mới trốn sang nước Châu. Người Tề tới bắt giết đi ở đất Di, đem xác về. Hi Công xin xác để táng, Di, đất nước Lỗ.

Phụ lục Tả Truyện - Thành Quý lúc sắp sinh, Hoàn Công có sai bói, tất là sinh con trai tên là Hữu, ở bên hữu Công, giữa khoảng nền xã, giúp nhà vua. Họ Quý mà mất, thì nước lỗ hết hưng thịnh. Lại bói được quẻ Đại Hữu. Cùng một cha mà kính như vua tôi. Đến khi sinh, thì nơi tay có vết chữ hữu. Cho nên đặt tên là Hữu.

Cốc - Chép là xuất, là ra, ra khỏi nước. Thế là Khánh Phủ thôi hết về nữa.

Hồ Truyện - Công tử rời nước chạy trốn. Chép là ý chê đè mất giặc.

Lục Thuần - Cốc Lương nói: Chép chữ xuất là tuyệt đường về. Xét lệ, đại phu mà chạy trốn, đều chép là xuất, không nên cho là có một nghĩa riêng khác.

Uông Khắc Khoan - Khánh Phu giết luôn tiếp hai vua, làm Lỗ vào thế nghiêng đổ. Đã không biết đặt một vị vua để nhờ cậy, lại tránh tội, rời nước chạy trốn, họp bè lũ để làm bậy, lấy lợi cho riêng mình, lộng hành các việc loạn nghịch, người người đều muốn giết, thế thì còn dung thân vào đâu được. Vì thư không có bọn ngữ nhân Lạc, Bốc Ky làm bậy, thì cái họa Tư Ban cùng Mẫn Công đâu đến gấp thế. Lại vì thử Quý Hữu đi sang Châu mà bọn dân Quy Mông Khúc Phụ (dân Lỗ) không được mưu kế như Thạch Thác, Ung Lẫm thì Cung Trọng (Khánh Phu) vị tất đã vội và chạy trốn như thế. Tuy nhiên, Khánh Phu mà chạy trốn là tự biết tội to, ác lớn, nơm nớp sợ người Lỗ giết, sợ Bá chủ hỏi tội cho nên không thể không chạy trốn được. Còn như người Lỗ mà đòi Khánh Phủ ở nước Cử, khi đến nơi thì đã thấy thắt cổ rồi, đáng nhẽ ra phải chép là giết giặc để cho chính pháp. Nay chỉ chép có chạy trốn, mà không chép là chết thì biết rằng, người Lỗ đã không hay đánh giết được giặc, rồi con cháu Khánh Phủ lại được nối nghiệp, có khác gì Thúc Nha, Công Tôn Ngao, giữ chức Khanh, có khác gì Công Tôn Tư. Thế thì người Lỗ chịu làm lễ táng Khánh Phủ. Kinh không chép táng để cho khác với Mục Bá. Há chẳng phải thánh nhân lấy tội thí nghịch của Cung Trọng, không phải là so được với Ngao, mà san bỏ lễ táng đi hay sao.

Xét - Quý Hữu trong nước thì cầm quyền chính, ngoài nước thì có Tề giúp, Mẫn Công bị giết đã không hay cứu được, lại nhìn Khánh Phủ chạy trốn mà không đánh. Hồ Truyện chê là phải. Ví như lấy sự khó dễ, mau chậm, bào chữa cho quý Hữu thì lại mất cái nghĩa đánh giặc, trị tội giặc. E không phải là ý của Kinh.

冬 齊 高 子 來 盟

ĐÔNG, TỀ CAO TỬ LAI MINH

MÙA ĐÔNG, TỀ CAO TỬ LẠI THỀ

Công - Cao Tử là đại phu nước Tề, Sao không gọi là sứ. Là vì Lỗ ta không có vua. Thế sao không chép tên. Là vì mừng. Lỗ mừng thấy tới. Trang Công chết. Tử Ban bị giết, Mẫn Công bị giết. Ba vua chết. Trong khoang không có vua, giá như Tề chiếm lấy Lỗ, không phải dùng đến quân, chỉ cần lời nói là được Hoàn Công sai Cao Tử lấy quân Nam Dương đem Hy Công lập lên ngôi vua, đắp thành cho Lỗ. Hoặc nói từ Lộc Môn đến Tranh Môn, hoặc nói từ Tranh Môn đến Lại Môn đều xây đắp. Người Lỗ đến nay vẫn còn nói tới, còn khen Cao Tử.

Cốc - Chép là lại, là mừng thấy lại. Gọi Cao Tử là Quý vì việc thề lập Hy Công lên ngôi. Không gọi là sứ vì không cho là do Tề Hầu sai.

Lục Thuần - Tôi nghe thầy học tôi dạy. Không chép là Tề Hầu sai Cao Tử, vì Cao Tử phụng mệnh được tùy nghi, chịu mệnh chứ không cứ lời dặn, cũng như Khất Hoàn thề với Tề, đâu có nói là Sở Tử sai đi sứ.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo không gọi là sứ vì Lỗ ta không có vua bảo thế không phải, Khánh Phủ bỏ nước chạy trốn thì Hi Công đã được lập. Cao Tử nói là lại hội thề là thề với Hy Công, thế thì đâu ta lại không có vua. Công cùng Tề đại phu thề ở đất Kỳ, đương lúc ấy Tề không có vua, văn thư đã không bỏ chữ Công, thì nay Lỗ không vua vì cớ gì mà lại bỏ chữ Tề Hầu. Tề Hầu ngang nhiên có ý muốn chiếm Lỗ, mới sai Cao Tử đem quân Nam Dương, không phải tới đánh, không phải tới giúp việc chính, không phải tới sính điếu. Cao Tử biết rõ nghĩa của người tôi trung, cố gắng cho vua thành nghiệp bá, tùy việc mà quyết định. Cao Tử đáng là bậc trung thần, theo nghĩa không theo mệnh.

十有二月狄入衛

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐỊCH NHẬP VỆ

THÁNG 12, ĐỊCH VÀO NƯỚC VỆ

Tả - Mùa đông tháng 12, người Địch phạt Vệ. Vệ Ý. Công thích chơi chim hạc, cho hạc cưỡi xe, khi lâm chiến, phát chiến cụ cho dân, dân nói: Sao không sai hạc, hạc có bổng lộc, hạc có chức tước, chúng tôi đây đánh trận sao được. Công mới giao cho Thạch Kỳ viên ngọc quyết, giao cho Ninh Trang Tử cái tên, sai giữ thành và bảo: giữ hai vật này làm tin, mọi việc tùy nghi, lợi cho nước thì làm. Lại giao cho phu nhân cái áo thêu và bảo: Phải nghe lời bàn của hai người. Sai tướng Cừ Khổng đi đầu, Tư Bá coi Hữu quân. Hoàng Di coi tiền khu. Khổng Anh coi Hậu quân. Cùng người Địch chiến ở Huỳnh Trạch, quân Vệ tan vỡ, bị thua to. Vệ Hầu không bỏ cờ đại bái, thành ra hỏng cả. Người Địch bắt được Sư quan là Hoa Long Hoạt cùng Lỗ Khổng, rồi đuổi theo quân Vệ. Hai người nói: Chúng tôi là Thái Sử, coi việc cúng tế. Tôi không về trước cúng tế, các người không được nước tôi đâu. Địch mới cho về trước. Về đến nơi, bảo Trấn Thủ rằng đi ngay, không đợi gì nữa. Thế là đêm, người trong nước đi ra. Người Địch đến nơi, đuổi theo, lại đánh thua ở sông Hà. Xưa Huệ Công lên ngôi còn ít tuổi, thứ huynh là Chiêu Bá thông dâm với Tuyên Khương, Khương không chịu. Nhưng bị bắt ép rồi sinh ra Tề Tử, Đái Công, Văn Công, Tống Hoàn Phu nhân, Hứa Mục Phu nhân. Văn Công vì thấy Vệ loạn, trước đã đi sang Tề. Khi Vệ bại, Tống Hoàn Công đón quân Vệ ở sông Hà, đêm chở sang đến hơn 700 nam nữ, lấy thêm người Cộng Đằng, tất cả độ 5000 người, lập Đái Công lên ngôi, chiêu tập dân tới Ấp Tào. Hứa Mục Phu nhân cũng giúp. Tề Hầu sai Công Tử Vô Khuy đem xe 500 cỗ, giáp sĩ 3000 người, tới giữ hộ Ấp Tào, biếu năm cỗ xe và 300 trâu, dê, lợn, gà chó cùng các đồ dùng, biếu Phu nhân xe cùng ba mươi tấm gấm. Huỳnh Trạch ở Hà Bắc, không phải Huỳnh Trạch ở Trịnh Châu. Cộng Đằng, biệt ấp của nước Vệ. Tào, ấp nhỏ của nước Vệ, theo Khổng sớ thì ở Hà Đông gần Sở Khưu.

Uông Khắc Khoan - Chep "vào" và không chép diệt. Hoặc vì Tề Hoàn Công không hay chống đỡ được Địch, nên vì Hoàn Công mà tránh chữ diệt. Hoặc khen Hoàn Công đã giữ được Vệ khỏi mất, mà tránh chữ diệt để khỏi phiền Hoàn Công. Xét ra, Hoàn Công lúc khởi thuỷ tuy không đuổi được Địch trước khi Vệ bị diệt, nhưng hãy còn tôn được Vệ, sau khi Địch đã diệt Vệ. Vậy trong việc, hưng nước đã bị diệt, nối lại nước đã bị dứt. thì vẫn có lần lượt. Đó là ta cứ ngẫm nghĩ mới biết được ý văn. Nay cứ so việc mà khảo sát thì Kinh Xuân Thu phàm nước bị diệt, mà chỉ chép là nhập là vào, hoặc giặc không chiếm đất chăng, hoặc tuy có chiếm đất, mà không tuyệt việc tế tự người ta. người Địch vào Vệ, người Tấn vào Hoạt, người Sở vào Trần, người Ngô vào Dĩnh, đều không chiếm đất. Công cùng Tề Trịnh vào Hứa tuy được đất nhưng không tuyệt việc tế tự của người ta. Tống diệt Tào mà chép là vào, là nhập là ghét Tào Dương tự mình làm diệt vong, cho nên không cho Tào chữ lịch sự, nhẹ nhàng, để chép việc mất nước. Đó lại là biến lệ của Kinh Xuân Thu.

Xét - Người Địch vào Vệ. Phạm Ninh. Trần Phó Lương, cùng tôn giác, mỗi người bàn một cách. Uông Khắc Khoan nhặt lấy mỗi người một ý rồi tiết trung, cho tình và lý cùng hợp, thật là rõ được ý của Kinh. Nên lấy thuyết Uông Khắc Khoan làm lời chính đáng.

鄭棄其師

TRỊNH KHÍ KỲ SƯ

NƯỚC TRỊNH BỎ QUÂN ĐỘI

Người Trịnh ghét Cao Khắc sai đem quân đóng tại Hà Thượng. Đã lâu không triệu về. Quân tan rồi về. Cao Khắc chạy trốn sang nước Tần. Người Trịnh vì việc ấy đặt ra thơ Thanh nhân.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu sai Thế Tử Thân Sinh phạt Đông Sơn, Cao Lạc Thị Lý Khắc Can: Thế Tử giữ việc tế tự Thái Miếu, xã tắc, sớm chiều cần ơ gần vua, trông coi ăn uống nên gọi là Chủng Tử. Vua đi ra ngoài thì Thế Tử ở nhà giữ

nước. Đã có người giữ nước thì Thế Tử theo vua, gọi là Phủ Quân. Ở nhà thì gọi là Giám Quốc. Đó là pháp chế từ xưa, xét việc cầm quân, cần mưu toan, trông coi quân đội, đó là việc của Quốc chính, không phải việc của Thế Tử. Quân thì phải theo quân chế. Nếu còn phải bẩm mệnh thì không có uy. Nếu tự chuyên thì lại là bất hiếu. Cho nên, tự quân không nên cầm quân. Không đúng chức vị, cầm quân không có uy, thế thì còn làm gì được. Vả lại tôi nghe nói, Cao Lạc thị sắp đem quân tới, vậy ta hãy chờ. Công nói: Quả nhân có nhiều con, chưa biết ai nối ngôi. Lý Khắc không đáp nữa rồi lui, vào yết kiến Thế Tử, Thế Tử nói: Ta chả lẽ từ chối bỏ việc. Đối với dân, phải bảo dân. Đối với quân, phải dạy quân. Không làm việc là sợ, sao lại bỏ việc. Vả chăng, làm con chỉ sợ bất hiếu, chứ không sợ không được nối ngôi. Sửa mình mà không trách người, thế thì vẫn tránh nạn được. Thế Tử cầm quân đi. Công ban cho áo màu sặc sỡ, nửa áo tướng nửa áo Thế Tử, cho đeo ngọc Kim Quyết. Hồ Đột giữ chức Ngự Nhung. Tiên Hữu giữ cánh Hữu quân, Lương Dư Tử Dương giữ chức Hãn Di, Tiên Đan Mộc làm Hữu quân. Dương Thiệt đại phu giữ chức Úy. Tiên Hữu nói: Cho mặc áo màu là giữ then chốt việc quân, thôi ta đành đi, xin Thế Tử cố gắng, mặc áo ấy là không còn thắc mắc bận lòng gì nữa. Then chốt việc binh thì không có tai họa, bản thân đã không tai họa thì còn lo sợ gì. Hồ Đột than rằng: Thời là gì? Là lúc nên làm của công việc. Áo là gì? Là cái văn thái của thể xác. Ngọc là gì? Là cái biểu dương của tâm can. Cho nên, việc thì phải kính, mệnh khởi thủy ở đó. Y phục thì phải thuần (đừng tạp nhạp). Biểu lộ tâm can, thì ngọc phải có mức độ. Nay mệnh ra lúc thời hết (mùa đông) thế là công việc nghẽn tắc. Ban cho áo sặc sỡ, là ý đối cho đi xa. Ngọc cho đeo kim quyết là bỏ tấm trung can đi. Chọn áo để đuổi. Chọn mùa cho bế tắc. Áo thì sặc sỡ, mùa thì mùa đông. Kim thì hàn. Ngọc thì ly, còn nhờ cậy về đâu được nữa. Dù có muốn cố gắng, Địch dẹp hết cả thế nào được. Lương Dư Tư Dương nói: Phàm xuất sư là thụ mệnh ở nhà Thái Miếu, nhận phần tế ở xã tắc, đều mặc thường phục. Không thắng trận mà đã mặc áo màu thì biết tính mệnh sẽ ra sao. Chết là bất hiếu thì chi bằng đi trốn. Hãn Di nói: Áo màu là lạ, là không thường. Đeo kim quyết là thôi không trở về, dù có trở về thì

được làm gì, thế là biết tâm của vua rồi. Tiên Đan Mộc nói: Mặc áo ấy, đến người dại dột cũng biết là địch không thể giết hết được, mà có giết được hết thì trong nước còn có giặc gièm, sao bằng tránh xa đi. Hồ Đột ý muốn bỏ nước đi, Dương Thiệt đại phu nói, không nên. Trái mệnh là bất hiếu, bỏ việc là bất trung, dù có biết là mong manh sao lại không chịu được xin cứ việc chết. Thế Tử sắp chiến. Hồ Đột can: Không nên. Xưa Tần Bá can Chu Hoàn Công rằng: Trong yêu hai Hậu, ngoài yêu hai chính, con thiếp cho ngang con đích, đại đô to bằng cả nước, đó là gốc loạn. Chu Công không nghe, cho nên sau bị nạn. Nay gốc loạn đã thành, đã dựng xong rồi. Hiếu mà yên được dân thì Thế Tử cứ làm. Nhưng thân đã nguy mà tội lại chóng tới.

Thành Phong nghe thấy Thành Quý bói được quẻ tốt mới xin theo hầu, rồi nói với Hy Công, cho nên Thành Quý lập Hy Công.

Hy Công năm đầu, Tề Hoàn thiên nước Hình, đến đất Di Nghi. Năm thứ hai, phong Vệ ở Sở Khưu. Hình bị thiên đi, mà coi như về đất cũ, nước Vệ thì quên cả nạn mất nước.

Vệ Văn Công, mặc áo vải, mũ vải, chăm làm, khuyên dân làm ruộng, mở việc buôn bán, chấn hưng công nghệ, dạy dỗ dân gian, đón khách, trọng hiền, năm đầu binh xa có 30 cỗ, năm cuối được 300 cỗ.

Công - Trịnh sao lại bỏ rơi quân đội. Vì ghét tướng, Trịnh Bá ghét Cao Khắc sai làm tướng, đuổi không dung nạp, đó là lối bỏ rơi quân đội.

Cốc - Bỏ vị trưởng chứ sao lại bỏ cả quân. Đó là bỏ quân.

Lục Thuần - Thôi nghe thầy học có dạy: Nói về cái nghĩa kẻ làm tôi. Nếu được thì cố sức ngày một cho chủ hơn. Nếu không được thì nghĩ đến bản thân mà lui về. Cao Khắc khi tiến khi lui đều trái nghĩa. Để cho vua ghét là có tội to rồi. Không chép là chạy trốn là tại sao. Cao Khắc bị vua ghét thì dễ hiểu rồi. Còn vua ghét Khanh mà không biết cho lui về theo lễ, lại đi bỏ rơi người ta, thì cũng là mất đạo làm vua. Cho nên, thánh nhân văn chép tuy có khác mà rất chê.

XUÂN THU QUYỂN THỨ NĂM

僖 公
HY CÔNG

Dương Sĩ Huân - Theo Lỗ thế gia. Hi Công tên là Thân, con Trang Công, thứ huynh của Mẫn Công, lên ngôi năm Huệ Vương thứ 18. Theo phép đặt tên Thụy, cẩn thận, để tâm lo lắng sợ hãi, thì gọi là Hi.

Năm Nhâm Tuất. Huệ Vương năm thứ 18.

元 年
NGUYÊN NIÊN
NĂM ĐẦU

Tề Hoàn năm thứ 27, Tấn Hiến năm thứ 18. Vệ Văn Công Hủy năm đầu. Sái Mục năm thứ 16. Trịnh Văn năm thứ 14. Tào Chiêu năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 34. Kỷ Huệ năm thứ 14. Tống Hoàn năm thứ 23. Tần Mục Công Nhâm Hiếu năm đầu. Sở Thành năm 13.

春 王 正 月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Tả - Năm đầu, mùa xuân. Không chép lên ngôi vì Công đã đi ra khỏi nước. Công ra rồi Công mới trở lại, cho nên không chép, kiêng tránh việc xấu của nước. Thế chính là lễ.

Công - Sao không chép lên ngôi. Vì nối một vua bị giết. Không chép con lên ngôi vì không phải con. Còn xưng là con là theo lệ dùng chữ thần tử.

Cốc - Nối một vị vua bị giết, không chép lên ngôi, thế là chính.

Hà Hưu - Hy Công nối vị vua đầy năm. Theo lễ, bầy tôi, chư hầu, trong hàng thân thích, mà nối ngôi vua, thì như con nối ngôi cha, áo mặc đều sô gai, cho nên Truyện chép cứ theo lệ thần tử.

Lưu Sưởng - Tả Truyện cho rằng Công đã đi ra khỏi nước, nên không chép là lên ngôi, cho thế không phải. Năm trước, tháng tám, Mẫn Công bị giết, Hy Công từ nước Châu vào làm vua, đến bây giờ đã lâu rồi. Trong nước đã tạm yên, không còn lấy cớ đã xuất bôn, chạy trốn, được. Đây chỉ là không làm lễ lên ngôi. "Công đã ra, rồi lại vào, đều không chép là kiêng tránh, kiêng việc xấu của nước, thế là lễ". Xét Ngự Tôn có nói với Trang Công rằng. Vua làm việc gì cũng có chép. Chép mà không làm phép thì vua sau biết đâu mà xem. Cứ lấy lời của Ngự Tôn mà bình luận, vua mà không làm phép, việc mà không việc gì là không phép. thế thì bảo rằng kiêng nói việc xấu của nước, e không phải là việc của sử quan, không phải là ý Kinh Xuân Thu.

齊師宋師曹師次于聶北救邢

TỀ SƯ, TỐNG SƯ, TÀO SƯ THỨ VU NHIẾP BẮC CỨU HÌNH

QUÂN TỀ, QUÂN TỐNG, QUÂN TÀO, ĐÌNH LẠI NHIẾP BẮC ĐỂ CỨU HÌNH

Tả Thị chép là Tào Bá - Nhiếp Bắc là đất nước Hình.

Công - Cứu nước Hình. Đã cứu thì không có nói đình quân. Đây nói đình quân, là ý nói không làm được việc. Vì Hình đã bị Địch diệt rồi. Sao không chép rõ là Địch diệt, là vì kiêng cho Tề Hoàn Công. Trên đã không có Thiên Tử, dưới lại không

co vị Phương Bá, chư hầu trong nước mà đi diệt nhau, thì Tề Hoàn không cứu nổi, Tề Hoàn phải lấy làm xấu hổ. Sao trước nói đình quân, sau mới nói cứu. Vì là vua cầm quân. Sao chỉ chép là quân, quân Tề, quân Tống... là ý không muốn cho chư hầu chuyên quyền. Thế sao sự thật thì lại cho. Là vì trên đã không có Thiên Tử, dưới không Phương Bá các chư hầu mà diệt nhau, có nước nào cứu được thì cứ nên cứu.

Cốc - Đã đi cứu thì không nói là đình quân. Đình quân thế là không cứu, mà lại cứ nói là cứu là tại sao. Là theo ý Tề Hầu. Chính thế. Sao biết. Là vì Tào không có quân. Nói quân Tào, chính là Tào Bá, vua Tào đó thôi. Sao đây không chép Tào Bá, là vì đã không chép Tề Hầu thì cũng không chép Tào Bá. Sao lại không nói Tề Hầu, vì Tề Hầu chưa đủ uy lực.

Phạm Ninh - Nước nhỏ, mà vua cầm quân, thì là vua. Khanh cầm quân thì chép là người (người Tào), chứ không chép được là quân (sư). Đây chép là quân (sư) thì chính là vua Tào (Tào Bá). Vì vua Tào không thể đặt dưới quân được, cho nên biết là chính Tề Hầu.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Dương cho là không để cho chư hầu được chuyên quyền, cho nên đổi chép là quân đội. Thời ấy mới bắt đầu cứu nước Hình. Hình vốn không bị diệt, sao lại chép tường lối cứu người. Cốc Lương bảo Tào không có quân đội, quân đội Tào tức là vua Tào. Không chép Tào Bá vì không chép Tề Hầu thì không thể chép Tào Bá được. Cốc Lương nói thế không phải. Bảo rằng đình quân tại Nhiếp Bắc để cứu Hình là có ý rõ ràng chê Hoàn Công. Thế sao lại còn đổi Tề Hầu làm quân Tề. Pháp chế của tiên vương, nước lớn có ba quân, nước nhỡ có hai quân, nước nhỏ có một quân. Quân tức là sư. Tào là nước nhỡ, không thể nào lại kiêng không có quân.

Xét - Xuân Thu cứ việc chép thẳng. Giải thích Kinh là nhân lời văn mà khảo sát sự thực để rõ ý khen chê. Nếu văn đã không cho thì sao được bảo là sự thực có cho. Công Dương bàn là sự thực có cho, mà văn thì không cho. Công Dương bàn thế là sai. Việc ở Sở Khưu, ở Duyên Lăng cũng thế cả.

夏六月邢天于夷儀

HẠ LỤC NGUYỆT, HÌNH THIÊN VU DI NGHI

MÙA HẠ THÁNG SÁU, HÌNH THIÊN ĐẾN DI NGHI

Công Thị chép là Trần Nghi. Di Nghi là đất nước Hình.

Tả - Chư Hầu cứu nước Hình. Người Hình tan vỡ, chạy tới quân đội chư hầu. Quân chư hầu đuổi Địch. Địch lấy của cải đồ đạc đem đi. Quân đội chư hầu không chút tơ hào.

Công - Đem đi là ăn cướp. Thiên là tự ý.

Cốc - Thiên tức là còn có quốc gia, còn có đất nước Hình.

齊師宋師曹師成邢

TỀ SƯ, TỐNG SƯ, TÀO SƯ, THÀNH HÌNH

QUÂN TỀ, QUÂN TỐNG, QUÂN TÀO, XÂY THÀNH NƯỚC HÌNH

Tả - Chư hầu đắp thành cho, là cứu một nạn. Phàm vị Bá cứu tai, cứu nạn, đánh kẻ có tội là theo đúng lễ.

Công - Đây chỉ là một việc, sao lại nhắc quân Tống, quân Tề, quân Tào. Nếu không nhắc lại thì không biết chỉ là một việc.

Cốc - Đây chỉ là một quân đội. Chép như chép làm một việc khác. Đó là khen cái công của Tề Hầu.

秋七月戊辰夫人姜氏薨于夷齊人以歸

THU, THẤT NGUYỆT, MẬU THÌN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOĂNG VU DI, TỀ NHÂN DĨ QUY

MÙA THU THÁNG BẢY, NGÀY MẬU THÌN, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ MẤT Ở DI, NGƯỜI TỀ ĐEM VỀ

Ta chép Lỗ Mẫn Công năm thứ hai.

Công - Di là đất nước Tề. Sao lại nói người Tề đem về. Tề Hoàn Công vời tới Di rồi cho thắt cổ chết.

Cốc - Phu nhân chết thì không chép nơi chết. Đây chép là có cớ. Không chép đem về chôn, vì không phải ý ấy, mà thêm chữ chôn vì kiêng tránh, chứ thật là đem về cho chết.

Uông Khắc Khoan - Nghĩa câu đem về, Văn Định cùng Trình Sa Tùy, đều bảo là đem tang về Lỗ. Nay xét sau việc "đem về, đã qua 170 ngày, vậy không có lý ấy được. Trong Kinh, phàm chép "đem về", là đem về nước. Như Nhung phạt Phạm Bá ở Sở Khưu đem về, như Kỷ Bá đón tang Thúc Cơ đem về. Phàm đã chép về là về Lỗ như Thiên Tử sai Vinh Thúc về khách quán và phúng, như người Tề đem Công Tôn Ngao về. Nên theo Tả Thị bảo là Tề đem tang về. Công và Cốc đều bảo là đem về đất Di. Tuy nhiên, chữ đất Di chép ở trên chữ đem về tức là tự đất Di mà đem về. Và lại giết tại đất Di mà đem tang về nước Tề, rồi sau Lỗ mới xin đem về Lỗ vậy. Nếu không thế thì sao lại nói rằng tang Phu nhân đến tự nước Tề, mà không chép đến tự đất Di. Cũng giống giọng câu văn "chí tự Can Hầu" chăng. Chép: người Tề đem về là để rõ việc người Tề giết. Không chép Tề Hầu mà chép người Tề là lời văn thảo tặc, đánh giặc. Tả Thị bảo người Tề giết Ai Khương là quá lắm. Nhưng tiên nho dẫn việc Vũ Hậu cướp ngôi vua Đường, thần tử nhà Đường còn biết phế làm dân rồi giết đi, huống chi Tề Hoàn không giết được Ai Khương hay sao.

楚人伐鄭
SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH
NGƯỜI SỞ PHẠT TRỊNH

Kinh bắt đầu chép là Sở.

Tả - Người Sở phạt Trịnh vì cớ nước Tề.

八 月 公 會 齊 侯 宋 公 鄭 伯 曹 伯 邾 人 于 檉

BÁT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU NHÂN VU SANH

THÁNG 8, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG TÔNG, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU, TẠI ĐẤT SANH

Sanh, Công Thị viết là 朾, đất nước Tống. Tây Bắc huyện Trần có đất Sanh. Hà Nam, Khai Phong, địa giới Trần, Châu, có Lạc Thành, tức là Sanh Thành.

Tả - Thề ở đất Sanh, là để mưu cứu Trinh.

九 月 公 敗 邾 師 于 偃

CỬU NGUYỆT CÔNG BẠI CHÂU SƯ VU YỂN

THÁNG 9, CÔNG ĐÁNH BẠI QUÂN ĐỘI CHÂU Ở ĐẤT YỂN

Yển, phía Nam Phí huyện, ở Duyện Châu, Công Thị chép là chữ 纓.

Tả - Đây là đất Kiền, ở Hư Khưu, nước Châu lấy về Lỗ.

Cốc - Không chép ngày là nghi chiến: Thế mà bảo là đánh bại là Sử Lỗ chép.

Cao Môn - Châu họ Khương, Công không xin với hội, mà đã đánh. Đã hội mà còn đánh tan quân đội thế là phi lễ.

冬 十 月 壬 午 公 子 友 帥 師 敗 莒 師 于 酈 獲 莒 奴

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ HỮU SUẤT SƯ, BẠI CỬ SƯ VU LI, HOẠCH CỬ NÔ

MÙA ĐÔNG THÁNG 10, NGÀY NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ HỮU, CẦM QUÂN ĐÁNH BẠI QUÂN CỬ Ở ĐẤT LI, BẮT ĐƯỢC CỬ NÔ

Tả - Mùa đông. Người Cử tới đòi hối lộ. Công tử Hữu đánh cho bại ở đất Li, bắt được em vua Cử (em cử Tử). Công thưởng cho Hữu ruộng Vấn Dương và ấp Phí. Vấn Dương ruộng phía Bắc

sông Vấn. Năm Định Công thứ 10, người Tề trả lại các ấp Vân, Hoan, Quy Âm đều là đất Vấn Dương.

Công - Cư Nô là ai? Là đại phu nước Cử. Nước Cử không có đại phu. Sao đây lại chép? Là để cho Quý Hữu thêm danh giá. Tại sao? Quý Hữu trong nước khó giữ được nội chính, ngoài nước khó giữ được ngoại chính. Vì sao? Vì Công Tử Khánh Phủ giết Mẫn Công, chạy đến nước Cử, người Cử đuổi. Sắp muốn sang Tề. Người Tề không cho vào, lại phải trở lại ở trên sông Vấn, sai Công Tử Hề Tư về Lỗ xin tha, Quý Hữu nói: Công tử không vào được. Vào Lỗ là bị giết. Hề Tư không nỡ truyền mệnh lại cho Khánh Phủ, đứng ở ngoài xa khóc. Khánh Phủ nói: Nghe như tiếng Hề Tư, thế là ta thôi không được về Lỗ. Nói rồi lấy dây thắt cổ chết. Người Cử nghe tin nói: Thế là ta đã trừ được rồi, nay ta đòi Lỗ hối lộ. Người Lỗ không cho. Thế là Cử đem quân đến đánh Lỗ. Quý Tử đợi rồi đánh.

Cốc - Nước Cư không có đại phu. Vậy Cư Nô là ai? Vì ta bắt được, cho nên chép là đại phu. Trong sử không chép bắt được. Đây sao chép? Là vì ghét Công tử dối trá. Việc dối trá như sau: Công tử Hữu bao Cử Nô rằng: Hai người ta đánh nhau, còn sĩ tốt thì có tội gì. Vậy đuổi hết người chung quanh, chỉ hai người đấu vỏ với nhau. Tả hữu của Quý Hữu nhắc nhủ: Thanh mạnh lao đâu. Mạnh lao là thanh thần kiếm. Quý Hữu rút mạnh lao, bất ngờ chém được. Vậy ghét Quý Hữu về hành vi dối trá, và không xứng địa vịa tướng cầm quân.

Uông Khắc Khoan - Tả Thị và Công Dương đều báo là Quý Hữu bắt được. Nay xét Kinh chép việc Trịnh bắt Sái Công tư Tiếp, Tống Hoa Nguyên. Ngô bắt Trần Hạ Khiết, Tề Quốc Thư, chưa thường thấy chép bắt được, là có ý khen. Đây về Công tư Hữu, thì chép đánh thua, chép bắt được, thế là ý chê trách Quý Hữu. Ví như Khánh Phủ chạy trốn sang Cử, mà không chép người Cử giết Khánh Phủ, cùng việc Tống. Vạn chạy trốn sang Trần, mà không chép người Trần giết Vạn, thì các việc đều cùng một ý nghĩa. Còn như chê họp bè lũ làm việc ác, cùng đòi ăn hối lộ, nhưng tội đó cứ coi việc là đủ thấy rồi. Hà tất phải bảo rằng chép bắt được để nâng cao danh của Quý Hữu.

Triệu Dữ Quyên - Quý Hữu có công lập Hy Công có danh dẹp yên loạn rồi cầm quyền chính nước Lỗ chuyên chủ về việc quân, lại có công đánh bại quân Cư, cái hình thức chuyên chế khơi thủy từ đấy.

十有二月丁巳夫人氏之喪至自齊

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TỴ, PHU NHÂN THỊ CHI TANG CHÍ TỰ TỀ

THÁNG 12, NGÀY ĐINH TỴ, TANG PHU NHÂN THỊ TỪ NƯỚC TỀ ĐƯA TỚI

Tả - Tang Phu nhân thị tư Tề đến. Người quân tử cho rằng Tề giết Ai Khương là quá lắm. Con gái thì theo nhà chồng.

Công - Phu nhân sao không chép là Khương Thị? Là chê. Vì có dự việc giết Công. Nhưng sao không biếm chê ngay lúc giết? Chê vào lúc quan trọng. Mà quan trọng nhất là lúc táng.

Cốc - Không chép là họ Khương là bị biếm. Bị biếm vì đã giết hai người. Hoặc bảo vì Tề Hoàn mà kiêng chép giết hai người cùng họ.

Lưu Sưởng - Đỗ Thị bảo không gọi họ là văn bị thiếu sót. Phu nhân chạy sang Tề không chép họ thì cũng là văn sót chăng. Cốc Lương nói, không chép họ là vì kiêng cho Tề Hoàn giết người cùng họ. Cốc Lương nói không phải. Phu nhân lấy thế là vợ vua, đi giết hai người. Người Lỗ không dám trị. Hoàn Công làm Bá chủ, ghét thấy họa loạn sinh, há được ngơ cho người cùng họ ư. Xuân Thu đã không lấy làm xấu, thì cũng cần phải kiêng tránh. Ai Khương đã dự vào việc loạn thì sao còn phối hưởng được tôn miếu, sao còn trở lại với quần thần được. Ở Lỗ hạng thần tử đã không trị được, thì Tề Hoàn lấy địa vị Bá chủ, chính được pháp, cho nên thần tử có thể căn cứ vào mệnh vị bá chủ để tôn trọng nhà tôn miếu, bá chủ có thể dựa phép Thiên Tử mà dứt tình riêng. Nay Tề lấy Công nghĩa giết đi, còn Lỗ lấy ý riêng xin về, thế là Lỗ có lòng bất nhẫn, nhưng chép vào sử thì cần khước bỏ họ Khương cho rõ ý nghĩa.

Lý Liêm - Tề giết Ai Khương. Cốc Thị, Công Thị, Hồ Thị, Lưu Thị đều cho là vô nghĩa. Riêng Tả Thị thì nói: Tề giết là quá. Con gái theo chồng, thế là Tả Thị không xét đến công nghĩa của Xuân Thu.

Xét - Phu nhân chép là Thị, chứ không chép họ Khương, thế là bị biếm. Biếm Ai Khương không phải chạy trốn sang nước Châu. Tội ở chỗ giết con, cho nên sau việc đó, không có câu gì nói đến mẹ con nữa. Biếm Ai Khương không phải ở lúc chết: Pháp luật của Bá chủ đã thi hành thì việc công nghĩa đến đấy cũng là xong. Biếm không phải ở lúc táng: Lỗ đã xin táng thì sao lại không cho. Vả lại biếm một lần thôi, nhắc lại làm gì. Cho nên chỉ riêng lúc táng mà biếm thì biếm gì. Công Dương bảo không gì trọng bằng lúc tới lễ táng, thì chết mà táng không được cho là việc thường. Hồ Truyện thì bảo không chép họ vì giết ở Tề. Thế thì lúc chết sao không khước họ đi. Tất cả đều không phải ý chí của Kinh. Nay xét lại việc Trọng Tử Thành Phong, không chép Phu nhân, đó là để chính danh phận. Văn Khương, Ai Khương không chép họ Khương là để xóa tên trong pha hệ đi. Hoặc cho là sửa lại sự tiếm hiệu. Hoặc cho là lệnh của Bá chủ đã ban hành, tức là sửa, là chính. Riêng Văn Khương mà dứt họ, theo nghĩa thì không dựa vào đâu, cho nên duy ở việc rời nước đi ra ngoài, để chính tội. Cái tội của Văn Khương đã rõ ràng cho nên bỏ họ.

Quý Hợi, Huệ Vương năm thứ 19.

二 年

NHỊ NIÊN,

NĂM THỨ 2

Tề Hoàn năm thứ 28. Tấn Hiến năm thứ 19. Vệ Văn năm thứ 2. Sái Mục năm thứ 17. Trịnh Văn năm thứ 15. Tào Chiêu năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 35. Kỷ Hệ năm thứ 15. Tống Hoàn năm thứ 24. Tần Mục năm thứ 2. Sở Thành năm thứ 14.

春王正月城楚邱

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, THÀNH SỞ KHƯU

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG, ĐẮP THÀNH SỞ KHƯU

Sở Khưu ấp nước Vệ.

Tả - Mùa xuân, chư hầu đắp thành Sở Khưu, giữ cho cương giới nước Vệ. Không chép nơi hội, việc làm về sau.

Công - Xây thành nào? Thành nước Vệ. Sao không chép hẳn là thành nước Vệ? Vì Vệ bị diệt, nước Địch diệt. Không chép Địch diệt là kiêng tránh cho Hoàn Công. Trên không Thiên Tử, dưới không Phương Bá, chư hầu trong nước diệt nhau. Hoàn Công không cứu được phải lấy làm xấu hổ. Tuy nhiên, ai xây thành. Hoàn Công xây. Sao không chép là Hoàn Công xây. Là vì không cho chư hầu tự chuyên việc phong cương biên giới. Đã không cho việc, sao sự thực lại có việc. Tức là lời văn chép thì vẫn không được, vì nghĩa của chư hầu không được chuyên phong, nhưng sự thật thì vẫn có. Là vì trên có Thiên Tử, dưới có các Phương Bá, mà cứ để các chư hầu diệt nhau, vậy ai có sức cứu được thì cứ nên cứu.

Cốc - Sở Khưu là gì? Là ấn nước Vệ. Gọi là thành chính là ấp đó. Gọi là thành là thành của Vệ. Coi như Vệ chưa rời đổi thành, vì không cho Tề Hầu chuyên quyền phong. Nếu nói thành Vệ là chuyên rồi. Không phải Thiên Tử thì không được chuyên phong chư hầu, chư hầu không chuyên phong chư hầu được. Tuy rằng vì lòng dân mà làm, nhưng nghĩa không cho việc làm là phải. Cho nên có câu rằng: Nhân không thắng được đạo.

Hồ Truyện - Sở Khưu là ấp nước Vệ. Hoàn Công họp và giong gia chư hầu xây thành mà phong (giới hạn, hạn định phong cương, bờ cõi) Vệ. Không chép Hoàn Công là không cho Chư hầu được chuyên phong. Thơ Mộc Qua (Kinh Thi) khen Hoàn Công mà Phu Tử chép vào Kinh Thi, ý vẫn là một không khác. Không có chuyên phong là phải, chính vương pháp phải như thế. Thơ Mộc Qua có chỗ phải, là khen cái tính người dân Vệ. Báo đức là cái hay của người đời. Lấy đức báo đức, có thế thì dân mới

có được khuyến khích xây thành Sở Khưu chỉ lược qua mà không chép. Xây thành nước Hình thì lại nói nhiều mà lại không bị san tước, là vì theo Chu chế, phàm phong một nước, đặt quan chức cho miếu điện, nghi vệ, chức nọi sử phải làm sắc mệnh, đó là quyền lớn của Thiên Tử, chư hầu không được tự chuyên. Người Vệ sang qua sông, họp lại ở Tào ấp, Hức Mục Phu nhân thương mà giúp cho xe, ngựa, thóc lụa, Văn Công rời đến Sở Khưu, mà sao trăm họ yên vui, thế là vì nước đã bị diệt không còn nữa, xây thành Sở Khưu là tiếm quyền Thiên Tử để phong chư hầu. Còn như nước Hình thiên với Di Nghi. Kinh chép là Hình tự thiên đi, thế là tự nước Hình muốn như thế, nước chưa có bị diệt. Chư hầu mà xây thành cho Hình, có thể cho là cùng bị hoạn nạn, thì cùng thương nhau, giúp nhau, theo như đã ước hẹn trong giản thư. Cho nên, Kinh chép nhiều mà không san tước, là khen việc biết cứu nhau trong hoạn nạn. Hoàn Công phong Vệ, mà nước Vệ cũng quên ngay việc mất nước. Đã có công to với chư hầu, làm lợi rất nhiều cho nước Vệ thì cũng nên có được lời văn đẹp để khoa trương việc làm, thế mà chỉ nói qua loa ít ỏi như thế là vì sao. Nghĩa, cần cho chính, không mưu lợi, đạo cần cho sáng, không kể công, ơn nhỏ thì lược qua, tiết lớn thì nói rõ, đó là phép Kinh Xuân Thu.

Xét - Nước Hình, từ lúc thiên đi, rồi xây thành, chỉ thấy được giúp về vật liệu, gỗ lạt, chưa từng thấy có sự chuyên phong, cho nên về nước Hình, chỉ chép: thiên đi nơi khác, xây dựng thành. Còn như việc nước Vệ thì chép thiên nước Vệ, xây thành ở Sở Khưu, chuyên phong thật là rõ rệt, cho nên chép xây thành mà không chép rời nước. Vậy chép xây thành Hình, mà không chép xây thành Di Nghi là vẫn có cái ý không để cho được chuyên phong.

夏 五 月 辛 巳 葬 我 小 君 哀 姜

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÂN TỴ, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN AI KHƯƠNG

MÙA HẠ NGÀY TÂN TỴ, TÁNG VỢ VUA TA LÀ AI KHƯƠNG

Công - Ai Khương là phu nhân Trang Công.

虞師晉師滅下陽

NGU SU, TẤN SU, DIỆT HẠ DƯƠNG

QUÂN NGU, QUÂN TẤN DIỆT ĐẤT HẠ DƯƠNG

Công Thị, Cốc Thị viết là 夏陽. Nước Tấn trong Kinh bắt đầu nói tới. Hạ Dương là ấp nước Quắc.

Tả - Tuân Tức nước Tấn xin với vua, lấy ngựa Khuất sản, ngọc bích Thùy cức mượn đường đi qua nước Ngu, để đem quân đánh nước Quắc. Vua Tấn nói: Đó là đồ quý. Đáp: Nếu mượn được đường ở nước Ngu thì cũng như để đồ quý ở kho ngoài. Vua nói, Ngu còn có Cung Chi Kỳ. Đáp: Cung Chi Kỳ là người nhu nhược, không dám can thẳng, từ bé đến lớn ở gần vua, vua khinh thường, dù có can cũng không được nghe. Vua Tấn mới sai Tuân Tức mượn đường ở Ngu, nói với vua Ngu: Nước Ký vô đạo, tự đất Điên Linh vào đánh đất Minh Tam Môn (đất Ngu). Ký mà dẹp được, cũng là lợi cho nhà vua. Nay đến nước Quắc, quấy rối biên cương, xâm đất Nam Bi nước tôi, vậy xin mượn đường để hỏi tội Quắc. Ngu Công thuận cho, và xin trước tiên, đánh Quắc. Cung Chi Kỳ can. Vua không nghe. Tấn đem quân đi. Mùa hạ, Lý Khắc, Tuân Tức cầm quân, hội với quân nước Ngu để đánh Quắc, diệt thành Hạ Dương. Kinh chép việc Ngu trước. Vì có là đồ hối lộ Ngu. Khuất sản, Công Dương cho là tên đất. Thùy Cức là đất nước Tấn. Ký là tên nước. Điên Linh ở đông bắc huyện Đại Dương tỉnh Hà Đông, nay còn có Điên Linh bản. Minh là ấp nước Ngu.

Công - Ngu là một nước nhỏ, sao lại chép lên trên một nước lớn, (nước Tấn). Thế là cái ác để cho Ngu. Ngu nhận của hối lộ cho mượn đường đi diệt nước người, thế là sẽ mất nước. Việc hối lộ thế nào. Hiến Công họp các đại phu rồi hỏi rằng: Quả nhân đêm nằm ngủ không được là tại sao. Các đại phu tâu. Nằm không yên, hay là tại các thị ngự không hầu ở bên cạnh. Hiến Công im không đáp. Tuân Tức tiến lên nói: Vì Ngu, Quắc chăng. Hiến Công đứng dậy vái rồi mời vào trong để bàn việc, nói: Tôi muốn đánh Quắc, thì Ngu chắc là cứu. Muốn đánh Ngu, chắc Quắc cứu. Làm thế nào. Xin cùng bàn với đại phu. Tuân Tức đáp: Vua

nếu dùng mưu của thần, thì hôm nay lấy nước Quắc là ngày mai sẽ lấy được nước Ngu. Vua có việc gì là lo. Hiến Công nói, thế thì làm thế nào. Đáp, Xin đem ngựa Khuất sản, ngọc bích Thùy Cức đi, cũng như là đồ vật để ở trong kho, nay đem ra phủ ngoài, ngựa để trong chuồng, nay buộc ra ngoài chuồng, nhà vua có mất gì đâu. Hiến Công nói: Vâng. Tuy nhiên, nước Ngu, còn có Cung Chi Kỳ, thì làm thế nào. Tuân Tức nói: Cung Chi Kỳ có trí đấy. Nhưng, Ngu Công tham mà thích báo vật. Trông thấy báo vật thì nói gì chả được nghe. Xin cứ cho đi. Thế là đi. Ngu Công trông thấy báo vật, hứa ngay. Cung Chi Kỳ quả nhiên can, can rằng: Lời xưa, môi hở răng lạnh. Ngu, Quắc cần phải cứu giúp nhau. Ngày hôm nay, Tấn chiếm Quắc, thì ngày mai Ngu mất, xin vua đừng hứa giúp Tấn. Vua Ngu không nghe lời, cứ cho mượn đường để lấy Quắc. Khi Tấn diệt Quắc về, được bốn năm. Tấn lấy Ngu. Ngu Công bưng ngọc, dắt ngựa đến, Tuấn Tức trông thấy nói: Mưu của thần thế nào. Hiến Công nói: Mưu của ngươi thì hành được rồi, Ngọc thì vẫn là ngọc của ta, mà ngựa thì răng có dài hơn. Ấy là lời nói đùa đó thôi. Hạ Dương là ấp nước Quắc. Vậy sao không có liên hệ với Quắc. Vì vẫn là một nước còn có vua

Cốc - Không phải là một nước mà gọi là diệt, là tôn trọng Hạ Dương đó. Nước Ngu không có sư (quân đội đủ số), sao lại chép là sư. Vì là đứng trước Tấn, thì không thể không nói sư được. Sao lại đứng trước Tấn, vì là chủ việc diệt Hạ Dương. Hạ Dương là một ấp ngoài biên giới nước Ngu, nước Quắc. Diệt Hạ Dương thì lợi cho Ngu, Quắc. Sao Ngu lại chủ việc diệt Hạ Dương. Tấn Hiến Công muốn phạt Quắc, Tuân Tức nói: Sao vua không lấy ngựa Khuất sản, ngọc bích Thùy Cức để mượn đường nước Ngu. Hiến Công nói, đó là vật quý của nước Tấn nếu Ngu nhận mà rồi không cho ta mượn thì sao. Tuân Tức nói: Nước nhỏ phụng sự nước lớn, đã không cho mượn đường thì không dám nhận đồ biếu. Nếu nhận đồ biếu cho mượn đường thì có khác gì ngọc để trong kho, nay ta để ra ngoài phủ, ngựa ta để chuồng trong, nay cho ra chuồng ngoài. Công nói: Ngu còn Cung Chi Kỳ, tất không để cho vua nhận. Tuân Tức nói: Cung Chi Kỳ đã đành là người đạt hiểu biết, nhưng nhu nhược, lại thêm từ lúc ít tuổi ở gần vua. Tám đạt,

thì lời nói gian lược, nhu nhược thì không dám cố can, từ ít tuổi ở gần vua thì vua khinh thường. Vả lại đồ đẹp, đồ quý, ở ngay trước tai, trước mắt, mà tai họa thì ở sau một quốc gia, chỉ có từ bậc trung trí trở lên, mới còn biết nghĩ xét. Tôi liệu vua nước Ngu dưới bậc trung trí. Công mới mượn đường để đánh Quắc. Cung Chi Kỳ can: Sứ giả nước Tấn xem lời nói khiêm nhũn mà đồ lễ thì quý giá, tất không lợi cho Ngu ta. Ngu Công không nghe. Nhận đồ lễ, và cho mượn đường. Cung Chi Kỳ lại can: Lời ngạn có nói, môi hở răng lạnh, là trường hợp này đây. Thế rồi đem vợ con chạy trốn sang nước Tào. Hiến Công diệt nước Quắc. Năm năm sau, lấy nước Ngu. Tuân Tức, dắt ngựa, cầm ngọc, tới trước Hiến Công nói: Ngọc thì vẫn như cũ, ngựa thì răng có dài hơn.

Xét - Trong Chiến Quốc Sách, Ngụy bảo Triệu Vương rằng: Người Tấn muốn diệt Ngu, thì trước hãy diệt Quắc. Tuân Tức lấy ngựa quý, ngọc bích, mượn đường nước Ngu. Người Tấn đánh lấy Quắc xong, rồi về thu nốt Ngu. Cho nên, Kinh Xuân Thu kết tội Ngu Công. Vậy ý kết tội của thánh nhân đương thời đã được rõ.

秋九月齊侯宋公江人黄人盟于貫

THU, CỬU NGUYỆT, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, GIANG NHÂN, HOÀNG NHÂN, MINH VU QUÁN

MÙA THU, THÁNG 9, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, NGƯỜI GIANG, NGƯỜI HOÀNG THỀ Ở QUÁN

Công Thị viết là Quán Trạch. Giang là tên nước Giang ở huyện An Dương đất Nhữ Nam. Quán là đất Tống.

Tả - Mùa thu, thề ở Quán, là để thu phục Giang và Hoàng.

Phụ lục Tả Truyện - Kẻ tự nhân (hầu cận) nước Tề là Điêu, đem tiết lậu quân cơ cho người nước Sái. Quắc Công đánh được quân rợ Nhung ở Tang Điền. Bốc Yển nước Tấn nói: Quắc tất là có công. Thế là trời lấy mất gương soi (để tự sửa lỗi) mà cho thêm bệnh. Để cho Tấn. Nếu không khuyến khích, dạy dỗ dân, thì không được quá năm trăm.

Công - Người Giang, người Hoàng, là chỉ các nước ở xa mà tới hội, thì ở Trung Quốc sao chỉ có Tề, Tống tới. Nước lớn kể Tề, Tống, nước xa kể Giang, Hoàng, vậy còn các nước khác, dám đâu không tới.

Cốc - Hội thề ở đất Quán, không hẹn mà tới, là người Hoàng, người Giang, tức là các nước ở xa, Trung Quốc thì có Tề, Tống. Thế, nghĩa là các nước chư hầu lớn nhỏ đều tới cả.

冬 十 月 不 雨

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT BẤT VŨ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, KHÔNG MƯA. (COI Ở SAU, NĂM THỨ BA)

Công - Sao lại chép? Là chép việc lạ.

Cốc - Không mưa, vì đang cần có mưa.

Đỗ Dự - Một mùa không mưa, thì chép tháng đầu mùa.

楚 人 侵 鄭

SỞ NHÂN XÂM TRỊNH

NGƯỜI SỞ XÂM TRỊNH

Tả - Người Sở phạt Trịnh. Đấu Chương bắt sống được Trịnh Đam Bá.

Năm Giáp Tý, Huệ Vương năm thứ 20.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tề Hoàn năm thứ 29. Tấn Hiến năm thứ 20. Vệ Văn năm thứ 3. Sái Mục năm thứ 18. Trịnh Văn năm thứ 16. Tào Chiêu năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 36. Kỷ Huệ năm thứ 16. Tống Hoàn năm thứ 25. Tần Mục năm thứ 3. Sở Thành năm thứ 15.

春王正月不雨夏四月不雨

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ HẠ TỨ NGUYỆT BẤT VŨ

MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, KHÔNG MƯA, MÙA HẠ THÁNG TƯ, KHÔNG MƯA (COI Ở DƯỚI THÁNG SÁU).

Công - Sao lại chép? Là chép việc lạ.

Cốc - Không mưa. Đương cần mưa. Một mùa chép không mưa là ý mong mưa. Mong mưa là chí nghĩ đến dân.

徐人取舒

TỪ NHÂN THỦ THƯ

NGƯỜI NƯỚC TỪ LẤY NƯỚC THƯ

Công - Chữ thủ là lấy, cho biết việc dễ làm.

Lý Liêm - Nước ngoài (không phải Lỗ) diệt nước khác mà chép là thủ thì chỉ có một trường hợp này. Tả Thị, Công Dương đều bảo là việc dễ làm. Triệu Thị cho dùng chữ thủ là vẫn còn được cúng tế. Xét việc dùng binh, tuy có khó dễ, nhưng cái tội diệt nước người thì không có chia nặng nhẹ. Việc dễ có giảm được cái tội diệt không. Cho là còn được cúng tế, thì cứ chép là giáng, là thiên cũng được. Mà nếu cho là Thư tự thủ diệt vong thì chép là tan vỡ cũng được, là mất cũng được. Cớ sao lại chép là thủ, là lấy. Chép là thủ, giống như chép trong Lỗ binh thư, diệt cùng nghĩa với thủ. Vả lại nước Từ mới xuất hiện ở Kinh, mà được chép là người, người Từ, mới bắt đầu diệt một nước, mà được chép là thủ, là lấy như thế, tức là nghĩa có giảm. Cho nên tiên nho Lâm Thị cho rằng Thư là, ở trong đảng nước Sở; người Từ thu, lấy, Thư là cùng noi theo con đường Tề Hoàn phạt Sở. Xuân Thu cho là các nước chư hầu đối với nhau phải thoa thuận bắt chước nhau, cho nên chép là người, chép là lấy. Bàn thế có lẽ phải.

Xét - Người Từ lấy Thư, Công Dương cho rằng dùng chữ

lấy vì việc để làm Tô Triệt cho rằng dùng chữ người là lời khen Công Thu Tô Thị, đều bàn sai. Duy có Lý Liêm thì ý hợp với tôn chỉ Kinh Xuân Thu

六月雨

LỤC NGUYỆT VŨ

THÁNG 6 MƯA

Tả - Xuân không mưa, hạ tháng sáu mưa. Từ tháng 10 cho đến tháng 5, không mưa, mà không chép chữ hạn, tức là chưa có tai hại.

Công - Chép tháng sáu mưa là mới bắt đầu mưa chưa được nhiều.

Cốc - Chép mưa là mừng, là chí để vào dân.

秋齊侯宋公江人黃人會于陽穀

THU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, GIANG NHÂN, HOÀNG NHÂN, HỘI VU DƯƠNG CỐC

MÙA THU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, GIANG NHÂN, HOÀNG NHÂN, HỘI Ở DƯƠNG CỐC

Dương Cốc, đất nước Tề.

Tả - Bàn việc phạt Sở.

Công - Đây là đại hội. Sao đây lại chép mưa. Hoàn Công có tuyên bố: Không được cấm đong thóc, không được đổi con trưởng, không được lấy thiếp làm vợ.

Cốc - Hội Dương Cốc, Hoàn Công mặc đại trào, cầm hốt, cho chư hầu chầu. Chư hầu đều hiểu rõ chí Hoàn Công, và theo Hoàn Công.

Xét - Hội Dương Cốc, cho là để bàn việc phạt Sở, là ý của Tả Thị. Công Thị, Cốc Thị không nghĩ thế. Tuy nhiên, ở dưới có chép đánh Sở việc gần hội, thì ý của Tả Thị, nghĩ là đúng, cho nên được Hồ Truyện Trương Chu cho là đúng. Và mưu phạt

Sở cứu Trịnh đã được quyết định ở hội Sanh (đất Tống). Trong các chư hầu, duy có Tống là lớn có Giang, Hoang, là ở xa nhất, cho nên lại họp thêm ở Quán, ở Dương Cốc, để cho cố kết được hòa hiếu, tín nghĩa.

冬公子友如齊蒞盟

ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU NHƯ TỀ LỊ MINH

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU SANG TỀ ĐỂ THỀ

Công và Cốc viết là,

Cốc viết: Công Tư Quy Hữu

Ta - Tề Hầu mở hội Dương Cốc để tới thề. Mùa đông Công tử Hữu sang Tề thề.

Công - Lị minh là gì? Là tới thề theo người. Vì đã định trước rồi. Không chép chữ cập, cùng, với, là vì nước đã cho đi, không chép người là vì nước đã cho đi.

Uông Khắc Khoan - Đã chép lị minh, tức là ngày đi ra khỏi nước, vua Lỗ sai, đã mệnh cho tới thề, chứ không phải đại phu tự chuyên mà tới thề. Kinh chép chữ ly minh có bốn lần, duy năm đó Quý Hữu đi thề là giúp Tề Hoàn mưu việc phạt Sở, vậy có điều hay là giúp vị Bá. Văn Công năm thứ 7, Mục Bá sang nước Cử, đó là nước nhỏ được lời mời mà miễn cưỡng tới kết minh, chứ ban đầu không có tâm thành thật thương kẻ yếu. Năm Chiêu Công thứ 7, Thúc Tôn Chiêu Tư sang Tề thề. Định Công năm thứ 11, Thúc Hoàn sang Trịnh thề, thì đều là kết hiếu với nhau, bỏ Tấn, mà cùng mưu việc phản lại vị Bá, không phải là việc nên làm. Cốc Lương cho rằng không dùng chữ cập, (cùng, với) là vì quốc gia đã cử đi. Bàn như thế, thì phải đặt vào chữ lai minh mới đúng. Cả hai ý cùng là nhầm.

Xét - Khi Hi Công sai Quý Hữu sang Tề thì, thời kỳ thề chưa được định, nên không chép ngày. Cốc Lương mà bảo không chép ngày là ngày đã định rồi, bảo thế là sai.

楚人伐鄭

SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH

NGƯỜI SỞ PHẠT TRỊNH

Tả - Người Sở phạt Trịnh. Trịnh Bá muốn hòa. Khổng Thúc nói không nên. Tề đương cần ta. Bỏ điều đức là không hay.

Phụ lục Tả Truyện - Tề Hầu cùng Sái Cơ đi thuyền chơi ở Uyển Hựu. Sái Cơ nghịch dung thuyền. Công sợ, biến sắc, cấm Sái Cơ vẫn nghịch, Công giận, đuổi về nước, người Sái đem gả chồng

Năm Ất Sửu Huệ Vương năm thứ 21

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tề Hoàn năm thứ 30. Tấn Hiến năm thứ 21. Vệ Văn năm thứ 4. Sái Mục năm thứ 19. Trịnh Văn năm thứ 17. Tào Chiêu năm thứ 6. Trần Tuyên, năm thứ 37. Kỷ Huệ năm thứ 17. Tống Hoàn năm thứ 26. Tần Mục năm thứ 4. Sở Thành năm thứ 16.

春王正月公會齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯許男曹伯侵蔡蔡潰遂伐楚于陘

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, XÂM SÁI, SÁI HỘI, TỤY PHẠT SỞ VU HÌNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ XÂM NƯỚC SÁI, SÁI TAN VỠ, RỒI PHẠT SỞ ĐÓNG QUÂN TẠI ĐẤT HÌNH

Hình, đất Sở.

Tả - Năm thứ 4. Mùa xuân. Tề hầu lấy quân chư hầu xâm nước Sái. Quân Sái tan. Xong, Phạt Sở. Sở Tử cho đến nói với quân chư hầu: Vua ở Bắc Hải. tôi ở Nam Hải, y như ngựa theo gió, trâu ngược gió, rất là khác nhau. Không hiểu nhà vua tới nước tôi để làm gì, vì cớ gì. Quan Trọng đáp: Xưa, Thiệu Khang Công, có mệnh cho tiên quân tôi là Thái Công rằng: Năm vị hầu, chín vị Bá ngươi trông coi để giúp nhà Chu. Có cho tiên quân tôi giới hạn, đông thì đến bể, tây thì đến sông Hà (Hoàng Hà), nam thì đến Mục Lăng, bắc thì đến Vô Đệ. Nước Sở các ông có phận sự cống cỏ bao mao, mà không cống, cúng tế thiếu sót, không có thứ để tẩy rượu. vua tôi phải xét hỏi. Vua Chiêu Vương nam chinh mà không trở về, vua tôi cũng phải xét hỏi. Sở đáp lại: không cống là vua tôi có tội, từ nay xin cống. Chiêu Vương mà không về thì xin nhà vua hỏi ở bến sông. Quân chư hầu tiến, đóng tại đất Hình. Mục Lăng, Vô Đệ, đều là đất trong cõi nước Tề.

Công - Tan vỡ (hội) là thế nào? Là dưới phản lại trên. Nước thì gọi là hội. Ấp thì gọi là bạn. Chép dừng quân ở nước Hình là thế nào. Là chờ. Chờ ai. Chờ Khuất Hoàn, sứ thần nước Sở.

Cốc - Tan vỡ (hội) là trên dưới không tương đắc. Xâm là việc nhỏ. Xâm Sái mà Sái tan. Cứ xem hành vi của Hoàn Công thì không chiếm đất, không phân tán dân, rõ ràng là chính đạo. Nối sau việc đó là đình quân lại là thôi.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, nước tan là hội, ấp tan là bạn, bảo thế sai. Hội là dân hội. Bạn là bầy tôi bạn, không phải khác nhau vì theo chữ quốc hay ấp, Công Dương lại bảo đình quân ở Hình là để chờ, chờ Khuất Hoàn, bảo thế cũng lại sai. Nếu thực là đợi thì sao không chép ngay Khuất Hoàn tới quân trung. Đạm Thị có nói: Lúc đầu đình quân lại ở Hình, có biết đâu Khuất Hoàn sẽ tới.

夏 許 男 辛 臣 卒

HẠ, HỨA NAM, TÂN THẦN TỐT

MÙA HẠ HỨA NAM TÊN LÀ TÂN THẦN MẤT

Coi ở dưới tháng 8

Cốc - Chư hầu chết ở nước, thì không chép nơi chết. Chết ở ngoài, thì chép nơi chết. Chết ở trong quân, sao lại không chép nơi chết. Vì ở trong quân Hoàn.

Triệu Khuông - Nước Hứa với nước Sở gần nhau. Xét Hứa Nam bị bệnh phải bỏ quân về chết ở trong nước Hứa, cho nên không chép là chết ở quân trung.

Lưu Sưởng - Ta thì bảo chết ở quân trung, bảo thế là sai. Nếu thực chết ở quân trung thì sao Kinh lại không chép. Rõ ràng là vua Hứa bị bệnh chết ở trong nước, cho nên không được chép là chết ở trong quân. Cốc Lương có bảo chết ở trong quân, sao không chép nơi chết, vì ở trong quân Hoàn Công. Bảo thế cũng sai. Giá có chép chết trong quân thì cũng không có gì là chê Hoàn Công, mà không chép chết trong quân thì cũng không đủ khen Hoàn Công. Chư hầu chết, nên chép hay không nên chép nơi chết, đã có lệ thường, chứ không phải thay đổi lệ đi, vì một Hoàn Công.

楚屈完來盟于師盟于召陵

SỞ KHUẤT HOÀN LAI MINH VU SƯ, MINH VU THIỆU LĂNG

SỞ KHUẤT HOÀN TỚI THỀ Ở QUÂN TRUNG, VÀ THỀ Ở THIỆU LĂNG

Thiệu Lăng ở huyện Dĩnh Xuyên.

Tả - Mùa hạ, Sở Tử sai Khuất Hoàn tới quân trung. Quân lui về đóng tại Thiệu Lăng, Tề Hầu dàn bày quân chư hầu, rồi cùng Khuất Hoàn lên xe duyệt binh. Tề Hầu nói: Có phải là ý tôi muốn đâu. Tôi chỉ cần nối lại hòa hiếu các tiên quân, quan sứ nghĩ sao? Đáp: Nhà vua ra ơn cho nước chúng tôi, ban phúc cho xã tắc tôi, cho vua tôi được dự, đó là ý nguyện vua tôi. Tề hầu nói: Lấy quân đông như thế đi đánh thì quân nào chống lại được, thành nào đứng vững được. Đáp: Nhà vua nếu lấy đức thông cảm chư hầu, thì ai là dám không phục. Nhà vua nếu lấy uy vũ, thì Sở tôi lấy Phương Thành làm thành, lấy Hán Thuỷ

làm hào. Quân nhà vua tuy đông cũng vô dung. Khuất Hoàn cùng các chư hầu thề

Công - Khuất Hoàn là đại phu nước Sở. Sao không gọi là sứ. Là tôn Khuất Hoàn, để xứng với Hoàn Công. Chép là thề ở quân trung, thề ở Thiệu Lăng, là quân đình tại Thiệu Lăng. Quân đã ở Thiệu Lăng, sao chữ thề phải dùng hai lần. Là mừng phục được nước Sở. Sao lại mừng. Giống Sở đời có Vương gia thì cuối cùng mới phải phục, đời không có Vương gia thì vội phản bạn. Sở chỉ là di địch, vẫn thường quấy nhiễu Trung Quốc, giao kết với nam di, bắc địch, rất là phiền phức. Hoàn Công cứu Trung Quốc mà kìm hãm di địch, thiếp phục được Kinh (Sở). Lấy việc đó biết là việc của Vương Gia. Còn chép chữ lại là thế nào. Là để cùng Hoàn Công chu việc. Trước đó có việc, sau đó cũng có việc, đâu có phải chỉ một lần ấy mà thôi. Cùng Hoàn Công, chủ việc cứ lần lượt tiếp tục.

Cốc - Sở không có đại phu. Khuất Hoàn là ai. Căn cứ vào việc tới hội với Tề Hoàn, thì gọi là đại phu. Không gọi là sứ là vì quyền ở Khuất Hoàn. Như thế có là chính đáng không. Không chính đáng. Chỉ vì là lại hội với chư hầu mà trọng đấy thôi. Lại làm gì. Lại quân đội Tề Hoàn, là đã định từ trước rồi. Ở Thiệu Lăng Hoàn Công đắc chí, nhưng không đắc chí hẳn, Khuất Hoàn nói: Nước lớn sao đem quân đến Sở. Hoàn Công có bảo Chiêu Vương chinh nam không trở về, có bao mao không cống, Chu thất thiếu sót việc tế tự. Khuất Hoàn đáp lại: Xin cống bao mao, còn việc Chiêu Vương không trở về, thì xin hỏi ở bến sông.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Dương nói sao không gọi là sứ, là tôn Khuất Hoàn. Thế nào là tôn? Là cho Khuất Hoàn đương với Hoàn Công ý cho Khuất Hoàn là hạng quý ở Sở, tôn lên để đối với Tề Hầu. Nếu Khuất Hoàn dù tự chuyên, không phải mệnh vua, không để cho vua Sở sai được. Cho nên, lời như là tự ý đến, thế thì xét, Khổng Tử đã có dạy rằng: Vua sai bầy tôi lấy lễ, bầy tôi thờ vua lấy trung, dạy rành mạch lắm, nay lại tôn bầy tôi, cho được không để vua sai, lại khinh thị vị vua, không để vua sai, thế là dung túng kẻ dưới việt phận mình, thế

là bầy tôi chuyên quyền. Theo câu dạy của thánh nhân, "ước chỉ dĩ lễ", tóm tắt lại lấy lễ, đâu có như thế. Cốc Lương nói không chép là sứ là vì quyền tại Khuất Hoàn, đó là tùy thời mà dùng quyền tự ý tới cùng Tề Hoàn thề, bản ý là muốn được thề ngay ở quân trung. Nhưng Tề Hoàn mừng thấy lại, thấy phục rồi, mới lui quân để giữ lễ với nước Sở. Chép tới thề trong quân là của ý Khuất Hoàn mà chép thề ở Thiệu Lăng là chép nơi thực có việc thề.

Lý Liêm - Tề và Tấn mưu việc Sở, đều ở Thiệu Lăng trong năm ấy. Đến năm Lỗ Định Công thứ 4, là hội ở Thiệu Lăng để xâm Sở. Tới thề không coi là sứ, chính ý như Tề Cao Tử. Xét Tề Hoàn sai Cao Tử, bản tâm muốn dò xem Lỗ có thành hay bại, còn vua Sở sai Khuất Hoàn, bản tâm chỉ muốn xem Tề mạnh hay yếu, tất cả Tề và Sở đều không có định trước việc thề. Cao Tử biết đến Lỗ yên, để cho Lỗ yên. Khuất Hoàn đến mà phục Tề, Xuân Thu riêng cho quyền hai gã ấy là vì những cớ ấy. Cốc Lương và Đỗ Thị hiểu được thế. Xuân Thu là của Lỗ thì Cao Tử chỉ cần chép đến Lỗ thế là đủ. Còn như Khuất Hoàn thì sao lại được không chép là ở trong quân. Cốc Lương, cho việc ở giữa quân là định trước, Cốc Lương bàn thế là sai.

Hắc Kính - Hoàn Công xưng Bá 20 năm. Chư hầu mà tự cho có sức kháng lại Tề, không chịu thề, duy có Tần và Sở. Tần xa, mà Sở gần. Sở mà khuất phục, thì chư hầu phía đông phải rung động mà Tề càng mạnh. Cho nên, Hoàn Công chăm chăm nghĩ tới Sở, tâm lúc nào cũng e Sở mạnh. Cho nên trước tiên, tính nước Sái, thường thường lấy Sở để kết chư hầu, mà đóng quân ở Hình không hẳn là rồi từ Hình tiến quân tới Sở. Sao biết thế. Nếu quả thật Tề có sức đánh Sở thì ngay khi sứ Sở tới phải hỏi tội Sở xưng Vương, tội Sở đánh Trịnh, tội Sở bắt Sái Hầu. Chỉ có lời gỡ, không có lời buộc. Phục thì thôi, không phục thì buộc, đó mới là đem quân đường đường đi hỏi tội. Bỏ cách ấy không dùng, lại cho Quản Trọng hỏi có bao mao, hỏi Chiêu Vương không trở về, thật rõ là mượn cớ, mượn chuyện hỏi để Sở dễ nhận, dễ chối, Tề sợ Sở giận, rồi đến chiến tranh thì mình hao tổn, dàn quân đi ra, chưa giẫm chân đến đất Dĩnh

(biên giới Sở) chưa gặp Sở Tử, chỉ gặp có một Khuất Hoàn tới, mà rồi chỉnh đốn quân Lữ quay về. Về chưa đầy năm, mà Sở đã diệt nước Huyền, qua năm lại vây nước Hứa. Từ hội thề ở Thiệu Lăng về sau, các đồng minh có việc không từng nghe Sở cung cấp lấy một toán quân đi theo, vẫn ngang ngược như xưa. Thế thì Tề đâu có phục được Sở.

Xét - Trong ngũ Bá, Tề Hoàn Công là thịnh nhất mà công của Hoàn thì không công nào hơn là đã ngăn chặn được Sở. Việc Thiệu Lăng, Hồ Truyện căn cứ vào Công Dương cho là việc tiếp tục có trước sau, bọn nho phần nhiều theo ý kiến ấy, Chu Tử cũng cho là trọng nghĩa, chọn lời không gian dối. Thế mà Khuất Hoàn khi tới thề, lời nói vốn ngang, đã thề rồi mà sau Sở vẫn vây nước Hứa, diệt nước Huyền, nước Hoàng, đánh nước Từ, ác dữ như xưa. Thế mà Tề Hoàn không có tài ngăn được, Cốc Lương cho rằng Tề Hoàn chí đắc chỉ có một lần thôi, cho thế cũng phải. Theo phép biên chép của Xuân Thu, Công (Lỗ Công) mà cùng với đại phu chư hầu thề, đại phu chư hầu tới thề, đều không chép Công là vì kiêng tránh. Nay Khuất Hoàn chỉ chép là Lai Minh, tới thề, mà không chép thề với ai, với những người nào, đó cũng là kiêng cho các vua chư hầu vậy. Cho nên, cần phải giữ lời bàn của Cốc Lương, mà thuyết của Hắc Kính cũng cho phụ vào.

齊人執陳轅濤塗
TỀ NHÂN CHẤP TRẦN, VIÊN ĐÀO ĐỒ
NGƯỜI TỀ BẮT VIÊN ĐÀO ĐỒ NƯỚC TRẦN

Cốc và Công viết chữ viên.

Tả - Trần, Viên Đào Đồ bảo Trịnh Thân Hầu rằng: Quân mà đi trong khoảng Trần, Trịnh, thì hại cho hai nước, nếu đi về phía đông, diễu hành các sứ đông di, theo bể mà về thì hơn. Thân hầu nói phải. Đào Đồ mới cáo với Tề hầu. Tề Hầu ưng thuận. Thân hầu yết kiến nói: Quân mỏi mệt rồi. Nếu về bằng con đường phía Đông, nhỡ gặp địch thì e không còn dùng được. Nếu về bằng con đường khoảng Trần. Trịnh, thì lương thực có

thé sẵn có được. Tề Hầu nghe ra, thưởng cho đất Hổ Lao và bắt Viên Đào Đồ.

Công - Đào Đồ tội gì. Tội tránh đường đi quân đội. Đào Đồ bảo Hoàn Công rằng: Nhà vua đã phục được sứ Nam Di. Sau khi đem quân về, không đi men bể phía đông, để phục nốt sứ đông di. Hoàn Công nói: Vâng. Thế là cho đi men bể phía đông, mắc vào nhiều đầm lầy, mới sai bắt Đào Đồ. Bắt khi gọi là Tề Hầu bắt, khi gọi là người Tề bắt. Khi gọi là Tề hầu là có ý bảo vị Bá trị tội. Khi gọi là người Tề là không phải chức Bá trị, chỉ là việc bắt kẻ có tội. Tại sao đây không cho là chức Bá bắt. Thời Xưa Chu Công đem quân sang đông, thì các xứ phía tây oán, đem quân sang tây thì các sứ phía đông oán. Hoàn Công mượn đường Trần để đánh Sở thì người Trần không muốn khi quân đem về lại qua nước mình, vì khi quân đi ra không được danh chính. Không sắp sửa lại quân đội, mà đi bắt Đào Đồ, người xưa đánh giặc đâu có thái độ ấy.

Cốc - Người Tề tức là Tề Hầu. Sao lại dùng chữ người. Thế là ý người ta không tâm phục Tề Hầu. Qua nước người mà lại bắt người.

Vương Triều - Lời Đồ Đào tuy có ý lợi riêng cho nước Trần, nhưng không nghe thì thôi, sao lại đem quân đánh bắt. Xét Trần, Sái gần Sở, vốn nhị tâm, nay không muốn để khi trở về, quân Tề qua nước mình, người Tề cho là phản Tề, là lợi cho Sở. Cho nên, nhân lúc đem quân về, mới ra oai. Ta xem có đánh trị lần này, Trần mới chịu theo, thì biết từ trước vốn chưa phục. Trần mà chưa tâm phục thì Tề lại phải dùng quân cho đến phải xin hòa hiếu mới thôi. Vậy không phải chỉ chuyên trị Đào Đồ.

Xét - Việc phạt Trần, tiên nho đều bảo: Đào Đồ làm nhầm đường quân đi, riêng Vương Triều cho là Trần nhị tâm với Sở, nghe bàn cũng có lý, cho nên phụ vào đây.

秋及江人黃人伐陳

THU, CẬP GIANG NHÂN, HOÀNG NHÂN PHẠT TRẦN

MÙA THU CÙNG NGƯỜI GIANG, NGƯỜI HOÀNG PHẠT TRẦN

Tả - Mùa thu, phạt Trần, trị tội bất trung.

Cốc - Không nói là ai, chỉ dùng chữ cùng. Là vì sư nước Lỗ, quân nước Lỗ, quân nước Lỗ.

八月公至自楚

BÁT NGUYỆT CÔNG CHÍ TỰ PHẠT SỞ

THÁNG 8, CÔNG TỰ PHẠT SỞ VỀ

Công - Sở đã phục rồi. Sao lại còn đánh. Vì Sở bội thề.

Cốc - Hai việc đương đối nhau, thì để ý đến việc sau. Nếu việc sau nhỏ thì để ý đến việc trước. Nói việc phạt Sở vì cho là việc to hơn.

Phạm Ninh - Sở mạnh, không phạt được, cho nên lấy phạt Sở làm việc to.

Lục Thuần - Sở đã phục thì ngại gì cáo miếu là đánh Sở về, há chỉ chép là phục Sở về thôi ư. Thuyết của Công Dương sai.

葬許穆公

TÁNG HỨA MỤC CÔNG

LỄ TÁNG HỨA MỤC CÔNG

Tả - Hứa Mục Công mất ở trong quân. Táng theo lễ hầu tước. Phàm chư hầu mất ở triều hội thì gia thêm một trật, mất vì việc vua thì gia thêm hai trật. Đây được dùng áo cổn.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo táng theo tước hầu, tựa như đương thời, hạng tôi con muốn cho quân phụ được vinh hạnh hơn. Cho nên, coi Hứa Nam như đang hội với chư hầu mà chết thì

tư ý gia đẳng trật. Thực ra, là phi lễ. Hứa Nam mà chết trong quân thì phải bao khen. Nay chết ở nước mình thì không có gì để khen. Chết trong quân có nghĩa là vì nghĩa quên mình, biết giữ nghĩa không ngần ngại. Nay đã bỏ quân mà về nước, thế là tham sống, theo ý riêng, là người không biết làm theo mệnh.

Từ Quang - Quách Thị nói: Kinh chép, Hứa Nam tên là Tân Thần mất. Mà Truyện thì thêm vào chữ sư là trong quân. Nếu bảo rằng chư hầu chết ở triều hội thì gia một đẳng chết vì việc vua thì gia hai đẳng. Rồi nhân Hứa vốn tước Nam, mới đặt Thuỵ cho nước Công, nhân thế sinh ra rắc rối. Như Văn Công năm thứ 5, tháng 10, ngày giáp thân, Hứa Nam Nghiệp mất, năm sau mùa xuân, táng Hứa Hi Công. Năm Tuyên Công thứ 17 tháng giêng, Hứa Nam Tích Ngã mất. Mùa hạ táng Hứa Chiêu Công, thế hai Công ấy có chết ở triều hội không, có chết về vương sự không. Chép vài việc thế thôi. Truyện không phải bàn luận cũng rõ được đúng hay sai.

冬十有二月公孫兹帥師會齊人宋人衛人鄭人許人曹人侵陳

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG TÔN TƯ, SUẤT SƯ HỘI TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH NHÂN, HỨA NHÂN, TÀO NHÂN XÂM TRẦN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, CÔNG TÔN SƯ, CẦM QUÂN, HỘI NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH, NGƯỜI HỨA, NGƯỜI TÀO, TỚI XÂM NƯỚC TRẦN

Công Thị viết chữ tư thành chữ 慈.

Khởi thủy việc đại phu nước Bá Chủ, hội đại phu nước chư hầu.

Tả - Thúc Tôn Đái Bá cầm quân hội chư hầu, xâm Trần, Trần xin hòa. Viên Đào Đồ được thả về.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Tấn Hiến Công muốn cho Ly Cơ làm phu nhân. Bói rùa thấy quẻ xấu, bói cỏ thì thấy quẻ

tốt. Công nói theo quẻ tốt. Người bói rùa nói: Phệ (bói co thi) ngắn, Quy (rùa) dài, không bằng theo dài. Vả lại lời dao có câu: Tư chuyên biến đổi, ngăn cái hay của Công một thơm, một thôi, mười năm chưa hết thối. Xin đừng đổi, Công không nghe, lập làm Phu nhân. Sinh ra Hề Tề. Người em Ly Cơ (theo chị) sinh ra Trác Tư. Khi sắp lập Hề Tề, Ly Cơ đã có dự mưu với bọn Trung đại phu, mới báo Thế Tử. Nhà vua mộng thấy Tề Khương, cần tế lễ ngay đi. Thế Tử tế ở Khúc Ốc, phần tế đưa về Công. Công đang đi săn. Phần tế ở trong cung sáu ngày. Công về, Ly Cơ bo thuốc độc, rồi dâng lên. Công thư đổ xuống đất, đất sủi. Cho chó ăn, chó chết, cho thị nữ ăn, thị nữ chết. Ly Cơ khóc nói: Giặc chính là Thế Tử. Thế Tử chạy đến ấp Tân Thành. Công giết quan phó của Thế Tử là Đỗ Nguyên Khoản. Có kẻ khuyên Thế Tử nên biện oan. Thế Tử nói: Nhà vua không có Ly Cơ thì không yên, ăn không ngon, ta nói ra Ly Cơ tất phải tội. Vua đã già rồi, mà ta được cũng không vui. Hỏi: Hay là Thế Tử trốn đi. Đáp: Vua nếu không xét tội, ta bị tiếng xấu mà ra đi, thì ai là người dung ta. Tháng 12, ngày giáp tuất, thắt cổ ở Tân Thành. Ly Cơ nói gièm nốt hai Công Tử. Công Tử Trùng Nhĩ chạy ra ấp Bồ. Công Tử Di Ngô, chạy ra ấp Khuất, Tân Thành là Khúc Ốc

Năm Bính Dần. Huệ Vương năm thứ 22.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tề Hoàn năm thứ 31. Tấn Hiến năm thứ 22. Vệ Văn năm thứ 5. Sái Mục năm thứ 20. Trịnh Văn năm thứ 18. Tào Chiêu năm thứ 7. Trần Tuyên năm thứ 38. Kỷ Huệ năm thứ 18. Tống Hoàn năm thứ 27. Tần Mục năm thứ 5. Sở Thành năm thứ 17.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Tháng giêng ngày Tân Hợi, đúng ngay sóc, lại vào tiết đông chí. Công đã làm lễ thị sóc lại lên đài đứng coi. Chép thế là đúng lễ. Phàm các tiết xuân phân, thu phân, hạ chí, đông chí lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, tất có chép màu sắc mây trời, để biện đủ cát hung.

晉侯殺其世子申生

TẤN HẦU SÁT KỲ THẾ TỬ THÂN SINH

TẤN HẦU GIẾT THẾ TỬ, THÂN SINH

Tả - Tấn Hầu cho tới báo cáo với Lỗ ta về nguyên cớ giết Thế Tử Thân Sinh. Xưa Tấn Hầu sai Sĩ Vĩ đắp thành cho hai Công Tử, thành ở ấp Bồ, và thành ở ấp Khuất. Thành không được kiên cố, gỗ lạt thường. Di Ngô tố cáo. Công trách quở. Sĩ Vĩ nói: Thần nghe, không có tang mà buồn thì việc lo sẽ tới. Không có giặc mà xây thành thì thành sẽ nuôi giặc. Vậy cần thận kiên cố làm gì, để nuôi họa, ở chức vụ mà bỏ việc là bất kính, cố nuôi giặc là bất trung. Mất cả trung lẫn kính, thì còn gì để thờ vua. Kinh Thi có nói: Muốn sáng đức, thì cần an ninh, muốn có con nối thì cần xây thành. Xin nhà vua sửa đức mà nghĩ đến con đích, thì thành nào tốt bằng. Chỉ trong ba năm là các thành mới phải dùng đến quân. Nói xong lui ra, ngâm câu thơ: Áo cừu sặc sỡ, một nước ba Công, ta biết theo ai. Đến khi tai nạn xảy ra, Công sai Hoạn quan là Phi, đến đánh ấp Bồ. Công Tử Trùng Nhĩ nói: Không được chống lại mệnh quân phụ rồi ra lệnh kẻ chống lại là kẻ thù của ta. Trèo qua tường rồi chạy. Phi chặt được vạt áo. Trùng Nhĩ chạy trốn sang nước Địch.

Công - Sao lại nói thẳng là Tấn Hầu giết. Giết Thế Tử em cùng mẹ, nói thẳng là vua, là ý trách lắm.

Cốc - Chỉ rõ Tấn Hầu giết, là chê Tấn Hầu.

紀伯姬來朝其子

KỶ BÁ CƠ LAI TRIỀU KỲ TỬ

KỶ BÁ CƠ LẠI, CHO CON LẠI CHẦU

Công - Chép: Lai triều kỳ tư, là sư Lỗ chép, tức là cùng với con cùng lại chầu.

Cốc - Đàn bà đi lấy chồng rồi không rời khỏi nước. Rời khoi nước là không chính. Chư hầu gặp nhau gọi là chầu. Đã chép là Bá Cơ triều kỳ tư là cho biết Kỵ Bá (vua Kỵ) đã quên đạo làm chồng. Chư hầu gặp nhau thì gọi là chầu. Thế mà lấy cái lễ đối với bố, đem đối với con thì không phai là chính. Cho nên nói: Kỳ Bá Cơ lai triều kỳ tử, là ba thứ chê.

Hà Hưu - Theo lễ, cháu ngoại mới làm lễ đội mũ, có đến chào ông ngoại.

Phạm Ninh - Ba thứ chê, là Bá Cơ, Kỷ Bá, và Lỗ Hầu. Hoàn Công năm thứ 9, nước Tào sai Thế Tử Xạ Cô, lại chầu là chê Thế Tử mà chép. Ở đây không chê thì rõ là theo mẹ mà đi, tuổi còn nhỏ, chưa đủ lấy đạo làm người con mà chê trách. Bá Cơ mùa hạ năm Trang Công, thứ 25, xuất giá đến nay được 13 năm thì biết rằng con còn nhỏ.

夏公孫玆如牟

HẠ, CÔNG TÔN TƯ NHƯ MÂU

MÙA HẠ CÔNG TÔN TƯ SANG NƯỚC MÂU

Tả - Công Tôn Tư sang Mâu cưới vợ.

公及齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯許男曹伯會王世子于首止

CÔNG CẬP TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, HỘI VƯƠNG THẾ TỬ VU THỦ CHỈ

CÔNG CÙNG TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, HỘI VƯƠNG THẾ TỬ Ở ĐẤT THỦ CHỈ

Tả - Hội ở Thủ Chỉ là hội với Thái Tử tên Trịnh, mưu việc cho nhà Chu khỏi sinh loạn.

Phụ lục Tả Truyện - Trần Viên Tuyên Trọng oán Trịnh Thân Hầu phản mình ở Thiệu Lăng, cho nên khuyên Thân hầu xây thành ở ấp được thưởng, nói rằng: Xây thành cho có uy danh, con cháu không quên, tôi xin hộ cho. Rồi xin với chư hầu xây đắp. Rồi lại nói gièm với Trịnh Bá rằng: rằng ấp phong mà xây thành là để làm phản. Vì thế Thân Hầu mới bị tội.

Công - Sao lại đặc biệt hội Vương Thế Tử, là tỏ lòng quý, vì là đời đời làm Thế Tử.

Cốc - "Cùng" là có ý tôn quý. Thế Tử tức là Phó Vương, là của Thiên Tử mà cũng là của thiên hạ.

秋八月諸侯盟于首止

THU BÁT NGUYỆT, CHƯ HẦU MINH THỦ CHỈ

MÙA THU, THÁNG TÁM, CHƯ HẦU THỀ Ở THỦ CHỈ

Tả - Mùa thu, chư hầu thề.

Công - Chư hầu sao không liệt kê rõ. Vì là một việc mà làm hai bận. Trước đã liệt kê cả rồi, thì sau cứ theo như trước.

Cốc - Các chư hầu trong nước, không có việc, mà lại hội họp, là tôn quý Vương Thế Tử mà không dám cùng Vương Thế Tử thề. Đã phải thề, là vì đã không tin nhau, nay phải làm cho

tin nhau. Không dám lấy ý không tin nhau mà đối với bậc tôn quý. Hoàn Công là chư hầu, đã không biết chầu vua Thiên Tử là bất thần (không đúng phận làm tôi). Vương Thế Tử là con, mà một mình, riêng nhận sự tôn quý của chư hầu về địa vị mình, thế là bất tử (không đúng phận làm con). Hoàn Công thì bất thần, Vương Thế Tử thì bất tử, thế mà khen là vì sao. Vì là một việc "biến đường chính". Thiên Tử thì yếu hèn. Chư hầu thì không biết chầu. Hoàn, thì chèn nước lớn, bình nước nhỏ, dìu dắt chư hầu mà không biết chầu Thiên Tử, cũng không dám tâu Thiên Tử. Tôn Vương Thế Tử ở Thủ Đái là cách biến đường chính. Thiên Tử hèn, chư hầu không chầu, Thế Tử chịu để chư hầu tôn mình thành ra Thiên Tử cũng được tôn. Vậy Thế Tử nhận lễ là phải.

Xét - Thề ở Thủ Chỉ, tiên nho khen Hoàn. Riêng Tô Triệt cho là việc đời loạn, hoặc cho Hoàn Công hiệp Thiên Tử. Tô Triệt bàn sai. Xem đoạn sau, có việc Trịnh Bá không thề, chép là trốn hội, trốn với tư cách kẻ thất phu, thế thì Kinh đã khen Hoàn.

鄭伯逃歸不盟

TRỊNH BÁ ĐÀO QUY BẤT MINH

TRỊNH BÁ TRỐN VỀ KHÔNG THỀ

Tả - Vua sai Chu Công triệu Trịnh Bá bảo: Ta bảo ngươi theo Sở phụ vào có nước Tấn, mới có thể tạm yên. Trịnh Bá nghe mừng được mệnh vua, mà lại sợ không chầu nước Tề, cho nên trốn về không thề. Khổng Thúc có can rằng, vua chư hầu đừng kinh thường. Khinh thường thì mất thân. Mất thân thì hoạn chóng tới. Hoạn tới mà xin thề thì thiệt nhiều, nhà vua sẽ hối. Trịnh Bá không nghe, trốn quân chư hầu mà về.

Công - Sao lại không dùng chữ trốn về không thề. Vì không thể làm đổi việc thề được. Lỗ Tử nói: Vì không lấy ít mà ảnh hưởng số đông được.

Cốc - Vì bỏ chư hầu cho nên trốn.

Lưu Sưởng - Sao chép là trốn về. Là bo số đông. Một vị vua chư hầu mà làm như một kẻ thất phu. Công Dương bàn: chép trốn về, vì không đồi được hội thề. Công Dương bàn sai. Công Dương hiềm rằng Trịnh Bá thực trốn về là nên trốn trước hội thề Thu Đái cho nên mới nói thế. Công Dương không biết rằng ban ý là thề, rồi đến ngày thề lại đổi ý trốn về. Dù sao, chép là trốn về, thì ngại có thể hiểu là thề xong rồi trốn, cho nên chép chữ "bất minh" không thề, tức là trốn trước lúc thề.

楚人滅弦弦子奔黃

SỞ NHÂN DIỆT HUYỀN, HUYỀN TỬ BÔN HOÀNG

NGƯỜI SỞ, DIỆT NƯỚC HUYỀN, HUYỀN TỬ CHẠY SANG NƯỚC HOÀNG

Khởi thủy các việc Sở đi diệt nước người. Huyền là một nước ở đông nam huyện Đệ, xứ Đặc Dương.

Tả - Sở tướng là Đấu Cấu Ô Đồ diệt nước Huyền. Huyền Tử chạy trốn sang nước Hoàng. Các nước Giang, Hoàng, Đạo, Bách, vốn hòa hiếu với Tề mà thân với Huyền, Huyền cậy thế không phục Sở, không phòng bị mới mất. Nước Đạo ở huyện An Dương, Nhữ Nam. Nước Bách ở huyện Tây Bình Nhữ Nam nay còn Bách Đình.

Cốc - Huyền là một nước. Không chép ngày bị diệt vì là nước nhỏ.

Xét - Cốc Lương bảo không chép ngày vì nước nhỏ, bảo thế là sai. Nước mất không phó cáo thì biết sao được ngày. Diệt một nước là quan trọng, đâu có kể, lớn nhỏ để lược qua.

九月戊申朔日有食之

CỬU NGUYỆT, MẬU THÂN SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG CHÍN, NGÀY SÓC, MẬU THÂN, CÓ NHẬT THỰC

冬晉人執虞公

ĐÔNG TẤN NHÂN CHẤP NGU CÔNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TẤN BẮT NGU CÔNG

Ta - Tấn Hầu lại mượn đường đi qua nước Ngu để đánh nước Quắc. Cung Chi Kỳ can rằng: Nước Quắc là bình phong nước Ngu ta. Quắc mất thì Ngu không còn. Ta không nên giúp Tấn. Thù địch không nên gần. Một lần đã là quá rồi. Đừng nên có lần thứ hai. Tục ngữ nói: Càng xe, và chống xe tựa vào nhau. Môi hở thì răng lạnh. Đó là trường hợp hai nước Ngu Quắc. Vua nói, Tấn đồng tông với ta đâu có hại ta. Đáp: Thái Bá và Ngu Trọng là con Thái Vương. Thái Bá không theo ý cha, cho nên không nối ngôi. Quắc Trọng, Quắc Thúc là con Vương Quý (Vương Quý là con thứ ba Thái Bá) cùng làm khanh sĩ triều vua Văn Vương, có công với nhà Chu, còn ghi trong Minh Phu. Đối với Tấn, Quắc còn gần hơn Ngu. Tấn đã diệt Quắc thì có thương gì Ngu. Và lại Tấn là dòng dõi của các vua Hoàn, Trang, vua ta xét về tình, có bằng được Hoàn Trang không. Thế mà cả họ Hoàn có tội gì đến nỗi bị giết để khỏi có sự lấn áp. Thân thích chỉ vì e có sự lấn áp mà bị giết, huống chi một nước, sao không thèm cướp lấy. Vua nói: Ta siêng năng, thanh khiết đầy đủ việc cúng tế thần linh, tất được che chở. Đáp: Tôi nghe nói, quỷ thần không kể thân thích, chỉ xét người có đức thôi. Cho nên trong Chu Thư có dạy. Hoàng thiên không thân ai, chỉ giúp người có đức. Lại dạy rằng, thóc lúa không thơm, chỉ đức là thơm. Lại dạy rằng, dân cúng phẩm vật muốn thay đổi gì cũng không bằng đức. Thế thì, thiếu đức dân mất yên, thần không hưởng. Thần che chở, giúp đỡ người có đức. Nếu Tấn lấy xong Ngu, mà lại làm sáng tỏ đức được thì chả lẽ thần ăn rồi, nhả ra hay sao.

Vua không nghe can, rồi chấp nhận lời mượn đường của sứ thần nước Tấn. Cung Chi Kỳ đem cả họ rời nước Ngu, nói rằng: Nước Ngu lễ chạp này không cúng được nữa đâu, ta đi ngay thôi. Tấn thuận đường đi một lần chứ không để lần thứ hai đâu. Tháng tám, ngày giáp ngọ, Tấn Hầu vây Thượng Dương, hỏi Bốc Yển

rằng, ta được không. Đáp: Được Công hỏi, bao giờ. Đáp: Đồng dao có câu: Sớm ngày bính đuôi Thần sao Long áo giáp lòng lẫy. lấy cờ nước Quắc Sao Thuần chói lọi. Sao Sách lờ mờ. Sao Hoa việc thành. Quắc Công trốn chạy. Vậy vào khoảng tháng chín, tháng mười chăng. Sớm ngày bính tý, Nhật (mặt trời) ở triền sao Vỹ. Mặt trăng ở triền sao Sách. Thuần ở nơi Sao Hoa. Chắc vào ngày đó. Mùa đông tháng mười hai, ngày sóc, bính tý, Tấn diệt Quắc. Quắc Công tên là Xú chạy trốn tới Kinh sư. Quân Tấn về dừng lại ở nước Ngu, rồi đánh úp nước Ngu, diệt Ngu, bắt Ngu Công cùng đại phu là Tỉnh Bá. Vì Quắc có con gái làm thiếp ở Tấn, mà còn được giữ tế tự, còn được cống tiến vào triều nhà Chu. Cho bên chép rằng: Người Tấn bắt Ngu Công tức là kết tội Ngu và cũng là cho rõ ý việc diệt là dễ.

Công - Nước Ngu đã bị diệt rồi, sao lại nói là bắt Ngu Công. Là vì không cho việc diệt là phải. Chữ diệt có ý hay cho nước đi diệt là trên dưới đồng tâm.

Cốc - Bắt không nói ở đâu. Là bị giữ ở Tấn. Sao lại gọi là Công. Là nói dưới bắt người trên, vì Tấn sẽ phải ra mệnh lệnh cho dân Ngu. Ngu, Quắc mà cứu nhau, thì không phải là làm ơn cho nhau. Vì rằng, hôm nay Quắc mất, thì ngày mai Ngu mất.

Lưu Sưởng - Đây là việc diệt một nước. Sao không chép chữ diệt. Vì rằng chính thực Ngu đã bị Tấn diệt từ lâu rồi, chứ không phải một ngày nào đấy mới bị diệt. Đây là vào mà bắt thì phải hơn . Sao lại không nói bắt đem về. Vì đất đai đã thuộc về tấn từ lâu rồi, nước không còn là một nước nữa, đầu tiên là từ việc diệt Hạ Dương. Cốc Lương có bàn, chép là công cũng như nói kẻ dưới bắt người trên, rồi Tấn ra mệnh lệnh cho dân Ngu, Cốc Lương bàn sai. Tước có năm hạng, có trên dưới. Chê hay khen, thương hay phạt, nên lấy theo đúng loại, há có phải đã chê mà lại còn tôn quý đến tước đâu.

Xét - Ngu, Quắc, bị diệt, người Tấn sửa soạn việc tế tự mà không báo cáo là đã diệt. Vì không báo cáo nên không chép chữ diệt. Tuy nhiên, sự thực là đã diệt. Cho nên, Hạ Dương là ấp nước Quắc, đáng lí không nên chép là diệt (vì chỉ là ấp) thế

mà chép là diệt. Ngu Công thì chép là bắt, theo như lệ, nước bị diệt thì vua bị bắt. Vậy hai nước mà bị mất, bị diệt, cứ như thế đủ rõ thấy rồi.

Năm Đinh Mão. Huệ Vương năm thứ 23.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tề Hoàn năm thứ 32. Tấn Hiến năm thứ 23. Vệ Văn năm thứ 6. Sái Mục năm thứ 21. Trịnh Văn năm thứ 19. Tào Chiêu năm thứ 8. Trần Tuyên năm thứ 39. Kỷ Thành Công năm đầu. Tống Hoàn năm thứ 28. Tần Mục năm thứ 6. Sở Thành năm thứ 18.

春 王 正 月

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu sai Gia Hoạt phạt ấp Khuất. Di Ngô không giữ nổi thế rồi đi. Sắp chạy trốn sang nước Địch, Khước Nhuế nói: Mình chạy sau, lại cũng tới nước Địch, thêm tội, không bằng sang nước Lương. Lương gần Tần. Rồi nhờ Tần. Thế là tới Lương.

夏公會齊侯宋公陳侯衛侯曹伯伐鄭圍辛城

HẠ CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU VỆ HẦU, TÀO BÁ, PHẠT TRỊNH, VI TÂN THÀNH

MÙA HẠ, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU VỆ HẦU, TÀO BÁ PHẠT TRỊNH, VÂY TÂN THÀNH

Tân Thành cũng gọi là Trịnh Tân Mật ở huyện Mật, xứ Vinh Dương.

Tả - Chư hầu phạt Trịnh, vì cớ trốn hội thề ở Thủ Chỉ. Vây Tân Mật là một thành Trịnh, tạm xây dựng lên.

Công - Ấp thì không dùng chữ vây, đây gọi là vây là vì địch mạnh.

Cốc - Đánh một ấp, không nói là vây ấp. Đây chép vây là chê trách nước Trịnh, để rõ cái tội của Trịnh.

Xét - Công Dương bảo ấp không nói là vây. Đây chép vây là vì địch mạnh. Công Dương bàn sai. Cho một ấp là mạnh thì Ẩn Công năm thứ 5, vây Trường Thược, Triệu Khuông lời bàn đã bác đi rồi. Như bảo rằng địch mạnh thì Hoàn Công phạt Trịnh hợp sáu nước để vây có một ấp, lâu mà không hạ được rõ ràng không phải là cậy sức thế thì sao nói là địch mạnh được.

秋楚人圍許諸侯遂救許

THU, SỞ NHÂN VỊ HỨA, CHƯ HẦU TỤY CỨU HỨA

MÙA THU, NGƯỜI SỞ VÂY HỨA, CHƯ HẦU BÈN CỨU HỨA

Tả - Mùa thu, Sở Tử vây Hứa, để cứu Trịnh. Chư hầu cứu Hứa. Sở về. Mùa đông, Sái Mục hầu đem Hứa Hi Công yết kiến Sở Tử ở Vũ Thành. Vua Hứa mặt quay phía nam, tự trói, mồm ngậm ngọc bích, đại phu thì mặc sô gai, sĩ phu thì mang theo quan tài. Sở Tử hỏi Phùng Bá. Đáp: Xưa, Vũ vương, diệt nhà Ân, Vi Tử Khải có làm như thế. Vũ Vương mới thân cởi trói, nhận bích cho rửa đi, đốt quan tài, lấy lễ, mệnh cho lại về nơi cũ. Sở Tử nghe xong rồi làm theo.

Cốc - Cứu Hứa như thế là khéo.

Triệu Khuông - Tả Thị bảo Sái Mục Hầu đem Hứa Hi Công đến yết kiến Sở Tử ở Vũ Thành. Hứa quay mặt về nam, tự trói, ngậm bích. Xét Sở vốn vây Hứa để cứu Trịnh. Chư hầu tới cứu Hứa. Trịnh được giải vây. Sở cũng lui quân. Thế thì Hứa còn sợ gì mà theo. Sái hầu làm cái lễ mất nước ấy. Nếu thực có thế thì ra Hứa đã theo Sở. Tề cớ gì mà không phạt Hứa. Xưa Vũ Vương diệt Ân, Vi Tử Khải có như thế, câu ấy cũng đáng ngờ.

冬公至自伐鄭

ĐÔNG CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỰ PHẠT TRỊNH VỀ

Cốc - Không chép là tự cứu Hứa về. Vì cho phạt Trịnh là quan trọng

Mậu Thìn - Huệ Vương năm thứ 24

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tề Hoàn năm thứ 33. Tấn Hiến năm thứ 24. Vệ Văn năm thứ 7. Sái Mục năm thứ 22. Trịnh Văn năm thứ 20. Tào Chiêu năm thứ 9. Trần Tuyên năm thứ 40. Kỷ Thành năm thứ 2. Tống Hoàn năm thứ 29. Tần Mục năm thứ 7. Sở Thành năm thứ 19.

春齊人伐鄭

XUÂN, TỀ NHÂN PHẠT TRỊNH

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ PHẠT TRỊNH

Tả - Người Tề phạt Trịnh, Khổng Thúc nói với Trịnh Bá rằng: Lời ngạn có nói: Tâm mà cứng, lo gì bệnh. Đã không biết cường, lại không biết nhược, thế là chết, thế là nước nguy. Xin hạ mình đối với Tề để cứu nước. Công nói, ta đã biết lý do về việc Tề, hãy đợi ta ít lâu. Đáp: Việc gấp chỉ có buổi sáng, buổi tối, đợi nhà vua sao được.

夏小邾子來朝

HẠ TIỂU CHÂU, TỬ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, TIỂU CHÂU TỬ LẠI CHẦU

Công thị viết là Tiểu Châu Lâu. Tiểu Châu là nước biệt phong

của nước Châu, cho nên gọi là Tiểu Châu. Tống Trung nói. Châu Nhan phong riêng con nhỏ là Phì, ở nước Nghê, làm Tiểu Châu Tử. Ở hai huyện, huyện Dắng, huyện Dịch, châu Duyện, Sơn Đông, đều có Nghê Thành. Lạc Sử có chép: Nghê Thành nay là Nghi Châu. Dịch tức là đất Thừa thời xưa thuộc Nghi Châu. Căn cứ vào hai thuyết đó thì ở Dịch là đúng.

Đỗ Dự - Nghê Lê Lai, mới được sắc phong của vua, nên lại chầu

鄭殺其大夫申侯

TRỊNH SÁT KỲ ĐẠI PHU THÂN HẦU

TRỊNH GIẾT ĐẠI PHU THÂN HẦU

Tả - Mùa hạ, Trịnh giết Thân Hầu để chiều ý Tề, và lại cũng là nghe lời gièm của Trần Viên Đào Đồ. Trước kia Thân Hầu vốn dòng họ Thân, được Sở Văn Vương yêu. Văn Vương sắp chết có cho ngọc bích, bảo đi, duy có ta là biết ngươi, ngươi chuyên về lợi không chán, xin gì ta cũng cho, ta không bắt tội. Người sau tất đòi hỏi ở ngươi nhiều tài năng hơn thì ngươi không thoát được. Ta chết, ngươi phải đi ngay, chớ có đến nước nhỏ không dung được ngươi đâu. Táng vua xong Thân Hầu trốn sang Trịnh, lại được Lệ Công yêu dùng. Tử Văn nghe tin Thân Hầu chết có nói: Biết bầy tôi ai bằng vua, không thể sai được.

Công - Giết mà nói là nước giết (Trịnh giết) tức là vua giết đại phu

Cốc - Chép là nước giết đại phu, tức là giết kẻ có tội.

Lưu Sưởng - Trịnh Bá trong lòng nghi ghét mà giết Thân Hầu, Thân Hầu tuy không đáng chết, nhưng tính tham lam tranh giành, là tự làm hại mình.

鄭七月公會齊侯宋公陳世子款鄭世子華盟于甯母

THU THẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN, TRỊNH THẾ TỬ HOA MINH VU NINH MẪU

MÙA THU, THÁNG 7, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN, TRỊNH THẾ TỬ HOA THỀ Ở NINH MẪU

Ninh Mẫu hoặc Ninh Mô, là đất nước Lỗ. Công Thị viết chữ 寧.

Tả - Mùa thu, thề ở Ninh Mẫu, mưu việc Trịnh. Quản Trọng nói với Tề Hầu rằng: Thần nghe, lấy lễ mà vời kẻ ghét mình, lấy đức phục kẻ ở xa, lễ đức không đổi thì ai chả mong tới mình. Tề Hầu giữ lễ với chư hầu các quan thì tùy theo hạng loại. Trịnh Bá sai Thế Tử Hoa đến nghe mệnh ở hội. Hoa nói với Tề Hầu: Họ Tiết, Họ Khổng, Họ Tử Nhân, ba họ đó vốn trái mệnh nhà vua. Nếu nhà vua trừ đi cho thì hai nước mới hòa hiếu được, tôi xin lấy cả nước Trịnh làm nội thần, nhà vua rất lợi, Tề hầu sắp ưng thuận, thì Quản Trọng nói: Nhà vua lấy lễ, lấy tín đối với chư hầu sao rốt cuộc lại có sự gian đó. Cha con không dối nhau thì gọi là lễ, theo mệnh đúng thời thì gọi là tín. Trái hai điều đó là đại gian. Công nói, chư hầu có đánh Trịnh mà chưa thắng. Nay nếu có chuyện, cứ theo có nên không. Đáp: Nhà vua nếu lấy đức mà phục người, lại thêm vào các huấn từ, rồi cầm đầu các chư hầu để đánh Trịnh, thì Trịnh sẽ đổ vỡ đến nơi. Trịnh đâu dám chẳng sợ. Nếu chỉ giúp Trịnh gian mà đánh Trịnh thì Trịnh đâu có sợ. Vả lại hợp chư hầu để tôn trọng đức, mà lại cho gian Sen lẫn rồi sau ai theo. Phàm hội chư hầu, có đủ đức, hình, lễ, nghĩa, không nước nào không nhớ chép. Chép gian là hội nhà vua hỏng. Làm mà không dám ghi không phải là đức tốt. Xin vua đừng ưng thuận. Trịnh rồi tất phải chịu thề. Nay Tử Hoa đã làm Thế Tử mà lại còn xin nhờ nước lớn để làm yếu nước mình, rồi tất cũng không khỏi họa. Trịnh có Thúc Thiêm, Đổ

Thúc. Sư Thúc giữ việc chính trị, dân gọi là tam Lương, chưa có thể ly gián được. Tề Hầu mới khước từ. Tư Hoa vì việc ấy mới bị tội ở Trịnh. Mùa đông. Trịnh Bá sai xin thề ở Tề

Cốc - Hội gọi là Y thường hội. Trùng áo: Nghĩa là không dùng đến quân.

Xét - Hội Ninh Mẫu có năm nước, mà Trần, Trịnh đều sai Thế Tử thay. Vả lại hai nước đều mới bị nạn xâm phạt. Trần muốn đổi thề mà còn chưa dám, tạm miễn cưỡng hưởng ứng. Trịnh muốn thề mà chưa được cũng như muốn đi mà chưa bước chân được, cho nên chỉ sai Thế Tử đi thôi.

曹 伯 班 卒

TÀO BÁ BAN TỐT

TÀO BÁ BAN MẤT

Xét - Lý Bản bảo không chép ngày vì không cáo phó. Trương Phổ cũng nghĩ thế. Còn như bảo rằng các con nối ngôi tranh giành nhau không rảnh mà cáo phó, bảo thế là sai. Tào với Lỗ cùng hội thề thì không có lý gì lại không có cáo phó. Nếu không cáo phó thì không chép gì cả. Đây chép chết mà không chép ngày, chỉ là thiếu sót.

公 子 友 如 齊

CÔNG TỬ HỮU NHƯ TỀ

CÔNG TỬ HỮU SANG TỀ

Uông Khắc Khoan - Đã cho thề Ninh Mẫu là quan trọng, lại sai Quý Hữu tới sính, cần giao hiếu với nước Bá. Năm thứ 13, mùa hạ hội, mùa đông Quý Hữu lại tới sính. cùng một ý ấy.

冬葬曹昭公

ĐÔNG TÁNG TÀO CHIÊU CÔNG

MÙA ĐÔNG, TÁNG TÀO CHIÊU CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Tháng nhuận. Huệ Vương băng. Tương Vương ghét việc Thái Thúc Đái, sợ không được nối ngôi, mới không phát tang, rồi cáo nạn với Tề.

Năm Kỷ Tỵ. Huệ Vương năm thứ 25.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tề Hoàn năm thứ 34. Tấn Hiến năm thứ 25. Vệ Văn năm thứ 8. Sái Mục năm thứ 23. Trịnh Văn năm thứ 21. Tào Cung Công Tương năm đầu. Trần Tuyên năm thứ 41. Kỷ Thành năm thứ 3. Tống Hoàn năm thứ 30. Tần Mục năm thứ 8. Sở Thành năm thứ 20.

春王 正月公會王人齊侯宋公衛侯許男曹伯陳世子款盟于洮

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI VƯƠNG NHÂN, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM, TÀO BÁ, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN MINH VU THAO

MÙA XUÂN, VƯƠNG, CÔNG HỘI NGƯỜI NHÀ VUA, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM TÀO BÁ, TRẦN THẾ TỬ KHOẢN, THỀ Ở THAO

Dưới chữ khoan, Công Thị có đề chữ Trịnh Thế Tử Hoa. Thao là ở đất Tào.

Ta - Mùa xuân, thề ở đất Thao, bàn việc nhà vua (Thiên Tử nhà Chu). Tương Vương định ngôi rồi mới phát tang.

Công - Vương nhân, người nhà vua là ai. Chức vị nhỏ, nhưng đặt trên các chư hầu, vì là người Thiên Tử sai.

Cốc - Vương nhân, đặt trước chư hầu vì quý vương mệnh. Áo triều phục dù xấu, cũng phải mặc ở ngoài. Mũ miện dù cũ, cũng phải đội lên đầu. Nhà Chu dù suy cũng phải trên chư hầu. Đây là hội hop có quân đội.

Vương Tiều - Tả Thị bảo rằng Tương Vương định ngôi rồi mới phát tang. Cứ như Kinh, năm ấy, tháng 12, ngày Đinh Mùi, mới chép Thiên Vương băng, e rằng bí mật không phát tang vì có loạn. Nhưng xét Thúc Đái là em Tương Vương, chứ đâu có phải người nước ngoài, thì cũng khó giữ bí mật, khó dối được. Bí mật là thời sau bàn, còn như dùng quyền một thời gian, bí mật, sau cái ngày đặt ra đó, đã được đặt thì, chả lẽ sử lại không đính chính lại chăng.

鄭伯乞盟
TRỊNH BÁ KHẤT MINH
TRỊNH BÁ XIN THỀ

Tả - Trịnh Bá xin thề, là xin phục tòng.

Công - Khất Minh là gì? Là để cho tới xin rồi mới cho. Rồi mời tới thề.

Cốc - Trước kia đã trốn về, nay phải khất, xin. Chữ khất là chữ nặng. Cho việc thề là trọng. Có lời xin rồi mới thề.

Đạm Trợ - Cốc và Công đều nói là khất minh, là để cho xin rồi mới thuận cho. Xét chữ khất là ý van xin. Chép là mời thì viển vông quá. Giả thử khất sư, xin quân, thì mời thế nào.

夏狄伐晉
HẠ ĐỊCH PHẠT TẤN
MÙA HẠ, ĐỊCH PHẠT TẤN

Tả - Lý Khắc nước Tấn cầm quân. Lương Do Mỹ giữ chức Ngự. Quắc Xạ giữ chức Hữu. Đánh bại quân Địch ở Thái Tang.

Lương Do Mỳ nói: Địch là giống vô sỉ, đuổi theo tất là đánh tan vỡ được. Lý Khắc nói: làm cho sợ thôi, đừng thúc quá. Quắc Xạ nói: Đầy năm nó lại tới, nó cho mình là yếu. Mùa hạ. Địch phạt Tấn, báo thù trận Thái Tang ở đến một tháng Thái Tang, tây nam huyện Bắc Khuất. Xứ Bình Dương có bến Thái Tang

秋七月禘于太廟用致夫人

THU, THẤT NGUYỆT, ĐẾ VU THÁI MIẾU DỤNG TRÍ PHU NHÂN

MÙA THU, THÁNG 7, TẾ ĐẾ Ở THÁI MIẾU ĐỂ TẾ CẢ PHU NHÂN

Tả - Mùa thu, tế Đế mà tế cả Ai Khương, là phi lễ. Phàm là Phu nhân, mà không chết ở tẩm thất, không quàn ở miếu, không cáo phó chư hầu không phối vào nhà thờ tổ, thì không được lễ phụ vào tế Đế.

Công - Đề tế, chính là không nên. Để tế vào tế Đế là phi lễ. Sao Phu nhân lại không chép họ, thế là không phải Phu nhân, thế là chê, thế là cho thiếp làm Phu nhân. Lấy thiếp làm thê, vì bị hiếp bức (thiếp ở Tề đã tới được trước). Để tế, chính là không được. Đã chép là Phu nhân thì phải có họ. Chép Phu nhân mà không đề họ, thì không phải là Phu nhân nữa, là lời chỉ người thiếp, không phải là chính. Bảo là Phu nhân cũng được, bảo là không phải Phu nhân cũng được. Bảo là có lễ táng cũng được, bảo là không có lễ táng cũng được. Một là lấy việc tôn miếu mà biếm chê, một là để chữ Phu nhân không cho biết chính hay không chính.

Phạm Ninh - Đế là thứ tế ba năm một lần. Thái Miếu là miếu Chu Công. Lưu Hướng nói: Phu nhân là Thành Phong chết, phối vào Thái Miếu (tế đế). Lập làm phu nhân là chính đích, chứ không phải tôn người thiếp mà gán cho danh hiệu Phu nhân. Lấy thiếp làm chủ, thì trên dưới thành ra không có biệt, dù tôn mẹ lại thành khinh bố. Cho nên bảo không được là chính. Theo lễ, có mẹ của vua không phải là chức Phu

nhân, như là có con thứ mà được nối, thì để chở mẹ áo tang thường không xô gai. Thế đủ rõ thiếp không làm chủ được. Trịnh Tự nói: Vua cho làm Phu nhân, vua lấy lễ Phu nhân táng cho, người chép chả nhẽ không chép chữ Phu nhân. Thành Phong, năm Văn Công thứ 4 chết, năm thứ 5 táng, trong Truyen chép việc. Bầy tôi không có nghĩa biếm vua cho nên ở Thái Miếu san bo ho để rõ là không phải được chính. Người Tấn khi đưa đồ phúng Thành Phong, không gọi là Phu nhân.

Dương Sĩ Huân - Tả Thị cho Phu nhân là Ai Khương. Năm đầu bị Tề giết thì sao ngày nay lại phối vào Thái Miếu. Công Dương cho là dắng, thiếp Tề tới trước, bức hiếp Công, bắt Công lập làm Phu nhân. Thế thì Hi Công không phải là vua vẫn được khen là hiền. Dù có bị Tề bức hiếp, há lại dám lấy dắng thiếp làm Phu nhân. Vậy biết cả hai Truyện đều sai.

冬十有二月丁昧天王崩

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH MÙI, THIÊN VƯƠNG BĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ĐINH MÙI, THIÊN TỬ BĂNG (chết)

Tả - Mùa đông, người nhà vua tới cáo tang, vì cớ loạn nên báo chậm.

Phụ Lục Tả Truyện - Tống Công có bệnh. Thế Tử là Tư Phu có xin Công: Mục Di đã lớn tuổi lại là người có nhân, xin nhà vua cho nối ngôi. Công mới mệnh cho Tử Ngư (Mục Di). Tử Ngư nói rằng. Biết nhường nước thì nhân nào hơn được. Tôi không bằng. Vả lại như thế không thuận. Rồi vội lui ngay.

Triệu Khuông - Tả Thị nói năm thứ 7, tháng nhuận, Huệ Vương băng. Tương Vương sợ loạn Thái Thúc, không phát tang, rồi cáo loạn với Tề. Năm thứ 8, tháng giêng, có hội ở đất Thao, bàn việc nhà Chu. Tương Vương được nối ngôi, rồi sau phát tang. Cứ coi đó, thì trong tháng giêng, tháng

hai, ngôi vua đã định xong, sao lại chờ đến tháng 12, mới báo tang cho Chư hầu. Thế thì lời Tả Thị không đủ lấy làm bằng chứng được.

Xét - Tả Thị chép Huệ Vương mất năm thứ 7 tháng nhuận. Đến năm thứ 8 tháng 12 mới báo tang, thế là giấu tang đến một năm, e không có lý. Cho nên Vương Tiểu, Triệu Khuông, đều lấy làm nghi. Tuy nhiên, trong việc Xuân Thu vẫn căn cứ vào Tả Thị. Vậy chép cả thuyết Vương Thị, Triệu Thị, lẫn Tả Thị cho đầy đủ việc khảo cứu.

Năm Canh Ngọ. Tương Vương năm đầu.

九年
CỬU NIÊN
NĂM THỨ 9

Tề Hoàn năm thứ 35. Tấn Hiến năm thứ 36. Vệ Văn năm thứ 9. Sái Mục năm thứ 24. Trịnh Văn năm thứ 22. Tào Cung năm thứ 2. Trần Tuyên, năm thứ 42. Kỷ Thành năm thứ 4. Tống Hoàn năm thứ 31. Tần Mục năm thứ 9. Sở Thành năm thứ 21.

春王正月丁丑宋公御說卒
XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT ĐINH SỬU TỐNG CÔNG NGỮ DUYỆT TỐT
MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGÀY ĐINH SỬU, TỐNG CÔNG TÊN LÀ NGỮ DUYỆT MẤT

Công thị chép là tháng ba.

Tả - Năm thứ 9, mùa xuân, Tống Hoàn Công mất, chưa táng. Công đã hội chư hầu, cho nên xưng là tử, là con. Phàm ở trong thời tang, Vương (Thiên Tử) xưng là Tiểu Đồng. Công, Hầu xưng là tử, con.

Công - Sao không chép lễ táng. Vì tránh cho Tương Công.

Đạm Trợ - Ta Thị bảo, phàm tại tang. Vương xưng là Tiểu Đồng. Công Hầu xưng là Tử. Xét vua Vương Mãnh ở tang không có xưng là tiểu đồng. Còn như các vị Bá, Tử, Nam, tại tang đáng lẽ cũng xưng là Tử. Sao chỉ riêng nói đến Công Hầu thế là nhầm.

Lưu Thuần - Công Dương bảo không chép táng vì kiêng tránh cho Trương Công. Xét không chép táng vì Lỗ không dự. Bảo rằng kiêng cho Tương Công thì còn nghĩa lý gì.

夏公會宰周公齊侯宋子衛侯鄭伯許男曹伯于葵邱

HẠ, CÔNG HỘI TỂ CHU CÔNG, TỀ HẦU, TỐNG TỬ, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, VU QUỲ KHƯU

MÙA HẠ, CÔNG HỘI TỂ CHU CÔNG, TỀ HẦU, TỐNG TỬ, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẠI QUỲ KHƯU

Quỳ Khưu ở phía Đông huyện Ngoại Hoàng Xứ Trần Lưu, nay còn Quỳ Khưu. Sách Thích Lệ ghi là đất nước Tống.

Tả - Mùa hạ, hội tại Quỳ Khưu, để sắp thề và sửa soạn giao hiếu Thề là lễ. Vua sai quan Tể là Khổng ban cho Tề Hầu phần tế nói: Thiên Tử có việc tế các đứng Văn, Vũ, sai Khổng ban cho Ba Cửu phần tế. Tề hầu sắp bước xuống lễ nhận thì Khổng nói: Sao lại có mệnh rằng, Bá Cửu tuổi già và nhọc thường cho không phải lạy. Tề Hoàn đáp: Thiên uy chỉ ở trong gang tấc, Tiểu Bạch dám đâu không lạy. Kẻ dưới mà hư, kém, thì phụ lòng Thiên Tử. Tề Hầu bước xuống lạy nhận phần.

Công - Tể Chu Công là chức quan dự việc chấp chính trong triều Thiên Tử.

Cốc - Chức Tể của Thiên Tử là coi toàn quốc. Tống xưng là Tử, con, là vì chưa làm lễ táng. Theo lễ cữu còn ở trong cung, thì người con không cần biết các việc ở ngoài. Nay quay ra đi dự hội thì Tống Tử không biết thương xót là gì.

秋七月乙酉伯姬卒

THU, THẤT NGUYỆT, ẤT DẬU, BÁ CƠ TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY ẤT DẬU, BÁ CƠ MẤT

Công - Bá Cơ chưa về nhà chồng. Sao lại chép là tốt, vì đã hứa gả, đàn bà đã hứa gả thì làm lễ đặt tên tự và gài kê, chết thì theo lễ hạng thành nhân

Cốc - Con gái Lỗ chưa đi về nhà chồng thì đã chết, chép là tốt vì đã hứa gả, đã có lễ đặt tên, gài kê, chết thì tang lễ theo hạng đã thành nhân

九月戊辰諸侯盟于葵邱

CỬU NGUYỆT, MẬU THÌN, CHƯ HẦU MINH VU QUỲ KHƯU

THÁNG 9, NGÀY MẬU THÌN CHƯ HẦU THỀ TẠI QUỲ KHƯU

Tả - Mùa thu, tại Quỳ Khưu. Tề Hầu họp chư hầu, thề. Phàm đã cùng thề, thì từ nay cùng hòa hiếu. Tể Không về trước gặp Tấn hầu tới chậm, nói: Không ngại Tề Hầu không chuộng đức, chỉ chuyên việc đánh dẹp xa. Bắc phạt Sơn Nhung, Nam phạt Sở, tây đặt ra hội này, đông kiêm được nhiều nước chưa biết đến. Vậy tây còn loạn. Nhà vua nên nghĩ đến yên loạn. Có ngại gì không tới được hội.

Công - Các hội thề của Tề Hoàn không chép ngày. Hội này chép ngày là tại sao? Là muốn làm cho cao lên. Hội ở Quán Trạch, Hoàn Công có tâm lo cho Trung Quốc, không triệu mà chư hầu đến, như người Giang, người Hoàng. Hội ở Quỳ Khưu, Hoàn Công kiêu mà khoe. Phán lại có đến chín nước. Kiêu như bộ ta đây. Khoe như bao ai bằng ta.

Cốc - Hội thề của Hoàn Công thường không chép ngày. Đây chép ngày là khen, vì thấy tuyên bố các lệnh của Thiên Tử. Khi hội, bày tam sinh mà không sát sinh. Đọc mệnh lệnh của Thiên Tử như: Không được lấp dòng nước chảy, không được cấm dong

thóc. không được đổi con trưởng, không được cho thiếp làm thê, không được cho đàn bà dự vào việc chính trị.

Lưu Sưởng - Năm thứ 9, thề ở Quỳ Khưu. Công Dương bảo Tề Hoàn thề, không chép ngày, đây chép ngày là để nâng cho hội thề. Công Dương bàn sai. Đến hội Quỳ Khưu, Tề Hoàn đang rất thịnh, Mạnh Tử thường nói tới. Sao lại cứ lấy ngày, tháng làm lệ an hay nguy để thành rối loạn. Bàn tán nên cẩn thận

Vương Tiều - Về việc chín nước phản, vốn không căn cứ, và lại Hoàn Công tâm đang đầy đủ, kiêu căng, cho nên Tề Không đoán là sẽ loạn

Xét - Tả Thị ghi lời của Tề Không Tiên nho lấy làm nghi. Mà Tấn chưa từng hội thề với Tề. Nghi là vǎn trong kinh có câu. Tấn Hầu mất nối liền với câu trên, nên mới sinh ra cái thuyết "lời Tề Không". Dù sao, cứ chép cả việc nghi ra đây, vì đến sử liệu thì cần căn cứ vào Tả Thị.

甲子晉侯詭諸卒

GIÁP TÝ, TẤN HẦU QUỶ CHƯ TỐT

NGÀY GIÁP TÝ, TẤN HẦU LÀ QUỶ CHƯ MẤT

Công thì chép là Giáp Tuất.

Tả - Tháng chín Tấn Hiến Công mất Lý Khắc và Phi Trịnh muốn lập Vǎn Công. Vì thế ba đảng của ba Công tử nổi loạn. Khi trước Hiến công, sai Tuân Tức làm phó cho Công tử Hề Tề. Khi có bệnh cho triệu Tuân Tức hỏi, giao đứa nhỏ nhất này cho ông, ông định sao, Tuân Tức dập đầu tâu: Thần xin đem hết gan óc, hết dạ trung trinh làm việc. Việc thành là nhờ uy linh nhà vua. Việc không xong, thần xin chết. Vua hỏi, thế nào là trung trinh? Đáp: Điều gì có lợi cho quốc gia đã biết thì làm, thế là trung. Đưa được người chết, giúp được người sống cả hai việc đều một lòng một dạ thế là trinh. Khi Lý Khắc muốn giết Hề Tề, ướm hỏi Tuân Tức: Nay ba đảng oán giận nổi lên, nước Tần nước Tấn đều giúp sức ngài nghĩ nên thế nào? Tuân Tức nói, xin lấy cái chết báo đền. Khắc nói, chết vô ích. Tức nói,

tôi đã hứa với tiên quân. tôi không hai lời, chả lẽ tiếc thân mà đổi lời hay sao. Tuy là vô ích nhưng tránh sao được. Cũng như mình, ai cha muốn hay. Mình muốn không hai lời, lại bắt người khác hai lời ư

Trương Hiệp - Ta Thị viết Giáp Tý, không cho Giáp Tý ở sau Mậu Thìn. Hiệp theo Công Dương chép Giáp Tuất.

Xét - Kinh chép Giáp Tý ở sau Mậu Thìn. Đỗ Chú, Khổng Sớ đều cho rằng cao phó sau hồi thề. Trương Hiệp theo Công Dương nhận Giáp Tuất, hoặc Tuất nhầm thành Tý chăng, chưa định đoạt được, vậy chep cả ra đây.

冬晉里克撥其君之子奚齊
ĐÔNG, TẤN LÝ KHẮC SÁT KỲ QUÂN CHI TỬ HỀ TỀ
MÙA ĐÔNG, TẤN LÝ KHẮC GIẾT CON VUA LÀ HỀ TỀ

Chữ sát, Công Thị viết là thí.

Tả - Mùa đông tháng mười, Lý Khắc giết Hề Tề ở nơi quàn Hiến Công. Tuân Tức định cùng chết. Có người bảo, sao không lập và giúp Trác Tử. Tuân Tức mới lập Trác Tử để làm chủ lễ táng vua Tháng mười một Lý Khắc giết Công tử Trác tại triều. Tuân Tức cùng chết. Người quân tử bàn rằng. Kinh Thi có nói, vết trên ngọc bạch khuê có thể mài cho hết được. Cái vết của lời nói thì không có cách làm cho mất được. Đó là trường hợp của Tuân Tức.

Phụ lục Tả Truyện - Tề hầu lấy quân chư hầu phạt Tấn. Đến đất Cao Lương thì về, là để dẹp loạn Tấn. Lệnh không truyền tới Lỗ, nên không chép. Tấn khước Nhuế nói: Người ta ai cũng có nước, ta còn yêu gì hơn. Về nước mà trị dân được thì còn gì bằng. Di Ngô nghe. Tề Thấp Bằng cầm quân hợp với quân Tần giúp Tấn Huệ Công. Tần Bá bảo Khước Nhuế rằng: Công tử tin nhờ ai. Đáp, người đã đi trốn thì không còn có đang. Có đang tất có thù. Di Ngô lúc ít tuổi, không phóng túng, việc làm ít lầm lỗi, nhiều tuổi vẫn thế. Còn điều khác xin không được biết. Tần Công bảo Công Tôn Chi: Di

Ngô định được nước không? Đáp: Tôi nghe duy có pháp là định được. Kinh Thi nói: Chẳng biết, chẳng hiểu, chỉ cần theo phép nhà vua, đó là chỉ vua Văn Vương. Lại nói: Đừng lấn quyền, đừng hại ai, thì ít làm trái phép. Không yêu, không ghét, không ghen, không hiếu thắng, thì làm được. Nay lời nói thì nhiều ghen ghét hiếu thắng, thật là khó trị nước. Công nói: Ghen ghét thì bị nhiều oán, còn thắng sao được. Đó là lợi cho ta. Tống Tương Công lên ngôi biết Công Tử Mục Di là người có nhân cho làm chức Tả sư để coi việc chính trị. Tống bắt đầu yên, cho nên họ Ngư (Mục Di) nối đời làm Tả sư. Cao Lương là đất nước Tấn

Công - Đây là ở ngôi vua chưa đầy năm. Sao lại chép là giết (thí) con vua là Hề Tề. Là cách nói vua chưa làm vua đầy năm.

Cốc - Gọi là con vua, biết là dân trong nước không nhận, vì không cho việc giết Thế Tử Thân Sinh để lập Hề Tề là chính.

Xét - Kinh chép chữ con vua, Công nói đó là danh hiệu vua chưa ở ngôi được đầy năm. Công Dương nghĩ sai lầm. Công Dương cho Tử Ban là vua ở ngôi chưa đầy năm mà chép: Vua chết xưng là Tử Mỗ. Đã táng rồi, xưng là tử, là con, lệ có rõ ràng lắm rồi. Vả lại Tử Ban, Tử Giả, xưng tử (con), xưng tên (danh), là vì có vua chết, Tử Xích xưng tử (con) không xưng tên là vì có vua đã táng. Nếu theo lệ Tử Ban, thì giá xưng Tử Hề Tề là được. Vậy sao lại xưng là con vua (quân chi tử). Cho nên cái lời bàn của Cốc Lương "dân trong nước không nhận", (không nhận là vua) là chính đáng.

Năm Tân Mùi. Tương Vương năm thứ 2.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tề Hoàn năm thứ 36. Tấn Huệ Công Di Ngô năm đầu. Vệ Văn năm thứ 10. Sái Mục năm thứ 25. Trịnh Văn năm thứ 23.

Tào Cung năm thứ 3. Trần Tuyên năm thứ 43. Kỷ Thành năm thứ 5. Tống Tương Công Tư Phu năm đầu. Tấn Mục năm thứ 10. Sở Thành năm thứ 22.

春王正月公如齊

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT CÔNG NHƯ TỀ

MÙA XUÂN VƯƠNG THÁNG GIÊNG, CÔNG SANG TỀ

狄滅溫溫子奔衛

ĐỊCH DIỆT ÔN, ÔN TỬ BÔN VỆ

NƯỚC ĐỊCH DIỆT NƯỚC ÔN, ÔN TỬ TRỐN SANG VỆ

Tả - Năm thứ 10, mùa xuân, Địch diệt Ôn. Ôn có vua là Tô Tử Vô Tín. Tô Tử phản. Thiên Tử có việc ở Địch, không dẹp được Địch. Địch đánh Ôn. Thiên Tử không cứu, Ôn bị diệt, Tô Tử chạy trốn sang Vệ.

Đỗ Dự - Tô Tử là dòng dõi quan Tư Khấu Tô Công nhà Chu, được phong ở nước Ôn, cho nên gọi là Ôn Tử.

晉里克弒其君卓及其大夫荀息

TẤN LÝ KHẮC THÍ KỲ QUÂN TRÁC CẬP KỲ ĐẠI PHU TUÂN TỨC

TẤN LÝ KHẮC GIẾT VUA LÀ TRÁC VÀ ĐẠI PHU LÀ TUÂN TỨC

Trác, Công Thị viết là Trác Tử.

Công - Và (cung, với, cập) là gì. Là có liên lụy. Việc giết vua thì nhiều người, ai không liên lụy thì bỏ chăng. Đáp: Có người liên lụy, như Khổng Phủ. Cừu Mục đều có liên lụy. Hỏi, bỏ không chép, hay là Khổng Phủ, Cừu Mục không liên lụy chăng. Đáp, có chứ. Hỏi thế sao đây thì chép. Đáp, vì là hiền, Tuân Tức hiền là vì đã không sai lời. Tề Hề, Trác Tử là con

Ly Cơ, Tuân Tức là Phó, Ly Cơ là hạng quốc sắc, Hiến Công rất yêu, muốn lập con nối ngôi, mới giết Thế Tử Thân Sinh. Lý Khắc là Phó của Thân Sinh. Hiến Công sắp chết, bảo Tuân Tức rằng: Kẻ sĩ thế nào thì được khen là tín. Tuân Tức đáp: Ví như chết rồi, mà lại sống lại, không thẹn với lời đã nói, thế là tín. Hiến Công chết, Hề Tề nối ngôi. Lý Khắc bảo Tuân Tức rằng: Vua giết chính mà lập bất chính, bỏ trưởng mà lập thứ, ông nghĩ sao, xin cùng ông bàn. Tuân Tức nói: Vua thường hỏi tôi, tôi có nói: Cho người chết được sống lại, mà không thẹn với lời đã nói, thế là Tín. Lý Khắc biết là không cùng mưu tính được ra về, giết Hề Tề, Tuân Tức lập Trác Tử. Lý Khắc giết Trác Tử, Tuân Tức cùng chết, có thể nói là không ăn lời.

Cốc - Từ tôn cho đến ti. Tuân Tức là cái cửa ngăn.

Tư Mã Quang - Hiến Công say đắm tỳ thiếp, bỏ trưởng lập ấu. Tuân Tức giữ vị chính khanh, vua tín dùng, đã không biết rõ lễ nghĩa lại không can ngăn các điều trái của vua chỉ đem cái chết hứa hẹn, đó là cái vết của lời nói. Tuân Tức khi Hiến Công chưa chết mà không thể cứu được. Nữa sau khi Hiến Công chết. Tả Thị sở dĩ ghi chép là để chê chứ không để khen Tuân Tức.

Xét - Hề Tề không chép là vua là để chê Hiến Công. Việc giết Trác thì được chép là giết vua là để chính cái tội của Lý Khắc, Tuân Tức lấy cái chết để đúng cái lời, lâm nạn mà không chịu tạm sống. Tuy nhiên, theo vua, trên đường mờ tối thì ví sao được với Khổng Phủ Cừu Mục. Tả Thị dẫn Kinh Thi là chê, chứ không khen. Lời nói của Tư Mã Quang thật là có lý.

夏齊侯許男伐北戎

HẠ, TỀ HẦU, HỨA NAM PHẠT BẮC NHUNG (BẮC NHUNG LÀ SƠN NHUNG)

MÙA HẠ, TỀ HẦU, HỨA NAM PHẠT BẮC NHUNG

晉殺其大夫里克

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU LÝ KHẮC

TẤN GIẾT ĐẠI PHU, LÝ KHẮC

Tả - Mùa hạ, tháng tư, Chu Công Kỳ Phu, Vương Tử Đảng hội với Tề Thấp Bằng để lập Tấn Hầu. Tấn Hầu giết Lý Khắc để thoả ý muốn giết. Trước khi giết có sai bảo rằng. Không có ngươi thì ta không về làm vua được. Nhưng ngươi đã giết hai vua cùng một đại phu. Làm vua ngươi thật khó. Lý Khắc đáp: Vua vì đâu mà được. Muốn kết tội thiếu gì cớ. Tôi biết mệnh rồi. Tự đâm cổ chết.

Công - Lý Khắc giết hai vua, thì sao không trị tội ngay như trị giặc. Vì là đại phu của Huệ Công. Ai lập Huệ Công. Lý Khắc. Khắc giết Hề Tề, Trác Tử, đón Huệ Công về. Lý Khắc đã lập Huệ Công thì sao Huệ Công lại giết. Huệ Công nói: Ngươi đã giết hai người con nhỏ, lại muốn tính đến cả ta, làm được vua ngươi cũng chẳng khó lắm ư. Thế rồi giết đi. Tuy nhiên, sao không thấy chép Tấn Công về, cả khi đi lẫn khi về, là dự trước kiêng tránh cho Tấn Văn Công. Tề Tiểu Bạch trở về Tề thì sao không vì Hoàn Công mà kiêng tránh, là vì Hoàn Công trị nước được lâu dài, điều hay thiên hạ đều biết cho nên không cần kiêng tránh: vốn là chê đấy. Văn Công thì thời gian trị nước ngắn điều hay thiên hạ chưa biết, cho nên kiêng tránh cho: vốn là chê đấy.

Cốc - Giết người mà dùng tên nước. Tấn giết đại phu tức là tội liên lụy đến vua. Lý Khắc giết hai vua cùng một đại phu, thế nào mà lại liên lụy đến Huệ Công. Vì sao giết Lý Khắc không giết về tội đó. Nguyên là Lý Khắc làm việc thí nghịch, là vì Trùng Nhĩ. Di Ngô có nói: Nó cũng sắp giết ta, nên ta giết nó. Không kể tội thật là ý muốn mời Trùng Nhĩ về làm vua, mới có thủ đoạn thí nghịch. Xưa, Tấn Hiến Công phạt Quắc, được Ly Cơ, sinh hai con, lớn là Hề Tề, nhỏ là Trác Tử. Ly Cơ, muốn làm loạn, cho nên bảo vua rằng: Tôi đêm mộng thấy phu nhân chạy tới nói: Tôi khổ sở, sợ hãi, sao không sai đại phu

đem vệ sì tới canh lăng cho tôi. Vua nói sai ai mới được. Ly Cơ bàn, sai ai được bằng Thế Tư. Vì thế vua mới bảo Thế Tử rằng: Ly Cơ mộng thấy Phu nhân chạy lại kêu lo sợ lắm, con phai đem vệ sĩ tới bao vê lăng tẩm. Thế Tư kính vâng, rồi xây cung Cung xây xong, Ly Cơ lại nói: Đêm qua mê thấy Phu nhân chạy tới kêu đói lắm. Nay cung Thế Tử đã thành sao không sai tế Vì thế Hiến Công bảo Thế Tử tế. Tế xong, Thế Tư dâng phần tới vua. Vua đang đi săn. Thừa cơ, Ly Cơ mới cho tẩm thuốc dộc vào phần tế. Hiến Công đi săn về, Ly Cơ nói: Đồ ăn từ ngoài đưa vào, cần phải thử. Rót rượu xuống đất, đất sủi bọt. Lấy thịt chó cho chó ăn, chó chết. Ly Cơ bước xuống thềm khóc kêu: Trời ơi, Thế tư sao vội làm vua thế, nước vẫn là nước của Thế Tử chứ còn của ai. Vua sầm mặt nói: Ta với ngươi, chưa có điều gì quá đáng, sao nó tệ thế. Mới sai người bảo Thế Tử tự liệu lấy. Phó Thế Tử là Lý Khắc nói: Xin Thế Tử về kinh biện minh thì còn được sống, nếu không thì không sống được. Thế Tử nói: Vua ta già rồi, ngày về chiều rồi. Nếu về biện minh thì Ly Cơ tất chết. Vua ta sẽ không yên, thì chi bằng ta chết đi để vua được yên. Rồi dặn giúp Trùng Nhĩ. Xong, cắt cổ chết. Cho nên Lý Khắc làm việc thí nghịch là vì Trùng Nhĩ. Di Ngô nói: Nó rồi giết đến ta.

Đạm Trợ - Công Dương bảo sao không thấy chép Tấn Công về, cả khi đi lẫn về là dự trước kiêng tránh cho Văn Công. Thế là xuyên tạc, vì Công Dương không biết rằng, không có báo cáo thì không chép.

Diệp Mộng Đắc - Tấn Lý Khắc, Vệ Ninh Hỷ đều là những kẻ giết vua. Thế mà không thấy chép câu: Đánh, trừng trị giặc mà lại chép giết đại phu. Tại sao thế? Vì chỉ là giết chứ không phải là trị tội. Trác Tử chết, Huệ Công xin về nước, Lý Khắc thực tâm đón nước, thì ra Huệ Công gặp được cái may là Trác chết để cướp được ngôi. Còn Vệ Hiến Công mà về, mà lên ngôi được là vốn đã được nghe vua bị giết rồi, xin với Hỷ được về, hứa hẹn rằng, nếu được về thì Hỷ (Ninh Hỷ) giữ việc chính trị, quả nhân giữ việc tế. Như thế còn trách gì được việc trị giặc. Khi được ngôi, Huệ Công nói: Ngươi giết hai vua, một đại phu,

làm vua ngươi khó lắm, rồi giết Lý Khắc. Còn Hiến Công khi đã giao quyền chính cho Ninh Hy, lại lo nan chuyên quyền, mới cùng Công Tôn Vô Địa Công Tôn Thân mưu đánh Hỷ, giết Ninh Hy, phanh thây giữa triều Vậy giết Khắc, giết Hỷ là sợ hại mình, nay trừ trước đi. Thiết sử, Huệ và Hiến muốn không thẹn với Trác với Phiêu thì đem chính tôi hai bầy tôi rồi xử tử. Nếu như thế thì Xuân Thu đã chép là. Người Tấn giết Lý Khắc, người Vệ giết Ninh Hy

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Tấn hầu cho cải táng Thế Tử. Mùa Thu, Hồ Đột tới đất Hạ Quốc, bàng hoàng gặp Thế Tử cho lên xe ngồi, rồi bao rằng: Di Ngô vô lễ, tôi đã xin với Đế đem Tấn nhập vào Tần để Tần thờ cúng tôi. Hồ Đột đáp: Tôi nghe thần không hưởng loại khác, dân không tế họ khác, e việc thờ ngài hết chăng. Vả dân có tội gì. Mất hình chính, thiếu tế tự. Xin ngài nghĩ kỹ cho. Thế Tử nói vâng, tôi sẽ xin lại. Bảy ngày nữa, Phía tây Tân Thành sẽ có nhà đồng nói rõ ý tôi. Nói xong biến mất, Hồ Đột không trông thấy gì nữa. Đúng kỳ, đúng nơi có người tới nói: Đế hứa với ta phạt kẻ có tội thôi, nghiêm hơn cả Hàn xưa. Khi ấy, Phi Trịnh đi sứ sang Tần, nhân nói với Tần Bá rằng Lã Xanh và Khước Nhuế nước tôi không muốn theo ý ngài. Nếu ngài lại cho sứ sang đáp rồi cho triệu hai người ấy tới, chúng tôi xin đuổi Di Ngô đi và đón Trùng Nhĩ, thì không có gì là không được. Hạ Quốc là đất Khúc Ốc, Tân Thành, Hàn là đất nước Tấn.

冬大雪雹

ĐÔNG ĐẠI VŨ TUYẾT

MÙA ĐÔNG, MƯA TUYẾT LỚN

Chữ tuyết, Công Thị viết là chữ bạc, mưa đá 雹.

Phục lục Tả Truyện - Mùa đông Tần Ba sai Lãnh Chi đáp Le, và nhân dịp triệu Lã Xanh, Khước Nhuế. Khước Nhuế nói đồ lễ hậu, lời nói ngọt, là dụ ta đó. Bèn giết Phi Trịnh và Kỳ Cư cùng bảy đại phu: Cung Hoa Gia Hoa, Thúc Kiên, Chuy Xuyên, Luy Hổ, Đặc Cung, Sơn Kỳ, đều là trong đảng Lý, Phi. Con Phi Trịnh là Phi Báo chạy sang Tần nói với Tần Bá rằng Tấn Hầu bội bạn Đại Vương, mà ghen ghét thù vặt, dân không ưa. Đem quân đánh tất phải chạy. Công nói: Chưa được dân thì ai giết được, chưa có họa thì ai đuổi được.

Công - Sao lại chép. Vì là việc lạ.

Trạm Nhược Thủy - Mùa đông nhà Chu, các tháng dậu, tuất, hợi, là tháng tám, chín, mười nhà Hạ. Thời gian đó, âm kết, nhưng chưa đọng, cho nên thấy mưa tuyết cho là việc lạ.

Năm Nhâm Thân. Tương Vương năm thứ 3

十 有 一 年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tề Hoàn năm thứ 37. Tấn Huệ năm thứ 2. Vệ Văn năm thứ 11. Sái Mục năm thứ 26. Trịnh Văn năm thứ 24. Tào Cung năm thứ 4. Trần Tuyên năm thứ 44. Kỷ Thành năm thứ 6. Tống Tương năm thứ 2. Tần Mục năm thứ 11. Sở Thành năm thứ 23.

春 晉 殺 其 大 夫 丕 鄭 斧

XUÂN, TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU PHI TRỊNH PHỦ

MÙA XUÂN, TẤN GIẾT ĐẠI PHU, PHI TRỊNH PHỦ

Tả - Mùa xuân, Tấn Hầu sai tới (Lỗ) báo cáo việc Phi Trịnh Phu loạn.

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử sai Thiệu Vũ Công, Nội sử Qua, tới ban sắc mệnh cho Tấn Hầu. Khi tiếp ngọc, Tấn Hầu

khi sắc nhác nhớn. Về triều phục mệnh. Nội sư tâu vua: Tấn Hầu e vô hậu (không co con nối) khi tiếp mệnh vua mà thần khi nhác nhớn, thế là tự mình bo mình thì còn mong gì nối dõi. Lễ là cái gốc của một nước. Kính là cái xe để chở lễ. Không kính thì lễ không thi hành. Lễ không thi hành thì trên dưới hôn mê. Vậy sao được lâu dài.

Cốc - Giết người, mà chép là nước giết, thế là tội có liên lụy đến Vua

Hồ Truyện - Xét Tả Thị, Phi Trịnh nói với Tần Bá xin đuổi vua Tấn, thì Trịnh là có tội rồi. Sao chép là nước giết mà không bo quan tước (đại phu). Huệ Công lấy ý riêng mà giết Lý Khắc cho nên đảng Lý Khắc đều sợ. Trịnh mà có mưu ấy là do việc Lý Khắc. Xuân Thu cứ theo đại nghĩa coi thiên hạ là công trong việc thưởng phạt. Vì thế chép theo một phép công như thế. Bao là nước giết là kiêm cả tội đại phu làm việc không biết ngăn ngừa cái dở của vua; đến nỗi sinh lòng ghen ghét, lạm dụng hình phạt để cho nước lâm nguy.

Trương Hiệp - Huệ Công chí chỉ ở chỗ được ngôi vua, mà không có độ lượng một vị vua. Ngoài thì thất tín với nước Tần, trong thì ghen ghét giết cho nhiều, cho nên Phi Trịnh dù có nhiều mưu mô riêng, dù có hai lòng thật, mà Kinh Xuân Thu chép việc, dùng lời, rõ cách liên lụy đến vua.

夏公及夫人姜氏會齊侯于王穀

HẠ CÔNG CẬP PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU VU DƯƠNG CỐC

MÙA HẠ, CÔNG VÀ PHU NHÂN, KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU Ở DƯƠNG CỐC

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, các rợ Nhung: Dương Cự, Tuyền Cao, Y Lạc, cùng đánh Kinh sư, đốt phá cửa đông, do Vương Tử Đái triệu tới. Tần và Tấn phạt Nhung để cứu Chu. Tấn Hầu dẹp được Nhung ở Kinh sư, Dương Cự, Tuyền Cao, đều là giống Nhung ở ấp Nhung. Còn Y Lạc là các giống Nhung ở rải rác trên sông Y Thủy, sông Lạc Thủy.

Hồ Truyện - Tương Lăng Hứa Hoàn, có nói: Trước hội Dương Cốc co mưa tuyết lớn. Sau hội Dương Cốc có Đảo Vũ (đại vu). Hi Công là vị vua hiền mà không hay giúp được Hoàn Công, khuyên đừng trễ nải, lại còn cùng Hoàn Công phóng túng hương lac, cho nên trời gia điềm lạ răn trừng. Cứ coi hội Dương Cốc, Công cùng đi với Phu nhân thì biết Bá nghiệp của Tề Hoàn đã kém sút, cho nên người Sở đánh nước Hoàng, mà không cứu. Phàm các loại việc đó, cứ đọc kỹ văn trong sách, rồi so sánh suy nghĩ, thì biết ý nghĩa

Đỗ Dự - Người đàn bà đón đưa không ra khỏi cửa, tiếp đưa anh em, không bước qua bực cửa, thế mà dự hội với Công, với Tề Hầu là phi lễ.

秋八月大于

THU, BÁT NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG TÁM, ĐẢO VŨ

Cốc - Cầu mưa, là chính, thuận. Được mưa thì gọi là vu. Không được mưa thì gọi là hạn.

Ngô Trừng - Chư hầu khi hạn thì cầu đảo, thế là lễ. Đại vu là tế đức Thượng đế, thế là phi lễ.

冬楚人伐黄

ĐÔNG, SỞ NHÂN PHẠT HOÀNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ PHẠT NƯỚC HOÀNG

Tả - Người Hoàng không nộp Sở đồ cống. Mùa đông người Sở đánh Hoàng.

Trần Phó Lương - Đã diệt thì thôi nói phạt. Đây chép phạt là chê Hoàn Công, nhắc các hội ở Dương Cốc, thề ở quán, chỉ là để một nước mất.

Uông Khắc Khoan - Quản Trọng tuy không có tài vương tá, nhưng giúp được Công thành nghiệp Bá, thì công đã là

to. Cứ theo sử Tề, thì những câu "thiên nhan gang tấc" xuống thềm lại chịu mệnh, để kính mệnh vua, đều là nhờ có Quản Trọng khuyên can nhưng sau hội Quỳ Khưu Quản Trọng đã chết, thì Tề Hoàn sinh trễ nải tạm bợ không so sánh được với khi trước nữa. Tuy nhiên, Tả Truyện có chép năm sau, mùa đông, sai Quản Trọng bình ở kinh sư, và sử chép Quản Trọng chết vào năm Hoàn Công thứ 41, tức Lỗ Hi Công năm thứ 15. Vậy lúc nước Hoàng bị diệt thì Quản Trọng chưa chết. Sao sử ký chép việc lại không đủ tin được, hay hoặc giả là Quản Trọng can Hoàn Công mà Hoàn Công không nghe, không cứu Hoàng.

Năm Quý Dậu. Tương Vương năm thứ 4

十有二年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tề Hoàn năm thứ 38. Tấn Huệ năm thứ 3. Vệ Văn năm thứ 12. Sái Mục năm thứ 27. Trịnh Văn năm thứ 25. Tào Cung năm thứ 5. Trần Tuyên năm thứ 45. Kỷ Thành năm thứ 7. Tống Tương năm thứ 3. Tần Mục năm thứ 12. Sở Thành năm thứ 24.

春王三月庚午日有食之

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, CANH NGỌ NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA, NGÀY CANH NGỌ, CÓ NHẬT THỰC

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, chư hầu đắp thành quách Sở Khưu cho nước Vệ, để phòng ngừa rợ Địch.

Dỗ Dự - Không chép ngày sóc là có khuyết sót.

夏楚人滅黃

HẠ, SỞ NHÂN DIỆT HOÀNG

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC HOÀNG

Ta - Người Hoàng ỷ lại vào các chư hầu hoà hiếu với Tề, nên không cống nước Sở nữa, cho rằng từ nước Sở đến nước mình xa 900 dặm, hại mình sao được. Mùa hạ diệt Sơ Hoàng.

Cốc - Thề ở đất Quán, Quản Trọng nói: Nước Giang và nước Hoàng xa Tề mà thân với Sở. Nước Sở là nước chỉ vị lợi. Nếu Sơ đánh mà mình không cứu thì còn bao sao được các chư hầu. Hoàn Công không nghe lại cùng Sở thề, Quan Trọng mất, Sở phạt Giang, diệt Hoàng. Hoàn Công không cứu được. Người quân tử lấy làm thương xót.

Triệu Bằng Phi - Mùa đông đánh, đến mùa hạ mới diệt. Hoàng cố giữ đợi cứu, đến ba mùa, mà Tề không tới cứu, thì còn gì là nước Hoàng nữa. Bá nghiệp của Hoàn Công thế là được tron

· **Xét** - Theo Tả Truyện, năm ấy mùa dông, Quản Trọng bình Nhung ở Kinh sư. Sử chép Quản Trọng chết cũng vào năm Hi Công thứ 15. Vậy thì lúc Hoàng bị diệt, Trọng vẫn còn sống. Cốc Lương mà bảo là chết rồi thì sai.

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Vua (Thiện Tử) lấy cớ nạn Nhung mới trị Vương Tử Đái. Mùa thu, Đái chạy trốn sang Tề. Mùa đông Tề Hầu sai Quan Trọng bình giặc Nhung ở Kinh sư, lại sai Thấp Bằng bình giặc Nhung ở đất Tấn. Vua lấy lễ Thượng Khanh đãi Trọng. Trọng từ chối nói rằng: Thần là hàng quan lại kém nhỏ, trên còn có hai vị thủ quốc, như các tiết xuân thu, tới chầu mệnh vua, thì thần biết dùng ngôi thứ

nào, kẻ bồi thần này dám xin được từ. Vua nói, ta khen công huân ngươi, cứ thế theo ý ta, ráng sức chớ quên, nhận chức ngươi đi, chớ trái mệnh. Quản Trọng xin chịu lễ Hạ Khanh rồi về. Người quân tử bàn: Quản Trọng được thờ tế là đáng lắm. Nhường mà không quên bực trên. Thi có nói: Hạng quân tử vui vẻ, dễ dàng, thần cũng giúp cho.

冬十有二月丁丑陳侯杵臼卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH SỬU TRẦN HẦU, CHỮ CỮU TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY ĐINH SỬU, TRẦN HẦU CHỮ CỮU MẤT

Năm Giáp Tuất, Tương Vương năm thứ 5

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tề Hoàn năm thứ 39. Tấn Huệ năm thứ 4. Vệ Văn năm thứ 13. Sái Mục năm thứ 28. Trịnh Văn năm thứ 26. Tào Cung năm thứ 6, Trần Mục Công Khoản năm đầu. Kỷ Thành năm thứ 8. Tống Tương năm thứ 4. Tần Mục năm thứ 13. Sở Thành năm thứ 25.

春狄侵衛

XUÂN, ĐỊCH XÂM VỆ

MÙA XUÂN, RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC VỆ

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 13, mùa xuân Tề Hầu sai Trọng Tôn Thu, tới sính ở triều nhà Chu, và để nói xin cho Vương tử Đái. Việc sính lễ xong, thôi không nói với vua về Vương tử Đái. Rồi ra về phục mệnh rằng Thiên Tử còn giận chưa nguôi, có lẽ mười năm nữa mới cho triệu về.

Triệu Bằng Phi - Năm trước, Địch diệt nước Ôn, Ôn Tử chạy trốn sang Vệ. Nay Địch xâm Vệ, lấy cớ Vệ đã dung nạp Ôn Tử. Bá Chủ sao lại cứ ngồi yên nhìn mà không đánh. Thấy Sở diệt Hoàng, sợ Sở mạnh không dám cứu. Thấy Địch diệt Ôn, cho là nước nhỏ không bõ cứu. Lớn thì sợ, nhỏ thì bỏ, thế thì chư hầu còn mong gì ở vị Bá chủ.

夏四月葬陳宣公

HẠ, TỨ NGUYỆT, TÁNG TRẦN TUYÊN CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TÁNG TRẦN TUYÊN CÔNG

公會齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯許男曹伯于鹹

CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, VU HÀM

CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ TẠI HÀM (HÀM, ĐẤT NƯỚC VỆ)

Tả - Mùa hạ, hội tại đất Hàm, vì có rợ Hoài Di quấy nước Kỷ, mà cũng là mưu việc nhà Chu. Đến mùa thu, thì vì cớ nạn rợ Nhung, chư hầu đem quân đóng giữ cho Chu. Tề Trọng Tôn Thu có dự. Hoài di là đông di nước Lỗ.

Cốc - Hội này là tụ tập quân đội.

Triệu Bằng Phi - Hội ở đất Hàm là mưu tính việc đắp thành cho nước Kỷ. Chép là hội về mùa hạ, mà đến mùa xuân năm sau mới đắp thành, gọi là thành Duyên Lăng. Không phải là chư hầu ở hội Hàm không biết là mùa hạ hội thì mùa đông xây thành mới là đúng mùa. Thế thì chư hầu cứ chờ ở đất Hàm chăng. Không phải, Họ hãy về đã. Chả thế sao mùa thu có tế Đại Vu, nếu Công không có mặt ở trong nước thì ai tế và công tử Hữu sang Tề, nếu Tề Hầu không có mặt ở trong nước thì ai nhận lễ sính. Tuy nhiên, đầu tiên là cứ phải có hội vì: Phàm các việc

công tác thì đợi sao Long hiện mới răn dạy, bao cho biết cách thức. Long hiện theo lịch nhà Hạ, là tháng hai, tức là tháng tư nhà Chu. Nay tháng tư xếp đặt công việc là đúng mùa. Tháng mười, sao Thủy hiện, là khởi việc trồng cây,. Tháng mười một, đông chí, là hết các việc. Chư hầu tới, đều mỗi nước mỗi chép trong sử. Việc ở Sở Khưu cũng như việc ở đây.

Gia Huyền Ông - Các rợ Nhung được Vương Tử Đái triệu, đều tới đánh Vương thành (Kinh đô nhà Chu). Tần và Tấn tới đánh (phạt) Nhung. Tử Đái chạy trốn sang Tề. Tề Hầu bình Nhung ở Kinh, nay đã được hai năm, vương thất đã yên mới có cơ hội ở đất Hàm để giao cho chư hầu đóng quân giữ đất Chu. Đó là mùa thu đóng quân. Tề Tông Trọng Thu mà tới, là tới hội đó. Vì đây là việc nhà vua cho nên để chức tước (nhà vua là Thiên Tử).

Trình Đoan Học - Năm sau, mùa xuân, có việc chư hầu xây đắp thành Duyên Lăng, thế là hội này bàn tính việc xây đắp.

Xét - Gia Huyền ông cho là chủ việc nhà vua (mưu vương sư). Triệu Bằng Phi, Trình Đoan Học đều cho là chủ việc nước Kỷ. Nên y như Tả Truyện, mà thêm vào cả hai thuyết trên.

秋 九 月 大 雩

THU CỬU NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU THÁNG 9, TẾ ĐẠI VU

冬 公 子 有 如 齊

ĐÔNG CÔNG TỬ HỮU NHƯ TỀ

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ HỮU SANG TỀ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông nước Tấn mất mùa, đói kém quá, sai sứ sang Tần đong thóc. Tần Bá hỏi Tử Tang có nên cho không. Đáp: Ra ơn mà được báo thì nhà vua còn cầu gì. Nhiều lần gia ơn mà không được báo đáp, thì dân Tần sinh hai lòng. Ta sẽ đánh, họ sẽ thua. Vua hỏi Bách Lý có cho không?

Bách Lý đáp: Thiên tai lưu hành, nước nào chả có. Cứu tai, tuất lân, là đạo. Hành đạo thì có phúc. Phi Báo, con Phi Trịnh dương ở nước Tần, xin đánh Tấn. Tần Bá nói: Vua thì bậy đấy, nhưng dân có tội gì. Thế là Tần cho chở thóc sang Tấn, từ đất Ung cho đến đất Giáng, thuyền kế tiếp nhau, thành tên là việc phiếm chu. Ung là quốc đô nước Tần.

Trương Hiệp - Các hội Dương Cốc, Ninh Mẫu, và Hàm, từ các hội đó trở đi Công Tử Hữu đều sang Tề. Xét đánh Tề, phục Trịnh, xây thành Duyên Lăng nước Lỗ đều có dự, đủ thấy Công Tử Hữu chuyên về chính quyền.

Trương Phổ - Năm thứ 10, mùa xuân, tháng giêng, Công sang Tề. Kẻ bàn, nhận thấy rằng Lỗ bắt đầu chầu Tề. Năm thứ 13, mùa đông, Công tử Hữu sang Tề là việc đại phu sính lễ thường. Năm thứ 3, Công Tử Hữu sang Tề, dự thề, từ đó, đi lại chuyên cần. thề Ninh Mẫu, hội hàm, đều có Công hội mà Quý Hữu đi theo để sính. Đại phu Lỗ ta, mà chính thức sính lễ ở Tề là vào năm thứ 7. Vua ta bắt đầu triều Tề là vào năm thứ 10. Lỗ càng cung kính thì Tề càng kiêu căng.

Năm Ất Hợi. Tương Vương năm thứ 6.

十有四年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tề Hoàn năm thứ 40. Tấn Huệ năm thứ 5. Vệ Văn năm thứ 14. Sái Mục năm thứ 29. Trịnh Văn năm thứ 27. Tào Cung năm thứ 7. Trần Mục năm thứ 2. Kỷ Thành năm thứ 9. Tống Tương năm thứ 5. Tần Mục năm thứ 14, Sở Thành năm thứ 26.

春諸侯城緣陵

XUÂN, CHƯ HẦU THÀNH DUYÊN LĂNG

MÙA XUÂN, CHƯ HẦU XÂY THÀNH DUYÊN LĂNG

Tả - Năm thứ 14, mùa xuân, chư hầu xây thành Duyên Lăng, để thiên nước Kỷ tới. Không chép người nào văn có khuyết thiếu.

Công - Thành nào, Thành nước Kỵ. Vì Kỷ bị diệt. Ai diệt. Nước Tư, nước Cử hiếp bức. Vì kiêng cho Hoàn Công. Trên đã không có Thiên Tư, dưới lại không có Phương Bá, chư hầu trong thiên hạ hễ diệt nhau, thì Hoàn Công không cứu được, thế là đáng xấu hổ. Tuy nhiên, ai xây thành cho, chính là Hoàn Công. Không chép Hoàn Công, vì không để cho chư hầu chuyên phong (chuyên quyền của vua mà định phong cương, cương giới một nước). Sự thực thì có, mà văn thì không có. Sao vậy. Chư hầu mà cứ theo chính nghĩa thì không được chuyên phong. Thế mà sự thực lại cho, là vì sao. Vì: Trên không Thiên Tử, dưới không Phương Bá, chư hầu diệt nhau, có ai cứu được cứ cứu, thì cũng được.

Cốc - Chép là chư hầu, là lời nói không chỉ định ai, là "tán từ". Đây chính là tụ, sao lại bảo là tán. Chư hầu xây thành là tán ra mỗi người một việc, thế biết là đức của Tề Hoàn đã suy.

Hồ Truyện - Tề Hoàn xây thành cho ba nước, mà lời chép không giống nhau. Xây thành Sở Khưu thì bỏ chư hầu không chép. Xây thành Duyên Lăng thì chép chư hầu, mà không chép những ai. Xây thành Hình thì nói đi nói lại quân đội ba nước. Sao vậy. Nước Hình là tự ý thiên, theo lời văn, cho nên hai lần chép quân ba nước tới xây thành, là khen việc cứu kẻ hoạn nạn, có nghĩa cùng chia sẻ tai họa, chứ không e ngại gì về ý chuyên phong. Giống Hoài Di quấy nước Kỷ, chư hầu hội tại đất Hàm, xây thành Duyên Lăng, mà thiên nước Kỷ đi, thế là chuyên phong, cho nên đoạn trước nói rõ chi tiết mà đoạn sau nói phớt đại cương: nói thẳng là chư hầu mà không nói rõ những chư hầu nào. Nước Vệ bị rợ Địch diệt, phải rời sang phía đông, qua sông tạm ở đóng ấp Tào, Hoàn Công sai Công tử Vô Khuy, đem giáp binh tới đóng giữ, đem cho xe ngựa, đồ tế tự, cung cấp các vật dụng cần thiết cho dân, công thế là to, thì quyền cũng lại là chuyên, thành ra Xuân Thu chê trách cũng nặng. Xây thành Sở Khưu thì không chép chư hầu thế là để cho chính vương pháp. Thế cho nên nếu lấy công mà nói, thì công Sở Khưu là to, lấy nghĩ mà nói, thì xây thành Hình là hay. Phép Kinh Xuân Thu cốt làm cho sáng đạo chứ không kể gì đến công; làm cho chính cái nghĩa, chứ không mưu việc lợi. Chép tỏ tường việc xây thành

nước Hình, mà bo hết viêc Sơ Khưu. Bao giờ cũng quý vương, mà tiên bá không khen Hoàn Bá, Văn Bá, lấy điều chính làm cái thê thức xét người.

Lục Thuần - Công Dương bảo sao xây thành nước Kỷ, vì Kỷ bị diệt. ai diệt, nước Từ và nước Cư hiếp bức. Nay xét năm sau Sở phạt Từ, chư hầu cứu Từ thì lời Công Dương bàn nhầm thấy rõ ngay

Xét - Cái thuyết chuyên phong của Công Dương, chỉ áp dùng được cho Sở Khưu. Xét Vệ đã bị diệt, còn như Hình, là tự ý thiên, cho nên không dùng đến chữ chuyên phong được. Kỷ chưa thường bị diệt thì lại càng không nói đến phong được, Công Dương nói Ky bị diệt Cử và Từ hiếp bức mà sao không chép Từ Cử hiếp bức là kiêng cho Hoàn Công, Công Dương nói thế là không phải. Kỷ là vào hàng "Tam Khác tức là nước Trần, Kỷ, Tống, dòng dõi các đời vua Ngu, Hạ, Thương. Nếu quả thật bị Từ, Cử diệt thì Xuân Thu cũng kiêng cho Hoàn. Cũng như Hình, Vệ, chép "phạt", chép "vào" sao lại được gồm bó hết cả đến vết tích.

夏六月季姬及鄫子遇于防使鄫子來朝

HẠ LỤC NGUYỆT, QUÝ CƠ CẬP TĂNG TỬ NGỘ VU PHÒNG, SỬ TĂNG TỬ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, QUÝ CƠ CÙNG TĂNG TỬ GẶP Ở ĐẤT PHÒNG, QUÝ CƠ BẢO TĂNG TỬ LẠI CHẦU

Nước Tăng ơ huyện Lang Gia, Công Thị viết ra chữ 繒

Ta - Tăng Quý Cơ về thăm. Công giận giữ lại, lấy cớ Tăng Tử không chầu. Mùa hạ, Quý Cơ gặp Tăng Tử ở đất Phòng, bảo tới chầu.

Công - Tăng Tử sao lại Quý Cơ lại chầu. Sử Lỗ chép, Không phải sai lại chầu, mà sai lại xin cho mình.

Cốc - Gặp tức là có cùng mưu. Lại chầu là lại xin cho mình. Chầu thì không chép là sai. Chép là sai thì không được là chính để chê Tăng Tử.

Xét - Quý Cơ cùng Tăng Tử gặp, mà Hi Công (Lỗ) không

cấm. Bảo Tăng Tư chầu mà Tăng Tử nghe ngay. Tất ca đều là thất lễ, cho nên Xuân Thu không chép để chê. Hồ Truyện bảo Hi Công yêu con gái cho tư ken chồng. Thuyết ấy vốn từ Cốc. Công rồi các chư nho cứ theo thế, thì lầm quá lắm. Hi Công là vua hiền nước Lỗ mà Thanh Khương được tiếng là vợ hiền. đâu có chuyện nghe con gái tự kén chồng. Hoặc cho rằng Quý Cơ không ở Tăng, quả là con gái chưa chồng, không biết rằng Tăng Tử không lại chầu mà rồi Công giận tuyệt giao. Thấy lại chầu, thì Công lại cho cùng về, cho nên khi gặp, khi về, đều không hệ thuộc vào nước Tăng. Nếu như quả là lại chầu để xin cưới thì sau việc chầu tất phai có lễ nạp tệ, lễ đón dâu. Cớ sao Kinh chẳng thấy nói gì đến. Phạm Ninh ngờ Cốc và Công bàn không đúng mà cho lời giải của Tả Thị là còn hợp nhân tình và còn có chỗ tin được. Hồ Thị lại nói về Mạnh Quang Bá Loan không mất đường chính dù gặp cảnh biến, thế thì những lãng mạn vượt lễ nghi về sau còn dạy được ai. Nay phải chuyên theo Tả Thị còn thuyết "sai tới xin cho mình" của mọi kẻ bàn khác đều bỏ đi.

秋八月辛卯沙鹿崩

THU BÁT NGUYỆT, TÂN MÃO, SA LỘC BĂNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY TÂN MÃO, NÚI SA LỘC BĂNG

Tả - Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Mão, núi Sa Lộc băng, Tấn Bốc Yển Yển nói: Đến hết năm có nạn to, khéo mất nước.

Công - Ấp Sa Lộc ở Hà Thượng, một tập ấp (được truyền dõi con cháu) Băng sao lại chép. Vì là việc lạ. Việc ở nước ngoài đáng lẽ không chép. Đây chép vì là việc lạ trong thiên hạ.

Cốc - Trên núi có rừng thì gọi là Lộc. Sa là tên núi. Không có đường lối để băng mà lại băng, cho nên chép, là trong một việc biến.

Hồ Truyện - Sa Lộc là đất nước Tấn. Kinh Thi có câu: Trăm sông sóng dạy, lăng tẩm lở băng, ý nói nhà Tây Chu sắp mất. Chép Sa Lộc băng ở trên, chép bắt được Tấn Hầu ở dưới, tuy không chỉ rõ là các việc đều ứng nhau, nhưng việc vẫn cứ ứng.

Đó là Xuân Thu sợ, sự vật trái thường đôi ra lạ khác, để khiến cho người ta sợ hãi mà tu tỉnh. Cách răn dạy như thế là rõ.

Lưu Sưởng - Công Dương bao Sa Lộc là ấp trên Hà Thượng. Công Dương sai. Sa Lộc là tên núi, dù không có chữ núi, cũng như trong sách Vũ Cống, núi Đông Bách, núi Tỉnh Thạch đâu có chữ núi. Không như những chữ Kinh Sơn, Mân Sơn, thì biết ngay là núi.

Xét - Công Dương bảo Sa Lộc băng, vì thiên hạ mà chép điềm lạ. Hồ Truyện năm Thành Công thứ 5, núi Lương Sơn băng thì theo thuyết Công Dương mà ở đây thì lại chỉ theo lời giải trong Ta Truyện, cho là điềm gở nước Tấn. Há có phải Lương Sơn to thì ứng cho cả thiên hạ, mà Sa Lộc nhỏ thì ứng vào một nước, há có phải thế đâu. Điều cốt yếu là khi có tai dị, thì cả Thiên Tử lẫn chư hầu, đều phải quy cữu vào mình. Có một nước thì lo cho một nước, có thiên hạ thì lo cho thiên hạ. Cho nên ta dùng cả hai thuyết.

狄侵鄭

ĐỊCH XÂM TRỊNH

NƯỚC ĐỊCH XÂM NƯỚC TRỊNH

Trương Hiệp - Rợ Địch nhiều lần phạm vào các chư hầu ở Kỳ nội (gần kinh đô nhà Chu) thế mà Hoàn Công không hay trị được. Từ khi vào Vệ phạt Hình, diệt Ôn đến ngày nay, nghiệp Bá yếu dần, mà vương thất suy kém. Chư hầu chịu họa bao nhiêu là Tề Hoàn lười nhác bấy nhiêu.

冬蔡侯肸卒

ĐÔNG, SÁI HẦU HẤT TỐT

MÙA ĐÔNG SÁI HẦU, TÊN LÀ HẤT, MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông Tần đói sai sang Tấn đong thóc. Tấn không cho. Khánh Trịnh nói, bội ân thì không ai gần. Mừng người ta bị tai họa bất nhân. Tham muốn là bất tường.

Gián người láng giềng là bất nghĩa. Bốn đức đều không có, đều mất ca, lấy gì mà giữ nước. Quắc Xạ nói: Da đã không còn thì lông bám vào đâu (Ý nói khinh Tân). Khánh Trịnh nói: Bỏ điều nghĩa, bội người gần, khi hoạn nạn ai cứu cho. Không có tín thì hoạn sinh. Mất viện trợ thì tất chết. Mừng thấy tai họa thì dân bo. Gần cũng sinh thù, huống là ke địch đang có tâm oán. Vua không nghe, Khánh Trịnh lui nói: Vua rồi sẽ hối.

Cốc - Chư hầu chết chỉ là chép tốt. Là có ý ghét.

Năm Bính Tý. Tương Vương năm thứ 7.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tề Hoàn năm thứ 41. Tấn Huệ năm thứ 6. Vệ Văn năm thứ 15. Sái Trang Công Giáp Ngọ năm đầu. Trịnh Văn năm thứ 28. Tào Cung năm thứ 8. Trần Mục năm thứ 3. Kỷ Thành năm thứ 10. Tống Tương năm thứ 6. Tần Mục năm thứ 15. Sở Thành năm thứ 27.

春王正月公如齊

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TỀ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG SANG TỀ

Trương Hiệp - Công năm thứ 10, chầu nước Tề. Năm nay lại chầu nước Tề. Đúng 5 năm một lần chầu. Đó là cùng với lễ chế đối với Thiên Tử.

Uông Khắc Khoan - Đỗ Dự bảo chư hầu hết 5 năm lại chầu nhau là lễ. Hà Hưu bảo hợp lối cổ, 5 năm một lần chầu là nghĩa. Cả hai đều bàn sai. Theo Chu chế, về bang giao, chư hầu có câu. mỗi đời vua chầu một lần, chứ đâu có phải năm năm một lần mới là hợp lễ.

楚人伐徐

SỞ NHÂN PHẠT TỪ

NGƯỜI SỞ PHẠT NƯỚC TỪ

Tả - Phạt Từ chỉ vì cơ, Từ là một nước ở chư hạ.

Quý Bản - Từ ở khoảng sông Giang, sông Hoài, mà cũng là nước có lợi cho Sở. Hi Công năm thứ 3 Từ cậy theo Tề, lấy nước Thư Thư là nước thân với Sở. Thư đâu có cam tâm phục Từ được.

三月公會齊侯宋公陳侯衛侯鄭伯許男曹伯盟于牡邱

TAM NGUYỆT CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, MINH VU, MẪU KHƯU

THÁNG BA, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, THỀ Ở MẪU KHƯU

Mẫu Khưu, tên đất khuyết, ở đông bắc huyện Liêu Thành có Mẫu Khưu hoặc thời Xuân Thu hội thề ở đấy chăng.

Tả - Thề ở Mẫn Khưu, là diễn lại thề ở Quỳ Khưu, và để cứu Từ.

Cốc - Đây là hội có quân đội tập hợp.

Trương Hiệp - Hội thề ở Quỳ Khưu, chư hầu đã theo mệnh rồi. Đây là vì thấy người Sở đánh Từ, mà hợp chư hầu tức là vua chư hầu đánh Sở, cứu Từ thì còn được. Nay lại họp, lại thề, là vì có chư hầu không còn nhất tâm nữa đã sinh nhị tâm rồi. Thế có phải là Bá chủ đã biếng nhác về ý cứu tai giúp nạn, mà nhân tâm không còn sốt sắng như cũ chăng. Càng thề nhiều thì loạn càng sinh. Tâm khi thịnh khi suy, mà nghiệp Bá cũng theo khi thịnh khi suy, cho nên đặc biệt chép hội thề Mẫu Khưu. Tâm Bá chủ, tâm chư hầu đều sinh ngần ngại rồi, còn giúp Từ sao được nữa, đoán ra rõ ngay.

遂次于匡

TỤY THỨ VU KHUÔNG

RỒI ĐÌNH QUÂN TẠI KHUÔNG

Khuông ở đất Vệ.

Cốc - Rồi là việc kế tiếp. Đình là nghỉ, là có ý sợ.

Trần Phó Lương - Đã đi cứu thì không còn có đình. Thế là không có chí cứu.

公孫傲帥師及諸侯之大夫救徐

CÔNG TÔN NGAO SUẤT SƯ CẬP CHƯ HẦU CHI ĐẠI PHU CỨU TỪ

CÔNG TÔN NGAO CẦM QUÂN CÙNG CÁC ĐẠI PHU CHƯ HẦU CỨU TỪ

Chữ "cầm quân" Công Thị viết là "gióng giả" (suất).

Tả - Mạnh Mục Bá cầm quân cùng chư hầu cứu Từ. Chư hầu đình tại Khuông để đợi Mạnh Mục Bá.

Cốc - Khen việc cứu Từ.

Tôn Phục - Chép là đình, chép là cứu là chê chư hầu chậm chạp về việc đi cứu nạn. Chư hầu đã cùng ước cứu Từ, mà lại sai đại phu đi, thế đủ biết ý muốn hoãn việc cứu nạn.

Trần Phó Lương - Hoàn Công hợp quân tám nước để cứu Từ, mà lại sai đại phu làm chủ tướng. Hoàn chí đã hoang mang không muốn tranh với Sở cho nên mới thế. Có chư hầu mà sai đại phu thế, khởi thủy ở đất Kê Trạch, đời Điệu Công.

夏五月日有食之

HẠ NGŨ NGUYỆT NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA HẠ, THÁNG 5, NHẬT THỰC

Tả - Không chép sóc, không chép ngày, sử thiếu sót.

秋七月齊師曹師伐厲
THU, THẤT NGUYỆT TỀ SƯ, TÀO SƯ PHẠT LỆ
LỆ LÀ MỘT NƯỚC THÂN VỚI SỞ

Mùa thu, tháng bảy, quân Tề, quân Tào phạt nước Lệ.

Tá - Mùa thu, phạt Lệ để cứu Từ.

Trương Hiệp - Theo binh pháp, đánh một nước, nước ấy tất được cứu. Lệ ở khoảng Từ và Sở. Đánh Lệ, Sở tất tới cứu, tức là đánh Lệ để giải vây Từ. Tuy nhiên, tiếp việc đó, Sở đã đánh cho Từ thua ở Lâu Lâm, thì Lệ ở trong hoàn cảnh bắt tất phải cứu. Năm sau không cứu được Từ rồi về. Huống chi đồng minh lại không đồng tâm mà Tống thì đã đánh đồng minh là Tào.

Khương Bảo - Chư hầu chí đã lười nhác không muốn có việc phiền tới. Tào Cung lại là, Tề giúp lên ngôi. Cho nên chỉ có một mình lao lực thôi.

八月螽
BÁT NGUYỆT CHUNG
THÁNG TÁM, CÓ NẠN SÂU CHUNG

Cốc - Chung là nạn sâu. Hại to thì hàng tháng, hại nhỏ thì hàng mùa.

九月公至自會
CỬU NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI
THÁNG CHÍN, CÔNG TỰ HỘI VỀ

Hội với Hoàn Công, không chép lúc về, đây chép là vì hội lâu.

Cao Kháng. Chép từ hội về, khởi thủy ở đây Xuân Thu chép ở hội về phàm 27 lần. Công từ tháng giêng sang Tề. Nhân mà hội thề, mà đàn quân ở nước ngoài, đã quá ba mùa, rồi chép là tự hội về, thế biết ngay là cứu Từ vô công.

季姬歸于鄫

QUÝ CƠ QUY VU TẮNG

QUÝ CƠ, VỀ NƯỚC TẮNG

Tô Triệt - Tắng Tử đã chầu mới cho Quý Cơ về. Vì thế chép về Tắng.

己卯晦震夷伯之廟

KỶ MÃO, HỐI, CHẤN DI BÁ CHI MIẾU

NGÀY KỶ MÃO, CUỐI THÁNG, SÉT ĐÁNH MIẾU DI BÁ

Tả - Sét đánh miếu Di Bá là trị kẻ có tội. Mới biết họ Triển Thị có điều xấu xa bí ẩn.

Công - Hối là tối. Sét đánh điện, đánh vào miếu. Miếu Di Bá là miếu của họ Quý mới được thành lập cho họ. Thế tức là họ hãy còn nhỏ, kém, mà sao đã được gọi là Di Bá. Là để quan trọng hơn, vì trời đã phải răn trừng. Chép là cần chép một việc lạ.

Cốc - Hối là tối. Sét là điện. Di Bá là đại phu nước Lỗ. Nhân chuyện đó ta thấy rằng từ Thiên Tử đến kẻ sĩ đều có miếu, Thiên Tử bảy miếu, chư hầu 5. Đại phu 3. Sĩ hai. Đức dày thì lưu quang, là ánh sáng soi. Đức mỏng thì ty tiện, là truyền những sự ty tiện, thấp hèn. Lấy "Quý làm khởi thủy, là gốc của đức. Mới được phong, tức là làm tổ một họ.

Triệu Khuông - Công và Cốc đều nói hối là tối. Nay đọc sư, năm thứ 16, ngày Mậu Thân, ngày sóc, nước Tống có sao sa. Năm Thành Công thứ 16 ngày giáp ngọ, ngày hối, Tấn và Sở đánh nhau ở Yển Lăng. Đọc đoạn ấy thì biết có hai chữ sóc, hối, vậy hối đây là sóc hối. Theo thể lệ sử cũ, cần phải rõ ngày; gặp ngày sóc hối thì phai chép cả sóc hối để cho đúng lịch số. Trong truyện Cốc Lương năm Thành Công thứ 16 có câu: Việc gặp ngày hối thì chép hối sao ở đây riêng chữ hối lại cắt nghĩa là tối. Công Dương lại còn nói: Di Bá là khơi đầu họ quý thị,

còn là ty tiện, kém nhỏ, gọi là Di Bá cho to, cho quan trọng, vì trời phải để ý rằn. Xét, chê hay khen, nên xếp loại theo nghĩa lý, chứ đâu có vì được trời phạt mà thay đổi chữ nghĩa quá đến thế. Đại phu đã chết, thì không đôi chép tên, như truyện Nguyễn Trọng ta đã thấy rõ.

Lưu Sưởng. Tả Thị bàn rằng họ Triển có điều bí ẩn xấu xa. Như thế thì chữ Di là tên Thụy của họ Triển Tả Thị nói thế là sai lầm. Xuân Thu vốn là quốc sử nước Lỗ. Trước mặt vua thì gọi tên bầy tôi. Túng sử không thể gọi tên được, cũng phải gọi tự liền theo họ, chứ không gọi thụy mà lại bỏ họ. Trong Kinh có câu Táng Hoàn Vương không để liền chữ Chu vì Vương là bực chí tôn. Lại có câu: Tế Đế, Trang Công không để liền chữ Lỗ, vì quân là bực chí tôn. Chỉ có, hai bực Vương và quân đó là có thể để tước liền thụy. Còn ra, tuy là nước lớn, tất phải cho liền chữ thụy vào tên nước, để liền tụy với họ, để phân biệt tôn với ty. Tề Hoàn và Tấn Văn đều liền với tên nước. Nguyên Trọng và Cao Tử đều liền với họ (thị). Thần không có phép xưng thụy trước Vua được.

Xét. Trong cả bộ kinh Xuân Thu, chưa có chép tên thuỵ đại phu bao giờ. Nên theo Lưu Sưởng cho chữ Di là họ (thị).

冬宋人伐曹

ĐÔNG, TỐNG NHÂN PHẠT TÀO

MÙA ĐÔNG NGƯỜI TỐNG PHẠT TÀO

Tả. Đó là đánh kẻ thù oán cũ.

Hứa Hàn. Khởi thủy đồng minh mà đánh nhau. Tề Hoàn không biết ngăn.

Triệu Bằng Phi. Từ Tề Hoàn làm Bá đến đây là 30 năm. Chư hầu chưa có chuyện tự xâm phạt nhau, là vì phục Tề Hoàn vậy. Nay đức của Hoàn suy đồi. Người Tống đem binh tới Tào. Tuy không xét đến nguyên cớ đem binh đánh nhưng chư hầu đã nhị tâm, Hoàn không hay, không thể ngăn nổi được việc xâm phạt.

Gia Huyền Ông. Tống tương Công đương khi Tề Hoàn còn sống đã có tâm muốn làm Bá, vì thế, sau mới bắt vua Đằng, vây nước Tào, Xuân Thu chê.

楚人敗徐于婁林

SỞ NHÂN BẠI TỪ VU LÂU LÂM

NGƯỜI SỞ ĐÁNH BẠI NƯỚC TỪ Ở LÂU LÂM

Lâu Lâm đất nước Từ.

Tả. Sở đánh bại Từ ở Lâu Lâm. Từ chờ cứu binh.

Cốc. Đây chép các nước Di Địch đánh nhau.

Cao Kháng. Tề Hoàn họp nhiều nước chư hầu để cứu Từ, vốn có thừa sức, thế mà quân trong ba mùa đem đi, vô công rồi kéo về. Cho nên chép người Sở đánh bại nước Từ ở Lâu Lâm là để rõ tội.

十有一月壬戌晉侯及秦伯戰于韓獲晉侯

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, NHÂM TUẤT, TẤN HẦU CẬP TẦN BÁ CHIẾN VU HÀN, HOẠCH TẤN HẦU

THÁNG MƯỜI MỘT, NGÀY NHÂM TUẤT, TẤN HẦU CÙNG TẦN BÁ ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT HÀN, TẦN BẮT ĐƯỢC TẤN HẦU

Kinh Xuân Thu bắt đầu nói đến Tần.

Tả - Khi Tấn hầu về Tấn lên ngôi, Tấn Mục Cơ có ký thác trong nom Giả quân và thu nạp các Công Tử. Tấn Hầu về, thông dâm ngay với Giả quân, rồi đuổi hết các Công tử, vì thế Mục Cơ giận lắm. Tấn hầu hứa hối lộ cho bọn trung đại phu Tấn, rồi bội ước ngay. Hứa hối lộ cho Tần Bá biếu năm thành, đông đến nước Quắc, nam, đến Hoa Sơn, ở trong thì đến Giải Lương Thành, rồi cũng không biếu nộp. Tấn đói, Tần chở gạo sang cho. Tần đói, Tấn cấm bán thóc cho nên Tần Bá đánh Tấn. Bói được quẻ tốt. Qua sông. Xe vua hỏng. Tần Bá hỏi ý nghĩa. Đáp, thế

là đại cát. Ba lần đánh bại là bắt được vua Tấn. Quẻ gặp quẻ cổ. Có câu: Nghìn cỗ xe. Ba lần đi. Xong rồi bắt được hùng hồ. Theo quẻ. Cổ là vua. Hào Trinh của quẻ Cổ là gió. Hào hối là núi. Về thời gian là thu. Ta bỏ rơi quả cây để dùng gỗ cây. Thế là thắng Quả rơi, gỗ mất, còn đợi gì mà không thua.

Đánh được ba trận thì quân tới đất Hàn. Tấn Hầu bảo Khánh Trịnh rằng: Giặc đông lắm, làm thế nào. Đáp: Vua mà cho là đông thì làm thế nào. Vua không bằng lòng. Mới sai bói ai làm chức xa hữu. Bói được Khánh Trịnh. Vua không dùng. Rồi sai Bộ Dương cầm cương xe và Gia Bộc Đồ làm xa Hữu. Ngựa thì dùng ngựa tiêu tứ của nước Trịnh biếu khi trước. Khánh Trịnh nói: Cổ gia đánh nhau tất dùng ngựa nước mình đã quen thủy thổ mà biết ý người, đã được dạy tập quen đường lối, nghe theo, không bao giờ trái ý. Nay dùng ngựa lạ, để cho vào việc chiến, đến việc nguy thì sinh biến không theo lịnh khí huyết hung hăng mà bồng bột, ngoài trông tướng là hùng mạnh, mà trong thì kiệt quệ. Nhà vua mà dùng thì sẽ hối đấy. Vua không nghe. Tháng chín, Tấn Hầu đón đánh, sai Hàn Giản coi. Hàn Giản nói: Quân ít hơn quân ta, nhưng hăng hái hơn. Vua hỏi tại sao. Đáp: Khi vua ở nước Tần thì được giúp đỡ. Khi về lên ngôi lại được đưa về. Dân đói được thóc. Ba lần thi ân mà không được báo đáp. Vì thế, họ tới, khí thế rất mạnh, mà ta thì uể oải. Vua nói: Một người mà còn sợ thì cả nước ra sao. Mới sai khiêu chiến, báo vua Tần rằng: Tôi bất tài, họp quân được mà không giải tán được. Nếu nhà vua không lui quân thì tôi không bảo được quân tôi. Tần Bá sai Công Tôn Chí đáp: nhà vua chưa được làm thì tôi giúp. Làm vua rồi mà chưa yên thì tôi giúp. Nay muốn đánh nhau thì tôi đâu dám không theo mệnh. Hàn Giản lui nói: Ta mà may ra thì được tù. Ngày Nhâm Tuất đánh nhau ở đất Hàn Nguyên. Bên Tấn, xe vua bị xa lầy. Vua kêu gọi Khánh Trịnh, Khánh Trịnh nói: Không nghe can, không nghe nói, tự tìm đến bại, nay trách sao được. Nói rồi đi, Lương Do Mỹ cầm cương. Hàn Giản Quách Xa làm hữu Xạ, vây Tần Bá. Trịnh Khánh đi qua bảo đi cứu vua Tấn. Thế là để mất Tần Bá. Rồi Tần bắt được Tấn Hầu đem đi. Các đại phu bỏ gươm cúi đầu theo sau. Tần bá sai bảo họ rằng: Các ngươi đừng lo. Ta đem vua Tấn

về để xóa bo các lời vua nói trước, chứ ta không làm gì quá đâu. Đại Phu Tấn rập đầu thưa: Hoàng thiên, hậu thổ chứng dám câu nói nhà vua, chúng tôi phận hèn kém được nghe tuân theo. Mục Cơ nghe Tấn Hầu sắp tới, mới cho Thế tử mặc đồ tang phục lên ở trên đài, xung quanh chất củi khô và có nói: Giờ ra tay khiến cho hai vua đáng nhẽ vui vẻ, mà đến nỗi chiến tranh. Ví như vua Tấn, sớm, tối, thì chiều, thiếp xin chết. Nếu chiều, tới, thì sớm, thiếp xin chết, xin nhà vua định liệu. Rồi Mục Cơ ở trên Linh Đài luôn.

Tần Bá họp các đại phu hỏi: Tấn Hầu bắt được rồi tha cho về, hay giết đi, cho xác về, các đại phu nghĩ sao. Người Tấn loạn thì ta phải nhiều lần phiền giúp, giời đất cầu ta. Không ngờ nước Tấn loạn, lại nhiều lần làm cho ta phải giận, ta lấy lại lời thì trái với trời. Nhiều lần giận thì khó kham nổi. Trái trời đất thì sinh bất tường. Thôi cho ta về. Công Tử Chí nói: Chi bằng giết đi khỏi thắc mắc. Tử Tang bàn: Cho về mà bắt phải gửi Thế Tử làm con tin, thế thì mọi việc đều xong. Tấn chưa nên diệt, mà giết vua thì mang tiếng ác. Vả lại sử có nói: Chớ gây họa. Chớ lợi dụng loạn. Chớ để giận nhiều lần. Giận nhiều lần thì không kham nổi. Lăn bức người ta thì sinh bất tường. Tần mới hứa cho Tấn hòa. Tấn hầu sai Khước Khất về bảo Lã Di Sanh rằng: Triệu tập dân, lấy mệnh vua cho dân biết, vua tuy rồi về nhưng nhục cho xã tắc lắm, phải cố giúp Thế Tử. Dân đều khóc. Tấn mới đặc ra ruộng viên điền (ruộng công đổi cho dân). Lã Di Sanh nói: Vua không đâu là không trông nom giúp đỡ. Quần thần đều lo cho dân. Ơn huệ đến thế là cùng. Vậy đối với vua là thế nào. Dân nói xin cho biết nên làm thế nào. Đáp, phải đóng thuế, phải soạn đồ giáp binh để giúp Thế Tử. Chư hầu nghe thấy đã mất vua mà vẫn còn có vua, quần thần thì hòa mục, giáp binh thì đầy đủ, thế thì kẻ yêu ta thêm khuyến khích, kẻ ghét ta phải lo sợ, thế mới có ích. Dân vui mừng, Tấn bấy giờ mới đặc ra đội quân châu binh (từng châu quận có quân bầu người cai quản). Xưa Tấn Hiến Công cho bói việc gả Bá Cơ sang Tần gặp hào Khuê trong quẻ Qui Muội, Sử Tô bói nói rằng không tốt. Ca dao có nói, kẻ sĩ mổ dê, không được huyết. Con gái cất dỏ không được lợi. Xóm bên tây trách

không thể đến được. Khuê trong quy muội như là không được giúp. Ly của Chấn, cũng như là Chấn của Ly làm sấm, làm lửa, làm cho Doanh (họ) bại được Cơ (họ). Xe đã rời mất trục, lửa đốt cháy cờ. không lợi về việc hành quân. thua ở Tôn Khưu, Quy muội Khuê, cô độc, cung nỏ giặc đã giương lên. Cháu theo cô, sáu năm, ẩn nấp. Trốn lén về nước, bỏ cả vợ con, năm sau chết ở gò Cao Lương. Đến khi Huệ Công ở Tần, có nói: Tiên quân ví thử nghe lời đoán của Sử Tô, thì ta không đến nỗi thế này. Hàn Giả thưa: Bói rùa chỉ là tượng bói dịch chỉ là số. Vật sinh rồi mới có tượng. Có tượng rồi mới có nuôi. Nuôi rồi mới có số. Tiên quân mà bại đức thì có kể đến số được không. Lời đoán của sử Tô nghe làm gì vô ích. Thi có nói, cái mầm ác của dân, không phải trời tự sinh. Gây sự hỗn loạn, thù ghét, là do người.

Tháng mười, Tấn. Ấm Di Sanh, hội Tần Bá thề ở Vương Thành. Tần Bá hỏi: Nước Tấn có hoà không. Đáp; Không hòa. Kẻ tiểu nhân lấy việc mất vua làm xấu hổ, mà thương tiếc họ hàng bị chết trận, không ngại chiến tranh để lập công tử Ngữ lên ngôi. nhất định báo thù dù có phải kết liên với Nhung Địch. Người quân tử thì yêu vua biết tội, không ngại chiến tranh, cốt cho vua trở lại ngôi, cốt báo ơn Tần, dù chết không hai lòng. vì thế thành bất hòa. Vua Tần hỏi, nước nghĩ vua thế nào. Đáp: Kẻ tiểu nhân thì thương, cho là vua tất chết, người quân tử thì suy bụng mình xét bụng người, cho là vua tất được về. Tiểu nhân nói: ta hại Tần, Tần đâu có tha vua. Quân tử thì nói, Tần tất tha vua. Vì phản bội cho nên bị bắt, đã biết tội thì được tha. Tha cho thì đức cao. Giết đi thì uy lớn. Phục Tần là phục đức. Phản Tần là sợ Hình. Hoặc phục hoặc sợ, đều là một việc. Tần vì đó sẽ Bá chủ. Đã nhận là vua lại không cho yên vị. Phế mà không lập lại, lấy ơn làm oán, Tần đâu có thế. Vua Tần nói: Ta cũng nghĩ thế. Mới cho vua Tấn ra công quán. ăn uống theo địa vị chư hầu.

Nga Tích bảo Khánh Trịnh rằng: Có bỏ nước đi không. Đáp: Làm cho vua phải thua. Thua mà không chết, lại để cho vua phải xoá bỏ pháp luật thì đâu có phải là bầy tôi. Bầy tôi đã không ra bầy tôi thì còn đi đến nước nào được. Tháng mười một, Tấn hầu về nước, ngày Đinh Sửu giết Khánh Trịnh, rồi sau mới

vào nước. Năm đó, nước Tấn lại đói, Tần lại phải cho lúa. Vua Tần có nói: Ta oán vua, nhưng thương dân. Vả lại nghe nói, khi Đường Thúc được phong, Cơ Tử có bảo: Về sau, nước tất lớn. Tấn rồi ra có hi vọng, ta cứ vun trồng cây đức để đợi người tài. thế rồi Tấn mới chinh chiến phía đông sông Tấn, xếp đặt quan lại trông coi. Đến nước Quắc, là đến tận địa giới nước. Quắc Hoa Âm là Hoa Sơn. Giải Lương thành là huyện Giải Linh Đài. Ở đất Vu còn đại cũ nhà Chu. Gò Cao Lương ở đất Tấn. Âm là đất Là Di Sanh được ăn Lộc. Vương thành là đất Tần.

Công - Đây là lối thiên chiến, tức là hai quân đội ở hai nơi, rồi cùng hẹn một ngày, một nơi nhất định, tới đánh nhau. Sao không nói là quân thua tan, là vì đã nói vua bị bắt là đủ.

Cốc - Việc chiến ở đất Hàn, Tấn hầu đã mất dân, là vì dân chưa bị thua mà vua đã bị bắt.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo Tấn hầu mất dân là vì dân chưa bị thua, mà vua đã bị bắt, bảo thế là không phải. Phàm làm vua mà bị bắt, thì dù không mất dân, còn được điều gì gọi là hay. Cho nên sở dĩ Xuân Thu không chép quân thua tan vỡ, là cho rằng việc vua bị bắt đã là nặng nề lắm rồi.

Trần Phó Lương - Tần bắt được Tấn hầu đem về. Sao Kinh không chép chữ đem về. Là buộc tội Tấn hầu. Bắt được là danh từ dùng cho kẻ thất phu, thế thì chữ đem về không dùng được nữa.

Trác Nhĩ Khang - Đây là một cuộc chiến. Vì Tấn không đường đường, chính chính, Hàn thì ở đất Tấn. Thế là Tần phạt Tấn rõ ràng. Đã dùng chữ chiến thì hà tất phải chép chữ phạt. Vậy không chép Tần phạt Tấn, mà chép là đánh nhau, đó là lối văn chép lược.

XUÂN THU QUYỂN THỨ SÁU

Năm Đinh Sửu. Tương Vương năm thứ 8

十 有 六 年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16. LỖ HI CÔNG

Tề Hoàn năm thứ 42 Tấn Huệ năm thứ 7. Vệ Văn năm thứ 16. Sái Trang năm thứ 2 Trịnh năm thứ 29. Tào cung năm thứ 9. Trần Mục năm thứ 4. Kỷ Thành năm thứ 11. Tống Tương năm thứ 7 Tần Mục năm thứ 16. Sở Thành năm thứ 28.

春 王 正 月 戊 申 朔 隕 石 于 宋 五 是 月 六 鷁 退 飛 過 宋 都

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT MẬU THÂN, SÓC, VẪN THẠCH VU TỐNG NGŨ. THỊ NGUYỆT LỤC NGHỊCH THOÁI PHI QUÁ TỐNG ĐÔ

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG, NGÀY MẬU THÂN, SÓC, CÓ ĐÁ RƠI Ở TỐNG, NĂM HÒN. CÙNG THÁNG ẤY SÁU CON CHIM NGHỊCH, KHI BAY ĐI, BAY QUA, TỐNG ĐÔ.

Cốc Thị viết chữ nghịch là 鶂.

Tả - Năm 16, mùa xuân, rơi đá xuống Tống, đếm được năm. Đó là sao sa. Sáu chim nghịch bay qua Tống đô, đó là phong, là gió. Quan nội sư nhà Chu tên là Thúc Hưng tới sinh ở Tống. Tống Tương Công hỏi: Đó là điềm gì, cát hay hung. Đáp: Năm nay Lỗ nhiều đại tang. Sang năm Tề có loạn. Nhà vua thì sẽ

được chư hầu, nhưng không được đến trót. Khi lui ra ngoài, có nói với người ta rằng: Nhà vua không hiểu, đó là việc âm dương, chứ không có cát hung, vì cát hung là do nơi người. Ta trả lời vì không muốn trái ý.

Công - Sao lại chép chữ rơi trước, chữ đá sau. Rơi đá chép tiếng nghe thấy lách tách, trông ra là đá xét ra thì có năm. Sao lại nói tháng ấy, vì gần ngày. Sao không chép là ngày. Là vì ngày hối (cuối tháng) Xuân Thu không chép ngày hối. Sóc, có việc thì chép sóc. Hối tuy có việc cũng không chép hối. Sao trước chép sáu rồi sau mới chép nghịch. Thong tha nhận xét thì thấy bay lui đi. Năm đá sáu chim sao lại chép. Là chép việc la. Thường việc lạ nước người không chép. Đây chép là chép cho hạng vương giả thời sau.

Cốc - Chữ rơi trước, chữ đá sau, là tại sao. Có thấy rơi, rồi sao mới biết là đá. Ở Tống là ơ trong nước Tống. Con số chép sau là lời nói thêm, đếm dần, cốt tai nghe có đá. Tháng ấy, không chép ngày là thiếu sót ngày. Sáu chim bay lùi qua Tống đô, chữ sáu đứng trước là tụ từ, là hợp lại, lấy mắt coi. Đá vốn vật vô tri, chim còn là vật hữu tri. Đá vô tri cho nên chép ngày. Chim hữu tri cho nên chép tháng. Quân tử đối với vật không cẩu thả, có phân biệt, dù là đá, dù là chim, phải cẩn thận, thế đủ biết đối với người thì thế nào. Cho nên năm đá, sáu chim, mà không kể rõ thì vương đạo cũng không rõ. Đó là nơi dân chúng tụ tập.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: Chép tháng ấy tức là gần tháng ấy, không chép ngày là vì ngày hối. Bàn thế là sai. Hối và sóc là trời đã sẵn có. Bảo rằng Kinh Xuân Thu, giữ sóc, bỏ hối, thì có nghe được không. Còn Cốc Lương mà bàn rằng đá là vật vô tri, cho nên chép ngày, chim nghịch là vật hữu tri cho nên chép tháng, bàn thế là sai. Chép tháng thôi, là vì Tống không báo cáo ngày, giờ là cùng một ngày với năm hòn đá rơi, vì ngờ đó nên có phân biệt. Cốc Lương vốn cứ lấy tháng để bàn giải Kinh nên gán cho Thánh nhân để cho hậu thế tin, chứ thực đâu có thế.

Xét - Kinh chép (tháng ấy), không phải chỉ ngờ là cùng ngày. Hoặc gia chim nghịch bay lui, không phải chỉ trong có một ngày cho nên lấy chữ tháng ấy để nói đại khái thôi. Công Dương cho tháng ấy là ngày hối. Cốc Lương lấy thuyết vô tri, hữu tri để

chia tháng ngày, cả Cốc và Công đều sai. Lưu Sưởng nói là rõ, bác là phải.

三 月 壬 申 公 子 季 有 卒

TAM NGUYỆT, NHÂM THÂN CÔNG TỬ QÚY HỮU TỐT

THÁNG BA, NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG TỬ QÚY HỮU MẤT

Công - Sao gọi là Quý Hữu. Là vì hiền

Cốc - Đại phu chết, gọi là tốt là chính (chính danh). Gọi em của Công là Thúc, là Trọng, tức là người hiền. Đại phu mà không chép Công tử Công tôn, tức cho là hàng sơ.

Xét - Qúy Hữu, đánh nghịch, dẹp loạn, có công với nhà vua. Kinh chép, Công tư mà danh và tự cùng gọi. Cốc và Công cho thế là ý khen người hiền. Đúng như thế đấy. Năm Tuyên Công thứ 18, em Công là Thúc Hật mất, phép chép giống như chép Quý Hữu, Hữu thì có công với xã tắc, Hật thì có nhiều ân huệ. Cả hai ngang nhau. Vì Tuyên Công còn sống cho nên chép là em Công. Hồ Truyện cho là đương thời được ban họ, Bàn thế cung phải. Duy cùng bị chê với Trọng Toại, e không phải cùng một loại. Tuy nhiên, Qúy Tử thì trung hiền, Trọng Tử thì thí nghịch vậy tùy việc mà lời chép có khác. Lưu Sưởng dẫn Trọng Toại để bác Công Cốc, không biết rằng Trọng Toại mà mất, san bỏ chữ Công, tử không chép, là để chính đích cái tội thí nghịch, há có phải để so sánh với Quý Hữu đâu. Lại bảo rằng Trọng Thị giết Tử Xích, Quý thì đuổi: Chiêu Công đều là các bực Khanh gây nên họa thế là lấy Trọng Toại làm Trọng Tôn thị. Bảo thế lại càng sai.

夏 四 月 　 申 甑 季 姬 卒

HẠ TỨ NGUYỆT, BÍNH THÂN, TẮNG QUÝ CƠ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÍNH THÂN, TẮNG QUÝ CƠ MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ Tề phạt Lệ. Không được Cứu Từ rồi về.

Xét - Không chép lễ táng, là Lỗ không có dự. Hai Công giận Tăng Tử không tới chầu mình, mà giữ Quý Cơ lại. Đến khi Tăng Tư lại chầu mới cho Quý Cơ về, thế là oán chưa cởi hẳn cho nên táng không dự. Ví như quả thật là yêu con, sai tự kén chồng thì khi táng Quý Cơ, tất có lễ tới dự, Xuân Thu đặc biệt chép việc. Còn như Hồ Truyện, bàn là chép chết mà bỏ không chép táng, bàn thế không nghe được.

秋 七 月 甲 子 公 孫 玆 卒

THU THẤT NGUYỆT GIÁP TÝ, CÔNG TÔN TƯ TỐT

MÙA THU, THÁNG BẢY. NGÀY GIÁP TÝ, CÔNG TÔN TƯ MẤT

Phục lục Tả Truyện - Mùa thu, Địch xâm Tấn, chiếm đất Hồ Trù, đất Thụ Đạc, sang qua sông Phần tới đất Côn Đô, nhân cơ hội Tấn vừa bại trận Thiên Tử bị nạn nơ Nhung báo cáo với Tề. Tề triệu họp chư hầu để đóng quân giữ cho nhà Chu. Mùa đông tháng 11, ngày Ất Mão, Trịnh giết Tử Hoa, Hồ Trù, Thụ Đạc, và Côn Đô, là ấp nước Tấn.

Cốc - Đại phu chết, chép là tốt, là chính danh.

冬 十 有 二 月 公 會 齊 侯 宋 公 陳 侯
衛 侯 鄭 伯 許 男 邢 侯 曹 伯 于 淮

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, HÌNH HẦU, TÀO BÁ VU HOÀI

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, CÔNG HỘI TỀ HẦU, TỐNG CÔNG TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, HÌNH HẦU, TÀO BÁ TẠI ĐẤT HOÀI

Hoài là hai bên xứ Lâm Hoài

Tả - Tháng 12, hội ở Hoài, bàn việc Tăng và các xứ đông. Đắp thành cho nước Tăng. Phu dịch khó nhọc, có kẻ lên cao hô to: Nước Tề đang có loạn. Thế là chưa xong việc đắp thành, Tề phải kéo quân về.

Cốc - Hội này là hội quân đội

Năm Mậu Dần. Tương Vương năm thứ 9

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tề Hoàn năm thứ 43. Tấn Huệ năm thứ 8. Vệ Văn năm thứ 17. Sái Trang năm thứ 3. Trịnh Văn năm thứ 30. Tào Cung năm thư 10 Trần Mục năm thứ 5. Kỷ Thành năm thứ 12. Tống Tương năm thứ 8. Tần Mục năm thứ 17 Sở Thành năm thứ 29

春齊人徐人伐英氏

XUÂN TỀ NHÂN, TỪ NHÂN PHẠT ANH THỊ

MÙA XUÂN, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỪ PHẠT ANH THỊ

Tả - Mùa xuân, người Tề vị nước Từ, phạt nước Anh Thị, báo lại trận Lâu Lâm.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, Tấn Thế Tử là Ngữ, làm con tin ở Tần. Tần cho ở Hà Đông, gả con cho. Huệ Công khi còn ở nước Lương. Lương Bá gả con cho. Lương Doanh chửa quá tháng. Huệ Công sai Chiêu Phú với Kỳ Tử bói, Kỳ Tử nói sẽ sinh một trai một gái. Chiêu Phú nói: Phải con trai sẽ làm bầy tôi, con gái sẽ làm thiếp. Cho nên con trai đặt tên là Ngữ, con gái đặt tên là Thiếp. Khi Ngữ sang Tần làm con tin thì Thiếp đi làm Hoan nữ rồi.

Lưu Sưởng - Hà Hưu bàn: Gọi là thị là trước thời Xuân Thu, nước đã bị truất ngôi. Bàn thế sai. Anh Thị là một nước, là tên nước. Hoặc một chữ, hoặc hai chữ, ba chữ không giống như Giáp thị, Lê thị. Nay có huyện Uy T

.hị cũng có thể phong thành nước được thì có sao.

夏滅項

HẠ, DIỆT HẠNG

MÙA HẠ, DIỆT NƯỚC HẠNG

Tả - Mùa hạ, quân đội diệt nước Hạng. Trong hội ở đất Hoài, Công có việc như các chư hầu khác, chưa về mà đã chiếm được nước Hạng. Người Tề cho là vô cớ đánh, mới giữ Công lại.

Công - Ai diệt Hạng. Là nước Tề. Sao không gọi là Tề. Vì kiêng tránh cho Hoàn Công. Xuân Thu thường vì người hiền mà kiêng tránh. Vậy trong việc đi diệt nước người ta, có gì là hiền. Phàm người quân tử đã chê điều dở, thì ghét khởi thủy dở, đã khen điều hay thì vui ở kết quả hay. Hoàn Công thường vẫn đối với các nước, hễ đứt thì nối lại cho, hễ mất thì làm cho sống lại. Có công ấy cho nên tránh cho.

Cốc - Ai diệt Hạng. Hoàn Công. Sao không nói Hoàn Công. Vì là hiền cho nên kiêng tránh cho. Hạng là một nước không nên diệt. Nhưng không biết mình đừng nên diệt, thế mà đi diệt người ta thì còn gì là hiền. Quân tử chê điều dở, mà ghét khởi thủy dở, khen điều thiện mà vui ở kết quả. Hoàn Công thường có công nối lại nước đã dứt, dựng lại nước đã mất, cho nên người quân tử kiêng mà tránh cho.

Xét - Tả Thị bàn rằng Công ở hội Hoài chưa về mà đã diệt Hạng. Hồ Truyện cùng mọi chuyện khác đều theo lời bàn ấy từ lâu đời, thành ra thuyết ấy được cho là chính. Tuy nhiên, lấy lệ đắp thành Sở Khưu mà xét thấy lời bàn của Cốc Thị, Công Thị bảo là Tề diệt cứ như lý thì cũng thông đấy, còn như không chép chữ Tề là vì ngại nghĩa chữ Anh Thị. Mùa xuân diệt Anh Thị, mùa hạ diệt Hạng, cùng với năm Tương Công thứ 10, mùa xuân, hội ở đất Tra, mùa hạ diệt Bức Dương đều theo một thư pháp. Cho Hạng là do Lỗ diệt, thì sao không diệt Bức Dương cũng là do Lỗ. Nếu bảo ở câu này có chữ tụy, rồi thì ở câu kia chữ diệt nối chữ phạt, câu này lấy chữ diệt nối chữ hội, thì văn không bị lúng túng nữa. Sau hội ở đất Hoài, Tề lấy việc Hoài Di giao cho Lỗ chủ trương, mà tự do trách nhiệm cùng với người

Từ phạt Anh, diệt Hạng, cho nên Hi Công phải kinh lược lâu ngày, đến tháng chín mới về nước. Các thơ Phán, Thủy, Bí, Cung (Kinh Thi) đều nói đến công của Hi Công phục Hoài Di, há có phải toàn là không có sự thực đâu. Xét trong Thi Ca không thấy nói việc hành quân nam quốc. Có thể ở trong việc này cũng nên. Như Hồ An Quốc mà bảo rằng diệt Hạng là vì họ Quý Tôn thì sai. Đương thời đó, Quý Hữu đã chết, con của Hữu, (Vô Dật), không thấy chép là chết, trong Kinh, mà cũng chưa làm chức Khanh. Sau khi Hữu chết. Lỗ Khanh phụng mệnh mà đi đánh thì có, Công tử Toại, Thúc Tôn Đắc Thần, Công Tôn Ngao, có ba người mà thôi. Văn Công năm thứ 6. Hàng Phủ mới sang Tề thì Vô Dật chết. Hàng Phủ còn bé, đến khi lớn mới làm chức Khanh. Vậy chép là Quý Tôn và diệt Hạng là ai.

秋 夫 人 姜 氏 會 齊 侯 于 卞

THU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HỘI TỀ HẦU VU BIỆN

MÙA THU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ, HIỆN TỀ HẦU TẠI ĐẤT BIỆN

(Biện ở nước Lỗ).

Tả - Mùa thu, Thanh Khương lấy cớ, vì Công hội Tề Hầu ở đất Biện.

九 月 公 至 自 會

CỬU NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

THÁNG CHÍN, CÔNG TỰ HỘI VỀ

Tả - Tháng chín, Công về. Chép rằng tự hội về, hãy còn việc của hội chư hầu, nhưng tránh kiêng không nói.

Xét - Tề vì việc Hạng mà giữ Công. Thanh Khương hội với Tề Hầu xin cho Công về, vì thế. Tả Thị mới bàn rằng câu "tự hội về" là kiêng tránh cho Công, Cốc Thị cho là Tề diệt Hạng. Mà việc phu nhân hội ở đất Biện và Công tự hội về đều không thấy bàn. Hoặc bảo rằng Công vì diệt Hạng mà bị giữ, thì phu

nhân đáng phải xin ở nước Tề, chứ không tới Tề Hầu ở đất nước Lỗ. Công mà bị giữ rồi về thì đáng lý phải nói: tự Tề về, bất tất nói đến hội để sai sự thực. Bảo thế cũng nghe được.

冬十有二月乙亥齊侯小白卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT HỢI TỀ HẦU TIỂU BẠCH TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ẤT HỢI, TỀ HẦU TIỂU BẠCH MẤT

Tả - Tề Hầu có ba phu nhân: Vương Cơ, Từ Doanh, Sái Cơ, đều không có con. Nhiều thiếp được sủng ái như phu nhân thì có sáu người: Trưởng, Vệ, Cơ, sinh ra Vũ Mạnh. Thiếu Vệ Cơ sinh ra Huệ Công, Trịnh Cơ sinh ra Hiếu Công, Cát Doanh sinh ra Chiêu Công, Mật Cơ sinh ra Ý Công, Tống Hoa Tử sinh ra Công Tử Ung. Công và Quản Trọng có ký thác Hiếu Công cho Tống Tương Công, để cho nối ngôi. Bọn hầu hạ Tề Hoàn được Tề Hoàn yêu là Thụ Điêu. Trưởng Vệ Cơ mưu với Điêu xin Công lập con là Vô Khuy. Công cũng hứa cho. Sau khi Quản Trọng mất, năm Công tử đều xin lập. Mùa đông tháng 10, ngày Ất Hợi. Tề Hoàn Công mất. Dịch Nha vào cung cùng với Hoạn quan là Điêu, dùng bọn thị vệ thị nữ, giết hại các quan lại, rồi lập Khuy. Hiếu Công chạy sang Tống. Tháng 12, ngày Ất Hợi, cáo phó. Đêm ngày Tân Tỵ, khâm liệm.

Cốc - Ngày không được chính, ta thấy từ trước. Khi vào nước đã bất chính, cho nên ngày chết không chính.

Lý Liêm - Hoàn Công năm Lỗ Trang Công thứ 9 vào nước. Năm Trang thứ 13 mới dựng nghiệp Bá. Cho đến năm Lỗ Hi Công thứ 17, phàm 39 năm. Ngô Quân, Lý Thì có bàn: Vương đạo lưu hành, Hầu Bá thụ chức. Từ cổ chưa có Bá mà Tề Hoàn tạo ra Bá, thì Tề Hoàn là đầu tội. Thế mà có khi Xuân Thu khen Hoàn là tại sao. Bởi vì chê cái nghĩa nhưng cũng chép cái công. Công và nghĩa không che đậy cho nhau được, thì rồi sau. Điều hay điều dở của Bá mới hiểu rõ. Đại để đời Xuân Thu thịnh và suy có ba lần biến đổi. Hoàn Công khi chưa hưng thịnh, Hoàn

Công khi làm Bá, và Hoàn Công khi đã chết. Mỗi đời biến đổi mỗi khác. Vua (Thiên Tử) sai đến sính chư hầu mà chư hầu không chầu. Quân Thiên Tử đi chinh phạt mà vô công. Phàm chép Bá đi phạt là biết rợ Nhung phía bắc mạnh. Chép quân nước Sái thua là biết Kinh Sở ở phía nam mạnh, Trịnh chia đất nước Hứa Tống bỏ Trịnh tư (tự là con nối ngôi), Ky nhỏ mà ngang với Tề. Thành yếu mà bức hiếp Lỗ, những việc đó xảy ra trước khi Hoàn Công hưng thịnh. Những điều cấm kỵ của Thiên Tử được thi hành. Thiên Tử không phải tự hạ đi sính lễ chư hầu trong 60 năm, các hội thề, chư hầu không vì tư lợi tranh giành trong 30 năm, việc từ Thiệu Lăng trở đi mà Kinh Sở phải phục, dàn quân ở sứ Nhiếp Bắc mà rợ địch phải lui, biểu đồ được trận cho Lỗ mà rợ địch thôi không quấy nhiễu. Đó là thời Hoàn Công làm bá chủ. Thiên Tử ra ngoài nước mà quan Trấn Thủ không thăm hỏi, Vệ diệt họ gần mà không có nghĩa quân đi đánh Vệ. Sở chép là tước Tư mà làm chu hội thề. Địch chép là người mà tham dự hội thề. Đó là khi Hoàn Công đã chết. Tuy nhiên Hoàn Công chỉ là một người, mà thịnh suy biến đổi đến ba lần: Khởi thủy mưu Bá. Được nghiệp Bá. Và sau khi thành Bá. Các việc được thua đều khác nhau. Phạt Nghê, xâm Tống, pháp độ chư hầu chưa được nhất chí. Đánh Sái, xâm Trịnh, cái nạn rợ Nhung chưa được trừ hẳn. Diệt Toại, phục Chương, việc không được bền, xếp đặt vẫn nhiều loạn rối, hội Cốc, thề Vu quan sát chưa chịu, kiểm soát phòng bị không đứng đắn: Đó là các việc ở thời gian Hoàn Công mưu làm Bá chủ. Xét từ việc Quán Trạch trở đi, từ Quỳ Khưu trở về trước, các hội nghị, hội minh, trùng áo mà tới, không cần quân đội, không cần sáp huyết. Khổng Trọng Ni có khen là chính đạo. Mạnh Tử cho là thịnh trị. Trong mấy năm đó Hoàn Công đang sửa soạn nghiệp bá. Khi chín nước phản, mà càng ngày càng nhiều chuyện, Quản Trọng chết mà mực thước không còn. Xây thành kỳ được, mà xây thành Hình phải chê. Cứu Từ chậm mà cứu Hứa nhác. Phạt nước Hoàng thì phải lo ngại ngoại chiến. Hội đất Biện thì trong nhà sinh chuyện. Đó là thời kỳ sau khi Hoàn Công đã thành bá chủ. Nghiệm Xuân Thu ba lần biến đổi thì thấy. Hoàn Công bá chủ có công, một thân trai ba lần biến, thế thì công của Hoàn Công không được

lâu dài, tội lẫn công có thừa trừ. Nghiệp Bá về sau, của Tề, có thể biết kết quả được.

Lả Bản Trung - Trong không có lối học thành ý, chính tâm, và chính cho vua. Chỉ gấp theo đuổi về có lợi, về có công. Cho nên cuối đời năm con vua nổi loan, thế là có thủy không chung, mà gia pháp thành bất chính.

Năm Kỷ Mão Tương Vương năm thứ 10.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tống Tương năm thứ 9. Tề Hiến Công Chiêu năm đầu. Tấn Huệ năm thứ 9. Vệ Văn năm thứ 18. Sái Trang năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 31. Tào Cung năm thứ 11. Tần Mục năm thứ 18, Sở Thành năm thứ 30.

春王正月宋公曹伯衛人鄒人伐齊

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỐNG CÔNG TÀO BÁ VỆ NHÂN, CHÂU NHÂN PHẠT TỀ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, TỐNG CÔNG, TÀO BÁ, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI CHÂU PHẠT TỀ

Dưới chữ Tống Công, Công Thị có chép chữ hội.

Tả - Tống Tương Công họp chư hầu phạt Tề. Tháng ba, người Tề giết Vô Khuy.

Phụ lục Tả truyện - Trịnh Bá bắt đầu đến chầu nước Sở. Sở Tử ban cho vàng. Cho rồi lại hối. Khi cùng thề có nói: Chớ lấy dùng đúc đồ binh. Cho nên Trịnh dùng đúc ba cái chuông.

Cốc - Không phải vì nước có tang mà phạt.

夏師救齊

HẠ SƯ CỨU TỀ

MÙA HẠ QUÂN (QUÂN LỖ) CỨU TỀ

Cốc - Khen việc cứu Tề

五月戊寅宋師及齊師戰于甗齊師敗績

NGŨ NGUYỆT, MẬU DẦN, TỐNG SƯ CẬP TỀ SƯ, CHIẾN VU NGHIỄN, TỀ SƯ BẠI TÍCH

THÁNG NĂM, NGÀY MẬU DẦN, QUÂN TỐNG CÙNG QUÂN TỀ CHIẾN TẠI ĐẤT NGHIỄN, QUÂN TỀ TAN VỠ

Nghiễn là đất nước Tề.

Tả - Người Tề định lập Hiếu Công, nhưng không thắng được đồ đảng của bốn Công tử, rồi cùng người Tống chiến. Mùa hạ tháng năm. Tống đánh bại quân Tề ở đất Nghiễn. Lập Hiếu Công rồi kéo về.

Công - Đánh nhau thì không nói là phạt. Đây dùng chữ phạt tại sao. Vì Tống Công dự phạt chứ không dự chiến, cho nên nói phạt. Xuân Thu có khi kẻ bị phạt làm chủ, thì kẻ đi phạt làm khách. Tại sao không cho Tề làm chủ. Là khen Tương Công về việc chinh Tề. Khen vì khi Hoàn Công chết Dịch Nha, Thụ Điêu tranh quyền. Không táng. Vì thế mới bị phạt.

Cốc - Đánh nhau thì không nói là phạt. Khách thì không chép là (cập). Đây dùng chữ cùng là chê Tống.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo sao không để Tề làm chủ là để khen Tương Công về việc chinh Tề. Công Dương bàn thế là sai. Tấn Khước Khắc, cùng Tề Hầu đánh nhau ở đất Án. Liệu có thể nói được rằng khen Tấn Khước Khắc chinh Tề không. Sao lại khác với việc Tấn.

狄救齊

ĐỊCH CỨU TỀ

NƯỚC ĐỊCH CỨU NƯỚC TỀ

Cốc - Khen việc cứu Tề.

秋八月丁亥葬齊桓公

THU, BÁT NGUYỆT, ĐINH HỢI, TÁNG TỀ HOÀN CÔNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY ĐINH HỢI, TÁNG TỀ HOÀN CÔNG

Tả - Mùa thu, tháng tám, táng Tề Hoàn Công.

冬刑人狄人伐衛

ĐÔNG, HÌNH NHÂN. ĐỊCH NHÂN PHẠT VỆ

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI HÌNH, NGƯỜI ĐỊCH PHẠT VỆ

Địch bắt đầu chép là người Địch.

Tả - Mùa đông, người Hình. Người Địch phạt Vệ. Vây Thỏ Phố. Vệ Hầu xin nhường ngôi cho bọn phụ huynh tử đệ, và nói với dân chúng rằng, ai hay trị được nước thì tôi xin theo. Dân chúng không nghe. Rồi sau, quân tụ tập ở đất Ti Lâu. Quân Địch kéo về.

Cốc - Sao Địch lại chép là người. Khen đã giúp có công mà nâng lên. Phạt Vệ cốt để cứu Tề. Công lao thì gần mà đức thì xa.

Xét - Cốc Lương cho rằng chép chữ người là khen việc cứu Tề. Hồ Truyện cũng theo ý đó. Nay đều theo ý đó. Duy có Lưu Sưởng dẫn nghĩa thiên Giác Cung, Kinh Thi, để trách nước Hình. Vậy phụ chép cả. Xét Vệ tuy đáng phạt, nhưng Hình thân với Vệ, không nên liên kết rợ Địch để đánh Vệ. Thế thì sao lại chép Địch là người Địch. Triệu Bằng Phi giảng: Địch mà chép người

Địch chỉ là một lời văn thôi. Cũng như Tương Công năm thứ năm ở hội Thích có chép người Ngô, người Tăng, chính là vì không thể chép "Ngô","người Tăng". Cho nên năm thứ 14, ở hội Hướng, lại thấy chép "Ngô", thôi. Nay Địch với Hình phạt Vệ, chép là người. Đến năm thứ 21, một mình Địch phạt Vệ, thì lại thấy chép Địch thôi.

Năm Canh Thìn, Tương Vương năm thứ 11.

十 有 九 年

THẬP HỮU CỬU NIÊN (LỖ HI CÔNG)

NĂM THỨ 19

Tống Tương năm thứ 10. Tề Hiếu năm thứ 2. Tấn Huệ năm thứ 10. Vệ Văn năm thứ 19. Sái Trang năm thứ 5. Trịnh Văn năm thứ 32. Tào Cung năm thứ 12. Trần Mục năm thứ 7. Kỷ Thành năm thứ 14. Tần Mục năm thứ 19. Sở Thành năm thứ 31.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Nước Lương muốn cho nước phú cường, đổi mới nhưng không thành. Nước Tần chiếm, năm thứ 19, rồi tới ở.

王 三 月 宋 人 執 滕 子 嬰 齊

VƯƠNG, TAM NGUYỆT TỐNG NHÂN CHẤP ĐẰNG TỬ, ANH TỀ

VƯƠNG, THÁNG BA, NGƯỜI TỐNG BẮT ĐẰNG TỬ LÀ ANH TỀ

Tả - Người Tống bắt Đằng Tuyên Công.

Trần Phó Lương - Bắt không nói đem về, đó là lời nói chưa mất nước. Nói là đem về, tức là nguy rồi, không được trở

lại nước. Cho nên đã bắt vua thì không gọi tên ra, khi được về rồi mới gọi tên. Bắt mà gọi Tào Bá, khi được về nước thì gọi là Tào Bá Tương. Bắt mà gọi là Vệ Hầu khi được tha về thì gọi là Vệ Hầu tên Trịnh. Còn như ở đây, bắt mà gọi tên là sao. Là mất nước rồi. Ngu Công mất nước thì không gọi tên là tại sao. Là Ngu Công tự vong (mất) rồi. Cái tội người Tấn là bắt vua người ta, chớ không là ở việc bắt. Lại chua thêm vào chữ "rồi mất nước", tức là cho rõ cái ý xưa vua Ngu tự mình vong mình.

Xét - Hồ Truyện bàn rằng khi Tề thịnh nhiều lần họp chư hầu, mà nước Đằng không dự. Khi Tống Tương theo gót, Đằng cũng lại không tôn kính nước lớn, đến bị bắt là có lý do vậy. Chép tên để rõ cái tội. Hồ Truyện bàn thế là sai. Tề Hoàn sáng nghiệp bá, từ hội Bắc Hạnh về sau, hội trùng áo đến dự, hoặc có cả quân đội đến dự, đều nhiều lần lắm. Đại quốc như Yên, Tấn, tiểu quốc như Tiết, Kỷ, Cử, Tang, Tiêu, Túc, Tiểu Châu đều vị thường có mặt. Thế thì có một nước Đằng không dự, sao lại đáng trách. Bảo rằng khi Tống Tương nối ngôi, Đằng cũng lại không tôn kính nước lớn, thế là Truyện không có bằng cứ, chỉ là ức đoán mà thôi. Vậy không căn cứ vào đâu được mà bàn như Hồ Truyện. Vậy thế tại sao Đằng Tử lại chép tên. Theo lễ thì chư hầu khi còn sống không gọi tên, khi mất nước thì gọi tên, tất là muốn biệt tìm ra tội. Thì chư hầu bị bắt có 13 trường hợp. Như Trịnh theo Sở, Cử theo Lỗ thì tội Trịnh, tội Cử, không thua gì Đằng mà sao không bị chép tên. Vậy chỉ có Trần Phó Lương là suy được ý thánh nhân. Còn Hồ Truyện mà buộc tội Đằng thì không chép.

夏 六 月 宋 公 曹 人 邾 人 盟 于 曹 南

HẠ LỤC NGUYỆT, TỐNG CÔNG, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN MINH VU TÀO NAM

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, TỐNG CÔNG, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, THỀ Ở TÀO NAM

Công Thị viết là người Tống.

鄫子會盟于邾
TẮNG TỬ HỘI MINH VU CHÂU
TẮNG TỬ HỘI THỂ TẠI CHÂU

Công - Sao lại chép là hội thề, là hội về sau.

己酉邾人執鄫子用之
KỶ DẬU, CHÂU NHÂN CHẤP TẮNG TỬ, DỤNG CHI
NĂM KỶ DẬU NGƯỜI CHÂU, BẮT TẮNG TỬ ĐEM TẾ

Tả - Mùa hạ Tống Công sai Châu Văn Công, đem lấy huyết Tắng Tử tế ở nền xã đất Thứ Thư, tế thần loại Đông Di. Tư Mã Tử Ngư nói: Cổ giả giống lục súc không dùng để tế lục súc, việc nhỏ không dùng đến tam sinh, huống chi lại dám dùng đến người. Tế tự là toàn vị người. Dân là gì. Là chủ của thần. Dùng người thì thần nào dám hưởng. Tề Hoàn Công làm cho ba nước đã mất được sống lại, được vào hàng chư hầu, thế mà hạng nghĩa sĩ còn kêu là Hoàn Công đức bạc. Nay trong một hội mà ngược đãi hai nước, rồi lại đem người làm thịt tế dâm thần, để mong dựng nghiệp Bá, thế thì khó lắm. Được chết, (đắc kỳ tử), là may rồi. Thứ Thư, tên sông, đời Hán là Lâm Nghi. Còn có Tùng Đình chính là nền xã Thứ Thư.

Công - Tế người ở đâu. Thế nào. Là cắt mũi lấy máu tế xã.

Cốc - Tắng là vua nước nhỏ. Châu nhân được Tắng cầu mình thề, thế rồi bắt luôn ngay người ta, cho nên chê. Chê mới chép ngày. Tế đây là cắt mũi lấy máu tế thần.

秋宋人圍曹
THU TỐNG NHÂN VI TÀO
MÙA THU, NGƯỜI TỐNG VÂY TÀO

Tả - Người Tống vây Tào. Đánh Tào nhưng không phục được. Tử Ngư nói với Tào Công rằng: Văn Vương nghe thấy Sùng Đức

làm loạn mới đánh. Quân ở ba tuần mà không hàng được, thế là lui, về sửa sang chính giáo, rồi lại đi đánh. Sùng Đức không giữ được thành lũy xin hàng. Kinh Thi nói: Hình áp dụng cho vợ, cho anh em, rồi đến trong nước. Nay đức của vua còn có chỗ khuyết. Mà đi đánh người ta có nên không.

Không có khuyết hãy nên hành động.

衛人伐邢
VỆ NHÂN PHẠT HÌNH
NGƯỜI VỆ PHẠT HÌNH

Tả - Mùa thu, người Vệ phạt Hình để báo lại việc Thỏ Phố. Thế rồi Vệ bị đại hạn. Bói các thần sơn, xuyên thì bị bất cát. Ninh Trang Tử nói: Xưa nhà Chu đói, đánh nhà Ân, rồi mà được mùa. Nay Hình vô đạo, cư Hầu không có Bá. Hoặc giả trời muốn báo Vệ đánh Hình chăng. Vua nghe theo đem quân đi, thì trời mưa (được mùa).

Lục Thuần - Đạm Tử nói: Hình mà vô đạo có đâu như Trụ. Vệ Hầu mà hiền đâu có sánh với Vũ Vương. Các lời nói đều là tán dương bậy.

冬會陳人蔡人楚人鄭人盟于齊
ĐÔNG, HỘI TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN, SỞ NHÂN TRỊNH NHÂN MINH VU TỀ
MÙA ĐÔNG, HỘI NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TRỊNH THỀ Ở TỀ

Công Thị viết thêm chữ Công hội. Đây là Sở bắt đầu thề với Tề.

Tả - Trần Mục Công xin giao hiếu với chư hầu để đừng quên đức của Hoàn Công. Mùa đông thề ở Tề là sửa soạn lại việc giao hiếu như với Hoàn Công xưa.

梁亡

LƯƠNG VONG

LƯƠNG MẤT

Tả - Lương mất. Không chép vua. Là tự mình làm cho mất. Xưa. Lương Bá thích xây cất, đắp thành, không cho dân làm ăn, dân nhọc không chịu nổi có nói rằng: Nếu có giặc thì cung điện thành rãnh ngòi. Tần sẽ đánh úp ta. Thế là dân sợ rồi tự tan. Tần mới chiếm lấy Lương.

Công - Thế là có bị đánh, bị phạt, mà chỉ chép là Lương mất, là tự làm cho mất, như vật mục nát rồi hỏng.

Cốc - Tự mình hỏng. Say mê tửu sắc. Tâm trí như mê loạn. Tai mắt lòa điếc. Ở trên không có kỷ cương. Ở dưới đại thần đều phản. Dân sinh trộm giặc. Thế là nước Lương tự mất. Làm khổ dân là đủ mất rồi, chứ chả cần nói đến tửu sắc. Nước Lương mất, Trịnh bỏ ngay việc quân. Lỗ ta không trách, chỉ việc chính danh từ thôi. Lương mất là vì thất chính. Trịnh bỏ về là người cầm đầu đáng chê trách.

Năm Tân Tỵ. Năm Tương Vương thứ 12.

二十年

NHỊ THẬP NIÊN

NĂM THỨ 20

Tống Tương năm thứ 11. Tề Hiếu năm thứ 3. Tấn Huệ năm thứ 11. Vệ Văn năm thứ 20. Sái Trang năm thứ 6. Trịnh Văn năm thứ 33. Tào Cung năm thứ 13. Trần Mục năm thứ 8. Kỷ Thành năm thứ 15. Tần Mục năm thứ 20. Sở Thành năm thứ 3.

春辛作南門

XUÂN, TÂN TÁC NAM MÔN

MÙA XUÂN XÂY DỰNG CỬA NAM MÔN MỚI

Tả - Chép là ý chê không đúng mùa. Phàm xây cất cần phải đúng mùa.

Công - Chép là để chê. Cửa có khuôn khổ riêng không đổi được.

Cốc - Tác là làm cho kích thước khác. Đây là chép: làm cho cũ thành mới, chứ không phải là tác, là đổi kích thước. Nam môn tức là pháp môn (là nơi để tuyên bố pháp luật mệnh lệnh).

夏郜子來朝

HẠ, CÁO TỬ LAI TRIỀU

MÙA HẠ CÁO TỬ LẠI CHẦU

Công - Cáo tử là ai. Là vua đã mất nước. Sao không gọi tên. Vì anh em loạn.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo là vua đã mất nước. Bảo thế là sai. Đã mất nước sao còn chép được là lại chầu. Chữ chầu chỉ dùng khi còn có nhà, còn có nước. Công Dương lại cho là nước Cáo bị diệt trước thời Xuân Thu đã được đến 90 năm rồi. Thế mà Cáo Tử mất nước đã ba đời rồi (90 năm là ba lần 30 năm, 30 năm là một đời). Nay lại còn làm lễ chầu là thế nào.

Trịnh Tiều - Cáo có hai nước Cáo. Năm Lỗ Hoàn thứ 2, có việc lấy đại đỉnh của nước Cáo, tức là của Bắc Cáo, ở Đan Châu, Thành Vũ, còn Cáo Tử lại chầu là Nam Cáo. Đan Châu có hai Cáo Thành.

五月己巳西宮災

NGŨ NGUYỆT KỶ TỴ, TÂY CUNG TAI

THÁNG NĂM, NGÀY KỶ TỴ, TÂY CUNG BỊ TAI (HỎA TAI)

Công - Tây cung là tiểu tâm. Gọi là tây cung, tức là còn có đông cung.

Lỗ Tử nói: Coi chữ tây cung thì biết chư hầu có tam cung. Tây cung tại là chép việc lạ.

Cốc - Gọi là tân cung tức là gần, cũng như là Nễ cung. Nếu thấy thụy hiệu mà gọi thì đã là xa. Đây chắc là Mẫn cung.

Hà Hưu - Theo lễ Phu nhân ở Trung cung, bé thì ở phía trước. Hữu đắng thì ở tây cung. Tả đắng thì ở đông cung, bé thì ở phía sau.

Tôn Giác - Tây cung là nơi Hi Công ở, vì ở phía tây Công Dương bàn là có chữ tây chắc có chữ đông, bàn thế đúng đấy. Cốc Lương cho là Mẫn cung. Xét Hi Công nối ngôi Mẫn Công, nếu thực của Mẫn cung thì có ngại gì mà không nói là Tân cung. Vì đã lâu rồi, có ngại gì mà không dùng chữ Mẫn cung.

鄭 人 入 滑

TRỊNH NHÂN NHẬP HOẠT

NGƯỜI TRỊNH VÀO NƯỚC HOẠT

Tả - Người Hoạt phản Trịnh mà phục tòng Vệ. Mùa hạ Trịnh Công Tử Sĩ đi dẹp giặc ở đất Đổ, rồi đem quân vào Hoạt.

秋 齊 人 狄 人 盟 于 刑

THU, TỀ NHÂN, ĐỊCH NHÂN MINH VU HÌNH

MÙA THU, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI ĐỊCH THỀ Ở ĐẤT HÌNH

Tả - Mùa thu, Tề, Địch, thề tại đất Hình mà bàn việc Vệ. Vì thế Vệ mới ghét Hình.

Cốc - Thế là Hình làm chủ động. Hình là nước nhỏ, sao có địa vị ấy. Vì chủ việc cứu Tề.

Xét - Tả Truyện cho là bàn việc Vệ loạn. Cốc Lương cho là chủ cứu Tề. Hai thuyết tương như khác nhau, sự thực vẫn là một. Vệ đang sợ Hình, cho nên Tề và Địch thề ở Hình để bàn việc. Mà Vệ sợ sĩ ghét Hình là vì Hình cứu Tề. Tống và Vệ đánh Tề khi Tề đang có tang. Hình hợp với Địch để cứu Tề. Thế là Hình chủ trong việc cứu Tề, cho nên nói được Hình làm chủ.

冬楚人伐隨

ĐÔNG, SỞ NHÂN PHẠT TÙY

MÙA ĐÔNG NGƯỜI SỞ PHẠT TÙY

Ta - Tùy lôi cuốn chư hầu phía đông sông Hán để phản Sở. Mùa đông, Sơ Đấu Cấu Ô Đồ cầm quân phạt Tùy, đánh lấy thành rồi về. Quân tư bàn: Tùy bị phạt là không biết lượng sức mình mà hành động. Được thua là do mình chứ có tại người đâu. Kinh Thi nói. Há có phai không biết ngày đêm, chỉ vì đường đi nhiều sương.

Phụ lục Tả Truyện - Tông Tương Công, muốn họp chư hầu. Tang Văn Trọng, nghe thấy có nói: Muốn theo người thì còn có thể được; muốn người theo ý mình thì khó mà nên việc.

Cốc - Tùy là nước Tùy.

Năm Nhâm Ngọ. Tương Vương năm thứ 13.

二十有一年

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 21

Tống Tương năm thứ 12. Tề Hiếu năm thứ 4. Tấn Huệ năm thứ 12. Vệ Văn năm thứ 21. Sái Trang năm thứ 7. Trịnh Văn năm thứ 34. Tào Cung năm thứ 14. Trần Mục năm thứ 9. Kỷ Thành năm thứ 16. Tần Mục năm thứ 21. Sở Thành năm thứ 33.

春狄侵衛

XUÂN ĐỊCH XÂM VỆ

MÙA XUÂN, ĐỊCH XÂM VỆ

Đỗ Dự - Vì việc nước Hình.

宋人齊人楚人盟于鹿上
TỐNG NHÂN, TỀ NHÂN, SỞ NHÂN, MINH VU LỘC THƯỢNG
NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI SỞ THỀ Ở ĐẤT LỘC THƯỢNG (ĐẤT NƯỚC TỐNG)

Tả - Mùa xuân, người Tống sửa soạn hội thề ở Lộc Thượng, mời Sở cùng chư hầu dự. Sở nhận lời, Công tử Mục Di nói: Mình nước nhỏ, tranh thu thề là có họa. Tống mất đến nơi, may ra chỉ thua thôi.

夏大旱
HẠ ĐẠI HẠN
MÙA HẠ, ĐẠI HẠN

Tả - Công muốn lễ đảo vũ, theo tục đốt người. Tang Văn Trọng nói: Thế đâu phải là phòng bị đại hạn. Xin sửa thành quách, bớt ăn mặc, khuyên việc nông công, đó mới là phòng bị. Nếu đốt người thì có được gì không. Trời mà muốn giết thì chỉ cần không cho sống. Nay đốt người chỉ thêm hại người thôi. Công nghe theo. Năm ấy tuy mất mùa mà không hại.

Công - Chép đây là chép một việc lạ.

Cốc - Hạn đây là đúng mùa.

Xét - Cốc Lương bảo hạn đây đúng mùa. Dương Thị nghe theo, bảo hạn là theo đúng lịch. Bảo thế là sai. Có phải đâu là việc trong một tháng mà nói thế. Kinh mà chép mùa hạ đại hạn, cứ theo thời đại hạn mà chép, há có cần chép từ bao giờ đến bao giờ, giả sử hạn vào khoảng giữa hai mùa, hoặc một mùa nào mà vẫn còn, thì thánh nhân phải chép thế nào.

秋宋公楚子陳侯蔡侯鄭伯許男曹伯會于盂執宋公以伐宋

THU. TỐNG CÔNG. SỞ TỬ. TRẦN HẦU. SÁI HẦU. TRỊNH BÁ. HỨA NAM. TÀO BÁ. HỘI VU CHẤP TỐNG CÔNG. DĨ PHẠT TỐNG

MÙA THU, TỐNG CÔNG, SỞ TỬ, TRẦN HẦU, SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỨA, NAM TÀO BÁ, HỘI TẠI VU, BẮT TỐNG CÔNG ĐỂ PHẠT TỐNG

Công Thị viết chữ 盂 ra chữ 霍. Cốc Thị viết ra chữ 雩 hoặc 爲

Sơ nay mới chép là Tử. Vu là đất Tống.

Ta - Mùa thu chư hầu dự hội Tống Công ở đất Vu. Tử Ngư nói: Việc này sinh họa chăng. Công tham muốn nhiều quá, ai chịu nổi. Thế là Sở bắt Tống Công để phat Tống.

Công - Ai bắt. Sở Tử bắt. Sao không chép là Sở Tử bắt. Là không muốn nói rõ người rợ bắt người Trung Quốc.

Cốc - Chữ dĩ là để (để phạt Tống) là chữ nặng, quan trọng.

Hồ Truyện - Bắt Tống Công chính là Sở Tử. Sao không chép là Sở Tử bắt. Là muốn chia cái tội cho tất cả chư hầu có mặt tại hội, khoanh tay mà nghe không ai dám trái. Còn gì là dùng về nghĩa. Vậy kể tên Sở Tử lên trên mọi chư hầu Trần, Sái, mà cùng bắt Tống.

Xét - Sơ tuy mạnh, có mạnh hơn Tần không. Năm nước họp lại, dâu có yếu hơn Triệu, thế mà ở hội Mân Trì, Lạn Tương Như, ý khí hùng mạnh, uy tín phục được địch quốc. Tần tuy là một nước dữ như hổ lang mà không dám đụng chạm đến. Thế mà ở đây, năm vua, năm nước không được đắc chí với rợ Kinh Sở. Tống thì ung dung đi xe tới hội. Sở thì sai phục binh xa để bắt. Tống thẳng mà Sở cong, ý nghĩa rõ ràng. Dù đến kẻ thất phu cũng biết thế, huống là vua một nước. Thường, Xuân Thu vẫn vì người hiền mà kiêng tránh. Thế mà đây Tống Công bị bắt, thì không được che đậy bớt đi vì sao. Vì minh chủ là

mot vị có chức vụ lập hợp các chư hầu, kìm hãm Kinh Sở, tôn vương thất. Tống Công, muốn nối sự nghiệp oanh liệt của Tề Hoàn, mà lại cùng Sở hội thề, há có phải đúng nghĩa tôn Vương thất đâu. Cho nên ở hội Lộc Thượng thì chép là Tống Nhân, mà ở hội Vu thì chép thẳng việc, không xén bớt, kiêng tránh, sở dĩ là để chê trách cho rõ.

Triệu Khuông - Vốn là Sở bắt mà lại nói là chư hầu bắt, là chê các chư hầu. Thân làm vua Binh mà nhiều, sức đâu có thiếu. Thế mà ngồi yên, coi Sở bắt vị minh chủ, cho nên chê trách Tống Công, đức không đủ, nghĩ không xa, đi họp chư hầu đến nỗi bị nạn, cho nên phải kết tội.

Thẩm Nhược Thủy - Tống Công là kẻ bất trí, Sở Tử là kẻ bất nghĩa. Năm vua trước là kẻ bất dũng. Tất cả đều đáng chê.

Xét - Sở bắt Tống Công, không chép là Sở Tử. Triệu Khuông cho là chê chư hầu. Hồ Truyện nhân ý ấy, nên đối với lời Công Dương thì có hơn. Tống Công bị bắt, năm nước ngồi nhìn không cứu. Cho nên Xuân Thu dùng lời văn là cả lũ cùng bắt, Nhược bằng Sở dùng lối uy hiếp, lối dối trá để tới nghiệp bá, chả chê thì cũng đã thấy rõ.

冬公伐邾

ĐÔNG, CÔNG PHẠT CHÂU

MÙA ĐÔNG CÔNG PHẠT CHÂU

Tả - Các nước Nhâm, Xúc, Tu Câu, Chuyên Húc, vốn họ Phong, dòng dõi Thái Hạo, cùng Hữu Tế, vốn phục tòng Trung Quốc. Người Châu diệt Tu Câu, Tu Câu Tử chạy trốn tới Lỗ, là nhờ Thành Phong. Thành Phong nói với Công (Lỗ Công): Tôn việc tế tự thần minh giúp đỡ cô quả, nhỏ yếu, đó là Chu lễ. Man Di quấy loạn Trung Quốc là Chu họa. Ví như Phong giúp Tu Câu, thế là tôn tế tự thần minh (Thái Hạo, Tế) mà trừ họa vậy. Thành Phong phu nhân nước Lỗ, con gái nước Tu Câu. Nhâm ở huyện Nhâm Thành. Tu Câu ở tây bắc huyện Tu Sương xứ Đông Bình. Chuyên Húc ở đông bắc huyện Vũ Dương, xứ Thái Sơn nam.

楚人使宜申來獻捷

SỞ NHÂN SỬ NGHI THÂN LAI HIẾN TIỆP

NGƯỜI SỞ SAI NGHI THÂN TỚI HIẾN ĐỒ LẤY ĐƯỢC CỦA ĐỊCH

Công - Đó là Sở Tử. Sao gọi là người Sở. Là chê. Vì bắt Tống Công. Tống Công cùng Sở Tử hẹn nhau đi xe đến hội. Công Tử Mục Di can: Sở là nước Di Địch, mạnh mà bất nghĩa, xin nhà vua đi hội mà cứ dùng binh xa. Vua nói không nên, ta đã hẹn cùng với vua Sở đi xe tới hội. Mình đã hẹn mà mình lại trái trước thì không nên. Thế là đi xe tới hội. Người Sở quả nhiên phục binh bắt Tống Công để phạt Tống. Tống Công bảo Công tử Mục Di rằng: Ngươi về đi, giữ lấy nước, nước là nước của ngươi. Ta không nghe lời ngươi mà đến nỗi này. Công tử Mục Di tâu: Nhà vua dù không nói chữ nước, tôi cũng biết, tôi là người Tống. Thế là về, xếp đặt quân đội để giữ nước. Người Sở bảo người Tống rằng: Các ngươi không đem nước cho ta, thì ta giết vua các ngươi. Người Tống sai đáp. Ta chỉ nghĩ đến thần linh, xã tắc, nước ta đã có vua rồi. Người Sở biết dù có giết Tống Công cũng chưa lấy được nước Tống. Thế là thả Tống Công ra. Tống Công được thả mới chạy sang Vệ. Công tử Mục Di lại nói: Nước là của nhà vua phải coi, tại sao nhà vua lại không về. Sau đó cho đi đón Tương Công về.

Của lấy được là lấy ở Tống, sao không nói rõ hẳn thế. Vì kiêng tránh cho Tương Công. Còn chữ Ngữ sao không chép. Là kiêng tránh cho Công tử Mục Di.

Cốc - Quân khí lấy được của địch tức là của Tống. Không chép rõ là không muốn cho Sở lấy của Tống.

十有二月癸丑公會諸侯盟于薄釋宋公

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT QUÝ SỬU, CÔNG HỘI CHƯ HẦU, MINH VU BẠC, THÍCH TỐNG CÔNG

THÁNG 12, NGÀY QUÝ SỬU, CÔNG HỘI CHƯ HẦU THỀ Ở ĐẤT BẠC, THẢ TỐNG CÔNG

Bạc, đất nước Tống.

Tả - Mùa đông, hội ở Bạc đề tha. Tử Ngư (Công tử Mục Di) nói: Họa chưa hết, chưa đủ răn vua.

Công - Đã bắt chưa hề nói tha. Đây sao nói thả. Là vì Công (vua Lỗ) xin cho. Cách nào, là hội chư hầu rồi cùng bàn.

Cốc - Trong hội, nước ngoài làm chủ. Nước ngoài không chép việc thả. Đây chép là vì có Công dự, và thể rõ việc. Không chép Sở vì không cho Sở được chuyên quyền thả.

Xét - Vua chư hầu bị bắt, mà chưa mất nước, thì khi về nước là chép cả tên. Chép rằng: Mỗ Hầu là tên Giáp về nước Mỗ. Ở đây không biên tên, mà lại cứ biên là được thả, bọn tiên nho chưa hiểu rõ nghĩa. Duy có Tô Triệt nói: Chép là về nước Mỗ mà chép tên là tự mình chép tên, chép rằng thả Tống Công mà lại chép cả tên là chư hầu gọi tên ra. Cùng là chư hầu cả, mà có thể gọi tên nhau ra hay sao, thuyết đó vu vơ lắm. Xét chư hầu khi sống không gọi tên, dù bị bắt rồi được về há có xưng tên để cáo với các vua chư hầu khác hay sao. Cho rằng chư hầu có tha cho chư hầu cùng vị tất lấy tên chư hầu bị bắt mà báo cáo cho đồng vị. Thế thì Tống Công được tha mà không gọi tên là tại sao. Đáp: Tào, Vệ, Trịnh bị minh chủ bắt, cho nên khi gọi tên ra. Tống Công bị rợ Kinh Sở bắt cho nên khi được thả không gọi tên ra. Đây có phải là nghĩa ý Kinh Xuân Thu chăng.

Năm Quý Mùi. Năm Tương Vương thứ 14.

二十有二年

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 22

Tống Tương năm thứ 13. Tề Hiếu năm thứ 5. Tấn Huệ năm thứ 13. Vệ Văn năm thứ 22. Sái Trang năm thứ 8. Trịnh Trang năm thứ 35. Tào Cung năm thứ 15. Trần Mục năm thứ 10. Kỷ Thành năm thứ 17. Tần Mục năm thứ 22. Sở Thành năm thứ 34.

春 公 伐 鄒 取 須 句

XUÂN, CÔNG PHẠT CHÂU THỦ TU CÂU

MÙA XUÂN, CÔNG PHẠT LẤY TU CÂU CỔNG THỊ VIẾT CHỮ 句 RA CHỮ 朐

Tả - Phạt Châu lấy Tu Câu. Cho vua trở về nước. Thế là có lễ.

Hồ Truyện - Xét Tả Thị nói Tu Câu là họ Phong dòng dõi Thái Hạo và Hữu Tế. Người Châu diệt Tu Câu, Tu Câu Tử chạy trốn sang Lỗ, nhờ Thành Phong. Công phạt Châu lấy Tu Câu mà cho Tu Câu Tử về. Xét như thế thì được đúng lễ, là tôn sùng tế tự và giúp đỡ kẻ yếu đấy. Thế thì sao lại chép là lấy (lấy Tu Câu). Không xin mệnh Thiên Tử, chỉ chuyên vì gia đình của mẹ mà báo oán, động đến can qua trong nước, tự chuyên lấy nước người, cho vua về. Thế là lấy loạn thay loạn, đâu có phải là lễ, có khác gì việc chiếm đoạt không.

Xét - Tu Câu bị Châu diệt. Công phạt Châu mà cho vua trở lại. Lưu Sưởng bàn rằng văn Xuân Thu không rõ. Rồi nghi Tả Thị nói vu vơ. Triệu Bằng Phi, Lý Liêm, Uông Khắc Khoan đều theo ý ấy, như là có lý. Tuy nhiên, về sử liệu, thì phải cần căn cứ vào Tả Thị, Hồ Truyện bàn rằng, không tâu xin mệnh Thiên Tử và tự chuyên báo oán cho nhà mẹ ý nghĩa thì thấy chính đáng, cho nên các lời đều ghi cả.

夏 宋 公 衛 侯 許 男 滕 子 伐 鄭

HẠ TỐNG, CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM, ĐẰNG TỬ PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, HỨA NAM, ĐẰNG TỬ PHẠT TRỊNH

Tả - Tháng ba, Trịnh Bá sang Sở, mùa hạ Tống Công phạt Trịnh. Tư Ngư nói: Họa rồi ở đó mà ra.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Bình Vương rời Kinh đô về Đông.

Tân Hữu khi đi qua Y Xuyên. thấy một người ăn mặc lối rợ, đang tế ơ ngoài đồng, nói rằng: Không quá trăm năm. nơi này thành rợ Nhung Địch, lễ nghi sẽ mất trước nhất. Mùa thu. Tần và Tấn thiên dân rợ Lục Hồn đến Y Xuyên.

Tấn Thế tử Ngữ. làm con tin ở Tần, sắp trốn về nước bao vợ là Doanh Thị cùng về. Vợ đáp: Thế tử nước Tan bị nhục ở nước Tần, muốn về là phải. Quả nhân đây sai thiếp hầu hạ Thế tử là muốn giữ Thế tử. Nay theo về là trái quân mệnh không dám theo nhưng cũng không dám mách. Ngữ trốn về.

Phú Thần nói với vua (Thiên Tử) rằng: xin Triệu Thái Thúc, Kinh Thi có nói, hòa hiệp với lân bang, Khổng hôn nhân nói. đến anh em ta mà còn bất hòa, thì trách gì chư hầu bất mục. Thiên Tử bằng lòng. Vương Tử Đái tự Tề được về Kinh sư, là Thiên Tứ triệu về.

Y Xuyên là đất nhà Chu tức là Y Thủy,

秋 八 月 丁 未 及 邾 人 戰 于 升 陘

THU BÁT NGUYỆT ĐINH MÙI, CẬP CHÂU NHÂN CHIẾN VU THĂNG HÌNH

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY ĐINH MÙI, CÙNG NGƯỜI CHÂU CHIẾN Ở ĐẤT THĂNG HÌNH

Thăng Hình, đất nước Lỗ.

Tả - Người Châu vì có Tu Câu mới xuất sư. Công (Lỗ) khinh thường không phòng bị. Tang Văn Trọng nói: Nước, không kể lớn nhỏ khác nhau. Quân ta tuy đông, nếu không có phòng bị cùng không chắc được. Kinh Thi nói, năm nắm nơm nớp như đi trên vực sâu, như giẫm trên ván móng, lại nói rằng, kính đấy, kính đấy, trời chỉ biết giúp kẻ biết tư lự suy xét, không riêng gì ai. Tiên Vương muốn làm sáng tỏ đức, không dám cho là việc dễ, không dám không sợ huống hồ ta vốn là một nước nhỏ, xin đừng khinh thường nước Châu bé như con phong mại mà còn có nọc độc, huống chi một nước. Vua Lỗ không nghe. Tháng tám, ngày Đinh Mùi, Công cùng quân Châu chiến ở Thăng Hình.

Quân ta tan vỡ. Người Châu bắt được mũ trụ của Công, nêu ở Ngự Môn.

Cốc - Sử trong nước tránh tiếng bị hại, chỉ nói việc còn có thể nói được, không dùng chữ Lỗ nhân vì ta bị hại.

冬十有一月己巳朔宋公及楚人戰于泓宋師敗績

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, KỶ TỴ, SÓC, TỐNG CÔNG CẬP SỞ NHÂN CHIẾN VU HOẰNG TỐNG SƯ BẠI TÍCH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY KỶ TỴ, SÓC, TỐNG CÔNG CÙNG NGƯỜI SỞ CHIẾN Ở ĐẤT HOẰNG, QUÂN TỐNG TAN VỠ

Tả - Người Sở phạt Tống để cứu Trịnh, Tống Công sắp chiến. Đại Tư Mã là Cố có can: Trời bỏ nước Thương ta, (Tống dòng dõi nhà Thương Ân, bị Chu diệt) đã lâu. Nhà vua muốn hưng khởi thì xin về ngay, thì Sở cũng tự rút lui. Vua không nghe can. Mùa đông tháng mười một, ngày Kỷ Tỵ, Sóc, Tống Công cùng người Sở chiến tại sông Hoằng. Người Tống bày xong hàng trận. Người Sở chưa qua sông xong. Tư Mã nói: Địch đông ta ít, họ chưa qua hết, ta đánh ngay. Công nói: không được. Sở qua sông xong, chưa bày thành hàng trận, Tư Mã lại xin đánh. Công nói chưa được. Sở bày trận xong hai bên đánh nhau. Quân Tống tan vỡ. Công bị thương ở đùi, các quan tả hữu chết nhiều, người trong nước đều oán trách Công. Công nói: người quân tử không đánh kẻ đã bị thương. Ở trận không bắt giữ kẻ già có tuổi. Phép hành quân không hãm địch vào thế trở ải (như địch đương qua sông). Quả nhân tuy là kẻ vong quốc, nhưng không có đánh kẻ chưa bày dàn trận xong. Tử Ngư nói: Nhà vua chưa biết chiến. Chưa bày trận xong là trời giúp ta, chưa qua sông xong là bị thế trở, ta sao lại không đánh được, đó là phép đối với kình địch. Nay đã là kình địch thì đối với ta đều là giặc. Dù có kẻ già nua bắt được là cứ bắt, cần gì tránh tha. Xét việc binh, cách

tập trận. khác cách đánh giặc. Đánh cho bị thương nhưng chưa chết thì sao lại thôi đánh nữa, thế thì thà đừng có đánh. Thương người hai thứ tóc, thế thì thà nuôi giúp người ta. Việc quân cốt lợi cho quân mình là được. Khua chuông trống, thúc đánh là để cho khí mạnh, có lợi thì cứ dùng, mặc cho địch có ở thế hiểm nghèo. Khi mạnh, việc thành, thì cứ thúc quân đánh, dù quân địch chưa dàn trận, chưa tề chỉnh

Phụ lục Tả Truyện - Ngày Bính Tý, buổi sớm Trịnh Văn phu nhân. Vu Thị Khương Thị, tới yết kiến Sở Tử tại đất Kha Trạch. Sở Tử sai chia các đồ bắt được của địch. Quân tử bàn: Thế là phi lễ. Đàn bà đưa hay đón không ra khỏi cửa, tiếp anh em không qua ngưỡng cửa, không tới gần nơi quân đội. Ngày Đinh Sửu, Sở Tử tới hưởng tiệc mừng ở Trịnh. Lễ cử hiến. Trần Thiết Y như đón tiếp Thiên tử, đồ dùng toàn lấy đồ thờ tự. Tiệc xong Sở Tử đi ra. Văn Vu tiễn đến quân trung. Sở Tử đem hai con gái Văn Vu về Sở. Trịnh Thúc Thiêm bàn: Sở Vương tất bất đắc kỳ tử, lễ mà không có biệt thì không còn gọi là lễ, thế thì chết thường sao được. Vì những việc ấy, chư hầu đoán biết Sở không thành nghiệp bá được. Kha Trạch là đất Trịnh. Công - Hai bên hẹn nhau dàn trận đánh nhau, thường có chép ngày. Đây lại chép là ngày sóc. Lời Xuân Thu "trói" mà không "giết", là theo lẽ chính. Tống Công cùng người Sở chiến tại phía đông sông Hoằng. Người Sở qua sông mà sang. Tống Tư Mã xin nhân lúc quân Sở đang sang sông, đánh ngay thì Tống Công nói: Không nên, ta tuy là kẻ đã bị vong quốc, nhưng bất nhẫn làm thế. Sở đã qua sông, nhưng chưa bầy xong trận. Tư Mã lại xin đánh ngay lúc còn lộn xộn. Tống Công nói: Không nên. Người quân tư không thúc trống đánh kẻ địch chưa dàn trận xong. Khi Sở dàn bày xong, Tương Công thúc trống. Quân Tống thua to. Cho nên người quân tử khen việc không thúc đánh, khi địch chưa dàn trận xong, thế là tới đại sự mà không quên đại lễ. Có vua mà không có tôi. Dù Văn Vương có chiến cũng thế thôi.

Cốc - Việc gặp ngày sóc thì chép ngày sóc. Kinh Xuân Thu có 34 cuộc chiến. Về việc chép, chưa có tôn kẻ trên bị kẻ dưới đánh bại. Chưa có dùng chữ sư (quân) cho kẻ bị người (nhân) đánh bại. Nếu tôn bị ti bại, sư bị nhân bại, là khoe cho bên

địch. Ở đây Tống Tương Công thì chép là Tống sư, bị Sở nhân bại, mà vẫn không chép khoe địch là vì sao. là chí chê trách Tống Công Tống phạt Tề đương lúc Tề có tang. Tống bắt Đằng Tử, vây nước Hào, rồi lập hội ở đất Vu, không nghĩ đến sức mình chưa đủ, lại đi triệu tập Sở Thành Vương. Thành Vương giận mới bắt Tống Công. Vậy đúng là: Lễ người mà không đáp thì thành bất kính, yêu người mà không thân thì thành trái nhân, trị người mà không biết trị, thì thành không trí, lỗi mà không đổi thì thành ra lỗi. Đó là tư cách Tương Công. Người xưa mặc áo giáp, đội mũ trụ, không phải là làm cho nước hưng thịnh, chỉ trừ khi phải cần chinh phạt kẻ vô đạo thôi, đâu có dùng quân đi đánh để rửa nhục, đề báo thù. Tống Công cùng người Sở chiến ở trên sông Hoằng. Tư Mã Tử Phản có nói: Sở nhiều, ta ít, đánh ngay lúc Sở đang sang sông thì tất được, Tống Công nói: Không dồn người ta vào chỗ hiểm ách để đánh, đợi sang sông đã. Khi Sở đã sang sông xong, tinh kỳ hàng ngũ còn rối loạn. Tử Phản lại xin: Sở nhiều, ta ít, đánh ngay tất được. Tương Công lại nói: Không thúc trống đánh khi chưa bày trận. Đến khi Sở bày trận xong Tống mới đánh. Thế là quân Tống thua. Vua Tống bị thương, đến tháng bảy thì chết. Phản thì đánh, gặp giặc thì chiến, ít quân thì giữ thế thủ. Người mà sở dĩ gọi là người, là vì có lời nói (can). Người mà không biết nói thì sao lại gọi là người. Lời nói sở dĩ được là lời nói, là có tín. Nói mà không tín thì sao gọi là đạo. Đạo mà được quý là nhờ thời. Còn hành đạo là nhờ thế.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, dù cho Văn Vương có chiến cũng không hơn thế. Công Dương bàn bậy. Văn Vương đâu có dung dị. Luận đến cái tiết giữ điều tín mà quên dân là gốc thì tàn hại dân, so sánh với Văn Vương thế là không hiểu đạo thánh nhân một chút nào cả. Còn Cốc Lương thì nói: Ba mươi tư cuộc chiến trong kinh Xuân Thu, chửa thấy có: tôn bị ty bại; sư bị nhân bại, Cốc Lương nói thế cũng sai. Xét Tống Công mà lấy "sư" bị nhân bại, Kinh Xuân Thu cứ thực sự chép đâu có phải là bao hay biếm, chê hay khen. Năm nay cùng người Châu chiến tại đất Thăng Hình, Cốc Lương bảo không chép chữ "cùng", là sử Lỗ kiêng tránh, đó là chỉ vào Lỗ Công. Công thì "tôn" mà

nhán thì ty, vậy thế nào là tôn bị ty bại. Lại nói: Lấy tôn bị ty bại: sư bị nhân bại, tức là khoe cho địch, thì sao Tương Công sư bị nhân bại, mà không khoe cho địch. Thế là trách Tương Công. Tôi không biết ở trong Kinh Xuân Thu, thế nào là khoe cho địch, thế nào là biếm chê, nếu khen hay chê, thì Văn Kinh phải chép như thế nào. Nay về việc Tống Công, Cốc Lương cho rằng không khoe cho địch, đọc Kinh Xuân Thu, lấy gì mà xét nghiệm.

Lại nói: Đạo mà quý là nhờ thời. Hành đạo là nhờ thế. Tựa như là trách Tống Công không sớm đánh Sở. Lúc Sở đang lộn xộn lúng túng, để mất cơ hội. Bàn thế là mâu thuẫn. Cứ như Tống Công dụng tâm, không đánh lúc giặc chưa dàn xong trận, thì thực đường đường là người có đức trung hậu. Dù quân bị thua, nước bị xén, nhưng không xấu hổ. Xuân Thu đâu có chê là sao không biết dối dá trí trá để được thắng trận. Về việc chiến ở sông Hoằng, Công Dương cho là khen. Cốc Lương cho là chê, nói là chê thì sai rồi, nói là khen thì chưa có gì định được.

Năm Giáp Thân, Tương Vương năm thứ 15.

二 十 有 三 年
NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN
NĂM THỨ 23

Tống Tương năm thứ 14. Tề Hiếu năm thứ 6. Tấn Huệ năm thứ 14. Vệ Văn năm thứ 23. Sái Trang năm thứ 9. Trịnh Văn năm thứ 36. Tào Cung năm thứ 16. Trần Mục năm thứ 11. Kỷ Thành năm thứ 18. Tần Mục năm thứ 23. Sở Thành năm thứ 35.

春 齊 侯 伐 宋 圍 緡
XUÂN, TỀ HẦU PHẠT TỐNG, VI MÂN
MÙA XUÂN, TỀ HẦU PHẠT TỐNG, VÂY MÂN

Mân ấp nước Tống. Công Thị viết là 閔

Tả - Đánh vì không dự hội thề ở Tề.

Công - Ấp không chép là vây. Đây chép là vây là ghét cái cớ đánh.

Cốc - Đánh nước không chép vây ấp, đây chép vây là không cho cái việc lấy ác báo ác là chính đáng.

夏五月庚寅宋公茲斧卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, CANH DẦN, TỐNG CÔNG TƯ PHỦ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY CANH DẦN, TỐNG CÔNG TƯ PHỦ MẤT

Tả - Mùa hạ tháng năm. Tống Tương Công mất vì bị thương ở Hoằng.

Công - Sao không chép táng, vì kiêng tránh.

Cốc - Sao không táng Vì đã thất dân, vì không dạy dân chiến, tức là làm hại quân đội. Làm vua mà mất quân đội thì dân biết lấy ai làm vua.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn rằng không có chép táng, vì đã mất dân, không dạy dân chiến, thế là hại quân đội. Bàn thế là sai. Tống Công đã bất nhẫn dồn người ta vào thế hiểm ách, cho nên Tống Công thua. Thế thì đâu có phải là không dạy dân chiến. Xét như lời bàn Cốc Lương việc bại ở Hoằng, sao không chép Tống hại quân đội. Thời Chu Mạt, chư hầu tranh nhau, giữ tín thì cho là xấu, mà chỉ thích lập kỳ công. Vì thế, Cốc Lương cho Tống Công là trái.

秋楚人伐陳

THU SỞ NHÂN PHẠT TRẦN

MÙA THU, NGƯỜI SỞ PHẠT TRẦN

Tả - Mùa thu. Sở Thành Đắc Thần cầm quân phạt Trần nhị tâm, kết liên với Tống. Rồi chiếm ấp Tiêu ấp Di, đắp thành

nước Đốn rồi đem quân về. Tử Văn xét công xin cho làm Lệnh Doãn. Thúc Bá nói: Ngài cho việc nước thế nào? Đáp: Tôi muốn được yên trị. Xét có công to mà không có chức quan cao thì mấy ai làm cho nước yên trị được. Tiêu ấp nước Trần, ở huyện Tiêu. Di ấp nước Trần, huyện Thành Phủ, quận Tiêu, Đốn là một nước, ở huyện Đôn, Nhữ Âm nam.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng chín, Tấn Huệ Công mất. Hoài Công ra lệnh: Không được tòng vong, tới kỳ hạn, hết một năm mà không có ở trong nước thì không được tha tội chết. Con của Hồ Đột là Mao và Yển tòng vong theo Trùng Nhĩ ở nước Tần. Hồ Đột không gọi về. Mùa đông Hoài Công bắt Hồ Đột báo, nếu con về thì ngươi được tha. Đáp: Con mà làm quan được thì cha dạy cho biết trung, đó là theo phép cũ. Đã theo làm tôi mà nhị tâm là có tội. Con của thần nay đã làm tôi Trùng Nhĩ lâu năm rồi. Nay thần triệu về, dạy cho nhị tâm thì sao biết thờ vua nữa. Vua mà sáng thì hình không lạm dụng. Nguyện vọng thần có thế thôi. Nếu cứ dùng hình để cho thỏa thích, thì ai là người vô tội. Thần tùy theo mệnh. Hoài Công giết Hồ Đột. Bốc Yển cáo bệnh không ra khỏi cửa nói: Chu Thư có chép, phải cho rõ sự việc. Mình mà không sáng, chỉ giết người cho thỏa ý muốn, thật là khó. Dân không thấy đức, chỉ thấy giết, liệu có sống được không.

冬十有一月杞子卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, KỶ TỬ TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 11, KỶ TỬ MẤT

Tả - Kỷ Thành Công mất. Chép là tước Tử. Kỷ vốn là rợ. Không chép tên là vì chưa đồng minh. Phàm chư hầu đồng minh, chết có cáo phó. Phó có tên thì chép tên, không thì thôi. Lỗi ở chỗ không cẩn thận.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Công tử Trùng Nhĩ gặp quốc nạn. Quân nhà vua đến ấp Bồ, Dân Bồ định ra đánh. Công tử không cho, nói: Nhờ mệnh vua được hưởng lộc ấp Bồ. Nay lấy người Bồ ra chống cự thì còn tội nào to bằng. Thôi ta chạy. Thế

là chạy sang nước Địch. Đi theo, có Hồ Yển. Điền Hiệt, Triệu Thôi, Ngụy Vũ Tử, Tư Không Quý Tử. Người dịch đánh rợ Tường Cao Như, bắt được hai người con gái là Thúc Ngỗi, Quý Ngỗi, nộp cho công tử. Công tử lấy Quý Ngỗi làm vợ sinh ra Bá Điều và Thúc Lưu, và gả Thúc Ngỗi cho Triệu Thôi. Khi sắp đi sang Tề, bảo Quý Ngỗi rằng: Đợi tôi 25 năm nữa. Nếu không thấy về hãy đi lây chồng. Vợ nói: Tôi 25 tuổi. Đến ngày ấy, thì tôi đã nằm trong sáu tấm ván rồi. Thôi cứ chờ. Tính ra ở đất Địch mười hai năm thì Công Tử đi qua nước Vệ. Vua Vệ khinh thường không lấy lễ đối đãi. Bỏ đi qua Ngũ Lộc, đói, xin ăn bọn nhà quê. Bọn ấy đùa, đưa cho cục đất. Công tử giận định đánh, thì Tử Phạm can rằng: Đó là điềm trời cho ta đất, xin nhận. Công tử cúi lạy tạ. Đến Tề, được Tề, Hoàn Công gả con cho, tặng cho xe ngựa 20 cỗ. Công tử định yên tâm ở lại, tùy tòng không chịu, bàn với nhau việc đi. Khi bàn kín trong ruộng dâu, có người tì thiếp nghe được, mách với Khương Thị. Khương Thị giết ngay người thiếp, rồi bảo Công tử: Chàng chí ở bốn phương người nghe trộm, thiếp đã giết đi, để khỏi lộ việc. Công tử nói: Không có chuyện đi đâu. Khương Thị nói, đi là phải. Quyến luyến, yên thân hại cho công danh. Công tử không nghe, Khương Thị bàn với lũ Tử Phạm, cho Công tử uống rượu say rồi mang đi. Khi tỉnh. Công tử giận quá, cầm kích định đánh Tử Phạm. Đi đến nước Tào. Tào Cung Công nghe nói Công tử có xương sườn liền dính nhau là một tướng lạ, muốn xem lúc cởi trần, nhân khi tắm xem trộm. Vợ Hi Phụ Cơ, đại phu nước Tào bảo chồng rằng: Tôi được thấy bọn theo hầu Công tử toàn là hạng người làm tướng quốc được, sẽ giúp Công tử về Tấn. Sau này sẽ đắc chí với chư hầu. Khi đắc chí thế tất trừng phạt kẻ vô lễ. Nước Tào ta sẽ bị đầu tiên. Vậy ta nên đi lại trước cho tử tế. Rồi soạn mâm cơm để thêm đôi ngọc bích đem tiến, Công tử nhận cơm rượu trả lại ngọc bích. Qua nước Tống, vua Tống tặng cho 20 cỗ xe. Qua nước Trịnh, vua Trịnh không tiếp. Đại phu là Thúc Thiêm nói: Thần nghe, khi trời đã giúp người thì không làm gì được. Tấn Công tử có ba điều hay, hoặc là trời sẽ giúp chăng, vua nên lấy lễ đối đãi, trai gái đồng tông lấy nhau không ra gì. Mẹ công tử cũng họ Cơ, mà Công tử còn được đến ngày nay, đó là một điều

hay. Từ khi đi bôn ba khỏi nước, trong nước cứ loạn như chờ đợi, đó là hai điều hay. Được ba người hiền theo, đủ để hơn người, đó là ba điều hay. Tấn Trịnh hai nước cùng hàng, dân đi lại với nhau còn phải lễ độ, huống chi là người mà trời đã chọn. Vua không nghe. Trùng Nhĩ qua ở nước Sở, trong một bữa tiệc, vua Sở hỏi: Công tử mà về nước được thì lấy gì báo tôi. Đáp. Người đẹp, vàng bạc, châu báu, nhà vua không thiếu. Các vật quý như da dê, ngà voi, lông trĩ, chính đất quý quốc sản ra. Tấn có được vật gì, chẳng qua là các vật thừa của Sở. Tôi biết lấy gì biếu. Hỏi. Tuy nhiên, Công tử định báo đáp thế nào. Đáp: Nếu nhờ ơn nhà vua, tôi được về Tấn, thì lỡ ra, Sở, Tấn có việc giao binh giữa chiến trường, tôi xin nhường ba xá. Sau khi ấy, nếu nhà vua cứ cố gắng, thì tôi xin tay cung tên, tay đao kiếm, đối với nhà vua làm tròn phận sự. Quan nước Sở là Tử Ngọc muốn giết. Vua Sở bảo: Tấn Công tử quảng mà kiệm, văn mà lễ, người theo hầu cung kính mà khoan hòa, trung trực mà có tài năng. Nay vua Tấn, không có thân thuộc, trong ngoài đều ghét. Ta có nghe nói họ Cơ là dòng dõi Đường thị, nay đã suy yếu. Làm cho Tấn hưng thịnh được. Còng Công tử này chăng. Trời đã muốn hưng, thì người ai phế được. Trái trời tất là mang họa. Mới tiễn Trùng Nhĩ sang Tần. Tần Mục Công gả cho năm người, trong đó có nàng Hoài Doanh, Công tử sai bưng nước rửa mặt, rửa tay. Hoài Doanh hắt nước giận, nói: Tần với Tấn ngang nhau, sao khinh nhau quá thế. Công tử sợ, thay đồ áo mặc xấu xí, tạ tội. Một ngày khác, vua Tần mở tiệc mời. Tử Phạm nói: Về giao thiệp lịch sự, tôi vụng hơn Triệu Thôi, xin để Thôi đi theo. Trong tiệc Công tử đọc bài Hà Thủy. Vua Tần đọc lại bài Lục Nguyệt. Triệu Thôi nói: Trùng Nhĩ xin bái tạ. Công tử vội xuống thềm rập đầu lạy tạ. Vua Tần cũng bước xuống từ tốn. Triệu Thôi nói: Nhà vua lấy việc giúp Thiên Tử mong cho Trùng Nhĩ, Trùng Nhĩ đâu dám không lấy.

- Tương Cao Như là một giống rợ riêng trong loại Xích Địch.

- Ngũ Lộc là đất nước Vệ.

Năm Ất Dậu. Tương Vương năm thứ 16.

二十有四年

NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 24

Tề Hiếu năm thứ 7. Tấn Huệ năm thứ 15. Vệ Văn năm thứ 24. Sái Trang năm thứ 10. Trịnh Văn năm thứ 37. Tào Cung năm thứ 17. Trần Mục năm thứ 12. Kỷ Hoàn Công Cô Dung năm đầu. Tống Thành Công Vương Thần năm đầu. Tần Mục năm thứ 24. Sở Thành năm thứ 36.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Vương, tháng giêng. Tần Bá thu nạp Công tử Trùng Nhĩ, không thấy chép, cũng không chép cả lúc vào Tấn. Khi tới Hoàng Hà. Tử Phạm lấy ngọc bích giao lại cho Công tử và nói: Thần theo hầu xe ngựa, theo vua chu du thiên hạ, có nhiều tội, thần còn tự biết, huống chi là vua. Xin ở đây từ biệt. Công tử nói: Nếu không dùng Cữu thị đồng tâm, thì xin thề như dòng nước này. Nói rồi ném ngọc bích xuống sông để thề. Qua sông Hoàng Hà, rồi vây trấn Linh Hồ, đến Cửu Thôi. Tháng hai, ngày Giáp Ngọ, Tống đóng quân ở Lư Liễu. Tần Bá sai Công tử Chí sang quân Tấn. Quân Tấn lui về đất Tuân. Ngày Tân Sửu Hồ Yển cùng các đại phu Tấn thề ở đất Tuân. Ngày Nhâm Dần, Công tử sang quân Tấn. Ngày Bính Ngọ vào ấp Khúc Ốc. Ngày Đinh Mùi, thiết triều ở Vũ Cung. Ngày Mậu Thân, sai giết Hoài Công ở đất Cao Lương. Không chép cũng không cáo.

Lã, Khước sợ tội, sắp đốt cung, để giết Tấn Hầu. Kẻ hầu là Bột Đề xin yết kiến. Công sai trách rằng. Khi ta ở Bồ vua sai mới có một đêm, ngươi đã tới. Sau ta theo vua Địch đi săn nơi Vị Tân, người vì Huệ Công lại tìm giết ta. Sai người hẹn ba ngày, ngày thứ hai, ngươi đã tới. Tuy là quân mệnh, sao ngươi vội thế, Mảnh áo ngươi cắt ta còn giữ đây thôi. Thôi đi đi, ta

không cho yết kiến. Đáp: Thần vẫn cho là nhà vua nay về nước, thì đã biết rõ hết, thì ra nhà vua chưa biết gì cả rồi sẽ lại bị nạn. Đã là mệnh vua thì không có hai đường được, phép xưa vẫn thế, chỉ được biết điều phải trừ điều dở cho vua, làm cho hết sức. Việc đất Bồ đất Địch, tôi đâu có cần biết đến. Nay vua lên ngôi, dễ hết không còn việc Bồ, việc Địch nữa hay sao. Tề Hoàn Công bỏ việc bắn vào đai, mà dùng Quản Trọng làm tướng, nếu không thì đâu đã có cơ nghiệp ấy. Loại người muốn bỏ ra đi, còn nhiều lắm, đâu chỉ có tôi. Công mới cho yết kiến. Để báo cáo mọi việc. Tháng ba, Tấn hầu mật hội với Tần bá tại Vương Thành. Ngày Kỷ Sửu, hối, cung của Công phát hỏa. Là Di Sanh. Khước Nhuế không bắt được Công, mới chạy ra Hà Thương. Tần Bá dụ tới giết đi. Tấn hầu đón phu nhân Doanh Thị về. Tần Bá, lại tiễn thêm 3000 người theo về Tấn để làm lính hộ vệ.

Xưa Tấn Hầu có đầy tớ là Đầu Tu, trông coi đồ đạc. Khi Tấn Hầu phải ra đi. Đầu Tu lấy hết của cải rồi trốn mất. Hết của phải đi ăn nhờ. Đến khi Tấn Hầu về nước. Đầu Tu xin yết kiến. Công đang gội đầu, không tiếp. Đầu Tu bảo thị vệ rằng, khi gội đầu thì đầu cúi xuống, cho nên tâm trí đảo ngược, vì thế, ta không được yết kiến. Người ở lại là vì xã tắc, người ra đi là đi hầu, chủ về xe ngựa. Đều là phải cả. Sao lại cho người ở lại là có tội. Vua một nước mà thù kẻ thất phu, bọn nghi sợ hãy còn đông lắm. Thị vệ tâu lại, vua cho yết kiến. Người Địch đưa Quý Ngỗi về Tấn cùng với hai con. Tấn Văn Công (Tấn Hầu Trùng Nhĩ) gả một người cho Triệu Thôi sinh ra ba con là: Nguyên Đồng, Bình Quát, Lâu Anh. Triệu Cơ (vợ mới Triệu Thôi) xin đón Thúc Ngỗi, cùng con là Triệu Thuẫn. Triệu Thôi từ chối. Triệu Cơ nói, có mới quên cũ thì còn bảo ai được. Cố xin. Triệu Thôi chịu. Rồi cho về. Triệu Cơ xin với vua cho Thuẫn làm con đích vì thấy Thuẫn có tài, ba con mình ở hàng dưới, còn mình cũng xin dưới Thúc Ngỗi.

Tấn Hầu thưởng bọn tòng vong đi theo trốn chạy ra nước ngoài. Riêng Giới Chi Thôi không kể công, thành ra không được tước lộc. Thôi nói: Hiến Công có chín con, còn sót lại một nhà vua. Các vua Huệ Công. Hoài Công không có thân thuộc, người

trong, người ngoài đều bỏ. Nhưng trời chưa bỏ Tấn, cần cho có chủ. Vậy chủ tôn miếu xã tắc, chả là nhà vua thì còn ai. Trời thực đã định, thế mà mấy gã nhận, cho là vì sức mình, thật là vu vơ quá. Lấy trộm của người còn mang tiếng là ăn trộm. Huống chi lại cướp công của trời bảo là công của mình. Dưới khoe công, trên thưởng công, trên dưới cùng che đậy gian dối, ở thế nào được với bọn ấy. Bà mẹ nói, hay là con đi xin thưởng, nếu không thì đến chết chả còn ai biết là oan ức. Đáp, đã ghét mà còn ùa theo tội lại nặng hơn. Va lại đã oán thì không nên nhận lộc. Mẹ hỏi, thế thì cho người ta biết có nên không. Đáp, thế là khoe cái hay của mình. Mình đã sắp đi ẩn, lại khoe cái hay. Thế là cầu mong hiển đạt. Mẹ nói: Con được đến thế ư. Vậy mẹ con ta cùng đi ẩn. Thế là cùng đi ẩn. Rồi chết. Tấn Hầu cho tìm không được. Mới lấy ruộng Miên Thượng để thờ Giới Chi Thôi mà nói rằng: Thế là để ghi lỗi ta, và cũng để tinh biểu người hiền.

Linh Hồ, cách 15 dặm phía tây huyện Ỷ Thị Phủ Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, nay còn có Linh Hồ Thành. Tang Tuyền, ở phía tây huyện Giải, tỉnh Hà Đông, Giao Lương ở tây nam huyện Dương xứ Bình Dương năm Hi Công thứ 9, và thứ 15, nói đến đó, Đỗ Thị chú thích có hơi khác, xét thực chỉ là một nơi. Miên Thượng ở phía nam huyện Giới Hưu, xứ Tây Hà, có đất tên là Miên Thượng.

夏狄伐鄭

HẠ ĐỊCH PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, ĐỊCH PHẠT TRỊNH

Tả - Trịnh đem quân vào đất Hoạt, Hoạt xin hòa. Quân Trịnh về, Hoạt lại giao thiệp với Vệ. Trịnh Công tử Sĩ Huệ, Đỗ Du Di cầm quân đánh Hoạt. Thiên Tử sai Bá Phục và Du Tôn Bá sang Trịnh giảng giải, xin cho Hoạt. Trịnh Bá vốn giận xưa Huệ Vương được Trịnh giúp cho về nước mà không phong thưởng cho Trịnh Lệ Công. Nay lại oán Tương Vương binh Vệ và Hoạt, không nghe mệnh vua, bắt giữ hai người. Vua giận, định lấy Địch phạt

Trịnh, Phú Thần can, không nên. Thần nghe trước hết, lấy đức phủ dụ dân, rồi sau gần với người thân thích để được giúp nhau. Xưa Châu Công buồn về việc Nhị Thúc không hòa hợp, cho nên phong và chia đất (phong, kiến) cho thân thích, cho như phên dậu của nhà Chu. Các nước Quản, Sái, Thành, Hoắc, Lỗ, Vệ, Mao, Đam, Cáo, Ung, Tào, Đằng, Mất, Nguyên, Phong, Tuân, là dòng dõi vua Văn. Các nước Vu, Tấn, Ưng, Hàn là dòng dõi vua Vũ. Các nước Tưởng, Mâu, Tộ, Thái là dòng dõi Chu Công. Thiệu Công Mục nghĩ đến đức của nhà Chu mới tụ tập tôn tộc tại đất Thành Chu làm thơ như sau: Hoa thường đệ, màu sắc lộng lẫy, phàm người ngày nay, chẳng ai bằng anh em. Anh em đánh nhau khi có người ngoài tới gây chuyện thì lại kết hợp cùng nhau chống giữ. Như thế thì tuy anh em có điều lặt vặt không bằng lòng nhau, nhưng không bỏ tình thân. Nay Thiên Tử không nhịn được điều giận nhỏ nhà bỏ hàng thân là Trịnh thì còn ra sao. Dùng người có công, thân người thân, gần người gần, tôn người hiền, đó là đức lớn. Nghe người điếc, theo người lòa khen kẻ hung hãn, dùng kẻ ngu độn đó là gian lớn. Bỏ đức chuộng gian, tức là họa lớn. Trịnh có công trong thời Bình, Huệ, lại thêm tình thân, thời Lệ, Tuyên bỏ sủng thiếp mà dùng Tam Lương, đối với chư Cơ là gần, có đủ tứ đức. Tai không nhận thấy năm cung khác biệt gọi là điếc. Mắt không phân biệt được năm sắc, gọi là lóa. Lòng không lấy đức nghĩa làm phép gọi là hung hãn (ngoan). Miệng không nói ra lời trung tín nghĩa là ngu độn (ngân). Địch đều có đủ, thế là đủ bốn gian. Chu mà còn nghĩ đến đức thì còn nói: Ai bằng được anh em, cho nên phong tước đất đai cho, mong cho trị yên thiên hạ. Thế mà còn sợ họa ở ngoài tới, muốn chống họa ấy, sao bằng thân với người thân, lấy họ hàng làm phên dậu cho nhà Chu. Thiệu Mục Công lại còn nói: Nay đức nhà Chu đã suy, thế mà lại còn biến đổi pháp chế Chu, Thiệu, theo dùng mọi thứ gian, hỏi có nên thế không? Dân chửa quên được họa mà vua lại muốn cho họa hưng khởi, thế thì đối với Văn Vương, Vũ Vương còn ra sao. Vua không nghe can, cứ sai Đồi Thúc, Đào Tử đem quân Địch đi đánh. Mùa hạ, Địch phạt Trịnh, lấy đất Lịch. Vua thích người Địch, muốn đền công định lấy gái Địch làm hậu. Phú Thần lại can. Không nên, thần nghe

báo ân thì chóng chán, mà thi ân thì biết thế nào cho đủ. Địch vốn là giống tham lam, nhà vua lại như xúi giục thêm. Nữ sắc không biết đến đâu là cực. Phụ oán (đàn bà hờn giận) không biết đến đâu là cùng. Địch sẽ là hậu hoạn. Vua lại không nghe can. Xưa Cam Chiêu Công, được mẹ là Huệ Hậu yêu quý, muốn lập lên ngôi. Việc chưa thành thì Huệ Hậu chết. Chiêu Công chạy trốn sang Tề. Vương cho về. Đã được về phục chức, lại thông với Ngỗi Hậu, vua bỏ Ngỗi Hậu. Đồi Thúc, Đào Tử nói: Ta vốn dùng Địch. Địch chắc oán ta. Mới phụng Thái Thúc (tức là Chiêu Công Vương Tử Đái) đem quân đội Địch đánh vua. Quân tướng Chu định ra đánh thì vua bảo rằng: Tiên hậu sẽ coi ta ra sao. Thôi thà để cho chư hầu lo liệu, vua mới rời nước đến ở đất Khảm (một nước phụ dung). Người Khảm đón tiếp. Mùa thu, Đồi Thúc, Đào Tử, Phụng Thái Thúc lấy quân Địch đánh Chu. Quân Chu thua to. Địch bắt được Chu Công Kỵ Phủ, Nguyên Bá, Mao Bá, Phú Thần. Vua lại chạy sang địa giới nước Trịnh ở trên đất Dĩ. Thái Thúc đem Ngỗi Hậu cùng về ở ấp Ôn.

Quản là nước Quản tại đông bắc huyện Kinh xứ Vinh Dương, nhà Tùy sau có đặt huyện Quản Thành. Mao là ấp nước Tống. Ung là nước Ung ở huyện Sơn Dương xứ Hà Nội, tất cả là ở tây bắc huyện Trường An. Phong là nước Phong, ở phía đông huyện Vu xứ Thủy Bình. Ưng là nước Ưng phía tây huyện Thành Phủ xứ Tương Dương. Tưởng ở Huyện Kỳ Tư, xứ giặc Dương. Mao ở phía tây huyện Xương Ấp xứ Cao Bình còn làng Mao Hương. Tộ ở tây nam huyện Yến, xứ Đông Quận còn có Tộ Đình. Thiệu là Mục Công đất Phong. Cam là đất phong cho ăn lộc của Vương Tử Đái. Khảm là đất nhà Chu. Dĩ tức là Nam Dĩ nước Trịnh.

Phụ lục Tả Truyện - Em Trịnh Tử Hoa là Tử Tang, chạy trốn sang Tống chỉ thích thu nhặt lông chim duật (duật bạng) làm mũ đội. Trịnh Bá ghét, sai đạo tặc dụ, rồi tháng tám giết đi ở khoảng hai nước Trần, Tống. Người quân tử bàn: Ăn mặc lố lăng là cái họa cho thân mình. Kinh Thi có câu, gã kia y phục không xứng. Vậy y phục của Tử Tang là không xứng. Kinh Thi có câu, tự mang lấy phiền muộn. Chính là Tử Tang. Sách Hạ Thư có câu, đất bằng trời phẳng thế là xứng.

Tống với Sở hòa. Tống Thành Công sang Sở. Khi về vào nước Trịnh. Trịnh Bá thết tiệc. Hỏi Hoàng Vũ Tử về nghi lễ. **Đáp**: Tống là dòng dõi các vua triều trước. Đối với Chu là khách. Thiên Tử có việc thì có cúng. Thiên Tử có tang thì có lễ. Đón tiếp nên trịnh trọng. Trịnh Bá nghe theo yến tiệc có phần hơn thường.

秋七月

THU THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

冬天王出居于鄭

ĐÔNG, THIÊN VƯƠNG XUẤT CƯ VU TRỊNH

MÙA ĐÔNG, VUA CHẠY RA, TỚI Ở ĐẤT TRỊNH

Tả - Mùa đông vua sai sứ báo cáo chư hầu: Ta vì bất đức. Có lỗi với người em là Tử Đái, nay ta tới ở đất Dĩ nước Trịnh, xin cáo với Thúc Phụ. Tang Văn Trọng đáp: Thiên Tử xông pha gió bụi. Thần từ đâu dám không tới thăm viếng các quan hầu. Vua sai Giản Sư Phủ cáo với Tấn sai Tả Yển cáo với Tần. Theo lễ thì Thiên Tử không có chạy ra nước ngoài, chép là ra ở đất Trịnh là để lánh nạn người em cùng mẹ. Thiên Tử mặc đồ xấu, khiêm nhượng. Cũng theo như lễ, thì Trịnh Bá cùng các bậc đại phu Khổng Tương Như, Thạch Giáp Phủ, Hầu Tuyên Đa, đến ngay đất Di coi sóc đồ cung cấp vật dụng, rồi mới xét đến các việc khác trong nước.

Công - Vương giả không ra ngoài nước. Đây sao chép là xuất. Là vì, không chiều được mẹ. Lỗ Tử nói: Đây là do ý vua. Hay là vì không chiều được mẹ chăng?

Cốc - Thiên Tử không có xuất. Xuất là mất thiên hạ Thiên Tử ở (cư) là ở nơi vẫn ở, dù mất thiên hạ cũng không nên xuất.

Triệu Bằng Phi - Thiên Tử xuất, tới ở trên đất Trịnh Chép chỉ có ý chép việc thực là việc xuất nhập. Thế mà coi ba truyện

như là bàn giải một việc lạ. Thiên Tư không xuất, Vương giả không có nước ngoài cho nên không nói xuất, xuất là mất thiên hạ. Xét tâm của Thiên Tử là đãi người lấy bình đẳng, không coi thường ai, thế tức là không có ngoài. Đâu cho rằng vương giả một khi đã xuất là có ngay ngoại, một bước chân xuất là thiên hạ không còn là thiên hạ nữa

Xét - Tương Vương đối với Thúc Đái vốn có lòng hiếu hữu, nhưng chưa gọi được là biết thuật hiếu hữu. Đái chạy trốn sang Tề 10 năm, mà lại được về ở Chu, tuy chưa so sánh việc, cho Đái về, với việc phong chàng Tượng ở đất Hữu Tỳ, nhưng tâm không phải là không hữu. Rợ Địch tới đánh, mà vua không dám quên Tiên Hậu. Tuy chưa so sánh được với nghĩa đông chinh đánh người thân thích của Chu Công, nhưng cũng không gọi là tâm không hiếu. Nay coi lại các lời bàn của tiên nho, cứ dựa theo các Kinh, các Thư về việc vua xuất cư, lại thêm Ba Truyện cứ dựa vào thuyết vua không xuất, riêng có Triệu Bằng Phi thích nghĩa chữ "xuất cư", là khác với mọi Truyện, thấy luận về Tương Vương cũng công bình, đích đáng. Mà ý nghĩa vua không xuất đã được thừa nhận từ lâu. Cho nên nay cứ lấy Ba Truyện làm chủ, mà lại giữ nguyên lời bàn của họ Triệu.

晉侯夷吾卒
TẤN HẦU DỊ NGÔ TỐT
TẤN HẦU TÊN LÀ DI NGÔ MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Người Vệ định đánh Hình. Lễ Chí nói: không được bọn cầm đầu, thì nước không lấy được. Xin cho các anh em tôi sang nước Hình trước. Thế là cho sang làm quan bên nước Hình.

Đỗ Dự - Tấn Văn Công định ngôi xong, mới cáo tang Huệ Công, cho nên năm nay mới chép.

Năm Bính Tuất. Tương Vương năm thứ 17.

二十有五年

NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 25

Tấn Văn Công Trùng Nhĩ năm đầu. Tề Hiếu Công năm thứ 8 Vệ Văn năm thứ 25 Sái Trang năm thư 11. Trịnh Văn năm 38. Tào Cung năm thứ 18. Trần Mục năm thứ 13. Kỷ Hoàn năm thứ 2. Tống Thành năm thứ 2. Tần Mục năm thứ 25. Sở Thành năm thứ 37.

春王正月丙午衛侯燬滅刑

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, BÍNH NGỌ, VỆ HẦU HỦY, DIỆT HÌNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY BÍNH NGỌ VỆ HẦU TÊN LÀ HỦY DIỆT NƯỚC HÌNH

Tả - Mùa xuân, người Vệ phạt Hình. Hai người họ Lễ phụ tá giúp Hình, thấy Quốc Tử đi tuần thành, dụ ra ngoài, rồi giết đi. Tháng giêng, ngày Bính Ngọ, Vệ Hầu tên là Hủy, diệt nước Hình là nước cùng họ. Lễ Chí khi làm bài minh có viết câu: Ta giúp Quốc Tử rồi giết đi, ai dám bắt ta.

Công - Vệ Hầu Hủy sao chép tên. Là ý tuyệt đi, vì đã diệt nước cùng họ.

Cốc - Sao lại chép tên Hủy. Vì cho là bất chính, việc đánh và diệt nước cùng họ.

Xét - Vệ Huy diệt nước Hình, co chép tên Hủy. Ba truyện cho là vì diệt nước cùng họ, Hồ Truyện cũng bàn theo ý ấy. Ghét lối sai họ Lễ tới làm quan ở nước Hình để âm mưu lấy nước người ta, cho nên Lưu Sưởng ví với Tần Mục mưu đánh nước Trịnh. Trương Hiệp liệt vào hạng Sở Kiên dụ nước Sái, Chu Tử bảo rằng chư hầu mà diệt nước chưa thường có chép tên, đây lời văn trong Kinh chỉ cách mùa hạ tháng tư ngày quý dậu có một câu, lại chép Vệ Hầu Hủy chết, e đó là truyện chép có lầm. Thuyết ấy nghe ra cũng có lý.

夏 四 月 癸 酉 衛 侯 燬 卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, QUÝ DẬU, VỆ HẦU HỦY TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ NGÀY QUÝ DẬU, VỆ HẦU TÊN LÀ HỦY MẤT

宋 蕩 伯 姬 來 逆 婦

TỐNG ĐÃNG BÁ CƠ LẠI NGHỊCH PHỤ

TỐNG ĐÃNG BÁ CƠ TỚI ĐÓN DÂU

Công - Tống Đãng Bá Cơ là ai? Là mẹ họ Đãng. Chép tới đón dâu là thế nào? Là lời văn chỉ công việc hôn nhân. Sao lại chép là người dâu, người phụ, (là vì nói đến chữ mẹ).

Cốc - Đàn bà đã đi lấy chồng thì không đi ra khỏi nước. Tống Đãng Bá Cơ tới đón dâu thì không được là chính. Chép là phụ: đàn bà, con dâu là vì sao, là vì cớ đã nói đến mẹ.

Lục Thuần - Công Dương bảo dùng chữ tới đón dâu, là chỉ công việc hôn nhân. Xét lời trong Kinh, thì cứ thẳng thắn chép việc, để cho rõ là không đúng lễ. Bảo là chữ chỉ công việc hôn nhân, thì chả có nghĩa gì.

宋 殺 其 大 夫

TỐNG SÁT KỲ ĐẠI PHU

TỐNG GIẾT ĐẠI PHU

Phụ lục Tả Truyện - Tần Bá đem quân tới Hoàng Hà định đón vua. Hồ Yển nói với Tấn Hầu rằng: Triệu tập chư hầu không gì bằng việc cần vương. Chư hầu phải tín và cũng là điều nghĩa lớn. Nay có thể làm được sự nghiệp vua Văn, được tín với chư hầu như vua Tuyên. Tấn Hầu sai bói dịch. Bói được quẻ tốt, quẻ Hoàng đế chiến ở Bản Tuyền. Công nói: Ta không dám đương. Bốc Yển đáp: Chu Lễ chưa thay đổi, xưa là Đế thì nay là Vương. Công nói: Thử bói rùa xem. Bói rùa được Khuê, đại cát, quẻ Thiên

Tứ cho Công hưởng, vì được trận. Cứ như que ấy thì, trời ban ơn trạch soi sáng như mặt trời. Thiên Tử phải nể vì, tiếp đón, tốt hơn quẻ Khuê. Tấn Hầu mới khước từ quân Tần rồi đem quân đi. Tháng ba, ngày Giáp Thìn, đóng quân tại đất Dương Phàn, Hữu quân vây đất Ôn, Tả quân đón vua. Mùa hạ tháng tư, ngày Đinh Tỵ, vua vào Vương Thành, bắt Thái Thúc ở Ôn, rồi giết đi ở Thấp Thành. Ngày Mậu Ngọ. Tấn Hầu chầu vua, vua cho yến tiệc, phong thưởng, Tấn Hầu xin được hưởng lễ Toại. Vua không cho nói. Lễ Toại là riêng của vua. Chưa thay ngôi vua mà lại có hai vua, thì chắc Thúc phụ cũng không muốn thế. Mới cắt cho các đất Dương Phàn, Ôn, Nguyên, Toản, Mao. Từ đó Tấn mới mở mang xuống Nam Dương. Dương Phàn không chịu. Tấn đem quân vây. Trấn thủ là Sương Cát ở trên thành gọi to: Lấy đức mà trị thiên hạ. Lấy hình mà uy hiếp man di. Ta đây không dám theo. Ở đây toàn là thân thích vương thất, sao nỡ bắt. Sương Cát mới cho rời dân về Chu.

Công - Sao không chép tên. Vì Tống đã ba đời không có đại phu, ba đời không có kết hôn với ngoài.

Cốc - Không chép họ tên vì kiêng húy tên tổ.

Lưu Sưởng - Tống giết đại phu. Công Dương bàn là không chép tên, vì ba đời không có đại phu, ba đời không kết hôn với ngoài. Bàn thế là sai. Lời văn là đại phu thì phải có đại phu, chứ đâu phải là không có, nghĩa thật là rõ. Vả lại trong nước có chức khanh, thì sao lại không có lấy một đại phu. Những điều lầm sai bậy bạ Kinh không chép cho nên mới đến thế. Còn như Cốc Lương bảo rằng không ghi họ tên vì kiêng húy tên tổ, Cốc Lương cũng bàn sai. Xuân Thu đâu có phải là sách riêng của nhà họ Khổng. Đó là sách các đời sau, thì sao lại kiêng tên húy ông tổ. Vả lại truyện cũng cho biết văn không có kiêng, sao lại được kiêng húy ông tổ mà lại chép.

Xét - Tấn Hầu có công với nhà vua, chưa từng không có báo cáo cho chư hầu. Nếu việc mà không thấy chép vào Kinh, tức là Phu Tử đã san bỏ, Triệu Chư hầu để cần vương nhận đất vua cho, xin dùng lễ toại. Lấy uy thế quân đội mà chiếm đất nhà vua, các điều ấy so với Công thì quá đáng cho nên san bỏ.

楚人圍陳納頓子于頓

SỞ NHÂN VI TRẦN, NẠP ĐỐN TỬ VU ĐỐN

NÙA THU NGƯỜI SỞ VÂY TRẦN, ĐỂ GIÚP ĐỐN TỬ Ở ĐỐN

Tả - Mùa thu, Tần và Tấn đánh nước Nhược. Sở Đấu Khắc, Khuất Ngư Khấu lấy quân Thân Tức đồn thú Thương Mật. Người Tần qua ấp Tích, vào ấp lấy tù binh ra vây Thương Mật, tối đến dàn bày ra, đêm làm lễ sáp huyết, giả như cùng với Tử Nghi, và Tử Biên thề. Dân Thương Mật lo sợ, bàn với nhau là Tần đã được lấy ấp Tích rồi, và quân đồn thú đã phan rồi, thế là ra hàng quân Tần. Quân Tần bắt tù Thân Công tử Nghi Tức, và Công tử Biên, giải về. Lệnh Doãn Sở là Tử Ngọc đuổi quân Tần không kịp, rồi vây nước Trần, giúp Đốn Tử ở đất Đốn. Nhược, chính tại địa giới Thương Mật, một nước nhỏ sau thiên tới huyện Nhược, Nam Quận.

Thương Mật, biệt ấp nước Nhược. Tích, ấp nước Sở, một tên nữa là Vũ.

Công - Sao lại không chép là Tụy (toại), rồi, thì, vì đây là hai việc.

Cốc - Nạp là giúp, để cho lên ngôi, vì trong nước không chịu. Vi (vây) là một việc, giúp là một việc. Lấy chữ tụy mà trình bày. Vả lại giúp Đốn Tử là trình bày.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo rằng giúp Đốn tử là trình bày (trần). Xét trong văn Kinh. Sở Tự giúp Đốn Tử, thì có quan hệ gì đến trình bày.

葬衛文公

TÁNG VỆ VĂN CÔNG

TÁNG VỆ VĂN CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Tấn hầu vây đấy Nguyên. Ra lệnh cho quân đội giữ lương ba ngày, nếu Nguyên không hàng thì về. Thám tử ở trong thành ra mách. Dân Nguyên sắp hàng.

Quân đội xin ở lại chờ. Công nói: Tín là vật quý của một nước, là điều dân trông cậy. Được đất Nguyên mà mất chữ tín, thì còn gì cho dân trông cậy. Thế là mất nhiều hơn "được". Quân Tấn rút lui được một xá, thì quân Nguyên hàng. Tấn mới rời trấn thủ cũ là Nguyên Bá Quán, đến đất Ký, cho Triệu Thôi làm Nguyên đại phu, Hồ Trăn làm Ôn đại phu.

冬十有二月癸亥公會衛子莒慶盟于洮

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỢI, CÔNG HỘI VỆ TỬ, CỬ KHÁNH MINH VU THAO

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI HAI, NGÀY QUÝ HỢI, CÔNG HỘI VỆ TỬ, CỬ KHÁNH THỀ TẠI ĐẤT THAO

Thao là đất nước Lỗ. Khổng Dĩnh Đạt nói, năm thứ 8, thề ở Thao, đất Tào. Năm thứ 31, Lỗ mới được ruộng Tào. Còn ở năm nay thì Thao chưa thuộc về Lỗ. Vậy nhầm.

Tả - Người Vệ hòa với Cử vì ta. Tháng 12, thề ở Thao, sửa soạn hòa hiếu với Vệ Văn Công, và cùng hòa với Cử.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu hỏi tự nhân là Bột Đề nên cho ai trấn thủ đất Nguyên. Bột Đề nói: Xưa Triệu Thôi kiếm được hồ cháo, đói mà không ăn, dâng vua, nên cho ở đất Nguyên.

Cốc - Cử không có đại phu, sao lại viết là Cử Khánh. Vì có Công hội nên phải nói rõ.

Lưu Sưởng - Công hội Vệ Tử Cử Khánh, thề ở Thao. Đỗ bàn rằng: Vệ Văn Công đã táng. Thành Công không xưng tước, chỉ là giữ vị của vua bố, mình chưa gọi là vua nên chép chữ tử, nghĩa là con, là có ý khen. Đỗ bàn thế sai. Chư hầu qua năm lên ngôi thì gọi là vua. Không lên ngôi thì không gọi là vua, đó là lễ thường. Lấy năm làm hạn chứ không lấy táng làm hạn. Nếu cứ lấy táng làm hạn, táng xong, mới xưng là vua, thế thì còn đợi năm sau mới cải nguyên làm gì. Thời Xuân Thu lễ pháp đã như dứt rồi, lấy chư hầu táng xong, vội xưng là vua, nhân thế lấy làm lễ. Đó là lối suy, lối tệ của thời suy, không nên căn cứ vào tục ấy. Lời Đỗ nói, thì Tang chế của Thiên Tử, của

chư hầu đều như thế không phải là phép xưa. Còn Hà Hưu thì bàn rằng Cử không có đại phu, chép Khánh chỉ có ý nghĩa tôn kính. Xét lời nói đó thì biết thật là nói nhảm. Còn Cốc Lương thì bàn rằng Cử không có đại phu, chép Khánh là vì có Công hội phải chép cho đủ. Cốc Lương bàn sai. Cứ thẳng thắn mà nói Vệ Tử, người Cử thì đã sao. Trong Xuân Thu, loại đó có nhiều, đâu phải chỉ có Khánh mới phải chép rõ.

Triệu Bằng Phi - Nước Cử từ sau việc "hoạch noa" (bắt vợ ở đất Hướng đã có nói ở trên), chưa thường thông hiếu với Lỗ, oán thù có thể gọi là sâu lắm. Khi Vệ Thành Công nối ngôi, đang thời có tang, mà hội ở đất Thao, để cùng Cử hòa, xét tâm có chỗ bỏ điều nhỏ, theo nghĩa lớn, trong Chu Lễ đã có câu: điều hòa muôn dân, hợp tứ phương trừ bỏ oán ghét, cùng hòa hợp với nhau. Thế thì việc hòa hiếu là điều mong ước của thánh nhân. Tuy nhiên, hòa với Cử, mà Cử không tới hội, lại cho Khánh đến hội, thì còn hòa gì. Ý hòa là Vệ chủ trương, Cử vốn nghi lễ không thực, không muốn hòa, cho nên chỉ cho đại phu đến hội. Thế thì hội ở Thao chưa thành hẳn. Có thành hẳn thì đợi hội năm sau ở đất Hướng.

Xét - Kinh mà chép hội thề là có ý chê, huống chi Vệ Tử đang có tang mà đi hội thề. Cử lại cho đại phu thề với chư hầu. Riêng có Triệu Bằng Phi bàn rằng Vệ tử muốn cởi oán, há phải là Lỗ sử không kiêng cho Công, mà Cử Khánh thì chép tên. Kinh vốn không ghét hội thề ở Thao, há có phải thế đâu. Vậy nay theo Triệu thị.

Năm Đinh Hợi. Tương Vương năm thứ 18.

二 十 有 六 年

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 26

Tấn Văn năm thứ 2. Tề Hiếu năm thứ 9. Vệ Thành Công, Trịnh, năm đầu. Sái Trang năm thứ 12. Trịnh Văn năm thứ 39. Tào Cung năm thứ 19. Trần Mục năm thứ 14. Kỷ Hoàn năm thứ 3, Tống Thành năm thứ 3. Tần Mục năm thứ 26. Sở Thành năm thứ 38.

春王正月己未公會莒子衛甯速盟于向

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, KỶ MÙI CÔNG HỘI CỬ TỬ, VỆ NINH TỐC, MINH VU HƯỚNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY KỶ MÙI, CÔNG HỘI CỬ TỬ, VỆ NINH TỐC, THỀ Ở HƯỚNG

Hướng, đất nước Cử.

Tả - Mùa xuân, Vương tháng giêng, Công hội Cử tử Phi, Công Ninh Trang Tử, thề tại đất hướng sau hội thề ở Thao.

Cốc - Công không hội đại phu, sao lại chép Ninh Tốc, là vì theo Cử Tử thì có thể nói hội được.

Trương Hiệp - Tháng 12 đã thề, nay lại thề nữa, chỉ làm cho Tề chóng đánh.

齊人侵我西鄙公追齊師至鄎弗及

TỀ NHÂN XÂM NGÃ TÂY BỈ, CÔNG TRUY TỀ SƯ CHÍ HUỀ, PHẤT CẬP

NGƯỜI TỀ XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC LỖ TA, CÔNG ĐUỔI QUÂN TỀ ĐẾN ĐẤT HUỀ, KHÔNG KỊP

Huề là đất Tề.

Tả - Quân Tề xâm tây bỉ nước ta. Đánh vì có hai hội thề.

Công - Nói, đến đất Huề không kịp là ý gì. Là khoe.

Cốc - Người (nhân) là ý yếu kém. Xâm là việc hèn kém. Công mà đuổi, không phải là chính. Tới Huề là lời nói cho mạnh. Không kịp là không muốn, có thể kịp mà không dám kịp đấy thôi. Kẻ xâm thì chép là người. Kẻ bị đuổi thì gọi là sư, là quân. Bảo rằng Công không đuổi kịp, là nói cho oai vệ. Không kịp là sử trong nước chép.

Lưu Sưởng - Đuổi mà không kịp là nói tranh ra thế. Thực ra là sợ không dám kịp Quân Tề, là người Tề, gọi là sư, là quân, là cho to chuyện. Công thì không dám đuổi kịp. Đây là ý chê

rát. Chư hầu theo đạo nghĩa thì chỉ giữ gìn trong bờ cõi, mà tuy đất đai có trăm dặm rồi chính trị cũng lan tràn khắp thiên hạ, chứ chưa thấy nói nước lớn nghìn dặm, lại làm cho thiên hạ sợ được. Cốc Lương có bàn chữ người là ý yếu hèn, chữ xâm là việc nhỏ hèn, chữ Công đuổi là phi chính. Xét lệ của Cốc Lương, vây nhân dân, xua đuổi ngựa trâu gọi là xâm. Nay Tề làm việc vô đạo như thế thì đuổi là phải. Thế sao lại bảo đuổi là bất chính, không kịp là chê: có thể kịp mà không dám kịp, đó là lời sư trong nước. Tuy nhiên, Cốc Lương khi đã chê: "Công không dám kịp" sao lại còn bảo việc đuổi là phi chính.

Xét - Kẻ xâm chép là người, kẻ bị đuổi chép là sư, là quân. Cốc Lương bảo chép Công đuổi không kịp là nói cho to chuyện. Xét bảo không kịp là khiếp sợ, cho nên tăng giá trị quân đội Tề, để kiêng tránh ý khiếp sợ, tức như Lưu Sưởng bảo rằng Công không dám kịp để khoe, tức như Công Dương cho là đuổi đến đất Huề không kịp chỉ là khoa trương, ý giống nhau. Không giống Khổng sớ có bàn: Thay đổi lời văn để rõ tài Công, đuổi quân (sư) Tề là thế. Hồ Truyện bảo Tề dối trá, ít quân thì chép là người, nhiều quân thì chép là sư, là quân. Trước chép người Tề thì thấy Tề làm ra cách yếu, để dụ Lỗ. Sau chép quân Tề thì biết phục binh để đánh Lỗ. Cứ tin lời bàn đó thì hai việc Thành Bộc và Bách Cử, đều chép người Sở khi còn chiến, đều chép quân Sở đi đã thua, há cũng là Sở làm mưu dối trá để dụ Tấn với Ngô chăng. Xét về nghĩa thì thấy chưa ổn. Cứ như Tôn Phục, Tô Triệt bàn không thể nói công đuổi người Tề, nên viết là Tề sư, bàn thế gần lý hơn. Tuy nhiên, thường chép "người Vệ tan vỡ" thì khi bại có thể chép chữ người, vậy khi đuổi thì cũng có thể chép đuổi người Tề được. Cho nên, cứ theo lời bàn của Cốc Lương mà thêm lời giải thuyết của Lưu Sưởng vào, còn Khổng Sớ thì san bỏ.

夏齊人伐我北鄙

HẠ, TỀ NHÂN PHẠT NGÃ BẮC BỈ

MÙA HẠ NGƯỜI TỀ ĐÁNH BIÊN GIỚI BẮC NƯỚC LỖ TA

衛人伐齊
VỆ NHÂN PHẠT TỀ
NGƯỜI VỆ PHẠT TỀ

Tả - Mùa hạ, Tề Hiếu Công phạt bắc bỉ nước ta. Người Vệ phạt Tề. Nguyên nhân là hội thề ở đất Thao. Công sai Triển Hỷ ra đón và dặn rằng trước khi đi phải hỏi kế sách Triển Cầm tức là Liễu Hạ Huệ, cứ theo lời Cầm dặn dò mà thương thuyết. Tề Hầu chưa vào cõi. Hỷ yết kiến nói: Vua tôi nghe nhà vua thân rời gót ngọc tới tệ ấp, nên cho tôi ra khao quân. Vua Tề hỏi, người Lỗ có sợ không. Đáp: Nhân dân thì sợ, quan lại không sợ. Hỏi: Vào nước ngươi như vào nhà trống, ngoài đồng đến co xanh cũng không có. Trông nhờ vào gì mà không sợ. Đáp: Trông nhờ vào mệnh các tiên vương. Xưa, Chu Công, Thái Công là chân tay cho nhà Chu giúp Thành Vương. Thành Vương biết công, mới cho lập minh ước, trong minh ước có câu: Đời đời con cháu không được hại nhau. Lời thề đặt trong phủ riêng, quan Thái Công giữ bản thề. Vì thế Hoàng Công mới nhiều lần họp được chư hầu, răn bảo những ai không hòa hợp, vá víu lại chỗ đứt rách, và cứu các nước hoạn nạn để tỏ rõ chức vụ xưa. Từ khi nhà vua lên ngôi, các chư hầu mong lắm, chắc rằng công nghiệp Hoàn Công lại được nối tiếp. Nước tôi tuy bé nhỏ không phải nghĩ đến việc tu tập quân binh phòng thủ, nghĩ rằng ngài nối ngôi chín năm nếu nay bỏ mệnh cũ tiên vương, bỏ chức vị cũ trong lời thề thì đối với tiên quân ra sao, chắc ngài không thế đâu - trông cậy vào đó nên không sợ.

Tề Hầu nghe xong đem quân về.

公子遂如楚乞師
CÔNG TỬ TOẠI NHƯ SỞ KHẤT SƯ
CÔNG TỬ TOẠI SANG SỞ XIN QUÂN

Khởi đầu chép việc xin quân.

Tả - Đông Môn Tương Trọng, Tang Văn Trọng sang Sở xin

quan. Tang Tôn yết kiến Tử Ngọc, nói về việc đánh Tề và Tống vì Tề Tống không phục Sở.

Công - Xin quân là lời khất ai. Sao người nước mình cũng có giọng nói như người nước ngoài. Là vì trọng quân đội. Quân đã đi ra thì hoặc trở về, hoặc là thắng đều là bất chính.

Cốc - Xin có ý khất ai. Chữ quan trọng vì quan hệ đến tính mệnh người, chứ không phải quan trọng ở việc khất ai. Quân đi ra không cứ là phải về, chiến không cứ là phải thắng, vì thế mà quan trọng.

秋楚人滅夔以夔子歸
THU SỞ NHÂN DIỆT QUỲ, DĨ QUỲ TỬ QUY
MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC QUỲ, ĐEM QUỲ TỬ VỀ

Quỳ là một nước cùng họ với nước sở.

Ta - Quỳ Tử không thờ Chúc Dung, với Dục Hùng. Người Sở trách Quỳ Tử. Đáp: Tiên Vương tôi là Hùng Chí có tật. Quỷ thần không tha. Rồi tự ẩn nấp ở Quỳ. Vì thế mất Sở thì còn cúng làm gì. Mùa thu, Sở, Thành Đắc Thần, Đấu Nghi Thân, cầm quân diệt Quỳ đem Quỳ Tử về.

Cốc - Quỳ là một nước. Không biên ngày là vì nước nhỏ. Đem về còn tệ hơn là chữ bắt về.

Đỗ Dự - Quỳ là nước cùng họ với nước Sở. Chúc Dung là chức quan trọng dòng họ Cao Tân, tổ xa nước Sở. Dục Hùng là cháu 12 đời của Chúc Dung.

冬楚人伐宋圍緡
ĐÔNG SỞ NHÂN PHẠT TỐNG VI MÂN
NGƯỜI SỞ, PHẠT TỐNG, VÂY MÂN

Tả - Tống vì thân thiện với Tấn, mới phản Sở. Mùa đông, Sở Lịnh Doãn là Tử Ngọc. Cùng Tư Mã Tử Tây, cầm quân đánh Tống, vây ấp Mân.

Công - Ấp thì không chép là vậy. Đây dùng chữ vậy là như nói dụng sư dụng binh.

公以楚師伐齊取穀

CÔNG DĨ SỞ SƯ PHẠT TỀ, THỦ CỐC

CÔNG LẤY QUÂN SỞ PHẠT TỀ CHIẾM ĐẤT CỐC

Tả - Phàm quân đội có thể dùng Tả quân, có thể dùng hữu quân, thì gọi là lấy. Đặt Hoàn Công tử Ung tại đất Cốc, có Dịch Nha theo hầu để làm Lỗ viện. Sở Thân Công Thúc Hầu đóng quân đồn thú. Hoàn Công có bảy người con làm quan đại phu ở Sở.

Cốc - Chữ dĩ là lấy, dùng ở đây, có ý là không nên lấy. Dân là gì. Là căn bản của vua. Sai dân đến chỗ chết không phải là chính.

公至自伐齊

CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TỀ

CÔNG TỰ PHẠT TỀ VỀ

Công - Đây là chiếm đất Cốc rồi, sao lại chép là phạt Tề về. Là chửa được Cốc vậy. Tai nạn mà sinh ra chắc là tự đó.

Cốc - Việc dở thì không nói chữ chí về. Đây chép, là việc sẽ nguy.

Năm Mậu Tý. Tương Vương năm thứ 19.

二十有七年

NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 27

Tấn Văn năm thứ 3. Tề Hiếu năm thứ 10. Vệ Thành năm thứ 2. Sái Trang năm thứ 13. Trịnh Văn năm thứ 40. Tào cung năm thứ 20. Trần Mục năm thứ 15. Kỷ Hoàn năm thứ 4. Tống Thành năm thứ 4. Tần Mục năm thứ 27. Sở Thành năm thứ 39.

春杞子來朝

XUÂN KỶ TỬ LAI TRIỀU

MÙA XUÂN, KỶ TỬ LẠI CHẦU

Tả - Mùa xuân, Kỷ Hoàn Công lại chầu, dùng lễ xứ mọi, cho nên gọi là Tử. Công khinh Kỷ vì là Kỷ bất cung.

Xét - Kỷ xưng là tử, là đương thời nhà vua truất đi. Tả Thị tựa như cho là Khổng tử truất. Không phải. Kinh Xuân Thu có khen chê, nhưng không có thăng giáng. Khổng Tử ghét chư hầu tiếm Thiên Tử thế mà lại thăng giáng quyền chư hầu, thì ra tự mình cũng tiếm. Nói thế có nghe được không. Đỗ Dự ở trong việc Đằng Tử đã cho là, Đằng bị thời Vương truất, đây lại cứ theo Tả Thị thì càng thấy sai quá.

夏六月庚寅齊侯昭卒

HẠ LỤC NGUYỆT CANH DẦN, TỀ HẦU CHIÊU TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY CANH DẦN, TỀ HẦU CHIÊU MẤT

Tả - Mùa hạ, Tề Hiếu Công mất. Lỗ vốn oán Tề mà vẫn chép thế là lễ.

秋八月乙未葬齊孝公

THU BÁT NGUYỆT, ẤT MÙI, TÁNG TỀ HIẾU CÔNG

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY ẤT MÙI, TÁNG TỀ HIẾU CÔNG

乙巳公子遂帥師入杞

ẤT TỴ, CÔNG TỬ TOẠI SUẤT SƯ NHẬP KỶ

NGÀY ẤT TỴ, CÔNG TỬ TOẠI CẦM QUÂN VÀO NƯỚC KỶ

Tả - Mùa thu, Công tử Toại vào Kỷ, trách Kỷ vô lễ.

Đỗ Dự - Không chiếm đất thì gọi là vào. Tháng tám không có ngày Ất Tỵ. Tháng chín ngày mùng sáu mới là Ất Tỵ.

冬楚人陳侯蔡侯鄭伯許男圍宋

ĐÔNG, SỞ NHÂN, TRẦN HẦU, SÁI HẦU, TRỊNH BÁ HỨA NAM, VI TỐNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ. TRẦN HẦU, SÁI HẦU. TRỊNH BÁ HỨA NAM. VÂY TỐNG

Tả - Sở Tử sắp vây Tống, sai Tử Văn duyệt binh ở đất Khuê. hết buổi sớm đã xong, không giết một người nào. Tử Ngọc (Thành Đắc Thần) duyệt binh lại ở đất Vỉ, một ngày mới xong, đánh bảy người, xẻo tai ba người. Các quan đến mừng Tử Văn. Tử Văn bày tiệc thết Tử Ngọc, và các quan. Vỉ Giả khi đó còn bé, đến sau, không mừng. Tử Văn hỏi. Đáp: Không biết mừng việc gì Ngài truyền quyền chính cho Tử Ngọc để cho nước được yên trị. Yên trị ở trong nước mà thất bại ở ngoài thì có được hơn gì không. Tử Ngọc mà thất bại là do ngài đề cử. Đề cử để cho nước thất bại, thì tôi còn mừng gì, Tử Ngọc, cương mà vô lễ, không thể để trị dân. Quân đội quá ba trăm cỗ xe thì Tử Ngọc không có tài điều khiển. Nếu không hỏng việc thì bấy giờ tôi sẽ mừng cũng không muộn.

Mùa đông, Sở Tử cùng chư hầu vây Tống, Công Tôn Cố nước Tống sang Tấn cáo cấp. Tiên Chẩn ở Tấn nói: Cứu nguy, báo oán, thi ân, gây uy tín, định nghiệp Bá, là ở lúc này, Hồ Yển bàn: Sở mới được Tào, lại mới kết hôn với Vệ, nếu ta đánh Tào, Vệ, thì Sở tất phải cứu, thế là Tề và Tống khỏi nạn. Tấn mới duyệt binh ở đất Bị Lư. Chia làm ba đạo quân, chọn một nguyên suý. Triệu Thôi đề cử Khước Cốc nói: Thần nghe Khước Cốc chăm học lễ nhạc, Thi, Thư. Thi, Thư là cái kho chứa nghĩa, lễ nhạc là cái phép của đức. Đức nghĩa là gốc việc lợi. Sách Hạ Thư có nói: Nạp thuế phân đẳng hạng. Tính bằng số công tác. Nay việc binh xa cần sự điều khiển, xin nhà vua thử dùng. Vua Tấn mới sai Khước Khốc làm tướng Trung quân, Khước Trăn làm phụ tá, Hồ Yển làm tướng đạo Thượng Quân. Hồ Yển xin nhường cho Hồ Mao rồi phụ tá cho Hồ Mao. Sai Triệu Thôi làm chức khanh, nhưng Thôi nhường cho Loan Chi làm tướng đạo Hạ Quân, mà Tiên Chẩn phụ tá. Tuân Lâm Phủ giữ chức Ngự Nhung, Nguỵ Thù phụ tá.

Tấn Hầu khi mới về nước lên ngôi, bắt đầu dạy dân. Hai năm sau, muốn dùng dân, Tử Phạm nói: Dân chưa biết nghĩa, làm ăn chưa yên chốn. Thế là có việc giúp Tương Vương (nghĩa). Khi giúp xong về, chuyên công vụ lợi dân, dân mới mong sinh sống. Vua lại định dùng dân. Tử Phạm lại nói: Dân chưa biết tín, chưa nên dùng. Thế là có việc phạt đất Nguyên (tín), dân bắt đầu dễ làm ăn, không tham lam quá. Công nói, dùng dân được rồi. Tử Phạm lại nói: Dân chưa biết lễ, chưa dùng được. Thế là có việc duyệt binh để cho biết hàng ngũ, ngôi thứ, dân không còn ngờ nghệch nữa. Bấy giờ mới dùng đến. Thắng dồn thú ở Cốc, giải vây cho Tống, một trận mà nên nghiệp Bá. Đó là công dạy dỗ của Tấn Văn Công.

Khuê - Vĩ, là đất Sở. Bị Lư là đất nước Tấn.

Công - Đây là Sở Tử, mà chép là người Sở tức là biếm, chê, chê vì bắt Tống Công, cho nên từ đầu tới cuối Thiên Hi Công toàn là chê.

Cốc - Người Sở là Sở Tử. Gọi vua chư hầu, dùng chữ người, là ý không muốn cho di địch mà được đánh Trung Quốc.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn gọi là người là chê vì việc bắt Tống Công. Đâu có phải. Tống Tương Công chết đã lâu rồi. Đầu Xuân Thu đã chê rồi. Nói rằng suốt thiên Hi Công toàn chê, tại sao. Để làm gì.

十 有 二 月 甲 戌 公 會 諸 侯 盟 于 宋

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, GIÁP TUẤT, CÔNG HỘI CHƯ HẦU, MINH VU TỐNG

THÁNG 12, NGÀY GIÁP TUẤT, CÔNG HỘI CHƯ HẦU THỀ Ở TỐNG

Xét - Trong hội với Tề, không chép Công (Lỗ) mà trong hội với Tống thì chép Công. Gia Huyền Ông cho là không phải vì Công mà kiêng tránh. Ý nghĩa trách Công thế là nặng lắm. Xét Kinh mà bỏ Sở Tử không chép cũng là vì Công mà kiêng tránh vậy. Giống như hội thề ở đất Bạc.

Năm Kỷ Sửu. Tương Vương năm thứ 20.

二十有八年

NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 28

Tấn Văn năm thứ 4. Tề Chiêu Công Phan năm đầu. Vệ Thành năm thứ 3. Sái Trang năm thứ 4. Trịnh Văn năm thứ 41. Tào Cung năm thứ 11. Trần Mục năm thứ 16. Kỷ Hoàn năm thứ 5. Tống Thành năm thứ 5. Tần Mục năm thứ 28. Sở Thành năm thứ 40.

春晉侯侵曹晉侯伐衛

XUÂN, TẤN HẦU XÂM TÀO, TẤN HẦU PHẠT VỆ

MÙA XUÂN, TẤN HẦU XÂM TÀO, TẤN HẦU PHẠT VỆ

Tả - Năm thứ 28, mùa xuân, Tấn Hầu sắp phạt Tào, mượn đường nước Vệ. Người Vệ không cho. Sứ về. Quân Tấn mới sang sông Nam Hà, xâm Tào vào phạt Vệ. Tháng giêng ngày Mậu Thân, lấy đất Ngũ Lộc, Tháng hai, Tấn Khước Khốc (cũng đọc là Hộc) chết. Nguyên Chẩn lên thay làm tướng Trung Quân, Tư Thần giúp ở Hạ Quân. Chọn thế là theo đức mà chọn. Tấn Hầu, Tề Hầu thề ở đất Liễm Vu. Vệ Hầu xin thề, người Tấn không cho, Vệ Hầu muốn xin Sở, dân trong nước không muốn cho nên đuổi vua đi để lấy lòng Tấn. Vệ Hầu mới chạy đến ở đất Tương Ngưu.

Nam Hà, từ huyện Cấp chảy về Nam, khỏi Vệ Nam thì quay sang đông. Ngũ Lộc, Liễm Vu, Tương Ngưu, là đất nước Vệ.

Công - Sao viết hai lần Tấn Hầu. Không phải là hai việc nối nhau. Hai việc thì đã dùng chữ Tụy là rồi. Đây là chưa xâm Tào, mới chỉ có ý ấy, rồi mượn đường Vệ để xâm, Vệ không cho mới phạt Vệ.

Cốc - Hai lần chép Tấn Hầu là ghét.

Tôn Phục - Tào và Vệ được nước Sở giúp. Tấn Hầu sắp cứu Tống, cho nên xâm phạt Tào Vệ, không nói là rồi phạt Vệ. Không

phai là việc nọ nối việc kia. Đó là xâm Tào đã trở về rồi, mà sau mới phạt Vệ. Cho nên chép: Tấn Hầu xâm Tào, Tấn Hầu phạt Vệ vậy.

Lưu Sưởng - Sao lại hai lần chép Tấn Hầu. Xâm là một việc. Phạt là một việc. Công Dương bàn chữa xâm Tào, bàn thế sai. Vì như chữa xâm Tào, Xuân Thu, đâu có dò thám tình mà đi chép trước. Cốc Lương bàn hai lần chép Tấn Hầu, là ghét, bàn thế sai, tức như hai lần ra quân thực, thì lấy gì biết được.

Lã Đại Khuê - Theo Sở đê vây Tống, có các nước Trần, Sái, Trịnh, Hứa, Tấn Văn Công không đánh Trần, Sái Trịnh, Hứa, mà lại đi đánh kẻ vô tội là Tào, Vệ - Trần, Sái, Trịnh, Hứa, là các nước gần nước Sở. Tào Vệ là các nước Tống. Tấn thì ở xa các nước Trần, Sái, Hứa, Trịnh, thì không có cách gì đánh để giải vây cho Tống, mà cũng không tới được Sở. Thế thì đâu có cuộc chiến Thành Bộc được. Tào, Vệ, tuy không dự vào việc vây Tống, nhưng Sở vốn thấy hai nước đã quy phục, Tào thì mới được, mà Vệ thì mới kết hôn. Tề mà phạt Sở là do cậy có Giang, Hoàng, mà người Sở phạt Tống đâu có được Tào, Vệ giúp.

Xét - Xâm Tào, phạt Vệ, Hồ Truyện cho là chê về báo oán, cứ như Tả Thị thì cho là Tấn Văn Công khi còn chạy trốn, bị Tào và Vệ thiếu lễ. Tuy nhiên, khi được người Tống cáo cấp, Tử Phạm đã định xâm Tào, phạt Vệ, mưu kế đã sẵn rồi, gây uy, định Bá thực là do việc này, đâu có phải chỉ là báo oán mà chê. Thế rồi sau, chép người Sở cứu Vệ, thì lại cho là chê Tấn. Xét vua Sở thường chép là Tử. Trong việc Sở cứu Vệ thì, Kinh chép người Sở bảo rằng khen Sở mà chê Tấn thì cũng không phải. Đến việc không đánh Trần, Sái, Trịnh, Hứa, mà đánh Tào, Vệ, theo như Lã Đại Khuê, thì hai lần khen điều nghĩa của Tấn Hầu thuyết của Tôn Phục, của Lưu Sưởng được lắm. Cho nên ở đây không chép lời Hồ Truyện.

公子買戍衛不卒戍刺之

CÔNG TỬ MẠI THÚ VỆ, BẤT TỐT THÚ, THỨ CHI

CÔNG TỬ MẠI ĐỒN THÚ Ở VỆ, KHÔNG THÀNH CÔNG, BỊ GIẾT CHẾT

Tả - Công tử Mại đồn thú ở Vệ. Người Sở cứu Vệ, Mại không chống được. Công (Lỗ) sợ Tấn. Giết Tử Mại (cũng chép là Tử Tùng), bảo người Sở rằng: Vì không thành công đồn thú.

Công - Không xong được việc đồn thú là thế nào. Đó là lời sử trong nước mới có giọng ấy. Không nên sai Mại đi. Thế thì sao lại đi thú. Là theo ý Công. Thứ là gì. Là giết chết. Sao dùng chữ thứ. Là kiêng chữ sát (sát: giết chết đại phu). Cho nên, Lỗ sử dùng chữ thứ.

Cốc - Chép tên, rồi sau chép giết, tức là giết kẻ có tội. Công tử Khải nói, không xong việc đồn thú, có thể xong được mà không xong. Thế là làm tội Công tử. Giết đi là phải.

Khổng Dĩnh Đạt - Kinh chép là tên Mại. Truyện chép là tên Tùng. Chắc là tên Mại tự là Tùng, hoặc chữ tựa tựa nhau mà nhầm.

Lưu Sưởng - Giết đại phu không nêu rõ tội. Mà nêu rõ tội thì lại cẩn buộc tội, thành ra lạm. Kinh Xuân Thu cứ thẳng mà chép, thấy rõ là lạm. Công Dương bàn không nên sai đồn thú. Bàn sai. Nếu không nên sai mà giết thì là tội. Thế thì sao đổi lời văn, bảo không xong việc đồn thú. Cốc lương bàn: trước chép tên, sau chép giết là giết kẻ có tội. Cũng bàn sai. Thường không nói việc làm. Hễ nói việc làm là có ý chê. Thế thì giết (thứ), không nói tội bị giết. Nói tội bị giết là kiêng tránh.

Xét - Sách Thuyết Văn có nói: Thứ là giết. Vua giết đại phu thì gọi là thứ. Chữ thứ dùng trong quan tư nhà Chu, với chữ thứ đây không giống nhau. Cho nên một lần thứ gọi là tấn, tra hỏi quần thần. Hai lần thứ thì tra hỏi quan lại. Ba lần thứ thì tra hỏi muôn dân. Đều là cách thẩm vấn. Từ Trịnh Khang Thành mới giải thích nhầm chữ thứ ra chữ sát. Vì thế,

Đỗ Dư và về sau, đều dẫn nghĩa ba thứ để giải thích Kinh Xuân Thu. Tuy nhiên, Hồ Truyện cho rằng, thứ là xét đến tình, cùng mọi người cùng xử. Vậy thứ cũng có nghĩa là đã xét (thẩm). Đã lấy thứ làm thẩm, xét mà còn dùng ba thuyết trên về thứ, là cho rằng công tư Mai đồn thú không xong, tức là thẩm xét việc thú. Như thế liệu có được không. Cho nên nay lấy Công Dương Truyện làm chủ còn như ai mà dẫn chứng Chu quan ra đều san bỏ đi

楚人救衛

SỞ NHÂN CỨU VỆ

NGƯỜI SỞ CỨU VỆ

Cao Kháng - chép cứu không phải là khen việc. Là nêu rõ tội nước Vệ phụ vào Sở. Tấn Văn Công thật là đã thành mưu khiến cho Sở phải đem quân tới. Quân Sở có rời khỏi đất nước thì mới có cuộc chiến ở Thành Bộc.

三月丙午晉侯入曹執曹伯畀宋人

TAM NGUYỆT, BÍNH NGỌ, TẤN HẦU, NHẬP TÀO, CHẤP TÀO BÁ TÝ TỐNG NHÂN,

THÁNG BA NGÀY BÍNH NGỌ, TẤN HẦU VÀO TÀO BẮT TÀO BÁ CHO NGƯỜI TỐNG

Tả - Tấn Hầu vây Tào. Ở cửa thành, Tấn quân chết nhiều. Người Tào đem chăng xác trên mặt thành. Tấn Hầu lo, mới theo mưu sĩ bàn, cho nói phao lên là sẽ đem quân đóng ở ngoài thành, nơi mồ mả người Tào, rồi sẽ cho khai quật lên. Người Tào hoảng sợ, đem xác quân Tấn, khâm liệm lại rồi cho mang ra. Nhân lúc dân hoang hốt, Tấn đánh thành. Tháng ba ngày Bính Ngọ, vào được thành, kể tội rằng vua Tào không biết dùng người hiền là Hi Phụ Cơ, đem sổ, tên họ đại phu trở lên đến 300 người giết hết. Rồi hạ lệnh cấm không ai được xâm phạm đến Hi Phụ Cơ và họ hàng để báo ơn ngày trước.

Nguỵ Thu với Điền Hiệt tức giận nói: Công lao nhiều thì không nói đến, ơn huệ có gì mà báo đáp thế. Rồi đốt nhà Hi Phụ Cơ. Nguỵ Thù vô ý bị cháy và bị thương ở ngực. Công muốn giết, nhưng còn tiếc tài, sai người tới nhà coi và thăm, hễ bị bệnh nặng mới giết. Nguỵ Thù đoán được, mới sai bó ngực lại, tiếp kiến sứ giả nói: Nhờ ơn vua tôi cũng không sao. Nói rồi dùng dược, nhảy nhót nhiều lần, ra bộ khoẻ mạnh. Vua mới tha cho, chỉ giết Điền Hiệt, cho quân đội đều biết phép nghiêm. Rồi cho Chu Chi Kiều giữ chức Hữu Nhung. Người Tống lại cáo cấp, sứ là Môn Doãn Ban, Tấn Văn công hỏi Tiên Chẩn. Việc Tống gấp rồi. Bỏ không cứu thì còn chi là Tống. Mà cứu thì phải đánh Sở. Đánh Sở phải hợp với Tề và Tần. Nay chưa hợp biết làm thế nào. Tiên Chẩn hiến kế: Bảo Tống bỏ ta mà hối lộ cho Tề và Tần. Để Tề, Tần, tham của phải chiến với Sở. Công mừng, theo kế, bắt Tào Bá, rồi chia ruộng Tào, Vệ cho Tống.

Công - Tý là cho. Chép cho người Tống là thế nào? Là sai Tào Bá theo lệnh Tống. Tội Tào Bá thế nào? Tào Bá rất bậy không phải chỉ có một tội.

Cốc - Chữ nhân là người. Dùng chữ người là ý nói người trong nước không chịu. Dùng chữ nhập là chê. Khen Tấn Hầu nhưng chê việc bắt Tào Bá. Tý là cho. Chép là nhân, là chê Tấn hầu cho Tống Công.

Lưu Sưởng - Trong việc bắt người, sao lại chép cả tước người bị bắt. Là để rõ phận sự vị Bá. Vốn là Tào Cung vô đạo, xa quân tử, gần tiểu nhân, mà đại phu bị giết đến 300 người. Sao lại nói là "cho người Tống", thế tức là Tấn Hầu bắt Tào Bá mà cho người Tống là lối quỷ quệt. Cốc Lương mà bàn rằng, như Tấn Hầu mà đi bắt Tào Bá là chê ghét Tấn Hầu. Bàn thế là sai. Ví thử chép là "người" Tấn, bắt Tào Bá thì Cốc Lương có cho như là người Tề bắt Trần, Viên Đào Đồ không, có chê vì tội muốn quân Tề không qua nước mình không.

夏四月己巳晉侯齊師宋師秦師

及楚人戰于城濮楚師敗績

HẠ TỨ NGUYỆT KỶ TỴ, TẤN HẦU, TỀ SƯ, TỐNG SƯ, TẦN SƯ, CẬP SỞ NHÂN CHIẾN VU THÀNH BỘC, SỞ SƯ BẠI TÍCH

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ TỴ, TẤN HẦU, QUÂN TỀ, QUÂN TỐNG, QUÂN TẦN, CÙNG NGƯỜI SỞ CHIẾN Ở THÀNH BỘC, QUÂN SỞ TAN VỠ

Tả - Sở Tử đóng quân lại ở đất Thân, sai Thân - Thúc sang Cốc địa bảo rút quân về, trả cho Tề Cốc địa, lại sai sứ sang Tống bảo Tử Ngọc, cũng rút quân về và nói rằng: Vua Tấn lưu lạc ở nước ngoài 19 năm, nay làm vua, bao nhiêu dân tình thế cố, đã từng trải hết. Trời đã xui khiến cho nước Tấn được cường thịnh, ta khó mà địch nổi, chi bằng ta hãy chịu nhường. Trong phép quân có ba điều. Đã ổn định không trái lẽ thì về, biết khó thì lui, người có đức, ta không nên địch. Ba điều ấy là nói đến Tấn bây giờ đấy. Tử Ngọc sai Bá Phần về xin Sở cho chiến nói, không phải là dám lập công, chỉ mong tránh được những tiếng gièm pha dối dá. Vua Sở giận, chỉ cho Đấu Nghi Thân đem một ít quân thêm. Tử Ngọc mới sai Uyển Xuân cáo với quân Tấn rằng, xin phục lại Vệ Hầu và hoàn lại đất nước cho Tào, thì cũng giải vây nước Tống. Tử Phạm nói, Tử Ngọc vô lễ thực. Quân đòi một, thần đòi hai, không ưng thuận được. Tiên Chẩn nói, ta cứ cho. Định yên được cho người ta, thế là lễ. Sở nói có một lời mà yên định được ba nước. Ta nói có một lời mà làm hại cho ba nước. Thế thì chiến sao được. Không hứa cho Sở là bỏ Tống. Đã cứu Tống mà lại bỏ Tống, thì còn đối sao được chư hầu. Sở có ba lần làm ơn. Ta có ba lần làm oán. Oán thù đã nhiều rồi, thế thì chiến sao được. Không gì bằng mật hứa phục quốc với Tào và Vệ, để cho họ theo mình, rồi bắt giam Uyển Xuân lại, làm cho Sở tức giận sang đánh ta, rồi ta sẽ liệu. Tấn Công nghe theo, bắt Uyển Xuân giam ở đất Vệ mà mật hứa

phục quốc cho Tào, Vệ, Tào Vệ mới biên thư tuyệt giao với Sở. Tử Ngọc giận, đem quân đánh Tấn. Quân Tấn tạm lui. Các tướng tá Tấn nói với Tấn Công: Vua mà tránh tướng (vua Tấn tướng Sở) là nhục. Vả lại quân Sở già yếu. Sao ta lại lui. Tử Phạm nói: Quân đội thẳng thắn là mạnh, mà gian dối là yếu, cứ gì tuổi. Không có Sở, thì ta đâu có ngày nay. Lui ba xá (mỗi xá ba dặm) tránh đi để báo ơn. Ta mà bội ơn, tức là ta cong, mà Sở thẳng. Thế thì quân Sở sẽ đầy đủ, đâu có gọi là già yếu nữa. Ta lui mà Sở về thì ta còn cầu gì hơn. Nếu Sở không về tức là vua lui thần lại phạm tới, thế là cong ở Sở. Tấn lui ba xá, quân Sở muốn đình lại. Tử Ngọc không cho. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Thìn, Tấn Hầu, Tống Công, Tề: Quốc Quy Phủ, Thôi Yểu, Tần: Tiểu Tử Ngân, Đóng quân tại thành Bộc. Quân Sở đóng quân vào đất Huề. Tấn Hầu lo ngại. Nghe thấy tiếng hát ca dao trong quân có câu: Ruộng đất phì nhiêu, bỏ lối xưa, theo cách mới. Công lại càng nghi. Tử Phạm nói, cứ chiến. Chiến mà được là được chư hầu. Nhược bằng không được thì rút về giữ đất nước, cũng có gì là hại. Công nói: Thế còn ơn Sở thì nghĩ sao. Loan Trinh Tử nói: Các họ Cơ ở đất Hán Dương Sở đã kiêm hết. Nhớ ơn nhỏ mà quên điều xấu lớn thì không nên, xin cứ chiến. Tấn Hầu mộng thấy cùng Sở Tử vật nhau. Sở tử nằm phục xuống, đánh vỡ đầu rồi hút óc mình. Tấn Hầu tỉnh dậy sợ. Tử Phạm nói: Thế là việc tốt. Ta được nhìn trời. Sở phục ở trên, nhìn xuống đất, thế là phục tội. Hút óc ta là chịu nhu mềm mà thần phục đó. Tử Ngọc sai Đấu Bột đưa chiến thư, trong có nói, xin cùng với tướng sĩ nhà vua đùa bỡn nhau. Nhà vua đứng trên mà xem. Thần cũng ghé mắt coi. Tấn Hầu sai Loan Chi đáp: Quả nhân xin theo mệnh. Tôi không dám quên ơn vua Sở, vì thế mới lui quân tới đây, đâu có dám mong đối địch với vua Sở. Nay đại phu chưa cho là được, tôi xin sửa xe giáp vâng mệnh đại phu, sáng mai tương kiến. Bên Tấn có 700 cỗ xe (độ năm vạn quân) cả ngựa lẫn xe đầy đủ thắng đái, dây cương. Tấn Hầu lên cao (gò Hữu Sằn) đứng coi nói: Trên, dưới, trước sau đều đặn, có thể dùng được rồi. Mới sai chặt thêm cây để thêm đồ binh. Ngày Kỷ Tỵ, quân Tấn dàn bày ở phía bắc đất Sằn, Tư thần lấy Phó tướng Hạ Quân đương với Trần, Sái, Tử

Ngọc lấy Nhược Ngao đem bo tót, tương Trung Quân nói: Ngày hôm nay là thôi không có Tấn nữa. Tử Tây tướng Ta Quân, Tử thương tướng hữu quân. Tư thần cho lấy. Tư thần cho lấy hổ trùm lên ngựa, trước tiên xông vào cánh quân Trần. Sái. Trần. Sái, bo chạy. Thế la cánh hữu quân cua Sơ tan vơ. Hồ Mao cho giơ cao cờ đại bái, rồi lui Loan Chi cho kéo lê canh cây cho cat bụi bay, làm ra thế thua chạy. Quân Sở mới xong lên đuổi theo Nguyên Chân (Tấn). Khước Trăn mơi lấy toàn Trung quân chặn ngang. Hồ Mao, Hồ Yển đem thương quân đánh Tư Tây. Thế là Ta quân Sơ tan vỡ. Toàn quân Sở thua. Tư Ngọc thu được tàn quân đóng lại, cho nên không đến mất hết quân. Quân Tấn đóng lại ba ngày ơ đất Cốc, đến ngày Quý Dậu thì keo về. Gò Hữu Sằn là tên một nước cũ.

Công - Đây là một cuộc đại chiến, sao lại chép như một trận thường Sao. Tử Ngọc Đắc Thần có mặt đây mà chép la người Sở. Là chê. Chê vì đại phu địch với một vị vua.

Xét - Cuộc chiến ở thành Bộc có Tống Công. Ba nước, Tề, Tống, Trần đều chép là sư, là quân. Riêng Tấn thì chép tước (Tấn Hầu) cũng như các việc Bắc Hạnh, Tao Nam. Đo là cơ hội cho Tấn thành nghiệp bá. Đắc Thần chết thì chép là đại phu, mà trong trận này thì chép là người Sở, là chê biếm, đều là giúp cho Tấn cả. Tề Hoàn dụng binh, đều chép là nhân, người. Duy có việc phạt Sở cứu Trịnh là chép tước. Tấn Văn từ khi dụng binh đến nay, đã bao lần xâm, phạt, chiếm, bắt, đều chép tước, thì ta biết ngay Tấn thế nào. Hồ Truyện bàn là Kinh chép thường giản lược không cần chữ đẹp, e chưa hợp với ý của Kinh, cho nên không kể Hồ Truyện ra đây.

楚 殺 其 大 夫 得 臣

SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU ĐẮC THẦN

SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ ĐẮC THẦN

Khởi thủy chép chữ đại phu ở nước sở.

Tả - Xưa, Tử Ngọc (Sở) làm cho mình mũ biện dát ngọc, giải mũ dát ngọc. Chưa dùng tới. Trước khi chiến, mộng thấy Hà Thần

bao: Cho ta, ta sẽ cho người hươu nai đất Manh Chư. Tư Ngọc không ta thán. Con là Đại Tâm, cùng với Tư Tây sai Vinh Hoàng can. Tư Ngọc không nghe. Vinh Quy nói: Chết mà lợi cho nước cũng có thể chết được, huống ngọc quỳnh, nên coi như đất bùn. Bỏ nó đi, mà giúp được cho việc quân thì tiếc làm gì. Không nghe. Vinh Hoàng ra bảo hai người rằng: Không phải là thần linh hại quan lệnh Doãn. Quan Lệnh Doãn không siêng năng việc dân là tự hại rồi. Khi quân đã thua, Vua Sở cho bảo: Nếu đại phu về đối với các đại phu các nước Thân, Tức, như thế nào. Tư Tây (Đấu Nghi Thân) và Tôn Bá (Thanh Đại Tâm) đáp: Đắc Thần sắp chết, hai chúng tôi có ngăn và bảo đề đợi nhà vua trị tội. Khi Tư Ngọc về đến Liên Cốc thì tự sát. - Tấn Hầu nghe tin, mừng lắc, nói: Thôi, không hại ta được nữa. Nếu Vĩ Lã Thần có làm Lệnh Doãn thì biết lo tự phụng thôi, không nghĩ đến dân đâu.

Manh Chư là đầm hồ nước Tống. Liên Cốc là đất nước Sở

Hồ Truyện - Xét Tả Thị, Tư Ngọc ra ứng chiến, Tấn Văn Công lui ba xá để tránh. Quân Sở muốn thôi không đánh nữa. Tư Ngọc không cho, mới chiến tại Thành Bộc. Quân Sở tan. Vậy Đắc Thần thực là có tội. Sở Tử đã biết là không nên ứng chiến, mà lại không báo, không ngăn được Tử Ngọc, rồi chỉ thêm cho ít quân, sau lại vì một trận thua mà giết Tư Ngọc, thế là lấy quân làm trọng mà bỏ tướng để được quân. Thế là Tấn hai lần thắng, mà Sở hai lần bại. Cho nên thay phép nước để giết Tư Ngọc mà không bỏ quan tước đại phu. Coi như Trọng Ni chép việc Trịnh bỏ quân đội với việc Sở giết Đắc Thần, thì có thể làm gương cho đời sau.

Xét - Đắc Thần có tài, nhưng ngang ngược tự dụng, nếu đem trị tội, bỏ không dùng, bảo cho biết chỗ khuyết, rồi sau lại dùng thì hay biết bao. Tiên nho nhận việc lấy phép nước giết mà không bỏ chức tước, cho là tôi liên lụy đến người trên (vua), rồi trách thêm cả Sở Tử, e rằng chưa hiểu hết được ý nghĩa Kinh, Truyện. Tội liên lụy đến người trên, nghĩa là tội của thần liên đới đến quân. Vậy thần vẫn là có tội, là đáng tội. Hồ Truyện cho là Tấn hai lần thắng, Sở hai lần bại, phần nhiều tiên nho nghe theo thuyết đó. Độc có Hác Trọng Dư cho là chủ mưu việc quân, quân mà bại thì phải giết. Trận Thành

Bộc bại mà giết Tử Ngọc. Trận Chỉ Thủy quân thua mà giết Tử Thượng. Trận Yển Lăng quân bại mà giết Tử Phản, thuộc quốc phản mà giết Tử Tân. Vì các điều đó mà sở chấn hưng được. Coi thuyết đó cũng có lý.

衛侯出奔楚
VỆ HẦU XUẤT BÔN SỞ
VỆ HẦU CHẠY TRỐN SANG SỞ

Lục Thuần - Sai Thúc Vũ quyền nhiếp ngôi vua rồi Vệ Hầu đi, cho nên không chép tên.

Lưu Sưởng - Chư hầu bỏ xã tắc ra đi, hoặc có người thay, hoặc không có người thay. Có người thay thì như Vệ Hầu. Không có người thay thì như Lỗ Chiêu Công. Xuân Thu mà chép, bọn có người thay thì chép tên, bọn không có người thay thì không cho tên. Nay Vệ Hầu có người thay, mà Vệ Hầu không thấy chép tên là tại sao. Là vì Thúc Vũ chỉ là thay chứ không cướp đoạt, thế là Vệ Hầu còn trở lại ngôi. Cho nên chép cả tước.

Xét - Chư hầu mất nước thì chép tên, chưa mất nước thì không chép tên. Vệ Hầu chạy ra ngoài, sai Nguyên Huyến phụng Thúc Vũ để hội thề thế thì nước vốn vẫn là nước của Vệ Hầu cho nên không chép tên. Khi về mới nghi Thúc Vũ cướp ngôi, nên giết đi, thế tức là tự đặt mình vào hạng đã mất nước, thế cho nên chép tên. Hồ Truyện bàn rằng Tấn Văn gây oán, cho nên không chép tên Vệ Hầu, để tỏ rõ tội Tấn. Xét Tấn Văn, vua tôi mưu mô, riêng muốn cho quân Sở tới để mà đánh quân Sở để được oai mà định xong nghiệp Bá. Vì thế mới đem quân đến Tào, đến Vệ, chứ chưa thường hở ra một lời định gây oán. Vì thế khi chưa cùng Sở chiến thì không cho vệ hầu hội thề, mà Tào Bá cần phải bắt. Khi đã thắng được quân Sở rồi, thì kẻ bị bắt được tha, kẻ đi trốn được về, thế rõ ràng là không muốn gây oán. Cho nên Vệ Hầu mà không chép tên, thì thuyết của Lưu Sưởng là chủ là phải, thuyết của Hồ Truyện, của Trương Chu bỏ đi.

五月癸丑公會晉侯齊侯宋公蔡侯鄭伯衛子莒子盟于踐土

NGŨ NGUYỆT QUÝ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU TỐNG CÔNG, SÁI THẦN, TRỊNH BÁ, VỆ TỬ, CỬ TỬ, MINH VU TIỄN THỔ

THÁNG 5, NGÀY QUÝ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU TỐNG CÔNG, SÁI HẦU, TRỊNH BÁ, VỆ TỬ, CỬ TỬ, THỀ Ở TIỄN THỔ

Tả - Ngày Giáp Ngọ, đến đất Hành Ung xây vương cung ở Tiễn Thổ trong tháng ba. Trịnh Bá sang Sở, đưa quân tới Sở. Vì Sở đã thua, Trịnh Bá sợ, mới sai sứ tới Tấn xin hòa. Tấn Loan Chi thề với Trịnh Bá. Ngày Bính Ngọ, tháng năm, Tấn Hầu cùng với Trịnh Bá thề ở Hành Ung. Ngày Đinh Mùi, hiến Thiên tử các thứ lấy được của Sở, xe tứ mã trăm cỗ, bộ binh nghìn tên. Hành lễ thường, Trịnh Bá phụ lễ. Ngày Kỷ Dậu, Vương thết tiệc, mệnh cho Tấn Hầu được uống rượu góp vui. Rồi mệnh cho Doãn thị cùng Vương tử Hổ và nội sử Thúc Hưng Phủ sách phong Tấn Hầu làm Hầu Bá, ban cho các huy chương Hầu Bá, như đồ dàn xe, một chiếc đồng cung (cung đỏ), trăm đồng thỉ (tên), rượu cự sưởng, hổ bôn ba trăm người, và truyền rằng: Vua bảo Thúc Phụ phải kính mệnh vua yên vui tứ phương, giúp việc nhà vua. Tấn Hầu ba lần khiêm tốn, rồi theo mệnh tâu: Trùng Nhĩ tái bái khể thủ tuân theo mệnh vua. Nhận sách phong rồi lui. Ba lần ra vào triều cận.

Vệ Hầu thấy Sở thua trận, sợ, chạy sang Sở, rồi sang Trần, sai Nguyên Huyễn phụng Thúc Vũ để chịu thề. Ngày Quý Hợi, Vương tử Hổ cho chư hầu thề ở Vương Đình, truyền rằng, đều phải giúp vương thất, chớ có hại nhau. Ai mà không theo đúng lời thề thì thần linh trừng phạt, không còn quân đội, không còn truyền dõi. Quân Tử bàn: Lễ này thành được là nhờ Tấn Hầu có công, có đức.

Hành Ung là đất nước Trịnh.

Cốc - Kiêng tránh chép là hội Thiên Tử.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo kiêng tránh là hội Thiên Tử. Bảo thế sai. Nếu thực là hội Thiên Tử, thì tội rất to. Tội đã rất to, thì có nên kiêng tránh không?

Xét - Việc Tiễn Thổ, tiên nho cứ theo, cứ cho là vua hạ mình uý lạo Tấn Hầu, duy có Hạng An Thế cho rằng cứ lấy việc Thiên Tử đi ra ở đất Trịnh cũng đã tới năm năm. Chư hầu vị thương cứu. Vua vị thường về Kinh. Triệu Bằng Phi cũng bảo rằng thánh nhân làm Xuân Thu, cốt ở tôn Chu. Vậy đâu có việc Tấn Hầu giúp nạp Thiên Tử mà lại không chép. Không biết rằng Tấn Văn cần chư hầu, cho nên nạp Thiên Tử là mưu kế đồ nghiệp Bá, thế mà rồi mà lại cậy công xin lễ Toại, rồi vây áp trong đất Chu chiếm lấy. Thế cho nên Xuân Thu tước bỏ. Coi lại Hi Công năm thứ 25.

陳侯如會

TRẦN HẦU NHƯ HỘI

TRẦN HẦU SANG HỘI

Công - Sao lại chép là sang. Là hội rồi mới tới.

Cốc - Sang hội là ở ngoài hội, tức là tới mà tuân mệnh, chứ không phải là dự hội.

公朝于王所

CÔNG TRIỀU VU VƯƠNG SỞ

CÔNG CHẦU VUA TẠI NƠI VUA

Công - Tại sao không nói là Công đi sang Kinh sư, là chỗ Thiên Tử ở. Tại sao không nói chỗ Thiên Tử ở là vì kiêng tránh nơi mời thiên tử tới.

Cốc - Chầu không chép nơi chầu, vì không phải nơi chầu.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Dương bảo rằng tại sao không nói Công tới Kinh sư là nơi Thiên Tử ở, là vì không cho được mời

Thiên Tử. Vậy ý nói là Tấn Văn Công triệu Vương tới Tiễn Thổ. Trong Tả Truyện thì không có việc Triệu Vương, chỉ nói thẳng là dựng Vương cung ở Tiễn Thổ. Đỗ Thị nói: Tương Vương được tin thắng trận, tự tới uy lạo cho nên có vương cung, thế nghĩa là vì vua tự tới, chứ không phải vì Tấn Công triệu. Vậy không giống thuyết của Công Dương.

六月衛侯鄭自楚復歸于衛衛元晅出奔晉

LỤC NGUYỆT VỆ HẦU, TRỊNH TỰ SỞ PHỤC QUY VU VỆ, VỆ NGUYÊN HUYỄN XUẤT BÔN TẤN

THÁNG SÁU, VỆ HẦU TRỊNH (TÊN), TỰ SỞ LẠI TRỞ VỀ VỆ. NGUYÊN HUYỄN CHẠY TRỐN SANG TẤN

Tả - Có kẻ gièm với Vệ Hầu rằng Nguyên Huyễn lập Thúc Vũ lên ngôi. Người con là Giốc đang theo Công. Công sai giết đi. Huyễn biết tin cũng không bỏ việc, cứ phụng Di Thúc về nước giữ nước. Tháng sáu, người Tấn phục ngôi cho Vệ Hầu. Ninh Vũ Tử thề ở Uyên Bộc rằng: Trời ra tai cho nước Vệ. Vua tôi bất hòa, mới sinh ra loạn. Nay trời đã rõ tình, cho nên bớt tâm trí vua dân, khiến cho vua dân thoa thuận. Không có người ở lại, thì lấy ai giữ nước, không có người đi thì lấy ai trông coi lương thực, ngựa xe. Cái cớ bất hòa xin thần linh soi xét, mà rõ cho mệnh trời ngày nay. Từ nay trở đi, sau khi đã thề, người đi không được khoe công, người ở không phải sợ tội. Ai mà trái lời thề sinh lòng tàn hại nhau, thì thần minh cùng tiên quân cứ trừng trị, gia cực hình. Dân được nghe lời thề, thôi không sinh hai lòng nữa. Vệ Hầu vào nước trước kỳ hẹn. Ninh Du (Ninh Vũ Tử) đi trước. Khi vua tới, quan giữ cửa là Trường Tương, cùng theo vào. Công sai Chuyên Khuyển làm tiên khu. Thúc Vũ đương gội đầu nghe nói vua tới mừng lắm, vắt tóc chạy ra đón. Chuyên Khuyển bắn một phát chết, Công vào tới nơi biết là vô tội, ôm lấy thây Thúc Vũ khóc. Chuyên Khuyển chạy. Công sai bắt giết đi. Nguyên Huyễn chạy trốn sang nước Tấn.

Cốc - Chữ tự Sở (từ nước Sở) là ý nói Sở có giúp. Chữ phục

(lại) là phục quốc. Chữ quy (về) là về nước, về chốn cũ. Trịnh là tên Vệ hầu, gọi tên lên là ý vua trước đã mất nước, mất ngôi.

Lý Liêm - Hồ Thị kể chuyện Thúc Vũ, căn cứ vào Công Dương và Tả Truyện. Có chi tiết hơi khác nhau. Theo Tả Thị thì Vệ Hầu là ngộ sát. Theo Công Dương thì Vệ Hầu vì nghi kỵ mà giết. Nay xét Vệ Hầu vốn đã nghi kỵ mà lại nghe lời gièm, khởi đầu từ lúc giết Giốc, nay lại giết Thúc vũ, vốn là bản tâm. Vu tội cho tiền khu Chuyên Khuyển, chỉ để tiện đối chư hầu. Vì thế, nên chép lời bàn của Công Dương cho là đích xác.

陳 侯 款 卒

TRẦN HẦU, KHOẢN TỐT

TRẦN HẦU, KHOẢN MẤT

秋 杞 伯 姬 來

THU, KỶ BÁ CƠ LAI

MÙA THU, KỶ BÁ CƠ TỚI

公 子 遂 如 齊

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ

Phụ lục Tả Truyện - Trong cuộc chiến ở Thành Bộc, theo lệnh trên. Trung quân Tấn phải giữ vững trận địa, kéo lê cờ đại bái dụ địch. Kỳ Mãn không tuân lệnh, sau bị kết tội hành hình để cho quân đội biết kỷ luật và tuyên bố với chư hầu rồi cho Mao Phát thay thế, thưởng công, phát tội rõ ràng. Ngày Nhâm ngọ, qua sông. Chu Chi Kiều, coi việc sửa soạn thuyền bè. Nhưng Kiều tưởng việc còn lâu, lẻn về nhà chơi, cũng bị tội chết. Dân Tấn rất phục. Người Quân Tử bàn: Tấn Văn Công biết dùng hình. Xong ba việc mà dân phục. Kinh Thi có câu: Ơn huệ khắp trong nước để yên trị được cả man di. Thưởng và phạt thật đúng phép.

Trương Hiệp - Kỷ Bá Cơ tới mà oán xâm nước Kỷ được cởi. Công Tử Toại sang Tề mà mối căm thù lấy đất Cốc được giải. Nghiệp Bá gây dựng theo cách đó, mới biết Thiệu Tử khen là phải.

冬公會晉侯齊侯宋公蔡侯鄭伯陳子莒子鄒子秦人于溫

ĐÔNG CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, SÁI HẦU, TRỊNH BÁ, TRẦN TỬ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TẦN NHÂN VU ÔN

MÙA ĐÔNG, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG SÁI HẦU, TRỊNH BÁ, TRẦN TỬ CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TẤN NHÂN, TẠI ĐẤT ÔN

(Dưới chữ Tấn Hầu, Cốc Thị không có chữ Tề Hầu)

Khởi thủy Tấn, hội với chư hầu

Tả - Mùa đông hội tại đất Ôn là để chinh tháo kẻ không phục.

Cốc - Kiêng tránh nói đến hội Thiên Tử.

Khổng Dĩnh Đạt - Trần Hầu Khoản. Kinh không chép táng mà chính văn có chữ tử, con (Trần Tử) đủ biết tiên quân chưa lễ táng.

Thẩm Nhược Thủy - Cốc Lương nói kiêng tránh chép hội Thiên Tử, nói thế sai. Xét hội Ôn là để bàn việc vua, giúp vua đánh kẻ có tội, mà vua cũng đến hội, thì còn có nghĩa gì. Nếu bảo hội đó là kiêng tránh nói đến vua thì cũng không nên chép ở đoạn sau có vua tuần thú tại đất Hà Dương.

天王狩于河陽

THIÊN VƯƠNG THÚ VU HÀ DƯƠNG

VUA TUẦN THÚ Ở HÀ DƯƠNG

HÀ DƯƠNG LÀ ĐẤT Ở NƯỚC TẤN

Tả - Hội đó là Tấn Hầu triệu vua đến để chư hầu chầu và

dè vua tuần thu Trọng Ni nói, cho thần mà triệu quân thì không còn dạy ai được, cho nên chép vua thú ở Hà Dương. ý nói không phải là ở đất Ôn, mà cũng là để sáng đức vua

Công - Thường việc tuần thu không chép. Đây chép là muốn không cho lại có việc triệu vua. Lỗ Tư nói. Ôn thì gần, mà Tiễn Thổ thì xa

Cốc - Muốn cho việc vua đi là phải. Ý như là vua đang đi tuần thu thì gặp chư hầu chầu, thế là kiêng tránh cho vua. Thuỷ Bắc là dương, mà sơn Nam cũng là dương. Vậy đất Ôn là đất Hà Dương

Hồ Truyện - Xét Tả Thị Tấn Hầu triệu vua là để chư hầu bái kiến vua. Trọng Ni nói: Lấy thần mà triệu quân thì không còn dạy ai được cho nên chép rằng vua thú ở Hà Dương, để tôn Chu mà toàn cho Tấn. Đạm Trợ bàn rằng cứ theo lễ thường thì Tấn Hầu triệu vua tức là tội nhân của danh nghĩa còn dạy được ai. Ví như bản tâm khiêm cung mà thêm vào ý tôn vương thì xin vua đi thú là thái độ người trung cho nên Phu tử đặc biệt chép thú tại Hà Dương. Thế là lấy cái tình thật làm then chốt mà biến chế lễ nghi. Xét việc Tiễn Thổ, vua thực là tự ý tới, chứ Tấn không có tội. Cho nên vì vua mà kiêng tránh là đủ. Còn như hội Ôn, Tấn có tội, nhưng tình thì thuận, vì vậy đã vì vua kiêng mà cũng giải cho Tấn. Thế mới biết Xuân Thu là đúng nghĩa trung thứ.

Triệu Khuông - Tả Thị bảo "để cho sáng rõ đức". Đã không đúng lễ mà lại bảo là đức thế thì sai. Nếu cho thế là đức thì giống già chư hầu chầu tại Kinh sư, thì biết gọi là gì. Lấy đức làm mục đích, đâu có phải là hạng bá nữa.

Xét - Hồ An Quốc theo thuyết Đạm Trợ và Tô Triệt, cho là tôn Chu và toàn Tấn, thì nghĩa rất chính. Còn Công Dương thì bảo không cho hai lần triệu Thiên Tử. Chuyên chê trách Tấn Văn. E không phải chủ ý Kinh Xuân Thu.

壬申公朝于王所

NHÂM THÂN, CÔNG TRIỀU VU VƯƠNG SỞ

NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG CHẦU TẠI NƠI VUA

Công - Sao chép ngày. Là trong nước chép (chủ quan). (nước Lỗ)

Cốc - Chầu ở miếu đường là đúng lễ, ở ngoài là phi lễ. Đâu có phải chỉ có một mình Công, còn tất cả các chư hầu. Chép ngày. Là vì lần này là lần thứ hai cho nên cẩn thận cho rõ. Thế là giữ lấy cái hay cho nước mình (nước Lỗ) để cái dở cho nước ngoài. Chép là Công chầu là một lối chép Tôn Thiên Tử, hạ chư hầu thì chép hội ở đất Ôn. Ôn thuộc về Hà Bắc. Khi chép Ôn mà đổi là Hà Dương là nâng cao Thiên Tử. Ngày theo tháng. Tháng theo mùa. Ngày Nhâm Thân, Công chầu tại nơi vua. Không thấy tháng, thế là không cần tháng, cho rằng Tấn Văn Công mà đã làm việc thì cẩn thận rồi

Đỗ Dư - Ngày Nhâm Thân là mùng 10 tháng 10. Có ngày mà không có tháng chỉ là sử chép sót.

Triệu Khuông - Ví như bảo rằng vì sử trong nước mới chép ngày, thì sao lại không chép tháng. Công Dương đã bàn sai.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói, chầu ở ngoài là phi lễ. Thế thì vua ở nơi ấy, chư hầu liệu không chầu hay sao. cốc Lương lại còn nói rằng, ngày theo tháng, tháng theo mùa, cho là Tấn Văn làm việc luộm thuộm. Cốc Lương nói thế cũng sai. Tấn Văn Công làm việc luộm thuộm còn chưa thấy hay sao. Mà cứ phải đợi việc chép này mới thấy. Bàn thế chưa đủ để bàn Xuân Thu.

晉人執衛侯歸之于京師

TẤN NHÂN, CHẤP VỆ HẦU QUY CHI VU KINH SƯ

NGƯỜI TẤN BẮT VỆ HẦU GIAO VỀ KINH SƯ

Tả - Vệ Hầu kiện nhau với Nguyên Huyên, Ninh Vũ Tử làm phụ. Hàm Trang Tử thay mặt Vệ Thành Công để đối tụng với

Nguyên Huyến. Sĩ Vinh được làm trị ngục quan để đối chứng. Vệ Hầu thua, Sĩ Vinh bị chém. Hàm Trang Tử bị chặt chân. Ninh du Trung thì được tha. Vệ Hầu bị bắt về Kinh sư, giữ trong nhà kín, Ninh Du theo hầu trông coi đồ ăn, quần áo.

Công - Thế nào là "quy chi vu", thế nào là "quy vu". Quy chi vu là tội đã định. Quy vu là tội chưa định. Tội chưa định thì sao làm được chức Bá Thảo, nghĩa là đánh, trị kẻ có tội.

Quy chi là bắt ở ngay bên vua, tội định hay bất định đã có thể biết được.

Quy vu là không bắt ở ngay bên vua thì tội định hay bất định chưa có thể biết được.

Vệ Hầu bị tội gì. Là tội giết Thúc Vũ. Sao không chép. Vì kiêng tránh cho Thúc Vũ. Xuân Thu vì người hiền mà kiêng tránh. Thế Thúc Vũ hiền thế nào. Hiền là vì Thúc Vũ nhường ngôi. Việc như sau: Tấn Văn Công đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ. Thúc Vũ từ chối cái ngôi mà nước khác lập cho thì lại sợ Vệ Hầu không được về, cho nên phải nhận lập, nhiên hậu tới hội ở Tiễn Thổ để sửa soạn đường về cho Vệ Hầu. Vệ Hầu được về nói. Thúc Vũ cướp ngôi của ta. Đại phu Nguyên Huyến cãi lại nói, Thúc Vũ không có tội. Chung quy Vệ Hầu giết Thúc Vũ. Nguyên Huyến chạy được rồi đi trốn.

Còn Tấn Hầu mà chép là "người", là thế nào. Là biếm, chê, vì cái họa của Vệ là do Tấn Văn Công gây ra. Sao lại thế. Vì Văn Công đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ khiến cho anh em người ta (Thúc Vũ là em Vệ Hầu) nghi nhau, rồi anh giết em, tức như Văn Công làm ra việc ấy.

Cốc - Đây là Tấn Văn Công đem quân vào Vệ rồi bắt Vệ Hầu. Sao không chép "vào". Là vì không muốn quên mệnh Thiên Tử đối với Vệ. Giao về kinh sư, là lời hòa hoãn, ý là định đoạt do kinh sư.

Tôn Phục - Người Tấn bắt Vệ Hầu, giao Vệ Hầu về kinh sư, nguyên do vì Nguyên Huyến. Tấn Văn Công đã thắng quân cường Sở, chưa chiêu hồi phủ dụ được hạng phản bạn. Nay lại giúp tôi mà bắt vua thì còn đâu là sùng đức, còn sai bảo sao được chư hầu, cho nên chép "người Tấn" là chê.

Trình Tử - Quy vu là lời xuôi, lời thuận. Quy chi vu là lời miễn cưỡng. Vua tôi không có lý kiện nhau. Mà Văn Công ghét Vệ Hầu khiến cho Vệ Hầu cùng Nguyên Huyến biện bác ai phải ai trái. Vệ Hầu thua. Vậy đại phu vệ hầu bị hành hình mà Vệ Hầu là vua thì bị giam cấm. Sử kiện đúng là thiên. Tuy "Quy vu", giao việc về Thiên Tử mà sự thực thì là miễn cưỡng cho nên chép quy chi vu là giao về, giao người về kinh sư.

Xét - Tả Thị chép Vệ Hầu chạy ra ở Tương Ngưu, nghe tin Sở bại mới chạy trốn, sai Nguyên Huyến phụng Thúc Vũ để chú việc thề, Công Dương thì nói là Tấn đuổi Vệ Hầu mà lập Thúc Vũ. Hai thuyết không giống nhau. Tuy nhiên, Vệ Hầu là sợ Tấn mà chạy trốn thì cũng như là bị Tấn đuổi. Thúc Vũ dự việc thề ở Tiễn Thổ thì cũng như là Tấn lập lên ngôi vậy. Vì thế, cả hai thuyết đều chép cả.

衛元晅自晉復歸于衛

VỆ NGUYÊN HUYẾN TỰ TẤN PHỤC QUY VU VỆ

NGUYÊN HUYẾN TỰ TẤN LẠI TRỞ VỀ NƯỚC VỆ

Tả - Nguyên Huyến về Vệ lập Công tử Hà lên ngôi.

Công - Chữ tự là ý gì. Là đã có lực làm được. Vua đã bị Tấn bắt rồi, mà nói tự Tấn về là thế nào. Là vì tránh cho Thúc Vũ.

Cốc - Tự Tấn là có ý nói Tấn sai. Chữ phục là phục quốc. Chữ về là về chỗ cũ.

Lưu Sưởng - Sao chép là phục quy, lại trở về. Đại phu thì không có phục. Đây là phục cái vị đã mất. Đã mất mà lại phục là đáng chê ghét. Đã chê, ghét sao lại dùng chữ quy về. Vì về là dễ dàng. Sao lại dễ dàng. vì dựa vào Tấn Văn Công chủ việc về.

Cao Kháng - Tấn Văn Công nghe sử kiện của kẻ làm tôi, là bắt vua thì không phải là có hành động của hạng Bá chủ muốn dẹp loạn yên dân. Chép rằng "tự Tấn", là buộc tội Tấn Hầu rõ ràng.

諸侯遂圍許

CHƯ HẦU TỤY VI HỨA

RỒI CHƯ HẦU VÂY HỨA

Cốc - Tụy là rồi nói là việc trước.

Hứa Hàn - Hứa theo được Tề mà không theo được Tấn, tại sao. Tề Hoàn tự hội Bắc Hạnh 17 năm sau mới xâm Hứa và phục được Hứa. Lại 9 năm sau, Hứa mới theo Tề đánh Sở. Lại hai năm sau Hứa bị Sở vây, được Tề cứu, giải vây, và định yên được. Khi Tề Hoàn Công mất, chư hầu nhiều nước theo Sở. Hứa ở phía nam nước Trịnh rất gần Sở, phục Sở đã lâu, sợ uy Sở, không thể thay đổi được.

曹伯襄復歸于曹遂會諸侯圍許

TÀO BÁ TƯƠNG PHỤC QUY VU TÀO, TỤY HỘI CHƯ HẦU VI HỨA

TÀO BÁ TƯƠNG LẠI TRỞ VỀ TÀO, RỒI HỘI VỚI CHƯ HẦU VÂY HỨA

Tả - Ngày Đinh Sửu, chư hầu vây Hứa. Tấn Hầu đang ốm Chức quan nhỏ của Tào là Hầu Nhu, hối lộ cho thày bói (Quách Yển) nhờ nói với vua Tấn rằng: muốn khỏi bệnh thì nên tha Tào (Tào đang bị Tấn giam giữ). Khi xưa Tề Hoàn Công, có hội là phong tước cả các người khác họ. Nay nhà vua hội lại giảm tước kẻ cùng họ. Tào Thúc Chấn Đạc, trong nhà Thái Miếu vua Văn Vương thì đứng vào hàng Chiêu (thờ ở bên tả). Tiên quân là Đường Thúc trong nhà Thái Miếu vua Vũ Vương thì đứng vào hàng Mục (thờ ở bên hữu) Và lại, họp chư hầu mà lại giảm tước anh em mình thì không đúng lễ. Cùng với Vệ cùng hẹn mà không cùng được phục, thì không đúng chữ tín. Cùng tội mà phạt khác nhau thì không đúng việc hình. Lễ để làm điều nghĩa tín để giữ lễ, hình để chính tà. Bỏ ba điều ấy đi thì nhà vua nghĩ thế nào. Vua Tấn nghe ra, mới phục cho Tào Bá, rồi hội chư hầu đi vây nước Hứa.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu ngự chiến xếp quân làm ba hạng: Tuân Lâm Phu tướng Trung Quân, Đô Kích tướng Hữu quân, Tiên Miệt tướng Tả Quân.

Cốc - Chữ phục là phục Quốc. Thiên Tử tha cho Tào Bá. Nhân đó cho dự hội. Dùng chữ phục là ý tuân mệnh Thiên Tư. Chữ tụy là nối việc trước.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo Thiên Tử tha cho Tào Bá. Xét người Tấn đem Tào Bá cho người Tống thì không phải là mệnh Thiên tư.

Uông Khắc Khoan - Tào Cung Công mà về thì không chép chữ tư là từ đâu về. Nói rằng tự nước Tấn thì khi bị bắt đã bị cho Tống, và ở Tống rồi. Nói rằng từ Tống về thì rõ ngay là lệnh ở Tấn Văn Công, chứ không phải là lênh của Tống Công. Cho nên không chép chữ tự, từ đâu, mà chỉ chép là lại về.

Năm Canh Dần. Tương Vương năm thứ 21.

二 十 有 九 年

NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 29

Tấn Văn năm thứ 5. Tề Chiêu năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 4. Sái Trang năm thứ 15. Trịnh Văn năm thứ 42. Tào Cung năm thứ 22. Trần Cung công Sóc, năm đầu. Kỷ Hoàn năm thứ 6. Tống Thành năm thứ 6. Tần Mục năm thứ 29. sở Thành năm thứ 41.

春 介 葛 盧 來

XUÂN, GIỚI CÁT LƯ LAI

MÙA XUÂN, GIỚI CÁT LƯ LAI

Giới, nước Giới huyện Kiềm Điền, xứ Thành Dương.

Tả - Giới Cát Lư lại chầu, ở tại ấp Xương Diềm. Công còn mắc hội. Lỗ cung cấp gạo và cỏ. Thế là đúng lễ. Xương Diễm huyện Lỗ, phía đông nam có thành Xương Bình.

Công - Giới Cát Lư là ai. Là vua rợ Di Địch. Sao không chép là chầu. Là vì chưa biết chầu.

Cốc - Giới là một nước. Cát Lư là vua nước nhỏ, chưa có phong tước. Chép chữ lai là lại là ý còn hèn, thấp, kém.

Trần Phó Lương - Giới một năm hai lần đến. Vậy có ý gì mới chép cẩn thận. Là vì người Giới xâm nước Tiêu. Vậy chê cái ý lại.

公至自圍許

CÔNG CHÍ TỰ VI HỨA

CÔNG VÂY HỨA VỀ

Xét - Uông Khắc Khoan nói rằng năm ấy Hi Công không chép; là từ Vương sở về, mà lại chép là từ vây Hứa về, cũng như Thành Công năm thứ 13 sang Kinh sư hội để đánh Tần mà không chép là tự kinh sư về, lại chép là tự đánh Tần về. Đều rõ là bản tâm không phải là tôn vương. Uông bàn như thế là sai. Uông thị trong việc Tề Hoàn Công vây Trịnh vốn thường cùng Tấn Văn Công vây Hứa đều chép cả, cho là Tề Hoàn sở dĩ vây Trịnh là để đánh việc Trịnh trốn hội thề Thủ Chỉ. Tấn Văn vây Hứa để đánh về tội không tới chầu tại đất Tiễn Thổ và Hà Dương. Vậy không phải là việc hay, nhưng Hoàn và Văn vây thực là vì việc nhà vua, cho nên có câu: Tấn Văn rồi vây Hứa cùng câu: Tề Hoàn rồi cứu Hứa. Thư Pháp không khác nhau. Chu Tử sở dĩ bảo rằng Xuân Thu làm sáng tỏ vương đạo mà không bỏ công của Ngũ Bá là muốn giải thích lời chép đó. Đã cho là việc nhà vua, mà lại còn bảo là ý không phải là tôn vương, một người mà lời nói trước sau khác nhau như thế có nên để giải thích Kinh không. Ngoài Ba Truyện, các lời bàn mâu thuẫn như thế đều san bỏ. Riêng lời bàn của họ Uông, vì pho sách Đại Toàn đã chép, và bọn hậu học cứ nhận cho nên cần phải luận bàn đến.

夏六月會王人晉人宋人齊人陳人蔡人秦人盟于翟泉

HẠ, LỤC NGUYỆT, HỘI VƯƠNG NHÂN, TẤN NHÂN TỐNG NHÂN, TỀ NHÂN, TRẦN NHÂN, SÁI NHÂN, TẦN NHÂN MINH VU ĐỊCH TUYỀN

MÙA HẠ THÁNG SÁU, HỘI NGƯỜI NHÀ VUA, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI SÁI, NGƯỜI TẦN, THỀ Ở ĐỊCH TUYỀN

Trên chữ hội, Cốc Thị viết chữ Công. Địch Tuyền là Trì Thủy ở Tây Nam, Thái Sương, thành Lạc Dương. Chữ 翟 Công Thị viết ra chữ 狄.

Tả - Mùa hạ, Công hội Vương Tử Hổ, Tấn: Hồ Yển, Tống, Công Tôn Cố, Tề: Quốc Quy Phủ, Trần: Viên Đào Đồ, Tần: Tiểu Tử Ngận, thề ở Địch Tuyển, nối cuộc thề ở Tiễn Thổ để bàn việc phạt Trịnh, Không chép vị Khanh vì cho là không phải. Theo lễ Khanh không được hội Công Hầu, Bá Tử, Nam thì còn có thể được.

Xét - Tiên nho đều dựa vào Tả Truyện, bảo rằng đại phu các nước chép là người, là biếm chê. Riêng Trình Tử thì cho rằng biếm chư hầu gọi là người, không rõ căn cứ vào đâu, nghi là văn có sai lầm.

秋大雨雹

THU, ĐẠI VŨ BẠC

MÙA THU, MƯA ĐÁ LỚN

Tả - Mưa đá là một tai họa.

Xét - Trong đời Hi Công. Kinh không thấy họ Quý Hữu, Hồ Truyện cho rằng họ Quý đời đời giữ chức Khanh, mưa đá cốt để răn, cho thế là nhầm.

冬介葛盧來

ĐÔNG, GIỚI CÁT LƯ LAI

MÙA ĐÔNG, GIỚI CÁT CƯ LẠI

Tả - Vì chưa được gặp Công, cho nên Cát Lư trở lại chầu. Thế là đúng lề. Lỗ đối đáp Trịnh Trọng tặng biểu. Giới Cát Lư biết, hiểu tiếng súc vật.

Năm Tân Mão, Tương Vương năm thứ 22.

三十年

TAM THẬP NIÊN

NĂM THỨ 30

Tấn Văn năm thứ 6. Tề Chiêu năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 5. Sái Trang năm thứ 16. Trịnh Văn năm thứ 43. Tào Cung năm thứ 23. Trần Cung năm thứ 2. Kỷ Hoàn năm thứ 7. Tống Thành năm thứ 7. Tần Mục năm thứ 30. Sở Thành năm thứ 42.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT.

MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏翟侵齊

HẠ, ĐỊCH XÂM TỀ

MÙA HẠ ĐỊCH XÂM TỀ

Tả - Người Tấn xâm Trịnh để xem có thể đánh được hay không. Địch nhân Tấn có việc ở Trịnh, mùa hạ mới xâm Tề.

Hồ Truyện - Tả Thị nói, Địch nhân Tấn có việc với Trịnh mới xâm Tề. Tấn Văn Công mà dời quân vây Trịnh để phạt

Địch thì mới đúng chức vụ Bá chu. Trên chép Dịch xâm Tề, dư chép vây Trịnh, đó là cứ chép đúng việc mà chép, rồi ý ngh tự nhiên rõ

Cao Kháng - Địch mà xâm Tề là tự mình đã trái lời thề vậy. Tề Hoàn sau hội Thiệu Lăng có chép Địch xâm Tấn. Tấn Văn sau hội Thành Bộc có chép Địch xâm Tề, Địch dám chóng khinh thường lộng hành như thế mà hai vị Bá không ngăn can, trừng trị được.

Triệu Bằng Phi - Tấn Văn khi đã thắng Sở, hai lần chầu Thiên Tử. Đến hội Địch Tuyền thì không tới. Hội thề có người của Thiên Tử mà còn sơ suất thế, còn trách gì rợ Địch. Tính Văn Công cương nghị, quả cảm có phần hơn Tề Hoàn, tiếc rằng già rồi, sức có suy kém.

秋 衛 殺 其 大 夫 元 晅

THU VỆ SÁT KỲ ĐẠI PHU NGUYÊN HUYẾN

MÙA THU VỆ GIẾT ĐẠI PHU NGUYÊN HUYẾN

Tả - Tấn Hầu sai thầy thuốc là Y Diễn đánh thuốc độc cho Vệ Hầu. Ninh Du biết có đổi thuốc, cho thuốc độc nhẹ, thành ra Vệ Hầu thoát chết, Công (Lỗ) xin hộ cho, hiến cho Thiên Tử đồ lễ, cùng biếu Tấn Hầu mỗi vị 10 đôi ngọc bích. Thiên Tử ưng thuận, mùa thu mới tha Vệ Hầu. Vệ Hầu sai hối lộ cho Chu Chuyên và Dã Cận (đại phu ở Vệ) nói: Nếu làm được cho ta trở về thì hai ngươi sẽ cùng được phong chức khanh. Chu và Dã mới giết Nguyên Hiến và Tử Thích cùng Tử Nghi. Vệ Hầu vào Vệ tế Thái Miếu. Chu và Dã đã được chức khanh, tiến vào triều. Chu Chuyên vào đến cửa bị ngộ bệnh chết. Dã Cận cũng từ chức khanh.

Công - Vệ Hầu chưa tới, chép việc giết Nguyên Huyến mà dùng chữ nước giết (Vệ giết) là tại sao? Là theo đạo lý.

Cốc - Chép là nước giết, là tội có liên hệ đến người trên, là vì đã đi kiện vua. Vệ Hầu còn ở ngoài mà lại bảo là có liên hệ đến người trên là tại sao? Đợi giết được rồi mới vào nước.

Phạm Ninh - Xét Tuyên Công năm thứ 9, Trần giết đại phu Tiết Dã, truyện có chép: Gọi tên nước mà chép việc giết đại

phu, tức là giết một người vô tội, ở đây thì nói: Gọi tên nước mà chép việc giết, là vì tội có liên hệ đến người trên. Phàm gọi tên nước mà chép việc giết đại phu thì hoặc là giết một người vô tội, hoặc là tội có liên hệ đến người trên, so sánh không giống nhau. Tuy nhiên gọi tên nước mà chép giết người. Có hai ý nghĩa: Tiết Dã trung hiền mà vua Trần giết đi, thế là vua vô đạo. Vệ Hầu tuy không có đức, nhưng không có lý "thần kiện quân" vậy tội Nguyên Huyên là nặng. Vệ Hầu không nghĩ đến cái lỗi phải bị đưa ra tụng đình, có lỗi mà không biết sửa lại còn oán hờn. Thế là trên dưới (vua tôi) đều hư hỏng. Cho nên bàn rằng tội liên hệ đến người trên.

及公子瑕

CẬP CÔNG TỬ HÀ

VÀ CÔNG TỬ HÀ

Cốc - Cũng là liên hệ. Thế là liên hệ tôn với ty.

Đỗ Dự - Hà được lập đầy năm. Vì không hội với chư hầu cho nên không gọi là vua (quân).

Xét - Công tử Hà lập lên ngôi đã qua năm, không thành tên vua mà chỉ Công tử, Lưu Sưởng mới nghi thuyết của Tả Thị cho Nguyên Huyên lập Hà là không có. Xét sự việc Xuân Thu, đều căn cứ vào Tả thị. Đã không rõ ở Kinh mà còn nghi ở truyện thì Lưu Sưởng quả là quá nghi. Hồ Truyện thì nghi Huyên tuy lập Hà nhưng Hà tự mình không dám làm vua, nói là không cùng hàng với bạng cướp. Thế là Hà biết cự lại Huyên từ ngôi, mà không nhận ngôi, không giống như Trần Đà, thế là Hà biết giữ tiết, không để cho người trong nước ghét được. Thế thì phải cho Hà là hiền, khen nên gọi là Công tử. Vương Duyên thì lại bàn khác: Nghi là Hà với Huyên giống nhau cho rằng Thúc Vũ vì mệnh vua phải đứng ra để chủ việc thề. Cho nên gọi là Vệ Tử. Còn như Hà là Huyên đặt làm vua không phải vua mà cứ nhận làm vua. Nay cùng với Huyên cùng bị giết, cho nên gọi là Công tử, không cho Huyên được phép lập Hà làm vua, vì thế cho Hà là bậy, vì thế chê biếm, nên mới gọi là Công tử, Hai

thuyết đó đều chưa hiểu rõ điều lệ của Kinh Xuân Thu. Duy có Đồ Dự cho rằng chưa có hội với chư hầu cho nên không gọi là vua, cho thế còn được, nhưng thuyết ấy vẫn chưa đủ. Phép Xuân Thu là nước không có hai vua. Vua tuy lập chưa đầy năm. Chưa hội với chư hầu mà cũng được gọi là quân (vua) vì nước không thể có hai vua, mà cũng không thể không có vua, đó là trường hợp Tề quân Trà khi trước. Đã được liệt vào hội thì tuy có người là hạng thoán nghịch, cũng được gọi là quân, nước không thể không có vua, vậy thế là các chư hầu lập lên làm vua, như cảnh Tào Bá phu sô khi trước. Nước có hai quân mà thường được liệt kê vào hội thì đều được gọi là vua vì chư hầu đều cho cả hai là vua, đó là hoàn cảnh của Vệ Khản, với kẻ thoán nghịch. Nước có hai vua, mà một vua thì chứa liệt kê vào hội thì ở ngôi tuy đã lâu, cũng không gọi là vua, vì cớ. Nước đã có vua, mà người kia thì chư hầu chửa công nhận, đó là hoàn cảnh Trịnh Hốt với Tử Nghi vậy. Công tử Hà với Tử Nghi, chính giống hoàn cảnh ấy: nước đã có vua, mình lại chưa liệt kê vào hội cho nên Tử Nghi không chép là thí (giết vua) mà Hà không thể gọi là quân được. Tuy nhiên, Hà có hiền không, nên khen chăng, nên chê chăng. Đáp: Sự thực Huyên lập lên ngôi mà bị liên lụy. Hà không có được tiết khí của Tào Tang lại không có được mưu trí của Tống Phùng; thế thì chỉ chép được là Công tử Hà mà thôi.

衛侯鄭歸于衛

VỆ HẦU TRỊNH QUY VU VỆ

VỆ HẦU TRỊNH TRỞ VỀ NƯỚC VỆ

Công - Đã giết đại phu mà lại chép là trở về (quy) là thế nào. Là quy ác cho Nguyên Huyên. Nguyên Huyên thờ vua. Vua đi ra ngoài, thì mình về nước. Vua về nước thì mình đi ra ngoài. Thế là bất thần.

Hồ Truyện - Vệ Hầu chạy trốn sang Sở, thì không chép tên. Bị bắt bên Tấn không chép tên, nay lại trở về nước lại được cả đất đai thì sao chép tên. Vệ Hầu lần trước về thì giết Thúc Vũ. Lần thứ hai về thì giết đến Công tử Hà. Xuân Thu ghét cho nên mới lại chép tên, để răn hậu thế.

Trần Phó Lương - Trước kia chép "lại trở về". Nay trở về không dùng chữ "lại" là tại sao?. Chạy trốn là lời nói cho kẻ mất nước. Bị bắt là lời dùng cho kẻ chưa bị mất nước. Phàm đã bị bắt thì không chép là trở về. Bị bắt mà chép là trở về là ở cảnh nguy không thể trở về được. Thế cho nên vua bị bắt không chép tên trở về mới chép tên. Bị bắt thì chép là Vệ Hầu. Trở về thì chép là Vệ Hầu Trịnh. Bị bắt là thì chép là Tào Bá, Trở về thì chép là Tào Bá Tương. Chép tên thế cũng là lời dùng cho kẻ đã mất nước.

晉人秦人圍鄭

TẤN NHÂN, TẦN NHÂN VI TRỊNH

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TẦN, VÂY TRỊNH

Tả - Tháng chín ngày Giáp Ngọ, Tấn Hầu, Tần Bá vây Trịnh. lấy cớ là Trịnh đã vô lễ với Tấn, và lại nhị tâm kết giao với Sở. Tấn đóng quân ở Hàm Lăng. Tần đóng quân ở Dĩ Nam. Dật Chi Hồ, nói với Trịnh rằng: Nước nguy mất. Nếu sai Chúc Chi Vũ yết kiến vua Tần, quân Tần tất là lui. Trịnh Công nghe theo. Vũ từ chối nói: Thần khi ít tuổi, còn chẳng bằng ai, nay già rồi, còn làm gì được. Vua nói: Tôi không sớm biết ông, nay việc gấp, cầu đến ông thật là lỗi tại tôi. Vả Trịnh mất thì ông cũng có hại. Vũ chịu nghe. Tối đến, Vũ leo dây dòng qua thành ra. Đến yết kiến Tần. Bá nói: Tần và Tấn vây Trịnh, Trịnh biết là mất đến nơi. Mất Trịnh lợi cho Tần thì không nói làm gì. Nhưng xét Tần, cách một nước mới tới đất Trịnh, thì bờ cõi Trịnh sẽ để cho ai. Sao lại bỏ Trịnh cho nước láng giềng mình thêm mạnh hơn. Láng giềng càng được tăng thì Tần càng giảm. Nếu cứ để Trịnh làm chủ mặt đông, thì người Tần tiện lợi đi đi về về, giá có thiếu thốn, đã có Trịnh tư cấp, nhà vua đâu có hại. Huống chi nhà vua ra ơn cho Tấn đã nhiều lần. Tấn hứa nộp đất Tiêu và đất Hà. Sau khi Tấn Huệ Công được giúp cho đưa về nước. Thế mà Huệ Công sớm qua sông, chiều đã cho đắp thêm hai thành. Việc Tấn bội ước chắc nhà vua còn nhớ. Tấn đã tham thì có bao giờ cho là đủ. Khi đã lấy được đất Trịnh thì sẽ sinh ra ý muốn lấy đất phía tây. Phía tây, nếu không xét đến Tần

thì còn xét đến nước nào. Thiệt Tần, lợi Tấn xin nhà vua nghĩ Tần nghe ra, mới cùng người Trịnh thề. Rồi sai ba đại phu là Kỷ Tử, Phùng Tôn, Dương Tôn ở lại giúp Trịnh, rồi đem quân về. Tử Phạm (Tấn) xin đuổi đánh. Tấn Công không cho và nói Không có người ta giúp sức thì đâu có ngày nay. Đã nhờ sức người ta rồi lại cố làm giảm sức người ta thì là bất nhân. Không biết giữ một đồng minh là bất trí. Đang hòa mà đổi ra chiến là trái với việc binh thôi ta về. Thế rồi cũng đem quân về

Xưa, Công tử nước Trịnh tên là Lan, chạy trốn sang Tấn, theo Tấn Hầu đánh Trịnh, nhưng xin không được dự việc vây Trịnh. Tấn Công thuận cho, và cho ở lại tại Đông Đô. Đại phu nước Trịnh là Thạch Giáp Phủ xin thay Chúc Vũ đã mệt nhọc, tình nguyện sang quân đánh Tấn xin hòa, và đón Thế tử Lan về. Người Tấn ưng thuận

Theo sách Hoàn Vũ Ký, Hàm Lăng ở huyện Tân Trịnh phía bắc ngoài ba mươi dặm hình núi như cái bao. Di Nam tức là đất Đông Di. Tiêu và Hà là hai hàng thành trong năm thành ở Hà ngoại nước Tấn.

Gia Huyền Ông - Tả Truyện bảo rằng Tần và Tấn vây Trịnh, vì cớ Trịnh đã vô lễ và lén kết giao với sở. Tấn Văn khi mới về nước còn nói "oán cũ chưa quên". Nay đã đầy năm rồi. Trịnh đã dự hội thề, Tấn vẫn không bằng lòng, còn lấy cớ oán cũ mà đem quân tới. Xét ra, hội Địch Tuyền. Trịnh không tới, vì thế nghi là Trịnh nhị tâm với Sở. Năm trước, Trịnh có ở hội đất Ôn, để chầu Thiên Tử, nay chỉ vì một lần không dự thề, tức thì Tấn và Tần đem quân đến. Vì thế Kinh Xuân Thu biếm chê. Tấn Bá ví như biết là nghĩa không nên đánh, thì đã cùng Tấn bàn, rồi cùng lui quân, chứ đừng nên một mình lui quân riêng, thề riêng với Trịnh. Vì thế Kinh cũng chê và cũng chép là "người".

Uông Khắc Khoan - Thề ở Địch Tuyền, sự thực là để mưu đánh Trịnh, mà Trịnh không chịu phục cho nên mùa xuân, người Tấn xâm Trịnh, xâm mà không phục được Trịnh vì thế mới cùng vây với Tần vây Trịnh, lấy cớ Trịnh nhị tâm với Sở để đem quân đánh Trịnh, vậy đâu có thể chỉ vì oán cũ. Tuy nhiên, chư hầu không dùng điều đức, chỉ dùng điều ngược thì Bá chủ đâu

có phục được kẻ nhị tâm. Huống chi hai nước Tấn, Tần đã đồng sự mà lại không tâm. Xuân Thu biếm chê, dùng chữ người (người Tấn, người Tần) để chép là có cớ.

Xét - Việc vây Trịnh, Tôn Phục, Hồ Viện, đều căn cứ vào lời của Kinh. Cho là trách Trịnh không dự thề ở Địch Tuyền. Tả Truyện cũng bảo là Trịnh vô lễ với Tấn, và nhị tâm với Sở. Cũng như bảo Trịnh đã nhị tâm với Sở không dự thề. Trịnh ở trong khoảng gần đất Chu, đối với Địch Tuyền là gần. Bá chủ thề ở gần đất Trịnh mà Trịnh không đến, thế cũng là vô lễ, chả cần phải nêu rõ các việc vô lễ khi Tấn Văn còn đang chạy trốn. Huống hồ lại còn Thiên Tử phong thưởng Tấn Hầu. Trịnh Bá giữ chức phụ trách lễ nghi, rồi lại tới các công việc đồng minh hội, Tấn đến khi đó đâu còn nghĩ đến cựu oán. Cho nên không chép lời bàn Hồ Truyện. Chỉ chép các thuyết của Gia Huyễn Ông và Uông Khắc Khoan.

介 人 侵 蕭

GIỚI NHÂN XÂM TIÊU

NGƯỜI GIỚI XÂM NƯỚC TIÊU

Trương Hiệp - Giới hai lần đến Lỗ, mà năm sau xâm Tiêu, tức là xin Lỗ giúp rồi sau mới cất quân, cũng như người Kinh Sở tới lễ nước Tần.

冬 天 王 使 宰 周 公 來 聘

ĐÔNG, THIÊN VƯƠNG SỬ TỂ CHU CÔNG LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, THIÊN TỬ SAI TỂ CHU CÔNG LAI SÍNH

Tả - Mùa đông, vua sai Chu Công Duyệt lại sính. Lỗ đãi tiệc, dùng các thức ăn, các đồ vật để ăn, toàn theo đại lễ. Tể từ chối nói: Nước ta, văn thì sáng, vũ thì uy, tất đủ các thức dùng vừa phải cho việc yến tiệc để hình tượng đức độ, như dùng những thức này là để đãi các vị có công lớn, tôi đâu có kham được.

Trình Đoan Học - Lễ tuy cũng có việc Thiên Tử sính chư

hầu, nhưng Lỗ chưa thường tới chầu vua, bất quá nhân hội thề chư hầu, tới chầu tai vương Sở mà thôi. Tương Vương đã không hay chính được vương pháp lại hạ mình đi sính, thế là thất đạo rồi, huống lại còn sai đến chức Tể nữa. Suy kém đến thế là cùng.

公子遂如京師

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ KINH SƯ

CÔNG TỬ TOẠI TỚI KINH SƯ

Khởi thủy việc sính nhà Chu.

遂如晉

TỤY NHƯ TẤN

RỒI TỚI TẤN

Tả - Đông Môn Tương Trọng (Công tử Toại) sang sính Chu rồi khởi đầu năm sang sính Tấn.

Công - Đại phu không có hết việc này "rồi" làm việc kia. Đây dùng chữ rồi, là vì sao. Là vì Lỗ Công không được giữ chính quyền.

Cốc - Từ tôn rồi đến ty. Đây nói thế là ý không dám phản Kinh sư.

Hồ Truyện - Đại phu đi ra khỏi nước, có khi đi ra có hai việc, có khi có một việc, rồi tự mình chuyên nối việc nữa. Chép thì cứ chép là rồi. Công tử Toại sang Chu và Tấn với việc Sái Công tự Lỗ đón Vương Hậu đều là vì có cả hai việc mà ra khỏi nước. Công tử Kết đưa thiếp rồi tới thề với Tề, Tống là chuyên nối việc trước. Trái, phải, hay, dở thì đã có việc bày tỏ ra rõ. Chứng Tể kiêm chức Tam Công chức vụ thực là quan trọng, mà lại tới sính ở Lỗ. Thế thì lễ của Thiên Tử quá hậu. Lỗ hầu đã không tự tới chầu tại Kinh sư, lại còn sai công tử Toại đi, lại còn ghép cho hai việc để đi một thể, thế là liệt nhà Chu vào hàng chư hầu, đó lại là tội bất kính rất to. Giẫm lên váng thì biết là sắp có băng, Xuân Thu sở dĩ giết mà không cần xử là vì thế. Thế thì ở đây, việc này sao không

biếm, chê, có khi không cần biếm, chê mà tội ác đã rõ rệt. Đây chính là không biếm chê, để cho rõ rệt.

Triệu Khuông - Công Dương lại bảo đại phu không có nối việc nọ rồi đến việc kia. Đây cũng là làm theo mệnh vua, thì lại nói đến đại phu làm gì. Công Dương lại còn bảo: Công (Lỗ Công) không được giữ quyền chính. Bảo thế là sai. Thời Hi Công, đại phu lúc đầu chưa mạnh (mạnh là nhiều quyền) thì đâu dám tự chuyên. Công Dương chỉ bịa đặt.

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu chép Thiên Tử tới sính tất cả có bảy lần, duy có lần này là sai đến chức Trủng Tể, kiêm Tam Công hạ mình tới sính. Lễ thật là phi thường, tôn quý quá mức, từ đầu Xuân Thu chưa bao giờ có. Hoặc giả cho là Hi Công đã hai lần chầu ở vua ở vương Sở, mà cần báo đáp lại chăng. Kinh chép bực khanh, hoặc đại phu sang Chu sính có bốn lần, duy ở lần này thì cho đại phu đi kiêm hai việc. Từ bắt đầu Xuân Thu, Lỗ Vị thường chầu ở Kinh sư. Cứ lấy nước Lỗ, có Hi Công gọi là vua hiền, lại được Thiên Tử ưu đãi đến thế, thế mà Lỗ xem như giản dị, lười nhác. Lại thêm việc: Tấn chưa sính Lỗ, Lỗ đã vội sính Tấn. Chu sính Lỗ trước rồi Lỗ mới tạm đáp sính Chu sau. Vậy như thế, lễ là tôn vương không được cẩn thận bằng lễ thờ Bá. Tuy nhiên, còn hơn các vị Ẩn, Hoàn, chỉ nhận sính mà không báo đáp. Trủng Tể của triều vua Chu bốn lần thấy xuất hiện trong kinh. Lộn xộn có hại cho Tam cương, cho nên chép tên. "Duyệt" tới sính, lễ tuy có quá hậu, nhưng so với các việc phủng đắng, thiếp, thừa nhận bọn thoán nghịch, vẫn còn là tội nhẹ.

Năm Nhâm Thìn. Tương vương năm thứ 23.

三 十 有 一 年

TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 31

Tấn Văn năm thứ 7. Tề Chiêu năm thứ 4. Vệ Thành năm thứ 6. Sái Trang năm thứ 17. Trịnh Văn năm thứ 44. Tào Cung năm thứ 24. Trần Cung năm thứ 3. Kỷ Hoàn năm thứ 8. Tống Thành năm thứ 8. Tần Mục năm thứ 31. Sở Thành năm thứ 43.

春取濟西田

XUÂN, THỦ TẾ TÂY ĐIỀN

MÙA XUÂN, LẤY RUỘNG TẾ TÂY

Tả - Mùa xuân, Lỗ lấy ruộng Tế Tây, phần đất nước Tào được chia cho Lỗ. Lỗ sai Tang Văn Trọng đi lấy. Ngu tại đất Trùng Quán. Người Trùng Quán báo cáo: Tấn mới thu được chư hầu, tất là thân với những người cọng tác. Nếu không tới nhanh e không kịp Tang Văn Trọng nghe ngay. Chia đất Tào, từ sông Thao về nam, đông tới sông Tế, đều là đất Tào

Công - Lấy ở đâu, ở Tào, sao không chép ở Tào, kiêng tránh lấy của nước đồng tông. Đây chưa hề có phạt Tào, mà sao lại chép lấy ở Tào. Vì Tấn, Tấn Hầu bắt Tao Bá, nhưng lấy đất được đem chia cho chư hầu. Vậy nếu như thế, thì việc gì mà phải kiêng chép lấy ruộng nước đồng tông.

Lưu Sưởng - Ai lấy chính là Lỗ ta. Lấy ấp tất nói đến nước. Lấy ấp mà không có nước thì không được, thế thì lấy ấp một nước phụ dung. Lấy ruộng phải nói đến nước. Lấy ruộng mà không nói đến nước là vì ta chứ đâu có phải nước khác lấy đâu. Lưu Sương lại nói: Tả Thị bảo rằng, sai Tang Văn Trọng đi lấy, bảo thế là sai. Nếu thực là Tang Văn Trọng đi lấy thì đã có chép. Còn chú thích rằng Tang Văn Trọng chỉ là xin ruộng chứ không phải đi sính hội, cho nên không chép. Tả Thị nói thế cũng sai. Các việc cáo địch, khất sư, điếu, táng, chí nữ, đều chép cả; xin ruộng là một việc phi thường, đáng phải chép. Lại như các việc Thúc Tôn Báo, Tấng Thế tử Vu, như Tấn (tới Tấn đều chép, cũng quan trọng như việc xin ruộng. Sách có lễ dạy: Khanh nếu không phải mệnh vua thì không phải đi khỏi nước. Đi khỏi nước là có chép. Thế sao riêng việc xin ruộng lại không chép. Lại nói: Chia đất Tào, từ Thao về nam, đông tới Tề. Nếu quả như vậy thì nên chép là lấy đất Tào từ Tế Thuy, chứ không được chép ruộng ở Tế Tây mà thôi.

Uông Khắc Khoan - Xuân Thu, chép nước Lỗ lấy đất, có 17 lần. Khi dùng sức chiếm nước người, thì chép chiến phạt, như đánh thua quân Tống, lấy cáo, đánh Tề lấy Cốc; đánh Cử lấy

Hướng; đánh Châu lấy Tì Lâu; lấy Địch, lấy Khoách đông điền và Nghi tây điền. Nhờ uy nước lớn không phải dùng binh lực, mà lấy được đất cũ, thì không chép xâm phạt, mà chỉ chép lấy, đó là trường hợp Tế Tây Văn Dương. Không phải là đất cũ thì nói rõ tên nước đó là trường hợp lấy ruộng nước Châu từ Khoách Thuỷ. Lấy nước nhỏ, nước phụ dung, sau khi đã diệt, thì tránh nói là xâm phạt chỉ nói là lấy, như lấy các nước Căn, Máu, Thi, Tằng. Lấy mà còn để nguyên tôn miếu cho người ta thờ tự, là trường hợp đánh nước Châu, lấy đất Tu Câu. Còn như lấy Văn, ấp nước Lỗ, là nhân loạn lấy ấp thì không chép rõ tường tận. Khi lấy đất Hám thì Chiêu Công tự ở ngoài, mà đánh ấp trong, đó là biến lệ của Xuân Thu, hoặc bảo rằng Tế Tây là do người Tấn xâm cương, vực cũ của Lỗ, thời đó, Tấn Bá đang cường thịnh, há lại chịu trả đất về cho Lỗ ư. Huống Lỗ, Tấn đâu có phải là hai nước giáp địa với nhau, sao nói xuyên tạc đến thế.

公子遂如晉

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TẤN

CÔNG TỬ TOẠI SANG TẤN

Tả - Công tử Toại (Tương Như) sang Tấn là để tạ ơn việc ruộng Tào.

Cao Kháng - Tấn chưa từng tới sính mà Công tử Toại mùa đông đã sang Tấn sính, mùa xuân lại sang tạ việc lấy ruộng Tế Tây, sao hậu với Tấn mà bạc với Chu thế.

夏四月四卜郊

HẠ, TỨ NGUYỆT, TỨ BỐC GIAO

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, BỐN LẦN BÓI VỀ VIỆC TẾ GIAO

Công - Thế nào là hoặc nói ba lượt hoặc nói bốn lượt bói. Ba lượt là đúng lễ, Bốn lượt là phi lễ. Thế là thế nào. Theo đạo xưa thì chỉ có ba. Tế Đế là thường rồi, không phải ấn định. Tế Giao, phải ấn định phải bói, Lỗ bói Tế Giao là phi lễ. Vì sao Lỗ tế Giao lại phi lễ. Vì Giao là tế trời. Có Thiên Tử mới tế trời, chư hầu thì tế đất (thổ địa) Thiên Tử có phận sự trông

coi tất cả các nước. Chư hầu chỉ có cương vực nước mình, đâu có được biết núi sông của thiên hạ cho nên không được tế Giao.

Cốc - Mùa hạ tháng tư, đã là không dùng đúng mùa, lại từ bốc Giao là phi lễ.

Hồ Truyện - Sách Lễ Ký có chép: Tế Đế ở đất Giao là để định ngôi vị của trời. Lễ phải ở đất Giao, bách thần đều đến nhận chức. Lỗ, chư hầu làm gì có đất Giao. Vua Chu Thành Vương thấy Chu Công có nhiều công to với cả thiên hạ, mệnh cho Lỗ Công đời đời tế Chu Công được dùng lễ nhạc Thiên Tử, thế cho nên vua Lỗ, Tháng Mạnh Xuân, đi xe Thiên Tử dùng tất cả nghi lễ Thiên Tử, để Tế Đế ở đất Giao, lấy vua Hậu Tắc phối hưởng (thờ chung) y như Thiên Tử tế Giao dù mình chỉ là hạng bầy tôi. Đó là Thành Vương thưởng cho quá mức, mà Lỗ Công Bá Cầm xưa nhận lấy thì thật là không phải. Dương Tử nói: Theo pháp chế Thiên Tử, chư hầu thì dùng lễ tiết (đã hạn định) Tiết không được lầm với tiếm. Tiếm thì còn gì nặng tội bằng tiếm tế. Tế còn gì trọng bằng tế đất. Đất không trọng bằng trời. Chư hầu mà tế trời là tiếm đến cực. Trong Kinh Xuân Thu, Thánh nhân muốn san bỏ không giữ lại, thì e những điều sai lầm, nếu không chép thì không dạy răn đời sau được. Nhưng nếu chép cả mọi việc thường trong năm thì không sách nào chép đủ được. Vậy chỉ có khi nào vào lễ có chỗ khác thường mới chép, khác thường vì lễ theo bói, vì lễ theo vọng, vì lễ theo đồ cúng tế, thế thì lễ đã biến, mà trong biến lại có biến nữa. Phu tử có bảo thầy Tử Du rằng: Lỗ mà lễ Giao ở tong tế Đế là phi lễ, thế là đạo Chu Công đã suy. Tế Giao nước Kỷ là tế vua Vũ Tế Giao nước Tống là tế ông Tiết. Kỷ và Tống là dòng dõi nhà Hạ và nhà Thương, được mệnh nhà Chu, hai nước Kỷ Tống được nhà Chu coi là tế tiên tổ, các nước chư hầu bì thế nào được. Thế cho nên Thiên Tử tế trời đất, chư hầu tế xã tắc, các bài chúc hỗ cứ theo đúng như xưa. Đổi khác đi là loạn danh, phạm phận, cái đại đạo của người ta. Kinh phải nêu cao lên. Cho nên có câu: Lễ Giao xã là để thờ thượng đế Lễ tôn miếu là để thờ tổ tiên. Làm sáng tỏ được lễ tế Giao xã, được nghĩa Đế, Thường, đã làm sáng tỏ được lễ nghĩa ấy, thì việc trị nước dễ như trở bàn tay. Vậy thường dân không được có ngũ tế, đại phu không được tế xã tắc, chư hầu không được tế trời đất,

đâu có phải là muốn làm cho lễ kém dần, thực là chỉ không muốn cho sai cái lý đã nhận định được. Đã biết rằng lý không thể đổi được thì cứ ở yên thủ phận, đừng có tâm muốn tiếm, thế thì còn lo gì việc thiên hạ, quốc gia là khó.

Đạm Trợ - Thiên Tử lấy ngày đông chí tế Thượng Đế lại lấy tháng Mạnh Xuân (lịch nhà Hạ) tế Kỳ Cốc với Thượng Đế ở Tế Giao. Vậy gọi là Tế Giao. Lỗ lấy cớ Chu Công, tháng Mạnh Xuân, cúng lễ Kỳ Cốc, phối Thượng Đế cũng Tế Giao. Tế Giao thì dùng ngày can tân. Cho nên ở vào tháng hai thì bói lấy ngày thượng tân. Nếu quẻ không tốt thì bói ngày trung tân (10 ngày sau). Nếu không tốt thì bói lấy ngày hạ tân (10 ngày sau). Cứ dần dần lui lại. Ba tuần bói mà không tốt thì thôi, không có Tế Giao nữa.

Trình Tử - Chu Công dù có công rất to, địa vị vẫn là thần tử, sao Lỗ lại được dùng lễ nhạc Thiên Tử, Thành Vương ban, Bá Cầm nhận, đều sai cả.

不從乃免牲

BẤT TÒNG NÃI MIỄN SINH

KHÔNG ĐƯỢC TỐT, NÊN BÓI MIỄN SINH

Công - Tại sao hoặc nói bói miễn sinh (đồ sống), hoặc nói bói miễn ngưu (trâu bò). Miễn sinh là lễ. Miễn ngưu là phi lễ, vì chữ ngưu đây có nghĩa là thương, là giết.

Cốc - Miễn sinh là gì. Là Quan Hữu Tự bận áo xiêm, phẩm phục, theo đúng lễ tế, giắt sinh đến nền Nam Giao. Miễn Ngưu cũng vậy. Còn chữ nãi, nên mới bèn là ý không muốn nói ai làm.

Đạm Trợ - Phàm nói đến sinh là nuôi hai con: một con để tế Thượng Đế một con để tế Hậu Tắc. Phàm bói ba tuần mà đều không tốt thì thôi lễ Giao. Trâu chết và trâu có tai nạn thì bói tắc ngưu (ngưu tế Hậu Tắc) để thay thế. Nếu bói Tắc Ngưu bị quẻ không tốt và Tắc Ngưu lại chết thì cũng thôi lễ Giao. Phàm thôi lễ Giao thì bói miễn sinh. Bói miễn sinh mà quẻ tốt thì miễn đi. Quẻ không tốt thì bất quá chỉ là bất Giao, không Giao mà thôi.

Uông Khắc Khoan - Đã miễn sinh không chép là bất Giao là vì đã bói miễn sinh mà quẻ tốt tức là không nên có Giao vậy. Miễn ngưu thì còn có thể bói lại, cho nên lại chép thêm đất Giao.

猶 三 望

DO TAM VỌNG

CÒN TẾ TAM VỌNG

Tả - Bốn lần bói tế Giao không được tốt thì bói miễn sinh thế là phi lễ. Lại tế tam vọng cũng là phi lễ, theo lễ không bói các tế thường. Mà đi bói ngày dùng sinh. Bói ngày dùng trâu thì gọi là sinh. Bói sinh được rồi mà bói Giao tế là khinh nhờn người trên. Vọng là tế Giao nhỏ. Đã bất Giao thì cũng có thể không có tế vọng.

Công - Tam vọng là gì. Là tế vọng. Tế gì, Tế Thái Sơn, sông Hà và bể. Ý nghĩa là núi sông thấm nhầm đến trăm dặm, Thiên Tử theo lời hạn đã định mà tế. Thái Sơn là do từng viên đá kết lại. Nhờ Thái sơn mà mưa xuống khắp thiên hạ trong chốc lát được. Hà, Hải vì chảy thông mà nhuần thấm suốt nghìn dặm. Đây chép là để chê. Chê rằng, đã không có Giao lại còn tế Vọng.

Cốc - Chữ do là ý có thể thôi được.

Hồ Truyện - Vọng là tế vọng. Họ Hữu Ngu nhận ngôi vua (của vua Nghiêu) mà tế vọng rồi nhân đó tế Loại (một thứ tế). Trong khi tuần thú, tế vọng, rồi nhân đó tế Sài, đó đều là công việc của Thiên Tử. Nay Lỗ không tế Giao mà lại vọng, cho nên đặc biệt chép chữ do là có ý nói có thể thôi không có vọng. Còn nói đến tam vọng là thế nào? Thiên Tử thì có Phương Vọng. Trong thiên hạ có đâu là Thiên Tử không biết, Chư Hầu mà trong nước mình không có sông lớn, không có núi có tên thì không tế, Lỗ được dùng lễ lớn, đối với vương thất thì rút bớt, cho nên vọng có con số ba. Lỗ đối với chư hầu thì vẫn hơn, cho nên Hà và Hải tuy không ở trong cương vực nước Lỗ mà cũng cứ tế. Tuy nhiên không phải là việc chư hầu được làm.

Tôn Phục - Công Dương bảo Thái Sơn, Hà, Hải. Trịnh Thị bảo là, Hà, Thái Sơn, Hoài (sông Hoài). Đỗ Dự bảo là nơi chia cương giới, theo tượng sao trên trời, và núi sông trong nước Lỗ, nay xét các lời bàn giải thích của Trịnh. Đỗ đã cho rằng, chư hầu tế sông núi trong cõi, thế thì Hải, Hà, Hoài đâu có ở trong nước Lỗ. Lại còn lý lẽ, chư hầu không có tế, nơi tượng sao trên trời chia cương giới lại còn lý lẽ Lỗ đã tiếm Thiên Tử trong bốn thứ vọng đã tế đến ba thứ. Cứ xét kỹ các lời bàn đó thì duy chỉ có lời Công Dương là nghe được.

Chu Tử - Do Tam vọng nghĩa là còn tế Tam vọng. Thế là bất tất tế vọng mà cứ vọng, bất tất tế mà còn tế.

Trương Hiệp - Trình, Đỗ e là ức thuyết, ức đoán. Vì Thiên Tử có tứ vọng. Tuy có cho Lỗ tế Giao, là chỉ hành lễ Kỳ Cốc (một chi tiết) của tế Giao thôi. Còn Lỗ được tế vọng so với Thiên Tử thì bớt đi một trong bốn thứ. Cho nên, ba vọng và một Giao chép ra thì không có gì lạ. Mà chép đến chữ do là có ý chê là không nên tế vọng mà cứ tế vọng. Như cho là Lỗ tế vọng mà không ra khỏi nước thì làm sao mà chép chữ do là còn, để mà chê, y như chép chữ còn tế Địch năm Nhâm ngọ. Vậy thuyết của Công Dương tất là Công Dương có được truyền lại.

Xét - Cái thuyết Tam vọng, mỗi người bàn mỗi khác. Hồ Truyện chỉ lấy Công Dương về nghĩa Thái Sơn, Hà, Hải, xét vua Thuấn nhận ngôi của vua Nghiêu xong, nhân đi tuần thú, có tế Vọng thì Vọng ấy là tế Sơn Xuyên, còn như Sơn Xuyên trong cõi từng nước, thì từng chư hầu cứ tế đó là việc thường chả cần chép làm gì. Tôn Phục, Uông Khắc Khoan đều cho Công Dương là sát lý. Tuy nhiên, trong Chu Lễ, về Đại Tư Nhạc có chia nhạc để tế. Tấu bản Hoàng Chung, ca bài Đại Lữ múa điệu Vân Môn là để Thiên Thần, Tấu bản Đại Thốc ca bài Ưng Chung, múa điệu Hàm Trì là để tế Địa Kỳ. Tấu bản Cô Tẩy, ca bài nam nữ, múa điệu Đại Khánh, là để tế Tứ Vọng. Tấu bản Sinh Tâm, ca bài Hàm Chung múa điệu Đại Hạ, là để tế Sơn Xuyên.

Đã chép Tứ Vọng, lại chép Sơn Xuyên, thế là ngoài Sơn Xuyên có Tứ Vọng. Tế Thiên Thần gọi là Tự. Tế Tứ Vọng cũng gọi là Tự. Tế Địa Kỳ gọi là Tế. Tế Sơn Xuyên cũng gọi là Tế. Thế tức là bốn vọng phụ vào tế Thiên Thần. Tế Sơn Xuyên phụ vào

tế Địa Kỳ, không được để sơn xuyên liệt vào hàng Tứ Vọng Vây, Tế, Tự, mỗi thứ theo mỗi loại, cho nên gần đây, lễ Giao Tự, tất lấy Tinh, Thần, Phong, Vũ tự, (tế) theo (tòng, tự) ở bên đàn Núi. Bể. Ngòi, tế theo (tòng tế) Đầm, Trạch - Sách Trịnh Chú. Giả Sớ bảo rằng, Nhật, Nguyệt Tinh, Thần, ở vào hàng Thiên Thần. Lại còn bảo rằng: Tư Trung, Tư Mệnh, Phong sư, Vũ sư, nên ở Tứ vọng, ý giả cho Tứ Vọng thuộc loại Thiên Thần. Mà Nhật, Nguyệt Tinh, Thần, Tư Trung, Tư Mệnh đều thuộc vào loại Tự. Hãy ghi cả để đợi sau khảo sát.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu vua Tấn săn ở Thanh Nguyên. Đặt ra năm quân để phòng rợ Địch, cho Triệu Thôi làm khanh. Thanh Nguyên ở huyện Văn Hỷ, Hà Đông nay vẫn còn.

冬 杞 伯 姬 來 求 婦

ĐÔNG, KỶ BÁ CƠ LAI CẦU PHỤ

MÙA ĐÔNG, KỶ BÁ CƠ LAI ĐÓN DÂU

Công - Chép là lai cầu phụ là thế nào. Là lời dùng vào việc hôn nhân. Sao lại gọi là phụ. Là lời mẹ chồng nói.

Cốc - Đàn bà đã đi lấy chồng thì không ra khỏi nước. Kỷ Bá Cơ tới đón là phi lễ.

Lục Thuần - Kinh văn chép thẳng để ghi một việc phi lễ. Công Dương bàn là lời hôn nhân, thật là vô nghĩa lý.

狄 圍 衛

ĐỊCH VI VỆ

RỢ ĐỊCH VÂY NƯỚC VỆ

Ngô Trừng - Năm trước, rợ Địch xâm nước Tề, năm nay lại vây nước Vệ, như là không có Tấn Bá chủ. Hoặc giả Tấn Văn trước ở nước Địch, lâu năm, cho nên Địch nhờn chăng.

十 有 二 月 衛 遷 于 帝 邱

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, VỆ THIÊN VU ĐẾ KHƯU

THÁNG 12, VỆ THIÊN ĐÔ TỚI ĐẾ KHƯU

Đế Khưu, huyện Bộc Dương, Đông Quận, gò xưa vua Chuyên Húc ở.

Tả - Mùa đông, Địch vây Vệ, Vệ Thiên đô đến Đế Khưu. Bói được dài 300 năm. Vệ Thành Công mộng thấy Khang Thúc bảo rằng: Tướng không cho người hưởng lộc. Tướng là dòng dõi vua Đế Tương nhà Thương. Vệ Công mới sai cúng, Ninh Vũ Tử can không nên: Không phải loại quỷ thần thì không được cúng tế. Nước Kỷ, nước Tắng cúng những ai mà rồi nước cũng mất. Tên Tướng không được thờ cúng đã lâu đời rồi, đâu có phải là tội ở nước Vệ, xin đừng có thay đổi các mệnh tế, tự, của Thành Vương Chu Công. Thế là thôi, Vệ bỏ lệnh cúng ấy.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh, Tiết Giá, ghét Công tử Hà, Trịnh Bá cũng ghét, cho nên Công tử Hà chạy trốn sang Sở.

Trương Hiệp - Địch vào Vệ năm Mẫn Công thứ 2 Tề Hoàn cứu rồi phong cho. Từ đấy Địch không dám đem quân tới Vệ, là nhờ công Hoàn Công. Tề Hoàn chết đi, Vệ Văn quên công đức Tề, liên kết với Tống để đánh Tề, giết người chính mà lập người bất chính. Vì thế, người Địch mới giả nhân nghĩa phạt Vệ. Người Vệ quên ơn đi nuôi giặc Địch là từ đó. Đến khi Tấn Văn hưng thịnh. Địch thôi không xâm Vệ nữa, nay lại áp bức Vệ, đến nỗi Vệ phải thiên đô. Do đó, Hồ Truyện mới buộc tội cho Tấn Văn.

Hoàng Trọng Đạm - Truyện có bàn rằng, hễ chư hầu có đạo thì bờ cõi được yên, việc gì phải đến thiên đô. Nếu có sợ bị áp bức, chọn đất tốt đến ở, thì áp bức vẫn còn, rồi vẫn cứ thiên đô, chỉ làm khổ nhọc dân thôi. Đâu có phải là kế hay.

Năm Quý Tỵ, Tương Vương năm thứ 24.

三 十 有 二 年

TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 32

Tấn Văn năm thứ 8. Tề Chiêu năm thứ 5. Vệ Thành năm

thứ 7. Sái Trang năm thứ 18. Trịnh Văn năm thứ 45. Tào Cung năm thứ 25. Trần Cung năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 9. Tống Thành năm thứ 9. Tần Mục năm thứ 32. Sở Thành năm thứ 44

春 王 正 月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Đấu Chương xin hòa với Tấn. Tấn Dương Sứ Phủ đáp lễ lại. Sở Tấn bắt đầu thông hiếu.

夏 四 月 己 丑 鄭 伯 捷 卒

HẠ TỨ NGUYỆT, KỶ SỬU TRỊNH BÁ TIỆP TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY KỶ SỬU, TRỊNH BÁ TIỆP MẤT

衛 人 侵 狄 秋 衛 人 及 狄 盟

VỆ NHÂN XÂM ĐỊCH THU VỆ NHÂN CẬP ĐỊCH MINH

NGƯỜI VỆ XÂM ĐỊCH, MÙA THU, NGƯỜI VỆ CÙNG ĐỊCH THỀ

Tả - Mùa hạ, Địch có loạn. Người Vệ xâm Địch, Địch xin hòa. Mùa thu, người Vệ cùng Địch thề.

Ngô Trừng - Vệ sợ Địch mạnh, thiên đô để tránh, nay thừa cơ Địch có loạn. Vệ mới dám đem quân tới biên giới, chép là xâm, chứ không chép là phạt, không dám kể rõ tội Địch để mà đánh.

冬 十 有 二 月 己 卯 晉 侯 重 耳 卒

ĐÔNG THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ MÃO TẤN HẦU, TRÙNG NHĨ TỐT

MÙA ĐÔNG THÁNG 12, NGÀY KỶ MÃO, TẤN HẦU TRÙNG NHĨ MẤT

Tả - Mùa đông, Tấn Văn Công mất. Ngày Canh Thìn định đem tang về Khúc Ốc. Ra khỏi đất Giàng (Giáng Thủy, sông Giáng)

trong cũi có tiếng rống như tiếng trâu. Bốc Yên bảo đại phu lễ rồi nói. Vua bảo có đại sự, sẽ có quân ở phía tây tới, nhưng ta đánh được, sẽ toàn thắng. Kỵ tư từ Trịnh cho báo cáo về nước Tần, rằng nước Trịnh nhờ ta cai quản bắc môn, nếu ta lén đem quân tới thì có thể lấy nước được. Mục Công hỏi Kiển Thúc. Kiển Thúc nói: Cho quân đi viễn chinh khó nhọc, tôi chưa thấy ai nghĩ mưu ấy, quân lính đã nhọc, sức đã kiệt, mà bên địch lại có phòng bị, vậy rất là không nên. Quân ta hành động Trịnh tất biết. Quân bị khó nhọc mà không có mục đích thì sinh oán. Vả lại quân đi hàng nghìn dặm nước nào là không biết. Vua không nghe, gọi Mạnh Minh, Tây Khất, Bạch Ất sai cầm quân, theo đường cửa đông, tiến phát. Kiển Thúc khóc tiễn đưa: Mạnh Minh con ơi, ta được tiễn quân đi, mà không đón được quân về. Vua sai trách rằng. Ngươi còn biết gì. Hạng cùng tuổi ngươi, trên mả, cây đã mọc to bằng ôm tay rồi. Con Kiển Thúc cũng ở trong quân, Kiển Thúc nói: Người Tấn sẽ chặn quân ta ở đất Hào. Hào có hai gò, gò Nam Lăng là nơi mộ Hạ Hậu Cao, gò Bắc Lăng là nơi xưa Văn Vương trú mưa gió. Chắc chết ở khoảng ấy. Ta sẽ nhặt xương con ở đây, Quân Tần tiến phát.

Gia Huyền Ông - Tề Hoàn ung dung không vội vã, có khí tượng thời thịnh nhà Chu. Tấn Văn nông cạn hấp tấp, như có phong độ chiến quốc Tấn, Hán. Tả Truyện mới cho là trong việc ở Thành Bộc, vì ba kẻ có tội mà dân phải phục theo, đều là dùng sai hình pháp: Điền Hiệt, Kỳ Mãn, Chu Chi Kiều, đều có công lao, có năng lực, nếu thực có tội cũng còn có thể tha được mà đều bị chết về tội chưa đáng chết, Tấn Văn tâm không được rộng rãi, lại được bọn Hồ, Triệu, giúp cho thêm khắc nghiệt mọi việc đều như thế cả.

Vương Nguyên Kiệt - Tề Hiếu không có tài nối được nghiệp Tề Hoàn. Tấn Tương lại nối nghiệp Bá của Tấn Văn, truyền cho mấy đời, thế là vì sao. Xét, quốc gia mà thịnh suy, là do nhân tài được dùng, hay không được dùng. Hoàn Công dùng Quản Trọng, giao cho hết quyền. Quyền vào một người. Người chết là nghiệp suy. Văn Công từ khi về nước lên ngôi đã biết tuyển dụng bọn Hồ, Triệu, để thành nghiệp Bá, truyền đến con cháu mấy đời, mà chưa hết. Thế thì cái đạo dùng người là việc làm đầu tiên cho một quốc gia, đời sau lấy đấy làm gương.

Lý Liêm - Tấn Văn năm Lỗ Hi Công thứ 24 thì vào nước

lên ngôi. Năm 28, về việc ở Thành Bộc, mới thành bá nghiệp, cho đến năm 32, trước sau được năm năm. Lý Thị nói: Tấn có công nghiệp của hai đời Văn: là Văn Hầu và Văn Công. Sách chép Văn Hầu giúp được vua trong bước gian nan được phong thưởng đến đại lễ, ở thời Đông Chu được tiếng là hiền hầu. Kinh Xuân Thu thì chép tường Văn Công làm bá chủ, thực vẫn là gia pháp Văn Hầu, Văn Công mà hưng thịnh, việc dễ hơn Tề Hoàn như là việc tự đến. Thế mà Văn Công khi đã vào nước, lên ngôi, thì công việc không thấy chép ở Kinh, phàm bốn năm. Tuy có công to giúp Thiên Tử mà Kinh san tước không thấy chép. Cho đến năm Hi Công thứ 28, mới thấy chép mà trong một thẻ có chép về Tấn Hầu đến năm lần, không cho là nhiều, tại sao vậy. Vì từ khi Vũ Công lấy thứ thay trưởng, đến thần dân nước Tấn cũng không tự an được, Xuân Thu vì thế san Tấn không chép, Văn Công chạy trốn lâu sau mới về. Trong nước không ai ra lệnh, dân không biết nghe ai, cho nên Kinh chỉ lược qua. Đến khi vì giúp Thiên Tử, hội chư hầu, thì chỉ là vì có lợi, chứ không phải vì nghĩa vua tôi. Năm Hi Công thứ 28, có việc Tấn, Sở, thì Di Địch ngoài cõi thịnh hay suy có quan hệ đến sự còn mất của cả Trung Quốc, chứ không riêng về một nước, và Xuân Thu vốn là ức Sở, tức là chê Sở, cho nên có nhiều lần khen Tấn. Vậy thì Tấn cũng không phải là không được việc cho liệt quốc. Vì thế mới đặt Văn Công vào hàng Tề Hoàn. Tuy Hoàn, Văn đều chép, mà Tấn Văn không sánh với Hoàn được. Hoàn Công trong 20 năm, nuôi uy, dưỡng sức, mới có thể hỏi tội Sở được. Văn Công có một bận, mà công ở Thành Bộc trội ngay, rất là hơn việc Thiệu Lăng. Hoàn Công nhiều lần thề, nhiều lần hội, thế mà đến gần cuối đời mới được hội với Tề Chu Công. Văn Công mới có hai lần hội mà việc ở Ôn, chắc chắn hơn việc ở Quỳ Khưu. Hoàn Công hội ở Quyên mà mất Lỗ, thề ở U mà mất Vệ, ở Thu Chỉ mà mất Trịnh, ở Quỳ Khưu thì mất Trần. Văn Công có ba lần hội mà Hầu lớn, Bá nhỏ đều phải tới cả. Thế tức là được chư hầu hơn Hoàn Công. Vậy sao lại bảo Văn không sánh được bằng Hoàn. Là vì Văn Công, công nhiều hơn Hoàn Công, mà tội cũng nhiều hơn Hoàn Công. Việc thì chóng thành hơn Hoàn, mà nghĩa thì kém Hoàn. Danh trội hơn, mà thực suy hơn. Xuân Thu không có lấy công bù tội, không lấy việc mà che lấp nghĩa, không lấy hư danh át sự thực. Thế tức là Văn

Công không sánh được với Hoàn Công. Hoàn Công được Giang, Hoàng, và không dùng Giang Hoàng trong việc phạt Sở. Văn Công thì nghĩ: không hợp Tần thì không thể tranh với Sở được. Sở bị ức, nhưng Tần thì lại được hưng, cách đó Hoàn Công không chịu dùng. Hoàn công mà hội thì không có gần Tam Xuyên, thế thì không có cung với người Thiên Tử. Văn Công mà hội, thì hội ở đất nhà Chu, mà ngang ngược. Thế Tử Hổ trì trái đạo lý. Hoàn Công đâu có dám làm những điều ấy. Hoàn Công thà không được Trịnh chứ không giúp Tử Hoa sợ làm gương xấu, ức hiếp vua, giúp đỡ bầy tôi thì còn răn dạy ai. Văn Công thì vì bày tôi Nguyên Huyên mà bắt vua, thế là bỏ cả tam cương, ngũ thường. Hoàn Công đâu có nỡ xử sự như thế. Phu Tử cần cho rõ chính, tà. Thì như thế là rõ lắm rồi.

Năm Giáp Ngọ. Năm Tương Vương thứ 25.

三 十 有 三 年

TAM THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 33

Tần Tương Công năm đầu. Tề Chiêu năm thứ 6. Vệ Thành năm thứ 8. Sái Trang năm thứ 19. Trịnh Mục Công Lan năm đầu. Tào Cung năm thứ 26. Trần Cung năm thứ 5. Kỷ Hoàn năm thứ 10. Tống Thành năm thứ 10. Tần Mục năm thứ 33. Sở Thành năm thứ 45.

春 王 二 月 秦 人 入 滑

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, TẦN NHÂN NHẬP HOẠT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI NGƯỜI TẦN VÀO ĐẤT HOẠT

Tả - Năm Hi Công thứ 33, mùa xuân, quân Tần qua Bắc Môn kinh đô nhà Chu. Các tướng bỏ mũ trụ, xuống xe. Nhưng rồi lại nhảy lên ngay, ra roi đi nhanh, nhiều đến 300 cỗ. Vương Tôn Mãn tuổi còn nhỏ, đứng coi, nói với vua rằng: Quân Tần khinh thường mà vô lễ chắc thua. Khinh thường thì ít mưu. Vô lễ thì hay thiếu sót. Vào đất hiểm mà thiếu sót lại vô mưu,

tất phải thua. Quân tiến đến đất Hoạt nước Trịnh. Có người lái buôn nước Trịnh tên là Huyền Cao vốn vẫn đem hàng đến bán ở chợ Chu, giữa đường gặp quân đội. Cao vội lấy ít da đóng yên ngựa, và 12 con trâu xin làm lễ khao quân, và nói với chủ súy:

Vua nước tôi biết là ngài lĩnh binh qua nước tôi. Vậy xin có lễ khao quân. Nước tôi nhỏ, được các ngài đỡ cho, nếu ở một ngày, thì nước tôi xin cung lương thực một ngày, nếu một đêm thì cũng xin đủ phòng vệ một đêm. Thế rồi Cao cho cấp báo về nước.

Trịnh Mục Công vội cho tới quán xá coi xét hành động, thì thấy sứ quán đã đủ lương thực, binh cụ. Mới sai Hoàng Vũ Tử đến nói: Các quan Tần ở nước tôi đã lâu ngày. Nay đồ dùng, lương thực, đồ sống, đồ chín, đều hết. Lại nghe nói các quan sắp phải đi. Trịnh tôi có đất Nguyên Phố, cũng như Tần có Cụ Hựu. Ở đó hươu nai rất nhiều có thể cung cấp lương thực được. Xin tự kiếm lấy đỡ cho chúng tôi, các ngài nghĩ sao. Thế là Kỷ Tử chạy sang Tề, Phùng Tôn và Dương Tôn chạy sang Tống. Mạnh Minh nói: Trịnh đã có phòng bị rồi, không thể đánh được. Đánh thì không thắng, vây thành thì thiếu tiếp viện. Thôi ta về. Thế là phá ấp Hoạt rồi kéo quân về.

Cốc - Hoạt là một nước.

Hồ Ninh - Người Tần diệt Hoạt mà chép là nhập là vào. Đã không được đất lại không diệt hẳn, chẳng qua chỉ hung hăng cho hả tâm làm càn vô cớ đi diệt người ta. Tội thật là rõ.

齊侯使國歸斧來聘

TỀ HẦU SỨ QUỐC QUY PHỦ LAI SÍNH

TỀ HẦU SAI QUỐC QUY PHỦ TỚI SÍNH

Tả - Tề Quốc Trang Tư tới sính. Từ việc đất Giao tới việc biếu tặng lễ đã hoàn toàn mà thêm chuyên cần. Tang Văn Trọng (Lỗ) có nói với Công rằng: Quốc Tử coi việc chính trị thì Tề còn có lễ, xin vua tiếp đón, thần nghe nói, phục người có lễ là giúp cho xã tắc được thêm hay.

Ngô Trừng - Năm Hi Công thứ 26, Lỗ có cái oán giận phạt Tề và chiếm đất Cốc. Năm thứ 28, Tấn Văn đã làm bá chủ,

công tử Toại (Lỗ) sinh Tề để giải mối thù, rồi giao hiếu với Tề. Qua sáu năm, đến Quý Phủ, tới đáp lễ sinh của công tử Toại.

夏四月辛巳晉人及姜戎敗秦于殽

HẠ, TỨ NGUYỆT TÂN TỴ TẤN NHÂN CẬP KHƯƠNG NHUNG BẠI TẦN VU HÀO

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN TỴ, NGƯỜI TẤN CÙNG KHƯƠNG NHUNG ĐÁNH BẠI QUÂN TẦN TẠI ĐẤT HÀO

Dưới chữ bại Tần, Tả và Cốc có viết chữ sư (quân) Hào ở phía Tây huyện Thắng Trì, xứ Hoành Nông.

Ta - Tấn, Nguyên Chẩn (Tiên Chẩn) nói: Tần không nghe Kiển Thúc, làm cho dân khó nhọc, thế là trời giúp ta. Cơ hội đã được trời giúp thì không nên bỏ lỡ. Được giặc là không nên thả. Thả giặc thì sinh loạn. Trái mệnh trời là bất tường. Ta phải đánh quân Tần. Loan Chi nói: Chưa báo ơn Tần, mà đã đánh quân Tần, đối với tiên quân thì sao. Tiên Chẩn nói: Nước ta có tang, Tần đã không nghĩ, lại đánh nước đồng tông với ta. Đã vô lễ thế, thì còn ơn nghĩa gì. Tôi nghe nói, một ngày thả giặc, sinh lo mấy đời. Ta mưu cho con, cho cháu, tức cũng là vì tiên quân, Tấn mới ra lệnh đánh quân Tần, gọi thêm quân Khương Nhung. Vua thì mặc áo sô gai màu đen. Quân Tần thua tan tại đất Hào. Tấn bắt được ba đại tướng là: Mạnh Minh, Khất Thuật và Át Bính. Bà Phu Nhân Văn Doanh xin cho ba đại tướng nói: Bọn ấy làm chia rẽ hai vua ta. Vua Tần được ăn thịt sống cũng chưa đủ, nhà vua cần gì phải làm tội, cứ để cho về để vua Tần được giết cho thỏa chí. Vua Tấn nghe lời, thả bọn tướng. Tiên Chẩn vào Triều hỏi đến tù, thì vua nói, phu nhân xin thả về rồi. Tiên Chẩn giận nói: Bao công phu tướng sĩ mới bắt được giữa trận. Vì một lời người đàn bà mà thả cho về nước, hại cho quân nhà, lợi cho nước địch, mất nước đến nơi. Nói rồi gắt giận không kiêng dè. Vua nghĩ ra, vội sai tướng Dương Sử Phủ đuổi theo các tướng Tần. Đến bờ sông thì đã thấy cả bọn trên thuyền. Dương mới sai cởi con ngựa tham, nói to là theo mệnh vua, tặng cho Mạnh Minh. Mạnh Minh cúi đầu tạ: nhờ ơn vua đã không

bắt tội nhân làm thịt, lấy máu bôi trống, lại cho về Tấn chịu tội, chết không quên ơn. Theo gương nhà vua, nếu vua tôi lại tha cho thì sau ba năm tôi xin sang tạ ơn.

Vua Tần mặc đồ trắng ra đất Giao, ngoài thành, đón quân thua về. Quay mặt về đất Hào, tế quân đội, khóc, nói rằng: Quả nhân không nghe Kiển Thúc đến nỗi các tướng bị nhục. Thật là tội quả nhân. Mạnh Minh cứ coi quân như trước. Lỗi ở quả nhân. Đại phu có tội gì. Vả lại không lấy một điều lỗi nhỏ mà hại đức lớn.

Công - Coi Tần là thế nào. Là Di Địch. Vì sao. Tần sắp đánh úp Trịnh. Các quan là Bách Lý và Kiển Thúc can: Đi xa ngàn dặm để đánh úp người, chưa từng nghe là không bị thua. Tần Bá giận nói: Hạng cùng tuổi ngươi, trên mả, cây đã to bằng ôm tay, ngươi biết gì. Quân ra đi, Bách Lý và Kiển Thúc tiễn con và dặn rằng: Con chắc chết, mà chết ở đất Hào, là nơi rất hiểm trở. Nơi đó xưa Văn Vương tránh mưa gió. Ta sẽ nhặt xương con ở đó. Con theo quân đi. Bách Lý và Kiển Thúc đi theo khóc. Tần Bá giận nói: Ngươi sao được khóc quân ta. Đáp: Đâu tôi có dám khóc quân. Tôi khóc con.

Huyền Cao là lái buôn nước Trịnh, gặp quân Tần ở Hào, mới giả làm được mệnh của Trịnh Bá đón khao quân. Dù quân đi hay trở về, người Tấn cùng Khương Nhung cũng đón đánh ở Hào, là nơi rất hiểm trở, đến một xe, một ngựa, chưa chắc đã ra thoát. Sao lại chép là cập, là cùng, cùng Khương Nhung. Vì Khương Nhung là nhỏ, hèn. Chép là người, người Tấn cũng là hèn kém. Vì chỉ có Tiên Chẩn. Mà dù có vua Tấn thân chinh, thì cũng dùng chữ người, chữ nhân để chê. Chê ở trong thời tang, mà đã dùng can qua, trong cảnh giặc địch, không được chôn cất. Đã lừa gạt giấu giếm mà chiến tranh, thì không chép ngày. Đây có chép ngày để càng rõ việc, lại càng rõ tội.

Cốc - Không chép chữ chiến, mà lại chép chữ bại là tại sao. Là coi Tần như Di Địch. Vì Tần vượt nghìn dặm hiểm nghèo để vào một nước không phòng bị. Tiến thì không giữ nổi, thoái thì tất phải thua. Thế là dọc đường hiếp tróc đàn bà con gái, như thế chả là Di Địch thì còn là gì được. Từ việc đất Hào trở đi, Tần thật là Di Địch. Tần Bá, khi muốn đánh úp Trịnh, có

Bách Lý và Kiển Thúc can: Đi nghìn dặm để đánh úp người, chưa từng nghe thấy khỏi bị thua. Tần Bá bảo: Hạng ngươi, cùng tuổi trên mả cây đã to bằng ôm tay, ngươi còn biết gì. Quân đi. Bách Lý còn theo con mà khóc. Tần Bá giận nói: Sao ngươi dám khóc quân. Hai người đáp: Không dám khóc quân, chỉ khóc con thôi. Tôi già rồi, nó không chết thì tôi cũng chết. Người Tấn cùng Khương Nhung chặn đánh ở Hào, một ngựa, một xe không ra thoát. Tấn nhân là ai. Là Tấn tử (vua Tấn, nhưng dùng chữ tử là con, là theo lễ, vua bố chết, chưa lễ táng). Sao lại gọi quân Tấn là người Tấn. Là chê, chê vì bỏ, vì đừng lễ táng, mà xông vào việc chiến tranh.

Lục Thuần - Tôi nghe thầy tôi dạy: Tấn Văn Công chưa được táng. Tấn Tương Công đã hưng binh, thế mà không chép là tử, lại chép là nhân, là vì: việc hiếu của chư hầu là ở chỗ bảo vệ cho xã tắc, mà giữ yên vui cho dân. Tấn ở địa vị Minh chủ, chư hầu theo phục từ lâu. Tần không nghĩ đến nước đang có tang, mà còn đánh lén nước cùng họ. Nếu không cứu được thì nghiệp của vua cha hỏng. Cho nên thánh nhân tránh cho không chép là tử (con) vì quyền mà biến lễ. Vậy có khác với hiếu của người thường.

Trình Tử - Tấn không gọi là vua Tấn vì đang cư tang, chưa làm lễ táng thì chưa có thể cầm quân được. Tần làm việc vô đạo, qua Chu để sang đánh lén người ta, ai nấy đều công phẫn, chép là người Tấn, còn gọi là cùng Khương Nhung cũng do ý ấy.

Trương Hiệp - Tả Truyện, Cốc Truyện đều chép là Tấn sư, Công Dương thì không chép chữ sư chắc là được rõ ý thánh nhân cho nên Lưu thị, Hồ thị đều theo Công Dương.

Xét - Cuộc chiến ở Hào, Tả Thị chép thêm lời luận bàn của Tiên Chẩn. Cho là dở ở Tần. Hồ Truyện nhân lời của Trình Tử kết tội Tấn Tương quên cha, bội ân, mặc sô gai đen, ra cầm quân cho là đáng chê, lại so mưu của Tiên Chẩn, với mưu của Kỷ Tử, thì trách cả Tần với Tấn cho vào cùng một loại. Cứ xem cái tình lý đương thời ấy thì đầy đủ. Tần bội phản Tấn, cho quân đồn thú ở Trịnh, thế là tự Tần bỏ giao hiếu với Tấn. Nếu như Tấn Văn không nghĩ đến ân đức xưa, mà lại theo lời xin của Tử Phạm (xin đuổi theo đánh Tần) thì Tần đã bị đánh rồi. Đọc câu "Tần

không nghĩ ta đương có tang", thì ra Tấn Văn chết mà Tần không điếu tang, Tần đã vô lễ thế thì còn cần gì phải ơn Tần. Vậy Tiên Chẩn đâu có phải là quá kích. Đến như việc mặc sô gai đen cầm quân, thì xưa cổ nhân cũng đã có trường hợp đó. Xưa, Hoài Di, Từ Nhung quấy rối, Lỗ Công mặc đồ tang mà cầm quân, thiên Phí Thệ ở trong sách Chu Thư có chép. Nếu là việc bất nghĩa thì thánh nhân đâu có làm. Hoặc giả nói: Lỗ cự lại giặc ở ngay môn đình mà Tấn thì thu lợi nhờ lân quốc, không thể đem Tấn so với Lỗ được. Nói thế là không biết khảo sát. Hoạt nay là huyện Yển sư phủ Hà Nam. Hào nay là Thiểm Châu, phủ Hà Nam. Hoạt gần nước Tấn, mà Hào thì ở trong địa phận Tấn làm minh chủ, chư hầu trong thiên hạ có việc diệt nhau, thì dù Tấn có ở xa, cũng phải đi cứu. Huống Tần nhân lúc Tấn đang có tang, bước vào địa phận Tấn mà diệt nước cùng họ với Tấn, lại ở gần Tấn, so với việc Đông Giao thì có khác gì, vua tôi Tấn liệu có nên ngồi yên không. Đã muốn nói chí vua cha để mưu cho con cháu, mà ngược lại bỏ, đi làm kẻ quên cha, như thế có được không. Từ khi bị thua ở Hào, Tần thôi không dám nghĩ vượt qua Tấn để kiêm tính các chư hầu phía Đông. Thế là Tấn Văn đã có công đánh bại Sở, mà Tấn Tương đã có công chế ngự Tần. Quân ở Hào oanh liệt ngang với ở Thành Bộc. Nay chê trách là muốn cho Tấn Tương cứ tự buộc vào cái tình hòa hiếu đã đứt muốn cho cứ giữ tiết, ngồi một chỗ mà nhìn quân Tần hoành hành trong đất đai gần mình, giết hết họ Cơ mình, không có chút thương xót, bảo như thế mới là hiếu chăng. Tuy nhiên, Tấn sao lại chép là người (nhân). Là muốn tránh chữ tử là con. Kiêng tránh cho tức như cho là việc phải, vì rằng dù sao, đang ở trong tang, lùi lễ táng lại mà đi vào chiến tranh thì vẫn là có tội. Kiêng tránh, mà chép là người, coi như là Tấn Tử (vua Tấn Tấn Tương) không thận chinh. Đó là Lục Thuần bàn đến chữ, đến lễ quyền biến, và cho là hiếu của chư hầu khác với hiếu của thất phu. Công và Cốc hai người trách Tấn đã không đúng, mà kết tội Tần cũng chưa được xác đáng. Xét tội Tần Bá là ở chỗ dụng mưu mô lừa dối để đánh lén một nước ở xa, là không nghe can mà làm hại quân, là cho gây loạn cướp hãm vợ con người ta. Thật là quá lắm. Cho nên bỏ Hồ Truyện. Còn Cốc và Công, đầu đuôi, trừ vài đoạn, còn ra không được ý nào đúng. Trình Tử bàn rằng dùng chữ nhân là chỉ quần chúng,

bàn rằng Tần vô đạo, ai nấy đều công phẫn, nên mới chép Tấn nhân, mới chép chữ cập là cùng, cũng do ý ấy. Trình Tử bàn có khác với Lục Thuần. Nhưng cả hai đều hiểu rằng chép là nhân không phải là chê Tấn. Vậy để nguyên cả các lời bàn đó.

癸巳葬晉文公

QUÝ TỴ, TÁNG TỐNG VĂN CÔNG

NGÀY QUÝ TỴ, LỄ TÁNG TẤN VĂN CÔNG

Cốc - Chép ngày táng. Vì khi có giặc chưa táng được.

狄侵齊

ĐỊCH XÂM TỀ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Tả - Nhân lúc Tấn đang có tang.

Xét - Địch, nhân lúc Tấn đang có việc, vội kíp đem quân đánh Tề. Vì thế, mới bị bại ở đất Cơ mùa thu. Từ đó, trong ba năm, quân Địch không dám đi đánh bậy. Xét Tần và Tấn trong khoảng ba năm có bốn lần chiến, vì thế Địch mới dám xâm Tề, xâm Lỗ. Nước Sở thì diệt nước Giang, nước Hoàng, thành ra nghiệp Bá suy. Tất cả đều là tội ở Tần gây nên.

公伐邾取訾婁

CÔNG PHẠT CHÂU THỦ TÝ LÂU

CÔNG PHẠT CHÂU, LẤY ĐẤT TÝ LÂU
TÝ LÂU ĐẤT NƯỚC CHÂU

秋公子遂帥師伐邾

THU, CÔNG TỬ TOẠI SUẤT SƯ PHẠT CHÂU

MÙA THU, CÔNG TỬ TOẠI CẦM QUÂN ĐÁNH CHÂU

Tả - Công phạt Châu, lấy đất Tý Lâu, để báo lại việc Thăng Hình, người Châu không phòng bị. Mùa thu Tương Trọng lại phạt Châu.

Tiết Quý Tuyên - Việc Thăng Hình đã mười năm rồi. Châu chưa từng xâm phạt ta. Mùa hạ, Công phạt Châu, chiếm ấp. Mùa thu, công tử Toại lại phạt Châu. Vô danh đến thế là cùng.

晉人敗狄于箕
TẤN NHÂN BẠI ĐỊCH VU CƠ
NGƯỜI TẤN ĐÁNH BẠI ĐỊCH Ở ĐẤT CƠ

Cơ là huyện Dương Ấp, Thái Nguyên, phía nam huyện còn Cơ Thành.

Tả - Địch phạt Tấn và Cơ. Tháng tám, ngày Mậu Tý, Tấn Hầu đánh bại Địch ở đất Cơ. Khước Khuyết bắt được Bạch Địch Tử. Tiên Chẩn nói: Thất phu vô lễ với vua mà không bị tội, ta đâu dám không tự làm tội (khi trước nghe tin vua Tần tha cho các tướng Tần, Tiên Chẩn quá giận có gắt và nhổ khạc trước mắt vua). Thế là bỏ mũ trụ xuống đi vào giữa đám quân. Địch rồi chết. Người Địch đưa trả xác, mặt tươi như lúc sống.

Xưa, Tư Thần (chức quan) tên là Cửu Quý, nhân việc đi sứ, qua đất Ký, gặp Khước Khuyết đang cày ruộng. Người vợ đem cơm đến kính cẩn vợ chồng đối đãi với nhau như khách. Quý đem về, nói với Tấn Văn Công: Biết giữ lễ phép, kính cẩn là người có đức hạnh thì trị dân được, xin nhà vua dùng. Thần nghe nói, ra khỏi cửa như đón khách quý. Làm việc công như dự trọng tế, đó là phép của đức nhân. Công nói: Nhưng cha có tội, có nên dùng con không. Đáp: Cồn có tội, vua Thuấn giết mà dùng con là vua Vũ. Quản Kính Trọng là kẻ thù của Hoàn Công sao lại không dùng được. Thiên Khang Cáo có câu: Cha không từ, con không kính, anh không hòa, em không thuận không có liên lụy tới nhau. Kinh Thi có câu: Hái rau phong hại rau phỉ, đừng có lấy cuống. Xin nhà vua cứ dùng. Văn Công nghe, cho làm Hạ Quân đại phu. Khi ở đất Cơ về, Tương Công cho Tiên Thả Cư làm tướng Trung Quân (chức cao nhất). Rồi đến Khước Khuyết, được thưởng cho đất Ký Ấp. Tư Thần có công tiến cử Khước Khuyết được thưởng đất Tiên Mao.

Xét - Việc đánh đất Cơ, Tấn Hầu và Tiên Chẩn đều có mặt.

Đỗ Dự cho là Khước Khuyết khi ấy chưa làm chức Khanh. cho nên chép là Tấn nhân, người Tấn. Đâu có phải là vì Khước Khuyết bắt được vua Địch, mà bá cáo cho chư hầu đâu. Còn như Trần Phó Lương, Gia Huyền Ông bảo rằng quấy Tề và Vệ, Tấn làm minh chủ mà không biết cứu, cho nên chê, chép là người, bảo thế là sai. Địch vây Vệ. Vệ quay lại xâm Địch rồi cùng Địch thề. Địch lại xâm Tề. Hoặc cho là Địch muốn ly gián, tức là chia rẽ Tấn, Trịnh hoặc bảo là Địch nhân cơ hội Tấn có tang, đều không phải là không có cớ mà không cứu.

冬 十 月 公 如 齊

ĐÔNG THẬP NGUYỆT CÔNG NHƯ TỀ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, CÔNG SANG TỀ

Gia Huyền Ông - Thiên Tử sính thì Công không lại chầu mà Quốc Quy Phủ tới thì Công cúi mình báo lại. Chẳng có chữ gì thêm vào để chê thì ý nghĩa cũng đã rõ lắm.

十 有 二 月 公 至 自 齊

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT CÔNG CHÍ TỰ TỀ

THÁNG 12, CÔNG TỪ TỀ VỀ

Uông Khắc Khoan - Thiên Tử sai Chủng Tể Chu Công lại sính. Cứ như chức Tam Công Chủng Tể là cao quý, quan trọng, mà hạ mình đi tới Lỗ, thực là lễ phi thường. Hi Công đã không biết vào chầu tại Kinh sư, cung bái ân sủng đó, - mà lại sai công tử Toại đáp sính. Đã thế, lại còn sai cùng làm hai việc trong một lượt đi, y như là đối với các nước Châu, Đằng trong việc giao hiếu. Nay Tề Hầu sai Quốc Quy Phủ lai sính, bất quá chỉ là một cuộc giao tiếp thường lễ, có thể sai một đại phu đáp lễ, cũng được lắm rồi, ấy thế mà lại thân hành tới chầu nước Tề. Lấy bạc đáp hậu, lấy hậu đáp bạc.

乙巳公薨于小寢

ẤT TỴ, CÔNG HOĂNG VU TIỂU TẨM

NGÀY ẤT TỴ, CÔNG MẤT TẠI TIỂU TẨM

Tả - Mùa đông, Công sang Tề chầu, và viếng thăm Tề mới bị Địch quấy. Khi về Công mất tại tiểu tẩm.

Cốc - Tiểu Tẩm không phải là nơi chính.

Lý Liêm - Hi Công ở ngôi 33 năm. Thực ra là một vua hiền ở nước Lỗ. Ngay những năm đầu, đối nội, Công đã dùng công tử Hữu, Tang Văn Trọng. Đối ngoại thì hết sức thờ Tề Hoàn, cho nên mới trừ được hại Khánh Phủ, làm cho nước Lỗ đã nguy mà lại được yên. Từ năm 17 trở về trước, trừ các lần theo Tề hội thề, chinh phạt thì công việc ở Lỗ, Kinh Xuân Thu thấy ít chép. Nhưng cứ xem các thi tụng, như Vụ Nông, Trọng Cốc, thì thấy siêng năng với dân; tế tự về xuân và thu, phụng sự tiên tổ cẩn thận, dựng Bí cung, xây lại phán cung, đánh rợ Hoài Di chăn nuôi nơi đồng cỏ, tuy lời chắc có khoa trương hơn thực, nhưng lễ, nhạc, chính trị, đều thấy có chỗ sáng sủa, vua tôi trên dưới đều hợp sức, đại khái ta có thể ước lượng được. Tuy nhiên việc thề ở đất Sanh chưa kết liễu mà đã có việc chiến bại quân nước Châu. Hội ở Quỳ Khưu mới được ít lâu mà lại có hội hợp ở Dương Cốc thì hỏi rằng Lỗ Công có thực biết lấy lễ, tín giúp Tề không. Rồi sau Tống Tương Công lên ngôi, tuy nghiệp Bá không đủ để được hẳn Lỗ, nhưng Lỗ đã hướng về Nam mà theo Sở, quên cả việc thời trước, xin quân Sở để đánh Tề, Tống thì thật là thất kế. Xét từ Hi Công năm thứ 16 trở đi Quý Hữu mất rồi, Tang Văn Trọng thay quyền, Công Tử Toại lại chuyên quyền, như diệt Hạng, như hội Sở, trong kinh chép đầy đủ, nếu mà không được có Tấn Văn tái tạo, một trận mà thắng Sở thì Trung Nguyên sẽ lâm họa, Hi Công còn trốn trách nhiệm sao được. Huống hồ lại còn những chuyện Quý Hữu được ấp Phí, mà mọc ra chi họ Quý Tôn, Công Tôn tự chủ việc quân, mà gây nên họ Thúc Tôn, Công Tôn Ngao chủ việc quân mà khởi đầu

họ Mạnh Tôn. Cái nền tảng ba nhà Tam Hoàn đều gây thành tự tay Hi Công. Vậy đối với nước Lỗ, Hi Công là đầu kẻ có công, mà cũng là đứng đầu kẻ có tội.

隕霜不殺草李梅實

VẪN SƯƠNG, BẤT SÁT THẢO, LÝ, MAI THỰC

SƯƠNG NHIỀU, KHÔNG HÉO RỤNG CÂY, CỎ, LÝ, MAI

Công - Sao lại chép. Là việc lạ. Là vì trái mùa.

Cốc - Chưa đáng rụng mà làm cho rụng là chép việc trọng. Đáng rụng mà lại không rụng là chép việc khinh.

Hồ Truyện - Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni rằng: Xuân Thu chép việc sương sa không hại cây cỏ, tại sao lại chép thế. Trọng Ni nói: Thế tức là nói đáng héo rụng. Xét đáng cho héo rụng mà lại không cho héo rụng các loại cây lý mai mùa đông mới kết quả, thế là trời mất đạo trời cây cỏ còn can phạm huống hồ vị quân chủ. Vì thế, lấy đạo trời mà bàn thì bốn mùa đã mất thứ tự, kết quả thành trái ngược, không còn nói được lẽ trời thống suất vạn vật ra sao nữa. Lấy đạo quân chủ mà bàn thì năm hình, mất sự áp dụng, rồi quyền sẽ mất, không còn nói được: vua trị được muôn dân.

Xét - Hồ Truyện đã dùng lời Khổng Tử đáp Ai Công về truyện vẫn sương lại dẫn lời Khổng Tử trách Tể Ngã luận về nền xã, mà cho rằng chỉ có thánh nhân mới biết sử biến mà không mất đạo thường, còn hạng người hiền thì tất phải lấy lời "tiểu trinh cát, đại trinh hung" làm răn. Hồ nghĩ như thế là sai. Xuân Thu cốt để dạy muôn đời sau, người nào cũng phải theo lời dạy chứ đâu có riêng thánh nhân mới được dùng, còn hiền nhân không được dùng. Xét câu đáp về "thất đạo", đạo mất, thì có nghĩa là lấy trời làm phép là thường lý và lời "chiến lật" sợ hãi (coi sách luận ngữ) nghĩa là không phải bản ý việc lập nền xã. Quyền không nên cho kẻ vô tài. Uy không nên chỉ dùng cho một bên. Đạo cứ phải hành cho đều mà không trái. Cho nên bỏ các lời bàn ấy đi.

晉人陳人鄭人伐許

TẤN NHÂN, TRẦN NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT HỨA

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TRỊNH, PHẠT HỨA

Tả - Tấn, Trần, Trịnh, phạt Hứa về tội nhị tâm theo Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Sở lệnh Doãn Tử Thương xâm Trần và Sái. Trần Sái xin hòa. Rồi Sở phạt Trịnh, định đưa công tử Hà về, đánh vào cửa Kết Trật. Hà ngã vào ao nhà họ Chu. Có tên đầy tớ bắt được đem nộp. Văn Phu Nhân cho khâm liệm rồi cho chôn ở dưới Thành Cối. Tấn. Dương Phủ xâm nước Sái. Sở Tử Thượng cứu Sái, cùng quân Tấn ở hai bên sông Trì. Dương lo ngại, sai bảo Tử Thượng rằng: Tôi nghe nói. Văn thì không làm điều trái. Vũ thì không sợ địch. Ngài như muốn chiến, tôi xin lui một xá. Ngài hãy sang qua sông bày trận. Lâu chậm tôi xin đợi. Nếu không hai bên cứ thế này, hao phí vô ích. Tử Thượng nghe xong muốn qua sông. Đại Tôn Bá nói, không nên, người Tấn không tin được. Ta sang sông được nửa thì bị đánh, ta có hối cũng không kịp, không bằng hãy cứ thong thả. Mới cùng lui một xá. Dương Tử mới cho phao ngôn lên rằng: Sở sợ ta rồi, chạy rồi. Thế là Dương đem quân về. Sở đợi mãi sau biết rồi cũng về. Thế Tử Thương Thần gièm với vua rằng: Thượng được Tấn hối lộ mới về, thế là nhục cho Sở. Vậy phải làm tội. Sở Vương mới giết Tử Thượng.

Lễ táng Hi Công. Chậm, rồi đặt bài vị, thế là phi lễ. Phàm vua chết, có lễ tốt khốc rồi, mới đến lễ Phụ (là phụ vào miếu). Phụ rồi mới làm lễ đặt bài vị (lễ tạc chủ). Rồi đến các thời kỳ tế Chưng, tế Thường, tế Đế, đều tế ở miếu.

Xét - Tả Thị chỉ chép Tấn, Trần, Trịnh phạt Hứa mà thôi. Thế là cả vua cùng vị Khanh các nước đó không có mặt. Chép là nhân, y như là tướng kém, quân ít, bất tất phải bình luận thêm. Thời đó, có thể tranh giành được với Tấn thì có: Tần, Sở, Địch. Tấn Tương Công đã đánh bại được Tần, đánh bại được Địch cho nên vây Hứa để cho Sở phải chấn động. Gia Thị bảo rằng không phải việc cấp bách. Thế là Gia Thị không xét kỹ đến sự thế.

HẾT TẬP II

MỤC LỤC

Trang

- **XUÂN THU QUYỂN THỨ TƯ** **5**

元年 NGUYÊN NIÊN (NĂM ĐẦU) 5

二年 NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 2) 11

- **XUÂN THU QUYỂN THỨ NĂM** **23**

元年 NGUYÊN NIÊN (NĂM ĐẦU) 23

二年 NHỊ NIÊN. (NĂM THỨ 2) 31

三年 TAM NIÊN (NĂM THỨ 3) 37

四年 TỨ NIÊN (NĂM THỨ 4) 41

五年 NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 5) 50

六年 LỤC NIÊN (NĂM THỨ 6) 58

七年 THẤT NIÊN (NĂM THỨ 7) 60

八年 BÁT NIÊN (NĂM THỨ 8) 64

九年 CỬU NIÊN (NĂM THỨ 9) 68

十年 THẬP NIÊN (NĂM THỨ 10) 73

十有一年 THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 11) 79

十有二年 THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 12) 82

十有三年 THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 13) 84

十有四年 THẬP HỮU TỨ NIÊN (NĂM THỨ 14) 87

十有五年 THẬP HỮU NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 15) 92

- **XUÂN THU QUYỂN THỨ SÁU** **103**

十有六年 THẬP HỮU LỤC NIÊN (NĂM THỨ 16. LỖ HI CÔNG) 103

十有七年 THẬP HỮU THẤT NIÊN (NĂM THỨ 17) 107

十有八年 THẬP HỮU BÁT NIÊN (NĂM THỨ 18) 112

十有九年 THẬP HỮU CỬU NIÊN (LỖ HI CÔNG) (NĂM THỨ 19) 115
二十年 NHỊ THẬP NIÊN (NĂM THỨ 20) 119
二十有一年 NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 21) 122
二十有二年 NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 22) 127
二十有三年 NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 23) 133
二十有四年 NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN (NĂM THỨ 24) 138
二十有五年 NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN (NĂM THỨ 25) 145
二十有六年 NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN (NĂM THỨ 26) 150
二十有七年 NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN (NĂM THỨ 27) 155
二十有八年 NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN (NĂM THỨ 28) 159
二十有九年 NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN (NĂM THỨ 29) 179
三十年 TAM THẬP NIÊN (NĂM THỨ 30) 182
三十有一年 TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN (NĂM THỨ 31) 190
三十有二年 TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN (NĂM THỨ 32) 198
三十有三年 TAM THẬP HỮU TAM NIÊN (NĂM THỨ 33) 202

XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 2

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Bìa : QUANG HUY

Trình bày : QUANG MINH

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 330/TNKHXB-2002 do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10-06-2002. In xong và nộp lưu chiểu Quý III – 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu
TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách



QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp.HCM
ĐT: 8322386 - 8340990 - 090.3800274 - Fax: 84.8.8342457
E-mail: quangminhbooksshop@hcm.vnn.vn

Giá: 26.000đ

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu
TAM TRUYỆN

TẬP 2





Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

XUÂN THU TAM TRUYỆN

(TẬP III)

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN
春秋三傳

TẬP BA

Bản dịch : HOÀNG KHÔI

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

XUÂN THU QUYỂN THỨ BẢY

文公

VĂN CÔNG

Dương Sĩ Huân - Theo sách Lỗ Thế gia, Văn Công tên là Điển, con Hi Công, lên ngôi năm thứ 26 đời vua Tương Vương nhà Chu. Xét tính tình từ huệ, yêu dân, cho nên đặt tên Thụy là Văn.

Năm Ất Mùi, vua Tương Vương năm thứ 26.

元年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Tương năm thứ hai. Tề Chiêu năm thứ 7. Vệ Thành năm thứ 9. Sái Trang năm thứ 20. Trịnh Mục năm thứ 2. Tào Cung năm thứ 27. Trần Cung năm thứ 6. Kỳ Hoàn năm thứ 11. Tần Mục năm thứ 34. Sở Thành năm thứ 46.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Cốc - Nối ngôi chính đáng, thế là được chính.

Xét - Hồ Truyện căn cứ vào Kinh Thư, về thiên Lễ Cư Tang, và các thiện nhà Ngu, nhà Thương, có bàn rằng, vị Trủng Tể thay mặt vua làm lễ cáo miếu, rồi điều khiển bách quan, trừ

vua ra, không thân dự. Nay lấy sách Chu Tử xét lại, thì biết rằng việc khác có thể thay mặt, chứ việc lên ngôi, thì không có lý thay mặt được. Tăng Tử hỏi về lễ nghi lúc cư tang, thì được biết mọi lễ tế, cứ qua năm, mới cáo miếu, vậy người khác thay mặt được, nhưng đến việc lên ngôi, và đổi niên hiệu để giám lâm các bày tôi, thì sao thay mặt được. Cho nên không theo Hồ Truyện.

二月癸亥日有食之

NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỢI, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG HAI, NGÀY QUÝ HỢI, CÓ NHẬT THỰC

Theo Công Dương, thì trên chữ nhật có chữ sóc.

Đỗ Dự - Không chép chữ sóc, là Sử bỏ sót.

Triệu Bằng Phi - Không chép chữ sóc, là đã bỏ lễ sóc.

天王使叔服來會葬

THIÊN VƯƠNG SỬ THÚC PHỤC LAI HỘI TÁNG

THIÊN TỬ (VUA CHU) SAI THÚC PHỤC TỚI DỰ LỄ TÁNG (CHÔN)

Tả - Năm đầu, mùa xuân, Thiên Tử sai chức Nội sử là Thúc Phục tới dự lề táng. Công Tôn Ngao nghe nói Phục sành về khoa tướng sò, mời đến coi tướng cho hai người con. Thúc Phục nói: Một người là Cốc thì biết cung dưỡng, một người là Nam thì biết tế tự. Cốc mặt mũi đầy đặn, tất là người có hậu ở đất nước Lỗ này.

Phụ lục Tả Truyện - Năm đó, lịch đặt tháng nhuận vao tháng ba, thế là không theo đúng lễ. Xưa Tiên Vương đặt lịch đúng thời: Bắt đầu tính từ buổi đầu, thì toán số không sai nhầm. Giữ phần chính ở giữa, thì dân tin tưởng không nghi ngờ. Các ngày thừa cho vào cuối thì việc không rối loạn.

Chú thích: Theo Tả Thị thì tháng nhuận năm ấy không phải ở tháng ba.

Công Thị - Sao lại chép là tới dự táng? Vì dự táng là đúng lễ.

Cốc Thị - Chép dự táng là tôn trọng lễ nghi Thiên tử.

夏四月丁巳葬我君僖公

HẠ, TỨ NGUYỆT, ĐINH TỴ, TÁNG NGÃ QUÂN HI CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY ĐINH TỴ, TÁNG VUA TA LÀ HI CÔNG

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Đinh Tỵ, táng Hi Công.

Cốc Thị - Khi mất, chép là Công hoăng. Khi táng chép là vua ta. Chép có trước, có sau. Mất rồi mới đặt tên thụy, là để hoàn thành đức tính. Thế là khi chết rồi mới đặt thêm.

天王使毛伯來錫公命

THIÊN VƯƠNG SỬ MAO BÁ LAI TÍCH CÔNG MỆNH

THIÊN TỬ SAI MAO BÁ ĐEM SẮC PHONG TỚI CHO VUA LỖ TA

Tả Thị - Vua sai tước Bá nước Mao tên là Vệ đem sắc phong tới (tích mệnh).

Công Thị - Tích là gì? Là tứ, là cho. Mệnh là gì? Là thêm phẩm phục.

Cốc Thị - Theo lệ, thì có thụ mệnh, là tới nhận, chứ không có lai tích mệnh. Tích mệnh không phải là chính.

晉侯伐衛

TẤN HẦU PHẠT VỆ

TẤN HẦU ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả Thị - Về cuối đời Tấn Văn Công, các chư hầu tới chầu nước Tấn. Vệ Thành Công không chầu, sai Khổng Đạt xâm Trịnh,

đánh đất Điên Tý và đất Khuông. Tấn Tương Công nối ngôi đã qua năm, cho báo cáo các chư hầu để phạt nước Vệ cùng đất Nam Dương. Tướng Tiên Thả Cư nói: Xin đừng theo vết xe Vệ, sẽ có hoạ (Vệ không chầu). Xin nhà vua hãy chầu Thiên tử, rồi tôi sẽ cầm quân. Tấn Hầu mới chầu Thiên tử ở đất Ôn. Tiên Thả Cư, Tư Thần, đem quân tới Vệ. Tháng năm, ngày Tân Dậu, mùng một, vây đất Thích. Tháng sáu, ngày Mậu Tuất lấy được, bắt được Tôn Chiêu Tử.

Khuông ở về Dĩnh Xuyên. Thích là ấp nước Vệ.

叔孫得臣如京師

THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ

THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ (NHÀ CHU)

Tả Thị - Lỗ đại phu Thúc Tôn Đắc Thần tới chầu Thiên Tử.

Đỗ Dự - Tạ ơn tích mệnh. Đắc Thần là cháu Thúc Nha.

衛人伐晉

VỆ NHÂN PHẠT TẤN

NGƯỜI VỆ ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Người Vệ báo cáo nước Trần. Trần Cung Công nói: Nếu Tấn còn tới đánh, thì ta cũng có hòa. Vệ Khổng Đạt cầm quân đánh Tấn. Người quân tử cho là Vệ theo đúng đường lối xưa, tức là bàn với nước Trần.

Lưu Sưởng - Tả thị cho là đúng đường lối xưa. Tả Thị bàn sai. Xưa tuy có bàn mưu với nước ngoài, việc bàn đó tất do việc nghĩa. Nay Trần với Vệ bàn mưu gì: Mưu phản bạn, xâm lấn nước nhỏ. Thế đâu có phải là theo đường lối xưa.

秋 公 孫 敖 會 晉 侯 于 戚

THU, CÔNG TÔN NGAO HỘI TẤN HẦU VU THÍCH

MÙA THU, CÔNG TÔN NGAO HỘI VỚI TẤN HẦU TẠI ĐẤT THÍCH

Đây là mở đầu, đại phu chuyên đi hội họp với chư hầu.

Tả Thị - Mùa thu, Tấn Hầu phân ranh giới đất Thích, cho nên Công Tôn Ngao mới đi hội.

冬 十 月 丁 未 楚 世 子 商 臣 弑 其 君 郡

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ĐINH MÙI, SỞ THẾ TỬ THƯƠNG THẦN, THÍ KỲ QUÂN QUÂN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10 NGÀY ĐINH MÙI, SỞ THẾ TỬ LÀ THƯƠNG THẦN GIẾT VUA LÀ QUÂN

Công thị và Cốc Thị, viết chữ Quân ra chữ Khôn.

Tả Thị - Trước kia, Sở Tử (vua Sở, tước Tử) định cho Thương Thần làm Thái tử, có hỏi Lệnh Doãn Tử Thượng. Tử Thượng nói: "Nhà vua tuổi chưa cao, mà yêu nhiều con, không riêng ai. Đã lập mà bỏ đi thì sinh loạn. Nước Sở ta, lập làm vua, thường là con nhỏ, không cứ phải con trưởng. Và lại, Thương Thần, mắt như mắt ong, tiếng như tiếng lang, thế là tướng người tàn nhẫn, không nên cho nối ngôi". Vua không nghe, cứ lập Thương Thần. Thế rồi lại muốn phế đi mà lập Vương Tử Chức. Thương Thần nghe đoán, nhưng tin chưa được chắc, mới hỏi Sư phó là Phan Sùng, làm thế nào được biết rõ.

Sùng nói: Đặt tiệc mời bà Giang Mễ, rồi làm ra cách bất kính (Giang Mễ là em vua lấy chồng ở đất Giang). Thương Thần theo kế. Giang Mễ giận, thốt ra mấy câu: "Đồ thất phu, thảo nào, vua muốn giết mày mà lập Chức". Thương Thần báo cho Sư Phó.

Sư Phó nói: Thế thì tin đúng rồi. Ngài có thể thờ Chức làm vua không?

Đáp: Không.

Hỏi: Có muốn chạy trốn ra nước ngoài không?

Đáp: Không.

Hỏi: Có dám làm đại sự không?

Đáp: Làm được.

Mùa đông tháng 10, lấy giáp sĩ trong cung mình vây Thành Vương. Vua xin hãy cho ăn xong món chân gấu, rồi hãy chết. Con không cho. Thành Vương phải tự vẫn (ngày Đinh Mùi). Đặt tên thụy cho là Linh thì mắt không nhắm. Đặt lại cho là Thành, mới nhắm mắt.

Thương Thần nối ngôi tức là Mục Vương. Cho Sư Phó Phan Sùng, nhà cửa, lâu đài, và cho làm Thái Sư, kiêm Chưởng Vệ Quân, coi giữ Vương Cung.

Cốc Thị - Khôn (tên vua Sở theo Cốc Thị) chết mà chép ngày, là để ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua. Đối với Di Địch thì không có nói chính hay bất chính.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói chép ngày là để ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua. Nói thế sai. Ví như không chép ngày thì không ghi cẩn thận việc Thương Thần giết vua hay sao.

Vương Tích Tước - Truyện chép: Nghe đặt Thụy là Linh, thì không nhắm mắt, đổi là Thành thì nhắm mắt. Vua chết rồi, lúc táng mới đặt tên thụy, chứ có đâu chưa chôn đã đặt tên Thụy. Đó là Tả Thị xuyên tạc.

Xét - Đường Quách Du nói với Thế Tử Hoành rằng: Kinh Xuân Thu, ý nghĩa bao hay biếm, để lấy thiện khuyến khích, lấy ác răn dạy. Cho nên tiếng ác của Thương Thần nghìn năm không mất. Lời đó là hợp với ý chí Thánh nhân. Cho nên, Xuân Thu được viết ra, là bọn loạn thần, tặc tử phải kinh sợ. Hoành, trời cho tính nhân ái sẵn, cho nên không nỡ đọc, chứ không phải là Quách Du giảng sai nhầm nghĩa Kinh, mà cho là nên bỏ Xuân Thu đi.

Hồ Truyện rất chê thuyết đó, cho là thân chết rồi, tiếng ác cứ còn, chưa đủ để giàng buộc tâm trí kẻ gian tà. Bảo là nên răn kẻ làm ác, dẫn chứng bằng lời bàn họ Đông, việc thoán thì không quá trách, mà nguyên do việc ác thì xét rất gắt gao,

thường nhiều lần kể tội Thánh Vương, việc Thương Thần y như tư phải đến. Thế là Hồ Thị đã làm loạn danh và phận trong Kinh, cân do nặng nhẹ đảo ngược. Vậy bỏ Hồ không chép.

公孫敖如齊

CÔNG TÔN NGAO NHƯ TỀ

CÔNG TÔN NGAO SANG TỀ

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) sang Tề, khởi đầu lễ sính. Thế là đúng lễ. Phàm vua mới lên ngôi, chức Khanh tới sính, là để sửa soạn lại việc giao hiếu cũ, để mong giúp nhau. Giao hiếu với nước láng giềng là để giữ xã tắc mình. Đó là đạo trung, tín, ty, nhượng. Trung là cái chính, cái ngay của đức. Tín là làm cho đức được bền. Ty nhượng là nhường nhịn, kém vế, là nền tảng của đức.

Phụ lục Tả Truyện - Về việc ở Hào, người Tấn đã thả các tướng Tần về. Các đại phu và quan chức Tần đều nói với Tần Bá (vua Tần): Việc thua này là tội ở tướng Mạnh Minh, xin giết đi. Tần Bá nói: Đó là tội ta. Kinh Thi có câu: Gió to hại vật, người tham hại người hay. Người hay nghe đạo đức thì mừng rỡ, người dở nghe điển pháp thì u mê. Ta không dùng hay, ta thành dở. Đó tham là như thế. Ta thực là tham, cho nên gây họa cho đại phu. Đại phu đâu có tội. Thế rồi cứ dùng Mạnh Minh ở chức cũ.

Uông Khắc Khoan - Chư hầu triều sính nhau, Tả Thị đều cho là có lễ. Tả Thị đã không xét lễ nghi trong việc tang, thông thường ai cũng phải biết, lại không khảo cứu đến việc tôn Chu, việc giao tế. Lỗ Hi Công năm thứ 30, Tề Chu Công tới sính, thì Công Tử Toại đáp lễ tại Kinh, mà bắt đầu sính ở Tấn. Cũng năm đó, Mao Bá tới Lỗ tích mệnh, thì Đắc Thần tới Kinh tạ ơn, mà Ngao cũng mới tới sính lễ ở Tề. Đem các việc ra so sánh, tuy không cần chê, mà sự không phải đã thấy rõ.

Xét - Vua chư hầu cư tang, kiêng đừng có thân dự hội thề. Còn như cho bầy tôi đi thay thì sao không được.

Lễ bang giao có kỳ hạn thường, sự đi lại có định, theo lễ

nghi, ba năm là lâu rồi, chả nhẽ đóng cửa quan, đình việc giao thiệp, bỏ hết lễ chủ khách. Phản nhiều bác Tả Thị quá lắm. Duy có Uông Thị lấy việc tôn Chu, việc giao hiếu với nước láng giềng, bàn xét có lý, vậy lời bàn của Uông Thị để lại, cùng với lời xét cua Tả Thị.

Năm Bính Thân - Vua Tương Vương năm thứ 27.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tấn Tương năm thứ 3. Tề Chiêu năm thứ 8. Vệ Thành năm thứ 10. Sái Trang năm thứ 21. Trịnh Mục năm thứ 3. Tào Cung năm thứ 28. Trần Cung năm thứ 7. Ky Hoàn năm thứ 12. Tống Thành năm thứ 12. Tần Mục năm thứ 35. Sở Mục Vương Thương Thần năm đầu.

春 王 二 月 甲 子 晉 侯 及 秦 師 戰 于 彭 衙 秦 師 敗 績

XUÂN VƯƠNG NHỊ NGUYỆT, GIÁP TÝ. TẤN HẦU CẬP TẦN SƯ CHIẾN VU BÀNH NHA. TẦN SƯ BẠI TÍCH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY GIÁP TÝ, TẤN HẦU CÙNG QUÂN TẦN CHIẾN TẠI BÀNH NHA, QUÂN TẦN THUA TAN

Tả Thị - Năm thứ hai. Mùa xuân. Tần Mạnh Minh đem quân đánh Tấn để báo thù trận thua ở Hào Thang hai. Tấn Hầu chống giữ. Tiên Thả Cư làm tướng đạo Trung quân, có Triệu Thôi làm Phó. Coi đám quân Nhung, có Vương Quan, Phó là Hồ Cúc Cư ngày giáp tý cùng quân Tần chiến ở đất Bành Nha, Quân Tần thua tan. Người Tấn bảo đó là quân Tần đến tạ ơn (Mạnh Minh khi được tha có nói: Ba năm sau sẽ đến tạ ơn Tấn tha). Khi đánh nhau ở Hào, bên Tấn coi quân Nhung, là tướng Lương Hoành, có tướng Lai Câu làm Phó. Ngày giáp trận, Tấn Tương Công bắt được tù binh, sai Lai Câu lấy giáo giết đi. Tù kêu lên, Lai Câu đánh rơi giáo. Tướng Lang Đàm nhặt giáo giết tù. Rồi được theo

xe vua làm xa hữu. Khi có trận đánh nhau ở đất Cơ, Tiên Chẩn bãi Lang Đam, lấy Gian Bá thay. Lang Đàm giận lắm. Có người bạn nói, thà chết còn hơn. Đàm nói: Chưa phải nơi chết. Bạn bảo, tôi xin giúp cùng giết nó. Đàm nói: Phép nhà Chu có chép, "Dũng có hại cho người trên, sẽ không được ghi công", vì chết về việc bất nghĩa thì không phải là dũng, làm việc quốc gia là dũng. Ta vì dũng mong làm xa hữu, vô dũng mới bị bãi, thế là đúng. Sao bảo rằng trên không biết ta, nếu đáng bị bãi, thế là biết ta. Anh hãy chờ đợi.

Khi có trận ở Bành Nha, trận bày xong, Lang Đàm đem quân bản bộ xông vào đám quân Tần, rồi bị chết, nhưng toàn quân Tấn xông theo đánh tan được quân Tần.

Người quân tử bàn rằng: Lang Đàm đúng là quân tử. Kinh Thi có câu: Người quân tử nổi giận, thì loạn chóng dẹp. Lại có câu: Khi vua Văn Vương nổi giận, thì chỉnh bị quân đội để dẹp loạn. Nay giận mà không làm loạn, lại dẹp giặc thì đáng là quân tử.

Tần Bá cứ dùng Mạnh Minh, Mạnh Minh cố sửa sang quốc chính, cố săn sóc đến dân, Triệu Thành Tử (Triệu Thôi) phải bảo các quan rằng: Quân Tần mà rở (trở) lại, thì ta phải tránh đi. Họ sợ mà cố sưa đức thì không ai đương nổi. Kinh Thi có câu: Hãy nghĩ tới tổ tiên, để giữ đức sáng tổ tiên. Mạnh Minh chính là đang nghĩ, không nhác. Thế thì ai địch nổi.

Xét - Hồ Truyện bàn rằng: Địch mà đánh ta, thì ta tự xét ngay. Nếu có tội thì phải tự trách. Nếu ta không có tội, mà địch đánh ta một cách bất nghĩa, thì ta lấy lời phải chăng, giàn xếp. Nếu không xong, thì ta tâu lên Thiên Tử, trình với Phương Bá. Chứ đừng có vội vàng ứng chiến ngay, thế là lấy hạng Kiệt chống với hạng Kiệt. Hồ thị bàn thế là vu khoát về sự tình. Đương thời đó, Chu đã suy, kém, dù có tâu lên Thiên Tử thì liệu có ngăn nổi được cuộc xâm lăng không. Vả lại Hồ Thị vẫn thường nói, nếu Thiên Tử coi trị được chư hầu, thì đã không có sách Xuân Thu. Còn, nếu trình với Phương Bá, thì Tấn chính là Bá, từ khi Tương Vương ban huy hiệu Bá cho Tấn Văn Công, mà Tấn Tương Công tiếp tục. Thấy các nước chung quanh xâm phạt

nhau, Tấn cũng có phận sự xét hỏi, huống chi địch tới ngay nước Tấn. Thế mà như còn phải tâu Thiên Tử, trình Phương Bá, rồi mới ra quân, thì quân địch đã vào tới quốc đô rồi, nền xã tắc đã thành đất bằng rồi. Vậy lời bàn của Hồ, không kể đến nữa.

丁 丑 作 僖 公 主

ĐINH SỬU, TÁC HI CÔNG CHỦ

NGÀY ĐINH SỬU, ĐẶT THẦN CHỦ HI CÔNG

Tả Thị - Ngày Đinh Sửu, đặt thần chủ Hi Công. Chép để biết việc không đúng lúc.

Công Thị - Dựng Thần chủ Hi Công là thế nào? Phàm tế Ngu (vừa chôn xong) thì dùng thần chủ gỗ dâu. Khi tế Luyện (là đầy năm) thì chôn thần chủ gỗ dâu, mà làm thần chủ gỗ lật. Đây chép là chê. Chê vì làm thần chủ không đúng thời. Tức là muốn cho tang lâu ra, mà rồi lại không được.

Cốc Thị - Tác nghĩa là làm. Đáng nhẽ làm Ngu chủ, lúc chôn; Luyện chủ lúc đầy năm. Đây chê là làm sau, chậm. Hoặc làm thần chủ, hoặc thay miếu thờ, phải cho đúng thời, tức là lúc đầy năm (lúc tế Luyện). Việc thay miếu, thì có khi chỉ thay mái hiên, hoặc quét sơn lại cũng được.

Lưu Sưởng - Công Dương nói: muốn cho tang lâu mà không được. Nói thế là sai. Lỗ Công chỉ là lười nhác chậm làm thần chủ. Chứ sao lại biết là Công muốn cho tang lâu.

三 月 乙 巳 及 晋 處 斧 盟

TAM NGUYỆT, ẤT TỴ, CẬP TẤN XỬ PHỦ MINH

THÁNG BA, NGÀY ẤT TỴ, CÙNG THỀ VỚI XỬ PHỦ NƯỚC TẤN

(Bắt đầu có việc nhân tới chầu mà thề).

Tả Thị - Người Tấn, vì Lỗ Công không chầu, tới đánh. Lỗ Công sang Tấn. Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỷ Tỵ, người Tấn sai Dương Xử Phủ thề với Công để làm nhục Công. Kinh chép: "cùng thề với Xử Phủ nước Tấn", bớt chữ Công đi, cho rõ sự không phải của Tấn. Không chép Công sang Tấn là kiêng.

Chú thích của người dịch - Kinh chép tháng ba, ngày Ất Ty. Truyện chép tháng tư ngày Kỷ Ty. Vậy hoặc Kinh hoặc Truyện sai

Công Thị - Đây là Xử Phủ họ Dương. Sao không chép tên. Là ý kiêng chép Công thề với đại phu.

Cốc Thị - Không chép chữ Công, vì kiêng không để Công ngang với Xử Phủ. Sao biết là cùng thề với Công. Vì có chép ngày. Sao không chép Công sang Tấn. Vì cho là điều xấu, khi đi không chép đi, khi về không chép về.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn: Sao biết là cùng thề với Công, vì có chép ngày. Cốc Lương bàn thế sai. Công thề không chép ngày, trường hợp đó có nhiều.

夏 六 月 公 孫 敖 會 宋 公 陳 侯 鄭
伯 晉 士 縠 盟 于 垂 隴

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG TÔN NGAO HỘI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, TẤN SĨ HỘC, MINH VU THÙY LŨNG

MÙA HẠ, THÁNG 6, CÔNG TÔN NGAO, HỘI VỚI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, TẤN SĨ HỘC, THỀ TẠI ĐẤT THÙY LŨNG

Cốc Thị chép chữ Hộc ra chữ Cốc, chữ Lũng ra chữ Liễm. Thùy Lũng là đất nước Trịnh.

Tả Thị - Lỗ Công chưa tới. Mục Bá hội chư hầu cùng Tư Không nước Tấn là Sĩ Hộc thề tại Thùy Lũng. Nguyên nhân vì Tấn đánh Vệ. Chép là Sĩ Hộc để rõ Sĩ Hộc phải chịu trách nhiệm. Trần Hầu vì Vệ xin với Tấn cho hòa. Bắt Khổng Đạt để chiều lòng Tấn.

Cốc Thị - Đại phu trong nước có thể hội với vua chư hầu.

Vương Tích Tước - Phàm vị Khanh đã có mệnh chú, là đều có chép tên, còn việc gì phải nói chịu trách nhiệm hay không chịu trách nhiệm.

四十有二月不雨至于秋七月

TỰ THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT BẤT VŨ CHÍ VU THU, THẤT NGUYỆT

TỪ THÁNG 12 KHÔNG MƯA, CHO ĐẾN MÙA THU THÁNG 7

Công Thị - Sao lại chép. Là ghi việc lạ. Nếu đại hạn thì chép là tai. Đây cũng là hạn, sao lại chép là lạ. Vì đại hạn thì ít ngày cho nên gọi là tai. Đây không mưa đã lâu ngày, mà lại không sinh tai, cho nên chép là việc lạ.

Cốc Thị - Qua mấy mùa, mà nói không mưa, là không có ý lo cho mưa. Không lo là không để ý đến dân.

Uông Khắc Khoan - Theo lễ, thì nếu đến tháng tám mà không mưa, thì vua ăn uống tiết giảm. Nay Văn Công từ tháng 12 đến tháng 7 không mưa, thế là khí âm, khí dương các mùa không điều hòa, thường sinh tai. Đã tám tháng rồi, mà Văn Công không tỉnh ngộ, dù chưa hết tang mà cứ triều sính, hội thề, tế lễ luôn, không để tâm trí đến dân, thế thì có đáng đứng đầu dân không? Công Dương nói, không chép hạn, vì ngày không mưa đã lâu mà không có tai, Phạm Uông cũng nói chưa có tai, hai người bàn thế là nhầm.

Phàm hạn mà có tai, mà không lâu thì chép là hạn. Hạn mà có tai mà lâu, thì chép tháng ấy không mưa cho đến tháng ấy. Trong sách Cương Mục thời Hán Hiến Đế có chép tháng 4 không mưa cho đến tháng 7, cảnh dân đói sinh tai thế nào, ta đã biết.

八月丁卯大事于太廟躋僖公

BÁT NGUYỆT, ĐINH MÃO, ĐẠI SỰ VU THÁI MIẾU, TỄ HI CÔNG

THÁNG TÁM NGÀY ĐINH MÃO, ĐẠI TẾ Ở NHÀ THÁI MIẾU ĐỂ ĐẶT HI CÔNG TRÊN VUA TRƯỚC

Tá thị - Mùa thu, tháng tám, ngày Đinh Mão, trọng tế ở Thái Miếu để đặt Hi Công trên vua trước. Thế là ngược lễ. Khi

đó, Hạ Phu Phất Ky, giữ chức Nghi Lễ quan. Muốn tôn Hi Công, mới phân trần rằng: Tôi thấy mới thì lớn, mà cũ thì nhỏ (mới chỉ Hi Công là thứ huynh, và cũ chỉ Mẫn Công là em). Cho nên đặt lớn trước, nhỏ sau, thế là thuận. Đặt người thánh hiền (chỉ Hi Công) lên trên, thế là minh (sáng). Thuận và minh là lễ.

Người quân tử (Tả Thị) cho là thất lễ. Đã là lễ, thì phải thuận Tế tự là việc lớn của một nước. Thế mà làm ngược thì có gọi là lễ không. Con tuy là Thánh, không hưởng trước cha được, từ xưa vẫn nhận như thế. Cho nên vua Vũ, không đứng trước ông Côn. Vua Thang không đứng trước ông Tiết. Các vua Văn, Vũ, không đứng trước ông đứng trước ông Bất Khuất. Nước Tống cố tô là Đế Ất. Nước Trịnh có tổ là Lệ Vương. Thế cho nên, Kinh Thi, trong Lỗ Tụng có câu: Xuân, thu, đừng trễ nhác, tế lễ đừng sai lạc. Đường hoàng Hậu Đế, Hoàng tổ Hậu Tắc. Người quân tử bàn: Theo lễ thì Hậu Tắc, tuy là nhân, nhưng phải lấy Đế đứng trên. Kinh thi có câu: Hỏi các cô ta, rồi đến chị ta. Người quân tử bàn: Theo lễ, chị dù gần, nhưng phải đứng sau cô.

Trọng Ni nói: Tang Văn Trọng có ba việc bất nhân, ba việc bất tri, Đặt Triển Cầm vào chức vị kém (biết Triển Cầm, Liễu Hạ Huệ là hiền mà đặt vào chức vị kém); bãi bỏ sáu quan ải (cản ngăn cấm du đãng); cho người nhà dệt chiếu (tranh lợi của dân nghèo) là ba việc bất nhân. Dùng đồ dùng không phải chức vụ mình được dùng; cho lễ đặt Hi Công lên trên là phải; bắt dân cúng viên cư (thứ chim lạ bay qua, cho là thần vật). Đó là ba việc bất tri.

Công Thị - Đại tế là gì? - Là đại hợp, là hợp tế. Hợp tế thì hình thức thế nào? Bỏ thần chủ đi, đặt vào miếu Thái Tổ, đến năm năm thì tế gọi là Ân tế. Còn đặt tên trước là gì. Là đặt ngôi vị đứng trên, ý chê. Chê là ngược với lễ. Dù sao, Hi Công trước vẫn là thần của Mẫn Công. Thần trên, quân dưới không được

Cốc Thị - Đại tế là gì? Là việc tế lớn, việc hợp tế. Bỏ thần chủ ở miếu thờ; đặt vào miếu Thái Tổ. Khi chưa bỏ thần chủ, thì cúng tế cả ở hai miếu. "Đặt lên trước" là gì? Là đặt người

thần trên, đặt Tổ xuống dưới. Thế là lễ ngược. Đã ngược thì không có hàng Chiêu, hàng Mục nữa. Đã không có Chiêu, Mục thì không có tổ. Không có tổ thì không có trời, tức là không thay trời làm việc. Người quân tử không vì tình thân, người thân, mà quên tên người tôn. Đó là nghĩa Kinh Xuân Thu.

Gia Huyễn Ông - Ba truyện đều nói rõ là lễ ngược. Xét: Cho Mẫn và Hi là Chiêu và Mục, mỗi vị mỗi đời thì cần phải biện bạch rõ ràng. Tả Thị nói: Con dù ngang hàng thánh, không hưởng (ăn) trước cha. Nói thế tức cho là vua tôi, như cha con, chứ không bảo Mẫn là tổ của Văn Công. Công Dương thì bảo rằng bố đứng trên, tổ đứng dưới. Cốc Lương thì bảo không có Chiêu, Mục thì không có tổ. Đỗ Dự thì bảo Mẫn và Hi không thể coi là cha và con. Thường là bầy tôi, thì vị phải ở dưới. Nay ở trên Mẫn, thế là ngược. Khổng Dĩnh Đạt phát minh ra ý của Đỗ Dự rõ ràng. Nếu lấy cách anh em cho vào Chiêu, Mục, thì rối loạn, không thể quyết đoán được.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương bảo là tế ngược, không có Chiêu, Mục. Phạm Ninh thì nói: Lấy Chiêu, Mục, hàng cha, hàng tổ làm ví dụ. Hà Hưu thì nói: Huệ Công với Trang Công, nên cùng ở vị tây, ngảnh về Nam. Ẩn, Hoàn, cùng Mẫn, Hi, cũng nên cùng ở vị tây, mà ngảnh về Bắc. Khổng Dĩnh Đạt thì nói: Mẫn, Hi, không được là cha với con, phải ở hàng Mục. Nay nhắc Hi lên trước Mẫn, thế là vị thứ hai Công thành ngược, chứ không phải là loạn hàng Chiêu, Mục. Ví như anh em thay nhau thì khác Chiêu, Mục. Lại thiết sử bốn anh em cùng lập lên ngôi, thì miếu tổ phụ đành phải hủy bỏ. Lễ ắt không cho như thế. Nay xét kỹ lời Kinh, Truyện, thì cha làm Chiêu, con làm Mục. Hi là bầy tôi của Mẫn. Tôi và con là cùng hàng. Mà Mẫn Công, Hi Công mỗi người phải là một đời. Ai Công thì coi Tương Công là Hoàng Khảo. Như thế thì Chiêu Công, Định Công, mỗi vị là một đời. Thành ra hàng Chiêu Mục đổi khác.

Vậy mà để Anh Tể trên Quy Phủ, thì theo Hà Hưu cho là loạn hàng Chiêu, Mục.

Thiết nghĩ, cổ nhân, cứ mỗi vua một miếu, thì anh em cùng hàng Chiêu, Mục thì cùng là một đời, việc hợp tế ở Thái Miếu,

thì Lỗ nên lấy Hi Công riêng đặt vị ở dưới Mẫn Công. Đời sau, cùng cha khác mẹ, không thể lấy hai vua cùng tế ở một miếu, tất phải chia Chiêu, Mục khác, mà vẫn cứ để anh em cùng vào một đời.

Tuy nhiên, Tăng Tử hỏi: Bảy miếu, năm miếu, không có miếu bỏ không. Chư hầu mà hợp tế, thì chúc từ phải ngược lại thần chủ bốn miếu. Thế mà chư hầu không được có quá bốn miếu. Chiêu, Mục của Thiên tử không được quá sáu miếu. Nay xét Xuân Thu, đời Ai Công, vẫn còn Hoàn Cung, thế là tế tám đời, gồm 10 vua, Định Công có dựng Dạng Cung, thế là tế 21 đời. Miếu Thiên tử về hậu thế, có hơn 10 đời, gồm 14, 15 vua, mà miếu đều không hủy bỏ. Bàn về lễ cứ dẫn Xuân Thu làm chứng, mà pháp chế của Thánh Vương đặt ra, không còn thấy nữa vậy.

Xét - Về phép miếu: Chiêu, Mục, anh, em với thuyết năm năm là một tế "ân tế", về phép ấy, thuyết ấy, các nhà chuyên môn nghi lễ, mỗi bàn mỗi khác. Vậy ta không thể bỏ qua, không biện bạch. Cái hệ thống về tế là: đặt ra Chiêu, Mục để phân biệt cha con, xa gần, lớn nhỏ, thân sơ, thứ bậc; thì không có rối loạn. Theo Chu Lễ, bàn về Chiêu, Mục, thì Trịnh chú có thấy ghi: Nhà Chu lấy Hậu Tắc làm miếu Thủy tổ, cha Bất Khuất làm Chiêu, con Cúc Tử làm Mục. Cứ theo thế lần lượt, về sau đều cha làm Chiêu, con làm Mục. Thế cho nên, cha con khác hàng Chiêu Mục. Anh em cung hàng Chiêu Mục, em tất nhiên không làm con anh, con tất nhiên không làm cháu bố được. Quan nghi lễ nhà Chu phải biện bạch thế, là sợ cha con, anh em loạn ngôi thứ chăng. Y như cả ba truyện, cùng cả Hồ Thị, đều lấy Mẫn, Hi, làm hàng cha con, thế là lấy anh làm con em, lấy con làm cháu bố, thế là loạn hàng thứ Chiêu Mục quá lắm.

Trịnh Thị báo rằng nhà Thương có sáu miếu từ ông Tiết đến ông Thang, hai Chiêu, một Mục. Xét xử nhà Ân (Thương Ân) thì các vua Dương Giáp, Bàn Canh, Tiểu Tân, Tiểu Ất, anh em bốn vua. Như qua là anh em phải khác hàng Chiêu, Mục, cứ mỗi người làm mỗi đời, thì tế Vũ Đinh không tế được đến tổ vậy.

Tấn Hạ Tuần có nói: Theo lễ, anh em không nối dõi nhau (làm con nối dõi tông đường), không được lấy việc nối ngôi nhau

mà kế đời (đời cha, đời con). Lại nói rằng, anh em kế tiếp nối ngôi, thì kể là một đời cùng Chiêu hoặc cùng Mục, không được kiêm hoặc bỏ hai miếu; đó là lệ thường của lễ. Bàn Canh nhà Ân, không nối Dương Giáp, mà nối lên trên vua trước, lấy cớ là em không nối ngôi anh.

Hoa Hằng thì nói: Anh em nối nhau là biến lễ. Nên làm riêng miếu để thần chủ. Không nên lấy nhà miếu hạn định thần chủ. Lại còn nói rằng: Miếu là để đón thần chủ, thì bất chấp số nhiều ít. Lại còn nói, lấy số bảy làm số chính, chứ không lấy làm hạn định. Dù có anh em nối nhau, không vượt qua ngôi hàng Chiêu, Mục.

Ôn Kiêu nói: Anh em cùng một đời, ơn đã thuận, thì nghĩa không trái.

Đường, Lễ quan nói: Anh em không được làm "hậu" cho nhau, không được làm Chiêu và Mục.

Thời Tấn Vũ Đế, vua Cảnh và vua Văn cùng miếu, miếu tuy có 6 đời, thực ra là 7 thần chủ. Đến vua Minh Đế, vua Nguyên Đế, có mười ngôi miếu.

Tống, Lễ quan cũng nói: Anh em nối ngôi nhau, thì cùng một đời. Như nước Lỗ, vua Ẩn, vua Hoàn, nối ngôi nhau, thì cũng ở hàng Mục. Nhà Ân, từ vua Dương Giáp đến vua Tiểu Ất, anh em bốn người nối ngôi nhau, cho nên không gọi là con nối (tự tử) mà gọi là vua sau (cập vương). Thế là rõ rệt em không nối dõi anh (nối dõi tông đường). Thời Đường, các vua Trung Tôn, Duệ Tôn, đều ở hàng Chiêu. Các vua Văn, Vũ, thì ở hàng Chiêu, hàng Mục. Rồi xét mỗi tế lớn, đến các hàng Chiêu, Mục, thì văn tế đều xưng hiếu tử, vậy anh em là một loại, không có lý lại là cha con. Cha là Chiêu thì con là Mục. Điển lễ không thay đổi trải bao đời vua, các lễ quan đều phải nghĩ thế. Xét thêm vào lời bàn của Hà Thị, của Khổng Thị, thì biết các truyện là sai.

Uông Khắc Khoan, châm chước tình và lý, có thể cho là rất phải, cho nên riêng chép ra đây.

Còn như bảo rằng năm năm lại Ân tế, thì bọn Hán nho

cho là tế Đế và tế Hợp nối nhau. Hà Thị cùng Trịnh Thị thì bao rằng ba năm tế Hợp, năm năm tê Đế. Từ Mạc thì cho rằng, các tế cách nhau ba mươi tháng: 30 tháng tế Hợp, 30 tháng tế Đế. Nhà Đường từ vua Tuấn tôn về sau, thì 5 năm một lần Đế; 3 năm một lần Hợp, mỗi tế mỗi tính riêng năm, chứ không tính chung nhau. Niên hiệu Khai Nguyên nhà Đường, năm thứ 27, vừa tới tế Đế, tế Hợp cùng một năm. Niên hiệu Hi Ninh nhà Tống, năm thứ 8, lại như thế. Đế rồi đến Hợp. Thế thì không có gì là nhất định, cho là phải.

Dương Phục có nói: Ân tế là gì? Là tế đại Hợp. Năm năm thì lại Ân tế, và còn nói rằng: Thế là ba năm một hợp, năm năm lại một hợp, không có dính dáng gì với tế Đế. Bàn thế có thể bỏ hết bình luận băn khoăn của mọi người khác.

冬 晉 人 宋 人 陳 人 鄭 人 伐 秦

ĐÔNG, TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT TẦN

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI TRỊNH ĐÁNH NƯỚC TẦN

Tả Thị - Mùa đông, Tấn, Tiên Thả Cư, Tống, Công tử Thành, Trần, Viên Tuyển, Trịnh, công tử Quy Sinh cùng đánh Tần, lấy đất Uông, và đất Bành Nha, rồi đem quân về, để báo thù trận thua Bành Nha trước. Kinh không chép tên các tướng là vì quý Tần Mục Công, người có đức.

Lưu Sưởng - Người Tấn, người Tống, người Trần, người Trịnh phạt Tần. Tả Thị nói, Kinh không chép tên các vị khanh, tướng cầm quân, vì tôn vua Tần. Nói thế sai, ở kinh, biết đâu dùng chư nhân, người lại không phải là coi thường, coi rẻ.

公 子 遂 如 齊 納 幣

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ NẠP TỆ

CÔNG TỬ TOẠI SANG NƯỚC TỀ ĐỂ ĐƯA LỄ NẠP TỆ

Tả Thị - Tương Trọng (công tử Toại), sang Tề nạp tệ, thế

là đúng lễ. Phàm vua lên ngôi, về cậu cháu, về thông gia, về việc cưới vợ, để lo việc tế tự, thế là có hiếu, thế là gốc lễ.

Công Thị - Thường nạp tệ không có chép. Đây chép là để chê. Chê cưới xin trong lúc tang. Đây là đã hết ba năm rồi, thì còn chê gì. Thế thì còn ở trong ba năm, sao lại dự bị việc hôn. Lễ "Cát Đế" Trang Công thì chê, sao không nhân lúc ấy chê việc hôn. Vì ba năm cũng còn là chóng, ai cũng biết thế, thì chê hôn thú lúc ấy là thừa lời. Việc lấy vợ là việc đại cát, không phải thường cát. Cho là cát là ở mình. Nếu còn có tâm người thường, thì việc nên biến đổi đi.

Xét - Tả Truyện bảo Tương Trọng sang Tề nạp tệ là đúng lễ. Phàm vua lên ngôi, giao hiếu, lấy tình cậu cháu, kết hôn nhân, lấy vợ, để lo phụng sự tổ tiên, đều là hiếu, là gốc đạo hiếu. Ta không cần bàn luận, biết ngay là Tả thị sai rồi. Vua lên ngôi, trừ hạng vua sáng lập (mới được phong), thì vẫn cứ có tang ba năm. Trong thời gian tang, mà sửa soạn việc hôn nhân, thì lễ ở đâu.

Khổng Sớ cứ theo phép tính nói rằng, tang vừa hết, trước lễ nạp tệ, phải có các lễ nạp thái, vấn danh, nạp cát, thì không thể cùng làm trong một tháng được. Cũng có nói là Công đã làm các hôn lễ ấy khi còn là thái tử. Thế là phụ vào Tả thị, để cho Tả Thị được đúng.

Năm Đinh Dậu - Vua Tương Vương năm thứ 28.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Tương năm thứ 4. Tề Chiêu năm thứ 9. Vệ Thành năm thứ 11. Sái Trang năm thứ 22. Trịnh Mục năm thứ 4. Tào Cung năm thứ 29. Trần Cung năm thứ 8. Kỷ Hoàn năm thứ 13. Tống Thành năm thứ 13. Tần mục năm thứ 36. Sở Mục năm thứ 2.

春王正月叔孫得臣會晉人宋人
陳人衛人鄭人伐沈沈潰

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT. THÚC TÔN ĐẮC THẦN HỘI TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH NHÂN, PHẠT THẨM, THẨM HỘI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, THÚC TÔN ĐẮC THẦN HỌP VỚI NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH, PHẠT NƯỚC THẨM, THẨM TAN VỠ

Đại phu nước bá chủ, họp với đại phu các nước, để đánh một nước, khơi đầu là từ đây. Thẩm là tên một nước.

Tả Thị - Năm thứ 3, Trang Thúc, hội quân các chư hầu để phạt nước Thẩm, vì cớ Thẩm theo Sở. Thẩm tan vỡ. Phàm dân trốn gọi là tan vỡ (hội). Người trên trốn gọi là đào.

Phụ Lục Tả Truyện - Vệ Hầu sang Trần, tạ ơn việc hòa với Tấn.

Xét - Về việc đánh nước Thẩm, năm nước đều chép là người. Tiên nho cho là uy phúc, nay chuyển xuống người dưới, chính quyền vào tay đại phu. Cao Kháng, Hồ Thuyên cho là chư hầu đã sai lầm trong việc chinh phạt, và Tấn Tương Công đã bỏ việc lớn, chỉ chăm việc nhỏ, không phải là người biết làm việc. Tôn Giac, Gia Huyền Ông, Triệu Bằng Phi, đều cho việc chép chữ nhân (người), là chê (biếm). Hồ Truyện thì bảo rằng, dù không phải việc do nghĩa, thì cũng cho là được, vì báo tư oán.

E rằng đều không đúng ý của kinh, cho nên không chép ra đây.

夏五月王子虎卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, VƯƠNG TỬ HỔ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 5, VƯƠNG TỬ HỔ MẤT

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Hợi, Vương Thúc Văn Công mất, cơ gửi cáo phó, như việc đồng minh. Thế là đúng lễ.

Công Thị - Vương Tử Hổ là ai? Là đại phu của Thiên Tử. Đại phu nước ngoài không chép mất. Đây chép là vì mới sang sứ nước ta.

Cốc thị - Đó là Thúc Phục. Sao lại chép? Vì trước có tới ta dự lễ táng, cho nên ta chép khi chết. Hoặc cho là người chức vị quan trọng, mà ta chép.

Đạm Trợ - Cốc Lương cho là Thúc Phục. Nếu Thúc Phục là Vương Tử thì sao khi tới dự táng, không chép là Vương Tử.

Triệu Khuông - Bầy tôi không có lễ ngoại giao. Nay chết mà được phó cho nên chép là chê. Tả Thị bảo, phúng điếu như đối với đồng minh, thế là lễ. Nay xét đại phu của Thiên Tử đối với chư hầu không có lễ hội thề, thế mà bảo là lễ. Vậy có phải là ý Kinh Xuân Thu không?

Trần Phó Lương - Công Thị, và Cốc Thị, cho là Thúc Phục. Không phải.

Uông Khắc Khoan - Hoặc giả bảo là Hổ với Quyển đều giúp Thiên Tử trong những lúc gian nan nguy khốn, cho nên Xuân Thu mà chép lúc chết. Thế thì Thiện Mục Công, Kỳ, với Lưu Văn Công, Dực, cùng giúp Kính Vương để yên Chu thất đều không chép lúc chết, thiết nghĩ là vì Vương Tử Hổ đã có cùng chư hầu thề ở sân Thiên Tử, Lưu Văn Công làm chức Vương Quan Bá, Doãn Thị cầm quyền trong triều đều là những người giúp chính cho nhà vua, cho nên đặc biệt cáo phó đến chư hầu, mà Lỗ sử chép chữ (tốt) "mất", Xuân Thu giữ nguyên không tước bỏ, là để cho biết bầy tôi Thiên Tử không nên cáo phó cho các chư hầu vậy.

秦人伐晉

TẦN NHÂN PHẠT TẤN

NGƯỜI TẦN PHẠT NƯỚC TẤN

Tá Thị - Tần Bá phạt nước Tấn, qua sông, đốt thuyền (ý quyết chiến), lấy đất Vương Quan, và đất Giao. Người Tấn không ứng chiến. Người Tần từ bến đò Mao Tân sang sông, tới đất

Hào, nhặt xương quân sĩ chết ở Hào trước, chôn cất xong, rồi về. Thế là Tần làm Bá xứ Tây Nhung và cứ dùng Mạnh Minh. Người quân tử cho là đáng làm vua, dùng người chu toàn, nhất tâm tin dùng. Mạnh Minh là bầy tôi, có sức làm phận sự, biết lo nghĩ việc nước. Tư Tang là người trung, biết xét người, biết tiến cử người hiền. Kinh Thi có câu: "Đi hái rau hao, dưới bến trong ao, dùng vào mọi việc, tại cửa Công, Hầu". Xét Tần Mục được như thế. Lại đến câu: "Ngày đêm không nhác lười, để giúp việc một người". Xét Mạnh Minh được như thế. Mưu vì con cháu. Yên vui giống nòi. Xét Tử Tang được như thế.

Vương Quan, Giao, đều là đất nước Tấn.

秋 楚 人 圍 江

THU, SỞ NHÂN VI GIANG

MÙA THU, NGƯỜI SỞ VÂY NƯỚC GIANG

Tả Thị - Quân đội Sở vây nước Giang Tướng Tiên Bộc nước Tấn phạt Sở để cứu Giang.

雨 螽 于 宋

VŨ TRÙNG VU TỐNG

Ở NƯỚC TỐNG, SÂU TRÙNG ÀO XUỐNG NHƯ MƯA

Tả Thị - Mùa thu, ở nước Tống, sâu trùng, sa xuống đất như mưa.

Công Thị - Mưa sâu trùng, là thế nào? Là trùng chết rồi sa xuống đất. Sao lại chép? Vì là việc lạ. Việc lạ nước ngoài, theo lệ không chép. Đây sao chép? Vì Tống là dòng dõi vương (vua Thiên Tử), cho nên chép việc lạ.

Cốc Thị - Tai họa nước ngoài không chép. Đây sao lại chép? Bảo rằng tai quá lắm. Thế nào là quá lắm? Là ăn cả đến cỏ tranh, cỏ lau. Trên cao, dưới thấp, cùng thấy rõ, cho nên gọi là mưa sâu.

Triệu Bằng Phi - Sâu trùng sinh ra ở dưới đất. Nay từ trên

mưa xuống, thì lạ thật. Thế là trời ra tai. Thường, tai ở nước ngoài, không chép. Đây chép vì có báo cáo cho ta. Hoặc cho là chết rồi mới rơi xuống. Sao biết là chết. Ta muốn cho rõ.

Vương Tiều - Đã là tai, thì không phải sa xuống mà chết. Tả thị vì thấy chữ vũ là mưa, mà nghĩ ra ý đó. Từ Mạc có nói: Hết cả lúa rau, đậu rồi ăn đến cỏ tranh lợp mái, giống đó thường vẫn thế.

冬 公 如 晉 十 有 二 月 己 巳 公 及 晉 侯 盟

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT KỶ TỴ, CÔNG CẬP TẤN HẦU MINH

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG SANG TẤN, THÁNG 12, NGÀY KỶ TỴ, CÔNG CÙNG THỀ VỚI TẤN HẦU

Ở đây bắt đầu chép Công sang Tấn.

Tả Thị - Người Tấn sợ vô lễ với Công, xin đổi lễ thề. Công mới sang Tấn, cùng thề với Tấn Hầu. Tấn Hầu thết tiệc, cho hát bài Thanh Nga: "Được thấy người quân tử, vui vẻ mà lễ nghi". Trang Thúc báo Công lui xuống, lạy tạ, và nói: "Tiểu quốc theo mệnh đại quốc, đâu dám không đủ lễ nghi, nhà vua lại khen cho là quân tử, vui vẻ. Chính tiểu quốc được vui, là nhờ ơn đại quốc". Tấn Hầu cũng bước xuống, nhường nhịn, rồi cùng lên. Thế là lễ thành. Lỗ Công cho hát bài Gia Lạc (tán dương Tấn Hầu).

晉 陽 處 斧 出 師 伐 楚 以 救 江

TẤN, DƯƠNG XỬ PHỦ SUẤT SƯ PHẠT SỞ DĨ CỨU GIANG

TƯỚNG DƯƠNG XỬ PHỦ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN, PHẠT NƯỚC SỞ ĐỂ CỨU NƯỚC GIANG

Công Thị và cốc Thị không viết chữ dĩ (để).

Tả Thị - Mùa đông, Tấn đem việc nước Giang tâu với vua Chu. Chức Khanh ở triều Chu và Vương Thúc Hoàn Công, cùng với Dương Xử Phủ nước Tấn, phạt Sở để cứu Giang. Tới thành

Phương Thành, gặp tướng Sở là công tử Chu (Chu đi đánh Giang, nghe Tấn tới, vội bỏ Giang về). Thế là Tấn đem quân về.

Công Thị - Đây là phạt Sơ. Sao lại nói là cứu Giang? Là nói dối ra thế.

Cốc Thị - Đây là phạt Sở, sao lại nói là cứu Giang. Giang xa, Sở gần. Phạt Sở để cứu Giang.

Hồ Truyện - Đê (dĩ) tức là không để. Cứu Giang là việc hay. Sao chép là để? Là Sở thường phạt Trịnh. Tề Hoàn Công kết giao với các nước Giang, Hoàng, ở xa, họp quân các nước ở đất Thiệu Lăng. Thế là mưu đánh Trịnh phải bỏ. Sở lại thường vây đánh nước Tống. Tấn Văn Công có hẹn khôi phục cho nước Tào, nước Vệ họp quân bốn nước ở đất Thành Bộc. Thế là việc vây Tống phải giải. Nay nước Giang nhỏ mà yếu, không ví với Tống, Trịnh được. Người Sở vây Giang chắc không phải đem toàn quân trong nước đi đánh. Khi ấy, Sở đang có tội rất lớn, nước có thể nghiêng đổ. Tấn là minh chủ, nên họp chư hầu, đem quân đi hỏi tội. Thế mà đây chỉ sai một cánh quân đi xa, đánh nước mạnh, liệu có song toàn được không. Cho nên chép phạt Sở để cứu Giang. Nói cứu Giang tuy là hay, nhưng làm việc để cứu thì không đúng đường lối. Đó là Xuân Thu ghi chép phép dùng binh.

Xét - Sở diệt nước Huyền, nước Hoàng. Thế mà nước Tề xưa, chưa từng huy động đến một lữ trong quân đội. Ngày nay, Sở vây Giang, mà Tấn phải động binh. Trước đã sai tướng Tiên Bộc, sau lại xin Vương sư, dùng vị Thượng Khanh, huy động quần chúng, kể tội mà tới đánh, không phải là chỉ đem một cánh quân ra làm việc cho tắc trách. Vả lại, truyện có chép: tới đóng ở ngoài phương thành thấy quân Công Tử Chu về, thì rồi mới về. Chu thích rằng, Tử Chu cầm quân đánh Giang, nghe thấy Tấn động binh, thì giải vây Giang mà về. Thế thì Xử Phủ cũng không phải là vô công. Năm thứ 3, mùa thu, chép là vây. Năm thứ 4, mùa thu, chép là diệt. Thế thì nước Giang gần nước Sở, quân Tấn đã về, quân Sở lại tới, mới đến việc diệt. Cho nên Tấn có tội ở chỗ không hay giữ được Giang. Còn như phạt Sở để cứu Giang thì chưa thấy có tội. Hồ Truyện đã được đời đọc

từ lâu, bọn tiên nho phần nhiều theo. Nay cứ giữ lời bàn mà phụ thêm cho rõ nghĩa.

Năm Mậu Tuất - Vua Tương Vương năm thứ 29.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Tương, năm thứ 5. Tề Chiêu, năm thứ 10. Vệ Thành, năm thứ 12. Thái Trang, năm thứ 23. Trịnh Mục, năm thứ 5. Tào Cung, năm thứ 30. Trần Cung, năm thứ 9. Kỷ Hoàn, năm thứ 14. Tống Thành, năm thứ 14.

Tần Mục, năm thứ 37. Sở Mục, năm thứ 3.

春公至自晉

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phủ lục Tả Truyện - Năm thứ 4. Mùa xuân. Người Tấn thả Khổng Đạt về Vệ, vì cho là người khá. Mùa hạ, Vệ Hầu sang Tấn tạ ơn. Tào Bá sang Tấn hội.

夏逆婦姜于齊

HẠ, NGHỊCH PHỤ KHƯƠNG VU TỀ

MÙA HẠ, ĐÓN VỢ LÀ KHƯƠNG Ở NƯỚC TỀ

Tả Thị - Đón vợ là Khương ở nước Tề. Không cho vị Khanh đi là không phải lễ. Do đó, người quân tử biết rằng, họ Khương không có thành tín ở Lỗ (cho nên khi vua chết, phải trở về Tề). Lễ sính thì quý, mà lễ đón dâu thì tiện. Cho lên hàng vua mà khinh. Đã dựng mà lại bỏ. Mất đức tin, hại cho chủ. Đối với nước thì loạn, đối với nhà thì hỏng. Chỉ vì không có thành tín. Kinh Thi nói: Sợ uy trời mới giữ được phúc lộc. Thế là kính trọng vị chủ.

Công Thị - Sao lại bảo là đón vợ là Khương ở Tề. Là chép lược qua. Cao Tử có nói: Lấy vợ ở hàng đại phu thì lược qua.

Cốc Thị - Chép "vợ là Khương", vì lễ thành tại đất Tề. Đón thì ai đón? Có thân nghênh thì mới chép là vợ. Hay là Công đi đón chăng? Sao vội dùng chữ phụ là vợ? Nếu thật là Công thì sao lại không chép Công. Vì ở Tề không gọi là thành lễ được. Có chữ đón vợ, chắc dựa vào ý có mẹ chồng. Không gọi họ là vì sao? Là chê. Chê cả đến phu nhân.

Xét - Lễ nạp tệ thì sai vị khanh đi, thế thì đón dâu chắc không phải là việc nhỏ. Chắc Văn Công tự đi. Thánh nhân ghét việc thành lễ ở đất Tề, cho nên bỏ công không chép để tỏ ý là chê. Cốc Lương nghĩ đúng, mà Tả Thị thì nghĩ sai. Công Dương cho là vợ ở hàng đại phu thì lại quá sai. Đón vợ tuy ở thời gian đã hết tang, nhưng lễ nạp tệ ở trong tang, bọn tiên nho trách là cưới trong tang thì cũng cho là bàn phải. Và lại mưu sửa soạn việc hôn, ở thời gian tang, mà thành lễ thì ở nhà vợ, thế là trong việc thất lễ, lại thất lễ nữa.

狄侵齊

ĐỊCH XÂM TỀ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Vương Báo - Nước lớn như nước Tề, mà rợ Địch còn xâm tới bốn lần. Vậy các nước Hình, Vệ, Lỗ, Trịnh, bị xâm không nên lấy làm lạ.

秋楚人滅江

THU, SỞ NHÂN DIỆT GIANG

MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC GIANG

Tả Thị - Người Sở diệt nước Giang. Tần Bá được tin, thay mặc áo xấu (màu trắng), không nằm chính tẩm, bãi yến tiệc, đối với nước chung quanh thường quá lễ. Các quan can, Công nói: Nước đồng minh với ta bị diệt, tuy không thể cứu được, đâu dám không xót xa. Ta phải lo cho ta.

Người quân tử bàn: Kinh Thi có câu: Hai nước đó (Hạ và Thương) chính trị không được lòng dân. Bốn phương chư hầu đều sợ, đều mưu với nhau... Đó là hoàn cảnh của Tần Mục Công vậy.

晉侯伐秦
TẤN HẦU PHẠT TẦN
TẤN HẦU ĐÁNH NƯỚC TẦN

Tả Thị - Mùa thu, Tấn Hầu đánh Tần, vây ấp Nguyên, vây ấp Tân Thành, để báo thù trận Vương Quan.

Trương Hiệp - Tấn Tương cho rằng, trận Vương Quan mà không báo thù được thì xấu hổ. Không bằng Thương Thần đắc chí ở đất Giang, nghĩ ra Tấn xấu hổ đến đâu. Biết báo thù Tần, mà không biết giết Thương Thần, khiến cho loạn thần tặc tử, tru diệt hạng nhỏ yếu, tha hồ làm dữ, làm độc. Tấn Tương mà làm minh chủ là cuối thời rồi. So việc mà chép lại, thì đáng ghi tội Tấn Hầu chỉ chăm báo oán việc Tần, mà không xấu hổ về việc nước Giang bị diệt.

Xét - Việc phạt Tần, kinh chép là Tấn Hầu, Trương Hiệp cho là vạch tội Tương Công. Đúng đấy, từ việc chiến ở đất Hào đến nay, Tấn vẫn luôn luôn thắng Tần. Cho nên khi Tần Bá sang qua sông Hà, đốt thuyền, thì Tấn tránh không ứng chiến. Thế thì hai nước ngang nhau về sự được thua. Nay lại phạt Tần, thế là luôn luôn gây chiến tranh, gây thù nhau. Cứu nước Giang thì sai có một đại phu. Phạt Tần thì vua thân chinh. Cho nên chép Tấn phạt Tần, ở sau việc diệt nước Giang, để tỏ rõ là nghĩ đến oán thù thì cấp tốc, mà cứu cấp kẻ hoạn nạn thì lần chần. Triệu Bằng Phi cho việc Tấn báo thù là phải. Xét Tần Tấn giao chiến, khởi hấn, là tự Tần, cho nên không trách Tấn được. Triệu bàn nghe cũng xuôi. Hồ An Quốc bảo rằng Xuân Thu lấy thường tình đãi Tấn Tương, mà lấy việc Thiên Tử, ra trách Tần Mục. Không trách Tấn Tương là vì mong Tần Bá hay. Chu Tử cũng nghi là như thế. Cho nên đây không chép.

衛侯使甯俞來聘

VỆ HẦU SỨ NINH DU LAI SÍNH

VỆ HẦU SAI NINH DU TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Ninh Vũ Tử tới sính. Lỗ Công thết tiệc, tấu nhạc, cho hát bài Trạm Lộ, rồi đến bài Đồng Cung. Ninh Vũ Tử không từ chối mà cũng không hát đáp lại. Có cho người hỏi riêng. Ninh Du đáp: Thần cho là bọn ca công tập hát đến các thiên ấy (chứ không dám nhận là hát cho mình). Xưa như hầu chầu Thiên Tử, vua cho ăn tiệc lấy vui, cho hát bài Trạm Lộ, ý nói vua là mặt trời, chư hầu thi hành mệnh lệnh. Chư hầu biết ý muốn của vua, cố làm việc tâu công, vua mới ban cho một cung đồng, trăm tên đồng, và nghìn cung tên thưởng đê tỏ cách báo đền công trạng. Nay ke bồi thần này, tới để nối lại tình giao hiếu, nhà vua cho thần dùng đại lễ, thần dân đâu dám đương, sinh tội.

冬十有一月壬寅夫人風氏薨

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT NHÂM DẦN, PHU NHÂN PHONG THỊ HOĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM DẦN, PHU NHÂN LÀ PHONG THỊ MẤT

Tả Thị - Mùa đông, Thành Phong mất.

Tô Triệt - Người thiếp sinh ra Hi Công mất. Phàm mẹ vua Lỗ là thiếp thì lúc sống, kêu là phu nhân, lúc chết cũng dùng lễ phu nhân. Thiên Tử và chư hầu cũng dùng lễ phu nhân phúng viếng. Xét về điển lễ cũ, thế là phi lễ. Tuy nhiên, Kinh Xuân Thu cũng chép, không đổi chữ khác. Đó là theo lễ vua tôi.

Năm Kỷ Hợi, vua Tương Vương năm thứ 30.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Tương, năm thứ 6. Tề Chiêu, năm thứ 11. Vệ Thành, năm thứ 13. Thái Trang, năm thứ 24. Trịnh Mục, năm thứ 6. Tào Cung, năm thứ 31. Trần Cung, năm thứ 10. Kỷ Hoàn, năm thứ 15. Tống Thành, năm thứ 15. Tần Mục, năm thứ 38. Sở Mục, năm thứ 4.

春 王 正 月 王 使 榮 叔 歸 含 且 賵

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, VƯƠNG SỨ VINH THÚC QUY HÀM THẢ PHÚNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA SAI VINH THÚC, ĐƯA ĐỒ PHẠN HÀM VÀ ĐỒ PHÚNG

Tả Thị - Năm thứ 5, mùa xuân, vua sai Vinh Thúc tới phúng và phạn hàm.

Công Thị - Hàm là gì? Là thứ bỏ vào mồm. Sao lại chép đưa đồ phạn hàm và đồ phúng? Là kiêm hai việc. Một người kiêm hai việc là không đúng lễ.

Cốc Thị - Hàm là một việc, phúng là một việc. Kiêm đem tới một lúc, không phải là chính. Lại chép chữ thả là và, là ý nói kiêm hai việc. Không nói là tới, là không trọn vẹn việc sai khiến. Phúng thì sớm, mà hàm thì muộn.

Triệu Khuông - Công và Cốc đều cho kiêm hai việc là phi lẽ, cứ như các việc hàm, phúng, khâm liệm theo lễ thì một người làm được. Nếu lại mỗi việc cần mỗi người, thì cả các quan trong triều không đủ sai trong việc tang lễ.

Xét - Ở nước Lỗ, giết vua mở đầu là Hoan. Hàng thứ, tiếm hàng đích, mở đầu là Thành Phong. Thiên Tử đã không chính đốn được, mà lại còn hoàn thành cho. Cho nên các việc vua sai tích mệnh, sai đưa đồ phạn hàm, đồ phúng, sai dự lễ táng, chép

chữ Vương (vua) không dùng chữ Thiên là để cẩn thận từ gốc. Thứ tiếm đích, lễ không cẩn thận, là từ Trọng Tử. Trọng Tử không gọi là phu nhân, rồi lại lập riêng cung, thì không hẳn hoàn toàn tiếm. Cho nên về việc đưa đồ phúng, chỉ dùng tên quan thôi. Hoặc giả nghĩ rằng, không có chữ Thiên, là chép thiếu sót. Vậy trong câu: Vinh Thúc đưa phạn hàm và phúng, ngẫu nhiên sót một lần, chứ đâu lại sót cả trong câu Thiệu Bá dự lễ táng.

三月辛亥葬我小君成風

TAM NGUYỆT, TÂN HỢI, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN THÀNH PHONG

THÁNG BA, NGÀY TÂN HỢI, LỄ TÁNG TIỂU QUÂN NƯỚC TA LÀ THÀNH PHONG

Công Thị - Thành Phong là ai? Là mẹ Hi Công.

王使召伯來會葬

VƯƠNG SỨ THIỆU BÁ LAI HỘI TÁNG

VUA SAI THIỆU BÁ TỚI DỰ LỄ TÁNG

Tả Thị - Chiêu Công tới dự lễ táng là đúng lễ.

Cốc Thị - Dự lễ táng ở ngoài thành.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo là lễ. Tả Thị nhầm. Theo lễ, con thứ làm vua, không có tang phục mẹ đẻ, là để không lẫn ngôi vị tôn quý. Mẹ là thiếp, mà gọi là phu nhân, làm Thiên Tử không hay sửa lại được, mà còn cho sứ, cho Công, Khanh dự táng, thế thì còn lễ nghĩa gì.

夏公孫敖如晉

HẠ, CÔNG TÔN NGAO NHƯ TẤN

MÙA HẠ, CÔNG TÔN NGAO SANG TẤN

Cao Kháng - Vua cho phạn hàm và phúng, lại cho tới dự táng.

Thế mà bỏ Thiên Tử, chỉ cứ chầu vua Tấn, chả đợi chê cũng rõ chỗ bậy.

秦人入鄀
TẦN NHÂN NHẬP NHƯỢC
NGƯỜI TẦN VÀO NƯỚC NHƯỢC

Tả Thị - Xưa Nhược phản Sở, thân Tần, rồi lại nhị tâm với Sở. Mùa hạ Tần vào nước Nhược.

秋楚人滅六
THU, SỞ NHÂN DIỆT LỤC
MÙA THU, NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC LỤC

Tả Thị - Người nước Lục, tức là Đông Di phản Sở. Mùa thu, tướng Sở, Thành Đại Tâm và Trọng Qui đem quân diệt nước Lục. Mùa đông, Công Tử Tiếp diệt nước Liệu. Tang Văn Trọng nghe thấy nước Lục và nước Liệu bị diệt, có nói rằng: Thôi thế là xong, ông Cao Dao không còn được thờ nữa (vua nước Liệu và vua nước Lục là dòng dõi ông Cao Dao). Vua không nuôi lấy đức, dân không được nước lớn cứu giúp, thật đáng thương.

冬十月甲申許男業卒
ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, GIÁP THÂN, HỨA NAM, NGHIỆP TỐT
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY GIÁP THÂN, VUA NƯỚC HỨA LÀ NGHIỆP, MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Dương Xử Phủ lễ sinh ở nước Vệ. Trở về, qua ấp Ninh, ấp nước Tấn. Đại phu Doanh đi theo, đến đất Ôn thì trở về. Vợ hỏi, Doanh nói: Ngài tính chỉ có cương. Sách Thượng Thư (Kinh Thư) có nói: Tính trầm lặng thì có thể cương được. Tính cao minh thì có thể nhu được. Ngài chỉ chuyên một thứ cương thì sao tránh khỏi chết bất đắc kỳ tử. Đến như

trời là đức cương mà còn phải có mùa nóng lạnh, huống chi là người. Vả lại hoa mà không kết quả, tức là chỉ tụ tập oán. Chỉ trị người, mà tụ tập oán, thì liệu thân có được yên không. Tôi sợ ngài đã không được lợi mà còn mắc nạn nữa, cho nên thôi bỏ đi không gần.

Ở nước Tấn, Triệu Thành Tử, Loan Trinh Tử, Hoắc Bá, Cừu Quý đều chết.

Năm Canh Tý, vua Tương Vương năm thứ 31.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Tương, năm thứ 7. Tề Chiêu, năm thứ 12. Vệ Thành, năm thứ 14. Thái Trang, năm thứ 25. Trịnh Mục, năm thứ 7. Tào Cung, năm thứ 32. Trần Cung, năm thứ 11. Kỷ Hoàn, năm thứ 16. Tống Thành, năm thứ 16. Tần Mục, năm thứ 39. Sở Mục, năm thứ 5.

六年春葬許僖公

XUÂN, TÁNG HỨA HI CÔNG

MÙA XUÂN, LỄ TÁNG HI CÔNG NƯỚC HỨA

Phủ lục Tả Truyện - Năm thứ 6, mùa xuân, vua Tấn săn ở đất Di. Bỏ bớt đi hai đạo quân (còn ba đạo). Sai Hồ Xạ Cô làm tướng trung quân, Triệu Thuẫn làm phó tướng, Dương Xử Phụ vừa ở đất Ôn tới, xin rời nơi săn ra đất Đổng, và đổi chức tướng trung quân. Dương Xử Phủ vốn là đại phu thuộc hạ của Triệu Thôi (bố Triệu Thuẫn) xưa, tức là ở đảng họ Triệu. Nói với vua là Thuẫn có tài, mà dùng người tài thì lợi cho nước. Vua nghe, rồi Triệu Thuẫn được phong. Thế là từ đấy Tuyên tử (Thuẫn) coi chính trị, đặt pháp luật, định tội nặng nhẹ, xét hình án, truy nã gian ngoan, công văn, giấy tờ phải có bằng chứng, xét lại các việc có tính cách mờ tối, giữ trật tự theo lễ nghi, đặt lại các chức quan bị phế bỏ, nâng đỡ người hiền năng bị ở chức

kém. Tổ chức xong thì giao cho thái phó là Dương Xử Phủ và thái sư là Giả Đà cho thi hành trong nước Tấn để làm phép thường.

夏季孫行斧如陳

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TRẦN

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TRẦN

Tả Thị - Tang Văn Trọng cho là Trần, Vệ hòa mục muốn cầu giao hiếu với Trần. Mùa hạ, Quý Văn Tử lễ sính ở Trần, rồi nhân tiện lấy vợ.

Phụ lục Tả Truyện - Tần Bá là Nhâm Hiếu mất. Lấy ba con họ đại phu Tử Xa, là: Yêm Tức, Trọng Hàng, Kiềm Hổ đem chôn sống theo (theo tục Tần). Ba người đều là lương thần. Người trong nước thương xót, có làm bài ca Hoàng Điểu. Người quân tử bàn: Tần Mục không làm minh chủ được là đúng lắm. Chết mà bỏ không nghĩ đến dân. Tiên Vương xưa, mất đi, còn để lại phép tắc, thế mà nay đi lại đem theo người giỏi đi. Kinh Thi có câu: Người hay đi, thế là trong nước sạch không. Đã không có người hay, có thì lại đem đi mất. Các vị vua xưa, biết là không sống mãi, mới cố dùng người sáng suốt, nhân tục mà lập giáo hóa, giảng rõ các màu sắc dùng vào vật, các danh từ đúng, để răn dạy, định đoạt pháp độ, thu hoạch vừa phải, đúng số nhất định, cho biết thế nào là uy nghi, là pháp chế, là huấn điển, là phòng gian, sinh lợi, đặt đúng người vào việc cai trị thường xuyên, chỉ cho: đường lối lễ nghĩa, và khiến cho dân làm việc không sai thổ nghi. Dân chúng tập theo rồi quen dần. Vương giả như thế xong xuôi mới tròn được sứ mệnh.

Nay lấy cái vô pháp truyền lại cho các đời nối dõi, mà còn đem người hay chết theo, như thế khó mà ở ngôi trên người ta được. Vì thế, người quân tử biết là Tần thôi không để dòm sang phương Đông mong làm bá chủ được.

秋季孫行斧如晉

THU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

MÙA THU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả thị - Mùa thu. Quý Văn Tử sắp đi lễ sính nước Tấn. Bảo đem theo thêm đồ dùng về tang lễ. Tùy tùng hỏi: Có dùng đến làm gì. Quý Văn Tử bảo: Dự bị việc không ngờ, xưa vẫn dạy thế. Thiếu mà cần đến mới khó. Có thừa không cần thì có hại gì.

八月乙亥晉侯驩卒

BÁT NGUYỆT, ẤT HỢI, TẤN HẦU HOAN TỐT

THÁNG TÁM, NGÀY ẤT HỢI, TẤN HẦU TÊN LÀ HOAN MẤT

Tả Thị - Tháng tám, ngày Ất Hợi, Tấn Tương Công mất. Linh Công còn nhỏ. Người Tấn sợ vua bé dễ sinh tai nạn, muốn lập vua lớn tuổi. Triệu Mạnh (Triệu Thuẫn) nói: Lập Công tử Ung, người tính hiếu thiện mà lại lớn tuổi. Vua trước yêu. Lại thân với nước Tần. Tần là nước xưa vẫn giao hiếu. Đặt người thiện thì được bền. Có vua lớn tuổi là cảnh thuận. Chon người vua đã yêu, tức là người có hiếu. Kết giao với nước bạn cũ, thì được yên. Vì sợ tai họa nên lập người lớn tuổi. Được đủ bốn đức như thế, thì tất là trừ khử được tai nạn.

Giả Quý nói: Không bằng lập Công tử Lạc Hoài Doanh được cả hai vua (Hoài Công và Văn Công) yêu quý. Nay lập người con lên, thì dân tất là được yên.

Triệu Mạnh nói: Hoài Doanh hèn, ngôi thứ 9 ở trong cung thì còn có uy gì. Và lại được cả hai vua yêu quý, thế là hạng dâm. Đã là con Tiên quân (Văn Công) lại không cầu thân với nước lớn, đi thân với nước nhỏ, thế là trái ngược. Mẹ thì tà dâm, con thì trái ngược. Nước Trần thì nhỏ mà ở xa, không dễ mong cứu viện, thế thì dân yên sao được. Đỗ kỳ (mẹ công tử Ung) vì việc vua (Tương Công), nhường cho Bức Kết ở trên (Bức Kết tức là phu nhân của Văn Công), lại vì nước Địch (Văn Công một

thời gian trốn ở nước Địch), nhường Thúc Ngỗi đứng trên, thế cho nên ở ngôi vị thứ 4 (đáng nhẽ thứ 2). Vì thế Tiên quân mới yêu người con, cho làm quan ở Tần với chức Á Khanh. Tần là nước lớn mà ở gần, có thể nhờ viện trợ được. Mẹ thì có nghĩa, con thì được yêu, thế là đủ có uy với dân, dân phải sợ, lập lên không phải hay sao.

Mới sai Tiên Miệt và Sĩ Hội sang Tần đón công tử Ung.

Giả Quý cũng sai mời công tử Lạc ở Trần. Triệu Mạnh sai đón giết Lạc ở đất Tỳ là đất nước Tấn.

冬十月公子遂如晉
ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TẤN
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, CÔNG TỬ TOẠI SANG TẤN

葬晉襄公
TÁNG TẤN TƯƠNG CÔNG
LỄ TÁNG TẤN TƯƠNG CÔNG

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Tương Trọng sang Tấn, dự lễ táng Tương Công.

晉搬其大夫陽處斧晉狐射姑出奔狄
TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU DƯƠNG XỬ PHỦ TẤN HỒ XẠ CÔ XUẤT BÔN ĐỊCH
NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU DƯƠNG XỬ PHỦ HỒ XẠ CÔ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC ĐỊCH

Tả Thị - Giả Quý gián Dương Xử Phủ về việc thay đổi vị tướng Trung quân, mà biết rằng ở Tấn không ai giúp, tháng 9 mới sai Tục Cúc Cư giết Dương Xử Phủ, kinh chép "Nước Tấn giết đại phu" vì đã chạm đến ngôi thứ các quan (việc thay đổi tướng trung quân), tháng 11, ngày Bính Dần, nước Tấn giết Tục Giản Bá (Tục Cúc Cư). Giả Quý chạy sang nước Địch. Tuyên Tử

sai Du Biền tống đưa vị con Quý. Nhớ đến chuyện bị Giả Quý làm nhục khi đi săn ở đất Di, người nhà Du Biền muốn giết hết họ Giả để báo thù. Du Biền nói: Không được. Ta có nghe người xưa nói, ơn giặc, oán giặc, không dây dưa đến con cháu, đó là đạo người Trung. Phu Tử (chỉ Triệu Thuẫn) lấy lễ đối với Giả Quý. Mà ta lại vì được người trên tin dùng, đi báo thù riêng, thì không nên. Lợi dụng được người tin dùng, không phải là dũng. Trừ được việc oán mà lại thêm người thù, thì không phải là trí. Lấy việc riêng hại việc công, không phải là trung. Thiếu ba điều ấy, thì đối với Phu Tử còn được việc gì. Nói thế rồi đưa vợ con Quý cùng đồ đạc, của cải, trông nom cho đến biên giới.

Công Thị - Đã là nước Tấn giết đại phu Dương Xử Phủ, thì sao Hồ Xạ Cô lại chạy trốn. Vì Xạ Cô giết. Đã là Xạ Cô giết, thì sao lại chép là nước giết. Vì nhà vua tiết lậu việc kín. Vua sắp cho Xạ Cô làm chính tướng, Dương Xử Phủ can rằng: Xạ Cô không được dân chúng ưa, không nên cho làm tướng. Thế là việc bỏ. Dương Xử Phủ vừa đi ra, thì Xạ Cô vào. Vua bảo cho biết các câu Dương Xử Phủ vừa nói. Xạ Cô giận, giết Dương Xử Phủ ở triều rồi chạy.

Cốc Thị - Chép là nước giết, là tội liên lụy đến trên vậy. Tương Công đã táng, mà bảo rằng tội lụy đến trên là thế nào? Vua tiết lậu lời nói. Trên hở thì dưới kín. Dưới câm thì trên điếc. Vừa câm vừa điếc thì không liên lụy nhau. Chính là Xạ Cô giết. Xạ Cô giết thế nào. Truyện như sau: Tấn sắp đánh nhau với nước Địch, sai Hồ Xạ Cô làm tướng, Triệu Thuẫn làm Tá. Dương Xử Phủ nói: Không nên, ngày xưa, vua sai bầy tôi, thì sai người nhân tá người hiền, chứ không sai hiền tá nhân. Nay Triệu Thuẫn hiền, Xạ Cô nhân, liệu có được chăng. Tương Công nói vâng, rồi bảo Xạ Cô rằng: Ta trước muốn sai Thuẫn tá ngươi, nay ngươi tá Thuẫn. Xạ Cô nói kính vâng. Tương Công chết. Vì Xử Phủ chịu trách nhiệm, việc khuyên vua thay đổi, cho nên Xạ Cô sai người giết đi. Chỉ vì vua nói hở ra. Cho nên, kẻ sĩ, vua có hỏi đến thì nói, ra ngoài không được nói lại như thực. Dùng ta thì hay; không dùng ta thì đừng làm hại tới đức ta.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo đã là chạm tới ngôi thứ các quan.

Xét về việc này, đầu đuôi Tả Thị quy vào Dương Xử Phủ, chỉ khen có Triệu Tuyên Tử là có tài. Thay nơi săn, đổi vị tướng đều là do Tấn Hầu, việc gì đến Xử Phủ chạm ngôi thứ các quan, mà nói đến Xử Phủ. Vua dùng người không đúng thì đi đến chỗ hỏng việc. Phàm đã ăn lương lộc, là ai cũng nên can gián vua, huống chi Xử Phủ ở Tấn giữ chức Thái Phó. Nếu cho thế là chạm tới chức vị các quan thì ra đại thần cứ nên khoanh tay ngồi nhìn hay sao. Bảo rằng, đại thần thấy hiền tiến cử, thế là chạm tới chức vị các quan, thấy hiềm mà đừng tiến cử, mới là đúng chức vụ, bảo thế có bậy không.

Tôn Giác - Theo lệ Xuân Thu, về việc giết đại thần. Ở dưới mà giết, thì chép là người Mỗ giết. Vua mà giết thì chép là nước Mỗ giết. Vua Tương Công đã chết; vua mới thì còn bé, việc giết đó quyết không phải tự vua. Tuy nhiên, kinh, sách cứ chép là vua giết. Xét lời bàn của Công Thị, Cốc Thị cho là vua tiết lậu, cho nên Hồ Xạ Cô giết Xử Phủ, thì giết Xử Phủ là vua, tuy không phải tự tay, nhưng tự lời, vì lời mà người ta chết thì cũng như giết người ta. Cả hai truyện bàn như nhau.

閏月不告月猶朝于廟

NHUẬN NGUYỆT BẤT CÁO NGUYỆT, DO TRIỀU VU MIẾU

THÁNG NHUẬN, NGÀY MÙNG MỘT, VUA LỖ KHÔNG CÁO MIẾU VỀ CÔNG VIỆC HÀNG THÁNG, NHƯ CÁC THÁNG KHÁC, NHƯNG VẪN CÒN CÓ TẾ MIẾU

Tả Thị - Tháng nhuận, ngày mùng một, không cáo miếu. Thế là phi lễ. Tháng nhuận là để điều chỉnh các mùa. Các mùa là để điều chỉnh công việc đồng áng. Công việc đồng áng là để cho dân sinh sống. Không cáo ngày mùng một tháng nhuận là bỏ các thể lệ về mùa. Như thế sao gọi là trị dân.

Công Thị - Không cáo ngày mùng một tháng nhuận là vì sao. Vì trời không có tháng ấy, vì nhuận là thừa, vì không phải tháng thường. Chữ "do" là "còn có" là ý gì? Là có thể thôi được.

Cốc Thị - Không cáo ngày mùng một tháng, là vì tháng nhuận, tức là tháng phụ, gom góp các ngày thừa ở các tháng khác lại cho đủ một tháng. Thiên Tử không cáo sóc (mùng một) mà việc tang không kể tháng đó. Chữ "do" là còn, là ý có thể thôi được.

Đạm Trợ - Công Thị và Cốc Thị cho không cáo là phải. Cả hai bàn thế là sai. Xét Kinh Xuân Thu mà chép không cáo tức là đáng nhẽ phải cáo.

Lưu Sưởng - Chư hầu nhận lễ sóc ở nơi Thiên Tử, lui về lễ cáo sóc ở miếu tổ trong nước mình rồi ban lệnh cho bách quan. Thế mới là chính. Tháng nhuận mà không cáo, thế không phải là chính. Lễ miếu để cáo sóc. Đã lễ miếu mà không cáo sóc, cũng không phải là chính.

Công Dương bảo không cáo sóc là lễ, mà lại còn lễ miếu thì không phải là lễ. Công Dương bàn sai. Tháng nhuận tuy là vô thường, nhưng việc "chính" vẫn phải thường, sao lại không cáo. Giả sử, tháng chạp nhuận tất có tiết lập xuân. Cái "chính" của tiết lập xuân là phải cáo. Nếu cáo tháng trước, thế là đi trước mùa, nếu cáo tháng sau, thế là đi sau mùa. Kinh Thư về nhà Hạ có nói: Trước mùa tội chết không tha, sau mùa tội chết không tha. Cứ như đó mà xét thì nên có lễ cáo.

Năm Tân Sửu - Vua Tương Vương năm thứ 32.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Linh Công Di Cao năm đầu, Tề Chiêu, năm thứ 13. Vệ Thành, năm thứ 15. Thái Trang, năm thứ 26. Trịnh Mục, năm thứ 8. Tào Cung, năm thứ 33. Trần Cung, năm thứ 12. Kỷ Hoàn, năm thứ 17. Tống Thành, năm thứ 17. Tần Khang Công, Oánh, năm đầu. Sở Mục, năm thứ 6.

七年春公伐鄒

XUÂN, CÔNG PHẠT CHÂU

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Năm thứ 7. Công đánh nước Châu, nhân dịp nước Tấn đang bận việc.

三月甲戌取須句

TAM NGUYỆT, GIÁP TUẤT, THỦ TU CÂU

THÁNG BA NGÀY GIÁP TUẤT, LẤY ẤP TU CÂU

Tả Thị - Tháng ba, ngày Giáp Tuất, lấy Tu Câu, để cho phản thần nước Châu là Văn Công Tử có chỗ ở. Thế là phi lễ.

Công Thị - Chiếm lấy ấp, không chép ngày. Đây chép ngày là coi như chép việc nước ngoài.

Cốc Thị - Lấy ấp không chép ngày. Đây chép ngày là tại sao? Là vì không cho là phải, việc chiếm lần thứ hai, cho nên cẩn thận ghi ngày.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, lấy ấp không chép ngày. Đây chép là trong nước chép như việc nước ngoài. Công Dương bàn sai. Thời vua Lỗ Hi Công, cũng đánh Châu, lấy ấp Tu Câu, sao không theo cách chép như lần này.

Cốc Lương thì bàn là không cho là phải, việc chiếm lần thứ hai. Cốc Lương bàn sai. Nếu như không chép ngày, thì cho việc chiếm ấp là phải chăng. Vậy mọi việc chiếm ấp, không chép ngày, là phải cả.

遂城吾

TOẠI THÀNH NGÔ

RỒI ĐẮP THÀNH NGÔ (ẤP NƯỚC LỖ)

Cốc Thị - Chữ toại là rồi, là chỉ việc nối tiếp, kế tiếp.

夏 四 月 宋 公 王 臣 卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, TỐNG CÔNG VƯƠNG THẦN TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TỐNG CÔNG LÀ VƯƠNG THẦN, MẤT

宋 人 殺 其 大 夫

TỐNG NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU

NGƯỜI TỐNG GIẾT ĐẠI PHU

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, Tống Thành Công mất. Khi đó, công tử Thành làm chức hữu sư (coi đạo hữu quân). Công Tôn Hữu làm tả sư. Nhạc Dự làm tư mã, Lân Quán làm Tư Đồ. Công Tử Đãng làm Tư Thành, Hoa Ngự Sự làm Tư Khấu. Vua Tống Chiêu Công muốn trừ một ít các công tử. Nhạc Dự can: "Không nên, họ nhà vua là cành, là lá, nếu trừ bỏ đi thân và gốc không còn được che chở. Đến dây cát, dây sắn, còn phải cần được che. Cho nên người quân tử thường lấy cành lá mà so sánh (trong kinh Thi có nói đến). Huống chi là vua. Trừ đi thì y như tục ngữ có nói, lấy rìu, búa chặt thứ che cây, tức là cành lá. Không nên, xin nhà vua nghĩ kỹ. Nếu yêu họ, ra ơn cho họ, thì họ sẽ như chân, như tay, hại nhà vua thế nào được. Sao nhà vua lại định trừ". Vua không nghe.

Thế là dòng họ Mục Công, Tương Công, gióng dả dân chúng đến đánh, rồi giết Công Tôn Cố, Công Tôn Trinh ở ngay trong cung. Sáu vị khanh (kể trên) lấy lại được trật tự trong họ nhà vua. Nhạc Dự từ chức Tư Mã, nhường cho công tử Ngang, em vua Chiêu Công. Chiêu Công lên ngôi, rồi làm lễ chôn vua bố. Xuân Thu chép rằng: người Tống giết đại phu. Không chép tên vì nhiều. Và ý nói là người bị giết không có tội.

Công Thị - Sao không chép tên. Nước Tống đã ba đời vua không có đại phu, không có hôn nhân với nước ngoài.

Cốc Thị - Giết người chép là "người Tống" là giết kẻ có tội.

Đỗ Dự - Không chép tên kẻ giết lẫn kẻ bị giết. Kẻ giết đông, kẻ chết không có tội. Hai người ở trong cung bị loạn binh giết chết.

Triệu Khuông - Lấy cớ ba đời, lấy vợ trong nước, mà nói rằng ba đời không có đại phu. Thuyết của Công Dương như thế không có nghĩa lý. Nếu thực là giết kẻ có tội, thì sao lại không chép tên kẻ chết. Thuyết Cốc Lương lại là sai.

戊子晉人及秦人戰于令狐晉先蔑奔秦

MẬU TÝ. TẤN NHÂN CẬP TẦN NHÂN CHIẾN VU LINH HỒ. TẤN TIÊN MIỆT BÔN TẦN

NGÀY MẬU TÝ, NGƯỜI TẤN ĐÁNH NHAU VỚI NGƯỜI TẦN TẠI LINH HỒ (ĐẤT NƯỚC TẤN). TẤN TIÊN MIỆT CHẠY TRỐN SANG TẦN

Tả Thị - Tần Khang Công cho đưa Công Tử Ung tới Tấn nói rằng: "Xưa Tấn Văn Công vào nước, không có quân giúp, cho nên bị họ Lã, họ Khước làm khó khăn". Vì thế, Khang Công cho nhiều quân hộ vệ.

Trước khi Ung về tới Kinh, Mục Doanh (vợ Tương Công) ẵm Thái Tử (sau là Cảnh Công) ra triều, khóc nói: "Tiên quân có tội gì, tự quân (vua nối ngôi) có tội gì, mà bỏ con đích không lập, lại đi mời người ở nước ngoài về. Người con này, các ông định sao".

Ra khỏi triều, Mục Doanh ẵm con tới nhà họ Triệu, rạp đầu trước Tuyên Tử, nói: "Tiên quân đã đem con này giao phó cho ông và nói: Đứa bé này nếu làm được thì tạ ơn ông, nếu không làm được thì trách ông. Ngày nay, dù tiên quân không còn nữa, nhưng lời vẫn như nghe thấy. Tôi quên sao được".

Tuyên Tử cùng các đại phu đều cảm động. Vả lại cũng sợ bị dân áp bức, mới trái lời với Tiên Miệt (Tiên Miệt đã đưa công tử Ung ở Tần về, và tới Tấn), lập Linh Công, rồi sửa soạn chống quân đội Tần. Cơ Trịnh ở lại giữa kinh thành. Triệu Thuẫn làm tướng trung quân, Tiên Khắc làm phó. Tuân Lâm Phủ làm phó thượng quân (tướng thượng quân là Cơ Trịnh phải ở lại giữ kinh thành). Tiên Miệt làm tướng hạ quân, có Tiên Đô làm phó. Bộ Chiêu làm Ngự Nhung (chiến xa của Ung) có Nhung Tân làm

xa hữu. Khi các quân đội tới Cận Âm (đất nước Tấn), Tuyên Tử nói: "Nếu ta đón Tần, thì coi Tần như khách, nếu ta không tiếp Tần, thì phải coi Tần như giặc. Nay ta đã không đón tiếp, mà lại chậm chạp về việc quân, thì quân Tần sẽ hăng hái thêm. Người xưa cho mưu hay nhất là giảm nhuệ khí quân địch mà kế khôn nhất là đuổi giặc như đuổi bọn chạy trốn". Tuyên Tử mới dặn dò quân sĩ, sau lau chùi sửa soạn quân cụ, thêm cỏ ăn cho ngựa, người thì cho ăn no, thế là đêm hành quân. Ngày Mậu Tý đánh bại quân Tần ở đất Linh Hồ, rồi tiến quân đến Khô Thủ. Ngày Kỷ Sửu, Tiên Miệt trốn sang Tần. Sĩ Hội (trước cùng đi với Tiên Miệt) chạy theo.

Khi Tiên Miệt được cử làm sứ sang Tần, đón công tử Ung về, thì Tuân Lâm Phủ có can đừng đi: "Vợ chính Tương Công và Thái Tử đều ở đây cả, mà lại cầu vua ở nước ngoài. Việc ông không xong đâu. Ông lấy cớ có bệnh, từ chối đi, có hơn không. Nếu không, sẽ có họa. Có người khác đi thay ông, cứ gì cứ phải ông. Cùng giữ một chức vụ là đồng liêu. Tôi là đồng liêu, nên phải nói thực". Tiên Miệt không nghe. Sĩ Hội lại dẫn chứng ba thiên bản Kinh Thi. Tiên Miệt cũng không nghe. Khi Miệt chạy rồi, Tuân Bá cho đưa cả gia đình, đồ đạc, của cải sang Tần, và nói rằng vì tình đồng liêu mới giúp nhau.

Sĩ Hội ở Tần ba năm, không chịu gặp Sĩ Bá (Tiên Miệt). Người nhà hỏi: Khi còn ở trong nước, ông rút ra đi theo người ta lưu vong, nay cùng lưu vong, ông không gặp người ta. Tại sao thế? Sĩ Hội nói: Tôi với hắn cùng tội. Tôi có khen hành động hắn đâu. Tôi gặp làm gì. Về sau, khi Sĩ Hội và Tiên Miệt cùng về Tấn, hai người cũng không gặp nhau bao giờ.

Công Thị - Đây gọi là "thiên chiến" nghĩa là hai bên ở hai nơi, hẹn ngày dàn trận rồi đánh nhau. Sao không chép là đánh tan. Vì hai bên cùng bằng sức. Đây Tấn nhân, người Tấn, chính là Tiên Miệt. Sao lại chép Tấn nhân, người Tấn. Là chê, biếm. Tại sao. Là rời khỏi quân đội, đem quân rời khỏi quân đội. (Công Thị chép trên chữ "bôn, chạy", có hai chữ "dĩ sư, đem quân" nghĩa là ở Kinh Xuân Thu, trên chữ chạy trốn, có hai chữ đem quân). Sao không chép là đi ra. Vì rồi mới ra ngoài.

Cốc Thị - Không chép là đi ra, vì đã ở ngoài rồi. Thôi chiến là chạy sang Tần. Thế là đào quân, đào ngũ.

Xét - Công Dương nói đó là thiện chiến. Lại nói đó là Tấn Tiên Miệt, sao lại chép là người Tấn, vì chê, chê là giúp người ngoài, đem cả quân ra. Cho thế là thiện chiến, mà người Tấn thì là Tiên Miệt. Công Dương nói thế tức là không biết rằng: Tam quân của nước Tấn đều có mặt, mà tướng trung quân chính là Triệu Thuẫn. Tuy nhiên, Tiên Miệt, đã là tướng hạ quân, mà lại chạy sang Tần, thế là đào ngũ. Bảo thế cũng phải. Cho nên san bớt Công Dương, mà giữ lại lời bàn của Cốc Lương.

狄 侵 我 西 鄙

ĐỊCH XÂM NGÃ TÂY BỈ

RỢ ĐỊCH XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA

Tả Thị - Rợ Địch xâm biên giới phía tây nước ta. Lỗ Công sai cáo với nước Tấn. Triệu Tuyên Tử sai Giả Quý tới yết kiến Phong Thư rợ Địch và khuyên đừng gây hấn. Phong Thư hỏi Giả Quý: Triệu Thôi và Triệu Thuẫn ai hiền. Giả Quý đáp: Triệu Thôi êm dịu như mặt trời mùa đông, mà Triệu Thuẫn thì như mặt trời mùa hạ.

秋 八 月 公 會 諸 侯 晉 大 盟 于 扈

THU, BÁT NGUYỆT, CÔNG HỘI CHƯ HẦU, TẤN ĐẠI PHU, MINH VU HỖ

MÙA THU, THÁNG TÁM, LỖ CÔNG HỌP VỚI CHƯ HẦU, VÀ MỘT ĐẠI PHU NƯỚC TẤN, ĐỂ THỀ TẠI ĐẤT HỖ (ĐẤT NƯỚC TRỊNH)

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, Tề Hầu, Tống Công, Vệ Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, Tào Bá, hội với Triệu Thuẫn nước Tấn, thề ở đất Hỗ, nguyên nhân là Tấn Hầu lên ngôi. Lỗ Công tới chậm cho nên không chép tên những ai dự hội. Mỗi khi vua Lỗ hội với các vua chư hầu, mà Xuân Thu không kể tên

ra là vì vua Lỗ tới chậm không chép tên các nước, không muốn lộ ra ý vua Lỗ nhác, không siêng năng.

Công Thị - Chư hầu không kể tên các nước, đại phu không chép tên, tại sao. Là tại Lỗ Công không được chép. Vua chư hầu không thể cho Lỗ Công thề, mới đưa mắt ra ý để đại phu Tấn cho Lỗ Công thề.

Cốc Thị - Chép chư hầu, là chép lược qua.

Triệu Khuông - Không chép tên các nước là vì Lỗ Công không được cùng dự thề. Thế mà nói rằng: Công họp chư hầu thề, là nói Công phụ vào minh ước vậy. Minh ước không thể cùng theo phụ vào, vì như thế là ngang hàng với đại phu của minh chủ. Trách Công sao không tới sớm để tránh bị nhục.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn không thể để cho Lỗ Công thề, mà lại để cho đại phu Tấn cho Công thề. Công Dương bàn thế là sai. Ở hội cùng là chư hầu, đã cùng Lỗ Công thề, thì sao còn nói nhờ Tấn đại phu. Vả lại chư hầu đã không muốn cùng Lỗ Công thề, sao còn dám liếc mắt ra ý cho đại phu Tấn cho thề. Tất cả không phải là việc như thế đâu.

Tôn Giác - Tấn Tương Công đã chôn. Linh Công còn nhỏ. Đại phu Tấn cầu mong cùng thề với chư hầu, để cho rõ công nghiệp của tiên quân. Rồi chư hầu đều hội. Vua Tấn còn nhỏ không thể thề được, thì đại phu quyền nghi mà thề với chư hầu. Cứ xét đại phu mà ngang với vua thì có tội. Nhưng không may, vua còn bé, thì cũng phải theo thời, quyền nghi. Vì thế không chép tên, chỉ nói là Tấn đại phu. Phép Kinh Xuân Thu, bầy tôi nước ngoài, thề với vua ta thì cứ chép cả tên là để rõ tội. Không may, nước không có vua như thời Vô Tri đương có loạn, thì đại phu Tề được khỏi tội lỗi. Đại phu mà thề với chư hầu cũng cứ chép tên để cho rõ tội. Không may, vua chết, con còn nhỏ, như Linh Công còn đang ẵm bế, thì đại phu Tấn được miễn kể tên. Bỏ những lẽ ấy đi, thì chưa thấy đối với Xuân Thu là không có tội.

Trình Tử - Văn Công nhác việc chính trị, công việc bị chậm trễ nhiều. Đã ước hẹn tới thề với Tấn, mà lại tới hội chậm cho nên chép có đến hội, mà giấu việc không kịp hội. Không liệt

kê chư hầu, để rõ ý là không có mặt lúc hội. Cho nên năm sau, công tử Toại lại tới Tấn, cùng Tấn thề.

Xét - Các vua chư hầu không liệt kê, Tả thị cho là vì Lỗ Công đến sau. Lưu Sưởng, Tôn Giác, đều bác lời bàn đó. Lưu Sưởng lại nói chư hầu không liệt kê, vì muốn trị nước Tống, mà rồi sau không trị được, cùng với năm thứ 15 thề ở Hỗ, Tả thị sở dĩ bảo rằng, chư hầu không làm nổi, chư hầu không nên công cán gì, hai ý đó đều hợp nhau. Nghe ra như có lý. Triệu Khuông, Hồ An Quốc, đều lấy Tả Thị làm chủ, mà Trình Tử thì lại dẫn hội thề ở đất Hành Ung và việc Tấn đánh Lỗ, vì Lỗ Công chậm tới hội đất Hỗ, dẫn việc đó làm chứng. Cho nên nay cứ theo Tả Thị.

Triệu Thuẫn không chép tên, Hồ Truyện cho rằng Thuẫn trong nước chuyên quyền phế lập ngôi vua, ngoài nước thì bắt hiếp chư hầu, làm hội minh đó, vì thế giản lược cả không chép tên. Bàn như thế, Hồ Truyện đã bàn sai. Thuẫn từ việc Tân Thành về sau đều chép tên. Duy năm đó, thề ở Hỗ, chủ còn nhỏ, mới được không bị biếm. Lời bàn của Tôn Giác là đúng.

冬徐伐莒

ĐÔNG, TỪ PHẠT CỬ

MÙA ĐÔNG, NƯỚC TỪ ĐÁNH NƯỚC CỬ

公孫敖如莒莅盟

CÔNG TÔN NGAO NHƯ CỬ LỊ MINH

CÔNG TÔN NGAO SANG NƯỚC CỬ ĐỂ THỀ

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) lấy vợ ở nước Cử tên là Đái Kỷ, sinh ra Văn Bá. Em Đái Kỷ là Thanh Kỷ (theo chị lấy Mục Bá) sinh ra Huệ Thúc. Đái Kỷ chết. Mục Bá lại muốn lấy vợ ở Cử. Người Cử từ chối, lấy cớ là Thanh Kỷ còn sống. Mới xoay ra hỏi vợ cho Tương Trọng (là anh em).

Mùa đông, nước Từ đánh nước Cử. Nước Cử xin đồng minh với Lỗ. Mục Bá sang Cử để ký minh ước, và cũng để đón vợ

cho Tương Trọng. Khi tới Yển Lăng, trên đất nước Kỷ, thấy cô dâu đẹp, chiếm luôn làm vợ mình. Tương Trọng xin phép vua Lỗ đánh. Vua định cho thì Thúc Trọng Huệ Bá (cháu nội Thúc Nha) can: "Thần nghe, ở trong nước thì gọi là loạn, ở ngoài nước thì gọi là giặc, giặc thì hại người, loạn thì tự hại mình, Nay bầy tôi làm loạn, mà vua thì không ngăn, lại mở đường cho giặc ngoài, thì ngài nghĩ thế nào?". Lỗ Công mới thôi, không cho chép, Huệ Bá dàn xếp khiến cho Tương Trọng từ người vợ không lấy nữa, mà Công Tôn Ngao thì cho người đàn bà trở về nước. Anh em lại hòa hợp với nhau như cũ.

Phụ lục Tả Truyện - Khích Khuyết nước Tấn nói với Triệu Tuyên Tử rằng: "Trước đây, nước Vệ không theo ta, ta mới chiếm đất. Nay đã hòa với ta, ta nên trả đất, nước phản mà không đánh, thì còn thị uy sao được. Nước đã phục mà không khoan, thì còn gia ơn sao được. Không uy không ơn, thì không rõ đức. Không rõ đức, thì sao gọi là minh chủ. Ngài giữ chức Chính Khanh làm chủ chư hầu, mà không chuộng đức, thì còn ra sao. Kinh Thư về nhà Hạ có nói: "Dùng thưởng để khỏi nhác việc. Dùng phạt để ngừa lầm lỗi khuyến khích bằng cửu ca (các bài ca về chín nghề). Chớ để hỏng việc". Các đức tính trong chín nghề nghiệp đều được phổ vào thi ca gọi là cửu ca. Chín nghề nghiệp tức là sáu nguồn sinh lợi, và ba việc. Sáu nguồn sinh lợi là: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, cốc. Ba việc là: a) điều chỉnh phong tục hay, b) thu hoạch, tạo tác các đồ dùng cần thiết, c) lo liệu sinh kế cho đầy đủ. Thẳng thắn trong việc thi hành phận sự thì gọi là đức lễ. Thiếu lễ, thì không vui, rồi đi đến phản bạn. Nếu đức ngài không đáng để cho người ta ca tụng, thì còn ai tới với ngài nữa. Sao ngài không để cho những người đương hòa hợp với ta ca tụng ngài. Tuyên Tử nghe theo.

Cốc Thị - Ly minh, ly nghĩa là vị, là ngôi thứ, ý nói: đã định trước. Vì đã định trước, cho nên không chép ngày. Minh ước đã được định trước, thì không có chép ngày.

Năm Nhâm Dần. Vua Tương Vương năm thứ 33.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Linh năm thứ 2. Tề Chiêu năm thứ 14. Vệ Thành năm thứ 16. Thái trang, năm thứ 27. Trịnh Mục năm thứ 9. Tào Cung năm thứ 31. Trần Cung năm thứ 13. Kỷ Hoàn năm thứ 18. Tống Chiêu Công Chữ Cửu năm đầu. Tần Khang năm thứ 2. Sở Mục, năm thứ 7.

春 王 正 月

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 8, mùa xuân Tấn Hầu sai Giải Dương trả nước Vệ ruộng đất Khuông và đất Thích. Trả cả đất đã cho người Trì, từ đất Thân nước Trịnh đến đất Hổ Lao.

夏 四 月

HẠ TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, người Tần đánh nước Tấn, chiếm ấp Vũ Thành, để báo thù việc Linh Hồ.

THU, BÁT NGUYỆT, MẬU THÂN, THIÊN VƯƠNG BĂNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY MẬU THÂN, THIÊN VƯƠNG MẤT

Tả Thị - Mùa thu, Tương Vương mất.

冬十月壬午公子遂會晋趙盾盟于衡雍

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ TOẠI HỘI TẤN TRIỆU THUẪN MINH VU HÀNH UNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY NHÂM NGỌ, CÔNG TỬ TOẠI HỘI VỚI TRIỆU THUẪN THỂ Ở HÀNH UNG, GẦN HỒ

Tả Thị - Vì viêc hội minh ở Hồ, người Tấn tới đánh. Mùa đông. Tương Trọng (Toại) hội với Triều Mạnh (Tấn) tại Hành Ung để đáp lại minh ước ở Hồ.

乙酉公子遂會雒戎盟于暴

ẤT DẬU, CÔNG TỬ TOẠI HỘI LẠC NHUNG MINH VU BẠO

NGÀY ẤT DẬU, CÔNG TỬ TOẠI HỘI THỂ VỚI RỢ LẠC NHUNG Ở ĐẤT BẠO, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Toại hội với rợ Nhung ở đất Y Lạc. Xuân Thu chép là công tử Toại, là quí.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo là quí, chép rằng Toại quyền nghi, cùng với Nhung thể, cho nên khen, chép là Công tử. Tả thị bàn sai. Nếu chép là Công tử mà cho thế là khen, thì năm Hy Công thứ 30, Công tử Toại tới kinh sư, rồi tới Tấn, thì chê hay sao. Ấy thế, mà chính không phải là chê, là sao?

公孫敖如京師不至而復丙戌奔莒

CÔNG TÔN NGAO NHƯ KINH SƯ, BẤT CHÍ NHI PHỤC, BÍNH TUẤT, BÔN CỬ

CÔNG TÔN NGAO (LỖ MỤC BÁ) ĐI KINH SƯ, CHƯA TỚI THÌ QUAY LẠI. NGÀY BÍNH TUẤT CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC CỬ

Tả Thị - Mục Bá sang nước Chu để điếu tang (theo lệnh chủ). Chưa tới kinh thì đem cả các đồ lễ, chạy đến nước Cử, theo họ Kỷ (trước đã phải cho về nước).

Công Thị - Không đến, trở lại là thế nào. Là người trong nước nói, là không nên sai đi. Đã không nên sai đi, mà chép là đi Kinh Sư là thế nào? Là theo ý Lỗ Công. Sao không chép là bỏ nước. Vì là đã ở ngoài.

Cốc Thị - Không chép nơi đến, vì chưa đi đến, Đã chưa có đến thì có trở về, Chưa đi đến mà nói là đi đến, tức là không bỏ mệnh vua. Chưa trở về, mà nói là trở về, là không chuyên quyền. Vậy nói đi mà không đi, nói về mà không về. Duy chỉ có chạy sang nước Cử là đúng, cho nên cẩn thận chép ngày.

Tôn Phục - Công Tôn Ngao đi Kinh Sư điếu tang. Không tới mà trở về. Ngày Bính Tuất, chạy sang nước Cử. Vua Lỗ Văn Công không hay trị tội. Ngao thì tự tiện. Cái dở của Văn Công đã thấy rõ. Về sau chép nơi đi tới, là để rõ Kinh Sư là quan trọng.

Xét - Không đến mà về, lời trong Kinh rất là rõ. Tôn Phục cho là giữa đường mà trở lại, thế là đúng sự thực. Các nhà bàn khác cho rằng, đã được mệnh mà không thi hành, bàn thế là sai. Nếu quả là không đi. Thánh nhân cứ thực mà chép thì có gì là ngại, là khó.



CHUNG

SÂU CHUNG

Hà Hưu - Trước kia Lỗ Công sang Tấn, Công Tôn Toại, Công Tôn Ngao cùng đi ra, không sai được. Thế lực hơn cả đại phu. Thế là loạn.

Đỗ Dự - Chung làm ra tai hại, cho nên chép.

宋人搬其大夫司馬宗司城來奔

TỐNG NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU TƯ MÃ, TỐNG TƯ THÀNH LAI BÔN

NGƯỜI TỐNG GIẾT ĐẠI PHU, LÀ CHỨC TƯ MÃ, CHỨC TƯ THÀNH CHẠY TRỐN SANG NƯỚC LỖ

Tả Thị - Phu nhân Tống Tương Công là em vua Tương Vương, không được ngay cháu nội mình là Tống Chiêu Công kính trọng. Phu nhân mới dùng bọn người họ Đái, giết Khổng Thúc là một cháu nội của Tương Công. Công Tôn Chung Ly và Đại Tư Mã, Công tử Ngang, em Chiêu Công. Tất cả đều là đảng Chiêu Công, Đại Tư Mã cố giữ cờ tiết cho đến lúc chết (giữ chức vụ không chuyển núng) cho nên Xuân Thu chép cả tước. Quan Tư Thành là Đãng Ý Chư chạy trốn tới Lỗ, khi ra đi giao cờ tiết cho quan coi kho. Chiêu Công cho gọi lại và cứ cho giữ chức cũ, cho nên cũng chép cả chức tước. Cả hai đều được quí.

Phụ lục Tả Truyện - Khi đi săn mùa xuân ở đất Di. Tấn Tương Công muốn thăng chức cho Cơ Trịnh Phủ và Tiên Đô, và muốn cho Sĩ Cốc cùng Lương Ích Nhĩ tướng trung quân. Tiến Khắc nói:

"Công lao của Hồ, của Triệu không nên quên". Tương Công nghe. Về sau, Tiên Khắc chiếm lấy của Khoái Đắc, các ruộng đất ở xứ Cận Âm. Kết quả. Cơ Trịnh Phủ, Tiên Đô, Sĩ Cốc, Lương Ích Nhĩ, Khoái Đắc, nổi loạn.

Công Thị - Tư Mã và Tư Thành là ai? Là chức quan được cất nhắc lên. Tại sao? Là vì Tống đã ba đời không có đại phu, không có cưới xin ở nước ngoài.

Cốc Thị - Tư Mã là quan, chép quan chức là ý nói vô quân. Tư Thành là quan. Chép quan chức là ý nói vô quân, Chép là chạy trốn tới, chứ không chép là xuất, bỏ nước đi, ý khen việc đến Lỗ ta.

Lưu Sưởng - Tư Mã, Tư Thành là gì? Là quan chức. Sao lại đều là chức được cất nhắc, thế tức là tài không xứng chức.

Thế là thế nào? Là vua không có quyền. Việc chính thì rối loạn, bầy tôi thì thế lực chuyên quyền. Tuy nhiên, sao lại không chép tên. Vì không phải nước trị tội. Thế thì ai trị tội, chính là Hoa Tôn giết, Hoa Tôn đuổi. Kinh chép người Tống giết đại phu Tư Mã. Tống Tư Thành chạy tới Lỗ. Thế là thế nào. Là vị Khanh đó không có tài làm việc, chứ tội không ở người khác.

Tả thị bảo Tư Mã cầm vững cờ tiết cho đến chết, Tư Thành giao lại cờ tiết rồi ra đi. Vua sai ngay người giữ cờ tiết, theo đón về, cho nên đều chép quan tước. Tả Thị bàn thế sai. Tư Mã mà giữ tiết chưa ai được như Cừu Mục. Tư Thành toàn thân rút lui, sao bằng Tuân Tức, mà Tả Thị cho là hai người bị biếm chê, còn Tư Mã, Tư Thành nay lại là khen, bên khinh, bên trọng, khác nhau quá.

Vả lại thân ở trong cảnh binh loạn, giá có bỏ cờ tiết để lấy sống, thì đã là tội lớn rồi. Giữ tiết mà chết chính là việc thường của kẻ làm tôi. Đã không có trí, có sức để chống loạn, lại muốn giữ tiết riêng để trốn, cũng là tội lớn vậy. Giao cờ tiết để ra đi, chỉ là cầu khỏi tội mà thôi, chưa thấy cái gì là đẹp, là quí. Vua Lỗ là người tài thường, không biết đại nghĩa, trái phép thưởng cho chức quan, cho ngăn đón, Xuân Thu vì cớ gì mà khen được.

Công Dương bàn là Tống đã ba đời không có đại phu. Công Dương bàn sai. Hi Công năm thứ 25, Tống giết đại phu, cũng không thấy chép tên họ, cũng bảo là Tống không có đại phu. Đến nay quan chức mới cất nhắc lên, mà cũng bảo là không có đại phu. Nếu thực là không có đại phu, và chỉ có hôn nhân quanh quân trong nước thì cũng không có sự cất nhắc quan chức. Hoặc cất nhắc, hoặc không cất nhắc, thế là tại sao?

Cốc Lương bàn, chép quan tước là ý nói vô quân. Trịnh Khang Thành thì giải nghĩa rằng: "Thế nghĩa là không có đức, của vị vua". Cả hai đều bàn sai. Đã có đại phu thì sao lại không có vua. Lại như Tấn giết đại phu Khích Kỳ, Khích Sưu, Khích Chi phanh ba thây ra, cũng nên cho là không có đức vị vua, vì sao lại không lấy chức quan mà chép.

Xét - Đại phu là trật. Tư Mã, Tư Thành, là chức. Chép "Tống

giết đại phu, Tư Mã, Tư Thành chạy tới Lỗ", cũng như chép: giết Tư Mã trong bọn đại phu và Tư Thành trong bọn đại phu chạy tới Lỗ. Dưới chữ đại phu, chép luôn chữ, Tư Mã, Tư Thành. Y như các quan nhà Chu, Khanh không phải chỉ có một người, có Thái Tể, Đại Tư Không, Đại Tôn Bá. Đại phu cũng không phải chỉ có một người. Có Thiếu Tể, Tiểu Tư Đồ, Tiểu Tôn Bá. Coi đó thì rõ.

Năm Quí Mão. Vua Khoảnh Vương năm đầu.

九 年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Linh năm thứ 3. Tề Chiêu năm thứ 15. Vệ Thành năm thứ 17. Thái Trang năm thứ 28. Trịnh Mục năm thứ 10. Tào Cung năm thứ 35. Trần Cung năm thứ 14. Kỳ Hoàn năm thứ 19. Tống Chiêu năm thứ 2. Tần Khang năm thứ 3. Sở Mục năm thứ 8.

九年春毛伯來求金

XUÂN, MAO BÁ LAI CẦU KIM

MÙA XUÂN, MAO BÁ (MỘT CHỨC QUAN TRIỀU ĐÌNH NHÀ CHU) TỚI ĐÒI VÀNG (TIỀN VỀ VIỆC CHÔN CẤT THIÊN TỬ)

Tả Thị - Năm thứ 9. Mùa xuân, Mao Bá tên là Vệ tới đòi phần đóng góp. Thế là phi lễ, không chép là mệnh vua. Vua chưa chôn.

Công Thị - Mao Bá là ai? Là đại phu của Thiên Tử. Sao không gọi là sứ. Đương ở trong tang, chưa có vua. Qua năm rồi, sao lại bảo rằng chưa có vua? Lên ngôi rồi, nhưng chưa xưng là vua. Tại sao biết là lên ngôi rồi? Cứ coi như chư hầu, qua năm là lên ngôi, thì Thiên Tử qua năm cũng lên ngôi. Cứ xét Thiên Tử hết ba năm rồi mời xưng vương. Cũng như chư hầu ở trong nước mình, ba năm cứ xưng là tử là con. Qua năm thì

gọi là Công, sao trong nước mình ba năm còn xưng là tử là con. Là vì theo tâm tôi con, không thể một ngày không có vua, vì nghĩa thủy chung, trong một năm không có hai vua, nhưng hết năm không thể khuyết vua. Còn thể theo tâm người hiếu tử, thì trong ba năm không nỡ thay.

Mao Bá tới đòi, sao lại chép. Chép là chê. Vương giả không có đòi. Đòi tiền là phi lễ. Thế thì chính là Vương đòi ư? Không phải. Đã không phải thì sao lại bàn là Vương đòi. Đó là con đòi. Nối nghiệp Văn Vương, thì theo pháp độ Văn Vương. Trong pháp độ Văn Vương, không có cầu mà lại cầu. Vì thế chê.

Cốc Thị - Đòi xe còn được, đòi tiền thì quá lắm.

Lục Thuần - Công Dương bàn sao không gọi là sứ. Là vì sau ba năm mới xưng vương. Xét lệ từ xưa, cứ qua năm là thành vua. Nói sau ba năm là nói bậy.

Xét - Công Dương bảo trong ba năm tang, Thiên Tử không xưng Vương. Lục Thuần thì dẫn lệ qua năm là thành vua để bác thuyết Công Dương đi, thế là đúng. Tuy nhiên, Công Dương lấy việc không gọi là sứ, là trong tang chưa làm vua. Hồ Truyện cũng bàn như thế. Đâu có việc lễ: Tang đã qua năm thì được xưng Vương mà lại còn cứ không can thiệp đến chính sự, không sai Khanh và đại phu. Năm Hi Công thứ 9, trong hội Quỳ Khưu, Tương Vương cho Hoàn Công phần tế, là do Tể Khổng truyền mệnh tới. Mỗi câu nói là Thiên Tử sai Khổng, vậy thế là thế nào? Hồ Thị bàn rằng Xuân Thu không gọi là sứ giả là không muốn cho vị Chủng Tể cứ lấy mệnh vua mà hiệu lệnh cho các nước. Nay xét trong Kinh Thư, thiên Cố Mệnh, và thiên Khang Cáo, thì thấy rằng: Chủng Tể được ra lệnh duy chỉ có thời gian chưa sách phong. Khi đã có sách phong, thì bách quan vào chầu, tung hô Thiên Tử, mà vua từ đó xưng là "dư nhất nhân". Thế nghĩa là vua đã lên ngôi rồi, thì Chủng Tể dù có cầm quyền chính cũng không thể "không phụng mệnh" mà thi hành được. Cho nên nay bỏ lời bàn của Công Dương mà lời của họ Hồ cung không chép.

夫人姜氏如齊

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ NHƯ TỀ

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ ĐI SANG NƯỚC TỀ

Triệu Bằng Phi - Cha mẹ còn, thì phu nhân về thăm, gọi là quy ninh, đó là việc thường, sao phải chép. Tức là có cớ, không thể không chép được. Lỗ Văn Công không phân biệt phi và Đích tử, con gái Tề (sau là xuất Khương) sinh ra hai con tên là Ác và Thị, rồi lại yêu quý thiếp là Cung Doanh, sinh ra con là Uy Doanh được yêu thì Uy được quý. Cho nên Xuất Khương sang Tề bàn với bố mẹ. Vậy qui ninh là có cớ, cho nên thánh nhân chép để cho rõ năm thứ 18, cái nguyên nhân phải bỏ Lỗ về Tề.

二月叔孫得臣如京師

NHỊ NGUYỆT, THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ KINH SƯ

THÁNG HAI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN TỚI KINH SƯ

Cốc Thị - Kinh nghĩa là lớn. Sư nghĩa là đông. Là Kinh đô nhà Chu. Ý muốn nói đông là lớn.

辛丑葬襄王

TÂN SỬU, TÁNG TƯƠNG VƯƠNG

NGÀY TÂN SỬU, LỄ CHÔN TƯƠNG VƯƠNG

Tả Thị - Tháng hai, Trang Thúc sang Chu, dự lễ táng Tương Vương.

Công Thị - Vua thì không chép lễ táng. Đây sao lại chép. Là vì chỉ chép khi: không kịp mùa táng, hoặc quá mùa mới táng, hoặc nước ta có dự táng.

Cốc Thị - Đã là Thiên Tử thì chép lúc mất, chứ không chép lúc táng. Lấy cả các nước mà táng một người, thì không nên thế. Chép táng khi có việc nguy, không được táng; ghi cả ngày lại càng nguy. Thế cũng như nói là không táng.

Lưu Sưởng - Họ Đỗ bảo rằng, vị Khanh đi dự lễ táng, là

đúng lễ. Họ Đỗ nói thế là sai. Cho vị Khanh đi dự táng, thế là cuối đời nhà Chu đã suy mới có việc ấy chứ điển lễ không có.

Cốc Lương bảo ghi cả ngày lại càng nguy, thế là không táng. Cốc Lương nói sai. Trong Kinh câu trên đã nói Đắc Thần sang Kinh Sư tức là người đi dự táng. Thế sao còn nói được là không táng.

晉 人 殺 其 大 夫 先 都

TẤN NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIÊN ĐÔ

NGƯỜI NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIÊN ĐÔ

Tả Thị - Năm thứ 9. Mùa xuân, Vương tháng giêng, ngày Kỷ Dậu, Cơ Trịnh Phủ sai giặc giết Tiên Khắc. Ngày Ất Sửu, người Tấn giết người Tiên Đô và Lương Ích Nhĩ.

三 月 夫 人 姜 氏 至 自 齊

TAM NGUYỆT, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ CHÍ TỰ TỀ

THÁNG BA, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ TỪ NƯỚC TỀ VỀ TỚI NƯỚC

Cốc Thị - Phận kém mà dùng lễ trọng "về tới" tức là khi về tới nơi, có lễ cáo miếu. Thế là chê Văn Công.

Triệu Khuông - Cốc Lương bảo phận kém, mà dùng lễ đối với bực tôn trọng là lỗi Văn Công. Xét khi trở về mà cáo miếu là đúng lễ. Sao lại cho là lỗi ở Văn Công.

晉 人 殺 其 大 夫 士 穀 及 箕 鄭 斧

TẤN NHÂN SÁT KỲ ĐẠI PHU SĨ CỐC CẬP CƠ TRỊNH PHỦ

NGƯỜI NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ SĨ CỐC VÀ KY TRỊNH PHỦ

Tả Thị - Tháng ba ngày Giáp Tuất, người nước Tấn giết Ky Trịnh Phủ, Sĩ Cốc, Khoái Đắc.

Cốc Thị - Chép là người giết là giết kẻ có tội. Trịnh Phu là bị liên luỵ

Xét - Việc đi săn mùa xuân ở đất Di, về năm cuối đời Tương Công, mà việc giết Dương Tử Phủ, Tiên Khắc thì vào năm Linh Công mới lên ngôi. Dương Xử Phủ tiến cử Triệu làm cho Xạ Cô uất hận, thì Xạ Cô giết Xử Phủ. Tiên Khắc tiến cư Hồ. Triệu, mà làm cho Tiên Đô uất hận, thì Tiên Đô giết Tiên Khắc. Chu còn bé, nước chưa tin. Bầy tôi có thế lực chuyên quyên, chưa có thời nào qua đến thế. Làm nhân thần, chu công luận, tiến người hiền, trừ kẻ bất tiếu, thế mà kẻ bất tiếu dám dung khí giới giết chêt, loạn quốc gia, không thời nào bằng, cho nên Kinh Xuân Thu, về việc Xư Phu, thì chép là nước giết mà liên lụy đến người trên. Về việc Tiên Đô, Sĩ Cốc, Cơ Trịnh Phủ, thì chép là người giết, mà liệt vào hàng có tội, bị giết, như pháp rất là rõ rẹt. Thế mà Hồ Truyện bảo rằng chép "người" giết vì nước loạn không có chính quyền, và chúng nhân tự quyền giết, Hồ bàn thế là không phải. Kinh mà chép nước khác giết đại phu là (không phải nước Lỗ) đều chép là nước, mà duy ba người này là chép "người giết", thế là ý giết kẻ có tội, không còn phai nghi ngờ nữa. Nếu cho là nước loạn, không có chính quyền, thì kẻ bị giết cũng không nên chép tên, như Tống đại phu Tư Mã. Hồ Thị lai còn cho Cơ Trịnh Phủ mà chép là "và", tức là nên giảm nhẹ tội đi. Hồ Thị nói thế không đúng. Xét chữ cập là và, là kế việc có đầu đuôi, chứ không phải là để bàn tội nên cho nặng hay nhẹ. Cho nên, nay thôi không chép Hồ Truyện.

楚人伐鄭公子遂會晉人宋人衛人許人救鄭

SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH, CÔNG TỬ TOẠI HỘI TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN HỨA NHÂN CỨU TRỊNH

NGƯỜI SỞ ĐÁNH TRỊNH, CÔNG TỬ TOẠI HỘI HỌP NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI HỨA CỨU NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Đại phu Phạm Sơn nói với vua Sở rằng "Vua Tấn còn bé không trông nom được các chư hầu. Bắc phương, ta có thể mưu đồ được". Thế thì vua Sở họp quân tại Lang Uyên, để đánh

nước Trịnh. Bắt làm tù ba đại phu Trịnh, là Công tử Kiên, Công tử Mang, và Công tử Lạc Nhĩ. Thế rồi Trịnh, Sở hòa, công tử Toại hội với Triệu Thuẫn nước Tấn, với Hoa Ngẫu nước Tống, với Khổng Đạt nước Vệ, với một đại phu nước Hứa, để đi cứu Trịnh. Nhưng không tới kịp để được gặp quân Sở. Các vị Khanh, Xuân Thu không chép, vì làm việc chậm chạp, đáng chê trách.

夏狄侵齊

HẠ, ĐỊCH XÂM TỀ

MÙA HẠ, RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, nước Sở xâm nước Trần, chiếm ấp của Trần là Hồ Khưu, vì Trần đi với Tấn. Mùa thu. Sở Công tử Chu. Đi từ rợ Đông Di tới đánh Trần. Bị người Trần đánh cho thua, bắt được Công tử Phạt. Tuy nhiên, Trần cũng sợ, rồi cùng với Sở hòa.

秋八月曹伯襄卒

THU BÁT NGUYỆT, TÀO BÁ TƯƠNG TỐT

MÙA THU THÁNG TÁM, TÀO BÁ TƯƠNG MẤT

九月季酉地震

CỬU NGUYỆT, QUÝ DẬU, ĐỊA CHẤN

THÁNG CHÍN, NGÀY QUÝ DẬU, ĐỘNG ĐẤT

Công Thị - Đất động được chép, là chép việc lạ.

Cốc Thị - Đất làm gì mà động. Có động cho nên cẩn thận chép ngày.

冬楚子使椒來聘

ĐÔNG, SỞ TỬ SỬ TIÊU LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, VUA SỞ SAI TIÊU (TỬ VIỆT TIÊU) TỚI LỄ SÍNH (LỄ THĂM)

Tả Thị - Mùa đông. Tử Việt Tiêu nước Sở sang Lỗ lễ sính. Khi đi, nhận các đồ lễ sính một cách ngạo mạn ở nhà Tổ miếu. Thúc Trọng Huệ nói: "Người này tất là diệt họ Ngao. Hỗn láo với Tiên quân, thì thần linh nào ủng hộ nữa.".

Công Thị - Tiêu là đại phu nước Sở. Sở có đại phu. Sao đây lại chép. Thế là mới có đại phu. Đã mới có thì sao không chép họ. Vì đối với Di Địch thế là đủ rồi.

Cốc Thị - Sở không có đại phu, sao chép Tiêu. Vì tới với ta, thì khen.

Lục Thuần - Công Dương bảo Tiêu là Sở đại Phu. Sở không có đại phu, đây sao lại chép, là mới có đại phu. Xét lệ, phàm chưa được sách mệnh, mà tới Lỗ thì đều chép tên, chứ không có lý do gì khác. Còn Cốc Lương mà bảo Sở không có đại phu, sao lại chép Tiêu, là vì tới với ta thì khen. Thánh nhân dạy người, đâu lại cho là cứ tới Lỗ là được khen.

Xét - Vua Sở thì chép tước. Bầy tôi Sở thì chép tên. Bọn tiên nho cho là Xuân Thu mộ nghĩa. Mà thuyết khen của Cốc Lương thì Lục Thuần không cho là phải, Xét. Sở biết lấy lễ giao thiệp với chư hầu, thì nâng Sở lên, tức là ý vui thấy người làm điều hay. Chứ không phải thấy tới Lỗ ta mà khen. Vậy nên theo lời bàn họ Lục.

秦人來歸僖公成風之襚

TẦN NHÂN LAI QUY, HI CÔNG, THÀNH PHONG CHI TOẠI

NGƯỜI TẦN ĐEM TỚI LỖ ÁO QUẦN KHÂM LIỆM (ĐỒ PHÚNG ĐIẾU) HI CÔNG. THÀNH PHONG (VỢ TRANG CÔNG. TÁNG NĂM THỨ 5 VĂN CÔNG. THẾ LÀ CHẬM)

Tả Thị - Người Tần đem tới Lỗ đồ liệm Hi Công. Thành Phong. Thế là lễ, chư hầu, điếu nhau, mừng nhau, tuy đồ không dùng tới, nhưng vẫn là có đủ lễ. Chép để cho biết không quên sự giao hiếu cũ.

Công Thị - Chép Hi Công. Thành Phong là thế nào. Là gộp cả lại. Gộp cả lại là phi lễ. Sao không nói "và" Thành Phong. Vì Thành Phong là bực tôn.

Cốc Thị - Người Tần không coi là phu nhân, tức là nước ngoài không coi là phu nhân. Thế mà đồ phúng điếu thì theo lễ trọng.

Lưu Sưởng - Chép là Hi Công, Thành Phong là tại sao? Là vì mẹ quý nhờ con. Đã thế sao không xưng là phu nhân. Không được xưng, vì phận là thiếp, đến con nối ngôi vua không được đại tang mẹ, là thiếp tôn quý thì vẫn tôn quý, nhưng vẫn cứ theo lễ.

Đỗ Thị bảo rằng chung phúng cả Hi Công, cho nên gồm cả Thành Phong. Đỗ Thị bàn sai. Hi Công Thành Phong nghĩa là người thiếp mẹ (thêm tên con vào cho rõ người mẹ là thiếp). Chư hầu không được lập hai đích (đích mẫu), cho nên thiếp mẫu (chứ không phải đích mẫu). Vì con làm vua mà thành quý. thế tức là mẹ được quý vì con vậy.

Công Dương thì bàn là gộp cả là phi lễ. Công Dương bàn sai. Hi Công Thành Phong chép thế y như là chép Huệ Công Trọng Tử trước. Nếu mà bao chép hai người thì chả lẽ chép tên mẹ dưới tên con. Theo lễ thì phụ nhân có tam tòng, không bao giờ một mình đứng riêng được. Thế mà nay để con trước mẹ thì không thể nói là biết lễ được.

葬曹供公
TÁNG TÀO CUNG CÔNG
LỄ CHÔN TÀO CUNG CÔNG

Năm Giáp Thìn Vua Khoanh Vương năm thứ 2.

十年
THẬP NIÊN
NĂM THỨ 10

Tấn Linh năm thứ 4, Tề Chiêu năm thứ 16. Vệ Thành năm thứ 18. Thái Trang năm thứ 29. Trịnh Mục năm thứ 11 Tào Văn Công Thọ năm đầu. Trần Cung năm thứ 15. Kỷ Hoàn năm thứ 20 Tống Chiêu năm thứ 3. Tần Khang năm thứ 4. Sở Mục năm thứ 9.

十年春王三月辛卯臧孫辰卒
XUÂN, VƯƠNG TAM NGUYỆT, TÂN MÃO, TANG TÔN THẦN TỐT
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA, NGÀY TÂN MÃO, TANG TÔN THẦN MẤT

夏秦伐晉
HẠ, TẦN PHẠT TẤN
MÙA HẠ, NƯỚC TẦN ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Mùa xuân người Tấn đánh Tần, chiếm đất Thiếu Lương. Mùa hạ, Tần Bá đánh Tấn, chiếm đất Bắc Trưng.

Xét - Tần đánh Tấn, chép rõ ràng nước nọ đánh nước kia. Bọn tiên nho cho rằng tội ở Tần, luận bàn đó thành ra nhất định không thể thay đổi. Xét Tấn và Tần thường đánh nhau, mà theo Kinh thì riêng Tần là có tội. Tại sao? Tấn làm minh

chủ, tôn Chu, trị Sở, các nước trông cậy. Trận Thành Bộc, Tần thực có giúp. Thế mà Tần lại bội lời thề, kết với nước Trịnh, rồi lại đánh lén Trịnh mà diệt nước Hoạt. Thế là gây hấn tự nước Tần. Việc ở đất Hòa, theo chức phận thì bá chủ không dung được, thế mà nhân đó lấy làm thù, luôn luôn đem quân tới đánh, lại còn liên kết với nước Sở để Sở giúp. Thế thì trước kia Tần giúp Tấn trị Sở, nay lại giúp Sở để trèn Tấn. Mối thù Tấn Tần càng ngày càng sâu. Mà Tấn thì bị yếu về công việc chống đối với các nước ở phía tây, trong khi Tần với Sở hợp nhau, Sở được đắc chí với các nước phía nam, như các nước Trần, Sái, Trịnh, Hứa theo nhau sợ uy Sở. Các nước nhỏ như Giang, Liệu, Dung, Tiêu nối nhau bị Sở diệt. Tấn mà không được mạnh, Sở mà dần dần được hùng cường, chính là tại Tần. Kinh Xuân Thu sơ dĩ riêng khép tội Tần, Tô Triệt, Gia Huyền Ông, Vương Triều đều chủ trương bàn tới lời văn thiếu sót. Còn Hoàng Trọng Viêm, Doãn Sướng thì nói thêm rằng năm đó Tần đánh Tấn: Thành Công năm thứ 3, Trịnh đánh Hứa, Chiêu Công năm thứ 12, Tấn đánh Tiên Ngu, đều bỏ chữ nhân, người, (như Tần nhân bỏ chữ nhân; người Tần bỏ chữ người. Lại so sánh với câu "hạ ngũ". Đáng nhẽ viết là "hạ ngũ nguyệt", mà quên không viết chữ nguyệt. Bàn như thế nghe ra cũng có lý.

楚 殺 其 大 夫 宜 申
SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU NGHI THÂN
NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ NGHI THÂN

Tả Thị - Xưa, ở đất Phạm trong nước Sở, có người thầy bói tên là Duật Tự, bói cho Thành Vương cùng Tử Ngọc và Tử Tây, có đoán rằng: "Ba vị sẽ bất đắc kỳ tử". Sau trận Thành Bộc, vua Sở nhớ đến câu đoán ấy, vội sai sứ ra lệnh không được giết chết. Sứ đến thì Tử Ngọc đã chết rồi. Tử Tây thắt cổ vừa kịp sứ tới thanh ra được sống. Sở Vương phong Tử Tây làm Thương Công. Tử Tây xuôi dòng sông Hán, ngược lên sông Giang, sắp vào đất Dĩnh, trong đảo giữa sông có lầu. Vua đang ngự trên lầu trông xuống, thấy Tử Tây. Tử Tây sợ (sợ vua nghi), mới phân trần: "Thần được khỏi chết, nhưng lại bị gièm là muốn trốn, thần

xin về để quan Tư Bại (quan coi Hình) xét và xử tội". Sở Vương mới cho giữ chức Công Doãn, rồi lại cùng Tử Tây bàn tính việc giết Mục Vương. Mục Vương được tin, tháng năm, giết Đấu Nghi Thân (Tư Tây) và Trọng Quy.

自正月不雨至于秋七月
TỰ CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ CHÍ, VU THU THẤT NGUYỆT
TỪ THÁNG GIÊNG CHO ĐẾN THÁNG BẢY KHÔNG MƯA

Cốc Thị - Qua các mùa chép là không mưa. Không thấy có ý lo sợ. Thế là không nghĩ đến dân.

及蘇子盟于女栗
CẬP TÔ TỬ MINH VU NHỮ LẬT
Ở ĐẤT NHỮ LẬT, VUA LỖ CÙNG THỀ VỚI TÔ TỬ (SỨ CỦA THIÊN TỬ)

Tả Thị - Mùa thu, tháng 7, Lỗ cùng Tô Tử thề ở Nhữ Lật, nhân việc Khoảnh Vương lên ngôi.

冬狄侵宋
ĐÔNG, ĐỊCH XÂM TỐNG
MÙA ĐÔNG, RỢ ĐỊCH XÂM TỐNG

Cao Kháng - Địch mà xâm vào các nước lớn, duy có nước Tống là chưa bị. Từ sau thời Tống loạn. Địch mới xâm. Quân Sơ đình tại đất Quyết Mạch định đánh Tống. Nước Tống có cơ nguy.

楚子蔡侯次于厥貉

SỞ TỬ, SÁI HẦU THỨ VU QUYẾT MẠCH

VUA SỞ, (SỞ TỬ), VUA SÁI (SÁI HẦU), DỪNG QUÂN TẠI QUYẾT MẠCH

Tả Thị - Trần Hầu và Trịnh Bá hội với Sở Tử tại đất Túc. Mùa đông cùng Sái Hầu dừng quân tại Quyết Mạch, sắp đánh Tống. Hoa Ngự Sự nước Tống nói: "Sở muốn làm cho ta yếu, thì ta cho biết là ta yếu. Ha tất gì phải khích ta ra trận. Ta yếu thực. Dân ta có tội gì mà bị nạn chiến tranh". Thế là Tống Công tìm tới Sở Tử, đưa đồ lễ tặng và xin theo mệnh, rồi cùng dự cuộc săn tại Mạnh Chư. Tống Công coi cánh quân bên hữu. Trịnh Bá coi cánh quân bên tả. Kỳ Tư Công tên là Phục Toại làm Hữu Tư Mã. Tử Chu và Văn Chi Vô Úy là tả Tư Mã. Lệnh chung cho toàn quân là gióng xe từ sớm, và sửa soạn củi đuốc. Tống Công sai mệnh. Vô Úy lấy roi đánh xa ngự (giong xe) của Tống Công để làm gương cho quân đội. Hoặc có người bảo Tử Chu (Vô Úy) rằng: Vua một nước, chớ nên làm nhục. Tử Chu đáp: Đương tại chức, phải làm phận sự, sợ gì ai. Kinh Thi có câu: Không nhả thứ rắn, không nuốt chửng thứ mềm. Không để cho kẻ sàm nịnh lộng hành. Làm cho kẻ không biết luật lệ phải cẩn thận. Mấy câu sau đó bảo ta đừng quyền thế. Tôi đâu dám tham sống để loạn phép.

Mạnh Chư - Đất nước Tống. Ở hội Quyết Mạch, Quân Tử (Vua nước Quân) trốn về.

Năm Ất Tỵ. Vua Khoanh Vương năm thứ 3.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Linh năm thứ 5, Tề Chiêu năm thứ 17, Vệ Thành năm thứ 19, Sái Trang năm thứ 30, Trịnh Mục năm thứ 12, Tào Văn năm thứ 2, Trần Cung năm thứ 16, Kỷ Hoàn năm thứ 21, Tống Chiêu năm thứ 4, Tần Khang năm thứ 5, Sở Mục năm thứ 10.

春楚子伐麇

XUÂN, SỞ TỬ PHẠT QUÂN

MÙA XUÂN, VUA SỞ ĐÁNH NƯỚC QUÂN

Tả Thị - Năm thứ 11, mùa xuân Sở Tử đánh nước Quân. Thành Đại Tâm đánh tan quân nước Quân ở Phòng Chử. Phan Sùng lại tiếp đánh Quân. tiến đến Tích Huyệt.

Phòng Chử: đất nước Quân, Tích Huyệt: đất nước Quân.

夏叔仲彭生會晉郤缺于承筐

HẠ, THÚC TRỌNG BÀNH SINH HỘI TẤN KHÍCH KHUYẾT VU THỪA KHUÔNG

MÙA HẠ, THÚC TRỌNG BÀNH SINH HỘI VỚI KHÍCH KHUYẾT NƯỚC TẤN TẠI THỪA KHUÔNG (ĐẤT TỐNG)

Tả Thị - Mùa hạ, Thúc Trọng, Huệ Bá (Bành Sinh) hội với Tấn Khích Khuyết tại Thừa Khuông bàn việc các chư hầu bỏ Tấn theo Sở.

秋曹伯來朝

THU, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA THU, TÀO BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị - Mùa thu, Tào Văn Công tới chầu. Vừa lên ngôi tới chầu.

公子遂如宋

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỐNG

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỐNG

Tả Thị - Tương Trọng (Công tử Toại) sang nước Tống lễ sính và nói cho chức Tư Thành là Đãng Ý Chư, để Chư được trở về nước Tống. Nhân dịp mừng Tống không bị quân đội Sở gây hại.

狄侵齊

ĐỊCH XÂM TỀ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

冬十月甲午叔孫得臣敗狄于鹹

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, GIÁP NGỌ, THÚC TÔN ĐẮC THẦN, BẠI ĐỊCH VU HÀM

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY GIÁP NGỌ, THÚC TÔN ĐẮC THẦN ĐÁNH BẠI QUÂN ĐỊCH TẠI ĐẤT HÀM (ĐẤT NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Rợ Địch, Sưu Man, xâm nước tề, rồi tràn vào nước ta. Lỗ Công cho bói về việc sai Thúc Tôn Đắc Thần đuổi quân Địch. Bói được quẻ tốt. Hầu Thúc Hạ làm xa ngự (đánh xe) cho Trang Thúc (Đắc Thần). Miên Phòng Sanh giữ chức xa hữu. Phú Phủ Chung Sanh giữ chức Tứ Thặng (người thứ tư trên chiến xa). Mùa đông, tháng 10, ngày Giáp Ngọ, đánh bại quân Địch tại đất Hàm, bắt được Tù chưởng là Kiều Như, Phú Phủ Chung Sanh cầm giáo đâm vào cuống họng giết chết. Lấy thủ cấp chôn ở giữa Tư Câu thành nước Lỗ. Đắc Thần nhân trận thắng đó, đặt tên một con là Tuyên Bá. Xưa, thời vua Tống Vũ Công, rợ Sưu Man đánh Tống. Quan Tư Đồ là Hoàng Phủ cầm quân đánh. Nhi Ban làm xa ngự cho Hoàng Phủ Sung Thạch. Công tử Cốc Sanh làm xa hữu. Quan Tư Khấu là Ngưu Phủ giữ chức Tứ thặng. Địch bị đánh ở Trường Khưu đất nước Tống.

Người Địch là Duyên Tư bị bắt. Hai người con của Hoàng Phủ chết trận. Vua Tống thưởng công cho Nhi Ban chức giữ một quan ải, được tự lấy thuế, cửa ải gọi tên là Nhi Môn. Khi quân Tấn diệt rợ Lộ, có bắt người em Kiều Như tề là Phần Như, Năm thứ hai Tề Tương Công. Rợ Sưu Man đánh Tề. Vương Tử Thành Phu làm quan ở nước Tề bắt được em Phần Như là Vinh Như, còn chôn thu cấp tại cửa bắc thành Chu Thủ, thành nước Tề. Quân đội Vệ bắt được em Vinh Như là Giản Như. Từ đó, rợ Sưu Man bị diệt hẳn.

Công Thị - Địch là ai? là Trường Địch. Anh em ba người. Một sang Tề. Một sang Tấn. Một sang Lỗ. Người sang Tề, bị Vương Tử Thành Phủ giết chết. Người sang Lỗ bị Thúc Tôn Đắc Thần giết. Còn không biết người sang Tấn ra sao? Chép là bại là thế nào? Là cho to chuyện. Chép nơi đánh là thế nào? Là cho to chuyện. Sao lại chép? Chép việc lạ.

Cốc Thị - Không nói là cầm quân (suất sư), mà nói là đánh bại, đánh thua, là sao? Là bại có một người. Một người sao lại dùng chữ bại? Là phải nhiều người mới đánh được. Theo Truyện thì có ba anh em Trường Địch, thường quấy hại Trung Quốc. Có tướng lạ, xương đầu rất rắn, đá gạch đập không chuyển. Thúc Tôn Đắc Thần là tay bắn giỏi. Bắn vào mắt. Tuy nhiên, sao không nói là bắt được. Vì rằng chép xưa không có đánh ai bị thương hai lần. Không bắt người hai thứ tóc, cho nên không nói là bắt, vì kiêng. Người đi sang Tề, thì bị Vương Tử Thành Phủ giết. Còn người sang Tấn thì không biết ra sao.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo không chép là cầm quân mà lại chép là đánh bại là sao? Là thực chỉ có đánh bại một người. Cốc Lương bàn thế là sai. Không nói cầm quân, vì là quân ít, có gì là nghi ngờ nữa. Lại bàn rằng không chép là bắt. Vì ngày xưa không làm ai hai lần bị thương, không bắt người hai thứ tóc, cho nên không nói là bắt vì kiêng. Lỗ đã bắn vào mắt rồi chặt đầu cho nên kiêng. Cốc Lương bàn thế là sai. Bản ý của Cốc Lương là một Trường Địch, đủ sức địch nhiều người, cho nên đổi chữ bắt được làm chữ bại được, để rõ cái sức mạnh của Trường Địch, đã đổi bắt được làm bại được, thì bại được tức là bắt được. Thế thì sao lại bàn được rằng, không nói bắt được là kiêng.

Xét - Tả Truyện, trước thì nói là bại địch ở đất Hàm. Sau nói là bắt Trường Địch Kiều Như. Xét như lấy Trường Địch làm một người trong bọn Địch, thì không phải chép chữ Trường Địch là cả một nước. Hồ Truyện dùng thuyết chính danh của Lưu Sưởng bác đi, tựa như chưa rõ ý của Truyện. Cốc Lương cũng nhân ý Tả Truyện mà giải thích suy diễn ra. Lời nói tuy quái lạ, chắc có được tài liệu nào đó, nay cứ để cả ba Truyện. Còn các lời bác thì hãy bỏ đi.

Năm Bính Ngọ, Vua Khoảnh Vương năm thứ 4.

十有二年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tấn Linh năm thứ 6. Tề Chiêu năm thứ 18. Vệ Thành năm thứ 20. Sái Trang năm thứ 31. Trịnh Mục năm thứ 13. Tào Văn, năm thứ 3. Trần Cung, năm thứ 17. Kỷ Hoàn, năm thứ 22. Tống Chiêu, năm thứ 5 Tần Khang, năm thứ 6. Sở Mục, năm thứ 11.

春王正月成伯來奔
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, THÀNH BÁ LAI BÔN
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG THÀNH BÁ CHẠY TỚI LỖ

Tả Thị - Thái tư nước Thành tên là Chu Nho vẫn ơ yên ơ ấp Phù Chung. Người trong nước không ưa, không theo mệnh. Lỗ Văn Công, năm thứ 12, mùa xuân, vua nước Thành là Thành Bá mất. Người Thành lập vua khác. Thái tử chạy ẩn ở nước Lỗ, biếu hai ấp Phù Chung và Thành Khuê. Vua Lỗ lấy lễ đối với vua chư hầu đón tiếp. Thế là phi lễ. Cho nên chép là Thành Bá chạy tới Không chép đất, là tôn chư hầu.

Công Thị - Thành Bá là ai? Là vua mất đất. Sao không chép tên? Vì được coi như nước anh em.

Triệu Khuông - Chư hầu mà nối ngôi, chưa qua năm vẫn xưng là tư, là con. Đâu sao lại có hạng người vua cha bệnh ốm, mà không dòm ngó, chết mà không tang, thân chưa nối lên ngôi, đã lấy ấp chạy ra nước ngoài, mà lại xưng là Thành Bá? Đến như Trịnh Hốt, Tào Kỵ, Cử Triển, đều đã lên ngôi khi phải chạy ra ngoài, còn cứ xưng tên, huống chi hạng chưa nối ngôi. Thuyết của Tả Thị là không phải. Vua mất đất, cứ lệ là chép tên. Nếu lấy cớ là nước anh em không gọi tên thì Tào Bá Dương, Vệ Hầu Khản, sao lại chép tên. Thuyết của Công Dương cũng là bậy.

杞 伯 來 朝

KỶ BÁ LAI TRIỀU

VUA NƯỚC KỶ LÀ KỶ BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị - Kỷ Hoàn Công tới chầu. Đây là lần đầu. Kỷ Bá xin thôi việc cưới Thúc Cơ (con gái Hi Công), nhưng vẫn không tuyệt hôn với Lỗ. Lỗ Công Thuận. (Thúc Cơ có tật. Sau một người em gái lấy Kỷ Bá).

Phạm Ninh - Hi Công năm thứ 27, vua Kỷ xưng là tước Tử. Nay xưng là Bá. Chắc là Thiên Tử đương thời cất nhắc phong cho

二 月 庚 子 子 叔 姬 卒

NHỊ NGUYỆT CANH TÝ, TỬ THÚC CƠ TỐT

THÁNG HAI, NGÀY CANH TÝ, THÚC CƠ MẤT

Tả Thị - Tháng hai, Thúc Cơ mất. Không chép Kỷ. Vị đã tuyệt. Chép là Thúc Cơ là coi như đàn bà, chứ không phải con gái (vì đã hỏi).

Công Thị - Đây là đi ra khỏi nước. Sao lại chép lúc mất. Vị đã được hứa gả. Đàn bà đã hứa gả, thì có lễ cài trâm kẹ. Chết thì dùng tang lễ người đã có chồng. Chép là Tử (Tử Thúc Cơ) vì địa vị quý. Quý là ở hàng trên (con vua Hi Công).

Cốc Thị - Chép là Tử Thúc Cơ là quý. Quý là chị em với vua. Trong truyện có chép: Đã hứa gả, rồi mất. Con trai hai mươi tuổi có lễ đội mũ liệt vào hạng người lớn, ba mươi tuổi thì lấy vợ. Con gái mười lăm tuổi thì hứa gả chồng, hai mươi tuổi thì lấy chồng.

Uông Khắc Khoan - Hai truyện đều chép chữ Tử, cho là em cùng mẹ. Nhưng Văn Công, năm thứ 14, lại chép Tử Thúc Cơ. Nếu đã cùng mẹ, thì không nên cùng tên.

Xét - Lỗ Trang năm thứ 25, Bá Cơ gả về nước Kỷ. Năm thứ 27, công hội với Kỷ Bá Cơ tại đất Thao. Mùa đông, Kỷ Bá

Cơ tới. Hi Công, năm thứ 5, mùa xuân, Kỷ Bá Cơ đưa con lại chầu. Năm thứ 9, Bá Cơ mất. Vậy đó là riêng một Bá Cơ.

Đến năm 23, mùa đông, Kỷ Tử mất. Năm thứ 27, mùa xuân, Ky Tư tới chầu, tức là vua nối ngôi. Năm thứ 28, mùa thu, Ky Bá Cơ tới. Năm thứ 21, mùa đông, Kỷ Bá Cơ tới, cầu hôn cho con.

Lỗ Văn Công, năm thứ 12, mùa xuân, Vương, tháng giêng, Kỷ Bá tới chầu. Tháng hai, ngày Canh Tý, Tử Thúc Cơ mất. Cùng với Hi Công, năm thứ 9, chép Bá Cơ mất. Vậy tựa như riêng một Thúc Cơ, chứ không phải là người con dâu, mà Bá Cơ hỏi cưới.

Từ đó, hơn 20 năm tới Thành Công, năm thứ 5, mùa xuân, Ky Thúc Cơ "lai quy". Năm thứ 8, mùa đông, Kỷ Thúc Cơ mất. Năm thứ 9, mùa xuân, Kỷ Bá lại đón tang Thúc Cơ đem về nước.

Thế là ba lần chép Thúc Cơ. Nghi là chính là người con dâu Bá Cơ xin cưới.

Tả Thị nhân việc Kỷ Bá tới chầu, cùng với Tử Thúc Cơ liền nhau, mới cho Thúc Cơ chính là người con dâu Bá Cơ xin cưới, để rõ không phải là Ky bỏ mà bị tuyệt. Lại nhân Thành Công năm thứ 5, Kỷ Thúc Cơ "lai quy" năm thứ 8, Kỷ Thúc Cơ mất, năm thứ 9, Kỷ Bá tới Lỗ đón tang Thúc Cơ về Kỷ, rồi bảo là Kỷ Bá xin tuyệt (bỏ) Thúc Cơ, mà không tuyệt hôn. Mà tên Thúc Cơ được chép chết năm Thành Công năm thứ 8, tức là người mà vua Kỷ (Kỷ Hoàn) xin cưới thay Thúc Cơ. Không khỏi cố chép gượng.

Tuy nhiên, việc kể trong Xuân Thu thì lại bằng cứ vào Tả Thị mà dựa vào nhau đã lâu rồi. Nay cứ ghi cả. Còn như Đạm Trợ, Lưu Sướng, bảo Truyện đó nhầm lắm, nên ở vào đời Thành Công năm thứ 8. Quý Bản bảo rằng Kỷ Bá Cơ là nhầm, thế là Quý Ban ước đoán, chứ không có bằng chứng, chưa có thể vì thế mà nghi kinh, và bỏ truyện được.

Cái nghĩa chữ Tử trong câu Tử Thúc Cơ, mọi nhà bình luận không cùng một ý. Hoặc cho là con gái tiên quân. Hoặc cho là con gái vua đương thời. Tất cả đều không phải. Bá Cơ ở Trang

Công năm thứ 25, gả về Kỷ, đến thời Hi Công thì chắc chắn là con gái tiên quân, thế thì sao lại cho con tới chầu vào năm thứ 5. Năm thứ 31, tới cầu cưới con dâu, đều không xưng là Tử. Quý Cơ cùng Tăng Tử gặp ở đất Phòng, tiên nho chê Hi Công quá chiều con gái, thế tức là con gái vua đương thời, thế thì sao lại chép là về, chép là mất mà không xưng là Tử. Cứ xét toàn kinh thì chưa rõ được. Vậy san bỏ không chép.

夏楚人圍巢

HẠ, SỞ NHÂN VI SÀO

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ VÂY NƯỚC SÀO (SÀO LÀ MỘT NƯỚC NHỎ Ở GIỮA KHOẢNG NƯỚC NGÔ VÀ NƯỚC SỞ)

Tả thị - Lệnh Doãn nước Sở là Tả Tôn Bá mất. Thành Gia lên thay. Các nước Thư phản Sở. Mùa hạ, Tử Khổng bắt "chủ" nước Thư tên là Bình, và Tôn Tử. Rồi vây nước Sào.

Các nước Thư, là Thư Dung, Thư Cưu.

秋滕子來朝

THU, ĐẰNG TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC ĐẰNG TỚI CHẦU

Tả thị - Mùa thu, Đằng Chiêu Công tới chầu. Lần đầu chầu Lỗ Công.

秦伯使術來聘

TẦN BÁ SỬ THUẬT LAI SÍNH

VUA TẦN LÀ TẦN BÁ SAI THUẬT TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Tần Bá sai Tây Khất Thuật tới sính và nói sẽ đánh Tấn. Tương Trọng (Công Tử Toại) từ chối không nhận ngọc do vua Tần sai sứ tặng vua Lỗ và nói: "Nhà vua không quên tình hiếu hữu của tiên quân đối với vua tôi, đã đoái đến nước Lỗ tôi, cho xã tắc tôi được thêm yên vững, và ban cho đồ quý.

Quả thân tôi xin từ không dám nhận ngọc". Thuật nói: "Vật này có là bao, xin chớ từ chối" Tương Trọng giữ địa vị chủ ba lần từ, khách đáp: "Quả quân tôi, muốn cầu thần linh Chu Công Lỗ Công ban phúc, đã sai kẻ hạ thần này, trình với quan chấp sự Lỗ, chút vật của các tiên quân, để biểu hiện sự kết hiếu của hai nước. Vậy dám xin trình ngày" Tương Trọng nói: "Không có người quân tử thì không thành một nước được. Đã gọi là một nước thì không coi thường được". Rồi biếu Thuật nhiều lễ vật quý

Công Thị - Thuật là ai? Là đại phu nước Tần, Tần không có đại phu. Đây sao lại chép? Là vì khen Mục Công hiền. Hiền vì biết sự biến. Xét lệ: Đại phu nước ngoài tới Lỗ mà chưa được sách phong thì cứ chép tên, không có nghĩa gì khác. Từ trước đến đây, Tần chưa sai đại phu tới, cho nên nay chép

冬十有二月戊午晉人秦人戰于河曲

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, MẬU NGỌ, TẤN NHÂN, TẦN NHÂN CHIẾN VU HÀ KHÚC

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY MẬU NGỌ, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TẦN ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT HÀ KHÚC

Tả Thị - Tần đánh là vì trận thua ở Linh Hồ. Mùa đông. Tần Bá đánh Tấn, chiếm ấp Ky Mã nước Tấn. Quân đội Tấn sửa soạn chống. Tấn Triệu Thuẫn làm tướng Trung quân, có Tuân Phu làm Phó. Khích Khuyết làm tướng thượng quân có Du Biển làm phó. Loan Thuẫn làm tướng hạ quân, có Tư Giáp làm phó. Phạm Vô Tuất làm xa ngự (giong xe cho vua), đón đánh quân Tần ở Hà Khúc. Du Biển nói: "Tần tính không chịu được lâu. Xin đắp đồn lũy chờ". Lời đề nghị được theo. Người Tần muốn đánh. Tần Bá hỏi Sĩ Hội rằng: "Có nên không". Sĩ Hội đáp: "Họ Triệu mới dùng một người là Du Biển, chắc bàn mưu là để quân ta đợi lâu yếu thế dần. Triệu lại có cháu là Xuyên là rể vua Tấn. Xuyên được vua yêu mà ít tuổi lại chưa hiểu việc quân. Tính dũng mà ngông, lại ghét Du Biển, được làm phó thượng quân. Ta cho khinh binh khiêu chiến, thì Xuyên phải ra đánh. Tần

Bá mới lấy ngọc bích tế thần sông Hoàng Tháng 12, ngày Mậu Ngọ, cho quân khiêu chiến thượng quân Tấn, rồi lui ngay. Triệu Xuyên đuổi không kịp, trở lại tức giận nói: "Gạo đầy kho. Ngồi trên đống giáp. Đợi giặc. Nay giặc tới. Ta còn chờ gì". Tướng tá nói xin đợi. Xuyên nói: "Tôi cha cần biết mưu kế gì. Tôi ra đánh một mình". Rồi đem bộ thuộc ra đánh. Tuyên Tử nói: "Tần thắng, trở về. Ta làm thế nào báo được". Thế là cùng ra đánh. Hai đạo quân gặp nhau, nhưng chưa giáp chiến. Tối đến, Tần cho người tới quân Tấn nói: Hai quân ta chưa bên nào bị thương tồn. Ngày mai, xin cung ra mắt (tương kiến). Du Biền bàn: sứ giả, mắt hoảng hốt, mà lời nói không cứng rắn, tức là sợ ta, rồi trốn, ta nên theo sát trên bờ sông Hoàng, nhất định đánh được". Tư Giáp, Triệu Xuyên, đứng ở cổng trại, kêu to: "Chưa đánh cho chết, cho bị thương, mà đã bỏ, thì còn ra gì. Không dàn trận, mà đi đánh lén nơi hiểm yếu là nhát". Quân Tấn nghỉ, đêm quân Tần lén ra, lại đánh vào quân Tấn, rồi tràn vào ấp Hà.

Công Thị - Đây gọi là thiên chiến. Sao không chép là quân tan vỡ. Vì hai bên ngang sức nhau. Sao lại lấy tên sông làm nơi chiến. Vì khúc sông Hà dài đến nghìn dặm.

Cốc Thị - Không chép chữ cập, với, vì Tần Tấn đã luôn luôn chiến tranh, cho nên chỉ chép lược qua.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn lấy tên sông chỉ nơi đánh nhau, vì khúc sông dài nghìn dặm. Công Dương bàn sai. Chữ Hà Khúc đó là tên đất, đâu có phải là khúc sông nghìn dặm. Nếu như một khúc sông nghìn dặm, thì tất cả phải gọi là Hà Khúc. Vậy thì khoảng cả ba sông Hà, không có đất tên khác, chỉ gọi cả là Hà Khúc mà thôi, như thế có bậy không.

Xét - Trận đánh nhau ở Hào, Tần không nghĩ đến tang vua đất Tấn mà đi đánh nước đồng tông với Tấn, Tấn chưa báo thù, mà lại tới đánh, cho nên cả hai bên đều có ý nhè. Xét ra Tần luôn luôn dùng binh, thì còn nghĩa gì. Vì thế Tấn bị yếu về phía Tây, để cho Sở, nhân thế mạnh lên, chiếm cứ nước nhỏ, uy hiếp thiên hạ, tức là tự nước Tần sinh ra. Cho nên Xuân Thu, cứ lấy trường là tự nước Tần sinh ra. Cho nên Xuân Thu, cứ lấy trường hợp vô danh đem quân đánh Tấn luôn mà mang tiếng cho Tần.

Nay việc chiến ở Hà Khúc, chép Tần Tấn, cùng dùng chữ nhân, người, lại không chép là Tấn và Tần, thế tức là cả hai, đều có tội, đều đáng chê, mà Tần thì có tội hơn, Cốc Lương bàn không chép "và", là chép lược, bàn như thế là không hiểu rõ ý Kinh Xuân Thu.

季孫行斧帥師城諸及鄆

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SUẤT SƯ THÀNH CHƯ CẬP VẬN

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐEM QUÂN ĐỘI ĐẮP THÀNH CHƯ VÀ THÀNH VẬN (PHÒNG NƯỚC CỬ)

Tả Thị - Đắp thành Chư, thành Vận, chép cả mùa (mùa đông).

Cốc Thị - Nói đem quân đội, biết là việc khó nhọc.

Trương Hiệp - Vận ở phía đông nước Lỗ. Bắt đầu từ đây. Lỗ và Cử tranh nhau đất Vận. Trước kia hai nước chưa có tranh giành nhau và lại chưa thường có việc gì ở đất Vận. Nay, Hàng Phủ đem quân đội đắp thành hai ấp, là mở mối đầu sự thù nhau, nhất là đắp thành Vận.

Lã Đại Khuê - Lỗ có hai đất Vận. Thành Công năm thứ 4, đắp thành Vận, là ấp Vận ở giáp nước Tấn, cho nên Đỗ Thị có nói để phòng thủ cho Tấn. Năm nay đắp thành Vận là ấp Vận giáp nước Cử, cho nên Đỗ Thị nói là nơi hai nước Cử Lỗ tranh chấp.

Gia Huyền Ông - Đắp thành một ấp đã làm khổ dân. Nay một bận đắp hai thành, thì dân khổ lắm. Chép đắp thành Chư, thành Vận là chê. Theo phép Xuân Thu, xây thành không đúng mùa, là đáng chê, xây thành không đúng phép là đáng chê. Hưng binh để xây thành là đặc biệt phải chê.

Năm Đinh Mùi - Vua Khoảnh Vương năm thứ 5.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Linh, năm thứ 7. Tề Chiêu, năm thứ 19. Vệ Thành,

năm thứ 21. Thái Trang, năm thứ 32. Trịnh Mục, năm thứ 14. Tào Văn, năm thứ 4. Trần Cung, năm thứ 18. Kỷ Hoàn, năm thứ 23. Tống Chiêu, năm thứ 6.

Tần Khang, năm thứ 7. Sở Mục, năm thứ 12.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 13, mùa xuân. Tấn Hầu sai Chiêm Gia tới ơ ấp Hà, để giữ biên giới Đào Lâm phòng bị nước Tần.

夏五月壬午陳侯朔卒

HẠ NGŨ NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TRẦN HẦU SÓC TỐT

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY NHÂM NGỌ, TRẦN HẦU TÊN LÀ SÓC MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Người Tấn lo người Tần dùng được Sĩ Hội. Mùa hạ, sáu quan Khanh gặp nhau ở ấp Chư Phù. Triệu Tuyên Tử nói: "Sĩ Hội ở Tần, Giả Quý trốn ở Địch. Nếu có việc xảy ra, ta làm thế nào". Trung Hàng Hoàn Tử nói: "Xin gọi Giả Quý về, cho coi việc ngoại giao. Và lại tổ tiên xưa có công (Hồ Đột, Hồ Yển)". Khước Thành Tử nói: "Giả Quý loạn, và đã có tội lớn. Nên gọi Tùy Hội (Sĩ Hội). Hội khiêm nhượng, liêm sỉ, nhã nhặn, không phạm đến ai, không chê chức vụ nhỏ, mà lại không có tội".

Tuyên Tử mới sai Ngụy Thọ Dư tới Tần, yết kiến vua Tần, nói dối rằng: ấp Ngụy (ấp của Thọ Dư được ăn lộc) làm phản, vua Tấn bắt giam vợ con. Thọ Dư đêm chạy trốn, sang Tần, xin làm quan bên Tần, và đem ấp Ngụy của mình dâng vua Tần. Vua Tần thuận nghe. Sợ Sĩ Hội ngăn ở trong triều, Thọ Dư ngầm dẫm lên chân Sĩ. Sĩ Hội hiểu ý. Quân đội vua Tần ở Tây ngạn sông Hoàng, mà người Ngụy thì ở Đông ngạn. Thọ Dư nói: "Xin

nhà vua cho một người Tấn cùng đi với tôi sang bên kia, nói với chung, chúng sẽ về Tần". Vua Tần sai Sĩ Hội. Sĩ Hội từ chối nói: "Người Tấn, tàm như hổ lang, nếu họ không giữ lời, thì thân chết, vợ con ở Tần sẽ bị giết, thần đi, nhà vua không có lợi gì, mà thêm hối". Tần Bá nói: "Nếu Tấn bội tín, thì ta cũng giao trả vợ con, chứ không bội ước. Có sông Hoàng Hà chứng minh". Thế là Sĩ Hội ra đi. Có viên quan là Nhiễu Triều đưa tặng cái roi ngựa nói: "Chớ bảo là Tần không có người. Tôi đã nói đừng cho ông đi. Lời tôi nói không được nghe". Khi Sĩ Hội qua sông, quân Ngụy đón mừng đưa về triều. Còn vua Tần, giữ lời, cho đưa vợ con trả về. Họ hàng còn người nào ở lại Tần đều đổi họ là họ Lưu.

邾子蘧篨卒

CHÂU TỬ CỪ TRƯ TỐT

VUA NƯỚC CHÂU (CHÂU TỬ) TÊN LÀ CỪ TRƯ MẤT

Châu Văn Công bói về việc thiên đô tới đất Địch. Bói được quẻ: thiên đô thì lợi cho dân, nhưng không lợi cho vua. Vua nói: "Nếu đã lợi cho dân thì cũng phải lợi cho vua. Trời đã sinh dân, thì đặt ra vua để lợi cho dân. Nếu thiên đô mà dân có lợi, thì vua cũng có lợi". Tả hữu nói: "Nếu mệnh vua còn được lâu, thì sao vua lại trái". Vua nói: "Vua sống, cần làm cho dân sống. Chóng hay chậm, vua cũng chết, chỉ là thời gian thôi. Nếu thiên đô mà lợi cho dân, thì cứ thiên đô, không điểm nào tốt hơn được". Châu Văn Công tới đất Địch. Tháng năm, năm đó mất. Người quân tử bàn: Vua Châu tri mệnh (biết mệnh trời).

自 正 月 不 雨 至 于 秋 七 月

TỰ CHÍNH NGUYỆT BẤT VŨ CHÍ VU THU, THẤT NGUYỆT

TỪ THÁNG GIÊNG TỚI MÙA THU THÁNG BẢY, KHÔNG MƯA

世 室 屋 壞

THẾ THẤT, ỐC HOẠI

NHÀ THẾ MIẾU, MÁI SẬP

Tả Thị - Mùa thu tháng bảy. Nhà Thế thất đổ. Chép một việc bất kính.

Công Thị - Thế thất là gì? Là miếu Lỗ Công. Miếu Chu Công gọi là Thái miếu. Miếu Lỗ Công gọi là Thế miếu. Miếu các Công sau, gọi là Cung. Đây là miếu Lỗ Công. Tại sao lại gọi là Thế thất? Đúng như chữ thường dùng, nghĩa là đời đời còn mãi không bỏ. Chu Công ở Lỗ sao được gọi là Thái miếu? Là vì, phong Lỗ Công thay mặt Chu Công. Vậy lễ Chu Công trước; lễ Lỗ Công sau. Cắt nghĩa rằng: Lúc sống thì nuôi Chu Công. Lúc chết thì làm thần chủ thay Chu Công. Thế thì Chu Công có ở nước Lỗ không? Đáp: Không ở nước Lỗ. Phong Lỗ Công cho làm chủ nước Lỗ. Vậy tại sao Chu Công lại không tới ở Lỗ? Vì muốn cho tất cả các nước thống nhất về Chu.

Lỗ mà tế Chu Công thì dùng sinh như thế nào (sinh là loài vật làm thịt cúng như trâu, bò, heo, dê). Tế Chu Công thì dùng bạch sinh là bò sắc trắng. Tế Lỗ Công thì dùng bò sắc đỏ. Tế các Công sau thì dùng bò không thuần một màu.

Nước Lỗ tế Chu Công về ngũ cốc thì thế nào. Tế Chu Công thì dùng thóc mới, Lỗ Công thì thóc cũ. Các Công khác thì thóc trong kho.

Mái nhà Thế Thất đổ. Chép để chê. Chê là sao đã lâu ngày, không tu sửa để cho đổ.

Cốc Thị - Mái nhà Thế thất đổ. Chê là không tu sửa để

cho đến đổ sập. Thái thất cũng như Thế thất. Thờ Chu Công ở Thái Miếu. Thờ Bá Cầm ở Thái thất. Thờ các vị khác ở Cung. Theo lễ, về việc nhà tôn miếu, vị vua thân coi cắt thái, phu nhân thân coi giã gạo. Thế là tỏ lòng cung kính. Làm chủ xã tắc mà để miếu tiên quân đổ, chép kỹ thế là để ghi việc bất kính.

Trình Tử - Xem trong kinh Xuân Thu, Văn Công đối với tôn miếu rất là không cẩn thận, mới có việc biến là mái nhà thế miếu đổ, đối với trời, đối với người, thật là đáng sợ.

Xét - Ngô Trừng nói là chữ Thế và chữ Thái hai chữ thông dụng. Xét như Thế Thái nói là Thái Tử, Thế Thúc nói là Thái Thúc cũng vậy.

冬 公 如 晉 衛 侯 會 公 于 沓

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN. VỆ HẦU HỘI CÔNG VU ĐẠP.

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG TỚI NƯỚC TẤN. VỆ HẦU GẶP LỖ CÔNG TẠI ĐẤT ĐẠP

Ngô Trừng - Lỗ Công tới chầu. Tấn Vệ Hầu hội với Công ở giữa đường, đất Đạp, muốn nhân dịp nhờ Lỗ Công xin cho hòa với Tấn.

狄 侵 衛

ĐỊCH XÂM VỆ

RỢ ĐỊCH XÂM NƯỚC VỆ

Triệu Bằng Phi - Rợ Địch từ trận thua ở đất Hàm, nhuệ khí đã nhụt rồi, nay lại tới đánh Vệ. Vệ bị Địch áp bức. Vua Vệ mắc đi hội họp, thế là Địch thừa cơ đánh. Địch dòm ngó như thế, Vệ sao lại không để ý.

十有二月己丑公及晉侯盟公還自晉
鄭伯會公于棐

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ SỬU, CÔNG CẬP TẤN HẦU MINH. CÔNG HOÀN TỰ TẤN, TRỊNH BÁ HỘI CÔNG VU PHỈ

THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬU, LỖ CÔNG CÙNG THỀ VỚI TẤN HẦU KHI LỖ CÔNG Ở TẤN VỀ, THÌ TRỊNH BÁ ĐI TỚI GẶP CÔNG Ở ĐẤT PHỈ, NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, Lỗ Công tới chầu Tấn, và xin thề. Vệ Hầu hội với Công tại đất Đạp, xin cùng Tấn được yên. Công trở về. Trên đường đi, Trịnh Bá gặp ở trong nước Trịnh, đất Phỉ, cũng muốn xin Tấn cho hòa. Lỗ Công đều giúp cho được việc cả. Trịnh Bá với Công yến tiệc tại Phỉ. Tử Gia cho ca khúc Hồng nhạn. Quý Văn Tử nói, quả quân tôi chưa được thế. Văn Tử cho ca khúc Tứ nguyệt. Tử Gia cho ca chương thứ tư thiên Tải Trì. Văn Tử cho ca chương thứ tư thiên Thái Vi. Trịnh Bá bái tạ. Lỗ Công đáp bái.

Công Thị - Trở về là ý gì? Là chữ có ý khen. Khen gì. Trên đường đi, tới Tấn, thì có Vệ Hầu hội ở đất Đạp. Đến Tấn thì hội thề với Tấn Hầu. Trên con đường ở Tấn về, thì có Trịnh Bá hội ở đất Phỉ. Thế cho nên khen.

Cốc Thị - Dùng riêng chữ Hoàn, về thì ý nghĩa là việc chưa xong, dùng với chữ "từ Tấn", là công việc đã xong.

Triệu Bằng Phi - Tấn Tương Công đã mất. Người Sở đánh Trịnh, mà giao thiệp với Lỗ, dừng quân tại đất Quyết Mạch, mưu thật là thâm. Rồi Sở đánh nước Quân, vây nước Sào, chẳng còn sợ nể ai, dần dần quân tới Trịnh, tới Vệ. Cho nên Vệ, nhân Lỗ Công đi tới Tấn, mà gặp Lỗ Công ở Đạp. Trịnh, nhân Lỗ Công ở Tấn về, mà gặp Lỗ Công ở Phỉ, để nhờ cậy Lỗ mà được gần Bá Chủ Tấn. Nhưng Vệ, Trịnh không dám trực tiếp với Tấn, mà phải qua Lỗ, là vì Lỗ với Tấn rất hòa mục, đi lại rất thân, Tấn mạnh yếu thế nào đã rõ. Theo kế dễ làm, là nhờ Lỗ. Cho

nên năm sau, mới có hội thề ở Tân Thành, đó là ý năm nay Vệ và Trịnh muốn gặp Lỗ Công. Vì thế, trong kinh, cả ba nước, không có lời chê.

Lý Liêm - Hội ở Đạp, ở Phi, là Vệ Trịnh không quên Tấn Ba chu, mà nhờ Lỗ để được thông hiếu, cứ coi lại bài Hồng nhạn, bài Tai Trì, thì rõ tình ý.

Năm Mậu Thân - Vua Khoảnh Vương, năm thứ 6.

十有四年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tấn Linh, năm thứ 8. Tề Chiêu, năm thứ 20. Vệ Thành, năm thứ 22. Thái Trang, năm thứ 33. Trịnh Mục, năm thứ 15. Tào Văn, năm thứ 5. Trần Linh Công. Bình Quốc năm đầu. Kỷ Hoàn năm thứ 24. Tống Chiêu năm thứ 7. Tần Khang, năm thứ 8. Sở Trang Vương, Lữ năm đầu.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 14. Mùa xuân. Vua Khoảnh Vương mất. Chu Công là Duyệt cùng với Vương tôn là Tô tranh quyền. Cho nên không cáo phó. Phàm vua mất mà không cáo phó, thì Xuân Thu không chép. Các việc họa phúc mà không báo cáo, Xuân Thu cũng không chép. Để chê sự bất kính.

公至自晉

CÔNG CHÍ TỰ VẤN

LỖ CÔNG TỪ NƯỚC TẤN VỀ

Cao Kháng - Lỗ Công từ đầu mùa đông, rời nước đi tới nước Tấn, nhân dịp hội với nước Vệ. Đã hội thề ở Tấn xong trở về,

thì lại hội với Trịnh ở giữa đường, lâu ngày thành ra văng coi việc triều chính. Chép "về đến" để rõ.

邾人伐我男鄙叔彭生帥師伐邾

CHÂU NHÂN PHẠT NGÃ NAM BỈ THÚC BÀNH SINH SUẤT SƯ PHẠT CHÂU

NGƯỜI NƯỚC CHÂU ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA NAM NƯỚC TA THÚC BÀNH SINH CẦM QUÂN ĐÁNH CHÂU

Tả Thị - Châu Văn Công mất. Lỗ Công sai sứ tới điếu tang. Sư tò vẻ bất kính. Người Châu mới tới đánh biên giới phía Nam nước ta. Vì thế Huệ Bá, Thúc Bành Sinh đánh Châu.

Gia Huyền Ông - Lỗ Văn Công năm thứ 7, đánh Châu, chiếm ấp Tu Câu. Người Châu không báo thù được, đến nay mới hưng binh đánh biên giới phía Nam. Tả Thị bảo là người Châu đánh Lỗ vì sứ Lỗ điếu tang bất kính. Xét một nước nhỏ đâu dám trách về lễ một nước lớn, để gây thù oán. Xuân Thu chép luôn hai việc để cùng trách.

Quý Bản - Đây là Thúc Trọng Bành Sinh. Sót chữ trọng.

夏五月乙亥齊侯潘卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT HỢI, TỀ HẦU PHAN TỐT

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY ẤT HỢI TỀ HẦU TÊN LÀ PHAN MẤT

Tả Thị - Tư Thúc Cơ nước Lỗ lấy Tề Chiêu Công sinh con là Xá. Thúc Cơ không được vua sung ái, thành ra Xá không có uy thế. Một công tử con Hoàn Công, tên là Thương Nhân, rộng giao du, thu thập kẻ sĩ trong nước, huy hoắc hết cả của cải, phải vay của vua, của các quan, để cố theo dõi. Mùa hạ, tháng 5. Chiêu Công mất. Xá lên ngôi.

六月公會宋公陳侯鄭伯晉趙盾癸酉同盟于辛城

LỤC NGUYỆT, CÔNG HỘI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẤN TRIỆU THUẪN, QUÍ DẬU, ĐỒNG MINH VU TÂN THÀNH

THÁNG SÁU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, TẤN TRIỆU THUẪN, NGÀY QUÝ DẬU, HỘI THỀ, TẠI TÂN THÀNH, TRÊN ĐẤT NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Tháng sáu, đồng minh tại Tân Thành. Các nước xưa nay, theo Sở, nay phải theo về Tấn. Hội còn bàn đến công việc nước Châu.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu tháng bảy, đêm ngày Ất Mão, Tề Thương Nhân giết Xá, rồi nhường ngôi cho anh là Nguyên. Nguyên nói: "Đã lâu, ngươi định truất Xá, ta có thể thờ ngươi làm vua, ngươi không thể nhường nhịn lâu được. Liệu có dung ta không. Thôi thì ngươi lên ngôi".

Cốc Thị - Chữ đồng, cùng là có việc đồng. Tức là việc cùng chống nước Sở.

Hồ Truyện - Đồng minh ở Tân Thành. Đồng (cùng) để Sở ra ngoài hội. Dùng chữ đồng, cùng là ghi việc chư hầu cùng muốn, chứ không phải đồng minh để cùng mạnh. Tống Công, Trần Hầu, Trịnh Bá, có mặt tại hội, thì biết rằng khi Sở dùng quân ở Quyết Mạch, ba nước Tống, Trần, Trịnh, tuy theo, mà thực Sở không phục nổi, cho nên không chép, mà đọc tự hiểu. Còn như nước Thái mà không hội thề, thì biết là thực đi với Sở. Nay xét kỹ công việc làm ăn nước Tấn, nước Sở thì chưa thấy có gì là khác nhau lắm. Mà Xuân - Thu thì chép như thế. Biết là Sở đã tiếm tước Vương, nếu Tấn lại cùng Sở đồng minh, để lăng miệt chư hầu, tức là thay Chu cùng làm chủ, không còn nghĩa vua tôi nữa. Cho nên, cẩn thận là phải.

秋室月有星孛入于北斗

THU, THẤT NGUYỆT, HỮU TINH BỘT NHẬP VU BẮC ĐẨU

MÙA THU, THÁNG BẢY, CÓ SAO CHỔI LÂM VÀO PHẬN SAO BẮC ĐẨU

Tả Thị - Có sao Chổi lâm vào phận sao Bắc Đẩu. Quan Nội Sử nhà Chu là Thúc Phục nói: Không quá bảy năm, vua các nước Tống, Tề, Tấn, đều chết giữa cảnh loạn.

Công Thị - Bột là sao chổi. Chép là lâm vào, tức là mọc trong khoảng. Sao lại chép? Vì việc lạ.

Cốc Thị - Chữ Bột như chữ Phất. Sao Phất vào Bắc Đẩu, tức là vào khu vực Bắc Đẩu.

Phạm Ninh - Đặt sao Bột ở nơi sao lớn, và ở phương Đông, thì không gọi là vào. Đây chép là vào, tức là Bắc Đẩu có khu vực, vào khoảng giữa vậy. Lưu Hướng có nói rằng, Bắc Đẩu là sao quý, tượng trưng cho vua, sao Phất là loại loạn thần, tà thần, đứng một chỗ là tượng giết vua.

Khổng Dĩnh Đạt - Thích Thiên có nói, sao chổi gọi là sao Sàm Thương. Quách Phác thì bảo là yêu tinh, hoặc Bột tinh, hình dáng như cái chổi để quét. Tuệ tinh dài mà có đuôi, lâm vào giữa khoảng Bắc Đẩu.

Hoàng Chấn - Lý Thuần Phong nhà Đường, tính đường đi của sao Bột, có nói sao đó ở nơi sao Giốc, từ sao Tiêu đi vào sao Đẩu. Tháng đó, từ phía Bắc đi vào. Tấn ở phía Bắc. Tề, Tống ở phía Đông nước Tấn. Cho nên Tấn, Tề, Tống đều cùng có ảnh hưởng. Số sao là bảy, cho nên bảo là bảy năm.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ LỖ

晉人納捷菑于邾弗克納

TẤN NHÂN NẠP TIỆP CHI VU CHÂU, PHẤT KHẮC NẠP

NGƯỜI TẤN ĐƯA TIỆP CHI VÀO NƯỚC CHÂU, ĐỊNH GIÚP CHO LÊN NGÔI, NHƯNG KHÔNG XONG, KHÔNG ĐƯỢC DÂN THUẬN

Tả Thị - Tề Khương, nguyên phi (vợ đầu) của Châu Văn Công, sinh ra Định Công. Phi thứ hai là Tấn Cơ, sinh ra Tiệp Chi Văn Công mất, người nước Châu lập Định Công. Tiệp Chi chạy trốn sang nước Tấn. Triệu Thuẫn nước Tấn lấy quân chư hầu, có đến tám trăm chiến xa, để đưa Tiệp Chi về làm vua nước Châu. Người Châu từ ta nói rằng, người con do Tề Khương, tức là Quắc Thư (Định Công), lớn hơn, Tuyên Tử cho từ tạ là thuận, không nghe, là bất tường. Thế là kéo quân về.

Phụ Lục Tả Truyện - Chu Công (tôn thất là Chu), sắp kiện Vương Tôn Tô (cũng là tôn thất), kiện tại nước Tấn. Vua Chu thì ghét Vương Tôn Tô, sai hai người sứ tới Tấn là Doãn Thị và Đam Khải, để giải bày cho Chu Công. Triệu Tuyên Tử giảng hòa được. Chu tôn thất, thế là yên.

Sở Trang Vương lên ngôi. Tử Khổng, Phan Sùng muốn đi vây chiếm các nước Thư. Mới sai Công Tử Tiếp cùng Tử Nghi ở lại giữ kinh đô, rồi đi đánh Thư Liêu, Tiếp và Nghi làm loạn đắp thành Dĩnh rồi sai giặc giết Tử Khổng. Quân Sở đánh Thư Liêu không được, quay về. Tháng tám, Tiếp và Nghi đem vua Sở rời kinh đô, đến ở Thương Mật, Lư Tiếp Lê, và Thúc Quân dùng mưu dụ tới giết cả hai công tử Tiếp và Đấu Khắc (Tử Nghi).

Xưa, Đấu Khắc, còn bị tù ở Tần, Tần bị thua ở trận Hào, mới cho Khắc về Sở và cầu hòa, Khắc đề nghị được hòa. Nhưng không được triều đình thưởng công, còn công tử Tiếp thì xin làm lệnh doãn không được. Vì thế, hai người làm loạn.

Công Thị - Nói là nạp Tiếp Chi, là đưa Tiếp Chi. Chép là phất khắc nạp, không được dẫn thuận, là làm cho to chuyện, cho chuyện thành quan trọng. Tấn Khích Khuyết cầm quân, có đến 800 chiến xa để đưa Tiếp Chi vào nước Châu Lâu, xem thế là sức có thừa. Người Châu Lâu nói: "Tiếp Chi, có mẹ người Tấn, Quắc Thư có mẹ người Tề. Hai người không hơn kém nhau mấy. Nếu lấy thế nước lớn áp bức thì chưa chắc Tề, Tấn ai được. Quý thì cùng quý. Tuy nhiên, Quắc Thư lớn tuổi". Khích Khuyết nói: "Không phải sức ta không thể làm được cho lên ngôi, nhưng nghĩa thực không nên". Thế là kéo quân về, cho nên người quân tử cho là quan trọng việc từ chối không ưng nạp, là do ở Khích Khuyết.

Sao lại chép là người (người Tấn). Là chê. Không cho đại phu được chuyên quyền phế lập vua. Sự thực chính là cho, mà lời văn chép cứ không cho, vì theo nghĩa, đại phu không được chuyên quyền phế lập

(Công Thị viết chữ Tiệp Chi ra chữ Tiếp Chi)

Cốc Thị - Đây là Khước Khắc. Chép là người là chê. Năm trăm chiến xa, đi xa ngàn dặm, qua các nước Tống, Trịnh, Đằng, Tiết, thâm nhập vào một nước chư hầu, muốn thay đổi vua nước người ta. Khi tới chân thành, mới nghĩ ra. Sao nghĩ ra chậm thế. Không nạp được. Chưa đánh mà sao đã nói là không nạp được. Chỉ là nghĩa không nạp được. Tiệp Chi, mẹ là người Tấn, Quắc Thư, mẹ là người Tề. Quắc Thư là chính, Tiệp Chi không phải là chính.

Xét - Kinh chép: Không xong việc, là khen. Còn chép chữ nhân, người, người Tấn, là chê. Đại phu đem quân đội làm việc phế lập ở một nước chư hầu, đem người không chính để cướp người chính, dù nghĩ ra, thấy nghĩa, mà thôi, thì vẫn là có tội. Cho nên Cốc Lương trách việc "nghĩ ra chậm", mà Lưu Sưởng thì cho là không khỏi được lời chê. Công Dương tuy cho là chê, mà thực chỉ cho là văn chê, chứ thực không chê, thế thì thánh nhân còn răn dạy được ai, làm cho nghìn đời sau, cứ học văn lại phải xét sự thực, văn và thực đâu có trái nhau. Hồ Truyện thì theo Triệu Khuông bảo là chép nhân, người, vì có kiêng, bàn như thế, dường như sai nguyên tắc Kinh Xuân Thu.

九 月 甲 申 公 孫 敖 卒 于 齊

CỬU NGUYỆT, GIÁP THÂN, CÔNG TÔN NGAO TỐT VU TỀ

THÁNG CHÍN, NGÀY GIÁP THÂN, CÔNG TÔN NGAO MẤT TẠI NƯỚC TỀ

Tả Thị - Mục Bá (Công Tôn Ngao) đi theo Kỷ Thị. Người Lỗ lập Văn Bá thay. Mục Bá có hai con sinh ra ở nước Cử, xin về Lỗ. Văn Bá xin hộ. Tương Trọng cho về Lỗ, nhưng không cho vào triều. Mục Bá về, cứ ở nhà, không ra khỏi cửa. Được ba năm, lại đem cả nhà sang nước Cử. Văn Bá ốm, xin với vua: "Con tôi còn nhỏ. Tôi xin cho em là Nan thay làm chủ họ". Vua chấp thuận. Văn Bá mất. Nan tức Huệ Thúc thay. Mục Bá hối lộ rất nhiều để được trở về Lỗ. Huệ Thúc cố xin vua được. Mục Bá sửa soạn về thì tháng chín mất ở Tề. Cáo tang. Xin làm lễ táng (chôn). Không được.

Cốc Thị - Đại phu đã chạy trốn thì không chép lúc mất. Đây sao chép. Vì còn phải để tang thì không thể không chép lúc mất được. Còn như nơi mất là ở nước ngoài.

齊 公 子 商 人 弑 其 君 舍

TỀ CÔNG TỬ THƯƠNG NHÂN THÍ KỲ QUÂN XÁ

CÔNG TỬ THƯƠNG NHÂN NƯỚC TỀ GIẾT VUA LÀ XÁ

Tả Thị - Người Tề định xong ngôi vua là Ý Công, mới sai tới Lỗ báo nạn. Cho nên chép là tháng chín. Tề, công tử Nguyên, không ưa chính trị của Ý Công, không gọi là Công, chỉ cứ gọi là họ Kỷ.

Công Thị - Đây là vua chưa qua năm. Sao lại chép "vua tên là Xá". Tức là lập làm vua, rồi giết đi. Vậy đã coi trọng khi chết và coi thường khi sống.

Cốc Thị - Xá chưa qua năm, mà sao chép là vua? Là công nhận Xá là vua để cho nặng tội. Thương Nhân giết vua. Sao không chép là họ nhà vua. Là không lấy hiềm thay hiềm. Sao Xá chết không ghi ngày. Vì chưa thành vua.

Xét - Giặc thí nghịch, tức là giặc giết vua, hoặc lấy nước làm họ, hoặc xưng là công tử, Công Tôn, nên cứ theo thuyết của Trình Tử. Hồ Truyện về Châu Hu thì nói rằng có liên lụy đến người trên, về Thương Nhân, thì nói rằng, chỉ ở một mình, bàn như Hồ thế là sai, không phải lời nghị luận xác đáng, cho nên bỏ. Thuyết Trình Tử năm thứ tư Ẩn Công rất là rõ.

宋子哀來奔

TỐNG TỬ AI LAI BÔN

TỬ AI NƯỚC TỐNG CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Cao Ai nước Tống giữ chức phong nhân đất Tiêu, nghĩa là giữ cửa quan ải đất Tiêu, rồi làm đến chức Khanh là quan to, hàng nhất. Vì không ưng hành vi của vua. Cao Ai bỏ nước đi, rồi chạy sang Lỗ. Kinh chép Tống Tử Ai chạy tới, thế là khen.

Công Thị - Tống Tử Ai là ai? Không nghe thấy nói đến.

Cốc Thị - Chép là Tử Ai, chắc là sử thiếu sót.

Gia Huyền Ông - Đỗ Thị cho Tử Ai là tên tự, cố cho là đáng khen. Như tôi, thì lấy làm nghi. Tống Công mà không có tài đức làm vua thì có loạn. Tử Ai ví như không ở vị cao, thì có thể muốn cho thân mình được trong trắng, cứ ra đi, như thế còn được. Nhưng đã giữ chức Khanh, mà tới nạn thì bỏ, để riêng mình thoát nạn, thế là làm tôi bất trung, còn tội nào to hơn. Thế mà bảo rằng Xuân Thu quý không chép tên, thánh nhân đâu có làm phép cho đời như thế.

Xét - Tả Thị cho rằng Tử Ai là tên tự, chép tên tự là được khen. Các nhà bình luận đều theo thuyết đó. Riêng Gia Huyền Ông bảo là tới nạn, thì riêng mình thoát nạn, chả có gì đáng quý. Bàn luận thế là chính lí, cho nên giữ lại đây.

冬單伯如齊齊人執單伯

ĐÔNG, THIỆN BÁ NHƯ TỀ, TỀ NHÂN CHẤP THIỆN BÁ

MÙA ĐÔNG, THIỆN BÁ TỚI NƯỚC TỀ, NGƯỜI TỀ BẮT THIỆN BÁ

Hồ Truyện - Vua Tề tên là Xá, là cháu ngoại nước Lỗ. Thương Nhân giết Xá, vì thế sợ Lỗ. Lỗ sai Thiện Bá tới Tề. Người Tề muốn làm cho Lỗ nhục, mới bắt Thiện Bá.

齊人執子叔姬

TỀ NHÂN CHẤP TỬ THÚC CƠ

NGƯỜI TỀ BẮT TỬ THÚC CƠ

Tả Thị - Tương Trọng sai sứ báo cáo Thiên Tử, và xin vua đòi Tề Chiêu Cơ (tức là Tử Thúc Cơ, con gái vua Lỗ, vợ Tề Chiêu Công, mẹ vua Tề, Xá). Tương Trọng sai sứ tâu rằng "Đã giết con, thì mẹ còn ra gì. Xin đòi mẹ về hỏi tội" Mùa Đông, Thiện Bá, tới Tề, xin Tử Thúc Cơ Người Tề bắt Thiện Bá, và bắt cả Tử Thúc Cơ

Công Thị - Việc bắt người, khi thì chép rõ là sứ giả, khi thì không nói là sứ giả. Khi ghi là sứ giả, là vì việc công mà bắt. Khi không ghi là sứ giả, là riêng bắt người. Tội Thiện Bá là gì. Là tội dâm, thông dâm với Tử Thúc Cơ. Nhưng sao không nói là người Tề bắt Thiện Bá và Tử Thúc Cơ. Là Sử Lỗ chép, coi như việc lạ.

Cốc Thị - Đây là tội riêng, tội tư, tội Thiện Bá dâm ở nước Tề. Người Tề bắt Thúc Cơ cùng một tội.

Hồ Truyện - Tử Thúc Cơ là mẹ vua Tề, tên Xá. Giết vua, bắt mẹ vua đều là Thương Nhân. Chép là người Tề bắt là tại sao. Cái tội Thương Nhân giết vua đã rõ lắm rồi, mà người Tề theo về phe giặc thì chưa thấy rõ. Thương Nhân xưa nay rộng thi ân, phát nhiều của cải cho dân chúng, sĩ phu, mua chuộc nhiều người nước Tề, che đậy được việc ác. Người Tề nhớ ơn riêng Thương Nhân, quên hẳn nghĩa vua tôi trong nhân luân. Không biết đánh

kẻ giết vua, để giặc bắt mẹ vua, mà không biết cứu. Thế thì toàn người nước Tề, đều là có tội, không thể tha được. Thiết sử, có người, giữa triều đình, nghiêm sắc mặt, thì ai muốn giết vua, bắt mẹ vua, mà không phải ngó tới người đó trước đã. Cho nên Thánh nhân chép rằng: người Tề bắt Tử Thúc Cơ, sở dĩ để cho vào một bọn đảng giặc, để cùng trị tội. Trị tội thế là nghiêm. Vì thế mới có lời bàn là Xuân Thu soạn xong mà loạn thần tặc tử sợ.

Lưu Sướng - Tả Thị bàn rằng. Thiên Tử sai Thiện Bá tới nước Tề. Tả Thị nói sai, nếu Thiện Bá là đại phu triều Chu, thì sao năm sau lại chép Thiện Bá tự nước Tề tới. Công Dương thì bảo là Thiện Bá thông dâm. Công Dương nói sai. Xét vua Xá nước Tề làm vua, chưa qua năm, người Lỗ đâu đã vội đem con về. Túng sử đời có suy, còn trong tang mà cưới xin, thì Xuân Thu đã chép là Tử Thúc Cơ quy ở Tề.

Cốc Lương thì bảo tội riêng. Cũng sai, sao không theo lối bình luận Trần Viên Đào Đồ nước Tề, hoặc Sái Trọng nước Trịnh, mà cắt nghĩa chữ người (người Tề).

Trình Tử - Cái tội Thương Nhân giết vua đã rõ rệt, mà việc bắt Thúc Cơ thì Thánh nhân không buộc tội riêng một Thương Nhân. Người Tề không đánh giặc, đều thờ là vua, để cho lại dám bắt mẹ vua, thế thì người Tề cũng cùng có tội cho nên chép người Tề.

Triệu Bằng Phi - Xá đã chết. Thiện Bá tới Tề thăm viếng Thúc Cơ. Con đã bị giết, mẹ ở yên ở Tề làm gì. Con đã chết, thì Khương quy về Tề. Xá đã bị giết thì Khương quy về Tề. Xá đã bị giết, thì Thúc Cơ quy về Lỗ. Cái thế phải nên như vậy. Tuy nhiên, Tề lấy cớ gì mà bắt Thiện Bá và Thúc Cơ. Xét đứa ăn trộm vẫn làm nghề ăn trộm, thế mà có người biết, thì nó vẫn quắc mắt nhìn, mà giận người ta. Nay Xá chết. Thương Nhân đâu có nói thẳng: ta giết đây, tất đặt ra lời nói khác. Thương Nhân đã đặt ra, mà Thiện Bá lại cứ thẳng nói sự thực. Thúc Cơ thì minh chứng. Vì thế, Thiện Bá, Thúc Cơ bị bắt. Thương thay, mẹ Xá cũng là mẹ Thương Nhân. Giết con, bắt mẹ, thế là Thương Nhân tự bắt mẹ mình. Công Thị Cốc Thị lấy tội dâm

bàn luận, thì không hiểu văn Kinh, không xét rõ sự thực, thật là dại dột.

Xét - Tả Thị chép là Tương Trọng sai tâu với Thiên Tử, xin mệnh vua để đòi Chiêu Cơ. Nhân ở Triều nhà Chu có Thiên Tử, rồi nghi Thiện Bá là bầy tôi của Thiên Vương Công Dương nhân Thiên Bá không chép là hành nhân (sứ thần) nghi là tội riêng Thiện Bá. Lại nhân Kinh chép bắt Thiện Bá và bắt Tử Thúc Cơ, hai câu liền nhau, rồi nghi là thông dâm. Cốc Lương không xét, cũng bảo Thiện Bá riêng có tội, Tử Thúc cũng cùng tội ấy, hai Truyện đã sai bậy, lại dựa vào Tả Thị càng thêm bậy.

Cái chức Hành nhân, sứ thần, thuộc về bộ Tả Tư Khấu có chuyên viên. Phàm đã phụng mệnh đi sứ thì phải gọi là Hành nhân (sứ giả). Bị bắt mà không gọi là Hành nhân, lại cho là có tội riêng tư, cố tìm móc ở Kinh ra, thì có nghe được không. Sái Trọng mà dụ người ta để bắt, vốn không phải tội riêng mà Kinh không chép là Trịnh Hành nhân. Nhạc Kỳ Lê lấy việc uống rượu bắt, vốn là tội tự mình mà Kinh chép là Tống Hành nhân, đâu có phải cư có chức quan Hành nhân mới chép là Hành nhân. Nhầm lấy sự không chép chữ Hành nhân, cho là có tội tư, riêng, tìm ra tội mà không ra, lại vu cho là thông dâm, để cho Thúc Cơ bị tiếng oan, không thân oan được, như thế thì sách còn để dạy ai. Nay lấy thuyết của Lưu Sưởng làm chủ, mà ba truyện đều bỏ đi.

Hai lần Kinh chép "người Tề", Triệu Bằng Phi cho là biếm chê Thương Nhân, Hồ An Quốc, cho là buộc tội người nước Tề, Trình Tử thì dùng cả hai thuyết Triệu và Hồ. Theo nghĩa thế mới đủ.

Năm Kỷ Dậu. Vua Khuông Vương năm đầu.

十有五年
THẬP HỮU NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 15

Tấn Linh năm thứ 9, Tề Ý Công Thương Nhân năm đầu,

Vệ Thành năm thứ 23, Sái Trang năm thứ 34, Trịnh Mục năm thứ 16, Tào Văn năm thứ 6, Trần Linh năm thứ 2, Kỷ Hoàn năm thứ 25, Tống Chiêu năm thứ 8, Tần Khang năm thứ 9, Sơ Trang năm thứ 2.

春季孫行斧如晉

XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

MÙA XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ TỚI NƯỚC TẤN

Tả Thị - Năm thứ 15. Mùa Xuân Quý Văn Tử tới nước Tấn, vì việc Thiện Bá và Tử Thúc Cơ.

Trương Hiệp - Nước Lỗ không tổ chức được chính pháp, hình pháp cho hay, để vì nghĩa đánh Tề, mà phải nhờ thế Tấn, để xin việc Tề Hàng Phu là đại phu, mà không biết đánh đứa giặc giết vua. Nước Tấn làm minh chủ, mà không biết xin mệnh Thiên Tử đánh Thương Nhân. Tất cả đều là có tội.

三月宋司馬華孫來盟

TAM NGUYỆT, TỐNG TƯ MÃ HOA TÔN LAI MINH

THÁNG BA, TƯ MÃ NƯỚC TỐNG, LÀ HOA TÔN, TỚI LỖ THỀ

Tả Thị - Tháng ba, Hoa Ngẫu (Hoa Tôn) tới thề. Các quan đi theo. Xuân Thu chép Tống Tư Mã Hoa Tôn là tỏ ý quý. Lỗ Công thết tiệc. Hoa Tôn từ tạ nói: "Bầy tôi ngài, là đốc (ông cha Hoa Tôn) đã có tội với Tống Thương Công, tên còn trong các sử chư hầu. Thần vẫn cúng tế. Đâu dám nhận vinh dự nhà vua ban. Chỉ xin nhận mệnh ở nơi một đại phu". Người Lỗ cho là Hoa Tôn có đức mẫn (sáng trí).

Cốc Thị - Tư Mã là chức quan. Chép chức quan, tức như coi là có quân. Tới thề là thế nào? Là đã định trước. Là thay cho nước.

Lưu Sưởng - Tả Thị chép, Tống Hoa Ngẫu lại thề, các quan đi theo, Tả Thị chép sai. Theo Chu lễ. Chư hầu lễ sính nhau, số sứ gia có hạn định. Chưa từng thấy nói: Các quan đi theo, cho là hợp điển lễ.

Xét - Trong Xuân Thu, việc tới thề mà không chép là sứ giả, thì có ba trường hợp. Cao Tư, Khuất Hoàn, Hoa Tôn, Hồ Truyện, về việc Khuất Hoàn, Cao Tư không chép sứ giả, cho là quyền ở Khuất, quyền ở Cao Tứ. Khen về tài là việc theo lẽ phải, mà định được loạn thì có Hoa Tôn. Nay không gọi là sứ, mà cho là chuyên quyền, là vô quân, tại sao thế. Cái thuyết vô luận bắt đầu nói từ Cốc Lương. Tuy nhiên, Cốc Lương cho cách chép quan chức là tỏ ý hạng vô quân, nhưng chưa thường thấy không chép chữ sứ mà là ý cho là vô quân. Xét ra, chỉ tại vì, vua tối, vua hèn, không biết sai sứ đi giao hiếu, mà Hoa Tôn có tài tự làm hết phận sự trong chức vụ cho nên chép bằng quan tước. Chứ đâu có bảo rằng Hoa Tôn có tâm vô quân. Cho nên tự đi không ngại, không đợi được vua sai.

Hồ Truyện thì bảo là chép Hoa Tôn là tại từ khi Đốc giết vua Thương Công, chư hầu ăn hối lộ, tha giặc không đánh, cứ để cầm chính nước, rồi đời sau giữ lấy binh quyền, tức là điều mà Xuân Thu cho là cấm kỵ. Cho nên Truyện chép: "Xin theo mệnh các đại phu". Mà Kinh thì chép câu: "Tống Tư Mã Hoa Tôn lại thề". Xét chép chữ Hoa Tôn thì cũng như loại Quí Tôn, Thúc Tôn, Trọng Tôn, Tang Tôn. Cứ theo ý nghĩa Xuân Thu, thì muốn cho đời sau chọn người hiền, hay con cháu công thần, mới giao cho giữ quốc chính. Bàn như thế cũng là không phải.

Kinh đối với bầy tôi nước Lỗ. Chưa thấy chép thẳng là Quí Tôn, Thúc Tôn, Trọng Tôn, Tang Tôn, mà không kèm theo tên. Bảo là cứ chọn người hiền, cứ lấy con cháu công thần làm quan, cũng vị tất đã hợp với nghĩa của Thánh nhân. Cho nên sách nào mà cứ theo Hồ thì đều bỏ.

Cốc Lương cho "lại thề" là đã định trước. Đỗ thị thì cho là tới Lỗ. Rồi sau mới "định" việc thề; hai thuyết không giống nhau. Vậy lấy Tả thị làm chính, làm đúng.

夏曹伯來朝

HẠ, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, TÀO BÁ LẠI CHẦU

Tả Thị - Mùa hạ, Tào Bá lai chầu. Thế là đúng lễ. Chư hầu cứ năm năm chầu nhau Để xem xét mệnh vua. Đó là phép xưa.

Lưu Sưởng - Tào Bá lai chầu Tả Thị bảo là đúng lễ, chư hầu cứ 5 năm lại chầu nhau, để tu sửa mệnh vua, đó là theo phép cổ Tả Thị đã nói sai Xét trong Kinh thư, về Chu quan, thì trong 6 năm, các quan đứng đầu năm cõi đến chầu ở Kinh đô một lần. (năm cõi, do chữ ngũ phục, Hầu, điện, nam, thái, vệ, muốn hiểu cho rõ, coi Kinh Thư) Tại 6 năm sau, vua đi tuần thú các nước. Còn chư hầu thì 5 năm một lần tới chầu Thiên Tư, chứ không phải chư hầu chầu nhau. Và lại cứ lấy việc thời sự trong Xuân Thu mà xét, thì Tào là một nước nhỏ, đã chầu Lỗ thì cũng phải chầu Tấn, Tống, Vệ. Đến Sở, Trịnh, Trần, Kỷ, Tần, Tề, Sái, Đằng, cũng phải tới chầu. Chầu như thế, thì sao cho hết được. Lễ lấy ở đâu ra thế. Chế ở đâu ra thế? Theo Chu lễ, chức vụ của sứ gia là: Phàm chư hầu có việc giao thiệp với nhau, bang giao thì hàng năm thăm nhau, lễ sính nhau, đời đời chầu nhau. Như thế là được vừa phải.

齊人歸公孫敖之喪

TỀ NHÂN QUY CÔNG TÔN NGAO CHI TANG

NGƯỜI TỀ CHO ĐƯA TÁNG (ĐƯA MA, ĐƯA XÁC) CÔNG TÔN NGAO VỀ NƯỚC

Tả Thị - Người Tề hoặc giả vì họ Mạnh (họ Công Tôn Ngao) nước Lỗ, bàn định với họ Tôn thất Tề rằng: "Họ Mạnh vốn có họ với nhà vua Tề, ta cứ trang sức áo quan đặt ở Đường Phụ (một ấp ở biên giới Tề gần Lỗ). Người Lỗ tất là đem về". Đề nghị được chấp thuận. Người Lỗ ở ấp Biện (ở biên giới) báo cáo về Kinh. Huệ Thúc. (Công Tôn Ngao) đương đại tang, vào đứng trong triều xin Được phép, đi đón cữu về. Người Tề tiễn đưa.

Kinh Xuân Thu chép: "Người Tề đưa tang Công Tôn Ngao về". Đó là vì họ Mạnh ở Lỗ, mà cũng là vì nước Tề. Lễ chôn Công Tôn Ngao cũng giống lễ chôn Cung Trọng. Thanh Kỷ (vợ Ngao, mẹ Huệ Thúc), không muốn nhìn cữu, chỉ đứng sau màn làm lễ khóc. Tương Trọng (người em mà bị Ngao cướp vợ) muốn bỏ lễ khóc. Huệ Bá, (Thúc Bành Sinh) nói: "Tang là phần việc cuối cùng trong thân thích. Dù không được cũng nên có chung. Sử Dật có nói: Anh em giúp nhau việc hay, cứu nhau khi thiếu thốn, mừng nhau khi hưng thịnh, thăm hỏi nhau khi tai nạn, tế thì kính, tang thì ai, tính dù không giống nhau, tình không nên tuyệt. Đó là đạo người thân thích đối với nhau. Ngài không nên bỏ đạo, oán người ta làm gì". Tương Trọng nghe ra, giống gia các anh em làm lễ khóc.

Hai người con của Ngao sinh ở nước ngoài, một năm sau trở về Lỗ. Mạnh Hiến Tử rất yêu quý, trong nước đều biết. Nên có người gièm là hai người sắp giết Mạnh Hiến Tử. Hiến Tử nói với Quý Văn Tử. Hai con nói: "Phu tử yêu chúng ta ai cũng biết. Chúng ta bị tiếng là muốn giết Phu tử. Thế thì còn lễ nghĩa gì? Thôi chết còn hơn thiếu lễ". Thế là một người chết về việc chống giặc ở cửa thành Câu Manh; một người chết về việc chống giặc ở cửa thành Lệ Khưu. Câu Manh, Lệ Khưu là ấp nước Lỗ.

Công Thị - Sao không chép là tới. Vì sứ trong nước chép. Bắt buộc ta đưa về. Lấy xe bằng tre đưa về.

Lưu Sưởng - Công Dương nói: Lấy xe bằng tre đưa về. Xét: Ngao chết gần tháng mười. Đâu có để lên xe tre mà đi được. Không có lý.

六 月 辛 丑 朔 日 有 食 之 鼓 用 牲 于 社

LỤC NGUYỆT, TÂN SỬU, SÓC NHẬT HỮU THỰC CHI, CỔ DỤNG SINH VU XÃ

THÁNG 6, NGÀY TÂN SỬU, MÙNG MỘT CÓ NHẬT THỰC, ĐÁNH TRỐNG VÀ CÚNG TAM SINH TẠI NỀN XÃ

Tả Thị - Tháng 6, ngày Tân Sửu, mùng một, có nhật thực. Đánh trống và cúng tam sinh tại nền xã. Thế là phi lễ, Khi

có nhật thực, thì Thiên Tử ăn không đủ bữa, cho đánh trống tại nền xã. Chư hầu thì cho đánh trống tại nền xã, cho đánh trống tại triều, để tỏ rõ việc thờ thần, dạy cho dân việc thờ vua, cho dân biết chia thứ bực. Đó là theo đạo xưa.

Xét - Năm đó có nhật thực, cùng với Trang Công năm thứ 25 Xuân Thu chép giống nhau, mà Tả Thị thì trước sau lời có khác. Tại sao Tả Thị lấy tháng chính dương cứu mặt trời thì đánh trống. Tháng 6 nhà Chu là tháng 4 nhà Hạ, thế là tháng chính dương Trang Công, năm thứ 25. Kinh chép là tháng 6, mà vốn không phải là tháng 6, cho nên bảo là phi thường. Năm nay, thực là tháng 6, cho nên đánh trống là nên là phải. Có không phải là đáng đánh ở triều, thì lại đánh ở nền xã, không dùng vải lụa, lại dùng tam sinh. Cho nên bảo là phi lễ.

單伯至自齊

THIỆN BÁ CHÍ TỰ TỀ

THIỆN BÁ TỪ NƯỚC TỀ VỀ LỖ

Tả Thị - Người Tề sợ Tấn phải cho Thiện Bá về. Để cho về Lỗ phục mệnh. Xuân Thu chép. Từ nước Tề về Lỗ là khen.

Cốc Thị - Đại phu bị bắt, lúc về chép là chí, lại chép tên. Đây không chép tên là tại sao? Tại đây là Thiên Tử mệnh cho đại phu đi.

Trương Hiệp - Nếu cứ như thuyết của Tả Thị, thì Thiện Bá là đại phu Triều Chu. Vậy đây là nước Tề bắt sứ của Thiên Tử. Xuân Thu đã không chép là từ Chu tới nước Lỗ, lại chỉ chép việc về đến Lỗ (chí Lỗ) mà thôi, không chép là về Kinh đô Chu. Thế là cho cùng với tôi con vua Lỗ, không phân biệt đại phu Lỗ, đại phu Chu. Mà cũng không làm cho sáng tỏ người Tề bắt sứ của Thiên Tử. Biện bạch trên dưới để đúng nghĩa tôn Chu Xuân Thu đâu có thế.

Vương Bảo - Đại phu trong nước đi ra nước ngoài, không cứ xa, không cứ lâu, khi về chưa thường chép chữ chí. Duy bị bắt mà lại được về, thì chép chữ chí.

晉郤缺帥師伐蔡戊申入蔡

TẤN KHÍCH KHUYẾT SUẤT SƯ PHẠT SÁI MẬU THÂN, NHẬP SÁI

TẤN KHÍCH KHUYẾT CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC SÁI, NGÀY MẬU THÂN VÀO QUỐC ĐÔ NƯỚC SÁI

Tả Thị - Hội Thề ở Tân Thành, người Sái không dự. Tấn Khích Khuyết đem hai đạo Thượng Quân, Hạ quân, đánh Sái và nói: "Vua còn ít tuổi, ta không được trễ nhác. Ngày mậu thân, vào thành nước Sái. Dưới Thành, cho thề, rồi kéo quân về. Chiếm một nước, thì gọi là diệt nước ấy. Lấy một thành, thì gọi là nhập, là vào.

Công Thị - Vào thì không chép là đánh. Đây sao chép là đánh? Là quân tới thì vào. Sao chép ngày? Là chép ngày tới.

Lục Thuần - Công Dương nói: "Vào thì không chép đánh. Đây sao chép vào. Là quân tới thì vào ngay. Triệu Tử nói: Nếu như thế, thì đáng lẽ phải chép: Ngày Mậu Thân, Khích Khuyết cầm quân đánh Sái, vào Sái. Đây thì trước là đánh. Sau nói là vào. Thế biết rõ ràng là không phải vào ngay được.

Xét - Sái bội Tấn, theo Sở cho nên Tấn đánh Sái. Sái ứng chiến không phục. Tấn mới vào thành. Vì thế Triệu Khuông cho là Sái cùng đáng ghét. Tuy nhiên Tấn làm minh chủ, đã không hay trị Sở để che chở cho Sái, mà còn đem quân đánh Sái, đã đánh lại còn vào chiếm thành, thì không khỏi mang tiếng là bạo ngược. Cao Kháng, Trương Hiệp cho rằng chép chữ "phạt", (đánh) chép chữ "nhân" (người) là chê Tấn lắm. Cho thế cũng phải. Lý Liêm bàn là người Tấn dùng quân có phép, mà Kinh Xuân Thu khen; Lý Liêm bàn thế là sai.

秋齊人侵我西鄙

THU, TỀ NHÂN XÂM NGÃ TÂY BỈ

MÙA THU, NGƯỜI TỀ XÂM BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA

Cốc Thị - Nói biên giới là ở xa, là không ngại, mà lại là ở nước ta.

Cao Kháng - Thương Nhân nước Tề, hạng cướp ngôi giết vua, lại bắt "mệnh" đại phu của ta, xử tử cũng không hết tội, lại đem quân đến nước ta cho nên chê, chép là người.

季孫行斧如晉

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa thu, người Tề xâm tây bỉ của ta, cho nên Quý Văn Tử báo cáo sang Tấn.

冬十有二一月諸侯盟于扈

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CHƯ HẦU MINH VU HỖ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, CHƯ HẦU THỀ TẠI ĐẤT HỖ

Tả Thị - Mùa đông tháng 11, hội thề tại đất Hỗ, có Tấn Hầu, Tống Công, Vệ Hậu, Sái Hầu, Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, Tào Bá. Hội cốt để nhắc lại hội Tân Thành mà cũng để bàn việc đánh Tề. Người Tề hối lộ Tấn, cho nên không đánh mà về. Thế là Lỗ bị lôi thôi với Tề, Cho nên Lỗ Công không dự hội. Sử chép chư hầu thề ở Hỗ, là vì cớ không có làm được việc gì. Phàm có hội chư hầu mà Lỗ Công không dự, thì Kinh không chép, là kiêng không nói lỗi của vua Lỗ. Phàm có hội chư hầu, Lỗ Công có dự mà Kinh không ghi, là vì công tới sau.

Triệu Khuông - Tả Thị bảo phàm chư hầu hội, Lỗ Công không dự thì Kinh không ghi. Xét chư hầu hội, Lỗ Công không dự mà cứ kể hội ra thì không phải chỉ có một lần. Vậy biết là Tả Thị nói sai.

Trình Tử - Có hội minh này là vì nước Tề có loạn. Nước Lỗ phải phòng bị chống nước Tề, nên không có mặt tại hội, cho nên không kể tên các nước. Lại chép chữ chư hầu, chỉ là số đông, đông mà chẳng nên công cán gì.

Trần Phó Lương - Hội đây, toàn thị các vua cả, sao không

kế, chí nói chung thôi. Hội Tân Thành thì không thể không kể, là để biết chí của chư hầu. Thế mà Tấn Hầu lại không có mặt. Thế là Sở thành nghiệp bá. Mà Thiên Tử Khoảnh Vương khi mất, khi táng, không thấy trong Xuân Thu. Chư Hầu không còn hệ thống đến thế là cùng. Cho nên suốt thiên Linh Công, phàm họp chư hầu là dùng lời nói chung. Truyện có bàn: "không nên công cán gì"

十有二月齊人來歸子叔姬

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TỀ NHÂN LAI QUY TỬ THÚC CƠ

THÁNG 12, NGƯỜI TỀ ĐEM TRẢ TỬ THÚC CƠ VỀ LỖ

Tả Thị - Người Tề đem trả Tư Thúc Cơ về Lỗ là vì Thiên Tử.

Công Thị - Chép chữ lai, là lại, là về. Tại sao?. Đã có tội, sao còn thương? Cha mẹ đối với con, dù con có tội, cũng vẫn như không nhận là con có tội.

Cốc Thị - Chép là Tử Thúc Cơ, là còn quý. Sao lại chép là lai quy? Cha mẹ đối với con, tuy có tội vẫn còn muôn tha.

Lưu Sưởng - Sao lại chép là lai quy? Là đuổi đi. Đạm Bá Cơ mà lai quy, thì sao không chép là nhân (người)? Chép nhân (như Tề nhân), đuổi, là đuổi người vô tội... Khi không chép chữ nhân, người đuổi là đuổi người có tội.

Công Dương nói chép chữ lại là còn thương. Công Dương nói sai. Thêm chữ lai sao lại là thương. Không thêm chữ lai, sao lại là không thương. Đây cứ thẳng thắn nói là lai quy, chứ không phải nói gượng.

Cốc Lương nói: Cha mẹ đối với con, tuy con có tội, vẫn còn muôn tha. Cốc Lương nói sai. Khi Đạm Bá Cơ lai quy, là vì có tội bị đuổi. Người Tề mà "lai quy" Tư Thúc Cơ, Thúc Cơ vô tội mà người Tề áp bức đuổi về.

Xét - Tả Thị nhầm, cho Thiện Bá là đại phu triều Chu. Cho nên Thiện Bá tới, thì Tả Thị chép là, tới đem mệnh cho; Thúc Cơ về thì Tả Thị chép là vì Thiên Tử. Nay đều gạt bỏ đi

齊侯侵我西鄙遂伐曹入其郛

TỀ HẦU XÂM NGÃ TÂY BỈ, TỤY PHẠT TÀO, NHẬP KỲ PHU

TỀ HẦU ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA, RỒI ĐÁNH TÀO, LỌT VÀO QUÁCH THÀNH TÀO

Quý Văn Tử nói: Tề Hầu không thoát tội được, chính mình vô lễ mà đi đánh người có lễ, như bảo người ta rằng: sao ngươi lại giữ lễ. Lễ là thuận trời. Mình đã phản lại trời, mà lại đánh người, thì khó mà thoát tội được. Kinh Thi có câu: Sao không cùng kính nể nhau, sao không kính trời, người quân tử không có tàn ngược kẻ yếu hèn là vì sợ trời. Trong Thiên Chu Tụng có câu: Sợ uy trời thì được che chở, hạng không sợ trời thì còn ai che chở. Đã làm loạn rồi cướp nước, giá cứ cố theo lễ, để giữ nước, còn sợ gì không được trọn. Huống chi người làm nhiều việc trái lễ, mong sống sao được.

Công Thị - Phu là gì? Là Quách ngoài thành. Việc vào được quách thường không có chép. Đây chép là vì động chạm đến ta, có quan hệ đối với ta.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo vào quách không chép, bảo thế là sai. Vào quách là nguy đến nơi rồi. Đã vào không còn dễ chống giữ như khi còn đương bị vây. Sao lại không chép.

Cao Kháng - Thương Nhân giết vua, tự lập làm vua. Chư hầu họp tại Hỗ, mưu đánh. Nước Tấn ăn hối lộ, rồi không đánh. Về, Thế là chấp nhận cho Thương Nhân làm vua. Cho nên từ đó mới chép Tề Hầu. Thương Nhân biết là các nước không làm gì được, lại càng không nể ngại, cứ bạo ngược, Và lại giận Lỗ đã ỷ vào Tấn, để mưu đánh Tề mình. Cho nên một năm hai lần xâm nước lỗ. Giận Lỗ rồi lây cả đến Tào, thật rất là vô lý. Phàm đã đánh, không chép nhập là vào. Vào trong quách là quá lắm.

Năm Canh Thân, Vua Khuông Vương năm thứ 2.

十 有 六 年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tấn Linh năm thứ 10. Tề Ý năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 24. Sái Văn Công Trung năm đầu. Trịnh Mục năm thứ 17. Tào Văn năm thứ 7. Trần Linh năm thứ 3. Kỷ Hoàn năm thứ 26. Tống Chiêu năm thứ 9. Tần Khanh năm thứ 10. Sở Trang năm thứ 3.

春 季 孫 行 斧 會 齊 侯 于 陽 穀

齊 侯 弗 及 盟

XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ, HỘI TỀ HẦU VU DƯƠNG CỐC. TỀ HẦU PHẤT CẬP MINH

MÙA XUÂN, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ HỘI VỚI TỀ HẦU Ở DƯƠNG CỐC. TỀ HẦU KHÔNG DỰ THỀ

Tả Thị - Năm thứ 16, mùa xuân, tháng giêng. Lỗ cùng với Tề bình, (hòa). Công có bệnh, sai Quí Văn Tử (Quý Tôn Hàng Phủ) hội với Tề Hầu tại Dương Cốc xin lập minh ước. Tề Hầu không chịu, bảo hãy đợi vua Lỗ khỏi bệnh.

Công Thị - Chép không thề, tức là không cùng thề.

Cốc Thị - Không cùng thề, là sử Lỗ chép. Hàng Phủ không làm xong sứ mệnh, Tề có lý.

Uông Khắc Khoan - Tề Ý mà không cùng Hàng Phủ thề là không phải. Nếu quả thực lấy lễ đại phu không được ngang với vua chư hầu, lấy lễ đó trách Lỗ để không thề. Tề lấy thế lực hiếp Lỗ, cứ bắt Lỗ Văn Công phải thân hành tới. Nếu quả như thế, thì sao? Khi Tề được ăn hối lộ của Tương Trọng rồi, thì thôi không trách Văn Công về việc không thân hành tới.

Cho nên cứ thẳng chép là Tề Hầu không cùng thề, chứ không nên nghĩ rằng Thương Nhân cố ý làm nhục, để cho phải xấu

hổ đâu. Tuy nhiên hội thề Bình Khưu thì chép: Lỗ Công không dự thề. Đây lại không chép là Hàng Phủ không cùng thề, mà lại chép là Tề Hầu không cùng thề, như thế Quý Tôn cũng không thể cho là không có lỗi.

夏五月公四不視朔

HẠ, NGŨ NGUYỆT, CÔNG TỨ BẤT THỊ SÓC

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, LỖ CÔNG NGÀY MÙNG MỘT, LẦN THỨ TƯ, KHÔNG THỊ SÓC, (THỊ SÓC LÀ MỘT LỄ NGHI, VUA TRÌNH NHÀ TÔN MIẾU CÔNG VIỆC LÀM TRONG THÁNG)

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5, Công lần thứ tư, không thị sóc. Vì ốm.

Công Thị - Tại sao Lỗ Công lần thứ tư không thị sóc? Là Công có bệnh. Sao nói là Công có bệnh? Là vì không thị sóc. Dường như là Công không có bệnh, mà cứ không thị sóc. Thế sao không chép? Công không có bệnh, mà không thị sóc. Có bệnh còn nói được, không có bệnh, không thể nói được.

Cốc Thị - Thiên Tử "Cáo sóc" cho chư hầu. Chư hầu được mệnh ở Nễ Miếu (miếu thờ bố mẹ). Thế là đúng lễ. Lỗ Công bốn lần không Thị sóc, thế là bất thần không phải lễ làm tôi. Thế là sai đường chính lắm rồi.

Khổng Dĩnh Đạt - Từ đây trở đi, không cáo sóc thì không chép vào Kinh nữa. Chê đã rõ rồi, không cần phải còn chê nữa.

Trương Hiệp - Lối Xuân Thu chép các việc rõ rệt, các việc mờ ám, không việc nào sót, tuy kiêng việc xấu của nước mình, mà không sai sự thực. Văn Công lấy cớ ốm không thị sóc. Xuân Thu không dùng lối chép Chiêu Công ốm, để chép rằng Văn Công ốm, không thị sóc. Không dùng lối ấy, cứ chép thẳng rằng. Văn Công bốn lần không thị sóc. Xét từ đó. Văn Công lần lần không làm lễ thị sóc nữa, rồi các chư hầu khác cũng thế. Vì thế, vào thời Định Công, Ai Công. Thánh nhân đã có câu: Ta thích lễ, không muốn còn dê, mà mất lễ. Câu đó khởi thủy từ đó chăng (muốn hiểu rõ ý nghĩa câu đó coi truyện Luận ngữ).

六月戊辰公子遂及齊侯盟于郪邱

LỤC NGUYỆT, MẬU THÌN, CÔNG TỬ TOẠI CẬP TỀ HẦU MINH VU THÊ KHƯU

THÁNG SÁU, NGÀY MẬU THÌN CÔNG TỬ TOẠI CÙNG TỀ HẦU THỀ TẠI ẤP THÊ KHƯU (ĐẤT NƯỚC TỀ)

Tả Thị - Lỗ Công sai Tương Trọng hối lộ Tề Hầu, cho nên có hội thề ở Thê Khưu.

Cốc Thị - Lập lại việc thề với Hàng Phủ.

Cao Kháng - Xuân Thu chép. Lỗ Công bốn lần không thị sóc, không phải riêng chê Công lười nhác, mà cũng là để biết lý do Công tử Toại được đi hội thề. Lại còn biết, việc thề đó không phải Tề Hầu có ý mong muốn. Cho nên năm sau, Tề Hầu lại đánh vào biên giới phía tây nước Lỗ. Thế chỉ là tạm hoãn trong ít lâu.

秋八月辛昧夫人姜氏薨

THU, BÁT NGUYỆT, TÂN MÙI, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOĂNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY TÂN MÙI, PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ MẤT

毀泉臺

HỦY TUYỀN ĐÀI

GỠ BỎ ĐÀI TUYỀN ĐÀI

Tả Thị - Có rắn từ Tuyền đài bò ra ngoài. Mười bay con, số các Tiên Công thờ ở cung miếu. Mùa thu, tháng tám, Thanh Khương mất, Tuyền đài được lệnh phá hủy.

Công Thị - Tuyền đài chính là Lang Đài. Khi chưa hoàn thành thì gọi là Lang đài. Khi hoàn thành rồi thì gọi là Tuyền đài. Gỡ bỏ Tuyền đài, sao lại chép? Là chê. Xây cũng đáng

chê. Mà phá cũng đáng chê. Tiên tổ đã xây. Mình phá đi. Sao bằng chỉ đừng ở là được rồi.

Cốc Thị - Trong tang không làm việc khác. Làm việc khác tức như hoãn tang lại. Văn Công đã nhiều việc sai đạo. Đài xây từ trước. Nay hủy đi. Sao bằng cứ để chỉ đừng ở thôi.

Tề Lý Khiêm - Hủy Tuyền đài, Cốc Lương có nói: Trong tang không làm việc khác. Làm việc khác là hoãn tang lại. Chiêu Công năm thứ 11, có cuộc săn lớn ở Tị Bồ. Tả Thị cũng nói: Vua có đại tang, mà trong nước không bỏ cuộc săn, trong ba năm, không có một ngày thương xót. Hai Truyện cùng phát ra ý kiến đó.

楚 人 秦 人 巴 人 滅 庸

SỞ NHÂN, TẦN NHÂN, BA NHÂN, DIỆT DUNG

NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TẦN, NGƯỜI BA DIỆT NƯỚC DUNG

Tả Thị - Người Sở bị nạn đói. Rợ Nhung tràn vào phía tây nam, tiến đến Phụ Sơn, dừng quân ở Đại Lâm. Tràn vào cả đông nam, cho đến Dương Khưu, rồi phá Tí Chi. Người nước Dung gióng giả các rợ Man, phản nước Sở. Người rợ Quân, họp trăm rợ Bộc, tại đất Tuyển, để đánh Sở. Khi đó, các ấp Thân, và Tức không dám mở cổng thành phía bắc, sợ Địch.

Người Sở đã bàn tính thiên đô tới Bản Cao. Vĩ Giả nói: kế ấy không nên. Ta mà thiên tới, thì giặc cũng tiến tới được. Chi bằng đánh nước Dung. Xét người Quân và bách Bộc cho là ta bị đói thì không dùng binh được. Cho nên tới đánh ta. Nếu ta đem quân ra, tất nhiên chúng sợ mà phải rút về. Bọn Bộc khi về, mỗi rợ về mỗi xứ họ, còn ai mưu họp lại để hại người được.

Thế là Sở họp quân lại. Được 15 hôm, các rợ Bộc thôi không đánh nữa. Từ đất Lư trở đi, dân còn thóc đem chia cùng ăn với quân đội Sở. Quân đội Sở dừng lại ở Câu Phệ, rồi cho Lư Tập Lê đánh vào nước Dung. Khi tới Phương Thành, bị quân đội Dung đánh đuổi được và bắt được một tướng là Tử Dương Song. Đến đêm thứ ba. Song trốn thoát. Về nói: "Quân Dung đông, các rợ

Man đều có mặt. Ta nên trở về họp với đại binh ở Câu Phệ. Đem cả quân nhà vua đi, rồi cùng tiến". Tướng Sở là Sư Thúc bàn: "Không nên, ta cứ đánh cho địch sinh kiêu. Khi địch kiêu đến tột bực, mà quân khí ta bị kích thích, thì ta thắng. Chính vì kế ấy mà Tiên quân Phần Mạo đã hàng phục được Hình Thấp".

Thế là quân Sở lại gặp quân Dung. Bảy lần gặp bảy lần thua. Chỉ có quân Dung ở các thành Tỳ, Điều và Ngư là đuổi theo quân Sở. Người Dung nói: Sở không đáng cùng ta chiến. Thế rồi không cần sửa soạn phòng bị nữa. Vua Sở lên ngựa trạm, tới quân đội tại đất Lâm Phẩm. Chia quân làm hai đạo đánh Dung. Tử Việt, đi từ Thạch Kê vào. Tử Bối đi từ Nhận vào. Người Tần, người Ba, theo quân Sở. Các rợ Man đều xin thề. Nước Dung bị diệt.

Tỳ, Điều, Ngư là ba ấp nước Dung, Nhận, Thạch, Khê, đều là đường đi vào nước Dung.

Trương Hiệp - Người Dung thừa cơ Sở bị nạn đói mới họp các rợ Man tới đánh Sở. Nếu Sở sợ mà di cư thì không còn gì giữ được nước. Tuy nhiên, ở trong cảnh biển để đợi địch, vốn chỉ là việc giữ đất nước. Còn như phá diệt tôn miếu xã tắc nước người ta, vương pháp đâu có dung. Vua Sở đánh được Dung mà rồi diệt Dung, tội rất to. Cho nên chép là nhân, là người, tức là Sở có tội diệt nước Dung.

Xét - Hồ Truyện bảo là nước Dung tự đi đến chỗ bị diệt, mà Vi Giả thì khéo mưu việc nước, cho nên chép là ba nước. Sở mà không chép quân Sở, là giảm tội Sở. Bàn thế là sai.

Đạm Trợ nói: Phàm diệt một nước thì cứ chép thẳng là diệt, tội ở việc diệt. Bị diệt là vì sức kém phải chết. Nay thẳng chép diệt nước Dung. Thế là buộc tội Sở, chứ không buộc tội Dung.

Phàm chép diệt, lại chép thêm vua chạy trốn, thế là cả hai cùng có tội, tội ở chỗ sao không vì xã tắc mà chết. Xét: Trang Công năm thứ 10. Tề diệt Đàm, vua Đàm chạy sang nước Cử, thế là cả hai cùng có tội, mà Tề thì lại chép là quân Tề. Trang Công năm thứ 13. Tề diệt Toại, không chép vua Toại chạy trốn, thế là chỉ buộc tội có Tề, mà lại chép là người Tề. Thế thì đâu có phải gọi là người, không gọi là quân đội, là giảm bớt tội Sở.

Như bảo là Tả Thị chép người Tấn, người Ba, thực theo quân Sở, thế là chép đều ba nước, không phân đẳng cấp, lấy đó chứng minh Kinh Xuân Thu giảm tội Sở, như thế là không biết đọc kỹ truyện, mà lại dám nghi Kinh. Vua Sở ở quân đội, mà cùng tướng tá nước Trần, nước Ba cùng chép là người, thế là chê Sở vậy. Vả lại nước Dung giáp với ba nước Tần, Sở, Ba. Biết đâu ba nước đã không mưu chia nhau đất nước Dung, vì thế mới chép gọi đều là ba nước. Thánh nhân lấy việc hưng phục nước đã bị diệt; nối tiếp nước đã bị tuyệt, làm việc, phải để tâm. Mà nay nhân nước Sở một lần mưu mô, mà lại cho là phải, cái việc lật đổ tôn miếu xã tắc người ta, không trị tội Sở, còn cho việc lợi về cường Sở, chê việc chia lợi với các nước khác, Thánh nhân đâu có thế. Vậy giữ thuyết Trương Hiệp. Còn thuyết của Hồ Truyện thì bỏ đi.

冬 十 有 一 月 宋 人 弑 其 君 杵 臼

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TỐNG NHÂN THÍ KỲ QUÂN CHỬ CỮU

MÙA ĐÔNG THÁNG 11, NGƯỜI TỐNG GIẾT VUA LÀ CHỬ CỮU

Tả Thị - Công tử Bào (con Tống Thành Công và Tống Chiêu Công) đối với dân trong nước có lễ độ. Trong khi nước Tống bị nạn đói, Bào đem hết thóc gạo cho dân vay. Người già ngoài bảy mươi tuổi được phát thức ăn, đầu mùa được thêm các của mới lạ. Ngày thường khi lui tới các cửa quan lục Khanh, các người có tài năng đều được phụ giúp. Họ hàng từ ngành Hoàn Công trở xuống, là được giúp đỡ. Bào vốn người đẹp, mặt sáng sủa. Tương phu nhân muốn cầu thông dâm, tuy không được như nguyện, nhưng về việc bố thí, thì cũng gom góp với Bào.

Chiêu Công không tốt. Dân theo về Bào, mà dựa vào Tương phu nhân. Khi đó, Hoa Nguyên giữ chức Hữu Sư, Công Tôn Hữu giữ chức tả sư. Hoa Ngẫu giữ chức Tư Mã. Lân Quán giữ chức Tư Đồ. Đãng Ý giữ chức Tư Thành. Công tử Chiêu giữ chức Tư Khấu. Xưa Tư Thành Đãng mất, con là Công Tôn Thọ từ không nối chức, và xin nhường cho Ý Chư là con mình. Được rồi, mới

nói rằng: "Vua thì vô đạo, tôi mà gần vua, sợ bị họa lây, nhưng nếu bỏ hẳn chức thì sợ họ hàng mất nhờ. Con tôi cũng như tôi. Chẳng qua là tôi hoãn ngày chết của tôi. Tôi làm mất con, nhưng không dám làm mất họ".

Tương phu nhân lập mưu dụ vua Chiêu Công đi săn tại Mạnh Chư, để giết đi, Công biết mưu, đem hết của quý cùng đi. Đãng Ý Chư nói: "Sao không chạy sang một nước chư hầu". Chiêu Công nói:"Làm vua đã không phục được bách quan, được phu nhân tổ mẫu, thì còn chư hầu nào chứa ta. Vả lại đã ở ngôi quân, mà lại đi làm thần, chẳng thà chết". Đem các vật quý phân phát hết cho cận thần, bảo họ đi đi. Phu nhân sai bảo Tư Thành bỏ Công mà đi. Tư Thành đáp: "Làm tôi thấy vua có nạn bỏ đi, đối với vua sao còn ra sao". Mùa đông, tháng 11, ngày Giáp Dần. Tống Chiêu Công đi săn ở Mạnh Chữ. Công chưa tới nơi, thì phu nhân Vương Cơ sai tướng chỉ huy cuộc săn đánh và giết đi. Đãng Ý Chư cùng chết. Xuân Thu chép: Người Tống giết vua là Chử Cữu. Vua vốn là vô đạo, Văn Công nối ngôi, sai em cùng mẹ là Tu giữ chức Tư Thành, Hoa Ngẫu chết, Công sai Đãng Hoài (em Đãng Ý Chư) làm Tư Mã.

Công Thị - Kẻ giết vua sao có khi chép tên họ, sao có khi không chép tên họ. Đại phu giết vua, mà chép tên họ, bị khinh rẻ, không gọi là đại phu. Đại phu giết nhau mà chép là người, là coi như trộm cướp.

Lục Thuần - Tả Thị tả nguyên do sao mà bị giết. Nói rằng: Phu nhân bảo Công đi săn ở Mạnh Chư rồi sai giết Công. Công biết thế, đem cả bảo vật đi. Triệu Tử nói, Truyện vẫn chép là vua vô đạo, Phàm người vô đạo, thường tính ngang tàng, người người đều sợ. Tổ mẫu có uy quyền gì mà vua phải tự để cho giết. Nếu như ngấm ngầm mưu mô thì còn có thể bán tín, bán nghi. Nay nói rằng vua biết thế, đem của cải đi cùng, phân phát cho tả hữu, rồi ung dung đợi chết, cứ xét về lý thì không có chuyện như thế.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: đại phu giết vua, thì chép tên họ, khinh rẻ coi như cùng đinh. Đại phu giết nhau, coi là người, khinh rẻ coi như trộm cướp. Bàn thế sai. Đại phu giết

vua, có kẻ bị chép tên họ, có kẻ bị chép tên không, có kẻ chép là người, nếu là khinh rẻ, thì bọn đó đều là trộm cướp cả rồi. Vậy không còn nói được là khinh bọn đã khinh. Còn như đại phu mà giết nhau, thì chính là nên chứng minh rõ tội. Như Vương Trát Tư, giết Thiệu Bá, Mao Bá. Chép là người tức là có tội. Lời văn và ý tứ rõ ràng, không phải giảng mà hiểu ngay, sao lại cứ bàn lôi thôi.

Xét - Lục Thuần dẫn lời bàn của Triệu Khuông, bảo là Tống Chiêu Công biết sẽ bị giết, tất là không có lý gì ung dung chờ chết. Cứ đoán thế, xét tình, thì việc vua biết là đúng. Tuy nhiên các việc trong Xuân Thu, thì coi Tả Thị để hiểu thêm. Vậy giữ lời bàn của Tả Thị, để ghi lý do việc mất vua, mà lời bàn của họ Lục cũng giữ cả. Nay khảo sát về 12 đời Công, thì thấy chép là "người nước giết". Có ba lần: Người Tống giết vua Chử Cửu. Người Tề giết Thương Nhân, người Cử giết Mật Châu, chép "nước giết" có bốn lần: nước Kỷ giết Thứ Kỳ, nước Tấn giết Châu Bồ, nước Ngô giết Liêu, nước Tiết giết Tị.

Hồ An Quốc thường bàn đến vua vô đạo, mà Chử Cửu với Thương Nhân thì tội ở người trong một nước. Châu Bồ thì Tấn Loan Thư có nhẹ lời hơn. Ngô Liêu Tiết Tị, thì tội ở đại thần coi việc nước. Mật Châu thì cho là cận thần nhầm nhỡ. Thứ Kỳ thì Truyện không được rõ: cùng việc mà nghĩa khác, nghĩa nào cũng có lý. Huống lấy toàn thể trong Kinh, thì Tấn, Sở, Trần, Ba vua, đều là vô đạo, thì sao lại chép thẳng tên Triệu Thuẫn. hạ Trưng Thư, Công tử Tị Như thế chưa gọi là hợp lệ hẳn được. Thế thì ý của Kinh ở đâu, thế nào? Đáp: Thánh nhân, nhân có sử cũ mà làm sách Xuân Thu. Sử cũ cứ theo lời phó cáo, thiếu thì có, mà thêm thì không dám. Thần mà giết quân, con giết cha, cứ thực cáo phó cho nước thân cận, liệu có được mấy. Xét nếu không báo cáo lấy sự thực, thì tội tất có thể xuyên tạc. Đại khái hạng chức phận nhỏ, là phải chịu tội hết. Thánh nhân tham bác, kê cứu quốc sử, rồi đến các điều được biết trong 72 nước. muốn đính chính việc đáng trừng trị, thì căn cứ vào phó cáo khác nhau. Nếu cứ theo, tin báo người bị buộc tội, thì kẻ có tội thực, lọt khỏi lưới, tội chuyển cho người khác, để giấu kẻ có tội. Thà cứ để nguyên án không kết tội, để rõ có kẻ có tội. Cho nên

Kinh chép: nước Mỗ giết vua, người nước Mỗ giết vua, tuy rằng không chỉ mặt đặt tên, nhưng kẻ loạn thần tặc tử không trốn tránh được khỏi tội.

Năm Tân Hợi. Vua Khuông Vương năm thứ 3.

十 有 七 年
THẬP HỮU THẤT NIÊN
NĂM THỨ 17

Tấn Linh năm thứ 11. Tề Ý năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 25. Sái Văn năm thứ 2. Trịnh Mục năm thứ 18. Tào Văn năm thứ 8. Trần Linh năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 27. Tống Văn Công, Bào ,năm đầu. Tần Khang năm thứ 11. Sở Trang năm thứ 4.

春 晋 人 衛 人 陳 人 鄭 人 伐 宋
XUÂN, TẤN NHÂN, VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN, TRỊNH NHÂN PHẠT TỐNG
MÙA XUÂN, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI TRỊNH, ĐÁNH NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 17 mùa xuân, Tuân Lâm Phủ nước Tấn, Khổng Đạt nước Vệ, Công Tôn Ninh nước Trần. Thạch Sở nước Trịnh, đánh nước Tống. Tuyên bố hỏi tội sao giết vua? Rồi chấp nhận Văn Công được nối ngôi. Xong kéo quân về, Xuân Thu không chép tên các vị Khanh dự việc này, vì việc không nên làm.

Lục Thuần - Tả Thị bảo Kinh không chép các vị Khanh vì việc không nên làm. Đạm Tử thì nói, xét Kinh Xuân Thu phàm các vị Khanh vì việc không có sách phong thì đều chép "người" chứ không phải cứ chép người là chê. Ví như vị Khanh thực thụ (có sách phong) làm việc không đúng mà bị chê, bị chép là người, thì các vị Khanh không thực thụ, phải chép thế nào.

Xét - Việc đánh nước Tống tiên nho phần nhiều theo lời bàn của Tả Thị cho việc không chép Khanh là làm việc không đúng.

Riêng Đạm Trợ cho rằng Xuân Thu chép là người loại Khanh không sách phong, chứ không phải chép người như thế là chê. Nay xét thời đó, cầm đầu các quan nước Tấn, là Triệu Thuẫn mà Tuân Lâm Phủ chỉ gần như phó Trung Quân. Cầm đầu các quan nước Vệ, là Ninh Du, mà Khổng Đạt chưa thường dự quyền chính. Công Tôn Ninh nước Trần đặt sau Vệ thì vị chức bé nhỏ biết ngay, Thạch Sơ nước Trịnh chưa từng nghe tên tuổi. Vậy lời bàn của Đạm Trợ, không phải là sai. Vả lại cái tội tha giặc, nên chê ngay vào ngày tha giặc không đánh, chứ không nên dự định chê lúc cầm quân đánh giặc. Thế cho nên đánh Tống thì liệt kê bốn nước mà không chê trách, bất tất phải ức đoán cái ý định tha giặc. Hội ở Hỗ, nói qua loa chứ không kể rõ từng chư hầu để cho rõ ý chê trách, có thế rồi mới rõ cái tội tha giặc. Không như thế, như Tương Công năm thứ 25, Tề Thôi Chữ giết vua, chư hầu hội tại Di Nghi bàn định đánh Tề, mà rồi được hối lộ là thôi, cứ xem việc đó, sao lại liệt kê vua 12 nước, tất là đợi hội thề tại Trọng Khưu khi đã tha giặc Tề, nhiên hậu mới lược qua chư hầu chứ không kể rõ từng nước, là để rõ ý biếm chê chăng. Vì thế cho nên lời bàn của Đạm Trợ, cứ chép lại đây.

夏 四 月 季 亥 葬 我 小 君 聲 姜

HẠ, TỨ NGUYỆT, QUÝ HỢI, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN THANH KHƯƠNG

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY QUÝ HỢI, LỄ CHÔN TIỂU QUÂN TA (PHU NHÂN) LÀ THANH KHƯƠNG

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Quý Hợi, lễ táng Thanh Khương. Vì có nạn nước Tề, cho nên hoãn đến ngày đó.

Công Thị - Thanh Khương là ai? Là mẹ Văn Công.

Lưu Sưởng - Lễ chôn tiểu quân là Thanh Khương. Truyện chép rằng có nạn nước Tề mới hoãn. Nay xét sau khi Thanh Khương mất, không có nạn nước Tề. Lễ táng rồi mới có quân đội Tề.

齊 侯 伐 我 西 鄙 六 月 癸 未 公

及 齊 侯 盟 于 穀

TỀ HẦU PHẠT NGÃ TÂY BỈ. LỤC NGUYỆT, QUÝ MÙI, CÔNG CẬP TỀ HẦU MINH VU CỐC

TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA NAM NƯỚC TA. THÁNG SÁU, NGÀY QUÝ MÙI, LỖ CÔNG CÙNG TỀ HẦU THỀ TẠI ĐẤT CỐC

Tả Thị - Tề Hầu đánh vào bắc bỉ nước ta. Tương Trọng xin thề. Tháng sáu, thề tại đất Cốc.

Cao Kháng - Tề thấy Lỗ Công không thân hành tới thề, cho nên đem quân đánh, để bắt ép Lỗ Công ra thề. Ta thấy cuộc thề ở đất Thè Khưu là vô ích.

Gia Huyền Ông - Lỗ nên đánh Tề. Bị Thương Nhân làm nhục. Bắt bầy tôi thề, rồi lại đem quân đánh, bắt vua phải thề, Tề thật là quá vô đạo. Lỗ mà không chấn chỉnh, thật là quá kém. Tề Thương Nhân càng ngày càng ngạo ngược, Lỗ càng ngày càng kém yếu. Đều là trưng triệu chết. Thương Nhân nhiều tội quá, cho nên gấp tới nạn.

諸 侯 會 于 扈

CHƯ HẦU HỘI VU HỖ

CHƯ HẦU HỘI TẠI ĐẤT HỖ

Tả Thị - Tấn hầu đi săn tại đất Hoàng Phủ. Rồi họp chư hầu tại đất Hỗ, về việc mưu cho Tống yên loạn. Lỗ Công không dự hội vì đang mắc có việc chống đối với nước Tề. Kinh chép hai chữ chư hầu thôi, là ý chư hầu không nên công cán gì. Trong hội, Tấn Hầu không thấy Trịnh Bá, cho là Trịnh bỏ mình theo Sở. Tử Gia nước Trịnh cho sứ tới, đưa thư cho Triệu Tuyên Tử. Trong thư nói: "Quả quân tôi lên ngôi được ba năm, có Triệu Sái Hầu đồng tâm theo nhà vua. Tháng chín Sái Hầu tới tệ ấp (nước tôi) để sang Tấn. Vì việc Hầu Tuyên Đa lôi thôi, quả quân

tôi không cùng với Sái Hầu tới Tấn được. Tháng 11, loạn Hầu Tuyên đã giảm bớt được, quả quân tôi theo Sái Hầu đến chầu quan chấp sự. Năm thứ 12, tháng 6, Quy Sinh theo con lớn quả quân tôi, tên là Di, khuyên Trần Hầu rời nước Sở, để theo về nhà vua. Năm thứ 14, tháng 7, quả quân tôi lại chầu để hoàn thành việc Trần. Năm thứ 15, tháng 5, Trần Hầu từ nước tôi tới chầu vua Tấn. Năm ngoái, tháng giêng, Chúc Chi Vũ, đưa Di tới chầu Tấn. Tháng 8, quả quân tôi lại tới hầu. Trần, Sái ở gần Sở mà không dám bỏ Tấn, theo Sở, nguyên nhân là ở nước tôi. Nước tôi thờ Tấn như thế, sao không khỏi bị dị nghị. Quả quân tôi từ khi lên ngôi, đã tới chầu Tương Công, rồi hai lần tới chầu nhà vua. Di, cũng đã cùng vài bầy tôi quả quân, tới Giáng, kinh đô Tấn. Dù nước tôi nhỏ, không nước nào trung thành hơn. Nay đại quốc bảo: "Ngươi chưa vừa lòng ta", thế là nước tôi sẽ nguy, không còn cách trừng phạt nào hơn. Người xưa có nói: Đã sợ đầu, sợ đuôi, thì thân không còn gì nữa. Lại nói: Con hươu sắp chết, không còn chọn nằm dưới bóng cây nào. Khi một nước nhỏ thờ nước lớn, nếu được xử với đức độ, thì hành vi như người, nếu không được xử với đức độ thì hành vi sẽ như con hươu. Khi chạy thì hươu nhảy bừa vào nơi hiểm, vì quá nguy còn biết chọn sao được. Mệnh đã hết, thì biết là phải chết. Xin thu thập hết quân đội, đợi ngài ở đất Điều (giáp giới Tấn và Trịnh). Xin theo mệnh quan chấp sự Tấn. Trịnh Văn Công, năm thứ 2, tháng 6, ngày Nhâm Thân, tới chầu nước Tề. Nhưng năm thứ 4, tháng 2, ngày Nhâm Tuất, vì nước Tề xâm nước Sái, Văn Công mới hòa với Sở. Ở giữa các nước lớn, thì phải theo lệnh nước mạnh nhất, đâu có phải là tội. Nếu quý quốc không định liệu, thì nước tôi không thể theo lệnh ngài (nghĩa là xin đánh ngài)".

Cũng Sóc nước Tấn nghị hòa với nước Trịnh. Tiêu Xuyên và Trì (Rể Tấn Hầu) làm con tin ở Trịnh.

Đỗ Dự - Truyện không liệt kê các nước, mà chép là họp lại, thế biết là như 15 năm trước, chư hầu họp nhau tại đất Hỗ để thề. Chiêu Công tuy bị giết vì vô đạo, mà Văn Công còn bị đánh vì tiếng giết vua. Cho nên Lâm Phủ đánh Tống, vì không đúng việc, mà bị chép là người. Tấn Hầu bình loạn cho Tống

vì không nên công, mà không được kê các chư hầu họp. Rõ ràng là dù vua không đáng vua, tôi không được không đáng tôi. Có thế mới dạy đời người.

Lưu Sưởng - Chư hầu vì cớ gì mà không kể ra. Vì không bỏ. Không bỏ vì muốn trị Tống, mà chả làm nên công cán gì.

秋公至自穀

THU, CÔNG CHÍ TỰ CỐC

MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI CỐC VỀ

Phụ lục tả truyện - Mùa thu, đại phu nhà Chu là Cam Súc đánh được Rợ Nhung ở Thẩm Thùy (đất nhà Chu), lợi dụng lúc bọn rợ đang say rượu. Mùa đông, tháng 10, thái tử Trịnh là Di, và Thạch Sở sang Tấn làm con tin.

Cao Kháng - Lỗ Công không dự hội ở đất Hỗ, mà lại hội thề với Tề ở đất Cốc, để tạm khỏi nạn Tề. Kinh chép từ đất Cốc, thì biết là Lỗ Công không có ở hội đất Hỗ.

Triệu Bằng Phi - Tháng 6, Lỗ Công và Tề Hầu, thề ở Cốc, đến mùa thu, mới từ Cốc về nước. Thế thì hội Hỗ, Công không có rảnh mà dự được. Công không hội, thì có thể đừng chép. Đây sao lại chép. Là vì: Hội ở Cốc, không đáng thề, mà thề. Hội ở Hỗ nên hội, mà lại không hội. Không đáng thề, mà thề, là nhịn, là chịu lấy nhục. Nên hội mà không hội, là bỏ lẽ phải, mà đi theo kẻ thù. Cho nên thánh nhân chê, chép là Công cùng Tề Hầu thề ở Cốc mà chư hầu thì hội ở Hỗ. Chép thế để rõ là Công đã bỏ mất việc đáng làm.

冬公子遂如齊

ĐÔNG, CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ TOẠI ĐI SANG TỀ

Tả Thị - Tương Trọng (Toại), sang Tề tạ (cám ơn) việc thề ở Cốc. Khi về có nói: "Thần nghe, người Tề sẽ sang Lỗ ăn lúa mạch (tức là quân Tề tới cướp lúa vào mùa gặt). Cứ như ý thần

nghĩ, thì họ không thể tới được. Vua Tề ăn nói vớ vẩn. Tang Văn Trọng có dạy rằng: địa vị chủ dân, mà nói vớ vẩn, thì chết đến nơi".

Uông Khắc Khoan - Từ khi Thương Nhân cướp ngôi, Lỗ luôn luôn bị đánh. Thượng Khanh phải nộp hối lộ để xin thề, vua lại thân hành thề. Xong rồi, Khanh lại lễ sính. Mà vẫn không yên. Chịu hèn kém, mà không bớt được họa. Như thế, vì không nhờ có tay Súc, tay Chức, thì Lỗ đến phải nguy.

Năm Nhâm Tý - Vua Khuông Vương năm thứ 4.

十 有 八 年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tấn Linh, năm thứ 12. Tề Ý, năm thứ 4. Vệ Thành, năm thứ 26. Sái Văn, năm thứ 3. Trịnh Mục, năm thứ 19. Tào Văn, năm thứ 9. Trần Linh, năm thứ 5. Kỷ Hoàn, năm thứ 28. Tống Văn, năm thứ 2. Tần Khang, năm thứ 12. Sở Trang, năm thứ 5.

春 王 二 月 丁 丑 公 薨 于 臺 下

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, ĐINH SỬU, CÔNG HOĂNG VU ĐÀI HẠ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY ĐINH SỬU, LỖ CÔNG MẤT Ở DƯỚI ĐÀI

Tả Thị - Năm thứ 18, mùa xuân, Tề Hầu báo cáo kỳ cầm quân (đánh Lỗ). Nhưng bị bệnh. Thầy thuốc cho là không sống đến mùa thu. Gần chết. Vua Lỗ được tin, mới sai bói rùa, mong rằng vua Tề không tới được, ngày xuất trận. Huệ Bá bói. Sở Khưu đoán: Tề Hầu không được đến kỳ hẹn xuất trận, không phải chết vì ốm. Nhà vua (vua Lỗ), không được nghe cáo phó, người bói sẽ có tai họa (Huệ Bá). Tháng hai, ngày Đinh Sửu, Lỗ Công mất.

Cốc Thị - Dưới đài, không phải là nơi chính tẩm.

Triệu Bằng Phi - Quyền nhà vua cứ mất dần, tội tự Văn Công. Con cháu ba nhà, tuy nẩy nở từ đời Hi Công, nhưng suốt đời Hi Công, chưa từng dám chuyên quyền. Đến đời Văn Công, trong họ mạnh, có Công Tôn Ngao, mở hội ở Thích, thề ở Thùy Lũng. Trong họ Thúc Tô, thì Đắc Thần, hội với Tấn để đánh nước Thâm, đánh rợ Địch ở đất Hàm. Trong họ Quý Thị, thì Hàng Phủ, sang Trần, sang Tấn, đem quân đắp thành ấp. Trong họ Đông môn, có Tương Trọng, thấy chín lần chép trong Kinh, không hội thường, thì hội thề, không hội thề thì lễ sính, không lễ sính thì cầm quân đánh các nước, ngang dọc lại hơn cả ba nhà. Cho nên Lỗ chóng bị họa. Ví thử Văn Công không nhu nhược hèn đớn, thì đại phu chưa dám chuyên quyền. Lúc đầu mới lên ngôi, việc hội bá chủ, việc giao hiếu với các nước gần, chưa thường có thân hành dự. Cứ để cho đại phu đi. Tháng nhuận, không báo việc. Các tháng thường không có lễ thị sóc, lười nhác mê muội, không ra khỏi cung riêng thì còn trị nước sao được. Cho nên lần lượt các đại phu lo chiếm địa vị riêng, ngoài thì phụng sự nước lớn, trong thì ra ơn huệ, tự xén chiếm đất ấp. Nhà vua yếu dần. Quyền hành rời ra tay kẻ khác. Một thân, mắt chưa nhắm, mà hai con bị giết, phi thiếp không được giúp đỡ. Họ Đông Môn, họ Thúc, họ Quý, tranh nhau đi lại với Tề, quay giáo phan nước, giết hại con cái dòng đích trưởng. Tổ là Chu Công, còn linh thiêng chưa mất, tôn miếu xã tắc chưa bị diệt, thế mà chủ quyền nhà vua xuống dần, suốt thời Xuân Thu, không lấy lại được. Lỗ kém yếu dần, trách nhiệm ở Văn Công không tránh được.

Lý Liêm - Văn Công ở ngôi 18 năm là một vị vua, về chính trị, thì lười nhác, nước Lỗ bắt đầu suy. Ngay năm mới lên ngôi, còn thừa hưởng được chính trị của Hi Công, trong nước không có việc gì, cho nên Kinh chép lên ngôi, chính trị vốn còn thể thống, mới có những việc Thiên Tử sai quan dự lễ táng, Mao Bá tới ban tích mệnh, Thiên Tử đối đãi với nước Lỗ thật là quý hoa. Thế mà sao vua Lỗ xử sự thì sai bầy tôi đến chầu ở Kinh Khuyết.

Công Tôn Ngao thì đi hội với Tần Hầu, đối với Vương, đối với Bá, đến thiếu lễ như thế. Chưa được vài năm, mà lười nhác

việc thờ cúng tổ tiên, trông nom tôn miếu, đến nỗi thế miếu hư sụp, mà lễ nghi cũng bỏ. Việc đón vợ không biết cẩn thận lúc đầu. Việc dùng thiếp là Kính Doanh không phân biệt chính, thứ, thành ra lễ vợ chồng thê thiếp sinh loạn. Cho nên tiên nho có nói: Kinh ba lần chép không mưa, là không có chí tự cường. Xử Phu tới thề, bị nhục với Tấn, việc hội minh ở đất Thê Khưu phải hối lộ, bị nhục với Tề, bọn tiên nho bàn thế mà đúng. Tuy nhiên, từ năm thứ 7, sau hội Hỗ, năm thứ 13, trước hội Tân Thành, Sở Thương Thần đang lấy công việc bá chủ mà hiệu triệu chư hầu, các nước Tống, Trịnh, Sái, đều ùa theo, thời đó riêng Lỗ vẫn cứ theo Tấn, cho nên việc hội thề Hành Ung, việc Công Tử Toại cứu, việc bàn định ở Thừa Khuông, việc hội ơ Đạp, ở Phỉ, đều không phải là không có ích cho nghiệp bá của Tấn. Trong khoang vài năm, Sở Tiêu, Tần Thuật tới sính, Tào Bá hai lần lại chầu, Lỗ vẫn làm cho chư hầu để ý. Tại sao Tấn không chấn hưng được, Tề thì cứ ngang ngược, Hàng Phủ hai lần cáo mà viện binh không tới, vì thế mới có hội thề ở Dương Cốc, hội thề ở Cốc, rồi nước Lỗ bị khó khăn với Tề. Tuy rằng đến nông nỗi ấy, là vì vua Lỗ Văn Công lười nhác, nhưng cũng là lỗi ở vua Tấn. Còn như việc Kính Doanh, Tương Trọng, chỉ là tập tục của Thành Phong, nhưng Văn Công trước mặt có người gièm mà không trông thấy, sau lưng có giặc mà không nhận biết, sau khi mình đã chết, thì dòng đích trưởng bị giết hại, thế có phải là cùng loại Trang Công không.

Uông Khắc Khoan - Hoặc truyền lại là ngã từ trên cao xuống rồi chết, là không được chết chính, chết thuận, thế gọi là phi mệnh. Nay tuy không khảo cứu được cho rõ, nhưng Kinh mà chép chết ở dưới đài, thì cứ cái việc chết không được theo đường chính, cũng là đáng chê.

秦伯罃卒

TẦN BÁ ANH TỐT

TẦN BÁ TÊN LÀ ANH MẤT

夏五月戊戌齊人弒其君商人

HẠ, NGŨ NGUYỆT, MẬU TUẤT, TỀ NHÂN THÍ KỲ QUÂN THƯƠNG NHÂN

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY MẬU TUẤT, NGƯỜI TỀ GIẾT VUA LÀ THƯƠNG NHÂN

Tả Thị - Tề Ý Công, khi còn là công tử, có việc tranh đất cát với bố Bính Xúc, nhưng không tranh được. Khi lên ngôi rồi, mới cho quật mả, lấy xác chặt hai chân đi. Tuy nhiên, cứ cho Xúc giữ chức xa ngự. Rồi chiếm lấy vợ Diêm Chức, mà lại cho giữ chức Tham Thặng. Mùa hạ, tháng 5, vua Tề ra chơi ở ao Thân Trì, gần cửa tây thành. Hai người Xúc và Chức, tắm ở ao, Xúc lấy tay đập vào Chức. Chức giận. Xúc nói: Người ta cướp vợ anh, anh không giận, một cái đập bằng tay có gì đáng giận, Chức nói: Người ta chặt chân bố đi, mà không buồn tủi, thì thế nào? Hai người bàn với nhau, rồi giết Ý Công, giấu xác trong bụi tre, xong rồi ra về. Uống rượu, cạn chén, bỏ nước ra đi. Người Tề lập công tử Nguyên (con Hoàn Công).

Tôn Giác - Người Tề giết Thương Nhân là vì chuyện riêng, không phải là đánh giặc, giết giặc. Cứ nghĩa Xuân Thu, giết vua tội lớn nhất. Phải trị tội rõ rệt, chính đính. Nếu không trị tội, mà lại cho là chuyện riêng, thì vẫn cứ là giết vua. Vậy cứ nguyên tình định tội, để còn phòng giữ về sau.

Trương Hiệp - Thương Nhân là thứ giặc đáng phải đánh, phải giet, mà người Tề không cho là giặc, rập đầu xưng làm tôi, coi là vua trong ba năm. Nếu cho là giặc thì không thờ làm vua. Đã thờ làm vua thì không được giết. Nay thờ đã ba năm, một sớm mai, giết đi, loạn xảy ra sau khi ngôi vị đã định. Cho nên chép là giết vua. Huống chi Thương Nhân đã rộng ra ơn

huệ, mua chuộc nhiều ke sĩ, để làm việc thoán thí, thế là người Tề đã cùng đảng, cùng tội. Vì thế, tuy giết Thương Nhân là hai tên Xúc, Chức, mà đặc biệt chép là người Tề giết.

六月癸酉葬我君文公

LỤC NGUYỆT, QUÝ DẬU, TÁNG NGÃ QUÂN VĂN CÔNG

THÁNG 6, NGÀY QUÝ DẬU, LỄ CHÔN VUA TA LÀ VĂN CÔNG

秋公子遂叔孫得臣如齊

THU, CÔNG TỬ TOẠI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN NHƯ TỀ

MÙA THU, CÔNG TỬ TOẠI, THÚC TÔN ĐẮC THẦN ĐI SANG TỀ

Tả Thị - Tháng 6, lễ chôn Văn Công. Mùa thu, Tương Trọng và Trang Thúc sang Tề, vì việc lập Huệ Công, và cũng là để tạ việc Tề cho sứ tới dự táng Văn Công. Bà phi thứ hai của Văn Công là Kính Doanh được sủng ái, sinh ra con là Tiếp (sau lập làm Tuyên Công). Doanh hết sức riêng giúp Tương Trọng. Tuyên Công lớn lên, cứ trông nhờ vào Tương Trọng. Tương Trọng muốn thân với Lỗ ưng thuận ngay.

Cốc Thị - Sứ đi ra, công việc lớn, đến nước lớn, mà không gọi là chánh, là phó. Thế tức là cùng một loại, phụ họa nhau, cho nên chỉ liệt kê tên.

Lưu Sưởng - Văn Xuân Thu, có thường, có biến. Văn biến dùng vào việc biến, văn thường dùng vào việc thường, không phải chỉ có một loại. Văn biến thì rất tế nhị, độc giả khó nhận ra, rồi cứ cho là cứ Sử chép ra, tức là những chỗ Xuân Thu chỉ gợi ý thôi, do ý đó mà hay dở được rõ. Công Tử Toại sắp giết vua, mưu việc ở Tề, mà sau mới quyết định. Kinh Xuân Thu chép "tử tốt", con mất. Thực ra, việc còn giấu. Cho nên xét nguyên nhân việc họa loạn, nguyên nhân mưu kế gian tà, là rõ ở ngày phụng mệnh đi sứ. Mới biết việc không phải thường.

冬 十 月 子 卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TỬ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, TỬ MẤT (TỬ ĐÂY LÀ CON VĂN CÔNG)

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Tương Trọng giết Ác và Thị, hai anh em con Văn Công (con người vợ chính là Khương thị) để lập Tuyên Công nối ngôi. Kinh chép "tử tốt", là tránh nói việc thực. Tương Trọng lấy mệnh vua (mệnh của Ác) triệu Huệ Bá (Huệ Bá không ưng việc Tuyên Trọng nối ngôi). Viên Tể, gia thần của Huệ Bá là Công Nhiễm Vụ Nhân ngăn lại và nói: Đi tới tất chết. Thúc Trọng nói: Chết về quân mệnh thì được. Công Nhiễm Vụ Nhân nói: Nhưng không phải quân mệnh thì có nên đi không? Huệ Bá không nghe, cứ đi tới. Bị chết. Xác vùi trong đống phân ngựa. Công Nhiễm Vụ Nhân đưa vợ con Huệ Bá chạy sang nước Sái, giữ được dòng dõi Thúc Trọng.

Công Thị - "Tử mất" là ai? Là con nhỏ. Sao không chép ngày? vì tránh. Tránh không nỡ chép.

Cốc Thị - Tử mất không chép ngày, là có cớ.

Trần Phó Lương - Địa vị của Ác chưa định rõ. Thì sao lại gọi là tử. Là muốn chính thức vua đương thời có tan. Phàm vua ở thời tang thì xưng là tử. Chưa lễ chôn vua trước thì xưng là tử mỗ. Chính thức vua ở thời tang, là muốn cho tội giết vua quy vào Tuyên Công.

Xét - Tử mất không chép ngày, Cốc Lương cho là có cớ. Không phải thế đâu. Tử Ban trước cũng có cớ, sao lại chép ngày. Cốc Lương bảo Tử Ban chết có thấy việc, cho nên chép ngày. Đó là xét thiên lệch không nghe theo được.

夫 人 姜 氏 歸 于 齊

PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ QUY VU TỀ

PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ ĐI VỀ NƯỚC TỀ

Tả Thị - Phu nhân Khương Thị về Tề, thế là về hẳn. Khi

ra đi, khóc, qua chợ kêu lên: Trời sao để Trọng vô đạo thế, giết con đích lập con thứ. Người trong chợ đều khóc. Dân nước Lỗ gọi là Ai Khương.

Cốc Thị - Tuyên Công thế là có tội. Có khi không đợi chê trách, mà tội thấy rõ. Có khi chê trách rồi, tội mới thấy. Còn chị em với nhau cả, cứ hiền là quý, sao không vui vẻ xót thương.

Hồ Truyện - Chép là phu nhân, thì biết là vị chính. Chép là Khương Thị thì biết là không chính, vì đã bị tiên quân bỏ. Chép về nước Khương Thị) để lập Tuyên Công nối Tề, thì biết là không có tội, khác lối chép "tốn vu châu", chạy sang nước Châu. Thần tử nước Lỗ giết đích, lập thứ. Kính Doanh, Tuyên Công, đã không biết thờ vua, giữ đích mậu. Tội tuy không chép mà cũng thấy có.

Uông Khắc Khoan - Lấy chi họ để có liên hệ với họ. Lấy họ để cho liên hệ với chức hiệu, rõ là khác hẳn với bọn thiếp, giắng.

Văn Công đã làm lễ chôn xong, phu nhân mới ra đi, thì biết là con nối đã bị giết, mà phu nhân không thể ở nước Lỗ được nữa. Trường hợp Văn Khương, Ai Khương dự vào việc vua bị giết đều bị chép là chạy trốn. Đây phu nhân bỏ nước Lỗ về Tề, mà chép chức hiệu (phu nhân) chép họ, chép "quy", về, không có một lời chê, thì đủ biết tôi con nước Lỗ đều bị chê trách, mà Khương Thị thì không có tội. Đó lời văn của thánh nhân thấm thía rõ ràng như thế. Để cho người khảo sát biết, là vì sao Tử Ác bị giết, và công tử Tiếp nối ngôi.

癸孫行斧如齊

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỀ

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐI SANG NƯỚC TỀ

Cao Kháng - Trước khi "tử mất", chép sang Tề. Sau khi "tử mất", cũng chép sang Tề. Tề thực là có biết chuyện. Thế là Tề cũng có tội. Tuyên Công năm thứ 18, Hàng Phủ nói: Sai ta giết con đích, lập con thứ là Trọng. Rồi họ Trọng bị đuổi, mà Hàng Phủ thực là có cùng mưu giết Tử Ác để lập Tuyên Công. Cho

nên Xuân Khương ra về Tề, mà Hàng Phủ vội sang Tề. Tử Ác là cháu ngoại vua Tề, Hàng Phủ sợ người Tề nghe phu nhân tố cáo công việc, mà rồi đem quân hỏi tội. Thế cho nên nghị bàn hối lộ, để cầu được yên chuyện. Cái tội Hàng Phủ, không phải đợi chê, mà thần tử nước Lỗ đều không thể không trị.

莒弑其君庶其

CỬ THÍ KỲ QUÂN THỨ KỲ

NƯỚC CỬ GIẾT VUA LÀ THỨ KỲ

Tả Thị - Kỷ Công nước Cử có con là Thái Tử Bộc. Sau lại sinh con nữa là Quý Đà. Yêu Quý Đà mà truất ngôi thái tử của Bộc. Trong nước còn làm nhiều việc trái lễ nghi. Bộc dựa vào dân để giết Kỷ Công, rồi chạy sang nước Lỗ, mang theo ngọc quý, hối lộ cho Tuyên Công. Công ra lệnh cấp cho ấp: Cho ngay từ hôm nay. Quý Văn Tử sai quân Tư Khấu đuổi Bộc ra khỏi nước và nói: Từ ngày hôm nay phải xử việc cho xong. Công cho hỏi duyên cớ. Quý Văn Tử sai thái tử đáp lại: "Tiên đại phu là Tang Văn Trọng có dạy Hàng Phủ (Quý Văn Tử) về lễ thờ vua. Hàng Phủ theo lời dạy không dám sai. Tang Văn Trọng có nói: Thấy người có lễ với vua thì thờ người ta như con thờ cha mẹ. Thấy người vô lễ với vua, thì trị người ấy như diều hâu đuổi chim sẻ. Tiên quân Chu Công chế ra Chu Lễ có nói: Xét người thì xét đức. Đức là chủ việc. Việc có công quả. Công quả là để cho dân sinh sống. Trong các mệnh ban hành, có câu: người bỏ pháp chế là giặc. Người che chở cho giặc là trữ gian. Lấy của của người khác là ăn trộm. Ăn trộm của quý của nước là phản quốc. Đó là những thói rất xấu, không pháp luật nào dung tha được. Đoạn ấy ở trong cửu hình (chín hình). Ai mà quên được - Nay xét kỹ hành vi của Bộc nước Cử thì Hàng Phủ tôi không thấy có gì đáng lấy làm phép. Hiếu, kính, trung, tín, là các đức hay. Ăn trộm, làm giặc, chứa giặc, phản quốc, là các đức hung. Xét Cử Bộc, về hiếu, kính thì hắn giết vua cha. Về trung tín, thì hắn ăn trộm ngọc quý. Con người đó là trộm, là giặc. Các bảo vật hắn đem theo, chứng tỏ là tên phản quốc. Che chở hắn, giúp hắn là oa trữ giặc. Thế là làm gương xấu cho dân. Dân

sẽ không làm điều hay nữa, mà quay về con đường đức hung. Vì thế phải đuổi Bộc đi.

Ngày xưa họ Cao Dương (vua Chuyên Húc), có tám người hiền giúp việc: Thương Thư, Đồi Ngai, Đào Dẫn, Đại Lâm, Mang Hàng, Đình Kiên, Trọng Dung, Thúc Đạt. Tám vị đó rất sáng suốt, thông minh, tài năng, đức độ, thực là hoàn toàn. Dân trong thiên hạ đều phục là bát khai.

Họ Cao Tân (vua Đế Cốc) có tám vị là: Bá Phấn, Trọng Kham, Thúc Hiến, Quý Trọng, Bá Hổ, Trọng Hùng, Thúc Báo, Quý Ly. Các vị đó, trung chính, cẩn thận, kính cẩn, hiền hòa. Dân trong thiên hạ gọi là bát Nguyên.

Mười sáu họ đó, đức hay vẫn truyền dõi, không bị quên. Khi vua Nghiêu làm vua, chưa dùng được ai, nhưng có ông Thuấn giúp. Ông Thuấn tiến cử bát Khải (dòng dõi các vị trên) coi việc đất nước. Từ đó, mọi công việc đều hợp mùa, và có trước sau. Đất được san sửa. Trời lại ban lộc. Thuấn tiến cử bát Nguyên (dòng dõi các vị trên) sai truyền bá khắp nơi, năm đạo thường là cha nghĩa mẹ từ, anh hữu, em cung, con hiếu. Thành ra, trong ấm, ngoài êm.

Xưa kia, họ Đế Hồng (Hoàng Đế) có một người là Hoan Đâu, không có tài đức, ghét bỏ người hay, che chở giặc cướp, cứ thích theo ác đức, thích hợp đảng với bọn ác, thiên hạ gọi là Hồn Đôn (tối tăm). Họ Thiếu Hiệu cũng có một người như thế, gọi là Cung Công không có trung, tín mở mồm là nói điều ác, chuộng kẻ gian ác, ưa siểm nịnh vu oan cho người ngay. Thiên hạ gọi là Cùng Kỳ (quá ngu).

Xưa, vua Xuyên Húc, có Tướng, không ai khuyên dạy được, không biết lời hay lẽ phải. Bảo cho biết thì ngang ngạnh không nghe. Để cho tự làm thì gian giảo. Đã ngạo lại ác đối với người hay, làm loạn hết phép thường. Thiên hạ gọi là Đào Ngột (quái vật). Ba họ ấy tên ác còn truyền lại. Khi Nghiêu lên ngôi mà cũng không trừ khử được bọn theo nếp các họ ấy.

Họ Tấn Vân, có nhiều phụ tá hung ác, chỉ biết ăn, biết uống, ưa thích đồ hối lộ, tham quyền, có bao nhiêu cũng không đủ, lấy thuế nặng, tích trữ của cải, tham gian không còn giới hạn, không

để ý đến cô quả, khốn cùng. Thiên hạ so với Tam Hung, gọi là Thao San (tham ăn, tham của).

Thuấn làm tôi vua Nghiêu, tiếp chư hầu tứ phương, đuổi bốn hạng Hung ra ngoài cõi. Cho nên khi Nghiêu mất, thiên hạ quay về một mối, đồng lòng tôn Thuấn lên ngôi Thiên Tử, vì đã tuôi tứ Hung, đã cử 16 Nguyên, Khải. Vì lẽ ấy mà Sách Ngu Thư kê công vua Thuấn, có nói: Thuấn cẩn thận thi hành ngũ điển (năm phép). Từ đấy không ai dám trái ngũ điển. Thuấn còn coi xét bách quan, tùy theo thời và theo thứ tự, không có việc gì nhãn bỏ. Tiếp chư hầu từ bốn phương lại, yên vui, không có người hung ác. Công to, tính ra Thuấn có đến hai mươi công. Rồi lên làm vua.

Hàng Phủ nay chưa có cử được một người hay, chưa có đuổi một người hung. Nhưng mong rằng chưa làm nên tội gì.

Phụ lục Tả Truyện - (Tống Chiêu Công bị em là Bào sai giết. Bào lên ngôi thay, khi chết, thụy là Tống Văn Công). Họ Vũ Mục nước Tống xui một con Chiêu Công giúp đỡ quan Tư Thành, tên là Tu (em Văn Công) để làm loạn. Tháng 12, Tống Công xử tử em (em cùng mẹ) là Tu và một người con Chiêu Công. Sai các dòng dõi Đái Công, Trang Công, Hoàn Công, đánh họ Vũ ở dinh quan Tư Mã Tư Bá. Xong rồi, đuổi họ Vũ đi, phong cho Công Tôn Sư làm Tư Thành. Sau khi công tử Chiêu chết rồi, phong Nhạc Lữ làm Tư Khấu để dân được yên tâm.

Công Thị - Tại sao lại chép là nước (nước Cử) giết. Là vì nhiều người giết.

Ngô Trừng - Cứ như lời Tả thị, thì chính thái tử Bộc giết nó. Xuân Thu sao lại chép là nước giết? Vả lại Bộc đã cùng người trong nước giết vua, thì đáng lẽ tự nhiên lập làm vua, chứ sao lại chạy sang Lỗ. Nghi rằng, dưới những chữ "nhân quốc nhân", thì chữ dĩ nên đổi là chữ chi (phải coi bản chữ của Tả Truyện), như thế, nghĩa câu đó sẽ là: Bộc nhân thấy người trong nước giết vua, mới sợ họa lây đến mình mà chạy trốn.

Trác Nhĩ Khang - Kỷ Công ăn ở vô lễ, Bộc nhân thấy dân ghét, nhân dịp giết đi, tất là được nối ngôi, sao lại còn chạy trốn. Người trong nước đã ghét Thứ Kỳ, sao không lập người mà dân ưa.

Nếu như thực là Bộc giết, sao Xuân Thu lại không chép, họ Ngô đã nghi rồi có thuyết của Triệu Khuông, thuyết đổi chữ, nói rằng: Trong tả truyện, câu "Bộc, nhân người nước, để (dĩ) giết vua" phải đổi chữ dĩ ra chữ chi (chữ chi có nghĩa là đã). Đổi thế, thì văn Kinh dễ hiểu là Bộc không giết vua, mà rồi mọi điều nghi kỵ được cởi mở. Nhưng có biết đâu thời xưa, thường dùng hai chữ 以 và 已 như nhau. Vậy hai chữ cùng có nghĩa là đã. Văn thì viết mặt chữ 以 mà nghĩa thì là chữ 已. Vậy không cần bàn đến việc đổi chữ (chữ dĩ ra chữ chi). Ngay như nhân 因 cũng có hai nghĩa. Chữ nhân trong nhân duyên không như chữ nhân trong nhân phụ.

Bộc thấy người trong nước giết vua sợ mình bị họa, trộm lấy vật quý, rồi chạy trốn, chỉ là vì lợi cho mình mà thôi.

Xét - Tả Thị bảo là Cử Bộc, nhân người trong nước mà giết vua. Ngô Trừng, Trác Nhĩ Khang đều nghi, mà Trác Nhĩ Khang thắng lợi. Nay đều nghi cả.

XUÂN THU QUYỂN THỨ TÁM

宣 公

TUYÊN CÔNG

VUA LỖ TUYÊN CÔNG

Khổng Dĩnh Đạt - Xét Lỗ Thế Phả, Tuyên Công tên là Nuy, hoặc viết là Tiếp, là con vua Văn Công, do thiếp Kính Doanh sinh ra, lên ngôi vào niên hiệu Chu Khuông Vương năm thứ 5. Theo phép đặt tên thụy, hay hỏi việc cho đủ, cho rõ thì gọi là Tuyên.

Năm Quý Mão - Vua Khuông Vương năm thứ 5.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Linh, năm thứ 13. Tề Huệ Công, Công năm đầu. Vệ Thành, năm thứ 27. Sái Văn, năm thứ 4. Trịnh Mục, năm thứ 20. Tào Văn, năm thứ 29. Tống Văn, năm thứ 3. Tần Cung Công, năm đầu. Sở Trang, năm thứ 6.

春 王 正 月 公 即 位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Công Thị - Nối vua bị giết, không chép việc lên ngôi. Đây chép là tại sao? Là có ý.

Cốc Thị - Nối vua bị giết mà chép lên ngôi, biết là có ý.

Trương Hiệp - Tuyên Công được giặc giết vua, lập lên ngôi, thì tội như tội Hoàn Công. Thế mà trong khoảng 18 năm, đều chép chữ vương đầu năm, khác lối chép về Hoàn Công, là vì pháp lệ đã áp dụng thời Hoàn Công trước rồi. Lý lẽ của trời không thể quên đi mãi được, mà phép của Vương không thể bỏ lâu được. Cho nên chép chữ vương để giữ phép lớn, mà cũng để cho rõ tội của Tuyên Công.

公子遂如齊逆女

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ ĐÓN VỢ CHO TUYÊN CÔNG

Tả Thị - Năm đầu, mùa xuân, tháng giêng, Công Tử Toại sang nước Tề đón vợ cho Tuyên Công, là tôn mệnh vua. Tháng ba, Toại đưa phu nhân là Phụ Khương từ nước Tề tới. Thế là tôn phu nhân.

Đỗ Dự - Trong tang mà cưới vợ, Kinh không chê. Vì không đợi chê trách mà việc đã sáng rõ.

三月遂以夫人婦姜至自齊

TAM NGUYỆT, TOẠI DĨ PHU NHÂN, PHỤ, KHƯƠNG CHÍ TỰ TỀ

THÁNG BA, TOẠI ĐƯA PHU NHÂN PHỤ, LÀ KHƯƠNG TỪ NƯỚC TỀ VỀ LỖ

Công Thị - Toại sao không chép là công tử? Vì có một việc mà hai lần kể, thì nói tên thôi. Phu nhân sao lại không chép chữ họ, họ Khương. Thế là chê. Sao lại chê? chê vì trong tang mà cưới. Đây là Lỗ Công cưới. Sao lại chê phu nhân. Vì người trong nước không nên chê vua nước, thì chê phu nhân, vì phu nhân và vua cũng là một. Sao lại chép chữ phụ. Ý nói như đón dâu.

Cốc Thị - Không chép chữ họ vì tang chưa hết, cho nên chép

thế là chép lược qua. Chép chữ phụ là đi đón dâu.

Toại "tự Tề về", tự Tề là có lễ nghi quan trọng. Chính thực là phu nhân tự Tề về. Cho nên Toại mà đưa về, cũng được dùng chữ tự Tề về.

Phục Kiền - Thời xưa, trong lễ cưới, thiếu một lễ, thì người con gái biết tự trọng, không về nhà chồng. Cho nên Kinh Thi có nói: Dù có kiện ta ngay, ta cũng không thuận nghe. Tuyên Công trong tang cưới vợ. Phu nhân thuận nghe theo cũng là phi lễ. Cho nên không chép họ. Chép qua loa, tức là to ý khinh khi, không đếm xỉa.

夏季孫行斧如齊

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỀ

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TỀ

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử sang Tề. Nạp hối lộ, để xin hội thề.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu chép là Hàng Phủ sang Tề, mà không chép nguyên nhân. Bảo là nộp hối lộ để xin Tề cho hội, là Truyện chép thế. Đọc Kinh, có khi không phải đọc thêm Truyện, cứ so sánh các việc là biết rõ ngay. Ở dưới có chép công hội với Tề Hầu tại Bình Châu thì biết có được hội đó là do Hàng Phủ xin được. Kinh lại chép người Tề lấy ruộng Tế Tây, thì biết rằng có hối lộ bằng ruộng Tế Tây mới xin được hội. Dù Truyện không chép mà việc đã rõ. Chư hầu lập ra chức khanh để giúp nhà vua chư hầu, cũng như trong nhà có cột. Thế mà lo việc nước như Hàng Phủ, thì không đợi chê, đã thấy rõ tội lỗi rồi. Nếu không thế, giá như Hàng Phủ cần lao, cung kiệm, trải ba đời vua không tích trữ của riêng, thế tất làm cho vua được hay, mà tên mình ngang với tên Án Anh.

晉放其大夫胥甲斧于衛

TẤN PHONG KỲ ĐẠI PHU TƯ GIÁP PHỦ VU VỆ

NƯỚC TẤN ĐUỔI ĐẠI PHU LÀ TƯ GIÁP PHỦ ĐI SANG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Người Tấn trị Tư Giáp Phủ về tội đã không tuân mệnh. Phóng trục Tư Giáp Phủ sang nước Vệ, cho con là Tư Khắc thay chức tùy tướng là Tiên Tân chạy trốn sang nước Tề.

Công Thị - Phóng là thế nào? Cũng như nói là không triệt. Thế sao lại chép. Vì là việc gần được chính (thẳng ngay). Thế nghĩa là thế nào? Thời xưa đại phu đã bỏ nước đi, trong ba năm đợi lệnh vua đuổi. Vua mà đuổi là không phải. Đại phu mà đợi đuổi là phải.

Thời xưa, bầy tôi mà có tang bố mẹ, thì vua ba năm không gọi sai việc, hết một năm tang, có thể mũ áo vào triều, hoặc mặc giáp trụ theo quân. Vua mà sai thì không phải. Tôi mà theo mệnh là phải (đúng lễ). Thầy Mẫn Tử còn đại tang mà làm việc theo lệnh vua, vẫn theo lệnh, nhưng có nói: "Cứ đạo xưa, sao lại thế, không thể tất lòng người". Rồi Mẫn Tử xin thôi làm quan. Khổng Tử cho là phải.

Cốc Thị - Phóng cũng như là trừ bỏ. Chép là nước phóng, là phóng người vô tội.

Hồ Truyện - Tần và Tấn đánh nhau ở Hà Khúc. Làm hại mưu của Du Biền, là Triệu Xuyên. Nếu trị kẻ không tuân mệnh, thì đáng lý ra, Xuyên là thủ phạm. Chỉ một việc ở cửa trại mà nói to lên, là đủ buộc tội. Thế mà chỉ phóng có một mình Tư Giáp Phủ. Triệu Thuẫn cầm quyền chính trong nước mà che chở cho cháu là Xuyên thì biết rằng, việc sử ghi giết vua ở Đào Viên đã hình hiện ra từ đây. Cho nên chép là nước phóng (đuổi), đủ biết chính trị ở nước Tấn vì việc riêng mà hại đến việc công, để cho đời sau lấy làm răn.

Xét - Công Dương mà kể rằng, đại phu bỏ đi, ba năm sau mới bị phóng trục, tức như Mạnh Tử nói rằng, đại phu đã bỏ đi ba năm không về, rồi sau nhà vua mới tịch thu ruộng ấp.

Nếu không đợi, mà vội phóng trục, tức như Mạnh Tử nói, ngay ngày đại phu bỏ đi, thu ngay ruộng ấp.

Từ trận Hà Khúc tới nay đã tám năm, Tấn mới phóng trục Tư Giáp Phủ, thế là có đợi rồi mới phóng trục. Cho nên Công Dương cho là gần được chính, mà Hồ Truyện thì bác đi, cho rằng đại phu đã giữ chức quan không xin mệnh thiên tử mà cứ tự phong cho; rồi lúc đại phu có tội, không trình với quan Tư Khấu mà cứ tự tiện trừng phạt. Vì các cớ ấy, Hồ Thị cho là xa chính, chứ không gần chính. Xét đầu thời nhà Chu, có một nghìn tám trăm chư hầu, nếu các việc hình ngục đều phải tâu thiên tử, thì quan Tư Khấu nào mà làm việc cho xuể được. Tư Giáp Phủ là Phụ Tá đạo Hạ quân đã không phải là đại phu do thiên tử phong, chỉ có bị phóng trục, chứ không có việc tự chuyên xử tử, thế mà lại buộc Tấn vào tội không cáo với quan Tư Khấu, thế tức là câu nệ về nghĩa tôn vương mà không biết là việc không làm được. Thế chỉ là cố chấp. Tuy nhiên kinh sao lại chép. Chép là trách Triệu Xuyên cùng tội mà riêng Tư Giáp Phủ bị trị. Phép Xuân Thu, chép là nước giết, mà không bỏ quan tước, cứ chép cả quan tước, là tội có liên lụy đến trên, chính là trường hợp này. Ví như Tư Giáp Phủ thực là có tội, mà phóng trục không đúng hẳn lý lẽ, thì chép việc cũng là rõ ý liên lụy đến trên, đã cho rõ nghĩa.

Nay san bớt Hồ Truyện, chỉ bàn luận lại thôi.

公 會 齊 侯 于 平 州

CÔNG HỘI TỀ HẦU VU BÌNH CHÂU

LỖ CÔNG HỘI VỚI TỀ HẦU TẠI BÌNH CHÂU, ĐẤT NƯỚC TỀ

Tả Thị - Hội tại Bình Châu, để định ngôi vị của Lỗ Công.

Uông Khắc Khoan - Tề Huệ, nhân việc nghịch của hai tên Xúc, Chức mới được lên ngôi vua, cho nên khi Lỗ Tuyên nộp hối lộ để cầu được hội, thì Tề Huệ rất vui vẻ thuận theo, thế là cùng có tội hay cùng che chở cho nhau. Nước Tề vốn đã mạnh, đã lớn sẵn, đủ để bênh vực Lỗ, cho nên vua tôi nước Lỗ hết sức cố kết với Tề.

公子遂如齊

CÔNG TỬ TOẠI NHƯ TỀ

CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ

Tả Thị - Đông môn Tương Trọng (ở gần cửa đông, thành tên là Đông Môn) sang Tề tạ việc Tề đã cho hội Bình Châu.

Uông Khắc Khoan - Toại và Đắc Thần cùng sang Tề, xin cho công tử Tiếp được lập, mưu kẻ nghịch thần khởi thủy lúc đó. Nay đã định được ngôi vị Tuyên Công xong, sang Tề tạ ơn việc đã thành, thế là mưu của nghịch thần kết chung.

六月齊人取濟西田

LỤC NGUYỆT, TỀ NHÂN THỦ TẾ TÂY ĐIỀN

THÁNG SÁU, NGƯỜI TỀ LẤY RUỘNG TẾ TÂY, (ĐỖ CHÚ CHO RUỘNG ĐÓ TRƯỚC LÀ CỦA NƯỚC TÀO. HI CÔNG NĂM THỨ 31, TẤN VĂN LẤY RỒI CHIA CHO NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Tháng sáu, người Tề lấy ruộng Tế Tây, ruộng đó, Lỗ Công hối lộ cho Tề để được nối ngôi.

Công Thị - Nước ngoài lấy ấp thì không chép. Đây sao chép? Là vì hối lộ cho nước Tề. Sao lại hối lộ. Là vì giết vua nhỏ.

Cốc Thị - Đã là Sử trong nước thì không chép chữ thủ là lấy. Đây chép lấy, là vì đất ấy của nước khác giao cho Lỗ, Lỗ lại cho Tề.

Trình Tử - Tuyên Công nhân việc bất nghĩa, được ngôi vua, hối lộ Tề để cầu Tề giúp. Tề nhận, giúp kẻ bất nghĩa. Cho nên chép là lấy. Đã bất nghĩa thì không giữ được đất, cho nên không chép là của ta. Mà cũng không phải dùng quân đội để lấy, cho nên không phải kiêng. Đã không phải là của mình có, mà lại mất thì đều tránh kiêng nói rõ.

秋郳子來朝

THU, CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC CHÂU TỚI CHẦU

Hồ Ninh - Phàm việc triều sinh, thì kinh không chép. Chưa từng câu nào chép mà lại không có ý nghĩa. Tuyên Công được bọn giặc giết vua lập lên, Châu Tử tới chầu mà không thấy có lời chê, vì khi Châu Tử chầu Lỗ Hoàn đã bị chê. Công Dương có nói, về sau cứ theo đó, nghĩa là cũng chê như thế, cũng lối đó.

楚子鄭人侵陳遂侵宋

SỞ TỬ, TRỊNH NHÂN, XÂM TRẦN, TỤY XÂM TỐNG

VUA SỞ, NGƯỜI TRỊNH XÂM NƯỚC TRẦN, RỒI XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Người Tống giết Chiêu Công. Tuân Lâm Phủ đem quân các chư hầu đến đánh Tống. Tống và Tấn hòa. Tống Văn Công chịu thề với Tấn, lại hội cùng chư hầu tại đất Ung. Sắp cùng với Lỗ đánh Tề. Thế rồi mỗi nước được đồ hối lộ, là kéo quân về. Trịnh Mục Công nói: Tấn không đáng theo. Rồi chịu thề với Sở. Trần Cung Công mất. Người Sở đối với Trần không có lễ. Trần Linh Công mới hội thề với Tấn. Mùa thu, vua Sở đem quân xâm nước Trần, rồi xâm nước Tống.

晉趙盾帥師救陳

TẤN TRIỆU THUẪN SUẤT SƯ CỨU TRẦN

TRIỆU THUẪN NƯỚC TẤN CẦM QUÂN CỨU NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Tấn Triệu Thuẫn cầm quân cứu nước Trần, nước Tống.

Cốc Thị - Khen việc cứu nước Trần.

Trương Hiệp - Trần không có tội mà bị đánh, đáng được cứu. Tống có tội giết vua, không nên cứu, cho nên chép lược qua.

Gia Huyền Ông - Truyện chép là cứu Trần và Tống. Kinh không chép cứu Tống, không cho việc cứu Tống là phải. Tống mang tội giết vua. Người Tấn nhận hối lộ không đánh, mà Sở lại đánh, tuy rằng Sở mục đích không phải vì việc nghĩa mà đánh Tống, nhưng giặc thí nghiệm thì ai nấy đều có quyền trị. Sở trị, Tấn cứu. Cho nên Xuân Thu không cho cứu là phải.

宋公陳侯衛侯曹伯會晉師于棐林伐鄭

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, HỘI TẤN SƯ VU PHỈ LÂM PHẠT TRỊNH

TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, HỘI VỚI QUÂN TẤN Ở ĐẤT PHỈ LÂM, ĐẤT NƯỚC TRỊNH, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Hội tại Phí Lâm để đánh Trịnh, Tướng Vĩ Giả nước Sở cứu Trịnh. Hai bên quân gặp nhau ở Bắc Lâm, đất nước Trịnh, Sở bắt được tướng Tấn là Giải Dương, Quân Tấn lui về.

Công Thị - Đây là quân đội của Tấn Triệu Thuẫn. Tại sao không nói là quân đội của Triệu Thuẫn? Vì vua chư hầu không thể chép là cùng hội với đại phu.

Cốc Thị - Liệt kê cả các chư hầu mà hội với Triệu Thuẫn nước Tấn, thế là làm cho việc của Triệu Thuẫn thành to, thành quan trọng. Sao lại viết là quân đội. Để làm cho to chuyện. Dừng lại đất Phí Lâm rồi mới kéo đi đánh Trịnh. Sao lại chép nơi dừng quân. Là để cho rõ cách oai hùng.

Đỗ Dự - Quân đội Tấn cứu Trần, Tống. Vua bốn nước tới hội để cùng đánh Trịnh. Không nói hội với Triệu Thuẫn, mà nói là hội với quân Tấn. Thế là hội họp binh, chứ không phải hội giao hiếu.

Lục Thuần - Công Dương nói, đó là quân đội của Tấn Triệu Thuẫn. Sao không nói ngay là quân đội của Triệu Thuẫn. Vì vua không hội với đại phu. Triệu Thị có bàn: "Xét trong thời Xuân Thu, chư hầu hội với đại phu không phải chỉ có một lần. Sao ở đây lại cứ phải bàn về nghĩa". Cốc Lương có nói: Liệt kê chư hầu, mà hội với Tấn Triệu Thuẫn là làm cho việc Triệu Thuẫn

to ra, quan trọng ra. Đạm Tử thì bàn rằng, quân đội Tấn trước đã chép. Nay bốn nước tới hội, thì việc cũng là lệ thường. Còn có gì mà phải giải nghĩa. Lại nói: Ghi nơi họp, rồi sau mới đánh Trịnh là lời chép nghi ngờ. Triệu Tử có bàn: Phàm nhiều nước họp lại cùng làm việc, thì cái lý do, Xuân Thu chỉ ghi đại cương, để cho rõ là phải hay không phải chứ đâu có lệ cứ phải xét "có mưu bàn" hay "không mưu bàn" mà họp. Lại nói: Đây chép nơi họp là cho việc đẹp thêm quan trọng thêm. Xét Xuân Thu chưa có lấy việc ghi nơi họp làm lệ khen.

Xét - Hồ Truyện bàn là sau câu "Tấn, Triệu Thuẫn suất sư", mới thấy chép liệt kê các vị chư hầu, mà lại chép tên họ đại phu, thì thành ra thần ngang với quân, thế thì không còn để dạy ai được. Vì thế, chép là hội với quân Tấn, là để cẩn trọng lễ nghi. Đấy là gốc cái thuyết của Công Dương bảo "vua không hội với đại phu". Thế mà khảo cứu trong Kinh Xuân Thu thì chưa hẳn là như thế. Bảo rằng: "Thần không thể ngang với đại phu, cho nên quân không hội với đại phu", thì hội với quân đội cũng vậy, mà hội thề cũng như thế. Thư Văn Công, năm thứ 14, thề ở Tân Thành, mà tên Tấn Triệu Thuẫn, liệt kê dưới các vua chư hầu, đầu có hiềm là ngang với vua: Hi Công Công năm thứ 25, thề ở Thao, có Cử Khánh: năm thứ 26 thề ở Hướng, có Vệ Ninh Tốc hành Công năm thứ 15, thề ở Thích, có Tề Quốc Tá, Định Công năm thứ 4. Thiệu Lăng xâm Sở, thì có Tề Quốc Hạ, đều có vua hội với đại phu, văn Kinh Xuân Thu đều liệt kê, mà không có lời nào khác cả. Sao đối với những trường hợp ấy, không thấy cẩn trọng về lễ nghi. Vậy ở nơi đây, chép là quân đội Tấn mà không chép Triệu Thuẫn, thì cái nghĩa là thế nào. Vả lại hoặc quân đội, hoặc đại phu, thì cũng như nhau. Ở một hội thì lấy người cùng hội làm chủ. Ở việc chinh chiến, thì các người cùng dự đều tôn trọng, nghĩa, mà có cần đến đại phu, thì chép đại phu, nghĩa mà có cần đến quân đội thì chép quân đội, bất tất là cứ phải chép đại phu. Đỗ Dự bảo rằng hội về quân thì vẫn không phải là hội hay. Đỗ Dự bàn phải. Cốc Lương bàn rằng: Hội ở đất Di, trước chép tên đất, sắp chép việc đánh, cho là nghi từ, là để cho rõ ý hay. Hồ Thị nghe theo. Triệu thị thì bác đi rất là phân minh cho nên nay không chép vào đây lời bàn của Công Thị, Cốc Thị, Hồ Thị.

冬晉趙穿出師侵崇

ĐÔNG, TẤN TRIỆU XUYÊN SUẤT SƯ XÂM SÙNG

MÙA ĐÔNG, TRIỆU XUYÊN NƯỚC TẤN CẦM QUÂN XÂM NƯỚC SÙNG

Tả Thị - Tấn muốn cầu hòa với Tần. Triệu Xuyên nói: Ta xâm nước Sùng. Tần giáp Sùng tất tới cứu. Bấy giờ ta cầu hòa mới dễ. Mùa đông, Triệu Xuyên xâm Sùng. Tần không chịu hòa với Tấn.

Công Thị - Sùng là gì? Là ấp của Thiên Tử. Tại sao không nói đến Chu? Là không muốn cho đánh Thiên Tử.

Lưu Sưởng - Công Dương cho Sùng là ấp của Thiên Tử. Không nói đến Chu. Vì không có đánh Thiên Tử. Công Dương bàn sai. Giả thử cứ cho như Công Dương nói đất của Chu là đúng sự thật thì Triệu Xuyên mà dám đánh, là Tấn bị tội lớn, sao Kinh Xuân Thu lại không chê.

Gia Huyền Ông - Tấn muốn cầu hòa với Tần, sao không sai sứ tới nói rõ tình giao hiếu các vua trước, thì Tần cũng chịu hòa. Nay lại xâm nước Sùng để cầu hòa Với Tần. Thì Tần lại càng phải tức giận, mà việc chiến tranh lại càng khó gỡ. Xét cái chí của Xuyên chỉ là sinh chuyện, để giữ lấy binh quyền.

晉人宋人伐鄭

TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, PHẠT TRỊNH

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Người Tấn đánh Trịnh là để báo lại việc Bắc Lâm. Thế là vua Tấn bắt đầu ngang ngược. Triệu Tuyên Tử nhiều lần can mà không được nghe, cho nên Tấn không hơn được Sở.

Cốc Thị - Đánh Trịnh là để cứu Tống.

Gia Huyền Ông - Mùa thu, Tấn đánh Trịnh thì chép cả tước. Nay đánh Trịnh, thì chép là người Tấn. Sao thế? Vì Trịnh hợp với Sở, đánh Trịnh là vì lẽ công. Tấn ăn hối lộ, giúp việc

thoán nghịch, rồi lại đi với Tống để đánh Trịnh là vì lợi tư. Cho nên đánh Trịnh thì chép tước, vì Tống mà đánh Trịnh thì chép người Tấn, đánh Trịnh thì nên. Vì Tống mà đánh Trịnh thì không nên.

Năm Giáp Dần. Vua Khuông Vương năm thứ 6.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tấn Linh năm thứ 14. Tề Huệ năm thứ 2. Vệ Thành năm thứ 28. Sái Văn năm thứ 5. Trịnh Mục năm thứ 21. Tào Văn năm thứ 11. Trần Linh năm thứ 7. Kỷ Hoàn năm thứ 30. Tống Văn năm thứ 4. Tần Cung năm thứ 2, Sở Trang năm thứ 7.

春王二月壬子宋華元帥師及鄭公子歸生

帥師戰于大棘宋師敗績獲宋華元

XUÂN VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, NHÂM TÝ, TỐNG HOA NGUYÊN SUẤT SƯ CẬP TRỊNH, CÔNG TỬ QUY SINH SUẤT SƯ, CHIẾN VU ĐẠI CỨC. TỐNG SƯ BẠI TÍCH HOẠCH TỐNG HOA NGUYÊN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY NHÂM TÝ, HOA NGUYÊN NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN VÀ QUY SINH CON VUA VĂN CÔNG NƯỚC TRỊNH, CẦM QUÂN ĐÁNH NHAU Ở ĐẠI CỨC. QUÂN ĐỘI TỐNG TAN VỠ, HOA NGUYÊN NƯỚC TỐNG BỊ BẮT

Chiến tranh từ đây bắt đầu chép đại phu cầm quân.

Tả Thị - Năm thứ hai, mùa xuân. Trịnh Công tử Quy Sinh, tuân mệnh Sở đem quân đánh Tống. Hoa Nguyên và Nhạc Lữ nước Tống chống lại. Tháng hai năm Nhâm Tý, đánh nhau tại đất Đại Cức. Quân Tống tan vỡ. Hoa Nguyên Nhạc Lữ, bị bắt

cùng với 460 chiến xa, và 250 quân. Một trăm quân bị giết lấy mất đầu. Một người Tống tên là Cuồng Giảo đương đầu với một quân Trịnh. Quân Trịnh nhảy xuống giếng. Giảo quay cán giáo đưa cho vịn vào lên được khỏi giếng. Thế là Giảo bị tên quân Trịnh đó bắt. Người quân tử bàn: Đã trái lẽ thường và sai lệnh trên, bị bắt là đáng lắm. Lẽ thường là ra trận phải có can đảm, có nghị lực, mà theo lệnh trên. Giết được giặc là can đảm đến tột bực là có nghị lực. Trái thế là đáng bị xử tử. Khi sắp sửa đánh nhau. Hoa Dương có cho làm thịt con dê đãi tướng sĩ. Viên Xa ngự là Dương Châm không được phần thịt. Đến khi chiến, Châm nói: Hôm qua việc chia thịt dê, ngài là chủ, việc hôm nay, tôi là chủ. Đánh xe Hoa Nguyên, hắn cho ngựa đi thẳng vào giữa đám quân Trịnh, vì thế Sinh thua to. Người trí thức bàn là Dương Châm không đáng làm người, vì một chút hận nho mà hại nước, chết dân, còn tội nào nặng hơn, Kinh Thi có thiên: Người vô lương, chính là hạng Dương Châm, làm hại dân để báo được thù vặt.

Người Tống lấy một trăm cỗ chiến xa và một trăm xe thường giong bốn ngựa để chuộc Hoa Nguyên. Khi một nửa số xe vào Trịnh rồi, thì Hoa Nguyên trốn ra được và trở về Tống. Dừng lại ở cửa Thành, xưng tên rồi vào. Gặp Thúc Tường (Dương Châm) nói: Lỗi ở ngựa không hay. Châm đáp: Không phải tại ngựa, chính là tại người. Nói xong, bỏ đi sang Lỗ.

Thành quách Tống phải tu bổ lại. Hoa Nguyên đốc công, đi quanh thành, thường nghe tiếng phu hát: Mắt lồi bụng phệ bỏ giáp mà về, mặt mày râu ria, bỏ giáp mà về. Hoa Nguyên cho một phu dịch lên cùng ngồi xe hỏi: bò còn có da, tê giác chưa thiếu, bỏ giáp có làm sao. Người phu nói: Đã đành da bò còn, nhưng tìm đâu ra sơn, ra thuốc để chế giáp Hoa Nguyên nói: Cho xuống, người cãi ta thì nhiều, ta một mình chống đối sao (ý nói Hoa Nguyên tự biết mình mà không thù ai).

Cốc Thị - Dùng chữ hoạch là chữ xấu, không hay gì cho người bị hoạch, lấy toàn quân để cứu tướng, đem cả ba quân dịch với một Hoa Nguyên. Có bị bắt Hoa Nguyên cũng không phục. Hồ Truyện - Hai bên quân đánh nhau. Chủ tướng bị bắt. Thua là

rõ lắm. Lại chép quân đội tan vỡ, thì lời chép thừa. Rõ ràng là đại phu dù cho có quý, cũng như quân thôi. Cho nên tướng quý mà quân ít thì chép tướng, chứ không chép quân. Quân đông, tướng kém hèn, thì chép quân đội, không chép tướng. Tướng quý, quân quý cùng chép cả, là để vị nhân quân biết rõ, đừng nên khinh thường việc dùng quân đội kén chọn tướng lĩnh. Nghĩa thật là sâu sắc.

Có người bàn rằng: Nguyên súy là cầm đầu tam quân, mà khinh trọng đến như thế. Lấy việc hành binh mà xét thì nguyên súy là cầm đầu. Lấy việc nước mà xét, thì được lòng dân chúng là căn bản. Nước Trịnh sai Cao Khắc cầm quân, chống với rợ Địch ở biên cương, ý muốn cho Khắc đi xa, mà không để ý đến quân. Sở lấy ít quân đi theo Đắc Thần, là sợ hại đến quân mà không để ý đến tướng. Cho nên Trịnh có tội khinh thường bỏ quân đội. Sở có tội giết đại phu. Có rõ nghĩa đó, sau mới hiểu được đạo vương giả và quyền hành có nặng nhẹ.

Xét - Việc chiến ở Hào, không chép là quân đội bị tan vỡ, mà chép là bị bắt. Cốc Lương cho là Tấn hầu đã mất dân. Đây thì, trước chép quân đội tan vỡ, mà sau thì chép bị bắt. Thế tức như là cho Hoa Nguyên đã được quân dân. Triệu Khuông thì lại bác lời bàn ấy. Lý Liêm cho là Triệu Khuông nói có lý. Nay xét trong kinh, phàm không chép quân tan vỡ, mà chép vua hay tướng bị bắt, có hai trường hợp, một là việc chiến ở Hàn, hai là Tương Công năm thứ 8, Trịnh bắt được Sái, Công tử Tiếp.

Trước chép quân đội thua, mà sau chép bắt được vua và tướng có năm trường hợp: việc kể ở đây và các việc, Trang Công, năm thứ 10, Sở đánh thua quân đội Sái bắt vua Sái về; Hi Công năm đầu, Lỗ đánh tan quân nước Cử, bắt Cử Nô: Chiêu Công, năm thứ 23, Ngô đánh tan quân đội Đốn, Hồ, Thẩm, Sái, Trần, Hứa bắt Trần Hạ Khiết; Ai Công năm thứ 11, quân Tề tan vỡ. Tề Quốc Thư bị bắt. Sái Tiết, vốn chưa thấy là mất dân, không được dân phục. Hiến Vũ, Hạ Khiết, Quốc Thư, cũng chưa nghe thấy nói là được dân, tựa như là Tướng cũng trọng mà quân cũng trọng.

Cho nên nay bỏ lời bàn của Cốc Lương mà giữ lời bàn của Hồ Truyện.

秦師伐晉
TẦN SƯ PHẠT TẤN
QUÂN TẦN ĐÁNH TẤN

Tả Thị - Quân Tần đánh Tấn, để báo lại trận ở Sùng, rồi vây Tiêu, một ấp ở ngoài nước Tấn.

Hồ Truyện - Xét Tả Thị cho là báo trận Sùng rồi vây tiêu. Tấn mà dùng đại binh ở Sùng là do ý riêng của Triệu Xuyên, vậy quân đem ra là vô danh, cho nên chép là xâm. Người Tần vì thế, nhưng binh báo thù để hỏi Tấn về tội đem quân vô danh tới. Cho nên chép là phạt. Ở đời có nước nào muốn cầu hòa với một nước lớn, mà lại đi xâm một nước nhỏ vốn thân với nước lớn đó, để mong được hòa. Tình ý của Xuyên thật là rõ. Tuyên Tử cầm vận mệnh nước sao không biết tính toán lo liệu lại hôn mè thế mà nghe theo, tinh ý của Thuẫn cũng rõ rồi. Kinh Xuân Thu chép việc, hoặc chép hay san, hoặc theo hay bỏ, tất là có cớ. Một chữ xâm, một chữ phạt, dùng khác nhau, lại không chép việc vây ấp Tiêu sở dĩ để trị tội Khanh sĩ nước Tấn về việc xâm, nguyên nhân từ đâu cứ dần dần rõ.

夏晉人宋人衛人陳人侵鄭
HẠ, TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TRẦN NHÂN, XÂM TRỊNH
MÙA HẠ, NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRẦN XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, Triệu Thuẫn nước Tấn cứu Tiêu. Rồi từ đất Âm Địa (nước Tấn) đem quân chư hầu xâm nước Trịnh để báo thù trận Đại Cức. Đấu Tiêu nước Sở cứu Trịnh có nói: "Đã muốn làm chủ các chư hầu, mà lại còn muốn tránh các điều khó khăn". Thế mà đình quân tại nước Trịnh, để đợi quân Tấn tới, Triệu Thuẫn nói: "Tiêu đang mạnh, gần như Sở. Đánh sẽ bị thua. Hãy để cho nó yếu dần". Triệu Thuẫn đem quân về.

Đỗ Dự - Trịnh vì Sở mà đánh Tống bắt được đại phu Tống,

Tấn Triệu Thuẫn cùng quân chư hầu muốn báo thù cho Tống, nay sợ Sở mà kéo quân về, mất hẳn cái nghĩa của ngôi bá chủ, cho nên chê, mà chép là "người Tấn".

秋九月乙丑晉趙盾弑其君夷皋

THU, CỬU NGUYỆT, ẤT SỬU, TẤN TRIỆU THUẪN THÍ KỲ QUÂN DI CAO

MÙA THU, THÁNG 9, NGÀY ẤT SỬU, TẤN TRIỆU THUẪN GIẾT VUA LÀ DI CAO

Tả Thị - Linh Công nước Tấn là hạng không đáng làm vua, lấy thuế nặng, dùng vào việc sơn chạm cung điện, đứng trên đài cao, bắn dân, để xem người chạy tránh đạn. Có người bếp, sai luộc món chân gấu, luộc chưa được chín, bị giết, xác gói buộc, đặt vào trong sọt to, sai một thị nữ mang ra khỏi cung. Triệu Thuẫn và Sĩ Hội vô tình trông thấy, một cánh tay thò ra ngoài sọt, giữ người thị nữ lại, hỏi biết chuyện, rất lo buồn, muốn can vua: Sĩ Hội nói: Nếu ngài can mà vua không nghe thì còn ai dám can nữa. Xin để tôi can trước, không được đến lượt ngài. Sĩ Hội vào cung, tiến vào ba lần cửa mới gặp ở dưới hiên. Vua nói ngay: "Tôi biết lỗi rồi. Tôi sẽ sửa lỗi" Sĩ Hội dập đầu lại tâu: Người ta ai mà không có lỗi, có lỗi mà biết sửa thì còn gì hay bằng. Kinh Thi có câu: Người ta lúc đầu ai chả hay, nhưng ít người được hay đến lúc cuối. Thế thì ít người biết sửa lỗi. Nhà vua có thể hay đến lúc cuối, tức là làm cho xã tắc vững bền, dâu có phải chỉ riêng bách quan được nhờ. Kinh Thi lại có câu: Khi áo cổn có chỗ rách, thì đã có quan Trọng Sơn Phủ vá lại (Kinh Thi, Đại Nhã). Khi vua biết sửa lỗi thì áo cổn không hư. Thế rồi chẳng thấy đổi lỗi gì cả.

Tuyên Tử nhiều lần can. Vua lo ngại, sai Sừ Nghê giết. Một buổi sớm, Nghê tới nhà Tuyên Tử, thấy cửa buồng đã mở. Tuyên Tử đã mặc áo trào sắp sửa đi chầu. Trời còn sớm, cứ mũ áo, ngồi thiu thiu đợi. Nghê lui ra thở dài, nói to: Người mà không quên cung kính, đáng làm chủ dân. Giết người chủ dân là bất trung, bỏ mệnh vua không tuân là bất tín. Bị một trong hai tội

ấy, thà chết còn hơn". Thế là đứng giữa sân, đập đầu vào cây hòe chết.

Mùa thu, tháng chín, Tấn hầu mời Triệu Thuẫn ăn tiệc, phục giáp binh để giết. Gia thần là Đề Di Minh biết bước vội lên thềm nói to, bầy tôi hầu rượu vua không được quá ba chén. Thế là đỡ chủ bước xuống sân. Vua suýt chó đuổi. Minh đập chết chó. Tuyên than rằng: Bỏ người dùng chó, dù đấy là chó ngao, chó dữ, có làm gì được. Các giáp sĩ ồ ra. Triệu Tuyên chống đỡ, thoát được, nhưng Đề Di Minh chết. Xưa kia, Tuyên Tử đi săn ở núi Thủ Sơn, nghỉ ở bãi Ế Tang, thấy một người xưng là Linh Chiếp đói gần chết. Tuyên Tử hỏi bị bệnh gì. Chiếp thưa là đã ba ngày không được ăn. Tuyên Tử cho ăn, Chiếp để riêng ra nửa xuất ăn. Thấy thế, Tuyên Tử hỏi, Chiếp nói: Đã ba năm, đi học xa, không về nhà, không biết mẹ còn sống không. Nay đã gần tới nhà. Đem nửa phần này biếu mẹ. Tuyên Tử bảo cứ ăn hết đi, rồi sai đặt vào bao, một giỏ cơm, đồ ăn, để cho đem về biếu mẹ. Về sau, Chiếp được ở trong số giáp sĩ, Chiếp quay giáp lại, chống với các giáp sĩ của vua, để cho Tuyên Tử đi thoát. Tuyên Tử hỏi duyên cớ. Nói: Tôi là người chết đói ở Ế Tang. Hỏi tên ngày nay và nơi ở không nói. Rồi rút lui, đi mất.

Ngày Ất Sửu, Triệu Xuyên đánh và giết Linh Công ở Đào Viên. Khi đó, Tuyên Tử đã bỏ, định ra khỏi nước, nhưng chưa vượt biên giới, nghe tin, vội quay về, Quan Thái Sử sau có chép: Triệu Thuẫn giết vua. Cả triều đều biết Tuyên Tử cãi là không phải. Thái Sử đáp: Ông làm Chính Khanh, bỏ đi, chưa ra khỏi nước thì chưa trở lại. Đã trở lại mà không làm tội bọn giết vua, thế thì chả là ông giết vua, còn là ai. Tuyên Tử than: Kinh Thi có câu, vì lòng luyến tiếc, di họa về sau. Thật đúng việc của ta ngày nay.

Khổng Tử nói: "Đổng Hồ là một lương sử thời xưa. Cứ theo phép chép đúng, không giấu việc. Còn Triệu Tương Tử là lương quan thời xưa, cứ theo phép chịu tiếng xấu. Tiếc thay, nếu ra khỏi được biên giới thì không có tội".

Tuyên Tử sai Triệu Xuyên đón Công tử Hắc Đồn ở Chu về, lập lên ngôi. Ngày Nhâm Thân, lễ chầu tại Vũ Cung.

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, thời loạn Ly Cơ, nước Tấn bỏ hẳn lệ cho các Công tử con vua, chức vụ và ruộng ấp. Từ đó, Tấn không có hạng Công tộc nữa. Đến khi thành Công Hắc Đồn lên ngôi, mới sinh ra lệ cho con cả vợ đích các vị khanh được ấp ruộng lấy làm Công tộc. Các con thứ của vợ đích cũng được chức vị ruộng đất, lập ra làm Công hàng. Tấn từ đấy có công tộc. Công hàng, Triệu Thuẫn xin cho Quát và Công tộc (Quát là em khác mẹ của Thuẫn, mẹ là con gái Văn Công, em Thành Công). Tuyên Tử nói: Đó là con quý của vua Cơ thị. Không có Cơ thị thì thần đâu có được như ngày nay. Thành Công chấp thuận. Mùa đông. Triệu Thuẫn được coi đoàn chiến xa, mới để cho Quát chức vụ Trưởng tộc. Vì thế, Quát được phong là, Công tộc đại phu.

Cốc Thị - Xuyên giết vua. Thuẫn không giết vua mà chép là giết. Tại sao? Là tội ở Thuẫn. Sao vậy? Linh Công bậy, như bắn người để coi người tránh đạn. Thuẫn vào triều can. Vua không nghe. Thuẫn chạy trốn ra gần biên giới, thì ở nhà Xuyên giết vua, rồi mời Thuẫn trở về. Sử Hồ chép là Triệu Thuẫn giết vua. Thuẫn nói: Ngài là chính Khanh. Can vua, vua không nghe, trốn đi, ra chưa khỏi nước. Vua bị giết. Lúc về, ngài không trị giặc, thế là đồng mưu, thì chép là giết, không phải là ngài giết thì còn ai.

Vì thế, Kinh chép Tấn Triệu Thuẫn giết vua là Di Cao. Ở dưới lại chua bàn: như Thuẫn thì đáng gọi là trung thần, như Hứa Thế Tử Chỉ thì đáng gọi là hiếu tử.

Triệu Khuông - Tả Thị có kể rằng Trọng Ni nói: "Tiếc thay, ra khỏi nước thì khỏi tội". Xét, Đổng Hồ có nói, đi chưa ra khỏi nước, thế nghĩa là đi chưa xa mà vua đã bị giết. Lúc về lại không trị giặc, tức là đồng mưu, chứ đâu có phải chỉ ra khỏi nước là hết tội. Viết truyện không hiểu rõ ý đó, rồi đặt nên lời truyền lại. Nếu thực như thế thì kẻ gian thần cứ việc sai người giết vua, trong lúc đó mình tránh ra khỏi nước, thế là mình khỏi mang tội giết vua hay sao?

Chu Tử - Tả Thị kiến thức hẹp hòi bàn rằng: Khổng Tử nói tiếc thay qua biên giới là khỏi tội, như thế thì cứ tránh đi

rồi coi lúc thuận là được. Thánh nhân làm Kinh Xuân Thu, mà loạn thần tặc tử phải sợ. đâu lại có chuyện trường hợp trái ngược, tha tội được.

冬十月乙亥天王崩

ĐÔNG THẬP NHỊ NGUYỆT, ẤT HỢI, THIÊN VƯƠNG BĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY ẤT HỢI, THIÊN TỬ MẤT

Năm Ất Mão. Vua Định Vương năm đầu.

三年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Thành Công, Hắc Đôn, năm đầu. Tề Huệ năm thứ 3. Vệ Thành năm thứ 29. Sái Văn năm thứ 6. Trịnh Mục năm thứ 22. Tào Văn năm thứ 12. Trần Linh năm thứ 8. Kỷ Hoàn năm thứ 31. Tống Văn năm thứ 5. Tần Cung năm thứ 5. Sở Trang năm thứ 8.

春王正月郊牛之口傷改卜牛牛死乃不郊

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, GIAO NGƯU CHI KHẨU THƯƠNG, CẢI BỐC NGƯU. NGƯU TỬ NÃI BẤT GIAO.

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CON BÒ NUÔI ĐỂ TẾ GIAO ỐM, MÕM BỊ THƯƠNG BÓI CHỌN BÒ KHÁC BÒ KHÁC CHẾT, THÔI, KHÔNG CÓ TẾ GIAO NỮA

Công Thị - Sao lại chép mõm bị thương? Là lời có khoan hoãn. Sao không bói nữa? Phép nuôi súc vật để tế thì nuôi hai con. Con vật tế Đế, bói không được quẻ cát, thì lấy con vật tế nền Tắc bói thay. Vật tế Đế ở chuồng riêng ba tháng. Vật tế

nên Tắc cũng thế. Tế giao sao lại cứ phải có tế Tắc? Vì Vương giả tất là phải lấy tổ tiên phối vào. Tại sao thế? Tại vì cũng như lễ thường. Từ trong đi ra, thì phải có bạn lứa. Từ ngoài đi vào, tức là khách, phải có chu đón mời dừng lại.

Cốc Thị - Chi khẩu, mõm, là lời hòa hoãn. Ốm đau là tự bò làm ra. Bói đổi bò. Bò sau lại chết, mới thôi tế Giao. Thế là việc biến. Mới thôi, là không có nữa, đó là người định.

Cao Kháng - Lỗ tiếm dùng lễ Giao đã lâu. Dưới các đời vua Lỗ, Ẩn, Hoàn, Trang, Mẫn, không chép, thế là thánh nhân không dám vô cớ lấy lời chê trách lỗi của hàng quân phụ. Cho nên chỉ nhân có việc biến, việc lạ mới chép.

Uông Khắc Khoan - Xuân Thu chép về bò tế giao chết, phải bói bò khác, tất cả bốn lần. Lần năm nay, bói đổi bò, rồi bò khác lại chết. Thành Công năm thứ 7, chuột độc cắn bò tế, phải bói đổi bò khác. Cho nên đều bỏ tế Giao. Định Công năm thứ 15. Ai Công năm đầu chuột độc cắn bò tế, bói đổi bò, mà không có việc biến nữa, lại tế Giao được. Cho nên biết được rằng, bỏ tế Giao không phải là có ý hối không được tế. Vì có sự gì phi lễ. Sự thật là bò tế hai lần bị tai biến, thì bất đắc dĩ mà bỏ tế Giao, đặc biệt chép: "mới thôi" tế Giao, cũng như chép mới về, mới lại, mới chôn, chữ mới là nói rồi đấy, kế tiếp việc trước, chỉ biết nguyên do là bò tế bị tai dị. Kinh Xuân Thu chép "bỏ tế Giao" tất cả bốn lần: Thành Công năm thứ 10, Tương Công năm thứ 11, đều nhân bói thấy quẻ bất cát mà bỏ tế. Tức là sự thành ý của vua Lỗ không đủ để tế trời, Năm nay và Thành Công năm thứ 7, vì bò bị tai biến bỏ tế Giao, nhưng giữ tế Tam Vọng. Thế là trời đã cho biết ý trách mà người không biết thôi.

猶 三 望

DO TAM VỌNG

CÒN TẾ TAM VỌNG

Tả Thị - Mùa xuân, không tế Giao, mà tế Vọng. Đều là phi lễ, Vọng là thuộc về Giao. Đã không có Giao thì đừng Vọng mới là phải.

Hồ Truyện - Về Tam Vọng, Công Dương nói là tế Thái Sơn, tế Hà, tế Hải. Xét, Thiên Tử có cả thiên hạ. Phàm trong vũ trụ, núi cao, sông lớn, Thiên Tử đều trông coi. Cho nên có tế trời, và các phương đều được vọng tế, không đâu là quên sót, là không tới được. Còn như chư hầu, mỗi chư hầu có một nước, ngoài nước mình có người khác làm chủ, như thế thì tế Vọng sao được. Nhà họ Quí tế ở Thái Sơn, Nhiễm Cầu không hay can ngăn cứu vãn. Phu Tử trách là Lỗ Hầu làm chủ, có việc gì đến đại phu. Họ Quí đã không được phép tế Thái Sơn thì Hà và Hải có ở trong đất nước Lỗ đâu mà Lỗ Hầu được tế. Lý lẽ rõ ràng. Chữ do (chữ còn), chép ra đây, ý nghĩa là không nên làm, mà cứ làm.

葬匡王
TÁNG KHUÔNG VƯƠNG
LỄ CHÔN VUA KHUÔNG VƯƠNG

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu đánh nước Trịnh, quân tiến tới đất Diên (nước Trịnh). Trịnh cùng Tấn hòa. Sĩ Hội chủ thề.

Gia Huyền Ông - Hoàn Vương 7 năm mới lễ chôn, chê là chậm. Khuông Vương bốn tháng đã lễ chôn, chê là vội.

楚子伐陸渾之戎
SỞ TỬ PHẠT LỤC HỒN CHI NHUNG
SỞ TỬ ĐÁNH RỢ LỤC HỒN (RỢ NHUNG)

Tả Thị - Sở Tử đánh rợ Nhung Lục Hồn. Rồi tiến tới đất Lạc, diễn binh ở biên giới nhà Chu. Vua Định Vương sai Vương Tôn mãn ra thăm hỏi, Sở Tử hỏi Vương Tôn về chín đỉnh nặng nhẹ. Vương Tôn đáp: Quan trọng là đức độ, chứ không ở cửu đỉnh. Xưa vua Hạ, đương thời có đức, các phương xa dâng đồ vật tới. Chín châu đưa kim chất tới, vua mới cho lấy vàng đúc thành đỉnh hình núi, sông, phương vật đầy đủ, để cho dân biết rõ ngay, gian, để cho dân khi qua sông, ngòi, rừng, núi không bị trắc trở, tránh được tà ma, quỷ quái. Thế là trên dưới vua dân biết hòa

hiệp, để hưởng lộc trời. Vua Hạ Kiệt đức mờ tối, đỉnh mới dời về nhà Thương, trị vì sáu trăm năm. Vua Thường Trụ bạo ngược, đỉnh mới dời về nhà Chu. Khi đức sáng, thì đỉnh dù nhỏ, mà vẫn nặng. Khi gian tà hôn loạn, thì đỉnh dù to, mà vẫn nhẹ. Trời cho đức sáng, có chừng mực, có thời hạn. Vua Thành Vương đặt đỉnh ở đất Giáp Nhục. Bói trước đời vua, được 30 vua. Bói số năm, được 700 năm, Nhà Chu đức dù có suy, mệnh trời chưa đổi. Đỉnh nặng nhẹ chưa nên hỏi tới.

Triệu Bằng Phi - Lục Hồn ở khoảng các sông Y và Lạc, ở giáp thành nhà Chu. Sở đối với Lục Hồn không có hận thù gì. Quân của Sở trang Vương không có ghét Lục Hồn. Sở chỉ là thèm đỉnh nhà Chu. Muốn dựng nghiệp bá, theo nghĩa, cứ phải là tôn Chu. Bỏ nghĩa ấy, thì không thể ra lệnh được chư hầu, mà Sở Trang Vương đã phạm vào điều cấm kỵ của thiên hạ, cho nên không thể bá chủ chư hầu được, mà chỉ đứng đầu được rợ Nhung thôi. Vậy không nên lạ.

夏 楚 人 侵 鄭

HẠ, SỞ NHÂN XÂM TRỊNH

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, người Sở xâm Trịnh vì cớ Trịnh theo Tấn.

Gia Huyền Ông - Kinh Xuân Thu, sau câu: Sở đánh Lục Hồn, chép luôn câu, người Sở xâm Trịnh, là ghét Sở, Trang vội vàng mưu làm bá chủ.

秋 赤 狄 侵 齊

THU, XÍCH ĐỊCH XÂM TỀ

MÙA THU, RỢ XÍCH ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Dư Quang - Xích Địch họ Ngỗi, thành riêng một giống, tại phía bắc Lộ Châu. Sơn Tây, phía đông giáp giới Lê Thành, tức là nước Lê thời cổ. Về giống, thì họ Lộ Thị, có Giáp Thị, ở gần nhau trên đất Lưu Hu. Xích Địch cách nước Tề rất xa, nay mới thấy Kinh chép là Xích Địch xâm nước Tề.

宋師圍曹

TỐNG SƯ VI TÀO

QUÂN ĐỘI NƯỚC TỐNG VÂY NƯỚC TÀO

Tả Thị - Tống Văn Công lên ngôi ba năm, giết Tu là em cùng mẹ, và một người con Chiêu Công. Vì họ Vũ trước muốn lập người khác lên ngôi. Văn Công sai họ Đái và họ Hoàn, đánh họ Vũ ở dinh quan Tư Mã Tử Bá, đuổi hết họ Vũ Mục. Họ Vũ Mục mới lấy quân nước Tào tới đánh Tống. Mùa thu, quân đội Tống vây Tào, báo thù loạn họ Vũ.

Cao Kháng - Loạn họ Vũ không phải người Tào sinh ra. Tống đã không giữ được hòa mục trong các họ, mà còn đem quân vây nước người ta, thì cũng là không phải.

Gia Huyền Ông - Tống Bào có tội lớn chưa bị trị, đã đem quân đi đánh người. Xuân Thu chép thế là chưa cần chê trách mà tội đã rõ.

冬十月丙戌鄭伯蘭卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, BÍNH TUẤT, TRỊNH BÁ LAN TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY BÍNH TUẤT, TRỊNH BÁ TÊN LÀ LAN, MẤT

Tả Thị - Mùa đông. Trịnh Mục Công mất. Xưa Trịnh Văn Công có người tiện thiếp tên là Yến Kết. Yến Kết mộng thấy người nhà trời cho một bông lan, và bảo rằng: "Ta là Bá Điều tổ nước Nam Yên của ngươi. Ngươi sẽ có một người con như hoa này, sẽ thành quốc hương, dân sẽ tin yêu". Rồi sau một hôm. Văn Công tới cho bông lan, và cho hầu. Yến Kết nói: Thiếp hèn hạ, nếu may ra sinh con, không ai tin, vậy xin cho phép giữ bông lan này làm tin. Công nói được. Sau sinh ra Mục Công, đặt tên là Lan.

Văn Công thông dâm với vợ Trịnh Tử (chú Văn Công) là Trần Qui, sinh ra con là Tử Hoa, Tử Tang. Tử Tang có tội, phải

trốn ra nước ngoài. Văn Công Tử Hoa giết đi ở Nam Lý, rồi sai cướp giết Tử Tang ở khoảng hai nước Trần, Tống. Văn Công lại thấy một người con gái ở đất Giang, sinh con là Công tử Sĩ. Sĩ tới chầu vua Sở. Người Sở cho uống rượu có thuốc độc, khi về đến đất Diệp thì chết. Văn Công lại lấy người con gái đất Tô sinh được hai con là Tử Hà, và Tử Du Di. Du Di thì chết non. Đại phu Duệ Giá ghét Hà, Văn Công cũng ghét không cho nối ngôi. Văn Công mới đuổi hết các Công tử, Công tử Lan chạy trốn sang nước Tấn, theo Tấn Văn Công trong trận đánh Trịnh.

Thạch Quí có nói: "Tôi nghe nói khi hai họ Cơ và Kết lấy nhau, con cháu vẫn được đông. Họ kết nghĩa là cát. Vợ chính xưa của Hậu Tắc là họ Kết. Nay Lan có mẹ là họ Kết (bố là họ Cơ). Nếu đời giúp cho, tất là được làm vua, con cháu sẽ đông. Hãy cho về Kinh đã, rồi sau ta sẽ được nhờ". Thạch Quý cùng với Khổng Tương Thư và Hầu Tuyên Đa đưa Lan về Kinh, lập minh ước ở tôn miếu, rồi lập lên làm vua để cùng với nước Tấn hòa.

Khi Mục Công ốm nặng có nói: "Khi Lan chết thì ta chết. Ta là Lan mà sinh ra đời". Đến hết mùa lan người ta tỉa lan, thế là Mục Công chết.

葬鄭穆公

TÁNG TRỊNH MỤC CÔNG

LỄ CHÔN TRỊNH MỤC CÔNG

Triệu Bằng Phi - Chôn mà không chép tháng là văn có thiếu sót, ngày Bính Tuất chết, mà lại ngày Bính Tuất chôn, thì không có lý. Chư hầu chết, năm tháng mới chôn. Nay tháng 10 chết, có chôn phải trong tháng ba, Trịnh mà vội chôn như thế là do mưu của Qui Sinh, Qui Sinh có ý hại vua nối ngôi, cho nên chôn mau để dễ làm việc thoán nghịch.

Nam Bính Thìn. Vua Định Vương, năm thứ hai.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Thành năm thứ 2. Tề Huệ năm thứ 4. Vệ Thành năm thứ 30. Sái Văn năm thứ 7. Trịnh Linh Công Di năm đầu. Tào Văn năm thứ 13, Trần Linh năm thứ 9. Kỷ Hoàn năm thứ 32. Tống Văn năm thứ 6. Tần Cung năm thứ 4. Sở Trang năm thứ 9.

春王正月公及齊侯平莒及郯 莒人不肯公伐莒取向

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG CẬP TỀ HẦU, BÌNH CỬ CẬP ĐÀM, CỬ NHÂN BẤT KHẲNG, CÔNG PHẠT CỬ, THỦ HƯỚNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG CÙNG TỀ HẦU CỐ GIÀN HÒA NƯỚC CỬ VÀ NƯỚC ĐÀM. NGƯỜI CỬ KHÔNG CHỊU. LỖ CÔNG ĐÁNH CỬ, CHIẾM ĐẤT HƯỚNG

Tả Thị - Năm thứ 4, mùa xuân, Lỗ Công cùng Tề Hầu bình nước Cử và nước Đàm. Người Cử không chịu, Công đánh Cử, chiếm đất Hướng. Thế là phi lễ. Bình một nước bằng lễ, chứ không bằng loạn. Đánh mà không trị cho yên, thế là làm loạn. Dùng loạn, để bình loạn thì sao gọi là bình trị, sao bảo là theo lễ, mà chả là phi lễ.

Công Thị - Đây là việc bình (làm cho yên) nước Cử. Sao lại chép chữ không chịu. Vì sao có chữ chiếm đất Hướng?

Cốc Thị - Chép chữ "cập" cũng là sử trong nước (Lỗ) chép. Bình cũng như thành, cho là xong, cho yên. Không chịu tức là không có thể chịu được. Đánh Cử thì còn được. Chiếm Hướng thì bậy. Người Cử từ chối, không chịu cho nước Yên. Đem quân đánh Cử là vì nghĩa. Nhưng chiếm Hướng không khải là nghĩa. Thế là nhân dựa vào nghĩa mà lấy lợi.

Đạm Trợ - Công Dương bàn tại sao chép là không chịu, là vì chiếm Hướng. Thánh nhân dạy người há lại đem việc Lỗ muốn lấy Hướng mà vu cho Cử về việc không chịu.

Triệu Khuông - Cốc Lương bàn, chép chữ không chịu là cũng có thể chịu. Xét kinh chép không chịu rõ là Cử không phải vì cớ gì khác thế mà bị Lỗ đánh. Rõ là chê Lỗ Công. Đánh nước Cử, Cốc Lương bảo là vì nghĩa, xét: không có mệnh Thiên Tử, không có mệnh bá chủ sao lại bảo được là nghĩa binh.

Lưu Sưởng - Người Cử không chịu, Công đánh Cử chiếm Hướng. Chép để chê. Chê gì? Bình Cử và Đàm thế là vì nghĩa, người Cử không chịu, tất là ta có điều không đúng nghĩa. Đánh Cử là cương quyết. Chiếm Hướng là vị lợi, không phải đường lối của người quân tử.

Vương Bảo - Chữ cập là, cùng có hai nghĩa. Cùng Tề, là chép việc Lỗ Công (cùng Tề Hầu). Cập Đàm và nước Đàm, là kể từ nước lớn, nước Cử đến nước nhỏ, nước Đàm.

Gia Huyễn Ông - Lỗ với Cử xưa nay vốn không nhường nhau. Lỗ lấy uy thế người Tề để bắt ép Cử nghe theo mình. Cử không chịu là phải lắm. Lỗ Tuyên Công đem ngay quân tới Cử mà chiếm lấy một ấp, thật là vô đạo. Cử xem việc lấy ấp Tế Tây hối lộ cho Tề, mà nay bắt Cử phải đền cho. Kinh đầu việc thì chép Lô Công cùng Tề Hầu mà cuối việc, thì chép chiếm Hướng. Thế là Kinh tất chê trách.

秦伯稻卒

TẦN BÁ, ĐẠO TỐT

TẦN BÁ TÊN LÀ ĐẠO MẤT

夏六月乙酉鄭公子歸生弒其君夷

HẠ LỤC NGUYỆT, ẤT DẬU, TRỊNH CÔNG TỬ QUY SINH THÍ KỲ QUÂN DI

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, NGÀY ẤT DẬU TRỊNH CÔNG TỬ LÀ QUY SINH GIẾT VUA LÀ DI

Tả Thị - Người Sở biếu Trịnh Linh Công con rùa to. Công tử Tống (Tử Công) và Tử Gia (Quy Sinh) sắp vào triều. Tử Công thấy ngón tay trỏ động mới bảo Tử Gia: "Khi ngón tay trỏ động là tôi sắp được ăn món lạ". Khi vào chầu, thấy người đầu bếp đang làm thịt rùa. Hai người nhìn nhau cười. Linh Công hỏi. Tử Gia nói thật. Khi dọn ăn, Linh Công mời các đại phu cùng ăn, cho gọi Tử Công, nhưng không cho ăn thịt rùa. Tử Công tức giận, nhúng ngón tay vào nồi, chấm mút, rồi đi ra. Vua Linh Công giận, có ý giết Tử Công. Tử Công bàn với Tử Gia nên giết vua trước, Tử Gia nói: "Con vật nuôi trong nhà đã già, còn không nỡ giết huống chi là vua". Tử Công mới cố gièm pha Tử Gia. Tử Gia cũng sợ vua giết nốt mình, mới đành lòng theo ý Tử Công. Mùa hạ, cùng giết Linh Công. Xuân Thu chép: Trịnh Công tử Quy Sinh (con Văn Công) giết vua là Di. Không chép chữ Tử Gia, vì Tử Gia nhát, không đủ quyền để ngăn nổi Tử Công. Người trí thức bàn: Người tốt có nhân, mà thiếu sức mạnh, thiếu vũ, thì làm việc không đạt được ý muốn.

Phàm vua bị giết, mà chép là vua, tức là vua vô đạo. Nếu chép bầy tôi, tức là tội ở bầy tôi. Người Trịnh lập Tử Lương, con Mục Công. Tử Lương từ chối: "Nếu vì hiền mà chọn thì Khứ Tật tôi không đáng. Nếu chọn tuổi thì Công tử Kiên lớn hơn". Thế là Kiên được lập tức là Tương Công. Tương Công muốn đuổi hết con cái của bố là Mục Công, trừ Tử Lương. Tử Lương can

nói: "Nếu giữ lại thì giữ lại hết, mà đuổi thì đuổi hết. Tôi ở lại làm gì?" Thế là được ở lại tất cả, và làm đại phu cả.

Lục Thuần - Tử Công là giặc giết vua. Mà Tử Gia cứ để cho làm việc thí nghịch. Tức Tử Gia là thủ phạm tội rất lớn. Kinh chép là để dạy cho thiên hạ đạo làm nhân thần. Xuân Thu ra đời, là Thánh nhân vốn muốn sáng tỏ lẽ phải, rất tế nhị. Chuyện này giống như chuyện Triệu Thuẫn giết vua.

Ngô Trừng - Quy Sinh là vị Khanh hàng tôn thất rất gần, cầm quyền bính. Vua thì mới lên ngôi, tất là có điều gì không bằng lòng vua. Nhân thấy tên Tống có mưu gian, giả cách can bằng câu con vật già còn không nỡ giết, mà tâm muốn là mượn tay Tống để giết vua. Tức là thủ phạm bọn loạn thần, còn Tống chỉ là tòng phạm.

Xét - Tả Thị nhận xét là vua bị giết mà chép là vua tức là vua vô đạo. Nhận xét thế là sai. Quân, dù là bất quân, thần sao lại được là bất thần. Tả Thị lại bảo rằng Quy Sinh không đủ quyền, mà chỉ chê là có nhân không có vũ, Tả Thị bảo thế cũng sai. Quy Sinh chức vị là Thượng Khanh, tay giữ binh quyền, sao lại nói được là không đủ quyền. Bọn loạn thần tặc tử có thể khen là nhân được không? Vì thế, san bỏ không chép.

赤狄侵齊

XÍCH, ĐỊCH XÂM TỀ

RỢ XÍCH ĐỊCH XÂM NƯỚC TỀ

Cao Kháng - Coi Tề mạnh như thế, mà luôn luôn bị địch xâm thì biết là Tề Huệ Công, chính trị kém.

秋公如齊公至自齊

THU, CÔNG NHƯ TỀ, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA THU, LỖ CÔNG SANG NƯỚC TỀ. CÔNG TỪ TỀ VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Xưa Sở Tư Mã là Tử Lương có con tên là Việt Tiêu, Tử Văn (anh Tử Lương) nói: "Phải giết đứa

trẻ này đi, coi nó có dáng là con hổ, con gấu mà tiếng nói con lang. Nó mà sống, thì họ Nhược Ngao ta sẽ bị diệt. Tục ngữ có nói: Người lang thì tâm dã, nghĩa là người mà giống con lang, thì tâm phải dã man. Hắn chính là con lang nuôi làm gì". Tử Lương không nghe. Tử Văn lo buồn. Khi gần chết, họp cả họ lại, nói: "Tiêu mà dự chính, thì cả họ đi ngay, đừng ở để khỏi bị họa". Rồi khóc nói thêm: "Quỷ thần cũng cần ăn, tổ tiên họ Nhược Ngao ta rồi đói đấy".

Đến khi Lệnh Doãn Tử Văn mất. Con là Đấu Ban lên làm Lệnh Doãn. Tử Việt làm Tư Mã. Vĩ Giả làm Công Chính. Vĩ Giả ngầm vu tội cho Tử Ban giết đi, để cho Tử Việt thay làm Lệnh Doãn mà mình thì làm Tư Mã, Tử Việt (khi trước đã gièm Tử Ban) cũng ghét cả Vĩ Giả. Được người trong họ Nhược Ngao giúp, Việt mới bắt giam Bá Doanh (Vĩ Giả) tại Liễu Dương rồi giết đi. Xong tới ở ấp Chưng Dã, để sửa soạn đánh Sở Vương. Sở Vương vội gởi ngay ba con các vua Văn, Thành, Mục làm con tin. Tử Việt không nhận. Đóng quân tại Chương Phệ. Mùa thu tháng bảy, ngày Mậu Tuất. Vua cùng họ Nhược Ngao giao chiến tại đất Cao Hử. Bá Phần (Tử Việt Tiêu) bắn vào vua Sở một phát tên. Tên lướt vào càng xe và trống trận, rồi cắm vào giá chuông. Bắn phát nữa, lướt càng xe, xuyên thủng lọng che trên bánh xe. Quân đội Sở sợ, lùi lại. Vua đi khắp hàng trận nói: "Tiên quân là Văn Vương có ba mũi tên, lấy được của nước Tức, Bá Phần lấy trộm mất hai. Thế là hết". Thúc trống cho tiến quân. Rồi diệt cả họ Nhược Ngao.

Xưa kia, Nhược Ngao lấy người vợ ở nước Vân sinh ra Đấu Bá Tỷ. Khi Nhược Ngao chết, Đấu Bá Tỷ theo mẹ, rồi được nuôi ở Vân, Lớn lên, Bá Tỷ đi lại với người con gái vua nước Vân, sinh đứa con, sau là Tử Văn. Người coi gái vua sai vứt đứa bé trong đầm Mộng. Vua nước Vân đi săn, thấy con hổ đang cho đứa bé bú. sợ, khi về nói chuyện với vợ, rồi cho đem đứa bé về nuôi. Tiếng nước Sở, bú là cấu, hổ là Ô đồ. Đứa bé được đặt tên là Đấu Cấu Ô Đồ. Vua Vân gả con gái cho Bá Tỷ. Về sau, Ô Đồ tức là Tử Văn, làm Lệnh Doãn. Cháu gọi Tử Văn bằng ông, tên là Khắc Hoàng, làm chức Châm Doãn (một chức quan) được sai đi sứ nước Tề. Khi trở về đến nước Tống, nghe ở nước nhà

có loạn gây nên bởi Tử Việt. Tùy tùng khuyên đừng nên về, Khắc Hoàng nói: Nếu tôi bỏ mệnh vua thì còn nước nào dùng tôi. Vua là trời, Trốn trời sao được. Thế là về Sở. Tâu việc xong. Xin tự nộp mình cho quan Tư Bại để làm tội. Vua Sở nghĩ tới Công Tử Văn trị nước Sở, nói: Tử Văn mà vô hậu thì còn lấy gì khuyến khích người làm điều hay. Rồi mệnh cho Khắc Hoàng cứ giữ chức cũ, mà đổi tên là Sinh.

冬楚子伐鄭

ĐÔNG, SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử đánh Trịnh, vì Trịnh chưa phục Sở.

Triệu Bằng Phi - Trịnh giết vua. Chư hầu không hỏi tội, mà Sở đánh là có cớ. Dù rằng Sở hưng binh là cốt phục được Trịnh, chứ không phải cốt để trị tội, nhưng khi quân tới biên giới Trịnh, vị tất đã không tuyên bố là trị tội. Thánh nhân cũng nhân cái danh từ đó mà quyền cho. Không phải là khen Sở, mà thực tại là trách Tấn.

Năm Đinh Ty. Vua Định Vương năm thứ 3.

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Thành năm thứ 3. Tề Huệ năm thứ 5. Vệ Thành năm thứ 31. Sái Văn năm thứ 8. Trịnh Tương Công Kiên, năm đầu. Tào Văn năm thứ 14. Trần Linh năm thứ 10. Kỷ Hoàn năm thứ 33. Tống Văn năm thứ 7. Tần Hoàn Công Vinh năm đầu. Sở Trang năm thứ 10.

春公如齊

XUÂN, CÔNG NHƯ TỀ

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG SANG TỀ

Tả Thị - Năm thứ 5 mùa xuân. Lỗ Công sang Tề, Cao Cố tướng nước Tề, xin vua Tề giữ vua Lỗ, để xin cưới con gái vua Lỗ là Thúc Cơ (cho Cao Cố).

夏公至自齊

HẠ, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA HẠ, CÔNG TỰ TỀ VỀ

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công tự Tề về. Kinh chép có ý chê, thế là quá, là không phải (khi chép tự đâu về, là biết có làm lễ tại tôn miếu để cáo việc. Như thế là quá, vì lần này đi, bị nhục, chứ có gì hay đâu "tự Tề về" mà cáo miếu. Nhục vì bị bắt ép gả con gái cho một vị Khanh.

Uông Khắc Khoan - Lỗ Tuyên Công 5 lần sang Tề. Duy lần này ở qua mùa mới về. Kinh tuy kiêng chép việc bắt giữ Lỗ Công, nhưng so sánh, xét kỹ, thì việc không thể che đậy được. Tuy nhiên, Tuyên Công sang chầu Tề là vẫn lo có nguy hại, lần này nguy nhất.

秋九月齊高固來逆子叔姬

THU, CỬU NGUYỆT, TỀ CAO CỐ LAI NGHỊCH TỬ THÚC CƠ

MÙA THU, THÁNG CHÍN, TỀ CAO CỐ TỚI LỖ ĐÓN TỬ THÚC CƠ

Tả Thị - Mùa thu, tháng chín, Tề Cao Cố, tới đón vợ, đón cho mình, cho nên Kinh chép, đón Thúc Cơ. Vị Khanh tự mình đi đón.

Cốc Thị - Vua chư hầu mà gả con cho đại phu, thì một đại

phu đưa về cho. Chữ lai là tới, tới Lỗ để tiếp nạp, để nhận. Vì việc tiếp nạp không được chính, cho nên khi chép không dùng chữ chồng, vợ.

Đỗ Dự - Gả cho chư hầu thì xưng là nữ. Gả cho đại phu thì xưng tên tự, chỉ là để phân biệt tôn với ty. Cao Cố là đại phu nước Tề. Không chép là nữ quy, là con gái về nhà chồng, là phải cho xuống bực dưới chư hầu.

Gia Huyền Ông - Áp bức để cầu hôn, đã là việc không nên, mà lại lấy đại phu ngang lễ với vua một nước, thế là Tề đối với Lỗ ngang ngược quá lắm. Xuân Thu chép là trách Lỗ, là trách Tề, mà làm tỏ rõ cái tội lăng phạm của Cao Cố nữa.

叔孫得臣卒
THÚC TÔN ĐẮC THẦN TỐT
THÚC TÔN ĐẮC THẦN MẤT

Hoàng Chấn - Mất không chép ngày, nhiều nhà bàn lại cho là một lệ. Vị tất đã như thế. Có thể chỉ là văn thiếu sót thì mới đúng.

Xét - Đắc Thần mất không biên ngày là thiếu sót. Hồ Truyện căn cứ vào lời bàn của Hà Hưu, cho rằng Đắc Thần đã không ngăn nổi mưu loạn nghịch của Trọng Toại cho nên tước bỏ ngày. Bàn như thế là sai. Trọng Toại chính là loạn nghịch, mà chết thì có chép ngày, huống chi là Đắc Thần. Lại như Quí Tôn Hàng Phủ cũng chạy nước Tề để giúp cho nghịch loạn thành công, là tả hữu cho Trọng Toại tận lực, lúc chết cũng chép ngày, thế thì sao lại trị riêng Đắc Thần. Cho nên nay giữ lời nhận xét của Hoàng Chấn, mà bỏ lời bàn của Hồ Truyện.

冬齊高固及子叔姬來
ĐÔNG, TỀ CAO CỐ CẬP TỬ THÚC CƠ LAI
MÙA ĐÔNG, TỀ CAO CỐ CÙNG TỬ THÚC CƠ TỚI LỖ

Tả Thị - Mùa đông tới là để trả ngựa (coi ở dưới để hiểu).

Công Thị - Sao lại chép Cao Cố tới Lỗ. Nếu chép Thúc Cơ tới mà không chép Cao Cố tới thì không được. Hay là vì song song cùng tới.

Cốc Thị - Chữ cập (cùng) là cùng lúc Thúc Cơ nước ta. Vì là tới, chứ không phai là quy.

Khổng Dĩnh Đạt - Thiên Tử hoặc vua chư hầu gả con gái, thì lưu lại cái xe cưới. Cao Cố mà trả lại ngựa, tức là đại phu cũng phải theo lễ đó. Giữ xe lại, là đạo của người vợ, mà trả lại ngựa là nghĩa của người rể.

Người vợ tới nơi, thì buổi sớm chào bố mẹ chồng. Nếu bố mẹ chồng đã chết, thì sau ba tháng có tế, nhân thế. Sau ba tháng trả lại ngựa. Bố mẹ chồng mà còn sống, cũng cứ ba tháng sau trả lại ngựa. Theo phép thì sai sứ đi, chứ không thân hành đi. Cho nên cả Kinh và Truyện đều nói rõ việc, để chê.

楚 人 伐 鄭

SỞ NHÂN PHẠT TRỊNH

NGƯỜI SỞ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử đánh Trịnh, Trần cùng Sở hòa. Tuân Lâm Phủ nước Tấn cứu Trịnh, đánh Trần.

Cao Kháng - Mùa đông năm trước, đánh Trịnh, thì chép là Sở Tư là để chê Trịnh. Nay chép người Sở là để rõ tội Sở.

Gia Huyền Ông - Kinh chép Sở đánh mà không chép Tấn cứu. Quy Sinh giết vua, Tấn đáng lẽ đem quân trị tội, nay đã quá năm, nhân có quân Sở tới, mà đem quân cứu Trịnh, đó là đáng đánh mà không đáng cứu. Người Trịnh ví như biết vì Trịnh mà đánh giặc, để giữ yên cho Trịnh, thì quân Sở không bị đánh cũng phải rút lui, có việc gì mà nay phải cứu.

Năm Mậu Ngọ. Vua Định Vương năm thứ 4

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Thành năm thứ 4. Tấn Huệ năm thứ 6. Vệ Thành năm thứ 32, Sái Văn năm thứ 9. Trịnh Tương năm thứ 2. Tào Văn năm thứ 15. Trần Linh năm thứ 11. Kỷ Hoàn, năm thứ 34. Tống Văn năm thứ 8. Tần Hoàn năm thứ 2. Sở Trang năm thứ 11.

春晉趙盾衛孫免侵陳

XUÂN, TẤN TRIỆU THUẪN, VỆ TÔN MIỄN, XÂM TRẦN

MÙA XUÂN, TẤN TRIỆU THUẪN, VÀ VỆ TÔN MIỄN, XÂM NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Năm thứ 6 mùa xuân. Tấn và Vệ xâm Trần, vì cớ Trần theo Sở.

Công Thị - Triệu Thuẫn giết vua. Đây sao lại thấy nói đến. Chính tay giết vua là Triệu Xuyên. Thế sao lại bảo là Triệu Thuẫn? Vì là Thuẫn không trị tội giặc. Tại sao? Sử nước Tấn chép rằng: Tấn Triệu Thuẫn giết vua là Di Cao. Triệu Thuẫn nói: Tôi không có tội. Tôi không giết vua. Sử Gia đáp: Ông làm việc nhân, việc nghĩa, người ta giết vua của ông, ông phục quốc mà không trị giặc, thế chả là ông giết thì còn là ai? Việc Triệu Thuẫn phục quốc như thế nào? Linh Công vô đạo, các đại phu đều ở trong triều cả. Bây giờ vua mới lên trên đài cao bắn đạn xuống, để trông người chạy tránh đạn lấy làm trò vui. Triệu Thuẫn đã vào triều, đi ra, cùng các đại phu đứng. Thấy có người mang sọt từ trong cửa cung đi ra, mới hỏi vật gì đó, sao lại trong cung mang ra. Người ấy thưa: Ngài là đại phu. Muốn coi xin ngài lại coi. Thuẫn lại coi thì thấy xác người, mới hỏi: Đáp: Đây là người bếp chủ, nấu món chân gấu, không được chín, vua giận, đập chết, chặt chân tay rồi sai tôi đem bỏ đi. Triệu Thuẫn kêu trời, rồi rảo bước vào. Linh Công trông thấy Triệu Thuẫn, sợ hãi chào. Triệu Thuẫn thong thả quay đầu về bắc, hai lạy, rạp

đầu rồi đứng dậy, rảo bước đi ra. Linh Công có ý thẹn, muốn giết mới sai dũng sĩ mỗ tới nhà. Dũng sĩ đi tới cổng không thấy lính canh, vào trong cửa không có ai, đến cửa phòng không có ai, bước lên thềm cũng không có ai, Cúi nhìn trông thấy Tướng Quốc đang ăn cơm rau. Dũng sĩ mới kêu lên: "Ngài thật là người có nhân. Tôi vào cổng không thấy có ai, vào đến cửa, đến buồng cũng không thấy có ai. Ngài thật là dễ dàng. Ngài là vị Thượng Khanh ở nước Tấn, mà dùng cơm rau, thế là tính cần kiệm. Vua sai tôi giết ngài, tôi không nỡ giết. Tuy nhiên, tôi không thể trở lại trông thấy vua được". Thế là tự vận chết. Linh Công được tin, giận lắm, lại càng muốn giết, không sai ai được, mới phục giáp sĩ trong cung cho mời Triệu Thuẫn tới ăn tiệc. Xa hữu của Triệu Thuẫn là Kỳ Di Minh, một tay lực sĩ có tiếng, dũng được theo chủ vào, đứng hầu dưới thềm. Triệu Thuẫn đang ăn. Linh Công mới bảo rằng: "Nghe nói ông có kiếm tốt, ông cho tôi coi". Triệu Thuẫn đứng dậy định đưa kiếm, thì Kỳ Dị Minh ở dưới kêu to: "Thuẫn ăn no rồi về, sao được lấy kiếm trước mặt vua". Triệu Thuẫn hiểu ý, rảo bước xuống thềm, chạy, Linh Công có con chó ngao thả ra. Chó ngao chạy xuống thềm đuổi. Kỳ Di Minh chặn lại đập chết. Thuẫn quay lại nói: "Ngao của quân không bằng ngao của thần". Bọn giáp sĩ đổ ra. Trong bọn đó, có một giáp sĩ ôm lấy Triệu Thuẫn rồi lên xe chạy. Thuẫn hỏi. Sao ta lại được người đối đãi thế. Đáp: Ngài cho tôi ăn, cứu tôi khỏi chết ở Ế Tang khi xưa,. Thuẫn hỏi tên. Đáp: Giúp ngài, ngài cứ chạy đi, hỏi tên làm gì. Triệu Thuẫn ra rồi chạy khỏi, không ai cản. Triệu Xuyên nhân dịp dân không thích vua mới giết Linh Công, rồi đón Triệu Thuẫn vào cùng đứng ở triều lập Thành Công là Hắc Kiên nối ngôi.

Cốc Thị - Đây là cầm quân. Sao không nói là cầm quân. Việc ngày trước bất chính, không nói được là cầm quân.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo Triệu Thuẫn giết vua sao lại còn thấy ở đây. Hỏi thế thật là vu vơ. Ý muốn cho là Triệu Thuẫn không có tội giết vua, sao không biết là cái lý lẽ không đúng, phàm bọn giết vua mà lại cứ thấy nói đến, đâu có phải chỉ có một mình Thuẫn. Nếu bảo là Thuẫn "lại thấy" tức không

phải là giết vua, thì Tống Vạn lại thấy cũng không phải là giết vua hay sao. Còn Cốc Lương thì bàn rằng, sao không chép cầm quân, là vì việc trước đã bất chính. Bàn thế là sai. Tướng giỏi quân ít, thì chép tướng, đó là thông lệ. Cốc Lương đã thường nói, thường áp dụng. Sao đây lại chợt quên thế.

Xét - Công Dương kể lại việc Triệu Thuẫn, cùng với Tả Thị kể thì giống nhau. Ý trách Thuẫn không trị tội giặc, cũng gần giống Tả Thị. Duy có bàn "Triệu Thuẫn lại thấy nói đến" cho là Thuẫn không phải giết vua, thì nghĩa chưa được ổn, để cho Lưu Sưởng bác được lời bàn, và dẫn chứng hạng giết vua lại thấy ra mặt. Cho nên giữ lời bàn của Công Dương mà san bỏ hai câu đầu.

夏 四 月

HẠ, TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, vua Định Vương sai Tử Phục sang Tề, cầu con gái Tề để phong Vương Hậu.

Mùa thu, rợ Xích Địch đánh Tấn, vây đất Hoài, và đất Hình Khưu. Tấn Hầu muốn đánh. Tướng Trung quân là Hoàn tử nói: "Cứ để cho họ bị dân họ ghét vì thích chiến tranh. Ta đánh làm gì. Trong Chu Thư có câu: Rồi người ta đánh đổ được cái dòng nhà Ân cuồng ngạo, Bọn Xích Địch cũng là loại Ân đó.

秋 八 月 螽

THU BÁT NGUYỆT, CHUNG

MÙA THU, THÁNG 8, CÓ SÂU CHUNG

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Thiệu Hoàn Công, quan chức triều nhà Chu, sang nước Tề, đón Vương Hậu.

Người Sở đánh nước Trịnh, chiếm ấp Thành, rồi đem quân về.

Công Tử Mạn Mãn nước Trịnh cùng Vương Tử Bá Liêu nói chuyện, to ý muốn được chức Khanh. Không có đức mà lại tham, trong Kinh Dịch đã có câu nói đến vào quẻ Ly, tự quẻ Phong ra. Không sao tránh khỏi nạn được. Một năm sau, người Trịnh giết Công Tử Mãn.

Năm Kỷ Mùi. Vua Định Vương năm thứ 5.

七 年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Thành năm thứ 5, Tề Huệ năm thứ 7. Vệ Thành năm thứ 33. Sái Văn năm thứ 10. Trịnh Tương năm thứ 3. Tào Văn năm thứ 16. Trần Linh năm thứ 12. Kỷ Hoàn năm thứ 35. Tống Văn năm thứ 9. Tần Hoàn năm thứ 3. Sở Trang năm thứ 12

春 衛 侯 使 孫 良 夫 來 盟

XUÂN, VỆ HẦU SỬ TÔN LƯƠNG PHU LAI MINH

MÙA XUÂN, VỆ HẦU SAI TÔN LƯƠNG PHU TỚI LỖ THỀ

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân, Tôn Hoàn tử nước Vệ tới thề. Vệ, Lỗ bắt đầu giao hiếu, và bàn việc hội với Tấn.

Cốc Thị - Tới thề là đã định trước. Không chép chữ cập (cùng), là vì nói đến nước (nước Lỗ). Không nói tên ai thề, tức là nói đến cả nước. Không biên ngày là vì hội đã định trước.

Triệu Bằng Phi - Việc Lương Phu tới là vì Tấn mà cầu Lỗ.

Lỗ Tuyên là vì được Tề giúp cho ở ngôi mà thờ Tề, xa Tấn. Tấn Thành lên ngôi, ý muốn hưng phục nghiệp bá, duy có Vệ là xưa nay vẫn hòa với Tấn. Khi đánh Tống, Trịnh, khi xâm Trịnh, xâm Trần, bao giờ cũng có Vệ theo. Lỗ Tuyên Công vị thường cùng người Tấn hội thề, hoặc chinh phạt nước nào, cho

nên Tấn khi sắp mở hội Hắc Nhưỡng, có sai Vệ mời Lỗ. Văn Công năm thứ 13, Tấn có việc ở Tân Thành, thời đó, Lỗ hòa với Tấn, cho nên vì Tấn mời Vệ, Vệ nhận lời mời, rồi hội thề ở Tân Thành. Nay Vệ nhân hòa với Tấn, cho nên vì Tấn mời Lỗ, Lỗ đâu có từ chối không theo. Cho nên mùa đông mới cùng hội ở Hắc Nhưỡng cùng mời nhau, để tôn vị bá chủ, chống Sở, mưu sống yên. Vì thế, Thánh nhân cho là được, không có lời chê. Tuy nhiên. Vệ mà sai Lương phu tới lễ sính là đủ, cứ gì phải thề nữa. Vả lại, Tấn mà trách Vệ thì nhiều, mà Lỗ thì lại gần Tấn lâu. Nếu để cho Lỗ bề ngoài thì nghe Vệ mời, mà bề trong thì vẫn xa Tấn, nếu thế thì Vệ sẽ bị tội với Tấn. Cho nên thề để cố kết việc hội thực sự với Tấn. Đến hội Hắc Nhưỡng, thì Lỗ Công, thân hành tới hội, chắc là để khỏi hội thề với Vệ.

Xét - Cốc Lương bảo là hội thề nào đã được định trước thì không có chép ngày. Bảo thế là sai. Lúc mà Lương Phu phụng mệnh, vị tất đã có biết ngày lễ thề. Cho nên không chép ngày.

夏 公 會 齊 侯 伐 萊

HẠ, CÔNG HỘI TỀ HẦU PHẠT LAI

MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI TỀ HẦU ĐỂ ĐÁNH NƯỚC LAI

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công hội với Tề Hầu để đánh nước Lai. Việc đánh này, không có bàn mưu trước. Phàm hai nước bàn mưu với nhau, rồi mới đem quân đi, thì chép là nước họ cùng nước kia. Nếu không bàn mưu với nhau, thì chép là hội với...

Lưu Sưởng - Tả Thị bàn thế là sai. Đời xưa đã cầm quân, không phải là không có mưu kỳ kế lạ để lừa địch. Chư hầu đã cùng đem quân đi trị tội, đi đánh bọn phản bạn, chắc là phải cùng bàn tính mưu kế. Chứ đâu có hợp binh hai nước, hai vua làm tướng, mà lại không cùng nhau mưu tính. Vả lại xét ngay sách của họ Tả, phàm việc mưu trước mà đánh sau, thì rất nhiều trường hợp chép chữ hội, chứ không hẳn phải dung chữ cập là cùng.

Xét - Họ Tả mà dùng chữ "cùng mưu bàn" là ý nói hai nước ý cùng muốn đánh nước thứ ba. Cho nên chép là cập, cùng. Còn

như bảo là "không cùng mưu bàn" là ý nói, nước kia muốn đánh, mà nước ta chỉ đem quân theo thôi, cho nên chép là hội. Nước Lai ở phía đông nước Tề. Nước Lỗ ở phía tây nước Tề, Lỗ đối với Lai là, cách Lai, cả nước Tề, vậy không có hiềm khích gì với Lai, chỉ là vì Tề muốn đánh Lai thì Lỗ giúp sức đó thôi. Cho nên chép là hội.

Nếu bảo là Tề Hầu đi đánh, mà Lỗ Công đem quân đi hội họp, Lưu Sưởng bác đi, bảo rằng, đâu có liên hợp quân sĩ, hai vua đứng chỉ huy, mà lại không bàn mưu trước, thế thì Lưu Sưởng bác đi rất có lý. Nhưng họ Tả dùng chữ mưu, là khởi đầu việc có mưu, mà họ Lưu dùng chữ mưu, là tới việc rồi mới mưu. Cho nên hai lời bàn, nay cứ ghi cả.

秋公至自伐萊

THU, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT LAI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỪ ĐI ĐÁNH LAI TRỞ VỀ LỖ

Uông Khắc Khoan - (Chữ chí là về, có nghĩa, khi về nước, làm lễ cáo miếu, tức là việc quan trọng). Xưa nay, Xuân Thu chép dùng chí ở những lần: thời Hoàn Công đánh Trịnh về, thời Trang Công đánh Vệ, đánh Nhung về, thời Hy Công đánh Sở đánh Trịnh, vây Hứa về. Các lần khác, xâm hay phạt, không có chữ trí. Thế mà lần này, đánh nước Lai là nước nhỏ, đặc biệt chép chữ chí. Lỗ Công hết sức theo người, không nghĩ đến sức mình không đủ, để được tiếng trị người có tội, mà không xét chính mình có vết. Đem quân đi lâu quá mùa, phiền dân, hại quân, thế là cơ nguy cho Tuyên Công. Trước kia, đã đánh nước Cử, sau đánh nước Kỷ, đều không chép chữ chí. Thánh nhân thật là có thâm ý.

大旱

ĐẠI HẠN

NẮNG HẠN LỚN

Phụ lục Tả Truyện - Rợ Xích Địch xâm nước Tấn, gặt cướp lúa mùa ở ấp Hướng Âm.

冬公會晉侯宋公衛侯鄭伯于黑壤

ĐÔNG, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ VU HẮC NHƯỠNG

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, LỖ CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ TẠI HẮC NHƯỠNG (ĐẤT NƯỚC TẤN)

Tả Thị - Trịnh cùng Tấn hòa là do mưu của Công Tử Tống, cho nên Tống theo Trịnh Bá dự hội. Mùa đông, hội thề tại Hắc Nhưỡng. Vương Thúc (chú Thiên Tử) là Hoàn Công tới dự. Hội bàn về việc bất hòa giữa nhiều chư hầu. Từ khi Tấn Hầu lên ngôi, Lỗ Công không tới chầu mà cũng không cho đại phu tới lễ sính. Người Tấn mới giữ Lỗ Công lại. Ở hội Hoàng Phủ (Hắc Nhưỡng), Lỗ Công không được dự thề. Nhưng về thoát được vì đã hối lộ. Kinh không chép việc thề ở Hắc Nhưỡng là kiêng cho vua Lỗ (kiêng việc xấu).

Uông Khắc Khoan - Lỗ Văn Công vì không chầu nước Tấn mới bị đánh. Việc Xử Phủ thề các năm đầu, chỉ chép việc mà không chép Lỗ Văn Công. Về việc chư hầu lên ngôi, thì nên chầu Thiên Tử, chứ không nên chầu vua Tấn, tội không nên quá trách, Tuyên Công cũng vì không chầu Tấn mà bị đánh. Hội thề ở Hắc Nhưỡng, chép Lỗ Công mà không chép việc thề, vì cho rằng đã hàng năm chầu Tề thì cũng nên chầu Tấn, tội thực không thể trốn được. Cái nhục của Văn Công là trách ở Tấn, còn cái nhục của Tuyên Công là trách ở Tuyên Công. Tuy nhiên, khinh minh chủ không thờ, thiếu sót việc sính lễ, đó là lỗi nhỏ, Tuyên Công mà cướp ngôi, là có tội với vua, với cha, anh, đó là tội lớn. Người Tấn bỏ tội lớn, mà hỏi đến lỗi nhỏ, thế là đương thời, làm Bá chủ, chỉ thích thỏa nguyện vọng riêng, chỉ muốn có lợi, cho nên cho sư khinh mình là tội, rồi được hối lộ là thôi.

Tấn mà hoàn thành được việc trị tội, như Tấn Lệ Công bắt Tào Thành Công, đưa về Kinh sư, thì lại bị tội tàn ác, không tránh được.

Kinh Xuân Thu vì bực tôn vì kiêng. Mùa đông tới hội, mà

mùa xuân chép lễ "chí", cứ tìm nguyên nhân thì thấy rõ nghĩa ngay.

Năm Canh Thân. Vua Định Vương, năm thứ 6.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Thành, năm thứ 6. Tề Huệ, năm thứ 8. Vệ Thành, năm thứ 34. Sái Văn, năm thứ 11. Trịnh Tương, năm thứ 4. Tào Văn, năm thứ 17. Trần Linh, năm thứ 13. Kỷ Hoàn, năm thứ 36. Tống Văn, năm thứ. 10 Tần Hoàn, năm thứ 4. Sở Trang, năm thứ 13.

八 年 春 公 至 自 會

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

Cao Kháng - Ngày xưa, trong nước có tai nạn, như hạn hán, thì đến tế lễ, còn không sát sinh, Lỗ Công mùa hạ, hội đánh nước Lai, thì mùa thu, tế chí (lễ cáo miếu lúc về trước). Mùa đông, hội Hắc Nhưỡng, thì mùa xuân năm sau lễ chí. Trong năm có đại hạn, không thương dân, cứ khăng khăng cho là cần, là gấp các việc hội, các việc xâm phạt.

Uông Khắc Khoan - Trước đây, hội Bình Châu không có lễ chí. Nộp hối lộ cho Tề. Không thấy có chi là nguy to, thì đặc biệt có lễ chí. Việc Lỗ Công bị giữ ở Tấn, qua năm mới được về, hội thề là hội thường mà không được mời dự. Các hội thề đời Hoàn, đời Văn, đều không có lễ chí. Các việc Mẫu, Khưu, Can, Hoài, là vào lúc Hoàn Công đã suy, việc Tân Thành, là lúc Tân nhờ đại phu mà Bá chủ được. Ngoài ra, không thấy chép lễ chí. Tuyên Công lễ chí về việc Hắc Nhưỡng việc Đoạn Đạo, trước thì bị Tấn trị, sau thì cùng Tấn mưu đánh Tề, đều là việc nguy vong cả.

夏六月公子遂如齊至黃乃復

HẠ, LỤC NGUYỆT, CÔNG TỬ TOẠI, NHƯ TỀ CHÍ HOÀNG, NÃI PHỤC

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, CÔNG TỬ TOẠI SANG TỀ, ĐẾN ĐẤT HOÀNG, Ở NƯỚC TỀ THÌ TRỞ LẠI

Công Thị - Sao chép là tới Hoàng thì trở lại? Là bị bệnh. Mới trở về. Thế là chê. Chê vì đại phu khi đã được mệnh vua đi ra, nghe trong nước có tang (tang vua) thì đi thong thả, nhưng không trở về.

Cốc Thị - Chữ nãi là chữ dùng như không có quân mệnh, như tự ý mình. Chữ phục là trở lại, là coi như việc xong, tức là không theo mệnh vua.

Hồ Truyện - Tới Hoàng, thì trở lại, là không theo mệnh vua. Nếu như ốm thì có nên trở về không. Phàm đại phu được mệnh vua ra đi sứ, nghe vua mất thì thong thả cứ đi, mà không trở về. Nếu chưa làm được việc mà đã chết, thì cái xác cứ việc làm việc. Khi nước Sở đánh nước Ngô, Trần Hầu, sai Công Tôn Trinh Tử tới thăm viếng Ngô. Đến đất Lương thì Trinh Tử mất. Tùy tùng đưa xác vào Ngô. Người Ngô từ chối. Phó sứ là hu Doãn Cái nói: "Quả quân tôi sai Cái tôi phụ với sứ giả, tới thăm viếng các quan ở quý quốc, không may sứ giả mất tại đất Lương, cũng cố gắng đi tới. Nay được mệnh nhà vua ngăn, không cho sứ giả vào thành, thế là coi mệnh quả quân tôi như cỏ rác, không biết như thế có nên không".

Người Ngô không dám từ chối nữa. Người trí thức cho là biết lễ.

Chữ Nãi, mới, tức là tự mình, không có người trên. Chữ Phục là ý việc chưa xong.

Uông Khắc Khoan - Chữ "Nãi, mới" là chỉ việc nối tiếp, mà có ý tự tiện. Như việc Sĩ Cái "nãi hoàn, mới về", là ý tự tiện, nhưng vẫn hơn lý, còn Trọng Toại đây "nãi phục, mới trở lại", là ý tự tiện, mà không hợp lý. Công Tôn Ngao mà chép là không đến, thì thực là chưa đến Kinh Sư. Toại mà chép là

đến Hoàng, rồi câu dưới chép là chết, thì biết có bệnh mà trở lại. Thế thì tội Ngao so với Toại còn nặng hơn.

Xét - Cốc Lương cho dùng chữ phục là việc đã xong. Hồ Truyện thì cho là việc chưa xong. Hai lời bàn không giống nhau. Hồ Truyện thì phải. Xét ra, đến Hoàng mà trở lại, tức là đến giữa đường rồi trở lại, vậy việc chưa xong. Nghĩa chữ nãi là mới. Cốc Lương cho là lời cua người chạy trốn ra ngoài, chỉ biết có mình, không còn biết ai nữa. Tuy là mệnh của vua, cho giao hiếu với lân bang, mà không thèm để ý, chỉ hành động theo như ý mình. Lời bàn giống như Hồ thị, không có người trên. Lời khác mà ý thì giống nhau. Uông Khắc Khoan bàn là việc nối tiếp, mà tự tiện, thì về lời, về ý đều hợp cả, không có gì là khác nhau.

辛 巳 有 事 于 太 廟 仲 遂 卒 于 垂

TÂN TỴ, HỮU SỰ VU THÁI MIẾU, TRỌNG TOẠI TỐT VU THÙY

NGÀY TÂN TỊ CÓ TẾ Ở NHÀ THÁI MIẾU, THÌ ĐƯỢC TIN TRỌNG TOẠI MẤT Ở THÙY, ĐẤT NƯỚC TỀ TRÊN ĐƯỜNG TỀ LỖ

Công Thị - Trọng Toại là Công Tử Trọng Toại. Không gọi là Công Tử là chê. Chê vì giết Tử Xích. Thế sao không chê ngay lúc giết? Căn cứ văn thì như không có tội. Cứ việc thì không có thời gian.

Cốc Thị - Ý như đã phục mệnh rồi mới chết.

Đây là Công Tử mà sao chép là Trọng. Là không cho là thần. Không để ý đến sống chết. Nếu là thần, thì mới để ý đến việc chết. Thế là ý chê Tuyên Công, nghe tin đại phu chết, đáng nhẽ phải bỏ ca nhạc trong tế lễ.

Đỗ Dự - Trọng Toại mất không chép chữ Công Tử. Nhân các câu trên, khi đi, khi về, không có việc gì khác nữa, thì lời văn giản ước.

Lưu Sưởng - Đại Phu mất thì chép tên. Trọng là tên tự. Chép là Trọng Toại là chê. Chê là vị Khanh nối đời làm Khanh, tức là phi lễ. Tuy nhiên, bọn Thế Khanh có nhiều, sao lại chê

riêng Toại. Là vì có nguyên nhân chê thì mới chê. Nguyên nhân đây là đã giết Tử Xích. Còn các người khác, cũng nên cứ như Toại mà xét.

Cốc Lương có bàn rằng chép chữ Trọng là ý sơ không thân. Cốc Lương bàn thế sai. Nếu như Xuân Thu muốn tỏ ý là sơ, thì sao không chép "Toại mất", như chép "Vô hải mất", "Hiệp mất". Và lại, Xuân Thu mà muốn cho là sơ, thì sao lại còn chép tên tự, chứ không chép họ.

Xét - Trọng Toại không chép Công Tử. Đỗ Dự bảo là chép ở câu trên. Nghe ra có lý. Tuy nhiên, cứ sự thực, thì Toại giết vua tức là giặc. Kinh Xuân Thu vốn trị giặc, cho nên lúc Toại chết, chép tên, thế là trị tội.

壬 午 猶 繹 萬 入 去 籥

NHÂM NGỌ, DO DỊCH VẠN NHẬP, KHỨ THƯỢC

NGÀY NHÂM NGỌ, SAU NGÀY TÂN TỴ, LẠI TẾ NỮA, CÓ CẢ PHƯỜNG MÚA, CHỈ BỎ CÓ ĐÀN SÁO

Tả Thị - Có tế lễ ở nhà Thái miếu. Tương Trọng mất, mà ngày hôm sau lại tế nữa, thế là phi lễ.

Công Thị - "Dịch" là tế lần nữa và ngày hôm sau. Vạn là lẻ múa, múa bằng can (gậy). Bỏ sáo là gì? Là bỏ âm thanh (như là bỏ ca hát). Bỏ ca, giữ múa, thế nghĩa là, biết nên bỏ cả, mà cứ làm. Chữ "do" là còn có ý nói nên bỏ cả.

Cốc Thị - Chữ do là còn, là ý nói nên bỏ, thế mà vẫn "còn" giữ. Dịch, là hôm sau tế nữa để vua tôi ăn uống. Cho múa mà bỏ sáo, tức là đổi đi một chút. Thế là chê.

Lã Tổ Khiêm - Vạn vũ, múa vạn, là chữ nói chung cả múa lối văn, múa rối vũ. Thược vũ, múa có sáo, đàn sáo, là tên riêng lối múa vũ. Ý nghĩa là bọn múa, trong việc tế, cùng đi vào Thái miếu, cho múa mà bỏ sáo.

Chu Tử - Do dịch, nghĩa là lại còn tế hôm sau. Ý là bất tất có Dịch, mà lại cứ có.

Xét - Toại thực là có tội. Tuyên Công đã giao cho chức vụ

đại thần, tức là Tuyên Công đối đãi lấy lễ đại thần. Theo lễ ký, Khanh mất thì bỏ tế Dịch. Nay Toại mất mà cứ tế Dịch, cho nên Thánh nhân chép để chê. Đỗ Dự cho vạn là tên điệu múa, không phân biệt hai thứ múa can, múa sáo. Công Dương cho vạn là múa can, sáo là múa sáo, tức là chia hai thứ múa văn, và múa vũ. Hai thuyết đó không giống nhau. Khổng Dĩnh Đạt theo sách Trịnh Tiện cho múa vạn là múa can, chưa có gì là nhất định. Nay xét Ẩn Công năm thứ 5, xét Cung Trọng Tử, sắp lễ vạn, Lỗ Công hỏi về số vũ thì biết là vạn kiêm cả múa văn múa vũ rất rõ ràng. Miếu thờ đàn bà, chả nhẽ chỉ chuyên dùng múa vũ thôi. Cứ theo Mao thi Truyện, thì cho múa can là vạn. Lã Tổ Khiêm cho vạn kiêm cả hai thứ múa văn và vũ. Chu Tử cũng cho là như thế. Nếu như thế, tức là Công Dương sai. Vậy nay bỏ Công Dương đi.

戊子夫人嬴氏薨

MẬU TÝ, PHU NHÂN DOANH THỊ HOĂNG

NGÀY MẬU TÝ, PHU NHÂN HỌ DOANH MẤT (MẸ TUYÊN CÔNG, VỢ VĂN CÔNG)

Uông Khắc Khoan - Kinh xuân Thu đã chép Phu nhân họ Khương mất, tại đất Di. Lại chép Phu nhân họ Phong, mất. Thì biết Ai Khương là Phu nhân của Trang Công, mà Thành Phong chỉ là thiếp. Đã chép Phu nhân họ Khương quy (về) nước Tề. Lại chép Phu nhân họ Doanh mất, thì biết Xuất Khương, (vợ đã bỏ nhà chồng) là Phu nhân của Văn Công, mà Kính Doanh chỉ là thiếp. Thấy Kinh chép thẳng như thế, độc giả cứ so sánh việc mà khảo sát, dù thiếu Truyện nữa, thì cũng biết rõ ai là đích, ai là thiếp.

晉師白狄伐秦

TẤN SƯ, BẠCH ĐỊCH PHẠT TẦN

QUÂN ĐỘI TẤN VÀ RỢ BẠCH ĐỊCH ĐÁNH NƯỚC TẦN

Tả Thị - Mùa Xuân, Bạch Địch hòa với Tấn. Mùa hạ hội

với Tấn đánh Tần. Người Tấn bắt được một tên gian gián điệp Tần, giết ở chợ Giáng. Ngày thứ sáu, tên đó sống lại.

Xét - Tần và Tấn đánh nhau luôn, mà Sở thì dần dần thành ra cường thịnh. Đoạn sau, nước Sở diệt nước Thư Liệu. Khảo sát, so sánh các việc thì ý nghĩa thấy rõ.

楚人滅舒蓼

SỞ NHÂN DIỆT THƯ LIỆU

NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC THƯ LIỆU. THƯ LIỆU, CÓ SÁCH, CHO LÀ MỘT NƯỚC, CÓ SÁCH CHO LÀ HAI NƯỚC

Tả Thị - Vì các nước Thư đều chống lại nước Sở, cho nên Sở phạt nước Thư Liệu, diệt đi. Sở Tử chia giới hạn, cho đến tận sông Hoạt, ký minh ước với nước Ngô, nước Việt, rồi về.

Hoạt là sông Hoạt. Khổng Dĩnh Đạt có chú thích: Nước Ngô, họ Cơ, con ông Thái Vương nhà Chu, là dòng dõi Thái Bá Ung. Nước Việt họ Tự, con thứ vua Thiếu Khang, họ hạ Hậu, được phong ở Cối Kê, tự hiệu là Việt.

秋七月甲子日有食之既

THU, THẤT NGUYỆT, GIÁP TÝ, NHẬT HỮU THỰC CHI KÝ

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY GIÁP TÝ, CÓ NHẬT THỰC. MẶT TRỜI BỊ ĂN HẾT

Phụ lục Tả Truyện - Từ Khắc nước Tấn bị bệnh có trùng. Khước Khuyết cầm quyền chính. Mùa thu, bãi Tư Khắc. Sai Triệu Sóc làm Phó Hạ Quân.

Lục Cửu Uyên - Thời Xuân Thu có 36 lần nhật thực, mà mặt trời bị ăn hết thì có ba lần. Thời kỳ nhật thực và nhật thực ít hay nhiều, người làm lịch tính trước, đã có số định, chứ không phải là tai biến. Tuy nhiên, trời và người có tương quan, có cảm thông nhau, mà vẫn theo một đường lối. Nhật là dương phận. Dương là vua, là cha. Khi mà có thực, là phải có biến.

Thực mà đến ăn hết là đại biến. Chép ngày, mà không chép là sóc mùng một, tức là nhật thực không vào mùng một. Đã là nhật thực, tức là ngày mùng một. Nếu không phải mùng một, là lịch sai.

冬十月己丑葬我小君敬嬴

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, KỶ SỬU, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN, KÍNH DOANH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY KỶ SỬU, LỄ CHÔN TIỂU QUÂN NƯỚC TA, LÀ KÍNH DOANH

Tả Thị - Mùa đông, lễ chôn Kính Doanh. Năm đó hạn, không mưa, đến gai cũng thiếu. Lần đầu tiên, phải dùng dây một loài đậu, thay gai để làm thừng, chão (theo tục, thừng để kéo xe áo quan). Trời mưa, không chôn được. Thế là đúng lễ. Theo lễ, trước khi làm lễ chôn, bói xem được ngày chôn, là để tỏ ý không thờ ơ.

Lục Cửu Uyên - Tương Trọng là giết Thái Tử Ác, là tự Kính Doanh gây ra. Kính Doanh không phải là đích mà khi chết lấy lễ Phu nhân, tiểu quân để táng. Thế là rất chê trách vua tôi nước Lỗ. Thế mới biết sách Xuân Thu được soạn là kẻ loạn thần tặc tử phải sợ.

雨不克葬庚寅日中而克葬

VŨ BẤT KHẮC TÁNG, CANH DẦN, NHẬT TRUNG NHI KHẮC TÁNG

MƯA KHÔNG CHÔN ĐƯỢC, NGÀY CANH DẦN, SAU NGÀY KỶ SỬU, BUỔI TRƯA MỚI CHÔN ĐƯỢC

Công Thị - (Chữ Kính Doanh, Công Thị, và Cốc Thị viết ra chữ Khoảnh Hùng). Khoảnh Hùng là ai? Là mẹ Lỗ Tuyên Công. Là ý gì? Là ý khó khăn. Sao khi thì dùng chữ nhi, khi thì dùng chữ nãi (nãi và nhi đều dịch là mới). Vì nãi ý khó khăn hơn nhi.

Cốc Thị - Lỗ chôn đã có ngày rồi. Không vì mưa, mà đình chỉ lại. Thế mới là lễ. Mưa không chôn được, theo tang chế, không phải. Chữ nhi, dịch là mới, có ý nghĩa là việc đình, nay mới tiếp. Cứ trong ngày đó là được.

Xét - Cứ như câu "mưa không chôn được", thì nên theo Cốc Lương về thuyết: Tang chế, không phải. Tả Thị cho là đúng lễ, lại còn nói rằng, từ trước phải bói ngày chôn để tỏ ý không thờ ơ. Tả Thị bàn sai bói ngày chôn nên bói từ lâu ngày trước, để tỏ ý không thờ ơ. Khi đã bói chôn, mà còn lấy cớ tang chế chưa đủ, tang chế không phải để mất ngày cát đã bói rồi, như thế chính là quá thờ ơ, còn lễ đâu nữa mà nói là đúng lễ.

城平陽

THÀNH BÌNH DƯƠNG

LỖ XÂY THÀNH BÌNH DƯƠNG

Tả Thị - Xây thành Bình Dương. Kinh chép cả mùa xây.

Triệu Bằng Phi - Tả Thị nói có chép mùa. Vả lại theo lệ của Tả Thị, sao Thủy mọc thì bắt đầu xây dựng. Nhưng tháng 10 nhà Hạ, không phải là tháng 10 nhà Chu. Nay thấy chép tháng 10, cho ngay là đúng mùa, thế là không biết chính sóc của hai triều đại Hạ, Chu vốn khác nhau.

楚師伐陳

SỞ SƯ PHẠT TRẦN

QUÂN ĐỘI SỞ ĐÁNH TRẦN

Tả Thị - Trần hòa với Tấn. Quân Sở đánh Trần, chiếm lấy ấp Thành, rồi về.

Uông Khắc Khoan - Chép là quân đội, chép là phạt, đánh, là để rõ Sở đã mạnh, mà thương cho nghiệp Bá của Tấn không hưng khởi được.

Năm Tân Dậu. Vua Định Vương năm thứ 7.

九 年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Thành, năm thứ 7. Tề Huệ năm thứ 9. Vệ Thành, năm thứ 35. Sái Văn năm thứ 12. Trịnh Tương, năm thứ 5. Tào Văn, năm thứ 18. Trần Linh, năm thứ 14. Kỷ Hoàn, năm thứ 37. Tống Văn, năm thứ 11. Tần Hoàn, năm thứ 5. Sở Trang, năm thứ 14.

春 王 正 月 公 如 齊

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TỀ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG SANG TỀ

Phạm Ninh - Có tang mẹ mà đi triều hội. Phi lễ.

公 至 自 齊

CÔNG CHÍ TỰ TỀ

LỖ CÔNG TỰ TỀ VỀ LỖ

夏 仲 孫 蔑 如 京 師

HẠ, TRỌNG TÔN MIỆT NHƯ KINH SƯ

MÙA HẠ, TRỌNG TÔN MIỆT (MẠNH HIẾN TỬ) TỚI KINH SƯ NHÀ CHU

Tả Thị - Mùa xuân, Thiên Tử cho sứ tới Lỗ bảo lễ sính. Mùa hạ, Mạnh Hiến Tử tới triều đình Chu lễ sính. Thiên Tử thấy có lễ, thưởng cho rất hậu.

Hồ Truyện - Đọc văn, dễ hiểu. Gẫm lời xét việc, đó là cách dạy của Kinh Xuân Thu. Tháng đầu năm, Lỗ Công sang chầu vua Tề. Mùa hạ, thì Công cho lễ sính Thiên Tử. Cứ xét việc, chả đợi nghe chê trách, mà thấy sự dở hiện ra. Tuyên Công lên

ngôi được 9 năm rồi, đối với Chu chỉ có một lần cho sứ lễ sính, đối với Tề thì hai lần tới chầu. Kinh cứ mỗi lần thấy sang Tề là có chép lễ trí (cáo miếu khi về nước). Thế là kết tội Lỗ Tuyên Công.

Lục Cửu Uyên - Tuyên Công ở ngôi đã chín năm, hai lần tới tề chầu, một lần sai đại phu lễ sính nhà Chu. Dấu cũ của vương giả đã mất. Cương thường đổi bại. Trăm việc đảo ngược. Không còn cho là lạ nữa, Xuân Thu soạn ra là vừa hay. Cứ việc thực mà chép. Đọc rồi so sánh, mà tâm không thấy sợ, thì tôi không còn hiểu ra sao.

齊侯伐萊

TỀ HẦU PHẠT LAI

TỀ HẦU ĐÁNH NƯỚC LAI

Đái Khê - Lai giáp Tề cho nên Tề rất là muốn phục Lai. cứ xem hội Giáp Cốc, người Lai lấy quân hiếp Lỗ Hầu, thì Lai thuộc Tề như đã từ lâu.

秋取根牟

THU, THỦ CĂN MÂU

MÙA THU, CHIẾM CĂN MÂU, (XỨ ĐÔNG DI)

Tả Thị - Thủ là lấy, chép một việc dễ làm.

Công Thị - Căn Mâu là Ấp của nước Châu Lâu. Sao không nói đến Châu Lâu. Vì kiêng việc quá vội.

Dương Sĩ Huân - Công Dương nhận xét là tang mẹ chưa đầy năm đã đi chiếm ấp cho nên kiêng nói đến nước Châu Lâu. Nếu như kiêng nói đến Châu Lâu mà còn trong tang mẹ, chiếm ấp một nước khác thì không phải kiêng hay sao. Hoặc cứ theo Tả Truyện thì Căn Mâu là tên nước chăng.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo chép như là việc dễ. Không phải dễ đâu. Căn Mâu dù nhỏ, không dùng quân sĩ đánh nhau, thì lấy sao được. Lấy một nước đâu có phải là chuyện dễ. Không phân

biệt ấp hay nước, diệt hay lấy, chỉ cần biết khó hay dễ thôi, ý Kinh Xuân Thu đâu có thế.

八月滕子卒

BÁT NGUYỆT, ĐẰNG TỬ TỐT

THÁNG TÁM, ĐẰNG TỬ MẤT

Tả Thị - Vua nước Đằng là Chiêu Công mất.

Xét - Đằng Chiêu mất không chép ngày. Hoặc là nước nhỏ không đủ lễ, khi cáo phó không có ghi ngày. Hoặc là sử có thiếu sót chăng.

八月晉侯宋公衛侯鄭伯曹伯會于扈晉荀林斧帥師伐陳

CỬU NGUYỆT, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, HỘI VU HỖ, TẤN TUÂN LÂM PHỦ SUẤT SƯ PHẠT TRẦN

THÁNG CHÍN, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, HỘI HỌP TẠI ĐẤT HỖ, TUÂN LÂM PHỦ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TRẦN

Triệu Bằng Phi - Tấn họp chư hầu ở Hỗ, mà lại cho Tuân Lâm Phủ đánh Trần. Xét họp hội để mời Trần. Trần không đến. Thế là đánh Trần. Thế là có cớ. Trần Linh Công phản Tấn theo Sở, Sở diệt nước Thư Liệu. Nước Trần thấy thế, sợ mà theo về Tấn. Rồi sở đánh Trần, thì Trần lại phải về với Sở. Trần cứ trong khoảng Tấn, Sở, nay Tấn mai Sở, cũng là bất đắc dĩ, không còn biết về đâu. Hội ở Hỗ, chư hầu đều có mặt, trừ nước Trần. Thì Tuân Lâm Phủ đem quân đến, thế tất như thế tránh sao được. Thánh nhân liệt kê các chư hầu, mà chép tiếp ngay việc đánh Trần, tức là trách Trần nhiều.

辛酉晉侯黑臀卒于扈

TÂN DẬU, TẤN HẦU, HẮC ĐỒN, TỐT VU HỖ

NGÀY TÂN DẬU, TẤN HẦU TÊN LÀ HẮC ĐỒN MẤT TẠI ĐẤT HỖ

Tả Thị - Hội tại Hỗ, để bàn việc trị các chư hầu bất hòa. Trần Hầu không tới hội. Tấn Luân Lâm Phủ đem quân chư hầu đánh Trần. Tấn Hầu mất ở đất Hỗ. Lâm Phủ đem quân về.

Công Thị - Hỗ là ấp nước Tấn. Vua chư hầu mà mất ở trong cõi nước mình, thì không cần chép rõ tên nơi mất. Đây chép rõ là tại sao. Là vì mất ở hội. Chưa ra khỏi đất Hỗ, cho nên không dùng chữ hội.

Cốc Thị - Chép nơi mất, vì ở ngoài. Chép ngày, vì chưa ra khỏi nước.

Xét - Đỗ Dự cho Hỗ là đất nước Trịnh, cho nên có thuyết mất ở ngoài nước. Công Dương cho Hỗ là đất nước Tấn, Như Trịnh Bá mất ở Tháo, Tống Công mất ở Khúc Cức, đều mất ở trong nước, cho nên không nói rõ nước, mà rồi đọc tự hiểu, Công Dương so với Đỗ Dự, thì có phần hơn là Đỗ Dự. Khảo sát sử khắc trên tre (sử cũ) thì Tấn Xuất Công, năm thứ 22, mất ở Hỗ, ý giả Hỗ vốn là đất của nước Trịnh, mà sau nhập vào nước Tấn chăng. Nay cứ theo Công Dương mà san bỏ Đỗ Dự. Xét Cốc Lương mà nói là ở ngoài, thì tức như Phạm Ninh bảo là ở ngoài quốc đô. Còn như bảo chép ngày là vì chưa ra khỏi cõi, thì đó là lấy tháng ngày cho là một lệ, không nên nghe theo.

冬十月季酉衛侯鄭卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ DẬU, VỆ HẦU TRỊNH TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY QUÝ DẬU, VỆ HẦU TÊN LÀ TRỊNH MẤT

宋人圍滕

TỐNG NHÂN VI ĐẰNG

NGƯỜI TỐNG VÂY NƯỚC ĐẰNG

Tả Thị - Mùa đông, người Tống vây nước Đằng, nhân Đằng đang có tang.

Đỗ Ngạc - Chư hầu lộng quyền, đem quân vây nước người ta, lại nhân lúc người ta có tang cho nên chép là người (người Tống) để chê, không phải chỉ nhân nước Đằng có tang, mà lại nhân cả nước Tấn có tang. Nước Tấn chính trị đã suy, không còn cứu vãn được, cho nên các chư hầu chuyên quyền xâm phạt nhau. Vậy chê Tống mà cũng chê cả Tấn.

楚子伐鄭晉郤缺帥師救鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH, TẤN KHÍCH KHUYẾT SUẤT SƯ CỨU TRỊNH

SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH, KHÍCH KHUYẾT NƯỚC TẤN CẦM QUÂN CỨU NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử vì việc nước Lệ trước, cho nên nay đánh Trịnh, Khích Khuyết nước Tấn cứu nước Trịnh. Trịnh Bá đánh thua được quân Sở ở Liễu Phần, đất nước Trịnh, người trong nước Trịnh đều mừng. Chỉ có Tử Lương lo, có nói: "Chính là mối họa cho nước ta, mất ngày nào không biết".

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 5, Tuân Lâm Phu nước Tấn cứu Trịnh. Kinh không chép, vì thời đó, Trịnh vừa có loạn giết

vua. Đáng lẽ nên đánh, mà không nên cứu, cho nên không chép cứu. Nay chép là Khích Khuyết cứu. Cứ theo Truyện chép thì năm sau, Trịnh trị tội Quy Sinh, quật mã lên, đuổi hết cả họ đi. Nay Quy Sinh đã chết, cho nên chép là cứu, là cho Tấn là phải.

陳殺其大夫洩冶

TRẦN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIẾT DÃ

NƯỚC TRẦN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIẾT DÃ

Tả Thị - Trần Linh Công với các đại phu là Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ thông dâm với góa phụ là Hạ Cơ, mỗi người có giữ một cái áo lót của Hạ Cơ, cùng đem ra giữa triều đình đùa nhám. Đại phu Tiết Dã can rằng: "Công Khanh mà phô trương dâm bôn thì dân còn biết theo gương ai? Rồi đây còn nhiều tin đồn bậy. Xin nhà vua giấu cái áo ấy đi". Công nói, "Tôi sẽ sửa lỗi". Rồi Công bảo hai đại phu. Hai người xin giết Tiết Dã. Vua không cấm. Hai người giết Tiết Dã. Khổng Tử nói: "Kinh Thi có câu: Dân đã sẵn có lắm tội. Đừng bày tội mình ra nữa". Chính là việc Tiết Dã.

Cốc Thị - Giết đại phu, mà nói là nước Trần giết, tức là giết người vô tội. Sao Tiết Dã lại vô tội? Trần Linh Công đến nhà hạ Trưng Thư, thông dâm, Công Tôn Ninh và Nghi Hàng Phủ cùng tới thông dâm, hoặc khoác áo Hạ Cơ, hoặc đem áo lót ra khoe giữa triều. Tiết Dã thấy thế vào can: "Dân nghe còn được. Người đứng đấn nghe không nên". Vua xấu hổ với Tiết Dã, không nghe lời can, rồi giết đi.

Hoàng Trọng Viêm - Tả Thị đem lời Khổng Tử ra: "Dân đã sẵn có nhiều tội, đừng bày tội mình ra". Đó không phải là câu Khổng Tử nói. Xưa kia, vua Trụ làm việc vô đạo, Vi Tử bỏ đi. Cơ Tử bán mình làm nô. Tỉ Can, can mà chết. Khổng Tử nói: "Nhà Ân có ba người nhân". Cho Tỉ Can làm nhân, thì biết Khổng Tử không cho Tiết Dã là không phải. Nước vô đạo thì phải cẩn thận, đó là người không làm quan, ở ẩn dật, giữ mình cho được an toàn. Nhưng nếu đã có chức vị, ở giữa triều, đã ăn lộc của vua, thì cái thân đã hứa cho nước rồi, đâu có ngậm tăm,

cố tạm yên, theo đời, mà lấy việc trình bày sự dở làm răn, cho là giữ gìn được thân là phải. Đó không phải là lời răn dạy cách làm tôi, làm nhân thần. Kinh Xuân Thu, chép nước Trần giết đại phu Tiết Dã, là để thấy rằng, vua mà giết gián thần, chưa có vua nào là không bị táng vong. Cho nên vua Kiệt giết Long Bàng mà nhà Hạ mất, vua Trụ giết Tỉ Can mà nhà Ân mất. Coi Tiết Dã bị giết, mà năm sau, Linh Công bị giết, lại năm sau nữa Sở Trang kiêm tính nước Trần. Việc đủ làm gương cho đời sau.

Xét. Tiết Dã can vua mà bị chết, còn trung nào bằng. Tiên nho rất nhiều người lấy làm bất mãn, chỉ vì không hiểu rõ ý nghĩa việc gọi tên khi biên chép. Theo lễ, vua chư hầu, lúc sống, không gọi tên, nhưng lúc chết thì gọi tên. Đến vua chư hầu còn gọi tên, huống chi là đại phu chết mà gọi tên thì là phải. Đại phu khi đã chết, như Khổng phủ Cừu Mục, Tuân Tức, đều chép cả tên. Nước Tống giết đại phu mà không chép tên, là ý nghĩa có liên can đến nhiều vị khác, cho nên không chép. Vả lại các viên Tư Mã, Tư Thành, đều vì không xứng chức, mới chép chức, có quý hóa gì đâu mà không biên tên. Tử Ai chạy trốn nhưng không chết, Quý Hữu, Trọng Toại, Thúc Hật chết, tuy người hiền, kẻ gian không giống nhau, mà sinh thời được ban họ, cho nên lấy tên tự chép, không nên cho đó là lệ. Chu Tử có thích nghĩa câu: "Nước nguy không vào", cho rằng người quân tử khi đã nhận lệnh vua, khi đã làm quan ở một nước, nước ấy rồi có nguy thì cũng không có lý gì bỏ đi được. Chữ "không vào" là áp dụng cho người ở ngoài cuộc.

Làm tôi nước Trần, ăn lộc nước Trần, nước loạn không có chính, vua tôi phô trương dâm loạn, đó là trường hợp mà người quân tử hết lòng hy sinh cứu vãn, có chết cũng không hối tiếc. Vậy, lúc người ta sống. Kinh không biết đến, thì lúc người ta chết. Kinh làm cho sáng tỏ mà nói rõ tên. Nay đừng có ép gượng giải thích, bới lông tìm vết, đổ vạ cho người, hoặc chê người thẳng thắn can vua mà chịu chết, hoặc tôn người cố sạch thân trốn loạn, như kẻ ngu phu, im hơi, kín tiếng, thấy nguy thì lẩn tránh cho khỏi bị hại. Thế chỉ là gây cái ngu độn, vô liêm sỉ, sao có răn dạy được đời sau. Họ tả nói rằng Khổng Tử có dẫn Kinh

Thi để chê Tiết Dã. Hoàng Trọng Viêm bàn là không có chuyện Khổng Tử dẫn Kinh Thi như thế, bàn thực là cao kiến. Thuyết của Cốc Lương cho là giết người vô tội, nay lấy thuyết đó làm chủ. Còn những lời bàn rằng. Kinh chép tên là chê Tiết Dã, đều bỏ đi.

Năm Nhâm Tuất. Vua Định Vương, năm thứ 8.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tân Cảnh Công, tên là Mậu, năm đầu. Tề Huệ, năm thứ 10. Vệ Mục Công, tên là Tốc Nguyên, năm đầu. Sái Văn năm thứ 12. Trịnh Tương, năm thứ 6. Tào Văn, năm thứ 19. Trần Linh, năm thứ 15. Kỷ Hoàn, năm thứ 38. Tống Văn, năm thứ 12. Tần Hoàn, năm thứ 6. Sở Trang, năm thứ 15.

春 公 如 齊 公 至 自 齊

XUÂN, CÔNG NHƯ TỀ, CÔNG CHÍ TỰ TỀ

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG SANG TỀ. LỖ CÔNG TỰ TỀ VỀ LỖ

Uông Khắc Khoan - Công từ Tề về, thế là bốn lần chầu vua Tề.

齊 人 歸 我 濟 西 田

TỀ NHÂN QUY NGÃ TẾ TÂY ĐIỀN

NGƯỜI TỀ TRẢ LẠI CHO TA RUỘNG SỨ TẾ TÂY

Tả Thị - Năm thứ 10, mùa xuân, Lỗ Công sang Tề. Tề hầu thấy ta quy phục, mới trả cho ta ruộng Tế Tây.

Công Thị - Tề đã lấy, sao còn nói là của ta. Là vì chưa rời hẳn ta. Nói rằng Tề lấy, nhưng thực ra, chưa về Tề.

Cốc Thị - Lỗ Công lấy vợ ở Tề. Tề coi như anh em. Trả lại ruộng, không chép chữ lai là trở lại. Lỗ Công sang Tề nhận ruộng.

Triệu Khuông - Công Dương bàn rằng Tề đã lấy sao còn nói "ta", vì chưa rời hẳn ta. Đã lấy lại còn bảo chưa rời hẳn, ăn nói sao vu vơ thế. Cốc Lương thì bảo không chép chữ lai, là vì Lỗ Công sang Tề nhận ruộng. Ai Công, năm thứ 8, Tề trả ta ấp Hoan, và ấp Xiển. Lỗ Công có sang Tề đâu. Trình Cử nói: Tề Lỗ giao hiếu cho nên Tề trả ruộng. Ruộng vốn là của Lỗ. Tề lấy là phi nghĩa, cho nên nói là trả lại ta, không có gì đáng khen.

Uông Khắc Khoan - Người Tề trả ta ruộng có ba lần: Ruộng Vận, Hoan, Quy Âm. Khổng Tử lấy lễ giáo hóa được cường bạo. Tề Cảnh phải tâm phục mà trả. Kinh chép là trở lại, về, là chữ hay, chữ lịch sự. Ai Công biết sửa đổi dở thành hay, cho Châu Tử Ích về nước Châu, cho nên Tề Điệu trả ta gấp hai Hoan và Xiển. Kinh chép chữ trã trả về, là chữ thuận nghĩa. Duy có việc ruộng Tế Tây, Lỗ Tuyên Công dùng lễ quá trớn để đẹp lòng Tề Huệ, Tề Huệ thích được nịnh, cho nên trả ruộng về cho Lỗ, đều là vì ý riêng, việc riêng, cho nên chép trở về ta, chữ ta là ý của ta, của riêng cho ta. Không những là khác với phương pháp thánh nhân nói theo đường đạo, mà so với Ai Công đổi lỗi, cũng không thể cùng lời văn được.

夏 四 月 丙 辰 日 有 食 之

HẠ, TỨ NGUYỆT, BÍNH THÌN, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÍNH THÌN, CÓ NHẬT THỰC

己 巳 齊 侯 元 卒

KỶ TỴ, TỀ HẦU, NGUYÊN, TỐT

NGÀY KỶ TỴ, TỀ HẦU, TÊN LÀ NGUYÊN MẤT

齊 崔 氏 出 奔 衛

TỀ THÔI THỊ XUẤT BÔN VỆ

HỌ THÔI NƯỚC TỀ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Mùa hạ, Tề Huệ Công mất. Thôi Trữ vốn được Huệ

Công yêu dấu tin dùng, hai họ Cao, Quốc ngại bị áp bức. Khi Công mất rồi, mới đuổi đi. Chạy sang Vệ. Kinh chép họ Thôi là không phải có tội. Mà chép là họ, chứ không chép tên. Phàm đại phu của chư hầu đã bị đuổi, phải chạy trốn, thì được báo cáo rằng: "Một đại phu nước tôi tên, họ Mỗ, đã thôi không giữ được việc thờ cúng tổ tiên. Xin báo cáo". Lời báo cáo đó chỉ gửi cho nước nào mà đại phu có trách nhiệm đi sứ tới. Còn không, thì không báo cáo cho ai cả.

Công Thị - Họ Thôi là ai? Là đại phu nước Tề. Chép "họ Thôi" là chê. Chê vì đã nối đời giữ chức Khanh. Thế là phi lễ.

Cốc Thị - Chép họ tức là cả họ phải trục xuất.

Hồ Truyện - Kinh chép "họ Thôi" là đem cả họ chạy. Hứa Hàn bàn rằng "Thôi Trữ đi, rồi trở lại được. Trở lại mà lại giết được vua thì biết là họ có thế, cho nên lần này nói đến họ". Bàn thế thì vội đấy. Nhưng đúng đấy.

Triệu Bằng Phi - Nối dõi mà hiền, tức là truyền dõi đức hiền. Nối dõi mà chuyên quyền, tức là truyền dõi đức ác. Kinh Xuân Thu mà chép họ Thôi, họ Doãn, họ Vũ là không phải vì hiền. Tất cả đều là chuyên quyền. Tả Thị thấy Tương Công, năm thứ 25 có việc Thôi Trữ, nhân cho là Thôi Trữ chạy trốn. Tôi nghi là gò ép để giải nghĩa. Vì rằng từ ngày này đến năm Thôi Trữ thí nghịch có 51 năm. Cứ cho lúc đó 70 tuổi thì nay chưa đến tuổi làm lễ đội mũ, thì đã biết gì là chuyên quyền ở nước Tề. Ngày xưa 40 tuổi mới ra làm quan, 50 tuổi mới được tước phẩm. Tính đến Thôi Trữ thí nghịch thì vừa một trăm tuổi.

Xét - Họ Thôi chạy trốn. Tả Thị cho là họ Cao, họ Quốc ngại bị áp bức. Công Dương cho là chê trách về việc nối dõi chức Khanh. Cốc Lương cho là đuổi cả họ Thôi đi. Hồ An Quốc thì dùng làm thuyết Hứa Hàn cho là họ to có thế. Bàn Kinh Xuân Thu, mỗi người mỗi cách. Sự thực cũng dễ hiểu. Vì nối dõi cho nên họ có thế lực. Vì họ có thế lực, cho nên họ Cao, họ Quốc phải e ngại. Vì e ngại mới đuổi cả họ. Chả còn có nghĩa nào khác nữa. Kinh chép là họ Thôi. Công Thị không xét đâu được để biên tên. Tả Thị cho là lời Thôi Trữ. Khảo

sau về Thôi Trữ giết vua, thì quá thời nay những 50 năm. Triệu Bằng Phi bác đi là phải. Tuy nhiên, Tả Thị cũng không xa đời Thánh nhân mấy, tất có được đầu mối từ đâu. Nay cứ để cả các lời bàn.

公 如 齊
CÔNG NHƯ TỀ
LỖ CÔNG SANG TỀ

Tả Thị - Lỗ Công sang Tề về việc tang nước Tề.

Cao Kháng - Tề Hầu mất, mà vội vàng săn sóc đến tang, đó là lấy việc nhờ Thiên Tử mà thờ vua Tề.

五 月 公 至 自 齊
NGŨ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TỀ
THÁNG 5, LỖ CÔNG TỪ TỀ VỀ LỖ

Triệu Bằng Phi - Mùa Xuân, Lỗ Công sang Tề nhận ruộng rồi về. Rất là hoan hỉ cho nên năm sau lại sang Tề bôn tang, giúp đáp về việc tang để báo đền Nguyên (tên vua Tề) đã cho. Lỗ Công lên ngôi được 10 năm, chưa có một lần nào đến chầu tại Kinh sư, vì cho là Chu yếu, không đủ nhờ cậy, mà ta được ở ngôi vua là nhờ nước Tề. Tề là quan trọng. Năm lần tới chầu Tề, được có nước, là nhờ Tề. Nước Lỗ có phải là Thiên Tử phong cho không, thế mà như là thuộc về nước Tề. Hậu với Tề mà bạc với Chu. Vậy Lỗ có tội. Mà Tề coi Lỗ không hơn nước phụ dung, thật là ngang ngược. Thánh nhân chép "sang Tề" không phải chỉ riêng trách Lỗ, mà còn trị tội Tề nữa.

癸巳陳夏徵舒弑其君平國

QUÝ TỴ, TRẦN, HẠ TRƯNG THƯ THÍ KỲ QUÂN, BÌNH QUỐC

NGÀY QUÝ TỴ, HẠ TRƯNG THƯ NƯỚC TRẦN GIẾT VUA TÊN LÀ BÌNH QUỐC

Tả Thị - Trần Linh Công, cùng Khổng Ninh, Nghi Hàng Phủ uống rượu ở nhà họ Hạ, Công bảo Hàng Phủ: "Trông Trưng Thư (con Hạ Cơ) giống ngươi". Đáp: "Trông giống nhà vua". Trưng Thư nghe giận lắm. Khi nhà vua đi ra, Trưng Thư nấp trong chuồng ngựa bắn ra. Công chết, hai đại phu chạy trốn sang nước Sở.

Hồ Truyện. Trần Linh Công là vô đạo, mà sao lại gọi tên đại phu giết. Không họa nào lớn bằng, gạt lời can, giết người nói thẳng. Không trung nào rõ bằng thân bị giết. Nhưng lời nói được nghiệm. Tiết Dã coi hành vi, là không sợ chết, cứ hết lời nói thẳng với vua. Chính vì thấy vua tôi Linh Công thông dâm nhà họ Hạ, sợ rồi có họa, không nỡ ngồi nhìn họa tới, cho nên liều chết mà nói. Còn Linh Công thì đã không biết nghe, lại vì thế giết đi, để rồi kết quả là bị mất nước, đó là gương cho muôn đời. Đặc biệt chép họ tên Hạ Trưng Thư để cho thấy lời nói trung chính của Tiết Dã đã nghiệm, thấy cái lý do sự chết của Linh Công, khiến cho những ai có nước phải xa sắc phải sửa mình, bao dung lời thẳng, lo mở đường mà thu lại lời can gián. Cho rằng tội không lây đến dân, thì chỉ chép đại phu giết, chứ không chép tên họ, thế không phải là ý của Kinh.

Xét - Trưng Thư giết vua, Xuân Thu chép tên và họ, để chính tội loạn thần, tặc tử, thế là cứ việc thực mà chép thẳng, thì nghĩa tự nhiên rõ. Đỗ Dự cho rằng, chép tước đại phu là tội không lây đến dân. Cao Kháng cho rằng, tội Trưng Thư, người trong nước không ghét. Triệu Bằng Phi cho rằng Trưng Thư bày cái dở của mẹ ra, cho nên chép để rõ đạo làm con. Tất cả đều bàn sai. Hồ Truyện cho rằng để thấy lời trung chính có nghiệm để thấy lý do bị giết, cho thế cũng không

phải là ý chính của Kinh. Tuy nhiên, bảo rằng, những ai có nước, phải xa sắc, phải sửa mình, lo mở đường và thu nạp lời can gián, bảo thế là lời bàn luận rất chính cho nên giữ lại.

六 月 宋 師 伐 滕

LỤC NGUYỆT, TỐNG SƯ PHẠT ĐẰNG

THÁNG SÁU, QUÂN ĐỘI TỐNG PHẠT NƯỚC ĐẰNG

Tả Thị - Người Đằng cậy có Tấn mà không thờ Tống, tháng 6, quân Tống đánh Đằng.

Lục Cửu Uyên - Tống là nước lớn, Đằng là nước nhỏ. Đằng hại sao được Tống. Tống mà đánh Đằng, chỉ là lăng loàn nhỏ yếu để thỏa ý muốn. Họ Tả bảo Đằng cậy có Tấn, không thờ Tống. Nhưng nghiệp Bá của Tấn đã suy. Đằng vốn nước nhỏ, có gì mà cậy được. Hoặc giả, vì cớ thờ Tấn mà có sơ xuất với Tống chăng. Còn Tống thì lấy nghĩa gì mà trách được Đằng không thờ mình. Lớn nên giúp nhỏ, thương là không bằng mình thì mới phải. Năm trước, nhân Đằng có tang mà tới vây. Năm nay lại hưng binh tới đánh, thế là lăng phạm nhỏ yếu để thỏa ý muốn, rõ ràng vậy.

公 孫 歸 斧 如 齊 葬 齊 惠 公

CÔNG TÔN QUY PHỦ NHƯ TỀ TÁNG TỀ HUỆ CÔNG

CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TỀ DỰ TÁNG LỄ TỀ HUỆ CÔNG

Trương Hiệp - Kinh Xuân Thu chép như thế là để biết rõ rằng kẻ loạn thần, tặc tử không hiểu gì về lễ tống chung. Cho nên khiếm khuyết với Thiên Tử mà hậu trọng với nước mạnh. Ai chả bảo rằng, cái oai cửu phạt (Tề Hoàn Công xưa) không thi hành. Ai chả bảo rằng cái quyền chinh phạt không còn có ảnh hưởng.

晉人宋人衛人曹人伐鄭
TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TÀO NHÂN, PHẠT TRỊNH
NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TÀO, PHẠT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Trịnh và Sở hòa. Quân đội cua chư hầu đánh Trịnh. lấy ấp Thành rồi kéo về.

Trương Hiệp - Chép chữ người là chê việc bỏ cái tội của kẻ loạn thần tặc tử mà khinh động việc chiến tranh, xâm lăng áp bức các nước nhỏ, không còn biết dựa vào đâu.

Triệu Dữ Quyền - Trước đây, nước Sở đánh nước Trịnh, Tấn cứu Trịnh. Nếu Tấn có thể che chở được Trịnh, thì Trịnh đâu có phải hòa với Sở. Quân không đủ để ngăn Sở. Đức không đủ để phục Trịnh. Hai bên giao chiến. Trịnh có tội gì đâu. Coi đó biết Tấn không còn làm Bá chủ được.

秋天王使王癸子來聘
THU, THIÊN VƯƠNG SỬ VƯƠNG QUÝ TỬ LAI SÍNH
MÙA THU, THIÊN TỬ SAI VƯƠNG QUÝ TỬ TỚI LỖ ĐÁP LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa thu, Lưu Khang Công (vương Quý Tử) tới đáp lễ sính cua Lỗ khi trước.

Công Thị - Vương Quý Tử là đại phu của Thiên Tử. Gọi là Vương Quý Tử là tôn quý, vì là em cùng mẹ với Thiên Tử.

Cốc Thị - Gọi là Vương Quý vì là con vua. Dùng chữ Tử là tôn trọng. Sính là lễ sính thăm hỏi.

Hứa Hàn - Từ đó, uy của Thiên Tử mất dần dần, sính lễ càng bị khinh. Xuân Thu thôi không chép nữa.

公 孫 歸 斧 帥 師 伐 鄒 取 繹

CÔNG TÔN QUY PHỦ SUẤT SƯ PHẠT CHÂU THỦ DỊCH

CÔNG TÔN QUY PHỦ CẦM QUÂN, ĐÁNH NƯỚC CHÂU, LẤY ẤP DỊCH

Tả Thị - Quân đánh nước Châu, lấy ấp Dịch.

Cao Kháng - Từ thời Văn Công, Lỗ và Châu đã có hiềm khích. Tuyên Công lên ngôi vì việc thoán nghịch, đầu tiên là vua Châu tới chầu, rồi sau duyệt tích đến 10 năm, vì thế Quy Phủ đánh Châu.

Lục Cửu Uyên - Lỗ mà đánh Châu thì không khác gì Tống đánh Đằng. Đặc biệt chép, lấy ấp Dịch, tội lại càng rõ.

Xét - Văn Công năm thứ 13, Truyện chép là nước Châu thiên đến Dịch. Dịch thành quốc đô nước Châu. Tính đến nay đã mười mấy năm rồi, vị tất đã có thiên đô lần nữa. Lấy Dịch, thế là diệt nước Châu vậy. Sách Khổng Sở có chép là Châu có một ấp Dịch khác quốc đô, là nhân núi mà thành tên, tức là một ấp nhỏ nước Châu, trùng tên. Công Dương không chép chữ Dịch, mà chép chữ Loại hoặc Li. Nên nghi là Công Dương chép đúng. Tuy nhiên, Cốc Lương với Tả Thị giống nhau cho nên cứ theo là Dịch mà luận bàn phụ thêm vào thôi.

大水

ĐẠI THỦY

LỤT TO Ở LỖ

癸孫行斧如齊冬公孫歸斧如齊

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỀ, ĐÔNG CÔNG TÔN QUY PHỦ NHƯ TỀ

QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TỀ, MÙA ĐÔNG, CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TỀ

Tả Thị - Quý Văn Tử lần đầu lễ sính nước Tề (vua mới). Mùa đông. Tử Gia (Công Tôn Quy Phủ) sang Tề vì cớ đánh nước Châu.

Lục Cửu Uyên - Năm đó Tuyên Công hai lần sang Tề. Còn sai bầy tôi, sang Tề ba lần. Chỉ thấy Thiên Tử cho sứ là Vương Quý tới Lỗ lễ sính, chứ không nghe thấy vua Lỗ tới Kinh đô, hoặc sai sứ tới Kinh Đô. Chả cần phải khảo cứu kỹ mà tội đã thấy rõ.

Gia Huyền Ông - Hàng Phủ lấy cớ Khoảnh Công mới lên ngôi mà sang Tề là việc thường. Quy Phủ thì sang Tề để được gần gũi riêng, bày tỏ phúc tâm, thế không phải là lễ thường. Bố Quy Phủ giết cháu ngoại vua Tề, mà lập Tuyên Công lên ngôi. Tề Huệ là chủ ở nước ngoài. Khi Khoảnh Công nối ngôi thì Quy Phủ lo sợ bị trị tội chăng. Cho nên sang Tề, khuất tất, hết sức ty tiện để mong chuyển được việc trị tội. Kinh chép cả hai vị sứ, là để trị kẻ gian.

齊侯使國佐來聘

TỀ HẦU SỬ QUỐC TÁ LAI SÍNH

TỀ HẦU SAI QUỐC TÁ TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Quốc Vũ Tử tới đáp lễ sính.

Xét - Vua chư hầu còn ở trong tang, mà có việc hội, việc

thể, việc đi chinh phạt, cứ theo tang lễ, chép là tử: con theo lễ không có tang thì chép tước. Đang ở tang mà lễ sính các nước gần, xét trong sách lễ, tuy không có cấm, nhưng khi sai sứ đi, thì thấy lời vị đại thần thay vua, cầm quyền chính trong nước, theo như việc khi Thiên Tử sai sứ đi đòi lễ ở Lỗ, thì không xưng là Vương sứ. Nay chép "Tề Hầu" sai thế là ghét sao đã vội dùng cát lễ (lễ khi hết tang).

饑

CƠ

ĐÓI

Công Thị - Sao lại chép. Vì quan trọng.

Trương Hiệp - Theo Vương đạo, thì trong chính trị, việc lo cho dân đủ ăn là quan trọng. Cho nên sự tích trữ trong nước là việc lớn. Trước đây hơn trăm năm, các tai nạn về nước lụt, đại hạn, sâu ăn lúa rất nhiều mà không thấy chép đói. Nay sau nạn nước lụt, chép đói để rõ chính trị ngoại giao của Tuyên Công phiền hà, tiêu dùng trong nước không biết tiết kiệm, trên dưới đều hết sạch, cho nên, mới gặp thủy nạn, mà đã đến thiếu ăn.

Triệu Bằng Phi - Xuân Thu chép nạn đói hai lần, nạn đói to một lần mà Tuyên Công ở vào một trong hai nạn đói. Tuyên Công lên ngôi đến nay là 10 năm, nạn sâu, đại hạn, lụt to, mỗi thứ một lần. Tuyên Công, lập làm vua, không được mệnh trời, trời gieo nhiều biến. Thế mà cống Tề không năm nào không. Dùng quân không có kỳ hạn. Thóc lúa hết. Kho tàng sạch không. Lại thêm tai biến về thủy hạn, để cho dân đến phải đói rét lưu ly, cũng không lấy gì làm lạ. Tuyên Công trông vào đâu được.

楚 子 伐 鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

SỞ TỬ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử phạt nước Trịnh. Sĩ hội nước Tấn cứu Trịnh,

đuổi được quân Sở ở đất Dĩnh Bắc, Quân chư hầu đóng giữ biên giới cho Trịnh.

Phụ lục Tả Truyện - Tử Gia nước Trịnh đã chết (Công Tử Quy Sinh). Người Trịnh trị tội bọn gây loạn dưới đời U Công, quật ma Tử Gia, đuổi hết họ đi, cải táng cho U Công, và đặt Thụy hiệu là Linh Công.

Hồ Truyện - Kinh Xuân Thu có khi lời giống nhau mà ý khác nhau. Phải so sánh việc mới biết được. Năm thứ 9 Sở Tử đánh Trịnh, thì chép tước, tức là chê. Như là nói rằng: Vua tự làm tướng, cầm quân, khoe mạnh lấn yếu, lăng phạt chư hầu. Biết được là chê, là vì ở dưới là chép khuyến khích nước Tấn cầm quân cứu Trịnh. Thế đủ biết là chê Sở, Năm nay Sở Tử phạt Trịnh, chép tước, là lời chép thẳng, y như nói rằng lấy việc thực mà chép, chép việc quan trọng, không cho Sở là có tội. Biết được thế, là vì: Truyện có chép Sĩ Hội nước Tấn cứu Trịnh, đuổi quân đội Sở ở Dĩnh Bắc, thế mà Kinh thì san bỏ không chép, tức là trách Tấn. Loại này cần căn cứ vào Truyện mà bàn.

Năm Quý Hợi. Vua Định Vương năm thứ 9.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Cảnh, năm thứ 2. Tề Khoảnh Công Vô Dã năm đầu. Vệ Mục, năm thứ 2. Sái Văn, năm thứ 14. Trịnh Tương, năm thứ 7. Tào Văn, năm thứ 20. Trần Thành Công. Ngọ năm đầu. Kỷ Hoàn, năm thứ 39. Tống Văn, năm thứ 13. Tấn Hoàn, năm thứ 7. Sở Trang, năm thứ 16.

春王正月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

夏楚子陳侯鄭伯盟于辰陵
HẠ, SỞ TỬ TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ MINH VU THẦN LĂNG
MÙA HẠ, SỞ TỬ, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ THỀ TẠI THẦN LĂNG, ĐẤT NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Mùa xuân, Sở Tử đánh Trịnh, tiến quân tới đất Lịch. Trịnh Tử Lương nói: "Tấn và Sở không chuộng đức, lại dùng binh lực ganh nhau Bá chủ. Có thể người nào tới trước thì ta theo. Tấn và Sở đều là hạng không giữ lời hứa, không có tín. Ta cần gì giữ tín với họ". Thế là Trịnh theo Sở. Mùa Hạ, Sở thề ở Thần Lăng, Trần và Trịnh theo Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Chức Tả Doãn nước Sở là Tử Trọng đem quân xâm nước Tống. Sở Tử chờ ở đất Diên (nước Sở). Lệnh Doãn và Vĩ Ngãi Lạp đắp thành nghi. Sai chức Phong nhân (chức quan trọng coi nơi biên giới) tính toán công việc, rồi giao cho quan Tư Đồ. Quan Tư Đồ, xét công thợ, định số ngày làm, kích thước gỗ lạt dùng vào việc xây dựng số các thúng sọt, thuổng cuốc, ước lượng xa gần, nền móng, trữ gạo, thóc, lương khô, đặt các viên chức trông coi. Y như đã định, đúng ba mươi ngày, hoàn thành công việc.

Hồ Truyện - Tấn và Sở tranh nhau hai nước Trần và Trịnh, đã từ lâu. Nay Trần và Trịnh bỏ nước Tấn mà theo Sở thề tại đất Thần Lăng. Xuân Thu chép không có lời phê. Phép lớn của Xuân Thu là trị bọn loạn thần tặc tử. Nay Lỗ với Tề dùng binh đánh nước Cử, Tấn với Địch hội ở Toàn Hàm mà không bàn đến việc họ Thiếu Tây nước Trịnh loạn nghịch (việc hạ Trưng Thư), để cho người Sở biết bàn đến, Hội thề ở Thần Lăng sở dĩ được chép trong Kinh mà không

chê. Thánh nhân trị giặc ý đã thắm thiết rõ ràng lắm.

Uông Khắc Khoan - Nước Sở từ hội Vu về sau, chưa từng xưng tước ở các hội thề. Ở đây chép tước Tử đặt trên Trần Hầu, Trịnh Bá, nước Sở lần đầu chủ hội minh. Hội Vu mà xưng tước là bị chê. Không xưng tước thì nghi là Sở đại phu, mà tội bất Tống Công không kể rõ.

Hội thề ở Thần Lăng chép tước Tử là khen. Khen cho đã trị giặc nước Trần. Sau đó, hội thề ở đất Thục Sở Công Tử Anh Tề, chép trên các đại phu các nước, là chê mà chép chữ người, tức là không cho Anh Tề được chủ các chư hầu.

Hội thề Tống Quắc, Công Tử Vi thề trước, sắp huyết trước, mà Kinh lại chép Tấn cầm đầu, là không để cho Sở được uy hiếp chủ hội.

Xem như thế, thì biết hội thề ở Thần Lăng, Sở Tử được chép lên đầu, mà không có lời chê, thế là khen.

公孫歸斧會齊人伐莒

CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI TỀ NHÂN PHẠT CỬ

CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI VỚI NGƯỜI TỀ, PHẠT (ĐÁNH) NƯỚC CỬ

Đỗ Ngạc - Gọi là người Tề để chê. Tề gọi là người thì Lỗ cũng gọi là người. Chép Công Tôn Quy Phủ cũng là ghi sự chuyên quyền của đại phu.

Uông Khắc Khoan - Đánh Châu, đánh Cử đều để Quy Phủ cầm nhiều quân, rồi sau mới hội với Tề Hầu, hội với Sở Tử. Vậy Quy Phủ đều hội với các vua thì thấy rằng Tuyên Công đã trọng đãi Trọng Toại, mà lại yêu con Trọng Toại để cho chuyên quyền tại nước Lỗ. Mới biết việc đuổi ở đất Sinh là gây ra tự đây.

秋晉侯會狄于攢函

THU, TẤN HẦU HỘI ĐỊCH VU TOÀN HÀM

MÙA THU, TẤN HẦU HỘI RỢ ĐỊCH Ở TOÀN HÀM, ĐẤT RỢ ĐỊCH

Tả Thị - Khích Thành Tử nước Tấn cầu hòa với rợ Địch. Bọn Địch vì ghét việc Xích Địch trước mới theo về Tấn. Mùa thu, hội tại Toàn Hàm, bọn Địch theo cả. Về việc đó, các đại phu đều muốn mời Địch tới Khích Thành Tử nói: "Tôi nghe nói không có đức nào bằng cần lao. Không có đức cần thì lấy gì mà phục người. Có cần thì có người theo. Xin cứ cần, Kinh Thi có câu: "Văn Vương cần đã đủ, Văn Vương vẫn cứ cần. Huống chi là người ít Đức".

Cốc Thị - Không dùng chữ cập là cùng, là vẫn cho Địch là giống khác để ra ngoài.

Cao Kháng - Chư Hầu trông cậy vào Tấn. Tề thì đánh Cử. Tấn thì hội với Địch, Thành ra Sở gây được nghiệp Bá. Thế là đi ngược đường.

Gia Huyền Ông - Sở bắt Trần và Trịnh thề. Tấn không biết hòa hợp chư hầu mà đi hội với rợ Địch. Cứ so sánh và xét công việc thì thấy Tấn kém hèn lắm.

Uông Khắc Khoan - Tấn Cảnh Công tới đất rợ Địch mà hội, so với Hi Công, năm thứ 32, người Vệ thề với người Địch, ý nghĩa giống nhau.

冬十月楚人搬陳夏徵舒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, SỞ NHÂN SÁT TRẦN HẠ TRƯNG THƯ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGƯỜI SỞ GIẾT TRẦN HẠ TRƯNG THƯ

Công thị - Đây là Sở Tử. Gọi là người là chê. Không cho là phải, việc trị người đã ở ngoài nước. Mà dù có ở trong nước

cũng không cho. Nghĩa chư hầu là không được chuyên quyền trị tội đánh nước khác, nhưng sự thực thì cứ cho, là vì không còn Thiên Tử, dưới không có Phương Bá, chư hầu trong thiên hạ làm việc vô đạo, tôi giết vua, con giết cha, vậy chư hầu nào có tài trị được thì cứ trị là phải.

Cốc Thị - Đây là vào nước Trần mà giết. Không chép chữ "vào" tại sao? Là coi như Hạ Trưng Thư ở ngoài. Vậy Sở mà trị là Sở có tội.

Phạm Ninh - Đổi chữ vua Sở thành người Sở, vì đối với hạng giết vua thì người người đều được giết, cứ gì vua.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo đấy là vua Sở, mà chép là người là chê. Công Dương bàn sai. Đây cũng giống như người nước Sái giết Trần Đà, có gì là khác. Vả lại giết kẻ giết vua ở nước ngoài, sao lại không được. Còn Cốc Lương thì nói: Đây là vào nước Tần mà giết, sao không chép là vào, là không coi Hạ Trưng Thư ở nước Trần. Cốc Lương bàn sai. Đã chép người Sở giết là rõ Hạ Trưng Thư có tội rồi. Vả, trước mà nói vào, sau mới nói giết, thì thành ra Hạ Trưng Thư vẫn ở Trần. Xét Xuân Thu là sách chép việc, trước giết rồi sau vào, đều là cứ chép sự thực, đâu có ngang nhiên thay đổi việc xưa, để cho theo ý riêng của mình.

丁亥楚子入陳

ĐINH HỢI SỞ TỬ NHẬP TRẦN

NGÀY ĐINH HỢI SỞ TỬ VÀO NƯỚC TẦN

Cốc Thị - Dùng chữ "vào" là ý trong nước không chịu. Chép vào là ghét việc nào. Không chịu vì không muốn cho Di Địch lấn Trung Quốc.

Hồ Truyện - Xét Truyện họ Tả: Sở Tử vì cớ họ Hạ làm Loạn, mới đánh Trần, bảo người Trần đừng sợ, Sở chỉ trị tội họ Thiếu Tây (họ Hạ) thôi. Thế là đưa quân vào nước Trần, đem Hạ Trưng Thư đến cửa Lật Môn cho xe kéo xé xác (như hình voi giày). Kinh chép giết trước, chép vào sau, thế là khen Sở Tử biết trị tội giặc. Trị giặc là vì nghĩa, lấy nước là vì tham. Một đằng là Thuấn, một đằng là Chích, khác nhau xa, chỉ vì một đằng là thiện, một đằng là lợi. Sở Trang vì nghĩa mà trị giặc, thế là hăm hở làm điều thiện, tức là học lối vua Thuấn. Vì tham mà lấy nước tức là hấp tấp về lợi, thế là đồ đảng của đạo Chích. Hoặc thiện, hoặc ác, chỉ là tâm trí thoáng trong giây phút. Cứ theo phương pháp đó chép, cho nên Xuân Thu cho tâm là quan hệ, đọc Kinh cần xét kỹ.

Hoặc giả bàn rằng: Thánh nhân nâng đỡ người biết đổi lỗi. Sở tuy biến Trần thành quận huyện Sở, nhưng còn biết nghe lời bàn của Thân Thúc Thời, mà phong lại cho Trần, thế là biết đổi lỗi. Thế mà Kinh còn chép "Vào Trần" để chê là tại sao? Tại là: Ý Sở Trang cứ muốn diệt Trần, tuy phong lại cho Trần, nhưng lấy mỗi làng một người, đem về cho tập hợp thành một ấp gọi là ấp Hạ Châu. Rồi lại đặt lại bọn loạn thần, thế là thay đổi cả trên dưới, làm cho không còn đạo vua tôi nữa.

Người Tấn đem cho đồ lễ sang nước Trịnh, hỏi cớ tại sao Tứ Khất được lập làm Trưởng họ. Tử Sản đáp: "Nếu như các bầy tôi của quả nhân mà để cho đại phu nước Tấn xếp đặt ngôi thứ,

thì nước Trịnh thành quận nước Tấn, còn đâu là nước nữa. Tư San từ tạ không nhận lễ, rồi cho người sang Tấn đáp lễ. Người Tấn cũng xếp việc đó không nói đến nữa.

Nay đã là nước khác thì không nên dự, thế mà xếp đặt ngôi thứ cho loạn thần. Vậy hưng vong, còn mất, ai trách nhiệm.

Trọng Ni khen công trị giặc, cho nên giảm tội cho, không chép là lấy Trần, mà chép là vào Trần. Báo là khen cũng được.

Xét - Việc vào nước Trần, Truyện kể trước việc trị giặc. Kinh thì chép sau việc trị giặc. Hồ Truyện cho là Thánh nhân khen Sở Tử về việc trị giặc, Trương Hiệp cùng một ý ấy, đều là có lý. Cốc Lương cho là giết Trưng Thư ở ngoài nước Trần, thế là bàn sai, Lưu Sưởng bác đi rất là minh bạch.

納 公 孫 寧 儀 行 斧 于 陳

NẠP CÔNG TÔN NINH, NGHI HÀNG PHỦ VU TRẦN

CHO Ở LẠI CHỨC CŨ BỌN CÔNG TÔN NINH VÀ NGHI HÀNG PHỦ

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử vì cớ họ Hạ ở Trần làm loạn, tới phạt, bảo dân đừng sợ, chỉ trị họ Thiếu Tây thôi. Rồi vào nước Trần, đem Hạ Trưng Thư tới cửa Lật Môn, cho xe xé xác, rồi đặt Trần thành một huyện của nước Sở. Trần Hầu ở nước Tấn. Đại phu nước Sở là Thân Thúc Thời đang đi sứ ở nước Tề, khi về vào triều, phục mệnh rồi lui ra. Vua Sở sai trách rằng: Họ Hạ Trưng Thư làm việc vô đạo giết vua, ta đem các chư hầu trị tội giết đi. Chư hầu cùng các Trấn Thủ các huyện, ấp, nước Sở đều mừng ta. Riêng đại phu không mừng, tại sao? Đáp: "Xin biết có cho bày tỏ ý được không". Vua nói được. Thân Thúc Thời nói: "Hạ Trưng Thư có tội to là giết vua. Trị tội giết đi, thế là nhà vua làm một việc nghĩa. Tục ngữ có câu: "Có người đem bò mình đem vạch một con đường ở vào ruộng người rồi bò bị bắt mất. Vạch con đường ở ruộng người vốn là có tội. Nhưng bắt bò là một hình phạt quá nặng. Chư hầu mà theo nhà vua là để trị kẻ có tội. Nay ngày đổi nước Trần thành một huyện

ở nước Sở, thế là tham của. Lấy việc trị tội triệu chư hầu. Rồi đuổi chư hầu về, khi lòng tham của mình đã đủ, như thế có lẽ không nên". Vua Sở nói: "Phải lắm, tôi chưa nghe được những lời nói như thế bao giờ. Vậy có nên trả lại không". Đáp: "Nên lắm. Tiểu nhân như chúng tôi nghĩ là lấy của trong túi người ta để cho người ta". Vua Sở phong lại cho Trần, chỉ lấy mỗi làng một người đem về Sở, lập thành ấp Hạ Châu.

Cho nên Xuân Thu chép: Sở Tử vào Trần, đặt lại tại Trần, Công Tôn Ninh và Nghi Hàng Phủ, Xuân Thu cho là Sở Tử có lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Sau việc Lệ Công, Trịnh Bá trốn thoát Sở, mà về được nước. Từ đó, Sở vẫn chưa có dịp được đắc chí với Trịnh. Trịnh đã chịu thề ở hội Thần Lăng, là rất may cho nước Tấn.

Công Thị - Đây điều là một đại phu cả. Sao chép là đặt lại. Vì là đảng của Trần Linh Công. Tức như cho là được.

Cốc Thị - Đặt lại, tức là trong nước không chịu. Trị tội người hại dân thì còn được. Vào nước người ta, đặt lại quan chức, làm hại đạo vua tôi người ta thì không được.

Đạm Trợ - Họ Tả cho là Xuân Thu khen là có lễ. Nếu việc đặt lại việc loạn thần là có lễ, thì thế nào là phi lễ.

Lục Thuần - Thuần nghe thầy học có dạy, Sở Tử mà trị tội Trưng Thư là chính, cho nên Kinh chép chữ "người" cho là làm điều nghĩa. Đến như, vào nước người ta, đặt lại cho làm quan, bọn bầy tôi dâm loạn, thế là tà, không phải chính. Cho nên chép rõ tước, tước Tử, để rõ là không chính. Cái nghĩa Xuân Thu là phô điều hay, mà trị kẻ ác, từ cái tơ tóc không sót, đến việc thì xét nguyên nhân, xấu tốt không che đậy.

Lưu Sưởng - Công Dương cho là đặt lại đảng của Linh Công là phải. Cứ xét ngay lệ của Công Dương, thì dựng lên, đặt lại, vào nước, đều là thoán. Đây Công Tôn Ninh, Nghi Hàng Phủ, chép là nạp, là đặt lại, có phải là thoán không. Bảo là đảng của Công là thế nào?

Năm Giáp Tý. Vua Định Vương, năm thứ 10.

十 有 二 年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Cảnh, năm thứ 3. Tề Khoảnh, năm thứ 2. Vệ Mục, năm thứ 3. Sái Văn, năm thứ 15. Trịnh Tương, năm thứ 8. Tào Văn, năm thứ 21. Trần Thành, năm thứ 2. Kỷ Hoàn, năm thứ 40. Tống Văn, năm thứ 14. Tần Hoàn, năm thứ 8. Sở Trang, năm thứ 17.

春 葬 陳 零 公

XUÂN, TÁNG TRẦN LINH CÔNG

MÙA XUÂN, LỄ CHÔN TRẦN LINH CÔNG

Công Thị - Trị được tội giặc giết vua, không phải là bọn thần tử, thì sao lại chép lễ chôn. Đây là lời lịch sự. Nước Sở đã trị tội rồi. Thần tử Trần tuy muốn, nhưng biết trị vào đâu.

Xét - Cái nghĩa trị tội giặc, không kể ngoài nước hay trong nước. Cho nên, Trưng Thư tuy là bị Sở giết mà Trần Linh cũng được chép lễ chôn. Công Dương nhận xét đúng đấy. Hạ Trọng Thức cho là vua bị giết mà còn có thể đúng lễ nghi, phó cáo được, thì chép lễ chôn, đó cũng là một thuyết. Tuy nhiên, coi suốt Kinh, thì nghĩa và lệ không hợp, chưa có thể theo được. Còn như Triệu Bằng Phi, Gia Huyền Ông, Hoàng Chấn, cho là Linh Công được dâm đảng của Công làm lễ chôn, chứ không phải người trong nước chôn, thì lại càng sai bậy.

楚 子 圍 鄭

SỞ TỬ VI TRỊNH

SỞ TỬ VÂY NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa xuân, Sở Tử vây trịnh. Sau mười bảy ngày bị vây, người Trịnh bói xem có nên hòa không. Được quẻ không tốt. Lại bói xem có nên tế Thái miếu, rồi bỏ thành rút lui

không. Được quẻ tốt. Tất cả thành đều cầu nguyện. Quân lính gác trên mặt thành cũng khóc. Sở Tử cho quân lui xa (ý định đợi Trịnh hàng). Người Trịnh Tu bổ lại thành quách. Sở lại cho quân vây. Sau ba tháng, vào cửa Hoàng Môn, tiến tới đường cái. Vua Trịnh trần tay áo, giắt con dê ra đón nói: "Quả nhân bị trời bỏ, không biết thờ nhà vua, làm cho vua tức giận, đi đến tệ ấp, thật là có tội, nay dám đâu không theo mệnh, dù có phải đày xuống Giang Nam, nơi gốc bể, cũng không dám trái. Hoặc chia sẻ đất đai, phân tán cho các chư hầu, hoặc sai làm tôi tớ, hầu thiếp, xin nhà vua cứ ra lệnh. Nhưng nên nhớ đến tình hòa hiếu cũ hai nước, và nhờ phúc trạch các vua Lệ Tuyên, Hoàn, Vũ, mà nhà vua không huỷ bỏ xã tắc, chỉ bảo cho tôi được sửa lỗi để thờ nhà vua, cho mảnh đất trong các huyện nước Sở, thế là ơn nhà vua lắm, không còn dám mong gì hơn. Xin thổ lộ nguyện vọng, tâm can, để nhà vua định đoạt". Tả hữu vua Sở khuyên vua: "Không nên tha. Ta đã biết được nước, thì ta giữ nước". Vua Sở nói: "Vua mà biết chịu hạ mình xuống như thế, chắc chắn là được dân phục, và dùng được dân. Ta được để làm gì." Thế là vua Sở cho lui quân ra 30 dặm mà hứa cho hòa. Sở Phan Uông vào thành làm lễ thề. Trịnh Tử Lương sang Sở làm con tin.

Cao Kháng - Phong Trần Hầu không phải là bản tâm của vua Sở. Đã không hay mà biết sửa lỗi đổi thành hay, cho nên chép là "vào". Cùng Trịnh hòa, chính là mưu của Sở. Không vì lợi, không nghe khuyên về lợi, cho nên chép là vậy.

Lý Liêm - Trịnh từ đó theo Sở cho tới Lỗ Thành Công năm thứ 5, hội thề ở Chu Lao mới hướng về Tấn.

夏六月乙卯晉荀林斧帥師及楚子
戰于邲晉師敗績

HẠ, LỤC NGUYỆT, ẤT MÃO, TẤN TUÂN LÂM PHỦ, SUẤT SƯ CẬP SỞ TỬ CHIẾN VU BẬT, TẤN SƯ BẠI TÍCH

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY ẤT MÃO, TUÂN LÂM PHỦ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN, CÙNG SỞ TỬ CHIẾN TẠI ĐẤT BẬT, QUÂN TẤN TAN VỠ

Tả Thị - Mùa hạ, tháng sáu quân Tấn cứu Trịnh. Tuân Lâm Phủ chỉ huy Trung quân, Tiên Mộc làm Phó. Sĩ Hội Tướng Thượng quân, Khích Khắc làm Phó, Triệu Sóc, Tướng Hạ quân, Loan Thư làm phó. Triệu Quát và Triệu Anh Tề làm tướng sung vào Trung quân. Cung Sóc, Triệu Xuyên sung vào Thượng quân. Tuân Thủ, Triệu Đông, sung vào Hạ quân, Hàn Quyết làm Tư Mã.

Quân tiến đến sông Hoàng Hà, thì được tin Trịnh đã hòa với Sở. Hòn Tử muốn quay về nói: "Ta tới Trịnh chậm rồi, có tiến cũng chỉ khổ cho dân. Hãy đợi quân Sở đi rồi mới động binh (đánh Trịnh về tội theo Sở) cũng không muộn".

Tuỳ Vũ Tử (Sĩ Hội) nói: "Phải lắm. Hội nghe chưa nói về cách dùng quân. Chỉ động binh khi một chư hầu có tội. Trong một nước mà có đúng lễ nghi, luật pháp công bình, chính sự không phiền hà thì ta không coi là địch được, ta không có lý gì chinh phạt. Quân Sở đã trị tội Trịnh giận vua Trịnh vì thấy Trịnh bỏ Sở theo Tấn. Khi thấy Trịnh nhục thì thương. Không theo thì đánh. Phục rồi thì tha. Thế là về đức, về hình, được đầy đủ. Đánh kẻ phản bội là việc hình. Tử tế với kẻ đã phục là có đức. Hai thứ, Sở có cả. Năm ngoái vào nước Trần, năm nay, vào nước Trịnh. Dân không được nghỉ ngơi mà không có lời oán. Thế chính là đường hay.

Khi vua Sở lập hàng ngũ quân đội, các bọn nông thương, công cổ, cứ ai làm nghề nấy, không phải bãi nghề. Quân bộ binh, quân chiến xa, hòa mục, có trật tự. Vĩ Ngao làm Tể Tướng đã chọn cho nước Sở các luật lệ đích đáng, các tổ chức hoàn hảo.

Như khi quân đội tiến thì bộ binh bên hữu phải đi sát chiến xa; bộ binh bên tả lo nhặt cỏ để đêm nằm, Tiền đội giữ dấu hiệu và lo sự bất ngờ có giặc. Trung đội sẵn sàng ứng phó. Hậu đội có khí giới tốt nhất. Các sĩ quan cứ theo hiệu cờ mà chuyển động. Kỷ luật nghiêm minh, dù là chưa có giặc. Quân lính biết giữ quân pháp. Khi vua Sở dùng người làm quan, thì trong tôn tộc chọn người thân nhất. Trong các người không thân nhất thì chọn người đã từng làm việc. Khi thăng thì để ý đến tài đức. Khi thưởng thì tuỳ công lao. Đối với người già thì ban ơn riêng. Đối với khách phương xa, thì cho chỗ ở, nơi quán xá. Người có công vụ thì khác người dân thường bằng các dấu hiệu trên mũ áo. Dân thường đều có đẳng cấp. Lễ nghi phải giữ gìn. Ơn huệ được ban phát, hình phạt căn cứ vào công bình, chính trị duy nhất. Việc nào theo thời ấy. Luật được áp dụng. Lệ được theo đúng lý.

Vậy sao ta còn coi Sở là địch? Biết là tiến được thì mới tiến. Lui ngay, khi thấy khó khăn. Cách dùng binh phải như thế. "Họp với người khác để nâng đỡ kẻ yếu, trị kẻ mù quáng ngông cuồng". Đó là một luật trong nghề binh. Lúc này, xin ngài chỉnh đốn lại quân đội theo binh pháp. Còn nhiều nước nhỏ yếu, còn nhiều kẻ mù quáng. Hà tất cứ phải đánh Sở. Trong Kinh Thư, Trọng Thủy có nói: Trừ loạn diệt vong, cứu kẻ yếu. Trong thiên Chước có câu: "Quân đội vua Vũ sao mà đẹp thế. Tùy theo thời cơ, Vũ để ý đến các chư hầu mù quáng, cố sửa, sửa không được mới bãi chức. Việc hay của Vũ Vương, thì không còn việc hay nào bằng". Nếu ta bênh kẻ yếu, ta trị bọn mùa quáng, ta cố làm việc hay, thế là được".

Trệ Tử (Tiên Hộc) nói: "Không nên có hành động ấy. Tấn Sở dĩ Bá được chư hầu là nhờ sức tướng sĩ. Nay để mất chư hầu thì không gọi là có sức. Không đánh đuổi quân địch đã đến trước mặt, thì không gọi là có vũ. Theo như tôi, mất bá chủ, thà chết đi còn hơn. Vả lại, đã họp quân, đã đem quân ra, lại lui quân ngay khi thấy địch khỏe, thế không phải là trượng phu. Vua đã cho làm nguyên soái mà không tỏ là trượng phu, các ông làm được, chứ tôi không thể được".

Tiên Hộc đem cánh quân của chính mình qua sông Hoàng

Hà. Tri Trang Tử (Tuân Thủ) nói: "Đạo binh này lâm nguy. Trong khi Kinh Dịch về quẻ Lâm, tự quẻ Sư ra, có nói: Một đạo quân ra trận phải theo luật đã ban hành. Nếu luật không hay, thế là hung. Vị chỉ huy, nếu theo đúng binh pháp thì mệnh lệnh thành hay. Nếu sai binh pháp thì mệnh lệnh thành dở. Một số đông đem chia ra thì thành yếu. Các dòng nước mà ngược nhau thì thành nước ao tù. Mệnh lệnh chủ suý y như thân thể chủ suý. Cho nên, nói được rằng mệnh lệnh có thể không hay, cũng có thể là thiếu (như nước cạn trong nơi ao chứa). Ao trước đầy, nay cạn. Thế là tai họa, một việc không nên có. Thế là hung. Không hành động gọi là "lâm". Còn có sự "thiếu hành động" nào to hơn là một tướng như Trệ Tử, có chủ tướng mà không theo lệnh chủ tướng. Đó Kinh Dịch bảo như thế đó. Nếu ta đối với địch tất là ta thua. Trệ Tử sẽ là thủ phạm. Dù có sống, trở về Tấn thì cũng sẽ có họa, sẽ chết".

Hàn Hiến Tử (Hàn quyết) nói với Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ): "Nếu vì sự bất tuân lệnh của Trệ Tử, mà một cánh quân bị hãm trận, thì ngài có tội lớn. Ngài là Nguyên Súy, quân không theo lệnh ngài, vậy ai có tội. Mất một thuộc quốc (nước Trịnh), lại mất một phần quân, đó là các tội lớn cả. Không gì bằng cứ cho quân tiến. Nếu không thắng thì tội sẽ chia ra ba đạo quân. Cả sáu tướng cùng có tội, còn hơn là tội ở một mình ngài".

Thế là toàn quân qua sông. Sở Tử đình quân tại đất Diên phía bắc nước Trịnh. Sở Thẩm Doãn tướng Trung quân, Tử Trọng tướng Tả quân, Tử Phản tướng Hữu quân toàn quân cho uống nước sông Hoàng, để rồi kéo về nước Sở. Thì được tin quân đội Tấn đã qua sông. Sở Tử muốn lui. Nhưng cận thần là Ngũ Sâm muốn đánh. Lệnh Doãn là Tôn Thúc Ngao không muốn đánh, nói: "Năm ngoái ta vào Trần, nay ta vào Trịnh, ta đã lúc nào cũng có việc. Nếu ứng chiến mà không thắng, thì ăn thịt Sâm có đủ đền các thứ ta mất không". Sâm đáp: "Nếu ta thắng, là Tôn Thúc vô mưu. Nếu ta thua, thì thịt Sâm sẽ ở nơi quân Tấn. Còn đâu đến quân Sở được ăn". Lệnh Doãn cho quay đầu xe về nam, như là để theo đường về Sở, và quay cả cờ về. Ngũ Sâm nói với Sở Tử: "Các tướng Tấn toàn là mới được dùng, chưa biết chỉ huy. Phó Tướng Tiên Học là người cương ngạnh, mà bất nhân,

không theo mệnh trên. Ba vị suý đều theo riêng ý mình, không làm gì được. Không có trên, thì dưới biết theo ai. Quân đội Tấn trong hoàn cảnh đó, tất phải thua. Vả lại, ngài là vua, mà chạy trước bầy tôi, thì đối với xã tắc còn ra sao".

Vua Sở nghe, động tâm, cho bảo Lệnh Doãn quay đầu xe về bắc, rồi đình quân ở đất Quảng để đợi địch.

Quân đội Tấn ở giữa khoảng hai núi Ngao và Khảo. Trịnh sai đại phu Hoàng Thú tới quân Tấn nói với Trệ Tử: "Trịnh phải theo Sở là để giữ xã tắc, chứ không phải là nhị tâm. Quân Sở thắng nhiều sinh kiêu. Quân sĩ đã già mà không chỉnh đốn. Ngài mà đánh thì quân Trịnh sẽ theo ngài. Quân Sở tất phải thua. Trệ Tử cho rằng đánh Sở phục Trịnh là ở dịp này. Cần phải giữ lời.

Loan Vũ Tử (Loan Thư) nói: Từ khi nước Sở thắng được nước Dung, không có ngày nào là Vua Sở không có lời chỉ bảo cho các quan là nếu không làm cho dân sinh sống, thì sẽ có họa ngay, phải cẩn thận, phải lo ngại, không được trễ nhác. Trong quân đội thì vua không ngày nào là không xem xét đến binh cụ, và dặn dò quân lính phải luôn luôn sẵn sàng, sự thắng là không ai chắc trước được. Vua Trụ xưa trăm trận thắng, mà rồi sau chết vô hậu. Vua bảo cho biết, nên theo gương các vua Sở xưa, là Nhược Ngao, là Phần Mạo, quần áo vá víu, dùng xe bằng cành cây kết lại, phá rừng trẩy núi. Vua dạy rằng: Dân sinh nhờ ở tính cần, chuyên cần, có cần thì mới có dùng, không thiếu. Vậy không nên cho là quân đội Sở kiêu. Một đại phu của ta trước là Tử Phạm có nói: Một đạo quân mạnh là nhờ có lý nghĩa thẳng thắn. Hễ mà cong queo thì mạnh thành yếu, thành lão nhược. Ta đã thiếu đức, đã kích oán nước Sở, Sở tất thắng. Vậy quân không gọi là lão nhược được.

Chiến xa riêng của vua Sở được chia làm hai đội, mỗi đội 15 xe. Mỗi đội có trăm bộ tốt, và 25 phụ dịch. Đội hữu sửa soạn trong nom chiến xa từ gà gáy cho đến đúng ngọ thì được đổi. Tả thay cho đến chiều, rồi có nội quan canh đêm phòng sự bất ngờ. Vậy không thể nói là quân đội Sở thiếu sự phòng cẩn.

Tử Lương là tướng giỏi ở Trịnh. Sư Thúc (Phan Uông) rất

được kính trọng ở Sở. Sư Thúc sang Trịnh ký minh ước. Tử Lương tới Sở làm con tin. Sở và Trịnh thành ra rất thân. Một sứ Trịnh vừa tới khuyên chúng ta đánh Sở. Nếu chúng ta thắng, thì Trịnh tới với chúng ta. Nếu ta thua, thì Trịnh bỏ ta. Y như tôi đã đoán. Vậy không nên nghe Trịnh".

Triệu Quát và Triệu Đồng nói: "Ta đem quân đến đây là để đánh giặc. Phải đánh được giặc, và lấy lại một thuộc quốc. Còn đợi gì nữa. Phải theo quyết định của Trệ Tử". Tri Quý nói: "Nguyên (Triệu Đồng) và Bình (Triệu Quát) sẽ gây họa". Triệu Trang Tử nói: "Loan Bá có lý lắm. Làm được như lời thì sẽ cải tổ được nước Tấn".

Sở Thiếu Tể đi sang quân Tấn nói: "Quả quân tôi khi còn ít tuổi, gặp nhiều cảnh ngộ không may, ít được đọc sách. Có nghe nói là hai tiên quân chúng tôi. Thành Vương và Mục Vương việc trong, việc ngoài, hễ nói là làm. Quả quân tôi muốn cho vua Trịnh được như thế, chứ đâu dám quấy rối với Tấn. Xin các tướng đừng ở đây lâu nữa". Tùy Quý đáp: "Thiên Tử Bình Vương xưa đã mệnh cho tiên quân chúng tôi là Văn Hầu rằng: Phải cùng với Trịnh cùng giúp nhà Chu, không được trễ nhác vương mệnh. Trịnh Bá không theo mệnh Thiên Tử, quả quân đã cho sứ hỏi Trịnh duyên cớ. Chúng tôi dám đâu không tiếp đón các ngài tới hỏi thăm ý chí. Kính xin chào nhà vua đã đoái đến". Trệ Tử cho là Tuỳ Quý quá nịnh, bảo Triệu Quát đi theo sứ, đổi câu trả lời rằng: "Tuỳ Quý nói không được đúng hẳn. Quả quân tôi có sai quần thần không được để lại một vết tích gì của Sở ở Trịnh, không được tránh địch. Quần thần không dám trái mệnh".

Vua Sở lại sai sứ tới quân đội Tấn cầu hòa. Người Tấn hứa thuận. Ngày thề được quyết định. Hứa Bá nước Sở đánh xe cho Nhạc Bá, có Nhiếp Thúc bên phải tới khiêu khích quân Tấn. Hứa Bá nói: "Khi muốn khiêu khích quân địch, thì người xa ngự đánh xa nghiêng thấp cờ xuống, cho xe lướt qua lũy trại địch rồi về". Nhạc Bá nói: "Tôi thì nghe nói rằng, khi muốn khiêu khích địch thì xạ công bắn một phát tên sang bên trái, roi cầm cương thay cho xa ngự. Xa ngự xuống xe, sửa lại dây đai ngựa, rồi quay về". Thế là, người nào làm theo ý người ấy, rồi quay về.

Quân Tấn đuổi theo, đánh cả hai bên. Nhạc Bá bắn bên trái, bắn bên phải, nhưng cũng không tiến được. Nhạc Bá còn có một phát tên, tự nhiên có con hươu chạy qua xe. Nhạc Bá bắn một phát giữa lưng. Tấn Bào Quý đương đuổi theo sau Nhạc Bá. Nhạc Bá sai Nhiếp Thúc lấy con hươu rồi biếu Bào Quý nói: Không phải săn, lễ tặng thú rừng chưa tới. Tuy nhiên xin tặng con vật này cho tuỳ tùng ngài dùng". Bào Quý thôi đuổi nói: Tướng bên trái trên xe bắn khéo. Tướng cầm giáo bên phải nói khéo. Đều là quân tử". Rồi thôi không đuổi nữa.

Ngụy Kỳ nước Tấn xin chức Công Tộc, chưa được. Rồi giận dỗi. Muốn làm cho quân Tấn thua. Xin đi khiêu khích quân Sở. Xin lấy chức sứ sang quân đội Sở. Được. Ngụy Kỳ sang, đưa chiếu thư rồi quay về. Trên đường về, đang bị Sở Phan Đảng đuổi theo thì thấy sáu con nai ở đầm Vinh Trạch, Ngụy Kỳ bắn một con quay lại biếu Phan Đảng nói: "Ngài bận việc quân, tùy tùng không có thịt tươi cung cấp bữa ăn. Xin đem con vật này biếu tùy tùng ngài". Thúc Đảng (Phan Đảng) cho lệnh thôi đuổi.

Triệu Chiên, con Triệu Xuyên, xin làm Khanh. Chưa được. Vả lại hậm hực về việc để thoát sứ Sở đến khiêu chiến, không đuổi giết. Chiên xin đi khiêu chiến. Không được. Xin đi nghị hòa. Được. Thế là cả hai Triệu Chiên và Ngụy Kỳ đều được mệnh chủ tướng ra đi. Khích Hiến Tử (Khích Khắc) nói: "Hai người đều có mối uất hận. Ta phải dự bị trước, nếu không sẽ thua". Trệ Tử nói: "Người Trịnh khuyên ta chiến. Ta không nghe lời khuyên. Tướng Sở muốn hòa nhưng ta không thể giao hiếu với họ được. Quân đội chưa có lệnh. Sửa soạn lắm làm gì". Sĩ Quý nói: "Sửa soạn là phải. Nếu không thì hai người (Triệu Chiên và Ngụy Kỳ) làm cho Sở giận, quân Sở sẽ sông tới, quân đội ta chưa biết thua lúc nào. Không gì bằng phòng bị trước. Nếu Sở không có ác ý thì ta sẽ bỏ phòng bị mà hội thề thì việc giao hiếu có gì là tồn tại. Nếu Sở có ác ý thì ta có bị, tất không bại. Vả lại các vua chư hầu có lễ tương kiến cũng phải có quân hộ vệ, việc đó cần". Trệ Tử không cho là phải.

Sĩ Quý sai Củng Sóc và Hàn Xuyên đặt bẫy lũy trước núi Ngao. Cho nên cánh Thượng quân không thua. Triệu Anh Tề sai

quân mình soạn trước thuyền bè trên sông Hoàng, vì thế sau khi bại trận, cánh quân đó được sang sông thoát trước tiên.

Sau khi Phan Đảng đã đuổi Ngụy Kỳ, Triệu Chiên đêm tới trại quân Sở, ngồi ở cửa trại, rồi cho tùy tùng vào.

Sở Tử đã sẵn sàng đặt ba mươi chiến xa riêng làm hai đội tả hữu. Đội hữu thì gióng xe từ gà gáy cho đến trưa, thì thay ngựa. Đội tả thế chân cho đến mặt trời lặn, lại thay ngựa. Ở đội hữu, Hứa Yển làm xa ngự, Dưỡng Do Cơ cầm giáo ngồi bên phải. Ở đội tả, Bành Danh làm xa ngự, Khuất Đảng làm xa Hữu. Ngày Ất Mão, vua Sở ngồi trên xe đi đầu đột tả, để đuổi Triệu Chiên. Triệu Chiên bỏ xe chạy chân, vào trong rừng. Khuất Đảng bắt được, lột lấy giáp cùng áo ngoài. Các tướng Tấn ngại cho hai tướng Triệu Chiên và Ngụy Kỳ quá khích quân đội Sở, có cho chiến xa đi đón. Phan Đảng trông thấy bụi mù đằng xa, sai một kỵ binh báo cáo ngay là quân Tấn tới. Tướng tá Sở cũng sợ là vua Sở có bị rơi vào giữa quân Tấn mới đem ngay quân ra xếp thành hàng trận. Tôn Thúc nói: "Ta cứ tiến lên. Thà mình đánh người còn hơn bị người đánh. Kinh Thi có câu: Đi trước địch thì làm giảm nhuệ khí địch. Vậy ta đánh trước".

Thế là toàn quân Sở tiến. Chiến xa ra roi ngựa. Bộ binh chạy chân. Tràn vào quân Tấn. Hoàn Tử không còn biết làm thế nào. Sai đánh trống giữa quân đội và ra lệnh: "Ai qua sông được trước là có thưởng". Thế là Trung quân và Hạ quân tranh nhau thuyền đến nỗi trong thuyền còn nhặt được từng ngón tay bị chặt. Hai đạo quân Tấn đó chuyển nhau về bên phải. Đạo Thượng quân chưa chuyển động. Chức Sở Công Doãn, tên là Tề coi cánh hữu quân, đuổi theo hạ quân Tấn. Sở Tử sai Đường Giảo và Sái Cưu báo Đường Huệ Hầu (vua chư hầu Đường) và bảo rằng: "Quả nhân đã thiếu đức lại tham gặp giặc mạnh. Thật là có tội, nhưng nếu không thắng thì vua bị nhục. Vậy dám nhờ hồng phúc nhà Vua để giúp quân Sở". Sở Tử mới truyền cho Phan Đảng dẫn đầu 40 chiến xa phụ, theo Đường Hầu lập thành một tả đoàn để rượt theo Thượng quân Tấn.

Câu Bạch, Phó Thượng quân nói: Ta còn đợi nữa không. Tùy Quý đáp: "Quân Sở đang sung sức, nếu dồn đánh ta, ta sẽ chết

hết. Không gì bằng ta tụ quân lại đây rồi rút lui. Đánh cũng có tội, nhưng cứu được quân ta". Hai người mới đặt đạo quân của mình vào Hậu quân Tấn, vừa chống vừa lùi. Không bị bại.

Sở Tử mới cho chiến xa mình nhập vào Hữu quân. Khuất Đãng can: "Nếu ngài đi đầu đội hữu, thì cứ phải giữ Hữu mãi". Thế là từ đấy Sở Tử cứ đi đầu Tả chiến xa như trước.

Một chiến xa Tấn mắc bánh vào một cái hố, không đi được. Một tên lính Sở bảo người giong xe bỏ cái chắn ngang đi (cái chắn để treo các binh cụ). Thế là bánh xe lên được, nhưng ngựa quay ngang. Tên lính Sở lại bảo bỏ nốt cái cờ hạ xuống càng xe. Thế là xe tiến lên. Người giong xe thoát nạn quay lại nói: "Chúng tôi không quen chạy như các ông bên Sở".

Triệu Chiên lấy hai con ngựa tốt của mình nhường cho người anh và người chú, để chú cháu chạy thoát, còn mình lấy ngựa khác. Nhưng gặp quân địch và vì ngựa xấu không thoát được, phải bỏ xe chạy chân vào rừng gần đấy. Đại phu Tấn là Phùng cùng hai con cưỡi xe vừa đi qua. Phùng trông thấy, bảo con đừng quay cổ lại. Nhưng hai con quay cổ lại nói: "Ông Triệu đi sau". Triệu Chiên giận, ra lệnh cho hai đứa con xuống, chỉ cho một gốc cây bảo: "Chúng mày sẽ được phơi thây ở đây". Phùng quăng cái thừng xuống. Chiên nắm thừng leo lên xe, được cứu thoát, xác hai con Phùng thấy ở gốc cây, hai người cùng bị bắt trói vào một chỗ.

Hùng Phụ Kỷ nước Sở bắt tù Trí Anh. Trí Trang Tử đem cả họ tới để cứu con. Trù Vũ Tử giong xe Trang Tử. Một phần đông quân, cánh Hạ quân, theo tướng Trang Tử. Mỗi khi Trang Tử bắn là lấy tên trong túi tên của Trù Vũ Tử. Trù Vũ Tử giận nói: "Có phải là ông đến cứu con ông không. Sao ông hà tiện tên ông thế. Ông tưởng đầm Đổng sản được nhiều tên lắm đấy". Trí Trang Tử nói: "Tôi cần phải tên tốt như của ông mới bắn nổi quân Sở để cứu con tôi". Trang Tử bắn một phát vào Sở Liêu Doãn, Tương Lão, đặt xác lên xe. Bắn cả con Sở Tử là Công Tử Cốc Thần, bắt làm tù binh, rồi quay về đội quân Tấn. Tối đến, quân Sở đóng lại ở Bật. Tàn quân của Tấn không nghỉ được ở một chỗ nào, rồi chuyển qua sông suốt đêm, ồn ào không ngớt tiếng.

Ngày Bính Thìn, các xe chở quân cụ tới Bật. Quân đội thì đình lại ở đất Hành Ung. Phán Đảng nói: "Sao nhà vua không cắm trại, cho thu nhặt xác quân Tấn chết, chôn vào một nơi, đắp gò cao để cho đời sau được biết Vũ công". Vua Sở nói:

"Tôi thì không được nghe thấy như thế. Xét về chữ, thì chữ Vũ là việc quân, do hai chữ chỉ qua là xếp giáo. Khi Vũ Vương đã diệt xong nhà Thương, thì có một bài Tụng, trong có dẫn câu của Vũ Vương: Ta đã cho thu hết mộc giáo, đã cho xếp cung tên vô túi. Cố vun, giống đức tốt, gây đức tốt cho bốn phương. Ngôi vị vua, ta cần giữ cho đích đáng. Trong thiên Vũ Tụng, chương cuối có câu: Vũ Vương đã làm xong công vụ. Chương thứ ba, Vũ Vương nói: Phải suy xét, nghĩ ngợi, noi gương Văn Vương. Chương thứ sáu có câu: các nước được yên mùa màng đầy đủ. Xét việc vũ là để ngăn cấm sự tàn bạo để cho hết chiến tranh, để giữa được nước, để giúp cho qui mô được vững bền, nhân dân an ninh, quần chúng hòa hợp, sản xuất đầy đủ. Vì thế, Vũ Vương đã cố cho hậu thế đừng quên các lời dạy đó. Còn như tôi đây, tôi đã hại bao nhiêu xương máu hai nước. Thế là bạo. Lấy binh lực uy hiếp chư hầu, đâu tôi có phải làm cho hết chiến tranh. Tôi đã làm được gì để giữ nước. Nước Tấn còn, thì quy mô của ta vững bền sao được. Tôi đã làm nhiều việc trái ý dân, thì làm sao được an ninh. Tôi đang ganh quyền với chư hầu không phải bằng đức, mà lại bằng binh lực, thì sao gây được hòa hợp. Tôi đã tìm lợi riêng trong tai nạn của người ta và tìm sự sống yên trong sự họa loạn của người mà lại lấy thế làm vinh. Tôi đã làm gì cho sản xuất đầy đủ, Vũ phải đủ bảy đức, tôi không có lấy một. Vậy tôi còn dạy gì được cho hậu thế.

Ta chỉ dựng miếu cho tiên quân, cáo trình công việc ta đã làm. Thế thôi. Thời xưa, vua sáng, phạt bầy tôi bất kính, bị coi như là loài kình nghê, tức là có tội lớn, chôn vào gò đống, để nhắc tội, để ngăn ngừa các điều tàn ác. Nay không có ai làm nên tội. Tấn đã vô tội. Quần thần lại tận trung, lấy chết theo mệnh vua, thế thì nêu cái gì".

Sở Tử mới sai tế sông Hoàng Hà, dựng một ngôi miếu thờ các vua trước, rồi đem quân về nước.

Việc chiến tranh xong, Trịnh Thạch Chế đi sang quân đội Sở đề nghị chia đôi nước Trịnh, một nửa cho nước Sở, một nửa cho Công Tử Ngư Thần làm chủ. Ngày Tân Mùi, nước Trịnh giết Bộc Thúc (Ngư Thần) và Tử Phục (Thạch Chế).

Người trí thức bàn: Câu nói của Sử Dật: "Không nên lợi dụng loạn", được áp dụng trong trường hợp này. Kinh Thi có câu: Loạn ly khắp nơi, ta biết về đâu. Nghĩa là ta có nên theo bọn lợi dụng loạn không.

Công Thị - Đại phu thì không đối ngang với vua. Đây sao để tên họ đối ngang với Sở Tử. Thế là không cho nước Tấn là phải, mà lại cho Sở Tử là có lễ. Tại sao, Trang Vương đánh nước Trịnh, tới cửa Hoàng Môn, vào thành tới đường cái ngã chín. Trịnh Bá trần vai áo, tay cầm cờ, tay cầm dao, đi đón Trang Vương, nói:"Quả nhân, không ra gì bị tội trời, để cho nhà vua phải phiền, đi tới nước tôi. Nếu nhà vua còn thương đến kẻ hèn này, thì cho đày tới sa mạc, cho yên phận, cũng xin theo mệnh". Sở Trang Vương nói: "Bầy tôi của nhà vua không theo lệnh nhà vua, cho nên tôi được yết kiến". Rồi vua Sở tay cầm cờ, chỉ huy quân đội, cho lui bảy dặm. Tướng là Tử Trọng có can: "Đất Nam Dĩnh với nước Trịnh cách nhau vài nghìn dặm, đã có mấy đại phu bị chết, bọn dịch phu chết mất vài trăm người. Nay vua thắng Trịnh mà lại không lấy Trịnh, thì có phí sức của thần dân đã hy sinh hay không". Trang Vương nói: "Thời xưa, nếu không vì thiếu thốn, thì đâu đi khỏi nước, là muốn nói người quân tử phải trọng lễ khinh lợi, trọng người mà không trọng đất. Người ta đã theo mà không nghe, là bất tường. Ta lấy bất tường mà dạy dân, thì tai họa sẽ tới ngay bản thân, chưa biết ngày nào". Thế rồi, khi Tấn đến cứu Trịnh, tướng Sở xin đánh. Trang Vương ưng thuận, Tướng quân Tử Trọng can: "Tấn là nước lớn. Quân sẽ khó nhọc, xin nhà vua đừng cho đánh". Trang Vương nói: "Yếu thì ta áp bức, mạnh thì ta trốn chạy. Như thế quả nhân còn mặt mũi nào đối với đất nước". Thế là ra lệnh quân quay lại đón đánh quân Tấn. Đánh cho Tấn thua to, tranh giết nhau để xuống được thuyền chạy trốn, qua sông, đến nỗi trong thuyền từng vốc ngón tay bị chặt. Trang Vương nói: "Thôi hai vua không hòa với nhau, bách tính có tội gì đâu". Rồi ra lệnh đem quân về, thả giặc.

Cốc Thị - Tích trong chữ bại tích, nghĩa là công lao. Công lao, tức là việc. Chép chữ tích, nghĩa là việc hỏng.

Lưu Sưởng - Đánh nhau mà nói là cập, là cùng, là ý đúng vị chủ trong hai ngôi chủ, khách. Cũng như nói: Tuân Lâm Phủ ghi chép một việc chiến tranh. Công Dương mà bàn rằng "đại phu không đối ngang với vua, đây sao chép tên họ đối ngang vua, là cho Tấn là không phải mà lại cho Sở là có lễ". Công Dương bàn sai. Đại phu không đối ngang vua, mà Tuân Lâm Phủ riêng được chép tên họ để đối ngang với Sở Tử, như thế, có thể bảo được là cho Tấn là phải, mà không cho Sở là có lễ, chứ không phải như Công Dương nói. Việc chiến ở Thành Bộc, Tử Ngọc Đắc Thần, không được chép tên họ, Công Dương bảo rằng đại phu không đối ngang với vua, vậy Tử Ngọc không chép tên họ là không đối ngang với vua. Công Dương bàn về hai người đó như thế, thì còn ai hiểu sao được.

Chu Tử - Tả Truyện chép việc chia tội, chia trách nhiệm, gần đây các vị tri thức đều cho là như thế, vì chỉ cốt theo nhân tình, như việc ở Bật của Tuân Lâm Phủ, Tiên Hộc trái mệnh sang qua sông mà bảo rằng cái tội chuyên quyền đó, nay cả sáu người cùng chịu, thế sao gọi là có kiến thức được. Đương lúc đó, Tuân Lâm Phủ chỉ nên đóng quân một nơi gọi Tiên Cốc tới, xử tử.

Triệu Bằng Phi - Tấn vốn là cứu Trịnh, mà Thánh nhân không chép là cứu. vì không thấy có sự thật, thì không cho được cái danh cứu. Phàm việc quân, nước bị đánh là chủ. Sở đánh Trịnh, mà lấy Tấn làm chủ, tức như cho Tấn là Trịnh. Tấn tuy rằng cất quân vô lý mà rồi vô công, nhưng Thánh nhân chép thế, là để hạ bớt Sở hung bạo, mà giữ lấy đại nghĩa. Nếu bảo là chê Tấn, khen Sở, thì đâu có phải là ý của Kinh.

Gia Huyền Ông - Bọn bàn luận cho rằng vì việc bại ở đất Bật mà Sở thành Bá. Bàn luận thế sai. Tấn cứu Trịnh mà không được chép, là vì cứu chậm. Trách Tấn, không phải là khen Sở Lâm Phủ dừng quân, không tiến, Xuân Thu điều chính định tội bọn trái luật pháp. Trách Lâm Phủ, chứ không phải là khen Sở. Đâu có phải vì một trận thua của Tấn, mà có thể cho hạng tiếm ngôi như Sở, được lên làm Bá chủ.

Hoàng Chính Hiến - Xét Sở Trang là vua cường bạo, khinh miệt các nước: vào nước Trần, vây nước Trịnh, không ai dám ngăn. Uy thế hống hách, bằng mười Sở Thành. Nay xét Tề Hoàn ở Thiệu Lăng, còn phải hội họp quân sáu nước cùng đánh. Vụ chiến ở Thành Bộc, Tấn Văn Công cũng có quân viện trợ của ba nước. Uy lực, lẫn nhân tâm, dần dần đã tiêu tán hết, thế mà còn muốn cho Lâm Phủ lấy một cánh quân đương đầu với Sở là giống hổ lang. Ví phỏng như các tướng đều đồng tâm, ba đạo quân đều theo mệnh lệnh, thì được thua cũng chưa lấy gì dám chắc, huống hồ Lâm Phủ, coi quân, mệnh tướng, đã không nghiêm, mưu kế không duy nhất. Lúc đầu nghe lời Hàn Quyết về việc chia tôi, chia quyền sau lại hỏng về việc Kỳ, Chiến xin sang Sở nghị thề, mà thành khiêu chiến vì thế, quân Sở xông ra, quân Tấn thảng thốt bất ngờ. Tuy nhiên, việc bại trận đó, không phải riêng Tiên Hộc có tội. Sau trận Tấn thua ở Bật, Sở diệt được nước Tiêu, vây được nước Tống. Thế Sở càng ngày càng ngang dọc.

秋七月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá và Hứa Nam sang Sở.

Mùa thu, quân đội Tấn về đến Tấn. Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ) xin chịu tội chết. Tấn Hầu định chấp thuận. Sĩ Trịnh Tử can: "Không nên. Sau trận đánh nhau ở Thành Bộc, quân đội Tấn được đến ba ngày lương của quân Sở, thế mà Tấn Văn Công, nét mặt vẫn có sắc lo. Tả hữu hỏi: "Trong việc mừng nhà vua, thế như có việc lo, thì nhà vua có mừng không". Vua Tấn đáp: "Sở Đắc Thần còn đấy, thì chưa hết mối lo. Con vật đến lúc còn cắn, huống hồ một vị Tướng quốc". Khi Sở xử tử Tử Ngọc (Đắc Thần) Văn Công mới mừng, lộ ra ngôn ngữ, cử chỉ và nói: Thôi ta không còn lo nữa. Vì thế, mà Sở bị đến hai đời sau mất thế lực. Nay học giả, trời muốn cảnh cáo Tấn mà ta lại giết Lâm Phủ, tức là làm cho Sở lại thắng nữa. Thế lực Sở sẽ được

vững bền lâu. Lâm Phủ là hạng người khi tiến hết lòng trung, khi lui cố sửa lỗi mình, giữ gìn xã tắc. Sao lại giết đi. Xét việc thua trận, ví như mặt trời, mặt trăng ăn nhau, có chút ánh sáng nào đâu.

Tấn Hầu nghe can, cứ để Hoàn Tử giữ chức vị.

冬十有二月戊寅楚子滅蕭

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, MẬU DẦN, SỞ TỬ DIỆT TIÊU

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY MẬU DẦN, SỞ TỬ DIỆT NƯỚC TIÊU

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử phạt nước Tiêu. Hoa Tiêu nước Tống đem quân nước Sái cứu nước Tiêu. Quân Tiêu bắt được Hùng Tướng Nghi Liêu và Công Tử Bính. Vua Sở cho nói với địch đừng có giết thì tôi lui quân. Người giết đi. Sở Tử giận lắm, vây thành Tiêu. Dân Tiêu giải tán. Vua nước Thân là Vu Thân nói với vua Sở, quân Sở rét lắm. Vua Sở đi tuần suốt ba mặt trận, phủ dụ quân sĩ. Toàn quân quên rét y như được ấm áo, rồi tiến tới thành.

Tướng nước Tiêu là Hoàn Vô Xã nói với Sở Tư Mã, xin cho gọi tướng Sở là Thân Thúc Triển. Thúc Triển tới, hỏi: "Có men lúa mì không"? Đáp. Không. Lại hỏi: Có sơn khung để thay men không? Đáp: Không (Thúc Triển nói lóng, vì hai nước đương ở trong thế chiến, không được tư giao. Sơn khung làm men, là thứ thuốc chữa bệnh thấp. Vậy ý bảo Vô Xã lội nước bùn mà tránh đi. Nhưng Thúc Triển không hiểu). Lại hỏi: Con cá trong sông đau sắp chết làm thế nào? Vô Xã hiểu mới nói: "Cứ nhìn vào giếng khô, rồi kéo ra". Thúc Triển nói thêm: "Đặt ít cỏ gà lên trên, nghe tiếng kêu tức là tôi".

Hôm sau, quân Tiêu tan vỡ. Dân chạy bốn phía. Thúc Triển nhìn xuống các giếng khô, thấy trên một giếng có cỏ gà, mới kêu lên, rồi kéo được Vô Xã ra khỏi giếng.

Cao Kháng - Sở đã được nước Trần, nước Trịnh, lại đánh thua quân Tấn, rồi đi sâu vào nước người ta, lăng loàn nước nhỏ, diệt nước người ta. Chép để cho rõ việc Sở tàn bạo.

Gia Huyền Ông - Tiêu là nước phụ dụng của nước Tống. Sở Trang đem quân lực ra oai với nước lớn, từ đó Tống sinh lắm việc, rồi đến nạn đổi con, thay cơm, đốt xương thay củi.

晉人宋人衛人曹人同盟于清邱

TẤN NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TÀO NHÂN, ĐỒNG MINH VU THANH KHƯU

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TÀO, CÙNG THỀ Ở ĐẤT THANH KHƯU, TRONG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Nguyên Hộc nước Tấn, Hoa Tiêu nước Tống, Khổng Đạt nước Vệ là người Tào cùng thề ở đất Thanh Khưu. Trong minh ước có câu: "Giúp yếu kém, phạt phản bội". Tên các vị khanh, Kinh không chép, vì họ không giữ lời.

Lưu Sưởng - Tả Thị cho là không chép tên các vị Khanh, vì họ không giữ lời. Tôi thì cho là thời Xuân Thu, không giữ lời thì có rất nhiều, cứ gì một bọn này.

Gia Huyền Ông - Hội thề ở đất U, trong, ngoài, lớn nhỏ, cùng nhau hội họp, cùng tới, là khi nghiệp bá nước Tề đang thịnh. Hội thề ở Tân Thành, các chư hầu đã tản nát, nay là họp, là khi nghiệp Bá nước Tấn tạm suy. Hội thề ở Thanh Khưu, xét về dị, đồng, thì dị nhiều, đồng ít, biết là Tấn không còn nối nghiệp Bá được nữa.

Trác Nhĩ Khang - Sở phục được Trần, Trịnh, bại được quân Tấn ở đất Bật, diệt nước Tiêu để ra oai với Tống, xem ra chí không nhỏ. Vì thế mới có hội thề ở Thanh Khưu, dù có sợ khó liên kết, mà thế lực không cạnh tranh được nữa, mưu không thành được nữa.

Cho nên gọi là nhân, người, là chép lược qua thôi.

宋師伐陳衛人救陳

TỐNG SƯ PHẠT TRẦN, VỆ NHÂN CỨU TRẦN

QUÂN TỐNG PHẠT NƯỚC TRẦN, NGƯỜI VỆ CỨU TRẦN

Tả Thị - Tống vì đã có hội thề, cho nên đánh Trần (vì Trần đi theo Sở). Người Vệ (đã cùng hội thề với Tống), lại đi cứu Trần. Khổng Đạt nói: "Tiên quân của hai nước có thề, nếu bị một nước lớn đánh, thì hai nước phải cứu nhau cho đến chết".

Triệu Bằng Phi - Sở đang hung hăng, bạo ngược khinh thường các nước. Chư hầu cần phải góp sức, đồng tâm, gần nhỏ theo lớn, để chống đỡ. Nay nước Tấn đặt ra hội thề Thanh Khưu, người Trần không dự, quân Tống đánh Trần, hỏi tội Trần, mà Vệ thì phản Tấn, giúp Trần để đánh Tống. Kết quả là Trần vẫn cứ không hội, mà Tống thì lại bị Sở vây, tất cả đều tại Vệ. Thánh nhân nói về Tống thì chép quân đội Tống, là khen Tống động binh để hỏi tội. Thánh nhân nói về Vệ thì chép người, là trách về giao hiếu với kẻ loạn.

Gia Huyền Ông - Hồ Thị cho là quân Tống phi nghĩa, mà Trần là đáng thương. Tôi cho Hồ Thị nói thế không phải. Sở dùng mưu gian vào đất Trần, như là vào một nước không có người, Kinh Xuân Thu không cho là phải. Tống mà đánh một nước đã theo Sở, là việc khó ít ai dám làm, mà bảo là phi nghĩa thì không được. Vệ mới thề ở Thanh Khưu mà cứu Trần, để nịnh Sở, cho cứu là nghĩa thì cũng không được.

Năm Ất Sửu. Vua Định Vương, năm thứ 11.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Cảnh, năm thứ 4. Tề Khoảnh, năm thứ 3. Vệ Mục, năm thứ 4. Si Văn năm thứ 16. Trịnh Tương, năm thứ 9. Tào Văn, năm thứ 22. Trần Thành, năm thứ 3. Kỷ Hoàn, năm thứ 41. Tống Văn, năm thứ 15. Tần Hoàn, năm thứ 9. Sở Trang, năm thứ 18.

春齊師伐莒

XUÂN, TỀ SƯ PHẠT CỬ

MÙA XUÂN, QUÂN TỀ ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thị - năm thứ 13. Mùa xuân, Quân Tề đánh nước Cử vì Cử cậy có Tần không theo Tề.

Ngô Trừng - Nước Tề cậy mạnh lấn yếu, đánh nước Cử. Năm thứ 11, Tề đánh thì chép là người Tề. Đây thì chép là quân đội Tề, thế có nghĩa là lấy toàn quân đánh một nước nhỏ.

Uông Khắc Khoan - Công Dương thì chép là đánh Vệ. Nay cứ xét lời văn ở Kinh Xuân Thu thì trước sau đều không có việc oán thù giữa Tề và Vệ. Còn như nước Cử thì năm thứ 4, có việc bình loạn cho Cử mà Cử không chịu, mà rồi Lỗ đánh. Năm thứ 11, Tề lại đánh nữa. Thì chắc lần này cũng lại đánh Cử, không nghi là sai được.

夏楚子伐宋

HẠ, SỞ TỬ PHẠT TỐNG

MÙA HẠ, SỞ TỬ ĐÁNH NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa hạ, Sở Tử phạt Tống, lấy cớ Tống đã cứu Tiêu. Người quân tử bàn: Về hội Thanh Khưu chỉ có Tống là khỏi trách.

Trương Hiệp - Thiên hạ vô đạo, nhỏ phải làm việc cho lớn, yếu phải làm việc cho mạnh. Tống không theo con đường khuất thân, co duỗi, lấy một sức mình chống với một nước lớn, vì thế mới có chuyện Sở đánh.

Triệu Bằng Phi - Sở đánh Tống, lấy cớ là quân Tống đánh Trần. Trần phản Tấn mà theo Sở, không dự hội Thanh Khưu, Trần mà không dự hội, đáng nhẽ Tấn phải hỏi, mà không dám hỏi. Tống thay Tấn phạt Trần, vì thế Tống làm cho Sở giận. Vì Tấn, phải thay Tấn để đánh Trần, làm xúc phạm đến Sở, cho nên ngày nay Tống bị Sở đánh. Thế thì đáng nhẽ Tấn phải cứu mà không dám cứu. Vậy chư hầu còn trông mong gì. Nên phạt Trần mà không phạt, nên cứu Tống mà không cứu, thế mà

Tấn Cảnh lại còn muốn nối nghiệp Bá của Văn Công, của Tương Công, ta biết là không thể làm được đâu.

Xét - Tống đánh Trần như gọi là Sở tới, cho nên Hồ Truyện chê là thất sách. Tuy vậy, thấy người Sở được chép tước đã cho là lời khen việc đánh, thì lời bàn bậy. Năm trước, Sở diệt Tiêu, năm sau vây Tống, hung bạo quá lắm, mà đều chép là Sở Tử, thế thì có phải là được khen không . Xét thời đó, hội đồng, hội thề, chinh phạt, các vua chư hầu đều không thân chính, mà quyền chính thì ở cả đại phu, thế cho nên đều kém Sở. Thánh nhân nhiều lần chép Sở Tử để thấy các vua thân hành làm việc không còn nữa, khác với hội thề Thần Lăng.

秋螽

THU, CHUNG

MÙA THU, CÓ NẠN SÂU CHUNG

冬晉殺其大夫先縠

ĐÔNG, TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU TIÊN HỘC

MÙA ĐÔNG, TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TIÊN HỘC

Tả Thị - Mùa thu, Rợ Xích Địch đánh Tấn, tiến tới ấp Thanh, vì Tiên Hộc đã triệu tới. Mùa đông người Tấn muốn trừng phạt việc thua trận tại đất Bật và việc Rợ Xích Địch tràn đến, mới buộc tội cho Tiên Hộc và giết đi, rồi diệt cả họ. Người quân tử bàn: Họa mà tới, là người gây ra, rồi bị họa ngay vào mình. Lời ấy áp dụng cho Tiên Hộc.

Phụ lục Tả Truyện - Sau hội thề ở Thanh Khưu, Vệ còn cứu Trần, Tấn muốn hỏi tội Trần. Vệ sai sứ đi. Sứ không chịu đi nói: Tội không có về ai cả. Thế nào cũng xảy ra chiến tranh. Vệ Khổng Đạt nói: "Nếu có lợi cho xã tắc, thì cứ xin trừng phạt tội để được lòng Tấn. Tội ở tôi. Tôi giữ quyền chính trong nước. Tôi đã chống lại đại quốc Tống, Tống đã muốn trị tội Trần. Tôi trách nhiệm. Xin chịu chết".

Hồ Truyện - Tiên Hộc trái mệnh làm cho quân Tấn thua

to. Nguyên suý không biết dùng quân pháp, không trị tội ngay. Đến nay, tội thêm nặng hơn, người Tấn mới trị. Giết đi là phải lắm. Nhưng tại sao lại chép là nước giết, mà lại không bỏ chức tước? Xét về việc binh, có quan hệ đến sự an nguy, tức là việc lớn trong nước. Không dùng đúng tướng, tất phải thua. Ví như tướng dùng đúng mà lại để cho người thân cận xen vào công việc thì cũng phải thua. Dùng người cứng cổ, ngang ngạnh không chịu tuân mệnh, cũng đến thua. Phàm ba thứ hỏng đó là lỗi tự vua. Trận đánh ở Hà Khúc, Triệu Xuyên ra trận một mình mà mưu của Du Biền không được dùng. Việc dùng quân ở bên bờ sông Kinh, Loan Yếp muốn đánh, mà lệnh của Tuân Yển không thi hành được. Nay Lâm Phủ mới làm tướng Trung Quân, lại lấy Tiên Hộc làm phó, khiến cho bên địch, bọn mưu sĩ, biết ngay quan lại Tấn toàn là mới vào đường chính trị, lệnh chưa được nghiêm. Thế thì tội ai? Cho nên giết người, mà chép là nước giết, không bỏ quan tước, là tội liên lụy đến người trên.

Cao Kháng - Việc đất Bật hai quân hai nước đều muốn về. Tiên Hộc cố đòi đánh, rồi đến thua. Đến bây giờ, mới bảo là trị tội, nhưng lại bỏ Triệu Chiên, Ngụy Kỳ không trị tội. Chỉ riêng giết Tiên Hộc, cầm quyền chính mà không công bằng. Đã trị tội lại không biết làm việc giết cả họ, ác đến thế là cùng.

Trương Phổ - Tấn giết Tiên Hộc là trị về trận thua ở đất Bật. Hộc Phó Trung quân, làm cho quân thua tan là đáng bị giết. Nhưng khi thua ở Bật đem quân về. Tuân Lâm Phủ xin chịu tội chết. Sĩ Trinh Tử có can vua. Đem chuyện Sở Đắc Thần ra dẫn chứng. Tấn Hầu lại cho giữ chức vị cũ. Tha tướng mà giết Tá, Hộc không thể phục được. Rồi lại thêm tội gọi quân Rợ Địch tới. Giết cả họ mới hả. Bao công lao của Tiên Chẩn mà đành tuyệt tự ở Tấn. Tấn Văn Công đánh thua được Sở ở Thành Bộc mà vẫn giết Điên Hiệt. Chu Chi Kiều, Kỳ Mãn, giết ba người mà dân phục. Nay trận ở Bật đã qua năm mới giết cả họ Tiên. Giết Hộc lại không lấy quân chính, quân Pháp buộc tội mà chỉ tùy theo lúc hỷ nộ, mừng giận cá nhân. Như thế, Xuân Thu đâu có nỡ tước bỏ quan chức.

Năm Bính Dần. Vua Định Vương năm thứ 12.

十 有 四 年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tấn Cảnh năm thứ 5. Tề Khoảnh năm thứ 4. Vệ Mục năm thứ 5. Sái Văn năm thứ 17. Trịnh Tương năm thứ 10. Tào Văn năm thứ 23. Trần Thành năm thứ 4. Kỷ Hoàn năm thứ 42. Tống Văn năm thứ 16. Tần Hoàn năm thứ 10. Sở Trang năm thứ 19.

春 衛 殺 其 大 夫 孔 達

XUÂN, VỆ SÁT KỲ ĐẠI PHU KHỔNG ĐẠT

MÙA XUÂN, VỆ GIẾT ĐẠI PHU LÀ KHỔNG ĐẠT

Tả Thị - Năm thứ 14, mùa xuân, Khổng Đạt tự thắt cổ. Thế là người Vệ làm cho hài lòng người Tấn, để thoát nạn. Rồi báo cáo chư hầu rằng: "Quả quân chúng tôi có bầy tôi là Đạt đã làm cho đại quốc Tấn không bằng lòng với tiểu quốc. Đạt đã phục tội rồi. Xin báo cáo". Người Vệ nghĩ đến công của Đạt, cho con Đạt lấy con gái Vệ Hầu và cho nối chức vị của cha.

Hồ Truyện - Khổng Đạt đã bỏ mất đức tín, làm cho xã tắc lâm nguy, người Vệ xét tội mà giết đi. Dùng người mưu việc nước, mà lại phạm đến mình chủ, đến nỗi phải xử tử, thì lỗi tại ai. Chép là nước giết, không tước bỏ quan tước, là tội có liên can đến người trên. Kinh Xuân Thu làm cho ngay từ cội rễ, làm cho trong từ suối nguồn, cho nên thư pháp như thế.

Hồ Ninh - Khổng Đạt mà chết, là vì mưu không được cẩn thận. Tiên quân tuy có lời ước, nếu như nước có tội, mà nước lớn trị tội, thì có thể không theo lời tiên quân. Đã không biết xét rõ thế, lại còn vừa mới hội thề xong, huyết thề nuốt miệng chưa ráo, mà đã chống lại với đại quốc tới trị tội, làm cho xã tắc nguy, đành lấy thân chết, để vừa lòng Tấn, đành chết vùi nơi khe ngòi, sao mà nghĩ sai thế. Đương lúc đó, Trần nhị tâm đi theo Sở, giá như Khổng Đạt nghĩ mưu chín chắn, cứ theo ước

cũ (tức là hai nước giúp nhau) bảo cho Trần biết là không nên nhị tâm, thì cũng vẫn được.

Trần Phó Lương - Khổng Đạt tự giết mà Kinh chép là nước giết, là ý vua giết.

Triệu Bằng Phi - Vệ Mục phản bội lời thề ở Thanh Khưu, phản Tấn mà theo Sở, nay muốn bội Sở mà theo Tấn, thì không còn nói sao cho trôi. Vậy giết Khổng Đạt để được lòng Tấn. Nói rằng: Cái mưu bữa trước là có tội Khổng Đạt, nay đã giết có lợi là công ở mình, mà có hại là tội ở bầy tôi. Mới biết đứng được ở triều đình là khó lắm. Việc này với việc công tử Mại không khác nhau. Cho nên lời văn là nước giết.

夏五月壬申曹伯壽卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, NHÂM THÂN, TÀO BÁ THỌ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY NHÂM THÂN, TÀO BÁ TÊN LÀ THỌ MẤT

晉侯伐鄭

TẤN HẦU PHẠT TRỊNH

TẤN HẦU ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tấn Hầu phạt Trịnh vì việc đất Bật. Bá cáo chư hầu, họp quân lại, rồi kéo quân về. Chính là theo mưu của Trung Hàng, Hoàn Tử (Tuân Lâm Phủ) có nói: "Làm cho Trịnh biết là ta đã dự bị đủ, khiến cho phải suy nghĩ và trở lại với ta". Dân Trịnh sợ. Trịnh cho Tử Chương sang thay Tử Lương ở Sở làm con tin. Trịnh Bá sang Sở bàn việc Tấn. Trịnh gọi Tử Lương về, vì cho Tử Lương là người biết điều, sẽ cần đến.

Triệu Bằng Phi - Năm thứ 12. Sở Tử vây nước Trịnh. Tấn cứu không kịp Trịnh sau phải về với Sở. Hội thề Thanh Khưu. Trịnh không có mặt, cho nên Tấn Hầu đánh Trịnh. Tuy nhiên, ở hội thề Thanh Khưu. Tấn cánh không thân hành tới, lại lấy đại phu dùng lễ nghi đồng minh. Thánh nhân chê, coi như không

có thể, chê mới dùng chữ người. Nay, Cảnh Công biết thân hành, mặc đồ binh, thế là may cho thiên hạ, còn có chê gì nữa, cho nên biên chép cả tước. Thánh nhân thấy có người mạnh bạo làm việc hay, thì vui mừng cho là liệt quốc có bá chủ. Như thế, bọn nho còn cho là chê, là thế nào. Đâu có phải là Sở không được phạm đến, mà Trịnh không nên đánh chăng. Như Trịnh phản, mà Sở mạnh, thế là Xuân Thu muốn thế chăng. Dù đánh Trịnh vị tất đã được Trịnh, nhưng cái chí hưng phục là được rồi, cho nên khen.

Xét - Trịnh vì Tất thua ở đất Bật, mới phản Tấn, theo Sở. Nên Tấn Cảnh Công thân chinh đi đánh vậy. Cho nên chép là Tấn Hầu. Hồ Truyện cho là đạo quân đi báo thù, cứ thẳng chép cho nghĩa tự rõ. Hồ nghĩ thế sai.

秋九月楚子圍宋

THU, CỬU NGUYỆT, SỞ TỬ VI TỐNG

MÙA THU, THÁNG CHÍN, SỞ TỬ VÂY TỐNG

Tả Thị - Sở Tử sai Thân Chu (Vô Uý) sang Tề lễ sính, dặn rằng cứ đi qua lại đất Tống không cần xin phép Tống. Rồi sai Công tử Phùng sang Tấn lễ sính cũng dặn rằng cứ đi qua đất Trịnh không cần xin phép Trịnh. Thân Chu nhớ khi đi săn ở đất Mạnh Chư, đã gây chuyện làm nhục vua Tống mới nói: “Vua Trịnh thì sáng suốt, nhưng vua Tống thì không biết nghe, đi sứ Tấn thì không sao, nhưng tôi thì chắc là chết.” Vua Sở nói: “Ngươi mà bị giết thì ra đánh Tống ngay”. Thân Chu giới thiệu con, xong rồi đi sứ. Đến đất Tống, người Tống ngăn lại. Hoa Nguyên nước Tống nói: “Qua nước tôi mà không xin mượn đường qua, thế là coi nước tôi không phải là một nước. Giết sứ đi, thế tất, Sở đem quân đánh, thì nước tôi không còn là một nước nữa. Thôi thì đằng nào cũng mất nước. Ta giết sứ”. Vua Sở khi nghe tin sứ bị giết rồi, bỏ cả áo ngoài không kịp khoác, đứng dậy đi ra cửa, không kịp đi giày, đeo gươm, ra tới chợ thì xe ngựa mới theo kịp. Mùa thu, tháng chín, vua Sở vây nước Tống.

Triệu Bằng Phi - Đánh Tống mà Tống không chịu khuất

Tiếp đến vây Tống, chắc Tống phải phục. Tướng Sở vẫy vùng ngang dọc. Các nước Hứa, Sái đã theo. Các nước Trần. Trịnh đã phục. Nay đến lượt Tống. Tống là cửa ngõ các chư hầu. Được Tống sẽ được Tề, Lỗ, cho nên Sở cố thu phục được Tống. Đã qua ba mùa mà quân sở cứ vây. Nhất định được Tống rồi mới chịu thôi. Mưu của Sở ác thật. Mà Tấn vốn sợ Sở, không dám cứu Tống. Tống một mình sao mà chống lại được. Thế tất phải hòa với Sở cũng là bất đắc dĩ.

Xét - Năm trước, Sở đánh Tống. Năm nay vây Tống. Nhất định cho xong việc. Kinh Xuân Thu chép luôn từng việc cho rõ là Sở bạo tàn, là Tấn đáng trách vì không cứu được Tống.

Hồ Truyên về việc Vệ cứu Trần cho là để rõ tội Tống. Việc đánh Tống, vây Tống là tự Tống gây ra, ý ấy chắc không phải ý Kinh Xuân Thu.

葬 曹 文 公
TÁNG TÀO VĂN CÔNG
LỄ CHÔN TÀO VĂN CÔNG

冬 公 孫 歸 斧 會 齊 侯 于 穀
ĐÔNG, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI TỀ HẦU VU CỐC
MÙA ĐÔNG, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI VỚI TỀ HẦU TẠI ĐẤT CỐC

Tả Thị - Mùa đông, Công Tôn Quy Phủ hội với Tề Hầu tại đất Cốc. gặp Tề Án Hoàn Tử (Án Anh). Cùng nói chuyện về Lỗ. Rất vui. Hoàn tử sau có bảo Cao Tuyên Tử: "Quy Phủ chết mất. Bàn nhiều về quan tước chức vụ, tức là thèm khát. Đã thèm khát thì mưu hại người. Mưu hại người thì người cũng mưu hại mình. Mưu hại nhau như thế sống sao được.

Phụ lục Tả Truyện - Mạnh Hiến Tử nói với vua Lỗ rằng: "Tôi nghe nói nước nhỏ muốn bị nước lớn khỏi xâm phạt, thì cho sứ tới cống hiến lễ vật, mà vua thì tới chầu, để trình các

công việc về nước, về dân, cứ chỉ ngôn ngữ cho khéo, lại thêm lễ vật đưa trước còn hơn là lúc bị đánh nhau, mới nghĩ tới. Nay vua Sở đang ở Tống, xin nhà vua xét nghĩ". Vua Lỗ cho là phải.

Triệu Bằng Phi - Cha con Quy Phủ thờ nước Tề, dựa vào Tề để chuyên quyền tại Lỗ. Mưu thật là sâu. Vua Tề thì cũng thích được siểm nịnh, quên mình là vua, mà lại cứ cùng mưu với Quy Phủ cùng hàng, cốt có lợi là được, quên hành động tiếm quyền. Khi đó tình hình Tống rất nguy vì Sở. Tống mà về Sở thì Tề, Lỗ sẽ giáp giới với Sở. Vậy hội ở Cốc là để bàn việc đối với Sở. Cho nên, năm sau Quy Phủ hội với vua Sở tại đất Tống. Có Lỗ mà không có Tề, không phải là Tề không sợ Lỗ, mà chỉ vì. Lỗ đã yên, thì Tề cũng được yên. Đó là cớ chính về việc Tề Hầu hội với Quy Phủ.

Gia Huyền Ông - Bố Quy Phủ, giao thiệp với Tề, giết vua, rồi chuyên quyền. Đến con thì càng gian giảo. Hội với vua Tề, hội với vua Sở. Cứ so sánh các việc, cũng đủ biết nên để ý từ cái sẩy nẩy ra cái ung.

Năm Đinh Mão. Vua Định Vương năm thứ 13.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Cảnh năm thứ 6. Tề Khoảnh năm thứ 5. Vệ Mục năm thứ 6. Sái Văn năm thứ 18. Trịnh Tương năm thứ 11. Tào Tuyên Công Lư năm đầu. Trần Thành, năm thứ 5. Kỷ Hoàn năm thứ 43. Tống Văn năm thứ 17. Tần Hoàn năm thứ 11. Sở trang năm thứ 20.

春公孫歸斧會楚子于宋

XUÂN, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI SỞ TỬ VU TỐNG

MÙA XUÂN, CÔNG TÔN QUY PHỦ HỘI VỚI VUA SỞ TẠI NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 15, mùa xuân, Công Tôn Quy Phủ hội với Sở Tử ở Tống.

Đỗ Dự - Theo lời của Mạnh Hiến Tử năm trước.

Triệu Bằng Phi - Quy Phủ hội với Sở Tử tại Tống, là mưu cho nước được yên, khỏi bị Sở dòm ngó. Thế mà bọn bàn luận thấy trong Kinh, câu sau chép việc Tống và Sở hòa, cho ngay là Quy Phủ dàn hòa được mối giận hai nước Tống Sở. Thế là vội bình luận không xét sự thực. Mùa xuân, Quy Phủ hội với Sở Tử. Mùa hạ tháng năm, Tống, Sở mới hòa. Đâu đợi mấy tháng rồi mới hòa, thật là vô lý. Vậy Lỗ mà có gặp Sở, là chỉ để tự mưu cho nước mình. Tống giáp với Lỗ. Tống đi chắc Sở đến. Lỗ thấy Tống nguy mà chư hầu thì sợ Sở, không dám cứu Tống, cho nên Lỗ sợ, vội xin phục tòng Sở, đón trước ý vua Sở để quân Sở thôi không tới Lỗ nữa. Tự mưu cho mình còn ngại chưa xong huống hồ lại còn dám mưu cho Tống. Vậy bàn rằng Lỗ mưu cho Tống và Sở hòa là lời bàn bậy.

夏五月宋人及楚人平

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TỐNG NHÂN CẬP SỞ NHÂN BÌNH

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGƯỜI TỐNG VÀ NGƯỜI SỞ HÒA

Tả Thị - Người Tống sai Nhạc Anh Tề cáo cấp với Tấn. Tấn Hầu muốn cứu. Bá Tôn nói: "Không nên. Người xưa nói rằng: Dù roi có dài cũng không tới được bụng ngựa. Nay trời giúp Sở, chưa có thể tranh giành với Sở được. Tấn dù mạnh đấy, nhưng có trái mệnh trời không? Tục ngữ có câu: Cao hay thấp là ở như tâm. Sông hồ chứa bùn. Rừng cây giấu bệnh. Ngọc lành có vết. Cho nên vị quốc quân thường chịu đựng sự không hay. Đó là đạo trời. Xin nhà vua hãy đợi".

Vua Tấn mới thôi không cứu. Mà lại sai sứ là Giải Dương sang Tống khuyên vua Tống đừng hàng Sở. Quân Tấn đang sửa soạn sắp tới cứu. Người Trịnh bắt được Giải Dương giữa đường đem nộp cho vua Sở đang vây thành Tống. Vua Sở ban tặng rất hậu, để sai Dương nói với Tống một cách khác. Trước không thuận. Đến lần thứ ba thì chịu. Sở cho đứng trên thang lầu, đặt lên chiếc chiến xa. Rồi đứng đó nói vào thành. Thế là Giải Dương nói to như lời vua Tấn đã sai. Vua Sở sắp đem chém, sai bảo

cho rõ tội: “Đã hẹn mà rồi sai hẹn, không phải là ta không có đức tin, chính là người có tội. Vậy nay người chịu hình phạt”. Giải Dương trả lời: “Tôi nghe nói, quân biết trị dân, vì nghĩa, thần biết hành mệnh vì tín. Tín để làm nghĩa, mà làm nghĩa để lợi cho dân. Vua trọng việc làm, cứ để ý đến lợi xã tắc mới đáng là chủ dân. Theo nghĩa thì không thể có hai thứ tín. Đã làm thì không có hai mệnh. Nhà vua ban lộc cho tôi để mua chuộc tội, thế là nhà vua không biết mệnh lệnh. Tôi đã nhận sứ mệnh, ra đi để thi hành, dù có chết thì cứ phải thi hành. Nhà vua có nên ban lộc cho không. Tôi đã hẹn với vua tôi là thi hành mệnh vua tôi. Tôi chết. Thế là vua tôi có hạng thần biết giữ tín. Tôi dù hèn, cũng đã làm tròn phận sự, đến chết. Tôi còn cần gì hơn”. Vua Sở tha cho Giải Dương về nước.

Mùa hạ, tháng năm, quân đội Sở định giải vây Tống, rút về. Thân Tê rạp đầu trước ngựa tâu với vua Sở: “Vô Úy (bố Thân Tê) biết là chết mà không dám không tuân mệnh nhà vua. Sao nhà vua lại thất tín”. Vua Sở không biết trả lời làm sao. Khi đó, Thân Thúc đánh xe cho vua Sở mới tâu: Nếu ta cho dựng nhiều nhà ở đây, rồi có một phần quân về cày ruộng, thì dân Tống cho là nhất định chiếm, thế tất phải theo lệnh. Vua Sở nghe theo. Dân Tống sợ thật. Tối đến Tướng Tống là Hoa Nguyên, tới trại Sở, vào giường nằm Tử Phản, đánh thức dậy nói: Quả quân tôi sai tới tôi báo cáo tình trạng khốn khó. Dân đã phải đổi con làm thịt thay cơm, lấy xương khô làm củi. Nhưng thành hạ yêu minh là nhục lắm, thà mất nước còn hơn. Nếu quân Sở lui xa thành 30 dặm, thì vua sở ra mệnh gì, chúng tôi cũng xin tuân”. Tử phản sợ, cùng thề với Hoa Nguyên, rồi báo trình vua sở. Quân Sở lui xa 30 dặm. Hai nước Tống và Sở nghị hòa. Hoa Nguyên sang Sở làm con tin. Trong hòa ước có câu: Sở không lừa Tống mà Tống không dối Sở.

Công Thị - Các nước ngoài hòa ước với nhau thì không chép. Đây sao chép. Vì cho là việc quan trọng. Sở Trang Vương vây Tống, Quân còn có bảy ngày lương. Hết lương thì phải về. Vì thế, vua Sở mới sai Tư Mã Tử Phản lên ụ cao dòm vào thành, xét tình hình. Bên Tống tướng Hoa Nguyên cũng lên mặt thành,

rồi cùng nói chuyện. Tử Phản hỏi, bên ông sao? Mệt mỏi lắm. Sao vậy? Tống tôi đã đến lúc đổi con làm thịt ăn và lấy xương thay củi. Sở Tử Phản nói: "Ồ, đến thế ư. Nhưng thường lý ra, tôi thấy trong quân, ngựa bị khóa mõm không được ăn, chỉ mấy con béo tốt được ăn để dối quân địch là mình vẫn đầy đủ. Vậy vì sao ông lại nói thực". Tống Hoa Nguyên nói: "Tôi nghe hạng quân tử thấy người ta khổ thì thương, hạng tiểu nhân thấy người ta khổ thì mừng. Tôi xem ông là quân tử cho nên lấy tình thực mà nói". Sở Tử Phản nói: "Vâng, ông cố giữ, quân tôi lương còn bảy ngày, không thắng là rút về". Nói xong vái chào đi về phục mệnh.

Trang vương hỏi thế nào. Thưa khổ, đói lắm rồi. Đến mức nào. Đã phải đổi con làm thịt, lấy xương làm củi. Trang Vương: "Ồ đến như thế ư. Vậy ta lấy thành rồi rút quân. Tử Phản": Không nên. Thần báo cho biết quân ta còn có bảy ngày lương. Trang Vương giận: "Ta sai đi xét tình hình, sao lại đi nói thật". Tâu: Hèn kém như Tống mà còn có người đại phu không nói dối, huống chi nước Sở ta, vì thế, thần nói thật". Trang Vương nói: "Được, ta đóng trại ở lại. Lấy xong thành mới rút quân". Tử phản: "Xin nhà vua ở lại, thần xin về". Trang Vương nói: "Ngươi đi ta ở lại với ai? Thôi ta cũng về". Thế là dẫn toàn quân về. Cho nên người quân tử cho việc hòa, định đoạt bởi hai đại phu là quan trọng. Tại sao lại viết là người Tống, người Sở, sao lại chê. Là vì, việc hòa định đoạt tự người dưới.

Cốc Thị - Bình, là hoà. Khéo ước lượng sức mà dùng nghĩa đúng. Chữ nhân, người, là nói dân chúng. Việc hòa mà chép là chúng, là cả trên lẫn dưới đều muốn hòa. Đã đánh nước ngoài hoà, thì sử ta không chép. Nhưng sự mất còn, có liên quan đến ta (Tống còn, ta được yên) cho nên chép.

Đổng Trọng Thư - Tử Phản với Hoa Nguyên hòa. Trong thì chuyên quyền ngoài thì tiếm quyền.

Đạm Trợ - Hoà mà không thề thì gọi là bình.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: quan trọng việc đại phu nghị hòa. Bàn thế sai. Bầy tôi không được riêng khen hay, xưa nay vốn như thế. Vả lại Trang Vương cũng không phải là bậc hiền.

Từ Phán không trở về trại mà bàn với vua, mà cứ tự tiện cùng Tống hòa, thế có phải là làm việc đúng nghĩa không, còn Cốc Lương thì bàn rằng hòa chép chữ quần chúng, ý cho là trên dưới đều muốn hòa. Bàn thế là sai. Tiếp đến việc Tề hòa thì sao không nói rằng người Tề hoà. Cốc Lương còn bàn rằng nước ngoài hòa thì không chép, đây chép vì nước Lỗ ta được yên. Bàn thế không đúng. Người Sở vây Tống đã trải qua ba mùa, may mà được hòa, thì báo cáo với chư hầu cho nên sử nước Lỗ mới có chép việc. Vả lại các người ngoài có hội, có thề, vẫn thường được Lỗ sử chép. Việc nước ngoài có gì là không nên chép.

六月癸卯晉師滅赤狄潞氏以潞子嬰而歸

LỤC NGUYỆT, QUÍ MÃO, TẤN SƯ, DIỆT XÍCH ĐỊCH, LỘ THỊ, DĨ LỘ TỬ ANH NHI QUY

THÁNG SÁU, NGÀY QUÍ MÃO, QUÂN TẤN DIỆT HỌ LỘ, RỢ XÍCH ĐỊCH, BẮT TÙ TRƯỞNG LÀ ANH NHI VỀ TẤN

Tả Thị - Vợ Anh Nhi là chị Tấn Cảnh Công, Phong Thư cầm quyền chính nước Lộ Địch, giết vợ Anh Nhi, và đánh Anh Nhi bị thương ở mắt. Tấn Hầu định đem quân đánh thì các quan can là Phong Thư có tài, nên để cho hắn có người nối đã. Bá Tôn nói: Cứ nên đánh. Hắn có năm tội, tài không bù được. Không cúng tế thần linh là một tội. Nghiện rượu là hai. Cách chức Trọng Chương và tiếm đoạt đất đai họ Lê là ba. Giết Bá Cơ nước ta là Bốn. Làm cho vua bị thương ở mắt là năm. Cậy tài, không sửa đức, lại càng thêm tội. Người nối chức có thể trọng về đức, về nghĩa, để phụng sự quốc gia, rồi làm cho chính quyền được vững, ta đợi tới lúc đó mới đánh hay sao? Nếu ta không trừng phạt kẻ có tội, bảo rằng hãy đợi, thế thì càng đợi càng sinh nhiều cớ để hoãn, vậy bao giờ mới trừng phạt. Nếu cứ đánh ngay. Ỷ lại vào tài năng, vào quần chúng, là đường đi tới chỗ hỏng. Đó là trường hợp vua Trụ nhà Thương phải chết. Khi mà trời đã làm cho đảo ngược mùa màng, là có tai hoạ. Khi đất đã làm cho đảo ngược chỗ sản xuất là có quái gở, khi dân đã làm cho

đảo ngược đạo lý là có loạn rối. Hễ rối loạn thì sinh ra tai họa, quái gở. Khi chữ viết không đều, thì không còn biết chỉ vật gì. Tất cả điều đó hiện nay đều có ở xứ Địch".

Tấn Hầu nghe lời bàn. Tháng sáu, ngày Quí Mão, Tấn Tuân Lâm phủ đánh tan Xích Địch tại đất Khúc Lương. Ngày Tân Hợi diệt Lộ. Phong Thư chạy trốn sang nước Vệ. Người Vệ đưa về Tấn, người Tấn giết đi.

Công Thị - Lộ sao lại chép là tước tử. Là vì khen. Hiền mà mất nước. Không thể không chép được. Lạc vào Di Địch, chưa hợp với Trung Quốc. Khi quân Tấn đánh, Trung Quốc không cứu. Mà Di Địch cũng không biết đến. Vì thế mất nước.

Cốc Thị - Diệt nước có ba cách chép. Nếu là Trung Quốc thì có ghi ngày, nước nhỏ thì ghi tháng. Di Địch thì không ngày tháng. Đây ghi ngày là vì Lộ Tử hiền.

Đỗ Dự - Lộ là họ. Tử là tước.

Khổng Dĩnh Đạt - Địch có giống Xích. Có giống Bạch. Giữa hai giống Bạch, Xích có nhiều giống, loại khác. Lộ thị đây là một ngành trong giống Xích Địch.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn. Sao Lộ chép là Tử, là khen hiền mà mất nước. Công Dương bàn sai. Lộ Tử chép là Tử là theo Chu Lễ, chứ không phải vì: hiền mà mất nước. Thế là nhầm về tước.

Cốc Lương bàn, diệt nước có ba cách chép. Bàn thế là sai. Các nước Hạng, Toại, Đàm, Ôn, Lương, Hội, Sái, Quắc, đều không chép ngày. Lộ Tử, Giáp thị Thư Cưu, Lục Hồn, đều không chép mùa. Cốc Lương bàn Lộ Tử hiền, Bàn thế cũng sai. Cứ như ý cho chép chữ Tử là khen, thế là không biết tước người ta là nước Tử, chứ không phải vì người ta hiền mà nâng lên. Đã mất nước, thân bị bắt, thì còn hiền gì".

Uông Khắc Khoan - Tấn Cảnh Công hội với Địch ở Toàn Hàm mà không đánh nước Trần. Diệt nước Lộ thị giống Xích Địch mà không cứu nước Tống, thôi không còn nói đến nghiệp bá được nữa.

秦 人 伐 晉

TẦN NHÂN PHẠT TẤN

NGƯỜI TẦN ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Mùa thu, tháng bảy, Tần Hoàn Công đánh Tấn, dừng quân ở Phụ Thị (Tấn). Ngày Nhâm Ngọ, Tấn Hầu họp quân tại Tắc (Tấn) để đi chiếm đóng đất Địch, lập lại Lê Hầu trước đã bị Địch đuổi, rồi quay trở về. Khi tới đất Lạc ở Tấn, thì Ngụy Khỏa đánh tan quân Tần ở Phụ Thị, bắt được Đỗ Hồi, người có tiếng khỏe nhất nước Tần.

Xưa, Ngụy Vũ Tử có người thiếp yêu, không có con. Khi Vũ Tử có bệnh dặn con lớn là Khỏa phải gả chồng cho người thiếp. Đến khi bệnh nặng thì dặn là phải đem chôn theo. Vũ Tử chết, Khoa cho gả chồng và nói: "Bệnh nặng thì trí loạn. Ta theo mệnh lúc còn sáng suốt". Khi đánh trận ở Phụ Thị, Khỏa thoáng trông thấy một ông già cứ kết cỏ vào chân Đỗ Hồi. Đỗ Hồi đi vướng bị ngã rồi bị bắt. Đêm Khỏa mê thấy ông già nói: "Tôi là cha người thiếp mà ông đã gả chồng cho. Vì ông theo mệnh lúc sáng suốt, cho nên nay tôi báo đền". - Phụ Thị là đất nước Tấn.

Cao Kháng - Từ năm thứ hai, quân Tần đánh Tấn, Tấn không báo thù. Nay 14 năm rồi, Tần trở lại đánh Tấn là nhân thừa dịp Tấn đang bận việc Di Địch. Vì thế, chép là người Tần là ý chê.

王 扎 子 殺 召 伯 毛 伯

VƯƠNG TRÁT TỬ SÁT THIỆU BÁ, MAO BÁ

VƯƠNG TRÁT TỬ GIẾT HAI QUAN TRONG TRIỀU (CHU) LÀ THIỆU BÁ VÀ MAO BÁ

Tả Thị - Vương Tôn Tô có hiềm khích với họ Thiệu, họ Mao về quyền chính, sai Vương Tử Tiệp (Trát) giết Thiệu Đái Công và Mao Bá vệ. Rồi sau, Tương là con Đái Công lại được lập thay cha.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu thưởng cho Hoàn Tử (Tuân

Lâm Phủ) một nghìn nhà trước kia phụ thuộc về rợ Địch. Lại thưởng cho Sĩ Bá (Sĩ Trinh Tử) huyện Qua Diễn và bảo rằng: "Ta chiếm được đất đai Địch là nhờ công của ngươi. Không có ngươi thì ta sẽ mất Bá thị (Hoàn Tử)". Dương Thiệt Chức (Thúc Hướng Phủ) thấy ban thưởng như thế rất vui vẻ và nói: "Trong Chu Thư có khen Văn Vương dùng hiền tài, thật đúng như hành động nhà vua. Sĩ Bá tiến cử Trung Hàng Bá. Vua nghe, giao cho một quan chức. Thế gọi là làm cho đức được sáng tỏ. Vua Văn Vương sở dĩ lập nên nhà Chu, cũng chỉ vì có thế. Cho nên Kinh Thi có câu : "Trời ban phúc cho nhà Chu". Văn Vương đã được trời ban phúc cho con cháu. Nếu cứ noi gương đó, thì vua chư hầu nào làm việc gì mà chả có kết quả hay".

Tấn Hầu sai Triệu Đồng tới nhà Chu hiến các người, vật, lấy được của rợ Địch. Triệu Đồng có thái độ bất kính. Lưu Khang Công, quan chức triều Chu nói : "Không đầy 10 năm, họ Nguyên Thúc (Triệu Đồng) sẽ có tai họa. Trời đã lấy mất phách đi rồi".

Công Thị - Vương Trát Tử là ai? Là danh hiệu các con vua.

Cốc Thị - Chữ Vương Trát Tử viết lên trên. Giết Thiệu Bá, Mao Bá không nói rõ là ai. Thế là hai bên giết nhau. Nếu hai bên giết nhau thì Xuân Thu sao lại chép. Đây chép là vì cớ gì. Là giả mệnh vua giết, chứ không muốn cho ai biết là tư thù, thế gọi là lấy mệnh vua mà giết. Đã lấy mệnh vua mà giết thì sao Xuân Thu lại chép. Làm chủ thiên hạ là trời. Nối trời là vua. Còn được gọi là vua là nhờ ở "mệnh". Làm bầy tôi mà lấn mệnh vua để dùng mệnh vua, thế không phải là bầy tôi. Làm vua mà mất mệnh, thế không phải là vua nữa. Vua không ra vua, tôi không ra tôi, thế là thiên hạ nghiêng đổ.

Tôn Phục - Quyền sinh sát là đặc biệt của Thiên Tử, cho nên theo Kinh Xuân Thu, không phải là Thiên Tử thì không được chuyên quyền giết. Vương Trát Tử là bầy tôi. Bầy tôi mà giết Thiệu Bá, Mao Bá, tại triều, Thiên Tử là Định Vương không ngăn được, còn thứ chuyên quyền nào hơn thế nữa. Cho nên chép rằng: Vương Trát Tử giết Thiệu Bá, Mao Bá là để trừng trị tội lỗi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo: không chép là ai, tức là hai

bên giết nhau; Cốc Lương đã bàn sai. Phàm giết đại phu mà nói rõ, thế là vua giết. Đây liệu có viết được: Vương Trát Tử giết đại phu là Mao Bá và Thiệu Bá không.

秋 螽

THU, CHUNG

MÙA THU, CÓ SÂU CHUNG ĂN HẠI LÚA (CHÂU CHẤU)

仲 孫 蔑 會 齊 高 固 于 無 婁

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI TỀ CAO CỐ VU VÔ LÂU

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI VỚI TỀ CAO CỐ TẠI VÔ LÂU (ĐẤT NƯỚC KỶ)

Chú thích: Năm thứ 4, Ẩn Công, người nước Cử đánh nước Kỷ lấy được ấp Vô Lâu. Vậy nay đã là ấp nước Cử rồi. Nghi có nhầm.

Cao Kháng - Tề Hầu ở Cốc thì Công Tôn Quy Phủ tới hội. Quan Khanh nước Tề ở Vô Lâu, thì Công Tôn Miệt tới hội. Thế là Lỗ theo về Tề từ lâu rồi. May mà Tấn với Sở đương tranh giành nhau, không nghĩ đến hại Lỗ ta. Rồi bỗng Lỗ can thiệp vào việc Tống Sở hoà, Quy Phủ phải xin hội với Tề Hầu để Tề Hầu khỏi nghi Lỗ ta theo Sở. Nay Miệt lại hội để giữ dịp giao hiếu xưa.

初 稅 畝

SƠ THUẾ MẪU

BẮT ĐẦU ĐÁNH THUẾ VÀO RUỘNG TƯ

Tả Thị - Bắt đầu đánh thuế vào ruộng tư. Thế là không đúng lệ luật. Cứ theo lệ luật, lúa thuế vẫn lấy ở ruộng công, để cho dân được no đủ.

Công Thị - Xưa, là từ lúc đầu. Bắt đầu lấy thuế ruộng tư, là chê. Khi xưa, ruộng công, lớn, nhỏ, xấu, tốt có một phần mười. Thế là đúng. Cho nên dân vui.

Cốc Thị - Xưa là từ lúc đầu. Bắt đầu lấy thuế ruộng công một phần mười. Nay mới bắt đầu lấy thuế ruộng tư, thế là bất chính. Xưa ba trăm bước làm một dặm, đặt phép tỉnh điền. Tỉnh điền là 900 mẫu. Ruộng công một phần. Ruộng tư gặt hái không được tốt, không phải tại quan lại. Ruộng công gặt hái không được tốt không phải tại dân chúng. Xưa kia chỉ kể đến ruộng công, chứ không đánh thuế ruộng tư. Mười phần đã lấy một. Còn là của dân, thế là đủ. Ruộng công làm nơi ở, bếp nước toàn ở đấy.

Hồ Truyện - Mạnh Tử nói: "Đối với dân cày ruộng, giúp mà không đánh thuế, thì dân cày ai là chẳng vui mừng, mà chăm chỉ cày cấy". Kinh chép bắt đầu đánh thuế ruộng tư, là chê bỏ sự giúp mà dùng sự đánh thuế. Theo luật nhà Ân, công điền, chính là để giúp, gọi là tịch. Nhà Chu nhân phép đó gọi là triệt. Tịch và triệt đều là danh từ chỉ một phần mười. Thời cổ, kẻ trên, người dưới thân cận nhau. Trên đối với dưới thì nói (mong): Cố làm ăn đi, trong 30 dặm, là ý chỉ lo kẻ dưới thiếu thốn. Còn dưới đối với trên thì nói: Mong cho mưa xuống ruộng công để đến cả ruộng ta, là ý chỉ sợ ruộng công không được tốt. Cho nên phép trợ, giúp, được thi hành, mà dân vui có ca dao khen. Đến khi đạo kém, đời suy, trên dưới ghét nhau, dân chỉ biết lợi riêng, mà không làm việc công, trên chỉ biết thu thóc vào kho mà không nghĩ đến lợi cho dân. Rồi các tai họa, hạn hán nối tiếp xảy ra, hoặc giả lúa công thu không đủ, mới đánh thuế ruộng tư chăng. Kinh chép chữ bắt đầu là ghi việc đầu tiên biến đổi pháp luật, rồi sau đặt ra các phép Khưu giáp, điền phú v.v. là khởi đầu từ Lỗ Tuyên Công, cho nên nói rằng: căn cứ vào nghĩa lý làm ra pháp luật còn sợ mắc tiếng tham, thế mà căn cứ vào tham thì thế nào. Có quốc gia, tất là muốn giữ điển lễ không đổi, vậy tất là phải chuộng căn bản.

Đỗ Dự - Phép công điền, mười phần lấy một, nay lại lấy cả ở các phần kia, vì thế Ai Công, cuối đời Xuân Thu nói: "hai thứ thuế, ta còn chưa đủ". Rồi cho lấy thuế thế là thường. Cho nên Kinh chép chữ sơ là bắt đầu.

Chu Tử - Người nhà Thương lấy 630 mẫu vạch làm chín

khu, mỗi khu bảy mươi mẫu, khu giữa là ruộng công, các khu ngoài, tám nhà hương, đều hết sức cày cấy ruộng công, không phải đóng thuế ruộng mình. Phép nhà Chu, mỗi người được một trăm mẫu, rồi cùng với những người dùng chung giếng nước, hợp sức, chia nhau đất đai, thành chín phần, dành một phần công, cho nên gọi là thuế triệt. Nước Lỗ, từ vua Tuyên Công đặt ra thuế ruộng tư, lấy một phần mười, thế thành ra mười phần mà lấy đến hai.

Xét - Về việc lấy thuế các ruộng, hai Truyện Công và Cốc, đều cho là thuế lấy một phần. Nhưng cũng là đã bỏ phép trợ pháp xưa. Đỗ Dự bảo là đã lấy công điền, lại lấy thuế một phần mười ruộng tư, tức là mười phần mà lấy đến hai. Hồ Truyện thì theo Công thị, Cốc thị. Chu Tử thì theo Đỗ Thị. Nay ta để cả để đợi khảo sát.

冬 緣 生

ĐÔNG, DUYÊN SINH

MÙA ĐÔNG, CHÂU CHẤU NỞ (DUYÊN CŨNG LÀ MỘT THỨ CHÂU CHẤU)

Tả Thị - Mùa đông, châu chấu nở. Đói. Còn là may.

Công Thị - Chưa từng nói châu chấu nở. Đây chép là để rõ sự may. May vì người trên biến đổi phép thường, thì trời cũng biến đổi ra tai. Các việc xảy ra đều có cớ cả.

Cốc Thị - Châu chấu không phải là tai. Chép châu chấu không phải là tai họa tự việc đánh thuế sinh ra.

Tôn Phục - Sâu chung giữa mùa thu chưa hết, mùa đông lại sản ra, tức là duyên. Thế là hai lần tai.

Tôn Giác - Duyên là con sâu chung. Mùa thu của Xuân Thu, là mùa hạ của nhà Hạ. Mùa Đông của Xuân Thu là mùa thu của nhà Hạ. Sâu Chung làm tai họa về mùa hè, mà sâu duyên sản về mùa thu. Một năm hai lần tai cho nên ghi chép kỹ. Xét Tả Thị, Công Dương đều bàn là may, vì duyên sinh vào mùa đông, lúc đã gặt, không có gì hại. Xét mùa thu là mùa mà mọi

lúa má rau đậu đều chín, sao lại bảo được là không có hại. Vả lại sản ra mà không tai hại thì chép làm gì. Cốc Lương mà bàn là cái tai họa tự việc đánh thuế, tức là bàn gượng.

Vương Bảo - Duyên là tự chung sinh ra. Theo sách Nhĩ Nhã, sâu chung sinh sản không do giống đực cái như mọi giống, mà tự sinh, cũng như giống sâu Hoàng, cho nên Kinh Xuân Thu chép là tai.

Hoàng Trọng Viêm - Sâu chung khi mới sinh thì chính là duyên. Sâu chung, sâu phi, bay rợp trời, từ đâu đến không biết. Vì không được biết lúc sâu chung sinh, cho nên không chép "chung sinh". Còn như duyên thì sinh ngay ở trong đất nước được thấy cho nên chép "sâu chung sinh".

饑
CƠ
NẠN ĐÓI

Trương Hiệp - Đời Tuyên Công hai lần chép đói, một lần sau nạn nước lụt, một lần sau nạn sâu chung, sâu duyên. Thật rõ là nước không biết tích trữ thì dân sống sao được.

Gia Huyền Ông - Sâu chung thì chép kể mùa. Mà đói thì kể năm.

Năm Mậu Thìn. - Vua Định Vương, năm thứ 14.

十 有 六 年
THẬP HỮU LỤC NIÊN
NĂM THỨ 16

Tấn Cảnh, năm thứ 7. Tề Khoảnh, năm thứ 6. Vệ Mục, năm thứ 7. Sái Văn, năm thứ 19. Trịnh Tương, năm thứ 12. Tào Tuyên, năm thứ 12. Trần Thành, năm thứ 6. Kỷ Hoàn, năm thứ 44 Tống Văn, năm thứ 18. Tần Hoàn, năm thứ 12. Sở Trang, năm thứ 21.

春王正月晉人滅赤狄甲氏及留吁

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT TẤN NHÂN DIỆT XÍCH ĐỊCH, GIÁP THỊ, CẬP LƯU HU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGƯỜI TẤN DIỆT XÍCH ĐỊCH, GIÁP THỊ, VÀ LƯU HU

Tả Thị - Năm thứ 16, mùa xuân, Tấn Sĩ Hội cầm quân diệt các xứ Xích Địch là Giáp Thị, và Lưu Hu Đạc Thần. Tháng ba, Tấn dâng Thiên Tử các người vật lấy được ở Địch. Ngày mậu thân, sau khi tâu Thiên Tử, vua Tấn phong Sĩ hội làm tướng Trung quân, và giao cho phẩm phục, lại cho làm Thái Phó. Từ đấy bọn trộm cướp trốn chạy sang đất Tần. Dương Thiệt Chức nói : "Tôi nghe, vua Vũ nhà Hạ khi dùng người hay, thì người dở vội lánh xa. Y như ngày nay, Kinh Thi có nói: Nắm nắm nơm nớp như đi trên vực sâu, như dẫm trên váng móng. Người hay và tài cầm quyền, thì dân không còn chỉ trông cậy vào may rủi. Tục ngữ có nói : Khi dân có nhiều người bước đi quàng xiên, nhờ may rủi thì nước chính là không may. Thế nghĩa là không có người hay, người tài.

Đỗ Dự - Giáp thị, Lưu Hu, là các ngành trong giống Xích Địch. Tấn đã diệt Lộ thị, nay lại kiêm hết các họ khác.

Cao Kháng - Kinh chép chữ cập, và là để rõ hai họ khác nhau.

Gia Huyền Ông - Tấn diệt Lộ thị thì chép là đánh kẻ có tội. Đã đánh rồi thì quen cứ dùng quân mãi không thôi cho tới khi diệt được hết các họ Địch mới thôi. Người có lòng nhân đâu có thế. Cho nên Kinh chép là nhân, người, để chê.

Người Sở vây Tống, vua Tấn ngồi nhìn, không cứu, lại nghe can: "Roi dù có dài cũng không vút vào bụng ngựa được". Rồi lại diệt họ Lộ, họ Giáp thị, họ Lưu Hu. Có thể thôi, mà cứ không thôi. Chí của Tấn là chỉ trục lợi, mà không biết cứu người đang mắc nạn. Đối với chư hầu còn ra sao nữa.

夏成周宣榭火

HẠ, THÀNH CHU, TUYÊN TẠ, HỎA

MÙA HẠ Ở THÀNH CHU, ĐÀI TUYÊN BỊ CHÁY

(Công Thị, Cốc Thị viết là chữ tai)

Tả Thị - Mùa hạ, ở Thành Chu, đài Tuyên bị cháy. Người mà làm cháy, thì gọi là cháy. Tự nhiên, tức là trời làm cháy thì gọi là hỏa tai.

Công Thị - Thành Chu là Đông Chu. Đài Tuyên là cung miếu Tuyên Vương. Sao chép : Thành Chu, đài Tuyên hỏa tai. Vì ở cung có để các đồ nhạc khí. Ở nước ngoài không chép. Đây sao chép. Vì là nhà Tân Chu, tức là nhà Chu mới thiên đô.

Cốc Thị - Tai của nhà Chu thì không cần ghi. Chép là đài Tuyên vì ở đó có để đồ nhạc khí.

Đỗ Dự - Truyện đều chép là tự người gây ra. Đài Tuyên là nơi Giảng Vũ của Thành Chu ở Lạc Dương.

Khổng Dĩnh Đạt - Sử nước Sở có nói: Tiên Vương cho dựng Đài và Tạ. Tạ là chỗ để giảng tập quân sự. Đài là để trông xa, xét khí sắc lành dữ. Vậy biết Tạ là nhà Giảng vũ. Thành Chu là đô phía nam của nhà Chu. Tạ đây ở tại Lạc Dương, khi giảng và tập việc vũ thì mới tới. Sách Nhĩ Nhã có thích nghĩa : Không có "nhà ở" thì gọi là Tạ. Còn nói : Ụ cao trên thành cũng gọi là đài. Nếu có cây cao thì gọi là Tạ.

Lý Tuần nói: Đài là đắp đất dựng lên cốt để trông xa. Trên đài, có nhà thì gọi là tạ. Vậy Tạ là nhà trên đài. Ở đài mà coi xét Giảng vũ, cho nên không có nơi ăn ngủ vì không có tường vách, y như nay ta gọi là sảnh đường.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: tai nạn nước ngoài thì không chép, đây chép vì là nhà Tân Chu mới thiên đô. Bàn thế sai.

Cốc Lương nói, tai họa nhà Chu không chép. Cốc Lương nói sai. Đến tai họa nước Tống còn chép, huống tai họa nước Chu. Cứ có báo cáo cho nước ta là có chép.

Tôn giác - Công Thị, Cốc Thị đều nói là có chứa đồ nhạc khí, Tạ mà đã chứa nhạc khí thì sao đặt tên là Tuyên.

Xét - Công Dương cho Tuyên Tạ là Tuyên Cung. Hà Hưu thì bảo khi Tuyên Vương trung hưng, miếu không hủy, Bảo thế sai. Tuyên miếu nên hủy từ lâu. nếu chưa hủy, thì sao không ở Kinh sư mà lại ở Thành Chu. Hồ Truyện cho là miếu tựa như Tạ, cho nên gọi là Tạ, Hồ Truyện cũng sai. Sách Nhĩ Nhã, có ghi các miếu, tẩm, đài, tạ, đều khác nhau về thể thức, thì đây sao luộm thuộm cho là một. Đỗ Dự thích nghĩa Tạ là nơi nhà Giảng vũ, Khổng Dĩnh Đạt dẫn sách Sở làm chứng cớ thì luận bàn thế là đích đáng. Tuy nghĩa chữ Tuyên có chỗ chưa rõ hết, nhưng Thành Chu là đông đô nhà Chu. Coi những câu trong Kinh Thi, các nhật, xa công, ngâm vịnh, ngợi khen Tuyên Vương thời đương thịnh, thì đài Tuyên là dựng nên cho vua Tuyên Vương, thật là không còn sai nữa.

秋郯伯姬來歸

THU, ĐÀM BÁ CƠ LAI QUY

MÙA THU, ĐÀM BÁ CƠ RỜI NƯỚC ĐÀM TRỞ VỀ Ở NƯỚC LỖ.

Tả Thị - Mùa thu, Đàm Bá Cơ trở về Lỗ. Thế là bỏ nhà chồng.

Phụ lục tả Truyện - Vì nạn Mao và Thiệu, nhà vua bị rối loạn. Vương Tôn Tô chạy sang nước Tấn. Người Tấn bắt trở về Kinh đô Chu. Mùa Đông, Tấn Hầu sai Sĩ Hội dẹp loạn Vương thất. Thiên Tử thết tiệc. Nguyên Tương Công quan chức trong triều làm Tướng lễ. Thịt được thái từng miếng nhỏ. Vũ Tử (Sĩ Hội) hỏi riêng Nguyên Tương. Vua nghe, mới nói: "Ông chưa rõ hay sao. Khi Thiên Tử có việc "hưởng", thì thịt cắt làm hai. Khi có tiệc "yến", thì thịt cắt từng miếng nhỏ. Công thì dự hưởng. Khanh thì dự yến. Đó là lễ nghi ở vương thất". Vũ Tử khi về Tấn, mới khảo sát lại các lễ nghi, để sửa lại pháp lệ ở Tấn.

冬大有年

ĐÔNG. ĐẠI HỮU NIÊN

MÙA ĐÔNG, ĐƯỢC MÙA TO

Cốc Thị - Cả ngũ cốc đều được mùa, thì gọi là được mùa to.

Tôn Giác - Được mùa to là phi thường. Chép được, ý là không đáng được. Kinh mà chép được mùa đều là về thời Hoàn, Tuyên. Ý Thánh nhân dễ nhận biết.

Năm Kỷ Tỵ - Vua Định Vương, năm thứ 15.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tấn Canh, năm thứ 8. Tề Khoảnh, năm thứ 7. Vệ Mục năm thứ 8. Sái Văn, năm thứ 20. Trịnh Tương, năm thứ 13. Tào Tuyên, năm thứ 3. Trần Thành, năm thứ 7. Kỷ Hoàn, năm thứ 45. Tống Văn, năm thứ 19. Tần Hoàn, năm thứ 13. Sở Trang, năm thứ 22.

春王正月庚子許男錫我卒

XUÂN. VƯƠNG. CHÍNH NGUYỆT. CANH TÝ HỨA NAM, TÍCH NGÃ TỐT

MÙA XUÂN. VƯƠNG. THÁNG GIÊNG, NGÀY CANH TÝ, VUA NƯỚC HỨA TÊN LÀ TÍCH NGÃ MẤT

丁味蔡侯申卒

ĐINH MÙI, SÁI HẦU THÂN TỐT

NGÀY ĐINH MÙI, SÁI HẦU TÊN LÀ THÂN MẤT

夏葬 許昭公葬蔡文公

HẠ, TÁNG HỨA CHIÊU CÔNG. TÁNG SÁI VĂN CÔNG

MÙA HẠ. LỄ CHÔN HỨA CHIÊU CÔNG, LỄ CHÔN SÁI VĂN CÔNG

Quý Thao - Thời đó, Hứa và Sái theo Sở, đều có cáo phó. Lỗ tới viếng phúng. Thế là có giao thiệp với Sở.

六月癸卯日有食之

LỤC NGUYỆT, QUÍ MÃO, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG SÁU, NGÀY QUÍ MÃO, CÓ NHẬT THỰC

己味公會晉侯衛侯曹伯邾子同盟于斷道

KỶ MÙI. CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CHÂU TỬ, ĐỒNG MINH VU ĐOẠN ĐẠO

NGÀY KỶ MÙI, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CHÂU TỪ, CÙNG LỄ THỀ Ở ĐOẠN ĐẠO, ĐẤT TẤN

Tả Thị - Mùa xuân. Tấn Hầu sai Khích Khắc sang tề mời vua Tề hội. Vua Tề là Khoảnh Công cho thê thiếp đứng trong màn để coi sứ giả (có tật khiễng chân). Khi Khích Khắc bước lên thềm, bọn đàn bà cười ở trong màn. Hiến Tử Khích Khắc giận, khi đi ra có thề: “Nếu không báo được hận này, không trở về qua sông Hoàng”. Thế rồi về Tấn trước Phó sứ, bảo Phó sứ Loan Kinh cứ đợi tin ở Tề, chuyến này về mà không báo được Tề thì hãy liệu.

Khích Khắc tới Tấn, xin phép vua đem quân đánh Tề. Vua không thuận. Xin dùng quân riêng, vua cũng không thuận.

Tề Hầu sai các đại phu Cao Cố, Án Nhược, Sái Triêu, Nam Quách Yển tới hội. Khi sứ đoàn đi tới Liễm Vu thì Cao Cố trốn về. Mùa hạ, hội tại Đoạn Đạo, cốt để trị tội các nước không theo.

Lễ thề tại Quyền Sở. Sứ nước Tề không được dự. Người Tấn giam Án Nhược ở đất Dã Vương; giam Sái Triêu ở đất Nguyên; Giam Nam Quách Yển ở đất Ôn. Phần Hoàng nước Miêu, vốn người Sở trốn ẩn tại Tấn, được vua Tấn sai tới hội, có thăm Án Nhược Hoàn Tử. Khi về Tấn, nói với vua Tấn rằng: "Xét Án Tử có tội gì. Xưa kia, các vua chư hầu thờ tiên quân ta, chỉ sợ không nhanh tuân lệnh. Nay các vua sợ bọn đại phu ta không đủ tín nghĩa, muốn bỏ ta. Vua Tề cũng ngại không được Tấn lấy lễ đối đãi, không thân hành tới mà sai bốn đại phu đi thay. Tả hữu có can rằng, nếu vua không đi thì sứ thần ta sẽ bị bắt giam. Cho nên Cao Cố tới Liễm Vu trốn mất. Ba đại phu còn lại bảo nhau, thà bị tội chết còn hơn làm hại tình giao hiếu hai vua. Vì thế, họ mạo hiểm tới hội. Không gì hay hơn là đón họ, tiếp dãi tử tế khách tứ phương. Nay ta lại bắt giam, tức là cho kẻ can vua Tề nói phải, nói đúng. Thế là ta có lỗi. Có lỗi mà không biết đổi lỗi, cứ làm lỗi mãi, để họ phải hối là đã tới hội, liệu ta có được lợi gì không. Ta làm cho người sứ Tề trốn trước là tiên tri. Giam giữ sứ thần, ta làm cho các vua chư hầu sinh nghi sợ. Ta có lợi gì". Người Tấn mới thả sứ Tề, đối đãi tử tế.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, tháng tám, Tấn đem quân về, (thôi không đánh Tề).

Phạm Vũ Tử đã già, dặn dò con là Văn Tử tên là Tiếp: "Ta nghe nói sự mừng hay giận, mà lại cứ hay chệch về việc khác. Kinh Thi có câu: Người quân tử nổi giận, loạn sẽ được dẹp. Người quân tử tó mừng (mừng nghe lời nói hay), loạn sẽ tắt. Vậy mừng, giận của quân tử là để dẹp loạn. Nếu không phải thế, thì ta sợ loạn thêm. Ta già rồi. Ta cứ để cho Khích Tử cầm quyền chính. Có lẽ yên được loạn. Còn như con, thì cứ theo các đại phu, cốt nhất phải kính cẩn".

Thế rồi Sĩ Hội xin về hưu vì tuổi già. Khích Hiến Tử cầm quyền chính.

Cốc Thị - Chữ đồng (đồng minh) là có đồng, có cùng, cùng nhau chống Sở.

Lý Liêm - Việc thề này, các Truyện cho là vì việc nước Tề, mà riêng Cốc Lương cho là vì Sở. Xét ra, ví có theo lệ thường,

cùng giúp, cùng chống, thì vẫn e không phải sự thực. Việc thề này, ngay sau khi Tống và Sở hòa, mà mời Tề tới hội tuy là ý đầu tiên, sự thực vẫn là sợ Sở. Vả lại Khích Khắc giận Tề mới có mưu đánh Tề, Cốc Lương cũng không phải là không có căn cứ.

Xét - Hội thì ở Đoạn Đạo, các truyện cho là để đánh Tề, Cốc Lương cho là để chống Sở. Xét đến sự tình, cả hai thuyết đều có lý. Tống và Sở vừa hòa. Phương nam đang cạnh tranh, Tào, Vệ, có chuyện. Tấn làm mình chủ, họp chư hầu, để mưu toan, thì chống Sở phải là căn bản. Còn Khích Khắc triệu tập mà Tề Hầu không tới lại sai bốn đại phu tới hội, người Tấn giận mà bắt giam, thì việc đánh Tề cũng ở hội đó mà ra. Vì thế Lý Liêm bàn luận dùng cả hai thuyết.

秋 公 至 自 會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

冬 十 有 一 月 壬 午 公 弟 叔 肸 卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, CÔNG ĐỆ, THÚC HẬT TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY NHÂM NGỌ, EM CÔNG LÀ THÚC HẬT MẤT (EM CÙNG MẸ, PHÀM EM CÙNG MẸ VỚI THÁI TỬ, BỐ CÒN THÌ GỌI LÀ CÔNG TỬ, BỐ MẤT THÌ GỌI LÀ EM. PHÀM ĐÃ GỌI LÀ EM ĐỀU LÀ CÙNG MẸ)

Cốc Thị - Chép là em Công, tên Thúc Hật là khen. Tại sao vua Tuyên thí nghịch mà Hật trách. Nhưng Hật sao không rời khỏi nước. Vì là anh em. Còn đi đâu được. Cho của thì Hật nói, tôi đủ rồi. Rồi khâu giày bán, kiếm gạo ăn, suốt đời không ăn lương lộc của Tuyên Công. Người quân tử cho thế là đúng tình lý, mà Xuân Thu cho là hiền.

Xét - Quý Hữu và Thúc Hật đều là anh em hiền. Hữu có công làm cho yên loạn. Hật đối xử đúng tình lý. Khi hai người

chết, Kinh Xuân Thu chép tên, chép tự, để khen, chứ không phải để so sánh với Trọng Toại. Hữu gọi là Công Tử. Hật gọi là Công đệ. Hữu mất vào thời Hi Công, thì không dùng chữ đệ được. Hồ Truyện, về truyện Trọng Toại, Quý Hữu, đều cho là lúc sống được ban cho họ, nối đời giữ chức Khanh, còn về Thúc Hật thì cho là không nhận giữ chức gì. Nay xét khi Hật chết rồi, chưa qua ba năm, mà con là Anh Tề cầm quân, các đời sau là đại phu. Xét Hật không nhận lương lộc, mà Tuyên Công cứ gia ân cho con cháu, thì việc ban họ chưa chắc đã hẳn là không có. Hồ Truyện đã lâu đời, cứ giữ lại, để đợi khảo cứu.

Năm Canh Ngọ - Vua Định Vương, năm thứ 16.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tấn Cảnh, năm thứ 9. Tề Khoảnh, năm thứ 8. Vệ Mục, năm thứ 9. Sái Cảnh Công, tên Cố năm đầu. Trịnh Tương, năm thứ 14. Tào Tuyên, năm thứ 4. Trần Thành, năm thứ 8. Kỷ Hoàn, năm thứ 46. Tống Văn, năm thứ 20. Tần Hoàn, năm thứ 4. Sở Trang, năm thứ 23.

春晉侯衛世子臧伐齊

XUÂN, TẤN HẦU, VỆ THẾ TỬ TANG PHẠT TỀ

MÙA XUÂN, TẤN HẦU, THẾ TỬ TANG, NƯỚC VỆ CÙNG ĐÁNH TỀ

Tả thị - Năm thứ 18, mùa xuân, Tấn Hầu, Vệ Thế Tử Tang đánh Tề. Quân tới đất Dương Cốc. Vua Tề tới vua Tấn xin thề ở đất Tăng, cho Công Tử Cương sang Tấn làm con tin. Quân Tấn quay về. Sái Triêu và Nam Quách Yển trốn về.

Xét - Tấn làm minh chủ triệu chư hầu hội họp. Tề không tới, Tấn Hầu mà đánh thì còn có lý. Hồ Truyện bàn rằng: Thượng Khanh cầm quyền chính trong nước, lấy mệnh vua mà làm việc riêng, chép để cho rõ Tấn đánh Tề là có lỗi. Nay xét Tả Truyện,

Khích Hiến Tử xin vua cho đánh Tề, Vua Tấn không thuận. Xin lấy quân đội riêng đánh, vua cũng không thuận. Thế thì việc Dương Cốc, đâu có phải vua thân chinh để báo thù cho Khích Khắc. Nếu mấy nước cùng đánh nhau thì ra Khích Khắc được thỏa chí ở Tề thật.

公伐杞

CÔNG PHẠT KỶ

LỖ CÔNG ĐÁNH NƯỚC KỶ

Từ Ngạn - Lỗ Công đánh các nước Cử, Lai, Châu, Kỷ, Phàm các nước nhỏ ở gần Lỗ đều bị đánh. Lỗ Công tàn ác thật.

夏四月

HẠ TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ THÁNG TƯ

Phụ Lục Tả Truyện - Mùa hạ, Lỗ Công sai sứ sang Sở xin quân, muốn đánh Tề.

秋七月鄒人戕曾子于曾

THU, THẤT NGUYỆT, CHÂU NHÂN TƯỜNG TĂNG TỬ VU TĂNG

MÙA THU, THÁNG 7, NGƯỜI CHÂU GIẾT VUA TĂNG Ở ĐẤT TĂNG

Tả Thị - Mùa thu, người Châu giết Tăng Tử ở Tăng. Phàm trong nước, loạn nghịch giết vua, thì gọi là thí. Người nước ngoài giết thì gọi là tường.

Công Thị - Tường Tăng Tử ở Tăng là thế nào. Là giặc cướp tàn sát.

Cốc Thị - Tường cũng nghĩa như chữ tàn là giết.

Uông Khắc Khoan - Châu chép là người. Chính là vua Châu. Chép là người để chê. Nếu còn muốn kiêng, thì chép là giặc cướp

giết vua Tăng tên là mỗ. Đây chép là người Châu thì rõ là vua Châu. Châu Văn Công dùng Tăng Tử để tế. Châu Định Công giết Tăng Tử. Đều chép là người Châu, ghét lối nói đời hung ngược quai thường bội lý. Sái Linh và Sái Chiêu mà bị giết thì ghi tên, còn hai vua nước Tăng, thì không ghi tên tức là không có lỗi mà bị họa.

甲戌楚子旅卒

GIÁP TUẤT, SỞ TỬ LỮ TỐT

NGÀY GIÁP TUẤT, SỞ TỬ TÊN LÀ LỮ MẤT (LẦN ĐẦU CHÉP VUA SỞ MẤT)

Tả Thị - Sở Trang Vương mất. Quân Sở đình (không giúp Lỗ). Lỗ dùng quân Tấn. Thế là Sở cho quân đánh thục (Thục là đất nước Lỗ).

Công Thị - Sao không chép lễ táng. Vua Ngô, vua Sở không chép là táng vì Kinh Xuân Thu tránh chép thụy hiệu.

Cốc Thị - Đối với xứ Di Địch, vua chết không có chép. Chép là nâng lên một bực. Có chép cũng không ghi ngày. Ghi ngày là nâng lên một bực. Ghi ngày mà không nói rõ ở đâu, là giản lược.

Hồ Truyện - Sở tiếm tước Vương. Không chép lễ táng, là e dân không hiểu là tiếm hiệu. Tránh chép hiệu chính là tự Trọng Ni bỏ đi.

Xét - Sở không được chép lễ táng Hồ Truyện theo Công Dương cho là tránh thụy hiệu. Đúng đấy, Bảo rằng nước Sở, nước Ngô, nước Từ, đều bị giáng cấp, ghi là Tử tước, cùng hàng với các nước Đằng Hầu, Kỷ Bá. Bảo thế nghe chưa lọt. Xét Đằng, Kỷ, tước vốn là Hầu, là Bá, vì Thiên Tử đương thời truất, cho nên hạ xuống tước Tử, chứ không phải là Thánh nhân giáng chức. Sở, Ngô tiếm hiệu xưng vương, mà Thiên Tử đương thời không cấm nổi, cho nên theo tước phong lúc đầu mà gọi là Tử để cho rõ cái tội tiếm nghịch, không phải là Thánh nhân giáng chức. Vì nếu cho là Kinh Xuân Thu, tự thăng, giáng, chức chư hầu, thì chính Xuân Thu đã tiếm quyền. Như thế còn dạy ai. Vậy nay san bớt các lời bàn của họ Hồ.

公 孫 歸 斧 如 晉

CÔNG TÔN QUY PHỦ NHƯ TẤN

CÔNG TÔN QUY PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Công Tôn Quy Phủ có bố là Tương Trọng trước có công lập lên ngôi, cho nên được Công tin dùng. Quy Phủ muốn triệt ba nhà Tam Hoàn, để nâng quyền nhà vua, mới mưu với Công, giao thiệp với Tấn, nhờ Tấn giúp.

Hồ Truyện - Tuyên Công nhờ Tề được ngôi, cho nên nhất tâm thờ Tề, tuy đã đổi mấy vua Tề mà Lỗ vẫn cứ thờ. Rồi đến Tề Khoảnh Công, không biết kính cẩn lễ nghi, làm cho Thượng Khanh nước Tấn, nước Lỗ phải giận. Khích Khắc cầm quyền chính Tấn, lại định đánh. Tấn đang cường thịnh, Tề có phần kém. Thế là Lỗ bội Tề mà thờ Tấn, trong việc bang giao, cứ theo lợi mà trở mặt, chứ không nghĩ đến trung tín, thành thực. Xét Tả Truyện, Quy Phủ mà muốn triệt Tam Hoàn, để cho vua thêm uy quyền, cùng vua mưu, rồi lễ sính nước Tấn, muốn nhờ người Tấn triệt Tam Hoàn. Xét, khinh thường việc bội ước đối với một nước, dễ dàng trong việc mưu triệt thế gia, mà không xét nghĩ tới căn bản, thì chưa thấy việc thành, lại không có hại. Vậy muốn cho vua thêm quyền là phải, thì nên làm thế nào. Sao không đưa vua vào đường đạo lý: chính tâm mình để chính triều đình. Săn sóc Lễ, Nhạc, Hình, Chính, tự mình làm gương, thì sao không được. Việc gì phải nhờ nước ngoài giúp trừ Tam Hoàn. Thế là trừ mụn ghẻ mà chuốc lấy tâm tật. Sao kém thế.

冬 十 月 壬 戌 公 薨 于 路 寢

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, NHÂM TUẤT, CÔNG HOĂNG VU LỘ TẨM

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY NHÂM TUẤT, LỖ CÔNG MẤT TẠI LỘ TẨM

Cốc Thị - Lộ tẩm là chính tẩm.

Vương Nguyên Kiệt - Tuyên Công ở ngôi 18 năm. Đến

đại nghĩa đã mất, thì ở nước còn được gì nữa. Vị đích mẫu là không có lý nào rứt được, mà để cho phải khóc, trở về Tề. Bỏ thiên luân, làm thí nghịch, hối lộ Tề để được định ngôi. Đang trong tang, mà đón vợ, thành hôn. Trong bảy năm, mà năm lần tới chầu nước Tề, quá đến gả con gái cho cường thần nước Tề. Luôn 10 năm, chăm sính lễ, hết sức hầu hạ, nịnh nọt vua tôi Tề, khinh nhờn, không theo Tấn. Trục lợi, chiếm đất Hướng, đất Thích, dương vây đánh nước Cử, nước Châu. Bị nhục ở hội thề Hắc Nhưỡng, che giấu việc xấu ở hội Bình Châu. Rồi đến các nạn sâu Chung, sâu Duyên kế tiếp. Cơ cận liên niên, lại thêm đánh thuế ruộng tư, thế là sức dân kiệt quệ. Hội thề Đoạn đạo với Tấn, để mong triệt Tam Hoàn mà thêm uy quyền nhà vua. Vua tuyên chết, da thịt chưa lạnh, thì họ Đông Môn đã mất cúng tế. Còn được chết ở chính tẩm, chỉ là may thôi.

歸斧還自晉至笙遂奔齊

QUY PHỦ HOÀN TỰ TẤN, CHÍ SINH, TOẠI BÔN TỀ

QUY PHỦ TỪ TẤN VỀ, TỚI ĐẤT SINH, (HOẶC SANH) RỒI CHẠY SANG TỀ - (SINH, ĐẤT NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Mùa đông, Lỗ Công mất, Quí Văn Tử (Quí Tôn Hàng Phủ) nói với triều đình rằng: "Làm cho ta giết con đích, lập con thứ, để mất sự viện trợ của một nước lớn chỉ là vì Trọng". Tang Tuyên Thúc giận, nói rằng: "Đương thời đó đã không dám trị, thì con nối dõi có tội gì. Các ông muốn đuổi, vâng, tôi xin đuổi". Thế là đuổi cả họ Đông Môn đi khỏi Lỗ. Từ Gia Quy Phủ rời Tấn về đến đất Sinh ở Lỗ.

Hành vi Quy Phủ là phải. Nên lấy lời bàn đó quyết định.

XUÂN THU QUYỂN THỨ CHÍN

成 公

THÀNH CÔNG

THÀNH CÔNG

Phạm Ninh - Coi quyển Lỗ Thế gia, Thành Công tên là Hắc Quăng, là con Tuyên Công. Lên ngôi thời Chu Định Vương năm thứ 17, theo phép đặt thụy hiệu, an dân lập chính thì gọi là Thành.

Năm Tân Mùi. - Vua Định Vương, năm thứ 17.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Cảnh, năm thứ 10. Tề Khoảnh, năm thứ 9. Vệ Mục, năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 2. Trịnh Tương, năm thứ 15. Tào Tuyên, năm thứ 5. Trần Thành, năm thứ 9. Kỷ Hoàn, năm thứ 47. Tống Văn, năm thứ 21. Tần Hoàn, năm thứ 15. Sở Cung Vương, Thẩm, năm đầu.

元 年 春 王 正 月 公 即 位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

二月辛酉葬我君宣公

NHỊ NGUYỆT, TÂN DẬU, TÁNG NGÃ QUÂN, TUYÊN CÔNG

THÁNG HAI, NGÀY TÂN DẬU, LỄ CHÔN VUA TA LÀ TUYÊN CÔNG

無冰

VÔ BĂNG

KHÔNG CÓ BĂNG (BĂNG LÀ NƯỚC VÁNG GẦN THÀNH ĐÁ)

Phụ Lục Tả Truyện - Tấn Hầu sai Hà Gia dàn xếp cho rợ Nhung khỏi quấy rối đất nhà Chu. Thiện Tương Công, dự chính tại triều đình Chu, tới Tấn cám ơn việc Tấn dàn xếp. Lưu Khang Công, con Thiên Tử dò xét rợ Nhung định chinh phạt. Chức quan là Thúc Phục can: "Bội minh ước mà dối một nước lớn là nước Tấn thì sẽ bị thua. Bội minh ước đã là bất tường, dối một nước lớn lại là bất công. Như thế thì Thần và người đều không giúp, còn làm sao mà thắng được. Khang Công không nghe, cứ đem quân vào đất Mao Nhung. Tháng ba, ngày quí mùi, quân bị tan vỡ ở đất Nhung Từ Ngô (Mao Nhung là một giống Nhung, Từ Ngô là một giống Mao Nhung).

Cốc Thị - Cuối mùa mà không có băng thì ghi. Đây chưa cuối mùa mà nói không có băng, tại sao thế. Thế là cuối mùa cũng không có, lại có ý nói là rét.

Đạm Trợ - Tháng hai xưa, ngày nay là tháng 12. Ghi là không có băng thì biết là một mùa không có băng. Nếu cứ đợi cuối mùa mới ghi thì nay là tháng giêng, chả nhẽ lại nói thêm không có băng. Lời bàn của Cốc Lương là sai.

三 月 作 邱 甲

TAM NGUYỆT TÁC KHƯU GIÁP

THÁNG BA, LỖ ĐẶT RA THUẾ KHƯU GIÁP

Một "tỉnh" có chín đinh. Mười sáu tỉnh là một khưu. Bốn khưu là một "điện". - Vậy mỗi khưu nộp một giáp nghĩa là bốn ngựa, mười hai bò, ba người lính có áo giáp, bảy mươi hai bộ binh. Vậy một khưu nay đóng thuế bằng bốn lần.

Tả Thị - Vì ngại nước tề cho nên đặt ra Khưu giáp.

Công Thị - Sao lại chép. Là để chê. Chê bắt đầu đánh thuế khưu.

Cốc Thị - Tác là làm, là nộp. Khưu giáp không phải là chính. Vì thời xưa, khi lập một quốc gia, có đủ trăm quan. Các nhà nông và công đều có phận sự thờ người trên. Thời xưa có bốn thứ dân: sĩ, thương, nông, công. Xét về "giáp", không phải mọi người làm ra được. Khưu mà bắt làm giáp, không được là chính đạo.

Lưu Sưởng - Năm đầu đã đặt khưu giáp. Nước Lỗ không cần nhiều đức, chỉ cần nhiều sức, không chuộng thêm nghĩa, chỉ chuộng thêm quân. Cứ theo pháp chế vương giả mà luận bàn, thì làm ra khưu giáp là tội to. Chư hầu không được chuyên quyền đánh thuế, bắt lính. Đánh thuế chỉ để đủ ăn tiêu. Lấy lính chỉ để đủ giữ nước. Đủ ăn, đủ giữ, là dân tin. Vậy không được lạm quyên. Thuế do các tiên vương đặt ra, là vừa đủ ăn. Quân do các tiên vương định số, là để vừa đủ dùng. Nay không theo tiên vương, cứ lấy ý riêng định đoạt, thế là làm loạn đạo thường, phạm vào điều cấm kỵ của Thánh nhân. Đỗ Thị có nói: một cỗ xe, bốn ngựa chiến, mười hai con bò, ba giáp sĩ, bảy mươi hai bộ tốt, đó là thuế về việc quân của một "điện". Nay Lỗ lấy làm thuế khưu. Tôi nhận thấy khưu chỉ là 16 tỉnh, mà điện là 64 tỉnh. Bắt khưu cung thuế điện, thế là bắt thuế nặng gấp bốn. Lỗ tất là không làm thế. Công Dương thì nói: Chê bắt đầu thuế từ khưu. Nói thế sai. Nếu thật là thế, thì Kinh đã chép: Khưu cung thuế giáp, chứ không chép đặt ra thuế Khưu giáp - Cốc Lương

thì nói: Khưu làm giáp. Nói sai. Xét, nếu sai dân làm giáp thì sao Kinh không chép tỉnh làm giáp, ấp làm giáp, nhà nông làm giáp, mà lại chép là khưu làm giáp.

Gia Huyền Ông - Thuyết Khưu Giáp, ba truyện không giống nhau. Công Thị và Cốc Thị cho là bắt dân Khưu đóng thuế, tự làm ra giáp, tựa như chưa phải ý của Kinh. Họ Đỗ thì cho là xưa bốn khưu là một điện. Điện nộp ba giáp sĩ. Nay bắt một khưu nộp số giáp một điện.

Người một khưu đâu có nộp được số giáp một điện. Dù có đòi dân nhiều, cũng không thể đòi nhiều đến mức ấy. Xét về Chu Lễ, và Tư Mã Pháp, thì bốn khưu làm một điện là 576 dân phu, phải cung cấp ba người giáp sĩ, 72 bộ tốt. Nay mà thành khưu giáp, mỗi khưu cung một giáp, thì mỗi điện phải cung bốn giáp. Thế là binh chế xưa bị hỏng từ đây.

夏臧孫許及晉侯盟于赤棘

HẠ, TANG TÔN HỨA CẬP TẤN HẦU MINH VU XÍCH CỨC

MÙA HẠ, TANG TÔN HỨA CÙNG XÍCH HẦU THỀ TẠI ĐẤT XÍCH CỨC, ĐẤT NƯỚC TẤN

Tả Thị - Nghe nói Tề sắp đem quân đánh, mới có hội thề ở Xích Cức.

Triệu Bằng Phi - Lỗ trước vẫn theo Tề. Về cuối đời Tuyên Công, Lỗ có xa Tề. Công Tôn Quy Phủ sang Tấn là phản Tề. Chưa kịp phản, thì Lỗ Tuyên Công mất. Quy Phủ chạy. Tề cùng Lỗ vốn vẫn chiều Tấn. Nhưng Tấn nghi: Quý Phủ ở Tề thì Lỗ tất là có nhị tâm với Tề. mà Lỗ cũng nghi Tấn là không tin mình. Cho nên có hội thề ở Xích Cức, Lỗ thực là tuyệt với Tề. Chí Lỗ là nhờ Tề. Năm sau, Tề đánh biên giới bắc nước Lỗ ta, mà bốn vị Khanh họp quân đội Tấn để đánh trận đất An ở Tề. Mưu chắc được định đoạt ở hội Xích Cức.

秋王師敗績于茅戎

THU, VƯƠNG SƯ BẠI TÍCH VU MAO NHUNG

MÙA THU, QUÂN NHÀ VUA (CHU) BỊ THUA TAN Ở MAO NHUNG

Tả Thị - Mùa thu, sứ nhà vua tới báo cáo thua.

Công Thị - Ai đánh thua. Chính là Tấn. Hoặc cho là Mao Nhung. Nhưng sao không chép Tấn đánh cho thua. Vì đã là vương giả thì không có địch, ai dám địch.

Cốc Thị - Không chép chữ chiến, vì ai dám là địch. Vì tôn trọng thì tránh chữ địch, nhưng không phải tránh chữ thua. Vì thân thì tránh chữ thua, không tránh chữ địch. Đó là nghĩa tôn hạng đáng tôn, và thân hạng đáng thân. Thế thì ai đánh. Chính là Tấn.

Đỗ Dự - Không chép chữ chiến. Vương giả là bực chí tôn, thiên hạ, ai là dám đương. Cho nên lời văn thì cứ như là tự mình thua. Không chép nơi thua. Chép Mao Nhung. Rõ ràng Mao Nhung đánh thua. Chép mùa thu là theo lời báo cáo.

Đạm Trợ - Công Dương bàn: ai đánh cho thua. Thực là Tấn. Hoặc cho là Mao Nhung. Nhưng sao không chép: Tấn đánh thua. Vì vương giả không có địch. Ví như Tấn đánh cho bại quân nhà vua, mà đổi làm Mao Nhung, thế tức là che cái xấu. Vậy Kinh còn răn dạy ai.

Gia Huyền Ông - Cốc Lương bàn vì tôn trọng nên kiêng tránh nói đến địch, nhưng không kiêng tránh nói đến bại, Cốc Lương bàn thế, là chính lý. Còn như Cốc Thị, Công Thị đều cho rằng Tấn đánh quân nhà vua, việc đó chắc là không có.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Tang Tuyên Thúc nước Lỗ ra lệnh, bắt phu địch sửa khí giới, chiến cụ công thủ, và nói:

"Tề và Sở kết hiếu. Ta mới cùng Tấn thề. Tấn Sở tranh nhau ngôi minh chủ. Quân Tề sẽ tới đánh ta. Quân tấn cho có tràn vào Tề. Sở cũng cứu Tề. Tề Sở hợp nhau chống ta. Biết họa mà giữ gìn trước thì có thể tránh được họa".

Cốc Thị - Quí Tôn Hàng Phủ (Lỗ) hói đầu. Khích Khắc (Tấn) chột mắt. Tôn Lương Phu (Vệ) thọt chân. Công Tử Thủ (Tào) gù lưng. Cùng một thời gian tới lễ sính nước Tề. Tề sai người hói đánh xe cho sứ sói, người chột mắt đánh xe cho sứ chột mắt, người khập khiễng đánh xe cho sứ thọt chân, người còng lưng đánh xe cho sứ gù. Tiêu Thái mẹ Tề Khoảnh Công ngồi trên Sùng đài nhìn ra, cười lớn, bên ngoài đều nghe thấy. Các sứ giận, đi ra, họp nhau lại bàn định, rất lâu. Người Tề, người nào biết chuyện cũng đoán là khởi thủy tai họa cho nước Tề.

Phạm Ninh - Cốc Lương làm Truyện là thích nghĩa Kinh Xuân Thu, chưa từng có đặt ra chuyện mà trong Kinh không chép. Vậy nghi rằng dưới đông thập nguyệt ở Kinh, có câu Quí Tôn Hàng Phủ sang Tề, sáu chữ đó có lẽ bỏ xót.

Năm Nhâm Thân. Vua Định Vương năm thứ 18

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tấn Cảnh năm thứ 11. Tề Khoảnh năm thứ 10. Vệ Mục năm thứ 11. Sái Cảnh năm thứ 3. Trịnh Tương năm thứ 16. Tào Tuyên năm thứ 6. Trần Thành, năm thứ 10. Kỷ Tuyên, năm thứ 48. Tống Văn, năm thứ 22. Tần Hoàn, năm thứ 16. Sở Cung, năm thứ 2.

春 齊 侯 伐 我 北 鄙

XUÂN, TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ

MÙA XUÂN, TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA

Tả Thị - Năm thứ 2. Mùa xuân. Tề Hầu đánh Bắc bỉ nước

Lỗ ta, vây ấp Long. Người cận vệ của Tề Hầu là Lư Bồ tới cửa. Người đất Long bắt ngay. Tề Hầu cho nói nếu không giết thì sẽ hòa, mà không đem quân vào thành. Người ấp không nghe, giết đi, phanh thây trên mặt thành. Tề Hầu, tay đánh trống trận, thúc quân đánh, ba ngày vào được thành, rồi tràn vào Nam Lỗ cho tới đất Sào Khưu.

Gia Huyền Ông - Đây là nước Tề tranh giành với nước Tấn để làm chủ Lỗ. Trước kia, Lỗ Tuyên Công thờ Tề, Tấn cũng không có sinh chuyện. Nay người Lỗ bỏ Tề theo Tấn, có hội thề ở Xích Cức, quân đội Tề tới ngay. Chép là "Tề Hầu đánh ta", tức là chỉ mặt đặt tên, mà chê trách. Xét đã làm nhục sứ Tấn, lại đem quân tới Lỗ, thế là chí tự coi Tấn là thù địch, muốn đánh mà không tự lượng sức, thật đúng là Tề Khoảnh Công.

夏 四 月 丙 戌 衛 孫 良 夫 帥 師

及 齊 師 戰 于 新 築 衛 師 敗 績

HẠ TỨ NGUYỆT, BÍNH TUẤT, VỆ TÔN LƯƠNG PHU, SUẤT SƯ CẬP TỀ SƯ CHIẾN VU TÂN TRÚC, VỆ SỰ BẠI TÍCH

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÍNH TUẤT, TÔN LƯƠNG PHU NƯỚC VỆ CẦM QUÂN CÙNG QUÂN TỀ GIÁP CHIẾN TẠI ĐẤT TÂN TRÚC (ĐẤT NƯỚC VỆ) QUÂN VỆ BỊ TAN VỠ

Tả Thị - Vệ Hầu sai Tôn Lương Phu, Thạch Tắc, Ninh Tương. Hướng Cầm, cầm quân xâm nước Tề, gặp quân đội Tề. Thạch Tử muốn lui về, Tôn Tử nói: "Không nên. Đem quân đi đánh nước người, gặp quân đội nước người mà lại lui về vua sẽ nghĩ sao. Nếu biết là vô tài, thì đi làm gì. Nay đã ra đi, đã gặp địch, thì chỉ còn có việc đánh thôi". Đây sử thiếu sót một đoạn, tức là đoạn đánh nhau, Vệ thua. Thạch Tắc nói: "Quân thua rồi. Ông (Tôn Tử) nên dừng một chút. Nếu lại cứ đánh thì thua to. Mất hết quân, thì phục mệnh thế nào". Không ai trả lời. Thạch Tắc lại nói: "Ông là chức Khanh. Nước mất thì ông nhục. Xin ông

đem toàn quân lui. Tôi ở lại với một ít quân để chống Tề". Lúc đó, quân báo là có nhiều chiến xa tới. Quân Tề dừng lại tại đất Cức Cư. Viên giữ thành Tân Trúc tên là Trọng Thúc, Vu Hề tới cứu Tôn Hoàn Tử (Tôn Lương Phu). Hoàn Tử được thoát nạn.

Việc xong, Vệ thưởng cho Vu Hề một ấp. Vu Hề từ chối nhưng xin được dùng một vài thứ phẩm phục cho mình và một vài trang bị cho ngựa cưỡi như của vua chư hầu. Được chấp thuận.

Trọng Ni nghe chuyện có nói: "Tiếc thay, ban cho nhiều ấp còn hơn. Không có thực thì không nên cho hư hàm".

Vua cần phải cẩn thận để ý tới. Danh phải có tín. Có tín tức là có danh chức, thì có huy hiệu. Có huy hiệu thì có lễ nghi. Lễ nghi dạy cho hiểu nghĩa lý. Thi hành theo nghĩa lý mới có lợi cho dân. Đó là then chốt trong việc cai trị. Nếu chức tước giả dối, thì không còn gì là chính trịnh. Quốc gia sẽ hỏng, không cứu được.

Cúc Cư là đất ở nước Vệ.

Xét - Trận đánh nhau ở Tân Trúc, người bàn cho là Vệ đánh Tề. Hoặc cho Tân Trúc là đất nước Vệ, và chiến đấu ở Vệ, thì lại là Tề đánh Vệ. Xét về sự tình, thì quân Vệ đánh quân Tề còn ở đất Vệ, mà quân Tề đánh thắng được Lỗ rồi, thừa thế đánh (phạt) Vệ. Hai quân gặp nhau ở Tân Trúc, Lương Phu làm mất quân, làm nhục nước, cho nên để làm chủ chiến, mà khi chép, dùng chữ cập là cùng. Cùng quân Tề giáp chiến.

六月癸酉季孫行斧臧孫許叔孫僑如公孫嬰齊帥師會晉郤克衛孫良夫曹公子首及齊侯戰于安齊師敗績

LỤC NGUYỆT, QUÝ DẬU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ, TANG TÔN HỨA, THÚC TÔN KIỀU NHƯ, CÔNG TÔN ANH TỀ, SUẤT SƯ HỘI TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN LƯƠNG PHU, TÀO CÔNG TỬ THỦ, CẬP TỀ HẦU CHIẾN VU AN. TỀ SƯ BẠI TÍCH

THÁNG SÁU, NGÀY QUÝ DẬU, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ, TANG TÔN HỨA, THÚC TÔN KIỀU NHƯ, CÔNG TÔN ANH TỀ, CẦM QUÂN, HỌP VỚI TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN LƯƠNG PHU, TÀO CÔNG TỬ THỦ, ĐÁNH NHAU VỚI TỀ HẦU Ở ĐẤT AN, QUÂN TỀ TAN VỠ

An là đất nước Tề, Cốc Lương nói, An cách quốc đô Tề 500 dặm. Đỗ Thông Điển bảo là đất An ở vào huyện Bình Âm, mà huyện này bây giờ cách Lâm Chuy 500 dặm, muốn như hợp với sách Cốc Lương. Nhưng theo Tả Truyện, thì từ lúc các quân họp nhau cho đến lúc Tề thua, thì có một ngày. Núi Hoa Bất Chú ở vào Tề Nam Thành Bắc cách Bình Âm 230 dặm, sao mà lại chạy nhanh tới được. Gần đây sách mới có chua là đất An xưa chính là đất Lịch Hạ. Có lẽ đúng.

Tả Thị - Tôn Hoàn Tử về Tân Trúc. Không vào Thành. Đi sang Tấn xin quân. Tang Tuyên Thúc cũng sang Tấn xin quân . Đều tới ở nhà Khích Hiến Tử, Tấn Hầu hứa cho 700 cỗ xe. Khích Tử nói: Đó là số xe dự trận Thành Bộc. Nhờ tiên quân sáng suốt, và các tướng tài ba, đã thắng trận. Khắc tôi cầm quân không được như các đại phu xưa xin cho 800 chiến xa. Vua chấp thuận. Khích Khắc làm tướng Trung quân. Sĩ Tiếp tướng Thượng quân. Loan Thư tướng Hạ quân. Hàn Quyết giữ chức Tư Mã. Quân lên đường đi cứu Lỗ và Vệ. Lỗ, Tang Tuyên Thúc đi trước dẫn đường. Quí Văn Tử đem quân nước Lỗ mình họp lại. Khi quân tới nước Vệ, Hàn Hiến Tử (Quyết) sắp xử trảm một

người. Khích Hiến Tử vội đi nhanh để cứu. Đến nơi thì tên đó đã bị hành hình rồi. Khích Tử cho báo cáo cho toàn quân biết. Riêng bảo tùy tùng: Tôi muốn chia với Hàn Hiến Tử lỗi trừng phạt đó.

Quân đội Tấn tìm tới quân đội Tề tại đất Sằn trên đất nước Tề. Tháng sáu, ngày Nhâm Thân, tới đất Mi Kê. Tề Hầu sai khiêu chiến và nói: "Ông đã đem quân nhà vua tới tệ ấp. Sớm mai tôi xin đem ít quân tới yến kiến". Tấn tướng đáp: "Tấn cùng Lỗ và Vệ là anh em. Lỗ, Vệ có cho báo là đại quốc sớm tối cũng đến để trút căm hờn cho Lỗ, Vệ. Quả nhân tôi, lòng bất nhẫn, có sai chúng tôi là thần hạ, tới xin đại quốc, không muốn cho chúng tôi ở lâu trên đất nhà vua, đã tiến thì không thoái được. Nhà vua không cần phải cho sớ tới lần nữa". Tề Hầu nói: "Đại phu muốn thế nào thì quả nhân cũng muốn thế. Dù đại phu không thuận, tôi cũng tới yết kiến".

Tề Cao Cố xông vào được trong quân đội Tấn, dùng đá ném dập một người, bắt được, nhảy lên xe của tù nhân, chạy về quân đội Tề, trói tù nhân vào gốc cây dâu, rêu rao: Ai mua dũng thừa của ta, ta bán cho. Ngày Quý Dậu, hai bên dàn trận tại đất An. Bính Hạ đánh xe cho vua Tề. Phùng Sửu Phu làm ngự hữu. Bên Tấn thì Giải Chương đánh xe cho Khích Khắc. Trịnh Khưu Hoãn làm hữu ngự.

Vua Tề nói: "Ta giết hết chúng đã, rồi mới dùng cơm". Thế là cho xe tiến, không cần khoác giáp sắt cho ngựa. Khích Khắc bị thương vì một phát tên, máu chảy xuống đến giày, vẫn cứ cầm dùi thúc trống trận. Sau nói: Thôi ta yếu lắm rồi. Chương Hầu (Giải Chương) nói. Ngay từ lúc đầu, tôi đã bị hai phát tên, một vào bàn tay, một vào khuỷu tay. Tôi đã nhổ đi, rồi cứ cầm cương, bánh xe ta nhuộm máu, đâu tôi dám kêu đau. Xin ngài cố chịu khó". Hoãn nói với Khích Khắc: "Từ lúc đầu, khi nào thấy hiểm trở, tôi xuống thúc ngựa, đẩy xe, ngài đâu có trông thấy. Nay sao ngài lại muốn thôi". Chương Hầu lại nói với Khích Khắc: "Quân ta đều để mắt để tai vào cờ trống. Tiến hay thoái đều theo hiệu cờ, hiệu trống. Cốt có người lái xe ta có thể làm trọn việc. Nay ngài thấy mỏi mệt, không muốn đánh nữa, ngài định

làm hỏng việc nhà vua hay sao. Ai đã mặc giáp cầm gươm là đi thẳng vào chỗ chết. Ngài bị đau chưa đến chết. Xin ngài cố gắng gượng". Thế là Chương Hầu tay trái cầm cương, tay phải cầm lấy dùi đánh trống. Ngựa phi, không ngừng. Toàn quân theo, đánh tan quân Tề, đuổi theo ba vòng núi Hoa Bất Trụ.

Đêm hôm trước Hàn Quyết mê thấy cha bảo, lúc này con đừng nên ngồi bên ta hay bên hữu trên xe. Vì thế, Hàn Quyết mới ngồi giữa và cầm cương xe đuổi theo xe vua Tề. Bính Hạ bảo vua Tề, xin bắn tên đánh xe, trông ra vẻ quân tử. Tề Hầu nói: "Biết là quân tử, mà lại còn bắn thế là trái lễ". Vua mới bắn tả ngự lăn xuống xe. Lại bắn người bên phải chết ngay trên xe. Cơ Vô Chương, đại phu Tấn, mất xe, gặp Hàn Quyết, xin nhờ xe. Hàn Quyết cho lên, bắt đứng sau, rồi cúi xuống đặt lại cho ngay ngắn xác hữu ngự.

Phùng Sửu Phủ đổi chỗ cho Tề Hầu (để lừa địch: nhận mình là Tề Hầu). Khi xe tới gần suối Hoa Tuyền, ngựa tham vướng vào cây, xe dừng lại. Trước kia, Sử Phủ nằm ngủ trong chiếc binh xa, một con rắn bò dưới. Sửu Phủ tay không, đánh, bị cắn. Vẫn được dùng làm xa ngự. Khi đó vì tay chưa lành, không gỡ nổi ngựa, bị Hàn Quyết đuổi tới. Hàn Quyết tưởng là vua Tề, cầm một vòng đai ngựa, quỳ trước ngựa, dập đầu, hai lạy, bưng cốc và ngọc bích dâng lên nói: "Quả quân sai thần xin cho Lỗ và Vệ, không muốn cho thần đem quân tới đất Tề, không may cho thần ở giữa quân không thể tránh được. Vả lại, nếu trốn tránh e có hại cho hai nước Tề, Tấn. Thần vốn là vũ bị, dù vô tài, xin cầm cương giúp nhà vua trong trường hợp này". Sửu Phủ bảo Tề Hầu (thực) xuống xe ra suối Hòa Tuyên lấy nước uống. Trịnh Chu Phủ đem một xe khác tới. Uyển Phạt ngồi bên hữu. Thế là cùng đem vua Tề thật lên xe, trốn thoát.

Hàn Quyết trình Sửu Phủ, Khích Hiến Tử biết, định đem chém. Sửu Phủ kêu lên: "Từ nay đừng có thay vua trong bước hoạn nạn. Đây là người đã thay vua mà sắp bị giết". Khích Tử nghĩ ra người này chết thay vua, giết đi là bất thường. Nếu tha cho, có thể khuyến khích việc thờ vua. Thế là tha cho.

Tề Hầu thoát. Tự thân hành đi tìm Sửu Phủ. Dẫn đầu một

đạo quân Tề ba lần xông vào quân Tấn, ba lần bị đánh lui. Mỗi lần lui là đi đoạn hậu. Lần thứ ba, sa vào đám quân Địch (về phe với Tấn). Nhưng, bọn Địch đi quanh vua Tề, lấy giáo môc che chở cho, đưa đến đám quân Vệ, quân Vệ để đi cho thoát (Địch và Vệ vốn vẫn sợ thế Tề. Rồi Tề Hầu qua cửa Từ quan về Tề. Qua các thành ấp, đều bảo bọn Trấn Thủ, cố gắng đi, quân Tề ta thua rồi. Gặp một người đàn bà chặn giữa đường hỏi: "Vua có việc gì không". Quân trả lời không. Lại hỏi: "Quan Chưởng Nhuệ Binh có việc gì không". Trả lời không. Người đàn bà nói: "Vua và cha đã thoát, tôi còn cần biết thêm làm gì". Thế là lui ra đi. Tề Hầu cho là biết lễ, cho hỏi là ai, mới biết là vợ viên quan coi các doanh trại. Sau, vua cho viên đó ấp Thạch Diêu.

Quân Tấn đuổi quân Tề, từ Khưu Dư vào đất Tề, rồi đánh thành Mã Hình. Vua Tề sai Tân Mỵ Nhân đem dâng Tấn ít đất các đồ quốc bảo, như Kỷ Ngạn, Ngọc Khanh, và dặn dò rằng: Nếu Tấn không chấp thuận thì coi Tấn muốn đòi những gì. Tân Mỵ Nhân vâng mệnh. Tấn không nhận và đòi cho Tiêu Đồng Thúc Tử sang làm con tin, lại đòi Tề phải sang sông qua các ruộng đồng, theo một chiều từ Tây sang Đông. Sứ thần nói với tướng Tấn: "Tiêu Đồng Thúc Tử là ai. Chính là mẹ quả nhân tôi. Hai nước ngang hàng, thì mẹ vua Tề cũng như mẹ vua Tấn. Ông muốn ra lệnh cho chư hầu mà lại bắt mẹ người ta làm con tin, thì mệnh lệnh còn ra sao. Thế là cái lệnh bất hiếu. Kinh Thi có câu: Con có hiếu, không có gì gọi là đủ sức, mà còn phải làm gương cho tôn tộc, cho thiên hạ. Nay lại lấy bất hiếu ra lệnh cho chư hầu, rồi lại muốn cho đồng loại bất hiếu. Còn như đất nước, thì tiên vương chia trị thiên hạ đã bảo phải tùy thế đất nước. Kinh Thi cũng có nói: Đất ta, ta trị, hoặc cho nước chảy theo tây đông, hay là theo nam bắc, tùy sở nghi. Nay ông bảo xẻ sông cho toàn một lối về đông, thế là chỉ lợi cho việc hành quân của ông, chứ không xét đến thổ nghi, có phải là trái với mệnh tiên vương không. Trái với nghĩa tiên vương thì còn làm minh chủ sao được. Nếu Tấn muốn theo gương bốn đời vương, thì phải trồng đức cho mọi sứ, phải giúp dân tùy theo thổ nghi, cho dân được lợi. Năm vị Bá đều cố công gắng sức với dân, để theo kịp nếp các vị vương. Nay ông đã không nghĩ đến chư hầu,

chỉ nghĩ đến ý muốn riêng không bờ bến. Kinh Thi có câu: Chính sự vui vẻ, thì trăm hay đều tới. Nay ông bỏ việc vui, tức là bỏ một điều hay. Chư hầu đâu có hại. Quả nhân tôi sai tôi, tất có dặn dò rằng: "Quân đội ngài sang nước tôi. Nước tôi nghèo không đủ thuế mà để khao quân. Sợ uy vua Tấn, quân đội tôi tán loạn. May cho nước Tề tôi nếu ông không diệt xã tắc tôi, thì xin cho nối lại cựu hiếu, đất đai cùng quốc bảo đâu có dám tiếc. Nếu ông không ưng thuận, thì chúng tôi đành thu thập tàn quân dựa thành quyết với ông một trận. Tề tôi mà thắng, thì sẽ liệu xin theo mệnh. Không may lại thua thì khi ấy, Tấn bảo gì chả được nghe".

Lỗ và Vệ cùng can Tướng Tấn rằng: "Tề ghét ta lắm. Sẽ liều chết, sống coi như chết. Nếu ngài không cho, thù sẽ thành to. Vả ngài còn muốn gì nữa. Ngài thì được quốc bảo. Chúng tôi được đất. Dân được yên. Danh giá được thêm. Việc Tề, Tấn đều có trời định đoạt, đâu riêng nước Tấn". Tấn mới chịu và nói: "Chúng tôi đem quân đi là vì có lời Lỗ, Vệ xin. Nay đã được ý nhà vua, tôi sẽ tâu lại với quả nhân tôi, và xin vâng theo ý nhà vua. Tướng Lỗ là Cầm Trịnh đem quân về phục mệnh.

Công Thị - Nước Tào không có đại phu. Công Tử Thủ sao được chép. Là vì coi việc nước.

Cốc Thị - Chép ngày là lối chép khi chiến, hoặc khi chiến xong. Còn như nước Tào, không có đại phu, sao lại chép Công Tử? Vì có bốn đại sư có mặt rồi, rồi nhắc lên hàng đại phu cho tôn quý hơn.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, nước Tào không có đại phu, Công Tử Thủ sao được chép, là vì coi việc nước. Bàn thế sai. Kinh Xuân Thu không có lấy Lỗ thay Chu, tôi đã nói rồi. Nước Tào sao lại riêng không có đại phu. Nếu bảo là tiểu quốc không có đại phu, thế thì Trịnh cũng chỉ có tước bá, thì cũng không có đại phu hay sao. Vả lại Xuân Thu là chính danh các chư hầu, để ý đến tước, chứ không để ý đến rộng, hẹp, lớn, nhỏ. Tào, Trịnh, cùng hàng tước, một nước được có đại phu, một nước không được có, sao lại thế.

Trần Phó Lương - Các Tướng Súy, nếu không là Khanh

thì không chép. Dù là Khanh mà không là Tướng Súy, thì cũng không chép. Chép nước Lỗ, bốn vị Khanh, thế tức là mỗi vị Khanh là một tướng súy. Từ cuối đời Văn Công, không có Phó sứ, đến nay không có chức Phó Tướng. Cái thế của ba nhà họ Hoàn ở Lỗ đã thành rồi. Thế rồi. Vệ thì chép Lương Phủ. Tào thì chép Công Tử Thủ. Thưởng công trận ở đất An. Tấn có sáu vị Khanh. Coi đó biết việc chinh phạt nay quyền ở đại phu, không riêng gì một nước Lỗ. Lấy đại phu bốn nước định việc đánh Tề thì rõ đại phu là thế nào.

Xét - Bốn nước đánh nước Tề ở đất An. Các đại phu hưng binh chỉ cốt báo thù lại cái nhục một tiếng cười. Cho nên kẻ bàn chuyện, cho là gây việc binh vì uất hận. Tuy nhiên, thời đó, thế Sở đang lên mạnh. Tề là một nước lớn ở phương đông, muốn giao hiếu với Sở. Tấn muốn phục lại nghiệp Bá, nếu không được Tề, thì các nước Lỗ, Vệ, Tào, Châu, sẽ chập chờn, chưa chắc theo ai. Cho nên có hội thề Đoạn Đạo, tuy chống Sở mà cũng là mưu việc Tề. Rồi đến hội thề Viên Lâu, thì Tề thôi không bội Tấn nữa, cũng được đến hơn 20 năm. Sở cũng nhụt nhuệ khí một chút. Nhờ đó mà nghiệp Bá của Tấn chưa đổ. thế thì trận đánh ở đất An, cũng làm cho được yên một chút.

秋 七 月 齊 侯 使 國 佐 如 師 己 酉 及 國 佐 盟 于 袁 婁

THU, THẤT NGUYỆT, TỀ HẦU SỨ QUỐC TÁ NHƯ SƯ KỶ DẬU CẬP QUỐC TÁ MINH VU VIÊN LÂU

MÙA THU, THÁNG BẢY, TỀ HẦU SAI QUỐC TÁ SANG QUÂN ĐỘI TẤN. NGÀY KỶ DẬU, QUỐC TÁ CÙNG QUÂN ĐỘI MINH ƯỚC TẠI VIÊN LÂU

Tả Thị - Mùa thu, tháng bảy , quân đội Tấn cùng Tề Quốc Tá thề tại Viên Lâu, bắt Tề phải trả Lỗ ta đất Vấn Dương.

Phụ lục Tả Truyện - Lỗ Công hội với quân đội tấn tại đất Thượng Minh, hậu ban lộc cho ba vị Tướng súy cùng các tướng khác theo chức vị.

Công Thị - Vua không sai sứ tới đại phu. Trong trường hợp này, sao lại sai? Là vì vua thoát bị bắt. Quân Tấn đem được vua Tề về. Tấn Khích Khắc bỏ đồ binh, tiến tới, hai lạy dập đầu trước ngựa. Phùng Sửu Phủ là Xa Hữu, diện mạo, y phục, giống như Khoảnh Công, lại ngồi vào chỗ Khoảnh Công, bên tả, lại sai Khoảnh Công đi lấy nước uống, Khoảnh Công cầm hồ đi lấy nước, thế là đi thoát không trở lại. Phùng Sửu Phủ nói: Nhờ thần linh xã tắc, vua tôi đã đi thoát. Khích Khắc nói: Lừa dối ba quân, pháp luật trừng phạt thế nào, có biết không? Đáp. Giết đi. Thế là cho giết Sửu Phủ. Ngày Kỷ Dậu, quân đội Tấn, cùng Tề Quốc Tá thề tại đất Viên Lâu? Tại sao không thề ngay ở trong quân, mà lại tới thề ở Viên Lâu. Trước khi đó, Khích Khắc, cùng Tang Tôn Hứa, đồng thời tới sính lễ tại nước Tề, Tiêu Đồng Điệt Tử (hoặc Thúc Tử, mẹ vua Tề) đứng lên nơi cao để dòm khách, thấy hai người, một người chột mắt, một người khiễng chân. Người chột mắt lại được người chột mắt đánh xe đón đưa. Người khiễng chân lại được người khiễng chân đánh xe đón đưa. Hai vị sứ khi đi ra, cùng đứng bàn với nhau ở cổng, gần hết ngày rồi mới đi về.

Người Tề đều bảo nhau, đó là đầu mối tai họa. Hai sứ khi về đến nước cùng xin đem quân đánh. Quân Tề thua to ở đất An. Tề Hầu sai Quốc Tá đi sứ sang quân đội Tấn. Khích Khắc bảo, phải biếu ta ngọc Kỷ ngạn, phải trả cho Vệ, Lỗ, đất Tề xâm lăng, phải sẻ sông từ tây sang đông mà phải cho Tiêu Đồng Điệt Tử làm con tin. Có thế, mới tha. Quốc Tá nói: Lấy ngọc Kỷ ngạn, xin vâng. Trả Lỗ. Vệ đất xâm lăng xin vâng. Còn như bảo xẻ nước chảy từ tây sang đông và phải cho Tiêu Đồng Điệt Tử làm con tin, thì xẻ nước là trái với thổ nghi, mà Tiêu Đồng là mẹ vua Tề, cũng như mẹ vua Tấn, không thể vâng được. Vậy xin chiến, không thắng thì lại chiến, không thắng nữa, thì lại chiến nữa. Lần thứ ba mà không thắng, thì nước Tề hoàn toàn là của ông, còn cần gì một mình Tiêu Đồng làm con tin". Vái rồi lui ra. Khích khắc được các sứ Lỗ, Vệ, cùng khuyên và xin cho Tề, mới hứa chấp nhận. Đi tới Viên Lâu thì cùng thề.

Cốc Lương - An, cách xa quốc đô 500 dặm. Viên Lâu cách 50 dặm. Một lần chiến, mà mặt trận dài 500 dặm, chiến xa

nối nhau, phía đông đến bể. Người trí thức bàn: "Quá lắm. Tề tự gây họa". Tại sao. Tề đánh thua Vệ ở trận Tân Trúc, xâm vào biên giới phía Bắc nước Lỗ ta, coi thường trêu cợt Khích Hiến Tử. Việc Viên Lâu là sau trận Tề thua. Khích Khắc có cho biết: Tề phải trả cho Lỗ, Vệ đất đã xâm lược. Phải biếu Tấn, ngọc Kỷ ngạn. Phải cho Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin. Phải xẻ đường qua Tề từ Tây sang đông. Có thế mới cho hòa. Quốc Tá nói: "Hai điều là biếu ngọc và trả đất thì xin vâng. Còn điều lấy Tiêu Đồng Thúc Tử làm con tin thì không được vì Tiêu Đồng là mẹ vua Tề cũng như mẹ vua Tấn. Và điều làm ruộng cứ phải cho nước xẻ theo một chiều về đông thì trái thổ nghi, không được. Xin lại đánh nhau. Thua trận đầu, thì đánh trận hai. Thua trận hai, đánh trận ba. Thua trận ba, đánh trận tư, trận năm. Đến trận năm mà không được, thì biếu cả nước Tề". Thế rồi quân đội Tấn thuận cho hòa.

Lưu Sưởng - Tề hầu sai Quốc Tá sang sứ quân đội Tấn Công Dương có bàn: Vị vua không sai sứ tới vị đại phu. Đây sao lại sai. Vì vua thoát bị bắt. Bàn thế sai. Vua mà không thông sứ với đại phu, là ở trong thời bình yên vô sự. Nay hai nước đánh nhau. Tướng mà đang chỉ huy quân đội, thì có khi mệnh vua còn không nghe. Ví như mệnh vua có chỗ không nghe, thì biết là quan trọng, và chuyên chế. Như thế, mà vua Tề có cho thông sứ, thì có gì là hại.

Lại như truyện chư hầu hội với quân đội với quân đội Tấn ở Phí Lâm xưa, thực ra là quân đội Triệu Thuẫn, chép quân đội Tấn là ý không muốn cho vua hội với đại phu, vì thế chép quân đội Tấn mà không thể chép Triệu Thuẫn. Nay cũng chép là quân đội Tấn, thế là đủ lắm, là lời văn thường rồi. Sao còn bàn đến chuyện vua không thông sứ với đại phu.

八 月 壬 午 宋 公 鮑 卒
BÁT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TỐNG CÔNG BÀO TỐT
THÁNG TÁM, NGÀY NHÂM NGỌ, VUA TỐNG TÊN LÀ BÀO MẤT

Tả Thị - Tháng tám, Tống Văn Công mất. Lần đầu Tống có lễ chôn trọng thể. Than để dùng trên quanh cữu, trong huyệt

thì dùng than vỏ sò, vỏ hến. Dùng nhiều xe, ngựa, đồ mả. Lần đầu tiên cho người sống, chôn theo. Dùng nhiều đồ về nghi lễ. Ngoài quách đặt bốn đòn ngang. Áo quan được trang sức chung quanh, trên dưới. Người trí thức có bàn: Các đại phu Hoa Nguyên và Nhạc Cử trong trường hợp này không được là trung thần. Một trung thần khi vua sống, thì ngăn các điều trái của vua, dù có nguy đến tính mệnh. Nay hại bầy tôi đó, khi vua sống thì để cho vua túng dục, khi vua chết thì bày các thứ xa xỉ, làm cho vua mang tiếng không được tốt. Thế không phải là đạo làm tôi.

庚 寅 衛 侯 速 卒
CANH DẦN, VỆ HẦU TỐC TỐT
NGÀY CANH DẦN, VỆ HẦU TÊN LÀ TỐC MẤT

Tả Thị - Tháng chín, Vệ Mục Công mất. Ba Tướng chỉ huy quân đội Tấn ở đất Tề về, tới quốc đô Vệ, khóc viếng trước cửa cung. Các quan ra nghênh tiếp. Vệ Phu nhân đứng khóc ở trong sân gần cửa. Rồi sau, các nghi lễ về chôn cất đều được theo đúng cả.

Phụ lục Tả Truyện - Khi Sở đi đánh Trần để trị tội họ Hạ thì Trang Vương muốn đem Hạ Cơ về. Thân Công Vu Thần nói: "Không nên. Nhà vua triệu các chư hầu tới để trị tội. Nay lại nạp lấy Hạ Cơ, thế là tham sắc, thế là dâm. Dâm là tội lớn. Trong Chu Thư có câu: Văn Vương làm sáng tỏ đức, dùng hình phạt thận trọng. Có thế mới lập ra nhà Chu. Sáng tỏ đức, nghĩa là có vung trồng đức. Hình phạt thận trọng, nghĩa là cốt trừ hết tội để khỏi trừng phạt. Nay nhà vua triệu các chư hầu để rồi đến mình lại đáng bị phạt thì như thế không phải là dùng hình phạt thận trọng. Xin nhà vua nghĩ lại". Trang Vương mới thôi.

Tử Phản muốn đem Hạ Cơ đi. Vu Thần lại can: "Đó là loại bất tường. Đã làm cho Tử Man chết non, đã giết chồng là Ngự Thúc, giết Linh Hầu, giết con là Hạ Nam, đã đuổi Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ, đã làm hại quốc gia, còn thứ bất tường nào hơn. Mong được sống, thật khó, vì người

ta có ai khỏi chết. Thiên hạ thiếu gì đàn bà đẹp. Cứ gì phải người ấy". Tử Phản mới thôi.

Vua Sở đem Hạ Cơ cho tướng Liên Doãn là Tương Lão. Tương Lão sau chết ở trận Bật. Quân Sở không thu được xác (Tấn giữ). Con là Hắc Yêu thông dâm với Hạ Cơ. Vu Thần sai người bảo Hạ Cơ: Về Trịnh đi, tôi sẽ cưới làm vợ. Rồi Vu Thần vận động làm cho Trịnh triệu Hạ Cơ về, bảo cho biết rằng: Xác của Tương Lão có thể xin được nhưng Hạ Cơ phải thân hành xin mới được. Hạ Cơ tâu với vua Sở, Vua Sở hỏi Khất Vu tức là Vu Thần. Vu Thần nói: "Đúng đấy. Cha của Trí Anh là trọng thần của Tấn Thành Công, và là em cùng mẹ của Trung Hàng Bá, Tuân Lâm Phủ. Tuân Thú (Cha Trí Anh) mới được phong làm Tá Trung quân, rất thân thiện với Hoàng Thú nước Trịnh. Cha rất yêu con, muốn cho con được tha về, chắc là nhờ Trịnh xin rồi Tấn sẽ trả ta Vương Tử, họ đã bắt được Trận ở đất Bật, cùng xác Tương Lão. Từ trận Bật, dân Trịnh Sợ Tấn và muốn được lòng Tấn. Chắc là họ sẽ chấp nhận lời xin của Tuân thủ. Vua Sở mới sai Hạ Cơ về. Khi sắp ra đi, Hạ Cơ bảo tùy tùng rằng, nếu không xin được xác, thì không về. Vu Thần xin cưới Hạ Cơ, vua Trịnh chấp thuận. Đến khi Sơ Cung Vương lên ngôi, mới sửa soạn việc Dương Kiều (coi các trang sau), vua Sở sai Vu Thần (Khuất Vu) sang Tề lễ sính, và báo cáo thời kỳ suất sư, Vu Thần đem cả gia đình đi. Đi đường, bị Thân Thúc Quị gặp. Quị theo cha sang đất Dĩnh, có nói: "Lạ thay, Phu Tử phải lo cho ba đạo quân, mà dáng mặt vui mừng, như là đem được vợ đi trốn". Vu Thần khi tới Trịnh, sai người đem hết đồ lễ sính về Sở, trả lại cho vua, ý muốn ơ lại Tề với Hạ Cơ. Sắp đi sang Tề, thì thấy tin quân Tề thua, mới nói rằng: "Ta đừng nên ở trong nước nào không thắng. Thế là chạy sang Tấn, rồi nhờ Khích Tử, được làm quan ở Tấn, người Tấn phong cho đại phu đất Hình.

Sở Tử Phan xin vua Sở, lấy đồ lễ quý biếu vua Tấn, xin đừng dùng Vu Thần. Vua Sở nói: "Thôi. Trong mưu kế cho bản thân, ta thấy Vu Thần nhầm. Nhưng mưu kế cho tiên quân, ta thấy là trung. Vì Trung cho nên xã tắc được vững. Thế là đủ tha được nhiều lỗi. Vả lại nếu Vu Thần lợi được cho Tấn, thì đồ lễ của

ta cũng không chuyển được Tấn. Mà nếu Vu Thần không có lợi cho Tấn, thì sẽ bị bỏ rơi, ta ngăn cản làm gì".

Khi quân đội Tấn về đến nước, thì Phạm Văn Tử (Sĩ Tiếp) về sau cùng. Vũ Tử Sĩ Hội (là cha) bảo: "Con có biết là ai cũng mong đợi không". Đáp: "Quân đội có công, cả nước đều mừng đón. Nếu con về trước, sẽ được tai mắt quan chiêm, thế là cướp mất danh của chủ suý. Vì thế, không dám về trước". Vũ Tử nói: "Phải, đỡ bị ghen ghét".

Khích Bá (Khích Khắc) yết kiến vua Tấn, vua nói: "Nhờ chủ suý mà ta được thắng". Khích Khắc đáp: "Đó là nhờ nhà vua chỉ bảo, và nhờ các tướng. Thần có tài năng gì đâu. Khi Phạm Văn Tử vào chầu, vua khen cũng như khen Khích Bá. Văn Tử đáp: "Đó là cứ theo mệnh lệnh của Canh (Tuân Canh tướng Thượng quân" và pháp chế của Khắc. Thần là Tiếp có tài năng gì đâu". Loan Bá vào chầu. Công Khen như khen mấy tướng trước. Đáp: "Đó là theo lời dặn bảo của Tiếp, quân sĩ cứ theo mà làm. Thần là Thư có tài năng gì".

Dương Kiều là đất nước Lỗ.

取汶陽田

THỦ VẤN DƯƠNG ĐIỀN

LẤY RUỘNG VẤN DƯƠNG

Công Thị - Được ruộng Vấn Dương là nhờ trận đất An

Đỗ Dự - Tấn sai Tề trả cho Lỗ, cho nên chép là lấy. Không phải được vì giao hiếu, cho nên không chép chữ qui là về.

冬楚師鄭師侵衛

ĐÔNG, SỞ SƯ, TRỊNH SƯ, XÂM VỆ

MÙA ĐÔNG, QUÂN SỞ, QUÂN TRỊNH XÂM NƯỚC VỆ

Cao Kháng - Trịnh theo Sở mà đầu nêu việc đánh nước Vệ đang có tang. Thật là nối giáo cho giặc để đánh họ hàng thân thích. Giết đi chưa hết tội. Chép Trịnh dưới Sở để rõ tội Trịnh.

十有一月公會楚公子嬰齊于蜀

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG HỘI SỞ CÔNG TỬ ANH VỀ VU THỤC

THÁNG 11, LỖ CÔNG HỘI VỚI SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ TẠI ĐẤT THỤC

Tả Thị - Lỗ Tuyên Công sai sứ cầu giao hiếu với Sở. Tuyên Công mất, Sở Trang Vương mất. Hòa hiếu chưa thành. Lỗ Thành Công lên ngôi, chịu hòa ước với Tấn, hội với Tấn đánh Tề. Người Vệ thôi không cho sứ sang Sở và cũng hội với Tấn để cho Tấn đánh Tề. Cho nên lệnh Doãn Sở tên là Tử Trọng gây ra việc Dương Kiều để cứu Tề. Lúc sắp hưng binh, thì Tử Trọng nói: "Vua thì bé (12 tuổi) quần thần không bằng các quan xưa. Quân đội ta có đông hơn mới mạnh. Trong Kinh Thi có câu: Các tướng dầy rẫy. Nhờ các tướng mà Văn Vương vững được ngôi. Xét đến Văn vương mà còn cần quân đội đông huống chi là chúng ta. Vả lại tiên quân Trang Vương có dặn rằng: Khi mà không cho tứ phương ở xa, được nhờ ân đức mình, thì không gì bằng ra ơn cho dân mình, thương dân, khéo cùng dân."

Thế là Tử Trọng kiểm soát lại dân số. Hạng khốn khó được hết vay nợ, hạng già, quả, được trông nom, cùng khốn được giúp dỡ, tội phạm được giảm xá. Quân đội thành đầy đủ. Thị vệ cũng phải tòng quân. Tướng Bành Danh làm xa ngự cho vua (dù vua bé không ra trận nhưng xe vua cứ đi), Sái Cảnh Công làm Xa Tả. Hứa Linh Công, làm xa hữu. Hai vị Công này tuy ít tuổi nhưng được coi là thành niên.

Mùa đông, quân Sở xâm nước Vệ, rồi đánh quân Lỗ ta ở đất Thục. Lỗ Công sai Tang Tôn tới quân Sở. Tang Tôn từ chối nói: "Quân Sở đã đi xa, lại lâu ngày, rồi phải tự lui. Tôi không có tài gì mà sẽ được tiếng là làm cho giặc lui. Tôi không dám nhận tiếng đó". Sở tiến tới Dương Kiều. Mạnh Tôn xin tới hối lộ quân Sở. Đem đi bọn thợ mộc, thợ may, thợ dệt tất cả trăm người và Công Tử Hành (con Lỗ Thành Công) để làm con tin, xin hòa với Sở. Sở chấp thuận.

Cốc Thị - Sở không có đại phu. Sao chép chữ Công Tử. Vì Anh Tề giỏi.

Đạm Trợ - Cốc Lương bàn, Sở không có đại phu. vậy sao chép chữ Công Tử. Vì Anh Tề giỏi. Truyện có chỗ nói Sứ Phủ không chép họ vì giỏi, chỗ này lại nói chép họ là giỏi. Sao truyện tự mâu thuẫn thế.

申 公 及 楚 人 秦 人 宋 人 陳 人 衛 人 鄭 人
齊 人 曹 人 鄒 人 薛 人 鄫 人 盟 于 蜀

BÍNH THÂN, CÔNG CẬP SỞ NHÂN, TẦN NHÂN, TỐNG NHÂN, TRẦN NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH NHÂN, TỀ NHÂN, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, TIẾT NHÂN, TẮNG NHÂN, MINH VU THỤC

NGÀY BÍNH THÂN, LỖ CÔNG CÙNG NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TẦN, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TRẦN, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI TẮNG HỘI THỀ Ở ĐẤT THỤC

Tả Thị - Tháng 11, Lỗ Công làm lễ thề tại đất Thục với Sở Công Tử Anh Tề. Sái Hầu, Hứa Nam, đại phu Duyệt nước Tần, đai phu Hoa Nguyên nước Tống, Công Tôn Ninh nước Trần, Tôn Lương Phu nước Vệ, Công Tử Khứ Tật nước Trịnh, một đại phu nước Tề. Không chép các vị Khanh, Minh ước ấy gọi là "Quỹ minh", nghĩa là thiếu sót, không đủ, không thi hành được. Sợ Tấn, cho nên trộm thề với Sở, vì thế gọi là Quỷ minh. Sái Hầu và Hưá Nam, Kinh không chép vì cùng ngồi trên xe của Sở thế là mất ngôi vị.

Người quân tử bàn Ngôi vị không nên không cẩn thận. Vua Sái, Vua Hứa, khi đã mất ngôi thì không được liệt vào hàng các vua chư hầu. Kinh Thi có câu: Ở ngôi mà không lười nhác, thì dân được yên vui. Chính là trường hợp này.

Phụ lục Tả Truyện - Quân Sở với Tống. Công Hành (con tin) trốn chạy về Lỗ. Tang Tuyên Thúc nói: Hành Phủ không

cố nhẫn nhục được vài năm, đã bỏ việc nước, nước sẽ đối sử ra sao. Ai gỡ được lỗi. Người sau sẽ chịu kết quả. Thật là hại cho nước. Trong cuộc chiến này, Tấn đánh Sở, ngại quân Sở đông.

Người quân tử bàn: Quân đông vẫn là cần. Vua dù có bé, các tướng, có được nhiều quân vẫn cứ thắng, huống chi là, có được vua sáng, biết sử dụng nhiều quân. Trong Kinh Thư, thiên Đại thệ, có nói: Nhà Thương, có đông người, mà mỗi người mỗi ý, nhà Chu có mười người trị nước mà mười người một chí hướng. Đều là nói đến sự quan trọng của số đông.

Tấn Hầu sai Củng Sóc tới triều nhà Chu, hiến người, vật, thu được của Tề. Thiên Tử không ra coi người và vật hiến tới, cho Thiện Tương Công từ tạ rằng: "Các Xứ Man, Di, Nhung, Địch mà không theo mệnh Thiên Tử, dâm dật, trái đạo thường, Thiên Tử cho trừng phạt, các người, vật thu được hiến tới triều đình. Thiên Tử thân coi chầu và tùy lao các vị đã thắng. Thế là trừng phạt kẻ bất kính, khuyến khích người công lao. Khi một chư hầu trong hàng tôn thất, có hành động trái pháp lệnh Thiên Tử, đã bị trừng phạt theo lệnh Thiên Tử thì khi thành công, nước thành công chỉ có việc báo cáo thôi, chứ không đưa người, vật, thu được tới triều đình. Như thế là để nhắc cho hàng "chư hầu thân thích" đối với vua phải kính, và cần đối với bản thân phải sửa lỗi. Nay Thúc phụ đã có công lao ở Tề, nhưng sao lại không sai một mệnh Khanh (vị Khanh có chức phong do Thiên Tử) tới báo cáo triều đình. Chỉ sai một người là Củng Bá, chưa có chức tước ở triều Chu, đó là một việc thiếu sót lễ nghi tiên vương đã đặt ra. Dù tôi muốn chiêu Củng Bá, cũng không dám bỏ điển lễ cũ, e rồi có hại lây đến Thúc Phụ (vua Tấn). Còn như Tề, là nước cô hữu, mà là dòng dõi Thái Sư, giá như ngăn cấp khuyên can được từ trước đừng cho phóng túng làm bậy, thì đâu đã làm cho Thúc Phụ phải giận".

Sĩ Trang Bá Củng Sóc không đáp lại được.

Vua sai ba vị Tam Công tiếp đãi Củng Sóc, theo lễ đối với vị mà các chư hầu thắng trận sai tới báo công lễ có kém vị Khanh một bực. Thiên Tử thết tiệc, ban lộc riêng, sai bảo cho biết, những đồ ban đó là riêng, ra ngoài lề, vậy không chép vào thẻ (sử sách).

Công Thị - Đây là Sở Công Tử Anh Tề. Chép là người. Thế là một lần bị chê.

Cốc Thị - Sao sở lại chép là người. Từ đó Lỗ Công được thích nghi. Hội nghị với Hội thề, mà cùng trong tháng thì chỉ chép nơi hội nghị, không chép nơi hội thề. Nếu không cùng trong tháng, thì chép nơi hội nghị, không chép nơi hội thề. Nếu không cùng trong tháng, thì chép nơi hội nghị, và chép nơi hội thề. Ở đây lại chép cả hai nơi là tại sao. Là vì Lỗ công được việc thích nghi, vậy nói cho rõ việc. Nay cúi đầu là trước vênh mặt.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo chép là người là một lần chê. Tôi không hiểu chê về việc gì. Còn Cốc Lương bàn thế là sai. Hội nghị thì có một bước. Hội thề thì có mười một nước. Tháng 11, Lỗ Công hội với Sở Công Tử Anh Tề tại Thục. Ngày Bính Thân, Công thề ở Thục với người Sở, Tần, Tống, Trần, Vệ, Trịnh, Tề, Tào, Châu, Tiết, Tăng. Vậy thế là hai hội, hội nào cũng chép nơi hội. Đúng lý lắm. Có gì mà bảo là bày ra cho rõ.

Trình Tử - Sở mạnh thịnh, khinh ngược chư hầu. Chư hầu ví như giữ vững được lãnh thổ, các nước lân cận, giao hiếu, kết hợp với nhau, thì sao không tự yên được, nay sợ mà phục Sở, cùng ký minh ước, cho nên đều chép là người, thế thấy rõ cách suy hèn, đã trách chư hầu, thì Lỗ phải làm thế nào, dễ hiểu.

Xét - Sở và Tần ghi lên trên các chư hầu, thế là kể đến mạnh lớn. Sử cũ cứ theo lời phó cáo. Thánh nhân cũng nhân sử ấy mà chép. Sái và Hứa mà không chép thì Tả thị bàn đúng đấy.

Năm Quí Dậu. Vua Định Vương, năm thứ 19

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ BA

Tấn Cảnh, năm thứ 12. Tề Khoảnh, năm thứ 11. Vệ Định Công tên là Tang, năm đầu. Sái cảnh, năm thứ 4. Trịnh Tương năm thứ 17. Tào Tuyên, năm thứ 7. Trần Thành, năm thứ 11. Kỷ Hoàn, năm thứ 49. Tống Cung Công tên là Cố năm đầu. Tần Hoàn, năm thứ 17, Sở Cung, năm thứ 3

春王正月公會晉侯宋公衛侯曹伯伐鄭

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ PHẠT TRỊNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG HỘI TẤN CÔNG, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ ĐỂ ĐÁNH TRỊNH.

Tả Thị - Năm thứ 3. Mùa xuân. Chư hầu đánh Trịnh, dừng quân tại Bá Ngưu, đất Trịnh, muốn báo thù trận Bật trước. Rồi tràn vào miền đông nước Trịnh. Trịnh Công Tử Yển cầm quân chống lại, đặt phục binh ở Mạn, đất biên giới phía đông nước Trịnh, đánh được quân chư hầu tại Khưu Dư, đất trịnh. Hoàng Thú đem nộp Sở đồ vật, và người bắt được của địch.

Gia Huyền Ông - Lỗ, Vệ, Tống, Tào, bỏ Sở cường thịnh, mà theo Tấn suy nhược để đánh nước có tội, đó là Xuân Thu vốn vẫn khen. Bốn nước thì chép cả tước, để Tấn lên đầu, tức như còn cho là Tấn là Bá.

辛亥葬衛穆公

TÂN HỢI, TÁNG VỆ MỤC CÔNG

NĂM TÂN HỢI, LỄ CHÔN VỆ MỤC CÔNG

二月公至自伐鄭

NHỊ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH

THÁNG HAI, LỖ CÔNG TỪ ĐÁNH TRỊNH VỀ LỖ

甲子辛宮災三日哭

GIÁP TÝ, TÂN CUNG TAI, TAM NHẬT KHỐC

NGÀY GIÁP TÝ, TÂN CUNG CHÁY, LÀM LỄ KHÓC BA NGÀY

Công Thị - Tân Cung là cung miếu Tuyên Công. Gọi là Tân Cung, vì không nỡ gọi tên. Ba ngày khóc là theo lễ. Đây là chép một tai họa.

Cốc Thị - Tân cung là Nễ cung. Ba ngày khóc, là ai thương, là theo lễ. Vì còn gần ngày, chưa gọi thụy hiệu (Tuyên Công) là cung kính. Lời cung mà ai, thế là ý không trách Thành Công.

乙 亥 葬 宋 文 公

ẤT HỢI, TÁNG TỐNG VĂN CÔNG

NGÀY ẤT HỢI LỄ CHÔN TỐNG VĂN CÔNG

夏 公 如 晉

HẠ, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA HẠ, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Công sang Tấn, tạ ơn việc nhận ruộng Vấn Dương.

Uông Khắc Khoan - Hi Công lấy Tế Tây điền, mà sai Công Tử Toại sang Tấn tạ ơn, đã không được là chính. Huống hồ Thành Công lấy ruộng Vấn Dương mà thân sang chầu vua Tấn. Tế Tây, Vấn Dương đều là ruộng đất cũ của Lỗ, nay cho là nhờ ơn nước Bá, mà tới triều sinh. Coi đó biết Lỗ không chấn hưng được.

鄭 公 子 去 疾 帥 師 伐 許

TRỊNH CÔNG TỬ KHỨ TẬT SUẤT SƯ PHẠT HỨA

TRỊNH CÔNG TỬ KHỨ TẬT CẦM QUÂN ĐÁNH HỨA

Tả Thị - Hứa cậy Sở mà không thờ Trịnh. Tử Lương (Khứ Tật) đánh Hứa.

Trương Hiệp - Tấn đương giận Trịnh không phục mình. Đó là một mối lo cho Trịnh, chưa thôi, chưa hết. Thế mà Trịnh lại giận Hứa là không theo mình, lại sai tướng động binh để đánh Hứa. Thế mới biết Trịnh không biết xét đức mình, và đo sức mình.

公至自晉

CÔNG CHÍ TỰ TẤN

LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Người tấn trả Sở Công Tử Cốc Thần và thi thể Liên Doãn Tương Lão, để đổi lấy Trí Anh. Khi đó Tuân Thủ bố Trí Anh coi Trung quân bên Tấn. Vì thế Sở mới bằng lòng đổi. Vua Sở, khi cho Trí Anh về, có hỏi: Ngươi có oán ta không. Đáp: "Hai nước đương có việc binh nhung, thần vì bất tài, không đương nổi nhiệm vụ, bị bắt. Các tướng nhà vua đã không đem làm thịt, lại cho về chịu tội ở tệ quốc, thật là nhờ lượng nhà vua. Thần rõ là bất tài, còn dám oán gì". Hỏi: "Thế thì có ơn ta không". Đáp: "Hai nước đang lo việc xã tắc, đang mong cho dân yên, nước nào cũng cố nén nỗi khích hiềm, cùng khoan hòa, cùng thả tù, để kết hiếu. Hai nước mà giao hiếu, thần đâu có được dự, thì đâu dám có ơn". Hỏi: "Ngươi về, sẽ báo đáp ta thế nào"? Đáp: "Nhờ trí sáng suốt nhà vua, thần được đem thân về, để vua thần trị tội, thì ơn riêng nhà vua thần vẫn nhớ. Nếu theo gương nhà vua, mà bản quân không làm tội, lại giao cho ngoại thần là Tuân Thủ, Tuân Thủ sẽ xin với bản quân làm tội thần trước gia miếu, thần chết, lượng trên nhà vua vẫn nhớ. Nhưng nếu thần được tha, được giữ việc cúng tế nhà thờ, mà lại cứ tòng sự trong quân đội phòng giữ biên cương, rồi sẽ gặp các tướng của quý quốc, thần sẽ xin hết sức cho đến chết để làm tròn phận sự, không sinh hai lòng, theo đúng đạo làm tôi đối với vua. Đó là thần báo đáp nhà vua đó". Vua Sở nói: "Nước Tấn chưa có thể đánh được". Trọng đãi Trí Anh rồi cho về.

Hồ Truyện - Tuyên Công mất đến nay đã ba năm, hết tang. Đáng nhẽ phải vào chầu Kinh sư, nhận mệnh, rồi mới về nước tuyên chính, coi xã tắc làm trọng. Thế mà nay không triều nhà Chu, lại lấy cớ tạ ơn: được lấy lại đất Vấn Dương đi chầu nước Tấn, hành vi thật là trái đạo. Vì thế, mới phải có Kinh Xuân Thu.

秋叔孫僑如帥師圍棘

THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ SUẤT SƯ VI CỨC

MÙA THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ CẦM QUÂN VÂY ẤP CỨC TRONG ĐẤT VẤN DƯƠNG

Tả Thị - Mùa thu, Thúc Tôn Kiều Như vây đất Cức để lấy ruộng Vấn Dương. Ấp Cức không phục, cho nên phải vây.

Công Thị - Cức là ấp ở đất Vấn Dương, không chịu phục tòng. Vây vì dân không theo.

Hồ Truyện - Xét đến việc Vấn Dương trong Truyện Tả Thị, thì dân Cức không phục cho nên phải vây. Đi nhận lại ấp cũ, mà dân không nghe, đến nỗi phải sai Thượng tướng dùng đại binh, vây ấp, đánh thành là thế nào. Lỗ ở thời đó, mới đánh thuế ruộng tư, đặt ra thuế Khưu giáp sưu dịch càng ngày càng nặng. Cức tuy là được trở lại với nước cũ, nhưng không muốn vì lẽ ấy chăng. Thành Công không biết giảm sưu dịch, tu đức chính, để được dân, mà lại cứ đem quân lực đàn áp, dù có được rồi cũng đến mất.

大雩

ĐẠI VU

LỄ CẦU ĐẢO

晉郤克衛孫良父伐廧咎如

TẤN KHÍCH KHẮC, VỆ TÔN LƯƠNG PHỦ, PHẠT TƯỜNG CAO NHƯ

KHÍCH KHẮC NƯỚC TẤN, TÔN LƯƠNG PHỦ NƯỚC VỆ ĐÁNH TƯỜNG CAO NHƯ, MỘT NGÀNH TRONG GIỐNG XÍCH ĐỊCH

Tả Thị - Tấn Khích Khắc, Vệ Tôn Lương Phủ, đánh Tường Cao Như là giống Xích Địch còn sót lại. Rợ đó tan rã, vì Tù Trưởng bị dân bỏ.

Hồ Ninh - Kinh Xuân Thu không chép việc Tường Cao Như tan rã, Tấn đã diệt các rợ trong giống Xích Địch như Lộ Thị, Giáp Thị, Lưu Hưu. Còn sót lại, đều tụ tập vào rợ Tường Cao Như. Thế mà lại giết cho hết thì không phải là tâm người có đức nhân. Họ Đoàn xin diệt giống rợ Khương. Rợ Khương tuy diệt mà nhà Hán cũng mất. Đời sau, đâu có hết cái họa rợ Khương, Tường Cao Như tan rã, Kinh không chép mới rõ tình ý Thánh nhân.

冬 十 有 一 月 晉 侯 使 荀 庚 來 聘

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TẤN HẦU SỬ TUÂN CANH LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, TẤN HẦU SAI TUÂN CANH TỚI LỖ LỄ SÍNH

衛 侯 使 孫 良 夫 來 聘 丙 午 及 荀 庚 盟

丁 未 及 孫 良 夫 盟

VỆ HẦU SỬ TÔN LƯƠNG PHU LAI SÍNH. BÍNH NGỌ, CẬP TUÂN CANH MINH. ĐINH MÙI CẬP TÔN LƯƠNG PHU MINH

VỆ HẦU SAI TÔN LƯƠNG PHỤ TỚI LỖ LỄ SÍNH, NGÀY BÍNH NGỌ LỖ CÙNG THỀ VỚI TUÂN CANH, NGÀY ĐINH MÙI, LỖ CÙNG THỀ VỚI TÔN LƯƠNG PHU

Tả Thị - Mùa dông tháng 11, Tấn Hầu sai Tuân Canh tới lễ sính, và đề thề, tức là ký minh ước. Vệ Hầu sai Tôn Lương Phu tới lễ sính và đề thề. Lỗ Công hỏi Tang Tuyên Thúc rằng: "Trung Hàng Bá (Tuân Canh) ở Tấn giữ chức Tam Mệnh là ngôi thứ cao nhất. Tôn Tử (Lương Phu) ở Vệ cũng là ngôi thứ cao nhất. Vậy đặt ai trước ai sau"? Tang Tuyên Thúc đáp: "Thượng Khanh của nước nhỏ thì bằng Trung Khanh của nước lớn. Trung Khanh của nước nhỏ thì bằng Hạ Khanh của nước Lớn. Hạ Khanh của nước nhỏ thì bằng Thượng đại phu của nước lớn. Thượng đại

phu của nước nhỏ thì bằng Hạ đại phu của nước lớn. Cổ Pháp chế là như thế. Nước Vệ tuy là không kém nước Tấn, nhưng vua Tấn là minh chủ. Vậy Tấn ở trên". Ngày Bính Ngọ lễ thề với Tấn. Ngày Đinh Mùi, lễ thề với Vệ. Thế là đúng lễ nghi.

Công Thị - Trong việc sính lễ này, lại chép cả thề, là tại sao. Là muốn nói: nối thề xưa.

Cốc Thị - Chép ngày là có Lỗ Công dự. Tới lễ sính mà xin thề, chép không dùng chữ cập, là lấy nước thề với nước. Không chép nhân, người cũng thế. Không chép chữ cầu, xin là vì hai nước cùng muốn thề với nhau.

Xét - Tuân Canh và Tôn Lương Phu vừa lễ sính vừa lễ thề. Tả Thị, Công Thị đều cho là muốn, tìm, cầu thề. Thế tức là hai bầy tôi sính và thề đều đã được mệnh vua sai, chứ không phải chỉ phụng mệnh tới lễ sính, mà rồi tự chuyên quyền cùng với Lỗ thề. Lưu Sưởng bàn là chuyên quyền sinh sự. Bàn sai, Sưởng lại bàn rằng không có liên hệ gì đến nước, để thấy việc là bậy, không nhớ là phụng sứ mà tới, đã chép chữ Tấn Hầu. Vệ Hầu, thì đến lễ thề sao lại không liên hệ đến Tấn, đến Vệ.

鄭伐許

TRỊNH PHẠT HỨA

NƯỚC TRỊNH ĐÁNH NƯỚC HỨA

Phụ lục tả truyện - Tháng 12, ngày Giáp Tuất, Tấn Hầu lập sáu đạo quân, mỗi đạo quân 12.500 người. Hàn Quyết, Triệu Quát, Củng Sóc, Hàn Xuyên, Tuân Chuy, Triệu Chiên, đều được phong làm Khanh để thưởng công thắng trận An.

Tề Hầu tới chầu Tấn, vừa định dâng ngọc bích cho vua Tấn, Khích Khắc vội bước lên nói: "Nhà vua tới lần này là vì phu nhân cười giễu, vậy quả quân tôi đâu dám nhận ngọc". Tấn Hầu đặt tiệc mời Tề Hầu. Tề Hầu trông thấy Hàn Quyết. Hàn Quyết nói: "Nhà vua có nhận ra Quyết này không". Vua Tề nói: "Y phục nay có khác (trước ở mặt trận có quân phục)". Quyết bước lên dâng cốc nói: "Thần trước không dám liều chết, là còn muốn hai vua cùng ngồi chuyện trong cung này".

Khi Tuân Anh bị giam giữ ở Sở, có người lái buôn nước Trịnh bàn mưu, định giấu vào trong một cái bao túi rồi đem ra khỏi nơi giam giữ. Mưu bàn xong, chưa thi hành, thì Tuân Anh được thả về Tấn. Khi người lái buôn sang Tấn, Tuân Anh thấy mừng lắm, như là thấy người cứu mình. Người lái buôn nói: "Tôi không có công giúp ngài, đâu dám nhận ơn ngài. Tôi chỉ là hạng thường dân, không dám mong người quân tử hậu đãi". Thế là đi sang Tề.

Hồ Truyện - Tấn và Sở cùng tranh được Trịnh, Trịnh theo cả hai. Đến khi bị thua ở trận Bật, mới phải chuyên tâm về Sở. Tấn dù có đem quân tới, Trịnh cũng không theo. Đến nay mới được một năm mà đã trở lại đánh Hứa, thì quá lắm. Đã không biết chọn lấy con đường nghĩa mà theo, lại ăn hiếp kẻ suy yếu, cô đơn, trong một năm, hai lần dùng binh đánh nước láng giềng, thế sao mà chẳng là quá lắm.

Khổng Dĩnh Đạt - Kinh chép thẳng là nước Trịnh. Truyện không chép. Biết là lời văn báo cáo cho Lỗ sơ lược, cho nên Sử chép thế. Giả Quỳ có nói: "Trịnh là nước nhỏ, tranh giành với nước lớn là để lấy uy thế với chư hầu. Lần thứ hai đánh Hứa, không chép tướng suý, như là chê trách, không biết gì". Năm đó, mùa hè, Trịnh Công Tử Khứ Tật cầm quân đánh Hứa, trước sau không có lời trách. Vậy riêng lần này sao lại bảo là chê trách.

Xét - Việc thề ở đất Thục, chư hầu phải theo Sở, phần đông là bất đắc dĩ. Như Hứa, Sái, nước nhỏ bị uy hiếp, thì không đáng trách. Trịnh là nước trong vòng đất Cơ nội, vì trận thua ở Bật mà bỏ Tấn dã đánh nước Vệ, rồi trong một năm hai lần đánh Hứa, cho nên Xuân Thu chê ghét, Hồ Truyện nhân đó cho là Trịnh không chọn đường nghĩa để noi theo, lại còn áp bức nhỏ yếu, không chép tướng suý cầm quân. Khổng Dĩnh Đạt, bàn theo Đỗ Thị, cho là chép theo lời báo cáo sơ lược mà bác lời bàn của Giả Quỳ trước sau hai lần đánh Hứa không có lời chê sao lại cho lần này là chê. Lời bàn nghe ra có lý, vậy chép cả ra đây.

Năm Giáp Tuất. Vua Định Vương năm thứ 20

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Cảnh, năm thứ 13. Tề Khoảnh, năm thứ 12. Vệ Định, năm thứ 2, Sái Cảnh năm thứ 5. Trịnh Tương, năm thứ 18. Tào Tuyên, năm thứ 8. Trần Thành, năm thứ 12. Kỷ Hoàn năm thứ 50. Tống Cung, năm thứ 2. Tần Hoàn, năm thứ 18. Sở Cung, năm thứ 4.

春宋公使華元來聘

XUÂN, TỐNG CÔNG SỬ HOA NGUYÊN LAI SÍNH

MÙA XUÂN, TỐNG CÔNG SAI HOA NGUYÊN TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả thị. Năm thứ 4, mùa xuân, Tống Hoa Nguyên tới sính. Lỗ giao hiếu với vua Tống mới nối ngôi.

三月壬申鄭伯堅卒

TAM NGUYỆT, NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ KIÊN, TỐT

THÁNG BA, NGÀY NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ TÊN LÀ KIÊN MẤT

杞伯來朝

KỶ BÁ LAI TRIỀU

KỶ BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị- Kỷ Bá tới chầu. Nguyên nhân là để cho Thúc Cơ về Lỗ (đuổi về). Thúc Cơ là vợ Kỷ Bá, em gái vua Lỗ.

Đỗ Dự- Sắp đuổi Thúc Cơ. Trước tiên, hãy làm lễ chầu để nói rõ sự tình.

夏四月甲寅臧孫許卒
HẠ, TỨ NGUYỆT, GIÁP DẦN, TANG TÔN HỨA TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY GIÁP DẦN, TANG TÔN HỨA MẤT

公如晉
CÔNG NHƯ TẤN
LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị- Mùa hạ, Công sang Tấn. Tấn Hầu tiếp Công. Không có ý kính Quý Văn Tử nói: "Tấn Hầu sẽ không khỏi có tai nạn. Trong Kinh Thi có câu: Phải kính. Việc trời vốn rõ. Mệnh trời giữ được không dễ. Mệnh trời cho Tấn là còn tùy ở các vua chư hầu. Không kính thì sẽ ra sao".

Uông Khắc Khoan. Thành Công năm ấy, Chầu Tấn bị nhục. Chính là lễ quá nhiều, thân quá hèn, đều tự mình làm ra cả.

葬鄭襄公
TÁNG TRỊNH TƯƠNG CÔNG
LỄ TÁNG TRỊNH TƯƠNG CÔNG

秋公至自晉
THU, CÔNG CHÍ TỰ TẤN
MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ TẤN VỀ

Tả Thị- Mùa thu, Lỗ Công từ Tấn về. Muốn cầu giao hiếu với Sở để phản Tấn. Quý Văn Tử nói: "Không nên. Tấn tuy là vô đạo, nhưng chưa có thể bỏ được. Bách quan còn hòa mục. Nước lại gần nước ta. Còn nhiều chư hầu theo. Chưa phải lúc thay đổi chính sách. Trong sử họ Dật thời Văn Vương, có câu: "Không phải loài ta, thì tâm khác ta". Sở dù mạnh lớn, nhưng không cùng tổ tiên với ta, liệu đối với ta có tử tế không". Lỗ Công mới thôi.

Gia Huyền Ông- Thật hăn là, Lỗ Thành Công không có chủ đích, tâm chí biến đổi luôn. Trước thì cùng với Tấn hợp binh đánh Tề, được trận thắng ở đất An, vậy cùng hòa mục với Tấn là phải. Mới được vài tháng, lại gióng giả chư hầu tới thề ở Sở, còn may là Tấn không trị tội. Năm trước sang Tấn, năm sau lại sang Tấn, chính là để cứu cái lỗi giấu giếm thề với Sở. Rồi mới bị Tấn không lấy lễ đón tiếp thế là chực phản Tấn theo Sở. Kinh Xuân Thu, đến Lỗ Thành Công, về việc theo Sở sang Tấn, đều chép đầy đủ để chê.

冬 城 鄆

ĐÔNG, THÀNH VẬN

MÙA ĐÔNG, ĐẮP THÀNH ẤP VẬN (ĐỂ CHỐNG TẤN)

Đái Khê- Thời Trịnh Công, Tề trả các ruộng đất Vận, Hoan, Qui Âm, Đỗ Thị bàn là ba ấp đó tức là Vấn Dương. Lỗ đã được Vấn Dương cho nên xây lại thành Vận cho bền chắc.

Xét- Kinh chép là xây thành Vận. Tả Thị không chép. Đỗ Dự Bàn là để chống Tấn nhân vì Lỗ Công không được chép Tấn đối đãi có lễ. Đái Khê thì bàn là Lỗ được Vấn Dương cho nên xây thành Vấn để giữ cho bền chắc, đối với sự tình muốn đúng hơn cả.

鄭 伯 伐 許

TRỊNH BÁ PHẠT HỨA

TRỊNH BÁ ĐÁNH NƯỚC HỨA

Tả Thị- Mùa đông, tháng 11, Công Tôn Thân, nước Trịnh, cầm quân tới phân cương giới nước Hứa. Quân đội Hứa đánh cho thua ở đất Triển Pha, và chiếm đất Sừ Nhiệm cùng đất Linh Đôn. Loan Thư nước Tấn chỉ huy Trung quân, có Tuân Thủ làm Phó, Sĩ Tiếp Phó Thượng quân cùng đi cứu Hứa và đánh Trịnh, lấy đất Phiếm Tế. Tử Phản nước Sở cứu Trịnh. Trịnh Bá kiện Hứa Nam với Tử Phản. Hoàng Thú thay Trịnh Bá phân trần. Tử Phân không biết sử làm sao, mới nói: Nếu hai vua tới quả quân, quả quân cùng các vị Công, Khanh, nghe lời hai bên mới

hiểu được, chứ như trắc tôi đây không đủ để hiểu bên nào phải. Triển Pha là đất nước Hứa. Sừ Nhiệm, Linh Đôn đều ở trong đất Hứa. Phiếm Tế là đất nước Trịnh, phía đông Thành Cao có Phiếm Thuỷ.

Phụ lục Tả Truyện- Tấn Triệu Anh thông với Triệu Trang Cơ.

Trình Tử- Chép là Trịnh Bá, thấy ngay là không có coi tang ra gì, hưng binh ngay.

Năm Ất Hợi. Vua Định Vương, năm thứ 21.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tân Canh, năm thứ 14, năm thứ 13. Vệ Định năm thứ 3. Sái Cảnh, năm thứ 6. Trịnh Điệu Công Phí, năm đầu. Tào Tuyên, năm thứ 9. Trần Thành, năm thứ 13. Kỷ Hoàn, năm thứ 51. Tống Cung, năm thứ 3. Tần Hoàn, năm thứ 19. Sở Cung, năm thứ 5.

春 王 正 月 杞 叔 姬 來 歸

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, KỶ THÚC CƠ LAI QUY

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, KỶ THÚC CƠ TRỞ VỀ LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Nguyên (tức là Triệu Đồng) và Bình (Triệu Quỳ), đày sang nước Tề, Triệu Anh (vì đã thông dâm, với con dâu của người anh là Triệu Thuận, bọn đó, Nguyên, Bình, Anh là anh em cùng mẹ) nói: "Tôi còn ở đây, thì họ Loan không có hại. Tôi mà đi, thì hai anh em sẽ phải lo ngại. Vả lại, người ta ai cũng có điều hay điều không hay. Để cho tôi cứ ở đây thì có hại gì". Hai người không nghe. Triệu Anh đê mê thấy sứ trời bảo cúng đi thì sẽ ban phúc. Anh mới hỏi Sĩ Trinh Bá. Đáp: "Không hiểu". Nhưng nói với người quen rằng: "Thần

làm phúc cho người hay, mà ra họa cho kẻ bậy. Đã làm bậy mà không bị tội nặng, thế là có phúc. Nếu cùng đi, thì chỉ bị đi đày thôi". Thế là Anh cúng, rồi hôm sau ra đi.

Cốc Thị - Lễ Nghi đàn bà đi lấy chồng, gọi là quy, bỏ về gọi là lai quy.

Gia Huyền Ông - Đời Xuân Thu, đạo lý, chức phận thiếu sót. Đạo vợ chồng sai lạc, có khi xuất thuê, đúng nghĩa, có khi trái lễ. Kỷ Bá lại chầu năm trước, mà năm sau Thúc Cơ lai quy. Thế là không giống với hạn bội nghĩa khác. Chắc là Thúc Cơ không thể yên được ở nước Kỷ chứ không phải là Kỷ bỏ dứt. Cho nên khi Cơ chết, nước Kỷ đón tang về chôn cất. Vậy Cơ đối với Kỷ, nghĩa chưa dứt.

Uông Khắc Khoan - Thúc Cơ khi đi lấy chồng, "xuất giá", không thấy chép trong Kinh, cùng với Đàm Bá Cơ, việc thường, không thấy chép. Đàm Bá Cơ, Kỷ Bá Cơ đều là lai quy (bỏ nhà chồng về nhà mình). Nhưng Thúc Cơ thì có chép "tốt", khi mất, chép lễ đón tang về Kỷ. Còn Đàm Bá Cơ thì sau khi lai quy không thấy nói ở Kinh nữa. Vậy, hay dở, được, hỏng, không thể bình luận qua loa giống nhau được.

仲孫蔑如宋

TRỌNG TÔN MIỆT NHƯ TỐNG

TRỌNG TÔN MIỆT SANG TỐNG

Tả Thị- Mạnh Hiếu Tử, Trọng Tôn Miệt sang Tống, đáp lễ Tống Hoa Nguyên.

夏叔孫僑如會晉荀首于穀

HẠ THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI TẤN TUÂN THỦ VU CỐC

MÙA HẠ, THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI VỚI TẤN TUÂN THỦ TẠI ĐẤT CỐC (TRÊN ĐẤT NƯỚC TỀ)

Tả Thị- Mùa hạ, Tấn Tuân sang Tề đón dâu, cho nên Tuyên Bá (Thúc Tôn Kiều Như) biếu lương thực tại đất Cốc.

Trịnh Ngọc- Cốc là đất nước Tề. Đại phu nước khác có đi qua nước ta đâu, mà lại sai đại phu tới hội. Thế là phi lễ. Nếu như Kiều Như mà họp hội riêng thì lại càng là chuyên quyền, phóng túng. Cho nên Xuân Thu chép cẩn thận.

梁山崩

LƯƠNG SƠN BĂNG

NÚI LƯƠNG SƠN ĐỔ

Tả Thị - Núi Lương Sơn đổ. Vua Tấn cho xe ngựa trạm đi triệu đón Bá Tôn. Trên đường đi, có xe chở hàng đi trước, Bá Tôn Bảo người giong xe hàng tránh cho xe trạm đi, thì người giong xe nói: "Đợi tôi lái được thì không bằng ông đi sang con dường ngang, nhanh hơn". Hỏi ở đâu, đáp là ở đất Giáng. Hỏi Giáng có chuyện gì không. Đáp: Có núi đổ. Vua cho Triệu Bá Tôn để hỏi về việc đó. Bá Tôn mới hỏi: Thế thì nên làm thế nào. Đáp: "Đất trên núi, có khi rã rời, sụt lở, phải làm thế nào. trong một nước, vua là chủ trông coi núi sông. Khi có núi lở, hay có sông cạn, thì vua ăn chay, mặc quần áo thường, đi xe không trang sức, bãi ca nhạc, ra ở ngoài cung. Sai quan Vu Chúc tế sơn thần, sai sử quan ghi các tội lỗi. Đúng lễ là như thế, mà chỉ như thế thôi. Dù cho Bá Tôn, cũng chẳng làm gì hơn được". Bá Tôn nghe xong, vội đề nghị tiến cử lên vua. Người ấy từ chối, Bá Tôn tới Triều nói lại hết các lời đó. Vua Tấn nghe theo.

Phụ lục Tả Truyện - Hứa Linh Công kiện Trịnh Bá tới vua Sở. Tháng sáu, Trịnh Điệu Công tới Sở hầu kiện. Không được kiện. Người Sở bắt Hoàng Thú và Tứ Quốc. Trịnh Bá trở về nước và cho Công Tử Yển tới Tấn xin hòa. Mùa thu, tháng tám, Trịnh Bá cùng Triệu Đồng nước Tấn ký minh ước tại Thùy Cức trên đất Tấn.

Công Tử Vi Quy nước Tống (con Tống Văn Công) làm con tin ở Sở. Khi trở về Sở được Hoa Nguyên mời dự tiệc. Vi Quy vốn ghét Nguyên đã bắt mình đi thay làm con tin, mới nói với vua Tống xin cho phép khi ra vào nhà mình, có trống đánh, có

hò reo, là để tập trận, và rồi để đánh họ Hoa. Tống Công mới giết Vi Quy đi.

Công Thị - Lương Sơn là núi trên bờ sông Hoàng. Núi đổ sao chép. Là ghi việc, việc lớn. Vì lấp sông, dòng không chảy trong ba ngày. Việc lạ nước ngoài không chép. Đây chép, là vì thiên hạ mà chép.

Cốc Thị - Sao không ghi ngày. Trên cao có đường lối để cho đổ xuống. Đã thế sao còn chép. Vì Lương Sơn đổ, lấp sông Hoàng trong ba ngày dòng nước không chảy. Vua Tấn triệu Bá Tôn để hỏi. Bá Tôn đi đường gặp xe chở hàng không tránh. Sai xa hữu xuống trách. Người đánh xe nói, nếu tránh lại càng chậm, Bá Tôn xuống xe hỏi có nghe biết chuyện gì không. Đáp: Lương Sơn đổ, lấp dòng sông ba ngày. Bá Tôn nói: Vua vì thế, triệu ta hỏi. Vậy làm thế nào? Người đánh xe nói: Trời có núi. Trời làm cho lở. Trời có sông, trời làm cho lấp. Dù có triệu Bá Tôn, có làm gì được. Bá Tôn cố hỏi. Đáp: Vua mặc đồ trắng, cùng bách quan khóc rồi tế thì nước sông chảy. Bá Tôn tới. Vua hỏi: Lương Sơn đổ, sông không chảy đã ba ngày, làm thế nào, Bá Tôn nói: Vua mặc đồ trắng cùng quần thần khóc rồi tế, thì nước chảy. Khổng Tử nghe chuyện có nói: Bá Tôn bậy, gây ra loạn.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn: Sao không chép ngày. Vì ở rên cao có đường lối cho núi lở, thì còn chép làm gì. Cốc Lương cho là có đường lối cho núi lở, thì không nên chép, nay lấy việc Tấn Hầu hỏi Bá Tôn cho nên mới chép Cốc Lương bàn thế, đâu có phải là ý Kinh Xuân Thu (nghĩa là Cốc Lương bàn sai).

Cao Kháng - Theo pháp chế tiên Vương, các núi sông có tiếng, thì không phong. Lương Sơn tuy thuộc về đất Hàn mà không phải là đất thụ phong của chư hầu, cho nên Xuân Thu chép Lương Sơn đổ mà không gán buộc vào một nước nào. Vì thiên hạ mà chép một việc lạ. Vì thế, không chép nước Tấn. Đại quốc mà chỉ núi sông, đâu có riêng gì một nước Tấn.

秋大水

THU, ĐẠI THỦY

MÙA THU, NƯỚC TO

冬十有一月己酉天王崩

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, KỶ DẬU, THIÊN VƯƠNG BĂNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY KỶ DẬU, THIÊN TỬ MẤT (BĂNG)

十有二月己丑公會晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯曹伯鄒子杞伯同盟于蟲牢

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ, ĐỒNG MINH VU TRÙNG LAO

THÁNG 12, NGÀY KỶ SỬU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ, CÙNG ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT TRÙNG LAO, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, đồng minh tại Trùng Lao. Thế là Trịnh phục tòng. Chư hầu định họp hội nữa. Vua Tống sai Hướng Vi Nhân từ chối lấy cớ đang có việc của con là Tử Linh (việc Vi Quy).

Hồ Truyện - Xét Tả Thị "Hứa Linh Công kiện Trịnh Bá tại Sở, Trịnh Bá sang Sở hầu kiện, về, rồi xin giao hiếu với Tấn, hội thề tại đất Trùng Lao, thế là Trịnh Phục tòng". Trịnh phục, thì sao lại chép được là đồng minh, Thiên Tử băng. Phó cáo đã tới. Các chư hầu chép vào thẻ, tức là theo lễ thì kẻ trước,

người sau, phải tới bôn tang. Thế mà, chín nước họp lại, hội thề không bỏ, cho nên đặc biệt chép đồng minh, để thấy đều là loại bất thần rồi.

Trình Tử. Thiên Vương băng, mà hội thề không bỏ, chép là đồng minh.

Triệu Bằng Phi - Tấn Cảnh lên ngôi đã 5 năm, thường có những hội thề Thanh Khưu. Đoạn Đạo, để cố kết chư hầu. Chư hầu không chuyên nhất. Tấn không làm chủ được. Nay ở hội Trùng Lao, uy thế mới bắt đầu chấn hưng. Mà lấy lại được Trịnh đã lâu cứ phản bạn, tuy chưa đủ sánh với công Hoàn Công, Văn Công, nhưng chí cũng đã đáng khen.

Xét - Hội thề Trùng Lao, Hồ Truyện bàn là chín nước không biết bôn tang, lời bàn rất là chính đính. Nhưng thời đó. Tề mới theo, Trịnh vì kiện Hứa không xong. Cũng xoay chiều theo Tấn, Tấn tổ chức được hội thề đó để cố kết tâm chư hầu, cũng là mong phục lại nghiệp Bá. Vậy thuyết của Triệu Bằng Phi cũng nên chép lại.

Năm Bính Tý. Vua Giản Vương năm đầu.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Cảnh, năm thứ 15. Tề Khoảnh, năm thứ 14. Vệ Định, năm thứ 4. Sái Cảnh, năm thứ 7. Trịnh Điệu, năm thứ 2. Tào Tuyên, năm thứ 10. Trần Thành, năm thứ 14. Kỷ Hoàn, năm thứ 52. Tống cung, năm thứ 4. Tần Hoàn, năm thứ 20. Sở Cung, năm thứ 6. Ngô Tử Thọ Mộng năm đầu.

春 王 正 月 公 至 自 會

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 6, mùa xuân. Trịnh Bá sang

Tấn, tạ ơn việc hòa. Đi theo có Tử Du, tức là Công Tử Yển. Vua Trịnh trình ngọc bích (theo lễ) ở phía đông cột bên đông cung điện. Sĩ Trịnh Bá đoán: "Trịnh Bá có lẽ chết. Không để ý đến phẩm cách. Mắt nhìn lờ mờ. Chân đi hấp tấp. Đứng ngồi không yên chỗ. Không còn sống lâu được".

二 月 辛 巳 立 武 宮

NHỊ NGUYỆT, TÂN TỴ, LẬP VŨ CUNG

THÁNG HAI, NGÀY TÂN TỴ, XÂY VŨ CUNG

Tả Thị - Tháng hai, Quý Văn Tử nhân thắng trận ở An cho xây miếu Vũ Cung. Thế là phi lễ. Khi nhờ nước ngoài mà ta khỏi nạn, thì không có xây cung về việc cũ. Chỉ xây cung khi nào chính mình lập nên công, chứ không do người.

Công Thị - Vũ Cung là gì? Là cung cho Vũ Công. Chép xây là ý không nên xây. Vậy xây Vũ Cung là phi lễ.

Cốc Thị - Xây tức là không nên xây.

Lưu Sưởng - Lỗ là chư hầu. Tiếm lễ của Thiên Tử, dù có muốn tôn trọng tổ mình, thì quỷ thần cũng không hưởng. Bọn học giả tập lễ ở nền cũ nước Lỗ, khoa trương nói rằng: "Đây là miếu Lỗ Công, đời đời tập văn. Đây là miếu của Vũ Công đời đời tập vũ". Người ta mê muội đã lâu rồi. Chỉ vì tiếm lễ cho nên Xuân Thu mới ra đời.

Khưu Minh cho Vũ Cung là Vũ Quân, Đỗ Thị đã biết là nhầm, là sai, lại nhân đó bàn thêm là đã lập Vũ quân, sau lại làm cung tiên quân là Vũ Công. Cả hai thuyết đều không phải. Tả Thị thì muốn thích nghĩa Kinh, nhầm cho Vũ Cung là Vũ Quân (quân là quân binh). Đỗ Thị thì muốn thích nghĩa Tả Truyện, rồi cho Vũ Quân là Vũ Cung. Thuyết nào nghe cũng không thông.

Uông Khắc Khoan - Kẻ bàn luận, nhân bài vị ở nhà Minh Đường cho ngay Vũ Cung là Thế Thất tức là Tôn Miếu. Nay khảo cứu Xuân Thu, mà chép chữ Thái Miếu, thì chính là miếu Chu Công, Xuân Thu mà chép chữ Thế Miếu, thì chính là miếu Lỗ Công. Còn miếu các Công khác thì lấy Thụy hiệu đặt miếu, như

Vũ Cung, Dạng Cung, Hoàn Cung, Hi Cung. Nếu chép là Thế Thất. Thế, nghĩa là đời đời không hủy bỏ. Vậy thì đâu có đợi đến Thành Công, rồi mới xây. Năm Chiêu Công thứ 15, có việc ở Vũ Cung, không gọi là Thế Thất, thế thì cho Vũ Cung làm Thế Thất là bậy, huống Dạng Cung là Thế Tổ thứ 6 của Vũ Công, đến Chiêu Công đã tính được 20 đời. Mà Hoàn Cung chính là Thế Tổ thứ 10 của Ai Công. Còn Hi Công là Thế Tổ thứ 7 của Ai Công. Đều nên gọi là Thế Thất. Dạng Cung ở trên Vũ Cung, Vũ Cung gọi là Thế Thất mà Dạng Cung riêng không gọi là Thế Thất hay sao. Coi đó thì biết vị Minh Đường, bọn tục nho đời sau, nhân Lỗ tiếm Lễ mà nói đến, chứ như thời Xuân Thu thì không có cái tên Thế Thất. tuy nhiên khảo sát Thành Công năm thứ 18, Tấn Điệu Công tới chầu ở Vũ Cung, thời Chiêu Công, năm thứ 17, đương đời Tấn Khoảnh Công mà Trung Hàng Mục Tử có lễ hiến phù ở Văn Cung, từ Tấn Vũ Công tới Điệu Công, từ Văn Công tới Khoảnh Công, đều đã có 10 đời, thế mà cung vẫn cứ còn. Coi đó, biết miếu chư hầu đương đời, toàn là không có bị húy, không riêng vì Lỗ vậy.

取 專

THỦ CHUYÊN

LẤY NƯỚC CHUYÊN, NƯỚC PHỤ DUNG

Tả Thị - Lấy Chuyên. Nói ra ý dễ chiếm.

Công Thị - Chuyên là ấp của nước Châu Lâu. Sao không nói đến Châu Lâu. Là vì kiêng đã nhiều lần, vội vã quá.

Uông Khắc Khoan - Công Dương về Căn Mâu, Chuyên Thị, đều chép là ấp nước Châu. Tuy nhiên chưa chép việc lấy đất một nước, mà không nói đến trước. Ví như kiêng là nhiều lần, nên không nói đến nước Châu, thì sao Hi Công lấy Tu Câu, Tí Lâu, cũng có thể gọi là nhiều lần, thì sao khi ấy, lại nói đến Châu Lâu.

衛孫良夫帥師侵宋

VỆ TÔN LƯƠNG PHU SUẤT SƯ XÂM TỐNG

TÔN LƯƠNG PHU NƯỚC VỆ CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Tháng ba, Tấn Bá Tôn, Tấn, Hạ Dương Duyệt, Vệ, Tôn Lương Phu, Vệ, Ninh Tương, người Trịnh, ngành Y và Lạc rợ Nhung, họ Man rợ Lục Hồn, hợp cả lại, tràn vào Tống, lấy cớ Tống đã không dự hội. Quân dừng lại ở đất Kiềm. Dân Vệ, không có phòng bị để chống giặc, chống những việc có thể xảy ra bất ngờ. Tấn Duyệt bàn nên đánh Vệ bất ngờ, dù không chiếm được quốc đô, nhưng bắt được nhiều quân cụ và tù binh đem về. Có lỗi cũng không đến chết. Tấn Bá Tôn nói: "Không nên. Vệ vốn tin Tấn ta. Vì tin cho nên quân đội toàn ở ngoài cõi, mà thành thì không binh bị. Nếu ta đánh úp, thì ta mất tín nhiệm. Cho có được nhiều tù binh, nhiều quân cụ, nhưng mất tín nhiệm thì vua Tấn ta đối sử sao với các chư hầu khác". Mưu mới được bỏ không dùng. Quân đội kéo về. Dân Vệ lên mặt thành coi.

Họ Man thị là một giống trong rợ Nhung.

Phụ lục Tả Truyện - Người Tấn dự trù rời quốc đô Giáng đi nơi khác, các đại phu đều nói: "Xin cứ ở đất họ Tuân Hà cũ nghĩa là quốc đô Giáng, đất phì nhiêu lại gần ruộng muối. Dân được lợi, vua được vui. Đừng nên bỏ". Hàn Hiến Tử làm Tướng đạo Trung quân, kiêm Bộc đại phu. Tấn Hầu tới nhà chào rồi bước vào. Hiến Tử vội theo Công, đứng hầu ở sân. Vua hỏi nên thế nào. Đáp: "Không nên ở đây. Trong đất họ Tuân Hà này, đất thì bạc, nước thì nông, lại dễ mắc bệnh phong, thấp, phù thũng. Đâu được như ở Tân Điền, đất phì nhiêu, nước chan chứa, không lo bệnh hoạn. Song Phần, và sông Khoái, dòng nước mạnh, không ngưng đọng chất độc. Dân không khốn khó thì rảnh việc để được học điều hay. Đến 10 đời vẫn cứ còn đủ lợi. Xét ra, núi rừng, đầm ao, ruộng muối đều là quý, là lợi đấy. Dân giàu đâm ra kiêu sa, dâm dật. Tương đối nhà vua lại là nghèo, sao gọi là vui được" Vua bằng lòng nghe theo. Mùa hè, tháng tư, ngày Đinh sửu, vua Tấn thiên đô ra Tân Điền. Tuân Hà là tên nước cổ.

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu không chép Tấn thiên đô. Phàm chép thiên đô là nước nhỏ yếu, bị các nước cường bạo áp bức, bất đắc dĩ mới phải thiên đô. Đây người Tấn so sánh về lợi mà thiên đô, chứ không phải vì bất đắc dĩ, cho nên Kinh không chép.

夏 六 月 鄒 子 來 朝

HẠ, LỤC NGUYỆT CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, CHÂU TỬ TỚI CHẦU

Cao Kháng - Lỗ chiếm lấy ấp Chuyên mà Châu tử lại chầu thì đủ biết thế mạnh yếu. Thiên Tử mới lên ngôi, Châu Tử không tới chầu, lại đi chầu nước Lỗ, thế tức là ta chỉ sợ những người nào xâm lăng ta.

Uông Khắc Khoan - Thế là Thành Công lên ngôi. Nay Châu mới tới chầu.

公 孫 嬰 齊 如 晉

CÔNG TÔN ANH TỀ NHƯ TẤN

CÔNG TÔN ANH TỀ SANG TẤN (TỨC LÀ TỬ THÚC THANH BÁ, CHÁU LỖ VĂN CÔNG) VUA TẤN SAI VỀ NÓI VỚI VUA LỖ, ĐI ĐÁNH TỐNG

Đỗ Dự - Anh Tề là con Thúc Hật.

Uông Khắc Khoan - Năm thứ 2, và năm thứ 3. Lỗ Công hai lần chầu Tấn. Năm ấy. Anh Tề Hàng Phủ lại hai lần lễ sính Tấn. Lỗ thù Tề mà dựa vào Tấn làm chỗ cứu viện, cho nên vua tôi đi lại luôn luôn rất chăm thờ vị Bá, quên không biết là đối với Thiên Tử đã khinh mạn quá lắm.

壬 申 鄭 伯 費 卒

NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ PHÍ TỐT

NGÀY NHÂN THÂN, TRỊNH BÁ TÊN LÀ PHÍ MẤT

Tả Thị - Tháng sáu, Trịnh Diệu Công mất.

秋仲孫蔑叔孫僑如帥師侵宋

THU, TRỌNG TÔN MIỆT, THÚC TÔN KIỀU NHƯ SUẤT SƯ XÂM TỐNG

MÙA THU, TRỌNG TÔN MIỆT, THÚC TÔN KIỀU NHƯ CẦM QUÂN XÂM TỐNG

Tả Thị - Mùa thu, Mạnh Hiến Tử (Trọng Tôn Miệt) và Thúc Tôn Tuyên Bá (Kiều Như) đem quân xâm Tống theo lệnh Tấn.

Cao Kháng - Sai Lỗ đánh Tống, tuy là mệnh của Tấn, nhưng Lỗ không biết bàn luận về đại nghĩa, cứ vội hưng binh, thế thì tội là ở Lỗ. Cho nên Kinh chép chữ xâm, trách là y như Vệ Lương Phủ.

楚公子嬰齊帥師伐鄭

SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH

SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Tử Trọng nước Sở đánh Trịnh vì Trịnh theo Tấn.

冬癸孫行斧如晉

ĐÔNG, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa đông, Quí Văn Tử sang Tấn, mừng việc thiên đô.

晉欒書帥師救鄭

TẤN LOAN THƯ SUẤT SƯ CỨU TRỊNH

LOAN THƯ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN CỨU TRỊNH

Tả Thị - Tấn Loan Thư cứu Trịnh, gặp quân đội Sở ở Nhiễu Giác, đất nước Trịnh, quân đội Sở lui về, Quân Tấn mới xâm nước Sái. Sở Công Tử Thân và Công Tử Thành, lấy quân ở hai

ấp nước Sở là Thân và Tức, đi cứu Sái, ngăn được quân Tấn ở Tang Toại, trên đất Sái, Tấn Triệu Đồng và Triệu Quát muốn giáp chiến, xin phép Vũ Tử (Loan Thư). Vũ Tử định cho phép. Tri Trang Tử (Tuân Thủ), Phạm Văn Tử, và Hàn Hiến Tử can ngăn nói: "Xin đừng đánh, ta tới là để cứu Trịnh. Quân Sở thấy ta đã rút lui. Nay ta tới Sái. Đánh Sở ở đây chỉ là đổi nơi trừng phạt. Cứ thế mãi không thôi, mà kích thích quân Sở. Nếu giáp chiến thì ta không thắng được. Mà dù ta có thắng cũng không hay gì. Ta đem toàn quân để thắng quân hai ấp có danh giá gì. Thế mà không thắng được chúng, thì ta bị nhục lắm. Chi bằng lui". Thế là sửa soạn cho quân về.

Nhưng khi đó, các Tướng Súy và Phó tướng sáu đạo quân Tấn đều muốn đánh. Có vài người nói với Loan Vũ Tử rằng: "Hạng Thánh nhân cũng nghe theo số đông, vì thế công việc mới thành, sao ngài không theo đa số. Ngài là nguyên súy, ngài cần biết ý kiến số đông. Mười một tướng điều khiển dưới quyền ngài. Chỉ có ba là không muốn đánh. Vậy người muốn đánh nhiều hơn. Trong Kinh Thư, về Thiên Thượng Thư có nói, ba người cùng đoán quẻ, nếu hai người cùng một ý, thì cứ theo hai người, vì là số đông". Vũ Tử đáp: "Phải cân nhắc mưu bàn của người giỏi, trước khi theo đại số. Người giỏi, khôn, là phần chủ, khi phần ấy đã quyết định thì cũng như là phần đông rồi. Sao lại không nghe".

Cao Kháng - Sở đánh Trịnh đang có tang. Mà Trịnh Điệu Công lại chưa chôn. Tấn đi cứu, quân sĩ khó nhọc mà không dám bội ước Trùng Lao. Cứu thật là phải.

Gia Huyền Ông - Trong việc đó, tướng muốn chiến thì nhiều. Có ba tướng bàn không nên. Loan Thư nhận lời bàn đó mà rút quân. Kinh cho việc cứu Trịnh là được, nhưng sao không trách việc rụt rè, loanh quanh không đánh. Vì Tấn và Sở gặp nhau ở Nhiễu Giác, quân Sở lui về. Trịnh thế là thoát nạn. Tấn chuyển binh tới nước Sái, lại gặp Sở ở đất Tang Toại, Tấn lại đem quân về, thì Sái được thoát nạn. Vậy không trách.

Năm Đinh Sửu, Vua Giản Vương, năm thứ 2.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Cảnh, năm thứ 16. Tề Khoảnh, năm thứ 15. Vệ Định, năm thứ 5. Cảnh Sái, năm thứ 8. Trịnh Thành Công tên là Cổn năm đầu. Tào Tuyên, năm thứ 11. Trần Thành, năm thứ 15. Kỷ hoàn, năm thứ 53. Tống Cung, năm thứ 5. Tần Hoàn, năm thứ 21. Sở Cung, năm thứ 7. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 2.

春王正月鼷鼠食郊牛角改卜牛

鼷鼠又食其角乃免牛

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, HỀ THỬ THỰC GIAO NGƯU GIÁC, CẢI BỐC NGƯU, HỀ THỬ HỰU THỰC KỲ GIÁC. NÃI MIỄN NGƯU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG GIỐNG CHUỘT HỀ THỬ CẮN SỪNG BÒ NUÔI TẾ GIAO. BÓI CHỌN BÒ KHÁC CŨNG LẠI BỊ CẮN, THÔI KHÔNG DÙNG BÒ NỮA

Cốc Thị - Không ghi ngày, là việc gấp, cho là quan Hữu Tư có lỗi, (Hữu Tư, viên quan có trách nhiệm). Bò để tế Giao, hằng ngày coi sừng, thì biết là có bị thương. Thế là xong phận sự tròng coi. Nhưng phận sự phòng bị tai họa thì chưa đủ. Bói để đổi bò tế, bò lại bị Hề tử cắn sừng, chữ lại ghi đây là có ý nối tiếp, lời hòa hoãn. Thế là không lỗi ở người. Vì thế, quan Hữu Tư không có lỗi. Khi miễn dùng con vật tế thì quan Hữu Tư cho con vật khoác áo đen, xiêm đỏ, dắt tới Nam Giao. Miễn dùng bò, lễ cũng như thế. Miễn dùng vật, không phải là không có lễ Giao. Miễn dùng bò cũng thế.

Lưu Hướng - Chuột là con vật nhỏ, tính lén lút. Hề lại bé hơn. Con bò là vật lớn, vật để tế đứng chí tôn là trời. Sừng ở trên đầu là tượng uy vua. Con chuột rất nhỏ mà cắn sừng tế bực chí tôn, đó là tượng trưng họ Quí lén lút vụng trộm quyền

hành, sắp tiếm quyền chính, giảm uy vua, mà hại cho việc thờ tự Chu Công. Đã bói đổi bò tế, mà bò bị cắn, thế là trời ra tay cho biết.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn là lời hòa hoãn. Bàn sai. Trước có nói: Chuột "Hề thử" cắn sừng bò tế Giao. Chép, không thể bỏ không nói sừng, chứ không phải là nói đến sừng là hòa hoãn. Nay nói đến sừng là lời văn nên như thế chứ không phải là để tỏ ý hoãn.

"Sở dĩ miễn lỗi cho quan Hữu Tư", lời bàn ấy cua Cốc Lương cũng không phải. Kinh Xuân Thu mà chép tai dị là để chê trách vua chư hầu đương thời, và để rõ việc quỷ thần hưởng đức, nhìn về sâu, tới xa, không sót. Chứ đâu có phải là để miễn lỗi cho quan Hữu Tư.

"Mới miễn bò tế", Cốc Lương bàn là cho khoác áo đen, xiêm đỏ, quan Hữu Tư đưa đến nền Nam Giao. Vị tất đã như Cốc Lương bàn. Tuy rằng điển lễ tản mát, khó khảo cứu được, nhưng việc mặc áo người cho bò thì quần áo kích thước phải thế nào. Phàm bò để tế Nam Giao, bò để tế nền Tắc, tất là phải nuôi ở chuồng riêng ba tháng. Nay bò đã bị thương, thì không để ở trong chuồng riêng nữa, thế là miễn. Nếu bảo là không được miễn, thì tức là lưu lại để sửa soạn kỳ tế Giao sau, thế là bất kính là phi lễ. Cho nên Xuân Thu cũng chê.

吳伐郯

NGÔ PHẠT ĐÀM

NƯỚC NGÔ ĐÁNH NƯỚC ĐÀM (LẦN ĐẦU THẤY XUẤT HIỆN NƯỚC NGÔ TRONG KINH XUÂN THU)

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân. Nước Ngô đánh nước Đàm. Nước Đàm xin hòa. Quí Văn Tử ở Lỗ nói: "Trung Quốc không chấn chỉnh quân lữ, để cho Man Di Ngô vào đánh, mà không ai sót thương, thăm viếng. Trong kinh thi có nói: Trời cao không thương ta loạn không hết được. Chính là đúng vào trường hợp này. Bực trên không thăm hỏi thì chư hầu rồi ai là không bị trong vòng loạn. Ta chết đến nơi".

Người quân tử bàn: Đã biết sợ như thế thì không chết.

Phụ lục Tả Truyện - Tử Lương nước Trịnh đi theo vua Trịnh Thành Công sang Tấn, tạ ơn việc cho cứu vua.

夏五月曹伯來朝

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÀO BÁ LAI TRIỀU

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, TÀO BÁ LẠI CHẦU

Tả Thị Mùa hạ, Tào Tuyên Công lại chầu.

不郊猶三望

BẤT GIAO, DO TAM VỌNG

ĐÃ KHÔNG CÓ TẾ GIAO, LẠI CÒN TẾ TAM VỌNG

Uông Khắc Khoan - Kinh Xuân Thu chép "Còn tế Tam Vọng" cả thảy ba lần: Hi Công năm thứ 31, chép miễn vật sinh tế, mà thêm vào câu lại còn Tế Tam Vọng, không chép là không tế Giao mà miễn vật tế thì biết là không có tế Giao. Tuyên Công năm thứ 3, vì bò chết không có tế Giao mà thêm vào câu lại còn Tam Vọng, không chép miễn vật tế, bò đã chết làm gì có sinh mà miễn, cho nên tất là không có tế Giao. Năm đó đã chép miễn bò tế, lại thêm câu, không có lễ tế Giao. Nhân có việc Tào, việc Ngô, hai việc không thể lại nói: lại còn tế Tam Vọng. Cho nên lấy câu không có tế Giao cho biết ý.

Xét - Hi Công năm thứ 31, lại còn tế Tam Vọng. Hồ Truyện dựa vào Công Dương, cho Tam Vọng là: 1) Thái Sơn, 2) sông Hoàng Hà và 3) Bể, và bàn rằng sông Hoàng Hà và bể không có trong cương giới Lỗ, Lỗ không được tế. Nay lại dẫn thuyết Chu Trường Văn, cho là Thiên Tử có Tứ Vọng, thì Thái Sơn, Lỗ nên tế. Tam Vọng là tiếm lễ Thiên Tử. Thế thì ngoài Thái Sơn, còn có Tam Vọng. So với thuyết trước không ăn nhau. Vậy san bỏ Hồ Truyện.

秋楚公子嬰齊帥師伐鄭公會晉侯齊侯宋公衛侯曹伯莒子邾子杞伯救鄭八月戊辰同盟于馬陵

THU, SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ, CỨU TRỊNH, BÁT NGUYỆT MẬU THÌN, ĐỒNG MINH VU MÃ LĂNG

MÙA THU, SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH. LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ CỨU TRỊNH, THÁNG TÁM, NGÀY MẬU THÌN, ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT MÃ LĂNG. (ĐẤT NƯỚC VỆ)

Tả Thị - Mùa thu, Tử Trọng nước Sở tràn vào Trịnh, đóng quân tại Phiếm, trên đất Trịnh. Nhiều chư hầu đi cứu Trịnh. Cung Trọng và Hầu Vũ nước Trịnh chống đối quân Sở bắt được Chung Nghi, vua nước Vận, đem nộp các tướng Tấn. Tháng tám, hội đồng minh tại Mã Lăng nối lại hội thề Trùng Lao. Và cũng vì có nước Cử mới phục tòng. Người Tấn bắt Chung Nghi về giam trong một trại quân.

Cao Kháng - Mùa đông trước, Loan Thư cứu Trịnh, mà quân Sở lui về, chưa được đắc chí với Trịnh cho nên lại tới đánh.

Gia Huyền Ông - Trước đây, Tấn cứu Trịnh, đều lấy đại phu cầm một đạo quân. Lần này họp quân chín nước. Vua tự là tướng. Xuân Thu mà kể tước các chư hầu, lại chép chữ cứu Trịnh, thế là khen.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ LỖ

吳入州來

NGÔ NHẬP CHÂU LAI

NƯỚC NGÔ VÀO CHÂU LAI, ẤP NƯỚC SỞ

Tả Thị- Trong trận Sở vây Tống, khi quân Sở về. Tử Trọng, xin được thưởng công hai ấp Thân và Lã, hai ấp vốn là phụ dung của nước Sở. Vua Sở thuận. Thân Công Vu nói: "Không nên. Hai ấp đã thành hai nước, dân có đóng thuế để chống với các xứ phía Bắc khi có xâm lăng. Nếu lấy đi thì hai nước không còn gì nữa. Tấn và Trịnh sẽ lan rộng tới sông Hán". Vua mới thôi, không cho đất, Tử Trọng sinh thù Vu Thần.

Khi Tử Phản muốn lấy Hạ Cơ, Vu Thần ngăn cản, rồi Vu Thần lấy đem đi. Tử Phản cũng sinh thù Vu Thần. Đến khi Sở Cung Vương lên ngôi, Tử Phản và Tử Trọng giết hết họ hàng nhà Vu Thần, trong đó có những người như Tử Diêm, Tử Đảng, Phất Ky. Họ giết cả Hắc Yêu, con Tương Lão, rồi chia nhau tài sản bọn bị giết, Tử Trọng chiếm nhà cửa của Tử Diêm, thúc giục Thẩm Doãn, và Vương Tử Bãi chia nhau gia tài của Tử Đãng, Tử Phản thì chiếm gia tài Hắc Yêu và Phất Ky. Vu Thần khi đó ở Tấn, gửi cho hai người bức thư, trong có nói: "Các ngươi đem những tính chê gièm, tham lam, biển lận, gian dối, để thờ vua, giết bao nhiêu người vô tội. Nhất định ta phải bắt các ngươi trốn chạy rồi chết."

Vu Thần xin đi xứ nước Ngô. Vua Tấn thuận cho. Vua Ngô tên là Thọ Mộng rất vui mừng. Thế là Ngô giao thiệp với Tấn. Khi đi, Vu Thần đem theo một tốt (Trăm quân) và một lạng (25 người) cùng một ít chiến xa. Khi rời nước Ngô, Vu Thần để lại cho một biên, (chín chiến xa) và một lạng, ra lệnh cho bọn bắn nỏ, bọn giong xe, phải luyện tập cho các tướng sĩ Ngô, các cách dùng chiến xa, xếp hàng trận, để cho Ngô thoát ly sự áp bức của Sở. Vu Thần cho con là Hồ Dung làm chức Hành nhân ở Ngô.

Ngô bắt đầu đánh Sở, tràn vào hai ấp Sở là Sào và Từ. Tử Trọng chạy trốn mới thoát chết. Sau hội Mã Lăng, Ngô vào ấp Châu Lai ở Sở. Tử Trọng đương trốn tại Trịnh, lại chạy. Thế

là Tư Trọng và Tử Phản trong một năm bảy lần chạy để khỏi chết. Ngô chiếm hết các vùng Man Di vốn thuộc Sở, rồi bắt đầu giao thiệp với các nước Trung Quốc.

Cao Kháng - Ngô và Sở tranh cường, bắt đầu từ đây. Châu Lai thuộc Sở. Ngô đem quân tràn vào, rõ ràng là Sở tuy cậy mạnh, mà Ngô dám đối địch.

Trần Phó Lương - Ngô và Sở giao chiến. Kinh xưa nay không chép, nay mới chép. Ngô mới giao thiệp với Trung Quốc là tự Tấn gây ra. Hội thề ở Bồ Cảnh, Công bắt đầu mời Ngô không tới, đến hội Chung Ly mới tới. Đồng minh tại Kê Trạch, Điệu Công lại đón Ngô Tử. Ngô Tử không tới, đến hội Thích mới tới. Ngô không dám tự liệt vào hàng chư hầu, mà Tấn thì cứ cầu cho được, cốt để giảm sức Sở. Sở mà hết hoạt động thì Tấn cũng hết nghiệp Bá. Việc Ngô vào Châu Lai không thể không chép là bước đầu được.

冬 大 雩

ĐÔNG, ĐẠI VU

MÙA ĐÔNG, TẾ CẦU ĐẢO LỚN

Cốc Lương - Tế Vu không ghi tháng, mà chỉ ghi mùa, ý cho là không nên. Mùa đông không có cớ để cầu đảo.

Lưu Sưởng - Mùa đông không có cớ để cầu đảo. Xét tháng mười ở nhà Chu, ngày nay là tháng tám. Nếu lâu không mưa thì cũng phải cầu đảo. Lại còn có lệ nếu cầu đảo được mưa, thì nói là cầu đảo. Nếu năm đó cầu đảo mà không mưa, thì chép là hạn. Vả lại, sắp chép hạn, thì không chép cầu đảo hay sao.

衛 孫 林 斧 出 奔 晉

VỆ TÔN LÂM PHỦ XUẤT BÔN TẤN

TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN SANG TẤN

Tả thị. Vệ Định Công ghét Tôn Lâm Phủ. Mùa đông Tôn lâm Phủ chạy trốn sang Tấn. Vệ hầu sang Tấn. Tấn trả lại Vệ đất Thích (đất của họ Lâm Phủ khi chạy sang Tấn)

Đỗ Dự -Lâm Phủ còn là con Tôn Lương Phủ. Thích là đất được phong, đời đời ăn lộc của họ Tôn. Sau khi Lâm Phủ chạy trốn thì đất Thích, theo chủ thuộc về Tấn.

Gia Huyền Ông - Lâm Phủ đã giao kết với quyền thần nước Tấn từ lâu. Đến nay, chạy trốn sang Tấn, cậy thế Minh chủ (vua Tấn) để chống lại với người trên. Ít lâu sau, trở về nước, gặp lúc vua Vệ là Khản không đáng làm vua, đem quân đuổi lập một Công Tử khác. Rồi sau, lấy ấp Thích làm phản, làm cho Vệ khốn khó đến 40 năm, thực là chỉ tại Tấn.

Năm Mậu Dần. Vua Giản Vương, năm thứ 3.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Cảnh, năm thứ 17. Tề Khoảnh, năm thứ 16. Vệ Định, năm thứ 6. Sái Cảnh, năm thứ 9. Trịnh Thành, năm thứ 2. Tào Tuyên, năm thứ 12. Trần Thành, năm thứ 16. Kỷ Hoàn, năm thứ 54. Tống Cung, năm thứ 6. Tấn Hoàn, năm thứ 22. Sở Cung, năm thứ 8. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 3.

春 晉 侯 使 韓 穿 來 言 汶 陽 之 田 歸 之 于 齊

XUÂN, TẤN HẦU SỨ HÀN XUYÊN LAI NGÔN VĂN DƯƠNG CHI ĐIỀN QUY CHI VU TỀ

MÙA XUÂN, TẤN HẦU SAI HÀN XUYÊN TỚI NÓI VỀ VIỆC RUỘNG VẤN DƯƠNG, BẢO LỖ TRẢ LẠI CHO TỀ

Tả Thị - Năm thứ 8, mùa xuân, Tấn Hầu sai Hàn Xuyên tới nói về ruộng Vấn Dương, Lỗ trả lại cho Tề. Lỗ Quý Văn Tử làm việc tiễn có nói riêng rằng: "Đại quốc ở ngôi Minh chủ, lấy nghĩa làm pháp luật, thì chư hầu đều mong ân đức, mà sợ trừng phạt, không nước nào nhị tâm. Ruộng Vấn Dương vốn là đất cũ nước chúng tôi và Tấn đã phái đánh cho Tề thua, bắt Tề trả lại Lỗ. Nay Tấn lại cho mệnh khác, nói là

Lỗ trả Tề. Hành nghĩa thì phải có tín. Có nghĩa để thi hành được mệnh. Đó là điều nước tôi mong ước ở Quý quốc. Nếu Tấn lại thiếu tín, thiếu nghĩa, thì trong bốn cõi chư hầu nào mà không rời bỏ. Trong Kinh Thi có đoạn: Tôi là vợ chàng, tôi không sai lời. Chàng là chồng tôi, đã đổi thái độ hai ba lần. Tình ý thay đổi hai ba lần. Trong vòng bảy năm, Tấn đã khi thì cho, khi thì lấy lại ruộng đó. Thế là không chuyên nhất. Người chồng không chuyên nhất, còn mất tình người vợ, huống chi một vị Bá chủ, chắc là mất tín nhiệm. Kinh Thi có nói: Nhìn không được xa, cho nên phải can. Vậy Hàng Phủ tôi sợ Tấn không nhìn xa, mất ảnh hưởng với chư hầu. Tôi xin phép tường trình ý riêng".

Công Thị - Chép là lai ngôn (tới nói) là ý gì. Là nói riêng, Bức hiếp Lỗ ta, sai ta trả Tề ruộng. Trong trận ở đất An, Tề thua to.

Tề Hầu về nước, săn sóc người bị thương, thăm nom nhà người chết. Bảy năm không uống rượu, không ăn thịt. Tấn Hầu nghe phải nói: "Ồ, thế nào mà lại để cho vua bảy năm không uống rượu, không ăn thịt, vậy phải trả lại cho những đất đã chiếm được".

Cốc Thị - Đối với Tề, là lời khoan hòa, mà không để cho oán ta.

Lưu Sưởng - Trận đánh ở đất An, quân Tề thua to. Tề Hầu chầu Tấn, thờ Tấn, Tấn Hầu vui mừng, sai Lỗ và Vệ trả lại đất chiếm đời xưa, vua chư hầu không được chuyên quyền đổi chác đất đai. Trả Tề ruộng Vấn Dương là phi lễ. Công Dương bàn là lời nói riêng cũng là bàn sai. Đây chẳng chép việc, có gì là riêng tây. Cốc Lương lại nói: Không để oán ta, cũng là bàn sai. Cứ thẳng chép để chê Tấn, không để oán ta là vô nghĩa lý.

Triệu Bằng Phi - Ngày trước cho là tạm được (khen) thì như ngày nay đừng có báo trả. Ngày nay cho là nên trả, thế thì ngày trước, đừng có chiếm. Cả hai hành vi đều là có tội. Ngày trước, chiếm ở đất Tề, Tề đã mất đất. Tấn có mất gì đâu. Ngày nay lấy ruộng cho Tề, thì Tề được đất, Tấn có được gì đâu.

Mất đã không tổn hại cho mình, được cũng không thêm gì

cho mình. Vì thế, người Tấn khi chiếm thì nhẹ nhàng, dễ dàng, cũng như khi trả. Đã khoe công với Lỗ, lại lấy ơn với Tề.

Xưa, tại trận An, Lỗ thực đem toàn lực trong nước ra theo, mà Lỗ ta không có nghĩ lấy một chút lợi. Chỉ vì người ta khó nhọc thì phải có chút báo đền, cho nên lấy ruộng Vấn Dương. Khi đã đánh cho Tề thua rồi, thì được Khoảnh Công cúi đầu thờ Tấn. Tấn từ Văn Công về sau, Tề vẫn cứ mạnh thế ở các nước phía đông, vị thường phải khuất tất với Tấn. Một trận thua ở An. mất hết nhuệ khí. Đến hội thề Trùng Lao, về việc cứu Trịnh, phải tới uống máu ăn thề theo lệnh Tấn. Tấn được Tề phục tòng lấy làm hãnh diện rồi. Vì thế cho việc chiếm ruộng là hại Tề. Người Lỗ được ruộng, người Tấn không được thêm gì. Người Lỗ mất ruộng, người Tấn không tổn hại gì mà được ơn huệ với Tề. Cho nên thà để cho Lỗ mất ruộng mà Tấn không hại cho Tề lắm. Vì thế mới có việc Hàn Xuyên tới Lỗ.

Uông Khắc Khoan - Chép "lai ngôn, tới nói" thì biết là mệnh của vua Tấn mà không gấp. Vả lại tự biết là lời nói ra không được thuận vị tất Lỗ đã nghe theo. Chép "quy chi vu, trả lại cho", thì thấy là lấy ruộng đất của Lỗ là việc dễ. Một lời nói của quan Khanh nước Tấn, trọng hơn ba quân, mà không dám chống cự. Xưa, Tấn, Hàn Tuyên Tử, có chiếc vòng. Chiếc thứ hai, vốn là một đôi, thì lại ở nhà một người lái buôn nước Trịnh, Hàn xin với đại phu Trịnh là Tử Sản, cho chiếc vòng đó. Tử Sản chối từ, Tử Sản sau mua lại được. Nhưng người lái buôn nói cần phải có phép của Tử Sản. Hàn Tử lại xin. Tử Sản lại từ chối nói: Người của nước lớn ra lệnh cho nước nhỏ, đòi gì được nấy, thì rồi ra, đủ cung cấp sao được. Nay Lỗ Quý Văn Tử vốn biết rằng Tấn khi lấy , khi cho ruộng Vấn Dương đều là trái nghĩa, đã biết thế mà lại không dám ngăn, thế là mệnh lệnh không chính đính, chỉ biết a dua nghe theo, thế là đem cả nước làm thuộc quốc của Tấn. Xét một chiếc vòng của người lái buôn mà Tử Sản còn không chịu bị áp bức, thì biết bọn Vũ Tử, Trung Hàng, Hiến Tử, đều giữ chức Khanh có tên tuổi, mà không biết giúp vua theo đường chính, lại ra lệnh mất tín nhiệm, đổi mệnh mất thành thực. Mới biết hội thề Trùng Lao, Mã Lăng, Tề đã theo Tấn, Tấn sai Lỗ trả Tề ruộng Vấn Điền, chỉ là để cố kết

lấy Tề. Thế là không có nghĩa đã thất tín với Lỗ, tức là thất tín với chư hầu. Được một nước Tề theo mệnh mà bốn phương rời bỏ. Có thể nữa cũng không cưỡng ép ai theo được. Xuân Thu chép việc đánh nhau ở An, việc lấy ruộng Vấn Dương, việc Hàn Xuyên tới nói trả ruộng, càng rõ nghiệp Bá của Tấn ra sao.

晉欒書帥師侵蔡
TẤN LOAN THƯ SUẤT SƯ XÂM SÁI
LOAN THƯ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN XÂM NƯỚC SÁI

Tả thị - Tấn Loan Thư xâm nước Sái, rồi xâm nước Sở bắt được Thân Ly. Khi Sở lui rồi, Tấn xâm nước Thẩm, bắt được vua Thẩm là Thẩm Tử Tập. Từ lúc đầu, Loan Thư toàn theo kế sách của ba người, Trí Trang Tử, Phạm Văn Tử, Hàn Hiến Tử. Người quân tử bàn: Nghe người hay, như theo nước chảy xuôi. Thế là nên lắm. Kinh Thi có nói: Vua nhã nhặn vui vẻ, người hay sao lại chẳng tới giúp. Văn vương tìm người tài, đức, cho nên công việc thành. Trong việc hành binh này, vua Trịnh khi đem quân theo quân Tấn, có qua nước Hứa, đánh vào cửa đông thành Hứa, bắt được nhiều người cùng vật.

Hứa Hàn. Xâm nước Sái là báo thù việc đánh Trịnh. Nước lớn, tranh giành nhau, nước nhỏ chịu thua hại. Kinh Xuân Thu thương xót.

公孫嬰齊如莒
CÔNG TÔN ANH TỀ NHƯ CỬ
CÔNG TÔN ANH TỀ SANG NƯỚC CỬ

Tả Thị - Thanh Bá (Anh Tề) sang nước Cử, là để đón vợ.

Ngô Trừng - Đại phu lấy cớ đi sứ lễ sính, rồi cưới vợ, đón vợ, có nhiều, vốn là phi lễ.

宋公使華元來聘

TỐNG CÔNG SỬ HOA NGUYÊN LAI SÍNH

TỐNG CÔNG SAI HOA NGUYÊN TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị. Hoa Nguyên tới lễ sính để xin cưới Cung Cơ.

夏宋公使公孫壽來納幣

HẠ, TỐNG CÔNG SỬ CÔNG TÔN THỌ LAI NẠP TỆ

MÙA HẠ, TỐNG CÔNG SAI CÔNG TÔN THỌ NỘP LỄ HỎI

Tả Thị. Mùa hạ, Tống Công sai Công Tôn Thọ tới nộp lễ hỏi. Thế là đúng lễ.

Công Thị. Lễ nạp tệ không có chép. Đây chép là chép việc Bá Cơ.

Xét. Lệ chép sử, có chỗ tường, có chỗ lược. Sử cũ tuy không còn nữa, nhưng từ Sử Ban Cố, Tư Mã về sau, vẫn chép tùy theo người hiền hay không hiền. Như Bá Cơ, đức hạnh có tiếng hiền, sử cũ đặc biệt chép tường tận, cho nên thánh nhân cũng không đổi. Chép nạp tệ, chép đưa thiếp giắng, chép trở về Tống, chép cả, không bớt bỏ, ghi cả gốc, cả ngọn. Công Dương cho ghi chuyện Bá Cơ là phải. Hồ Truyện cho việc sai vị Khanh đi nạp tệ là quá lễ. Hồ Truyện bàn thế là sai. Tả Thị cho là đúng lễ. Đỗ Dự cũng cho là nên sai vị Khanh, chắc là đều có căn cứ. Trang Công sang Tề nạp tệ. Cốc Lương cho là việc của đại phu, nghĩa là chỉ chê Trang Công không nên thân hành, chứ đâu có bảo là không nên sai vị Khanh. Huống trong các nước, vị Khanh cầm quyền chính, thường vẫn lấy đại phu. Cho nên giữ lời bàn của Công Dương, mà bỏ lời bàn của Hồ Truyện.

晉摋其大夫趙同趙括

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU TRIỆU ĐỒNG, TRIỆU QUÁT

TẤN GIẾT ĐẠI PHU LÀ TRIỆU ĐỒNG, TRIỆU QUÁT

Tả Thị - Triệu Trang Cơ nước Tấn, vì việc Triệu Anh bị đuổi,

mới gièm với vua Tấn rằng: Nguyên và Bình (tức là Đồng và Quát), sắp làm loạn. Lấy họ Loan, họ Khích làm chứng. Tháng sáu, Tấn Hầu sử tử Triệu Đồng, Triệu Quát, Triệu Vũ con Triệu Sóc theo mẹ là Trang Cơ, nuôi ở trong cung, Tấn Hầu lấy tài sản của họ Triệu, đem cho họ Kỳ Hề. Hàn Quyết nói với vua rằng: "Triệu Thôi, Triệu Thuẫn, công lao như thế mà vô hậu, thì các vị trung thần sinh lo sợ. Các vua đời tam đại giữ mệnh trời hàng mấy trăm năm. Trong các ngài, sao chẳng có vị kém đức, nhưng không việc gì, vì nhờ phúc các vua trước. Trong Chu Thư có câu: Văn Vương không dám khinh thường người quan quả, là cốt cho sáng rõ đức" Tấn Hầu mới cho Triệu Vũ giữ lại họ Triệu, và trả lại cho các tài sản đã thu chiếm.

Uông Khắc Khoan - Hoặc nói rằng: Tấn hầu nhận lời gièm của Trang Cơ mới nhờ xét việc Triệu Thuẫn giết vua, mà rồi giết Triệu Đồng, Triệu Quát, việc hoặc có thế thật chăng. Thế mà Sử ký thì chép là Đồ Ngạn Giả diệt họ Triệu, giết Sóc. Đồng, Quát, Anh, tức là cả họ. Còn như Xuân Thu, thì chỉ chép giết Đồng và Quát, chứ không chép giết Sóc và Anh. Thế thì Sử ký không những trái với Truyện, mà cả với Kinh nữa, vậy không nên tin.

Trác Nhĩ Khang - Triệu Đồng, Triệu Quát, hiếu dũng, tính lại khinh thường, việc ở đất Bật, cùng Loan Thư đi cứu Trịnh, hai người đều không lượng sức, chỉ thích chiến, giá không có Loan Thư, thì Tấn đã thua. Triệu Anh dâm loạn, tội đáng xử tử đấy, thế mà Đồng, Quát không tâu vua, tự đuổi đi, rõ là chuyên quyền, không biết có vua, thế thì sao mà không có tội. Tuy nhiên, Tấn Hầu nghe họ Cơ gièm, đem phanh thây hai đại phu, không nhớ đến công lao Triệu Thôi, cướp lấy ấp lộc, thế là bất chính, thất hình rồi. Cho nên chép là nước Tấn giết.

秋 七 月 天 子 使 召 伯 來 四 公 命

THU, THẤT NGUYỆT, THIÊN TỬ SỬ THIỆU BÁ LAI TỨ CÔNG MỆNH

MÙA THU, THÁNG BẢY, THIÊN TỬ SAI THIỆU BÁ TỚI BAN CHO CÔNG SẮC PHẨM HUY HIỆU

Công Thị và Cốc Thị viết chữ tứ ra chữ tích.

Tả thị. Mùa thu, Thiệu Hoàn Công, tới ban mệnh cho Lỗ Công.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn hầu sai Thân Công Vu Thần sang nước Ngô. Nhờ đường nước Cử. Cùng với Cử Khưu Công đứng trên bờ hào, Vu Thần nói: "Tường thành này đã hư rồi". Vua Cử nói: "Nước tôi kém hèn, ở nơi di tịch, còn nước nào nghĩ tới mà phải lo". Đáp: "Nước nào chả có người giảo quyệt, muốn cho rộng đất đai, lợi xã tắc nước mình. Vì thế, các đại quốc mới càng ngày càng nhiều thêm. Cá nhân dù có dũng cảm cũng phải đóng chặt cửa, huống chi vua một nước mà không có thành chắc chắn".

Công Thị - Sao lại chép chữ Thiên Tử, Xuân. Vương. Tháng giêng. Thế là chính rồi. Các chữ khác đều là thường.

Cốc Thị - Lễ có lễ chịu mệnh, chứ không có lễ đi tới cho mệnh. Thế không phải là chính. Sao lại viết chữ Thiên Tử. Là một cách nói.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn, sao chép chữ Thiên Tử, đó là một cách nói, nghĩa là Thiên Tử với Thiên Vương, mỗi chữ là một cách nói. Bàn thế thật là thiển cận.

Xét - Thiên Vương, Thiên Tử, đều là tiếng thông thường chỉ nhà vua. Từ và tích đều là những chữ nói trên cho dưới. Hoặc bảo là cứ lấy nghĩa của chữ mà nói, thì Thiên Vương là tôn mà Thiên Tử là thân. Gia ơn đã nhiều lần thì gọi là tứ. Lấy phận, lấy nghĩa là sai, thì gọi là tích. Kỳ thủy là tích cho Hoàn Công, thì bỏ chữ thiên mà dùng chữ Vương, thế là cho rõ nghĩa và phận. Khi tích cho Văn Công thì dùng chữ Thiên Vương, cũng là còn rõ nghĩa và phận. Đến khi Tứ cho Thành Công, thì dùng

chữ Thiên Tử thì cho là nghĩa và phận đều bớt mất rồi, mà ơn trên thì thi ra nhiều lần rồi. Đó cũng là một thuyết.

冬十月癸卯杞叔姬卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ MÃO, KỶ THÚC CƠ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY QUÝ MÃO, KỶ THÚC CƠ MẤT

Tả Thị - Mùa đông, Kỷ Thúc Cơ mất. Việc lai quy là tự, nước Kỷ, cho nên chép.

晋侯使士燮來聘叔孫僑如會晋士燮齊人邾人伐郯

TẤN HẦU SỨ SĨ TIẾP LAI SÍNH, THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI TẤN SĨ TIẾP, TỀ NHÂN, CHÂU NHÂN, PHẠT ĐÀM

TẤN HẦU SAI SĨ TIẾP TỚI LỄ SÍNH, THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI VỚI TẤN SĨ TIẾP, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH NƯỚC ĐÀM.

Tả thị. Tấn Sĩ Tiếp tới sính, nói việc đánh nước Đàm, vì Đàm theo Ngô. Lỗ Công hối lộ để hoãn việc binh. Văn Tử Sĩ Tiếp không chịu, nói: "vua Tấn tôi đã cho lệnh. Tôi không sai được. Thất tín sẽ không được yên. Không được nhận đồ lễ. Việc không được hai mang. Nếu nhà vua không theo các chư hầu, thì quả nhân tôi không giúp được nhà vua nữa". Tiếp sắp ra về. Quý Tôn sợ sai Tuyên Bá cầm quân hội với Tấn để đánh nước Đàm.

衛人來媵

VỆ NHÂN LAI GIẢNG

NGƯỜI VỆ CHO ĐƯA GIẢNG THIẾP TỚI

Tả Thị. Người Vệ cho thiếp giảng đi theo Cung Cơ về Tống. Thế là lễ. Phàm chư hầu gả con gái, thì người trong họ làm giảng thiếp. Người ngoài họ không được.

Công Thị - Giắng không có chép. Đây chép là vì Bá Cơ.

Cốc Thị - Giắng là việc nhỏ không ghi. Đây ghi cả là vì Bá Cơ, không được đáng nơi, cho nên chép hết mọi việc.

Lưu Sưởng - Giắng là gì? Chư hầu này gả con cho chư hầu khác, thì cho em, cho cháu theo làm giắng, thiếp. Hai nước khác đưa thiếp giắng đi, cũng lấy trong hàng em, cháu. Thế là đưa vợ cùng giắng có ba nước. Giắng không chép. Đây chép là chê. Vì là phi lễ. Chê cả ba nước. Người Vệ đưa giắng. Tả thị bàn rằng chư hầu gả con gái thì cho người cùng họ làm giắng, khác họ không được. Bàn thế là sai. Ba nước thì mỗi nước một họ. Như vua các họ Doanh, Tào, Quy, Dặc, gả con, mà cứ phải giắng cùng họ, thì các chư hầu sao cung cho đủ giắng được. Phi của Thiên Tử là 120, liệu có cùng một họ được không.

Trình Tử - Giắng là việc nhỏ, không có chép. Bá Cơ đi lấy chồng, chư hầu cung cấp giắng. Cho nên chép để thấy một người con gái mà hiền còn được tiếng với chư hầu, huống chi là hạng quân tử.

Xét - Chư hầu gả con gái. Tả Thị bảo là khác họ không được làm giắng. Lưu Sưởng cho là có nước dự, mỗi nước một họ. Hai lời bàn đó không giống nhau. Cứ để cả, rồi về sau khảo cứu.

Năm Kỷ Mão. Vua Giản Vương, năm thứ 4.

九 年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Cảnh, năm thứ 18. Tề Khoảnh, năm thứ 17. Vệ Định, năm thứ 7. Sái Cảnh, năm thứ 10. Trịnh Thành, năm thứ 3. Tào Tuyên, năm thứ 13. Trần Thành, năm thứ 17. Kỷ Hoàn, năm thứ 55. Tống Cung, năm thứ 7. Tần Hoàn, năm thứ 23. Sở Cung, năm thứ 9. Ngô Thọ mộng, năm thứ 4.

春王正 月杞伯來逆叔姬之喪以歸

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, KỶ BÁ LAI NGHỊCH THÚC CƠ CHI TANG DĨ QUY

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA KỶ TỚI ĐÓN TANG THÚC CƠ, ĐEM VỀ KỶ

Tả Thị - Năm thứ 9, mùa xuân. Kỷ Hoàn Công tới đón tang Thúc Cơ, Vua Lỗ có mời vua Kỷ tới. Kinh chép là Kỷ Thúc Cơ, vì là vợ vua Kỷ. Còn như đón tang, là vì Thúc Cơ mất ở nước Lỗ ta.

Công Thị - Kỷ Bá sao lại tới đón tang Thúc Cơ đem về Kỵ. Là nói việc trong nước. Bắt Kỷ phải đưa về.

Cốc Thị - Lẽ ra, chồng không đón tang vợ đã bỏ. Đây thì khác.

Xét - Ta Thị bảo là Lỗ mời Kỷ. Công Dương bảo là Kỷ bị Lỗ bắt buộc. Hai thuyết tựa như khác nhau, mà thực thì là một, Thúc Cơ bị bỏ, hoặc không phải là có tội, cho nên Lỗ mới mời được Kỷ tới đón tang về. Người Kỷ sợ bị tội với Lỗ, tuy không muốn mà cũng cứ nghe theo, thế thì bảo là bị áp bức cũng phải.

公會晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯

曹伯莒子杞伯同盟于蒲

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỨ, KỶ BÁ, ĐỒNG MINH VU BỔ

LỖ CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, KỶ BÁ, CÙNG THỀ TẠI ĐẤT BỔ NƯỚC VỆ

Tả Thị - Việc trả lại Tề đất Vấn Dương, các chư hầu ý muốn bỏ Tấn,. Tấn sợ. Vua Tấn triệu tập hội tại dất Bồ, để nhắc lại hiệp ước Mã Lăng. Quí Văn Tử nói với Phạm Văn Tử rằng: "Đức

mà đã kém, thì hội minh có làm gì". Phạm Văn Tử nói: "Cố sức giúp các nước, đối với các nước lấy khoan hòa, đối với địch bằng cương dũng, nhờ thần linh, ủng hộ việc thề, dễ dàng với người đã phục tòng, trừng phạt kẻ đối địch, đó chính là đức". Trong hội minh này, lần đầu tiên nước Ngô được mời, nhưng người Ngô không tới.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ LỖ

二月伯姬歸于宋
NHỊ NGUYỆT, BÁ CƠ, QUY VU TỐNG
THÁNG HAI, BÁ CƠ GẢ VỀ NƯỚC TỐNG

Phụ lục Tả Truyện - Người Sở hối lộ nhiều cho Trịnh, Trịnh Bá mới tới đất Đặng, hội sơ Sở Công Tử Thành.

夏季孫行斧如宋致女
HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TỐNG TRÍ NỮ
MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ ĐI SỨ NƯỚC TỐNG THĂM BÁ CƠ

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử được sai sang Tống, thăm Bá Cơ. Khi về Lỗ phục mệnh, Lỗ Công đãi tiệc. Văn Tử ngâm bài thơ Hàn Dịch, thiên thứ năm. Bà Mục Khương mẹ Bá Cơ, nghe tiếng hát, ở trong phòng bước ra, hai vái rồi nói: "Đại phu khó nhọc không quên tiên quân, mới nghĩ đến tự quân, đến cả vị vong nhân đây. Tiên quân được thỏa nguyện vọng. Vậy xin tạ ơn đại phu đã khó nhọc". Nói xong, cho hát thiên cuối thơ Lục Y, rồi trở về phòng.

Công Thị - Chưa bao giờ chép việc cho sứ tới thăm hỏi con gái ở nhà chồng. Đây chép "trí nữ" là vì chép việc Bá Cơ.

Cốc Thị - Chép chữ "trí" tức là không nên trí. Đàn bà khi còn ở nhà thì nghe cha, đi lấy chồng thì theo chồng. Câu "như Tống trí nữ, sang Tống, thăm hỏi con gái", là chép việc Lỗ ta, đến đó là hết. Vì không được chính cho nên dùng chữ con gái. Kể việc tường tận, vì cho Bá Cơ là hiền.

Lưu Sưởng - Trí nữ, là thế nào? Đàn bà đã đi lấy chồng, ba tháng thì tới lễ ở miếu, chép là "trí", tức là việc hoàn thành Cốc Lương bảo là không được chính cho nên không chép vào sử. Xét đại phu trong nước được mệnh vua đi sứ, không gọi là sứ giả, không chép vào sử. thì sao lại bảo là vua sai đi thăm được.

Trình Tử - Con gái đi lấy chồng, cha mẹ sai người thăm, thì gọi là trí nữ. Thời xưa, sau ba tháng, vào lễ miếu, lễ tổ, mới thành vợ. Vì Bá Cơ hiền, nước Lỗ trọng, cho nên sai vị Khanh "trí" là thăm.

晉人來媵

TẤN NHÂN LAI GIẮNG

NGƯỜI TẤN ĐƯA GIẮNG TỚI

Tả Thị - Người Tấn đưa giắng tới, thế là đúng lễ.

Công Thị - Giắng thì không có chép. Đây chép là vì Bá Cơ.

Cốc Thị - Giắng là việc nhỏ mọn không ghi. Đây ghi vì thấy Bá Cơ về không được đáng nơi đáng chốn, cho nên chép du mọi việc.

秋七月丙子齊侯無野卒

THU, THẤT NGUYỆT, BÍNH TÝ, TỀ HẦU VÔ DÃ TỐT

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY BÍNH TÝ, TỀ HẦU TÊN LÀ VÔ DÃ MẤT

晉公子嬰齊帥師伐莒庚申
莒潰楚人入鄆

TẤN NHÂN CHẤP TRỊNH BÁ, TẤN LOAN THƯ SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH

NGƯỜI TẤN BẮT TRỊNH BÁ. LOAN THƯ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị -

Mùa thu, Trịnh Bá sang Tấn. Người Tấn trị về tội đã theo Sở, bắt giữ tại Đồng đề, Loan Thư đánh Trịnh. Người Trịnh sai Bá Quyên tới xin hòa. Người Tần giết đi. Thế là phi lễ: hai bên đánh nhau, theo lễ không được giết sứ. Tử Trọng nước Sở đánh Trần (đồng minh với Tấn) để cứu Trịnh.

Phụ lục Tả Truyện - Vua Tấn đi thăm các kho, trại, trông thấy Chung Nghi mới hỏi tả hữu: Người đội mũ xứ Nam mà bị giữ là ai thế. Quan chức vụ tâu: Đó là tù nhân nước Sở, người Trịnh bắt được, nộp ta. Tấn Hầu cho cởi trói, gọi lên, ra vẻ thương xót. Chung Nghi hai tay lạy rạp đầu. Tấn Hầu hỏi đến gia thế. Nói ông cha trước giữ chức Nhạc quan ở triều đình Sở. Tấn Hầu hỏi có biết ca nhạc không đáp: Đó là nghề của cha xưa, đâu dám thay nghề khác. Tấn Hầu mới sai đưa cho đàn cầm. Chung Nghi gảy một bài điệu nam. Hỏi đến vua Sở thì đáp: Tiểu nhân đâu dám biết. Gặng hỏi thì nói: khi vua Sở còn là Thái Tử, có Thái Phó cùng Thái Bảo trông coi. Sớm cùng với Anh Tề (Tử Trọng), chiều cùng với Trắc (Tử Phạm). Còn việc khác thì không được biết. Tấn Hầu nói chuyện lại với Phạm Văn Tử. Văn Tử nói: "Người tù này là bậc quân tử. Nói đến chức vụ của ông cha, tức là không bội bản, phản gốc. Đàn điệu nam là không quên nước cũ. Nói đến thời vua làm Thái Tử, là không vì tình riêng, lợi riêng. Gọi tên tục hai đại thần, là tôn kính nhà vua. Vậy không quên gốc là có đức nhân. Nhớ nước là trung. Không tư lợi là tín. Tôn kính vua là thông mẫn. Nhân để tiếp tục công việc. Tín để giữ được việc. Trung để thành được việc. Mẫn để làm việc. Hạng ấy, việc khó đến đâu, rồi cũng làm được. Sao nhà vua không

tha cho về, sai mưu việc hòa giữa Sở với Tấn". Tấn Hầu nghe theo, trọng đãi Chung Nghi, tha cho về Sở, để mưu nghị hòa.

Cốc Thị - Không chép là đánh nhau là có Trịnh Bá. Vì tôn kính mà tránh một việc nhục. Vì quý hiền mà tránh điều lỗi, vì tình thân, mà kiêng tật xấu.

Lưu Sưởng - Chép chữ nhân, người, để làm việc. Bắt, không phải là lối hàng Bá trị tội. Tại sao chép thế. Người Sở cho Trịnh nhiều hối lộ, để Trịnh Bá theo hội với Sở. Người Tấn giận. Đến khi Trịnh Bá tới chầu thì bắt lấy, rồi đem quân đánh Trịnh. Người Trịnh lập ngay vua khác để chống cự. Sau Tấn tha Trịnh Bá về. Trịnh mà sinh loạn là do Tấn gây ra.

Cốc Lương có bàn, không chép chữ chiến là vì Trịnh Bá. Bàn thế sai. Xuân Thu phạt mà không có chiến, thì nhiều lần lắm, đâu có phải là có phạt thì cứ phải có chiến.

Vì người thân, mà kiêng nói tật cũng là bàn sai. Bắt vua người ta, để đánh nước người ta, rất là vô đạo, phải chê, còn kiêng gì.

Gia Huyền Ông - Căn cứ vào Truyện, Trịnh Bá sang Tấn, thế là Trịnh chưa cáo tuyệt với Tấn. Bắt vua, đánh nước, chính trị của nước Tấn sai bậy rồi. Chép là: nhân, người, là: chấp, bắt, là: phạt, đánh, thế là trị tội nước Tấn.

Uông Khắc Khoan - Tấn không lấy lễ mà nâng dắt, không lấy đức mà phục tòng các nước xa, giận Trịnh hai lòng theo Sở, bắt vua Trịnh, đánh nước Trịnh, giết sứ Trịnh đến cầu hòa, thật là bạo ngược. Tuy nhiên, Xuân Thu chép Loan Thư cầm quân, chép chữ phạt, đánh mà không thêm lời biếm, chê, còn người Sở phạt Trần để cứu Trịnh, thì Kinh tước đi không chép, thế là vẫn nâng Tấn, mà hạ Sở.

冬十有一月葬齊頃公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TÁNG TỀ KHOẢNH CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, LỄ TÁNG TỀ KHOẢNH CÔNG

楚公子嬰齊帥師伐莒庚申莒潰楚人入鄆

SỞ CÔNG TỬ, ANH TỀ XUẤT SƯ PHẠT CỬ CANH THÂN, CỬ HỘI. SỞ NHÂN NHẬP VẬN

CÔNG TỬ TỀ ANH NƯỚC SỞ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CỬ NGÀY CANH THÂN, QUÂN NƯỚC CỬ TAN VỠ, QUÂN ĐỘI SỞ VÀO ẤP VẬN NƯỚC CỬ

Tả Thị - Mùa đông, tháng 11, Tử Trọng nước Sở, từ nước Trần, đem quân tràn vào nước Cử, vây thành Cừ Khưu. Tường lũy xấu, dân mới chạy tới quốc đô. Ngày Mậu Thân, quân Sở vào Cừ Khưu. Người Cử bắt được Công Tử Bình nước Sở. Sở cho người bảo đừng giết Bình, thì thả tù binh Cử. Người Cử cứ giết. Quân đội Sở vây quốc đô. Tường lũy đã hư hỏng không chắc. Ngày Canh Thân, Cử tan vỡ. Sở vào đất vận. Cử vì thiếu sự phòng bị nên thua. Người quân tử bàn: Tướng là mình hèn kém, không cần phòng bị, thế là tội to. Phòng bị để phòng việc không ngờ, mới là giỏi. Nước Cử cho là mình bé nhỏ, không ai tới dòm ngó, không sửa sang thành quách, chỉ trong khoảng 12 ngày mà quân Sở lấy được ba thành, chỉ là vì không có phòng bị. Kinh Thi có nói: Dù cho có sợi tơ, sợi gai, cũng đừng bỏ lau, bỏ cói. Đàn bà dù có những họ Cơ, Khương, cũng đừng khinh thường những họ Tiều, Tụy. Phàm quân tử xưa, nay và sau, không ai là không bị, một lần phải thay thứ tốt bằng thứ kém hơn. Nói thế nghĩa là cần phòng bị từ trước Cừ Khưu là tên ấp.

Cốc Thị - Chép ngày, vì Cử tuy ở khoản Di Địch, mà còn là Trung Quốc, Đại phu thấy nước Cử tan, chạy sang Sở. Thế

là chỉ biết tới chỗ hơn. Thật đáng ghét, cho nên cẩn thận chép ngày.

Lưu Sưởng - Cốc Lương chép rằng, đại phu thấy tan, mới chạy tới Sở. Chép thế là bậy. Kinh chỉ chép Cử tan vỡ, chứ không có chữ chạy sang Sở, thế thì Cốc Lương lấy ở đâu ra những chữ đó. Mà "hội, tan vỡ" không phải là đại phu làm cho hội, cho tan vỡ, vì cớ gì lại gán cho đại phu. Hình như là không hiểu nghĩa chữ "hội, tan vỡ". Phàm gọi là hội là coi như nước chảy.

Gia Huyền Ông - Sở mà đánh Cử là để cứu Trịnh. Cử là đồng minh của Tấn ở hội Mã Lăng, hội Bồ. Tấn trông thấy Cử nguy vong, mà ngồi trông không giúp. Xuân Thu vốn ghét lối đó. Trịnh bội với Sở, thì bắt lấy vua, mà đánh vào nước. Còn Cử bị Sở đem quân, đánh thua, thì ngơ đi, không hỏi đến, đạo người Minh chủ như thế đã phải chưa.

秦 人 白 狄 伐 晉

TẦN NHÂN, BẠCH ĐỊCH PHẠT TẤN

NGƯỜI TẦN VÀ GIỐNG BẠCH ĐỊCH ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Người Tần và Bạch Địch đánh Tấn, vì chư hầu đã nhị tâm.

Cao Kháng - Tấn làm Minh chủ, đã bắt Trịnh Bá lại không cứu nước Cử, cho nên chư hầu sinh nhị tâm, mà người Tần liên kết với Bạch Địch để đánh. Thế mới biết Cảnh Công không làm Bá được.

Gia Huyền Ông - Tuyên Công năm thứ 8, có chép quân Tấn cùng Bạch Địch đánh nước Tần. Là chê Tấn. Tuy nhiên, chép còn dùng chữ quân đội Tấn. Nay Kinh chép chữ (Tần nhân) và Bạch Địch đánh Tấn là chê Tần. Sao chê? Vì là đảng với Sở mà đem quân đi đánh Tấn.

鄭 人 圍 許

TRỊNH NHÂN VI HỨA

NGƯỜI TRỊNH VÂY NƯỚC HỨA

Tả Thị - Người Trịnh vây Hứa, để cho Tấn biết là Trịnh không cần gì vua bị giam giữ. Đó là mưu của Công Tôn Thân, Thân bàn: Ta đem quân vây Hứa làm như sắp đổi ngôi vua, hoãn việc đi sứ. Tấn tất thả vua ta về.

Cao Kháng - Trịnh vì Tấn giam mất vua, cho nên truy cứu trách cứ ở Hứa, và vây Hứa.

城中城

THÀNH TRUNG THÀNH

XÂY ĐẮP THÀNH TRUNG THÀNH

Tả Thị - Xây đắp Trung Thành, Chép mùa. Đúng mùa.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, vua Sở sai Công Tôn Thận sang Tấn để đáp lại việc Chung Nghi được vua Tấn tha về và sai nghị hòa Tấn Sở.

Cốc Thị - Xây Trung Thành, không phải là không lo cho dân.

Xét - Mạnh Tử bàn về địa lợi có nói: Thành cao hào sâu. Nói với Đằng Văn Công, có câu: đào hào, xây thành. Vậy đã có nước, cần đặt nơi hiểm để giữ nước. Người Sở đã đánh Cử, sẽ tới Lỗ, cho nên phải phòng bị, phải sửa thành, mà không hại đến ngày giờ công việc của dân. Thế thì không bị chê. Hồ Truyện căn cứ vào Cốc Lương, cho là phàm chép xây thành là có chê, như thế không phải là lời bàn đúng lý.

Năm Canh Thìn. Vua Giản Vương, năm thứ 5.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tấn Cảnh, năm thứ 19. Tề Linh Công tên là Hoàn, năm đầu. Vệ Linh, năm thứ 8. Sái Cảnh, năm thứ 11. Trịnh Thành, năm thứ 4. Tào Tuyên, năm thứ 14. Trần Thành, năm thứ 18. Kỷ Hoàn, năm thứ 56. Tống Cung, năm thứ 8. Tần Hoàn, năm thứ 24. Sở Cung, năm thứ 10. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 5.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 10, mùa xuân. Tấn Hầu sai Địch Phiệt, sang Sở đáp lễ Thái Tể Tử Thương (Công Tử Thần nước Sở).

衛 侯 之 弟 黑 背 帥 師 侵 鄭

VỆ HẦU CHI ĐỆ, HẮC BỐI SUẤT SƯ XÂM TRỊNH

EM VỆ HẦU LÀ HẮC BỐI CẦM QUÂN XÂM TRỊNH

Tả Thị - Tử Thúc Hắc Bối nước Vệ, xâm Trịnh, do mệnh, ước Tấn.

Gia Huyền Ông - Em cùng mẹ đi sứ về việc lễ sính thì còn được. Sai cầm quân, thì không phải là yêu em. Chép là chê. Vệ theo mệnh Tấn, đi xâm nước Trịnh, sai em cầm quân là trách Vệ. Sai chư hầu đánh chư hầu là trách Tấn. Thế tức là một câu mà hai thứ trách.

Ngô Trừng - Tấn đã giam Trịnh Bá, lại sai Loan thư đánh Trịnh. Nay lại sai Vệ xâm Trịnh. Đó là vì một nước Bá như thế. Thế thì sao mà làm cho Trịnh phục được.

夏四月五卜郊不從乃不郊

HẠ, TỨ NGUYỆT, NGŨ BỐC GIAO, BẤT TÒNG, NÃI BẤT GIAO

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NĂM LẦN BÓI TẾ GIAO KHÔNG ĐƯỢC, MỚI THÔI TẾ GIAO

Công Thị - Chép mới thôi tế Giao, là thế nào? Vì không miễn con vật tế, cho nên chép, mới thôi tế giao.

Cốc Thị - Mùa hạ tháng tư, là không phải mùa. Năm lần bói là cố cho được. "Mới" là ý không phải tự người không muốn.

Sư Hiệp - Bói đến năm lần, là bậy. Trời mà có hưởng là đúng theo đạo trời. Đâu có cố được, cầu được.

Cao Kháng - Lỗ không nên tế Giao. Nay không tế Giao không phải là đã theo lễ. Chỉ vì năm lần bói mà không được.

五月公會晉侯齊侯宋公衛侯曹伯伐鄭

NGŨ NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, PHẠT TRỊNH

THÁNG NĂM, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Công Tử Ban nước Trịnh biết mưu của Thúc Thân, Tháng ba, Tử Như, lập Công Tử Nhu. Mùa hạ, tháng tư, người Trịnh giết Nhu, lập Khôn Ngoan, con lớn Trịnh Thành Công. Tử Như (Công Tử Ban) chạy sang nước Hứa. Loan Vũ Tử nước Tấn nói: "Người Trịnh lập vua. Ta giữ một người Trịnh ở đây vô ích (vì không là vua nữa). Không bằng, nay đánh Trịnh trả lại vua rồi cho hòa". Tấn Hầu có bệnh nặng. Tháng năm, người Tấn lập Thái Tử là Châu Bồ lên thay. Rồi họp chư hầu đi đánh Trịnh. Tử Hãn nước Trịnh (con Mục Công) hối lộ tướng bằng đồ quý là cái chuông Tương Chung Tử Nhiên (một con nữa của Mục Công) thề với Tấn tại đất Vu Trạch. Tử Tứ (một con nữa), làm con tin. Ngày Tân Tỵ, Trịnh Bá được về.

Xét - Sau hội đó không lâu, thì Tấn Hầu mất. Kinh không

chép là mất ở trong quân. Cho nên Tả thị chép thêm, cho là Tấn Hầu bệnh nặng, lập Thái Tử làm vua để hội tập chư hầu. Xuân Thu là Kinh dạy muôn đời, đâu lại có chuyện thay bố còn sống làm vua mà cứ chép tước là vua. Cho nên bọn tiên nho bác đi.

齊人來媵

TỀ NHÂN LAI GIẢNG

NGƯỜI TỀ ĐƯA GIẢNG TỚI

Tả Thị - Giảng thì không chép. Đây là vì Bá Cơ. Ba nước cung cấp giảng là phi lễ. Sao lại đều là vì Bá Cơ mà chép. Người đàn bà được cung cấp như thế là quá con số đã định.

Cao Kháng - Bá Cơ gả chồng đã lâu. Chư hầu cho là hiền, còn gửi giảng tới. Tuy nhiên, nước Tấn, nước Vệ đã cung đủ số, sao lại còn gia tăng nữa.

Xét - Chư hầu một lần lấy vợ, được thêm chín người giảng. Bá Cơ làm phu nhân của Tống Công. Người Tề lại tiếp theo Tấn và Vệ, Cung thêm giảng, thành con số 12. Thánh nhân về việc Bá Cơ, chep tường tận, đủ gốc ngọn, mà cũng nhân đó nhận thấy việc thất lễ.

丙午晉侯獳卒

BÍNH NGỌ, TẤN HẦU NẬU TỐT

NGÀY BÍNH NGỌ, TẤN HẦU TÊN LÀ NẬU MẤT

Tả Thị - Tấn Hầu mộng thấy một con quỷ cao lớn, tóc dài chấm đất, tự vỗ ngực, nhảy lên, rồi nói: Ngươi giết oan cháu ta. Ta tâu Thượng đế rồi. Quỷ đập phá cửa cung, cửa phòng, đi vào. Tấn Hầu sợ bước vào buồng nằm. Quỷ lại dập cửa buồng, đi vào. Tỉnh dậy cho gọi người thầy bói ở Tang Điền tới. Người bói nói ngay nhà vua mộng thấy gì rồi đây việc sẽ tới đúng. Vua hỏi việc gì. Người bói nói y như việc thấy trong mộng và đoán trước là nhà vua không được ăn lúa mạch, tức là chết trước mùa gặt.

Công bệnh nặng, cho tới nước Tần mời thầy thuốc. Tần Bá sai thầy thuốc tên là Hoãn sang Tấn. Trước khi thầy thuốc tới, Tấn Hầu mê thấy hai đứa bé bàn nhau: hắn là thầy thuốc giỏi. Hại chúng ta. Trốn đâu được. Một đứa nói: Chui vào trên chỗ hoang, dưới chỗ cao, thì làm gì được ta. Thầy thuốc tới coi bệnh xong nói: Bệnh không chữa được vì đã vào đến cao hoang, dưới cao, trên hoang, mổ xẻ không được, thuốc không tới. Xin chịu. Tấn Hầu khen thật là lương y. Ban cho hậu lộc, cho về. Tháng sáu, ngày Bính Ngọ, Tấn Hầu muốn ăn cháo mạch, sai người ngoài ruộng "điện", hiến lúa mạch mới để nấu, Tấn Hầu cho gọi người bói tới, cho biết là có lúa mạch, rồi xử tử ngay. Khi sắp ăn, thì đau bụng đi vào cầu tiêu, ngã ra, chết ngay. Buổi sớm, có một thị vệ mê thấy cõng Tấn Hầu đi lên trời. Buổi trưa, chính tên đó khiêng ra khỏi cầu tiêu. Rồi về sau, bị làm lễ chôn trên mả vua Tấn Hầu (Lễ gọi là Tuẫn tử, chôn theo).

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá khi được tha về nước, trị tội vua mới lập. Ngày Mậu Thân, giết Thúc Thân, Thúc Cầm. Người quân tử bàn Trung vì người có đức còn cần chọn, huống chi người không có đức.

秋七月公如晉

THU, THẤT NGUYỆT, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Mùa thu. Lỗ Công sang Tấn. Người Tấn giữ Công lại để dự việc tống táng. Khi đó, Tấn Địch Phiệt đi sứ Sở chưa về. Mùa đông, lễ chôn Tấn Cảnh Công. Lỗ Công dự tống táng. Chư hầu không ai có mặt. Người Lỗ xấu hổ. Cho nên Kinh không chép. Kiêng.

Hồ Truyện - Đây là lễ chôn Tấn Hầu. Không chép, là kiêng. Tang Thiên tử quan hệ đến tất cả các nước, mà công việc trông coi là phần chư hầu. Tang chư hầu thì quan hệ đến các nước cùng giao hiếu, mà công việc trông coi là phần các đại phu. Lỗ Công ở lại chôn Tấn Công là phi lễ. Giá như đối với Thiên Tử thì phải đấy. Truyện chép là người Tấn giữ Lỗ Công để dự tống táng mà các chư hầu không ai dự, người Lỗ nhục lắm, cho nên kiêng không

chép. Bàn thế sai. Giá thử chư hầu đều đủ mặt, người Lỗ không lấy làm nhục, thế thì Kinh nên chép hay sao.

Cao Kháng - Khi xưa, Thiên Tử mất, Lỗ Công không có bôn tang. Nay lại bôn tang Tấn Hầu, lại bị người Tấn giữ, sai phải làm việc tống táng cho nên việc lễ chôn Tấn Cảnh Công, không đụng chạm đến.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Năm Tân Tỵ. Vua Giản Vương, năm thứ 6.

十 有 一 年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Lệ Công, tên là Châu Bồ, năm đầu. Tề Linh, năm thứ 2. Vệ Định, năm thứ 9. Sái Cảnh, năm thứ 12. Trịnh Thành, năm thứ 5. Tào Tuyên, năm thứ 15. Trần Thành, năm thứ 19. Kỷ Hoàn, năm thứ 57. Tống Cung, năm thứ 9. Tần Hoàn, năm thứ 25. Sở Cung, năm thứ 11. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 6.

春 王 三 月 公 至 自 晋

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA. LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ LỖ

Tả Thị - Năm thứ 11, Mùa xuân, Vương tháng ba, Lỗ Công từ Tấn về. Người Tấn cho Công là nhị tâm, theo Sở, cho nên giữ Công. Công xin chịu thề, rồi mới được tha về.

Triệu Bằng Phi - Lỗ Công, từ năm trước, tháng bảy sang nước Tấn, đến nay là tháng ba, mới về Lỗ, ở lại Tấn vừa chín tháng. Lỗ cũng có nhân dân, có xã tắc, cần phải bảo vệ. Tấn Hầu tên là Nậu mất vào tháng năm, thì tháng chín có lễ chôn.

Đã chôn xong, mà còn lưu giữ lại sáu tháng nữa, thật là đáng sợ hộ cho Thành Công.

晋侯使郤犫來聘杞丑及郤犫盟

TẤN HẦU SỬ KHÍCH SƯU LAI SÍNH, KỶ SỬU CẬP KHÍCH SƯU MINH

TẤN HẦU SAI KHÍCH SƯU TỚI SÍNH LỄ NGÀY KỶ SỬU, CÔNG CÙNG KHÍCH SƯU THỀ

Tả Thị. Khích Sưu tới sính lễ, và để lễ thề.

Mẹ đẻ ra Thanh Bá khi lấy chồng (bố Thanh Bá) không đủ lễ cưới. (Thanh Bá là Công Tôn Anh Tề, bố tên là Thúc Hật là em cùng mẹ với Lỗ Tuyên Công). Mục Khương, vợ Tuyên Công thường nói: "Tôi không coi một người thiếp là em dâu tôi được". (vì không đủ lễ cưới thì không được là thê). Người ấy đẻ ra Thanh Bá, rồi bị chồng là Thúc Hật bỏ, mới lấy người nước Tề tên là Quản Vu Hề, được hai con, một trai, một gái, rồi hóa chồng, trở về Lỗ cùng hai con, ở với chồng trước là Thanh Bá. Sau Thanh Bá cho đứa em khác cha làm đại phu và đứa em gái khác cha thì gả cho Thi Hiếu Thúc nước Lỗ.

Khi Khích Sưu tới Lỗ lễ sính xong, nói với Thanh Bá muốn lấy vợ. Thanh Bá đem ngay vợ Thi Hiếu Thúc (em gái khác cha) gả cho. Vợ hỏi chồng: Loài chim muông còn biết giữ nhau. Chàng định sao. Chồng nói: Tôi không có tài chết hoặc bỏ nhà cửa ra đi được. Thế là người vợ theo Khích Sưu về Tấn, sinh được một trai, một gái, rồi bị góa, rồi bị người Tấn cho cùng với hai con về với chồng cũ. Thi Hiếu Thúc ra đón vợ cũ ở bờ sông Hoàng, dìm hai đứa con xuống nước chết. Người vợ giận nói: Trước, ngươi đã không che chở cho vợ, để vợ phải đi xa. Nay lại không biết. nuôi hai đứa mồ côi, mà giết đi, rồi đây ngươi sẽ chết cách nào. Thế là thề không làm vợ Thi Hiếu Thúc nữa.

Cao Kháng - Lỗ Công lưu lại ở Tấn chín tháng. Tấn Hầu không cùng thề với Công. Kịp đến khi Công được về nước, thì Tấn Hầu lại cho ngay đại phu sang cùng thề. Thật rõ là Tấn Hầu rất vô lễ với Lỗ Công.

Gia Huyền Ông - So với việc thời Thành Công năm thứ 3, Tuân Canh tới lễ sính rồi thì thề, thì cách biên chép giống nhau. Việc Tuân Canh thề, là do Lỗ tự hiềm là nhị tâm, cho nên cầu cho thề, tuy là cùng sánh với đại phu, mà đáng trách là trách ở Lỗ. Nay Tấn vô lễ với Công, sợ Công theo Sở, cho nên sai Khích Sưu làm lễ thề đó, đáng trách là ở Tấn, Tấn Lệ, mới lập làm vua, thấy vô lễ đối với chư hầu, nên chép để chê.

Ngô Trừng - Tấn Cảnh Công mất. Thành Công đầu tiên tới bôn tang, có thể cho được là kính cẩn trong việc thờ phụng nước lớn. Thế mà Tấn không lấy lễ đối xử, lại giữ lại để chầu chực việc tống táng, thật là làm cho rất nhục. Việc tống táng đã xong, lại không tha cho về. Lỗ Công mới xin chịu thề tỏ là không có nhị tâm, cho nên sau ba tháng mới được về. Vừa tới Lỗ thì Khích Sưu đã tới kịp, Khích Sưu đâu có phải là thực tâm tới lễ sính, chỉ là để áp bức Lỗ Công phải thề.

夏季孫行斧如晉

HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ NHƯ TẤN

MÙA HẠ, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Văn Tử sang Tấn, đáp lễ sính và cũng để thề.

Phụ lục Tả Truyện - Đại thần Triều Chu, là Chu Công, tên là Sở ghét vua Huệ, vua Tương, cho là bị áp bức, mà cũng muốn tranh quyền chính với vị đại thần tên là Bá Dư. Không tranh nổi, mới bỏ nước đi. Đi mới tới Dương Phàn, còn trong đất nhà Chu, thì vua Chu cho Lưu Tử triệu lại, lập minh ước ở đất Quyên. Về đến Kinh sư được ba ngày thì Chu Công lại chạy sang Tấn.

Hoàng Trọng Viêm - Người Tấn giữ Lỗ Công 9 tháng, rồi sau cho về. Tuy nhiên sính lễ với Lỗ luôn, đâu có phải là muốn thân với Lỗ, chỉ là vì nghi Lỗ phản, muốn giữ lại thôi. Lỗ Hầu bị Tấn làm nhục, tuy còn thường thường tới chầu Tấn, đâu có phải là tâm phục Tấn, chỉ vì sợ uy mà nịnh nọt, cung phụng

đó thôi. Một đằng cố kết cho là tín, một đằng xiểm nịnh cho là lễ. Cả hai đều là cách tiểu nhân đối với nhau.

秋叔孫僑如如齊

THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ NHƯ TỀ

MÙA THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ SANG TỀ

Tả Thị - Mùa thu, Tuyên Bá lễ sính ở Tề. Để nối việc giao hiếu trước.

Xét - Kiều Như sang Tề, bọn nho cho là bị Tấn làm nhục cho nên đổi ra thờ Tề, lý hoặc giả thế chăng. Thời đó, Tề mới ở sau cuộc bại trận, Lỗ mà theo Tề, thì Tề cũng chưa dám chống Tấn. Vả lại, Lỗ sợ Tấn không đủ nhờ cậy, rồi Tề có thể thừa cơ gây việc binh, thì Lỗ xoay sở làm sao. Cho nên cùng với Tề giao hiếu trước cho yên chuyện. Vì thế, Hàng Phủ và Kiều Như nối nhau sang Tấn, sang Tề.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện. Khích Chí nước Tấn tranh ấp Hầu ở đất nhà Chu. Vua mệnh cho Lưu Khanh Công, Thiện Tương, đến nước Tấn để cho vua Tấn xử. Khích Chí nói: "Ôn, tên nữa của ấp Hầu, là đất đai của họ nhà tôi, tôi bỏ sao được". Lưu Khang Công và Thiện Tương Công nói: "Xưa nhà Chu diệt xong nhà Thương, có vạch ranh giới các nước chư hầu, để các vua chư hầu chia trị. Tô Phẫn Sinh được đất Ôn và giữ chức Tư Khấu. Đất đó cũng như đất của Đàn Bá, rộng tới sông Hoàng. Họ Tô thì đất tới rợ Địch, rồi không thể cùng ở với Địch được, phải lui về Vệ. Tương Vương thưởng công cho Tấn Văn Công mới cho Ôn. Rồi Ôn thuộc về các họ Hồ, họ Dương, rồi đến họ ngài. Vậy nếu ngược lên, thì thấy chỉ là một ấp của một quan chức triều Chu. Ông chiếm thế nào được". Tấn Hầu truyền cho Khích Chí thôi không được tranh nữa.

Hoa Nguyên nước Tống là bạn với Tử Trọng, lệnh doãn nước Sở và Loan Vũ Tử nước Tấn. Hoa Nguyên được tin là người Sở đã hứa với Địch Phiệt nước Tấn, cùng Tấn hòa, và sai Địch Phiệt đưa tin về cho vua Tấn. Mùa đông, Hoa Nguyên sang Sở, rồi sang Tấn để làm trung gian cho Tấn, Sở hòa.

Tần và Tấn muốn hòa, hẹn nhau họp tại Linh Hồ, đông ngạn sông Hoàng, Tấn Hầu đến trước. Nhưng Tần Bá không chịu qua sông, ngừng lại Vương Thành đợi. Sai Sử quan là Khỏa sang bên đông sông Hoàng, để thề với Tấn Hầu. Còn Khích Sưu với nước Tấn, thì sang phía tây sông Hoàng, để thề với Tần Bá. Phạm Văn Tử nói: Thề như thế thì có ích gì. Cùng làm minh ước là để giữ chữ tín. Mối đầu đã thiếu, thì còn có gì là chắc chắn. Tần Bá khi về đến triều là bội ước ngay.

Năm Nhâm Ngọ. Vua Giản Vương năm thứ 7.

十 有 二 年
THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 12

Tấn Lệ năm thứ 2. Tề Linh, năm thứ 3. Vệ Định, năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 13. Trịnh Thành, năm thứ 6. Tào Tuyên, năm thứ 16. Trần Thành, năm thứ 20. Kỷ Hoàn, năm thứ 58. Tống Cung, năm thứ 10. Tần Hoàn, năm thứ 26. Sở Cung, năm thứ 12. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 7.

春 周 公 出 奔 晉
XUÂN, CHU CÔNG XUẤT BÔN TẤN
MÙA XUÂN, CHU CÔNG CHẠY SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị. Năm thứ 12. Mùa xuân, Sứ Thiên Tử, tới báo cáo nạn Chu Công Kinh chép là Chu Công đi ra khỏi nước và chạy đến Tấn. Xưa nay, không ai ra khỏi nước Chu (vì cả thiên hạ là Chu). Đây là Chu Công rời khỏi quyền trực tiếp Thiên Tử.

Công Thị - Chu Công là một trong ba vị Tam Công ở triều

đình Chu. Nhà vua không có trong, ngoài vì đâu đâu cũng là đất nhà vua. Đây nói là ra khỏi nước là thế nào. Là từ ấp riêng mà đi ra.

Cốc Thị - Chu chỉ có vào, không có ra. Nói là ra, thì kẻ trên, người dưới thế nào, nhận ra rõ ngay. Nói đạo của trên dưới, thế là không còn nữa. Trên dù có mất, dưới đâu dám được. Nay trên dưới thế là đều mất.

Đỗ Dư -. Thiên Tử không có trong ngoài. Cho nên chạy trốn, không nói là xuất, ra, ra khỏi nước. Chu Công được vua triệu trở lại, mà rồi tự mình rứt với Chu, cho nên chép chữ xuất là buộc tội.

Lục Thuần - Công Dương ban: Vương giả không có trong ngoài. Đây chép là xuất, ra, là từ ấp riêng chạy ra. Xét nhà Chu là nước ở trong khu Điện nội, thì không nên dùng chữ ấp riêng.

Tôn Giác - Theo nghĩa Xuân Thu, thì từ Chu không đi ra nước nào. Thiên hạ chỉ có một chu. Đi đâu thì cũng là Chu. Thiên Vương ở Trịnh, Chu Công chạy sang Tấn, là việc lạ. Ý của Khổng Tử là: Vua, sở dĩ là vua, vì có ngôi vị, mà cả thiên hạ là của vua. Vua được xét là xuất, ra, là tự mình rứt với ngôi vị mình mà lại không còn có thiên hạ nữa. Thiên hạ đã không có nữa, thì tuy ở Trịnh, cũng không thể không chép là xuất. Chu Công sở dĩ là Chu Công, vì là tả hữu của Thiên Tử, mà cùng Thiên Tử cùng trị. Làm Tam Công mà tự mình rứt, rời, khỏi Thiên Tử, thì không còn gọi là Tam Công nữa. Tuy chỉ là chạy đến Tấn, mà cũng như đã chạy ra ngoài bốn bể.

Thiên hạ có một vương. Mà vương có tam công. Kinh Xuân Thu chép là xuất, dụng ý nói là thiên hạ không có vương, mà vương không có tam công.

夏公會晉侯衛侯于瑣澤

HẠ, CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, VU TỎA TRẠCH

MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TẠI TỎA TRẠCH

Tả Thị - Hoa Nguyên nước Tống cố hoàn thành được việc hòa giữa Tấn và Sở. Mùa hạ, tháng năm. Sĩ Tiếp nước Tấn hội với công tử Bãi và Hứa Yển. Ngày Quý Hợi, thề ở ngoài cửa tây Quốc đông Tống. Trong minh ước có nói: "Không bao giờ Tấn và Sở giao chiến. Cùng nhau, hay như dở (yêu ai, ghét ai giống nhau). Giúp nhau trong hoạn nạn. Cứu nhau trong hung hại Kẻ thù nào hại Sở thì Tấn đánh. Kẻ thù nào hại Tấn thì Sở đánh. Sứ thần hai nước đi lại, quan âi, đạo lộ, không ngăn cản. Hai nước cùng mưu kế đối với kẻ bất phục tòng, và trừng trị những ai phản chủ. Nếu ai trái minh ước, thì thần linh, trừng phạt làm cho quân đội tan vỡ, không giữ được đất nước". Vua Trịnh đi tới Tấn để nhận các điều kiện hòa, khi nghe thấy Sở và Tấn cùng hội tại Tỏa Trạch, mà đã ký kết minh ước rồi.

Lưu Sưởng - Tả Thị nói: Tống Hoa Nguyên cố hoàn thành được việc hòa giữa Tấn và Sở. Trịnh Bá sang Tấn để nhận các điều kiện hòa, khi nghe thấy Sở và Tấn cùng hội tại Tỏa Trạch mà đã ký kết minh ước rồi. Tuy nhiên, hội Tỏa Trạch vốn để họp Sở và Trịnh. Nay Sở và Trịnh không tới, Lỗ và Vệ tự thề là thế nào. Vả lại họp Tấn và Sở, là do Tống, Tống cũng không dự, thế là thế nào. Phàm Tấn và Sở mà hòa, thì nên đại hội chư hầu để phô trương hòa hảo. Nay chỉ có ba nước hội mà thôi, thế lại là thế nào. Vậy thì các lời chép ở Truyện không thể tin được.

Xét - việc thề ở cửa tây thành Tống, Tả Thị kể tường tận, mà lại không thấy chép trong kinh. Triệu Khuông sau phải cho là một thuyết phụ vào. Triệu Khuông bàn sai. Nếu quả là không có hội thề ấy, thì Khích Chí và Công Tử Bãi, đi lại luôn luôn làm gì.

Xét - Việc Tấn Sở hòa, Xuân Thu vốn ghét, cho nên Thánh nhân san đi không chép. Hội Tỏa Trạch, Kinh chép Lỗ với Tấn,

Vệ, mà không có Trịnh Bá. Truyện thì kể Trịnh Bá sang Tấn, mà lại không kể Lỗ, Vệ. Cho nên Lưu Sưởng cho là Truyện không đủ tin. Tuy nhiên, việc Xuân Thu thì phải căn cứ vào Tả Truyện. Vả lại, cứ như thế đã lâu rồi. Vậy cứ để.

秋晉人敗狄于交剛

THU, TẤN NHÂN BẠI ĐỊCH VU GIAO CƯƠNG

MÙA THU, NGƯỜI TẤN ĐÁNH BẠI RỢ ĐỊCH TẠI GIAO CƯƠNG

Tả thị. Người Địch nhân khi Tấn và Sở đang hội thề ở quốc đô Tống, mới tràn vào Tấn, dù dự bị chưa đủ. Mùa thu, Tấn đánh tan quân Địch tại đất Giao Cương.

Cốc Thị. Về việc Trung Quốc với Di Địch thì không chép chữ chiến. Điều nói là đánh cho thua. Đối với Di Địch không chép ngày.

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Khích Chí nước Tấn sang nước Sở lễ sính và cũng để ký kết minh ước. Vua Sở thết tiệc. Tử Phản giữ chức Tướng lễ, có cho đào dưới đất một nếp nhà, để đặt chuông và trống. Khi Khích Chí sắp bước lên thềm thì chuông gióng ở dưới đất. Chí hoảng sợ rảo bước đi ra. Tử Phản nói: Bóng chiều đã xế. Qua quân tôi đợi trong điện. Mời ngài vào. Khích Chí đáp: Nhà vua không quên tình giao hiếu của các tiên quân Sở và Tấn, ơn tới cả cho đến hạ thần, ban cho đại lễ, cử nhạc. Ví như, trời thêm phúc, hai vua gặp nhau thì còn lễ nào trọng hơn được. Hạ thần không dám nhận những lễ nghi này. Tử Phản nói: Ví như nhờ trời, hai vua gặp nhau, tức là mỗi vị có phát tên để tặng nhau. Thế thì có dùng gì đến nhạc. Hiện nay quả nhân tôi đợi, xin mời vào. Khách nói: Ví như hai vua lấy phát tên tặng nhau, thì đó là một tai họa lớn, đâu còn gọi là nhờ phúc trời. Khi khắp thiên hạ

đều có kỷ cương, các vua chư hầu không phải bận rộn về việc của Thiên Tử, thì sẽ luôn luôn gần nhau ở triều đình, lúc đó có lễ nghi, tiệc hưởng, tiệc yến. Trong các tiệc hưởng, các vua, treo gương cung kính, cần kiệm. Trong các tiệc yến, mới thấy các vua từ ái, ân huệ. Cung kiệm để đủ lễ. Từ huệ để hành chính. Hành chính có lễ mới thành. Dân được yên vui. Trăm quan không phải cần cù suốt tối ngày. Thế mới thực là vua chư hầu trông coi, săn sóc dân. Cho nên Kinh Thi có câu: Các Tướng chăm việc, đem thân làm mộc, làm thành cho vua. Trong thời loạn các chư hầu, tham gian, cướp quyền, phóng dục. Khi muốn tranh một mảnh đất, thì quăng ra chỗ chết, tất cả quân dân. Lấy các tướng làm chân tay, làm nanh vuốt, làm ruột gan, nghĩa là dùng các tướng làm thỏa dục vọng. Cho nên Kinh Thi lại có câu: Các tướng chăm việc, làm phúc tâm cho vua. Khi thiên hạ có kỷ cương, thì Công, Hầu, tựa như tấm mộc, bức thành của dân, mà biết điều khiển phúc tâm, thời loạn thì khác hẳn. Nay lời ngày vừa nói ra là gây mối loạn, không thể lấy làm phép được. Tuy nhiên ngài là chủ, Chí tôi đâu dám không theo. Nói xong đi vào, dự tiệc cho đến cuối.

Khi về Tấn, nói với Phạm Văn Tử. Phạm Văn Tử bảo: Vô lễ thì sẽ ăn lời. Không khéo ta nguy đến nơi.

Mùa đông, Công tử Bãi sang Tấn lễ sính, và để ký minh ước. Tháng 12 Tấn Hầu và Sở Công Tử Bãi ký ước tại đất Xích Cức.

Năm Quí Mùi. Vua Giản Vương năm thứ 8.

十 有 三 年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Lệ năm thứ 3. Tề Linh, năm thứ 4. Vệ Đinh, năm thứ 11. Sái Cảnh, năm thứ 14. Trịnh Thành, năm thứ 7. Tào Tuyên, năm thứ 17. Trần Thành, năm thứ 21. Kỷ Hoàn, năm thứ 59. Tống Cung, năm thứ 11. Tần Hoàng năm thứ 27. Sở Cung, năm thứ 13. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 8.

春晉侯使郤錡來乞師

XUÂN, TẤN HẦU SỬ KHÍCH KỲ LAI KHẤT SƯ

MÙA XUÂN, TẤN HẦU SAI KHÍCH KỲ TỚI XIN QUÂN

Tả Thị. Năm thứ 13. Mùa xuân, Tấn Hầu sai Khích Kỳ tới xin quân, Khích Kỳ tỏ vẻ không kính. Mạnh Hiến Tử nói: Họ Khích chết đến nơi. Lễ đối với người như cái thân cây đối với cây. Kính là nền tảng. Khích Tử không có nền tảng. Vả lại chỉ là nối cha giữ chức vụ. Theo mệnh chủ tới xin quân, tức là làm một việc quan trọng cho xã tắc. Thế mà ra ý trễ nhác, coi thường mệnh chủ. Thoát chết sao được.

Cốc Thị - Xin là chữ nặng. Người xưa cho việc binh là quan trọng, cho nên dùng chữ xin.

Xét - Tấn làm minh chủ, sai sứ gọi quân, mà nói là xin. Đỗ Dự thì cho là lời khiêm nhã. Hồ Truyện thì cho là khuất tất kém hèn, thế là nhầm. Thời đó, Tấn đương vô lễ với Lỗ. Lỗ chầu thì giữ lại không cho về. Lỗ hội thì ngăn, không cho dự, cho cùng thề với đại phu. Khích Sưu là khinh. Bất Hàng Phủ làm cho nhục. Như thế, đâu có thái độ hèn kém, khuất tất.

三月公如京師

TAM NGUYỆT CÔNG NHƯ KINH SƯ

THÁNG BA, LỖ CÔNG TỚI KINH SƯ

Cốc Thị - Lỗ Công mà sang Kinh Sư, thì không chép tháng. Chép tháng thì không phải là sang. Không sang mà chép là sang, thế là ý vẫn không bội phản Kinh sư.

Hoàng Trọng Viêm - Thời Xuân Thu, nước Lỗ kế tiếp 12 vị Công. Mà tới chầu Thiên Tử có hai vị, đều cùng không bảo được là chầu theo lễ nghi, là: Hi Công chầu ở Vương Sở, nơi vua đình lại, và Thành Công sang Kinh sư. Hi Công theo đúng lễ chầu Thiên Tử, nhưng không phải là ở Kinh sư, tức không phải là nơi chầu. Thành Công mượn đường qua Kinh sư, nhân tiện chầu vua, mà ý không phải ở chầu vua. Cho

nên đều không được coi là đúng lễ. Vì không được coi là đúng lễ, cho nên chép.

夏五月公自京師遂會晉侯齊侯
宋公衛侯鄭伯曹伯邾人滕人伐秦

HẠ NGŨ NGUYỆT, CÔNG TỰ KINH SƯ, TỤY HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, PHẠT TẦN

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, LỖ CÔNG, TỪ KINH SƯ RỒI HỘ VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, ĐỂ ĐÁNH TẦN

Tả Thị - Tháng ba, Lỗ Công tới Kinh sư. Tuyên Bá muốn được Thiên Tử ra ơn riêng. Mới xin đi trước vua tới Kinh sư. Thiên Tử đối đãi như một vị Hành nhân thường (sứ gia). Manh Hiến Tử theo Lỗ Công. Thiên Tử coi như phó của Công ban cho lễ rất hậu. Lỗ Công cùng với chư hầu chầu vua. Rồi theo Lưu Khang Công, Thành Túc Công, hội với Tấn Hầu để đánh Tần. Vua nước Thành là Thành Tử, nhận phần tế ở nền xã, ý không được kính cẩn. Lưu Tử nói: "Tôi nghe, dân sống được, nhờ các tinh ba giữa khoảng trời và đất, thế gọi là mệnh. Cho nên có các phép tắc, quy chế về lễ nghĩa, uy nghi, để chuẩn mệnh đó. Người khôn biết theo, thì được phúc. Người dại không theo thì bị họa. Vậy quân tử chuyên cần lễ; tiểu nhân chuyên cần sức. Chuyên cần lễ không gì hơn, xứ sự lấy cung và kính. Chuyên cần sức, không gì bằng làm việc cho chắc và tốt. Cung, kính về tế lễ. Chắc tốt về chức nghiệp. Việc lớn của quốc gia là tế tự cùng binh cách. Tế tự thì cần hiến dâng đồ tế, binh cách thì cần phát nhận phần tế. Đó là các điểm chính trong lễ nghi. Nay Thành Tử tỏ ra bất kính. Thế là không cần đến mệnh. Liệu Thành Tử có trở về được không". Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Ngọ, Tấn hầu sai Lã Tương, tuyệt giao với Tần và nói với Tần rằng: "Xưa, từ Hiếu Công tôi giao hiếu với Tần Mục Công, tận lực, đồng tâm, đã có minh ước, lại thêm kết hôn nhân, gặp

khi nước Tấn tôi bị thiên tai Văn Công (Tấn Trùng Nhĩ) phải sang tề, Huệ Công (Tấn Di Ngô) phải sang Tần. Khi Tấn Hiến Công (sinh ra Trùng Nhĩ và Di Ngô) thất lộc. Tần Mục Công giữ đức cũ, thấy Huệ Công có thể giữ được tôn miếu mới giúp cho về nối nghiệp. Nhưng không hoàn thành được công quả, phải đem quân tới đất Hàn. Bắt Huệ Công trong lòng có hối, nên lại giúp Văn Công. Vậy Văn Công được về làm vua là nhờ Tần Mục Công. Văn Công Thân không rời giáp trụ, gian nan hiểm trở, thu phục các chư hầu mặt đông, đều là dòng dõi đế Vương các thời Ngu. Hạ, Thương, Chu để cùng quay về với Tần. Đối với Tần, thế là báo được ân đức xưa. Rồi đến việc nước Trịnh xâm lấn bờ cõi nhà vua (vua Tần) thì Văn Công lại đốc thúc các chư hầu tới giải vây cho Tần. Thế là các quan bên Tần không theo mưu kế Văn Công tôi, lại riêng hòa ước với Trịnh, Các chư hầu đều giận, định cùng với Tần một mất một còn. Văn Công tôi sợ. Cố làm cho chư hầu được yên lòng; quân Tần mới được rút về không bị đánh. Thế là nước Tấn tôi có công tái tạo ra cho Tần. Văn Công thất lộc. Tần Mục Công không điếu tang, cho là người đã chết rồi thì không cần đến nữa. Vua Tương Công tôi nối nghiệp còn mới mẻ thì Tần đánh úp ngay đất Hào của nước tôi, thế là hoà hiếu gián đoạn. Thế là lấy Bảo Thành của nước tôi, diệt nước Bí Hoạt là đồng tính với Tấn tôi, tức là giảm hại anh em chúng tôi. Trịnh với Tấn là đồng minh. Đánh Trịnh tức là nhiễu loạn đồng minh tôi. Nước tôi bị nghiêng ngửa. Tương Công tôi chưa quên ơn vua Tần. Nhưng vì phải bảo vệ xã tắc, cho nên mới có trận đất Hào, còn đương mong mỏi Tần Mục Công sá tội cho, thì Mục Công không nghe, lại liên kết với Sở để định thôn tính nước Tấn tôi. Trời thấu hiểu lòng người. Sở Thành Vương bị giết, thành ra Tần Mục Công không được đắc chí với Tấn. Rồi Mục Công, Tương Công thất Lộc. Tần Khang Công, Tấn Linh Công nối nghiệp. Tần Khang Công đã là cháu ngoại Tấn Hiến Công mà lại muốn hại họ Tấn, làm hỏng xã tắc Tấn, xúi giục giúp đỡ phản nghịch, khác gì để cho sâu bọ ăn hại thóc lúa. Vì thế bất đắc dĩ phải có trận ở đất Linh Hồ. Tần Khang Công vẫn không đổi chí hướng lại xâm lăng các đất Hà Khúc, Tốc Xuyên, Vương Quan, Ky Mã. Vì thế Tấn tôi phải

có trận Hà Khúc. Đường phía đông, không dùng được nữa, hoàn toàn vì Tần Khang Công.

Rồi đến nhà vua lên ngôi. Khi đó, vua Tấn tôi là Cảnh Công, nhìn về phía tây, tự hỏi liệu tây Tần có cho ta yên không. Nhà vua (Tần Hoàn Công) chẳng nghĩ gì đến minh ước, thừa cơ Tấn đang có việc, đem quân vào Hà Huyện, đốt hai ấp Cơ, Cáo phá hết ruộng lúa, giết dân ở nơi biên thùy. Vì thế, mới có trận phụ địa. Nhà vua cũng hối hận, e họa hai nước cứ lâu dài mãi. Muốn gây lại cái phúc của các tiên quân Hiến Công, Mục Công có sai Bá Xa sang nói với Cảnh Công tôi: Nay Tần muốn bỏ hiềm cũ, nối lại hòa hiếu, sửa đức xưa, nhớ đến công ơn xưa. Chưa kịp hoàn thành minh ước, thì Cảnh Công thất lộc.

Quả quân tôi cứ theo ý vua cũ. Mới có hội Linh Hồ. Nào ngờ nhà vua không thực, lại bội ước, bỏ hội. Nước Bạch Địch với nước Tần cùng ở trên một dải đất, hai nước là thù địch, mà Bạch Địch thì lại là nước hôn nhân của Tấn tôi. Thế mà nhà vua cho sang bảo vua Tấn tôi rằng. Hai ta cùng đánh nước Địch. Vua tôi sợ nhà vua, không dám nghĩ đến tình hôn nhân, xin vâng với sứ giả. Ai ngờ nhà vua hai lòng, lại bảo Địch. Tấn sẽ đánh ngươi đấy. Địch vâng, nhưng nghi ngại mới bảo riêng cho vua tôi. Sở cũng ghét nhà vua là hai ba lòng, có báo cho vua tôi là: Tần đã bội ước Linh Hồ, lại muốn đồng minh với Sở, vua Sở đã cáo với Hoàng Thiên, với các tiên quân Sở, tiên quân Tần rằng. Tần có đi lại với Tấn chỉ vì lợi thôi. Lại cáo sự thiếu đức thành của Tần với các chư hầu, để răn trừng kẻ bất nhất. Các chư hầu nghe nói, đều đau lòng, bận trí, tới thăm quả quân tôi. Quả quân tôi, nay gióng giả chư hầu để cầu hòa hiếu. Nhà vua nếu nghĩ đến chư hầu, rồi thương quả quân, cho minh ước, thì quả quân tôi mãn nguyện và khuyên chư hầu lui quân, không quấy rối. Nhược bằng nhà vua không ra ơn, thì vua tôi bất tài, không khuyên chư hầu lui quân được.

Mấy lời nói rõ với quan chấp sự, để đắn đo lợi hại".

Tần Hoàn Công đã cùng Tấn Lệ Công thề tại Linh Hồ, lại triệu tập rợ Địch cùng nước Sở để đưa đi đánh Tấn. Vì thế chư

hầu mới hợp với Tấn. Tấn Loan Thư, tướng Trung quân Tuân Canh làm phó. Sĩ tiếp tướng Thượng quân, Khích Kỳ làm phó. Hàn quyết tướng Hạ quân, Tuân Oanh làm phó, Triệu Chiên tướng Tân quân, Khích Chí làm phó, Khích Nghị giữ chức Ngự Nhung (đánh xe vua) có Loan Chăm làm Xa hữu.

Mạnh Hiến Tử nói: Chủ súy và các tướng tá về chiến xa đều ăn khớp với nhau, quân đội tất là thắng.

Tháng năm, ngày Đinh Hợi, quân Tấn cùng quân các chư hầu đánh quân Tần tại Ma Toại. Quân Tần tan vỡ. Các tướng Tần, Thành Sai và Bất Canh Nhữ Phủ bị bắt. Tào Tuyên Công mất trong quân. Quân đội qua sông Kinh tới đất Hầu Lệ mới quay lại. Gặp Tấn Hầu ở Tân Sở. Tấn Hầu dừng tại Tân Sở trên đất Tần.

Thành Túc Công mất ở đất Hà trên đất Tần,

Phụ lục Tả Truyện - Tháng sáu, ngày Đinh Mão, đêm Công tử Ban nước Trịnh, từ ấp Tí trên đất Trịnh, cố vào trong Thái Cung (Thái miếu), không vào nổi. Giết Tử Ấn, Tử Vũ (hai con Trịnh Mục Công) rồi tập hợp quân đội của mình ở trong chợ. Ngày Kỷ tị, Tử Tứ một con của Mục Công tập trung dân ở Thái Cung, cùng ký một khoán ước. Đuổi được Ban, đốt tan chợ. Giết con Ban là Tử Như, em cùng mẹ với Ban là Tử Mang, cả mấy con của Tử Như là Tôn Thúc, Tôn Tri.

Công Thị - Chép là "từ Kinh sư" là thế nào? Lỗ Công đặt ra thời đó tỏ ý là hãy còn không dám khinh thường Thiên Tử.

Cốc Thị - Chép là thụ mệnh, được mệnh, là ý chưa dám bỏ qua triều đình chu.

Trình Tử - Không chép chữ chầu vua. Nhân hội họp đánh Tần mới đi tới, nên không thành lễ chầu vua. Việc đánh Tần là quan Trọng.

Trần Phó Lương - Trận đánh nhau ở đất Ma Toại, quân Tần tan vỡ, thì chép đánh Tần. Trận đánh nhau ở đất Lịch. Quân Tấn tan vỡ, thì chép đánh Tấn. Tức như cho là không đủ để kể tường tận.

Gia Huyền Ông - Chép sang Kinh sư, từ Kinh sư. Ý cho

là còn biết có vương. Chép từ Kinh sư hội chư hầu đánh Tấn, là ý có tâu vua y như chinh phạt vẫn là tự quyền Thiên Tử. Đó là ý Xuân Thu: Tôn Chu, Tôn nhà Chu, Lưu Khang Công, Thành Túc Công, đều cùng đi, nhưng Kinh không chép. Tấn với Tần đánh nhau riêng, các vị đó không nên cùng dự, vậy không chép, hay là ý thế chăng.

曹伯盧卒于師

TÀO BÁ LƯ TỐT VU SƯ

TÀO BÁ TÊN LÀ LƯ MẤT TRONG QUÂN

Tả Thị - Người Tào để cho Công tử Phụ Sô (con Tuyên Công), giữ nước, người con khác là Hân Thời đi đón tang Tào Bá. Mùa thu, Phụ Sô giết Thái tử, rồi tự lập làm vua. Các chư hầu nói với Tấn cùng đi trị tội. Tấn xét việc quân đã khó nhọc, xin hoãn đến năm khác.

Cốc Thị - Truyện bàn rằng, về việc tang, ở trong quân thì nói là quân, ơ trong hội thì nói là hội.

秋七月公至自伐秦

THU, THẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TẦN

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG TỪ PHẠT TẦN VỀ LỖ

Vương Bảo - Trong năm nay, Xuân Thu về thư pháp, khen chê, san bỏ, có nhiều lệ biến đổi. Đầu tiên, chép "xin quân" thì biết việc đánh Tần là do ý của Tấn Lệ Công. Rồi đến "sang Kinh sư" thì biết Lỗ Thành Công đi chầu vua, chứ không phải chuyên quyền đi chinh phạt, Rồi đến chép "từ Kinh sư đánh Tấn" là để công việc nối tiếp, không thể sấp mặt Thiên Tử được. Cuối cùng chép "từ đánh Tần về đánh Lỗ" thì rõ Lỗ Công ra đi không phải vì việc chầu Thiên Tử. Lời và ý đều là thực. Xuân Thu được coi là Vi mà Hiển, rất ít lại rất rõ, không phải Thánh nhân còn ai soạn được.

冬 葬 曹 宣 公

ĐÔNG, TÁNG TÀO TUYÊN CÔNG

MÙA ĐÔNG, LỄ CHÔN TÀO TUYÊN CÔNG

Tả Thị - Mùa đông, lễ chôn Tào Tuyên Công. Sau lễ chôn, Tử Tang (Hân Thời) sửa soạn bỏ nước ra đi. Dân tỏ ý đi theo cả. Thành Công (Phụ Sô), sợ, nhận tội, mời ở lại. Hân Thời ở lại, nhưng giao trả ấp, ấp được phong xưa nay vẫn ở.

Cốc Thị - Mùa táng, được đúng.

Năm Giáp Thân. Vua Giản Vương năm thứ 9.

十 有 四 年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tấn Lệ năm thứ 4. Tề Linh năm thứ 5. Vệ Định năm thứ 12. Sái Cảnh năm thứ 15. Trịnh Thành năm thứ 8. Tào Thành Công Phụ Sô năm đầu. Trần Thành năm thứ 22. Kỷ Hoàn năm thứ 60. Tống Cung năm thứ 12. Tấn Hoàn năm thứ 28. Sở Cung năm thứ 14. Ngô Thọ Mộng năm thứ 9.

春 王 正 月 莒 子 朱 卒

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, CỬ TỬ CHU TỐT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CỬ TỬ TÊN LÀ CHU MẤT

夏 衛 孫 林 斧 自 晉 歸 于 衛

HẠ, VỆ TÔN LÂM PHỦ TỰ TẤN QUY VU VỆ

MÙA HẠ, TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ TỪ TẤN VỀ VỆ

Tả Thị - Mùa xuân, Vệ Hầu sang Tấn. Tấn Hầu cố muốn cho Vệ Hầu tiếp Tôn Lâm Phủ hiện ở Tấn. Vệ Hầu không tiếp.

Mùa hạ, Vệ Hầu đã về nước. Tấn Hầu sai Khích Sưu đưa Tôn Lâm Phủ về Vệ xin yết kiến. Vệ Hầu ý không muốn. Phu nhân Định Khương can: "Không nên thế. đó là con một tôn khanh thân thích. Vả lại một nước lớn làm trung gian xin hộ mà không cho thì nguy sẽ tới. Dù nhà vua có ghét, cũng nên cho yết kiến, còn hơn bị nguy vong. Xin nhà vua nhẫn nại. Đã yên dân, mà lại tha cho vị khanh trong họ, thì còn gì bằng". Vệ Hầu nghe, cho vào chầu, phục chức cho.

Vệ Hầu đãi tiệc Khổ Thành Thúc (Khích Sưu) có Ninh Huệ Tử làm tướng lễ. Khổ Thành Thúc có vẻ ngạo. Ninh Huệ Tử nói: Họ khổ Thành chết đến nơi. Xưa, đặt ra hưởng yến tiệc, là để coi uy nghi mà đoán được họa phúc. Cho nên Kinh thi có câu: Sừng tê cong, đựng rượu ngon mà êm dịu, tân khách không ngạo, trời ban phúc lộc nhiều. Nay xét, khách hành động ngạo, rồi sẽ mang họa.

Tôn Phục - Năm thứ 7, Tôn Lâm Phủ chạy sang Tấn, lại chép: từ Tấn về Vệ, là do Tấn Hầu mà được về. Đại phu Vệ do Tấn Hầu mà được về, thì công việc nước Vệ ra sao, có thể nhận thấy được.

秋叔孫僑如如齊逆女

THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ NHƯ TỀ NGHỊCH NỮ

MÙA THU, THÚC TÔN KIỀU NHƯ SANG TỀ ĐÓN DÂU (VỢ VUA LỖ)

Tả Thị - Mùa thu Tuyên Bá sang Tề đón dâu. Kinh chép cả họ (Thúc Tôn) là tôn trọng mệnh vua.

Lưu Sưởng - Năm thứ 14, Thúc Tôn Kiều Như sang Tề đón dâu. Tháng 9, Kiều Như đưa phu nhân Khương Thị từ Tề về. Tả Thị bàn chép cả họ là tôn mệnh vua, bỏ họ đi là tôn phu nhân. Bàn sai. Một việc mà cần nói đến hai lần, thì lần sau cứ chép tên thôi, đó là lối văn thường thấy ở Kinh Xuân Thu, chứ không phải là tôn mệnh vua mà ghi cả họ, tôn phu nhân mà bỏ họ.

鄭公子喜帥師伐許

TRỊNH, CÔNG TỬ HỶ SUẤT SƯ PHẠT HỨA

TRỊNH CÔNG TỬ HỶ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC HỨA

Tả Thị - Tháng tám, Trịnh Tử Hãn, đánh Hứa. Hãn bị thua. Ngày Mậu Tuất Trịnh Bá lại đánh Hứa. Ngày Canh Tý vào được cửa ô. Dân Hứa xin hòa và giao trả đất do Thúc Thân đã phân chia hồi năm thứ tư.

九月僑如以夫人婦姜氏至自齊

CỬU NGUYỆT, KIỀU NHƯ DĨ PHU NHÂN PHỤ KHƯƠNG THỊ CHÍ TỰ TỀ

THÁNG 9, KIỀU NHƯ TỪ TỀ ĐƯA KHƯƠNG THỊ VỀ LÀM PHU NHÂN LỖ CÔNG

Tả Thị - Tháng 9 Kiều Như đưa phu nhân Khương thị từ Tề về. Chép bỏ họ là để tôn trọng phu nhân. Cho nên người quân tử bàn: Xuân Thu chữ ít mà rõ. Chuyện ghi như mập mờ, mà sự thực thì sáng tỏ. Nói được hết mà tường tận, khuyên điều hay, trị việc ác. Ngoài thánh nhân còn ai soạn được.

Cốc Thị - Đại phu không đón phu nhân. Đón phu nhân, không được là chính lễ. Chê sao không thân hành đi đón. Kiều Như là do mệnh vua sai đi.

Xét - Bọn tiên nho cho là chư hầu nên thân hành đón vợ. Riêng Trình Tử bác đi, cho là chỉ thân nghênh từ quán xá. Chưa từng thấy đã có tôn miếu xã tắc mà đi ra nước ngoài đón vợ. Thuyết ấy đúng. Kiều Như từ Tề đưa phu nhân về. Cốc Lương cho là Kinh chê, sao không thân nghênh, mà Hồ Truyện cũng nghe theo. Hoặc giả đón ở trong quốc đô, hoặc giả đón ở trong bờ cõi, các thuyết chưa nhất định. Nếu là đón ở trong bờ cõi, thì khi chưa đến bờ cõi, vẫn cứ phải có một đại phu đi đón.

Nay cứ theo Trình Tử, còn những câu thân nghênh thì bỏ đi.

冬 十 月 庚 寅 衛 侯 臧 卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CANH DẦN, VỆ HẦU TANG TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY CANH DẦN, VỆ HẦU TÊN LÀ TANG MẤT

Tả Thị - Vệ Hầu có bệnh, sai Khổng Thành Tử, Ninh Huệ Tử, lập con người thiếp, Kính Tự tên là Khản, làm Thái tử. Mùa đông tháng 10. Vệ Định Công mất. Phu nhân Khương Thị, lễ khóc rồi, lui về nghỉ, thấy Thái tử không có chút gì thương xót, đã cầm chén, không buồn uống nước, than rằng: "Trông người như thế, không những làm hại cho nước Vệ, mà đầu tiên hãy hại cho vị vong này. Thương thay, trời ra tai cho nước Vệ ta. Ta không định đoạt được cho Chuyên làm chủ xã tắc" (Chuyên là em Khản, cũng là con thiếp Kính Tự). Đại phu nghe đều lo. Tôn Văn Tử, từ đó, chuyển hết các đồ quí giá về ấp riêng, ấp Thích và thân thiện với các đại phu nước Tấn.

秦 伯 卒

TẦN BÁ TỐT

TẦN BÁ MẤT

Năm Ất Dậu. Vua Giản Vương năm thứ 10.

十 有 五 年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Lệ năm thứ 5. Tề Linh năm thứ 6. Vệ Hiến Công tên là Khản năm đầu. Sái Cảnh năm thứ 16. Trịnh Thành năm thứ 9. Tào Thành năm thứ 2. Trần Thành, năm thứ 23. Hỷ Hoàn năm thứ 61. Tống Cung năm thứ 13. Tần Cảnh Công năm đầu. Sở Cung năm thứ 15. Ngô Thọ Mộng năm thứ 10.

春 王 二 月 葬 衛 定 公

XUÂN, VƯƠNG. NHỊ NGUYỆT, TÁNG VỆ ĐỊNH CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, LỄ CHÔN VỆ ĐỊNH CÔNG

三 月 乙 巳 仲 嬰 齊 卒

TAM NGUYỆT, ẤT TỴ, TRỌNG ANH TỀ TỐT

THÁNG BA, NGÀY ẤT TỴ, TRỌNG ANH TỀ MẤT

Công Thị - Trọng Anh Tề là Công Tôn Anh Tề. Sao lại gọi là Trọng Anh Tề. Vì là huynh hậu, nghĩa là nối dõi cho người anh. Đã là huynh hậu thì sao lại lấy họ tên là Trọng Anh Tề. Vì rằng đã nhận là "hậu", tức như nhận là con. Thế sao lấy họ Trọng? Vì lấy tên tự của cha làm họ. Vậy thì Anh Tề hậu cho ai? Cho Quy Phủ. Quy Phủ đi ở xứ Tấn mà chưa về. Sao lại hậu cho Quy Phủ. Coi việc Thúc Trọng Huệ Bá và Tử Xích.

Văn Công mất, con còn bé. Công tử Toại bảo Thúc Trọng Huệ Bá rằng: Vua còn bé lắm. Làm thế nào? Xin cùng ngài lo bàn. Thúc Trọng Huệ Bá nói. Ngài làm tướng cho vua. Lão phu xin ẵm vua, vua bé thì có làm sao. Công tử Toại biết là không cùng bàn được, lui ra, rồi giết Thúc Trọng Huệ Bá, rồi thí (giết) Tử Xích, Lập Tuyên Công. Tuyên Công chết, Thành Công còn bé. Tang Tuyên Thúc làm tướng. Vua chết, không dự lễ khóc, họp các đại phu rồi hỏi rằng: "Khi xưa, việc Thúc Trọng Huệ Bá ai chủ mưu?" Các đại phu đều nói: Có phải họ Trọng chăng? Thế là đuổi họ Quy Phủ đi, rồi mới làm lễ khóc. Quy phủ đang đi sứ ở nước Tấn. Từ Tấn về đến đất Sanh, nghe vua đã chết, nhà và họ bị đuổi, mới đặt màn trướng, khóc vua, đủ nghi thức, trình lại việc cho vị Phó, rồi từ nơi ấy chạy sang Tề. Người Lỗ thương Quy Phủ vô hậu (không có con nối dõi tông đường) mới bảo Anh Tề làm hậu.

Cốc Thị - Đây chính là Công Tôn (cháu Tước Công). Sao lại đặt là Trọng. Đã là con, thì theo cha, lấy họ tên.

Hồ Truyện - Anh Tề là con Công tử Toại là em Công Tôn

Quy Phủ. Quy Phủ chạy trốn sang Tề. Người Lỗ thương là vô hậu, bảo Anh Tề làm hậu, cho nên chép là Trọng Anh Tề. Như thế có thể cho là loạn hàng Chiêu, hàng Mục (trên dưới cha con) trong việc tế tự. Xét về tình cha con, muốn cho Quy Phủ có hậu, thì em không thể lấy cái hậu của anh được, cho làm hậu của Tương Trọng, lấy chữ Trọng là họ cũng là không phải.

Hà Hưu - Chưa thấy ở Kinh chép tên là Công Tôn Anh Tề, nay vì đại phu chết, thấy ở Kinh tên là Trọng Anh Tề. Vì nghĩa em không làm con nối cho anh thành loạn hàng Chiêu, hàng Mục, mất tình thân của cha con, cho nên không nói là Trọng Tôn, rõ ràng không cho con là cháu cha.

Lưu Sưởng - Anh Tề làm hậu cho ai? Cho Quy Phủ, Quy Phủ chạy trốn sang Tề. Người Lỗ thương là vô hậu, vì thế bảo Anh Tề làm hậu, thế không phải là chính. Người xưa có phân biệt thờ tự một chiêu một mục. Cốc Lương bàn, tên họ con tùy cha đặt. Vậy đã không được gọi là Công Tôn, thì Quy Phủ vì cớ gì mà xưng là Công Tôn?

Tôn Giác - Anh Tề là con Công Tử Toại, là em Quy Phủ. Công Tôn Quy Phủ chạy sang Tề, thế là Trọng Toại tuyệt hậu. Lỗ không muốn cho Trọng Toại tuyệt hậu, cho nên nói là Trọng Anh Tề. Cốc Lương cho là con do ở cha đặt, thì chính cha có tội, cứ gì con.

Xét - Công Dương bảo Anh Tề làm hậu cho anh, bọn nho nhiều người nghe theo. Tôn Giác bảo Lỗ sai Anh Tề làm hậu cho Trọng Toại, cho nên gọi là Trọng Anh Tề chứ không phải làm hậu cho Quy Phủ. Gia Huyền Ông, Hạ Trọng Thức, đều theo thuyết đó. Hai thuyết không giống nhau. Hồ Truyện thì căn cứ vào Công Dương, mà lại bảo rằng chữ tên tự của cha không thể lấy được làm họ. Rồi cũng cho họ là Anh Tề làm hậu cho Tương Trọng. Nay cứ giữ cả hai thuyết.

Hoặc bảo rằng: Quy Phủ, Anh Tề, đều là con Trọng Toại, thì Kinh chép về Quy Phủ, sao lại chép là Công Tôn, mà Anh Tề sao lại chép là Trọng. Xét Tương Trọng, sinh ra chép là Công tử Toại. Khi chết, chép là Trong Toại. Chỉ là một người mà trước sau gọi khác tên. Như thế thì còn nên nghi gì về Quy Phủ, Anh Tề.

Xét sinh ra, mà cho họ (Thị) vốn không phải là lễ. Lấy tên tự của cha làm họ (Thị) cũng không phải là lễ. Cho nên ở lúc sinh ra, gọi là Công tử. Công tôn, là để theo gốc mà gọi. Đến khi chết, buộc lấy cho họ (Thị), ý muốn tỏ rạng đời sống mới cho họ (lấy tên tự cha làm họ). Thế là phi lễ.

Tôn Phục và Hoàng Trọng Viêm cho Anh Tề làm con Quy Phủ, xét không có căn cứ, không thể theo.

季丑公會晉侯衛侯鄭伯曹伯宋世子成齊國佐邾人同盟于戚

QUÍ SỬU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, TỐNG THẾ TỬ THÀNH, TỀ QUỐC TÁ, CHÂU NHÂN, ĐỒNG MINH VU THÍCH

NGÀY QUÍ SỬU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, TỐNG THẾ TỬ THÀNH, TỀ QUỐC TÁ, ĐỂ HỘI THỀ TẠI ẤP THÍCH

Cao Kháng - Hội ở Thích là định trị tội Tào Bá. Đã định đánh Tào Bá thì đừng có hội. Mượn cớ việc khác để cùng hội, cùng thề, đã thế mà lại bắt, cho nên đặc biệt chép chữ đồng minh để chê.

晉侯執曹伯歸于京師

TẤN HẦU CHẤP TÀO BÁ QUY VU KINH SƯ

TẤN HẦU BẮT TÀO BÁ ĐƯA VỀ KINH SƯ

Tả Thị - Năm thứ 15, mùa xuân hội tại đất Thích, để đánh Tào Thành Công, bắt Tào Bá đem về Kinh sư. Kinh Xuân Thu chép. Tấn Hầu bắt Tào Bá, Tào Bá không có lỗi gì đối với dân. Khi một vua chư hầu, đối với dân vô đạo thì các hầu khác trừng trị mà có bắt giữ thì Kinh Xuân Thu chép: "Dân nước Giáp bắt hầu Ất". Nếu không như thế thì lời văn lại có ý khác.

Chư hầu định đem Tử Tang em Tào Bá vào chầu, xin Thiên

Tử cho lập thay Tào Bá. Tử Tang từ chối nói: "Hạng Thánh thì việc gì cũng hiểu biết mà làm xong được. Kém một bực thì biết thủ tiết, là giữ phận sự trong chức vụ mình. Kém nữa thì thất tiết. Làm chủ một nước, không phải là tiết của tôi. Tuy không được là bực Thánh, tôi đâu dám mất sự thủ tiết". Thế rồi chạy trốn sang nước Tống.

Cốc Thị - Chỉ rõ là Tấn Hầu bắt Tào Bá là chê trách. Không dùng chữ "chi", chi vu Kinh (để đưa đến Kinh) là ý nói việc vội vàng, cấp tốc, quyết đoán do Tấn Hầu.

Hồ Truyện - Chép là Hầu, để chỉ rõ người bắt, thế là lối chức vị Bá chủ trừng phạt kẻ có tội. Thế nào là lối vị bá. Tấn họp chư hầu để đánh Tần. Tào Tuyên Công mất ở trong quân. Người Tào sai công tử Phụ Sô để giữ nước. Sai Công tử Hân Thời đi đón Tang Tào Bá. Phụ Sô giết Thái tử rồi tự lập làm vua. Đến bấy giờ, Tấn Hầu bắt lại không dám tự mình làm tội mà đưa về Kinh sư để tùy Thiên Tử gia hình. Thế tức là vị Bá trừng phạt. Đời Xuân Thu, việc bắt vua chư hầu có nhiều, nhưng chưa bắt đúng tội như lần này. Cho nên đặc biệt chép tước.

Lưu Sưởng - Tả thị bàn: Tấn Hầu bắt Tào Bá. Tào Bá không có lỗi gì với dân. Phàm vua chư hầu đối với dân vô đạo mà các chư hầu khác trừng trị thì chép. Dân nước Giáp bắt hầu nước Ất, nếu không như thế, thì lời văn lại khác. Tả Thị bàn thế là sai. Phụ Sô giết Thái tử để cướp ngôi. Dân trong nước cho là bất nghĩa, đều muốn theo Công tử Hân Thời bỏ nước, ra nước ngoài. Như thế chả là vô đạo thì còn là gì? Vả lại, lớn nhất là trời đất. Dưới trời đất là vua tôi. Có người nào giết vua mà lại không vô đạo với dân. Có người nào tàn nhẫn với vua mà lại không phải vô đạo với dân? Xét tội Phụ Sô, chưa thấy ở Kinh. Tấn Hầu bắt Phụ Sô, bây giờ mới thấy tội. Nếu cứ lấy lệ của Tả Thị mà xét thì Phụ Sô không phải là vô đạo đối với dân, mà Tấn Hầu bắt bậy. Bàn như thế có phải không? Cốc Lương bàn: Chỉ rõ Tấn Hầu bắt Tào Bá là chê trách Tấn Hầu. Bàn thế sai. Ví như chép rằng người Tấn bắt Tào Bá, Cốc Lương có thể cho như người Tề bắt Viên Đào Đồ, mà không chê trách không?

Trương Hiệp - Xuân Thu chép tước Tấn Lệ Công trong công việc bắt Tào Bá là khen cho việc trị tội. Tuy nhiên. Giá như không bắt ép Tào Bá đến dự thề, mà bắt giữ ngay từ trước, để khích lệ chư hầu, rồi mới họp chư hầu thề, như thế thì hay biết bao nhiêu. Xét người Tào xin với vua Tấn rằng, nếu có tội thì nhà vua nói ra giữa hội. Chỉ vì một cử động không đích đáng mà mở cửa cho kẻ gian thoát tội, thật không phải chỉ là một lầm lỡ nhỏ.

Lã Đại Khuê - Hoặc việc Phụ Sô giết Thái tử là đáng nghi vì Kinh không thấy chép. Ví thử có thật, thì sao Xuân Thu lại không chép? Hay là chưa được rõ hẳn sự thực. Tuy nhiên cứ lấy phép Xuân Thu chép việc mà xét đoán, thì các việc bắt vua khác đều chép người bắt, là người, là nhân, riêng lần này chép tước (Tấn Hầu). Thế thì sao nói được là không phải vị Bá trị tội. Coi Kinh cùng Truyện, ý giống nhau, càng đủ làm bằng chứng.

公 至 自 會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ NƯỚC

夏 六 月 宋 公 固 卒

HẠ, LỤC NGUYỆT, TỐNG CÔNG CỐ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, TỐNG CÔNG TÊN LÀ CỐ MẤT

Tả thị - Mùa hạ, tháng sáu, Tống Công Cố mất.

楚 子 伐 鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

SỞ TỬ ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Sở sắp đem quân lên phía bắc (Trịnh và Vệ). Tử Tương nói: Mới cùng Tấn thề mà bội ước ngay, có lẽ không nên. Tử Phản nói: Đã tranh mối lợi, thì minh ước có dùng làm gì.

Thân Thúc Thời đã già, ở tại đất Thân, nghe thấy chuyện đó có đoán: "Tử Phản tất chết. Có tín để giữ lễ. Có lễ để giữ thân. Tín và lễ đều mất. Khỏi tội sao được".

Vua Sở tràn vào Trịnh, tiến tới Bạo Toại, rồi xâm nước Vệ, Tiến tới đất Thủ Chỉ. Trịnh Tử Hãn xâm Sở, chiếm được ấp Tân Thạch. Loan Vũ Tử muốn báo thù Sở. Hàn Hiến Tử nói: Vô ích, cứ để cho vua Sở càng ngày càng thêm ác ngược, rồi dân sẽ bỏ. Khi không còn dân nữa, thì lấy quân đâu mà chiến.

Triệu Bằng Phi - Sở Tử đánh Trịnh là tự Trịnh chuốc lấy. Năm trước Trịnh Công Tử Hỷ vô cớ đánh nước Hứa. Hứa là thuộc Sở. Xưa Trịnh thường đánh Hứa. Mà Sở không để ý tới, cho là Trịnh theo Sở. Nay Trịnh theo Tấn, mà lại đi đánh một nước của Sở, thì Sở sao lại không ghét Trịnh. Cho nên Sở Tử đánh Trịnh là vì Hứa.

秋 八 月 庚 辰 葬 宋 共 公

THU, BÁT NGUYỆT, CANH THÌN, TÁNG TỐNG CUNG CÔNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY CANH THÌN, LỄ CHÔN TỐNG CUNG CÔNG

Cốc Thị - Mất thì chép tháng. Táng thì chép ngày. Táng thường không chép. Đây chép vì đã lễ táng Cung Cơ thì không thể không lễ táng Cung lấy lại được. Theo nghĩa, phu nhân không vượt qua vua được. Vì người hiền mà được tôn sùng.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn thế là sai. Nếu vì táng phu nhân, thế tất phải táng vua. Thế thì Trang Công, năm thứ 29, Táng Kỷ Thúc Cơ mà rồi không thấy Táng Kỷ Hầu, tại sao thế?

Quý Bản - Tống Cung Công mất được ba tháng chôn ngay. Vì con nối ngôi còn bé. Sợ sinh biến, vội cho xong việc. Nhận thấy tang lễ có cẩu thả.

宋華元出奔晉宋華元自晉歸于宋
宋搬其大夫山宋魚石出奔楚

TỐNG HOA NGUYÊN XUẤT BÔN TẤN. TỐNG HOA NGUYÊN TỰ TẤN QUY VU TỐNG. TỐNG SÁT KỲ ĐẠI PHU SƠN. TỐNG NGƯ THẠCH XUẤT BÔN SỞ

TỐNG HOA NGUYÊN CHẠY SANG TẤN, TỪ TẤN LẠI VỀ TỐNG, TỐNG GIẾT ĐẠI PHU SƠN. TỐNG NGƯ THẠCH CHẠY TRỐN SANG SỞ

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám. Lễ táng Tống Cung Công. Khi đó, Hoa Nguyên giữ chức Hữu sư mà Ngư Thạch giữ chức Tả sư. Đãng Trạch làm Tư ma, Hoa Hỷ làm Tư đồ, Công Tôn sư làm Tư Thành, Hướng Vi Nhân làm Tư Khấu. Lân Chu làm Thiếu Tư Khấu, Hướng Đái làm Thái Tể, Ngư Phủ làm Thiếu Tể, Đãng Trạch nhân họ nhà vua yếu hèn mới giết Công tử Phì, con Tống Văn Công. Hoa Nguyên nói: "Ta là Hữu sư trông coi về phận sự vua và tôi đối với nhau là việc của ta. Nay nhà vua mất quyền, ta không ngăn càn được việc bậy. Tội ta rất to, đã không hay làm đủ phận sự, còn dám mong đâu ơn trên". Thế là chạy trốn sang Tấn.

Hoa Nguyên và Hoa Hỷ đều là con cháu họ Đái, Tư Thành, Công Tôn Sư là dòng họ Trang Công. Còn sáu Đại phu kia đều là dòng Hoàn Công.

Ngư Thạch muốn giữ Hoa Nguyên lại. Ngư Phủ nói: Quan Hữu sư mà trở về nước, tất trừng trị kẻ có tội, tức là không còn dòng Hoàn Công nữa (ý nói sáu người sẽ chết). Ngư Thạch đáp: Nếu ta giữ lại Hữu sư được, ta cứ để cho trừng phạt, chắc là không dám đâu. Vả lại nhiều công to được dân mến. Nếu Hữu sư không trở về, e rằng họ Hoàn sẽ không có người thờ tự ở nước Tống nữa. Nếu Hữu sư có trừng phạt thì cũng không giết hết sẽ còn người như là Hướng Thú, chắc không chết hết. Ngư Thạch thân hành đi tới Hà Thượng mời Hoa Nguyên về.

Hoa Nguyên xin trừng trị. Ngư Thạch ưng thuận. Hoa Nguyên

mới quay về, sai Hoa Hỷ, Công Tôn Sư đem dân tới đánh nhà họ Đãng. Rồi xử tử Tử Sơn. (Đãng Trạch). Kinh Xuân Thu chép là Tống giết đại phu Sơn. Sơn đã không nhận họ nữa (tức là giết Công Tử Phi).

Ngư Thạch, Hướng Vi Nhân, Lân Chu, Hướng Đái, Ngư Phủ đều bỏ nước ra đi. Nghỉ lại trên sông Tuy. Hoa Nguyên sai người ngăn lại không được. Mùa đông, Tháng mười Hoa Nguyên thân hành tới mời cũng không được. Ngư Phủ nói: "Nếu ta không nghe Hoa Nguyên thì ta không trở về Tống nữa. Mắt nhìn nhanh, lời nói cũng nhanh, chắc có ý khác. Tôi nghi rồi về sau không cho ta về. Nay chắc là đi vội". Lên cao nhìn theo thì thấy đi vội thật. Cả lũ mới đi vội để theo kịp về Tống. Nước sông Tuy lên to tràn bờ. Khi về tới thành, thì thấy cửa thành đóng, quân canh gác cẩn nghiêm. Thế là một Tả Sư, hai Tư Khấu, hai Tể phải chạy sang Sở.

Hoa Nguyên sai Hướng Thú giữ chức Tả sư, Lão Tá làm Tư Mã, Nhạc Duệ làm Tư Khấu. Dân Tống được yên.

Phụ lục Tả Truyện - Ba người họ Khích: Khích Kỳ, Khích Sưu, Khích Chí, cố chí hại Bá Tôn, gièm rồi giết đi, giết cả Loan Phất Ky. Bá Châu Lê (con Bá Tôn) chạy sang Sở. Hàn Hiến Tử nói: "Họ Khích sống làm sao được. Hạng người thiện, tốt, trời đất sai làm mực thước cho người ta. Nếu cứ giết dần đi, thì mình cũng đợi gì mà không chết". Xưa, mỗi khi thấy Bá Tôn vào chầu, vợ có dặn dò: "Trộm bao giờ cũng ghé chủ nhà. Dân ghét người trên. Ông chỉ ưa nói thẳng, thế nào cũng bị nạn.

Đỗ Dự - Đãng Thị là họ với Tống Công, thế mà quay lại hại họ Công cho nên chép bỏ chữ họ, để rõ tội.

Vương Bảo - Hoa Nguyên xưa muốn chạy sang Tấn, đến sông Hoàng thì trở về, thế là chưa đến Tấn. Nay sao lại chép là từ Tấn về Tống. Vì đã chạy trốn, ý muốn cho Tấn đánh, trị bọn tiếm quyền, để lấy lại quyền cho nhà vua. Nay vì Ngư Thạch can ngăn, hứa cho trị Đãng Thị, thì không khác gì Tấn trừng trị. Cho nên Chu Công, quan nhà Chu, thời vua Giản Vương, năm thứ 7, đã đi rồi lại trở lại. Đã trở lại Chu rồi lại chạy sang Tấn. Người quân tử bàn: như thế là tuyệt với nhà Chu, chép

là xuất, trốn đi, để rõ tội. Hoa Nguyên vì Ngư Thạch can ngăn mới trở lại chức vị. Xuân Thu khen, cho nên chép là từ Tấn trở về Tống, để hoàn thành chí hướng.

Uông Khắc Khoan - Năm đại phu cùng chạy trốn, lại cùng trở về. Xét: Chép Ngư Thạch, Hoa Hợi, Hướng Ninh, Hoa Định, Tống Công Đệ Thần, Trọng Đà, Thạch Khu, Công tử Địa, lúc ra, lúc vào đều kêu rõ họ tên. Như Ngư Thạch là đầu tội thủ tướng, quan trọng, chép rõ, còn bốn người kia không đủ để ghi. Bảo rằng họ Trần sở dĩ tội nặng là vì thế, Hợi Ninh, Định, Thần, Đà, Khu, Địa, tội đều ngang nhau, cho nên ghi đủ tên.

冬 十 有 一 月 叔 孫 僑 如 會 晉 士 燮 齊 高 無 咎 宋 華 元 衛 孫 林 斧 鄭 公 子 秋 邾 人 會 吳 于 鍾 離

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI TẤN SĨ TIẾP, TỀ CAO VÔ CỮU, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ, TRỊNH CÔNG TỬ THU, CHÂU NHÂN HỘI NGÔ VU CHUNG LY

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11 THÚC TÔN KIỀU NHƯ HỘI VỚI TẤN SĨ TIẾP, TỀ CAO VÔ CỮU, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ. NGƯỜI CHÂU, HỘI VỚI NƯỚC NGÔ TẠI CHUNG LY TRÊN ĐẤT SỞ

Đây là lần đầu có nước Ngô hội và lần đầu Tấn lấy đại phu các nước chư hầu hội.

Tả Thị - Tháng 11 hội nước Ngô tại Chung Ly, bắt đầu chư hầu thông hiếu với Ngô.

Công Thị - Sao lạo chép riêng chữ hội với nước Ngô. Là để Ngô ra ngoài. Ngoài là thế nào? Xuân Thu cho trong là nước mình, ngoài là các nước khác; nội chư hầu mà ngoại di địch, nghĩa là trong chư hầu, mà ngoài ra rợ mọi. Xét đã là vương, là muốn

cả thiên hạ đều bình, bằng nhau, sao lại có chữ nội và ngoài. Hình như bắt đầu từ nơi gần.

Cốc Thị - Dùng hai chữ hội, vì cho Ngô là ngoài.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn: sao lại riêng Ngô ra. Là cho Ngô ra ngoài. Bàn sai, một nơi mà hai lần dùng chữ hội, vẫn chỉ là một hội. Nước Ngô thì có vua, chưa có thể lấy nước mà thông hiểu. Mà cũng không thể chép là người Ngô. Chép là người thì phải theo lệ các đại phu. Cho nên cứ gọi là "hội Ngô" cho xuôi.

Cốc Lương thì bàn: hai chữ hội là đặt Ngô ra ngoài. Bàn sai. Coi câu trên.

Trình Tử - Ngô càng ngày càng mạnh, lớn, cầu được hội với chư hầu. Chư hầu thì nhiều nước muốn hội. Cho nên chép các nước tới hội. Thời đó chư hầu sợ Sở, cho nên thân với Ngô. Tương Công năm thứ 10, có hội Tra, năm thứ 14 có hội Hướng, cũng là ý đó.

Triệu Bằng Phi - Thời đó hai nước Ngô, Sở đều thịnh Tấn đã chống Sở thế tất phải gần Ngô, e Sở thân Ngô. Họp chư hầu ở Chung Ly là vì thế. Tuy nhiên Tương Công, năm thứ 5, tại hội Thích, người Ngô có mặt, mà không riêng ra ngoài là vì sao? Vì: Chung Ly, Tra, Hướng, đều gần Ngô. Tấn họp chư hầu đi tới hội, cho nên văn có hai chữ hội, nghĩa là hội lại để mà đi hội Thích là đất nước Vệ, Tấn Hầu họp chư hầu ở Thích. Ngô cho người tới hội, cho nên không đặt riêng ai ra ngoài, việc đã khác thì lời chép cũng khác, đừng nghi làm gì. Thế mà có người lại bàn là tôn Ngô, cho nên đặt Ngô riêng, cùng với việc Thủ Chỉ, văn giống nhau, có biết đâu rằng, hội Thủ Chỉ, Kinh chép chữ cập là và, chứ không phải như ở đây, hai chữ hội, ý nghĩa có khác. Thánh nhân đâu có đem Ngô so sánh với Vương Thế Tử.

Lại có người bàn rằng, Hội chư hầu để mà đi hội, là cho Ngô ra ngoài. Thế thì hội thề ở Tề, hội ở Vu, không có để Sở ra ngoài, mà đây riêng đặt Ngô ra ngoài. Coi Tấn gióng giả chư hầu đi tới hội, nghĩa thật là rõ. Còn phải bày đặt những thuyết, ngoại Ngô, tôn Ngô làm gì.

許天于葉

HỨA THIÊN VU DIỆP

NƯỚC HỨA THIÊN ĐÔ TỚI ĐẤT DIỆP

Tả Thị - Hứa Linh Công sợ bị Trịnh áp bức xin với Sở tới thiên đô. Ngày Tân Sửu, Sở Công Tử Thân thiên đô Hứa tới đất Diệp.

Cốc Thị - Thiên là hãy còn có quốc gia để lui tới. Thế là Hứa còn có đất.

Năm Bính Tuất. Vua Giản Vương năm thứ 11.

十有六年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tấn Lệ năm thứ 6. Tề Linh năm thứ 7. Vệ Hiến năm thứ 2. Sái Cảnh năm thứ 17. Trịnh Thành năm thứ 10. Tào Thành năm thứ 3. Trần Thành năm thứ 24. Kỷ Hoàn năm thứ 62. Tống Bình Công, tên là Thành năm đầu. Tần Cảnh năm thứ 2. Sở Cung năm thứ 16. Ngô Thọ Mộng năm thứ 11.

春王正月雨木冰

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, VŨ MỘC BĂNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, MƯA XUỐNG CÂY, HÓA THÀNH BĂNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa xuân, Sở Tử ở Vũ Thành sai Công tử Thành lấy ruộng Nhữ Âm đem biếu Trịnh. Cầu Trịnh bỏ Tấn. Trịnh Tử Tứ tới Vũ Thành ký minh ước.

Công Thị - Mưa xuống cây thành băng, sao chép. Là chép việc lạ.

Cốc Thị - Mưa xuống cây hóa thành băng, là ghi việc lạ. Truyện có ghi thêm: Rễ, cành, gẫy.

Trình Tử - Kinh Xuân Thu chép tai dị, là để cho biết người và trời hướng ứng. Nhưng khi kiến thức nông hẹp thì cho là không ứng. Thực ra vẫn có ứng. Tuy nhiên, các Hán nho cho rằng, tai dị đều là ngẫu nhiên, không đủ tin, rồi bọn nho đều cho là thế, cho nên bỏ.

Chu Tử - Trên ấm cho nên mưa mà không có tuyết. Dưới lạnh cho nên đến cây thì thành băng.

夏 四 月 辛 未 滕 子 卒
HẠ, TỨ NGUYỆT, TÂN MÙI, ĐẰNG TỬ TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN MÙI, ĐẰNG TỬ MẤT

Tả thị - Mùa hạ tháng tư. Đằng Văn Công mất.

鄭 公 子 喜 帥 師 侵 宋
TRỊNH CÔNG TỬ HỶ SUẤT SƯ XÂM TỐNG
CÔNG TỬ HỶ NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Tử Hãn nước Trịnh đánh Tống, tướng nước Tống là Tương Sừ Nhạc Cụ, đánh cho thua tại Chước Pha, rồi lui về đóng tại Phù Cừ. Người Trịnh lại kéo tới. Quân Tống không đề phòng bị thua tại Chước Lăng, Tương Sừ Nhạc Cụ bị bắt. Tống thua vì khinh địch.

Chước Phu, Chước Lăng, Phù Cừ, đều là đất nước Tống.

Phụ lục Tả Truyện - Vệ Hầu đánh Trịnh, đến đất Ô Nhạn là vì Tấn.

六 月 邴 寅 朔 日 有 食 之
LỤC NGUYỆT, BÍNH DẦN SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI
THÁNG SÁU, NGÀY BÍNH DẦN, CÓ NHẬT THỰC

晉侯使欒黶來乞師
TẤN HẦU SỬ LOAN YỂM LAI KHẤT SƯ
TẤN HẦU SAI LOAN YỂM TỚI LỖ XIN QUÂN

Tả Thị - Tấn Hầu sắp đánh Trịnh. Phạm Văn Tử nói: Theo ý tôi, nếu tất cả chư hầu đều phản Tấn, thì Tấn sẽ hay (sẽ tự sửa chữa). Nếu chỉ có Trịnh phản tôi, thì Tấn sẽ có việc lo ngại đến nơi. Loan Vũ Tử nói: Chúng ta còn sống, nên tránh cho Tấn đừng mất quyền bá chủ, vậy phải đánh Trịnh. Thế là sửa soạn quân đội.

Loan Thư tướng Trung quân. Sĩ Tiếp làm Phó. Khích Kỳ Tướng thượng quân. Tuân Yểm làm phó. Hàn Quyết tướng Hạ quân. Khích Chí Phó Tân quân. Tuân Oanh ở lại giữ thành. Khích Sưu sang Vệ, rồi sang Tề. Đều là để xin quân. Loan Yểm tới xin quân. Mạnh Hiến Tử đoán tất là thắng trận vì thấy Yểm có lễ độ.

甲午晦晉侯及楚子鄭伯戰于鄢陵楚子鄭師敗績
GIÁP NGỌ, HỐI, TẤN HẦU, CẬP SỞ TỬ, TRỊNH BÁ CHIẾN VU YỂN LĂNG. SỞ TỬ, TRỊNH SƯ BẠI TÍCH
NGÀY GIÁP NGỌ, CUỐI THÁNG, TẤN HẦU GIÀN TRẬN ĐỂ ĐÁNH SỞ TỬ VÀ TRỊNH BÁ TẠI YỂN LĂNG. SỞ TỬ VÀ QUÂN TRỊNH THUA TO. YỂN LĂNG, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Ngày Mậu Dần, quân Tấn bắt đầu di chuyển. Người Trịnh được tin, sai sứ báo cho Sở Tử. Diêu Câu Nhĩ đại phu Trịnh đi theo sứ. Sở Tử cứu Trịnh. Tư Mã Tử Phản tướng Trung quân. Lệnh Doãn Tử Trọng tướng Tả quân. Hữu Doãn Tử Tân tướng Hữu quân.

Đi qua đất Thân. Tử Phản vào yết kiến Thân Thúc Thời, hỏi: "Xin ngài cho biết ý kiến về hành binh này". Thúc Thời

đáp: "Đức, hình, tường (chăm chỉ), nghĩa, lễ, tín và các điều cần thiết trong việc chiến đấu. Đức là để thi ơn. Hình là để sửa điều lỗi. Tường là để thờ thần linh. Nghĩa là để làm cho việc có lợi. Lễ là để thuận thời. Tín là để giữ được mọi vật. Có sáu đức ấy thì dân no ấm và cư xử thẳng thắn. Việc có lợi thì mọi việc đều hòa. Thuận thời thì mọi việc thành, trên dưới hòa mục. Hành vi không trái lễ. Muốn chi được nấy. Ai cũng biết thế nào là hay.

Kinh Thi có câu: Dân toàn nhờ ở đức của các vị đó mà có ăn. Thế thì thần xưa vẫn ban phúc cho người hay. Mùa không có tai họa, dân được đầy đủ, vì hòa hợp biết nghe người trên. Hy sinh để cho đầy đủ chỗ khuyết thiếu. Trong cuộc chinh chiến, các điều đó đều cần để thắng. Nay vua Sở ở trong thì không thăm nom đến dân, ở ngoài thì mất dần nước bạn. Đã hiệp ước, minh ước rồi bỏ ngay. Nói rồi ăn lời ngay. Làm việc gì cũng trái thời, cứ tùy sở thích, mà để dân lao khổ. Dân không có tín nhiệm. Dân dù tiến hay thoái cũng vẫn cứ bị tội, bị trừng phạt, không biết rồi sẽ ra sao. Thế thì còn ai là có tâm hy sinh.

Thưa ngài, xin ngài cố gắng, nhưng tôi không được gặp ngài nữa đâu".

Diêu Câu Nhĩ về Trịnh trước tiên. Tử Tứ hỏi. Diêu đáp: "Quân đội Sở đi hấp tấp, qua nơi hiểm mà không có hàng lối. Đã hấp tấp thì không có gì xếp đặt trước. Đi lộn xộn mất hàng lối, thì còn đánh được ai. Tôi e Sở không có lợi gì cho ta".

Tháng năm, quân đội Tấn qua sông Hoàng. Được tin quân đội Sở tới. Phạm Văn Tử muốn lui trở lại nói: "Ta giả làm như tránh Sở, có thể đỡ lo. Việc hợp các chư hầu thì ta không làm được, phải nhường ngôi cho người có tài. Chúng ta đây được hòa mục để thờ vua, đã làm quý rồi". Vũ Tử nói: "Như thế không được".

Tháng sáu, quân Tấn gặp quân Sở ở Yển Lăng, trên đất Trịnh. Phạm Văn Tử không muốn chiếm, Khích Chí nói: "Trận chiến ở Hàn. Huệ Công không dàn được quân đội. Sau trận đất Cơ, Tiên Trấn không phục mệnh (nghĩa là chết) . Sau trận Bật, Tuân Bá, khi về theo con đường khác. Các sự thất bại đó nhục

cho Tấn. Ngài cũng biết hết công việc tiến quân, nay ta mà tránh Sở thì lại nhục hơn nữa". Văn Tử nói: "Tiên quân ta chiến là luôn có cớ. Tần, Địch, Tề, Sở bốn nước đều mạnh. Nếu các ngài không cố sức tranh đấu, thì đời con cháu sau sẽ yếu hèn. Ngày nay, ba nước đã phục tòng, ta chỉ còn có Sở là địch thôi. Chỉ có bực thánh nhân, thì cả trong lẫn ngoài, không có lo. Chưa được là bực thánh nhân, thì ngoài được tất trong có lo. Sao ta không coi Sở là việc lo ở ngoài".

Ngày Giáp Ngọ, cuối tháng, buổi sớm, quân Sở tới sát quân Tấn, dàn thành trận. Tướng tá Tấn lo ngại. Phạm Cái con Phạm Văn Tử, dạo trước các hàng quân, truyền lệnh: "Lấp giếng đi, Phá bếp đi. Xếp thành hàng nơi quân trung. Tấn thắng hay Sở thắng là ở trời. Có gì mà lo. Văn Tử cầm cái kích đuổi con mắng: Nước nay còn hay mất là ở trời. Con nít như mày được biết gì. Loan nói: "Quân Sở tính nhẹ dạ dễ biến. Ta sửa rào lũy cho kiên cố thêm rồi đợi. Sau ba ngày là chúng phải lui. Khi chúng lui thì ra đánh. Nhất định thắng".

Khích Chí nói: "Quân đội Sở có sáu lỗi. Ta cần lợi dụng hai tướng ghét nhau (Tử Trọng, Tử Phản). Vệ sĩ thì ở trong quân đội đã lâu. Quân Trịnh thì không tề chỉnh. Quân Man thì không có hàng lối. Sở không sợ dàn trận vào ngày nguyệt tận. Quân Sở khi đứng vào hàng thì hò hét hơn. Ai cũng nghĩ đến mình, không có tâm chiến đấu. Đã ở lâu trong quân thì còn đâu là sức hăng hái. Lại phạm vào nguyệt kỵ. Vậy chúng ta thắng".

Vua sở bèn trèo lên thang để quan sát quân Tấn. Tử Trọng sai Thái Tể là Bá Châu Lê theo sát vua. Vua Sở đứng trên thang hỏi Châu Lê: Bên quân Tấn, người thì chạy sang tả, người thì chạy sang hữu, thế là thế nào? Đáp: Là để mời các tướng. Hỏi: Các tướng họp ở giữa trại? Đáp: Là để bàn mưu kế. Hỏi: Họ dựng lên một tướng? Đáp: Thế là để bói rùa trước các bài vị tiên quân. Hỏi: Họ đã dỡ trướng. Đáp: Thế là vua Tấn sắp ra lệnh. Hỏi: Họ hò hét và thấy có bụi mù? Đáp: Thế là họ lấp giếng, phá bếp, lập hàng ngũ. Hỏi: Sau khi lên chiến xa, bọn xa hữu và xa tả cầm đồ binh bước xuống. Đáp: Thế là xuống nghe lệnh chủ súy. Hỏi: Liệu họ có tuyên chiến không? Đáp: Chưa

biết được. Hỏi: Sau khi lên xe, họ lại xuống. Đáp: Trước khi chiến, họ tế thần linh.

Bá Châu Lê (người Tấn từ trước trốn sang Sở) trình với vua Sở các công việc trong quân Tấn.

Bên Tấn, thì Miêu Phần Hoàng theo sát Tấn Hầu. Cũng nói cho vua biết các hành động trong quân Sở. Quân Tấn đều nói: "Trong quân đội Sở có một tướng người nước ta. Quân nhiều, hàng ngũ đông. Không địch được". Miêu Phần Hoàng nói với Tấn Hầu rằng: " Bên Sở hàng thiện chiến đều ở đạo Trung quân, là trong tôn tộc. Xin nhà vua chia quân làm hai cánh, để đánh tả và hữu của địch. Rồi cả ba đạo quân hợp lại đánh Trung quân của Sở Tử. Nhất định thắng.

Vua Tấn bói rùa. Đoán là triệu cát, được quẻ phục, nghĩa là các nước miền Nam (Sở, Trịnh) sẽ suy, nguyên súy sẽ trúng phải tên, mà vua Sở sẽ bị thương ở mắt. Chả thua, thì thế nào mới là thua. Vua Tấn nghe theo.

Trước trại quân có một vùng lầy. Muốn tránh vũng lầy khi đi ra, Quân Tấn phải chia hai bên tả hữu đi quanh. Bộ Nghị (Khích Nghị) giong xe Tấn Lệ Công. Loan Kiềm làm Ngự Hữu. Bành Danh giong xe Sở Cung Vương. Phan Đảng làm Xa Hữu. Loan Vũ Tử và Phạm Văn Tử cùng quân đội mình đi hai bên xe vua Tấn. Xe mắc vào vũng lầy. Loan Thư chủ tướng, định mời vua Tấn sang xe mình, mà chính mình cầm cương. Loan Kiềm (con) bảo Loan Thư: "Thư, lui ra (trước mặt vua, con phải gọi tên cha). Đã có chức phận quan trọng trong nước, không được tự ý bỏ đề đi giong xe được. Vả lại chiếm việc người khác là tham. Bỏ việc mình là nhác. Bỏ ngôi thứ mình là loạn. Ba tội ấy phải tránh". Nói xong, Kiềm kéo được xe ra khỏi vũng lầy.

Ngày Quí Tỵ. Phan Đăng cùng Dưỡng Do Cơ chồng nhiều áo giáp lên để tập bắn xuyên qua. Tên suốt được đến bảy giáp một lần. Nói với vua Sở rằng: Vua có hai bầy tôi như thế, còn lo gì không chiến thắng. Vua Sở giận nói: Thế không phải là hay cho nước. Sáng mai ra trận sẽ biết. Sinh ư nghệ, tử ư nghệ.

Tấn Nguỵ Kỳ mê thấy bắn lên mặt trăng, đúng. Nhưng khi

lui về, sa vào một cái đầm lầy. Người đoán mộng nói: Những người họ Cơ như vua Tấn là mặt trời. Họ khác là mặt trăng. Mặt trăng chỉ vua Sở. Ông sẽ bắn vua Sở trúng. Khi lui ông sa đầm lầy (nghĩa là ông sẽ chết). Trong trận Nguỵ Kỳ bắn một phát vào Sở Cung Vương, trúng con mắt. Vua Sở gọi Dưỡng Do Cơ tới, giao cho hai phát tên bảo bắn Lã Kỳ (Nguỵ Kỳ). Kỳ bị trúng cổ, ngã chết trên bao tên. Dưỡng Do Cơ còn một phát, tới tâu vua Sở là đã thi hành mệnh lệnh.

Tấn Khích Chí ba lần gặp vệ sĩ vua Sở. Thấy vua Sở là xuống xe bỏ mũ trụ, rồi rảo bước. Vua Sở sai chức Công Doãn Tương ra chào Khích Chí rồi (theo lễ) đưa trình một chiếc cung và bảo Tương nói: "Đang lúc có việc cấp mà tướng mang ủng đỏ to ra vẻ quân tử. Trông thấy ta, nhận được ngay, mà rảo bước, có bị thương không?" Chí thấy có người tới hỏi bỏ trụ đi đón tiếp nói: "Ngoại thần (bầy tôi ở ngoài nước) của nhà vua hôm nay theo tả quân (vua Tấn tôi) về việc binh nhung. Tôi mang giáp trụ không thể là lễ tạ quân vương. Xin trình với nhà vua đừng ngại tôi bị thương. Vì tình thế hôm nay, dám xin cúi vái sứ giả". Khích Chí ba lần vái rồi lui.

Tấn Hàn Quyết đuổi theo Trịnh Bá, người giong xe cho Hàn. là Đỗ Hồn nói: "Ta đuổi mau lên, vị xa ngự cứ trông hai bên, không trông ngựa, ta đuổi không kịp". Hàn Quyết nói: "Không nên làm nhục một vị quốc quân nữa". Thế là Hàn Quyết dừng lại, rồi sau Khích Chí đuổi Trịnh Bá. Xa Hữu là Phất Hàn Hồ nói: "Xin cho khinh binh đi trước. Tôi sẽ đi sau, chắc bắt sống được. Khích Chí nói: "Làm nhục vị quốc quân là có tội" rồi cũng không đuổi nữa.

Thạch Phủ, tướng giong xe cho vua Trịnh nói: "Vệ Ý Công xưa chỉ vì không bỏ cờ xuống mà bị thua trận tại đất Huỳnh". Thế là Thạch Phủ bỏ cờ xuống, cho vào bao cờ. Xa Hữu là Đường Cẩu nói: "Ngài lúc nào cũng ở bên vua, ngài mà thua thì hại vô cùng. Xin ngài cùng vua đi ngay. Tôi ở lại chiến". Rồi sau Thạch Phủ chết trận. Quân đội Sở bị lùa vào hai bên sườn núi. Sở Thúc Sơn Nhiễm bảo Dưỡng Do Cơ: "Dù vua có nói trước mệnh của ông, nay vì nước, xin ông dùng đến cung tên". Dưỡng Do Cơ

cầm cung bắn ra hai phát, mỗi phát giết một người. Thúc Sơn Nhiễm nắm lấy một người, quăng mạnh vào xe, gãy cả một càng xe. Quân Tấn mới thôi. Trận kết liễu. Tấn bắt được Sở Công Tử Phiệt.

Loan Kiềm thấy cờ của Tử Trọng, xin với vua Tấn: Quân báo đó là cờ của Tử Trọng. Khi trước, thần sang sứ nước Sở. Tử Trọng có hỏi về dân Tấn. Thần có cho biết là dân Tấn có dũng, trong lúc bối rối rất đông đảo, vẫn được tề chỉnh. Có hỏi lại là thế nào. Thần đáp là dân Tấn ưa nhàn hạ. Hôm nay hai nước đánh nhau, không thông sứ được. Không thể khoe là vẫn chỉnh tề. Vậy thần muốn nói sai lời, xin phép cho vua sai một người thay mặt thần vào chào mời Tử Trọng. Vua ưng thuận. Loan Kiềm sai một tướng bưng ly rượu tới mời Tử Trọng và nói: "Quả nhân không có tướng nào khác, có sai Kiềm cầm giáo đứng hầu, cho nên không thể khao quân ngài được. Vậy có sai tôi tới mời ngài uống rượu". Tử Trọng đáp: "Phu Tử thường có nói chuyện với nước tôi. Vì thế sứ sai tới tôi. Sao tôi lại không nhớ những lời Phu Tử đã cho biết". Tử Trọng nhận rượu rồi uống, xong cho sứ giả lui, rồi tay lại cầm dùi trống thúc trận. Trận khởi đầu buổi sớm, đến sao mọc chưa xong. Tử Phản sai các tướng tá coi xét người bị thương, lấy quân mới thay các quân đã chết trên chiến xa, sửa lại giáp trụ, binh khí, xếp hàng lại ngựa và xe, nghe gà gáy thì ăn cơm rồi chờ lệnh.

Người Tấn thấy thế, có ý ngại. Miêu Phẩn Hoàng dạo trước các hàng quân nói: Coi lại chiến xa, thay thế các tử binh. Cho ngựa ăn cỏ. Mài lại gươm giáo. Xếp lại hàng ngũ ăn cho no. Khấn kỹ thần linh. Mai lại đánh trận. Ra lệnh xong, thả tù binh Sở cho về.

Vua Sở khi nghe được các lệnh tướng Tấn cho quân đội,mới triệu Tử Phản đến để bàn việc. Lính hầu đã cho Tử Phản uống rượu say quá không tới được. Vua Sở nói: "Trời bắt Sở thua. Ta còn đợi gì đây". Đến đêm, đem quân lui về. Quân Tấn vào trại, còn được thừa gạo Sở để ăn trong ba ngày.

Phạm văn Tử đứng trước xe vua nói: "Nhà vua còn ít tuổi. Các tướng không có tài, mà lại được như ngày hôm nay. Xin

vua cẩn thận. Trong sách Chu Thư có nói: Mệnh trời không phải bất di bất dịch. Chỉ có người đức là giữ được".

Công Thị - Hối (cuối tháng) nghĩa là gì? Là tối. Sao lại chép. Là chép sự lạ. Thua, chép là "Sư: quân đội". Sở sao không gọi là quân đội. Vì vua bị thương. Bị phát tên. Quân đội bị coi thường.

Cốc Lương - Việc làm gấp ngày hối thì chép là hối. Bốn phía cùng tan vỡ thì gọi là bại. Đây bại vì vua bị thương ở mắt. Sở không chép là quân đội. Vua trọng hơn quân đội.

Tôn Giác - Cuộc chiến ở Hàn. Tấn Hầu đều bị bắt. Không chép quân đội Tấn bại, vua đã bị bắt, tức là quân đội bại. Cuộc chiến ở Yển Lăng. Sở Tử bị thương. Không chép quân đội Sở bại. Vua đã bị thương, thế là quân đội bại.

Uông Khắc Khoan - Thời Xuân Thu, trong 242 năm, Tấn mà thắng được Sở. Duy có trận Thành Bộc và Yển Lăng. Từ khi Tống Tương Công bị thua ở đất Hoằng thì Sở quân hoành hành các nước. Đến Thành Bộc thì bị ngăn chí hướng. Từ trận Bật. Thân Lâm Phủ bị thua, thì Sở lại ngang ngược, hội minh đất Thục. Đại phu chư hầu theo tới dự mười một nước. Đến trận Yển Lăng thì mất nhuệ khí. Từ trước đến nay chưa có chư hầu nào giúp Sở để đánh nhau. Duy chỉ có ở Yển Lăng thì Trịnh giúp để chống lại Tấn. Ví như không có Lã Kỳ bắn trúng. Thì Sở sẽ dựa vào thế cứu viện của Trịnh, đem quân trường khu tới trung nguyên mà gây hại, chưa biết đến chừng nào. Chỉ đáng tiếc là lúc đầu. Lệ Công không có kế sách chế thắng được, không biết nhẫn nại theo mưu của Loan Thư, lũy cao hào sâu, để cho quân Sở phải trốn. Cuối cùng là thiếu đức để mong thắng, thiếu chính trị để sửa sang ở trong nước, chỉ muốn khoa trương với nước ngoài. Vì thế, ba lần giả mệnh Thiên Tử để đánh Trịnh mà Trịnh cứ không phục tòng. Nghe lời gièm càng ngày càng tàn sát, rồi đến chết. Hành vi không khác Sở Kiền mấy.

Xét ra, trận Yển Lăng, cứ cố thủ là phải thắng. Lệ Công không theo kế sách đó để thắng, cho nên không thành được nghiệp bá.

楚 搬 其 大 夫 公 子 側

SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ TRẮC

NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ TRẮC (TỬ PHẢN CON MỤC SỞ CÔNG)

Tả Thị - Quân đội sở về tới đất Hà (đất nước Sở). Sở Vương cho bảo Tử Sở rằng: "Đại phu xưa là Tử Ngọc thua trận, nhưng vua không dự. Ngày nay lỗi không phải ở đại phu. Chính là quả nhân có lỗi".

Tử Phản rạp đầu hai lạy nói: "Vua cho thần chết, thần vẫn ơn vua. Quả thực là quân đội thần thua chạy Lỗi tại thần". Tử Trọng sai bảo Tử Phản rằng: "Xưa, có việc thua trận, hai quân, ông đã nghe nói, sao ông không nghĩ tới". Tử Phản đáp: "Dù không có việc tiên đại phu. Nhưng nay ngài truyền cho Trắc tôi chết, tôi dám đâu cho lệnh ấy là không hợp lý. Trắc tôi đã làm mất quân, dám đâu quên là phải chết". Sở Vương cho người tới ngăn. Sứ tới không kịp. Tử Phản đã chết.

秋 公 會 晉 侯 齊 侯 衛 侯 宋 華 元 鄒 人 于 沙 隨 不 見 公

THU, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, VỆ HẦU TỐNG HOA NGUYÊN, CHÂU NHÂN VU SA TÙY BẤT KIẾN CÔNG

MÙA THU, LỖ CÔNG TỚI SA TÙY ĐẤT NƯỚC TỐNG, ĐỂ HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG HOA NGUYÊN, NGƯỜI CHÂU, TẤN HẦU KHÔNG TIẾP LỖ CÔNG

Ngày trận Yển Lăng, Quốc Tá và Cao Vô Cữu nước Tề tới theo quân đọi Tấn. Vua Vệ cũng ra khỏi đất Vệ. Vua Lỗ thì từ Hoại Đồi đi tới. Tuyên Bá cùng mưu với Mục Khương (mẹ vua Lỗ) đuổi Quí Văn Tử và Mạnh Hiến Tử để chiếm lấy gia tài. Khi Lỗ Công sửa soạn ra đi, thì Mục Khương tới ấp Hoại Đồi tiễn đưa và bảo đuổi hai họ đi. Vua trình bày khó khăn đang

bị mắc với Tấn và nói: "Xin hãy chờ, khi trở về, xin nghe lệnh". Mục Khương giận. Công tử Yển và Công tử Sừ vừa bước rảo qua (hai người là em vua khác mẹ). Mục Khương chỉ tay bảo vua Lỗ rằng: "Nếu không làm thì một trong hai người này sẽ thay ngôi đó".

Lỗ Công lo ngại, mới đình lại, để dặn dò chuẩn bị phòng giữ cung điện, giao cho Mạnh Hiến Tử, rồi mới ra đi, vì thế tới hội chậm. Mùa thu, tại Sa Tùy, chư hầu hội, bàn việc đánh Trịnh. Tuyên Bá sai người nói với Khích Sưu: "Vua Lỗ đã đợi ở Hoại Đồi để coi ai thắng". Khích Sưu chủ đạo Tân quân, lại là Công tộc đại phu giúp vua coi chư hầu mặt đông. Sưu nhận được đồ lễ của Tuyên Bá mới gièm vua Lỗ với Tấn Hầu. Vua Tấn nghe rồi không tiếp vua Lỗ nữa.

Công Thị - Không tiếp Lỗ Công nữa nghĩa là gì. Là Lỗ Công không được yết kiến, do ý của một đại phu. Sao lại tới hội. Vì không thấy nhục. Không thấy nhục vì còn bé.

Cốc Thị - Không tiếp là ý có thể tiếp. Có thể tiếp mà không tiếp là chê các chư hầu.

Trình Tử - Tấn giận Công tới chậm cho nên không tiếp Công. Người quân tử cần cho mình chính đã, chứ không trách người. Lỗ mà tới chậm là vì trong nước có việc khó khăn. Tấn không thế là Tấn trái. Họ cong, ta ngay, cho nên không có gì là nhục.

Lưu Sưởng - Năm thứ 16, hội Sa Tùy, không tiếp Công. Công Dương bàn Lỗ Công không được tiếp kiến vì một đại phu. Sao lại tới hội, vì không thấy nhục, không thấy nhục vì còn bé. Công Dương bàn sai. Xét Công lên ngôi đến nay đã 16 năm, sao còn nói được là bé.

公 至 自 會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Người Tào xin với Tấn rằng: Từ khi tiên quân nước tôi mất đi, dân Tào tự hỏi phải biết làm thế

nào, mối lo vẫn chưa dẹp hết. Tấn lại trị tội quả quân tôi làm cho em vua tôi là Tử Tang đang giữ xã tắc thay vua vắng mặt phải bỏ trốn ra nước ngoài, nước Tào tôi lâm nguy. Tiên quân tôi hay là có tội chăng? Nếu như vua tôi có tội, thì sao đã được dự hội với chư hầu. Vua Tấn làm bá chủ, về thi ân đức, về thi hình phạt, không có chỗ thiếu sót, sao lại để thiếu sót nước Tào tôi. Dám xin trình bày.

公會尹子晉侯齊國佐邾人伐鄭

CÔNG HỘI DOÃN TỬ, TẤN HẦU TỀ QUỐC TÁ, CHÂU NHÂN PHẠT TRỊNH

LỖ CÔNG HỘI VỚI DOÃN TỬ (QUAN TRIỀU CHU), TẤN HẦU, QUỐC TÁ NƯỚC TỀ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH TRỊNH, (LẦN ĐẦU, VỊ QUAN TRIỀU CHU DỰ HỌP VỀ VIỆC TRỪNG PHẠT)

Tả Thị - Tháng bảy, Lỗ Công hội với Doãn Vũ Tử, cùng chư hầu để đánh Trịnh. Khi Lỗ Công sắp đi, bà mẹ lại xin như lần trước. Vua Lỗ lại giao cho quan giữ gìn cung điện rồi mới đi. Quân các nước đình lại ở phía tây nước Trịnh. Quân Lỗ đình lại ở Đốc Dương, phía đông nước Trịnh, nhưng không dám đi qua Trịnh. Tử Thúc Thanh Bá sai Thúc Tôn Báo đón quân Tấn, bảo cho biết là tới sát thành Trịnh mới ăn cơm, khi quân đội Tấn tới. Thanh Bá bốn ngày nhịn ăn. Khi sứ của Báo đến cho biết tin thì mời xong sứ ăn cơm, mình mới ăn.

Quân chư hầu chuyển đến đóng ở Chế Điền. Tri Vũ Tử làm phó đạo Hạ quân. Cùng quân đội ở nước khác, Tri Vũ Tử tràn vào nước Trần, rồi tiến tới Minh Lộc. Rồi tràn vào Sái. Trước khi Tri Vũ Tử lui quân, thì chư hầu chuyển đến đồn tại đất Dĩnh. Ngày Mậu Ngọ, Tử Hãn nước Trịnh, đêm họp quân tại Dĩnh. Các quân Tống, Tề, Vệ đều tan.

Uông Khắc Khoan - Trước đây, chưa có quan chức triều nhà Chu dự tiệc chinh phạt, Hoàn Công, Văn Công tuy không xin mệnh vua, tuy cứ chuyên quyền làm việc, mà vẫn có tâm tôn Chu để yên thiên hạ, chưa có khinh thường, dám để quan nhà Chu dự chinh chiến. So với giả mệnh Thiên Tử để lấy uy với

chư hầu thì vẫn còn là hơn. Vua Tấn Lệ Công nối nghiệp Bá, lấy thù riêng mà đánh nước Tần, đem Lưu Khang Công, Thành Túc Công cùng đi. Khi có tâm tranh Trịnh, thì đem Doãn Vũ Công, Thiện Tương Công cùng đi. Thế là Vương Thần, bầy tôi triều Chu, đi đi lại lại không thể rứt để làm đồ dùng cho Bá chủ. Kinh Xuân Thu về việc đánh Tần, không có chép Lưu Công, Thành Công, là để san bỏ việc xin quân Thiên Tử, và rõ cái tội lười nhác việc triều Thiên Tử. Về việc đánh Trịnh, thì hai lần chép Doãn, Thiện, là để cho rõ tội khinh mạn Vương thần.

Xét - Ví như đánh Tần, chép Lưu Công, Thành Công, mà lại có việc tới chầu Thiên Tử, xin lấy mệnh, rồi đi, thì là phải. Đánh Trịnh mà đừng có tội, mời ép Vương thần, chỉ trị kẻ phản bội, chỉ giảm thế Sở, thì cũng không phải là dở. Bút Thánh nhân san giảm thật là rõ ràng.

曹伯歸自京師

TÀO BÁ QUY TỰ KINH SƯ

TÀO BÁ TỪ KINH SƯ TRỞ VỀ NƯỚC TÀO

Tả Thị - Dân Tào lại xin với Tấn cho vua về ở. Khi đó. Tử Tang em vua Tào tránh sang Tống. Vua Tống nói với người Tào có mời Tử Tang thì cũng cho Tào Bá về, Tử Tang giao trả vua tất cả các đất đai mình không được phong, từ chức vụ cũ, rồi về, không nhận một chức mới nào.

Công Thị - Bắt mà cho về thì chép tên. Đây là Tào Bá sao không chép tên. Mà sao không nói là trở về Tào. Vì là dễ, thế nào là dễ. Vì Công tử Hỷ Thời ở trong nước. Hỷ Thời ở trong nước thì có gì là dễ. Công tử là người có đức nhân. Trong giữ được nước yên để đợi. Ngoài, nghĩ việc ở nơi kinh sư để cho Tào Bá được thoát. Sao chép là Kinh sư về. Chép như là việc dễ lắm. Ở đó, không có thấy gì là lo ngại.

Cốc Thị - Không nói về đâu. Cứ thế tất là hay. Khi ra đi, khi trở về, không chép tên, cho là không mất nước. Về thì là hay. Từ ở nơi nào về là thêm hay.

Lưu Sưởng - Đây là "lại trở về" tại sao lại không chép

chữ lại. Không cho "lại" là phải. Tại sao? Đó là hạng giết con vua. Chép rằng kinh sư là sao? Là Thiên Tử cho là kẻ có tội. Cốc Lương mà bảo rằng không chép nơi về, vì cho về là phải; khi đi, khi về, không gọi tên, cho là không mất nước. Cốc Lương đã bàn sai. Cái tội của Tào Bá ai đã học thì đều biết; thế mà Cốc Lương Tử không biết, Tào Bá còn có gì là hay. Cho về là phải, là hay, từ nơi chỗ về là thêm hay. Bàn thế cũng sai. Vệ Huyên, Vệ Hầu, Trịnh có gì là hay đâu. Và lại, từ nơi Mỗ, rõ là có được lênh, không vì: muốn cho phải, hay không phải, mà nghỉ việc.

Trình Tử - Tào Bá không chép tên, không chép là phải trở về. Thiên Tử chưa mất vị. Từ Kinh sư nghĩa là theo mệnh Thiên Tử.

Dư Quang - Thời đó, vua nhà Chu chỉ có hư danh mà thôi. Quyền sinh sát, quyền thăng thưởng, không còn nữa, cứ coi người Tào, xin Tấn lần đầu, xin Tấn lần thứ hai, chứ đâu có nghe nói cho sứ đến triều đình Chu. Đến khi Tấn Hầu hứa cho Tào Bá được về, và Tử Tang trở lại, thì thấy rằng quyền ngang dọc, toàn là ở Tấn, đặc biệt giữ tù ở Kinh sư, chỉ là mượn tiếng nhà Chu thôi. Quyền Thiên Tử không chấn hưng. Chư hầu toàn theo ý muốn riêng. Thế đạo suy, lại càng đáng tiếc.

Xét - Phụ Sô, giết vua, cướp ngôi, đúng pháp là phải trị. Thế là Thiên Tử không giết, đó là Xuân Thu chê.

Dư Quang dẫn thuyết họ Quách, cho là dọc ngang toàn từ nước Tấn, theo sự tình đương thời thì cũng đúng.

九月晉人執季孫行斧舍之于苕邱
CỬU NGUYỆT, TẤN NHÂN, CHẤP QUÍ TÔN HÀNG PHỦ XÁ CHI VU ĐIỀU KHƯU
THÁNG 9, NGƯỜI TẤN BẮT QUÝ TÔN HÀNG PHỦ GIỮ LẠI TẠI ĐIỀU KHƯU (NƯỚC TẤN)

Tả Thị - Lỗ Tuyên Bá sai người nói với Khích Khưu rằng: "Lỗ mà có họ Quí, họ Mạnh cũng như Tấn có họ Loan, họ Phạm.

Chính lệnh là ở trong tay. Nay nếu lại bàn rằng: "Chính trị ở Tấn chia ra nhiều họ chứ không ở vua Tấn, vậy không nên theo Tấn, nên theo Tề hay Sở. Lỗ ta muốn khỏi hại đừng theo Tấn nữa" Tấn muốn được đắc chí ở Lỗ thì nên bắt Hàng Phủ xử tử đi. Tôi ở Lỗ sẽ giết Miệt (Mạnh Hiến Tử), thế là giúp Tấn đấy. Miệt nhị tâm muốn bỏ Tấn. Nếu ông không nghe thì tội Miệt khi về nước, sẽ phản ông".

Tháng 9, người Tấn bắt Quí Văn Tử tại đất Điều Khưu.

Lỗ Công khi ở mặt trận về, dừng lại ở ấp Vận phía tây nước Lỗ, sai Tử Thức Thanh Bá tới Tấn xin tha cho Quí Tôn Khích Sưu nói: "Nếu bỏ Trọng Tôn Miệt mà bắt Quí Tôn Hàng Phủ thì nước tôi với nước ngài thân nhau hơn họ hàng thân thích". Thanh Bá đáp: "Tình ý của Kiều Như chắc ngài đã rõ. Nếu Ngài bỏ Miệt và Hàng Phủ, thế tức là bỏ cả nước Lỗ, mà cho là quả quân đã dùng hai họ ấy là có tội. Nếu ngài không bỏ Lỗ, nếu ngài còn làm ơn cho Lỗ, thì nhờ uy linh Chu Công, ngài cho phép quả quân tôi được thờ vua Tấn.

Hai người ấy là bầy tôi xã tắc nước Lỗ, sớm chết đi, thì chiều nước Lỗ cũng mất theo. Vì Lỗ gần nước thù với Tấn là Tề và Sở. Lỗ sẽ theo một trong hai nước, sẽ thành thù địch. Lúc đó Tấn sẽ còn trị sao được".

Khích Sưu nói: "Tôi sẽ vì ông xin phong ấp cho ông ở Tấn". Thanh Bá đáp: "Anh Tề tôi đây chỉ là một tiểu tướng ở Lỗ, dám dâu dựa vào một nước lớn để mong phú quí. Tôi được mệnh quả quân tôi sang xin ngài. Nếu xin được, thế là ngài đã ban cho tôi một ơn to. Tôi còn dám mong gì hơn".

Phạm Văn Tử bảo Loan Vũ Tử: "Quí Tôn ở Lỗ đã thờ hai đời vua. Thiếp không mặc đồ lụa. Ngựa không ăn thóc. Chính là hạng trung thần. Ta tin lời gièm pha gian mà bỏ người trung lương, thì chư hầu đối với ta sẽ ra sao. Tử Thúc Anh Tề phụng mệnh vua không nghĩ lợi riêng, mưu việc quốc gia, không hài lòng, nghĩ đến mình, mà không quên vua, nếu ta không chấp thuận lời xin, thế là ta bỏ người hay. Xin ngài nghĩ kỹ". Loan Vũ Tử mới để cho Lỗ được yên, và thả Quí Tôn.

Công Thị - Đã là bị bắt, thì chưa từng thấy chép chữ "được

ở". Đây chép thế, ý cho là có đức nhân. Ở Điền Khưu thì buồn khổ. Bị bắt chưa có nói đến hạng bị bắt có nhân. Đây nói đến nhân, vì sao. Vì bắt Hàng Phủ thay vào bắt Lỗ Công. Trước đó, người Tấn tới xin quân, Lỗ không cho. Lỗ Công hội với Tấn Hầu. Tấn Hầu sắp bắt Lỗ Công Quí Tôn Hàng Phủ nói: Đó là tội thần. Thế là Tấn bắt Hàng Phủ Lỗ Thành Công sắp hội với Tấn Lệ Công. Lỗ Công tới chậm. Tấn sắp bắt Lỗ Công. Quí Tôn Hàng Phủ nói: "Thần có tội, lại bắt vua. Con có tội, đi bắt cha. Thế là lỗi to, nhầm to, đối với tôn miếu". Vì thế, Tấn bắt Quí Tôn Hàng Phủ.

Cốc Thị - Đã bị bắt thì không có "cho ở". Nay cho ở là đáng để nơi Lỗ Công. Kẻ bị bắt thì phải xét hỏi. Đây thì không. Vì còn có Lỗ Công. Đã bị bắt mà lời chép nhẹ nhàng vì còn để cho Lỗ Công yên. Đã có ý ấy, là Lỗ Công còn được yên.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn rằng, bắt Hàng Phủ thay vào bắt Lỗ Công, cho nên cho là nhân. Bàn thế sai. Phàm về việc nước, có tội thì vị Chính Khanh bị bắt là đúng lễ.

Công Dương lại bàn là vua còn nhỏ tuổi, thì tội không phải ở Công làm ra, mà vị Chính Khanh phải đương lấy. Thế tức là Hàng Phủ gieo cái nhục cho Công. Vậy sao Kinh Xuân Thu lại cho là nhân.

Lại ví như, theo lý lẽ chưa đủ, để cho là nhân, thì việc để cho ở Điều Khưu cũng không phải như Công Dương đã bàn.

冬 十 月 乙 亥 叔 孫 僑 如 出 奔 齊

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ẤT HỢI, THÚC TÔN KIỀU NHƯ XUẤT BÔN TỀ

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI, NGÀY ẤT HỢI, THÚC TÔN KIỀU NHƯ CHẠY SANG NƯỚC TỀ

Tả Thị - Mùa đông, tháng mười người Lỗ đuổi Thúc Tôn Kiều Như đi, rồi cùng thề ước với nhau. Kiều Như chạy sang Tề.

十有二月乙丑季孫行斧及晉郤犫盟于扈

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT SỬU, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ CẬP TẤN KHÍCH SƯU MINH VU HỖ

THÁNG 12, NGÀY QUÍ SỬU, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ VÀ TẤN KHÍCH SƯU LẬP MINH ƯỚC TẠI ĐẤT HỖ

Tả thị - Tháng 12, Quí Tôn và Khích Sưu thề tại đất Hỗ. Khi về Lỗ, Hàng Phủ giết Công Tử Yển, triệu Thúc Tôn Bác ở Tề về, lập lên làm chủ họ Thúc Tôn.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ LỖ

Phụ lục Tả truyện - Thanh Mạnh Tử nước Tề (mẹ Tề Linh Công) thông với Kiều Như. Ta muốn xin cho Kiều Như được chức như họ Cao, họ Quốc ở Tề. Kiều Như nói: "Không nên tái tội, làm tội lần nữa". Thế là chạy sang Vệ, lại cũng được vào hàng Khanh.

Tấn Hầu sai Khích Chí tới triều đình Chu, dâng các người và vật bắt được của Sở. Khi nói chuyện với Thiện Tương Công ở Chu, Khích Chí khoe công thắng trận. Thiện Tương Công sau nói chuyện với các quan rằng: "Ôn Quí, (Khích Sưu) chết đến nơi. Ở Tấn có bảy người chức vị cao hơn, mà Ôn Quí không coi ra gì. Thế là tích oán. Oán là gốc loạn. Ở yên sao được. Sách Hạ Thư có nói: Có cần đợi được thấy oán rõ rệt được. Ta phải để ý trước khi xảy ra. Nay Khích Khưu đã làm cho oán xảy ra rồi. Sống thế nào được".

Cao Kháng - Đại phu bị bắt thì phải chép rõ tại sao. Việc Hàng Phủ không chép rõ. Lỗ Công đợi Hàng Phủ cùng về. Chép Lỗ Công cho là quan trọng. Tuy nhiên Lỗ Công không có dự hội, mà chép "từ hội về", là nói thác ra như thế. Xét: Hội Sa Tùy,

Công đã không được tiếp, hội Thánh Trịnh, Công không được dự. Vị Khanh, ngôi cao nhất bị bắt. Lỗ Công ở ngoài nước, muốn trình bày rõ việc với Tấn thì không được thoát nạn. Mùa thu, Công ra đi, hết mùa đông mới về. Lúc đi thì có đánh Trịnh, lại không được dự hội, bàn việc. Vua bị nhục, tôi bị bắt. Thế là việc nhục cho nước. Đến khi Công về không thể lấy việc, đánh Trịnh xong rồi về, mà chép. Cho nên nói thác ra là từ hội về, để thấy Công không dự việc đánh Trịnh.

Lý Liêm - Kinh Xuân Thu mà không chép rõ gốc việc, duy chỉ có năm nay, vì đánh Trịnh mà chép hội, và năm thứ 18, Tương Công vây Tề, mà chép là "Công từ đánh Tề về".

乙 酉 刺 公 子 偃

ẤT DẬU, THỨ CÔNG TỬ YỂN

NGÀY ẤT DẬU, CÔNG TỬ YỂN BỊ GIẾT

Cốc thị - Đại phu chết, chép chữ "tốt" , là theo chính nghĩa trước chép chữ giết, sau chép chữ tên, là giết kẻ vô tội.

Lưu Sưởng - Sao không chép ai giết. Vì giết kẻ có tội. Tội gì. Vì là đảng Thúc Tôn Kiều Như, hàng các Công tử. Cốc Lương lại bàn, cho là giết kẻ vô tội. Cốc Lương bàn sai. Lấy lý mà xét, trước chép chữ giết, sau chép chữ tên, chính là kẻ giết có tội. Nếu trước chép tên, sau chép giết, thế đủ rõ là chưa biết tội, không hỏi tội được ở các quan chấp sự, ở quần chúng.

Ngô Trừng - Tên Tượng định giết Thuấn. Đến khi Thuấn lên ngôi Thiên Tử, thì phong tước cho Tượng, có phải là Thuấn không biết Tượng định giết mình đâu, cho nên Mạnh Tử bàn đó là hành động của người có đức nhân đối với em, không có tích chứa oán thù, cứ thân mến, cứ cho giàu sang. Thế là thuần biết đạo làm anh, mà về đạo làm người thì đến tột bực. Yển dù có bị Mục Khương chỉ tay (coi lại các trang trên) nhưng bất quá Mục Khương chỉ là chép Lỗ Công theo ý mình , chứ chưa thấy thực có mưu phế lập, và Yển cũng thế. Nay Kiều Như đã bị đuổi. Thành Công nên tu thân, tề gia, để cảm hóa người mẹ. Uy quyền là ở mình. Yển dù có thực tà tâm cũng không làm

gì nổi. Nay không hay can được mẹ, lại còn giận đến em, giết đi; coi truyện Thuấn đối với Tượng còn ra thế nào.

Công tử không phải là chữ họ, , mà là chữ chỉ hệ thuộc, tức như chép là con của tiên quân. Thế thì có nên giết không.

Xét - Trước có chữ giết, sau có chữ tên, bọn tiên nho phần nhiều theo Lưu Sướng, cho là có tội. Riêng Ngô Trừng trách Thành Công mất đạo thân ái. Ngô Trừng bàn theo lẽ chính đáng. Xét Yến tuy có tội, mà lại em vua thì còn có thể xét đến trường hợp thân thích. Nay thành công không nghĩ gì đến tình anh em, hằn học giết đi, thì đâu phải tâm người có đức nhân, cho nên ta để cả hai thuyết.

Năm Đinh Hợi. Vua Giản Vương năm thứ 12.

十 有 七 年
THẬP HỮU THẤT NIÊN
NĂM THỨ 17

Tấn Lệ năm thứ 7. Tề Linh năm thứ 8. Vệ Hiến năm thứ 3. Sái Cảnh năm thứ 18. Trịnh Thành năm thứ 11. Tào Thành năm thứ 4. Trần Thành năm thứ 25. Kỷ Hoàn năm thứ 63. Tống Bình năm thứ 2. Tần Cảnh năm thứ 3. Sở Cung năm thứ 17. Ngô Thọ Mộng năm thứ 12.

春 衛 北 宮 括 帥 師 侵 鄭
XUÂN, VỆ, BẮC CUNG QUÁT, SUẤT SƯ XÂM TRỊNH
MÙA XUÂN, BẮC CUNG QUÁT CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Năm thứ 17, mùa xuân, Vương, tháng giêng. Tử Tứ nước Trịnh xâm ấp Hư, ấp Hoạt nước Tấn. Bắc Cung Quát nước vệ cứu Tấn, xâm Trịnh, quân tiến đến cao Thị.

Kim Hiền - Tiên nho bảo là mệnh của nước Tấn. Vì người khác, nước khác mà động binh, thì chép là xâm, là chê. Bảo thế là sai. Vệ đã nhận được mệnh của Bá chủ thì Xuân Thu sao

lại chê. Lại bàn rằng: Trịnh phản Tấn, vẫn còn sợ Tấn mạnh, đâu dám hưng sư chống Tấn. Bàn thế cũng sai. Trịnh mà xâm Tấn, biết đâu chẳng phải là mệnh vua Sở. Sở dĩ dám hưng binh là dựa vào Sở. Sở Công tử Thành, và Công tử Đàn đóng quân tại Trịnh để phòng Tấn. Công Tử Anh Tề thì dồn quân tại Thủ Chỉ. Công tử Thân thì đóng quân tại Nhữ Thượng. Ta coi thế là đủ hiểu.

夏公會尹子單子晉侯齊侯宋公
衛侯曹伯邾人伐鄭

HẠ, CÔNG HỘI DOÃN TỬ, THIỆN TỬ, TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CHÂU NHÂN PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI DOÃN TỬ, THIÊN TỬ, TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5, Trịnh thái tử là Khôn Ngoan, và đại phu Hầu Nữu làm con tin ở Sở. Công tử Thành công tử Dần nước Sở đồn thú tại Trịnh. Lỗ Công hợp với Doãn Phủ Công, Thiện Tương Công và các chư hầu để đánh Trịnh. Quân đi từ Hí Đồng tới Khúc vị.

Phụ lục Tả Truyện - Phạm Văn Tử (Sĩ Tiếp), nước Tấn khi ở Yển Lăng về, sai Vu Chúc (Quan coi việc cúng tế ở Thái Miếu), cầu thần linh cho được chóng chết, nói rằng: "Đã kiêu, trời lại cho thắng trận để kiêu thêm. Ai yêu ta thì cố xin thần linh cho ta chóng chết để khỏi phải tai họa. Đó là phúc cho cả họ Phạm ta".

Tháng Sáu, ngày Mậu Thìn, Sĩ Tiếp mất.

Cao Kháng - Nước Tấn giả mệnh Thiên Tử để đánh nước Trịnh, lại đem theo hai khanh sĩ triều đình. Tấn thì chủ việc binh mà chép Doãn, Thiện, lên trên là trọng mệnh vua. Xét Tấn Lệ tuy vô đạo mà còn nhiều lần họp được chư hầu, còn ngăn được Sở, lấy mệnh Thiên Tử sai chư hầu mà làm việc nghĩa.

六 月 乙 酉 同 盟 于 柯 陵

LỤC NGUYỆT, ẤT DẬU, ĐỒNG MINH VU KHA LĂNG

THÁNG SÁU, NGÀY ẤT DẬU, HỘI THỀ TẠI KHA LĂNG (ĐẤT NƯỚC TRỊNH)

Tả Thị - Ngày Ất Dậu, đồng minh tại Kha Lăng, nhắc lại cuộc đồng minh tại đất Thích.

Cốc Thị - Hội thề ở Kha Lăng, bàn việc lại đánh Trịnh.

Trình Tử - Chư hầu cùng ghét Sở.

Tô Triệt - Chép chữ đồng minh là vì Trịnh phản. Khi nước Tề, nước Tấn đương thịnh, tuy đại phu của Thiên Tử có dự hội, cũng không có thề, ý nghĩa là còn tôn nhà Chu. Ở hội Kha Lăng, Doãn Tử, Thiện Tử bắt đầu thề, từ đó trở đi, thề coi là việc thường, thế là phi lễ.

秋 公 至 自 會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA THU, CÔNG TỰ HỘI VỀ

Tả Thị - Sở Tử cứu Trịnh, quân tới Thủ Chỉ. Quân chư hầu lui về.

Cốc Thị - Không chép là từ đánh Trịnh trở về, vì Lỗ Công không dự. Sao biết. Vì chép là từ hội về. Sao biết là lại thề để mưu bàn việc đánh Trịnh. Vì thấy những tên ở hội trước đều lại chép cả. Không có ý về việc đánh Trịnh thì sao lại chép ngày. Cũng là để rõ Công không có bội cuộc thề ở Kha Lăng.

Ngô Trừng - Đang muốn nêu rõ tội của Trịnh để đi đến chỗ đánh Trịnh mà Sở đã tới cứu. Chư hầu sợ Sở mà phải lui về, chưa thường được đánh thật, đánh hẳn, cho nên không dùng chữ phạt, mà dùng chữ hội để chép Lỗ Công từ hội về.

Lý Liêm - Lần này, đánh xong, rồi thề, cho nên chép Công từ hội về. Thế tức là Cốc Lương kể hai việc liên tiếp, lấy việc sau mà cắt nghĩa chữ từ hội về, đặt thành một lệ, cũng như

năm thứ 11 Lỗ Tương Công, đánh Trịnh rồi hội tại đất Tiêu Ngư, và năm thứ tư, Định Công đánh Sở rồi thề ở Cao Dứu. Lệ chép không đúng nhau, Thế mà ở đây Cốc Lương lại nói: không chép là "từ đánh Trịnh về", là vì Lỗ Công không dự đánh Trịnh. Kẻ thích nghĩa cho là Lỗ Công dự hội để giữ chữ tín, chứ thực là bị chư hầu áp bức thế, ý Công không muốn đánh Trịnh. Vậy đối với các lời bàn trước, Cốc Lương đã tự mâu thuẫn. Lời bàn sau không căn cứ vào đâu.

齊高無咎出奔莒

TỀ CAO VÔ CỮU XUẤT BÔN CỬ

VÔ CỮU NƯỚC TỀ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC CỬ

Tả Thị - Khách Khắc (Khanh Phong Phũ) nước Tề thông với Thanh Mạnh Tử (mẹ vua Tề. Mặc quần áo đàn bà ngồi xe cho kéo vào cung, Bào Khiên trông thấy báo cáo với Quốc Vũ Tư. Vũ Tử cho triệu Khánh Khắc đến khuyên bảo. Khánh Khắc đóng cửa ở nhà, nhưng báo cho phu nhân biết và nói: Quốc Tử đã gắt mắng. Phu nhân giận. Quốc Tử đi theo Linh Công tới hội. Cao Vô Cữu và Bào Khiên ở lại giữ quốc đô trong khi vắng vua. Được tin vua sắp về, hai tướng sai đóng cửa thành để phòng gian. Thanh Mạnh Tử vu ngay cho là ý không cho vua vào thành, để mưu lập con Khoảnh Công tên là Giốc, rồi nói với vua.

Mùa thu tháng 7, ngày Nhâm Dần, Bào Khiên bị chặt chân. Cao Vô Cữu bị đuổi. Vô Cữu chạy sang nước Cử. Cao Nhược, con Vô Cữu, đem dân tới ấp Lư của mình nổi loạn. Người Tề tới Lư triệu Bào Quốc em Bào Khiên, lập nên chủ họ Bào.

Khi trước, Bào Quốc bỏ họ Bào, tới Lỗ làm gia thần cho họ Thi Hiếu Thúc. Họ Thi có bói để định một vị Tể. Bói được một người tên là Khuông Cú Tu. Tể họ Thi được lộc một ấp trăm gia đình. Cú Tu nhường cả ấp, cả chức Tể cho Bào Quốc. Thi Hiếu Thúc nói: "Ông được quẻ cát". Cú Tu nói: "Còn cát nào hơn có tài năng, mà trung và lương". Bào Quốc làm Tể nhà họ Thi tận trung. Cho nên dân Tề chọn làm chưởng tộc họ Bào.

Khổng Ni có nói: Cái trí của Bào Trang Tử (Bào Khiên) không được như hoa quì, vì hoa quì còn che được chân hoa.

九 月 辛 丑 用 郊
CỬU NGUYỆT, TÂN SỬU, DỤNG GIAO
THÁNG CHÍN, NGÀY TÂN SỬU, CÓ XẾP ĐẶT TẾ GIAO

Công Thị - Chữ dụng, xếp đặt, là có ý nói không nên đặt tháng chín, không phải mùa tế Giao. Chính ra là ngày Thượng tân. Hoặc giả là hãy còn sửa soạn. Rồi sau mới tế Giao.

Cốc Thị - Đầu mùa hạ là có thể tiếp theo xuân. Còn như cuối mùa thu mà muốn tiếp theo xuân thì không thể được. Tháng chín, xếp đặt tế Giao thì không nên. Chỗ quan cư không có, thì không tế được. Y không phục sẵn thì không tế được. Xe ngựa khí giới không đủ, thì không tế được. Một quan Hữu tư, không kiêm hết được mọi chức vụ, thì không tế được. Phàm tế là phải cho đúng mùa, cho đủ cung kính, cho tốt đẹp về mọi thứ, chứ không phải chỉ cần để thần hưởng vị thôi.

Xét - Lưu Sưởng thì bảo "dụng giao" là dụng nhân (dùng người để tế). Thế là không phải. Năm thứ 10, Chiêu Công Quí Bình Tử mới bắt đầu dụng nhân ở Hào Xã.Nếu năm ấy mà dụng nhân, thì năm thứ 10, Chiêu Công đã không chép được là bắt đầu. Nước Châu dụng vua nước Tắng (lấy máu Tắng Tử vua nước Tắng để tế), nước Sở dụng Thế tử Sái đều là lấy kẻ thù địch để khoái tâm, khoái ý với non sông. Còn như thời Lỗ Thành Công, thì vị thường đã bắt được người nước thù địch nào mà lại đem giết kẻ vô tội để tế Thượng Đế. Lý đó tất là không thể tin được. Hồ Truyện nói: Đến lục súc còn không muốn dùng, huống chi lại dám dùng người. Vậy cần biện luận cho rõ.

晉 侯 使 荀 罃 來 乞 師
TẤN HẦU SỬ TUÂN ANH LAI KHẤT SƯ
TẤN HẦU SAI TUÂN ANH TỚI LỖ XIN QUÂN

Phạm Ninh - Trịnh Tự bảo là để sắp đánh Trịnh.

冬公會單子晉侯宋公衛侯曹伯齊人邾人伐鄭

ĐÔNG, CÔNG HỘI THIỆN TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, TỀ NHÂN, CHÂU NHÂN, PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI THIỆN TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI CHÂU ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, chư hầu đánh Trịnh. Tháng 10, ngày Canh Ngọ, vây Trịnh.

Cốc Thị - Thế là biết Lỗ Công không bội minh ước ở Kha Lăng.

Lý Liêm - Tấn từ Yên Lăng về sau, quân uy không phải là không phấn khởi, nghiệp bá không phải là không cố giữ, thế mà Trịnh cứ không phục, mới biết Lệ Công không có đức phục được người.

十有一月公至自伐鄭

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH.

THÁNG 11, LỖ CÔNG TỪ ĐÁNH TRỊNH VỀ LỖ

Tả thị - Công Tử Thân nước Sở cứu Trịnh, quân đóng trên bờ sông Nhữ, giáp Trịnh. Tháng 11, quân chư hầu lui về.

壬申公孫嬰齊卒于貍脤

NHÂM THÂN, CÔNG TÔN ANH TỀ TỐT VU LY THẦN

NGÀY NHÂM THÂN, CÔNG TÔN ANH TỀ MẤT TẠI LY THẦN

Tả Thị - Xưa, Thanh Bá, Anh Tề, nằm mê thấy đi qua sông Hoàn. Có một người để vào mồm mình, Ngọc Quỳnh khôi (đồ

phạn hàm). Nước mắt chảy ra, biến thành ngọc, đầy trong mình. Anh Tề (cũng trong lúc mê) có hát: "Qua sông Hoàn nhận được ngọc quí, về đi thôi, về đi thôi, ngọc đầy người". Khi tỉnh dậy, im sợ chết, không dám bảo ai đoán mộng. Rồi tự Trịnh về. Ngày Nhâm Thân, về đến Ly Thần, muốn nhờ người đoán mộng, mới nói rằng: Tôi sợ chết, không dám bảo ai đoán. Biết bao người đã ba năm nay theo tôi chiến trận, không bị thương, thì tôi không sợ nữa. Vừa nói xong thì chết.

Phụ lục Tả truyện - Tề Hầu cho Thôi Trữ làm đại phu, cho Khánh Khắc làm phó, sai cầm quân vây đất Lư. Quốc Tá đang theo chư hầu vây Trịnh, vì có biến ở Tề xin phép trở về. Thế là về ấp Lư giết Khánh Khắc, rồi cùng dân Lư làm phản, Tề Hầu phải kí minh ước tại Từ Quan và cứ để Quốc Tá giữ nguyên chức. Tháng 12, Lư hàng, Quốc Tá sai con là Quốc Thắng, báo cáo công việc khó khăn với Tấn, và bảo con đừng về, cứ đợi lệnh ở đất Thanh.

Công Thị - Không phải đúng ngày, tháng, như Kinh đã chép. Tại sao lấy ngày tháng ấy Anh Tề mất. Vì đợi mệnh vua rồi mới chép là mất. Tại sao thế. Vì trước đó, Anh Tề chạy Tấn. Lỗ Công đi hội. Tấn Hầu định bắt Công. Anh Tề xin cho Công. Rồi Công hứa khi về, cho làm đại phu. Anh Tề về đến Ly Thần thì mất. Chưa có mệnh vua, chưa chép đại phu mất. Khi Lỗ Công tới nơi nói: "Ta có hứa rồi khi về, cho làm đại phu". Thế mới chép là mất.

Cốc Thị - Tháng 11, không có ngày Nhâm Thân. Nhâm Thân ơ vào tháng 10. Chép Công về rồi mới chép đại phu mất, thế là đúng nghĩa thần tử. Còn nơi chết thì chưa qua biên giới.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo, chép việc vua, rồi mới đến việc tôi. Xét kinh Xuân Thu là sách chép năm, tháng, việc cứ theo trước sau. Vả lại chép vị Khanh mất, rồi sau đến công về, đều cứ theo sự thực thì có hại gì.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, không phải ngày tháng ấy, vì đợi mệnh vua rồi mới chép đại phu mất. Bảo thế là sai. Vua đã hứa cho Anh Tề làm đại phu là từ trước. Vua về tới nơi, thì lại rõ như thế. Tuy nhiên, chép Anh Tề mất, nên vào lúc trước

khi Công về là đúng, không nghi. Nếu bảo là Anh Tề đi trở về chưa tới nơi cho nên không chép được là đại phu mất, Anh Tề mất lúc chưa phong đại phu. Nếu bảo như thế, thì dù sao cũng đừng có chép Anh Tề mất nữa, đừng có cho việc chết lùi lại sau khi vua về. Nếu cho là Công đã hứa, thì tức là Anh Tề đã thành đại phu rồi, như thế, chép việc chết trước việc Công về, thì có hại gì đâu. Giả sử người trong nước chưa biết lệnh vua cho làm đại phu, mà không chép Anh Tề mất thì Công sau báo cáo cho biết, thì cũng có thể cứ truy lục chép lại việc chết. Đã truy lục, thì cứ đặt vào trước việc Công về, cho rõ là Công đã hứa cho làm đại phu từ trước. Thế làm gì mà không được.

Lại như Công Tôn Ngao mất ở Tề, có đợi mệnh của Công đâu, mà sao chép việc mất.

十 有 二 月 丁 巳 朔 日 有 食 之

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ĐINH TỴ, SÓC NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 12, NGÀY ĐINH TỴ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

邾 子 貜 且 卒

CHÂU TỬ, CƯỢC THỬ TỐT

CHÂU TỬ TÊN LÀ CƯỢC THỬ MẤT

晉 殺 其 大 夫 郤 錡 郤 犨 郤 至

TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU KHÍCH KỲ, KHÍCH SƯU, KHÍCH CHÍ

TẤN GIẾT CÁC ĐẠI PHU KHÍCH KỲ, KHÍCH SƯU, KHÍCH CHÍ

Tả thị - Tấn Lệ Công, tính đã phóng dục, lại nhiều bế thần, tức là bọn nịnh thần được vua mê, tin. Từ khi ở Yến Lăng về, ý muốn bỏ hết các đại phu, để cho bọn bế thần thay vào. Tư

Đồng là bế thần. Khích Kỳ có chiếm ruộng của Di Dương Ngũ, một bế thần. Khích Sưu tranh ruộng với Trương Ngư Kiều, đóng gông lại, trói vào càng xe, cùng với bố mẹ, vợ, và con. Sau Trương Ngư Kiều cũng thành một bế thần. Loan Thư thì thù Khích Chí, vì đã không theo lệnh đến nỗi bị thua quân Sở. Muốn cách chức Chí, Thư bảo con vua Sở là Công Tử Phiệt đang bị làm tù binh ở Tấn, nói với Tấn Hầu: Trận Yến Lăng chính là Khích Chí đã mời vua Sở tới khiêu chiến vì quân phía đông giúp Tấn chưa tới, các chủ súy cũng chưa đủ vị. Khích Chí nói: Chúng tôi sẽ thua. Thua rồi, sẽ lập Tôn Chu (chắc của Tấn Tương Công) rồi theo về Sở. Tấn Hầu kể lại với Loan Thư. Thư nói: Chắc có thật. Nếu không thì sao Khích Chí đã liều chết trong trận đó. Xin nhà vua thử sai Chí đi sứ tới Kinh sư, rồi cho theo dõi hành động. Khích Chí được lệnh tới triều Chu sính lễ. Loan Thư sai Tôn Thư tới thăm. Tấn Hầu sai người thám thính, thấy có Tôn Chu, mới nghi và ghét Khích Chí.

Ngày kia, Lệ Công đi săn, cho phép các đàn bà dự và uống rượu. Xong rồi đến lượt các đại phu đi săn. Khích Chí bắn được con lợn rừng, mang đến cho Lệ Công. Mạnh Chương là chưởng bọn nội giám, cướp lấy Khích Chí bắn cho một phát chết. Lệ Công tưởng là lợn của Mạnh Chương nói: Khích Chí khinh ta, bắt đầu định gây chuyện. Tư Đồng nói: Nên trừ ba tên Khích trước, họ ấy đông, mà nhiều kẻ thù. Diệt họ ấy đi, ngài sẽ đỡ bị áp bức. Diệt một họ có nhiều kẻ thù, tất là dễ. Tấn Hầu nói: Phải.

Họ Khích nghe biết chuyện. Khích Kỳ muốn đánh Công, nói: Dù sao mình cũng chết, thì mình hãy làm cho Công nguy khốn đã. Khích Chí nói: Người ta đáng làm người vì có ba điều tín, trí và dũng. Có tín thì không phản vua. Có trí thì không hại dân. Có dũng thì không làm loạn. Mất ba điều ấy thì còn ai theo ta. Chết mà nhiều người oán thì không nên, vua có tôi trung mà giết đi thì có đáng là vua không. Nếu ta thực là có tội thì nay chết cũng là muộn rồi. Nếu vua giết người vô tội, thì sẽ mất bầy tôi, có muốn yên cũng không được. Ta cứ chờ lệnh thôi. Ta được ơn huệ nhiều để lập thành một đảng. Nay lại dùng đảng để chống mệnh vua, còn tội nào to hơn.

Ngày Nhâm Ngọ, Từ Đồng, Di Hương Ngũ, đem tám trăm giáp binh, định đánh họ Khích. Trương Ngư Kiều xin đừng dùng nhiều quân. Tấn Hầu sai Thanh Phí Đồi giúp Kiều. Kiều cầm giáo, sốc áo lên, làm như sắp sửa đánh nhau với Thanh Phí Bồi. Ba nhà họ Khích bàn định với nhau ở trên đài. Kiều lấy giáo đâm chết Câu Bá Khích Kỳ, và Khổ Thành Thúc Khích Sưu ngay trên ghế ngồi. Ôn Quí Khích Chí nói: Hung hãn thế ta đành chạy, rồi chạy ra ngoài. Kiều đuổi kịp xe, đâm chết nốt. Ba xác phanh ra giữa triều.

Tư Đồng đem giáp sĩ bắt Loan Thư và Trung Hàng Yển giữa triều. Kiều nói: Nếu không giết hai người này, thì vua sẽ có sự lo ngại. Vua nói. Một buổi sớm, đã phanh thây ba đại phu, ta bất nhẫn giết thêm. Kiều nói: "Người ta đối với vua lại không bất nhẫn. Tôi nghe nói loạn ở ngoài thì gọi là gian, loạn ở trong thì gọi là phản. Ngăn gian thì cần có đức mà ngăn phản thì cần có hình phạt. Giết mà không tha thì không gọi là có đức. Bầy tôi áp bức mà không trị, thì không có hình phạt, đã thiếu đức và hình gian và loạn sẽ sinh. Thần xin phép đi thôi". Thế là chạy trốn sang nước Địch.

Tấn Hầu sai tha hai người, và cho bảo rằng: Vua đã trị tội bọn Khích. Bọn đó đã bị trừng phạt. Các đại phu không có bị nhục lây. Ai nấy giữ chức vụ. Loan Thư và Trung Hàng Yển tới rập đầu hai lạy nói: Nhà vua trị kẻ có tội mà tha cho thần, thật là ơn nhà vua hai thần dù chết không dám quên đức. Thế là ra khỏi triều về nhà. Tấn Hầu phong Tư Đồng làm Khanh.

Tấn Hầu tới chơi nhà Tương Lệ, một bế thần. Loan Thư, Trung Hàng Yển nhân dịp bắt Công. Cho gọi Sĩ Cái. Sĩ Cái từ chối. Cho gọi Hàn Quyết, Hàn Quyết từ chối và nói: Xưa, tôi ở với họ Triệu. Khi Mạnh Cơ gièm họ Triệu, tôi đã tránh không dùng đến đồ binh. Người xưa có nói: khi giết con bò già, còn không nỡ nhìn, huống là vị vua. Các ông mà không muốn thờ vua nữa, thì còn cần gì đến Quyết này.

Cốc Thị - Tự gây tai họa là bắt đầu từ đây.

楚人滅舒庸

SỞ NHÂN DIỆT THƯ DUNG

NGƯỜI SỞ DIỆT NƯỚC THƯ DUNG

Tả thị - Thư Dung một nước nhỏ rợ Đông Di bị quân Sở đánh bại, bởi dẫn người nước Ngô tới vây đất Sào, tràn vào ấp Giá, rồi vây đất Lý và đất Hủy (trong nước Sở). Rồi cậy có nước Ngô, không phòng bị. Công tử Thác người nước Sở đem quân đánh úp Thư Dung, rồi biệt đi.

Sào, Giá. Lý, Hủy là bốn ấp của nước Sở.

Phụ lục Tả truyện - Tháng 12 nhuận, ngày ất mão, cuối tháng, Loan Thư và Trung Hàng Yển giết Tư Đồng. Dân không ưa thích họ Khích. Tư Đồng gây loạn cho vua. Cho nên đều chép: Nước Tấn giết đại phu.

Năm Mậu Tí. Vua Giản Vương năm thứ 13.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tấn lệ, năm thứ 8. Tề Linh, năm thứ 9. Vệ Hiến, năm thứ 4. Sài Cảnh, năm thứ 19. Trịnh Thành, năm thứu 12. Tào Thành, năm thứ 5. Trần Thành, năm thứ 26. Kỷ Hoàn, năm thứ 64. Tống Bình, năm thứ 3. Tần Cảnh, năm thứ 4. Sở Cung, năm thứ 18. Ngô Thọ Mông, năm thứ 13.

春王正月晉殺其大夫胥童

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TẤN SÁT KỲ ĐẠI PHU TƯ ĐỒNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NƯỚC TẤN GIẾT ĐẠI PHU TƯ ĐỒNG

Gia Huyền Ông - Ba người họ Khích chết là Tấn Lệ Công

giết. Tư Đồng chết là Trung Hàng Yển giết. Kinh Xuân Thu đều cho là nước Tấn giết, để rõ Tư Đồng đưa vua đến tai nạn, mà vua vì thế chết. Đồng cũng là người có tội ở nước Tấn. Bầy tôi cùng vua đều chết về nạn thì gọi là tử tiết. Tư Đồng với Lệ Công chết trước, chết sau. Xuân Thu buộc vào cho là nước giết, thế nghĩa là có tội đáng giết. Nếu Đồng có đại tiết thì đã dùng giọng văn chép Khổng Phủ chết theo vua.

庚 申 晉 弒 其 君 州 蒲

CANH THÂN, TẤN THÍ KỲ QUÂN CHÂU BỒ

NGÀY CANH THÂN, NƯỚC TẤN GIẾT VUA LÀ CHÂU BỒ

Tả thị - Năm thứ 18, Vương, tháng giêng, ngày Canh Thân, Tấn Loan Thư, Trung Hàng Yển sai đại phu Trình Hoạt giết Lệ Công, cho một xe đi chôn ở ngoài cửa đông. Rồi sai Tuân Anh và Sĩ Phường đến Kinh Sư đón Chu Tử về để lập lên ngôi. Chu Tử, 14 tuổi. Các đại phu đi đón tận Thanh Nguyên. Chu Tử bảo: Tôi có mong đâu đến vị này. Hoặc là tự mệnh trời. Còn người thì muốn có một vua để ra lệnh. Nếu đã lập nên mà lại không theo lệnh thì lập theo làm gì. Nếu các đại phu muốn dùng tôi thì bây giờ nói ngay đi. Nếu không muốn thì bây giờ cũng nói ngay đi. Nếu biết cung kính, theo mệnh vua, thì thần linh ban phúc. Các quan nói: Tuân mệnh là ý nguyện của quần thần, dám đâu không dám theo.

Ngày Canh Ngọ, Chu Tử cùng các quan kí minh ước rồi vào thành, tạm ở nhà Bá Tử Đồng. Ngày Tân Tỵ, ra coi chầu tại Vũ Cung. Đuổi bảy vị quan không theo.

Chu Tử còn có người anh, nhưng đần độn, đến nỗi không phân biệt được hạt thóc với hạt đậu, cho nên không được lập,

Cốc Thị - Chép là nước giết vua, thì biết là vua có tội nặng.

Xét - Chép là nước để giết, Cốc Lương cho là vua có tội nặng. Hồ Truyện thì cho là chép lược qua, bọn nho phần nhiều nghe theo, bàn rằng vua mà để cả nước ghét thì quần chúng giết là để chia trách nhiệm với đông người. Xét Xuân Thu mà ra đời là để dạy đạo làm tôi, thì làm sao chia tội ác ra cho mọi người,

hại đến lễ nghĩa, còn mong dạy ai. Xét trong 12 đời Công, được biên chép, vua vô đạo bị giết vốn có nhiều. Lấy việc nước Tấn mà bàn luận. Linh Công với Lệ Công chưa xa nhau mấy, mà Linh Công thì chép Thuẫn giết, Lệ Công thì chép nước giết. Tại sao thế? Khi Triệu Xuyên giết Linh Công, thì thời đó, có Sử là quan Đổng Hồ, cứ chép thẳng. Triệu Thuẫn đành chịu tội, không dám cãi. Lần này, chép việc giết Lệ Công, Sử quan vị tất được như Đổng Hồ, người bị chép vị tất đã chịu tội. Tờ cáo phó cho các chư hầu tất buộc tội cho một người nào để tránh người có tội thực. Sử cũ nước Lỗ cứ theo cáo phó biên chép. Kinh Xuân Thu đã nhận xét rõ mới chép là nước Tấn giết vua, để cho thiên hạ đời sau đến sự thực của việc giết. Như thế thì tên hung thủ không thoát khỏi lưới. Đó là đặc bút của Thánh nhân thấy rõ ở năm thứ 16 Lỗ Văn Công, người Tống giết vua.

齊殺其大夫國佐
TỀ SÁT KỲ ĐẠI PHU QUỐC TÁ
NƯỚC TỀ GIẾT ĐẠI PHU LÀ QUỐC TÁ

Tả Thị - Nước Tề vì việc loạn xảy ra từ họ Khánh, ngày Giáp Thân cuối tháng, theo lệnh vua Tề, Sì Hoa Miễn cầm giáo giết Quốc Tá tại nội cung, vào một buổi chầu. Quân sĩ được giấu trong cung, của phu nhân. Kinh Xuân Thu chép: "Nước Tề giết đại phu Quốc Tá". Vì Quốc Tá đã không tuân mệnh vua, tự chuyên sử tử Khánh Khắc và lấy dân Cốc làm phản, vua Tề sai dân đất Thanh giết Quốc Thắng con Quốc Tá, Quốc Nhược chạy trốn tới Lỗ. Vương Tửu trong Đảng Quốc Tá trốn đến đất Lai. Khánh Phong con Khánh Khắc được phong đại phu, và Khanh Tá giữ chức Tư Khấu. Vua Tề lại gọi Quốc Nhược về cho làm chương tộc họ Khánh. Như thế là đúng lễ.

Phụ Lục Tả Truyện - Tháng hai, ngày Ất Dậu, mùng một Tấn Điệu Công lên ngôi trong triều, sai các quan thi ân, tha phu dịch, triển hạn các trái khoản, trông nom đến quan phu quá phụ, trưng cầu hiền tài, giúp đỡ hạng cùng dân, kẻ nghèo khổ, ngăn cấm dâm đãng, bớt thuế má, bớt tiêu dùng, tùy mùa dùng

dân vào việc công. Cho lên chức Khanh, bọn Ngụy Tương (con Ngụy Kỳ), Sĩ Phường (Con Sĩ Hội) Ngụy Hiệt (con Ngụy Khỏa) và Triệu Vũ (con Triệu Sóc).

Tấn Hầu cho làm Công tộc đại phu, bốn người là Tuân Gia, Tuân Hội, Loan Yểm, và Hàn Vô Kỵ. Sai bốn người phải dạy con em các quan, Khanh, Đại phu, cho biết các điều hiếu đễ, cung, kiệm. Phong Sĩ Ác Trọc làm Thái Phó, sai coi xét pháp luật, Phạm Vũ Tử đã đặt ra, để rồi áp dụng. Phong Hữu Hàng Tâm làm Tư Không, sai coi lại và thi hành điều lệ Sĩ Vĩ đã đặt ra. Biền Cũ giữ chức Ngự Nhung, coi các liêu thuộc, dạy cho các điều cần biết khi điều khiển chiến xa. Tuân Tân làm xa hữu coi các giáp binh cầm giáo đi bên hữu xe, dạy cho biết tùy cơ ứng biến. Các vị Khanh không được có quan chức riêng về chiến xa riêng, công việc giao cho hàng úy trong quân đội.

Kỳ Hề coi Trung quân, Dương Thiệt Chức làm Phó. Ngụy Giáng làm Tư Mã. Trương Lão làm Hậu Yêm (coi xét, thăm thử, làm tiền đội trong quân), Đạc Át Khấu coi Thượng quân. Tịch Yềm làm Tư Mã, dạy cho tướng sĩ, quân lính, khi hành quân, biết hợp tác. Trình Thịnh giữ chức Thặng Mã Ngự coi hết các phu dịch săn sóc về ngựa chiến xa, dạy cho biết lễ nghi phải trái.

Các quan trong sáu bộ đều được dân khen, ai cũng làm hết phận sự. Ai biết việc người ấy, không chen vào việc người khác. Tước không vượt quá tài năng. Tướng một đạo quân không dám vượt quyền nguyên súy. Tướng một lữ không dám vượt quyền tướng một quân. Trong dân gian không thấy có một lời chê. Tề có cơ phục được nghiệp Bá.

Tô Triệt - Quốc Tá tuy là bị buộc vào tội tự chuyên giết người, phản vua, nhưng tội phát ra từ Khánh Khắc. Người Tề ưa Khánh Khắc mà giết Tá. Cho nên chép là nước giết là tội có liên lụy đến trên.

Lý Liêm - Đây là mở đầu các việc Thôi, Khánh chuyên quyền.

公如晉

CÔNG NHƯ TẤN

LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Công sang Tấn, là để chầu vua mới.

夏楚子鄭伯伐宋宋魚石復入于彭城

HẠ, SỞ TỬ, TRỊNH BÁ, PHẠT TỐNG, TỐNG NGƯ THẠCH PHỤC NHẬP VU BÀNH THÀNH

MÙA HẠ, SỞ TỬ, TRỊNH BÁ ĐÁNH TỐNG, TỐNG NGƯ THẠCH LẠI VÀO BÀNH THÀNH (ẤP NƯỚC TỐNG)

Tả Thị - Mùa hạ, tháng sáu, Trịnh Bá xâm nước Tống, quân tới ngoài cửa Tào môn, quốc đô Tống. Rồi hợp với quân Sở, Tử để đánh Tống, lấy được Triều Giáp. Tử Tân nước Sở và Hoàng Thần nước Trịnh tràn đến Thành Cáo và lấy được U Khưu. Hai người cùng đánh Bành Thành. Rồi cho vào thành các tướng Tống hiện chạy trốn ở nước Sở là: Ngư Thạch, Hương Vi Nhân, Lân Chu, Hướng Đài, Ngư Phủ, Giao cho 300 chiến xa để đồn thú rồi đem quân về.

Kinh Xuân Thu chép: Ngư Thạch lại vào Phàm đã bỏ nước ra đi, mà nước lại đón về để lập lên thì coi là vào. Phục lại chức vũ thì gọi là về. Còn như được các chư hầu đem về thì gọi là về. Nếu lại phải dùng sức mới được thì gọi là lại vào.

Người Tống lo sợ. Đại phu Tây Sừ Ngô nói: Ta làm thế nào. Nếu người nước Sở cũng như ta, cũng ghét Ngư Thạch mà lấy đức đãi ta, thì ta có thể trung với Sở, không nhị tâm. Nhưng e rằng nước Sở lớn, tham lam, khinh ta, coi ta như thù địch. Nếu sở không muốn lấy đức đãi ta, nếu Sở binh Ngư Thạch mà ta vốn ghét, và cho dự vào chính trị để coi chừng ta. để tìm cớ hại ta, thì ta phải lo. Ngày nay, Sở đem Bành Thành cho Ngư Thạch, thế là dâng lên cao một kẻ đã phản chủ, mà cắt đất của chủ cho kẻ đó, để cắt đứt Di Canh đường giao thông với nước Tấn và Ngô. Việc làm này, đứa gian phải vui sướng, nhưng

mất lòng các nước xưa nay theo Sở. Làm cho các nước đó ghét Sở, và làm cho Ngô và Tấn nghi Sở. Thế là lợi cho ta đó. Vậy nghĩ như thế, thì ta lại không lo. Vả lại ta theo Tấn để làm gì. Tấn tất là giúp ta.

Triều Giáp là đất nước Tống, Thành Cáo, U Khưu là đất nước Tống. Di Canh là đường đi quan trọng nối với Ngô và Tấn.

Hồ Ninh - Tôn Lâm Phủ, Tống Thần, Triệu Ưởng. Tuân Dần, đều ở ấp ngoài để tự giữ mình, cho nên chép là phản bạn. Ngư Thạch, Loan Doanh, ý muốn làm loạn ở trong nước, cho nên chép là lại vào.

Lý Liêm - Kinh chép "lại vào" là Ngư Thạch, Loan Doanh là đại phu không có "nối đời" cho nên chép chữ lại. Là rất chê.

公 至 自 晉

CÔNG CHÍ TỰ TẤN

LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

晉 侯 使 士 丐 來 聘

TẤN HẦU SỬ SĨ CÁI LAI SÍNH

TẤN HẦU SAI SĨ CÁI TỚI LỄ SÍNH

Tả thị - Lỗ Công từ Tấn về. Tấn Phạm Tuyên Tử tới lễ sính, và đáp lễ Lỗ Công đã tới chầu. Người quân tử bàn, lần này Tấn biết lễ.

Hứa Hàn - Lỗ Công đi chầu vừa về thì sứ Tấn lễ sính tới ngay. Tấn Điệu đối sử với chư hầu có cung kính, vì thế các nước được hòa mục. Mà nước phản bội rồi cũng phải phục tòng.

秋 杞 伯 來 朝

THU, KỶ BÁ LAI TRIỀU

MÙA THU, KỶ BÁ LẠI CHẦU

Tả Thị - Mùa thu, Kỷ Hoàn Công tới chầu, mừng vua Lỗ

về việc Lỗ Công sang Tấn, và nhân hỏi chuyện Tấn. Lỗ Công khen Tấn, thế là Kỷ Bá vội tới chầu Tấn và xin kết hôn.

Phụ lục Tả truyện - Tháng bảy, Lão Tá và Hoa Hỷ nước Tống tới vây Bành Thành, Lão Tá mất (Thôi không vây nữa).

八月州子來朝

BÁT NGUYỆT, CHÂU TỬ LAI TRIỀU

THÁNG TÁM, CHÂU TỬ TỚI CHẦU

Tả Thị - Tháng tám, Châu Tuyên Công tới chầu, vì mới lên ngôi.

築鹿囿

TRÚC LỘC HỮU

XÂY VƯỜN NUÔI HƯƠU

Tả Thị - Xây vườn nuôi hươu. Chép một việc không đúng mùa.

Công Thị - Sao lại chép? Là để chê, chê vì đã có vườn rồi, lại xây nữa.

Cốc Thị - Xây không có chép. Đây sao chép? Các lợi lấy ở núi, rừng đầm, ao là để cùng dân hưởng. Nếu để riêng vui thì không phải là chính.

己丑公薨于路寢

KỶ SỬU, CÔNG HOĂNG VU LỘ TẨM

NGÀY KỶ SỬU, LỖ CÔNG MẤT TẠI CUNG LỘ TẨM

Tả Thị - Ngày Kỷ Sửu, Công mất tại Lộ Tẩm. Kinh chép cho là một việc thuận.

Cốc Thị - Lộ Tẩm là nơi chính. Chồng chết ở nơi tay vợ, thế là có thủy, có chung.

Lý Liêm - Thành Công ở ngôi 18 năm. Từ trận An về sau,

trước khi đất Vấn Dương chưa trở về Tề thì Lỗ thờ Tấn rất cẩn thận. Từ sau khi Vấn Dương về Tề, thì giữa Lỗ Tấn có hiềm khích. Tuy nhiên, Lỗ vẫn còn thờ Tấn. Đông có thù với Tề, nam bị khuất với Sở, đặt ra Khưu Giáp thì việc Binh, Chính có đổi. Bốn vị Khanh thêm quyền, thì nhà vua kém, suy. Lỗ không còn có được một điều gì hay nữa. Kịp đến khi có lỗi với Tấn, Lỗ hội lễ táng mà bị giữ, tới lễ sính mà phải chịu thề. Bị khốn ở Sa Tùy. Bị nhục ở Thiều Khâu. Kiều Như gian dối. Phu nhân kém đức. Loạn tự trong sinh ra. Từ Ẩn Công tới nay, Lỗ chưa từng đến thế. Về cuối đời, may được Điệu Công hưng khởi, quốc gia vô sự, mà một thời có được các bầy tôi như Quí Văn Tử, Mạnh Hiến Tử, Tử Thúc Thanh Bá, Tang Tuyên Thúc, Tang Vũ Trọng, đều là hạng hiền trí, cho nên còn có thể duy trì được, và gỡ được các nạn trong nước. Nếu không thì Lỗ không còn gì nữa.

冬 楚 人 鄭 人 侵 宋

ĐÔNG, SỞ NHÂN, TRỊNH NHÂN XÂM TỐNG

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI SỞ, NGƯỜI TRỊNH, XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa đông tháng 11, Tử Trọng nước Sở cứu Bành Thành, đánh Tống. Tống Hoa Nguyên sang Tấn cáo cấp. Hàn Hiến Tử cầm quyền chính ở Tấn nói: "Nếu ta muốn được người thì trước hết ta phải giúp người đã. Văn Công Thành được nghiệp bá, vững được thế lực, là bắt đầu giúp Tống". Tấn Hầu mới đem quân tới Thai Cốc để cứu Tống. Rồi gặp quân Sở ở đồng Mi Giốc (đất Tống). Quân Sở sợ lui về.

Lý Liêm - Tề Hoàn Công dựng nghiệp bá, bắt đầu là bình được loạn ở nước Tống. Tấn Văn Công dựng nghiệp bá, bắt đầu là giải được vây ở nước Tống. Điệu Công muốn dựng nghiệp bá là bắt đầu ở ấp Bành Thành, cứu Tống. Cho nên nói được rằng, thành được nghiệp bá, vững được thế, là bắt đầu giúp Tống. Trước thì Sở và Trịnh đều xưng tước mà chép là phạt. Nay thì Sở và Trịnh đều xưng là người mà chép là xâm. Thế Tấn thịnh dần, thế mà Sở suy dần.

晉侯使士魴來乞師

TẤN HẦU, SỬ SĨ PHƯỜNG LAI KHẤT SƯ

TẤN HẦU SAI SĨ PHƯỜNG TỚI LỖ XIN QUÂN

Tả Thị - Tấn Sĩ Phường tới xin quân. Quí Văn Tứ hỏi Tang Vũ Trọng về số quân có bao nhiêu. Đáp: "Về việc đánh Trịnh, Tri Bá (Tuân Anh) thân hành tới. Tri Bá là phó hạ quân. Nay Trệ Quý (Sĩ Phường), cũng Phó Hạ quân. Số quân nên như thời đánh Trịnh. Đối với nước lớn, cứ theo nghi lễ, tùy tước chức sứ giả và nên kính cẩn". Quí Văn Tử nghe theo.

十有二月仲孫蔑會晉侯宋公衛侯 鄒子齊崔抒同盟于虛

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TRỌNG TÔN MIỆT, HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, CHÂU TỬ, TỀ THÔI TRỮ, ĐỒNG MINH VU HƯ THỊNH

THÁNG 12, TRỌNG TÔN MIỆT, (LỖ MẠNH HIẾN TỬ) HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, CHÂU TỬ, THÔI TRỮ NƯỚC TỀ TẠI HƯ THINH

Tả Thị - Tháng 12, Mạnh Hiến Tử hội tại Hư Thinh, bàn việc cứu Tống. Người Tống từ tạ chỉ xin quân để vây Bành Thành. Mạnh Hiến Tử xin phép chư hầu được về nước trước tiên lo việc tống táng.

Hứa Hàn - Tương Công không hội vì đang cư tang. Điệu Công đối với chư hầu có nhân.

Uông Khắc Khoan - Chư hầu đồng tâm sợ Sở mà mưu việc cứu Tống. Cho nên chép là đồng minh.

丁昧葬我君成公

ĐINH MÙI TÁNG NGÃ QUÂN THÀNH CÔNG

NGÀY ĐINH MÙI, LỄ CHÔN VUA TA LÀ THÀNH CÔNG

Tả Thị - Ngày Đinh Mùi, lễ chôn vua ta là Thành Công. Xuân Thu chép thế tức là công việc được thuận.

Đỗ Dự - Mất tại Lộ Tẩm. Năm tháng thì chôn. Quốc gia yên tĩnh dòng đích nối ngôi. Cho nên chép là thuận.

HẾT TẬP III

MỤC LỤC

XUÂN THU QUYỂN THỨ BẢY

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU 5
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI 12
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA 22
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ 28
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM 32
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6 35
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7 41
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8 50
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9 55
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10 63
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11 66
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12 70
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13 76
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14 82
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15 92
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16 102
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17 110
THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 18 115

XUÂN THU QUYỂN THỨ TÁM

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU 126
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI 136

TAM NIÊN - NĂM THỨ BA 143
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ 149
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM 154
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6 158
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7 161
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8 165
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9 173
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10 180
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11 190
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12 198
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13 214
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14 218
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15 222
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16 233
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17 237

XUÂN THU QUYỂN THỨ CHÍN

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU 246
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 2 251
TAM NIÊN - NĂM THỨ 3 268
TỨ NIÊN - NĂM THỨ 4 276
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 5 279
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6 284
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7 291
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8 297
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9 305
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10 314

THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11 318
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12 322
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13 326
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14 333
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15 336
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16 347
THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17 365
THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 18 375

XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 3

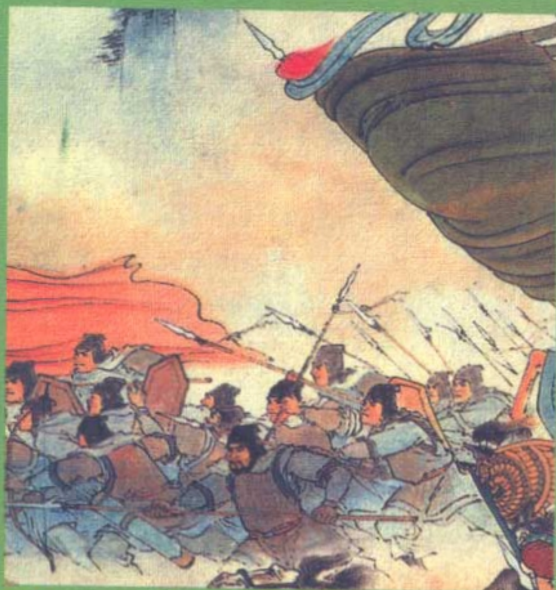
HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT
Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG
Sửa bản in : HỒNG ANH
Bìa : QUANG HUY
Trình bày : QUANG MINH

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5
Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 405/TNKHXB-2002 do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19-07-2002. In xong và nộp lưu chiểu Quý III – 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu
TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách


QUANG MINH

116 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp.HCM

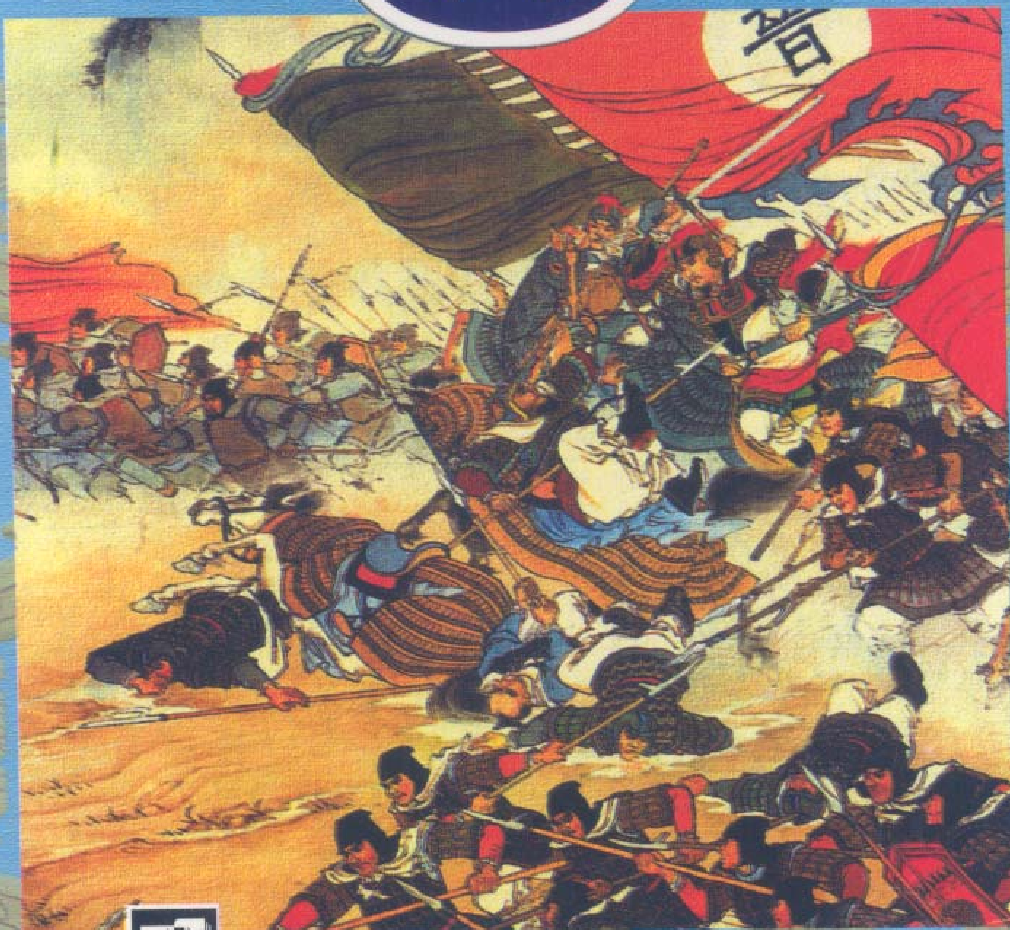
Giá: 46.000đ

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu TAM TRUYỆN

TẬP 4





Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

XUÂN THU TAM TRUYỆN
(TẬP IV)

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN

春秋三傳

TẬP BỐN

Bản dịch : **HOÀNG KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI

襄 公

TƯƠNG CÔNG

LỖ TƯƠNG CÔNG

Dương Sĩ Huân. Theo quyển Lỗ Thế gia, Tuyên Công, tên là Ngọ, con vua Thành Công, mẹ là Định Tự, năm thứ 14 Chu Giản Vương lên ngôi. Theo phép đặt tên Thụy, nhân việc có công, gọi là Tương.

Năm Kỷ Sửu. Vua Giản Vương, năm thứ 14.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Điệu Công tên là Chu, năm đầu. Tề Linh, năm thứ 10. Vệ Hiến, năm thứ 5, Sái Cảnh, năm thứ 20. Trịnh Thành, năm thứ 13. Tào Thành, năm thứ 6. Trần Thành, năm thứ 27. Kỷ Hoàn, năm thứ 65. Tống Bình, năm thứ 4. Tần Cảnh, năm thứ 5. Sở Cung, năm thứ 19. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 14.

春 王 正 月 公 即 位

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Cốc Thị. Nối vua chính lên ngôi, cũng được là chính.

仲孫蔑會晉欒黶宋華元衛甯殖曹人
莒人邾人滕人薛人圍宋彭城

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI TẤN LOAN YỂM, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ NINH THỰC, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, VI TỐNG BÀNH THÀNH

TRỌNG TÔN MIỆT HỘI VỚI TẤN LOAN YỂM, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ NINH THỰC, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, VÂY BÀNH THÀNH NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa xuân, ngày Kỷ Hợi, vây Tống Bành Thành. Không phải là đất Tống nữa, vì Sở đã chiếm rồi, nhưng Kinh Xuân Thu cứ gọi là đất Tống như cũ. Vì Tống mà đánh Ngư Thạch, cho nên không cần gọi đến tên phản loạn. Bành Thành hàng Tấn, người Tấn đem năm đại phu Tống ở Bành Thành về Tấn, cho an trí ở Hồ Khưu đất nước Tấn. Người Tề không hợp với chư hầu để vây Bành Thành. Người Tấn muốn trị tội. Tháng hai, Quang, con lớn vua Tề, phải làm con tin ở Tấn.

Công Thị - Tống Hoa Nguyên sao lại cùng chư hầu vây Tống Bành Thành. Vì nước Tống mà đi trị tội. Ngư Thạch trước kia chạy sang Sở. Sở vì có Ngư Thạch, mới đánh Tống, lấy Bành Thành để phong cho Ngư Thạch. Vào Bành Thành là có tội rồi. Sở đã chiếm, nay Tống can thiệp vào, để chư hầu khỏi chuyên quyền phong chia đất cát.

Cốc Thị - Bành Thành ở Tống, không để cho Ngư Thạch. Thế là chính.

Lục Thuần - Công Dương bảo không để cho chư hầu chuyên phong. Triệu Tử bảo, đây là Sở lấy Bành Thành, rồi sai Ngư Thạch giữ, chứ đâu có phải là phong. Cốc Lương thì bảo, để cho Bành Thành thuộc Tống, không cho Ngư Thạch, thế là chính. Triệu Tử thì bảo, cho kẻ phản, thì sao lại còn nghi là chính. Không nên nghi.

Sư Hiệp - Ví như chép Bành Thành mà không chép Tống, thì không thấy rõ Ngư Thạch là kẻ bất thần, và Sở tử thưởng công cho kẻ loạn, nghĩa là chư hầu phong đất cho kẻ làm phản.

Quý Bản - Ngư Thạch ỷ thế Sở giúp, chiếm cứ ấp để yêu sách vua, không phải là đạo làm tôi. Tấn Hầu bắt đầu họp chư hầu để trị tội. Thế có thể gọi được là gấp làm việc nghĩa.

夏晉韓厥帥師伐鄭仲孫蔑會齊崔抒曹人邾人杞人次于鄫

HẠ, TẤN HÀN QUYẾT SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH. TRỌNG TÔN MIỆT HỘI THỀ THÔI TRỮ, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, KỶ NHÂN, THỨ VU TẮNG

MÙA HẠ, HÀN QUYẾT NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH. TRỌNG TÔN MIỆT (LỖ MẠNH HIẾN TỬ) HỌP VỚI TỀ THÔI TRỮ, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI KỶ, ĐÌNH QUÂN TẠI ĐẤT TẮNG, TRÊN ĐẤT TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, tháng năm, Tấn Hàn Quyết, Tấn Tuân Yển, cầm quân chư hầu đánh Trịnh. Vào được ngoài quách quốc đô Trịnh. Đánh tan bộ binh Trịnh trên sông Vị.

Thế là các chư hầu mặt đông, đình quân tại đất Tắng để đợi quân Tấn. Quân Tấn từ nước Trịnh lấy quân ở đất Tắng tràn vào ấp Tiêu Di nước Sở, rồi tràn vào nước Trần. Tấn Hầu và Vệ Hầu đóng quân ở đất Thích, để làn hậu viện cho Hàn Quyết.

Hồ Truyện - Người Sở bỏ vua, giúp bầy tôi, lý trái ngược. Vì thế, Tấn mới bắt Bành Thành hàng, đem bọn Ngư Thạch về Tấn. Đánh Trịnh, cùng chư hầu dồn binh lại ở Tắng, đều là theo nghĩa. Các truyện chép là Tử Tân nước Sở cứu Trịnh, mà kinh không thấy chép Trịnh đã không thể cứu được, mà Sở thì không có danh nghĩa gì để cứu. Vì thế Kinh tước đi không nói đến cứu.

Cao Kháng - Trước kia đã định cho một Hàn Quyết là đủ

cáng đáng việc Trịnh, không muốn phiền đến quân đội chư hầu mặt đông, cho nên sai đồn quân ở đất Tắng, để chấn động nhân tâm Trịnh, và cũng là phòng ngừa quân Sở có tới.

Đái Khê - Hàn Quyết đích thân đánh Trịnh, mà chư hầu không cùng họp quân, thì biết rằng Điệu Công mới mưu đồ nghiệp Bá, sai đại phu thân hành làm lấy công việc khó nhọc, không dám phiền đến quân chư hầu.

秋 楚 公 子 壬 夫 帥 師 侵 宋

THU, SỞ CÔNG TỬ NHÂM PHU SUẤT SƯ XÂM TỐNG

MÙA THU, SỞ CÔNG TỬ LÀ NHÂM PHU CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa thu, Tử Tân nước Sở cứu Trịnh, tràn vào ấp Lã, ấp Lưu, nước Tống, chiếm lấy ấp Khuyển Khưu.

Gia Huyền Ông - Nước Sở thu nạp phản thần của nước Tống. Tân đem quân chư hầu lấy được Bành Thành, bắt được năm phản thần đem về. Sở không biết nghĩ lại, còn đem quân đánh Tống để rửa nhục, thì nhục lại càng to.

九 月 辛 酉 天 王 崩

CỬU NGUYỆT, TÂN DẬU, THIÊN VƯƠNG BĂNG

THÁNG CHÍN, NGÀY TÂN DẬU, THIÊN VƯƠNG MẤT

邾 子 來 朝

CHÂU TỬ LAI TRIỀU

CHÂU TỬ TỚI CHẦU

Tả Thị - Tháng chín, Châu Tử lại chầu. Thế là theo lễ.

冬衛侯使公孫剽來聘晉侯使荀罃來聘

ĐÔNG, VỆ HẦU SỬ CÔNG TÔN PHIẾU LAI SÍNH TẤN HẦU SỬ TUÂN ANH LAI SÍNH

MÙA ĐÔNG, VỆ SAI CÔNG TÔN PHIẾU TỚI LỖ LỄ SÍNH TẤN HẦU SAI TUÂN ANH TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa đông, Tử Thúc nước Vệ, Tri Vũ Tử nước Tấn tới sính. Thế là lễ. Phàm chư hầu lên ngôi, nước nhỏ tới chầu, nước lớn tới sính để nối việc giao hiếu, để kết việc tín nghĩa, mưu bàn công việc, bồi bổ thiếu sót. Đó là đại cương của lễ.

Từ Ngạn - Thiên Vương mất, mà bốn nước cứ chăm triều sính nhau. Họ Đỗ nói, tháng chín, ngày rằm, về mùa đông thế là đầu tháng 10, bốn nước triều sính nhau, phó cáo nhà vua chưa tới Lỗ.

Xét - Ba nước triều sính, Tả Thị cho là đúng lễ. Đỗ Dự thích nghĩa là cáo phó nhà vua chưa tới. Công Thị, Cốc Thị không bàn, Phạm Ninh, Từ Ngạn, Dương Sĩ Huân, theo thuyết họ Đỗ. Cứ khảo cứu về ngày, thì không phải là đoán phỏng. Hồ Truyện cho là phó cáo đã tới. E không có căn cứ. Nay cứ theo Tả Truyện.

Năm Canh Dần. Vua Linh Vương năm đầu.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ HAI

Tấn Điệu, năm thứ 2. Tề Linh, năm thứ 11. Vệ Hiến, năm thứ 6. Sái Cảnh năm thứ 21. Trịnh Thành, năm thứ 14. Tào Thành năm thứ 7. Trần Thành năm thứ 28. Kỷ Hoàn, năm thứ 66. Tống Bình, năm thứ 5. Tần Cảnh, năm thứ 6. Sở Cung, năm thứ 20. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 15.

春王正月葬簡王

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TÁNG GIẢN VƯƠNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỄ CHÔN VUA GIẢN VƯƠNG

鄭師伐宋

TRỊNH SƯ PHẠT TỐNG

QUÂN TRỊNH ĐÁNH TỐNG

Tả Thị - Mùa xuân. Quân Trịnh xâm nước Tống là theo lệnh nước Sở.

Phụ Lục Tả Truyện - Tề Hầu đánh nước Lai. Người Lai sai Chính Dư Tử hối lộ cho Túc Sa Vệ (chủ bọn nội giám) ngựa và bò mỗi thứ trăm con. Quân Tề lui về. Người quân tử bàn: Xem đó thì biết Tề Linh Công đáng tên là Linh (là không biết trị loạn).

夏五月庚寅夫人姜氏薨

HẠ, NGŨ NGUYỆT, CANH DẦN PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOĂNG

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY CANH DẦN, PHU NHÂN LÀ HỌ KHƯƠNG MẤT

Tả Thị - Mùa hạ, Tề Khương mất (vợ Thành Công). Trước kia, Mục Khương (mẹ Thành Công), đã chọn được một cây gỗ tra quý, đóng một áo quan để khi chết dùng và một cây đàng Tụng cầm. Quý Văn Tử lấy áo quan đó để chôn Tề Khương. Người quân tử bàn là Quý Văn Tử đã trái lễ. Đã là lễ thì phải đúng lẽ phải. Con dâu thờ mẹ chồng. Nay lấy của mẹ chồng đắp điếm cho con dâu thì thật là bậy. Trong Kinh Thi, có câu: Dạy một lời hay cho người trí thức, thì được thực hành ngay. Trong trường hợp này. Quý Văn Tử không được là người trí thức. Vả lại Khương

Thị là mẹ vua đương thời (Tương Công là con một người thiếp, nhưng Khương Thị tước phu nhân, vậy là mẹ chính thức). Trong Kinh Thi có câu: Ta gây rượu uống, gây rượu lễ, để kính dâng tổ tiên, các vị khảo và tỷ. Ta theo đủ lễ nghi, trời sẽ ban phúc.

六 月 庚 辰 鄭 伯 踚 卒

LỤC NGUYỆT, CANH THÌN, TRỊNH BÁ CỔN TỐT

THÁNG SÁU, NGÀY CANH THÌN, TRỊNH BÁ CỔN MẤT

Tả thị - Trịnh Thành Công ốm. Tử Tư xin thôi các việc binh với Tấn, nghĩa là bỏ Sở theo Tấn. Công nói: Vì Trịnh mà vua Sở mất một mắt. Vì tôi mà đến nỗi thế, chứ không phải vì ai. Nếu ta quay lưng lại thì ta thành bạc và ta ăn lời. Còn ai muốn kết giao với ta nữa. Để cho tôi khỏi lỗi ấy, tôi trông vào bách quan. Tháng bảy ngày Canh Thìn, Trịnh Bá Cổn mất.

Đỗ Dự - Chưa cùng Tương Công đồng minh, mà cáo phó cả lên. Tháng bảy, ngày mùng chín, chép tháng sáu là nhầm.

晉 師 宋 師 衛 甯 殖 侵 鄭

TẤN SƯ, TỐNG SƯ, VỆ NINH THỰC XÂM TRỊNH

QUÂN TẤN, QUÂN TỐNG, VÀ VỆ NINH THỰC XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Trong khi đó, Tử Hãn coi nước (vua vừa mất). Tử Tư cầm quyền chính. Tử Quốc giữ chức Tư Mã. Quân Tấn xâm Trịnh. Các đại phu muốn theo Tấn. Tử Tư nói: Mệnh vua chưa đổi.

Cốc Thị - Chép là Vệ Ninh Thực, như thế là có ý đối lại với việc trước.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo chép là Vệ Ninh Thực, như thế là ý đối lại với việc trước, kẻ bàn giải nghĩa là: Xưa, Vệ Hầu tên là Tốc mất. Người Trịnh xâm Vệ, cho nên sai Ninh Thực báo lại để đối xứng với việc trước. Cốc Lương bàn sai. Tướng giỏi mà quân có ít, thì chép tên tướng, lệ đã như thế. Sao đây

lại cắt nghĩa khác. Khổng Tử nói: Lấy thẳng báo oán, lấy đức báo đức. Ví như người ta đánh mình trong khi mình có tang, thì mình cũng đánh người ta đang có tang, như thế là lấy oán báo oán, Kinh Xuân Thu đâu có ý ấy để chép theo ý ấy.

Trương Hiệp - Sĩ Cái xâm nước Tề, nghe Tề có tang, thì lui quân về, Kinh Xuân Thu cho là phải, chắc ở đây, đánh nước người ta đang có tang, tội không đợi chê trách mà thấy rõ rồi.

秋七月仲孫蔑會晉荀罃宋華元
衛孫林斧曹人邾人于戚

THU, THẤT NGUYỆT, TRỌNG TÔN MIỆT HỘI TẤN TUÂN ANH, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ, TÀO NHÂN, CHÂN NHÂN VU THÍCH

MÙA THU, THÁNG BẢY, TRỌNG TÔN MIỆT (LỖ MẠNH HIẾN TỬ) TỚI ĐẤT THÍCH HỌP VỚI TUÂN ANH, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU

Tả Thị - Hội ở đất Thích, là mưu về việc nước Trịnh. Mạnh Hiến Tử nói: Xin đắp thành Hổ Lao cho thêm kiên cố, để áp bức Trịnh (Hổ Lao trước của Trịnh, nay thuộc về Tấn). Tri Vũ Tử (Tuân Anh) nói: Phải lắm, ngài đã nghe thấy ở hội Tắng, lời nói của Thôi Trữ nước Tề, nay Thôi Trữ không tới. Nước Đằng, nước Tiết, nước Tiểu Châu, cũng không tới, chỉ vì Tề. Không riêng gì Trịnh làm cho vua tôi lo. Anh tôi đây, xin trình với vua tôi ý định đắp thêm thành Hổ Lao, rồi mời Tề dự vào việc đắp thành. Nếu Tề nhận, thì tôi xin báo cáo chư hầu. Nếu Tề không nhận, thì ta đánh Tề. Quyết định của ngày là lợi cho toàn thể chư hầu, chứ không riêng gì cho quả nhân tôi.

Vương Bảo - Đại phu chư hầu chuyên quyền hội họp để mưu việc Trịnh. Thế là chính trị ở trong tay các đại phu.

己丑葬我小君齊姜

KỶ SỬU, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN TỀ KHƯƠNG

NGÀY KỶ SỬU, LỄ CHÔN TIỂU QUÂN NƯỚC TA LÀ TỀ KHƯƠNG

Tả Thị - Tề Hầu sai tất cả các đàn bà cùng họ Khương tới dự lễ táng. Cho triệu Lai Tử, Lai Tử không tới. Cho nên vua Tề sai Án Nhược đắp thêm thành Đông Dương ở giáp biên giới nước Lai để áp bức Lai.

Công Thị - Tề Khương là ai? Tề Khương với Mục Khương không biết là Tuyên Phu nhân, vợ Tuyên Công, hay Thành Phu nhân, vợ Thành Công.

Trần Nhạc - Mục Khương có áo quan tốt, có Tụng cầm. Văn Tử lấy đi để cho vào việc táng. Công Dương không biết là con dâu mất trước mẹ chồng, cho nên có lời nghi hoặc đó.

叔孫豹如宋

THÚC TÔN BÁO NHƯ TỐNG

THÚC TÔN BÁO SANG TỐNG

Tả Thị - Mục Thúc lễ sính ở Tống, để cho vua Lỗ mới giao hiếu với Tống.

冬仲孫蔑會晉荀罃齊崔杼宋華元衛
孫林斧曹人邾人滕人薛人小邾人于
戚遂城虎牢。

ĐÔNG, TRỌNG TÔN MIỆT, HỘI TẤN TUÂN ANH, TỀ THÔI TRỮ, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN, VU THÍCH, TỤY THÀNH HỔ LAO

MÙA ĐÔNG, TRỌNG TÔN MIỆT HỢP VỚI TẤN TUÂN ANH, TỀ THÔI TRỮ, TỐNG HOA NGUYÊN, VỆ TÔN LÂM PHỦ, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI TIỂU CHÂU, TẠI ĐẤT THÍCH, RỒI XÂY ĐẮP THÀNH HỔ LAO

Tả Thị - Mùa đông, lại hội họp tại đất Thích. Tề Thôi Vũ Tử có mặt. Đại phu các nước Đằng, Tiết, Tiểu Châu có tới. Đều được Tri Vũ Tử mời tới. rồi tất cả đắp thành Hổ Lao. Người Trịnh xin hòa.

Công Thị - Hổ Lao là gì? Là ấp của nước Trịnh. Sao lại nói là đắp thành. Là chiếm rồi. Sao không nói là chiếm. Là đánh đối với Trung Quốc. Tránh, kiêng nói đánh một nước đang có tang. Sao không nói về liên hệ với Trịnh. Là nước Trung Quốc, nên kiêng.

Đại phu không có lỗi, hết việc nọ làm luôn việc kia. Đây sao lại chép "rồi xây đắp thành Hổ Lao". Là để gieo cái ác về đại phu.

Cốc Thị - Nếu bảo là Trung Quốc thì Trịnh cũng ở trong.

Triệu Khuông - Công Dương bàn không chép là chiếm lấy vì là kiêng tránh. Xét: Phu tử mà thêm bớt văn Kinh là để cho rõ điều nghĩa. Đọc văn thấy điều nghĩa, thì sao lại có kiêng tránh.

Lưu Sưởng Cốc Lương bảo Trịnh cũng ở trong. Cốc Lương nói sai. Trịnh không phục Tấn. Chư Hầu đánh. Thế tức là để Trịnh ra ngoài. Sao lại cho là ở trong được.

Xét - Trịnh đang nhất tâm theo Sở, Mạnh Hiến Tử xin đắp thành Hổ Lao để áp bức Trịnh, như chặn yết hầu, không cho đi về Nam. Trên Sở, bắt Trịnh phải phục tòng. đó là việc lớn cần làm cho cả các nước, cho nên không chép là đắp thành Hổ Lao của Trịnh. Huống hồ thời đó, Tấn đã chiếm rồi, không phải là đất của Trịnh nữa, không có liên hệ gì với Trịnh.

Hồ Truyện chê Trịnh không giữ nổi, e rằng ý đó không phải ý của Kinh.

Xét Xuân Thu cho Tấn là Trung Quốc mà Sở là ở ngoài, thế thì đâu lại muốn cho Trịnh giữ được nơi hiểm yếu để chống lại với Tấn. Trương Hiệp bàn rằng, Bá chủ có quyền trị tội các nước không theo, thì đất cát đâu có phải của riêng Trịnh. Gia Huyền Ông bàn rằng Trịnh không đáng được phong, được chia đất, tội đáng tước. Các điệu luận bàn ấy đều không được chắc chắn.

楚 撥 其 大 夫 公 子 申

SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ THÂN

NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ THÂN

Tả Thị - Công Tử Thân nước Sở làm chức Hữu Tư Mã, hay ăn nhiều hối lộ của các nước nhỏ, để áp bức Tử Trọng, Tử Tân. Người Sở giết đi. Cho nên chép người Sở giết đại phu la Công Tử Thân.

Năm Tân Mão. Vua Linh Vương, năm thứ hai.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tấn Điệu, năm thứ 3. Tề Linh, năm thứ 12. Vệ Hiến, năm thứ 7. Sáo Cảnh, năm thứ 22. Trịnh Hy Công Khôn Ngoan, năm đầu. Tào Thành, năm thứ 8. Trần Thành, năm thứ 29. Kỷ Hoàn, năm thứ 67. Tống Bình, năm thứ 6.

Tần Cảnh, năm thứ 7. Sở Cung, năm thứ 21. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 16.

春楚公子嬰齊帥師伐吳

XUÂN, SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ SUẤT SƯ PHẠT NGÔ

MÙA XUÂN, SỞ CÔNG TỬ ANH TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH NGÔ

Từ nay mở đầu chiến tranh Ngô, Sở.

Tả Thị - Năm thứ ba. Mùa xuân. Tử Trọng nước Sở phạt nước Ngô. Cầm đầu đạo quân thiện chiến. Tử Trọng chiếm được Cưu Tư, tiến đến núi Hành Sơn, cho tướng Đặng Liêu đem 300 giáp binh (về chiến xa) và 3000 giáp binh (về bộ binh) đi thâm nhập vào đất Ngô. Người Ngô đánh lui bắt được tướng Đặng Liêu. Thoát chết chỉ có 80 xa giáp binh, và 300 bộ giáp binh. Tử Trọng đem quân về làm lễ ẩm chí (cáo miếu là thắng trận). Ba ngày sau, người Ngô tới tràn vào đất Sở. Chiếm được ấp Giá, một ấp phì nhiêu ở Sở. Đặng Liêu cũng là tướng giỏi ở Sở. Người trí thức bàn rằng, Tử Trọng, được.không bỏ với mất. Thế rồi dân Sở oán Tử Trọng, Tử Trọng lo buồn, lâm bệnh rồi chết.

Cưu Tư là ấp ở nước Ngô.

公如晉

CÔNG NHƯ TẤN

LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Công sang Tấn, là lần đầu tới chầu.

Cao Kháng - Chư Hầu còn nhỏ tuổi, không chầu được Thiên Tử, e không đủ lễ nghi của người lớn. Thế thì có thể chầu một vị chư hầu khác được không.

夏四月壬戌公及晉侯盟于長樗

HẠ, TỨ NGUYỆT, NHÂM TUẤT, CÔNG CẬP TẤN HẦU MINH VU TRƯỜNG XƯ

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY NHÂM TUẤT, LỖ CÔNG CÙNG TẤN HẦU THỀ TẠI TRƯỜNG XƯ, GẦN QUỐC ĐÔ

Tả Thị - Mùa hạ, thề tại Trường Xư, Mạnh Hiến Tử theo Công

là tướng lễ (coi sóc về lễ nghi). Công rập đầu lạy. Tri Vũ Tử nói: Còn Thiên Tử, sao nhà vua rập đầu. Quả quân tôi sợ. Mạnh Hiến Tử nói: "Ấp tôi (nước tôi) ở phía đông, chẹt vào giữa các nước có thù với Tấn, quả nhân tôi chỉ còn mong nhờ ở nhà vua. Dám đâu không lễ rập đầu".

Khổng Dĩnh Đạt - Năm thứ 3, Văn Công, Công sang Tấn. Công cùng Tấn Hầu thề. Thề không chép nơi, tức là ở Tấn đô. Lần này, Tấn Hầu ra ngoài quốc đô, cùng Lỗ Công thề ở Trường Xư, đất gần đô. Thề xong, trở lại Tấn đô. Cho nên khi Công về Lỗ, chép là Công tự Tấn về. Năm thứ 3, Văn Công thề ở Tấn đô. Hội này thì ở ngoài thành, Dù trong, dù ngoài, đều do ý muốn của Tấn Hầu. Hoặc giả Điệu Công đãi người lấy khiêm cung, không dám để một vị vua tới với mình. Vậy hai người cùng tới một nơi, cho nên mới cùng ra khỏi thành.

公至自晉

CÔNG CHÍ TỰ TẤN

LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phụ Lục Tả Truyện - Kỳ Hề, xin cáo lão về hưu. Vua hỏi lấy ai thay Kỳ Hề nói cho Giải Hồ (một người vốn là thù với Kỳ Hề). Vua ưng thuận, nhưng Giải Hồ chết, Vua lại hỏi Kỳ Hề lấy người khác. Đáp: Ngọ (con Kỳ Hề) có thể thay tôi được. Rồi đến Dương Thiệt Chức chết. Vua hỏi lấy ai thay. Đáp: Xích, con Chức có thể thay được. Thế là Tấn Hầu cho Kỳ Ngọ làm Trung quân úy (chủ súy Trung quân), với Dương Thiệt Xích làm Phó. Người quân tử bàn: Trong trường hợp này, Kỳ Hề biết tiến cử người hay, đã khen một người thù, lời không có một chút xiểm nịnh, lại tiến cử con mà cũng không vì thiên, tiến cử người phụ tá thì lại không lấy người trong đảng. Trong sách Thượng Thư có nói: "Không thiên lệch, không đảng phái, đạo của vua rộng mà xa". Lời nói đó áp dụng được cho Kỳ Hề. Giải Hồ được chọn. Kỳ Ngọ được phong chức. Bá Hoa (Dương Thiệt Xích) được quan tước. Ba chức vị đủ người, Kỳ Hề biết cử người hay và tài năng. Chỉ vì mình thiện cho nên biết cử người thiện như mình. Trong

Kinh Thi có câu: Họ có thực tài, mà lại tỏ ra có thực tài (Thơ Tiểu nhã), Kỳ Hề đã có đức lại có tài.

六月公會單子晉侯宋公衛侯鄭伯莒子邾子齊世子光己未同盟于雞澤

LỤC NGUYỆT, CÔNG HỘI THIỆN TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG, KỶ MÙI, ĐỒNG MINH VU KÊ TRẠCH

THÁNG SÁU, LỖ CÔNG HỘI VỚI THIỆN TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TỀ HỀ TỬ QUANG, NGÀY KỶ MÙI, CÓ LỄ ĐỒNG MINH TẠI KÊ TRẠCH, ĐẤT TẤN

Tả Thị - Vì Trịnh đã phục, và vì muốn kết giao với nước Ngô, Vua Tấn mới họp chư hầu, sai Sĩ Cái cáo với Tề rằng: Quả quân cho tôi nói với nhà vua rằng: Vì tình thế năm nay khó khăn, chưa chuẩn bị đủ, phòng việc bất ngờ, quả quân tôi muốn gặp các nước bạn, cùng trong thân thích để bàn về các nước không ở trong hiệp ước. Xin mời nhà vua hội, cho Cái tôi lập minh ước. Vua Tề muốn từ chối, nhưng khó mà không hiệp với các chư hầu. Đành phải ký minh ước với Sĩ Cái trên bờ sông Nhi. Tháng sáu, Lỗ Công hội với Thiện Khoảnh Công, cùng nhiều chư hầu. Ngày Kỷ Mùi, đồng minh tại Kê Trạch. Tấn Hầu sai Tuân Hội đón vua Ngô ở Hoài Thượng. Ngô Tử không tới.

Cốc Thị - Đồng là có ý cùng. Cùng việc chống Sở.

Hồ Truyện - Đồng minh có thể có ba cách: Một là vương thần, bầy tôi Thiên Tử, dự thề, mà chép là đồng. Hai là Chư hầu cùng muốn mà chép là đồng. Ba là ghét kẻ phản phúc mà chép là đồng. Xét, ghét phản phúc, hợp chư hầu, cùng muốn mà chép là đồng, là có tin nhau. Vương thần dự thề mà chép là đồng, thì nghĩa chưa được ổn. Hội thề tại Nhữ Lật, cùng với Tô Tử mà không chép là đồng. Hội thề ở Thao, ở Địch Tuyền là hội vương nhân, người của Thiên tử, mà không chép chữ đồng.

Thế thì ba hội thề, hội minh đó, chính gọi là chư hầu cùng muốn mà chép là đồng minh. Vậy cùng muốn gì. Là cùng sợ Sở. Trong năm có hội Kha Lăng, mùa hạ, đánh Trịnh, người Sở đóng quân tại Thủ chỉ, mà chư hầu lui quân về. Mùa đông đánh Trịnh, người Sở đóng quân tại Nhữ Thượng, mà chư hầu lui quân về. Thề ở Kê Trạch, Trần Viên Kiều hội, quân Sở đóng tại Phồn Dương, mà Hàn Hiến Tử sợ. Việc Bình Khưu, Khí Tật nước Sở mới lập lại, phong lại cho Trần, Sái, mà chư hầu sợ. Thế thì biết rằng ba việc thề đó, chư hầu đều có tâm lo, mới sửa soạn việc thề. Cho nên gọi là đồng, không phải vì có Doãn Tử, Thiện Tử, Lưu Tử dự thề, mà chê trách. Xét khi Vương thần sắp tuyên mệnh, thế tất phải hoàn toàn có đức tính, phải hoàn toàn có đức nghĩa, thì mới điều chỉnh được việc thiên hạ. Chư hầu muốn giữ nước thì phải tôn vua, thờ pháp, rồi mới bảo vệ được xã tắc. Nay Vương thần hạ mình xuống thề với chư hầu, chư hầu cũng dám vươn lên cùng vương thần tranh luận, thế là loạn đạo, không cần chép chữ đồng minh mà tội đã rõ.

Đỗ Dự - Chu Linh Vương mới lên ngôi, sai Vương Quan Bá tới dự thề với chư hầu để cho yên họ nhà vua, cho nên không chê.

Xét - Chư hầu không dám bắt bầy tôi Thiên Tử thề. Thề mà hội thề ở Kê Trạch, Thiện Tử có dự, cho nên Hồ Truyện cho là đường lối đại loạn, Đỗ Dự cho là không chê. Xét thời đó, Điệu Công mới coi chính, nghiệp Bá còn mới mẻ, không dám thề với các nước Trung Quốc cùng hàng, nên thề với Vương thần chăng. Thế thì Thiện Tử được mệnh vua tới thề, hoặc nên theo lời bàn của Đỗ Dự mới đúng chăng. Nay để nguyên cả.

陳侯使袁僑如會

TRẦN HẦU SỬ VIÊN KIỀU NHƯ HỘI

TRẦN HẦU SAI VIÊN KIỀU TỚI HỘI

Tả Thị - Tử Tân nước Sở làm Lệnh Doãn, càng ngày càng áp bức các nước nhỏ. Thành Công nước Trần sai Viên Kiều tới hội và cầu hòa, Tấn Hầu sai Hòa Tổ Phủ báo cáo các chư hầu.

Công Thị - Chép tới hội là thế nào? Là tới sau khi hội đã họp.

Cốc Thị - Chép tới hội, là ở ngoài không dự bàn. Tới mà theo mệnh lệnh.

戊寅叔孫豹及諸侯之大夫及陳袁僑盟

MẬU DẦN, THÚC TÔN BÁO CẬP CHƯ HẦU CHI ĐẠI PHU, CẬP TRẦN VIÊN KIỀU MINH

NGÀY MẬU DẦN, THÚC TÔN BÁO NƯỚC LỖ THỀ VỚI CÁC ĐẠI PHU CHƯ HẦU, VÀ VIÊN KIỀU NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Mùa thu Thúc Tôn Báo thề với đại phu chư hầu, và Trần Viên Kiều. Trần xin phục tòng.

Phụ lục Tả Truyện - Dương Can, em cùng mẹ với Tấn Hầu, ngông láo, bậy bạ, ở Khúc Lương, gần Kê Trạch. Ngụy Giáng, chủ súy Trung quân, mới làm tội xử tử người giong xe. Tấn Hầu giận, bảo Dương Thiệt Xích rằng: hợp các vua chư hầu là một vinh dự. Dương Can đã bị nhục như thế. Phải giết Ngụy Giáng mới được, không nên để cho thoát. Đáp: Giáng làm việc chỉ có một mực: thờ vua, bất chấp tai nạn. Nếu thực có tội, tất không tránh, rồi tự đến. Việc gì nhà vua phải ra lệnh. Vừa nói xong thì thấy Ngụy Giáng tới, đưa một bản tâu cho người thị vệ, rồi cầm sẵn gươm để tự xử. Sĩ Phường và Trương Lão vội ngăn lại. Tấn Hầu đọc bản tâu trong có nói: Trước kia, nhà vua thiếu tướng, có sai tôi coi Trung quân. Tôi nghe nói, quân có kỷ luật là có sức mạnh. Trong quân, nếu cần xử tử ai, thì vì kính mệnh vua, tướng không được lùi bước. Vua họp chư hầu. Tôi đâu dám không kính mệnh vua. Quân đội của vua mà không mạnh, tướng tá mà không biết kính lệnh trên, thì tội tôi rất lớn. Sợ tội của tôi có hại đến Dương Can. Nhưng không còn cách gì gỡ được tội. Tôi đã không biết răn dạy tướng sĩ, đến nỗi phải dùng tới phủ việt, tội lại rất nặng: Đâu dám không nhận sự trừng phạt. Và làm cho nhà vua phải tức giận. Vậy xin giao tôi cho quan Tư Khấu, để tôi được chịu tội chết. Vua không kịp đi giày, vội bước ra mà nói với Ngụy Giáng: Lời nói của tôi chỉ là vì tình thân ái đối

với em. Còn tướng quân, đã trị tội là theo quân pháp. Tôi có một em đã không biết dạy, để đến nỗi can phạm tội lớn. Đó là lỗi của tôi. Tướng quân đừng làm cho tôi lại thêm tội nữa. Thôi xin tướng quân.

Tấn Hầu xét ra được Ngụy Giáng là hạng đáng giúp vua trị dân. Khi việc quân xong, thiết tiệc, rồi phong cho Phó Tân quân, Trung quân thì để cho Trương lão coi. Chức Hầu Yêm thì giao cho Sĩ Phú.

Tư Mã nước Sở là Công Tử Hà Ky, xâm nước Trần, vì cớ nước Trần bỏ nước Sở.

Công Thị - Tại sao lại đặt riêng Trần Viên Kiều. Vì lại cùng thề với Viên Kiều.

Cốc Thị - Cập là cùng, là với. Chư hầu cho là có thể cùng, thì cùng. Không có thể cùng thì bỏ. Vua chư hầu thề, rồi đại phu lại cùng thề riêng, mới biết đại phu thế mạnh. Cho nên trong hội Kê Trạch, vua chư hầu bắt đầu mất quyền chính, đại phu giữ quyền chính. Chép Viên Kiều cho khác đi.

Đạm Trợ - Cốc Lương bàn: Vua chư hầu đã thề, đại phu lại cùng nhau thề riêng. Thế là đại phu mạnh rồi. Chư hầu lễ thề đã xong, thì Viên Kiều tới, cho nên đại phu lại cùng với Viên Kiều thề. Chỉ là nghĩa thế, chứ không có nghĩa gì khác.

Lưu Sưởng - Chép Thúc Tôn Báo cùng với đại phu của chư hầu là thế nào. Là ý cung kính vì bầy tôi không chuyên quyền ở bên vua. Chép Thúc Tôn Báo cùng đại phu của chư hầu là ý nói được mệnh vua mà làm việc.

Cốc Lương bảo cập là cùng, với, là cũng do dự. Cốc Lương bàn sai. Hai chữ cập, cùng, là lời văn phải như thế. Thế nào là cũng cho dự, thế nào là không cho dự.

秋 公 至 自 會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

冬 晉 荀 罃 帥 師 伐 許

ĐÔNG, TẤN TUÂN ANH SUẤT SƯ PHẠT HỨA

MÙA ĐÔNG, TUÂN ANH NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC HỨA

Tả Thị - Hứa Linh Công theo Sở, không dự hội Kê Trạch. Mùa đông. Tấn Tri Vũ cầm quân đánh Hứa.

Triệu Bằng Phi - Tấn đã được Trần và Trịnh. Gần nước Sở có nước Hứa. Cho nên mùa hạ, thề với Trần, Trịnh mà mùa đông đánh Hứa. Tuy nhiên, Hứa bị Trịnh bạo ngược mới phải thiên đô đến đất Diệp để tránh nạn. Diệp lại gần Sở. Hứa đã dựa vào Sở tất là không thể phản Sở ở gần, mà thờ Tấn ở xa. Tấn mà có phục được Sở thì mới được Hứa. Nếu không thì đem quân đánh cũng vô ích.

Năm Nhâm Thìn. Vua Linh Vương năm thứ 3.

四 年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Điệu, năm thứ 4. Tề Linh, năm thứ 3. Vệ Hiến, năm thứ 8. Sái Cảnh, năm thứ 23. Trịnh Hi, năm thứ 2. Tào Thành, năm thứ 9. Trần Thành, năm thứ 30. Kỷ Hoàn, năm thứ 68, Tống Bình, năm thứ 7. Tần Cảnh, năm thứ 8. Sở Cung, năm thứ 22. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 17.

春王三月己酉陳侯午卒

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, KỶ DẬU, TRẦN HẦU NGỌ TỐT

MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG BA, NGÀY KỶ DẬU, TRẦN HẦU TÊN LÀ NGỌ MẤT

Tả Thị - Năm thứ tư, mùa xuân, vì nước Trần bỏ Sở theo Tấn, quân Sở định đánh, đã đóng tại Phồn Dương (Sở). Tấn Hàn Hiến Tử lấy làm lo ngại, nói trong triều rằng: Khi Văn Vương đem được các nước phản vua Trụ trở lại thờ vua Trụ, thì chính là biết thời. Bây giờ trường hợp khác. Ta không thể nào cảm hóa được nước Sở.

Tháng ba, Trần Thành Công, mất. Người Sở sắp đánh Trần, nghe thấy Trần có tang, đình chỉ ngay công việc. Tuy nhiên, Trần không hàng phục. Tang Vũ Trọng nước Lỗ nói: Trần không hàng Sở thì mất nước. Nước lớn mà có lễ như thế, đến nước lớn cũng còn sợ có họa, huống chi nhỏ như nước Trần.

Mùa hạ, tướng Bành Danh nước Sở xâm nước Trần vì có vô lễ.

Xét - Trần giáp Sở, Sở mà dòm về phía Bắc thì Trần là cửa ngõ. Sở cố đắc chí được với Trần để trấn áp chư hầu cùng với Tấn tranh quyền. Tấn cùng chư hầu đương góp sức để mưu tính việc nước Trần. Tấn Hàn Huyết lại lấy Văn Vương thờ vua Trụ ra so sánh với Tấn, Tang Hột thì nói Trần mà không phục Sở là mất nước, lời hai đại phu sao mà dại dột thế. Thế cho nên rốt cuộc là Trần về Sở. Tả thị mà cũng cho là Trần vô lễ thì thật sai.

夏叔孫豹如晉

HẠ, THÚC TÔN BÁO NHƯ TẤN

MÙA HẠ, THÚC TÔN BÁO SANG TẤN

Tả Thị - Mục Thúc (Thúc Tôn Báo) sang Tấn là đáp lại lễ sính của Tri Vũ Tử. Tấn hầu thết tiệc yến, Khi tiệc yến ca nhạc cho tấu ba thiên bài Tứ Hạ theo nhịp chuông. Mục Thúc không

lễ tạ. Tấu đến ba thiên thơ Văn Vương Đại Nhã, Mục Thúc không lễ tạ. Tấu đến ba thiên thơ Lộc Minh Tiểu Nhã, Mục Thúc ba lần lễ tạ. Hàn Hiến Tử cho chức hành nhân là Tử Viên hỏi Mục Thúc: Theo mệnh vua, quan sứ đã bước tới tệ ấp. Theo lễ nghi các tiên quân tôi đặt ra, chúng tôi đã thêm vào mục ca nhạc, các bài tấu để chúc mừng quan sứ, ngài bỏ những bài quan trọng mà lễ tạ các bài thường, là vì sao. Xin cho biết. Đáp: Ba thiên trong Tứ Hạ, là Thiên tử cho tấu khi thết yến tiệc một vua chư hầu. Thần đâu dám nhận nghe. Các thiên vua Văn Vương là để dùng khi hai vua tương kiến. Thần đâu dám nhận. Đến bài Lộc Minh, nhà vua đã mừng quả quân tôi, tôi đâu dám không lễ và tạ những lời chúc mừng. Đến Thiên Tứ mẫu, nhà vua đã úy lạo sứ thần, dám đâu không lễ tạ. Cho tấu thiên Hoàng Hoàng giả Hoa, nhà vua đã dạy cho sứ thần về cách đi sứ, phải hỏi han mọi việc mọi nơi như: Hỏi về làm điều thiện, điều hay, thì gọi là Tư. Hỏi về phận sự của hàng có liên lạc thân thuộc với nhau, cùng một họ thì gọi là Tuân. Hỏi về lễ nghi, xã giao thì gọi là Độ. Hỏi về công việc thì gọi là Thấu. Hỏi về việc khó khăn thì gọi là mưu. Thần đã được năm điều thiện. Sao lại không lễ tạ.

秋七月戊子夫人自氏薨

THU, THẤT NGUYỆT, MẬU TÝ, PHU NHÂN TỰ THỊ HOĂNG

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY MẬU TÝ, PHU NHÂN TỰ THỊ MẤT

Tả Thị - Mùa thu. Định Tự mất (thiếp của Lỗ Thành Công, và mẹ của Tương Công). Không quàn ở Thái miếu. Không có sấn (có áo quan trong, không có áo quan ngoài, một lễ nghi cổ). Không có tế Ngu (tế sau khi chôn xong).

Viên chức coi các công nghệ ở Lỗ tên là Khánh có nói với Quý Văn Tử rằng: "Ông làm chức Chính Khanh, mà lễ tang của Tiểu quan còn thiếu sót. Thế không phải là tận trung với vua. Khi vua lớn lên (lúc đó vua mới tám tuổi), thì sẽ trách ai". Xưa

kia, Quí Tôn có giống cho mình dùng sáu cây giả, ở vườn Bồ Phố, ngoài cửa đông, (để sau đó đóng áo quan). Khánh có xin một ít cây để đóng áo quan cho Định Tự. Quí Tôn gắt nói: Ông muốn lấy của ai thì lấy, nhưng tôi không cho cây của tôi. Khánh cứ lấy cây ở vườn Bồ Phố. Quí Tôn không dám ngăn.

Người quân tử nói: Trong sử sách nói, người nào mà hay trái lễ tất là có hại mình. Đối với Quí Tôn đúng đấy.

Khổng Dĩnh Đạt - Năm thứ hai, Tề Khương mất, rồi được chôn, chính là Thành Công Phu nhân. Cho nên, lần này, là thiếp của Thành Công, căn cứ vào truyện, vào lời nói của tên thợ Khánh, thì biết đây là mẹ Tương Công.

葬陳成公
TÁNG TRẦN THÀNH CÔNG
LỄ CHÔN TRẦN THÀNH CÔNG

八 月 辛 亥 葬 我 小 君 定 姒
BÁT NGUYỆT, TÂN HỢI, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN ĐỊNH TỰ
THÁNG TÁM, NGÀY TÂN HỢI, LỄ CHÔN TIỂU QUÂN TA LÀ ĐỊNH TỰ

Công Thị - Định Tự là ai? Là mẹ Tương Công.

Xét - Kinh Xuân Thu chính danh, định phận, gọi đúng tên, đặt đúng chỗ, đối với ngôi đích, ngôi thứ lại càng cẩn thận. Hàng thiếp mẫu (mẹ vua mà vào hàng thiếp), thấy ở trong Kinh, như Thành Phong. Kính Doanh, Định Tự, Tề Qui, mất xưng là Phu nhân, táng xưng là Tiểu quân, không khác gì chính đích, như thế là để rõ việc thất lễ. Khổng Dĩnh Đạt mà bảo rằng. Đích mẫu chết dùng chữ hoăng, thì thiếp mẫu cũng được tôn bảo như thế rất là sai ý của Kinh.

冬 公 如 晉

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Mùa đông, Công sang Tấn để nhận chính lệnh. Tấn Hầu thết yến tiệc. Công xin cho nước nhỏ Tắng, thuộc về Lỗ. Tấn Hầu không ưng. Lỗ Mạnh Hiến tử nói: "Quả quân tôi xin là vì ở gần nước cừu địch với Tấn, mà muốn tận trung với Tấn, không thiếu sót một việc gì do các tướng Tấn cho biết. Nước Tắng không đóng góp một chút gì việc quân cho quan Tư Mã Tấn. Các tướng Tấn, sớm chiều, điều đòi ở nước tôi bé nhỏ, thường không đủ. Không đủ thì mang tội. Vì thế, nước tôi xin Tắng giúp đỡ".

Vua Tấn mới ưng thuận.

Vương Bảo - Tương Công được lập. Mới bảy tuổi, đi lại đường xa, thật là bất đắc dĩ.

Cao Kháng - Vua có tang mẹ, lại tới chầu nước Tấn.

陳 人 圍 頓

TRẦN NHÂN VI ĐỐN

NGƯỜI TRẦN VÂY ĐỐN

Tả Thị - Người Sở sai Đốn phải rời bỏ Trần. Đốn là một nước nhỏ. Rồi Sở tràn vào Trần. Vì thế quân Trần vây Đốn đô.

Phụ lục Tả Truyện - Gia Phủ, vua nước Vô Chung (Vô Chung Tử, loại rợ Nhung) sai tướng là Mạnh Lạc tới Tấn. Nhờ Ngụy Trang Tử (Ngụy Giáng) nộp lễ vật là da hổ, da báo, và xin được hòa với Tấn. Tấn Hầu nói với Ngụy Giáng: Giống Nhung, giống Địch, đã không thân được với ai, lại tham, không bằng đem quân đánh. Ngụy Giáng nói: Mới chưa bao lâu, mấy chư hầu thuần phục, và nước Trần cho sứ tới cầu hòa. Các chư hầu đương để ý đến ta. Nếu ta có ân đức thì để giữ được hòa mục. Nếu không, họ sẽ nhị tâm. Nếu ta cho quân đi đánh nhung thì Sở đánh

Trần, ta sẽ không cứu được Trần. Thế là bỏ Trần. Các nước Hoa Hạ khác sẽ phản. Được Nhung Địch, mất Hoa Hạ thì không nên. Trong sách nhà Hạ có kể truyện tương tự là truyện Hậu Nghệ, Tấn Hầu hỏi: Hậu Nghệ làm sao? Đáp: Khi nhà Hạ suy, thì vua Hậu Nghệ từ đất Sư Thiên đô đến đất Cung Thạch, lợi dụng dân nhà Hạ vốn ghét chủ để thay quyền nhà Hạ. Nhưng về sau, không trông coi đến dân, cứ cậy tài bắn giỏi, đam mê về săn bắn, bỏ những người hay như Vũ La, Bá Nhân, Hùng Khôn, Mang Ngữ, mà dùng những người như Hàn Súc. Hàn Súc thuộc về họ Bá Minh, tính hay gièm. Bá Minh vua nước Hàn đã đuổi đi. Nghệ là chưởng họ Di, thu nạp, tin dùng cho làm tướng. Súc nịnh những người gần vua trong cung điện, mà hối lộ những người ở ngoài. Lừa dối dân, chiều tật ham săn bắn của Nghệ. Gian ngoan, bịp bợm, để đi đến chỗ chiếm đất nước. Trong ngoài đều theo cả, mà Nghệ vẫn không biết sửa đổi. Một lần đi săn về, ngay bọn tùy tùng giết đi, đem thịt nấu lên, bắt con Nghệ ăn. Các con không nỡ ăn, rồi bị giết ở ngoài cửa Cùng Môn. Một tướng của Nghệ tên là Mi chạy sang đất Hữu Cách Thị.

Súc lấy các vợ của Nghệ, được hai con là Nghêu và Ế. Chỉ chuyên ăn gian, nói dối, lừa đảo, đối với dân không có chút gì gọi được là đức. Sai Nghêu cầm quân diệt họ Châm Quán và họ Châm Tầm. Cho Nghêu ở đất Quá và Ế ở đất Qua. Tướng Mi vốn vẫn có đất Cách. Mi mới thu nhặt lấy hai nước nhỏ là Châm Quán và Châm Tầm rồi diệt được Súc mà lập Thiếu Khang lên ngôi Thiên Tử. Thiếu Khang diệt Nghêu ở đất Quá. Hậu Trữ con Thiếu Khang diệt Ế ở đất Qua. Rồi sau các vua Hữu Cùng cũng hết vì đã mất dân.

Ngày xưa, Tân Giáp giữ chức Thái Sử triều Chu Vũ Vương ra lệnh cho bách quan phải biên chép tất cả nhầm lỗi của Thiên Tử. Trong tờ biên chép của nước Ngu nhân (người coi rừng), có câu: "Vua Vũ nơi nơi đều có vết chân, hoạch định chính châu, mở chín con đường. Dân có miếu thờ tổ. Vật có cỏ tốt. Đồ nào có nơi ấy. Ân đức được ban phát, không có sự nhiễu loạn. Đến đời vua Di Nghệ, vua ham mê săn bắn. Quên dân, chỉ chờ hươu nai. Thích chiến tranh, nhưng chiến tranh luôn sao được. Cho

nên Nghệ không giữ được quyền lâu. Thần coi rừng, coi đong, dám trình mấy lời với bách quan". Đó là lời ghi của vị Ngu nhân. Thật là lời khuyên răn hay.

Khi đó, Tấn Hầu thích đi săn. Cho nên Ngụy Giáng mới kể truyện như thế. Tấn Hầu nghe xong, nói: "Phải, vậy thì ta hòa với rợ Nhung".

Ngụy Giáng nói: Hòa với rợ Nhung có năm điều lợi. Nhung và Địch luôn luôn rời chỗ ở. Quý hàng hóa, khinh ruộng đất, ta có thể mua được ruộng đất. Đó là lợi thứ nhất. Biên giới ta không bị lo ngại. Dân chăm làm được, gặt hái được nhiều, đó là lợi thứ hai. Nhung và Địch thờ phụng Tấn, thì các lâng bang sẽ sợ, sẽ kính nể ta. Đó là lợi thứ ba. Vì ta lấy đức đãi quân Nhung, quân đội ta được yên, ta không phải dùng binh giáp, đó là lợi thứ tư. Được trong gương vua Hậu Nghệ thì mọi việc đều lấy nhân đức làm đầu, các nước ở xa sẽ tới ta, các nước gần thì được yên. Đó là lợi thứ năm. Xin nhà vua nghĩ xét". Tấn Hầu chấp thuận, sai Ngụy Giáng thề với các rợ Nhung. Rồi chăm nom việc dân, đình lại mùa săn.

Mùa đông, tháng 10, quân Châu và quân Cử đánh nước Tắng thuộc Lỗ, Tang Hội cứu Tắng, xâm Châu, bị bại ở đất Hồ Đài, nước Châu. Dân Lỗ đi nhặt xác binh chết về. Xưa nay người Lỗ búi tóc, có tang cũng không có dấu hiệu gì khác trên đầu. Lần này là lần đầu tiên dân Lỗ búi tóc theo kiểu đàn bà có tang, rồi làm các câu hát rằng: "Tang mặc áo Hồ cừu, đã làm cho ta thua ở hồ Đài. Vua ta là một con nít đã sai một người lùn cầm quân. Chính người lùn làm cho ta thua trận tại nước Châu".

Lý Liêm - Trần vây Đốn, làm cho Sở tức giận, với việc nước Trịnh bắt Công tử Tiếp, làm khích thích nước Sở. Hai việc giống nhau. Về sau đều luôn luôn có nạn binh cách ở một nơi, chỉ vì báo thù nhau. Vả lại, xưa Sở thường vây Trần, mà thu nạp Đốn. Nay Trần lại vây Đốn để làm cho Sở giận. Tai họa đến cùng cực, sao mà thôi được. Việc trốn hội mà về là gây ra tự đấy.

Năm Quý Tỵ. Vua Linh Vương, năm thứ 4.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Điệu, năm thứ 5. Tề Linh, năm thứ 14. Vệ Hiến, năm thứ 9. Sái Cảnh, năm thứ 24. Trịnh Hi, năm thứ 3. Tào Thành, năm thứ 10. Trần Ai Công Nịch, năm đầu. Kỷ Hoàn, năm thứ 69. Tống Bình, năm thứ 8. Tần Cảnh, năm thứ 9. Sở Cung, năm thứ 23. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 18.

春 公 至 自 晉

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ VẤN

MÙA XUÂN LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử sai quan là Vương Thúc Trần Sinh sang Tấn tố cáo là rợ Nhung gây loạn. Người Tấn bắt giữ lại. Sĩ Phường được sai tới Kinh sư tâu Thiên Tử là Vương Thúc nhị tâm thông với rợ Nhung.

夏 鄭 伯 使 公 子 發 來 聘

HẠ, TRỊNH BÁ SỬ CÔNG TỬ PHÁT LAI SÍNH

MÙA HẠ, TRỊNH BÁ SAI CÔNG TỬ PHÁT TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tử Quốc nước Trịnh (Công tử Phát sinh ra Tử Sản học trò Khổng Tử) tới Lỗ lễ sính để cho vua nước Trịnh là Hi Công giao thiệp với vua Lỗ.

Triệu Bằng Phi - Trịnh Hi Công mới lên ngôi. Tuy có dự hội minh ở Kê Trạch, mà chưa có giao thiệp với các chư hầu, cho nên sai Phát tới Lỗ lễ sính, lễ thăm hỏi. Thế cũng đủ là vinh dự rồi.

叔孫豹鄫世子于如晉

THÚC TÔN BÁO, TĂNG THẾ TỬ VU, NHƯ TẤN

THÚC TÔN BÁO, VÀ TĂNG THẾ TỬ SANG TẤN

Tả Thị - Mục Thúc (Thúc Tôn Báo), thăm Thế Tử nước Tăng, hiện thời lễ sính ở nước Tấn, để hoàn thành việc Tăng thuộc Lỗ.

Kinh chép: Thúc Tôn Báo, Tăng Thái Tử Vu sang Tấn, chép coi Vu như một đại phu nước Lỗ.

Công Thị - Đại phu nước ngoài đi sứ nước ngoài thì không chép. Đây sao chép. Vì Báo đi sứ rủ Vu cùng đi. Có liên lạc hàng cậu cháu. Nguyên là nước Cử muốn diệt nước Tăng. Cho nên cùng đi để trình diện với Tấn. Vì nước Cử có người con gái làm Phu nhân ở nước Tăng. Cử muốn giúp một cháu làm chủ nước Tăng.

Cốc Thị - Việc nước ngoài giao thiệp với nhau không chép. Đây chép vì cũng là việc của nước ta.

Lưu Sưởng - Tăng có xin làm phụ dung nước Lỗ. Cho nên Tăng cùng Lỗ sang yến kiến vua Tấn. Tăng sao lại xin làm phụ dung nước Lỗ. Vì Tăng ở giữa nước Cử, nước Lỗ. Xin làm phụ dung một nước để được yên, để giữ xã tắc. Thế là chính. Nếu không giữ được nước, để cho tôn miếu kém hèn, nước Tăng thế là thất chính, Thiên Tử lập ra các nước Phụ Dung. Không có mệnh Thiên Tử mà dám lập Phụ Dung, nước Lỗ thế là thất chính. Cho nên chép Thúc Tôn Báo, Tăng Thế Tử Vu sang Tấn, cũng như chép một đại phu nước Lỗ ta, vậy là chê cả hai nước.

Uông Khắc Khoan - Thế Tử của vua chưa hầu chưa có sắc mệnh, mà đồ lễ sính sau hàng Tử, Nam, ngang với đại phu, là phi lễ. Tuy nhiên, thời Xuân Thu , cứ so thế mạnh, yếu, chứ không so chức phận vua tôi. Lấy vị Khanh của nước lớn, ngang với vua nước nhỏ, cho nên nước Tăng nhỏ hèn, Thế Tử kém đại phu Lỗ. Thúc Tôn Baó cùng Thế Tử Vu sang Tấn mà không chép chữ cùng, và, vập. Thế là cùng tới triều kiến vị Bá chủ. Trọng Tôn Miệt, Vệ Tôn Lâm Phủ, được mệnh Tấn

để đến hội với Ngô, mà cũng không chép chữ Cập, thế tức là cùng tới Ngô. Cùng tới yến kiến Tấn thì còn được, cùng tới Ngô là quá.

仲孫蔑衛孫林斧會吳于善道

TRỌNG TÔN MIỆT, VỆ TÔN LÂM PHỦ HỘI NGÔ VU THIỆN ĐẠO

TRÔNG TÔN MIỆT, VỆ TÔM LÂM PHỦ TỚI ẤP THIỆN ĐẠO NƯỚC NGÔ ĐỂ HỘI VỚI ĐẠI PHU NGÔ

Tả Thị - Ngô Tử, vua nước Ngô, sai Thọ Việt sang Tấn, từ tạ việc không dự được hội ở Kê Trạch và xin dự trong các nước theo Tấn. Người Tấn muốn mời Ngô trước để bàn định kỳ họp. Vì thế, Mạnh Hiến Tử (Trọng Tôn Miệt), Tống Văn Tử (Tôn Lâm Phủ) mới tới hội với Ngô ở đất Thiện Đạo.

Cốc Thị - Ở Ngô gọi là Thiện Y, gọi là Đạo Hoãn. Hiệu thì theo Trung Quốc, tên thì theo trong nước.

Hứa Hàn - Tấn và Sở tranh nhau quyền thế ở nước Ngô. Cho nên đối với Ngô, Tấn cố vội gấp như thế.

秋大雩

THU, ĐẠI VU

MÙA THU, LỄ CẦU ĐẢO LỚN

Tả Thị - Mùa thu, lễ cầu đảo lớn. Vì có đại hạn.

楚殺其大夫公子壬夫

SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ NHÂM PHU

NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ NHÂM PHU

Tả Thị - Người Sở xét tìm nguyên nhân nước Trần phản bội, để trị tội, thì cho là Lệnh Doãn Tử Tân đã quá đòi hỏi, cho nên giết đi. Kinh Xuân Thu chép: Nước Sở giết đại phu là Nhâm Phu vì tội tham. Người quân tử bàn, trong trường hợp

này, vua Sở Cung vương đã không biết dùng hình (trước khi Trần phản). Trong Kinh Thi có câu: Đạo nhà Chu thẳng, Trí ta muốn tìm biết sự thật. Muốn cho rõ việc không hay, ta tập hợp người hay để quyết định. Khi một vị vua đã không tin được mình nữa, mà còn muốn giết người để thỏa tư dục, thì các chư hầu còn ai tin được nữa. Trong sách Hạ Thư có nói: Có thực thì công mới thành.

Lưu Sưởng - Dùng chữ nước để giết đại phu là tội có liên lụy đến người trên. Sao Nhâm Phu lại lụy đến người trên. Trước việc đó, Trần và Trịnh bỏ Sở mà tới Tấn, người Sở đánh cho cũng không phục, cầu hòa cũng không theo. Sở Tử giận nói: Nhâm Phu thực đã đòi hỏi quá. Mới giết đi. Thế là "thiên nộ", là giận lây. Thế thì Nhâm Phu có tội gì. Nhâm Phu làm bầy tôi, cậy thế mà ham lợi, để đến chỗ chết.

公 會 晉 侯 宋 公 陳 侯 衛 侯 鄭 伯 曹 伯 莒 子
邾 子 滕 子 薛 伯 齊 世 子 光 吳 人 鄫 人 于 戚

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, TẾ THẾ TỬ QUANG NGÔ NHÂN, TẮNG NHÂN VU THÍCH

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG, NGƯỜI NGÔ, NGƯỜI TẮNG TẠI ĐẤT THÍCH

Tả Thị - Tháng chín, ngày Bính Ngọ, thề tại đất Thích, hội có nước Ngô, và hội quyết định đặt quân đồn thú trên biên giới nước Trần, Mục Thúc (Thúc Tôn Báo) cho là để Tắng thuộc vào Lỗ thì không có lợi mới xin được cho đại phu Tắng, được tới hội để nghe lệnh.

Công Thị - Ngô sao lại dùng chữ nhân. Người Ngô, người Tắng đều gọi là người, vì không luận bàn ở hội.

Hồ Truyện - Ngô sao lại gọi là nhân. Xét trong Tả Thị,

Ngô Tử sai Thọ Việt sang Tấn, xin nghe lệnh chư hầu. Vì thế, người Tấn họp chư hầu, sai đại phu Lỗ và Vệ hội với Ngô tại đất Thiện Đạo, và bảo cho ngày hội. Thế thì việc hội ở đất Thích người Ngô tới hội, chứ không phải chủ động. Tới hội chư hầu mà không là chủ thì nâng lên chép là người. Chư hầu tới dự hội mà lại tôn Ngô lên chủ động, thì chê, chép là nước. Tình ý của Thánh nhân nhận thấy. Nghĩa Xuân Thu thật là rõ.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

冬戍陳

ĐÔNG, THÚ TRẦN

MÙA ĐÔNG, ĐỒN THÚ TẠI NƯỚC TRẦN

Công Thị - Ai đồn thú. Các chư hầu. Sao không nói các chư hầu. Là vì lần lượt trước sau tới dần, không thể theo dõi để kể tường, cho nên chỉ nói đến Lỗ ta.

Cốc Thị - Nói việc trong nước.

Đỗ Dự - Chư hầu ở hội Thích đều được lên đồn thú tại Trần. Khi về tới nước, ai nấy đều cho quân tới, không có báo cáo nhau, cho nên chỉ nói đến Lỗ.

Trình Tử - Không phải mệnh Thiên Tử, mà sai dân đi đồn thú ở phương xa, là có tội. Mà đây, đồn thú ở Trần lại khen, là sao. Xét Trần phụ vào Tấn, mà Sở tranh, thì việc đồn thú là để giúp Trần mà chống Sở. Khen là phải.Diệp Mộng Đắc có nói: Ai đồn thú. Chư hầu tại hội đã được mệnh của Tấn, khi về nước mình ai nấy cho quân đi đồn thú để giúp Trần chống Sở. Không chép chư hầu, là lời văn lược qua.

楚公子貞師伐陳公會晉侯宋公衛侯鄭伯曹伯齊世子光救陳

SỞ CÔNG TỬ TRINH SUẤT SƯ PHẠT TRẦN. CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG CỨU TRẦN

SỞ CÔNG TỬ TRINH CẦM QUÂN ĐÁNH TRẦN. LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG ĐỂ CỨU TRẦN

Tả Thị - Tử Nang nước Sở làm Lệnh Doãn. Tấn Phạm Tuyên Tử nói: Ta mất Trần. Sở đánh các nước nhị tâm với Sở. Tử Nang được lập làm Lệnh Doãn. Chính lệnh thay đổi, được khác trước, mà vội đánh Trần. Trần gần Sở. Dân sớm, tối, bị hoảng sợ, chắc phải rời bỏ ta. Ta không thể giữ được Trần. Không cο Trần, ta mới được yên.

Mùa đông, chư hầu đồn thú ở Trần. Tử Nang đánh Trần. Tháng 11, ngày Giáp Ngọ, hội họp ở Thành Đệ, đất Trịnh để cứu.

十有二月公至自救陳

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ CỨU TRẦN

THÁNG 12, LỖ CÔNG TỪ CỨU TRẦN VỀ NƯỚC

Cốc Thị - Cho việc cứu Trần là phải.

辛未季孫行斧卒

TÂN MÙI, QUÝ TÔN HÀNG PHỦ TỐT

NGÀY TÂN MÙI, QUÍ TÔN HÀNG PHỦ MẤT

Tả Thị - Quí Văn Tử mất. Đại phu dự việc khâm liệm có cả vua Lỗ. Chức gia tể dùng các đồ vật trong nhà để làm việc chôn chất. Đàn bà thì không thấy có gấm vóc. Nuôi ngựa không

thấy dùng đến thóc. Không có vàng, ngọc, đồ quý giá. Người quân tử biết ngay là Quí Văn Tử trung với nhà vua, làm tướng trải ba triều vua, mà không có tích trữ riêng. Có thể gọi là trung.

Năm Giáp Ngọ. Vua Linh Vương, năm thứ 5.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Điệu, năm thứ 6. Tề Linh, năm thứ 15. Vệ Hiến, năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 25. Trịnh Hi, năm thứ 4. Tào Thành, năm thứ 11. Trần Ai, năm thứ 2. Kỷ Hoàn, năm thứ 70. Tống Bình, năm thứ 9. Tần Cảnh, năm thứ 10. Sở Cung, năm thứ 24. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 19.

春王三月壬午杞伯姑容卒

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, NHÂM NGỌ KỶ BÁ CÔ DUNG TỐT

MÙA XUÂN, THÁNG BA, NGÀY NHÂM NGỌ, KỶ BÁ TÊN LÀ CÔ DUNG MẤT

Tả Thị - Năm thứ 6, mùa xuân, Kỷ Hoàn Công mất. Bắt đầu cáo phó có tên, vì cùng trong đồng minh.

夏宋華弱來奔

HẠ, TỐNG HOA NHƯỢC LAI BÔN

MÙA HẠ, HOA NHƯỢC NƯỚC TỐNG TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Tống Hoa Nhược cùng Nhạc Bí khi bé chơi đùa với nhau, lớn lên thân nhau. Rồi sau nói xấu nhau. Tử Đãng (Nhạc Bí) tức giận, lấy dây cung mình buộc vào cổ Hoa Nhược ở giữa triều. Tống Bình Công nói: Chức quan Tư Vũ mà bị trói ở giữa triều, thì còn thắng ai được. Thế là đuổi Hoa Nhược đi. Mùa hạ, Hoa Nhược tới tránh ở Lỗ. Chức Tư Thành là Tử Hãn nói: Cùng

một tội mà phạt khác nhau, không phải là hình. Tự mình giữa triều làm nhục một đại thần, còn tội nào nặng hơn. Phải đuổi cả Tử Đãng. Tử Đãng bắn vào cửa Tử Hãn một phát tên, nói: Vài ngày nữa, ngươi sẽ phải theo ta chạy trốn. Tử Hãn đối với Tử Đãng vẫn cứ như trước.

Cao Kháng. Không chép chữ trục, đuổi. Mà lời văn là tự mình chạy trốn, thế là triều đình còn kính nể. Hoa Nhược bậy bạ như thế, trị tội là phải.

秋 葬 杞 桓 公

THU, TÁNG KỶ HOÀN CÔNG

MÙA THU, TÁNG KỶ HOÀN CÔNG

滕 子 來 朝

ĐẰNG TỬ LAI TRIỀU

ĐẰNG TỬ TỚI CHẦU LỖ

Tả Thị - Mùa thu, Đằng Thành Công tới chầu Lỗ. Đây là lần đầu.

Quý Bản - Xưa nay, Đằng không chầu. Nay tới chầu vì thấy Lỗ hòa với Tấn, nhờ Lỗ để được che chở.

莒 人 滅 鄫

CỬ NHÂN DIỆT TẮNG

NGƯỜI CỬ DIỆT NƯỚC TẮNG

Tả Thị - Người Cử diệt Tắng, Tắng cậy đã có hối lộ Lỗ.

Cốc Thị - Không phải là diệt. Trung Quốc thì chép ngày. Nước nhỏ thì chép tháng. Di địch thì chép mùa. Tắng là Trung Quốc mà chỉ biết mùa, thế không phải là diệt. Diệt mà không tự biết nguyên do. Tuy là khác nhưng thực ra không khác. Người Cử diệt Tắng, không phải là diệt. Là lập họ khác để coi cúng tế. Như thế là mở đường lối đến diệt.

Xét - Người Cử diệt Tắng, lời trong Kinh rất là rõ. Năm thứ 8, Tương Công, vì việc định địa giới nước Tắng, quân nước Cử đánh vào biên giới phía đông nước Lỗ. Thế là Tắng bị Cử diệt không nghi ngờ gì nữa. Tả thị cho là Tắng cậy ở việc đã hối lộ cho Lỗ. Xét Tắng mà thờ Lỗ tất là có hối lộ, mà Lỗ thì không giúp nổi Tắng, cho nên để cho Cử diệt Tắng. Công Thị, Cốc Thị, cho là năm thứ 4, Chiêu Công Lỗ lấy Tắng, rồi nghi là Tắng chưa bị diệt, và có thuyết dựng họ khác lên thay vua Tắng, Triệu Khuông bác đi, bảo là thực Tắng có việc cháu ngoại nối ngôi, thế là hội ở Tắng. Như thế thì Kinh cứ như việc Lương mất mà chép Tắng mất, chứ không chép được là nước bị diệt. Lại so với việc Trịnh đã diệt Hứa, mà Hứa lại cứ vẫn thấy chép ở Kinh, có khảo sát mới rõ. Vì thế, nay không theo thuyết của Công Thị, Cốc Thị, mà phàm nói rằng lập họ khác nối ngôi, thì đều bỏ đi hết.

冬 叔 孫 豹 如 邾

ĐÔNG, THÚC TÔN BÁO NHƯ CHÂU

MÙA ĐÔNG, THÚC TÔN BÁO SANG NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Mùa đông, Mục Thúc sang Châu lễ sính, và sửa soạn hòa bình.

季 孫 宿 如 晉

QUÍ TÔN TÚC NHƯ TẤN

QUÍ TÔN TÚC SANG TẤN

Tả Thị - Người Tấn cho tới hỏi Lỗ sao bỏ Tắng.

十 有 二 月 齊 侯 滅 萊

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TỀ HẦU DIỆT LAI

THÁNG 12, TỀ HẦU DIỆT NƯỚC LAI

Tả Thị - Tháng 11, Tề Hầu diệt nước Lai. Lai cậy về mưu kế, mánh khóe. Khi Tử Quốc nước Trịnh tới Lỗ lễ sính, về tháng

tư, năm thứ 5, Tương Công, Án Nhược nước Tề sửa thành Đông Dương, rồi vây thành nước Lai. Ngày Giáp Dần, dựng quanh ngoài quách, một gò, cao tới mặt thành. Trong tháng mà Kỷ Hoàn Công mất (tháng ba), ngày Ất Mùi, Vương Tưu (Tướng Tề trốn ở nước Lai) cùng với đại phu Lai là Chính Dư Tử cầm quân và người nước Đường đánh quân Tề đang vây. Quân Tề đánh cho thua. Ngày Đinh Mùi, quân Tề vào thành Lai. Vua Lai là Cung Công Phù Như chạy sang đất Đường. Chính Dư Tử và Vương Tưu chạy sang nước Cử. Người Cử giết đi. Tháng tư, Trần Vô Vũ, lấy các đồ quý loại tế khí của nước Lai, dâng vào cung Tương Cung nước Tề. Án Nhược vây ấp Đường. Tháng 11, ngày Bính Thìn, diệt Đường (ấp nước Lai). Dân Lai di tới nước Nghê (hoặc Tiểu Châu, phụ dung nước Tề). Cao Hậu và Thôi Trữ nước Tề, định lại biên giới.

Công Thị - Tại sao không chép vua Lai chạy trốn. Vì rằng nước bị diệt thì vua chết vì nước. Thế là chính.

Năm Ất Mùi. Vua Linh Vương, năm thứ 6.

七 年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Điệu, năm thứ 7. Tề Linh, năm thứ 16. Vệ Hiến, năm thứ 11. Sái Cảnh, năm thứ 26. Trịnh Hi, năm thứ 5. Tào Thành, năm thứ 12. Trần Ai, năm thứ 3. Kỷ Hiếu Công Cái, năm đầu. Tống Bình, năm thứ 11. Tần Cảnh, năm thứ 11. Sở Cung, năm thứ 25. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 20.

春 郯 子 來 朝

XUÂN, ĐÀM TỬ LAI TRIỀU

MÙA XUÂN, VUA NƯỚC ĐÀM LÀ ĐÀM TỬ TỚI CHẦU

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân, Đàm Tử tới chầu, lần đầu tiên chầu Lỗ.

夏四月三卜郊不從乃免牲

HẠ, TỨ NGUYỆT, TAM BỐC GIAO, BẤT TÒNG, NÃI MIỄN SINH

MÙA HẠ, BA LẦN, BÓI TẾ GIAO, KHÔNG ĐƯỢC, MỚI THÔI DÙNG SINH (BÒ TẾ)

Tả Thị - Mùa xuân, tháng tư, ba lần bói Giao không được, mới thôi dùng sinh. Mạnh Hiến Tử nói: Ta từ nay mới biết cần bói đúng mùa. Tế Giao là tế thần Hậu Tắc, tức là thần coi việc làm ruộng. Thế cho nên, khi mùa xuân, côn trùng bắt đầu sinh nở, là lúc tế Giao. Tế xong, mới bắt đầu cày ruộng. Nay cày ruộng rồi mới tế. Bói tế không được là phải lắm.

Cốc Thị - Mùa hạ, tháng tư, không phải mùa. Ba lần bói là đúng lễ. Chữ nãi: mới, cho biết là không phải người định được.

小邾子來朝

TIỂU CHÂU TỬ LAI TRIỀU

VUA NƯỚC TIỂU CHÂU LÀ TIỂU CHÂU TỬ TỚI CHẦU

Tả Thị - Mục Công nước Tiểu Châu tới chầu. Lần đầu tiên.

城費

THÀNH BÍ

XÂY SỬA THÀNH ẤP BÍ

Tả Thị - Nam Di làm chức Tể ấp Bí. Thúc Trọng Chiêu Bá làm chức Công Chính ở Lỗ. Chiêu Bá muốn được lòng họ Quí Tôn, mới nịnh Nam Di, và đề nghị với Nam Di cho sửa sang thành ấp Bí, hứa sẽ cung cấp nhiều phu dịch. Thế là quí tôn sửa đắp thành Bí.

Gia Huyền Ông - Quí Tôn hàng phủ, cha chết, con nối nghiệp, có thành có ấp, sắp kháng lại vua để chuyên quyền, Kinh Xuân Thu chép để rõ tội dần dần làm loạn.

Lý Liêm - Bí là ấp to ở Lỗ. Năm đầu Hi Công ban cho Quí Hữu, ruộng Vấn Dương và ấp Bí, thế là thành ấp Quí thị. Từ khi Nam Di xây thành thì Bí thành ra mạnh. Nam Khoái nối giữ chức Tể. Thế tức là không những họ Quí đời đời giữ chức Khanh, mà hạng Bồi thần (gia thần) cũng cha truyền con nối làm ấp tể. Năm thứ 12, Chiêu Công, Nam Khoái muốn đuổi họ Quí. Không xong. Đem dân đất Bí cho Tề. Năm thứ 13, Thúc Cung vây Bí. Thua không được. Năm thứ 14, dân Bí phản họ Nam, Nam Khoái phải chạy trốn sang Tề. Tề trả lại Bí. Đến khi Quí Hoàn Tử làm chức Khanh, Công Sơn Bất Nữu cùng dân làm phản. Năm thứ 12, Lỗ mới dùng Tử Lộ để phá Tam Đô. Bất Nữu và Thúc Tôn Triếp cầm quân, người Bí đánh úp nước Lỗ. Khổng Tử sai Thân Câu Tu, Nhạc Khẩn đánh. Hai người, Bất Nữu, Thúc Tôn, chạy trốn sang Tề. Thành Bí bị san. Đó là đầu đuôi chuyện ấp Bí, mà nhận biết thời thịnh suy của họ Quí Tôn.

秋季孫宿如衛

THU, QUÍ TÔN TÚC NHƯ VỆ

MÙA THU, QUÍ TÔN TÚC SANG VỆ

Tả Thị - Mùa thu, Quí Vũ Tử sang Vệ để đáp lại Tử Thúc lễ sính, và để từ tạ việc đáp có chậm trễ, chứ không phải là có ý khác.

Triệu Bằng Phi - Lỗ Công lên ngôi. Vệ Hầu sai Công Tôn Phiếu tới lễ sính. Tấn Hầu sai Tuân Anh tới lễ sính. Thế rồi Lỗ Công sang Tấn hai lần, sai đại phu sang Tấn ba lần, mà đối với Vệ thì chưa đáp lễ. Nay được bảy năm rồi, Quí Tôn Túc đáp lễ thì biết là chậm trễ. Vệ yếu hơn Lỗ, không dám trách, nhưng cũng nghi là Lỗ không giao hiếu. Cho nên mùa đông, Tôn Làm Phủ tới lễ sính, yêu cầu thề.

八 月 螽

BÁT NGUYỆT CHUNG

THÁNG 8, CÓ SÂU CHUNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 10, Hàn Hiếu Tử nước Tấn, cáo lão về hưu. Con lớn là Mục Tử đại phu công tộc, có tật không chữa được, được cử nối chức. Mục Tử từ chối: "Trong kinh Thi có câu: Sao ta không ra đi ngày sớm, trước khi sáng tỏ. Vì đường đi ướt, nhiều sương. Lại có câu: Không làm gì cho mình, cho ai, thì dân không tin. Nên nhường chỗ cho người khác. Xin đề cử Khởi (em cùng mẹ). Khởi thường giao du với Điền Tô, nước Tấn. Điền Tô cho Khởi là người thích nhân. Kinh Thi có câu: Bình tĩnh làm tròn chức vụ, quý những người chính trực, thần linh sẽ ban phúc. Giúp đỡ dân là đức. Chính trực là chính. Làm cho công thành ngay lại là trực. Có ba nết ấy là có nhân. Được thế, thì thần linh ủng hộ, ban phúc. Vậy lập Khởi sao lại không nên". Ngày Canh Tuất, Hàn Hiến Tử ra triều đình tiến cử con là Khởi (Tuyên Tử) rồi về cáo lão. Tấn Hầu cho Hàn Vô Kị (Mục Tử) là người có đức nhân, sai coi các đại phi trong công tộc.

冬 十 月 衛 侯 使 孫 林 斧 來 聘

壬 戌 及 孫 林 斧 盟

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, VỆ HẦU SỬ TÔN LÂM PHÙ LAI SÍNH. NHÂM TUẤT CẬP TÔN LÂM PHỦ MINH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, VỆ HẦU SAI TÔN LÂM PHỦ TỚI LỖ LỄ SÍNH. NGÀY NHÂM TUẤT, LỖ CÙNG THỀ VỚI TÔN LÂM PHỦ

Tả Thị - Vệ Tôn Văn Tử tới lễ sính, và cũng để cảm ơn các lời từ tạ nhã nhặn của Vũ Tử, cùng ký minh ước đã định trước với Tôn Hoàn Tử. Lỗ Công bước lên điện. Tôn Văn Tử cũng bước lên (chứ không bước sau). Thúc Tôn Mục Tử giữ chức tướng

lễ, vội tiến tới, nói: Trong hội chư hầu, vua Lỗ, thứ tự không đặt sau vua Vệ. Bây giờ đại phu lại không đi sau vua tôi, không biết vua tôi đã có lỗi gì với đại phu. Xin đại phu chậm lại một chút". Tôn Tử không đáp, cũng không ngừng bước. Mục Thúc nói: Tôn Tử chắc nguy vong. Bầy tôi mà làm như vua, có lỗi mà không sửa, thế là triệu chứng chết. Kinh Thi nói: Lui triều về ăn cơm, ung dung yên vui. Thế nghĩa là, đúng lễ nghi thì nghi thì được, không theo lễ nghi thì có hại".

楚 公 子 貞 帥 師 圍 陳

SỞ CÔNG TỬ TRINH SUẤT SƯ VI TRẦN

CÔNG TỬ TRINH NƯỚC SỞ CẦM QUÂN VÂY NƯỚC TRẦN

十 有 二 月 公 會 晉 侯 宋 公 陳 侯 衛 侯 曹 伯 莒 子 邾 子 于 蔿

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ VU VI

THÁNG 12, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, TRẦN HẦU, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CHÂU TỬ, HỘI TẠI VỈ, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Tử Nang nước Sở vây Trần, Chư hầu hội tại Vỉ để cứu Trần.

Khổng Dĩnh Đạt - Sở đã vây Trần mà Trần còn tới dự hội được. Thế là Sở chưa vây kín, còn có thể ra khỏi thành, khỏi nước, để cầu cứu. Trần Hầu trốn về, rồi Trần bị thuộc Sở. Chư hầu không cùng Sở chiến đấu, ai về nước người ấy. Việc cứu không thành, cho nên Kinh không chép chữ cứu.

Uông Khắc Khoan - Từ đó, phàm có hội là không thấy nước Trần nữa.

Quý Bản - Sở tháng 10, vây Trần, gần hết một mùa đông,

mà Điệu Công mới hội chư hầu, dùng dằng tới đất nước Trịnh, thế là có ý sợ Sở rồi, mà không dám gấp cứu Trần, chứ đâu có ý che chở, bênh vực Trần.

鄭伯髡頑如會未見諸侯丙戌卒于鄵

TRỊNH BÁ, KHÔN NGOAN, NHƯ HỘI, VỊ KIẾN CHƯ HẦU, BÍNH TUẤT, TỐT VU THÁO

TRỊNH BÁ, TÊN LÀ KHÔN NGOAN, TỚI DỰ HỘI, CHƯA GẶP CHƯ HẦU, THÌ, NGÀY BÍNH TUẤT MẤT TẠI ĐẤT THÁO, NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Khi Trịnh Hi Công còn là Thái Tử, năm thứ 16, Thành Công, có cùng Tử Hãn sang Tấn. Không giữ lễ nghi. Khi đi sang Sở với Tử Phong cũng không giữ Lễ nghi. Đến khi làm vua, năm đầu, tới chầu nước Tấn, Tử Phong muốn xin vua Tấn truất phế, Tử Hãn ngăn lại. Khi Hi Công tới hội Vĩ, với Tử Tứ,lại không giữ lễ nghi. Tả hữu can không nghe. Mấy người lại can thì bị giết. Khi Hi Công đi hội Tháo, thì Tử Tứ sai giặc cướp giết Hi Công. Khi báo cáo chư hầu thì nói là Hi Công chết bệnh. Giản Công, con Hi Công lên năm tuổi, được lập lên ngôi.

Công Thị - Tháo là một ấp nước Trịnh. Chư hầu mất ở trong nước thì không cần chép mất ở nước nào. Đây chép là có việc muốn che đậy: việc vua bị giết. Ai giết? Đại phu giết. Tại sao không nói. Vì các tướng Trung Quốc mà che đậy. Sao thế, Trịnh Bá sắp hội với chư hầu ở Vĩ. Chi bằng ta theo Sở. Trịnh Bá nói: Không nên. Đại phu nói: Bảo là Trung Quốc biết giữ nghĩa thì sao lại đánh ta lúc có tang. Bảo rằng Trung Quốc mạnh, thì ai bằng được Sở. Thế là giết vua đi. Trịnh Bá Khôn Nguyên (Cốc Thị, Công Thị chép là Nguyên) sao lại chép cả tên Khôn Nguyên: Bị thương rồi trở lại, chưa về đến đô thì chết. Chưa gặp chư hầu, mà chép là tới hội, là cần chép ý đi tới hội.

Cốc Thị - Chưa gặp chư hầu mà chép là tới hội, tại sao? Là chép ý đi tới hội. Theo lễ, chư hầu lúc sống không gọi tên, đây còn sống mà gọi tên là tại sao. Đây là chép tên một vị chư hầu chết. Thế sao đầu câu lại nói tới hội. Là để biết vì đi dự hội mà

chết. Trịnh Bá sắp đi dự hội Trung Quốc. Bầy tôi thì muốn theo Sở. Không được mới giết vua đi. Chết vì bị giết. Không chép bị giết là không muốn cho dân Di Địch hơn vua Trung Quốc.

Nơi chết là ở ngoài. Chép là ngày chưa ra khỏi nước.

Chép ngày chết, chép mùa táng, thế là chính.

Lưu Sưởng - Tháo là ấp trong nước Trịnh. Chư hầu mất trong nước không chép nơi mất. Thế thì tại sao đây lại chép: Trịnh Bá Khôn Nguyên tới dự hội, chưa gặp chư hầu thì mất tại đất Tháo, để thấy rằng chết vì đi dự hội. Truyện có chép là bị giết. Ai giết? Đại phu Công Tử Biền giết. Sao Công Tử Biền giết? Công Tử Biền cầm quốc chính nước Trịnh. Trịnh Bá đối đãi không có lễ. Công Tử Biền giận Trịnh Bá, đến khi đi dự hội là phế. Biền muốn theo Sở, Trịnh Bá bảo là không được. Thế là Biền sai giặc cướp giết đi. Tại sao không chép là bị giết. Lấy chữ "tốt" là mất mà cáo phó. Rồi Kinh chép chữ "tốt", tức coi là Trịnh không còn có thần tử nữa. Thần (tôi) mà giết quân (vua), phàm người nào làm quan được giết kẻ giết vua đó, không tha. Con mà giết cha, phàm ở trong cung, ai cũng được giết không tha. Cho nên "quân" bị giết, "thần" không trị giặc, thế gọi là phi thần. Bố mẹ bị giết, con không phục thù thì gọi là phi tử. Phi thần, phi tử, là tội rất lớn. Nước Trịnh không phải là nước không có thần tử, người quân tử cứ như phó cáo mà chép tội chư hầu, thì nhận thấy rằng Trịnh không có thần tử.

Truyện giết vua thì nhiều, sao riêng đây lại coi là mất cả thần tử. Vì: Triệu Thuẫn mà giết vua thì Đổng Hồ chép, để cho triều đình biết, để phó tới chư hầu. Trọng Ni cho là Lương Sử. Thôi Trữ giết vua, Thái Sử chép, Thôi Trữ giết đi, em Thái Sử nối chức lại chép, lại bị giết. Em nữa nối chức lại chép, Thôi Trữ đành thua, rồi sau cáo phó cho chư hầu là Thôi Trữ giết vua.

Giết vua có bốn thứ:

(1) Có thứ bỏ vua đi.

(2) Có thứ bỏ tôi đi.

(3) Có thứ không phải bỏ mà cứ bỏ.

(4) Có thứ gọi rõ kẻ thần tử ra để mà bỏ.

Xét - Kinh chép Trịnh Bá mất, mà ba Truyện đều chép là bị giết. Triệu Khuông tin Kinh mà nghi Truyện, hình như có kiến thức. Tuy nhiên họ Tả không xa đời Thánh nhân, họ Công, họ Cốc đều tin vào thánh môn (cửa thành, tất cả thầy trò Khổng Tử) đương thời tất là có căn cứ. Sau năm đó, các Công Tử ở Trịnh, vì việc Hi Công chết, mới cùng mưu giết Tử Tứ, thì biết chắc là Tử Tứ giết vua. Lưu Sưởng, bản theo phó, chép là tốt, là thấy Trịnh không còn có thần tử. Lưu Sưởng bàn đúng, Công Dương thì bảo là kiêng tránh, Cốc Lương thì bảo là quân không thắng được thần, hai lời bàn đó không hợp với ý của Kinh.

陳侯逃歸

TRẦN HẦU ĐÀO QUY

TRẦN HẦU TRỐN VỀ

Tả Thị - Người Trần lo sợ người Sở đang vây đánh. Hai tướng Trần là Khánh Hổ và Khánh Dần, lập mưu bảo tướng Sở rằng: Tôi cho Sở Tử hoàng em Trần Hầu sang, các ông giữ lấy. Tướng Sở theo. Khánh Hổ, Khánh Dần báo cho Trần Hầu ở hội biết rằng Sở đã bắt Công Tử Hoàng, nếu nhà vua không về ngay, các quan không nỡ thấy hỏng tôn miếu xã tắc. E rằng dân theo Sở. Thế là Trần Hầu bỏ hội trốn về.

Cốc Thị - Cho là bỏ chư hầu cho nên đã dùng chữ trốn.

Xét - Trần Hầu vì quốc nạn mà trốn về. Có kẻ bàn cho là bội Tấn, theo Sở, kết tội Trần. Luận bàn thì chính đấy. Mà sự thực là tấn không muốn thân Trần, là đã có định đoạt từ trước. Tấn mà mưu nghiệp Bá, chăm chăm ở việc được Tống được Trịnh, mà chậm chạp khi tới việc Trần, Phạm Tuyên Tử nói: Trần không phải việc ta, không có Trần cũng được. Cho nên năm thứ 5, Sở đánh Trần, Tấn họp chư hầu để cứu, còn có tâm nghĩ tới, còn thương tới nạn người. Đến năm thứ 7, Sở vây Trần, Tấn tuy hai lần họp chư hầu mà không xong được việc cứu Trần. Đến hội Vi, Trần Hầu trốn về. Hội thề Hình Khưu, Trần Hầu không tới. Tấn đều bỏ rơi, như quên nghĩ tới. Tấn đối với Trần, ngày một xa dần, mà Sở đối với Trần, thì

ngày một áp bức hơn. Thế thì việc Trần theo Sở, là vì Tấn bỏ Trần, Kinh Xuân Thu chép, cũng là để chê Tấn Bá sao không chấn chỉnh lại được công việc.

Năm Giáp Thân. Vua Linh Vương năm thứ 7.

八年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Điệu, năm thứ 8. Tề Linh, năm thứ 17. Vệ Hiến, năm thứ 12. Sái Cảnh, năm thứ 27, Trịnh Giản Công, tên là Gia, năm đầu, Tào Thành, năm thứ 13. Trần Ai, năm thứ 4. Kỷ Hiếu, năm thứ 2. Tống Bình, năm thứ 11. Tần Cảnh, năm thứ 12. Sở Cung, năm thứ 26. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 21.

春王正月公如晉

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Năm thứ 8, mùa xuân, Lỗ Công sang Tấn để chầu vua Tấn và để được biết về sau khi nào được tới chầu, tới sính.

Uông Khắc Khoan - Lỗ Tương Công nối ngôi vừa được 8 năm, mà ba lần chầu Tấn. Kể cả Tuyên Công xu nịnh Tề, các lễ nghi thời Xuân Thu, thờ vị Bá, chưa từng thấy vua chư hầu nào chuyên cần như Tương Công. Tấn Điệu Công trong 10 năm mà được Lỗ Công bốn lần chầu, thế là lễ nghi gấp đôi Thiên Tử, Thiên Tử chỉ năm năm một lần cho chư hầu chầu. Điệu công đổi số triều sính thì biết là quá trớn.

夏葬鄭僖公

HẠ, TÁNG TRỊNH HI CÔNG

MÙA HẠ, LỄ TÁNG TRỊNH HI CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Vì việc Trịnh Hi Công chết, các Công

Tử họp lại mưu giết Tử Tứ. Tử Tứ biết, mới hành động trước. Mùa hạ, tháng tư, ngày Canh Thìn, buộc vào tội để giết Tử Hồ, Tử Hư, Tử Hầu, Tử Đình. Hai con của Tử Hồ là Tôn Kích và Tôn Ác chạy trốn sang Vệ.

Công Thị - Giặc chưa trị sao lại chép lễ táng. Vì Trung Quốc mà kiêng.

Xét - Trịnh Hi Công bị giết, Kinh đã theo phó mà chép là "tốt", là mất thì sau cứ chép lễ táng là phải.

鄭人侵蔡獲公子燮

TRỊNH NHÂN XÂM SÁI HOẠCH CÔNG TỬ TIẾP

NGƯỜI TRỊNH XÂM NƯỚC SÁI BẮT ĐƯỢC CÔNG TỬ TIẾP

Tả Thị - Ngày Canh Dần, Tử Quốc, và Tử Nhĩ, nước Trịnh, xâm nước Sái, bắt được Tư Mã Sái là Công Tử Tiếp. Người Trịnh đều mừng. Duy có Tử Sản là không vui nói: "Khi một nước nhỏ như nước ta, không có đức về văn, chỉ có công về vũ, là sắp bị họa to. Nước Sở mà lại trị tội, liệu ta không theo Sở được không. Nếu ta theo Sở thì quân Tấn tới, Tấn và Sở rồi cùng đánh Trịnh. Từ nay, trong bốn, năm năm Trịnh sẽ không yên". Tử Quốc (bố Tử Sản) mắng: "Mày biết gì. Nước đã có vua, có Chính Khanh, con nít nói dại dột, liệu mà chết đấy".

Công Thị - Việc xâm này, chép bắt được là thế nào. Trong việc xâm, mà chép hoạch, bắt được, là may mà được.

Cốc Thị - Dùng chữ nhân, người, Trịnh nhân, là khinh. Xâm là việc kém. Mà bắt được là vì Công Tử hèn kém.

Đỗ Dự - Trịnh xâm Sái, là muốn nịnh Tấn. Đã không có lệnh của Tấn, lại không có cớ, chủ thì còn bé, mà đã động binh, làm việc vô mưu, gây lo cho nước. Cho nên chê, mà chép là nhân, là người.

季孫宿會晉侯鄭伯齊人宋人衛人邾人于邢邱

QUÍ TÔN TÚC, HỘI TẤN HẦU, TRỊNH BÁ, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, CHÂU NHÂN VU HÌNH KHƯU

QUÍ TÔN TÚC HỘI TẠI HÌNH KHƯU, TẤN HẦU, TRỊNH BÁ, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI CHÂU

Tả Thị - Tháng 5, ngày Giáp Thìn, hội tại Hình Khưu để ra lệnh, số triều sính được hạn định cho các đại phu chư hầu được biết mà tuân theo. Lỗ Quí Tôn Túc, Tề Cao Hậu, Tống Hướng Thú, Vệ Ninh Thực, Châu đại phu, tất cả hội họp. Trịnh Bá hiến được các đồ vật của địch cho hội nên thân hành đến hội. Kinh không chép các đại phu là tôn Tấn Hầu.

Cốc Thị - Nhận thấy Lỗ thất chính rồi. Có Lỗ Công mà lại có đại phu cùng hội.

Hồ Truyện - Đại phu chép là người, nhân, là chê. Xưa Chu Công, dạy Thành Vương để coi chính lấy, phải viết ra những thiên vua thân coi chính.

Xét - Không tự coi mình chính, mà giao cho quan, thế là đem của quý của nước, giao cho người ta, mà lại không biết là quý. Triều Sính là các việc lớn trong nước. Rất phiền nhọc vua chư hầu. Lại sai đại phu nghe lệnh, thế là không kén người bằng đức, mà bằng yêu quí chốc lát. Sai đại phu cầm quyền chính, mà chư hầu đến mất nước, đâu có phải là yêu quí. Sau đây tám năm, ở hội Xú, hội Lương, Điệu Công vừa mất, các vua chư hầu đều có mặt, mà riêng đại phu thề, vua chỉ là bị vị, đâu có phải một sớm một tối mà thành như thế. Cho nên, việc Hình Khưu, Lỗ Công ở Tấn, mà Quí Tôn Túc dự hội, biết ngay là Lỗ đã mất chính từ đấy. Đại phu của chư hầu bị chê, mà chép là nhân, là người, là ý cẩn thận từ lúc khởi thuỷ.

Khổng Dĩnh Đạt - Lỗ Công tháng giêng sang Tấn. Sau hội này mới chép là Lỗ Công về. Vậy Tấn Hầu tới hội rồi Lỗ Công

về Lỗ. Thế là Quí Tôn theo Lỗ Công sang chầu Tấn rồi theo Tấn phó hội.

Trác Nhĩ Khang - Hội Hình Khưu, là để ra lệnh các kỳ triều sính. Hồ Truyện mà bàn là phiền chư hầu, sai đại phu nghe lệnh, yêu quí chốc lát, bàn thế là sai. Đây chính là Điệu Công đối người cẩn thận, nghiêm trọng. Vua chư hầu với ta là ngang hàng. Duy chỉ có đại phu là phải nghe lệnh. Vua ra lệnh, đại phu nghe, theo. Nghe thì được. Không nghe thì bị bắt. Phép của ta, ta vẫn thi hành được. Thế của họ, ta cũng chịu được. Không bên nào mất vẻ tôn trọng. Đối với chính thể, thế là tiện. Dù có Lỗ Tương Công đang ở Tấn, cũng không sai tới dự hội. Thế là quý Lỗ Tương Công.

Xét - Hội Hình Khưu, rất phiền các vua chư hầu, mà còn sai các đại phu tới nghe lệnh. Hồ Truyện cho là lối yêu quý người trong chốc lát, không tự làm chính, mà giao chính cho hạ thần. Đó là lối bàn lặt vặt. Điệu Công sửa soạn nghiệp Bá đâu có bỏ quyền mà đem giao cho kẻ dưới. Trác Nhĩ Khang bàn: đối đãi với người cẩn thận, nghiêm trọng, bàn rất đúng, thuyết nghe phải. Nay cứ giữ cả. Cốc Lương bàn nay có Lỗ Công ở hội, mà đại phu Lỗ dự, Đỗ Chú, Khổng Sớ cũng bàn thế. Xét Quí Tôn theo Lỗ Công sang chầu Tấn, rồi từ Tấn mà tới Hình Khưu, Kinh Xuân Thu ở sau thời gian hội mới chép Công tự Tấn về, thế thì lúc Quí Tôn, đi tới hội, Lỗ Công vẫn cứ ở Tấn. Lưu Sưởng bàn là Lỗ Công đã về mà sai Quí Tôn, bàn thế chưa xuôi.

公 至 自 晉
CÔNG CHÍ TỰ TẤN
LỖ CÔNG TỰ TẤN VỀ

莒 人 伐 我 東 鄙
CỬ NHÂN PHẠT NGÃ ĐÔNG BỈ
NGƯỜI CỬ ĐÁNH PHÍA ĐÔNG BIÊN GIỚI NƯỚC LỖ TA

Tả Thị - Người Cử đánh biên giới phía đông nước ta, về việc chia định ranh giới nước Tăng.

秋九月大雩

THU, CỬU NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG 9, LỄ CẦU ĐẢO

Tả Thị - Mùa thu, tháng 9, lễ cầu đảo. Đại hạn.

冬楚公子貞帥師伐鄭

ĐÔNG, SỞ CÔNG TỬ TRINH SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, SỞ CÔNG TỬ TRINH CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, Tử Nang nước Sở, đánh Trịnh, trị về tội Trịnh đi xâm nước Sái. Tử Tứ, Tử Quốc, Tử Nhĩ, muốn theo Sở, Tử Khổng, Tử Kiều, Tử Triển, muốn đợi Tấn. Tử Tứ nói: "Trong Chu Thi có câu: Đợi nước sông Hoàng trong, đời người được bao lâu. Đã bói nhiều, đã đoán nhiều, nhiều thầy thối ma. Đại gia bàn luận, dân gian chia rẽ. Mọi việc đều không xong. Tình thế cấp bách. Lúc này ta hãy tạm theo Sở để được tạm yên. Quách Tấn tới, ta lại theo. Tích sẵn lễ vật để biếu dâng kẻ tới, tiểu quốc như nước ta là phải như thế. Chọn sẵn bò heo, châu ngọc, vóc lụa, chực hai bên biên giới bắc nam (Tấn, Sở) sẵn sàng. Thù dịch ta chắc không hại dân, dân không khổ. Hành động như thế có hơn không".

Tử Triển nói: "Nước nhỏ thờ nước lớn, cần phải có tín. Khi nước nhỏ không giữ lời, thế là chiến tranh, thế là hỗn loạn, rồi tới bại vong. Ta đã hẹn với Tấn sau trước năm hội, mà nay ta sai hẹn, thì Sở cho có cứu ta, liệu có ích gì không? Tấn thân với ta mà đã không xong, thì Sở sẽ kiêm tính đất nước ra cho thuộc vào nước Sở. Vậy ta không theo Sở được. Không bằng cứ đợi Tấn cứu. Vua Tấn ngày nay thông minh, bốn đạo quân không thiếu, tám vị chỉ huy hòa hợp. Nhất định là Tấn không bỏ Trịnh. Quân Sở đi xa mới tới Trịnh, lương thực gần hết, chắc là phải chóng về. Có gì là lo. Tôi nghe nói: không sức nào mạnh bằng đức tin. Ta cố thủ để làm nhục Sở. Cố giữ lời để đợi Tấn. Như thế có hay không".

Tử Tứ nói: "Trong Kinh Thi có câu: Bầy mưu thì nhiều, làm việc thì không có ai. Bàn ra bàn vào đầy triều. Ai dám giữ trách nhiệm thi hành. Y như những người bàn việc đi đường mà rồi không bước lên một bước. Tôi đề nghị theo Sở. Tôi xin chịu trách nhiệm". Thế là vua Trịnh hòa với Sở. Sai Vương Tử Bá Biền báo cáo cho Tấn Hầu rằng: Nhà vua đã ra lệnh cho nước tôi sửa soạn binh xa, chiến cụ, để trừng phạt kẻ phản loạn. Dân Sái không theo. Dân tôi không dám ở yên, phải thu thập hết người, của, để trừng phạt Sái, bắt được Tư Mã Tiếp, dẫn tới nộp ở Hình Khưu. Ngày nay, Sở đem quân tới hỏi tại sao dám đánh Sái. Sở đã đốt các đồn ải, phá hủy thành quách. Dân, vợ chồng, con cái, không tìm được nơi nghỉ, không cứu giúp được nhau. Sở phá huỷ, không còn nhờ cậy vào đâu. Nhà nào cha con, anh em cũng có người chết, không còn nhờ cậy vào đâu. Dân đau khổ đành phải nhận thề với Sở. Tôi còn nhỏ tuổi, cùng với các quan, không ngăn được, xin cáo trình.

Tri Vũ Tử (Tấn Tuân Anh) sai chức Hành nhân là Tử Viên trả lời vua Trịnh: Vua Sở đã tới. Nhà vua không sai sứ cho quả quân tôi biết, vội theo Sở để mong tạm yên. Thế là ý nhà vua, còn ai dám trái ý. Quả quân tôi sẽ gióng giả chư hầu tới thăm dưới chân thành. Xin nhà vua nghĩ kỷ"

晋 侯 使 士 丐 來 聘

TẤN HẦU SỬ SĨ CÁI LAI SÍNH

TẤN HẦU SAI SĨ CÁI TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Phạm Tuyên Tử nước Tấn, tới lễ sính để đáp lễ Lỗ Công đã tới chầu và báo cho biết Tấn sẽ đánh Trịnh. Vua Lỗ thết tiệc. Trong việc, Tuyên Tử đọc bài thơ: Thiệu Nam, Siếu Hữu Mai. Quí Vũ Tử nói: "Ai dám trái lệnh Tấn. Đại phu quí vua như cây mai, quả nhân được gần, lẫn được hương vị, còn trái ý nhà vua sao được". Vũ Tử đọc bài: Tiểu Nhã Giốc Cung. Đến khi khách sắp rời khỏi điện, Vũ Tử đọc bài Đồng Cung. Tuyên Tử nói: "Sau trận Thành Bộc, tiên quân tôi (Văn Công) hiến người, vật lấy được cho vua Tương Vương tại Hành Ung, và được

vua ban cho Đồng Cung, đến nay còn truyên giữ được. Ông tôi được Văn Công phong chức, chức đó nay tôi vẫn giữ. Tôi đâu dám không trình lại cho quả nhân tôi, ý ngài nhắc trong bài Đồng Cung".

Người quân tử cho là Tuyên Tử biết giữ lễ.

Năm Đinh Dậu. Vua Linh Vương năm thứ 8.

九 年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Điệu, năm thứ 9. Tề Linh năm thứ 18. Vệ Hiến, năm thứ 13. Sái Cảnh, năm thứ 28. Trịnh Giản, năm thứ 2. Tào Thành, năm thứ 14. Trần Ai, năm thứ 5. Kỷ Hiếu, năm thứ 3. Tống Bình, năm thứ 12. Tần Cảnh, năm thứ 13. Sở Cung, năm thứ 27. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 22.

春 宋 災

XUÂN, TỐNG TAI

MÙA XUÂN, TỐNG CÓ HỎA TAI

Tả Thị - Năm thứ 9, mùa xuân, Tống có hỏa tai. Nhạc Hỷ giữ chức Tư Thành mới đặt ra các điều lệ về hỏa hoạn. Cho Bá Thị giữ chức Tư Lý (như chức thiên hộ đời sau) để coi việc hủy bỏ các nhà nhỏ. Các nhà lớn thì cho trát thêm hồ vữa vào vách, trong các xóm chưa bị hỏa hoạn. Cho phân phát, thúng, sọt, xe, để chở đất vò, vại để chứa nước, chia công dịch tùy theo tài lực mỗi người, dành các nơi chứa nước, chứa bùn, đặt phu điếm, phu canh, từng khu vực canh phòng để giữ gìn báo cáo khi lửa cháy. Sai Hoa Thần dự sẵn số người để các đồn trưởng đem đến nơi bị cháy. Sai Hoa Duyệt trông coi bọn cai phía hữu. Hướng Thú trông coi bọn cai phía tả. Sai Nhạc Thuyên trông coi các vật liệu, các thư tịch hình luật. Sai Hoàng Vân trông coi Ngự Xa, bắt các đương chức đem xe ra ngoài, đem ngựa ra ngoài để tránh

lửa và giữ kho áo giáp, binh khí, đặt quân canh gác những lúc đó. Sai Tây Sử trông coi thư tịch trong sáu kho, và trông coi các hoạn quan, vệ sĩ. Các chỉ huy Tả quân, Hữu quân phải sai bọn đồn trưởng cung cấp các thứ cần thiết. Các quan coi việc bói toán, lễ nghi, phải cúng tế các thứ đã định sẵn ở cửa Tây trong miếu Bàn Canh. Vua Tấn hỏi Sĩ Nhược rằng: Tôi nghe nói lần này hỏa tai ở Tống là thiên tai. Tại sao thế? Đáp: "Trước kia, khi đại phu coi về Hỏa Chính (công việc lửa) chết đi, thì được cúng tế, lễ với sao Tâm, hoặc sao Chu, tùy thời dân làm lễ dóm lửa, tắt lửa. Vì thế, sao Chu lại có tên là Thuần Hỏa, mà sao Tâm lại có tên là Đại Hỏa. Dưới đời Đào Đường Nghiêu, đại phu hỏa chính là Yên Bá, con Cao Tân, nhà ở Thương Khưu, tế sao Đại Hỏa, và soạn định các thời dân được dóm lửa, tắt lửa. Đến đại phu Tương Thổ (thủy tổ triều đại Thương Ân) nối chức cũng bắt chước Yên Bá. Vì thế triều đại Thương tế sao Đại Hỏa. Nhà Thương nhận thấy rằng những thời hay sinh tai nạn thường bắt đầu lúc sao Hỏa mọc buổi chiều, khi mặt trời lặn rồi. Thế là dần dần biết rằng, hỏa hoạn là tự trời định". Vua hỏi: Có phải là lệ nhất định không. Đáp: "Việc gì cũng tùy theo chính phủ. Khi nước loạn, thì trên trời không có tượng gì hiện ra. Vậy không biết trước được hỏa hoạn".

Công Thị - Tại sao khi thì chép là tai, khi thì chép là Hỏa. Lớn thì gọi là tai, nhỏ thì gọi là Hỏa. Trong nước không chép là Hỏa, vì cho là quan trọng. Tại nước ngoài không chép mà đây chép là vì dòng giống vương giả.

Cốc Thị - Tại nước ngoài, không ghi. Đây ghi vì là nước Tống.

Xét - Tai ở Tống, thì chép là vì Tống báo cáo, cứ như Đỗ Dự bàn là phải. Công Thị, Cốc Thị bàn rằng, tại nước ngoài không ghi, bàn thế sai. Bảo rằng Tống là con cháu triều đại Thiên Tử, cho nên Khổng Tử chép, bảo như thế là xuyên tạc. Năm thứ 18 Chiêu Công, các nước Vệ, Trần, Trịnh cùng với Tống cùng một ngày có hỏa tai, nếu quả như lời bàn của Công Thị, Cốc Thị, thì Kinh Xuân Thu chỉ ghi nước Tống thôi, sao lại nói cả bốn nước.

夏 季 孫 宿 如 晉

HẠ, QUÍ TÔN TÚC NHƯ TẤN

MÙA HẠ, QUÍ TÔN TÚC SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Quí Vũ Tử sang Tấn, đáp lễ sính của Tuyên Tử.

Cao Kháng - Lỗ Công chầu Tấn thì Tấn lễ sính. Thế mà lại đáp lễ lại, thì biết Lỗ thờ nước lớn rất chăm.

五 月 辛 酉 夫 人 姜 氏 薨

NGŨ NGUYỆT, TÂN DẬU, PHU NHÂN KHƯƠNG THỊ HOĂNG

THÁNG NĂM, NGÀY TÂN DẬU, PHU NHÂN LÀ KHƯƠNG THỊ MẤT

Tả Thị - Mục Khương mất tại Đông Cung. Khi trước, Phu nhân rời cung mình, để tới ở Đông Cung thì có bói được quả Cấn, ăn vào con số tám. Quan Bốc Sử đoán: "Cấn biến thành quẻ Tùy. Tùy tượng trưng việc ra đi. Phu nhân sẽ ra khỏi nơi này. Mục Khương nói: "Không phải. Trong Kinh Chu Dịch có nói: Tùy là lớn, hạnh thông có lợi, chắc chắn, không có hại. Lớn là gì? Là người có thể cách. Hạnh thông là gì? Là gồm đủ đức hay. Lợi là gì? Là làm đủ bổn phận. Trịnh là gì? Là các hành động, giữ điều không sai. Thể cách có đủ, thì trị được dân. Có đức hay thì mới đúng theo nghi lễ. Làm đủ bổn phận thì biết giữ công bình. Hành động giữ đều không sai, thì mọi việc đều không hỏng. Nhưng bốn nết đó đều phải thực là có, chứ đừng là giả tạo. Vậy "tùy" nghĩa là không bị trách dù rằng "tùy" cũng có nghĩa xấu, nếu thiếu bốn nét. Tôi là đàn bà, trong thời loạn, ở vị kém (vì là đàn bà), mà lại không có nhân, không đáng gọi là lớn, là có thể cách. Tôi không làm cho nước được yên, nhà được hòa, thì không thể bảo được là tôi gồm đủ cả đức hay, tức là "hạnh". Xét hành động tôi còn hại cả cho tôi, thì không thể bảo là tôi làm đủ bổn phận. Quên địa vị, tôi có những việc

xấu, không thể bảo là tôi đã chắc chắn. Người nào có đủ bốn nết mới thực là "tùy", là "vô cửu". Tôi chả được gì, sao gọi là tùy. Tôi đã xấu sao được là vô cửu. Chắc chắn là chết ở đây không đi ra ngoài được".

Phụ lục Tả Truyện - Tần Cảnh Công sai Sĩ Khiên xin quân Sở giúp để đi đánh Tấn. Sở Tử hứa cho. Tử Nang nói: "Không nên. Lúc này ta đừng tranh với Tấn. Vua Tấn biết chọn người để giao công việc. Mỗi công vụ có một điều lệ. Các quan biết nhường chỗ cho người có đức có tài hơn. Các đại phu chuyên cần về công việc đã được giao phó. Tướng tá dưới cố theo lệnh trên. Dân nông chăm nghề nông. Công thương cứ giữ nghiệp cũ. Hàn Quyết đã già, thì có Trí Anh dư chính để thay. Phạm Cái trẻ hơn Trung Hàng Yển, mà Yển đặt Cái lên trên, làm Phó Trung quân. Hàn Khởi trẻ hơn Loan Yếm, thế mà Loan Yếm và Sĩ Phường đặt lên trên, làm Phó Thượng quân. Ngụy Giáng công nhiều, cho Triệu Vũ là nhiều hơn, đặt Vũ chỉ huy Tân quân, mình làm phó, Vua Tấn thông minh, các quan trung trực. Người trên biết nhường, người dưới chăm việc. Lúc này, không địch với Tấn được, cứ theo đã, rồi sau sẽ liệu". Vua Sở nói: "Tôi đã hẹn cho viện binh. Dù ta có kém Tấn, cũng cứ phải cho quan ra trận". Mùa thu, vua Sở họp quân tại Vũ Thành, để giúp Tần. Quân Tần tràn vào Tấn. Tấn đang bị đói, không báo được.

秋八月季未葬我小君穆姜

THU, BÁT NGUYỆT, QUÍ MÙI, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN MỤC KHƯƠNG

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY QUÍ MÙI, LỄ CHÔN TIỂU QUÂN NƯỚC TA LÀ MỤC KHƯƠNG

Gia Huyền Ông - Mục Khương vì Hàng Phủ giam giữ mà chết. Nước Lỗ là nước lớn, mà không có một Dĩnh khảo Thúc để làm cho vua tỉnh ngộ, là vì họ sợ Quí Tôn. Hàng Phủ lấy đồ tang cụ của Mục Khương mà chôn Tề Khương. Tâm như thế là đáng trị tội.

冬公會晉侯宋公衛侯曹伯莒子邾子
滕子薛伯杞伯小邾子齊世子光伐鄭
十有二月己亥同盟于戲

ĐÔNG, CÔNG, HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG, PHẠT TRỊNH. THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỶ HỢI ĐỒNG MINH VU HỶ

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH, THÁNG 12, NGÀY KỶ HỢI, ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT HỶ, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, chư hầu đánh Trịnh. Ngày Canh Ngọ, Quí Vũ Tử, Tề Thôi Trữ, Tống Hoàng Văn, theo Tuân Anh, Sĩ Cái nước Tấn, đến vây cửa chuyên môn, đô thành nước Trịnh. Bắc Cung quát nước Vệ, người Tào, người Châu, theo Tuân Yển, Hàn Khởi nước Tấn tới vây cửa Sư Chi Lương. Người Đằng, người Tiết theo Loan Yếm, Sĩ Phường tới vây cửa Bắc môn. Người Ký, người Nghê, theo Triệu Vũ, Nguy Giáng, chặt các cây lật ở dọc đường để lấy đường đi. Ngày Giáp Tuất, quân tới đất Phiếm. Lệnh ra cho chư hầu rằng: "Sửa soạn binh khí, chiến cụ, sửa soạn các bao túi lương khô, cho người già, con nít ra về, để bọn ốm yếu lại đất Hổ Lao. Tha cho những kẻ vô ý thức phạm lỗi. Cùng tới vây thành Trịnh đô".

Dân Trịnh sợ xin hòa.

Trung Hàng Hiến Tử bàn: Ta vây thành Trịnh. Đợi Sở tới cứu Trịnh. Ta đánh cả quân Trịnh, quân Sở, nếu không, thì không thành được việc gì.

Tri Vũ Tử bàn: Ta hãy cho Trịnh hòa, rồi lui quân, để cho Sở yếu thế. Rồi ta chia quân đội làm ba toán, hợp với quân tinh

nhuệ của các chư hầu, ta chống lại Sở. Ta thì không có gì là khó nữa, mà Sở yếu hẳn, không làm gì được. Như thế hơn là chiến, bộc lộ xương cốt không phải là việc hay. Đã lao khổ thì không yên được. Quân Tử thù lao tâm, tiểu nhân thì lao lực. Đó là lệ các tiên vương đặt ra.

Chư hầu, ý không muốn chiến, đều hứa cho Trịnh hòa.

Tháng 11, ngày Kỷ Hợi, đồng minh tại đất Hý. Trịnh theo. Khi tới thề, vua Trịnh có tùy tùng là sáu vị Khanh: Công Tử Phi, Công Tử Phát, Công Tử Gia, Công Tôn Tiếp, Công Tôn Mại, Công Tôn Sá Chi, cùng với các đại phu, các con đại gia, Tấn, Sĩ Trang Tử làm khoán ước: "Từ ngày nay, sau khi đã thề, nếu nước Trịnh không theo lệnh nước Tấn, hoặc đổi chí hướng thì trời trừng phạt y như lời thề". Công Tử Phi vội bước lên nói: "Trời đã gieo họa cho nước Trịnh, khiến cho ở giữa hai nước lớn không lấy đức đối xử cứ dùng binh lực để bắt buộc phải theo, khiến cho thần linh không còn được hưởng tế tự, dân không được hưởng hoa lợi, ngay đến cảnh vợ chồng bị khổ sở, cũng không còn nơi nương tựa. Từ ngày hôm nay nếu nước Trịnh mà không phục tòng nước nào mạnh hơn, nếu nước Trịnh không theo nước nào che chở được dân Trịnh, nếu lại còn thay đổi ý kiến đó, thì trời trừng trị như lời thề".

Khoán ước ký xong, Tuân Yển bàn: Nên thay đổi lời. Công Tôn Sá Chi nói: "Đã đọc trước thần linh. Nếu ta đổi được, thì Trịnh cũng có thể phản nước lớn được". Tri Vũ Tử báo Hiến Tử rằng: "Ta thực thiếu đức, mà bắt người thề, đâu có phải là lễ, thì lấy gì làm chủ việc thề. Hãy tạm thề rồi rút lui, để sửa đức, yên việc binh, rồi trở lại, chung quy, sẽ được Trịnh, cứ gì phải vội vàng ngay bây giờ. Ta mà thiếu đức, thì dân bỏ ta, cứ gì một nước Trịnh. Ví bằng đặt lại được hòa bình, thì các nước xa cũng đến với ta. Sao ta lại cứ trông mong vào một Trịnh".

Thế là hòa ước được để nguyên. Quân đội Tấn rút lui. Người Tấn chưa được đắc chí với Trịnh, lại cùng chư hầu tới đánh Trịnh. Tháng 12, ngày Quí Hợi, quân Tấn vây ba cửa thành Trịnh. Tháng 12 nhuận, ngày Mậu Dần, quân sang qua sông Âm Phản, tràn vào Trịnh, đình tại Âm Khẩu rồi lui về. Trịnh Tử Khổng

nói: Lúc này nên đánh Tấn. Từ lâu, Tấn dùng quân đã mỏi mệt, cứ muốn nghỉ. Nhất định ta thắng. Tử Triển nói: Không nên.

Phụ lục Tả Truyện - Ở Trịnh về, Lỗ Công theo tiễn Tấn Hầu, cùng yến tiệc trên bờ sông Hoàng. Tấn Hầu hỏi tuổi vua Lỗ. Quí Vũ Tử đáp: Quả quân sinh năm hội Sa Tùy, Tấn Hầu nói: Thế là vừa đúng 12 năm. Một quốc quân, 15 tuổi có con, làm lễ đội mũ trước khi có con. Đó là theo tục lệ. Nên để cho vua Lỗ làm lễ đội mũ. Sao đại phu chưa sửa soạn lễ đó. Vũ Tử đáp: Khi vua làm lễ gia quân, thì phải tâu trình nhà Thái miếu, có tấu nhạc, có chuông khánh. Mà phải đội mũ ở nhà Thái miếu. Hiện nay, quả quân đang đi đường, chưa có đủ đồ dùng làm lễ. Khi nào về tới một nước trong hàng thân thích, chúng tôi xin mượn các đồ về nghi lễ. Vua Lỗ đi về đến đất nước Vệ. Đến đó, mượn các đồ chuông khánh, làm lễ đội mũ trong miếu Thành Công. Tất cả nghi lễ đều được theo.

Cốc Thị - Không nói riêng nước Trịnh. Cho là đã phục được Trịnh. Không chép "từ hội về",là vì cho việc không giữ được Trịnh là xấu.

Lã Đại Khê - Xét Tả Thị, việc đồng minh tại đất Hý, Trịnh có dự. Trước kia hội thề ở Kha Lăng cũng là họp sau việc đánh Trịnh. Vậy chưa biết Trịnh đã phục chưa. Nay cứ xét trong Kinh, sau việc thề ở Kha Lăng, chư hầu lại đánh Trịnh, thế là chưa đắc chí ở Trịnh. Sau hội thề ở Hý, vua Sở đánh Trịnh, Trịnh phục hay không ta đã rõ. Năm thứ 11, đồng minh tại phía bắc thành Bạc, Trịnh cũng chịu thề. Hội ở Tiêu Ngư, cũng ở đó Trịnh Dự. Các hội có được chép, ngay sau việc Trịnh bị đánh. Cứ so sánh các việc thì hiểu ý, nghĩa rõ ràng.

Uông Khắc Khoan - Thời Tề Hoàn, cốt ở việc phục nước Sở. Thời Tấn Văn, cốt ở việc thắng Sở. Thời Tấn Điệu, cốt ở việc làm cho Sở yếu. Xét, trước việc Thiệu Lăng, Sở đem quân đánh Trịnh. Rồi đến việc đình quân tại đất Hình, mà Khuất Hoàn tới thề, thế là Trịnh thôi không bị nạn Sở nữa. Trước việc Thành Bộc, Sở diệt Hoàng, mà bị Bá chủ không cứu nổi, đánh thua nước Từ mà các tướng không biết cứu, bắt minh chủ giữa hội mà chư hầu ở hội không dám can thiệp. Đã thế, lại đóng

quân tại Cốc, áp bức nước Tề, họp quân vây Tống huy động khắp các nước. Đến khi Đắc Thần thua, quân tan vỡ, rồi Sở Quân mới chịu phục. Kịp đến sau khi Tấn đánh được Bí, Sở lại xâm lăng phía bắc, đã lấy hết đất nước Trần, lại tràn vào nước Trịnh, lại diệt nước Tiêu, vây nước Tống, ở hội Thục ngang nhiên cho đại phu làm chủ hội minh với chư hầu, mà trong hội ngồi nghe lệnh có 11 nước, cuối cùng coi Trịnh như là của mình rồi. Lệ Công được trận ở Yển Lăng, ba lần giả mệnh vua để phạt Trịnh, mà cũng không phục được Trịnh. Điệu Công khôi phục nghiệp Bá, Trịnh năm lần dự hội mà vẫn phản bội. Điệu Công muốn tràn vào Hán Thủy, Phương Thành, nối công nghiệp cứu nước Hình của Tề Hoàn, thì Sở đã dần dần cường thịnh, không chịu phục tòng theo nghĩa, mà trận Xử Phủ không đủ để khuất phục sức mạnh. Muốn cùng Sở quyết thắng để phục lại công nghiệp Tấn Văn Công ở trận Cốc xưa thì e xương cốt bộc lộ sa trường, có được cũng không hơn gì. Trận thắng ở Yển Lăng của tiên quân không đủ để người tâm phục. Thế là mấy lần đánh Trịnh, mà không cùng Sở chiến, để cho người Sở khó nhọc, theo tranh đấu, mà cứ vẫn không tranh nổi Trịnh, thành ra làm giảm được nhuệ khí hung hăng của Sở, làm cho hết cái chí ngang ngược. Sau đời Hoàn, Văn, như thế cũng là thịnh rồi. Cho nên ở đất Hý, ở đất Bạc Bắc mà chép là đồng minh là để cho rõ Trịnh phản phúc và hội Tiêu Ngư đặc biệt chép là để cho rõ Trịnh phản phúc và hội Tiêu Ngư đặc biệt chép là để rõ việc hay. Tuy nhiên, khi Điệu Công bốn lần thân hành đi đánh Trịnh, duy có hội thề ở Hý là không chép chữ chí, là nhân lời Tử Tứ nói mà bất đắc chí ở Trịnh, cho nên không chép chữ chí. Vì thế, lời Cốc Lương bàn có câu xấu hổ không giữ nổi được Trịnh cũng như hội Vi mưu về Trần rồi không xong cho việc cứu Trần, thành ra cũng không chép chữ chí. Điệu Công nhiều lần họp chư hầu, riêng ở hội Vi, hội Hý, là không có chép chí. Xuân Thu đâu phải là vô ý thức.

楚 子 伐 鄭

SỞ TỬ PHẠT TRỊNH

NƯỚC SỞ PHẠT NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Nước Sở phat nước Trịnh, Trịnh Tử Tứ muốn hòa với Sở. Tử Không và Tử Kiều nói: Vừa mới hòa với một đại quốc, miệng chưa ráo huyết thề, sao đã bội hòa. Tử Tứ, Tử Triển nói: Trong khoán ước có viêt là ta chỉ theo nước nào mạnh. Vậy nay quân Sở tới, Tấn không cứu, thế là Sở mạnh. Ta có bội ước đâu. Vả lại, minh ước thiếu phần chính, thần linh không chứng giám. Phần chính là chữ tín. Tín là đầu mối lời hứa hẹn, mà là chủ một việc lành. Cho nên thần linh chứng giám. Một minh ước thần linh không chứng giám là có thể bỏ được.

Thế là cùng Sở hòa. Công Tử Bãi Nhung nước Sở dự thề tại đất Trung Phần, (tên một nơi trong quốc đô Trịnh), Sở Trang Phu nhân mất, Sở Vương chưa định xong công việc Trịnh, vội về Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu khi về đến quốc đo, bàn kế làm cho dân yên. Ngụy Giáng xin thi ân ban thưởng. Các kho tàng tích trữ, từ của vua quan trở đi, đều đem ra dùng, trong nước không còn vật tích trữ, không còn người dân khốn đói. Ra lệnh tha hồ sinh lợi, thành ra không còn dân nghèo. Tế tự không dùng tam sinh, chỉ dùng lụa. Khách tới chỉ dùng một sinh. Đồ dùng không chế thêm. Xe cũ sửa lại, không đóng xe mới. Hết một năm, nước được chỉnh đốn, trải ba lần có chiến sự, mà vẫn đủ, Sở không tranh nổi.

Năm Nhâm Tuất - Vua Linh Vương, năm thứ 9.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tấn Điệu, năm thứ 10. Tề Linh, năm thứ 19. Vệ Hiến, năm thứ 14. Sái Cảnh, năm thứ 29. Trịnh Giản, năm thứ 3. Tào

Thành, năm thứ 15. Trần Ai, năm thứ 6. Kỷ Hiếu, năm thứ 4. Tống Bình, năm thứ 13. Tần Cảnh, năm thứ 12. Sở Cung, năm thứ 28. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 23.

春 公 會 晉 侯 宋 公 衛 侯 曹 柏 莒 子 邾 子 滕 子 薛 柏 杞 柏 小 邾 子 齊 世 子 光 | 吳 于

XUÂN CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG, HỘI NGỘ VU TRA

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG HỘI VỚI NGÔ TẠI ĐẤT TRA, (TRA Ở NƯỚC SỞ)

Tả Thị - Năm thứ 10, Mùa xuân. Hội tại đất Tra, là hội với vua Ngô, Ngô Tử Thọ Mộng. Tháng 3, ngày Quí Sửu, Cao Hậu, nước Tề, đi theo làm Phó cho Thế Tử Quang, trước ngày hội có tới họp chư hầu ở đất Chung Li gần đất Tra. Quang và Cao Hậu thiếu vẻ cung kính, Tấn Sĩ Trang Tử có nói : Cao Tử làm tướng lễ (Phó) cho Thái Tử để hội với chư hầu, là để bảo vệ xã tắc Tề, thế mà cả hai cùng thiếu cung kính, bỏ cả xã tắc, sẽ không khỏi tai họa. Mùa hạ, tháng tư, ngày Mậu Ngọ, hội tại đất Tra.

Cốc Thị - Hội rồi để, ngoài hội ấy ra, còn hội nữa.

Xét - Thời Tấn Điệu, Sở đương vượng, Tấn họp chư hầu để kìm Sở, còn sợ không đủ sức, mới giao hiếu với nước Ngô làm thế ỷ giốc. Đến khi Trịnh đã phục Tấn, mà Sở không dám tranh dành nữa thì Tấn thôi không thân với Ngô nữa. Cho nên Ngô đánh Sở khi Sở đang có tang. Phạm Tuyên Tử lấy cớ Ngô thiếu đức để rời Ngô. Thế là dùng Ngô mà không để cho Ngô dùng. Vua tôi Tấn đã có tính toán từ trước. Kẻ bàn mà cho là Điệu Công gây nghiệp Bá để Ngô dự hội là mang lụy, kẻ bàn như thế đã bàn sai.

夏五月甲午遂滅偪陽

HẠ NGŨ NGUYỆT, GIÁP NGỌ, TỤY DIỆT BỨC DƯƠNG

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY GIÁP NGỌ, RỒI DIỆT BỨC DƯƠNG

Tả Thị - Tấn Tuân Yển, Sĩ Cái xin đánh thành Bức Dương, một chư hầu nhỏ, và phong cho Hướng Thú nước Tống. Tuân Anh nói: Thành thì nhỏ mà kiên cố. Thắng được không oanh liệt gì. Mà không thắng được thì bị chê cười. Hai người cố xin. Ngày Bính Dần vây thành không lấy được. Gia thần họ Mạnh Thị nước Lỗ là Tần Cẩn Phủ kéo một chiếc xe chở đồ như một tên phu. Người Bức Dương tưởng là lương thực chuyển vận tới, mở cửa thành. Quân chư hầu ồ vào. Cánh cửa treo, rập xuống. Tướng, Thúc Lương Hột lấy đòn nâng được cánh cửa treo, quân lính chạy thoát ra được. Lỗ Địch Ty Di lấy một cái bánh xe ở xe lớn, phủ giáp vào, dùng làm mộc. Tay trái cầm mộc đó, tay phải cầm giáo, sông vào, sức bằng một đội quân. Mạnh Hiến Tử phải nói: Thực y như Kinh Thi nói, sức mạnh như hổ. Người trong thành treo một tấm vải giòng xuống đến chân thành. Cẩn Phủ trông thấy, chạy đến, leo lên gần mặt thành. Trên thành buông tay, Cẩn Phủ rơi xuống. Khi ngồi dậy được, lại leo lên. Lên xuống ba lần. Bọn bị vây chịu là giỏi, đem tấm vải diễu trước hàng quân để kích thích quân đội mình. Quân chư hầu thấy vây lâu rồi, Tuân Yển và Sĩ Cái xin với Tuân Anh rằng: Trời sắp mưa to, e rằng khó lui được. Xin lui trước, Tri Bá giận, ném một cái ghế ra, may lọt vào giữa hai người, rồi nói: Các ngươi mưu hai việc (lấy Bức Dương và cho Hướng Thú). Bàn định rồi mới cho ta biết. Ta e trái vua, phải ưng thuận. Các ngươi đã làm cho vua phải khó nhọc, đã để chư hầu hưng binh, đã bắt ta ngần này tuổi phải tới đây. Đã không thành được vũ công, lại muốn đổ lỗi cho ta, bảo là ta cho quân rút lui, nếu không thì các ngươi đã toàn thắng. Nếu trong bảy ngày, không lấy được thành ta sẽ bắt các ngươi. Đến tháng năm, ngày Canh Dần, Tuân Yển và Sĩ Cái cần đầu cánh quân mình đánh thành, liều chịu tên đạn, cứ xông vào. Ngày Giáp Ngọ, diệt được thành. Kinh chép "rồi diệt Bức Dương" là kể từ ngày hội ở đất Tra.

Tấn Hầu đem Bức Dương cho Hướng Thú. Hướng Thú chối từ nói: Nếu nhà vua còn nghĩ đến bình định nước Tống, thì xin cho quả nhân tôi. Quân thần sẽ được yên vui, còn gì bằng. Nếu đem cho thần làm của riêng, thế là thần đã làm nhọc chư hầu để được đất phong, còn tội nào to bằng. Xin chết cũng không dám nhận.

Tấn Hầu mới đem Bức Dương cho Tống Công. Tống Công thết tiệc Tấn Hầu tại Sở Khưu, xin cho đọc thơ Tang Lâm. Tuân Anh từ chối. Tuân Yển, Sĩ Cái nói: Trong các chư hầu chỉ có Lỗ và Tống là trong trường hợp này được dùng lễ nhạc đế vương. Vua Lỗ dòng dõi Chu Công có quyền dùng nhạc đế khi tiếp tân, khi tế tự. Nếu Tống Công dòng dõi vua Ân cho dùng nhạc Tang Lâm, trong bữa tiệc thết chư hầu thì cũng được chứ sao. Khi Chưởng ban nhạc xếp đặt các nhạc công để bắt đầu tấu nhạc và múa thì Tấn Hầu sợ mang tiếng là tiếm, mới lui vào phòng trong cho đến khi xong múa hát. Tiệc xong Tấn Hầu trở về Tấn.

Về đến Chước Ung đất Tấn, thì bị bệnh. Cho bói. Trong quẻ thấy chữ Tang Lâm. Tuân Yển muốn trở lại Tống để tế thần linh. Tuân Anh ngăn lại nói: Tôi đã từ chối ca vũ Tang Lâm. Vua tôi Tống cứ cho tấu nhạc. Nếu có lỗi thì lỗi về họ. Tấn Hầu đỡ dần. Khi về, đem theo Bức Dương Tử (Vua nước Bức Dương). Khi đem hiến vào miếu Vũ Cung thì gọi là Tù binh Di Địch (tránh gọi là người Trung Quốc). Chư hầu Bức Dương vốn dòng họ Vân. Muốn cho họ còn được nói dõi, Tấn Hầu có xin với quan Nội Sử triều Chu chọn cho một tên họ Vân đặt vào đất Hoắc Nhân nước Tấn, giữ việc thờ cúng. Thế là đúng lễ nghi.

Khi quân đội Lỗ trở về, Mạnh Hiến Tử phong cho Tần Cẩn Phủ làm Xa hữu. Cẩn Phủ có con là Phi Tử, học trò Khổng Tử.

Cốc Thị - Chữ tụy là rồi, là hết việc trước đến việc sau ý cho rõ là không theo di địch.

Uông Khắc Khoan - Nước Bức Dương và đất Tra đều ở vào huyện Bái là nơi sung yếu phía Bắc đường vào nước Ngô. Điệu Công hội Ngô tại đất Tra, mới mưu diệt Bức Dương để thông với Ngô. Khi Tề Hoàn làm Bá Chủ, thì diệt nước Đàm, nước Toại, hàng được nước Chương, thiên nước Dương. Khi Tấn Văn

làm Bá chủ thì bắt Tào Bá, đuổi Vệ hầu. Khi Điệu Công làm Bá, thì diệt Bức Dương, đều thấy không dấu được tội, cho nên Mạnh Tử bảo Ngũ Bá là tội nhân của Tam Vương.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỪ HỘI TRỞ VỀ LỖ

Công Thị - Hội với Di Địch thì không chép chữ chí (ẩm chí: lễ cáo miếu). Việc xấu không chí. Đây sao có chữ chí. Là ý công việc giữ gìn cho Trung Quốc. Trung Quốc có việc hay thì cùng chép ra, không có việc hay thì chép riêng ra, đều vẫn là giữ gìn cho Trung Quốc. Vội giúp Trịnh Bá, không như để Trần Hầu phải trốn về; hội ở Tra dùng chữ chí, tất cả đều là vì Trung Quốc.

楚公子貞鄭公子輒帥師伐宋
SỞ, CÔNG TỬ TRINH, TRỊNH CÔNG TỬ CHIẾP, SUẤT SƯ PHẠT TỐNG
CÔNG TỬ TRINH NƯỚC SỞ, CÔNG TỬ CHIẾP NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN ĐÁNH TỐNG

Tả Thị - Tháng sáu, Tử Nang nước Sở, Tử Nhĩ nước Trịnh, đóng quân tại đất Tí Vô nước Tống. Ngày Canh Ngọ, vây quốc đô, đánh vào cửa đông môn.

晉自伐秦
TẤN SƯ PHẠT TẦN
QUÂN TẤN ĐÁNH TẦN

Tả Thị - Tấn Tuân Anh đánh Tần, báo lại việc Tần xâm lăng trước.

Phụ Lục Tả Truyện - Vệ Hầu cứu Tống. Quân đóng tại đất Tương Ngưu. Trịnh Tử Triển nói: "Ta phải đánh Vệ, nếu

không, ta không phải là đồng minh với Sở nữa. Đã làm cho Tấn giận, nay lại làm cho Sở giận thì nước ta sẽ ra sao.". Tử Tứ nói: "Nếu ta có tội với cả hai nước lớn, Tấn và Sở, thì nước ta nguy vong. Thà chịu khổ còn hơn chết". Tất cả đại phu đều đồng ý. Cho nên Hoàng Nhĩ nước Trịnh cầm quân xâm nước Vệ theo lệnh nước Sở. Tôn Văn Tử nước Vệ bói xem có nên đuổi quân Trịnh không, rồi hỏi Định Khương mẹ vua Vệ. Khương Thị sai đoán. Đoán rằng: "Đây có hình hiện ra núi gò, thế là quân đi đánh mất tướng. Người bị đánh thì có lợi. Xin đại phu định liệu". Quân Vệ đuổi giặc. Tôn khoái (con Tôn Văn Tử) bắt được Trịnh Hoàng Nhĩ ở Phục Khưu.

Mùa thu, tháng 7, Tử Nang nước Sở và Tử Nhĩ nước Trịnh đánh vào biên giới miền tây nước ta. Khi về lại vây đất Tiêu nước Tống, ngày Bính Dần lấy được Tiêu. Tháng 9, Tử Nhĩ xâm biên giới phía bắc nước Tống. Mạnh Hiến Tử nói: Trịnh thế nào cũng bị trời ra tai, quân đội ngông nghênh. Ngay như nhà Chu giữa thiên hạ cũng không chịu đựng được chiến tranh luôn thế, huống chi là Trịnh. Khi có tai họa, bị trước nhất là ba tướng đang cầm quyền chính.

秋莒人伐我冬鄙

THU, CỨ NHÂN PHẠT NGÃ ĐÔNG BỈ

MÙA THU, NGƯỜI NƯỚC CỬ ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA ĐÔNG NƯỚC TA

Tả Thị - Người Cử nhân dịp chư hầu bận việc, mới đánh biên giới phía đông nước ta.

Uông Khắc Khoan - Cử nhiều lần cùng hội thề với tấn Điệu, mà nay nhân dịp đem quân đánh Lỗ, thật là không còn sợ hãi gì.

公 會 晉 侯 宋 公 衛 侯 曹 伯 莒 子 邾 子 齊 世 子 光 滕 子 薛 伯 杞 伯 小 邾 子 伐 鄭

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ TỀ THẾ TỬ QUANG, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, PHẠT TRỊNH

LỖ CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TỀ THẾ TỬ QUANG, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ ĐỂ ĐÁNH TRỊNH.

Tả Thị - Chư hầu đánh Trịnh. Thôi Trữ nước Tề sai Thái Tử Quang tới họp quân đội trước tiên, thành ra vị thứ trước Đằng Tử. Ngày Kỷ Dậu, quân tới Ngưu Thủ.

Uông Khắc Khoan - Tề Thế Tử Quang dự hội thề ở Khê Trạch, dự hội Thích để cứu Trần, dự hội thề ở Thích, dự hội Tra, tất cả đều xếp đứng dưới Tiểu Châu Tử. Duy năm đó, đánh Trịnh, xếp đứng trên Đằng, Tiết, Kỷ, Tiểu Châu. Mà truyện thì chép là Quang đến quân đội trước tiên. Năm sau hai lần đánh Trịnh lại xếp trên nước Cử, nước Châu. Truyện cũng lại chép: Tề Thế Tử Quang và Tống Hướng Thú tới nước Trịnh trước tiên.

Họ Đỗ cũng bảo là vì vị minh chủ tôn quý, cho nên xếp lên trên. Xét thế tử của chư hầu đã được sắc phong của Thiên tử để thay mặt vua bố thì dưới vua chư hầu một trật. Thế thì Thế Tử một vua chư hầu nên xếp dưới vua chư hầu tước Bá. Tề Quang chưa có mệnh Thiên Tử mà sao lại xếp trên các vua Tiết Bá, Kỷ Bá.

Năm thứ 15, Thành Công, Tống Thế Tử Thành xếp trên đại phu nước Tề. Năm thứ tư Chiêu Công, Tống Thế Tử Tá, xếp dưới Tiểu Châu Tử. Trước kia. Lỗ Thế Tử, mà xếp dưới Tử tước, thế là Thế Tử chưa có sắc phong của Thiên Tử, thì theo pháp chế, xếp dưới tước Tử, Tề Quang mà xếp trên chư hầu, thế là Tấn Hầu vì ý riêng, đặt ngược cho là các nước Cử, Châu, Tiết, Kỷ, đều nhỏ, hèn, còn Tề Quang, nước lớn mà mạnh, cho nên trái phép nhà Chu mà nâng lên. Huống chi, từ khi Điệu Công thành Bá chủ, Tử tước Cử, Tử tước Châu, thường ở trên Bá tước Kỷ.

Thế thì đẳng cấp không thể lấy chế độ cũ các tiên vương mà luận bàn. Cứ việc chép thẳng, nghĩa tự thấy rõ.

冬 盜 摋 鄭 公 子 騑 公 子 發 公 子 輒

ĐÔNG, ĐẠO SÁT TRỊNH CÔNG TỬ PHI, CÔNG TỬ PHÁT, CÔNG TỬ CHIẾP

MÙA ĐÔNG, CƯỚP GIẾT CÔNG TỬ PHI, CÔNG TỬ PHÁT, CÔNG TỬ CHIẾP NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Xưa, Tử Tứ có việc tranh chấp cãi cọ, với Uý Chỉ. Khi sửa soạn chống với quân chư hầu, Tử Tứ giảm số xe của Uý Chỉ. Uý Chỉ bắt được giặc. Tử Tứ lại nói: Xe của Ông quá số đã định. Rồi không cho Uý Chỉ dâng công lên vua. Xưa, lại còn viên Tử Tứ phân giới hạn đất ruộng mình bằng các đường khe ngòi, có lấn vào trong đất đai của các nhà Tư Thị, Đỗ Thị, Hầu Thị, Tử Sư Thị.. Năm nhà ấy họp lại thành đông người, ghét Tử Tứ. Lại thêm vào các nhà Công Tử bị Tử Tứ giết. Thế là cả bầy lũ họp lại để làm loạn.

Khi đó, Tử Tứ cầm đầu quyền chính. Tử Quốc giữ chức Tư Mã. Tử Nhỉ giữ chức Tư Không. Tử Không giữ chức Tư Đồ. Mùa đông, tháng 10, ngày Mậu Thìn, Úy Chỉ, Tư Thần, Hầu Tấn, Đỗ Nhữ Phủ, Tử Sư Bộc, dẫn một bọn cướp vào cung vua, ngay buổi sớm. Bắt Tử Tứ đang bàn việc ở phía tây trong cung, giết Tử Tứ, Tử Quốc, Tử Nhỉ, đem Trịnh Bá đặt vào gian phía bắc cung, Tử Khổng biết trước được thoát chết. Kinh Xuân Thu chép là đạo, là cướp, giặc, là biết rằng không có đại phu nào dự.

Tử Tây nghe có cướp, vội ra đi, không phòng bị. Trông thấy xác bố (Tử Tứ) mới truy nã cướp. Cướp chạy vào phía bắc cung, rồi lẩn vào các gian phòng, lấy đồ giáp mặc vào. Các tỳ thiếp nô bộc chạy cả. Đồ đạc, dụng cụ tan tành. Tử Sản (con Tử Quốc) nghe nói có cướp, sai đóng các cổng, ra lệnh cho các tướng sĩ đóng kho, phủ, thêm quân canh, xếp quân thành hàng đi ra. Mười bảy chiến xa được huy động. Trông thấy xác của cha. Cho quân đánh, vào mặt bắc. Tử Kiều, cùng với dân chúng giúp sưc, giết được Úy Chỉ và Tử Sư Bộc. Bọn cướp chết hết. Hầu Tấn chạy

sang Tấn. Đỗ Nhữ Phủ, Tư Thần, Uý Phiên và Tư Tề chạy sang Tống.

Tử Khổng cầm quyền chính (thay Tử Tứ). Thảo một văn sách điều lệ, chỉ định công việc của từng đại phu, không ai được lấn quyền ai và phải tuân lệnh Tướng quốc. Ý Tử Khổng muốn trừng trị bọn con các nhà đại gia không chịu tuân lệnh. Tử Sản can ngăn, xin đốt văn thư đi. Tử Khổng nói: "Không nên, tôi đã viết ra để việc trị nước được kỷ luật. Nếu đốt đi vì sợ dân chúng giận, thì ra dân chúng trị nước, như thế có khó không". Tử Sản nói: "Khó mà chống lại sự sôi nổi của quần chúng. Khó mà cho thi hành những lệnh mình làm ra lại không có ai giúp. Họp hai thứ khó ấy để mong lấy lại bình yên, thì nguy hiểm. Nên đốt đi để cho yên quần chúng. Thế rồi, ngài sẽ muốn gì được nấy, mà quần chúng thì được yên. Cách ấy có tốt hơn không. Người mà chỉ có một mình định làm việc thì không làm gì xong. Người mà chống lại quần chúng thì sẽ có tai nạn. Xin ngài nghe tôi. Tử Khổng đốt văn thư trước cửa Thượng Môn. Thế là quần chúng yên.

Cốc Thị - Gọi là cướp giết đại phu, là không nói người trên, vì ghét người trên.

Khổng Dĩnh Đạt - Nếu là quốc gia trừng trị, mà sau giết đi, thì chép là nước giết. Nếu không phải là nước trừng trị, chỉ là hai bên giết nhau, thì nói tên cả hai bên. Đó là trường hợp Vương Trát, Tử Sát, Thiệu Bà, Mao Bá, không phải là nước giết, cho nên chép tên cả hai bên. Xét, bọn giết người là hạng Uý Chỉ, Tư Thần, đều không phải vị Khanh. Đã không phải vị Khanh, thì tên cùng họ, không thấy trong Kinh Xuân Thu. Cho nên gọi nó là cướp. Phàm gọi thế là có cớ. Quân là quân của thần, cho nên mới chép là thí quân: bầy tôi giết vua. Thần là thần của quân, cho nên chép là giết đại phu. Cướp là bọn giặc cướp, hèn hạ, không dính dáng đến chính trị. Bị giết không phải là cướp có cớ gì về chính trị. Lời trong Kinh đã chép là cướp, thì không gọi là đại phu được.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói: Chép là cướp giết đại phu, không nói đến người trên, vì ghét người trên. Cốc Lương đã bàn sai.

Ví như lấy chữ cướp mà chỉ vào vua, giết bầy tôi mà lại bảo là cướp giết, thế thì danh không chính. Nếu bảo cướp vốn vẫn là cướp, thì chép cướp là nên, là phải. Còn nói: Không lấy trên dưới mà nói, như Cốc Lương bàn, thì có thể hiểu rằng, cướp giết đại phu, thế nghĩa là đại phu là thần của cướp, cướp là vua của đại phu. Thế có được không.

Xét - Ba vị Khanh nước Trịnh chết. Kinh chép là cướp giết. Hồ Truyện vốn theo lời ban của Trình Tử, cho là đã mất chức vị Khanh. Bàn thế sai. Thân làm quốc Khanh, mà bị cướp giết. thế thì rõ ràng là không xứng chức, việc gì phải đợi san bỏ chức mới cho là mất chức. Đỗ Chú, Khổng Sớ, đều cho là văn dùng chữ cướp, cho nên không được nói chữ đại phu. Cho như thế là phải.

戍 鄭 虎 牢 楚 公 子 貞 帥 師 救 鄭

THÚ TRỊNH HỔ LAO, SỞ CÔNG TỬ TRINH SUẤT SƯ CỨU TRỊNH

MỘT ĐỒN BINH Ở LẠI ĐẤT HỔ LAO, BIÊN GIỚI NƯỚC TRỊNH, ĐỂ GIỮ NƯỚC TRỊNH, CÔNG TỬ TRINH NƯỚC SỞ CẦM QUÂN CỨU TRỊNH

Tả Thị - Quân chư hầu tới tăng sức đồn Hổ Lao, Quân Tấn thì đắp kiên cố thêm thành Ngô, thành Chế, Sĩ Phường, Ngụy Giáng giữ thành. Kinh Xuân Thu chép: "đồn thú Hổ Lao nước Trịnh". Đồn ấy không phải là của Trịnh nữa, mà là của Tấn. Ý Xuân Thu muốn nói là khi Trịnh và Tấn hòa rồi, thì Hổ Lao sẽ trở về nước Trịnh.

Tử Nan nước Sở cứu Trịnh, tháng 11, quân chư hầu diễu quanh quốc đô Trịnh, ngoài thành, quanh sang hướng nam, tiến tới Dương Lăng, Quân Sở không lui, Tri Vũ Tử muốn lui nói: Nay ta trốn Sở, Sở tất kiêu. Kiêu thì ta có thể đánh Kỳ Hợi, tới trước quân Sở, chỉ cách có sông Dĩnh.

Tử Kiểu nước Trịnh nói: "Chư hầu đã có ý muốn hòa mà lui về, chắc là không đánh đâu. Nếu ta theo Tấn, thì Tấn lui. Nếu

ta không theo Tấn thì Tấn cũng lui. Khi Tấn lui, chắc là Sở vây ta. Dù thế bọn chư hầu cũng cứ lui mà bỏ ta. Vậy ta nên đi với Sở, rồi Sở cũng lui". Đến đêm, quân Trịnh qua sông Dĩnh, thề với Sở. Tấn Loan Yên muốn đánh quân Trịnh. Tuân Anh không thuận nói: "Ta không địch được với Sở, ta cũng không che chở được Trịnh. Trịnh có tội gì. Chi bằng cởi hết oán thù rồi về. Nay ta mà đánh Trịnh, thì Sở cứu Trịnh ngay. Nếu ta ứng chiến mà không thắng, thì thiên hạ chê cười. Ta không chắc thắng. Vậy lại càng nên lui". Năm Đinh Mùi, quân chư hầu lui. Tràn vào biên giới bắc nước Trịnh rồi đâu về đấy. Quân Sở cũng về.

Công Thị - Ai đồn thú. Chư hầu. Sao không chép chư hầu. Vì mỗi người tới mỗi lúc, không kể được. Cho nên chỉ chép Lỗ ta. Chư hầu đã chiếm, sao còn lấy đến Trịnh. Chư hầu không ai là chủ, cho nên nói đến Trịnh.

Cốc Thị - Chép là Hổ Lao, thì Hổ Lao phải là của Trịnh.

Lưu Sưởng - Cốc Lương phải nói là Trịnh Hổ Lao thì Hổ Lao phải là của Trịnh. Cốc Lương bàn sai. Đắp thành ấp người ta, đồn thú trong thành người ta, thế tất phải nói rõ liên hệ, ấp ấy với nước ấy, Nếu không nói rõ, thì tất là theo một hệ khác. Khi cần nói rõ, là lối văn thường như thế, có gì là phải với không phải.

Xét - Hồ Truyện bảo Hổ Lao thuộc về Trịnh, là buộc tội chư hầu. Hồ đã bàn sai. Đã đắp thành Hổ Lao, mà lại không cho quân đồn thú, thì đắp thành làm gì. Chư hầu họp binh đồn thú, là để che chở cho Trịnh, mà để chống Sở; ba lần chiến là góc ở đó. Thế thì sao lại là không nên. Hồ Truyện lại bảo: Quân Sở cứu Trịnh, Kinh Xuân Thu dùng chữ Sở cứu, tức như cho Sở là phải. Hồ Truyện bàn thế sai. Năm đó, chép Sở cứu Trịnh, với năm thứ 28. Hi-Công, chép Sở cứu Vệ, nghĩa giống nhau, mà cứ xem nghiệp Bá của Tấn đang hưng, mà Sở thì không tranh được. Cho nên nay gạt bỏ lời bàn họ Hồ.

公至自伐鄭

CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH

LỖ CÔNG TỪ ĐÁNH TRỊNH VỀ LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Vương Thúc Trần Sinh cùng với Bá Dư tranh nhau về quyền chính ở triều vua Chu. Thiên Tử cho Bá Dư là phải. Vương Thúc Trần Sinh giận, bỏ nước ra đi, tới bờ sông Hoàng thì được nhà vua triệu về. Vua giết viên Sử tên là Giảo để lấy lòng. Nhưng cũng không trở về. Vua cho phép ở lại bờ sông Hoàng. Tấn Hầu sai Sĩ Cái tới giải hòa. Vương Thúc và Bá Dư kiện nhau. Viên tể (gia thần) của Vương Thúc và đại phu của Bá Dư là Hà Cầm, thay chủ đối chất ở triều. Sĩ Cái nghe hai bên. bên Vương Thúc nói: Những hạng người cửa ngoài bằng tre gai, cửa bên thì đục lỗ vách, tức là hạng hạ lưu và ngược ngạo với người trên, thì người trên khó làm việc.

Hà Cầm nói: Xưa, vua Bình Vương thiên đô về đông, có bảy họ đi theo, nhà Bá Dư là một trong bảy họ, đều cung phụng các vật liệu về cúng tế, thờ tự. Vua có cho sáp huyết thề với bảy họ, cho được đời đời giữ chức tước. Nếu nghèo đến nỗi ở nhà cửa phên, thì sao lại theo vua đông thiên được, sao lại cung tiến tam sinh được, mỗi khi có tế tự. Ngày nay, Vương Thúc cầm quyền chính, chỉ người nào có hối lộ là được đủ. Luật pháp chỉ có bọn bế thần là người áp dụng để thi hành. Bọn có chức vị ăn hối lộ giàu không biết đến mức nào. Thế thì làm gì mà chúng tôi chả trở thành người nghèo khó ở cửa phên, vách đất. Xin đại quốc nghĩ kỹ cho. Người dưới mà không được hưởng công bằng thì ai nói được là người trên biết sử công bằng.

Phạm Tuyên Tử Sĩ Cái nói: Thiên Tử cho ai là phải thì quả quân tôi cũng cho là phải, cho ai là trái thì quả quân tôi cũng cho là trái. Sĩ Cái bảo hai người làm bản tâu các lý nhẽ từng người. Vương Thúc đuối lý không làm được, trốn sang Tấn. Kinh Xuân Thu không chép vì không thấy có báo cáo tới Lỗ. Thiện Tĩnh Công được Thiên Tử cho thay Vương Thúc làm Khanh Sĩ.

Năm Kỷ Hợi, Vua Linh Vương năm thứ 10.

十有一年
THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 11

Tấn Điệu, năm thứ 11. Tề Linh, năm thứ 20. Vệ Hiến, năm thứ 15. Sái Cảnh, năm thứ 30. Trịnh Giản, năm thứ 4. Tào Thành, năm thứ 16. Trần Ai, năm thứ 7. Kỷ Hiếu, năm thứ 5. Tống Bình, năm thứ 14. Tần Cảnh, năm thứ 15. Sở Cung, năm thứ 29. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 24.

春王正月作三軍
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TÁC TAM QUÂN
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ ĐẶT BA ĐẠO QUÂN

Tả Thị - Năm thứ 11. Tháng giêng, Qui Vũ Tử định đặt ba đạo quân (trước chỉ có hai đạo quân. Mỗi quân 2.500 người). Bàn với Thúc Tôn Mục Tử rằng: Xin đặt ba quân. Mỗi nhà coi một quân. Tự đài thọ lấy. Mục Tử nói: Khi vua có lệnh cho ra trận, liệu ngài có thể tự lo liệu lấy quân của ngài không. Quí Vũ Tử cố xin. Mục Tử nói: Được, nhưng phải có minh ước. Thế là làm một minh ước rồi lễ ở cửa miếu Lỗ Hi Công, lại làm thêm lễ thề ở đường Ngũ Phủ. Thế là bắt đầu tháng giêng, ba nhà có ba quân. Chia các lợi tức của nhà vua ra làm ba phần, mỗi nhà giữ một phần. Cả ba nhà đều phải bớt phần tiêu về xe ngựa riêng để cấp vào đạo quân. Họ Quí quyết định, ngựa dùng vào chiến xa riêng thì nhập vào quân mà không đóng thuế thường cho nhà vua nữa, cả gia nhân của họ nữa. Họ Mạnh thì tính rằng, một số nửa người trong họ về chi dưới thì nhập vào quân, chi mình và chi trên vẫn cứ theo về Vua Lỗ. Họ Thúc Tôn thì đặt lệ trong họ tất cả đều xung vào quân.

Nếu không như thế thì lệ luật trước không đổi.

Công Thị - Ba quân là thế nào. Là ba Khanh. Đây chép là để chê. Vì xưa kia, chỉ có Thượng Khanh, Hạ Khanh, Thượng Sĩ, Hạ Sĩ.

Cốc Thị - Đặt ra là làm thành ra. Khi xưa, Thiên Tử có sáu sư. Chư hầu chỉ có một quân, đặt ra ba quân không phải là chính.

Hồ Truyện - Ba quân. Lỗ xưa vẫn có. Khi xưa đại quốc có ba quân, thứ quốc hai quân, tiểu quốc một quân. Lỗ Hầu được Phong ở đất Khúc Phụ, đất vuông vài trăm dặm, các nước không mạnh hơn. Đến đời Hi Công, khôi phục được tiếng hay Chu Công, nhà sử gia đã làm thơ tụng trong có câu: "Công có xe nghìn cỗ". Người bán cho Lỗ là một đại quốc. Hồ Truyện lại nói: "Công có ba vạn quân". Kẻ bàn cũng cho là đại quốc mới có số quân đó. Thế mới biết Lỗ vẫn có ba quân từ xưa. Tuy nhiên, xe mà gọi là công xa, thì bầy tôi không có ty xa, xe riêng. Quân mà gọi là công đồ thì bầy tôi không có dân riêng vậy. Nếu như có việc chiến tranh, thì các khanh thay nhau làm chủ súy để cầm quân. Chiến tranh xong, thì tướng trở về triều, xe lại về chỗ cũ, giáp cất vào kho, quân sĩ trở lại nhà. Tướng đều là bầy tôi nhà vua. Binh đều là binh của nhà vua, không có liên hệ gì với nhau. Từ đời Lỗ Văn Công, Lỗ Tuyên Công, chính quyền thuộc về các quan. Vua Tương Công bé nhỏ, họ Quí Tôn mới bành trướng, phế bỏ tam quân của nhà vua, mà ba nhà mỗi nhà giữ lấy một quân. Thế là họ Quí cai quản lấy hết, mà phép tắc cũ bỏ hết. Vì thế mới chép là tát, là đặt ra. Năm sau, Qúi Tôn có việc cứu Thai, rồi vào đất Vận, rồi về sau, Thết tiệc Phạm Hiến Tử mà bầy tôi của vua theo lễ nghi không đủ số để tiếp. Thế thì biết đâu rằng dân không thuộc về Vua Lỗ nữa. Kinh Xuân Thu chép là dựng nơi ở, để cho là biết là Lỗ Chiêu Công đã thất quốc, Định Công đã vô chính.

Binh quyền không nên rời nhà vua, các quốc gia trong thiên hạ nên coi đó làm gương.

Đỗ Dự - Lỗ vốn không có đạo Trung quân. Duy chỉ có hai quân là Thượng quân, và Hạ quân, đều thuộc về Công. Có việc chiến tranh thì ba vị Khanh thay nhau chỉ huy để đánh trận. Họ Quí Tôn muốn chuyên quyền giữ lấy nhân dân, cho nên ta tự lập ra Trung quân để thay đổi lại các pháp luật cũ.

Xét - Thơ Lỗ Tụng có câu: Công đồ ba vạn. Trịnh Tiên

cho ngay là con số về quân đội. Kinh Thư thiên Phí Thệ có nói đến ba Giao (ngoài quốc đô gọi là Giao, xa hơn gọi là Toại). Kẻ bàn luận cũng cho là nước lớn có ba quân. Cho nên Hồ Truyện chép là ba quân, là vốn Lỗ vẫn có. Xét khi Bá Cầm được phong, thành một nước quan trọng ở phương đông, Chu Công có công rất to, được dùng lễ nhạc của Thiên Tử, thì chắc từ xưa cũng có tam quân, không còn ngờ nữa. Đỗ Dự nhân thứ 5, Chiêu Công bỏ đạo Trung quân, bảo rằng Lỗ duy có hai quân Thượng và Hạ, Quí Thị muốn chuyên quyền giữ lấy nhân dân mới lập thêm Trung quân, thì đó là quân mà Chiêu Công đã bỏ, nay lập lại. Thuyết đó không phải là không căn cứ. Cho nên nay theo lời bàn của Hồ Truyện, mà lấy chú thích họ Đỗ phụ vào.

夏四月四卜郊不從乃不郊

HẠ, TỨ NGUYỆT, TỨ BỐC GIAO, BẤT TÒNG, NÃI BẤT GIAO

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, BỐN LẦN BÓI TẾ GIAO, KHÔNG ĐƯỢC, MỚI BỎ TẾ GIAO

Cốc Thị - Mùa hạ tháng tư là không đúng mùa. Bốn lần bói không phải là lễ.

鄭公孫舍之帥師侵宋

TRỊNH, CÔNG TÔN SÁ CHI, SUẤT SƯ XÂM TỐNG

CÔNG TÔN SÁ CHI NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Người Trịnh khốn khổ vì nước Sở, nước Tấn, các đại phu nói: "Không theo Tấn thì nước đến mất. Sở yếu hơn Tấn, Tấn thì không thiết tha với ta. Nếu Tấn thiết tha với ta, Sở đã tránh, không dám tranh đấu. Làm thế nào cho quân Tấn hy sinh với ta, cho Sở không dám tranh đấu nữa, thì

ta mới cố kết hẳn với Tấn được". Tử Triển nói: "Ta đánh Tống, Chư hầu tất cứu Tống. Ta hòa và thề với chư hầu. Quân Sở tất lại đến. Ta lại hòa với Sở. Quân Tấn lại đến, Sở không trở lại kịp. Lúc đó ta cố kết giao với Tấn". Các đại phu cho là phải, mới cho tướng tá ngoài biên khiêu khích Tống, Hướng Thú nước Tống tràn vào Trịnh, bắt được nhiều người và vật. Tử Triển nói: "Bây giờ là lúc ta đánh Tống được. Ta mà đánh Tống thì các chư hầu vội đánh ta. Ta xin hòa. Đồng thời báo cáo Sở. Quân Sở sẽ tới. Ta lại ký kết với Sở. Xong rồi, ta hối lộ cho tướng Tấn, để đừng đánh ta". Mùa hạ, Tử Triển nước Trịnh đem quân xâm Tống.

Trịnh Ngọc - Đại phu Trịnh đã biết là Sở yếu hơn Tấn, không theo Tấn thì đến mất nước, thế thì nên cố bền gan, bền chí theo Tấn, rồi cố bền gan, bền chí khước từ Sở. Sao lại giả dối đem quân xâm lược nước lớn là Tống. Nếu không may bị thua, quân tan vỡ, thì lại càng để mất nước. Kinh Xuân thu chép, thấy rõ bọn đai phu Trịnh, toàn là vô mưu, tội ở đại phu.

公會晉侯宋公 衛侯曹伯齊世子光莒子邾子滕子薛伯杞伯小邾子伐鄭

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, PHẠT TRỊNH

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, THẾ TỬ QUANG, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Tháng Tư, chư hầu đánh Trịnh. Ngày Kỷ Hợi, Tề Thái Tử Quang và Hướng Thú nước Tống đến trước tiên trước Trịnh đô, vây cửa đông. Buổi chiều ngày đó, Tuân Anh nước Tấn tới phía tây ngoài thành, đi quanh về phía đông, chiếm nước Hứa cũ (đã nhập vào Trịnh). Tôn Lâm Phủ tràn vào biên giới bắc nước Trịnh. Tháng sáu, chư hầu hợp tại Bắc Lâm, đình quân

tại đất Hướng, rồi quay sang phía Hữu, đóng tại đất Tỏa. Vây thành, Diễu binh tại cửa nam. Rồi lượn sang phía tây qua sông Tề Toại.

Nước Hứa cũ là ấp mới nước Trịnh. Xét năm thứ 15 Thành Công, Hứa thiên đô đến đất Diệp, thì nước Hứa cũ bị Trịnh chiếm, cho nên gọi là Tào Hứa. Đất Hướng tại Dĩnh Xuyên. Tề Toại tên sông

秋七月己未同盟于亳城北

THU, THẤT NGUYỆT, KỶ MÙI, ĐỒNG MINH VU BẠC THÀNH BẮC.

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY KỶ MÙI, HỘI THỀ TẠI PHÍA BẮC BẠC THÀNH, ĐẤT NƯỚC TRỊNH

Tả thị - Người Trịnh sợ xin hòa. Mùa thu, tháng bảy, đồng minh tại ấp Bạc. Phạm Tuyên Tử nói: "Nếu không cẩn thận thì ta mất chư hầu. Vì đi đi lại lại, quân lực đã yếu rồi không có thành công đâu. Thế thì dễ sinh biến tâm". Trong minh ước có nói: Tất cả các nước có tên đây, đều không tích trữ lúa thóc riêng, vì lợi riêng, chiếm lợi riêng, che chở kẻ có tội, chứa chấp kẻ gian. Chúng ta cần cứu nước bị tai nạn, hoạn loạn. Chúng ta yêu cùng yêu, ghét cùng ghét mà cùng giúp nhà vua. Nếu ai trái ước thì thần linh chứng lời thề đây, các thần linh núi cao, sông lớn, các tiên vương cùng tiên Công trong bảy họ và 12 nước, đều trừng trị, làm cho mất dân, làm cho hết mệnh trời, cả họ tuyệt duyệt, quốc gia nghiêng đổ.

Trình Tử - Trịnh phục tòng lại dự đồng minh. Rồi lại theo Sở đánh Tống. Nói là đồng để thấy rõ tính cách phản phúc.

公至自伐鄭

CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TRỊNH

LỖ CÔNG TỪ PHẠT TRỊNH VỀ LỖ

Cốc Thị - Không nói từ hội về vì sau hội lại có việc đánh Trịnh.

楚子鄭伯伐宋

SỞ TỬ, TRỊNH BÁ PHẠT TỐNG

VUA SỞ, VUA TRỊNH, ĐÁNH TỐNG

Tả Thị - Tử Nang nước Sở xin quân ở nước Tần. Chức Hữu đại phu nước Tần, tên là Chiêm cầm quân đi theo Sở Tử để đánh Trịnh. Trịnh Bá đi đón, hàng, Chiêm đem quân trở lại. Ngày Bính Tý, Sở và Trịnh đánh Tống.

公會晉侯宋公衛侯曹伯齊世子光莒子滕子薛伯杞伯小邾子會于蕭魚

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG, CỬ TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, HỘI VU TIÊU NGƯ

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TÀO BÁ, TỀ THẾ TỬ QUANG, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, ĐỂ ĐÁNH TRỊNH. HỘI TẠI ĐẤT TIÊU NGƯ NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Tháng chín, chư hầu họp tất cả quân đội để đánh Trịnh. Diễu binh tại cửa đông thành Trịnh. Người Trịnh sai Vương Tử Bá Điền xin hòa. Ngày Giáp Tuất, Triệu Vũ nước Tấn vào thành ký minh ước với Trịnh Bá. Mùa đông tháng 10, ngày Đinh Hợi, Tử Triển nước Trịnh ra ngoại thành thề với Tấn Hầu. Tháng 12, ngày mậu dần, hội tại Tiêu Ngư, ngày canh thìn, Tấn Hầu tha hết tù binh Trịnh, đối đãi rất lịch sự rồi cho về. Cho tiên đội lui về trước, cấm không được cướp phá của dân. Tấn Hầu sai Thúc Hật báo cáo các chư hầu. Lỗ Công cho Tang Tôn Hật đáp rằng: "Phàm các đồng minh ta, nước nhỏ có tội, thì nước lớn trừng phạt. Chúng tôi được triệu tới để cùng trừng phạt. Nếu Tấn cho là hội thề đủ chắc chắn, thì chúng tôi không có lý gì không theo. Tôi xin theo".

Người Trịnh hối lộ Tấn Hầu, biếu ba người chưởng ban ca nhạc, là Sư Khôi, Sư Súc, Sư Quyên, mười lăm đôi chiến xa, mỗi

đôi có một chiếc thủ, một chiếc công, toàn bọc giáp và đầy đủ binh cụ. Nhiều chiến xa khác được thêm vào cho đủ số một trăm, hai giá chuông, mỗi giá 12 chuông, hai giá khánh, mỗi giá 12 khánh, hai bọn nữ nhạc mỗi bọn tám người.

Tấn Hầu đem một nửa nữ nhạc cho Ngụy Giáng, và nói: "Nhờ những lời khuyên của đại phu, tôi mới giao hiếu với Nhung địch để được rảnh tay làm việc Hoa Hạ cho được có trật tự hơn. Trong khoảng tám năm, chín lần hội chư hầu, được hòa hợp như các bản nhạc, không có thiếu sót. Vậy xin chia vui với đại phu.

Ngụy Giáng từ tạ nói: "Hòa hợp với Nhung Địch là phúc của nước mà trời ban cho. Trong khoảng tám năm, nhà vua chín lần họp chư hầu, không có một điều gì trở ngại, chính là nhờ uy linh nhà vua và nhờ công lao các tướng. Tôi có chút công gì. Tôi chỉ mong cho nhà vua được vui vẻ, và nghĩ đến cách giữ yên mãi mãi. Trong kinh thi có câu: Người quân tử yên vui, giữ gìn đất nước Thiên Tử. Người quân tử yên vui, phúc lộc chứa chan, tứ phương dân tới. Xét, nhạc làm cho đức được vững. Nghĩa làm cho phận sự được đầy đủ. Lễ làm cho thi hành được dễ dàng. Tín để giữ lấy điều đã có. Nhân để cho ảnh hưởng được thêm hay. Có thế mới giữ được đất nhà vua, mới được phúc lộc trời ban, mới để dân tứ phương phục tòng. Chính đó mới là nhạc. Kinh Thi có nói: Ở yên thì nghĩ đến nguy. Nghĩ đến nguy thì có phòng bị. Có phòng bị thì không lo ngại. Dám xin nhắc lại nhà vua".

Tấn Hầu nói: "Đại phu đã dạy, tôi đâu dám không theo. Không có đại phu tôi đâu có hòa với rợ Nhung, đâu có qua được sông Hoàng. Xét thưởng công là theo pháp nước, trong điển pháp có ghi, không thể bỏ được. Vậy đại phu cứ nhận thưởng".

Từ đó Ngụy Giáng mới có kim thạch trong ban nhạc. Như thế là đúng lễ nghi.

Công Thị - Đây là việc đánh Trịnh. Sao lại nói là hội ở Tiêu Ngư. Vì Trịnh có dự hội.

Hồ Truyện - Họ Trình nói, hội tại Tiêu Ngư, Trịnh lại phục mà xin hội. Không chép "Trịnh hội" vì không thể tin vào Trịnh được. Còn Tấn Điệu Công thì cứ lấy thành thực đãi người, cứ

tin Trịnh, không chút nghi ngờ, đối với tù binh mà cử chỉ lễ nghĩa, thả cả cho về nước, cho tiền khu về, cấm cướp phá, sai Thúc Hật loan báo các chư hầu. Mà từ đây trở đi, Trịnh không phản bội Tấn nữa trong 24 năm, Tâm thành cảm được người ta đến thế.

Từ khi Điệu Công biết mưu bàn với Nguỵ Giáng để cho dân được yên biết nghe Tri Vũ Tử, mà không gây chiến với Sở, cho nên Vua Sở ba lần thân chinh mà không tranh nổi, đến trận Thành Bộc xưa cũng không hơn được.

Uông Khắc Khoan - Hội Tiêu Ngư với hội Thiệu Lăng, phép Kinh biên chép giống nhau, đều là một cách riêng, chỉ là để kể lại công của hai vị Bá. Trịnh đã phục tòng Tấn, không cần nói rõ. Trịnh có dự hội, mà chép hội ở Tiêu Ngư, Lỗ Công từ hội về, người Sở bắt sứ giả Trịnh là Lương Tiêu ở thời sau khi đánh Trịnh, thế đủ biết Tấn đã được Trịnh rồi.

Triệu Vũ nước Tấn vào thành thề với Trịnh Bá. Tử Triển nước Trịnh ra ngoài thành thề với Tấn Hầu, Kinh đều chép lược qua. Bảo là Trịnh không thể tin, cái thứ tiểu tin ấy không đủ để ý. Nghiệp Bá của Tề Hoàn, đến Quì Khưu là thịnh. Hoàn Công ký kết mà không cần sáp huyết, các chư hầu cảm phục. Nghiệp Bá của Điệu Công đến Tiêu Ngư là thịnh, Điệu Công tin Trịnh không nghi ngờ, không cần, lại cùng đồng minh, thề nữa. Thế mà từ đó Trịnh thôi không phản bội. Vậy bắt người ta phải tin, cưỡng ép người ta phải theo, không bằng đãi người ta lấy thành thực, để người ta tự phục mình.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

Cốc Thị - Đánh rồi sau hội. Chép thì không chép tư đánh Trịnh về, là vì có Trịnh Bá.

楚 人 執 鄭 行 人 良 宵

SỞ NHÂN CHẤP TRỊNH HÀNH NHÂN LƯƠNG TIÊU

NGƯỜI SỞ BẮT CHỨC HÀNH NHÂN CỦA TRỊNH (SỨ GIẢ) LÀ LƯƠNG TIÊU

Tả Thị - Trịnh sai Lương Tiêu và chức Thái Tể là Thạch Sước, tới Sở báo cáo là Trịnh đã theo Tấn, nói rằng: "Vì muốn giữ xã tắc cho nên tôi không dám nhờ đến nhà vua nữa. Nếu nhà vua có thể giao hiếu được với Tấn, hoặc lấy uy vũ thiếp phục được Tấn, đó là chí nguyện của Trịnh tôi". Người Sở mới bắt giữ lại.

Chép là Hành nhân, tức là sứ giả.

Cốc Thị - Hành nhân là lời nâng lên cho quan trọng.

Quí Bản - Kinh chép, người Sở bắt Hành nhân Lương Tiêu thì biết là Trịnh phục tòng Tấn rồi. Ở việc này biết là Điệu Công khuất phục được Sở.

冬 秦 人 伐 晉

ĐÔNG, TẦN NHÂN PHẠT TẤN

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI TẦN ĐÁNH TẤN

Tả Thị - Thứ Trưởng Tần là Bào và Vũ cầm quân đánh Tấn để cứu Trịnh. Bào vào đất Tấn trước tiên. Tấn Sĩ Phương khinh thường binh lực Tần đem quân đối địch. Ngày Nhâm Ngọ, Vũ qua sông vào quãng Phụ Thị, cùng hợp với Bào đánh quân Tấn. Ngày Kỷ Sửu Tần và Tấn giao chiến tại đất Lịch. Quân Tấn tan vỡ vì khinh địch.

Lịch là đất nước Tấn.

Gia Huyền Ông - Tấn bị thua Tần. Xuân Thu lược qua không chép việc thua, ý không cho là phải, việc Tần giúp Sở để cứu Trịnh.

Năm Canh Tý. Vua Linh Vương năm thứ 11

十 有 二 年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Điệu, năm thứ 12. Tề Linh, năm thứ 21. Vệ Hiến, năm thứ 16. Sái Cảnh, năm thứ 31. Trịnh Giản, năm thứ 5. Tào Thành, năm thứ 17. Trần Ai năm thứ 8. Kỷ Hiếu, năm thứ 6. Tống Bình năm thứ 15. Tần Cảnh năm thứ 16. Sở Cung, năm thứ 30. Ngô Thọ Mộng, năm thứ 25.

春 王 三 月 莒 人 伐 我 冬 鄙 圍 台

XUÂN VƯƠNG, TAM NGUYỆT, CỬ NHÂN PHẠT NGÃ ĐÔNG BỈ, VI THAI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA, NGƯỜI CỬ ĐÁNH VÀO PHÍA ĐÔNG BIÊN GIỚI NƯỚC TA, VÂY ĐẤT THAI.

Công Thị - Áp không nói là vây. Đây dùng chữ vầy. Đánh mà nói là vây là chiếm lấy. Đánh mà không nói là vây là không chiếm.

Cốc Thị - Đánh một nước không nói đến vây ấp, vây ấp không phải là quan trọng. Chiếm ấp không chép vây, không cần để được chép.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo đánh mà nói là vây, là lời nói chiếm ấp, Công Dương hiểu sai. Đánh là một việc. Vây là một việc. Chiếm là một việc. Ba thứ đó không lẫn nhau được. Mà cứ bàn tán như thế có sai không. Cốc Lương thì cho rằng, chiếm ấp không chép vây, không đáng chép. Cốc Lương cũng không hiểu. Chiếm ấp mà không chép là có cớ, cần tránh nói đến.

季孫宿帥師救台遂入鄆

QUÍ TÔN TÚC SUẤT SƯ CỨU THAI, TỤY NHẬP VẬN

QUÍ TÔN TÚC CẦM QUÂN CỨU THAI, TỪ THAI TRÀN VÀO VẬN, ẤP NƯỚC CỬ

Xét năm thứ 12 Văn Công, Quí Tôn Hàng Phủ đem quân đắp thành Chư và thành Vận, tức là Vận này, thời đó thuộc về Lỗ. Sau thuộc về nước Cử. Năm nay, tuy Quí Tôn Thúc tràn vào Vận, nhưng chưa lấy được. Đến năm đầu Chiêu Công, Quí Tôn đánh nước Cử, lấy ấp Vận, thì Vận mới trở lại thuộc về Lỗ.

Tả Thị - Năm thứ 12 mùa xuân, người Cử đánh biên giới phía đông nước Lỗ ta. Vây ấp Thai, Quí Vũ Tử cứu Thai, rồi vào ấp Vận, lấy cái chuông ấp Vận để làm cái bồn cho Lỗ Công dùng.

Công Thị - Đại phu không có việc nọ rồi đến việc kia. Đây sao lại nói rồi. Thế là ý nói Lỗ Công không cầm chính quyền.

Cốc Thị - Chữ rồi là việc sau nói việc trước. Được mệnh vua đi cứu Thai, không được mệnh vào ấp Vận. Chép là chê Quí Tôn Túc.

夏晉侯使士魴來聘

HẠ, TẤN HẦU SỬ SĨ PHƯỜNG LAI SÍNH

MÙA HẠ, TẤN HẦU SAI SĨ PHƯỜNG TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa hạ Tấn Sĩ Phường tới lễ sính và cảm ơn việc đánh Trịnh.

秋九月吳子乘卒

THU, CỬU NGUYỆT, NGÔ TỬ THỪA TỐT

MÙA THU, THÁNG CHÍN, NGÔ TỬ TÊN LÀ THỪA MẤT

Tả Thị - Mùa thu, Ngô Tử Thọ Mộng mất. Lễ khóc ở miếu Chu Công nước Lỗ. Thế là theo Lễ nghi. Khi một chư hầu mất,

nếu không cùng họ với vua Lỗ, thì lễ khóc được làm ở ngoài quốc đô, ngoài thành. Nếu cùng họ Cơ, thì Lễ khóc ở Thái miếu. Nếu là một chi họ, thì lễ khóc ở thủy tổ chi ấy. Nếu thẳng dòng vua Lỗ hiện tại, thì lễ khóc ở miếu tiên quân sinh ra vua Lỗ đương thời. Thế cho nên ở Lỗ, cứ vua chư hầu nào cùng họ Cơ thì lễ khóc ở miếu đặt bài vị Văn Vương. Còn đối với các vua các nước Hình, Phàm, Tưởng, Mao, Tộ, Sái, lễ khóc đều ở miếu Chu Công.

冬 楚 公 子 貞 帥 師 侵 宋

ĐÔNG SỞ CÔNG TỬ TRINH, SUẤT SƯ XÂM TỐNG

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ TRINH NƯỚC SỞ CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa đông, Tử Nang nước Sở và Thứ Trưởng nước Tần là Vô Địa đánh Tống đóng quân tại Dương Lương, để báo thù việc Tấn thu phục Trịnh. Dương Lương là nước Lương.

Phụ Lục Tả Truyện - Thiên Tử Linh Vương muốn cưới Hậu ở nước Tề. Tề Hầu hỏi Án Hoàn Tử nên trả lời ra sao. Hoàn Tử nói: "Lời nói đã có sẵn trong sách lễ nghi Tiên Vương. Khi Thiên Tử tìm Hậu ở một chư hầu, thì chư hầu đáp rằng: "Vợ tôi có sinh bấy nhiêu con gái, thiếp tôi có sinh bấy nhiêu con gái". Nếu không có con gái, mà có các em, hoặc các cô dì, thì đáp: "Tiên quân tôi là Mỗ Công, có bấy nhiêu con gái". Tề Hầu mới hứa hẹn cho một người. Thiên Tử sai Âm Lý sửa soạn liên lạc.

Uông Khắc Khoan - Truyện chép là phạt mà Kinh chép là Xâm, thế là chê.

公 如 晉

CÔNG NHƯ TẤN

LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Công sang Tấn lễ chầu vào tạ ơn Sĩ Phường đã tới lễ sính. Thế là đúng lễ nghi.

Phụ lục Tả Truyện - Doanh, chị vua Tần, sợ vua Sở, từ Sở sai sứ về Tần hỏi thăm nhà. Tử Canh giữ chức Tư Mã nước Sở sang Tần thăm phu nhân. Thế là đúng lễ (vì bố mẹ đẻ chết cả rồi).

Năm Tân Sửu. Vua Linh Vương năm thứ 12

十 有 三 年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Điệu, năm thứ 13. Tề Linh năm thứ 22. Vệ Hiến, năm thứ 17. Sái Cảnh năm thứ 32. Trịnh Giản năm thứ 6. Tào Thành, năm thứ 18. Trần Ai, năm thứ 9. Kỷ Hiếu năm thứ 7. Tống Bình năm thứ 16. Tần Cảnh năm thứ 17. Sở Cung, năm thứ 31. Ngô Chư Phàn Át năm đầu.

春 公 至 自 晉

XUÂN, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ LỖ

Tả Thị - Năm thứ 13, Lỗ Công từ Tấn về. Mạnh Hiến Tử cho ghi việc sang Tấn vào Thái miếu theo lễ nghi thường.

夏 取 時

HẠ, THỦ THI

MÙA HẠ, CHIẾM THÀNH THI

Tả Thị - Mùa hạ, nước Thi có loạn (một nước nhỏ), chia ba đảng. Lỗ cho quân đến cứu rồi chiếm. Phàm Xuân Thu, dùng chữ chiếm là việc dễ. Dùng chữ diệt là đã phải dùng toàn lực quân đội. Dùng chữ nhập là quân đội có vào thành nhưng không chiếm.

Phụ lục Tả Truyện - Tuân Anh, Sĩ Phương đã mất. Tấn Hầu lấy lễ đi săn, tập hợp quân đội tại đất Miên Thượng, để tổ chức quân đội, sai Sĩ Cái tướng Trung quân, Từ tạ nói: "Bá

Du (Tuân Yển) hơn tuổi thần, cùng thần đi lại, cho nên thần làm Phó vì quen biết chứ không phải vì tài năng. Xin cứ theo Bá Du" Thế là Tuân Yển tướng trung quân, mà Sĩ cái làm Tá. Vua sai Hàn Khởi tướng Thượng quân. Từ, nhường cho Triệu Vũ. Thế là Tấn Hầu sai Loan Yêm. Yêm từ nói: Thần không bằng Hàn Khởi đã tiến Triệu Vũ. Xin nhà vua thuận cho. Tấn Hầu mới cho Triệu Vũ tướng thượng quân, mà Hàn Khởi làm Tá. Loan Yêm tướng Hạ quân. Nguỵ Giáng làm Tá. Tân Quân không có chủ súy, Tấn Hầu không chọn được ai, mới ra lệnh cho tất cả cơ, vệ, cùng tướng, tá, được đặt dưới quyền chỉ huy hai tướng trong Hạ quân. Đúng nghi lễ. Vì thế dân Tấn được hòa, mà chư hầu được hợp. Người quân tử bàn: Đức nhường là đức chính trong lễ nghi. Phạm Tuyên Tử nhường cho một tướng lớn tuổi hơn, các người dưới đều bắt chước. Loan Yêm tuy nhiều lần tự ái mà cũng không dám có hành động khác. Vì thế, nước Tấn được bình yên, đến mấy đời sau. Thế mới biết gương tốt là hay thế. Một người làm gương tốt, toàn dân được yên vui. Thế có đáng soi không. Trong Kinh Thư, có câu: Một người hay, muôn người nhờ. An ninh được lâu bền". Thế tức là gương tốt, là một sức mạnh. Khi nhà Chu đương thịnh, có câu ca dao: Bắt chước vua Văn Vương, muôn nước cùng theo, cùng tin. Câu đó khuyên nêu gương tốt. Khi nhà Chu suy có câu ca dao: Các đại phu không công bằng, bắt ta một mình làm hết mọi việc, một mình ta phải hiền. Câu đó có ý chê thiếu đức nhường. Đời trị, đời hay, thì bọn quân tử, chọn tài năng, nhường người dưới, nếu có tài năng. Dân thì hết sức làm ruộng để phụng sự người trên. Vì thế có đặt ra lễ nghi trên dưới đối với nhau. Bọn gian ác không được dùng mà phải đuổi đi xa. Không có sự tranh giành nhau, thế gọi là đời có đức. Đời loạn, hạng trên khoe khoang công trạng để ở trên hạng dưới, hạng dưới khoe khoang tài năng để lấn áp hạng trên. Thế là không còn lễ nghi trên dưới đối nhau. Thế là nảy ra những việc loạn, phản, tiếm quyền. Vì tranh giành hơn thua nhau. Thế là đức mờ ám, quôc gia suy yếu dần.

Công Thị - Đất Thi là ấp nước Châu Lâu. Không nói đến Châu Lâu, là vì kiêng tránh việc vội chiếm.

Dương Sĩ Huân - Công Dương cho Thi là ấp nước Châu Lâu. Truyện tuy rằng không nói đến, nhưng theo Tả Thị thì Thi là một nước.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo phàm chép chữ chiếm, lấy, là việc dễ, chép chữ diệt là phải dùng quân đội, mà chép chữ vào, nhập, là không lấy đất. Tả Thị bảo thế là không phải. Kinh Xuân Thu được viết là để chê dở, khen hay, để răn đe đời sau, chớ không phải để ghi việc khó làm, việc dễ làm. Khó hay dễ thì không bỏ công chép, chép làm gì.

秋九月庚辰楚子審卒

THU CỬU NGUYỆT, CANH THÌN, SỞ TỬ THẨM TỐT

MÙA THU, THÁNG 9, NGÀY CANH THÌN, SỞ TỬ TÊN LÀ THẨM MẤT

Tả Thị - Sở Tử có bệnh, bảo các đại phu rằng: "Tôi vốn đức bạc, còn ít tuổi, đã phải làm chủ xã tắc, quốc gia, khi 10 tuổi tiên quân mất, quan Thái Bảo chưa giáo huấn được mấy, thì tôi đã phải chịu mệnh trời. Thế cho nên, vì đức bạc, vì kém tài năng, đã để cho quân thua tại đất Yển, làm nhục cho xã tắc, gây lo cho đại phu. Nhờ các đại phu, không đến nỗi mất đầu, lại được chết tự nhiên, để về với các tiên quân. Các kỳ xuân, thu, cúng tế, cùng như kỳ chôn tôi, ở miếu thờ tiên quân, tôi sẽ cùng với Ngài cũng hưởng, tôi xin đặt Thụy là Linh (Linh nghĩa là chưa dẹp yên loạn) hoặc Lệ (Lệ là đã giết nhiều người vô tội) Các quan im. Vua Sở dặn đi dặn lại đến năm lần, các quan mới hứa tuân mệnh. Mùa thu, Sở Cung Vương mất. Tử Nang họp các quan để đặt tên thụy. Các quan nói nên cứ theo lời vua dặn. Tử Nang đáp: "Lời dặn đó vừa cung kính vừa nhã nhặn. Sao ta lại quên được đức tính ấy. Nước Sở ta mạnh. Vua làm chủ. Dưới quyền có man di. Kinh lý mở rộng bờ cõi về phương nam, cho đến bờ bể, quy phục được nhiều nước. Lại nhận biết lầm lỗi. Thế có nên gọi là nhã nhặn và cung kính không. Tôi xin đặt tên là Cung". Các quan nghe theo.

Phụ lục Tả Truyện - Nước Ngô xâm nước Sở, Sở Dưỡng

Do Cơ đi lại trong quân thi hành mệnh lệnh. Tướng Tử Canh đem một đạo quân, theo Dưỡng Do Cơ. Dưỡng Thúc nói: "Ngô nhân lúc ta đương có tang, cho là ta không sửa soạn được quân đội, khinh ta, tất là không phòng bị. Vậy xin ngài đặt ba nơi mai phục, và tôi xin đương đầu. Tôi xin khiêu chiến". Tử Canh thuận cho. Trận bày trên đất Sở ở đất Dung Phố. Sở đánh tan được quân Ngô, bắt được Công Tử Đảng. Người quân tử chê là Ngô không viếng tang Sở. Trong Kinh Thi có câu: Trời không thương ta, loạn mãi không hết.

冬城防

ĐÔNG, THÀNH PHÒNG

MÙA ĐÔNG, ĐẮP THÀNH PHÒNG

Tả Thị - Mùa đông, đắp thành Phòng. Chép việc làm đúng mùa. Định đắp trước, nhưng Tang Vũ Trọng xin đợi hết mùa gặt. Thế là đúng nghi lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Lương Tiêu nước Trịnh và Thái Tử Thạch Sước còn tại nước Sở. Thạch Sước nói với Tử Nang nước Sở: "Tiên vương trước khi đi quan phong chư hầu có bói một thời hạn là 5 năm, mà năm nào cũng phải là đại cát. Khi quẻ có đại cát thì các ngài mới lên đường, nếu không thì các ngài ở lại, bồi sửa đức độ, rồi đến năm thứ sáu, lại bói lại. Nay Sở không tranh được với Tấn. Sứ Thần Trịnh có tội gì. Khi giam giữ một vị Khanh (Lương Tiêu), ngài tránh cho Lương Tiêu không áp bức các quan, nhưng trái lại các quan (Trịnh) quay lại giận ngài. Thế là ngài làm cho các quan Trịnh được hòa mục, cùng ghét Sở, lại cùng thần phục Tấn. Có lợi gì cho ngài đâu. Nếu cho hắn về, việc hắn đã không thành, hắn lại giận vua Trịnh đã sai đi. Hắn sẽ là thù địch của các đại phu. Rồi mầm chia rẽ nảy ra, như thế có hơn không".

Người Sở mới thả cho Lương Tiêu và Thạch Sước về.

Năm Nhâm Dần. Vua Linh Vương, năm thứ 13.

十 有 四 年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

·NĂM THỨ 14

Tấn Điệu, năm thứ 14. Tề Linh năm thứ 23. Vệ Hiến, năm thứ 18. Sái Cảnh, năm thứ 33. Trịnh Giản, năm thứ 7. Tào Thành, năm thứ 19. Trần Ai, năm thứ 10. Kỷ Hiếu, năm thứ 8, Tống Bình, năm thứ 17. Tần Cảnh, năm thứ 18. Sở Khang Vương, Chiêu năm đầu. Ngô Chư Phàn năm thứ 2.

春 王 正 月 季 孫 宿 叔 老 會 晉 士 丐 齊 人 宋 人 衛 人 鄭 公 孫 蠆 曹 人 莒 人 邾 人 滕 人 薛 人 杞 人 小 邾 人 會 吳 于 向

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, QUÍ TÔN THÚC, THÚC LÃO HỘI TẤN SĨ CÁI, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH CÔNG TÔN MẠI, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, KỶ NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN HỘI NGÔ VU HƯỚNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, QUÍ TÔN TÚC VÀ THÚC LÃO NƯỚC LỖ HỘI VỚI SĨ CÁI NƯỚC TẤN, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, CÔNG TÔN MẠI NƯỚC TRỊNH, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI KỶ, NGƯỜI TIỂU CHÂU, TẤT CẢ HỘI VỚI NGƯỜI NGÔ TẠI ĐẤT HƯỚNG

Tả Thị - Năm thứ 14, mùa xuân. Nước Ngô báo cáo cho Tấn biết việc thua trận. Hội hướng họp để bàn đối với Sở và Ngô. Phạm Tuyên Tử trách Ngô đã thiếu đức (vì đánh Sở khi Sở đang có tang), rồi mời sứ Ngô ra về, bắt giam công tử Vụ Lâu nước Cử, vì nước Cử đã thông sứ với nước Sở. Muốn bắt giam cả Châu Chi vua nước Nhung, có bảo Nhung Tử rằng: "Lại đây, họ Khương Nhung, ngày xưa, người Tần đuổi tổ ngươi là Ngô Li tới đất Qua

Châu. Ngô Li mặc áo tơi đội nón lá, tới xin tiên quân Tấn là Huệ Công có ít ruộng hoang cho ngươi để mưu sinh sống. Ngày nay, chư hầu không được phục tòng như ngày xưa, đều là do ở ngươi ngôn ngữ có tiết lậu. Vậy đừng tới hội nữa. Sớm mai mà còn tới hội thì sẽ bị bắt".

Nhung Tử đáp: "Ngày xưa, dân Tần cậy đông, định xâm chiếm đất nước chúng tôi, và đuổi chúng tôi. Huệ Công rất có đức độ, thấy chúng tôi là dòng dõi các vị tứ nhạc, biết là không nên bỏ, vì thế, cho chúng tôi, về biên giới miền Nam, một ít đất hoang, chỉ có thỏ cáo làm hang. Chúng tôi phát cỏ gai, phá bụi rậm, đuổi thỏ cáo, thành một nước thần phục, không bao giờ xâm phạm, lấn áp bờ cõi, đến nay vẫn trung thành. Xưa Tấn Văn Công cùng Tần đánh Trịnh, Tần một mặt hòa ước riêng với Trịnh, rồi thôi giữ bờ cõi. Cho nên có trận đất Hào. Tấn đánh quân Tần phía trên, Nhung tôi chặn quân Tần phía dưới. Nếu quân Tần không trở lại đánh Tấn được là nhờ có Nhung tôi. Tấn và Nhung đánh Tần y như đi săn: Tấn giữ sừng hươu, mà Nhung thì cột chân hươu, có công với Tấn. Nay Tấn còn trách gì Nhung. Từ xưa đến nay, Tấn trong trận nào cũng có Nhung giúp, cùng một tinh thần như ở trận Hào, có bao giờ xa Tấn, bỏ Tấn. Ngày nay, các tướng sĩ Tấn đã phạm nhiều điều lỗi, làm cho chư hầu xa dần, thế mới đổ tội cho Nhung tôi. Nhung và Hạ khác nhau về ăn mặc, không cùng giao hiếu, không cùng tiếng nói, thì Nhung làm hại ai được. Tôi mà không dự hội, tôi không có chút gì thắc mắc". Nói xong, ngâm thiên Thanh Giăng trong Kinh Thi, rồi lui ra. Tuyên Tử xin lỗi, từ tạ, lại mời dự hội, lại vui vẻ như thường.

Khi đó, Tử Thúc Tề Tử (Thúc Lão) làm Phó cho Lỗ Quí Vũ Tử. Từ khi đó, Tấn lấy bớt đồ cống hiến của Lỗ, và tiếp đãi sứ giả trịnh trọng hơn.

Phụ lục Tả Truyện - Vua Ngô là Ngô Tử Chư Phàn đã hết đại tang, muốn lập Quí Trát lên ngôi. Quí Trát nói: "Khi Tào Tuyên Công mất chư hầu và dân Tào cho là Tân quân không đáng ở ngôi, định đem người em là Tử Tang lên thay, Tử Tang bỏ đi. Thành ra Tân quân cứ được giữ ngôi. Người quân tử khen

là biết giữ tiết tháo. Nay nhà vua ở ngôi là đích đáng, ai dám tranh. Trị quốc không phải là phận sự của tôi (tôi không phải con trưởng). Tôi là Trát, tuy vô tài, cũng xin bắt chước Tử Tang, và giữ thiết tháo của tôi". Chư Phàn cố xin, Quí Trát bỏ nhà, ra ruộng cày. Chư Phàn mới thôi không dám mời nữa.

Lưu Sưởng - Truyện chép rằng định bắt Nhung Tử là Câu Chi, Phạm Tuyên Tử nói giữa hội: "Ngày nay, vì lời gièm pha của ngươi, chư hầu đối với quả nhân tôi không được như đối với tiên quân, lỗi ở ngươi cả". Truyện như thế không đúng. Vì rằng chư hầu mà không hăng hái, không hết lòng, không phải là lỗi ở Nhung, thật là rõ, chả nhẽ Phạm Tuyên Tử không biết hay sao, sao còn vu cho Nhung. Năm trước, truyện có chép, kỳ săn ở Miên Thượng nước Tấn vì Nhung mà được hòa bình, chư hầu hòa mục. Đến nay mới có một năm, sao lại có câu: ngôn ngữ tiết lậu, không như việc khi xưa. Lời nói, việc làm không ăn nhau. Tuyên Tử từ tạ, lại mời cứ dự đại hội. Thế thì Khương Nhung cũng kể vào hội vậy, mà Kinh sao không thấy chép.

Uông Khắc Khoan - Vị Khanh làm sứ, thì vị đại phu làm Phó, Vị đại phu làm sứ thì vị sĩ làm Phó. Năm thứ 23 Chiêu Công, Thúc Tôn Xước sang Tấn nói: Quả quân mệnh cho tôi và Phó Tử Phục Hồi. Xước là Khanh mà Hồi là đại phu. Nay Lỗ lấy hai vị Khanh dự hội Tấn, và Tấn kê tên cả hai Khanh vào hội, thế là Tấn vô cùng thất lễ. Vả lại từ hội Tiêu Ngư về sau, phàm việc điều sai đại phu. Thế là Điệu Công đã nhác mà nghiệp Bá đã suy.

二月乙未朔日有食之

NHỊ NGUYỆT, ẤT MÙI, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG HAI, NGÀY ẤT MÙI, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

夏四月叔孫豹會晉荀偃齊人宋人衛北宮括鄭公孫蠆曹人莒人邾人滕人薛人杞人小邾人伐秦

HẠ, TỨ NGUYỆT, THÚC TÔN BÁO, HỘI TẤN TUÂN YỂN, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ BẮC CUNG QUÁT, TRỊNH CÔNG TÔN MẠI, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, KỶ NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN PHẠT TẦN

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, THÚC TÔN BÁO, HỘI VỚI TẤN TUÂN YỂN, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, VỆ BẮC CUNG QUÁT, TRỊNH CÔNG TÔN MẠI, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI KỶ, NGƯỜI TIỂU CHÂU, ĐỂ ĐÁNH TẦN

Tả Thị - Mùa hạ, đại phu chư hầu theo Tấn Hầu để đánh Tần, để báo thù trận đất Lịch. Tấn Hầu đợi tại biên giới, sáu vị Khanh cầm quân tiến tới sông Kinh. Các tướng không muốn sang sông. Thúc Hướng đi thăm Thúc Tôn Mục Tử. Mục Tử ngâm thiên "Bào hữu khổ diệp" ở Kinh Thi, Thúc Hướng nghe rồi lui ra, đi sửa soạn thuyền. Quân đội Lỗ và Cử qua sông trước. Trịnh Tử Kiều yết kiến Vệ Bắc Cung Ý Tử, nói: "Ta đã theo Tấn, mà ta lại không nhất tâm, thì sẽ có họa, tới cả xã tắc". Ý Tử nghe nói cho là phải. Hai tướng mới tới khuyên quân sĩ chư hầu, qua sông. Quân sĩ nghe theo qua sông rồi đình lại. Người Tần bỏ thuốc độc xuống dòng sông Kinh. Quân uống phải, nhiều người chết.

Trịnh Tư Mã Tử Kiều đi tiên phong. Quân chư hầu theo sau tiến đến Vực Lâm. Chưa được trận nào, Tuân Yển mới ra lệnh:

"Nghe tiếng gà gáy đầu tiên là phải gióng xe ngựa, lấp giếng, phá bếp. Hoặc tiến hay lui, đều theo đầu ngựa của ta". Loan Yến nói: "Bệnh này không phải của nước Tấn. Tôi muốn ngựa tôi quay đầu về đông". Thế là Loan Yếm quay trở lại (Về Tấn). Hạ quân theo chủ súy Yếm. Tả Sử bảo với Ngụy Trang Tử Phó súy rằng: "Ông có theo lệnh Trung Hàng Bá không". (Tuân Yển). Đáp: "Đại tướng đã ra lệnh phải theo chủ súy. Chủ súy tôi là Loan Bá (Yếm). Thế cũng như là tôi vẫn nghe đại tướng". Bộ Du (Tuân Yểm) nói: "Lệnh tôi đã ra là bậy, hối không kịp. Thôi ta đừng để cho Tần bắt được nhiều quân ta làm tù binh". Tuân Yểm mới ra lệnh cho toàn quân rút lui. Dân Tấn gọi trận này là một việc hành quân, chuyển·tiến rồi chuyển lui. Loan Kiềm (em Loan Yên) nói: "Lần này ra quân để báo trận thua ở đất Lịch, thế mà vô công, thật là nhục cho Tấn. Họ ta có hai vị trong hàng ngũ. Ta cũng bị nhục lây". Cùng với Sĩ ·Ưởng (con Sĩ Cái) Kiềm thúc ngựa vào hàng trận Tần rồi bị chết. Sĩ Ưởng quay về được. Loan Yểm bảo Sĩ Cái: "Em tôi không muốn đánh Tần, con ông đã gọi đi cùng. Em tôi chết, con ông được sống Chính con ông đã làm cho em tôi chết. Nếu ông không đuổi nó, tôi sẽ giết nó". Sĩ Ưởng trốn sang Tần. Khi đó, có Tề Thôi Trữ, Tống Hoa Duyệt, Tống Trọng Giang đã dự hội các tướng để đánh Tần, Xuân Thu không ghi vì họ trễ nhác. Lại đến hội ở Hướng, cũng không được ghi, cũng vì thế. Vệ Cung Quát, không được ghi ở Hướng, nhưng được ghi là đánh Tần vì đã sốt sắng làm việc.

Tần Bá hỏi Sĩ Ưởng rằng: Tấn đại phu ai sẽ bị chết trước. Sĩ Ưởng nói: Có thể là họ Loan (Loan Yểm). Tần Bá hỏi, có phải vì kiêu căng dại dột không. Đáp: "Vâng, đã kiêu mà lại ngược quá mức. Nhưng có lẽ còn thoát. Có con là Doanh tất phải chết". Sao vậy: "Vì Vũ Tử (bố Loan Yểm) đã tốt với dân, dân còn nhớ ơn, y như dân Chu nhớ ơn Thiệu Công, mà yêu cả đến cây cam đường, huống chi là con. Loan Yếm chết rồi, cái hay của Doanh chưa giúp được ai, ơn của Vũ Tử lúc đó đã bị quên rồi, mà cái oán của Yếm ai cũng nhớ. Như thế thì Doanh sống sao được".

Vua Tần cho là Ưởng bàn có lý, mới xin với vua Tấn lại cho gọi Ưởng về phục chức vị.

Vực Lâm là đất nước Tần, trước kia là đất Hàn Lâm của Trịnh.

Triệu Khuông - Họ Tả bàn: đại phu nước Tề, nước Tống không ghi, vì họ đã trễ nhác, ở hội Hưởng cũng thế. Vệ Bắc Cung Quát thì có ghi ở việc đánh Tần, vì đã nhanh nhẹn. Xét ý Kinh Xuân Thu, là khen chính chê tà, chứ có đâu chỉ khen, chê vì lười nhác, chăm chỉ.

己未衛侯出奔齊

KỶ MÙI, VỆ HẦU XUẤT BÔN TỀ

NGÀY KỶ MÙI, VỆ HẦU CHẠY TRỐN SANG TỀ

Tả Thị - Vệ Hiến Công thết tiệc Tôn Văn Tử và Ninh Huệ Tử. Hai người mặc áo trào tiến vào cung. Đến buổi chiều mà vua cũng chưa triệu vào hỏi, vẫn còn ở trong vườn bắn ngỗng. Hai người đi ra vườn. Vua không bỏ mũ săn, đứng nói chuyện. Hai người giận lắm. Tôn Văn Tử lui về ấp Thích, ấp riêng. Con là Tôn Khoái có việc vào triều. Vua cho uống rượu, bảo Nhạc sư ca thiên cuối bài Sảo ngôn, Kinh Thi. Nhạc sư từ chối vì biết ý vua muốn trách hành vi của Tôn Văn Tử. Người Phó là Sư Tào xin phép ca thay.

Xưa kia, Vệ Hiến Công có người bế thiếp, Công sai Sư Tào dạy cho gảy đàn cầm. Sư Tào cầm roi vút người thiếp. Công giận, cho nọc Tào đánh ba trăm roi. Nay Tào muốn ca thiên Sảo ngôn, để cho Tôn Tử oán Công, mà riêng mình biết thế là báo thù được Công, Vệ Hiến Công sai Tào ca rồi tụng (dịch nghĩa). Khoái sợ, về báo cho Tôn Văn Tử biết. Văn Tử nói: "Vua sợ ta, nếu ta không hành động trước, ta sẽ chết".

Mới tập hợp cả nhà tại ấp Thích. Rồi sai người về Thành nói với Cừ Bá Ngọc rằng: Sự bạo ngược của vua quá rõ rồi. Xã tắc sẽ nghiêng đổ. Nay ông nghĩ sao. Cừ Bá Ngọc đáp: Vua trị nước, bầy tôi nào dám chống lại. Dù ta có chống lại, người nói ngôi liệu có được hay hơn không. Thế là Cừ Bá Ngọc bỏ nước, tìm lối cửa quan gần nhất ra đi. Vua Vệ sai ba người trong hàng thân thích là Tử Kiều, Tử Bá, giàn xếp với Tôn

Tử thề ở Khưu Cung gần ấp Thích. Tôn Tử giết cả ba người. Tháng Tư ngày Kỷ Mùi, Tử Triển chạy sang Tề. Hiến Công chạy tới ấp Quyến trong nước Vệ, rồi sai Tử Hành tới Văn Tử để giàn xếp. Văn Tử lại giết đi. Vệ Công chạy sang Tề. Họ Tôn đuổi theo, đánh tan quân của Công tại A Trạch. Một số quân bị dân ấp Quyết bắt.

Xưa, ở Vệ, Doãn Công Đà học bắn, thầy dạy là Dũng Công Sai. Thầy dạy Dữu Công Sai là Công Tôn Đinh. Đà và Sai đuổi theo Hiến Công, mà Công Tôn Đinh thì đánh xe cho Công chạy. Tử Ngưu (Dữu Công Sai) nói: Nếu tôi bắn người đánh xe, thì tôi bội ơn thầy. Nếu không bắn thì tôi sẽ chết. Vậy tôi bắn chỗ không, cho tắc trách. Mới bắn vào càng xe rồi rút lui. Doãn Công Đà càng lui, nói: Công Tôn Đình là thầy của thầy, nhưng không phải thầy tôi. Nói xong quay lại đánh. Đinh đưa giây cương cho vua, rút tên bắn ra một phát, thủng cánh tay Đà.

Tử Tiên, em Hiến Công, theo Công tới biên giới. Vua sai chức Vu Chúc (coi việc cúng tế) trở lại đô, tế miếu, báo cáo việc vua ra khỏi nước, và không có lỗi gì. Định Khương nói: "Nếu không có thần thì cáo ai. Nếu có thần thì không nên cáo những điều dối trá. Vua có lỗi, sao lại cáo là không. Vua đã xa đại thần, chỉ cùng bàn luận với bọn dưới, đó là một tội. Tiến quân đã để lại cho hai vị Khanh, làm chức Sư, Bảo, mà Vua khinh thị, đó là hai tội. Tôi là vua chính thức mà Vua đối đãi như hàng thiếp, đó là ba tội. Vậy chỉ được báo cáo thần linh là xuất ngoại, chứ không nói là vô tội".

Lỗ Công sai Hậu Thành Thúc tới Vệ thăm viếng nói: Quả quân tôi sai Tích tôi tới, vì nghe thấy nhà vua đã rời xã tắc, mà ra đi khỏi nước. Vậy xin thăm hỏi, và vì tình đồng minh cho Tích tôi nói với các quan rằng: Vua không biết chia lo với nước khác, bầy tôi không cẩn mẫn. Vua không khoan xá, tôi làm thế nào đúng chức vụ. Gây loạn, phóng túng. Như thế, còn làm thế nào được". Vệ sai Thái Phúc Nghi đáp: "Bầy tôi Vệ chúng tôi, vô tài đã có lỗi với vua chúng tôi. Vua không trừng trị ngay, nay phải xuất ngoại. Để cho vua Lỗ phải lo buồn. Nhà vua không quên tình giao hiếu với các tiên quân mà còn thăm viếng và

thương sót quần thần, xin tạ ơn nhà vua đã đoái tới, và lại tạ ơn nhà vua về các thứ đã ban cấp cho".

Khi Hậu Tôn (Thành Phúc) về Lỗ phục mệnh, có nói với Tang Vũ Trọng rằng: "Tôi nghĩ vua Vệ chắc trở về nước được, vì ở trong đã có Thái Thúc Nghi coi việc nước, ở ngoài thì có em là Chuyên (Tử Tiên) đi theo. Người coi nội vụ, người coi ngoại giao. Thế nào cũng về được".

Người Tề tạm thời cho vua Vệ ở ấp Lai (Khi Hiến Công trở về Vệ, vì tính tham lam, đem cả gạo trữ ở Lai về Vệ).

Hữu Tể Cốc, đã theo vua xuất ngoại. Sau nghĩ hối, lại bỏ vua trốn về Vệ. Người Vệ định giết về tội bỏ nước đi. Cốc cãi: "Có phải là tôi thích đi đâu. Tôi như cái áo bằng hồ cừu, mà cánh tay thì lại là lông dê (xấu lẫn đẹp). Tội tôi nhẹ". Người Vệ tha không giết. Người Vệ lập lên ngôi, cháu Mục Công tên là Phiếu, Tôn Lâm Phủ và Ninh Thực giúp, trong khi đợi chư hầu định đoạt.

Khi Vệ Hiến Công ở đất Lai, Lỗ Tang Hột sang Tề, vấn an vua Vệ. Khi nói truyện, Vua Vệ có vẻ ngược. Hột khi lui ra, có bảo tuỳ tùng: "Vua Vệ không về nước được đâu. Ngôn ngữ dơ bẩn, đã đi đày, mà còn không sửa đổi nết, thì trở lại ngôi sao được". Tử Triển, Tử Tiên nghe nói đến yết kiến Tang Hột, cùng đàm đạo. Tang Hột vui, lại nói với tùy tùng: "Thế thì vua về được. Có hai đại phu nâng đỡ thúc đẩy, như thế tất là về được".

Lai là nước Tề đã diệt.

Vương Tiêu - Xét Kinh Xuân Thu duy có việc giết vua là chép Mỗ giết vua. Còn việc vua vì kẻ dưới đuổi đi, thì chỉ chép vua xuất bôn mà thôi. Bầy tôi bị đuổi, cũng chép Giáp chạy trốn đến đất Ất. Hồ Truyện bảo rằng: "Sử chép Tôn Lâm Phủ. Ninh Thực, đuổi vua, mà Trọng Ni san đi, chỉ chép Vệ Hầu xuất bôn, e rằng không có lý đó. Đuổi đi, tức là không ai dung được, rồi bị đuổi. Tôi con, đối với vua cha, mà viên chức sử quan cứ thẳng chép vào thẻ, chắc không có thế. Cho nên chỉ chép là xuất bôn mà thôi. Chép là xuất bôn, hoặc là vua vô đạo, hoặc là thần thế mạnh, thì cứ so xét các việc sẽ biết. Nếu cứ chuyên đổ tội cho vua, thì hại cho sự giáo huấn.

Nghiêm Khải Long - Hồ Truyện bảo rằng không chép người bầy tôi đuổi vua, mà chép hẳn là tự mình bôn, chạy, giữ lấy tiếng tự mình, thế là để cảnh cáo hạng làm vua, cho đời sau noi gương. Nghiêm Thị lại nói: Tại sao bị đuổi, là vì đã bạo ngược với dân, đã túng dục không giữ gìn, bỏ cả đạo đất trời. Vậy thì Kinh đã hoàn toàn đổ trách nhiệm vào vua, mà không trách Lâm Phủ hay sao thế tức là dạy cho người thiên hạ, việc giết vua, đuổi vua.

Xét - Kinh Xuân Thu, về việc Vệ Hầu xuất bôn, không chép giặc đuổi vua, mà lại nói là vua xuất bôn. Đỗ, Uông, Khổng Sớ, đều cho là trách vua, mà Hồ Truyện theo. Như thế không đúng ý của Kinh Xuân Thu. Bầy tôi mà đuổi vua, tội nào to bằng. Mà bảo rằng Thánh nhân chuyên trách vua, liệu có lý không. Cho nên Vương Tiêu, Nghiêm thị đều bác đi.

Phụ Lục Tả Truyện - Sau khi đánh Tần về, vua Tấn bãi đạo quân thứ tư là đạo Tân quân. Thế là đúng lễ nghi. Nước chư hầu lớn chỉ có được một nửa số đạo quân của nước Thiên Tử. Nước Thiên Tử có sáu quân, nước chư hầu lớn có ba quân. Khi đó, Tri Sóc sinh ra Dinh rồi chết. Dinh sinh được sáu năm, thì Vũ Tử chết. Trệ Cầu còn bé, đều chưa lập lên được. Tân quân không có chủ soái cho nên bãi.

Sư khoáng đứng hầu Tấn Hầu. Tấn Hầu hỏi: Người Vệ đã đuổi vua. Tội rất nặng. Khoáng đáp: Hay là vua Vệ có nhiều lỗi to. Một vua tốt thì thưởng thiện trừng ác, coi dân như con, che chở như trời đất che chở mọi vật. Dân đối với vua, yêu quí như con đối với cha mẹ, tin tưởng coi như mặt trời, mặt trăng, cung kính như quỷ thần, sợ hãi như sấm sét. Như thế sao lại còn đuổi. Vua thì phải thờ thần, thương dân. Nếu để cho dân phải cùng khốn, nếu để cho dân thiếu hưởng, thì dân không con trông cậy vào ai, mà thần không ai coi sóc. Vua như thế còn có ích gì cho thần dân. Sao lại không đuổi. Trời cho dân sống, rồi đặt ra vua để chăn nuôi, cho dân khỏi mất tính trời. Đã có vua, trời lại cho tướng để khuyên răn giữ gìn, khỏi làm việc gì quá mức. Thế cho nên Thiên Tử có các vị Công, Chư hầu có các vị Khanh. Khanh dưới quyền mình có nhiều chi họ. Đại phu thì có dưới quyền mình các ngành họ. Sĩ thì có bạn bè. Trong dân

gian, công, thương, lại, lệ, phu dịch, đều có thân thích, bạn bè giúp đỡ. Khi họ làm điều thiện, thì được thưởng. Khi họ làm điều dở thì phải trị. Khi họ có nạn thì phải cứu. Khi họ lạc lối, thì phải dìu dắt trên đường phải. Từ Thiên Tử trở xuống, ai cũng có cha, anh, con em để xét xử việc làm. Sử quan biên chép. Nhạc quan gom góp ca dao. Ca công hát những bài can gián. Đại phu chỉ dẫn những phép tắc. Các quan dưới trình lại lời phẩm bình trong dân gian. Dân gian thì chê khen. Người buôn bán bày hàng ngoài chợ. Người công nghệ phô trương đồ làm ra. Trong sách Hạ Thư có nói: Người lính đánh mõ truyền lệnh đi khắp các ngả, phải rao: Các quan có phận sự làm sáng tỏ việc trị dân; dạy dân các công nghệ, phải trình bày vật dụng có tính cách can gián. Mỗi đầu xuân, là có lệ đó, mà lệ đó là thường. Trời vốn yêu dân, trời đâu có để cho một người dùng người, cứ theo ý gian tà của mình, trái với tính trời đất. Chắc không bao giờ có thể.

Xét - Thời đó, nghiệp Bá của Điệu Công suy dần, không còn giữ được chí của Lệ Công. Đại phu cầm quyền chính như bọn Tuân Yển, đều lấy bọn Tôn Minh làm phe đảng, cho nên sử chép có nhiều việc có tội với danh giáo.

莒人侵我冬鄙

CỬ NHÂN XÂM NGÃ ĐÔNG BỈ

NGƯỜI CỬ XÂM BIÊN GIỚI PHÍA ĐÔNG NƯỚC TA

Uông Khắc Khoan - Việc bắt ở Cức Lương thế là có nguyên do.

秋楚公子貞帥師伐吳

THU, SỞ CÔNG TỬ TRINH SUẤT PHẠT NGÔ

MÙA THU, CÔNG TỬ TRINH NƯỚC SỞ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Mùa thu, vua Sở, Sở Tử, vì trận Dung Phố, ra lệnh: Tử Nang mới họp binh ở đất Đường (nước Sở) để đi đánh Ngô.

Ngô không ứng chiến. Tử Nang đem quân về, đi sau cùng, nghĩ là Ngô không dám làm gì, không phòng bị, Quân Ngô đi qua ải Cao Chu đón đánh. Quân Sở đầu đuôi không cứu được nhau, bị thua. Ngô bắt được Công Tử Nghi Cốc.

Phụ lục Tả Truyện - Thiên Tử sai Lưu Đình Công tới Tề mệnh cho Tề Hầu rằng: "Xưa Thái Công giúp các tiên vương như cánh tay phải của nhà Chu, dạy dỗ che chở muôn dân. Tiên vương thưởng công Thái Công, phong cho ở đất đông hải. Chu thất vững được là nhờ Thái Công. Nay ta mệnh cho người là Hoàn (Linh Công) cứ theo điển lễ Thái Công đã vạch ra, để ngươi theo dõi. Ngươi cung kính noi theo, đừng trễ nhác mệnh ta".

冬 季 孫 宿 會 晉 士 丐 宋 華 閱 衛 孫 林 斧 鄭 公 孫 蠆 莒 人 邾 人 于 戚

ĐÔNG, QUÍ TÔN TÚC HỘI TẤN SĨ CÁI, TỐNG HOA DUYỆT, VỆ TÔN LÂM PHỦ, TRỊNH CÔNG TÔN MẠI, CỬ NHÂN, CHÂU NHÂN VU THÍCH

MÙA ĐÔNG, QUÍ TÔN TÚC HỘI VỚI TẤN SĨ CÁI, TỐNG HOA DUYỆT, VỆ TÔN LÂM PHỦ, TRỊNH CÔNG TÔN MẠI, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI CHÂU, TẠI ẤP THÍCH

Tả Thị - Tấn Hầu hỏi Trung Hàng Hiến Tử về việc Vệ (Hiến Công bị đuổi), Hiến Tử đáp: Không gì bằng giúp nước Vệ được yên loạn. Vệ đã có vua mới. Đánh thì chưa chắc đã được như ý muốn, mà bắt chư hầu thì khó nhọc. Sử Dật có nói: Dựa vào một vật nặng cho nó thêm vững. Trọng Hủy có nói: Khinh những kẻ tự hại mình, chiếm những nước gây loạn, đánh đổ những nước suy vong, cố giúp những kẻ vững mạnh. Đó là thuật làm cho nước hưng thịnh. Xin nhà vua giúp Vệ, cố giữ vững, để chờ tới khi nào nên đánh, tức là khi Vệ loạn.

Mùa đông, có hội ở Thích, bàn định về việc Vệ. Phạm Tuyên Tử mượn của vua Tề cờ vũ mao, rồi trả lại. Từ đó dần dần Tề xa Tấn.

Phụ lục Tả Truyện - Tử Nang nước Sở, sau khi đánh Ngô về, mất. Khi gần mất, có dặn lại Tử Canh phải kiên cố thành Dĩnh (thành mới nước Sở). Người quân tử bàn rằng: Tử Nang, khi vua mất, cố đặt một thụy hiệu hay, khi mình gần mất, không quên giữ việc giữ gìn xã tắc, thế là trung. Trung với vua, tức là dân vọng của dân. Kinh Thi có nói: Hướng về Chu, muôn dân trông ngóng, thế là trung.

Năm Quí Mão, Vua Linh Vương, năm thứ 14

十 有 五 年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Điệu, năm thứ 15, Tề Linh, năm thứ 24. Vệ Hiến, năm thứ 19. Sái Cảnh, năm thứ 34. Trịnh Giản, năm thứ 8. Tào Thành, năm thứ 20. Trần Ai, năm thứ 11. Kỷ Hiếu, năm thứ 9. Tống Bình, năm thứ 18. Tần Cảnh, năm thứ 19. Sở Khang, năm thứ 2. Ngô Chư Phàn, năm thứ 3.

春 宋 公 使 向 戌 來 聘 二 月 己 亥 及 向 戌 盟 于 劉

XUÂN, TỐNG CÔNG SỬ HƯỚNG THÚ LAI SÍNH. NHỊ NGUYỆT, KỶ HỢI, CẠP HƯỚNG THÚ MINH VU LƯU

MÙA XUÂN, TỐNG CÔNG SAI HƯỚNG THÚ TỚI LỖ LỄ SÍNH. THÁNG 2, NGÀY KỶ HỢI, CÙNG HƯỚNG THÚ, THỀ TẠI ĐẤT LƯU, NGOÀI THÀNH NƯỚC LỖ

Tả Thị - Năm thứ 15, Tống Hương Thú, tới sính và xin thề. Tới năm Mạnh Hiến Tử, có chê dinh thự quá xa xỉ, nói: Ngài có tiếng tốt, mà nhà cửa lộng lẫy, thì không phải là điều hay. Đáp: Trong khi tôi ở Tấn, ông anh tôi cho sửa sang, hủy đi thì lại phải thêm công. Mà tôi cũng không dám trái ý anh tôi.

劉 夏 逆 王 后 于 齊

LƯU HẠ NGHỊCH VƯƠNG HẬU VU TỀ

LƯU HẠ ĐÓN VƯƠNG HẬU TẠI TỀ

Tả Thị - Một viên quan thường, tùy tùng của Tĩnh Công (Tĩnh Công là Khanh Sĩ triều Chu), sang Tề đón Vương Hậu, chứ vị Khanh sĩ không thân hành đi. Như thế là trái lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Công Tử Ngọ nước Sở làm Lệnh Doãn. Công Tử Bãi Nhung làm Hữu Lệnh Doãn. Vi Tử Bằng làm Đại Tư Mã. Công Tử Thác Sư làm Hữu Tư Mã. Công Tử Thành làm Tả Tư Mã. Khuất Đáo làm Chức Mạc Ngao. Công Tử Chuy Thư làm Cung Cứu Doãn. Dân Sở vì thế được yên. Người quân tử cho là vua Sở biết bọn người làm quan. Biết chọn là việc cần nhất, dân không hỗn độn. Trong Kinh Thi có câu: Thương thay, ta mong mỏi những người được chọn trong các cấp. Câu ấy nghĩa là cách chọn người, vua rồi đến Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, rồi đến các đại phu, người nào ở thứ bực người ấy. Thế là "trong các cấp".

Họ Uý, họ Tư, làm loạn ở nước Trịnh khi trước, bọn cướp còn sót lại chạy được sang Tống. Người Trịnh vì có các vị Tử Tây, Bá Hưu, Tử Sản, mới hối lộ cho Tống bốn chục ngựa giong vào xe, và hai nhạc sư là Phiệt và Tuệ, để bắt lại bọn cướp. Tháng ba, Công Tôn Hắc, sang Tống làm con tin. Chức Tư Thành nước Tống là Tử Hãn, bắt lấy Đỗ Nhữ Phủ, Uý Phiên và Tư Tè giao cho Trịnh. Vì quý Tư Thần, Tử Hãn tha cho, và giao cho Lỗ Quí Vũ Tử. Vũ Tử cho ở đất Biện, Người Trịnh đem ba tên làm mắm.

Nhạc sư Tuệ, đi qua sân triều (nước Tống). Sắp tiểu tiện. Người dắt nói, đây là Cung. Tuệ nói, không có người ở. Hỏi: Sao lại không? Đáp: Chắc là không. Vì nếu còn có người, thì sao lại đổi cho một nước nhỏ, ba người đó là hai anh mù, ca đàn nhảm nhí. Tử Hãn biết chuyện, cố xin vua, cho hai anh em mù trở về Trịnh.

Công Thị - Lưu Hạ là ai? Là đại phu của Thiên Tử. Lưu là tên ấp. Gọi là Lưu là lấy ấp làm họ. Nước ngoài đón vợ không chép. Đây chép là qua nước ta.

Cốc Thị - Qua nước ta, cho nên chép.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói thế là sai. Vương Hậu là bực tôn. Theo lễ là nên chép. Đâu có phải đặt ra lệ qua nước ta mới chép. Tuy nhiên, các Vương Hậu khác không thấy nói. Là vì khi vị Thái Tử được lập thì khi Thái Tử lên ngôi, vợ thành Hậu, cho nên không có dịp nói tới.

Tôn Giác - Thiên Tử không có lễ thân nghênh. Việc đón Hậu thì sai Tam Công. Kinh Xuân Thu hai lần chép việc đón Hậu: Sái Công mà chép vì một lần đi làm hai việc là chê. Lưu Hạ đi đón bị chê vì không phải chức Tam Công. Thời Xuân Thu có 12 đời vua Chu, mà duy chép có hai việc đón Hậu, thì biết rằng chỉ chép việc không đúng lễ.

夏 齊 侯 伐 我 北 鄙 圍 成 公 救 成 至 遇

HẠ, TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ, VI THÀNH CÔNG CỨU THÀNH, CHÍ NGỘ

MÙA HẠ, TỀ ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC LỖ TA, VÂY ẤP THÀNH, LỖ CÔNG CỨU THÀNH, QUÂN TIẾN TỚI ĐẤT NGỘ (NƯỚC LỖ)

Công Thị - Sao nói là tới đất Ngộ? Là không dám tiến nữa.

癸 孫 宿 叔 孫 豹 帥 師 城 成 郛

QUÍ TÔN TÚC, THÚC TÔN BÁO, SUẤT SƯ THÀNH THÀNH PHU

QUÍ TÔN TÚC, THÚC TÔN BÁO, CẦM QUÂN, ĐẮP LŨY QUANH ẤP THÀNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tề Hầu vây Thành vì Tề đã bỏ Tấn. Vì thế mới có việc đắp lũy ấp Thành.

Cao Kháng - Đây là ấp của Mạnh Tôn. Thế mà Quí Tôn Thúc Tôn cầm quân để đắp lũy. Mới biết là Ba nhà họp lại, cứ lấy tiếng là vì nước, vì giữ nước mà để sai bảo dân để làm cho thành ấp riêng của mình được kiên cố, vững chắc, dễ chống

giữ. Kết quả là mối lo cho nước Lỗ, nước Lỗ không thể nào dẹp được ba nhà nữa.

Trương Hiệp - Trước khi có việc thì không có phòng bị. Khi giặc đi rồi thì mới đắp thành, thế là muộn.

秋八月丁巳日有食之

THU, BÁT NGUYỆT, ĐINH TỴ, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY ĐINH TỴ, CÓ NHẬT THỰC

邾人伐我南鄙

CHÂU NHÂN PHẠT NGÃ NAM BỈ

NGƯỜI CHÂU ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA NAM NƯỚC TA

Tả Thị - Mùa thu, người Châu đánh Nam Bỉ nước ta. Ta báo cáo với Tấn. Tấn sắp họp hội để đánh Châu và Cử. Tấn Hầu có bệnh mới thôi. Mùa đông, Tấn Điệu Công mất. Thôi không hội nữa.

冬十有一月癸亥晉侯周卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, QÚI HỢI, TẤN HẦU CHU TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY QUÍ HỢI, TẤN HẦU TÊN LÀ CHU, MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Công Tôn Hạ nước Trịnh sang Tấn về việc tang. Tử Kiều thì dự lễ táng.

Một người nước Tống được viên ngọc, biếu Tống Tử Hãn, Tử Hãn không nhận. Người ấy nói: "Tôi đã cho thợ coi, bảo là ngọc quý, cho nên mới dám hiến ngài". Tử Hãn nói: "Tôi thì cho tính không tham lam là quý. Ngươi thì lấy ngọc làm quý. Nếu tôi lấy ngọc thì hai người cùng mất của quý. Thôi thì người nào giữ của quí của người ấy". Người đó mới rạp đầu lạy nói: "Tôi không có ngọc không dám đi ra khỏi làng (sợ bị giết). Biếu ngài,

chỉ là để cầu khỏi chết". Tử Hãn mới cho ở gần nhà, rồi sai thợ ngọc mài giũa ngọc, bán được tiền, giao tiền cho người đó rồi cho được ra về.

Tháng 12, người Trịnh cướp vợ Đỗ Cẩu, đưa về nhà họ Phạm nước Tấn, là nhà họ bố mẹ người vợ. (Đỗ Cẩu có họ với Đỗ Nhữ Phủ)

Năm Giáp Thìn. Vua Linh Vương, năm thứ 15.

十 有 六 月
THẬP HỮU LỤC NIÊN
NĂM THỨ 16

Tấn Bình Công Hào năm đầu. Tề Linh, năm thứ 25. Vệ Hiến năm thứ 20. Thương năm thứ 2. Sái Cảnh, năm thứ 35. Trịnh Giản, năm thứ 9. Tào Thành, năm thứ 21. Trần Ai, năm thứ 12. Kỷ Hiếu, năm thứ 10. Tống Bình năm thứ 19. Tần Cảnh, năm thứ 20. Sở Khang, năm thứ 3. Ngô Chư Phàn, năm thứ 4.

春王正月葬晉悼公

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT TÁNG TẤN ĐIỆU CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỄ CHÔN TẤN ĐIỆU CÔNG

三月公會晉侯宋公衛侯鄭伯莒子邾子薛伯杞伯小邾子于湨梁戊寅大夫盟

TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ VU CỨC LƯƠNG, MẬU DẦN, ĐẠI PHU MINH

THÁNG BA, LỖ CÔNG HỘI TẠI CỨC LƯƠNG, VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, NGÀY MẬU DẦN, CÁC ĐẠI PHU THỀ

Tả Thị - Tấn Bình Công lên ngôi. Dương Thiệt Hật làm Thái Phó. Trương Quân Thần làm Trung quân Tư Mã, Kỳ Hề, Hàn Tương, Loan Doanh Sĩ Ưởng làm Công tộc đại phu. Ngưu Khưu làm Thừa mã Ngự. Khi đã thay áo lễ táng, Bình công mới tổ chức các việc. Tế Chưng ở ấp Khúc Ốc. Ra lệnh canh giữ các ấp, rồi đi ra phía đông, tới Cức Lương họp với chư hầu truyền cho mọi chư hầu phải trả lại chủ cũ các đất chiếm đoạt. Thết tiệc chư hầu tại đất Ôn. Sai các đại phu múa hát, và bảo rằng, các thi ca phải có hòa khí. Đến lượt Cao Hậu nước Tề, ca thi không có hòa khí. Tuân Yển giận nói: Chư hầu có ý rời ta. Mới sai các đại phu thề với Cao Hậu, Cao Hậu lén trốn về Tề. Thế là Thúc Tôn Báo, Tấn Tuân Yển, Tống Hướng Thúc, Vệ Ninh Thực, Trịnh Công Tôn Mại, đại phu Tiểu Châu cùng thề rằng: Chúng ta sẽ trị những chư hầu nào không chầu Tấn.

Công Thị - Vua chư hầu đều có mặt, mà sao lại nói là đại phu thề. Thế là tin ở đại phu. Chép để chê đại phu, vua chỉ là hư vị.

Cốc Thị - Hội Cức Lương, vua Chư hầu đã mất quyền chính. Đại phu thề, thế là đại phu nắm chính quyền. Có vua mà nói đại phu thề, thế là đại phu bất thần, không phải là bầy tôi nữa.

Hồ Truyện - Hội Mầu Khưu, chư hầu đã đình quân tại đất Khuông thì chép rằng: Công Tôn Ngao cầm quân cùng đại phu của chư hầu cứu nước Từ. Hội Khê Trạch, vua chư hầu đã thề mà Trần Hầu còn sai Viên Kiều tới hội, thì chép rằng: Thúc Tôn Báo cùng đại phu của chư hầu, cùng Trần Viên Kiều thề. Nay hội Cức Lương, vua chư hầu đều có mặt, nếu như muốn sai đại phu thề, thì chép Lỗ Khanh cùng các đại phu chư hầu thề cũng được, mà chỉ chép là đại phu tại sao. Thế là vua chư hầu mất quyền chính, đại phu đều bất thần rồi. Trước hai năm, mùa xuân, tháng giêng, tại Hướng hội, đại phu 14 nước. Mùa hạ, tháng tư, hội để đánh Tần, có đại phu 13 nước. Mùa đông, hội tại Thích, có đại phu 7 nước. Họp ba hội đó đều là vì việc lớn cả. Mà sai đại phu chuyên quyền, còn vua thì không dự. Tức là vua các nước đều không làm chính, không thân coi chính; các việc lễ, nhạc chinh phạt đều do đại phu. Huống chi Điệu Công đã mất, Tấn Bình Công mới nối ngôi, không có được sự sáng suốt của vua trước. Vua thành bù nhìn, mà đại phu thì có thế. Tình thế làm ra như thế, có phải một sớm một tối mà biến đổi được. Điều thiện cũng như điều ác, điều hay cũng như điều dở, là từ chỗ nhỏ nhặt súc tích lại, lẽ thường là vì không để ý từ khi chưa xảy ra. Các việc như, Tuân Yển giận, đại phu thề, rồi đến Tấn Tình Công bị phế, Triệu Tịch, Hàn Kiền, Ngụy Kỳ, thế càng ngày càng to, coi các việc đó thì đã có nước, nên cẩn thận về lễ nghi, đừng có luộm thuộm, đó là Kinh Xuân Thu treo gương cho đời sau.

Đỗ Dự - Kinh không chép Cao Hậu là vì Cao Hậu đã lén trốn về. Các đại phu các nước vốn là cùng về với Cao Hậu. Cao Hậu trốn đi, cho nên những vị còn ở lại mới cùng thề với nhau. Hội Khê Trạch thì cẩn thận ghi các chư hầu. Hội này, đại phu là quan trọng.

Khổng Dĩnh Đạt - Xét trong Truyện chép Tuân Yển giận, sai đại phu chư hầu cùng thề với Cao Hậu, là vì vua không ngang hàng với tôi, cho nên lấy đại phu thề, thế là vua sai thề, chứ không phải Tuân Yển chuyên quyền. Đều cho là Tề đã có nhị tâm. Thấy Cao Hậu thi ca không có ý hòa hiếu, biết rằng các nước nhỏ sẽ theo Tề, đại phu chư hầu bản tâm muốn cùng Cao Hậu thề, Cao Hậu tuy rằng đã trốn đi rồi, nhưng sợ các nước còn ở lại cũng nhị tâm nốt, cho nên các đại phu mới tự mình cùng thề với nhau, để cho những nước trong hội đều nhất chí, nhất tâm.

Hội ở Khê Trạch, Viên Kiều tới sau, cho nên lại nói lần nữa đến đại phu chư hầu. Nay không có việc gì khác xảy ra, cứ thẳng chép đại phu tức là ở trên, nói đại phu hội chứ không nói vua hội, ta có thể biết được duyên cớ.

Chu Tử - Năm vị Bá đã suy, ở Cức Lương, có vua chư hầu mà đại phu tự thề. Từ đó, việc hội sai ý nghĩa, không có gì hay nữa.

Xét - Hội Cức Lương, vua chư hầu có mặt đại phu thề, Công thị và Cốc thị đều cho là quyền hành rời về đại phu. Hồ Truyện và Chu Tử đều theo thuyết đó. Xét Kinh chép chữ đại phu mà lại tách rời vua chư hầu ra, so với hội Mẫu Khưu, hội Khê Trạch không giống nhau, thì vua y như bù nhìn, mà đại phu thì bất thần, thật là dễ nhận biết. Đỗ Chú, Khổng Sở, bảo là đại phu muốn bắt Cao Hậu thề. Hậu trốn. Đại phu còn lại, cùng thề, thì không phải là đại phu chuyên quyền, thuyết đó khác với thuyết Công Thị, Cốc Thị, Xét sự tình thời đó, cũng có phần đúng. Nay cả hai thuyết đều chép lại.

晉人執莒子邾子以歸

TẤN NHÂN CHẤP CỬ TỬ, CHÂU TỬ, DĨ QUY

NGƯỜI TẤN BẮT TỬ CỬ, CHÂU TỬ, ĐEM VỀ

Tả Thị - Vì nước Lỗ ta, Tấn mới bắt Châu Tuyên Công, Cử Lệ Tị Công và cho là thông hiếu với Tề và Sở.

Cao Kháng - Chư hầu có tội, bắt lấy đem về, mà không đem về Kinh sư nhà Chu. Thế là mình đã bất thần, lại đi trị người. Thế là bất chính, cho nên chép là người Tấn. Mà hai vua Cử, Châu không chép tên.

齊 侯 伐 我 北 鄙

TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ

TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA

夏 公 至 自 會

HẠ, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA HẠ, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

五 月 甲 子 地 震

NGŨ NGUYỆT GIÁP TÝ, ĐỊA CHẤN

THÁNG NĂM, NGÀY GIÁP TÝ, CÓ ĐỘNG ĐẤT

叔 老 會 鄭 伯 晉 荀 偃 衛 甯 食 宋 人 伐 許

THÚC LÃO HỘI TRỊNH BÁ, TẤN TUÂN YỂN, VỆ NINH THỰC, TỐNG NHÂN PHẠT HỨA

THÚC LÃO HỘI VỚI TRỊNH BÁ, TẤN TUÂN YỂN, VỆ NINH THỰC, NGƯỜI TỐNG, ĐỂ ĐÁNH HỨA

Tả Thị - Hứa Nam xin với Tấn thiên đô đến gần Tấn. Các chư hầu ưng thuận, nhưng các đại phu Hứa không muốn. Vua Tấn cho chư hầu ai về nước ấy. Trịnh Tử Kiểu biết là chư hầu sắp đánh Hứa, vội cùng Trịnh Bá đem quân theo quân chư hầu. Mục Thúc theo Lỗ Công (để cùng trở về Lỗ). Tề Tử cầm quân Lỗ họp với Tấn Tuân Yển. Kinh Xuân Thu chép là Tề Tử họp với Trịnh Bá (chép Trịnh Bá trước, dù Tuân Yển là chủ súy, vì vua phải trước bầy tôi). Mùa hạ tháng 6, quân dừng tại đất Vực Lâm. Ngày canh dần, đánh Hứa, quân dừng tại đất Hàm Thị, Tấn Tuân Yển, Nhạc Yêm, cầm quân đánh Sở,

để báo thù việc Tống Dương Lương. Công Tử Cách nước Sở cầm quân, chiến đấu với quân Tấn tại đất Trạm Phản. Quân Sở tan vỡ. Quân Tấn tràn vào chung quanh Phương thành, quốc đô. Rồi lại đánh Hứa, xong mới kéo về Tấn. Vực Lâm, Hàm Thị, đều là đất nước Hứa.

Lưu Sưởng - Tả Thị bàn rằng. Kinh mà chép "hội Trịnh Bá" là vì giữ thứ bực giai cấp, ý nói vị Khanh của vua chư hầu hội với Bá, Tử, Nam cho nên mới chép như thế. Tả thị bàn sai. Người chủ việc binh ở trên, rồi cứ chép thứ bực sau. Vua chư hầu thì cùng vua chư hầu. Khanh, đại phu, thì cùng Khanh, đại phu. Nếu danh và vị không xứng nhau. Khanh tuy là chủ việc binh, nhưng vẫn cứ phải chép dưới vua chư hầu, là để quý tước của Thiên Tử ban. Bỏ vua chư hầu mà chỉ nói đến người chủ súy, thì vẫn có thể hiểu được, có gì mà phải nghi ngờ, bàn luận.

秋 齊 侯 伐 我 北 鄙 圍 成

THU, TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ, VI THÀNH

MÙA THU, TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA, VÂY ẤP THÀNH

Tả Thị - Mùa thu, Tề Hầu vây ấp Thành. Mạnh Nhu Tử Tốc (con Mạnh Hiến Tử) đón đánh. Tề Hầu nói: Thật là dũng sĩ. Nói rồi lui quân. Tốc vì thế được tiếng. Tốc chặn hết các đường hiểm trên bờ bể, rồi cũng kéo quân về (Về Lỗ).

大 雩

ĐẠI VU

LỄ ĐẢO VŨ

冬 叔 孫 豹 如 晉

ĐÔNG THÚC TÔN BÁO NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, THÚC TÔN BÁO SANG TẤN

Tả Thị - Mùa đông, Mục Thúc sang Tấn lễ sinh, và cũng

để nói truyện về Tề. Người Tấn nói: Quả quân tôi chưa tế đế, và dân mới đi trận về, chưa được nghỉ ngơi. Nếu không thì Tấn tôi đâu dám quên. Mục Thúc nói: Vì dân Tề sớm tối tham muốn chiếm đất tệ ấp, cho nên mới xin Tấn cứu giúp. Nước tôi ở trong cảnh nguy cấp, sáng còn chiều mất. Ngoảnh đầu về phía tây mong mỏi nói: Chắc ta được cứu. Tôi e rằng khi các ngài rảnh nhân, nghĩ đến chúng tôi, thì không còn kịp nữa. Mục Tuyết yết kiến Trung Hàng Hiến Tử ngâm thiên Kỳ Phủ Kinh Thi, Hiến Tử nói: Yển tôi biết tội rồi, đã không theo quân ra trận, cứu xã tắc ngài, và để cho Lỗ đến bước này. Mục Tử yết kiến Phạm Tuyên Tử, ngâm chương cuối thơ Hồng Nhạn. Tuyên Tử nói: Cái tôi hiểu ý rồi, dám đâu để dân Lỗ không nơi ở.

Năm Ất Tỵ, Vua Linh Vương, năm thứ 16.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tấn Bình, năm thứ 2. Tề Linh, năm thứ 26. Vệ Hiến, năm thứ 21. Thương năm thứ 3. Sái Cảnh, năm thứ 36. Trịnh Giản, năm thứ 10. Tào Thành, năm thứ 22. Trần Ai, năm thứ 13, Kỷ Hiếu, năm thứ 11. Tống Bình, năm thứ 20. Tần Cảnh, năm thứ 21. Sở Khang, năm thứ 4. Ngô Chư Phàn, năm thứ 5.

春王二月庚午邾子牼卒

XUÂN, VƯƠNG NHỊ NGUYỆT CANH NGỌ CHÂU TỬ KHANH TỐT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY CANH NGỌ, CHÂU TỬ TÊN LÀ KHANH MẤT

Tô Triệt - Không chép là về nước, vì không báo cáo.

宋人伐陳

TỐNG NHÂN PHẠT TRẦN

NGƯỜI TỐNG ĐÁNH NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Năm thứ 17, mùa xuân, Trang Triều nước Tống đánh nước Trần, bắt được Tư Đồ là Ngang, vì Ngang khinh chiến.

Gia Huyền Ông - Tống thế là quấy rối Sở. Năm thứ 11, Sở và Trịnh đánh Tống để quấy rối Tấn. Nay người Tống đánh Trần để quấy rối Sở. Xuân Thu trách.

夏衛石買帥師伐曹

HẠ VỆ THẠCH MÃI SUẤT SƯ PHẠT TÀO

MÙA HẠ, THẠCH MÃI NƯỚC VỆ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TÀO

Tả Thị - Tôn Khoái nước Vệ (con Tôn Lâm Phủ) đi săn ở biên giới nước Tào. Khi cho ngựa uống nước ở Trọng Khưu, có đánh vỡ bình nước của ấp Trọng Khưu. Dân ấp đánh cửa thành, rồi chửi rủa rằng: cha con mày đã đi đuổi vua, cha mày là loài quỷ. Đã không biết lo lại còn đi săn. Mùa hạ, Vệ Thạch Mãi và Tốn Khoái đánh Tào, chiếm Trọng Khưu. Người Tào kiện với Tấn.

Triệu Bằng Phi - Khi có Bá chủ giỏi trông coi, thì chư hầu vô cớ xâm phạt nhau. Vệ vô cớ đánh Tào là có liên lụy đến Tấn. Cho nên năm sau, Tấn bắt sứ giả của Vệ là Thạch Mãi.

秋齊侯伐我北鄙圍桃齊高厚

帥師伐我北鄙圍防

THU, TỀ HẦU PHẠT NGÃ BẮC BỈ, VI ĐÀO. TỀ CAO HẬU SUẤT SƯ PHẠT NGÃ BẮC BỈ VI PHÒNG

MÙA THU, TỀ HẦU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA, VÂY ẤP ĐÀO. CAO HẬU NƯỚC TỀ CẦM QUAN ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI PHÍA BẮC NƯỚC TA, VÂY ẤP PHÒNG

Tả Thị - Người Tề đánh ta, vì chưa bao giờ được đắc chí hẳn. Mùa thu, Tề Hầu đánh Bắc Bỉ, vây ấp Đào. Cao Hậu vây Tang Hột tại ấp Phòng. Quân đội Lỗ tiến qua Dương Quan, gần ấp Phòng để đi giải vây cho Tang Tôn (Tang Hộc), rồi tới đất Lữ Tùng. Thúc Lương Hột, Tang Trù, Tang Giả, với ba trăm giáp binh, đêm tối xong vào quân Tề, rồi hộ vệ Tang Hộc từ Phòng tới Lữ Tùng, xong lại trở lại giữ ấp Phòng. Quân Tề để cho đi qua, nhưng bắt được Tang Kiên (họ với Tang Hộc). Vua Tề cho hoạn giả là Túc Sa Vệ tới khuyên xin đừng tự vẫn. Kiên rập đầu lạy tạ nói: Xin đa tạ nhà vua đã ban mệnh. Nhưng đã ra ơn, không ra ơn trót. Sao lại cho một hoạn giả đến với một tướng quân. Thế là lấy cái que nhọn đâm vào vết thương rồi chết.

Gia Huyền Ông - Từ trận đánh ở đất An, Tề phải khuất phục Tấn. Nhưng vẫn lấy làm bất bình, cứ muốn gây với Lỗ để khích Tấn. Nay, hai vua, tôi, đem quận do hai đường tiến vào. Mà ba nhà ở Lỗ bó tay. Xuân Thu không riêng gì trách Tề, mà trách cả Lỗ.

九月大雩

CỬU NGUYỆT ĐẠI VU

THÁNG CHÍN, LỄ ĐẢO VŨ

宋 華 辰 出 奔 陳

TỐNG HOA THẦN XUẤT BÔN TRẦN

HOA THẦN, NƯỚC TỐNG RỜI NƯỚC, TRỐN TỚI NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Hoa Duyệt nước Tống mất rồi. Em là Hoa Tần nhận thấy con Duyệt là Tỉ yếu hèn, mới sai cướp giết Gia Tể là Hoa Ngô. Sáu tên cướp dùng giao đâm chết Ngô trước của Lư Môn, cửa thành, sau nhà ở cửa Tả Sư Hường Thú. Tả Sư sợ nói: Ông già ấy có tội gì đâu. Cướp nói: Cao Tỉ đáng nhẽ phải trị tội Ngô. Xong rồi, bắt giam vợ Ngô vào ngục tối, và bảo phải đưa cho ngọc quý. Vua Tống nghe tin bảo Hướng Thú: "Không những là Thần đã bạo ngược với người trong họ, mà lại còn làm loạn chính ở nước Tống. Phải đuổi đi". Tả Sư đáp: "Nhưng Thần là vị Khanh (giữ quyền chính). Đại thần mà làm bậy là nhục quốc thể. Tốt hơn là im hơi kín tiếng, ngơ đi". Thế là vua Tống không trị tội.

Tả Sư vọt lấy một cái roi ngựa ngắn, cứ mỗi khi đi qua nhà Thần, là gia roi đi cho nhanh (tựa như ghê tởm). Tháng 11, ngày Giáp Ngọ, người trong thành thấy có con chó dại chạy vào nhà Thần, nhân đuổi chó mới xông vào nhà Thần. Hoa Thần sợ mới chạy trốn sang nước Tần.

Đỗ Dự - Tàn bạo quấy rối tôn thất, sợ mà bỏ nước trốn đi. Thực ra mùa đông mới đi. Mà chép là mùa thu, vì cứ theo lời Tống bảo loạn lúc đầu mà chép.

冬 鄒 人 伐 我 南 鄙

ĐÔNG, CHÂU NHÂN PHẠT NGÃ NAM BỈ

MÙA ĐÔNG, NGƯỜI CHÂU ĐÁNH VÀO BIÊN GIỚI MIỀN NAM NƯỚC TA

Tả Thị - Mùa đông, người Châu đánh vào miền Nam biên giới nước ta vì Châu giúp nước Tề.

Phụ lục Tả Truyện - Hoàng Quốc Phủ, Thái Tể nước Tống sai dựng cho Tống Bình Công một cái đài, có hại cho nông phu gặt hái vì là giữa mùa gặt. Tử Hãn xin đợi sau mùa gặt. Bình

Công không nghe. Phụ dịch mới đặt ra khúc ca: Con người mặt trắng (Quốc Phủ) nhà ở gần cửa Trạch Môn bắt ta làm phu dịch. Con người mặt đen (Tử Hãn) nhà ở giữa đô thành còn thương ta. Tử Hãn nghe thấy, tay cầm gậy bắt phu hồ xếp hàng rồi đánh những kẻ trễ nhác, nói: Chúng ta thường dân ai chẳng có một cái liều tranh để tránh ẩm ướt nóng lạnh. Nay, vua bảo dựng một cái đài mà chểnh mảng công việc. Thế thì họp phu lại để làm gì. Có người hỏi Hãn về cử chỉ đó. Đáp: Nước Tống nhỏ, nếu sinh ra những kẻ thở lời nguyền rủa, thế là bắt đầu họa hoạn.

Án Hoàn Tử nước Tề mất. Con là Án Anh mặc áo sô gai, sổ gấu, có lá đắp trước ngực. Thắt lưng gai, dây gai tay cầm gậy, chân đi giày rơm, ăn cháo. Ở trong liều, tựa vào vách, ngủ trên rơm, đầu gối bó rơm. Gia Tể nói: Không phải nghi bực đại phu. Đáp: Chỉ có bực Khanh mới có quyền giữ lễ nghi, mà nay hàng đại phu tự nhận lấy.

Năm Bính Ngọ. Vua Linh Vương năm thứ 17.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tấn Bình, năm thứ 3. Tề Linh, năm thứ 27. Vệ Hiến, năm thứ 22. Thương, năm thứ 4. Sái Cảnh, năm thứ 37. Trịnh Giản, năm thứ 11. Tào Thành, năm thứ 23. Trần Ai, năm thứ 14. Kỷ Hiếu, năm thứ 12. Tống Bình, năm thứ 21. Tần Cảnh, năm thứ 21. Sở Khang, năm thứ 5. Ngô Chư Phàn, năm thứ 6.

春白狄來

XUÂN, BẠCH ĐỊCH LAI

MÙA XUÂN, BẠCH ĐỊCH TỚI LỖ

Tả Thị - Năm thứ 18, mùa xuân, Bạch Địch lần đầu tới Lỗ.

Công Thị - Bạch Địch là ai? Là vua Di Địch. Sao không chép là chầu. Vì không biết chầu.

Cao Kháng - Kinh Xuân Thu chép, thế là Bạch Địch mới lên ngôi. Bạch Địch tới, cũng giống trước kia, Giới Cát Lư tới.

夏晉人執衛行人石買

HẠ, TẤN NHÂN CHẤP VỆ HÀNH NHÂN THẠCH MÃI

MÙA HẠ, NGƯỜI TẤN BẮT SỨ GIẢ VỆ LÀ THẠCH MÃI

Tả Thị - Mùa hạ, người Tấn bắt sứ giả Vệ là Thạch Mãi tại đất Trưởng Tử, bắt Tôn Khoái nước Vệ tại đất Thuần Lưu, vì muốn báo thù cho Tào.

Cốc Thị - Gọi là sứ giả, là nói tiếp việc trên.

Trương Hiệp - Việc bắt Thạch Mãi có ba điều không nên: Một là bỏ trên mà trị dưới, hai là sứ giả không được bắt, ba là bắt mà không giải về Kinh sư Chu. Ba điều không nên, mà chỉ phạm một điều là không phải chức vụ Bá chủ trị tội, huống hồ kiêm cả ba.

秋齊師伐我北鄙

THU, TỀ SƯ PHẠT NGÃ BẮC BỈ

MÙA THU, QUÂN TỀ ĐÁNH VÀO PHÍA BẮC BIÊN GIỚI NƯỚC LỖ TA

Hứa Hàn - Trong khoảng bốn năm, có sáu lần đánh biên giới, mà bốn lần vây ấp. Rồi lại thêm vào nước Châu, nước Cử, hoành hành chư hầu chưa bao giờ lăn bạo đến mức đó. Gây việc binh như thế cho nên suýt mất nước.

冬十月公會晉侯宋公衛侯鄭伯曹伯莒子邾子滕子薛伯杞伯小邾子同圍齊

ĐÔNG THẬP NGUYỆT, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU KỶ, ĐỒNG VI TỀ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, ĐỂ CÙNG VÂY TỀ

Tả Thị - Tề Hầu đánh bắc bỉ ta, về mùa thu. Trung Hàng Hiến Tử nước Tấn sửa soạn đánh Tề, nằm mê thấy cùng Lệ Công nước Tấn có việc kiện cáo. Bị thua kiện lại bị Lệ Công cầm giáo đánh, đầu rơi xuống đất phía trước, vội hai tay nhặt lấy đầu chấp lại, giữ lấy rồi chạy rồi gặp chức Vu Chúc Cao. Một ngày khác, gặp Vu Chúc Cao mới biết hai người có cùng chung một mộng. Cao nói: Thế là điềm ngày sắp chết. Nhưng nếu ngài có việc ở phương đông, thì có thể được như ý muốn. Hiến Tử xin vâng.

Tấn Hầu đánh Tề sắp qua sông. Hiến Tử buộc hai đôi ngọc bằng dây tơ, khấn thần sông Hoàng: Tề Hoàn (vua Tề) cậy thế núi hiểm trở, cậy quân đông, đã vi phạm minh ước, đã tàn nhẫn với thần dân. Thần là Bưu (tên Tấn Bình Công) dẫn chư hầu đi trừng trị. Tôi là Yển, tướng tá của vua tôi, hoặc đi tiên phong hoặc đi theo hầu. Nếu thắng trận thì vua tôi không để cho cho thần linh mang tiếng. Còn như bầy tôi Yển, biết rằng đã qua sông thì không trở lại được, tôi sẽ không trở lại. Kính xin thần linh tùy định đoạt. Khấn xong ném ngọc xuống sông.

Mùa đông, tháng 10, Tấn Hầu cùng chư hầu hội tại bờ sông Tế, trên đất Lỗ, khấn lại lời thề ở Cức Lương là cùng đánh Tề. Tề Hầu đón đánh tại đất Bình Âm. Sai đào hào rộng một dặm ở cửa sông, rồi cho quân giữ. Túc Sa Vệ nói: Nếu ta không đủ sức ứng chiến được, thì nên lui về giữ những nơi hiểm yếu, Tề Hầu không nghe. Quân chư hầu vây cửa sông.

Quân Tề chết nhiều. Phạm Tuyên Tử nước Tấn báo cho Tích Văn Tử đại phu nước Tề rằng: Chúng ta là bạn, tôi đâu dám đấu ngài. Quân Lỗ và Cử xin phép đem một nghìn chiến xa đánh ngài và thâm nhập đất ngài phía bắc. Vua Tấn đã cho phép. Họ mà vào được, thì Tề sẽ mất nước. Sao ngài không nghĩ. Tử Gia báo với Tề Hầu. Tề Hầu sợ. Án Anh không nghe chuyện nói: Vua ta vốn thiếu dũng. Nghe tin đó, tất không dám chống giữ lâu.

Vua Tề trèo lên núi Vu sơn để coi xét quân Tấn. Tướng Tấn đã cho thám tử đi ngựa dò xét các nơi hiểm yếu ở miền núi, ở miền đầm hồ. Ngay đến những nơi không cần đóng quân, cũng cho cắm cờ làm nghi binh. Trên chiến xa, thì Xa Tả là người thật, còn Xa Hữu là người rơm. Trước mặt là cây cờ, y như có lính tiên phong. Nhiều chiến xa kéo lê cành cây, khi xe đi thì bụi tung lên như là đông quân đội. Vua Tề trông thấy cho là đông lắm, cho hạ cờ xuống, rồi lui về. Ngày Bính Dần, cuối tháng 10, ban đêm, quân Tề lui hết. Sư Khoáng nói với Tấn Hầu: Chim và quạ có tiếng kêu vui vẻ. Thế là quân Tề đi hết rồi. Hình Bá (vua nước Hình) bảo Trung Hàng Bá rằng: Có tiếng ngựa tháo dây cương, quân Tề lui rồi. Thúc Hướng bảo Tấn Hầu: Trên lũy có quạ đậu, quân Tề lui rồi. Ngày Đinh Mão, mùng một tháng 11, quân Tấn vào Bình Âm rồi đuổi theo quân Tề.

Túc Sa Vệ buộc các xe to lại để chắn đường rồi đi tập hậu. Thực Xước và Quách Tối nói: Ngài phải đi sau quân đội thế là nhục cho nước. Xin ngài đi lên trước. Rồi hai tướng đi thay. Túc Sa Vệ giết ngựa cho chặt đường đi để chặn cản quân đuổi theo, Tấn Châu Xước đuổi kịp bắn hai phát tên vào hai vai Thực Xước gần cổ, kêu to bảo: Dừng lại, sẽ làm tù binh của ba đạo quân Tấn. Nếu không thì được một phát tên thứ ba giữa cổ. Tử Xước quay lại nói: Thề với tôi là đừng giết tôi. Châu Xước đáp: Xin thề. Rồi tháo dây cung, trói tay Tử Xước. Xa Hữu là Cụ Bính cũng bỏ giáo trói Quách Tối. Cả hai cứ mặc giáp bị trói ngồi dưới tổng đạo Trung quân.

Người Tấn muốn đuổi theo. Lỗ và Vệ thì xin chiếm và giữ những nơi hiểm yếu. Ngày Kỷ Mão, Tuân Yển và Sĩ Cái cầm

đạo trung quân chiếm thành Kinh Tư. Ngày Ất Dậu, Ngụy Giáng và Loan Doanh cầm đạo Hạ quân chiếm thành Thi. Triệu Vũ và Hàn Khởi cầm đạo Thượng quân vây thành Lư nhưng không chiếm. Tháng 12, ngày Mậu Tuất, Triệu Vũ và Hàn Khởi cùng Tần Chu nước Lỗ, cho chặt hết cây cau trước cửa Ung Môn, quốc đô nước Tề. Phạm Ưởng thì vây cửa Ung Môn. Xa Ngự thì cầm giáo giết một con chó giữa khoảng giữa cửa, để khoe với địch là ung dung không có việc gì, không lo ngại gì. Mạnh Trang Tử cho chặt những cây gỗ tuân (gỗ quý) để làm đàn cầm cho nhà vua. Ngày Kỷ Hợi, đốt cửa Ung Môn, và luỹ tây, lũy nam. Tướng Tấn là Lưu Nan và Sĩ Nhược, đem quân chư hầu đốt tre và cây ở bờ hồ Thân. Ngày Nhâm Dần, đốt lũy đông và lũy bắc. Phạm Ưởng vây cửa Dương Môn. Châu Xước vây cửa đông, vô tình quay lại sát cửa. Xước cầm roi vút vào cửa, đếm từng mảnh ván ghép cửa, tỏ ý không lo sợ gì. Vua Tề cho gióng xe để định chạy trốn tới đất Bưu Đường. Thái Tử là Quang cùng tướng Quách Vinh, giữ ngựa can: Bèn địch vội vàng, ý muốn chóng xong, không chờ lâu được, tất là chóng lui, ngài sợ gì. Vả lại chủ xã tắc không nên hấp tấp. Hấp tấp thì dân mất tin. Xin nhà vua hãy đợi. Vua không muốn nghe. Thái Tử tuốt gươm chặt dây cương ngựa. Vua đành ở lại. Ngày Giáp Thìn, quân chư hầu, trận vào phía đông, tiến tới sông Duy, buổi trưa, tiến tới sông Nghi.

Cốc Thị - Không vây, mà chép là vây. Nước Tề có nước sợ, có nước ghét. Không phải là vì sợ mà cùng đồng minh. Chư hầu cùng trị tội, vì là cùng ghét.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo không vây mà chép là vây. Cốc Lương bàn sai, Xuân Thu là bộ sử đáng tin. Nếu chưa vây mà chép là vây, thì còn gọi là sử đáng tin được không.

Trịnh Ngọc - Nước Cử, nước Châu thường ghét nước Lỗ, nước Đằng, nước Tiết, nước Tiểu Châu thường theo Tề. Thế mà nay vây Tề, các nước đó phải đem quân tới, là vì người Tấn làm việc theo đại nghĩa.

曹伯負芻卒于師

TÀO BÁ PHỤ SÔ TỐT VU SU

TÀO BÁ TÊN LÀ PHỤ SÔ MẤT Ở TRONG QUÂN

Cốc Thị - Chép có ý thương.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn: Chép có ý thương. Bàn thế không đúng. Đây chỉ là chép việc, có gì là thương.

楚公子午帥師伐鄭

SỞ CÔNG TỬ NGỌ SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH

CÔNG TỬ NGỌ NƯỚC SỞ CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Tử Khổng nước Trịnh (Công Tôn Gia) muốn bãi các đại phu để giữ độc quyền. Và vì muốn rời Tấn, mới nhờ quân đội Sở. Sai báo cáo Tử Canh (Công Tử Ngọ nước Sở), Tử Canh từ chối không giúp. Vua Sở nghe tin, sai Dương Đồn Doãn Nghi tới Trịnh báo cho Tử Canh rằng: "Dân trong nước cho là quả nhân, chủ xã tắc, mà chưa động binh, cho đến lúc chết cũng không theo lề lối các tiên quân. Quả nhân lên ngôi được năm năm rồi, quân đội chưa rời khỏi nước. Dân cho là mãi vui nhàn, quên cả công nghiệp tiên quân. Xin đại phu nghĩ kỹ nên thế nào. Tử Canh thở dài, nói: Nhà vua cho là Ngọc tôi cũng mong yên vui hay sao. Tôi chỉ mong lợi cho nước. Nói rồi, trước mặt sứ giả, quỳ lạy rạp đầu, và đáp: Chư hầu nay thông hiếu với Tấn, tôi xin thử sức. Nếu tôi thắng, thì nhà vua kế tiếp đánh. Nếu tôi không thắng, thì nhà vua họp quân lui về. không có hại mà danh được toàn".

Tử Canh cầm quân, chuẩn bị trên bờ sông Phần. Trong khi đó, Tử Kiều, Bá Hữu, Tử Chương, theo Tịnh Bá đánh Tề. Tử Khổng, Tử Tây, Tử Triển giữ thành, coi việc nước. Tử Triển và Tử Tây biết mưu của Tử Khổng mới sửa sang kiên cố lại thành lũy để giữ nước. Tử Khổng không dám họp với quân Sở.

Quân đội Sở tràn vào Trịnh, dừng lại ở Ngư Lăng. Hữu quân sửa sang lại thành Thượng Cức. Xong rồi quân đội qua sông Lăng,

đóng tại Chiên Nhiên. Vì Tử Bình và Công Tử Cách, tướng Sở đem Khinh quân tràn vào ấp Phí, đất Tư Mi, đất Hiến Vu, đất Ung Lương, (nước Trịnh) quay sang phía hữu, quanh núi Mai Sơn, tràn vào đông bắc Trịnh, tiến đến Trùng Lao, rồi trở lại. Tử Canh vây cửa Thuần Môn Trịnh đô, ròng rã hai đêm dưới chân thành, rồi trở lại đất Sở, lại qua sông Lăng, nơi chân núi Ngư Si. Bỗng gặp mưa to, trời lạnh bất ngờ, quân đội chết gần hết. Người Tấn được tin quân Sở tới, Sư Khoáng nói: Không hại, tôi thường ca bắc phong lẫn nam phong. Nam phong thiếu nghị lực, tiếng thường ai oán, Sở chắc là không thắng được". Đổng Thúc nói: "Đường thiên đạo về thiên văn, sáng tỏ về tây bắc. Thế thì hành quân phía nam không đúng thời, nhất định là không thành công".

Thúc Hướng nói: Thắng hay bại là do đức của vua.

Tiết Quí Tuyên - Công Tử Ngọ nước Sở đánh trịnh là nhân lúc Trịnh Bá có việc đem quân ra khỏi nước, nhưng người ta không phòng bị, thế mà không được thành công, mới biết chỉ là sính dùng vũ mà thôi.

Lý Liêm - Sau việc Tiêu Ngư, nay quân Sở lại tới Trịnh.

Năm Đinh Mùi. Vua Linh Vương năm thứ 18.

十 有 九 年

THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 19

Tấn Bình năm thứ 4. Tề Linh năm 28. Vệ Hiến, năm thứ 23. Thương, năm thứ 5. Sái Cảnh, năm thứ 38. Trịnh Giản, năm thứ 12. Tào Vũ Công, Đằng, năm đầu. Trần Ai, năm thứ 15. Kỷ Hiếu, năm thứ 13. Tống Bình, năm thứ 22. Tần Cảnh, năm thứ 23. Sở Khang, năm thứ 6. Ngô Chư Phàn, năm thứ 7.

春 王 正 月 諸 侯 盟 于 祝 柯

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CHƯ HẦU MINH VU CHÚC KHA

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CHƯ HẦU THỀ TẠI ĐẤT CHÚC KHA (NAY THUỘC QUẬN TẾ NAM)

Tả Thị - Năm thứ 19, mùa xuân, chư hầu đi về, từ bờ sông Nghi, thề tại Đốc Dương, tức là Chúc Kha, đất Tề, thề rằng: Nước lớn không được xâm nước nhỏ.

晉 人 執 邾 子

TẤN NHÂN CHẤP CHÂU TỬ

NGƯỜI TẤN BẮT CHÂU TỬ

Tả Thị - Bắt Châu Điệu Công lấy cớ là đã đánh Lỗ ta.

Cao Kháng - Đã tới cùng hội, lại cùng thề, mà lại còn bắt không phải là tư cách bá chủ, cho nên chép là người Tấn.

公 至 自 伐 齊

CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TỀ

LỖ CÔNG TỪ ĐÁNH TỀ VỀ

Công Thị - Đây là cùng chư hầu vây Tề. Sao lại chép là từ đánh Tề về. Chưa vây mà chép là vây, thế là ức, là gìm Tề, ức Tề, vì Tề nhiều lần đánh Lỗ ta. Hoặc có bàn rằng: Vì kiêu căng, cho Thế tử đặt trên chư hầu.

Cốc Thị - Theo nghĩa Kinh Xuân Thu, đã đánh rồi thề, rồi lại đánh, thì lấy việc đánh mà chép: "từ đánh Tề về". Thề mà thôi không đánh nữa, thì chép "từ hội về". Việc thề ở Chúc Kha, có phải thề rồi đánh không. Không phải. Thế thì tại sao lại chép từ việc đánh mà về. Đáp: Cùng với người cùng làm việc, hoặc bắt vua người ta, hoặc chiếm đất người ta.

Lưu Sưởng - Việc vây Tề, chép là cứ đánh Tề về Lỗ, sao

chép thế. Vậy mà chép là từ đánh về, là lấy chữ đánh báo cáo chư hầu. Năm thứ 19, Lỗ Công từ phạt Tề về. Công Dương bàn sao lại chép đánh, mà chưa có vây Tề. Công Dương bàn sai. Nếu như chư hầu chưa có vây thì Xuân Thu sao được chép là vây.

Cốc Lương bàn: Theo Xuân Thu đã thề mà lại bàn đánh thì lấy việc đánh chép từ đánh về, thề mà không lại đánh thì chép từ hội về. Việc thề ở Chúc Kha, thề rồi lại đánh, bàn thế không đúng. Lại nói, sao chép là từ đánh về, vì cùng người cùng việc, hoặc bắt vua người ta, hoặc chiếm đất người ta, bàn thế cũng sai. Bắt vua, chiếm đất là việc của nước Châu. Còn đánh Tề thì chép việc Tề. Nay muốn lấy Tề mà cắt nghĩa Châu, lấy Châu cắt nghĩa Tề hay sao. Nghe không xuôi nghĩa. Vả lại chép người Tấn bắt vua Châu, là ý Xuân Thu chê rõ lắm. Chiếm ruộng từ sông Quách Thủy là chê Lỗ rõ lắm. Còn có gì nghi ngờ mà phải lấy Tề cắt nghĩa Châu.

取 鄒 田 自 郭 水

THỦ CHÂU ĐIỀM TỰ QUÁCH THỦY

CHIẾM RUỘNG CHÂU TỪ SÔNG QUÁCH

Tả Thị - Đi từ Châu, chư hầu dừng quân trên sông Tử, định lại cương giới cho Lỗ ta, lấy ruộng trước, Châu đã chiếm trả lại cho người ta. Vua Tấn đem quân về nước trước. Vua Lỗ thết tiệc sáu vị Khanh nước Tấn trong vườn Bồ (ở nước Lỗ, vì có qua nước Lỗ). Lỗ tặng một vị một phẩm phục cao cấp về tam mệnh. Còn các chàng Quân úy. Tư Mã. Tư không, Dư úy. Hầu yêm đều được phẩm phục về nhất mệnh. Tặng thêm Tuân Yển một súc lụa hoa có ngọc bích, một cỗ xe bốn ngựa, một cái đỉnh khi trước vua Ngô Thọ Mộng có tặng Lỗ.

Tuân Yển bị nhọt do bị một vết thương ở đầu, Khi qua sông Hoàng Hà, đến Trứ Ung thì ốm, mắt sưng lồi ra. Các hàng đại phu đã về trước lại trở lại Trứ Ung để thăm nom. Sĩ Cái (Phạm Tuyên Tử) xin yết kiến, nhưng không được. Xin hỏi người thay (Tuân Yển là chủ súy Trung quân, Sĩ Cái là Phó súy). Tuân Yển sai đáp: "Con tôi là Tuân Ngô, mẹ là người Trịnh có thể thay

tôi được" Tháng hai, ngày Giáp Dần, thì mất. Mắt vẫn lồi không nhắm được. Tuyên Tử rửa tay, đặt tay lên trên thi thể nói: "Tôi dâu lại không giúp Ngô như đã không giúp ông", Tuân Yển vẫn chưa nhắm mắt. Loan Hoài Tử nói: "Có lẽ vì chưa xong việc Tề chăng". Tuyên Tử lại đặt tay lên nói: "Tôi xin thề nối chí ngài đánh Tề, lấy sông Hoàng chứng minh". Thế là nhắm mắt lại, miệng mở được để phạn hàm, Tuyên Tử lui ra nói: "Ta thật không bằng".

Công Thị - Chép là từ sông Quách là tại sao. Là lấy Quách làm giới hạn. Đến Quách là rộng thêm.

Cốc Thị - Đây là nhờ xa xôi bóng gió, không chép ngày vì ghét các việc thề.

Lưu Sưởng - Sao chép là lấy Châu điền từ sông Quách? Là vì không có việc lấy là phải. Quách Thủy không phải của Lỗ. Hiếp vua người ta, chia lại đất đai người ta, dựa là người khác mà lấy lợi riêng. Tấn và Lỗ đều là có tội. Đây cùng chê cả hai.

Công Dương bàn Quách là rộng thêm đất. Bàn sai. Trước bất chép vua Châu mới có việc lấy Châu Điền. Vả lại cứ như Công Dương bàn, Lỗ lấy Quách làm giới hạn mà chiếm ruộng, thì ra Xuân Thu đặt vua Lỗ vào cái tội đi cướp đất, sao bậy thế?

Tô Triệt - Năm thứ 2, Thành Công, người Tấn thắng người Tề tại đất An, sai người Tề trả Lỗ cho đất Vấn Dương. Kinh Xuân Thu chép: Lấy ruộng Vấn Dương, không chép là đất nước Lỗ ở Tề. Nay vì Tấn mệnh cho lấy ruộng ở Châu cho nên chép: Lấy Châu điền ở Quách Thủy, thế nghĩa là không phải ruộng Lỗ.

季孫宿如晉

QUÍ TÔN TÚC NHƯ TẤN,

QUÍ TÔN TÚC SANG TẤN

Tả Thị - Quí Vũ Tử sang Tấn, tạ ơn việc quân Tấn Hầu thết tiệc. Phạm Tuyên Tử cầm quyền chính, ngâm thơ Mạch miêu. Quí Vũ Tử hai tay rạp đầu nói: Tiểu quốc trông nhờ

vào đại quốc như lúa mong mưa. Nếu cứ được như thế luôn thì trong thiên hạ, đâu chẳng hòa mục, có riêng gì nước tôi. Rồi ngâm thơ Lục Nguyệt.

葬曹成公
TÁNG TÀO THÀNH CÔNG
LỄ CHÔN TÀO THÀNH CÔNG

夏衛孫林斧帥師伐齊
HẠ, VỆ, TÔN LÂM PHỦ SUẤT SƯ PHẠT TỀ
MÙA HẠ, TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ CẦM QUÂN ĐÁNH TỀ

Tả Thị - Loan Phường nước Tấn cầm quân theo Vệ Tòn Văn Tử đánh Tề.

Phụ lục Tả Truyện - Quí Vũ Tử nước Lỗ cho đúc các binh khí lấy được của Tề, thành cái chuông gọi là Lâm Chung để khắc công quân đội Lỗ. Tang Vũ Trọng bảo Quí Tôn rằng: Thế là phi lễ. Xét việc ghi khắc, chỉ là nói đến mức độ Thiên Tử rồi ghi đến công nghiệp vua chư hầu, đã hoàn thành trong thời gian nào, mùa nào, rồi mới đến công trạng của một vị đại phu. Nay ngài cho ghi một cuộc chiến, tức là ghi việc nhỏ kém nhất. Ngài cho ghi một công, thì công ấy vốn nhờ ở người ngoài. Ngài cho ghi mùa, lại chính là mùa mà dân cần phải có việc đồng áng. Vậy vì lẽ gì ngài cho ghi khắc. Khi một đại quốc đã trừng phạt một tiểu quốc lấy đồ bắt được để đúc thành đỉnh vạc ghi công truyền dạy con cháu, theo đức tốt, sửa tính xấu. Nay xét ta nhờ ngoại quốc để giúp khỏi chết, thì sao lại để ghi truyền lại việc như thế cho con cháu. Một nước nhỏ nhờ may được lợi hơn một nước lớn, lại trưng bày của lấy được ra. là cho nước lớn uất hận. Thế là đi tới chỗ chết.

Cao Kháng - Năm thứ 14. Lâm Phủ đuổi Vệ Hầu Khản chạy sang Tề, cho nên một mình đánh Tề. Lâm Phủ đuổi vua Bá chủ đáng lẽ trọng tội, mà lại cho tới dự hội để đánh Tề thì ta nhận biết nghiệp bá của Tấn Bình ra là sao.

秋七月辛卯齊侯環卒

THU, THẤT NGUYỆT, TÂN MÃO
TỀ HẦU HOÀN TỐT

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY TÂN MÃO,
TỀ HẦU TÊN LÀ HOÀN MẤT

Tả Thị - Tề Hầu cưới vợ Lỗ tên là Nhan Ý Cơ, không có con. Cháu gái làm thiếp tên là Tông Thanh Cơ, có con tên là Quang làm Thái tử. Trong các thiếp có Trọng Tử và Nhung Tử người Tống. Nhung Tử là bế thiếp. Trọng Tử sinh con là Nha. Nha được giao cho Nhung Tử nuôi. Nhung Tử xin vua truất ngôi Thế tử Quang và phong Nha làm Thái tử. Vua thuận: Trọng Tử nói: Không được, trái lễ nghi là bất tường, trái ý chư hầu sẽ sinh tai nạn. Quang đã được công bố là Thái tử với chư hầu, nay vô cớ truất phế, tức như truất phế một vua chư hầu sẽ có tai họa đến nơi. Nhà vua sẽ hối. Vua nói: Việc đó chỉ là ở tùy ta. Rồi sai Quang trở ra ở biên giới phía đông. Phong Cao Hậu làm Thái phó cho Thái tử Nha. Túc Sa Vệ làm Thiếu phó. Tề Hầu ốm. Thôi Trữ lén tìm Quang đưa tới Tề đô. Tề Hầu bệnh nặng. Thôi Trữ lại tôn Quang làm Thái tử. Quang giết Nhung Tử, căng xác ra triều. Như thế là phi lễ. Một người đàn bà không bị hình phạm đến thể xác. Dù có bị xử tử, không phải phơi xác ra nơi công cộng. Mùa hạ, tháng 5, ngày Nhâm Thìn. Tề Linh Công mất. Trang Công nối ngôi, bắt công tử Nha ở gò Câu Độc. Nghi là Túc Sa Vệ dự mưu truất phế. Vệ chạy trốn tới đất Cao Đường rồi làm phản.

晉士丐帥師侵齊至穀聞齊侯卒乃還

TẤN SĨ CÁI SUẤT SƯ XÂM TỀ, CHÍ CỐC,
VAN TỀ HẦU TỐT, NÃI HOÀN

TẤN SĨ CÁI CẦM QUÂN XÂM TỀ, ĐI TỚI ĐẤT CỐC
NGHE TIN TỀ HẦU MẤT, KÉO QUÂN VỀ

Tả Thị - Tấn Sĩ Cái xâm Tề. Tiến tới Cốc. Nghe thấy Tề có tang, quay về, thế là đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tư, ngày Đinh Mùi. Trịnh Công Tôn Mại mất, cáo phó với các đại phu Tấn, Phạm Tuyên Tử kể lại với vua Tấn tài của Mại trong khi hành quân đánh Tần. Tháng sáu, vua Tấn tâu việc lên Thiên Tử. Thiên Tử thưởng cho (Truy Tứ) một cỗ xe được dùng trong lễ táng. Thế là đúng lễ.

Công Thị - chép đem quân về là lời khen, khen vì không đánh nước có tang, đã được mệnh vua mình đi đánh Tề, thì sao lại khen là lui quân không đánh nước có tang, Đại phu khi đã được mệnh vua đem quân ra, thì tiến hay lui là tùy ở mình.

Cốc Thị - Đem quân về tức là việc chưa xong. Được mệnh vua trị tội kẻ sống, còn kẻ chết rồi thì giận làm gì? Không đánh nước có tang là đáng khen vậy. Nhưng đã khen sao lại bảo là việc chưa xong? Vì vua không phô bày việc nhỏ, tôi thì không chuyên lấy tiếng hay, việc hay, thì bảo là của vua. Việc lỗi thì nhận là của mình. Như thế thì dân biết kính nhường. Sĩ Cái ở ngoài chuyên quyền, cho nên cho là không phải. Thế thì trong trường hợp này. Sĩ Cái phải làm thế nào. Nên đình quân giao cho viên phó, rồi đợi mệnh vua.

Đỗ Dự - Chép rõ nơi tiến quân, lúc lui quân, là khen đã biết lễ.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo Sĩ Cái nên đóng trại giao quyền cho Phó. Xét không đánh nước là có tang là lễ thường nghi, Nếu còn đợi mệnh vua, thế là dối trá, nhường điều hay nhỏ, không phải là đạo người làm tôi trung.

Chu Tử - Xuân Thu chép rõ nơi quân tới, biết là Sĩ Cái đã xâm Tề, đến đất Cốc nghe tin Tề có tang, mới lui về. Rõ ràng là Xuân Thu khen Sĩ Cái.

八月丙辰仲孫蔑卒
BÁT NGUYỆT, BÍNH THÌN, TRỌNG TÔN MIỆT TỐT
THÁNG TÁM, NGÀY BÍNH THÌN, TRỌNG TÔN MIỆT MẤT

齊殺其大夫高厚
TỀ SÁT KỲ ĐẠI PHU LÀ CAO HẬU
NƯỚC TỀ GIẾT ĐẠI PHU LÀ CAO HẬU

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, Tề Thôi Trữ giết Cao Hậu tại Sài Lâm, (đất nước Tề, ngoài thành). Chiếm lấy gia sản. Xuân Thu chép: Nước Tề giết đại phu. Thôi Trữ theo lệnh vua, khi trí vua đang mờ ám.

Trương Hiệp - Giết Cao Hậu, chính là Thôi Trữ, Trữ tuy chuyên quyền giết nhưng cũng là ý muốn của Trang Công. Cho chép rõ là việc tự trên.

Uông Khắc Khoan - Không có Thôi Trữ giúp sức thì Trang Công không được lập lên ngôi. Tuy nhiên, Trữ giết Cao Hậu, Khánh Phong, trị Túc Sa Vệ, năm sau lại sai Khánh Tá làm đại phu, và giết dư đảng của Công tử Nha, thế là từ đó chuyên quyền. Việc bắn vào bụng mầm trước là từ đây.

鄭殺其大夫公子嘉
TRỊNH SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ GIA
NƯỚC TRỊNH GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ GIA

Tả Thị - Tử Khổng nước Trịnh cầm quyền chính. Chuyên quyền. Người trong nước lo ngại, về việc trị loạn ở tây cung, ở cửa Thần Môn, Tử Khổng đáng có tội. Nhưng khi đó, được giáp sĩ riêng, và giáp sĩ nhà Tử Cách, Tử Lương giữ gìn. Ngày Giáp Thìn, Tử Triển, Tử Tây lấy dân đánh Tử Khổng, giết, chia nhau tài sản, Kinh chép: Trịnh giết đại phu, ý cho biết là Tử Khổng chuyên quyền. Tử Nhiên, Tử Khổng là con Trịnh Mục Công và Tống Tử (Tống Tử là con gái họ vua Tống). Sĩ Tử Khổng là con

Mục Công, và Khuê Quí (Khuê Quí là con gái họ Quý vua nước Trần) Khuê Quí vốn hàng dưới Tống Tử. Nhưng hai người thiếp thân nhau. Sĩ Tử Khổng cũng thân với Tử Nhiên và Tử Khổng. Năm thứ tư Hy Công nước Trịnh, (Năm thứ 6 Lỗ Tương Công), Sĩ Tử Khổng cũng mất. Tư Đồ là Khổng, hết sức giúp các Tử Cách (Con Tử Nhiên) và Tử Lương (con Sĩ Tử Khổng). Cả ba nhà thân nhau như một. Vì nhẽ đó, khi Tử Khổng bị tai nạn. Tử Cách và Tử Lương bỏ nước Trịnh, trốn sang Sở. Tử Cách được làm Hữu Doãn. Dân Trịnh để cho Tử Triền cầm quyền. Tử Tây dự chính. Tử Triền được phong làm Khanh.

Hồ Truyện - Xét Tả Thị, xưa cướp giết ba vị Khanh nước Trịnh ở Tây cung. Công tử Gia biết mà không nói. Đã thế lại muốn mượn quân Sở để đuổi các đại phu. Cho nên người Trịnh tới cửa Thuần Môn thì trở về. Đến khi đó, Gia làm chính trị, chuyên quyền. Người trong nước lo ngại mới trị tội Tây cung và Thuần Môn. Tử Triển, Tử Tây đem dân đánh giết rồi chia nhau gia sản. Không chép là người Trịnh mà chép là nước Trịnh và vì Gia có tội. Mà Tử Triển, Tử Tây thì không có tài chấn chỉnh vương pháp, lại cùng dân chém giết người, bêu giữa chợ, chia nhau lợi về tài sản, tức là có tư ý, tư lợi. Cho nên chép nước Trịnh giết mà không tước bỏ phẩm chất. Đó là Xuân Thu cứ xét về tình, về nguyên nhân mà định tội.

冬葬齊霛公

ĐÔNG TÁNG TỀ LINH CÔNG

MÙA ĐÔNG, TÁNG TỀ LINH CÔNG

Phục lục Tả Truyện - Tề Khánh Phong vây ấp Cao Đường không thắng. Mùa đông, tháng 11, Tề Hầu thân hành tới vây, trông thấy Vệ đứng trên mặt thành, mới cho gọi xuống. Vệ xuống. Tề Hầu hỏi thành có được chỉnh bị hoàn tất để chống giữ không. Đáp không. Tề Hầu chào, Vệ lại lên mặt thành. Biết rằng quân Tề sắp đánh thành. Vệ mới cho dùng đến thịt người. Hai tướng là Thực Xước và Công Lũ bàn nhau. Đêm giồng dây cho quân Tề lên thành, vào thành. Túc Sa Vệ bị giết, làm mắm trước quân đội.

城西郛

THÀNH TÂY CHU

LỖ ĐẮP QUÁCH LŨY QUỐC ĐÔ

Tả Thị - Đắp lũy thành là sợ Tề.

Uông Khắc Khoan - Phu là quách ngoài thành. Đây nói là Tây phu, chính là tây quách của quốc đô, cũng gọi là Trung Thành, mà là nội thành, mà là thành của một nội đô nước Lỗ.

叔孫豹會晉士丐于柯

THÚC TÔN BÁO HỘI TẤN SĨ CÁI VU KHA

THÚC TÔN BÁO HỘI VỚI TẤN SĨ CÁI TẠI ĐẤT KHA

Tả Thị - Tề và Tấn bình, thề ở Đại Toại. Cho nên Mục Thúc hội với Phạm Tuyên Tử ở Kha (Lỗ vốn sợ Tề). khi gặp nhau. Mục Thúc ngâm thiên thứ tư thơ Tải Trì Kinh Thi. Thúc Hướng nói: Hi tôi đâu dám không theo lệnh ngài.

Trạm Nhược Thủy - Sợ Tề mà nhờ thế quyền thần nước Tấn để củng cố, như thế không phải là lễ.

城武城

THÀNH VŨ THÀNH

LỖ ĐẮP THÀNH VŨ THÀNH

Tả Thị - Mục Thúc ở Tấn khi về với Lỗ nói: Tề chưa ưa ta. Ta nên sợ. Mới sửa sang Vũ Thành.

Phụ lục Tả Truyện - Thạch Công Tử nước Vệ mất. Điệu Tử (con) không sót thương. Khổng Thành Tử nói: Thế tức là nhổ rễ cây. Tất nhiên sẽ không còn thờ cúng gì nữa.

Gia Huyền Ông - Nước không biết dùng người hiền. Kỷ cương nghiêng đổ, pháp bãi bỏ. Giặc đến thì làm thế nào. nhiều thành có hơn được gì đâu.

Năm Mậu Thân. Vua Linh Vương. Năm thứ 19.

二 十 年

NHỊ THẬP NIÊN

NĂM THỨ 20

Tấn Bình năm thứ 5. Tề Trang Công năm đầu. Vệ Hiến năm thứ 24. Thương năm thứ 6. Sái Cảnh năm thứ 39. Trịnh Giản năm thứ 13. Tào Vũ năm thứ 2. Trần Ai năm thứ 16. Kỷ Hiếu năm thứ 14. Tống Bình năm thứ 23. Tần Cảnh năm thứ 24. Sở Khang năm thứ 7. Ngô Chư Phàn năm thứ 8.

春 王 正 月 辛 亥 仲 孫 速 會 莒 人 盟 于 向

XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, TÂN HỢI, TRỌNG TÔN TỐC HỘI CỬ NHÂN, MINH VU HƯỚNG

MÙA XUÂN VƯƠNG, THÁNG GIÊNG NGÀY TÂN HỢI, TRỌNG TÔN TỐC HỘI VỚI NƯỚC CỬ, THỀ TẠI ĐẤT HƯỚNG

Tả Thị - Năm thứ 20, mùa xuân. Lỗ với Cử hòa. Mạnh Trang Tử, với người Cử thề tại Hướng, nối tiếp minh ước trước ở Đốc Dương.

Cao Kháng - Hướng vốn là ấp nước Cử. Năm thứ 4 Tuyên Công Lỗ chiếm lấy. Cử, Lỗ kết hiếu, từ đấy trở đi, 15 năm không giao chiến. Tốc thay cha làm Khanh, chưa qua năm đã cầm quyền chính, không để ba năm tang,

夏六月庚申公會晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯曹伯莒子邾子滕子薛伯杞伯小邾子盟于澶淵

HẠ, LỤC NGUYỆT, CANH THÂN, CÔNG HỘI TẤN HẦU TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, MINH VU THIỆN UYÊN

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY CANH THÂN, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TẾ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, ĐỂ THỀ TẠI THIỆN UYÊN ĐẤT NƯỚC VỆ

Tả Thị - Mùa hạ, thề tại Thiện Uyên vì Tề hòa với Tấn.

Khổng Dĩnh Đạt - Ở Kinh Xuân Thu, có nước mới theo thì chép là đồng minh. Đây Tề hòa lại thề mà không chép đồng năm trước Tề cùng Tấn hòa, thề ở Đại Toại. Tề đã phục, chứ không phải là bây giờ mới phục, cho nên không chép là đồng.

Tiết Quý Tuyên - Tề vô đạo, chư hầu vây Tề mà không phục được. Vì Sĩ Cái nghe tin nước có tang đem quân về rồi hội tại Thiện Uyên. Hoặc lấy đức mà phục được những kẻ ở xa. Lời ấy đúng chăng.

秋公至自會

THU, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

仲孫速帥師伐邾

TRỌNG TÔN TỐC SUẤT SƯ PHẠT CHÂU

TRỌNG TÔN TỐC CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Người Châu tới gấp, Lỗ vì bận việc chư hầu không báo thù được. Nay mùa thu, Mạnh Trang Tử phạt Châu để báo thù.

Hứa Hàn - Hội ở Chúc Kha, đã bắt Châu Tử, lại chiếm ruộng. Báo thế cũng đủ rồi. Nay lại còn đánh. Phải chê trách nặng. Vả lại Thiện Uyên hội thề để làm gì.

蔡 殺 其 大 夫 公 子 燮 蔡 公 子 履 出 奔 楚

SÁI SÁT KỲ ĐẠI PHU CÔNG TỬ TIẾP SÁI CÔNG TỬ LÝ XUẤT BÔN SỞ

NƯỚC SÁI GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ TIẾP (CON TRANG CÔNG) CÔNG TỬ LÝ CHẠY TRỐN SANG SỞ

Tả Thị - Sái Công Tử Tiếp muốn đem Sái theo Tấn. Người Sái giết đi. Công Tử Lý, em cùng mẹ, chạy trốn sang Sở.

Gia Huyền Ông - Nhận được lời dặn dò của Văn Hầu trước khi mất là muốn hòa với Tấn. Đã không làm được lại bị chết. Xuân Thu chép nước Sái giết mà không bỏ quan tước của Công Tử. Chép thế là rõ lắm.

陳 侯 之 弟 黃 出 奔 楚

TRẦN HẦU CHI ĐỆ HOÀNG XUẤT BÔN SỞ

EM TRẦN HẦU TÊN LÀ HOÀNG, TRỐN CHẠY SANG SỞ

Tả Thị - Trần Khánh Hổ, Trần Khánh Dần, sợ Công Tử Hoàng áp bức, mới gièm với Sở rằng, Hoàng mưu với Tư Mã nước Sái. Người Sở cho là nên trừng trị. Công Tử Hoàng mới chạy sang Sở (để thân oan).

Xưa, Sái Văn Hầu muốn thờ Tấn nói: "Tiên quân có dự hội thề Tiễn Thổ. Vậy chúng ta không nên xa Tấn. Vả lại vua Tấn, vua Sái là anh em". Văn Hầu sợ Sở. Chưa hoàn thành được ý nguyện, thì mất. Các quan Sở đòi hỏi Sái, cống phú nhiều quá. Công Tử Tiếp muốn nối chí tiên quân, để có lợi cho nước Sái. Không thành, rồi chết. Kinh Xuân Thu: Sái giết đại phu là Công Tử Tiếp. Thế tức là ý muốn của Tiếp, không hợp với ý muốn của dân.

Em Trần Hầu là Hoàng chạy trốn sang Sở. Chép thế là có ý nói, Hoàng không có tội. Công Tử Hoàng sắp chạy trốn có

nói trong nước Trần rằng: “Họ Khánh vô đạo, muốn chuyên quyền ở nước Trần, khinh miệt vua, mà đuổi các người thân thích nhà vua đi xa. Trong năm năm mà không bị diệt thì không có trời”.

Cốc Thị - Vua chư hầu đối đãi với anh em không thể như đối đãi với thuộc quan được. Thế mà em là chí thân, phải chạy trốn, là đã không thể chịu được nữa.

Cao Kháng - Hoàng và Lý sao lại chạy sang Sở. Là để tự thân oan. Hoàng vì được vua yêu tin, lấy quyền thế uy hiếp vị Khanh là Khánh Thị. Khánh Thị gièm với Sở. Trần Hầu không dám biện luận minh bạch để cứu, thế là có cả một nước mà không dung được một người em.

Trình Đoan Học - Các đại phu không phải họ nhà vua, mà không được vừa ý vua, thì theo nghĩa còn có thể bỏ đi được. Đại phu cùng họ nhà vua, thì theo đạo, không có thể bỏ đi được. Huống là thân thích như anh em. Làm em vua mà phải bỏ đi, là dứt dứt thiên luân rồi.

Lý Liêm - Đỗ Thích Lệ có nói: anh mà hại em thì chép chữ em để rò tội anh, lệ đó áp dụng cho Trần Hoàng, cho Tần Châm, cho Vệ Chuyên, cho Tống Thần. - Em mà hại anh, thì chép tước, bỏ chữ em, để rõ tội em, lệ đó áp dụng cho Trịnh Đoàn. Nhưng theo thông lệ thì không phải khi nào cũng áp dụng.

Tả Thị cho là buộc tội Công Tử Tiếp, vì Tiếp không cùng ý muốn với dân. Tả Thị đã bàn nhầm.

Xét - Trần Hoàng, Kinh chép là em, bọn tiên nho phần nhiều theo lời bàn của Cốc Lương cho là Trần Hầu không dung được em, Kinh Xuân Thu chê. Trình Đoan Học nói: Đã là anh em thì không bỏ đi được. Thế mà chép chạy trốn là nêu tội Hoàng. Hai thuyết giúp nhau thì nghĩa mới đủ. Cho nên để cả hai thuyết.

叔老如齊

THÚC LÃO NHƯ TỀ

THÚC LÃO SANG TỀ

Tả Thị - Tề Tử (Thúc Lão), là người đầu tiên tới sính lễ ở nước Tề. Thế là đúng lễ nghi.

Đỗ Dự - Tề, Lỗ vốn hiềm khích, đã thôi giao hiếu, nay lại nối lại. Giao hiếu để cho dân được yên.

冬十月丙辰朔日有食之
ĐÔNG, THẬP NGUYỆT BÍNH THÌN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI
MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY BÍNH THÌN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

季孫宿如宋
QUÝ TÔN TÚC NHƯ TỐNG
QUÝ TÔN TÚC SANG TỐNG

Tả Thị - Mùa đông, Quý Vũ Tử sang Tống, đáp lại lễ sính của Hướng Thú. Chử Sư Đoàn đi đón, thết tiệc. Vũ Tử ngâm thơ Thường đệ cả bảy chương. Người Tống tặng biếu nhiều phẩm vật. Khi về phục mệnh, vua Lỗ thết tiệc. Vũ Tử ngâm chương cuối thơ Ngư Lệ. Vua ngâm thơ: Nam sơn hữu đài. Vũ Tử rời chỗ ngồi, nói: Thần đâu dám nhận.

Phụ lục Tả Truyện - Ninh Huệ Tử nước Vệ có bệnh, gọi con là Điệu Tử bảo rằng: Ta có tội với vua. Ta hối thì chậm mất rồi. Tên ta chép trong sử. Có câu: Tôn Lâm Phủ, Ninh Thực đuổi vua đi. - Nếu vua mà trở về, thì riêng việc trở về là đỡ được tội ta. Nếu con đỡ được tội ta thì mới thật là con ta. Nếu không, hồn ta vơ vẩn đói khát, dù có cúng tế cũng không được hưởng. - Điệu Tử hứa vâng lời, Huệ Tử mới tắt thở.

Uông Khắc Khoan - Nước Lỗ từ việc Tiêu Ngư trở về sau, luôn năm giao binh với Tề, Châu, Cử. Vì thế, không còn lễ sính đi lại giao hiếu. Tuy Hướng Thú có tới sính mà cũng chưa có đáp lại. Nay hòa với Tề mới giao hiếu với lân bang, để nối lại tình xưa.

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT

Năm Kỷ Dậu - Vua Linh Vương năm thứ 20.

二 十 有 一 年

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 21

Tấn Bình, năm thứ 6. Tề Trang, năm thứ 2. Vệ Hiếu, năm thứ 25. Thương, năm thứ 7, Sái Cảnh, năm thứ 40. Trịnh Giản, năm thứ 14. Tào Vũ, năm thứ 3. Trần Ai, năm thứ 17. Kỉ Hiếu, năm thứ 15. Tống Bình, năm thứ 24. Tần Cảnh, năm thứ 25. Sở Khang, năm thứ 8. Ngô Chư Phàn năm thứ 9.

春 王 正 月 公 如 晉

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG SANG TẤN

Tả Thị - Năm thứ 21, mùa xuân, Lỗ Công sang Tấn, tạ ơn Tấn giúp việc quân, và nhận Châu điền.

Trạm Nhược Thủy - Chép Công sang Tấn, cho rõ việc phi lễ. Các việc triều sính, hội đồng, đều có kì hạn, đã định theo lễ nghi. Tương Công riêng phụ họa với Tấn về binh lực, chiếm lấy Châu điền, sang Tấn tạ ơn. Thế là giao hiếu lấy lợi chứ không vì nghĩa.

鄒庶其以漆閭邱來奔

CHÂU THỨ KÌ DĨ TẤT, LƯ KHƯU, LAI BÔN

THỨ KÌ NƯỚC CHÂU CHẠY TRỐN SANG LỖ TA, BIẾU ẤP TẤT VÀ ẤP LƯ KHƯU, ĐẤT MÀ THỨ KÌ ĐƯỢC ĂN LỘC

Tả Thị - Châu Thứ Kì đem ấp Tất, ấp Lư Khưu chạy trốn sang Lỗ. Quý Vũ Tử đem cô vua Lỗ gả cho, và ban thưởng nhiều cho tùy tùng. Từ đó, nước Lỗ sinh nhiều trộm cướp. Quý Tôn Vũ Tử bảo Tang Vũ Trọng rằng: "Sao ông không trị trộm cướp". Vũ Trọng đáp: "Không trị được. Hột tôi không có tài". Quý Tôn nói: "Biên giới ta bốn phương đều có đồn ải, sao ta lại không trị được cướp, sao lại nói là không có tài". Vũ Trọng đáp: "Ngài mời kẻ trộm ngoài vào nước, ngài đối xử lấy đại lễ. Như thế, thì sao còn trị được bọn trộm trong nước. Ngài cầm quyền chính. Ngài triệu tập trộm nước ngoài vào. Nay muốn cho tôi đuổi đi, thì tôi đuổi bằng cách gì. Thứ Kì đã ăn cắp đất đai ở nước Châu đến đây biếu ngài. Ngài gả cho con gái họ Cơ, lại phong cho hai ấp đó. Đối với cướp lớn ngài gả một vị Công nữ cho, phong ấp cho. Đối với bọn cướp nhỏ là bọn tùy tùng, thì ngài ban thưởng cho tôi tớ, hầu hạ, đánh xe vệ sĩ. Đối với hạng cướp kém nữa, ngài cho gươm, áo mão, cân đai. Tóm lại là ngài đã thưởng cho hạng trộm cắp. Đã thưởng lại phạt thì khó lắm. Tôi có nghe nói, khi người trên cố làm cho tâm được trong sạch, đối với người thì cố giữ lễ nghi mà thành thực thì mới trị dân được. Người trên làm gì thì người dân theo bắt chước ngay. Thảng hoặc dân mà không tránh những điều người trên tránh, thế là dân bị trừng phạt. Vậy ai là dám không sửa mình. Khi dân làm một tội mà người trên làm, thì dân cãi được, ai ngăn cấm nổi. Trong sách Hạ Thư có câu: "Khi tôi nghĩ tới người ấy thì tôi chọn lấy ngay. Khi cố không nghĩ tới, tôi vẫn cứ chọn. Khi nói đến cũng cứ chọn. Xin nhà vua xét kĩ người ấy". Vậy người trên nên luôn luôn bắt mình làm điều thiện, điều mà mình muốn cho dân có. Có thế mới mong kết quả".

Tên Thứ không phải là vị Khanh, nhưng khi đến nước Lỗ

hắn có đất. Dù Thứ không ở quan chức cao mà Kinh Xuân Thu ghi việc Thứ tới, vì hai ấp là quan trọng.

Công Thị - Thứ Kì là ai? Là đại phu nước Châu. Sao chép? Vì cần chép đất.

Cốc Thị - "Dĩ", "đem", là ý gì? Là ý không nên đem. Chép chạy tới, chứ không nói rời khỏi nước, ý cho việc đến với ta là được. Tất và Lư Khưu, không dùng chữ cập: và, là coi thường, coi rẻ.

夏 公 至 自 晉
HẠ, CÔNG CHÍ TỰ TẤN
MÙA HẠ, LỖ CÔNG TỪ TẤN VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Tề Hầu sai Khánh Tá làm đại phu. Lại trị tội đảng của Công Tử Nha. Bắt Công Tử Mãi tại gò Câu Độc. Công Tử Sừ chạy tới Lỗ. Thúc Tôn Hoàn chạy sang Yên.

Mùa hạ, Tử Canh nước Sở mất. Vua Sở phong Vi Tử Bằng làm Lệnh Doãn. Tử Bằng đến hỏi ý kiến Thân Thúc Dự. Thúc Dự nói: "Trong nước, bọn bế sủng, nịnh nọt được vua yêu thì nhiều, mà vua thì nhu nhược. Nước không trị được". - Thế là Tử Bằng lấy cớ bệnh mà từ chối. Khi đó, đương giữa mùa hạ, nóng bức. Tử Bằng sai đào một cái hầm dưới đất, đặt giường, đặt nước lạnh. Rồi nằm trên giường mặc áo lụa, áo lông. Ăn thì ăn ít. Vua cho thầy thuốc tới thăm. Khi về, thầy thuốc tâu: Người gầy quá, nhưng khí huyết chưa có gì lạ. Vua mới cho Tử Nam làm Lệnh Doãn.

秋 晉 欒 盈 出 奔 楚
THU, TẤN LOAN DOANH XUẤT BÔN SỞ
MÙA THU, LOAN DOANH NƯỚC TẤN, BỎ NƯỚC CHẠY SANG NƯỚC SỞ

Tả Thị - Loan Hoàn Tử lấy con gái Phạm Tuyên Tử, sinh ra Hoài Tử tức là Doanh. Phạm Ưởng ghét họ Loan, vì Ưởng

trước đã bị đuổi. Vì thế, tuy hai người, Loan Doanh, Phạm Ưởng cùng là công tộc đại phu mà không tương đắc. Hoàn Tử chết rồi. Vợ là Loan Kì thông dâm với gia tể là Châu Tân, nhà suýt đến tan nát. Hoài Tử lo ngại, Loan Kì sợ vì con sẽ bị trừng trị mới gièm với Phạm Tuyên Tử rằng: "Doanh sẽ gây loạn, vì họ Phạm sau khi Hoàn chồng tôi chết, đã chiếm hết quyền hành, Doanh có nói: Cha tôi đã đuổi Phạm Ưởng. Phạm Tuyên Tử đáng nhẽ thù oán với con, thì lại cho nhiều ơn huệ. Ưởng cùng chức vụ với tôi, mà chuyên quyền. Từ khi cha tôi chết, Ưởng mỗi ngày giàu thêm. Vì cha tôi chết rồi, Ưởng một mình giữ quốc chính. Chết thì thôi, chứ tôi không theo. Đó nói như thế. Tôi sợ hắn hại cha, tôi dám đâu không báo trước". Phạm Ưởng tin lời, nhất là thấy Hoài Tử rộng lượng, sĩ phu theo về nhiều. Hoài Tử là Phó Hạ quân, Tuyên Tử mới sai đi đắp sửa thành Trứ, rồi từ nơi đó đuổi đi. Mùa thu, Loan Doanh rời nước, trốn sang Sở. Tuyên Tử giết Cơ Di, Hoàng Uyên, Gia Phủ, Tư Không Tĩnh, Bính Dự, Đổng Thúc, Bính Sư, Thân Thư, Dương Thiệt Hổ, Thúc Bi, Giam: Bá Hoa, Thúc Hướng, Tịch Yển.

Có người bảo Thúc Hướng, ông sa vào tù tội, thế là bất trí, Hướng trả lời: "Tôi chính là trí, chứ không phải là bất trí". Kinh Thi có câu: "Sống ung dung vui vẻ, hưởng hết tuổi trời". Nhạc Vương Phụ đến thăm, bảo Hướng, tôi sẽ xin vua tha cho ông, Hướng không nhận lời, khi tiễn ra cũng không chào. Rồi ai cũng cho là Hướng không phải. Hướng nói: Chỉ có đại phu Kì Hề mới xin được cho tôi. Người nhà hỏi: Xưa nay, Nhạc Vương Phụ nói với vua điều gì cũng được nghe cả. Nay muốn xin vua tha cho ông, sao ông không nhận. Còn như Kì đại phu thì đối với vua không bằng Nhạc Vương Phụ, sao ông lại cho là Kì Tử mới cứu ông được. Hướng bảo: "Nhạc Vương Phụ chỉ theo ý vua, có làm gì được. Kì Tử đối với người ngoài, tới cả kẻ thù, đối với người trong, tới cả con cái, hễ ai có tài là cất nhắc, có đâu lại bỏ sót tôi, Kinh Thi nói: Hễ có đức hạnh, thiên hạ đều theo. Kì Tử là người có đức hạnh". Vua Tấn hỏi Nhạc Vương Phụ về Thúc Hướng. Nhạc nói: "Hướng đối với họ hàng thường tha thiết, chắc anh em có cùng mưu tính".

Khi đó Kì Hề đã trí sĩ, nghe thấy Thúc Hướng bị nạn, vội đi xe ngựa trạm cho nhanh, tới gặp Phạm Tuyên Tử nói: Kinh Thi có câu: Đã làm ơn cho ta không bờ bến thì con cháu được hưởng phúc lâu dài. Kinh Thư có chép: Hạng thánh triết dạy dỗ, lời nói cùng công việc đều ghi rõ để dùng làm mực thước. Công việc mà ít nhầm, ân huệ, giáo huấn mà không trễ nhác, Thúc Hướng đều được cả thật là rường cột cho xã tắc. Giá phỏng con cháu đến mười đời có làm nên tội cũng còn được tha để khuyến khích người tài năng, huống chi nay chỉ vì anh em mà bị tội lây, bỏ cả công với nước, không xét cho người ta, thế là nhầm. Cổn bị tội, mà còn là Vũ được dùng, Y Doãn đuổi vua Thái Giáp; tự giữ quyền chính mà vua không oán hận. Quản, Sái, bị giết mà Chu Công vẫn làm tướng. Nay sao lại lấy Hổ có tội mà bỏ Hướng không nghĩ đến quốc gia. Ông mà hay thì ai dám trái ông. Ông mà cứ giết cho nhiều thì có được hơn gì". Tuyên Tử nghe ra, cùng lên xe, tới vua, xin tha cho Thúc Hướng. Kì Hề ra về không giáp mặt Thúc Hướng. Thúc Hướng vào triều như thường, cũng không cần gặp Hề Tề.

Xưa kia, mẹ Thúc Hướng ghen với người thiếp của chồng, vì người thiếp đẹp (sinh ra Thúc Hổ), không cho thiếp tới gần chồng. Các con đều can. Mẹ bảo: "Trên núi cao, trong đầm sâu, có rồng, có rắn. Người ấy đẹp, ta e sẽ sinh rồng, rắn, hại các con. Chi họ các con đang xuống. Trong nước bọn bế sủng thì nhiều. Nếu các kẻ ác gây chia rẽ, thì các con khó sống. Ta có phải là quá ghen, quá yêu đâu". Một lần người mẹ sai thiếp vào trong buồng ngủ của chồng. Kết quả là sinh ra Thúc Hổ. Thúc Hổ đẹp lại có dũng lực. Loan Hoài Tử yêu lắm. Vì thế họ Dương Thiệt (họ Thúc Hướng) sa vào nạn Loan Doanh (Hoài Tử).

Loan Doanh đi qua đất nhà Chu. Tới biên giới phía tây, gặp cướp có gì mang theo bị mất hết. Mới phàn nàn với vị sứ vua cho đi đón: "Thần là Doanh, bầy tôi xa của Thiên Tử, thần bị tội với một bầy tôi Thiên Tử đã phong cho (Phạm Tuyên Tử). Đi trốn sự trừng phạt, thì thần lại bị trừng phạt trên đất Thiên Tử (bị cướp bóc lột), không còn có chỗ dung thân, đành xin chết. Ngày xưa, bồi thần (bầy tôi ở xa), Thư, là ông của thần đã hết sức giúp vương thất. Thiên Tử thưởng công cho. Con là Yểm không được nối tiếp công nghiệp. Nếu Thiên Tử không quên công của

Thư, thì vong thần này còn có cớ tránh họa. Nếu không để ý đến công của Thư, mà chỉ để ý đến tội của Yểm, thì vong thần chỉ là con của kẻ đã bị hình lục. Thần xin tùy thuộc quan Tư pháp Kinh sư sử quyết, không dám rời khỏi đất nhà vua. Xin tâu bày hết sự thực, đợi mệnh Thiên Tử". Vua Chu nói: " Nhận biết lỗi Tấn, (đối với Doanh), mà bắt chước Tấn (để cho cướp bóc lột), thì lại là rất bậy". Mới sai quan Tư Đồ cấm không ai được lấy một chút gì của Loan Doanh và phải trả lại các đồ vật đã bóc lột. Sai quan chức tên là Hậu, đi hộ vệ cho tới ải Hoàn Viên.

Lưu Sưởng - Kinh chép, không chép thẳng là Phạm Cái đuổi mà lại chép Doanh tự bỏ nước ra đi. Để cho không có cái thù theo đuổi Doanh, thế tức là Cái không có thể theo đuổi được. Tội của Cái dễ thấy. Điều hỏng của Doanh khó biết. Đó là Kinh Xuân Thu xét kĩ tình lí mà điều chỉnh từ căn bản.

Cao Kháng - Doanh đã không biết ngăn can mẹ, rồi để Phạm Cái đuổi. Đã phải chạy trốn, lại có chí làm loạn, cho nên đặc biệt chạy trốn đến Sở, cho là Sở mạnh lớn, ngày nay có thể nhờ mà trốn nạn, ngày khác có thể nhờ để về nước.

九 月 庚 戌 朔 日 有 食 之 冬 十 月
庚 辰 朔 日 有 食 之

CỬU NGUYỆT, CANH TUẤT, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI. ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CANH THÌN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 9, NGÀY CANH TUẤT, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC. MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY CANH THÌN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

曹 伯 來 朝

TÀO BÁ LAI TRIỀU

TÀO BÁ TỚI CHẦU

Tả Thị - Mùa đông, Tào Vũ Công tới chầu. Lần đầu tới.

公會晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯曹伯莒子邾子于商任

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, VU THƯƠNG NHIỆM

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TẠI ĐẤT THƯƠNG NHIỆM

Tả Thị - Hội tại Thương Nhiệm, là để không còn cho Loan Doanh đến nhờ nước nào. Trong hội, Tề Hầu, Vệ Hầu, tỏ vẻ bất kính. Thúc Hướng nói: "Hai vua không khỏi họa được. Các hội, các triều phải đúng lễ nghi. Lễ nghi là cái bánh xe để chở chính trị. Chính trị là giữ cho thân thể. Lười nhác lễ nghi thì hại cho chính trị. Chính trị hỏng thì tư cách con người mất. Thế là loạn".

Trí Khởi, Trung Hàng Hỉ, Châu Xước, Hình Khoái, rời Tấn chạy trốn sang Tề, vì đều là đảng của Loan Doanh. Nhạc Vương Phụ bảo Tuyên Tử rằng: "Sao ông không cho gọi hai dũng sĩ Châu Xước và Hình Khoái". Tuyên Tử nói: "Dũng sĩ với họ Loan, chứ đâu phải của tôi". Vương Phụ đáp: "Xin ngài làm Loan Doanh của họ, họ sẽ thành dũng sĩ của ngài".

Tề Trang Công coi chầu, lấy tay chỉ Thực Xước và Quách Tối, nói: "Đó là người hùng của quả quân". Châu Xước (người Tấn trốn ở Tề), nói: "Nhà vua cho là hùng, ai dám bảo là không. Tuy nhiên, thần vô tài, mà trong trận Bình Âm, thần còn lên tiếng trước" (Châu Xước bắt được hai người. Coi lại các quyển trước).

Trang Công có đặt ra một ban gọi là Dũng tước. Thực Xước và Quách Tối xin được dự. Châu Xước nói: "Khi đánh vào cửa đông, ngựa Tả tham của tôi đụng vào cánh cửa, tôi còn dừng lại đếm từng tấm ván. Như thế tôi có đáng dự vào ban dũng được không". Trang Công nói: "Khi đó, ông đánh trận cho vua Tấn". Châu Xước đáp: "Thần chỉ là tôi tớ mới. Dù sao, ví như hai người đó lại là loại thú rừng, thần đã dám ăn thịt rồi, và lấy da làm chiếu nằm".

Phụ lục Công Truyện - Tháng 11, ngày Canh Tý, Khổng Tử sinh.

Phụ lục Cốc Truyện - Ngày canh tí, Khổng Tử sinh.

Xét - Đọc Công Dương Truyện, năm thứ 21, Lỗ Tương Công, tháng 11, ngày Canh Tí, Khổng Tử sinh. Đọc Cốc Lương Truyện, năm thứ 21, Lỗ Tương Công, mùa đông tháng 10, ngày Canh Tý, Khổng Tử sinh. Đọc sử kí, năm thứ 22, Lỗ Tương Công, Khổng Tử sinh. Ba sách không giống nhau. Trong tập Chu Tử Luận Ngữ, có nhặt các truyện về Khổng Tử thế gia, thì chuyên lấy Sử kí làm bằng chứng. Tống Liêm biện luận về năm sinh, năm chết của Khổng Tử, lấy Công Thị, Cốc Thị làm chủ, mà cũng không có chứng cớ được rõ. Chỉ bảo rằng Sử kí chép nhiều việc thất thực. Công Thị, Cốc Thị, thì lấy việc truyền lại cho nhau, chắc là có căn cứ. Hạ Đồng Cơ nói: "Khổng Tử sinh vào năm thứ 22 Lỗ Tương Công, đến năm Ai Công thứ 16, thì được 73 tuổi. Sử kí chép thế là được con số thực". Công Dương chép tháng đã là vớ vẩn (ngoa) thì sao có thể tin cả được. Tống Liêm thì theo Công Thị, Cốc Thị, cho là Khổng Tử 74 tuổi, tựa hồ như ức đoán. Họ Hạ bàn thì hay. Sách Thông Giám Tiền biên bảo rằng, năm thứ 21, Lỗ Tương Công, một năm hai lần nhật thực, thì không phải là năm sinh thánh nhân, nghe ra cũng có lí. Vả lại Khổng Tử sinh năm Canh Tuất, mất năm Nhâm Tuất, tương truyền đã lâu. Nay không thiên vào thuyết nào, cứ theo Chu Tử, thêm vào họ Hạ cùng Thông Giám, như thế thì sử kí không sai. Năm thánh nhân sinh, nên cứ đọc truyện phụ vào Xuân Thu. Còn con số năm thứ 22, không thấy có truyện nào nói thêm. Cho nên, tuy giữ Cốc Thị, Công Thị, mà giữ cả các lời luận bàn.

Năm Canh Tuất. Vua Linh Vương, năm thứ 21.

二 十 有 二 年

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 22

Tấn Bình, năm thứ 7. Tề Trang, năm thứ 3. Vệ Hiến, năm thứ 26. Thương, năm thứ 8. Sái Cảnh, năm thứ 41. Trịnh Giản,

năm thứ 15. Tào Vũ, năm thứ 4. Trần Ai, năm thứ 18. Kỉ Hiếu, năm thứ 16. Tống Bình, năm thứ 25. Tần Cảnh, năm thứ 26. Sở Khang, năm thứ 9. Ngô Chư Phàn, năm thứ 10.

春 王 正 月 公 至 自 會

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 22, mùa xuân. Tang Vũ Trọng sang Tấn. Khi đi qua đất Ngự của đại phu Thúc thì trời mưa. Ngự Thúc ở ấp sắp uống rượu. Nói: "Làm thánh nhân làm gì. Ta chỉ uống rượu thôi. Bị trời mưa, thế thì thánh nhân làm gì". (Vũ Trọng được tiếng là người quân tử). Mục Thục được nghe chuyện, nói: "Ngự Thúc, không giao cho việc gì được; không làm xong được việc gì; nói ngạo nghễ cả với sứ giả; thật là con mọt của nước". Rồi bắt đóng thuế gấp đôi.

夏 四 月

HẠ, TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, người Tấn báo cho Trịnh Bá biết là Trịnh Bá phải tới chầu Tấn Hầu. Trịnh sai chức Thiếu chính là Công Tôn Kiều trả lời: "Năm thứ 9. Tấn Điệu Công, quả quân tôi lên ngôi. Đến tháng tám, tiên đại phu chúng tôi là Tử Tứ theo quả quân tôi tới chầu. Các quan Tần có thái độ bất lễ. Quả quân tôi sợ, lui về. Tháng sáu, năm thứ hai, chúng tôi tới chầu Sở, vì thế Tấn đã có trận đem quân tới đất Hí. Người Sở hãy còn mạnh, mà đối với nước tôi rất có lễ. Nước tôi vốn muốn theo Tấn, nhưng cứ sợ mắc lỗi với các quan, phải tự hỏi: Tấn cho là ta không kính trọng các quan vốn vẫn giữ lễ với ta. Vì lẽ đó, chúng tôi không dám rời Sở. Tháng ba, năm thứ tư, tiên đại phu là Tử Kiểu, lại theo quả quân tới Sở, nhân tiện xét xem có nên rời Sở không. Vì thế Tấn có trận Tiêu Ngư. Các ông ở Tấn cho rằng nước tôi như một cây mọc gần cây khác,

hai cây đều cùng một hương vị, sao chúng tôi lại dám có tính tình khác. Khi đó, Sở không còn mạnh nữa. Quả quân tôi mới lấy hết sản vật trong nước, thêm vào các đồ quý trong tôn miếu, đi tới Tấn nhận hết các khoản minh ước. Rồi dắt bách quan đi theo các quan Tấn, dự hội về khoảng cuối năm. Ai mà còn theo Sở, như Tứ Hầu, Thạch Vu, là quả quân tôi khi về, đem quân trị tội.

Năm sau, hội Cức Lương, Tử Kiểu đã già rồi, Công Tôn Hạ theo quả quân, tới chầu nhà vua. Vừa dịp lễ tiến rượu mới, mùa thu, thành ra được nhận phần tế. Hai năm sau, quả quân tôi được tin nhà vua muốn đem quân bình các nước phía đông. Tháng tư, quả quân tôi lại tới chầu để nhận lệnh thời kì xuất quân. Trong khoảng thời gian đi chầu thì cứ mỗi năm cho sứ lễ sính. Không có trận nào không đi theo nhà vua. Vì các mệnh lệnh đại quốc rất là bất thường, không kì hạn, cho nên nước tôi thật là vất vả. Lệnh bất kì tới luôn, thành ra lúc nào chúng tôi cũng lo sợ. Chúng tôi đâu dám quên bổn phận. Nếu đại quốc mà giúp cho tiểu quốc tôi được bình yên thì chúng tôi xin sớm tối chầu luôn, không phiền các ông tới ra lệnh. Nhưng nếu các ông không thương nỗi lo khổ, mà cứ còn phải trách móc, thì chúng tôi không thể chịu nhận mệnh nữa, sẽ xa, và thành nước thù. Đó, tiểu quốc tôi lo như thế, cho nên đâu dám lười nhác, khi đã tuân mệnh. Xin các quan nghĩ xét cho kĩ".

秋 七 月 辛 酉 叔 老 卒

THU, THẤT NGUYỆT, TÂN DẬU, THÚC LÃO TỐT

MÙA HẠ, THÁNG BẢY, NGÀY TÂN DẬU, THÚC LÃO MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, Loan Doanh từ Sở sang Tề. Án Bình Trọng nói với Tề Hầu rằng: "Ở hội Thương Nhiệm, ta theo lệnh Tấn. Nay mà nhận họ Loan, thì trái với minh ước. Khi một nước nhỏ ở dưới quyền một nước lớn, nước nhỏ phải giữ lời. Không có thì nguy, xin nhà vua nghĩ kĩ". Vua không nghe. Án Bình Trọng lui ra, nói với Trần Văn Tử: "Người quân tử phải có tín. Người thần dân phải cung kính. Trung, tín, đốc, kính,

kẻ trên người dưới đều phải theo. Đó là đạo trời. Nhà vua tự mình khinh mình, không thể còn lâu được".

Tháng chín, Công Tôn Hắc Quăng nước Trịnh, ốm nặng, đem trả vua phần nhiều các ấp được ăn lộc. Gọi người gia tể, cùng các người trong gia đình, để cho lập con là Đoàn nối nghiệp. Dặn dò phải giảm bớt gia thần, giảm tiêu, trong các việc tế tự, thay tam sinh bằng dê, lễ lớn mới được dùng bò con, chỉ giữ lại các ấp cần thiết về tế tự, còn thì trả hết các ấp khác cho nhà vua. Nói rằng: "Ta nghe nói đã sinh vào thời loạn, ở địa vị cao mà biết an bần, thì dân không còn đòi hỏi được gì nữa. Thế là cách giữ bền lâu được. Phải cung kính đối với vua quan. Sự sống còn cốt ở sự biết cẩn thận, biết kính răn, chứ không cốt ở giàu có". Ngày Kỷ Tỵ Bá Chương (Hắc Quăng) mất. Người quân tử bàn là Hắc Quăng tính cẩn thận. Kinh Thi có nói: "Làm cho hết phận sự một vị chư hầu, thế là giữ gìn được khỏi tai họa bất kì". Trịnh Tử Chương đã có được đức tính đó.

冬 公 會 晉 侯 齊 侯 宋 公 衛 侯 鄭 伯 曹 伯
莒 子 邾 子 薛 伯 杞 伯 小 邾 子 于 沙 隨

ĐÔNG, CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, VU SA TÙY

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, TIẾT BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TẠI ẤP SA TÙY

Tả Thị - Mùa đông, hội tại Sa Tùy để mưu cấm họ Loan không được tới ở một nước nào. Loan Doanh đương ở Tề. Án Tử nước Tề nói: "Sắp có họa. Tề sắp đánh Tấn, không thể không lo sợ".

Uông Khắc Khoan - Khuất Vu sắp tới Tề lễ sính, mà đem vợ đi trốn bỏ cả mệnh vua, tội đáng chết. Loan Doanh, vì bố ngông nghênh, mà nhiều người oán, lại bị mẹ bậy bạ gièm pha, đến nỗi phải đuổi, chưa có tội nặng nào đáng chết, so với Khuất

Vu còn là nhẹ hơn. Tấn Bình dùng mưu của Khuất Cái, luôn luôn hội họp chư hầu, để trị Loan Doanh, đến nỗi trong nước lộn xộn. Sở Trang tuy không nghe Tử Phản để theo dõi trị Khuất Vu, nhưng vua nối ngôi, sau lại giết cả họ Khuất Vu, rồi đến bị họa với nước Ngô.

Làm vua mà không sáng suốt, mà bị quyền thần làm cho mù quáng, thì họa hoạn đâu có nhỏ.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

楚殺其大夫公孫追舒
SỞ SÁT KÌ ĐẠI PHU CÔNG TÔN TRUY THƯ
NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TÔN TRUY THƯ

Tả Thị - Quan khởi nước Sở được Lệnh Doãn Tử Nam sủng bế (yêu). Tuy rằng theo chức vụ lương lộc không mấy, thế mà có chục cỗ xe. Dân Sở lo ngại. Vua định trị. Khi Tật (con Tử Nam) giữ chức xa Ngự. Mỗi khi vua Sở trông thấy đều rỏ nước mắt. Khí Tật mới hỏi: "Đã ba lần nhà vua rỏ nước mắt trước thần. Dám hỏi kẻ có tội đã làm cho ngài buồn". Vua nói: "Lệnh Doãn không làm tròn phận sự, người đã biết. Nước sắp trị tội, còn ngươi, ngươi có ở lại không". Khí Tật nói: "Bố chết, nếu con còn ở lại, liệu vua có dùng không. Tiết lộ mệnh vua là tội to đáng trừng phạt, thần không tiết lộ". Về sau, vua Sở giết Tử Nam tại triều, Quan Khởi thì bị bốn ngựa phanh thây bốn phía. Gia thần của Tử Nam bảo Khí Tật xin lấy xác Tử Nam. Khí Tật nói: "Vua và tôi đều phải đúng lễ. Xin nghe lời các ông". Sau ba ngày, Khí Tật xin. Vua cho. Chôn xong, gia thần hỏi Khí Tật có rời nước đi không. Đáp: "Tôi đã dự việc giết cha, tôi còn tới đâu được". Hỏi: Thế thì còn thờ vua không?". Đáp: "Đã bỏ cha, lại thờ người giết cha, tôi không cam tâm được". Rồi thắt cổ chết.

Ở Sở, Vi Tử Bằng lại làm Lệnh Doãn. Công Tử Nghĩ làm

Tư mã, Khuất Kiến làm Mạc Ngao. Vĩ Tử có tám người sủng bế, người nào cũng nhiều ngựa, tuy rằng theo chức có ít bổng lộc. Một hôm, ở triều, Vĩ Tử nói chuyện với Thân Thúc Dự. Thân Thúc Dự không trả lời, rồi lui ra xa. Vĩ Tử đi theo. Thân Thúc đi lẫn vào đám đông người Vĩ Tử cứ theo. Thế là Thân Thúc đi về nhà. Đến khi Vĩ Tử ở triều đi ra, thì tới ngay nhà Thân Thúc hỏi: Ông ba lần làm cho tôi buồn. Tôi sợ. Cần gặp ông. Tôi có lỗi, xin cho biết. Đáp: "Tôi không khỏi lo sợ. Dám đâu nói với ngài." Hỏi: Lo sợ gì? Đáp: "Xưa, Quan Khởi là sủng bế của Tử Nam. Tử Nam bị tội. Quan Khởi bị phanh thây. Sao tôi không lo sợ". Vĩ Tử lui ra, tự cầm cương xe, hoảng hốt quên cả đường đi. Về đến nhà, bảo tám người rằng: "Tôi mới gặp Thân Thúc Phu Tử, thật là bực thầy. Lời nói thật là cải tử hoàn sinh. Tôi phải gần những người biết răn dạy tôi, như Phu Tử. Còn những người không được như thế thì, từ nay xin từ. Thế là từ giã tám người.

Vua Sở thấy thế rất yên tâm.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, Du Bản, nước Trịnh sắp sang nước Tấn. Chưa vượt qua biên giới thì gặp một người đi đón dâu. Du Bản cướp luôn người vợ, rồi đưa đến ấp riêng của mình. Ngày Đinh Tỵ, người chồng tới đánh giết được Du Bản, đem vợ đi ra. Tử Triển bỏ Lương, con Du Bản, mà lập Thái Thúc, con Du Bản làm chưởng tộc. Có nói: "Vị Quốc Khanh là Phó cho vua, là chủ dân, không được làm bậy. Cần truất phế những hạng giống Tử Minh (Du Bản). Tử Triển cho tìm người đã bị cướp vợ, cho đưa về nhà hắn, và cấm gia đình Du không được báo thù. Có nói rằng: Đừng có phô bày tội ác nữa.

Cao Kháng - Truy Thư vì bế sủng gần kẻ tiểu nhân, cho nên rồi bị nạn. Tuy nhiên, cứ như nước Sở hùng mạnh, trừ một đại phu sủng bế thì có gì là khó. Mà Khang Vương đầu tiên cùng với người con bàn giết bố, rồi cuối cùng giết người bố, phanh thây đồ đảng. Thế là uy quyền ở trên đã mất, cho nên hình pháp không đủ thi hành đến ở dưới. Xét uy quyền đã có, đã rõ, thì chỉ chê trách cũng đủ làm cho kẻ gian mất phong nhuệ bén sắc. Khi uy quyền đã mất, thì, đao kiếm không đủ trị tội gian thần. Bao nhiêu oán độc, tích lũy sẽ dồn vào đời Linh Vương.

Nước Sở mà không mất chỉ là may mà thôi.

Năm Tân Hợi. Vua Linh Vương, năm thứ 22.

二十有三年

NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 23

Tấn Bình, năm thứ 8. Tề Trang, năm thứ 4. Vệ Hiến, năm thứ 27. Thương, năm thứ 9. Sái Cảnh, năm thứ 42. Trịnh Giản, năm thứ 16. Tào Vũ, năm thứ 5. Trần Ai, năm thứ 19. Kỉ Hiếu, năm thứ 17. Tống Bình, năm thứ 26. Tần Cảnh, năm thứ 27. Sở Khang, năm thứ 10. Ngô Chư Phàn, năm thứ 11.

春王二月癸酉朔日有食之

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, QUÝ DẬU, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

三月杞巳杞伯丐卒

TAM NGUYỆT, KỶ TỴ, KỈ BÁ CÁI TỐT

THÁNG BA, NGÀY KỶ TỴ, KỈ BÁ TÊN LÀ CÁI MẤT

Tả Thị - Mùa xuân. Kỉ Hiếu Công mất. Tấn Điệu Phu nhân (chị) để tang. Bình Công vẫn cứ ca nhạc. Thế là phi lễ. Theo lễ, nước láng giềng có tang, thì vua triệt bỏ ca nhạc.

夏邾畀我來奔

HẠ CHÂU TÍ NGÃ LAI BÔN

MÙA HẠ, TÍ NGÃ NƯỚC CHÂU CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Công Thị - Tí Ngã nước Châu Lâu là ai. Là đại phu. Châu Lâu không có đại phu. Sao đây lại chép. Vì nước ở gần.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn thế, sao lại phô trương một việc xấu như thế.

Gia Huyền Ông - Nước Lỗ nhận của Thư Kì hai âp. Rồi phải nộp cả đồ đảng. Thiên Tử không hỏi. Bá chủ không trị tội. Xuân Thu hai lần chép. Là trách nước Lỗ. Cũng trách cả Tấn.

葬杞孝公
TÁNG KỈ HIẾU CÔNG
LỄ CHÔN KỈ HIẾU CÔNG

陳搬其大夫慶及慶寅
TRẦN SÁT KÌ ĐẠI PHU KHÁNH HỔ CẬP KHÁNH DẦN
NƯỚC TRẦN GIẾT ĐẠI PHU KHÁNH HỔ VÀ KHÁNH DẦN

Tả Thị - Trần Hầu sang Sở. Công Tử Hoàng (em vua Trần ở Sở) tố cáo với vua Sở hai tên Khánh. Người Sở cho triệu tới. Bọn Khánh sai người họ là Khánh Lạc đi thay. Lạc bị giết. Họ Khánh lấy dân làm phản. Mùa hạ, tướng Sở là Khuất Kiên đi theo Trần Hầu đem quân vây thành Trần. Người Trần sửa đắp giữ thành. Một tấm ván đổ chết người. Thợ bị tội xử tử. Bọn thợ bảo nhau, bọn nào giết cai bọn ấy, rồi giết Khánh Hổ và Khánh Dần. Người Sở cho đưa Công Tử Hoàng về. Người quân tử bàn, họ Khánh bất nghĩa, không thể lộng quyền được. Kinh Thư có câu: Mệnh trời cũng thay đổi.

Công Thị - Chép là nước Trần giết là tội liên lụy đến trên. "Và" Khánh Dần, thế là Dần, bị liên lụy.

Lưu Sưởng - Sao chép: và Khánh Dần. Là tội lây đến cả Dần. Dần là họ Khánh Hổ. Đỗ thị có bàn, chép chữ cập là chép theo chữ ở Sử. Thì ra thánh nhân viết Xuân Thu đều theo sử, chữ ở sử. Đâu có thế.

Gia Huyền Ông - Đưa Trần Hầu đến chỗ phản Tấn theo Sở là hai Khánh. Để cho em vua là Hoàng chạy tới Sở cũng là hai Khánh. Người Sở đánh mà giết đi, rồi lai đưa Công Tử

Hoàng về Trần, các việc đó đều do Sở chuyên làm. Thư pháp Xuân Thu như thế đó, các việc đều như là tự người Trần làm lấy cả, không để cho người Sở chuyên chế.

陳 侯 之 弟 黃 自 楚 歸 于 陳
TRẦN HẦU CHI ĐỆ HOÀNG, TỰ SỞ QUY VU TRẦN
EM CÙNG MẸ VỚI TRẦN HẦU LÀ HOÀNG TỪ SỞ ĐI VỀ TRẦN

晉 欒 盈 復 入 于 曲 沃
TẤN LOAN DOANH PHỤC, NHẬP VU TẤN NHẬP VU KHÚC ỐC
TẤN LOAN DOANH LẠI TRỞ VỀ TẤN, VỀ ẤP MÌNH LÀ KHÚC ỐC

Tả Thị - Tấn sắp gả con gái cho Ngô. Tề Hầu sai Tích Quy Phủ đưa bọn giắng ở Tề đi theo, nhân tiện để Loan Doanh trong các xe che kín, đưa luôn đến Khúc Ốc. Loan Doanh đợi lúc tối, tới yết kiến Tư Ngọ, trấn Thủ Khúc Ốc, rồi nói cho biết ý định. Tư Ngọ nói: "Không nên. Người mà trời đã bỏ, còn ai cứu vớt được. Ngài chắc không thoát khỏi họa đâu. Tôi không phải là tham sống, nhưng biết là ngài không thành công". Doanh nói: "Dù sao nữa, nếu có ông giúp tay, chết tôi cũng không hối. Thực ra, trời không giúp tôi. Nhưng giúp tôi, ông sẽ không bị trách". Tư Ngọ vâng, giấu Doanh một nơi. Mở tiệc rượu thết nhân sĩ Khúc Ốc. Khi cử nhạc, mới nói: Nay nếu ta có Loan Nhụ Tử (Doanh) thì các ông nghĩ thế nào. Khách đáp: Nếu chúng tôi có ông chủ, thì vì chủ, có chết cũng như không chết. Đều than thở, có người rỏ nước mắt. Khi bình rượu đi khắp một vòng, Tư Ngọ lại hỏi. Chúng lại đáp: Nếu có chủ đây, thì chúng tôi bỏ chủ sao được. Doanh mới bước ra, chào khắp mọi người.

Tháng tư, Loan Doanh cầm cánh quân ở Khúc Ốc đủ áo giáp lại được Nguỵ Hiến Tử giúp, tiến vào Giáng Thành nước Tấn.

Xưa Loan Doanh phó cho Ngụy Trưng Tử ở đạo Hạ quân (bố Hiến Tử) Hiến Tử rất quý Doanh, nguyên nhân từ đó. Họ Triệu vì nạn Nguyên và Bình sinh ghét họ Loan. Họ Hàn và họ Triệu thì tương đắc. Họ Trung Hàng (Tuân Yển) từ khi có việc đánh quân Tấn sinh ra ghét họ Loan, mà lại rất thân với họ Phạm. Tri Điệu Tử (Tuân Doanh con Tuân Anh) hãy còn nhỏ, cứ theo họ Trung Hàng. Trình Trinh là sủng thần (được yêu) của vua Tấn.

Vậy họ Loan chỉ còn họ Ngụy giúp và đại phu coi bảy cỗ xe của vua Tấn.

Nhạc Vương Phụ đang ngồi hầu chuyện Phạm Tuyên Tử, thì có người báo: họ Loan tới. Tuyên Tử sợ. Hoàn Tử (Vương Phụ) nói: "Xin ngài đem vua vào Cố Cung (nơi kiên cố), chắc không sao. Mà họ Loan có nhiều thù. Ngài giữ quyền chính. Loan Doanh từ nước ngoài tới. Ngài ở địa vị vững, có nhiều lợi hơn. Đã có quyền lợi, lại cầm quyền trị dân, thì còn sợ gì. Họ Loan chỉ trông cậy vào một người chủ họ Ngụy. Có thể bắt được. Diệt loạn là tự quyền ngài. Xin đừng ngần ngại do dự".

Trong công thất, còn đang có tang về Kỉ Bá, anh mẹ vua Tấn. Vương Phụ bảo Tuyên Tử mặc đồ đen (ở Tấn là đồ tang), khăn đen, lên xe hai thị nữ kéo đẩy. Tuyên Tử cùng vua lui vào Cố Cung. Phạm Ưởng con phạm Tuyên Tử, đi tìm Ngụy Thư (Ngụy Hiến Tử). Ngụy Thư xếp hàng quân đội, xe đã giong đủ, sửa soạn đi đón Loan Doanh. Phạm Ưởng rảo bước tới nói: "Loan Doanh trở về cầm đầu bọn cướp. Cha tôi và mấy tướng đều ở nơi vua. Sai Ưởng tôi đi đón ông, xin cho ngồi trên xe làm tham thặng". Thế là Phạm Ưởng nhảy lên xe. Tay phải cầm gươm, tay trái cầm cương, ra lệnh đi nhanh. Người hầu xe hỏi, đi đâu. Đáp, đi vào cung. Tuyên Tử bước ra đón Ngụy Thư (Hiến Tử) tận thềm cầm tay, rồi hứa cho ấp Khúc Ốc.

Xưa Phỉ Báo, đầy tớ Tuyên Tử, bị ghi tên sổ đỏ tức là có hội bắt làm nô lệ. Vệ sĩ mạnh nhất của họ Loan tên là Đốc Nhung, dân ai cũng sợ. Phỉ Báo nói với Tuyên Tử: Nếu ngài đốt tên tôi trong sổ đỏ, tôi xin giết Đốc Nhung. Tuyên Tử mừng đáp: Anh giết được nó, mà tôi không tâu vua đốt tên anh ở sổ đỏ, thì trời

hại tôi. Cho Báo đi ra, rồi sai đóng cửa lại. Đốc Nhung đuổi báo. Báo chạy nhảy qua một bức tường thấp, rồi đợi. Nhung cũng nhảy qua, rồi vào trong cánh đất hoang. Báo đâm sau lưng, giết chết.

Người của Phạm Tuyên Tử được xếp đặt sau đài Cố Cung. Loan Doanh cùng gia nhân trèo lên cửa cung. Tuyên Tử bảo Ưởng rằng: Tên bắn có thể tới nơi vua được. Thôi ta vì vua mà chết. Ưởng mới gióng giả quần chúng tiến. Họ Loan lùi ra. Ưởng mượn xe Tuyên Tử đuổi theo, gặp Loan Nhạc, có họ với Doanh, mới bảo: Nhạc, tránh đi, ta mà chết, ta còn kiện ngươi với trời. Nhạc bắn một phát tên không trúng, định bắn một phát nữa, thì xe đụng phải cây hòe, đổ. Có tên quân lấy móc giáo móc Nhạc gãy tay chết. Loan Phường thì bị thương. Loan Doanh thì chạy về Khúc Ốc. Người Tấn vây Khúc Ốc.

Công Thị - Khúc Ốc là ấp nước Tấn. Tại sao chép: vào nước Tấn, vào Khúc Ốc. Vì Loan Doanh đã vào Tấn, người Tấn không dung nạp. Vì thế mới vào Khúc Ốc.

Đỗ Ngạc - Theo phép Kinh Xuân Thu, chữ: phục nhập, lại vào, quan hệ hơn là nhập, vào. Chữ thập, vào quan hệ hơn chữ phục quy, lại về. Chữ phục quy, quan hệ hơn chữ quy, về. Thế là: Phục nhập, lại vào, là chữ rất chê.

Gia Huyền Ông - Doanh cậy có Tề giúp, phục nhập (lại vào) Tấn. Không phải là Tấn thần nữa, có hại cho vua, cho nước. Thế là Kinh Xuân Thu còn chép là Tấn Loan Doanh là để rõ phận vua tôi, cốt để trị tội. Mà cũng là thương họ Loan ở Tấn, vốn là Thế thần, nay tự tuyệt với Tấn. Tống Ngư Thạch cũng một trường hợp ấy.

Uông Khắc Khoan - Chu Tử có nói: "Người mà bất nhân, thì không có lượng dung người, rồi đến loạn".

Xét người bất nhân, có tài giết được người, thì giết đi. Nếu không giết được, mà ghét, khiến cho có chỗ dung thân, sự cùng, thế bách, tất là phải có việc bội nghịch, phản loạn. Huống chi Loan Doanh, không phải là hạng giết cha, giết vua, đuổi đi khỏi nước cũng đủ rồi, sao lại còn phiền đến chư hầu mấy lần tụ họp để cầm không cho ai dung nạp. Đến bước đường cùng, thì còn biết chọn đường nào nữa. Doanh mà lại có vào vua Tấn, thực là vì Tấn kích thích.

Xét - Kinh chép: phục nhập, lại vào Tấn, vào Khúc Ốc. Công Dương bàn là do Khúc Ốc mà vào Tấn. Bàn thế sai. Doanh có đóng giả giáp sĩ ở Khúc Ốc để vào Tấn, sau khi thua trận, lại vào Khúc Ốc cho nên Xuân Thu cứ sự thực chép. Nếu cứ như Công Dương thì ra nên, trước tiên, chép: vào Khúc Ốc, rồi sau chép vào Tấn vậy.

秋齊侯伐衛遂伐晉
THU, TỀ HẦU PHẠT VỆ, TỤY PHẠT TẤN
MÙA THU, TỀ HẦU ĐÁNH VỆ, RỒI ĐÁNH TẤN

Tả Thị - Mùa thu, Tề Hầu đánh Vệ. Ở đội Tiên Khu, Cốc Vinh giong xe cho chủ súy Vương Tôn Huy, Triệu Dương giữ chức xa Hữu. Ở đội Tiên Khu thứ hai, Thành Trật giong xe cho Cử Hằng, Phó Chi, con Thân Tiến Ngu, làm xa Hữu. Ở trung quân, Tào Khai giữ chức Ngự Nhung, giong xe vua Tề, Án Phủ Nhung làm xa hữu. Đi đầu các chiến xa khác, có Thượng Chi Đăng làm Ngự Nhung cho vua nước Hình, Lư Bồ Quý làm xa hữu. Ở cánh tả, Lao Thành giong xe cho Tương Bãi Sư, Lang Cử Sơ làm xa hữu. Ở cánh hữu, Thương Tử Xa giong xe Hầu Triều, Hoàn Đào làm xa hữu. Ở hậu đội, Thương Tử Du giong xe Hạ Chi Ngự Khấu, Thôi Như làm xa hữu, Chúc Dang Chi Việt là người thứ tư trên xe.

Từ Vệ, vua Tề muốn đánh Tấn. Án Bình Trọng nói: "Nhà vua cậy mạnh cậy can đảm đi đánh một vị minh chủ. Không thắng là phúc cho nước. Không may mà thắng, thế là việc lo sẽ tới ngay". Thôi Trữ can: "Không nên. Thần nghe nói: Khi một nước nhỏ nhân dịp một nước lớn vừa bị thua mà khiêu khích, thì thế nào cũng mang lấy họa. Xin nhà vua nghĩ kĩ". Vua không nghe. Trần Văn Tử tới gặp Thôi Vũ Tử hỏi, đối với vua phải làm thế nào, Vũ Tử nói: "Tôi đã nói, vua không nghe. Sau khi lợi dụng được bước khó khăn của vị minh chủ, nếu bách quan mình bị họa hoạn, thì còn có lợi gì mà trông vào vua mình (tức là bỏ vua). Ngài cố can ngăn đi". Văn Tử lui, nói với người nhà: "Thôi Tử sẽ chết. Nói vua một cách sỗ sàng, lại buộc tội quá

mức, chắc phải bất đắc kì tử. Người buộc tội vua dù có đúng, cũng hại cho bản thân, huống chi lại buộc tội quá mức".

Vua Tề đem quân tràn vào Tấn, rồi chiếm ấp Triều Ca. Chia quân làm hai đạo, tiến vào đường hẻm Mạnh Môn, leo lên núi Thái Hàng. Diễu binh tại Huỳnh Đình. Đặt hai đồn thú tại đất Bì, đất Thiệu (nước Tấn). Xây nấm đất trên đống xương khô quân Tấn ở Thiếu Thủy là để báo thù trận thua ở Bình Âm. Xong, rồi đem quân về. Tấn Triệu Thắng lấy quân ở ấp Đông Dương, đuổi theo, bắt được đại phu Tề là Án Li.

Uông Khắc Khoan - Tề Trang bản ý ở đánh Tấn, mà đánh Vệ chỉ là đi bước đầu. Cũng như Hoàn Công bản ý là đánh Sở, mà bước đầu, phải xâm nước Sái trước, là nước theo Sở, rồi mới đánh đến Cường Sở. Xuân Thu khen. Nay đánh nước theo bá chủ đã, rồi mới thực đánh bá chủ. Xuân Thu chê. Vậy Xuân Thu biên chép có chữ tụy: rồi là ngụ ý nơi rất khen, nơi rất chê.

Xét - Trên chép Loan Doanh vào Khúc Ốc, mà nối sau chép Tề Hầu phạt Tấn, thì Doanh được Tề thu nạp là dễ hiểu lắm.

八月叔孫豹帥師救晉次于雍榆

BÁT NGUYỆT, THÚC TÔN BÁO SUẤT SƯ CỨU TẤN, THỨ VU UNG DU

THÁNG TÁM, THÚC TÔN BÁC CẦM QUÂN CỨU TẤN, ĐÌNH QUÂN TẠI ƯNG DU, ĐẤT TẤN

Tả Thị - Tháng tám, Thúc Tôn Báo cầm quân cứu Tấn, đình quân tại Ưng Du. Thế là đúng lễ.

Công Thị - Tại sao trước chép cứu, sau chép đình. Vì trước là theo mệnh vua, truyền mệnh vua.

Cốc Thị - Chép là cứu mà sau là đình. Thế không phải là cứu.

Lưu Sưởng - Không phải là đạo đi cứu. Họ Đỗ bàn rằng đợi mệnh vua tại đất Ưng, cho nên chép là đình quân. Bàn thế sai. Cứu, nghĩa là cấp bách cho quân đi ngay. Đợi, là đợi mệnh Tấn. Đâu lại có chuyện đã đi cứu mà lại còn chờ được mệnh.

Công Dương bàn, trước cứu sau đình. Trước là truyền đạt mệnh vua. Bàn thế sai. Đã có quân mệnh, sao lại không truyền đạt.

Tôn Giác - Lỗ không cứu thì sợ Tấn trị tội. Đi cứu thì sợ Tề mạnh.

Xét - Nước bá chủ bị đánh, thì Lỗ nên tự đi cứu. Đi cứu mà lại chép là đình, thế là chầm chậm để coi xét. Thế không gọi là cứu. Kinh Xuân Thu chê. Mà họ Tả thì lại cho là đúng lễ. Công Dương thì cho là trước tiên hãy truyền đạt mệnh vua. Tất cả đều bàn sai.

己卯仲孫速卒

KỈ MÃO, TRỌNG TÔN TỐC TỐT

NGÀY KỈ MÃO, TRỌNG TÔN TỐC MẤT

Tả Thị - Quý Vũ Tử không có con đích. Trong các con thiếp, có Công Di là lớn, nhưng Điệu Tử Hột được yêu. Vũ Tử muốn cho Hột nối nghiệp, mới hỏi ý kiến Thân Phong: "Di và Hột, tôi đều yêu. Tôi muốn chọn đứa có tài hơn để nối nghiệp". Thân Phong vội bước rảo về nhà sửa soạn rời nước, đem cả nhà đi. Một ngày khác, Quý Vũ Tử lại hỏi lại Thân Phong. Đáp: "Nếu thế thì, tôi sẽ sửa soạn cái xe cũ của tôi, để rời khỏi nước". Quý Vũ Tử đình việc lại, rồi bàn với Tang Hột. Tang Hột nói: "Đặt tiệc rượu, tôi sẽ dự, sẽ vì ngài bàu Điệu Tử". Quý Vũ Tử mời các đại phu dự bữa tiệc. Tang Hột là khách đầu, khi rượu đã rót, Tang Tôn (Tang Hột) cho đặt về phía bắc phòng ăn hai chiếu trên dưới. Sai lấy cốc mới, rửa kĩ, triệu Điệu Tử tới, Tang Hột xuống thềm đón. Đại phu đều đứng dậy. Khi hết một tuần rượu, Tang Hột cho triệu Công Di tới đặt ngồi sau Điệu Tử. Quý Tôn thất sắc (vì sợ Công Di không nhận chỗ ngồi).

Sau, Quý Tôn phong Công Di (hoặc Công Sử) làm chức Mã Chính. Công Di uất hận, từ đó không ra ngoài. Mẫn Tử Mã tới thăm nói: "Xin ngài đừng làm thế. Họa hay phúc không tự chọn cửa. Duy người ta triệu tới. Làm người con chỉ lo là không có hiếu, chứ không lo không có địa vị cao. Xin kính mệnh cha. Quan tâm làm gì đến luật lệ nối nghiệp. Nếu biết hiếu với cha, biết

kính cha, thì như là giàu bằng bằng hai chức trưởng họ. Nếu ngài lại làm bậy, và làm sai luật lệ, thì e rằng sẽ bị khổ sở hơn kẻ thường dân". Công Di nghe theo. Trở nên kính cha, vui vẻ làm chức vụ. Quý Tôn rất bằng lòng. Sai Công Di mời mình ăn tiệc, cho đem hết các đồ dùng tới, tiệc xong để lại cho Công Di tất cả. Nhà Công Di thành ra giàu có. Mà lại được phong làm Tả Tể của vua Lỗ.

Mạnh Tôn ghét Tang Tôn. Quý Tôn thì yêu Tang Tôn. Sô Phong Điểm, chức giong xe cho Mạnh Tôn, vốn yêu Yết (con Mạnh Tôn) bảo Yết rằng: Nếu nghe lời tôi, thì ông sẽ kế nghiệp. Bảo nhiều lần, Yết mới nghe. Mạnh Tang Tử (Mạnh Tôn) ốm nặng. Phong Điểm bảo Công Sừ: "Nếu Yết được bàu nối nghiệp Mạnh Tôn, tôi sẽ xin làm cho thành ra thù với họ Tang". Công Sừ nói với Quý Tôn rằng: "Nhụ Tử Trật (con lớn của Mạnh Tôn) nối cha là đích đáng. Nhưng nếu Yết được lập thì họ Quý sẽ mạnh hơn họ Tang". Quý Tôn im không nói gì. Ngày Kỷ Mão, Mạnh Tôn mất. Công Sừ giúp Yết đứng bên cửa (địa vị người chủ tang lễ). Quý Tôn tới, bước vào phòng cữu, rồi làm lễ khóc viếng. Khi đi ra, có hỏi "Trật đâu", Công Sừ đáp: Có Yết đây. Quý Tôn nói: Nhụ Tử Trật là chưởng. Công Sừ nói: Chưởng có làm gì. Chỉ cần có tài. Vả lại Phu Tử (Mạnh Tôn) đã truyền như thế (chính là nói dối)". Thế là Yết được lập lên nối nghiệp cha. Trật chạy trốn sang nước Châu. Tang Tôn vào, khóc lóc thảm thiết. Khi đi ra về, người giong xe hỏi: "Mạnh Tôn ghét ông, thế mà nay ông xót thương như thế, giá như Quý Tôn chết thì thế nào". Tang Tôn đáp: "Quý Tôn mà yêu ta, thì như là cơn sốt nóng trong khi bệnh tật. Mạnh Tôn mà ghét ta thì như mũi kim của người chích ung nhọt cho ta. Cơn nóng sốt rất mạnh, bằng sao được một mũi kim rất đau. Mũi kim đã làm cho ta sống. Cơn sốt đã làm cho ta nhiễm nhiều độc. Mạnh Tôn mà chết đi, ta chưa biết chết lúc nào".

Uông Khắc Khoan - Nước Lỗ từ khi Trọng Toại giết đích lập thứ, thì họ nhà vua mất trật tự. Còn các vị Khanh nước Lỗ, từ khi Quý Tôn Túc lấy ý riêng bỏ con lớn, lập con bé, từ đó gia thần tập quen thói bậy. Phong Điểm nhà họ Mạnh, bỏ Trật lập Yết. Thụ Ngưu nhà họ Thúc Tôn giết Mạnh Bình mà lập Xá, đều lấy cớ phế lập để chuyên quyền. Thế rồi ba nhà suy dần. Họa lúc đầu gây ra, rồi càng ngày càng tệ.

V 十 月 乙 亥 臧 孫 紇 出 奔 邾

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ẤT HỢI, TANG TÔN HỘT XUẤT BÔN CHÂU

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY ẤT HỢI, TANG TÔN HỘT BỎ NƯỚC CHẠY TỚI NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Nhà họ Mạnh, chủ mới là Yết. Cho đóng cửa lại (để cho Công Sừ soi Tang Tôn là địch). Yết nói với Quý Tôn: "Tang Tôn, sửa soạn làm loạn, hắn không để cho tôi chôn cha tôi đâu". Quý Tôn không tin. Tang Tôn nghe tin, mới cẩn thận giữ mình. Mùa đông, tháng 10, họ Mạnh cho dọn đường (để đưa đám tang) mới cho nói với Tang Tôn, xin mượn ít phu dịch. Tang Tôn ra lệnh cho gia tể cho phu giúp Mạnh Thị. Sửa đường tại Đông môn. Tang Tôn đem giáp binh đến coi phu dịch (vì sợ Mạnh Thị) Mạnh Thị vội báo Quý Tôn. Quý Tôn giận sai đánh Tang Tôn. Ngày Ất Hợi, Tang Hột (Tang Tôn) chặt cửa Lộc Môn, chạy ra được, rồi trốn sang nước Châu.

Xưa kia, Tang Tuyên Thúc lấy vợ ở nước Chú (nay là Tế Bắc). Vợ sinh ra được hai con là Giả và Vi, rồi chết. Tang Tuyên Thúc lấy vợ kế, là cháu vợ trước, con gái người em gái Mục Khương, (Mục Khương là mẹ Lỗ Thành Công). Người kế thất sinh ra Hột, lớn lên ở trong Cung. Khương thị yêu lắm, lập làm chưởng họ Tang. Còn Tang Giả, Tang Vi, đi ra ở nước Chú. Tang Vũ Trọng (Tang Hột) từ nước Châu sai người báo cáo với Tang Giả, và biếu một con rùa to, nói rằng: "Hột tôi vô tài, đã không giữ được việc thờ cúng tổ tiên, xin báo cáo là trời đã không giúp tôi. Nhưng tội tôi không đến nỗi phải bỏ cúng tế. Xin đại nhân đem biếu rùa này cho vua Lỗ, và xin với vua cho lập chưởng tộc. Việc có thể được". Giả trả lời: "Việc không may của ông là cái họa cho nhà ta, chứ ông không có tội gì. Tôi đã được nghe mệnh". Rồi hai lạy tạ ơn nhận rùa, sai em là Vi về triều biếu vua Lỗ, và xin việc. Vi đi tới Lỗ nhưng xin cho mình, chứ không nói tới anh Giả.

Tang Tôn đi tới đất Phòng (đất được ăn lộc). Ở đó sai người nói với vua Lỗ: "Hột tôi đâu có hại ai, chỉ là cẩn thận. Nay không dám vì lợi riêng mà xin nhà vua. Nếu nhà vua sai một

người nhà tôi chủ việc cúng tế, vì nghĩ tới hai công thần cũ, thì tôi đâu dám không rời ngay đất Phòng". Thế là Vi được làm chưởng họ. Tang Hột bỏ Phòng, lui về ở nước Tề.

Một tùy tùng có hỏi: Trong minh ước (Quý Tôn với Tang Vi), có nói đến ta không. Tang Tôn nói: Quý Tôn không có gì buộc tội ta (vì chính Quý Tôn đã chọn con bé nối nghiệp, bỏ con cả).

Quý Tôn khi sắp làm minh ước với Tang Vi, có cho viên quan ngoại sử (có chức vụ xét các quan làm việc bậy) tới hỏi chương đầu minh ước nên viết thế nào. Ngoại sử nói: "Trong minh ước làm với họ Đông Môn có câu, đừng ai bắt chước Đông Môn Toại đã không nghe mệnh Công (Văn Công) giết đích lập thứ. Trong minh ước với họ Thúc Tôn có câu, đừng bắt chước Thúc Tôn Kiều Như, đã muốn bãi bỏ phép nước, reo rối loạn làm nghiêng đổ Công thất (họ nhà vua). Quý Tôn nói: Tang Tôn tội không to bằng hai người đó. Mạnh Thúc nói: Sao không lấy cớ, đã phá cửa thành. Quý Tôn mới dùng cớ ấy. Trong minh ước với nhà họ Tang, có câu: Đừng ai bắt chước Tang Tôn Hột đã phạm phép nước, đã phá cửa thành, bẻ gãy then cửa. Tang Tôn nghe chuyện có nói: Trong nước còn có người, ta chắc là Mạnh Thúc.

Cốc thị - Chép ngày là cho việc Tang Tôn Hột đi là chính, Cừ Bá Ngọc có nói: Không lấy đạo thờ vua thì ra đi. Đúng thế chăng.

Gia Huyền Ông - Quý Túc dung nạp bọn cướp ở nước Châu, Tang Hột đã nói với Quý Túc về việc ấy như thế nào mà nay lại nịnh nọt tự kết với Quý Tôn, thì có khác gì bọn cướp. Quý Túc đã tự mình làm loạn đích thứ, lại làm loạn đích thứ nhà khác nữa, lại buộc tội Tang Hột để đuổi đi. Hột vốn là có tội mà Túc cứ xét tính tình phóng dục, bậy bạ, lại càng nặng tội.

晉人殺欒盈
TẤN NHÂN SÁT LOAN DOANH
NGƯỜI TẤN GIẾT LOAN DOANH

Tả Thị - Người Tấn thắng được Loan Doanh tại Khúc Ốc, giết hết họ và đảng Loan thị. Loan Phường chạy trốn sang nước

Tống. Kinh chép, người Tấn giết Loan Doanh, không nói là đại phu, nói như ở ngoài vào.

Công Thị - Sao không nói là giết đại phu. Vì không phải đại phu.

Cốc Thị - Ghét, không cho chức tước.

Xét - Doanh bị quyền thần đuổi. Doanh sợ tội mà chạy trốn. May giữ được thân là đủ rồi. Lại cậy có Tề giúp để vào Tấn, rồi lại vào Khúc Ốc. Quân hai bên đánh nhau. Thế là bị tội vô quân. Chép là nước để giết mà bỏ chức đại phu là để rõ tội nặng của Doanh. Sĩ Cái đuổi Doanh. Trong khoảng hai năm, hai lần họp chư hầu để cấm việc chứa chấp Doanh. Đã thắng được Khúc Ốc, thì giết cả họ, quyền bính trong nước Tấn toàn ở trong tay Sĩ Cái. Tấn Hầu chỉ là hư vị. Xuân Thu cứ theo việc chép sự thực: Tấn Hầu mất chính, Sĩ Cái chuyên quyền. Chả đợi Xuân Thu tỏ lời chê, mà cũng đã nhận thấy ngay.

齊 侯 集 莒

TỀ HẦU TẬP CỬ

TỀ HẦU ĐÁNH ÚP NƯỚC CỬ

Tả Thị - Tề Hầu, từ Tấn đem quân về, trước khi về nước, còn đánh úp nước Cử. Vây cửa tây thành Thả Vu. Vì bị thương ở đùi mới rút lui. Sớm hôm sau định đánh trận nữa, và bày trận tại Thọ Thư một ấp nữa của nước Cử, hai tướng Tề là Kỉ Thực, và Hoa Hoàn mặc giáp trụ, đêm tới, theo một con đường hẻm gần Thả Vu, suốt đêm ở trong cánh đồng gần quốc đô. Đến sớm đầu tiên gặp vua Cử ở ấp Bồ Hầu Thị, cũng là ấp nước Cử. Vua Cử biếu nhiều đồ vật, để hai tướng đừng phí thân giao chiến, và hẹn cùng minh ước. Hoa Chu (Hoa Hoàn) nói: "Tham của, bỏ mệnh chủ, đến nhà vua cũng ghét. Sớm nhận mệnh, chưa tới chiều đã trái mệnh, thế có gọi là thờ vua không". Vua Cử mới tay cầm dùi trống, thúc cho quân tiến đánh hai tướng, đuổi bắt được Kỉ Lương (Kỉ Thực). Thế là người Cử hòa.

Tề Hầu về, gặp vợ Kỉ Lương ở cánh đồng gần Tề đô. Vua cho sứ thăm viếng (về việc chồng vừa bị bắt). Người vợ từ chối

nói: "Nếu Thực có tội, thì sao vua sai sứ tới tôi. Nếu Thực không có tội, thì nhà tranh của tiền nhân chúng tôi hãy còn. Thần thiếp không được nhận lời thăm viếng ở giữa ngoài đồng". Thế là Tề Hầu sai sứ tới nhà thăm viếng.

Phụ lục Tả Truyện - Tề hầu có ý muốn cho Tang Hột ruộng đất. Tang Tôn (hoặc Tang Hột) nghe biết ý, xin yết kiến. Vua Tề nói về việc đánh Tấn. Tang Hột nói: "Nhà vua nói là đã nhiều công phu, nhiều thì nhiều đấy. Nhưng khác gì con chuột, ngày nghỉ đêm làm, không dám đào hang nơi đền miếu vì còn sợ người. Nhà vua nghe Tấn có loạn mới đem quân ra. Chứ nếu Tấn bình yên, chắc nhà vua vẫn phải theo. Đúng như con chuột làm việc". Vua Tề mới thôi không cho ruộng đất nữa.

Trọng Ni nói: Khôn ngoan là một điều khó. Có được khôn ngoan của Tang Vũ Trọng, mà không dung thân được ở nước Lỗ. Bị bó là tự mình gây ra. Đã làm một việc không nên (để cho Quý Tôn lấy con thứ kế nghiệp). Đối với người, không độ lượng như đối với mình (đã ghét Mạnh Tôn vì Mạnh Tôn chọn con út kế nghiệp). Trong Hạ Thư có câu: "Khi tôi nghĩ đến một điều, thì tôi áp dụng cho tôi". Thế nghĩa là tôi làm việc nên làm cho tôi đối với người như người đối với tôi.

Gia Huyền Ông - Người Tề, từ Tấn đi về, lại đánh úp nước Cử, thế là quân không có danh nghĩa. Chép cả tước ra, mà dùng chữ: Tập, đánh úp, thế là khinh.

Năm Nhâm Tý. Vua Linh Vương năm thứ 23.

二 十 有 四 年

NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 24

Tấn Bình, năm thứ 9. Tề Trang, năm thứ 5. Vệ Hiến, năm thứ 28. Thương năm thứ 10. Sái Cảnh, năm thứ 43. Trịnh Giản, năm thứ 17. Tào Vũ, năm thứ 6. Trần Ai, năm thứ 20. Kỉ Văn Công, Ích Cô năm đầu. Tống Bình, năm thứ 27. Tần Cảnh, năm thứ 28. Sở Khang, năm thứ 11. Ngô Chư Phàn, năm thứ 12.

春叔孫豹如晉

XUÂN, THÚC TÔN BÁO NHƯ TẤN

MÙA XUÂN, THÚC TÔN BÁO SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Năm thứ 24. Mùa xuân. Mục Thúc sang nước Tấn. Phạm Tuyên Tử đón, và hỏi: Người xưa nói, tử nhi bất hủ, chết rồi mà không bị nát, hết, mất, câu ấy nghĩa là gì. Chưa kịp nghe trả lời Tuyên Tử nói luôn: Xưa, tổ tiên Cái tôi, dưới đời Ngu, Thuấn, là họ Đào, họ Đường. Dưới đời nhà Hạ, là họ Ngự Long. Dưới nhà Thương, là họ Thỉ Vi. Dưới đời nhà Chu, là họ Đường và họ Đỗ. Khi Tấn làm minh chủ là họ Phạm. Như thế có gọi là bất hủ không. Mục Thúc nói: Cứ như Báo tôi được nghe nói thì, như thế chỉ gọi là thế lộc, chứ không gọi là bất hủ. Lỗ xưa có một đại phu là Tang Văn Trọng, mất đi, mà các lời nói còn lại. Đó là bất hủ. Báo nghe nói: trên hơn cả là đại đức, thứ hai là công, thứ ba là lời dạy răn. Ba thứ đó gọi là bất hủ, dù có lâu cũng không mất. Còn như giữ được họ nhà mình, để giữ được hương hỏa, đời đời không dứt, thì ở nước chư hầu nào mà không có. Làm quan to không gọi là bất hủ.

Phụ lục Tả Truyện - Phạm Tuyên Tử cầm quyền chính nước Tấn, nhận nhiều đồ biếu của các chư hầu. Nước Trịnh lấy làm lo ngại. Tháng hai, Trịnh Bá sang Tấn. Tử Sản gửi thư cho Tử Tây (Tử Tây đi theo Trịnh Bá), để bảo với Tuyên Tử rằng: "Ông làm tướng quốc nước Tấn, bốn chư hầu chung quanh nước Tấn không thấy nói đến đức sáng, mà chỉ nói ông nhận nhiều đồ biếu. Kiều tôi lấy làm ngại. Phàm người quân tử đứng đầu một quốc gia, không có lo về hối lộ nhiều ít mà chỉ lo về tiếng tốt hay xấu. Đồ hối lộ của các chư hầu nhiều, tức là chư hầu nhị tâm. Nếu ông lại cho thế là lợi, thì dân nước Tấn nhị tâm. Chư hầu nhị tâm, thì nước Tấn hỏng. Dân Tấn nhị tâm thì nhà ông hỏng. Sao cứ chìm đắm vào hối lộ làm gì. Tiếng tốt là gì. Là cái xe chở đức sáng. Đức sáng là gì. Là nền tảng quốc gia. Có được nền thì không đổ được; đó là việc, là phận sự của ông. Có đức thì vui. Vui thì được lâu. Kinh Thi nói: Người quân tử vui sao. Nền của nước, của nhà, là đức sáng. Trời đã

tròng tới ngươi, đã làm cho ngươi không hai lòng, thế là cho ngươi tiếng tốt". Lòng không thiên lệch, thì đức sáng, thì tiến hay chờ đi, gần được yên, xa tìm tới. Đừng nên để người ta nói: Ta nuôi ông ấy sống. Nên mong người ta nói: Nhờ ông ấy mà ta được sống. Con voi vì có ngà cho nên chết. Hối lộ là ngà voi đấy".

Tuyên Tử nghe nói cho là phải lắm. Từ đó khinh của hối lộ. Chuyến đi đó, Trịnh Bá chầu Tấn Hầu, nói chuyện đến của hối lộ, mà cũng để xin đánh nước Trần, Trịnh Bá rạp đầu lạy vua Tấn, Tuyên Tử muốn từ chối lễ đó. Tử Tây (đại phu theo vua Trịnh) nói: Vì nước Trần trông cậy vào nước Sở lớn, lăng ngược nước Trịnh tôi, quả quân tôi xin phép đánh Trần. Vì thế phải rạp đầu xin".

仲孫羯帥師侵齊

TRỌNG TÔN YẾT SUẤT SƯ XÂM TỀ

TRỌNG TÔN YẾT CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỀ

Tả Thị - Mạnh Hiếu Bá Xâm Tề là vì Tấn.

Cao Kháng - Khi Tề đánh Tấn, Lỗ sai Thúc Tôn Báo cứu Tấn, quân đình lại ở đất Ung Du, đối với Tấn là không có công, cho nên Mạnh Hiếu Bá đến ngày đó lại cầm quân đánh Tề để báo cho Tấn, chỉ vì sợ Tấn nghi, không tin. Yết thay Tốc, chưa luyện tập đã suất sư, mà cũng không để tang ba năm.

夏楚子伐吳

HẠ, SỞ TỬ PHẠT NGÔ

MÙA HẠ, SỞ TỬ ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Mùa hạ, Sở Tử cho đóng thuyền, đem quân đánh Ngô. Không đặt ra quân luật, thành ra thiếu quân chính. Đánh không thành công trạng gì, rồi lại đem quân về.

Cao Kháng - Coi đó biết Sở đã yếu, mà Ngô hưng thịnh. Năm thứ 11, Lỗ Tương Công, Sở mất Trịnh. Năm thứ 14, đánh

Ngô. Từ đó, bỏ Trịnh không tranh giành với Tấn nữa. Sau mười năm, lại đánh Ngô lần nữa để ý đến Ngô, mà không nghĩ đến các nước khác.

秋七月甲子朔日有食之
THU, THẤT NGUYỆT, GIÁP TÍ SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI
MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY GIÁP TÝ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC, TOÀN THỂ, KHÔNG KHUYẾT

齊崔杼帥師伐莒
TỀ THÔI TRỮ SUẤT SƯ PHẠT CỬ
TỀ THÔI TRỮ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thị - Tề Hầu đã đánh Tấn, sợ bị báo thù, muốn gặp Sở Tử. Sở Tử sai Vĩ Khai Cương sang Tề lễ sính, và để hỏi cho biết thời kì hội. Tề Hầu tế xã rồi diễn binh cho Vĩ Khải coi. Trần Văn Tử nói: Tề sẽ có nhiều địch. Tôi nghe nói, đồ binh không cất trong kho, mà cho ra ngoài, là sẽ gọi đồ binh khác tới.

Mùa thu, Tề Hầu được tin là Tấn đang sửa soạn chiến tranh, mới cho Trần Vô Vũ theo Vĩ Khải Cương sang Sở từ tạ và xin viện binh. Thôi Trữ đem quân đưa tiễn, rồi đánh vào nước Cử, tràn vào một ấp Cử là Giới Căn.

Cao Kháng - Năm trước, Tề Hầu đánh úp Cử, đã cùng Cử hòa. Nay Thôi Trữ nhân cầm quân tiễn sứ sang Sở, mà rồi đánh nước Cử, ta đủ biết Tề chỉ thấy có lợi thôi, chứ không để ý đến chữ tín.

大 水

ĐẠI THỦY

LỤT TO

八 月 癸 巳 朔 日 有 食 之

BÁT NGUYỆT, QUÝ TỊ, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG TÁM, NGÀY QUÝ TỴ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

公 會 晉 侯 宋 公 衛 侯 鄭 伯 曹 伯 莒 子 邾 子 滕 子 薛 伯 己 伯 小 邾 子 于 夷 儀

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, VU DI NGHỊ

LỖ CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TẠI ĐẤT DI NGHI

Tả Thị - Hội tại Di Nghinh, định đánh Tề. Nước lụt không thi hành được ý định.

Cao Kháng - Từ sau hội thề Kha Lăng, Tề có ý khinh Tấn. Lại gặp khi Tề Hầu là Hoàn mất, mà Quang mới lên ngôi mới chịu thề tại đất Thiền Uyên. Rồi đến hội Thương Nhiệm, Sa Tùy, Tấn đã kém thế. Tề từ đó sinh hai lòng. Năm sau, Tề đánh Tấn, lại hai lần đem quân đánh Cử. Tấn Hầu vì những cớ đó, mới mở hội Di Nghi, đem quân 12 chư hầu, định đánh Tề. Nhưng có hội mà không có đánh, là có ý sợ. Thế nước không mạnh, các nước không một lòng. Nói là vì nước lụt không thi hành được ý muốn chỉ là một cách biện chứng không đánh thôi. Ở dưới chép, Thôi Trữ đánh Tây Bỉ nước ta, thì đủ biết là Tấn không còn làm gì được nữa.

Uông Khắc Khoan - Tấn họp chư hầu, ý muốn đánh Tề

mà không đánh được, cho nên chép là hội, chứ không chép phạt, để cho rõ có họp 12 vua các nước, mà không làm được việc gì. Vì tiến binh thì sợ Tề mạnh, lui binh lại lo Sở phạt Trịnh. Thế cho nên hội mà lại thôi. Việc Bình Âm, Trịnh Bá có ở hội, Sở cũng phá bằng cách đánh Trịnh, mà Công Tử Ngọ một mình đem quân vào cõi, không đủ làm cho Trịnh nao núng. Lần này Trịnh Bá cũng có mặt tại hội, mà Sở Tử lại đem quân chư hầu để đánh Trịnh, chư hầu mới bỏ Tề mà đi cứu Trịnh vậy. Nói đánh mà không quyết, nói cứu mà không tới, là thấy nghiệp Bá của Tấn suy rồi. Vì thế Xuân Thu không chép chư hầu cứu Trịnh.

冬 楚 子 蔡 侯 陳 侯 許 男 伐 鄭

ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Mùa đông, Sở Tử đánh Trịnh để cứu Tề. Vây cửa đông Trịnh đô, đồn quân ở Cức Trạch. Chư hầu ở hội Di Nghi về, cứu Trịnh. Tấn Hầu sai Trương Cách và Phụ Lịch tới Sở khiêu chiến. Hai tướng xin Trịnh một người giong xe giỏi (thuộc đường đi). Người Trịnh chọn được Uyển Sạ Khuyển là tốt. Tử Thái Thúc Sạ Khuyển: "Đừng nên coi các tướng một nước lớn là ngang hàng với mình". Sạ Khuyển đáp: Tôi phải kính như nhau những người cao chức hơn tôi, dù ở nước lớn hay ở nước nhỏ (ý nói tôi là đại phu như Trương Cách và Phụ Lịch, tôi không kém chức). Thái Thúc lại nói: Không thế đâu. Núi nhỏ thì không có tùng bách.

Trong khi hai tướng, Trương Cách, Phụ Lịch ở trong trướng, thì Sạ Khuyển ngồi ở ngoài. Họ chỉ cho ăn khi họ đã ăn rồi. Khi đi đường họ cho ngồi xe lớn chở đồ, còn họ thì ngồi xe đủ phương tiện. Họ chỉ cho cùng ngồi để giong xe, khi gần tới quân đội Sở. Cả hai cùng ngồi đệm mà gảy đàn cầm. Khi tới gần quân địch, Sạ Khuyển, không báo trước, ra roi ngựa. Cả hai lôi mũ trụ trong bọc ra, đội lên đầu. Khi đi vào hàng ngũ địch, hai tướng xuống xe, mỗi tướng nắm lấy một người, ném xuống đất, rồi cắp dưới

tay lấy làm tù binh. Sạ Khuyển cho quay xe đi ra, không đợi. Hai tướng cũng vội quay ra, nhảy lên xe, lôi cung trong bao ra rồi bắn tên. Khi đã thoát hiểm mới ngồi lên đệm, gảy đàn, rồi bảo Sạ Khuyển: Công Tôn với chúng tôi, cùng xe, tức là như anh em, sao hai lần làm việc, không bàn với chúng tôi. Sạ Khuyển đáp: Lúc đầu trí tôi ở chỗ đi vào hàng trận giặc, lúc sau tôi khiếp sợ. Hai người đều cười, bảo: Công Tôn vội quá. Sở Tử từ Cức Trạch về, sai Vi Khai Vương, cầm quân đưa Trần Vô Vũ về Tề.

Người Ngô, vì có Sở cho chiến thuyền tới đánh, mới kêu gọi dân nước Thư Cưu, vốn từ xưa theo Sở. Dân Thư Cưu bằng lòng phản Sở. Sở Tử đóng quân tại Hoang Phố, đất nước Thư Cưu sai Thẩm Doãn Thệ và Sư Kì Lê, trách vua Thư Cưu. Thư Cưu Tử (Tử, là nước Tử, vua nước Thư Cưu) kính cẩn đón hai sứ, nói là không có việc phản bội, và xin lập minh ước. Hai sứ về phục mệnh. Vua Sở muốn đánh. Vi Tử nói: Không nên. Thư Cưu đã báo cáo là không phản, mà xin chịu thề mà ta lại còn đánh, thế là đánh kẻ vô tội. Ta hãy về, cho dân nghỉ để đợi kết quả. Nếu Thư Cưu trung trực thì ta còn đòi hỏi gì. Nếu hắn sau lại phản, thì hắn không còn chối cãi được. Ta sẽ làm được. Thế là quân đội Sở lui về.

Uông Khắc Khoan - Tấn, Dương Sở Phủ đánh Sở để cứu nước Giang, thì Xuân Thu chép là cứu. Đây chép đánh Trịnh, không chép để cứu Tề, là không cho người Sở được cứu.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

陳鍼宜咎出奔楚
TRẦN, KIỀM NGHI CỮU XUẤT BÔN SỞ
KIỀM NGHỊ CỮU NƯỚC TRẦN, BỎ NƯỚC CHẠY SANG SỞ

Tả Thị - Người Trần lại đánh các người đảng họ Khánh. Kiềm Nghi Cữu bỏ nước chạy sang nước Sở.

叔孫豹如京師

THÚC TÔN BÁO NHƯ KINH SƯ

THÚC TÔN BÁO TỚI KINH SƯ (CHU)

Tả Thị - Người Tề đắp thành Giáp cho Thiên Tử. Mục Thúc sang Chu lễ sính và mừng thành mới. Thiên Tử khen là có lễ, ban cho cỗ xe lớn.

Cao Khang - Tương Công lên ngôi được 24 năm. Sang chầu Tấn 5 lần. Đi khỏi nước dự hội chư hầu, 13 lần. Vị thường tới chầu Thiên Tử. Khi đó Vương Cung bị hủy, mà Tề Hầu thì phản Tấn. Muốn chiều Thiên Tử, cho nên vì Thiên Tử đắp thành. Nhân thế, Thúc Tôn Báo mới tới Kinh sư lễ sính, vừa để mừng.

大饑

ĐẠI CƠ

NẠN ĐÓI Ở LỖ

Phủ lục Tả Truyện - Tấn Hầu yêu Trình Trịnh, phong cho làm phó đạo Hạ Quân. Chức Hành nhân (đi sứ) nước Trịnh là Công Tôn Huy, sang Tấn lễ sính, Trình Trịnh hỏi: "Xin hỏi ngài, ở chức cao làm thế nào xuống được chức thấp". Tử Vũ (Huy) không đáp được. Khi về Trịnh, nói chuyện với Nhiên Minh. Nhiên Minh nói: Hắn sắp chết đó. Nếu không thì cũng sắp phải chạy trốn. Một người ở ngôi chức quý, nếu có khôn ngoan, có biết sợ, thì nghĩ tới xuống chức, tất là biết đường lối hành động. Chỉ việc nhường người ta. Chỉ có thế thôi, còn cần gì phải hỏi. Người mà đã leo cao lại tìm cách xuống là người khôn. Trình Trịnh không có cái khôn ngoan ấy. Có lẽ hắn đã phạm một tội gì, cho nên lo, hoặc bị chết, hoặc bị đuổi. Hay là tâm thần hoảng hốt. Thế là đi tới chỗ chết. Lo sợ chứ không phải muốn nhường nhịn.

Cốc Thị - Ngũ cốc không được mùa cả là đói to. Một thứ cốc không được gọi là thiếu. Hai thứ cốc không được gọi là đói. Ba thứ cốc không được gọi là cận. Bốn thứ không được gọi là

khang. Năm thứ không được gọi là đại xâm. Lễ nghi về đại xâm, vua đến bữa ăn, ăn không cần đủ vị. Lâu đài không sơn, không xây dựng. Bách quan áo thường, quỷ thần cầu chứ không tế. Đó là nghi lễ khi đại xâm.

Uông Khắc Khoan - Tương Công ở ngôi đã được 24 năm. Nên có lấy tích trữ được tám năm mới phải. Năm đó nạn lụt tuy to, nhưng chưa bị hủy hoại cung thất, tôn miếu, xiêu đổ thành quách, thì kho đụn chứa tích không bị hư hại. Nay không có được lấy một năm tích trữ, đến nỗi dân đói to, thì thấy không có lo gì đến dành dụm tích trữ. Xuân Thu chép một năm được mùa to, một năm đói to, mỗi thứ có một lần. Năm được mùa to, là chép đạo trời khi đó là bất thường. Năm đói to, là chứng tỏ người không biết xử sự khi biến. Chép đại hạn có hai lần, nước lụt to có tám lần. Lụt và hạn không to thì không chép.

Năm Quý Sửu. Vua Linh Vương năm thứ 24.

二 十 有 五 年
NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN
NĂM THỨ 25

Tấn Bình, năm thứ 10. Tề Trang, năm thứ 6. Vệ Hiến, năm thứ 29. Thương, năm thứ 11. Sái Cảnh, năm thứ 44. Trịnh Giản, năm thứ 18. Tào Vũ, năm thứ 7. Trần Ai, năm thứ 21. Kỉ Văn, năm thứ 2. Tống Bình, năm thứ 28. Tần Cảnh, năm thứ 29. Sở Khang, năm thứ 12. Ngô Chư Phàn năm thứ 13.

春 齊 崔 抒 帥 師 伐 我 北 鄙
XUÂN TỀ THÔI TRỮ SUẤT SƯ, PHẠT NGÃ BẮC BỈ
MÙA XUÂN, TỀ THÔI TRỮ CẦM QUÂN ĐÁNH BẮC BỈ CỦA TA

Tả Thị - Báo thù việc Hiếu Bá (Trọng Tôn Yết) trước đem quân tới Lỗ Công lo, sai báo cáo với Tấn. Mạnh Công Xước nói: "Thôi Tử sắp có chí làm phản, không có lo gì ta đâu, tất là chóng lui quân, việc gì ta phải lo. Quân tới không tàn phá. Dân

không phải sợ hãi khác với mọi lần". Quân Tề rút lui, chưa nên công cán gì.

夏五月乙亥齊崔抒弑其君光

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT HỢI TỀ THÔI TRỮ THÍ KÌ QUÂN QUANG

MÙA HẠ THÁNG 5, NGÀY ẤT HỢI, TỀ THÔI TRỮ GIẾT VUA LÀ QUANG

Tả Thị - Ở Tề, vợ Đường Công, nguyên là em gái Đông Quách Yển. Đông Quách Yển làm gia thần cho Thôi Vũ Tử (Thôi Trữ). Đường Công chết. Yển đánh xe cho Vũ Tử tới phúng viếng. Vũ Tử trông thấy vợ Đường Công là Đường Khương đẹp, sai Yển bắt đem tới. Yển nói: "Vợ chồng phải khác họ. Ngài về dòng Đinh, họ vua Tề, mà tôi thì dòng Hoàn Công, tức là cùng họ. Ngài không thể lấy em tôi được". Vũ Tử cho bói để quyết định. Được quẻ Khốn, biến thành quẻ Đại quá, Thái sử đoán cho là quẻ tốt. Vũ Tử hỏi Trần Văn Tử, Trần Văn Tử nói: Chồng theo quẻ Phong (nửa dưới quẻ đại quá). Phong là gió. Gió có tính cách lật đổ. Vậy không nên lấy người ấy. Vả lại theo lời đoán thì có câu: Khốn khổ trên đá lởm chởm, dẫm chân trên bụi gai góc, đi vào trong cung đình của mình mà không thấy vợ đâu. Khốn khổ trên đá, nghĩa là khó nhọc, để đi được. Dẫm vào gai góc, thành ra gai góc hại chân mình. Vào cung không thấy vợ là điềm hung, không còn cứu được". Thôi Trữ nói: đây là một quả phụ, có hại gì. Có hại thì chồng trước đã bị hại rồi. Thế rồi lấy. Trang Công, vua Tề, thông dâm, lui tới nhà Thôi Tử luôn. Một hôm lấy mũ của Thôi Tử đem ban cho người khác. Theo hầu có người can: không nên thế. Vua đáp: Chả nhẽ không phải là Thôi Tử thì không được đội mũ hay sao. Thôi Tử thấy hành vi đó, và thấy nhân nạn Tấn mà đánh Tấn, mới nói: Tấn chắc là báo thù. Nhất quyết giết vua Tề để được lòng Tấn, nhưng chưa có dịp. Tề Hầu một lần đánh người thị vệ là Giả Cử, nhưng vẫn giữ cho hầu cận. Giả Cử mới vì Thôi Trữ do thám vua. Mùa hạ, người nước Cử vốn lo ngại về trận Thả Vu, vua Cử tới chầu

vua Tề. Ngày Giáp Tuất vua Tề thết tiệc vua Cử ở ngoài thành, phía bắc. Thôi Trữ cáo ốm không dự tiệc. Ngày Ất Hợi, Tề Hầu tới thăm Thôi Trữ tại nhà, rồi cố gặp Khương Thị. Khương Thị vào buồng rồi cùng Thôi Trữ đi ra cửa bên (không để vua trông thấy). Vua dựa vào cột ngâm hát (để đánh tiếng). Giả Cử ngăn hết các thị vệ khác không cho vào buồng, đóng cổng lại. Giáp binh mới kéo ra. Tề Hầu đứng lên đài xin tha. Giáp binh không nghe. Xin thề cũng không được. Xin tự chết ở nhà Thái miếu cũng không được. Giáp binh đều nói: Bầy tôi của nhà vua là Trữ, hiện đang có bệnh, không thể tuân mệnh được, và hiện ở gần cung nhà vua. Chúng tôi đây có phận sự coi giữ nhà. Mà nhà hiện có việc dâm bôn. Chúng tôi chỉ biết một, chứ không biết hai mệnh. Vua leo lên tường. Quân bắn, trúng đùi. Vua ngã xuống, rồi bị giết. Tất cả thị vệ là Giả Cử, Châu Xước, Bính Sư, Công Tôn Ngao, Phong Cụ, Đạc Phủ, Tương Y, Lâu Yên, đều bị giết.

Chúc sư, quan coi việc tế tự, là Đà Phủ, tế miếu ở Cao Đường. Khi về phục mệnh, trước khi trút bỏ mũ tế, cũng bị giết ở nhà Thôi Trữ. Thân Khoái giữ chức Thị Ngư bảo gia Tể với vợ con gia Tể đi đi, còn tôi đành chết ở đây. Gia Tể nói: Đi thoát là trái đạo và trái gương của ngài cho. Thế là cùng chết với chú. Thôi Trữ giết Tông Miệt tại Bình Âm.

Án Tử đứng ở ngoài cửa Thôi Trữ. Tả Hữu hỏi có nên chết không. Đáp: Nếu là vua riêng của ta thì ta chết. Hỏi có nên trốn không. Đáp: Nếu ta có tội thì bỏ trốn đi nước khác. Hỏi thế thì về. Đáp: "Vua chết, ta về đâu. Làm vua của dân có phải để hiếp đáp dân đâu, là để giữ gìn xã tắc. Làm tôi của vua, có phải chỉ để hưởng bổng lộc đâu, là để giúp xã tắc. Cho nên vua mà vì xã tắc chết, thì phải cùng chết với vua; vì xã tắc đến bước lưu vong, thì phải cùng lưu vong với vua. Còn như vua vì riêng mình mà chết, mà lưu vong, thì trừ những kẻ thân cận, được cùng giúp việc riêng, còn ai dám có trách nhiệm cùng chết với vua, hoặc cùng lưu vong. Đã có vua mà lại giết đi, thì ta sao được chết, sao được lưu vong, ta sao lại về". Cửa vừa mở, Án Tử vào, ôm thây vua khóc, rồi ba lần giậm chân đứng dậy đi ra, (ý thảm thiết). Ai cũng chắc Thôi Tử sẽ giết Án Tử, Thôi

Tử nói: Người ấy là dân vọng. Tha người ấy thì được lòng dân.

Lư Bồ Quý chạy sang Tấn. Vương Hà chạy sang Cử.

Khi Thúc Tôn Tuyên Bá còn ở Tề, Thúc Tôn Hoàn nước Tề tiến một con gái Tuyên Bá vào cung, (vua Linh Công), sinh ra con sau là Cảnh Công. Ngày Đinh Sửu, Thôi Trữ lập Cảnh Công lên ngôi, mình làm tướng quốc. Khánh Phong làm Tả tướng. Hai người lập minh ước với dân trong cung Đại Cung (Thái miếu). Trong minh ước có câu: Ai mà không theo Thôi, Khánh,... Án Tử ngắt lại, nhìn lên trời than rằng, nếu tôi là Anh, không theo những người trung với vua, và lợi cho quốc gia, thì xin như câu thề. Vừa nói xong là sáp huyết, uống huyết thề.

Ngày Tân Tị, Cảnh Công với các đại phu, cùng vua Cử thề. Trong minh ước. Thái sử viết: Thôi Trữ đã giết vua. Thái Sử bị giết. Hai em Cứ viết câu đó, cũng bị giết. Người em nữa lại viết như cũ, thì thôi không bị giết. Viên quan Nam Sử nghe nói các vị Thái Sử bị giết cả, (Thái sử cùng hai em) vội cầm thẻ tre (để viết sử) tới triều. Người ta cho biết là được viết đúng sự thực rồi. Thế là Nam sử mới ra về.

Lư Khưu Anh lấy màn cuốn vào vợ để che đậy rồi cho lên xe của Thân Tiển Ngu, cùng đi trốn. Tiển Ngu đẩy người vợ xuống, và nói: "Ông đã không giúp được vua cho khỏi hôn mê. Vua nguy, ông không cứu được. Vua chết, ông không biết cùng chết. Nay ông biết giấu giếm người ông thân yêu nhất. Ai là người dung nạp được". Giong xe đến một đường độc đạo, Tiển Ngu muốn nghỉ, Anh nói, Thôi và Khánh đuổi theo ta. Tiển Ngu đáp: Trên đường hẹp này, chỉ một người chống một người. Sợ gì ai. Thế là dừng lại, nghỉ. Tiển Ngu nằm, đầu gối vào dây cương. Cho ngựa ăn, rồi hai người mới ăn. Ăn xong, giong xe đi. Ra khỏi đường hẹp, Ngu bảo Anh rằng: Ta cho ngựa đi nhanh. Ta không chống nổi với quân đội đông của Thôi, của Khánh. Thế là chạy trốn tới Lỗ.

Thôi Trữ đem thi thể Trang Công tới Bắc Quách (quách phía bắc). Ngày Đinh Hợi, táng tại xóm họ Sĩ Tôn. Đám tang dùng có bốn quạt vả (chư hầu theo lễ được dùng sáu). Đám không ngăn chặn cấm người đi đường. Chỉ dùng có 7 cỗ xe (theo lễ được 9 cỗ) mà không có giáp binh.

Cốc Thị - Trang Công nói đã bậy bạ lại thông dâm ở nhà họ Thôi.

Xét - Tề Trang Công bị giết. Án Tử nói: Vì việc riêng mà chết, thì không phải những hạng tôi hầu những việc riêng đó, không dám có nhiệm vụ cùng chết. Thuyết đó sai. Các vua Thương, Mẫn, nước Tống, không phải chết vì quốc gia mà Khổng Phủ, Cừu Mục có phải là tôi tớ riêng đâu. Việc Trang Công bị giết. Anh vốn biết trước. Dung nạp họ Loan cho là không thể lâu được. Đánh Vệ, đánh Tấn cho là họa tới nơi, dự định biết là phải thua, thật là hạng người tiên triết. Thế mà một sớm mai có việc, lấy cớ quốc gia, là trọng, để tự biện luận, sao không cùng vua chết, khiến cho những kẻ tham sống trong thiên hạ mà quên nghĩa, lấy cớ che gỡ tội, trái đạo, hại giáo, còn răn dạy được ai. Trần Văn Tử có đến 10 cỗ xe, bỏ mà ra đi, thánh nhân chỉ cho là thanh bạch thôi. Án Anh là công tộc nước Tề, đời giữ chức Quốc Khanh, thế mà cùng loạn tặc cùng đứng trong triều, không thấy nói đến việc trị tội loạn nghịch, thật là đáng thẹn.

Hồ An Quốc - Xét như bọn Giả Cử, theo vua hôn mê, chứ không được gọi là tử tiết, mà dẫn lời của Án Anh làm chứng thì lí vẫn không thông.

公會晉侯宋公衛侯鄭伯曹伯莒子邾子滕子薛伯杞伯小邾子于夷儀

CÔNG HỘI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ VU DI NGHI

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ TẠI ĐẤT DI NGHI

Tả thị - Tấn Hầu từ bến Bạn qua sông Hoàng Hà, hội chư hầu tại Di Nghi để đánh Tề, báo thù việc Triều Ca. Muốn chiều ý Tấn, người Tề bảo vì Triều Ca, Trang Công đã chết. Rồi sai Thấp Sừ xin hòa và Khánh Phong thì sang quân đội Tấn. Đàn

bà, đàn ông xếp thành hai hàng, đem các bảo vật, tế khí trong cung miếu, tặng sáu chánh, phó, súy trong ba đạo quân, năm tướng lại, ba mươi tướng quân, các đại phu trong ba đạo quân, các tướng nhỏ, các quân quan ở lại Tấn giữ chức vụ, tất cả đều có đồ lễ, Tấn Hầu hứa cho hòa. Sai Thúc Hướng báo cáo chư hầu. Lỗ Công sai Tử Phục Huệ Bá đáp: "Nhà vua tha kẻ có tội để cho các nước nhỏ được yên, đó là ơn nhà vua. Quả quân xin theo mệnh".

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu sai Nguy Thư, Uyển Một, đón Vệ Hầu (Vệ Hiến Công từ trước trốn ở Tề, nay về Vệ). Mong rằng sai được Vệ thuận nhường đất Di Nghi cho Tấn, Thôi Trữ giữ lại Tề, vợ và con vua Vệ, để bắt vua Vệ phải cho hắn đất Ngũ Lộc.

Lưu Sưởng - Họ Đỗ bàn là không chê trách việc Tề hối lộ, Tề đang có tang. Quân nên tự lui. Bàn thế sai. Nếu Tề Hầu mà chết thường về bệnh, thì quân Tấn lui là phải. Nay tôi giết vua, tội rất lớn, sao Tấn lại lui quân. Giả sử Tấn có đánh Tề, phá thành, giết giặc, hủy hoại cung thất, cũng không gọi là đánh một nước có tang được. Nước giết vua mà cho là nước đang có tang, thế là chư hầu không trị tội giặc.

Hoàng Trọng Viêm - Tề mà chiếm Triều Ca, người Tấn riêng uất hận Trữ mà giết vua là tội nhân lớn trong thiên hạ. Nay Tấn hội chư hầu tại Di Nghi để đánh Tề, báo thù trận Triều Ca, người Tề lấy việc giết vua làm đẹp lòng Tấn, mà rồi Tấn thôi tha cho, thế là chỉ biết có việc riêng mình bị uất hận, mà không biết đến tội nặng trong cả thiên hạ.

六 月 壬 子 鄭 公 孫 舍 之 帥 師 入 陳

LỤC NGUYỆT, NHÂM TÍ, TRỊNH, CÔNG TÔN SÁ CHI, SUẤT SƯ NHẬP TRẦN

THÁNG SÁU, NGÀY NHÂM TÍ, CÔNG TÔN SÁ CHI, CẦM QUÂN VÀO NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Trước kia, Trần Hầu hội Sở Tử để đánh Trịnh. Trên đường đi, quân đội Trần cho lấp hết giếng, chặt hết cây. Dân

Trịnh vẫn còn oán. Tháng sáu, Tử Sản, đem 700 cỗ xe đánh Trần, đêm tới, đột nhập vào thành. Vua Trần đỡ Thái Tử Yển Sư chạy ra nơi tha ma mộ địa ẩn náu. Gặp Tư Mã Hoàn Tử, bảo cho lên xe. Tư Mã chối: Tôi đang đi tuần thành. Gặp Thượng Khanh Giả Hoạch đang đưa mẹ và vợ. Hoạch bảo mẹ và vợ xuống, rồi mời vua lên. Vua bảo để mẹ lại. Giả Hoạch nói không được. Thế là cùng vợ đỡ mẹ trốn ra mộ địa được thoát.

Tử Triển ra lệnh cho quân không được bước vào cung điện. Lại cùng Tử Sản đứng án ngữ ở cửa. Vua Trần sai Tư Mã Hoàn Tử tới biếu Tử Sản và Tử Triển các bảo vật trong cung miếu. Đầu đội khăn tang, tay bưng thần vị xã tắc, sai đàn ông, đàn bà, chia ra làm hai bên, tay cầm dây trói, đứng ở sân triều đợi lệnh các tướng Trịnh. Tử Triển tay cũng cầm dây trói như người tới chịu tội, tiến lên trước vua Trần rạp đầu lạy. Xong rồi, bưng li rượu, dâng cho vua. Tử Mĩ (Sản) đi vào, đếm số tù binh, rồi đi ra (chứ không sai bắt dẫn đi). Quan Tư Chúc, tế nền xã, quan Tư Đồ săn sóc đến dân chúng. Quan Tư Mã lấy lại thần chủ rồi ra làm phận sự. Quan Tư không sai phu dịch dọn dẹp đường sá.

Rồi Trịnh kéo quân về.

Cao Kháng - Mùa thu trước ở hội Di Nghi. Sở cùng ba nước Trần, Sái, Hứa, cùng phạt Trịnh. Năm nay, lại hội tại Di Nghi. Trịnh lo Sở lại trở lại. Cho nên đem quân đi đánh Trần trước, để uy phục nhân tâm. Cứ đọc Truyện Tả Thị thì chưa từng thấy ai đem quân vào nước người ta mà lại có lễ độ như thế. Cho nên kinh Xuân Thu không có lời chê.

秋八月己巳諸侯同盟于重邱

THU, BÁT NGUYỆT, KỈ TỊ, CHƯ HẦU ĐỒNG MINH VU TRỌNG KHƯU

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY KỈ TỊ, CHƯ HẦU ĐỒNG MINH (CÙNG THỀ) TẠI ẤP TRỌNG KHƯU TRÊN ĐẤT TỀ

Tả Thị - Mùa thu, tháng 8, ngày Kỷ Tỵ, đồng minh tại Trọng Khưu, vì Tề xin hòa.

Phụ lục Tả Truyện - Triệu Văn Tử cầm quyền chính nước Tấn. Ra lệnh lấy thật ít đồ lễ các chư hầu, mà đối đãi có lễ độ hơn. Lỗ Mục Thúc khi sang thăm. Văn Tử có nói: "Từ nay trở đi, chiến tranh chắc ít dần. Tề Thôi, Khánh, mới được cầm quyền tất phải chiều các chư hầu. Vũ tôi (tên Triệu Văn Tử) biết Sở Lệnh Doãn, nếu chúng ta trong khi giao thiệp, cử chỉ lịch sự, ngôn ngữ cung kính thì chư hầu có thể yên được, chiến tranh có thể tránh được".

Hồ Truyện - Thôi Trữ đã giết vua. Tấn Hầu nhận hối lộ mà cho hòa cho nên thề tại Trọng Khưu, đặc biệt chép chữ đồng, đồng minh.

Khổng Dĩnh Đạt - Truyện chép tháng bảy. Kinh chép tháng tám. Đỗ thị lấy các lịch so sánh, thì tháng bảy, ngày 12, là ngày Kỷ Tỵ, mới biết là Kinh nhầm.

公至自會

CÔNG CHÍ TỰ HỘI

LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

Uông Khắc Khoan - Đây là chép từ hội về. Là rõ tội vào đảng với kẻ ác, phụ họa với bọn gian.

衛侯入于夷儀

VỆ HẦU NHẬP VU DI NGHI

VỆ HẦU VÀO ĐẤT DI NGHI

Tả Thị - Vệ Hiến Công vào Di Nghi.

Công Thị - Di Nghi là gì. Là ấp nước Vệ. Vì hãy quên đi để giết vua ở trong đã.

Lưu Sưởng - Vệ Hầu vào Di Nghi. Công Dương bàn không chép là vào Vệ, là quên đi để giết vua trong đã. Bàn thế sai. Khản tuy mất ngôi, nhưng không phải là Phiếu bắt làm tôi được. Phiếu tuy được ngôi, nhưng không phải Khản tôn làm vua được. Xuân Thu đâu lại cho Khản là vua bị quên.

Lã Đại Khuê - Mùa hạ, tháng 5, hội Di Nghi thì Vệ Hầu là Phiếu. Còn Vệ Hầu vào ấp Di Nghi là Khản. Sao không ngại hai vua tên có lẫn lộn. Là vì Khản tuy vô đạo, không phải bầy tôi được quyền đuổi. Phiếu cũng không phải bầy tôi được quyền bầu. Cho nên Khản vào thì không chép tên. Trịnh Bá Đột vào đất Lịch, sao lại chép tên. Là vì Đột không nên lập làm vua mà Khản thì nên lập.

Gia Huyền Ông - Đời Xuân Thu, trong nước, ngoài nước có hai vua, là ở nước Trịnh thì có Hốt và Đột; ở nước Vệ thì có Khản và Phiếu. Hốt làm vua là chính. Sái Trọng bầu Đột, Đột là cướp ngôi. Khản làm vua là chính. Tôn Lâm Phủ đem Phiếu cướp ngôi. Hốt đã phục được ngôi, thì Đột là giặc. Cho nên, Đột mà vào ấp Lịch thì chép tên. Khản mà vào đất Vệ, thì Phiếu hãy còn ở ngôi, thế tức Phiếu là giặc. Thế cho nên Khản vào Di Nghi không chép tên. Kịp đến khi Phiếu chết, Khản vào, nhiên hậu mới chép tên Khản, chỉ là để rõ cái tội đã mất nước.

楚屈·建帥師滅舒鳩

SỞ KHUẤT KIẾN SUẤT SƯ DIỆT THƯ CƯU

KHUẤT KIẾN NƯỚC SỞ CẦM QUÂN DIỆT NƯỚC THƯ CƯU

Tả Thị - Vì Tử Bằng nước Sở mất. Khuất Kiến làm Lệnh Doãn. Khuất Đãng làm Mạc Ngao. Về sau, nước Thư Cưu chống với Sở. Tử Mộc khi đó làm Lệnh Doãn đánh Thư Cưu, tiến đến Li Thành, thành nước Thư Cưu. Người nước Ngô cứu. Tử Mộc vội thân đem đạo Hữu Sư tới thành Thư Cưu. Tử Cương, Tức Hoàn, Tử Tiệp, Tử Biển, Tử Vu, cầm đạo Tả sư rút lui vì gặp quân Ngô. Quân Ngô đóng lại bảy ngày giữa hai đạo quân Sở. Tử Cương nói: "Ở đây ẩm thấp, lâu ngày ta mất sức. Mất sức thì sẽ bị giặc bắt. Nên đánh nhanh đừng trễ. Xin ai lấy quân mình đánh từng trận. Còn tinh binh cứ giữ hàng ngũ đợi. Nếu chúng ta thắng thì tinh binh tiến. Nếu chúng ta phải chạy thì tinh binh tiếp viện cứu ta. Như thế có thể ta toàn quân thoát được. Nếu không, ta sẽ bị quân Ngô bắt". Lời đề nghị được toàn quân chấp nhận. Năm tướng được chọn, đem quân bản bộ sông vào

trận Ngô. Quân Ngô ở núi cao nhìn xuống, không thấy quân Sở tiếp ứng, quân Ngô mới quay lại, đuổi quân Sư tới trung tâm. Bọn tinh binh không ra. Quân Ngô tan vỡ. Sau quân Sở vây thành Thư Cưu. Dân tản nát chạy trốn. Tháng tám Sở diệt Thư Cưu.

Gia Huyền Ông - Sở không chế phục được Ngô. Mới tàn sát nước nhỏ để hả giận, sau các trận bị thua. Kinh Xuân Thu ghét, cho nên Thư Cưu tuy là nước nhỏ, mà cũng chép lúc mất, để cho rõ tội diệt quốc của người Sở.

冬 鄭 公 孫 夏 帥 師 伐 陳

ĐÔNG, TRỊNH, CÔNG TÔN HẠ, SUẤT SƯ PHẠT TRẦN

MÙA ĐÔNG, CÔNG TÔN HẠ, CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Tử Sản nước Trịnh tới nước Tấn hiến tiệp, tức là dâng các đồ vật và người lấy được của bên địch. Mặc đồ binh. Người Tấn hỏi Trần có tội gì? Đáp: "Xưa, Ngu Ứ Phủ giữ chức Đào Chính triều nhà Chu, phục sự tiên vương ta. Tiên Vương (Vũ Vương) dùng các đồ mà Ứ Phủ sai đúc nặn. Ứ Phủ vốn là dòng dõi vua Thuấn. Vũ Vương mới gả con gái đầu là Thái Cơ cho Hồ Công con Ứ Phủ, phong cho ở đất Trần để hoàn tất ba chư hầu chính là Hạ, Ân, Trần. Dòng vua Trần tức là ở dòng nhà Chu ra. Đến nay vẫn là nhờ nhà Chu. Đến khi có loạn xảy ra sau đời Hoàn Công, dân nước Sái muốn lập làm vua Trần, một người do nước Sái giúp tức là Lệ Công, con Hoàn Công, vợ Lệ Công là con vua Sái. Tiên quân nước Trịnh tôi là Trang Công giúp và đưa lên ngôi Trần Ngũ Phủ (em Hoàn Công). Người Sái giết Ngũ Phủ. Trịnh tôi sau lại cùng Sái dựng Lệ Công. Cho đến Trần Trang Công và Trần Tuyên Công (cả hai là con nối của Lệ Công), tất cả các vua Trần được làm vua là nhờ ở Trịnh. Đến khi có loạn gây nên bởi nhà họ Hạ, Trần Thành Công bị đuổi, phải ở nước ngoài, lại nhờ Trịnh mới được trở về Trần. Vua Tấn đã biết rõ cả. Nay Trần quên đức lớn của nhà Chu, không kể đến công ơn nước Trịnh tôi, bỏ cả thân thích. Cậy thế quân lính Sở mạnh, Trần đã lăng loàn đối với nước tôi. Chúng

tôi đã báo cáo Tấn năm ngoái. Nhưng không được phép đánh Trần thì quân đội Trần lại đánh vào cửa đông thành nước tôi. Trên đường đi họ lập giếng nước, chặt cây cối. Tiểu quốc tôi vốn cứ sợ tỏ ra yếu hèn, nhục đến Thái Cơ. Trời đã thấu tâm chúng tôi, đã làm cho nó can đảm. Dân Trần đã biết tội, đã tự trói xin hàng. Chúng tôi xin trình công. Người Tấn hỏi: Tại sao xâm nước nhỏ. Đáp: Theo mệnh tiên vương ai có tội cũng phải chịu hình phạt. Vả lại ngày xưa, chính đất đai của Thiên Tử không quá khoảng vuông mỗi góc nghìn dặm. Đất đai chư hầu không quá trăm dặm mỗi góc. Các tiểu quốc không tới con số đó. Ngày nay, nhiều đại chư hầu to hơn khoảng nghìn dặm. Nếu họ không đã chiếm các tiểu quốc, thì làm sao mà nay thành đại quốc được.

Người Tấn hỏi sao mặc binh phục (chứ không mặc triều phục). Tử Sản đáp: Trịnh, tiên quân chúng tôi, Vũ Công và Trang Công, là Khanh Sĩ triều vua Bình Vương và Hoàn Vương. Sau trận Thành Bộc Văn Công nước Tấn có truyền mệnh: ai nấy đều giữ chức cũ. Và có sai tiên quân tôi là Văn Công mặc binh phục để giúp Thiên Tử, cùng báo cáo trận thắng Sở và dâng người, vật bắt được. Nay tôi không dám bỏ mệnh cũ của vua. Sĩ Trang Bá không trách móc được điều gì nữa. Mới trình lại với Triệu Văn Tử. Văn Tử nói: Lí lẽ đúng cả. Nói trái lí lẽ đúng là bất tường.

Tấn chấp nhận việc báo cáo thắng trận.

Mùa đông, tháng 10, Tử Triển theo Trịnh Bá sang Tấn tạ ơn, Tấn đã chấp nhận việc đánh Trần được thắng trận. Tử Tây nước Tấn lại đánh Trần. Rồi Trần với Trịnh hòa.

Trọng Ni nói: Trong sử có câu: Lời nói để tỏ ý. Chọn kĩ được lời thì làm cho lời rõ. Không nói thì ai biết ý. Lời nói không chọn là ảnh hương không xa. Tấn là Bá chủ. Quân đội Trịnh tràn vào Trần. Nếu không chọn lời nói như Tử Sản thì Trịnh đã vô công. Vậy lời nói phải thận trọng.

Phụ lục Tả Truyện - Vị Yểm nước Sở làm Tư Mã. Tử Mộc là Lệnh Doãn sai tính thuế, xét số áo giáp, khí giới. Ngày Giáp Ngọ, Vĩ Yểm ghi sổ: số ruộng cày, sản vật rừng núi, tên hồ đầm, phân biệt gò đống, chỉ rõ nơi đất ẩm thấp, bạc nhược, ước lượng những nơi vũng lầy gần biên giới, định đoạt những vùng chứa

nước được, chia khoảng ruộng giữa hai bờ thành từng mẫu ruộng nhỏ để dễ làm ăn, các nơi khô ở trên bờ sông thì để cỏ mọc cho trâu ngựa, các ruộng tốt thì chia từng khu gọi là tỉnh. Định đoạt sưu thuế, số xe, số ngựa, dân phải cung cấp, số phu dịch về chiến xa, cùng số bộ binh, giáp binh từng ấp phải lo liệu cho đủ. Khi công việc hoàn tất, tờ trình đưa lên Tử Mục. Đó là theo đúng lễ nghi.

Gia Huyền Ông - Nước Trần bỏ Tấn theo Sở đã mấy năm. Người Tấn ngơ đi không hỏi. Trịnh thì theo Tấn đã lâu, đến nay mới dám trong một năm hai lần xuất quân đánh Trần để náo động nước Sở. Xuân Thu chép mà không có ý chê, thế tức như cho là được.

十 有 二 月 吳 子 遏 伐 楚 門 于 巢 卒

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, NGÔ TỬ ÁT PHẠT SỞ, MÔN VU SÀO TỐT

THÁNG 12, VUA NGÔ LÀ ÁT ĐI ĐÁNH SỞ, ĐÁNH VÀO CỬA THÀNH ẤP SÀO, RỒI MẤT Ở ĐÓ

Tả Thị - Tháng 12 Ngô Tử là Chư Phàn, đánh Sở, để báo thù trận Sở dùng chiến thuyền. Ngô Tử vây cửa thành ấp Sào. Sào Ngưu Thần nói: Vua Ngô dũng, nhưng khinh địch. Nếu ta mở rộng cửa thành, thì vua Ngô thân hành xông vào trước. Tôi đợi bắn, tất giết được. Vua ấy mà chết thì nước ta, biên giới được tạm yên.

Lời bàn được nghe. Vua Ngô đánh vào cửa. Ngu Thần nép sau bức tường thấp, bắn đúng vua Ngô, chết.

Phụ lục Tả Truyện - Sở Tử thưởng Tử Mộc về việc diệt nước Thư Cưu. Tử Mộc từ chối nói: Đó là công của tiên đại phu Vĩ Tử. Sở Tử mới thưởng cho con Vĩ Tử là Vĩ Yểm.

Trình Trịnh nước Tấn mất. Tử Sản mới biết Nhiên Minh là giỏi (vì đã đoán trước). Sản hỏi việc chính trị. Nhiên Minh đáp: Chủ nước phải coi dân như con. Khi thấy người ác phải trị tội như con diều hâu bay quanh chim nhỏ. Tử Sản mừng nói

chuyện lại với Tử Thái Thúc và nói thêm: Trước kia tôi chỉ biết mặt Nhiên Minh nay tôi thấy cả tâm. Tử Thái Thúc hỏi Tử Sản về chính trị. Tử Sản nói: Chính trị một nước như việc làm ruộng. Phải ngày đêm nghĩ tới. Việc thì nghĩ từ thủy để đi tới chung. Từ sáng đến tối phải làm việc, mà tránh đừng có làm trước rồi nghĩ sau. Bắt chước nông phu, có hết thửa ruộng nọ mới đến thửa ruộng kia. Như thế thì ít lỗi.

Vệ Hiến Công ở Di Nghi, sai người nói với Ninh Hỉ. Ninh Hỉ hứa sửa soạn cho Hiến Công. Thúc Văn Tử được tin than: Thôi, Kinh Thi có câu: Đã không săn sóc đến ta, thì còn thương xót đâu đến con cháu ta. Ninh Tử chính là không thương xót con cháu (tức là hại mình và hại con cháu). Cứu thế nào được nữa. Người quân tử làm việc gì cũng nghĩ đến chung kết, đến điều có thể làm lại được không. Trong Kinh Thư có câu: Mọi việc phải cẩn thận lúc khởi thủy mà trông đến chung kết, như thế thì lúc chung kết không bị khốn ách. Trong Kinh Thi có câu: "Từ sáng đến chiều làm việc vua không nghỉ. Nay Ninh Hỉ coi vua không bằng người chơi cờ coi quân cờ. Thế thì sao mà tránh họa được. Người chơi cờ nếu đặt quân không đúng chỗ, thì không thắng được đối phương. Huống hồ đặt vua mà không đặt chỗ chắc chắn. Ninh Hỉ không thoát được đâu. Họ nhà ấy chín đời làm chức Khanh. Chỉ một hành động mà tiêu diệt. Thật đáng thương".

Trong năm, có hội ở Di Nghi; người Tề đắp thành Giáp. Tháng năm, Tần và Tấn hòa. Hàn Khởi nước Tấn sang Tần để lập minh ước. Bá Xa nước Tần sang Tấn cũng vì việc đó. Có hòa nhưng không chắc chắn.

Công Thị - Đánh vào cửa thành ấp Sào mà rồi chết. Chết có chép cả tên, vì bị thương, chưa về đến trại, thì chết.

Cốc Thị - Chết vì đánh Sở, đánh vào cửa thành ấp Sào. Chép chữ "vu Sào", ở ấp Sào, là không kể đến Sở, chỉ nói đến Sào. Đánh vào Sào, tức là đánh Sở. Chư hầu khi còn sống không chép tên. Thế mà lấy chữ tên, chép đặt trên chữ đánh Sở, thì thấy là vì đánh Sở mà chết. Thời xưa, nước lớn bắt lỗi ấp nhỏ, ấp nhỏ sửa soạn thành quách chống giữ, và xin lỗi. Thế là đúng lễ nghi. Nay Ngô Tử Át, đánh Sở, tiến quân tới ấp Sào, vào

cửa thành, người trong cửa bắn Ngô Tử, bị thương, về trại, chết. Cổ giả làm việc tuy có văn sức, nhưng cũng phải có vũ bị. Đây chê Sào không tu sửa thành và xin lỗi, cùng chê Ngô Tử khinh địch.

Khổng Dĩnh Đạt - Chư hầu còn sống không chép tên. Đây tên Ngô Tử đặt trên mấy chữ đánh Sở. Là vì có chết thì có chép tên. Mấy lời ở trên chỉ là chép lược cho rõ nghĩa.

Triệu Khuông - Chuyện này, với chuyện năm thứ bảy, Trịnh Bá, Khôn Ngoan tới hội, mà chết ở đất Tháo, lời ý, giống nhau, đều là câu văn chép lược mà rõ nghĩa. Vậy thuyết của Công Thị, của Cốc Thị đều là sai.

Năm Giáp Dần. Vua Linh Vương, năm thứ 25.

二 十 有 六 年

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 26

Tấn Bình, năm thứ 11. Tề Cảnh Công, Chử Cữu năm đầu. Vệ Hiến, năm thứ 30. Thương, năm thứ 21. Sái Cảnh, năm thứ 45. Trịnh Giản, năm thứ 19. Tào Vũ, năm thứ 8. Trần Ai, năm thứ 22. Kỉ Văn, năm thứ 3. Tống Bình, năm thứ 29. Tần Cảnh, năm thứ 30. Sở Khang, năm thứ 13. Ngô, Dư Tế, năm đầu.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 26, mùa xuân, em Tần Bá là Kiềm sang Tấn để sửa soạn nghị hòa. Tần Thúc Hướng sai gọi chức Hành nhân (sứ giả) là Tử Viên, để cho sang Tấn đáp lễ. Một quan Hành nhân khác tên là Tử Chu nói: Tôi đi là phải. Ba lần xin. Thúc Hướng không đáp. Tử Chu giận nói: "Tôi ngang hàng với Tử Viên là đại phu, sao lại muốn giáng địa vị tôi ở triều". Rồi rút gươm để đánh Thúc Hướng. Thúc Hướng nói: "Tần

và Tấn không hòa đã từ lâu. Nếu may việc thành, thì Tấn sẽ có lợi. Nếu không, thì quân đội ba đạo của ta sẽ dầu dãi mưa nắng. Tử Viên sẽ nhắc lại lời nói của hai nước mà không thêm ý riêng. Còn ông, ông hay đổi lời nói. Tôi có quyền trị những kẻ không trung thành trong việc nhà vua". Nói xong rũ áo đuổi Tử Chu. Người chung quanh cứu, ngăn cản được. Tấn Bình Công nói: "Nước Tấn sẽ hưng thịnh, vì các quan tranh nhau làm việc nước". Sư Khoáng nói: "Tôi e công thất (việc nhà vua) suy kém. Các quan không tranh nhau về tâm, mà ganh nhau về sức. Không chuộng sửa đức, chỉ tranh hơn thua. Lòng tham đã quá, công thất sao mà khỏi suy".

王 二 月 辛 卯 衛 寧 喜 弑 其 君 剽

VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, TÂN MÃO, VỆ NINH HỈ THÍ KÌ QUÂN PHIẾU

VƯƠNG, THÁNG HAI, NGÀY TÂN MÃO, VỆ NINH HỈ GIẾT VUA LÀ PHIẾU

Tả Thị - Vệ Hiến Công sai em là Tử Tiễn về quốc đô để mưu việc đón mình về. Tử Tiễn từ chối (em cùng mẹ). Mẹ là Kính Tự cố ép. Tử Tiễn nói: "Vua rồi ra, không giữ lời. Tôi e bị tội". Kính Tự nói: "Tuy nhiên con nên chiều mẹ". Tử Tiễn mới thuận.

Trước kia, Hiến Công, khi nói với Ninh Hỉ về việc trở về Vệ Ninh Hỉ có nói: "Cần phải mưu với Tử Tiễn, nếu không sẽ hỏng việc". Vì thế, Hiến Công sai Tử Tiễn. Tử Tiễn muốn chối nhưng mẹ không cho. Hiến Công sai nói với Ninh Hỉ: "Nếu tôi về được Vệ, thì quyền chính sẽ ở trong tay họ Ninh, tôi chỉ có giữ tế tự". Ninh Hỉ báo Cừ Bá Ngọc. Bá Ngọc nói: "Viện tôi không được biết lúc vua đi, thì nay vua về tôi cũng không dám biết. Thế rồi bỏ nước ra đi, theo cửa ải gần nhất. Ninh Hỉ báo cho quan Hữu Tể là Cốc. Cốc nói: "Không nên. Họ Ninh đã có tội với cả hai vua. (bố Hỉ đuổi Hiến Công, nay Hỉ đuổi Phiếu). Trong thiên hạ ai dung được. Điệu Tử (Ninh Hỉ) nói: Tôi được mệnh của cha tôi xưa, không thể có hai lời được. Cốc nói: Tôi

xin được cho tới thăm, để xét có nên giúp không. Thế rồi, Cốc gặp Hiến Công ở Di Nghi. Khi về, nói: Vua bị khổ biệt xứ trong 12 năm mà không có sắc lo buồn, cũng không có lòng khoan dung, vẫn y như trước. Nếu ngài không bỏ ý kiến của ngài, thì sẽ chết chưa biết lúc nào. Điệu Tử nói: Có Tử Tiễn đó. Hữu Tể Cốc nói: Có Tử Tiễn thì có ích gì, quá lắm là Tử Tiễn hi sinh được, đối với ta có hay gì. Điệu Tử nói: Tuy nhiên, tôi không thể thôi được.

Tôn Văn Tử ở ấp Thích. Con là Tôn Gia, lễ sính ở nước Tề. Con nữa là Tôn Tương giữ quốc đô Vệ. Tháng hai, ngày Canh Dần, Ninh Hỉ cùng Hữu Tể Cốc đánh họ Tôn ở ngay quốc đô. Không thắng. Ngày Tân Mão, Bá Quốc (Tôn Tương) bị thương. Ninh Tử rời quốc đô ra ở cõi ngoài thành. Bá Quốc chết. Họ Tôn đêm cất tiếng khóc. Dân báo Ninh Tử. Ninh Tử lại đánh nữa. Thắng. Ngày Tân Mão. Giết Tử Thúc (tức là Phiếu đang ở ngôi) và Thái Tử là Giác. Xuân Thu chép: Ninh Hỉ giết vua là Phiếu. Thế nghĩa là bầy tôi giết, là quy tôi về họ Ninh.

Cốc Thị - Đây là việc bất chính, mà sao lại chép ngày. Tên Thực được lập lên ngôi, tên Hỉ thờ làm vua. Thế là chính.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói: (Như trên). Cốc Lương nói thế là sai. Văn Vương thờ vua Trụ. Vũ Vương giết vua Trụ. Thế có phải là làm việc bất chính không. Xuân Thu cốt yếu chỉ ở sự luận bàn cách làm việc tà hay chính mà thôi. Có phải là riêng Thực không nhận Khản là vua mà đuổi đi không.

Trương Hiệp - Hoặc có người hỏi rằng: Ninh Hỉ giết Vệ Hầu Phiếu là đã có mệnh của cha. Kinh Xuân Thu đối với việc Khản rời nước ra đi, không chép tên, tức là ngôi vua chưa rứt bỏ, sao lại chép là Hỉ có tội, thế là không diệt từ ngọn hay sao. Tôi, thì cho là, đã làm bầy tôi, thì, ngày đêm lo nghĩ để thờ một người, không thể có hai lòng được. Thực đã theo Lâm Phủ đuổi Khản, cũng lập Phiếu để làm bầy tôi Phiếu trong hơn mười năm, thì có thể đổi lại, phản lại lẽ thường, mà mệnh cho con được không. Phận, vị, vua tôi như trời che, đất chở, không thể dễ dàng đổi khác được. Thực mà mệnh cho con, thế là bội phản. Cho nên Thái Thúc Nghi trách là coi việc đặt vua không

bằng đặt quân cờ, mà biết trước rồi sẽ cùng cả họ không khỏi chết. Tội Hỉ là ở chỗ, khinh thị theo mệnh cha mà không biết can ngăn, cứ cúc cung lâm vào tội lớn. Kinh Xuân Thu chép là giết vua, không còn có lời biện bạch được. Cho nên Xuân Thu để quyết định các phận vị lớn trong thiên hạ, làm cho muôn đời được rõ phép cư xử của kẻ thần tử, không thể không nghĩ xĩ, không luận rõ được.

衛孫林斧入于戚以叛

VỆ TÔN LÂM PHỦ NHẬP VU THÍCH DĨ BẠN

TÔN LÂM PHỦ NƯỚC VỆ VÀO ẤP THÍCH ĐỂ PHẢN (PHẢN VỆ HIẾN CÔNG)

Tả thị - Tôn Lâm Phủ lấy ấp Thích mà được ăn lộc, chạy tới nước Tấn. Kinh Xuân Thu chép: Vào ấp Thích để phản, là để buộc tội Lâm Phủ. Ấp mà một bầy tôi được ăn lộc vẫn là của vua. Nếu thu lộc đúng nghĩa thì cứ hưởng. Nếu không đúng, thì giữ toàn danh mình mà rút lui. Nếu tự ý mình mà đem cho người khác thì đáng bị xử tử.

Tôn Phục - Hiến Công mà chạy sang Tề, là do Tôn Lâm Phủ đuổi. Ninh Hỉ giết Phiếu để rước Hiến Công cho nên Lâm Phủ sợ, vào đất Thích để rồi đánh Hiến Công.

Cao Kháng - Phản bạn, nặng tội hơn chạy trốn. Trước kia, các đại phu khi không có lợi cho mình, thì chỉ có chạy trốn thôi, chưa từng như Tôn Lâm Phủ phản bạn. Cho nên Kinh Xuân Thu chép phản bạn đầu tiên là từ Lâm Phủ.

甲午衛侯衎復歸于衛

GIÁP NGỌ, VỆ HẦU KHẢN PHỤC QUY VU VỆ

NGÀY GIÁP NGỌ, VỆ HẦU KHẢN LẠI TRỞ VỀ NƯỚC VỆ

Tả thị - Ngày Giáp Ngọ, Vệ Hầu vào. Kinh Xuân Thu chép là lại vào là nước Vệ đón vào. Các đại phu đi đón vua tại biên giới. Vua đều cầm tay nói chuyện. Các đại phu đi đón vua ở giữa đường, vua ở trên xe vái chào. Các đại phu đón ở cổng thành,

vua gật chào. Sau khi tới, vua cho trách Thái Thúc Văn Tử rằng: Quả nhân gian khổ ở nước ngoài, một ít trung thần sớm chiều có báo cáo tình hình trong nước. Riêng có ông không để ý đến quả nhân. Người xưa có nói: "Không nên ghét người không ghét ngươi. Tôi ghét ông". Văn Tử đáp: Tôi đã biết tội rồi. Tôi đã không biết đeo dây cương để đi theo nhà vua ra nước ngoài, và che chở cho bọn nô tì. Đó là tội thứ nhất. Một vua ra đi, một vua khác ở lại. Tôi đã không biết thờ cả hai vua, không biết thông trong với ngoài để thờ nhà vua. Đó là tội thứ hai. Tôi đã có hai tội, dám quên đâu là phải chết. Nói xong rồi rời nước ra đi, chọn quan ải gần nhất. Vua cho gọi lại.

Phụ lục Tả Truyện - Người Vệ đánh vào phía đông ấp Thích (Tôn Lâm Phủ ở Thích phản, đem ấp hiến nước Tề). Tôn Lâm Phủ báo cáo Tấn. Tấn cho một đồn lính đóng tại Mao Thị phía đông ấp Thích. Thực Xước, người Tề trốn ở nước Vệ, đánh Mao Thị giết ba trăm quân Tấn. Tôn Khoái con Lâm Phủ đuổi, nhưng không dám khiêu chiến. Lâm Phủ bảo: Mày không bằng nó; thế là Khoái đuổi quân Vệ, đánh tan tại ấp Ngữ, trên đất Vệ. Ủng Sừ, tướng của Khoái bắt được Thực Xước. Lâm Phủ lại báo cáo với Tấn.

Trịnh Bá thưởng công các tướng đã vào được nước Trần. Tháng ba, ngày Giáp Dần, mùng một, vua Trịnh thết tiệc Tử Triển, ban cho cỗ xe Tiên Lộ (xe thứ nhì) và phẩm phục hạng tam mệnh (hạng trên). Ban như thế là sẽ có ấp ruộng. Vua cho tám ấp. Tử Sản cũng được cỗ xe như thế, và phẩm phục tái mệnh cùng sáu ấp. Tử Sản từ ấp, nói: Phàm thưởng cứ xuống dần, theo con số hai. Tôi ở bực thứ tư (Tử Triển bậc nhất, vậy tôi chỉ được hai ấp). Vả lại, công trận, toàn ở Tử Triển, tôi không nhận thưởng như thế. Xin từ ấp. Vua cố nài. Tử Sản mới nhận ba ấp.

Công Tôn Huy nói: Tử Sản sẽ biết cầm quyền chính. Đã biết nhường lại không trái lễ.

Công Thị - Đây là quên vua đi để mà giết. Thế mà lại chép là về là tại sao. Là ghét Phiếu. Phiếu lập lên ngôi, chưa có nói tới. Là vì ghét Vệ Hầu.

Cốc Thị - Chép rõ ngày về, để thấy rõ việc thí, giết.

Tôn Phục - Trước thì chép ngày Tân Mão, Vệ Ninh Hỉ giết vua là Phiếu. Sau thì chép ngày Giáp Ngọ, Vệ Hầu Khản lại về nước Vệ, chép thế để thấy rõ Khản đợi giết Phiếu rồi mới về vậy. Xét năm Lỗ thứ 14, Vệ Hầu Khản chạy trốn sang Tề. Năm trước thì vào ở ấp Di Nghi. Đến nay, Hỉ giết Phiếu ngày thứ tư, thì lại về Vệ. Thế là đợi giết Phiếu rồi mới về, thực là rõ ràng.

Uông Khắc Khoan - Chép là về là việc dễ dàng. Hỉ giết Phiếu xong thì Khản về, không có gì khó. Chép lại về là ngôi vua chưa rứt. Chép tên là để rõ tài không đủ làm chủ nước. Bao biếm, khen chê, là tinh nghĩa của Kinh Xuân Thu.

Vương Tiêu - Xét nghĩa Xuân Thu, thường lấy việc trên, việc dưới so sánh mà nhận xét nguyên nhân. Chép Vệ Hầu Khản chạy trốn sang Tề, nối tiếp chép hội tại ấp Thích, mà Tôn Lâm Phủ thì ở Thích. Thế thì nhận biết là bị bầy tôi mạnh thế, đuổi đi. Chung kết, là chép Ninh Hỉ giết vua Phiếu, Tôn Lâm Phủ vào ấp Thích để phản, nối tiếp chép Vệ Hầu Khản lại về Vệ. Thế thì nhận biết các cớ: được lại về là do ở Ninh Hỉ.

Xét - Khản không đủ tài đức để làm vua, mà vào nước không nhờ về chính trị, cho nên kinh chép tên là trị tội đó. Đỗ Dự, Khổng Dĩnh Đạt bàn rằng chép tên hay không chép tên thì truyện không có ngụ ý nghĩa gì. Bàn thế sai. Công Dương cho việc lại về là buộc tội Phiếu, lại cho là Phiếu không được chép lập lên ngôi là ghét Vệ Hầu, bàn thế lại càng sai. Khản phục được ngôi, cho nên chép: phục quy: lại về, chứ đâu có phải là buộc tội Phiếu. Phiếu được Tôn Ninh lập lên ngôi, cùng với người Vệ lập Tấn, không giống nhau, cho nên không chép là lập, chứ đâu có phải là ghét Vệ Hầu.

夏晉侯使荀吳來聘
HẠ, TẤN HẦU SỬ TUÂN NGÔ LAI SÍNH
MÙA HẠ, TẤN HẦU SAI TUÂN NGÔ TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Người Tấn vì Tôn Lâm Phủ họp chư hầu để định trị tội Vệ. Mùa hạ, Trung Hàng Mục Tử (Tuân Ngô) tới lễ sính là để triệu Lỗ Công tới hội.

Phụ lục Tả Truyện - Sở Tử và người Tần xâm nước Ngô, tiến quân tới Vu Lâu, áp nước Trịnh, nghe nói Ngô có phòng bị, thế là rút quân lui về, rồi xâm nước Trịnh. Tháng 5, quân tới thành Khuân. Hoàng Hiệt, trấn Thủ thành Khuân, ra đánh quân Sở, bị thua, bị Xuyên Phong Thú bắt được. Công Tử Vi, con Cung Vương, tranh tù với Xuyên Phong Thú. Việc đưa tới Bá Châu Lê sử. Bá Châu Lê nói: Tôi xin hỏi tù nhân. Mới cho gọi Hoàng Hiệt ra hỏi: Đây hai vị đều là người quân tử cả, chắc ông biết là ai bắt. Nói rồi giơ cao tay lên nói: Vị này là Vương Tử Vi, em quả quân. Giơ thấp tay xuống, nói: Vị này là Xuyên Phong Thú, trấn thủ các nơi ngoài quốc đô. Trong hai vị này vị nào đã bắt được ông. Tù nhân đáp: Tôi đã gặp Vương Tử Vi, tôi không khỏe bằng. Thú giận lắm, cầm giáo đuổi Vi nhưng không kịp. Quân Sở về, đem theo Hoàng Hiệt. Ấn Cẩn Phủ cùng với Hoàng Hiệt trấn thủ thành Khuân. Người Sở cũng bắt làm tù rồi hiến cho Tần. Người Trịnh nhận được các đồ lễ của nhà họ Ấn để được chuyển đệ cho Tần mong cho Cẩn Phủ được tha. Tử Thái Thúc cầm quyền chính nước Trịnh sắp xin Tần cho Cẩn Phủ. Tử Sản nói: Ngài không xin được đâu. Một nước mà nhận công của Sở, lại nhận lễ ở Trịnh, thì không còn là một nước. Tần không thế đâu. Nếu ngài nói với vua Tần như thế này: Xin tạ ơn nhà vua đã săn sóc đến tệ quốc, nếu không có ngài giúp thì quân Sở đã tới chân thành tệ quốc rồi. Nói thế thì ngài có thể thành công. Tử Thái Thúc không nghe. Cứ sai sứ sang Tần. Tần không thả tù nhân, Tử Thái Thúc nói thay đồ cống, hiến bằng đồ lễ thường, rồi dùng những lời nói của Tử Sản. Thế là được nhận tù nhân về.

Gia Huyền Ông - Lâm Phủ giữ ấp Thích để phản loạn. Người Tấn cho quân tới đồn thú. Thế là vào phe đảng với kẻ bầy tôi loạn. Người Vệ đánh ấp Thích, giết ba trăm lính thú của Tấn. Tấn cũng không biết tự lui, lại còn họp chư hầu để định trị Vệ Hầu. Sai Tuân Ngô tới Triệu Lỗ Công. Đương thời Tấn Bình Công, bọn bầy tôi mạnh thế đã ngang dọc quyền hành, đảo ngược chính thể, thế là rốt cuộc Tấn mất chư hầu.

公會晉人鄭良宵宋人曹人于澶淵

CÔNG HỘI TẤN NHÂN, TRỊNH LƯƠNG TIÊU, TỐNG NHÂN, TÀO NHÂN VU THIỀN UYÊN

LỖ CÔNG HỘI VỚI NGƯỜI TẤN, LƯƠNG TIÊU NƯỚC TRỊNH, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI TÀO TẠI ẤP THIỀN UYÊN

Tả Thị - Tháng sáu, Lỗ Công hội với Triệu Vũ nước Tấn, Hướng Thú nước Tống, Lương Tiêu nước Trịnh, người Tào, họp tại Thiền Uyên, để bàn việc đánh nước Vệ. Định đoạt biên giới ấp Thích. Lấy của họ Y 60 "tỉnh" đất phía tây nước Vệ để cho họ Tôn. Kinh Xuân Thu không chỉ tên họ Vũ là giữ tiếng cho vua Lỗ (không nên để cho Vũ ngang hàng với vị vua). Cũng không chỉ tên Hướng Thú vì Hướng Thú tới hội chậm. Nhưng đặt Trịnh trước Tống (vì Trịnh tới hội trước Tống) không phạm đến thứ bực, địa vị hai nước.

Trong trường hợp này, vua Vệ đi tới nơi hội (nhưng không được dự). Người Tấn bắt Ninh Hỉ và Bắc Cung Di, và sai Nhữ Tề đem hai quan Vệ về Tấn trước. Vua Vệ đi tới Tấn. Người Tấn bắt giam lại tại nhà Sĩ Nhược (quan Giám Đốc nhà tù).

Mùa thu, tháng 7, Tề Hầu, Trịnh Bá, vì muốn gỡ cho Vệ Hầu, mới tới Tấn. Vua Tấn thết tiệc hai vị vua, ngâm thơ Gia Lạc. Quốc Cảnh Tử đi theo Tề Hầu ngâm thơ Lục Tiêu. Tử Triển đi theo Trịnh Bá, ngâm thơ Chu Y. Thúc Hướng xin Tấn Hầu lạy tạ hai vua và nói: Quả quân tôi dám xin lạy tạ vua Tề đã làm cho cung miếu tên quân yên định, dám xin lạy tạ vua Trịnh đã tỏ ý trung thành. Tề quốc Tử bảo Tề Án Bình Trọng nói riêng với Thúc Hướng rằng: Vua Tấn tuyên bố đức sáng ra khắp chư hầu, thương nước hoạn nạn và giúp nước thiếu thốn. Nơi cong thì làm cho ngay, mà đưa vào con đường chính. Vì thế đã được làm minh chủ. Thế thì sao lại còn giam giữ một vị vua, vì tôi một bầy tôi. Thúc Hướng nói lại với Triệu Văn Tử. Văn Tử nói lại với vua Tấn. Vua Tấn đáp là vua Vệ có tội (giết 300 quân Tấn ở đồn Mao Thị) rồi cho phép Thúc Hướng nói lại với hai vua. Quốc Tử ngâm thiên Bí chi nhu hĩ. Tử Triển ngâm thiên:

Tương Trọng Tử hề. Thế là vua Tấn thuận cho vua Vệ về. Thúc Hướng nói: Trong bảy con của Trịnh Mục Công, thì dòng dõi họ Hãn mất sau cùng (nghĩa là được lâu đời hơn cả). Tử Triển con Tử Hãn, tính thư thái mà có thủy chung.

Thích thị: Ở phía tây bắc Thích Thành có thành Ý Thành.

Lưu Sưởng - Tả Thị bàn rằng không chép tên Triệu Vũ là tôn vua Lỗ, không chép tên Hướng Thú là vì tới hội chậm. Trịnh chép trước Tống nhưng không sai địa vị. Tôi thì cho là những lời ấy không đủ tin được, không thấy ở trong kinh.

Gia Huyền Ông - Hạng bá chủ không có ý gì khác hơn là chủ trương danh phận mà thôi. Tấn từ đời Điệu Công, để bọn đại phu kháng với vua, sinh ra cái họa: dưới lăng loàn, trên trễ nhác, thiếu chút nữa lan khắp các nước, Tấn tự chịu lấy họa. Lâm Phủ làm loạn, đuổi vua Điện Công giúp cho để đặt vua mới, cướp ngôi. Nay Phiếu chết, Hiến vào nước, Tấn Bình Công nghe lời gièm của tặc thần, giam giữ Hiến Công, lại nhân việc Ninh Hỉ mà lấy ruộng nước Vệ, thêm cho Lâm Phủ. Bình Công vốn là quá ngu, chứ làm thế có lợi gì, cũng như các bầy tôi nước Tấn đều hành động theo lợi riêng. Các đại phu vây cánh của các vua chư hầu đều theo nhau làm loạn, làm cho đất nước phân chia, thế mà vua không tỉnh ngộ, thật đáng buồn thay. Ba nhà Ngụy, Triệu, Hàn, mà sau chia nước Tấn, thực ra là Tấn Điệu Công, và Tấn Bình Công mở đầu.

秋 宋 公 殺 其 世 子 痤

THU, TỐNG CÔNG SÁT KÌ THẾ TỬ TÒA

MÙA THU, TỐNG CÔNG GIẾT THẾ TỬ LÀ TÒA

Tả Thị - Khi vua, ở nước Tống, quan Tư Đồ tên là Nhuế sinh ra một đứa con gái sắc đỏ, lại có lông, mới bỏ ra bờ đê. Một người thiếp của Cung Cơ, mẹ Tống Bình Công, nhặt lấy đem vào cung nuôi đặt tên là Khí (bỏ). Đứa trẻ lớn lên, rồi rất đẹp. Một buổi chiều, Bình Công vào, cùng ăn cơm với Cung Cơ, trông thấy Khí, nhìn kĩ, Cung Cơ tiến cho Công. Khí thành ra được sủng bế nhất, sinh con là Tá, xấu nhưng ngoan nết. Còn như

con lớn Bình Công là Thái Tử Tòa, thì đẹp nhưng tính khó bảo. Quan Tả Sử là Hợp được sợ nhưng bị ghét. Hoạn quan là Huệ Tường Y Lệ giữ chức Nội sư của Thái Tử nhưng Thái Tử cũng không ưa.

Mùa thu, có sứ nước Sở sang Tấn lễ sính, đi qua nước Tống. Thái Tử Tòa vốn biết người đó, xin phép vua ra ngoài thành thết tiệc. Vua cho phép. Y Lệ xin vua cho đi theo. Vua hỏi: Thái Tử có ghét ngươi không. Y Lệ đáp: Người dưới mà hầu người trên, không được phép rời bước khi bị ghét, không được lờn quá khi được yêu. Cứ phải cung kính hầu hạ. Thần đâu có hai lòng được. Dù rằng Tòa có nhiều người hầu khác ở ngoài cung, thì cũng không có ai khác thần ở trong cung. Xin cho đi theo. Vua cho đi. Y Lệ tới nơi trước Thái Tử. Sai giết một con sinh (vật giết để tế thần, để thề) rồi đem chôn, viết một minh ước vào thẻ, đặt trong bình đựng huyết con vật để làm một chứng cớ. Xong rồi, vội về báo với vua là Thái Tử sửa soạn gây loạn, đã có minh ước với người nước Sở. Vua nói: Hắn là con ta, còn muốn gì nữa. Y Lệ nói: Chắc muốn chóng được nối ngôi. Vua sai tới khám xét thì có chứng cớ. Hỏi vợ và Tả sư, cả hai cùng nói cũng có nghe thấy chuyện loạn. Công mới bắt giam thái tử. Thái tử nói: "Chỉ có Tá là cứu được ta. Triệu tới, xin cứu, và nói: "Đến giờ ngọ, buổi trưa, mà không tới, thì ta tất chết". Tả sư nghe thấy lời đó, mới cố giữ lại nói chuyện cho quá giờ. Giờ ngọ qua, thế là Thái Tử Tọa tự thắt cổ chết. Tá được lập làm Thái Tử. Dần dần vua biết là vô tội, mới cho luộc Y Lệ.

Tả sư, trông thấy người đang tập ngựa cho phu nhân Khí, mới hỏi ngựa của ai. Đáp: Của phu nhân. Tả sư nói: Phu nhân của vua là ai, sao tôi không biết. Người hầu ngựa khi về cung nói lại. Phu nhân vội gửi cho Tả sư các đồ lễ, lụa hoa và ngựa. Một người đi trước đã biếu ngọc. Sứ giả nói: Khí là thiếp của vua sai đem các đồ lễ tới quan Tả sư. Tả sư bảo nói lại là phu nhân, rồi rạp đầu lạy tạ hai lạy, nhận các đồ lễ.

Gia Huyền Ông - Hoạn nhân nước Tống là Y Lệ trong cung thì liên kết với các nội thị, ngoài triều thì liên kết với các đại thần, tạo thành lời gièm để giết thái tử, Tống Bình Công sau

biết là con vô tội, có luộc một tên Y Lệ. Nhưng vẫn sủng ái Nhuế Khí, vẫn để quyền chức cho Hướng Thú. Mà rồi lập con Nhuế Khí làm thái tử. Đạo làm người từ đó có biến lớn. Xuân Thu chép cẩn thận. Cho nên Cốc Lương có bàn là kể tường tận để rõ việc bậy của vua.

晉人執衛甯喜

TẤN NHÂN CHẤP VỆ NINH HỈ

NGƯỜI TẤN BẮT NINH HỈ NƯỚC VỆ

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Bá từ Tấn về, sai Tử Tây sang Tấn lễ sính. Tử Tây nói: Quả quân tôi tới đây làm phiền các quan, e rằng không khỏi có lỗi. Nay cho Hạ tôi sang tạ tội đã không sáng suốt. Người trí thức bàn là vua Trịnh khéo thù phụng nước lớn.

Xưa, Ngũ Tham nước Sở bạn với Thái sư, Tử Triều nước Sái. Ngũ Cử, con Ngũ Tham bạn với Thanh Tử con Tử Triều. Ngũ Cử lấy con gái Vương Tử Mâu (con vua Sở). Vương Tử Mâu là vua nước Thân, đã phải bỏ nước trốn ra ngoài. Dân Sở đều chắc là Ngũ Cử trốn theo. Ngũ Cử trốn tới Trịnh, rồi lên đường sang Tấn. Thanh Tử gặp trên đường gần quốc đô Trịnh, ngồi trên cỏ ăn cơm nói đến việc về Sở. Thanh Tử nói, đại phu cứ đi, sao tôi cũng làm được cho trở về Sở.

Khi Tống Hướng Thú muốn nghị hòa giữa Tấn, Sở, thì Thanh Tử được sai sang Tấn bàn việc hòa. Khi về, đi tới Sở. Lệnh Doãn Tử Mộc, cùng nói chuyện về Tấn và hỏi đại phu Tấn với đại phu Sở ai hơn. Thanh Tử đáp: Các vị khanh nước Tấn không bằng các vị khanh nước Sở, nhưng đại phu Tấn thì hơn, có thể làm được việc khanh. Cũng như các gỗ quý, gỗ tử, gỗ kỉ, các đồ da quý đều ở Sở tới. Sở có sản vật, có người tài, mà Tấn thì dùng được, Tử Mộc nói: Công thất nước Tấn cô đơn, không có nhiều phân chi nội ngoại. Thanh Tử nói: Dù sao, Tấn cũng dùng nhiều hiền tài ở Sở. Quy Sinh tôi (tên Thanh Tử) nghe nói, người giỏi trị nước thưởng không nhầm, mà phạt không quá. Người thưởng nhầm thì có khi thưởng cho hạng bậy. Người phạt quá

thường phạt hạng tốt. Nếu không may, thưởng phạt không đúng, thì: thà thưởng nhầm hơn là phạt quá. Nên cho một người bậy chút lợi hơn là để mất một người tốt giúp việc. Khi người tốt đi mất thì nước sẽ đi theo. Kinh Thi có nói: Không có đại phu tốt thì nước sẽ đi đến chỗ suy. Thế nghĩa là thiếu người hiền tài. Cho nên sách Hạ Thư có nói: Nên nhác áp dụng luật pháp còn hơn là giết một người vô tội. Đó là sợ mất người hay. Trong thiên Thương Tụng có câu: Thưởng không nhầm, phạt không quá, không dám trễ nhác. Trời đã mệnh cho coi cả thiên hạ, quyền được chắc chắn, phúc được lâu dài. Đó là vua Thang được phúc trời. Người xưa trị dân thưởng thì vội vàng, mà phạt thì ngần ngại. Giúp dân không nản. Thưởng về mùa xuân, mùa hạ, phạt về mùa thu, mùa đông. Khi sắp thưởng, thì bữa ăn gia thêm đồ ăn, cùng bách quan cùng vui. Khi sắp phạt thì bớt thức ăn, không cử nhạc, buồn rầu, ngần ngại. Thức khuya dậy sớm, từ sớm đến tối, nghĩ việc nước. Thế tức là thương dân, giúp dân. Ba việc đó là nồng cốt trị dân, nước nào giữ được là không suy. Nay ở Sở, trừng phạt thường nhiều, mà bất công. Đại phu nào muốn tránh khỏi chết là chạy ra tứ phương, rồi nhờ các nước ngoài trở thành mưu thần có hại cho Sở, không thể cứu chữa được. Vì thế tôi cho là Sở không biết dùng hiền tài.

Khi Tử Nghi gây loạn, Tích Công chạy sang Tấn. Người cho ngồi sau chiến xa, tức là chỗ các mưu sĩ. Trong trận Nhiễu Giác, quân Tấn đã sắp chạy, Tích Công nói: Quân đội Sở không được nhất luật dễ bị hoảng hốt. Cứ đánh trống cho nhiều, đêm cũng khiêu chiến, là phải chạy. Người Tấn nghe lời bàn. Thế là đêm tới, quân Sở tan. Rồi quân Tấn tràn vào Sái, đánh úp nước Thẩm, bắt được vua Thẩm. Rồi đánh thua quân nước Thận, nước Tức ở Tang Toại, bắt được Thân Lệ, đem về. Thế là Trịnh không dám theo Sở, Sở mất các nước ở Hoa Hạ. Toàn là vì Tích Công cả.

Ung Tử bị hàng cha anh gièm chê, vua Sở và các đại thần không xét, Ung Tử phải chạy sang Tấn. Người Tấn cho ấp Súc và cho chức mưu chủ. Trong trận Bành Thành, quân đội Tấn và Sở gặp nhau ở đồng Mi Giốc. Tấn định bỏ chạy. Ung Tử mệnh cho quân Tấn rằng: "Quân nhiều tuổi cùng ít tuổi cho về. Cho

về cả những mồ côi hay ốm yếu, nhà nào hai con cho về một, phải coi xét lại khí giới và chiến xa, cho ngựa ăn, và cho quân ăn đủ, xếp thành hàng để đánh trận, đốt hết trại đi, sớm mai đại chiến". Thế là cho ra về những kẻ trong trường hợp được về, thả hết tù binh Sở. Đến đêm, quân đội Sở tan vỡ. Quân Tấn hàng được Bành Thành để trả lại cho Tống. Xong rồi, kéo về đem theo Ngư Thạch. Sở mất hết các xứ Đông Di. Rồi Tử Tân bị chết. Tất cả kết quả đó là do Ung Tử.

Tử Phản cùng Tử Linh tranh nhau Hạ Cơ. Tử Phản ngăn chặn Tử Linh. Tử Linh phải chạy sang Tấn. Người Tấn cho ấp Hình, tặng chức mưu chủ. Tử Linh ngăn được quân bắc Địch, làm cho hai nước Ngô, Tấn thông với nhau, dỗ dân Ngô phản Sở, dạy cho quân Ngô dùng chiến xa, biết bắn tên, biết giong xe, biết cưỡi ngựa, biết công phá. Sai con là Hồ Dung làm chức Hành nhân nước Ngô (sứ giả). Vì thế, Ngô đánh nước Sào, lấy được nước Giá, chiếm được nước Cức và vào Châu Lai, Sở bị kém nhiều vì nhiều tướng chạy ra làm quan ở ngoài. Kết quả do Tử Linh.

Trong thời loạn Nhược Ngao, Phần Hoàng, con Bá Phần chạy sang Tấn. Người Tấn cho ấp Miêu, và chức mưu chủ. Trong trận Yển Lăng, một buổi sớm, quân Sở vây quân Tấn rồi xếp thành hàng để đánh trận. Quân Tấn muốn chạy. Miêu Phần Hoàng nói: "Tất cả quân Sở tinh nhuệ đều ở giữa, đều là họ hàng vua. Lấp giếng, phá bếp, xếp hàng lại và chống cự. Loan và Phạm cùng với ít quân thiện chiến ra khiêu chiến. Trung Hàng và hai tướng Khích, chắc chắn là thắng được hai con Mục vua Sở. Xong rồi ta tụ họp lại vây tất cả họ vua Sở. Ta sẽ đại thắng". Tướng tá Tấn nghe theo. Quân Sở thua. Vua bị thương. Quân đội bị tan vỡ. Tử Phản chết giữa trận. Trịnh trở mặt. Ngô nổi lên. Sở mất thế bá chủ đối với chư hầu. Tất cả là do Miêu Phần Hoàng gây ra.

Tử Mộc nói: Tất cả đều đúng sự thực. Thanh Tử lại nói: Còn có việc quan trọng hơn. Tiêu Cử (Ngũ Cử) đã lấy con gái Thân Công Tử Mâu, Tử Mâu có tội phải trốn. Các đại phu Sở có báo Tiêu Cử: Chính là ông đã làm cho công tử Mâu trốn. Tiêu Cử sợ chạy sang Trịnh. Nhưng lúc nào cũng ngoảnh

trông về Nam, tự nhủ; mong rằng Sở tha tội cho. Sở không để ý tới. Bây giờ Tiêu Cử ở Tấn. Tấn đã cho một huyện, sẽ phong chức ngang với Thúc Hướng. Nếu lại đồng mưu với họ để chống Sở thì đáng lo lắm.

Tử Mộc sợ, nói với vua Sở. Vua Sở cho thêm tước lộc và phục cho nguyên chức. Thanh Tử sai con Tiêu Cử là Tiêu Minh đi đón. Súc là ấp nước Tấn. Giá Cức là ấp nước Sở. Miêu là ấp nước Tấn.

Cốc Thị - Đây là bắt kẻ có tội. Sao lại không cho vị bá chủ trị tội là phải. Là tại bá chủ không bắt vì tội.

Cao Kháng - Giặc giết vua thì ai cũng trị tội được. Người Tấn bắt không phải là trị về tội giết vua. Trị về tội đã đánh ấp Thích, đã giết quân đồn thú của Tấn.

Gia Huyền Ông - Ninh Hỉ đáng bắt. Nhưng bắt vì Lâm phủ tố cáo, thế là bậy. Khi đó, Triệu Vũ cầm quyền chính. Thúc Hướng cùng bàn mưu. Tấn không có việc gì đáng khen. Hai người ấy chỉ thích hư danh mà không có thực, thì còn có ích gì cho dân cho nước.

八月壬午許男甯卒

BÁT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, HỨA NAM NINH TỐT

THÁNG TÁM, NGÀY NHÂM NGỌ, HỨA NAM TÊN LÀ NINH MẤT

Tả Thị - Hứa Linh Công sang Sở để xin đánh Trịnh, nói: Quân Sở mà không đi đánh, thì tôi ở lại không về. Tháng tám mất ở nước Sở.

冬楚子蔡侯陳侯伐鄭

ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Sở Tử nói: Không đánh Trịnh thì còn đòi hỏi gì được chư hầu. Mùa đông, tháng 10, Sở Tử đánh Trịnh. Dân Trịnh

muốn chống. Tử Sản nói: Tấn và Sở muốn hòa với nhau, thì các chư hầu đều giao hiếu. Vua Sở mê muội đem quân tới đây. Hay nhất là để cho họ được thỏa ý muốn, rồi về. Như thế sau dễ nói chuyện hòa. Hạng người thường thì hay khoe hùng dũng gây loạn, để cầu chút hư danh. Như thế không hay gì cho nước họ. Sao ta lại bắt chước họ. Tử Triển cho là phải, rồi không ứng chiến. Tháng 12, ngày Ất Dậu, quân Sở vào Nam Lí, phá thành Nam Lí, qua sông, nơi bên Nhạc Thị, vây cửa quốc đô là cửa Sư Chi Lương. Cánh cửa mở, quân Sở bắt được 9 người. Thế là lại qua sông Phiếm rồi về. Về rồi mới có lễ chôn Hứa Linh Công.

Nam Lí là ấp nước Trịnh. Nhạc Thị là tên bến sông.

Uông Khắc Khoan - Từ việc Tiêu Ngư về sau, Sở ba lần đánh Trịnh. Năm thứ 18, công tử Ngọ bị bất đắc chí ở Trịnh. Năm thứ 24, chư hầu cứu Trịnh. Năm nay, chư hầu không cứu. Sở được đắc chí. Xét thời đó, vua Tấn Bình Công hèn yếu, đại phu lộng quyền. Bá nghiệp suy rồi. Sở biết là Tấn không còn được chư hầu phục nữa, không thể dọa nạt ai nữa. Trịnh tuy chưa theo Sở, nhưng năm sau, Tấn với Sở hòa, thì chư hầu ở phía bắc đều chầu Sở. Trận Cức Trạch, bốn vua bốn nước đều tới, lần này riêng Hứa không dự, vì Linh Công mất ở Sở, nước yếu, không đem quân tới hội được.

葬許靈公

TÁNG HỨA LINH CÔNG

LỄ CHÔN HỨA LINH CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Người Vệ đem tiến con gái họ vua Vệ tới cho Tấn Bình Công. Thế là vua Vệ được tha. Người trí thức bàn: Bình Công đã thất chính.

Hàn Tuyên Tử nước Tấn tới lễ sính triều nhà Chu. Vua cho hỏi có cần việc gì không. Đáp: Sĩ tôi chỉ xin dâng cống vật cho các quan. Ngoài ra không có việc gì. Vua được biết có nói: Họ Hàn ở Tấn rồi hưng thịnh. Ăn nói như người xưa.

Trong năm mà người Tề xây thành Giáp, mùa hạ. Tề Ô Dư, đem ấp Lẫm Khưu, đất mình ăn lộc, trốn tới nước Tấn.

Đánh úp ấp Dương Giốc nước Vệ, chiếm được. Xong, đánh úp ấp Cao Ngư nước Lỗ ta. Trời mưa to, hắn do các chỗ hổng ở thành chui vào, lấy áo giáp trong thành mặc vào, rồi lên mặt thành. Đánh được thành, rồi chiếm giữ. Lại chiếm được cả một ấp của nước Tống.

Khi đó, Tấn Phạm Tuyên Tử mất rồi. Các vua chư hầu không còn e ngại Tấn. Khi Triệu Văn Tử cầm quyền chính, tổ chức lại, nói với vua Tấn: Vua Tấn là minh chủ. Nếu một chư hầu xâm phạm đất đai một chư hầu khác, thì vua Tấn cần trừng trị và bắt trả lại đất đã cướp. Nay các Ô Dư ở trong tình trạng đó. Nếu ta tham, thì ta không còn làm minh chủ được. Vậy xin đất nào trả chủ ấy. Vua ưng thuận, hỏi, nay sai ai đi. Đáp: Có Tư Lương Đái có thể sai đi được mà không cần đến quân đội. Vua Tấn sai đi.

Năm Ất Mão. Vua Linh Vương, năm thứ 26.

二 十 有 七 年

NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 27

Tấn Bình, năm thứ 12. Tề Cảnh, năm thứ 2. Vệ Hiến, năm thứ 31. Sái Cảnh, năm thứ 46. Trịnh Giản, năm thứ 20. Tào Vũ, năm thứ 9. Trần Ai năm thứ 23. Kỉ Văn, năm thứ 4. Tống Bình, năm thứ 30. Tần Cảnh, năm thứ 31. Sở Khang, năm thứ 14. Ngô Dư Sái, năm thứ 2.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 27, mùa xuân. Tư Lương Đái nói với chư hầu (Tề, Lỗ, Tống) đã mất ấp, cứ sửa soạn quân đội sẵn, để lấy lại ấp, mà phải giữ bí mật. Rồi bảo Ô Dư sửa soạn quân đội để nhận phong, làm chủ các ấp đó. Ô Dư cùng với quân đội kéo ra. Tư Lương Đái bảo chư hầu làm như muốn

nhường các ấp cho Ô Dư. Thế là bắt luôn Ô Dư cùng toàn quân. Các ấp lấy lại, ấp nào trả chủ ấy. Vì thế các chư hầu đều hòa mục với Tấn.

齊侯使慶封來聘

TỀ HẦU SỬ KHÁNH PHONG LAI SÍNH

TỀ HẦU SAI KHÁNH PHONG TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Tề Khánh Phong tới lễ sính. Xe ngựa đẹp lộng lẫy. Mạnh Tôn bảo Thúc Tôn rằng: Xe của Khánh Quý quá đẹp. Thúc Tôn nói: Báo nghe nói, dùng đồ lộng lẫy quá địa vị mình là không được chết thường. Xe đẹp có làm gì. Thúc Tôn cùng ăn với Khánh Phong. Khánh Phong cử chỉ bất kính. Thúc Tôn ngâm thơ Tướng thử. Nhưng Khánh Phong không hiểu là ý chê cử chỉ.

Gia Huyền Ông - Vua Linh Công, vua Trang Công nước Tề nối tiếp nhau. Lỗ bị đánh luôn, không mấy lúc được nghỉ. Khi Cảnh Công lên ngôi, mới thông hiếu. Kinh Xuân Thu chép để khen.

Lí Liêm - Tề Lễ sính Lỗ năm lần. Lần này là lần chót.

夏叔孫豹會晉趙武楚屈建蔡公孫歸生衛石惡陳孔奐鄭良宵許人曹人于宋

HẠ, THÚC TÔN BÁO, HỘI TẤN TRIỆU VŨ, SỞ KHUẤT KIẾN, SÁI, CÔNG TÔN QUY SINH, VỆ THẠCH ÁC, TRẦN KHỔNG HOÁN, TRỊNH LƯƠNG TIÊU, HỨA NHÂN, TÀO NHÂN, VU TỐNG

MÙA HẠ, THÚC TÔN BÁO HỘI TẠI ĐẤT TỐNG VỚI: TẤN TRIỆU VŨ, SỞ KHUẤT KIẾN, SÁI CÔNG TÔN QUY SINH, VỆ THẠCH ÁC, TRẦN KHỔNG HOÁN, TRỊNH LƯƠNG TIÊU, NGƯỜI HỨA, NGƯỜI TÀO (TẤN, SỞ BẮT ĐẦU CÙNG LÀM MINH CHỦ)

Tả Thị - Hướng Thú nước Tống là bạn với Triệu Văn Tư nước Tấn là Lệnh Doãn Tử Mộc nước Sở. Hướng Thú định làm cho hết nạn chiến tranh giữa các chư hầu, cốt chỉ để lấy tiếng.

Mới đi tới Tấn nói với Triệu Mạnh (Triệu Văn Tử). Triệu Mạnh bàn với các đại phu. Hàn Tuyên Tử nói: Việc binh thì tàn hại dân, hại tàn sản của nước như con mọt ăn dần. Thật là tai họa lớn cho các nước nhỏ. Nếu ai đề nghị bãi binh, thì ta tuy nói là không thể được, nhưng cứ ưng thuận. Vì nếu ta không ưng thuận thì Sở ưng thuận, mà vì thế Sở sẽ lôi cuốn được chư hầu, thế là ta mất quyền làm minh chủ. Người Tấn mới ưng thuận. Hướng Thú đi tới Sở. Sở cũng ưng thuận. Đi tới Tề. Người Tề cho là khó được. Trần Văn Tử nói: Tấn, Sở đã hứa, ta không sao được. Thiên hạ sẽ nói là ta không ưng bãi chiến, rồi cố làm cho dân oán. Dân đã oán, ta còn trị sao được. Tề mới ưng thuận Hướng Thú báo cáo cho Tấn. Tấn cũng ưng thuận. Hướng Thúc báo cáo tất cả các nước nhỏ. Một hội sẽ họp tại quốc đô nước Tống.

Tháng năm, ngày Giáp Thìn, Tấn Triệu Vũ tới nước Tống. Ngày Bính Ngọ, Trịnh Lương Tiêu tới. Tháng sáu, ngày Đinh Mùi, mùng một, người Tống thết tiệc Triệu Văn Tử. Thúc Hướng (Tấn) làm phó. Quan Tư Mã cho dọn tiệc, các đĩa "thịt cắt đôi" theo đúng lễ. Trọng Ni ghi việc đó, trong tiệc có nhiều câu đáng ghi. Ngày Mậu Thân, Thúc Tôn Báo nước Lỗ, Khánh Phong và Trần Tu Vô nước Tề, Thạch Ác nước Vệ tới. Ngày Giáp Dần, Tấn Tuân Doanh theo Triệu Vũ tới. Ngày Bính Thìn, Châu Điệu Công tới. Ngày Nhâm Tuất, Sở Công Tử Hắc Quang tới trước, để sửa soạn các lời trong minh ước. (Lệnh Doãn Tử Mộc còn đang ở nước Trần). Ngày Đinh Mão Hướng Thú đi sang nước Trần rồi cùng Lệnh Doãn Tử Mộc bàn các lời trong minh ước và tới Tống. Ngày Mậu Thìn, Đằng Thành Công tới. Tử Mộc nói với Hướng Thú xin cho các nước theo Tấn tới chào Sở, và các nước theo Sở tới chào Tấn. Ngày canh ngọ, Hướng Thú nói lại với Tấn Triệu Mạnh. Triệu Mạnh nói: Nước Tấn, nước Sở cùng hàng. Nước Tề và nước Tần cũng cùng hàng. Tấn không bảo được Tề cũng như Sở không bảo được Tần. Nếu vua Sở bảo được vua Tần sang Tấn, thì Tấn đâu dám không bảo Tề sang Sở. Ngày nhâm thân, quan Tả Sư (Hướng Thú) nói lại các lời đó cho Tử Mộc. Tử Mộc cho ngựa trạm báo vua Sở. Vua Sở nói: Trừ Tề, Tần ra, xin cho các nước khác làm lễ tương kiến. Mùa thu, tháng bảy,

ngày Mậu Dần, quan Tả sư tới. Tối hôm đó, Tấn Triệu Mạnh cùng Sở Tử Tích (Công Tử Hắc Quăng) kí một hiệp ước như trước đã cùng định. Ngày Canh Thìn, Tử Mộc từ nước Trần tới Tống. Cùng tới có Khổng Hoán nước Trần, và Công Tôn Quy Sinh nước Sái. Đại phu các nước Tào và Hứa cũng tới. Các trại quân các nước đều chỉ có rào ngăn (tức là tin nhau). Quân Tấn và quân Sở ở mỗi nước một bên (đông và tây). Tấn Bá lúc nói với Triệu Mạnh: Bên phía Sở có nhiều triệu chứng lạ, tôi e có tai nạn. Triệu Mạnh đáp: Nếu ta bị đánh thì ta quay sang trái, rồi vào ngay thành nước Tống. Ai làm gì được ta.

Đỗ Dự - Xét trong Truyện, ở hội có 14 nước. Tề và Tần không có lễ tương kiến. Châu vạ Đằng là hàng tì thuộc, đều không dự thề. Tống là chủ nhân. Họp thì ở Tống. Vậy biết các số dự thề. Cho nên Kinh Xuân Thu ghi chép có chín nước thôi.

Trần Phó Lương - Đây là Tấn và Sở cùng làm chủ thề các nước Hoa Hạ. Riêng Tấn Sở đã thường có thề với nhau. Năm, hội tại Tỏa Trạch Tống Hoa Nguyên đã gây được cho Tấn Sở hòa. Sĩ Tiếp hội với Công Tử Bãi thề ở ngoài cửa tây thành nước Tống. Kinh không chép, còn cho là cuộc thề đặc biệt của hai nước muốn giao hiếu, chứ không phải là một việc đại biến trong thiên hạ. Nay chư hầu chia làm hai phe: phe Sở phe Tấn, mà lại cùng nhau tương kiến thì ở đây bắt đầu, thế là ở Nam, ở Bắc, có hai vị Bá. Đây mới thật là việc đại biến trong thiên hạ.

Gia Huyền Ông - Hướng Thú muốn bãi binh, thì nên xin mệnh Thiên Tử rồi báo cáo cho Tấn Sở đem các nước theo mình tới chầu ở Kinh sư mà xin mệnh Thiên Tử, thề ở sân nhà vua, có thể bãi binh được. Nay chỉ riêng báo các nước theo Tấn và các nước theo Sở cùng chầu nhau, mà thiên hạ thành ra có hai vị Bá, thế thì Hướng Thú, Triệu Vũ há không có tội hay sao.

Uông Khắc Khoan - Nước Kinh Sở mà cùng làm minh chủ cho các nước Hoa Hạ, là tự Tống gây ra. Tống Tương Công khi muốn gây nghiệp Bá mới mời người Sở ở hội thề Lộc Thượng. Ở hội Vu, Sở được chép tước mà cùng Tống Công cùng hàng trên mọi chư hầu. Cái nguyên nhân hai vị Bá, triệu chứng từ khi đó.

Cho nên, mới có việc bắt giam ở Vu, việc binh bại ở Hoằng, mà Tống không làm Bá chủ được. Hoa Nguyên cố làm cho Tấn, Sở hòa, thề ở ngoài cửa tây thành nước Tống, việc tranh chức Bá lại bắt đầu từ đó. Cho nên, trận Yển Lăng, quân Sở tan vỡ, mà Trịnh cuối cùng vẫn theo Sở. Lần này, Hướng Thú làm việc hòa, khiến cho các nước hai phe Sở, Tấn, cùng nhau tương kiến, thì cái thế hai vị Bá hoàn thành chính là ở dịp này. Cho nên, ở hội Thân, Tấn mới rút lui, không chủ được chư hầu nữa. Mà Hướng Thú nước Tống lại hiến lễ cho Sở Tử. Do đó, nhận biết rằng Sở mà tranh hùng được ở phương bắc, đều là Tống làm nên.

衛殺其大夫甯喜

VỆ SÁT KÌ ĐẠI PHU NINH HỈ

NƯỚC VỆ GIẾT ĐẠI PHU LÀ NINH HỈ

Tả Thị - Vệ Ninh Hỉ chuyên quyền. Vua Vệ lo ngại. Công Tôn Miễn Dư xin giết đi. Vua nói: Không có Ninh Hỉ, tôi đâu được ở đây. Tôi đã hứa rồi. Không thể đoán được giết xong thì xảy ra sao. Chỉ biết là tôi bị mang tiếng xấu. Nên thôi việc đó. Miễn Dư đáp: Tôi xin giết, xin vua đừng biết mưu kế. Miễn Dư mới bàn với Công Tôn Vô Địa, Công Tôn Thần sai đánh nhà họ Ninh. Đánh không được, cả hai cùng chết. Vua nói: Công Tôn Thần không có tội. Cả cha con đều vì tôi mà chết (coi lại Tương Công năm thứ 14). Mùa hạ, Miễn Dư lại đánh họ Ninh, giết Ninh Hỉ và Hữu Tể là Cốc, phanh thây giữa triều. Thạch Ác đã sửa soạn để đi hội thề với Tống, được mệnh vua ra đi. Ác lấy áo chùm lên xác Ninh Hỉ, ôm lấy đầu để vào đùi mình rồi khóc. Muốn khâm liệm cho, nhưng sợ không khỏi chết. Nói: Nhận được mệnh rồi, thế là ra đi để tới hội ở Tống.

Cốc Thị - Giết mà chép là nước Vệ giết, là tội có liên lụy đến trên. Ninh Hỉ giết vua sao lại liên lụy đến trên. Là vì Ninh Hỉ làm đại phu có dự bàn chính sự. Ninh Hỉ vì vua mà giết vua. Thế mà không lấy việc giết vua làm tội, là ghét chê Hiến Công.

Gia Huyền Ông - Tên Phiếu cướp ngôi vua, người khác giết được, mà Ninh Hỉ thì thờ làm vua, cho nên Ninh Hỉ không được giết. Vì thế, chép là thí (giết vua) để chính tội Hỉ.

Ai thí quân, người khác giết được, mà Vệ Hiến Công lại nhân đó để vào làm vua, thì Vệ Hiến Công không được giết Ninh Hỉ, cho nên chép là nước Vệ giết, mà lại để nguyên chức tước.

衛侯之弟塼出奔晋
VỆ HẦU CHI ĐỆ CHUYÊN XUẤT BÔN TẤN
EM VỆ HẦU LÀ CHUYÊN RỜI NƯỚC CHẠY SANG TẤN

Tả thị - Tử Tiễn nói: Người mà đuổi ta (Tôn Lâm Phủ) đã rời khỏi nước. Người mà đón ta (Ninh Hỉ) đã chết. Thưởng cùng phạt không co phép lệ gì nữa. Sao còn trừng trị dở, khuyến khích hay được nữa. Vua không giữ lời. Nước không biết dùng hình luật. Khó giữ được trật tự. Đều là tại ta cả (Chuyên trước có khuyên Ninh Hỉ). Rồi lên đường sang Tấn.

Vua Vệ sai sứ triệu về. Chuyên cứ đi. Khi tới sông Hoàng Hà, lại có sứ tới kịp mời lại. Chuyên dừng lại, thề với sứ không trở lại Vệ, ở lại ấp Mộc Môn. Khi ngồi không bao giờ quay mặt về bắc. Đại phu Mộc Môn khuyên ra làm quan (nước Tấn). Chuyên từ chối nói: "Nếu tôi nhận chức mà không làm xong chức vụ, thì tôi có lỗi. Nếu tôi làm được chức vụ thì lại tỏ ra làm sao phải rời nước ra đi. Tôi còn giải bày với ai được. Tôi không thể đứng giữa triều đình một nước khác. Suốt đời, tôi không ra làm quan".

Vua Vệ mặc áo tang (như để trở Chuyên). Suốt đời khoác áo mỏng (như cách để tang). Vua cho Miễn Dư một ấp 60 dặm. Miễn Dư từ chối nói: "Chỉ có vị Khanh thì được trăm dặm. Tôi có đến 60 dặm, quá chức vụ của tôi. Thế là mất kỉ luật. Tôi không dám nhận, Ninh Hỉ chết chỉ vì có nhiều ấp. Tôi sợ chết đến nơi". Vua cố nài, Miễn Dư xin nhận một nửa, và chức Thiếu sư. Vua định phong làm Khanh. Miễn Dư nói: Thái Thúc Nghi là người trung, có thể giúp làm các việc lớn, xin nhà vua cho làm Khanh. Vua phong Thái Thúc Nghi làm Khanh.

Công Thị - Nước Vệ giết đại phu Ninh Hỉ, thì em Vệ Hầu

là Chuyên sao lại rời nước Vệ chạy sang Tấn. Chỉ là vì việc giết Ninh Hỉ. Nguyên truyện: Vệ Ninh Thực, cùng Tôn Lâm Phủ đuổi Vệ Hầu mà lập Công Tôn Phiếu. Ninh Thực ốm gần chết, dặn con là Hỉ rằng, đuổi vua không phải tự ta, chính tự Tôn Lâm Phủ. Ta mà chết, con cố làm cho Công về được. Hỉ xin vâng. Ninh Thực chết. Hỉ được làm đại phu, sai người bảo Hiến Công rằng: Đuổi Công đi, không phải là họ Ninh, chính là họ Tôn. Tôi muốn mời Công về, Công nghĩ sao. Hiến Công nói: Nếu ông đón tôi về, tôi xin cùng ông thề. Hỉ nói, không cần thề, cứ để Công Tử Chuyên cùng tôi ước hẹn. Công Tử Chuyên từ chối nói: Cầm dây cương ngựa theo vua khắp nơi, đó là việc của tôi, việc hầu hạ thôi. Còn như ước hẹn, một lời nói là tin, thì thực là tôi không dám đương việc đó. Hiến Công giận nói:

Đuổi ta không phải là họ Ninh, không phải là họ Tôn, chính là ở ngươi cả. Công Tử Chuyên bất đắc dĩ phải cùng Ninh ước hẹn. Xong, rồi về Vệ, rồi có việc giết Ninh Hỉ. Công tử Chuyên dắt vợ con ra đi. Sắp qua sông Hoàng Hà, cùng thề rằng: Nếu còn trở lại đất Vệ nữa, còn ăn thóc Vệ, thì không được trông thấy sông này.

Cốc Thị - Chuyên là cùng hạng Ninh Hỉ. Mình tuy gấp muốn cho anh về mà lại cùng với bầy tôi người, mưu giết vua. Chuyên, mà chép chữ em, là thế nào. Chuyên tin lời của anh. Vua không hối lộ Hỉ, mà giết Hỉ là không thẳng thắn với Hỉ. Cho nên Chuyên bỏ đi sang Tấn, làm nghề thêu giày nuôi thân, suốt đời không nói đến Vệ. Chuyên bỏ đi, thật là hợp với Xuân Thu.

Triệu Bằng Phi - Chuyên không chép là Công Tử, lại chép là em Vệ Hầu, không phải là Chuyên không làm phận sự em, mà chính là Vệ Hầu không giữ được em.

Vương Tiều - Nay xét chữ đệ, tức là buộc tội Vệ Hầu. Chép Chuyên rời nước mình, đi ra nước ngoài, sau việc giết đại phu Ninh Hỉ, thì thấy Chuyên vì Ninh Hỉ mà đi, thế cũng là buộc tội Chuyên. Vệ Hầu không theo đạo làm vua, không theo đạo làm anh, giết Hỉ mà không giết đúng tội để cho Chuyên xuất bôn, tội Vệ Hầu đã rõ lắm. Còn tội Chuyên thế nào. Đáp: Tín gần nghĩa thì lời có thể phục được. Mình tuy gấp muốn cho anh

được về, mà không nghĩ rằng Phiếu đã lập lên ngôi rồi, nay lại phục ngôi, muốn được cả hai việc mà không có hại, thì đặt Phiếu vào địa vị nào. Ninh Hỉ không muốn thề, mà chỉ cầu được một lời nói của Tử Tiễn, thế là trọng nghĩa. Muốn giữ vững ý chí mình, há lại không nghĩ đến đại nghĩa của vua tôi, chỉ vì cảm động nghe câu nói của Hiến Công "chính thì ông cầm quyền, tế tự thì ở tôi". Tín đó, là bất nghĩa, vậy lời nói tất là không có thể phục được. Thế mà Tử Tiễn làm. Giết Ninh Hỉ, chỉ vì câu: Chính do họ Ninh. Cho nên, nói thì phải có tin: làm tất phải đúng lời. Nhưng nếu không ở trong nghĩa, thì bao giờ cũng tới chỗ bại vong.

Lấy việc thất tín làm trọng; mà không lấy đạo anh em làm trọng. Không nỡ phụ họ Ninh, mà nỡ bỏ vua. Đáng lẽ ra, Tử Tiễn lúc đầu, quyết định ra đi để giác ngộ anh là phải. Khi Hiến Công đã hai lần mời lại, thì nên trở lại, là vì phải nghĩ đến nước không có người. Hiến Công không ai giúp, thì về cùng với Thái Thúc Nghi hết sức giúp, rồi khuyên Hiến Công lập lại dòng dõi họ Ninh, như thế cũng không phụ Ninh Hỉ. Thế mà nhất quyết rứt tình, từ sứ giả, mà thề ở sông Hoàng, rồi khi ngồi, không ngoảnh mặt về nước Vệ. Chuyên như thế là quá lắm.

Xét - Ninh Hỉ dung nạp Khản, chỉ vì tin ở Chuyên. Khản vào rồi giết Hỉ. Chuyên tự cho là thất tín, rời xa anh, ra khỏi nước, bọn tiền nho nhiều người cho là phải. Riêng Vương Tiền bàn là tín mà không gần nghĩa, tất đi tới bại vong. Mà ơn anh em không nên cự tuyệt. Thì ra Chuyên cũng có lỗi. Cốc Lương bàn là Chuyên dùng mưu việc giết vua, lời bàn có khắt khe, vì thế để lại lời bàn của Vương Tiều mà san bỏ bớt Cốc Lương.

秋七月辛巳豹及諸侯之大夫盟于宋

THU, THẤT NGUYỆT, TÂN TỊ, BÁO CẬP CHƯ HẦU CHI ĐẠI PHU MINH VU TỐNG

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY TÂN TỊ, BÁO CÙNG CÁC ĐẠI PHU CÁC CHƯ HẦU THỀ TẠI ĐẤT TỐNG

Tả Thị - Ngày Tân Tỵ, sắp hội thề ở cửa tây thành nước Tống. Người Sở, trong mặc áo giáp, ngoài mặc áo thường. Sở,

Bá Châu Lê nói: Họp quân chư hầu mà lại không có tin nhau, như thế có nên không. Các chư hầu mong được tin ở Sở, vì thế mới cử các đại phu tới phục tòng ta. Ta mà thiếu chữ tín, thì ta bỏ hết các điều phục được chư hầu. Bá Châu Lê xin bỏ giáp trụ. Tử Mộc nói: Tấn và Sở không có tín đã từ lâu, thôi, cứ lợi là ta làm. Chỉ cần được việc, chứ cần gì đến tín. Thái Tể Bá Châu Lê lui ra nói với tùy tùng: Quan Lệnh Doãn trong ba năm là chết, chỉ cần toại nguyện mà bỏ chữ tín, liệu có tới kết quả không. Chí lộ ra bằng lời nói. Lời nói phải có tin. Tin để làm được việc theo chí định. Ba thứ ấy làm cho người được lâu bền. Thiếu tín liệu có lâu tới ba năm không.

Triệu Mạnh nước Tấn lo ngại vì thấy quân Sở mặc giáp bên trong, mới nói với Thúc Hướng. Thúc Hướng nói, có làm gì được ta. Một cá nhân mà thiếu tín cũng không làm nên công việc gì, sẽ hỏng, rồi chết. Một người họp các đại phu chư hầu mà không có tín thì thành công sao được. Người không giữ chữ tín không hại cho ta. Ngài lo gì. Sở đã dụ được các đại phu chư hầu vì chữ tín. Nếu bây giờ làm việc lại bỏ tín, thì còn ai theo. Còn hại ta sao được. Vả lại ta dựa vào Tống để chống lại Sở, nếu Sở đánh. Lúc đó sẽ tử chiến. Có Tống giúp, ta có thể chống với nước mạnh gấp đôi Sở. Ngài còn lo gì. Mà Sở không dám đánh ta đâu. Đã dụ các đại phu các nước tới, nói là muốn bãi chiến, thế mà lại đánh ta, thì ta ở vào thế lợi, lợi ở chỗ tín.

Quý Vũ Tử nước Lỗ cho người thay mặt vua Lỗ nói với Thúc Tôn: Lỗ cứ nên như nước Châu, nước Đằng (về việc đóng góp). Thế rồi người Tề xin coi Châu như thuộc Tề, người Tống xin coi Đằng như thuộc Tống. Châu và Đằng vì như thuộc vào hai nước, không được dự thề. Thúc Tôn nói: Châu và Đằng là nước không tự trị được nữa, chứ như Lỗ là nước tự trị, sao lại bắt chước Châu và Đằng. Lỗ ngang với Tống và Vệ. Thế là Thúc Tôn dự thề. Kinh Xuân Thu không chép tên Thúc Tôn bằng họ Mục là chê Mục đã trái mệnh.

Tấn và Sở tranh nhau sáp huyết trước. Tấn nói: Tấn vốn làm minh chủ chư hầu, chưa có nước nào đứng trước Tấn. Sở trả lời: Các ông đã nói là Tấn Sở ngang nhau. Nếu bảo là Tấn đứng

trước, thế là Sở kém. Vả lại Tấn và Sở cùng làm minh chủ chư hầu đã lâu. Sao Tấn lại riêng chiếm phần hơn. Thúc Hướng nói với Triệu Mạnh rằng Tấn được chư hầu theo vì đức, chứ không vì chức minh chủ. Xin ngài chuộng đức, đừng tranh trước sau. Vả lại trong hội thề chư hầu, các nước nhỏ, có việc là phải trông nom chi tiết lễ nghi. Sở vì Tấn mà làm các việc đó cũng là phải. Thế là nhường cho Sở. Kinh Xuân Thu chép Tấn ở trên vì Tấn được chữ tín.

Ngày Nhâm Ngọ, vua Tống thết tiệc các quan Tấn và Sở cùng họp. Triệu Mạnh nước Tấn ngồi vị khách quý. Tử Mộc nước Sở nói chuyện Triệu Mạnh không đáp nổi, mới sai Thúc Hướng thay. Tử Mộc lại không đối nổi (Lời lẽ khôn ngoan).

Ngày Ất Dậu, Tống Công cùng đại phu các chư hầu làm lễ thề ở ngoài cửa Mông Môn thành nước Tống. Tử Mộc hỏi Triệu Mạnh: Đức độ của Phạm Vũ Tử như thế nào. Đáp: Phu Tử (Sĩ Hội) thì việc nhà rất có ngăn nắp, việc nước khi nói vua Tấn thì không giấu giếm tình ý. Quan Chúc Sử trong việc tế tự, trình bày tường tận sự thực với thần linh, mà Vũ Tử không có câu nào lại bị e thẹn.

Tử Mộc khi về Sở, kể lại với vua Sở. Vua Sở nói: Thế thì đức cao thật, được lòng người, được lòng quỷ thần. Không trách đã giúp được năm đời vua kế tiếp, đã làm cho vua giữ ngôi minh chủ. Tử Mộc nói thêm: Vua Tấn minh chủ là phải. Có Thúc Hướng để phụ tá các vị Khanh. Sở không có người nào bằng, không tranh với Tấn được. Tấn Tuân Doanh sau, sang Sở kí minh ước.

Trịnh Bá thết tiệc Triệu Mạnh tại ấp Thùy Lũng (ấp của Trịnh, khi ở Tống về Tấn, Triệu Mạnh đi qua). Đi theo vua Trịnh, có Tử Triển, Bá Hữu, Tử Tây, Tư Sản, Tử Thái Thúc và hai Tử Thạch. Triệu Mạnh nói: Bảy vị theo vua vì yêu Vũ tôi. Tôi xin bảy vị ngâm thơ để thêm ơn vua ban cho tôi, mà cũng biết tình ý của các ngài. Tử Triển ngâm thiên Thảo Trùng. Triệu Mạnh nói: Hay lắm. Đây là chủ dân, Vũ tôi đâu dám đương. Bá Hữu ngâm: Thuần chi bôn bôn. Triệu Mạnh nói: Những lời nói trong buồng không nên ra khỏi bực cửa, huống chi ở nơi đồng ruộng. Không nên để ai nghe thấy. Tử

Tây ngâm thiên thứ tư thơ Thử Miêu. Triệu Mạnh nói: Lời khen ấy là dành cho vua tôi. Còn Vũ tôi đâu dám nhận. Tử Sản ngâm thơ Thấp Tang. Triệu Mạnh nói Vũ xin nhận chương cuối. Tử Thái Thúc ngâm thơ Dã hữu mạn thảo. Triệu Mạnh nói: Chính là nhờ ngài (mà được gặp ngài). Ấn Đoàn (Tử Thạch thứ nhất) ngâm thơ Tất xuất. Triệu Mạnh nói: Hay lắm. Giữ nhà được. Tôi mong được như thế. Công Tôn Đoàn (Tử Thạch thứ hai) ngâm thơ Tang Hỗ. Triệu Mạnh nói: Không hiếu loạn, không kiêu căng, thì phúc còn đi đâu. Một người có nết ấy, dù có muốn từ chối phúc lộc, thì phúc lộc vẫn tới.

Tiệc xong, Triệu Mạnh nói với Thúc Hướng: Bá Hữu sẽ bị chết. Thơ để tả chí. Bá Hữu có ý vu xấu người trên (vua Trịnh). Điều mà vua oán thì đem ra đãi khách. Thế thì còn sống lâu được không. Nếu được biệt xứ là may. Thúc Hướng đáp: Đúng thế. Tính cuồng vọng. Đúng là không được tới năm năm. Văn Tử nói: Các nhà kia sẽ được hưng thịnh và lâu dài. Họ Tử Triển được lâu hơn. Tử Triển ở ngôi cao biết xuống thấp. Họ Ấn là thứ hai, nhưng lâu hơn bốn họ kia, biết hưởng vui, mà không đam mê, thế thì dân được nhờ. Không đòi hỏi quá cho bản thân. Họ được lâu dài là phải lắm.

Ở Tống, Tả Sư Hướng Thúc xin vua thưởng cho ấp. Vua cho ấp 60 dặm, thành ra được ngang với Tử Hãn. Tử Hãn nói: "Các vua nhỏ đều bị sợ vì binh lực nước Tấn, nước Sở. Vì có sợ đó, mà trên dưới được hòa mục. Có hòa mục, dân mới được yên vui. Nước nhỏ thờ nước lớn, vì thế mà còn được nước. Không sợ thì sinh kiêu. Kiêu sinh loạn. Loạn đi đến vong. Vì thế các nước bị mất. Trời đã sinh năm loại. Loại nào cũng cần đến dân. Thiếu một là dân không sống được (chiến tranh cũng là cần). Ai là bỏ được binh. Giàn bày binh khí là thói có từ cổ để làm cho bọn coi thường pháp luật phải sợ mà để cho bọn hiền đức sáng tỏ được điều hay. Khuyến khích người quân tử, mà tiêu diệt kẻ hỗn loạn. Còn nước hay mất nước là tùy ở hai điều ấy. Dân bị u mê, dân được sáng suốt, là nhờ ở cách dùng binh. Ông muốn bãi binh, thế là ông tự dối ông. Đưa các chư hầu đến chỗ mờ quáng bằng con đường vu vơ, còn tội nào to hơn. Thế mà ông chưa bị trừng phạt nặng theo tội nặng, lại còn xin thưởng. Thế gọi là vô yếm". Vua Trịnh

mới xé bỏ sắc phong ấp, mà Hướng Thú cũng từ ấp. Người họ Hướng muốn đánh Tư Thành Tử Hãn. Hướng Thú bảo họ: "Tôi đi đến chỗ chết. Phu tử đã cứu sống, đức nào to bằng. Sao lại đánh". Người trí thức bàn: Câu trong Kinh Thi: Người đó làm cho trong nước ai nấy làm phận sự, câu đó áp dụng cho Hướng Thú biết nhận lỗi lầm.

Phụ lục Tả Truyện - Thôi Trữ nước Tề có hai con tên là Thành và Cương, rồi hóa vợ. Lấy vợ kế là Đông Quách Khương, vợ hóa của Đường Công. Sinh con tên là Minh. Đông Quách Khương khi về lấy Thôi Trữ thì đem con riêng là Đường Vô Cữu cùng về. Vô Cữu với cậu là Đông Quách Yển làm gia thần Thôi Trữ. Thôi Thành có bệnh nặng. Bố mới bỏ và lập Minh thay để kế nghiệp. Thành xin cha ra ở ấp Thôi. Thôi Tử hứa cho. Nhưng Yển và Vô Cữu không thuận, nói: Thôi là ấp có đền miếu họ. Người nào có phận sự chủ tế tự (Minh) mới được giữ. Thành và Cương giận, định giết Yển và Vô Cữu, có nói với Khánh Phong: "Ngài biết rõ cha chúng tôi, chỉ nghe có Vô Cữu và Yển. Hàng phụ huynh có nói cũng không được nghe. E rằng, việc này có hại to cho cha tôi. Xin báo ngài biết". Khánh Phong đáp: "Xin hãy về nghỉ, rồi tôi liệu. Khánh Phong nói với Lư Bồ Miết. Lư Bồ Miết nói: Trữ là kẻ thù của nhà vua, hoặc là trời muốn bỏ chăng. Trong nhà sinh loạn. Ngài còn e sợ gì. Họ Thôi mà suy thì họ Khánh thịnh". Một ngày khác, Thành và Cương lại nói với Khánh Phong. Khánh Phong bảo: "Nếu có lợi cho phu tử thì cứ giết hai người đi. Hễ có khó khăn, thì tôi sẽ giúp". Tháng 9, ngày Canh Thìn, Thôi Thành, Thôi Cương, giết Đông Quách Yển và Đường Vô Cữu, trong phủ nhà họ Thôi. Thôi Tử uất ức ra đi. Tất cả người nhà đều chạy trốn. Tìm người giong xe, đánh xe, không có. Sau phải cho người nuôi ngựa giong xe, và một tư nhân (như hoạn quan thời sau) cầm cương. Đi ra, rồi nói: Nếu chỉ một mình ta chết, thì họ Thôi còn có phúc. Rồi đi tới Khánh Phong. Khánh Phong nói: "Họ Thôi và họ Khánh như một nhà. Sao Thành và Cương dám có hành động đó. Xin vì ngài, trị tội". Khánh Phong sai Lư Bồ Miết đem giáp binh tới đánh. Bọn Thôi, xây đắp lũy quanh phủ để chống đỡ. Miết không thắng nổi, mới gọi dân tới. Sau diệt cả nhà họ Thôi, giết Thành và Cương, lấy

hết đồ đạc của cải. Vợ Thôi Trữ thắt cổ chết. Miết báo cho Thôi Trữ biết việc đã xong, và đưa Trữ về dinh. Về đến nơi, biết là không ở được nữa, mới tự thắt cổ. Đêm tới, Thôi Minh đào một hố giữa lăng tẩm tổ tiên để vùi lấp bố, rồi ngày Tân Tị, chạy trốn tới Lỗ. Khánh Phong lên cầm quyền chính.

Vĩ Bãi nước Sở sang Tấn kí minh ước. Tấn Hầu thết tiệc. Khi sắp rời khỏi tiệc, Vĩ Bãi ngâm thơ kí túy. Thúc Hướng nói: Họ Vĩ được lâu dài ở nước Sở. Là phải, nhận mệnh vua, chuyên cần, sáng suốt. Sẽ cầm quyền chính. Đã chuyên cần sáng suốt trong công việc nhà vua, thì phải săn sóc được dân. Chính còn giao cho ai hơn.

Họ Thôi trốn sang Lỗ. Họ Thân Tiển Ngu trốn sang Lỗ. Người nhà Thân có thuê được một ngôi nhà ở ngoài thành, để làm tang lễ Trang Công. Mùa đông người Sở mời tới Sở. Thân Tiển Ngu tới Sở, rồi làm chức Hữu Doãn.

Cốc Thị - Sao lại hai lần chép chữ Báo. Vì là chư hầu sơ suất. Vì Vệ Thành Ác có mặt. Vì bọn người không tốt có mặt.

Công Thị - Hội Cức Lương, có vua chư hầu mà không chép là đại phu chư hầu. Thế là đại phu đã có ý bất thần rồi. Triệu Vũ nước Tấn lấy làm xỉ. Chép chữ Báo là có ý cung kính.

Vua chư Hầu không có mặt, mà viết là đại phu chư hầu. Vậy đại phu vẫn giữ phận làm tôi. Bầy tôi cung kính. Triệu Vũ nước Tấn mới họp thành hội.

Hồ Truyện - Đây chỉ là một nơi, mà hai lần chép tên Tống. Cách chép quan trọng. Lời chép đầy đủ. Ở trong tất có điều gì rất chê, rất khen. Việc thề ở Tống, Tả Sư muốn chư hầu đều bãi binh để lấy danh tiếng, mà Sở Khuất Kiến xin các nước theo Tấn, các nước theo Sở, cùng nhau giao tiếp tương kiến. Từ đó, các nước chư hầu ngoảnh mặt về nam chầu Sở. Rồi đến hội ở Thân, họp đông đến mười một nước dùng lễ nghi Thiệu Lăng của Tề Hoàn, Tống Tả Sư, Trịnh Tử Sản đều hiến lễ. Tống Thế tử Tá, đến hội sau, bị từ, không được dự. Đánh nước Ngô, diệt nước Lại, không ai dám trái, là tự cuộc thề ở Tống. Cho nên hội thề, cùng ở một nơi, mà hai lần chép chữ Tống là chê.

Lưu Sưởng - Đây là có một việc mà hai lần chép. Trước là chi tiết mà sau là tóm quát. Sao lại bảo là chư hầu sơ suất. Vả lại, Thạch Ác, danh thì ác, nhưng hành vi vị tất đã ác. Thuyết Công Dương thế là sai.

Chép là chư hầu là lời văn thường, không chép là chư hầu là lời văn biến. Còn như Báo mà không chép họ là vì một việc hai lần nói đến thì chỉ chép tên, không phải thế là cung kính hơn. Thuyết của Cốc Lương cũng sai.

Nước Sái, nước Hứa, đã mất ngôi thứ, Tả thị chê. Nay Lỗ muốn giống như Sái, Hứa, thật là mất hẳn ngôi thứ. Mà mệnh do họ Quý, lại bàn là không nên trái mệnh, thế là thế nào. Cái thuyết của họ Tả là trái mệnh không chép họ lại càng sai.

Lí Liêm - Sở mà tranh chức Bá, thường bắt đầu vì Tống. Sở mà chia quyền Bá cũng lại là Tống tác thành. Khi tranh Bá thì Sở vây Tống bắt Tống thề. Tuy nhiên, năm thứ 27 Hi Công, Tống thề, không có hiềm ghét gì, Xuân Thu còn tha thứ cho Tống. Đến năm thứ 15 Tuyên Công, Tống, Sở hòa nhau, đã chia thiên hạ ra hai phe nam và bắc rồi. Cho nên chép để chê. Ít lâu sau, năm thứ 12 Thành Công, Hoa Nguyên ở Tống cố làm cho hợp Tấn Sở, từ đó Tấn và Sở chia nhau quyền Bá, nguyên nhân vốn từ Tống. Xuân Thu tránh không chép là có cớ. Đến nay, Hướng Thú lấy việc bãi binh làm danh, xua các chư hầu lại để cùng giao tiếp tương kiến tại triều đình Sở, thì Tống có phải là tội nhân của Xuân Thu không. Xuân Thu hai lần chép Tống làm địa chủ nơi hội, để kết tội đầu ở Tống.

Vương Tiểu - Trận thua ở Yển Lăng, Trịnh phản mà Ngô thì hưng thịnh, Sở đã yếu thế, Điệu Công mất, Tấn cũng không giữ được chư hầu. Cho nên, năm thứ 25, Triệu Vũ có câu bảo Mục Thúc rằng, từ nay về sau, binh tạm bãi. Tuy nhiên, hợp hòa nam với bắc, để tạm yên trong vài năm, Tấn Sở đồng tâm. Nước Ngô nhân dịp, cố tiến, không ngớt, thành ra Sở ngày nay không phải là Sở khi trước nữa. Thiết sử Sở thật muốn tranh cướp minh chủ, đâu lại cho Tấn biết trước. Xét:

Cho ta biết rõ để ta sợ, thì có thể muốn gì được nấy. Vì thế muốn cho các nước theo Tấn, các nước theo Sở, cùng nhau giao thiệp, thì Tấn ưng thuận ngay. Muốn tranh trưởng, Tấn cũng nhường ngay, không tranh giành. Triệu Vũ, Thúc Hướng, như con nít gửi đồ chơi vào tay người. Nói với nhau rằng: Bãi binh để triệu chư hầu, mà đem binh hại ta, ta có đức, không sợ, chư hầu theo ta vì đức, chứ không phải chỉ vì chủ thề. Đó chỉ là lời nói khoác lác. Khổng Tử theo vua ở hội Giáp Cốc mà nói: đã có văn sự, tất phải có vũ bị. Thánh nhân đã chủ được việc, đã được người, mà còn như thế. Triệu Vũ tin Sở mà chỉ rào trại quân đóng, nếu Sở thừa dịp Tấn không phòng bị như thế mà đánh, thì dù Tấn có muốn quay sang phía trái để vào thành Tống cũng muộn mất rồi.

冬 十 有 二 月 乙 亥 朔 日 有 食 之

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT HỢI, SÓC. NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ẤT HỢI, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị - Tháng 11, ngày Ất Hợi, mùng một, có nhật thực. Sao Thần mọc về chập tối, cho nên biết là vị quan coi lịch đã tính nhầm hai lần tháng nhuận.

Đỗ Dự - Tháng 11, nhà Chu là tháng chín ngày nay. Sao đầu đáng lẽ mọc vào giờ Tuất, mà lại mọc vào giờ Thân, cho nên biết là sai hai lần tháng nhuận: Từ năm thứ 11, Văn Công, tháng ba ngày Giáp Tý đến năm nay là 71 năm, phải có 26 tháng nhuận. Mà nay, coi lịch xét lại, ngày Ất Hợi là mùng một tháng 11, chứ không phải tháng 12. Truyện chép rằng sao Thần mọc về giờ thân là hai lần quên tháng nhuận. Nếu cho là tháng 12, thì sao Thần phải vào giờ hợi. Lấy thân làm hợi thế là ba lần nhầm tháng nhuận, chứ không phải chỉ hai lần. Xét lịch và Truyện giống nhau, hợp nhau, mới biết Truyện là đúng mà Kinh là sai.

Năm Bính Thìn. Vua Linh Vương năm thứ 27.

二 十 月 八 年

NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 28

Tấn Bình, năm thứ 13. Tề Cảnh, năm thứ 3. Vệ Hiến, năm thứ 32. Sái Cảnh, năm thứ 47. Trịnh Giản, năm thứ 21. Tào Vũ, năm thứ 10. Trần Ai, năm thứ 24. Kỉ Văn, năm thứ 5. Tống Bình, năm thứ 31. Tần Cảnh, năm thứ 32. Sở Khang, năm thứ 15. Ngô Dư Sái, năm thứ 3.

春 無 冰

XUÂN VÔ BĂNG

MÙA XUÂN KHÔNG CÓ BĂNG

Tả Thị - Năm thứ 28, mùa xuân, không có băng. Tử Thận có nói. Năm nay, nước Tống và nước Trịnh có lẽ bị nạn đói. Sao Tuế đáng lẽ ở khoảng Tinh Kỉ, mà lại lạc vào phận vị Huyền Hiệu. Các mùa sẽ có tai. Âm kém hơn dương. Đà (chỉ sao Huyền Hiệu) cưỡi lên rồng (sao Tuế). Rồng về phía đông là chỉ nước Tống, nước Trịnh, Tống, Trịnh, tất phải đói. Giữa Huyền Hiệu là sao Hư. Hiệu nghĩa là hao, là hết. Đất sẽ hết, không có gì. Dân cũng hao hư. Thế thì sao mà không đói.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, Tề Hầu, Trần Hầu, Sái Hầu, Bắc Yên Bá, Kỉ Bá, Hồ Tử, Trầm Tử, và rợ Bạch Địch, tới chầu nước Tấn, theo minh ước kí ở Tống. Tề Hầu khi sắp ra đi, có Khánh Phong nói: Nước ta không dự vào minh ước Tống, sao ta lại phải chầu Tấn. Trần Văn Tử nói: Trước khi đưa đồ lễ, phải thi hành các mệnh nhận được, thế là lễ. Một nước nhỏ, thờ một nước lớn, trước khi nhận được mệnh lệnh để thi hành, phải theo ý nước lớn. Thế là lễ. Dù ta không dự minh ước Tống, ta dám đâu trái ý muốn của Tấn. Không nên vội quên minh ước ở Trùng Khưu. Xin ngài khuyên vua cứ đi sang Tấn, Bắc Yên là nước Yên, vua là họ Cơ, dòng dõi Thiệu Công Thích. Hồ là nước Hồ.

夏衛石惡出奔晉

HẠ, VỆ, THẠCH ÁC XUẤT BÔN TẤN

MÙA HẠ, VỆ, THẠCH ÁC RỜI NƯỚC, CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Người Vệ đánh đảng họ Ninh, cho nên Thạch Ác chạy sang Tấn. Người Vệ lập người cháu (chú cháu) nối dõi cúng tế họ Thạch. Thế là đúng nghi lễ.

Quý Bản - Vệ Hầu đã giết Ninh Hỉ. Bách quan tất có bàn tán. Thạch Ác là cận thần, xưa nay vốn bè đảng họ Ninh, vua càng nghi kị, cho nên sợ phải chạy.

邾子來朝

CHÂU TỬ LAI TRIỀU

CHÂU TỬ TỚI CHẦU LỖ

Tả Thị - Châu Điệu Công tới chầu, là theo lệ thường.

Cao Kháng - Nước Châu từ khi bị nước Tấn bắt vua, nước Lỗ chiếm mất ruộng, càng hèn yếu. Đến nay Điệu Công lại chầu.

秋八月大雩

THU, BÁT NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG TÁM, LỄ CẦU ĐẢO

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, lễ cầu đảo vì bị đại hạn.

Phụ lục Tả Truyện - Sái Hầu từ Tấn về, vào quốc đô Trịnh. Trịnh Bá thết tiệc. Sái Hầu không có vẻ cung kính. Tử Sản nói: Sái Hầu sẽ có nạn. Trước khi đi qua Trịnh để tới Tấn, vua sai Tử Triển đón mừng ở cửa đông môn, đã thấy Sái Hầu ngạo nghễ. Tôi đã nói: Còn có thể sửa lỗi được. Nay trên đường qua đây, được thết tiệc, mà bất kính, thì đúng là tính người như thế. Làm vua nước nhỏ thờ một nước lớn, mà lười nhác, kiêu căng, là bản chất, thì có được chết thường không. Nếu không được, tất là bị

con cái giết. Vua một nước mà dâm dật vô lại, không đáng làm cha, Kiều tôi nghe nói, những hạng người ấy thường bị con hại.

仲孫羯如晉

TRỌNG TÔN YẾT NHƯ TẤN

TRỌNG TÔN YẾT SANG TẤN

Tả Thị - Mạnh Hiếu Bá sang Tấn báo cáo là theo minh ước Tống, Lỗ sang Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Trong khi Sái Hầu sang Tấn, Trịnh Bá sai Du Cát sang Sở. Du Cát tới sông Hán, thì người Sở đuổi về bảo: Theo minh ước Tống, vua Trịnh phải thân hành tới chầu Sở. Nay chỉ có ông tới, quả quân tôi cho bảo ông hãy về. Sở tôi cho chạy ngựa trạm tới hỏi Tấn, rồi tôi báo cho ông biết. Tử Thái Thúc (Du Cát) đáp: Trong minh ước, vua Sở đã viết rõ là các tiểu quốc được giúp, là: các tiểu quốc phải giữ an ninh cho xã tắc, phải cai trị săn sóc dân, để được hưởng phúc trời. Đó là lệnh của vua Sở, mà cũng là hi vọng của tiểu quốc. Vì thế, vua nước tôi sai tôi đem tơ lụa cống hiến. Vì năm mất mùa, mới sai tôi tới chào các quan quý quốc. Nay các quan cho sứ bảo tôi: sao không theo lệnh, phải bảo vua ngươi ra khỏi nước, trèo non vượt suối, dãi tuyết, dầm sương. Có thế vua Trịnh mới thỏa mãn được vua Sở. Tiểu quốc tôi mong mỏi ở nhà vua. Một lệnh ở Sở tới, nước tôi dám đâu không tuân. Nhưng trong minh ước không thấy nói thế. Thế là vua Sở thiếu đức, mà các quan Sở không làm lợi cho nước Sở. Vì thế tiểu quốc tôi lo. Nếu không nước tôi đâu có ngại khó nhọc.

Tử Thái Thúc khi về Trịnh phục mệnh, bảo Tử Triển rằng: Sở Tử mệnh sắp hết. Trong chính trị không sửa đức, đối với chư hầu thì tham lam mù quáng, để thỏa ý riêng. Tưởng còn sống được lâu. Trong sách Chu Dịch ở quẻ Hi khởi tự quẻ Phục có cho biết: "Trở lại mê sẽ bị hung". Lời đó sẽ áp dụng cho vua Sở. Vua Sở muốn trở lại ý mong muốn cũ, (Vua Trịnh thân tới chầu) mà bỏ hết cái gốc là đức. Không đủ phương tiện trở lại ý muốn đó thế gọi là: Trở lại mê. Thế rồi hung. Xin vua ta cứ sang Sở,

để rồi tống chung vua Sở, rồi trở về. Thế là được lòng cả dân Sở. Trước mười năm tới, Sở thôi, không còn ảnh hưởng gì với chư hầu, dân ta sẽ yên vui. Tì Táo nói: Thiên tử và vua Sở sẽ chết cả hai. Sao Tuế năm nay lại rời ngôi vị, lạc vào ngôi vị sang năm. Lại phạm vào đuôi sao Điểu. Nhà Chu và nước Sở sẽ có nạn.

Tháng chín, Trịnh Du Cát, sang Tấn báo cáo là vua Trịnh sửa soạn chầu vua Sở theo minh ước Tống. Tử Sản theo Trịnh Bá sang Sở. Dựng quán xá, nhưng không đắp đàn (đàn: mô đất cao). Tùy tùng người Trịnh có nói: Xưa, đại phu, khi theo vua ra nước ngoài, thì bao giờ cũng có đắp đàn. Từ xưa đến nay, các đại phu đều theo lệ đó. Nay ngài chỉ cho dựng lều cỏ, có lẽ không nên. Tử Sản đáp: Nước lớn tới nước nhỏ thì đắp đàn. Nước nhỏ tới nước lớn thì chỉ dựng một lều tranh. Đắp đàn làm gì. Kiều tôi nghe nói, vua nước lớn tới nước nhỏ, có năm thứ quý: 1) hoãn hình phạt, 2) xá tội lỗi, 3) giúp hoạn nạn, 4) thưởng vua về ân đức, về hình phạt, 5) dạy cho biết các điều còn chưa biết. Thế thì nước nhỏ không đến nỗi nguy khốn; đối với nước lớn rất là cam phục. Vì những lẽ ấy mới đắp đàn lên, để làm sáng tỏ công đức vua nước lớn, tuyên cáo cho người đời sau là chăm về đức. Còn như nước nhỏ tới nước lớn thì có năm điều xấu. 1) phải tha những kẻ có tội, 2) phải xin lỗi về những điều thiếu sót trong việc chính trị, 3) tuân theo lệnh người, 4) dâng đủ đồ cống hiến, 5) tuân theo mệnh lệnh từng mùa. Còn chưa đủ. Phải có nhiều lễ vật để mừng vua nước lớn, khi có việc mừng, để chia buồn với vua nước lớn khi có việc buồn. Tất cả đều là tai họa cho vua nước nhỏ. Thế là lập đàn để cho rõ tai họa hay sao. Trong các điều răn dạy con cháu, dòng dõi, không nên nói đến tai họa.

冬 齊 慶 封 來 奔

ĐÔNG, TỀ KHÁNH PHONG LAI BÔN

MÙA ĐÔNG, TỀ KHÁNH PHONG CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Tề Khánh Phong ham đi săn, thích uống rượu. Giao việc nước cho con là Khánh Xá, chỉ coi đại cương. Nhiều vợ. Đem một số đông tới ở nhà Lư Bồ Miết, tha hồ tửu sắc. Mệnh lệnh

ban hành từ nhà Lư Bồ Miết, chứ không phải ở dinh cũ. Khánh Phong tha cho về nước tất cả những kẻ đã chạy trốn vì bị ghép tội phản, khi nhận được lời xin cho về. Vì thế Lư Bồ Quý được về. Quý làm gia thần cho Khánh Xá, được bế sủng. Xá gả con gái cho. Một gia thần của Khánh Xá bảo Lư Bồ Quý rằng: Chồng phải khác họ vợ, sao ông không tránh lấy vợ đồng tông (họ Khánh và họ Lư Bồ đều là dòng dõi họ Khương) Quý đáp: Có phải chỉ có tôi tránh được đâu. Tôi như người đã nhận và đã hát một thiên trong bài thi ca. Tôi đã xin và đã nhận. Tôi còn dám nghĩ đâu đến đồng tông.

Quý nói với Khánh Xá về Vương Hà. Vương Hà được về. Quý và Hà thành cận thần của Khánh Xá, được hầu cạnh, cầm giáo, hoặc đi trước, hoặc đi sau. Mỗi ngày ở cung vua Tề (dưới quyền cai quản của Khánh Phong), bữa ăn dọn hai con gà cho mỗi Khanh, đại phu. Một bữa, nhà bếp lấy vịt thay gà. Bọn bếp phụ bỏ cái, chỉ dọn nước (bọn bếp thông đồng với Vương Hà và Lư Bồ Quý để làm cho Khanh, đại phu ghét Khánh Phong), Tử Nhã và Tử Vĩ giận. Khánh Phong bảo với Lư Bồ Miết là hai người giận. Lư Bồ Miết nói: Nếu họ là súc vật thì tôi đã ăn thịt, rồi lấy da làm đệm. Khánh Phong sai Tích Quy Phủ cáo với Án Bình Trọng. Án Bình Trọng nói: Người nhà của tôi không dùng được việc gì. Trí của tôi không nghĩ ra mưu gì. Tôi không dám bàn. Tốt hơn hết là lập minh ước. Tử Gia (Tích Quy Phủ) nói: Ngài cứ nói cho một lời, cần gì thề. Tích Quy Phủ nói với Bắc Quách Tử Xa. Tử Xa nói: Mỗi người có một tài giúp vua. Tá tôi đây không làm được việc này. Trần Văn Tử bảo con là Hoàn Tử rằng: Họa sắp tới. Liệu ta có phần không. Hoàn Tử đáp: Ta sẽ được trăm xe củi mà Khánh Phong nhặt được ở ngoài ngã sáu. Văn Tử nói: Vậy ta chỉ cần phòng thủ cẩn thận thôi.

Lư Bồ Quý, Vương Hà, bói về việc đánh họ Khánh. Cho Tử Chi (Khánh Xá) coi và nói: Đây là người ta coi có nên đánh kẻ thù không, xin ngài coi quẻ. Tử Chi đáp: Chắc là thắng. Tôi trông thấy vết máu. Mùa đông, tháng 10, Khánh Phong đi săn ở đất Lai. Trần Vô Vũ đi theo. Ngày Bính Thìn, bố là Văn Tử cho gọi Vô Vũ về. Vô Vũ xin phép Khánh Phong nói: Mẹ tôi

đau nặng. Khánh Quý (Khánh Phong) bói đưa cho Vô Vũ coi và nói: Mẹ chết rồi. Vô Vũ bưng mai rùa, khóc. Khánh Phong cho ra về. Khánh Tự (trong họ Khánh Phong) nghe chuyện nói: Họa đến nơi rồi. Mới khuyên Khánh Phong ra về ngay và nói: Một họa lớn sẽ tới vào kì tế Thường mùa thu, xin ngài về, còn có thể kịp. Khánh Phong không nghe, không về. Tử Tức (Khánh Tự) nói: Ngài nguy rồi. May ra, còn tới Ngô hay Việt được. Trần Vô Vũ, khi về, qua sông, phá cầu, và phá thuyền.

Lư Bồ Khương (con gái Khánh Xá, vợ Lư Bồ Quý) bảo chồng: Chàng có việc gì, sao không cho tôi biết, chắc không thành công. Quý mới nói thật. Khương nói: Cha tôi nghĩ sao làm vậy. Nếu không có ai giữ lại ở nhà thì tự ý không ở nhà. Xin chàng giữ cho. Quý nói: Tôi cũng muốn thế.

Đến tháng 11, ngày Ất Hợi, có thu tế ở miếu Thái Công, Khánh Xá muốn dự tế. Con gái là vợ Quý bảo cho biết là sẽ có loạn, cố giữ bố ở lại nhà. Bố không nghe, nói, còn ai dám đánh ta, rồi cứ tới. Ma Anh thay thần chủ. Khánh Hiệt dâng tuần rượu đầu. Lư Bồ Quý, Vương Hà cầm giáo đứng bên Khánh Xá. Họ Khánh đặt quanh cung vua giáp binh của họ. Các nô bộc nhà họ Trần và họ Bào diễn trò vui. Ngựa của họ Khánh có tính hay lồng. Các giáp sĩ họ Khánh mới cởi giáp, buộc lại ngựa rồi uống rượu, ra xem trò vui, diễn ở Ngư Lí. Quân nhà họ Loan, họ Cao, họ Trần, họ Bào, xen lẫn vào đám quân họ Khánh, Tử Vĩ rút một cái đòn tay đập ba lần vào cánh cửa (để ra hiệu). Lư Bồ Quý đâm Tư Chi (Khánh Xá) vào lưng. Vương Hà đâm một nhát giáo nữa, rời hẳn vai phải ra. Khánh Xá nhờ một đòn tay, còn lê tới dưới nóc cung, cầm một bình đặt trên bàn ném chết được một người. Rồi chết. Bọn giặc còn giết Khánh Thằng và Ma Anh. Vua sợ. Bào Quốc nói: Quần thần chính vì nhà vua mà hành động. Trần Tu Vô đưa vua về cung. Vua thay áo tế, đi vào nội cung. Khánh Phong khi trở về quốc đô, giữa đường gặp người báo loạn. Ngày Đinh Hợi, đánh vào cửa tây thành. Không được. Đánh tới cửa bắc. Được. Vào được thành. Rồi đánh vào nội cung. Không được. Mới rút lui. Xếp quân thành hàng, ở đường Nhạc. Rồi khiêu chiến. Không ai ứng chiến. Thế là chạy tới Lỗ.

Khánh Phong biếu Quý Vũ Tử một cỗ xe đẹp bóng lộn như

gương soi. Đại phu Lỗ là Triển Trang Thúc trông thấy nói: Xe bóng quá. Chủ tất suy nhược. Khổng Tử thì Vong (vong là đi biệt xứ, cũng như tử) Thúc Tôn Mục Tử thết tiệc Khánh Phong. Các phần tế nhận được, Khánh Phong phát đi cả. Mục Tử không bằng lòng, sai ca thiên Mao Si (ý chê người bất kính). Khánh Phong không hiểu.

Sau đó, người Tề tới trách sao Lỗ lại dung nạp Khánh Phong. Khánh Phong mới chạy sang nước Ngô. Câu Dư nước Ngô cho đất Dư Phương. Khánh Phong họp tất cả gia tộc ở đó. Thành ra giàu hơn trước. Tử Phục Huệ Bá nước Lỗ nói với Thúc Tôn rằng: Trời muốn như làm giàu cho kẻ bậy. Khánh Phong nay lại giàu có. Mục Tử đáp: Của ban cho người hay thì gọi là thưởng. Của ban cho người dở gọi là của tai họa. Trời cho Khánh Phong tai họa. Người và của cùng họp ở đó, rồi sẽ cùng chết.

Phụ lục Tả Truyện - Ngày Quý Tỵ, Thiên Vương mất. Cáo phó chưa tới lỗ, chưa ghi vào thẻ. Thế là đúng lễ nghi.

Khi có loạn họ Thôi, thì các công tử tản mát mọi nơi. Cho nên, Sừ ở Lỗ, Thúc Tôn Hoàn ở Yên. Giả ở gò Câu Độc. Khi họ Khánh trốn ra ngoài, thì Tề Cảnh Công mới gọi các Công Tử về, ban cho các đồ dùng, và trả lại cho ruộng ấp. Cho Án Tử đất Bội Diện và 60 Bi (mỗi Bi là bốn tỉnh). Án Tử từ chối. Tử Vĩ hỏi, của thì ai chả thích sao riêng ngài không muốn có. Án Tử đáp: Ấp ruộng của họ Khánh đủ làm cho người ta thèm, cho nên mới bị đuổi. Ruộng đất tôi nay không đủ làm cho người ta thèm. Nếu lại thêm vào đất Bội Điện, thì tôi sẽ nguy. Khi biệt xứ, không chắc coi nổi một khoảng bốn tỉnh (tỉnh, coi lại chữ tỉnh điền). Từ chối Điện, không phải là tôi ghét giàu, chính là vì tôi sợ mất giàu. Sự giàu có cũng như tấm vải hay tấm lụa, khổ rộng phải đúng kích thước, không được thay đổi. Khi dân sung túc, thì cần lấy đức làm khổ rộng. Đức làm cho khỏi khinh mạn, kiêu căng. Thế gọi là định mức độ cho giàu có. Người mà giàu quá thì tự hại. Tôi không dám tham lam. Thế tôi gọi là tự định lấy mức độ.

Vua Tề cho Bắc Quách Tá 60 Bi (240 tỉnh). Tá nhận. Vua Tề cho Tử Nhã ấp. Tử Nhã chỉ xin một ít thôi. Vua Tề cho Tử Vĩ ấp. Đầu tiên nhận, sau dần dần trả hết. Vua cho là hai người

trung, đặc biệt quý mến. Cho Lư Bồ Miết ra ở Bắc Cảnh, muốn tìm xác Thôi Trữ để trừng phạt, nhưng không được. Thúc Tôn Mục Tư ở Lỗ nói: Thế nào vua Tề cũng được xác. Vũ Vương có mười người hiền để trị nước. Thôi Trữ liệu có mười người không. Phải có đủ mười người mới chôn được. Một gia thần họ Thôi nói: Nếu cho tôi tấm ngọc bích Thôi Tử vẫn thường cầm, thì tôi chỉ cho cứu. Thế là Vua Tề được xác Thôi Trữ. Tháng 12, ngày Ất Hợi, dân Tề cải táng Trang Công, mà Thôi Trữ đã cho chôn vùi, khiêng tới cung Đại Tẩm, khâm liệm lại, rồi cho vào quan mới. Còn xác Thôi Trữ thì phanh ra chợ, và áo quan cũ của Trang Công đặt bên cạnh thây. Dân đến nhìn nhận được là xác Thôi Trữ. Bội Điện, là biệt đô của nước Tề.

十 有 一 月 公 如 楚

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CÔNG NHƯ SỞ

THÁNG MƯỜI MỘT, LỖ CÔNG SANG SỞ

Tả Thị - Vì hội thề ở Tống, Lỗ Công, cùng Tống Công, Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, sang Sở. Lỗ Công qua Trịnh. Trịnh Bá không có ở trong nước (hiện đang ở Sở). Bá Hữu đi đón Lỗ Công tại bờ sông Hoàng. Có ý bất kính. Mục Thúc (theo Lỗ Công) nói: Nếu Bá Hữu không bị tội ở Trịnh thì Trịnh sẽ có lỗi lớn. Kính là điều cốt yếu để làm chủ dân. Nếu vua mà bỏ kính thì nối giữ sao được nghiệp tiên quân. Khi rau tần, rau tảo mọc ở bờ sông, ở hồ ao, khe ngòi, nếu các rau ấy được đặt vào miếu, để sung vào đồ tế tự, các cung nữ phải xếp đặt ngay ngắn. Thế là kính. Kính bỏ sao được.

十 有 二 月 甲 寅 天 王 崩

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, GIÁP DẦN, THIÊN VƯƠNG BĂNG

THÁNG 12, NGÀY GIÁP DẦN, THIÊN VƯƠNG MẤT

Tả Thị - Người của Vua tới cáo tang. Hỏi ngày mất. Báo là ngày giáp Dần. Cho nên cứ thế chép. Để chứng thực là nhầm.

乙 未 楚 子 昭 卒

ẤT MÙI, SỞ TỬ CHIÊU TỐT

NGÀY ẤT MÙI, SỞ TỬ TÊN LÀ CHIÊU MẤT

Tả Thị - Khi Lỗ Công đi tới sông Hán, thì được tin Sở Khang Vương mất. Lỗ Công muốn trở về Lỗ. Thúc Trọng Chiêu Bá nói: "Ta tới Sở là vì cả nước Sở, chứ không phải vì một người". Tử Phục Huệ Bá nói: Quân tử lo xa, tiểu nhân trông thấy gần. Ai là người đã không nghĩ được đến người đói khát hiện nay ở gần mình, mà lại ung dung chỉ nghĩ đến tương lai. Bây giờ tốt hết là trở về Lỗ. Thúc Tôn Mục Tử nói: Thúc Trọng Tử là người cố vấn rất khôn ngoan. Tử Phục Tử chỉ là người mới tập sự. Vinh Thành Bá nói: Người lo xa là người trung. Thế là Lỗ Công cứ đi tới Sở. •

Hướng Thú nước Tống nói: Ta đã định đi, chỉ là vì một người, chứ không vì cả nước Sở. Ai là người không thể cứu được kẻ đói khát trước mắt mà lại đi thương nước Sở. Bây giờ hãy trở về Tống để cho dân yên. Đợi cho dân Sở có vua mới, Rồi ta sẽ sửa soạn sang Sở. - Thế là vua Tống trở về Tống.

Phụ lục Tả Truyện - Sở Khuất Kiến mất. Triệu Văn Tử nước Tấn dự tang, như là hai người đã có minh ước ở Tống. Thế là đúng lễ nghi. Năm Đinh Ty. Vua Cảnh Vương năm đầu.

二 十 有 九 年

NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 29

Tấn Bình, năm thứ 14. Tề Cảnh, năm thứ 4. Vệ Hiến, năm thứ 33. Sái Cảnh, năm thứ 48. Trịnh Giản, năm thứ 22. Tào Vũ, năm thứ 11. Trần Ai, năm thứ 25. Kỉ Văn, năm thứ 6. Tống Bình, năm thứ 32. Tần Cảnh, năm thứ 33. Sở Giáp Ngao Khuân năm đầu. Ngô Dư Sái, năm thứ 4.

春王正月公在楚

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TẠI SỞ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG Ở SỞ

Tả Thị - Năm thứ 29, Mùa xuân, Vương, Tháng giêng, Lỗ Công ở Sở. Kinh Xuân Thu chép thế để cho rõ: dù là ngày tết, vua Lỗ cũng không có tới Miếu Sở để cúng tiên quân mình. Các quan Sở bảo vua Lỗ thân tới đưa đồ áo khâm liệm. Vua Lỗ ngại, Mục Thúc nói: Cho chức Vu Chúc bạt trừ bất tường đã (y như lễ vua tới viếng bầy tôi chết). Rồi nhà vua sẽ đưa áo, cũng như là trình bày ở triều các lụa vóc cống hiến. Vị quan Vu Chúc mới được sai tới cầm cành đào làm phép trừ khử bất tường. Quan Sở không ngăn, nhưng sau có hối (hối vì vua Lỗ đã coi vua Sở như một bầy tôi).

Phụ lục Tả Truyện - Tháng hai, ngày Quý Mão người Tề chôn Trang Công ở Bắc Quách.

Mùa hạ, tháng tư, lễ chôn Sở Khang Vương. Lỗ Công cùng Trần Hầu, Trịnh Bá, Hứa Nam, dự lễ tống táng, đi tới ngoài cửa tây thành. Đại phu các chư hầu đi cho tới mộ. Giáp Ngao con Sở Khang Vương còn bé, lên ngôi. Vương Tử Vi (em Khang Vương) làm Lệnh Doãn. Chức Hành nhân nước Trịnh là Tử Vũ nói: Giáp Ngao và Vi không thể hòa được. Chắc là Vi sẽ đổi Giáp Ngao mà sẽ được. Dưới tùng bách, cỏ không mọc được.

Công Thị - Sao chép là Lỗ Công tại Sở. Là ý vẫn có vua vẫn có cả chữ tháng giêng.

Cốc Thị - Thương Lỗ Công.

Kim Hiến - Công Dương bàn sao lại chép Lỗ Công tại Sở. Tháng giêng là nhớ đến vua. Cốc Lương thì bàn là thương vua. Hồ Văn Định thì bàn là đặc biệt chép nơi vua ở, là nhờ nói về vua. Riêng tôi, tôi cho là dù nhớ dù thương, cũng vẫn là buộc tội Lỗ Công. Sao lại đi chầu Sở. Ở ngôi 30 năm rồi, chưa nghe nói có Kinh sư lần nào, cho nên bảo là buộc tội Lỗ Công vậy.

夏 五 月 公 至 自 楚

HẠ, NGŨ NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ SỞ

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, LỖ CÔNG Ở SỞ VỀ

Tả Thị - Lỗ Công về tới Phương Thành, họ Quý Tôn đã chiếm ấp Biện, sai Công Dã đi đón vua. Rồi cho người theo giữa đường, giao cho Công Dã một phong thư, bảo Công Dã đưa cho vua. Trong thư nói: Tôi nghe nói Trấn Thủ ấp Biện làm phản, tôi đã lấy quân riêng đi trị tội, đã lấy được. Xin báo. Công Dã làm xong sứ mệnh, lui ra, (không được biết trong thư nói gì). Về đến nơi nghỉ, Lỗ Công mở thư, coi, mới biết Quý Tôn đã chiếm ấp Biện. Công nói: Muốn chiếm, vu cho là phản. Thực là coi ta như người lạ. Hỏi Công Dã, ta có được vào nước không. Đáp: Nước của nhà vua, ai dám trái ý. Lỗ Công mới ban cho Công Dã mũ áo hàng Khanh. Công Dã cố từ chối. Công cố ép phải nhận. Công muốn không vào nước. Vinh Thành Bá ngâm thơ Thức Vi Kinh Thi. Công mới vào.

Tháng năm, Lỗ Công từ Sở tới. Công Dã trả hết ấp ruộng cho nhà họ Quý, mà không bao giờ tới nhà họ Quý nữa. Có nói: Vũ Tử đã dối vua, sao lại còn sai tôi đi sứ. Khi Quý Tôn tới nhà, thì Công Dã nói chuyện về việc ruộng đất họ Quý như trước. Ngoại dịp đó, thôi không bao giờ nói tới. Khi ốm, họp gia thần lại bảo: Ta mà chết, đừng có mặc áo, đội mũ của vua cho bữa trước, vua cho, không phải để thưởng đức độ ta đâu. Và cũng đừng để cho họ Quý trông nom việc chôn ta.

Cốc Thị - Đây là Mừng. Có lễ cáo miếu. Lo thấy đi. Mừng thấy về. Đó là ý nghĩa việc lễ cáo miếu.

Tôn Phục - Công lưu tại Sở tới bảy tháng.

Lưu Sưởng - Cốc Lương đã bàn sai. Không phải thế. Lỗ Công sang Tấn, sang Tề, mà lễ cáo miếu cũng nhiều, thì có gì là mừng. Vả lại coi trong Xuân Thu, Lỗ Công đi ra không phải lần nào cũng có lễ khi về. Còn như tôi con, chả nhẽ khi thì mừng, khi thì không mừng hay sao.

庚 午 衛 侯 𠣾 卒

CANH NGỌ, VỆ HẦU KHẢN TỐT

NGÀY CANH NGỌ, VỆ HẦU TÊN LÀ KHẢN MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Khi lễ chôn Linh Vương, các quan khanh ở nước Trịnh đều bận việc. Tử Triển mới sai Ấn Đoàn sang Chu dự lễ. Bá Hữu chê là còn ít tuổi không được. Tử Triển nói: Cho một người ít tuổi đi, còn hơn là không cho ai đi. Kinh thi có câu: Việc vua chưa xong, ta không được nghỉ, khắp bốn phương ai dám yên vui. Vậy khắp bốn phương, ai là nghỉ được. Ta có phận sự làm cho Tấn, Sở được kiên cố. Ta thế là làm rào giậu cho nhà vua. Việc nhà vua không trễ nải được. Tuổi nhiều ít có làm gì. Thế là Tử Triển sai Ấn Đoàn sang Chu.

閽 弒 吳 子 餘 蔡

HÔN THÍ NGÔ TỬ DƯ SÁI

CHỨC LẠI LỆ CANH CỬA GIẾT NGÔ TỬ DƯ SÁI

Tả Thị - Người nước Ngô đánh nước Việt bắt được tù binh, cho một tên làm chức canh cổng, và sai coi giữ thuyền. Vua Ngô Dư Sái ra coi thuyền. Tên canh cổng cầm dao giết chết.

Phụ lục Tả Truyện - Ở Trịnh, Tử Triển mất, con là Tử Bì nối thay chức vị. Khi đó, nước Trịnh bị nạn đói, lúc mạch chưa gặt được. Dân khổ. Tử Bì theo mệnh trước của Tử Triển, phát chẩn cho dân, cứ mỗi nhà là một chung (xem từ điển). Thế là được lòng dân. Cho nên Chương họ Hãn (họ Tử Bì) đều đời đời cầm quyền chính, giữ chức Thượng Khanh. Quan Tư Thành nước Tống là Tử Hãn, nghe chuyện nói: "Nước ta ở sát cạnh, dân ta mong chúng ta bắt chước". Nước Tống cũng bị đói. Theo lời xin của Tử Hãn, vua Tống là Bình Công lấy thóc công ra cho dân vay, rồi sai các đại phu cũng phải cho vay. Quan Tư Thành cho vay nhưng không biên chép việc vào thẻ (nghĩa là sử, giấy xưa), không biên chép vì không cho là một công to, và cho vay thay cho đại phu, đại phu còn có gì. Thành ra ở Tống

dân không đói. Thúc Hướng nước Tấn nghe chuyện nói: Họ Hãn nước Trịnh, họ Nhạc nước Tống sẽ lâu dài hơn các họ khác. Cả hai cùng giữ chính quyền. Dân đã phục tòng. Họ Nhạc lại hơn họ Hãn, chắc là cùng với Tống hưng vong.

Công Thị - Chức canh cửa có tên là Hôn, hoặc tên là Hình Nhân, là hàng lại lệ, hoặc kẻ có tội. Vậy không là người như người thường. Người trên không nên gần. Gần là khinh rẻ sự sống chết của mình.

Cốc Thị - Chức Hôn là chức giữ cổng, là Tự nhân, không có chép tên họ. Hôn không coi ngang với người. Không chép là giết vua, vì đã là Hôn thì không được quyền thờ vua. Vua không sai bảo hạng đó. Không có gần Hình nhân, không đánh nhau, không thù oán. Đã khinh, thì không có quý. Đã quý thì không phải là Hình nhân. Đã là Hình nhân thì không gần. Rất hèn mà lại phạm được đến Ngô Tử, là vì Ngô Tử gần Hình nhân. Hôn mà giết Ngô Tử Dư Sái, là giết kẻ thù.

Gia Huyền Ông - Kinh Xuân Thu mà chép, là cho biết, họa sinh ra, ở trong lúc thảng thốt. Trong các vua, có vua Ngô là hay khinh thường rồi bị họa: Át chết ở Sào; Dư Sái chết ở tay Hôn. Liêu chết ở tay Chuyên Chư. Kinh chép để răn dạy đời sau.

仲孫羯會荀盈齊高止宋華定衛世叔儀鄭公孫段曹人莒人滕人薛人小邾人城杞

TRỌNG TÔN YẾT HỘI TUÂN DOANH, TỀ CAO CHỈ, TỐNG HOA ĐỊNH, VỆ THẾ THÚC NGHI, TRỊNH CÔNG TÔN ĐOÀN, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN, THÀNH KỈ

TRỌNG TÔN YẾT HỘI VỚI TẤN TUÂN DOANH, TỀ CAO CHỈ, TỐNG HOA ĐỊNH, VỆ THẾ THÚC NGHI, TRỊNH CÔNG TÔN ĐOÀN, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI TIỂU CHÂU, ĐỂ XÂY THÀNH NƯỚC KỈ

Tả Thị - Tấn Bình Công, mẹ là người nước Kỉ. Cho nên giúp Kỉ. Tháng sáu, Trí Điện Tử (Tuân Doanh) họp đại phu các chư

hầu để xây đắp thành nước Kỉ. Mạnh Hiếu Bá có trong hội. Tử Thái Thúc, cùng Bá Thạch tới hội, vào yết kiến Thái Thúc Văn Tử (Vệ Thế Thúc Nghi) cùng nói chuyện. Văn Tử nói: Xây thành Kỉ thật là một việc tôi không hiểu. Tử Thái Thúc nói: Sao Tấn không cứu Chu, khi Chu cần được cứu, mà lại đi làm rào giậu cho con cháu nhà Hạ (nước Kỉ). Thực ra là Tấn đã bỏ hết họ Cả. Như thế còn ai theo Tấn. Ngay như Cát tôi thường nghe nói, bỏ người thân, cầu người sơ, thế gọi là bỏ đức, trong Kinh Thi có câu: Họ có các cuộc hội với láng giềng, và buộc kết với thân thuộc bằng hôn nhân. Tấn không được là láng giềng tốt thì ai dám theo.

Cao Tử Dung nước Tề, và Tư Đồ nước Tống yết kiến Tri Bá nước Tấn. Nhữ Tề giữ chức Tướng Lễ (theo Tri Bá về việc tiếp khách). Khi hai vị khách đi ra. Nhữ Tề (Tư Mã Hầu) nói với Tri Bá: Hai người đều không khỏi họa. Tử Dung thì tự phụ. Tư Đồ thì ngông nghênh. Cả hai sẽ hại cho gia tộc họ. Tri Bá hỏi tại sao. Đáp: Tự phụ thì đi nhanh tới chỗ chết. Ngông nghênh thì hao mòn sức lực, dần dần tự mình hại mình. Tự phụ thì bị kẻ khác hại. Hại sẽ chóng tới.

Cốc Thị - Đời xưa, Thiên Tử phong cho chư hầu. Đất vừa cho dân ở. Dân vừa đủ để giữ thành. Nước Kỉ nguy mà không tự giữ nổi, cho nên đại phu chư hầu cùng gióng giả để xây thành cho. Thế là chính một việc biến.

Uông Khắc Khoan - Tề Hoàn Công giúp Kỉ mà xây thành Duyên Lăng. Tuy là tiếm quyền Thiên Tử phong chư hầu, nhưng được đúng nghĩa vị phương Bá cứu nước có nạn. Việc thì chuyên quyền, mà tâm thì công tâm. Cho nên Kinh Xuân Thu chép là chư hầu đắp thành Duyên Lăng, lược qua chư hầu chứ không kể rõ từng nước. Mà cũng không chép là đắp thành nước Kỉ, chỉ chép là đắp thành Duyên Lăng, là để tránh chuyên quyền. Tấn Bình Công đã giúp nước Kỉ, lại họp đại phu các chư hầu để sửa sang thành quách cho nước thân riêng với mình. Thế không phải là việc làm cứu tai giúp nạn, vì tâm đã riêng mà việc thành trái rồi. Cho nên Kinh Xuân Thu liệt kê đủ tên đại phu dưới một nước, chép là đắp thành nước Kỉ. Là để rõ một việc bậy.

Xét - Tấn Bình riêng vì nước họ nhà mẹ, phiền đến chư hầu để đắp thành. Bá nghiệp thế là suy. Tấn Nhữ Thúc và đại phu Trịnh Vệ đều chê. Cho nên Kinh chép đắp thành nước Kỉ để rõ là chê. Cốc Lương cho là chính việc biến là bàn sai.

晉侯使士鞅來聘
TẤN HẦU SỬ SĨ ƯỞNG LAI SÍNH
TẤN HẦU SAI SĨ ƯỞNG TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Phạm Hiến Tử tới lễ sính, tạ ơn việc đắp thành nước Kỉ. Lỗ Công thết tiệc. Triền Trang Thúc thay Công tặng cho lụa. Trong bữa tiệc có sáu xạ công chia làm ba đội đứng bắn. Người trong cung không đủ, phải lấy thêm các người gia thần là Triền Hà, Triền Ngọc Phủ, Công thần thì có Công Vu Thiệu, Bá Trọng và Nhan Trang Thúc. Tăng Cổ Phủ và Đáng Thúc.

杞子來盟
KỈ TỬ LAI MINH
KỈ TỬ TỚI THỀ

Tả Thị - Tấn Hầu sai Tư Mã Nhữ Thúc Hầu tới Lỗ về việc tra lại nước Kỉ các ruộng đất do Lỗ chiếm. Nhưng Tấn Hầu không trả cả. Tấn Điệu phu nhân (mẹ Bình Công, con gái Kỉ) giận nói: Tề (Nhữ Thúc) đã nhận hối lộ của Lỗ. Lỗ Công nói với Thúc Hầu. Thúc Hầu nói: Các vua tám nước, Ngu, Quắc, Tiêu, Hoạt, Hoắc, Dương, Hàn, Nguỵ đều là họ Cơ (Tấn đã diệt cả tám nước). Vì thế Tấn mới thành nước lớn. Nếu không chiếm các nước nhỏ, thì còn có gì. Từ các vua Vũ Công, Hiến Công trở đi, Tấn đã chiếm nhiều nước. Có ai ngăn cản được. Vua Kỉ là sót lại các vua hạ, gần Đông Di. Vua Lỗ thì dòng dõi Chu Công mà thân thiện với Tấn. Gia phong đem Kỉ cho Lỗ cũng được. Không trả Kỉ tất cả đất ruộng thì có gì là hại. Lỗ vẫn cống hiến Tấn không sai trễ. Các đồ lễ vật tới từng mùa. Vua Lỗ, các vị khanh, đại phu kế tiếp tới chầu Tấn. Tấn sử biên chép luôn các cống vật.

Không kho tàng nào của Tấn không để một thứ của Lỗ. Còn gì bằng. Nay sao lại bớt của Lỗ đi để thêm vào cho Kỉ, sao để Lỗ gầy, Kỉ béo. Tiên quân Tấn vốn sáng suốt. Công bình ra, thì nên trách phu nhân hơn là trách lão thần.

Kỉ Văn Công tới Lỗ thề về việc ruộng đất. Xuân Thu chép là Kỉ Tử cho Kỉ là kém.

吳子使扎來聘

NGÔ TỬ SỬ TRÁT LAI SÍNH.

NGÔ TỬ SAI TRÁT TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Công tử Trát nước Ngô tới lễ sính. Rồi yết kiến Thúc Tôn Mục Tử, rất vui thích nói: Ngài sẽ bất đắc kì tử. Ngài thích người hay, nhưng không biết chọn người tài. Tôi nghe nói, người quân tử cẩn ở việc chọn người. Ngài là họ nhà vua lại là vị khanh cầm quyền chính. Nếu không để ý, không cẩn thận đến việc cất nhắc người trong mọi nhiệm vụ, thì sao gánh nổi công việc được. Ngài sẽ có họa.

Trát xin được coi Chu nhạc. Vua Lỗ sai Nhạc Công tấu các bài Chu Nam, Thiệu Nam. Trát nghe xong nói: Hay quá, đó là mối giường, tuy chưa được hoàn toàn, nhưng cần cù mà không oán. Nghe ca đến Bội, Dung, Vệ, thì nói: Hay quá, sâu sắc, lo mà không khổ. Tôi nghe nói đức của vua Vệ Khang Thúc, của Vũ Công được như thế, đó là Vệ Phong. Nghe đến Vương thì nói: Đẹp quá, nghĩ ngợi mà không lo sợ, đó là tiếng Chu khi rời sang đông. Nghe ca Trịnh thì nói: Hay quá, chính sự phiền hà, dân không chịu nổi, khởi đầu bước suy trong các chư hầu. Nghe ca Tề thì nói: Hay quá, đường hoàng thay, giọng ca của một đại quốc. Rõ là Thái Công ở Đông Hải. Vận nước còn dài. Nghe ca đến Bàn thì nói: Hay, vui mà không quá, Chu Công chinh đông chăng. Nghe ca Tần thì nói: Đó là giọng Kinh. Biết dùng giọng kinh là giỏi. Chính là giọng cũ nhà Chu. Nghe ca Nguỵ thì nói: Hay quá, giọng bằng phẳng, cao mà vẫn với tới, hiểm hóc mà vẫn dễ đi, lấy đức mà bồi bổ, phải là minh chủ mới làm được. Nghe ca Đường thì nói: Nghĩ ngợi thâm thúy thay. Nghe như

dân Đào Đường còn sót lại. Không thế sao lại biết lo xa thế, không phải là đức lớn còn truyền, ai lại được như thế. Nghe ca Trần thì nói: Nước không có chủ lâu sao được. Tự ca Cối trở đi, thì thôi không phải bàn nữa. Nghe ca Tiểu Nhã thì nói: Hay quá, nghĩ Chu mà chưa quên Trụ, oán mà không nói, đức nhà Chu mới chớm lên. Còn thấy phong độ dân đời tiên vương. Nghe ca Đại Nhã thì nói: Rộng rãi thay, vui vẻ thay. Khuất khúc mà vốn trung chính, hẳn là đức độ Văn Vương. Nghe ca Tụng thì nói: Rõ ràng đến nơi đến chốn, thẳng mà không kiêu, cong mà không cúi, gần mà không áp bức, xa mà không chia cách, biến mà không hỏng, thay đổi mà vẫn thủy chung, buồn mà không sầu, vui mà không bậy, dùng mà không hết. Đức rõ ràng mà không tuyên dương. Cho mà không phí. Lấy mà không tham. Cất mà không tích trữ, đi mà không trôi. Năm thanh hòa. Tám điệu bình. Có tiết tấu, mực độ. Thịnh đức trong các bài Tụng đều như nhau.

Khi coi múa. Coi điệu Tương Sóc, điệu Nam Thược thì nói: Đẹp quá, còn có vẻ tiếc. Thấy múa điệu Đại Vũ thì nói: Đẹp thật, nhà Chu đương thịnh. Nhưng chỉ thịnh thôi ư. Thấy múa điêu Thiều Hộ thì nói: Thánh nhân đức độ bao la mà vẫn như ân hận, mới biết thánh nhân xử biến cũng thấy khó. Thấy múa điệu Đại Hạ thì nói: Đẹp thật, chuyên cần mà không khoe đức, chẳng phải vua Vũ thì ai được thế. Thấy múa điệu Thiều Sóc thì nói: Đức thật là đến nơi, thật là lớn, như trời không có chỗ nào không che, đất không có chỗ nào không chở, không còn có đức nào thêm vào đó được nữa.

Xin thôi coi. Nếu còn bản nhạc nữa, tôi cũng xin thôi, không dám xin coi nữa.

Trát đi lễ sính các nước, để cho tự quân Ngô được các nước biết. Cho nên từ Lỗ đi tới Tề. Rất quý Án Bình Trọng, bảo rằng: Ngài nên kíp trả ngay cho vua ấp ruộng, và xin từ chức đi, không có ấp, không có chức, thì được thoát các nạn sẽ tới. Chính trị nước Tề sẽ được giao cho người có tài. Nhưng trong khi chưa có người đó, thì Tề sẽ lắm tai nạn. Án Tử nhân nhờ Trần Hoàn Tử mới trả được chức và ấp. Cho nên thoát được nạn do họ Loan, họ Cao xẩy ra.

Trát tới Trịnh lễ sính, yết kiến Tử Sản, cùng nhau, như lâu ngày, gặp bạn cũ. Trát biếu Sản một cái đai bằng lụa trắng trơn. Sản biếu Trát một chiếc áo dệt gai. Trát bảo Tử Sản: Vị cầm quyền chính ở Trịnh (Bá Hữu) xa xỉ. Tai nạn sẽ tới. Ngài chắc là cầm quyền, khi đó, xin cứ theo đúng lễ nghi, nếu không thì nước Trịnh sẽ bại vong.

Trát đi tới Vệ. Rất ưa mến Cừ Viện (Cừ Bá Ngọc), Sử Cẩu, Sử Thu, Công Tử Kinh, Công Thúc Phát, Công Tử Triều. Có nói: Nước Vệ có nhiều quân tử, chưa có gì đáng lo.

Từ Vệ Trát đi tới Tấn. Vừa định nghỉ đêm tại đất Thích, thì nghe tiếng nhạc chuông. Trát nói: Lạ thật, tôi nghe nói: Tranh giành nhau mà thất đức thì bị chết. Phu Tử đây có tội với vua, cho nên tới ở đây, lúc nào mà chả phải sợ. Thế mà còn ca nhạc. Ở đây như tổ chim yến, trên nóc trướng, mà vua Tấn còn đang quàn. Có nên ca nhạc không. Thế là Trát đi khỏi không vào ấp Thích. Khi Văn Tử được các câu đó, thì từ đây cho đến suốt đời không muốn nghe cả đến cầm sắt nữa.

Trát tới quốc đô Tấn, rất thích Triệu Văn Tử, Hàn Tuyên Tử, Ngụy Hiến Tử, nói: Nước Tấn sẽ chia cho ba nhà này chăng. Trát cũng ưa thích Thúc Hướng, khi lên đường còn bảo Thúc Hướng: Ngài cứ cố gắng. Vua thì xa xỉ. Mà lại nhiều người có đức. Các đại phu đều giàu có, được lòng dân. Rồi đây, việc trị nước giao cho các nhà. Ngài thì ưa thẳng. Xin nghĩ đến phương tiện tự thoát nạn.

Khổng Dĩnh Đạt - Từ Trụ Thành lên phía bắc gọi là Bội, Bội Thành ở đông bắc Vệ Huy Phủ. Từ Trụ Thành đi về nam, gọi là Dung. Dung thành ở phía tây huyện Tân Hương. Bân là nước cũ nhà Chu ở đông bắc huyện Tân Bình Tất.

Công Thị - Nước Ngô không có đại phu, tại sao đây lại có. Vì coi Quý Tử là người hiền. Hiền vì biết nhường nước. Cùng với Quý Tử có ba anh em cùng mẹ là Yết, Dư Sái, Di Muội. Quý Tử nhỏ mà có tài. Các anh em đều yêu mến bầu làm vua nối ngôi. Yết nói: Nếu trong lúc thảng thốt, mà đem nước cho Quý Tử, Quý Tử chắc không nhận đâu. Xin đừng cho con, mà cho em. Anh em lần lượt làm vua rồi đến Quý Tử.

Tất cả đều vâng. Cho nên Chư (Chư Phàn làm vua) khinh thường bị chết vì dũng, khi ăn uống thường chúc rằng, trời nếu cho có nước Ngô, thì xin chóng cho ta xong trách nhiệm. Cho nên Yết chết, Dư Sái nối ngôi. Dư Sái chết, Di Muội nối ngôi. Di Muội chết thì nước nên giao cho Quý Tử, Quý Tử mới ra đi. Liêu là con Di Muội nối ngôi. Quý Tử trở về (Liêu sau bị con Chư Phàn là Quang giết, rồi lên ngôi tức là Hạp Lư). Quý Trát khi đó được mệnh đi sứ. Khi về thì Hạp Lư đã lên ngôi. Rồi Hạp Lư xin nhường cho Quý Trát nói: "Tiên quân mà không cho con nối ngôi, mà để cho em nối ngôi là chỉ vì Quý Tử. Nếu như theo mệnh tiên quân thì nước nên giao cho Quý Tử. Nếu như không theo mệnh tiên quân, thì chính ta là nên được lập, chứ sao Liêu lại được làm vua". Vì thế, mới sai tên Chuyên Chư giết Liêu, mà rồi mời Quý Trát làm vua. Quý Tử không nhận nói: "Đã giết vua ta, lại mời ta làm vua, thế thì ra ta cùng ngươi mưu cướp ngôi. Người đã giết anh, ta lại giết ngươi, thế là cha con anh em giết nhau. Ta không thể". Nói rồi, đi ra ở ấp Diên Lăng, suốt đời không trở vào Ngô nữa.

Cho nên người quân tử cho việc không nhận ngôi vua là việc nghĩa, cho việc không giết là nhân.

Cho Quý Tử là hiền, thì sao lại cho Ngô có vua, có đại phu. Vì Quý Tử là bầy tôi, thì nên có vua.

Trát là tên Quý Tử. Theo kinh Xuân Thu, người hiền không gọi tên, Khen Di Địch không phải chỉ riêng một người mà được hiền. Sao lại không riêng một Quý Tử. Khen một bầy tôi, tất có người dùng người bầy tôi ấy. Khen một người con, tất còn có người sai người con ấy.

Cốc Thị - Ngô sao chép tước Tử. Vì đã biết dùng Quý Tử cho nên nâng lên. Chính mình hiền thì được khen là hiền. Biết dùng người hiền thì cũng là hiền. Diên Lăng Quý Tử mà được tiếng hiền thì vua tăng giá trị.

Đỗ Dự - Ngô Tử là Dư Sái đã sai Trát đi lễ sính các nước lớn, mà sau chết. Trát tháng sáu tới Lỗ chưa được tin tang. Chưa xưng là Công Tử vì lễ nghi chưa cùng như các nước lớn.

Khổng Dĩnh Đạt - Ở trên có nói kẻ Hôn giết Ngô Tử. Đây nói Ngô Tử sai đi lễ sính. Truyện thì chép: Đi ra làm các việc lễ sính, để cho các nước biết đến vua nối ngôi. Thế thì nối ngôi ai. Giả Quỳ, Phục Kiền đều cho là Di Muội mới lên ngôi, sai tới Lỗ lễ sính. Xét năm thứ 3, Ẩn Công, Vũ Thị Tử tới xin đồ phúng. Năm thứ 9, Văn Công, Mao Bá tới xin vàng, toàn là không chép chữ Vương sứ, sứ nhà vua. Truyện đều cho là vương chưa có lễ chôn. Do đó, biết rằng, tiên quân mà chưa chôn, thì vua nối ngôi không được sai bầy tôi. Ở đây với việc Hôn giết Ngô Tử chưa đầy tháng, nước Ngô và nước Lỗ xa nhau muôn dặm, đâu có lí trong tháng vua chết, mà sai bầy tôi được mà lại chép được là vua Ngô sai sứ. Vả lại truyện chép: Quý Trát tới Lỗ xem Chu nhạc, tới ấp Thích nghe nhạc, mà chê Tôn Văn Tử rằng, vua còn quàn đã nghe nhạc. Mình thì nghe nhạc, mà chê người nghe nhạc, đại hiền ở đời đâu lại có cử chỉ ấy. Cho nên họ Đỗ mà bảo là để thông tự quân, cho vua mới được thống hiếu, là thông người nối vua là Dư Sái vậy.

Năm thứ 25, Yết bị Sào Ngưu Thần giết, Dư Sái nối ngôi, đến nay mới sai Trát thông với các nước lớn. Ngô Tử khi chưa bị giết sai Trát đi sứ. Đã sai Trát đi, rồi sau mới chết. Trát, tháng sáu tới Lỗ, chưa kịp nghe tin tang, cho nên mọi việc đều theo cát lễ, tức là lễ trong khuôn khổ vui vẻ. Kinh và Truyện đều không nói tháng Trát tới, mà biết là trong tháng 6, là vì đắp thành Kỉ vào cuối tháng 5. Thành Kỉ đắp xong thì có Sĩ Ưởng tới sính, Kỉ Tử tới thề. Nếu là cùng trong tháng, thì không có cả việc được. Mà câu chép sau có chữ thu, mùa thu, thì biết là Trát tới vào tháng 6. Trát đi khỏi, Ngô mới cho cáo tang, cáo là bị giết vào tháng 5. Cho nên chép thêm vào dòng trên dòng chép lễ sính.

Trát là Công Tử mà không chép chữ Công Tử, vì chưa đủ lễ với các nước lớn. Cho nên Sử cũng không chép họ. Coi Trát là Khanh cho nên chép tên vậy.

Tôn Phục - Năm Lỗ Thành Công, năm thứ 6, nước Ngô đánh nước Đàm, là lần đầu Kinh Xuân Thu nói đến nước Ngô. Năm thứ 5, Lỗ Tương Công ở hội Thích, chép là người Ngô. Nay

sai Trát tới sính, thì chép là Tử, tức là khen cho vì chuộng nghĩa mà tới sính, nâng cho, tiến lên cho. Trước kia, chép Hôn giết Ngô Tử Dư Sái mà sau chép Ngô Tử sai Trát tới sính. Ngô Tử sai Trát đi sính, Trát chưa tới Lỗ, thì Ngô Tử bị giết, cho nên trước chép Ngô Tử Dư Sái bị Hôn giết, là chép cho đúng việc được biết khi Trát tới Lỗ, dòng sau, chép Ngô Tử sai Trát tới sính, vì lúc đó Trát tới Lỗ.

Hoàng Trọng Viêm - Họ Hồ bàn là Quý Trát từ việc nước, thánh nhân không cho là phải, cho nên trong kinh Xuân Thu chép Ngô Tử sai Trát tới sính. Không khác gì Sở Tiêu. Xét: bảo rằng không chép họ là chê, thế là không biết rằng cách Xuân Thu ghi chép việc, đều để răn dạy. Chứ không phải bỏ họ là chê, để họ là khen. Từ việc nước, là cái hay của Quý Trát, sai sứ đi là mưu của Ngô Tử, hai việc đó không có liên quan với nhau. Thánh nhân đâu có nhân việc đi lễ sính ở Lỗ mà chê việc từ ngôi.

Quý Bản - Hồ Truyện bàn rằng vì từ ngôi, mà gây ra loạn, cho nên chê. Xét Trát mà từ ngôi là sau việc sính Lỗ năm thứ 29 Lỗ Tương Công. Mà chê thì ở trước năm thứ 29. Đâu lại có chê trước khi có tội đáng chê.

Diêu Thuấn Mục - Việc này với việc Sở Tử sai Tiêu tới Lỗ lễ sính, và Tần Bá sai Thuật tới Lỗ lễ sính, giống nhau. Đọc Xuân Thu, nên trước hết xem, đương thời sai lễ sính về việc gì đã, sai đi sính là vì tình ý gì, rồi sau xem sai đi sính là hạng người nào. Lấy cách đó mà xét việc này, thì cần biết đương thời Tấn và Sở cùng nhau làm minh chủ cho các nước Hoa hạ, các thuộc quốc của hai nước đều phải tương kiến nhau, mà đều không có Ngô dự. Vả lại năm 24, Sở Tử đánh Ngô. Năm 25, Ngô Tử đánh Sở, bị Sở giết nhiều, vì thế Ngô Tử sai Trát tới Lỗ sính rất là ân cần. Dù rằng vì nước, muốn kết viện trợ, nhưng thế là cũng biết đối xử bằng lễ nghi, thì cũng khen được. Cho nên Xuân Thu nâng lên mà chép là Tử, cũng như chữ Tử ở Sở, chữ Bá ở Tần. Còn như Trát mà chép là Trát, thì cũng như Tiêu ở Sở, Thuật ở Tần, đó là cứ theo xử sự mà luận bàn, chứ không theo nhân phẩm. Ý chính là ở Ngô Tử sai đi sính. Bỏ ý chính

ấy đi, chỉ xét một chữ Trát mà bảo rằng tới sính chép tên là Phu Tử đặc biệt chê. Bàn thế e rằng không phải ý chí chép kinh của Phu Tử.

Từ Quang - Từ họ Tả có thuyết Chư Phàn sắp lập Quý Trát, mà Công Dương phụ thêm vào, cho là anh em đều yêu Quý Trát, cùng muốn lập Quý Trát làm vua. Quý Trát không chịu. Đến khi xét Chư Phàn, Dư Sái đều cậy dũng mà chết, một người chết trận, một người bị tên canh cửa giết mà giảm uy thế cả nước. Kết cục, hai đời vua, về hành sự, như là chưa hiểu thế nào là lễ nghĩa. Như thế thì chưa chắc đã biết nhường Trát, huống lại chết không được chính. Tất không phải là vì có di mệnh mà anh truyền cho em. Chỉ là vì quốc gia nhiều việc quân thần đề nghị lập người có tuổi. Đến khi Di Muội mới nối ngôi, Quý Trát mới bắt đầu làm việc quan, đi thông hiếu với các nước. Nói năng có văn vẻ, cho nên được tiếng khen là người biết lễ, mà được khen quá mức.

Xét Di Muội chết, Trát từ ngôi vua, hoặc cũng có việc đó. Vả lại, lâu ngày ở địa vị làm tôi, thời Liêu suốt đời Liêu, thì chưa thấy có việc cưỡng lập, việc cố tránh. Đến khi Liêu bị giết, nước bị loạn, lúc đó lòng người muốn lập Trát, y như truyện chép là Quang sai Chuyên Chư giết Liêu, mà giao nước cho Quý Tử, và Quý Tử không nhận chạy đến ở Diên Lăng. Sự thực là từ đó, từ việc Trát không nhận ngôi vua, Trát mới được tiếng. Vậy Trát lo hạng người sạch mình lấy hay, cũng là hạng nhân sĩ giữ mình trong trắng. Thế mà Hồ Truyện chê là từ ngôi vua làm cho nước loạn, chê thế là không đúng tội, vô ý thức, hại tiếng người hay.

Xét - Ngô biết lấy lễ cầu thông hiếu với các nước. Kinh Xuân Thu chép tước Tử để nâng lên. Trát thì chép tên, nên lấy lời bàn của họ Đỗ, của Khổng Sở làm chính, không có ý gì chê hay khen. Công Dương căn cứ vào việc biết nhường ngôi mà cho Trát là hiền. Cốc Lương căn cứ vào việc Ngô biết dùng hiền mà khen ngô. Tất cả đều không phải ý của Kinh. Hồ Truyện bảo Trát vì nhường ngôi mà gây họa cho nước. Thánh nhân chép tên để rõ ý chê, không cho được ngang với hạng Quý Hữu, Thúc Hật,

Hồ Truyện thế là xuyên tạc ý nhiều lắm. Lại còn bảo là thánh nhân chê trách Trát rất nhiều.

Xét trong 242 năm, khanh, đại phu các nước thiếu gì người hiền, đâu có riêng một Trát mà bảo chê trách rất nhiều. Diêu Thuấn Mục, Hoàng Trọng Viêm, Quý bản luận bàn đã tường tận.

Từ Quang lấy việc Quang giết Liêu rồi mời Trát lên ngôi, việc Quý Tử không nhận, Từ Quang cho việc đó mới thực là việc Trát nhường ngôi. Công Dương phụ thêm, nghe cũng có lí. Cho nên nay san bỏ Công Thị, Cốc Thị, Hồ Truyện. Mà phàm những câu bàn: chép tên là chê, những câu đó bỏ cả đi.

秋九月葬衛獻公

THU, CỬU NGUYỆT, TÁNG VỆ HIẾN CÔNG

MÙA THU, THÁNG 9, LỄ CHÔN VỆ HIẾN CÔNG

齊高止出奔北燕

TỀ CAO CHỈ XUẤT BÔN BẮC YÊN

CAO CHỈ NƯỚC TỀ BỎ NƯỚC CHẠY TỚI BẮC YÊN
BẮC YÊN, KINH BẮT ĐẦU NÓI ĐẾN

Tả Thị - Mùa thu, tháng 9, Công Tôn Mại, và Công Tôn Táo, nước Tề đuổi đại phu là Cao Chỉ tới Bắc Yên. Ngày Ất Mùi, Cao Chỉ ra đi. Kinh Xuân Thu chép: bỏ nước chạy tức là buộc tội Cao Chỉ. Cao Chỉ bất cứ việc gì đều khoe là công mình, mà lại chuyên quyền cho nên bị nạn.

Cốc Thị - Chép là Bắc Yên, là theo Sử chép.

Hứa Hàn - Vua đuổi đại phu thì còn được. Thần mà đuổi đại phu, thế là thần vô quân, thế là coi như không có vua nữa. Không thể răn dạy ai được. Vì thế chép là xuất bôn, là rời nước, bỏ nước chạy trốn.

冬仲孫羯如晉

ĐÔNG, TRỌNG TÔN YẾT NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, TRỌNG TÔN YẾT SANG TẤN

Tả Thị - Mùa đông, Mạnh Hiếu Bá sang Tấn, đáp lại Phạm Thúc.

Phụ lục Tả Truyện - Vì tai nạn Cao Tử, con là Cao Thụ về ấp Lư phản vua Tề. Tháng 10, ngày Canh Dần, Lư Khưu Anh cầm quân vây Lư. Cao Thụ nói: Nếu ông để cho họ Cao còn có hậu, thì tôi trả ấp tôi cho vua Tề. Người Tề mới lập làm chưởng họ, tên Yên, chắt của Kính Trọng, vì quý đức của Kính Trọng. Tháng 11, ngày Ất Mão, Cao Thụ trả ấp Lư, rời nước trốn sang Tấn. Người Tấn đắp thành Miên rồi cho ở đó.

Bá Hữu nước Trịnh bảo Công Tôn Hắc sang Sở, Hắc từ chối nói: Nay, Sở và Trịnh ghét nhau, sai tôi sang Sở là sai đến chỗ chết. Bá Hữu nói: Trong họ ông chức hành nhân là chức thế truyền. Tử Tích Công Tôn Hắc nói: Nên thì đi, khó thì thôi, chứ đâu có thế truyền, Bá Hữu muốn bắt ép. Tử Tích giận rồi sửa soạn định đánh nhà Bá Hữu. Các đại phu dàn xếp được. Tháng 12, ngày Kỉ Tị, đại phu Trịnh, minh ước với Bá Hữu. Tì Thầm nói: Giữ được lời thề ước trong độ bao lâu. Kinh Thi nói: Người trên cứ thề luôn, loạn lại càng to. Minh ước này chỉ để kéo dài thời loạn. Chưa hết loạn được, tất phải sau ba năm. Nhiên Minh nói: Chính quyền sẽ tới tay ai. Tì Thầm nói: Người hay thay người không hay, thế là mệnh trời. Không ra ngoài tay Tử Sản. Đặt Tử Sản vào là theo chức, là đúng phẩm trật. Cử được người hay thì được một thời vẻ vang hưng thịnh. Vả lại trời dọn chỗ cho Tử Sản. Trời đã làm cho Bá Hữu lạc mất phách. Tử Tây thì đã chết rồi. Chả Tử Sản giữ chính quyền thì còn có ai. Trời đã gieo họa cho Trịnh lâu rồi, chắc sai Tử Sản ngăn họa thì nước mới yên. Nếu không nước sẽ mất.

Năm Mậu Ngọ. Vua Cảnh Vương năm thứ 2.

三 十 年

TAM THẬP NIÊN

NĂM THỨ 30

Tấn Bình, năm thứ 15. Tề Cảnh, năm thứ 5. Vệ Tương Công Ác, năm đầu. Sái Cảnh, năm thứ 49. Trịnh Giản, năm thứ 23. Tào Vũ, năm thứ 12. Trần Ai, năm thứ 26. Kỉ Văn, năm thứ 7. Tống Bình, năm thứ 34. Sở Giáp Ngao, năm thứ 2. Ngô Di Muội, năm đầu.

春 王 正 月 楚 子 使 遠 罷 來 聘

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, SỞ TỬ SỬ VỈ BÌ LAI SÍNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, SỞ TỬ SAI VỈ BÌ TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Năm thứ 30. Mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Sở Tử sai Vỉ Bì tới sính để thông hiếu vua mới nối ngôi. Mục Thúc hỏi thăm cách cầm quyền chính của Vương Tử Vi. Vỉ Bì đáp: Chúng tôi quan nhỏ, biết ăn lộc, biết theo lệnh trên mà còn sợ không đủ phận sự. Đâu dám biết tới chính trị. Mục Thúc gặng hỏi, cũng không nói. Mục Thúc bảo đại phu Lỗ: Lệnh Doãn Sở đang sửa soạn đại sự. Tư đăng Vỉ Bì có dự, sẽ giúp Vi. Cho nên giấu sự tình.

Phụ lục Tả Truyện - Tử Sản theo Trịnh Bá để sang Tấn. Thúc Hướng hỏi Sản về quốc chính. Tử Sản đáp: Tôi được biết hay không chỉ nội trong năm nay. Lương và Tứ hiện đang tranh giành nhau, chưa kết quả. Nếu kết quả, tôi sẽ được biết. Lúc đó tôi sẽ hiểu về quốc chính. Thúc Hướng hỏi: Tử Tích và Bá Hữu vẫn chưa hòa hợp. Đáp: Bá Hữu thì tính khoe khoang, ghen ghét. Tử Tích thì hiếu thắng. Hai người không ai nhường ai. Dù có hợp, cũng cứ tìm cách hại nhau. Hại sẽ chóng tới.

Tháng ba, ngày Quý Mùi, phu nhân, vợ góa của Tấn Điệu Công, thết tiệc cho những công nhân đã xây đắp thành nước

Kỉ. Ở huyện Giáng, một ông già, không có con cái, tới dự tiệc. Hàng như cùng tuổi cũng không đoán được ông già bao nhiêu tuổi, vì ông cũng lẫn rồi, có hỏi lại. Ông già nói: Tôi ngu hèn, không biết tính năm, chỉ biết là sinh ngày Giáp Tý, tháng giêng, mùng một. Từ ngày ấy, được hết 444 giáp. Giáp 445 bắt đầu được 6 ngày. Các vị quan chức dự tiệc vội ra thiều hỏi thì Sư Khoáng nói: Người già ấy sinh năm mà Thúc Trọng Huệ Bá nước Lỗ hội với Khích Thành Tử tại Thừa Khuôn. Năm đó, Rợ Địch đánh nước Lỗ. Sau, Thúc Tôn Trang Thúc thắng được Địch ở đất Hàn, bắt được ba người địch tù trưởng là Kiều Như, Hủy và Báo. Kỉ niệm cuộc chiến thắng, Thúc Trọng lấy tên địch đặt tên cho ba con. Việc đến nay là 73 năm. Sử Triệu nói: Chữ hợi có chữ nhị ở trên đầu, và ba chữ lục ở dưới. Nếu dưới chữ nhị, mà đặt ba chữ lục vào hàng dọc thì được số ngày của người già. Sĩ Văn Bá nói: Vậy là hai vạn sáu ngàn sáu trăm sáu mươi ngày.

Triệu Mạnh hỏi tới vị đại phu trấn tri huyện của người già, mới biết trước kia là thuộc viên. Mạnh cho gọi tới, tạ và nói: Vũ tôi bất tài, bận rộn về việc nhà vua và quốc chính, không biết nhớ tới ông, để cho ông phải cuốc đất, đắp đất lâu ngày. Vũ tôi có tội. Dám xin tạ tội. Triệu Vũ định mời ra làm quan, giúp việc chính. Người già từ chối về tuổi đã cao. Triệu Vũ mới cho đất ruộng và cho chức Phục Đào của nhà vua (là chức trông nom y phục của nhà vua). Rồi phong cho là Giáng Huyện Sư, cấp chức viên Huyện Úy đã sai ông ta làm phu dịch đi khắp thành. Khi các việc đó xảy ra, thì sứ của Lỗ hãy còn ở Tấn. Khi sứ giả về Lỗ, kể chuyện lại với các quan thì Quý Vũ Tử nói: Tấn chưa khinh thường được. Còn có Triệu Mạnh để sai bảo các quan và có Bá Hà giúp việc. Tấn lại có Thái Sử Triệu và Sư Khoáng làm mưu thần. Có Thúc Hướng và Nhữ Tề để trông coi vua. Triều đình có nhiều quân tử, không khinh thường Tấn được. Tốt hơn hết là cứ phải cố theo Tấn.

Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỷ Hợi, Trịnh Bá cùng các đại phu lập minh ước. Người quân tử biết ngay là Trịnh còn loạn chưa thôi.

Cao Kháng - Lỗ Công qua năm ở nước Sở. Sở Giáp Ngao mới nối ngôi. Cho nên sai Vĩ Bì tới sính Lỗ để đáp lễ. Từ năm thứ 9, Văn Công đến nay, trải hơn 70 năm, vì thường có giao hiếu, nay Vĩ Bì tới, cho là thái độ đúng lễ. Từ đây trở đi, Ngô, Sở không tới sính nữa.

Trương Hiệp - Ở Lỗ thì vua đi sang Sở, mà Sở cho đại phu tới sính đó là lối Tề Hoàn, Tấn Văn xưa đối với chư hầu. Cho nên từ hội thề ở Tống, người Sở theo lễ Bá chủ đối với chư hầu. Không phải trách cứ vào Tần Bình cùng Triệu Vũ thì trách cứ vào ai.

夏 四 月 蔡 世 子 般 弑 其 君 固

HẠ, TỨ NGUYỆT, SÁI THẾ TỬ BAN THÍ KÌ QUÂN CỐ

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, SÁI THẾ TỬ BAN GIẾT VUA LÀ CỐ

Tả Thị - Cảnh Hầu vua nước Sái, cho con là thế tử Ban lấy vợ ơ Sở, rồi thông dâm. Thế tử giết Cảnh Hầu.

Cốc Thị - Không chép ngày vì con mà cướp chính của bố thì coi là Rợ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn thế sai. Nếu như chép ngày thì có thể gọi là không cướp chính của bố được không.

五 月 甲 午 宋 伯 姬 卒

NGŨ NGUYỆT, GIÁP NGỌ, TỐNG BÁ CƠ TỐT

THÁNG NĂM, NGÀY GIÁP NGỌ, TỐNG BÁ CƠ MẤT

Tả Thị - Trong nhà Thái Miếu nước Tống có tiếng kêu hi, hi, đi ra, đi ra. Gần nền xã ở ấp Bạc, một con chim kêu hi hi. Đến ngày Giáp Ngọ, thì trong cung cháy lớn. Bá Cơ, vợ góa của Tống Cung Công bị chết, không chạy, vì chờ bà bảo mẫu. Người quân tử bàn rằng. Cơ, vợ góa Tống Cung Công, vẫn xử sự như người chưa có chồng, chứ không như người đã có chồng lại có tuổi. Con gái muốn ra ngoài thì phải đợi lệnh. Đàn bà có tuổi thì tự quyết theo tiện nghi.

Cốc Thị - Ngày mất chép trên việc hỏa tai, tức là vì hỏa tai mà chết. Việc như thế nào: Cung của Bá Cơ cháy. Tả hữu nói xin phu nhân tránh lửa. Bá Cơ nói: Không có bà phó mẫu, thì phu nhân đêm không bước xuống thềm. Tả hữu nói, xin tạm tránh lửa đã. Bá Cơ nói: Không có bảo mẫu, đêm không có xuống thềm. Thế là bị lửa cháy đến nơi chết. Phu nhân lấy chữ trinh làm đức hạnh, thế là trọn đạo phu nhân. Khi biết rõ việc thì biết rõ Bá Cơ là hiền.

Hồ Truyện - Hoặc bàn Cung Cơ tưởng mình là con gái, không là đàn bà có chồng, bàn thế sai. Đời suy, đạo kém, đức hạnh bậy bạ, nữ đức mất cả, phụ đạo không rõ. Thế mà biết toàn tiết không sai, rõ rệt trong Xuân Thu, thì có Tống Bá Cơ. Thánh nhân chép cho cả tên thụy chồng, chép trong kinh Xuân Thu là chôn Tống Cung Cơ, cốt để thiên hạ rõ đáng phụ đạo đức hạnh.

Uông Khắc Khoan - Bá Cơ về với Cung Công vào năm thứ 9 Lỗ Thành Công. Năm thứ 15 Lỗ Thành Công thì Cung mất. Ở góa 34 năm, tuổi 60. Lửa cháy cung, tất đợi lệnh bà phó mẫu rồi mới rời cung. Cho nên chết vì giữ phụ tiết. Hoặc giả nói: Đợi phó mẫu đêm đi ra là việc xử khi thường. Bá Cơ xử thường mà không biết xử biến, tất chết về lửa. Nếu cho thế là hiền, thì như hạng chị dâu chết đuối, em cầm tay kéo lên, thế là không được hay sao. Thiết nghĩ, kéo chết đuối là hành quyền, là biết đến lễ để cứu người khỏi chết. Ví như phu nhân vượt ra khỏi lễ để mình được sống, để mình khỏi chết, thì thế là phi nghĩa. Bá Cơ tuổi đã 60. Tuy nói rằng tránh lửa để sống không hại đến trinh, nhưng về đạo quân tử thì lỗi ở quá hậu, mà tiểu nhân thì lỗi ở quá bạc. Xuân Thu khen Bá Cơ là để cho rõ: giữ đúng tiết, không vượt khỏi tiết, thế mới khích lệ được thời sau, để đừng: không đáng tránh mà tránh, mà mất tiết trong trường hợp vội vàng hấp tấp, để cảnh giác những hạng ấy. Đều có phải là ít bổ ích cho đạo.

天王搬其弟佞夫

THIÊN VƯƠNG SÁT KÌ ĐỆ NỊNH PHU

THIÊN TỬ GIẾT EM LÀ NỊNH PHU

Tả Thị - Xưa Vương Đam Quý (em vua Linh Vương) mất. Con là Tử Quát khi chầu vua, thở dài. Công Tử Khiên Kì, con Thiện Công hiện làm Ngự Sĩ (giong xe cho vua) đi qua sân triều, nghe tiếng thở dài và tiếng nói "Ta phải được quyền đó", Khiêu Kì vào tâu vua: cần giết Tử Quát đã không thương sót cha lại nhiều tham vọng, mắt nhớn nhác, chân bước cao, tâm khác rồi, nếu không giết sẽ có hại. Vương nói: Hắn còn nhỏ tuổi, biết gì. Linh Vương mất. Đam Quát muốn lập Nịnh Phu. Vương Tử Nịnh Phu không biết. Ngày Mậu Tý, Đam Quát vây ấp Vỉ, đuổi trấn thủ ấp là Thành Khiên. Thành Khiên chạy trốn tới ấp Bình Chỉ. Tháng năm, ngày Quý Tỵ; bọn Doãn Ngôn Đa, Lưu Nghị, Thiện Miệt, Cam Quá, Củng Thành, giết Nịnh Phu. Quát, Hà và Liêu chạy sang Tấn. Xuân Thu chép: "Thiên Vương giết em là Nịnh Phu". Thế là tội ở Vương. Bình Chỉ là ấp nhà Chu.

Cốc Thị - Truyện chép rằng vua chư hầu không có thủ phạm các việc ác, huống chi là thiên tử. Vua đối với người thân không nhẫn tâm. Thiên tử, vua chư hầu coi thân nhất là em cùng mẹ, và con lớn. Thiên Vương mà giết em là Nịnh Phu, thật là quá lắm.

Lưu Sưởng - Giết em cùng mẹ mà chép thẳng là vua, thì thấy là vua quá nhẫn. Đam Quát sắp làm loạn, lập Nịnh Phu. Nịnh Phu không biết. Vua trị Đam Quát, giết cả Nịnh Phu. Thế không phải là đạo đối với người thân thích.

王子瑕奔晉

VƯƠNG TỬ HÀ BÔN TẤN

VƯƠNG TỬ HÀ CHẠY SANG TẤN

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 6, Trịnh Tử Sản sang Trần để kí minh ước. Khi về phục mệnh, nói với các đại phu rằng:

Trần là nước mất. Không nên gần. Chỉ tích trữ thóc. Chỉ xây đắp thành quách, không nghĩ đến dân. Vua thì yếu hèn, công tử thì xa hoa. Thái tử kém thế. Đại phu kiêu căng. Chính trị nhiều cửa. Mà lại giáp nước lớn. Không mất sao được. Bất quá 10 năm là cùng.

秋七月 叔弓如宋葬宋供姬

THU, THẤT NGUYỆT, THÚC CUNG NHƯ TỐNG, TÁNG TỐNG CUNG CƠ

MÙA THU, THÁNG 7, THÚC CUNG SANG TỐNG, DỰ LỄ CHÔN TỐNG CUNG CƠ

Tả Thị - Mùa thu, tháng 7, Thúc Cung sang Tống, dự lễ chôn Cung Cơ.

Công Thị - Phu nhân nước ngoài, không chép lễ táng. Đây sao chép. Là vì kiêng tránh, không muốn nói là chết cháy trong hỏa tai nước Tống. Sao chép tên thụy vua. Vì khen người hiền. Trong khi cháy, người chức vụ có mời đi ra khỏi cung, thì Bá Cơ nói: Không được, tôi nghe, đêm phu nhân muốn xuống thềm, phải chờ phó mẫu. Phó mẫu chưa tới. Lửa cháy rồi bị chết.

Cốc Thị - Phu nhân nước ngoài, không chép lễ táng. Đây sao chép. Vì là con gái nước Lỗ ta. Kiêng nói chết cháy mà cứ lễ táng.

Lưu Sưởng - Lễ chôn Tống Cung Cơ. Ví thử Cung Cơ tránh lửa mà sống thì cũng không hại gì đến đức trinh. Tuy nhiên, không muốn mình có thể thoát chết, có thể an toàn tính mệnh, nhưng trái với đạo thường của thiên hạ, cho nên xét kĩ sự sống, sự chết, đường vinh, đường nhục, biết rằng giữ lễ trọng hơn là được sống, cái nhục nặng hơn cái chết. Bá Di, Thúc Tề chết đói ở dưới núi Thủ Dương, vì cầu nhân mà được nhân, cũng không hơn gì việc Tống Cơ. Kinh Thi có câu "Con người ấy, theo mệnh không biến tiết".

鄭良宵出奔許自入雩鄭鄭人撥良宵

TRỊNH LƯƠNG TIÊU XUẤT BÔN HỨA, TỰ HỨA NHẬP VU TRỊNH, TRỊNH NHÂN SÁT LƯƠNG TIÊU

LƯƠNG TIÊU NƯỚC TRỊNH, RỜI NƯỚC CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC HỨA. RỒI TỪ HỨA TRỞ VỀ TRỊNH, BỊ NGƯỜI TRỊNH GIẾT CHẾT

Tả Thị - Bá Hữu nước Trịnh nghiện rượu. Có xây một cái hầm dưới đất, đêm xuống uống rượu, đánh chuông cho thêm vui. Một buổi sớm, có phiên chầu, vẫn còn say. Các quan hỏi nhau tướng quốc đâu. Gia thần báo cáo, ngài còn ở dưới hầm. Các quan ra về, bỏ phiên chầu. Khi Bá Hữu trong tiệc rượu, tỉnh rồi, vào chầu, lại sai Tử Tích đi sứ nước Sở. Bá Hữu về nhà, quay vào uống rượu. Ngày Canh Tý, Tử Tích đem giáp sĩ lấy ở nhà họ Tứ (cùng họ với Tử Tích) tới đánh Bá Hữu và đốt nhà. Bá Hữu đương say, được khiêng đi, chạy tới ấp Ung Lương, ở đất Trịnh, khi tỉnh rượu mới biết chuyện. Thế là chạy trốn tới nước Hứa.

Các đại phu họp bàn. Tử Bì nói: Trọng Hủy xưa có nói: "Trừ bọn làm loạn đi. Giết bọn hại nước đi. Gạt xa những kẻ chỉ tự hại mà cố nâng những người biết giữ mình, thế là lợi cho nước". Các họ Hãn, Tứ, Phong, đều cùng một tổ (Tử Bì ở họ Hãn, Tử Tính ở họ Tứ, Công Tôn Đoàn ở họ Phong). Bá Hữu không cùng tổ mà hoang dâm, thì không tránh khỏi trừng phạt đích đáng". Có người bảo Tử Sản về phe người thẳng (Tử Tích) và giúp kẻ có thế mạnh (các họ Hãn, Tứ, Phong), Tử Sản nói: "Sao lại nói đến phe đảng. Nạn của nước, ai biết được là tự đâu. Dù có theo người thẳng, dễ hết được nạn nước chăng. Hiện lúc này, ta chỉ biết dựa vào ta".

Ngày Tân Sửu, Tử Sản khâm liệm các người họ Bá Hữu và của Bá Hữu, không bàn với ai rồi đi. Ấn Đoàn đi theo. Tử Bì muốn cho mời lại. Nhiều quan nói: Sao lại giữ những người không đồng ý với ông. Tử Bì đáp: "Phu tử đối với người chết còn có lễ như thế, huống chi đối với người sống". Thế là thân hành đi mời Tử Sản và Ấn Đoàn trở lại. Ngày Nhâm Dần, Tử Sản

trở vào thành Trịnh. Ngày Quý Mão, Tử Thạch (Ấn Đoàn) cũng vào. Cả hai cùng kí hiệp ước với họ Tử Tích. Ngày Ất Tị, Trịnh Bá cùng đại phu thề ở Đại Cung (Thái Miếu). Rồi, Trịnh Bá, ở ngoài cửa Sư Chi Lương, cửa thành, thề với dân. Bá Hữu, khi được tin, các minh ước đều có ý chống mình thì giận lắm. Khi biết rõ là giáp sĩ của Tử Bì không dự vào việc đánh và đốt nhà mình, thì mừng nói rằng: Tử Bì đi với ta. Buổi sớm ngày Quý Sửu, Bá Hữu do một lạch nước gần cửa thành Mộ Môn, tiến vào thành. Nhờ Mã sư Hiệt, lấy được giáp trụ ở kho Tương Khổ, đánh luôn cửa bắc thành. Tử Đái đem dân ra chống lại. Bá Hữu và Tử Đái cho mời Tử Sản. Tử Sản nói, anh em mà đến nông nỗi này, thì tôi xin theo người nào được mệnh trời. Bá Hữu bị chết ở Dương Tứ (ở chợ). Tử Sản cho chùm áo vào xác, đặt đầu lên đùi mình, khóc viếng. Khâm liệm, cho vào áo quan, đặt vào trong nhà một gia thần của Bá Hữu, gần nơi chợ. Xong, chôn cho ở Đấu Thành, đất nước Trịnh. Họ Tử Tứ muốn đánh Tử Sản. Tử Bì giận nói: Lễ nghi là căn bản của một nước, giết người có lễ là họa rất lớn. Thế là thôi việc đánh. Khi đó, Du Cát đương ở Tấn. Khi về tới Trịnh, biết tin loạn, không dám vào thành, sai viên Phó vào phục mệnh. Tháng tám, ngày Giáp Tý, chạy trốn sang Tấn. Tứ Đái đuổi theo, đến đất Toan Táo thì gặp Du Cát cùng Tứ Đái thề, cầm hai thẻ ngọc khuê, ném xuống Hoàng Hà, để ghi lời thề. Du Cát sai Công Tôn Hật vào thành kí minh ước với các đại phu. Ngày Kỉ Tị, Du Cát vào thành giữ chức vụ cũ.

Kinh Xuân Thu chép là người Trịnh giết Lương Tiêu (Bá Hữu), không biên là đại phu, vì ở nước ngoài vào.

Khi Tử Kiều chết, buổi sớm ngày chôn, Công Tôn Huy, cùng Tì Táo đi dự lễ. Đường qua nhà Bá Hữu, thấy trên cửa có Kê dại mọc lan, Tử Vũ (Huy) nói: Cỏ dại này vẫn còn. Sao Tuế khi đó ở khoảng sao Hàng Lâu. Hàng Lâu buổi sớm mọc ở giữa trời. Tì Táo chỉ sao Tuế nói: Bá Hữu còn sống được một vòng sao Tuế (12 năm). Đến khi Bá Hữu chết, sao Tuế vẫn còn ở khoảng Thu Tí, năm sau mới tới Hàng Lâu.

Bộc Triển theo Bá Hữu cùng chết. Vũ Hiệt chạy sang Tấn,

rồi được phong đại phu ở đất Nhiệm nước Tấn. Khi chư hầu họp tại Khê Trạch, Trịnh Nhạc Thành chạy trốn sang Sở, rồi tới Tấn. Vũ Hiệt dựa vào Nhạc Thành, vào phe, rồi cùng thờ Triệu Văn Tử, được lòng và khuyên Văn Tử đánh Trịnh. Nhưng vì minh ước Tống, không thi hành được ý nguyện. Tử Bì cho Công Tôn Sừ thay Vũ Hiệt làm chức Mã Sư.

Cốc Thị - Không chép chữ đại phu là vì chê ghét.

Xét - Trịnh Lương Tiêu rời nước chạy trốn mà vua, đại phu, dân, đều thề ước, thì cũng như Lỗ xưa thề diệt Đông Môn thị, Thúc Tôn Thị, Tang Thị. Thế đủ biết không còn chức vị gì nữa. Hồ Truyện theo thuyết Lưu Sưởng cho là chức vị chưa mất. Thế là nhầm.

冬十月葬蔡景公

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TÁNG SÁI CẢNH CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, LỄ CHÔN SÁI CẢNH CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Công tử Ai nước Sở, giết Đại Tư Mã là Vĩ Yểm, chiếm hết gia tài. Thân Vô Vũ nói: Vương Tử (Công tử Vi) không khỏi tội đâu. Người hay là cột trụ của nước. Vương Tử là tướng quốc nước Sở, đáng lẽ phải nâng đỡ người hay, mà nay lại tàn ngược, thế là hại cho nước. Vả lại Tư Mã là chức phó của tướng quốc, là chân tay của vua. Vì đã bỏ cột trụ của dân, bỏ người giúp đỡ mình, diệt chân tay của vua, thế là gây hại to cho nước, còn họa nào bằng. Như thế sao khỏi chết được.

Công Thị - Giặc chưa giết, sao lại chép chôn. Là lời của con vua báo cáo.

Cốc Thị - Chết không chép ngày. Mà chôn thì chép tháng, tức là không thành lễ táng. Chết mà có lễ táng, là vì không nỡ để bố vì con mà mất dân.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn như thế là sai. Vua bị giết, giặc chưa trị tội, không chép lễ táng, đó là lệ thường Xuân Thu. Phàm không chép lễ táng, đâu có phải là chuyện mất dân.

晉人齊人宋人衛人鄭人曹人莒人邾人
滕人薛人杞人小邾人會于澶淵宋災故也

TẤN NHÂN, TỀ NHÂN, TỐNG NHÂN, VỆ NHÂN, TRỊNH NHÂN, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, KỈ NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN, HỘI VU THIỀN UYÊN, TỐNG TAI CỐ DÃ

NGƯỜI TẤN, NGƯỜI TỀ, NGƯỜI TỐNG, NGƯỜI VỆ, NGƯỜI TRỊNH, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI KỈ, NGƯỜI TIỂU CHÂU, HỘI TẠI THIỀN UYÊN, VỀ VIỆC HỎA TAI Ở NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Vì việc hỏa tai ở nước Tống, đại phu các chư hầu họp bàn để cứu giúp Tống về tài hóa. Mùa đông, tháng 10. Thúc Tôn Báo nước Lỗ hội với Tấn Triệu Vũ, Tề Công Tôn Mại, Tống Hương Thú, Vệ sắc Cung Đà, Trịnh Hãn Hổ (Tử Bì) và một đại phu Tiểu Châu. Tất cả họp tại Thiền Uyên. Có hứa hẹn, nhưng rồi Tống cũng chẳng được gì. Cho nên Xuân Thu không chép tên. Người quân tử bàn: Chữ tín không thể không thận trọng. Hội Thiền Uyên không chép tên các vị, là vì họ đã thất tín. Xét hội các vị Thượng Khanh chư hầu mà không có tín, tên bỏ cả, bất tín thành ra như thế đó. Kinh Thi có câu: Văn Vương lên hay xuống khi nào cũng ở bên tả hay bên hữu Thượng Đế. Chỉ là vì giữ được chữ tín. Lại có câu: Hành vi phải giữ gìn cẩn thận, đừng có dối dá. Thế nghĩa là đừng có bất tín. Xuân Thu chỉ chép người nước Mỗ, chứ không chép tên. Không chép đại phu Lỗ là tránh, không nói đến.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Tử Bì muốn giao quyền chính cho Tử Sản, Tử Sản từ chối nói: Nước đã nhỏ, mà bị áp bức giữa các nước lớn, các ngành họ nhà vua, thế đều to, bọn bế nhân lại nhiều, tôi không làm nổi. Tử Bì nói: Hổ tôi xin đem các ngành họ đó theo mệnh ông, ai dám trái ông. Xin ông cứ làm. Nước không ngại nhỏ. Nhỏ mà biết thờ lớn thì vẫn hay. Tử Sản mới cầm quyền chính. Để được Bá Thạch giúp,

Sản tăng cho ruộng ấp. Tử Thái Thúc nói: Nước là nước chung, ai cũng cùng làm việc. Sao ngài lại ban lộc cho một người. Tử Sản nói: Người ta khó lòng mà không có ưa thích. Khi một vị quan đã được như sở nguyện thì làm trọn việc mình, mà giúp được ích chung. Được như thế, không phải là vì tôi, mà là vì người khác. Sao ông lại tiếc ấp thế. Ấp đã có đi đâu mất. Tử Thái Thúc lại hỏi: Bốn nước chung quanh ta, nghĩ ta ra sao. Tử Sản đáp: Nếu Bá Thạch không chống, mà lại còn giúp thì còn nước nào chê ta. Trong Trịnh Thư có câu: Muốn yên định được quốc gia, trước hết phải yên được hạng trên. Hiện nay ta hãy biết được lòng bọn trên đã, mới mong họ cùng làm. Về sau, Bá Thạch sinh lo sợ, trả lại ấp ruộng. Nhưng Tử Sản cứ cho. Bá Hữu đã chết rồi. Tử Sản bảo quan Thái Sử viết sắc phong Bá Thạch làm chức khanh. Thạch từ chối Thái Sử lui thì Thạch lại nhận. Khi Thái Sử đưa xác, thì Thạch lại từ chối. Như thế ba lần rồi nhận, rồi vào triều tạ ơn. Vì thế Sản ghét, nhưng cứ cho chức cao ngay sau chức mình.

Tử Sản ra lệnh cho các quan từ quốc đô đến biên bỉ, đều phải có huy hiệu, người trên, người dưới có y phục riêng. Đất ruộng phải có ranh giới bằng bờ đất, bằng tiểu câu. Nhà nông ở các "tỉnh" tức là xóm, phải lập thành từng nhóm. Trong bọn các quan to, ai trung không tham thì đều theo và giúp Tử Sản, ai kiêu rởm thì bị Tử Sản trừng trị.

Phong Quyển sắp tế, xin phép mở cuộc săn. Tử Sản không cho, nói, chỉ có vua là có quyền lấy vật săn để tế, còn ra ai tế thì dùng vật nuôi. Tử Nhương (Phong Quyển) giận, lui đi, sửa soạn quân, để đánh. Tử Sản muốn tránh sang Tấn. Tử Bì ngăn lại rồi đuổi Phong Quyển. Quyển chạy trốn sang Tấn. Tử Sản xin vua thu lại ruộng ấp, sau ba năm cho gọi về, rồi lại trả lại ruộng ấp.

Tử Sản cầm quyền chính được một năm, dân bị xúi giục đặt câu hát: Cứ cướp lấy mũ, lấy áo của dân ta, cất đi cho kĩ, cứ lấy ruộng nương ta đi, rồi bắt ta lập thành đoàn để giữ lấy ruộng nương. Ai giết được Tử Sản, ta sẽ vui theo. Khi

Tử Sản trị nước được ba năm, thì dân hát: Chúng ta có con nhỏ. Tử Sản dạy con ta. Chúng ta có ruộng, Tử Sản làm cho ruộng tốt. Tử Sản chết, thì ai nối chức.

Công Thị - Sao lại vì hỏa tai nước Tống. Vì chư hầu hội họp tại Thiền Uyên, là để bàn về hỏa tai nước Tống. Hội chưa có nói rõ là hội để làm gì, mà đây lại nói ngay để làm gì. Thế là cốt chép việc Bá Cơ.

Chư hầu cùng họp. Để giúp Tống đã bị mất nhiều. Có bàn Người chết thì không thể sống lại được. Tài sản vật liệu thì có thể giúp được. Đó là việc lớn, sao chép một cách khinh dị thế. Vì là có các quan khanh. Các quan khanh, sao lại chép là người nước nọ, người nước kia. Là chê. Chê vì quan khanh sao được lo việc của vua chư hầu.

Cốc Thị- Hội không nói đến việc làm. Sau đây lại nói là về việc hỏa tai nước Tống. Nếu không nói thế thì không rõ sự hay đáng khen. Sao lại chép chữ nhân, người. Cứu tai thì phải có đông người. Cứu cái gì. Cho nước Tống những thứ Tống bị cháy mất. Hội Thiền Uyên, Trung Quốc không xâm phạt di địch nữa, di địch không vào Trung Quốc nữa. Đã không xâm phạt nhau đến tám năm, vậy nên khen Tấn Triệu Vũ và Sở Khuất Kiến có công.

Hồ Truyện - Người đã có trí, thì không có gì là không biết. Công việc có khi cần làm gấp, tang ba năm thì không để ý, mà lại trách móc đến tang ba tháng. Việc lớn thì bỏ qua, mà việc nhỏ thì cẩn thận. Thế gọi là không biết làm việc. Sái Thế Tử Ban giết vua, tức là việc đại biến trong thiên hạ, đã là người thì không ai tha được, thế mà dự lễ chôn, không trị tội. Nước Tống có hỏa tai là việc nhỏ, thì họp đại phu 12 nước đền tiền của cho Tống về những thứ cháy mất. Như thế có gọi là biết làm việc không. Thế cho nên, đại phu của chư hầu, không kể tên, mà chép là nhân: người, là chê, Vị Khanh nước Lỗ tránh không nói. Lại đặc biệt nói việc làm của hội để răn dạy đời sau. Có thể nói là ý của Kinh rất rõ rệt.

Lưu Sưởng - Tả Thị chép: bàn cho Tống tiền của, thế

mà rồi chả cho Tống được gì, cho nên không chép tên người. Tả Thị nói sai. Thất tín như cuộc thề Thanh Khưu, chỉ thẳng chê người mà thôi. Nay chỉ nói rõ việc ra, lại chê cả người, thì không phải chỉ là ghét thất tín mà thôi đâu. Còn Công Dương nói như trên, cũng là nói sai, bàn sai. Chư hầu mà họp nhau, để bù cho Tống những thứ đã cháy mất, thì có gì mà gọi là đại sự. Đại phu được mệnh vua ra đi, thế chính như vua chư hầu rồi, sao lại được nói là không có mệnh vua chư hầu. Cốc Lương lại còn là khen đấy. Chép là nhân là cứu tai nạn phải có đông người. Cốc Lương đã bàn sai. Một nước bị thất hỏa, tự mất của cải, là việc nhỏ, chư hầu sao lại phải hội họp nhiêu mà bàn tính. Lấy thế mà cho là hay, thì ra Kinh Xuân Thu quý ơn nhỏ, mà không quý đạo. Vả lại Tống bị hỏa tai tháng năm, chư hầu mùa đông mới hội họp ở Thiền Uyên, thế có gọi là cứu tai nạn không.

Chu Tử - Trình Tử xét Xuân Thu đại nghĩa đến vài chục. Như việc bình loạn Tống, việc cứu nạn Tống, chính là Thánh nhân chê trách.

Năm Kỉ Mùi. Vua Cảnh Vương năm thứ 3.

三 十 有 一 年

TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 31

Tấn Bình, năm thứ 16. Tề Cảnh, năm thứ 6. Vệ Tương, năm thứ 2. Sái Linh Công Ban năm đầu. Trịnh Giản, năm thứ 24. Tào Vũ, năm thứ 13. Trần Ai năm thứ 27. Kỉ Văn, năm thứ 8. Tống Bình, năm thứ 34. Tần Cảnh, năm thứ 35. Sở Giáp Ngao, năm thứ 3. Ngô Di Muội, năm thứ 2.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG. THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 31, mùa xuân, Vương, Tháng giêng. Mục Thúc từ hội trở về Lỗ, yết kiến Mạnh Hiếu Bá nói: Triệu Mạnh sắp chết, đã lẫn rồi, không còn dáng điệu một tướng quốc. Dù chưa tới năm mươi tuổi mà cứ hay nói đi nói lại một câu, như ông già tám, chín mươi tuổi. Không còn sống lâu được. Nếu Triệu Mạnh chết, thì có lẽ là Hàn Tử (Hàn Khởi) nối. Sao ngài không nói với Quý Tôn. Phải đặt ở Tấn một tướng quốc có đức lại có tài. Hàn Khởi là người quân tử. Vua Tấn sẽ mất quyền chính. Nếu ta không giúp Tấn được một người khá nối nghiệp, săn sóc được Lỗ ta, thì sau này, khi quyền rơi vào tay nhiều đại phu, Hàn Tử sẽ nhu nhược, kém yếu, bọn đại phu sẽ tham nhũng ngoan cố. Tề và Sở rồi không giúp được ta nữa. Lỗ ta đáng ngại đấy.

Hiếu Bá nói: Người ta sống được bao lâu. Ai tránh được lẫn. Sáng không chắc tới được chiều. Đặt một tướng quốc tốt làm gì. Mục Thúc lui ra nói: Mạnh Tôn (Hiếu Bá) sắp chết. Tôi vừa nói là Triệu Mạnh sinh ra nói viễn vông. Mạnh Tôn giọng lại viễn vông hơn. Mục Thúc mới nói với Quý Tôn về chính trị nước Tấn. Quý Tôn không nghe lời khuyên. Khi Triệu Mạnh (Triệu Văn Tử) mất thì công thất suy kém. Chính quyền rơi vào tay bọn đại phu tham nhũng. Hàn Tuyên Tử cầm quyền chính mà không giải quyết được một việc gì của chư hầu. Lỗ không chịu nổi được sự đòi hỏi của Tấn. Lời gièm chê sinh ra rất nhiều. Vì thế có hội Bình Khưu.

Tử Vĩ nước Tề ghét Lư Khưu Anh, muốn giết đi, sai cầm quân để đánh Dương Châu, một ấp nước Lỗ. Lỗ hỏi duyên cớ sao lại tới đánh. Mùa hạ, tháng năm, Tử Vĩ giết Lư Khưu Anh để được lòng quân đội ta, Công Lũ Sái, Tỉnh Táo, Khổng Hủy, Giả Dần (đảng Anh) rời nước Tề, trốn sang nước Cử. Các Công Tử con vua trước đều bị đuổi khỏi nước Tề.

夏 六 月 辛 巳 公 薨 于 楚

HẠ, LỤC NGUYỆT, TÂN TỊ, CÔNG HOĂNG VU SỞ

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY TÂN TỊ, LỖ CÔNG MẤT TẠI CUNG SỞ CUNG

Tả Thị - Lỗ Công cho xây Sở cung. Mục Thúc nói: Trong thiên Đại Thệ Kinh Thư có câu: Dân muốn gì thì trời cũng muốn thế. Vua Lỗ cũng ưa thích như vua Sở, cho xây cung này. Tháng 6, ngày Tân Tỵ, vua Lỗ mất ở Sở cung. Thúc Trọng Đái, ăn cắp cây ngọc bích của vua, giao cho người giong xe giấu vào trong mình. Rồi sau lấy lại. Vì thế bị tội.

Cốc Thị - Sở cung không phải chính tẩm.

Lí Liêm - Tương Công ở ngôi 31 năm. Khi mới lên ngôi, thì ở ngoài, có Tấn Điệu làm bá chủ, còn chuộng hòa mục, thân cận với nước láng giềng, trong thì có Quý Tôn Hàng Phủ, Trọng Tôn Miệt, Thúc Tôn Báo, đều là hiền đại phu, cho nên nước Lỗ, ngoài việc thờ vị Bá ra, không có việc gì đáng lo. Ấy thế mà làm sao, từ năm thứ năm Quý Văn Tử mất, Vũ Tử nối nghiệp, chuyên quyền phóng dục, đắp thành ấp Phí, mà thế riêng sinh mạnh. Lập ra ba đạo quân để cho quyền vua suy kém. Vào đánh ấp Vận mà mệnh vua không thi hành. Rồi các đại phu thi nhau bắt chước. Xây đắp thành Thành, mà họ Mạnh Tôn hưng thịnh. Đắp thành Phòng mà họ Tang mạnh uy thế. Điệu Công mất, hết Tề đến Châu tới đánh, Lỗ lại càng không chấn chỉnh được là vì binh quyền trong nước chia ra cho ba nhà. Đến cuối đời, thì quay mặt về nam mà thờ Sở. Tuy rằng Tấn Bá chủ suy rồi mới xui nên thế nhưng Lỗ từ nay hết để cho người mong muốn theo phục.

Khổng Tử nói: Lộc mà rời công thất đã đến năm đời. Chính quyền vào tay đại phu bốn đời rồi. Từ Tuyên Công, Thành Công đến nay đã là sự dĩ nhiên, mà lại hoàn thành ở đời Tương Công.

Quý Thị nói: Trọng Tôn cầm quyền đã có 5. Thúc Tôn có 14. Quý Tôn có 10. Thế là ba Khanh chuyên chính, việc đã hoàn thành. Người Tề đánh ta 7 lần. Người Châu đánh ta 2 lần. Người

Cứ xâm ta 4 lần. Thế là sinh họa giao tranh với nước láng giềng. Tuy Lỗ hưởng quốc được lâu, nhờ Tấn nhiều, nhưng cái đầu mối suy yếu là ở Tương Công, trong cảnh loạn mà không giác ngộ sự nguy biến.

秋 九 月 辛 巳 公 薨 于 楚

THU, CỬU NGUYỆT, QUÝ TỴ, TỬ DÃ TỐT

MÙA THU, THÁNG 9, NGÀY QUÝ TỴ, TỬ DÃ MẤT

Tả Thị - Tử Dã là con Tương Công do Kính Quy sinh ra. Kính Quy là con vua Tiểu Quốc Hồ. Tử Dã được lập để nối ngôi. Trong tang, dựng cái lều ở nhà Quý Tôn. Mùa thu, ngày Quý Tỵ mất, vì ăn ngủ kham khổ trong việc tang. Em gái Kính Quy là Tề Quy, sinh ra em Tử Dã là Công Tử Chù. Công Tử Chù được lập thay Tử Dã. Mục Thúc không ưng nói: Khi người con lớn chết thì lập em cùng mẹ, nếu không có thì lập người lớn tuổi trong các con vợ thứ. Cùng tuổi cả thì lập người hiền. Cùng hiền cả thì bói. Đó là đạo xưa. Tử Dã không phải là con vợ chính, thì sao cứ phải chọn người em cùng mẹ. Vả lại Công Tử Chù, đang tang mà không thương xót, mọi người buồn mà mình cứ vui, thế không phải người có mực thước quy củ. Ít khi, người như thế, mà không gây họa. Nếu quả thực các ngài lập lên thì tôi e sẽ có lo cho họ Quý.

Vũ Tử không nghe lời khuyên cứ lập Chù. Cho đến lễ chôn, ba lần thay áo tang, vạt áo, đai áo y như trước. Tuổi đã 19 rồi, mà vẫn như con nít. Người quân tử nhận biết là không thể trọn được đời như người thường.

Cốc thị - Chết chép ngày là chính.

己亥仲孫羯卒

KỈ HỢI, TRỌNG TÔN YẾT TỐT

NGÀY KỈ HỢI, TRỌNG TÔN YẾT MẤT

Tả Thị - Ngày Kỷ Hợi, Mạnh Hiến Bá mất.

冬十月滕子來會葬

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, ĐẰNG TỬ LAI HỘI TÁNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI, ĐẰNG TỬ TỚI DỰ LỄ CHÔN

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Đằng Thành Công tới dự lễ táng. Cử chỉ hay sao nhãng, mà khóc, thương xót quá nhiều. Tử Phục Huệ Bá nói: Đằng Tử sẽ chóng chết. Sao nhãng cả đến địa vị mình mà thương cảm quá nhiều. Đấy là điềm sẽ đi theo Tương Công đến nơi.

癸酉葬我君襄公

QUÝ DẬU, TÁNG NGÃ QUÂN TƯƠNG CÔNG

NGÀY QUÝ DẬU LỄ CHÔN VUA TA LÀ TƯƠNG CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Trong tháng mà Tương Công mất, Tử Sản theo Trịnh Bá sang Tấn. Vua Tấn lấy cớ là đang có tang, chưa tiếp kiến vội. Tử Sản cho người phá hết bức tường quanh quán xá để cho ngựa xe đi vào. Tấn, Sĩ Văn Bá, tới trách nói: "Nước tôi về hình chính, còn kém, cho nên nhiều trộm cướp. Người trong nước đã đành, nhưng chư hầu khách tứ phương tới nơi thì sao. Cho nên phải có tường rào quán xá, phải có tường cao, cửa ngõ cao, mái phải cho dày vững, để quan khách đỡ lo ngại. Nay ngài phá đi, dẫu rằng tùy tùng, ngài đủ phòng giữ tai nạn, nhưng còn khách khác thì sao. Nay nước tôi được làm minh chủ, phải sửa sang tường vách, cửa ngõ, để đón khách, mà ngài phá cả đi, thì chúng tôi thiếu phận sự với quan khách. Quả quân tôi sai Cái tôi tới hỏi".

Đáp: "Nước tôi bé nhỏ, ở ven nước lớn, bất thường phải

cung cấp nước lớn, cho nên đâu có được an nhàn, cứ phải lo thu thuế cho đủ để còn tới hội. Gặp khi các quan quý quốc không được rảnh, không tiếp khách vội, lại không cho biết bao giờ mới được tiếp. Đồ biếu đã chưa được giao nộp, lại không dám để dãi dầu ngoài trời. Nộp ngay vào kho thì, đây là đồ giao hiếu, cần trình lên vua đã, đâu có phải là đồ thuế của dân nộp cho nhà vua. Nếu cứ để bộc lộ ra, thì e mưa nắng bất thường, hư hỏng, nước tôi mang tội. Kiều tôi nghe xưa bên quý quốc Văn Công làm Minh chủ, cung thất nhỏ hẹp, chẳng có lâu đài gì cả, cần có quán xá cho rộng rãi lịch sự, để tiếp chư hầu. Quán xá y như tẩm thất nhà vua. Kho chứa đồ, phòng ở, bếp chái đầy đủ. Có quan Tư Không thường dọn đường lối ra vào. Lấy thợ trong cung thất ra sơn quét. Quan khách chư hầu tới đã có người cung cấp đóm đuốc, có kẻ hầu ngày đêm túc trực, có chỗ để ngựa xe. Tôi tớ khách được có người thay phiên. Mui xe, trục xe, đã có người cho dầu mỡ, lau chùi. Các hàng nô bộc, mã phu, đều đầy đủ để tùy khách sai khiến. Thuộc lại của các quan có phần việc tiếp khách, đều có đầy đủ các thứ cần dùng. Vì việc công, khách không phải chờ đợi. Hai bên chủ khách, không bên nào mất thì giờ. Hai nước cùng chung lo vui. Việc gì cũng xét ngay. Bảo cho các việc chưa biết. Tha thứ cho các điều thiếu sót. Khách được đầy đủ như ở nhà, không nghĩ đến tai họa, không lo đến trộm cướp, không ngại thời tiết ẩm ướt, khô ráo. Nay coi ra, cung nhà vua thì rộng đến hàng dặm, mà sứ quán thì như nơi dành cho tôi tớ lại lệ ở. Cửa thì xe không lọt, xe vào sao được. Trộm cướp thì công khai. Mưa nắng thì không có gì giữ. Khách thì chưa biết bao giờ được chủ tiếp. Lệnh nhà vua chưa nghe thấy gì cả. Nếu không phá tường thì sao cho xe được các đồ biếu cất vào một nơi. Không được thế thì thành có lỗi. Xin ngài chấp sự cho biết làm thế nào. Dù rằng vua ngài có Lỗ tang, thì bên nước tôi cũng có. Nếu được nộp xong đồ biếu, thì tôi xin sửa ngay lại tường, để rồi mà về, chúng tôi rất ơn nhà vua, chứ có ngại khó nhọc đâu".

Văn Bá về phục mệnh. Triệu Văn Tử nói: Phải lắm. Ta rõ ràng là thiếu đức. Quán xá thế, mà để tiếp chư hầu. Ta có lỗi.

Mới sai Sĩ Bá tới tạ tội. Tấn Hầu tiếp Trịnh Bá có phần trịnh trọng hơn, yến tiệc vui vẻ hơn. Khi biệt nhau, cùng hảo hợp. Về sau Tấn cho làm lại sứ quán.

Thúc Hướng có nói: Lối thuyết từ không thể bỏ được. Coi đó thì biết. Vì thuyết từ của Tử Sản mà các chư hầu đều có lợi. Thế thì bỏ làm gì. Kinh Thi có nói: Từ làm cho hòa, cho dân được hợp. Từ mà vui thì dân được yên. Có biết thế mới nói thế được.

Tử Bì nước Trịnh sai Ấn Đoàn sang Sở để báo cáo vua Sở việc vua Trịnh sang Tấn. Thế là đúng lễ nghi.

十 有 一 月 莒 人 弑 其 君 密 州

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CỬ NHÂN THÍ KÌ QUÂN MẬT CHÂU

THÁNG 11, NGƯỜI CỬ GIẾT VUA LÀ MẬT CHÂU

Tả Thị - Cử Lê Tị Công (Mật Châu) có hai con là Khứ Tật và Triển Dư. Đã lập Triển Dư làm Thế Tử rồi lại phế đi. Lê Tị Công tính tàn ngược. Dân lo, ghét. Tháng 11, Triển Dư lấy dân đánh vua, giết đi, rồi lên ngôi. Khứ Tật chạy trốn sang Tề, mẹ là người Tề. Còn mẹ Triển Dư là người Ngô. Sử chép: Người Cử giết vua là Mãi Chu Sừ (tên tự Mật Châu). Ý nói Mật Châu cũng có lỗi.

Phụ lục Tả Truyện - Ngô Tử sai Khuất Hồ Dung tới Tấn lễ sính để cho thông đường đi giữa hai nước. Triệu Văn Tử hỏi: "Quý Trát ở Diên và Châu Lai có thể lên ngôi được không. Vua Ngô Chư Phàn mất ở Sào. Một lệ lại đã giết Đái Ngô (Dư Sái). Trời muốn mở đường. Ngài nghĩ thế nào". Khuất Hồ Dung đáp: "Quý Tử sẽ không lên ngôi. Đây là mệnh của hai vua, chứ không phải là để mở đường cho Quý Tử. Ngài muốn biết ai được trời mở đường thì chính là vua đương thời nối ngôi cha. Rất có đức độ. Đức không mất lòng dân. Độ không hỏng công việc. Trời mở đường cho người được dân mến mà công việc không hỏng. Chắc sau vua đương thời, con cháu sẽ nối ngôi mãi. Quý Tử thì thủ

chung giữ tiết. Dù các anh có muốn nhường ngôi cả, nhưng Quý Tử đã chối từ không nhận.

Tháng 12, Bắc Cung Văn Tử đi theo Vệ Tương Công đi sang Sở, theo minh ước ở Tống. Đường đi qua nước Trịnh. Ấn Đoàn ra tận Phi Lâm đón chào. Theo lễ nghi, đón vị vua chư hầu, có diễn từ, chúc tụng. Văn Tử vào thành đáp lễ. Trịnh Vũ Tử giữ chức hành nhân. Phùng Giản Tử và Tử Thái Thúc đi đón chào. Khi lễ nghi xong, Văn Tử ở thành đi ra, nói với vua Vệ: Trịnh giữ lễ nghi, còn được trời giúp nhiều đời, không bị nước lớn đánh. Trong Kinh Thi có câu: Tay không ướt, không dám cầm vật nóng. Tay dúng nước cho khỏi cháy, thế thì còn sợ gì nữa.

Tử Sản cầm quyền chính nước Trịnh, biết chọn, biết dùng người hay. Phùng Giản Tử biết quyết định các việc lớn. Tử Thái Thúc, người văn vẻ, lễ độ. Công Tôn Huy biết đoán công việc các nước lân bang, biết rõ họ hàng, chức phẩm, tài năng các đại phu, lại giỏi về từ chương. Tì Kham sành về các tổ chức nơi thôn quê, tuy vụng về các tổ chức nơi thành thị. Khi nào nước Trịnh sắp có việc khó dễ với một nước khác, thì Tử Sản hỏi Tử Vũ về tình hình các nước lân bang rồi bảo Kham ra huấn thị. Cùng Tì Kham lên xe đi tới thôn dã, hỏi Kham mưu kế. Khi về nói cho Phùng Giản Tử biết để quyết định. Xong rồi, mới giao tất cả công việc cho Tử Thái Thúc để thi hành cùng đối đáp với các sứ thần. Thế cho nên công việc ít khi nhầm nhỡ. Bắc Cung Văn Tử khen Trịnh giữ lễ nghi là thế.

Người Trịnh đi quan sát các trường học ở thôn quê, thường hay dị nghị về hành chính. Nhiên Minh nói với Tử Sản xin bãi bỏ các Trường học. Tử Sản nói: "Sao lại bãi bỏ. Sớm chiều, người ta quan sát các trường, nghị luận về hành chính điều hay, điều dở. Điều gì người khen thì ta làm, điều gì người chê, thì ta sửa. Đó là thầy dạy ta, sao lại bãi bỏ trường. Tôi nghe nói, trung và thiện làm cho mất oán trách, chứ tôi không thấy nói uy nghiêm làm cho mất oán trách. Uy nghiêm có thể ngăn trong một thời gian, nhưng y như ta ngăn một thác nước. Nó sẽ xoáy thành hốc to, rồi sẽ gây thêm tai hại to, lúc đó ai ngăn nổi.

Không gì tốt bằng cứ để cho thác theo hốc cũ trút nước xuống. Hay nhất là ta cứ nghe chỉ trích, như các vị thuốc để chữa các điều dở của ta".

Nhiên Minh nói: Từ nay, Miệt tôi mới biết ngài, thực có tài làm việc, hạng tôi tiểu nhân, quả thực vô tài. Nếu người người đều thi hành lời ngài dạy bảo, thì cả nước Trịnh được nhờ nhiều lắm, chứ không riêng gì vài ba đại phu.

Trọng Ni khi nghe chuyện Tử Sản có nói: Cứ xét nhận theo các lời đó, thì giá có ai nói là Tử Sản bất nhân, ta cũng không tin được. Tử Bì muốn cho Doãn Hà làm ấp Tể, Tử Sản chê là còn ít tuổi, chưa chắc làm được. Tử Bì nói: Tôi yêu hắn, chắc hắn không phản. Cứ cho làm, cũng là để học dân cai trị dân. Tử Sản nói: "Không nên. Yêu người ta, thì muốn có ích cho người ta. Nay ngài yêu, mà cho người ta vào chính giới, có khác gì người không biết cầm dao, đã được sai dùng cắt xén, thì hại nhiều. Ngài yêu người mà thành ra hại người. Còn ai dám cầu ngài yêu nữa. Ngài ở nước Trịnh này ví như cột cái. Cột cái đã gãy, thì rui mè đổ theo. Kiều tôi tất bị hại, cho nên tôi xin nói hết lời. Ngài có gấm tốt tất không đưa cho người ta tập cắt áo. Ấp to, chức vụ to, mà đi tập cai trị, thế thì ví với gấm tốt còn quan trọng, quý hóa hơn nhiều. Kiều tôi chỉ nghe nói, có học, sau mới hành chính được, chứ chưa thường thấy lấy việc trị dân để học. Nếu làm như thế tất có hại. Ví như săn bắn có giỏi thì mới bắt được thú dữ. Chưa cưỡi ngựa, chưa bắn cung bao giờ, thì còn e ngại tai nạn, dám đâu nghĩ đến chim muông".

Tử Bì nói: Phải thật. Hổ tôi không nghĩ. Tôi vẫn biết quân tử thì phải nghĩ rộng, trông xa, tiểu nhân thì nghĩ hẹp, trông gần. Tôi thật tiểu nhân. Áo khăn, để che thân, vốn liền vào người, cho nên tôi nghĩ đến ngay. Ấp, quận, quan chức, cũng giúp cho phòng thân, tôi lại khinh thường, không nghĩ tới. Không có lời ông, thì tôi không biết. Trước đây, tôi vẫn muốn để ông trị nước, để tôi trông việc nhà, cho thế là được, từ nay tôi mới rõ tôi cũng còn chưa biết trị nhà, chưa biết yên thân. Vậy, xin từ nay, việc nhà cũng cứ theo lời ông chỉ giáo.

Tử Sản nói: Tâm cũng như diện, không ai giống ai. Tôi đâu dám coi mặt ngài như mặt tôi. Chỉ xin rằng, tâm tôi nghĩ việc nào nguy thì trình bày ngay.

Tử Bì biết là trung trực mới giao cho quyền chính. Thế là từ đấy, Tử Sản coi chính nước Trịnh.

Vệ Hầu ở nước Sở, Bắc Cung Văn Tử thấy uy nghi Lệnh Doãn Vi, nói với Vệ Hầu rằng: Lệnh Doãn như là vua Sở, chắc có chí khác. Dù có được như ý muốn, thì rồi cũng không được chết thường. Trong Kinh Thi có câu: Lúc đầu ai chả hay. Lúc cuối mấy người được hay. Khó mà được hay cho đến cuối. Lệnh Doãn sẽ bất đắc kì tử.

Vua Vệ hỏi: Sao ông biết. Đáp: Trong Kinh Thi có câu: Vua chư hầu uy nghi thận trọng thì làm phép cho dân. Nay uy nghi của Lệnh Doãn không thận trọng (vì tự đắc ngông nghênh) không làm phép cho dân được. Một người mà dân không theo gương được, nay để trị dân thì liệu có sống toàn được không. Vua nói: Phải lắm. Nhưng thế nào là uy nghi. Văn Tử nói: Có uy mà trông đáng sợ, thì gọi là uy. Có nghi mà đáng làm gương mẫu được thì gọi là nghi. Vua có uy nghi của vua: bầy tôi sợ mà yêu, lấy làm phép mà bắt chước, cho nên nước nhờ thế mà vững bền, tiếng truyền lại nhiều đời sau. Bầy tôi có uy nghi của bầy tôi: người dưới sợ mà yêu. Cho nên giữ được quan chức, giúp được họ, coi được nhà. Các hạng bậc khác trong xã hội đều như thế cả. Cứ như thế cả thì người trên, kẻ dưới có thể giúp đỡ nhau. Trong thiên Vệ thi, có câu: Uy nghi đường đại, không có gì đáng chê. Thế nghĩa là vua tôi, trên dưới, cha con, anh em, vợ chồng, lớn nhỏ, đều phải có uy nghi. Trong Chu thi có câu: Bè bạn giúp đỡ ngươi, rất là uy nghi. Câu ấy nghĩa là bè bạn có phận sự với nhau, mà có uy nghi của bè bạn. Trong Chu Thư chép đức vua Văn Vương có câu: Các đại quốc đều sợ thế lực, các tiểu quốc đều mến đức độ. Câu ấy nghĩa là Văn Vương được sợ và yêu. Trong Kinh Thi lại có câu: Tôi chẳng hiểu gì, chẳng hiểu gì tôi cứ theo gương vua. Câu ấy nghĩa là Văn Vương cứ theo gương vua trời. Vua Trụ giam vua Văn Vương trong bảy năm. Tất cả chư hầu đều cứ tuân mệnh Văn Vương khi Vương ngồi tù. Vua Trụ mới sợ và

tha Văn Vương về nước. Thế để biết là Văn Vương được yêu.

Văn Vương phạt nước Sùng. Lần thứ hai, quân đội tới thì dân Sùng hàng và xin làm tôi. Các rợ Man, các rợ Di bảo nhau về hàng. Thế biết là Văn Vương được sợ. Các công nghiệp Văn Vương đều được truyền tụng trong thi ca. Thế biết là Văn Vương được lấy làm phép đến nay vẫn cứ làm phép, vẫn được bắt chước. Vì có uy nghi.

Cho nên người quân tử có quyền vị thì đáng sợ, khi hành động thì đáng yêu, khi tiến thoái thì đáng làm mực thước, công việc đáng làm phép, diện mạo đáng coi. Đức hạnh đáng bắt chước, dáng dấp vui vẻ, cử chỉ lịch sự, ngôn ngữ văn vẻ. Đối với người dưới thì như thế. Thế gọi là có uy nghi.

Hồ Truyện - Đọc Kinh Xuân Thu thì lấy Truyện mà khảo sát. Truyện mà sai lầm, thì bỏ Truyện, tin ở Kinh, như việc Mật Châu. Tả Thị chép là vua nước Cử, Cử Tử, sinh hai con là Khứ Tật và Triển Dư, đã lập Triển Dư làm Thái Tử lại truất phế. Cử Tử tàn ngược, dân Cử lo ghét. Triển Dư nhân người nước mà đánh Cử Tử, giết đi, rồi lên ngôi. Nếu tin Tả Thị, thì ra con giết cha, thế mà không thấy Kinh chép. Cho nên Triệu Khuông bảo là; văn nên chép rằng: Triển Dư nhân người nước đánh Cử Tử (bỏ chữ mà) giết Cử Tử, mới lên ngôi. Rồi về sau, Truyện chép có nhầm một chữ.

Tả Thị vốn là làu thông kinh, sử các nước, kể việc rất tường tận, để cho đời sau được thấy gốc ngọn. Tìm ý văn trong Kinh Thi thì có thể biết các học trò truyền nhau lại, thời gian đã lâu, bản cũ hoặc mất, thiếu sót, như chép việc Tấn Triệu Thuẫn, việc Hứa Thế Tử. Khảo sát kĩ văn Truyện, để tìm hiểu nghĩa Kinh, thì còn được, thì không nghi ngờ Truyện.

Đến như việc người Cử giết vua là Mật Châu, thì riêng dựa vào lời Kinh chép, để chứng minh Truyện đã chép sai, thì cũng được, truyện không nên tin.

Nếu bỏ hết truyện cho là đáng nghi cả, thì không còn biết gốc, ngọn việc.

Nếu tin hết cả Truyện, mà cứ căn cứ vào Truyện, thì ý nghĩa sâu rộng của Kinh, không thông hiểu được.

Vậy cứ cần kẻ học giả biết lựa chọn, khảo sát cho kĩ.

Lưu Sưởng - Tả Thị nói, người Cử giết vua là Mãi Chu Sừ, thế là vua có tội. Bố có tội, con nhân dịp giết bố. Sái Thế Tử Ban giết vua Sái tên là Cố, tội Cố rất lớn. Thế thì sao lại chê Thế Tử. Vả lại kinh chép là Mật Châu, truyện chép là Mãi Chu Sừ. Ta biết theo về đâu.

Trình Tử - Cử Tử tàn ngược. Người trong nước giết đi, mà lập Triển Dư. Triển Dư không tự tay giết, cho nên kinh chép là quốc nhân, người trong nước.

Đọc Xuân Thu: phần Truyện để khảo sát; phần kinh để quyết đoán. Lấy Truyện để khảo sát sự tích của Kinh.

Lấy Kinh để chia rõ: chỗ đúng, chỗ sai của Truyện.

Gia Huyền Ông - Tả Thị nói: người Cử giết vua, là để rõ tội vua. Bỏ tội rất lớn của con, mà quy lỗi về cha, Xuân Thu đâu có thế. Vả lại Lê Tị Công ngược, người trong nước làm loạn mà giết đi. Triển Dư đã bị cha truất phế mà được người trong nước lập lên. Giả sử Triển Dư biết trị tội giặc, sau khi lên ngôi, như thế thì có thể tha thứ được.

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI HAI

昭公

CHIÊU CÔNG

VUA LỖ CHIÊU CÔNG

Khổng Dĩnh Đạt - Theo Thế Phả Lỗ, Chiêu Công tên là Chù, là con Tương Công, và Tề Quy con gái họ Quy nước Tề. Lên ngôi vào niên hiệu Cảnh Vương, năm thứ 4. Theo phép đặt tên thụy, đã có uy nghi mà lại sáng suốt, thì gọi là Chiêu.

Năm Canh Thân. Vua Cảnh Vương, năm thứ 4.

元年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Bình, năm thứ 17. Tề Cảnh, năm thứ 7. Vệ Tương, năm thứ 3. Sái Linh, năm thứ 2. Trịnh Giản, năm thứ 25. Tào Vũ, năm thứ 14. Trần Ai, năm thứ 28. Kỉ Văn, năm thứ 9. Tống Bình, năm thứ 35. Tần Cảnh, năm thứ 36. Sở Giáp Ngao, năm thứ 4. Ngô Di Mạt, năm thứ 3.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA XUÂN, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG LÊN NGÔI

Cốc Thị - Nối ngôi chính thức, thế là được chính.

Gia Huyền Ông - Trong thời Xuân Thu, lên ngôi được chính thì có bốn vua: Văn, Thành, Tương Ai, Nối cha trị nước, Chiêu Công vốn là em Tử Dã: Đại phu Lỗ là Mục Thúc có nói: Thế Tử chết đi, nếu có em cùng mẹ thì em thay, nếu không, thì lập người con lớn tuổi, thay Tử Dã không phải là con phu nhân đích, thế thì không nên cho em thay thế. Các con Tương Công, xem ai hơn tuổi thì lập. Họ Quý Thị, lợi dụng Chiêu Công còn bé, còn yếu thế, mà lập lên. Về việc Ẩn Công xưa được lập, bọn tiên nho đã cho là: ở trong thì Ẩn Công không có vâng lệnh ai, ở trên thì không biết bẩm mệnh ai, cho nên Kinh không chép là "lên ngôi". Nay Chiêu Công là hàng thứ, mà leo lên, thế thì sao lại chép là lên ngôi. Trộm nghĩ ý thánh nhân là để chính rõ cái tội họ Quý, đuổi vua. Họ Quý đã phạm thượng, gây loạn, không còn ai chế ngự. Chiêu Công mới lên để trừ trị. Việc không xong, phải chết ở đất ngoài. Con nối ngôi, lại bị loạn thần đuổi đi, không được ngôi. Nếu không chép là lên ngôi, thì không còn có gì để cho rõ phận vua, phận tôi, không còn có gì để chính đính việc cướp loạn giết hại. Vì những lẽ ấy, cho nên Kinh chép chữ: lên ngôi là để nêu rõ cái lòng muốn dẹp loạn, có khác với lối được đại phu trong triều suy tôn, rồi mà cứ cúi đầu nghe theo đại phu. Đó là một biến lệ về biên chép việc lên ngôi.

叔孫豹會晉趙武楚公子圍齊國弱宋向戌衛齊惡陳公子昭蔡公孫歸生鄭罕虎許人曹人于虢

THÚC TÔN BÁO HỘI TẤN TRIỆU VŨ, SỞ CÔNG TỬ VI, TỀ QUỐC NHƯỢC, TỐNG HƯỚNG THÚ, VỆ TỀ ÁC, TRẦN CÔNG TỬ CHIÊU, SÁI CÔNG TÔN QUY SINH, TRỊNH HÃN HỔ, HỨA NHÂN, TÀO NHÂN, VU QUẮC

THÚC TÔN BÁO HỘI TẠI ĐẤT QUẮC (NƯỚC TRỊNH), VỚI TẤN TRIỆU VŨ, SỞ CÔNG TỬ VI, TỀ QUỐC NHƯỢC, TỐNG HƯỚNG THÚ, VỆ TỀ ÁC, TRẦN CÔNG TỬ CHIÊU, SÁI CÔNG TÔN QUY SINH, TRỊNH HÃN HỔ, NGƯỜI HỨA, NGƯỜI TÀO

Tả Thị - Mùa xuân, công tử Vi nước Sở, tới lễ sính tại nước Trịnh. Lại cưới vợ nhà họ Đoàn. Có đại phu Ngũ Cử làm phó.

Khi công tử sắp tới quán xá, người Trịnh vốn ghét, sai sứ là Tử Vũ, nói với công tử, đặt quán xá ở ngoài cõi. Việc sính lễ xong, công tử định cùng quân đội vào đón dâu, thì Tử Sản lo ngại, bảo Tử Vũ khước từ rằng: Nước tôi bé nhỏ, không đủ sức dung được các người theo hầu. Vậy xin lập đàn tế lễ ngoài cõi. Công tử sai quan Thái Tể là Bá Châu Lê trả lời: Quý quốc đã ban ơn tiếp Vi tôi, lại cho thành hôn với nhà họ Phong. Vi tôi khi đi, đã cáo miếu, lễ các tiên vương. Nay nhà vua cho ngụ tại ngoài cõi, thế là, người mà nhà vua ban ơn bị coi như cỏ rác; Vi đại phu tôi không được liệt vào hàng đại phu như chư hầu. Không những thế mà thôi, lại còn Vi đối với tiên quân đã cáo việc mà việc làm không thành, thì rồi ra, ngay với quả quân tôi, còn được việc gì nữa, vậy đâu còn dám về Sở nữa. Xin các đại phu tính toán hộ cho. Tử Vũ đáp: Tiểu quốc tôi vốn là vô tội. Nay đã dựa theo quý quốc mà chểnh mảng việc phòng bị, thì sẽ thành có tội. Vậy giờ đây, nước tôi được yên tĩnh, cũng là toàn nhờ ở quý quốc. Nếu quý quốc có ý ngầm muốn mưu đồ nước tôi, thì nước tôi không còn trông cậy vào quý quốc. Các chư hầu thấy gương, phải mất tin Sở, và ân hận việc dở dáo. Chư hầu tất là không theo lệnh Sở nữa. Đó, Trịnh tôi chỉ sợ thế thôi. Nếu mà Sở lại không có ý dở dáo gì khác, thì người Sở, dù ở, dù đi, có gì cho chúng tôi ngại mà đến nỗi ngăn việc Sở vào nước tế miếu họ Phong. Ngũ Cử biết là Trịnh có phòng bị, mới xin bỏ đồ binh để vào nước. Trịnh Thuận cho. Tháng giêng, ngày Ất Mùi, Công Tử Vi vào đón vợ rồi ra.

Rồi hội tại đất Quắc, để cùng thề với nước Tống. Kì Ngọ bảo Triệu Văn Tử rằng: Trong việc thề với Tống năm ngoái, người Sở đắc chí với người Tấn. Nay quan Lệnh Doãn (Vi) làm điều bất tín, e chư hầu biết chuyện. Ngài sao không để ý e lại xảy việc "cùng Tống thề", như năm ngoái. Xưa, Tử Mộc Khuất Kiến, làm Sở Lệnh Doãn, có đức tin được chư hầu tin, thế mà còn dối Tấn, để giành ngôi thứ trên Tấn. Huống lần này, Công Tử Vi bất tín, càng ngày càng rõ rệt. Thì Sở sẽ lại tranh trên được Tấn. Đó là điều nhục cho Tấn. Ngài cầm chính nước Tấn, chủ việc hội minh chư hầu, đến nay đã được bảy năm, hai lần họp chư hầu, ba lần họp đại phu, phục được nước Tề, rợ Địch, yên

được các nước phía đông, bình được loạn Tần, xây thành cho nước Kỉ quân đội không hao phí, dân gian không quá sức, không có lời oán hận, chư hầu không trách móc, trời không sinh tai, đó là toàn nhờ sức ngài. Ngài đã được tiếng, thế mà để cho xấu hổ với Sở, thì Ngọ tôi lấy làm lo sợ lắm. Xin ngài nghĩ cho".

Văn Tử nói: "Vũ tôi cảm ơn ông. Tuy nhiên, năm xưa, về việc hội thề với Tống, Sở Tử Mộc tâm vốn muốn reo họa cho người. Vũ tôi tâm vốn giữ mực nhân (yêu người). Vì thế Sở mới trèn được Tấn ta. Lần này. Vũ tôi lại cứ giữ cái tâm ấy. Sở lại làm việc bất tín. Thế thì có hại gì cho nước ta. Vũ tôi cứ lấy tín làm gốc, lúc nào cũng dùng tín, ví như người làm ruộng, cần có cái bừa, cái cày, tuy có năm hạn hán thì cũng có năm đầy đủ. Và lại tôi có nghe nói: đã giữ được tín thì không ở dưới người (thì không bị kém ai). Tôi chỉ sợ chưa đủ đức tín thôi. Thi có câu: Không dối ai, không hại ai, thì người ta tất phải lấy mình làm phép. Đức tín là gì? Là làm phép cho người. Đã làm phép cho người, thì không đứng dưới người. Điều đó cho ta là cố lo được tín, chứ Sở không phải là điều khó.

Lệnh Doãn Sở xin với Tấn làm lễ sinh, giết vật (như bò) để tế và để lấy huyết thề. Nhưng tuyên đọc bản thề cũ, trước khi dùng sinh (Sở ngại Tấn tranh uống máu thề trước Sở, thành ra Tấn địa vị sẽ trên Sở). Người Tấn cũng thuận theo Sở đề nghị. Tháng ba, ngày Giáp Thìn thề. Công Tử Vi nước Sở dàn bày nghi vệ như vua. Lỗ Thúc Tôn Mục Tử nói: Sở Công Tử đẹp thật, trông như vua. Tử Bì nước Trịnh nói: Có quân thị vệ dàn trước. Tử Gia nước Sái nói: Đã dựng được cung thất thì dàn bày thị vệ có gì là lạ. Bá Châu Lê nước Sở nói: Chuyến đi này tự coi như vua. Hành nhân Huy nước Trịnh nói: Đã như thì cứ như mãi, không trở lại như nước nữa. Bá Châu Lê nói: Ngài chắc nghĩ đến việc Tử Triết tiếm loạn. Tử Vũ (Trịnh Huy) nói: Người cầm ngọc đương còn. Mượn ngọc mà không trả, ngài không lo ngại ư. Quốc Tử (tên là Quốc Vũ) nước Tề nói: Tôi vì hai mà ngại ngùng. Công Tử Chiêu nước Trần nói: Có lo mới sinh việc. Có sinh việc thì hai ngài càng thấy hay. Tề Tử nước Vệ nói: Đã lo thì biết phòng ngừa. Thế thì có hại gì. Tả sư nước Tống nói: Đại quốc ra lệnh, tiểu quốc vâng theo. Tôi chỉ biết vâng

theo. Nhạc Vương Phụ nước Tấn nói: Cứ như thiên Tiểu Mân. Kinh Thi thì tôi xin theo. Khi ở hội ra, Tử Vũ (có bảo Tử Bì - Trịnh) rằng: Ngài cùng Sái Tử Gia thì không có gì cả. Thúc Tôn (Lỗ) tính hấp tấp mà lại biết nghe theo (cung thuận Tả Sư nước Tống giảm mà có lễ). Nhạc Vương Phụ nước Tấn văn vẻ mà kính cẩn. Còn như đại phu các nước Tề, Vệ, Trần, thì không khỏi họa được. Quốc Tử thì thay người mà lo. Tử Chiêu thì yên vui trong việc lo. Tề Tử có lo mà không thấy hại. Tất cả đều là có lo, thì cái lo sẽ tới. Thiên Đại Thệ, Kinh Thư có nói: Dân mà muốn là trời theo. Ba đại phu đều đoán có lo thì việc lo sao mà chẳng tới. Nghe lời mà đoán các việc hay dở là thế đó.

Công Thị - Chiêu đây là em Trần Hầu. Sao không chép là em. Vì biếm, chê. Tại sao? Tại giết Thế Tử Yển Sư. Đại phu mà làm việc giết, thì chép là nhân, là người, mà đây thì chép rõ tên, họ là tại sao? Tại coi như bầy tôi thí nghịch vua. Đây đã gọi là bầy tôi thì sao lại còn coi như thí nghịch là người thân thích nhà vua. Vì người thân với vua không làm bầy tôi. Làm bầy tôi thì tất có việc phải giết. Vậy sao không biếm vào lúc thí nghịch. Vì: Cứ coi là người thân mà lại làm việc thí nghịch, thì cái tội càng nặng.

Kinh Xuân Thu không cần phải chê. Cứ triệt địa vị thân thích, thế là tội đã rõ là nặng. Không cần biếm, cứ triệt địa vị là đủ, là đủ thành tội. Nay tội của Chiêu đã nặng rồi. Sao lại còn phải biếm thêm. Là để cho rõ tội thêm. Sao lại cần cho rõ tội thêm. Là vì để cho Sở nhân tội Chiêu, lấy cớ đánh (hỏi tội) Chiêu, để diệt và chiếm cả nước Trần.

Lưu Sưởng - Công Dương nói, Chiêu là em Trần Hầu, không chép là em vì biếm. Công Dương nói thế là bậy. Công Dương cho là cùng một mẹ thì gọi là đệ là em, nhưng không biết rằng không cần lúc nào cũng phải gọi là em, có việc trọng, có việc không trọng. Vả lại tội Chiêu là ở việc giết Thế Tử Yển Sư, chứ không phải ở việc hội tại đất Khoách. Phàm thánh nhân chê, khen, đều tùy theo việc, chứ không chê trước khi việc xảy ra, hoặc đoán trước tội xảy ra. Công Dương lại còn nói: Tội Chiêu đã nặng, đây lại còn phải chê thêm, để cho rõ thêm tội, để Sở

lấy cớ mà diệt cả nước Trần. Công Dương nói thế là bậy. Nay xét: Giết thế tử là bậy. Nhưng diệt nước Trần, đâu có phải tội ở Chiêu. Sở diệt Trần, Xuân Thu đâu lại có buộc tội cho Chiêu.

Cao Kháng - Hội này là Công Tử Vi nước Sở, dóng dả lại phu các chư hầu, để nối hội thề ở Tống. Việc hội thề ở Tống trước, người Tề không dự, nay Tề lại theo Sở, thế đủ biết nghiệp Bá nước Tấn suy rồi.

三 月 取 鄆.

TAM NGUYỆT THỦ VẬN

THÁNG BA, LỖ CHIẾM ĐẤT VẬN

Tả Thị - Quý Vũ Tử đánh nước Cử, chiếm lấy đất Vận. Người Cử báo cáo với hội. Sở bảo với Tấn rằng Hội thề chưa xong, mà Lỗ đã đánh Cử, thế là khinh thường hội, vậy xin làm tội sứ nước Lỗ. Nhạc Hoàn Tử (đại phu Tấn làm phó cho Tấn Triệu Văn Tử) muốn lợi dụng để đòi hối lộ của sứ nước Lỗ là Thúc Tôn Báo, và xin tha cho Thúc Tôn Báo. Tránh tiếng ăn tiền, mới đòi lấy cái đai lưng (có dát ngọc). Thúc Tôn không thuận. Lương Kì Kinh nói: Đổi của cứu người, ngài tiếc của làm gì (Lương Kì Kinh là người nhà). Thúc Tôn nói: Chư hầu mở hội là để bảo vệ cho các xã tắc. Nếu ta lấy của mà được khỏi chết thì nước Lỗ ta tất bị quân tới đánh, thế là ta làm hại nước, còn đâu là nghĩa bảo vệ nữa. Nhà thì có tường để ngăn trộm. Tường mà vỡ, mà xiêu đổ, thì tội ở tường. Ta đã cần che, mà còn làm hại thêm, thì tội ta lại nặng hơn cái tường. Đã đành Quý Tôn đi đánh Cử là đáng trách, nhưng nước Lỗ có tội gì. Thúc thì đi sứ, Quý thì ở giữ nước. Xưa nay vẫn thế. Ta còn trách ai được. Tuy nhiên, không nên chối hẳn, không cho Nhạc Hoàn. Thúc Tôn mới cho gọi người của Nhạc tới, xé áo mình ra, chia cho và nói rằng: Đai nhỏ quá không đáng. Triệu Mạnh biết chuyện nói: Gặp việc lo mà không quên nước là trung. Gặp việc khó mà không quên nước là tín. Mưu nước quên mình là trinh. Kiêm cả ba thứ là nghĩa. Có đủ Trung, Tín, Trinh, Nghĩa, thì sao lại bị giết. Triệu Mạnh mới xin với Sở rằng: Lỗ tuy có tội mà sứ Lỗ

không trốn tránh, sợ uy, tuân mệnh, ngài nên tha cho, thì có thể khuyến khích được mọi người. Ví như các người chấp sự của ngài mà cũng như sứ Lỗ làm việc trong nước thì không dẫm vào nơi bẩn, làm việc ngoài nước, thì không tránh trốn việc khó, như thế thì ngài còn lo gì. Việc đáng lo là: 1) dơ bẩn không quét sạch được, 2) hoạn nạn không sử sự được. Không có hai việc ấy thì không có lo. Không biểu dương hiền năng thì còn ai bắt chước. Thúc Tôn Báo nước Lỗ chính là hiền năng, xin tha cho để khuyến khích kẻ hiền năng. Hội của ngài, mà ngài tha kẻ có tội, thưởng kẻ hiền năng, như thế chư hầu nào không hoan nghênh, không theo về Sở, xa cũng như gần. Khi thời suy, pháp chế, biên giới các nước không còn được như thường nữa, thì cần phải có đức độ các vị Tam Vương, Ngũ Bá, để định lại biên cương, để định lại quan chức, tuyên dương các việc hay, nêu rõ các mệnh lệnh, ai sai thì bị phạt. Nếu thiên hạ chưa được nhất thống, thì phải có những việc như nhà Ngu phạt Tam Miêu, như nhà Hạt phạt các Quan, Hỗ, nhà Thương phạt các nước Tiền, Bì, nhà Chu phạt các nước Từ, Yểm. Từ khi Thiên Tử, không có lệnh, các chư hầu đua nhau, thay nhau chủ hội thề, hội đồng minh, thế thì còn đâu là nhất thống. Xu phụng nước lớn, bỏ rơi nước nhỏ, thế là đủ làm minh chủ, giúp nước nhỏ làm gì. Con như việc đất đai bị xén cắt, nước nào mà chả có việc đó, minh chủ nào mà xét được. Ví dụ như đất Ngô và đất Bộc có sự tranh chấp, liệu nước Sở có giải quyết được không. Cũng như nay việc ranh giới nước Cử, Sở không cần biết đến, chư hầu không dây phiền, như thế có hơn không. Hai nước Lỗ và Cử tranh đất Vận, việc đã xay ra từ lâu rồi, nếu không có hại gì cho xã tắc nước nào cả thì có thể bỏ không chen vào. Bỏ điều phiền, làm điều hay, ai chả đua theo. Xin ngài nghĩ cho". Thế rồi cứ cố xin. Sở nghe và hứa tha, và tha Thúc Tôn Báo.

Lệnh Doãn nước Sở thết tiệc Tấn Triệu Mạnh. Cho hát chương đầu theo Đại Minh Kinh Thi. Triệu Mạnh cho hát chương thứ hai thơ Tiểu Uyển. Tiệc xong, Triệu Mạnh bảo Tấn, Thúc Hướng rằng Lệnh Doãn Sở hành vi như vua, ông nghĩ sao. Thúc Hướng trả lời: Chủ thì yếu, Lệnh Doãn thì mạnh. Đạt mục đích được

đấy. Nhưng rồi cuối cùng, không ra gì. Triệu Mạnh hỏi tại sao. Thúc Hướng nói: Cứng thì thắng mềm, rồi quen sống ở trong cứng, làm điều bất nghĩa. Bất nghĩa mà lại cứng thì chỉ chóng chết. Trong kinh thi có câu: Rực rỡ là kinh đô nhà Chu, Bao Tự diệt đi. Đó cương mà bất nghĩa như thế đó. Lệnh Doãn tự coi như vua, thế tất phải cần đến chư hầu. Tấn đã hơi yếu rồi, chư hầu sẽ tới Sở. Nếu lệnh Doãn công tử Vi mà được chư hầu thì lại càng tàn ngược hơn. Dân không chịu được, thì Lệnh Doãn chết tự nhiên sao được. Xét lấy cứng mà thắng, lất bất nghĩa mà được, thì theo con đường ấy. Đường đi mà cứ bừa bãi, cứ tàn ngược, thì không thể lâu được.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, tháng tư, Triệu Mạnh, Thúc Tôn Báo, Tào đại phu (từ Quắc trở về nước) đi vào nước Trịnh. Trịnh Bá mời cả ba dự một bữa tiệc. Trịnh Tử Bì báo cho Triệu Mạnh. Triệu Mạnh sau khi được tin mời, hát thơ Hồ qua Kinh Thi. Tử Bì báo cho Mục Thúc (Thúc Tôn Báo) và nói cho biết bài thơ Hồ qua. Mục Thúc nói: Triệu Mạnh ý muốn được chúc rượu một lần thôi. Liệu ngài có theo không. Tử Bì nói, đâu dám. Mục Thúc nói, người ta ưng như thế, sao lại không dám. Khi tiệc dọn, có để dưới trướng các li bằng trúc, bằng gỗ đủ cho, năm lần chúc rượu (y như cho sứ tới việc công). Triệu Mạnh từ chối không dám đương và nói riêng với Tử Sản: Vũ tôi đã xin với chức Tê rồi (Tử Bì). Thế là dùng có một lần chúc rượu. Triệu Mạnh được là khách quý. Lễ nghi xong mới đến tiệc. Mục Thúc hát bài Thước Sào (ý nói nước Tấn yên vui là nhờ tay Triệu Mạnh). Triệu Mạnh nói, tôi đâu có đáng. Mục Thúc lại hát bài Thái Phiên, rồi nói: Nước Lỗ tôi là Phiên, nếu đại quốc ưng thích, muốn hát, xin cứ việc. Rồi hát đến chương cuối thơ Dã hữu tử quân. Triệu Mạnh thì hát thơ Thường đệ và nói: Chúng ta là anh em đứng sát nhau mà yên, đừng để cho chó sủa. Mục Thúc và Tử Bì và đại phu Tào, cùng đứng dậy vái Triệu Mạnh, nâng li sừng, rồi nói: Chúng tôi, tiểu quốc nhờ ngài, khỏi bị phạt, (phạt rượu vì vô ý, hay thiếu sót). Rồi cùng uống rượu, cùng vui vẻ. Triệu Mạnh khi rời tiệc có nói không bao giờ tôi được thấy tiệc vui này nữa.

Thiên Tử sai Lưu Định Công mừng Triệu Mạnh ở gần sông

Dĩnh. Triệu Mạnh nghỉ lại ở khúc quanh sông Lạc. Lưu Định Công nhìn khúc sông nói: Công nghiệp vua Vũ to thật. Đức sáng vua rọi lâu mà xa. Không có vua Vũ ta thành loài cá. Chúng ta đây, được đội mũ miện, mặc áo triều, cai trị dân, giao thiệp các nước, là nhờ vua Vũ. Ngài cũng nên tiếp tục công vua Vũ để giúp dân. Triệu Mạnh đáp: Tôi già rồi. Tôi sợ nhất là vu cáo và hình phạt. Sao mà che chở, giúp đáp cho lâu, cho xe được. Bọn chúng ta ăn hôm nay, là biết có hôm nay. Làm buổi sáng không nghĩ đến buổi chiều. Công của tôi như thế sao lâu dài được. Lưu Công khi về Kinh, tâu với Thiên Tử có nhắc: Người già, sắp đến lúc được khôn, thì bị lẫn lộn sút kém. Đó là trường hợp Triệu Mạnh chăng. Mình là chính khanh nước Tấn, tức là chủ chư hầu, thế mà tự cho cùng hàng với hạng tôi tớ. Sáng không nghĩ đến chiều. Chán nản, người cùng thần. Thế thì thần linh phải giận, mà người không ưa. Có lẽ không được thấy sang năm. Thần giận thì không hưởng lễ. Dân phản thì không theo lệnh. Việc công, việc tế, đều bỏ. Sống lâu sao được.

Khi Thúc Tôn về tới Lỗ, có Tăng Yểu đánh xe cho Quý Tôn tới mừng. Đợi từ sáng đến trưa không được tiếp. Thúc Tôn cứ ở trong nhà không ra. Tăng Yểu mới nói với Tăng Phụ (gia thần của Thúc Tôn): Chúng tôi đợi từ sáng đến trưa. Chúng tôi biết tội rồi. Lỗ mạnh nhờ sức đoàn kết. Ở ngoài nước thì đoàn kết, ở trong nước thì không chịu được nhau, thế thì còn dùng được việc gì. Phụ đáp: Các ông chờ mấy tháng ở nước ngoài còn được, huống chi mới có một buổi sáng, có ngại gì. Người lái buôn muôn có nhiều lời có ngại tiếng chợ ồn ào không. Phụ nói với Thúc Tôn: Ngài nên ra tiếp. Thúc Tôn chỉ vào cột nhà nói: Dù ta có ghét những cột này, nhưng không bỏ được. Thế rồi ra tiếp.

Từ Ngô Phạm nước Trịnh có người em gái đẹp lắm. Công Tôn Sở (Tử Nam) cháu gọi Mục Công bằng ông muốn xin hỏi. Công Tôn Hắc cũng sai người đem ngỗng tới ép dạm. Từ Ngô Phạm sợ, mới báo cho Tử Sản biết. Sản nói: Chỉ vì nước không có chính phủ. Không phải chỉ có một mình ngài phải lo. Bây giờ chỉ có cách tùy cô dâu chọn. Phạm mới nói với hai đám để cô em chọn. Hai đám ưng thuận. Tử Tích (Công Tôn Hắc) ăn

mặc thật sang đi vào sân nhà họ Phạm, bày la liệt các đồ lễ, rồi ra đi. Tử Nam thì ăn mặc đồ binh, tới bắn sang phải, bắn sang trái, rồi ra đi. Thiếu nữ ở trong phòng nhìn thấy rõ ràng: Tử Tích thì đẹp, nhưng Tử Nam trượng phu. Đã là vợ chồng thì chồng ra chồng, vợ ra vợ. Thế là kén Tử Nam. Tử Tích giận lắm. Ít bữa sau, đeo cung tên, mang giáp, tới gặp Tử Nam, muốn giết để cướp vợ. Nam biết ý cầm giáo đuổi. Tới ngã ba, đâm cho một nhát. Tử Tích bị thương quay về. Tử Tích đi kiện rằng; Tôi tới chơi. Không biết hắn có ác ý. Tôi bị thương. Các quan họp bàn. Tử Sản nói: Bên nào cũng có lẽ phải. Nhưng người trẻ, ít tuổi, mà chức kém hơn là có lỗi. Vậy Sở (Tử Nam) có tội.

Tử Sản cho bắt Tử Nam kể các tội như sau: Trong một nước, có năm tiết lớn, mà ngươi phạm cả: Phải sợ uy vua. Phải tuân theo chính lệnh. Phải tôn hạng quý. Phải nhường người có tuổi hơn. Phải săn sóc đến họ hàng. Có đủ năm tiết ấy mới có nước. Nay vua đang ở trong thành, mà ngươi dùng đến đồ binh, không sợ uy vua, không sợ phép nước, trái luật, không tuân chính lệnh. Tử Tây chức cao, ngươi chức kém, không nhường thế là không tôn hạng quý. Còn trẻ hơn, mà đâm người ta, thế là không kính người có tuổi. Cầm giáo đánh người anh họ, thế là không săn sóc họ hàng.

Vua bảo Tử Nam: Ta không nỡ xử tử. Ra ơn cho đi tránh xa đi. Vậy đi ngay đi. Đừng làm cho nặng tội thêm. Tháng năm, ngày Canh Thìn, Trịnh đuổi Du Sở (Tử Nam) sang nước Ngô. Trước khi cho đi, Tử Sản hỏi Thái Thúc (cháu Tử Nam), Thái Thúc nói: Cát tôi đến thân cũng không cáng nổi, huống chi người trong họ. Việc này ăn vào quốc chính không phải riêng cho một họ. Xin ngài xét rộng ra cả nước Trịnh. Nếu lợi cho nước thì cứ cho Tử Nam đi, còn nghi ngại gì. Chu Công giết Quản Thúc mà đày Thái Thúc, có phải là Chu Công không yêu đâu. Nhưng phải nghĩ đến lợi hại cho vương thất. Nếu tôi mà có tội ngài cứ đày tôi đi. Sao còn cứ ngại đến họ Du.

Công Thị - Vận ở đâu? Là ấp trong nước. Chép là lấy là vì không theo.

Hồ Ninh - Vận là ấp đất Cử. Đánh nước mà chiếm đất. Cứ

phép vua là có tội. Lỗ, nhân Cử có loạn, chiếm lấy ấp. Cho nên lời chép kiêng tránh, dùng chữ lấy, có khác với chép việc nước ngoài. Bảo Vận là ấp trong nước là nhầm.

夏秦伯之弟鍼出奔晉

HẠ, TẦN BÁ CHI ĐỆ KIỀM, XUẤT BÔN TẤN

MÙA HẠ, EM VUA TẦN LÀ KIỀM CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TẤN

Tả Thị - Hậu Tử (Kiềm) nước Tần được cha là Hoàn Công yêu quý. Hoàn Công chết rồi, Hậu Tử như vua thứ hai đối với anh là vua Cảnh Công. Mẹ phải bảo: Nếu con không đi, thì mẹ e con bị vu tội. Ngày Quý Mão Kiềm đem nghì cỗ xe dời sang Tấn, Sử chép: Kiềm em cùng mẹ với vua Tần chạy sang Tấn, thế là ý buộc tội vua Tần Hậu Tử thết tiệc vua Tấn, đặt cầu nối trên sông Hoàng. Đặt trạm đỗ xe, mười dặm một trạm từ đất Ung đến đất Giáng (khoảng nghìn dặm). Cho xe về Tần lấy rượu và đồ quý. Xe đi lại tám lần. Tư Mã Hầu (Tấn) hỏi Kiềm: Xe ngài có cả ở đây không. Đáp: Xe thì nhiều. Nếu có ít hơn, thì đâu tôi có dịp yết kiến vua Tấn (nghĩa là tôi không phải chạy trốn). Nhữ Thúc (Tư Mã báo cáo vua Tấn và có nói: Con Hoàn Công rồi trở về Tần. Tôi nghe nói người khôn thường biết lỗi mình, tất là biết định liệu. Biết định liệu thì trời giúp. Hậu Tử yết kiến Triệu Mạnh. Triệu Mạnh nói: Thưa ngài, sao ngài không trở về Tần, Hậu Tử nói: Kiềm tôi sợ tội với quả quân, cho nên tôi ở đây đợi có người nối ngôi. Triệu Mạnh hỏi: Vua Tần thế nào. Đáp: Không có đường lối. Hỏi: Liệu có hỏng không. Đáp: Hỏng sao được. Một đời không đường lối, thì nước chưa mất được. Đã có trời giúp, có đất giúp. Nếu không hỏng luôn nhiều đời, thì nước không mất được. Triệu Mạnh hỏi trời giúp Tấn ư. Hậu Tử đáp: Có. Hỏi trời giúp bao nhiêu lâu nữa. Đáp: Khi chính trị không có đường lối mà mùa vẫn được, thế là có trời giúp. Ít khi chết trước năm năm. Triệu Manh Quang mặt nhìn vào bóng râm nói: Từ sáng đến chiều, bóng chuyển và đổi luôn. Ai chờ được năm năm. Hậu Tử khi lui ra, có nói với mọi người: Triệu Mạnh sắp chết. Làm chủ dân mà không muốn tính năm, chỉ mong từng ngày, thì còn sống được bao lâu.

Phụ lục Tả Truyện - Ở nước Trịnh có loạn vì Du Sở, tháng sáu, ngày Đinh Tị, Trịnh Bá cùng các đại phu, thề ở nhà Công Tôn Đoàn, trong thành. Hãn Hổ, Công Tôn Kiều, Công Tôn Đoàn, Ấn Đoàn, Du Cát, Tứ Đái (tất cả 6 vị) làm một bản thề riêng ở ngoài cửa Khuê Môn, gọi là Huân Toại. Công Tôn Hắc (Tứ Tích) lấy thế lực đòi dự thề, bắt Thái Sử biên tên mình (thành 7 tên). Tứ Sản không ngăn.

Công Thị - Tần không có đại phu. Sao đây lại chép. Là vì làm quan ở Tấn. Có một nước nghìn cỗ xe mà không dung được em cùng mẹ, cho nên chép là chạy trốn.

Cốc Thị - Hạng tôn thân của chư hầu, đến như em, mà anh không che chở. Gọi là em là thân rồi. Thân mà để cho chạy trốn, thì đáng chê.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn rằng, Tần không có đại phu. Mà cho làm quan ở Tấn. Nước có nghìn cỗ xe, mà không dung nổi người em cùng mẹ, cho nên người quân tử cho là chạy trốn. Công Dương bàn thế là sai. Cứ theo như truyện thì nên chép rằng: Tần Bá đuổi em là Kiềm tới nước Tấn. Nay kinh chép là chạy trốn, thì đâu có thấy Tần Bá cho đi làm quan ở Tấn. Thế mà bảo Tấn không có đại phu là lời bịa đặt.

Gia Huyền Ông - Trong nước nghìn cỗ xe, mà em vênh vang, xe nhiều hơn anh. Kiềm thật là quá lạm. Chép là em vua Tần là trách vua Tần mà cũng chê Kiềm nữa. Còn mẹ bảo chạy đi, thì thật là có trí thức, rồi khi về được nước, thì cũng nhờ mẹ hiền.

Xét - Vua Tần mất cái đạo đối với người thân, cả bốn truyện đều kết tội. Riêng Gia Huyền Ông cho là kiêm cả chê Kiềm. Vì sợ tội mà trốn thì không phải vô tội. Cả hai thuyết hợp nhau thì nghĩa mới đủ.

六 月 丁 巳 邾 子 華 卒

LỤC NGUYỆT, ĐINH TỊ, CHÂU TỬ HOA TỐT

THÁNG SÁU, NGÀY ĐINH TỊ, CHÂU TỬ, VUA NƯỚC CHÂU TÊN LÀ HOA MẤT

晉 荀 吳 帥 師 敗 狄 于 大 鹵

TẤN TUÂN NGÔ, SUẤT SƯ BẠI ĐỊCH VU ĐẠI LỖ

TUÂN NGÔ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH TAN ĐỊCH Ở ĐẠI LỖ

Chữ Lỗ, họ Công, họ Cốc viết là Nguyên.

Tả Thị - Tấn Trung Hàng Mục Tử đánh được rợ Vô Chung (Sơn Nhung) và một bọn địch ở Thái Nguyên, vì lấy thêm nhiều bộ binh. Khi sắp chiến, Ngụy Thư nói: Bên địch là bộ binh. Ta thì đánh bằng xe. Xe ta sẽ bị đất mấp mô ngăn trở. Ta cứ lấy 10 bộ tốt thay một chiếc xe, nhất định thắng. Dù có đi sâu vào nơi hiểm trở cũng cứ thắng. Vậy tôi xin dùng toàn bộ tốt. Tôi xin đi đầu Ngụy Thư, bỏ xe thay bằng từng toán bộ tốt, cứ năm xe thay bằng ba đội. Một người thân tín của Tuân Ngô không chịu đi bộ. Ngụy Thư lập tức xử trảm làm gương cho toàn quân. Tuân Ngô lập được năm đoàn đặt cách nhau. Tiên phong là những đội Lương. Chằn Hậu là những đội Ngũ. Góc bên hữu là những đội Chuyên. Góc bên tả là những đội Tham. Tiền đội là đội Biến. Thế là Tuân Ngô ra khiêu chiến. Quân địch trông thấy chê cười, chưa giàn trận xong, thì bị đánh, và bị đánh tan.

Công Thị - Đây là Đại Lỗ. Sao lại gọi là Thái Nguyên. Đất cùng vật thì theo Trung Quốc, tên người ấp thì theo chủ nhân. Nguyên là gì. Là mặt trên bằng phẳng. Nếu cả dưới bằng phẳng thì gọi là "thấp"

Cốc Thị - Truyện chép rằng, Trung Quốc gọi là Thái Nguyên. Di địch gọi là Đại Lỗ. Hiệu thì theo Trung Quốc, tên thì theo chủ nhân.

秋莒去疾自齊入莒
THU, CỬ KHỨ TẬT TỰ TỀ NHẬP CỬ
MÙA THU, KHỨ TẬT NƯỚC CỬ DỜI TỀ TRỞ VỀ NƯỚC CỬ

Tả Thị - Triển Dư được lập làm vua nước Cử, thì cách bỏ quan chức của các Công Tử con vua trước. Bọn Công Tử mới triệu Khứ Tật ở Tề về. Mùa thu, Tề Công Tử Sừ, đem Khứ Tật về Cử. Triển Dư chạy sang nước Ngô.

莒展輿出奔吳
CỬ TRIỂN DƯ XUẤT BÔN NGÔ
TRIỂN DƯ NƯỚC CỬ CHẠY TRỐN SANG NGÔ

叔弓帥師疆鄆田
THÚC CUNG SUẤT SƯ, CƯƠNG VẬN ĐIỀN
THÚC CUNG NƯỚC LỖ CẦM QUÂN ĐỊNH CƯƠNG GIỚI ĐẤT VẬN

Tả Thị - Thúc Cung cầm quân đi định lại cương giới đất Vận, là nhân loạn nước Cử. Khi đó, ở nước Cử, Vụ Lâu, Mậu Hồ, và Công Tử Diệt Minh, đem các ấp Đại Mang và Thường Nghi Mi, chạy tới nước Tề. Người quân tử bàn: Tử Triển mà không ở ngôi được vì đã bỏ người, không dùng. Người có bỏ được không. Kinh Thi có câu: Không gì mạnh bằng người. Câu thật đúng.

葬邾悼公
TÁNG CHÂU ĐIỆU CÔNG
LỄ CHÔN CHÂU ĐIỆU CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu ốm. Trịnh Bá sai Công Tôn Kiều (Tử Sản) sang thăm về bệnh. Thúc Hướng nhân tiện hỏi:

Theo lời thầy bói thì bệnh vua tôi do hai tên Thực Thẩm và Đài Thai. Hỏi Thái sử thì không rõ. Dám xin hỏi ông đó là vị thần nào. Tử Sản nói: Xưa họ Cao Tân có hai con. Anh tên là Át Bá, em là Thực Thẩm. Anh em ở Khoáng Lâm không hợp nhau. Ngày ngày cầm mộc giáo đánh nhau. Vua ghét cách cư xử đó mới thiên Át Bá đến Thương Khưu, công việc là thờ vị sao Thần. Dân xứ Thương Khưu nhân đó cũng thờ, mà vì thế sao Thần cũng gọi là sao Thương. Vua thiên Thực Thẩm đến Đại Hạ, công việc là thờ vị sao Sâm. Dân đất Đường vốn dòng giống Cao Tân, cũng bắt chước thờ và phục sự họ Hạ, họ Thương. Vua cuối là Đường Thúc Ngu (con Vũ Vương, em Thành Vương). Khi Ấp Khương, vợ Vũ Vương đang có chửa Thái Thúc thì nằm mê thấy trời bảo ta muốn cho con sinh ra tên là Ngu, ta cho đất Đường, ta sai thờ sao Sâm, và cho con cháu được đông. Khi con sinh ra, trong bàn tay có sẵn chữ Ngu, vậy đặt tên là Ngu. Rồi đến đời Thành Vương, vua diệt họ Đường mà phong Thái Thúc (con Thái Thúc được đất Tấn). Vì thế Sâm là sao nước Tấn. Coi đó, thì biết Thực Thẩm là Sâm thần.

Xưa, họ Kim Thiên, tức là vua Thiếu Hạo, có người con cháu xa tên là Muội, giữ chức quan là Huyền Minh Sư, sinh hai con là Doãn Khác và Đài Thai. Đài Thai nối được nghiệp cha, có tài. Sửa cho thông hai con sông, Phần và Thao, đắp đê hồ Đại Trạch, dân tới ở dưới nơi bình nguyên. Vua Xuyên Húc ban khen và phong cho ở đất Phần Xuyên. Các vua Thẩm, Tự, Nhục Hoàng (con cháu nối dõi) thờ tự đều đều. Nay Tấn vẫn có đồ lễ với các vị đất Phần mà lại triệt bỏ các thần linh đất Thẩm, Tự, Nhục, Hoàng. Do đó biết Đài Thai Tức là Phần thần vậy. Nhưng hai vị ấy Thực Thẩm và Đài Thai không có chút ảnh hưởng gì đến bệnh tật nhà vua. Khi có lụt hạn, dịch, tễ thì cúng tế thần núi, sông để tránh tai họa. Khi tuyết, sương, gió, mưa không đúng mùa thì cúng lễ nhật, nguyệt, tinh, để cầu khỏi nạn. Còn sức khỏe của nhà vua là tùy ở sự đi lại, ăn uống, vui buồn. Thần núi sông, nhật nguyệt tinh có làm gì được đến thân thể. Kiều tôi nghe nói: Minh quân ngày có bốn buổi: Sớm coi chầu nghe chính, ngày xem xét nghe hỏi, chiều ban lệnh, tối nghỉ ngơi. Thế là chia thời gian, dùng đều khí huyết, không

để cho ngưng trệ, tích đọng, sinh gầy gò đến rơ cả xương cốt. Rồi tâm không được tỉnh táo, trí không được sáng suốt. Hay là nhà vua đã không khéo chia thời gian mà sinh bệnh chăng.

Kiều tôi nghe nói không nên cho vào cung người đàn bà nào đồng tông. Con cái sẽ không nuôi được. Tình ái ân lúc đầu thì mạnh đấy, nhưng về sau sinh tật bệnh. Cho nên người quân tử ghét vợ chồng đồng tông. Trong sách cũ nếu không biết họ thì bói.

Người xưa cẩn thận về hai điểm: chia thì giờ làm việc và vợ chồng cùng họ. Vợ chồng phải khác họ, đó là việc quan trọng về lễ nghi. Nay trong cung vua có đến bốn người cùng họ. Hay là nguyên bệnh vì thế chăng. Nếu vì hai nguyên nhân đó, thì bệnh chữa sao được. Chỉ có bỏ bốn người đi, thì còn được, nếu không thì cứ bệnh mãi. Thúc Hướng nói: Hay thật. Tôi chưa từng được nghe nói bao giờ. Tất cả đều đúng.

Thúc Hướng đi ra. Người tùy tùng sứ bộ tên là Huy theo sau. Thúc Hướng hỏi về công việc Trịnh, hỏi cả về Tử Tích. Huy đáp: Tử Tích có còn được lâu đâu. Người mà không giữ lễ, cứ thích ở trên người. Ỷ vào của, khinh người trên, lâu sao được.

Tấn Hầu nghe nói lại những lời của Tử Sản, có nói: Đó là vị bác vật quân tử. Rồi tặng cho nhiều đồ vật.

Vua Tấn cho tìm một thầy thuốc ở nước Tần. Tần Bá sai Y Hòa sang Tấn coi bệnh. Hòa coi xong nói: Bệnh này không chữa được. Khi người bệnh tới phòng thê thiếp thì như là mê hoảng. Sự mê hoảng, sự mất trí, không phải vì quỷ thần, cũng không phải vì thương thực. Vị lương thần sắp chết, trời không giúp. Vua Tấn hỏi: Đàn bà không được gần ư. Đáp: Cần cho đúng mức. Các tiên vương đặt ra nhạc, cốt cho trăm việc đều đúng mức. Trong âm nhạc có năm tiết. Nhanh chậm nối nhau không ngừng, từ đầu đến cuối, thanh nào đúng thanh ấy. Sau năm tiết thì thôi. Nếu tay còn để vào, tức là quá. Tai khoan khoái. Tâm khoan khoái. Nhưng trí óc mờ rồi, mất bình hòa. Người là quân tử thì không nghe âm nhạc ấy nữa. Mọi việc đều như thế. Khi đã quá thì phải thôi. Nếu không, sẽ bị bệnh.

Quân tử mà cầm đến đàn bà là để tiết dục, chứ không phải để gợi dục.

Thời gian chia ra sáu cách khác nhau, tức là trời có sáu khí. Sáu Khí sinh ra năm vị. Năm vị sinh năm màu. Năm màu sinh năm tiếng. Thái quá sinh ra sáu thứ bệnh. Sáu khí của trời là: Rét, nóng, gió, mưa, tối, sáng, chia ra bốn mùa, và thứ tự năm tiết trong một năm. Khi sáu khí bị quá, thì sinh nhiều tai. Rét quá sinh cảm hàn. Nóng quá sinh cảm thử. Gió quá sinh tê thấp. Mưa quá sinh đau tâm phúc. Tối quá trí thành mờ ám. Sáng quá trí thành mỏi mệt. Đàn bà gần đàn ông về đêm tối. Dùng quá thì sinh bệnh nội nhiệt, bệnh cổ. Trí thành mờ ám mê sảng. Nhà vua dùng vô độ, vô thời, sao mà không ốm như thế này được.

Thầy thuốc xin rút lui, và cáo Triệu Mạnh. Triệu Mạnh hỏi: Ông có nói đến Lương thần. Vậy ai là lương thần. Đáp: chính là ngài đấy. Ngài trị nước trong tám năm nay. Trong nước không có loạn. Các chư hầu không thiếu sót. Ngài đáng được gọi là lương thần. Nhưng Hòa tôi được nghe nói: Đại thần được ân vua, được sủng lộc, nhiều chức vụ lại quan trọng. Nếu có một tai họa gì mà lại không từ giảm được, thì mình chịu trách nhiệm. Nay nhà vua vì thái quá, không tiết dục, mà sinh bệnh, rồi đây sẽ không trông coi được xã tắc. Thế là tai họa lớn rồi. Ngài không ngăn được, cho nên tôi nói ngài chết. Triệu Mạnh hỏi: Ông nói Cổ là bệnh thế nào? Đáp: Cái gì thái quá là cổ, như quá thiên về tình, hoặc lầm lỡ, hoặc rối loạn. Xét về văn tự, chữ cổ ghép lại bởi hai chữ mạnh và trùng. Con sâu sinh trong hột lúa, để lâu gọi là cổ. Trong Kinh Chu Dịch, người con gái mê hoặc người con trai, gió to làm đổ núi, thì gọi là cổ. Mọi vật đều giống nhau cả.

Triệu Mạnh nói: Thật là lương y. Hậu đãi rồi cho về. (Khoáng Lâm, tên khuyết, chưa biết ở đâu. Thương Khưu, đất nước Tống. Đại Hạ, nay ở Thái Nguyên. Phần, Thao, tên sông. Thẩm, Tự, Nhục, Hoàng, bốn nước dòng dõi Đài Thai).

冬十有一月己酉楚子麇卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, KỈ DẬU, SỞ TỬ QUYỀN TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY KỶ DẬU, VUA SỞ LÀ QUYẾN MẤT

Tả Thị - Công Tử Vi nước Sở sai Công Tử Hắc Quang và Bá Châu Lê sửa sang các thành Su, Lịch và Cáp cho kiên cố thêm. Người Trịnh lo. Tử Sản nói: Không ngại. Lệnh Doãn sắp làm việc lớn, trước hết hãy trừ hai người đi, họa không tới Trịnh. Có gì mà lo. Mùa đông, Công Tử Vi nước Sở muốn sang Trịnh lễ sính. Ngũ Cử đi theo. Vi, chưa ra khỏi nước thì được tin vua Sở ốm, thế là trở lại. Ngũ Cử một mình cứ đi rồi sang Trịnh. Tháng 11, ngày Kỉ Dậu, Công Tử Vi tới kinh đô Sở, vào thành thăm vua, rồi thắt cổ vua chết, rồi giết cả hai người con trong các con vua là Mạc và Bình Hạ. Quan Hữu Doãn là Tề Can, chạy trốn sang nước Tấn. Viên chức coi xe vua là Cung Cứu Doãn, Tử Tích, chạy sang nước Trịnh. Vi giết cả Thái Tử, Bá Châu Lê, ở Cáp. Rồi chôn vua Sở ở Cáp, gọi là Cáp Ngao (Ở Sở, vua chết, không có tên thụy, đều gọi là Ngao). Sai sứ tới Trịnh cáo phó. Ngũ Cử khi đó ở Trịnh, hỏi sứ ai nối ngôi. Đáp là đại phu Vi, Ngũ Cử bảo chữa lại là Vi, con Cung Vương, hiện là chưởng họ. Tử Can từ Sở chạy sang Tấn, đem theo năm chiến xa. Ở Tấn, Thúc Hướng cung cấp cho ngang với Tần Công Tử để mỗi người có thể nuôi được trăm sĩ tốt. Triệu Văn Tử nói: Tần Công Tử giàu. Thúc Hướng nói: Trợ cấp tùy theo đức. Khi đức đều thì so tuổi. Khi tuổi đều thì so chức. Đối với các Công Tử thì so sánh nước mạnh yếu, chứ không so giàu. Công Tử mà rời nước, đi với nghìn cỗ xe là mạnh lắm. Kinh Thi có nói: Không áp bức quan quả, không sợ kẻ mạnh, kẻ hung. Tần và Sở đều là một loại. Thúc Hướng cho Tử Can, với Hậu Tử vào một hàng theo tuổi. Hậu Tử (lớn tuổi hơn) từ chối (không dám đứng trước Tử Can) và nói: Kiềm tôi sợ tội. Công Tử thì ở Sở không yên. Cho nên cả hai chúng tôi cùng tới. Một người đã thành bầy tôi. Một

người là khách. Cho ngang hàng sao được. Sử Dật có nói: Chả lấy lễ đối với khách thì còn đối với ai.

Sở Linh Vương lên ngôi (Công Tử Vi). Vi Bãi làm Lệnh Doãn. Vi Khải Cương làm Thái Tể. Du Cát nước Trịnh sang Sở để dự lễ táng Cáp Ngao, và để yết kiến vua Sở mới. Khi về Trịnh, có nói với Tử Sản: Vua Sở ngông lắm, rồi không bao lâu sẽ họp chư hầu. Ta sửa soạn hành lí đi dự. Tử Sản nói: Chưa được. Phải hàng năm.

Khổng Dĩnh Đạt - Truyện thì chép thắt cổ mà giết đi. Kinh thì chép là mất. Tương Công, năm thứ 7, Tử Tứ nước Trịnh sai giặc đêm giết Hi Công, rồi cáo phó cho chư hầu là vua bị ngược tật, thì Kinh cũng chép là mất. Đây cũng cáo phó là ngược, cho nên không chép là bị giết.

Xét - Vi bắt Khánh Phong, ở giữa quân đội, vạch tội giết vua, thì cái việc giết Quyền (vua Sở) đương thời tất là giấu kín, mà cáo phó dối dá, cho nên sử Lỗ cứ phải theo cáo phó mà chép. Xuân Thu nhân có sử Lỗ mà không đổi. Cùng ý nghĩa với việc chép Khôn Ngoan mất. Hồ truyện bàn rằng, Vi nhờ cướp ngôi, giết vua, ma lên ngôi, thế mà chủ hội minh, cho nên thánh nhân thương các nước suy hèn, sợ người ta noi gương xấu, mới lược qua việc thoán, thí. Như thế là mất lề lối nhất định của Kinh.

楚公子比出奔晋
SỞ CÔNG TỬ TỊ XUẤT BÔN TẤN
CÔNG TỬ TỊ NƯỚC SỞ CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TẤN

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, Tấn đã tế Chưng. Triệu Mạnh sắp đi tới Nam Dương, để tế Mạnh Tử Dư (tức là Triệu Thôi, tổ Triệu Mạnh). Ngày Giáp Thìn, mùng một, tế Chung ở đất Ôn xứ Nam Dương. Ngày Canh Tuất, mất. Trịnh Bá sang Tấn điếu. Đi tới đất Ung thì trở lại (vì họ Triệu xin từ không dám đương).

Hà Hưu - Tránh nạn trong nước.

Cao Kháng - Linh Vương đã giết. Là con vua mà tự lập

làm vua. Tị giữ chức Hữu Doãn. Sức không hay chế nổi, mới phải chạy trốn. Xuân Thu chép việc là khơi mào việc Can Khê, 13 năm sau.

Năm Tân Dậu. Vua Cảnh Vương năm thứ 5.

二 年
NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 2

Tấn Bình, năm thứ 18. Tề Cảnh, năm thứ 8. Vệ Tương, năm thứ 4. Sái Linh năm thứ 2. Trịnh Giản, năm thứ 26. Tào Vũ, năm thứ 15. Trần Ai, năm thứ 29. Kỉ Văn, năm thứ 10. Tống Bình, năm thứ 36. Tần Cảnh, năm thứ 37. Sở Linh Vương Kiền, năm đầu. Ngô Di Muội, năm thứ 4.

春 晉 侯 使 韓 起 來 聘
XUÂN, TẤN HẦU SỬ HÀN KHỞI LAI SÍNH
MÙA XUÂN, TẤN HẦU SAI HÀN KHỞI TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Năm thứ 2, mùa xuân, Tấn Hầu sai Hàn Khởi tới Lỗ lễ sính. Mà cũng báo là mình bắt đầu cầm chính quyền. Yết kiến vua Lỗ. Theo lễ là như thế. Khi được coi sách ở viện Thái sử, khi đã thấy Kinh Dịch và Xuân Thu nước Lỗ (sử nước Lỗ) thì Hàn Khởi nói: Tất cả pháp chế nhà Chu đều biên chép giữ ở Lỗ. Bây giờ tôi mới biết rõ đức của Chu Công, và nhà Chu được hưởng mệnh trời là vì sao. Vua Lỗ thết tiệc. Quý Vũ Tử đọc chương cuối thơ Miên. Hàn Tử đọc thơ Giác Cung. Quý Vũ Tử lạy tạ nói: Dám xin bái tạ ngài đã cho biết chỗ nước tôi còn thiếu sót. Quả quân tôi mong ở ngài lắm. Vũ Tử lại đọc chương cuối thơ Tiết. Sau bữa tiệc lại có bữa yến tại nhà Quý Thị để đãi Hàn Khởi. Ở sân có một cây cổ thụ đẹp. Tuyên Tử khen. Vũ Tử nói: Túc tôi từ nay phải chăm nom cây này, để không quên được thơ Giác Cung. Rồi đọc luôn thơ Cam Đường. Tuyên Tử nói: Khởi tôi đâu đáng những lời khen trong thơ, đâu so được với Thiệu Công.

Rồi Tuyên Tử đi sang Tề đưa đồ lễ về việc cưới (cưới Thiếu Khương về cho Tấn Bình Công). Tuyên Tử yết kiến Tử Nhã. Tử Nhã gọi con là Tử Kì bảo chào Tuyên Tử. Tuyên Tử nói: Anh này tính không làm bầy tôi, không giữ được nhà đâu. Tuyên Tử yết kiến Tử Vĩ. Tử Vĩ cho con là Cương ra chào. Tuyên Tử nói cho biết Cương cũng giống như Kì. Các đại phu Tề nghe các lời đoán, phần nhiều buồn cười. Duy có Án Tử là tin, nói: Tuyên Tử là người quân tử. Quân tử là phải tin, tin là vì biết nhiều. Từ Tề, Tuyên Tử đi tới sính ở nước Vệ. Vua Vệ thết tiệc. Bắc Cung Văn Tử đọc thơ Kì Áo. Tuyên Tử đọc thơ Mộc Qua.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa Hạ tháng tư, Hàn Tu, đi tới Tề để đón con gái Tề (kết hôn với vua Tấn). Trần Vô Vụ nước Tề đưa dâu là Thiếu Khương về cho vua Tấn. Thiếu Khương được vua Tấn say mê, gọi là Thiếu Tề, cho là Trần Vô Vụ không phải chức Khanh (không đáng đưa dâu), cho bắt giữ tại Trung đô (một ấp nước Tấn). Thiếu Khương xin cho nói: Người đưa dâu cùng người đón dâu cùng ngang chức (đại phu). Vua Tề không dám sai người khác sợ phật ý vua Tấn.

Triệu Khuông - Tả Thị bảo rằng vì mới cầm chính quyền mới tới yết kiến, thế là lễ. Xét các chính khanh nước bá chủ, không có cái lí đi tới các chư hầu báo cáo mới cầm quyền chính. Trước đây và sau này, cầm quyền chính có nhiều, sao không thấy nói tới.

夏叔弓如晉

HẠ, THÚC CUNG NHƯ TẤN

MÙA HẠ, THÚC CUNG SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Thúc Cung nước Lỗ sang lễ sính nước Tấn, và đáp lễ Tuyên Tử. Khi tới đất Giao, gần kinh thành, được vua Tấn cho sứ ra đón tiếp. Thúc Cung từ tạ nói: Quả quân sai Cung tới nối cựu hiếu. Có dặn kĩ không được nhận địa vị khách. Xin làm tròn phận sự đối với các quan bên quý quốc, cũng đã là danh giá cho tệ quốc rồi. Dám đâu nhận được sự tiếp nơi Giao. Xin từ tạ.

Khi đến quán sá, lại từ chối, nói: Quả quân có sai thần tới nối cựu hiếu. Làm xong được việc là thần có công to rồi. Dám đâu nhận: ở nơi quán xá đồ sộ thế.

Thúc Hướng nói: Tử Thúc Tử (Thúc Cung) thật là biết lễ. Tôi có nghe nói: trung và tín là căn bản của lễ, mà ti và nhượng là điều cốt yếu của lễ. Từ chối lợi riêng mà nghĩ đến nước là trung và tín. Nghĩ đến nước trước khi nghĩ đến mình là ti và nhượng. Trong kinh thi có câu: Kính cẩn uy nghi để gần người có đức. Thúc Tử thật là gần tới đức.

Triệu Bằng Phi - Chư hầu lên ngôi. Các nước nhỏ lại chầu. Các nước lớn lại sính. Đó là lễ. Hàn Khởi mà lại sính là vì vua nối ngôi, cho nên Thúc Cung sang Tấn đáp lễ.

秋鄭殺其大夫公孫黑

THU, TRỊNH SÁT KÌ ĐẠI PHU CÔNG TÔN HẮC

MÙA THU, NƯỚC TRỊNH GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TÔN HẮC

Tả Thị - Mùa thu, Trịnh, Công Tôn Hắc sắp làm loạn, muốn trừ họ Du Thị, mà thay ngôi vị trong triều. Nhưng vết thương còn nặng, chưa làm theo ý nguyện được. Người họ Tứ (họ với Hắc) và các đại phu đều muốn giết. Tử Sản lúc đó ở ngoài biên được tin, sợ không kịp, vội đi xe trạm về cho nhanh, sai người tới kể tội rằng: Sau loạn Bá Hữu, vì còn dở công việc với nước lớn là nước Tấn, chưa kịp làm tội ngươi được, ngươi có tâm làm loạn không chán, nước không kham được nữa. Ngươi đã tự ý đánh Bá Hữu, đó là một tội. Ngươi đã tranh vợ với một anh em họ, đó là hai tội. Minh ước Huân Toại, ngươi đã có hành vi như vua, đó là ba tội. Vậy tội chết có ba, ai kham nổi. Nếu không chóng chết đi, thì đại hình sẽ tới. Hắc hai lạy rạp đầu nói: Tôi chết chỉ còn sớm tối (vì vết thương). Xin đừng giúp trời làm ngược. Tử Sản nói: Người ta không chết. Người hung không được chết thường. Trời định như thế. Thế là mệnh. Làm việc hung là thành người hung. Nếu ta không giúp trời, thì lẽ đâu ta giúp người hung. Hắc xin cho con là Ấn làm chức Tể ở chợ (quan coi chợ). Tử Sản nói: Nếu Ấn có tài, vua sẽ cho chức vụ. Nếu là một đứa vô lại,

thì sớm tối sẽ theo ngươi. Ngươi đã không tự cứu được mình, thì còn xin cho ai. Không chóng chết đi thì quan Tư Khấu tới đó. Tháng bảy, ngày nhâm dần, tự thắt cổ chết. Xác bị phanh trên ngã ba đường Chu thị, có cắm bảng đề tội.

冬公如晉至河乃復癸孫宿如晉

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN, CHÍ HÀ NÃI PHỤC, QUÝ TÔN TÚC NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG SANG NƯỚC TẤN, ĐI ĐẾN SÔNG HOÀNG THÌ TRỞ LẠI, QUÝ TÔN TÚC SANG TẤN

Tả thị - Tấn Thiếu Khương mất. Lỗ Công sang Tấn, đi tới Hoàng Hà. Tấn Hầu sai Sĩ Văn Bá tới từ tạ rằng: Thiếu Khương không phải là vợ (chỉ là thiếp). Không dám phiền cho nhà vua. Lỗ Công trở lại. Quý Tôn Túc vốn cùng đi theo, đi một mình để tới tặng các đồ về y phục.

Thúc Hướng nói với vua Tấn về Trần Vô Vụ: Hắn có tội gì đâu. Vua đã sai một vị trong công tộc đi đón Thiếu Khương. Vua Tề đã giao cho vị Thượng Đại phu đưa về đây. Thế mà ngài còn cho là thiếu lễ. Ngài đòi hỏi quá lắm. Chính là nước ta thiếu lễ. Việc bắt giam sứ, là làm tội không công. Thế thì còn làm minh chủ sao được. Vả lại Thiếu Khương cũng đã xin cho rồi. Mùa đông, tháng 10, Trần Vô Vũ về nước. Tháng 11, Ấn Đoàn nước Trịnh tới Tấn viếng tang.

Công Thị - Chép là đến sông Hoàng rồi trở lại, là tại sao. Là không dám đi nữa.

Cốc Thị - Lấy việc sang Tấn làm xấu hổ, cho nên thác ra là ốm. Lỗ Công sang Tấn mà không được vào Tấn. Quý Tôn Túc sang Tấn mà được vào. Chê Quý Tôn Túc.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói lấy việc sang Tấn làm xấu hổ, cho nên thác là có bệnh. Cốc Lương nói sai. Chỉ chép là đến Hà rồi trở lại. Sao lại biết là bị ốm.

Xét - Từ Hi Công đến nay, Lỗ tới chầu Tấn kể ra nhiều lần, nhưng chưa thường tới về việc táng phu nhân, huống lại

không phải là phu nhân. Lần này, Lỗ Công vì việc Thiếu Khương mất mà sang Tấn, người Tấn từ tạ Công, rồi Công trở lại. Xuân Thu cứ sự thực chép ra, cứ chỉ sai lễ là thấy nhục rồi, Công Dương bảo là không dám đi nữa, sợ Tấn bắt, Công Dương bàn thế quá sai. Thời đó, Tấn Lỗ đương hòa, Hàn Khởi tới sính. Thúc Cung đáp lễ. Công lên ngôi qua năm chưa nghe thấy có việc gì mang tội với Tấn, mà Tấn muốn bắt Công. Bắt để làm gì.

Năm Nhâm Tuất. Vua Cảnh Vương, năm thứ 6.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tấn Bình, năm thứ 19. Tề Cảnh, năm thứ 9. Vệ Tương, năm thứ 5. Sái Linh, năm thứ 4. Trịnh Giản, năm thứ 27. Tào Vũ, năm thứ 16. Trần Ai, năm thứ 30. Kỉ Văn, năm thứ 11. Tống Bình, năm thứ 37. Tần Cảnh, năm thứ 30. Sở Linh, năm thứ 2. Ngô Di Muội, năm thứ 5.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 3, Mùa xuân, Vương, Tháng giêng. Trịnh Du Cát sang Tấn dự lễ chôn Thiếu Khương. Lương Bính và Trương Địch tới thăm. Lương Bính nói: Ngài mà vì việc này tới, thì có quá. Tử Thái Thúc (Du Cát) nói: Tôi không tới sao được. Xưa, khi vua Văn, vua Tương làm bá chủ đều rất ít phiền chư hầu. Theo lệnh các ngài, cứ ba năm một lần lễ sính, năm năm một lần chầu. Có việc thì hội. Không hợp thì thề. Khi vua Tấn mất, một đại phu điếu. Lễ táng, một khanh dự. Khi phu nhân Tấn mất, một chức quan thường điếu. Một đại phu dự lễ táng. Những thể thức đó, đủ để lễ nghi được rõ, trật tự được giữ, thiếu sót được biết. Không có thêm lệnh nào khác nữa. Ngày nay, một bế thiếp mới mất, chúng tôi không dám

xét đến ngôi thứ, để tùy nghi viếng điếu, chỉ sợ bị lỗi, đâu dám thấy phiền. Thiếu Khương được sủng bế. Nay mất. Chắc vua Tề lại cho người khác thay. Chúng tôi lại đến mừng, không phải chỉ một lần này thôi.

Trương Địch nói: Phải lắm. Tôi được nghe hết rồi. Từ nay, các ông không bị phiền nữa. Ví như sao hỏa. Mọc buổi sáng, thì bớt lạnh. Mọc buổi chiều thì sẽ bớt nóng. Thái độ vua đã đến cực rồi. Thế thì phải bớt. Tấn sẽ mất chư hầu. Đã đòi hỏi quá nhiều. Rồi không được nữa. Hai đại phu Tấn rút lui. Tử Thái Thúc nói với tùy tùng: Trương Địch là người có chí lự, nhưng chưa hẳn là quân tử.

丁 未 滕 子 原 卒

ĐINH MÙI, ĐẰNG TỬ NGUYÊN TỐT

NGÀY ĐINH MÙI, VUA ĐẰNG LÀ ĐẰNG TỬ NGUYÊN MẤT

Tả Thị - Ngày Đinh Mùi, Đằng Tử Nguyên mất. Vì là nước đồng minh cho nên chép tên.

Phụ lục Tả Truyện - Tề Hầu sai Án Anh tới làm mối vợ cho vua Tấn thay người mới chết. Án Anh nói với Tấn Hầu: "Quả quân tôi sai Anh tôi trình ngài quả quân tôi muốn biếu ngài các đồ lễ theo lễ nghi nhưng việc nước bận rộn, không thân hành tới được. Có được người con gái tiên quân tôi (Thiếu Khương) ngài cho dự vào nội cung, đang mừng, thì sớm thất lộc, thế là thất vọng. Nếu nhà vua không quên tình hiếu hữu giữa các tiên quân, nếu ngài huệ cố đến nước Tề, thì Tề lại còn được hưởng phúc Thái Công, Đinh Công, yên định xã tắc. Tiên quân tôi còn người con gái do bà phu nhân sinh ra. Quả quân tôi cũng còn nhiều người em do các bà khác sinh ra, đều thường thường cả. Nếu nhà vua không bỏ tệ quốc, cho sứ xét chọn, thế là quả quân tôi lại có hi vọng".

Hàn Tuyên Tử cho Thúc Hướng đáp: "Chính là sở nguyện của quả quân tôi. Quả quân tôi một mình không thể trông coi việc tế tự xã tắc được. Vẫn chưa lập phu nhân, còn đang ở trong tang, cho nên chưa dám xin hỏi. Nếu vua Tề đoái đến thì còn ơn nào

bằng. Huệ có đến nước nhỏ này, muốn cho vua có một người chủ nội cung, thì có phải riêng gì vua Tấn chịu hơn, mà chính là tất cả thần dân. Rồi đây, các thần linh thái miếu Tấn từ đời Đường Thúc cùng quý chuộng vua Tề".

Khi việc hôn thú định đoạt xong, thì Án Tử được tạ. Thúc Hướng dự tiệc. Cùng nói chuyện. Thúc Hướng hỏi về việc Tề. Án Anh nói: Đời nay là đời cuối. Tôi không còn biết gì. Nước Tề là nước của họ Trần. Vua bỏ dân, cho dân về với họ Trần. Từ lâu đời, Tề có bốn đồ long, là: đậu, khu, phũ, chung. Bốn thăng là một đậu. Bốn đậu là một khu. Bốn khu là một phũ. Mười phũ là một chung. Họ Trần đã đặt ba đồ đo. Mỗi thứ nhân năm lần. Năm thăng là một đậu. Năm đậu là một khu. Năm khu là một phũ. Thành ra cái chung rất lớn. Họ Trần khi cho vay thì đong bằng đồ mới đặt ra. Khi thu vào thì dùng đồ đong công. Củi ở núi ra chợ bán, không đắt hơn bán ở cửa rừng. Cá, sò, muối, hến, bán ở chợ bằng giá ở bờ bể (ý là họ Trần nhân đức, mà vua thì tàn ác). Dân làm việc chia ba thì hai phần về việc công, còn một phần để kiếm ăn và kiếm mặc. Thóc trữ trong kho công đều để mục, và sâu bọ. Trong khi đó, bọn người già, tam lão, đói và rét. Ở khắp các chợ, giày thường, thì giá thường, nhưng giày cho kẻ bị cụt chân, hay cụt ngón chân, vì có tội, hoặc vu có tội, thì giá rất cao. Dân rất khổ vì tình trạng đó, và mong họ Trần ra cầm quyền, như con mong cha mẹ, theo về họ Trần như nước theo về bể. Dù họ Trần không muốn dân theo, cũng không được. Kì Bá, Trực Bính, Ngu Toại, Bá Hí, (tổ tiên Trần) đã che chở cho Hồ Công cùng vợ là Thái Cơ, vong linh ở Tề, giúp họ Trần.

Thúc Hướng nói: Vâng. Ở Tấn cũng là đời cuối rồi. Chiến xa không thắng nữa. Các quan khanh không có quân đội. Xe ngự không có viên chức chuyên nghiệp. Các đội tốt (toán trăm người) không có tốt trưởng. Dân đói kém. Cung điện thì càng thêm rực rỡ. Bọn đói chết ở đường chôn sát nhau, mà cung thất thì xa phí lộng lẫy. Khi dân nghe một lệnh của vua ra, thì y như một người chạy trước giặc cướp. Bọn con nhà cựu thế gia, như Loan, Khích, Tư, Nguyên, Hồ, Tục, Khánh, Bá, bây giờ giữ chức vụ lại lệ. Chính quyền trong tay các đại phu. Dân không còn trông nhờ

vào ai. Vua càng ngày càng đắm đuối trong cuộc vui. Công tộc suy kém. Còn được bao lâu. Trên một mặt đỉnh có khắc câu: Từ sáng đến chiều phải siêng năng cho trội, mà con cháu còn lo lười. Cần cù còn bị thế, huống chi chính mình không đổi, thì con cháu còn được bao lâu.

Án Anh hỏi: Ngài định sao. Thúc Hướng đáp: Tất cả các chi họ công tộc đều đến cuối. Tôi có nghe nói khi công tộc suy thì các chi hỏng trước rồi đến vua theo sau. Họ tôi tất cả mười một chi, duy có còn chi Dương Thiệt là chi tôi. Thế mà tôi lại không có con, công thất thì không còn lề lối gì. Tôi mà được chết tự nhiên thì còn là may. Mà ai thờ cúng tôi.

Khi xưa, Tề Cảnh Công muốn đổi chỗ ở cho Án Anh, có bảo rằng: Nhà ở của ông, thấp hẹp, hứng bụi, mà ồn ào, không thể ở được. Nếu ưng thuận, tôi sẽ cho chỗ khác, cao ráo, sáng sủa. Án Anh từ chối nói: Tiên thần của nhà vua (tức là bố tôi) đã ở đây được. Thần không đáng nối dõi, ở đây cũng đã là sang lắm rồi. Vả lại những hạng tiểu nhân như thần, ở gần chợ, sớm chiều sẵn thức mua bán cần dùng rất có lợi. Vậy thần không dám hại tới lân bang. Vua cười hỏi: Khanh ở chợ, chắc biết giá hàng. Án Anh nói: Thần có lợi được ở gần chợ, sao lại không biết giá. Vua hỏi: Thứ gì đắt, thứ gì rẻ. Khi đó, vua hay dùng nhiều hình phạt, cho nên có bọn lái buôn chuyên bán giày, guốc cho những người vua đã bắt tội chặt chân, hay chặt ngón chân. Án Anh nói: Giày cho chân bị chặt ngón, bán rất đắt, giày thường thì rẻ, Án Anh đã nói cho vua chuyện ấy, nay nhắc lại trong câu chuyện với Thúc Hướng. Sau đó Cảnh Công bớt làm tội. Người quân tử bàn: Lời nói của người có lòng nhân thật là mạnh. Một lời của Án Anh làm giảm được số tội nhân bị vua hành hình. Trong Kinh Thi có câu: Nếu vua ưng nghe (can), thì loạn sẽ chóng hết. Câu thật đúng.

Đến khi Án Anh sang Tấn, ở nhà Cảnh Công thay chỗ ở. Khi về, nhà đã sửa sang xong. Án Anh lạy tạ. Rồi hủy nhà mới đi, dựng lại các nhà cũ của dân trong ngõ y như trước. Rồi mời bọn chủ nhà cũ trở lại. Án Anh có bảo họ: Theo lời ngạn ngữ, khi chọn nơi ở, không phải chỉ bói về nhà, mà phải bói về hàng xóm. Xưa, tôi đã có bói. (tức là các người đã là hàng xóm tốt).

Trái bói rùa là bất tường. Người quân tử thì không phạm các điều phi lễ. Người tiểu nhân thì không phạm vào các điều bất tường. Đó là pháp chế xưa, tôi đâu dám trái. Thế rồi Án Anh bảo bọn người cũ, đến nhận lại nhà ở. Vua không nghe. Nhưng Trần Hằng xin. Vua mới ưng thuận.

Mùa hạ, tháng tư. Trịnh Bá sang Tấn. Công Tôn Đoàn đi theo. Kính cẩn, nhún nhường. Không có một cử chỉ nào không vào khuôn chép. Vua Tấn nghe, phong ấp cho, và nói: Tử Phong (bố) xưa có công với Tấn. Tôi được nghe nói mà không quên. Nay tôi cho đại phu đất Châu để thưởng công. Bá Thạch (Đoàn) hai lần lạy tạ rạp đầu nhận lấy sắc đi ra. Người quân tử bàn: Lễ rất cần cho người ta. Bá Thạch tính vốn tự đại, chỉ có một lần giữ đúng lễ nghi ở Tấn, mà được phong ấp, được bổng lộc. Huống hồ những người có chung có thủy, giữ gìn được cẩn thận. Kinh thi có câu: Người mà vô lễ, sao không chóng chết, cũng cùng một ý ấy.

Xưa, huyện Châu là ấp của Loan Báo. Khi họ Loan hết, thì có ba họ cùng muốn tranh là: Phạm Tuyên Tử, Triệu Văn Tử, Hàn Tuyên Tử. Văn Tử nói: Ôn là ấp của nhà tôi (mà Châu thì thuộc về Ôn). Còn hai Tuyên Tử thì nói: Từ khi Châu bị rời Ôn ra, và cho họ Khích, thì có ba đại phu nối truyền nhau. Không phải chỉ có Châu là bị cắt rời ở một ấp to ra. Đã có ai trở lại được đất mình đã bị cắt sẽ mà chiếm lại được đâu. Văn Tử thì tức lắm, nhưng thôi bỏ không nghĩ đến. Hai Tuyên Tử thì nói, đã xét kĩ rồi, lẽ đâu ta lại tự cho ta đất ấy. Thế rồi cũng bỏ. Đến khi Văn Tử cầm quyền chính, Triệu Mạnh là con mới nói: Cha có thể lấy ấp Châu được. Văn Tử bảo: Hai nhà Chuyên Tử nói là công bình đấy. Làm trái lại công bình thì có họa. Ấp ta, ta còn không trị nổi, thì lấy Châu làm gì. Thôi, có Châu chỉ thêm họa. Người quân tư nghĩ: Người mà không biết họa ở đâu đến là người khổ. Người biết mà không làm theo lẽ phải thì họa càng to. Thường tục truyền là chủ ấp Châu phải bất đắc kì tử. Đã từ lâu, người nhà họ Phong (họ Bá Thạch) ở nhờ nhà họ Hàn. Bá Thạch được ấp Châu. Hàn Tuyên Tử xin cho Bá Thạch là dụng ý muốn một ngày kia mình sẽ lấy lại.

(Xét ấp Châu, vốn là đất nhà Chu, năm Ẩn Công, thứ 11, thiên tử đem cho nước Trịnh. Khi đó thuộc về Tấn).

夏 叔 弓 如 滕 五 月 葬 滕 成 公

HẠ, THÚC CUNG NHƯ ĐẰNG, NGŨ NGUYỆT, TÁNG ĐẰNG THÀNH CÔNG

MÙA HẠ, THÚC CUNG TỚI NƯỚC ĐẰNG. THÁNG NĂM, DỰ LỄ CHÔN ĐẰNG CÔNG

Tả Thị - Tháng năm. Thúc Cung tới nước Đằng dự lễ chôn Thành Công. Tử Phục Tiêu làm phó. Khi đến cõi Giao gần kinh thành, thì vừa là ngày kị Ý Bá (bác Tiêu). Kính Tử (Thúc Cung) bàn định, ngày hôm đó không vào thành vội (vì cũng như một ngày tang của Tiêu). Huệ Bá nói: Việc công, thì phải nghĩ đến lợi công. Việc tư mới nghĩ đến lợi tư. Tiêu xin vào trước. Thế là vào giữ quán xá. Kính Tử theo vào.

Phụ lục Tả Truyện - Hàn Khởi nước Tấn sang Tề đón con gái Tề (vợ vua Tấn). Vì thấy Thiếu Khương được sủng ái, Công Tôn Mại mới đem con gái thay con vua Tề (con mình gả cho vua Tấn, con vua gả cho một người khác). Nhân dân bảo nhau: Tuyên Tử và Tề Tử Vĩ (Công Tôn Mại) đều lừa dối vua Tấn, vua Tấn sao lại nhận. Tuyên Tử nói: Tôi muốn được Tề, nhưng cùng muốn xa tướng Tề là Tử Vĩ. Đã lừa vua Tấn, còn dám tới Tấn nữa không.

Mùa thu, tháng 7, Hãn Hổ ở Trịnh sang Tấn mừng vua mới cưới phu nhân. Đồng thời báo cáo: Người Sở, ngày ngày bắt bẻ tiểu quốc sao không tới chầu vua Sở mới. Nếu nghe lời thì lại sợ các quan bên quý quốc cho là xa bỏ Tấn. Nếu không nghe lời, thì lại sợ trái với minh ước Tống. Hoặc tới chầu, hoặc không tới chầu, vẫn là có tội. Quả quân tôi sai trình nỗi khó khăn.

Tuyên Tử sai Thúc Hướng đáp: "Nếu nhà vua mến quả quân thì nhà vua cứ tới Sở, có hại gì, chỉ là giữ đúng minh ước Tống. Cứ theo đúng minh ước, thì quả quân tôi không có bắt bẻ tội lỗi. Nếu vua Trịnh tâm đã xa quả quân, thì dù có sớm tối ở đây, quả quân tôi cũng vẫn nghi. Nếu vua Trịnh thực tâm với

Tấn, thì trước khi đi Sở cần gì phải báo cáo. Cứ sang Sở đi. Đã có tâm với quả quân thì dù ở Sở hay ở Tấn cũng vậy".

Trương Địch nước Tấn cho người bảo Thái Thúc khi đó ở Trịnh: "Từ khi ngài ở Tấn trở về Trịnh, tôi chỉ chuyên quét dọn nhà nhỏ của thân nhân tôi, là ý mong ngài có trở lại. Nay thì thấy Tử Bì (Hãn Hổ) lại. Tôi thực là thất vọng". Thái Thúc trả lời: "Cát tôi hèn hạ, ngôi thứ kém. Tôi không được trở lại Tấn vì Trịnh kính sợ đại quốc cùng tôn quý phu nhân. Vả lại ngài có bảo: Thôi không còn có việc gì nữa. Tôi càng nghĩ càng thấy lời đúng".

Đỗ Dự - Vị Khanh dự lễ táng ở một nước nhỏ, lễ thế là quá hậu. Nhưng táng Tương Công. Đằng Tử có lại dự, cho nên Lỗ hậu đáp lại.

秋 小 邾 子 來 朝

THU, TIỂU CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC TIỂU CHÂU TỚI CHẦU

Tả Thị - Tiểu Châu là Mục Công, tới chầu. Quý Vũ Tử muốn một cách tầm thường. Mục Thúc (Thúc Tôn Báo) can: "Không nên thế. Nước Tào, nước Đằng và hai nước Châu, thực không quên hòa hiếu với ta. Mình kính trọng họ, còn sợ họ không bạn với, huống chi lại tiếp không tử tế. Trong Sử có câu: Một người kính cẩn là không có tai họa, và có câu: người biết kính cẩn tiếp, thì được trời ban phúc". Quý Tôn nghe lời can.

八 月 大 雩

BÁT NGUYỆT ĐẠI VU

THÁNG TÁM LỄ ĐẠI VU, CẦU MƯA

Tả Thị - Tháng tám, lễ Đại Vu, Đại hạn.

Phụ lục Tả Truyện - Tề Hầu đi săn ở đất Cử. Lư Bồ Miết tới khóc xin tha: "Tóc tôi đã ngắn như thế (đã già) còn làm gì hại ngài được. (Miết bị đày ở ngoài biên). Vua nói: "Được, tôi

sẽ hỏi hai khanh. (Tử Nhã và Tử Vĩ) Tử Vĩ muốn cho về. Tử Nhã nói: Không được. Hắn tóc tuy ngắn, nhưng trí hắn dài, ý còn muốn nằm nghỉ trên xác ta. Đến tháng 9, Tử Nhã đầy Lư Bồ Miết lên Bắc Yên.

Uông Khắc Khoan - Xuân Thu chép lễ Vu 21 lần. Riêng đời Chiêu Công 7 lần: năm nay, năm thứ 7, thứ 6, thứ 8, thứ 16, thứ 24, thứ 25 (năm thứ 25, hai lần). Tả Thị duy có năm thứ 8 là không chép là hạn. Khi có hai lần lễ Vu, thì chép là đại hạn. Đọc kinh, truyện, ta biết được số tai biến rõ rệt. Năm ấy đã bị hạn, ít lâu sau, lại luôn luôn có mưa đá. Chiêu Công mê muội, bị tai nạn, mà ý không thấy lo sợ, rốt cuộc nạn tới. Thật là đáng tiếc.

冬 大 雨 雹

ĐÔNG, ĐẠI VŨ BẠC

MÙA ĐÔNG, MƯA ĐÁ LỚN

北 燕 伯 款 出 奔 齊

BẮC YÊN BÁ, KHOẢN, XUẤT BÔN TỀ

VUA NƯỚC BẮC YÊN, LÀ YÊN BÁ KHOẢN, CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TỀ

Tả Thị - Giản Công nước Yên, có nhiều sủng thần. Muốn đuổi hết đại phu để đặt sủng thần vào. Mùa đông, bọn đại phu họp lại để giết hạng sủng thần nào không phải trong hoàn thân thích. Thế là vua sợ chạy trốn sang Tề. Kinh chép Khoản, vua Bắc Yên, trốn sang Tề, là chê hành động của Khoản.

Phụ lục Tả truyện - Tháng 10, Trịnh Bá sang Sở. Tử Sản đi theo. Sở Tử thết tiệc, hát bài Cát nhật (ý muốn tiệc xong đi săn). Tử Sản sửa soạn đủ dụng cụ để đi săn. Vua Sở mới săn ở đầm Mộng xứ Giang Nam.

Công Tôn Táo (Tử Nhã) nước Tề mất. Quan Tư Mã tới thăm Án Tử nói: "Lại mất Tử Nhã". Án Anh nói: "Tiếc lắm. Tử Kì

(con Tử Nhã), sẽ không khỏi họa. Nguy thay. Họ Khương yếu mà họ Quý (một ngành họ Trần) đương thịnh. Hai cháu của Huệ Công (Tử Nhã và Tử Vĩ) đang hay, dưa nhau, đang mạnh. Họ Khương thế là mất một. Rồi yếu, rồi nguy".

Cốc Thị - Chép Bắc Yên là chép theo Sử.

Xét - Đại phu nước Yên cùng họp để giết các người sủng ái của vua, thế là uy hiếp vua, đuổi vua đi, tội rất lớn. Tả Thị lại cho là kinh chép vua chạy trốn làm có chê vua Khoản. Hồ Truyện cùng bọn nho khác, cũng cùng một thuyết. Sao đối với vua thì vội nghiệt thế, mà đối với bọn nghịch loạn thì khoan, chậm thế. Cho nên nay bỏ không sao lục các lời bàn đó.

Năm Quý Hợi. Cảnh Vương năm thứ 7.

四 年
TỨ NIÊN
NĂM THỨ 4

Tấn Bình, năm thứ 20. Tề Cảnh, năm thứ 10. Vệ Tương, năm thứ 6. Sái Linh, năm thứ 5. Trịnh Giản, năm thứ 28. Tào Vũ, năm thứ 17. Trần Ai, năm thứ 31. Kỉ Văn, năm thứ 12. Tống Bình, năm thứ 38. Tần Cảnh, năm thứ 39. Sở Linh, năm thứ 3. Ngô Di Muội, năm thứ 6.

春 王 正 月 大 雨 雹
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, ĐẠI VŨ BẠC
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, MƯA ĐÁ LỚN

Tả Thị - Mưa đá lớn. Quý Vũ Tử hỏi Thân Phong rằng: Có thể ngăn được mưa đá không. Thân Phong nói: "Khi có thánh nhân cầm quyền, thì không có mưa đá. Mà dù cho mưa đá, cũng không có hại. Xưa kia, khi mặt trời vị trí tại bắc lục, nghĩa là phía bắc quỹ đạo, mùa đông thì người ta hứng lấy nước đá trong các thùng chứa của nhà vua. Khi mặt trời buổi sớm hiện về phía tây quỹ đạo, nghĩa là đến tiết xuân phân, mới lấy nước đá ở

trong thùng ra. Đá ấy ở thung lũng sâu giữa các dãy núi. Lấy nó đi, tức là lấy cái phần lạnh làm cho đông đặc lại, lấy cái rào đá ngăn hơi ấm. Khi được lấy ở thùng ra, thì nước đá được dùng trong các bữa tiệc triều đình, tân khách, tang tế. Khi hứng lấy, chứa lấy thì có lễ thần Tư. Hàn chủ khí lạnh, một con sinh (bò) màu đen. Khi lấy ở trong thùng ra để dùng, thì có cung gỗ đào, tên bằng nhánh táo, để trừ tà. Khi dùng, đều phát cho các quan lớn nhỏ trong triều ai nấy đều có phần. Các đại phu và vợ đều dùng nước đá để cạnh thi thể sau khi đã tắm rửa. Phải tế lễ thần Tư Hàn khi định trữ đá. Trước khi lấy ra dùng, có con dê tế thần. Vua dùng đầu tiên. Đến thời sao Hỏa mọc, sao Tất lặn, sau khi mặt trời lặn, buổi chiều, nghĩa là tháng năm, hoặc tháng sáu, thì từ Công Khanh, phu nhân, cho tới hưu quan, cáo quan, tất cả đều có phần đá.

Viên chức coi rừng núi thì chứa nước đá. Viên chức Huyện thì di chuyển đi, xa phu mang đi, thị vệ cất vào kho nhà vua. Khi gió lạnh buốt thì đá thành cứng rắn. Khi gió ấm dịu, thì được lấy ra dùng. Thùng được đóng kín. Khi được lấy ra thì ai có phần người ấy. Vì có lề lối, có thể thức kĩ càng như thế, cho nên mùa đông, không có tiết nóng quái lạ, mùa hè không có tiết lạnh trái thời, xuân không có gió khô héo, thu không có mưa hại mùa. Sấm vang, không có sét đánh, có sương mù, có mưa đá, mà hoa quả còn nguyên. Trời không sinh dịch tễ, dân không chết yểu.

Thời nay, người ta lấy nước đá ở sông hồ, mùa hè, còn thừa, không dùng thì vất đi, chứ không ban phát. Gió đáng lẽ hiu hiu thổi, thì đánh bật cây cối. Sấm lại sinh sét. Mưa đá gieo tai, còn ai ngăn cản được. Chương cuối thơ "Tháng bảy" nói rõ cái lối giữ được băng.

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ tư, mùa xuân, Vương. Tháng giêng, Vua Hứa (Hứa Nam) sang Sở. Vua Sở giữ lại, giữ cả vua Trịnh để lại đi săn ở xứ Giang Nam. Hứa Nam dự săn. Vua Sở sai Tiêu Cử sang nước Tấn, xin mời các chư hầu, Hứa và Trịnh đợi ở Sở. Tiêu Cử tới Tấn trình bày: "Quả quân tôi sai tôi nói: Xưa vua Tấn ra ơn, đã kí vào minh ước Tống. Trong minh ước

đó, có ghi rõ là mọi chư hầu, hoặc đồng minh với Sở, hoặc đồng minh với Tấn, đều có lễ thăm hỏi nhau. Vì một vài việc khó khăn trong năm, tôi mong muốn thắt chặt tình thân giữa các nước. Xin các vua cho Tiêu Cử tôi biết khi nào tiện hội họp. Nếu vua Tấn không ngại gì về công việc ở bốn phương, thì nhân dịp các chư hầu thân thiện, xin Tấn mời hội họp". Tấn Hầu ý muốn từ chối. Tư Mã Hầu bàn: Không nên từ chối. Vua Sở đang kiêu. Hoặc giả trời cứ muốn cho tâm kiêu, cho sinh nhiều tội ác, để rồi trừng phạt, cũng chưa biết chừng. Có được chết thường không, ta cũng chưa biết nữa. Tấn cùng Sở chỉ có trời giúp thôi. Ta không nên tranh với Sở, xin nhà vua cứ nhận lời. Rồi mình sửa đức để coi Sở sẽ đi đường nào. Nếu Sở đi vào đường đạo, thì đến ta cũng cứ việc theo, huống hồ các chư hầu khác. Nếu vua Sở đi vào đường dâm ngược, thì ngay dân Sở cũng bỏ, ta còn có ai mà tranh".

Tấn Hầu nói: "Tấn có ba điều kiện không sợ, thì còn địch nào. Một là đất đai nhiều hiểm trở. Hai là trong nước sản nhiều ngựa. Ba là Tề Sở đang lắm chuyện. Được ba điều kiện ấy làm gì mà không được".

Hầu đáp: "Tin vào đất hiểm, ngựa nhiều, nước địch lắm chuyện, chính thế là nguy. Kìa như Tứ Nhạc, Tam Đồ, Dương Thành, Đại Thất, Kinh Sơn, Chung Nam toàn là đất tối hiểm trong cửu Châu. Chủ các xứ ấy không cùng một họ. Chỉ vì thiếu đức mà nay bị diệt hết. Đất Kí ở xứ Bắc, sản nhiều ngựa, nhưng Kí lại không phải là đất hưng vượng. Tin tưởng vào quan ải hiểm trở, vào số ngựa sản xuất nhiều, không phải là mưu kế làm cho nước được bền mạnh, từ xưa vẫn thế. Cho nên các tiên vương chuộng đức, để thần cũng hưởng, chứ chưa thấy chuộng lắm hiểm, nhiều ngựa. Còn như các việc rối loạn ở các nước, ta đừng mong chờ. Cũng có vua, nước loạn mà làm cho vững mạnh được, mở mang thêm được. Cũng có vua, nước chẳng loạn gì, mà để cho nước bị diệt. Vậy đừng nên tính đến nước khác loạn. Tề có nạn Trọng Tôn, nhưng lại được Hoàn Công, đến nay còn được nhờ. Tấn có nạn Lí Khắc, nhưng lại được Văn Công làm bá chủ. Nước Vệ, nước Hình, không có nạn gì mà bị quân địch diệt. Cho

nên không mưu tính vào việc mong người có loạn. Cứ chờ đợi ba điều đó để mà sửa sang chính trị, thì mất không kịp tránh nạn, còn mong làm được việc gì nữa. Xin nhà vua cứ nhận lời với vua Sở. Vua Trụ dâm ngược bao nhiêu, thì vua Văn ân huệ bấy nhiêu. Nhà Ân vì thế đổ, nhà Chu vì thế lên. Và tránh làm sao các chư hầu nay theo về Sở".

Tấn Hầu nghe ra, hứa với sứ nước Sở, và sai Thúc Hướng đáp: Vua Tấn tôi bị công việc nước bận rộn, không thân hành tới chầu vua Sở vào các kì xuân, thu. Còn chư hầu thì đều theo về nhà vua cả. Còn cần gì phải hỏi tôi.

Tiêu Cử xin cầu hôn (lấy con gái Tấn cho vua Sở). Vua Tấn ưng thuận.

Vua Sở hỏi Tử Sản (Trịnh), liệu Tấn Hầu có để cho Sở làm bá chủ không. Tử Sản đáp: Tấn Hầu chắc là ưng thuận. Tấn Hầu chỉ chăm lo việc trong nước, chứ không nghĩ đến các nước khác. Các đại phu Tấn thì chăm lo tư lợi, chứ không lo sửa chữa điều lầm lỡ cho vua. Vả lại trong minh ước Tống có nói rằng: Tấn và Sở như một. Nếu vua Tấn chối từ, thì minh ước ấy, còn dùng làm gì.

Vua Sở nói: Liệu chư hầu có tới không. Đáp: Chắc là tới. Theo minh ước Tống thì, cốt sao được lòng vua Sở, không còn sợ gì Tấn nữa. Vả lại sao không tới. Có do dự họa chăng là Lỗ, Vệ, Tào, Châu. Tào thì sợ Tống. Châu thì sợ Lỗ. Lỗ và Vệ bị Tề áp bức, mới phải thân với Tấn. Chỉ các vua đó là không đến. Còn các nước khác mà uy Sở tới được, thì có vua nào dám không họp.

Vua Sở nói: Nếu như thế, thì tôi muốn gì tất được nấy.

Tử Sản đáp: Nếu ngài cầu lợi riêng ngài mà hại cho người, thì không được. Nếu cùng lợi cả thì được cả".

- Tứ Nhạc là bốn dãy núi. Đông là núi Đại. Tây là núi Hoa. Nam là núi Hành. Bắc là núi Hằng. Tam Đồ ở Hà Nam huyện Lục Hồn, thành Nam Dương. Dương Thành tại đông bắc huyện Dương Thành nay. Đại Thất tại tây nam huyện Dương Thành. Kinh Sơn, tại Tân Thành, phía nam huyện Di Hương. Kinh Sơn

là giới hạn Kinh Châu và Dự Châu. Chung Nam ở tại Thủy Bình, phía nam huyện Vũ Công.

Lưu Sưởng - Phong nói rằng: Có thánh nhân giữ chính quyền thì trời không có mưa đá. Nói thế còn nghe được. Nhưng nói rằng, mưa đá làm nên tai họa là do cớ tích trữ nước đá, nói thế không nghe được. Lỗ dù có tích trữ nước băng lấy ở sông hồ, như nay ở trong nước ai là không tích trữ, thế thì vì cớ gì mà mưa đá không rơi xuống. Phong là người gian nịnh, theo đảng họ Quý Tôn, không dám thẳng thắn nói rõ tội, cho nên luận bàn mưa đá, quy tội cho việc tích trữ nước băng. Chỉ là muốn siểm nịnh hạng cường thần, không khác gì bọn Trương Vũ, Cốc Vĩnh thời Hán. Để cho Chiêu Công phải chết ở ngoài, vị tất đã không phải tại người này.

夏楚子蔡侯陳侯鄭伯許男徐子滕子頓子胡子沈子小邾子宋世子佐淮夷會于申

HẠ, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TỪ TỬ, ĐẰNG TỬ, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, THẨM TỬ, TIỂU CHÂU TỬ, TỐNG THẾ TỬ TÁ, HOÀI DI HỘI VU THÂN

MÙA HẠ, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TỪ TỬ, ĐẰNG TỬ, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, THẨM TỬ, TIỂU CHÂU TỬ, TỐNG THẾ TỬ TÁ, VÀ CÁC RỢ Ở BỜ SÔNG HOÀI ĐỀU HỌP TẠI ĐẤT THÂN

Tả Thị - Mùa hạ, Chư hầu tới Sở. Lỗ, Vệ, Tào, Châu, không dự hội. Tào và Châu từ vì có việc. Lỗ từ tạ vì cớ mùa tế. Vệ Hầu từ vì ốm. Trịnh Bá, tới trước tiên đợi ở đất Thân. Tháng sáu, ngày Bính ngọ, Sở Tử họp chư hầu tại đất Thân. Tiêu Cử nói với Sở Tử: "Thần nghe, chư hầu không ai theo ai. Chỉ theo về lễ. Nay nhà vua mời họp được chư hầu, cần phải cẩn thận về lễ. Được Bá chủ hay không là ở hội này. Khải con vua Vũ, đời nhà Hạ, thết tiệc chư hầu, ở Quân Đài, vua Thang đời nhà Thương, tuyên bố mệnh lệnh ở Cảnh Bạc, vua Vũ Vương đời nhà

Chu có lời thề ở bến Mạnh Tân, Vua Thành duyệt binh ở Kỳ Dương, vua Khang thết triều ở Phong Cung, vua Mục hội vương hầu ở Đồ Sơn, Hoàn Công nước Tề họp quân ở Thiệu Lăng, Văn Công nước Tấn có hội thề ở Tiễn Thổ. Còn ngài định làm gì. Hiện ở đây có mặt: Hướng Thú nước Tống và Công Tôn Kiều nước Trịnh, hai người đặc sắc, giỏi bật hẳn, trong các nước, các vua kể trên, xin ngài chọn lấy một để bắt chước". Vua nói: Tôi sẽ như Tề Hoàn. Vua Sở sai tới hỏi Tả Sư (Hướng Thú) và Công Tôn Kiều (Tử Sản) về lễ nghi. Tả Sư nói: "Nước nhỏ thì tập để dùng, nước lớn thì đương dùng. Điều đã được nghe, tôi đâu dám không trình". Hướng Thú trình bày sáu lễ nghi một chư hầu tước Công, như vua Tống dùng khi họp với một chư hầu tước kém. Tử Sản nước Trịnh thì nói: "Một chư hầu nhỏ như nước Trịnh làm tròn phận sự một cách kính cẩn. Tôi dám đâu không trình bày lễ nghi nước tôi vẫn dùng". Tử Sản trình bày sáu lễ nghi mà một chư hầu tước Bá hay Tử dùng đến, khi đối một chư hầu tước Công. Người quân tử bàn rằng: Tả Sư (Hướng Thú) có biết cả lễ nghi thời Tam Đại, mà Tử Sản thì biết trông coi lễ nghi một chư hầu chức Bá. Vua Sở mới sai Tiêu Cử cứ đứng sau vua, để sửa chữa sai lầm. Nhưng lễ nghi đúng cả, không phải sửa. Vua Sở có hỏi Tiêu Cử. Tiêu Cử nói: "Tôi chưa bao giờ được dự một trong sáu thứ lễ. Tôi còn biết sửa gì".

Tống Thái Tử Tá tới, sau khi lễ hoàn thành. Vua Sở lúc đó đang đi săn ở Vũ Sương, từ chối không cho yết kiến. Tiêu Cử khuyên vua Sở gởi lời từ tạ Thái Tử Tống về thời hạn không tiếp. Vua Sở cho bảo Thái Tử: "Sắp có tế miếu ở Vũ Sương. Rồi đây quả nhân tôi sẽ nhận đồ lễ của nước Tống. Hiện nay còn mắc bận. Xin từ tạ".

Vua nước Từ có họ về mẹ với nước Ngô. Vua Sở nghi là vua Từ có nhị tâm, cho người bắt, và bá cáo các chư hầu với giọng sỗ sàng. Tiêu Cử có can: "Sáu lễ là của sáu vị vua và hai vị Công mà tôi đã nói là đủ để cho chư hầu biết lễ, và để biết nhận trật tự, ngôi thứ. Vua Kiệt nhà Hạ, hội chư hầu ở đất Nhung, mà rồi nước Mân phản. Vua Trụ, vua cuối nhà Thương, diễn binh ở đất Lê, mà rồi Đông Di phản. Vua U Vương nhà Chu có hội minh Đại Thất, mà rồi Rợ Nhung, Rợ

Địch phản. Trong ba trường hợp đó, các vua Kiệt, Trụ U đều kiêu căng, các chư hầu không theo mệnh nữa. Nay nhà vua cũng dùng cách kiêu, không khéo bại mất. Vua Sở không nghe can. Tử Sản bàn với Tả Sư, sao ta không lo Sở? Vua đã kiêu, lại ghét lời can. Không được quá mười năm nữa. Tả Sư nói, phải nhưng trong khoảng mười năm, cái ác của vua Sở, hẳn không ảnh hưởng được các nước ở xa, khi ảnh hưởng tới thì lúc ấy sẽ bị chư hầu bỏ hết. Việc hay cũng thế. Công việc sẽ hoàn hảo khi đức hay ảnh hưởng được tới xa.

Quân Đài ở về xứ Hà Nam. Cảnh Bạc cũng ở Hà Nam. Mạnh Tân nay hãy còn, thời Lỗ Ẩn Công, năm thứ 11, Thiên Tử có hội thề trong đất Trịnh. - Kỳ Sơn, Phong Cung, ở quận Thủy Bình. - Đồ Sơn, ở đất Đông bắc Thọ Xuân.

楚 人 執 徐 子

SỞ NHÂN CHẤP TỪ TỬ

NGƯỜI SỞ BẮT VUA NƯỚC TỪ

Dương Sĩ Huân - Không chép, vua Từ về, tức là vua Từ bị bắt tại hội, mà rồi được tha, cho nên không chép lúc về.

秋 七 月 楚 子 蔡 侯 陳 侯 許 男 頓 子 胡 子 沈 子 淮 夷 伐 吳

THU, THẤT NGUYỆT, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, THẨM TỬ, HOÀI DI PHẠT NGÔ

MÙA THU, THÁNG BẢY, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, THẨM TỬ, HOÀI DI ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả thị - Mùa thu, tháng bảy, Sở Tử đem chư hầu đánh Ngô. Tống Thái Tử và vua Trịnh về nước trước. Nhưng Hoa Phi Toại nước Tống và một Trịnh đại phu theo vua Sở đi đánh Ngô.

執齊慶封殺之

CHẤP TỀ KHÁNH PHONG SÁT CHI

KHÁNH PHONG NƯỚC TỀ BỊ BẮT VÀ BỊ GIẾT

Tả Thị - Vua Sở sai Khuất Thân vây ấp Chu Phương (đất nước Ngô, Khánh Phong trốn ở đó). Tháng tám, ngày Giáp Thân, Khuất Thân lấy được ấp, bắt Khánh Phong, giết cả họ. Khi sắp hành hình Khánh Phong, Tiêu Cử có nói với vua Sở: "Thần nghe, người nào mà không có vết, thì mới dám phạt một kẻ có tội. Khánh Phong mà tới ở đây chỉ có tội là không theo lệnh. Liệu hắn có chịu để cho xử tử, mà không khai gì không. Liệu những lời khai có hay gì cho chư hầu không". Vua Sở không nghe lời khuyên, và sai đặt Phủ cùng Việt lên vai, cho dẫn đi trong các trại, và hô lên rằng: Không ai được theo gương Khánh Phong đã giết vua, đã bức hiếp cô quả, đã mưu với các quan. - Khánh Phong hô lại: Đừng ai bắt chước con thứ của Sở Cung Vương, tên là Vi, đã giết Giáp Ngao vừa là vua, vừa là con người anh cả, giết để cướp ngôi và ký minh ước với chư hầu. Sở Linh Vương vội sai xử tử ngay.

Công Thị - Đây là việc đánh nước Ngô, sao chép bắt Tề Khánh Phong. Là vì Tề mà giết Phong. Tại sao. Khánh Phong chạy sang nước Ngô. Ngô phong cho ở đất Phòng. Nhưng sao không chép đánh ấp Phòng. Là vì không cho chư hầu được chuyên quyền. Khánh Phong tội gì. Tội hiếp vua Tề mà làm loạn nước Tề.

Cốc Thị - Đây là vào ấp mà giết. Không chép vào là tại sao. Khánh Phong được Ngô phong ấp là nhờ Ngô Chung Li. Không chép đánh Chung Li là tại sao. Là không cho Ngô được quyền phong. Khánh Phong lấy họ Tề, tại sao. Tại Tề phong. Sở Linh Vương sai người đem Khánh Phong hiệu lệnh ở trong quân cho những ai như Khánh Phong cũng giết vua, Khánh Phong trả lời ngay: Ta cũng không kém. Cũng có một lời nói cho rõ. Có ai như Sở Công Tử Vi, giết con người anh, để thay làm vua. Trong quân ai nghe cũng phải cười. Khánh Phong giết vua thì phải lấy việc giết vua mà làm tội. Vua Sở Linh Vương không

phục được Khánh Phong. Không đến Linh Vương được đánh Khánh Phong. Nghĩa của Xuân Thu là dùng quý trị hèn, dùng hiền trị bất tiếu. Chứ không lấy loạn trị loạn. Khổng Tử nói: Mình bậy, mà đánh người bậy, thì người ta đến chết cũng không phục. Chính là trường hợp này.

Xét - Khánh Phong là giặc giết vua. Đúng pháp là phải đánh. Cho nên chép bắt, chép giết, làm cho rõ tội đáng giết. Sở Vi làm vua nhưng bản thân là loại thí nghịch, mình có tội, lại đi đánh người có tội, cho nên không chép là Sở Tử, vua Sở là để cho khác với việc giết Chung Thư vậy. Công Thị, và Cốc Thị, cho việc không chép đánh Phòng, đánh Chung Li, là không cho quyền chuyên phong, bàn thế là sai. Đã chép phạt Ngô, thì cái ấp Khánh Phong được, việc gì lại không dùng chữ phạt được.

遂滅賴

TỤY DIỆT LẠI

RỒI DIỆT NƯỚC LẠI

Tả Thị - Rồi đem chư hầu diệt nước Lại. Vua nước Lại. Lại Tử, tự trói, mồm ngậm ngọc bích, cùng các quan trần vai, theo sau xe tang, tới quân trung. Vua Sở hỏi Tiêu Cử, Tiêu Cử cắt nghĩa: Khi Thành Vương diệt nước Hứa, Hứa Hi công làm như thế. Thành Vương thân cởi trói, nhận lấy ngọc, rồi cho đốt áo quan. Sở Linh Vương nghe theo, rồi dời vua và dân nước Lại đến đất Yển (nước Sở). Vua Sở lại muốn dời dân Hứa đến đất Lại, mới sai Đấu Vi Qui và Công Tử Khí Tật tới đắp thành. Vua Sở sai xong rồi trở về Kinh thành Sở. Thân Vô Vũ nói: Từ nay là bắt đầu tai họa cho nước Sở. Vua Sở hội họp chư hầu, chư hầu đều tới. Vua Sở đánh một nước rồi diệt đi. Đắp thành quách ngoài biên giới, không ai nói. Muốn sao được vậy. Nhưng dân có yên không. Ai chịu được hành vi ấy. Đã không chịu được mệnh thì họa loạn sinh ra".

Cốc Thị - Tụy là rồi, là kế việc nối tiếp.

九月取鄫

CỬU NGUYỆT THỦ TẮNG

THÁNG 9, LỖ LẤY NƯỚC TẮNG

Tả Thị - Tháng 9, Lỗ lấy nước Tắng. Chép thế cho rõ là việc dễ. Sau việc loan ở nước Cử, Trước Khưu Công (Khứ Tật) được lập. Nhưng Trước không nghĩ đến dân Tắng. Dân Tắng phản rồi theo về Lỗ. Cho nên chép là lấy. Phàm diệt một ấp, không dùng đến sức mạnh quân đội, thì người chép sử chép là lấy.

Phụ lục Tả Truyện - Trịnh Tử Sản đặt thể thức về thuế Khưu (Khưu là 16 tỉnh). Dân chê, rồi nói: Bố là Tử Quốc, xưa chết đường. Chính mình nay như đuôi con bò cạp (có chất độc), nước sẽ đi đến đâu. Tử Khoan báo cho biết. Tử Sản nói: "Có hại gì. Nếu mà lợi cho xã tắc thì tôi cứ giữ cho đến chết. Vả lại tôi nghe nói, người nào muốn làm việc hay mà không thay đổi pháp độ thì không thành công. Đừng nên mị dân. Chế độ đã đổi, đừng lại đổi nữa. Kinh Thi có nói: Nếu lễ nghĩa vẫn được giữ, thì sao lại nghe dân tuyên truyền. Tôi không thay đổi". Hồn Hãn (Tử Khoan) nói: "Họ Quốc (họ Tử Sản) chắc là chết đầu tiên trong các họ nước Trịnh. Người quân tử đặt ra luật pháp, dù có độ lượng, còn ngại đòi hỏi quá nhiều. Thế mà lại đòi hỏi nhiều thì sẽ bị đi đến đâu. Các chư hầu do họ Cơ trị, thì các nước Sái, Tào, Đằng, sẽ bị mất trước vì bị các nước chung quanh áp bức, mà chính mình thì bỏ lệ luật. Trịnh sẽ mất trước Vệ: Trịnh bị chung quanh áp bức, mà lại không có luật pháp nữa. Bọn trị dân không theo phép sẵn có, mà chỉ cứ theo tâm. Dân thì người nào có tâm người ấy. Bọn trị dân có làm gì được".

Mùa đông, nước Ngô đánh nước Sở, chiếm các ấp Cức, Lịch, Ma, để báo thù việc Chu Phương. Chúc Thẩm Doãn nước Sở tên là Sạ, trốn tới khúc sông Hán, là Hạ Nhuế, Chức Kiểm Doãn Nghi Cứa (đại phu nước Trần tránh sang Sở), đắp thành Chung Li, Vĩ Khải Cương đắp thành Sào, Nhiên Đan, (cháu gọi Trịnh Mục Công bằng ông, tránh và làm quan ở Sở) đắp thành Châu Lai. Mặt đông nước Sở không xây thành được vì ngập nước. Bành sinh đem quân đóng ở đất Lai về.

(Đất Lịch, phía đông nước Sở ở ngoài biên. Đất Ma cũng gần đấy. Hạ Nhuệ, nay là Hạ Khẩu, chỗ sông Hán chảy vào sông Giang).

Công Thị - Chép là thủ là lấy. Tại sao. Là diệt. Diệt mà nói là thủ là kiêng một việc ác của nước Lỗ.

Lưu Sưởng - Công Dương nói kiêng việc diệt một nước, Công Dương nhầm. Nước Cử đã diệt nước Tăng rồi. Nay sao lại còn diệt nữa. Công Dương vốn cho là Tăng chưa bị diệt, cho nên nhân việc đây nói lên cho rõ ý.

冬 十 有 二 月 乙 卯 叔 孫 豹 卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, ẤT MÃO, THÚC TÔN BÁO TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY ẤT MÃO, THÚC TÔN BÁO MẤT

Tả Thị - Xưa, Mục Tử bỏ họ Thúc Tôn Thị, ra đi, tới ấp Canh Tôn, (ấp nước Lỗ), gặp một người đàn bà, bảo người ấy nấu cơm, ngủ lại một tối. Hỏi đi đâu, Mục Tử nói thật. Người đàn bà khóc, rồi tiễn theo một quãng đường. Đến nước Tề, Mục Tử lấy con gái họ Quốc, sinh được hai con trai là Mạnh Bính và Trọng Nhâm. Nằm mê thấy trời đè xuống mình, sức đè không chịu nổi. Quay đầu đi, thì thấy một người đen mà lưng gù, mắt sâu hoắm, môi chìa ra như môi lợn, vội gọi: Ngưu, cứu ta. Người ấy tới, gỡ được sức đè nặng. Sáng tỉnh dậy, gọi cả người nhà ra thì coi không có ai giống người trong mê. Nhưng cũng nói chuyện cho biết mà bảo phải nhớ lấy hình dáng. Đến khi người anh cả là Tuyên Bá chạy trốn sang Tề, Mục Tử cấp lương thực cho. Tuyên Bá nói: Lỗ biết tổ tiên mình có công với nước nhiều, có ý giữ họ mình. Rồi sẽ gọi chú về, chú nghĩ sao? Đáp: Tôi mang được gọi về đã từ lâu. Người Lỗ gọi về. Không báo cho anh biết. Mục Tử đi ngay về Lỗ. Người đàn bà, khi trước Mục Tử nghỉ lại một tối, tìm tới, biếu một con trĩ. Mục Tử hỏi, có con không. Đáp là có, đã lớn, năm, sáu tuổi. Mục Tử gọi xem mặt, thì thấy y như người trong mộng. Gọi tên Ngưu thì đứa

con dạ. Thế là Mục Tử cho vào bọn tiểu gia thần, rồi sủng ái hơn hết, lớn lên cho dự việc gia chính.

Công Tôn Minh khi ở Tề có biết Thúc Tôn (Mục Tử). Vì Thúc Tôn khi về Lỗ không cho đón vợ là Quốc Khương. Công Tôn Minh lấy luôn làm vợ mình. Thúc Tôn giận lắm, cho nên chỉ khi hai con đã lớn tuổi, mới cho đón về Lỗ. - Thúc Tôn đi săn ở đất Khưu Du bị bệnh. Tên Ngưu muốn gây loạn trong nhà để làm chủ, bắt ép Mạnh Bính làm một minh ước, Mạnh Bính không chịu. Thúc Tôn sai đúc cho Mạnh một cái chuông và bảo Mạnh: Con chưa quen giao thiệp, nay nhân dịp hoàn thành cái chuông này, mời các quan tới dự tiệc. Khi sửa soạn đủ rồi, Mạnh sai Ngưu hỏi bố ngày thết tiệc. Ngưu vào tư thất bố, nhưng không nói đến tiệc. Khi ra, bịa đặt một ngày nào đấy, y như là Mục Tử đã quyết định. Khi quan khách tới cả. Mục Tử nghe tiếng chuông, Ngưu nói: Mạnh có một người khách mà người vợ của ngài ở Tề sai đến. (Ý muốn nói là Công Tôn Minh, nói bịa đặt). Thúc Tôn giận lắm, muốn đi ra bắt được. Ngưu cản ngăn. Khi tiệc xong, khách ra về hết, mới sai bắt Mạnh và giết ở ngoài Phủ. Rồi Ngưu ép Trọng Nhâm ký kết với Ngưu, Nhâm không chịu.

Một hôm, Trọng Nhâm cùng với Lai thư, viên Công Ngự (công ngự, chức người đánh xe cho vua), đi chơi lang thang trong vườn ở Cung. Vua ban cho cái vòng. Trọng Nhâm sai Ngưu trình với bố. Ngưu vào nhưng không trình. Khi ra, bảo là bố cho cứ đeo. Rồi sau Ngưu hỏi Thúc Tôn: sao ngài lại đem Trọng vào yết kiến vua. Thúc Tôn hỏi, sao lại hỏi thế. Đáp: Nếu không cho yết kiến thì chắc Trọng tự yết kiến. Vua đã cho chiếc vòng, Trọng đã đeo vòng. Thế là Thúc Tôn đuổi Trọng. Trọng chạy sang Tề.

Thúc Tôn ốm nặng. Cho gọi Trọng Ngưu vào. Nhưng không gọi. Đỗ Tiết giữ chức Tể trong họ Thúc Tôn, vào thăm. Thúc Tôn bảo là bị đói khát, và giao cho một ngọn giáo (Để giết Ngưu). Đỗ Tiết nói: nếu ngài đòi Ngưu phải đưa tới, có cần gì phải trừ đi. Ngưu bảo quân hầu: Chủ nhân bệnh nặng, không muốn thấy ai. Vậy cứ đặt cơm nước phòng bên rồi lui ra. Ngưu không đưa cơm nước, nhưng cũng giả làm cho hết đi, hết cơm, hết nước,

rồi mới cho cất dọn. Đến tháng 12, ngày Quí Sửu, Thúc Tôn không được ăn uống gì, đến ngày Ất Mão chết. Ngưu cho một người con vợ bé là Chiêu Tử kế nghiệp, rồi Ngưu giúp việc.

Vua Lỗ giao cho Đỗ Tiết sửa soạn tống táng. Ngưu hối lộ cho Thúc Tôn Chiêu Tử (chủ mới) và Nam Di (chức Tể của họ Quí Tôn) để hai người cố làm cho họ Quí Tôn ghét Đỗ Tiết và đuổi đi.

Đỗ Tiết muốn đem chiếc xe Thiên Tử cho, để dự vào việc tống táng, và làm đủ nghi lễ táng vị khanh. Nam Di nói với Quí Tôn: Thúc Tôn chưa bao giờ đi xe ấy, sao lại dùng vào việc táng. Và lại đến vị Khanh cũng không có xe ấy, dưới chức Khanh không nên sang trọng hơn. Quý Tôn cho là phải và bảo Đỗ Tiết đừng dùng xe Lộ (của Thiên Tử cho). Đỗ Tiết không cho là phải, có nói: Chủ nhân được lệnh đi lễ sính tại triều Thiên Tử. Thiên Tử xét đến công của họ Thúc Tôn, có ban xe Lộ. Khi về Lỗ, chủ nhân đưa nộp vua Lỗ tất cả đồ vật được ban. Vua Lỗ không dám trái mệnh Thiên Tử, trả lại hết cho Thúc Tôn và sai ghi trong công văn ba Phủ. Ngài (Quí Tôn) khi đó làm Tư Đồ, chắc ngài cho ghi chức tước được ban. Chủ nhân tôi khi đó giữ chức Tư mã, chắc có sai Nha Công Chính ghi các thứ phẩm phục Thiên Tử ban cho. Mạnh Tôn giữ chức Tư Không có ghi các công trạng họ Thúc Tôn. Nay Thúc Tôn mất, không dùng xe đó, phẩm phục đó, là trái lệnh vua. Đồ vật ban phát, đã được ghi cả, không dùng, tức không coi ba Phủ ra gì nữa. Chủ tôi khi sống không dám dùng, đến khi chết cũng lại không được dùng, thế thì đồ ấy cho để làm gì. Thế là Đỗ Tiết cứ dùng xe và phẩm phục vào việc tang.

Quí Tôn định bỏ đạo Trung Quân, Ngưu nịnh thêm vào: Trước, chủ nhân tôi đã muốn bỏ lắm (để yếu thế vua, mà mạnh thế họ).

Năm Giáp Tý. - Cảnh Vương năm thứ 8.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Bình, năm thứ 21. Tề Cảnh, năm thứ 11. Vệ Tương, năm thư 7. Sái Linh, năm thứ 6. Trịnh Giản, năm thứ 29. Tào Vũ, năm thứ 18. Trần Ai, năm thứ 32. Kỷ Văn, năm thứ 13. Tống Bình, năm thứ 39. Tần Cảnh, năm thứ 40. Sở Linh, năm thứ 4. Ngô Di Muội, năm thứ 7.

春 王 正 月 舍 中 軍

XUÂN VƯƠNG, CHÍNH, NGUYỆT, XẢ TRUNG QUÂN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, BỎ ĐẠO TRUNG QUÂN

Tả Thị - Năm thứ 5. Mùa xuân. Vương tháng giêng, bỏ đạo trung quân. Công thất vì thế, sinh yếu, kém. Việc hủy bỏ được định đoạt ở họ Thi Thị, mà thi hành ở họ Tang Thị. Trước kia, khi đặt ra Trung quân, các chủ ba họ đều mỗi vị có một quân (mà vua Lỗ thì không có gì). Quí Tôn lấy thuế để nuôi quân mình. Thúc Tôn nuôi Trung quân, mà cho bọn dưới trong họ mình sung vào cánh quân ấy. Mạnh Tôn thì cho đến một nửa hạng tử đệ trong họ vào quân mình. Khi Trung quân bãi bỏ, thì lợi tức chia làm bốn phần, hai phần về họ Quí Tôn, còn hai phần thì về họ Thúc, họ Mạnh. Cả ba vị lấy thuế trong nước, và chỉ nộp cho vua Lỗ một số tặng biếu. Lại còn bảo vị Tế Đỗ Tiết đến bên cửu trình với Thúc Tôn một bản viết có kể lễ rằng theo ý muốn của Thúc Tôn nay Trung quân đã bãi bỏ, xin trình báo. Đỗ Tiết nói: Chính là phu tử không muốn hủy, cho nên đã ký một minh ước ở gần cửa cung Hi Công, và đã lập lễ thề ở đường Ngũ Phủ. Đỗ Tiết cầm bản ghi chép ném xuống đất, dẫn đầu gia thần nhà Thúc Tôn tới khóc bên áo quan.

Thúc Trọng Tử, (là Trọng Nhâm, con Thúc Tôn Báo ở Tề về) bảo Quí Tôn rằng: Một lời dặn của cha tôi là, chết còn ít tuổi thì áo quan cho đi ra cửa tây. Quí Tôn sai Đỗ Tiết. Đỗ nói:

Áo quan vị Khanh đi ra cửa chính, cửa nam, là tục lệ nước Lỗ. Thưa ngài, ngài giữ quốc chính, lễ chưa đổi, sao việc này, chúng tôi lại đổi, chúng tôi sẽ có tội, không dám làm. Chôn cất xong, Đỗ Tiết bỏ đi.

Trọng Nhâm từ Tề tới, Quí Tôn muốn lập làm chủ họ Thúc Tôn. Nam Di bảo Quí Tôn: Thúc Tôn càng mạnh, thì Quí Tôn càng yếu. Xin ngài mặc cho muốn hỏng, muốn loạn, đừng nên biết đến. Nam Di xui giục dân Lỗ giúp Ngưu để đánh Trọng Nhâm trong sân trước kho. Viên gia thầm bắn một phát trúng mắt chết. Tên Ngưu lấy 30 ấp phía đông (của họ Thúc Tôn) thưởng cho Nam Di.

Chiêu Tử mà Ngưu đã đặt lên trưởng tộc họ Thúc Tôn, họp các gia thần lại, bảo rằng: Ngưu đã làm hại họ Thúc Tôn nhiều, đã quấy rối trật tự, giết con đích, lập con thứ (chính mình), lại đem gia tài họ Thúc Tôn phi phạm để mong được xá tội, cần xử tử ngay. Ngưu sợ chạy trốn đi sang Tề. Các con Mạnh Bính và Trọng Nhâm giết được Ngưu ngay ở biên giới giữa Tề Lỗ, cắt đầu quăng vào chòm cây táo dại ở đất Ninh Phong.

Khổng Tử nói: Thúc Tôn Chiêu Tử không cho là việc phải ơn. Ít người được tính tình ấy. Sử gia Chu Nhiệm có nói: Làm chính trị thì không phạt oán riêng, không thưởng ơn riêng. Trong Kinh Thi có câu: Có đức cao thì dân tứ phương quay lại cả.

Khi xưa, lúc Thúc Tôn Báo mới sinh, (Thúc Tôn Báo là Mục Tử), cha là Trang Thúc bói dịch, được quẻ Khiêm trong quẻ Minh Di, đưa cho Thái Bốc sở Khưu, Sở Khưu đoán: Đứa bé này sau bỏ nước Lỗ, nhưng rồi lại trở về cúng giỗ ông. Sẽ có một gian nhân tên là Ngưu. Vì tên Ngưu đó, con ông sẽ chết đói. - Minh Di chỉ mặt trời. Con số là mười. Ngày thì chia làm 10 độ, mỗi vị là một độ từ vị vua trở xuống. Vị thứ hai là vị Công. Vị thứ ba là Khanh. Mặt trời đúng ngọ, buổi trưa là vua, mặt trời vào buổi ăn là vị Công. Mặt trời mới mọc là vị Khanh. Quẻ Khiêm sinh tự Minh Di, chỉ mặt trời mới mọc, nhưng chưa chói, chữ là Đán, vị trí Khanh, cúng giỗ tiên tổ, Khiêm vốn tự mặt trời, minh di, cũng chỉ chim bay. Vì sáng mà chưa chói, cho nên chim mà còn dũ cánh, là tiêu biểu cách hoạt động, chỉ người quân tử

ra đi. Mặt trời mới mọc Đán, chỉ ngôi thứ ba, cho nên ba ngày không ăn.

Quẻ Li là tượng Hỏa, phần dưới Minh Di, Quẻ Cấn, tượng núi, phần dưới quẻ Khiêm, Lửa đốt núi, Núi thành trơ trọi. Tính về loài người, thì cấn là lời nói. Lời nói là bậy là lời gièm. Con ngài mở mồm nói ra là tự lời gièm. Quẻ mà có hai Li hợp là tượng giống bò. Thời loạn, lời gièm được nghe. Lửa đốt núi, vậy lửa đó là bò, tức như tên là Ngưu.

Khiêm có nghĩa là thiếu, là không đủ. Chim chưa giương cánh, lại dũ cánh, không lên được cao, bóng không rộng. Cho nên con ông, vẫn sau ông, chức không bằng ông, ông là Khanh, thì con chỉ là đại phu, chưa được đến ngôi thứ ba.

(Sân kho Đại Khố, ở trong thành nước Lỗ, có gò Đại Đình thị, phía trên dùng làm kho. - Theo Khổng Sớ, vua Viêm Đế gọi là Thần Nông, một tên nữa là Đại Đình Thị. - Ninh Phong là đất nước Tề).

Công Thị - Sao bỏ đạo quân. Là phục cổ. Thế thì sao không đặt Tam Khanh. Tam cũng có Trung. Ngũ cũng có Trung.

Cốc Thị - Quý ở việc phục hồi một việc chính đáng.

Uông Khắc Khoan - Thời Tương Công, năm thứ 29. Lỗ thết tiệc sứ nước Tấn là Phạm Hiến Tử, không chọn được số đại thần bồi tiếp cho đủ ba vị, như thế là đã thiếu người rồi. Nay Quí Tôn lại bãi bỏ Trung quân: lợi tức thu hoạch riêng nuôi Trung quân nay chia làm bốn, hai phần thuộc về Quí Tôn, như thế không phải để làm yếu riêng thế nhà vua, mà cũng là nhân chức vị họ Thúc Tôn, họ Quí Tôn chưa định, cố làm yếu hai nhà Thúc Trọng, để Quí Tôn mình được mạnh. Khi chép bãi bỏ đạo Trung quân, không nói cớ, đến năm thứ 10, đánh nước Cử, thì lại chép cả ba vị Khanh cứ so sánh các việc đó, thì tội rõ ngay. - Công Dương mà cho là phục cổ, Cốc Lương mà cho phục chính, đều là bàn sai. Giá như nói rằng: Từ đó không lập chức Tam Khanh nữa, không đặt tam quân nữa, thì Quí Tôn, Ý Như, Cung, Trọng Tôn, Quắc, cầm quân đánh nước Cử, và Ai Công năm thứ 2, Quí Tôn, Tư, Thúc Tôn, Châu Cừu, Trọng Tôn, Hà Ky, cầm quân đánh nước Châu, sao lại có ba vị Khanh cùng cầm quân,

mà ba đạo quân cùng đi. Tuân Duyệt nói: Theo nghĩa Xuân Thu, bỏ Trung quân thì khen, là cứ bị theo Công Thị, Cốc Thị mà chưa xét được.

楚 搬 其 夫 屈 申
SỞ SÁT KỲ ĐẠI PHU KHUẤT THÂN
NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ KHUẤT THÂN

Tả Thị - Vua Sở cho là Khuất Thân nhị tâm với nước Ngô, mới giết đi, lấy Khuất Sinh (con Khuất Kiên) làm chức Mạc Ngao (chức Khanh) rồi cho cùng đi với vị Lệnh Doãn Tử Đãng sang Tấn hỏi vợ. Hai vị sứ đường đi qua nước Trịnh. Trịnh Bao đón tiếp Tử Đãng tại ấp Phiếm, và thết Khuất Sinh bữa tiệc nữa tại đất Thỏ Thị. Vua Tấn đưa con gái tới đất Hình Khưu. Vua Trịnh có Tử Sản theo, hội với vua Tấn tại Hình Khưu.

Phiếm, Thỏ, đất nước Trịnh.

公 如 晉
CÔNG NHƯ TẤN
VUA LỖ SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Vua Lỗ sang nước Tấn. Từ bữa tiệc ở đất Giao, gần quốc đô Tấn, cho đến lễ trao các tặng vật trước khi ra về, vua Lỗ không có một cử chỉ, ngôn ngữ nào sai lễ. Vua Tấn có hỏi quan là Nhữ Thúc Tề rằng: Lỗ Hầu có phải là sành về lễ không. Đáp: Thưa, thế nào là sành. Vua nói, sao lại không sành. Từ bữa tiệc ở ngoài Giao cho đến khi nhận đồ tặng phẩm, không có điều gì thất lễ cả. Thế là biết lễ lắm. Nhữ Thúc Tề nói: thế là giữ đúng lễ nghi thôi. Chưa đủ gọi là lễ. Lễ là những điều cần để giữ nước, để ban hành mệnh lệnh, không mất dân. Nay xét ở Lỗ, chính quyền, ở trong tay ba nhà, nhà vua không thể lấy lại được chính quyền đó. Có Tử Gia Ky (Ý Bá) thì không biết dùng. Cố cầu hội minh với các nước lớn, mà lại lăng ngược các nước nhỏ (Cử, Vận), lợi dụng bước khó khăn của người, mà thiếu sót của mình thì không biết. Thuế lấy của dân bốn phần,

thì dân cũng như vua, được ba nhà cho bao nhiêu hay bấy nhiêu. Hội đồng thì vua không làm chủ, quyết định không đến vua. Làm chủ một nước, mà khi nạn tới bản thân, không làm sao tự cứu được, và cứu dân được. Đáng lý ra, gốc ngọn của lễ, là ở đó, là dùng vào đó. Vua nay chỉ chăm chút giữ chi tiết lễ nghi. Thế thì sao gọi là sành về lễ.

Người quân tử bàn, lần này Thúc Hầu tỏ ra là hiểu biết lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Hàn Tuyên Tử nước Tấn đưa dân sang Sở, có Thúc Hướng đi theo (qua đất nước Trịnh). Tử Bì và Tử Đại Thúc nước Trịnh tới đón tiếp ở đất Sách Thị. Đại thúc bảo Thúc Hướng rằng, vua Sở rất ngang, xin ông cẩn thận. Thúc Hướng nói: "Rất ngang, thì hại cho mình nhiều lắm, còn đâu mà hại người được. Chúng tôi có lễ vật biếu. Chúng tôi cẩn thận, nghiêm nghị, giữ đúng lời hứa hẹn. Cử chỉ theo đúng lễ, kính việc từ khi mới làm để cho được xong việc, giá có làm lại công việc cũng lại cứ được như thế. Chúng tôi nghe theo mà không mất thể diện, kính cẩn mà vẫn uy nghiêm, lời nói thì đúng với lời Thánh nhân dạy, việc làm thì đúng phép tắc xưa, cứ theo ý muốn của các tiên vương và ước lượng theo địa vị hai nước Tấn, Sở. Cứ như thế, thì dù có ngang mấy, cũng không làm gì chúng tôi".

Khi sứ bộ tới sở, vua Sở cho họp triều đình, bàn với các đại phu rằng: "Tấn là nước thù địch với ta. Ta mà đắc chí với Tấn, thì ta không còn ngại ai nữa. Nay Tấn cho sang ta, một Thượng Khanh cùng một Thượng Đại Phu. Nếu ta chặt chân Hàn Khởi (Hàn Tuyên Tử) cho làm chức gác cửa, mà thiến Dương Thiệt Hật (Thúc Hướng) cho làm Hoạn quan, thế là đủ làm nhục nước Tấn, thế là ta đắc chí. Có nên không". Các đại phu im cả. Vĩ Khởi Cương nói: Nên. Nếu ta đã sửa soạn kỹ, thì sao ta lại không làm. Muốn làm nhục một thất phu, cũng không thể không sửa soạn, huống hồ làm nhục một nước. Thế cho nên Thánh nhân chú trọng về hành lễ, chứ không chú trọng về làm nhục người. Khi một chư hầu đến chầu vua thì chư hầu hay đại diện tay cầm bài ngọc. Chư hầu tường thuật cho vua về chức vụ mình. Vua xem xét công việc làm. Có ghế cho chư hầu, nhưng không ai tựa lưng. Có cốc đầy rượu, nhưng không ai uống. Đến bữa yến tiệc,

thì vua ban các thức ăn thân thiện. Cơm nhiều gấp bội bữa thường. Khi chư hầu tới, đến cõi Giao, gần kinh thành, có bữa tiệc đón tiếp. Khi chư hầu ra về, thì có tặng vật. Đó là lễ phải đến mức độ ấy. Vì các nước suy, cho nên tục lễ ấy quên dần. Thế là họa sinh, loạn sinh.

Sau việc Thành Bộc, Tấn thôi không sửa soạn, phòng bị, cho nên bị thua ở đất Bí, sau việc Bí. Sở không phòng bị Tấn, cho nên bị thua ở đất Yển. Từ Yển đến nay, Tấn vẫn cứ phòng bị, mà lại lấy lễ thêm vào, lại còn giữ hòa mục giữa vua tôi. Vì thế Sở chưa báo thù được Yển. Lại cố lấy hôn nhân đồng minh với Tấn. Ngày nay, Sở đã được đồng minh với Tấn rồi, lại muốn làm nhục Tấn để Tấn sinh thù, để Tấn muốn báo. Thế còn phòng bị thì có những gì. Đã ai đo đắn sự quan trọng này. Nếu Sở có đủ người đương đầu, thì làm nhục Tấn cũng là nên. Nếu chưa có người, thì xin nhà vua nghĩ kỹ. Tấn mà thờ nhà vua, cứ như tôi thấy, là đủ rồi. Ngài muốn cho các chư hầu tới nghe lệnh thì các chư hầu đã tới nhiều. Ngày cầu hôn mà Tấn phải tiến con gái. Vua Tấn thân hành đưa con. Một Thượng Khanh, một Thượng Đại phu đưa dâu tới. Thế mà ngài còn muốn làm nhục Tấn. Chắc ngài đã sửa sang phòng bị chống đối đầy đủ. Nếu không thì làm thế nào. Ở Tấn, dưới Hàn Kỳ, có Triệu Thành, Trung Hàng Ngô, Ngụy Thư, Phạm Ưởng, Tri Doanh, Dưới Dương Thiệt Hổ, (Thúc Hướng) có Kỳ Ngọ, Trương Địch, Tịch Đàm, Nhữ Tề, Lương Bính, Trương Cốt, Phu Lịch. Miếu Phân Hoàng. Tất cả đều là lương thần. Hàn Tương (con Hàn Vô Ky, và cháu Hàn Khởi) là đại phu một ngành họ vua, Hàn Tu được vua Tấn dùng đi sứ các nước. Cơ Tương và Hình Đái, Thúc Cầm, Thúc Tiêu và Tử Vũ (ba con của Hàn Khởi) toàn là đại phu các dòng họ đại gia. Họ Hàn thu lợi ở bảy ấp, đều to bằng huyện cả. Họ Dương Thiệt có bốn chi, toàn nhà thế lực. Nếu người Tấn mất Hàn Khởi, Dương Hật (Thúc Hướng) thì năm khanh cùng tám đại phu kể ra đây sẽ giúp Hàn Tu (họ Hàn) và Dương Thạch (con Thúc Hướng). Có 10 họ, có 9 ấp đất hành huyện, thì họ có thể đủ được 900 cỗ chiến xa. Còn 40 ấp nữa ở Tấn có thể có đủ được bốn nghìn chiến xa về việc phòng thủ. Nếu ta làm khích thích họ, làm chi họ có chí báo thù, báo nhục, thì Bá Hoa

(anh Thúc Hướng) sẽ có mưu kế, Trung Hàng Bá và Ngụy Thư sẽ cầm quân, không thể lại không thắng trận được. Sau khi đã cầu thân, đã kết hôn, nhà vua lại trái hết lễ nghi để cho chóng có giặc, mà trong nước thì chưa sửa soạn phòng bị, thế là nhà vua sua các quan cho giặc bắt để thỏa một chút thị dục. Nếu đã nghĩ cả cho kỹ rồi, thì nhà vua cứ làm cũng được.

Vua Sở nói: Đó là lỗi nhầm của tôi, thôi các đại phu đừng lo. Thế rồi tiếp đón Hàn Tử trịnh trọng. Muốn trêu Thúc Hướng, hỏi chuyện gì cũng đến cùng lý, muốn để Thúc Hướng đến không hiểu không đáp được, nhưng không sao bắt bẻ được thành ra sau vua Sở cũng lại tiếp đãi Thúc Hướng trịnh trọng. Hàn Khởi ra về. Giữa đường ở đất Ngữ nước Trịnh, vua Trịnh thân hành đón mừng. Hàn Khởi từ tạ không dám, yết kiến vì chưa báo trình công việc cho vua Tấn mình. Cử chỉ đó rất đúng lễ.

Hãn Hổ nước Trịnh sang Tề đón Vợ là con gái Tử Vĩ. Án Tử tới thăm luôn. Trần Hoàn Tử hỏi duyên cớ. Án Tử nói: Hổ biết dùng người hiền năng, thế là đáng trị dân.

夏莒牟夷以婁及防茲來奔

HẠ, CỬ, MÂU DI, DĨ MÂU LÂU, CẬP PHÒNG, TƯ, LAI BÔN.

MÙA HẠ, MÂU DI NƯỚC CỬ ĐEM MÂU LÂU VÀ CÁC ĐẤT PHÒNG, ĐẤT TƯ CHẠY TRỐN TỚI.

Tả thị - Mâu Di không phải vị khanh mà được chép vì đất đem tới là quan trọng.

Công thị - Mâu Di nước Cử là ai. Là đại phu. Cử không có đại phu. Đây sao chép. Chép vì đất lấy được là quan trọng. Sao lại chép "và các đất Phòng, Tư, chạy trốn đến". Là không lấy ấp riêng liên lụy đến ấp công.

Cốc thị - Lấy tức là không có phép được lấy. Chạy trốn đến, không chép lúc đi ra khỏi nước ra sao. "Và các đất Phòng, Tư" là từ lớn nói kịp đến nhỏ. Cử không có đại phu, mà chép Mâu Di là vì đem đất tới Lỗ. Vậy quan trọng là ở đất.

秋 七 月 公 至 自 晉

THU THẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG TỪ NƯỚC TẤN TRỞ VỀ LỖ

Tả thị - Người nước Cử kiện Lỗ và trình với Tấn (vì Lỗ đã nhận Mâu Di và đất). Vua Tấn định bắt giữ vua Lỗ. Phạm Hiến Tử nói: Không nên. Bắt một vua chư hầu đang tới chầu, thế là dùng mưu gian mà bắt. Không, bắt lối đàng hoàng bằng quân đội, mà lại lừa bắt thế là hèn. Làm bá chủ mà phạm hai điều lỗi đó, rất không nên. Xin nhà vua cứ để cho vua Lỗ về nước đã. Rồi sau, có dịp, ta đem quân sang. - Vua Tấn nghe ra, để cho vua Lỗ ra về. Mùa thu, tháng bảy, Lỗ Công về đến nhà.

戊 辰 叔 弓 帥 師 敗 莒 子 于 粉 泉

MẬU THÌN, THÚC QUÂN SUẤT SƯ BẠI CỬ SƯ VU PHẤN TUYỀN

NGÀY MẬU THÌN, THÚC CUNG CẦM QUÂN ĐÁNH BẠI QUÂN ĐỘI NƯỚC CỬ TẠI ĐẤT PHẤN TUYỀN (ĐẤT NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Người Cử tới đánh. Ngày Mậu Thìn, Thúc Cung đánh bại quân đội Cử ở đất Phấn Tuyền. Quân đội Cử chưa dàn trận xong.

Công Thị - Phấn Tuyền là gì? Là suối thẳng, suối mạnh.

Cốc Thị - Người địch gọi là Phấn Tuyền, văn theo Trung Quốc, tên theo chủ.

Lưu Sưởng - Công Dương cho Phấn Tuyền là suối thẳng, là suối mạnh. Không phải thế đâu. Ở đất ấy có suối tên ấy. Chứ đâu có phải vì có chiến trận, mà suối mới thành mạnh. Khi chiến lại gặp suối mạnh, đất ấy thành chiến địa, rồi sau chép tên đất chiến địa ghi việc chiến. Chứ đâu phải vì chiến mới thành Phấn, mạnh.

秦伯卒

TẦN BÁ TỐT

VUA TẦN MẤT

Công Thị - Sao không chép tên. Tần là nước Di Dịch. Đây là dấu tên con đích. Tên là gì. Con đích là con chính.

Trạm Nhược Thủy - Có cáo phó, Kinh sử mới chép. Cáo phó sơ lược thì không có tên, sử sách theo cáo phó cũng không có tên, chả có gì là quan hệ. Công dương mà bàn là dấu tên con đích, bàn thế là sai.

冬楚子蔡侯陳侯許男頓子沈子徐人越人伐吳

ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM, ĐỐN TỬ, THẨM TỬ, TỪ NHÂN, VIỆT NHÂN PHẠT NGÔ

MÙA ĐÔNG, SỞ TỬ, SÁI HẦU, TRẦN HẦU, HỨA NAM, ĐỐN TỬ, THẨM TỬ, NGƯỜI TỪ, NGƯỜI VIỆT ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, Sở Tử lấy các chư hầu và nước Đông Di, đi đánh Ngô để báo thù trận Cức, trận Lịch, và Ma, Vi Xạ nước Sở lấy quân đội Phiền Dương hội với vua Sở tại đất Hạ Nhuệ. Đại phu Việt là Thường Thọ Qua cầm quân Việt theo vua Sở ở đất Tỏa. Được tin, nước Ngô đem quân ra, Vi Khải Cương ứng chiến. Nhưng vì quá hấp tấp, thành ra bị Ngô đánh cho thua ở Thước Ngạn. Vua Sở vội tới La Nhuệ.

Vua Ngô sai em là Quệ Do tới khao quân Sở. Tướng Sở bắt lấy, định làm lễ bôi trống (lấy máu bôi trống trận). Vua sở cho hỏi: Khi người định tới, có bói cát hung không. Đáp: Được quẻ cát. Vua tôi thấy nói vua Sở, muốn duyệt binh ở trên đất nước tôi, có cho bói rùa và bảo rùa rằng: Ta cho sứ tới khao quân sở, nếu người cho là phải, sứ sẽ sang quân đội Sở, coi vua Sở giận đến mức nào để về tùy cơ, sửa soạn phòng bị. Được như thế là hay lắm. Rùa cho biết điềm tốt, chúng ta sẽ được rõ vua

Sở giận đến mức nào. Nếu vua Sở mà lại tiếp sứ vui vẻ, thì nước Ngô tôi yên trí, quên cả mình có nạn sắp chết, mà không biết chết lúc nào. Nhưng đây thì vua Sở lại giận dữ như sấm sét, bắt giam thần, sẽ lấy thần làm lễ bôi trống. Thế là Ngô biết để mà định liệu. Thế là quẻ bói tốt thật. Dù rằng nước tôi nhỏ, nhưng đã biết thì cũng sửa soạn kịp để chống đối. Biết bệnh, thì dễ biết chữa. Vả lại vua tôi sai bói, là có lợi cho cả nước Ngô, chứ không phải riêng lợi cho tôi. Máu tôi dùng bôi trống nhưng nước tôi được biết để sẵn sàng chống chọi. Việc sứ của tôi thế là hay lắm. Không có việc quan trọng nào mà nước Ngô không coi bói trước. Có khi cát, có khi hung. Ai là người chỉ toàn hung. Ai là người chỉ toàn cát. Việc thắng báo cho biết sau trận Thành Bộc tất có trận Bí. Việc đi sứ của tôi đầy khích thích cho dân Ngô chí báo thù.

Thế là Quệ Do khỏi bị giết.

Quân đội Sở qua sông ở vào khúc La Nhuệ. Xích, đại phu nước Thẩm, hợp với vua Sở đình lại ở Lai Sơn, Vĩ Xạ, chỉ huy quân Phiền Dương, tiên phong vào Nam Hoài. Quân đội Sở theo sau, cùng đi tới Nhữ Thành. Quân đội Ngô không vào được. Vua Sở mới duyệt binh ở núi Chì Ky. Trong trận đó, Ngô sửa soạn kỹ, Sở không được gì, rồi quay về, đem Quệ Do về. Vua Sở vốn sợ Ngô, bảo với Doãn Xạ nước Thẩm cứ đợi lệnh ở đất Sào, và bảo Vĩ Khải Cương đợi lệnh ở đất Vu Lâu. Thế là đúng lễ nghi.

(Tỏa, Thước Ngạn, Nam Hoài, Nhữ Thanh, đều là đất Sở. Chì Ky, tại Giang Nam).

Phụ lục Tả Truyện - Hậu Tử nước Tần trở về Tần sau khi Cảnh Công mất.

Xét - Việc đánh Ngô, Hồ Truyện bàn là khen Sở, mà nâng nước Việt lên. Sao Hồ không nhớ Sở Kiền, tội rất lớn, phép vua không tha được mà ỷ mạnh sinh, hung, họp chư hầu để mong báo thù, còn có gì là hay mà khen. Việt thì theo Sở để phạt Ngô, cam tâm đi theo hầu giặc thoán nghịch, Thánh nhân nâng làm gì. Thuyết của Hồ thế là không thông.

Năm Ất Sửu - Cảnh Vương, năm thứ 9.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Bình, năm thứ 21. Tề Cảnh, năm thứ 12. Vệ Tương, năm thứ 8. Sái Linh, năm thứ 7. Trịnh Giản, năm thứ 30. Tào Vũ, năm thứ 19. Trần Ai, năm thứ 33. Kỷ Văn, năm thứ 14. Tống Bình, năm thứ 40. Trần Ai công, năm đầu. Sở Linh, năm thứ 5. Ngô Di Muội, năm thứ 8.

春 王 正 月 杞 伯 益 姑 卒

XUÂN VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT, KỶ BÁ, ÍCH CÔ, TỐT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA KỶ LÀ ÍCH CÔ MẤT

Tả Thị - Năm thứ 6, mùa xuân. Vương, tháng giêng, Kỷ Văn Công mất. Lỗ viếng theo nước đồng minh. Thế là đúng lễ.

葬 秦 景 公

TÁNG TẦN CẢNH CÔNG

LỄ CHÔN TẦN CẢNH CÔNG

Tả Thị - Đại phu sang Tần, lễ chôn Cảnh Công. Thế là đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng ba, người Trịnh cho khắc vào đỉnh các hình luật, Thúc Hướng sai người đưa thư cho Tử Sản, trong thư nói: Trước kia, tôi coi ông là gương mẫu, nay tôi thôi rồi. Xưa, tiên vương suy xét kỹ trước khi làm ra luật, không thấy làm ra luật tội và hình phạt nặng nhẹ, vì sợ gợi cho dân cái tinh thần bàn tính về tội và cách trừng phạt tội. Nhưng vì không thể ngăn được hết các tội, tiên vương mới lấy công bình nghĩa lý làm rào ngăn, rồi tụ tập lại bằng thể thức cai trị, thi hành bằng lễ nghi, bằng cách xử sự có trung tín, tựu trung lấy đức nhân làm gốc. Tiên vương đặt ra bổng lộc cùng chức vị để khuyên dân nghe lời hay. Tiên vương định đoạt các hình pháp nghiêm trọng,

và làm cho dân sợ để đỡ phạm tội. Còn e chưa đủ, tiên vương phải dạy dân về đức Trung, khích dân để ý đến đức hành, dạy cho dân chăm chú làm phận sự. Tiên vương đã hòa nhã, trong khi đối với dân, đã kính cẩn trong khi sai dân, đã cương quyết khi truyền lệnh, đã cứng rắn khi quyết đoán. - Rồi lại tìm cho dân những vị quan đủ năng lực, vị tướng đủ mưu trí, vị chỉ huy có nhân, có tín, vị thầy hiền năng từ huệ. Có như thế, dân mới sai bảo được, mà không sinh họa loạn. Dân mà biết là có luật tính toán cân nhắc hình tội, thì chỉ có tâm sợ tội, chứ không kính nể chính quyền nữa. Đồng thời óc phán đoán nẩy nở, rồi tìm xét lời văn trong luật, rồi rất sung sướng khi chắc chắn là dù có làm bậy mà cố bàn cãi tránh được hình phạt. Thế thì chính quyền không còn được nữa. Vì chính nhà Hạ có loạn, thì hình luật vua Vũ mới xuất hiện. Vì chính nhà Thương có loạn, thì hình luật vua Thang mới xuất hiện. Vì chính nhà Chu có loạn, thì chín điều hình luật nhà Chu mới xuất hiện. Cả ba đạo hình luật ra đời chính là về gần cuối mỗi triều đại. Nay ngài giúp vua Trịnh, ngài đắp đê, khơi sông, ngài đặt ra nhiều pháp chế, để dân xôn xao, bàn tán. Ngài đặt phục hưng ba đạo hình luật của ba triều đại, rồi lại cho khắc vào đỉnh. Ngài mong giữ được an ninh cho dân, ngài có thấy khó mà có kết quả ấy không. Trong Kinh thi có câu: "Tôi theo dõi đức độ của Văn Vương để yên vui dân bốn phương. Lại có câu: Cứ làm như Văn Vương, các nước đều giúp theo. Nếu cứ như thế thì ông còn làm ra luật mới làm gì. Sẽ chỉ là đầu mối bàn tán cho dân, mà rồi dân không nghĩ đến làm phận sự, chỉ nghĩ đến lời văn trong câu luật, bàn giải từng cái tơ, cái tóc. Thế là sinh ra rối loạn, các kiện tụng về hình sẽ nhiều hơn lên. Ông chết rồi, tôi e nước Trịnh cũng chết. Hi tôi đã nghe nói, một nước chư hầu mà sắp chết là sinh ra nhiều luật lắm. Ý ấy, nay nghiệm sẽ thấy đúng chăng".

Tử Sản trả lời, trong thư nói: "Y như ngài nói, Kiều tôi bất tài, không nghĩ hay được cho hậu thế. Tôi chỉ biết cứu đời nay đã. Đã không theo mệnh ông được, thì dám đâu quên ơn, ơn đã viết thư cho tôi".

Sĩ Văn Bá nước Trịnh nói: "Khi sao hỏa hiện, Trịnh sẽ thành hỏa chăng, Hỏa chưa hiện mà đã dóm lửa để khắc hình luật

vào đỉnh. Vậy đỉnh có luật là những đề tài được đem ra tranh luận. Các việc xảy ra, sao hỏa sẽ là tượng hình. Mà xảy ra việc gì, nếu không phải là lửa."

夏癸孫宿如晉

HẠ, QUÍ TÔN TÚC NHƯ TẤN

MÙA HẠ, QUÍ TÔN TÚC SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Quí Tôn sang nước Tấn, để tạ ơn Tấn đã để cho Lỗ lấy các đất nước Cử. Vua Tấn thết tiệc. Trong bữa tiệc, các thức ăn đều gấp bội. Vũ Tử (Túc) từ chối, nói với viên chức hành nhân: Nước nhỏ thờ nước lớn, miễn là khỏi bị tội, chứ không dám cầu ơn khác. Đối với tôi ba lần chúc rượu là đủ. Thế mà đây, các thức ăn đã gấp bội số thường. Tôi phận hạ thần đâu dám nhận. Nhận chính là có tội. Hàn Tuyên Tử nói: Quả quân tôi muốn cho tiệc được vui. Đáp: Ngay như quả quân tôi cũng không dám nhận, huống chi kẻ hạ thần này chỉ là lại lệ nhà vua, đâu dám được hưởng biệt đãi thế. Cố xin triệt bỏ các thức ăn quá con số định. Xong rồi tiệc tiến hành cho đến lúc bãi. Người Tấn cho là Vũ Tử biết lễ, rồi thân tặng nhiều phẩm vật.

葬杞文公

TÁNG KỶ VĂN CÔNG

LỄ CHÔN KỶ VĂN CÔNG

宋華合比出奔衛

TỐNG HOA HỢP TỊ XUẤT BÔN VỆ

HOA HỢP TỊ NƯỚC TỐNG CHẠY TRỐN SANG NƯỚC VỆ

Tả Thị - Hoạn quan nước Tống tên là Liễu được vua Tống tin yêu. Thái Tử Tá thì ghét. Hoa Hợp Tị nói: Ta giết Liễu đi. Liễu được tin mới đào một cái hố, chôn một con vật sinh (dùng lễ sinh, cùng một khoán ước để làm cho người ta nghi là có một

âm mưu thề). Rồi Liễu nói với vua. Hợp Tị đang sửa soạn cho người bị biệt xứ được về, đã có lễ thề ở phía bắc ngoài quách. Vua cho đi xét thì thấy là đúng. Rồi vua đuổi Hoa Hợp Tị chạy trốn sang nước Vệ. Vì thế, Hoa Hợi (em Hợi Tị) muốn thay Hợp Tị giữ chức Hữu Sư. Cùng vào đảng với Hoạn quan Liễu, cùng thề và nói tôi đã biết việc này từ lâu (việc Hoa Hợp Tị đem Hoa Thần về). Vua cho thay chức, Hợp Tị. Hợi đến yết kiến Tả Sư Hướng Thú. Hướng Thú nói: Người như ông, nguy đến nơi. Ông mất cả thân thích họ hàng. Đối với người, ông còn làm gì được. Trong Kinh Thi có câu: Người trong họ là thành quách, chớ có lũng thành quách. Hủy đi, thành cô độc, cô độc sợ thay.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 6, ngày Bính Tuất, nước Trịnh có hỏa tai. Công Tử Khí Tật nước Sở sang Tấn đáp lễ Hàn tử. Đi qua nước Trịnh. Hãn Hổ, Công Tôn Kiều, Du Cát, theo vua Trịnh đi đón mừng tại đất Tra. Công Tử từ, không dám yết kiến vua Trịnh. Cố mời, mới nhận, như yết kiến vua Sở mình, biếu vua Trịnh tám cật ngựa. Rồi yết kiến Tử Bì (Hãn Hổ, như đối với một vị thượng khanh, biếu sáu cật ngựa, yết kiến Tử Sản, biếu bốn cật ngựa, yết kiến Tử Thái Thúc, biếu hai cật ngựa. Cấm tùy tùng khi kiếm cỏ cho ngựa, kiếm củi đun bếp, không được vào ruộng lúa, không được chặt cây trồng, hoặc lấy tranh mái nhà, không được lấy thế lực uy hiếp ai. Hễ phạm vào các cấm lệnh đó, thì người có chức vụ bị giáng chức, người không có chức vụ bị phạt tội. Người tới ở, không ăn hiếp chủ nhà. Người chủ nhà không bị hành hạ. Đi đi về về đều không theo thể thức đó. Ba vị Khanh ở nước Trịnh biết chắc rồi đây Khí Tật sẽ nối ngôi làm vua.

Khi Hàn Tuyên Tử đi sang Sở, người Sở không đi đón. Khi Công Tử Khí Tật tới nước Tấn, Tấn Hầu định không cho đón, Thúc Hướng nói: Sở dở, mình hay, sao ta lại bắt chước người làm dở. Trong Kinh Thi có câu: Người mà dạy thì dân nghe. Ta cứ làm theo ta, chứ đừng theo dở của người. Trong kinh Thư có câu: Thánh nhân đặt ra phép. Sao ta không noi gương người hay, mà lại đi bắt chước người dở. Một cá nhân làm hay, dân còn lấy làm phép, huống hồ một quốc trưởng. Tấn Hầu khen phải, rồi cho đi đón.

Gia Huyền Ông - Y Lê là Liễu khi gièm Thái Tử và Hữu Sư đều dùng cách chôn con sinh và thư khoán, trước sau cùng một mưu hiểm độc Hoa Hợi thì một loại với Liễu mà Hướng Thú thì một loại với Y Lê. Chuyện thật giống nhau mà Bình Công không tỉnh ngộ. Ác thay, bọn hoạn quan muốn làm hại nước, tất có quan triều đình vào phe đảng, thì lời gièm mới đắt. Việc Y, Liễu, Thú, Hợi, đời sau, thỉnh thoảng vẫn có. Thật nên lấy làm răn.

秋 九 月 大 于

THU, CỬU NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG 9, TẾ ĐẢO VŨ

Tả Thị - Mùa thu, tháng 9, tế đảo vũ, vì đại hạn.

楚 遠 罷 帥 師 伐 吳

SỞ VỈ BÌ SUẤT SƯ PHẠT NGÔ

VỈ BÌ NƯỚC SỞ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Nghi Sở nước Từ sang Sở lễ sính. Sở bắt giữ lại. Nghi Sở trốn thoát về nước. Sở e Từ phản, sai Vĩ Tiết đánh Từ. Nước Ngô cứu Từ. Tử Đăng, Sở Lệnh Doãn cầm quân đánh Ngô. Họp quân tại đất Dự Chương (phía nam sông Hoài, Giang Bắc) và đóng quân tại Can Khê. Quân đội Ngô đánh được ở Phòng Chung (đất nước Ngô) và bắt sống được tướng Sở coi ngựa xe nhà vua là Khí Tật. Tử Đăng quy tội vào Vĩ Tiết, giết Vĩ Tiết.

冬 叔 弓 如 楚

ĐÔNG, THÚC CUNG NHƯ SỞ

MÙA ĐÔNG, THÚC CUNG Ở LỖ SANG SỞ

Tả Thị - Mùa đông, Thúc Cung sang Sở lễ sính và hỏi thăm việc thua trận.

Cao Kháng - Tả Thị bảo là hỏi thăm về việc thua trận,

Tả Thị bàn không đúng. Sở là một giống cường bạo, thua trận thì kiêng, Lỗ đâu dám thăm. Năm thứ tư, vua Lỗ không có mặt tại hội ở đất Thân. Sở càng mạnh. Vua Lỗ muốn sang chầu. Chưa có dịp. Nay cho Thúc Cung đi trước để năm sau bản thân tới Sở.

齊侯伐北燕

TỀ HẦU PHẠT BẮC YÊN

VUA TỀ ĐÁNH NƯỚC BẮC YÊN

Tả Thị - Tháng 11, Tề Hầu sang Tấn, xin đánh Bắc Yên. Sĩ Uởng, có Sĩ Cái làm phó ra đón vua Tề tận bờ sông Hoàng. Vua Tấn chấp thuận. Cho nên, tháng 12, Tề Hầu đánh Bắc Yên, định giúp Yên Cảnh Công đã tránh ở Tề ba năm, nay về nước. Tề Án Tử nói: Cảnh Công không vào nước được đâu. Yên nay có vua, chưa mất lòng dân. Vua ta được hối lộ, được người nịnh. Phàm việc lớn mà thiếu đức tin, thì chưa thường có được việc.

Gia Huyền Ông - Tề Hầu đánh Bắc Yên, định đem một vua cho làm vua Yên. Chép đủ tước (Hầu) lại chép chữ phạt là đánh, nghĩa là đem quân ra có danh nghĩa. Không chép cái cớ phải đánh, thế là chê. Vì nghĩa mà đi. Nhận hối lộ mà trở lại. Thế thì không thành công được. Tề Cảnh là một vua hiền, mỗi khi định làm việc là bị bọn tiểu nhân trở ngại, vua thành do dự, không quyết đoán, cho đến khi già, đến nỗi nước không còn là nước nữa.

Năm Bính Dần - Cảnh Vương, năm thứ 10.

七年

THẤT NIÊN

NĂM THỨ 7

Tấn Bình, năm thứ 23. Tề Cảnh, năm thứ 13. Vệ Tương, năm thứ 9. Sái Linh, năm thứ 8. Trịnh Giản, năm thứ 31. Tào Vũ, năm thứ 20. Trần Ai, năm thứ 34. Kỷ Bình Công Ức Ly,

năm đầu. Tống Bình năm thứ 41. Tần Ai, năm thứ 2. Sở Linh, năm thứ 6. Ngô Di Muội, năm thứ 9.

春王正月暨齊平

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, KỴ TỀ BÌNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÙNG VỚI TỀ HÒA

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân, Vương, tháng giêng, cùng Tề hòa. Ý Tề đã muốn hòa. Ngày Quí Tị, Tề Hầu đình quân tại Quắc (Đất nước Yên). Người Yên xin hòa, nói: Tệ ấp biết tội, dám đâu không nghe mệnh. Có đồ vật của tiên quân, xin đem tạ tội. Công Tôn Tích nước Tề, nói: Nhận sự hàng phục của nước Yên xong thì ta nên lui về. Đợi hễ có chuyện thì ta lại động binh cũng được.

Tháng hai, ngày Mậu Ngọ, thề ở Nhu Thượng (Nhu Thủy từ huyện Cao Đường chảy vào sông Dịch Thủy). Yên hiến vua Tề một người con gái dòng họ vua Yên để sung vào cung Tề, và tặng một bình ngọc, một hộp ngọc, một đôi vòng. Vua Tề chưa chiến thắng đã đem quân về.

Phụ Lục Tả Truyện - Khi vua Sở còn là Lệnh Doãn, có tự làm một cây cờ giống cờ của vua, rồi dùng đi săn, Chức Hu Doãn (kém Lệnh Doãn), tên là Vô Vũ xé đi, nói: một nước hai vua, ai chịu được. Khi lên ngôi rồi, Vua Sở cho cung Chương Hoa, người dùng trong cung toàn là những hạng trốn tránh các nơi tới xin ở. Vô Vũ có chức gia thần giữ chức canh cửa, trốn vào cung đó. Vô Vũ tới bắt. Chức Hữu Tư không cho phép và nói: Bắt người ở trong cung vua là tội lớn. Rồi Hữu Tư bắt Vô Vũ, đưa tới vua phân xử. Vua sắp uống rượu. Vô Vũ nói: "Thiên Tử chia biên giới chư hầu. Chư hầu nhận ở trong khoảng biên giới, đó là cổ chế. Trong biên giới một nước chư hầu, có tấc đất nào không phải là của vua chư hầu. Sống nhờ sản vật ở đó, có người dân nào không phải là thần của vua chư hầu. Cho nên kinh Thi nói: Dưới khoang trời, có nơi nào không phải đất của vua. Trong bốn bể có dân nào không phải tôi của vua. Ngày chia làm tuần mười. Mười chia làm mười bực. Là để cho dưới thờ trên, trên

thờ thần. Thiên Tử thì sai chư hầu, chư hầu sai đại phu. Đại phu sai Sĩ. Sĩ sai Tào, Tào sai Dư. Dư sai Lệ. Lệ sai Liêu. Liêu sai Bộc. Bộc sai Đài. Ngựa có người nuôi. Bò có người chăn. Mọi việc đầy đủ. - Nay chức Hữu Tư bảo tôi rằng: Sao lại bắt một người trong cung vua. Thế thì muốn cho tôi bắt ở chỗ nào. Theo phép của vua Văn Vương, thì bọn gian phi trốn tránh bị lùng bắt bất cứ ở nơi nào. Vì thế Văn Vương mới làm chủ được thiên hạ. Vua Văn Vương nước Sở ta có làm ra một bộ Hình Luật gọi là Bộc Khu, trong có đoạn: Kẻ nào oa trữ đồ vật của một tên gian phi thì có tội, thì cũng chịu hình phạt giống như gian phi. Vì có tinh thần ấy, cho nên vua Sở Văn Vương nới rộng đất đai đến khoảng sông Nhữ. Nếu như lại nghe viên Hữu Tư, thì không thể nào bắt được một gian phi tại đào. Nếu ra không bắt được người nhà ta trốn tránh, thì rồi chúng sẽ trốn hết, đến đứa cùng nô cũng không còn ở lại. Thế thì liệu có hại cho việc cai trị không. Ngày xưa. Vũ Vương kể tội vua Trụ cho mọi chư hầu được rõ, có nói: Trụ là người chứa chấp gian phi trốn tránh trong khắp các nước. Cung điện như hang hố chứa đầy rắn rết. Thế là các chư hầu theo đi đánh Trụ, không tiếc gì thân mệnh. Thưa nhà vua, ngài muốn cầu thân với các chư hầu, mà bắt đầu lấy vua Trụ làm phép thì có nên không. Tôi mà định bắt lại đầy tớ tôi, theo luật phép hai vua Văn, là vì ở đây có một tên trộm".

Vua Sở (Linh Vương hiểu ý) Trả lời: Đấy, bắt lấy người nhà, rồi đi đi. Còn tên trộm thật thì đang được sủng ái. Chưa bắt được. Thế là Linh Vương tha cho Vô Vũ.

Cốc Thị - Bình là gì? Là hòa. Cùng hòa, cùng đây có nghĩa là bất đắc dĩ phải cùng. Nói từ người ngoài rồi đến người trong là "kỵ" cùng.

Lý Liêm - Theo Lễ Ký thì: "Nhung dung kỵ kỵ" là cái dáng mặt quyết đoán, nghị lực. Đời Tương Công, Tề nhiều lần đánh Lỗ. Đời Cảnh Công mới lên ngôi, Khánh Phong tới sính ở Lỗ mà không thấy có chép. Lỗ đáp lễ, thế biết là Lỗ không vội vàng bám lấy Tề. Xét Tả thị có chú chữ "kỵ tề bình" cùng Tề hòa, Tề cầu nước Yên, rồi cùng Yên hòa, ngoài ra không có việc gì lạ, cho nên thôi không nhắc đến Yên. Còn như Đỗ Thị, theo

thuyết Hứa Huệ Khanh, rồi dẫn lệ luật kinh ra, thì lời văn "cập Tề bình, cập Trịnh bình, cùng Tề bình, cùng Trịnh bình", các lời văn đó là một loại. Mà sau đây kinh có chép: Thúc Tôn ly minh, Thúc Tôn dự hội thề, chính là cùng một loại với Thúc Hoàn ly minh. Và lại, văn Tả Thị, ở dưới nói rõ người nước Yên xin hòa, mà ở quãng trên thì lại cho là người Tề cầu hòa, văn pháp y như trái ngược nhau, cho nên Phục Kiền cũng lấy làm nghi. Nay nếu bỏ bốn chữ "Tề cầu chi dã" thì chính là giải thích được việc Tề Lỗ hòa. Mà từ chữ Quí tị trở xuống, là gọn kể hết các việc Tề Yên, được cả cho Tề, cho Yên. Vậy Tả Thị vốn không có nhầm. Nhầm là ở Hứa Huệ Khanh.

三 月 公 如 楚

TAM NGUYỆT, CÔNG NHƯ SỞ

THÁNG 3, LỖ CÔNG SANG NƯỚC SỞ

Tả Thị - Vua Sở xây xong đài Chương Hoa, muốn mời các chư hầu đến vui chơi. Viên Thái Tể Vĩ Khải Cương nói: thần có thể mời được vua Lỗ. Thế là Vĩ Khải Cương tới nước Lỗ mời Lỗ Hầu. Nói: Xưa tiên quân tôi là Thành Công có sai tiên đại phu nước Sở tôi là Anh Tề và bảo rằng không bao giờ quên tình giao hiếu giữa Lỗ và Sở, định sai Hành Phủ sang thăm nước Sở, thăm viếng xã tắc, lo an ninh cho dân. Anh Tề được mệnh ở đất Thục, có cáo trình với thần linh đất nước. Từ thời ấy, tiên quân Sở tôi là Cung Vương, trông ngóng lên mặt bắc (Lỗ), ngày ngày, tháng tháng, đợi vua Lỗ, hoặc đại sứ Lỗ. Rồi bốn vua nối ngôi nhau, mà Sở vẫn chưa có hân hạnh tiếp đón. Chỉ có Tương Công là có dự lễ tang Khang Vương Sở tôi. Khi đó, vua tôi đang trong cảnh bi đát, không còn nghĩ đến chuyện khác, không có thời gian săn sóc đến cả chính trị, huống chi còn biết nghĩ đến báo đáp ơn vua Lỗ. Ngày nay, nếu nhà vua dời ngọc chỉ, quá bước đến với quả quân tôi, thêm hay cho sự hưng thịnh nước tôi, lại hoàn tất được lời hứa trong việc tới đất Thục khi xưa, thì quả quân tôi rất cám ơn nhà vua. Dám đâu mong có được con tin như việc quân ở Thục xưa. Vong linh các tiên quân tôi cũng được vui vẻ, chứ không riêng gì quả quân tôi. - Nếu ngài

không sang Sở, thì tôi cũng phải hỏi ngài bao giờ vua tôi có thể đem con tin và lễ vật tới nộp ở đất Thục, để được hoàn thành lời hứa của tiên quân với nước Sở (nghĩa là bao giờ Sở tôi đem quân tới đánh Lỗ).

Vua Lỗ sắp sang Sở thì nằm mê thấy vua Lỗ Tương Công vì mình mà làm lễ thần đạo lộ. Tử Thận can: Xin nhà vua đừng đi. Tương Công xưa, sang Sở vì đã nằm mê thấy Chu Công lễ thần đạo lộ. Nay chỉ có Tương Công. Vậy xin đừng đi. Tử Phục Huệ nói: Xin đi. Các vua ta chưa bao giờ đi tới Sở, cho nên Chu Công mới lễ để dọn đường cho Tương Công. Tương Công đã đi, nay lại dọn đường cho nhà vua, sao lại không đi.

Tháng ba, Lỗ Công sang Sở. Trịnh Bá đón mừng ở đất Sư Chi Lương. Vị quan đi theo giúp việc vua Lỗ là Mạnh Hi Tử, không rành lễ nghi. Đến đất Giao, trước quan lại Sở ra đón, Mạnh Hi Tử cũng thiếu sót.

叔孫舍如齊蒞盟
THÚC TÔN XÁ NHƯ TỀ LỊ MINH
THÚC TÔN XÁ SANG NƯỚC TỀ DỰ THỀ

Tả Thị - Chữ lị như chữ vị nghĩa là dự việc đã định trước. Chép nước mình thì gọi là lị, chép nước ngoài thì gọi là lai, lại.

夏四月甲辰朔日有食之
HẠ, TỨ NGUYỆT, GIÁP THÌN, SÓC NHẬT HỮU THỰC CHI
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY GIÁP THÌN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Giáp Thìn, mùng một. Có nhật thực. Tấn hỏi Sĩ Văn Bá, nhật thực này ai bị ảnh hưởng. Sĩ Văn Bá đáp: Lỗ và Vệ. Lỗ ít Vệ nhiều - Tại sao? Mặt trời từ Vệ đi sang Lỗ, cho nên Vệ có họa, Lỗ bị lây. Nặng là ở vua Vệ, rồi đến Thượng Khanh Lỗ.

Hỏi: Trong Kinh Thi có câu: Khi có nhật thực, thì họa ra sao, câu ấy có nghĩa gì? Đáp: Đó là ý nói, chính trị không được hay. Nước khi không có chính, người hay không được dùng, thì sinh ra nhiều tai họa, mà tai họa thì được báo bằng nhật thực, nguyệt thực. Vậy, chính không thể không cẩn thận. Chỉ có ba điều cốt yếu. Một là chọn người dùng, hai là lợi cho dân, ba là theo đúng mùa.

Phụ Lục Tả Truyện - Người Tấn (quan chức) bàn định về ruộng đất xứ Kỷ. Quí Tôn sẵn sàng muốn nhường cho ấp Thành. Tạ Tức, gia thần họ Mạnh Tôn, cai quản ấp Thành, can Quí Tôn nói: Không nên. Người đời có nói, dù trí chỉ đủ dùng để giữ gầu múc nước, thì cũng biết không cho người lạ mượn cái gầu ấy. Câu nói ấy đúng. Chủ nhân tôi, (Mạnh Tôn) đi theo vua sang Sở, tôi là gia thần, giữ ấp, nếu tôi để mất ấp, thì ngay đến ngài cũng nghi lòng trung của tôi. Quí Tôn nói: Vua ta mà tới Sở, đối với Tấn, là có lỗi rồi. Lại không nghe Tấn, tội lại càng nặng hơn. Quân Tấn tất là tới, ta lấy gì chống được. Chi bằng cho ấp Thành đi. Khi có dịp, ta lại lấy lại ấp Thành của nước Kỷ. Tôi cho ngươi ấp Đào. Đến khi ấp Thành trở lại, ngoài chủ ngươi, còn ai dám nhận. Thế là Mạnh Tôn có hai ấp. Lỗ không bị họa, mà Mạnh Tôn thì có lợi. Ngươi còn nghi ngại gì.

Tạ Tức kêu là ấp Đào không có rừng núi. Quí Tôn mới lại cho núi Lai và núi Tạc. Tạ tức mới đến cai quản ấp Đào. Người Tấn đến nhận ấp Thành cho nước Kỷ.

Vua Sở thết tiệc vua Lỗ trên đài mới, gọi là đài Chương Hoa. Sai một viên quan râu ria đạo mạo, khác người Ngô, Sở, để làm chủ việc lễ nghi yến tiệc. Tỏ tình thân thiện, vua Sở tặng vua Lỗ một cái cung gọi là cung Đại Khuất. Tặng xong, lại hối tiếc. Sở, Vỉ Khải Cương biết thế, mới tới thăm vua Lỗ. Vua Lỗ nói chuyện cái cung. Khải Cương quỳ xuống, chúc mừng. Vua Lỗ hỏi tại sao, Khải Cương nói: Cái cung ấy, các vua Tề, Tấn và Việt đều muốn có mà không được. Vua tôi biếu nhà vua. Xin nhà vua sửa soạn chống với ba vua đó, mà giữ. Vì thế, tôi có lời chúc mừng. Vua Lỗ sợ họa chiến tranh, mới trả lại chiếc cung.

Tử Sản nước Trịnh tới lễ sính nước Tấn. Vua Tấn ốm. Hàn Tuyên Tử đón Tử Sản, rồi nói riêng rằng: Quả quân ốm đã ba tháng nay, cúng lễ thần linh đã đủ, bệnh cứ tăng, không giảm. Gần đây vua tôi mộng thấy con gấu vàng đi vào cung. Đó là thần gì. Tử Sản nói: Có minh quân như nhà vua, quyền chính thì có ngài, còn có thần nào ám ảnh được. Ngày xưa, khi vua Nghiêu giết Cổn ở núi Vũ Sơn, Cổn chết hóa làm con gấu vàng rồi ở hang Vũ. Trong tế Giao, triều nhà Hạ, Cổn vẫn được tòng hưởng, các triều Thương, Chu cũng thế, Tấn làm minh chủ, có lẽ chưa tế chăng. Hàn Tuyên Tử nghe lời cho tế như nhà Hạ tế Giao. Thế là bệnh vua Tấn bớt dần. Tuyên Tử biếu Tử Sản hai đỉnh vuông, lấy của nước Cử trước.

Tử Sản thay mặt Phong Thi (Trịnh, Công Tôn Đoàn) xin trả về Tuyên Tử các đất Châu Điền và nói rằng: Khi xưa, vua Tấn xét Công Tôn Đoàn có tài trong chức vụ, mới cho Châu Điền. Không may, ít lâu sau Đoàn mất, chưa được hưởng mấy lộc vua ban cho, Người con không dám giữ đất ấy, mà cũng không dám nói lên vua. Vậy muốn riêng biếu ngài. Tuyên Tử từ chối. Tử Sản lại nói: Tục ngữ có câu: Cha chặt cây làm củi. Con yếu không mang nổi. Con sợ không cai quản nổi ấp quí quốc đã cho người cha, mà dù rằng Thi có cai quản nổi khi còn cầm quyền chính nước Trịnh, nhưng sau này, nếu có việc định lại giới hạn đất đai, thì nước Trịnh tôi sẽ có lỗi, mà họ Phong sẽ bị rầy rà. Thưa ngài, nếu ngài nhận ấp Châu Điền cho, thì nước Trịnh tôi sẽ không bị lội thôi gì, mà họ Phong lại càng thêm vững chắc. Vậy tôi xin ngài nhận cho. Tuyên Tử mới nhận và báo trình lên vua. Vua chấp thuận. Tuy nhiên, vẫn không thích Châu Điền, Tuyên Tử mới đổi cho Nhạc Đại Tâm, lấy ấp Nguyên.

Dân Trịnh cùng nhau kinh sợ về việc Bá Hữu (Tương Công năm thứ 30). Hoảng hốt kêu Bá Hữu đã tới. Thế là chạy, mà không biết chốn đi đâu. Năm, bộ hình luật được soạn, vào tháng hai, có người mê thấy Bá Hữu mặc áo giáp đi đường nói: Ngày Nhâm Tý, ta giết tên Đái, sang năm ngày Nhâm Dần, ta giết tên Đoàn. Thế là đến ngày Nhâm Tý, Tứ Đái chết, người trong nước càng sợ. Rồi trong tháng ký hòa ước giữa Tề và Yên, Công Tôn Đoàn cũng chết. Người trong nước lại càng khủng khiếp.

Tháng sau, Tử Sản lập Công tử Tiết làm đại phu cho nối dõi bố là Tử Khổng (Tử Khổng bị giết, năm thứ 19, Tương Công) và lập Lương Chỉ làm đại phu cho nối dõi bố là Bá Hữu. Cốt cho dân yên. Về sau dân hết hoảng sợ thật.

Tử Thái Thúc hỏi Tử Sản, nguyên nhân hai việc đó. Tử Sản cho biết: Khi vong hồn người chết được thờ cúng, thì thôi không trở lại quấy ai nữa. Vậy tôi làm cho được thờ cúng. Thái Thúc lại hỏi: Cho Công Tôn Tiết để làm gì? Tử Sản nói: Tôi muốn cho dân biết đường lối của tôi. Bá Hữu có lỗi. Cho một người có lỗi khác Bá Hữu được thờ cúng, ý tôi muốn cho ai nấy hiểu rằng, tôi mà có cho người ấy nối dõi Bá Hữu, không phải là sợ Bá Hữu về quấy người sống, mà chỉ vì rằng cái ơn ấy có thể cho những người có tội bị hành hình. Người cầm quyền chính có khi phải hành động trái với nguyên tắc của mình, để nịnh dân, vì nếu không ưa thì không có tín nhiệm. Dân đã không tin, thì không theo lệnh.

Đến khi Tử Sản đi sang Tấn, Triệu Cảnh Tử, nước Tấn hỏi Tử Sản rằng hồn Bá Hữu có về được không. Tử Sản đáp: Về được lắm. Khi thể xác đứa trẻ bắt đầu sinh trưởng, thì cái hồn mà tạo thành hình của thể xác gọi là phách. Khi phách đã thành, thì cái tinh thần gọi là hồn mới tới. Nếu dùng nhiều vật chất có tính cách linh hoạt như đồ ăn, đồ uống, thì phách cùng hồn ngày thêm cứng rắn, đã dũng mãnh lại thêm minh mẫn, có thể tới được thần minh. Thất phu, thất phụ mà bị bức tử, thì hồn cùng phách có nhập vào một người, làm nhiều điều quái dị, huống hồ Lương Tiêu (Bá Hữu) là dòng giống mục công ta, cháu nội Tử Lang, con Tử Nhĩ, làm chức Khanh ở nước Trịnh, y như cha, y như ông, suốt ba đời. Nước Trịnh cho dẫu là nước nhỏ không giàu mạnh, nhưng nhà Lương Tiêu, tay chèo lái suốt ba đời, hấp thụ tinh anh đất nước đã nhiều. Thế thì hồn và phách đều phải cứng, mạnh. Lại thêm bị cưỡng tử (chết không tự nhiên). Vậy nay hiện về quấy rối người sống, có gì là lạ.

Ở nước Trịnh, họ Tử Bì, nghiện rượu không có chừng mực. Cho nên họ Mã Sư, và họ Tử Bì, hai ngành trong một họ Hãn, vẫn thù ghét nhau. Trong tháng mà quân đội Tề ở nước Yên kéo về, thì Hãn Sóc (Mã Sư) giết Hãn Đôi (em cùng mẹ với Tử

Bì). Hãn Sóc chạy trốn sang Tấn. Hàn Tuyên Tử nước Tấn hỏi Tử Sản khi đó ở Tấn, về ngôi thứ của Hãn Sóc. Tử Sản nói: Sóc tới đây là bầy tôi của quí quốc. Nếu được dung cho khỏi chết, thì đã là quí, còn dám mong chức vụ gì. Một Khanh đi trốn thì theo hàng đại phu. Một tội nhân tùy theo tội, bị giáng xuống chức dưới, đó là cổ pháp chế. Trong nước Trịnh tôi, Sóc là đại phu hàng thứ hai, giữ chức Mã Sư (coi về kỵ binh) bị tội rồi trốn. Nay số mệnh tùy ở pháp chế bên Tấn. Được khỏi chết đã là may, còn dám mong chức vị gì. Hàn Tuyên theo lời xét đoán minh mẫn của Tử Sản, mới xếp Sóc vào hàng hạ đại phu.

秋 八 月 戊 辰 衛 侯 惡 卒

THU, BÁT NGUYỆT, MẬU THÌN, VỆ HẦU ÁC TỐT

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY MẬU THÌN, VUA VỆ TÊN LÀ ÁC MẤT

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, Vệ Tương Công mất. Các đại phu nước Tấn nói với Phạm Hiến Tử rằng: Vệ thờ Tấn rất hòa thuận, mà Tấn đối đãi không lịch sự. Tấn binh vực một phản thần của Vệ, lại nhận ấp của phản thần. Chư hầu rồi sẽ xa ta. Kinh Thi có nói: Con chim tích linh, nhảy nhót ngoài đồng, anh em thường số phận chung. Lại có nói: Trong các việc tang tế, thì anh em cùng thương nhau. Vậy nếu trong một nhà mà anh em không hòa mục, không thăm viếng, chia buồn cùng nhau, thì đâu đã tới người ngoài. Vậy ai dám mong nhờ ta. Nếu ta không cư xử tử tế với vua nối nước Vệ, thì ta mất hết tình thân hữu các chư hầu.

Phạm Hiến Tử nói lại các lời đó với Hàn Tuyên Tử. Tuyên Tử cho là phải, mới sai Hiến Vệ điếu tang, và nhân tiện trả lại các đất Thích Điền.

Đại phu nước Vệ là Tề Ác sang nhà Chu cáo tang và để xin mệnh Thiên Tử. Thiên Tử sai Thành Giản Công sang Vệ điếu tang và truy phong Tương Công rằng: Thúc phu nay ở bên các tiên vương để giúp Thượng Đế. Ta đâu dám quên Cao Ngự và Á Ngự. (Cao và Á là tổ tiên nhà Chu, khi chết được vua thời đó là triều đại Ân phúng điếu).

Cốc Thị - Vừa nói Tề Ác (một quan nước Vệ). Nay nói vua nước Vệ là Ác. Vua tôi sao lại trùng tên thế. Người quân Tử không cướp tên của người khác, không lấy cái tên người ta đã đặt cho con người ta. Chính là nghĩ đến việc xảy ra về sau như Vương Phủ đặt tên con.

Lưu Sưởng - Vệ Hầu Ác mất. Cốc Lương nói: Vương Phủ đặt tên con, không ai dám đặt trùng tên Thái tử. Thế thì con sinh ra trước Thế Tử, đã đặt tên con rồi, về sau thôi không đổi. Chép là Vệ Tề Ác, tức là Vương Phủ đã đặt. Còn như nói rằng Vương Phủ chết, dặn lại đặt tên con. Nói thế là không hiểu gì.

九 月 公 至 自 楚

CỬU NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ SỞ

THÁNG 9, LỖ CÔNG TỪ NƯỚC SỞ TRỞ VỀ LỖ

Tả Thị - Tháng 9, Lỗ Công từ Sở về. Mạnh Hi Tử rất buồn về việc không biết điều khiển công việc giúp vua Lỗ ở Sở cho đúng lễ nghi. Thế là bắt đầu học lễ. Giá có ai giỏi về lễ thì Mạnh Hi Tử đã xin làm học trò rồi. Khi gần chết, triệu tập các đại phu nói: Lễ là gốc của người. Không có lễ, không thể vững vàng được. Tôi nghe nói sẽ có một người ra đời, tên là Khổng Khưu, con cháu Thánh nhân (Vua Thành Thang), dòng họ bị hết ở nước Tống. Một ông tổ là thất Phủ Hà, được nối ngôi nước Tống, nhưng nhượng lại cho người em là Lê Công. Rồi đến Chính Khảo Phủ, chắt của Thất Phủ Hà, làm quan với Đái Công, Vũ Công, Tuyên Công nước Tống. Được vượt dần ba bực đại phu, mỗi lần lên một bực, lại nhún nhường thêm. Ở đỉnh có ghi mấy câu sau: "Khi Khảo Phủ phong đại phu thì đầu cúi, khi được phong Trung đại phu, thì vai cong. Khi lên đến Thượng Đại phu thì cả người cúi. Đi đường lần phía bên, không đi giữa, và thường nói: Thôi từ nay không ai khinh nhờn, ta chết, vạc này nấu cháo cúng ta, nấu canh cúng ta". Đó đức độ cung kính, khiêm nhượng đến như thế. Tang Tôn Hột có nói: Một vị thánh không rõ đức sáng khi sinh thời, thì con cháu tất có người hiển đạt. Lời ấy, tôi (Mạnh Hi Tử) chắc sẽ

áp dụng vào Khổng Khưu (khi đó 35 tuổi). Nếu tôi được chết thường, thì các ông giao cho ông thầy (Khổng Khưu) hai con tôi là Duyệt và Hà Ky, để chúng nó được học, được biết lễ, thì mới mong xứng chức vụ được.

Vì thế, mà Mạnh Ý Tử (Hà Ky) và Nam Cung Kính Thúc (Duyệt), được thành học trò Khổng Ni.

Trọng Ni có nói: Biết sửa lỗi là người quân tử. Trong Kinh Thi có câu: Người quân tử lấy làm mực, làm mẫu. Mạnh Hi tử đáng làm mẫu.

Phụ Lục Tả Truyện - Thiện Hiến Tử làm quan triều nhà Chu, bỏ người trong họ, chuyên dùng người nước ngoài. Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Dậu, con cháu Tương Công và Khoảnh Công (vua nước Thiện xưa và là tổ tiên Hiến Công), giết Hiến Công đi, và lập em là Thành Công lên thay.

冬 十 有 一 月 癸 未 季 孫 宿 卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, QUÍ MÙI, QUÍ TÔN TÚC TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNg 11, NGÀY QUÍ MÙI, QUÍ TÔN TÚC MẤT

Tả Thị - Tháng 11, Quí Vũ Tử mất, Tấn Hầu bảo Bá Hà rằng (Bá Hà: Thạch Văn Bá): Ta trước hỏi đại phu về việc nhật thực. Nay nghiệm rồi. Vậy các điềm báo trước bao giờ cũng giống nhau chứ? Đáp: Không. Sáu vật không giống nhau. Dân tâm không giống nhau. Thứ tự các công việc thay đổi. Quan chức khi thi hành chức vụ không giống nhau. Cùng thủy mà khác chung. Sao mà lại giống nhau được. Kinh Thi nói: Hoặc có người yên vui. Hoặc hết sức thờ nước. Đấy khác nhau như thế. Vua hỏi: Ông nói sáu việc, những việc gì là sáu? Đáp. Tuế (năm), thời (mùa), nhật (ngày), nguyệt (tháng), tinh (nhị thập bát tú), thần (giờ). Vua hỏi: Ông cắt nghĩa cho rõ hơn. Thế nào là thần? Đáp: Mặt trời và mặt trăng hợp tính với nhau (thành 12 chi, 10 can, để định giờ, ngày, tháng, năm).

十有二月癸亥葬衛襄公

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÍ HỢI, TÁNG VỆ TƯƠNG CÔNG

THÁNG 12, NGÀY QUÍ HỢI, LỄ CHÔN VỆ TƯƠNG CÔNG

Tả Thị - Phu nhân, Khương Thị, vợ Tương Công nước Vệ, không có con. Một người bế thiếp tên là Chu Cô sinh người con là Mạnh Trập. Khổng Thành tử mê thấy Khang Thúc, vua đầu nước Vệ bảo rằng sẽ cho đứa con là Nguyên làm vua, tướng sẽ là Tôn Ngữ, và Sử Cẩu (con Sử Triều). Sử Triều cũng mê thấy Khang Thúc bảo, ta sẽ cho con người là Cẩu, và Ngữ chắt của Khổng Trưng Sừ làm tướng cho Nguyên Sử Triều, gặp Thành Tử nói chuyện lại. Hai mộng hợp nhau. Trong năm mà Hàn Tuyên Tử cầm quyền chính ở Tấn đi lễ sính ở các chư hầu. Chu sinh con trai thứ hai, được đặt tên là Nguyên. Mạnh Trập bị tật chân yếu, đi khó bước. Khổng Thành Tử bói dịch, xem trong hai con, ai là có thể nối ngôi: được quẻ Truân. Rồi coi có nên để cho Trập làm chủ không. Thì được quẻ Tị. Khổng Thành Tử bàn với Sử Triều. Sử Triều nói: "Truân nghĩa là rộng lớn, thì còn nghi ngại gì" Thành Tử nói: "Liệu quẻ, có nghĩa là lớn tuổi hơn (Trập), thì quyền thế hơn không? - Sử Triều nói: "Đã gọi tên Nguyên cũng đáng là Trưởng. Mạnh có tật, bài vị rồi không được xếp trong miếu, không hơn được Nguyên. Vả lại lời giải trong quẻ Truân là: Lợi dụng nên nối ngôi. Nếu cứ bình thường tính tuổi mà được thì sao lại còn cần tìm người nối. Cần tìm người nối, thế tức là người thường không được. Cả hai quẻ cùng một ý, xin ngài cho Nguyên. Khang Thúc đã chọn. Hai quẻ đã chỉ. Bói dịch đúng với mộng. Vũ Vương xưa vốn dùng cách đó. Sao ngài không theo. Một người liệt hai chân thì chỉ ở yên. Một quốc trưởng phải chủ lễ nghi nền xã, nền tắc. Phải trông coi đất, nước, thần linh, hội họp, giao tế. Đâu có ở yên một nơi được. Hai anh em, người nào làm việc theo khả năng người ấy, có hơn không". Thế là Khổng Thành Tử lập Linh công. Tháng 12, ngày Quí Hợi lễ chôn Vệ Tương Công.

Năm Đinh Mão. - Cảnh Vương, năm thứ 11.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Bình, năm thứ 24. Tề Cảnh, năm thứ 14. Vệ Linh Công Nguyên năm đầu. Sái Linh, năm thứ 9. Trịnh Giản năm thứ 32. Tào Vũ, năm thứ 2. Trần Ai, năm thứ 35. Kỷ Bình năm thứ 2. Tống Bình, năm thứ 42. Trần Ai, năm thứ 3. Sở Linh, năm thứ 7. Ngô Di Muội, năm thứ 10.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 8, mùa xuân. Có một viên đá nói ra tiếng ở ấp Ngụy Du nước Tấn. Vua Tấn hỏi Sư Khoáng (Nhạc Công): Sao đá lại nói. Khoáng nói: Đá thì không nói. Hoặc giả ma nhập vào. Hoặc giả dân nhầm, tưởng như nghe tiếng nói. Tuy nhiên, tôi được biết rằng, khi các công tác làm không đúng mùa, thì tiếng oán hờn nổi lên trong nhân gian, thế là các vật không biết nói cũng nói. Hiện nay, cung đài đồ sộ đang xây cất, sức dân đã kiệt. Lời oán trách tứ phía đều nghe, không ai chắc sống nổi. Thế thì đá nói cũng phải. Khi đó vua Tấn đang bắt dân xây cung tại đất Tỵ Kỳ, trong nước Tấn. Thúc Hướng nói: "Lời của Tử Dã (Sư Khoáng) là lời một người quân tử. Lời quân tử thì thành thực mà có chứng cớ, cho nên không ai bắt bẻ hại đến bản thân được. Lời của người thường thì còn có thể không thực và không chứng, cho nên bị bắt bẻ ngay. Kinh Thi có nói: Hại thay cho lời nói thẳng không được phép giải bày, đã không có ích, lại hại cho người nói. May thay cho lời nói biết nói cho nghe. Lời khéo nói ra, thì như dòng nước không bị ngăn cản, hay cho người nói. Những câu trong Kinh Thi đó chứng tỏ ý tôi muốn nói. Cung Tỵ Kỳ này mà xây xong là các chư hầu phản bội, mà chính là lỗi ở vua ta. Thầy (Sư Khoáng) đã tiên đoán.

陳侯之弟招搬陳世子偃師

TRẦN HẦU CHI ĐỆ, CHIÊU, SÁT TRẦN THẾ TỬ YỂN SƯ

EM VUA TRẦN LÀ CHIÊU, GIẾT THẾ TỬ LÀ YỂN SƯ

Tả thị - Trịnh Cơ, vợ vua Trần Ai Công sinh ra Điệu Thế Tử Yển Sư. Một người thiếp sinh ra Công Tử Lưu. Một người thiếp nữa sinh ra Công Tử Thắng. Người thiếp thứ nhất được vua yêu, yêu mẹ, yêu cả con là Công Tử Lưu. Lưu được giao cho Tư Đồ Chiêu và Công Tử Quá. Chiêu và Quá đều là em cùng mẹ với vua Ai Công. Ai Công bị bệnh, ngày một kém dần. Tháng ba, ngày Giáp Thân, Công Tử Chiêu và Công tử Quá giết Điệu Thế Tử Yển Sư, và lập Công Tử Lưu lên thay.

Cốc Thị - Trước đã chép Công Tử nước Trần là Chiêu, nay lại chép em vua nước Trần là Chiêu. Sao vậy. Là vì càng rõ tình thân thì càng rõ tội ác. Việc giết nhau, thường không chép. Đây Xuân Thu chép là tại sao. Vì là Thế Tử, là vị Phó Vương, là bực cần tôn trọng. Đã là người thân thích với vua, thì không coi như thuộc quan được. Em là thân. Thân mà đi giết, thì còn ra sao.

Hứa Hàn - Trần Ai yêu con thứ, giao cho quyền thần để giúp đáp, và để hại Thế Tử, làm cho mất chức vị. Thành ra loạn, tự mình chịu họa. Chỉ vì quá thiên, mà công không thắng được tư. Thật đáng buồn.

夏四月辛丑陳侯溺卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, TÂN SỬU, TRẦN HẦU NỊCH TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN SỬU, VUA TRẦN LÀ NỊCH MẤT

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Tân Hợi, Ai Công tự thắt cổ.

叔弓如晉

THÚC CUNG NHƯ TẤN

THÚC CUNG ĐI SANG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Thúc Cung đi sang nước Tấn, để mừng xây cung Tý Kỳ. Vua Trịnh có tướng là Du Cát đi theo cũng sang Tấn vì việc đó. Sử Triệu nước Tấn tới tìm Tử Thái Thúc (Du Cát) nói: Quả thật là vớ vẩn, chính là đáng chia buồn, sao lại còn mừng. Tử Thái Thúc nói: Có việc gì mà chia buồn. Không phải riêng tôi mừng, tất cả các nước đều mừng.

楚人執陳行人干徵師殺之

SỞ NHÂN CHẤP TRẦN HÀNH NHÂN CAN TRUNG SƯ SÁT CHI

NGƯỜI SỞ BẮT SỨ NƯỚC TRẦN LÀ CAN TRƯNG SƯ, GIẾT ĐI

Tả Thị - Can Trưng Sư đem cáo phó tới nước Sở, và báo cáo đã lập vua. Công tử Thắng mới tố cáo công việc cho vua Sở. Người Sở bắt Can Trưng Sư giết đi. Công Tử Lưu chạy trốn sang Trịnh. Sử chép: Em Trần hầu là Chiêu giết Thế Tử Yển Sư. Vậy tội ở Chiêu. Người Sở bắt Hành nhân Can Trưng Sư giết đi. Tội không ở Hành nhân.

Công Thị - Chép là nhân, là người, người Sở, để bắt một đại phu, tức là bắt một kẻ có tội. Chép là hành nhân, là trách đến người trên.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương nói rằng, chép bằng chữ nhân, để bắt đại phu là kẻ có tội. Cốc Lương nghĩ thế sai. Sử mà chép là hành nhân thì không phải là có tội. Nếu mà có tội thì sao không lấy cái lệ giết Hạ Trưng Thu mà chép việc.

陳公子留出奔鄭

TRẦN CÔNG TỬ LƯU XUẤT BÔN TRỊNH

CÔNG TỬ LƯU NƯỚC TRẦN CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TRỊNH

Đỗ Dự - Lưu là do Chiêu dựng lên, chưa thành vua mà đã chạy trốn.

秋蒐于紅

THU, SƯU VU HỒNG

MÙA THU, DUYỆT BINH TẠI ĐẤT HỒNG (Ở NƯỚC LỖ)

Tả Thị - Mùa thu, đại duyệt binh tại đất Hồng. Từ Căn Mâu cho đến Thương (Thương: đất nước Tống) và Vệ, có nghìn chiến xa.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng bảy, ngày Giáp Tuất, Tử Vĩ nước Tề mất. Tử Kỳ muốn trông nom làm chủ nhà họ Tử Vĩ. ngày Đinh Sửu, giết Lương Anh. Tháng 8 ngày Canh Tuất, đuổi Tử Thành, Tử Công và Tử Xa, ba đại phu theo Tử Vĩ, nay tránh tới ở nước Lỗ. Tử Kỳ đặt một viên Tể trong nhà Tử Lương, con Tử Vĩ. Gia thần nhà Tử Lương nói: "Chủ nhân chúng ta nay chức vị là lớn, không còn được coi là con nít. Mà Kỳ lại muốn xen vào việc nhà chúng ta, định ta hợp vào nhà hắn". Thế là họ mới phát áo giáp cho quân họ để đến đánh Tử Kỳ. Trần Hoàn Tử vốn thân thiện với Tử Vĩ, cũng cho giáp binh đến giúp gia thần của Tử Lương. Có người báo cho Tử Kỳ biết tin. Tử Kỳ không tin. Sau nhiều người cùng báo, Tử Kỳ mới lên đường để tới nhà Tử Lương. Dọc đường, lại càng nhiều tin. Thế là Tử Kỳ quay sang phía nhà Trần Hoàn Tử. Hoàn Tử sắp đi ra, được tin, mới trở vào nhà, thay binh phục, mặc đồ thường rồi ra đón.

Tử Kỳ hỏi, Hoàn Tử định làm gì? Hoàn Tử nói: Tôi nghe nói Cương (Tử Lương) đã phát áo giáp cho các giáp sĩ để đánh ngài, ngài biết tin chưa. Tử Kỳ nói, chưa biết. Hoàn Tử nói: Sao ngài chưa cho giáp sĩ sửa soạn. Vô Vũ tôi xin theo. Tử Kỳ nói: "Sao lại phải như thế. Hắn còn nhỏ tuổi, tôi vốn dạy bảo. Lo

rằng còn chưa đủ tài để trị nhà được, tôi phải tìm cho một viên Tể. Vong hồn cha hắn sẽ nghĩ sao, Sao ngài không bảo hắn. Trong Chu Thư có câu: Dân ưa hay ghét, tùy ở sự rộng lượng hay khắc nghiệt, ở thái độ cứng rắn hay yếu mềm của quân vương. Chỉ vì theo lời đó mà Khang Thúc trở nên cao cả được". Hoàn Tử rạp đầu nói: Khoảnh Công và Linh Công đã dồn phúc đức về ngài. Tôi vẫn mong ở ngài nhiều. Thế là lấy lại được hòa khí hai nhà Tử Lương và Tử Kỳ.

Công Thị - Sưu là gì? Là có chiến xa theo. Sao lại chép. Vì việc ít có.

Cốc Thị - Việc có chính nghĩa. Nhân đi săn mà tập việc chiến trận. Trong lễ nghi, sưu là một việc quan trọng. Nhặt cỏ thường để .thay các tấm gỗ ngăn chặn. Đặt cờ chiên thay vào nơi cửa viên. Lấy cành gai thay ngưỡng cửa. Đường hẹp xe đi đôi không được vào. Vết bánh xe, vết chân ngựa, đoàn quân săn, người dong xe, phải nhận lối đi, để xe chạy không ngại vướng.

Có đủ cả rồi, hễ bắn là trúng, quá nơi có dấu ngăn là thôi không đuổi nữa. Không theo đường lối chim muông chạy trốn. Thứ chim muông bị thương nơi mặt không trình. Không đúng các chim muông thường, không trình. Dù săn được nhiều, Thiên Tử chỉ lấy một phần, còn thì chia cho sĩ thứ hết.

Khi tập bắn ở Xạ Cung, hễ bắn trúng bia thì, dù ra ngoài không được gì, cũng có phần chim muông. Mà ở ngoài bắn được chim muông, nhưng ở Xạ cung bắn sai, thì cũng không có phần chim muông.

Thế là đủ biết, người xưa, chuộng tâm nhân nghĩa, mà khinh sức vũ phu.

Lưu Sưởng - Sao chép. Chép là chê. Sưu là việc về mùa xuân, thế mà bày ra về thu là không phải chính nữa. Sưu có nơi dành riêng rồi. Nay ở đất Hồng không phải là chính. Thế thì sao không chép Lỗ Công. Là vì Công không được dự việc săn. Ba nhà Tam Hoàn, chia nhau cầm quyền chính nước Lỗ. Lỗ Công không làm gì. Bọn gian thần che giấu vua, chưa thường làm việc gì được đúng lễ, nhất là việc sai dân Sưu tại đất Hồng, ta thấy là trái thiên thời, là trái địa lý, là trái nhân luân. Thế mà

Chiêu Công còn chưa giác ngộ. Đến như chạy trốn, bỏ cả xã tắc, tổ tiên, cho đến chết, thế thì có đáng thương không.

Sưu tại đất Hồng, Cốc Lương bàn là chính, Cốc Lương bàn sai, Cốc Lương chưa học Chu Lễ.

陳 人 殺 其 太 子 公 孫 過

TRẦN NHÂN SÁT KỲ THÁI TỬ CÔNG TÔN QUÁ

NGƯỜI NƯỚC TRẦN GIẾT THÁI TỬ LÀ CÔNG TÔN QUÁ

Tả Thị - Trần Công Tử Chiêu quy tội về Công Tử Quá mà giết đi.

大 雩

ĐẠI VU

LỄ ĐẢO VŨ

冬 十 月 壬 午 楚 師 滅 陳 執 陳 公 子 招 放 之 于 越 殺 陳 孔 奐

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, NHÂM NGỌ, SỞ SƯ DIỆT TRẦN, CHẤP TRẦN CÔNG TỬ CHIÊU PHÓNG CHI VU VIỆT, SÁT TRẦN KHỔNG HOÁN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY NHÂM NGỌ, QUÂN SỞ DIỆT NƯỚC TRẦN, BẮT TRẦN CÔNG TỬ CHIÊU, ĐÀY SANG NƯỚC VIỆT, GIẾT TRẦN KHỔNG HOÁN (THEO ĐẢNG CHIÊU)

Tả Thị - Tháng 9, Sở Công Tử Khí Tật, cầm quân lấy cớ giúp Tôn Ngô (con Thế Tử Yển Sư) vây nước Trần. Đái Ác nước Tống đem quân tới giúp Sở. Mùa đông, tháng 11, ngày Nhâm Ngọ, diệt nước Trần. Chức quan nhỏ hầu cận Ai Công trước là Viên Khắc, muốn giết ngựa và đập một ít ngọc của vua để làm lễ táng (theo nghi lễ). Các tướng Sở sắp đem xử tử, thì Viên

Khắc biếu họ ngựa và ngọc, rồi xin phép lui vào nhà trong làm lễ khóc. Khi được lui vào, hắn mới buộc vải để trở lên đầu rồi nhân một lúc không ai để ý, trốn thẳng.

Vua Sở sai Xuyên Phong Thú ở Sở, cai quản nước Trần (biến thành ấp của Sở). Vua Sở hỏi: Trong việc Thành Quân, ông không chiều ý tôi. Thú được ngồi uống rượu, vua Sở hỏi lại: Giá ở Thành Quân, biết ta có ngày nay, liệu ông có chịu nhượng không. Thú nói: biết nhà vua có ngày nay, thì hầu dù có nguy hiểm, cũng phải làm phận sự cho nước được yên.

Vua Tấn hỏi Sử Triệu, Trần liệu có mất không. Triệu nói, chưa mất. Tại sao? Họ Trần là họ vua Xuyên Húc. Sao Tuế tinh (Mộc tinh) lâm vào vị trí sao Thuần Hỏa. Vì thế, triều đại Xuyên Húc hết. Nước Trần đi theo con đường ấy. Hiện nay, Tuế tinh đi vào vị trí sao Tích Mộc (sao Vỹ) bên sông Ngân. Vậy nước Trần phục hưng. Một ngành họ Trần sẽ ở Tề. Họ Trần và Tề sẽ cùng diệt một lúc. Từ thời ông Thủy Tổ là Mạc, cho đến ông Cổ Tẩu, bố ông Thuấn, chưa thấy có người nào số khác số mệnh đã định. Ông Thuấn làm cho họ, đức được sáng thêm truyền lại cho con cháu là dòng họ Toại. Họ Toại, đời đời giữ được đất nước, cho đến Hồ Công không có gì khác. Cho nên, vua Vũ Vương nhà Chu đã ban cho họ Quý, cho chư hầu Trần để phụng thờ Ngu Thuấn. Tôi nghe nói có thể được trăm tuổi đời. Từ Thuấn đến nay chưa đủ con số. Thế thì còn sót lại ở Tề. Đã thấy có nhiều triệu chứng.

Cốc Thị - Chê ghét vua Sở.

Xét - Sở Trang Vương dẹp loạn cho nước Trần. Hành vi có đáng khen, cũng có đáng chê. Cho nên, trước có chép việc giết Hạ Trưng Thư, mà sau chép đem quân vào nước Trần làm bậy, việc trái, việc phải, không thể che đậy cho nhau. Cậy mạnh làm ngang, thấy có lợi là diệt nước Trần, đâu có phải là chỉ dẹp loạn Trần, cho nên trước tiên chép là diệt Trần.

葬陳哀公

TÁNG TRẦN AI CÔNG

LỄ CHÔN TRẦN AI CÔNG

Cốc Thị - Không cho là sở diệt. Đến đời Mẫn Công mới diệt.

Xét - Triệu Thị bảo là Trần đã bị diệt, Viên Khắc không phải là đại thần, sao lại biết trông nom việc táng vua, và sao lại được cáo chư hầu để chư hầu phải cho sứ dự lễ táng. Lê Thị thì nói rằng Trần bị quân đội Sở chiếm đóng, Lỗ há lại cho sứ sang Trần dự họp lễ táng. Xét Sở vào Trần, tự cho là vua Trần còn quàn, thì ta nên chôn, cùng với việc Lỗ Trang Công năm thứ 4, Tề Hầu chôn Kỷ Bá Cơ. Khi đó không có chép là Tề diệt Kỷ, mà nay, thì chép quân đội Sở diệt Trần, rồi dưới lại thêm: bắt Công Tử Chiêu, giết Khổng Hoàn, táng Ai Công đều là thêm vào, cho đủ nghĩa đủ việc. Xét Tề Tương bạo ngược không kém Sở Linh, thế mà Tề Tương diệt Kỷ xong thì lấy lễ chôn Kỷ phu nhân, Sở Linh diệt Trần, mà rồi chôn vua Trần đã chết, để tỏ thi ân. Cái tâm gian dối, giảo quyệt giống nhau. Hai nhà Triệu và Lê bàn việc chép lễ táng, xem ra có lý. Tuy nhiên, Tả Truyện thì kể rõ là, chức quan nhỏ Viên Khắc, giết ngựa, đập ngọc, làm lễ chôn, thì ta có thể tin theo Tả Truyện. Còn đến như định bác cái thuyết của Đỗ Dự, thuyết "hội họp các nước dự lễ táng" thì ta không có chắc vào đâu hơn mà bác được. Sở đã diệt Trần, chư hầu hoảng sợ, cho nên có câu chép sau đây: năm thứ 9, mùa xuân, Lỗ sai Thúc Cung hội với Sở Tử tại Trần. Để làm gì. Để tỏ ý kính cẩn. Vậy đâu có cái lý chưa tỏ ý kính Sở mà Lỗ đã sai được sứ đi dự lễ táng vua Trần. Xét, nếu Lỗ có dự việc táng thì sau Xuân Thu chép, như thế đã chỉ là lệ thường của Kinh. Lần này Lỗ chưa dự hội táng mà Kinh đổi lệ đi, cứ chép ngay, thế nghĩa là có ý "tồn Trần", giữ Trần lại, chưa cho là diệt, chỉ có ý ấy thôi.

Năm Mậu Thìn. - Vua Cảnh Vương, năm thứ 12:

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tần Bình, năm thứ 25. Tề Cảnh, năm thứ 15. Vệ Linh, năm thứ 12. Sái Linh, năm thứ 10. Trịnh Giản, năm thứ 33. Tào Vũ, năm thứ 12. Kỷ Bình, năm thứ 3. Tống Bình, năm thứ 43. Tần Ai, năm thứ 4. Sở Linh, năm thứ 8. Ngô Di Muội, năm thứ 11.

春叔弓會楚子于陳

XUÂN, THÚC CUNG HỘI SỞ TỬ VU TRẦN

MÙA XUÂN, LỖ THÚC CUNG HỘI VỚI VUA SỞ TẠI NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Năm thứ 9, mùa xuân, Thúc Cung nước Lỗ, Hoa Hợi nước Tống, Du Cát nước Trịnh, Triệu Yểm nước Vệ, hội họp với vua Sở tại nước Trần.

Đỗ Dự - Vua Sở có mặt tại Trần, cho nên bốn sứ bốn nước tới nơi, mà không hành "lễ hội". Vì thế không chép cả.

Hứa Hàn - Sở đã diệt Trần. Uy chấn động các nước. Vì thế không có mời, mà các nước sai đại phu tới hội.

許遷于夷

HỨA THIÊN VU DI

NƯỚC HỨA THIÊN ĐÔ ĐẾN ĐẤT DI

Tả thị - Tháng hai, ngày Canh Thân, Sở Công Tử Khí Tật, thiên quốc đô nước Hứa đến đất Di, tức là Thành Phủ. Lấy thêm vào cho rộng đất hơn, những cánh ruộng ở Châu Lai và ở Hoài Bắc. Ngũ Cử cho Hứa tất cả những ruộng đất ấy. Nhiên Đan dời dân Thành Phủ tới Trần mà lại cho thêm các đất ở phía tây sông Bộc: Dời tới Hứa, dân ở ngoài thành quách Sở.

Phụ lục Tả Truyện - Đại phu ở ấp Cam đất nhà Chu và đại phu ấp Diêm đất nước Tấn, có việc tranh giành nhau về ruộng đất Diêm. Lương Bính và Trương Định nước Tấn, cầm đầu quân Âm Nhung đánh ấp Dĩnh đất nhà Chu, Thiên Tử sai Chiêm Hoàn Bá nói với Tấn rằng: "Từ triều đại nhà Hạ, vì công của Hậu Tắc, cho nên các đất Nguy, Đài, Nhuệ, Kỳ và Tất mới thuộc về nhà Chu phía tây. Sau khi Vũ Vương đã diệt nhà Thương thì Bồ - Cô và Thương - Yểm thuộc về Chu phía đông. Các đất Ba, Bộc, Đặng thuộc về Chu phía Nam. Các đất Tiêu, Thận, Yên, Bạc thuộc về Chu phía Bắc. Ở gần đó, còn có đất nào nữa đâu. Các vua Văn, Vũ, Thành, Khang, đã chia phong nhiều nước cho các anh họ hàng, nội, ngoại để làm phên dậu cho nhà Chu phòng các việc bất trắc. Đâu có coi khinh các phần nước đó như là trẻ con đến tuổi trưởng thành, làm lễ gia quan, vứt bỏ mũ con nít mà đội mũ người lớn. Các tiên vương cho đầy hạng Đào Ngột (gian tặc) ra ngoài bốn cõi, để chống chọi với ma quỉ, ly, vị, võng, lường. Cũng vì thế mà loại họ Doãn bị ở đất Qua Châu. Bá Phụ, Huệ Công (vua Tấn trước) khi ở Tần về làm cho bọn đó tràn trong nước ta, áp họ Cơ ta, vào đến cả cõi Giao, cõi Điện. Bọn Nhung chiếm ruộng đất ta, giá phỏng chúng lấy được Trung Quốc thì tội về ai. Khi vua Hậu chia phong cho thiên hạ, thì rợ Nhung ở đâu, nay rợ Nhung điều khiển, thật là một cái họa Bá phụ hãy nghĩ kỹ. Ta đối với Bá phụ, cũng như y phục thì có mũ cũng như rễ đối với cây, nguồn đối với sông, chính quyền đối với nhân dân. Bá phụ mà vứt mũ đi, hủy rễ đi, ngăn nguồn lại, nếu Bá phụ bỏ hẳn người trông coi lợi dân, thì tôi đây ai giúp, dù là chỉ giúp để chống Nhung, chống Di".

Thúc Hướng bảo Tuyên tử rằng: Ngay đến Văn Công nước mình, dù có uy tín với chư hầu liệu có thay bực đổi ngôi được không. Văn Công vẫn đã giúp Thiên Tử và đã tỏ ra rất cung kính. Từ đời Văn Công, đức ta đời đời suy dần. Ta đã đối xử với vua Chu không còn tôn trọng nữa. Ta đã kiêu căng, các chư hầu bỏ ta là phải. Vả lại Thiên Tử trách ta có lý. Xin ngài nghĩ cho". Tuyên Tử nghe theo.

Thiên Tử có tang về phía hôn nhân. Tuyên Tử sai Triệu Thành sang Chu điếu tang và để trả lại các ruộng đất Diêm.

Về đồ lễ tang thì theo lễ có quần áo dùng vào việc khâm liệm, và cũng trả lại cả lũ tù binh đất Dĩnh. Thiên Tử sai Tân Hoạt bắt đại phu đất Cam tên là Tương để chiều ý Tấn. Tấn tiếp đãi Tương rất lịch sự rồi đưa lại nhà.

Khổng Dĩnh Đạt - Hứa từ Sở Trang Vương đến nay, là thuộc về Sở, đối với Trịnh thường là thù địch. Nay sợ Trịnh, muốn thiên đô gần Sở. Sở theo ý thiên cho. Vì thế chép là Hứa thiên đô. Chứ nếu Hứa không muốn thiên mà Sở ép bức phải thiên, thì đã chép là người Sở thiên nước Hứa, cũng như người Tống thiên nước Túc, người Tề thiên nước Dương.

Uông Khắc Khoan - Ấp Di có tên là Thành Phủ, vốn đất nước Trần. Rồi sau thiên nước Hứa ra đấy.

夏 四 月 陳 災

HẠ, TỨ NGUYỆT, TRẦN TAI

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NƯỚC TRẦN CÓ CHÁY

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, nước Trần có cháy. Tì Táo nước Trịnh nói: "Năm năm nữa, nước Trần lại phục quốc. Phục được 52 năm rồi lại mất".Tử Sản hỏi duyên cớ. Đáp: "Trần là thuộc thủy. Hỏa đối với thủy. Mà Sở vốn trị hỏa. Nay hỏa hiện, đốt cháy Trần, rồi đuổi Sở, dựng lại Trần. Tương khắc trong vòng năm năm. Vậy năm năm nữa, Trần sẽ phục hưng. Rồi đây, Tuế tinh năm lần gặp sao Thuần Hỏa. Trần sẽ chết hẳn, Sở sẽ lấy binh lực diệt. Đường tối của trời như thế, Cho nên tính đến số 52".

Phụ lục Tả Truyện - Tuân Doanh nước Tấn đi sang Tề đón vợ (cưới vợ). Đến tháng sáu, khi sắp về, thì chết ở đất Hi Dương. Được khâm liệm tại đất Giáng. Chưa chôn. Tấn Hầu uống rượu vui. Đỗ Khoái làm chức Thiện Tể (chủ bếp nhà vua) rảo bước vào cung, xin phép vua giúp việc rót rượu. Vua cho phép. Đỗ Khoái mới rót một cốc rượu đưa cho Nhạc công và nói: Ông là tai của vua, có phận sự là phải nghe thay vua. Ngày Kỷ Mão là ngày kị (vua Trụ chết ngày Giáp Tý, vua Kiệt chết ngày Ất Mão). Trong ngày ấy, vua không có nghe nhạc, người dân ngừng

không học nhạc. Các đại phu như bốn chân tay của vua, một chân tay mất đi, thì còn buồn xót nào bằng. Hôm nay là ngày mão, lại là chưa lễ chôn đại phu doan. Ông uống rượu vui, ông không hiểu gì, vậy phạt cốc rượu.

Đỗ Khoái lại rót một cốc, đưa cho đại phu cận thần ngồi hầu tên là Thúc và nói: Ông là mắt nhà vua để trông cho vua. Y phục là tiêu biểu cho lễ. Lễ để làm việc. Mỗi việc có mỗi vật tiện nghi. Mỗi vật có một thể thức để hành động. Nay cử chỉ hành động nhà vua không đúng với vật, với việc lúc này (đang có tang). Thế là ông không trông thấy rõ. Thế là mắt ông mờ. Phạt ông một cốc rượu. Đỗ Khoái rót cho mình một cốc tự phạt nói: Vị để dẫn khí. Khí để thực hiện được chí. Chí để định lời. Lời để ra lệnh. Công việc tôi là hòa vị. Hai người hầu vua đây không làm phận sự. Vua không ra lệnh. Thế là lỗi tôi.

Vua nghe ra. Truyền bãi tiệc rượu.

Trước kia, vua đã định truất bỏ Trưởng họ Tri (Tuân Doanh), lấy người khác thay. Người khác là một viên quan được tin yêu, hiện làm việc ở ngoài Kinh. Sau việc này, vua thôi không thay đổi nữa. Mùa thu, tháng tám, vua phong cho Tuân Lịch (con Tuân Doanh) làm Tá Hạ Quân, để chiều ý họ Tri.

Công Thị - Nước Trần đã bị diệt, sao còn chép nước Trần bị hỏa tai. Tức là còn dành giữ nước Trần. Sao thế? Vì tuy diệt nước người ta, mà còn giết giặc đã hại người ta, còn chôn vua người ta như thế, tức là Trần còn được dành giữ lại.

Cốc Thị - Đối với nước thì gọi là tai. Đối với ấp, thì gọi là cháy, là hỏa. Cháy thì không chép. Đây sao chép? Là thương Trần, mà giữ lại nước Trần.

Xét - Nước Trần đã bị diệt, mà Kinh cứ chép là nước Trần bị tai. Công Thị và Cốc Thị đều cho là vì giữ lại nước Trần, mà Hồ Truyện cũng theo ý ấy, không cho là Sở đã diệt Trần. Công Dương lại bảo là bắt kẻ có tội với người ta, thế thì việc Sở diệt Trần, thấy Sở không mất tiếng, treo gương làm việc trọng nghĩa, chứ không phải theo riêng thể lệ của Kinh.

秋 仲 孫 攫 如 齊

THU, TRỌNG TÔN QUẶC NHƯ TỀ

MÙA THU, TRỌNG TÔN QUẶC SANG TỀ

Tả Thị - Mạnh Hi Tử (Quặc) sang Tề lễ sính. Thế là đúng lễ.

Đỗ Dự - Từ Thúc Lão lễ sính Tề cho đến nay, là 20 năm. Vì bỏ lâu, nay trở lại lễ thịnh hơn, để khỏi quên biếu.

冬 築 郎 囿

ĐÔNG TRÚC LANG HỰU

MÙA ĐÔNG, XÂY TƯỜNG RÀO VƯỜN LANG

Tả Thị - Mùa đông, xây tường rào vườn Lang Hựu. Đây chép làm công việc đúng mùa. Quí Bình Tử thì muốn cho việc chóng xong. Thúc Tôn Chiêu nói: Kinh Thi có câu: Khi vạch móng xây cất, vua Văn Vương có bảo cứ thong thả, thế mà dân vội vã chạy tới, như con nghe cha. Vậy cần gì nhanh, hại sức dân. Không có vườn còn được, không có dân có được không?

Gia Huyền Ông - Hoàn Công, năm thứ 4, vua săn ở đất Lang. Trang Công, năm thứ 31, xây đài ở đất Lang. Nay lại xây vườn ở Lang, không phải để lấy làm nơi tập quân sự, mà để làm chỗ chơi bời, du quan. Thời đó, ba nhà Tam Hoàn chuyên quyền, vua Lỗ chỉ là hư vị, thế mà còn hứng xây vườn. Vì họ Quí Tôn mà bắt dân làm chăng.

Du Cao - Đây mới thấy chép xây tường Uyển Hựu. Làm khổ dân, để được vui tai mắt, cho nên chép m

à răn dạy đời sau. Tá Thị bàn là chép một công tác hợp thời. Tả Thị bàn thế sai. Cứ xét lời của Thúc Tôn Chiêu Tử thì biết.

Năm Kỷ Tỵ

- Vua Cảnh Vương năm thứ 13.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tấn Bình, năm thứ 26. Tề Cảnh, năm thứ 16. Vệ Linh, năm thứ 3. Sái Linh, năm thứ 11. Trịnh Giản, năm thứ 34. Tào Vũ, năm thứ 23. Kỷ Bình năm thứ 4. Tống Bình năm thứ 44. Tần Ai, năm thứ 5. Sở Linh năm thứ 9. Ngô Di Muội, năm thứ 12.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ Lục Tả Truyện - Năm thứ 10. Mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Có sao mới hiện ra trong khoảng sao Vũ nữ. Trịnh Ti Táo nói với Tử Sản rằng: "Tháng 7, ngày Mậu Tý, vua Tấn chết. Nay Tuế Tinh ở khoảng sao Chuyên Húc. Các họ Nhâm Thị, Khương Thị (đất Tiết, đất Tề) coi các xứ thuộc khoảng sao Chuyên Húc. Ở giữa khoảng các sao đó có một yêu tinh. Yêu tinh ấy là Ấp Khương con ông Thái Công, thủy tổ nước Tề. Ấp Khương là mẹ Dương Thúc Ngu, thủy tổ nước Tấn. Cứ tính bảy vòng Tuế tinh là bảy lần 12 năm. Đến ngày Mậu Tý, vua nước Tề là Phùng (cháu gọi bà Ấp Khương bằng cô) chết, thì ở giữa khoảng các sao Vụ nữ có hiện ra một ngôi sao mới. Căn cứ vào việc chiêm nghiệm đó, tôi đoán việc ngày nay".

夏 齊 欒 屍 來 奔

HẠ, TỀ LOAN THI LAI BÔN

MÙA HẠ, LOAN THI NƯỚC TỀ CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Các vị Trưởng họ Loan và họ Cao, dòng dõi Tề Huệ Công đều nghiện rượu, nghe đàn bà, nhiều người oán thù. Thế mà thế lực hơn các họ Trần, họ Bào, lại ghét hai họ Trần, Bào lắm. Mùa hạ, có người mách Trần Hoàn rằng: Tử Kỳ (trưởng

họ Loan) và Tử Lương (trưởng họ Cao) sửa soạn đánh các họ Trần, Bào. Người ấy còn mách cả trưởng họ Bào (Văn Tử) rằng: Hoàn tử đem giáp binh đến nhà Bào Văn Tử. Đi đường gặp Tử Lương đang say rượu, vội đi nhanh thì gặp Bào Văn Tử. Văn Tử cũng có giáp binh sẵn sàng túc trực. Hoàn Tử và Văn Tử cho người thám Tử Lương và Tử Kỳ thấy hai chàng đang sửa soạn uống rượu. Hoàn Tử nói: Chúng tuy không tin, nhưng khi đã biết chắc là ta đã cho quân bận áo giáp vào, thì chúng cũng phải đánh ta. Thế thì đợi chúng say sưa rồi, chúng ta tới đánh trước. Trần và Bào khi đó hòa hợp đánh Loan và Cao. Tử Lương (Cao) nói: Nếu ta gặp vua trước, được vua nghe, thì bọn họ làm gì được ta. Hai người mới tới cửa Hổ Môn, cửa cung. Án Bình Trọng mặc triều phục đứng trước cửa Hổ Môn. Bốn nhà cùng mời. Trọng không hứa với người nào cả. Các quan tùy tùng hỏi: Ta có giúp Trần, Bào không? Trọng nói: Việc có đáng gọi là việc phải không. Các quan lại hỏi: Ta có giúp Loan, Cao không. Trọng nói: Việc có đáng gọi là hơn không. - Thế thì nên về nhà chứ. - Vua bị đánh, ta về đâu.

Vua cho triệu. Thế là Án Tử vào.

Vua bói rùa để xem có nên sai Vương Hắc, cầm cờ Linh Cô Phi ra trận không (để đánh Loan, Cao). Bói được quẻ tốt. Vương Hắc không dám dùng cờ vua, mới xin ngắt bớt đi ba gang. Tháng năm, ngày Canh Thìn, chiến tại nền tắc. Loan và Cao thua. Lại bị thua trận nữa ở con đường ngã sáu. Dân đuổi theo. Rồi lại bị đánh ở cửa thành Lộc Môn. Loan Thi (Loan Tử Kỳ) và Cao Cương (Tử Lương) chạy trốn sang nước Lỗ. Trần và Bào ở nhà chia nhau tài sản hai nhà. Án Tử bảo Trần Hoàn Tử: Phải nộp tài sản ấy cho nhà vua (cho của công). Thế mới là có đức mà là đức cao. Phàm người có khí huyết là có tâm tranh đấu. Cho nên hễ đến lợi là không nên dùng sức, phải cho có nghĩa tức là có công bằng. Công bằng là gốc của lợi. Lợi mà cứ vua đắp mãi thì thành họa. Ngày nay hãy đừng vun lợi. Các ông sẽ được dài lâu".

Hoàn Tử mới nộp tất cả cho nhà vua, và xin phép lui về đất Cử để dưỡng lão. Gọi Tử Sơn lại cho riêng màn, chướng, đồ dùng cần thiết, kẻ tùy tùng thì được áo quần, giày dép,

mà trả lại cho đất Cức. Đối với Tử Thượng cũng thế, cũng trả lại cho ruộng ấp. Đối với Tử Chu cũng thế, cũng cho Chu đất Phu Vu. Gọi lại Tử Thành, Tử Công, Công Tôn Tiệp, (đã bị Tử Kỳ đuổi) và thêm cho bổng lộc. Đối với tất cả công tử, công tôn mà không có lộc, lợi thì đem ấp ruộng của mình chia cho. Đối với người trong nước, hạng cô quả thì cho lúa thóc. Ông nói: Trong Kinh Thi có câu: Trời dồn phúc cho nhà Chu vì Văn Vương rộng thi ân. Và do đó mà Hoàn Công nên được nghiệp Bá.

Vua cho Hoàn Tử các ấp gần ấp Cử. Hoàn Tử từ chối cả. Bà Mục Mạnh Cơ (mẹ vua) mới xin cho ấp Cao Đường. Họ Trần từ đấy trở nên họ to.

秋 七 月 癸 孫 意 如 叔 弓 仲 孫 貜 帥 師 伐 莒

THU, THẤT NGUYỆT, QUÍ TÔN Ý NHƯ, THÚC CUNG, TRỌNG TÔN QUẮC, SUẤT SƯ PHẠT CỬ

MÙA THU, THÁNG BẢY, QUÍ TÔN Ý NHƯ, THÚC CUNG, TRỌNG TÔN QUẶC, CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thị - Mùa thu, tháng bảy, Bình Tử (Quí Tôn Như Ý) đánh nước Cử, chiếm được ấp canh. Lần đầu tiên, tù binh bị dùng tế thần miếu đất Bạc. Tang Vũ Trọng, khi đó ở Tề, nghe tin nói: Thôi, từ nay, Chu Công không hưởng Lỗ tế lễ nữa. Chu Công hưởng nghĩa. Nay Lỗ vô nghĩa. Kinh Thi có câu: Đức chiếu sáng tỏ. Không khinh thị dân, nhất là dùng dân vào việc các con vật hy sinh thì còn phúc đâu nữa.

Trần Phó Lương - Đã bỏ Trung quân rồi. Tại sao lại còn chép ba vị Khanh cầm quân. Khi công thất (thuế và lợi) chia bốn phần, thì Thúc Cung là giúp cho Ý Như, Thời Tương Công, năm thứ 10. Lỗ đặt ba đạo quân, mà công thất (thuế và lợi) chia ra làm ba, mỗi tướng một phần (tức là vua không có quân, vậy cũng không có phần lương). Chiêu Công, năm thứ 5, bỏ Trung quân. Cái đạo quân bỏ đó, các lương, lộc đài thọ tùy thuộc, từ đó, chia bốn phần. Quí thị giữ hai, còn hai phần chia cho hai họ.

Sau đó, đến việc đánh nước Cử, Thúc Cung giúp (Tá) Ý Như. Chép lên trước tên Trọng Tôn Quặc, mà Thúc Tôn Xước thì lại là chủ. Từ đó, Lỗ có bốn vị khanh, mà quyền thì về ba nhà.

Xét - Hồ Truyện bảo là ba nhà chia của Công làm bốn. Quí Tôn làm chủ tướng. Hai nhà kia, mỗi vị lãnh một quân giữ chức phó tướng. Không biết Thúc Cung là dòng dõi Thúc Hật mà nhầm là họ Thúc Tôn chăng. Hạng An Thế lại cho là Thúc Tôn Xá (Xước) hiền, còn biết tiếng dùng gia thần hạng giỏi, chắc cũng nhân đọc Hồ Truyện mà bàn thế. Vậy cứ lấy lời bàn của Trần Phó Lương làm chính.

戊 子 晉 侯 彪 卒

MẬU TÝ, TẤN HẦU BƯU TỐT

NGÀY MẬU TÝ, VUA TẤN LÀ BƯU MẤT

Tả Thị - Ngày Mậu Tí. Tấn Bình Công mất. Trịnh Bá sang Tấn, tới sông Hà. Người Tấn từ tạ. Rồi Du Cát, đại phu Trịnh sang Tấn.

九 月 叔 孫 舍 如 晉 葬 晉 平 公

CỬU NGUYỆT, THÚC TÔN XÁ NHƯ TẤN, TÁNG TẤN BÌNH CÔNG

THÁNG CHÍN, THÚC TÔN XÁ, SANG NƯỚC TẤN, DỰ LỄ CHÔN TẤN BÌNH CÔNG

Tả Thị - Tháng 9, Thúc Tôn Xước (Xá), Tề Quốc Nhược, Tống Hoa Định, Vệ Bắc Cung Hỷ, Trịnh Hãn Hổ, người Hứa, người Tào, người Cử, người Châu, người Đằng, người Tiết, người Kỷ, người Tiểu Châu sang nước Tấn dự lễ chôn Tấn Bình Công. Tử Bì (Hãn Hổ) nước Trịnh đem cả đồ lễ để biếu vua mới trong một dịp triều kiến. Tử Sản nói: Trong một dịp dự táng, đồ lễ này dùng làm gì (vua mới không tiếp theo lễ). Đem đồ lễ thì phải trăm xe. Trăm xe tất phải nghìn người. Nghìn người tới, mà lại không được yết kiến, thì tiêu phí hết. Nghìn người, tính xem phí của nước đến bao nhiêu.

Tử Bì cố xin đem cả đồ lễ đi.

Sau lễ táng, các đại phu muốn tỏ ý nhân dịp yết kiến vua mới. Thúc Tôn Chiêu nói: "Thế là phi lễ. Không nghe - Thúc Hướng phải từ tạ rằng: "Công việc xong rồi, các đại phu còn muốn tới nói chuyện với cô tử này. Đang có tang, áo tang khăn xô. Nếu bỏ đi mà mặc triều phục để tiếp kiến, thì đã hết tang đâu. Nếu cứ mặc tang phục, thì dường như để nhận lời viếng điếu một lần nữa. Các đại phu nghĩ sao". Thế là không ai có cớ gì xin vào yết kiến được. Tử Bì dành tiêu hết đồ lễ. Khi về Trịnh, Tử Bì nói chuyện với Tử Vũ: "Biết không khó, thi hành mới khó. Phu Tử (Tử Sản) biết. Còn tôi thì ngu dốt nên không nghe theo. Trong Kinh Thư có câu: Nhiều dục thì mất mức độ. Mà buông thả ra thì mất lễ. Chính là tôi. Phu Tử biết mức độ, biết lễ. Tôi thì túng dục, không biết tự ngăn".

Chiêu Tử từ nước Tấn tới. Các đại phu Lỗ tới thăm. Cao Cương thăm rồi lui ra. Chiêu Tử nói với các đại phu: Làm con không thể không cẩn thận được. Xưa, Khánh Phong nước Tề phải trốn chạy thì Tử Vĩ thành chủ nhiều ấp, mới nhường lại một phần nhỏ cho vua. Vua cho là trung mà ưa lắm. Tử Vĩ sắp chết, bị bệnh ở trong cung, được dùng xe kéo đi về. Chính vua cũng tự đẩy xe. Con Tử Vĩ (là Cao Cương) không biết theo cha, không làm được như cha, cho nên mới phải đến ở đây. Cẩn thận là một đức tính khó. Con vì không theo được gương cha mới bị tội. Thế là vì không cẩn thận mà mang họa. Cao Cương đã dời bỏ con đường đức, bàn thờ lạnh hương khói, hại đến bản thân, thật là tai hại. Kinh Thi có câu: Tai họa sinh giữa đời ta, chẳng sinh trước, chẳng sinh sau. Câu ấy áp dụng cho Cao Cương.

Lý Liêm - Bình Công ở ngôi 25 năm. Có các hội thề: Cức Lương, Chúc Kha, Thương Nhiệm, Sa Tùy, Di Nghi, Trùng Khưu, Thiện Uyên ở Tống, Thiện Uyên ở Quắc. Thời đó, nối ngôi Tấn Điệu Công, chư hầu đều hòa cả. Trừ hội Chúc Kha có việc vây Tề, còn thì không có việc gì đáng kể.

十 有 二 月 甲 子 宋 公 成 卒

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, GIÁP TÝ, TỐNG CÔNG THÀNH TỐT

THÁNG 12, NGÀY GIÁP TÝ, VUA TỐNG LÀ THÀNH MẤT

Tả Thị - Mùa đông, tháng 12, Tống Bình Công mất. Người con lớn, (sau nối ngôi là Nguyên Công), ghét hoạn quan Liễu muốn giết. Vừa đến lúc có tang. Liễu đốt than cho ấm chỗ. Khi Nguyên Công đến, Liễu bỏ than đi. Công việc chôn cất xong. Liễu được tin dùng, được hầu cận.

Tôn Phục - Năm nay, không chép chữ đông, là sử có thiếu sót.

MỤC LỤC

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU	5
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI	9
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA	15
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ	22
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM	29
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6	35
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7	38
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8	46
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9	52
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10	60
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11	72
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12	81
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13	84
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14	88
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15	99
THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16	103

THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17 109
THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 18 113
THẬP HỮU CỬU NIÊN - NĂM THỨ 19 119
NHỊ THẬP NIÊN - NĂM THỨ 20 129

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI MỘT

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 21 134
NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 22 141
NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 23 147
NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 24 159
NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 25 167
NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 26 180
NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 27 195
NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 28 210
NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN - NĂM THỨ 29 218
TAM THẬP NIÊN - NĂM THỨ 30 234
TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 31 246

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI HAI

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU 258
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI 277
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA 281
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ 289

NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM 302

LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6 312

THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7 317

BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8 329

CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9 337

THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10 342

XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 4

KHỔNG TỬ

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT
Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG
Sửa bản in : HỒNG ANH
Bìa : QUANG HUY
Trình bày : ANH HỮU

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5
Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 444/TNKHXB-2002 do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30-07-2002. In xong và nộp lưu chiểu Quý III - 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu
TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách



QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh [illegible] – P.5 – Q.3 – Tp.HCM

ĐT: 8322385 - 8240990 - [illegible] - Fax: 84.8.834[illegible]

E-mail: [illegible]

Giá: 43.000đ

Khổng Tử

HOÀNG KHÔI dịch

Xuân Thu
TAM TRUYỆN

TẬP 5





Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh

XUÂN THU TAM TRUYỆN

(TẬP V)

KHỔNG TỬ

XUÂN THU TAM TRUYỆN

春秋三傳

TẬP NĂM

Bản dịch : **HOÀNG KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TP. HỒ CHÍ MINH

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI BA

Năm Canh Ngọ. Vua Cảnh Vương năm thứ 14.

十 有 一 年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Chiêu Công Di, năm đầu. Tề Cảnh, năm thứ 17. Vệ Linh, năm thứ 4. Sái Linh, năm thứ 12. Trịnh Giản, năm thứ 35. Tào Vũ, năm thứ 24. Kỉ Bình, năm thứ 5. Tống Nguyên Công Tá, năm đầu. Tần Ai, năm thứ 6. Sở Linh, năm thứ 10. Ngô Di Muội, năm thứ 13.

春 王 二 月 叔 弓 如 宋 葬 宋 平 公

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, THÚC CUNG NHƯ TỐNG TÁNG TỐNG BÌNH CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG 2, THÚC CUNG SANG NƯỚC TỐNG DỰ LỄ CHÔN TỐNG BÌNH CÔNG

Tả Thị - Năm thứ 11, Mùa xuân, Vương, tháng 2, Thúc Cung sang Tống, dự lễ táng Bình Công.

夏 四 月 丁 巳 楚 子 虔 誘 蔡 侯 般 撥 之 于 申

HẠ TỨ NGUYỆT, ĐINH TỊ, SỞ TỬ KIỀN, DỤ SÁI HẦU BAN SÁT CHI VU THÂN

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY ĐINH TỊ, VUA SỞ LÀ KIỀN, LẬP MƯU DỤ VUA NƯỚC SÁI LÀ BAN, TỚI ĐẤT THÂN, GIẾT ĐI

Tả Thị - Thiên Tử, Cảnh Vương hỏi Trành Hoành rằng: Nay, chư hầu ai số mệnh hay, ai số mệnh dở. Trành Hoành tâu: Nước

Sái thì hung. Tuế tính năm Sái Hầu Ban giết vua, nay trở lại đúng khoảng sao Thỉ Vi. Hung thật rõ. Nước Sở sẽ chiếm, sẽ tàn sát. Đến khi Tuế tinh qua khoảng Thái Lương thì Sái phục quốc mà Sở bị hung. Đạo trời là thế.

Vua nước Sở ở đất Thân, triệu Sái Linh Hầu (Ban). Linh Hầu sắp ra đi, thì các quan bàn: Vua Sở tham mà không tin được. Vẫn ức vì Sái ta không phục. Nay đồ lễ cho ta lại hậu mà lời thì ngon ngọt. Thế là dụ ta. Chi bằng đừng đi. Sái Hầu không nghe. Tháng ba, ngày Bính Thân, Sở Tử phục giáp binh, đặt tiệc mời Sái Hầu, tại đất Thân. Đợi cho vua Sái say, thế là bắt, rồi tháng tư, ngày Đinh Tị, giết đi. Hành hình thêm 70 người tùy tùng.

Công Thị - Sở Tử Kiều, sao lại chép cả tên? Thế là tuyệt đi. Tại sao? Vì vua Sở đã dụ người ta đến rồi mà đánh giết. Đó là mưu kế đánh giặc. Dù là có dụ tới, nhưng sao vì thế mà tỏ ý tuyệt đi, dứt đi. Tiền tâm làm ác mà đánh, thế là bất nghĩa, người quân tử không làm thế.

Cốc Thị - Sao lại biên tên. Vì là vua Di Địch. Dụ vua Trung Quốc đến mà giết đi, cho nên cẩn thận biên tên. Chép mùa, tháng, ngày, nơi hành mưu, toàn là muốn cẩn thận.

楚公子棄疾帥師圍蔡

SỞ CÔNG TỬ KHÍ TẬT SUẤT SƯ VI SÁI

SỞ CÔNG TỬ KHÍ TẬT CẦM QUÂN VÂY NƯỚC SÁI

Tả Thị - Công tử Khí Tật cầm quân vây nước Sái. Hàn Tuyên Tử nước Tấn hỏi Thúc Hướng liệu Sở có thắng không? Thúc Hướng nói: Có chứ. Sái Hầu đối với vua thì có tội, giết bố để thay ngôi. Đối với dân thì dân không ưa. Trời sẽ mượn tay vua Sở để trừng trị. Thế thì Sở sao lại không thắng. Tật tôi nghe nói, người đã dối trá mà lại được may, thì chỉ may một lần thôi, không có lần thứ hai. Vua Sở đã lấy cớ giúp Công Tôn Vũ để đánh vua Trần, đã tuyên bố với dân Trần là sẽ yên định cho nước Trần, người trong nước bằng lòng ngay, thế là Sở biến Trần thành quận huyện Sở. Ngày nay, sau khi lừa dụ vua Sái giết đi, đem

quân vây quốc đô Sái dù rằng sẽ may, vô tình mà thắng, nhưng sẽ chịu tội, không lâu đâu.

Vua Kiệt xưa diệt được nước Mân, mà rồi sau mất nước. Vua Trụ thắng được rợ Đông Di mà rồi chết. Vua Sở, uy thế, địa vị, kém Kiệt Trụ, mà nhiều lần hơn Kiệt, Trụ về bạo ngược. Không bị tội sao được. Trời mượn tay kẻ ác, không phải cho kẻ ác được hưởng phúc, nhưng để cho thêm ác rồi mới bắt chịu tội. Vả lại, xét việc trời, có ngũ hành, dùng cho hết cả. Khi không còn gì nữa, thì dùng cái gì để tự cứu, tất là phải tuyệt diệt.

Trần Phó Lương - Đã diệt thì không nói vây. Đây chép vây là để chê nước Tấn. Hàn Khởi họp đại phu tám nước tại đất Quyết Ngận để bàn nhau cứu nước Sái, mà rồi Sái bị Sở diệt. Chép vây là để rõ trách nhiệm cứu Tấn. Năm trước, Khí Tật giúp Công Tôn Ngô, vây nước Trần, rồi mà diệt nước Trần, sao không ở khi đó chê trách Tấn. Họp tám nước tại Quyết Ngận mà không cầm quân nổi, đó mới là tệ hơn.

五月甲申夫人歸氏薨

NGŨ NGUYỆT, GIÁP THÂN, PHU NHÂN, QUY THỊ HOĂNG

THÁNG NĂM, NGÀY GIÁP THÂN, PHU NHÂN (VỢ LỖ TƯƠNG CÔNG), HỌ QUY MẤT

Tả Thị - Tháng năm, Tề Quy mất.

Quý Bản - Tả Truyện cho Kính Quy là Tương phu nhân, mà Tề Quy là em. Từ Chiêu Công năm đầu đến Ai Công, năm thứ 14, không có chép Tương phu nhân mất, mà Tề Quy là thiếp lại chép là tốt. Thế là lễ gì.

Xét - Tiên nho căn cứ vào Tả Truyện, cho Tề Quy là em Kính Quy. Cho nên có lời chê, mẹ là hàng thiếp mà kêu là phu nhân. Hà Thị, giải thích Công Dương Truyện thì cho Tề Quy làm đích phu nhân của Tương Công, không giống Tả Truyện. Quý Bản bảo rằng từ Chiêu đến Ai không thấy Tương phu nhân mất, thì Tề Quy mà bảo là đích cũng chưa có thể định đoạt được. Nay hãy cứ chép cả ra đây.

大蒐于比蒲

ĐẠI SƯU VU TÌ BỒ

CÓ CUỘC SĂN LỚN Ở TÌ BỒ

Tả Thị - Có cuộc săn lớn ở Tì Bồ. Thế là không đúng lễ.

Công Thị - Săn lớn là thế nào. Là có dùng khinh xa. Sao lại chép. Là vì việc ít có.

Tôn Phục - Sưu là săn về mùa xuân. Tháng năm, không đúng mùa. Khi đó, lại đang có tang phu nhân.

Hoàng Trọng Viêm - Khi đó mà săn, là có ba nhà thôi, chứ vua không dự.

仲孫貜會鄒子盟于祲祥

TRỌNG TÔN QUẶC HỘI CHÂU TỬ MINH VU TẨM TƯỜNG

TRỌNG TÔN QUẶC HỘI VỚI VUA NƯỚC CHÂU THỀ TẠI ĐẤT TẨM TƯỜNG

Tả Thị - Mạnh Hi Tử (Quặc) hội với Châu Trang Công thề tại đất Tẩm Tường về giao hiếu. Thế là đúng lễ.

Một người dân ở ấp Tuyền Khưu nước Lỗ có người con gái mê thấy khâu một tấm màn chướng cho miếu nhà họ Mạnh. Thế là tìm đến Hi Tử xin cho con làm thiếp, có một người chị em bạn đi theo. Hai người thề trước nền xã là nếu có con giai thì không rời nhau. Hi Tử mới cùng ở với người thiếp họ Vi (địa vị kém họ Vi). Khi ở Tuyền Khưu tới nhà Hi Tử thì nghỉ lại ở nhà Vi. Tuyền Khưu thị sau, có hai con, Ý Tử, và Nam Cung Kính Thúc. Người bạn gái không có con, nuôi Kính Thúc.

Uông Khắc Khoan - Từ khi nước Châu cậy có Tề Linh, mấy bận đem quân tới Lỗ, Lỗ nhờ bá chủ Tấn, hội họp ở Cức Lương, Chúc Kha, hai lần bắt vua Châu, chiếm ruộng đất Châu, dung tiếp bọn người Châu chạy trốn tới như Thứ Kì,

như Tí Ngã. Nước Châu cũng tiếp đón người Lỗ bỏ nước chạy tới là Tang Hột, oán thù càng sâu. Cho tới hội đồng minh tại đất Trọng Khưu, Tề và Tấn mới hòa hợp. Lỗ Tương Công, năm thứ 28, vua Châu tới chầu tại Lỗ. Năm Chiêu Công, nguyên niên, Lỗ dự lễ táng Điệu Công. Nay lấy việc thề ơ Tẩm Tường để gây lại tình giao hiếu.

秋季孫意如會晉韓起齊國弱宋華亥衛北宮佗鄭罕虎曹人杞人于厥憖

THU, QUÝ TÔN Ý NHƯ, HỘI TẤN, HÀN KHỞI, TỀ QUỐC NHƯỢC, TỐNG HOA HỢI, VỆ BẮC CUNG ĐÀ, TRỊNH HÃN HỔ, TÀO NHÂN, KỈ NHÂN VU QUYẾT NGẬN

MÙA THU, QUÝ TÔN Ý NHƯ (LỖ), TỚI ĐẤT QUYẾT NGẬN HỘI VỚI HÀN KHỞI NƯỚC TẤN, QUỐC NHƯỢC NƯỚC TỀ, HOA HỢI NƯỚC TỐNG, BẮC CUNG ĐÀ NƯỚC VỆ, HÃN HỔ NƯỚC TRỊNH, NGƯỜI NƯỚC TÀO, NGƯỜI NƯỚC KỈ

Tả Thị - Quân đội nước Sở ở nước Sái. Tấn, Tuân Ngô bảo Hàn Tuyên Tử rằng: "Đã không cứu được Trần, lại không cứu được Sái, thì còn ai thân với Tấn nữa. Tấn yếu, thật rõ. Đã làm minh chu mà không cứu được nước mất, thì còn làm gì".

Mua thu, hội tại Quyết Ngận, mục đích là mưu cứu Sái. Tử Bì (Hãn Hổ) nước Trịnh sắp sửa đi hội, Tử Sản bảo: "Ông không đi xa đâu. Ông không cứu được Sái đâu. Nước Sái nhỏ mà không chịu nghe. Nước Sở lớn mà không có đức. Trời sẽ bỏ Sái mà để Sở cứ nhiều ác. Ác đầy rồi mới trừng phạt. Sái thì đành là chết. Và lại Sái đã mất vua, mà số các quan trị nước được thì ít. Sau ba năm, vua Sở sẽ bị họa. Hay và dở đều có thời. Trong ba năm, ác của vua Sở thế là đủ".

Người Tấn sai Hồ Phủ xin cho Sái. Sở từ chối.

Phụ lục Tả Truyện - Thiện Phủ (đại phu triều Chu), họ, với Hạn Truyên Tử (Tấn) ở đất Thích. Mắt thì cúi xuống. Lời

nói thì chậm chạp. Tại triều, có ngôi vị. Tại hội, có thứ bậc. Áo có cổ khép lại. Đai có nút buộc lại. Tại triều và tại hội, muốn được người nghe rõ, thì phải giữ ngôi vị, thứ bậc, để biết rõ công việc bàn trước sau. Không nhìn người, dưới đai, trên cổ. Thế là dáng điệu, nét mặt, đã có thể thức. Lời nói là để ra lệnh. Dáng điệu, nét mặt là để lệnh được thêm hiểu rõ. Thiếu một trong các lễ nghi đó là có lỗi.

Nay Thiện Tử, là Trưởng bách quan triều Thiên Tử. Mà ở hội, khi ra lệnh thì mắt trông trên đai, lời nói quá nhỏ không ai nghe thấy. Coi nét mặt thì thấy dáng điệu không vững chắc. Lời nói ra thì không rõ ý. Không vững chắc là thiếu sự kính cẩn. Nói vu vơ là không đủ lí. Thế là khí kém rồi.

Uông Khắc Khoan - Xuân Thu chép: Đại phu tám nước họp cả ở đất Quyết Ngận, sau khi quân Sở vây nước Sái, và trước khi Sái bị diệt. Thế là mất cái ý nghĩa cứu kẻ có nạn. Xét, cậy mạnh, cướp yếu là việc thường thời Xuân Thu, cho nên đại phu ở Quyết Ngận, không cứu được Sái, chẳng phải đợi biếm, mới thấy rõ tội. Còn như, tôi giết vua, con giết cha, là cái biến phi thường, cho nên chư hầu họp ở Ung, đại phu họp ở Thiện Uyên, mà không trị tội giặc được, tất phải đợi biếm, phải đợi tuyệt, mới thấy tội nặng.

Xét - Hội Quyết Ngận, Hàn Khởi định cứu Sái, mà rồi Sái bị Sở diệt, Tấn thật là kém quá. Chép lần lượt đại phu các nước, không phải là không có biếm. Thấy nghiệp Bá của Tấn đã suy, mà các đại phu không có tài, Hồ Thị cho là không dùng binh đao là không ác, thế là Hồ Thị mờ ám về nghĩa Xuân Thu. Vậy nên lấy lời bàn của Uông Khắc Khoan làm chính đáng.

九 月 己 亥 葬 我 小 君 齊 歸

CỬU NGUYỆT, KỈ HỢI, TÁNG NGÃ TIỂU QUÂN TỀ QUY

THÁNG 9, NGÀY KỈ HỢI, LỄ CHÔN VỢ VUA TA LÀ TỀ QUY

Tả Thị - Tháng chín, lễ chôn Tề Quy, vua không có vẻ thương xót. Đại phu Tấn, dự lễ táng, khi về Tấn, kể chuyện lại với sử gia là Triệu. Sử Triệu nói: Vua sẽ ở ngoài cõi Giao (ngoài kinh

thành, sẽ không được ở kinh đô). Hỏi tại sao thì Sử Triệu đáp: "Họ mẹ Chiêu Công là Quy. Công nghĩ không đến thân thích. Tổ tiên coi như người ngoài họ". Thúc Hướng nói "Thế là họ nhà vua Lỗ suy rồi. Vua đại tang, mà trong nước không triệt cuộc săn. Vua có tang trong ba năm, mà không được một ngày thương xót. Dân nước mà không chút nghĩ đến tang vua là không kính vua. Một vua mà bố mẹ chết không thương, thì không còn thương đến họ hàng. Nước không kính vua, vua không nghĩ nhìn họ, còn gì nữa mà không suy. Thế là sắp mất quyền chính".

Công Thị - Tề Quy là ai. Là mẹ Chiêu Công.

冬 十 有 一 月 丁 酉 楚 師 滅 蔡 執

蔡 世 子 有 以 歸 用 之

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, ĐINH DẬU, SỞ SƯ DIỆT SÁI, CHẤP SÁI THẾ TỬ HỮU, DĨ QUY, DỤNG CHI

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY ĐINH DẬU, QUÂN SỞ DIỆT NƯỚC SÁI, BẮT THẾ TỬ SÁI LÀ HỮU ĐEM VỀ, LẤY HUYẾT TẾ THẦN

Tả Thị - Mùa đông, tháng 11, vua Sở diệt nước Sái, giết Thái Tử Ẩn con vua Sái ở núi Cương Cơn để tế thần. Thân Vô Vũ nói: "Thế là điềm bất thường. Năm thứ vật hi sinh, còn không nỡ dùng cả (bò, lợn, dê, chó, gà), huống chi lại dùng vua chư hầu. Rồi vua Sở sẽ bị hối".

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, Thiện Thành Công mất.

Vua Sở đắp thành nước Trần, nước Sái, và xứ Bất Lang, phong cho Khí Tật làm Sái Công (chủ nước Sái). Về việc phong Sái Công, có hỏi ý kiến Thân Vô Vũ. Đáp: "Cha biết chọn con hơn ai. Vua biết chọn tôi hơn ai, Trang Công vua nước Trịnh đắp thành Lịch mà đặt Tử Nguyên ở Lịch. Vì thế Chiêu Công, (nối ngôi Trang Công) không được quyền vị. Hoàn Công vua nước Tề, đắp thành Cốc mà đặt Quản Trọng tại Cốc. Đến bây giờ dân còn được nhờ ơn. Thần nghe nói, không nên để năm vị đại thần ở xa ngoài cõi, năm vị quan nhỏ ở trong triều. Không nên để

hàng tôn thất ở ngoài, mà khách thần ở trong. Nay Khí Tật ở ngoài, mà Trịnh Đan thì ở trong, xin nhà vua để ý".

Vua Sở lại hỏi: Nước có thành cao hào sâu thì thế nào. Thân Vô Vũ đáp: "Ở nước Trịnh, giết Man Bá là thành Kinh và thành Lịch. Ở nước Tống, giết Tử Du, là thành Tiêu và thành Bạc. Ở nước Tề, Hiến Công phải chạy, là vì thành Bồ, thành Thích. Cứ cái việc đó mà xét thì chỉ có hại thôi. Ngọn to thì phải gãy. Đuôi to thì không vẫy. Nhà vua đã biết".

Công Thị - Đây là vua chưa làm vua được qua năm. Sao chép là thế tử? Là vì không coi Linh Công là vua, không coi con là con. Không coi là vua thì sao lại còn nhận con? Vì giết con vua, không cho nối ngôi, không phải là vì giận, chỉ vì là không cho nối, chỉ vì là dùng để tế, tức là để tế vào việc đắp thành Phòng.

Cốc Thị - Chép là thế tử là tại sao. Là không cho Sở quyền giết. Thêm danh hiệu ấy là tỏ ý ghét vua Sở.

Lưu Dương - Công Dương bảo, chép chữ thế tử là tỏ ý không nhận Linh Công, không nhận người con. Riêng tôi, cho rằng, đã không nhận là con, mà còn gọi là thế tử, thế là mâu thuẫn, bàn không xuôi. Trịnh Hốt cũng chép là thế tử, há cũng không được nhận là con hay sao. Công Dương lại còn cho là lấy huyết tế thần, đắp thành Phòng, thế là vẽ trò con nít, bàn thế có tin được không.

Năm Tân Mùi. Cảnh Vương, năm thứ 15.

十 有 二 年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Chiêu, năm thứ 2. Tề Cảnh, năm thứ 18. Vệ Linh, năm thứ 5. Trịnh Giản, năm thứ 36. Tào Vũ, năm thứ 25. Kỉ Bình, năm thứ 6. Tống Nguyên, năm thứ 2. Tần Ai, năm thứ 7. Sở Linh, năm thứ 11. Ngô Di Muội, năm thứ 14.

春齊高偃帥師納北燕伯于陽

XUÂN TỀ, CAO YỂN SUẤT SƯ, NẠP BẮC YÊN BÁ VU DƯƠNG

MÙA XUÂN, CAO YỂN NƯỚC TỀ CẦM QUÂN, ĐƯA VUA BẮC YÊN BÁ TỚI ẤP DƯƠNG, ẤP CỦA NƯỚC YÊN

Tả Thị - Năm thứ 12, mùa xuân, Tề Cao Yển cầm quân đưa vua Bắc Yên tên là Bá Khoản, tới đất Đường (một bên của ấp Dương). Dân Đường vốn vẫn mong cho Khoản về.

Công Thị - "Bá Vu Dương" là thế nào. Là công tử Dương Sinh. Biết là công tử Dương Sinh thì sao không chép như thế. Vì phải nhớ rằng Xuân Thu là một hạng sử đáng tin. Nói có lần lượt thứ tự. Nói Tề Hoàn rồi đến Tấn Văn. Hội thì phải nói đến chủ, rồi đến công việc hội, rồi người nào có tội, thì nói tên người ấy.

Cốc Thị - Đưa vào là ý bắt dân nhận. Yên Bá, vua nước Yên, tước Bá, mà không chép tên là tại sao. Là không cho Cao Yển được nâng đỡ Yên Bá.

Lưu Sưởng - Sao lại chép là đưa vào? Là cho "đưa" là được, là phải. Chư Hầu này mất nước, chư hầu kia đưa đón. Thế là chính. Công Dương bàn rằng "Bá Vu Dương" là công tử Dương Sinh. Bàn thế là sai. Công Dương bảo, Khổng Tử làm sách Xuân Thu, dùng sách của 120 nước. Chả lẽ cả 120 nước cùng thiếu sót ư. Sao lại không sửa.

Cốc Lương bàn "đưa vào là bắt dân phải nhận", bàn thế sai. Chư hầu này mất nước, chư hầu kia đưa đón, cứu hoạn nạn, thương tai họa, bảo rằng dân trong nước không thích, thì phải chiều lòng loạn thần tặc tử hay sao.

Yên Bá mà không chép tên là sao. Là không cho Cao Yển được quyền nâng đỡ Yên Bá, bàn thế cũng là sai: Người Sở vây Trần, đưa Đốn Tử đến đất Đốn, Cốc Lương đã bàn rằng nạp Đốc Tử chính là Trần, Trần mà nâng đỡ Đốn Tử, chính là Trần. Trần mà nâng đỡ Đốn Tử thì được thế thì không chép tên Đốn Tử.

三 月 壬 申 鄭 伯 嘉 卒

TAM NGUYỆT, NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ GIA TỐT

THÁNG BA, NGÀY NHÂM THÂN, TRỊNH BÁ GIA MẤT

Tả Thị - Tháng ba, Trịnh Giản Công mất. Sửa soạn con đường để đi tới lăng. Đường đi qua miếu nhà họ Du, cần phải phá miếu. Tử Thái Thúc (Trưởng họ Du) bảo bọn phu dịch cứ cầm cuốc xẻng, đứng yên, đừng phá hủy, hễ khi nào Tử Sản đi qua có hỏi, thì nói rằng, không đang tâm phá miếu, nếu Tử Sản có sai thì mới phá. Phu dịch nghe theo. Tử Sản mới bảo tránh miếu làm đường đi sang một bên.

Một phần nhà cửa người giữ lăng ở ngay trên con đường đi. Nếu phá các nếp nhà ấy đi, thì sáng sớm có thể cho cữu xuống huyệt được, nếu không thì phải chậm đến buổi trưa. Tử Thái Thúc xin phá bỏ nếp nhà đó, và nói: Tân khách chư hầu không nên phiền phải đợi lâu. Tử Sản bảo, khách từ các nước xa còn tới được, thì mất một buổi sớm có lâu la gì. Sao không tìm một giải pháp không phiền khách, mà không hại dân. Thế là không nhà nào bị phá, mà đến trưa mới chôn. Người quân tử bàn là trong trường hợp này, biết theo đúng lễ. Theo lễ không phá hủy của người để xây dựng cho mình.

Cao Kháng - Trịnh Bá đã rời Trung Quốc, tới Sở lâu rồi. Đến thời Giản Công, nhân nhờ thế Tấn Niệu mới phục quốc. Chư hầu giải giáp. Tử Sản giữ chính quyền. Tính tình từ ái, ân huệ cho dân. Được tiếng trong thời Xuân Thu là hạng người hiền.

夏 宋 公 使 華 定 來 聘

HẠ, TỐNG CÔNG SỬ HOA ĐỊNH LAI SÍNH

MÙA HẠ, VUA TỐNG SAI HOA ĐỊNH TỚI LỖ LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tống Hoa Định tới sính, là việc vua mới nước Tống. Trong bữa tiệc đãi sứ, nhạc công hát bài Lục Tiêu. Sứ không hiểu ý nghĩa, không đáp lại ca. Chiêu Tử nói: Chắc

là chết đến nơi. Không thích yến tiệc vui vẻ. Không nhận xét ý kính ái trong thơ. Không hiểu thịnh đức là gì, không hưởng phúc lộc. Thế thì còn ở Tống sao được.

Phụ lục Tả Truyện - Các vua Tề, Vệ, Trịnh đi sang nước Tấn mừng vua mới nối ngôi.

Cao Kháng - Lỗ Công trước có cho dự lễ táng Tống Cung Công, Bình Công, cho nên Tống Nguyên Công lên ngôi, Lỗ Công cho tới lễ sính.

公 如 晉 至 河 乃 復

CÔNG NHƯ TẤN, CHÍ HÀ NÃI PHỤC

LỖ CÔNG SANG TẤN, ĐI TỚI SÔNG HOÀNG THÌ TRỞ LẠI

Tả Thị - Lỗ Công sang Tấn, đi tới sông Hoàng thì trở lại, Lỗ chiếm ấp Canh của nước Cử. Người Cử kêu với Tấn, Tấn đang mắc việc tang Bình Công, chưa xét. Vì thế, một sứ Tấn, đi đến sông Hoàng, gặp vua Lỗ, báo cho vua Lỗ biết chưa nên tới. Sau công tử Ngận đi sang Tấn.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Hầu đãi tiệc chư hầu (Tề, Vệ, Trịnh). Tử Sản tướng phụ của Trịnh, từ chối, xin với Tấn Hầu cho Trịnh Bá không dự, vì đang tang, ngoài ra xin cứ theo lệnh. Vua Tấn chấp thuận. Thế là đúng lễ.

Vua Tấn có Trung Hàng Mục Tử, tướng phụ, thết tiệc vua Tề. Chơi đầu hồ. Tấn Hầu ném thẻ trước. Mục Tử nói: "Rượu tràn như sông Hoài. Thịt cao như núi Chỉ. Vua ta ném đúng hồ. Chư hầu phục làm chủ". Vua Tấn ném đúng hồ. Đến lượt vua Tề cầm thẻ, đứng dậy nói: "Rượu tràn như sông Thằng. Thịt đầy như non cao. Tôi mà ném đúng hồ, tôi sẽ nối địa vị vua Tấn". Vua Tề ném đúng hồ. Bá Hà (Sĩ Văn Bá) bảo Mục Tử rằng: "Ông đã nói sai rồi. Ta vốn là bá chủ, có cần gì hỏi đầu hồ, ném thẻ đúng hồ có được gì. Vua Tề từ nay sẽ cho là hơn vua ta. Chuyến này về Tề, thôi không sang Tấn nữa đâu". Mục Tử nói: "Quân đội ta là bức trường thành. Bộ tốt, kị binh ta, dũng cảm, nay cũng như xưa. Tề không theo ta thì theo ai". Tề, Công Tôn Tấu rảo bước lên nói: "Trời

về chiều, nhà vua mệt, xin lui về". Thế là Tấu cùng vua Tề đi ra.

Cốc Thị - Quý Tôn không làm cho Tấn được bằng lòng.

Hồ Ninh - Cốc Lương bảo Quý Tôn không làm cho Tấn được bằng lòng, Lỗ Công đang có tang phu nhân Tề Quy, chưa đến lễ tiểu tường, đầy năm, mà đã ra đi, thế là tự mình đã không phải rồi. Dù cho không có Quý Tôn, liệu thái độ có khác không.

Gia Huyền Ông - Lỗ chức chấp phản thần nước Cử, nhận ấp của phản thần biếu, đánh được nước người ta, lấy đất nước người ta, đều là hành vi của Quý Thị. Năm sau, người Tấn bắt Ý Như, cũng rõ tội ở đâu mà ra. Mà mỗi lần Lỗ Công tới Tấn, đều bị khước từ, há có phải bách quan Tấn đều vì Quý Thị mà làm thế đâu. Lỗ Công không biết tự biện bạch.

五月葬鄭簡公

NGŨ NGUYỆT, TÁNG TRỊNH GIẢN CÔNG

THÁNG NĂM, LỄ CHÔN TRỊNH GIẢN CÔNG

Tả Thị - Tháng sáu, lễ chôn Trịnh Giản Công (kinh chép tháng năm).

楚殺其大夫成熊

SỞ SÁT KÌ ĐẠI PHU THÀNH HÙNG

NƯỚC SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ THÀNH HÙNG

Tả Thị - Vua Sở, cho Thành Hổ (Hùng) là dòng giống Nhược Ngao, mới giết đi. Hoặc có kẻ gièm Hổ, nhưng Hổ không trốn chạy. Xuân Thu chép "Sở giết đại phu Thành Hổ", Hổ vốn được vua yêu quý.

Phụ lục Tả Truyện - Tuân Ngô nước Tấn, lấy cớ đi đến với quân đội Tề, nhờ đường đi ở nước Tiển Ngu, (di địch phía bắc). Nhân dịp chiếm ấp Tích Dương (một ấp của nước Phì, di địch phía bắc). Mùa thu, tháng tám, ngày Nhâm Ngọ, diệt nước Phì, rồi trở về Tấn, đem vua nước Phì là Huyện Cao, vua nước

Nguyên, giữ chức quan ở triều nhà Chu, tên là Giảo, tàn ngược, thần tử bỏ trốn nhiều. Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Thân, mùng một, dân Nguyên đuổi Giảo đi, lập người em thay, là công tử Quy Tầm. Giảo trốn ở đất Giao nhà Chu.

Giản Công, nước Cam, giữ chức quan ở triều Chu, không có con, cho em là Quá nối ngôi. Quá muốn diệt trừ ngành họ Thành Công, và Cảnh Công, các vua trước. Bọn đó hối lộ Hiến Công, nước Lưu, có quan chức ở triều Chu. Ngày Bính Thân, Hiến Công giết Điệu Công Quá, vua nước Cam, và đặt thay vào cháu Thành Công tên là Thu (tức là Bình Công), ngày Đinh Dậu, lại giết Quá, con Sưu Bì, và là sư phó của thái tử Lưu Hiến Công. Lại giết Hà Tân bỏ chợ, cùng với hoạn quan Xước, Vương Tôn Một, Lưu Chân Cưu, Âm Kị và Lão Dương Tử.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

冬 十 月 公 子 憖 出 奔 齊

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, CÔNG TỬ NGẬN XUẤT BÔN TỀ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, CÔNG TỬ NGẬN CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TỀ

Tả Thị - Quý Bình Tử được lập làm trưởng họ. Đối với chức Tể ấp là Nam Khoái không kính cẩn, Nam Khoái nói với Tử Trọng: "Tôi đuổi chủ họ Quý, rồi đem gia tài hắn biếu về vua. Ngài thay chức vị Bình Tử (chức Khanh). Tôi sẽ giữ chức Tể ấp Phí của nhà vua". Tử Trọng chấp thuận. Nam Khoái lại nói với Thúc Trọng Mục Tử, và cho biết cả duyên cớ.

Xưa, khi Quý Điệu Tử (bố Quý Bình Tử) mất thì Thúc Tôn Chiêu Tử, ở chức Khanh đệ nhị cấp. Đến khi Bình Tử thắng nước Cử, thì Chiêu Tử được lên đệ tam cấp cũng như Bình Tử. Thúc Trọng Tử muốn làm cho hai nhà Quý Tôn và Thúc Tôn khích nhau, mới nói với Bình Tử "Chiêu Tử được tam cấp,

hơn cả cha anh các đời trước, như thế không đúng lễ". Bình Tử nói, phải đấy. Mới nói xin Chiêu Tử đừng mang huy hiệu tam cấp nữa. Chiêu Tử bảo: "Họ Thúc Tôn (tức là họ nhà tôi) bị nhiều họa. Đích tử bị giết, thứ tử lên thay ngôi. Vì thế tôi là Xước mới tới được địa vị này. Nếu vì việc ấy mà người ta muốn cho họ suy, thì tôi xin chịu. Nếu tôi không trái mệnh vua thì tôi cứ giữ huy hiệu vua đã cho". Chiêu Tử vào triều bảo các quan rằng: Nhà tôi sắp kiện họ Quý Tôn, các ông ghi lời kiện, đừng thay một chữ. Họ Quý Tôn sợ, đổ tội cho Thúc Trọng Tử. Vì thế, Thúc Trọng Tiểu (Mục Tử), Nam Khoái, Công Tử Ngận, cùng mưu với nhau chống Quý Tôn. Ngận tố cáo với vua, rồi theo vua sang Tấn. Nam Khoái sợ kiện không ăn thua gì, mới bỏ Lỗ đi sang Tề, đem ấp Phí cho Tề. Tử Trọng (Ngận) ra về, đi tới đất nước Vệ, được tin ở nhà loạn, vội một mình đi trước cho nhanh. Về đến gần quốc đô, biết là Phí đã phản, mới chạy luôn sang Tề.

Khi Nam Khoái định phản, thì có một người làng biết, đi gần tới Khoái, thở dài, nói to lên: Thương hại thay, lộn xộn, nguy hiểm thay. Ý thì sâu, mà mưu thì nông. Trí thì rộng mà thế thì hẹp. Tề một ấp, mà ôm việc tướng một nước. Đời có con người thế đó. Nam Khoái bói dịch, được quẻ khôn, biến ra quẻ tị. Quẻ tị giảng là: Áo màu vàng, nguyên cát. Nam Khoái cho là hay lắm, mới bảo Tử Phục Huệ Bá: Tôi muốn mưu việc ngay, ông nghĩ thế nào. Huệ Bá nói: Tôi thường nghiệm, nếu vì trung và tín mà làm, thì việc thành. Nếu không, tất là hỏng. Ngoài cứng rắn, (nửa trên quẻ tị là quẻ khảm) trong dịu dàng (nửa dưới là khôn), thế là trung. Hòa trên cùng dưới thế là tín. Vì thế, quẻ tị giảng là: Áo vàng phía dưới, đại cát. Vàng là màu giữa trong năm màu. Áo "thường" là trang sức phần dưới. Nguyên cát là đại cát. Nếu trung mà không ở giữa thì màu vàng đã không có. Nếu kính cẩn mà không có ở phía dưới, thì trang sức đã không có. Nếu việc mà không tốt thì không tới hay được. Khi trong và ngoài cùng hòa hợp thì có trung. Khi điều khiển một việc cho có tín nghĩa, thì việc có kính cẩn. Nuôi dưỡng được ba đức, trực, dũng, ôn, thì việc hay. Không có ba đức ấy, việc không hay.

Vả lại, gặp quẻ ấy, thì không thể đoán được kết quả một công việc khó khăn. Ngài có gì để trang sức. Nếu giữa (tâm) mà tốt thì mới có màu vàng. Nếu trên mà tốt thì mới có nguyên cát. Nếu dưới mà tốt thì mới có thường (xiêm, thường). Có đủ ba thứ tốt thì kết quả hay như quẻ đã giảng. Còn thiếu một thứ, thì quẻ dù đã giảng thế, kết quả cũng chưa có.

Xưa, khi Nam Khoái sắp đi tới ấp Phí (để làm Tể cho Quý Bình Tử) có bày tiệc rượu mời người làng uống. Biết ý định hại Bình Tử, người làng khi chúc rượu có hát câu: Tôi có vườn rau, có giống cỏ kỉ mọc ra hại rau. Theo tôi là bạn. Bỏ tôi là gian bẩn. Phản láng giềng là xấu lắm. Thôi ngay, chừa ngay đi. Nếu không thì đừng ở trong đảng người hay.

Bình Tử muốn bảo Chiêu Tử đuổi Thúc Trọng Tiểu. Tiểu nghe tin, không dám vào triều. Chiêu Tử sai một viên chức tới bảo Tiểu ra triều coi sóc công việc: "Tôi không có ý hừng lấy oán thù đâu".

Lưu Sưởng - Họ Đỗ bàn rằng, kinh chép tên, là vì có mưu loạn. Tôi thì cho là Ngận bản tâm sợ họ Quý mạnh, quyền vua yếu, cho nên muốn vì vua mưu trừ họ Quý. Đó là kẻ thù của họ Quý mà là trung thần nước Lỗ. Mưu bị lộ, việc thành sai, bị quyền thần đuổi, chứ có phải là mưu làm loạn đâu. Giá phỏng Ngận vô tội mà trốn, thì kinh có chép tên tự không. Đã là đảng họ Quý, là mất nghĩa vua tôi.

Cao Kháng - Gia thần nhà họ Quý là Nam Khoái, định bỏ họ Quý mà lập Ngận. Không được, mới phải lấy ấp Phí làm phản. Ngận chạy trốn sang Tề. Cho nên, người quân tử chê việc loạn mà thương cái chí.

楚子伐徐

SỞ TỬ PHẠT TỪ

VUA SỞ ĐÁNH NƯỚC TỪ

Tả Thị - Vua Sở đi săn ở đất Châu Lai. Dừng quân tại đất Dĩnh Vĩ. Sai Đãng Hầu, Phan Tử, Tư Mã Đốc, Hiếu Doãn Ngọ, Lăng Doãn Hỉ, cầm quân vây nước Từ để cho nước Ngô

sợ. Vua Sở thì đóng tại Can Khê để làm tiếp viện. Trời mưa tuyết. Sở Tử mặc áo lông, đội mũ lông, đi giày da báo, cầm roi, đi ra ngoài, có Bộc Tích Phủ theo hầu. Lúc đó, buổi chiều, đại phu Hữu Doãn Tử Cách yết kiến. Sở Tử, bỏ mũ, áo, bỏ roi, đứng lại hỏi Tử Cách: "Xưa, tiên quân ta là Hùng Dịch, với lữ Cấp, Vương Tôn Mâu, Tiếp Phủ, Cầm Phủ, cùng thờ Chu Khang Vương. Bốn nước, vua đều được ban đồ quý. Riêng Sở ta không được gì. Ta nay muốn sai sứ sang Chu đòi lấy đỉnh. Thiên tử liệu có cho ta không". Tử Cách nói: "Có chứ. Xưa, vua Hùng Dịch ta, ở tại Kinh sơn, xa xôi, nơi thảo mãng, lam lũ, xe đi phải lấy củi chấp lại nơi rừng núi gồ ghề, phụng sự Thiên tử, gom góp vật liệu cống hiến, chỉ có cung bằng gỗ đào, tên bằng lau sậy. Nước Tề là dòng cậu vua. Các nước Tấn, Lỗ, Vệ, là dòng em vua. Vì thế các nước được đồ chia cho, mà ta không được gì. Nay nhà Chu, cùng bốn nước đều sợ ta, ta bảo gì chả phải nghe, đâu có tiếc các đỉnh". Sở Tử nói: "Xưa, Bá Phụ, Hoàng Tổ ta, là Côn Ngô, ở đất Hứa, nay nước Trịnh tham lam chiếm lấy, đáng lẽ là của ta, nay ta đòi, liệu có trả không". Phải trả chứ. Chu còn không tiếc đỉnh, thì Trịnh đâu dám tiếc đất". Sở Tử nói: "Xưa, chư hầu xa ta, *mà chỉ sợ Tấn. Nay ta xây thành trong các nước Bất Lang,* Trần, Sái, nước nào cũng giàu đến nghìn cỗ xe, ngay ngươi cũng có công trạng trong việc tạo tác đó liệu chư hầu đã sợ ta chưa". "Sợ chứ, còn phải sợ các nước kia, huống chi lại cộng thêm Sở ta, sao lại không phải sợ".

Lúc đó, Công Doãn Lộ ra tâu: Vua đã mệnh lấy ngọc khuê mài giũa để dát vào phủ việt. Xin cho biết kích thước. Vua vào coi. Ở ngoài đại phu Tích Phủ bảo Tử Cách: Ngài được cả nước Sở trông nhờ. Nay vua nói gì ngài cũng nói thêm vào, vậy người trong nước sẽ nghĩ sao. Tử Cách bảo: Mài giũa đồ để dùng. Vua đi ra, thì lưỡi ta đã bén sắc, sắp dùng để cắt đấy. Sở Tử trở ra. Lúc đó, quan Tả sử là Ỷ Tương rảo bước qua trước mặt. Sở Tử nói: Gã ấy thật là lương sử. Thuộc hết tam phần, ngũ điển, bát sách, cửu khưu. Tử Cách nói: Thần thường hỏi, xưa Mục Vương phóng đãng, muốn chu du khắp thiên hạ, muốn đâu cũng có vết xe, vết ngựa. Sái Công Mưu

Phủ, mới làm bài thơ Kì Thiều để can ngăn. Vì thế mà vua mới được suốt đời chu toàn, rồi khi trăm tuổi, được mất tại nơi cung điện. Thần hỏi đến bài thơ ấy, thì gã không thuộc. Chuyện gần còn không nhớ, thì chuyện xa biết gì. Sở Tử hỏi: Ngươi có nhớ không. Có, xin đọc. Kì Thiều hòa nhã lại yên vui. Đức độ quân vương được sáng soi. Vàng ngọc tùy đồ, khi chế dụng. Sức dân có hạn, quá sinh tai. Sở Tử nghe xong, cúi đầu rồi bước vào, không ăn không ngủ mất mấy ngày. Tuy nhiên, không biết sửa mình. Thành ra rồi cũng bị họa.

Trọng Ni có nói: Xưa có câu ghi, khắc kỉ phục lễ là nhân. Đúng thật, hay thật. Giả sử Sở Linh Vương được như thế, thì đâu có bị việc nhục Can Khê.

Dĩnh Vĩ là đuôi sông Vĩ, phía tây nước Sái.

Cao Kháng - Nước Từ là nước có liên lạc về hôn nhân với nước Ngô. Nước Sở ghét nước Ngô, cho nên giận lây đến nước Từ. Đã bắt vua Từ, lại đánh dân nước.

晉 伐 鮮 虞

TẤN PHẠT TIỂN NGU

NƯỚC TẤN, ĐÁNH NƯỚC TIỂN NGU

Cốc Thị - Đánh Tiển Ngu, là nhân việc đánh nước Phì.

Cốc Thị - Chép là Tấn, là coi Tấn như Di Địch. Sao vậy? Vì cùng với Di Địch đánh một nước Trung Quốc. Thế là bất chính.

Tể Lí Khiêm - Đời Văn Công, năm thứ 10, nước Tần đánh nước Tấn, đời Thành Công năm thứ 3, nước Trịnh đánh nước Hứa. Rồi đến năm nay nước Tấn đánh nước Tiển Ngu, ba việc ấy sử đều thiếu sót.

Năm Nhâm Thân. Vua Cảnh Vương năm thứ 16.

十有三年
THẬP HỮU TAM NIÊN
NĂM THỨ 13

Tấn Chiêu, năm thứ 3. Tề Cảnh, năm thứ 19. Vệ Linh, năm thứ 6. Sái Bình Công Lư, năm đầu. Trịnh Định Công, Ninh, năm đầu. Tào Vũ, năm thứ 26. Trần Huệ Công, năm đầu. Kỉ Bình, năm thứ 7. Tống Nguyên, năm thứ 3. Tần Ai, năm thứ 8. Sở Linh, năm thứ 12. Ngô Di Muội, năm thứ 15.

春.叔弓帥師圍費
XUÂN, THÚC CUNG SUẤT SƯ VI PHÍ
MÙA XUÂN, THÚC CUNG CẦM QUÂN VÂY ẤP PHÍ

Tả Thị - Năm thứ 13. Mùa xuân. Thúc Cung vây ấp Phí. Không lấy được lại bị thua. Bình Tử giận, ra lệnh, bất cứ ở đâu, thấy dân Phí là bắt làm tù binh. Dã Khu Phu nói với Bình Tử rằng: Kế không tốt. Bất cứ thấy dân Phí ở đâu là phát cho cơm áo, nếu thấy đói rét. Đối với họ, thành một chủ tốt, cứu giúp họ trong lúc khốn khó. Thế thì họ chạy tới mình mà bỏ Nam Khoái. Dân sẽ phản, còn ai ở được với họ trong ấp Phí. Nếu ngài lấy uy nghiêm làm cho họ sợ hãi, lấy giận dữ làm cho họ kinh hoảng, thì họ ghét, họ chống lại ngài, họ sẽ có nhiều kẻ giúp. Nếu chư hầu cũng nghiêm cả như ngài thì họ không còn trông cậy vào ai được nữa, họ sẽ theo Nam Khoái cùng sống chết, Bình Tử nghe lời. Thế là dân Phí phản Nam Khoái.

Hồ Truyện - Phí là ấp trong nước. Cho vị Chính Khanh làm chủ tướng. Vây thành như vây một nước địch. Thế là gia thần thì mạnh, mà đại phu thì yếu. Ngạn ngữ có nói: Có một chữ, có thể suốt đời phải theo là chữ thứ. Việc gì mình không muốn, thì đừng bắt người khác có. Đã bậy với kẻ dưới thì không thờ được người trên. Đã bậy với người trên, thì không sai được kẻ dưới. Có thế rồi, nhà mới tề được, nước mới trị được. Quý Tôn Ý Như lấy cái bậy đối với dưới để thờ người trên, thành không

trung với bậc vua mình. Lấy cái bậy đối với trên, mà sai kẻ dưới, thành vô phép với bầy tôi mình. Gậy ông lại đánh ông, Nam Khoái ở trong trường hợp ấy. Phép Xuân Thu, không chép là nội phản, là rõ lỗi ở mình. Lại còn chép là vây ấp Phí, tức là cứ sự thực mà nói chứ không bỏ.

夏四月楚公子比自晉歸于楚
弑其君虔于肝谿

HẠ, TỨ NGUYỆT, SỞ CÔNG TỬ TỊ TỰ TẤN QUY VU SỞ THÍ KÌ QUÂN KIỀN VU CAN KHÊ

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, SỞ CÔNG TỬ TỊ, VỀ ĐẾN SỞ, GIẾT VUA LÀ KIỀN TẠI ĐẤT CAN KHÊ

Tả Thị - Vua Sở, khi còn làm Lệnh Doãn, có giết Đại Tư Mã Vĩ Yểm, chiếm lấy gia tài. Khi lên ngôi rồi, thì đoạt lấy ruộng của Vĩ Cư, họ với Vĩ Yểm. Thiên quốc đô nước Hứa, và bắt đại phu Hứa Vi làm con tin. Vua Sở có người bế thần là Vị người nước Sái. Khi vua Sở diệt nước Sái thì bố người Vị bị giết. Vua Sở sai Sái Vị ở lại Sở làm quan, rồi ra đi Can Khê. Ở hội đất Thân, một đại phu nước Việt, tên là Thường Thọ Quá, bị vua Sở xử tử. Vua Sở chiếm đoạt ấp Trung Sưu của Vi Quý nước Đấu. Lại đoạt các ấp của Thành Nhiên con Vi Quý, rồi lại cho Thành Nhiên, coi đất Giao ngoài đô thành Sở. Thành Nhiên xưa, thờ vua nước Sái. Các người trong họ Vĩ như Vĩ Cư, Hứa Vi, Sái Vị, Mạn Thành Nhiên, đều bị vua Sở đối đãi bất lịch sự. Họ mới họp với nhiều nhà mất chức vị ở Sở rồi khích thích Thường Thọ Quá nước Việt để làm loạn. (Thường Thọ Quá bị vua Sở xử tử, nhưng không bị hành hình). Quá vây các đồn ải, chiếm được thành Tức Chu, xây sửa lại thành quách, rồi ở đấy. Sau khi Quan Khởi chết (bị Sở Khang Công xử giảo) người con là Tòng tới ở nước Sái, làm gia thần cho Triều Ngô (con Thanh Tư, trước là đại phu nước Sái. Ngô ghét vua Sở). Tòng nói với Triều Ngô rằng: "Nếu nước Sái nay không phục hưng, thì không bao giờ được nữa, xin để tôi thử". Quan Tòng, mạo lệnh của vua

Sái, triệu Tử Can và Tử Tích (hai em Sở Linh Vương, Can ở nước Tấn, Tích ở nước Trịnh). Khi hai người tới gần quốc đô Sái, Quan Tòng mới bảo cho biết sự thực là Khí Tật vua Sái, không biết việc gì, Quan Tòng bắt phải cùng thề. Xong rồi cả ba đột ngột vào thành Sái. Vua sắp ăn cơm, thoáng trông thấy, vội chạy. Sẵn cơm, Quan Tòng bảo Tử Can ăn, làm thịt một con vật tế, chôn vật, đặt lên trên, tấm bảng ghi minh ước (để cho dân tưởng là vua đã cùng làm lễ thề với Quan Tòng). Rồi Tử Can, Tử Tích rời thành Sái đi ngay. Còn Tòng thì đi dạo khắp các nơi nói: Vua đã gọi hai công tử, Tử Can Tử Tích về để sửa soạn cho hai người về Sở. Vua đã thề với họ và cho họ đi tiên phong. Vua sẽ họp quân đội đi theo.

Dân Sái họp lại muốn bắt Quan Tòng. Nhưng Tòng nói với dân: Bọn phản loạn Tử Can, Tử Tích đã đi khỏi rồi, quân đội vua đã thành lập. Các người giết tôi có ích gì. Thế là dân thôi không bắt.

Triều Ngô bảo dân rằng: Các ngươi nếu có can đảm không sợ chết thì nên chống lại vua Sái, rồi coi hậu quả chiến tranh ra sao. Nếu muốn an thân thì nên đi theo vua Sái giúp mưu vua Sái. Chống với người trên thì còn mong nhờ ai. Dân chúng trả lời: Xin đi theo vua ta. Thế là tình nguyện theo vua.

Vua Sái triệu Tử Can, Tử Tích tới, làm một khoán ước ở đất Đặng. Tử Can và Tử Tích dựa vào dân nước Trần, dân nước Sái, có hẹn với họ là phục quốc cho họ. Công Tử Tị (Tử Can), Công Tử Hắc Quang (Tử Tích), Công Tử Khí Tật (cả ba là người Sở), Mạn Thành Nhiên, Sái Triều Ngô, điều khiển các quân Trần, quân Sái, quân Bất Lang, quân Hứa, và quân Diệp, và dùng quân lính của bốn họ (ở các nước Sở, Hứa, Sái, Mạn) để đánh vào quốc đô Sở. Khi gần tới thành, quân lính Trần và Sái muốn được tiếng, xin xây một dồn lũy. Vua Sái bảo họ rằng: Công việc ta cần cấp tốc. Vả lại lâu thì sinh mệt. Họ mới xin dựng lên một hàng rào. Thế là trại của họ được rào ngăn lại. Vua Sái sai Tu Vụ Mâu và Sử Bãi (đại phu Sở) vào thành trước. Nhờ viên chức Chính Bộc giúp, giết được Thái Tử Lộc, con Linh Vương, và một người con nữa là công

tử Bãi Địch. Công tử Tị (Tử Can) được tôn làm vua Sở và công tử Hắc Quang (Tử Tích) làm Lệnh Doãn. Cả hai, đình quân tại Ngư Pha. Công tử Khí Tật nhận chức Tư Mã. Bắt đầu tẩy trừ Vương cung. Sai Quan Tòng tới đất Can Khê báo cho quân Sở ở đấy biết rằng, tên nào về trước thì được giữ chức, tên nào về sau thì bị xẻo mũi. Quân đội về đến Tí Lương thì bị tan vỡ.

Linh Vương nghe tin các con chết, từ trên chiến xa nhảy xuống, nói: Thiên hạ đã ai yêu con như ta. Các quan hầu cận nói: Có chứ, dân thường ai cũng biết già mà không con thì chết ở ngòi rảnh. Vua Sở nói: "Ta giết nhiều con người. Tránh sao được ngày nay bị trừng phạt". Hữu Doãn là Tử Cách nói: "Xin cứ tới cõi Giao, ngoài kinh thành, rồi đợi coi hành vi dân chúng". Vua nói: Dân chúng giận dữ không nên gần. Nếu tới một ấp lớn, mà gọi quân các chư hầu thì thế nào. Họ sẽ phản hết. Nếu tới một chư hầu, rồi chờ một nước lớn giúp thì thế nào. Phúc khi đã đi thì không có trở lại nữa. Ta sẽ chỉ bị nhục thôi. Thế là Nhiên Đan (Tử Cách) mới một mình trở về quốc đô Sở (cả Khí Tật nữa).

Vua Sở men sông Hạ (tức là sông Hán), muốn tới ấp Yên. Thân Hợi con Vô Vũ (trước giữ chức Hu Doãn) nói: "Cha tôi hai lần trái mệnh vua. Vua không bắt tội. Ơn thế là to. Vua không nỡ bỏ. Ơn không thể quên. Tôi xin theo vua". Thế là đi tìm Linh Vương. Được gặp ở cửa thành ấp Cức, đưa về nhà. Mùa hạ, tháng năm, ngày Quý Hợi, vua thắt cổ chết ở nhà Hu Doãn Thân Hợi. Thân Hợi cho hai con gái chết chôn theo.

Công Thị - Đây là việc giết vua. Sao lại chép chữ quy, về, tức là không có tội giết vua, là tại sao. Linh Vương vốn vô đạo, xây đài Can Khê, ba năm chưa xong. Sở Công Tử Khí Tật áp bức Tị lên ngôi rồi, ra lệnh cho quân đội ở Can Khê là ai về sau thì mất hết ruộng đất. Dân, quân mới giải tán, Linh Vương tự sát.

Cốc Thị - Kinh chép "từ Tấn" thế là Tấn có giúp. "Về", và "giết", không nói về không. Về không là không phải tội giết. Về là một việc. Giết là một việc. Chép hết việc nọ rồi đến việc

kia. Bảo rằng Tị về giết, Tị đâu có giết. Giết vua phải chép ngày. Không chép ngày, tức là Tị không giết.

Uông Khắc Khoan - Công Dương bảo, chép về là không có tội, như giết, như thay ngôi. Xét: việc làm loạn, giết vua là tội lớn, thánh nhân không bắt tội người một cách vu vơ. Đâu có sự không có tội, mà lại gán cho tội giết vua. Cốc Lương cũng nói: chép là về, thì không phải là giết. Phàm giết vua có chép ngày. Không nói ngày tức không phải là Tị giết. Nhưng, Lí Khắc, Thương Nhân, Trần Khất, lũ ấy khi giết vua đều không thấy chép ngày. Thế đâu có phải là không giết. Cốc Lương trong việc Hứa Giả giết vua, thì có chép ngày, thế là chết, chết chính tức là chính việc không giết. Dù có chép ngày, dù không chép ngày, đều bảo là "không giết". Thế thì phải chép thế nào.

Nay xét ở kinh, việc Tề Liên Xưng. Quản Chí Phủ giết Chư Nhi mà lập Vô Tri làm vua thì kinh chép: Vô Tri giết vua. Tấn Di Cao, Châu Bồ đã giết, rồi sau công tử Hắc Đồn, Công Tôn Chu mời về Tấn làm vua, thì trong việc đó không chép Hắc Đồn và Chu là giết vua. Xuân Thu lấy tội giết vua Kiền quy vào cho Tị. Xét con Sở Cung Vương, lớn là Khang Vương, thứ là Kiền, thứ nữa là Tị, thứ nữa là Hắc Quang, thứ nữa là Khí Tật. Khí Tật nhận thấy Kiền vô đạo, mà mưu diệt Kiền. Cho là mình còn bé, mà thay ngôi thì chưa đủ phục dân, vì thế ép Tị, đặt Tị vào ngôi vua. Còn Kiền mà chết là sau khi Tị được lập. Thúc Hướng bảo rằng Tị gian nan lắm mới giết được vua cũ, đương thời đó, cũng cho Tị là đầu tội nhân. Tùy Dạng đế vô đạo, bầy tôi là bọn Tư Mã Đức giết Bùi Kiền cùng với bọn Vụ Văn Trí Cập giết Dạng đế, bầu anh Trí Cập là Hóa Cập lên thay. Tuy Hóa Cập có biết mưu, nhưng đỏ mồ hôi, mặt tái mét, khi được rước vào triều thì run lập cập, không nói được. Thế mà các sách Thiệu Tử, Chu Tử, đều chép là Hóa Cập giết vua, vả lại không xét đến Dạng đế về tội giết vua bố, cho nhẹ tội đi. Thế là đủ hiểu được nghĩa Kinh Xuân Thu chép việc Sở Tị.

Xét. Tả Thị cho là đi săn ở Can Khê. Cốc Dương cho là xây đài ở Can Khê. Hai thuyết không giống hau. Nay không xét vào đâu được, thì hãy để cả hai thuyết.

楚公子棄疾撥公子比

SỞ CÔNG TỬ KHÍ TẬT SÁT CÔNG TỬ TỊ

SỞ CÔNG TỬ KHÍ TẬT GIẾT CÔNG TỬ TỊ

Tả Thị. Quan Tòng bảo Tử Can (Công Tử Tị) rằng: Tuy rằng làm vua đấy, nhưng không giết Khí Tật thì sẽ có tai họa. Tử Can đáp: Tôi không nỡ. Tử Ngọc (Quan Tòng) nói: Người ta có tâm giết ngài đó, tôi không nỡ đợi thấy. Thế là Quan Tòng bỏ đi.

Trong kinh đô, mỗi đêm dân sợ, vì nghe có tiếng to: Linh Vương vào thành. Đêm ngày Ất Mão, Khí Tật sai người chạy khắp trong đô thị kêu to, Linh Vương tới. Dân Sở hoảng kinh, dục Mạn Thành Nhiên, chạy cấp báo cho Tử Can (vua mới) và Tử Tích, bảo hai người rằng: "Linh Vương đã tới, Dân đã giết quan Tư Mã Khí tật. Nếu vua sớm tự liệu đi, thì đỡ nhục. Dân chúng giận, hung như nước lửa. Nếu chậm, thì không còn làm gì được nữa". Rồi lại có kẻ chạy vào cung hô lên: dân chúng tới. Thế là hai người Tử Can Tử Tích tự tử. Ngày Bính Thìn, Khí Tật lên ngôi, lấy hiệu là Hùng Cư, chôn Tử Can ở đất Tí. Tử Can vì thế gọi là Tí Ngao, Ngao là danh từ ở Sở đặt cho vua chết không có thụy hiệu. Khí Tật cho giết một tên tù, cho mặc y phục nhà vua vào, rồi vứt xuống dòng sông Hán. Xong, cho vớt lên, chôn cất, để cho dân yên. Dân cho là vua Linh Vương. Khí Tật phong cho Tử Kỳ làm Lệnh Doãn. Quân đội Sở từ đất Từ kéo về. Bị đánh thua. Năm tướng bị quân đội nước Ngô bắt tại đất Dự Chương. Bình vương Khí Tật phục lại các nước Trần và Sái, cho dân Trần, Sái trước tản nát tứ phương nay đâu được về đấy. Giữ lời hứa, ban thưởng nhiều cho quần thần, tha nợ thuế cho dân, tha tội cho kẻ phạm tội, phục chức cho các quan bị cách. Cho triệu Quan Tòng về và bảo muốn chức gì cho chức ấy. Tòng xin chức Bốc Doãn như ông cha xưa.

Khí Tật sai Chí Như Tử Cung tới nước Trịnh đưa lễ sính. Đồng thời trả lại đất Sưu, đất Lịch. Lễ nghi xong xuôi. Tử Cung không trả đất. Người Trịnh hỏi: "Tôi nghe đồn ông trả cho vua tôi các ấp Sưu, Lịch. Xin cho biết rõ về việc đó". Tử Cung đáp:

Tôi không được lệnh trả. Khi Tử Cung đi sứ về, vua hỏi về việc trả đất, Tử Cung cởi áo, đáp: Thần có lỗi, không tuân mệnh. Vua cầm tay, nói: Xin đừng ngại. Hiện nay hãy cứ về nhà. Khi có việc cần giao cho, tôi sẽ cho báo.

Năm sau Hu Doãn là Thần Lợi, nói về việc Linh Vương. Vua cho cải táng.

Khi xưa, Linh Vương bói rùa, hỏi có thể làm vua cả thiên hạ được không. Quẻ không tốt. Linh Vương ném mai rùa xuống đất, nguyền rủa nói: Trời đã không cho, tôi sẽ tự cho. Dân ghét lòng tham vô hạn của Linh Vương, rồi ùa theo đảng loạn.

Trước nữa, vua Cung Vương, vợ chính không có con. Năm con các vợ khác đều được yêu quý. Nhưng không riêng con nào có quyền được nối. Vua mới tế thần núi sông và khấn. Xin thần linh chọn cho một người nối ngôi, để theo dõi tế tự. Tế xong, mang một thẻ ngọc, đến trước các miếu thần, khấn: Con nào mà tới thẳng trước thẻ ngọc quỳ lễ, tức là được thần cho nối. Ai còn trái ý được. Thế là cùng với thứ phi tên là Ba Cơ, đem chôn giấu trong nhà Thái miếu. Truyền lệnh cho năm con trai tới, đi vào sân lễ, bắt đầu từ người nhiều tuổi. Khang Vương thì đứng dang hai chân hai bên thẻ. Linh Vương thì chống khuỷu tay lên thẻ. Tử Can, Tử Tích thì đứng xa. Bình Vương lúc đó là Khí Tật, còn bé, được một viên chức ẵm vào, hai lần quỳ lên nút dây thẻ. Đâu Vi Quy biết đứa bé sau sẽ làm vua, mới dặn dò con mình là Thành Nhiên và bảo rằng: Cung Vương đã bỏ lễ (không lấy con lớn), đã trái mệnh thần (không cho đứa bé nối ngôi). Nước Sở sẽ nguy.

Khi Tử Can từ Tấn về Sở, Hàn Tuyên Tử nước Tấn hỏi Thúc Hướng, Tử Can liệu có làm được không. Đáp, khó lắm. Lại hỏi, cùng bị thiệt thì tìm nhau, như con buôn ở ngoài chợ, có gì là khó. Đáp: Khí Tật với Tử Can không cùng lợi. Còn bị thiệt như Tử Can, thì có ai. Một người đi lấy nước có năm điều khó. Một là có người tin đấy, nhưng không có tài. Hai là có người tài đấy mà không có chủ. Ba là có chủ mà không có mưu. Bốn là không có mưu mà không có dân. Năm là có dân mà không có đức. Tử Can ở Tấn trong 13 năm. Các người tùy tùng hoặc người Tấn,

hoặc người Sở, tôi chưa nghe thấy ai xuất sắc, thế là không có người tài. Dòng họ đã bị tuyệt, các họ khác chống đối, thế là không có chủ. Tử Can ra đi, chưa có dịp, thế là vô mưu. Ở đất nước ngoài cho đến bây giờ, thế là không có dân. Trong thời gian ở nước ngoài dân không tỏ ý kính mến, vì không được ân huệ gì thế là vô đức, Linh ngang ngược, không sợ trời, không sợ người. cho dẫu dân Sở có nhận Tử Can là vua, mà Tử Can có được năm điều khó, giết vua Linh Vương, cho dầu có được thế, liệu có ai giúp cho Tử Can ở vững ngôi không. Người giữ được ngôi vua Sở phải là Khí Tật. Khí Tật sẽ trị cả Trần, Sái. Đồn ải ngoài biên đều được trông coi. Trong chính giới sẽ không có bọn hà khắc. Trộm cướp không dám ra mặt. Không vì lợi riêng mà hại dân. Dân không oán. Thần linh giúp. Quốc dân tin. Xét, khi có loạn trong họ Tôn thất thì người ít tuổi nhất sẽ lên ngôi vua Sở. Thứ nhất, Khí Tật được thần linh ủng hộ. Thứ hai, được dân. Thứ ba, có đức. Thứ tư, được vua bố yêu quý. Thứ năm, được đúng lệ thường. Có được năm điều lợi, mà không có năm điều khó của Tử Can. Ai là người hại nổi. Về quan chức, Tử Can chỉ là Hữu Doãn. Về quý sủng, Tử Can chỉ là con thứ. Về việc thần linh, thì khi trước lại lễ xa thẻ ngọc. Về sự trông nhờ bố, thì bố đã chết rồi. Dân không ưa, không trông mong gì. Vậy cậy nhờ vào đâu để ở ngôi.

Tuyên Tư lại nói: Tề Hoàn, Tấn Văn, xưa cũng như Tử Can. Thúc Hướng đáp: Tề Hoàn là con Vệ Cơ, được vua bố Hi Công yêu quý, có Bảo Thúc Nha, Tân Tu Vô, Thấp Bằng, phù tá. Có vua Cử, vua Vệ giúp ở ngoài, có họ Cao, họ Quốc giúp ở trong. Hoàn Công theo điều phải như nước chảy xuôi. Đối với tôi con, có ân huệ, mà nghiêm cẩn.

Không tham hối lộ. Không đắm đuối vào thị dục. Làm việc ơn không biết mỏi. Làm điều hay, không biết chán. Có tất cả những điều kiện ấy, thì có đáng làm chủ nước không. Còn như vua Văn Công ta là con Hồ Quí Cơ, hàng thứ nhưng được vua Hiến yêu. Văn Công vốn là người hiếu học mà đức hạnh không thay đổi. Khi 17 tuổi đã được năm người bầy tôi giỏi. Bạn thân phúc tâm thì có những đại phu như Tử Dư, Tử Phạm. Chân tay

thì có bọn Ngụy Thù, Giả Đà. Nước ngoài giúp công thì có Tề, Tống, Tần, Sở. Trong nước thì có các họ Loan, Khước, Hồ, Tiên. Mười chín năm ở nước ngoài, chí càng ngày càng vững. Các vua Tấn là Huệ Công, Hoài công, không nghĩ đến dân. Dân mới theo và giúp Văn Công. Con Hiến Công chỉ còn có Văn Công. Dân chỉ còn mong vào một người. Trời lại giúp Tấn, ai còn thay được. Vậy, hai vua đó khác Tử Can. Khí Tật thì được quý sủng, được dân trong nước. Tử Can không có ân huệ gì với dân, không có nước ngoài giúp ở Tấn về không ai đi theo. Về đến Chu, không ai đi đón. Thế thì mong gì làm chủ ai được.

Công Thị. Tị đã lập làm vua rồi, sao lại còn chép là Công Tử. Ý cho là không đáng làm vua. Đã thế sao lại chép chữ thí (chữ thí chỉ dùng vào việc giết vua). (Công thị chép chữ thí chứ không chép chữ sát). Theo về nghĩa, thì Tị không nên nhận ngôi. Đại phu giết nhau thì dụng chữ nhân. Đây chép cả tên, cả họ để thí là tại sao. Ý cho là đã làm vua rồi.

Cốc Thị. Đây là lời đối với trên. Đã là lời đối với trên, thì không chép "người giết" mà chép "vua giết" vậy. Đây là sát chứ không phải thí. Tị mà không thí là có bốn cớ: 1) Lấy nước thì chép nước để giết. 2) Sở Công Tử Khí Tật giết Công Tử Tị. 3) Tị lên ngôi không có gì nghi ngại. 4) Xuân Thu không lấy nghi nọ thay nghi kia. Khí Tật chủ các công việc cho nên nghi.

Uông Khắc Khoan. Tị chưa thành vua Sở cho nên không phải là vua Khí Tật. Công Dương chép là Thí Công Tử Khí Tật, Xét thí là chữ dưới giết trên. Lý Khắc dù có giết con vua vẫn chép là sát. Vậy Công Tử nọ giết Công Tử kia, sao lại gọi là thí.

Xét. Hai nhà Công Thị. Cốc Thị, đều không cho là Tị bị thí. Ý giống nhau. Nhưng, Công Dương trách Tị không nên lên ngôi. Thế là đã hiểu được ý chí Kinh Xuân Thu. Cốc Lương đã nói: Tị không phải là bị thí. Lại nói: Tị không còn phải nghi. Cốc Lương như là không trách Tị. Thực ra Tị liệu có được là vô tội không. Cho nên san bỏ lời bàn.

秋公會劉子晉侯齊侯宋公衛侯鄭伯曹伯莒子邾子滕子薛伯小邾子于平邱

THU, CÔNG HỘI LƯU TỬ, TẤN HẦU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, VU BÌNH KHƯU

MÙA THU, LỖ CÔNG HỘI VỚI LƯU TỬ, QUAN CHỨC TẠI TRIỀU NHÀ CHU, TẤN HẦU, TỀ HẦU, TẤN CÔNG, VỆ HẦU, TRỊNH BÁ, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, HỘI TẠI ĐẤT BÌNH KHƯU XỨ TRẦN LƯU

Tả Thị. Khi Tấn đã xây xong cung Trị Kỳ, các chư hầu tới chầu. Khi về chư hầu đều sinh nhị tâm, vì cớ nước Lỗ chiếm ấp Canh, nước cử. Vua Tấn cùng các vua khác định tới phạt Lỗ. Thúc hướng nói với vua Tấn: "Ta phải ra oai cho các chư hầu sợ". Thế là vua Tấn họp một hội, rồi báo cáo cho vua Ngô. Mùa thu, vua Tấn tới đất Lương. Nhưng khi đó, nước lụt đường đi bị lụt, vua Ngô từ tạ, không tới. Vua Tấn mới trở về quốc đô. Tháng bảy, ngày Bính Dần, quân đội Tấn được tổ chức tại phía Nam nước Sở, có đến bốn nghìn chiến xa, mỗi chiến xa có đến trăm giáp binh phục dịch, Dương Thiệt Phụ (em Thúc Hướng), giữ chức Tư Mã (coi quân đội).

Rồi vua Tấn họp chư hầu tại đất Bình Khưu, Tử Sản, Tử Thái Thúc đi theo vua Trịnh tới hội. Tử Sản đem theo màn trướng, đủ dùng cho chín trại, Tử Thái Thúc đem theo màn đủ dùng cho bốn mươi trại, nhưng sau hối hận đem nhiều quá, cứ mỗi nơi nghỉ lại bớt đi một số, khi tới nơi hội, chỉ còn chín như Tử Sản. Quân đội dừng lại ở đất nước Vệ. Thúc Phụ (em Thúc Hướng là Dương Thiệt Phụ) muốn ăn hối lộ của dân Vệ mới để cho quân binh tràn vào phá phách kiếm củi thổi nấu, kiếm cỏ nuôi ngựa. Dân Vệ cho Đồ Bá biếu tặng Thúc Hướng cơm canh và một rổ lục gấm và nói rằng: Chư hầu thờ Tấn không dám nhị tâm, huống chi Vệ như là ở trong nhà, đâu dám có

chí khác. Nhưng quân đội ngài bây không như xưa, xin ngài trừng phạt. Thúc Hướng nhận canh, mà trả lụa. Nói: Tấn có Dương Thiệt Phụ hay ăn lễ, tham ăn lễ. Chính là Dương Thiệt Phụ trông coi quân đội. . Nếu vua Vệ cho Phụ lụa này, Phụ sẽ có lệnh cho quân đội. sứ giả nghe lời, chưa kịp lui về, mà Phụ đã ra cấm lệnh, được yên ổn.

Trần Phó Lương. Tấn ở các hội thề, không biết tự cường. Từ hội Trọng Khưu về sau, đều có đại phu dự. Đến đây mới lại thấy họp chư hầu. Thúc Hướng triệu, Lưu Tử nhà Chu tới. Nhiều nước còn theo. Nước Tề không muốn có hội. Nước Trịnh tranh giành về số cống phú (đóng góp cho Tấn). Nước Lỗ không dự thề. Các đại phu, các vua chư hầu đã thấy mặt ở triều Sở. Bởi thế, Tấn thôi họp chư hầu. Sau hội ở Chuyên Lăng, lại có việc nhiều nước họp riêng. Tấn không còn là minh chủ nữa.

八月甲戌同盟于平邱

BÁT NGUYỆT, GIÁP TUẤT, ĐỒNG MINH VU BÌNH KHƯU

THÁNG TÁM, NĂM GIÁP TUẤT ĐỒNG MINH TẠI ĐẤT BÌNH KHƯU

Tả Thị. Người Tấn sắp họp hội thề lại. Người Tề không muốn có hội. Tấn Hầu cho Thúc Hướng báo cáo Lưu Hiến Công, quan chức triều nhà Chu và hỏi nên làm thế nào. Lưu Công đáp: Thề là để giữ tín. Nếu Tấn Hầu được các nước tin, thì không ai phụ ước, còn ngại gì. Xin Tấn Hầu dùng lời lẽ nhã nhặn, quân lực uy nghiêm. Dù Tề có chối không tới thề, thì Tấn vẫn cứ lợi. Tôi sẽ xin triều đình, cầm quân Thiên Tử, lấy mười chiến xa tiên phong, chóng hay chầy, Tề cũng phải theo Tấn Hầu.

Thúc Hướng báo cáo với Tề rằng: Chư hầu muốn hội thề, dự có đủ mặt. Nhà vua cho là không lợi, xin cho biết rõ ý nghĩa. Tề trả lời: Khi một chư hầu bội ước đã bị trừng phạt, thì mới họp lại để thề. Nhưng khi tất cả đều theo mệnh không trái, thì họp thề lại làm gì. Thúc Hướng nói: Các nước mà mất là có duyên cớ: Việc thì có, mà không làm. Phép không

được theo. Khi đã làm, thì nghi lễ lại bị bỏ. Phép được theo, thì trật tự không giữ. Nghi lễ đúng thì uy kính thiếu. Trật tự đúng thì lại thiếu kính. Uy mà có thì không rõ rệt cũng như có kính mà không rõ rệt. Kính không rõ rệt thì mất, trăm việc đều không tới kết quả. Đó các nước mà mất là vì thế. Cho nên pháp chế các minh vương xưa định rằng: chư hầu mỗi năm cho sứ vào triều đình để biết được phận sự, trong khoảng hai lễ chầu vua (mỗi ba năm), chư hầu tới chầu Thiên Tử cho đúng. Mỗi sáu năm đến hạn chầu thì các chư hầu họp nhau để làm gương kính cẩn. Mỗi 12 năm, kỳ lễ chầu, thì các chư hầu hội thề để cho rõ lòng trung chính. Có nhớ phận sự mới có việc giao hiếu với nhau. Có theo đúng thể thức lễ nghi, mới giữ được trật tự trong ngôi thứ. Vua chư hầu ở hội phải tỏ lòng kính cẩn, phải tỏ dạ trung thành, lấy thần linh chứng minh. Từ xưa đến nay, phương pháp đó chưa thôi áp dụng. Các nước còn hay mất vẫn do ảnh hưởng ở sự theo lệ đó hay không theo lệ đó nữa. Tấn ở ngôi minh chủ mà vẫn theo thể thức đó. E rằng việc không thành, cho nên phải sáp huyết thề. Chúng tôi đã bày tỏ ý nguyện, xin nhà vua cho việc được kết quả, thì nhà vua trả lời rằng không làm gì cả, không có lý gì phải thề. Vậy xin vua Tề nghĩ cho kỹ. Vua tôi đợi lệnh.

Người Tề sợ, trả lời: Xin tùy đại quốc quyết định, tiểu quốc đâu dám trái. Xin kính cẩn tuân theo. Chóng hay chậm, xin tuân lệnh nhà vua.

Thúc Hướng bàn: Chư hầu có vị không cùng ý tưởng với ta. Ta không thể không thị uy. Thế là tháng 8, ngày Tân Mùi, Tấn duyệt binh, dựng cờ, nhưng cuốn chứ không mở. Ngày Nhâm Thân, mới mở cờ. Chư hầu đều sợ. Người nước Châu, nước Cử, tố cáo với Tấn rằng: Nước Lỗ ngày ngày muốn đánh. Tình thế nước tôi thực nguy. Tôi mà không theo được nghi lễ tới quý quốc là tại Lỗ. Vua Tấn không muốn gặp vua Lỗ, mới sai Thúc Hướng tới nói với vua Lỗ rằng: Chư hầu ngày Giáp Tuất, hội thề, quả quân tôi biết là không giúp nhà vua được, nên xin nhà vua không cần dự. Tử Phục Huệ Bá (đại Phu Lỗ) trả lời: Vua Tấn đã tin nghe các lời tố cáo của Man Di mà cắt giao hiếu với một nước thân thuộc (Lỗ) hậu duệ

của Chu Công. Thôi thì tùy ý nhà vua. Quả quân tôi chỉ biết theo mệnh. Thúc Hướng nói: Quả quân tôi bốn nghìn chiến xa, đầy đủ giáp binh. Dù không vì chính nghĩa mà đem dùng, thì cũng đáng sợ, huống chi lại vì chính nghĩa thì ai là địch lại được. Con bò tuy gầy, mà chồm vào con heo, con heo cũng ngại bị chết. Loạn Nam Khoái, và Tử Trọng, ông quên sao được. Nếu như nước tôi dùng quân đội đông như thế, lại được các nước giúp, nếu chúng tôi nhân cơ hội Loạn Nam Khoái, Tử Trọng, thì muốn gì mà không được.

Người Lỗ nghe xong, sợ, rồi phải theo lệnh nước Tấn.

Ngày Giáp Tuất, đồng minh tại Bình Khưu. Nước Tề chịu dự thề. Các chư hầu được lệnh buổi trưa tới đàn. Ngày Quý Dậu, trước ngày lễ thề, ở hội đi ra, Tử Sản sai tùy tùng dựng trại ngay trong khu đàn. Trịnh, Tử Thái Thúc ngăn lại, bảo hãy đợi hôm sau. Buổi chiều, Tử Sản được tin là trại chưa dựng. Mới giục làm. Nhưng không còn chỗ nữa. Đến lúc làm minh ước. Tử Sản bàn về việc đóng góp (mà Tấn đã đòi mỗi năm ở các chư hầu), và nói: Xưa Thiên Tử, định số cống phú tùy theo ngôi thứ. Chức cao, cống nhiều, đó là lệ nhà Chu. Chư hầu thấp mà số cống nhiều, chỉ là ở trong khu vực gần đô Thiên Tử tức là điện phục. Nước Trịnh đối với chư hầu là ở hàng ba, thế mà nay bắt đóng góp chư hầu hạng hai, thì e không đủ sức. Vậy về vấn đề này tôi xin hỏi lại. Chư hầu đã thôi đánh nhau, chỉ cần giao hiếu. Không có tháng nào sứ tôi không tiếp sứ nước Tấn đến hỏi việc. Số cống phú chưa có lệ luật nào định đoạt. Khi một nước nhỏ có thiếu sót, thế là có tội. Chư hầu mà ký minh ước là để giữ cho tiểu quốc khỏi mất. Nếu cống phú lại 'không có hạn định, thì sự mất nước không lâu. Thể lệ định đoạt sự tồn vong của các tiểu quốc, lần này phải cho rõ.

Bàn việc bắt đầu từ trưa. Đến chiều, người Tấn mới chấp thuận đề nghị của Tử Sản. Khi xong hội thề, Tử Thái Thúc trách Tử Sản bảo rằng: Nếu chư hầu cho Trịnh là có lỗi, đánh Trịnh, thì liệu ta có coi chừng Tấn được không. Tử Sản đáp: Chính trị Tấn ở trong tay nhiều họ. Ý kiến luôn luôn bất đồng. Tướng tá Tấn còn thì giờ đâu đánh ta. Một nước không tranh đấu là lệ thuộc nước ngoài. Sao coi là nước được nữa.

Cốc Thị. Có chữ đồng, là cùng, ý nói cùng để nước Sở ra ngoài hội. Lỗ Công không dự hội. Có thể dự được mà không dự, là đáng trách. Chép ngày là có ý cho hội thề là hay.

Trình Tử. Sở Khí Tật lên ngôi. Chư hầu sợ, cho nên đồng minh. Lý Liêm có nói: Từ hội Trọng Khưu về sau, hội thề, đều do đại phu, đến nay mới lại thấy họp vua chư hầu. Xét Tấn Chiêu lên ngôi, nhân có loạn ở nước Sở, lại có cớ làm được, chỉ tiếc rằng ở Tấn có Thúc Hướng là hàng đại phu hiền giỏi, mà sao không lấy điều nghĩa giúp vua, chỉ khuyên vua lấy uy lực, vì thế chư hầu không phục, mà rồi Tấn họp chư hầu đến lần này là hết. Cốc Lương cho là biết lợi dụng loạn nước Sở mà lập lại vua Trần, Sái. Công Dương bàn thì lại cho là chư hầu muốn đánh Khí Tật. Cả hai đều là không được chính truyền, chỉ là ức đoán thôi.

公不與盟

CÔNG BẤT DỮ MINH

LỖ CÔNG KHÔNG DỰ HỘI THỀ

Công Thị. Lỗ Công sao không dự hội thề, không thấy mặt ở hội. Đại phu bị bắt giữ, sao lại tới hội. Là vì không thấy xấu. Thế nào là không thấy xấu. Chư hầu giúp loạn, để cho phục nước Trần, Nước Sái. Người quân tử tuy không dự, không lấy làm sỉ.

Lưu Sưởng. Công Dương bàn rằng: Không dự không lấy làm sỉ, bàn thế là phải. Công Dương mà bàn rằng chư hầu giúp loạn để cho phục nước Trần, nước Sái, bàn thế là sai. Trần, Sái, đã bị diệt, lại được phục, thế có phải là sức cứu được thì cứu không, thế thì có gì là sỉ. Còn như Cốc Lương mà nói rằng có thể dự mà lại không dự là chê Lỗ Công, Cốc Lương bàn thế sai. Lỗ Công đối với Tấn chỉ biết có theo lệnh, đâu có phải là riêng mình dám trái các chư hầu đâu.

Trình Tư. Tấn trách Lỗ, không cho Lỗ dự thề, tuy muốn làm nhục Lỗ Công, thế mà được cái tội không dự thề lại chính là cái may.

晉人執季孫意如以歸
TẤN NHÂN CHẤP QUÝ TÔN Ý NHƯ, DĨ QUY
NGƯỜI TẤN BẮT QUÍ TÔN Ý NHƯ ĐEM VỀ

Tả Thị. Lỗ Công không dự thề. Người Tấn bắt Quý Tôn Ý Như, nhốt trong một trướng, giao cho người rợ Địch canh gác. Đại phu Lỗ là Tư Đạt Xạ mang theo lụa gấm, trong tay bưng bình nước, bò vào trướng. Quân canh ngăn lại. Xạ hối lộ gấm lụa, rồi vào được. Người Tấn đem Bình Tử (Quí Tôn Ý Như) về theo. Lỗ, Tử Phục Thu đi theo.

Phụ Lục Tả Truyện. Tử Sản chưa về tới nhà, nghe tin Tử Bì mất, khóc nói rằng: "Hại cho ta. Còn ai biết công việc ta. Chỉ Phu tử biết ta thôi". Trọng Ni có nói: Trong trường hợp đó, Tử Sản rõ đáng cầm quyền chính. Trong Kinh Thi có câu: Mến thay người quân tử, giường cột cho nước. Tử Sản là người quân tử đáng được người mến. Khổng Ni còn nói thêm: Họp chư hầu, định số cống phú, thế là lễ".

Uông Khắc Khoan. Ở Sa Tuy, không thấy Lỗ Công mà có việc bắt Hàng Phủ. Ở Bình Khưu, Công không dự thề mà có việc bắt Ý Như. Người Tấn vốn vẫn biết họ Quí Tôn chuyên quyền. Đáng tiếc là đắm đuối vào tư lợi. Chỉ biết lấy lịnh của Bá chủ hiếp vua Lỗ. Mà không biết lấy chính của bá chủ trị họ Quí. Do đó, lấy việc bắt làm nhục được vua Lỗ, mà để cho họ Quí tránh được nạn bị trị. Nguyên do là ở bọn Tấn Khanh chuyên quyền, làm lợi cho các thế gia.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG Ở HỘI VỀ NƯỚC

Phụ lục Tả Truyện - Người nước Tiền Ngu đã nghe tin Tấn huy động toàn dân, thế mà không chuẩn bị canh phòng giữ gìn bờ cõi. Tấn Tuân Ngô, từ Trứ Ung, đem đạo Thượng quân tràn vào Tiền Ngu. Khi tới đất Trung nhân, dùng chiến xa xông vào quân Di Địch, bắt nhiều tù binh, quân cụ, dụng cụ đem về.

Lý Liêm - Công Dương cho là chư hầu giúp loạn, phục nước Trần, nước Sái, người quân tử không dự, mà không cho là xấu. Chú thích rằng: Thời đó, chư hầu sắp đánh Sở Khí Tật phục quốc ngay cho Trần và Sái, để chư hầu bằng lòng thế là chư hầu thôi không đánh Sở nữa. Cái loạn của Sở thế là được chấp thuận. Cho nên Lỗ Công cứ thẳng thắn không dự hội. Thuyết đó không có bằng cứ, cho nên bỏ.

蔡侯盧歸于蔡陳侯吳歸于陳

SÁI HẦU LƯ QUY VU SÁI, TRẦN HẦU NGÔ QUY VU TRẦN

SÁI HẦU TÊN LÀ LƯ VỀ NƯỚC SÁI TRẦN HẦU TÊN LÀ NGÔ VỀ NƯỚC TRẦN

Tả Thị. Sở diệt Sái. Sở Linh Vương di dân đến đất Kinh Sở, dân các xứ Hứa, Hồ, Trầm, Đạo, Phòng, Thân.

Bình Vương khi lên ngôi ở nước Sở, mới phong và phục quốc cho Trần và Sái. Thế là phải. Con Thái Tử Ẩn tên là Lư về ở Sái, là phải. Con Thái Tử Điệu tên là ngô về ở Trần. Thế là phải.

Công Thị. Đây là các nước bị diệt. Chép chữ về là ý gì. Là ý không cho chư hầu quyền được chuyên phong (quyền của Thiên Tử).

Cốc Thị. Khen việc đã hoàn thành. Hợp lại mà cho về, cẩn thận chép ngày tháng. Bọn ấy đâu đã ở ngôi vua, mà coi như bọn mất nước. Đều là ngụ ý không cho Sở được diệt.

Hồ Truyện. Sở Kiền thiên sáu nước nhỏ tới ấp Kinh Sơn, lại diệt nước Trần, nước Sái, đổi làm quận huyện Sở. Đến khi Khí Tật lên ngôi, thì cho các dân bị thiên di, nơi nào được về nơi ấy, phục quốc cho Sái, cho Trần. Lư, con Thái Tử Ẩn, về nước Sái. Con Điệu Thái Tử là Ngô về nước Trần. Dùng chữ về là thuận, là phải. Trần và Sái, xưa đã bị diệt, mà không chép là phục, là có ý không cho Sở Kiền được quyền diệt. Chép là quy, về, là nên về nước. Tên Lư, và tên Ngô đều là con các Thái

Tử vong quốc. Mà Khí Tật nay phong cho, đáng lẽ nói được là phụng mệnh. Thế là không chép là tư Sở, tức là không cho Sở quyền phong. Thế mà chép là Hầu: Trần Hầu, Sái Hầu, là tước vốn vẫn còn vậy.

Lục Thuần. Công Dương bàn rằng, không cho chư hầu chuyên phong. Triệu Tử bàn rằng, đó vốn là chư hầu, nay trở lại chỗ thôi. Có gì mà gọi là chuyên phong. Cốc Lương thì bàn rằng không cho Sở được quyền diệt. Nay đã hưng quốc, phục quốc, thì có cần gì nói đến việc diệt, trách gì thời diệt.

Lưu Huyền. Trần, Sái là các nước tiên Vương đã có phong, thì không phải là Sở có thể diệt được, cũng không phải là Sở có thể phục được. Cho nên chép chư hầu bằng tước, chép chữ quy là về. Ý nghĩa là các người nối dõi hai vua, ngôi vị đã sẵn có. Sẵn nước đấy thì nên về. Vốn chưa làm vua, thì nay, theo lệ, bắt đầu làm vua mới chép tên: Lư, Ngô.

冬十月葬蔡靈公

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TÁNG SÁI LINH CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, LỄ TÁNG SÁI LINH CÔNG

Tả Thị. Mùa đông, tháng 10, lễ chôn Sái Linh Công. Thế là đúng lễ.

Cốc Thị. Vì cảnh biến mà không lễ táng, thì có ba thứ: Một là thất đức, hai là giết vua, ba là nước bị diệt. Nay mà táng, là ý không cho Sở quyền diệt, lại còn hoàn thành cho công việc của chư hầu.

Lưu Sưởng. Cốc Lương bàn là không cho Sở diệt, và cho hoàn thành công việc của chư hầu. Bàn thế không phải. Sở vốn không nên diệt Sái, thì tuy Sái bị diệt, nhưng nghĩa không phải là bị diệt. Mà chư hầu cũng không hoàn thành được.

公如晉至河乃復

CÔNG NHƯ TẤN, CHÍ HÀ NÃI PHỤC

LỖ CÔNG ĐI SANG TẤN, ĐI TỚI SÔNG HOÀNG THÌ TRỞ VỀ

Tả Thị. Lỗ Công sang Tấn. Tuân Ngô nước Tấn bảo Hàn Tuyên Tử rằng: Các vua chư hầu chầu nhau để tỏ tình giao hiếu. Giữ tướng quốc lại mà để vua yết kiến, như thế thì không phải là giao hiếu nữa. Chi bằng từ tạ, đừng mời. Mới cho sứ là Sĩ Canh tới bờ sông Hoàng, từ tạ Lỗ Công.

Uông Khắc Khoan. Lỗ Công sang Tấn là để sinh cho Quý Tôn. Đã không được dự hội thề ở Bình Khư, mà còn muốn thân hành tới chầu để xin cho bầy tôi, thế là không biết một chút gì về lẽ lui tới. Bị Tấn từ tạ, không để cho tới là phải lắm.

吳滅州來

NGÔ DIỆT CHÂU LAI

NƯỚC NGÔ DIỆT NƯỚC CHÂU LAI

Tả Thị. Nước Ngô diệt nước Châu Lai. Lệnh Doãn nước Sở là Tử Kỳ, xin đánh Ngô. Vua Sở không cho, nói: "Ta chưa có ơn với dân. Ta chưa được thần linh giúp đáp. Ta lại chưa sửa soạn phòng thủ cho chắc chắn. Nếu lại dùng sức dân mà ta bị thua, thì có hối cũng không làm sao được nữa.. Châu Lai ở giữa khoảng Ngô, Sở. Lệnh Doãn hãy đợi".

Phụ lục Tả Truyện. Quí Tôn còn ở Tấn. Tử Phục Huệ Bá (Lỗ) nói riêng với đại phu Tấn là Trung Hàng Mục Tử rằng: Lỗ thờ Tấn sao lại không bằng được tiểu quốc Di Địch. Lỗ là nước đồng tông, đất đai lại rộng. Tấn muốn gì cũng biện được đủ. Nếu vì Di Địch bỏ Lỗ để Lỗ thờ Tề, thờ Sở, thì có lợi gì cho Tấn. Thân với người cùng họ, cùng giao kết với các nước lớn, thưởng nước cung cấp đủ, phạt nước cung cấp thiếu, đó là phần việc của minh chủ. Xin ngài liệu cho. Tục ngữ có nói: Bầy tôi có thể có hai chủ (nghĩa là có thể đổi chủ). Chúng ta há lại không có đại quốc nữa hay sao. Mục Tử cáo với Hàn Tuyên Tử và nói rằng: "Sở diệt hai nước Trần, Sái ta đã không cứu

được, nay vì di địch mà đi bắt đồng tông thì bắt để làm gì". Tuyên Tử mới để cho Quí Tôn Huệ Bá về Lỗ. Nhưng Huệ Bá có hỏi Tuyên Tử: "Quả quân tôi chưa biết có tội gì mà để ngài phải bắt giam Lỗ tướng. Nếu Lỗ tướng có tội, ngài có thể tuyên bố xử tử. Nếu cho là không có tội, chỉ vì ơn mà tha, thì các chư hầu không hiểu, cho là Lỗ tướng trốn để khỏi tội. Vậy xin ngài tuyên bố ơn nhà vua giữa hội". Tuyên Tử lúng túng. Khó giải quyết, bảo Thúc Hướng nói: Tôi xin chịu. Có Phụ (Thúc Ngư) có thể làm được. Tuyên Tử mới sai Thúc Ngư.

Thúc Ngư gặp Quí Tôn nói: "Xưa tôi có tội với vua Tấn, rồi chạy trốn tới vua Lỗ. Không có tiên quân nhà ngài (Vũ Tử) đâu có ngày nay. Dù có đem được xương về Tấn, nhưng ngài chính là da thịt bọc xương cốt đó, cho nên đối với ngài không dám không tận tình. Tôi nghe nói các viên chức Tấn đã sửa soạn sứ quán phía tây sông Hà. Ngài nghĩ sao". Nói xong khóc, tỏ tình ưu ái. Bình Tử sợ là đòi hỏi quá. Mới ra về trước Huệ Bá. Huệ Bá ở lại Tấn đợi cho được đủ nghi thức đối với vị Thượng đại phu, rồi mới ra về.

Gia Huyền Ông. Châu Lai, là nơi quan trọng ở giữa khoảng hai nước Sở Ngô. Thành Công, năm thứ 7, Ngô vào vỗ về dân rồi chiếm. Sau 50 năm, lại đem quân đội vào tàn phá, sau 19 năm, người Sở xây thành Châu Lai, thế biết là Ngô không giữ được.

Năm Quý Dậu. Vua Cảnh Vương, năm thứ 17.

十有四年
THẬP HỮU TỨ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tấn Chiêu, năm thứ 4. Tề Cảnh, năm thứ 20. Vệ Linh, năm thứ 7. Sái Bình, năm thứ 2. Trịnh Định, năm thứ 2. Tào Vũ, năm thứ 27. Trần Huệ, năm thứ 20. Kỷ Bình, năm thứ 8. Tống Nguyên, năm thứ 4. Tần Ai, năm thứ 9. Sở Bình Vương Cư, năm đầu. Ngô Di Muội, năm thứ 16.

春意如至自晉

XUÂN, Ý NHƯ CHÍ TỰ TẤN

MÙA XUÂN, Ý NHƯ TỪ NƯỚC TẤN VỀ LỖ

Tả Thị - Kinh chép có ý tôn Tấn, mà chê Ý Như (gọi tên, chứ không chép họ). Thế là phải, là đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Nam Khoái muốn phản Quí Bình Tử, cùng thề ước với dân ấp Phí. Tư Đồ Lão Kỳ và Lư Quý (hai viên chức ở Nam Khoái) giả bệnh không đi lại được, sai đưa đơn đến Nam Khoái rằng: "Thần muốn tới đồng minh, nhưng tật lại phát ra. Nếu nhờ phúc ngài, mà chúng tôi khỏi chết, thì xin đợi bệnh đỡ, tới thề. Nam Khoái chấp thuận. Hai người nhân thấy dân muốn phản Nam Khoái cả, mới tụ tập dân lại rồi cùng thề. Xong, dùng uy lực bảo Nam Khoái: "Các bầy tôi của Quí Tôn không quên chủ là Quí Tôn. Từ trước tới nay, vẫn kính trọng ông, và trong ba năm nay vẫn tuân lệnh ông. Nếu ông không quyết định ngay, dân sẽ không thể thiếu chủ, và sẽ không kính trọng ông nữa. Tùy ông chọn nơi nào ở chúng tôi sẽ tiễn đưa". Nam Khoái hẹn năm ngày, rồi trốn tới nước Tề, ngồi hầu rượu Tề Cảnh Công. Vua Tề gọi đùa là Phản Phu. Nam Khoái nói thần muốn giúp cho nhà vua được thêm quyền. Tử Hàn Tích nói: Gia thần mà giúp vua nhiều quyền, thì tội nào to hơn.

Tư Đồ Lão Kỳ và Lu Quý tiễn Nam Khoái xong, trở về Lỗ, đem ấp Phí nộp vua Lỗ. Vua Tề sai sứ là Bào Văn Tử tới nói rõ ý không nhận Phí.

Cốc Thị. Đại phu bị bắt. Khi về chép chữ chí: tới. Đã chép tới, thì chép tên. Ý Như tuy đáng chê, nhưng được chép chữ chí, để rõ lễ nghi vua tôi.

Tôn Phục. Đại phu bị bắt, chép chữ chí, chí thì chép tên chứ không chép họ. Các việc trước đã có lệ như thế.

Trần Phó Lương. Đại phu mà không chép chữ chí. Tất là bị bắt rồi sau mới chí. Chép thế cho rõ việc có nguy.

Xét. Tôn Phục bảo là trước đã có lệ. Bàn thế nghe cũng được, cho nên chép lại.

三月曹伯滕卒

TAM NGUYỆT, TÀO BÁ ĐẰNG TỐT

THÁNG BA, TÀO BÁ TÊN LÀ ĐẰNG MẤT

夏四月

HẠ TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện. Mùa hạ, Vua Sở sai Nhiên Đan duyệt đạo quân Thượng quốc tại ấp Tống Khư, dặn rằng: Phải phủ dụ dân, giúp người nghèo khổ, cứu người cùng khốn, nuôi trẻ mồ côi, già tàn tật thu tập bọn không còn dây rễ, kẻ bị tai nạn, tha thuế cho hạng cô quả, ân xá tù tội, trừng trị gian, đạo, cất nhắc người tài năng tiếp đón khách tứ phương, dùng người quen việc, thưởng công bằng bổng lộc, gây tình đoàn kết giữa các họ hàng, tùy năng lực giao chức vụ. Vua sai Khuất Bãi duyệt đạo quân Đông quốc ở ấp Thiệu Lăng, cũng dặn dò như thế. Vua lại bảo cả hai tướng phải giữ hòa hiếu với các nước lân cận chốn biên giới. Trong năm năm sẽ dùng đến quân. Vua hành động như thế là phải, là đúng.

Thượng quốc ở phía tây quốc đô, vốn ở thượng lưu sông, cho nên gọi là Thượng quốc. Tống Khưu là đất nước Sở.

秋葬曹武公

THU, TÁNG TÀO VŨ CÔNG

MÙA THU, TÁNG TÀO VŨ CÔNG

八月莒子去疾卒

BÁT NGUYỆT, CỬ TỬ KHỨ TẬT TỐT

THÁNG TÁM, VUA NƯỚC CỬ LÀ KHỨ TẬT MẤT. Ở NGÔI 14 NĂM, CON LÀ GIAO CÔNG NỐI NGÔI

Tả Thị. Mùa thu, tháng tám, vua nước Cử là Trứ Khưu Công

mất, Giao Công là con không y gì thương xót. Dân nước Cử không bằng lòng muốn lập người em là Canh Dư, Bồ Dư Hầu ghét Công Tử Ý Khôi và là bạn với Canh Dư. Giao Công thì ghét Công Tử Đạc mà thân với Công Tử Ý Khôi. Công Tử Đạc lợi dụng Bồ Dư Hầu, cùng bàn và nói: Giết Ý Khôi đi. Tôi sẽ đuổi vua đi (Giao Công) rồi lập Canh Dư. Bồ Dư Hầu ưng thuận.

Phụ lục Tả Truyện. Lệnh Doãn nước Sở là Tử Kỳ, đối với vua Sở có công, nhưng tính rất tham. Được họ Dương về bè, Tử Kỳ đòi quyền và lại không chán. Vua lo ngại. Tháng chín, ngày Giáp Ngọ, vua Sở xử tử Đấu Thanh Nhiên, Tử Kỳ, và diệt họ Dương. Cho Đấu Tân con Tử Kỳ ở ấp Vận, là vì còn nhớ đến công của Tử Kỳ.

冬 莒 搬 其 公 子 意 恢

ĐÔNG, CỬ SÁT KỲ CÔNG TỬ Ý KHÔI

MÙA ĐÔNG, NƯỚC CỬ GIẾT CÔNG TỬ Ý KHÔI

Tả Thị. Mùa đông, tháng 12, Bồ Dư Hầu tên là Tư Phu giết Công Tử Ý Khôi nước Cử. Giao Công chạy trốn sang nước Tề. Công Tử Đạc sang Tề mời Canh Dư, người Tề là Thấp Đảng, và Công Sử Từ, tiễn đưa Canh Dư tới Cử, vì đã được nhiều hối lộ về ruộng đất.

Phụ lục Tả Truyện. Hình Hầu và Ung Cử tranh nhau ruộng Súc. Hai người vốn ở Sở, chạy trốn tới nước Tấn được Tấn phong cho đất. Cuộc tranh giành đã từ lâu chấm dứt. Tấn Sĩ Cảnh Bá quan coi về hình, có việc đi sang Sở. Người Phó là Thúc Ngư tạm thay. Hàn Tuyên Tử lệnh cho Thúc Ngư phán quyết về vụ kiện. Lỗi về Ung Tử. Ung Tử mới dâng Thúc Ngư một người trong các con gái. Thế là Thúc Ngư cho lỗi về Hình Hầu, Hình Hầu giận giết luôn Thúc Ngư và Ung Cử tại triều, Tuyên Tử hỏi Thúc Hướng về án mạng đó. Thúc Hướng nói: Cả ba, Thúc Ngư, Ung Cử, Hình Hầu, đều có tội. Nay phải xử kẻ còn sống, và áp dụng hình phạt cho kẻ đã chết. Ung Tử tự biết có tội, cho nên đút lót Hình quan. Phụ (tức là Thúc Ngư, em Thúc Hướng) đã tuyên án, Ung Tử tự ý giết hai người.

Vậy ba người tội nặng bằng nhau. Mình làm bậy, còn khoe, thế là ngu. Nhân chức vụ, ăn hối lộ, thế là tham nhũng. Giết người không sợ, thế là giặc. Trong Ha Thư có câu: Quan mà ngu, quan mà tham, dân mà làm giặc, đều phải xử tử. Đó luật Cao Dao đặt ra. Xin áp dụng". Thế là đem thi hành cho Hình Hầu. Còn xác Ung Hầu, xác Thúc Ngu, phải bêu ở ngoài chợ. Trọng Ni có nói: "Thúc Hướng còn giữ được tính thẳng người xưa", giữ chức vụ trị nước, coi hình, mà không che giấu tội người thân. Ba lần nói rõ tội của em là Thúc Ngu, không giảm bớt. Dù không cho là phải, cũng phải nhận là người thẳng. Ở hội Bình Khưu, Thúc Hướng kể tội hối lộ của Thúc Ngu, đỡ mối hại cho Vệ, đỡ tiếng ác cho Tấn, Thả Quí Tôn về Lỗ, rõ được gian trá của Thúc Ngư, mà đỡ cho mỗi một việc nhục, mà đỡ cho Tấn một hành động tàn ngược. Trong án Hình Hầu, cho là Thúc Ngư cũng có tội, thế là giữ đúng luật, Tấn khỏi mang tiếng là thiên. Trong ba việc, tránh ba điều dở, được ba điều hay. Tuyên bố em có tội, tức là mình thêm hay. Nhưng Thúc Hướng hành động có hoàn toàn đúng nghĩa không.

Cốc Thị. Chép là Công Tử, mà không chép là đại phu, là vì Cử không có đại phu. Chép Công Tử Ý Khôi, tức là người hiền. Nước Tào và nước Cử đều không có đại phu, duyên cớ có khá nhau.

Năm Giáp Tuất. Vua Cảnh Vương, năm thứ 18.

十 有 五 年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Chiêu, năm thứ 5. Tề Cảnh, năm thứ 21. Vệ Linh, năm thứ 8. Sái Bình, năm thứ 3. Trịnh Định, năm thứ 3. Tào Bình Công Tu, năm đầu. Trần Huệ, năm thứ 3. Kỷ Bình, năm thứ 9. Tống Nguyên, năm thứ 5. Tần Ai, năm thứ 10. Sở Bình, năm thứ 2. Ngô Di Muội, năm thứ 17.

春王正月吳子夷昧卒

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, NGÔ TỬ DI MUỘI TỐT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA NGÔ TÊN LÀ DI MUỘI MẤT

Gia Huyền Ông. Nước Ngô nối nhau làm vua có: Át, Dư Sái, Di Muội Quý Tử nhường ngôi ngay từ lúc đầu, chứ không phải là sau khi Di Muội chết. Di Muội đáng nhẽ nên nêu cao khí tiết của Quí Tử, đem nước trao cho Hạp Lư, y như việc Dữ Di, Tống Mục nước Tống. Nay, Vương Liêu, con Di Muội, tham lam, tự lập đến nỗi gây loạn, rồi chết, Hạp Lư là có tội, nhưng Di Muội cũng có phần trách nhiệm.

二月癸酉有事于武宮籥入叔弓卒去樂卒事

NHỊ NGUYỆT, QUÍ DẬU, HỮU SỰ VU VŨ CUNG THƯỢC NHẬP, THÚC CUNG TỐT KHỨ NHẠC, TỐT SỰ

THÁNG HAI, NGÀY QUÍ DẬU, CÓ VIỆC Ở MIẾU VŨ CUNG BỌN NHẠC BẮT ĐẦU ĐI VÀO, THÌ THÚC CUNG MẤT BÃI NHẠC. VIỆC ĐƯỢC HOÀN THÀNH

Tả Thị. Mùa xuân, Vua Lỗ sắp cho tế tại miếu Vũ Công, lệnh cho bách quan trai giới. Tử Thận nói: "Đến ngày tế, tôi, e có sự không hay, vì thấy có mây đen và mây đỏ, chính là không hay cho việc tế mà lại là điềm tang sự. E ngại cho vị chủ tế". Đến tháng hai, ngày tế là ngày Quí Dậu, Thúc Cung chủ việc tế. Khi ban nhạc vào thì Thúc Cung chết. Nhạc được bãi. Tế được tiếp tục và hoàn thành. Đúng nghi lễ.

Công Thị. Sao lại chép: Bãi nhạc, việc được hoàn thành? Vì thế là đúng lễ. Vua có việc tế ở miếu, nghe thấy đại phu chết, thì bãi nhạc, rồi cứ tế cho xong. Đại phu mà nghe tin tang vua, thì quyền nhiếp chính, mà tới ngay. Đại phu nghe tin tang

đại phu, thì việc công xong, tới ngay.

Cốc Thị. Vua khi tế đang cử nhạc, nghe tin tang đại phu, thì bãi nhạc, rồi tế cho đến hết, thế là lễ. Trong khi cử nhạc tế, sao vua lại được tin. Vì đại phu là quan trọng cho nước, người xưa cho việc chết là trọng, đã là vua thì phải biết ngay.

Đạm Trợ. Cốc Lương nói: Đại phu mà chết, dù đang có tế, cũng báo cho vua biết. Xét việc tôn miếu là việc lớn, đại phu chết là việc nhỏ, cứ lý mà xét thì nên đợi tế xong.

Uông Khắc Khoan. Có việc tế ở Vũ Cung, đó là tế về tiết xuân, mà không chép tên kỳ tế, lấy việc Thúc Cung chết mà bãi nhạc, mà hoàn thành tế, biến lễ mà chép việc, không phải là tế mùa mà chê là tế sai. Cho nên chỉ nói "có việc", mà không nói "có tế". Tả Thị cho là tế Đế cả bốn mùa, rồi nhầm cho đây là tế Đế.

夏蔡朝吳出奔鄭

HẠ, SÁI, TRIỀU NGÔ XUẤT BÔN TRỊNH

MÙA HẠ, TRIỆU NGÔ NƯỚC SÁI TRỐN SANG NƯỚC TRỊNH

Tả Thị. Phí Vô Cực nước Sở thấy đại phu nước Sái là Triều Ngô được vua Sở quý, cho ở Sái, thấy thế ghen ghét, muốn đuổi đi, mới bảo Triều Ngô rằng: "Vua Sở tin ông lắm, cho nên cho ông ở Sái. Ông tài cao mà ở vị thấp. Thế là nhục. Nên xin chức vụ cao. Tôi nói giúp". Rồi lại nói với đại phu ở Sái chức cao hơn Triều Ngô: "Vua Sở chỉ tin có Ngô, mới cho ở Sái. Đối với vua Sở, các ngài kém triều Ngô, thế mà chức vị các ngài lại cao hơn. Thế thì phiền lắm. Nếu không sớm liệu, các ngài rồi khó chịu lắm đấy".

Mùa hè, người Sái đuổi Triều Ngô, Triều Ngô trốn sang nước Trịnh. Vua Sở giận, bảo Vô Cực: "Ta tin Ngô, mới đặt ở Sái. Va lại, không có Ngô, ta đâu được thế này. Sao ngươi lại đuổi đi". Vô Cực nói: "Thần sao lại không muốn giữ Ngô. Nhưng thần biết là Ngô cứ muốn khác người. Ngô mà ở Sái. Sái nhất định sẽ bay cao. Rời xa Ngô ra, là ta cắt cánh nước Sái.

六月丁巳朔日有食之

LỤC NGUYỆT, ĐINH TỴ SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG SÁU, NGÀY ĐINH TỴ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Phụ lục Tả Truyện. Tháng sáu, ngày Ất Sửu, Thái Tử Thọ nhà Chu mất. Mùa thu, tháng tám, ngày Mậu Dần, Vương Hậu Mục (mẹ Thái Tử) mất.

秋晉荀吳帥師伐鮮虞

THU, TẤN, TUÂN NGÔ, SUẤT SƯ PHẠT TIỂN NGU

MÙA THU, TUÂN NGÔ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TIỂN NGU

Tả Thị. Tấn Tuân Ngu cầm quân đánh nước Tiển Ngu. Vây thành Cổ. Người Cổ xin phản để theo. Mục Tử Tuân Ngô không cho. Tướng tá hỏi, quân không phải đánh mà lấy được thành, sao ngài lại từ chối? Mục Tử nói: "Tôi có nghe Thúc Hướng nói rằng, khi yêu ghét đúng mức, người trên không thiên lệch, thì dân biết làm ăn, mọi việc phải thành. Nếu dân ta có kẻ phản ta, đem thành hiến cho giặc thì ta rất ghét. Nay người ngoài đem thành lại thì ta có thể chuyển ghét thành yêu được không. Nếu ta lại thương bọn người mà ta đáng lý phải ghét, thì đối với bọn đáng yêu ta sẽ làm gì. Mà ta không thương, thì ta mang lỗi thất tín. Với hành vi đó, ta sẽ trị dân sao được. Thôi, cứ có lực thì tiến, không thì lui. Lượng lực mà làm. Đừng có nhận thành mà nhận cả giống phản vua. Ta hại nhiều hơn lợi".

Mục Tử khuyên dân Cổ giết những kẻ muốn phản đi, và cố sửa soạn thế thủ. Sau ba tháng bị vây, nhiều tướng Cổ xin hàng, sai quân dân tới nói với Mục Tử. Mục Tử bảo: Ta coi thành chưa thiếu lương. Hãy cứ cố sửa lại đồn ải. Tướng tá đều nói: "ngài có thể lấy được thành, mà sao lại chưa lấy. Làm khổ dân, làm kiệt lực quân đội. Thế đâu có phải là cách thờ vua". Mục Tử bảo: "Chính là tôi thờ vua. Chiếm lấy một thành, mà lại dạy cho dân hèn, thì chiếm làm gì. Nên dạy cho dân trung với chủ hơn

là mua một ấp bằng giá hèn. Như thế, về sau không ra gì đâu, mà phản chủ là bất tường. Người Cổ sẽ biết thờ vua họ, mà chúng ta sẽ biết thờ vua ta. Cứ đúng phận sự mà làm việc, cứ yêu ghét đúng mức, thì ta lấy ấp sẽ có lợi, dân sẽ hiểu thế nào là phận sự. Dân sẽ hy sinh để theo mệnh chủ mà không bỏ chủ. Thế có phải là hay không". Khi dân Cổ theo báo cáo là hết lương và hết lực, thì Mục Tử nhận cho hàng. Chiếm xong ấp Cổ, kéo quân về, không giết một người. Đem theo về Tấn vua nước Cổ, là Cổ Tử Duyên Đề.

Hồ Truyện. Nước Tấn diệt Lộ Thị, Giáp Thị, rồi hai lần đánh nước Tiển Ngu, đều dùng đại phu làm chủ tướng. Khi chép, hoặc dùng chữ nhân, người, hoặc dùng chữ quốc, nước, hoặc chép tên họ, thế là thế nào. Chỉ cần biết diệt hủy mà không có ý ái ngại, thì chép là nhân, người. Thấy lợi quên nghĩa, mà dùng sự dối trá làm việc, thì chép là nước, quốc. Lấy quân chân chính đi đánh quân địch, mà không dùng kẻ phản thần thì chép tên họ. Xét, chép tên họ, không phải chỉ để là khen đâu, nhưng không chê.

Khi dùng binh, khi chống giặc, đều thấy rõ cách biên chép *của Kinh Xuân Thu.*

冬公如晉

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG TỚI NƯỚC TẤN

Tá Thị. Mùa đông, Lỗ Công đến nước Tấn, là vì việc Bình Khưu.

Phụ lục Tá Truyện. Tháng 12, Tuân Lịch nước Tấn tới Kinh đô Chu, dự lễ táng Mục hậu. Tịch Đàm làm chức Phó. Chôn xong, vua Chu bỏ áo tang, thết việc Văn Bá (Tuân Lịch). Rượu được rót trong hồ của vua Lỗ tặng. Vua nói với Văn Bá: "Chu hầu đều có đồ tặng để giúp Vương thất, sao riêng Tấn không có". Văn Bá không biết trả lời sao, mới vái, nhường lời cho Tịch Đàm. Tịch Đàm nói: "Các chư hầu thời lập quốc, đều được nhà vua (Thiên Tử) ban cho quý vật, để xã tắc thêm vững bền, cho

nên nay lại tặng lại được vương thất. Tấn ở nơi thâm sơn, gần di địch, xa Kinh đô, ơn huệ nhà vua không tới. Tấn bận rộn với Nhung Địch, không còn nghĩ đến việc khác được, còn cống hiến sao được".

Vua nói: "Thúc Thị quên rồi chăng. Thúc Phụ là Đường Thúc (Vua đầu nước Tấn), là anh em cùng mẹ với Thành Vương, sao lại không có phần của vua ban. Trống trận nước Mật Tu, cùng với chiến xa cũng của Mật Tu, nhà vua Văn Vương đã dùng khi đánh diệt nhà Thương. Đường Thúc đã nhận các đồ ấy khi hành quân chiếm các xứ thuộc khoảng sao Sâm, sao Hư, tức là nước Tấn, và bình định các rợ Nhung và Địch. Rồi đến Tấn Văn Công được Tương Vương ban hai xe Lộ xa, lưỡi phủ việt, rượu cự sưởng, cung đồng, đội hổ bôn. Văn Công được ban khi đi chiếm các đất Nam Dương và khi đông chinh. Đó không phải là nhận được phần thưởng thì còn là gì nữa. Xét có tài thì vua không quên, có công thì vua cho ghi vào sử. Đã lợi lộc lại danh giá: như ban ruộng đất, đồ tế khí, xa mã, y phục, cờ biển. Con cháu không bị quên. Phúc tộ được dồi dào. Ơn huệ ấy, không cho Đường Thúc, thì cho ai. Còn hơn thế nữa. Xưa, Tôn Bá Yểm, ông tổ đời thứ chín của ông, có chức vụ giữ điển tịch, văn thư, sử sách nước Tấn, và dự quốc chính. Vì thế, được ban họ là Tịch, khi hai con của Tân Hữu, được giữ chức Đổng Đốc tức là giữ sử sách cùng với họ Tôn Bá Yểm. Từ đó, Tấn lại có sử quan là họ Đổng. Ông là dòng dõi sử gia họ Tịch. Sao lại quên các di tích đó". Tịch Đàm không đối đáp được. Xong bữa tiệc, quan khách rút lui, vua nói với tả hữu: Tịch Đàm rồi vô hậu chăng, kể lần các sử liệu, đến tổ mình cũng quên. Khi về đến Tấn, Tịch Đàm kể chuyện lại cho Thúc Hướng nghe. Thúc Hướng nói: "Tôi cho là vua không được chết thường. Tôi có nghe nói: Vui về việc gì, thì chết vì việc ấy. Nay vua vui trong cảnh buồn, thì chết trong cảnh buồn, tức là không chết thường. Trong một năm, có hai đại tang. Ở giữa thời tang, mà thết việc tân khách, lại đòi biếu tặng đồ quý. Thế là vua ở giữa cảnh buồn. Mà lại còn trái nghi lễ. Đồ tặng phẩm quý, chỉ dùng trong trường hợp thưởng công, chứ không dùng trong việc tang. người có chức vị cao, trong ba năm tang, toàn mặc áo tang, không được bỏ, đó là theo lễ nghi, đến vua

cũng thế. Vui ngay trong yến tiệc, thế là phi lễ. Lễ là việc của vua phải tôn trọng giữ gìn. Một cử chỉ hành động, mà hai việc thất lễ, thế không phải là giữ gìn tôn trọng. Lời nói của vua ghi vào sử. Sử lại cần để ghi các lệ luật tổng quát. Nếu vua mà quên ca nguyên tắc, thì còn nói nhiều làm gì, dẫn Kinh sử làm gì".

Năm Ất Hợi. Vua Cảnh Vương, năm thứ 19.

十有六年

THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 16

Tấn Chiêu, năm thứ 6. Tề Cảnh, năm thứ 22. Vệ Linh, năm thứ 9. Sái Bình, năm thứ 4. Trịnh Định, năm thứ tư. Tào Bình, năm thứ 2. Tần Huệ, năm thứ 4. Kỷ Bình, năm thứ 10. Tống Nguyên, năm thứ 6. Tần Ai, năm thứ 11. Sở Bình, năm thứ 3. Ngô Liêu, năm đầu.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện. Năm thứ 16, mùa xuân. Tháng giêng. Lỗ Công ở nước Tấn. Người Tấn giữ Công. Kinh không chép. Kiêng.

齊侯伐徐

TỀ HẦU PHẠT TỪ

TỀ HẦU ĐÁNH NƯỚC TỪ

Tả Thị. Tề Hầu đánh nước Từ. Tháng hai, ngày Bính Thân quân Tề đến Bồ Toại (tên một nước cổ), người Từ xin hòa. Vua Từ, cùng người Đàm, người Cử, hội với vua Tề, thề ở đất Bồ Toại. Vua nước Từ tặng một cái đỉnh, khi trước lấy của nước Giáp Phủ

(nước Cố). Lỗ Thúc Tôn Chiêu Tử, nói: Chư hầu mà thiếu Bá chủ thật là hại. Nước Tề vô đạo. Hưng sư đánh một nước ở xa, hội thề, nghị hòa, rồi về. Chẳ ai chống lại. Chư hầu vô chủ. Xét Kinh Thi có câu: Nhà Chu suy rồi. Loạn lạc không bờ bến. Các Thượng Đại phu lại ở xa Kinh thành. Còn ai biết nỗi khổ của chúng ta. Tình thế ngày nay đúng như thế.

Hứa Hàn. Thời Cảnh Công, nước Việt tranh đấu. Nước Tấn đã không thu xếp được, nước Tề lại mạnh. Giá sử, nuôi đức, sửa chính, bền chí hùng cường để cử hợp chư hầu, phục hưng nghiệp Bá, thì có thể được lắm. Thế mà khư khư tranh nước Từ, đánh nước Cử, ham lợi nhỏ, xem thế thật là hèn kém.

楚子誘戎蠻子殺之
SỞ TỬ DỤ NHUNG MAN TỬ SÁT CHI
VUA SỞ DỤ VUA NHUNG MAN TỚI RỒI GIẾT ĐI

Tả thị. Sở Tử được tin họ Man có loạn và biết rằng vua Man không thể tin được, mới sai Nhiên Đan dụ dỗ vua Nhung Man Tử tên là Gia tới, rồi giết đi, chiếm lấy đất Man. Đã thế lại cho con vua Gia nối làm chủ, thế là theo lễ.

Phụ lục Tả Truyện. Tháng ba, Hàn Khởi nước Tấn, tới Trịnh lễ sính. Vua Trịnh thết tiệc. Tử Sản dặn dò người Trịnh trước: "Những ai có địa vị trong triều cần phải kính cẩn giữ đúng lễ nghi". Khổng Trương tới sau, ngồi vào giữa quan khách. Viên chủ nghi lễ vội mời ra. Khổng Trương mới tới ngồi sau tân khách. Viên chủ lại mời ra. Khổng Trương mới ra ngồi nơi treo trống trong điện. Tân khách đều cười. Tiệc xong, Thượng Đại Phu là Phú Tử, nói với Tử Sản rằng: "Trước mặt tân khách các đại quốc, phải cẩn thận. Nhiều lần chúng ta đã làm cho họ cười chúng ta, khinh nhờn chúng ta. Dù ta nay có cố giữ lễ, họ vẫn khinh. Nước mà vô lễ, thì còn vinh nỗi gì. Khổng Trương nhầm ngôi thứ là một việc xấu cho ngài".

Tử Sản giận nói: "Sai đặt không trung chính, ra lệnh thiếu tin, trừng phạt bất thường, đoán ngục không đúng luật, bất kính trong các triều hội, làm cho mệnh không tuân, để cho các đại

quốc khinh khi, làm cho dân kiệt lực mà không công, không biết, không hiểu các tội xảy ra, nếu tôi mắc vào một điều trong các điều đó thì thật là bị nhục. Còn như, Khổng Trương là con anh vua, con Tử Khổng dòng dõi nhà chấp chính Khổng Tử, vậy là đại phu chính thức. Trương đã được vua Trịnh cho đi sứ tới triều Chu và các chư hầu. Dân Trịnh tôn quý. Các vua chư hầu đều biết. Có địa vị ở triều. Có miếu ở nhà. Có lộc ở nước. Có đóng góp cho quân đội. Trong các việc tang và tế công, có chức vụ. Có được lãnh phần tế. Trong nhà có tế lễ, thì có quyền biếu phần tế cho nhà vua. Trong nhà Thái miếu, khi tế Tam sinh, có ngôi thứ. Trải nhiều đời rồi. Thế mà trong tiệc yến vừa rồi. Khổng Trương quên chỗ ngồi. Sao tôi lại bị nhục. Những ai không cẩn thận trong lễ nghi, mà lại liên lụy đến người chấp chính như tôi, thế là vì xưa nay, những người ấy chưa bị trừng phạt theo lệ tiên vương đã định. Đại phu có trách tôi, nên trách về việc khác".

Tuyên Tử đại phu Tấn, có chiếc vòng ngà. Thấy có một chiếc nữa như thế, trong một tiệm buôn, ở nước Trịnh, Tấn Hàn Tuyên Tử mới xin chiếc vòng đó, tại vua Trịnh, Trịnh Tử Sản từ chối, nói: "Chiếc vòng đó không ở trong kho công, vua Trịnh tôi không được biết". Tử Thái Thúc và Tử Vũ nói với Tử Sản rằng: "Hàn Tử thường chưa xin ta gì cả. Mà không nên có điều gì phật ý nước Tấn. Hàn Tử nước Tấn không phải là người coi thường được. Nếu có bọn gian muốn quấy rối tình giao hữu hai nước Trịnh, Tấn, nếu quỷ thần lại giúp sức, để cho Tấn phải giận dữ, thì e ta không hối kịp. Ngài tiếc gì một chiếc vòng mà làm cho một nước lớn sinh giận. Tuyên Tử đã xin thì cứ cho có được không".

Tử Sản trả lời: "Không phải là tôi coi thường Tấn, dời bỏ Tấn. Tôi muốn thủy chung với Tấn, cho nên không cho vòng được. Chính vì giữ trung với tín. Tôi nghe nói, đối với người quân tử, không có của không phải là một nạn, nhưng làm việc không có tiếng tốt mới là một nạn. Tôi lại nghe nói, người làm chủ một nước, thờ nước lớn, giúp nước nhỏ, không có gì là khó, nhưng thiếu lễ nghi, hại cho chức vụ là một tai nạn. Xét, nếu quan to một nước lớn, đối với nước nhỏ, phải

đòi gì được nấy, thì liệu nước nhỏ, có lần nào cũng cung cấp đủ cả được không. Cho người này, tất phải từ người kia. Bọn bất mãn ngày một nhiều hơn. Nếu không có phép từ chối với nước lớn, thì đòi hỏi có bao giờ là ngừng. Nước nhỏ biến thành một ấp thuộc nước lớn, mất địa vị một quốc gia. Nếu Hàn Tử lại được vua Tấn xin hộ cho vòng ngọc, thì lòng tham lại càng mạnh. Thế liệu có phải là một tội không, mà tội có tha được không. Ta mà cho vòng ngọc, thế là ta bị hai tội, mà nước ta mất ngôi thứ. Hàn Tử thành tham, có được gì hơn không. Ta thì đem ngọc mua chuốc lấy một tội. Tôi tưởng không phải là một việc thường đâu".

Hàn Tử mua vòng ngọc của tiệm hàng nước Trịnh. Khi đã định xong giá cả, người bán ngọc nói: Xin báo việc này cho vua và các đại phu. Hàn Tử mới cho xin với Tử Sản rằng: "Mấy bữa trước, Khởi tôi có xin một chiếc vòng. Quan chấp chính không cho. Tôi thôi không dám xin lại. Nay tôi đã mua được của người bán ngọc. Người ấy có nói cần báo cáo nhà vua cùng các đại phu. Vậy xin ngài cho phép". Tử Sản trả lời: "Trước kia, Hoàn Công, vua đầu nước Trịnh. và một người lái buôn rời khỏi đất nhà vua để đến ở đất Trịnh. Hai người hợp lại, cùng cày cấy ruộng, nhổ rẫy các thứ cỏ dại, bồng, hao lê, hoắc, rồi cùng ở đây. Có làm một minh ước để con cháu theo, rồi thề suốt đời lấy trung tín đối với nhau. Trong minh ước có câu: "Ông không phản tôi, còn tôi thì không ép ông phải bán, tôi không đòi ông, lấy của ông bất cứ vật gì. Nếu có lợi, ông cứ bán các đồ quý của ông, tôi không cần biết". Nhờ có khoán ước ấy, vua nước tôi cùng con cháu nhà ấy vẫn dựa nhau cho đến ngày nay.

Nay ngài đã đoái đến thăm, và bảo nước nhỏ tôi bắt buộc lái buôn ấy phải đưa cho một đồ vật, thế là khuyên nước tôi trái ước, bội thề có nên không. Vì một mảnh ngọc, ngài không nỡ mất một chư hầu. Nếu chỉ vì tuân lệnh đại quốc, mà Trịnh phải trái với luật lệ, thì Trịnh trở thành một ấp ở biên giới Tấn, không còn là một nước nữa. Nếu tôi biếu ngài vòng ngọc, tôi không biết kết quả rồi sẽ ra sao. Vậy xin phép riêng bày tỏ nông nỗi".

Hàn Tử nói, không lấy ngọc nữa và nói: "Khởi tôi thực là không sáng suốt chút nào, dám xin ngọc để gây nên hai tội. (1) Tấn làm mất một chư hầu. (2) Trịnh sẽ thành một ấp Tấn. Vậy tôi xin từ". Mùa hạ, tháng tư, sáu quan khanh ở Trịnh làm tiệc tiễn Hàn Tuyên Tử ở cõi Giao, Tuyên Tử nói: Xin các ngài hát, để cho tôi được biết tình ý của Trịnh. Tử Si hát khúc: Dã hữu mạn thảo. Tuyên Tử nói: "Thanh tú nhường ấy (như người được nói trong thơ) chính là tôi vẫn mong". Tử Sản hát bài: Áo cừu trong thơ Vịnh Phong. Tuyên Tử nói, tôi đâu được bằng, Tử Thái Thúc hát bài: Nâng áo trong thơ Trịnh Phong. Tuyên Tử nói: "Tôi ở đây, dám đâu để ông phải hỏi một người khác". Thái Thúc cúi tạ, Tuyên Tử nói: "Hay lắm. Bài ông vừa hát đúng thật hay đấy. Nếu không đúng thật, thì tình giao hiếu hai nước ta lâu bền sao được". Tử Du hát bài: Mưa gió trong thơ Trịnh Phong. Tử Kỳ hát bài: Nữ nhân cùng ngồi xe trong thơ Trịnh Phong. Tử Liễu hát bài Lá khô trong thơ Trịnh Phong. Tuyên Tử vui mừng nói: "Còn chút nữa thì Trịnh hưng thịnh lắm. Thưa các ngài, các bài các ngài vâng mệnh vua hát cho, thì tỏ rõ tình nước Trịnh tức là những tình âu yếm, vui vẻ, bạn bè. Chắc còn nhiều đời đẹp đẽ, không có gì ngại". Tuyên Tử tặng ngựa cho các vị Khanh nước Trịnh, mà hát bài: Tôi đem đi, trong thơ Chu Tụng. Tử Sản bái lĩnh và bảo năm vị Khanh đều bái và nói: Ngài đã làm cho yên loạn, dám đâu không tạ ân đức. Tuyên Tử yết kiến riêng Tử Sản, biếu một viên ngọc, một cật ngựa, và nói: Ngài làm cho tôi từ vòng ngọc, chính là ngài đã cho tôi một vòng ngọc, mà tránh cho tôi khỏi tội chết. Đâu dám, tay không, đến tạ ngài.

Công Thị. Vua Sở sao Kinh không chép tên. Vì cũng là dân xứ Di Địch, người quân tử không ghét. Sao không ghét. Tức là không bo ghét. Thế là ghét.

Xét. Sở được tin Man thị có loạn. Dụ Man Tử tới rồi giết đi, tội thế là to lắm. Lại lập con Man Tử lên thay. Thế sao gọi là đúng lễ được. Tả thị bàn bậy.

夏公至自晉

HẠ, CÔNG CHÍ TỰ TẤN

MÙA HẠ, LỖ CÔNG TỰ TẤN TỚI

Tả Thị. Lỗ Công tự Tấn về tới Lỗ. Tử Phục Chiêu bá nói với Quí Bình Tử rằng: "Họ nhà vua nước Tấn suy rồi. Vua thì bé mà nhu nhược. Sáu vị Khanh thì mạnh thế, phóng túng, kiêu căng. Tập dần thành thói quen. Sao họ nhà vua không suy được". Bình Tử nói: Ông còn ít tuổi biết sao được chính trị một nước.

Gia Huyền Ông. Lỗ Công sang Tấn qua năm. Lâu đến ba mùa mới về. Thế là vì việc Ý Như, vua phải giữ. Về sau, vua Lỗ đem quân đánh là vì thế không thể dung được. Người bàn việc cho là gây hiềm khích. Bàn sai.

秋八月己亥晉侯夷卒

THU, BÁT NGUYỆT, KỶ HỢI, TẤN HẦU DI TỐT

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY KỶ HỢI, TẤN HẦU TÊN LÀ DI MẤT

Tả Thị. Mùa thu, tháng tám. Tấn Chiêu Công mất.

Gia Huyền Ông. Tấn mà bắt đầu suy là từ vua Bình Hầu, rồi suy vào đời vua Chiêu, vua Khoảnh, mà rồi đến hỏng.

Lý Liêm. Tấn Chiêu làm vua thời Lỗ Chiêu Công, năm thứ 10, ở ngôi ít năm, mà có các Quyết Ngận, Bình Khưu, lại có hai lần, đánh nước Tiên Ngu, Tấn đến các vua Bình, Chiêu, thì nghiệp Bá hết dần, Xuân Thu mà chép, đều chép các việc đại biến.

九月大于

CỬU NGUYỆT ĐẠI VU

THÁNG CHÍN, LỄ ĐẢO VŨ

Tả Thị. Tháng chín, lễ đảo vũ, vì đại hạn.

Phụ lục Tả Truyện. Nước Trịnh đại hạn, Vua sai Đồ Kích, Chúc Khoản, Thụ Phó tới tế ở núi Tang Sơn. Làm lễ chặt cây. Không mưa. Tử Sản nói: "Lễ trên núi là phải giúp cho cây mọc, nay sao lại chặt đi". Thế là cất chức các viên chủ tế, lấy lại ruộng đất được ăn lộc.

季孫意如如晉

QUÍ TÔN Ý NHƯ NHƯ TẤN

QUÍ TÔN Ý NHƯ SANG TẤN

冬十月葬晉昭公

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TÁNG TẤN CHIÊU CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, LỄ TÁNG TẤN CHIÊU CÔNG

Tả Thị. Mùa đông, tháng 10, Quí Bình Tử sang Tấn, lễ táng Tấn Chiêu Công. Bình Tử nói: Lời nói của Tử Phục Hồi là đúng. Họ Tử Phục có người hay.

Năm Bính Tý. Vua Canh Vương, năm thứ 20.

十有七年

THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 17

Tấn Khoanh Công, Khứ Tật, năm đầu. Tề Cảnh, năm thứ 23. Vệ Linh, năm thứ 10. Sái bình, năm thứ 5. Trịnh Định, năm thứ 5. Tào Bình, năm thứ 3. Trần Huệ, năm thứ 5. Kỷ Bình, năm thứ 11. Tống Nguyên, năm thứ 7. Tần Ai, năm thứ 12. Sở Bình, năm thứ 4. Ngô Liêu, năm thứ 2.

春小邾子來朝

XUÂN, TIỂU CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA XUÂN, TIỂU CHÂU TỬ LẠI CHẦU

Tả Thị. Năm thứ 17, mùa xuân, Tiểu Châu Mục Công lại

chầu. Lỗ Công đãi yến tiệc. Quí Bình Tử hát bài: Hái đậu, trong thơ Tiểu Nhã. Mục Công hát bài Thanh Nga. Chiêu Tử (Tử Phục Hồi) nói: Nếu Tiểu Châu đã không có tài trị một nước, thì liệu có giữ lâu được Tiểu Châu không.

Hác Kính - Lỗ đã kém hèn, mà nước nhỏ còn tới chầu. Tấn cũng kém hèn, mà chư hầu còn đi lại. Đó không phải là sợ vua mà là sợ đại phu vậy. Lấy sức để mong phục người, đến chư hầu còn không làm được, huống chi đại phu.

夏六月甲戌朔日有食之

HẠ, LỤC NGUYỆT, GIÁP TUẤT SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA HẠ, THÁNG 6, NGÀY GIÁP TUẤT, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị. Mùa hạ, tháng 6, mùng một, ngày Giáp Tuất, có nhật thực. Viên quan Chúc Sử, giữ việc cúng tế, khi tế xin dùng lụa. Chiêu Tử nói: Khi có nhật thực, Thiên Tử bớt cả ăn, cho đánh trống ở nền xã. Chư hầu thì lấy lụa tế ở nền xã, mà cho đánh trống ở trong triều. Thế là lễ. Bình Tử nói: Đừng làm thế. Chỉ có tháng giêng, mùng một, chưa có khí ấm, mà có nhật thực, thì mới đánh trống, mới cúng lụa. Đúng lễ là thế. Ngoài ngày ấy ra thì không phải là lễ. Quan Thái Sử nói: Chúng ta ở trong trường hợp đó. Tiết xuân phân, mặt trời chưa đến chính vị, mà có tai về tam thần: mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, thì bách quan phải bỏ hết đồ trang hoàng thường lệ, vua phải bớt ăn, ở cung riêng, trong thời kỳ nhật nguyệt thực, đánh trống, cúng lụa, viên Chúc Sử viết sớ. Trong Hạ Thư có câu: Trong khoảng sao Phòng, mặt trời, mặt trăng không ở vị chí thường, tức là ăn nhau, nhạc công đánh tống, sĩ quan ra roi ngựa, dân thì chạy chân. Nhật thực trong Hạ Thư nói chính vào mùng một tháng này. Dưới triều nhà Hạ, là tháng tư, tháng đầu mùa hè (vào tháng sáu nhà Chu). Bình Tử không nghe. Chiêu Tử lui ra và nói: Bình Tử có chí khác, không nhận quyền vua.

秋 郯 子 來 朝

THU, ĐÀM TỬ LAI TRIỀU

MÙA THU, VUA NƯỚC ĐÀM LẠI CHẦU

Tả Thị. Mùa thu, Đàm Tử lại chầu. Lỗ Công đãi yến tiệc Chiêu Tử nhân hỏi Đàm Tử, sao vua Thiếu Hiệu xưa lại lấy tên loài chim mà đặt tên quan chức. Đàm Tử nói: Họ tôi vốn tổ là Thiếu Hiệu. Tôi biết rõ chuyện. Xưa kia, vua Hoàng Đế, nhân thấy một điềm mây mà rồi lấy các thức mây gọi tên các chức quan. Vua Viêm Đế thì dùng lửa mà đặt tên các chức quan. Vua Cung Công lấy các thức nước đặt tên các chức quan. Vua Thái Hiệu tức là Phục Hi lấy con rồng. Đến vua Thiếu Hiệu lên ngôi, có con phượng hiện ra, cho nên vua Thiếu Hiệu lấy tên chim gọi các chức quan như sau: Họ Phượng Điểu coi việc soạn lịch. Họ Huyền Điểu coi việc phân tiết trong các mùa. Họ bá Điểu coi về Đông Hạ, Chí. Họ Thanh Điểu coi về các tiết lập xuân, lập thu. Họ Đan Điểu coi về tiết lập đông. Họ Chúc Cưu dạy dân. Họ Thư Cưu dạy quân. Họ Nhạn Cưu coi Công Chính. Họ San Cưu coi đánh giặc. Họ Cốt Cưu coi việc phu dịch. Năm Trĩ Quan coi hạng công nghệ để đúc ra các khí cụ, dụng cụ cần thiết, trông nom các đồ đo lường cho được công bình. Chín Hỗ quan chủ trương chín thứ công việc đồng áng, giúp cho dân khỏi rối loạn. Từ vua Xiêng Húc đến bây giờ, không thể phân tích công việc theo ý nghĩa xa xôi, thì đành theo các sự vật trông thấy trước mắt. Cứ theo công việc cần thiết của dân, mà định đoạt ngôi thứ người dạy dân. Không còn làm khác thế được".

Khổng Ni nghe truyện, tới yết kiến vua Đàm, và biết được những chi tiết lịch sử đó. Khổng Ni có nói: Tôi nghe nói, khi Thiên Tử không còn có lớp quan biết làm việc nữa, thì cần phải học hỏi ở bốn phương. Lời ấy vẫn còn đúng".

Triệu Bằng Phi - Nước nhỏ mà thờ nước lớn là vì cho rằng nước lớn che chở được. Nước Lỗ đến mình còn chả giúp mình được, thì còn che chở ai. Tiểu Châu Tử, và Đàm Tử có đến chầu nước Lỗ cũng vô ích.

Gia Huyền Ông - Nước Chu, nước Lỗ đều suy. Điển chương, pháp luật, thiếu sót. Thế mà vua nước nhỏ còn biết nhớ danh hiệu các quan đặt ra từ thời Cổ, cho nên phải chép.

Hoàng Chính Hiến - Tả Thị chép việc Chiêu tử vấn đáp về tên quan chức. Trọng Ni nghe truyện tới học. Tuy nhiên, Khổng Tử làm sách, biên chép từ đời Đường Ngu trở đi. Đến việc bàn tên quan chức, chỉ thấy kể các chức vị Nhạc, Mục, Bá, Công, Hầu, Khanh, Sĩ. Chứ không thấy nói đến loại tên: vân hỏa, điểu, tại sao thế. Là vì thời cổ, thời chất phác, việc còn giản dị, cho nên nhân thấy điềm lành mà chép việc. Thời trung cổ, dần dần văn minh, đời hiến, việc nhiều, cho nên cần chia chức vụ, cần gọi tên chức vụ, mới có thể sai dân làm việc. Khổng Tử muốn cho dân muôn đời sau, có pháp lệ, cho nên bỏ việc xa, mà giữ việc gần. Đàm Tử thì chê là từ Xuyên Húc đến nay không biết chép xa, mà chỉ chép gần. Đó là Thánh nhân cố ý, để chiết Trung (lấy phần giữa) vậy. Như Khổng Tử đã nói, thế gọi là chọn điều phải mà theo. Có phải thế chăng.

八月晉荀吳帥師滅陸渾之戎

BÁT NGUYỆT, TẤN, TUÂN NGÔ, SUẤT SƯ, DIỆT LỤC HỒN CHI NHUNG

THÁNG TÁM. TUÂN NGÔ NƯỚC TẤN CẦM QUÂN DIỆT RỢ NHUNG NƯỚC LỤC HỒN

Tả Thị. Tấn Hầu sai Đồ Khoái sang nước Chu xin phép tế thần trên bờ sông Lạc và trên núi Tam Đồ. Trành Hoằng bảo Lưu Tử (vị Khanh tại triều Chu) rằng: Khách, ra dáng hung mạnh, không phải là ý muốn xin tế lễ, mà là ý muốn đánh rợ Nhung chăng. Rợ Lục Hồn rất thân với nước Sở, tất bị đánh vì cớ đó. Xin ngài sửa soạn chống với Nhung. Thế là sửa soạn phòng thủ đối với rợ Nhung. Tháng 9, ngày Đinh Mão, Tấn Tuân Ngô cầm quân, lội qua bến sông Cức, sai vị chủ tế dùng tam sinh tế ở đất Lạc. Người Lục Hồn không biết gì. Quân đội Tấn theo sau chủ tế. Đến ngày Canh Ngọ, diệt rợ Lục Hồn, lấy cớ là Lục Hồn đã phản Tấn theo Sở. Chủ rợ Lục Hồn chạy tới nước Sở. Dân Lục

Hồn chạy tới đất của thiên tử là đất Cam Lộc. Lính thiên tử bắt nhiều làm tù binh. Tuyên Tử mộng thấy Văn Công dắt tay mình, và trao Lục Hồn cho mình. Thế là Tuyên Tử sai Mục Tử cầm quân. Diệt xong, làm lễ hiến phù (hiến tù binh) tại miếu Văn Công.

冬有星孛于大辰

ĐÔNG, HỮU TINH BỘT VU ĐẠI THẦN

MÙA ĐÔNG, CÓ SAO CHỔI HIỆN RA TRONG KHOẢNG SAO ĐẠI THẦN

Tả Thị - Mùa đông, có sao Chổi hiện ra, trong khoảng sao đại thần, phía Tây cho tới sông Ngân. Đại phu Lỗ là Thân Tu nói: "Sao Chổi là cái chổi quét cũ để bầy mới, tiêu biểu ý định của trời. Nay một sao Chổi quét nơi sao Hỏa, khi buổi chiều, sao Hỏa hiện, là có lửa. Tôi đoán ở nhiều nước chư hầu sẽ có cháy. Tử Thân nói: Năm ngoái, tôi đã thấy sao Chổi. Sao Hỏa hiện chỉ là báo hiệu sẽ có sao Chổi. Khi sao Hỏa mọc, là sao Chổi hiện. Năm nay, sao Hỏa vừa mọc, thì sao Chổi đã sáng rực. Chắc rằng sao Chổi sẽ lặn khi nào sao Hỏa lặn. Vậy thế là sao Chổi ở với sao Hỏa rất lâu. Có đúng thế không. Sao Hỏa mọc nhiều ngày tháng ba, theo lịch nhà Hạ, tháng tư theo lịch nhà Thương, tháng năm theo lịch nhà Chu. Cách tính lịch của nhà Hạ, đúng mùa hơn cả.

Nếu sao gây hại, thì có bốn nước bị, bốn nước ở vào khoảng sao Hỏa là: Tống, Vệ, Trần, Trịnh. Tống ở giữa. Trần là đất của Thái Hiệu trước. Trịnh là đất của Chúc Dung trước. Ba nước ấy ở khoảng sao Hỏa và sao Phòng. Sao Chổi thì ăn tới sông Ngân. Sông Ngân thuộc thủy. Vệ là đất của Xuyên Húc, vào khoảng sao Đại Thủy. Nước là âm. Hỏa là dương Thủy hoa tới ngày hợp là Bính Tí, hoặc Nhâm Ngọ là sinh tai họa. Nếu sao Hỏa lặn, thì sao Chổi phải biến, chắc vào ngày Nhâm Ngọ, tức là tháng năm lịch nhà Hạ, tháng mà sao Hỏa mọc buổi chiều.

Trịnh Tì Táo nói chuyện với Tử Sản rằng: Tống, Vệ, Trần,

Trịnh tất cùng ngày có họa. Nếu ta dùng bình ngọc, chén ngọc, tế giải, thì tránh được họa. Tử Sản không nghe.

Công Thị - Bột là sao Chổi, Tuệ tinh. Chép ở Đại Thần, nghĩa là ở khoảng sao Đại Thần là gì, là Hỏa, là Phạt, là sao Bắc Thần. Sao lại chép. Vì chép một việc lạ.

Cốc Thị - Ở khoảng sao Đại Thần, nghĩa là lâm vào khoảng Đại Thần.

Dư Quang - Quý Thị nói rằng, thời cổ làm lịch xét mặt trời, mặt trăng và sao, quan trọng về công việc của dân theo các mùa, cho nên các tiết ấm, mát, nóng, lạnh phải cho đúng, rồi sau có các biến đổi thời tiết mới định đoạt cho vào loại thường được. Thời có khi trái ngược, thì sự sinh sống, chăn nuôi cũng trái. Khí có khí hung, độc, thì sự tà nguy, dâm quái, cũng sinh ra. Đâu có phải là việc nhỏ. Cho nên, thánh nhân, sửa chính là để hợp với lẽ trời. Vua tôi nuôi đức không dám chăm. Xem xét bách công, nói rõ các việc nên làm. Ta có thể thấy các điểm quan trọng, ta xét công việc từng mùa được. Chứ đâu có phải chỉ là hư văn. Đến như tên các vì sao, thì hoặc đặt theo hình, hoặc theo vị trí, hoặc lấy việc, hoặc lấy người. Sao vốn không có tên. Nhân hình tượng mà được đặt. Trên khác với Tam viên "các sao Thái Vi, Tử Vi, Thiên Nhị", dưới chia ra với các sao, cốt để rõ thể hình của trời, về đúng đường đi mặt trời. Xưa không có dự định việc chiêm nghiệm, cho nên không nói đến sự ứng nghiệm, thế mà sự ứng nghiệm vẫn cứ có. Đến thời Xuân Thu, mới bắt đầu, lấy sao Thần làm Thương Tinh, sao Sâm làm Tấn Tinh, sao Long làm Tống, Trịnh Tinh, sao Thuần Hỏa làm Chu Phận mà mới có lối chia cương vị các vị sao.

Rồi lần lần đến thời Chiến quốc, các bọn du thuyết tuyên truyền, phụ họa thêm những lời mê dối dân chúng. Phàm chiêm nghiệm hay, dở đều cứ lấy tên sao làm chủ nào có biết đâu là tên sao đặt ra không có gì cẩu thả, mà việc đời biến đổi không cùng, không phải một chữ tên sao mà chép định đoạt cả được. Có khi lời bàn không thể nghe được, mà cứ lấy ý nghĩ riêng tìm hiểu, ngẫu nhiên đúng, thì cho ngay là nghĩa của trời đất như thế. Vậy tiên vương thì cốt dạy người các điều cần biết về mùa, thế mà rồi bọn thuật

số xuyên tạc ý nghĩa đi. Như sao chổi mọc, khí hung hiện làm hại như thế nào đã rõ ràng lắm. Thế mà trong nhà vua, đích thứ tranh dành năm năm về sau là sự ngẫu nhiên, chứ có phải là kết quả ứng nghiệm phải như thế đâu.

楚人及吳戰于長岸

SỞ NHÂN CẬP NGÔ CHIẾN VU TRƯỜNG NGẠN

NGƯỜI SỞ CÙNG NGÔ ĐÁNH NHAU TẠI ĐẤT TRƯỜNG NGẠN (ĐẤT THUỘC SỞ)

Tả Thị - Nước Ngô, đánh nước Sở. Dương Cái làm Lệnh Doãn, bói rùa, trước khi ra trận, quẻ không tốt. Tư Mã là Tử Ngư, nói: Ta ở về thượng lưu khúc sông, sao lại không tốt? Vả lại ở Sở ta, theo cổ tục thì Tư Mã bói. Vậy tôi xin bói lại. Mới đặt câu hỏi: Tôi tên là Phường (Tử Ngư) và thuộc tướng ra trận, nếu chết rồi, quan đội cũng nối tiếp đánh giặc, liệu có đại thắng được không? Bói được quẻ tốt. Trận bày ở Trường Ngạn. Trước tiên Tử Ngư chết trận. Quân đội cứ đánh, và đánh đại bại được quân Ngô, lấy được chiếc thuyền to có tiếng tên là thuyền Dư Hoàng, kéo ra khỏi sông, giao cho quân đội Tùy (cùng cánh quân Sở tới sau) được canh giữ. Đào chung quanh thuyền một lạch, thông với sông, chứa đầy than củi (để đốt khi cần) rồi đợi lệnh.

Công tử Quang nước Ngô, nói với quân rằng: "Ta mất chiếc tàu của vua ta đã ngự. Không phải chỉ một mình tôi chịu trách nhiệm. Các người đều có phần cả. Tôi muốn mượn tay các người để lấy lại chiếc tàu, thế là các người tránh cho tôi tội chết". Quân đội đều nghe theo. Công tử Quang chọn lấy ba người râu dài dậm (như người Sở) bảo ẩn núp quanh tàu, hễ khi nghe hô tiếng Dư Hoàng, thì kêu trả lời. Đến đêm, quân đội Ngô tìm ba người, kêu ba lần, được ba lần trả lời. Quân Sở, nghe tìm tới, giết được cả ba, nhưng hàng ngũ thành lộn xộn. Quân Ngô đại thắng, lấy lại thuyền Dư Hoàng, kéo về.

Công Thị - Dùng bộ tốt không gọi là chiến. Đây sao chép là chiến. Vì hai bên đối địch.

Cốc Thị - Hai bên cùng là di địch. Chép chữ bại, thua.

Người Trung Quốc đánh nhau với di địch, cũng dùng chữ bại. Người Sở, người Ngô đánh nhau ở Trường Ngạn, có ý nâng Sở Tử lên, cho nên chép là chiến.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói, nâng Sở Tử cho nên dùng chữ chiến. Nói thế không phải. Chiến thì nói là chiến. Bại thì nói là bại. Cứ gì không phải Ngô, Sở mới dùng chữ ấy.

Năm Đinh Sửu. Vua Cảnh Vương, năm thứ 21.

十有八年

THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 18

Tấn Khoảnh, năm thứ 2. Tề Cảnh, năm thứ 24. Vệ Linh, năm thứ 11. Sái Bình, năm thứ 6. Trịnh Định, năm thứ 6. Tào Bình, năm thứ 4. Trần Huệ, năm thứ 6. Kỉ Bình, năm thứ 12. Tống Nguyên, năm thứ 8. Tần Ai, năm thứ 13. Sở Bình, năm thứ 5. Ngô Liêu, năm thứ 3.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 18. Mùa xuân. Vương. Tháng hai. Ngày Ất Mão. Ở trong đất nhà Chu, Mao Đắc giết Mao Bá tên là Quá rồi thay ngôi (làm Bá đất Mao). Thành Hoằng nói: Mao Đắc rồi mất ngôi. Xưa, cùng ngày vua Côn Ngô ác đến cực, nay cùng ngày Ất Mão thì Mao Đắc, ác cũng đến cực, mà ở ngay trong đất thiên tử, còn đợi gì mà không mất ngôi, phải trốn chạy.

王三月曹伯須卒

VƯƠNG, TAM NGUYỆT, TÀO BÁ TU TỐT

VƯƠNG, THÁNG BA, TÀO BÁ TÊN LÀ TU MẤT

Tả Thị - Tháng ba, Tào Bình Công mất.

夏 五 月 壬 午 宋 衛 陳 鄭 災

HẠ, NGŨ NGUYỆT, NHÂM NGỌ, TỐNG, VỆ, TRẦN, TRỊNH TAI

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY NHÂM NGỌ, CÁC NƯỚC TỐNG, VỆ, TRẦN, TRỊNH CÓ HỎA TAI

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5 tối, sao hỏa mọc. Ngày Bính Tí, gió to. Lỗ Tử Thân nói: Gió này gọi là dung phong (gió đông bắc, sẽ đem lửa tới). Bảy ngày nữa là có cháy. Ngày Mậu Dần, gió rất to. Ngày Nhâm Ngọ to hơn nữa. Thế là Tống, Vệ, Trần, Trịnh đều có cháy. Tử Thận trèo lên kho lúa Đại Đình để coi, và nói: Vài ngày nữa Tống, Vệ, Trần, Trịnh sẽ cho sứ đến báo cháy.

Bì Táo nước Trịnh nói: Không dùng lời tôi, Trịnh còn cháy nữa. Dân Trịnh xin thi hành lời Bì Táo. Tử Sản không cho. Tử Thái Thúc nói: Đồ bảo vật là để che chở cho dân. Nếu còn cháy, thì kinh đô đến tan. Xin dùng bảo vật để ngăn tan. Ngài còn tiếc làm gì. Tử Sản nói: Đạo trời xa. Đạo người gần. Vậy biết thế nào được đạo trời. Táo biết thế nào được. Chỉ là đa ngôn nói nhiều, cũng có câu tự nhiên trúng. Tử Sản không cho ngọc. Mà rồi cũng không có cháy nữa.

Trước khi có cháy ở Trịnh, Lí Tích đã có báo cáo Tử Sản rằng: Đã thấy điềm trước, tai họa rồi tới. Kinh đô bị thiệt nhiều. Dân lo sợ. Tôi chết trước, không sống tới lúc tai họa. Hay là nên thiên đô chăng. Tử Sản nói: Dù chắc chắn có tai họa, tôi cũng không đủ quyết định thiên đô. Khi cháy thì Lí Tích chết rồi. Chưa chôn. Tử Sản cho ba mươi người đem đòn tới khiêng cữu đi tránh nạn. Lửa bốc cháy. Một con và một cháu vua Tấn tới cửa đông. Tử Sản vội sai người xin đừng vào. Rồi cho quan Tư Khấu, dời hết bọn ngoại quốc mới tới ra ngoài thành. Còn hạng khách đã tới làm ăn từ lâu rồi, thì phải ai ở đâu cứ ở đấy.

Sai Tử Quan và Tử Thượng coi xét nơi có rào ngăn vẫn dùng để làm thịt tam sinh cúng tế, coi xét từ đó cho tới miếu cũ nhất của nước Trịnh để giữ cho lửa khỏi tràn vào. Sai Công Tôn Đằng

dời Linh Quy (rùa bói) ra chỗ khác. Sai Chúc Sử chuyển đến miếu Lệ Vương, các hòm đựng đồ ngọc, và các thần chủ các vua Trịnh, cùng báo cáo với các tiên quân. Ra lệnh cho các quan giữ kho, giữ phủ, phải giữ kĩ các đồ vật, người nào có trách nhiệm người ấy. Thương Thành Công khuyến khích bọn hoạn quan đưa hết cung nhân ra ngoài đặt vào nơi xa lửa.

Các quan Tư Mã và Tư Khấu đặt quân theo đường lửa cháy, rồi đi tới khắp các nơi có cháy. Ra lệnh cho quân ở dưới thành phải lên mặt thành từng đội năm người (để canh trộm cướp). Hôm sau, các quan Hình Bộ ở các xứ ngoài kinh đô phải trông nom dân địa phương. Còn dân ở gần cõi ngoại ô, được lệnh giúp các quan Chúc Sử, quét dọn đàn phía bắc. Rồi tế Huyền Minh, thần nước và Hồi Lộc, thần lửa. Bốn phía thành đều có lễ thần. Các nhà bị cháy đều được ghi, để được nhận đồ chẩn cứu và về sau được miễn thuế dịch. Trong ba ngày kêu khóc, chiêu hồn, không họp chợ. Sứ thần sai phái đi các nước báo tai. Ở nước Tống và nước Vệ, hành động đều như nước Trịnh. Nước Trần thì không có cứu hỏa. Nước Hứa thì không điếu tai. Vì thế, người quân tử biết rằng, hai nước Trần, Hứa sẽ mất trước các chư hầu.

Công Thị - Sao lại chép. Chép việc lạ. Có gì là lạ. Lạ ở chỗ cùng ngày mà đều cháy. Việc lạ ở nước ngoài không chép. Đây sao lại chép. Chính là vì thiên hạ mà chép việc lạ.

Cốc Thị - Chép cùng việc lại cùng ngày. Hoặc nói rằng, có người bảo Tử Sản, ngày ấy sẽ có hỏa tai. Tử Sản bảo, trời là thần, người làm sao mà biết được. Rồi người ấy, cùng một ngày làm cho bốn nước có tai.

Lưu Sưởng - Bốn nước cùng ngày cùng tai. Không phải sức người làm ra. Cốc Lương thì nói có người bảo Tử Sản rằng ngày mỗ có cháy. Tử Sản bảo trời là thần, người sao biết được. Người ấy cùng ngày làm cho bốn nước có tai. Nói thế không phải là có trí. Sao lại cho là một thuyết được.

Xét - Bốn nước đều tới báo cáo hỏa tai. Cho nên Xuân Thu chép việc. Đỗ Thị cũng ghi như thế. Tuy nhiên, cùng ngày, mà bốn nước cùng tai, thì thực là quá. Thuyết của Công thị, thuyết của Cốc Thị đều cứ chép cả.

六 月 鄒 人 入 鄅

LỤC NGUYỆT, CHÂU NHÂN NHẬP VŨ

THÁNG SÁU, QUÂN NƯỚC CHÂU VÀO ĐÔ NƯỚC VŨ

Tả Thị - Tháng sáu, dân nước Vũ đang cấy lúa ở ruộng Tịch điền. Quân nước Châu đánh úp vào quốc đô nước Vũ. Dân Vũ muốn đóng cửa thành. Một quân Châu tên là Dương la chém chết ngay. Thế là quân đội Châu vào thành, bắt cả dân làm tù binh đem về Châu. Vua nước Vũ khi đó ở ngoài thành, không bị bắt nói: Ta không còn nơi nào về ở được nữa. Cả gia đình đã bị bắt. Thế là theo vợ con sang Châu. Vua Châu trả lại vợ, nhưng giữ con gái.

Triệu Bằng Phi - Nước nhỏ đời Xuân Thu, y như loài phong mại (bò cạp), phơi nắng, được khô ráo, mới nhả ra được chất độc. Vua nước Châu thấy bị Lỗ xén cắt nhiều đất đai, nay tạm yên ấm, mới nghĩ đến nhả độc. Nước Vũ dám có thù gì với nước Châu đâu. Châu nhân lúc Vũ vô tình, vô bị, cho quân vào cướp bóc để bù lại trước kia bị mất đất Vận, đất Cối, ruộng Khoách, lấy ở chỗ nọ để bù vào chỗ kia. Thật là đáng chê. Cho nên chép người nước Châu vào đô nước Vũ, chép là người, là vào, là khinh lắm.

秋 葬 曹 平 公

THU, TÁNG TÀO BÌNH CÔNG

MÙA THU, LỄ TÁNG TÀO BÌNH CÔNG

Tả Thị - Mùa thu, táng Tào Bình Công. Sứ thần Lỗ có dự, nhân gặp Nguyên Bá (vua nước Nguyên) có chức quan ở triều Chu tên là Lỗ. Cùng nói chuyện, nhận thấy Lỗ ghét việc học. Khi về Lỗ, nói chuyện lại với Mẫn Tử Mã. Mã nói: Thế là nhà Chu loạn đến nơi. Chắc là nhiều người cùng nghĩ như thế, rồi sau mới đến tai các quan. Các quan vì đã thấy mấy người học giả có hành vi sai lạc, mới sinh ra nghi hoặc. Đã nghi hoặc thì tự nói là học không cần, không có học cũng không ngại. Đã nghĩ là không hại, thì thôi không học nữa. Hành động thành

ra không có quy tắc. Thế là kẻ dưới khinh nhờn người trên, người trên không làm đúng phận sự. Sao mà không loạn. Học để mà nuôi trí. Đã không có sự học, thì sự hành phải sai lạc. Họ Nguyên đến lúc tuyệt.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 7. Tử Sản nước Trịnh, muốn tránh hỏa hoạn về sau, mới làm tế xã trọng thể, rồi cho tế lễ trong toàn quốc, để trừ hỏa tai. Như thế là phải.

Tử Sản duyệt binh, định tập hợp quân đội. Cho nên cần san phẳng một khoảng đất ở ngoài thành. Miếu nhà họ Tử Thái Thúc thì ở phía nam đường đi, mà nhà ở thì phía bắc đường đi. Giữa miếu và nhà, thì sân nhỏ không được rộng. Hạn định cho phu dịch có ba ngày. Tử Thái Thúc họp lại phía nam con đường rồi bảo: Tử Sản ra lệnh san phẳng cho nhanh, trước mặt trên đường đi, bất cứ nhà nào cũng san phẳng. Tử Sản vào triều, đường đi qua đám phu dịch. Thấy làm chậm chạp không bằng lòng. Phu dịch mới bắt đầu phá miếu. Tử Sản vừa tới, thấy, vội sai người ngăn, và bảo phá phía bắc thôi (nơi nhà Tử Thái Thúc).

Ngày mà có hỏa tai, thì Tử Sản có phát binh khí cho quân đội, truyền cho lên cả bờ thành. Tử Thái Thúc có nói: Tấn tướng ta sửa soạn đánh, sẽ đem quân tới hỏi. Tử Sản nói: Tôi nghe nói, nếu một nước nhác việc ngự địch, thì sẽ nguy. Huống chi có hỏa hoạn, sao mà không nguy. Nếu một nước còn kể là một nước, thì phải phòng địch. Sau đó ít lâu, một tướng Tấn ở ngoài biên Trịnh, Tấn, có cho trách Trịnh: Khi nước Trịnh có tai nạn, thì vua quan nước Tấn không dám ở yên: Bói rùa, bói dịch; tế lễ thần núi, thần sông. Đồ lễ như tam sinh, châu ngọc, không dám tiếc. Vua tôi lo lắng. Nay thấy tướng quốc Trịnh vội phát binh khí cho quân đội, sai lên mặt thành, định đánh giặc nào thế. Dân ngoài biên lo ngại, dám xin hỏi ngài. Tử Sản trả lời: Cứ theo lời ông nói thì họa hoạn nước tôi đã làm cho vua Tấn lo buồn. Chính trị nước tôi dở, trời cho tai nạn. Chúng tôi lại lo, bọn tiểu nhân, nhân dịp gợi lòng tham của nhiều người, rồi lại gây thêm họa cho nước tôi, như thế vua Tấn ngài lại thêm lo. Chúng tôi mà chưa chết thì còn có thể nói chuyện, giải thích được. Nếu không may, chúng tôi chết đi, thì vua Tấn còn lo buồn

đến đâu, chúng tôi cũng không còn nữa. Trịnh ngoài Tấn còn có lân bang khác, nhưng khi cần thì Trịnh chỉ nhờ Tấn. Chúng tôi đã thờ Tấn, dám đâu có nhị tâm.

冬許遷于白羽

ĐÔNG, HỨA THIÊN VU BẠCH VŨ

MÙA ĐÔNG, NƯỚC HỨA THIÊN ĐÔ TỚI ẤP BẠCH VŨ (ĐẤT SỞ)

Tả Thị - Sở Tả Doãn là Vương Tử Thắng nói với vua Sở rằng: Nước Hứa là thù với nước Trịnh. Dân Hứa ở trên đất Diệp (nước Sở) thôi không đi lại với Trịnh nữa. Nếu Trịnh đánh Hứa thì Tấn giúp Trịnh. Sở sẽ mất đất. Nhà vua sao không thiên dân Hứa đến gần kinh đô ta. Chúng chưa trung với Sở. Ngày nay, Trịnh có chính trị tốt. Dân Hứa nói: Xưa, chúng ta thuộc Trịnh. Còn dân Trịnh thì nói: Dân Hứa đã là tù binh của ta, và nước Hứa đã thành một ấp của ta. Diệp, trong nước Sở, ngoài Phương Thành, làm phên dậu cho ta. Không nên để nước ta bị mất đất, cho dân Hứa thành tù binh. Không nên gây nước thù. Xin nhà vua nghĩ cho.

Vua Sở nghe lời. Mùa đông, sai Vương Tử Thắng thiên dân Hứa tới đất Tích, xưa gọi là Bạch Vũ.

Đỗ Dự - Từ đất Diệp thiên đi.

Năm Mậu Dần. Vua Cảnh Vương, năm thứ 22.

十有九年

THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 19

Tấn Khoảnh, năm thứ 3. Tề Cảnh, năm thứ 25. Vệ Linh, năm thứ 12. Sái Bình, năm thứ 7. Trịnh Định, năm thứ 7. Tào Điệu Công Ngọ, năm đầu. Trần Huệ, năm thứ 7. Kỉ Bình, năm thứ 13. Tống Nguyên, năm thứ 9. Tần Ai, năm thứ 14. Sở Bình, năm thứ 6. Ngô Liêu, năm thứ 4.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 19, mùa xuân, chức quan Công Chính nước Sở là Xích thiên dân đất Âm đến đất Hạ Âm, Lệnh Doãn là Tử Hà xây thành Giáp. Lỗ đại phu Thúc Tôn Chiêu Tử nói: Sở thế là thôi, không vào hàng chư hầu nữa. Chỉ biết xây thành đắp thành quách để cha con truyền ngôi cho nhau thôi.

Vua Sở khi còn là Thái Tử, .có ở đất Sái. Chức Phong nhân ở ấp Kích Dương nước Sái, có người con gái, tự hiến, rồi sinh ra Thái tử Kiến con lớn Bình Vương. Khi Bình Vương lên ngôi, phong cho Ngũ Xa làm thầy Thái tử, và Phí Vô Cực làm phó. Thái Tử Kiến không ưa Vô Cực. Vô Cực muốn hại Thái Tử. Mới tâu với vua nên lấy vợ cho Thái Tử. Vua nghe, hỏi con gái nước Tần. Vô Cực được cùng đi đón dâu, nỉ non khuyên vua chiếm lấy làm vợ mình. Tháng giêng, phu nhân Doanh thị từ Tần tới Sở.

宋 公 伐 邾

TỐNG CÔNG PHẠT CHÂU

VUA TỐNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Vợ vua nước Vũ là con gái Hướng Thú nước Tống. Cho nên, Hướng Ninh con trai Hướng Thú xin đánh nước Châu. Tháng hai, Tống Công đánh Châu, vây ấp Trùng. Tháng ba, lấy ấp Trùng, thả hết tù binh nước Vũ trước bị Châu bắt. Người nước Châu, nước Nghê, nước Từ, hội với Tống Công, ngày Ất Hợi, xin thề ở ấp Trùng (ở nước Châu).

Gia Huyền Ông - Phàm chép tước, mà chép là xâm, là phạt, phần nhiều là chê. Đây là sau khi quân Châu vào nước Vũ mà chép. Tống Công phạt Châu, thế là khen Tống Công đánh kẻ có tội.

夏五月戊辰許世子止弒其君買

HẠ, NGŨ NGUYỆT, MẬU THÌN, HỨA THẾ TỬ CHỈ THÍ KÌ QUÂN MÃI

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY MẬU THÌN, THẾ TỬ NƯỚC HỨA TÊN LÀ CHỈ GIẾT VUA BỐ TÊN LÀ MÃI

Tả Thị - Mùa hạ, Hứa Điệu Công ốm, lên cơn sốt. Tháng năm, ngày Mậu Thìn, vua uống chén thuốc. Thế Tử bưng cho, rồi chết. Thế Tử chạy trốn sang Tấn, sử chép là giết vua. Người quân tử bàn: Người mà tận tâm tận lực thờ vua, thì phải biết để cho thầy thuốc phần việc cho uống thuốc.

Cốc Thị - Chép ngày bị giết, thế là chết chính thức. Chết chính thức, mà chép là thí, là trách Chỉ. Chỉ có nói: Tôi không nối ngôi mang tiếng giết. Nhường cho em là Hủy. Ngày đêm than khóc, chỉ ăn cháo, không ăn cơm, chưa qua năm chết. Cho nên, người quân tử, vì thấy Chỉ tự trách mình mới trách Chỉ.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bàn, giết mà chép ngày giết là chết chính. Bàn thế sai. Châu Hu, Vô Tri, Đốc, Vạn, Thương Thần, Triệu Thuẫn, Quy Sinh, Hạ Trưng Thư, Thôi Trữ, Ninh Hỉ, bọn đó giết vua, đều có chép ngày, có thể gọi là chính việc chết được không. Xuân Thu mà khen hay chê, há có phải là không sáng suốt, rõ ràng, mà cứ phải dùng đến lệ chép ngày, chép tháng mới hiểu được đâu. Thế là câu nệ, không thông hiểu.

Xét - Chỉ ở nước Hứa, giết vua. Ba Truyện bàn không giống nhau. Nhưng cùng cho là không phải thí giết. Mà Công Dương xét câu nói của Chỉ, tha tội cho Chỉ, luận bàn có phần xác đáng. Xét Chỉ mà không phải là thí, giết, thì cứ đem so các việc xảy ra, có thể biết được. Xuân Thu ghi thế tử giết vua tất cả có ba: Sở Thương Thần, Sái Ban, đều giết xong là lên ngôi vua. Riêng Chỉ thì không lên ngôi. Cứ so sánh điều ấy thì có thể biết sự thực. Hứa với Trần và Sái đều gần Sở nhất. Sở Kiền mượn tiếng là thảo tặc, là đánh giặc, để diệt Trần và Sái, Sao Khí Tật riêng trừ Hứa ra không hỏi đến. Huống Sái đã được thiên tới Bạch Vũ. Sở đưa Hứa lại gần kinh đô. Vậy cứ so các việc mà xét, thì

biết được rõ ràng là Chỉ không giết. Thánh nhân sở dĩ chép chữ thí, tức là cho Điệu Công chết bởi uống thuốc thế tử đưa cho, thì Chỉ tuy rằng không giết, nhưng cái tội giết vua, Chỉ không sao biện bạch được. Vậy dùng chữ thí, để dạy cách làm tôi con cho thiên hạ. Bọn nhà nho, phân vân, bảo là Chỉ đưa thuốc độc cho vua uống để giết vua, bảo thế là quá. Tả Thị cho là Chỉ chạy trốn sang Tấn. Cốc Lương chép là Chỉ không qua năm chết. Hai thuyết không giống nhau. Nay không khảo cứu đâu hơn được, vậy hãy chép cả.

己卯地震

KỈ MÃO ĐỊA CHẤN

NGÀY KỈ MÃO, ĐỘNG ĐẤT

Phụ lục Tả Truyện - Vua Sở cho đóng thuyền, lập một đạo chu sư để đi đánh đất Bộc (đất của xứ Nam Di). Phí Vô Cực nói với Sở Tử rằng: Các chư hầu theo bá chủ Tấn đều ở phía bắc nước Sở. Sở ta ở xa, không được ai biết đến. Sở không thể tranh đấu với Tấn. Nếu ta xây dựng thành Thành Phủ cho kiên cố, mà đặt Thái Tử làm chủ, Sở sẽ giao hiếu rộng về phương bắc. Còn nhà vua thì coi phương nam. Như thế thiên hạ sẽ về nhà vua. Vua Sở nghe theo. Thái tử Kiến tới ở Thành Phủ. Lệnh Doãn Tử Hà sang Tần lễ sính, về việc đã cho con gái làm phu nhân vua Sở.

Bộc theo các sách chú thích, thì không rõ lắm. Nay chỉ ức đoán là ở vào tây nam nước Sở.

秋齊高發帥師伐莒

THU, TỀ, CAO PHÁT SUẤT SƯ PHẠT CỬ

MÙA THU, CAO PHÁT NƯỚC TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thị - Mùa thu. Cao Phát nước Tề cầm quân đánh nước Cử. Vua Cử chạy tới một ấp nước Cử là Kỉ Chương. Phát sai Tôn Thư đánh ấp.

Xưa, nước Cử có hai vợ chồng. Vua Cử giết người chồng. Vợ

ở góa. Về già, tới ở đất Kỉ Chương. Người đó se một dây thừng dài bằng bề cao thành, rồi cất đi. Khi quân vua Cử tới đóng, một đêm, người đàn bà dòng dây xuống. Quân Tề tiến dẫn tới Tử Chiêm (Tôn Thư). Tử Chiêm mới cho quân leo dây lên, được 60 tên thì dây mới đứt. Thế là ở dưới reo hò, ở trên cũng reo hò lên. Cử Cung Công hoảng sợ, mở cửa tây chạy. Tháng bảy, ngày Bính Tí, quân Tề vào ấp Kỉ Chương.

冬 葬 許 悼 公

ĐÔNG, TÁNG HỨA ĐIỆU CÔNG

MÙA ĐÔNG, LỄ TÁNG HỨA ĐIỆU CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm đó, Tử Yển, (Tử Du) nước Trịnh mất. Tử Du lấy con gái một đại phu nước Tấn. Con là Ti hãy còn bé. Bọn phụ huynh cao tuổi bầu làm chủ họ một người chú Tử Du tên là Tử Hà, Tử Sản ghét Tử Hà, mà cho sự bầu chọn thế là trái, không thường. Không ưng thuận, nhưng không ngăn cấm. Họ Tứ lo. Ít lâu sau, Ti nói với cậu, là họ nhà mẹ ở Tấn. Mùa đông, người Tấn cho sứ đem đồ tặng tới Trịnh, và hỏi sao Tử Khất (Tử Hà) được lập, chứ không lập con Tử Du. Họ Tứ sợ. Tử Khất muốn chạy trốn. Tử Sản không cho phép đi. Tử Khất xin bói rùa. Tử Sản cũng không cho. Các đại phu bàn luận để đáp sứ giả. Tử Sản không đợi luận bàn xong, đáp ngay rằng: Trời không tựa nước Trịnh, nhiều vị quan chết về dịch lệ, các con lại yểu nhiều. Vừa đây chúng tôi mới mất đại phu Tử Du. Con còn bé. Các phụ huynh trong họ sợ thiếu người cúng tế gia miếu, sau một kì trong gia tộc thảo luận, đều chọn một người cao tuổi. Vua tôi và các đại phu có nói: Quả thật là trời muốn gây rối trong họ này. Ta biết sao được mà xét việc này. Tục ngữ có câu: Đừng đi qua cửa một nhà đang bối rối. Một nhà dân mà có việc lôi thôi, giáo mác đụng chạm, còn kiêng không nên đi qua, huống hồ loạn từ trời gây nên. Đại phu nay muốn biết nguyên nhân sự biến trong họ Tứ. Vua tôi cũng không dám hỏi biết, thì còn ai dám xét. Trong hội Bình Khưu, vua Tấn muốn thảo luận lại minh ước cũ, vì e rằng một vài chư hầu quên nhác phận sự. Nếu trong các đại phu của quả quân chúng tôi có vị

thất lộc, thì các đại phu nước Tấn có tự cho quyền coi xét ai thay không. Nếu thực tế, Trịnh sẽ chỉ là một ấp của nước Tấn, đâu còn là một nước chư hầu.

Tử Sản từ không nhận đồ lễ, rồi cho sứ sang Tấn đáp lễ. Đại phu Tấn cũng xếp chuyện đó.

Người Sở xây thành Châu Lai cho kiên cố thêm. Thẩm Doãn Thú nói: Người Sở tất thua. Trước nước Ngô diệt nước Châu Lai, Tử Kì xin đánh Ngô, vua Sở lúc đó nói: Ta chưa làm cho dân yên được, vậy chưa nên nghĩ đến chiến sự. Nay dân vẫn còn trong tình trạng cũ. Xây thành Châu Lai là khích Ngô. Sao mà không thua. Tả Hữu nói: Vua thi ơn nhiều không ngừng. Từ năm năm nay dân được nghỉ. Có thể nói là dân đã yên. Thú trả lời: Tôi nghe nói, vua mà làm cho dân yên, là phải dè dùng, đừng xa phí bên trong, mà phải vun trồng đức bên ngoài. Dân vui sống không giặc cướp, thù địch. Nay, cung đài xây dựng không ngừng, dân lúc nào cũng hồi hộp. Vì bị phu dịch, nhiều kẻ bỏ nước, để khỏi chết, mất ăn mất ngủ, thế không phải là được yên.

Trịnh bị lụt to. Ở ngoài cửa thành Thời môn, trong vực sông Vị, thấy có rồng đánh nhau. Dân xin tế các thần núi sông. Tử Sản không cho, nói: Khi chúng ta đánh nhau, thì rồng có để ý đến đâu. Khi chúng nó đánh nhau, sao ta lại để ý đến. Thôi ta cứ theo đủ hình thức lễ chúng ở đây, để chúng trở lại hang hốc chúng. Ta có đòi hỏi gì đâu. Mà chúng cũng chẳng đòi hỏi gì ta..

Sở Lệnh Doãn Tử Hà nói với vua Sở về việc Quệ Do, em vua Ngô, bị giam giữ ở Sở: Quệ Do có làm gì nên tội. Tục ngữ có câu: Trong nhà thì giận dỗi, ra đến chợ, mặt cứ hầm hầm. Đó là trường hợp của Sở ta. Ta cũng nên bỏ việc tức giận trước đi. Vua Sở nghe, cho Quệ Do về Ngô.

Công Thị - Giặc chưa làm tội, sao đã chép lễ táng. Vì không hẳn là giết, là thí. Tại sao. Vì Chỉ đưa thuốc, thuốc giết. Chép là Chỉ giết, là trách đạo làm con chưa đúng hẳn. Nhạc Chính Tử Xuân trông nom bố có bệnh, thì tự thấy cho ăn thêm như khỏi bệnh, cho ăn bớt, như khỏi bệnh, mặc thêm

áo như khỏi bệnh, cởi bớt áo như khỏi bệnh. Còn Chỉ đưa thuốc, thấy là thuốc giết. Thế cho nên người quân tử cho là giết, nói rằng: Hứa Thế Tử tên là Chỉ giết vua tên là Mãi. Thế là người quân tử nghe Chỉ nói. Còn như chép lễ chôn Hứa Điệu Công, đó là người quân tử tha cho Chỉ. Đã tha cho Chỉ tức là câu văn miễn tội Chỉ.

Cốc Thị - Chép ngày chết, chép mùa chôn, không cho là Chỉ giết bố. Con đã sinh ra, ăn uống không đủ là tội người mẹ. Lớn lên, không được giao cho thầy dạy, là tội người cha. Đã tới thầy, mà học lại không có phương pháp, tâm không thông, trí không hiểu, là tội ở bản thân. Tâm và trí đã thông mà không nghe tiếng đồn, là tội ở bạn. Danh tiếng đã đồn đi, mà quan Hữu tư không cất nhắc, là tội ở quan Hữu tư. Quan Hữu tư đã cất nhắc, mà vua không dùng là lỗi ở vua. Hứa Thế Tử không biết nếm thuốc trước khi dâng lên vua uống, để hại đến vua Hứa.

Gia Huyễn Ông - Hoặc hỏi rằng: Sái Ban giết vua Sái Cảnh, Hứa Chỉ giết vua Sái Điệu, đều chép lễ chôn. Hai việc khác nhau, hay giống nhau. Đáp: Cách giết đã khác, thì táng sao lại giống được.

Diêu Thuấn Mục - Chép là Điệu Công bị giết, rõ việc thế tử Chỉ giết vua, đó là tính cách cẩn nghiêm của Xuân Thu. Chép lễ chôn Điệu Công, rõ là thế tử Chỉ không có việc giết vua, đó là tính cách trung thứ của Xuân Thu.

Năm Kỉ Mão. Vua Cảnh Lương, năm thứ 23.

二十年

NHỊ THẬP NIÊN

NĂM THỨ 20

Tấn Khoảng, năm thứ 4. Tề Cảnh, năm thứ 26. Vệ Linh, năm thứ 13. Sái Bình, năm thứ 8. Trịnh Định, năm thứ 8. Tào Điệu, năm thứ 2. Trần Huệ, năm thứ 8. Kỉ Bình, năm thứ 14. Tống Nguyên, năm thứ 10. Tần Ai, năm thứ 15. Sở Bình, năm thứ 7. Ngô Liêu, năm thứ 5.

春王正月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 20, Mùa xuân, Vương, Tháng hai, ngày Kỉ Sửu. Coi mặt trời buổi trưa, đúng đông chí. Tử Thận nước Lỗ nhìn mây đoán: Năm nay nước Tống có loạn. Nước gần nguy. Hết ba năm, tai nạn mới hết. Còn Sái thì có đại tang. Thúc Tôn Chiêu Tử nói: Thế tức là tai nạn cho con cháu Đái Công và Hoàn Công, hai vua xa xỉ, và thậm vô lễ. Loạn tự đó.

Phí Vô Cực nói với vua Sở rằng: Kiến và Ngũ Xa muốn hợp tất cả dân ngoài kinh đô làm phản, tưởng như ngang với các nước Tống, Trịnh lại được các nước Tề, giúp vào để hại Sở. Mưu đương thi hành. Vua Sở nghe tin ngay. Hỏi Ngũ Xa. Ngũ Xa nói: Làm một điều lỗi đã là quá rồi (tranh vợ của con). Sao nay còn nghe lời gièm. Vua sai bắt giam Ngũ Xa và mệnh cho Phấn Dương, chức Tư Mã ấp Thành Phủ phải giết thái tử Kiến. Phấn Dương trước khi tới bắt, cho người báo trước để Kiến chạy. Tháng ba, Kiến chạy sang nước Tống.

Vua cho gọi Phấn Dương. Phấn Dương tự trói mình rồi sai người Thành Phủ dẫn đến vua. Vua hỏi: Lời ở mồm ta ra, chỉ vào tai ngươi. Ai đã báo cho Kiến. Phấn Dương nói: Chính là thần. Vua đã mệnh cho thần thờ Kiến như thờ ngài. Thần bất tài, đã không thay đổi được tâm trí, chỉ biết tuân mệnh ban lúc ban đầu. Không nỡ tuân lệnh sau, cho nên đã để Kiến thoát. Việc xong thần hối không kịp. Vua hỏi: Sao còn dám tới đây. Phấn Dương nói: Ngài đã sai một việc, thần đã không làm xong. Triệu mà không tới, thế là hai tội. Nếu thần trốn thì trốn đi đâu được. Vua nói: Thôi cứ về, làm việc như cũ.

Ngày khác, Vô Cực nói với vua Sở: Các con Ngũ Xa có tài. Chúng mà ở nước Ngô thì sẽ phiền cho nước Sở. Sao không gọi chúng về, hứa hẹn tha cho bố chúng. Vua Sở mới cho sứ gọi bảo rằng: Nếu các ngươi tới, thì ta tha tội cho bố. Con lớn Xa là Thượng trấn thủ đất Đường nói với em là Viên rằng: Em đi sang nước Ngô đi, anh về Sở để chịu chết. Tài của anh không bằng

em. Anh thì xin chết, còn em thì báo được. Người ta bảo là vua chịu tha cho cha, vậy anh không thể không về Sở được. Khi người thân bị giết, thì không thể không nghĩ báo thù. Chạy đến đất chết để cho bố được tha, đó là đạo hiếu. Đã có ý chí thì phải có hành động, đó là đạo quân. Chọn con đường phận sự theo khả năng, đó là trí. Biết là chết mà không tránh thế là dũng. Cha thì không thể bỏ được. Nhưng cũng không thể diệt cả tên họ được. Vậy em cố gắng, đừng theo anh. Ngũ Thượng về Sở. Xa thấy Viên không về nói: Vua quan Sở từ nay mất ăn mất ngủ. Hai bố con bị giết. Viên đi tới nước Ngô, trình bày với Châu Hu lợi đánh Sở. Công tử Quang nói: Cha anh Viên bị giết. Viên muốn báo thù, ta không nên nghe. Viên tự nghĩ: Quang có chí khác rồi. Lúc này ta cần tìm cho Quang ít dũng sĩ, còn ta cần ra ở biên giới đợi thời. Viên mới tiến dẫn cho công tử Quang một tên Chuyên Chư, còn mình thì ra ở ngoài biên giới làm vườn ruộng.

Đỗ Dự - Năm đó, ngày mùng một buổi sớm là đông chí. Nên nói tháng giêng, ngày Kỉ Sửu, mùng một đông chí. Năm trước, nhà làm sử quên tháng nhuận, nhuận lại đặt sai vào tháng hai sau, cho nên kinh cứ theo sử mà chép tháng giêng. Truyện lại đặt đông chí vào tháng hai, để lịch khỏi sai.

夏 曹 公 孫 會 自 夢 出 奔 宋

HẠ, TÀO, CÔNG TÔN HỘI TỰ MỘNG, XUẤT BÔN TỐNG

MÙA HẠ, CÔNG TÔN MỘNG NƯỚC TÀO, TỪ ẤP MỘNG, (ẤP NƯỚC TÀO) CHẠY TRỐN ĐẾN NƯỚC TỐNG

Phụ lục Tả Truyện - Nguyên Công, vua nước Tống, người tính hạnh không đáng tin, mà có nhiều thân cận riêng, ghét họ Hoa và họ Hướng. Hoa Định và Hoa Hợi mưu bàn với Hướng Ninh: Bỏ nước đi còn hơn là bị chết, ta nên làm trước. Hoa Hợi đã bệnh, để cho các công tử tới nhà thăm. Công tử nào là con vua, thì bắt liền. Mùa hạ tháng sáu, ngày Bính Thân, giết công tử Dần, công tử Ngự Nhung. Công tử Chu, công tử Cố, công tử Viên, Công Tôn Định. Bắt giam vào trong vựa thóc ở nhà. Hướng

Thằng và Hướng Hàng (về bè với Nguyên Công). Công tới nhà họ Hoa xin cho hai người, cũng bị bắt luôn. Ngày Quý Mão, giữ làm con tin, Loan là Thế tử, Thìn là em cùng mẹ với Nguyên Công, và công tử Địa. Nguyên Công sau khi đã kí minh ước với họ Hoa, cũng giữ làm con tin con Hoa Hợi là Vô Thích, La là con Hướng Ninh và Khải là con Hoa Định.

Công Thị - Chạy trốn, xưa nay không có chép từ đâu. Đây chép từ Mộng, sao vậy. Vì là phản bạn. Sao không chép là phản bạn. Vì kiêng cho con cháu công tử Hỉ Thời, Xuân Thu vì người hiền mà kiêng. Công tử Hiền vì việc nhường ngôi. Tào Bá Lư, mất tại kinh sư, không biết công tử Hỉ Thời có đi theo không, công tử Phụ Sô có đi theo không. Dù ở trong nước, dù ở kinh sư, công tử Hỉ Thời thấy công tử Phụ Sô cho là đáng làm vua, mới ung dung rút lui. Công tử Hỉ Thời hiền là phải. Nhưng sao lại kiêng cho Công Tôn Hội. Người quân tử khen người hay, thì khen nhiều, ghét người xấu thì ghét ít. Ghét người xấu thì chỉ ghét người đó. Khen người hay thì nghĩ cả đến con cháu. Người hiền đến con cháu cũng được người quân tử kiêng tránh cho.

Cốc Thị - Chép, từ ấp Mộng, thì biết là ở ấp Mộng chuyên quyền. Nước Tào không có đại phu, mà chép là Công Tôn là tại sao. Chép theo chức vị quý, chứ không kể đến việc phản bạn.

Lưu Sưởng - Thời Xuân Thu, bầy tôi ở ấp mà chuyên quyền, thì hay phản bạn. Ở ấp mà sai được dân, thì hay át quyền vua. Tang Vũ Trọng có thể gọi là người có trí. Thế mà còn giữ ấp Phòng, mong con cháu lâu dài ở Lỗ. Cho nên Khổng Tử chê. Cho là có tội, là bất hiếu, là không ở bậc thánh mà dám làm phép cho đời.

Bất hiếu thì không có người thân. Không phải thánh thì không làm phép cho đời. Đã áp bức vua, thì không biết có người trên. Phạm ba điều ấy là đi vào con đường đại loạn.

Cho nên xét kĩ việc Công Tôn Quy Phủ tới ấp Sanh rồi chạy tới nước Tề, Công Tôn Hội từ ấp Mộng chạy tới nước Tống, hai người còn hiền hơn Tang Vũ Trọng nhiều lắm. Công Dương nói là vì con cháu Hỉ Thời mà kiêng, Công Dương nói thế là bậy. Cứ nghĩa Xuân Thu, thì hay dở, đều cứ tùy việc mà khuyên răn, đâu lại có lệ khen ông Tổ điều hay, mà phải kiêng nói điều dở

cho con cháu. Vả lại khi nào kiêng điều lỗi cho người hay, chỉ là có ý: nhỏ không đủ làm hại được lớn, ngắn không đủ hủy bỏ được dài, để có thể hoàn thành cái đẹp của người hay. Đến như điều bậy lớn, như phản vua, như chuyên quyền giữ ấp riêng, thế là trái nghĩa tôi con, thế là làm loạn luân thường, thế thì còn kiêng cho thế nào được. Nếu cứ phải nói hay cả cho con cháu, thì ra tội cũng cứ phải kiêng, nếu thế thì sao Quản, Sái đã bị xử tử. Cứ lấy đó mà xét, thì câu bàn rằng kiêng vì công tử Hỉ Thời, câu bàn ấy lấy nghĩa từ đâu? Cốc Lương bàn rằng: Từ ấp Mộng. Thế biết là ở ấp Mộng chuyên quyền. Nước Tào không có đại phu, thế mà chép Công Tôn là chỉ lấy chức vị quý, chứ không lấy ý phản bạn. Cốc Lương bàn thế bậy. Bầy tôi mà không phản vua là sự thường rồi. Đã là sự thường thì còn gì mà khen.

秋 盜 搬 衛 侯 之 兄 縶

THU, ĐẠO SÁT VỆ HẦU CHI HUYNH TRẬP

MÙA THU, CƯỚP GIẾT ANH VỆ HẦU TÊN LÀ TRẬP

Tả Thị - Công Mạnh Trập nước Vệ khinh rẻ Tề Báo, cất chức Tư Khấu, lấy lại cả ấp Quyến. Đến khi có việc quân, thì lại trả cho chức, trả cho ấp. Đến khi hết việc thì lại lấy lại cả. Công Mạnh ghét Bắc Cung Hỉ và Chử sư Phố (chử sư là chức chủ chợ) muốn đuổi đi.

Công tử Chiêu thông với Tương phu nhân là Tuyên Khương, sợ mới định gây loạn. Thế là Tề Báo, Bắc Cung Hỉ, Chử sư Phố, công tử Chiêu gây loạn.

Xưa, Tề Báo tiến dẫn Tông Lỗ cho Công Mạnh, giữ chức Tham Thặng. Khi sắp làm loạn, Tề Báo bảo Tông Lỗ: Công Mạnh không tốt, ông đã biết. Đừng nên cùng xe, tôi sẽ giết hắn. Tông Lỗ nói: Nhờ ngài mà tôi được hầu Công Mạnh. Tin lời ngài, Công Mạnh không bỏ tôi. Dù không phải là người tốt mà tôi cũng biết, thì tôi không bỏ được. Vì lợi lộc mà bỏ là có lỗi. Huống nay nghe có nạn mà trốn, thế là ngài tiến dẫn người không đáng. Nếu ngài làm việc gì phải, xin giúp ngài đến chết. Nhưng bây giờ thì xin chết với Công Mạnh. Như thế mới phải.

Ngày Bính Thìn, Vệ Hầu đương ở Bình Thọ (ấp nước Vệ). Công Mạnh mắc việc ở ngoài cửa Cái Hoạch, một cửa thành nước Vệ. Người nhà họ Tề căng trướng ở ngoài cổng, tập hợp giáp binh, sai viên Chúc Sử tên là Oa đặt giáo mác trên xe chất củi để chặn cổng vào. Một chiến xa được lệnh theo sát Công Mạnh. Hoa Tề đánh xe, Tông Lỗ tham thặng. Khi xe tới một khúc quanh, thì một người họ Tề cầm giáo đâm vào Công Mạnh, Tông Lỗ giơ lưng ra đỡ. Giáo xuyên qua cánh tay Tông Lỗ và vai Công Mạnh. Hai người cùng chết.

Vua Vệ nghe tin biến, cho ra roi ngựa vào thành qua cửa Duyệt Môn, Khánh Tị đánh xe. Công Nam Sở tham thặng. Hoa Dần đi xe sau. Khi đoàn xe về tới cung, thì Hồng Lưu Đồi lên xe phụ cho Tham Thặng. Vua cho khuân chở các đồ quý lên xe, rồi đi ra. Chức Chử Sử là Tử Thân gặp vua ở ngã ba Mã Lộ, theo vua ngay. Khi xe qua nhà họ Tề, vua sai Hoa Dần trần vai áo, tỏ ý không tới đánh và cầm trong tay một đồ vật để che người cho vua. Một người họ Tề bắn vào vua thì trúng lưng Nam Sở, vua ra khỏi. Dần đóng cổng thành, nhảy qua thành rồi theo vua. Vua đi tới Tử Điểu, đất nước Vệ. Buổi chiều, Tích Chu chui qua lỗ hổng tường thành, đi bộ rồi theo vua.

Vua Tề sai Công Tôn Thanh tới Vệ lễ sính. Giữa đường, nghe Vệ biến loạn, Thanh cho người về hỏi vua Tề nên tới đâu. Vua Tề bảo: Vua Vệ hãy còn ở trong đất nước, hãy còn là vua, cứ tới. Thanh mới tới Tử Điểu, yết kiến vua Vệ, xin trình việc sứ. Vua Vệ từ chối rằng: Tôi bất tài, đang trốn tránh, không giữ được xã tắc, nay ở nơi thảo mãng, không còn chỗ để cho ông làm tròn sứ mệnh. Thanh nói: Quả quân tôi ở giữa triều có ra lệnh cho tôi, xin tới làm chức quan hạ thần của nhà vua. Tôi không dám sai mệnh. Vua Vệ nói: Nếu vua Tề huệ cố đến tình giao hảo các tiên quân Tề và Vệ, mà còn có lòng chiếu lâm đến tệ quốc, cho xã tắc được vững bền hơn, thì hãy còn Thái miếu là nơi đón sứ. Sứ Tề đành thôi không dám xin nữa.

Vua Vệ cố xin gặp riêng sứ Tề. Không được. Sứ Tề tặng ngựa tốt, nhưng không dám yết kiến riêng, vì chưa xong việc sứ. Vua Vệ cho giong ngựa vào xe vua dùng. Sứ muốn tự canh đêm. Vua

Vệ từ chối nói: Những mối lo âu của người đương tránh nạn không nên để liên lụy đến quan sứ. Trong nơi thảo mãng, tôi không đáng được các tùy tùng của ông săn sóc. Vậy dám xin từ chối. Thanh đáp: Vua tôi sai hạ thần tới coi xe dắt ngựa cho ngài. Nếu tôi không được trông coi, thì như là trái lệnh, e là có lỗi và bị trừng phạt. Dám xin được canh gác, để khỏi bị hình phạt. Thế là Tề sứ Thanh tự cầm mỏ suốt đêm cùng với quân canh cầm đuốc.

Viên chức Tể ở nhà họ Tề là Cừ Tử mời Bắc Cung Tử (Hỉ) tới bàn chuyện. Viên Tể của họ Bắc Cung không dự bàn. Mới nhất quyết giết Cừ Tử và thừa lệnh Bắc Cung đánh họ Tề, diệt cả họ. Ngày Đinh Tị, cuối tháng, vua Vệ vào thành, có kí minh ước với Bắc Cung Hỉ trên bờ sông Bành. Mùa thu, tháng bảy, ngày Mậu Ngọ, mùng một, thề với quốc dân. Tháng tám, ngày Tân Hợi, công tử Chiêu, Chử sư Phố, Tử Ngọc Tiêu Tử Cao Phường, chạy trốn tới nước Tấn. Tháng nhuận, ngày Mậu Thìn, Tuyên Khương bị hành hình. Vệ Hầu ban cho Bắc Cung Hỉ thụy hiệu là Trinh Tử, ban cho Tích Chu thụy hiệu là Thành Tử và cho đất lăng tẩm họ Tề.

Vệ Hầu báo cáo cho nước Tề biết là nước Vệ đã được yên, và khen Tử Thạch (Công Tôn Khanh). Khi nhận được báo cáo, thì vua Tề sắp uống, mới sai rót rượu cho các đại phu và nói: Các đại phu coi đó mà bắt chước. Uyển Hà từ chối chén rượu và nói: Nếu chúng tôi vì Thanh mà cùng được thưởng, thì sẽ cùng Thanh bị tội, nếu có tội. Trong thiên Khang Cáo có nói: Nếu con em có tội, thì hình phạt không lây đến cha anh. Cha anh bị tội, hình phạt không lây đến con em. Huống chi quần thần, đâu dám lãnh thưởng vì công một người, trái với pháp lệ tiên vương đã định.

Cầm Chương nghe tin Tống Lỗ chết muốn đi điếu. Trọng Ni nói: Đó là đứa cướp đã giết Tề Báo, là đứa giặc đã giết Mạnh Trập anh vua. Sao lại điếu. Người quân tử không ăn nhờ kẻ gian, không theo loạn, không vì lợi đi làm việc không phải, mà nguy đến thân, không phản ai, cũng không bao dung kẻ bất nghĩa, không làm việc gì trái với lễ.

Công Thị - Anh cùng mẹ gọi là anh. Anh sao không được nối ngôi. Là vì có tật, mà lại là ác tật.

Cốc Thị - Chép là cướp, tức là chỉ hạng hèn hạ. Chép anh là anh cùng mẹ. Chép tước Vệ Hầu là ý Vệ Hầu có liên lụy. Sao lại không được nối ngôi. Vì có ác tật không được vào nhà Thái miếu. Chiếp là gì (Cốc Thị viết chữ Trập ra chữ Chiếp). Là chân có tật: khiễng chân.

Tôn Phục - Anh cùng mẹ với vua Vệ, mà để cho cướp giết được, thế là Vệ Hầu thiếu hình chính, cho nên chép: Anh Vệ Hầu tên là Trập, để rõ cái không phải mà đáng chê.

冬 十 月 宋 華 亥 向 寧 華 定 出 奔 陳

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TỐNG HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, XUẤT BÔN TRẦN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, TỐNG HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Loạn Hoa, Hướng nước Tống, công tử Thành, Công Tôn Kị, Nhạc Xá, Tư Mã Cương, Hướng Nghi, Hướng Trịnh, Sở Kiến (con lớn của vua Sở trốn ở Tống), Nghê Thân, chạy trốn tới nước Trịnh (về phe nhà vua). Đảng của họ cùng họ Hoa đánh nhau ở Quỷ Diêm. Tử Thành bị thua, chạy sang nước Tấn. (Rồi hòa. Họ Hoa, họ Hướng cho con làm con tin, bên vua cho Thế tử làm con tin). Hoa Hợi và vợ, trước bữa cơm, đều rửa tay, bưng đồ ăn tới các Công tử ở làm con tin. Mỗi ngày, Tống Công cùng phu nhân, sang nhà họ Hoa cho các Công tử ăn rồi mới về. Họ Hoa lo ngại, muốn cho các Công tử về. Hướng Ninh nói: Chỉ vì vua tính không thể tin được, cho nên ông mới bắt con làm con tin. Nếu ông cho về thì ông sẽ chóng bị chết.

Tống Công bảo Hoa Phí Toại đánh họ Hoa. Hoa Phí Toại nói: Thần không dám tham sống, nhưng tưởng là bớt được một bệnh, chỉ là thêm bệnh, thần lấy làm lo ngại. Cho nên không dám tuân mệnh.

Tống Công nói: Con tôi sống chết có mệnh. Tôi không thể

chịu nhục được nữa. Mùa đông tháng 10. Công giết các con tin của Hoa Hướng, rồi đem quân đánh. Ngày Mậu Thìn, Hoa, Hướng chạy trốn sang nước Trần. Hoa Đăng con Hoa Phí Toại (ghét Công) chạy trốn sang nước Ngô. Hướng Ninh muốn giết Thái tử. Hoa Hợi nói: Chống lại vua, bỏ đi. Lại còn giết con vua, thì còn ai dung ta. Vả lại, cho nó về, thì ta lại được tiếng. Hai người mới sai Khanh (em Hoa Hợi, giữ chức Thiếu Tư Khấu) đưa ba Công tử về cho vua và bảo Khanh rằng: ông đã có tuổi, ông không thể thờ vua nước khác được. Đem ba Công tử này về có thể ông được khỏi tội. Khi các Công tử vào triều rồi, Hoa Khanh sắp ra khỏi cửa thì vua Tống bước tới, cầm tay nói: Tôi biết ông không có tội, cứ về giữ chức cũ.

Gia Huyền Ông - Chép ba vị Khanh, cùng ngày đi trốn, không trách riêng gì họ Hoa, họ Hướng, mà vua cũng có tội.

Quý Bản - Trần với Tống là hai nước thù địch. Ba đại phu chạy trốn, muốn nhờ nước Trần để làm loạn thì Tống nguy.

十 有 一 月 辛 卯 蔡 侯 盧 卒

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TÂN MÃO, SÁI HẦU LƯ TỐT

THÁNG 11, NGÀY TÂN MÃO, SÁI HẦU TÊN LÀ LƯ MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Tề Hầu bị bệnh sốt cách nhật, rồi thành kinh niên, hết một năm chưa khỏi. Tấn khách ở các chư hầu tới thăm đông. Tề, Lượng Khưu Cứ và Duệ Khoản nói với vua Tề: "Chúng tôi đã tế thần linh nhiều lần, và hậu hơn mọi lần. Bệnh nhà vua làm cho các chư hầu lo ngại. Chính là tội quan Chúc, quan Sử, các vua không biết nguyên nhân đó, cứ tưởng rằng, chúng tôi thiếu lễ với thần linh". Sao nhà vua không trị tội Chúc, Sử, để còn có thể trả lời tân khách". Nhà vua nghi. Nói với Án Tử, Án Tử nói: "Ngày Tống hội thề, Sở Khuất Kiến hỏi Tấn Triệu Vũ, về đức của Phạm Hội". Triệu Vũ nói: Phu Tử (Phạm Hội) trị gia rất khéo. Khi bàn luận với vua Tấn thì tỏ hết tình ý, không có câu nào vị lợi riêng. Trong khi tế tự, các vị Chúc khi trình khấn đến Phu Tử thì không phải thêm bớt. Vậy việc trong gia đình không

có gì là nghi ngại, việc tế lễ, Chúc Sử không còn cầu xin thêm gì nữa riêng về phần Phu Tử. Kiến nói chuyện lại với Khang Vương vua Sở. Vua Sở nói: Thần và người không oán. Chả trách đã giúp được năm vua Tấn làm bá chủ".

Tể Hầu lại nói: Cứ vào Khoản bảo là tôi bất kính thần, cho nên muốn giết Chúc Sử. Sao ông lại kể lại những lời Triệu Vũ. Án Anh nói: "Nếu vua mà có đức, nếu không bỏ một việc gì, việc trong cũng như việc ngoài thì Chúc Sử khi khấn lại với thần, đều được cứ thật mà khấn, không có gì phải ngượng. Thế là thần phải hưởng, phải ra phúc cho nước, Chúc Sử cũng có phần được nhờ. Vậy một nước được phong phú, hưng thịnh, là nhờ ở đức nhà vua, mà Chúc Sử đã cứ thực trình bày. Nhưng nếu gặp phải vua dâm bậy, đi xa đường thẳng, việc trong cũng như việc ngoài, gây oán cho thần nhân, hành động dâm ngược, theo tư dục, tùy sở thích, xây cất đài cao, ao sâu, ca vũ luôn, kiệt sức dân, hết của dân, chả còn nghĩ gì đến đời sau, bạo ngược dâm túng, xa xỉ vô độ, không biết sợ, không biết hối, không cần dư luận, không ngại quỷ thần. Dân khổ, thần oán, mà cũng không sửa đổi. Như thế khi khấn thần linh, Chúc Sử cứ phải trình bày sự thực. Nếu lại bịa đặt các việc hay, không có, thì phải dối trá. Dối trá để mong được lòng thần linh. Như thế, thần không hưởng lễ, rồi rắc họa cho nước. Chúc và Sử cũng có phần bị hại. Thường thấy nhiều người chết non, nhiều trẻ không nuôi được, ốm đau, cô quả. Những tai nạn ấy sinh ra bởi vua xấu. Chúc và Sử chính vì dối trá đã ngạo mạn thần linh. Vua Tề nói: Vậy phải làm thế nào. Án Anh nói: Không nên nghe người khuyên vua giết Chúc Sử. Cây trên rừng núi thì có quan chức Hành lộc trông coi. Tranh (gianh) sậy hồ ao, thì có quan chức là Chu Giao trông coi. Cỏ lau các đầm vũng thì có quan chức là Ngu Hầu trông coi. Muối sò, hến bể thì có quan chức là Kì Vọng trông coi (ý nói vua lấy hết, dân còn gì). Dân các ấp và biên giới phải phục dịch không công. Dân ở các cửa quan đóng thuế nặng, còn gì là tư sản. Thừa tự của các đại phu mất cả chức lộc được hưởng, vì có người khác hối lộ chiếm được. Lệnh ban ra không theo quy củ gì. Thuế không có hạn định. Lâu đài xây dựng thay đổi

luôn. Ca nhạc dâm bôn không thấy chán. Bế thiếp, sủng thiếp cho lấy cướp của người buôn bán. Ngoài biên, bọn sủng thần giả lệnh trên tha hồ tham nhũng. Nếu dân có ai không chịu cung cấp thì bị buộc vào tội. Dân khổ. Đàn ông, đàn bà đều oán. Đối với quỷ thần, thì cầu nguyện vẫn được phúc, mà nguyền rủa vẫn sinh họa. Đi từ đất Liêu Nhiếp về phía đông, đi từ đất Vưu về phía tây, thấy dân đông đúc. Chúc Sử có bịa đặt việc, hay khấn khứa, bằng thế nào được ức triệu lời nguyền rủa. Trước khi xử tử Chúc Sử xin nhà vua hãy sửa đức, rồi sau sẽ hay".

Vua nghe lời. Ra lệnh cho các quan, về chính, cần khoan hồng. Thuế, công, phu dịch giảm bớt; trái khoản được gia hạn.

Tháng 12, Tề Hầu (đã khỏi bệnh) đi săn ở Bái. Cho người cầm chiếc cung, trung viên quan Ngu nhân. Ngu nhân không tới. Vua sai bắt. Ngu nhân nói: Xưa, tiên quân đi săn, cho cầm cờ triệu đại phu, cầm cung gọi sĩ quan, cầm mũ chiến gọi Ngu nhân. Thần không thấy mũ chiến, không dám tới. Vua mới tha. Trọng Ni nói: Giữ đạo không bằng giữ quan tiết. Người quân tử phải khen viên Ngu nhân đó. Đi săn về, vua Tề cùng Án Tử ở trên lầu Chuyên đài thấy Tử Do (Lương Khưu Cứ) đi vội tới. Vua nói: Chỉ tính tình của Cứ là hòa hợp với tôi. Án Tử nói: Tính tình chỉ là đồng thôi chứ không hòa. Vua nói: Hòa với đồng khác nhau ư. Đáp: Khác. Hòa thì như là bát canh. Có nước, giấm, thịt thái nhỏ, muối, rau, cá tươi, phải đủ bấy nhiêu thứ. Rồi đem đặt trên lửa. Bếp chủ cần hòa hợp các thứ đủ cân lạng cho đúng vị, biết thêm, biết bớt, tức là gia giảm. Người quân tử ăn canh, thấy tâm nhẹ nhàng bình thản. Vua và tôi cũng như thế. Trong một việc, vua cho là phải, nếu có phần nào chưa phải, thì tôi sửa ngay để đúng như ý vua. Trong việc vua cho là không phải, nếu có phần nào phải, thì tôi cần biết ngay, chọn lấy ra phần phải đó. Cứ như thế, thì chính trị mới công bằng, mới đúng lí, dân không thấy có gì trái. Cho nên Kinh Thi có câu: Cũng như việc nấu canh phải đủ thứ, gia vị cho đều. Không cần đến lời nói, mà các vị điều hòa. Không có một

ai trách móc.

Các tiên vương điều hòa năm vị, năm thanh, để cho quân bình thị dục, để cho việc cai trị hoàn hảo. Thanh cũng như vị. Một Khí (hơi thở của người). Hai thể (văn và vũ). Ba loại (thơ phong, nhã, tụng). Bốn vật (phương). Năm thanh (tiếng). Sáu luật (ống luật thổi trong ca nhạc). Bảy âm. Tám phong (gió tám phương). Chín ca (chín công việc, mỗi việc có một ca). Tất cả các thứ đó hợp lại mới hòa hảo. Trong, đục, lớn, nhỏ, ngắn, dài, chóng chầy, buồn vui, cứng mềm, nhanh chậm, cao thấp, trong ngoài, kín hở, tất cả đều được điều hòa. Người quân tử lắng tai nghe ca nhạc, được bình tâm (không thiếu thừa). Tâm đã bình thì đức được hòa. Cho nên Kinh Thi có câu: Cái tiếng đồn về đức không có chỗ sơ hở.

Nay Cứ không thế. Điều gì vua cho là phải, Cứ vâng ngay. Điều gì vua cho là trái, Cứ cũng vâng ngay. Nếu muốn điều hòa nước, lại chỉ lấy nước thôi, thì còn ai nuốt được. Nếu cầm và sắt chỉ có một âm thanh, thì ai còn muốn nghe. Thế cho nên chỉ có đồng thôi, thì không phải là hay.

Uống rượu vui, vua Tề nói: Giá thử người xưa không chết, thì vui ra sao. Án Tử đáp: Nếu người xưa không chết, thì cái vui của người xưa, nhà vua có sao được. Người đầu tiên sinh trên đất này là họ Sảng Cưu. Sau đến Quý Trắc, đến Phùng Bá Lăng, đến Bồ Cô. Bồ Cô được Thái Công chúng ta thay. Nếu người xưa không chết, thì những thích thú của Sảng Cưu đâu phải là thích thú của ngài.

Trịnh Tử Sản có bệnh, bảo con là Thái Thúc: Ta chết, con chắc thay ta. Chỉ người có đức mới lấy khoan mà phục được dân. Kém một bậc thì phải dũng mãnh. Lửa cháy to, dân trông sợ, cho nên ít chết. Nước coi dịu, dân coi thường, khinh lờn, cho nên chết nhiều. Thế là chính khoan vẫn khó. Nói xong vài tháng sau chết. Thái Thúc dùng chính khoan, không nỡ mãnh. Nước Trịnh sinh ra lắm trộm tụ tập ở bãi Hoàn Bồ. Thái Thúc nói: Ta biết nghe lời từ trước thì không đến nỗi. Đành cho quân đội tới Hoàn Bồ bắt hết trộm cướp giết đi. Trong nước mới giảm bớt.

Trọng Ni nghe chuyện nói: Hay thật. Chính khoan thì dân lờn. Thấy lờn lại phải sửa bằng chính mãnh. Mãnh thì dân hại. Thấy hại lại phải dùng chính khoan. Khoan chế mãnh. Mãnh chế khoan. Chính trị tức là dung hòa. Kinh Thi có câu: Dân bị khổ, nên làm cho yên. Ban ơn trong nước kịp đến bốn phương, thế là cần có chính khoan. Không dung kẻ càn bậy. Ngăn bất lương. Trừ bạo ác, trừ bọn không sợ phép. Thế thì cần đến chính Mãnh. Khi mềm thì xa được, gần được, ân đức thấm nhuần. Đã bình được, thì rồi hòa được. Lại có câu: Không vội vàng, không hấp tấp, không cứng, không mềm. Chính trị đều đặn. Phúc lộc tự tới. Thế là rất hòa. Khi nghe tin Tử Sản mất, Trọng Ni rỏ nước mắt nói: Còn sót lại người biết thương người là Tử Sản, nay chết mất.

Năm Canh Thìn. Vua Cảnh Vương, năm thứ 24.

二 十 有 一 年
NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 21

Tấn Khoảnh, năm thứ 5. Tề Cảnh, năm thứ 27. Vệ Linh, năm thứ 14. Sái Điệu Công Đông Quốc năm đầu. Trịnh Định, năm thứ 9. Tào Điệu, năm thứ 3. Trần Huệ, năm thứ 9. Kỉ Bình, năm thứ 15. Tống Nguyên, năm thứ 11. Tần Ai, năm thứ 16. Sở Bình, năm thứ 8. Ngô Liêu, năm thứ 6.

春
XUÂN
MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 21. Mùa xuân. Thiên tử muốn đúc một cái chuông gọi tên là Vô Xạ. Nhạc công là Châu Cưu nói: Thiên tử chắc chết về bệnh tim. Xét: Nhạc là chức vụ của thiên tử. Âm là xe để chở nhạc đi. Chuông là khí cụ để phát âm. Thiên tử cần xét tục lệ cần dùng để làm nhạc. Khí cụ thì sẵn có âm. Xe để chở nhạc. Khi những âm nhỏ,

không quá yếu, những âm to không quá mạnh, thì nhạc hòa với mọi vật. Khi đã hòa với mọi vật, thì hay mà hoàn hảo. Cho nên, âm mà hòa vật, thì lọt vào tai, và chứa giữ trong tâm. Tâm yên mà vui. Nếu âm quá nhỏ thì không tới được tâm, quá to thì không chứa được trong tâm. Tâm mà không chứa được thì sẽ động. Động sẽ sinh tật. Cái chuông này to quá. Tâm thiên tử không chứa nổi. Thiên tử còn sống lâu được không.

王三月葬蔡平公

VƯƠNG, TAM NGUYỆT, TÁNG SÁI BÌNH CÔNG

XUÂN VƯƠNG, THÁNG BA, LỄ CHÔN SÁI BÌNH CÔNG

Tả Thị - Tháng ba, lễ táng Sái Bình Công. Sái Thái tử là Chu đi đứng không đúng ngôi vị. Các đại phu dự lễ táng, khi về nước, được Chiêu Tử hỏi công việc Sái, có kể lại những điều tai nghe, mắt thấy. Chiêu Tử than rằng: Sái sắp mất. Nếu không mất thì vua cũng không được thiện chung (là không chết thường). Kinh Thi, thiên Đại Nhã có câu: Ở ngôi mà không nhác thì dân được yên vui. Vua Sái mới lên ngôi mà đi đứng ở ngôi thứ kém, thì thân thế về sau cứ kém mãi.

夏晉侯使士鞅來聘

HẠ, TẤN HẦU SỬ SĨ ƯỞNG LAI SÍNH.

MÙA HẠ, TẤN HẦU SAI SĨ ƯỞNG TỚI LỄ SÍNH

Tả Thị - Mùa hạ, Tấn Sĩ Ưởng tới sính. Thúc Tôn (Chiêu Tử) cầm quyền chính. Quý Tôn (ghen ghét) muốn cho Tấn ghét Thúc Tôn, mới bảo các quan đối đãi với Sĩ Ưởng như đối đãi với Bào Quốc nước Tề năm xưa. Sĩ Ưởng giận nói: Bào Quốc vị đã kém, lại là sứ thần nước nhỏ. Đãi tôi số lao như đãi Bào Quốc, thế là làm nhục nước Tấn (lễ một lao gồm một bò, một dê, một heo). Các quan Lỗ sợ, thêm lên bốn lao nữa, gồm mười một lao.

Đỗ Dự - Tấn Khoảnh Công lên ngôi, theo xã giao, cho thông cáo việc nối ngôi.

Hứa Hàn - Lễ giao hiếu thì bỏ dần. Tiêu phí đòi hỏi thì vô độ. Còn gì là sính lễ. Từ nay trở đi, không thấy chép lễ sính nữa.

Triệu Bằng Phi - Nước Tấn, đến đời Khoảnh Công, họ nhà Công suy dần. Sáu Khanh lấn quyền dần. Vua khoanh tay ngồi. Lên ngôi năm năm, nay mới sính chư hầu. Thế là nghiệp Bá đã đổ, chư hầu không coi là Bá nữa. Chính mình cũng biết thế, cho nên không cần gấp lễ sính. Sáu Khanh tài đức ngang nhau, ghen ghét nhau, còn nghĩ đâu đến ngoại giao, đến nối nghiệp Bá. Đáng thương. Nghiệp Bá thế là suy.

宋華亥向寧華定自陳入于宋南里以叛

TỐNG HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, TỰ TRẦN NHẬP VU TỐNG NAM LÍ DĨ BẠN

TỐNG HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, TỪ NƯỚC TRẦN VÀO NAM LÍ (ẤP NƯỚC TỐNG) ĐỂ GÂY LOẠN LÀM PHẢN

Quan Tư Mã Tống là Hoa Phí Toại có ba con là Hoa Tru, Hoa Đa Liêu và Hoa Đăng. Tru làm Thiếu Tư Mã. Đa Liêu làm Ngự Sĩ nhà vua (đánh xe). Hai người vốn không ưa nhau. Đa Liêu gièm với vua rằng: "Tru sắp đón bọn Hoa Hướng ở nước ngoài về. Đã nói đến nhiều lần". Vua nói: Quan Tư Mã vì ta mà mất một người con là Đăng. Sống chết là ở mệnh. Ta không thể làm hại người con thứ hai được. Đa Liêu nói: Nhà vua thương Tư Mã thì nhà vua đi xa đi. Nếu tránh được chết, thì có ngại gì lưu vong. Vua Tống sợ, sai thị vệ triệu một viên quan dưới quyền Tư Mã, cho uống rượu, rồi sai bảo cho Tư Mã biết. Tư Mã than rằng: Tất là tại thằng Liêu. Ta có đứa con gian, mà không giết được. Ta lại không chết được. Nay có mệnh vua, ta phải làm thế nào. Mới bàn với vua về cách cho Tru đi xa. Đồng ý sai Tru đi săn ở đất Mạnh Chư, rồi từ đây sẽ cho đi nước khác.

Vua cho Tru uống rượu, hậu tặng nhiều thứ, cả đến tùy tùng.

Quan Tư Mã đối với con (Tru) cũng như thế. Trương Cái (thuộc quan của Hoa Tru) thấy thế lấy làm lạ, tự nghĩ chắc có cớ gì khuyên Tử Bì (Hoa Tru). Tử Bì lấy kiếm dọa Nghi Liêu, tra hỏi. Nghi Liêu phải nói thực đầu đuôi câu chuyện. Trương Cái muốn giết Đa Liêu. Tử Bì nói: Quan Tư Mã đã già, đã buồn lắm về nỗi Đăng phải lưu vong. Thôi thì tôi cũng đi còn hơn làm cho ngài khổ thêm. Tháng năm, ngày Bính Thân, Tử Bì tới chào Tư Mã để đi. Trên đường gặp Đa Liêu, đánh xe cho quan Tư Mã vào triều. Trương Cái không nhịn được, cùng với Tử Bì Cừu Nhiệm và Trịnh Phiên (hai tướng của Tử Bì) giết Đa Liêu, bắt hiếp quan Tư Mã phải làm phản mà triệu bọn lưu vong. Ngày Nhâm Dần, bọn Hoa, Hướng vào Tống. Nhạc đại Tâm, Phong Phiên, Hoa Khánh, cố ngăn cản lại được ở đất Hoành. Họ Hoa chiếm được cửa Lư Môn, (quách phía đông thành Tống) và xui giục dân Nam Lí làm phản (Nam Lí ở gần). Tháng 6, ngày Canh Ngọ, dân Tống sửa lại thành quách và cửa Tang Lâm rồi cố giữ.

Công Thị - Tống Nam Lí là ở đâu. Tức là Nhân Chư (Nhân Chư là tên, gọi nơi giam giữ tù ở nước Tề).

Cốc Thị - Chép: Tự nước Trần. Vậy nước Trần có giúp. Chép chữ nhập là vào, là trong nước không ưng. Chép Tống Nam Lí tức là Tống Nam Bỉ, biên giới phía Nam. Chép chữ dĩ, lấy tức là chưa có, chưa lấy. Chép chữ bạn, là nói làm phản.

Lưu Sưởng - Vào Nam Lí nước Tống là thế nào. Tức là vào nước Tống mà ở tại Nam Lí. Là thế nào. Là ở giữa nước. Còn phản là phản ai. Hoặc bàn rằng phản Trần, hoặc bàn rằng phản Sở. Công Dương bảo, Nam Lí là Nhân Chư, Công Dương nói bậy. Tống Nam Lí là vào Tống mà ở Nam Lí, còn có gì mà nghi.

Gia Huyền Ông - Chép là phản, là chê trách kẻ gian. Hoa Hướng là thủ phạm. Bị đánh rồi chạy trốn. Trốn rồi lại trở lại, cậy sức Sở và Ngô, sẽ làm nghiêng đổ nước nhà. Hình thức phản thế là rõ rồi, cho nên chép chữ phản.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương cho Nam Lí là Nam Bỉ nước Tống. Cốc Lương sai. Phàm chép chữ bạn (phản bạn) không nói bốn phía biên giới tất phải chép tên ấp. Đây không chép

tên ấp mà lại thêm vào chữ Tống, thế tức là xóm Lí ở trong thành Tống, không sai.

Bạn là phản bạn. Bảo là thực phản mà không làm loạn. Xét ở ngoài thì cậy có Ngô, Sở, giúp sẽ làm nghiêng đổ nước nhà, vua mình suýt nữa không giữ mình nổi, thế mà còn bảo là không làm loạn.

Chép là từ nước Trần về, thế là Trần cũng có tội. Cứ như bọn bầy tôi lưu vong, mà lại vào được nước để làm loạn, nếu không có Trần đem binh lực giúp, thì không thể nào được. Tấn Tuân Ngô, hội quân các nước Tề, Vệ, Tào, để cứu Tống, thế mà không thấy chép vây Nam Lí của Tống. Như Điệu Công vây Bành Thành còn bắt đến năm đại phu về. Như Tuân Ngô cứu Tống mà tha giặc, để cho Hoa, Hướng được trốn tội bất thần, cho nên không dùng đến chữ thảo bạn: đánh kẻ phản.

秋七月壬午朔日有食之

THU, THẤT NGUYỆT, NHÂM NGỌ, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM NGỌ, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị - Mùa thu, tháng 7, ngày Nhâm Ngọ, mùng một, có nhật thực. Lỗ Công hỏi Tử Thận, đó là điềm gì. Họa hay phúc. Đáp: "Ở vào hai chí: đông chí, hạ chí và hai phân: Xuân phân, thu phân, thì nhật thực không phải là tai họa, chỉ là mặt trời, mặt trăng luân chuyển. Phân là cùng đi một con đường. Chí là xa nhau hai con đường khác. Còn như về các tháng khác mà có nhật thực mới là tai họa, vì dương hỏa không thắng, thì âm thủy mới hoành hành".

八 月 乙 亥 叔 輒 卒

BÁT NGUYỆT, ẤT HỢI, THÚC CHIẾP TỐT

THÁNG TÁM, NGÀY ẤT HỢI, THÚC CHIẾP MẤT (CON THÚC CUNG)

Tả Thị - Thấy nhật thực. Thúc Chiếp khóc. Chiêu Tử nói: Tử Chiêu sắp chết, khóc không phải việc đáng khóc. Tháng 8, Thúc Chiếp mất.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 10, Hoa Đăng cùng quân đội Ngô tới cứu họ Hoa. Ô Chi Minh nước Tề đóng đồn, giữ biên giới Tống (để chống với Ngô). Trù Nhân Bộc nói: Trong sử có dạy: khi ta đánh trước, ta có tâm thắng. Khi ta đánh sau, thì chỉ chờ bại. Nay, quân đội Ngô, mệt, chưa sửa soạn xong, thì sao ta không đánh ngay. Nếu ta đợi họ nghỉ ngơi, sửa soạn xong, thì họ Hoa sẽ có nhiều người giúp, ta hối không kịp nữa. Lời đề nghị được chấp thuận. Ngày Bính Dần, quân Tề, quân Tống đánh bại quân Ngô ở Hồng Khẩu, bắt được hai tướng là công tử Khổ Kiêm, và Yển Châu Viên. Nhưng Hoa Đăng thu tàn quân Ngô đánh bại được quân Tống. Vua Tống định chạy ra ngoài nước. Trù Nhân Bộc nói: Chúng tôi phận ti tiểu chỉ biết liều chết giữ nước, nhưng không thể theo vua lưu vong được. Xin nhà vua hãy chờ đợi. Rồi đi tuần một lượt trong thành nói với quân dân: Ai mà cầm mảnh cờ giơ lên, tức là người ấy theo vua. Dân chúng nghe cả. Công đứng trên cửa Dương Môn trông thấy cả, mới đi xuống, qua khắp các hàng quân, và nói: Nếu nước mất thì vua chết, các người cũng phải xấu hổ, lỗi không phải ở một mình ta. Ô Chi Minh nước Tề nói: Dùng từng đám quân, không bằng ta đi cả chết cùng chết. Muốn cùng chết, không gì bằng bỏ hết các chiến cụ lại. Địch có rất nhiều chiến cụ. Tôi xin đề nghị: ta một loạt chỉ dùng gươm. Đề nghị được theo. Họ Hoa quay chạy. Quân Tống đuổi theo kịp. Trù Nhân Bộc lấy áo lót quấn quanh đầu, chạy lên trước, hô to: Phải bắt được Hoa Đăng. Thế là đánh bại được họ Hoa ở Tấn Lí, ấp họ Hoa. Địch Lâu Tấn nhà ở Tấn Lí. Trận xong, Tấn cởi giáp trước mặt Công, và xin trở lại theo Công. Hoa Chẩu nhà ở ấp Công Lí cũng bắt chước theo Tấn.

Tháng 11, ngày Quý Mùi, công tử Thành với quân đội Tấn, đi tới Tống. Hàn Hồ nước Tào hợp với Tuân Ngô nước Tấn, với Uyển Hà Kị nước Tề với công tử Triêu nước Vệ, để cứu Tống. Ngày Bính Tuất, cùng với họ Hoa Chiến tại Giả Khưu (đất nước Tống). Trịnh Phiên muốn bày trận lối đàn Hạc. Ngự giả muốn bày theo lối Nga (ngỗng). Tử Lộc (Hướng Nghi) ngự giả của công tử Thành, Trang Cận giữ chức Ngự Hữu. Can Sưu đánh xe cho Lữ Phong Nhân là Hoa Báo. Hai xe gặp nhau. Thành quay lại, Hoa Báo hô lên: Thành đấy. Thành tức giận quay lại muốn bắn phát tên. Nhưng Báo đã kéo dây cung trước. Thành khấn: Bình Công (vua bố) anh linh xin giúp. Tên của Báo đi giữa khoảng Thành và Lộc. Thành vừa định gài tên thì Báo lại kéo dây. Thành kêu to, nếu không để ta bắn lại thì hèn. Báo mới rút tên ra. Thành bắn một phát giết chết Báo. Trương Cái cầm giáo nhảy xuống xe. Thành bắn một phát gẫy đùi. Cái ngã nhưng đứng dậy ngay, cầm giáo đập vỡ thùng xe. Thành bắn phát nữa giết chết. Can Sưu xin Thành bắn cho một phát. Thành nói: Ta sẽ nói với vua Tống tha cho ngươi. Sưu đáp: Trong quân, cùng hàng hoặc cùng xe mà không cùng chết là có đại tội. Đã đáng bị hình mà còn đi theo người thì vua nào dung. Xin ngài mau giết tôi đi. Thành bắn một phát giết chết. Họ Hoa thua to, bị vây ở ấp Nam Lí. Hoa Hợi vỗ ngực kêu; thấy Hoa Trư mới nói: Chúng ta thật giống họ Loan nước Tấn. Trư nói: Xin đừng làm cho tôi sợ. Có không may thì tôi mới chết sau ông.

Trư và Hợi sai Hoa Đăng sang Sở xin quân. Hoa Trư lấy 15 cỗ xe với 70 bộ tốt đưa Đăng xuyên qua quân đội Tống. Nghỉ trên bờ sông Tuy, ăn cơm rồi khóc tiễn đi. Rồi trở lại, vào được Nam Lí. Sở Vi Việt cầm quân tới gặp họ Hoa. Sở Thái Tể là Phạm can vua Sở: Xét các chư hầu, duy có ở nước Tống, là tôi biết thờ vua. Nay vua cùng tôi tranh nhau, ta mà bỏ vua, đi giúp bầy tôi, như thế có nên không. Vua nói: Ông nói chậm quá, tôi đã hứa giúp mất rồi.

冬蔡侯朱出奔楚

ĐÔNG, SÁI HẦU CHU XUẤT BÔN SỞ

MÙA ĐÔNG, VUA SÁI LÀ CHU, CHẠY TRỐN SANG NƯỚC SỞ

Tả Thị - Sái Hầu Chu chạy trốn sang nước Sở. Phí Vô Cực nhận được hối lộ của Đông Quốc (con thái tử Ẩn và là cậu Sái Hầu Chu) mới nói với dân Sái: Chu không tuân mệnh vua Sở. Vua Sở sắp lập Đông Quốc thay. Nếu dân không theo ý định vua Sở, thì quân Sở tất phải tới vây kinh thành Sái. Dân Sái sợ, đuổi Chu đi mà đặt Đông Quốc thay. Chu tố cáo với vua Sở. Sở muốn phạt dân Sái. Vô Cực nói: Bình Hầu (bố của Chu) với Sở có thề, cho nên được phong. Con Bình Hầu là Chu không trung thành với Sở, cho nên ta truất. Vua Sở Linh Vương đã giết Ẩn thái tử Sái, con Ẩn Đông Quốc chính là thay ngôi. Thái tử và ngài đều ghét Chu. Đông Quốc sẽ ơn ngài lắm. Vậy nên lập. Vả lại, sự phế lập ở Sái là tùy ở vua Sở. Dân Sái không dám có ý gì khác.

Cốc Thị - Chữ Đông (chữ Chu ở Kinh, Cốc trong chuyện chép là Đông) là Đông Quốc. Sao lại gọi là Đông. Là vì Vương Phủ dụ tới để giết Phủ bắt mà giết để tế thần. Thế là chạy trốn rồi, nay lại chạy trốn nữa, cho nên chép là đông. Ý không cho là phải mà chê đó.

Lưu Sưởng - bảo Đông là Đông Quốc, sao lại gọi là Đông. Là vì Vương Phủ dụ tới để giết. Phủ bắt để tế thần. Đã chạy trốn lại chạy trốn nữa, cho nên chép là Đông, ý không cho là phải mà chê đó. Cốc Lương bàn bậy. Ví như Trọng Ni mà muốn chê Đông Quốc, thì cứ chép là Đông Quốc, cũng đủ là chê. Nay chê một nửa tên thôi để làm gì. Nếu lấy cách chê một nửa tên để làm phép, làm lệ, thì giá như Sái Hầu chỉ tên là Đông thôi, chả lẽ lại bỏ đầu đuôi chữ Đông mà chép là Sái Hầu Điền hay sao.

公如晉至河乃復

CÔNG NHƯ TẤN CHÍ HÀ NÃI PHỤC

LỖ CÔNG SANG TẤN, TỚI SÔNG HOÀNG THÌ TRỞ LẠI

Tả Thị - Lỗ Công sang Tấn tới sông Hoàng. Nước Cổ phản Tấn và đi với Tiển Ngu, cho nên Tấn sửa soạn đánh Tiển Ngu. Vì thế cho từ tạ không tiếp vua Lỗ.

Hứa Hàn - Lỗ Công đã mất giá trị từ lâu rồi. Cho nên nước Tấn mới khinh lờn đến thế.

Cao Kháng - Lỗ suy, đi chầu nước Tề, nước Tấn, Tấn càng mạnh thì Lỗ lại càng chăm tới. Đến khi Lỗ suy quá thì Tấn lại không thèm tiếp nữa. Xuân Thu, vốn thương là nước lớn mà không biết noi theo nghĩa để cho giữ lấy mạnh.

Uông Khắc Khoan - Tấn mà đánh Tiển Ngu, không hại gì đến việc bang giao. Như Văn Công, năm thứ 3, Tấn sắp đánh Sở để cứu nước Giang, mà Lỗ Công sang Tấn. Như Thành Công, năm thứ 3. Tấn sắp đánh Tường Cao Như mà Lỗ Công cũng sang Tấn, đều không thấy Tấn vì sắp đánh nhau mà từ chối không tiếp đón. Huống hồ năm ấy mà lại từ chối, Tấn có việc gì với Tiển Ngu đâu, chẳng qua tạ sự để từ không cho Lỗ Công tới.

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN

Năm Tân Tị. Vua Cảnh Vương, năm thứ 25.

Lỗ Chiêu Công. Năm thứ 22.

二 十 有 二 年

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 22

Tấn Khoảnh, năm thứ 6. Tề Cảnh, năm thứ 28. Vệ Linh, năm thứ 15. Sái Điệu, năm thứ 2. Trịnh Định, năm thứ 10. Tào Điệu, năm thứ 4. Trần Huệ, năm thứ 10. Kỉ Bình, năm thứ 16. Tống Nguyên, năm thứ 12. Tần Ai, năm thứ 17. Sở Bình, năm thứ 9. Ngô Liêu, năm thứ 7.

春 齊 侯 伐 莒

XUÂN, TỀ HẦU PHẠT CỬ

MÙA XUÂN, TỀ HẦU ĐÁNH NƯỚC CỬ

Tả Thị - Năm thứ 22, mùa xuân. Vương, tháng hai, ngày Giáp Tí, Tề, Bắc Quách Khải đem quân phạt nước Cử. Vua nước Cử sắp ứng chiến. Uyển Dương Mục Chi can rằng: Chủ tướng Tề đã kém hèn, lại không đòi hỏi nhiều. Chi bằng ta nhường bước. Phàm nước lớn, đừng làm cho sinh giận. Vua không nghe rồi đánh thua được quân Tề tại đất Thọ Dư (đất nước Cử). Vua Tề giận, mới phạt Cử. Vua Cử xin hòa. Tư Mã Táo nước Tề sang Cử thề. Vua Cử sang Tề thề ở ngoài cửa Tắc Môn (cửa thành nước Tề). Từ đó dân Cử sinh ra oán ghét vua.

宋華亥向寧華定自宋南里出奔楚

TỐNG HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, TỰ TỐNG NAM LÍ XUẤT BÔN SỞ

HOA HỢI, HƯỚNG NINH, HOA ĐỊNH, TỪ NAM LÍ NƯỚC TỐNG, CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC SỞ

Tả Thị - Vì Việt nước Sở sai báo cáo tới nước Tống rằng: Vua Sở tôi nghe nói vua có kẻ bầy tôi không tốt, để nhà vua phải lo ngại, nhục cho tôn miếu. Vua tôi xin nhận để trừ giúp. Đáp: Tôi không may không được lòng bọn tôn tộc, lại làm cho nhà vua phải lo hộ. Giá như nước tôi có loạn, nhà vua có muốn giúp, thì tôi cũng xin theo mệnh. Tục ngữ có nói: Nơi loạn đừng có bước qua. Nếu nhà vua lại muốn giúp nước tôi, thì tôi xin đừng giúp loạn thần, thế cũng là mong lắm rồi, xin nhà vua nghĩ kĩ cho. Sở thấy từ chối, lấy làm lo ngại. Các chư hầu ở gần Tống, bàn nhau, nếu họ Hoa nước Tống biết thế nguy, thì cố đánh đến chết. Nước Sở tự xét thấy không có công gì, có lợi gì, cũng xấu hổ, rồi phải cố đánh. Như thế không có lợi gì cho chúng ta. Không bằng ta cố bắt Tống đuổi bọn họ Hoa đi, vừa được vừa lòng Sở, vừa không có tai họa gì cho Tống, thế là cứu Tống trừ hại. Ta còn muốn gì nữa.

Các chư hầu mới ép Tống đuổi đi. Tống nghe. Ngày Kị Tị Hoa Hợi, Hướng Ninh, Hoa Định, Hoa Tru, Hoa Đăng, Hoàng Yêm Thương, Tỉnh Tang, Sĩ Bình đều trốn chạy. Tống Công sai Công Tôn Kị làm Đại Tư Mã, Biên Ấn làm Đại Tư Đồ, Nhạc Kì làm Tư Thành, Trọng Cơ làm Tả Sư, Nhạc Đại Tâm làm Hữu sư, Nhạc Văn làm Đại Tư Khấu. Trong nước được yên.

Cốc Thị - Chép là: Từ đất Nam Lí nước Tống. Là rõ tính cách chuyên quyền.

Triệu Khuông - Nếu chỉ viết là xuất bôn: chạy trốn, thì cũng không khác gì nhập quốc: vào nước. Cho nên chép thêm chữ đất Nam Lí cho rõ. Cốc Lương mà cho là chuyên, thế là ý nghĩa gì.

大蒐于昌間

ĐẠI SƯU VU SƯƠNG GIAN

SĂN TẠI ĐẤT SƯƠNG GIAN

Cốc Thị - Săn về mùa thu, thì gọi là sưu. Đây là mùa xuân, sao gọi là sưu. Thế là làm việc mùa thu vào mùa xuân.

Hứa Hàn - Năm thứ 8, sưu về mùa thu. Năm thứ 11, sưu về mùa hạ. Thế là ghi các việc làm không đúng thời. Nay vì là mùa xuân lại chép sưu. Vậy phàm đời Chiêu Công, mà chép sưu, là trách đại phu lộng quyền, vua thất chính. Việc binh đao săn sóc, mà lễ nghi thì dửng dưng. Thời vua Văn Vương, nhân luân được chính bị rồi mới đến quân lữ. Triều đình có quy củ rồi, trong nước mới có kỉ luật. Dân gian ca tụng, mới sản xuất. Khi sưu, khi điền, đúng mùa, đúng phép. Về cuối thời Lỗ Chiêu Công, triều đình, nhân luân loạn đã đến cực rồi, thế mà vẫn cứ sưu, cứ điền, vậy chép là để chê trách.

Uông Khắc Khoan - Các nơi như Hồng, Tì Bồ, Sương Gian, không phải là nơi săn thường.

夏四月乙丑天王崩

HẠ, TỨ NGUYỆT, ẤT SỬU, THIÊN VƯƠNG BĂNG.

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY ẤT SỬU, THIÊN TỬ MẤT.

Tả Thị - Vương Tử Triều, Tấn Khởi, được thiên tử yêu (Cảnh Vương, nhà Chu). Vua báo Sư Phó Tân Khởi muốn lập Triều làm thái tử. Con thứ của Lưu Hiến Công là Bá Phần, phụng sự Thiện Mục Công, có ý ghét Tân Khởi (hoặc chép là Tấn Mạnh), về hành vi, quyết định giết đi; lại ghét Vương Tử Triều về ngôn ngữ ác loạn, quyết định đuổi đi. Tân Mạnh khi đi qua nền Giao thấy con gà sống, đang tự nhổ cụt lông đuôi, lấy làm lạ. Người hầu nói: Đó là gà sợ phải làm vật hi sinh (là vật để tế). Tân Mạnh nghĩ ra, về nhanh, tâu với vua, khuyên vua: "Gà sợ để cho loài người dùng làm vật tế. Người thì khác gà. Hi sinh đã đành là có dùng người. Nhưng lấy người khác hi sinh thì còn

khó, chứ đem mình hi sinh có gì là hại. Xin vua nghĩ". Vua im (ý thuận rồi).

Mùa hạ, tháng tư, đi săn ở Bắc Sơn, triều đình đi theo. Vua định nhân dịp giết Thiện Tử, cùng Lưu Tử. Nhưng bị bệnh đã lâu ngày, yếu quá, ngày Ất Sửu mất ở nhà họ Vinh Kì. Ngày Mậu Thìn, Lưu Tử Chí mất (Lưu Hiến Công). Thiện Tử lập Lưu Phần nối dõi. Tháng năm, ngày Canh Thìn vào chầu, rồi đánh Tân khởi, giết đi, họp các Vương Tử ở nhà họ Thiện để ăn thề.

Phụ lục Tả Truyện - Tấn lấy nước Cổ đã làm lễ tại Thế miếu, rồi lại cho vua Cổ về. Cổ theo Tiển Ngu phản. Tháng 6, Tuân Ngô, hành quân tại đất Đông Dương (ấp Sơn Đông nước Tấn), lén vào cửa thành Tích Dương, ngầm đem binh khí, rồi đánh úp lấy nước Cổ, bắt Cổ Tử là Diên Đề. Sai đại phu Tấn là Thiệp Đà, giữ nước Cổ.

六 月 叔 鞅 如 京 師 葬 景 王

LỤC NGUYỆT, THÚC ƯỞNG NHƯ KINH SƯ TÁNG CẢNH VƯƠNG

THÁNG 6, THÚC ƯỞNG TỚI KINH NHÀ CHU DỰ LỄ TÁNG VUA CẢNH VƯƠNG

Cao Kháng - Thiên Tử mất, Chư hầu trong thiên hạ, vị nào là không tới dự lễ táng. Vì thế để bảy tháng mới chôn, cho xa gần, ai cũng tới được, khỏi hối hận. Nay, Thiên Tử mất. Chư hầu không một vua nào tới. Lỗ thì sai Thúc Ưởng. Đã thế, mới chết ba tháng, đã táng Lễ Thiên Tử mà làm như lễ đại phu.

王 室 亂

VƯƠNG THẤT LOẠN

HỌ VUA LOẠN

Tả Thị - Ngày Đinh Tị, táng Cảnh Vương. Vương Tử Triều tập họp bọn quan lại mất chức, cùng con cháu dòng Linh Vương,

Cảnh Vương để làm loạn. Lấy quân ba ấp ở đất Chu là: Giao, Yếu, Tiễn để đuổi Lưu Tử (Lưu Bá Phẩn). Ngày Mậu Tuất, Lưu Tử chạy đến ấp Dương (đất Chu) Thiện Tử đón Điệu Vương (Tử Mãnh) đem về, đón tại Trang Cung. Đến đêm, Vương Tử Hoàn, tới đem Vương đi, lại đi tới Trang Cung, (Hoàn là đảng Tử Triều, không muốn cho Thiện Tử được Vương Mãnh, cho nên đến đem Vương Mãnh đi).

Ngày Quý Hợi, Thiện Tử rời nước đi ra (mất Vương cho nên trốn chạy). Vương Tử Hoàn cùng Thiệu Trang công mưu (Thiệu Trang Công, cùng đảng với Tử Triều): "Nếu không giết Thiện Kì (Thiện Tử) thì không thành sự. Ta mà bảo cho tới thề, tất là tới. Trái thề mà thành được việc, xưa nay vẫn có nhiều". Thiệu Trang Công nghe mưu. Phàn Khoảnh Tử nói không nên, không thắng được đâu (Phàn là cùng đảng với Thiện, Lưu).

Vương Tử Hoàn mới phụng mệnh Vương, đuổi Thiện Tử đến đất Lĩnh, đất nhà Chu, làm lễ thề trọng đại rồi về. Thề cốt cho Thiện Tử, Lưu Tử trở lại. Đổ tội cho Chí Hoang để che đậy tiếng.

Lưu Tử về ấp riêng là ấp Lưu. Thiện Tử trốn ngày Ất Sửu, chạy tới Bình Chỉ đất Chu, vốn đoán biết Vương Tử Hoàn muốn lật lọng nuốt lời thề. Các Vương Tử cùng theo đuổi. Thiện Tử giết Hoàn, cùng Cô, Phát, Nhược, Tung, Diên, Định, Trù. (Tám người là trong họ Linh Vương, Cảnh Vương, đều bị giết trong trận). Tử Triều vì đảng chết cả, chạy đến đất Kinh. Ngày Bính Dần, Thiện Tử đánh Kinh. Người Kinh chạy. Lưu Tử vào thành. Ngày Tân Mùi, Củng Giản Công thua tại Kinh. Ngày Ất Hợi Cam Bình Công cũng thua. Cả hai là Khanh Sĩ nhà Chu cùng bị Tử Triều đánh bại.

Thúc Ưởng là đại phu nước Lỗ đi dự lễ táng Cảnh Vương từ Kinh sư về Lỗ nói lại việc nhà vua loạn. Mẫn Mã Phủ đại phu Lỗ nói: Tử Triều tất là không thành việc dùng toàn hạng trời đã bỏ, hạng quan lại bị biếm truất.

Công Thị - Sao nói là họ nhà vua loạn. Nghĩa là loạn tại trong họ, chứ không ra đến ngoài.

Cốc Thị - Nói là loạn vì việc chưa thành.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo rằng không ra đến ngoài, bàn thế là sai. Nói: "Việc họ nhà vua loạn" là nói: Con đích, con thứ tranh giành nhau, loạn trong tôn tộc, cho nên không nói được là ở Kinh Đô loạn. Kinh Đô nhà Chu loạn.

劉子單子以王猛居于皇

LƯU TỬ, THIỆN TỬ, DĨ VƯƠNG MÃNH CƯ VU HOÀNG

LƯU TỬ, THIỆN TỬ ĐỂ VƯƠNG MÃNH Ở ĐẤT HOÀNG

Tả Thị - Thiện Tử muốn cáo cấp với nước Tấn. Mùa thu, tháng bảy, ngày Mậu Dần, đem Vương tới đất Bình Chỉ, rồi tới đất Phố Xa, rồi đình lại ở đất Hoàng.

Công Thị - Sao lại chép là Vương Mãnh. Là vì ở địa vị đương quốc: giữ nước.

Cốc Thị - Chữ để, có ý là không để, ý hiềm nghi.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn thế là bậy. Vương Mãnh là Vương rồi. Vì chưa qua năm, nên không gọi là Thiên Vương, Thiên Tử. Mà cũng không theo lệ chư hầu xưng là Tử, là con được. Vì sao. Vì nếu dùng riêng chữ Tử thì có khác gì nói Lỗ Tử không. Mà nếu đứng đầu các Vương Tử, thì lại cùng các Vương Tử loạn. Cho nên xưng là Vương Mãnh, rõ ràng là vị Vương đang ở thời tang. Đó là tiếng thường xưng, không còn phải nghi ngờ gì.

Cốc Lương bàn rằng Vương Mãnh nghi kị. Bàn thế bậy. Nếu Vương Mãnh nghi, thì đâu có nói được là đến ở.

Nghiêm Khải Long - Không nói là Vương Mãnh ở đất Hoàng, mà lại nói là Lưu Thiện để ở đất Hoàng, thế là Mãnh không thể tự lập được. Mỗi cử chỉ đi, về là do Lưu Thiện giúp. Sử gia cứ thực chép chứ không phải là Khổng Tử chê biếm. Bọn nho câu nệ vào một chữ (chữ dĩ: để) mà bàn tán nghĩa phế, lập, bàn tán là lấy quyền Thiên Tử để sai chư hầu, chuyên chế việc nước. Nay xét, kẻ làm nhân thần có tính trung hiếu, liều muốn chết một sống để vì việc quân vương đã phụng Vương Mãnh tới Vương thành, lại lập Kính Vương mà đuổi loạn tặc, cốt là để khi thành việc, được phép tâu cáo với các vua Văn, Vũ (cáo miếu).

Như thế đủ khỏi bị chê biếm. Thế mà chỉ lấy một chữ "dĩ: để", nghi Thánh nhân có ý gì. Xét công, luận tội, Xuân Thu đâu lại điên đảo đến thế.

Cho nên phàm câu nệ vào lời văn mà không xét thực, thường không tránh khỏi việc đảo điên. Cần phải xét cho kĩ.

Xét - Xét cách biên chép đây, hay, dở là do việc, chứ không phải đều là chê cả. Lưu Thiện để Mãnh là chính. Doãn Thiệu để Triều là tội Lưu Sưởng cho Thiện Lưu là chuyên quyền. Hồ Truyện theo Lưu Sưởng Trần Phó Lương cũng cho chữ "để" không phải là lời thường. Tất cả đều là bàn sai. Nên theo lời Nghiêm Khải Long.

秋劉子單子以王猛入于王城

THU, LƯU TỬ, THIỆN TỬ, DĨ VƯƠNG MÃNH NHẬP VU VƯƠNG THÀNH

MÙA THU, LƯU TỬ, THIỆN TỬ, ĐEM VƯƠNG MÃNH VÀO VƯƠNG THÀNH

Tả Thị - Lưu Tử đi về đất Lưu. Thiện Tử sai Vương Tử Xử (đảng Tử Mãnh) ở giữ Vương Thành, để chống lại với Tử Triều, đem quan lại trong đảng tới thề ở miếu Bình Vương, tức là Bình Cung.

Ngày Tân Mão, Tầm Hật (đảng Tử Triều) đánh đất Hoàng. Bị thua to, bị bắt, rồi ngày Nhâm Thìn bị hành hình đốt tại chợ Vương Thành.

Tháng tám, ngày Tân Dậu, Tư Đồ Xú cầm quân nhà vua bị thua tại Tiền Thành, ấp của Tử Triều. Các quan lại trong đảng mới phản. Rồi ngày Kỷ Tị đánh vào cung Thiện Thị, bị Thiện Thị đánh thua. Ngày Canh Ngọ Thiện Thị đánh lại, rồi ngày Tân Mùi, đánh Đông Ngữ.

Mùa đông tháng 11, ngày Đinh Tị, Tấn Tịch Đàm, Tuân Lịch, đem quân đất Lục Hồn, cùng quân bốn ấp: Tiêu, Hà, Ôn, Nguyên, để giúp Vương đưa về Vương Thành. Ngày Canh Thân, Thiện Tử, Lưu Phần cầm quân nhà vua bị thua to tại đất Giao, bị đảng

Tử Triều đánh. Người ấp Tiền Thành, ấp của Tử Triều, đánh thua Lục Hồn tại đất Xã, đất nhà Chu.

Công Thị - Vương Thành là đâu. Là Tây Chu. Chép vào là ý gì. Là ý thoán, cướp.

Cốc Thị - Chữ "dĩ, đem", cũng như không dĩ, không đem. Chữ vào là ý trong nước không chịu.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn Vương Thành là Tây Chu. Hà Hưu có nói được nữa Kinh sư, gọi là Tây Chu. Bàn thế là bậy, mà Hà Hưu không biết gì. Lại bàn rằng vào là ý thoán cướp. Lại bàn bậy. Thế Vương Mãnh ở đất Hoàng thì sao không dùng chữ vào. Nếu cứ nói vào là thoán thì ở đoạn dưới có chép: Thiên Vương vào thành Chu, cũng là thoán hay sao. Cốc Lương bàn vào là trong nước không nhận, bàn thế cũng sai. Nếu vào là ý trong không nhận thì khi Vương vào thành Chu, cũng không được nhận chăng.

冬 十 月 王 子 猛 卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, VƯƠNG TỬ MÃNH TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, VƯƠNG TỬ MÃNH MẤT

Tả Thị - Tháng 11, ngày Ất Dậu, Vương Tử Mãnh mất. Thế là chưa thành tang vua (Thiên Tử) được, vì dùng chữ mất, chứ không dùng chữ băng. Ngày Kỉ Sửu, Kính Vương lên ngôi, (em cùng mẹ với Mãnh) nghỉ tại nhà Tử Lữ đại phu triều Chu. Tháng 12, ngày Canh Tuất, Tấn Tịch Đàm, Tuân Lịch, Giả Tân, Tư Mã Đốc, cầm quân đóng tại các đất Âm, Hầu Thị, Khê Tuyền, Xã. Còn vương sư thì đóng tại ba ấp: Phiếm, Giải, Nhiệm Nhân.

Tháng nhuận, Tấn Cơ Di, Nhạc Chưng. Hữu Hàng Quỷ, đem quân lấy ấp Tiền Thành, đóng tại phía đông nam. Vương sư đóng tại Kinh Sở (nơi Tử Triều ở). Ngày Tân Sửu đánh Kinh, phá hủy tây nam.

Công Thị - Đây là vua chưa đầy năm. Tại sao chép là Vương Tử Mãnh tốt. Tại không cho là ở chức vị vua, ở chức vị bố chết, con nối, anh chết, em thay.

Cốc Thị - Đáng lẽ không dùng chữ tốt. Đây dùng là vì bị nghi (thất hiềm), không được nhận.

Lưu Sưởng - Công Dương thì bảo không đương được chức vị cha chết con nối, anh chết em thay, bảo thế là bậy. Trước có nói Vương Mãnh không nên viết thêm vào chữ Tử, nay lại chép Vương Tử, lúc chết lấy lễ nghi vị con, thế rõ là con vua rồi. Dùng chữ tốt là vì chưa đầy năm như Tử Xích, Tử Ban, đều dùng chữ tốt. Dùng chữ tốt thì còn được, dùng chữ hoăng thì không được.

Cốc Lương bảo rằng đây không phải là tốt, Cốc Lương nói thế là bậy. Mãnh dù chưa thành vua, nhưng bảo là con vua tốt, thì cần cáo với chư hầu. Chư hầu chưa thành vua mà đã tốt thì không chép. Cốc Lương lại bảo là vì thất hiềm, bảo thế cũng là bậy. Mãnh chưa đầy năm chưa dùng chữ băng được, mà cũng không dùng chữ hoăng được. Vậy cứ dùng chữ thường dùng là chữ tốt, thì có hiềm gì mà gọi là thất.

Lí Liêm - Cốc và Công đều bàn là vì Tử Mãnh thoán, cướp ngôi, cho nên dùng chữ tốt. Vậy không nên theo nghĩa giảng của Cốc và Công.

十有二月癸酉朔日有食之

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ DẬU, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 12, NGÀY QUÝ DẬU, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Đỗ Dự - Tháng ấy có ngày Canh Tuất. Đem lịch ra khảo cứu thì thấy ngày sóc là ngày Quý Mão. Vậy chép Quý Dậu là nhầm.

Năm Nhâm Ngọ. Vua Kính Vương, năm đầu.

二十有三年

NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 23

Tấn Khoảnh, năm thứ 7. Tề Cảnh, năm thứ 29. Vệ Linh, năm thứ 16. Sái Điệu, năm thứ 3. Trịnh Định, năm thứ 11. Tào Điệu, năm thứ 5. Trần Huệ năm thứ 11. Kỉ Bình, năm thứ 17. Tống Nguyên, năm thứ 13. Tần Ai, năm thứ 18. Sở Bình, năm thứ 10. Ngô Liêu, năm thứ 8.

春王正月叔孫舍如晉

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, THÚC TÔN XÁ NHƯ TẤN

MÙA XUÂN. VƯƠNG. THÁNG GIÊNG, THÚC TÔN XÁ SANG TẤN

癸丑叔鞅卒

QUÝ SỬU, THÚC ƯỞNG TỐT

NGÀY QUÝ SỬU, THÚC ƯỞNG MẤT

晉人執我行人叔孫舍

TẤN NHÂN CHẤP NGÃ HÀNH NHÂN THÚC TÔN XÁ

NGƯỜI TẤN BẮT QUAN HÀNH NHÂN CỦA TA LÀ THÚC TÔN XÁ

Tả Thị - Người nước Châu xây thành ấp Dực. Xây xong, về theo con đường ấp Li Cô (tức là sẽ đi qua Vũ Thành của nước Lỗ). Đại phu nước Châu là Công Tôn Thư nói: Lỗ sẽ ngăn ta, Tới Vũ Thành lại trở lại vòng theo đường núi phía nam. Ba đại phu nước Châu là Từ Sừ, Khưu Nhược, Mao Địa nói: Gặp mưa, đường sẽ lội trũng, không đi được. Thế rồi từ Ly Cô qua Vũ Thành

nước Lỗ. Người Lỗ Vũ Thành đem quân ra ngăn phía trước, rồi lấy gỗ chặn phía sau. Người Châu cứ đi. Thế là Lỗ bắt quân Châu, bắt ba tướng Châu Sừ, Nhược và Địa. Người Châu báo cáo nước Tấn. Người Tấn đem quân tới đánh. Thúc Tôn Xước là Lỗ Hành nhân, sang Tấn. Người Tấn bắt lấy. Sử chép: Người Tấn bắt quan Hành nhân của Lỗ ta là Thúc Tôn Xước. (Hành nhân là sứ giả). Người Tấn sai cùng đại phu nước Châu đối tụng. Thúc Tôn nói: Theo pháp chế nhà Chu thì vị Khanh ngang hàng với vua các chư hầu nhỏ. Châu lại là nước Di Địch. Người phó của tôi là Tử Phục Hồi hiện ở đây, xin đương việc đó. Tôi đâu dám bỏ pháp chế nhà Chu. Nói xong không chịu đối tụng. Hàn Tuyên Tử mới sai người Châu họp quân lại, định giao Thúc Tôn cho. Thúc Tôn biết tin, mới bỏ quân, bỏ tùy tùng rồi một mình vào chầu. Tấn Sĩ Cảnh Bá nói với Hàn Tuyên Tử rằng: Ngài liệu nghĩ kĩ, nếu đem Thúc Tôn giao cho kẻ thù, Thúc Tôn tất chết. Lỗ mất Thúc Tôn, tất diệt nước Châu. Vua nước Châu mất nước thì về đâu. Lúc đó ngài có hối cũng không kịp. Thế nào là minh chủ. Là để tránh kẻ trái mệnh. Nếu lại cứ cùng bắt nhau thì còn dùng minh chủ làm gì.

Thế là Tấn không giao cho Châu, cho mỗi bên ở một quán xá. Sĩ Bá nghe cả hai bên, rồi trình lại với Tuyên Tử. Thế rồi bắt cả.

Sĩ Bá coi Thúc Tôn cùng bốn người hầu đi qua quán xá người Châu để về chỗ ở (cố ý bêu xấu Thúc Tôn). Mời người Châu về trước. Sĩ Bá nói: Rơm cỏ khó kiếm, người hầu lại ít, sẽ để ông trú tại đất Cơ. Thúc Tôn đứng chờ lệnh, thế là đến quán tại Cơ. Sĩ Bá giam Tử Phục Chiêu Bá ở ấp khác.

Phạm Hiến Tử đòi hối lộ, tạ sự xin Thúc Tôn cái mũ. Thúc Tôn làm như không hiểu ý, rồi biếu hai cái mũ, cho thế là xong việc. Vì Thúc Tôn, Thân Phong sang Tấn, định hối lộ. Thúc Tôn giữ lại, không cho ra ngoài, không cho hối lộ. Bọn lại lệ cùng ở với Thúc Tôn, xin Thúc Tôn đồ ăn, Thúc Tôn không cho, nhưng khi sắp được về thì cho. Còn như quán ở, tuy ở có ít ngày, mà được lợp sửa luôn, lúc đi được như lúc mới đến.

晉人圍郊

TẤN NHÂN VI GIAO

NGƯỜI TẤN VÂY ĐẤT GIAO

Tả Thị - Mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Ngày mùng một, Nhâm Dần. hai đạo quân, quân nhà vua và quân nước Tấn vây đất Giao. Ngày Quý Mão đất Giao, đất Tầm (nơi ấp Tử Triều) tan vỡ. Ngày Đinh Mùi, quân Tấn tới đất Bình Âm. quân vua tới Trạch ấp. Vương cho cáo thành. Ngày Canh Tuất, quân Tấn về.

Công Thị - Giao ở đâu. Giao là ấp của Thiên Tử. Sao lại không gọi là thuộc vào Chu. Là không muốn nói đánh Thiên Tử.

Triệu Khuông - Công Dương giải thích: không muốn cho nói đánh Thiên Tử. Xét đây có phải là đánh Thiên Tử đâu. Nếu thực là đánh Chu, thì đâu có che giấu được việc làm bậy.

Lí Liêm - Công Dương chú giải đất Giao là đất của Thiên Tử có một đại phu trông coi. Kinh Xuân Thu không muốn cho nói đánh Thiên Tử cho nên không động tới tiếng Chu. Thế tức là không biết gì về sự thực cả.

Trần Thị - Trước kia, có loạn Tử Đái, Tấn Văn thường vây đất Ôn. Không chép, lấy cớ là đánh giặc. Nay Kinh Vương lên ngôi, qua năm mà sau vây đất Giao, thế thì việc dẹp loạn, không phải là sử Tấn chép. Thế cho nên, chép chữ người Tấn, là chê. Thuyết ấy phải.

夏六月蔡侯東國卒于楚

HẠ, LỤC NGUYỆT, SÁI HẦU ĐÔNG QUỐC TỐT VU SỞ

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, SÁI HẦU ĐÔNG QUỐC MẤT TẠI SỞ

秋七月莒子庚輿來奔

THU, THẤT NGUYỆT, CỬ TỬ CANH DƯ LAI BÔN

MÙA THU, THÁNG 7, VUA CỬ (CỬ TỬ) LÀ CANH DƯ CHẠY TỚI LỖ

Tả Thị - Cử Tử, Canh Dư, tính ác ngược, thích chơi gươm. Đúc xong một thanh gươm, thì lấy người để thử. Dân trong nước lo sợ. Cử Tử lại muốn bỏ nước Tề. Đại phu Cử tên là Ô Tồn giống giả người trong nước đuổi vua đi. Canh Dư sắp ra đi, thì được tin Ô Tồn cầm còn đứng chờ bên đường cái. Sợ không dám ra. Đại phu là Du Chi nói: Vua cứ đi đi. Ô Tồn chỉ muốn thiên hạ biết tiếng là giỏi, chứ không muốn mang tiếng giết vua. Vua mới chạy trốn được. Người Tề thâu nạp Giao Công (con Cử Chử Khưu Công).

戊辰吳敗頓胡沈蔡陳許之師于雞斧

胡子髠沈子逞滅獲陳夏齧

MẬU THÌN, NGÔ BẠI ĐỐN, HỒ, TRẦM, SÁI, TRẦN, HỨA, CHI SƯ, VU KÊ PHỦ. HỒ TỬ KHÔN, TRẦM TỬ SÍNH DIỆT. HOẠCH TRẦN HẠ KHIẾT

NGÀY MẬU THÌN, NƯỚC NGÔ ĐÁNH BẠI QUÂN CÁC NƯỚC ĐỐN, HỒ, TRẦM, SÁI, TRẦN, HỨA, TẠI ĐẤT KÊ PHỦ NƯỚC SỞ. VUA HỒ TÊN LÀ KHÔN, VUA TRẦM TÊN LÀ SÍNH CHẾT. ĐẠI PHU TRẦN HẠ KHIẾT BỊ BẮT

Tả Thị - Người Ngô đánh Châu Lai. Sở Vĩ Việt cầm quân, cùng quân chư hầu tới cứu Châu Lai. Người Ngô chống cự tại đất Chung Li. Khi đó, Lệnh Doãn Sở là Tử Hà đương có bệnh,

rồi chết. Quân Sở giảm mất nhuệ khí. Ngô, Công Tử Quang nói: Chư hầu theo Sở thì đông đấy, nhưng toàn là nước nhỏ cả, chỉ là vì sợ Sở mà tới. Tôi vẫn nghe nói, làm việc lấy uy mà thắng tình, dù nhỏ tất là được. Các vua các nước Hồ, Trầm bé mà ngông. Đại phu nước Trần là Khiết, tráng nhưng gian dối. Các nước Độn, Hứa, Sái, vốn ghét chính trị Sở. Nay Lệnh Doãn Sở chết, quân khí kém. Vị chủ súy hèn mà ưa nịnh. Chính lịnh bất nhất. Bảy nước cùng một việc mà không cùng một tâm. Chủ súy đã hèn thì không có tài điều khiển, không có uy mệnh. Ta đánh được Sở. Nếu ta chia quân, trước tiên, đánh vào Hồ, Trầm, Trần, ba nước tất là tan vỡ, thế là quân chư hầu phải nao núng. Chư hầu đã phân tán, thì Sở phải chạy. Vậy xin dụ địch. Tiên phong, cho dàn bày quân hèn yếu. Hậu quân kén hạng hung mạnh.

Ngô Tử theo kế. Ngày cuối tháng, Mậu Thìn, chiến tại đất Kê Phủ. Ngô Tử đem bọn tù tội ba nghìn người đánh vào quân Hồ, Trầm, Trần. Ba nước ứng chiến. Ở phía sau, Ngô Tử điều khiển tam quân. Trung quân theo Ngô Tử, Tả quân theo Yểm Dư, Hữu quân theo Quang. Bọn tội nhân, kẻ chạy, kẻ đứng loạn xạ. Ba nước rối loạn theo. Quân Ngô đánh tan. Ba nước thua. Vua Hồ, vua Trầm, tướng Trần bị bắt. Bọn quân của Hồ và Trầm, được Ngô cố ý thả cho đi, mới chạy đến các cánh quân của Hứa, Sái, Độn rồi phao lên rằng vua chết rồi. Thế là quân đội hoảng hốt, ba nước Sái, Độn, Hứa bỏ chạy. Rồi đến quân Sở chạy. Sử chép: Hồ Tử, Khôn, Trầm Tử, Sính, bị diệt. Bắt được Trần Hạ Khiết". Chép thế là có ý phân biệt chữ dùng, đối với vua và tôi. (Vua chết là nước mất, nên có chữ diệt. Tôi chết thì nước không sao, nên có chữ bắt được). Không chép là chiến là Sở chưa ứng chiến.

Công Thị - Đây là lối thiên chiến (chiến mà hai bên đã định trước ngày cùng nơi). Sao đây lại lấy lời trá chiến dối dá mà chép. Vì không muốn cho Di Địch làm chủ ở Trung Quốc. Thế thì sao lại không cho Trung Quốc làm chủ. Trung Quốc đây cũng còn là Di Địch. Chép là diệt là bắt được, là nghĩa thế nào. Là để phân biệt hai hạng vua và tôi. Vua chết tại vị thì gọi là diệt. Còn sống thì gọi là hoạch, bắt được. Như

đại phu bị bắt, thí dụ sống hay chết, cũng gọi là hoạch, bị bắt. Không cho Di Địch chủ Trung Quốc thì sao lại chép là bắt Trần Hạ Khiết. Là tiến cho Ngô một bước rồi.

Cốc Thị - Trung Quốc thì không chép là bại. Đây chép là bại, tại sao. Trung Quốc không bại, thì sao vua nước Hồ, vua nước Trần bị diệt. Chép là bại tức rõ là diệt. Bắt Trần Hạ Khiết, chữ bắt không có ý là khen việc phải, mà chỉ là phân biệt ngôi thứ thôi.

Gia Huyền Ông - Trong trận này. Sở làm chủ việc quân, thì lại không chép, thế là không cho Sở đứng chủ chư hầu. Trần, Sái, Hứa xếp sau các nước Đốn, Trầm, Hồ là ý bị khinh là tôi tớ nước Sở. Vua nước Hồ, nước Trầm, không được chép là "tốt" mà bị chép là diệt, tức là không được khen chết về việc công. Hạ Khiết chép là bị bắt, là chê biếm.

Xét - Công Dương bảo đây là lối thiên chiến, thế mà Kinh chép thì dùng lời trá chiến (đánh nhau bằng thuật lừa dối mưu mô). Công Dương đã bàn bậy. Đó là câu nệ vào lệ ngày tháng mà bàn như thế. Cốc Lương bảo dùng chữ bại để rõ việc diệt. Cốc Lương cũng nói bậy. Kinh mà chép là bại thì có nhiều đoạn lắm. Cũng có đoạn quân bị bại mà vua không bị diệt, chứ đâu có phải dùng chữ bại để thích nghĩa chữ diệt. Bọn tiên nho đều cho quân đội Sở chưa tiếp chiến với Ngô cho nên chỉ chép có sáu nước. Nhưng Truyện thì chép rằng quân Sở chạy tán loạn, thì Kinh cũng nên chép là đánh thua Sở. Thánh nhân sở dĩ lược qua không nói đến Sở là không ưng để cho sáu nước ủa theo Sở, Gia Huyền Ông nói rất là có lí. Nay cũng ghi cả các lời bàn.

天王居于狄泉尹氏立王子朝

THIÊN VƯƠNG CƯ VU ĐỊCH TUYỀN DOÃN THỊ LẬP VƯƠNG TỬ TRIỀU

VUA (VUA CHU KÍNH VƯƠNG) Ở TẠI ĐỊCH TUYỀN (NAY LÀ TRONG THÀNH LẠC DƯƠNG, THỜI ĐÓ Ở NGOÀI, VUA MUỐN TRÁNH VƯƠNG TỬ TRIỀU). HỌ DOÃN LẬP VƯƠNG TỬ TRIỀU LÊN NGÔI VUA

Tả Thị - Mùa hạ, tháng tư, ngày Ất Dậu. Thiện Tử chiếm ấp Ti. Lưu Tử chiếm ấp Tường Nhân và ấp Trực Nhân (ba ấp thuộc về Tử Triều). Tháng sáu, ngày Nhâm Ngọ, Vương Tử Triều vào ấp Doãn (ấp họ Doãn, từ Kinh vào). Ngày Quý Mùi, Doãn Ngự lừa Lưu Đà giết đi (Doãn Ngự là Doãn Văn Công, Lưu Đà là họ Lưu Phần, đảng Kinh Vương). Ngày Bính Tuất, Thiện Tử theo Bản Đạo, Lưu Tử theo Doãn Đạo, đánh ấp Doãn. Thiện Tử đến được trước nhưng thua. Lưu Tử quay về. Ngày Kỉ Sửu, Thiện Trang Công, và Nam Cung Quát, (hai Khanh sĩ nhà Chu, đảng Tử Triều), lấy người đất Thành Chu đóng giữ ấp Doãn. Ngày Canh Dần, Thiện Tử, Lưu Tử, Phàn Tề, đem vua tới đất Lưu (ấp họ Lưu, để tránh Tử Triều). Ngày Giáp Ngọ, Vương Tử Triều vào Vương Thành, đóng tại Tả Hạng. Mùa thu, tháng bảy, ngày Mậu Thân, đại phu Chu là Tầm La nộp bọn Thiệu Bá, Nam Cung. Doãn Tân đánh bại quân Lưu tại đất Đường, ngày Bính Thìn, lại đánh bại bọn Tầm. Ngày Giáp Tí, Doãn Tân chiếm lấy được đất Tây Vi, ngày Bính Dần đánh đất Khoái, Khoái tan vỡ.

Công thị - Chưa được ba năm. Chép là Thiên Vương là rõ vị thứ Thiên Tử.

Cốc thị - Vua mới. Gọi là Thiên Vương, là nhân nơi ở mà chép là vương. Còn chữ lập, là có ý không nên lập. Không gọi là triều, vì ngại là triều của họ Doãn.

八 月 乙 昧 地 震

BÁT NGUYỆT, ẤT MÙI, ĐỊA CHẤN

THÁNG TÁM, NGÀY ẤT MÙI, ĐỘNG ĐẤT

Tả Thị - Tháng 8, ngày Đinh Dậu, động đất mạnh. Nam Cung Cực bị nạn chết. Tràng Hoằng bảo Lưu Văn Công rằng (Lưu Phần): Ngài cố đi, ý của tiên quân chắc thành. (bố Lưu Phần là Hiến Công muốn lập Tử Mãnh lên ngôi, việc chưa thành đã chết). Xưa, thời U Vương, nhà Chu suy, có điềm Tam Xuyên động đất. Nay đại thần của Tây Vương (Tử Triều ở Vương Thành gọi là Tây Vương để phân biệt với Kính Vương), bị nạn động đất, thế là trời bỏ, không giúp nữa. Đông Dương (chỉ Kính Vương ở phía đông) tất là được.

Phụ lục Tả truyện - Mẹ Thái Tử Kiến nước Sở đến đất Cức Dương, triệu người Ngô tới. Mùa đông, ngày Giáp Thân, Thái Tử nước Ngô là Chư Phàn, tới Cức Dương, đem Phu nhân cùng bảo vật về nước. Sở Tư Mã là Vĩ Việt đuổi. Không kịp. Sắp chết. Mọi người khuyên xin đánh Ngô, một được một mất với Ngô. Vĩ Việt nói: Ta đã làm thua quân nhà vua rồi. Nay ví lại thua lần nữa thì thêm tội. Để cho mất Phu nhân, tội không khỏi chết được. Thế là tự tử ở đất Vĩ Phệ.

Đỗ Dự - Kinh chép ngày Ất Mùi, động đất. Đó là ở nước Lỗ. Ngày Đinh Dậu, chép Nam Cung Cực, đó là ở nhà Chu cũng động đất, nhà đổ, Cực chết.

Uông Khắc Khoan - Vương Thành đất động, thì có việc Tử Triều chạy trốn. Nước Lỗ đất động thì có việc chạy trốn ở Dương Châu. Thật là trời báo cho người được biết rất rõ.

冬 公 如 晉 至 河 有 疾 乃 復

ĐÔNG, CÔNG NHƯ TẤN. CHÍ HÀ HỮU TẬT, NÃI PHỤC

MÙA ĐÔNG, LỖ CÔNG SANG TẤN, TỚI SÔNG HOÀNG, BỊ BỆNH, TRỞ VỀ

Tả Thị - Lỗ Công, vì việc Thúc Tôn, mới sang Tấn, đi tới sông Hoàng Hà, bị bệnh, trở về.

Phụ lục Tả truyện - Sở Nang Ngõa làm Lệnh Doãn, xây thành Dĩnh. Thẩm Doãn Tuất nói: Tử Thường (Nang Ngõa) rồi sẽ mất Dĩnh. Thành mà không giữ nổi, thì xây vô ích. Thời xưa, Thiên Tử giữ nước, nhờ ở bốn Rợ (bốn phương ngoài nước). Kém hèn thì nhờ ở chư hầu. Chư hầu giữ cõi mình, thì nhờ ở bốn lân cận. Hèn kém thì nhờ ở bốn phía cõi mình. Cẩn thận bốn phía, rồi kết giao với bốn phương. Dân yên ổn trong cõi. Bốn mùa thì làm lụng trong ba mùa. Trong nước, không có việc lo, ngoài nước không có việc sợ. Thế thì dùng thành làm gì. Thời nay, việc sợ ở ngoài là nước Ngô, mà thành ở Dĩnh, tương đối là nhỏ, là yếu, không đủ. Như thế không mất, giữ sao được.

Xưa Lương Bá đào lạch quanh cung mà dân loạn. Dân đã không theo chủ, thì sao mà không mất. Xét, cứ đường hoàng vạch rõ biên giới, sửa sang ruộng đất, trông coi nơi hiểm trở, gần gũi nhân dân, sáng tỏ nhân luân, tín nghĩa với các nước lân cận, cẩn thận các nơi biên thú, giao tế có lễ nghi, không tiếm quyền, không tham lợi, không mềm quá, không cứng quá, giữ gìn bờ cõi đã sẵn có để phòng việc bất thường. Thế thì còn gì mà sợ. Kinh Thi có nói: Nhớ đến tổ tiên người, nhớ đến công đức tổ tiên làm cho sáng rõ, xét lại gương bốn đời vua ta, trước, nước không đầy trăm dặm, thế mà cẩn thận giữ gìn bốn cõi, có cần chi xây thành Dĩnh. Ngày nay, đất rộng vài ngàn dặm mà phải xây thành, tức là khó mà giữ nước được.

Công Thị - Sao lại chép. Là lấy cớ có bệnh trở về, đỡ nhục.

Cốc Thị - Bệnh đáng lí không chép. Đây chép là để giải nghĩa, không vào nước Tấn.

Năm Quý Mùi. Vua Kính Vương, năm thứ 2.

二 十 有 四 年

NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 24

Tấn Khoảnh, năm thứ 8. Tề Cảnh, năm thứ 30. Vệ Linh, năm thứ 17. Sái Chiêu Công Thân, năm đầu. Trịnh Định, năm thứ 12. Tào Điệu, năm thứ 6. Trần Huệ, năm thứ 12. Kỉ Bình, năm thứ 18. Tống Nguyên, năm thứ 14. Tần Ai, năm thứ 19. Sở Bình, năm thứ 11. Ngô Liêu, năm thứ 9.

春

XUÂN

MÙA XUÂN

Phụ lục Tả truyện - Năm thứ 24. Mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Ngày tân sửu. Thiệu Giản Công, Nam Cung Ngân, chờ Cam Hoàn Công tới yết kiến Vương Tử Triều. Lưu Tử bảo Trành Hoằng rằng: Họ Cam lại đến. Đáp: Có hại gì cho ta. Có cùng đức, đồng tâm, mới cùng mưu được việc phải. Thiên Đại Thệ (Kinh Thư) có nói; Vua Trụ có đến ức triệu dân, có cả tứ Di, thế mà không đồng đức. Bầy tôi trị loạn của ta, chỉ có mười người, đều đồng tâm, đồng đức. Vì thế mà Chu hưng thịnh. Vua mà chuộng đức, thì không lo ngại thiếu người.

Ngày Mậu Ngọ, Vương Tử Triều vào ở đất Ổ.

王二月丙戌仲孫貜卒

VƯƠNG. NHỊ NGUYỆT, BÍNH TUẤT, TRỌNG TÔN CƯỢC TỐT

VƯƠNG. THÁNG HAI, NGÀY BÍNH TUẤT, TRỌNG TÔN CƯỢC MẤT

叔孫舍至自晉

THÚC TÔN XÁ CHÍ TỰ TẤN

THÚC TÔN XÁ TỪ TẤN TỚI LỖ

Tả Thị - Tấn, Sĩ Di Mâu, đón Thúc Tôn tại đất Cơ. Thúc Tôn nghi ngại mới sai gia thần là Lương Kì Hĩnh đợi ở trong cửa, bảo ta mà quay đầu về bên trái, ho lên, thì người giết luôn đi. Ta mà quay đầu về bên phải mà cười thì thôi yên. Khi Thúc Tôn thấy Sĩ Bá, Sĩ Bá nói: Vua tôi vì cớ là mình chủ, cho nên phải giữ ngài lâu (để tạ lại nước Châu). Có chút lễ biếu bọn tùy tùng, có sai Di Mâu tôi đây đón nộp ngài. Thúc Tôn nhận lễ rồi về.

Tháng hai, Sước tự Tấn tới. Chép thế là ý tôn trọng Tấn.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng ba, ngày Canh Tuất, Tấn Hầu sai Sĩ Cảnh Bá tới xem xét công việc nhà Chu. Sĩ Bá tới cửa Bắc Kinh sư, rồi hỏi chuyện dân chúng. Thế là Tấn thôi, không nhận sứ của Vương Tử Triều nữa.

Cốc Thị - Đại phu bị cầm mà làm hết phận sự thì được khen, được đề cao.

Hồ Truyện - Đại phu bị cầm mà làm hết phận sự, thì được biên tên. Đây chỉ biên họ là tại sao. Vì được cho là hiền, Thúc Tôn Xá lập thân theo lễ, đối với nước mạnh không chịu khuất, lấy trung thờ chủ, không cúi theo bọn cường thần. Thật là đại phu hiền, bầy tôi xã tắc nước Lỗ. Thiết sử, Lỗ Chiêu Công, có chút tâm cương quyết làm điều thiện, biết nghe khuyên thì đâu có chết ở Can Hầu. Coi việc ý Như rập đầu trước Chiêu Tử, việc Thúc Tôn trách Ý Như đã đuổi vua thì

đủ rõ, đủ hiểu. Kịp đến Ý Như có chí phản bội mà Chiêu Tử sai Chúc Tôn cầu đảo thì có thể nói được là không còn làm khác được nữa, đành như thế vậy.

Cho nên câu: Xá tự Tấn tới, đặc biệt chép họ.

Lưu Sưởng - "Thúc Tôn Sước tự Tấn tới". Ở đời, việc làm có khác, tâm làm việc vẫn là một. Lấy chết mà báo ơn "được cho sống". Lấy sức mà báo ơn "được cho lộc". Đó là đạo xưa. Sước không nỡ hành động như họ Quý mình, mà mưu giúp Công, thế là chính. Không nỡ dối họ Quý mình, mà phải tự hại mình, thế là trung. Thế mà người quân tử bàn cho là khó, chứ không cho là nên lấy làm phép. Chiêu Công ở ngoài Sước có thể không chết. Sước mà chết là vì tai nạn.

Tăng Triết sai con là Tăng Sâm, quá hẹn, không thấy về, người ta nói, hay là nguy rồi, Tăng Triết nói: Hắn có thể bị nguy, nhưng ta còn sống, chắc hắn chưa chết. Vì thế mà Tăng Tử được tiếng là có hiếu với bố. Khổng Tử bị nguy ở Khuông, Nhan Hồi sau mới theo kịp. Khổng Tử nói: Ta tưởng trò chết. Nhan nói: Thầy còn, Hồi đâu dám chết. Vì thế, Nhan Tử được khen là trò khéo thờ thầy. Ví như Sước trước được nghe chuyện họ Tăng, họ Nhan, thì chắc hẳn không dễ muốn chết thế. Đó kinh Xuân Thu không có khen Sước là vì thế. Sước mà chết tuy không thể khen được, nhưng không ai lại không nhớ là Sước trung. Cho nên nhân việc có thể khen được mà khen. Truyện Luận Ngữ có câu: Cốt sao chí ở nhân là được rồi.

Triệu Bằng Phi - Lỗ Công sang Tấn tuy rằng nửa đường vì bệnh, phải trở về, nhưng Tấn cũng cho là đã biết lỗi cho nên tha cho Thúc Tôn Sước ở Tấn về, cả hai Truyện đều chép bỏ "họ", "thị". Riêng Công Dương chép họ, các Truyện bàn khác nhau. Tuy nhiên, Tấn mà bắt Sước, thì thực ra. Sước không có tội gì, không thể đem so sánh với việc Quý Tôn Ý Như được. Thế thì nghi rằng Công Dương mà không bỏ họ (cứ chép họ), mới là chính (chính đáng).

Xét - Việc Thúc Tôn mà chép họ, Công Dương bất đồng với Tả và Cốc. Xét Công Dương cho chép họ là khen người hiền. Lưu Sưởng, Hồ An Quốc đều theo thuyết ấy. Tả Thị cho bỏ họ

là tôn nước Tấn. Cốc Lương cho chép tên là được đề cao, nghĩa nào nghe cũng có lí, vậy chép cả.

夏五月乙昧朔日有食之

HẠ, NGŨ NGUYỆT, ẤT MÙI, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA HẠ, THÁNG NĂM, NGÀY ẤT MÙI, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị - Mùa hạ, tháng năm, ngày mùng một, Ất Mùi, có nhật thực. Tử Thận nói, sắp lụt. Chiêu Tử nói: "Thế là hạn, mặt trời đã quá xuân phân mà dương còn chưa thắng được âm, lúc thắng tất phải mạnh, tức là có hạn. Dương mà chưa thắng âm, tất là dương tích đọng lại".

Phụ lục Tả Truyện - Tháng sáu, ngày Nhâm Thân, quân đội của Vương Tử Triều đánh đất Hà và đất Hạnh, quân đội đều tan vỡ.

Trịnh Bá sang Tấn, Tử Thái Thúc đi theo. Phạm Hiến Tử tiếp, hỏi Thái Thúc về việc nhà vua Chu thế nào. Đáp: "Lão phu đến việc nước nhà còn chưa lo tính xong, đâu dám nghĩ đến vương thất. Vả lại tục ngữ có nói: Đàn bà góa không nghĩ đến đường dây khung cửi, mà lại lo nhà Chu vận suy, vì mình đã bị vạ lây. Nay nhà vua đang rối ren, tôi vốn nước nhỏ phải sợ. Nước lớn cần lo, còn như lũ tôi thì được biết gì. Vậy ngài sớm mưu liệu đi. Kinh Thi có nói: Be mà hết là dây dưa đến hũ (nghĩa là nhỏ và lớn cùng một giống, có liên can). Vương thất mà không yên là trách nhiệm ở Tấn". Hiến Tử sợ, mới cùng mưu với Tuyên Tử, rồi định hội chư hầu, hẹn năm sau.

秋八月大雩

THU, BÁT NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG TÁM, LỄ CẦU ĐẢO

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, lễ đại vu, vì đại hạn.

丁酉杞伯郁釐卒

ĐINH DẬU, KỈ BÁ ÚC LI TỐT

NGÀY ĐINH DẬU, VUA NƯỚC KỈ LÀ ÚC LI MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 10, ngày Nhâm Thân, Vương Tử Triều dùng ngọc khuê làm lễ cầu phúc ở sông Hà. Ngày Giáp Tuất người ở bờ sông được ngọc trong sông. Đại phu Kính Vương tên là Bất Nịnh đem người đất Ôn, tới ấp Nam bắt người được ngọc, lấy ngọc đem bán thì ra đá. Khi ngôi vua yên định mới đem hiến ngọc, được thưởng ấp Đông Tí.

Đỗ Dự - Chưa dự hội đồng minh, mà trong cáo phó có tên. Ngày Đinh Dậu, vào tháng chín mùng năm, đã chép ngày mà lại không chép tháng.

冬吳滅巢

ĐÔNG, NGÔ DIỆT SÀO

MÙA ĐÔNG, NƯỚC NGÔ DIỆT NƯỚC SÀO

Tả Thị - Vua Sở đặt ra đạo quân Chu Sư để xâm lược biên giới nước Ngô. Thẩm Doãn Tuất nói: Chuyến này đi, Sở tất mất đất. Không trông nom dân, không khuyến khích dân, Ngô đã không chạm tới, mà lại gây với Ngô. Ngô nối gót Sở, mà biên giới Sở lại không phòng bị, tránh mất đất sao được. Đại phu nước Việt là Tư Ngạn, đón mừng vua Sở ở khúc sông Dự Chương. Việt Công Tử tên là Sương sang thuyền vua Sở, cùng với đại phu Thọ Mộng gióng quân Việt theo vua Sở. Vua đi tới Ngũ Dương đất Sở, thì quay về, người Ngô theo gót, diệt nước Sào và nước Chung Li vì thiếu phòng bị, rồi về. Thẩm Doãn Tuất nói: Thế là mở đầu việc đất Dĩnh đấy. Vua Sở một cử động mà mất quân hai họ, thế thì Dĩnh khỏi mất sao được. Thi có nói: Căn nguyên từ đâu mà nay sinh bệnh. Câu ấy áp dụng cho việc nhà vua ngày nay.

葬杞平公

TÁNG KỈ BÌNH CÔNG

LỄ TÁNG KỈ BÌNH CÔNG

Năm Giáp Thân. Vua Kính Vương, năm thứ 3.

二十有五年

NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 25

Tấn Khoảnh, năm thứ 9. Tề Cảnh, năm thứ 31. Vệ Linh, năm thứ 18. Sái Chiêu, năm thứ 2. Trịnh Định, năm thứ 13. Tào Điệu, năm thứ 7. Trần Huệ, năm thứ 13. Kỉ Điệu Công Thành năm đầu. Tống Nguyên, năm thứ 15. Tần Ai, năm thứ 20. Sở Bình, năm thứ 12. Ngô Liêu, năm thứ 10.

春叔孫舍如宋

XUÂN, THÚC TÔN XÁ NHƯ TỐNG

MÙA XUÂN, THÚC TÔN XÁ SANG TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 25, mùa xuân, Thúc Tôn Sước sang, sính bên nước Tống. Chứ Hữu Sư, Đồng Môn, (đại phu Nhạc Đại Tâm) tiếp đón: Đối với Tống đại phu thì Nhạc khinh thường. Đối với ngay họ Đại Tôn, thì Nhạc rẻ rúng. Sước có nói riêng với người thân: Quan Hữu Sư nguy mất. Người quân tử quý thân mình rồi mới biết quý đến người, đó là lễ. Nay Phu Tử khinh các quan, rẻ người trong họ, thế là tự mình khinh mình, thế là không có lễ, vô lễ tất tới nguy. Tống Công thết tiệc, cho hát khúc Tân Cung. Chiêu Tử cho hát khúc Xa Hạt. Hôm sau, ăn tiệc, uống rượu rất vui. Tống Công mời Chiêu Tử ngồi phía hữu (để ngồi gần). Nói chuyện, tiếng nói như khóc. Đại phu dự tiếp khách là Nhạc Kì, khi lui nói với người ta rằng: Năm nay, vua cùng Thúc Tôn đều chết chăng. Tôi nghe nói đang vui mà buồn và đang buồn mà lại vui, đều tỏ làm tâm đã táng, đã mất. Tâm

mà sáng suốt tức là hồn phách. Hồn phách đã đi mất, thì người còn ở lại lâu sao được nữa.

Em Quý Công Nhược là phu nhân, vua nước Tiểu Châu sinh ra Tống Nguyên phu nhân. Phu nhân sinh ra con, gả cho Quý Bình Tử, Chiêu Tử (Sước) sang Tống lễ sính và đón. Công Nhược theo Sước bảo Tống Nguyên phu nhân đừng nhận cho, vì Lỗ sắp đuổi Quý Bình Tử. Phu nhân cáo cho Tống Công biết. Công hỏi đại phu Nhạc Kì. Nhạc Kì đáp: Cứ cho, vua Lỗ tất đuổi. Quốc chính vào tay họ Quý đã ba đời rồi (Văn Tử, Vũ Tử, Bình Tử). Vua Lỗ mất chính quyền đã đến bốn đời vua rồi (Tuyên, Thành, Tương, Chiêu). Không có dân mà lại thỏa được chí mình thì trường hợp đó, từ xưa chưa thấy có. Vì thế, vị vua cần phải chấn phủ dân. Kinh Thi có nói: Không có người, thì lo phiền sẽ tới. Vua Lỗ đã mất dân, thì còn thỏa chí sao được. Ở yên để chờ mệnh thì còn được, nếu lại loay hoay hành động thì lo phiền đến nơi.

夏 叔 詣 會 晉 趙 鞅 宋 樂 大 心 衛 北 宮 喜 鄭 游 吉 曹 人 邾 人 滕 人 薛 人 小 邾 人 于 黃 斧

HẠ, THÚC NGHỆ, HỘI, TẤN, TRIỆU ƯỞNG, TỐNG NHẠC ĐẠI TÂM, VỆ BẮC CUNG HỈ, TRỊNH DU CÁT, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, TIẾT NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN, VU HOÀNG PHỦ

MÙA HẠ, THÚC NGHỆ HỘI TẠI ĐẤT HOÀNG PHỦ: TẤN TRIỆU ƯỞNG, TỐNG, NHẠC ĐẠI TÂM, VỆ BẮC CUNG HỈ, TRỊNH DU CÁT, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI TIỂU CHÂU

Tả Thị - Mùa hạ, hội ở Hoàng Phủ, bàn việc nhà vua. Triệu Giản Tử Ưởng sai đại phu chư hầu thu lúa nhà vua, đóng quân coi giữ và tuyên bố: Sang năm sẽ nhận vua. Tử Thái Thúc (Trịnh Du Cát) yết kiến Triệu Giản Tử. Giản Tử hỏi về lễ ấp nhượng. Đáp: Đó là nghi chứ không phải lễ. Vậy thế nào là lễ. Đáp: Cát tôi nghe tiên đại phu tôi là Tử Sản có dạy rằng, lễ là đường

lối thông thường của trời, là điều nên làm (nghĩa) của đất, lại là hành của dân. Đường lối của trời và đất, dân noi theo. Thế thì cái đức sáng của trời (mặt trời, mặt trăng, ngôi sao) nhân cái tính của đất (tính cao thấp, rắn, mềm) mới sinh ra sáu khí: âm dương, phong vũ, hối minh, mới dùng ra năm hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Khí làm ra năm vị: toan, hàm, tân, khổ, cam (chua, mặn, cay, đắng, ngọt), hiện ra năm sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, phát ra năm tiếng: cung, thương, giốc, chủy, vũ.

Khí lu mờ (dâm) thì thành hôn loạn, dân biến đổi mất tính. Cho nên phải có lễ để giữ mực tính. Làm ra lục súc: ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn, năm giống sinh: trâu dê lợn gà chó. Làm ra tam hi: tế trời, tế đất, tế miếu, để phụng vào ngũ vị. Làm ra chín văn, sáu vẻ, năm chương để phụng năm sắc. Làm ra chín ca, tám điệu, bảy âm, sáu luật để phụng sự năm thanh. Làm ra vua tôi, trên dưới để theo phép (pháp) của đất. Làm ra vợ chồng, trong ngoài, để coi các vật loại. Làm ra cha con, anh em, cô dì, cậu cháu, hôn nhân, để theo tượng trời. Làm ra chính sự, công vụ để thể theo bốn mùa. Làm ra hình phạt, tù ngục cho dân biết sợ kiêng, thể theo uy hình sấm sét. Làm ra ôn từ, ân huệ thể theo lòng hiếu sinh của trời.

Dân có yêu ghét, mừng giận, buồn vui, là vì được lục khí sinh ra. Cho nên, xét rồi bắt chước vật giống nhau, để chế ra sáu chí, tức là sáu điều yêu ghét, mừng, giận, buồn, vui để khỏi quá trớn. Buồn thì có khóc than. Vui thì có hát múa. Mừng thì có ân huệ. Giận thì có chiến đấu. Mừng sinh ra bởi sự thích. Giận sinh ra bởi sự ghét. Cho nên xét và làm các luật lệnh cho rõ họa phúc, thưởng phạt để giữ đứng mực đáng tử, đáng sinh. Sinh là yêu vật, mà tử là ghét vật. Yêu vật thì vui, ghét vật thì buồn. Buồn vui đúng mực độ, thế là đúng với tính trời đất. Thế thì được lâu dài.

Giản Tử nói: Lễ rộng thật. Đáp: Lễ là Kỉ (phép) của trên dưới là đường kinh, đường vĩ của trời, đất. Vì đó mà dân mới được sống. Vì thế, đấng tiên vương ưa chuộng. Cho nên người mà biết khi cong khi thẳng theo đúng lễ, thì được gọi là đã thành người. Bảo là rộng là phải. Giản Tử nói: Ưởng tôi xin suốt đời

giữ lời dạy. Tống Nhạc Đại Tâm nói: Ta không thu thóc. Đối với Chu, ta là khách. Sao lại sai khách được. Tấn Sĩ Bá nói: Từ việc Tiễn Thổ trước (Hi Công, năm thứ 28) đến nay, không có việc gì mà Tống lại không dự, không có hội nào lại thiếu Tống đồng minh. Đều nói rằng cùng giúp nhà vua. Thế thì ngài còn tránh sao được. Ngài phụng mệnh vua nước ngài để dự hội bàn việc lớn, mà Tống hội thề, thì liệu có nên không. Hữu Sư Nhạc Đại Tâm không dám trả lời, nhận văn thư rồi lui.

Sĩ Bá bảo Giản Tử rằng: Tống Hữu Sư tất là nguy. Phụng mệnh vua đi sứ, mà lại muốn bội ước, phạm đến minh chủ, thì còn điều bất tường nào to hơn.

有鸜鵒來巢

HỮU CÂU DỤC LAI SÀO

CÓ CHIM CÂU DỤC TỚI LÀM TỔ

Tả Thị - Có chim câu dục lại làm tổ. Sử không thấy chép. Lỗ đại phu là Sư Kỉ có nói: Lạ thật. Tôi có được nghe đời Văn, Thành, đồng giao có nhắc tên: Này câu này dục tới nơi. Công đành bị nhục mà dời nước đi. Cánh câu, cánh dục sâm si. Tiễn đưa vó ngựa gọi ghi chút lòng. Dục câu nhảy nhót ngoài đồng. Khăn khăn áo áo ngóng trông Can Hầu. Này hang này tổ dục câu. Thương thay Trù Phủ xiết bao nhọc nhằn. Để cho Tống Phủ dành phần. Đi ca về khóc tiếng dân vang lừng. Đồng giao như thế, nay chim câu dục tới làm tổ. Vậy việc đến nơi chăng.

Công Thị - Sao lại chép. Là chép việc lạ. Lạ vì Trung Quốc không có thứ chim ấy. Nay tới làm tổ.

Cốc Thị - Hoặc có hoặc không. Nhưng có vẫn là có. Dùng chữ lai, là ở ngoài tới. Vốn ở hang hốc, mà chép là tổ, hoặc chép thêm chăng.

Nhan Sư Cổ - Ngày nay, chim câu dục ở Trung Quốc đâu cũng có. Tuy nhiên, không quá Tế Thủy. Cho nên, Tả Thị cho là Lỗ không có, lấy làm lạ mới chép.

秋七月上辛大雩季辛又于

THU, THẤT NGUYỆT, THƯỢNG TÂN, ĐẠI VU QUÝ TÂN, HỰU VU

MÙA THU, THÁNG BẢY, NGÀY THƯỢNG TÂN, LỄ CẦU ĐẢO, NGÀY QUÝ TÂN, LẠI CẦU ĐẢO

Tả Thị - Mùa thu, chép hai lần lễ cầu đảo, thế là đại hạn.

Công Thị - Lại lễ cầu đảo. Không phải. Chính là họp dân lại để đuổi họ Quý.

Cốc Thị - Có chữ quý là sau, tất có chữ trung là giữa, kế là nối.

Đạm Trợ - Công Dương bảo tụ họp quân dân để đuổi họ Quý. Xét lễ cầu đảo chỉ có các quan coi việc lễ và bọn đồng cốt đàn bà, thì đánh sao được họ Quý.

九月己亥公孫于齊次于陽州

CỬU NGUYỆT, KỈ HỢI, CÔNG TÔN VU TỀ THỨ VU DƯƠNG CHÂU

THÁNG CHÍN, NGÀY KỈ HỢI, LỖ CÔNG TRÁNH SANG TỀ. DỪNG LẠI Ở ĐẤT DƯƠNG CHÂU (DƯƠNG CHÂU LÀ ẤP GIÁP TỀ, LỖ)

Tả Thị - Xưa, Quý Công Điểu lấy vợ, con nhà Bao Văn Tử, nước Tề, sinh ra Thân. Công Điểu là anh Quý Công Hợi, là một trong các chú Bình Tử. Công Điểu chết. Quý Công Hợi (hoặc Công Nhược) cùng với công tử Triển và một bầy tôi của Công Điểu tên là Thân Dạ Cô mới coi sóc công việc nhà Công Điểu.

Đến khi Quý Tự vợ Điểu cùng với viên lại tư thông. Tự sợ mới sai người thiếp đánh mình, rồi mách với vợ đại phu Tần Suyền (tên Tần Cơ em gái Công Điểu) rằng: Công Nhược muốn sử dụng ta. Ta không thuận, mới đánh ta. Rồi lại mách với Công Phủ, em Bình Tử rằng: Triển với Dạ Cô sắp hiếp tôi. Tần Cơ cáo với Công Chi (cũng là em Bình Tử). Công Phủ và Công Chi

cáo với Bình Tử, Bình Tử bắt Triển ở đất Biện, và Dạ Cô, sắp giết. Công Nhược khóc nói: Giết bọn ấy tức là giết tôi. Rồi sắp vào xin tha. Bình Tử dặn kẻ tiểu lại không cho vào. Thành ra suốt ngày không được gặp để xin tha. Hình quan thì chỉ biết nịnh. Công Chi sai giết ngay.

Cho nên Công Nhược oán Bình Tử.

Gà nhà Quý Bình Tử và gà nhà Hậu Chiêu Bá đá nhau. Họ Quý thì sửa lông đuôi lông cánh gà mình. Bình Tử giận, chiếm thêm đất họ Hậu để rộng vườn mình mà lại còn trách.

Cho nên Hậu Chiêu Bá cũng oán Bình Tử.

Em Chiêu Bá tên là Hội bị gièm pha, bỏ họ Tang, chạy sang họ Quý. Họ Tang bắt lấy. Bình Tử giận. Giữ Tang Lão. Sắp đến tế Đế ở miếu Tương Công. Bạn nhạc múa chỉ có hai người. Còn thì tất cả, hát múa ở nhà họ Quý (34 người). Tang Tôn nói: Thế tức là không được đủ nghi lễ ở miếu tiên quân.

Cho nên thế là hàng đại phu oán Bình Tử.

Công Nhược biếu Công Vi cái cung, rồi cùng đi săn, để mưu việc trừ họ Quý. Công Vi báo cho các em là Công Quả, Công Bôn. Các em sai người hầu là Liêu Tra, báo trình với Công. Công đương ở trên giường, cầm cái qua sắp đánh. Liêu Tra chạy. Công nói bắt lấy. Nhưng chỉ nói thôi, chứ không sắc mệnh. Sợ, không dám ra khỏi nhà đến vài tháng. Công không giận. Lại sai nói. Công lại cầm qua đuổi. Lại chạy. Lại sai nói. Công bảo không phải bọn tiểu nhân ấy được biết. Công Quả mới tự nói với Công. Công cho bảo Tang Tôn. Tang Tôn cho là khó đuổi. Cho bảo Hậu Tôn. Hậu Tôn bàn có thể khuyên và giúp Công đuổi họ Quý mới bảo Tử Giao Ý Bá (hàng cháu Trang Công). Ý Bá nói: Bọn gian nịnh cho là vua làm việc chỉ biết cầu may. Việc gì rồi cũng không thành, mà vua thì cứ chịu mang tiếng không hay. Vậy không thể làm được. Bỏ dân, đã vài đời mà muốn làm thì không thể hoàn tất được. Vả lại, chính sự ở trong tay Quý Thị, khó mà mưu việc được. Công mới gạt Ý Bá ra không dùng. Ý Bá từ tạ rằng: Thần đã được dự. Nếu mưu lộ ra ngoài, thì thần mang tiếng. Vậy xin ở lại trong cung.

Thúc Tôn Chiêu Tử đi đến ở đất Hám.

Công ở tại Trường Phủ.

Tháng chín, ngày Mậu Tuất, đánh họ Quý, giết Công Chi tại cửa rồi vào. Bình Tử lên trên đài xin rằng: Vua không xét tội thần, sai chức Hữu Tư đánh thần bằng quân đội, thần xin đợi, ở trên sông Nghi để được xét tội. Vua không cho. Lại xin chịu tù ở đất Phi. Cũng không được. Xin bỏ nước đi. Cũng không được. Tử Gia Tử nói: Xin nhà vua cứ cho. Chính sự họ giữ đã từ lâu. Bọn dân cùng khốn được nuôi nay làm tôi tớ rất nhiều. Trong bóng tối giúp giặc rất nhiều. Bọn họ Quý căm hờn không kể xiết. Chữa mà không trị được, thì sẽ tích lũy. Đã xúc tích, thì dân sinh biến, rồi hợp nhau cùng họ Quý chống nhà vua. Sau sẽ hối hận. Vua không nghe.

Hậu Tôn nói: Tất là giết đi. Vua sai Hậu Tôn đón Mạnh Ý Tử (tức là Trọng Tôn Hà Kị). Tư Mã họ Thúc Tôn là Tổng Lệ hỏi quần chúng, nay làm thế nào. Không ai trả lời. Lại nói: Ta đây, chỉ là gia thần, không dám nghĩ đến nước. Phàm họ Quý, có hay không có, đối với ta, đằng nào lợi. Quần chúng nói: Không có dòng Quý, thì cũng không có dòng Thúc Tôn. Tổng Lệ nói: Thế thì cứu.

Mới gióng giả mọi người, tới gò tây bắc tìm lối vào. Quân nhà vua bỏ giáp trụ ngồi xổm, không có tâm chiến đấu, thành ra bị xua đuổi đi hết. Mạnh thị sai trèo lên gò tây bắc để nhìn sang Quý Thị, thấy cờ của Thúc Tôn. Mạnh Thị bắt đầu Hậu Chiên Bá giết đi, ở phía tây Nam Môn. Rồi đánh quân nhà vua.

Tử Gia Tử nói: Mọi bầy tôi đều hiếp vua. Nếu vua mà đừng có chủ ý, đừng sinh sự thì Ý Như (tên Quý Bình Tử) đâu dám không đổi tư cách. Vua nói: Ta không nỡ đó thôi. Mới cùng mưu với Tang Tôn rồi ra đi. Ngày Kỉ Hợi Lỗ Công tránh (nghĩa chữ tốn) sang nước Tề, dừng nghỉ lại ở đất Dương Châu.

Công Thị - Tốn: Tránh, chép chữ ấy để khỏi phải chép chữ bôn là chạy.

齊侯唁公于野井

TỀ HẦU NGHIỄN CÔNG VU DÃ TỈNH

TỀ HẦU TỚI VIẾNG THĂM LỖ CÔNG TẠI DÃ TỈNH (PHÍA NAM TẾ NAM, NAY CÒN DI TÍCH)

Tả Thị - Tề Hầu sắp đi thăm viếng Lỗ Công ở Bình Âm, Lỗ Công tới Dã Tỉnh đợi trước. Tề Hầu nói: Thật là tội quả nhân. Có sai chức Hữu Tư đợi ở Bình Âm, vì cớ là gần. Sử chép rằng: Lỗ Công tránh sang Tề, đình lại ở Dương Châu. Tề Hầu viếng thăm Lỗ Công ở Dã Tỉnh. Thế là đúng lễ.

Sắp cầu ở người, thì trước hết mình phải tự hạ, phải đủ lễ nghi. Tề Hầu nói: Từ biên giới Cử đi sang phía tây, xin nộp nghìn xã (mỗi xã 25 nhà, nghìn xã là hai vạn rưỡi nhà. Cấp cho Lỗ Công chi dụng) để tiện nhà vua ra lệnh (lệnh đánh họ Quý). Quả nhân sửa soạn binh lương, để theo giúp, theo lệnh nhà vua. Điều lo của nhà vua tức là điều lo của quả nhân. Lỗ Công mừng. Tử Gia Tử nói: Lộc trời không ban phát đến hai lần. Trời nếu tựa nhà vua, thì cũng không hơn được thời Chu Công. Được đất Lỗ là đủ rồi. Mất đất Lỗ, mà nhận nghìn xã làm tôi, thì ai để cho mình yên. Vả lại vua Tề không đủ tin. Chi bằng ta sang Tấn. Vua Lỗ không nghe.

Tang Chiêu Bá giống giả người theo hầu sắp ăn thề, viết trong thư khoán thề rằng: Hết sức một lòng, yêu ghét đều cùng. Ở lại có tội theo đi có công. Theo vua quấn quít, có ngoài không trong.

Tang Chiêu Bá đem mệnh Công tử Tử Gia Tử. Tử Gia Tử nói: Viết như thế, tôi không thể kiểm được. Khách giang hồ này vô tài, tôi không thể đồng tâm với các người để thành ra cũng có tội. Hoặc muốn thông trong ngoài, hoặc muốn đuổi vua, các ngươi ưa loạn mà ghét yên, thì sao đồng tâm được. Hãm vua vào nạn, còn tội nào bằng. Thông nội ngoại mà để cho vua đi, vua cầu chóng trở vào, thế mà không thông thì còn làm được gì, mà giữ được ai.

Vì thế Tử Gia Tử không dự ăn thề.

Công Thị - Thăm viếng Lỗ Công là thế nào, Chiêu Công sắp giết Quý Thị, bảo Tử Gia Câu rằng: Quí Thị thì vô đạo, từ lâu tiếm quyền, ta muốn giết, ngươi nghĩ sao? Gia Tử nói: Chư hầu tiếm Thiên Tử, Đại phu thì tiếm chư hầu như thế đã lâu rồi. Chiêu Công hỏi: Ta có tiếm gì đâu. Tử Gia Câu nói: Đặt ra hai quán, mở ra đại lộ. Múa đại hạ thì cùng Chu Can, Ngọc Thích, múa đại vũ thì dùng bát dật, đó là lễ nghi dành cho thiên tử. Vả chăng mỗi sự vật có mỗi sử dụng, đều thuận theo phép nghi. Quý thị được dân dã đã lâu rồi. Nhà vua không khó nhọc lắm. Vua không nghe. Kết cuộc là bị hỏng. Chạy sang Tề, Tề thăm viếng tại Dã Tĩnh nói: Sao nhà vua lại bỏ xã tắc Lỗ mà đi. Chiêu Công đáp: kẻ bất tài này không giữ được xã tắc, thật lấy làm xấu hổ. Xin tạ ơn. Chức Tử Gia Câu, mong cho ông làm cho vua thoát khỏi nạn. Tử Gia Câu đáp: Kẻ bất tài này hãm vua vào đại nạn. Vua không nỡ gia cực hình đao búa (phủ việt), cho vào tội chết, xin cám ơn. Tề Cao Tử tay bưng giỏ cơm Tề Quốc Tử tay bưng thức ăn nói: Quả quân tôi nghe nói nhà vua ở ngoài nước, lương thực chưa tới, vậy có chút lương khô xin biếu các quan tùy tùng. Chiêu Công nói: Nhà vua không quên tiên quân tôi lại nghĩ tới tôi, đối xử thì dùng đại lễ. Cúi đầu hai lạy. Cao Tử nói: Có gì là không phải. Nhà vua cứ nhận đại lễ. (Chiêu Công tuy có tế, nhưng không tế thường được nữa (tế thường: tế cơm mới).

Cảnh Công nói: Quả nhân y phục không bằng của tiên quân, thì chưa dám mặc. Dụng cụ không bằng của tiên quân thì chưa dám dùng. Vậy xin nhà vua nhận . Chiêu Công nói: Kẻ mất nước bất tài này đã mất xã tắc Lỗ thì thật là xấu hổ, đâu dám nhận đại lễ, xin cho từ. Cảnh Công nói: Quả nhân y phục không bằng của tiên quân, thì chưa dám mặc, dụng cụ chưa bằng của tiên quân thì chưa dám dùng. Vì thế mới cố xin nhà vua nhận.

Chiêu Công nói: Nay Tôn miếu tôi ở cả đất Lỗ, có ý phục tiên quân cũng không mặc được, có dụng cụ của tiên quân cũng không dùng được. Cho nên xin cố từ chối.

Cảnh Công nói: Quả nhân, y phục không bằng của tiên quân,

thì không dám mặc. Dụng cụ không bằng của tiên quân thì không dám dùng, chỉ xin biếu cho kẻ tùy tùng.

Chiêu Công nói: Kẻ mất nước có gì là đáng được.

Cảnh Công nói: Vua nào là không đáng.

Thế là Chiêu Công cất tiếng khóc. Các đại phu đều khóc. Rồi lấy chăn thay xe, lấy lót xe thay chiếu, lấy yên ngựa làm ghế ngồi, lấy lễ tương ngộ làm lễ tương kiến.

Khổng Tử nói: Xem lễ với lời nói là đủ hiểu.

Cốc Thị - Thăm viếng kẻ mất nước thì gọi là nghiễn. Nghiễn về Lỗ Công không được về nước Lỗ.

冬十月戊辰叔孫舍卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, MẬU THÌN, THÚC TÔN XÁ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI, NGÀY MẬU THÌN, THÚC TÔN XÁ MẤT

Tả Thị - Chiêu Tử từ đất Hán về, gặp Bình Tử. Bình Tử cúi đầu hỏi: Ông cho tôi là người thế nào? Chiêu Tử đáp: Người ta ai không chết. Ngài vì việc đuổi vua mà thành danh, con cháu không quên, thế cũng đáng buồn. Còn nghĩ ngài sao được nữa.

Bình Tử nói: Nếu như đổi ý lại, tôi lại cứ thờ vua, thế tức là chết được sống lại (Bình Tử và Ý Như).

Chiêu Tử theo Lỗ Công sang Tề, cùng nói chuyện với Công. Tứ Gia Tứ sai người tới nơi quán của Công để định bắt. Công với Chiêu Tử nói chuyện ở trong trướng. Chiêu Tử nói rằng sẽ làm yên dân chúng để nạp Công. Người của Công định giết Chiêu Tử mới phục giữa đường đi về. Chức Tả sư là Triển báo cáo với Lỗ Công. Công bảo Chiêu Tử theo con đường đất Trú đi về đi (để khỏi gặp phục binh, khỏi bị giết)

Bình Tử có chí khác (không nghe Chiêu Tử nữa, không muốn cho vua về). Mùa đông, tháng 10, ngày Tân Dậu, Chiêu Tử trai giới, sai người cúng tế, cầu cho chết, rồi chết (vì bị Bình Tử lừa dối) Tả sư định cùng vua gấp về Lỗ. Người tùy tùng bắt.

Phụ lục Tả Truyện - Ngày Nhâm Thân. Doãn Văn Công (đảng Tử Triều) qua sông tới đất Cúng, đất ấp Đông Tí, ấp của Kính Vương, nhưng không được việc gì.

十有一月己亥宋公佐卒于曲棘

THẬP NGŨ NHẤT NGUYỆT, KỶ HỢI, TỐNG CÔNG TÁ TỐT VU KHÚC CỨC

THÁNG 11, NGÀY KỶ HỢI, TỐNG CÔNG TÊN LÀ TÁ MẤT TẠI KHÚC CỨC

Tả Thị - Tháng 11, Tống Nguyên Công vì có Lỗ Công mới sang Tấn, mộng thấy Thái Tử Long lên ngôi ở Miếu. Mình với Bình Công (là bố) phục mà giúp. Sớm dậy, triệu tập quần thần nói: Quả nhân bất tài, không chiều được ý các quan trong tôn tộc, để cho các người phải lo ngại, thật là tội quả nhân. Nếu như nhờ các vị, mà được chết như thường, được khâm liệm tống táng là quý rồi, đâu dám mong bằng tiên quân. Trọng Cơ đáp: Nhà vua nếu vì xã tắc, dung dị dự hạ, thì quần thần không dám biết. Còn như pháp luật nước Tống ta, về việc sống chết, tiên quân đã đặt quần thần chỉ biết tuân theo không dám sai. Thần mà làm sai chức vụ thì đã có hình phạt không tha. Thần không dám không sợ chết, dù có mệnh vua.

Vua Tống mới ra đi. Ngày Kỷ Hợi mất ở Khúc Cức.

Công Thị - Khúc Cức là ấp nước Tống, vua Chư hầu mất ở trong nước thì không chép nơi đất mất. Đây chép, vì trong nước không yên.

Cốc Thị - Mưu định giúp Lỗ Chiêu Công.

十有二月齊侯取鄆

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TỀ HẦU THỦ VẬN

THÁNG 12, TỀ HẦU LẤY ĐẤT VẬN

Tả Thị - Tháng 12, ngày Canh thìn, Tề Hầu vây đất Vận.

Phụ lục Tả Truyện - Tang Chiêu Bá sang Tấn, Tang Hội

trộm lấy mai rùa Lũ Câu (đồ quí) để bói nên Tín (trung thành) hay nên Tiếm (tiếm quyền). Được quẻ tiếm. Tang Lão sắp sang Tấn thăm Tang Chiêu Bá. Hội xin đi thay. Chiêu Bá hỏi thăm nhà. Nói cả. Hỏi đến vợ với em là Thúc Tôn thì không nói gì. Hỏi hai ba lần cũng không đáp. Về đến đất Giao. Tang Lão hỏi, Hội cũng cứ như trước. Về đến nước, dừng lại xét thì chả có việc gì. Hỏi bị bắt. Trốn chạy tới ấp Hậu. Hậu đại phu là Phòng Gia cho làm chức Thuế Quan, có lần có việc sang ấp Hạ Quí. Họ Tang mới sai năm người cầm đồ binh phục sẵn ở cửa Đồng Nhữ (làng Đồng Nhữ). Hội tới bị đuổi chạy. Bị bắt tại ngoài cửa Trung Môn họ Quí. Bình Tử giận nói rằng: Sao dám đem vào cửa ta. Mới bắt giữ Tang Lão, thế là hai họ sinh oán thù. Khi Tang Chiêu Bá theo vua Lỗ đi. Bình Tử cho Tang Hội lên thay để nối nghiệp họ Tang. Tang Hội nói: Thế mới biết mai rùa không nói dối ta.

Sở Tử sai Vi Sạ xây thành Châu Khuất, để cho dân đất Dã được trở lại, xây thành Khưu Hoàng để thiên người đất Tí tới. Vua Sở lại sai Hùng Tương Mời đắp lũy Sào, Quy Nhiên đắp lũy Quyển. Tử Thái Thúc thấy việc có bàn: Sở Vương sắp chết, làm cho dân không được ở yên, dân tất lo. Rồi lo sẽ tới vua, thế thì không lâu được.

Công Thị - Nước ngoài lấy ấp không chép, đây chép là tại lấy vì việc Lỗ.

Cốc Thị - Đặt biệt dùng chữ Thủ: lấy. Đáng nhẽ ở trong nước, thì không được gọi là Thủ. Nhưng đây là vì việc của Công cho nên đổi chữ. Dùng chữ Thủ, lấy.

Xét - Tề Cảnh không phạt Lỗ để cho Lỗ Công trở về, mà chỉ lấy đất Vận để cho Lỗ Công ở. Cho nên Kinh Xuân Thu chép là chê.

Hồ Truyện nói rằng Lỗ Công đã tuyệt với Lỗ, mà đã bị họ Quí đuổi, thì không phải là vua nữa. Bàn thế là không phải ý của Kinh.

Năm Ất Dậu. Vua Kính vương, năm thứ 4.

二十有六年

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN

NĂM THỨ 26

Tấn Khoảnh, năm thứ 10. Tề Cảnh, năm thứ 32. Vệ Linh, năm thứ 19. Sái Chiêu, năm thứ 9. Trịnh Định, năm thứ 14. Tào Điệu, năm thứ 8. Trần Huệ, năm thứ 14. Kỷ Điệu, năm thứ 2. Tống Cảnh Công Nhạc, năm đầu. Tần Ai, năm thứ 21. Sở Bình, năm thứ 13. Ngô Liêu, năm thứ 11.

春王正月葬宋元公

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT TÁNG TỐNG NGUYÊN CÔNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỄ TÁNG TỐNG NGUYÊN CÔNG

Tả Thị - Năm thứ 26 mùa xuân, tháng Giêng, Táng Tống Nguyên Công, như tiên quân. Thế là đúng lễ.

Phụ lục Tả Truyện - Ngày Canh Thân, Tề Hầu lấy đất Vận.

三月公至自齊居于鄆

TAM NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ TỀ CƯ VU VẬN

THÁNG 3, CÔNG TỰ TỀ TỚI Ở ĐẤT VẬN

Tả Thị - Tháng 3, Công Tự Tề tới ở tại Vận. Nghĩa là đất Lỗ.

Cốc Thị - Lỗ Công đình lại ở Dương Châu, vậy tại sao lại chép: tự Tề. Vì Tề Hầu gặp Lỗ Công, thì có thể nói là Lỗ Công tự Tề tới, Lỗ Công mà ở Vận, thế là ngoài. Tuy nhiên, chép là từ Tề về, là theo đạo nghĩa, không cho là Lỗ Công ở ngoài.

夏公圍成

HẠ, CÔNG VI THÀNH

MÙA HẠ LỖ CÔNG VÂY ĐẤT THÀNH

Tả Thị - Mùa hạ Tề Hầu sắp nhận Công. Ra lệnh không được nhận lễ đút lót của nước Lỗ. Gia thần họ Quí là Thân Phong và Nhữ Giả, lấy hai tấm lụa gấm, một chuỗi hạt ngọc sang quân Tề, bảo người nhà Tử Do tức là Lương Khưu Cứ, tên là Cao Nghĩ rằng: Nếu người nói được cho Tử Do nhận lễ, thì sẽ cố xin cho người được nối nghiệp họ Cao và đưa tới năm nghìn dữu thóc (mỗi dữu là 16 đấu). Cao Nghĩ lấy gấm đưa cho Tử Do coi, Tử Do ưng lắm. Nghĩ mới nói: Chưa có phương tiện, thì hãy đưa đồ lễ tới trước, hạng này ở Lỗ rất nhiều, hàng trăm. Tử Do nhận lễ, nói với Tề Hầu rằng: Bầy tôi không hết sức với vua Lỗ, không phải là không biết thờ ngài đâu. Chỉ vì thấy có việc lạ: Tống Nguyên Công vì vua Lỗ, tới Tấn rồi mất ở Khúc Cức. Thúc Tôn Chiêu Tử Câu nhận vua Lỗ về, mà rồi vô bệnh tật, chết. Cả hai đều không biết rằng trời đã bỏ Lỗ rồi, tức là vua Lỗ đã có tội với thần linh, mới sinh ra như thế. Nay nhà vua cứ đợi ở Khúc Cức, sai bầy tôi theo vua Lỗ mưu nên đánh hay không, nếu nên thì quân ta đã có thể, nhà vua giúp thêm vào thì thành công. Mà nếu không thành, thì nhà vua cũng không mang tiếng. Tề Hầu nghe, sai Công Tử Tù cầm quân theo Lỗ Công. Đại phu đất Thành là Công Tôn Triều bảo Bình Tử rằng: Có đó là để giữ nước. Tôi đây xin đem đất Thành để ngăn giặc. Bình Tử thuận, Triều định gửi con tin, Bình Tử nói không cần, ta tin người là đủ, Công Tử Triều mới nói với quân Tề rằng: Họ Mạnh ở Lỗ suy yếu rồi, dùng đất Thành đã lâu, dân không kham được nữa, muốn xin hàng Tề, quân Tề mới tới vây. Người ấp Thành đánh quân Tề ở bờ sông Chi nói rằng đánh thế để dối chúng. Đến khi Lỗ đã dự bị đủ chống cự rồi, mới cho nói bảo dân hàng, nhưng dân không hàng, không bảo được nữa. Quân Tề và quân Lỗ chiến tại đất Xuy Tỵ ở nước Lỗ. Tử Uyên Tiệp nước Tề, đuổi Tiết Thanh Tử bắn lướt đường sông cái mọc, quá xe, đâm vào càng xe, mũi tên ngập ba tấc, Thanh Tử nước Lỗ bắn trúng ngựa,

ngựa chết, đổi xe khác. Người Lỗ cho là Tông Lệ, Tư Mã họ Thúc Tôn, Tử xa (Tử Uyên Tiệp) bảo đó là người Tề. Sắp đánh Tử Xa, Tử Xa bắn, Địch chết. Người hầu nói, bắn nữa đi. Uyên Tiệp nói: Làm cho quân sợ, chớ đừng làm cho giận. Tề Nang Đái đuổi Lỗ Thanh Tử (Tiết). mắng nhiếc. Tiết nói: Bây giờ là việc quân, đừng nên nói đến thù oán riêng. Tề Nang Đái lại mắng, Tiết mắng lại (mới biết là bên Tề không có chiến tâm)

Gia thần họ Qui tên là Nhiễm Thu bắn Trần Vũ Tử trúng tay, Vũ Tử mất cung, chửi. Có kẻ cáo với Bình Tử rằng: Có người mặt trắng râu mày đẹp, mồm rộng Bình Tử nói: Tất là Tử Cương (Vũ Tử) đó. Đừng có kháng cự. Đáp: Bảo là người của ngài thì ai dám kháng.

Lâm Ung (người Lỗ) tự xấu hổ bị làm xa hữu của Nhan Minh, cho nên xuống đất đánh nhau, không ở trên xe, tướng Tề là Uyển Hà Kỳ không muốn giết chỉ cắt lấy tai (làm cho nhục thôi). Nhan Minh bỏ đi, người đánh xe của Tề Uyển khuyên, Tề Uyển mới chặt có một chân Lâm Ung, rồi cho chở lên xe khác đưa về. Nhan Minh ba lần xông vào quân Tề, hô gọi Lâm Ung (ý là không vì tư oán mà bỏ nhau trong lúc cùng làm việc cho họ Quí).

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tư Thiện Tử sang Tấn cáo cấp. Tháng năm ngày Mậu Ngọ người đất Lưu đánh được quân Vương Thành (người của Tử Triều) tại Thi Thị. Ngày Mậu Thìn, người đất Vương Thành, người đất Lưu giáp chiến tại Thi Cốc. Quân đất Lưu tan vỡ.

Cốc Thị - Không phải nước thì không thể nói là vây. Đây mà nói là vây là làm cho Lỗ Công trọng hơn.

秋公會齊侯莒子邾子杞伯盟于專陵

THU, CÔNG HỘI TỀ HẦU, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, KỶ BÁ MINH VU CHUYÊN LĂNG

MÙA THU, LỖ CÔNG HỘI VỚI TỀ HẦU, CỬ TỬ, CHÂU TỬ KỶ BÁ, THỀ TẠI ĐẤT CHUYÊN LĂNG

Tả Thị - Mùa thu. Thề tại Chuyên Lăng, Tề mưu việc nạp nhận Lỗ Công trở về Lỗ.

公 至 自 會 居 于 鄆

CÔNG CHÍ TỰ HỘI, CƯ VU VẬN.

LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ, Ở ĐẤT VẬN.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng bảy ngày Kỷ Tỵ, Lưu Tử vì thua, sinh lo sợ đem vua Chu ra đi, ngày Canh Ngọ dừng nghỉ tại đất Cừ (đất Chu) Người Vương Thành đốt áp Lưu Tử, ngày Bính Tý vua ngự tại nhà họ Chử, ngày Đinh Sửu vua dừng ở lại Hoàn Cốc (đất Chu). Ngày Canh Thìn, vào đất Tu Mi (đất Chu), ngày Tân Tỵ, dừng lại ở Hoạt. Ở Tấn các đại phu, Trí Lịch, Triệu Ưởng cầm quân giúp vua, sai đại phu Nhữ Khoan giữ Khuyết Tái, tây nam Lạc Dương để phòng Tử Triều.

Cốc Thị - Thực là Lỗ Công ở ngoài nước. Thế mà chép từ hội về, là vì theo đạo nghĩa không thể cho là Công ở ngoài.

九 月 楚 子 居 卒

CỬU NGUYỆT, SỞ TỬ CƯ TỐT

THÁNG CHÍN VUA SỞ TÊN LÀ CƯ MẤT

Tả Thị - Tháng chín Sở Bình Vương mất. Lệnh Doãn là Tử Thường, muốn lập Tử Tây (con lớn tuổi) nối ngôi, nói: Thái Tử Nhâm thì yếu kém. Mẹ lại không phải là đích vì trước đã được Vương Tử Kiến lễ sinh hỏi làm vợ. Tử Tây thì lớn mà hiền. Lập trưởng thì ngôi thuận, tính tốt thì nước yên. Ngôi thuận, nước yên còn cầu gì hơn. Tử Tây giận nói: Thế mà làm cho nước loạn mà lại là bới điều xấu của vua. Còn có nước ngoài giúp, (ý nói Tần, con gái Tần là mẹ Thái Tử), không khinh thường được. Ngôi vua thì có đích, có tự không thể rối loạn được, hại kẻ thần, gây kẻ thù, loạn ngôi vua, thế là không hay. Đem ta ra mà làm đầu trò, ta lại càng không theo được. Nước Sở sẽ làm gì. Tất là sẽ giết quan Lệnh Doãn.

Lệnh Doãn sợ, mới lập Thái Tử Nhâm là Chiêu Vương.

冬十月天王入于成周

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, THIÊN VƯƠNG NHẬP VU THÀNH CHU

MÙA ĐÔNG, THÁNG MƯỜI, THIÊN TỬ VÀO ĐẤT THÀNH CHU

Công Thị - Thành Chu, tức là Đông Chu. Chép là vào, tức là không có nghi ngại gì.

Cốc Thị - Chu, có chữ vào là không ra nữa.

Đỗ Dự - Truyện thì chép là vua vào, sau khi Tử Triều chạy. Theo Kinh thì trước khi đó, Tử Triều có báo cáo nhưng muộn.

尹氏召伯毛伯以王子朝奔楚

DOÃN THỊ, TRIỆU BÁ, MAO BÁ, DĨ VƯƠNG TỬ TRIỀU BÔN SỞ

DOÃN THỊ, TRIỆU BÁ, MAO BÁ, ĐEM VƯƠNG TỬ TRIỀU CHẠY SANG SỞ

Tả Thị - Mùa đông, tháng 10, ngày Bính Thân. Vương cất quân tại đất Hoạt. Ngày Tân Sửu ở đất Giao, rồi đình lại ở đất Thi. Tháng 11, ngày Tân Dậu quân đội Tấn đánh được Củng. Thiệu Bá Doanh đuổi Vương Tử Triều cùng với họ Thiệu. Mao Bá Đắc, Doãn Thi Cố, Nam Cung Ngân đem điển tịch, sổ sách, ấn tín, nhà Chu chạy sang Sở. Âm Kỵ người đảng Tử Triều chạy tới ấp Cừ (đất Chu) để phản lại, Thiệu Bá thì đi đón Vương (Kính Vương) tại đất Thi, cùng ăn thề với Lưu Tử và Thiện Tử. Rồi đem quân tới Ngữ Trạch đất Chu, đình lại trên bờ sông, ngày Quí Dậu Vương vào Thành Chu (Lạc Dương). Ngày Giáp Tuất thề tại miếu Tương Vương. Quân Tấn sai đại phu Thành Công Ban ở lại giữ hộ Chu rồi kéo về,. Tháng 12, ngày Quí Mùi Vương vào thành Trang Cung. Vương Tử Triều sai báo cáo với chư hầu rằng: Xưa vua Vũ Vương diệt nhà Ân, vua Thành Vương yên trị bốn phương, vua Khang Vương an nghỉ nhân dân, các vua đều gầy dựng cho các em cùng mẹ để làm rào giậu cho nhà Chu và có nói rằng ta không riêng hưởng một mình công của các vua

Văn, Vũ mà làm cho đời sau mê hoặc đổ nát, đưa người vào chỗ tai nạn mới cứu vớt. Rồi đến Di Vương bị bệnh khó chữa, chư hầu ai mà không trông mong cầu đảo cho vua. Rồi đến Lệ Vương bạo ngược, dân không chịu nổi, đem Vương đến ở đất Trệ. Chư hầu đổi ngôi, tạm cất vương chính. Tuyên Vương có chí gióng giả các quan. Rồi đến U Vương, trời không giúp nhà Chu. Vua mờ ám mất ngôi. Huệ Vương cầu lên ngôi, chư hầu phế đi mà dựng Nghi Cữu, tức Bình Vương, dời đô ra đất Giáp Nhục. Thế tất là trong các chư hầu đồng tông biết giúp đỡ vương thất. Kịp đến đời Huệ Vương trời không cho Chu yên mới sinh ra Đồi tâm bậy. Sinh ra Thúc Đái, vua Huệ, vua Tương phải tránh nạn, rời khỏi kinh đô, thì lại có Tấn, có Trịnh đều trừ khử được mối loạn, để yên định nhà vua. Thế là các nước đồng tông biết theo mệnh tiên vương.

Tới năm thứ 6, Định Vương có người Tần đã tiên đoán nhà Chu có vua được chư hầu phục, và được hai đời tốt. Nhà vua gián đoạn, chư hầu không giúp, thành ra tự bị tai họa, đến thời vua Linh Vương, khi mới sinh đã có tướng lạ, thực là một vị thánh, được lòng chư hầu. Linh Vương, Cảnh Vương đều được trọn đời ở ngôi.

Nay, Vương thất loạn. Thiện Kỳ (Mục Công) Lưu Địch (Lưu Phần) làm quấy rối thiên hạ hành vi toàn bạo ngược, cho rằng tiên vương vốn không có thường pháp nhất định, cốt lòng ta nghĩ thế nào tức như là phép, còn ai dám chống lại. Thế là cầm đầu một bọn cùng tư tưởng ấy, làm hư hỏng vương thất, tham muốn không biết chán, đòi hỏi không có mức độ, khinh nhờn quỷ thần, bỏ cả hình pháp, phản phúc, bội ước, ngang ngược, ngông nghênh, dối trá tàn bạo. Lại được nước Tấn vô đạo giúp đỡ, đón đưa càng thêm làm bậy. Quả nhân, trước tình thế phải rời khỏi nước, tới đất Kinh Man, chưa được yên vị, giá như một vài nước tôn tộc, anh em, cậu chú thuận theo đạo trời không giúp kẻ gian ngoan, cứ y phép cũ tiên vương tránh tội trời, mà lo giúp quả nhân, như thế mới là đúng. Xin tỏ rõ phúc tâm, cùng đường lối các tiên vương, để chư hầu đều cố gắng. Xưa tiên vương có mệnh rằng: không đổi chức ngôi, cứ chọn lập trưởng, cùng tuổi thì chọn đức, cùng đức thì theo bói. Lập ngôi vua không được dựa vào yêu

ghét, Cử Công Khanh không được vị tình riêng. Đó là phép chế cổ. Mục Vương và Thái Tử Thọ không được thọ. Thiện cùng Lưu vì tình riêng lập ngôi vua, lấy người ít tuổi, làm sai pháp chế tiên vương. Vậy các chư hầu cần phải mưu đồ.

Mẫn Mã Phủ nghe lời của Tử Triều có bàn. Văn từ để hành lễ. Tử Triều đã phạm mệnh của Cảnh Vương, lại xa nước Tấn, cứ làm việc theo ý mình rõ là quá vô lễ. Vậy Văn từ còn dùng làm gì.

Phụ lục Tả Truyện - Nước Tề có sao chổi. Tề Hầu sai cúng giải. Án Tử nói: Vô ích cúng chỉ là dối, đạo trời không sai, mệnh không trái ngược. Thế thì cúng giải được việc gì, như đức mà xấu cúng có giảm được không. Kinh thi có câu: Chỉ có Văn Vương hết lòng kính cẩn, đức độ không trái trời, không trái người, bốn phương đều quy phục. Nhà vua không trái đức, bốn phương sẽ theo về, lo ngại gì sao chổi. Thi lại còn nói: Ta không cần xem xét đâu bằng nhà Hạ cùng nhà Thương, dân mà lưu vong, gốc ngọn vẫn là một. Ví bằng đức loạn, dân bị lưu vong, thì cầu cúng sao lại được.

Vua nghe ra, truyền thôi cúng.

Tề Hầu với Án Tử ngồi ở chính cung. Tề Hầu than rằng: Nhà đẹp thật đấy. Ai mà có được nhà ấy. Án Tử nói: Xin hỏi thế là ý nghĩa gì. Công nói: Ta cho là cốt ở đức. Án Tử nói: Như nhà vua nói chắc là nghĩ đến họ Trần. Họ Trần tuy rằng đức không lớn, nhưng cũng có ơn với dân. Các đồ đong thóc, đong của công, thì dùng số lượng ít. Mà đong cho dân, thì dùng số lượng nhiều (ví dụ đấu công, số lượng tám, đấu tư, số lượng mười). Thành ra Công thu thuế của dân vẫn nhiều, mà họ Trần ban cho dân thì lại cứ hậu. Thế là được lòng dân. Thi có câu: Tuy người chưa có gì là đức lớn, nhưng dân vui hát. Thế tức là họ Trần ra ơn cho dân, dân vui hát vậy. Đời sau nếu có suy kém, họ mà chưa diệt thì nước vẫn cứ của họ Trần. Công nói: Đúng đấy. Thế thì làm thế nào (để mà chế ngự họ Trần sẽ tiếm đoạt). Đáp: Duy chỉ có lễ là giữ được. Theo lễ, đại phu, ngoài người nhà mình, không có mua ơn với người trong nước. Dân thì không có đổi nghề nghiệp. Làm ruộng phải theo đúng phương pháp. Làm công nghệ, đi buôn

bán, không thay đổi đường lối. Làm sĩ phu, không mất chức vụ, làm quan không lười nhác, đại phu không lấy của công.

Tề Hầu nói: Đúng đấy, ta thực không làm nổi. Từ nay trở đi, ta mới biết, muốn trị quốc cần ở lễ. Đáp: Lấy lễ trị nước đã có từ lâu, từ khi có trời, có đất. Vua ra lệnh, thần tuân theo. Cha từ con hiếu. Anh yêu em kính. Chồng hòa vợ thuận. Mẹ từ, con nghe. Thế là lễ. Vua ra lệnh mà lệnh không trái lí. Thần tuân theo mà không hai lòng. Cha từ mà có dạy. Con hiếu mà biết can. Anh yêu mà thân (gần em). Em kính mà theo. Chồng hòa mà có nghĩa. Vợ mềm mà chính. Mẹ từ mà biết nghe. Con nghe mà chịu. Đó là chỗ hay của lễ.

Tề Hầu nói: Đúng thật. Từ nay trở đi, quả nhân mới biết lễ là trên hết. Đáp: Tiên Vương cứ suy việc trời, việc đất để rồi trị dân. Thế cho nên tiên vương đặt lễ lên trên hết.

Cốc Thị - Không phải là tránh, chính là chạy.

Năm Bính Tuất. Vua Kính Vương, năm thứ 5.

二 十 有 七 年

NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN

NĂM THỨ 27

Tấn Khoảnh, năm thứ 11. Tề Cảnh, năm thứ 33. Vệ Linh, năm thứ 20. Sái Chiêu, năm thứ 4. Trịnh Định, năm thứ 15. Tào Điệu, năm thứ 9. Trần Huệ, năm thứ 15. Kỉ Điệu, năm thứ 3. Tống Cảnh, năm thứ 2. Tần Ai, năm thứ 22. Sở Chiêu Vương Chẩn năm đầu. Ngô Liêu, năm thứ 12.

春 公 如 齊 公 至 自 齊 居 于 鄆

XUÂN CÔNG NHƯ TỀ, CÔNG CHÍ TỰ TỀ, CƯ VU VẬN

MÙA XUÂN, CÔNG SANG TỀ, CÔNG TỪ TỀ VỀ,. Ở ĐẤT VẬN

Tả Thị - Năm thứ 27. Mùa xuân. Công sang Tề. Công tự Tề về. Ở đất Vận. Thế nghĩa là ở ngoài nước.

Cốc Thị - Vậy Công ở ngoài nước.

夏四月吳弒其君僚

HẠ, TỨ NGUYỆT. NGÔ THÍ KÌ QUÂN LIÊU

MÙA HẠ, THÁNG TƯ. NƯỚC NGÔ GIẾT VUA LÀ LIÊU

Tả Thị - Vua Ngô muốn nhân Sở đang có tang đánh Sở, mới sai Công Tử Yểm Trừ và công tử Chúc Dung cầm quân vây đất Tiềm (đất Sở), sai Diên Châu Lai Quý Tử (Diên Châu Lai là tên đất phong), giao thiệp với Trung Quốc, rồi tới giao thiệp với Tấn, để xem xét tình hình các chư hầu. Ở Sở, Dụ Doãn Nhiên, Công Doãn My. cầm quân cứu Tiềm, Tả Tư Mã là Trầm Doãn đem bọn sĩ phu ở Kinh Đô, và bọn chăn ngựa công, để thêm sức cho quân đội. Hai bên Ngô, Sở gặp nhau ở đất Cùng. Sở Lệnh Doãn Tử Thường, đem thuyền tới khúc sông Sa rồi quay về. Tả Doãn là Khích Uyển và Công Doãn Thọ cầm quân đến đất Tiềm. Thế là quân Ngô không có thế lui được nữa.

Công Tử nước Ngô là Quang nói: Thời này không nên để mất (định giết vua), mới bảo Chuyên Thiết Chư rằng: Trung Quốc có câu: Không mưu tính thì không được gì cả. Ta đây là thừa tự tiên vương. Ta muốn làm. Việc làm mà xong, khi Quý Tử đi sứ về, chắc không phế ta. Chuyên Chư nói: Vua có thể giết được. Nhưng tôi còn mẹ già em dại, làm thế nào. Quang nói: Ngươi là ta, ta là ngươi, không ngại.

Mùa hạ, tháng tư, Quang cho phục giáp sĩ ở dưới nhà hầm. Rồi mời vua dự tiệc. Vua sai giáp binh phục hai bên đường cho đến cửa. Từ cửa đến chiếu ngồi, đều là người thân trong tôn tộc. Đứng bên là bọn cầm gươm trần. Nhà bếp tiến dâng đồ ăn phải thay áo, từ ngoài cửa, rồi quỳ lết đi vào, người cầm gươm theo sát, rồi cùng dâng. Quang giả là có tật đau chân, vào nghỉ ở trong nhà hầm. Chuyên Chư đặt gươm ở bụng cá rồi dâng lên, rút gươm đâm vua giữa bụng. Vương bị giết. Thị Vệ giết Chuyên Chư.

Hạp Lư (Quang) cho con Chuyên Chư làm Khanh.

Quý Tử đi sứ về nói: Nếu làm cho tiên quân không bị bỏ cúng tế, nhân dân không bỏ chủ, xã tắc còn được tôn trọng, quốc

gia không bị nghiêng đổ, thì đó là vua ta đó, ta đâu có oán hận. Thương chết giúp sống để chờ mệnh trời. Đâu có phải là ta sinh ra mối loạn, kế tiếp theo nhau, sai đạo làm người.

Nói xong ra mộ vua khóc, tâu lại sứ mệnh. Rồi ở lại chức vị mình để đợi mệnh.

Công tử Yểm Trừ, chạy sang đất Từ. Công tử Chúc Dung chạy sang nước Chung Ngô (một nước nhỏ). Quân đội Sở nghe tin Ngô loạn, thế là kéo về.

Hồ Truyện - Đây là công tử Quang sai Chuyên Chư giết vua. Mà chép là nước Ngô giết là tại sao. Vua Ngô là Thọ Mộng có bốn con. Lớn là Chư Phàn. Thứ là Dư Tế, thứ nữa là Di Muội. Cuối là Quý Trát. Quang là con Chư Phàn. Liêu là con Di Muội. Anh em Chư Phàn đều muốn để nước cho con út Quý Tử. Quý Tử không chịu nhận. Thì thế tất đến Quang. Sao lại đến Liêu làm vua được. Cho nên chép là nước Ngô giết, mà không ghép tội cho Quang. Chép là nước giết, là kết tội các đại thần Ngô. Đại thần lo đại sự, mà đặt ngôi vua là đại sự. Vua còn, thì cái gốc nước yên. Vua chết thì con nối phải lên ngôi. Xã tắc yên định, không ai chê trách được. Đó là nhiệm vụ đại thần giữ chính sự, việc ông Y, ông Thiệu giữ yên được các triều Thương, Chu, mà Khổng Minh định được họ Lưu triều Hán. Ví như truất phế, do bọn hoạn, lại, không qua tay đại thần, thì đại thần còn dùng đến làm gì. Đó là Xuân Thu quy tội cho đại thần, mới chép là nước Ngô giết vua, ý rất là sâu xa.

Thẩm Nhược Thủy - Chép là nước Ngô giết vua là Liêu, thì biết rõ tội bọn loạn tặc. Xét Tả Truyện thì giết vua Ngô Liêu là công tử Quang và Chuyên Chư. Thế mà lại chép là nước Ngô. Là để cho người ta khảo cứu đến nguồn gốc, thì người có tội sẽ rõ ngay. Bọn hậu nho bàn rằng nước Ngô loạn, tội ở Quý Tử nhường nước. Bàn thế là sai. Cứ như Quý Tử chỉ là biết lễ thôi. Khi Quang đã giết vua, các công tử Yểm Trừ, Chúc Dung đều bỏ đi, mà Quý Tử thì nói rằng, nếu tiên quân không bị bỏ tế, nhân dân không bỏ chủ, xã tắc còn được tôn trọng, quốc gia không nghiêng đổ, đó là vua ta đó, nói thế có được là biết lễ không. Vậy tội của Quý Tử ở trường hợp đó.

Xét - Quang giết vua, Xuân Thu không chép Quang giết, mà chép là nước Ngô giết, Hồ Truyện quy tội cho đại thần, đó là một thuyết. Thẩm Nhược Thủy bàn rằng để cho người ta khảo sát nguồn gốc, thì tội nhân tự hiện ra, thuyết đó lại càng hay, Đỗ Dự cho là tội ở Liêu. Khổng Dĩnh Đạt. Lưu Sướng cho là người trong nước đều muốn giết, thế thì thuyết nào chính. Thời Văn Công, năm thứ 16, đoạn người Tống giết vua có biện luận kĩ.

楚 殺 其 大 夫 郤 宛

SỞ SÁT KÌ ĐẠI PHU KHÍCH UYỂN

SỞ GIẾT ĐẠI PHU LÀ KHÍCH UYỂN

Tả Thị - Sở Khích Uyển trực tính mà ôn hòa, người Sở quý lắm. Yển Tướng Sư giữ chức Hữu Lình, cùng hàng với Phí Vô Cực, mà cùng ghét Khích Uyển. Lệnh Doãn Tử Thường ăn của hối lộ mà thích nghe lời gièm pha. Vô Cực mới gièm Khích Uyển, nói với Tử Thường rằng: Tử Ác (Khích Uyển) muốn cho ngài uống thuốc độc. Xong lại bảo Khích Uyển rằng: Lệnh Doãn muốn uống rượu ở nhà ông đấy. Khích Uyển đáp: Tôi hèn hạ, không đủ cho quan Lệnh Doãn tới. Nếu ngài tới, thật là đặc ân, thì tiếp thế nào. Vô Cực nói: Lệnh Doãn thích đồ giáp binh. Ông cho giáp binh trình diện. Tôi chọn họ cho. Lấy năm giáp binh đặt ngoài cửa. Lệnh Doãn đến, chắc duyệt ngay, rồi ông cho theo để dâng chén. Tới ngày hương tiệc, thì vây màn bên tả cổng trước để cho giáp binh túc trực.

Vô Cực lại bảo Lệnh Doãn rằng: Tôi suýt hại ngài. Tử Ác sắp có việc bất lợi cho ngài. Ở cửa có đặt giáp binh. Ngài tất không tới đâu. Vả lại việc quân vừa rồi, nước Ngô mà yên mạnh được là vì Tử Ác ăn hối lộ đem quân về, làm nhầm nhỡ các quân đội khác cũng phải lui về. Tử Ác có nói, nhân người ta loạn mà đi đánh là bất tường. Nước Ngô đã nhân Sở ta có tang, nay ta lại nhân nước Ngô có loạn, thế thì có nên chăng.

Lệnh Doãn mới sai tới coi Khước Thị (nhà họ Khước) thì có giáp binh thật. Mới không tới, và cho triệu Yển Tương Sư, bảo cho biết mưu của Tử Ác, rồi sai tới đánh và hủy thiêu nhà

Tử Ác. Tử Ác nghe tin, mới tự sát. Người trong nước không tới đốt. Lại có lệnh rằng: Không đốt là đồng lõa, đồng tội. Người trong nước, mới, kẻ cầm bó rơm, kẻ cầm bó cỏ ném vào, nhưng cũng không cháy. Sau Lệnh Doãn cho đốt, diệt hết họ hàng Tử Ác, giết Dương Lệnh Chung với em là Hoàn, là Đà, giết cả người đảng Khích thị, là đại phu Tấn Trần, cùng con và em. Họ hàng Tấn Trần kêu gọi người trong nước rằng: Họ Yển, họ Phí, tiếm quyền, chuyên làm hại nước Sở, làm yếu nhà vua, dối vua cùng Lệnh Doãn để lấy lợi riêng. Lệnh Doãn hoàn toàn tin, người trong nước nghĩ sao.

Lệnh Doãn thấy thế sinh ngại.

秋晉士鞅宋樂祁黎衛北宮喜曹人邾人滕人會于扈

THU, TẤN SĨ ƯỞNG, TỐNG NHẠC KÌ LÊ, VỆ BẮC CUNG HỈ, TÀO NHÂN, CHÂU NHÂN, ĐẰNG NHÂN, HỘI VU HỖ

MÙA THU, TẤN SĨ ƯỞNG, TỐNG NHẠC KÌ LÊ, VỆ BẮC CUNG HỈ, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CHÂU, NGƯỜI ĐẰNG HỘI TẠI ĐẤT HỖ

Tả Thị - Mùa thu, hội tại Hỗ, để nhận lệnh đóng quân đồn trú tại đất nhà Chu, và mưu việc nạp nhận Lỗ Công. Tống và Vệ đều có lợi trong việc nhận Lỗ Công, cho nên cố xin Phạm Quý Tử ăn hối lộ của họ Quý (Quý Tôn) bảo Tư Thành Tử Lương tức là Tống Nhạc Kì, cùng Bắc Cung Trinh Tử túc là Vệ Bắc Cung Hỉ rằng: "Quý Tôn chứa biết tội mình mà vua đã đánh, đã xin được giam giữ, hoặc được chạy ra ngoài, mà vua không cho. Vua lại không thành công, phải tự ra khỏi nước. Vậy xét có ai không sửa soạn mà đuổi được vua. Họ Quý yên được mới biết là trời cứu, trời dẹp yên cái tức giận của người nhà vua, mà cởi mở tâm can họ Quý. Nếu không thì sao đánh người lại bỏ cả giáp ngồi chơi. Họ Thúc Tôn sợ họa lây mà phải theo ngay về Quý thị. Đó là ý trời. Vua Lỗ ở Tề ba năm không thành

việc gì, họ Quý thì rất được lòng dân, xứ Đông Lỗ quay về giúp. Đã dự bị đến mươi năm, đã được Tề, Sở làm ngoại viện (dù Công ở Tề, nước Tề cũng không vì công), đã được trời cho, dân giúp, đã được lòng kiên thủ, đã có quyền của một chư hầu, thế mà vẫn không dám dùng quyền đó, mà vẫn cứ nạp vua Lỗ, Ưởng tôi vốn mong như thế, xin theo hai ngài để vây Lỗ. Nếu không được thì đánh chết.

Hai người đều sợ, đều từ chối. Rồi xin với vua Tấn được lui, vì việc khó.

Hồ Truyện - Văn Công, năm thứ 15, chư hầu đồng minh tại đất Hỗ, sắp vì Lỗ đánh Tề, Tề Hầu mới hối lộ thành ra khỏi bị đánh, cho nên về việc hội chỉ lược qua. Nay việc mưu thâu nạp Lỗ Công, cũng có hối lộ, nên không được thâu nạp, mà đại phu của từng chư hầu được chép rõ là tại sao. Vì: Có lợi về thâu nạp vua Lỗ, thì chỉ có đại phu hai nước Tống, Vệ. Nhận của hối lộ của Quý Thị để không thâu nạp vua Lỗ, thì chỉ có Phạm Ưởng. Thế thì cái lệnh đồn thú ở đất Chu thi hành sao được. Cho nên, lần nào kể rõ mà không lược, mới biết tình ý thánh nhân cho việc được hay không, nặng hay nhẹ.

冬十月曹伯午卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TÀO BÁ NGỌ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, VUA NƯỚC TÀO TÊN LÀ NGỌ MẤT

郳快來奔

CHÂU KHOÁI LAI BÔN

CHÂU KHOÁI (ĐẠI PHU NƯỚC CHÂU) CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Mạnh Ý Tử và gia thần họ Quý là Dương Hổ, đánh đất Vận. Người Vận sắp ứng chiến, thì Tử Gia Tử nói rằng: Mệnh trời đã rõ (bỏ vua Lỗ) từ lâu rồi. Làm cho vua mất hẳn sẽ là dân đây. Trời đã ra họa mà mình lại tự cho phúc thì khó lắm. Nếu còn có quỷ thần thì chuyến này bại mất. Thương thay còn mong gì nữa. Chắc chết ở đây thôi.

Lỗ Công sai Tử Gia Tử sang Tấn. Quân của Công bị bại ở Thả Tri, đất gần đất Vận.

Cái nạn Sở Khích Uyển, người Sở còn nói đến. Bọn người mời Lệnh Doãn còn chê Lệnh Doãn thì Trầm Doãn Thú nói với Tử Thường rằng: Tả Doãn với Trung Cứu Doãn không biết có tội gì mà giết cả hai, thành gây ra lời chê oán, đến nay chưa thôi, (Tả Doãn: Khích Uyển, Trung Cứu Doãn: Dương Lệnh Chung). Thù tôi đây rất lo ngại. Hạng người có nhân, giá như có giết người cho lấp miệng, cho khỏi chê oán, còn không làm, thế mà nay ngài giết người để gây chê oán. Ngài để yên, không mưu tính, thì ra thật. Xét ra, Vô Cực, ở nước Sở, nay là kẻ nịnh thần, dân ai còn không biết, đuổi Triều Ngô (việc năm thứ 15, Chiêu Công), đuổi Sái Hầu Chu (việc năm thứ 21, Chiêu Công), Táng Thái Tử Kiến, giết Liên Doãn Sa, che lấp tai mắt vua. Nếu không thế, thì Bình Vương, đức độ, ơn huệ, cung kiệm, rất xa cả Thành và Trang mà không được lòng chư hầu chỉ vì cứ gần Vô Cực. Nay lại giết ba người vô cô (vô tội) để gây chê oán (ba là Khánh Thị, Dương Thị, và Tấn Trần Thị), chút nữa hại cả đến ngài. Ngài mà không lo tính thì còn để dùng làm gì. Xét, Yên Tương Sư, giả mệnh ngài để diệt ba nhà ấy, là ba nhà rất lương thiện trong nước, thế mà cứ giữ chức được, không bị tội. Nước Ngô mới có vua. Biên giới thường có việc. Nước Sở ví như có đại sự, thì ngài nguy lắm. Người trí thức phải nghĩ trừ ngay gian nịnh để được yên. Nay ngài thích ưa nịnh, để tự nguy, tôi thật lấy làm lo nghĩ".

Tử Thường nói: Đó là tội của Ngõa tôi. Đâu dám không nghe. Tháng chín, ngày Kỉ Mùi, Tử Thường giết Phí Vô Cực, và Yển Tương Sư, giết hết cả họ. Trong nước dân mừng. Lời chê oán hết.

Công Thị - Châu Lâu Khoái là ai. Là đại phu nước Châu Lâu. Châu Lâu không có đại phu. Đây sao chép. Chép vì ở gần.

Triệu Bằng Phi - Đại phu chạy tới thì vẫn có. Mà Châu thì chép rõ. Thánh nhân không vì nước nhỏ mà lược qua. Vả lại Châu vốn là Phụ Dung nước Lỗ. Tự theo mệnh vua Chu, phản phúc bất thường. Lỗ vốn ghét, đã nhiều lần trị nước Châu. Kịp

đến thời cuối (Xuân Thu), nước Châu thường tố cáo với Tấn. Lỗ thì sợ Tấn, mà lại không muốn nói rõ tội Châu. Riêng ngầm dụ dỗ các bầy tôi Châu, và làm cho Châu yếu kém dần. Cho nên bốn việc chạy trốn tới, hai việc dâng đất tới. Lỗ thực là vụ lợi. Đường đường một nước lớn, mà làm chủ cho bọn phản loạn. Đức xấu thật đã rõ.

公 如 齊

CÔNG NHƯ TỀ

LỖ CÔNG SANG TỀ

Tả Thị - Mùa đông, Công sang Tề. Tề Hầu xin làm lễ thết tiệc (đại lễ). Tử Gia Sử nói: Sớm tối đứng ở triều, còn phải lễ hưởng gì. Xin cho lễ uống rượu thôi. Tề Hầu mới đặt tiệc rượu, sai chức Tể làm chủ tiệc để thay mặt mời rượu. Con Tử Trọng vốn là phu nhân Tề Hầu muốn yết kiến. Tử Gia Tử đưa vua rời tiệc đi ra (không cho yết kiến vì không phải chỗ).

公 至 自 齊 居 于 鄆

CÔNG CHÍ TỰ TỀ, CƯ VU VẬN

LỖ CÔNG TỪ TỀ VỀ, Ở ĐẤT VẬN

Phụ lục Tả Truyện - Tháng 12, Tịch Đàm nước Tấn, đem quân đồn thú của các chư hầu tới đồn trú đất Chu. Nước Lỗ từ chối là đang có việc khó khăn.

Uông Khắc Khoan - Mạnh Ý Tử và Dương Hổ đánh đất Vận. Quân nhà vua bị thua ở đất Thả Tri. Kinh Xuân Thu không chép, là ý còn tôn trọng Công. Trên đối với dưới thì có chinh mà không có chiến, huống trên lại bị thua. Vua đánh tôi thì uy đã giảm mất, huống vua lại bị tôi đánh thua. Dương Hổ là loại phản nghịch không đáng trách, nhưng Trọng Tôn Hà Kị vốn là học ở cửa thánh nhân, sao lại u mê về nghĩa vua tôi đến thế. Thật là đáng than, đáng tiếc.

Năm Đinh Hợi. Vua Kính Vương, năm thứ 6.

二十有八年

NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN

NĂM THỨ 28

Tấn Khoảnh, năm thứ 12. Tề Cảnh, năm thứ 34. Vệ Linh, năm thứ 21. Sái Chiêu, năm thứ 5. Trịnh Định, năm thứ 16. Tào Thanh Công Dã, năm đầu. Trần Huệ, năm thứ 16. Kỉ Điệu, năm thứ 4. Tống Cảnh, năm thứ 3. Tần Ai năm thứ 23. Sở Chiêu, năm thứ 2. Ngô Hạp Lư, năm đầu.

春王三月葬曹悼公

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, TÁNG TÀO ĐIỆU CÔNG

MÙA XUÂN, THÁNG BA, LỄ TÁNG TÀO ĐIỆU CÔNG

公如晉次于乾侯

CÔNG NHƯ TẤN. THỨ VU CAN HẦU

LỖ CÔNG SANG TẤN. DỪNG Ở ĐẤT CAN HẦU, MỘT ẤP TRONG NƯỚC TẤN

Tả Thị - Năm thứ 28, Chiêu Công, mùa xuân. Công muốn sang Tấn. Định tới Can hầu. Tử Gia Tử nói: Có việc phải cầu tới người, mà lại cầu yên thân, thì còn ai thương, xin đi tới nơi. Vua không nghe, cho người bảo Tấn đón. Người Tấn nói: Trời ra tai họa cho Lỗ, vua phải ở ngoài, phải lo nghĩ, vua cũng không sai lấy một người sứ nhỏ tới quả nhân, cứ ở yên ở một nước trong tôn tộc, lại còn muốn người đón. Vậy xin vua cứ tới biên giới, tới cõi sẽ đón.

Cốc Thị - Đây là vua ở nước ngoài rồi.

Xét - Sau khi Chiêu Công mất nước, thì mọi việc đi lại, ở về, thánh nhân chép tường tận, là để rõ mối liên hệ với thần dân nước Lỗ trông mong và để chê lối vô quân của họ Quý. Hồ Ninh mà bàn rằng toàn thị buộc lỗi Chiêu Công, bàn thế là nhầm.

夏四月丙戌鄭伯寧卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, BÍNH TUẤT, TRỊNH BÁ NINH TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÍNH TUẤT, TRỊNH BÁ NINH MẤT

六月葬鄭定公

LỤC NGUYỆT, TÁNG TRỊNH ĐỊNH CÔNG

THÁNG 6, LỄ TÁNG TRỊNH ĐỊNH CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Tấn Kì Thắng cùng với Ô Tang, hai nhà thông dâm. Đều là gia thần của Kì Doanh. Kì Doanh, muốn bắt làm tội, có hỏi ý Tư Mã Thúc Du. Thúc Du nói: Sách cổ có nói đến ghét điều chính trực, lập thành đồ đảng, thời loạn, thế mạnh. Ông nên ngại. Kinh thi có câu: Dân nhiều phép, không nên tự gây phép. Giá như tôi đi thì thế nào. Doanh nói: Họ Kì tôi trị việc riêng trong nhà, có quan hệ gì đến việc nước. Thế rồi cứ bắt.

Kì Thắng mới đút lót Tuân Lịch. Tuân Lịch mới nói với Tấn Hầu. Tấn Hầu bắt Kì Doanh. Bầy tôi của Kì Doanh nói: "Rồi đều chết". Chắc là khi chủ ta nghe thấy Thắng và Tang đều chết thì thích lắm". Mới giết cả đi. Mùa hạ, tháng 6, Tấn giết Kì Doanh, giết cả Dương Tự Ngã (Dương là tên ấp của Thúc Hướng. Tự Ngã là con Thúc Hướng, mà là trong đảng Kì Doanh). Rồi diệt họ Kì, họ Dương Thiệt.

Xưa, Thúc Hướng muốn hỏi vợ ở họ Thân Công Vu Thần. Mẹ thì lại muốn thông gia với đảng. Thúc Hướng nói: Nhà ta, thê thiếp thì nhiều mà con thứ thì ít, ta coi bên nhà cô, cậu, thì lấy làm răn. Mẹ bảo: Vợ Tử Linh (Tử Linh, tức là Vu Thần, vợ là Hạ Cơ) giết ba chồng: Trần Ngự Thúc, Sở Tương Lão, Vu Thần, một vua: Trần Linh Công, một con: Hạ Trưng Thư, làm mất một nước, hai khanh: Khổng Ninh và Nghi Hàng Phủ. Thế đã đáng lấy làm răn chưa. Mẹ nghe nói, đã đẹp lắm thì lại xấu lắm, đó là trường hợp con của Trịnh Mục Thiếu Phi Diêu Tử, tức là em gái Tử Lạc. Tử Lạc chết sớm, không con. Trời mới

chung đúc tất cả vẻ đẹp vào một người, tức là sẽ lấy vật đó mà sinh phá hoại rất lớn.

Xưa, họ Hữu Nhưng có con gái, tóc rất đen mà rất đẹp, da, tóc bóng soi gương được, tên là Huyền Thê, Nhạc Chính là Hậu Quỳ lấy làm vợ, sinh ra Bá Phong, người mà lòng lang dạ thú, tính tình bất thường, người ta đặt tên là lợn to. Vua Hậu Nghệ nước Hữu Cùng mới diệt đi, vì thế họ Quỳ không có miếu thờ nữa.

Rồi đến chuyện ba triều đại bại vong, Cung Tử bị phế, đều vì một duyên cớ. Vậy con còn chuộng làm gì. Vật lạ tất chuyển lòng người. Nếu không căn cứ vào đức nghĩa tất là có họa.

Thúc Hướng không dám lấy. Bình Công bắt lấy. Rồi sinh ra Bá Thạch. Bá Thạch, lúc mới sinh, mẹ Tử Dung (chị dâu Thúc Hướng là vợ Bá Hoa) tới thăm mẹ chồng (mẹ Thúc Hướng) nói: Em nó sinh con trai. Bà mẹ tới, vừa bước lên thềm, nghe tiếng trẻ, vội lùi lại, nói: Ấy là tiếng sài lang, giống này sẽ hại họ Dương Thiệt. Thế rồi thôi không tới coi mặt cháu.

Mùa thu, Tấn Hàn Tuyên Tử mất. Ngụy Hiến Tử cầm quyền chính (Ngụy Thư). Chia ruộng đất họ Kì ra làm bảy huyện. Chia ruộng đất họ Dương Thiệt ra làm ba huyện. Tư Mã Di Mâu làm đại phu coi huyện Ô đất họ Kì. Tư Mã Ô làm Bình Lăng đại phu đất họ Kì. Ngụy Mâu làm Ngạnh Dương đại phu, đất họ Kì. Tri Từ Ngô làm Đồ Thủy đại phu đất họ Kì. Hàn Cố làm Mã Thủ đại phu, đất họ Kì. Mạnh Bính làm Vu đại phu, đất họ Kì. Nhạn Tiêu làm Đồng Đề đại phu, đất họ Dương Thiệt. Triệu Triều làm Bình Dương đại phu, đất Dương Thiệt. Liêu An làm Dương Thị đại phu, đất Dương Thiệt. Cho là bọn Giả Tân, Tư Mã Ô có công với vương thất (Chu Kính Vương cho nên cất nhắc lên. Cho là Tri Từ Ngô, Triệu Triều, Hàn Cố, Ngụy Mậu, bọn con thứ các Công, Khanh, không mất chức mà có thể nối nghiệp ông cha. Bọn bốn người, Tư Mã Di Mâu, Mạnh Bính, Nhạc Tiêu, Liêu An, nhận đất, nhận nhiệm sở, rồi mới yết kiến Ngụy Tử, để rõ. Ngụy Tử Cử hiền vì công, chứ không vì tư.

Ngụy Tử bảo đại phu Thành Chuyên rằng: Ta cho Mậu ruộng đất, liệu người ta có bảo là ta vì đảng không. Đáp: Sao lại thế.

Mậu là người: xa thì không quên nhà vua, gần thì không áp bức, đồng liêu, về lợi thì nghĩ đến nghĩa, cần kiệm không quá độ, giữ gìn, không phóng khoáng. Cho ruộng ấp sao lại không nên. Xưa, Vũ Vương diệt nhà Thương, có cả thiên hạ, chia đất cho anh em, có 15 người, chia đất cho người cùng họ, họ Cơ có 40 người. Vậy toàn là người thân được cất nhắc. Tại sao. Tại là người hay. Hai thì thân sơ như nhau. Kinh Thi có nói: Có vua Vương Quý biết tùy việc làm theo nghĩa, tự nhiên nhẹ nhàng, lời nói ra là đức, lấy đức sáng suốt xét phải trái, xét hay dở, dạy dỗ không ngừng, thưởng phạt rõ rệt hòa thuận xa gần, cùng thân trên dưới. Cho đến vua Văn Vương, đức lại càng không thiếu sót. Thế tức là đã chịu mệnh Thượng đế mà truyền cho con cháu.

Tâm mà theo được nghĩa, đức thì điều hòa, thế là có đức độ. Soi khắp bốn phương, thế là sáng suốt. Chuyên cần vì công, không vì tư dạy dỗ không ngừng, thưởng phạt uy nghi, thế là bậc quân trưởng. Có hòa thuận thì mới phục được người, có nghe điều thiện, thì người mới theo.

Trong trời đất, đường kinh, đường vĩ, kinh tuyến, vĩ tuyến đều đặn thế là văn. Đức hay không sót khuyết, việc làm không hối. Cho nên được lộc trời, truyền đến con cháu. Ông mà chọn hiền năng, được gần văn đức, thực là tâm trí được nhận xét rất xa.

Giả Tân sắp tới ấp, yết kiến Ngụy Tử. Ngụy Tử bảo: Xưa, Thúc Hướng sang Trịnh. Đại phu Tông Miệt có tiếng là mặt xấu, muốn coi Thúc Hướng. Người ta mới cắt cho trông coi đồ tế khí, đứng ở dưới thềm. Thúc Hướng đang uống rượu, nghe thoáng thấy tiếng nói, vội đứng dậy nói, chắc là ông Tông Minh (Minh tên là tự của Miệt). Rồi xuống cầm tay dắt lên nói: Xưa đại phu nước Giả, người xấu, lấy vợ đẹp. Ba năm vợ không nói không cười. Được chồng đối đãi rất kính cẩn. Sau bắn được trĩ vợ mới cười, mới nói. Giả đại phu nói: Tài không thể không có được. Ví như ta không biết bắn, thì vợ không nói không cười chăng. Nay ông Tông Minh giáng mạo đã không thường, giá như im không lên tiếng thì tôi đâu được biết ông. Cho nên không nên im hơi kín tiếng. Thế là hai người đối xử như cố tri. Nay người

có công với nhà vua (vua Chu) ta cất nhắc ngươi. Cố làm việc đi. Cẩn thận trong chức vụ, đừng trễ nhác.

Trọng Ni nghe thấy Ngụy Tử cứ theo nghĩa mà cử người có nói: Gần thì không bỏ người thân, xa thì không quên tiến cử người hay, thế là có nghĩa. Rồi lại nghe nói những lời Ngụy Tử dặn dò Giả Tân, ngài cho là Trung. Kinh Thi có nói: Thường tự xét hành động hợp với lẽ trời, dù không cầu mà phúc tới. Thế là Trung. Vậy Ngụy Tử tiến cử là nghĩa, dặn bảo là trung. Chắc con cháu ở nước Tấn, còn được lâu dài.

冬葬滕悼公

ĐÔNG, TÁNG ĐẰNG ĐIỆU CÔNG

MÙA ĐÔNG, LỄ TÁNG ĐẰNG ĐIỆU CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, người đất Ngạnh Dương, (đất họ Kì trước) có việc án ngục. Đại phu Ngụy Mậu không phán quyết được. Trình lên Ngụy Tử. Họ bị cáo mới đem nữ nhạc hối lộ. Ngụy Tử muốn nhận. Ngụy Mậu bảo hai thuộc hạ của Ngụy Tử là Diêm Một và Nhữ Khoan rằng: Chủ nhân sở dĩ được tiếng với chư hầu là không ăn hối lộ. Nay lại nhận người Ngạnh Dương, hối lộ quá nhiều, hai người nên can đi. Hai người xin vâng. Khi Ngụy Tử ở triều về, thì hai người đợi ở sân. Người nhà bưng cơm. Ngụy Tử triệu hai người vào cùng ăn. Ba lần thở dài. Ăn xong, cho ngồi lại, hỏi: Ta nghe các bậc trên có nhắc lời ngạn ngôn rằng, chỉ có lúc ăn là quên lo. Hai người trong khi ăn, ba lần than thở, tại sao. Cùng nói, cùng đáp rằng: Có người cho chúng tôi uống rượu. Vì cả ngày chưa ăn, cơm lúc mới dọn, sợ không đủ, cho nên thở dài; ăn được nửa bữa rồi, tự trách rằng, ngài cho ăn há lại không đủ hay sao vì thế mới thở dài lần thứ hai. Đến khi bữa cơm xong mới biết cái bụng của chúng tôi cũng như tâm của ngài, là đủ, là no rồi. Ngụy Tử nghe xong từ không nhận hối lộ.

Năm Mậu Tí. Vua Kính Vương, năm thứ 7.

二十有九年

NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN

NĂM THỨ 29

Tấn Cảnh, năm thứ 13. Tề Cảnh, năm thứ 35. Vệ Linh, năm thứ 22. Sái Chiêu, năm thứ 6. Trịnh Hiến Công Mại, năm đầu. Tào Thanh, năm thứ 2. Trần Huệ, năm thứ 17. Kỉ Điệu, năm thứ 5. Tống Cảnh, năm thứ 4. Tần Ai, năm thứ 24. Sở Chiêu, năm thứ 3. Ngô Hạp Lư, năm thứ 2.

春公至自乾侯居于鄆齊侯使高張來唁公

XUÂN CÔNG CHÍ TỰ CAN HẦU. CƯ VU VẬN TỀ HẦU SỬ CAO TRƯƠNG LAI NGHIỄN CÔNG

MÙA XUÂN, LỖ CÔNG TỪ CAN HẦU VỀ. Ở TẠI ĐẤT VẬN TỀ HẦU SAI CAO TRƯƠNG TỚI THĂM CÔNG

Tả Thị - Năm thứ 29. Mùa xuân. Công tự Can Hầu tới ở đất Vận. Tề Hầu sai Cao Trương tới thăm, gọi là Chủ quân. Tử Gia Tử nói: Tề khinh thường nhà vua. Nhà vua bị nhục lắm. Công mới đi Can Hầu.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng ba, ngày Kỉ Mão, Kinh sư giết Thiệu Bá Doanh, Đoãn Cố và con Nguyễn Bá Lỗ. Khi Đoãn Cố bỏ Tử Triều ở Sở trở về đất Chu, gặp một người đàn bà ở ngoài kinh đô có chê rằng: Cùng ở thì khuyên người ta, thành họa, cùng đi, thì vài ngày là bỏ người ta. Đó, người như thế, liệu có lâu được ba năm không.

Mùa hạ, tháng năm, ngày Canh Dần, Vương Tử, Triệu Xa, vốn đảng Tử Triều, vào ấp Liễn, đất nhà Chu làm phản, bị Âm Bất Ninh đánh bại.

Cốc Thị - Thăm Lỗ Công, là thăm không được vào nước Lỗ.

Xét - Hồ Truyện có dẫn Thức Vi Kinh Thi, chương thứ hai. Xét ý nghĩa, có khác lời bàn Chu Tử, cho nên san bỏ.

公如晉次于乾侯

CÔNG NHƯ TẤN, THỨ VU CAN HẦU

LỖ CÔNG SANG TẤN, ĐÌNH LẠI Ở ĐẤT CAN HẦU

Tả Thị - Mỗi năm, Quý Tôn, Ý Như, Bình Tử, mua ngựa, quần áo, để gửi cho bọn người theo Công tại Can Hầu. Công nhận được ngựa thì đem bán đi, cho nên không gửi ngựa nữa. Vệ Hầu hiến ngựa quý, là ngựa Khải Phục, ngựa sẩy chân xuống khe rãnh chết. Công định cho đóng hòm chôn. Tử Gia Tử nói: Tùy tùng thiếu thốn lắm, xin cho ăn thịt. Công nghe ra, mới cho bọc vào màn cũ đem chôn.

Lỗ Công cho Công Diễn đem hiến vua Tề, ngọc Long Phu, và áo cừu. Tề Hầu mừng, cho lại ấp Dương Cốc.

Công Diễn và Công Vi khi sinh, hai mẹ cùng vào nhà sinh một ngày, Công Diễn sinh trước. Mẹ Công Vi bảo: Ta cùng vào nhà sinh, để khi ra về, cùng báo cáo. Ba ngày sau, Công Vi sinh. Thế là mẹ Công Vi báo cáo trước, Công Vi được làm anh.

Lỗ Công ở Dương Cốc. Ở nước Lỗ người ta bàn: Công Vi gây nên tai họa này. Vả lại, đẻ sau mà lại làm anh, dối người ta đã lâu năm lắm. Nay truất bãi đi, mà lấy Công Diễn làm Thế Tử.

Gia Huyền Ông - Việc thăm ở Dã Tỉnh, việc lấy đất Vận, việc vây ấp Thành, việc hội Chuyên Lăng, toàn là lễ nghi, ơn huệ giả dối cả. Lỗ Công vẫn không tỉnh ngộ. Cho đến khi sứ Tề đến thăm, mới biết mình bị đãi một cách hèn kém. Tề Cao Trương mà gọi là Chủ quân, bấy giờ Lỗ Công mới bỏ đi sang Tấn. Thế là chậm quá. Chư hầu không ai vì Lỗ mà đánh giặc, vết dấu của Hoàn, Văn xưa không còn nữa.

夏四月庚子叔詣卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, CANH TÍ, THÚC NGHỆ TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY CANH TÍ, THÚC NGHỆ MẤT

Cốc Thị - Quý Tôn Ý Như nói: Thúc Nghệ vô bệnh mà chết. Thế là không có Công nữa. Thế là mệnh trời. Đâu phải tội ta.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, ở ngoài đất Giáng, quốc đô nước Tấn, có rồng hiện ra. Nguy Hiến Tử hỏi Tấn Thái Sử là Sái Mặc rằng: Tôi nghe nói, về loài vật thì rồng là có trí hơn cả, không bắt sống được. Bảo là có trí có thể tin được không. Đáp: Người ta thực không thể biết được. Rồng thực ra không phải là trí. Thời xưa, có nuôi rồng, cho nên trong nước có họ Hoạn long, Ngự long. Hiến Tử nói, hai họ đó, tôi thường có nghe nói, mà không được biết nguy do. Đáp: Xưa, có vua Thúc An nước Liêu, đời cháu chắt tên là Đảng Phủ, rất thích rồng, biết tính nết, cho ăn uống, cho nên nhiều rồng tới. Mới nuôi rồng để phục vụ vua Thuấn. Vua ban cho họ Đổng họ Hoạn Long, phong cho ở đất Tống Xuyên. Họ Tống Di là một ngành con cháu sau. Cho nên thời Đế Thuấn, có nói việc nuôi rồng.

Đến nhà Hạ, vua Khổng Giáp. Vốn xưa có họ Thừa Long. Trên sông Hà, trên sông Hán, mỗi nơi một họ. Khổng Giáp không biết dùng mà lại chưa tìm được họ Hoạn Long.

Khi Đào Đường đã suy, về sau có họ Lưu Lũy học nghề nuôi rồng ở họ Hoạn Long, biết cho rồng ăn uống, rồi để phục vụ Khổng Giáp. Vua rất khen, mới ban cho họ Ngự Long thay vào trước kia, là họ Thỉ Vĩ. Một con rồng cái chết, lấy đem ngâm tương giấm để dâng vua (thế thì rồng đâu có gọi là vật có trí). Vua ăn rồi quen. Họ Ngự Long sợ không tìm được rồng nữa mới tránh đến ở huyện Lỗ (nay là Lỗ Dương). Họ Phạm chính là dòng dõi họ Ngự Long này.

Hiến Tử nói, nay sao lại không có rồng. Đáp: Phàm vật có người coi. Coi có phương pháp. Sớm tối nghĩ tới, lơ đễnh là có tội. Mất chức là không được lương lộc nữa. Ở chức, đủ sinh sống, yên thân, thì vật phải tới. Nếu thôi nuôi, bỏ chức nuôi, thì vật phải hết.

Cho nên có chức quan coi về ngũ hành, cũng gọi là ngũ quan,

được ban họ phong làm Thượng Công, được thờ với Quý Thần ở nền Xã tắc.

Chưởng về hành Mộc thì gọi là Câu Mang.

Chưởng về hành Hỏa thì gọi là Chúc Dung.

Chưởng về hành Kim thì gọi là Nhục Thu.

Chưởng về hành Thủy thì gọi là Huyền Minh.

Chưởng về hành Thổ thì gọi là Hậu Thổ.

Rồng, là vật thuộc về hành Thủy. Chức Thủy quan đã bỏ, cho nên không bắt được rồng nữa. Nếu không, sao Kinh Dịch lại nói đến. Quẻ Càn Cấu có câu Rồng ẩn không dùng. Quẻ Đồng nhân có câu: thấy Rồng ở ruộng. Quẻ Đại Hữu có câu, Rồng bay lên trời. Quẻ Quái có câu, ngang với rồng, sao cho khỏi hối. Quẻ Khôn có câu, thấy đàn rồng không đầu, tốt. Quẻ Khôn Bác có câu, Rồng chiến ở ngoài đồng. Nếu không sớm tối trông thấy thì sao lại gọi tên.

Hiến Tử nói: Xã tắc có năm bài vị. Vậy ngũ quan những họ nào, thuộc vị nào.

Đáp: Họ Thiếu Hiệu có bốn chi thứ là: Trọng, Cai, Tu, Hi giữ các chức quan về Kim, Mộc, Thủy. Trọng được sai làm Câu Mang (mộc). Cai làm Nhục Thu (kim). Tu và Hi làm Huyền Minh (thủy, thay nhau một việc). Suốt đời giữ chức vụ, rồi rời đến đất Cùng Tang (Bắc Lỗ). Thế là phối vào thờ ba nơi: kim, mộc, thủy. Đến vua Xuyên Húc, có con tên là Lê, làm chức Chúc Dung, hỏa. Họ Cung Công có con tên là Tuấn Long làm chức Hậu Thổ, (thổ). Hậu Thổ là thần ở nền xã. Còn Tắc là Chưởng về ruộng. Họ Liệt Sơn có con là Quế, làm chức Tắc. Từ nhà Hạ trở lên vẫn thờ Quế. Ông Khí (tổ nhà Chu) làm chức Tắc, từ nhà Thương trở đi, được thờ thay vào ông Quế.

冬 十 月 鄆 潰

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, VẬN HỘI

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, DÂN ĐẤT VẬN TAN VỠ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, Tấn Triệu Ưởng và Tuân

Dần đem quân đắp thành Nhữ Tân (Tuân Dần là con Tuân Ngô; họ Trung Hàng. Nhữ Tân là đất mà Tấn chiếm của nước Lục Hồn). Rồi cho dân đúc một cái Hình đỉnh để ghi các Hình pháp do Phạm Tuyên Tử đã đặt và viết thành luật. Trọng Ni nói: Tấn sắp mất chăng. Sao mất cả pháp độ thế. Xét nước Tấn giữ pháp độ từ Đường Thúc để cai trị dân, có kỉ luật ngôi thứ. Vì đó mà dân mới biết tôn trọng việc đáng tôn trọng, có thế mới giữ được nghiệp, sang hèn không lẫn lộn. Đó là pháp độ. Văn Công cứ theo đó mà chia trật tự quan lại mới có việc Bị lư pháp, rồi làm Minh chủ. Nay bỏ pháp độ ấy, mà chế ra Hình đỉnh để trị dân, thế thì còn tôn trọng gì nữa. Dân đã không cần đến người trên, thì người trên phải mất nghiệp. Sang hèn mất trật tự. Sao lại còn gọi là một nước.

Vả lại, Hình pháp của Tuyên Tử là theo Hình pháp Di Sưu, tức là loạn pháp rồi. Thế thì còn pháp luật gì.

Sái Tử Mặc nói: Họ Phạm tức là họ Trung Hàng, chắc mất đến nơi. Trung hàng Dần, vốn chức Hạ Khanh, thế mà làm việc Thượng Khanh, tự chuyên đúc Hình đỉnh, lấy làm quốc pháp, thế là Gian pháp. Lại thêm Hình thư của Phạm Tuyên Tử, càng dễ hỏng. Kịp đến họ Triệu: Triệu Mạnh dự vào; Triệu bất đắc dĩ nghe theo, giá cứ cố sửa đức, tu thân thì may ra khỏi họa.

Công Thị - Ấp không có chép là tan vỡ. Đây sao chép. Là chê. Còn có vua.

Cốc Thị - Chép là tan vỡ, tức là trên cùng dưới không tương đắc, tức là xấu. Thế là có chê Lỗ Công vậy. Chiêu Công chạy trốn ra ngoài, dân như là đỡ được gánh nặng.

Khổng Dĩnh Đạt - Từ năm 26, Công thường tới ở đất Vận. Lúc đó Công đã đi sang Tấn, tất là cho người ở lại giữ Vận. Người Vận tan vỡ, phản lại Công, làm cho Công không trở lại Vận được nữa. Chắc là mưu của họ Quý.

Gia Huyền Ông - Luận bàn thường hay trách Công đã để mất dân. Đó là họ Quý uy hiếp dân; chứ không phải tội ở dân. Cho nên không trách cả vào vua Lỗ được.

Năm Kỉ Sửu. Vua Kính Vương, năm thứ 8.

三 十 年

TAM THẬP NIÊN

NĂM THỨ 30

Tấn Khoảnh, năm thứ 14. Tề Cảnh, năm thứ 36. Vệ Linh, năm thứ 23. Sái Chiêu, năm thứ 7. Trịnh Hiến, năm thứ 2. Tào Thành, năm thứ 3. Trần Huệ, năm thứ 18. Kỉ Điệu, năm thứ 6. Tống Cảnh, năm thứ 5. Tần Ai, năm thứ 25. Sở Chiêu, năm thứ 4. Ngô Hạp Lư, năm thứ 3.

春 王 正 月 公 在 乾 侯

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT. CÔNG TẠI CAN HẦU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG Ở CAN HẦU

Tả Thị - Không chép rõ Vận và Can Hầu. Chê Công và nói rõ lỗi.

Cốc Thị - Trong nước không nhận Công. Đây chép là vì nhận Công.

Hồ Truyện - Công rời xã tắc đến nay là 5 năm. Mỗi năm tháng đầu không chép Công là vì ở Lỗ, ở trong bốn cõi, thì nơi nào chả là của vua. Đến nay Vận tan vỡ, vua đối với Can Hầu là khách, không phải nơi của mình. Đầu năm, mà chép nơi vua ở, là để vẫn nhận vua, chứ không cho họ Quý chuyên quyền giữ nước mà chê, buộc tội bọn quan (thần tử) bọn chư hầu. Vũ hậu nhà Đường phế vua Trung Tôn, thay ngôi, giữ lấy ngôi cho mình. Sử thần chép rõ là để rõ tội, thế mà người học giả quân tử bàn rằng không phải chép Xuân Thu. Bàn rằng thiên hạ là thiên hạ nhà Đường. Trung Tôn nhận ở tay cha, Vũ Hậu sao được diệt dòng dõi tiên quân. Rồi phục lại niên hiệu tự quân, mà tước bỏ niên hiệu Vũ Hậu, cho thế là đúng nghĩa Xuân Thu.

Nghiêm Khải Long - Đầu năm ba lần chép Công ở Can Hầu. Tả Thị, căn cứ vào đâu mà nói (không chép trước Vận với Can Hầu, chê Công và nói rõ tội). Tả Thị lại nói: Ở trong nước cũng như ở ngoài, đều không được việc gì. Tả Thị lại nói, không

biết dùng người. Xét, vua tôi, không có kiện. Bố con không có kiện. Đâu có phải là vua, là bố không có lầm lỗi bao giờ. Vua tôi, cha con, không phải là chỗ để phân biệt cong ngay, phải trái. Thế tử Ban, nước Sái giết vua là Cố, bố có phải là không có lỗi đâu. Thế mà Xuân Thu đâu có trách bố. Thôi Trữ nước Tề giết vua là Quang, vua không phải là không có lỗi. Thế mà Xuân Thu đâu có trách vua. Lỗi của vua Lỗ Chiêu Công không bằng Cố và Quang. Thánh nhân chả lẽ không trách đến Cố, đến Quang, mà lại đi trách Chiêu Công.

夏 六 月 庚 辰 晋 侯 去 疾 卒 秋

八 月 葬 晋 頃 公

HẠ, LỤC NGUYỆT, CANH THÌN, TẤN HẦU KHỨ TẬT TỐT THU, BÁT NGUYỆT, TÁNG TẤN KHOẢNH CÔNG

MÙA HẠ, THÁNG SÁU, NGÀY CANH THÌN, TẤN HẦU TÊN LÀ KHỨ TẬT MẤT. MÙA THU, THÁNG TÁM, TÁNG TẤN KHOẢNH CÔNG.

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 6, Tấn Khoảnh Công mất. Mùa thu, tháng tám, táng. Trịnh Du Cát điếu và tống táng. Ngụy Hiến Tử sai Sĩ Cảnh Bá hỏi rằng: Về tang Điệu Công, Tử Tây điếu, Tử Kiểu tống táng. Nay, ngài kiêm cả là vì sao. Đáp: Chư hầu sở dĩ quay về vua Tấn là theo lễ. Lễ là thế nào. Là nhỏ thờ lớn. Lớn yêu nhỏ. Thờ lớn thế nào. Là tùy thời cung cấp đồ đòi hỏi. Yêu nhỏ là thế nào. Là giúp cái gì thiếu. Xét nước tôi ở giữa khoảng các nước lớn, cần cung các thứ cống. Dù có dự phòng cái lo có thể xảy ra, cũng không được quên việc cung cấp. Theo lễ chế của tiên vương thì tang chư hầu, chức sĩ đi điếu, chức đại phu đi tống táng. Nếu vẫn có giao hiếu, sính lễ, hoặc đã có việc quân sự hợp tác, thì thêm đến chức Khanh.

Việc táng nước Tấn, nước tôi mà rỗi rãi thì tiên quân cũng dự được vào việc chấp phất. Nếu không được nhàn hạ, thì sĩ đại phu, cũng có khi không được chọn tới.

Nhờ ơn đại quốc, thường cho là phải, mà không tránh chỗ thiếu. Xét thấu tình, chỉ cần đủ là được đủ lễ.

Về tang Vua Chu Linh Vương, tiên quân nước tôi là Giản Công, đương ở Sở, tiên đại phu tôi là Ấn Đoàn, tới Chu. Đó là Thiếu Khanh ở nước tôi. Quan lại nhà vua không trách, thương cho nước tôi không có còn hơn.

Nay đại phu hỏi, ngươi sao không theo cũ. Cũ có đầy đủ, có đơn giản, thì biết theo lối nào. Muốn đầy đủ thì vua nước tôi còn bé nhỏ, cho nên không tới. Muốn đơn giản thì có Cát tôi đây. Xin đại phu xét.

Người Tấn không hỏi được nữa.

冬十有二月吳滅徐徐子章羽奔楚

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, NGÔ DIỆT TỪ TỪ TỬ, CHƯƠNG VŨ BÔN SỞ

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NƯỚC NGÔ DIỆT NƯỚC TỪ VUA TỪ LÀ CHƯƠNG VŨ CHẠY ĐẾN NƯỚC SỞ

Tả Thị - Vua Ngô sai người Từ bắt Yểm Dư, sai người Chung Ngô bắt Chúc Dung. Hai Công Tử chạy sang Sở. Vua Sở định cho nơi ở, và phong cho nhiều đất. Sai Giám mã là Doãn Đại Tâm đón Ngô Công Tử cho ở ấp Dưỡng. Đậu Doãn Nhiên, và Tả Tư Mã Trầm Doãn Tuất xây thành Dưỡng. Ấp dưỡng lấy ở ấp Thành phủ và ấp Hồ điền. Cốt để hại nước Ngô.

Tử Tây can rằng: Nước Ngô, vua tên Quang, mới được ngôi, gần dân, coi dân như con, cùng nhau vất vả, tức là có ý dùng đến đó. Nếu họ thèm muốn biên cương ta, làm cho dân ta nhu nhược, thì ta cũng còn sợ, còn phải nghĩ cách phòng ngừa. Chứ sao nay lại giúp kẻ thù của họ (hai Công tử), để làm cho họ càng thêm giận, như thế đâu có nên. Ngô là dòng dõi nhà Chu, mà bị bỏ rơi ở nơi gốc bể, không được thông hiếu với họ Cơ, nay nước mới bắt đầu mạnh, ngang với các nước Trung Quốc. Quang lại là người văn vẻ kiến thức, có thể giống như tiên vương xưa là Vương Quý cũng gốc là Tây Di. Thế thì không biết ý trời,

hoặc là làm ngược lối thường để cắt đứt nước Ngô, để phong cho họ khác, hoặc là ban phúc cho Ngô chăng. Dù sao thì kết quả không lâu đâu. Ta cứ nên để thần linh ta được yên hưởng, để họ hàng ta được an ninh, mà chờ mệnh trời, chứ đừng có nên hành động nghênh ngang.

Vua Sở không nghe. Vua Ngô giận. Mùa đông tháng 12, vua Ngô bắt vua nước Chung Ngô, rồi phạt nước Từ. Ngăn sông ngòi, để làm cho nước Từ lụt. Ngày Kỉ Mão, diệt nước Từ. Vua Từ là Chương Vũ, cắt tóc, tay dắt vợ, đi đón vua Ngô. Vua Ngô, hỏi han, rồi cho đi, cho đem theo cả cận thần. Thế là vua tôi chạy sang Sở. Sở Trầm Doãn Tuất cầm quân cứu Từ, không kịp, mới đắp thành Di, tức là ấp Thành Phủ, để cho vua Từ ở.

Phụ lục Tả truyện - Vua Ngô hỏi Ngũ Viên rằng: Xưa ngươi nói là phạt Sở, ta vẫn biết là nên. Nhưng sợ lúc đó, ta bị sai, ta làm để người khác hưởng. Nay ta làm cho ta, thì việc phạt Sở, nên thế nào. Đáp Chính trị ở Sở phiền toái mà đảo điên, không ai trách nhiệm. Ví như ta cho ba đạo quân (tam sư) tới quấy rối. Mỗi khi quân ta tới, thì toàn quân Sở tiếp chiến. Ta lui ngay. Sở về thì ta lại tới. Sở ra, ta lại lui. Cứ thế, cứ đi đi về về, quân Sở phải vất vả, khó nhọc. Ta dùng nhiều cách, nhiều đường, cho phải lầm lỗi. Khi Sở đã mệt mỏi, ta mới xuất toàn quân (mỗi quân là năm sư) ra, nhất định là phải thắng. Vua Hạp Lư nghe. Từ đó Sở bắt đầu bị họa.

Triệu Bằng Phi - Nước bị diệt mà không chép vua là xã tắc đã mất rồi. Chép vua chạy mà không chép tên, là vì bị bức bách, bất đắc dĩ phải chạy. Nước bị diệt, mà vua phải chạy thì có ba chuyện đều không biên tên. Riêng vua Từ là Chương Vũ có biên tên. Các Truyện cho là trước đã phục, rồi sau mới chạy, hoặc là thế chăng. Đã phục mà lại sợ không được tha chết, vì thế mới chạy tới Sở. Đã phục mà rồi chạy là nhục cho xã tắc, cho nên riêng bị chép tên. Nếu không thế. Thánh nhân không vô cớ chép thêm tên người ta.

Năm Canh Dần. Vua Kính Vương, năm thứ 9.

三 十 有 一 年
TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN
NĂM THỨ 31

Tấn Định Công Ngọ, năm đầu. Tề Cảnh, năm thứ 37. Vệ Linh, năm thứ 24. Sái Chiêu, năm thứ 8. Trịnh Hiến, năm thứ 3. Tào Thanh, năm thứ 4. Trần Huệ, năm thứ 19. Kỉ Điệu, năm thứ 7. Tống Cảnh, năm thứ 6. Tần Ai, năm thứ 26. Sở Chiêu, năm thứ 5. Ngô Hạp Lư, năm thứ 4.

春 王 正 月 公 在 乾 侯
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TẠI CAN HẦU
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG Ở CAN HẦU

Tả Thị - Thế là ở trong cũng như ở ngoài, chả làm được gì.

Vương Tích Tước - Tả thị nói thế, tức là không biết cái nghĩa tôn quân, giữ vua, của Xuân Thu.

季 孫 意 如 會 晉 荀 躒 于 適 歷
QUÝ TÔN Ý NHƯ HỘI TẤN TUÂN LỊCH VU THÍCH LỊCH
QUÝ TÔN Ý NHƯ, HỘI VỚI TẤN TUÂN LỊCH, TRÊN ĐẤT THÍCH LỊCH, NƯỚC TẤN

Tả Thị - Tấn Hầu sắp đem quân giúp nhận nạp Lỗ Công. Phạm Hiến Tử nói: "Nếu triệu mà Quý Tôn không tới, thì biết là Quý Tôn bất thần, ta lúc đó mới phạt thì thế nào". Thế là người Tấn triệu Quý Tôn. Phạm Hiến Tử cho bảo riêng Quý Tử rằng: "Ông cứ tới. Tôi mới cho là ông không có trách nhiệm". Quý Tôn Ý Như hội với Tấn Tuân Lịch ở Thích Lịch. Tuân Lịch nói: "Vua tôi sai tôi hỏi ngài rằng, sao ngài lại đuổi vua ngài đi. Có vua mà không biết thờ, phép nhà Chu vẫn có hình phạt, xin ngài liệu nghĩ". Quý Tôn, khăn trắng, áo gai, chân không, phủ phục mà đáp: "Nếu nay tôi không được thờ vua, thì tôi đâu dám trốn tội. Nếu vua cho là tôi có tội, xin giam tôi ở đất Phí,

để đợi vua xét. Nếu còn nghĩ đến tiền nhân tôi, thì cho tôi được chết mà không diệt họ Quý. Mà nếu không giết không đuổi, đó là ơn vua, thì đến chết, tôi không quên. Được theo vua về, chính là nguyện vọng của thần, đâu dám hai lòng".

Uông Khắc Khoan - Ý Như mà khăn trắng áo gai, kêu ca, phục tội, đều là dối trá bề ngoài để lừa Tấn. Vua Tấn Định Công đã bị Phạm Ưởng dùng lời khéo che đậy, lại thêm Lịch mưu với bọn phản nghịch, mà không thương vua Lỗ tha thiết khẩn cấp cầu cứu, như thế cũng quá lắm. Nghìn năm sau, bàn chuyện Xuân Thu, như hạng Hà Hưu, Đỗ Dự, còn tin là Ý Như bưng roi tạ tội, để tỏ tấm lòng lo sợ, coi đó, thì biết hậu thế còn bị lừa dối, huống hồ người đương thời.

Quý Bản - Tấn Định Công, khi mới lên ngôi, có chí nối nghiệp Bá, cứ xem như việc đắp thành nhà Chu, việc hội Thiệu Lăng thì biết. Cho nên tất là có ý giúp Lỗ Công. Giá như không có Sĩ Ưởng tư thông với Quý Tôn thì Chiêu Công đâu có chết nơi đất khách. Tấn Hầu bị sa vào kế, lại sai Tuân Lịch đi hội. Như thế thì còn làm Bá sao được.

夏 四 月 丁 巳 薛 伯 穀 卒
HẠ, TỨ NGUYỆT, ĐINH TỊ, TIẾT BÁ CỐC TỐT
MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY ĐINH TỊ, TIẾT BÁ CỐC MẤT

Tả thị - Đồng minh, cho nên chép.

晉 侯 使 荀 躒 唁 公 于 乾 侯
TẤN HẦU SỬ TUÂN LỊCH NGHIỄN CÔNG VU CAN HẦU
TẤN HẦU SAI TUÂN LỊCH VIẾNG CÔNG TẠI CAN HẦU.

Tả Thị - Mùa xuân, tháng tư, Quý Tôn theo Tuân Lịch tới Can Hầu. Tử Gia Tử nói: Vua cùng về, một điều ngượng mà không nhẫn nhục chịu đựng được, thì suốt đời ngượng đấy. Công nói, xin vâng. Bọn tùy tùng nói, xin nhà vua lựa lời nói, một lời nói ra là vua Tấn theo.

Tuân Lịch theo mệnh Tấn Hầu, viếng vua Lỗ, và nói rằng: Vua tôi sai tôi, lấy mệnh ngài bảo Ý Như. Ý Như không dám trốn tội chết, xin nhà vua vào nước Lỗ. Lỗ Công nói: Nhà vua đã huệ cố đến tình hiếu nghị của tiên quân, ra ơn kịp đến kẻ mất nước này, mà khiến cho lại trở về quét dọn miếu tiên tổ được, thì đâu có để cho thấy mặt kẻ ấy, xin thề là không thể thấy mặt được. Tuân Lịch vội bịt tai, rảo lui nói: "Vì không nỡ nghe việc: có thể xảy, tôi giết vua, vua tôi sợ có tội với ngài chứ, đâu dám dự vào công việc nước Lỗ, tôi xin về trình lại". Thế là lui ra bảo Quý Tôn rằng: Vua còn giận chưa nguôi, ông hãy cứ về trông nom việc nước.

Tử Gia Tử khuyên: Ngài một người một ngựa, đi vào quân đội Lỗ, Quý Tôn tất theo ngài cùng về. Công muốn nghe, nhưng bọn tùy tùng gàn đi, thành ra vua không về được.

Cốc Thị - Viếng thăm Công về việc không được vào Lỗ. Nói rằng, đã vì vua mà thu xếp. Việc không được là vì Ý Như.

Xét - Theo Tả Thị, về hội Thích Lịch, Ý Như xin theo vua trở về Lỗ đó là lời kẻ gian tà nói để dối người, chứ có phải bản tâm Ý Như đâu. Tấn sai Tuân Lịch viếng Công mà khuyên Công vào Lỗ, cũng là lời khuyên tắc trách vậy. Cho đến khi Lỗ Công cho biết là không thể gặp Quý Thị thì Tấn cũng thôi không bàn đến chuyện nạp giúp Công nữa. Cốc Lương cho là vì Ý Như, nên không được, tất Cốc Lương có cớ mà cớ bàn. Thế là Tả Thị thuật lời nói mà Cốc Lương thì xét đến tình ý. Vậy chép cả ra đây.

秋葬薛獻公

THU, TÁNG TIẾT HIẾN CÔNG

MÙA THU, TÁNG TIẾT HIẾN CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, người Ngô xâm nước Sở đánh vào đất Gi, xâm đất Tiềm Lục. Sở Trầm Doãn Tuất đem quân cứu Tiềm. Quân Ngô kéo về. Quân Sở thiên dân Tiềm tới Nam Cương rồi về. Quân Ngô vây đất Huyền. Tả Tư Mã Tuất, Hữu Tư Mã Khể, cầm quân cứu Huyền và Dự Chương, quân Ngô lui về. Thế là Ngô bắt đầu dùng kế Tử Tư.

冬黑肱以濫來奔

ĐÔNG, HẮC QUĂNG DĨ LẠM LAI BÔN

MÙA ĐÔNG, HẮC QUĂNG NƯỚC CHÂU ĐEM ĐẤT LẠM CHẠY TRỐN TỚI

Tả Thị - Mùa đông, Châu Hắc Quăng, đem đất Lạm, chạy trốn tới. Chức kém mà chép tên, vì coi đất là trọng. Người quân tử bàn: Tên không thể không cẩn thận được, như việc Hắc Quăng đó. Phàm đã chép đất, đã chép tên, không bằng đừng chép gì cả. Lấy đất phong mà phản, thì phải chép đất, để rõ tên người phản, đã làm điều bất nghĩa thì không thể bỏ được. Cho nên, người quân tử, cử động, phải nghĩ theo lễ, hành sự phải nghĩ theo nghĩa, chứ đừng có tâm chỉ chuyên về lợi. Không để cho bất nghĩa ám ảnh. Hoặc cầu danh mà không được. Hoặc muốn che giấu mà danh cứ nêu thế là để nêu điều bất nghĩa. Tề Báo làm chức Tư khấu nước Vệ, được nối nghiệp ông cha làm đại phu, hành động bất nghĩa, bị chép là gian đạo. Châu Thứ Kì, Cử Mâu Di, Châu Hắc Quăng, lấy ấp phong, rời khỏi nước, chỉ cầu lấy ăn mà thôi, chứ không cầu danh, dù địa vị hèn kém, đại phu nước nhỏ, mà Kinh chép, tức là không thể che giấu được. Xét hai việc đó, để răn việc lộng hành, và diệt trừ việc tham nhũng. Như có người gian nan lao khổ vì nghĩa, mà được giương danh, thì rồi sau kẻ nghĩa sĩ nức lòng làm việc. Lại như những hạng lấy trộm ấp phong để phản vua, cầu lợi to mà Kinh Xuân Thu lại không ghi tên, thì bọn dân tham ngu cứ cố tham ngu. Thế cho nên, Kinh Xuân Thu chép Tề Báo là gian đạo, chép tên ba người phản, chính để răn các việc bất nghĩa. Thường các việc ác, nghịch, vô lễ thì chỉ kể qua, việc hay thì chép cả.

Xét - Kinh Xuân Thu chép: Nhỏ mà rõ, uyển chuyển mà nghị luận người có chức vị biết hành động theo phép. Người hay thì thấy hăng hái, người dở thì thấy lo sợ. Cho nên, Kinh được quân tử quý.

Công Thị - Sao lời văn Kinh, không có chữ Châu Lâu, chỉ nói đến Lạm thôi. Đã là người hiền, thì con cháu nên có được đất. Ai là hiền: Thúc Thuật. Vì Thúc Thuật có việc nhường ngôi,

nhường nước. Việc ấy thế nào. Đương thời Châu Lâu Nhan, có một con gái Châu Lâu làm Phu nhân nước Lỗ, cũng chửa biết chồng sẽ là Vũ Công, hay Ý Công. Hiếu Công thì còn bé. Nhan thông dâm với các Công tử trong cung. Vì thế khi có giặc, cũng không biết là Lỗ Công tử, hay là Châu Lâu Công tử. Người mẹ họ Tang, là mẹ nuôi. Theo lệ thường, vua nhỏ có người mẹ nuôi, là thiếp vị đại phu, hoặc vợ vị sĩ.

Không biết mẹ nuôi họ Tang là thiếp ai, hay vợ ai. Đã nuôi vua Lỗ, tất cả con mình vào cung. Tang Thị nghe có giặc, lấy ngay con mình thay vua, ôm vua chạy trốn. Giặc tới giường, thấy trẻ nằm, giết luôn cho là vua. Bầy tôi có Bào Quảng Phủ, với Lương Giả Tử nghe có giặc, chạy tới, Tang thị bảo Công không chết, tôi đã cho ton tôi nằm thay, và chết thay. Thế là cùng đem Lỗ Hiếu Công sang đất Chu tâu Thiên Tử, Thiên Tử mới sai giết Nhan, và phong Thúc Thuật cho lên ngôi, rồi cho đưa Hiếu Công về Lỗ. Nhan Phu nhân, vốn là con gái Âu Doanh, người đẹp, có nói: Ai vì tôi mà giết được kẻ giết Nhan, thì sẽ là chồng tôi. Thúc Thuật vì thế mới giết được kẻ giết Nhan, rồi lấy Nhan Phu nhân. Có con. Tên là Hu. Hạ Phụ là con riêng của Nhan Thị. Hu còn bé. Thúc Thuật yêu cả hai, ăn cho ngồi bên cùng ăn. Có của ngon vật lạ thì Hu ăn cho đầy đủ. Hạ Phủ nói: Đưa đây, người ta chưa có, mà mình thì thừa. Thúc Thuật mới tỉnh ngộ nói: Ô, vì mày ta giao lại nước cho. Thế là giao cho. Hạ Phủ nhận mà chia đôi. Thuật nói, không được. Phủ mới chia ba. Thuật nói không được. Phủ chia tư. Thuật nói không được. Thuật mới chia năm. Thuật mới chịu.

Công Hỗ là hàng cha anh Châu Lâu, biết rõ việc Châu Lâu có nói: Đâu có được hiền đến thế. Khi giết Nhan, Thiên Tử mất. Thúc Thuật được hưng khởi, rồi đem nước cho Hạ Phủ. Đương thời ấy, người Châu Lâu thường vì nhà Chu phải dùng binh và thường nói: Cớ sao cứ phải chết vì vua. Về đất Lạm thì Kinh có chép. Sao không nói đến Châu Lâu. Trong các nước chưa có tên Lạm thì sao lại chép: đem đất Lạm chạy trốn tới. Thúc Thuật là hạng đại phu hiền. Vì Thúc Thuật mà không muốn bỏ qua. Không bỏ qua tức coi như "Thế đại phu" nghĩa là có tên tuổi truyền dõi. Như thế không hợp lí, cho nên bỏ không chép.

Tại sao không chép Châu Hắc Quăng. Là để rời ra ngoài nước Châu. Sao không chép là Lạm Tử. Là vì không phải Thiên Tử có phong cho đất Lạm. Chép chạy trốn tới, chứ không chép là phản.

Lục Thuần - Tả Thị có nói: Hoặc cầu danh mà không được Xuân Thu chép danh. Hoặc muốn che đậy danh, mà Xuân Thu cứ nêu danh. Ví như thân phải gian nan nguy hiểm giúp người trên mà tên được rạng chói thì kẻ sĩ có tâm giúp hoạn nạn, đều xô nhau làm. Triệu Tử có nói: Cứ lệ hai bên cùng giết nhau, nếu không phải là chức đại phu, thì chép là trộm cướp. Đối với lệ đã không hợp về lối chép tên mà người bị giết lại hợp lối chép việc thì mới nên đối xử như thế. Tả thị cho Tề Báo là đại phu, nhưng chỉ là vị danh, cho nên chép là trộm cắp. Nếu không phải là chỉ vị danh, thì hai bên cùng giết nhau mà lại chép tên, thế thì cho là danh hay sao.

Lại căn cứ vào lời của Tả thị. Tề Báo thực là vì cơn giận dữ mà giết, thế thì có gì là danh nghĩa. Vả lại xét đến tình lí, phàm giết người, đều lấy cớ rằng nghĩ đến oán thù không nhịn được, thì làm bậy. Tả thị lại nói ba người làm phản, đều muốn giấu tên, mà tên cứ nêu, kẻ phận hèn tất là không chép tên, Phu Tử hiểu biết ý nghĩ ấy cho nên chép. Nếu thế thì ra, ba người dự đoán biết Phu Tử sẽ soạn Xuân Thu, kẻ phận hèn, không chép tên, dự đoán được thế hay sao. Vì thế, đem đất hối lộ nước Lỗ, để mong Phu Tử đừng chép chăng. Sao lại nói là muốn che đậy. Vậy đều là bàn xuyên tạc, chứ chả có gì lạ.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo rằng chép rõ chữ Lạm, bảo thế sai. Nếu cho Thúc Thuật là hiền. Hiền đã chưa hẳn là hiền, lại xa đến mười đời, lại phản vua, như Hắc Quăng, mà bàn rằng đáng giữ nước, thì có ai tin được không.

Uông Khắc Khoan - Hai Truyện đều chép Châu Hắc Quăng. Mà Công Truyện, Cốc Truyện và Kinh đều không có chữ Châu, đó là văn có thiếu sót. Đã học Công Thị, Cốc Thị mà lại không rõ nghĩa, hoặc cho Lạm là một nước, hoặc cho là khác biệt với nước Châu. Tất cả đều là bịa đặt. Tề cùng Sở đều là nước lớn, thế mà không chia đất nước mình cho con, em huống bé nhỏ

như nước Châu. Ví như cho rời nước Châu ra, cho là một nước riêng, thì đâu lại có câu: lấy đất chạy trốn sang nước khác. Tả Thị chứng dẫn lời trong Kinh, có chép là Châu Hắc Quăng, rồi họ Đạm, họ Triệu cũng cứ theo, cũng cứ thêm chữ Châu. Nay xét Tả Truyện là phụ vào Kinh, thì Đỗ Dự riêng lấy lời trong văn viết vào, cũng có khuyết chữ Châu. Như việc Tương Công năm thứ 17, Tề Cao Hậu vây đất Phòng, Tả Truyện và Kinh sót chữ Tề, như thế không thể cho là không phải Cao Hậu nước Tề được. Hoặc có kẻ nói rằng Lạm là đất nhà vua Thiên Tử, mà Hắc Quăng là quan lại nhà Chu. Đó lại là lời ức đoán xuyên tạc quá lắm. Cho có là quan lại nhà vua ra coi trị đất, thì cũng vẫn có toàn quyền trên đất đó, thì sao lại chạy trốn tới một nước chư hầu. Há rằng lấy thời gian 242 năm kể cũng đã là lâu, quan lại của vua chỉ thấy nói đến có một lần, mà cả hai Truyện sao lại cùng chép Lạm là đất nước Châu.

Xét - Thúc Thuật là em mà lấy chị dâu là loạn luân. Vua giết tên Nhan, mà Thuật vì Nhan báo thù, thế là phạm tới mệnh vua. Đối với Xuân Thu, tội rất to. Công Dương mà cho là hiền thì có sai không.

十 有 二 月 辛 亥 朔 日 有 食 之

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÂN HỢI, SÓC NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 12, NGÀY TÂN HỢI, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Tả Thị - Tháng 12, ngày Tân Hợi, mùng một, có nhật thực. Đêm ấy, Triệu Giản Tử, mộng thấy đứa bé, trần truồng, đứng múa. Sớm dậy, hỏi Sử Mặc rằng: Tôi mộng thấy như thế, nay lại nhật thực, thế thì sao. Đáp: Sáu năm nữa, tháng này, nước Ngô sẽ đánh vào đất Dĩnh. Tựu trung, không thành công. Vào Dĩnh tất là ngày Canh Thìn, mặt trăng, mặt trời đều ở vào đuôi sao Thần. Ngày Canh Ngọ, mặt trời có đổi khí sắc, cho nên không thành công.

Năm Tân Mão. Vua Kính Vương, năm thứ 11.

三 十 有 二 年
TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN
NĂM THỨ 32

Tấn Định, năm thứ 2. Tề Cảnh, năm thứ 38. Vệ Linh, năm thứ 25. Sái Chiêu, năm thứ 9. Trịnh Hiến, năm thứ 4. Tào Thanh, năm thứ 5. Trần Huệ, năm thứ 20. Kỉ Điệu, năm thứ 8. Tống Cảnh, năm thứ 7. Tần Ai, năm thứ 27. Sở Chiêu, năm thứ 6. Ngô Hạp Lư, năm thứ 5.

春 王 正 月 公 在 乾 侯 取 闞
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TẠI CAN HẦU, THỦ HÁM
MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG Ở CAN HẦU. CHIẾM ĐẤT HÁM

Tả Thị - Mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Công ở Can Hầu. Chép thế, tức là trong nước, ngoài nước đều không ở yên được. Và không biết dùng người.

Công Thị - Hám là ấp nước Châu Lâu, không nói đến Châu Lâu là kiêng lối chiếm gấp.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Truyện bàn, cho Hám là ấp nước Châu Lâu. Xét Định Công năm đầu có chép: Sắp táng Chiêu Công. Họ Quý Tôn sai sửa sang ở đất Hám, dân dọn đường, thế thì Hám là nơi chôn Lỗ Công, đâu có phải là ấp nước Châu Lâu, Công Truyện không giống Tả Truyện.

Triệu Bằng Phi - Trong khoảng ba năm, cứ đầu năm là thấy chép câu Công ở đất Can Hầu, là để rõ nghĩa Công định trừ họ Quý Thị. Mà Tả Thị thì cứ mỗi lần bàn đến là xuyên tạc. Bảo rằng Tả Thị chuyên tin ở quốc sử mà không thêm bớt, bảo thế e .không phải thế.

夏 吳 伐 越

HẠ, NGÔ PHẠT VIỆT

MÙA HẠ, NƯỚC NGÔ PHẠT NƯỚC VIỆT

Tả Thị - Mùa hạ, nước Ngô đánh nước Việt, bắt đầu dùng quân ở Việt. Sử Mặc nói: Không đầy 40 năm, Việt chắc lấy được Ngô. Việt được sao Tuế, mà Ngô đánh thì Ngô tất phải chịu tai hung. Sao Tuế hiện ở giữa khoảng hai nước là hay, là phúc, mà Ngô gây chiến tranh là Ngô trái.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

公 仲 孫 河 忌 會 晉 韓 不 信 齊 高 張 宋 仲 幾 衛 世 叔 申 鄭 國 參 曹 人 莒 人 薛 人 杞 人 小 邾 人 城 成 周

ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, HỘI TẤN HÀN BẤT TÍN, TỀ CAO TRƯƠNG, TỐNG TRỌNG CƠ, VỆ THẾ THÚC THÂN, TRỊNH QUỐC THAM, TÀO NHÂN, CỬ NHÂN, TIẾT NHÂN, KỈ NHÂN, TIỂU CHÂU NHÂN, THÀNH THÀNH CHU

MÙA ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, HỘI VỚI TẤN HÀN BẤT TÍN, TỀ CAO TRƯƠNG, TỐNG TRỌNG CƠ, VỆ THẾ THÚC THÂN, TRỊNH QUỐC THAM, NGƯỜI TÀO, NGƯỜI CỬ, NGƯỜI TIẾT, NGƯỜI KỈ, NGƯỜI TIỂU CHÂU, HỘI VỚI NHAU ĐỂ XÂY THÀNH CHU NHÀ CHU

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, Vương (Thiên Tử) sai Phú Tân, với Thạch Trương sang nước Tấn, xin xây thành Thành Chu. Thiên Tử nói: Trời giáng họa cho nhà Chu, làm cho anh

em tâm rối loạn, để cho Bá phụ (lời tôn lên. Vả lại, Tấn là trong họ) phải lo. Họ hàng nội ngoại không được yên đến 10 năm nay. Trong 5 năm vừa rồi, phải đồn thú các nơi. Một mình ta không ngày nào quên được công việc họ, và lo như người nông phu mong được mùa, lại sợ mất mùa. Bá phụ ví như thi ân, gây lại được nghiệp hai vị Văn (Văn Hầu Cừu, và Văn Công Trùng Nhĩ) giải được mối lo cho nhà Chu, sẽ được phúc của hai vua Văn, Vũ, sẽ giữ được chức minh chủ, tuyên bố đức sáng, thế thì ta là đúng sở nguyện vậy. Xưa, Thành Vương họp chư hầu, xây thành Thành Chu, để làm Đông Đô, kính chuộng đức lớn vua Văn. Nay ta cầu phúc của trời, và của Thành Vương, sửa sang lại Thành Chu để cho bớt công khó nhọc kẻ viễn thú, để cho chư hầu được an ninh, đuổi xa giống quấy loạn. Được như thế, là nhờ sức Tấn. Ta mong ở Bá phụ. Bá phụ cần xét kĩ việc làm, khỏi để dân kêu. Bá phụ sẽ có tiếng thơm, các tiên vương sẽ giúp.

Phạm Hiến Tử nói với Ngụy Hiến Tử rằng: Phải. Thà đắp thành cho nhà Chu hơn là phải cho quân đồn trú ở các nơi biên ải Chu. Thiên Tử nói đúng đấy. Rồi đây, nếu có xảy ra việc gì, thì cũng không cần biết đến. Theo ý vua, chư hầu được nghỉ ngơi, mà nước Tấn không còn phải lo. Việc này không làm, thì còn làm việc gì.

Ngụy Hiến Tử nói: Phải. Rồi sai Bá Âm tâu: Thiên Tử đã ra mệnh lệnh, chúng tôi đâu dám không tuân. Xin loan báo chư hầu. Công việc về thời gian, về trước sau, xin như mệnh Thiên Tử. Thế là mùa đông, tháng 11, Hàn Bất Tín và Ngụy Thư nước Tấn, tới Kinh sư. Họp các đại phu các chư hầu tại đất Địch Thuyền, nhắc lại lễ đồng minh trước, và ra lệnh xây thành. Ngụy Tử ngảnh mặt về nam, Bưu Hề nước Vệ nói: Ngụy Tử rồi có nạn lớn. Chiếm ngôi vị mà ra lệnh về một việc lớn, đâu có phải nhiệm vụ mình. Thi có câu: "Phải sợ trời giận, đừng có coi thường". Sợ mệnh trời thay đổi, đừng nên đi tới loạn. Thế mà còn sợ, huống lại tiếm ngôi làm việc lớn.

Ngày Kỉ Sửu, Sĩ Di Mâu nước Tấn vẽ bản đồ Thành. Đo kích thước, ước lượng bề cao, bề dày, các bức tường, bề sâu các ngòi, hào, rãnh, liệu định phân khối đất cát phải dùng tới, các phần

việc, thời gian việc, số phu dịch. Tính toán chi phí lương thực. Rồi chia ra cho mỗi chư hầu, số dịch phu, số tường xây, số đốc công. Kê khai xong, trình quan nhà vua là Lưu Tử.

Hàn Giản Tử đứng điều khiển, thi hành mệnh vua.

Cốc Thị - Thiên Tử kém, chư hầu không chầu. Thiên Tử chỉ có hư vị chẳng qua chỉ còn việc tế lễ. Cho nên chư hầu cho các đại phu thay nhau điều khiển xây thành. Đó chính là việc biến.

十 有 二 月 己 昧 公 薨 于 乾 侯

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, KỈ MÙI, CÔNG HOĂNG VU CAN HẦU

THÁNG 12, NGÀY KỈ MÙI, LỖ CÔNG MẤT Ở ĐẤT CAN HẦU.

Tả Thị - Tháng 12. Công đau. Thưởng cho các đại phu. Không ai nhận. Thưởng cho Tử Gia Tử hai viên ngọc chạm hình hổ, một vòng, một ngọc bích, và một bộ thường phục. Tử Gia Tử nhận. Thấy thế, các đại phu cũng đều nhận thưởng. Đến ngày Kỉ Mùi, thì Công mất. Tử Gia Tử trả lại cho người trong cung phủ các đồ Công ban, nói rằng: Trước tôi nhận là để khỏi trái mệnh. Các đại phu đều trả lại các đồ vật đã được ban. Kinh Xuân Thu chép, Công mất tại Can Hầu, thế nghĩa là không phải chốn đáng mất.

Triệu Giản Tử hỏi Sử Mặc rằng: Quý Thị đuổi vua đi, mà dân vẫn theo họ Quý, chư hầu đều yên, vua chết ở xa, mà không ai có tội, sao thế. Sử Mặc đáp: Vật trời sinh có hai (phải và trái), có ba (mặt trời, mặt trăng, sao), có năm (ngũ hành), có phù tá. Cho nên trời có tam thần, đất có ngũ hành, thể chất có tả hữu, có đôi lứa. Vương có Công làm phụ. Chư hầu có Khanh làm phụ. Phụ là phó cho chính. Trời sinh Quý Thị để phó cho Lỗ Hầu, đến nay đã lâu ngày rồi. Trời đã cho, dân tất là theo. Thế là phải rồi. Vua Lỗ đời đời có điều sai lầm. Quý thị đời đời cố gắng làm việc. Dân quên vua. Tuy vua chết ở xa, có ai thương. Xã tắc không được phụng hướng đều. Vua tôi không được ngôi thứ nhất định mãi. Từ xưa vẫn thế. Trong Kinh Thư có câu: Sườn núi thành thung lũng. Ba triều đại Ngu Hạ Thương,

nay con cháu thành thường dân. Ngài đã biết. Trong Kinh Dịch, hào Lôi trên hào Càn, thành quẻ Đại Tráng. Đó là đạo trời. Càn chỉ Thiên Tử, Chấn là chư hầu, nay ở trên càn là đổi ngôi, là thần lớn, là mạnh tráng, đại cường tráng, y như trên trời có lôi, sấm.

Khi xưa, Thành Quý Hữu là con út của Lỗ Hoàn Công, được mẹ là Văn Khương yêu quý. Khi Văn Khương có thai, bói rùa, thầy bói đoán con trai, rất có danh tiếng tên là Hữu, sẽ là giường cột cho Công gia. Đến khi sinh, Hữu trong bàn tay có chữ Hữu, rồi được đặt tên là Hữu. Rồi sau, có công to với Lỗ, phong Thượng Khanh, ăn lộc ấp Phí. Rồi đến đời con cháu, là Văn Tử, Vũ Tử, đời đời gây thêm cơ nghiệp, thêm công trạng. Lỗ Văn Công mất thì Đông Môn Tương Trọng giết đích lập thứ, vua Lỗ từ đấy mất quốc chính, chính vào tay họ Quý. Đến vua mới chết là bốn vua rồi, dân thôi không biết có vua, thì sao gọi là có nước. Cho nên làm chủ một nước, phải giữ lấy bảo khí, giữ lấy danh vị, đừng trao cho người khác.

Lí Liêm - Chiêu Công ở ngôi 25 năm. Ở đất Vận 4 năm, qua đất Can Hầu 3 năm. Đó là vị vua lười nhác, không chấn chỉnh lại được nước Lỗ. Buổi mới lên ngôi, ở tang mà không có vẻ thương xót, thế là mất tình thân cha con. Lấy vợ cùng họ, thế là mất lễ vợ chồng. Cái gốc lập thân, lập nước đều không có. Họa họ Quý, tuy rằng tích lũy từ đời các vua Thành, Tương, nhưng lấy đất Vận mà không chấn chỉnh được, nạp Mâu Di mà không khước từ. Rồi đến các tai dị Đại Vu, mưa đá, trời đã cho điềm răn báo nhiều lần mà không giác ngộ. Đi bỏ Trung quân, đi săn ở Hồng, mất hết quân chính mà không biết thu hồi, rồi lại có lỗi với vị Bá chủ. Năm lần sang Tấn mà không được tiếp. Mười ba nước đồng minh mà không được dự. Cho nên Chiêu Công không trở về. Sử Mặc luận bàn việc Lỗ thấy là đúng, mà cũng là gây cái thế Tam Tấn chóng thành chư hầu.

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM

定 公

ĐỊNH CÔNG

VUA ĐỊNH CÔNG NƯỚC LỖ

Khổng Dĩnh Đạt - Coi Lỗ Thế Phả, Định Công tên là Tống, là con Tương Công, là em Chiêu Công. Lên ngôi năm thứ 11, vua Kính Vương. Theo phép đặt tên thụy, thì yên được dân, lo lắng nhiều, gọi là Định.

Năm Nhâm Thìn. Vua Kính Vương, năm thứ 11.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Định, năm thứ 3. Tề Cảnh, năm thứ 39. Vệ Linh, năm thứ 26. Sái Chiêu, năm thứ 10. Trịnh Hiến, năm thứ 5. Tào Ẩn Công, Thông, năm đầu. Trần Huệ, năm thứ 21. Kỉ Điệu, năm thứ 9. Tống Cảnh, năm thứ 8. Tần Ai, năm thứ 2. Sở Chiêu, năm thứ 7. Ngô Hạp Lư, năm thứ 6.

春 王

XUÂN, VƯƠNG

MÙA XUÂN, VƯƠNG

Công Thị - Thời Định Công, sao không chép tháng giêng. Chữ chính nguyệt, có ý là chính việc lên ngôi. Thời Định Công, không chép chính nguyệt, vì lên ngôi về sau. Tại sao?Chiêu Công

ở ngoài, được về hay không được về không được biết, vì còn tùy ở Quý Thị. Thời Định Công. Ai Công, lối chép ngắn, ít, đọc Kinh rồi tra cứu ở Truyện mà cũng chưa định rõ ai có tội.

Cốc Thị - Không chép chính nguyệt, tức là Định Công không được chính. Tại sao? Tại Chiêu Công không được chính khi hết ngôi, mà Định không được chính khi mới ở ngôi. Ấy là không nói lúc lên ngôi, tang còn ở ngoài.

Hồ Truyện - Năm đầu tất là chép chính nguyệt, là để cẩn thận lúc đầu. Định Công sao không chép chính nguyệt. Chiêu Công mất ở đất Can Hầu, thế là cuối đời không được chính. Định Công thì công việc định đoạt bởi quyền thần, vậy không được chính lúc đầu. Vì thế, Lỗ lâu năm không có vua. Xuân Thu cũng muốn chính lại mà không thể được. Họ Quý phế bỏ Thái Tử Diễn, để lập Công Tử Tống. Tống là em Chiêu Công. Làm chủ xã tắc, đã không phải do mệnh vua trước, mà dám bảo là suy ý ra như theo mệnh. Cho nên không chép chính nguyệt, là để thấy nước Lỗ không có vua, mà Định Công không được là chính.

Đỗ Ngạc - Định Công, năm đầu tháng giêng. Không có việc chính trị gì, cho nên không chép chính nguyệt. Tuy nhiên, có chép chữ Vương, vì Xuân Thu có giữ vương pháp thì không thể bỏ chữ vương, cứ phải giữ cái gốc. Vả lại vương là để chính cả thiên hạ, thiên hạ không thể không có vương, vậy phải có chữ vương. Còn chữ chính, là quan hệ đến việc có nước. Nay nước Lỗ không biết ai là không có chính, và cũng không nhận việc chuyên quyền của họ Quý.

Thiệu Bảo - Định Công, không chép chữ chính, mà chép chữ Xuân. Vương, như Xuân. Vương. Tháng ba. Thế là tháng ba có việc, cho nên chép tháng ba.

Xét - Năm đầu, mà không chép chữ chính nguyệt, Đỗ Dự cho là vì công đến tháng sáu mới làm lễ lên ngôi. Bọn tiên nho nghe theo, cho là không để Quý thị cầm quyền, nghĩ thế cũng hợp tình lí. Công Dương thì bảo là để chính lúc lên ngôi. Cốc Lương thì bảo là lúc đầu không được chính, hai thuyết đều ăn khớp với nhau, tức là nhân việc không chính mà chính lại. Thiệu Bảo, Triệu Hằng, Dư Quang đều bảo, tháng giêng, chính

nguyệt, và tháng hai không có việc gì, cho nên chỉ chép tháng ba. Đó cũng là một thuyết.

三月晉人執宋仲幾于京師

TAM NGUYỆT, TẤN NHÂN CHẤP TỐNG TRỌNG CƠ, VU KINH SƯ

THÁNG BA, NGƯỜI TẤN BẮT TỐNG TRỌNG CƠ TẠI KINH SƯ. (ĐẠI PHU CHUYÊN QUYỀN BẮT NGƯỜI KHỞI ĐẦU TỪ ĐÂY)

Tả Thị - Mùa xuân. Vương. Tháng giêng, ngày Tân Tị, Tấn Ngụy Thư, họp đại phu các chư hầu ở đất Địch Tuyền, để sấp đắp thành Thành Chu. Ngụy Tử (quan nhà Chu) đốc công. Bưu Hề nước Vệ nói: Chúng ta xây đắp làm công việc nhà vua, mà Ngụy Tư đổi ngôi, tự ra lệnh, không phải nghĩa. Trong một việc lớn mà trái nghĩa, thì tất có họa. Nếu Tấn mà không mất chư hầu thì Ngụy Tử không khỏi họa. Đến khi khởi công, Ngụy Hiến Tử (quan nhà Chu) giao công việc cho Hàn Giản Tử nước Vệ, và Nguyên Thọ Quá (quan nhà Chu). Rồi đi săn ở đất Đái Lục, đốt cây, lùng bắt chim muông. Khi đi săn về chết ở đất Ninh.

Phạm Hiến Tử (quan thay việc) bắt bỏ quách gỗ bách (áo quan ngoài) không cho dùng vì khi công việc vua chưa xong mà đã bỏ để đi săn. Mạnh Ý Tử (nước Lỗ) tới làm việc. Ngày Canh Dần, đóng ván để giữ đất xây thành. Trọng Cơ nước Tống, không chịu làm phần việc mình và nói: Đây là việc nước Đằng, Tiết, Nghê chứ không đến người Tống. Người Tiết nói: Tống là vô đạo. Trước đã bảo nước tôi rời nhà Chu, mà theo Sở, nước tôi vốn cứ theo Tống. Trong khoán ước hội thề ở Tiễn Thổ, Tấn Văn Công có cho biết: Phàm các nước đồng minh, cùng thề, nước nào giữ chức vụ cũ nước ấy. Hoặc theo Tiễn Thổ hoặc theo Tống, chúng tôi cũng xin vâng. Trọng Cơ nói: Cố nhiên là cứ theo như Tiễn Thổ. Người Tiết lại nói: Hoàng Tổ chúng ta là Hề Trọng, ở Tiết, xưa, giữ chức Xa Chính (coi xe) cho nhà Hạ (vua Vũ). Rồi Hề Trọng tới ở Bì. Con cháu nối dõi là Trọng Hủy ở Tiết, giữ chức Tả Tướng vua nhà Thương. Nếu cứ "giữ chức vị cũ", thì Tiết là quan của Thiên Tử, đâu có phục dịch chư hầu. Trọng Cơ

nói: Tam đại, mỗi triều đại mỗi khác. Tiết không giữ chức việc triều đại xưa được. Nay làm việc cho Tống, đó là chức vụ.

Sĩ Di Mâu (Tấn) nói với Trọng Cơ: Quan Đốc công (người Tấn) là người mới (Phạm Hiến Tử). Ông hãy cứ làm phần việc ông. Khi về, tôi sẽ coi lại điển lệ. Trọng Cơ nói: Dù ngài có quên khoán ước, nhưng thần linh đất nước quên sao được. Sĩ Bá (Di Mâu) giận, bảo Hàn Giản Tử: Tiết lấy người viện chứng, Tống lấy thần linh viện chứng. Tống có lỗi to. Vả lại, không còn cãi được, mới đem quỷ thần ra chống ta, dối ta. Người xưa (Kinh Thư) có dạy: Cứ cầu người yêu, chỉ thêm người khinh. Nay là trường hợp đó. Xin làm tội Trọng Cơ. Thế là người Tấn bắt Trọng Cơ đem về Tấn. Rồi tháng ba, giải tới Kinh sư.

Sau 30 ngày xong công việc xây thành. Lính thú chư hầu ở các đồn ải nhà Chu được giải ngũ. Cao Trương nước Tề tới sau, tới chậm không theo cùng mọi chư hầu. Nhữ Thúc Khoan (Tấn) nói: Trành Hoằng (Chu) và Cao Trương (Tề) rồi không khỏi họa. Trành Hoằng trái trời. Cao Tử trái người. Trời đã phá thì không gây lại được. Mọi người đều làm, không thể ngăn được.

Công Thị - Trọng Cư tội gì. Tội không dự xây thành. Chép tới Kinh sư là thế nào. Là do vị Bá. Sao không chép là Bá lại chép là người. Là biếm, chê. Đại phu chuyên quyền bắt người, không đúng nghĩa của công việc.

Cốc Thị - Đây là đại phu làm, mà lại chép là người sao. Là khinh khi, là chê việc bắt người ở Kinh đô, nơi tôn quý, không cho đại phu quyền vị Bá.

Lí Liêm - Cứ lấy việc mà nói, thì vì việc vua mà trị kẻ có tội. Cứ lấy nghĩa mà nói, thì đại phu chuyên quyền bắt người ở ngay nơi Thiên Tử, mà lại không giao cho quan lại của Thiên Tử. Cho nên Xuân Thu cũng không cho việc "vị Bá trị tội" là phải. Cốc Lương, Hồ thị, đều nghĩ như thế. Công Dương cho là đại phu không được chuyên quyền bắt người. Công Dương nghĩ thế thì phải. Còn bảo cho đưa về Kinh là quyền vị Bá trị tội thì sai.

夏六月癸亥 公之喪至自乾

侯戊辰公即位

HẠ, LỤC NGUYỆT, QUÝ HỢI, CÔNG CHI TANG CHÍ TỰ CAN HẦU. MẬU THÌN CÔNG TỨC VỊ

MÀ HẠ THÁNG SÁU, NGÀY QUÝ HỢI, TANG CHIÊU CÔNG ĐƯA TỪ CAN HẦU VỀ. NGÀY MẬU THÌN CÔNG LÊN NGÔI

Tả Thị - Mùa hạ, Thúc Tôn Thành Tử, đón tang Công ở Can Hầu. Quý Tôn bảo: Tử Gia Tử nhiều lần nói đến ta. Vị thường không đúng chí ta. Ta muốn cùng hắn làm chính trị. Ông tới hỏi và coi ý. Tử Gia Tử không yết kiến Thúc Tôn, cứ ở bên cữu vua khóc. Thúc Tôn xin yết kiến. Tử Gia Tử từ tạ nói: Kỉ tôi chưa được yết kiến ông. Theo vua đi ra, vua chưa có sai bảo gì mà đã mất. Kỉ tôi không dám yết kiến. Thúc Tôn sai người nói với Tử Gia Tử: Công Diễn, Công Vi đã ngăn không cho quần thần thờ vua. Nay công tử Tống chủ xã tắc, chính là nguyện vọng của quần thần. Phàm những vị đã theo vua đi ra, nay mà ai có thể trở vào được, thì xin tùy ông. Trong họ ông không có người thay mặt, Quý Tôn mong được ông tham chính, đó là ý nguyện của Quý Tôn, có sai Bất Cảm tôi (tên Thúc Tôn) nói với ông.

Tử Gia Tử đáp: Về việc chọn người làm vua đã có các vị Khanh Sĩ, Đại phu, cùng các quan, Kỉ tôi không dám biết. Bọn vì vua mà đi ra, thì có thể cho vào được. Bọn vì tư thù mà đi ra, thì để cho đi nước khác được. Còn như tôi, khi đi có tâu vua, nâu muốn vào thì tâu sao được. Vậy tôi xin ở nước ngoài.

Khi cữu Chiêu Công về tới đất Hoại Đồi, Công Tử Tống vào trước. Bọn theo Chiêu Công tới Hoại Đồi rồi theo vào. Tháng 6, ngày Quý Hợi, Tang Công, tự Can Hầu tới. Ngày Mậu Thìn, Công Tử Tống lên ngôi.

Công Thị - Ngày Quý Hợi, tang của Công tự Can Hầu tới, thì sao tới ngày Mậu Thìn mới lên ngôi. Vì quản tại cung khuyết rồi mới lên ngôi (theo lễ).

Tử Thẩm nói: Đối với nước, được làm vua rồi là lên ngôi. Ngày lên ngôi không chép. Đây sao chép. Là chép lại ở sử.

Cốc Thị - Quàn lại, rồi lên ngôi. Không được chính. Cho nên không lấy cách chính chép được. Đã qua năm, thì không chép lên ngôi là vì có vua cũ. Chép lên ngôi là không có vua cũ nữa. Lên ngôi là cái đạo: bên trao, bên chịu. Vua trước, cuối đời không được chính, thì vua sau khởi thủy cũng không chính. Vua trước, khởi thủy và chung kết là chính, thì vua sau khởi thủy là chính. Ngày Mậu Thìn, Công lên ngôi, thế là ghi chép cẩn thận. Việc lên ngôi cần phải cứu xét. Công lên ngôi, sao chép ngày. Ngày Mậu Thìn, lên ngôi. Ngày Quý Hợi, tang Chiêu Công tự Can Hầu tới thì sao đến ngày Mậu Thìn mới lên ngôi. Thế là chính ngôi vua rồi mới lên ngôi. Thẩm Tử có nói: Đặt quàn ở cung khuyết cho chính vị rồi mới lên ngôi. Trong nước có việc lớn, thì chép ngày. Lên ngôi là việc lớn của vua, sao không chép ngày. Là lấy năm mà quyết định, chứ không lấy ngày quyết định. Đây mà lấy ngày là tại sao. Là để cho rõ. Rõ cái gì.

Qua năm mới lên ngôi, là uy nghiêm mà lại có nghĩa. Chưa khâm liệm thì dù có mệnh của Thiên Tử cũng không dám theo, huống chi đứng đầu sai bảo các quan. Người nhà Chu có tang. Người nước Lỗ có tang. Người nhà Chu điếu. Người Lỗ không điếu. Người Chu nói: Đó vốn là bầy tôi của ta, thì ta sai người điếu được. Người Lỗ nói: Đó là vua ta, chỉ là lấy tình thân, chứ không sai đại phu được. Vì thế, người Chu điếu, người Lỗ không điếu. Cũng là vì chưa xa đời Thành, Khang mấy. Vua là bậc chí tôn. Bỏ quàn cha mẹ, mà đi phúng viếng còn không được, huống chưa quàn, mà đã ra coi chầu.

Dư Quang - Nguyên Khải có bảo rằng, chư hầu chết, năm ngày mới liệm. Liệm xong, con nối, lên ngôi. Tang Chiêu Công tự ngoài vào. Việc liệm đã xong. Việc gì còn đợi, năm ngày mới liệm, chẳng qua là tạ sự để uy hiếp Tống (Công Tử Tống, Định Công), mà rõ cái công của mình lập lên làm vua.

秋七月癸巳葬我君昭公

THU, THẤT NGUYỆT, QUÝ TỊ, TÁNG NGÃ QUÂN CHIÊU CÔNG

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY QUÝ TỊ, LỄ TÁNG VUA TA LÀ CHIÊU CÔNG

Tả Thị - Quý Tôn sai phu tới Hám sẻ ngòi. (Hám nơi chôn các vua Lỗ. Sẻ ngòi để cho mả Chiêu Công cách tuyệt các mả khác, đó là ác ý của Quý Tôn). Đại phu Vinh Giá Nga nói: Lúc Chiêu Công còn sống, ngài đã không thờ, lúc chết ngài lại còn chia cách ra để rõ ý. Nay thì ngài làm, nhưng sau, ngài hối đấy. Quý Tôn mới thôi.

Quý Tôn hỏi Vinh Giá Nga: Tôi muốn đặt tên thụy cho vua, để về sau, con cháu biết các điều nhầm lỗi, Vinh Giá Nga đáp: Sống đã không thờ, chết lại còn bêu xấu, để rõ tình ý mình, như thế có được hơn gì. Quý Tôn mới thôi. Tháng bảy, ngày Quý Tị, táng Chiêu Công ở phía Nam đường vào các lăng tiên quân. Sau, Khổng Tử làm Tư Khấu, có đào một cái rãnh để hợp lăng Chiêu Công với các lăng khác.

九月大雩

CỬU NGUYỆT ĐẠI VU

THÁNG CHÍN, LỄ ĐẠI VU ĐỂ CẦU MƯA

Tả Thị - Xét về Đại Vu thì chép tháng. Chép mùa thu, hay mùa đông, không phải là chính. Tại sao. Vì, Cỏ lúa chưa hết. Sức người chưa kiệt thì chưa phải lễ Vu. Lễ Vu chép tháng mới là chính là tại sao. Là thời đến cùng, sức người đến hết, bấy giờ mới nói đến Vu. Bấy giờ mới là chính. Thời cùng, sức hết, là tháng đó không mưa thì không còn gì nữa, năm đó không được mùa thì không có ăn. Muốn lễ Vu thì phải ở lúc thời cùng, sức kiệt. Lễ Vu là đang hạn mà cầu mưa. Mà cầu là xin. Người xưa trọng việc ấy lắm. Vì rằng: Người mà đáng làm người là ở đức nhường, chứ không phải ở cầu xin Đã cầu xin, thì không phải người. Thế cho

nên quan trọng. Cầu xin gì. Câu Ứng Thượng Công. Đời xưa có Ứng Thượng Công là vị thần, kiêm âm lẫn dương. Vua thân gióng giả các đại phu làm lễ để cầu xin. Xét đã cầu xin, thì phải tự mình chứ không sai ai được. Thế cho nên quan trọng.

Lục Thuần - Công Thị, Cốc Thị đều bảo lễ Vu chép tháng mới là chính. Chép mùa, mùa thu, mùa đông, đều không là chính. Cỏ cây chưa hết. Sức người chưa kiệt, thì chưa lễ Vu. Đạm Tử có nói: Vu là đảo vũ. Nếu đợi cho cây cỏ hết, sức người kiệt, thì tuy có mưa, cũng không cứu được. Xét ra, vì Truyện cứ lấy tháng ngày làm lệ, cho nên mới có lối phân tích như thế. Đạm Tử lại nói: Xưa có vị thần là Ứng Thượng Công thông cả âm dương. Vua phải dẫn các đại phu cầu xin. Cứ theo Triệu Tử thì xét Đại Vu là tế núi, rằng, sông, ngòi hay làm ra mây, ra mưa, chứ có riêng gì một Ứng Thượng Công.

立煬宮

LẬP DẠNG CUNG

XÂY DỰNG DẠNG CUNG

Tả Thị - Khi Chiêu Công rời khỏi Kinh, đi ra ngoài, thì Quý Bình Tử sợ. Có tế Dạng Công. Tháng chín, Quý xây dựng Dạng Cung.

Phụ lục Tả Truyện - Cũng Giản Công nhà Chu hay bỏ con em trong nhà mà chỉ ưa dùng người ngoài họ.

Công Thị - Dạng Cung là gì. Là cung của vua Dạng Công nước Lỗ. Dựng Dạng Cung là phi lễ.

Cốc Thị - Chép dựng là ý bảo không nên dựng.

冬十月隕霜殺叔

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, VẪN SƯƠNG SÁT THÚC

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, SƯƠNG LÀM HẠI GIỐNG ĐẬU

Công Thị - Sao lại chép. Vì việc lạ. Hại giống đậu. Lạ hơn là họa.

Cốc Thị - Chưa có thể hại được mà hại, thế là nặng. Có thể hại mà không hại thì là nhẹ. Chép đến đậu, thế là nói việc nặng.

Xét - Công Dương cho là chép việc lạ, Hà Hưu thì bảo chỉ có hại đậu mà không hại thứ khác, thế là lạ. Bàn thế đều không phải. Thuyết nói nặng nhẹ là thuyết đúng.

Năm Quý Tị. Vua Kính Vương, năm thứ 12.

二 年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tấn Định, năm thứ 4, Tề Cảnh, năm thứ 4. Vệ Linh, năm thứ 27. Sái Chiêu, năm thứ 11. Trịnh Hiến, năm thứ 6. Tào Ẩn, năm thứ 2. Trần Huệ, năm thứ 22. Kỉ Điệu, năm thứ 10. Tống Cảnh, năm thứ 9. Tần Ai, năm thứ 29. Sở Chiêu, năm thứ 8. Ngô Hạp Lư, năm thứ 7.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả truyện - Năm thứ 2. Mùa hạ. Tháng 4. Ngày Tân Dậu. Bọn con em nhà họ Cùng giết Giản Công.

夏 五 月 壬 辰 雉 門 及 兩 觀 災

HẠ, NGŨ NGUYỆT, NHÂM THÌN, TRĨ MÔN CẬP LƯỠNG QUÁN TAI

MÙA HẠ, THÁNG 5, NGÀY NHÂM THÌN, CỬA TRĨ MÔN VÀ LƯỠNG QUAN (HAI LẦU HAI BÊN) BỊ CHÁY

Công Thị - Sao lại chép Trĩ môn và Lưỡng Quán (Lưỡng Quán không trọng bằng Trĩ môn). Sao không chép Lưỡng Quán và Trĩ môn. Là vì lửa bắt đầu ở Lưỡng Quán mà chép sau Trĩ

môn vì không muốn ta tự nhỏ đến lớn. Và chép đây là chép tai, tai họa.

Cốc Thị - Tại sao không chép Trĩ môn bị cháy rồi đến Lưỡng Quán. Vì tai từ Lưỡng Quán. Không muốn cho vị tôn gần với tai. Vậy nói Trĩ môn trước là tôn thứ đáng tôn.

Đỗ Dự - Trĩ môn là cửa nam cung điện. Lưỡng Quán là cửa khuyết. Tai là lửa trời đốt.

Triệu Khuông - Đó là từ Trĩ môn lây đến Lưỡng Quán. Nghĩa lí rõ ràng, cứ sự thực mà biên chép. Công Thị, Cốc Thị đều nói, khởi đầu từ Lưỡng Quán, bịa đặt ra thuyết lớn nhỏ, khinh trọng, rất quái lạ.

Đỗ Dự - Trĩ môn là cửa nam cung điện. Lưỡng Quán là cửa khuyết. Tai là lửa trời đốt.

Triệu Khuông - Đó là từ Trĩ môn lây đến Lưỡng Quán. Nghĩa lí rõ ràng, cứ sự thực mà biên chép. Công Thị, Cốc Thị đều nói, khởi đầu từ Lưỡng Quán, bịa đặt ra thuyết lớn nhỏ, khinh trọng, rất quái lạ.

Lưu Sưởng - Chép chữ "và" là thế nào? Là tai khởi đầu từ Trĩ môn. Công Dương nói Lưỡng Quán là nhỏ. Lại nói bắt đầu hỏa tai là Lưỡng Quán. Nói thế không phải. Tai thì có trước sau. Cứ xem hiện ra thế nào thì chép như thế. Cũng như chuyện sáu con chim bay lùi. Trong ra thì thấy sáu. Nhận xét là giống chim nghịch. Nhận kỹ thì thấy bay lùi. Đâu có đảo ngược sau trước, gượng tìm nặng nhẹ trên dưới. Tìm xét ý chỉ làm mê hoặc, cho rằng các cung Hoàn Cung, Hi Cung có tai, không chép chữ và, là vì cùng bốc cháy một lúc, không ai nhận rõ trước sau, cho nên ở xa thì chép trước.

Cốc Thị bàn rằng sao không chép Trĩ môn cháy và Lưỡng Quán. Thì ở dưới rồi chép. Về việc sửa soạn, thì chép sửa chữa Trĩ môn, rồi mới chép sửa chữa Lưỡng Quán, Cốc Thị bảo sao không theo lối chép ấy, Cốc thị bàn thế là sai. Công việc sửa chữa, thì kể việc làm trước, việc làm sau. Còn như tai họa thì chép từ nhỏ đến lớn. Còn có gì nghi ngờ mà phải bàn.

秋 楚 人 伐 吳

THU, SỞ NHÂN PHẠT NGÔ

MÙA THU, NGƯỜI SỞ ĐÁNH NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Nước Đồng phản nước Sở. Vua nước Ngô mới bảo một nước phụ thuộc với nước Sở là Thư Cưu rằng: Dụ cho người Sở đem quân tới đánh Ngô, Ngô đi đánh Đồng, Sở sẽ không ngờ.

Thế là mùa thu, tướng Sở là Nang Ngõa, đi đánh Ngô, quân đóng ở đất Dự Chương. Tướng Ngô đem binh thuyền đến Dự Chương và ngầm cho quân tiến tới Sào (đất nước Sở). Mùa đông, tháng 10, quân Ngô thắng quân Sở ở Dự Chương, rồi vây Sào, chiếm được, bắt được Sở Công Tử Ba.

Phụ lục Tả Truyện - Trang Công nước Châu cùng với đại phu Di Xạ Cô uống rượu. Di Xạ Cô đi ra ngoài. Người hầu trong cung xin đồ ăn. Di Xạ Cô giật lấy gậy đánh.

冬 十 月 辛 作 雉 門 及 兩

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, TÂN TÁC TRĨ MÔN CẬP LƯỠNG QUÁN

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, XÂY DỰNG TRĨ MÔN VÀ LƯỠNG QUÁN MỚI

Công Thị - Chép là xây dựng mới là thế nào. Là công tác lớn. Không có sửa lại cũ. Đây mà chép là ý chê. Chê việc không có ích cho công thất.

Cốc Thị - Chép mới tức là có cũ. Đây là sửa cho lớn hơn. Bất chính vì cho vật quý đứng trước. Tuy bất chính nhưng đẹp hơn thì cũng được.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo rằng vật quý nói trước là vì tuy bất chính nhưng đẹp thì cũng được. Cốc Lương bàn thế không phải. Đây chỉ là một thể chép việc. Trĩ môn cháy trước, Lưỡng Quán cháy sau. Không thể không chép là Trĩ môn và Lưỡng Quán

bị cháy. Nếu không chép chữ và, thì y như là Lưỡng Quán của Trĩ môn cháy. Chứ Trĩ môn không cháy. Sau việc cháy, người Lỗ sửa lại cũ, cứ lý thì phải nói môn trước, vì môn là cửa ra vào, quán là trang sức. Vậy mọi vật chép phải có thứ tự.

Năm Giáp Ngọ. Vua Kính Vương, năm thứ 13.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tấn Định, năm thứ 5. Tề Cảnh, năm thứ 41. Vệ Linh, năm thứ 28. Sái Chiêu, năm thứ 12. Trịnh Hiến, năm thứ 7. Tào Ẩn, năm thứ 3. Trần Huệ, năm thứ 23. Kỉ Điệu, năm thứ 11. Tống Cảnh, năm thứ 10. Tần Ai, năm thứ 30. Sở Chiêu, năm thứ 9. Ngô Hạp Lư, năm thứ 8.

春王正月公如晉至河乃復

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG NHƯ TẤN, CHÍ HÀ NÃI PHỤC

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, LỖ CÔNG SANG TẤN, TỚI SÔNG HÀ THÌ TRỞ VỀ

Khổng Dĩnh Đạt - Cả ba Truyện đều không chép. Không hiểu vì cớ gì lại trở lại. Giả Quỳ nói: Sợ chậm tới chầu, không biết ăn nói ra sao, chứ không phải sợ tội. Giả Quỳ tuy giải thích như thế, nhưng Truyện không chép thì cũng không theo được. Cho nên Đỗ thị không bàn. Lưu Huyễn thì nói, Công tháng 6 lên ngôi, giá như năm đó sang chầu Tấn, thì chưa có chậm, người Tấn không từ chối được. Nếu mà bị trách là chậm thì nên lui, rồi tạ tội. Sao sau việc này, không thấy có lời từ tạ, chỉ nói đoán là có lỗi. Kinh, không thấy chép như thế. Vậy tội ở đâu mà biết. Tấn nếu cho là chậm, đáng trách, tất là phải có lời trách, cớ sao năm sau, dự hội, Công lại cứ như ngôi thứ cũ. Vậy, tới Hà trở về, ta không hiểu tại sao.

二 月 辛 卯 鄒 子 穿 卒

NHỊ NGUYỆT, TÂN MÃO, CHÂU TỬ XUYÊN TỐT

THÁNG 2, NGÀY TÂN MÃO, VUA NƯỚC CHÂU LÀ XUYÊN MẤT

Tả Thị - Mùa xuân, tháng hai, ngày Tân Mão, Châu Tử đứng trên Môn đài (lầu ở ngoài cửa) nhìn xuống sân. Người giám môn đang tưới sân. Châu Tử trông thấy giận. Giám môn nói: Di Xạ Cô tiểu tiện ở đây, tôi phải cọ. Châu Tử sai bắt Di. Không tìm thấy. Càng giận dữ. Ngã xuống giường, vô ý lăn vào bình than hồng đang cháy, bị cháy bỏng rồi chết. Khi chôn, năm xe đi trước, có năm người phải tuẫn tiết. Trang Công tức là Châu Tử Xuyên, tính nóng, hay gắt, mà sạch sẽ, nay bị nạn chết.

夏 四 月

HẠ, TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

秋 葬 鄒 莊 公

THU, TÁNG CHÂU TRANG CÔNG

MÙA THU, LỄ TÁNG CHÂU TRANG CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, tháng chín, người nước Tiển Ngu, đánh được quân Tấn ở đất Bình Trung, đất Tấn, bắt được Tấn Quan Hổ, người tính vốn cậy mạnh.

冬 仲 孫 何 忌 及 鄒 子 盟 于 拔

ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỴ CẬP CHÂU TỬ MINH VU BẠT

MÙA ĐÔNG, LỖ TRỌNG TÔN HÀ KỴ VÀ CHÂU TỬ THỀ Ở ĐẤT BẠT

Tả Thị - Mùa đông thề tại Đàm (Bạt) để nối lại tình giao hiếu xưa.

Phụ lục Tả Truyện - Chiêu Hầu nước Sái làm một đôi ngọc bội (để đeo vào đai) và một đôi áo bào. Rồi sang Sở. Hiến cho Sở Chiêu Vương một đai và một áo. Chiêu Vương bận áo và đai thết tiệc Sái Hầu. Sái Hầu cũng mặc áo và đai dự tiệc. Tướng Sở và Tử Thường (Nang Ngõa) trông thèm lắm, vua Sái không cho. Tử Thường mới giữ Sái Hầu đến ba năm. Đường Thành Công sang Sở, có hai con ngựa Túc Sảng (ngựa quý). Tử Thường cũng thèm được. Đường Thành không cho, cũng bị giữ lại trong ba năm. Người Đường bàn nhau, vài đại phu xin sang thay tùy tòng cũ, được ưng thuận. Bọn này bỏ rượu cho bọn trước say, rồi trộm lấy ngựa đem hiến Tử Thường. Tử Thường cho Đường Công về. Bọn này cũng được về. Khi tới nước, đến ngay quan Tư Bại (quan coi về luật pháp) nói: Chúng tôi thấy nhà vua cố giữ lấy ngựa, đến nỗi phải ở lại nước ngoài, bỏ dân mình, chúng tôi xin làm mã phu, có chọn ngựa tốt, giống như ngựa trước đền lại. Vua nói: Quả nhân có lỗi, các người có việc gì. Rồi hậu thưởng cho cả bọn. Người Sái biết chuyện, cố xin vua mình cũng đem đai và áo hiến Tử Thường. Tử Thường bảo người đầu bọn rằng: Chủ các người ở đây đã lâu rồi, bọn tùy tòng không nghe lệnh ta. Nếu mai, không đem đủ lễ cho ta, thì sẽ phải chết. Thế rồi Sái Hầu được thả về. Đi đến bờ sông Hán, Sái Hầu cầm ngọc ném xuống sông (lễ thề) thề rằng: Ta mà còn qua sông này để sang chầu Sở thì sẽ bị như ngọc này. Thế rồi tới nước Tấn gửi con mình, cùng con đại phu, làm con tin, xin Tấn đánh Sở.

Năm Ất Mùi. Vua Kính Vương, năm thứ 14.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ 4

Tấn Định, năm thứ 6. Tề Cảnh, năm thứ 42. Vệ Linh, năm thứ 29. Sái Chiêu, năm thứ 12. Trịnh Hiếu, năm thứ 8. Tào Ẩn, năm thứ 4. Trần Huệ, năm thứ 24. Kỷ Điệu, năm thứ 12. Tống Cảnh, năm thứ 11. Tần Ai, năm thứ 31. Sở Chiêu, năm thứ 10. Ngô Hạp Lư, năm thứ 9.

春王二月癸巳陳侯吳卒

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, QUÝ TỊ. TRẦN HẦU NGÔ TỐT

MÙA XUÂN, THÁNG 2, NGÀY QUÝ TỊ, VUA NƯỚC TRẦN, TÊN LÀ NGÔ MẤT

三月公會劉子晉侯宋公蔡侯衛侯陳子鄭伯 許男曹伯莒子邾子頓子胡子滕子薛伯 杞伯小邾子齊國夏于召陵侵楚

TAM NGUYỆT, CÔNG HỘI LƯU TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, SÁI HẦU, VỆ HẦU, TRẦN TỬ, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỶ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ QUỐC HẠ VU THIỆU LĂNG XÂM SỞ

THÁNG BA, LỖ CÔNG TỚI ĐẤT THIỆU LĂNG, BÀN VIỆC XÂM NƯỚC SỞ, HỘI VỚI LƯU TỬ, TẤN HẦU, TỐNG CÔNG, SÁI HẦU, VỆ HẦU, TRẦN TỬ, TRỊNH BÁ, HỨA NAM, TÀO BÁ, CỬ TỬ, CHÂU TỬ, ĐỐN TỬ, HỒ TỬ, ĐẰNG TỬ, TIẾT BÁ, KỈ BÁ, TIỂU CHÂU TỬ, TỀ QUỐC HẠ

Tả Thị - Mùa xuân, tháng ba. Lưu Văn Công (quan nhà Chu) họp lại Thiếu Lăng, các chư hầu để bàn việc đánh Sở. Tuân Dần nước Tấn đòi nước Sái hối lộ, thấy nước Sái không nghe, mới nói với Phạm Hiến Tử rằng: Nước đang nguy, chư hầu đang bỏ. Thế mà còn đánh giặc thì có khó không. Nay mùa nước lại to, bệnh hoạn sinh ra ở nhiều nơi, xứ Trung Sơn lại không theo. Chúng ta nếu bội ước mà khích Sở, thì cũng chả hại gì cho Sở, mà lại mất Trung Sơn. Không gì bằng bỏ lời xin của Sái Hầu. Từ sau việc Phương Thành, ta đối với Sở chưa được toại ý nguyện, cần phải ở yên, nghĩ đến mình.

Thế rồi Tấn từ Sái Hầu. Người Tấn mượn cờ vũ mao của

Trịnh. Hôm sau, cắm cờ vũ mao vào xe, đi tới dự hội. Thế là từ đấy, Tấn đối với chư hầu mất tín nhiệm.

Trình Tử - Sở cậy mạnh, xâm lăng chư hầu. Tấn xin với Thiên Tử đại hội chư hầu để phạt Sở, mà không biết nêu rõ tội Sở, để thay trời dẹp giặc, không được nên công, rồi trở về. Cho nên chép là xâm.

夏 四 月 庚 辰 蔡 公 孫 姓 帥 師 滅
沈 以 沈 子 嘉 歸 搬 之

HẠ, TỨ NGUYỆT, CANH THÌN, SÁI CÔNG TÔN TÍNH SUẤT SƯ DIỆT THẨM, DĨ THẨM TỬ GIA QUY SÁT CHI

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY CANH THÌN, CÔNG TÔN TÍNH NƯỚC SÁI CẦM QUÂN, DIỆT NƯỚC THẨM, BẮT THẨM TỬ TÊN LÀ GIA ĐEM VỀ GIẾT ĐI

Tả Thị - Nước Thẩm không tới hội Thiệu Lăng. Người Tấn sai nước Sái đánh. Mùa hạ, nước Sái diệt nước Thẩm.

五 月 公 及 諸 侯 盟 于 高 鼬

NGŨ NGUYỆT, CÔNG CẬP CHƯ HẦU MINH VU CAO DỮU

THÁNG NĂM, LỖ CÔNG CÙNG VỚI CHƯ HẦU THỀ TẠI ĐẤT CAO DỮU

Tả Thị - Khi sắp hội, Tử Hàng Kính Tử nước Vệ, nói với Vệ Linh Công: Chư hầu họp khó mà hợp được. Nói thì nhiều. Ai là người quyết định được. Xin cho Chúc Đà đi theo. Vệ Công nói được. Thế rồi bảo Tử Ngư (Chúc Đà) đi theo. Tử Ngư chối rằng : Thần hết sức, làm việc trong chức vụ, thần còn sợ bị nhiều lầm lỗi. Nay lại kiêm một chức vụ nữa thì lại càng thêm nhiều tội. Vả lại chức vụ của thần là hầu hạ thần linh của nền xã nền tắc, (Chúc là chức quan coi việc tế). Xã tắc

còn yên một chỗ, thì Chúc không được rời khỏi đất nước. Đó là theo quan chế. Khi vua xuất quân đi đánh trận, thì Chúc là làm lễ bôi trống, (lấy máu quân địch bôi vào mặt trống), rồi phụng thần linh đi theo vua. Trường hợp đó, Chúc mới ra khỏi cõi. Còn như trong việc giao hiếu, nếu vua đi, có một Sư đi theo (một sư là 2.500 quân), nếu Khanh đi, có một Lữ đi theo (một lữ là 500 quân), thì Chúc không có việc. Vệ Công nói: Cứ đi với ta.

Khi tới Cao Dữu, dự hội, định đặt Sái trên Vệ, Vệ Hầu mới bảo Chúc Đà nói riêng với Trành Hoằng (người nhà Chu) rằng: Đi đường, tôi nghe nói, ngôi thứ Sái sẽ ở trên Vệ, không biết tin đó có đúng không. Trành Hoằng nói, đúng đấy. Vua đầu nước Sái tên Sái Thúc là anh vua đầu nước Vệ tên Khang Thúc. Thế thì Sái trên Vệ được chứ. Tư Ngư nói: Cứ theo sự nhận xét các đấng tiên vương, thì cần chuộng đức. Xưa vua Vũ Vương diệt xong nhà Thương, thì đến vua Thành Vương, yên định trong nước, mới chọn trong bọn người có đức, phong làm chư hầu để làm phên dậu cho nhà Chu. Cho nên Chu Công giúp nhà vua để coi thiên hạ, là người rất thân với nhà vua.

Vua nước Lỗ (Bá Cầm, con Chu Công) được ban cỗ xe lớn, cờ lớn,ngọc họ Hạ, cung Phong Phủ. Sáu họ nhà Ân, là: Điều thị, Từ thị, Tiêu thị, Sác thị, Trường Thược thị, Vĩ Thược thị, được lệnh phải tụ tập tất cả người họ gần xa, để nghe theo pháp độ Chu Công, cùng tôn thờ nhà Chu, cũng là để làm việc cho nước Lỗ, để sáng tỏ đức của Chu Công. Nước Lỗ được đất đai rộng, được ban cho các quan chức như Chúc, Tôn, Bốc Sử, các đồ dùng về tế tự, cùng các đài viện. Cho dân đất Yểm phụ thuộc vào Lỗ, Lỗ được đóng đô ở kinh đô vua Thiếu Hiệu xưa: Khúc Phụ.

Về phần Khang Thúc thì được một cỗ xe lớn, cờ Thiếu Bạch, cờ Chiên cờ Tinh, chuông Đại Lữ, được bảy họ nhà Ân là Đào, Thi, Bàn, Kỉ, Phàn, Nga, Chung Quỳ, ranh giới từ nam Vũ Phủ cho đến bắc Phố điền. Được một phần đất Hữu Diêm, và góp phần công vụ cho Thiên Tử. Lại được phần phía đông đất Tương Thổ để cùng họp với Thiên Tử về các dịp săn bắn. Tham Quý

trao cho đất. Đào Thúc trao cho dân. Mệnh vua chép trong thiên Khang Cáo, cho đóng đô ở đất cũ nhà Ân.

Lỗ và Vệ bắt đầu thì theo chính nhà Thương, mà rồi cho vào khuôn phép nhà Chu.

Về phần Đường Thúc được một cỗ xe lớn, (Đường Thúc là em Vũ Vương và Chu Công, chủ nước Tấn), một cái trống, của họ Mật Tu, một bộ giáp của họ Khuyết Củng, một cái chuông của họ Cô Tiển. Chín dòng họ Hoài đều cho theo về. Quan được phong đến năm bậc. Mệnh ghi trong thiên Đường Cáo, được đóng đô ở đất cũ nhà Hạ. Chư hầu Đường Thúc được theo chính nhà Hạ. Giới hạn thì chung quanh là rợ Nhung.

Ba vị: Chu Công, Khang Thúc, Đường Thúc, là ba anh em mà có đức sáng, cho nên vị nào cũng được bảo vật. Chả thế, sao các anh em các vua Văn, Vũ, Thành, Khang, thì nhiều mà không ai được ban ân điển cao quý như thế. Đâu có phải cứ nhiều đuổi thì được trọng hơn.

Quản và Sái giúp dòng dõi nhà Thương làm loạn, cố phân tán họ hàng nhà Chu, Vương mới phải giết Quản Thúc mà đày Sái Thúc, ban cho mười cỗ xe, và bảy mươi người. Con là Sái Trọng cố ăn ở cho có đức, Chu Công thấy thế, mới cất nhắc lên chức Khanh sĩ, trình vua, rồi cho chủ đất Sái. Mệnh có chép: Đừng có bắt chước cha ngươi đã trái mệnh vua. Thế thì sao bảo được là vua mệnh cho Sái trước Vệ. Trong tám người em cùng mẹ với Vũ Vương, riêng Chu Công là Thái Tể (coi cả các quan). Khang Thúc giữ chức Tư Khấu. Tham Quý giữ chức Tư Không. Năm người không có chức. Vua đâu có kể tuổi lên trước. Tào là con Văn Vương. Tấn là con Vũ Vương. Thế Tào có tước Bá. Vậy có phải là cứ tuổi đâu.

Nay, nếu căn cứ vào tuổi, thế là phản ngược thể lệ tiên vương. Khi Tấn Văn Công hội chư hầu ở Tiễn Thổ, thì Vệ Thành Công không có mặt, có em cùng mẹ là Di Thúc thay mặt. Thế mà Vệ còn đặt trên Sái. Trong minh khoán có câu: Vua nói, Tấn Trọng, Lỗ Thân, Vệ Vũ, Sái Giáp Ngọ, Trịnh Tiệp, Tề Phan, Tống Vương Thần, Cử Kỳ. Khoán Ước đặt trong Chu Phủ, có thể mở ra coi. Nay ngài muốn theo thể thức các vua Văn

Vương, Vũ Vương, mà lại không đặt đức lên trên, thì ngài làm thế nào được.

Trành Hoằng bằng lòng, mới nói với Lưu Tử (người vua Chu). Lưu Tử bàn với Tấn Phạm Hiến Tử. Thế là Vệ đặt ngôi thứ lên trên Sái, trong minh ước.

Ở Thiệu Lăng về. Trịnh, Tử Thái Thúc, chưa tới nhà thì mất. Tấn, Triệu Giản Tử săn sóc và rất thương xót, có nói: Ở hội Hoàng Phủ, Phu Tử có khuyên tôi chín điều là: Chớ gây loạn. Chớ cậy giàu. Chớ dựa thế. Chớ trái phần đông. Chớ khinh thường lễ. Chớ cậy tài. Chớ giận dữ đến lần thứ hai. Chớ mưu việc trái đức. Chớ làm điều phạm nghĩa. ·Phong Phú là một chư hầu xưa.

Cốc Thị - Về hội và thề, trước sau có ghi Lỗ Công là để khỏi có điều nghi ngờ.

Lưu Sưởng - Sao không chép các chư hầu. Là không cần chép. Vì muốn trị Sở mà rốt cuộc không xong. Chính ở đây, Tấn cùng 18 nước (là nhiều lắm) họp ở Thiệu Lăng cốt để xâm Sở. Thiên Tử cho sứ tới dự. Thế là thịnh lắm. Tấn Tuân Dần đi đòi Sái hối lộ, không được hối lộ là từ việc ngay. Còn như hội chư hầu ở Cao Dữ thì không làm gì cả. Thế là Tấn mất chư hầu. Ngô mà sau vào được đất Dình chính là vì hội thề Cao Dữu khởi thủy.

Trình Tử - Lỗ Công vì không được Tấn tiếp kiến, cho nên đến hội, đến thề. Vậy hội thề này là đúng ý của Công. Cho nên chép chữ "cùng với".

杞伯成卒于會

KỈ BÁ THÀNH TỐT VU HỘI

VUA NƯỚC KỈ TÊN LÀ THÀNH MẤT TẠI HỘI

Cao Kháng - Không nói mất ở quân, là vì việc phạt Sở không thành.

六 月 葬 陳 惠 公

LỤC NGUYỆT, TÁNG TRẦN HUỆ CÔNG

THÁNG 6, LỄ TÁNG TRẦN HUỆ CÔNG

許 遷 于 容 城

HỨA THIÊN VU DUNG THÀNH

NƯỚC HỨA THIÊN ĐÔ TỚI DUNG THÀNH

Vương Bảo - Hứa bốn lần thiên, đều theo ý Sở. Kinh đều chép là tự ý thiên, là tránh hại mà tìm lợi. Nhưng không biết sửa đức, giữ biên cương, mà cứ thiên hoài thì có ích gì. Thánh nhân chép rõ để răn đời sau.

秋 七 月 公 至 自 會

THU, THẤT NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ HỘI.

MÙA THU, THÁNG BẢY, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

劉 卷 卒

LƯU QUYỀN TỐT

LƯU QUYỀN MẤT

Công Thị - Lưu Quyền là đại phu của Thiên Tử. Đại phu nước ngoài không chép hết. Đây chép chết tại sao. Vì, ta coi là chủ.

Cốc Thị - Đáng không chép mà chép vì cho là hiền, là chư hầu ở gần Kinh đô, trong đất Chu, chứ không như chư hầu khác có đất phong. Khi Thiên Tử mất, thì đương nhiên làm chủ chư hầu.

Xét - Việc thề ở Thiệu Lăng, Lưu Tử có dự. Cho nên khi mất được cáo phó đến Lỗ, mà Sử nước Lỗ ghi việc. Công Dương thì coi ta là chủ. Cốc Lương thì cho là chủ chư hầu. Cả hai bàn không thể nghe được.

葬杞悼公

TÁNG KỈ ĐIỆU CÔNG

LỄ TÁNG KỈ ĐIỆU CÔNG

楚人圍蔡

SỞ NHÂN VI SÁI

NGƯỜI SỞ VÂY NƯỚC SÁI

Tả Thị - Mùa thu, Sở vì có việc Thẩm, tới vây nước Sái.

Triệu Bằng Phi - Chư hầu định đánh Sở, không đủ sức để cứu Sái, mà còn để cho Sái bị họa Sở đánh. Nay Sái bị vây, mà Tấn không cứu thế thì hội thề làm gì. Cho nên, mùa đông, Sái cầu cứu Ngô, để đánh cho Sở thua, biết rằng Tấn không làm gì được.

晉士鞅衛孔圉帥師伐鮮虞

TẤN SĨ ƯỞNG, VỆ KHỔNG NGŨ, SUẤT SU PHẠT TIỂN NGU

SĨ ƯỞNG NƯỚC TẤN, KHỔNG NGŨ NƯỚC VỆ ĐEM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TIỂN NGU

葬劉文公

TÁNG LƯU VĂN CÔNG

LỄ TÁNG LƯU VĂN CÔNG

Công Thị - Đại phu nước ngoài không chép táng. Đây chép vì là chủ ta.

Lí Liêm - Chức Tam Công của Thiên Tử, chép là Công. Đã từng ở chức Tam Công, mà lại có đất phong làm chư hầu trong vòng đất Kì Nội (gần nơi Thiên Tử), cũng gọi là Công. Đều căn cứ vào đất phong, chép tên đất vào chữ Công mà gọi tên, y như loại Sái Công, Chu Công, Châu Công.

Khanh, Đại phu của Thiên Tử, có phong làm chư hầu trong vòng đất "Ki Nội" đều gọi là Tử, như loại Ôn Tử, Lưu Tử, Thiện Tử, Doãn Tử.

Tuy nhiên, đời cuối Chu, chư hầu trong Ki Nội mà mất, đều cho tên thụy là Công như loại Thành Túc Công, Thiện Bình Công.

Kinh Xuân Thu nhân việc táng Lưu Văn Công đặc biệt chép để ghi cách tiếm ấy. Sống thì gọi là Lưu Tử, chết thì gọi là Lưu Quyền mà táng thì gọi là Lưu Văn Công, đều là Thánh nhân rất cẩn nghiêm khi đặt nét bút. Thế mà họ Hà khi chú thích Công Dương Truyện, xin lấy chỗ gọi là Công mà bảo rằng: Lưu Tử vốn chư hầu nước ngoài, vào triều làm đại phu của Thiên Tử, nên trên, theo đất phong dưới, theo tước có sẵn. Họ Hà nói thế không có căn cứ. Vậy không theo họ Hà.

冬十有一月庚午蔡侯以吳子及楚人戰于伯莒楚師敗績楚囊瓦出奔鄭

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, CANH NGỌ, SÁI HẦU DĨ NGÔ TỬ CẬP SỞ NHÂN CHIẾN VU BÁ CỬ. SỞ SƯ BẠI TÍCH. SỞ NANG NGÕA XUẤT BÔN TRỊNH

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, NGÀY CANH NGỌ, SÁI HẦU ĐƯỢC NGÔ TỬ GIÚP MỚI ĐÁNH SỞ Ở ĐẤT BÁ CỬ, ĐẤT SỞ, QUÂN SỞ TAN VỠ. SỞ NANG NGÕA CHẠY TRỐN TỚI TRỊNH

Tả Thị - Ngũ Viên, vì Ngô, chu du các nước để thuyết các nước đánh Sở. Sau khi Sở giết Khích Uyển (đời Chiêu Công, năm thứ 27) tất cả các chi ngành họ Bá rời khỏi nước Sở. Cháu nội Bá Châu Lê là Bá Hi làm chức Thái Tể nước Ngô, mưu đánh Sở. Từ khi Sở Chiêu Vương lên ngôi, không năm nào Ngô, Sở không đánh nhau. Sái Hầu lợi dụng cơ hội, cho con mình và con đại phu tới ở làm con tin bên nước Ngô. Mùa đông, Sái Hầu, Ngô Tử, Đường Hầu, đánh nước Sở. Bỏ thuyền lại nơi bến sông Hán, rồi từ đất Dự Chương tiến theo bờ sông Hán, còn quân đội Sở thì ở bên kia bờ sông.

Tử Tư Mã Thú nói với đại tướng Sở là Tử Thường rằng: Ngài theo dọc sông, bên này cứ đi ngang với quân đội giặc. Còn tôi, xin đem quân đội ở ngoài Phương Thành tới phá hết thuyền giặc. Phá xong, trở về chặn các đường Đại Toại, Trực Viên, Minh Ách. Ngài thì sang qua sông, rồi đánh. Tôi thì đánh tập hậu. Nhất định chúng phải thua.

Bàn xong thi hành.

Vũ Thành Hắc nói với Tử Thường rằng: Ngô dùng gỗ (thuyền). Ta dùng da (áo giáp). Ta không ứng chiếm lâu được, không gì bằng đánh gấp.

Sử Hoàng bảo Tử Thường rằng: Người Sở ghét ngài mà quý Tư Mã. Nếu Tư Mã hủy được thuyền Ngô trên bến sông Hoài (Hoài, Hán), chặn được đường đi, chiếm được đồn ải, thì Tư Mã được tiếng một mình thắng Ngô. Ngài nên khiêu chiến nhanh, nếu không, ngài sẽ mất thế, mất quyền.

Tử Thường mới sang sông, giàn trận. Trong khoảng đất từ Đại Biệt đến Tiểu Biệt, ba lần đánh. Tử Thường biết là không đánh nổi, mới định chạy trốn. Sử Hoành nói: Lúc bình yên, thì cầu được chức vị. Lúc khó khăn thì bỏ trốn, trốn đâu được. Xin ngài đánh trận cho đến chết, mới thoát hết được các tội xưa.

Tháng 11, ngày Canh Ngọ, hai quân Ngô và Sở giàn trận ở đất Bá Cử. Em vua Ngô là Phù Khái Vương, xin với vua Hạp Lư: Sở Ngõa (Tử Thường) là người bất nhân. Các tướng Sở không có chí hi sinh. Ta đánh Ngõa trước. Quân sĩ tất nhiên bỏ chạy. Rồi đại binh ta theo sau. Nhất định ta thắng. Hạp Lư không nghe. Phù Khái vương nói: Xét tục ngữ, bầy tôi cứ theo nghĩa mà làm, không đợi mệnh, đó là trường hợp hôm nay. Tôi xin cố chết, có thể vào thành Sở được. Thế là lấy bộ thuộc 5000 người xông vào quân Tử Thường. Quân Tử Thường chạy. Quân Sở rối loạn. Quân Ngô đánh cho tan. Tử Thường trốn sang Trịnh. Sử Hoàng chết trên chiến xa.

Công Thị - Ngô sao chép là tước Tử. Vì tuy là di địch, nhưng lo việc cho Trung Quốc. Lo như thế nào. Nguyên là Ngũ Tử Tư, có bố bị giết ở Sở, mới bỏ Sở, chạy tới vua Hạp Lư.

Hạp Lư khen là dũng, định vì Tử Tư, hưng binh báo thù. Tử Tư can: Chư hầu không vì một thất phu mà hưng binh. Thần nghe thờ vua như thờ cha. Hại nghĩa của vua để báo thù cho cha thì thần không dám. Rồi việc thôi. Sái Chiêu Công tới chầu Sở, có áo bào đẹp. Tướng Nang Ngõa đòi lấy. Chiêu Công không cho. Thế là Chiêu Công bị bắt giữ ở Nam Dĩnh vài năm mới được về. Khi về đến sông Hà có thề rằng: Ai mà đánh được Sở thì tôi xin đi tiền khu. Người Sở nghe giận, mới sửa soạn quân, sai Nang Ngõa đánh Sái. Sái cầu Ngô cứu. Ngũ Tử Tư mới nói: Sái không có tội. Người Sở làm việc vô đạo. Nếu nhà vua có lòng nghĩ đến Trung Quốc, thì thời nay là nên lắm. Thế là Ngô hưng sư đánh Sái. Hỏi: Thờ vua như thờ Cha. Sao nay lại có thể phục thù được. Đáp: Cha mà không đáng tội chết, con phục thù được. Cha đáng tội chết, con mà phục thù, thì chỉ là việc giết lẫn nhau. Phục thù mà không phải là trừ hại thì, bè bạn chỉ giúp, chứ không hi sinh. Đó là đạo thời xưa.

Cốc Thị - Ngô mà gọi là Tử là sao. Là vì có việc Sái Hầu. Tiến cử hạng tốt. Thế là thế nào. Nước Ngô tin Trung Quốc mà trị di địch, thế là Ngô đã tiến bộ. Cha Tử Tư bị giết ở Sở. Tử Tư đeo cung tên (ý nói báo thù) sang Ngô nhờ Hạp Lư. Hạp Lư khen là giỏi, là dũng muốn đem quân phạt Sở ngay. Tử Tư can: Thần nghe nói, vua không vì một thất phu mà hưng binh. Vả lại thờ vua như thờ cha. Làm cho nghĩa của vua kém đi để báo thù được cha thì thần không dám. Thế rồi đình việc hưng binh. Sái Chiêu Công tới chầu nước Sở có áo cừu đẹp. Nang Ngõa muốn lấy. Chiêu Công không cho, bị bắt giữ tại Nam Dĩnh vài năm mới được về. Về đến sông Hán thì thề rằng: Chư hầu ai mà đánh Sở thì quả nhân đi tiền khu. Người Sở nghe chuyện giận lắm, mới đem quân đánh Sái. Sái xin Ngô cứu. Tử Tư nói: Sái không có lỗi. Sở là vô đạo. Vua nhược bằng tin người Trung Quốc, thì đây là một dịp làm được việc. Vì thế hưng sư đánh Sở. Sao không chép là cứu. Là vì Ngô còn nhỏ.

Hồ Truyện - Bọn Kinh Sở ngang ngược. Bá chủ không dám đánh. Thiên Tử không sai bảo được. Càng ngày càng bậy.

Lại đem quân đi đánh Sái. Theo vương pháp thì phải đánh không tha. Nước Tấn vừa hội thề, chư hầu đều trông mong, y như lúa mong được mưa. Đã có xin với Tấn, mà Tấn khó khăn như thế. Còn nước Ngô thì chư hầu nào mạnh bằng, chư hầu nào sai được, dùng được. Thế mà khi nói với Ngô thì dễ như thế. Cho nên đại hội Thiệu Lăng, họp đông chư hầu mà chép là để "xâm nước Sở". Còn trận ở Bá Cử thì chép: Sái "dùng" quân đội Ngô, đặc biệt chép chữ "lấy, dùng", thế là khép tội nước Tấn chỉ biết lợi riêng, không kể gì nghĩa, và không cứu Sái. Nhưng sao không chép chữ cứu. Vì chữ to quá. Hạp Lư, Tử Tư, Tể Hi đều mong đánh Sở, được người Sái đến xin, thật là dịp may, đâu có phải là chỉ cứu Sái. Chép cứ theo sự thực. Nang Ngõa tham đến hại nước, lại không đánh cho đến chết, thật là hèn. Cho nên chép là chạy trốn khỏi nước mà gọi là người Sở. Tình ý Xuân Thu thật rõ rệt.

Vương Tiều - Xét Sở ngang ngược với chư hầu. Riêng Trần, Sái bị Sở quấy nhiều lần, thường bị chiếm đất. Công Tử Ban bị dụ tới giết. Thái Tử Ẩn bị dùng để tế v.v... cho đến việc Sái Chiêu bị Nang Ngõa giữ vì Ngõa thèm lấy cái áo... các việc thù, việc nhục đầy rẫy, cho nên Sái Hầu tức giận, xin quân nước Tấn không được, mới xin quân nước Ngô. Vua Ngô vì thế hưng binh, phá tan quân Sở ở Bá Cử. Nang Ngõa trốn tới Trịnh. Thế là bao nhiêu oán thù của Sái được báo, được giải, Xuân Thu chép Sái Hầu dùng Ngô Tử là có ý cho Sái là phải. Vì vua Ngô thân hành, vua trọng hơn quân, cho nên không thể không chép vua Ngô được. Hồ thị bảo là Ngô tiến bộ gọi Ngô là Tử, phạt Sở, giải vây cho Sái, thành công việc một vị Bá. Bảo thế là sai ý nghĩa Kinh Xuân Thu.

Xét - Trận Bá Cử, Sái dùng quân Ngô đánh tan quân Sở, Thánh nhân cho là được, cho nên chép: Sái Hầu dùng Ngô Tử, Hồ Truyện căn cứ vào Công thị, Cốc Thị, bảo chép chữ Ngô Tử là cất nhắc cho Ngô. Bàn thế là sai. Vương Tiều bác đi rõ ràng lắm. Nay phải sửa Công Thị, Cốc Thị, và san Hồ Thị.

庚辰吳入郢

CANH THÌN, NGÔ NHẬP DĨNH

NGÀY CANH THÌN, QUÂN NGÔ VÀO THÀNH DĨNH, QUỐC ĐÔ SỞ

Tả Thị - Ngô theo quân Sở tới sông Thanh Phát, sắp đánh. Phu Khái Vương nói: Con thú đến bước cùng còn cắn được, huống chi người. Nếu biết là không thoát chết, tất là cố đánh cho ta thua. Nếu cho bọn qua sông này biết là sẽ khỏi chết, thì họ sẽ không có chí đánh trận nữa. Cứ để cho một nửa qua sông, khi còn lại một nửa, ta mới đánh. Vua nghe. Thế là lại được một trận. Quân Sở chạy, rồi dừng lại thổi cơm. Quân Ngô đến, ăn cơm vừa chín, rồi lại đuổi. Thắng luôn năm trận, rồi đến quốc đô. Ngày Kỷ Mão, vua Sở cùng em gái là Quý Mi, xuống sông Thư để qua sông. Cùng thuyền có quan Châm Doãn Cố. Vua Sở sai thả voi đuôi có buộc đuốc cháy, cho xông vào hàng quân Ngô.

Ngày Canh Thìn, Ngô vào Dĩnh. Các tướng, tùy theo chức, chiếm đóng các dinh thự. Tử Sơn, con vua Ngô, ở dinh Lệnh Doãn. Phu Khái Vương muốn đuổi. Tử Sơn sợ, vội rời khỏi dinh. Phu Khái Vương vào chiếm. Tả Tư mã Thú chạy tới đất Tức thì quay lại, đánh quân Ngô ở Ung Phệ, nhưng bị thương. Xưa, Tư Mã Thú theo hầu Công Tử Hạp Lư, cho nên nay sợ bị bắt xấu hổ, mới bảo tả hữu: Ai là người cứu được đầu ta. Có tướng Ngô Câu Ti thưa: Thần hèn hạ không biết có đáng được ngài giao cho việc ấy không. Tư Mã nói: Ta thật tiếc đã không biết ngươi. Được. Ngươi làm. Ba lần chiến đều bị thương. Ta vô dụng rồi. Câu Ti cởi lấy áo trong, cắt đầu Tư Mã, bọc trong áo, giấu xác một nơi, rồi đem đầu đi thoát.

Sở Tử qua sông Thư, qua sông Giang, rồi vào hồ Vân Trung. Trong khi ngủ, bị một tên cướp tới đánh, lấy giáo đâm, may được tướng Vương Tôn Do Vu chìa vai đỡ, bị thương nơi vai. Sở Tử chạy tới đất Vận. Đại phu Chung Kiến cõng Công Chúa Quý Mi chạy theo. Do Vu bị thương, ngất đi, khi tỉnh cũng chạy theo được. Vận Công Tân, chủ đất Vận, có em tên là Hoài, định giết vua Sở nói: Xưa, vua Sở trước là Bình Vương giết cha ta. Vậy

nay ta giết con Bình Vương, thế là phải. Tân bảo: Khi vua trị một bầy tôi, thì ai dám báo thù. Mệnh vua là mệnh trời. Trời đã mệnh cho chết, ai dám báo. Kinh Thi có câu: Mềm không nhai. Cứng không nhả. Không áp bức kẻ quan quả, không sợ kẻ bạo tàn. Nết đó, chỉ người có lòng nhân mới có được. Tránh người mạnh, mà đánh kẻ yếu, thế không phải là dũng. Người ta đương cùng khổ, mà lợi dụng, thế không phải là nhân. Bỏ đền thờ tổ tiên. Bỏ cúng tế thần linh không phải là hiếu. Làm việc không được tiếng hay thế không phải là trí. Nếu ngươi làm bậy, ta sẽ giết.

Đấu Tân với một người em tên là Sào, đem vua Sở chạy trốn sang nước Tùy. Quân Ngô đuổi đến Tùy, bảo người Tùy rằng: Người nhà Chu ở bên sông Hán, người Sở đã giết hết. Trời đã hiểu thấu nỗi niềm, sai ta phạt Sở. Thế mà vua Tùy lại cho ẩn náu. Nhà Chu đã làm gì cho các người có hành động ấy. Nếu nhà vua muốn báo đền nhà Chu, và giúp quả quân để theo ý trời, thì ơn huệ nhà vua rất lớn. Đất đai ở Hán Dương sẽ thuộc về nhà vua.

Vua Sở hiện ở cung vua Tùy về phía bắc. Người Ngô cũng ở cung về phía nam. Tử Kì (một anh vua Sở) mặt giống vua Sở, để cho vua trốn thoát, mình tự nhận là vua, nói với các đại phu Tùy: Cứ giao tôi cho vua Ngô, để vua Sở tôi dễ thoát được. Người Tùy bói. Quẻ bói không tốt, mới không chịu giao Tử Kì cho Ngô, rồi nói với Ngô rằng: Tùy ở xa Trung Quốc, mà lại gần Sở, nhờ Sở mới còn. Đời đời vẫn có khoán ước với Sở, cho đến nay. Nếu chúng tôi bỏ Sở đang hoạn nạn, thì rồi thờ Ngô như sao. Các quan Ngô chắc cũng nghi ngại. Không những chỉ bắt một người, dù có bắt cả Sở, chúng tôi cũng không dám vâng mệnh. Người Ngô mới thôi, ra về.

Lư Kim, quan nước Tùy, xưa làm gia thần nhà Tử Kì, mới xin người Tùy đừng giao cho Ngô, vua Sở cùng tùy tùng. Vua Sở mời Lư Kim tới. Lư Kim từ chối nói: Tôi không dám lợi dụng cơ hội khốn khó của nhà vua. Vua Sở mới chích lấy ít huyết Tử Kì để cùng thề với Tùy.

Xưa, Ngũ Tử Tư bạn với Thân Bao Tư. Khi bỏ Sở trốn đi,

có bảo Thân Bao Tư: Tôi thế nào cũng báo được nước Sở. Thân Bao Tư nói: Tôi thế nào cũng hưng được nước Sở, cứ cố đi, anh báo được, tôi tất hưng được. Đến khi Chiêu Vương ở nước Tùy, Thân Bao Tư sang Tần xin quân. Nói: Ngô giống như con lợn béo, như rắn dài, đã nhiều lần chiếm các thượng quốc. Bắt đầu phạm đến Sở. Quân tôi đã mất xã tắc, nay ở nơi thảo mãng. Có hai hạ thần tới cáo cấp và tâu rằng: Bọn di địch lòng tham không có bờ cõi. Nếu Ngô mà thành nước láng giềng với quý quốc, thì biên giới sẽ phải lo ngại.

Trong khi Ngô, nền tảng chưa vững chắc, nếu nhà vua lấy một ít đất Sở, thì về sau, Sở có mất nước, phần đất đó, cũng vẫn thuộc về Tần. Nếu lại nhờ uy linh ngài mà Sở tôi giữ được xã tắc, thì Sở tôi đời đời theo ngài. Vua Tần sai từ chối và bảo rằng: Tôi đã nghe, đã hiểu. Ngươi hãy về sứ quán, tôi sẽ liệu rồi biết. Thân Bao Tư đáp: Vua tôi nay ở nơi thảo mãng, không được yên chỗ, hạ thần đâu dám ở yên. Thế rồi đứng dựa vào sân triều đình mà khóc, ngày đêm không dứt tiếng, đến nước cũng không nhấp vào miệng. Bảy ngày như thế. Tần Ai Công cảm động, có ngâm mấy câu thơ nay chép ở Kinh Thi gọi là Phú Vô Y, ba chương. Thân Bao Tư, nghe, chín lần gục đầu tạ, mỗi chương ba lần. Rồi quân Tần gióng giả lên đường.

Công Thị - Vua Ngô sao không chép tước Tử nữa. Vì lại trở lại thói man mọi: phá bỏ tôn miếu, lấy các đồ tế khí, các bảo vật, khai quật mộ vua Sở Bình Vương. Sao không chép là diệt. Là còn muốn tồn Sở. Là vì Chiêu Vương khi thua chạy, có nói với bọn phụ lão đi tiễn rằng: Quả nhân kém đức, làm mất đất đấng tiên quân. Các phụ lão trở lại, lo gì không vua. Và lại chuyến này đi, thôi đành ra bể. Các phụ lão bảo nhau: Ta có vua hiền như thế. Chỉ vì quân không đông bằng Ngô, chứ ta kém gì Ngô. Thế là một đêm đánh nhau, ba lần thắng.

Ngô vẫn là di địch. Vì sao. Vua thì đến ở cung tẩm vua Sở, hiếp vợ vua người ta. Đại phu thì đến ở các nhà đại phu Sở, lấy vợ người ta. Vua Ngô lại còn muốn chiếm mẹ vua người ta. Thế là bất chính. Nhân dịp đánh thua người ta mà lợi dụng đến cùng, rồi ở lại nước người ta, thế là trở lại nền nếp di địch.

Khổng Dĩnh Đạt - Chép chữ "Nhập: vào" là theo lệ của Truyện đã nói rõ vào năm thứ 13 Tương Công. Đầu tiên chép là Ngô Tử. Đến đây, chép Ngô vào Sở, không thấy có chữ Tử nữa. Cũng như Thành Công, năm thứ 2, Trịnh đánh Hứa; Chiêu Công năm thứ 12, Tấn phạt Tiển Ngu. Lời văn của Sử vốn lược qua, không có lệ luật. Công Dương, Cốc Lương cho là khi chiến, thì chép Ngô Tử, là Ngô biết nghĩ đến Trung Quốc, thì tiến cử lên mà chép bằng tước. Đến khi vào thành Dĩnh, vua ở cung vua Sở, đại phu ở nhà đại phu Sở, vậy chê, mà chỉ chép là Ngô. Tả Thị không gán cho ý nghĩa ấy, cho nên Đỗ thị phân tích cho rõ.

Triệu Khuông - Xét, vua Sở lo trở về nước. Nước không dứt việc tế tự, cho nên không chép là diệt. Cốc Lương bịa đặt ra nghĩa, thì thôi không kể đến. Lại có bàn: không chép tước Tử là chê lối lợi dụng quá mức sự thất bại bên địch. Thế thì nhiều chư hầu khác đã vào nước người là nhân khi người bị hại, sao không chê cả là thủ lợi.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo không chép diệt là muốn tồn Sở. Cốc Lương bàn sai. Sở thực là chưa bị diệt. Vậy chỉ phải chép là vào Sở mà thôi. Xuân Thu đâu có tồn Sở.

Năm Bính Thân. Vua Kính Vương, năm thứ 15.

五 年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Định, năm thứ 7. Tề Cảnh, năm thứ 43. Vệ Linh, năm thứ 30. Sái Chiêu, năm thứ 14. Trịnh Hiếu, năm thứ 9. Tào Tĩnh Công Lộ năm đầu. Trần Hoài Công Liễu, năm đầu. Kỉ Hi Công Quá, năm đầu. Tống Cảnh, năm thứ 12. Tần Ai, năm thứ 32. Sở Chiêu, năm thứ 11. Ngô Hạp Lư, năm thứ 10.

春王三月辛亥朔日有食之

XUÂN, VƯƠNG, TAM NGUYỆT, TÂN HỢI, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG BA, NGÀY TÂN HỢI, MỪNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 5. Mùa xuân, người nhà vua (nhà Chu) giết Tử Triều tại nước Sở.

夏歸粟于蔡

HẠ, QUY TÚC VU SÁI

MÙA HẠ, LỖ CHỞ GẠO ĐẾN SÁI

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ cho chở gạo đến Sái, thương hại đói quá.

Công Thị - Ai, chở gạo cho. Các chư hầu. Sao không chép các chư hầu. Vì lẻ tẻ chở tới, không rõ ai trước ai sau. Vậy nói ta chở tới.

Cốc Thị - Chư hầu ai không có thóc thì được chư hầu khác chở tới cho. Thế là chính. Ai chở tới. Các chư hầu. Không chép những ai. Riêng nói Lỗ ta, là ta biết chỗ gần nhất.

Xét - Công Thị, Cốc Thị, cho là chư hầu giúp nhau thóc. Đỗ Dự chú thích: Tả Truyện bảo là Lỗ chở. Hai thuyết không giống nhau. Khổng Dĩnh Đạt thì nói: chư hầu hoặc cũng có chở thóc, vị thường bảo: Công và Cốc không có chứng cớ thì không nói. Xét, Tấn làm Bá chủ, thì ra lệnh cho đồng minh. Lỗ và các chư hầu đều phải theo lệnh. Kinh mà chép việc Lỗ tức là có cả chư hầu.

Vậy ba Truyện cứ để nguyên cả.

於越入吳

Ư VIỆT NHẬP NGÔ

QUÂN NƯỚC Ư VIỆT VÀO NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Quân Việt vào đất Ngô là nhân quân Ngô đang ở Sở.

Công Thị - Ư Việt là thế nào? Việt là thế nào? Viết Ư Việt là chưa ai biết đến tên. Viết là Việt là khi tên đã được thông đạt.

Khổng Dĩnh Đạt - Công Thị nói thế, có ý cho: Việt với Ư Việt lối chép văn không giống nhau, tức là ý chê, và khen. Tả Thị không có ý ấy đâu. Chép Việt hay Ư Việt là do Sử quan, hoặc do dân gọi đã quen, chứ không có lệ riêng gì.

Uông Khắc Khoan - Trong sách Chu Thư, Thiên Vương Hội, có chép Đông Việt, Ư Việt, hoặc là tiếng gọi quen của thời đó chăng.

六月丙申癸孫意如卒

LỤC NGUYỆT, BÍNH THÂN, QUÝ TÔN Ý NHƯ TỐT

THÁNG 6, NGÀY BÍNH THÂN, QUÝ TÔN Ý NHƯ MẤT

Tả Thị - Tháng 6, Quý Bình Tử đi thăm đất ở Đông Dã. Khi về chưa tới quốc đô (Lỗ) thì mất ở đất Phòng (cũng là đất được phong trong ấp họ Quý). Dương Hóa muốn lấy ngọc Dư liệm (ngọc Dư là thứ ngọc vua Lỗ được đeo. Khi vắng Chiêu Công. Quý Bình Tử lấy đeo vào đai). Trọng Lương Hoài (gia thần họ Quý) không cho. Nói: Quý Bình Tử đã thôi nhiệm vụ (thay Chiêu Công làm chủ nước Lỗ. Nay có vua Định Công rồi), thì phải thay cả ngọc. Dương Hóa muốn đuổi Hoài đi, nói với Công Sơn Bất Nữu (Tử Tiết). Bất Nữu nói: Hắn vị vua Lỗ. Sao lại cho là có lỗi. Sau khi chôn cất xong, con Quý Bình Tử là Quý Hoàn Tử tới thăm Đông Dã. Đi đến ấp Phí gần Đông Dã. Tử Tiết làm chức Tể ấp Phí ra đón tận ngoài ấp. Hoàn Tử đối đãi một cách kính cẩn úy lạo Trọng Lương Hoài. Hoài coi thường, không có ý kính cẩn. Tử Tiết giận, nói với Dương Hóa đuổi đi.

秋七月壬子 叔孫不敢卒

THU, THẤT NGUYỆT, NHÂM TÍ, THÚC TÔN BẤT CẢM TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM TÍ, THÚC TÔN BẤT CẢM MẤT

Phụ lục Tả Truyện - Thân Bao Tư đưa được quân Tần tới Sở. Tướng Tần là Tử Bồ và Tử Hổ chỉ huy 500 chiến xa để cứu Sở.

Tử Bồ nói: Chúng tôi chưa rõ chiến thuật Ngô. Mới sai quân Sở chiến trước, rồi từ đất Tắc hợp binh cùng đánh. Thế là đánh được Phu Khái Vương, một trận gần sông Nghi. Người Ngô bắt được tướng Sở là Vi Xạ ở Bá Cử. Con Vi Xạ thu thập tàn quân đuổi theo Tử Tây, đánh được quân Ngô ở Quân Tường. Mùa thu, tháng bảy, Tử Kì, Tử Bồ diệt được nước Đường (đi theo Ngô). Tháng chín, Phù Khai Vương về Ngô, tự xưng là chủ nước Ngô, đem quân đánh lại vua Ngô, nhưng bị thua, trốn sang đất Sở, lập ra họ Đường Khê.

Quân đội Ngô đánh được quân Sở ở Ung Phệ. Quân đội Tần lại đánh được quân Ngô. Quân Ngô đóng ở đất Khuân. Tử Kì định đốt thành Khuân. Tử Tây nói: Xương cốt cha anh ta ở đó, ta chưa thu nhặt được, mà nay đốt đi, thì không nên. Tử Kì nói: Nước mất. Người chết nếu còn biết, thì ta phục quốc rồi, thờ cúng như xưa. Đốt đi có hại gì. Thế là đốt. Đánh nhau trận nữa, Ngô thua. Rồi lại một trận nữa ở đất Công Tề. Ngô thua to. Vua Ngô trở về nước. Đã có bắt được tướng Sở là Nhân Dư Bãi. Bãi xin được giải về Ngô trước. Thế là trốn thoát.

Hậu Tang là em vua nước Diệp (Diệp Công Chư Lương) đi theo mẹ sang Ngô (mẹ bị quân đội Ngô bắt đi). Nhưng lại không đợi mẹ, một mình trở về Sở. Diệp Công suốt đời không coi thân như trước nữa.

Ngày Ất Hợi, Dương Hổ làm phản, bắt giam Quý Hoàn Tử và Công Phủ Văn Bá (cùng họ Quý). Rồi đuổi Trọng Lương Hoài đi. Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Hợi, giết Công Hà Mạo, họ

Quý. Ngày Kỉ Sửu, bắt Hoàn Tử thề ở cửa Tắc Môn trong thành. Ngày Canh Dần lễ thề xong thì Dương Hổ đuổi Công Phủ Xúc và Tần Thuyên là rể Quý Bình Tử. Cả hai đều chạy sang Tề.

Vua Sở vào đất Bưu, sau khi vua Ngô rút về. Xưa Đấu Tân nghe nói người Ngô tranh cung thất, có bảo rằng: Không nhường thì không hòa, không hòa thì không thể đem quân đi xa được. Ngô tranh nhau ở đất Sở tất thành loạn. Có loạn là phải về. Ở sao được Sở.

Khi vua Sở chạy sang Tùy. Lúc muốn qua sông Thành Cữu, có Trần Thủ đất Lam là Vĩ, cho thuyền chở vợ con mình qua sông, không lấy thuyền cho vua. Đến khi yên, vua muốn xử Tử Vĩ, Tử Tây nói: Tử Thương chỉ vì nhớ đến thù cũ nên bị đánh thua, ngài bắt chước làm gì. Vua nói: Thôi được. Ta cứ cho giữ chức cũ, để ta nhớ hành vi bậy của hắn. Vua Sở thưởng Đấu Tân, Vương Tôn Do Vu, Vương Tôn Ngữ. Chung Kiến, Đấu Sào, Thân Bao Tư, Vương Tôn Giá, Tống Mộc, Đấu Hoài. Tử Tây nói, xin trừ Hoài ra, vua nói, công to xóa được lỗi nhỏ. Thế là đúng pháp. Thân Bao Tư thì nói: Tôi làm việc là vì vua, chứ có phải là vì lợi riêng cho tôi đâu. Nay vua lại được yên, thế thì tôi còn mong gì nữa. Mà tôi đã cho Tử Kì là bậy, chả lẽ tôi còn bắt chước Tử Kì hay sao. Thân Bao Tư chối hết không nhận thưởng.

Vua sắp gả chồng cho Quý Mi. Quý Mi từ chối nói: Con gái phải xa con trai. Thế mà Chung Kiến đã cõng tôi. Xin cho lấy Chung Kiến. Vua thuận cho và phong cho Chung Kiến làm Nhạc Doãn (chủ việc nhạc). Vua Sở khi ở Tùy, Tử Tây mặc áo vua, lấy xe vua, để coi các đường nước Sở, lập đô ở đất Tì Tiết. Khi được biết nơi ở của vua, thế là chạy theo đến.

Vua Sở sai Do Vu xây thành Khuôn. Khi trở về báo trình công việc được Tử Tây hỏi thành bề cao, bề dày bao nhiêu. Do Vu không biết. Tử Tây nói: Nếu không biết làm thì sao không từ chối. Làm thành, mà không biết cao thấp, dày mỏng, dài ngắn, thì còn biết gì. Đáp: Tôi đã cố từ. Ngài cứ bắt làm. Người ta, mỗi người có một khả năng. Vua gặp cướp ở đầm Vân Trung, thì tôi chịu nhát dao đâm hãy còn đây (rồi trần vai cho coi).

Đó cái sở năng của tôi đó. Việc ở đất Tì Tiết thì tôi không làm nổi. Tì Tiết ở gần Dĩnh Đô.

冬晉士鞅帥師圍鮮虞

ĐÔNG, TẤN SĨ ƯỞNG SUẤT SƯ VI TIỂN NGU

MÙA ĐÔNG, SĨ ƯỞNG NƯỚC TẤN, CẦM QUÂN VÂY NƯỚC TIỂN NGU

Tả Thị - Sĩ Ưởng nước Tấn vây Tiển Ngu để báo lại việc Quan Hổ năm thứ 3, Định Công.

Năm Đinh Dậu. Vua Kính Vương, năm thứ 16.

六年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Định, năm thứ 8. Tề Cảnh, năm thứ 44. Vệ Linh, năm thứ 31. Sái Chiêu, năm thứ 15. Trịnh Hiến, năm thứ 10. Tào Tĩnh, năm thứ 2. Trần Hoài, năm thứ 2. Kỉ Hi, năm thứ 2. Tống Cảnh, năm thứ 13. Tần Ai, năm thứ 3. Sở Chiêu, năm thứ 12. Ngô Hạp Lư, năm thứ 11.

春王正月癸亥鄭游速帥師滅許以許男斯歸

XUÂN. VƯƠNG. CHÍNH NGUYỆT, QUÝ HỢI, TRỊNH DU TỐC SUẤT SƯ DIỆT HỨA, DĨ HỨA NAM TƯ QUY

MÙA XUÂN. VƯƠNG. THÁNG GIÊNG, NGÀY QUÝ HỢI, TƯỚNG DU TỐC NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN, DIỆT NƯỚC HỨA, ĐEM VUA HỨA TÊN LÀ TƯ VỀ. (VUA HỨA TƯỚC NAM)

Tả Thị - Năm thứ 6, mùa xuân, nước Trịnh diệt nước Hứa, nhân dịp Sở vừa thua.

二 月 公 侵 鄭

NHỊ NGUYỆT, CÔNG XÂM TRỊNH

THÁNG 2, LỖ CÔNG XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Tháng hai, Công xâm Trịnh, chiếm đất Khuông, vì nước Tấn, mà đánh nước Trịnh về tội Trịnh đánh Tư Mi (thuộc về Chu). Khi đi không xin mượn đường nước Vệ. Khi về, Dương Hổ sai Quý Mạnh, từ cửa nam môn kéo quân vào, rồi ra cửa đông môn, đình lại ở Đồn Trạch. Vệ Hầu giận, sai Di Tử Hà đuổi theo. Công Thúc Văn Tử khi đó đã già, đi xe tới nói với vua Vệ: Đã trách người, mà lại làm như người, là phi lễ. Khi Chiêu Công bị khó khăn, thì nhà vua sẵn sàng đem Thư Đỉnh thời Văn Công, mai rùa thời Thành Công, gương thời Định Công (các bảo vật nước Vệ) để tùy ai mà giúp Chiêu Công được thì biếu một thứ. Ngài sẵn sàng cho con ngài và con đại phu đi làm con tin ở nước nào lo giúp Lỗ được. Việc đó, thần dân ai cũng biết. Nay chỉ vì cơn giận nhỏ, ngài quên đức lớn xưa, có nên chăng. Trong các con bà Thái Tự, thì Chu Công tổ nước Lỗ và Khang Thúc, tổ nước Vệ là hai anh em rất hòa mục. Nay nhà vua theo thói thường làm mất hòa mục đó, có đáng tiếc không. Trời cho Dương Hóa sinh nhiều ác để rồi trừ diệt. Xin nhà vua nấn ná một thời gian, có hay không. Vua Vệ nghe can thôi không sinh chuyện.

公 至 自 侵 鄭

CÔNG CHÍ TỰ XÂM TRỊNH

LỖ CÔNG XÂM TRỊNH XONG VỀ

夏 季 孫 斯 仲 孫 何 忌 如 晉

HẠ, QUÝ TÔN TƯ, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, NHƯ TẤN

MÙA HẠ, QUÝ TÔN TƯ VÀ TRỌNG TÔN HÀ KỊ SANG TẤN

Tả Thị - Mùa hạ, Quý Hoàn Tử sang Tấn để nộp người, của lấy được ở Trịnh. Dương Hổ ép sai Mạnh Ý Tử, nhân dịp biếu

lễ cả cho Phu nhân (để đáp lễ trước). Người Tấn thết tiệc mời cả hai cùng dự. Mạnh Ý Tử đứng ở ngoài phòng tiệc và nói với Phạm Hiến Tử rằng: Dương Hổ ví như không ở Lỗ được, mà từ chức đi sang Tấn, chắc là được phong ngay làm Tư Mã Trung quân, như ý các tiên quân. Hiến Tử nói: Quả quân tôi tùy theo tài đức giao cho chức vụ. Tôi dâu được biết. Hiến Tử bảo Giản Tử rằng: Người Lỗ lo Dương Hổ. Mạnh Tôn biết là Dương Tử không ai ưa, chắc phải sang Tấn. Cho nên, vì Dương Tử cố xin ta trước để ta cho vào nước.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tư, ngày Kỉ Sửu, Thái Tử nước Ngô là Chung Luy, đánh tan thủy quân Sở, bắt được hai tướng là Phan Tử Thần, Tiểu Duy Tử, cùng bảy đại phu. Nước Sở lo mất đến nơi. Sở Tử Kì cũng bị đánh ở Phồn Dương. Lệnh Doãn là Tử Tây, trước việc bại, mừng, nói rằng bây giờ mới là lúc làm được. Thế rồi dời hết dân ở quốc đô Dĩnh ra đất Nhược, rồi thay đổi chính trị, để yên định nước.

Đam Phiên nhà Chu, gióng giả các thần tử của Vương Tử Triều, được Trịnh giúp, định làm loạn nước Chu. Thế là Trịnh đánh các đất Phùng, Hoạt, Tư Mi, Phụ Thứ, Hồ Nhân, Khuyết Ngoại (sáu ấp nhà Chu). Tháng sáu, Diêm Một, tướng nước Tấn, tới đóng đồn thú ở Chu, rồi đắp lại thành Tư Mi.

秋 晉 人 執 宋 行 人 樂 祁 黎

THU, TẤN NHÂN CHẤP TỐNG HÀNH NHÂN NHẠC KÌ LÊ

MÙA THU, NGƯỜI TẤN BẮT CHỨC QUAN HÀNH NHÂN NƯỚC TỐNG LÀ NHẠC KÌ LÊ

Tả Thị - Mùa thu, tháng 8, Tống Nhạc Kì nói với Tống Cảnh Công rằng: Các chư hầu duy có ta là giúp nước Tống nhất. Nay không cho sứ sang Tấn, e ngại Tấn giận. Về nhà, Nhạc Kì lại nói lại với gia thần là Trần Dần. Trần Dần nói: Thế nào vua cũng sai ngài đi sứ. Thế rồi, một ngày khác, vua bảo Nhạc Kì: Lời của ông, quả quân cho là phải lắm. Ông phải sang Tấn mới được. Trần Dần bảo chủ: Ngài hãy định người nối nghiệp rồi

hãy đi, thế thì nhà ta mới không mất. Vua thì rõ ràng, ta biết khó mà cứ tuân mệnh. Nhạc Kì mới đưa con là Hỗn vào triều kiến vua. Tấn Triệu Giản Tử đi đón rồi mời uống rượu ở đất Miên Thượng. Nhạc Kì biếu Giản Tử sáu mươi cái mộc gỗ liễu. Trần Dần nói: Xưa ta nhận Phạm Thị làm chủ. Nay, Triệu Thị làm chủ. Ta lại có đồ biếu Triệu Thị. Các cái mộc này sẽ mang họa cho ta. Đáng lẽ không nên có hành động ấy. Tuy nhiên dù ngài có mất ở Tấn, con cháu ở Tống sẽ hưng thịnh.

Phạm Hiến Tử nói với Tấn Hầu: Nhân mệnh vua ra khỏi nước sang sứ nước khác, chưa xong việc sứ đã riêng dự tiệc rượu, đối với hai vua thế là bất kính. Có lỗi phải trị. Thế là Nhạc Kì bị bắt giữ.

冬 城 中 城

ĐÔNG, THÀNH TRUNG THÀNH

MÙA ĐÔNG, LỖ XÂY THÀNH TRUNG THÀNH

Cốc Thị - Thành Trung Thành, của ba họ to nước Lỗ đang khuếch trương. Hoặc bảo là không phải vì dân.

Lục Thuần - Cốc Lương bảo là khuếch trương cho ba họ. Việc đã lâu rồi. Thời đó, Dương Hổ đang có thế. Ba nhà bắt đầu suy. Sao lại bàn là khuếch trương. Lại nói không phải là vì dân. Thế thì bắt đầu vào Xuân Thu, tính ra hơn 200 năm rồi. Há lại không có việc xây đắp thành đổ, thành hư, mà cứ cho đắp thành là chê. Đã không phải là mới đắp, thì sao lại nghĩ đến ý không phải vì dân.

季 孫 斯 仲 孫 忌 帥 師 圍 鄆

QUÝ TÔN TƯ, TRỌNG TÔN KỊ SUẤT SƯ VI VẬN

QUÝ TÔN TƯ VÀ TRỌNG TÔN KỊ CẦM QUÂN VÂY ẤP VẬN

Phụ lục Tả Truyện - Dương Hổ cùng lễ thề với vua và tam Hoàn (là ba nhà Quý tộc ở Lỗ), trước nền Chu xã. Rồi cùng dân thề ở nền Bạc xã. Các lời thề thì tuyên đọc ở đường Ngũ Phủ.

Mùa đông, tháng 12, Thiên Tử ở đất Cô Du, đất nhà Chu để tránh loạn Đam Phiên.

Công Thị - Đây là Trọng Tôn Hà Kị. Sao lại gọi là Trọng Tôn Kị. Là chê hai tên Hà Kị nghĩa là sợ gì. Hai tên, thiếu lễ.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo chê hai tên. Ý Công Dương là hai tên khó kiêng. Xét thời xưa, tên vua, bầy tôi không kiêng, tên cha, con không kiêng. Đến thời Chu, tôi kiêng tên vua, con kiêng tên cha. Tuy nhiên, chỉ kiêng tên người chết, chứ không kiêng tên người còn sống. Kiêng cùng một tên, chứ không kiêng hiềm, tức là tửa tựa đọc giống nhau. Hai chữ tên thì không kiêng từng chữ. Mẹ Trọng Ni tên là Trưng Tại, chỉ kiêng nói luôn hai chữ Trưng Tại, còn thì dùng riêng Trưng hay Tại vẫn được. Đến Trọng Ni còn thế huống người khác. Mình còn không kiêng hai chữ tên, thì có lí nào bắt người ta kiêng.

Năm Mậu Tuất. Vua Kính Vương, năm thứ 17.

七年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tấn Định, năm thứ 9. Tề Cảnh, năm thứ 45. Vệ Linh, năm thứ 32. Sái Chiêu, năm thứ 16. Trịnh Hiến, năm thứ 11. Tào Tĩnh, năm thứ 2. Trần Hoài, năm thứ 2. Kỉ Hi, năm thứ 3. Tống Cảnh, năm thứ 14. Tần Ai, năm thứ 34. Sở Chiêu, năm thứ 13. Ngô Hạp Lư, năm thứ 12.

春王正月
XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT
MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 7. Mùa xuân. Tháng 2. Chu Đam Phiên vào ở Nghi Lật, một ấp nhà Chu, để quấy loạn.

Người Tề giao trả Lỗ các ấp Vận, Dương Quan Dương Hổ tới để cai trị nước Lỗ.

夏四月

HẠ, TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, tháng tư, Thiện Vũ Công, Lưu Hoàn Công đánh bại Doãn Thị ở đất Cùng Cốc

秋齊侯鄭伯盟于鹹

THU, TỀ HẦU, TRỊNH BÁ, MINH VU HÀM

MÙA THU, TỀ HẦU, TRỊNH BÁ, THỀ Ở ĐẤT HÀM (KHỞI THỦY CHƯ HẦU THỀ RIÊNG VỚI NHAU)

Tả Thị - Mùa thu, Tề Hầu cùng Trịnh Bá thề ở đất Hàm. Mời Vệ tới dự hội.

齊人執衛行人北宮結以侵衛

TỀ NHÂN CHẤP VỆ HÀNH NHÂN BẮC CUNG KẾT DĨ XÂM VỆ

NGƯỜI TỀ BẮT CHỨC HÀNH NHÂN NƯỚC VỆ LÀ BẮC CUNG KẾT, ĐỂ XÂM NƯỚC VỆ

Cốc Thị - Chữ để là cho quan trọng thêm, vì người Vệ trọng Bắc Cung Kết.

Triệu Khuông - Cốc Lương bảo chữ để là trọng Bắc Cung Kết. Xét, bao giờ chức Hành nhân: sứ giả bị bắt cũng chép, cứ gì một Bắc Cung Kết.

齊侯衛侯盟于沙

TỀ HẦU, VỆ HẦU MINH VU SA

TỀ HẦU CÙNG VỆ HẦU THỀ Ở ĐẤT SA

Tả Thị - Vệ Hầu muốn rời Tấn. Các đại phu đều khuyên không nên. Vệ Hầu mới sai Bắc Cung Kết đi sứ nước Tề, rồi

mật bảo Tề Hầu bắt Kết rồi đem quân xâm về, (làm thế nào để thề với Tề, tức là rời Tấn). Tề Hầu nghe theo. Thế là có lễ thề ở đất Tỏa tức là đất Sa.

大 雩

ĐẠI VU

LỄ ĐẠI VU ĐỂ CẦU MƯA

齊國夏帥師伐我西鄙

TỀ QUỐC HẠ SUẤT SƯ PHẠT NGÃ TÂY BỈ

QUỐC HẠ NƯỚC TỀ CẦM QUÂN TỚI ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC LỖ TA

Tả Thị - Quốc Hạ nước Tề đánh nước ta. Dương Hổ ngồi trên xe Quý Hoàn Tử. Công Liễm Xứ Phủ, gia thần họ Mạnh, ngồi trên xe Mạnh Ý Tử. Quân đội Lỗ định đêm tới đánh quân đội Tề. Tề biết tin, giả lui, rồi phục binh đợi. Xử Phủ nói: Dương Hổ không nghĩ đến họa, tất phải chết. Thiêm Di, gia thần họ Quy mới bảo Dương Hổ: Ông đặt hai nhà Quý Thị và Mạnh thị vào trước hiểm họa. Không đợi mệnh, tôi sẽ giết ông. Dương Hổ sợ, quay trở lại. Thế là quân Lỗ đỡ thua một trận.

九月大雩

CỬU NGUYỆT, ĐẠI VU

THÁNG 6, LỄ ĐẠI VU, CẦU MƯA

冬十月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 11. Ngày Mậu Ngọ, Thiện Tử, Lưu Tử, tới đón Thiên Tử ở nhà họ Khánh. Tịch Tần nước Tấn đi theo Thiên Tử. Ngày Kỉ Tị vua vào Vương Thành, ở nhà Tôn thất là Đáng Thị, rồi làm lễ ở miếu Trang Cung.

Năm Kỉ Hợi. Vua Kính Vương, năm thứ 18.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Định, năm thứ 10. Tề Cảnh, năm thứ 46. Vệ Linh, năm thứ 33. Sái Chiêu, năm thứ 17. Trịnh Hiến, năm thứ 12. Tào Tĩnh, năm thứ 4. Trần Hoài, năm thứ 4. Kỉ Hi, năm thứ 4. Tống Cảnh, năm thứ 15. Tần Ai, năm thứ 35. Sở Chiêu, năm thứ 14. Ngô Hạp Lư, năm thứ 13.

春 王 正 月 公 侵 齊

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG XÂM TỀ

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG ĐEM QUÂN XÂM NƯỚC TỀ

Tả Thị - Năm thứ 8, mùa xuân. Vương. Tháng giêng. Lỗ Công xâm Tề. Đóng quân trước cửa thành Dương Châu (Tề). Quân ngồi la liệt dưới đất, rồi nói chuyện: Cung của Nhan Cao sức nặng đến sáu quân (mỗi quân là 60 cân). Chúng mới nhắc lên rồi truyền cho nhau coi. Người trong thành Dương Châu kéo ra. Nhan Cao vội cầm lấy cung thường của người khác. Khưu Tử Sử người Tề đánh ngã Nhan Cao và người nữa. Cao đứng dậy được, bắn Sử Tử đúng má chết. Một người Lỗ khác là Nhan Tức, bắn một tên địch đúng lông mày, bỏ đi nói: tôi không phải là dũng. Chính là định bắn vào mắt. Quân đội Lỗ lui về. Một tướng Lỗ là Nhiễm Mãnh giả cách bị thương ở chân rồi chạy trước. Người anh tên là Hội hô to để dối quân sĩ: Mãnh còn ở hậu quân.

公 至 自 侵 齊

CÔNG CHÍ TỰ XÂM TỀ

LỖ CÔNG TỰ XÂM TỀ TRỞ VỀ

Phụ lục Tả Truyện - Tháng hai, ngày Kỉ Dậu, Thiện Tử

đánh Cốc Thành. Lưu Tử đánh Nghi Lật. Ngày Tân Mão, Thiện Tử đánh Giản Thành. Lưu Tử đánh Vu. Thế là nhà Chu được yên.

Triệu Ưởng nói với Tấn Hầu: Trong các chư hầu, có Tống là theo mệnh ta. Giá ta đón tiếp sứ giả còn sợ người ta không đến, huống chi nay lại bắt giữ. Thế tức là tuyệt giao với chư hầu. Tấn Hầu mới định cho Nhạc Kì về. Sĩ Ưởng nói: Giữ ba năm, nay vô cớ tha cho, Tống tất là phản Tấn, Hiến Tử riêng bảo Tử Lương (Nhạc Kì) rằng: Quả quân tôi sợ không được vua Tống cho giao hiếu cho nên bắt giữ ông. Ông hãy tạm cho con là Hỗn thay ông. Tử Lương bàn với Trần Dần. Trần Dần nói: Tống sắp phản Tấn. Thế là sẽ hại Hỗn đó. Bất Nhược, hãy đợi. Nhạc Kì đi ra, rồi chết ở Thái Hàng (Tấn). Sĩ Ưởng nói: Tống tất phản. Chi bằng ta giữ lấy xác, để hai nước cứ phải hòa hảo. Thế là giữ xác Kì ở lại đất Châu (Tấn).

二 月 公 侵 齊

NHỊ NGUYỆT, CÔNG XÂM TỀ

THÁNG 2, LỖ CÔNG ĐÁNH TỀ

Tả Thị - Công đánh Tề. Đánh thành Lẫm Khưu. Người quanh thành ra ứng chiến, đốt chiến xa. Quân Lỗ lấy vải yên ngựa dấp nước để dập tắt lửa, rồi phá lũy. Quân trong thành kéo ra. Quân Lỗ chạy lên. Dương Hổ giả cách không trông thấy Nhiễm Mãnh, nói: Nếu có Mãnh ở đây thì ta lại thua. Mãnh đuổi theo người Lẫm Khưu, nhìn lại thấy quân Lỗ mình không theo, mới làm ra bộ bị ngã. Dương Hóa nói: Quân ta bồng bột thế thôi, không gọi là dũng cảm.

Thiêm Việt (Thiêm Di) mới có con, đợi việc xong rồi về đặt tên. Trận Dương Châu vì bắt được người cùng khí giới khá nhiều, mới đặt tên con là Dương Châu.

三月公至自侵齊

TAM NGUYỆT, CÔNG CHÍ TỰ XÂM TỀ

THÁNG BA, LỖ CÔNG ĐÁNH TỀ VỀ

Cốc Thị - Công lúc đi, chép mùa, lúc về chép tháng, là về có ý ngại. Lúc đi chép tháng, lúc về chép mùa, là ngại lúc đi. Đi chép tháng, về chép tháng, là việc không nên làm.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói như vậy là sai. Đi chép mùa, về chép tháng, tức như đi trước, mùa đông năm thứ 13, Văn Công, Công đi sang Tấn tháng giêng năm thứ 14, Công tự Tấn về cũng thế. Thời đó, Công chửa tới Tấn, mà Vệ Hầu hội Công ở Đạp, khi tới Tấn thì được vua thề, thề rồi về nước. Trịnh Bá lại hội Công ở đất Phi. Đi ra thì có ba nước phụ họa vào. Thật là vinh dự có gì là nguy.

Xét, đi tháng, về mùa, đó là trường hợp Tuyên Công, năm thứ 17, tháng 6, đồng minh tại đất Đoạn Đạo, mùa thu, Công tự hội về nước. Lúc đó, chư hầu, đồng lòng chống Sở, các nước như một, không có biến đổi gì khác, vậy không có gì là "ngại khi đi". Xét đi tháng, về tháng, đó là trường hợp Hi Công, năm thứ tư, tháng giêng, xâm nước Sái, quân Sái tan vỡ, rồi đánh Sở, tháng tám, Công tự phạt Sở về. Lúc đó Tề Hoàn Công làm Bá chủ, Cốc Lương khen Tề Hoàn, lại khen việc phạt Sở. Vậy có gì là chê, chê việc không nên làm.

Vả lại, Cốc Lương muốn nói sự nguy (nghi ngại) thì nên thấy rõ cái trạng nguy ra sao. Muốn nói cái không nên, thì nên chỉ cái hình thức không nên ra sao. Nay cứ bàn là nguy, mà không đưa trạng thái nguy ra, cứ bàn là không nên, mà không hình hiện cái không nên, thế mà cũng giải nghĩa kinh.

曹 伯 露 卒

TÀO BÁ LỘ TỐT

TÀO BÁ TÊN LÀ LỘ MẤT

夏 齊 國 夏 帥 師 伐 我 西 鄙

HẠ, TỀ, QUỐC HẠ, SUẤT SƯ PHẠT NGÃ TÂY BỈ

MÙA HẠ, QUỐC HẠ, NƯỚC TỀ, ĐEM QUÂN TỚI ĐÁNH BIÊN GIỚI PHÍA TÂY NƯỚC TA

Tả Thị - Mùa hạ, Quốc Hạ và Cao Trương nước Tề đánh phía tây biên giới ta.

公 會 晉 師 于 瓦

CÔNG HỘI TẤN SƯ VU NGÕA

LỖ CÔNG HỘI VỚI QUÂN ĐỘI TẤN TẠI ĐẤT NGÕA, ĐẤT NƯỚC VỆ

Tả Thị - Sĩ Ưởng, Triệu Ưởng, Tuân Dần nước Tấn cứu ta. Công hội với quân đội Tấn tại đất Ngõa. Phạm Hiến Tử (Sĩ Ưởng) tặng con cừu non. Triệu Giản Tử (Triệu Ưởng) và Trung Hàng Văn Tử mỗi người biếu một con ngỗng trời. Từ đó Lỗ mới biết quý cừu non.

公 至 自 瓦

CÔNG CHÍ TỰ NGÕA

CÔNG TỪ NGÕA VỀ

秋 七 月 戊 辰 陳 侯 柳 卒

THU, THẤT NGUYỆT, MẬU THÌN, TRẦN HẦU LIỄU TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY MẬU THÌN, TRẦN HẦU LÀ LIỄU MẤT

晉士鞅帥師侵鄭遂侵衛

TẤN SĨ ƯỞNG SUẤT SƯ XÂM TRỊNH, TỤY XÂM VỆ

TẤN SĨ ƯỞNG ĐEM QUÂN XÂM NƯỚC TRỊNH, RỒI XÂM NƯỚC VỆ

Tả Thị - Quân Tấn sắp bắt Vệ thề tại đất Chuyên Trạch. Triệu Giản Tử hỏi quần thần ai dám đứng thề với vua Vệ. Thiệp Đà và Thành Hà xin đi. Trong lễ thề, người Vệ xin cầm tai trâu. Thành Hà nói: Vệ chỉ bằng đất Ôn, đất Nguyên của Tấn tôi. Đâu được coi như một nước Hầu. Đến khi sắp sáp huyết, Thiệp Đà cầm lấy cánh tay Vệ Hầu ấn vào thùng huyết cho đến cổ tay. Vệ Hầu giận. Vương Tôn Cổ (Vệ) tiến lên nói: Minh ước là để giữ chữ tín theo lễ nghi. Nay đối với Vệ quân như thế, sai lễ nghi như thế, thì liệu còn giữ thề được không.

Vệ Hầu muốn phản Tấn, còn ngại các quan đại phu. Vương Tôn Cổ mới cho đình quân ở ngoài thành. Đại phu hỏi cớ. Vua Vệ mới kể lại chuyện nói cho nhục, và bảo các quan rằng: "Quả nhân làm nhục xã tắc, xin bói chọn một người khác thay tôi. Tôi bằng lòng". Đại phu thưa: "Đó là họa của nước Vệ, chứ đâu có phải lỗi nhà vua". Vua nói: "Lại còn tai này. Họ bắt con quả nhân con các đại phu làm con tin". Đại phu thưa: "Nếu có ích, xin Công Tử đi, con chúng tôi ngại gì đeo dây xích đi theo". Thế là sửa soạn việc đi. Vương Tôn Cổ lại nói với vua: "Xưa nay, Vệ có nạn, là bọn dân công thương cùng chia nạn. Nay cũng nên cho đi làm con tin". Vua nói với đại phu. Thế là quyết định cho bọn công thương cùng đi. Ngày đã định. Vua mới cho họp dân, và sai Công Tôn Cổ hỏi: "Nếu Vệ chống lại Tấn mà Tấn đánh ta đến năm lần, thì nghĩ thế nào". Dân đều trả lời: "Xin năm lần ứng chiến". Cổ lại nói: "Thế thì ta cứ chiếm. Đến đường cùng, ta hãy dùng đến con tin, cũng không muộn". Thế là Vệ bỏ lời minh ước. Tấn xin làm minh ước mới. Vệ không nghe. Mùa thu, Sĩ Ưởng họp Hoàn Công nước Thành đi xâm nước Trịnh, vây Trùng Lao, để báo việc Y Khuyết, rồi xâm nước Vệ.

葬曹靖公
TÁNG TÀO TĨNH CÔNG
LỄ CHÔN TÀO TĨNH CÔNG

九葬月陳懷公
CỬU NGUYỆT TÁNG TRẦN HOÀI CÔNG
THÁNG 9, LỄ CHÔN TRẦN HOÀI CÔNG

季孫斯仲孫何忌帥師侵衛
QUÝ TÔN TƯ, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, SUẤT SƯ XÂM VỆ
QUÝ TÔN TƯ VÀ TRỌNG TÔN HÀ KỊ CẦM QUÂN XÂM NƯỚC VỆ

Tả Thị - Tháng 9, quân Lỗ xâm nước Vệ để giúp nước Tấn.

冬衛侯鄭伯盟于曲濮
ĐÔNG. VỆ HẦU, TRỊNH BÁ MINH VU KHÚC BỘC
MÙA ĐÔNG, VỆ HẦU VÀ TRỊNH BÁ THỀ Ở KHÚC BỘC (NƠI SÔNG BỘC UỐN KHÚC)

從祀先公
TÒNG TỰ TIÊN CÔNG
HỢP TẾ Ở CÁC MIẾU VUA LỖ

Tả thị - Quý Ngộ (anh Quý Hoàn Tử), Công Sừ Cực, Công Sơn Bất Nữu, đều không ưa họ Quý Thị (Quý Hoàn Tử). Thúc Tôn Chiếp thì không được họ Thúc Tôn tin dùng. Thúc Trọng Chí thì bị dân Lỗ ghét. Thế là năm người bám lấy Dương Hổ. Dương Hổ định bỏ Tam Hoàn (ba quý tộc có quyền thế), lấy Quý Ngộ thay Quý Hoàn Tử, lấy Thúc Tôn Chiếp thay Thúc Tôn Vũ Thúc và tự mình làm chủ họ Mạnh (thay Mạnh Ý Tử). Mùa đông,

tháng 10, tế tại các miếu vua Lỗ theo thứ tự cũ. Ngày tân mão, tế Đế ở miếu Hi Công.

Công thị - Theo thứ tự cũ là thế nào. Là thuận. Vì rằng, thời Văn Công, ba nhà đảo ngược thứ tự. Trở lại thứ tự là năm người.

Cốc thị - Thế là trở lại chính.

Hồ Truyện - Phùng Sơn người đất Thục có nói: Chiêu Công đến bây giờ mới được tòng tự (cùng cúng tế) ở Thái miếu. Nói thế là đúng. Họ Quý đuổi vua, mà thay đổi các mệnh lệnh, đối với người sống, người chết. Chiêu Công chết ở đất Can Hầu, vậy không được chết ở nơi chính, chính tẩm. Đã chết đến bảy tháng, lại không được đúng thời đưa về chôn. Khi chôn, lại bị cắt đứt mạnh đất, không thông với lăng tẩm tiên quân. Mà ở đường phía nam lăng tẩm. Đến khi Khổng Tử làm Tư Khấu, bấy giờ mới khơi sẻ rãnh ngòi, cho hợp với các phần mộ cũ. Thế thì chôn đã lâu, mà chưa được theo tế bào các hàng chiêu, mục như lệ thường. Dương Hổ lấn quyền, định giết Quý Tôn Tư, mà làm loạn nước Lỗ, sửa việc tế cho chính, để làm việc loạn nước bất chính, mới lấy thần chủ Chiêu Công cho tòng tự vào Thái miếu. Thế là nêu rõ tội họ Quý để nịnh dân. Vậy việc dù là thuận đấy, nhưng thì tình nghịch, Xuân Thu cứ tình mà xét pháp. Cho nên không chép việc đó, cùng ngày làm việc đó, chỉ chép có mấy chữ: hợp tế ở các miếu vua Lỗ. Câu đó được chép trước thì ngay sau có chép câu: Trộm vào lấy mất ngọc quý và Cung to. Việc tự Dương Hổ, mà không chắc hẳn. Ý Kinh thật là rõ rệt.

Xét - Kinh thì chép chữ hợp tế: tế cùng. Tả Thị, Công Thị, Cốc Thị đều bảo là đặt lại vị của Mẫn Công, của Hi Công cho chính. Hồ Thị riêng cho là Chiêu Công đến bấy giờ mới được tòng tự vào Thái miếu. Các thuyết đó không giống nhau. Uông Khắc Khoan để cả hai, nhưng có nghi lời của Hồ Thị, mới khảo cứu lại văn Kinh, thì thấy, tế Đế ở miếu Trang Công, tế Đế tại Thái miếu, tế cả phu nhân, tế Hi Công, tất cả đều chép thẳng tên người. Nay nói là tòng tự với các vua trước, mà lại không nói ai được tòng tự, thì Hồ Truyện đáng đến nghi. Tuy nhiên, thuyết Hồ thị có gần sát tình ý đương thời đó, thì cũng chưa

nên bỏ đi. Nay để nguyên cả bốn truyện để đợi người sau xét. Đến Tòn thị thì lại bàn Tiên Công là chỉ vua Hậu Tắc. E chưa nên theo.

盜竊寶玉大弓

ĐẠO THIẾT BẢO NGỌC, ĐẠI CUNG

TRỘM LẤY MẤT NGỌC QUÝ VÀ CUNG LỚN HAI THỨ BẢO VẬT CỦA NƯỚC LỖ

Tả Thị - Ngày Nhâm Thìn, Dương Hổ định mời Quý Hoàn Tử ăn tiệc ở vườn Bồ Phố để giết đi. Cho bảo chiến xa ngày Quý Tị thì tới. Chức Tể (chức quan coi một ấp) đất Thành, tên là Công Liễm Xử Phủ, tưởng là lệnh của Quý thị, mới hỏi Mạnh Tôn rằng: Quý Thị bảo chiến xa sẵn sàng để làm gì. Mạnh Tôn đáp: Tôi không nghe nói. Xử Phủ lại nói: Như thế thì sẽ có loạn, tất là liên lụy đến ông, ông nên dự bị. Mới hẹn đến ngày Nhâm Thìn thì sẵn có quân lính. Dương Hổ đi trước tới Bồ Phố. Lâm Sở đánh xe cho Hoàn Tử. Quân giữ Bồ Phố có dao mộc kèm hai bên xe và Dương Việt họ với Dương Hổ đi sau. Khi đến Bồ Phố, Hoàn Tử biết mưu, mới bảo Lâm Sở rằng: Tổ tiên người vẫn trung thành với họ Quý, người nên theo gương. Lâm Hổ đáp: Chậm mất rồi. Dương Hổ cầm quyền chính, dân Lỗ phục. Trái mệnh là chết. Chết mà vô ích cho chủ. Hoàn Tử bảo : Không chậm đâu. Đánh xe cho ta tới nhà họ Mạnh. Đáp: Tôi không tham sống sợ chết, nhưng sợ chủ nhân không thoát. Hoàn Tử bảo cứ đi đi. Mạnh thị vẫn chọn trong bọn người nhà, lấy 300 tên khỏe mạnh để xây cất, ngoài cửa Phủ, ngôi nhà cho con là Công Kì. Lâm Sở ra coi ngựa đến ngã ba, ngựa phi. Dương Việt giương cung bắn một phát không trúng. Xe vào được. Cổng đóng lại. Một trong bọn phu, bắn ra một phát. Dương Việt trúng tên chết.

Dương Hổ hiếp vua Lỗ cùng Vũ Thúc tới đánh phủ Mạnh Thị. Công Liễm Xử Phủ lấy dân ấp Thành, tự trèo lên cửa đông thành, rồi vào thành khai chiến với quân Dương Hổ ở phía trong cửa nam. Không thắng. Lại chiến lần nữa ở Cức Hạ. Dương bị

thua. Dương Hổ cởi giáp tới cung vua, lấy viên ngọc, lấy đại cung, rồi đi ra, tới ngã tư Ngũ Phủ nghỉ lại, bảo dọn cơm. Tùy tùng nói: Họ sắp đuổi tới. Dương Hổ bảo: Dân Lỗ nghe ta đã đi khỏi, đang mừng thấy Quý Hoàn Tử đến chỗ chết mà thoát, thì còn nghĩ đâu đến đuổi ta. Tùy tùng vội kêu: Đánh xe đi, Công Liễm Dương đã tới. Công Liễm Dương (Xử Phủ) xin đuổi theo Dương Hổ. Mạnh Tôn (sợ) không cho. Công Liễm Dương muốn nhân dịp giết Hoàn Tử. Mạnh Tôn cũng sợ, rồi cho Quý Tôn về phủ mình, Quý Ngộ đặt tế khí (đồ thờ cúng) trong miếu họ Quý Tôn, lễ, rồi đi ra.

Dương Hổ vào cửa quan Hoan Dương, xui giục dân làm loạn.

Phụ lục Tả Truyện - Ở nước Trịnh, Tứ Thuyên nối Tử Thái Thúc coi chính (làm tể tướng).

Công thị - Trộm là ai. Là Dương Hổ, Dương Hổ là Tể họ Quý. Tể một họ thì chức vị kém, sao lại trộm được đồ quý của nước, quốc bảo. Dương Hổ là chuyên quyền họ Quý. Họ Quý là chuyên quyền nước Lỗ. Dương Hổ bắt Quý Tôn thị. Mạnh thị và Thúc Tôn thị, thay nhau nuôi. Quý thị có khắc vào thẻ: Ta suýt chết ở Bồ Phố. Đã hết sức cứu ta ngày ấy, tháng ấy.

Lâm Nam (Sở). Là cháu Dương Hổ, đánh xe, Ư Kì cưỡi ngựa bên.

Quý Tôn bảo Lâm Nam rằng: Nếu đời dời họ Quý được ngươi giúp, thì ngươi có thể đỡ cho ta khỏi chết. Lâm Nam nói: Có sức chưa đủ. Thần đâu dám không cố gắng.

Dương Việt là em họ Dương Hổ làm xa hữu cho Quý Tôn. Bọn họ Dương đi theo có đến vài chục xe. Đi đến đường họ Mạnh, Lâm Nam vứt roi ngựa, rơi xuống đất. Dương Việt xuống xe để nhặt. Thế là Lâm Nam kéo dây cương, thúc ngựa chạy, rồi đến đất họ Mạnh. Dương Hổ theo bắn. Tên cắm vào Trang Môn.

Khởi đầu việc loạn ở đất Cầm Như. Việc giết chủ không xong. Chạy ra khỏi thành. Ngồi nghỉ, cho thế là yên. Hoặc có kẻ hỏi: Giết một vị chủ có nghìn cỗ xe, giết không xong, liệu có ở lại đây được không. Dương Hổ nói: Bọn con nít, được rồi là mừng. Có đâu như người lớn mà nghĩ đến đuổi. Thoáng rồi lại nói: Nó

đến đây. Thế là vội lên xe. Công Liễm Xử Phủ đem quân tới. Thiếu chút thì Dương Hổ không thoát. Thế là chạy tới nước Tấn.

Cốc thị - Ngọc quý là Ngọc Khuê, vua chư hầu nhận khi được phong. Cung quý là cung của rợ Nhung hiến vua Vũ, Chu Công được thiên tử ban, cất ở nước Lỗ. Không phải của đáng cho người mà cho, thì gọi là mất. Không phải của lấy được, mà lấy, thì gọi là ăn trộm.

Khổng Dĩnh Đạt - Truyện chép rằng: Dương Hổ lấy ngọc quý, cung quý, rồi ra khỏi nước, thế là Dương Hổ ăn trộm. Ngọc quý và cung quý đều là quốc bảo, các đời truyền lại. Cho nên từ Lưu Hâm bàn Kinh, Truyện, đến nay, theo Tả Truyện, thì cho là ngọc của họ Hạ Hầu, cung của nước Phồn Nhược, vua Thành Vương chia cho Lỗ Công. Công Dương cho là ngọc quý, cung quý, mai rùa. Không biết việc các vua nước Lỗ xưa được chia phần, Công Dương nói sai. Vả lại, trong đồ lấy trộm, không thấy có nói mai rùa. Mới biết toàn là lời bịa đặt.

Năm Canh Tí. Vua Kính Vương, năm thứ 19.

九 年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Định, năm thứ 11. Tề Cảnh, năm thứ 47. Vệ Linh, năm thứ 34. Sái Chiêu, năm thứ 18. Trịnh Hiến, năm thứ 13. Tào Bá Dương, năm đầu. Mẫn Công, Việt, năm đầu. Kỉ Hi, năm thứ 5. Tống Cảnh, năm thứ 16. Tần Ai, năm thứ 36. Sở Chiêu, năm thứ 15. Ngô Hạp Lư, năm thứ 14.

春 王 正 月

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 9. Mùa xuân. Tống Công sai Nhạc Đại Tâm tới nước Tấn làm lễ thề, và xin đem thi thể Nhạc Kì (Tử Lương) về. Đại Tâm từ chối, nói dối là có bệnh.

Công mới sai Hướng Sào. Nhạc Đại Tâm hiện giữ chức Hữu Sư ở Đồng Môn. Tới Tử Minh (Hỗn, con Nhạc Kì). Tử Minh đuổi ra nói: Tôi còn đang mặc đồ tang, mà người đã ca nhạc, thế là thế nào. Hữu Sư nói: Có liên can gì đến tang đâu. Rồi Hữu Sư đi nói chuyện với người khác rằng: Tử Minh là con Nhạc Kì thì để tang. Tôi là họ đồng tông đã xa, sao lại phải kiêng ca nhạc. Tử Minh nghe nói giận lắm, nói với vua Lỗ: Hữu Sư sẽ có hại cho cả họ. Lại không chịu đi sứ Tấn. Chắc làm loạn đến nơi. Không thế sao lại cáo ốm. Thế là Đồng Môn Hữu Sư bị cất chức.

Tứ Xuyền nước Trịnh giết Đặng Tích, mà vẫn dùng hình luật Đặng Tích đã đặt và có ghi trên thẻ (công văn). Người quân tử bàn rằng, Tứ Xuyền như thế không phải là người Trung. Người có lợi ích cho nước thì lỗi nhỏ nên khoan dung, tha thứ. Thiên Tĩnh Nữ, chương thứ ba, trong Kinh Thi có nói: Dùng đạo mà không bỏ người. Đừng có chặt cây cam đường này, cành lá tốt, hoa quả sai. Chính Thiệu Bá đã ngồi dưới gốc cây. Nhớ đến người, quý đến cả cây. Thế mà nay, dùng đạo lại bỏ người, không thương. Tứ Xuyền như thế không phải là biết khuyến khích người tài, người hay.

夏 四 月 戊 申 鄭 伯 囆

HẠ, TỨ NGUYỆT, MẬU THÂN, TRỊNH BÁ MẠI TỐT

MÙA HẠ, NGÀY MẬU THÂN, VUA TRỊNH TÊN LÀ MẠI MẤT

得 寶 玉 大 弓

ĐẮC BẢO NGỌC, ĐẠI CUNG

LỖ LẠI ĐƯỢC NGỌC QUÝ, CUNG QUÝ

Tả Thị - Mùa hạ, Dương Hổ gửi hoàn lại ngọc và cung. Chép là đắc là được, vì là các đồ để dùng. Chép là hoạch là bắt được, khi dùng được các đồ để dùng.

Tháng sáu, Lỗ đánh Dương Quan nơi Dương Hổ cư trú. Dương Hổ sai dóm lửa đốt cửa Lai Môn thành Dương Quan. Dương Hổ

lợi dụng lúc quân đội kinh sợ, xen lẫn vào, rồi trốn được. Chạy sang Tề, xin Tề phạt Lỗ nói: Sau ba trận, Tề tất lấy được. Tề Hầu định nghe lời thì Bào Văn Tử (Bào Quốc) can: "Thần thường làm gia thần họ Thi ở Lỗ. Lỗ chưa thể lấy được. Trên dưới, cùng nhân dân đều hòa mục. Biết chiều nước lớn. Trong nước không có thiên tai. Thế thì lấy sao được. Dương Hổ muốn làm cho quân đội Tề khó nhọc sút kém, mất nhiều tướng tá, bấy giờ mới thi hành mưu gian.

Xét. Dương Hổ được họ Quý tin dùng, mà rồi mưu giết Quý Tôn, làm hại nước Lỗ, cốt lợi cho riêng mình. Chỉ thân với người giàu, không gần người nhân, nhà vua dùng làm gì. Nhà vua giàu hơn họ Quý. Nước Tề ta lớn hơn nước Lỗ. Thế là Dương Hổ muốn hại, muốn phá. Lỗ đỡ được nạn, mà Tề thì hứng lấy nạn. Có phải ngài hại ngài không". Tề Hầu mới sai bắt Dương Hổ, định cho sang phía đông. Dương Hổ mới tỏ ý muốn sang đông. Vì thế, Tề Hầu mới chuyển sang tây, ở biên giới. Ở đó, Dương Hổ mượn các xe của người trong ấp, cho cưa trục xe, buộc lại bằng dây gai, rồi trả lại cho chủ. Rồi sửa soạn một cỗ xe chở hàng, có hai bên tựa rộng rãi, trong xe nằm được. Thế là chạy trốn. Nhưng bị đuổi theo, bắt lại, giam lại quốc đô. Lại lấy được một cỗ xe như cỗ xe trước, chạy thoát sang Tống. Từ Tống sang Tấn, tới nhà họ Triệu. Trọng Ni có nói: Thế là, Tống đời nào cũng có người quấy loạn.

Công Thị - Sao lại chép. Vì là quốc bảo. Lúc mất, chép. Lúc được, chép.

Cốc Thị - Sao không chép nơi ở, chỗ để cung, để ngọc. Vì nếu chỉ rõ là để ở nhà thì không được, đây là quốc bảo. Cũng như không chép tháng. Chữ "đắc: được" là xấu, được của kẻ hèn. Dương Hổ trả lại để dân khỏi thắc mắc.

Triệu Khuông - Cốc Lương bàn rằng, không chỉ nơi, chỗ, vì cho là việc xấu. Xét, chưa bị ra khỏi nước đã được trả lại, cho nên danh từ dùng chữ (đắc) là được. Vả lại chép là trộm còn không nhục, thì chép nơi cất, giấu, có gì là nhục.

六月葬鄭獻公

LỤC NGUYỆT, TÁNG TRỊNH HIẾN CÔNG

THÁNG 6, LỄ TÁNG TRỊNH HIẾN CÔNG

秋齊侯衛侯次于五氏

THU, TỀ HẦU, VỆ HẦU, THỨ VU NGŨ THỊ

MÙA THU, TỀ HẦU, VỆ HẦU ĐÌNH QUÂN TẠI NGŨ THỊ - TÊN ĐẤT TẤN, ẤP CỦA ĐẠI PHU TẤN TÊN LÀ HÀM ĐAN NGỌ

Tả Thị - Mùa thu, Tề Hầu đánh vào đất Di Nghi nước Tấn. Bố Tệ Vô Tồn muốn lấy vợ cho con. Con từ chối nhường việc kén vợ cho em, và nói: Nếu trong việc chiến tranh này không chết thì chắc là lấy vợ họ Cao hay họ Quốc ở Tề. Rồi trước tiên lên được thành Di Nghi, vào thành. Bị địch đuổi. Cố ra, nhưng bị chết dưới cổng thành. Đông Quách Thư liều trèo lên thành. Lê Di theo sát, nói: Ông lên trước. Tôi thứ hai. Rồi quân đội lên cả. Ta sẽ xuống cả, rồi vào. Thư lên trước. Nhưng Di lại xuống được trước. Thư giận. Nhưng Vương Mãnh nói ngay: Tôi leo lên trước các ông. Thế là Thư muốn đánh ngay Mãnh, thắt gọn áo giáp lại, nói: Lúc nãy, có việc khó với Di, nay lại nảy việc khó nữa. Mãnh cười rồi nói: Tôi theo hai người như ngựa tham theo hai ngựa đầu xe.

Chiến xa của Tấn đến nghìn chiếc đều ở đất Trung Mậu, Vệ Hầu, muốn tới nhà họ Ngũ (Tề Hầu ở). Mới bói rùa xem có nên đi qua Trung Mâu đến Ngũ Thị không. Vệ Hầu đoán "được đi được. Chiến xa quân đội Vệ đương đầu với một nửa chiến xa Tấn. Còn ta, có thể đánh được một nửa". Thế là Vệ Hầu qua đường Trung Mâu. Quân Trung Mâu muốn xông ra đánh. Tướng là Chư Sư Phố trước làm quan ở Vệ, bị đuổi, nói: Vệ tuy nhỏ yếu, có vua ở đây, chưa có thể thắng được. Quân Tề đã chiếm Di Nghi rồi sinh kiêu, còn tướng thì hèn, kém lắm (Đông Quách Thư). Gặp quân ta, quân Tề tất là thua. Không gì bằng đuổi quân Tề. Thế là quân Trung Mâu đánh quân Tề, đánh được. Tề Hầu cho Vệ Hầu ba ấp: Chước, Mi, Hạnh. Rồi thưởng Lê Di. Lê Di từ

chối nói: Một người khác lên thành trước tôi, đội mũ trắng, mặc áo lông cáo, tôi lên theo sau. Tề Hầu sai người tới, Đông Quách Thư bảo: Chính ông lên trước, tôi thưởng ông. Thư chối nói: Lê Di và tôi như chủ khách nhường nhau. Tề Hầu mới thưởng Lê Di.

Quân đội Tề ở Di Nghi. Tề Hầu bảo dân Di Nghi rằng: Nếu tìm được thi thể Tệ Vô Tồn, thì được năm nhà tha thuế. Thế là tìm được. Tề Hầu liệm cho ba bộ áo, cho xe phủ da tê, tàn lọng, rồi cho xe về quốc đô trước. Đẩy xe, đều quỳ đẩy. Tề Hầu thân đẩy cữu ba vòng xe.

秦 伯 卒 冬 葬 秦 哀 公

TẦN BÁ TỐT. ĐÔNG, TÁNG TẦN AI CÔNG

TẦN BÁ MẤT. MÙA ĐÔNG LỄ CHÔN TẦN AI CÔNG

Năm Tân Sửu. Vua Kính Vương, năm thứ 20.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tấn Định, năm thứ 12. Tề Cảnh, năm thứ 48. Vệ Linh, năm thứ 35. Sái Chiêu, năm thứ 19. Trịnh Thanh Công; Thắng, năm đầu. Tào Dương, năm thứ 2. Trần Mẫn, năm thứ 2. Kỉ Hi, năm thứ 6. Tống Cảnh, năm thứ 17. Tần Huệ Công, năm đầu. Sở Chiêu, năm thứ 16. Ngô Hạp Lư, năm thứ 15.

春 王 三 月 及 齊 平

XUÂN. VƯƠNG. TAM NGUYỆT CẬP TỀ BÌNH

MÙA XUÂN, VƯƠNG. THÁNG BA, LỖ CÙNG TỀ HÒA.

Tả Thị - Năm thứ 10, mùa xuân, cùng với Tề hòa.

夏 公 會 齊 侯 于 夾 谷 公 至 自 夾 谷

HẠ, CÔNG HỘI TỀ HẦU VUA GIÁP CỐC CÔNG CHÍ TỰ GIÁP CỐC

MÙA HẠ, CÔNG HỘI VỚI TỀ HẦU TẠI GIÁP CỐC. CÔNG TỰ GIÁP CỐC VỀ NƯỚC. GIÁP CỐC CŨNG GỌI LÀ CHÚC KÌ

Tả Thị - Mùa hạ. Công hội Tề Hầu tại Chúc Kì. Khổng Tử làm tướng (tướng nghĩa là theo để giúp). Lê Di nói với Tề Hầu: Khổng Khưu biết lễ, nhưng không có dũng. Nếu nhà vua lấy bọn tù binh người rợ Lai tới áp bức Lỗ Hầu, tất bảo sao phải nghe vậy. Tề Hầu nghe lời. Khổng Khưu đưa Công lui ra và nói: “Quân sĩ phải đánh đuổi đi. Hai vua họp và hòa, mà tù binh xứ mọi rợ dám loạn, thế thì vua Tề sao còn được chư hầu tin nghe. Nước ở xa, không cùng bàn việc được với Trung Quốc. Rợ không loạn được Hoa. Tù không được dự thề. Giao hiếu không lấy đồ binh áp bức. Đối với thần linh, thế là bất tường, đối với đức thế là thiếu nghĩa, đối với người, là mất lễ, nhà vua chắc không như thế”. Tề Hầu nghe xong vội đuổi bọn Lai đi. Khi sắp thề, người Tề thêm vào trong khoán ước câu: Khi quân đội Tề đi ra khỏi nước, mà Lỗ không cho 300 chiến xa theo, thì Lỗ sẽ như lời thề. Khổng Khưu sai Tư Vô Hoàn vái chào rồi thêm vào câu: Mà nếu Tề không trả Lỗ đất Vấn Dương để Lỗ làm theo khoán ước, thì Tề cũng sẽ như lời thề.

Tề Hầu muốn thết tiệc. Khổng Khưu bảo Lương Khưu Cứ (Tề): Công việc Tề và Lỗ, chắc ông đã rõ. Khi công việc xong mà còn yến tiệc thì chỉ nhọc cho các quan có chức vụ. Vả lại không nên đem các đồ tế khí ra khỏi cung điện (dụng cụ của nhà vua tiếp tân cũng là đồ tế khí) tấu nhạc tế không ở nơi thôn dã. Yến tiệc nếu không có thế, thì lại là thiếu lễ, sơ suất bỉ bạc. Một đằng mang tiếng thiếu lễ, một đằng mang tiếng bỏ lễ. Xin ông nghĩ lại. Yến tiệc cốt để tỏ rõ đức. Đức đã không sáng được thì nên bãi. Tiệc yến thì thế bãi bỏ. Tề trả cho Lỗ ruộng các xứ Vận, Hoan, Quy Âm.

Cốc Thị - Hội hai nước, không chép lễ khi trở về tới nước.

Đây sao chép "Chí tự hội". Vì trong hội có việc nguy hại. Trong hội Khổng Tử giữ chức tướng. Hai vua tới đàn (nơi hội). Hai tướng vái nhường nhau. Tề thì hung hăng muốn bắt vua Lỗ. Khổng Tử bước lên đàn. Vừa được một bậc, thì ngoảnh nói với Tề Hầu rằng: Nay vua hội giao hiếu, sao lại để cho bọn di địch tới. Sai quan Tư Mã ngăn lại. Tề Hầu lúng túng đáp: Đó là lỗi quả nhân. Khi lui, có bảo mấy đại phu Tề rằng: Người ta làm cho vua được theo đúng đạo, các ngươi đưa ta vào đường lối di địch, để làm gì.

Hội bãi, người Tề sai Ưu Thi múa trước Lỗ quân. (Ưu Thi là một tên múa hát làm trò hề cho vua). Khổng Tử nói: Chế cười vua, tội đáng chết. Sai quan Tư Mã thi hành pháp luật. Người Tề trả lại ruộng các xứ Quy Âm, Vận, Hoan (Vấn Dương), là sau việc đó. Nhân việc đó, thấy rằng, tuy đủ văn, mà cũng phòng cả võ. Việc Khổng Tử ở Giáp Cốc là chứng thực.

Triệu Khuông - Kinh không chép thề. Sao Truyện lại nói đến thề. Thề là Tả Thị muốn đem việc trả ruộng Vấn Dương gán công cho Phu Tử, cho nên bịa đặt thuyết đó. Có biết đâu là cố cầu cho được thì không phải đường lối Thánh nhân.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo hội chép "chí" là ý có sự nguy nan. Cốc Lương nghĩ sai. Năm thứ 8, Công hội với quân đội Tấn tại đất Ngõa cũng chép chí thì có gì là nguy. Vả lại, cứ như Cốc Lương nói ở hội Giáp Cốc, Thánh nhân làm chức tướng, Tề Hầu phải sợ, đem đất trả lại cho Lỗ, thì Tề mới là nguy, Lỗ việc gì mà nguy. Cốc Tương lại nói ghi cả nơi thề, nói thế cũng bậy. Hai vua họp, thường lệ là ghi nơi họp, có gì là nguy.

Xét - Tề Lỗ, đời đời kết hôn nhân đã lâu rồi. Từ khi Định Công lên ngôi về sau, việc can qua, xâm phạt không ngừng. Khổng Tử cầm quyền trị nước cốt lấy tín, lấy hòa, cho nên có hội Giáp Cốc. Tề Cảnh chí muốn được làm Bá chủ, thì cũng cần cầu thân với Lỗ cho có vây cánh, thì vui vẻ dẹp bỏ hận thù trước. Thế mà lại cho ba ấp Quy Âm, Hoan, Vận trả về Lỗ là vì Khổng Tử. Tả thị và Cốc Lương đều chép quân Lai định áp bức vua Lỗ, bọn ưu thi giễu cợt làm trò hề. Sử chép rồi ngoại thư cũng chép thêu dệt thêm, cứ là muốn quy công cho Khổng

Tử. Xét Thánh nhân, về lối nói, về hành động, cũng đã đủ để cảm hóa được người, trong vòng lễ nghi vái nhường nhau.

Hai vua họp, chắc không có những chuyện bỉ lậu xảy ra, mà phải dùng đến giết người. Tả thị thì nói: Sai quân đánh. Cốc Lương thì nói, sai quan Tư Mã thi hành pháp luật. Đó là vũ phu đấu sức nhau, thế mà dám gán cho Thánh nhân. Quân Tề ra khỏi nước, mà bắt Lỗ phải cho 300 chiến xa đi theo, thế là Tề coi Lỗ như một ấp của Tề, khinh Lỗ quá. Thánh nhân tất là lấy lễ chống đối, chứ đâu lại cầu được Vấn Dương thì tuân lệnh, thì làm khổ dân Lỗ ta để phụng sự nước láng giềng. Huống chi Vấn Dương khi đã được trả rồi thì Định Công suốt đời phải theo ước. Xét hội ở đất Hoàng, ở đất Khiên đều chép cả mà không thấy bao giờ chép Lỗ phải phục dịch Tề. Về việc Thùy Hà, Tề đã suất quân khỏi nước, Lỗ chưa từng có cho 300 xe đi theo. Chu Tử cho đó là phụ vào hội, bọn tiên nho cũng nghĩ thế. Vậy bỏ Tả thị và Cốc Lương. Hồ Truyện cũng thôi không chép.

晉趙鞅帥師圍衛

TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ VI VỆ

TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN ĐEM QUÂN VÂY VỆ

Tả Thị - Triệu Ưởng vây Vệ, để báo lại việc Di Nghi. Xưa, Vệ Hầu, ở Hàn Thị, đánh tướng Ngọ coi đất Hàm Đan, đất Tấn, xây thành các biên giới tây bắc, rồi chiếm giữ. Đêm tới, dân tản mát trốn hết. Đến khi Tấn vây Vệ, tướng Ngọ lấy bảy mươi tên lính đến đóng cửa tây thành. Ngọ giết một người ở cửa tây thành và nói: Ta báo thù trận Hàn Thị. Thiệp Đà nói: Ông dũng đấy, nhưng giá tôi giữ cửa thì trong thành không dám mở cửa ra chiến. Rồi Thiệp Đà cũng lấy 70 bộ quân buổi sớm tới đóng gần cửa, tiến đến gần hai bên, rồi đứng sững lại. Từ sáng đến trưa, cửa đóng không dám mở. Thế là quân vây cửa rút lui.

Khi quân về, người Tấn có hỏi tại sao Vệ lại phản Tấn, mới biết rõ là nguyên nhân vì Thiệp Đà và Thành Hà. Thế là Tấn bắt Thiệp Đà để cầu hòa với Vệ. Người Vệ không chấp thuận.

Người Tấn giết Thiệp Đà. Còn Thành Hà thì trốn chạy sang nước Yên.

Người quân tử bàn: Thế mới biết, người đã bỏ lễ tất phải chịu tội. Kinh Thi có câu: Người mà vô lễ, sao không mau chết. Thiệp Đà thế là chết mau.

齊人來歸鄆讙龜陰田

TỀ NHÂN LAI QUY VẬN, HOAN, QUY ÂM ĐIỀN

NGƯỜI TỀ TRẢ LẠI LỖ RUỘNG CÁC XỨ VẬN, HOAN, QUY ÂM (VẤN DƯƠNG)

Công Thị - Tại sao Tề trả ruộng. Tại thấy Khổng Tử thay Quý Tôn coi việc chính nước Lỗ, mới ba tháng mà dân đã yên không trái phép.

叔孫州仇仲孫何忌帥師圍郈

THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ SUẤT SƯ VI HẬU

THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ ĐEM QUÂN VÂY ĐẤT HẬU

Tả Thị - Xưa, khi Thúc Tôn Thành Tử muốn lập Thúc Tôn Vũ Thúc nối dõi mình đứng đầu họ Thúc Tôn, thì có Công Nhược Miểu (trong họ) cố can ngăn, nói không được. Thành Tử cứ lập rồi chết. Công Nam sai một tên giặc bắn Công Nhược Miểu. Không trúng. Công Nam làm chức Tể của Vua Thúc, mới sai Công Nhược làm Tể ấp Hậu cũng thuộc về Vũ Thúc. Khi địa vị đã vững rồi, Vũ Thúc mới sai Hầu Phạm (giữ chức coi kị binh, xe và ngựa) giết Công Nhược. Không xong việc. Một phu dịch bàn: Tôi cầm gươm đi vào phủ. Công Nhược tất hỏi kiếm của ai, rồi muốn coi. Tôi nói kiếm của ông, rồi làm như ngu dốt, không biết lễ nghi, đưa đằng mũi. Thế là có thể giết được. Hầu Phạm cho là phải, sai cứ làm. Công Nhược bảo: Mày muốn coi tao như Ngô Vương có phải không. Thế là Công Nhược bị giết. Xong, Hầu Phạm

lấy dân đất Hậu làm phản. Vũ Thúc và Mạnh Ý Tử vây thành Hậu nhưng không lấy được.

秋叔孫州仇仲孫何忌帥師圍郈

THU, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, SUẤT SƯ VI HẬU

MÙA THU, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ ĐEM QUÂN VÂY ĐẤT HẬU

Tả Thị - Mùa thu, hai người, có quân Tề giúp, lại vây thành Hậu. Không được. Thúc Tôn bảo xứ Xích (ở đất Hậu là Trưởng dân thợ, như ngày nay gọi là chủ nghiệp đoàn) rằng: Không riêng một đất Hậu này làm cho một họ Thúc Tôn lo ngại. Mà còn là mối lo cho cả nước. Làm thế nào bây giờ. Tứ Xích đáp: Chức phận của tôi thu trong mấy chữ cuối bài Đường Phong Kinh Thi (mấy chữ là Xin tuân lệnh) Thúc Tôn vái, cám ơn.

Tứ Xích bảo Hầu Phạm rằng: Ở giữa khoảng hai nước Tề, Lỗ, mà không theo một trong hai nước thì không được. Tại sao ông không xin thuộc về Tề, ông coi dân dưới quyền chính Tề. Nếu không thế, dân sẽ phản đấy. Hầu Phạm nghe theo. Sứ Tề tới. Tứ Xích cùng người Hậu tuyên cáo với toàn dân rằng: Hầu Phạm đã đổi đất Hậu cho Tề lấy một đất khác, Tướng Tề sẽ thiên dân Hậu đi. Dân nghe sinh hoảng. Tứ Xích bảo Hầu Phạm rằng: Dân sinh biến rồi. Ông nên đổi Hậu lấy một ấp nước Tề, chứ ở đây dân sẽ giết đi. Ấp ở Tề đối với ông sẽ là một ấp Hậu mới, ông sẽ yên. Còn ở đây làm gì. Người Tề ở ấp Hậu để áp bức nước Lỗ, chắc phải đền cho ông một ấp tốt. Và cũng cần phải đặt nhiều áo giáp, chiến cụ ở cửa Dinh để phòng sự bất thường. Hầu Phạm xin vâng. Thế là xếp ngoài cửa chiến cụ, rồi cho người xin với Tề đổi ấp Hậu.

Tướng Tề tới xét. Khi thấy họ gần tới, Tứ Xích cho người đi các nơi hô lên rằng, quân đội Tề đã tới. Dân đất Hậu càng hoảng hốt. Rồi vây ở hai bên cửa nơi để chiến cụ. Tứ Xích sắp cho bắn họ, thì Hầu Phạm ngăn lại và nói thôi, nghĩ cách gì cho ta ra thoát. Hầu Phạm mới nói với bọn dân vây. Dân thuận

để cho đi khỏi. Tứ Xích đi trước tới đất Túc. Hầu Phạm đi sau cùng. Mỗi lần Tứ Xích cùng Hầu Phạm định ra một cửa, là dân đóng lại. Khi hai người đi đến ngoài quách, thì dân giữ lại nói: Các ông đem cả giáp cụ đi, quan Tư Mã hỏi đến, chúng tôi thần tử họ Thúc Tôn sẽ bị tội chết. Tứ Xích đáp, giáp cụ họ Thúc Tôn đều có dấu hiệu, chúng tôi có mang đi đâu. Hầu Phạm bảo Tứ Xích đứng lại đếm với họ. Tứ Xích đứng lại, giao cho người Lỗ. Hầu Phạm chạy trốn sang Tề. Tề Hầu giao đất Hậu cho người Lỗ.

Túc khi xưa là nước Túc. Năm đầu Ẩn Công. Công cùng nước Tống, thề ở Túc. Túc là đất đó.

Chu Tử - Đầu thời Xuân Thu, chỉ có các vua chư hầu lộng quyền. Rồi sau, đến các đại phu chuyên quyền. Rồi đến các bồi thần (gia thần họ to) y như thời nhà Đường bọn Trấn thủ Tiết độ sứ, rồi đến các hạng quan dưới, chức quan Khổng Mục, chức quan Ngu Hầu, giết Tiết độ sứ để cầm quyền.

Phu Tử giảng về việc Lễ Nhạc, chinh phạt phải từ Thiên Tử, thật là rõ ràng.

宋 樂 大 心 出 奔 曹

TỐNG NHẠC ĐẠI TÂM XUẤT BÔN TÀO.

NHẠC ĐẠI TÂM NƯỚC TỐNG CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TÀO.

宋 公 子 地 出 奔 陳

TỐNG CÔNG TỬ ĐỊA XUẤT BÔN TRẦN

CÔNG TỬ ĐỊA NƯỚC TỐNG CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Công Tử Địa nước Tống (em vua Tống đương thời là Cảnh Công) có người bế nhân (người được tin dùng, được chiều nể, vì nịnh khéo) là Cừ Phù Lạp. Gia sản mười một phần thì chia cho hắn năm phần. Công Tử có bốn con ngựa trắng. Hướng Đồi là bế nhân của Tống Công, muốn có ngựa. Công mới lấy rồi sơn đỏ đuôi và bờm, để cho Hướng. Địa giận lắm, sai đầy tớ đánh đập Đồi và lấy lại ngựa. Đồi sợ, sắp chạy trốn, Tống

Công ở trong cung, thương xót Đồi, khóc đến sưng cả hai mắt. Em cùng mẹ với Địa, là Thìn, bảo Địa rằng: "Công Tử cho Lạp một nửa gia tài, mà lại làm nhục Đồi. Thế là thiên vị. Công Tử nên kính vua. Xin đi ra khỏi cõi, chắc vua cho gọi lại". Công Tử Địa nghe lời, bỏ Tống tới Trần. Vua Tống không giữ.

冬齊侯衛侯鄭游速會于安甫

ĐÔNG, TỀ HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH DU TỐC HỘI VU AN PHỦ

MÙA ĐÔNG, TỀ HẦU, VỆ HẦU, TRỊNH DU TỐC, HỘI Ở ĐẤT AN PHỦ

叔孫州仇如齊

THÚC TÔN CHÂU CỪU NHƯ TỀ

THÚC TÔN CHÂU CỪU ĐI SANG TỀ

Tả Thị - Vũ Thúc tới lễ sính nước Tề (tạ ơn việc Tề cho Lỗ đất Hậu). Tề Hầu thết tiệc nói: "Thúc Tôn Tử, ví như ấp Hậu ở phía khác, thì quả nhân có biết đâu tới. Chỉ vì ở giáp Tề, nên mới dám giúp và chia lo với nhà vua". Vũ Thúc đáp: "Quả quân tôi đâu có dám mong. Chỉ vì là muốn cho giữ đạo thờ vua, giữ gìn bờ cõi đất nước, chứ đâu dám vì một kẻ người nhà làm phản, mà dám làm phiền đến các quan bên quý quốc. Hạng phản thần đó, thiên hạ đều ghét. Thưa ngài, chắc không phải là chỉ vì quả quân tôi mà ngài cho ấp Hậu".

Đỗ Dự - Đây là tạ ơn Tề cho ấp Hậu. Tề thì lấy việc ấp Hậu để được lòng Thúc Tôn. Mà Thúc Tôn thì lấy nghĩa trừ ác, chứ không bảo là cho vua Lỗ một ơn riêng.

宋公之弟辰忌仲佗石彄出奔陳

TỐNG CÔNG CHI ĐỆ THÌN, KỊ TRỌNG ĐÀ, THẠCH KHU, XUẤT BÔN TRẦN

EM TỐNG CÔNG TÊN LÀ THÌN, CÙNG CÁC ĐẠI PHU TRỌNG ĐÀ, THẠCH KHU, CHẠY SANG TRẦN

Tả Thị - Vì Công Tử Địa, Thìn xin với Tống Công. Công không nghe. Thìn nói "Thế là tôi đã dối anh tôi. Nếu tôi cùng người trong nước cùng bỏ đi, thì vua ở với ai". Mùa đông, Thìn là em vua Tống, ra đi, tới ở nước .Trần.

Lưu Sưởng - Họ Đỗ bảo chép chữ em là để biểu hiện đứng đầu việc bậy. Nay xét năm đầu Lỗ Ẩn Công, Đoàn không đáng là em, cho nên không chép chữ em. Thế thì Thìn cũng không đáng là em, nên cũng không chép là em. Vậy sao lại nói trái lại: chép em để rõ đứng đầu việc bậy. Đoàn mà không chép là em, thì không phải là đứng đầu việc bậy hay sao. Hà Hưu thì bàn rằng: Thìn mà chép cùng (cùng Trọng Đà) thì rõ rệt Trọng Đà, Thạch Khu cưỡng ép cùng trốn. Bàn thế sai. Cứ như Hưu nói, thì tội của Thìn là nhẹ. Thế thì sao lại kể đầu tiên, và sao năm sau, vào đất Tiêu mà chép là với (với Trọng Đà...).

Năm Nhâm Thìn. Vua Kính Vương. Năm thứ 21.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Định, năm thứ 13. Tề Cảnh, năm thứ 49. Vệ Linh, năm thứ 36. Sái Chiêu, năm thứ 20. Trịnh Thanh, năm thứ 2. Tào Dương, năm thứ 3. Trần Mẫn, năm thứ 3. Kỉ Hi, năm thứ 7. Tống Cảnh, năm thứ 18. Tần Huệ, năm thứ 2. Sở Chiêu, năm thứ 17. Ngô Hạp .Lư, năm thứ 16.

春宋公之弟辰及仲佗石彄公子地自陳入于蕭以叛

XUÂN, TỐNG CÔNG CHI ĐỆ, THÌN, CẬP TRỌNG ĐÀ, THẠCH KHU, CÔNG TỬ ĐỊA, TỰ TRẦN NHẬP VU TIÊU DĨ BẠN

MÙA XUÂN, EM TỐNG CÔNG LÀ THÌN, VỚI TRỌNG ĐÀ, THẠCH KHU, CÔNG TỬ ĐỊA, TỪ NƯỚC TRẦN VÀO ĐẤT TIÊU, LẤY DÂN LÀM PHẢN. TIÊU LÀ ẤP NƯỚC TỐNG

Cốc Thị - Em Tống Công là Thìn, chưa mất ngôi thứ là em. Với Trọng Đà, Thạch Khu, Công Tử Địa, chép từ tôn đến ty. "Từ nước Trần" là Trần có giúp. Vào đất Tiêu, lấy dân làm phản. Dùng chữ vào là ý người Tiêu không chịu. "Lấy", tức là không thể lấy được. "Làm phản" chính thực là thế.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo rằng Thìn chưa mất địa vị là em. Bảo thế sai. Công Tử thì không có bỏ nước mà đi. Thìn thì bỏ cả người thân chạy trốn họp đảng làm loạn, bảo rằng chưa mất hẳn địa vị làm em, có nghe được không.

Xét - "Từ nước Trần vào đất Tiêu". Ý của Thìn là cốt làm phản, mà Trọng, Thạch cùng với Địa là theo Thìn đó thôi. Cho nên Kinh chép chữ cập: với Hồ Truyện lấy việc không dùng chữ kị: cùng, mà dùng chữ cập: với, Hồ Truyện đoán là để khác biệt đầu đảng và a tòng. Kinh không có cái lệ ấy đâu.

夏 四 月

HẠ, TỨ NGUYỆT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ

秋 宋 樂 大 心 自 曹 入 于 蕭

THU, TỐNG NHẠC ĐẠI TÂM TỰ TÀO NHẬP VU TIÊU

MÙA THU, NHẠC ĐẠI TÂM NƯỚC TỐNG, TỪ NƯỚC TÀO VÀO ĐẤT TIÊU

Tả Thị - Mùa xuân, em cùng mẹ của Tống Công là Thìn, cùng với Trọng Đà, Thạch Khu, Công Tử Địa, vào đất Tiêu để làm phản. Mùa thu, Nhạc Đại Tâm đi theo, làm cho Tống rất lo ngại, chỉ vì việc ưa chuộng Hướng Đồi.

Đỗ Dự - Vào đất Tiêu đi theo người làm phản. Không cần chép chữ làm phản, cũng đã rõ.

冬 及 鄭 平 叔 還 如 鄭 蒞 盟

ĐÔNG, CẬP TRỊNH BÌNH THÚC HOÀN NHƯ TRỊNH LỊ MINH

MÙA ĐÔNG, LỖ VỚI TRỊNH HÒA THÚC HOÀN SANG TRỊNH DỰ LỄ THỀ

Tả Thị - Mùa đông, Lỗ cùng với Trịnh hòa. Thế là bắt đầu phản Tấn.

Trần Phó Lương - Chép là lần lượt cùng hòa, để ghi việc chư hầu hòa hợp cùng Bá chủ. Chép là với Trịnh hòa, để ghi việc chư hầu tan, rời Bá chủ. Thế là Xuân Thu chép có thủy chung, đầu đuôi.

Gia Huyền Ông - Từ đời Văn Công làm Bá chủ, Lỗ vẫn thờ Tấn. Trong thời gian đó, có các việc Sở, Tề, nhưng Lỗ chưa dám đương nhiên tuyệt với Tấn. Năm trước cùng Tề hòa, năm nay lại cùng Trịnh hòa. Đã bội nước Tấn, thế tất muốn được

yên phải kết phe đảng.

Năm Quý Mão. Vua Kính Vương. Năm thứ 22.

十有二年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Định, năm thứ 14. Tề Cảnh, năm thứ 50. Vệ Linh, năm thứ 37. Sái Chiêu, năm thứ 21. Trịnh Thanh, năm thứ 3. Tào Dương, năm thứ 4. Trần Mẫn, năm thứ 4. Kỉ Hi, năm thứ 8. Tống Cảnh, năm thứ 19. Tần Huệ, năm thứ 3. Sở Chiêu, năm thứ 18. Ngô Hạp Lư, năm thứ 17.

春薛伯定卒

XUÂN, TIẾT BÁ ĐỊNH TỐT

MÙA XUÂN, TIẾT BÁ ĐỊNH MẤT

夏葬薛襄公

HẠ, TÁNG TIẾT TƯƠNG CÔNG

MÙA HẠ, TÁNG TIẾT TƯƠNG CÔNG

叔孫州仇帥師墮郈

THÚC TÔN CHÂU CỪU SUẤT SƯ ĐỌA HẬU

THÚC TÔN CHÂU CỪU ĐEM QUÂN PHÁ HỦY THÀNH ẤP HẬU

Cốc Thị - Đọa, hủy, cũng như là chiếm lấy.

Tôn Giác - Thời đó, bọn Tam Hoàn, ba nhà Quý tộc nước Lỗ, ấp đều có xây thành để lấy thế mạnh. Gia thần nhân đó làm phản. Nay phá hủy đi.

衛公孟彄帥師伐曹

VỆ, CÔNG MẠNH KHU SUẤT SƯ PHẠT TÀO

CÔNG MẠNH KHU NƯỚC VỆ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TÀO

Tả Thị - Mùa hạ, Công Mạnh Khu nước Vệ đánh nước Tào, lấy đất Giao. Khi quân đội kéo về, Hoạt La được coi Hậu quân. Chưa ra khỏi đất Tào, Hoạt La cứ ở trong đám Trung quân. Viên đánh xe nói: Coi Hậu quân mà cứ ở giữa Trung quân, e như là thiếu dũng. Hoạt La đáp: Ta làm như thiếu can đảm còn hơn vênh vang ta đây.

季孫斯仲孫何忌帥師墮費

QUÝ TÔN TƯ, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, SUẤT SƯ ĐỌA PHÍ

QUÝ TÔN TƯ VÀ TRỌNG TÔN HÀ KỊ ĐEM QUÂN PHÁ HỦY THÀNH PHÍ

Tả Thị - Trọng Do, học trò Khổng Tử làm Tể cho nhà họ Quý, muốn hủy bỏ thành quách đô của ba họ. Thế là Thúc Tôn (tên là Vũ Thúc Châu Cừu), hủy ấp Hậu. Họ Quý Tôn muốn hủy ấp Phí, nhưng Công Sơn Bất Nữu, Tể ấp Phí và Thúc Tôn Chiếp (thù với Vũ Thúc) dẫn đầu dân Phí vây quốc đô Lỗ. Lỗ Công phải tới dinh Quý Tôn với chủ ba nhà: Quý Tôn, Thúc Tôn, Mạnh Tôn. Công lên trên đài của Vũ Tử. Dân Phí đánh vào đài, nhưng không chiếm nổi. Chúng tới gần được Công. Khổng Tử khi ấy giữ chức Tư Khấu, ra lệnh cho Thân Câu Tu và Nhạc Khẩn xuống đài đánh giặc. Người Phí chạy. Dân quốc đô đuổi theo, đánh được tại đất Cô Miệt. Hai người Bất Nữu, và Chiếp chạy trốn sang nước Tề. Thành lũy Phí được phá hủy. (Cô Miệt là đất nước Lỗ, Ẩn Công năm đầu có lễ thề ở đó).

Công Thị - Thế nào là đem quân hủy bỏ thành Hậu, đem quân hủy bỏ thành Phí. Khổng Tử thi hành từ họ Quý Tôn. Ba tháng, dân theo lệnh, không trái phép. Nhà tư, không chứa đồ giáp binh. Ấp không được xây thành tới trăm trĩ. Thế là đem quân phá hủy các ấp Hậu, Phí. Trĩ là một con số đo. Một trượng, 10 thước là một bản. Năm bản là một đổ. Năm đổ là một trĩ.

秋 大 雩

THU, ĐẠI VU

MÙA THU, TẾ ĐẠI VU, CẦU MƯA

冬 十 月 癸 亥 公 會 齊 侯 盟 于 黃

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ HỢI CÔNG HỘI TỀ HẦU MINH VU HOÀNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, NGÀY QUÝ HỢI, CÔNG HỘI VỚI TỀ HẦU LỄ THỀ Ở ĐẤT HOÀNG

Trương Trị - Hoàng là đất nước Tề. Công Dương viết nhầm chữ Tề Hầu ra chữ Tấn Hầu.

Quý Bản - Việc thề ở đất Hoàng. Tề với Lỗ hòa hợp. Nhân có Khổng Tử được dùng tại nước Lỗ, việc chính được thi hành, cho nên cảm hóa được Tề. Tuy nhiên, Tề nghi sợ, và ý muốn ngăn trở, phá hoại. Sau việc hội thề, có việc biếu Lỗ bọn nữ nhạc.

十 有 一 月 丙 寅 朔 日 有 食 之

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, BÍNH DẦN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 11, NGÀY BÍNH DẦN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

公 至 自 黃

CÔNG CHÍ TỰ HOÀNG

LỖ CÔNG TỰ ĐẤT HOÀNG VỀ

十有二月公圍成公至自圍成

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CÔNG VI THÀNH CÔNG CHÍ TỰ VI THÀNH

THÁNG 12, LỖ CÔNG VÂY ẤP THÀNH CÔNG TỰ VÂY THÀNH TRỞ VỀ

Tả Thị - Khi sắp phá hủy thành Thành, Công Liễm Xử Phủ bảo Mạnh Tôn rằng: Phá thành lũy xong, thì quân nước Tề sẽ kéo đến Bắc Môn nước Lỗ. Vả lại Thành là giữ cho họ Mạnh Tôn, không có thành Thành thì Mạnh Tôn không còn nữa. Xin ngài làm như không nghe lệnh gì, để tôi ngơ đi không phá. Mùa đông, tháng 12, Lỗ Công vây Thành mà không lấy được.

Cốc Lương - Không phải một nước mà chép chữ vây. Vây Thành là việc lớn mà khó. Chép cả câu: Từ Thành trở về, là việc có tính nguy, nguy vì giáp giới nước Tề.

Uông Khắc Khoan - Cốc Lương bảo rằng vây Thành là việc to mà khó. Xét, vua một nước nghìn cỗ xe, thân chinh một ấp, thì có gì là việc to mà khó. Cốc Lương lại cho là nguy vì giáp giới nước Tề. Thời đó hội Giáp Cốc vừa xong, hội thề đất Hoàng vừa xong, Tề Lỗ hòa hảo, có gì là nguy. Nguy là ở nơi Lỗ Định Công bị một bồi thần (bầy tôi của một đại phu) dám ngăn trở làm nhục, phải trở về, mà còn là may.

Năm Giáp Thìn. Vua Kính Vương. Năm thứ 23.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Định, năm thứ 15. Tề Cảnh, năm thứ 51. Vệ Linh, năm thứ 38. Sái Chiêu, năm thứ 22. Trịnh Thanh, năm thứ 4, Tào Dương, năm thứ 5. Trần Mẫn, năm thứ 5. Kỉ Hi, năm thứ 9. Tống Cảnh, năm thứ 20. Tần Huệ, năm thứ 4. Sở Chiêu, năm thứ 19. Ngô Hạp Lư, năm thứ 18.

春齊侯衛侯次于垂葭

XUÂN, TỀ HẦU, VỆ HẦU THỨ VU THÙY HÀ

MÙA XUÂN, TỀ HẦU, VỆ HẦU, DỪNG QUÂN TẠI ĐẤT THÙY HÀ

Tả Thị - Năm thứ 13. Mùa xuân, Tề Hầu, Vệ Hầu dừng quân tại Thùy Hà tức là đất Cức thị. Sai quân đội đánh nước Tấn. Khi sắp qua sông Hà, các đại phu can không nên đánh. Riêng Bính Ý Tư nói: Nên đánh. Ta lấy khinh binh đánh Hà Nội. Tin mà về tới quốc đô Tấn là Giáng thì phải sau ba tháng, quân Tấn mới tới được Hà. Ta đủ thì giờ để trở lại qua sông. Thế là đánh đất Hà Nội. Tề Hầu giận các đại phu nào đã can không muốn đánh, tước quyền được dùng xe huy hiệu đại phu, trừ một mình Bính Ý Tư. Tề Hầu muốn cùng ngồi xe với Vệ Hầu, mới mời Vệ Hầu ăn tiệc. Tiệc xong, bảo sửa soạn chiếc chiến xa có đủ giáp cụ, cho loan tin là quân đội Tấn tới, rồi nói vua Vệ. Xe ngài chưa sửa soạn, xin hãy cùng lên xe tôi. Thế là mặc giáp lên xe với vua Vệ, ra roi cho ngựa chạy. Có tin báo, quân Tấn không tới. Bấy giờ mới dừng xe.

Cức Thị là đất Thùy Hà, về sau đổi tên.

夏築蛇淵囿

HẠ, TRÚC XÀ UYÊN HỰU

MÙA HẠ, XÂY TƯỜNG QUANH VƯỜN XÀ UYÊN

Lí Liêm - Việc này cùng một loại với việc nhận bọn nữ nhạc. Vua tôi Định Công cho là người Tề đã phục, các ấp họ Quý tộc đã phá hủy, quốc gia nay không còn việc gì phải lo ngại, có thể đàn hát. Nhất định không còn Phu Tử giữ quyền chính nữa.

大蒐于比蒲

ĐẠI SƯU VU TÌ BỒ

CÓ CUỘC SĂN LỚN Ở ĐẤT TÌ BỒ

Triệu Dữ Quyền - Trong nước, quân đội chia ra ba nhà.

Mở cuộc săn, để củng cố địa vị. Đã không phải mùa, lại không phải vì việc chính trị. Không đáng bàn.

衛公孟彄帥師伐曹

VỆ, CÔNG MẠNH KHU SUẤT SƯ PHẠT TÀO

CÔNG MẠNH KHU NƯỚC VỆ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TÀO

Cao Kháng - Vệ riêng phạt Tào, vì cớ Tào không phản Tấn. Linh Công chí toàn ở quân đội, mà không dùng lễ trong việc chính trị, cho nên chiến luôn như thế.

秋晉趙鞅入于晉陽以叛

THU, TẤN TRIỆU ƯỞNG NHẬP VU TẤN DƯƠNG DĨ BẠN

MÙA THU, TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN VÀO TẤN DƯƠNG ĐỂ PHẢN

Tả Thị - Triệu Ưởng nước Tấn bảo Triệu Ngọ trấn thủ đất Hàm Đan rằng: "Cho tôi 500 nhà mà Vệ Hầu đã nhường tôi, mà tôi đã cho ở Hàm Đan (Định Công, năm thứ 10). Tôi sẽ cho dời đến Tấn Dương". Ngọ bằng lòng. Khi về tới nhà, Ngọ nói chuyện với người nhà hạng lão thành. Bọn ấy đều bảo không được. Chỉ vì các nhà ấy mà Vệ còn thân với Hàm Đan. Nếu cho họ dời đi Hàm Dương, thế là tuyệt với Vệ. Ông không gì bằng nay xâm Tề, rồi cũng sẽ tìm cách di dân đến Tấn Dương. Ngọ nghe theo. Đánh Tề. Quân Tề tới. Ngọ lấy cớ cho dân tránh giặc, cho dời đến Tấn Dương. Triệu Mạnh (Ưởng) giận vì Ngọ tự chuyên đánh Tề, cho gọi Ngọ đến, bắt giam tại Tấn Dương. Rồi ra lệnh cho tùy tùng của Ngọ trước khi vào thành phải bỏ kiếm lại. Thiệp Tân không chịu. Triệu Ưởng cho bảo dân Hàm Đan biết rằng: Ta đã có cớ riêng giết Ngọ. Các người tùy chọn trong nhà hắn người nối dõi hắn. Thế là giết Ngọ. (Nhà Ngọ là một chi họ Triệu Ưởng).

Con Triệu Ngọ là Triệu Tắc và Thiệp Tân lấy dân Hàm Đan

làm phản. Mùa hạ, tháng sáu, Tịch, tướng đạo Thượng quân nước Tấn, đến vây Hàm Đan. Ngọ (tướng Hàm Đan) vốn là cháu gọi Tuân Dần bằng cậu, con Dần lấy con gái Phạm Cát Xạ. Xuân Dần và Phạm Cát Xạ đều thân với Triệu Tắc. Cho nên không dự vào việc vây Hàm Đan. Khi Triệu Tắc và Thiệp Tân muốn chống lại Triệu Ưởng thì tướng của Triệu Ưởng là Đổng An Vu biết mưu, cáo với chủ để liệu trước. Triệu Mạnh nói: Nước Tấn có luật, ai dấy loạn đầu tiên thì chịu tử hình. Người thứ hai có thể khỏi tội. Am Vu nói: Tránh hại cho dân, tôi xin một mình chịu tội. Xin đánh. Nhà vua sau có hỏi, xin nói là tại tôi, là tội tôi. Triệu Mạnh không nghe. Mùa thu, tháng bảy. Phạm Thị (Phạm Cát Xa), Trung Hàng Thị (Tuân Dần) đánh vào phủ Triệu Mạnh. Triệu Mạnh chạy trốn tới Tấn Dương. Người Tấn vây Mạnh.

Cốc Thị - Chép chữ lấy, chữ để, để phản. Không phải thế. Chính là tự mình phản.

冬 晉 荀 寅 士 吉 射 入 于 朝 歌 以 叛

ĐÔNG, TẤN TUÂN DẦN, SĨ CÁT XẠ NHẬP VU TRIỀU CA DĨ BẠN

MÙA ĐÔNG, TẤN TUÂN DẦN, SĨ CÁT XẠ VÀO THÀNH TRIỀU CA ĐỂ PHẢN

Tả Thị - Phạm Cao Di không được Phạm Cát Xạ ưa, mới định gây loạn chống đối Phạm Cát Xạ. Lương Anh Phủ là bế nhân (người được yêu) của Tri Văn Tử (Tuân Lịch). Tri Văn Tử ý muốn cho Lương Anh Phủ chức Khanh. Hàn Giản Tử với Trung Hàng Văn Tử (Tuân Dần) là thù địch. Ngụy Tương Tử cũng là thù với Phạm Chiêu Tử (Sĩ Cát Xạ). Năm tướng: Phạm Cao Di, Lương Anh Phủ, Tri Văn Tử, Hàn Giản Tử, Ngụy Tương Tử, mưu với nhau để đuổi Tuân Dần, lấy Lương Anh Phủ thay; đuổi Phạm Cát Xạ, lấy Phạm Cao Di thay. Tuân Lịch nói với vua Tấn. Vua đã có mệnh rằng: Phàm bầy tôi, ai gây loạn trước là chịu tội chết, khoán ước được ném xuống Hoàng Hà để thần linh chứng minh. Nay ba đại phu gây loạn đầu tiên: Triệu Ưởng, Phạm Cát

Xạ, Tuân Dần. Một mình Triệu Ưởng đã bị đuổi, còn sót lại, xin đuổi nốt. Mùa đông tháng 11, Tuân Lịch, Hàn Bất Tín (Hàn Giản Tử), Ngụy Man Đa (Tương Tử) mời vua Tấn đi đánh nhà Phạm thị (Cát Xạ) và Trung Hàng Tử (Tuân Dần). Đánh không được. Hai tướng Cát Xạ và Tuân Dần sửa soạn đánh vào cung. Cao Cương (người Tề trốn sang Tấn) mới bảo hai người rằng: Thấy tay gãy đến ba lần mà chữa được là lương y (ý nói tôi đã từng trải). Đừng nên đánh ngay vua. Dân sẽ không theo cùng. Chỉ vì đánh vua Tề nên tôi phải ở đây. Ba nhà: Triệu, Hàn, Ngụy không hòa. Thế thì có thể đánh đổ cả được. Lúc đó, vua còn trông nhờ vào ai. Nếu như các ông đánh vua trước tiên, thì ba nhà đoàn kết ngay. Hai người không nghe lời khuyên, cứ đánh vào cung. Người trong nước giúp vua. Hai người thua. Dân đuổi theo đánh luôn vào nơi ở. Ngày Đinh Mùi, Tuân Dần và Sĩ Cát Xạ chạy trốn tới Triều Ca.

晉 趙 鞅 歸 于 晉

TẤN TRIỆU ƯỞNG QUY VU TẤN

TẤN TRIỆU ƯỞNG TRỞ VỀ NƯỚC TẤN

Tả Thị - Hàn và Ngụy xin vua cho họ Triệu. Tháng 12, ngày Tân Mùi Triệu Ưởng vào thành, làm lễ thề ở triều vua Tấn.

Công Thị - Đã là phản, sao lại chép chữ trở về. Vì lấy ấp mình để sửa lại nước. Tấn Triệu Ưởng lấy giáp binh ở Tấn Dương để đuổi Tuân Dần cùng Sĩ Cát Xạ. Dần và Xạ là hai người đáng ghét ở cạnh vua. Đuổi người ác bên cạnh vua, sao lại gọi là phản. Là vì không có mệnh của vua mà tự làm.

Cốc Thị - Đã là phản bạn sao lại dùng chữ trở về. Là vì đem ấp trở về, thế là lợi to. Dù không có lợi to, cũng cho được hối cải. Đã cho được hối cải, sao lại gọi là phản bạn. Là vì lấy ấp để chính đốn việc nước mà khi không được mệnh vua.

Triệu Khuông - Công Dương thì bảo lấy ấp chính lại nước. Căn cứ vào lễ, bầy tôi không chuyên quyền dùng ấp để giấu đồ binh khí. Nay muốn dùng ấp riêng mạnh để sửa chính trị cả nước, thế tức là ngọn to mà gốc nhỏ, thế tức là gạt vua mà nâng

bầy tôi lên. Có nên thế không. Vả lại sự thực chỉ là chống Phạm Trung Hàng thôi. Thế mà bảo là sửa chính trị trong nước. Nói thế là bậy. Công Dương lại còn bảo rằng lấy giáp binh Tấn Dương để đuổi gian thần bên cạnh vua, nhưng không có mệnh vua cho nên chép là phản bạn. Nếu không có mệnh vua, thế là vua đồng tâm với Phạm Trung Hàng vậy. Thế mà đem quân đánh tức là loạn nghịch. Mà dùng chữ trở về để khen thì thực là dạy cho người làm nghịch loạn. Còn Cốc Lương thì cho rằng quý việc đem đất trở về. Há có thân về mà đất không về được đâu. Bàn thế là chỉ trông thấy gần thôi. Cốc lại còn bảo là vào không có mệnh vua. Thế thì không có mệnh vua sao lại vào được. Ví như vua không cự lại, mà cứ tự vào, thì cái gian ác rõ ngay, còn chép chữ về thế nào được.

Xét - Làm bầy tôi, không tội nào bằng tội phản bạn. Xuân Thu tất phải chê trừ. Triệu Ưởng chuyên quyền trong ấp mình, để làm phản, kết với họ Hàn, họ Ngụy để áp bức vua. Rồi lại vào Tấn. Thánh nhân chép việc để mà chê Tấn Hầu đã không thi hành hình pháp, mà ba vị Khanh, rồi sau chia nước Tấn, cái họa đó, nguyên thủy ở đây. Công Thị Cốc Thị, không xét, bảo là Triệu Ưởng lấy ấp mà sửa lại nước. Lục Thuần thì bàn rằng: không phải là phản vua, Tôn Phục thì bàn là việc đó theo phép vua (vương pháp) được xá. Lưu Sưởng thì bàn: việc rõ là trung nghĩa. Các lời bàn bậy bạ liên tiếp như thế không đủ dạy người. Nay bỏ cả.

薛 弒 其 君 比

TIẾT THÍ KÌ QUÂN TỈ

NƯỚC TIẾT GIẾT VUA LÀ TỈ

Phụ lục Tả Truyện - Xưa, Công Thúc Văn Tử nước Vệ vào chầu, rồi mời vua tới dự tiệc ở nhà (vua Linh Công). Ở triều đi ra, gặp Sử Thu (quan coi sử, tên là Thu) nói chuyện. Sử Thu bảo: Ngài sẽ bị tai họa đến nơi. Ngài giàu mà vua thì tham. Thế nào ngài cũng bị kết tội. Văn Tử nói: "Vâng. Tôi không bàn với ông trước. Vua đã hứa tới. Bây giờ làm thế nào". Sử Thu nói: "Không sao. Cứ giữ phận bầy tôi thì khỏi tai họa. Giàu

mà vẫn nhớ là bầy tôi, thì tránh được nạn. Đó là luật chung cho kẻ trên lẫn người dưới. Nhưng Thú (con ngài) tính kiêu, rồi đi đến chỗ chết. Giàu mà không kiêu thì ít có lắm, tôi chỉ thấy có ngài thôi. Kiêu mà không chết thì chưa từng thấy có. Thú là vào hạng đi đến chết". Sau khi Văn Tử chết, Vệ Linh Công ghét Công Thúc Thú, vì Thú giàu. Thú lại muốn triệt đảng của Phu nhân (vợ vua). Phu nhân mới buộc cho tội là sắp làm loạn.

Năm Ất Tị. Vua Kính Vương, năm thứ 24.

十有四年
THẬP HỮU TỨ NIÊN
NĂM THỨ 14

Tấn Định, năm thứ 16. Tề Cảnh, năm thứ 52. Vệ Linh, năm thứ 39. Sái Chiêu, năm thứ 23. Trịnh Thanh, năm thứ 5. Tào Dương, năm thứ 6. Trần Mẫu, năm thứ 6. Kỉ Hi, năm thứ 10. Tống Cảnh, năm thứ 21. Tần Huệ, năm thứ 5. Sở Chiêu, năm thứ 20. Ngộ Hạp Lư, năm thứ 19.

春衛公叔戍來奔衛趙陽出奔宋
XUÂN, VỆ, CÔNG THÚC THÚ LAI BÔN VỆ TRIỆU DƯƠNG XUẤT BÔN TỐNG
MÙA XUÂN, CÔNG THỨC THÚ NƯỚC VỆ TRỐN TỚI LỖ TRIỆU DƯƠNG NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 14, mùa xuân, Vệ Hầu đuổi Công Thúc Thú, cùng với phe đảng. Cho nên, Triệu Dương (phe Thú) trốn sang Tống. Thú sang Lỗ.

Phụ lục Tả Truyện - Lương Anh Phủ ghét Đổng An Vu (Tể của họ Triệu). Nói với Tri Văn Tử rằng: "Nếu ngài không giết An Vu, cứ để An Vu cầm quyền ở họ Triệu, thì họ Triệu tất làm chủ nước Tấn. Trước khi hắn khởi loạn, sao không bảo họ Triệu trị hắn đi". Văn Tử mới sai nói cho Triệu Mạnh (Ưởng) biết rằng: "Họ Phạm, họ Trung Hàng, tiếng là làm loạn, nhưng

gây loạn là tự An Vu. An Vu đã cùng mưu. Nước Tấn có luật, ai khởi đầu loạn, là bị tội chết. Hai người, Phạm Cát Xạ và Trung Hàng Tuân Dần đã bị tội. Tôi xin nhắc ông luật đó". Triệu Mạnh lo lắm. An Vu nói: "Tôi chết mà nước Tấn được yên, thì tôi sống làm gì. Tôi chết thế là chậm". Thế rồi An Vu tự thắt cổ chết. Triệu Mạnh cho đem xác bày ra chợ, và cáo với Tri Thi (Tuân Lịch) rằng: "Theo mệnh chủ giết người có tội, An Vu đã phục tội rồi, xin trình báo". Tri Bá (Tuân Lịch) mới cùng thề với Triệu Mạnh. Họ Triệu được yên, rồi cho An Vu được thờ ở miếu họ Triệu.

二 月 辛 巳 楚 公 子 結 陳 公 孫 佗 人
帥 師 滅 頓 以 頓 子 牂 歸

NHỊ NGUYỆT, TÂN TỊ, SỞ CÔNG TỬ KẾT, TRẦN, CÔNG TÔN ĐÀ NHÂN, SUẤT SƯ DIỆT ĐỐN, DĨ ĐỐN TỬ TƯỜNG QUY

THÁNG HAI, NGÀY TÂN TỊ, CÔNG TỬ KẾT NƯỚC SỞ, CÔNG TÔN ĐÀ NHÂN NƯỚC TRẦN, CẦM QUÂN DIỆT NƯỚC ĐỐN, ĐEM VUA ĐỐN VỀ

Tả Thị - Đốn Tử, Tường, muốn theo Tấn, bội Sở, mà tuyệt Trần. Tháng hai, Sở diệt Đốn.

Gia Huyền Ông - Nước Sở đến nay vẫn im hơi kín tiếng, chư hầu không theo. Trần thì rất thân Sở, rồi theo Sở. Xuân Thu chép Sở Kết và Trần Đà Nhân, hợp binh diệt nước Đốn, tức là trị tội Sở và buộc tội Trần.

夏 衛 北 宮 結 來 奔

HẠ, VỆ BẮC CUNG KẾT LAI BÔN

MÙA HẠ, BẮC CUNG KẾT NƯỚC VỆ TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Bắc Cung Kết nước Vệ trốn tới, la vì Công Thúc Thú.

五 月 於 越 敗 吳 于 檇 李 吳 子 光 卒

NGŨ NGUYỆT, Ư VIỆT BẠI NGÔ VU TÚY LÍ NGÔ TỬ QUANG TỐT

THÁNG NĂM, NƯỚC VIỆT ĐÁNH CHO NƯỚC NGÔ THUA, TẠI ĐẤT TÚY LÍ. VUA NƯỚC NGÔ LÀ QUANG MẤT

(Ư Việt là nước Việt. Con thứ vua Đế Thiếu Khang được phong ở đất Cối Kê). (Túy Lí ở Ngô).

Tả Thị - Ngô đánh Việt. Việt Tử (vua Việt) là Câu Tiễn chống lại. Hai bên bày trận ở đất Túy Lí. Câu Tiễn lo quân Ngô hàng trận tề chỉnh, sai bọn Tử sĩ (cảm tử) xông ra để cho bị bắt. Quân đội Ngô không nao núng. Câu Tiễn mới cho ba hàng tội nhân, đeo gươm vào cổ ra trước quân Ngô nói: Hai vua có việc, chúng tôi trót phạm vào quân luật, đã chậm tiến, không dám trốn tội. Xin chịu chết. Thế là bọn đó tự cắt cổ. Quân Ngô đang mãi giương mắt nhìn, thì quân Việt ập đến, đánh quân Ngô thua. Linh Cô Phu cầm giáo đâm Hạp Lư bị thương ở ngón chân cái, và mất chiếc giày. Hạp Lư khi về đến Hình, cách Túy Lí bảy dặm thì chết. Phù Sai, con, nối ngôi, làm vua Ngô, sai một người, đứng ở sân, đợi khi Phù Sai ra, vào trong điện, cứ nhắc: Phù Sai, vua Việt giết cha ngươi, ngươi quên rồi ư. Phù Sai mỗi bận, trả lời: Dạ, tôi đâu dám quên. Cứ thế trong ba năm. Phù Sai báo được thù.

公 會 齊 侯 衛 侯 于 牽

CÔNG HỘI TỀ HẦU, VỆ HẦU VU KHIÊN

LỖ CÔNG HỘI TỀ HẦU, VỆ HẦU TẠI ĐẤT KHIÊN

Tả Thị - Quân Tấn vây Triều Ca. Lỗ Công hội với Tề Hầu, Vệ Hầu tại khoảng giữa đất Tì và đất Thượng Lương, bàn việc cứu họ Phạm và họ Trung Hàng. Tích Thành Phụ, và Tiểu Vương Đào Giáp (hai tướng Tấn về phe Phạm và Trung Hàng) chỉ huy đạo quân Địch tới vây quốc đô Giáng nước Tấn. Nhưng không thắng. Rút lui. Sĩ Phụ (Tích Thành Phụ) chạy sang nhà Chu.

Tiểu Vương Đào Giáp chạy vào thành triều Ca. Khoảng giữa các đất Tì và Thượng Lương là đất Khiên.

公至自會
CÔNG CHÍ TỰ HỘI
LỖ CÔNG TỪ HỘI VỀ

秋齊侯宋公會于洮
THU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG HỘI VU THAO
MÙA THU, TỀ HẦU, TỐNG CÔNG HỘI TẠI ĐẤT THAO

Tả Thị - Mùa thu, Tề Hầu, Tống Công hội tại đất Thao là vì họ Phạm.

Xét - Thời đó, nước Vệ có nạn Công Thúc Thú, Tống có nạn Công Tử Thìn. Tề Cảnh đã không biết giúp hai nước cho yên loạn, lại đi hội họp mưu mô giúp bọn phản loạn của Tấn. Vệ và Tống đã không hay trị được bọn phản thần, mà chỉ biết theo Tề. Tất cả đều không phải.

天王使石尚來歸脤
THIÊN VƯƠNG SỬ THẠCH THƯỢNG LAI QUY THẦN
THIÊN TỬ SAI THẠCH THƯỢNG ĐƯA TỚI LỖ PHẦN THỊT TẾ

(Giao hiếu Lỗ và Chu chỉ còn có thế. Chữ Thiên Vương cũng chỉ còn chép lần này).

Công Thị - Thạch Thượng là ai? Là chức Sĩ của Thiên Tử. Thần là gì. Là thịt tế, thịt còn sống. Thịt chín, gọi là phần.

Cốc Thị - Thần là gì? Là thịt tế. Sống gọi là thần. Chín gọi là phần, Thạch Thượng là chức Sĩ. Sao biết. Vì phàm đã là đại phu của Thiên Tử thì không gọi tên. Thạch Thượng muốn có tên trong sử Xuân Thu mới tâu vua rằng, đã lâu Chu với Lỗ không có nghi lễ gì, vậy xin đưa phần tế tới. Chép đây là khen một việc chính.

Lưu Sưởng - Cốc Lương nói, Thạch Thượng muốn được chép vào Xuân Thu có tâu vua rằng đã lâu Chu đối với Lỗ không có lễ nghi gì, vậy xin đưa phần tế đến. Không biết Thạch Thượng muốn được chép vào Xuân Thu Khổng Tử hay là Xuân Thu nước Lỗ. Nếu là Xuân Thu Khổng Tử thì thời đó chưa làm, chưa viết. Thạch Thượng đâu có được chép. Còn như Xuân Thu nước Lỗ thì phàm đã là người của Thiên Tử thì phải có chép, đâu có phải là một vinh dự đặc biệt. Người nào muốn được sử chép tên, phải có công rất to, đức rất lạ, để cho đời sau biết đến. Thạch Thượng thì có gì đâu, mà dám mong có tên chép trong sử. Vậy là không phải thế đâu.

衛世子蒯聵出奔宋

VỆ THẾ TỬ KHOÁI HỘI XUẤT BÔN TỐNG

THẾ TỬ NƯỚC VỆ LÀ KHOÁI HỘI CHẠY TRỐN SANG NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Vệ Linh Công chiều vợ là Phu Nhân Nam Tử, cho mời Tống Triều (con vua Tống và anh Nam Tử). Sau hội ở đất Thao, Thái Tử Khoái Hội đem hiến ấp Vu cho nước Tề, đường đi qua đồng ruộng nước Tống, Dân quê Tống mới hát mấy câu rằng: Đã làm cho vật cái yên, sao không trả cho ta con giống đực (là Tống Triều, ý là loạn luân). Thái Tử xấu hổ, mới bảo Hí Dương Tốc (giữ chức Tể của Thái Tử): "Theo ta. Ta tới yết kiến Phu nhân. Khi ta làm dấu hiệu quay mặt nhìn lại, thì ngươi giết đi". Tốc vâng lời. Mới cùng vào chầu Phu nhân. Thái tử ba lần ngoảnh đầu lại. Tốc đứng im không tiến lên. Phu nhân thấy sắc Thái Tử khác, mới kêu lên, rồi chạy và nói: Khoái Hội định giết tôi. Vệ Linh Công vội cầm tay Phu nhân để đi lên lầu. Thế là Thái Tử chạy trốn tới nước Tống. Đồ đảng bị đuổi hết. Cho nên Công Mạnh Khu chạy sang Trịnh, từ Trịnh chạy sang Tề. Thái tử nói với người ta rằng: Hí Dương Tốc hại tôi. Tốc cũng nói với người ta rằng: "Thái Tử hại tôi. Vô đạo, bảo tôi giết mẹ, tôi không nghe thì bị giết. Nếu tôi giết Phu nhân, thì Thái Tử lại gieo tội cho tôi. Cho nên tôi hứa hẹn mà không

giữ lời hứa, để chậm lại ngày chết của tôi. Tục ngữ nói: Dân cốt giữ tín bằng trung. Tôi cho trung là làm đủ phận sự".

Lưu Sưởng - Tả Thị chép rằng Khoái Hội muốn giết Phu nhân. Phu nhân kêu rồi chạy. Công nắm tay đưa lên lầu. Thái Tử chạy trốn sang Tống. Tôi cho là Khoái Hội tuy rằng không biết khéo dùng mưu nhưng đâu lại có việc đó. Vả lại, giết Phu nhân xong, liệu Thái Tử có an toàn không, Thái Tử mà xấu hổ là vì tiếng xấu của Phu nhân. Thế thì giết mẹ tiếng xấu lại còn to hơn. Sao lại không biết thế cũng là xấu. Xét Khoái Hội nghe dân quê hát, trong lòng thẹn, chắc là nói thẳng với Phu nhân. Phu nhân thấy chỉ trích việc dâm bôn của mình, kêu rồi chạy. vua cho là Thái Tử muốn giết. Linh Công vốn bị mê hoặc, tin ngay, cho nên ngoài thì mời Tống Triều tới, trong thì đuổi Công Thúc Thú, Triệu Dương. Đã không lấy việc mời Tống Triều làm xấu hổ, thì cũng không cho việc đuổi Khoái Hội là quan tâm. Đó là sự thực như thế, chứ không phải như Tả thị chép. Vả lại, Khoái Hội chạy thì lại chạy tới nước Tống, tức là tới nhà của Nam Tử. Khoái Hội mang tiếng giết Nam Tử mới chạy, mà lại chạy tới nhà Nam Tử, sự thực liệu có dám không. Đó là một chứng cớ.

Lưu Cù - Khoái Hội chạy trốn, Kinh Xuân Thu không bỏ chức vị Thế Tử, là rõ tội Vệ Hầu. Sự bậy của Nam Tử thực là quý lắm, mà ý muốn đuổi Thế Tử cũng là rõ lắm. Như việc Ai Khương làm loạn nước Lỗ, Li Cơ làm loạn nước Tấn, đây có thể đem so sánh được. Linh Công mà nghe lời gièm của Nam Tử, cho là Khoái Hội muốn giết mẹ, Khoái Hội không thân oan được, phải chạy trốn, có phải là tội Linh Công không. Từ xưa, hạng mẹ vu tội cho con vẫn có nhiều.

Trương Hiệp - Xét lời bàn của hai họ Lưu, đủ biết việc mà Tả Thị chép là lời gièm của Nam Tử, chứ không phải sự thực lúc đó được chép lại.

Xét - Trong sách chú của Chu Tử, có dẫn cả lời bàn của họ Hồ, có chép việc Khoái Hội muốn giết mẹ. Lời bàn của hai họ Lưu, như là đúng sự tình đương thời đó. Trương Hiệp lại là học trò có tiếng của thầy Chu, lời bàn cũng nghe được. Nay đều để nguyên cả để sau khảo cứu.

衛公孟彄出奔鄭

VỆ CÔNG MẠNH KHU XUẤT BÔN TRỊNH

CÔNG MẠNH KHU NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TRỊNH

Cao Kháng - Hơn năm trước, có chép Công Mạnh cầm quân đánh Tào, Chính là vị Khanh đang giữ chức vụ quan trọng trong nước. Linh Công nghi là ở trong đảng phái Khoái Hội, mới đuổi đi. Nhiều lần chép đuổi đại phu, rõ ràng là Linh Công vô đạo.

宋公之弟辰自蕭來奔

TỐNG CÔNG CHI ĐỆ THÌN TỰ TIÊU LAI BÔN

EM TỐNG CÔNG LÀ THÌN TỊ ĐẤT TIÊU CHẠY TRỐN SANG LỖ

Kim Hiền - Xuân Thu ba lần chép chữ em Tống Công, không phải là tình yêu Thìn, dung Thìn. Chỉ vì cần nói đến anh.

大蒐于比蒲

ĐẠI SƯU VU TÌ BỒ

CÓ CUỘC SĂN LỚN Ở TÌ BỒ

Trương Hiệp - Đang săn mà vua nước Châu (Châu Tử) tới hội, tức là Lỗ Công có mặt ở nơi săn. Mà Kinh không chép. Thế là việc quân (quân chính) không thuộc về Công, mà thuộc về ba nhà Quý, Thúc, Mạnh, chuyên quyền.

州子來會公

CHÂU TỬ LAI HỘI CÔNG

CHÂU TỬ TỚI HỘI VỚI CÔNG

Lí Liêm - Lỗ Công với Tề gặp nhau ở đất Cốc, mà Tiêu Thúc là chầu công. Săn lớn ở đất Tì Bồ, mà Châu Tử lại hội với Công. Cả hai đều không phải nơi chầu, nơi hội.

城莒斧及霄

THÀNH CỬ PHỦ, CẬP TIÊU

XÂY THÀNH CỬ PHỦ VÀ THÀNH TIÊU
CỬ PHỦ VÀ TIÊU ĐỀU LÀ ẤP NƯỚC LỖ

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 12, người Tấn đánh bại quân đội Phạm Trung Hàng, tại đất Lộ. Bắt được Tịch Tần, Cao Cương, lại đánh bại quân đội Trịnh cùng quân đội họ Phạm tại đất Bách Tuyền (đất Vệ), cũng gọi là Bách Môn Pha, hoặc Bách Môn Tuyền.

Đỗ Dự - Công phản Tấn mà giúp Phạm Thị, cho nên lo ngại mà xây thành ở hai ấp. Năm đó không chép mùa đông. Sử bỏ sót.

Năm Bính Ngọ. Vua Kính Vương, năm thứ 25.

十有五年

THẬP HỮU NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 15

Tấn Định, năm thứ 17. Tề Cảnh, năm thứ 52. Vệ Linh năm thứ 40. Sái Chiêu, năm thứ 24. Trịnh Thanh, năm thứ 6. Tào Dương, năm thứ 7. Trần Mẫn, năm thứ 7. Kỉ Hi, năm thứ 11. Tống Cảnh, năm thứ 22. Tần Huệ, năm thứ 6. Sở Chiêu, năm thứ 21. Ngô Phù Sai, năm đầu.

春王正月鄒子來朝

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CHÂU TỬ LAI TRIỀU

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CHÂU TỬ TỚI CHẦU

Tả Thị - Năm thứ 15, mùa xuân. Châu Ẩn Công lại chầu. Tử Cống được dự coi. Vua Châu giơ ngọc cao, mặt ngửa. Vua Lỗ cầm ngọc thấp, mặt cúi. Tử Cống nói: Cứ xét về lễ nghi, cả hai vua sẽ hoặc chết, hoặc mất nước. Lễ là quan hệ đến sống còn. Quay sang phải hay trái, tiến hay lùi, ngẩng hay cúi trong các

việc tang tự, triều nghi, giao tế, binh nhung, đều có định lệ. Nay đầu năm, tháng giêng, hai vua chào nhau, mà cử chỉ không đúng cách, thế là tâm trí đã lãng, việc vui mà còn không biết gìn giữ cách điệu, thì còn lâu sao được. Giơ cao ngọc, mặt ngẩng lên là kiêu rồi. Cầm ngọc thấp, mặt cúi xuống là nhác rồi. Kiêu thì gần loạn, nhác thì gần mệnh. Lỗ lại là chủ, nghi là sẽ bị trước.

鼷 鼠 食 郊 牛 牛 子 改 卜 牛

HỄ THỬ THỰC GIAO NGƯU, NGƯU TỬ, CẢI BỐC NGƯU

CON CHUỘT ĐỘC CẮN CON BÒ NUÔI ĐỂ SẮP TẾ BÒ CHẾT, BÓI RÙA XONG THAY BÒ KHÁC

Công Thị - Sao không chép bị cắn ở đâu. Là coi thường.

Cốc Thị - Bất kính đến thế là khá lắm.

二 月 辛 丑 楚 子 滅 胡 以 胡 子 豹 歸

NHỊ NGUYỆT, TÂN SỬU, SỞ TỬ DIỆT HỒ, DĨ HỒ TỬ BÁO QUY

THÁNG HAI, NGÀY TÂN SỬU, SỞ TỬ DIỆT NƯỚC HỒ, ĐEM HỒ TỬ BÁO VỀ (VUA HỒ TÊN LÀ BÁO)

Tả Thị - Khi quân Ngô vào Sở, thì Hồ Tử đến cướp ở các đất Sở giáp giới Hồ. Khi Sở đã yên, Hồ Tử báo lại không trở lại phụng sự Sở, còn nói: Mất còn là tự trời. Thờ Sở làm gì. Chỉ bị tổn thiệt nhiều, vì Sở đòi hỏi nhiều. Tháng hai, Sở diệt Hồ.

Gia Huyền Ông - Tại hội Thiệu Lăng, vua Đốn, vua Hồ đều có mặt là để xâm Sở. Sau đó, Sở bị nạn Ngô, chưa báo thù được. Nay, năm trước diệt Đốn, năm sau diệt Hồ là để báo thù việc Thiệu Lăng. Thôn tính nước nhỏ, chỉ để cho hả mối uất hận xưa.

夏五月辛亥郊

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TÂN HỢI GIAO

MÙA HẠ, THÁNG NĂM NGÀY TÂN HỢI, TẾ GIAO

Công Thị - Tại sao để tháng năm Tế Giao. Vì ba lần bói, phải đổi ngày.

Triệu Bằng Phi - Tháng năm tế Giao không phải mùa. Vì phải đổi "bói bò". Bói xong, nuôi bò trong ba tháng mới dùng, Vì thế, đến tháng năm mới tế Giao.

壬申公薨于高寢

NHÂM THÂN, CÔNG HOĂNG VU CAO TẨM

NGÀY NHÂM THÂN, LỖ CÔNG MẤT TẠI CUNG CAO TẨM

Tả Thị - Mùa hạ, tháng năm, ngày Nhâm Thân, Công mất. Trọng Ni nói: Tứ không may nói trúng, thế rồi Tứ sẽ thành đa ngôn (Tứ là tên Tử Cống, học trò Khổng Tử).

Cốc Thị - Cao tẩm không phải nơi chính.

Lí Liêm - Định Công ở ngôi 15 năm. Khi mới được lập, do họ Quý Tôn lập lên, đã không trị được kẻ có tội, cũng không khác gì Hoàn Công, Tuyên Công. Sau khi Dương Hổ đã chạy trốn, ba nhà kém thế, rồi Khổng Tử cầm quyền chính, cương kỉ vững yên, đáng là lúc nên làm được. Thế mà không để cho Phu Tử thành đạo được, thì Lỗ nhờ vào đâu nữa. Lí thị bàn, hội tại Giáp Cốc mà ruộng đất đã mất lại được trả lại, bắt đầu ngay từ ở nơi họ Quý Tôn, mà phá hủy thành ở các ấp riêng, tuy gần như lễ nghĩa được sáng tỏ, mà còn có những việc xây dựng Trĩ Môn, Lưỡng Quán, tiếm lễ vẫn chưa bỏ, ngọc quý, cung quý mất trộm, rồi nữ nhạc làm cho vua say mê, việc chính trị lại trở về các họ to. Đó là Định Công có Thánh nhân mà không biết dùng Thánh nhân. Lí bàn thế là đúng. Đến cuối đời, có những hội Khiên, hội Thao, có những việc xây thành Cử Phủ, thành Tiêu, thế là giúp loạn, mà làm nhọc sức dân, Lỗ lại càng yếu dần là đúng.

鄭罕達帥師伐宋

TRỊNH HÃN ĐẠT SUẤT SƯ PHẠT TỐNG

HÃN ĐẠT NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN ĐÁNH TỐNG

Tả Thị - Hãn Đạt nước Trịnh đánh bại quân Tống ở đất Lão Khưu đất nước Tống.

Đỗ Dự - Công Tử Địa nước Tống chạy sang Trịnh. Người Trịnh giúp Công Tử mà đánh Tống, muốn chiếm lấy ít đất để cho Công Tử ở.

Vương Bảo - Trịnh dung cho kẻ phản bạn của Tống, đã là tội, lại đánh nước lớn để cho kẻ phản ở, không cần chê mà tội đã rõ.

齊侯衛侯次于渠蒢

TỀ HẦU, VỆ HẦU THỨ VU CỪ TRỪ

TỀ HẦU, VỆ HẦU DỪNG QUÂN TẠI CỪ TRỪ, ĐẤT TỐNG

邾子來奔喪

CHÂU TỬ LAI BÔN TANG.

CHÂU TỬ VỘI TỚI DỰ TANG LỄ VUA NƯỚC LỖ ĐÂY LÀ LẦN ĐẦU TIÊN, CHƯ HẦU DỰ TANG LỄ

Công Thị - Chép bôn tang, dự lễ táng, là thế nào? Là phi lễ.

Cốc Thị - Tang gấp cho nên dùng chữ bôn: vội tới.

秋七月壬申姒氏卒

THU, THẤT NGUYỆT, NHÂM THÂN, TỰ THỊ TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY NHÂM THÂN, TỰ THỊ MẤT (VỢ ĐỊNH CÔNG)

Tả Thị - Không gọi là Phu nhân vì không cáo phó và không hợp tế vào miếu các Phu nhân.

Công Thị - Tự Thị là ai? Là mẹ Ai Công. Không gọi là Phu nhân, vì Ai Công chưa lên ngôi.

Cốc Thị - Lối chép hạng thiếp, mẹ Ai Công.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo không chép là Phu nhân, vì không cáo phó không hợp tế, vào miếu. Tả Thị bàn sai. Đâu có việc Phu nhân mất mà lại không chép là Phu nhân. Phàm Phu nhân mới mất thì sử chép ngay là Phu nhân, không phải đợi có cáo phó, có hợp tế rồi mới chép là Phu nhân. Đây Tự Thị là mẹ Ai Công, là thiếp của Định Công, Ai Công chưa lên ngôi, cho nên chưa dám cho gọi mẹ là Phu nhân.

八月庚辰朔日有食之

BÁT NGUYỆT, CANH THÌN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI

THÁNG 8, NGÀY CANH THÌN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

九月滕子來會葬

CỬU NGUYỆT, ĐẰNG TỬ LAI HỘI TÁNG

THÁNG 9 ĐẰNG TỬ TỚI DỰ LỄ CHÔN

丁巳葬我君定公雨不克葬戊午日下昃乃克葬

ĐINH TỊ, TÁNG NGÃ QUÂN ĐỊNH CÔNG VŨ, BẤT KHẮC TÁNG. MẬU NGỌ, NHẬT HẠ TRẮC, NÃI KHẮC TÁNG

NGÀY ĐINH TỊ, LỄ CHÔN VUA TA LÀ ĐỊNH CÔNG. MƯA, THÀNH RA CHƯA CHÔN ĐƯỢC. NGÀY MẬU NGỌ VỀ CHIỀU MỚI CHÔN ĐƯỢC

Tả Thị - Chôn Định Công, vì mưa, không đủ lễ nghi, phải hoãn. Đó là lễ.

Cốc Thị - Táng đã có định ngày, không vì mưa mà dừng lại, thế mới là lễ. Mưa không chôn được. Tang không theo nghi lễ tang. Cho nên bảo là gấp. Lại rõ là không được đúng ngày.

辛巳葬定姒

TÂN TỊ, TÁNG ĐỊNH TỰ

NGÀY TÂN TỊ, LỄ CHÔN ĐỊNH TỰ

Tả Thị - Không gọi là Tiểu Quân (vợ vua), vì không thành tang.

Công Thị - Sao lại chép Táng Định Tự. Vì vua chưa được qua năm. Có con thì có miếu. Có miếu tất chép lễ táng.

Lưu Sưởng - Tả Thị bảo rằng không gọi là tiểu quân vì không thành tang. Tả Thị bàn thế là sai. Nếu họ Tự thực là Phu nhân, thì cứ chép là Phu nhân Tự Thị mất. Đã thế mà lại còn chép là táng Định Tự, không chép chữ Táng Tiểu quân, thì thế mới là trách bọn tôi, con về việc "bất thành tang", thế thì đã là phải. Nhưng, nay nói rằng: Tự Thị mất, không phải Phu nhân. Đã không phải Phu nhân, mà chép chôn Định Tự, thì là phải. Có gì cho thấy là "bất thành tang".

Muốn trách là "bất thành tang", mà lúc chết không gọi là Phu nhân, thì chỉ đủ cho biết chữ Tiểu Quân là tôn quý, nhưng không đủ để rõ tội của bọn tôi con.

冬城漆

ĐÔNG THÀNH TẤT

MÙA ĐÔNG, XÂY THÀNH TẤT

Tả Thị - Chép việc báo cáo không phải thời.

Uông Khắc Khoan - Tả Thị bảo, chép việc báo cáo không phải thời. Xét: Nước khác có việc, có khi quá thời mới cáo cho Lỗ. Chứ đâu có việc xây thành ở các ấp nước Lỗ, mà quá thời mới cáo miếu, để mà che lấp tội đi được. Không có lí như thế.

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

哀 公

AI CÔNG

VUA LỖ AI CÔNG

Dương Sĩ Huân - Công tên là Tưởng, là con Định Công, Vua Kính Vương năm thứ 26, lên ngôi ở nước Lỗ. Đến năm thứ 14, ở đồng phía tây, bắt được con lân, đến đó Xuân Thu thôi chép. Năm thứ 27, Lỗ Công mất. Theo phép đặt tên thụy, có những đức cung, nhân, mà chết non, chết tai nạn, thì gọi là Ai.

Năm Đinh Mùi. Vua Kính Vương, năm thứ 26.

元 年

NGUYÊN NIÊN

NĂM ĐẦU

Tấn Định, năm thứ 18. Tề Cảnh, năm thứ 54. Vệ Linh, năm thứ 41. Sái Chiêu, năm thứ 25. Trịnh Thanh, năm thứ 7. Tào Dương, năm thứ 8. Trần Mẫn, năm thứ 8. Kỉ Hi, năm thứ 12. Tống Cảnh, năm thứ 23. Tần Huệ, năm thứ 7. Sở Chiêu, năm thứ 22. Ngô Phù Sai, năm thứ 22.

春王正月公即位

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, CÔNG TỨC VỊ

MÙA ĐÔNG, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, CÔNG LÊN NGÔI

楚子陳侯隨侯許男圍蔡

SỞ TỬ, TRẦN HẦU, TÙY HẦU, HỨA NAM VI SÁI

SỞ TỬ, TRẦN HẦU, TÙY HẦU, HỨA NAM VÂY NƯỚC SÁI

Tả Thị - Mùa xuân. Sở Tử vây quốc đô nước Sái. Báo thù trận Bá Cử trước. Cách một dặm. Sở xây bức thành dày một trượng, cao hai trượng. Ngày đêm cho quân trông coi, trong 9 ngày, thời gian, tướng Tử Tây đã định trước. Dân Sái phải ra khỏi thành, tới ở giữa khoảng sông Giang và sông Nhữ theo lệnh vua Sở. Rồi vua Sở kéo quân về Sở. Thế là dân Sái xin vua Ngô đất, để di cư.

Phụ lục Tả Truyện - Ngô Vương là Phù Sai đánh bại quân Việt ở Phu Tiêu, để báo trận Túy Lí xưa, rồi vào nước Việt. Vua Việt, họp 5000 giáp binh, đủ giáp mộc, tại đất Cối Kê, rồi sai đại phu Văn Chủng nói lót với Thái Tể Phỉ (đại thần nước Ngô) để xin vua Ngô cho hòa. Vua Ngô sắp ưng cho, thì Ngũ Viên nói: Không nên. Thần nghe nói, đồng đức thì phải vun xới luôn, mà chữa tật thì chữa từ gốc. Xưa có việc Nghiêu nước Quá giết vua Châm Quán, rồi đánh nước Chầm Tầm, giết vua Tương nước Hạ. Mân là vợ vua Tương có chửa, trốn thoát rồi trở về nhà, là họ Hữu Nhưng, sinh ra con là Thiếu Khang. Sau, Thiếu Khang làm chức quan Mục Chính cho họ Nhưng. Biết Nghiêu là đáng ngại. Thiếu Khang lúc nào cũng đề phòng. Nghiêu sai sứ là Tiêu tìm tới. Thiếu Khang sợ, trốn tới họ Ngu làm chức Báo Chính cho vua Ngu mới thoát nạn. Vua Ngu, tên là Tư, họ Diêu, gả cho hai con gái, rồi cho ấp Luân. Thế là được một thành đất, (thành là đất vuông mỗi góc được 10 dặm). Quân có một lữ (500 tên). Bấy giờ Thiếu Khang mới thi hành đức chính, thu được dân họ Hạ, đặt lại quan chức, sai tên Nhữ Ngải coi chừng Nghiêu, sai tên Quý Trữ dụ dỗ tên Hi (em Nghiêu). Sau Thiếu Khang

diệt nước Quá (của Nghiêu) và nước Qua của Hi. Sửa sang công tác như thời vua Vũ nhà Hạ, tôn thờ các tiên quân nhà Hạ, lấy lại được hết các thứ đã mất. Ngày nay, nước Ngô không bằng nửa nước Quá, mà nước Việt thì to hơn nước Thiếu Khang. Thế mà lại muốn hưng thịnh cho Việt, thì có nguy cho Ngô không. Vua Câu Tiễn nước Việt biết thi ân huệ, biết khoan dung đối với những người đích đáng. Đất đai rộng bằng Ngô ta, mà Ngô Việt đời đời là thù địch. Thế mà, thắng lại không chiếm, lại muốn bảo tồn, thì có phải là trái ý trời không, có phải là làm cho địch mạnh không. Rồi sau có hối không gỡ lại được. Họ Cơ, suy có thể đợi ngày trông thấy. Nước Ngô ở giữa khoảng Man Di còn muốn cho Địch mạnh hơn, thế mà muốn làm Bá chủ thì làm thế nào được.

Vua Ngô không nghe. Ngũ Viên lui ra, nói với người ta rằng: Việt được 10 năm sinh tu, và 10 năm dạy dỗ, hết 20 năm thì nước Ngô biến thành hồ ao.

Tháng ba, Việt với Ngô hòa. Việc Ngô vào đất Việt, không chép, vì Ngô không báo cáo thắng trận, mà Việt cũng không báo cáo bại trận.

Gia Huyền Ông - Vào đất Dĩnh, là nước Ngô. Quật mã Sở Bình Vương cũng là nước Ngô. Sở đã không hay báo được thù Ngô là nước mạnh, lại cứ đi chiếm vài nước nhỏ như nước Sái mà cũng gọi là báo thù. Thù thật, thì không dám báo. Năm trước diệt nước Đốn, năm sau diệt nước Hồ. Nay lại đem quân tới Sái. Chẳng qua chỉ là tầm ăn lá, ăn các nước nhỏ để có lợi. Xuân Thu đâu có cho thế là phải.

鼷 鼠 食 郊 牛 改 卜 牛 夏 四 月 辛 巳 郊

HỀ THỬ THỰC GIAO NGƯU CẢI BỐC NGƯU HẠ, TỨ NGUYỆT, TÂN TỊ, GIAO

CHUỘT ĐỘC CẮN BÒ NUÔI ĐỂ TẾ GIAO. BÓI RÙA CHỌN BÒ KHÁC. MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY TÂN TỊ TẾ GIAO

Phụ lục Tả Truyện - Mùa hạ, tháng tư, Tề Hầu, Vệ Hầu, cứu Hàm Đan, vây Ngũ Lộc.

Khi quân đội Ngô vào quốc đô Sở, vua Ngô cho mời Hoài Công nước Trần. Hoài Công họp quần thần, hỏi ý kiến. Nói rằng: Ai muốn đi theo Sở thì đứng bên phải tôi. Ai muốn đi theo Ngô thì đứng bên trái. Người Trần quyết định ngay, theo ruộng ấp mình, gần Sở hay gần Ngô. Ai không có ruộng ấp thì quyết định theo đảng phái. Phùng Hoạt tiến thẳng lên trước thưa: "Thần nghe nói, nước hưng thịnh nhờ trời cho phúc. Nước suy kém vì trời ra tay. Nay Ngô chưa được phúc mà Sở chưa bị họa. Sở chưa nên bỏ mà Ngô chưa nên theo. Còn Tấn vốn là minh chủ. Nếu theo Tấn mà rời Ngô thì thế nào". Hoài Công nói: Nước Sở bị Ngô đánh cho thua, vua Sở đi rồi. Chả là họa ư. Phùng Hoạt thưa: "Nhiều nước bị cảnh ngộ đó. Sao chắc là rồi không phục quốc. Dân các nước nhỏ còn phục được, huống chi một nước lớn. Tôi thấy nói rằng, nước mà hưng được là vì vua biết thương dân, thế là phúc trời cho. Nước sẽ mất khi vua coi dân như cỏ rác, thế là trời ra tay. Dù rằng vua Sở thiếu đức, nhưng chưa giết dân. Ngô thì ngày ngày bận việc quân, xương cốt chiến sĩ phơi thây như cỏ hoang. Dân chưa được ân huệ gì. Trời hoặc giả đang có ý cho Sở sửa lỗi chăng. Họa mà tới Ngô thì chỉ còn tính ngày thôi". Vua Trần nghe theo. Khi Phù Sai đã thắng xong Việt, thì muốn đánh Trần để báo thù cho vua trước. Thế là mùa thu, tháng 8, đem quân xâm Trần.

Cốc Thị - Đây là chê. Chép một việc biến. Trong biến lại có biến chuột độc cắn chết bò tế. Bói đổi bò khác. Thế là chép một việc bất kính. Đến ngày tế, mới coi xét sừng bò, thấy là bị thương. Việc coi xét như thế là bậy. Tế Giao đúng mùa là từ tháng giêng đến tháng ba. Còn như sang hạ, tháng tư, lại không phải mùa. Tế tháng năm cũng không phải mùa. Đầu hạ là còn thừa lại xuân, mà cuối thu là nối sang đầu xuân, cũng không được. Vậy tháng 9, mà tế Giao là không nên. Giao mà ba lần bói, thế là lễ. Bốn lần bói là phi lễ, năm lần là bậy. Bói để bỏ bò tế, mà tốt, thế là bỏ được. Mà xấu, thế là thôi tế. Bò bị thương, không nói ở đâu, là tự con bò làm ra, cho nên lời giản. Bò được toàn vẹn thì gọi là sinh (tam sinh). Bị thương thì cứ gọi là bò. Chưa tế thì gọi là bò. Dù sao thì cũng vẫn là con bò đó. Chỉ có vì việc dùng đến mới gọi tên khác. Có biến

mà bỏ tế Giao thì thôi không bói nữa. Đã có bò, mà lại còn bói thì là thế nào. Theo lễ thì thà có còn hơn không. Vì tế Thượng đế, cho nên bói rồi sau mới thôi, không dám tự chuyên. Bói mà quẻ không tốt, thì sao lại không thôi. Rồi đợi. Tháng sáu ngày giáp đầu (can gián trên) mới nuôi con sinh (bò tế) mới chăm nom. Kinh chép đây, là con sinh (bò để tế). Thế mà nói: Đây là chê v.v... Thế là thế nào. Ta đợi tháng sáu ngày giáp trên, mới nuôi sinh (bò để tế). Tháng 10, ngày thượng giáp mới buộc sinh. Tháng 11, tháng 12, sinh tuy có biến, cũng không bàn đến. Phải đợi đến tháng giêng, rồi mới cần bàn đến đổi sinh hay không. Đó là cớ mà Kinh chê tế Giao. Tế giao là gì? Là tế đạo trời. Quý mùa tế. Trọng lễ tế. Nuôi sinh dù là nhỏ cũng có thể được. Kinh sao không thấy chép tháng ba bói tế Giao. Vì: Mùa Giao thì từ tháng giêng đến tháng ba. Ta, vào ngày can tân dưới tháng 12, bói ngày tân trên, tháng giêng, như không được thì vào ngày hạ tân tháng giêng, bói lấy ngày thượng tân, tháng hai. Như lại không được, thì vào ngày hạ tân, tháng hai, bói lấy ngày thượng tân tháng ba. Như lại không được, thì thôi không tế Giao nữa.

Lí Liêm - Xuân Thu chép tế Giao đến đây là hết. Cho nên ở đây cắt nghĩa kĩ. Nghĩa có chỗ được, có chỗ sai.

秋齊侯衛侯伐晉

THU, TỀ HẦU, VỆ HẦU PHẠT TẤN

MÙA THU, TỀ HẦU, VỆ HẦU ĐÁNH NƯỚC TẤN

Tả Thị - Tề Hầu, Vệ Hầu, hội tại đất Can hầu để cứu họ Phạm thị. Quân Lỗ, quân Tề, Khổng Ngữ nước Vệ, và quân nước Tiền Ngu đánh nước Tấn, chiếm đất Cức Bồ.

Phụ lục Tả Truyện - Khi quân đội Ngô đóng ở Trần, các đại phu Sở đều sợ nói rằng: Hạp Lư đã có tài dùng dân để thắng nước là ở Bá Cử, nay nghe nói vua sau lại giỏi hơn thì làm thế nào. Tử Tây nói: Các ông nên cố hòa mục với nhau, chứ đừng sợ Ngô. Xưa Hạp Lư, ăn không hai món ăn quý, ngồi không ngồi chiếu kép, nhà không cần xây trên bậc cao, đồ dùng không chạm

trở, cung thất không chuộng lầu cao, thuyền xe không trang sức, về y phục dụng cụ tránh sự tiêu phí. Gặp khi trời ra tai họa dịch lệ. Hạp Lư thân hành tới thăm hạng cô quả và cho giúp đỡ. Gặp khi có chiến tranh, quân lính có đủ phần rồi, mình mới ăn. Có đồ ăn ngon, thì cùng chia với bọn cùng ngồi xe, cùng đánh xe. Cùng với dân cùng khó nhọc. Cho nên dân hết sức không từ việc khó, biết rằng nếu có chết, thì vợ con cũng cứ được trông nom. Đại phu của Sở ta là Tử Thượng, khi còn sống, khác hẳn, cho nên ta mới bị bại. Nay tôi thấy Phù Sai có lâu đài, vườn cây, hồ nước ở khắp mọi nơi thường ở và tạm ở. Tối ngự ở nơi nào, là có đủ giắng thiếp phi tần ở nơi ấy. Mỗi khi đi chơi đâu, là đem đủ thức dùng, đồ thưởng ngoạn, trân bảo, ca nhạc, không được thiếu. Coi dân như thù, đặt việc ra mà dùng sức dân. Như thế, thì mình tự bại mình, còn bại ta thế nào được.

Hứa Hàn - Tấn làm Bá chủ, mà chư hầu họp lại để đánh. Xuân Thu đặc biệt chép để cho rõ là các nước không có Bá nữa. Nước Sở tự chuyên, thế là phép vua Thiên Tử hết. Tấn bị các nước đánh, chính thể Bá hết. Nghiệp Bá hết, là hết thời Xuân Thu, sang thời khác.

冬仲孫何忌出師伐鄒

ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỊ SUẤT SƯ PHẠT CHÂU

MÙA ĐÔNG TRỌNG TÔN HÀ KỊ (MẠNH Ý TỬ) CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CHÂU.

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 11, Triệu Ưởng nước Tấn, đánh Triều Ca.

Năm Mậu Thân. Vua Kính Vương, năm thứ 27.

二年

NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 2

Tấn Định, năm thứ 19. Tề Cảnh, năm thứ 55. Vệ Linh, năm thứ 42. Sái Chiêu, năm thứ 26. Trịnh Thanh, năm thứ 8. Tào

Dương, năm thứ 9. Trần Mẫn, năm thứ 9. Kỉ Hi, năm thứ 23. Tống Cảnh, năm thứ 24. Tần Huệ, năm thứ 8. Sở Chiêu, năm thứ 23. Ngô Phù Sai, năm thứ 3.

春王二月季孫斯叔孫州仇仲孫何忌帥師伐鄒取郭冬田及沂西田癸巳叔孫州仇仲孫何忌及鄒子盟于句繹

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, QUÝ TÔN TƯ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, SUẤT SƯ PHẠT CHÂU, THỦ QUÁCH ĐÔNG ĐIỀN, CẬP NGHI TÂY ĐIỀN. QUÝ TỊ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, CẬP CHÂU TỬ MINH VU CÂU DỊCH

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, QUÝ TÔN TƯ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC CHÂU, LẤY RUỘNG PHÍA ĐÔNG SÔNG QUÁCH, VÀ PHÍA TÂY SÔNG NGHI. NGÀY QUÝ TỊ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ CÙNG VỚI CHÂU TỬ VUA NƯỚC CHÂU, LÀM LỄ THỀ TẠI ĐẤT CÂU DỊCH ĐẤT NƯỚC CHÂU

Tả Thị - Mùa xuân, đánh nước Châu. Sắp đánh đất Giảo (ấp nước Châu). Người Châu tiếc đất Giảo, vội hiến ruộng các xứ Quách, Nghi, để được thề, xin hòa.

Cốc Thị - Không phải là tất cả ruộng xứ Quách, xứ Nghi. Ba người đi đánh, có hai người thề, tại sao. Vì hai người thề, mỗi người nhận phần đất của mình được.

Xét - Nước Châu là Phụ dung của nước Lỗ, rất gần và rất thân, không phải đợi, phải cầu hòa, phải cầu thân, mà vốn đã có một thể thức. Đây là hai nước đã nghi kị nhau. Thế thì việc bang giao giữa các nước, còn có trung tín, lễ nghĩa gì nữa. Cho nên Xuân Thu chép việc thề, khởi thủy là ở đất Miệt, mà chung kết là ở đất Câu Dịch.

夏 四 月 邴 子 衛 侯 元 卒

HẠ, TỨ NGUYỆT, BÍNH TÍ, VỆ HẦU NGUYÊN TỐT

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY BÍNH TÍ, VỆ HẦU TÊN LÀ NGUYÊN MẤT

Tả Thị - Xưa, một hôm Vệ Hầu đi chơi ở ngoài thành. Một người con là Tử Nam đánh xe. Hầu bảo rằng: Ta không có con (Thế Tử Khoái Hội đã trốn). Ta cho người nối ngôi. Tử Nam im. Một ngày khác, Hầu lại nhắc lại. Tử Nam thưa: Thần là Dĩnh, không có tài, sẽ hại cho nước. Xin nhà vua chọn người khác. Nhà vua và Phu nhân xin hỏi ý kiến ba lớp các quan. Nhà vua mà cứ riêng sai thần thì có trái với quy tắc.

Đến mùa hạ, Linh Công mất. Phu nhân nói: Cho Dĩnh làm Thế Tử, đó là mệnh nhà vua. Dĩnh nói: Dĩnh khác tính tình các con. Vả lại, vua mất trong tay Dĩnh. Nếu có mệnh thì đã được nghe. Nay Triếp là con Thái Tử, có ở đây. Thế là Triếp được lập.

滕 子 來 朝

ĐẰNG TỬ LAI TRIỀU

VUA NƯỚC ĐẰNG TỚI CHẦU

晉 趙 鞅 帥 師 鈉 衛 世 子 蒯 聵 于 戚

TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ NẠP VỆ THẾ TỬ KHOÁI HỘI VU THÍCH

TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÓN THẾ TỬ KHOÁI HỘI VÀO ĐẤT THÍCH (ĐẤT NƯỚC VỆ)

Tả Thị - Tháng sáu, ngày Ất Dậu. Tấn Triệu Ưởng nạp Thế Tử Vệ tại đất Thích. Đêm đến, Thái Tử lạc đường. Dương Hổ bảo cứ theo phía hữu sông Hà và đi về Nam thì tới. Rồi cho Thái Tử đội mũ tang. Dương Hổ lại sai tám người mặc sô gai, nói dối là từ Vệ tới đón. Khoái Hội để đưa tới đất

Thích. Nói với quân giữ cửa rồi khóc lóc mà vào. Thế là Thái Tử ở đó.

Công Thị - Thích là ấp nước Vệ. Sao không nói là vào Vệ? Vì: Cha có con. Con không được có cha.

Cốc Thị - Nạp nghĩa là dung nạp, có ý là dân không chịu. Cho nên có cầm quân, rồi sau mới có nạp. Tức là có đánh. Sao không chịu. Vì Triếp không chịu. Sao Triếp không chịu mệnh của cha vì đã chịu mệnh của ông là Vương phụ Linh Công. Nếu nghe cha mà không ông, thế là không tôn ông. Không chịu, tức là tôn ông vậy.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn là sao không chép: vào nước Vệ, Hà Hưu thì bảo: So việc này với việc không được nạp ở Châu Lâu thì không so được. Một đằng đã tới Châu Lâu rồi mà không được nạp. Một đằng mới đến ấp Thích chứ chưa vào Vệ, thì lẽ đương nhiên là chưa nói đến Vệ. Còn như nói: Cha được không có con, lấy cớ gì mà nói được thế. Cái ý cha vẫn có con, mà con thì không được có cha, cái ý ấy đúng đấy, nhưng đem giải thích Kinh Xuân Thu thì không xong.

Lí Liêm - Trình Tử bảo, đối với cha. Khoái Hội có tội, không được lập làm vua. Triếp cũng không được phản bội cha mà không giao nước cho. Ở địa vị Triếp thì nên giao cho người đáng lập, để khỏi mất xã tắc, mà thân mình thì theo cha, thế mới đúng nghĩa. Cái thuyết "mệnh của ông, của vương phụ" thuyết do họ Cốc, họ Công nghĩ ra, là sai. Nếu bảo thuyết ấy là được, thì chỉ có một đoạn về cha con Khoái Hội và đoạn của Hồ thị về việc vây ấp Thích. Hai đoạn bàn luận chính đáng. Nhưng vua không tự làm tướng. Làm tướng thì phải trị giặc. Thiết sử Hội quả có việc giết mẹ, thì tội nhất định đáng chém, trời đất không dung, bất luận là Linh Công có mệnh hay không có mệnh, là cũng không được đem nước giao cho làm chủ. Thế thì còn cần gì lí luận bàn bạc nữa.

秋八月甲戌晉趙鞅帥師及鄭罕達帥師戰于鐵鄭師敗績

THU, BÁT NGUYỆT, GIÁP TUẤT, TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ, CẬP TRỊNH HÃN ĐẠT SUẤT SƯ, CHIẾN VU THIẾT TRỊNH SƯ BẠI TÍCH

MÙA THU, THÁNG TÁM, NGÀY GIÁP TUẤT, TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN VÀ HÃN ĐẠT NƯỚC TRỊNH, HAI NGƯỜI NƯỚC NÀO CẦM QUÂN NƯỚC ẤY ĐÁNH NHAU Ở ĐẤT THIẾT. QUÂN TRỊNH TAN VỠ

Tả Thị - Mùa thu, tháng tám, người Tề chở thóc đến nhà họ Phạm. Tử Diêu (Hãn Đạt) và Tử Ban (Tứ Hoằng) nước Trịnh đi hộ tống. Sĩ Cát Xạ đi hộ tống. Tấn Triệu Ưởng chặn đường, gặp ở đất Thích. Dương Hổ nói: Ta ít xe, cứ lấy cờ hiệu chiến xa cắm vào, rồi giàn trước chiến xa bọn Hãn và Tứ. Hãn và Tứ đi chặn hậu cho là quân ta đông sẽ hoảng sợ. Ta giáp chiến, nhất định thắng. Mưu được theo. Rồi bói rùa không thấy khác. Đại phu Tấn là Nhạc Đinh mới nói: Kinh Thi có thơ: Văn Vương khởi thủy, Nghị bàn, rồi coi bói rùa. Nghị bàn của ta ngày nay chỉ là nối tiếp việc bói rùa trước. Chắc vẫn ứng (trước là về việc đưa Khoái Hội đến ấp Thích).

Giản Tử (Triệu Ưởng) mới thề rằng: (Chủ họ Phạm và chủ họ Trung Hàng chống lại vua Tấn), chống đối làm trái mệnh trời, làm khổ trăm họ, muốn cướp quyền chính và giết vua Tấn ta. Vua Tấn ta mong được Trịnh giúp, thì nay Trịnh trái đạo, bỏ vua, giúp bầy tôi. Các ông đây, thuận lẽ trời, theo mệnh vua, hành động noi theo đức nghĩa, gạt ngoài sỉ nhục. Như thế là phải thắng được địch. Thành công rồi ai nấy sẽ có thưởng. Thượng đại phu, đất thưởng bằng huyện. Hạ Đại phu đất thưởng bằng quận. Sĩ quan ruộng 10 vạn (hơn nghìn mẫu).

Bọn dân và công thương sẽ được bổ dụng, Phu dịch sẽ được miễn dịch. Chí Phủ tôi (tức là Giản Tử Triệu Ưởng) nếu không có tội thì tùy nhà vua định đoạt. Nếu tôi mà có tội thì sẽ chết

về hình Giảo ải (thắt cổ), quan gỗ xấu, không quách, ngựa thường, không được đưa vào lăng, tức là chịu tội của bậc Hạ Khanh.

Ngày Giáp Tuất, khi giáp chiến, Bưu Vô Tuất (Vương Lương) đánh xe cho Giản Tử. Thái Tử nước Vệ (Khoái Hội) ngồi bên tả cầm giáo. Xe đi lên gò cao đất Thiết. Thấy quân đội Trịnh đông, Thái Tử sợ, nhảy xuống dưới xe. Vương Lương quăng dây cho bám lấy đỡ cho lại lên xe, rồi nói: Nhát như đàn bà. Giản Tử đi coi khắp hàng trận, rồi nói: Tất Vạn xưa (tướng Tấn) chỉ là một thất thu. Bảy trận đều thắng, trận nào cũng có công được thưởng. Xe có đến trăm cỗ, chết ở trên giường trong nhà. Quân lính ta, cố gắng lên Không bị chết ở tay giặc đâu.

Phồn Vũ đánh xe cho Triệu La. Tống Dũng ngồi bên phải Phồn Vũ, cầm giáo. Triệu La nhát, phải buộc người vào xe. Một tướng thấy bị buộc, có hỏi thì Phồn Vũ nói: Bị sốt, sợ ngã. Vệ Thái Tử Khoái Hội khấn rằng: Con cháu nay là Khoái Hội xin cáo với Hoàng Tổ là Văn Vương cùng các tổ là Khang Thúc, và Tương Công, Tấn Ngọ (vua nước Tấn) ở giữa không dàn xếp được, có sai Ưởng (Triệu Giản Tử) trừng phạt kẻ có tội. Tôi là Khoái Hội, không dám ngồi yên, xin cầm giáo ra trận. Kính xin cho được gân cốt đừng hư hại, mặt mũi đừng bị thương tích, để hoàn thành được việc lớn, mới mong khỏi nhục tới tổ tiên, chư vị liệt tổ. Không dám xin được sống lâu, không dám có nhiều châu ngọc.

Một quân nhân Trịnh đánh Triệu Ưởng trúng vai, Ưởng ngã trên xe, cờ bị lấy mất. Khoái Hội cầm giáo cứu cho. Quân Trịnh thua chạy, nhưng bắt được Ôn đại phu là Triệu La. Thái Tử lại đánh. Trịnh thua to. Thái Tử lấy được nghìn xe thóc. Triệu Mạnh (Giản Tử) mừng nói: Được lắm. Tướng của Giản Tử là Phó Tẩu nói: Tuy thắng được Trịnh, nhưng họ Tuân Dần còn, ta còn chưa hết lo.

Khi xưa, một ít dân đất nhà Chu, phải trả thuế ruộng cho họ Phạm. Người đi lấy thuế là Công Tôn Mang. Một người nhà họ Triệu bắt được Mang, nộp cho Triệu Mạnh, tướng tá đều xin giết đi. Mạnh nói: Hắn làm việc cho chủ, có tội gì đâu. Rồi ngăn lại không cho giết, tha cho, trả cho cả thuế mới thu. Khi gặp chiến tranh ở đất Thiết, Mang đem 500 quân, đêm tới đánh vào

quân Trịnh, đến tận trướng của Tử Diêu, lấy lại được cờ, đem về hiến cho Giản Tử và nói: Thưa chủ nhân, xin báo đền lại đức độ.

Khi quân Tấn đuổi quân Trịnh, Tử Diêu, Tử Ban và Công Tôn Lâm chạy sau chặn hậu, bắn lại quân Tấn, giết được nhiều người. Triệu Mạnh nói: Nước không cứ lớn nhỏ, vẫn có người. Trận xong, Triệu Giản Tử nói: Tôi ngã, đụng vào bao cung tên, có hộc ra máu. Tuy nhiên, trông trận vẫn đều không giảm sức mạnh. Trận này, tôi hay thật. Khoái Hội nói: Tôi cứu ngài ở trên xe, tôi giữ chức xa hữu được lắm. Vương Lương (gọi là Bưu Lương vì được đất Bưu) nói: Hai dây cương ngựa hai bên gần đứt, tôi giữ cho khỏi đứt, tôi giong xe thật hay. Nghe Vương nói, người ta mới cho chất thêm củi lên xe để thử, quả nhiên hai dây đứt.

(Thiết là tên gò đất, ở phía Nam thành Thích).

冬十月葬衛靈公

ĐÔNG. THẬP NGUYỆT. TÁNG VỆ LINH CÔNG MÙA ĐÔNG. THÁNG 10. LỄ TÁNG VỆ LINH CÔNG

十有一月蔡遷于州來蔡撥其大夫公子駟

THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT. SÁI THIÊN VU CHÂU LAI SÁI SÁT KÌ ĐẠI PHU. CÔNG TỬ TỨ

THÁNG 11, NƯỚC SÁI THIÊN TỚI ĐẤT CHÂU LAI NƯỚC SÁI GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TỬ TƯ

Tả Thị - Tiết Dung nước Ngô, sang nước Sái về việc sính lễ (giao tế), rồi cho luôn quân vào thành. Bấy giờ, dân mới biết là mưu kế. Sái Hầu báo cáo cho đại phu, rồi xử tử Công Tử Tứ (cho Tứ là có tội trong việc này). Sái Hầu khóc rồi rời các lăng tẩm. Mùa đông, Sái thiên tới Châu Lai.

Năm Kỉ Dậu. Vua Kính Vương, năm thứ 28.

三 年

TAM NIÊN

NĂM THỨ 3

Tấn Định, năm thứ 20. Tề Cảnh, năm thứ 56. Vệ Xuất Công Triếp, năm đầu. Sái Chiêu, năm thứ 27. Trịnh Thanh, năm thứ 9. Tào Dương, năm thứ 10. Trần Mẫn năm thứ 10. Kỉ Hi, năm thứ 14. Tống Cảnh, năm thứ 25. Tần Huệ, năm thứ 9. Sở Chiêu, năm thứ 24. Ngô Phù Sai, năm thứ 4.

春 齊 國 夏 衛 石 曼 姑 帥 師 圍 戚

XUÂN TỀ, QUỐC HẠ, VỆ THẠCH MAN CÔ, SUẤT SƯ VI THÍCH

MÙA XUÂN, QUỐC HẠ NƯỚC TỀ, THẠCH MAN CÔ NƯỚC VỆ, CẦM QUÂN VÂY ẤP THÍCH

Tả Thị - Năm thứ ba, mùa xuân. Tề và Vệ vây Thích, có cầu dân xứ Trung Sơn giúp (Trung Sơn là Tiển Ngu).

Công Thị - Quốc Hạ nước Tề sao lại cùng với Thạch Man Cô nước Vệ cầm quân vây đất Thích. Vì là việc Bá thảo, việc của vị Bá chủ đánh kẻ có tội. Nguyên là Man Cô được lệnh của Linh Công, mới lập Triếp nối ngôi. Cứ theo điều nghĩa của Man Cô, thì đánh là phải. Triếp là con Khoái Hội. Nhưng sao không lập Hội, lại lập Triếp. Vì Hội vô đạo, Linh Công mới đuổi Hội mà lập Triếp. Thế thì cứ theo nghĩa, Triếp có thể lập được không. Có thể được. Là vì không lấy mệnh cha để từ mệnh vương phụ (ông), không lấy mệnh ông để từ mệnh cha. Thế là Cha mà làm con. Không lấy việc nhà mà từ việc vua, lấy việc vua từ việc nhà. Thế là ở trên làm dưới.

Cốc Thị - Đây là việc của nước Vệ. Thế mà cho Quốc Hạ đứng trước là tại sao? Là vì con không vây bố, không cho đất Thích là của Vệ. Thế là con không có cha vậy.

Xét - Công Dương cho là Triếp có thể lập được, nói, không nên lấy mệnh cha từ mệnh ông. Hồ Truyện có luận bàn, cho

là Triếp chưa được mệnh của Linh Công. Cả hai thuyết đó đều không phải. Tức như là thiết sử có mệnh của Linh Công thì có thể chống sự Khoái Hội không cho vào nước. Hồ Thị lại còn bảo Triếp từ ngôi để tránh cha, thì bọn thần tử Vệ nên cự Khoái Hội để giúp Triếp. Bàn thế lại càng trái lí lẽ. Giúp con để chống bố, thiên hạ liệu có nước vô phụ chăng. Triếp từ ngôi mà bọn thần tử giúp Triếp để chỉnh lại ngôi thì được. Triếp tránh cha, mà thần tử lại lấy quân chống cha, thì không thể được. Cho nên nay san bỏ lời bàn trong Hồ Truyện.

夏四月甲午地震

HẠ, TỨ NGUYỆT, GIÁP NGỌ, ĐỊA CHẤN.

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, NGÀY GIÁP NGỌ, ĐỘNG ĐẤT.

五月辛卯桓宮僖宮災

NGŨ NGUYỆT, TÂN MÃO, HOÀN CUNG, HI CUNG TAI

THÁNG 5, NGÀY TÂN MÃO, MIẾU HOÀN CUNG, MIẾU HI CUNG BỊ CHÁY

Tả Thị - Mùa hạ, tháng 5, ngày Tân Mão, viện Tư Đạc cháy. Lửa qua mái cung vua, rồi cháy miếu Hoàn, miếu Hi. Bọn chữa cháy đều nói: Phải cứu các kho, Nam Cung Kính Thúc vừa tới, ra lệnh cho bọn coi viện sách sử nhà Chu phải đem hết sách sử tới cung vua rồi chờ đấy, ai không có mặt tại chỗ sẽ bị xử tử. Tử Phục Cảnh Bá vừa tới, ra lệnh cho các lại thuộc phải đem ra ngoài viện, các sách luật lệ, lễ nghi, ai không theo đúng sẽ có tội. Rồi ra lệnh cho nhân viên xe ngựa phải sửa ngay ngựa, cho dầu mỡ vào trục xe; tất cả các viên chức nha, viện, ai ở nha, viện ấy giữ coi mọi kho tàng, lại lệ phải làm việc gấp, lấy vải tẩm nước, đem tới chỗ nào thấy có khói bốc, rồi đem tới các cung vua, bắt đầu từ tổ miếu, rồi lần lượt theo thứ tự quan trọng tới tất cả mọi nơi trong ngoài, cung cấp cho đầy đủ các thứ cần tới. Ai không theo đúng mệnh là sẽ phải tội không tha. Công Phủ Văn Bá vừa tới ra lệnh cho viên chức coi xe phải thắng xe vua.

Quý Hoàn Tử tới, đưa xe vua ra khỏi ngọ môn, lại ra lệnh cho bọn cứu hỏa cứ làm việc, nhưng nếu chỗ nào bị hại đến tính mệnh, thì thôi cứ để cho cháy hết đồ vật đó. Chỉ những thẻ xanh có ghi luật pháp là phải cứu không được để mất, và cất vào nơi cẩn thận. Phú Phủ Hòe tới và nói: Không tìm cách ngăn cản trước, mà chỉ nghĩ dập lửa cháy, thì khác gì hớt từng giọt ở vũng nước đang tràn. Thế là người vội vàng đi hốt hết rơm rác ở trước các con đường lửa đương sắp cháy, dọn hết các đồ vật ở con đường vòng quanh cung vua.

Khổng Tử khi đó ở Trần, nghe tin cháy, mới nói: Cháy ở Cung Hoàn, Cung Hi chăng.

Công Thị - Đây là thiêu hủy miếu. Sao lại chép là tai. Là Cung dựng lại. Sao không chép là dựng lại. Vì Kinh Xuân Thu đã chép một lần, không chép lần nữa. Sao không dùng chữ và giữa mấy chữ Hoàn cung Hi cung. Vì là đương đối nhau. Sao lại chép. Vì là chép một tai họa.

Cốc Thị - Chép chữ và, tức là tổ cũng có trước sau, hơn kém. Đối với ta, là người biên chép, thì đều là một loạt.

Quý Bản - Hai Cung bị tai. Công Dương cho là cung dựng lại. Cho thế là sai. Nếu là dựng lại, thì nên y như Trĩ Môn, y như Lưỡng Quán, đã chép là mới dựng.

季孫斯叔孫州仇帥師城啓陽

QUÝ TÔN TƯ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, SUẤT SƯ THÀNH KHẢI DƯƠNG

QUÝ TÔN TƯ, THÚC TÔN CHÂU CỪU, ĐEM QUÂN ĐẮP THÀNH KHẢI DƯƠNG

Quý Bản - Khải Dương xưa là nước Vũ. Thời vua Chiêu, năm thứ 18, người nước Châu đánh úp Vũ. Vua nước Vũ, Vũ Tử tới ở nước Châu, biên giới phía tây, gần ấp Phí. Khi Lỗ đã chiếm đất Quách, người Châu tất phải lấy cả ấp Khải Dương biếu Lỗ. Cho nên nay phải xây thành. Quý Tôn bảo Thúc Tôn giúp, vì thế cũng xây thành, mà đất thì riêng của Quý Tôn.

宋樂髡帥師伐曹

TỐNG NHẠC KHÔN SUẤT SƯ PHẠT TÀO

NHẠC KHÔN NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN ĐÁNH TÀO

Phụ lục Tả Truyện - Họ Lưu (quan, triều vua Chu) cùng với họ Phạm ở Tấn, đời đời kết hôn. Trành Hoành trước theo hầu Lưu Văn Công. Các đại phu Chu thì về phe họ Phạm. Triệu Ưởng mới trách hỏi. Thế là tháng 6, ngày Quý Mão, người Chu giết Trành Hoành (để chiều ý người Tấn).

Cao Kháng - Tào vốn thuộc Tống, thế mà phản Tống.

Lí Liêm - Thời đó, Công Tôn Cương Tào cầm quyền chính.

秋七月邴子季孫斯卒

THU, THẤT NGUYỆT, BÍNH TÍ, QUÝ TÔN TƯ TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY BÍNH TÍ, QUÝ TÔN TƯ MẤT

Tả Thị - Mùa thu, Quý Tôn có bệnh. Bảo cận thần là Chính Thường rằng: Ta chết, ngươi phải sống. Nếu Nam Nhụ Tử (vợ) sinh con trai, thì báo trình ngay nhà vua để cho nó nối dõi ta, làm trưởng họ. Nếu sinh con gái thì tên Phì nối dõi ta. Quý Tôn mất. Khang Tử tức là Phì nối dõi. Lễ chôn xong. Khang Tử đứng ở trong triều. Nam Tử sinh con trai. Chính Thường bế tới triều tâu: Chủ tôi đã di chúc lại rằng, khi Nam Tử sinh con trai thì phải tâu vua và báo cáo các đại phu để cho nối dõi. Nay sinh con trai, xin tâu cáo. Xong rồi, Chính Thường chạy trốn tới nước Vệ (sợ Khang Tử). Khang Tử xin từ. Vua sai Công Lưu đến phủ Quý Tôn thăm xét, thì đã có kẻ giết mất đứa trẻ rồi. Kẻ sát nhân bị hành hình. Vua cho gọi Chính Thường về. Không về.

Lí Liêm - Chu Tử mà bảo Khang Tử cướp ngôi con đích là từ việc này.

蔡人放其大夫公孫獵于吳

SÁI NHÂN PHÓNG KÌ ĐẠI PHU CÔNG TÔN LIỆP VU NGÔ

NGƯỜI SÁI ĐUỔI ĐẠI PHU CÔNG TÔN LIỆP SANG NƯỚC NGÔ (LIỆP ĐẢNG CỦA CÔNG TÔN TỨ)

冬十月癸卯秦伯卒

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT, QUÝ MÃO, TẦN BÁ TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10, TẦN BÁ MẤT

叔孫州仇仲孫何忌帥師圍邾

THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, SUẤT SƯ VI CHÂU

THÚC TÔN CHÂU CỪU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ, CẦM QUÂN VÂY NƯỚC CHÂU

Phụ lục Tả Truyện - Mùa đông, tháng 10. Triệu Ưởng nước Tấn, vây Triều Ca (Phạm Cát Xạ và Tuân Dần họ Trung hàng có mặt tại đấy), đóng quân tại phía nam thành. Tuân Dần đánh vào mặt bắc, mở bắc môn cho quân tới cứu vào được thành, một mình chạy qua quân đội địch, trốn thoát. Ngày Quý Sửu, chạy tới Hàm Đan. Đến tháng 11, Triệu Ưởng giết Sĩ Cao Di chỉ vì ghét họ Phạm (Cao Di là người họ Phạm).

Năm Canh Tuất. Vua Kính Vương, năm thứ 29.

四年

TỨ NIÊN

NĂM THỨ TƯ

Tấn Định, năm thứ 21. Tề Cảnh, năm thứ 57. Vệ Xuất Công, năm thứ hai. Sái Chiêu, năm thứ 28. Trịnh Thanh, năm thứ 10. Tào Dương, năm thứ 11. Trần Mẫn, năm thứ 11. Kỉ Hi, năm

thứ 15. Tống Cảnh, năm thứ 26. Tần Điệu Công, năm đầu. Sở Chiêu, năm thứ 25. Ngô Phù Sai, năm thứ 5.

春王二月庚戌盜摋蔡侯申

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, CANH TUẤT ĐẠO SÁT SÁI HẦU THÂN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, TRỘM GIẾT SÁI HẦU THÂN

Tả Thị - Năm thứ 4. Mùa xuân. Sái Chiêu Hầu sắp sang Ngô. Các đại phu sợ là lại bị Ngô cho lệnh thiên nữa. Đã bị rồi cho nên nghi ngại, mới ngăn cản. Công Tôn Phiên đuổi theo bắn. Vua bị bắn, vào được một nhà dân, rồi chết. Phiên cầm hai tên, đứng chặn cửa, không ai dám tiến đến. Văn Chi Giải tới sau nói: Ta đứng tất cả thành một hàng rồi cùng tiến, nhiều lắm chỉ chết hai người. Thế là Giải cầm cung đi trước. Bị bắn vào khuỷu tay. Giải giết được Phiên. Rồi đuổi Công Tôn Thìn đi, và giết Công Tôn Tính cùng Công Tôn Hu.

Công Thị - Giết vua, kém hèn thì cũng là người. Đây sao chép là trộm giết vua. Là coi khinh hạng đã là khinh, tức là hạng có tội.

Cốc Thị - Giết vua, chép là trộm, không lấy phép người trên, người dưới mà biên chép. Cần nói đến vua, mà không cần biết kẻ giết vua. Theo Xuân Thu, có ba thứ trộm. Một là trộm giết đại phu. Hai là không phải của mình mà lấy. Ba là theo bắt chước chính trị của Trung Quốc để lấy lợi.

Khổng Dĩnh Đạt - Vua Tuyên năm thứ 17. Sái Hầu Thân mất. Đó là Văn Hầu. Trong Thế gia phả, nước Sái, có chép: Văn Hầu Thân sinh ra Cảnh Hầu Cố. Cố sinh ra Linh Hầu Ban, Ban sinh ra Thái Tử Ẩn. Nay Chiêu Hầu Thân là con Thái Tử Ẩn. Đỗ thế tộc phả cũng chép thế. Nối Chiêu Hầu tức là Văn Hầu Nguyên Tôn. Vậy cùng tên với Cao Tổ. Nhà Chu kiêng tên người đang thờ. Hai tên Thân, tất là có sự nhầm, đều ở trong Kinh, không biết đâu là sự thực.

Công Tôn Thìn, Công Tôn Tính, Công Tôn Hu, (cũng tên

là Hoắc), tuy rằng cùng là đảng giết vua, nhưng không phải là thủ phạm. Thủ phạm là Công Tôn Phiên. Phiên hèn không được gọi là trộm, mà cũng không chép là thí (giết) vua. Đã là trộm, mà lại là thứ trộm hèn, cho đến không đáng có vua. Chỉ là trộm, chứ không dùng chữ thí vì thí nghĩa là giết vua.

Thạch Giới - Vua một nước, đi thì có quân sĩ theo, ở thì có vệ binh, mà để cho giặc giết, thế thì vua Sái thực không còn có hạng tôi con.

Lưu Sưởng - Cốc Lương bảo rằng, chép là trộm giết (thí) vua, không lấy chép ngôi thứ trên dưới dẫn giải. Cốc Lương nói thế sai. Trộm tức là bé nhỏ, cho nên tránh chép là người mà chép là trộm.

Triệu Bằng Phi - Năm Tuyên Công thứ 17, chép Sái Hầu Thân mất. Táng Sái Văn Công. Từ Văn cho đến đời đó, từng được 5 đời, không nên trùng tên ông tổ năm đời. Truyện chắc là nhầm. Tên Hôn mà giết vua Ngô, thì chép là thí. Đây lại chỉ chép là sát, như là sát "người không phải là vua". Không nên chỗ này, chép là thí, mà chỗ kia chép là sát. So sánh, chép việc chết này, với chép việc vua Ngô bị giết thì biết chữ chép có nhầm. Lại thêm, trăm ngàn năm sau, khi đổi chữ triện ra chữ lệ, khi đổi chữ lệ ra chữ khải, thế tất có nhầm. Nhân vì nhầm, mà sinh ra bàn tán, thế chỉ là xuyên tạc. Tuy nhiên, Sái Hầu là vua một nước, mà trộm giết được, liệu Sái Hầu còn có bầy tôi không. Kinh Xuân Thu chép là để trách bọn thần tử. Đổi chữ thí làm chữ sát thì vô nghĩa lí. Sái Hầu đã nhầm, nhầm tên, thì chữ thí viết ra chữ sát, sự nhầm dễ biết.

Gia Huyền Ông - Thí Sái Hầu là Công Tôn Phiên, không phải là hạng người hèn thật mà chép là trộm. Đây chỉ là trách, chê, trị. Giết vua để mong Sở bằng lòng, đấy mới là trộm. Đứng đầu việc bậy, không thèm để tên; đảng loạn, không thèm chép tên hết cả, tổng danh cho là trộm.

Xét - Đỗ Dự bảo chép trộm là khinh. Khổng Dĩnh Đạt giảng rất kĩ. Thạch Giới bảo là vua Sái không có bầy tôi. Gia Huyền Ông bảo đảng loạn đông, không cần chép hết. Tất cả bàn đều

đúng. Riêng Hồ Truyện trách Sái Hầu, mà về việc thí: giết vua, có ý dung thứ, không thể lấy để răn dạy được, vậy tước bỏ.

蔡公孫辰出奔吳

SÁI, CÔNG TÔN THẦN (THÌN) XUẤT BÔN NGÔ

CÔNG TÔN THẦN NƯỚC SÁI CHẠY TRỐN SANG NƯỚC NGÔ

Quý Bản - Vua Sái Chiêu Hầu bị thí. Thần (Thìn) làm chính Khanh. Cử chỉ tất đáng nghi, cho nên chạy sang Ngô.

葬秦惠公

TÁNG TẦN HUỆ CÔNG

LỄ TÁNG TẦN HUỆ CÔNG

宋人執小邾子

TỐNG NHÂN CHẤP TIỂU CHÂU TỬ

NGƯỜI TỐNG BẮT VUA NƯỚC TIỂU CHÂU

Triệu Bằng Phi - Tiểu Châu Tử vốn là vua nước bé nhỏ. Đã là nước bé nhỏ, tất không dám phạm đến nước Tống. Tống mà bắt, không phải là Tiểu Châu có tội. Chép là người Tống, thì biết ngay là chê.

夏蔡殺其大夫公孫姓公孫霍

HẠ, SÁI SÁT KÌ ĐẠI PHU CÔNG TÔN TÍNH, CÔNG TÔN HOẮC

MÙA HẠ, NƯỚC SÁI GIẾT ĐẠI PHU LÀ CÔNG TÔN TÍNH, CÔNG TÔN HOẮC

晉人執戎蠻子赤歸于楚

TẤN NHÂN CHẤP NHUNG MAN TỬ XÍCH QUY VU SỞ

NGƯỜI TẤN BẮT CHỦ RỢ NHUNG MAN TÊN LÀ XÍCH ĐEM VỀ SỞ

Tả Thị - Mùa hạ, người Sở sau khi đã bình phục được rợ Di Hổ, định xâm phía Bắc. Chức Tả Tư Mã là Phán, vua nước Thân là Thọ Dư, vua nước Diệp là Chư Lương, cho dân Sái định cư tại đất Phụ Hàm, cho dân ở ngoài các thành Phương Thành tới định cư tại đất Tăng Quan. Nói rằng: Quân Ngô sẽ ngược dòng sông Giang để vào thành Dĩnh. Ta cần phải cấp tốc thi hành mệnh lệnh. Công việc định làm xong trong một đêm. Thế là đánh úp thành Lương và thành Hoắc (của dân Man). Đan Phù Dư vây thành Man. Người Man tan vỡ. Chủ tên là Xích, trốn đến đất Âm Địa nước Tấn. Tư mã Phán gióng giả dân Phong, dân Tích (hai ấp Sở) và người Nhung Địch, cùng với gần đất Thượng Lạc. Tướng Tả quân thì đóng ở chân núi Thảo Hòa. Tướng Hữu quân đóng ở Thương Dã, Xứ Âm Địa có Sĩ Miệt tướng nước Tấn, theo mệnh Tấn đóng giữ. Tư Mã cho tới nói: Tấn và Sở có hiệp ước. Nếu đại phu cứ theo hiệp ước, cùng chiến hoặc hòa với các nước khác, thì may cho quốc quân tôi. Nếu ngài không theo hiệp ước thì tôi xin hẹn gặp ở biên giới Tiểu Tập để được biết ý ngài.

Sĩ Miệt hỏi Triệu Mạnh, Triệu Mạnh bảo: Nước Tấn chưa yên, sao nên bất hòa với Sở. Cần gấp đi với Sở. Sĩ Miệt mới gọi dân rợ Nhung ở Cửu Châu (ở đất Âm Địa trong địa phận Tấn) hẹn sắp lấy đất cho Chủ rợ Man, rồi xây thành cho. Thế rồi lại bói rùa về việc xây thành. Man Tử, chủ rợ Man, đợi bói. Thế là Miệt bắt luôn Man Tử cùng năm đại phu, giải tới cho quân đội Sở, lúc đó ở đất Tam Hộ. Tư Mã Phán mới bàn định, cho Man Tử một ấp và xây Thái miếu cho. Vì thế dụ được tất cả dân Man tới. Phán bắt được đem hết về quốc đô Sở.

Phụ Hàm là ấp Sở. Tăng quan là đất Sở. Lương và Hoắc là ấp của Man Tử. Âm Địa ở phía bắc Hà Nam. Phong và Tích là ấp Sở. Thỏ Hòa Sơn, ở phía đông Thượng Lạc. Thương Dã

ở huyện Thượng Lạc. Tiểu Tập ở huyện Thương, nay là Vũ Quan, Tam Hộ, nay ở huyện Đan Thủy còn đình Tam Hộ.

城西郛

THÀNH TÂY PHU

XÂY THÀNH TÂY PHU

Đỗ Dự - Xây thành để phòng giữ Tấn.

六月辛丑亳社災

LỤC NGUYỆT, TÂN SỬU, BẠC XÃ TAI

THÁNG 6, NGÀY TÂN SỬU, BẠC XÃ BỊ CHÁY (CÔNG THỊ VIẾT CHỮ BẠC THÀNH CHỮ BỒ)

Công Thị - Bồ Xã là gì? Là nền xã của nước đã mất (triều đại Ân) có xây dựng, nền xã của nước đã mất, trên che kín, dưới đóng kín. Chép đây là chép một tai biến.

Cốc Thị - Bạc Xã, nền xã nước đã mất, có ý để cho đời sau lấy làm răn, dựng lên, trước Thái miếu, mái thấp, cửa kín.

Đỗ Dự - Cháy đây là lửa tự trời. Bạc xã là xã triều đại Ân, chư hầu đều có, có để lấy nước đã mất làm răn.

秋八月甲寅滕子結卒

THU, BÁT NGUYỆT, GIÁP DẦN, ĐẰNG TỬ KẾT TỐT

MÙA THU, THÁNG 8, NGÀY GIÁP DẦN, VUA NƯỚC ĐẰNG, ĐẰNG TỬ, TÊN LÀ KẾT, MẤT

冬十有二月葬蔡昭公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, TÁNG SÁI CHIÊU CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, LỄ TÁNG SÁI CHIÊU CÔNG

葬滕頃公

TÁNG ĐẰNG KHOẢNH CÔNG

LỄ TÁNG ĐẰNG KHOẢNH CÔNG

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, tháng 7, Trần Khất Huyền Thi, nước Tề và Ninh Quy nước Vệ, cứu họ Phạm. Ngày Canh Ngọ cả bọn vây đất Ngũ Lộc. Tháng 9, Triệu Ưởng vây Hàm Đan. Mùa đông tháng 11, Hàm Đan hàng. Tuân Dần chạy đến Tiển Ngu. Còn Triệu Tắc chạy đến Lâm. Tháng 12, Huyền Thi đến đón Tuân Dần, rồi phá hủy hào lũy Lâm. Quốc Hạ đánh vào Tấn, lấy đất Hình, đất Nhâm, đất Loan, đất Hao, đất Nghịch Chỉ, đất Âm Nhân, đất Vu, đất Hồ Khẩu. Hợp với dân Tiển Ngu, đưa Tuân Dần tới ở đất Bá Nhân.

Lâm, Hao, Bá Nhân, đều là ấp Tấn. Loan, Nghịch Chỉ, Hồ Khẩu, cũng là đất Tấn.

Năm Tân Hợi. Vua Kính Vương, năm thứ 30.

五年

NGŨ NIÊN

NĂM THỨ 5

Tấn Định, năm thứ 22. Tề Cảnh, năm thứ 58. Vệ Xuất, năm thứ 3. Sái Thành Công Sóc, năm đầu. Trịnh Thanh, năm thứ 11. Tào Dương, năm thứ 12. Trần Mẫn, năm thứ 12. Kỉ Hi, năm thứ 16. Tống Cảnh, năm thứ 27. Tần Điệu, năm thứ 2. Sở Chiêu, năm thứ 26. Ngô Phù Sai, năm thứ 6.

春城毗

XUÂN, THÀNH TỲ

MÙA XUÂN, LỖ XÂY THÀNH TÌ

夏齊侯伐宋
HẠ, TỀ HẦU PHẠT TỐNG
MÙA HẠ, TỀ HẦU ĐÁNH NƯỚC TỐNG

Cao Kháng - Tề mà phạt Tống là mong làm Bá chủ.

晉趙鞅帥師伐衛
TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ PHẠT VỆ
TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC VỆ

Tả Thị - Mùa xuân, Tấn vây đất Bá Nhân. Tuân Dần và Sĩ Cát Xa (hoặc Phạm Chiêu Tử, hoặc Phạm Cát Xạ) chạy tới nước Tề. Xưa, Vương Sinh là gia thần họ Phạm ghét Trương Liễu Sóc (cũng là gia thần họ Phạm) có nói với Chiêu Tử xin cho hắn làm Tể ở Bá nhân. Chiêu Tử nói: Có phải là người thù của ngươi không. Vương Sinh đáp: Thù riêng không liên quan gì đến việc công. Yêu không nên quên điều xấu, ghét không nên bỏ điều tốt. Đó là nghĩa phải như thế. Tôi đâu dám trái. Đến khi Phạm Thị bỏ chạy, Trương Liễu Sóc bảo con: Con đi theo chủ, cố gắng đi. Cha ở đây. Chết ở đây. Vương sinh đã giao cho cai quản, cha không bỏ nhiệm vụ được. Rồi sau chết ở Bá Nhân. Mùa hạ, Triệu Ưởng đánh Vệ là vì Phạm Thị (Vệ giúp Phạm thị), và vây cả đất Trung Mâu.

秋九月癸酉齊侯杵臼卒
THU, CỬU NGUYỆT, QUÝ DẬU, TỀ HẦU, CHỬ CỮU TỐT
MÙA THU, THÁNG 9, NGÀY QUÝ DẬU, TỀ HẦU LÀ CHỬ CỮU MẤT

Tả Thị - Yên cơ nước Tề (vợ Cảnh Công) có một con. Chết non. Trong các con do thiếp sinh ra, có Công Tử Đồ, con Dục Tự, được vua yêu. Các quan sợ Đồ được làm Thế Tử nối nghiệp, cho nên có nói với Cảnh Công: Nhà vua tuổi đã cao mà chưa

định con nối ngôi, xin nghĩ cho. Vua nói: Các quan đừng lo ngại cứ vui, sao lại lo không có vua. Khi vua có bệnh nặng, mới truyền cho Quốc Huệ Tử, (Quốc Hạ), Cao Chiêu Tử (Cao Trương) lập Công Tử Đồ và đặt các Công Tử khác ở đất Lai. Mùa thu, Tề Cảnh Công mất. Mùa đông, tháng 10, con khác là Gia, Câu, Kiềm chạy sang nước Vệ. Công Tử Sừ và Công Tử Dương Sinh chạy sang nước Lỗ. Vì việc ấy dân đất Lai có đặt câu vè: Cảnh Công đã chết. Không về chôn cất. Việc nước họp ba quân. Không cùng tướng dự bàn. Người đông làm sao. Muốn đến đất nào. Lai: đất phía đông nước Tề, nơi biên giới.

冬 叔 還 如 齊

ĐÔNG, THÚC HOÀN NHƯ TỀ

MÙA ĐÔNG, LỖ THÚC HOÀN SANG TỀ (DỰ TÁNG VUA TỀ)

Phụ lục Tả Truyện - Tứ Tần nước Trịnh giàu mà xỉ. Hàng Hạ đại phu mà ngoài sân lúc nào cũng sẵn xe ngựa, y phục như của đại thần. Người Trịnh ghét rồi giết đi. Tử Tư nói: Kinh Thi có câu: "Ở ngôi không nhác, dân được yên". Không làm phận sự mình mà được lâu thì ít lắm. Trong Kinh Thư, thiên Thương Tụng có câu: "Không ở lêu lổng, không dám lười nhác, trời mới cho nhiều phúc".

閏 月 葬 齊 景 公

NHUẬN NGUYỆT, TÁNG TỀ CẢNH CÔNG

THÁNG NHUẬN, LỄ TÁNG TỀ CẢNH CÔNG

Công Thị - Tháng nhuận không chép. Đây sao chép. Vì lễ táng tính vào tháng nhuận. Táng mà tính thế là tính không kĩ.

Cốc Thị - Nhuận thì không cho là tháng chính.

Từ Ngạn - Trong sách Trịnh Chí có câu hỏi: Tháng nhuận không có lễ cáo sóc, nhưng vẫn có tế miếu, Cốc Lương thì bảo tháng nhuận là tháng phụ gom góp các ngày thừa. Về việc tang không có kể.

Lại đến chuyện Lỗ Ai, năm thứ năm, tháng nhuận, táng Tề Cảnh Công. Công Dương thì bảo, tháng nhuận không chép, đây sao lại chép. Việc táng mà tính số nhuận là tính không kĩ. Xét nghĩa hai Truyện đều trái với lễ. Nay nên quyết định ra sao. Đáp: Cứ lễ cư tang, thì tính kể tháng. Nhưng tháng nhuận thì lấy năm tính, tuy có nhuận mà tang không tính đến. Thế thì ý Trịnh thị, phải hiểu là, chỗ nói việc tang không tính, tức là, tang ba năm tính năm. Chỗ nói việc tang cứ tính, tức là tang dưới ba năm. Còn như ý của Cốc Lương, thì tang dưới ba năm, và việc táng (chôn) đều không tính tháng nhuận.

Trần Nhạc - Tang ba năm là 25 tháng. Ví như tính cả tháng nhuận, thì cũng vẫn ở trong hai năm là 25 tháng, không gọi là ba năm được. Ví như tính và chép cả tháng nhuận, thì mọi việc băng, hoăng tốt, táng đều nên chép cả, có riêng gì ở đây. Tôn Phục thì nói, về việc tang, tháng nhuận không tính, táng Tề Cảnh Công vậy là phi lễ. Thời gian Xuân Thu, 242 năm, chép thuận duy chỉ có thời Văn Công, năm thứ 6, mà không báo cáo tháng, và năm nay, Tề Cảnh Công, thế là chê việc khác thường. Vả lại, tang ba năm, về lễ tiểu tường (đầy năm) đã có tháng định trước. Phi lễ thì biết ngay.

Lưu Sưởng - Về việc táng (chôn), thì tính tháng. Vậy tính tháng nhuận là phải, sao lại bảo là bất chính. Triệu Bằng Phi có nói: Việc tang thì lấy năm tính, là nói về kì hạn mà không nói nhuận, lấy tháng kể, thì nhuận cũng là tháng, sao lại không kể.

Vương Tiều - Xét Thành Công năm thứ 9, Cốc Lương Truyện chép: Tháng phụ là góp các ngày thừa. Thiên Tử vì thế không có lễ cáo sóc, mà việc Tang không tính. Ý Cốc Lương là từ dưới tang ba năm và lễ chôn đều không tính tháng nhuận. Ý Cốc Lương không giống Công Dương. Công Dương nói: Các tang chín tháng, năm tháng, ba tháng, đã tính tháng như thế thì phải tính cả tháng nhuận. Thế cho nên, lễ táng (chôn) cũng tính nhuận, Thiên Tử thì bảy tháng, chư hầu thì năm tháng, đại phu thì ba tháng, hàng sĩ thì qua tháng, đó là cớ tính tháng mà chôn. Cứ như thuyết Cốc Lương thì Tề Cảnh Công chết tháng 9, nếu kể cả tháng nhuận thì hết năm tháng

là vừa cuối năm lễ táng, thế là mất cái nghĩa tính toán trong việc tang, Xuân Thu chê. Cho nên Cốc Lương bàn: nhuận không cho là tháng chính.

Xét - Về thuyết tính tháng nhuận, hay không tính tháng nhuận, hai Truyện Cốc thị, Công thị không giống nhau. Theo Công Dương thì có Lưu Sướng, Triệu Bằng Phi. Theo Cốc Lương, thì có Trần Nhạc, Tôn Phục. Theo cả hai thì có Từ Ngạc, Vương Tiều. Nay đề nguyên cả các lời bàn, để đợi khảo cứu sau.

Năm Nhâm Tí. Vua Kính Vương, năm thứ 31.

六 年

LỤC NIÊN

NĂM THỨ 6

Tấn Định, năm thứ 23. Tề An Nhụ Tử Đồ năm đầu. Vệ Xuất, năm thứ 4. Sái Thành, năm thứ 2. Trịnh Thanh, năm thứ 12. Tào Dương, năm thứ 12. Trần Mẫn, năm thứ 13. Kỉ Hi, năm thứ 17. Tống Cảnh, năm thứ 28. Tần Điệu, năm thứ 3. Sở Chiêu, năm thứ 27. Ngô Phù Sai, năm thứ 7.

春 城 郰 瑕

XUÂN, THÀNH CHÂU HÀ

MÙA XUÂN LỖ XÂY THÀNH CHÂU HÀ

晉 趙 鞅 帥 師 伐 鮮 虞

TẤN TRIỆU ƯỞNG, SUẤT SƯ PHẠT TIỂN NGU

TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH TIỂN NGU

Tả Thị - Mùa xuân, Tấn đánh ấp Tiển Ngu, để dẹp loạn gây nên bởi họ Phạm. (Tiển Ngu giúp).

吳伐陳

NGÔ PHẠT TRẦN

NƯỚC NGÔ ĐÁNH NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Nước Ngô đánh nước Trần để báo thù. Vua Sở nói: Tiên quân có lễ thề với Trần, không thể không cứu. Mới cứu Trần, đóng quân ở Thành Phủ.

夏齊國夏及高張來奔

HẠ, TỀ QUỐC HẠ, CẬP CAO TRƯƠNG LAI BÔN

MÙA HẠ, QUỐC HẠ, CÙNG CAO TRƯƠNG NƯỚC TỀ TRỐN CHẠY TỚI LỖ

Tả Thị - Trần Khất nước Tề giả làm trung thành với Cao và Quốc. Mỗi khi họ Cao hay họ Quốc vào triều, thì Khất lên xe ngồi hầu. Lần nào cũng nói xấu các đại phu: Bọn này kiêu ngạo, không coi lệnh ngài ra gì, còn bảo rằng. Cao Thị, Quốc Thị được gần vua, bức hiếp mình. Sao mình không trừ khử họ. Nhất định họ mưu hại ngài. Ngài nên liệu trước, và không gì bằng giết cả lũ. Chậm là không nên". Khi tới triều, thì lại nói rằng: "Họ là giống hổ lang, thấy tôi ở bên ngoài, thì thế nào cũng có ngày giết tôi. Xin ngài cho tôi ra chỗ tôi (ở địa vị đại phu)". Khi tới giữa bọn đại phu, thì lại nói với bọn ấy rằng: "Hai họ Cao, Quốc làm bậy, cậy thế vua định hại các ông đấy. Có than rằng, nước mà nhiều nạn là vì nhiều đại phu được vua tin dùng, phải trừ hết thì vua mới mong yên, họ định mưu cả rồi, các ngài rồi hối không kịp". Bọn đại phu bị thuyết nghe ngay. Mùa hạ tháng 6, ngày Mậu Thìn, Trần Khất, Bào Mục cùng các đại phu đem giáp binh vào cung vua. Chiêu Tử (Cao Trương) nghe tin, cùng Huệ Tử (Quốc Hạ) lên xe để tới cung. Đánh nhau ở một đường ngã ba. Quốc và Cao kém thế thua. Dân đuổi theo. Quốc hạ chạy tới nước Cử. Rồi tới nước Lỗ, cùng với Cao Trương, Yến Ngữ, Huyền Thi.

叔還會吳于楂

THÚC HOÀN HỘI NGÔ, VU TRA

LỖ THÚC HOÀN HỘI VỚI NƯỚC NGÔ TẠI ĐẤT TRA

秋七月庚寅楚子軫卒

THU, THẤT NGUYỆT, CANH DẦN, SỞ TỬ CHẨN TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY CANH DẦN, VUA SỞ TÊN LÀ CHẨN MẤT

Tả Thị - Mùa thu, tháng 7, Sở Tử ở Thành Phủ, sắp cứu nước Trần. Bói về việc chiến tranh. Quẻ xấu. Bói về việc rút lui. Quẻ xấu. Vua nói: Thế là chết. Chứ không để cho Ngô lại đánh thua nữa, chết còn hơn. Bỏ đồng minh, trốn kẻ thù cũng không bằng chết. Đã chết, thì chết về tay kẻ thù. Mới sai Công Tử Thân làm vua. Thân không chịu. Vua sai Công Tử Kết. Cũng không chịu. Mới sai Công Tử Khải. Từ chối năm lần rồi chịu. Sắp đánh trận, thì vua ốm. Ngày Canh Dần, vua đánh vào ấp Đại Minh, nơi quân Ngô đóng, rồi mất ở Thành Phủ. Tử Lư (Công Tử Khải) từ chức và nói: Vua không để ngôi cho con, mà nhường cho bầy tôi, đâu dám không tuân mệnh. Tuân mệnh là thuận. Lập con vua cũng là thuận. Cả hai đều phải. Mới cùng bàn với Tử Tây (Công Tử Thân), Tử Kì (Công Tử Kết). Giấu tin vua mất, không cho quân đội biết, chặn các đường đi để tin không truyền được. Cho người mời Chương là con vua với bà Phi người nước Việt lập lên ngôi. Xong việc rồi, Khải trở về với quân đội.

Năm đó, trong luôn ba ngày, một đám mây bay quanh mặt trời, như hình bầy chim. Chiêu Vương cho hỏi Thái sử giữ Chu lễ. Thái sử nói: Điềm ứng vào bản thân nhà vua. Nếu lễ giải sẽ rời đến quan Lệnh Doãn hay quan Tư Mã (các đại thần). Vua nói: "Tật ở tâm can, cho rời ra chân tay thì cũng thế, vô ích. Nếu bất tài này mà không có tội, chả lẽ trời bắt chết ngay. Nếu có tội thì cứ chịu phạt, chứ sao lại đổ cho người khác. Tựu chung vua không lễ giải. Trước kia, Chiêu Vương đã bị ốm. Bói cho biết tai họa bởi thần sông Hà. Cần phải tế. Vua không tế.

Đại phu xin tế Giao (tế trời). Vua nói: "Về thời tam đại, việc tế lễ có ấn định. Người tế không được vượt ngôi thứ, quyền hạn. Sở thì chỉ tế thần các sông Hán, Tuy, Chương, Giang. Họa phúc mà tới, cũng không được tế sai ấn định đó. Quả nhân tuy không có đức, quả nhân có làm gì nên tội với thần sông Hà". Thế là không tế. Khổng Tử nói: Sở Chiêu Vương đã hiểu đại đạo, không mất nước là phải. Trong Hạ Thư có câu: Các vua Đào Đường, đã theo đạo trời, có được đất Kí. Nay đã bỏ đạo, kỉ cương sinh rối loạn, tất suy, rồi mất. Lại có câu: Thực tâm đề nghị, tôi đã chọn kĩ. Cứ coi các câu đó, một người đã theo đúng đạo thường là hay lắm. Đại Minh là đất nước Trần.

Phụ lục Tả Truyện - Tháng tám, Bình Ý Tư chạy tới Lỗ.

齊 陽 生 入 于 齊 齊 陳 乞 弑 其 君 途

TỀ DƯƠNG SINH NHẬP VU TỀ,
TỀ TRẦN KHẤT THÍ KÌ QUÂN ĐỒ

DƯƠNG SINH NƯỚC TỀ TRỞ VÀO TỀ
TRẦN KHẤT GIẾT VUA LÀ ĐỒ

Tả Thị - Trần Hi Tử (Trần Khất) cho người mời Dương Sinh con vua Cảnh Công. Dương Sinh cho giong xe ngựa tới thăm anh là Thá Vu (Công Tử Sừ) ở phía nam, ngoài thành nước Lỗ, nói rằng: "Tôi đã biếu ngựa cho Quý Tôn, nhưng ngựa ấy không phải để giong vào xe bậc trên. Tôi sẽ hiến bầy ngựa này. (Một cớ để hai người mật bàn việc). Xin cùng Công Tử đi thử". Thế là cùng ra khỏi thành ấp Lai. Dương Sinh kể hết tình thế cho Thá Vu. Hám Chỉ (gia thần của Dương Sinh) đã dò biết ý chủ, mới không đợi lệnh, đi ra chực ở ngoài cõi để được cùng đi về Tề với chủ. Công Tử bảo chưa biết kết quả hay, hay dở. Hãy cứ trở lại quốc đô Lỗ trông coi. Nhâm, con ta, mà phải cẩn thận. Công Tử dặn dò xong rồi lên đường. Đêm tới quốc đô Tề. Dù đêm, dân cũng biết, tuy nhiên không hại, vì đã theo về Trần Khất. Trần Khất (Hi Tử) sai mẹ Tử Sĩ trông coi ăn uống (tức là thiếp của Trần Khất, Tử Sĩ là con). Rồi đưa vào cung với bọn các quan thường trực. Mùa đông, tháng 10, ngày Đinh Mão, lập lên ngôi.

Sắp lễ thề. Bào Tử say rượu, tới triều để dự thề. Gia thần là Bào Điểm hỏi: Ai cho gọi người này (Dương Sinh). Trần Khất nói dối: Bào Tử cho lệnh. Rồi đánh lừa, gán cho Bào Tử rằng: (Bào Tử đang say): Ngài đã gọi Dương Sinh về. Bào Tử nói: "Thời vua Cảnh Công giả làm bò, buộc dây vào răng cho con là Đồ kéo, gẫy hai răng, ngươi quên thời ấy rồi chăng. Bây giờ người phản cả cha lẫn con". Điệu Công (tức là Dương Sinh) (sợ bị Bào Tử giết), rạp đầu nói: "Ngài chỉ làm việc theo nghĩa. Nếu tôi đáng ở ngôi, chắc là không một đại phu nào bị chết. Nếu tôi không đáng chết, chắc không một công tử nào chết. Theo nghĩa, thì tiến. Không, thì lùi. Dù sao, vẫn là theo ý ngài. Dù tôi được hay không được, cũng không có xảy ra loạn. Đó là nguyện ước của tôi". Bào Tử nói: Ai chả là con tiên quân. Nói xong Bào Tử chịu thề, (tức là chấp thuận). Điệu Công mới cho Hồ Cơ thiếp của Cảnh Công, cùng với con nhỏ, tới ở ấp Lại, đuổi Dục Tự đi (mẹ Công Tử Đồ), giết Vương Giáp, bắt giam Giang Duyệt, tù Vương Báo tại gò Câu Đậu. Công lại sai Chu Mao bảo Trần Khất rằng: "Không có đại phu, tôi không tới được địa vị này. Dù sao thì vua cũng khác một đồ vật, không thể cùng có hai được. Đồ dùng có hai thì không sợ thiếu. Nhưng vua mà có hai thì sinh ra lắm chuyện khó khăn, xin báo cho đại phu biết". Hi Tử (Trần Khất) làm thinh rồi khóc nói rằng: "Các vua không tin được quần thần hay sao. Chỉ vì nước Tề đang ở trường hợp đói khó lại thêm chiến tranh, một vua nhỏ như Công Tử Đồ, không định đoạt việc lớn được, tôi phải tìm một vị lớn tuổi (Dương Sinh), cho là có thể khoan dung đối với quần thần. Nếu không có cớ, thì vua nhỏ đâu có tội gì". Mao về tâu lại. Điệu Công cũng hối. Mao nói: "Nhà vua trong các việc lớn thì cần hỏi ý kiến Trần Khấc, còn các việc nhỏ (ý nói giết Đồ) thì tự quyết lấy". Điệu Công mới sai Mao thiên Đồ đến ấp Đài. Chưa đến nơi thì Mao giết ở ngoài cõi, trong trướng, rồi chôn ở đất thù Mạo Thuần.

Công Thị - Giết vua rồi lập vua, không dùng những chữ đương quốc. Đương quốc là cáng đáng việc nước, cầm quyền chính. Ở đây, lại lấy lí đương quốc là tại sao. Là dối giá. Dối thế nào. Cảnh Công bảo Trần Khất rằng: Ta muốn lập Xá (tên Đồ Công thị viết là Xá) thì thế nào. Trần Khất nói: Cho là làm được

mà muốn lập thì lập, không muốn lập thì đừng. Nhà vua nếu muốn lập thì thần xin cứ lập. Dương Sinh bảo Trần Khất rằng: Tôi nghe ông như không muốn lập tôi. Trần Khất đáp: Xét vua nước chư hầu muốn bỏ chính mà lập bất chính, tất phải giết chính đi. Tôi không lập Công Tử là để cho Công Tử sống. Chạy đi thôi. Mới đưa cho ngọc Tiết mà giúp cho chạy đi. (Ngọc Tiết là thoi ngọc, bẻ, mỗi người giữ một nửa, làm dấu hiệu để sai người đi lại, giao thiệp, có thể tin được). Cảnh Công chết. Công Tử Xá lập. Trần Khất cho người đón Dương Sinh đưa tới nhà mình. Vì lễ trừ tang Cảnh Công, các đại phu đều ở triều. Trần Khất nói: Nhà tôi có kị, có chút canh rau, xin mời quý đại phu cứ tự nhiên tới cho. Các đại phu vâng. Thế là tới nhà Trần Khất. Khất mời ngồi, rồi nói: Tôi có được bộ giáp mới, xin quý vị coi. Mọi người vâng. Thế là mấy lực sĩ khiêng một cái túi lớn để dưới hiên. Các đại phu trông thấy đều kinh hãi. Mở ra thì thấy đầu người thò ra, chính là Công Tử Dương Sinh. Trần Khất nói: Đây là vua ta. Các đại phu bất đắc dĩ đều lần lượt quay lại chầu, rạp đầu hai lạy công nhận. Từ đó mới tới việc giết Xá.

Cốc Lương - Dương Sinh vào nước và giết vua đều do Trần Khất chủ việc. Tại sao. Vì không để Dương Sinh coi Đồ là vua. Là vì sao. Vì Dương Sinh là chính, Đồ là bất chính. Bất chính mà lại là vua là sao. Đồ tuy bất chính nhưng đã được mệnh của vua cũ. Người ở ngoài vào, dân trong không nhận. Nhưng Đồ đã bất chính, thì việc không nhận cũng không quan hệ gì. Vì Đồ đã thụ mệnh thì dân không chịu Dương Sinh là phải. Dương Sinh chép là Tề Dương Sinh là sao. Là vì lấy nước của Đồ vậy.

Đỗ Dự - Giết Đồ là Chu Mao và Dương Sinh mà lại chép là Trần Khất giết để cho rõ Khất lập Dương Sinh mà Đồ bị giết thì nạn do Khất gây ra. Những hạn như Công Tử Tị, Trần Khất, tưởng là có thể tránh tiếng được, cho nên Xuân Thu chép rõ là giết vua.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo rằng: giết vua rồi lập vua, không dùng chữ đương quốc, mà đây lại chép đương quốc là thế nào. Là dối dá Công Dương bàn thế sai. Cứ như thuyết Công Dương thì, Dương Sinh với Thương Nhân giống nhau, giết mà để mình thay làm vua, tương tự như Thương Nhân. Dương Sinh

thì dối dá mà giết. Thương Nhân cũng dối dá mà giết. Cái nguyên cớ dối có khác, nhưng vẫn cùng là dối. Nay cớ gì Dương Sinh và Thương Nhân lại khác nhau đến thế. Công Dương vốn dẫn việc Thương Nhân để cầu hợp hai việc như nhau nhưng việc thì cùng, mà văn lại khác, vì thế lại thành ra trái nhau mới biết lệ định không được rõ, càng bàn càng sai. Hà Hưu bàn rằng không cho là Dương Sinh giết, vì sự dối dá là do Khất. Tuy nhiên cũng là loại Công Tử Tị, Công Tử Tị, Công Tử Khí Tất giá như đến chết đừng nghe, thì không bị tội giết vua. Dương Sinh giá đến chết đừng nghe, thì không bị tội giết vua. Công Tử Tị là thủ phạm, Dương Sinh không là thủ phạm, là tại sao. Cốc Lương bảo, Dương Sinh chính, Đồ bất chính. Tuy nhiên Đồ theo mệnh, Dương Sinh không theo mệnh. Như thế là Dương Sinh có tội với vua trước. Đồ đã là vua. Giết người mà vua trước đã truyền ngôi cho, thế là thí vua. Thế thì sao nói được là Dương Sinh không nhận Đồ là vua. Giả như, tiên quân phế bỏ Dương Sinh, mà việc phế bỏ là phi nghĩa, thì đã có Thiên Tử, có Bá chủ xét trị. Nay bản thân giết vua mà Xuân Thu lại còn đem tội đó gieo cho Trần Khất là sao. Vả lại, giá như Trần Khất không có dự mưu việc Dương Sinh thì chả lẽ Xuân Thu đi ép buộc một vị Khanh vào tội giết vua hay sao. Thế thì Trần Khất chủ việc Dương Sinh mà giết Đồ là rõ ràng lắm.

冬仲孫何忌帥師伐邾

ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỊ SUẤT SƯ PHẠT CHÂU

MÙA ĐÔNG, TRỌNG TÔN HÀ KỊ CẦM QUÂN PHẠT NƯỚC CHÂU

Cao Kháng - Người Lỗ tất là muốn diệt nước Châu cho xong. Từ Lỗ Công lên ngôi đến giờ, bốn lần đem quân đến nước Châu. Rồi năm sau, nước Châu bị chiếm.

宋向巢帥師伐曹

TỐNG HƯỚNG SÀO SUẤT SƯ PHẠT TÀO

HƯỚNG SÀO, NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TÀO

Năm Quý Sửu. Vua Kính Vương, năm thứ 32.

七 年
THẤT NIÊN
NĂM THỨ 7

Tấn Định, năm thứ 24. Tề Điệu Công Dương Sinh năm đầu. Vệ Xuất, năm thứ 5. Sái Thành, năm thứ 3. Trịnh Thành, năm thứ 13. Tào Dương, năm thứ 14. Trần Mẫn, năm thứ 14. Kỉ Hi, năm thứ 18. Tống Cảnh, năm thứ 29. Tần Điệu, năm thứ 4. Sở Huệ Vương Chương, năm đầu. Ngô Phù Sai, năm thứ 8.

春 宋 皇 瑗 帥 師 侵 鄭
XUÂN, TỐNG HOẢNG VIỆN SUẤT SƯ XÂM TRỊNH
MÙA XUÂN, HOÀNG VIỆN NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TRỊNH

Tả Thị - Năm thứ 7, mùa xuân quân Tống xâm Trịnh, lấy cớ Trịnh phản Tấn.

Lí Liêm - Tống phản Tấn đã từ lâu, đâu có phải vì Tấn mà đánh Trịnh. Tả thị bàn sai.

晉 魏 曼 多 帥 師 侵 衛
TẤN NGỤY VẠN ĐA, SUẤT SƯ XÂM VỆ
NGỤY VẠN ĐA NƯỚC TẤN CẦM QUÂN XÂM NƯỚC VỆ

Tả Thị - Quân Tấn xâm Vệ, vì Vệ không phục Tấn.

夏 公 會 吳 于 鄫
HẠ CÔNG HỘI NGÔ VU TẮNG
MÙA HẠ, LỖ CÔNG HỘI VỚI NGÔ TẠI TẮNG

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công hội với Ngô ở Tắng. Ngô đòi Lỗ nộp một trăm lao, lao là một cặp con bò, dê, lợn. Lỗ Tử Phục Cảnh nói: Xưa, tiên vương chưa từng có chuyện đó. Tướng Ngô

nói: Tống đã cho Ngô tôi trăm lao. Không có lẽ Lỗ lại kém Tống. Vả lại Lỗ đã cho một đại phu Tấn trên mười lao, thì có cho vua Ngô một trăm lao cũng được chứ sao. Cảnh Bá đáp: Phạm Ưởng nước Tấn tham mà bỏ lễ. Nước Tấn lớn, nước Lỗ tôi nhỏ, phải sợ, cho nên lỗ cho mười một lao. Nếu nhà vua lấy lễ đối với chư hầu, thì đã có con số nhất định. Nếu mà cũng bỏ lễ, thì sự đòi hỏi, sẽ quá. Theo lễ chế nhà Chu vật biếu Thiên Tử không quá 12 con. Số 12 là số lớn nhất của trời. Nay bỏ lễ nhà Chu, mà đòi 100 lao, thì đó là tùy ở các quan bên quý quốc. Người Ngô không nghe. Cảnh Bá nói: Ngô đi đến chỗ mất. Bỏ trời mà phản lại gốc. Không cho thì sẽ thù ta. Thế là Cảnh Bá cho Ngô 100 lao.

Phỉ, chức Thái Tể nước Ngô, cho mời Lỗ Quý Khang Tử tới. Khang Tử sai Tử Cống từ chối. Thái Tử Phỉ nói: Vua thì thường đi đường xa luôn, mà đại phu thì không ra khỏi cửa. Đó là lễ gì. Đáp: Đâu có phải là lễ. Chỉ là sợ nước lớn thôi. Nước lớn mà không lấy lễ để sai khiến các chư hầu, thì chư hầu ước lượng, đoán xét thế nào được ý tứ. Quả quân tôi theo mệnh (đã đến Tăng) thì tướng quốc đâu dám rời khỏi nước (để ai coi). Thái Bá xưa (tổ nước Ngô) đội mũ đen theo đúng phép nhà Chu đã đặt. Trọng Ưng nối ngôi, cắt tóc, vẽ mình. Trang sức như thế hỏi có đúng lễ không. Chắc Trọng Ưng có lí do xử sự (chắc là bắt chước di địch mình đang cùng ở).

Khi Lỗ Công về nước, biết rằng Ngô rồi không làm gì nên việc.

秋 公 伐 邾 八 月 己 酉 入 邾 以 邾 子 益 來

THU, CÔNG PHẠT CHÂU. BÁT NGUYỆT, KỈ DẬU NHẬP CHÂU, DĨ CHÂU TỬ ÍCH LAI

MÙA THU, LỖ CÔNG ĐÁNH NƯỚC CHÂU. THÁNG TÁM NGÀY KỈ DẬU VÀO ĐƯỢC CHÂU. BẮT VUA CHÂU TÊN LÀ ÍCH ĐEM VỀ

Tả Thị - Quý Khang Tử, muốn đánh Châu, mời các đại phu dự tiệc rồi bàn việc. Tử Phục Cảnh Bá nói: Nước nhỏ thờ nước

lớn cốt lấy chữ tín. Nước lớn giữ được cho nước nhỏ cốt ở lòng nhân. Phản nước lớn là bất tín. Đánh nước nhỏ là bất nhân. Thành là để giữ cho dân. Giữ được thành là nhờ đức. Một nước mà nhãng hai điều tín, nhân thì nguy, còn tự giữ nổi sao được. Mạnh Tôn nói: Các ông cho là thế nào. Có nên trái ý người hiền không (chỉ Cảnh Bá). Các đại phu thưa: Vua Vũ xưa họp chư hầu đến muôn nước ở Đồ Sơn. Nay có độ vài chục. Lớn không thương nhỏ. Nhỏ không trung thành với lớn. Nếu biết là nguy, sao lại không nói. Mạnh Tôn nói: Lễ về đức, không hơn gì Châu, mà đem nhiều quân tràn sang, có nên không. Các đại phu không vui, ra về.

Mùa thu, Lỗ phạt Châu. Quân tiến tới cửa Phạm môn, quốc đô Châu, còn nghe tiếng âm nhạc Châu. Các đại phu báo cáo, vua Lỗ còn không tin. Đại phu, Thành Tử coi đất Mao bàn xin các với nước Ngô. Châu Tử không cho và nói: Tiếng mõ điểm canh ở Lỗ ở đây ta nghe thấy. Còn như Ngô thì cách xa hai ta nghìn dặm. Quân đội có đến được cũng phải ba tháng. Cứu ta thế nào được. Vả lại, trong nước ta đủ để chống giữ. Thành Tử không tuân lệnh nữa, và lấy toàn dân ấp Mao chống giữ. Quân đội Lỗ vào được quốc đô Châu, chia nhau ở các cung điện. Quân đội ngày đêm cướp bóc của dân chúng. Dân chạy tránh tới núi Dịch. Quân đội Lỗ bắt vua Châu đem về Lỗ, đưa tới làm lễ tại nền xã Bạc xã. Rồi bắt giam ở đất Phụ Hà. Vì thế, về sau ở Phụ Hà có nhiều người nguyên từ đất Dịch tới.

Đại phu, Di Hồng coi ấp Mao nước Châu lấy vải lụa, đồ da, yên cương làm đồ lễ tự cho đem tới nước Ngô, xin Ngô cứu và nói: "Lỗ nhờ được Tấn đã suy kém. Ngô thì ở xa, cậy có nhiều quân đã phản bội minh ước với Ngô, khinh thị các quan nước Ngô để áp bức nước Châu tôi nhỏ yếu. Không phải riêng gì cho nước Châu, mà còn có hại cho nước Ngô, e rằng, uy tín nước Ngô đối với tiểu nhược quốc không vững. Tiểu nhược quốc sẽ bị lo ngại. Mùa hạ Lỗ thề với Ngô ở đất Tắng. Mùa thu đã bội ước, đã muốn chi được nấy. Như thế thì các nước bốn phương còn thờ Ngô làm gì. Vả lại Lỗ có tám trăm cỗ xe ngang với nước Ngô. Châu có sáu trăm cỗ, nay là của nhà vua cả đấy. Bỏ Châu tức

là bỏ cả cho bên địch. Xin nhà vua xét nghĩ". Vua Ngô cho là phải.

Công Thị - Quân đội vào thì không có nói là phạt, là đánh, là sử Lỗ chép, coi như người nước khác. Vua Châu Lâu tên là Ích. Sao lại chép tên. Thế là dứt, là tuyệt, vì đã bị bắt. Sao không chép bắt. Vì là sử Lỗ, kiêng việc quá xấu.

Cốc Thị - Dùng chữ "dĩ: đem" tức là không nên đem. Chép tên Ích là chê. Kinh Xuân Thu có lời dùng nói đến cả thiên hạ, có lời dùng nói riêng một nước, có lời dùng nói đến một nhà. Đây dùng chữ Lai là lại, là lời coi nước Lỗ như mọi nước khác.

Trần Khuông - Cốc Lương bảo chép là lại,là dùng lời coi Lỗ như mọi nước khác. Tôi thì cho chữ lai: lại, càng rõ là Lỗ. Chứ không phải nước khác. Như "Kỉ Bá cơ lại" thì đâu có phải coi Lỗ như mọi nước khác.

Trần Nhạc - Đánh trận mà bắt được vua, thì cứ nói là bắt được. Vào nước diệt nước mà "đem" vua về, thì cứ nói là đem. Chép về các chư hầu thì dùng chữ "quy: về". Chép về Lỗ, thì dùng chữ "lai: tới".

Lưu Sưởng - Đánh một nước, mà diệt được, đó là nhân dân ai cũng mong mỏi cầu khẩn, đem đồ lễ quý, như ngọc lụa mà lễ mừng. Thế mà người quân tự lại kiêng, không khoe, không nhận danh, không phải là ghét công danh. Vì công mà không làm gương dạy dỗ được, danh mà không truyền lại được. Việc làm quật lại vào mình ngay. Năm sau "Ngô phạt ta". Lỗ mà còn được chỉ là may mà thôi. Vả lại, mạnh như Ngô mà không lấy được Sở, yếu như Lỗ mà còn lấy được Châu. Khổng Tử có nói: Người ta sống được là phải thẳng. Cong mà sống thì chỉ là may mà thoát. Đúng như trường hợp này, Công Dương bàn là lời nói người Lỗ, mà coi như nói người nước khác. Công Dương bàn sai. Châu, Lỗ giáp giới nhau, cho nên đầu thu, Lỗ đánh Châu, mà tháng tám đã vào Châu, đó là hai việc, theo đúng lí, thì phải cùng chép cả, chứ không phải chép vì việc quan trọng. Vào nước Châu, chép việc như chép việc của một nước khác, nói còn có thể nghe được. Đến như đem vua Châu tới, thì có thể nói là như nước khác được không.

Lại bàn rằng sao không nói là bắt được, là vì ác lớn trong nước kiêng nói. Bàn thế cũng sai. Chư hầu chuyên quyền chinh phạt, vào nước người ta là vì người ta có lỗi. Đã chiến, mà bắt được người, thì người cũng có lỗi. Còn những người bị bắt, có cùng một loại không. Mà đây là tự mình vào rồi đem người về, thế thì không lấy chữ bắt mà thích nghĩa được.

Cốc Lương bàn chép chữ "lai: tới" là coi Lỗ như các nước khác. Cốc Lương bàn sai. Xuân Thu khen hay chê dở, thẳng thắn chép là "vào Châu", lại chép "đem Châu Tử Ích lai tới", thế thì đối với vua, đối với người thân, đâu có che giấu tội lỗi, nghĩa rõ lắm rồi. Há có chỉ vì một điều sai, mà không coi là vua mình nữa chăng. Vả lại, nếu bảo là Xuân Thu mà muốn nể vị vua thì nên chép đem Châu Ích Tử quy (về). Nên chép thế chăng.

Xét chữ quy, đối với người thì được, đối với ta không được. Chữ lai đối với ta được, đối với người không được. Hiểu được ý ấy thì có thể gọi là hiểu văn Xuân Thu.

宋人圍曹冬鄭駟泓帥師救曹

TỐNG NHÂN VI TÀO, ĐÔNG TRỊNH TỨ HOẰNG SUẤT SƯ CỨU TÀO

NGƯỜI TỐNG VÂY TÀO. MÙA ĐÔNG TỨ HOẰNG NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN CỨU TÀO

Tả Thị - Quân Tống vây Tào. Hoàn Tử Tư nước Trịnh nói: Người Tống mà được Tào là mối lo cho nước Trịnh. Phải cứu Tào. Quân Trịnh đi cứu Tào, xâm nước Tống.

Xưa, có một người Tào, mộng thấy các vua chư hầu đứng ở nền xã, bàn việc diệt nước Tào. Thúc Chấn Đạc nước Tào (vua Thủy Tổ nước Tào) xin đợi đến thời Công Tôn Cương. Lời xin được chấp thuận. Sớm dậy tìm tên Cương, không thấy. Người ấy dặn dò lại con rằng: Ta chết rồi, con nghe thấy tên Công Tôn Cương cầm quyền chính thì đi ngay đừng ở lại nước. Đến khi Tào Bá Dương lên ngôi, tính chỉ ưa săn chim muông. Có người ở ngoài biên tên là Công Tôn Cương thích săn bắn, săn được con nhạn trắng đem hiến và nói về phương pháp bắn. Vua

nhân hỏi đến chính trị, rồi thích lắm, cho làm chức Tư Thành, quan coi về Công chính. Con, người nằm mộng thấy thế, dời nước đi ngay. Công Tôn Cương bàn việc Bá chủ, mong vua Tào làm Bá chủ. Vua Tào tin nghe. Rồi phản nước Tấn, xa nước Tống. Tống mới đánh cho, rồi vây ngoài thành Tào, năm đồn ấp là Thử Khưu, Ấp Khưu, Đại Thành, Chung và Vu.

Năm Giáp Dần. Vua Kính Vương, năm thứ 33.

八 年

BÁT NIÊN

NĂM THỨ 8

Tấn Định, năm thứ 25. Tề Điệu, năm thứ 2. Vệ Xuất, năm thứ 6. Sái Thành, năm thứ 4. Trịnh Thanh, năm thứ 14. Tào Dương, năm thứ 15. Trần Mẫn, năm thứ 15. Kỉ Hi, năm thứ 19. Tống Cảnh, năm thứ 30. Tần Điệu, năm thứ 5. Sở Huệ, năm thứ 2. Ngô Phù Sai, năm thứ 9.

春 王 正 月 宋 公 入 曹 以 曹 伯 陽 歸

XUÂN, VƯƠNG, CHÍNH NGUYỆT, TỐNG CÔNG NHẬP TÀO, DĨ TÀO BÁ DƯƠNG QUY

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, VUA TỐNG VÀO NƯỚC TÀO, ĐEM VUA TÀO LÀ TÀO BÁ DƯƠNG VỀ NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa xuân, Tống Công đánh Tào. Sắp đem quân về. Chữ Sư Tử Phì đi đoạn hậu, bị dân Tào chửi rủa, mới dừng lại. Toàn quân đứng đợi. Công nghe nói dân Tào chửi, mới tức giận, truyền cho quay lại, rồi diệt nước Tào, bắt Tào Bá, và Tư Thành, Cương đem về giết đi.

Công Thị - Tào Bá Dương sao chép tên. Là dứt, là tuyệt rồi, vì nước bị diệt. Sao không chép diệt. Vì kiêng cho vua cùng họ. Sao lại kiêng cho vua cùng họ. Vì Lỗ có thể cứu mà không cứu.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo là không chép diệt, kiêng cho vua cùng họ. Công Dương bàn sai. Đương lúc đó, người Lỗ tự cứu còn chưa xong, đâu có cứu được nước cùng họ, mà Xuân Thu đâu có trách. Vả lại trách Lỗ không cứu, mà kiêng chép Tào bị diệt, thế là che đậy cái xấu của Tống Công mà trách Lỗ vô tội thì thật là vô lí.

Xét - Nước Ngu không chép là diệt, vì Tấn còn cho được giữ thờ tôn miếu, mà không cáo với chư hầu việc diệt. Tống vào nước Tề hoặc cũng thế chăng. Thời Mạnh Tử có nói đến tên Tào Giao là em vua Tào, thì thời chiến quốc, Tào vẫn chưa mất, tức là bị diệt mà lại phục hồi được, như loại các nước Trần, Sái, Hứa.

吳伐我

NGÔ PHẠT NGÃ

NƯỚC NGÔ ĐÁNH NƯỚC TA

Tả Thị - Nước Ngô, vì cớ nước Châu, sắp đánh Lỗ, hỏi Thúc Tôn Chiếp, Chiếp bàn: Lỗ có danh mà không có thực, đánh tất là được (Chiếp là đại phu Lỗ trốn sang Ngô). Chiếp ra khỏi cung, kể chuyện lại với Công Tôn Bất Nữu (cũng là đại phu Lỗ như Chiếp). Bất Nữu bảo: Ông làm bậy rồi. Người quân tử mà ẩn tránh, không tới nước thù. Trong nước mà mình ở trọ, nếu chưa nhận được quan chức gì, thì khi hai nước có chiến tranh, phải theo mệnh vua về ngay nước, dù có chết cũng không sao. Cho nên khi đến ở nước nào, thì ẩn giấu, đừng nói đến nước mình, vẫn cứ giữ tình yêu quê hương mình. Nay vì chút căm hờn riêng, ngài muốn hủy tôn miếu xã tắc, thì thật ái ngại. Nếu vua Ngô sai ngài dẫn đường giúp quân đội, ngài phải từ chối. Rồi vua Ngô sẽ sai tôi. Công Tôn Chiếp nghe xong, biết lo sợ. Vua Ngô hỏi Tử Tiết (Công Sơn Bất Nữu). Bất Nữu thưa: Lỗ tuy là nước cô lập, nhưng còn có nhiều người hi sinh vì nước. Chư hầu sẽ tới cứu. Chưa chắc đã thành công. Tấn cùng Tề, Sở sẽ giúp, thế là sinh bốn nước thù. Xét, Lỗ đối với Tề, Tấn, như môi đối với răng. Môi hở, răng lạnh, nhà vua đã biết rõ. Tề, Tấn không thể không cứu được.

Tháng hai, nước Ngô đánh ta. Tử Tiết hướng dẫn quân đội, cho nên đưa vào những con đường ngoắt ngoéo, qua ấp Vũ Thành.

Xưa, có ít người Vũ Thành săn bắn ở biên giới Ngô, có bắt một người đất Tắng làm nghề ngâm gai, se gai, và có hạch rằng: sao mày được làm dơ bẩn nước sông. Đến khi quân Ngô tới người se gai báo thù trước, mới chỉ đường lối cho đánh Vũ Thành. Quân Ngô đánh chiếm được.

Vương Phạm (đại phu Ngô trốn ở Lỗ) làm chức Tể ấp Vũ Thành, lại là bố của Đam Đài Tử Vũ. Dân Lỗ nghi sợ (là thông với các tướng Ngô). Mạnh Ý Tử hỏi Cảnh Bá nên xử sự thế nào. Đáp: Quân Ngô tới. Ta đánh. Có gì mà lo. Dù cho rằng tại ta, thì có làm gì hơn được nữa. Quân đội Ngô đánh được ấp Đông Dương rồi tiến đến đóng tại đất Ngũ Ngô. Hôm sau, tiến đóng tại đất Tàn Thất. Công Tân Canh và Công Giáp Thúc Tử (Lỗ) ứng chiến tại đất Di. Công Giáp Thúc Tử và Tích Chu Sừ bị bắt nộp cho vua Ngô. Vua Ngô nói: Hai người cùng trên một xe; Lỗ còn biết dùng người, chưa có thể hàng phục được.

Hôm sau, Ngô đóng tại đất Canh Tôn, rồi đình tại trên sông Tứ Lỗ, Vi Hổ muốn ban đêm đánh vào trướng vua Ngô. Luyện tập trước trại mình 700 quân thuộc hạ, chọn được 300, trong số đó có Hữu Nhược, học trò Khổng Tử. Khi Vi Hổ tới cửa Bắc Môn, có người nói với Quý Tôn rằng, không đủ để hại Ngô, mà chết hại nhiều quốc sĩ, không nên, Quý Tôn mới ngăn lại. Vua Ngô được biết tin sẽ bị Vi Hổ đánh sợ lắm, một đêm đến ba lần dời chỗ đóng quân.

Người Ngô nghị hòa với Lỗ. Khi sắp thề, Cảnh Bá nói: Người Sở vây Tống, Tống đến đổi con ăn thịt, lấy xương làm củi, mà không bị cảnh thành hạ yêu minh. Ta chưa đến nỗi ấy, sao lại thề. Thề là bỏ nước. Quân đội Ngô ở xa, muốn cho chóng xong, để được về, không ở lâu được, xin hãy đợi. Lời bàn không được chấp thuận. Cảnh Bá mới mang tất cả các bản minh ước đi tới cửa Lai Môn (ý định giao cho Ngô, và tự làm con tin). Lỗ xin cho Cảnh Bá được tự do ở quốc đô Ngô. Lời xin được chấp nhận. Lỗ lại xin giữ lại Vương Tử Cô Tào cho đến khi Cảnh Bá về. Ngô không chấp thuận. Thế là thôi, không nói đến khoảng con tin nữa. Quân đội Ngô thề xong, kéo về.

夏齊人取讙及闡

HẠ, TỀ NHÂN THỦ HOAN CẬP XIỂN

MÙA HẠ, NGƯỜI TỀ CHIẾM ẤP HOAN VÀ ẤP XIỂN

Tả Thị - Tề Điệu Công khi còn là Công Tử Dương Sinh trốn ở Lỗ. Quý Khang Tử có gả em gái cho. Điệu Công khi làm vua cho đón vợ. Nhưng vợ đã thông dâm với Quý Phường Hầu. Thú thật, Quý Khang Tử không dám giao cho sứ giả. Tề Hầu giận. Mùa hạ, tháng 5. Bào Mục nước Tề đem quân đánh Lỗ ta, và chiếm ấp Hoan, ấp Xiển.

Phụ lục Tả Truyện - Hồ Cơ là thiếp Tề Hầu. Có người gièm là Hồ Cơ giúp đảng con Tề Hầu là Công Tử An. Tháng 6, Tề Hầu giết Hồ Cơ.

Công Thị - Nước ngoài chiếm ấp, không chép. Đây sao chép. Là để hối lộ Tề, vì việc đem Châu Lâu Tử Ích tới Lỗ.

Cốc Thị - Chê việc trong nước.

Trình Tử - Trong nước mất đất không chép. Vua bị nhục thì nên kiêng. Không hay giữ được đất nước, nhân dân, thế không phải là vua. Mình thì đem cho. Người thì nhận của phi nghĩa. Vậy chép là lấy. Đây cũng như ruộng Tế Tây. Người Lỗ vào nước Châu mà đem vua Châu về, để cho Tề giận, Ngô phạt, vậy phải hối lộ cho Tề, để được lòng Tề.

Gia Huyền Ông - Công Thị và Cốc Thị cho việc Tề là vì việc Châu. Lấy hai ấp Hoan, Xiển, Tả Thị cho nguyên cớ là Quý Cơ không về Tề cho nên người Tề tới đánh. Nên theo hai Truyện, chứ không nên cho nguyên nhân vì người con gái. Vả lại Tề lấy hai ấp để bắt Lỗ đừng diệt Châu.

Xét - Tề lấy hai ấp Hoan, Xiển, Công Thị Cốc Thị cho là vị nước Châu. Lời bàn không giống Tả Thị. Trình Tử và Gia Huyền Ông đều nghĩ như Công Thị, Cốc Thị. Đối với sự tình thì hợp đấy. Nhưng đọc Xuân Thu căn cứ vào Tả Truyện, nếu không có sự nghi là quá nhầm. Để cả các thuyết để đợi khảo xét sau.

歸 鄒 子 益 于 鄒

QUY CHÂU TỬ ÍCH VU CHÂU

LỖ CHO CHÂU TỬ ÍCH TRỞ VỀ CHÂU

Tả Thị - Tề Hầu sai sứ sang Ngô xin quân để đánh ta. Lỗ mới cho ngay Châu Tử về nước, nhưng Châu Tử không giữ lời thề. Vua Ngô mới sai Thái Tể là Tử Dư (Phỉ) đánh, rồi bắt tù ở trên một cái lầu cao, chung quanh rào gai. Cho các đại phu Châu, giúp Thái Tử Cách trị nước.

Cốc Thị - Ích chép tên, tức là đã mất nước.

秋 七 月

THU, THẤT NGUYỆT

MÙA THU, THÁNG BẢY

Phụ lục Tả Truyện - Mùa thu, Lỗ cùng với Tề hòa. Tháng 9, Tang Tân Như, sang Tề bàn về minh ước. Lư Khưu nước Tề cùng tới Lỗ bàn về minh ước và để đón Quý Cơ, bế thiếp của Điệu Công.

Bào Mục vốn không ưa Điệu Công, hỏi từng Công Tử, con Cảnh Công rằng, có muốn có nghìn cỗ xe không. Các Công Tử mới báo trình Điệu Công. Điệu Công bảo Bào Mục rằng: Người ta vu cho đại phu có tội. Nay hãy tạm đến ở đất Lộ (ấp ở Tề). Ta sẽ xét. Nếu có tội, ngươi sẽ còn một phần cơ nghiệp để ra khỏi nước. Nếu vô tội, thì lại cho về chức cũ. Khi Bào Mục ra đi, chỉ được đem một phần ba gia tài. Tới nửa đường thì chỉ còn được hai chiến xe. Khi tới đất Lộ thì bị trói dẫn vào thành, rồi bị giết.

冬十有二月癸亥杞伯過卒

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, QUÝ HỢI, KỈ BÁ QUA TỐT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, NGÀY QUÝ HỢI, KỈ BÁ TÊN LÀ QUA MẤT

齊人歸讙及闡

TỀ NHÂN QUY HOAN, CẬP XIỂN

NGƯỜI TỀ TRẢ CHO CÁC ẤP HOAN VÀ XIỂN

Tả Thị - Mùa đông, tháng 12, người Tề trả hai ấp Hoan, Xiển nhờ có Quý Cơ được sủng ái.

Xét - Truyện Công hối lộ cho Tề là cảm về đức của Tề, chứ không phải bị Tề bức hiếp, cho nên khi trả về, có chép chữ "ngã" là cho ta. Đây thì lúc lấy và lúc trả, đều không có chép chữ ngã: ta. Thế là trong cái hình thức không kiêng hãy còn có cái kiêng vậy.

Năm Ất Mão. Vua Kính Vương. Năm thứ 34.

九年

CỬU NIÊN

NĂM THỨ 9

Tấn Định, năm thứ 26. Tề Điệu, năm thứ 3. Vệ Xuất, năm thứ 7. Sái Thành, năm thứ 5. Trịnh Thành, năm thứ 15. Trần Mẫn, năm thứ 16. Kỉ Mân Công Duy, năm đầu. Tống Cảnh, năm thứ 31. Tần Điệu, năm thứ 6. Sở Huệ, năm thứ 3. Ngô Phù Sai, năm thứ 10.

春
XUÂN
MÙA XUÂN

Phụ lục Tả Truyện - Năm thứ 9, mùa xuân Tề Hầu sai Công Mạnh Xước sang nói với vua Ngô, xin từ khước không dùng đến quân nữa. Vua Ngô nói: Năm ngoái, tôi đã thuận giúp nhà vua. Nay nhà vua lại đổi ý kiến. Tôi biết thế nào mà tuân lệnh. Để tôi đem quân tới hỏi rõ biết ý nhà vua.

王 二 月 葬 杞 僖 公
VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, TÁNG KỈ HI CÔNG
VƯƠNG, THÁNG HAI, LỄ TÁNG HI CÔNG NƯỚC KỈ

宋 皇 瑗 帥 師 取 鄭 師 于 雍 邱
TỐNG HOÀNG VIÊN SUẤT SƯ THỦ TRỊNH SƯ VU UNG KHƯU
HOÀNG VIÊN NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN LẤY ĐƯỢC QUÂN TRỊNH TẠI ĐẤT UNG KHƯU

Tả Thị - Hứa Hà người của Vũ Tử Thặng nước Trịnh xin coi một ấp. Vũ Tử không có ấp để cho. Hứa Hà xin phép vua cho lấy một ấp ở nước khác. Vua chấp thuận. Thế là Hà vây ấp Ung Khưu nước Tống. Hoàng viên nước Tống vây quân Trịnh. Mỗi ngày vòng vây mỗi thắt chặt. Quân Trịnh kêu khóc. Tử Diêu tới cứu, bị thua to. Tháng hai, ngày Giáp Tuất, quân đội Tống bắt quân Trịnh làm tù binh tại Ung Khưu. Hoàng viên cấm không cho giết những người có tài năng. Khi đem quân về Tống, đem cả hai tướng Trịnh là Giáp Trương và Trịnh La.

Công Thị - Sao chép là lấy. Là việc dễ. Dễ vì mưu kế.

Cốc Thị - Lấy, tức là việc dễ. Đến quân đội mà lấy được thì biết Trịnh là kém.

夏楚人伐陳

HẠ, SỞ NHÂN PHẠT TRẦN

MÙA HẠ, NGƯỜI SỞ ĐÁNH TRẦN

Tả Thị - Mùa hạ, Sở đánh nước Trần, vì Trần đã bỏ Sở mà thân Ngô.

秋宋公伐鄭

THU, TỐNG CÔNG PHẠT TRỊNH

MÙA THU, TỐNG CÔNG ĐÁNH TRỊNH

Phụ lục Tả truyện - Mùa thu. Ngô đắp thành ở bên sông Hàn, và sẽ cho sông Hoài thông vào sông Giang.

Triệu Ưởng nước Tấn bói rùa, xem có nên cứu Trịnh, chống Tống không. Được quẻ: Nước gặp lửa. Hỏi các vị Thái sử: Triệu Mặc và Quy. Sử Quy bàn: Thế nghĩa là dương tức là lửa bị chìm dưới nước. Có thể hưng binh đánh Khương thì có lợi. (Khương là họ, vua nước Tề). Đánh Tử Thương thì bất lợi (Tử Thương là Họ vua Tống). Ông nên đánh Tề, đừng đánh Tống.

Sử Mặc bàn: Doanh là một danh từ của chất nước (Doanh là họ của Tấn Triệu Ưởng). Tử là vị trí của chất nước. Danh và vị không nên địch nhau. Xưa vua Viêm đế có một đại thần giữ chức vụ Hỏa sư. Họ Khương là dòng giống Hỏa sư. Nước thắng lửa. Đánh được Khương (Tề).

Sử Triệu bàn: Tống ví như một suối đầy nước. Không thể thả thuyền đi được. Trịnh không nên cứu: cứu là không tốt. Còn việc khác, tôi không được biết.

Dương Hổ mới bói Dịch. Được quẻ Nhu trong quẻ Thái. Mới nói rằng: Tống đang hay, không nên địch. Vi Tử Khải (tổ nước Tống) là con vua Đế Ất. Hào Thái có câu: Đế Ất gả chồng cho em gái. Rồi sẽ giàu có, yên vui. Tống và Trịnh có họ về bên ngoại. Ta địch sao được.

Thế là Triệu Ưởng bỏ ý định giúp Trịnh.

冬 十 月

ĐÔNG, THẬP NGUYỆT

MÙA ĐÔNG, THÁNG 10

Phụ lục Tả truyện - Mùa đông, vua Ngô sai tới Lỗ giục đem quân đánh Tề.

Năm Bính Thìn. Vua Kính Vương, năm thứ 35.

十 年

THẬP NIÊN

NĂM THỨ 10

Tấn Định, năm thứ 27. Tề Điệu, năm thứ 4. Vệ Xuất, năm thứ 8. Sái Thành, năm thứ 6. Trịnh Thành, năm thứ 16. Trần Mẫn, năm thứ 17. Kỉ Mẫn, năm thứ 2. Tống Cảnh, năm thứ 32. Tần Điệu, năm thứ 7. Sở Huệ, năm thứ 4. Ngô Phù Sai, năm thứ 11.

春 王 二 月 邾 子 益 來 奔

XUÂN, VƯƠNG, NHỊ NGUYỆT, CHÂU TỬ ÍCH LAI BÔN

MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG HAI, CHÂU TỬ ÍCH CHẠY TỚI LỖ

Tả Thị - Năm thứ 10, Châu Ẩn Công (Ích) chạy tới. Vì mẹ là người Tề, cho nên lại chạy tới Tề.

公 會 吳 伐 齊 三 月 戊 辰 齊 侯 陽 生 卒

CÔNG HỘI NGÔ PHẠT TỀ. TAM NGUYỆT, MẬU THÌN, TỀ HẦU, DƯƠNG SINH TỐT

LỖ CÔNG HỘI VỚI NƯỚC NGÔ ĐỂ ĐÁNH TỀ. THÁNG 3, NGÀY MẬU THÌN, VUA TỀ LÀ DƯƠNG SINH MẤT

Tả Thị - Lỗ Công hội với vua Ngô, vua Châu, vua Đàm đánh vào biên giới miền Nam nước Tề. Quân đóng tại đất Cức nước

Tề. Người Tề giết vua là Điệu Công, rồi báo cho quân đội Ngô. Vua Ngô trong ba ngày ra cửa trại khóc lóc. Từ Thừa đem binh thuyền đi đường bể vào Tề, bị Tề đánh thua. Thế là toàn quân Ngô kéo về.

Khổng Dĩnh Đạt - Truyện thì chép là người Tề giết Điệu Công, báo cáo tới quân đội, tức là Dương Sinh bị giết. Kinh thì chép là mất, cáo phó là chết vì bệnh. Tương Công, năm thứ 7, Trịnh Bá, Khôn Nguyên mất ở đất Tháo (đất Trịnh). Truyện chép: Tử Tứ sai giặc, đêm giết Hi Công mà cáo phó cho chư hầu thì nói là chết vì ngược tật. Đây cũng cáo phó là chết bệnh. Cho nên không chép là bị giết.

Xét - Cái chết của Dương Sinh. Truyện thì chép là bị giết. Kinh thì chép là chết bệnh. Đỗ Dự nói, cáo phó là bệnh. Khổng Dĩnh Đạt dẫn việc Trịnh Bá Khôn Ngoan làm chứng về sự tình thì cũng hợp. Ngô Trừng, Trịnh Ngọc, Vương Tiều, đều nghi ngờ, bảo rằng Tề là một nước lớn, đâu lại đến nỗi giết vua để được lòng địch. Đó cũng là một thuyết.

夏 宋 人 伐 鄭

HẠ, TỐNG NHÂN PHẠT TRỊNH

MÙA HẠ, NGƯỜI TỐNG ĐÁNH TRỊNH

Hứa Hàn - Đã lấy quân đội đánh rồi. Nay lại đánh nữa. Ghét cái việc cứ làm ác phong thôi.

晉 趙 鞅 帥 師 侵 齊

TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ XÂM TỀ

TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN XÂM NƯỚC TỀ

Tả Thị - Mùa hạ, Triệu Ưởng cầm quân phạt Tề. Đại phu xin bói đã. Triệu Mạnh nói: Ta bói về lúc mới khởi binh, không phải bói hai lần. Bói không trùng cát. Triệu Ưởng đem quân đi, chiếm ấp Lê và ấp Viên, phá tường quách Cao Đường, tiến tới đất Lại rồi về Tấn.

Lí Liêm - Truyện chép là phạt, mà Kinh chép là xâm. Là nhân nước Ngô loạn, phạt Tề đang có tang. Thật là đem quân đi vô danh.

五月公至自伐齊

NGŨ NGUYỆT CÔNG CHÍ TỰ PHẠT TỀ

THÁNG 5, LỖ CÔNG TỪ PHẠT TỀ VỀ

Lí Liêm - Sử về Ai Công, có chép. Công hội với Ngô có 5 lần. Riêng lần này và lần ở Hoàng Trì là chép chữ chí: về. Thánh nhân cho là có nguy lắm mới chép.

葬齊悼公

TÁNG TỀ ĐIỆU CÔNG

LỄ TÁNG (CHÔN) TỀ ĐIỆU CÔNG

衛公孟彄自齊歸于衛

VỆ, CÔNG MẠNH KHU, TỰ TỀ QUY VU VỆ

CÔNG MẠNH KHU NƯỚC VỆ, TỪ NƯỚC TỀ VỀ NƯỚC VỆ

Lí Liêm - Khu là ở đảng Khoái Quí. Nay về nước Vệ, tất là theo Triếp mà bỏ Quí. Cho nên, năm thứ 15. Khoái Quí vào nước, Khu lại chạy sang Tề.

薛伯夷卒秋葬薛惠公

TIẾT BÁ DI TỐT. THU TÁNG TIẾT HUỆ CÔNG

VUA NƯỚC TIẾT, TIẾT BÁ TÊN LÀ DI, MẤT MÙA THU, LỄ TÁNG TIẾT HUỆ CÔNG (DI)

Phụ lục Tả truyện - Mùa thu, vua Ngô sai sứ tới bảo đem quân để đánh Tề.

冬楚公子結帥師伐陳吳救陳

ĐÔNG, SỞ CÔNG TỬ KẾT SUẤT SƯ PHẠT TRẦN. NGÔ CỨU TRẦN

MÙA ĐÔNG, CÔNG TỬ KẾT NƯỚC SỞ CẦM QUÂN PHẠT NƯỚC TRẦN. NƯỚC NGÔ CỨU NƯỚC TRẦN

Tả Thị - Mùa đông, Tử Kì nước Sở phạt nước Trần. Quý Trát nước Ngô (phong ở đất Diến và đất Châu Lai) đi cứu Trần, và cho bảo Tử Kì rằng: Hai vua Ngô và Sở không đến đức, mà cứ lấy sức tranh bá chư hầu. Dân có tội gì. Xin lui, để ngài giữ thanh danh là chuộng đức, yêu dân. Thế là cùng về.

Xét - Nước Ngô không hợp với nước Trần để hiếp nước Sở, thì Sở và Trần không có oán gì Ngô. Có cần gì việc cứu. Tai nạn nước Trận lại là Ngô gây nên. Mà có cứu liệu có được không. Việc cũng giống như việc Sở cứu Trịnh. Vả lại chỉ là ở tranh đấu với chư hầu, chứ không phải là nghĩa cứu nạn, giúp nguy. Quý Trật cũng đã tự nói ra. Hồ Truyện thì bảo là Ngô giúp vì danh, cho rõ tội Sở, tất là mất cái ý của Kinh. Cho nên Chu Tử có bảo là lấy nghĩa lí mà xuyên tạc.

Năm Đinh Tị. Vua Kính Vương, năm thứ 36.

十有一年

THẬP HỮU NHẤT NIÊN

NĂM THỨ 11

Tấn Định, năm thứ 28. Tề Giản Công Nhâm, năm đầu. Vệ Xuất, năm thứ 9. Sái Thành, năm thứ 7. Trịnh Thành, năm thứ 17. Trần Mẫn, năm thứ 18. Kỉ Mẫn, năm thứ 3. Tống Cảnh, năm thứ 33. Tần Điệu, năm thứ 8. Sở Huệ, năm thứ 5. Ngô Phù Sai, năm thứ 12.

春齊國書帥師伐我

XUÂN, TỀ QUỐC THƯ, SUẤT SƯ PHẠT NGÃ

MÙA XUÂN, QUỐC THƯ NƯỚC TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH TA

Tả Thị - Năm thứ 11. Mùa xuân. Tề muốn báo thù việc Tức xưa. Quốc Thư và Cao Vô Phi cầm quân đánh ta. Quân tới đất Thanh, nước Tấn, Quý Tôn bảo Nhiễm Cầu (giữ chức Tể trong ấp họ Quý Tôn) rằng: Quân Tề đã tới đất Thanh, chắc là vì nước Lỗ ta. Vậy làm thế nào. Cầu nói: Một nhà (trong ba nhà, tức là ba họ to ở Lỗ: Quý Tôn, Mạnh Tôn, Thúc Tôn) ở lại giữ thành. Hai nhà theo vua ra ngoài biên chống giặc. Quý Tôn nói không được. Cầu nói ở cả trong nước. Quý Tôn mới bàn với hai nhà. Hai nhà không chịu. Cầu mới bảo Quý Tôn: "Kế ấy mà không theo thì còn cách: Vua đừng ra khỏi quốc đô. Một nhà cầm quân dựa vào thành mà đánh giặc. Ai không tòng quân là không phải người Lỗ. Các nhà thế gia ở Lỗ nhiều hơn chiến xa Tề. Cứ mỗi nhà góp một chiến xa, thì số xe nhiều hơn của Tề. Ngài còn lo ngại gì. Mạnh Tôn và Thúc Tôn không muốn ra trận là phải. Vì chính quyền ở cả trong tay họ Quý, tức là trong tay ngài. Người Tề tới đánh mà ngài không chống giữ, đó là một điều nên lấy làm sỉ, mà rồi Lỗ không còn ở trong hàng nước lớn nữa".

Quý Tôn mới cho đi theo cùng vào cung. Dừng lại ở nơi Đảng Thị. Vũ Thúc (Thúc Tôn) trông thấy Nhiễm Cầu gọi lại, hỏi về chiến sự. Đáp: Người quân tử thì nghĩ xa. Tiểu nhân như tôi thì nghĩ gần, còn biết được gì. Ý Tử (Mạnh Tôn) cố gặng hỏi. Nhiễm Cầu đáp: Tiểu nhân phải cân nhắc từng lời trước khi nói, đo xét tài năng mình trước khi làm. Vũ Thúc nói: Thế nghĩa là ta không phải trượng phu. Rồi ra về sửa soạn chiến xa. Con Mạnh Ý Tử là Tiết cầm đầu đạo Hữu quân, Nhan Vũ giong xe, Bính Tiết ngồi bên làm chức xa hữu. Nhiễm Cầu cầm đầu Tả quân, Quản Chu Phủ giong xe, Phàn Trì làm xa hữu. Quý Tôn nói: Tu (Phàn Trì) trẻ quá. Hữu Tử (Nhiễm Cầu) nói: Tu biết nghe lệnh. Quý Tôn có 7000 giáp binh. Nhiễm Hữu chọn 300 người ở ấp Vũ Thành cho làm bộ tốt. Bọn lão và bọn thiếu niên

giữ cung điện. Tả quân đóng tại Vu Môn. Năm ngày sau, Hữu quân tới. Công Tôn Vụ Nhan (con Chiêu Công) nhìn thấy quân gác thành, bùi ngùi nói: Việc thì nhiều. Thuế thì nặng. Người trên không có óc cơ mưu. Kẻ sĩ không có tâm hi sinh. Còn lấy gì mà trị dân. Ta đã nói thế, lẽ đâu ta lại không cố gắng.

Quân đội Lỗ và quân đội Tề giáp chiến tại bãi hoang ngoài thành. Quân Tề tới do đường Tắc Khúc. Tả quân (của Nhiễm Cầu) không muốn qua ngòi Đảng Thị. Phàn Trì nói: Không phải là chúng không cố sức, nhưng vì họ không tin ông đấy. Xin nói cho chúng biết, phải sang qua trong ba khắc. Nhiễm Cầu nghe theo. Quân sĩ qua được hết, xông vào quân Tề. Hữu quân (do con Mạnh Ý Tử coi) thua chạy. Quân Tề Trần Quán, Trần Trang (Tề) qua được sông Tứ, Mạnh Chi Phản (họ Mạnh Tôn) đi với Hậu đội vào thành sau cùng, rút một phát tên ra đập vào ngựa nói rằng: Con ngựa tôi không chạy được nhanh (ý muốn cho biết, tôi không phải là can đảm, anh hùng mà đoạn hậu sau cùng).

Ngũ là một đội năm người. Lâm Bất Nữu coi một ngũ. Ngũ xin: thôi ta chạy, Lâm nói: Hèn quá. Ngũ nói: Thế thì ở lại. Lâm nói: Ở lại phải. Thế là từ từ tiến, rồi chết cả.

Quân đội Lỗ lấy được của Tề 80 giáp binh. Tề không họp lại được hàng ngũ. Đêm đến, thám tử báo là Tề sắp lui. Nhiễm Hữu xin cho đuổi. Ba lần Quý Tôn đều không nghe. Mạnh Nhụ Tử nói với người ta rằng: Tôi không bằng Nhan Vũ, nhưng còn hơn Bính Tiết, Nhan Vũ sắc sảo, tôi không muốn chiến nhưng biết im. Tiết (không bằng tôi) đã nói: Ra roi ngựa, chạy đi thôi.

Công Tôn Vụ Nhân cùng với người thân tín là Uông Kì còn nhỏ tuổi được cùng ngồi xe, cả hai cùng chết. Uông được chôn cất như lễ người lớn. Khổng Tử nói: Cầm được giáo mác để giữ gìn đất nước, thì không kể tuổi còn nhỏ mà không được đủ lễ của người đến tuổi. Nhiễm Hữu đã cầm mâu xông trận, Khổng Tử nói: Nhiễm Hữu đã theo nghĩa, đã làm phận sự. Tắc Khúc: tên đất ở ngoài thành. Thanh: đất nước Tề.

Gia Huyền Ông - Chép chữ phạt ngã: đánh ta, phạt ta là có ý gì. Là ý tự xét sao ta để cho bị đánh, đời sau soi gương. Vậy là chê Ai Công.

夏陳轅陂出奔鄭

HẠ, TRẦN VIÊN PHA XUẤT BÔN TRỊNH

MÙA HẠ, VIÊN PHA NƯỚC TRẦN TRỐN SANG TRỊNH

Tả Thị - Mùa hạ, Viên Pha nước Trần trốn sang Trịnh. Trước kia, Viên Pha làm chức Tư đồ, lấy thuế các đất ruộng phong để có tiền tiêu về việc cưới một công nữ. Còn thừa, lợi dụng sắm riêng đồ dùng. Dân mới đuổi đi. Viên Pha ra đi. Giữa đường khát. Viên Huyên, một người trong họ, biếu rượu nếp, bánh khô, thịt khô. Viên Pha mừng rỡ hỏi ở đâu ra những thứ ấy. Đáp: Với chỗ tiền thừa ông dùng mua các khí cụ trước. Tại sao lúc đó không can ta. Lúc đó không dám sợ bị ông đuổi đi trước.

五月公會吳伐齊甲戌齊國書帥師及吳戰于艾陵齊師敗績獲齊國書

NGŨ NGUYỆT, CÔNG HỘI NGÔ PHẠT TỀ. GIÁP TUẤT, TỀ QUỐC THƯ SUẤT SƯ CẬP NGÔ CHIẾN VU NGẢI LĂNG. TỀ SƯ BẠI TÍCH. HOẠCH TỀ QUỐC THƯ

THÁNG NĂM, LỖ CÔNG HỘI VỚI NGÔ ĐÁNH TỀ. NGÀY GIÁP TUẤT, QUỐC THƯ NƯỚC TỀ CẦM QUÂN ĐÁNH NHAU VỚI QUÂN NGÔ TẠI ĐẤT NGÃI LĂNG. QUÂN TỀ TAN VỠ. QUỐC THƯ NƯỚC TỀ BỊ BẮT

Tả Thị - Vì trận đánh nhau với Tề ở đất Giao trước (khoảng đất ngoài kinh thành). Vua Lỗ muốn báo thù mới hội với vua Ngô để đánh Tề. Tháng 5, chiếm ấp Bác, ngày Nhâm Thân, tới đất Doanh. Vua Ngô tướng Trung quân. Tư Môn Sào tướng thượng quân. Vương Tử Cô Tào tướng Hạ quân. Triển Như tướng Hữu quân. Bên Tề, thì Tề Quốc Thư tướng Trung quân, Cao Nô Phi, tướng Thượng quân, Tôn Lâu tướng hạ quân.

Trần Hi Tử (Tề) bảo em là Thư (Tử Chiêm) rằng: Em được chết, đó là ý chí của ta (*ý chí là đánh nhau đến chết*). Tôn Tử Dương (Tề) và Lư Khưu Minh khuyến khích nhau. Tang Yểm Tư

đánh xe cho Quốc Tử (Quốc Thư). Tề Công Tôn Hạ bảo họ rằng: hai ông chắc là chết. Sắp chiến, Công Tôn Hạ sai bộ hạ hát bài tống táng. Trần Tử Hàng (Trần Nghịch) sai bộ hạ giữ sẵn hạt ngọc (đồ phạm hàm). Công Tôn Huy bảo bộ hạ rằng: Mỗi người có sẵn một cái thừng độ một thước, vì người Ngô tóc ngắn. Tề Đông Quách Thư thì nói: Chiến sĩ đánh được ba trận thì chết. Tôi tới trận thứ ba đây. Rồi sai đưa biếu Huyền Đa cây đàn và sai nói: Tôi không gặp mặt ngài nữa. Trần Thứ thì nói: Chuyến này, tôi chỉ còn nghe trống thúc trận, chứ không được nghe tiếng chuông hồi quân.

Ngày Giáp Tuất, bày trận tại Ngải Lăng. Triển Như đánh bại Cao Tử. Quốc Tử đánh bại Tư Môn Sào. Được quân của vua Ngô giúp đánh, quân Tề thua to. Quốc Thư bị bắt cùng với Công Tôn Hạ, Lư Khưu Minh, Trần Thu, Đông Quách Thư, ba nghìn giáp binh và 800 chiến xa. Tất cả đều hiến cho Lỗ Công.

Khi sắp chiến, vua Ngô có hỏi Vũ Thúc Châu Cừu rằng: Ngươi làm việc gì. Đáp: Xin theo lệnh quan Tư Mã. Vua Ngô ban cho thanh kiếm bộ giáp và cây giáo, rồi bảo rằng: Kính theo vua ngươi, tuân theo mệnh lệnh. Vệ Tứ (Tử Cống) vội bước lên nói: Châu Cừu phụng đồ được ban, lạy tạ đi mà theo vua. Vua Lỗ sai chức Thái Sử Cố đem đầu Quốc Tử trả về Tề. Các tướng Lỗ mới đặt đầu trong hộp, phủ lụa màu huyền, quấn dây, đai. Trên hộp viết mấy chữ: Ví như trời không biết đến ác tâm, thì có đâu lại sai tới Lỗ, để cho chết.

Bác, Doanh là ấp nước Tề.

Phụ lục Tả truyện - Ngô sắp phạt Tề. Vua Việt dẫn các quan tới triều bái. Từ vua Ngô đến các tướng và tá, ai nấy đều được đồ biếu và đều vui mừng. Riêng Tử Tư (Ngũ Viên) sợ nghĩ, vua Việt, coi vua Ngô như con vật nuôi cho béo. Vào can vua: Việt là bệnh tâm phúc của ta. Ruộng đất Việt giống ruộng đất ta, mà muốn hơn ta. Làm ra cách mềm yếu, để một ngày kia, thỏa được dục vọng. Không gì bằng ta liệu trước đi. Thắng được Tề, chỉ như là được một cánh đồng đá lởm chởm, chả dùng được làm gì. Việt mà không mất nước, thì Ngô sẽ bị diệt. Người có bệnh, có ai bảo ông lang rằng ông cứ chữa, nhưng để lại gốc

bệnh cho tôi. Đọc Bàn Canh cáo trong Kinh Thư có câu: Ai mà làm rối loạn, trái lệnh ta, ta sẽ cắt mũi, sẽ xử tử, sẽ không cho còn lại nòi giống, trong ấp này. Vì thế, triều đại Thương mới hưng thịnh. Nay nhà vua lại làm trái ngược lại. Thế mà muốn thành đại quốc thì khó lắm. Vua Ngô không nghe. Tử Tư mới cho người sang Tề, gửi con họ Bão thị, và cho con đổi họ là Vương Tôn thị. Vua Ngô đánh Tề về, nghe biết chuyện, mới sai đưa cho Tử Tư thanh kiếm Chúc Lân, để cho phép tự sát. Trước khi chết, Tử Tư nói: Giồng trên mả ta giống cây Tra, gỗ dùng đóng áo quan, Ngô sẽ mất. Sau ba năm là bắt đầu suy nhược. Đầy rồi tất vơi, vốn là đạo trời.

Cao Kháng - Trong việc chiến tranh, không chép Lỗ Công, bỏ hẳn, tức là chê biếm Công. Vả lại chép là "cùng nước Ngô" quân ta chiến ở Ngải lăng thì không được. Mà chép "cùng với Lỗ Công", Ngô chiến ở Ngải lăng thì không được. Trước tiên chép Lỗ Công hội với Ngô phạt Tề, rồi nối tiếp chép: "cùng Ngô chiến" thì Lỗ Công bị biếm dễ biết ngay. Chép bắt được Quốc Thư, cùng với Tống Hoa Nguyên, nhưng Hoa Nguyên thì bắt sống mà Quốc Thư thì bắt được lúc đã chết. Cho nên Lỗ Công mới sai Thái sử Cố trả Tề đầu của Quốc Thư.

秋七月辛酉滕子虞毋卒

THU, THẤT NGUYỆT, TÂN DẬU, ĐẰNG TỬ NGU VÔ TỐT

MÙA THU, THÁNG 7, NGÀY TÂN DẬU, VUA NƯỚC ĐẰNG, ĐẰNG TỬ, TÊN LÀ NGU VÔ MẤT

Phụ lục Tả truyện - Mùa thu, Quý Tôn sai sửa soạn, phòng bị, có nói: Nhỏ thắng được lớn là họa. Tề tới đây chưa biết vào ngày nào.

冬十有一月葬滕隱公

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, TÁNG ĐẰNG ẨN CÔNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, LỄ CHÔN ĐẰNG ẨN CÔNG

衛世叔齊出奔宋

VỆ, THẾ THÚC TỀ XUẤT BÔN TỐNG

THẾ THÚC TỀ NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN TỚI NƯỚC TỐNG

Tả Thị - Mùa đông, Thái Thúc Tật (Thế Thúc Tề) rời Vệ, chạy trốn tới nước Tống. Trước kia Tật có lấy vợ là con gái Tử Triều nước Tống. Một em họ theo làm thiếp được sủng ái. Khi Tử Triều chạy khỏi nước Vệ, Khổng Văn Tử bảo Tật bỏ vợ, rồi gả con gái mình cho. Tật sai một thị tì dụ dỗ người thiếp cũ (em gái vợ cũ) để cho ở ấp Lê (đất nước Vệ) xây riêng cho một cung, coi như vợ cả. Văn Tử giận, muốn đánh. Trọng Ni ngăn được. Sau Văn Tử đem con gái về (tức là vợ sau Tật). Tật bậy bạ với một người ở đất Ngoại châu. Dân Ngoại châu cướp lấy xe, trình xe cho vua Vệ. Tật bị hai việc, xấu hổ, mới bỏ Vệ đi. Dân Vệ lập người em tên là Di, rồi cho lấy làm vợ, người vợ của Tật, con gái Văn Tử (tên người vợ ấy là Khổng Kết). Tới Tống, Tật xin làm tôi Hướng Đồi, biếu Đồi một hạt châu rất đẹp. Đồi cho Tật ấp thành Sừ. Vua Tống đòi lấy hạt châu. Đồi không dâng. Thế là bị tội. Khi họ Hoàn thị tức là Đồi, bỏ Vệ đi, dân thành Sừ đánh vào ấp Thái Thúc Tật. Vua Vệ, Vệ Trang Công cho gọi về, cho ở đất Sào. Khi chết, được khâm liệm tại đất Vân, và chôn tại đất Thiếu đế.

Xưa kia, Công Tử Ngận con Tấn Điệu Công, chạy sang ở nước Vệ, có lần sai con gái giong xe đi săn. Thái Ý Tử mời Ngận dừng chân uống rượu, rồi xin cưới lấy con gái. Con gái đẻ ra con, là Điệu Tử tức là Thái Thúc Tật. Điệu Tử nối cha (làm chức Khanh tại nước Vệ). Về sau, Hạ Mậu (họ với mẹ Điệu Tử) được giữ chức đại phu. Điệu Tử chết rồi, người Vệ lấy lại chức tước của Hạ Mậu.

Khi Khổng Văn Tử sắp đánh Thái Thúc (như trên đã nói) có hỏi ý kiến Trọng Ni, Trọng Ni nói: Về các đồ tế khí, tôi có được học. Về việc giáp binh, tôi chưa được nghe. Trọng Ni lui ra, cho sửa soạn xe để đi nước khác, và có nói: Chim chọn cây, cây đâu có chọn chim. Văn Tử cố giữ lại nói: Ngữ tôi đâu có dám tính toán lợi riêng. Đó là hỏi về nạn nước thôi. Trọng Ni định ở lại. Nhưng người Lỗ đem đồ lễ tới mời về Lỗ. Cho nên về.

Lê, Ngoại châu là tên ấp nước Vệ. Thành Sừ là tên một ấp nước Tống. Sào, Vân, Thiếu Đế, là đất nước Vệ.

Phụ lục Tả truyện - Quý Tôn muốn lấy thuế ruộng: điền phú, điền là một tỉnh, hình đất chữ tỉnh. Mỗi phú gồm một con ngựa, ba con bò. Cho người tới hỏi ý Trọng Ni. Trọng Ni nói: Khưu tôi không biết việc đó. Hỏi tới ba bận: Ngài là một vị quốc lão. Tôi đợi ngài bảo mới làm. Sao ngài lại không nói. Trọng Ni không đáp, nhưng nói với Nhiễm Cầu rằng: Người quân tử hành động theo lễ. Ban phát thì cần rộng rãi. Làm việc thì giữ mực trung. Thu thập thì cho đơn giản. Vì thế khưu phú cũng đủ rồi (Khưu là 16 tỉnh, 16 tỉnh mới lấy thuế có một ngựa, ba bò). Nếu như không theo lễ, mà tham lam không chán, thì điền phú rồi cũng không đủ. Nếu trò (chỉ Nhiễm Hữu khi đó làm gia thần họ Quý) cùng Quý Tôn mà muốn theo đúng phép, thì điển chế Chu Công có đấy. Nếu không cần chép thì còn hỏi làm gì, Quý Tôn không nghe.

Năm Mậu Ngọ. Vua Kính Vương. Năm thứ 37.

十有二年

THẬP HỮU NHỊ NIÊN

NĂM THỨ 12

Tấn Định, năm thứ 29. Tề Giản, năm thứ 2. Vệ Xuất, năm thứ 10. Sái Thành, năm thứ 8. Trịnh Thành, năm thứ 18. Trần Mẫn, năm thứ 19. Kỉ Mẫn, năm thứ 4. Tống Cảnh, năm thứ 34. Tần Điệu, năm thứ 9. Sở Huệ, năm thứ 6. Ngô Phù Sai, năm thứ 13.

春用田賦

XUÂN, DỤNG ĐIỀN PHÚ

MÙA XUÂN, ĐÁNH THUẾ ĐIỀN PHÚ

Tả Thị - Năm thứ 12. Mùa xuân. Tháng giêng. Đánh thuế điền phú.

Công Thị - Sao lại chép. Là để chê. Chê là bắt đầu đánh thuế nặng.

Cốc Thị - Thời cổ, ruộng công, mười phần lấy một. Đánh thuế điền phú không phải là chính.

Hồ Truyện - Ai Công hỏi Hữu Nhược (học trò Khổng Tử) rằng: Năm đói, tiền (của Công) không đủ, thì làm thế nào. Đáp: Sao không lấy thuế Khưu điền (một phần mười). Lỗ Công nói: Cả hai phần mười còn chưa đủ, sao lại dùng lối Khưu điền được. Hữu Nhược nói: Bách tính mà đủ, thì vua không đủ với ai. Thời cổ công điền lấy có một phần mười, không đánh thuế mà còn giúp dân. Từ thời Tuyên Công, mới có thuế vào mẫu thì sau cho là thuế thường không trở lại như trước nữa. Đến nay, không đủ, mới thêm thứ điền phú. Xét, pháp chế tiên vương về ruộng đất thì tính không kể ruộng gần, ruộng xa, chỉ cần biết tốt xấu. Nay lại đặt ra điền phú là thuế dùng vào việc quân. Như thế là không phải. Ruộng để có gạo, cốt đủ ăn. Thuế để nuôi quân, cốt đủ quân. Theo phép nhà Chu, nhà không có trồng trọt, cày cấy, thì phải nộp phạt, nhà ở nơi hoang vu thì bớt thuế, tha cho phu dịch, giảm cho thuế má. Cốt ý trọng việc nông để cho người nông làm lụng được. Mà bọn công thương không lợi dụng, chỉ sống cầu may mà thôi.

Nay hai phần mười còn cho là không đủ, mà lại lấy đến cả điền phú, thế là làm cho nông dân khốn khổ thêm. Chặt cái gốc đi, thì sao gọi là giữ được nước. Kinh Thư có nói đến chữ dùng thuế điền phú ý bảo không nên dùng đến.

Đời gần đây có ý bỏ đến thuế thương mại đi. Người mà hiểu biết chính trị, thì muốn đầu tiên, bớt sự tiêu dùng về công việc, khoan cho nông dân, rồi sau cùng đến thương mại. Thế là hiểu

rõ ý Xuân Thu chê lấy thuế điền phú.

Vương Tiều - Nay xét nghĩa chữ phú. Chính là gốc tự việc quân, tính số quân mà làm chiến xa, đó là phép thường của thuế phú. Ngày nay, không tính số quân, mà lại tính số điền ruộng, thuế cho nên gọi là điền phú. Nhà Hàn tính số người, cho nên gọi là khẩu phú, khẩu là miệng tức là một người.

Xét thời Xuân Thu, các chư hầu, luôn luôn hội họp, đồng minh, chinh chiến, không thể nào áp dụng phép xưa về việc đánh thuế. Vì thế Lỗ thiếu dùng. Trước đã có thuế mẫu. Nhiều quân lên thì lại có thuế khưu. Đến Ai Công phải thờ nước Ngô, việc ngoài khó, việc trong rối, hai phần mười không đủ. Phải đánh thêm thuế điền phú. Xét ra, nói là dùng về việc quân để có cớ tăng thuế, tính số ruộng mà lấy hoa lợi, được nhiều hay ít không có thể khảo sát được. Đại khái biết rằng thuế mẫu nhiều hơn thuế phần mười, mà thuế điền lại nhiều hơn thuế mẫu. Thuế mẫu là ruộng tư mới khởi thủy đánh thuế. Thuế điền tức là ruộng tư đánh thuế nặng hơn.

夏五月甲辰孟子卒

HẠ, NGŨ NGUYỆT, GIÁP THÌN, MẠNH TỬ TỐT

MÙA HẠ, NGÀY GIÁP THÌN, MẠNH TỬ MẤT

Tả Thị - Mùa hạ, tháng năm, Chiêu Công Phu nhân là Mạnh Tử mất. Chiêu Công lấy vợ ở nước Ngô, cho nên không chép họ. Lúc chết, không cáo phó, cho nên không gọi là Phu nhân. Không có tiếng khóc cho nên không chép lễ táng tiểu quân. Khổng Tử có tới điếu, rồi tới gặp Quý Thị. Thấy Quý Thị không mặc đồ tang, Khổng Tử bỏ mũ, và đai vải đồ dùng khi đi viếng) rồi mới chào.

Công Thị - Mạnh Tử là ai. Là Phu nhân của Chiêu Công. Tại sao lại chép là Mạnh Tử. Là kiêng vợ cùng họ. Đây chỉ là con gái nước Ngô.

Cốc Thị - Mạnh Tử là ai. Là Phu nhân của Chiêu Công. Không chép là Phu nhân vì kiêng chuyện lấy vợ cùng họ.

公會吳于橐皋

CÔNG HỘI NGÔ VU THÁC CAO

LỖ CÔNG HỘI VỚI NGÔ TẠI ĐẤT THÁC CAO

Tả Thị - Lỗ Công hội với Ngô ở Thác Cao. Vua Ngô sai Thái Tể Phỉ bàn việc lập lại minh ước. Vua Lỗ không muốn lập lại. Sai Tử Cống đáp: Minh là thề là để giữ chữ tín. Cho nên khi thề phải có tâm quyết định, phải có ngọc lụa tế thần, phải có lời văn cố kết, phải có thần linh chứng minh. Vua Lỗ tôi nghĩ rằng, khi đã có minh ước rồi thì không thể đổi được. Mà như đổi được, thì mỗi ngày làm một minh ước cũng không có ích gì. Nay quan sứ nói, nên làm lại, thế tức là minh ước đã nguội, không còn nóng nữa chăng.

Thế là hai nước thôi không làm lại nữa.

秋公會衛侯宋皇瑗于鄖

THU, CÔNG HỘI VỆ HẦU, TỐNG HOÀNG VIỆN VU VÂN

MÙA THU, LỖ CÔNG HỘI VỚI VỆ HẦU, HOÀNG VIỆN TẠI ẤP VÂN

Tả Thị - Vua Ngô mời Vệ Hầu tới hội. Trước kia người Vệ có giết viên hành nhân của Ngô tên là Thả Diêu. Sợ bị báo thù. Bàn với chức hành nhân của Vệ là Tử Vũ. Tử Vũ nói: Nước Ngô nay chính trị không có đường lối, có thể vua Vệ ta bị nhục, chi bằng đừng tới hội. Tử Mộc nói: Vua Ngô không có đường lối. Nước mà không có đường lối thì ai cũng ghét bỏ. Tuy nhiên, Ngô hãy còn đủ cho Vệ phải sợ. Thì cứ nên đi. Cây cao mà đổ thì đè bẹp mất nhiều vật. Con chó mà dại thì thường cắn bậy, huống chi một nước lớn.

Mùa thu, Vệ Hầu tới hội với vua Ngô tại đất Vân. Lỗ Công với Vệ Hầu và Hoàng Viện nước Tống cùng thề, và cuối cùng là không thề với vua Ngô. Tướng sĩ Ngô rào quán xá Vệ lại (tức là giữ vua Vệ không cho về). Tử Phục Cảnh Bá (Lỗ) nói

với Tử cống rằng: Lệ thường chư hầu có hội. Khi việc xong, vị Bá chủ chủ lễ, vị chủ đất (đất có cuộc họp, hội) chia các phần lễ, các thức ăn, chư hầu chào hỏi chia tay nhau. Lần này Ngô không đủ lễ đối với Vệ, lại cho rào quán xá Vệ lại để làm khó dễ. Ngài sao không gặp Thái Tể Ngô. Tử Cống mới lấy lụa gấm đi tới yết kiến Thái Tể Phỉ. Nhân nói về việc Vệ. Thái Tể Phỉ nói: Vua tôi vốn muốn giúp vua Vệ. Vua Vệ có tới, nhưng tới chậm. Vua tôi nghi ngại cho nên muốn giữ Vệ lại. Tử Cống trả lời: Vua Vệ trước khi tới, chắc có bàn với quần thần. Quần thần, người muốn vua đi, người không muốn vua đi. Vì thế mới chậm. Người muốn để vua đi, là quí ngài, về phe với ngài. Người không muốn là thù với ngài. Nay giữ vua Vệ lại là đè bẹp phe ngài, mà nâng cao kẻ thù. Bọn muốn hại ngài đó, thế là đắc chí rồi. Vả lại họp chư hầu mà lại giữ vua Vệ lại, thì ai là chẳng nghi sợ. Đè bẹp đảng mình, nâng cao kẻ thù mình, làm cho chư hầu nghi sợ, thế thì xem ra tới được nghiệp Bá khó lắm.

Thái Tể Phỉ nghe ra. Vệ Hầu mới được thả. Khi về nước, vua Vệ bắt chước Ngô, dùng tiếng nói Ngô. Tử Chi (Công Tôn Di Mậu) khi đó còn bé, có nói: Vua tất chưa hết nạn, rồi sẽ chết tại man di (Ngô). Bị man di bắt, mà rồi thích tiếng nói man di, thế là cố kết với man di rồi.

宋向巢帥師伐鄭

TỐNG HƯỚNG SÀO SUẤT SƯ PHẠT TRỊNH

HƯỚNG SÀO NƯỚC TỐNG CẦM QUÂN ĐÁNH TRỊNH

Tả Thị - Trong khoảng hai nước Tống và Trịnh, có chỗ đất không thuộc về nước nào là: Di Tác, Khoảnh Khưu, Ngọc Sướng, Nhiếp, Qua, và Dương. Khi Trịnh Tử Sản, cùng người Tống nghị hòa, có thỏa-thuận với nhau rằng không ai được chiếm cứ. Đến khi con cháu họ Tống Bình, và Tống Nguyên phải trốn chạy từ đất Tiêu đến nước Trịnh, thì người Trịnh nhân dịp đắp cho hai họ ấy các thành Nhiếp, Qua, Dương. Đến tháng chín, Hướng Sào nước Tống đánh Trịnh, chiếm đất Dương, rồi giết hết con cháu

họ Nguyên. Xong rồi vây đất Nhiếp. Tháng 12, Trịnh Hãn Đạt cứu Nhiếp, ngày Bính Thân, vây quân đội Tống.

冬 十 有 二 月 螽

ĐÔNG, THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CHUNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 12, CÓ SÂU ĂN LÚA, GIỐNG CHÂU CHẤU

Tả Thị - Mùa đông, tháng 12, nạn châu chấu. Quý Tôn cho hỏi Trọng Ni. Trọng Ni nói: Tôi nghe nói, sao hỏa khi nào buổi chiều không thấy nữa, thì thời đó không có sâu chung. Nay còn trông thấy ở phía tây. Các quan làm lịch tính nhầm (tức là có tháng nhuận, chưa đến tháng 12).

Công Thị - Sao lại chép. Là chép việc lạ. Lạ vì không đúng thời.

Tôn Phục - Tháng 12 nhà Chu là tháng 10 nhà Hạ. Lại càng là lạ.

Lã Đại Khuê - Họ Tả cho là nguyên nhân ở sự mất tháng nhuận. Nhưng năm sau, tháng 9, có sâu trùng, tháng 12 lại có sâu Chung. E không phải là chỉ vì nhầm tháng nhuận.

Gia Huyền Ông - Tháng 12, có sâu Chung, tức là khí ấm nóng. Lỗ Tuyên Công, năm thứ 15, mùa đông, sâu Duyên sinh ra, với năm nay, chép giống nhau. Câu Tả Thị chép e không phải là câu của Thánh nhân.

Vương Tiều - Xét, năm sau, tháng chín, có sâu Chung, thì tai họa sinh ra luôn mà không đúng mùa. Đó là liên quan đến việc chính trị, chứ không đến việc tháng nhuận.

Xét - Tả Thị gài thêm lời Khổng Tử. Đỗ Dự cho là thiếu tháng nhuận. Tuy nhiên, trong khoảng hai năm, ba lần chép có sâu chung, tai họa thế là quá lắm. Cho nên tiên nho nhiều vị bác thuyết đó. Nay hãy để nguyên các lời bàn.

Năm Kỉ Mùi. Vua Kính Vương. Năm thứ 38.

十有三年

THẬP HỮU TAM NIÊN

NĂM THỨ 13

Tấn Định, năm thứ 30. Tề Giản, năm thứ 3. Vệ Xuất, năm thứ 11. Sái Thành, năm thứ 9. Trịnh Thanh, năm thứ 19. Trần Mẫn, năm thứ 20. Kỉ Mẫn, năm thứ 5. Tống Cảnh, năm thứ 35. Tần Điệu, năm thứ 10. Sở Huệ, năm thứ 7. Ngô Phù Sai, năm thứ 14.

春鄭罕達帥師取宋師于嵒

XUÂN, TRỊNH HÃN ĐẠT, SUẤT SƯ THỦ TỐNG SƯ VU NHIẾP

MÙA XUÂN, HÃN ĐẠT NƯỚC TRỊNH CẦM QUÂN BẮT QUÂN TỐNG TẠI ĐẤT NHIẾP

Tả Thị - Năm thứ 13, mùa xuân, Hướng Đồi nước Tống, đi cứu quân đội. Tử Dựng nước Trịnh ra lệnh rằng: bắt được Hoàn Đồi là có thương. Hoàn nghe thấy trốn về. Thế là bắt được quân Tống ở đất Nhiếp. Bắt được cả Thành Hoan, Cáo Diên. Cho sáu ấp làm đất trung lập.

Công Thị - Dùng chữ lấy là ý việc dễ, dễ vì mưu dối dá.

Cốc Thị - Dùng chữ lấy là ý việc dễ. Quân mà để lấy được, thì biết Tống suy kém lắm.

夏 許 男 成 卒

HẠ, HỨA NAM THÀNH TỐT

MÙA HẠ, VUA HỨA LÀ NAM MẤT

公 會 晉 侯 及 吳 子 于 黃 池

CÔNG HỘI TẤN HẦU CẬP NGÔ TỬ VU HOÀNG TRÌ

LỖ CÔNG HỘI VỚI TẤN HẦU, VÀ NGÔ TỬ TẠI ĐẤT HOÀNG TRÌ, (HOÀNG TRÌ GẦN SÔNG TẾ THỦY)

Tả Thị - Mùa hạ, Lỗ Công hội tại Hoàng Trì, với Thiện Bình Công (tước Công tại triều nhà Chu), với Tấn Định Công và Ngô Phù Sai.

Công Thị - Sao vua Ngô lại gọi là tước Tử. Vua Ngô là chủ hội. Ngô làm chủ hội, thì sao lại đặt Tấn Hầu trước. Là vì không để cho Di địch được làm chủ Trung Quốc.

Sao chép chữ cập: và, cùng, với. Là vì trong hội có hai vị Bá chủ. Đã không để di địch chủ Trung Quốc, thì sao lại cho rõ ý hai vị Bá chủ. Là vì trọng nước Ngô. Ngô có mặt thì các chư hầu dám đâu không tới.

Cốc Thị - Hội Hoàng Trì, vua Ngô đã được là khá, là hay rồi chăng mà gọi bằng chức Tử tước. Ngô vốn là nước Di Địch, cắt tóc, vẽ mình muốn nhân nước Lỗ là nước lễ nghĩa, nước Tấn là nước oai hùng, mà lấy đúng chức vị để tập hợp, cớ lấy việc theo phép nhà Chu, thì gọi là khá, là tiến được. Ngô là nước lớn ở phía đông nhiều lần cùng nước nhỏ, hội chư hầu để kết hợp Trung Quốc, Ngô mà làm được thì có đáng khen không. Vương là chức tôn quý, Tử là chức nhỏ kém. Thế mà bỏ danh hiệu Vương, giữ danh hiệu Tử để hội chư hầu, để tôn Thiên Tử.

Ngô Vương Phù Sai nói: Tôi đây, muốn có phẩm tước.

Khổng Tử nói: Phù Sai thật là giỏi. Chưa thể lấy phẩm tước nói, nhưng muốn có phẩm tước.

Lục Thuần - Triệu Tử nhận thấy rằng, cứ như Tả Thị, thì

có mặt Thiện Bình Công, thế mà Kinh không thấy chép. Là có duyên cớ: Nguyên do Ngô và Tấn họp đây, ngang nhau, như nay ta nói, chủ khách mời rượu nhau. Tự nhiên, là Thiện Tử không có ngôi thứ, cho nên không chép. Vả lại Kinh dùng chữ cập là cùng với thì cái nghĩa hai ông Bá chủ đã rõ ràng rồi. Công Dương nói rằng: Ngô làm chủ hội, nói thế khác nghĩa Kinh, vậy ta không chấp nhận. Cho nên chỉ giữ lời bàn hai vị Bá chủ. Công Dương lại còn nói, Ngô có mặt thì chư hầu ai dám không tới. Triệu thị thì nói Hoàng Trì là đất nước Lỗ cho nên có một nước Lỗ hội. Nếu lại còn có chư hầu, thì không thể bỏ không chép. Cốc Lương nói rằng hội Hoàng Trì, vua Ngô đã thêm hay, đã tiến. Triệu Tử nói, đây vì Ngô cũng làm Hội chủ, cho nên không chép là Ngô nhân. Truyện không nghĩ tới lí ấy mới bàn bạc vẩn vơ.

Lưu Sưởng - Công Dương bảo, Ngô là Chủ hội. Xét Ngô chủ tịch, tất là Tấn không muốn thế. Xuân Thu nên chép rằng, Lỗ Công hội Tấn Hầu và cả Ngô Tử tại Hoàng Trì, thì lệ mới hợp với Công Dương. Nay lại chép là cập, là cùng, là với, Ngô Tử. Thế là Tấn và Lỗ vội vàng, tự ý muốn chăng. Lại nói: Ngô có mặt thì chư hầu ai dám không đến. Hà Hưu cũng cho như thế, chỉ là muốn xóa nhục cho Lỗ Hầu cho nên không chép các chư hầu khác. Tôi thì cho rằng nếu sách Xuân Thu, thực muốn vì Lỗ Hầu mà xóa nhục đi, thì cứ nên chép cả các chư hầu, chứ đừng bỏ không chép.

Xét - Hội Hoàng Trì, Tả Truyện chép, thì cho Tấn đứng trước. Ngô Truyện chép là Ngô Công thề trước, rồi thứ hai đến Tấn Hầu. Hai thuyết ấy, bọn nho, người theo thuyết nọ, người theo thuyết kia. Xét khi, nước Tống thề,. thì nước Tấn đang mạnh mà rồi đứng trước lại là Sở. Bảo rằng Tấn không trước Ngô cũng tựa như thế.

Ngô còn ở hội, mà có tin báo gấp là Việt đánh, vua Ngô lo sợ, giết ngay sứ báo tin, giết đến bảy người để khỏi lộ chuyện, thì biết rằng, trong tâm lo sợ, không dám cứ tranh giành việc hội nữa. Xuân Thu mà chép ngôi thứ, thì chính là sự thực như thế. Triệu Khuông lại bảo rằng Ngô và Tấn ngang nhau làm

lễ trong hội, như ngày nay chủ khách mời rượu nhau. Cho nên, sử Tấn nói Tấn đứng trước, mà sử Ngô chép Ngô thề trước, nước nào vị chủ nước ấy. Bàn thế nghe như có lí. Vậy cứ chép cả ra đây.

楚 公 子 申 帥 師 伐 陳
SỞ CÔNG TỬ THÂN SUẤT SƯ PHẠT TRẦN
CÔNG TỬ THÂN NƯỚC SỞ CẦM QUÂN ĐÁNH NƯỚC TRẦN

於 越 入 吳
Ư VIỆT NHẬP NGÔ
VIỆT VÀO NƯỚC NGÔ

Tả Thị - Tháng sáu, ngày Bính Tí, Việt Tử (vua Việt) đánh nước Ngô. Do hai đường, Trù Vô Dư và Âu Dương, từ phương nam tiến vào, tới gần quốc đô. Thái Tử Hữu, Vương Tử Địa, Vương Tôn Di Dung, Thọ Ư Diêu từ bờ sông Hoằng trông thấy. Di Dung nhìn cờ hiệu dân đất Cô Miệt nói: Đó là cờ chúng nó đã lấy của cha tôi. Tôi không thể thấy kẻ thù mà không giết. Thái Tử nói: Chiến mà không thắng thì mất nước. Xin hãy đợi. Di Dung không nghe, lấy năm nghìn bộ hạ, có Vương Tử Địa theo giúp. Ngày Ất Dậu chiến. Di Dung bắt được Trù Vô Dư. Địa bắt được Âu Dương. Vua Việt tới. Vương Tử Địa giữ thành. Ngày Bính Tuất lại chiến. Việt đánh tan quân Ngô, bắt được Thế Tử Hữu, Vương Tôn Di Dung và Thọ Ư Điều. Ngày Đinh Hợi, quân Việt vào thành. Người Ngô báo tin thua cho vua Ngô. Trong trướng, vua Ngô sợ lộ tin ra ngoài, tự giết luôn sứ và tùy tùng bảy người.

Cô Miệt là đất Việt.

Phụ lục Tả truyện - Mùa thu, tháng bảy, ngày Tân Sửu, hội thề. Ngô và Tấn tranh nhau đứng đầu. Ngô nói: Theo dòng họ nhà Chu, thì Ngô là ngành trên. Tấn nói: Về Vương phái (họ Cơ), Tấn là chi bá (chi trên). Triệu Ưởng (Tấn) gọi quan Tư Mã Tấn là Dần bảo: Ngày về chiều rồi, mà việc quan trọng chưa giải quyết xong. Lỗi ở hai ta. Vậy đặt trống trận lên. Bày hàng

quân ra. Hai ta nguyện làm việc cho đến chết, thì trên dưới mới có thể biết được. Dần đáp: Để tôi coi vua Ngô sao đã. Rồi vào yết kiến. Khi ra, nói rằng: Người quen ăn thịt thì trên mặt không có vết đen. Nay vua Ngô có vết đen, tức là trong nước có giặc chăng, Thái Tử chết chăng. Vả lại, tính giống di địch, nóng nảy, làm việc bất cứ việc gì cũng không nhẫn nại. Ta hãy đợi. Thế rồi Tấn đứng trước.

Người Ngô muốn giới thiệu Lỗ Hầu cho Tấn Hầu. Lỗ Tử Phục Cảnh Bá nói với người Ngô: Khi Thiên Tử họp chư hầu, thì chức Bá chủ giới thiệu cho Thiên Tử các chư hầu tước cao. Khi Bá chủ họp chư hầu, thì bọn Công, Hầu, Bá trình với vị Bá chủ bọn Tử, Nam. Từ Thiên Tử xuống tới chư hầu hạ cấp, các đồ lễ trong việc triều sính không giống nhau. Đồ lễ, Lỗ tôi biếu vua Ngô, thì nhiều hơn đồ lễ biếu vua Tấn. Ngô không còn gì kém Tấn, vì Ngô đã thành Bá rồi. Lần này, hội chư hầu, mà nhà vua lại muốn đem vua Lỗ tôi trình với vua Tấn, thế là Tấn thành Bá chủ. Vậy nước lỗ tôi phải thay đồ lễ sính. Lỗ vốn vẫn nộp Ngô 800 chiến xa. Nếu vua lỗ nay xuống hàng Tử hay Nam thì rồi đây chỉ nộp cho Ngô một nửa số đồ lễ nước, Châu nộp nước Ngô (300) mà rồi lại nộp Tấn như Châu nộp Ngô (600). Vả lại, vua Ngô lấy danh nghĩa Bá chủ triệu chư hầu mà cuối hội thì lại hành động như một chư hầu thường. Thế thì còn có lợi gì.

Người Ngô mới thôi. Thôi rồi lại hối. Định giam Cảnh Bá lại. Cảnh Bá nói: Hà tôi đây (tên Cảnh Bá) đã lập con nối dõi ở Lỗ rồi. Tôi có hai xe với sáu tùy tùng, sẵn sàng theo lệnh. Thế là người Ngô bắt giữ Cảnh Bá để đem về Ngô. Khi đi đến Hộ Dũ, Cảnh Bá bảo Thái Tể rằng: Đến tháng 10, ngày thượng tân, (can tân đầu), Lỗ có lễ tế Thượng Đế và các tiên vương. Lễ đến ngày quý tân mới xong. Trong các lễ đó, tôi, đời đời có chức vụ, từ thời Thương Công tới nay. Chức chủ lễ sẽ khấn rằng vắng tôi là vì Ngô. Vả lại, nếu thực là Lỗ có lỗi với các ông, mà các ông bắt bảy người hạng thấp kém như chúng tôi, thì có hại gì cho Lỗ. Thái Tể Phỉ mới nói với vua Ngô: Giữ bọn này, không thiệt gì cho Lỗ, Mà chỉ mình là mang tiếng, chi bằng thả cho về. Thế là vua Ngô thả cho Cảnh Bá về Lỗ.

Thân Thúc Nghi nước Ngô tới xin thóc của Công Tôn Hữu Sơn (Lỗ), Hữu Sơn đọc mấy câu thơ: Ta sẵn ngọc, nhưng không có đai. Ta sẵn hồ, nhưng không có rượu. Thân Thúc Nghi lại nói: Thóc tốt, chắc không. Nhưng có thóc thường. Nếu lên núi Thủ mà kêu đói khát, chắc vẫn cứ cho. (Hai người trước quen biết nhau. Đây giả làm việc xin thóc, vì cấm khi đang chiến tranh, không được lấy thóc công cho nhau. Giả thế, để bàn về vua Ngô, không nghĩ đến bầy tôi cùng no ấm cùng đói khát, tất là mất nước).

Vua Ngô muốn đánh Tống, muốn giết hết đàn ông, mà bắt đàn bà đi. Thái Tể Phỉ nói: Thắng thì thắng được, nhưng không giữ được. Vua Ngô nghe, về Ngô.

秋 公 至 自 會
THU CÔNG CHÍ TỰ HỘI
MÙA THU, LỖ CÔNG TỰ HỘI VỀ

晉 魏 曼 多 帥 師 侵 衛
TẤN NGỤY MAN ĐA, SUẤT SƯ XÂM VỆ
NGỤY MAN ĐA CẦM QUÂN XÂM NƯỚC VỆ
(CÔNG THỊ BỎ CHỮ MAN)

Công thị - Đó là Ngụy Man Đa nước Tấn. Tại sao lại chép là Ngụy Đa. Vì chê dùng tên hai chữ. Tên hai chữ không phải là lễ (vì khó kiêng, khi cần kiêng).

Gia Huyền Ông - Đến đây là thôi, từ nay, không có việc Bá chủ đi chinh phạt nữa. Tấn lúc thịnh, thì oai hùng khắp các nước. Nay thì suy rồi. Triệu Ưởng, Ngụy Man Đa, nhiều lần báo oán tại Vệ, rồi Vệ cũng không phục. Có phải là Tấn không đủ sức đâu. Chỉ vì bọn Triệu Ưởng, Man Đa, chí không phải là ở việc công, mà chỉ là dựa vào quyền để làm lợi riêng.

葬許元公

TÁNG HỨA NGUYÊN CÔNG

LỄ CHÔN HỨA NGUYÊN CÔNG

九月螽

CỬU NGUYỆT CHUNG

THÁNG CHÍN, CÓ SÂU CHUNG

冬十有一月有星孛于冬方

ĐÔNG, THẬP HỮU NHẤT NGUYỆT, HỮU TINH BỘT VU ĐÔNG PHƯƠNG

MÙA ĐÔNG, THÁNG 11, Ở PHƯƠNG ĐÔNG, CÓ SAO BỘT HIỆN

Công Thị - Bột là gì? Là sao chổi. Chép phương Đông là có ý gì. Là hiện vào buổi sớm. Đây là chép việc lạ.

盜摋陳夏區夫

ĐẠO SÁT TRẦN HẠ ÂU PHU

CƯỚP GIẾT HẠ ÂU PHU NƯỚC TRẦN

十有二月螽

THẬP HỮU NHỊ NGUYỆT, CHUNG

THÁNG 12, CÓ SÂU CHUNG

Phụ lục Tả Truyện - Nước Ngô và nước Việt hòa.

Năm Canh Thân. Vua Kính Vương. Năm thứ 39.

十 有 四 年

THẬP HỮU TỨ NIÊN

NĂM THỨ 14

Tấn Định, năm thứ 31. Tề Giản, năm thứ 4. Vệ Xuất, năm thứ 12. Sái Thành, năm thứ 10. Trịnh Thành, năm thứ 20. Trần Mẫn, năm thứ 21. Kỉ Mẫn, năm thứ 6. Tống Cảnh, năm thứ 36. Tần Điệu, năm thứ 11. Sở Huệ, năm thứ 8. Ngô Phù Sai, năm thứ 15.

春 西 戌 獲 麟

XUÂN, TÂY THÚ, HOẠCH LÂN

MÙA XUÂN, TRONG CUỘC ĐI SĂN Ở PHÍA TÂY THÀNH LỖ CÓ BẮT ĐƯỢC CON LÂN

Tả Thị - Năm thứ 14, mùa xuân. Ở đồng Đại Dã, phía tây, trong cuộc đi săn, viên chức chủ việc coi xe là Tử Sử Thương gia thần họ Thúc Tôn bắt được con lân. Tưởng là quái vật, đem cho viên Ngu nhân (coi rừng). Trọng Ni tới coi, nói: Đó là con lân. Người ta mới giữ lại.

Công Thị - Sao lại chép. Chép để ghi việc lạ. Vì Trung Quốc không có giống thú ấy. Thế thì ai săn. Bọn kiếm củi. Tức là hạng nhỏ kém. Sao lại chép là săn. Là cho quan trọng thêm. Vì bắt được lân là việc to. Lân gọi là nhân thú, khi đời có đấng vương giả, thì lân xuất hiện, không có vương giả thì lân không xuất hiện. Có người tới nói với Khổng Tử rằng: Có một con quân mà lại có sừng. Khổng Tử nói: Sao lại xuất hiện, rồi lấy vạt áo che mặt, nước mắt đầm áo. Khi Nhan Uyên chết, Phu Tử nói, trời hại ta. Khi Tử Lộ chết. Phu Tử nói, trời lấy mất của ta. Khi con lân bị bắt, Phu Tử nói, đạo ta thế là cùng rồi. Xuân Thu sao lại khởi đầu là Ẩn Công. Là vì truyện còn gần, còn kịp nghe Tổ truyền lại: Việc thấy là lạ. Việc nghe cũng lạ. Việc truyền lại cũng lạ. Sao lại lấy Ai Công năm thứ 14 để kết thúc. Vì thế là đủ rồi. Người Quân Tử sao lại viết Xuân Thu. Là để

gỡ đời loạn, cho trở lại đường chính. Muốn được thế, không gì bằng Xuân Thu, có phải thế không. Người quân tử vui về đạo, là đạo Nghiêu, Thuấn có phải thế không. Nghiêu, Thuấn biết người quân tử chế ra ý nghĩa Xuân Thu để cho hậu Thánh làm thành Xuân Thu, vốn biết rằng người quân tử tất là vui về ý nghĩa ấy.

Triệu Khuông - Cốc Lương, Công Dương hai Truyện, cho là Kinh không nói tên người săn, cho nên mới có thuyết người kiếm củi bắt được, không hiểu cái nghĩa Xuân Thu là chỉ để ý đến việc con thú bị bắt.

Lưu Sưởng - Công Dương bàn, Xuân Thu sao bắt đầu chép từ Ẩn Công là vì còn kịp nghe truyền lại. Công Dương bàn sai. Thánh nhân làm ra Kinh là dạy phép của Thiên Tử, không cứ phải chép chuyện đời ông Tổ còn kịp biết. Vả lại nói là Tổ thì Tằng Tổ, hay Cao Tổ. Như bảo là Tằng Tổ, thì tức là Phòng Thúc, Khổng Tử là cháu ba đời. Như bảo là Cao Tổ, tức là Kì Phủ, Khổng Tử là cháu hai đời. Khổng Phủ mất đời Hoàn Công, năm thứ 2, cháu là Khổng Tử không được biết Ẩn Công là rõ ràng lắm. Kể đến đời Phòng Thúc, Kì Phủ, là vào khoảng Mẫn Công, Hi Công, thế thì Xuân Thu nên bắt đầu từ Mẫn Công, Hi Công, chứ không nên bắt đầu từ Ẩn Công vậy.

Cốc Lương lại nói, không chép con lân khi tới không chép ở đâu tới, không chép là con vật không thường có. Cốc Lương bàn sai. Đã bảo là bắt được con lân, thì không được nói khi nó lại, sao có nó. Đó là cái lí lẽ chép việc, cần gì phải bàn.

Tức như chép chữ tới, là ở xa tới, thế thì Quý Tôn lại quy, cũng cho Quý Tôn là người nước khác chăng.

Chép là "có", mà bảo thế là "không thường có", thì như "đại hữu niên", năm được mùa, cũng cho là không thường được mùa hay sao.

Chu Tử - Xuân Thu chép bắt được con lân, tôi không dám quyết định đó là cảm con lân mà làm Xuân Thu, cũng không dám quyết định đó là cảm con lân mà kết liễu Xuân Thu. Đại khái câu phi kì thời: ra không phải thời, bị người ta giết, đó chỉ là điềm bất tường.

Xét - Phụ Tử vì không hành được đạo, cho nên có câu: "Thả bè vượt bể", vì "chim phượng không tới, sông Hà không xuất hiện bức đồ", mà có câu than: Ta thôi rồi vậy. Xét thiên hạ không tôn nữa, ta đã biết từ lâu rồi. Ý muốn lấy lời văn hoặc khen việc, hoặc chê việc ý đó đã có từ lâu để dạy đời sau, chứ không phải trong một ngày, không phải cảm thấy con lân rồi sau mới làm. Còn như thuyết lúc thấy bắt con lân, thì hoàn thành sách, thuyết có điềm con lân xuất hiện, cho mẹ (mẹ Khổng Tử), lại đến con. (Khổng Tử), trong Kinh đều không thấy. Hồ Truyện thì bảo: ca Thiều, múa Phụng, Sử Lỗ thành Kinh, lân thấy ngoài đồng, đều là bàn sai. Đời xưa, lúc đang thịnh, việc trị dân, dạy dân, đều ăn khớp, điềm lành tới nhiều, cho nên có phượng, có lân, để rõ cái hay thời thái bình. Nay thấy lân bị kẻ Ngư nhân, coi rừng bắt giết, thì không thể cho là điềm hay được. Chu Tử mà nói rằng: Tôi không dám quyết định là Xuân Thu kết thúc vì cảm thấy con lân, cũng không dám quyết định là Xuân Thu được san định vì cảm thấy con lân. Chu Tử nói thế thật là lỗi lạc, thâm nho, có thể gạt bỏ hết các lời bàn xuyên tạc. Còn như tuyệt bút ở việc bắt con lân, Đỗ Dự bảo cảm con lân mà làm Xuân Thu mà cũng kết thúc Xuân Thu, Trịnh Tiêu bảo rằng bắt con lân là chung kết Xuân Thu chắc hẳn Thánh nhân lúc đầu không có ý ấy.

Âu Dương Tu, bảo Khổng Tử được sử nước Lỗ, chép từ Ẩn Công cho đến lúc bắt con lân, rồi san định lại, ý nghĩa ở trong Xuân Thu, chứ không ở lúc khởi thủy, lúc chung kết. Các nhà bàn Kinh, Truyện, không giống nhau, đều bàn không xác đáng. Lân bắt được năm 14 Ai Công, Xuân Thu chung kết vào tháng 9 năm ấy. Hai năm nữa thì Khổng Tử mất. Xét một bộ quốc sử chép việc hàng năm, cứ mỗi năm, hết năm (tháng 12) mới thôi. Thế thì việc năm thứ 14 Ai Công, sử Lỗ cần chép đủ, chứ không căn cứ vào việc bắt con lân mà thôi chép. Người làm sử, biên chép việc thời sự, tất là thiếu vài năm gần, để đợi một ngày khác, về sau, còn thu thập tài liệu. Nếu lấy đó mà xét, thì Khổng Tử làm Xuân Thu, cũng khuyết thiếu vài năm gần, nghĩa là nên chung kết vào mùa đông năm Ai Công 14, hoặc 13, chứ có gì mà vội thôi vào xuân, năm 14. Thế thì nên lấy lời Chu Tử mà quyết định.

Chu Tử nói: Đại khái lân ra không phải thời, bị người ta giết, thế là bất tường. Lân được tiếng là nhân thú, là điềm hay của Thánh nhân, nay ra không phải thời, để kẻ Ngu nhân giết đi, lòng Thánh nhân sao mà không cảm. Có thể cảm việc bất tường, mà rồi thôi không viết nữa. Thánh nhân cũng không phải là không có ý. Cho nên ngày nay, tuân theo lời Chu Tử làm định luận. Còn như những câu: cảm việc con lân mà làm Xuân Thu, mà kết thúc Xuân Thu, những câu ấy, thôi không sao lại.

PHỤ LỤC KINH TRUYỆN

Thánh Kinh đến câu bắt con lân là hết. Các đệ tử, học trò Khổng Tử, muốn chép việc Khổng Tử mất, mới nhặt thêm chuyện ở Lỗ sử để thêm vào, cho đến năm thứ 16. Ai Công, tháng tư. Tả Truyện thì kết thúc vào năm thứ 4 Điệu Công. Các việc về sau việc con lân, thì cả Kinh, Truyện đều bỏ không chép. Nay xét Hàn,. Triệu, Nguy, diệt Trí Bá Tả Truyện đến đó kết thúc. Sách Thông giám từ đó mở đầu, cho nên phụ lục như sau:

小邾射以句繹來奔

TIỂU CHÂU XẠ DĨ CÂU DỊCH LAI BÔN

ĐẠI PHU XẠ NƯỚC TIỂU CHÂU ĐEM ẤP CÂU DỊCH CỦA MÌNH CHẠY TRỐN TỚI LỖ

Tả Thị - Xạ nước Tiểu Châu chạy tới Lỗ, đem ấp Câu Dịch hiến nước Lỗ và nói: Cho Quý Lộ tới, tôi xin làm lễ thề với Lộ, chứ không có lễ thề khác (với nước Lỗ). Quý Thị sai Tử Lộ (Quý Lộ). Tử Lộ từ chối Quý Thị cho Nhiễm Hữu đến hỏi Tử Lộ: Xa không tin một nước nghìn cỗ xe, mà lại tin ông, có gì là nhục mà ông chối. Tử Lộ đáp: Nếu Lỗ có việc lôi thôi với Tiểu Châu, tôi không cần biết nguyên nhân sẽ xin đánh cho đến chết ở chân thành Tiểu Châu. Nhưng người này là kẻ chống lại vua, mà tôi lại tin ở lời thề, thì ra tôi cho việc làm từ trước đến giờ của hắn là đúng nghĩa lí. Do tôi (Do là tên) không thể như thế được.

Đỗ Dự - Từ đây trở xuống đến Ai Công năm thứ 16, đều là văn Lỗ sử. Bọn học trò muốn chép việc Khổng Tử mất, cho nên cùng chép các việc trong sử, để nối vào Kinh Khổng Tử đã san sửa. Khưu Minh cũng theo mà ghi chép, kết thúc vào đời Ai Công, cho hoàn tất việc các năm trước. Các việc lạ, khác thường, thì lược qua, chứ không truyền lại.

夏 四 月 齊 陳 恆 執 其 君 寘 于 舒 州

HẠ, TỨ NGUYỆT, TỀ TRẦN HẰNG CHẤP KÌ QUÂN, TRÍ VU THƯ CHÂU

MÙA HẠ, THÁNG TƯ, TRẦN HẰNG NƯỚC TỀ BẮT VUA AN TRÍ TẠI ẤP THƯ CHÂU

Tả Thị - Khi Tề Cảnh Công chưa lên ngôi, còn ở Lỗ, có sủng thần (yêu chuộng tin cẩn) là Hám Chỉ. Khi lên ngôi sai coi chính trị. Trần Thành Tử (Trần Hằng) không bằng lòng, thường chỉ trích ở triều. Chức coi xe là Ưởng nói với Cảnh Công: Họ Trần, họ Hám không cùng nhau đứng ở triều được. Xin nhà vua chọn lấy một. Vua không nghe. Một đêm, Hám Chỉ (còn gọi là Tử Ngã) đi tuần gặp tên Trần Nghịch có tội giết người, bắt được đem về triều. Trần Nghịch là người trong họ Trần. Khi đó họ Trần còn hòa mục, có bảo Nghịch giả ốm. Rồi họ Trần cho đem cơm nước. Sẵn rượu thịt Nghịch mời kẻ coi tù ăn uống đến no say, giết được rồi trốn thoát. Thế là Tử Ngã sợ, phải cùng họ Trần tới miếu các gia tiên Trần làm lễ thề. Trước kia, Trần Báo muốn làm gia thần Tử Ngã, có nhờ một vị Công Tôn nói hộ. Nhưng ngay khi đó, Trần Báo có tang, việc lại thôi. Khi Báo hết tang, Công Tôn mới nói với Tử Ngã: Đây có Trần Báo, người cao, lưng có bướu, mặt ngược. Nếu làm gia thần ngài, chắc ngài ưng lắm. Báo muốn hầu ngài, nhưng tôi còn e tính nết, cho nên không vội trình ngài. Tử Ngã nói: Trong tay tôi, còn hại gì được. Thế là Báo vào làm gia thần. Một hôm thầy trò bàn về chính trị. Tử Ngã bằng lòng lắm, rồi thành ra thân tín. Bảo rằng: Ta muốn đuổi hết người họ Trần mà lập ngươi làm chủ họ, có nên không. Báo nói: Tôi là họ xa, vả lại chống đối ngài có rất

ít người, có cần gì đuổi hết. Thế rồi Báo mật cáo với họ Trần. Tử Hàng (Trần Nghịch) nói với Trần Báo: Tử Ngã được vua tin. Nếu ta không liệu trước, thì ông bị họa. Tử Hàng mới vào ở trong cung (cho chắc chắn).

Mùa hè, tháng năm, ngày Nhâm Thân, Thành Tử (Trần Hằng) và các anh em đi trên bốn xe tới cung. Tử Ngã đang ở trong trướng ra đón. Anh em Trần vào cung, đóng cửa lại (Tử Ngã ở ngoài). Một gia thần Tử Ngã chống cự, bị Tử Hàng giết. Vua (Giản Công) cùng Phu nhân đương uống rượu ở Đàn Đài. Thành Tử đưa vào nội cung. Vua cầm lấy giáo định đâm, thì Thái sử tên là Tử Dư nói: Thành Tử không hại ngài đâu, muốn trừ hại thôi. Thành Tử mới ra ngoài cung, tới công phố. Thấy nói vua vẫn còn giận, Thành Tử định rời nước Tề, đi ra nước ngoài, có nói: Nước nào mà chẳng có vua. Tử Hàng (Trần Nghịch) rút gươm ra nói với Thành Tử (Trần Hằng): Nhu nhược là hại cho công việc. Ai là chẳng phải họ Trần. Tôi mà không giết ngài (nếu ngài không ở lại) thì tổ tiên trừng phạt tôi. Thế là cùng ở lại. Tử Ngã trở lại cùng với gia thần đánh vào cửa lớn và một cửa bên, nhưng không phá được, không vào được, đành phải đi ra. Bị bọn Trần đuổi, rồi lạc đường, đi vào ngõ hẻm. Tới đất Phong Khưu (thuộc họ Trần). Người Phong Khưu bắt luôn, báo cho họ Trần. Tử Ngã bị giết ở ngoài quách nơi gọi là Quách Quan. Thành Tử (Trần Hằng) sắp giết Tử Phương, gia thần Tử Ngã. Trần Nghịch xin tha cho. Tử Phương giả mệnh vua, bắt lấy một cái xe, ở giữa đường đi. Khi tới đất Nhi, dân biết là dối, mới bắt quay sang phía đông, ra khỏi cửa Ung Môn. Trần Báo biếu một cái xe. Tử Phương không nhận và nói: Trần Nghịch đã xin cho tôi. Trần Báo lại cho tôi xe. Hay là tôi mật thông với họ Trần. Thờ Tử Ngã mà lại mật thông với bên thù, như thế còn trông thấy người Lỗ người Vệ sao được. Đông Quách Giả (Tử Phương) trốn sang nước Vệ. Ngày Canh Thìn, Trần Hằng bắt vua tại Thư Châu. Vua nói: Nếu ta sớm biết nghe Ưởng, thì không đến nỗi này.

庚戌叔還卒
CANH TUẤT, THÚC HOÀN TỐT
NGÀY CANH TUẤT THÚC HOÀN MẤT

五月庚申朔日有食之
NGŨ NGUYỆT, CANH THÂN, SÓC, NHẬT HỮU THỰC CHI
THÁNG NĂM, NGÀY CANH THÂN, MÙNG MỘT, CÓ NHẬT THỰC

陳宗豎出奔楚
TRẦN TÔN THỤ XUẤT BÔN SỞ
TÔN THỤ NƯỚC TRẦN, CHẠY TRỐN SANG SỞ

宋向魋入于曹以叛
TỐNG HƯỚNG ĐỒI NHẬP VU TÀO DĨ BẠN
HƯỚNG ĐỒI NƯỚC TỐNG VÀO ĐẤT TÀO (TỐNG ĐÃ CHIẾM) LẤY DÂN LÀM PHẢN LẠI VUA. LỖ AI CÔNG, NĂM THỨ 8, TỐNG DIỆT TÀO, ĐỔI TÀO THÀNH ẤP TỐNG

Tả Thị - Hoàn Đồi nước Tống được vua yêu, mới mưu làm hại. Cảnh Công nói với Phu nhân (mẹ vua) cho Đồi dự yến tiệc luôn và tìm cách trị tội. Chưa kịp, thì Hoàn Đồi đã dự bị trước. Mới xin vua cho đổi ấp An lấy ấp Bạc. Cảnh Công nói, không được. Bạc là ấp có nhà Thái miếu. Cảnh Công mới gán thêm cho ấp An, bảy ấp nữa. Đồi xin mời Công dự một bữa tiệc vào một buổi trưa. Đồi gọi toàn quân mình tới. Vua được tin, bảo Hoàng Dã rằng: Ta nuôi Đồi từ nhỏ. Nay hắn hại ta. Xin tới cứu. Chức Tư Mã Tử Trọng (tức là Hoàng Dã) nói: Bầy tôi mà phản thì thần linh còn ghét, huống chi là người. Tôi đâu dám không tuân lệnh. Nhưng nếu không có đạo Tả quân thì không làm gì được. Xin cho tôi lấy mệnh vua triệu tập (Tả quân là Hướng Sào, anh Hoàn Đồi).

Mỗi khi Tả Sư dùng cơm, là có chuông. Nghe tiếng chuông tức là tấu nhạc. Vua nói: Tả sư sắp ăn cơm. Ăn xong lại có chuông. Vua nói: Ăn xong rồi, ông đến mời được. Hoàng Dã mới lên xe tới nhà Hoàn Sào và nói: Người chức vụ săn vừa báo, ở đầm Phùng Trạch có quẩn (quẩn là con thú về loài hươu). Dù rằng Đồi chưa tới, vua nói vua có thể cùng Tả quân đi săn hươu. Ngài nghĩ sao. Vua ngại không muốn phiền ngài. Tôi có trình hay là để tôi tới cố nói riêng với ngài. Vua muốn chóng việc, cho nên tôi lấy xe riêng tôi tới mời ngài. Tả sư cùng ngồi xe tới. Vua cho biết sự thật. Tả sư Hướng Sào quỳ xuống gục đầu, không ngẩng lên. Hữu sư Hoàng Dã trình: Xin nhà vua cho lời hứa hẹn. Vua nói: Nếu tôi mà làm hại ông, thì trên có trời cao, dưới có tiên quân chứng giám. Hướng Sào nói: Đồi mà làm bậy là họa cho nước Tống. Tôi dám đâu không tuân mệnh.

Tư Mã Hoàng Dã xin vua một phù tín (ấn ngọc làm tin) để sai quân đánh vào nhà Hoàn Đồi. Trong họ, bọn có tuổi và các cựu gia thần đều khuyên Dã đừng nên đánh Đồi. Bọn gia thần mới thì khuyên phải theo lệnh vua ta. Hoàng Dã đánh vào nhà Đồi. Tử Kì vội cưỡi ngựa đi báo anh là Hoàn Đồi. Tư Mã Hoàn Đồi muốn trở vào Thành. Em nữa là Tử Xa ngăn, nói: Đã không thờ vua được, lại đánh nước (quốc đô) thì dân không theo, chỉ có chết thôi. Hướng Đồi mới vào đất Tào để nổi loạn ở đó.

莒 子 狂 卒
CỬ TỬ CUỒNG TỐT
VUA NƯỚC CỬ TÊN LÀ CUỒNG MẤT

六 月 宋 向 魋 自 曹 出 奔 衛 宋 向 巢 來 奔
LỤC NGUYỆT, TỐNG HƯỚNG ĐỒI TỰ TÀO XUẤT BÔN VỆ. TỐNG HƯỚNG SÀO LAI BÔN
THÁNG SÁU, TỐNG HƯỚNG ĐỒI TỪ TÀO CHẠY ĐẾN VỆ. HƯỚNG SÀO CHẠY ĐẾN LỖ

Tả Thị - Tháng sáu, vua Tống sai Tả sư Sào đánh vào đất

Tào. Sào muốn cho Đồi gửi đại phu làm con tin, để Sào vào Tào. Đồi không nghe. Sào vào thành Tào để đòi đại phu con tin. Đồi nói: Không nên. Đã không thờ vua lại có tội với dân, thì còn làm thế nào được.

Dân mới quay giáo cả. Thế là Hướng Đồi chạy đến Vệ. Hướng Sào chạy đến Lỗ. Vua Tống cho người theo ngăn lại: Quả nhân đã hứa. Đại phu không nên để cho họ Hoàn lạnh hương khói. Sào từ tạ nói: Tội thần rất to, đáng để giết cả họ. Nếu như nhớ đến các bầy tôi cũ, khiến cho khỏi tuyệt tự, đó là ơn nhà vua. Còn thần thì xin không trở về nữa. Tư Mã Ngưu (em Đồi và Sào, học trò Khổng Tử) trả lại ấp cùng ấn tín, rồi sang nước Tề.

Khi Đồi ở nước Vệ đi ra thì, đại phu Vệ là Công Văn Thị tới đánh để đòi viên ngọc, truyền lại từ đời nhà Hạ. Đồi không cho, nhưng cho viên ngọc khác, rồi chạy sang nước Tề. Trần Thành Tử nước Tề cho làm Thứ Khanh. Tư Mã Ngưu lại trả lại ấp ở Tề (vì không ưa Đồi) rồi đi sang Ngô. Thấy dân Ngô ghét mình, lại bỏ đi. Triệu Giản Tử ở Tấn cho mời. Trần Thành Tử cũng cho mời trở lại Tề. Rồi Tư Mã Ngưu mất ở ngoài cửa thành nước Lỗ. Họ Khanh táng cho tại đất Khưu Dư.

齊人弑其君壬于舒州

TỀ NHÂN THÍ KÌ QUÂN, NHÂM, VU THƯ CHÂU

NGƯỜI TỀ GIẾT VUA LÀ NHÂM Ở THƯ CHÂU

Tả Thị - Ngày Giáp Ngọ, Tề, Trần Hằng giết vua Tề là Nhâm ở Thư Châu. Khổng Tử trai giới trong ba ngày, rồi vào chầu vua Lỗ xin đánh Tề. Ba lần xin, vua mới nói: Lỗ yếu hơn Tề từ lâu. Nếu đánh Tề thì sẽ ra sao. Đáp: Trần Hằng giết vua, dân không theo đến nửa nước. Cứ như Lỗ dân đông mà Tề có nửa, có thể thắng được. Vua nói: Ông hãy nói với họ Quý. Khổng Tử từ tạ lui ra, nói với người ta rằng: Ta theo vào hàng đại phu, cho nên không dám không nói.

秋晉趙鞅帥師伐衛

THU, TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ PHẠT VỆ

MÙA THU, TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN PHẠT NƯỚC VỆ

八月辛丑仲孫何忌卒

BÁT NGUYỆT, TÂN SỬU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ TỐT

THÁNG TÁM, NGÀY TÂN SỬU, TRỌNG TÔN HÀ KỊ MẤT

Tả Thị - Trước kia, Mạnh Nhụ Tử Tiết (con Mạnh Ý Tử) muốn bắt ấp Thành nuôi ngựa nhà (ấp Thành của họ Mạnh). Viên Ấp Tể là Công Tôn Túc không thuận, nói: Mạnh Tôn làm cho dân Thành khổ. Dân không nuôi ngựa. Tiết giận, đánh úp ấp Thành. Nhưng quân tùy tùng không vào được, thế là trở lại Kinh. Dân Thành sai sứ tới (cốt cho yên). Tiết lấy roi quất sứ. Mùa thu, tháng tám, ngày Tân Sửu, Mạnh Ý Tử mất. Người Thành tới, về việc tang, không được vào. Họ đội mũ tang, trần vai khóc, ở ngoài đường, xin nghe lệnh Tiết. Tiết cũng không cho. Dân sợ, chưa có lệnh, không dám về.

冬陳宗豎自楚復入陳陳人搬之

ĐÔNG, TRẦN TÔN THỤ, TỰ SỞ PHỤC NHẬP TRẦN, TRẦN NHÂN SÁT CHI

MÙA ĐÔNG, TÔN THỤ NƯỚC TRẦN TỪ SỞ, LẠI TRỞ VÀO TRẦN, NGƯỜI TRẦN GIẾT ĐI

陳轅買出奔楚

TRẦN VIÊN MÃI XUẤT BÔN SỞ

VIÊN MÃI NƯỚC TRẦN CHẠY TRỐN SANG SỞ

有星孛
HỮU TINH BỘT
CÓ SAO CHỔI

饑
CƠ
ĐÓI

十有五年春王正月成叛
THẬP HỮU NGŨ NIÊN, XUÂN, VƯƠNG CHÍNH NGUYỆT THÀNH BẠN
NĂM THỨ 15, MÙA XUÂN, VƯƠNG THÁNG GIÊNG. ẤP THÀNH LÀM PHẢN

Tả Thị - Năm thứ 15. Mùa xuân. Ấp Thành, theo Tề làm phản. Vũ Bá (Mạnh Tiết) đánh Thành. Không thắng. Rồi đắp thành Thâu cho kiên cố thêm.

Mùa hạ, Tử Tây và Tử Kì đánh Ngô, tiến quân tới khúc rẽ sông Đồng. Vua Trần sai Công Tôn Trịnh Tử thăm viếng Ngô, nhưng mới đi đến ấp Lương đất Ngô thì chết. Tùy tùng định cứ đem cả xác vào kinh đô. Vua Ngô sai Thái Tử Phỉ úy lạo, nhân dịp từ tạ rằng mùa mưa, nước lũ, đường sá khó khăn, lỡ phu dịch đánh ngã thi thể, thành ra vua Ngô lại buồn phiền thêm. Vậy xin miễn để quan đại sứ tới.

Phó sứ là Cái đáp: Quả quân tôi nghe thấy Sở không theo đường lối chính, tới đánh nước Ngô, muốn diệt dân Ngô. Vua tôi cho tôi phó với viên sứ để trình lời thăm viếng các quan nhà vua. Không may trời bắt tội, thế là không làm trọn được quân mệnh, bị mất tại đất Lương. Trong vài ngày, chúng tôi đã làm các công việc khâm liệm cho đầy đủ. Xong, hôm sau lên đường, theo từng trạm. Nay, vua Ngô sai ngài đến, cho chúng tôi biết đừng đem thi thể tới cửa thành, thế là khinh rẻ như cỏ rác mệnh của quả quân chúng tôi. Vả lại, tôi nghe nói, theo

lễ thì thờ sống như thờ chết. Cho nên trong các việc giao tế, triều sính, mà sứ chết, thì sứ mệnh cũng cứ phải cho xong như là vẫn sống. Và nếu như người tiếp sứ chết thì cũng cứ phải theo đúng các lễ nghi đã định. Nay nếu chúng tôi chưa xong quân mệnh, với thi thể người sứ, mà đã ra về thì y như đem tang vua ngài mà về. Như thế thì còn ra gì nữa. Lấy lễ trị dân, thế mà còn có khi dân đi quá trớn. Nay ngài bảo rằng sứ đã chết, thì thôi bỏ về, thế tức là bỏ lễ. Bỏ lễ, thì còn làm chủ chư hầu sao được. Ngạn ngữ có nói: Đừng làm tội thêm một công chức đã chết bất thường. Tôi là phó, xin theo thi thể Chánh sứ mà tròn phận sự. Dù khi đi đường, thì thể người có bị rơi xuống vực sâu, thì đó cũng là ý trời không phải lỗi nhà vua, mà cũng không phải lỗi phu dịch.

Người Ngô mới mời sứ bộ vào thành.

Mùa thu, Trần Quán nước Tề sang Sở, đường qua Vệ. Trọng Do (Tử Lộ), trông thấy, bảo rằng: Có lẽ trời dùng họ Trần làm cái búa rìu. Đã chặt họ nhà vua Tề, có lẽ trời cho một họ khác chăng. Chưa thể biết được. Hay là cứ cho họ hiện tại cứ làm chủ, cũng không thể biết được. Trong khi đợi mệnh trời, các ông cứ thân thiện với Lỗ có hay không, việc gì mà phải coi Lỗ như thù. (Tử Lộ khi đó ở Vệ). Trần Quán, hoặc gọi là Tử Ngọc, nói: Phải, xin theo mệnh. Ngài nên cho bảo em tôi (Trần Hằng).

夏五月齊高無飛出奔北燕

HẠ, NGŨ NGUYỆT, TỀ CAO VÔ PHI XUẤT BÔN BẮC YÊN

MÙA HẠ, THÁNG 5, CAO VÔ PHI NƯỚC TỀ CHẠY TRỐN SANG NƯỚC BẮC YÊN

鄭伯伐宋

TRỊNH BÁ PHẠT TỐNG

TRỊNH BÁ ĐÁNH TỐNG

秋 八 月 大 雩

THU, BÁT NGUYỆT, ĐẠI VU

MÙA THU, THÁNG TÁM, LỄ ĐẢO VŨ (ĐẠI VU)

晉 趙 鞅 帥 師 伐 衛

TẤN TRIỆU ƯỞNG SUẤT SƯ PHẠT VỆ

TRIỆU ƯỞNG NƯỚC TẤN CẦM QUÂN ĐÁNH VỆ

冬 晉 侯 伐 鄭

ĐÔNG, TẤN HẦU PHẠT TRỊNH

MÙA ĐÔNG, TẤN HẦU ĐÁNH TRỊNH

及 齊 平

CẬP TỀ BÌNH

LỖ CÙNG VỚI TỀ HÒA

Tả Thị - Mùa đông. Lỗ hòa với Tề. Tử Phục Cảnh Bá sang Tề. Tử Cống làm phó. Cống yết kiến Công Tôn Thành (tức là Công Tôn Túc, đã chống lại vua Lỗ, chạy sang Tề, cho Tề ấp Thành). Tử Cống nói: Thường thường làm tôi, hay có tâm phản chủ, huống chi người Tề lại càng có tâm ấy đối với ông là người nước khác. Tuy làm việc theo lệnh ông, nhưng vẫn có hai lòng. Ông là dòng dõi Chu Công, đã được hưởng nhiều lợi ở Lỗ. Ông lại còn muốn có thêm những lợi vô lí. Đã không được lại còn hại đến nước của tổ tiên. Ông làm, làm gì. Thành đáp: Phải lắm, sao tôi không sớm được nghe lời dạy.

Trần Thành Tử (Tề Trần Hằng) mời sứ bộ ra quán xá nói: Quả quân tôi sai Hằng tôi thưa với các ngài rằng, quả quân tôi xin thờ vua Lỗ như thờ vua Vệ. Cảnh Bá mới vái chào rồi tiến dẫn Tử Cống, để Tử Cống nói: Quả quân tôi vẫn mong lắm. Xưa, người Tấn phạt nước Vệ, vua Tề muốn cứu Vệ, đánh vào Quan Thị ở Tấn, mất 500 chiến xa. Rồi cho

Vệ đất, từ bờ sông Tế phía tây cho tới phía nam các đất Chước Mi và Hạnh. Tề đã cho Vệ 500 xã (mỗi xã 25 nhà). Khi quân Ngô tràn sang tệ ấp (nước tôi) để gây loạn. Tề đã lợi dụng để lấy của Lỗ tôi ấp Hoan và ấp Xiển. Quả quân tôi từ đó sợ hãi. Nhưng nếu nay được Tề đối đãi như với Vệ, thì Lỗ chắc lại được y như sở nguyện. Thành Tử không trả lời được, mới giao trả Lỗ ấp Thành và để cho Công Tôn Túc được đặt đủ binh giáp chiến thủ tại ấp Doanh nước Tề.

Khổng Ngữ nước Vệ, cưới một người chị Khoái Hội (Thái Tử vua vệ Linh Công), có con tên là Khôi. Một gia thần nhà Khổng Thị tên là Hồn Lương Phu, cao lớn mà đẹp trai. Khổng Văn Tử (Khổng Ngữ) chết, Lương Phu thông dâm với vợ Ngữ. Khổng Hội khi đó trốn ở Tề. Khổng Cơ, vợ Ngữ, sai Lương Phu tới Hội. Hội nói chuyện với Lương Phu, bảo rằng: Nếu ông làm cho tôi về quốc đô Vệ được, và lên ngôi được, ông sẽ làm đại phu, đủ phẩm phục (mũ áo, cân đai) và đủ đặc quyền (được ba lần tha tội chết). Thế rồi, cùng thề với Lương Phu. Lương Phu được sai về quốc đô Vệ, để xin sự thỏa thuận của Bá Cơ (Khổng Cơ, vợ Ngữ). Trong tháng nhuận, Lương Phu cùng Thái Tử Hội vào nước, ở dinh cơ họ Khổng, trong khoảnh vườn ở ngoài thành. Tối đến, hai người mặc áo đàn bà, lên xe. Tư nhân (quan thị), tên là La đánh xe tới cửa nhà Khổng Thị. Quản gia, Loan Ninh hỏi ai. Đáp là họ. Thế là vào. Tới gian nhà Bá Cơ. Tất cả ăn cơm xong, Khổng Bá Cơ cầm giáo đi trước. Thái Tử đi sau, với năm giáp sĩ cả hai người khiêng một con heo (để làm lễ thề). Vây được Khổng Khôi trong nhà tiêu, bắt Khôi phải uống máu ăn thề, rồi bắt cùng đi lên một đài cao. Loan Vinh đương sắp uống rượu. Đồ nhắm còn chưa chín, nghe có loạn, sai báo Quý Tử (Tử Lộ). Bảo Hoạch sửa soạn xe. Loan Ninh ăn uống xong, mời vua Vệ Chiếp chạy tới nước Lỗ. Quý Lộ được tin, sắp vào thành, thì gặp Tử Cao đi ra (đi ra, để đi nước khác, Tử Cao tức là Cao Sài, học trò Khổng Tử, cũng như Quý Lộ). Tử Cao nói: Cửa cung đóng rồi. Quý Lộ nói, tôi hãy tới coi. Tử Cao nói, không kịp, đừng theo nạn. Quý Lộ nói: Đã ăn lương, không được trốn nạn. Tử Cao đành ra đi. Tử Lộ vào, đến cửa, Công Tôn Cảm giữ cửa nói:

Công đi rồi, không về nữa đâu. Quý Lỗ đáp: Ông là cháu ruột vua Vệ. Đã được lợi lộc, mà lại bỏ chủ đương mắc nạn, tôi không thế đâu. Đã hưởng lộc thì phải cứu nạn.

Vừa lúc trong phủ, một người đi ra. Quý Lộ vào. Nói: Thái Tử dùng Khổng Khôi làm gì. Dù có giết đi, tất có người khác thay. Rồi lại nói thêm: Thái Tử không có dũng đâu. Ta đốt nửa lầu tất phải thả Khôi. Thái Tử lo sợ, mới truyền cho Thạch Khất, Vu Yểm xuống đài cùng Tử Lộ đánh nhau. Tử Lộ đứt giải mũ, nói: Người quân tử chết không rời mũ, mới buộc lại giải mũ rồi chết.

Khổng Tử nghe tin Vệ loạn, có nói: Sài thì về, mà Do thì chết. Khổng Khôi lập Trang Công (Khoái Hội). Trang Công thay đổi chính trị, muốn đuổi hết cựu thần. Trước tiên bảo chức Tư Đồ là Man Thành: Quả quân đã từng trải, gian nan, ở nước ngoài, đại phu nên thử. Man Thành lui ra, báo cho Chử sư Tị, định cùng nhau phản. Mưu không thành.

衛公孟彄出奔齊

VỆ CÔNG MẠNH KHU XUẤT BÔN TỀ

CÔNG MẠNH KHU NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN SANG TỀ

十有六年春王正月己卯衛世子

蒯聵自戚入于衛衛侯輒來奔

THẬP HỮU LỤC NIÊN, XUÂN, VƯƠNG. CHÍNH NGUYỆT, KỈ MÃO, VỆ THẾ TỬ KHOÁI HỘI TỰ THÍCH NHẬP VU VỆ, VỆ HẦU CHIẾP LAI BÔN

NĂM THỨ 16, MÙA XUÂN, VƯƠNG, THÁNG GIÊNG, NGÀY KỈ MÃO, VỆ THẾ TỬ LÀ KHOÁI HỘI TỪ ẤP THÍCH VÀO NƯỚC VỆ, VỆ HẦU CHIẾP CHẠY SANG NƯỚC LỖ

二月衛子還成出奔宋

NHỊ NGUYỆT, VỆ, TỬ HOÀN THÀNH, XUẤT BÔN TỐNG

THÁNG HAI, TỬ HOÀN THÀNH NƯỚC VỆ CHẠY TRỐN SANG TỐNG

Tả Thị - Năm thứ 16, mùa xuân, Man Thành (Tử Hoàn Thành), Chử sư Tị chạy trốn sang nước Tống, Vệ Hầu (Vua Vệ, Khoái Hội, Trang Công) sai sứ là Yển Vũ Tử báo cáo với triều Chu. Yển Vũ Tử tâu với vua Chu: Khoái Hội có tội với vua cha và mẹ đành trốn sang Tấn (Tấn và Vệ cùng họ với nhà Chu). Tấn Hầu vì nghĩ đến họ nhà vua, không dám bỏ anh em, đã cho Hội ở trên bờ sông Hà. Trời đã thấu tình, đã cho nối dõi, và giữ nước, và sai hạ thần là Hật trình với các quan trong triều. Vua Chu mới sai Thiện Bình Công trả lời: Hật đã tới tâu cho ta tin mừng. Vậy về bảo Thúc Phụ ta (vua Vệ) là ta mừng cho đã nối được tiền nhân. Ta ban cho phẩm tước theo ngôi thứ. Phải kính mệnh, trời đang ban phúc. Không kính mệnh, thì trời không ban phúc nữa. Có hối cũng không lấy lại được.

夏四月己丑孔子卒

HẠ TỨ NGUYỆT, KỈ SỬU KHỔNG TỬ TỐT

MÙA HẠ THÁNG TƯ, NGÀY KỈ SỬU, KHỔNG TỬ MẤT

Tả Thị - Lỗ Công viếng. Điếu văn có mấy câu: Trời cao không giúp ta, không giữ cho vị quốc lão. Một người ở ngôi là ta mà trời làm cho bối rối. Thương thay Ni Phủ. Gương mẫu từ nay là ai.

Tử Cống nói: Vua chắc, rồi ra, không được mất ở nước Lỗ. Thầy xưa có nói: Lễ mà sai thì mờ tối. Danh mà sai thì sinh họa. Trí nghĩ sai thì mờ tối. Xử sự sai thì sinh họa. Khi thầy còn sống, vua đã không biết dùng, thầy chết rồi, lại điếu văn, thế là sai lễ. Tự xưng là nhất nhân, một người, (tiếng xưng của Thiên Tử) là sai về danh. Thế là hai điều sai.

Đỗ Dự - Trọng Ni đã thôi làm quan, đã cáo lão, mà còn chép vào sử khi mất, thế biết là vua tôi nước Lỗ tôn trọng đức Thánh, cho nên có khác thường. Khổng Tử sinh năm Lỗ Tương Công thứ 27, nay mất là 73 tuổi, tháng tư, ngày 18, Ất Sửu. Không có ngày Kỉ Sửu. Kỉ Sửu vào tháng 5, ngày 12. Ngày tháng biên chép chắc có nhầm.

Lục Đức Minh - Khổng Tử làm sách Xuân Thu. Câu bắt được con lân là câu ở cuối sách. Công Dương, Cốc Lương cứ theo như Kinh. Học trò thì muốn ghi ngày Thánh sư mất, cho nên nhặt ở sử nước Lỗ các việc để nối vào Kinh của thầy mà chung kết ở đây. Tả Khưu Minh cũng theo mà làm ra Truyện, chép cho đến hết đời Ai Công. Từ đây trở xuống không phải là Kinh nữa.

Tả Thị - Tháng sáu, Vệ Hầu mời Khổng Khôi uống rượu ở Bình Dương. Uống nhiều. Các đại phu đều được đồ ban tặng. Khi thấy Khôi đã say rồi, Vệ Hầu mới cho người đưa ra về. Nửa đêm mới lên xe đi ra ở nước ngoài. Khổng Khôi để mẹ lên xe, tại Bình Dương, rồi cùng đi với mẹ (Bá Cơ). Đến cửa tây Bình Dương, mới cho chiếc xe thứ hai trở lại để lấy ở vườn phía tây hộp đá, trong đựng bài vị tổ tiên. Tử Bá Quý Tử, trước kia, là gia thần họ Khổng, vừa mới được vua cho chức đại phu, xin phép vua đuổi theo Khổng Khôi. Tử Bá gặp người gia thần mang hộp đá, giết đi, rồi lên ngay xe của gia thần. Khôi thấy lâu, lại sai Hứa Công Vi trở lại lấy hộp. Hứa Công Vi gặp Tử Bá, tự nghĩ, chiến với kẻ bất nhân, nhất định không thắng nó được. Phải để nó bắn trước. Tử Bá bắn ba phát đều cách xa Hứa Vi. Hứa Vi bắn lại một phát, Tử Bá chết. Tùy tòng Hứa Vi thấy hộp đá, trong một cái túi. Thế là Khổng Khôi rời Vệ sang ở nước Tống.

Thái Tử Kiến nước Sở bị lời gièm pha, từ ấp Thành Phủ trốn sang nước Tống. Sau muốn tránh loạn gây nên vì họ Hoa, lại đi sang nước Trịnh. Người Trịnh quý lắm. Nhưng thái tử lại rời Trịnh đi sang nước Tấn, cùng với người Tấn bàn mưu đánh úp nước Trịnh. Muốn cho mưu thành, mới xin vua Trịnh cho trở lại Trịnh. Trịnh lại cho địa vị nguyên như cũ. Tấn cho thám tử tới, xin Thái Tử định ngày đánh Trịnh. Thái Tử Kiến (cũng

gọi là Tử Mộc) vốn tàn ngược, đối với dân ấp (ấp ma Trịnh đã phong cho). Dân ấp biết việc, mới tố cáo. Người Trịnh cho dò xét, bắt được thám tử Tấn. Thế là giết Tử Mộc.

Con Tử Mộc tên là Thắng, hiện ở nước Ngô. Tử Tây nước Sở muốn triệu về Sở. Diệp Công (Tử Cao) đại phu Sở bảo rằng, tôi nghe nói, Thắng, người trí trá, hay gây loạn, chắc có hại cho nước. Tử Tây nói: Tôi thì nghe nói, Thắng có tín, lại có dũng, chắc là có lợi, đặt ở ngoài biên, có thể như phên dậu được. Diệp Công nói: Mọi việc đều có lòng nhân, thế là có đức tín; hành động theo nghĩa, thế là dũng. Tôi nghe nói, Thắng thích giữ lời, mà lại hay tìm, hay dùng hạng tử sĩ (để làm việc bậy). Tôi e sẽ lập phe đảng riêng. Cứ giữ lời hứa dù là việc bậy, thế không phải là có đức tin. Đi vào chỗ chết, dù không đáng chết, thế là không có đức dũng. Nếu ngài triệu về, ngài sẽ hối. Tử Tây không nghe, triệu Thắng về, rồi giao cho coi biên giới Ngô, phong cho tước Công, tức là Bạch Công.

Thắng xin đánh Trịnh. Tử Tây nói: Sở chưa yên về chính trị, không nên đánh vội, tôi không quên đâu. Để khi khác sẽ nhắc tôi.

Ngày khác, Thắng lại xin. Tử Tây ưng thuận. Quân đội Sở chưa sửa soạn, thì quân đội Tấn đã đánh Trịnh. Sở xoay cứu Trịnh, lập minh ước với Trịnh, Thắng giận nói: Người Trịnh chính là ở đây (ý nói Tử Tây), chứ không ở xa. Thắng tự mài thanh kiếm. Tử Bình con Tử Kì (một đại phu) trông thấy hỏi: Vương Tôn mà sao lại đi mài kiếm lấy. Thắng nói: Tôi được tiếng là tính thẳng. Đã thẳng thì không giấu giếm. Tôi mài kiếm là để giết cha anh. Bình mới báo với Tử Tây. Tử Tây nói: Thắng như quả trứng, ta ấp cho sống, ta nuôi cho lớn. Nước Sở vẫn có lề lối đã định từ xưa. Ta mà chết đi, thì chả đến Thắng làm Lệnh Doãn Tư Mã, còn đến ai. Thắng được biết chuyện, nói: Lệnh Doãn thế là ngu si. Hắn mà được chết già, thì ta khống phải là ta. Tử Tây không đổi chí hướng. Thắng bảo Thạch Khất (một viên tướng) rằng: Chỉ cần 500 quân là đương đầu được với vua Sở và các tướng (Tử Tất với Tử Kì). Thạch Khất nói: Lấy đâu ra 500 người. Thắng nói: Ở phía nam ngoài chợ, có Hùng Nghi

Liêu. Nếu ta dụ được, thì một mình hắn bằng 500 người. Thạch Khất theo Thắng ra chợ gặp Hùng Nghi Liêu. Chuyện trò một lúc, ưng ý lắm. Thắng mới nói cho biết ý định. Hùng Nghi Liêu từ chối. Thắng rút gươm dọa. Liêu ngồi yên không nhúc nhích. Thắng nói: Hẹn lợi không chuyển. Dọa giết không sợ. Hạng người này tất không tiết lộ công việc để siểm nịnh. Thế là Thắng cho đi khỏi.

Quân Ngô đánh ấp Thận nước Sở. Bạch Công đánh cho thua, rồi xin đem vào triều hiến các chiến cụ lấy được. Vua cho chép. Bạch Công nhân dịp hành động phản loạn. Mùa thu, tháng 7, giết Tử Tây, Tử Kì ở triều, hiếp Sở Huệ Vương. Tử Tây lấy vạt áo che mặt mà chết. Tử Kì thì nói: Khi xưa, ta dùng sức để thờ vua, ta cứ thờ cho đến chết. Thế là nhổ một gốc cây, đánh chết được một tên địch, rồi chết. Thạch Khất nói: Đốt kho, giết vua, nếu không, không thành việc. Bạch Công nói: Không nên. Giết vua sẽ có họa. Đốt kho, thì hết gạo, hết đồ dùng. Còn giữ nước sao được. Khất đáp: Ông có nước Sở, ông trị nhân dân, ông thờ thần linh, ông sẽ được phúc trời, ông sẽ có kho tàng, còn lo gì. Bạch Công không nghe.

Diệp Công (Tử Cao) khi đó ở nước Sái (Sở đã chiếm). Trừ quốc đồ ra, dân các nơi đều khuyên nên về Sở. Tử Cao nói: Tôi nghe, những ai cầu lợi bằng cách gian hiểm thì không bao giờ cho là đủ, như cái bình để nghiêng là phải đổ. Khi Diệp Công nghe tin. Bạch Công đã giết chết Quản Tu người Tề làm quan ở Sở, thì mới về Sở. Bạch Công muốn để cho Tử Lư (tên là Khải, một con của Bình Vương) làm vua Sở. Tử Lư từ chối. Bạch Công bắt rồi hiếp bức. Tử Lư nói: Ông là cháu vua, nếu làm cho Sở an ninh được, sửa sang lại chính trị, mà giúp công nhà vua, thì tôi không còn mong gì hơn. Sao tôi lại còn trái ý ông. Nhưng nếu ông chỉ chuyên về lợi, nếu ông đánh đổ họ nhà vua, nếu ông không nghĩ đến nước Sở thì dù có giết đi, tôi cũng không theo. Bạch Công mới giết Tử Lư. Rồi đem vua Sở cùng đi tới kho công, gọi là Cao Phủ, sai Thạch Khất giữ cửa, canh gác.

Một viên chức trông coi xe, là Công Dương; đục được tường kho, cõng vua chạy tới cung bà Chiêu Phu nhân (mẹ vua). Diệp

Công cũng tới. Khi gần đến cửa bắc, có người hỏi rằng: Sao Công không đội mũ trụ. Dân tin ngài như cha mẹ hiền. Ví như bị giặc bắn tên trúng, thế là dân mất trông mong, sao Công không đội mũ trụ. Thế là Diệp Công đội mũ trụ, rồi tiến lên. Gặp một người khác nói: Sao ngài lại đội mũ. Dân trong nước mong ngài như mong được mùa. Thấy mặt ngài là yên tâm, biết là ngài không chết, thì sẽ phấn chấn, loan báo khắp trong nước, sự hiện diện ngài. Nếu ngài đội mũ, thành ra che mất mặt, dân không được thấy, thì không có hi vọng. Rất là không nên. Thế là Diệp Công lại bỏ mũ trụ xuống.

Diệp Công gặp quan Châm Doãn tên là Cố, đang dắt bộ hạ tìm theo Bạch Công. Diệp Công bảo: Thiếu hai vị; Tử Tây, và Tử Kì, thì Sở không thành nước Sở. Ông bỏ người nhân, theo bọn giặc, còn giữ nước được không. Cố mới theo Diệp. Diệp sai Cố đem dân thành đến đánh Bạch Công. Bạch Công chạy vào núi, rồi thắt cổ chết. Tùy tùng giấu được xác. Tử Khất bị tra hỏi về xác Bạch Công, Tử Khất nói: Tôi biết nơi chết, nhưng chủ tôi cấm tôi nói: Bị dọa cho vào vạc nấu cũng không khai. Trong việc này, nếu chúng tôi thắng, thì tôi đã làm Khanh, không thắng thì bị luộc, thế là đúng chỗ. Tử Khất bị luộc.

Em Bạch Công là Công Tôn Yên, chạy trốn đến Quì Hoàng Thị đất nước Ngô. Diệp Công kiêm cả hai chức của Tử Tây và Tử Kỳ trước. Khi nước đã yên mới xin cho Ninh con Tử Tây làm Lệnh Doãn thay Tử Tây, và Khoan, con Tử Kỳ, làm Tư Mã. Diệp Công lui về dưỡng lão ở ấp Diệp.

Chức quan đoán mộng của Vệ Trang Công được vua yêu, một hôm tới xin rượu Thái Thúc Hi Tử. Không được. Mới mưu với một người thầy bói và nói với vua rằng: Vua có đại thần ở phía tây nam. Không đuổi đi, vua sẽ bị hại. Vua sợ, đuổi Thái Thúc Di (Hi Tử) đi. Hi tử chạy trốn sang Tấn. Vua Vệ bảo Hồn Lương Phủ rằng: Ta làm vua mà không có quốc bảo. Làm thế nào. (Ấn tín Chiếp đã đem đi khi đi sang nước Lỗ). Người thị vệ đang cầm đuốc hầu. Hồn Lương Phủ cầm lấy đuốc, (để cho thị vệ ra ngoài, để được mật bàn). Rồi nói: Tật và Chiếp đều là con nhà vua. Xin gọi Chiếp về, để chọn một người con nối ngôi. Dù Chiếp

có không được chọn thì cũng phải đem quốc bảo về. Một tên thị vệ biết, báo cho Thái Tử Tật. Tật lấy năm người và một con heo (để lấy huyết thề) tới bắt vua, rồi áp bức làm lễ thề cho nối ngôi. Xong rồi Tật xin xử tử Hồn Lương Phủ. Vua nói: Ta đã thề tha cho đại tội. Tật nói: Xin hết ba đại tội ấy thì giết. Vua nói, vâng.

Năm thứ 17, mùa xuân, vua Vệ sai dựng Hổ Trướng trong vườn Tịch Phố (cũng như Tịch Điền). Dựng xong, vua hội với các đại thần tới dùng bữa tiệc đầu tiên. Thái Tử Tật khuyên vua mời cả Lương Phủ. Lương Phủ lên xe Trung Điến, thắng hai ngựa. Quần áo màu tím, ngoài khoác áo cừu (áo các đại thần mặc, nhưng không được phép dùng màu tím). Khi tới nơi để hở áo ngoài ra, không bỏ gươm. Rồi ngồi vào ăn. Thái Tử sai lôi ra ngoài trướng, kể cho biết ba tội lớn, rồi giết đi, (tội mặc áo màu tím, tội để hở áo, tội không bỏ gươm).

Tháng ba, vua Việt đánh vào Ngô. Vua Ngô ngăn chặn được quân Việt ở đầm Lạp Trạch. Hai quân dàn trận ở hai bên đầm. Vua Việt xếp hai đạo quân tả hữu vào theo hình dọc. Đêm đến, hoặc bên tả, hoặc bên hữu, nổi trống, reo hò rồi tiến. Vua Ngô muốn chống lại cũng phải xếp hai đạo tả hữu. Vua Việt mật đem đạo thứ ba, lội qua đầm, đến ngay trung quân Ngô không phòng bị, nổi trống đánh. Mất cả hàng ngũ, trật tự, quân Ngô thua to.

Triệu Ưởng nước Tấn sai cáo với nước Vệ rằng: Khi nhà vua còn ở Tấn. Chí Phủ tôi (tên Triệu Ưởng) để nhà vua ở. Nay xin nhà vua hoặc Thái Tử tới Tấn, để vua tôi khỏi bắt tội là tôi chủ trương việc các ngài không tới. Vua Vệ lấy cớ là trong nước đang nhiều việc. Thái tử thì tố cáo vua cha.

Mùa hạ, tháng sáu, Triệu Ưởng vây nước Vệ. Quốc Quan, và Trần Quán nước Tề tới cứu Vệ. Bắt được một tướng Tấn. Trần Quán cho tướng ấy mặc binh phục, rồi trở lại nói với Triệu Ưởng rằng: Quốc Quan nước Tề nắm hết quyền chính, có ra lệnh cho Quán tôi không được tránh quân Tấn. Ngài cần gì phải tự tới. Hàn Bất Tín nước Tấn hiểu ý mới nói: Ta đã bói rùa xem có nên đánh Vệ không. Nhưng chưa bói có nên đánh Tề không. - Nói xong, đem quân về.

Trong khi Sở có loạn Bạch Công, người Trần cậy là quân dân đông, lương thực nhiều, đánh vào Sở. Khi nước được yên, Sở mới định cướp lúa mạch của Trần. Vua Sở Huệ Vương hỏi Tử Cốc, và Diệp Công ai cầm quân được. Tử Cốc nói: Hữu quân Sai Xa, và Tả Sư lão, đều trước đã có giúp Lệnh Doãn Tử Tây và quan Tư Mã để đánh Trần. Lần này dùng được. Tử Cao (Diệp Công) nói: Khi tướng chức không cao, thì dận khinh, tôi e lệnh hai người không được theo. Tử Cốc nói: Quan đình Phủ, trước là tướng nước Nhược lại bắt làm tù binh, Vũ Vương cho cầm quân. Vì thế mới thắng được Châu và Liêu, phục được Tùy và Đường, mở rộng đất đai cho tới Nam Man. Bành Trọng Sảng là tù binh nước Thân, Văn Vương cho làm Lệnh Doãn, lấy được hai ấp Thân và Tức, bắt nước Trần, nước Sái triều phục, mở rộng bờ cõi tới sông Nhữ. Được thế là nhờ Bành. Có ngại gì chức kém. Tử Cao nói: Mệnh trời không sai nhầm. Lệnh Doãn xưa có uất hận với Trần. Nếu trời muốn diệt Trần, thì chính nên giao cho con Lệnh Doãn. Còn như Tả Sử và Hữu Quân, thần e chưa đủ sức. Vua sai bói rùa. Bói được Vũ Thành Doãn, tức là con Tử Tây. Vũ Thành được cầm quân đi cướp lúa ở Trần. Trần chống lại nhưng bị thua. Rồi Sở vây Trần. Mùa thu tháng bảy, ngày Kỉ mão. Trần bị diệt. Vua và Diệp Công bói rùa xem có nên lấy Tử Lương (em Huệ Vương) làm Lệnh Doãn không. Thẩm Doãn Chu nói: Đại Cát. Nhưng còn làm hơn thế nữa. Diệp Công nói: Một con vua làm Lệnh Doãn, còn hơn thế nữa thì làm gì. Một ngày khác lại bói được Tử quốc. Rồi Tử quốc được làm Lệnh Doãn.

Vua nước Vệ (Trang Công) ở Bắc Cung nằm mê thấy một người trèo lên lầu Côn Ngô, xõa tóc, mặt hướng về bắc, và kêu to: Trèo lên gò đống họ Côn Ngô. Ta như dây bầu, dây bí, bắt đầu có trái. Ta là hồn Lương Phủ. Xin trời chứng giám. Không có làm gì nên đại tội. Vua đã hứa hẹn tha cho ba đại tội. Ta chỉ có ba lỗi. Đáng lẽ phải tha. Ta chưa có tội thứ tư. Trang Công bói Dịch. Tư Di xá bói xong nói: Không hại. Vua ban cho ấp. Tư Di Xá sợ họa, chạy trốn sang nước Tống. Vua Vệ lại xem bói rùa, thì được giải thích: Như con cá, đuôi dần dần đỏ (vì mệt quá), bơi ngang dòng, không nổi, rạch

vào gần bờ. Một nước khác tới chiếm, nước mình diệt, phải đóng cửa, cài then, trèo qua tường sau.

Mùa đông tháng 10, quân Tấn lại đánh Vệ, vào được các trại ngoại thành, rồi sửa soạn vào trong thành. Nhưng Hàn Bất Tín (Giản Tử) bảo rằng: "Thôi ta ngừng lại, Thúc Hướng có nói, lợi dụng loạn mà diệt nước thì sẽ vô hậu". Dân Vệ đuổi Trang Công và hòa với Tấn. Quân đội Tấn lập ban sư, cháu nội Vệ Tương Công lên ngôi, rồi quay về Tấn. Tháng 11, Trang Công từ đất Quyến trở lại, vào quốc đô. Ban Sư chạy. Khi xưa, Vệ Trang Công đứng trên mặt thành, trông xa, thấy thành của ấp Nhung Châu (nước Vệ) mới hỏi thành nào. Đáp là Nhung Châu. Công nói: Họ ta là Cơ, sao lại có Nhung, mới cho san đi. Công việc dân phu làm, khó nhọc. Đến khi Công muốn đuổi Thạch Phố, chưa kịp đuổi thì có loạn. Thạch Phố ngày Tân tị, cùng tất cả dân phu đánh Trang Công, Công vội đóng cửa và ngỏ lời xin. Dân không nghe, Công nhảy qua tường phía bắc, ngã xuống, gãy đùi. Rồi bị dân Nhung Châu đánh. Thái tử là Tật, Công tử là Thanh, cũng nhảy qua tường theo sau. Cả hai bị dân Nhung Châu giết. Trang Công vào nhà họ Kỷ (dân Nhung Châu). Trước kia, đứng trên thành, Trang Công trông thấy vợ Kỷ có tóc đẹp, truyền cho đi cắt, để thêm vào mái tóc của vợ mình là Lư Khương. Khi Công vào nhà Kỷ, có cho coi một viên ngọc và nói: nếu cứu được ta, thì ta cho ngọc này. Kỷ trả lời, nếu tôi giết, thì ngọc sẽ vào tay ai. Thế là giết Công rồi lấy ngọc. Dân Vệ mới mời lại Công Tôn Ban Sư, rồi lập lên ngôi. Tháng 12, quân Tề đánh Vệ. Người Vệ xin hòa. Tề lập Công tử Khởi, bắt Ban Sư đem về cho ở ấp Lộ đất nước Tề.

Vua Lỗ hội thề với vua Tề ở đất Mông. Mạnh Vũ Bá đi theo. Vua Tề chào, rạp đầu xuống, vua Lỗ chỉ chào không. Người Tề giận. Mạnh Vũ Bá nói: "Chỉ khi chào Thiên tử mới rạp đầu". Vũ Bá hỏi Cao Sài rằng, khi làm lễ thề, thì ai cầm tai bò hiến. Cao Sài nói: Việc ở Tăng Diễn là Công Tử cô Tào nước Ngô. Trong việc Phát Dương, là Thạch Đồi nước Vệ. Vũ Bá nói, nếu như thế này thì lần này là tôi.

Quần là con Hoàng Viện nước Tống, có người bạn tên là Điền Bính. Quần lấy một ấp của anh là Sàm Ban, đem cho Bính. Sàm Ban giận, bỏ đi, báo với Tử Nghi Khắc, là tướng của Tư Mã Hoàn. Tử Nghi Khắc đến Tống, cáo với phu nhân, rằng Quần muốn đem Hoàn về. Phu nhân báo cho vua Tống. Vua Tống hỏi Tử Trọng (Hoàng Dã).

Trước kia Tử Trọng muốn chọn con nối dõi, có kén người con tên là Phi Ngã do vợ là Kỷ Tự sinh ra. Quần khuyên phải lập người con lớn của Phi Ngã, thật là người có tài. Tử Trọng giận không nghe. Thế cho nên nay Tử Trọng trả lời vua Tống: Hữu Quân (Hoàng Viện), già rồi (tức là không phản, không muốn bọn Hoàn về). Nhưng tôi không biết Quần. Vua Tống sai bắt Quần. Hoàng Viện chạy sang nước Tấn. Rồi sau, Viện lại được triệu về Tống.

Năm thứ 18, mùa xuân, người Tống giết Hoàng Viện. Vua Tống nghe biết sự tình, cho phục lại họ Hoàng, và cho Hoàng Hoãn làm Hữu quân.

Người nước Ba đánh nước Sở, vây thành Ưu, ấp nước Sở. Trước kia có bói rùa xem có nên cho Tử Quốc làm Hữu Tư Mã không. Bói được, khi quân Ba tới, triều đình lại muốn bói chọn một tướng súy. Vua Sở nói: "Ninh (Tử Quốc) đã được rồi, còn bói làm gì nữa". Vua sai Tử Quốc cầm quân tiến ra trận. Tử Quốc xin một phó tướng. Vua nói, chức Tẩm Doãn (Ngô Do Vu) và chức Công Doãn, (Vĩ Cô) đã giúp đắc lực vua trước. Tháng ba, Công Tôn Ninh, Ngô Do Vu, Vĩ Cô, đánh quân ba ở đất Ưu. Vua Sở ban cho Tử Quốc ấp Tích. Người quân tử bàn là Sở Huệ Vương biết làm việc. Trong sách sử nhà Hạ, có nói: Khi quyết định rồi thì coi lại bói rùa. Trong sử cũng nói: Thánh nhân ít coi bốc phệ. Huệ Vương theo đúng thế.

Mùa hạ, Thạch Phố nước Vệ đuổi vua Vệ là Khởi. Khởi trốn sang nước Tề. Vệ Hầu Chiếp từ nước Tề về, rồi lại cầm quyền ở Vệ. Vệ Hầu đánh đuổi Thạch Phố, triệu Thạch Đồi, cùng Thái Thúc Di về nước và cho chức cũ.

Năm thứ 19, Việt xâm Sở, để đánh lừa Ngô.

Mùa hạ, Công Tử Khánh và Công Tôn Khoan nước Sở đuổi quân Việt đến đất Minh, đất Việt, nhưng không kịp. Thế là kéo quân về.

Mùa thu, Thẩm Chư Lương nước sở đánh rợ Đông Di. Ba rợ Di, cả đàn bà, đàn ông cùng thề với Sở ở đất Ngao.

Mùa đông, Thúc Thanh, nước Lỗ tới Kinh sư (Chu) vì cớ vua Kính Vương mất.

Năm thứ 20. Mùa xuân, Tề Hầu mời Lỗ Công hội. Mùa hạ, hội ở Lẫm Khưu. Vì muốn giúp Trịnh, cho nên bàn việc đánh Tấn. Trịnh từ chối không nhận. Quân chư hầu kéo về.

Công tử Khánh Kỵ nước Ngô, nhiều lần can vua Ngô rằng: Nếu không đổi hành vi, tất đến chết. Vua không nghe. Công tử mới rời kinh đô đi ra ở ấp Ngải. Rồi đi sang Sở. Khi nghe tin Việt sắp đánh Ngô, mùa đông, mới xin phép trở về Ngô để giữ hòa hiếu với Việt. Muốn diệt trừ vài kẻ bất trung, để lấy lòng Việt, thì bị người Ngô giết đi. Tháng 11, Việt vây kinh thành Ngô. Triệu Mạnh nước Tấn đang có đại tang, không để ý đúng lễ cư tang trong các bữa ăn. Gia thần là Sở Long nói: Tang ba năm là đối với tình thân nhất, mà ngài không giữ đúng lễ, chắc có cớ. Triệu Mạnh nói: Trong việc tại Hoàng Trì, Tiên Chủ (tức là cha) cùng với vua Ngô có hội minh, trong lời thề có câu: Hai nước Tấn và Ngô yêu ghét phải cùng nhau. Nay Việt vây Ngô. Nếu tôi không muốn hủy bỏ công việc của cha, thì tôi đã nối nghiệp, tất phải chống lại Việt. Mà chống lại Việt thì Tấn không làm nổi. Cho nên về lễ cư tang tôi có thất thố. Sở Long nói: Nếu ngài muốn cho vua Ngô biết, có được không. Triệu Mạnh hỏi, thế có nên không. Sở Long nói: nếu ngài cho phép, tôi xin thử. Thế là Sở Long đi sang Ngô. Trước tiên, sang quân đội Việt nói với các tướng Ngô đã nhiều lần cắt đứt hòa hiếu với Việt. Khi nghe tin nhà vua thân chinh, ai là không vui mừng, chỉ e là không toại nguyện. Xin cho tôi sang coi trước. Được phép rồi, Sở Long mới tới quân đội Ngô, nói với Ngô rằng: Triệu Mạnh là tướng của quả quân tôi có sai thần là Long tới tạ tội không tuân lệnh. Trong hội Hoàng Trì, bầy tôi cũ của quả quân là Chí Phủ đã

được minh ước giữa Ngô và Tấn, trong minh ước có câu yêu ghét cùng nhau. Nay Ngô đang bước khó khăn. Vô Tuất (Triệu Mạnh) không dám ngại khó nhọc, nhưng nước Tấn chưa đủ sức giúp được. Vậy có cho thần tới tâu trình. Vua Ngô rạp đầu nói: Quả nhân vô tài, không được lòng nước Việt, làm cho đại phu phải lo. Tôi xin lạy chào, cám ơn đại phu đã đoái cố. Thế rồi, vua Ngô tặng cho Triệu Mạnh, một giỏ ngọc châu và bảo Sở Long rằng: Vua Việt định làm cho quả nhân phải khổ lúc sống, chứ không cho được chết đâu. Rồi lại nói thêm: Người gần chết đuối, vẫn cứ cười (vì đã hoảng hốt). Tôi cũng thế. Tôi muốn hỏi tại sao Sử Ảm được coi là người quân tử. Sử Long đáp: Khi làm, không ai ghét, khi thôi, không ai chê. Vua Ngô nói: Thế thì đáng lắm. Năm thứ 21. Mùa hạ, tháng 5, lần đầu tiên, sứ Việt tới Lỗ.

Mùa thu, tháng tám, vua Lỗ cùng với vua Tề, vua Châu đồng minh ở đất Cố, đất nước Tề. Người Tề có trách vua Lỗ, trước đây chào không rạp đầu, có làm bài vè: "Người Lỗ chậm nghĩ, mấy năm rồi còn chưa hiểu. Họ làm cho ta phải đi xa. Làm cho hai nước cùng lo, là tại nhân sĩ và sách vở Lỗ". Trong cuộc đi tới đất Cố, Lỗ Công tới đất Dương Cốc (đất nước Tề) trước hai vua. Lư Khưu Tức nước Tề nói: Nhà vua giá muốn rời gót ngọc, thì sẽ tới giữa quân đội quả quân.

Chúng tôi xin cho đi cấp báo với quả quân chúng tôi là nhà vua có mặt. Trong khi chờ đợi, xin đừng tự vội tự cho dọn, chúng tôi chưa kịp dọn cung thất. Xin tạm ở cung quán trên Chu đạo (Đất Tề). Lỗ công từ tạ nói: Không dám phiền phu dịch các ông.

Năm thứ 22. Mùa hạ, tháng tư, Châu Ẩn Công, tự Tề chạy trốn sang nước Việt, nói: Ngô làm nhiều điều không có đường lối, bắt giam bố lập con lên ngôi, người Việt lại đưa về quốc đô nước Châu. Con là thái tử Cách trốn sang Việt.

Mùa đông, tháng 11, ngày Đinh Mão, nước Việt diệt nước Ngô, định cho vua Ngô tới ở đất Dũng Đông nước Việt. Vua Ngô từ chối nói: Tôi già rồi, sao còn hầu được vua Việt. Vua Ngô tự sát. Dân Việt đưa xác về Ngô.

Năm thứ 23. Mùa xuân, phu nhân, Cảnh Tào nước Tống mất. (Về họ, thì Quí Khang Tử là hàng cháu gọi bằng bà). Quí Khang Tử nước Lỗ sai Nhiễm Hữu điếu tang, dự táng, và nói: Vì việc nước, Phì tôi (tên) phải cùng làm việc với các quan, cho nên không đi bên xe tang được. Tôi có cho Cầu (Nhiễm Hữu) theo các quí quan. Lại dặn nói thêm: Được vào hàng cháu ngoại, tôi có cặp ngựa thường của cha tôi để lại, nay xin biếu quan Tể ở nhà phu nhân để dùng vào việc tang, e không đương được với đồ trang sức thắng ngựa.

Mùa hạ, tháng sáu, Tuân Dao nước Tấn đánh nước Tề. Cao Bình Phi nước Tề cầm quân ứng chiến. Trí Bá ra coi quân Tề, ngựa lồng sợ. Trí Bá quất cho chạy nhanh. Nhưng lại nghĩ rằng, quân Tề cho là ta sợ chạy vì nhận biết cờ hiệu của ta. Thế là kéo dây cương quay cho tới hàng ngũ địch, rồi mới trở về. Trước khi giáp chiến, Trường Vũ Tử xin bói. Trí Bá nói: Vua Tấn đã cáo với trời, đã bói rùa, đã khấn khứa trong lăng miếu. Chắc được quẻ tốt rồi, ta còn bói lại làm gì. Vả lại dân Tề lấy của ta đất Anh Khưu. Theo mệnh vua, không cần diệu vũ dương uy, chỉ cần lấy lại Anh Khưu. Đây là ta cần đánh kẻ có tội thì bói rùa làm gì. Ngày Nhâm Thìn, chiến ở đất Lê Khưu, quân Tề tan vỡ. Trí Bá bắt được đại phu Nhan Canh.

Mùa thu, tháng tám, Thúc Thanh nước Lỗ sang nước Việt. Đó là lần đầu tiên có sứ Lỗ tới Việt. Việt sai Chư Ưởng đáp lễ sính.

Năm thứ 24. Mùa hạ, tháng tư. Tấn Hầu sắp đánh Tề, cho sứ tới Lỗ, xin quân nói: Xưa, Tang Văn Trọng (ở Lỗ) với quân Sở đánh Tề, và chiếm đất Cốc, Tuyên Thúc với quân Tấn, đánh Tề và chiếm Vấn Dương. Quả quân tôi muốn được phúc thừa của Chu Công, mong được may mắn như họ Tang. Tang Thạch mới cầm quân, họp với Tấn chiếm Lẫm Khưu, Tướng sĩ Tấn đều được lệnh sửa soạn tiến đánh. Lai Chương (Tề) nói: Vua Tấn kém, mà chính trị thì tàn ngược. Năm ngoái, Tấn đã được một trận, vừa rồi Tấn lại lấy được Lẫm Khưu. Trời cho nhiều ơn quá rồi. Còn tiến làm sao được. Nói đến

tiến là khoe. Thế nào cũng rút về. Sự thực, quân đội Tấn rút về Tấn, biếu Tang Thạch trâu bò. Sử Tạ nói: Quả quân có mặt trong hàng ngũ, cho nên không tiện thi hành đúng lễ nghi đối với ngài được. Xin đa tạ ngài. Châu Tử cũng vô đạo. Người Việt bắt lấy đem về Việt, mà lập Công tử Hà lên ngôi. Hà cũng lại không hơn.

Mẹ công tử Kinh ở Lỗ là bế thiếp của vua. Vua Lỗ muốn tôn vào hàng phu nhân, có hỏi Hấn Hạ (Người chủ lễ nghi lăng miếu) các lễ nghi cần thiết khi phong chức. Hấn Hạ trả lời: Không có. Vua giận nói: Ông chủ việc lễ ở tôn miếu. Lễ nghi phong một phu nhân là một lễ trọng, sao lại không có thể thức. Hấn Hạ trả lời: Chu Công và Vũ Công lấy vợ ở nước Tiết, Hiếu Công, Huệ Công lấy vợ ở đất Thương (Tống), Từ Hoàn Công đến nay đều lấy ở Tề. Đối với các việc cưới đó, thì có lễ đã định. Nhưng đem thiếp làm phu nhân, thì xưa nay không có lễ. Lỗ Công rồi cũng cứ lập làm phu nhân. Cho Kinh làm Thái tử. Người trong nước bắt đầu ghét Ai Công.

Trong tháng nhuận. Lỗ Công sang Việt, được lòng Thái Tử Thích Dĩnh, Thái Tử định gả một con gái cho Công, và biếu nhiều đất. Công Tôn Hữu Sơn báo cáo với họ Quí Tôn. Quí Tôn sợ (sợ vua sẽ có vây cánh), nhờ thái Tể Phỉ, đút lót hối lộ, việc cưới xin mới thôi. Năm thứ 25. Mùa hạ, tháng 5, ngày Canh Thìn, Vệ Hầu chạy sang nước Tống. Vệ Hầu có xây một đài gọi là Linh Đài ở vườn Tịch Phố. Một hôm, vua uống rượu với các đại phu. Chử Sư Thanh Tử vào ngồi, không bỏ giày. Vua giận. Chử Sư từ tạ: Thần có tật ở chân, bỏ ra gớm mắt ngài, cho nên phải để cả giày. Vua lại càng giận. Các quan nói từ tạ hộ cho nhưng không xong. Chử Sư đi ra. Vua giơ tay nói: Thế nào ta cũng chặt chân đi. Chử Sư nghe thấy. Cùng ngồi xe với Tư Khấu Hợi, Chử Sư nói: Hôm nay tôi còn may, chỉ bị đuổi thôi. Vua khi trở về thành, lấy lại một ấp của Nam thị (Chính là Công Tôn Di Mâu, con Tử Nam). Cất chức Tư Khấu của Hợi. Sai thị vệ quăng xuống hồ chiếc xe của Công Văn Ý Tử.

Trước kia, người Vệ lấy lại sản nghiệp của họ Hạ Đinh,

đem của cải cho Bành Phong Di Tử. Di Tử mời vua (là Chiếp) dự tiệc rượu và đưa vào cung con gái là Hạ Mậu, Hạ Mậu được sủng ái và thành Phu nhân. Người em tên là Kỳ là cháu (gọi bằng bà) bà chị của chị đại phu Thái Thúc Tật nước Vệ. Khi còn bé, được nuôi ở trong cung vua. Lớn lên được chức Tư đồ. Về sau tình yêu Hạ Mậu bị giảm, Kỳ bị tội. Vua đã từ lâu, dùng ba hạng thợ, không trả công. Vua bắt đại phu Quyền Di, lập khoán ước với một tên chèo hát là Giảo. Vua giữ làm cận thần cả hai người (thế tất đại phu cùng hàng với con hát phải tự cho là nhục).

Vì tất cả mọi việc đó, Chử Sư Tị (Thanh), Công Tôn Di Mâu, Công Văn Yếu (Ý Tử), Tư Khấu Hợi, Tư Đồ Kỳ, có bọn công nhân của Quyền Di giúp sức, cùng nhau nổi loạn. Cả bọn dùng đồ binh sắc nhọn, không có đồ binh thì dùng búa. Trước hết cho Quyền Di đi vào cung. Rồi từ cung thái Tử Tật reo hò tiến đánh vua. Quyên Tử Sĩ xin chống cự. Di giữ lấy tay nói: Ông thì dũng đấy, nhưng còn vua liệu cứu được không. Ông không nhớ việc xảy ra cho vua trước ư (Bị chết vì không trốn trước). Vua còn có thể chọn nước tới lánh được. Đã quen ở nước ngoài lâu rồi. Trở ra cũng được chứ sao. Nay không nên ở đây. Chúng đang hăng, đừng kích thích chúng. Ta hãy yên, rồi sau sẽ có dịp dễ hơn. Vua mới rời Kinh đô. Định tới đất Bồ (gần biên giới Tấn). Di can, không nên. Tấn không đáng tin. Vua mới định tới đất Quyên (giữa Tấn và Tề). Di nói không nên, Tề và Tấn sẽ tranh ta. Vua định đến đất Lãnh (gần Lỗ). Di nói không nên, Lỗ không đủ sức giúp ta, xin đi tới Thành Sừ, phía nam Tống, gần Việt để được Việt giúp, Vua Việt giỏi. Thế là đi Thành Sừ. Di nói với vua: ở Vệ, nhiều cướp, phải coi chừng. Nên đi nhanh. Tôi xin đi trước. Thế là Di để hết đồ quí lên xe, rồi quay trở lại Vệ.

Vua Vệ xếp quân đội từng hàng riêng. Nhân có chức Chúc Sử là Huy, nội công, mới đánh Vệ. Dân Vệ thiệt nhiều. Ý Tử (Công Văn Yêu) biết là Huy theo về vua mới tới Tử Chi (Di Mâu) xin Tử Chi đuổi Huy đi. Di Mâu, Văn Tử nói: Hắn vô tội. Ý Tử nói: Hắn chỉ nghĩ lợi riêng, mà chẳng theo đạo

lý nào cả. Nếu hắn thấy vua tới, có thể vào thành được, là hắn đưa đường ngay. Nên đuổi hắn đi, hắn ra thẳng cửa Nam, chỗ vua đóng. Việt mới phục được chư hầu. Huy tất cầu cứu Việt. Không ai nghe. Trong khi Huy còn ở triều, một tướng được sai tới nhà Huy đuổi cả người nhà đi. Huy rời khỏi Kinh thành, ra ở ngoài. Nghe ngóng không thấy được triệu về, ngày thứ 5, tới đất Ngoại Lý nơi vua đóng. Được vua tin dùng, rồi vua sai đi sứ sang nước Việt mượn quân.

Tháng sáu, vua Lỗ ở Việt về, Quí Khang Tử, Mạnh Vũ Bá đón ở Ngũ Ngô Quách Trọng đánh xe vua, thấy hai người nói: Hai người này, nói nhiều câu bậy về ngài, xin ngài truy cứu. Vua uống rượu, Ngũ Ngô Vũ Bá đọc chúc từ. Vốn sẵn ghét Quách Trọng, Ngũ Bá mới nói đến: Người sao mà bé thế. Quí Tôn (Quí Khang Tử) nói: Xin phạt rượu Mạnh Vũ Bá, chỉ vì nước Lỗ có nhiều thù, cho nên chúng tôi không đi theo vua được, đỡ được sự khó nhọc, thế mà còn bảo là Trọng béo.

Vua nói: Người mà ăn lời nhiều, thì sao mà không béo.

Tiệc tuy có rượu mà không vui, vua cùng đại thần bắt đầu có ác cảm. Năm thứ 26. Mùa hạ, tháng năm. Thúc Tôn Thư nước Lỗ cầm quân hội với tướng nước Việt là Cao Như, Hậu Dung, tướng nước Tống là Lạc Phạt, dẫn Vệ Hầu Chiếp về quốc đô Vệ. Văn Tử muốn mời vào. Ý Tử nói: Vua ngang và ngược, hãy đợi ít lâu. Thần dân rồi bị khổ. Lúc đó tất hòa với ngài.

Quân đội giúp vua Vệ, tràn vào Ngoại Châu, cướp được nhiều của. Quân đội chống vua Vệ kéo ra đánh, bị thua. Vua Vệ sai quật mả Chử Sư Định Tử (bố Chử Sư Thành Tử) đốt xác trên núi Bình Trang. Văn Tử Di Mâu nước Vệ sai đại phu Vương Tôn Tề riêng bảo Cao Như ông định diệt nước Vệ chăng, hay là ông chỉ cần cho vua trở về thôi. Đáp: Đó là mệnh của vua tôi. Chỉ cần để vua tôi về thôi. Văn tử sai Vương Tôn Tề hỏi dân Vệ: "Vua Vệ đã dùng Nam man và Đông di để đánh nước Vệ, cơ nguy vong đến nơi, dân cho biết có muốn đón vua không". Dân đều nói, không. Sứ lại hỏi thêm: Nên để Di Mâu đi khỏi nước, xin để cho ra khỏi cửa bắc. Dân trả

lời: Chớ có để cho đi. Thế là Di Mâu cho quân Việt nhiều đồ vật. Mở rộng cửa thành, quân sĩ trèo đứng trên ụ thành. Vua không dám vào. Các quân đội Lỗ, Việt, Tống, đều quay về. Dân Vệ đặt lên ngôi Công Tử Kiềm, em Khoái Hội, tức là Điệu Công. Nhà họ Nam (Nam thị) giúp để trị nước. Biếu nước Việt đất Thành Sừ.

Vua mất ngôi là Chiếp nói: Chỉ tại tên Kì. Mới ra lệnh cho các giắng, thiếp, có điều gì uất ức, cứ cho báo thù phu nhân. (Kì là chức Tư đồ, em Kì là phu nhân của vua Chiếp). Kì được Điệu Công sai đi giao thiệp với nước Việt. Vua cũ đón đánh giữa đường, cướp hết đồ lễ đem đi cốt biếu vua Việt. Kì báo ngay cho vua Việt. Vua Việt ra lệnh cho lấy lại hết các đồ lễ. Kì đem nhiều quân lấy lại được. Vua Chiếp giận, xử tử người con, do phu nhân em gái Kì sinh ra. Rồi mình sau cũng chết ở đất Việt.

Tống Cảnh Công không có con, mới nuôi ở trong cung hai con của Công Tôn Chu, tên là Đắc và Khải, chưa định người nào sẽ nối ngôi. Khi đó, Hoàng Hoãn làm Hữu Sư, Hoàng Phi Ngã làm Đại Tư Mã, Hoàng Hoài làm Tư đồ, Linh Bất Hoãn làm Tả Sư, Nhạc Phiệt làm Tư Thành, Nhạc Chu Sừ làm Đại Tư Khấu. Sáu vị Khanh đó, ở trong ba họ to, làm việc tận tâm, hợp ý nhau, nhưng cứ phải trình với ông Thái Doãn. Mà Thái Doãn thì thường không tâu vua, cứ tự ý mình ra lệnh mạo là lệnh của vua. Dân ghét lắm. Viên Tư thành muốn trừ đi, thì viên Tả Sư nói: Cứ để cho hắn nhiều tội ác nữa. Vật nặng thiếu chân tất phải đổ.

Mùa đông, tháng 10, vua đi chơi Không Trạch (ấp nước Tống). Ngày Tân sửu, mất ở Liên Trung (tên cái quán). Thái Thái Doãn, lấy ở ấp Không Trạch một nghìn giáp sĩ, đem xác vua qua Không Đồng, rồi vào thành tới cung Ốc Cung, sai triệu sáu vị khanh tới bảo rằng, nghe có giặc, vua muốn cho sáu vị sửa soạn trước. Sáu vị tới. Thái Doãn cho giáp sĩ vây và bảo: "Vua đau nặng, muốn bảo các khanh hội thề". Lễ thề tại sân cung thiếu Tẩm: Chúng tôi không làm điều gì bất lợi cho công gia, Thái Doãn mới lập Khải làm chủ,

và đem thi thể vua vào Đại Cung. Ba ngày sau, dân trong Kinh thành mới biết tin vua chết và vua nối vị. Tư Thành Phiệt cho loan báo để cả nước được biết: Thái Doãn đã lừa dối vua, chỉ nghĩ đến tư lợi. Hắn đã làm cho vua chết, chứ vua có ốm đâu. Rồi lại giấu việc chết. Còn là ai nữa. Thái Doãn là tội nhân.

Đắc mê thấy anh là Khải nằm ngoài cửa Lư Môn, đầu ngoảnh về bắc mà mình là con chim đậu trên mình Khải, mỏ đụng vào cửa nam, đuôi sát vào cửa bắc. Đắc nói: Mộng của ta hay, chắc là làm vua.

Thái Doãn thì tự nghĩ: Ta không dự thề, cũng đáng lo, cần phải thề lại. Thế là sai Sử Chúc làm minh ước. Sáu Khanh đương ở Đường Vu. Khi sắp thề, viên chức coi việc thề là Tương, báo cho Hoàng Phi Ngã là minh ước đã thảo rồi. Hoàng Phi Ngã ỷ vào Tử Lỗ (Nhạc Phiệt), Môn Doãn Đắc (Nhạc Đức) và Tả Sử tìm được một cớ nói rằng: Để cho cả dân cùng với ta đuổi Thái Doãn. Rồi đều cùng về nhà, lấy người nhà cho mặc áo giáp vào, loan báo trong nước là Thái Doãn lừa vua, lăng ngược công thất. Ai đi cùng với ta cứu vua. Quần chúng kêu lên, xin cùng đi.

Thái Doãn thị cho nói: Họ Đái (Nhạc), họ Hoàng, đều bất lợi cho nhà vua. Ai đi theo ta, không lo gì không giàu. Quần chúng nói, chẳng ai khắc ai. Họ Đái và họ Hoàng muốn đánh vua tức là Khải. Nhạc Đắc bảo: "Không nên, Thái Doãn áp bức Khải là có tội. Ta mà đánh vua thì lại có tội hơn". Các Khanh xoay chiều, làm cho quốc dân cho là tội ở Thái Doãn. Thái Doãn mới đem Khải đi trốn sang Sở. Thế là Đắc được lập. Nhạc Phiệt thành Thượng Khanh. Các vị khanh đều thề rằng ba họ cùng nhau giữ chính, không bao giờ hại nhau.

Xuất Công nước Vệ (Xuất Công nghĩa là vua đã chạy trốn) từ Thành Sừ, cho sứ tới Tử Cống, biếu một cái cung và cho hỏi, có nên trở về quốc đô Vệ không, Tử Cống quì cám ơn Công, nhận cung, rạp đầu, trả lời là không biết. Trong khi nói chuyện riêng, Cống bảo sứ rằng: "Khi xưa, Thành công lánh sang Trần, Ninh Vũ Tử, Tôn Trang Tử, cùng thề ở Uyển

Bộc, mà rồi vua về Kinh. Hiến Công lui sang Tề. Tử Tiển, Tử Triền có minh ước đất Di Nghi, mà rồi vua về Kinh. Ngày nay, vua hai lần ra nước ngoài. Tôi không nghe nói ở trong, liệu có hạng thân thích như thời Hiến Công không, ở ngoài có hạng đại phu như thời Thành công không. Tứ tôi (tên Tử Cống là Tứ) không biết vua sẽ về Kinh bằng cách nào. Trong Kinh Thi có câu: quân giỏi vì thần hay, thiên hạ đều theo mệnh. Nếu được người, thì thiên hạ còn cho là chủ. Nước thì có gì là khó".

Năm thứ 27. Mùa xuân. Vua Việt sai Hậu Dung tới Lỗ lễ sính. Nhân tiện nói về việc cho lại nước Châu, đất đai tới ấp Thai. Đến tháng hai, một minh ước được ký kết ở Bình Dương. Ba Khanh ở Lỗ, Quí, Thúc, Mạnh, đều chấp thuận. Quí Khang Tử lấy làm buồn, nhớ đến Tử Cống đây thì không đến nỗi. Vũ Bá bảo, đã như thế, sao không triệu. Đáp, thế nào tôi cũng phải triệu. Thúc Tôn Văn Tử nói, ngày khác, xin nhớ cho.

Mùa hạ, tháng tư, ngày Kỉ Hợi, Quí Khang Tử mất. Lỗ Công tới điếu. Lễ có phần thiếu sót (vì quên).

Tuân Dao nước Tấn cầm quân đánh Trịnh, dừng tại Đồng Khưu. Tứ Hoằng nước Trịnh xin nước Tề cứu. Khi đương sửa soạn quân, thì Trần Thành Tử nước Tề họp các con tử sĩ, trong ba ngày cho ăn uống tại triều. Mỗi người được một xe, hai ngựa, và thêm năm ấp. Rồi cho gọi Tấn là con Nhan Trác Tụ, bảo rằng: Trong việc Thấp, cha anh chết, vì trong nước đang nhiều việc, cho nên anh chưa được lĩnh thưởng. Nay vua cho anh các ấp đó, và cho phép tới triều bằng xe ấy, quần áo ấy. Cố làm công việc như cha anh.

Quân đội Tề mới đi cứu Trịnh. Tới đất Lưu Thư, trên đất Tề, cách Cốc bảy dặm, dân Cốc chưa biết tin. Khi quân đến sông Bộc, trời mưa nhiều quá, không qua sông được. Tử Tư nước Trịnh cho báo cáo tướng Tề rằng Quân đại quốc trong khoảng đất đai tệ quốc, cho nên xin cáo cấp tình hình. Nay quân không tiến được, e không kịp. Tề Thành Tử khoác áo mưa, chống giáo, đứng trên bờ đê, ngựa không ra khỏi bùn. Thành Tử cố giúp, rồi ra roi.

Trí Bá (Tuân Dao) được biết tin, mới quay về Tấn nói: Tôi bói rùa xem có nên đánh Trịnh không chứ không phải đánh Tề. Rồi sai người nói với Thành Tử. Đại phu là con họ Trần, nhà ông vốn ở nước Trần, Trần thôi không cúng tế là tội ở Trịnh. Cho nên quả quân tôi cho Dao tôi xét kĩ, chắc ngài cũng thương nước Trần. Nhưng nếu ngài lại lợi dụng việc mất nước của ngài, thì tôi còn báo thù cho ai.

Thành Tử giận nói: hay chửi người thì phải chết. Trí Bá liệu có còn lâu được không. Trung hàng Văn Tử (Tuân Dàn, hiện trốn ở Tề), bảo Thành Tử rằng: Người ta từ quân đội Tấn đến cho tôi biết rằng. Tấn sửa soạn nghìn cỗ xe khinh xa, để đánh cửa trại Tề, có thể thắng được. Thành Tử trả lời: quả quân tôi mệnh Hằng tôi đừng đánh giặc ít quân, đừng lùi trước quân đông. Dù có đến hơn nghìn xe, tôi dám đâu lùi. Tôi xin báo trình lời ngài nói cho quả quân tôi. Văn Tử tự nói: Bây giờ tôi mới biết, tôi bỏ Tấn đi là bậy. Người quân tử mưu việc, thì xét lúc đầu, lúc giữa, lúc cuối. Tôi đã hành động không xét kĩ ba điều ấy. Mới biết tự làm nên khó.

Vua Lỗ lo ba nhà lộng quyền, muốn nhờ sức người ngoài để đuổi đi. Ba nhà Hoàn cũng lo công nhiều nhầm lỗi. Giữa vua tôi thành ra có nhiều điều xung khắc. Công đi chơi ở Lăng Bản, gặp Mạnh Vũ Bá, tại con đường nhà họ Mạnh. Công mới hỏi Mạnh: Tôi muốn hỏi ông một điều, liệu tôi có được chết thường không. Vũ Bá đáp, tôi sao biết được. Ba lần hỏi, Vũ Bá nhất định chối không đáp.

Vua Lỗ muốn lấy Việt phạt Lỗ để trừ ba nhà. Mùa thu tháng tám, ngày Giáp Tuất. Công tới nhà Công Tôn Hữu Hình, nhân từ nơi đó lánh sang đất Châu, rồi tới nước Việt. Dân coi Công Tôn Hữu Hình (hoặc Hữu Sơn) là người đầu mưu.

悼 公

ĐIỆU CÔNG

Năm thứ 4. Tấn Tuân Dao cầm quân vây Trịnh. Chưa tới. Tứ Hoàng nước Trịnh nói: Trí Bá tính cố chấp mà hiếu thắng. Cứ chịu hắn đi, thì hắn lùi. Tứ Hoằng mới sửa soạn cho Nam Lí có thể chống đỡ được, để đợi. Tuân Dao tới Nam Lí rồi đến cửa Kết Điệt, cửa thành Trịnh. Quân Trịnh bắt được Huề Khôi Luy, tướng Tấn. Cho hối lộ, cho chức vụ, Huề không lấy, câm miệng, không nói, chịu chết.

Khi sắp đánh cửa thành, Trí Bá bảo Triệu Mạnh vào thành. Triệu Mạnh trả lời, đã có chủ (nghĩa là chủ vào đi có được không). Trí Bá nói: Hèn nhát như ông mà làm chủ họ Triệu. Triệu Mạnh đáp: Vì hay chịu nhịn nhục, cho nên không hại họ Triệu. Trí Bá không thay đổi hành vi. Vì thế, Triệu Tương Tử (Triệu Mạnh) sinh ra ghét rồi hại. Trí Bá đã tham, lại ngang ngược, cho nên cả Hàn và Ngụy đều ghét, rồi đến đều hại Trí Bá.

(Bình Dương, Tây Bình Dương, Lưu thư, là đất Tề).

Đỗ Dự nói: theo Sử kí, Tấn Ý công năm thứ 4, là Lỗ Điệu Công, năm thứ 14, Trí Bá đem Hàn, Ngụy, tới Tấn Dương để vây Triệu Tương Tử, mà sau Hàn, Ngụy quay lại hợp mưu với Triệu giết được Trí Bá ở dưới thành Tấn Dương. Thế là việc 27 năm, sau thời Xuân Thu.

MỤC LỤC

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI BA

THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11 5

THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12 12

THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13 22

THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14 40

THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15 44

THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 16 50

THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 17 56

THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 18 63

THẬP HỮU CỬU NIÊN - NĂM THỨ 19 68

NHỊ THẬP NIÊN - NĂM THỨ 20 74

NHỊ THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 21 86

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI BỐN

NHỊ THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 22 95

NHỊ THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 23 104

NHỊ THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 24 113

NHỊ THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 25 118

NHỊ THẬP HỮU LỤC NIÊN - NĂM THỨ 26 130
NHỊ THẬP HỮU THẤT NIÊN - NĂM THỨ 27 137
NHỊ THẬP HỮU BÁT NIÊN - NĂM THỨ 28 145
NHỊ THẬP HỮU CỬU NIÊN - NĂM THỨ 29 150
TAM THẬP NIÊN - NĂM THỨ 30 155
TAM THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 31 159
TAM THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 32 166

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI LĂM

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU 171
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI 179
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA 182
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ 184
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM 199
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6 204
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7 208
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8 211
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9 220
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10 224
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11 232
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12 235
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13 238
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14 244
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15 251

XUÂN THU QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

NGUYÊN NIÊN - NĂM ĐẦU	257
NHỊ NIÊN - NĂM THỨ HAI	262
TAM NIÊN - NĂM THỨ BA	269
TỨ NIÊN - NĂM THỨ TƯ	273
NGŨ NIÊN - NĂM THỨ NĂM	279
LỤC NIÊN - NĂM THỨ 6	283
THẤT NIÊN - NĂM THỨ 7	290
BÁT NIÊN - NĂM THỨ 8	295
CỬU NIÊN - NĂM THỨ 9	300
THẬP NIÊN - NĂM THỨ 10	303
THẬP HỮU NHẤT NIÊN - NĂM THỨ 11	306
THẬP HỮU NHỊ NIÊN - NĂM THỨ 12	313
THẬP HỮU TAM NIÊN - NĂM THỨ 13	319
THẬP HỮU TỨ NIÊN - NĂM THỨ 14	326
THẬP HỮU NGŨ NIÊN - NĂM THỨ 15	336

XUÂN THU TAM TRUYỆN – TẬP 5

KHỔNG TỬ

HOÀNG KHÔI dịch

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản : TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

Bìa : QUANG HUY

Trình bày : ANH HỮU

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Xí nghiệp in Số 5

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 1245-28/XB-QLXB do Cục Xuất Bản ký 11-09-2001. Giấy trích ngang KHXB số 444/TNKHXB-2002 do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30-07-2002. In xong và nộp lưu chiểu Quý III - 2002.

Khổng Tử



Xuân Thu
TAM TRUYỆN

Phát hành tại nhà sách



QUANG MINH

416 Nguyễn Thị Minh Khai - P.5 - Q.3 - Tp.HCM
ĐT : 8322386 - 8340990 - 090.3800274 - Fax : 84.8.8342457
E-mail: quangminhbookshop@hcm.vnn.vn

Giá: 44.000đ